Ban Tuyên giáo
23-10-2024 10:55:45 +07:00

BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY TIỀN GIANG

TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU ĐỊA DANH TỈNH TIỀN GIANG

A. HUYỆN CÁI BÈ

*** Sưu tầm, thống kê, phân loại, nghiên cứu, biên soạn địa danh giồng:**

Khái niệm:

Giồng: âm trại của "vồng", là khoảng đất nổi cao lên giữa nơi bằng phẳng, tương đối rộng, có nhiều cát, thích hợp cho việc trồng các loại cây ăn trái và các loại hoa màu, như khoai, đậu, bắp, thuốc lá,…[1]

Giồng Triệu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Giồng) + Tên người (Triệu).

Giồng Triệu là giồng cát do ông Triệu khai khẩn hoặc ông là người có công lao đối với địa phương, thuộc xã An Cư, huyện Cái Bè.

*** Địa danh Việt gốc Khmer:**

1. Á Rặc

Á Rặc là địa danh Việt gốc Khmer. Người Khmer Nam Bộ có tập tục tín ngưỡng thờ Á Rặc. Á Rặc là một vị nữ thần được xem như bà tổ của một dòng họ, được định danh theo tên gọi của sắc màu như Á Rặc cà hom (Á rặc đỏ), Á Rặc khiêu (Á rặc xanh) và Á Rặc khmau (Á rặc đen),… trong đó Á rặc đen là được thờ phổ biến nhất[2] hoặc Á Rặc được hiểu là vị thần giữ gìn, bảo vệ cho dòng họ gia đình hoặc làng xóm[3].

Địa danh Á Rặc là tên rạch, tên cầu, tên Khu di tích chiến thắng Á Rặc ở xã Thiện Trí, huyện Cái Bè

2. Ông Tà

Ông Tà là địa danh nửa Việt (Ông), nửa Khmer (Tà), là tên rạch và tên cầu ở xã Thiện Trung, huyện Cái Bè.

Người Khmer ở Nam Bộ có tập tục tín ngưỡng dân gian thờ Neak Tà: "Neak" có nghĩa là người nói chung, còn "Tà" là đàn ông đứng tuổi, được kính trọng. Neak Tà thường được gọi là Ông Tà, là vị thần trông coi từng khu vực lớn, nhỏ, từ thửa ruộng đến địa phận phum sóc, bảo hộ cuộc sống và sức khỏe cho con người. Theo quan niệm của người Khmer Nam Bộ, Neak Tà là một vị nam thần đứng tuổi, có

---

[1] Lê Trung Hoa (1991), *Địa danh Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Khoa học xã hội, trang 91.

[2] Đào Thái Sơn (2019), *Chùa Bà và huyền tích Bà Đen từ góc nhìn văn hóa bản địa*, Báo điện tử Giác Ngộ, ngày 20/10/2019.

[3] Đào Thái Sơn (2020), *Những giá trị văn hoá của làng Kà Ốt*, Báo điện tử Tây Ninh, ngày 18/4/2020.

trách nhiệm bảo hộ con người và đất đai trong một khu vực, tương tự như tín ngưỡng Thành Hoàng của người Việt[4].

3. Trà Lọt

Theo Lê Hương trong quyển *Người Việt gốc Miên*, Trà Lọt là địa danh Việt gốc Khmer: Tà Lok, Tà: là người đàn ông lớn tuổi, được kính trọng; Lok: tên người[5].

Trà Lọt là tên rạch, tên vàm, tên cầu trên Quốc lộ 1, tên cầu trên Đường tỉnh 864.

4. Trà Luộc

Trà Luộc là địa danh Việt gốc Khmer: Tà đọc trại thành Trà có nghĩa là người đàn ông đứng tuổi, có uy tín, được kính trọng + Tên người (Luộc).

Địa danh Trà Luộc, dân gian còn gọi là Trà Lược, được đặt tên cho một gò cát: gò Trà Luộc; và một con rạch: rạch Trà Luộc. Tuy nhiên, cũng có thuyết cho rằng, Trà Luộc là do Tà Lok - Trà Lọt (ông Lọt) đọc chệch mà thành Trà Luộc[6].

*** Địa hình thiên nhiên, thực vật:**

1. Cà Dăm

Địa danh liên quan đến thực vật là cây cà dăm. Đó là loại cây thân gỗ cao 10 - 20 m, được dùng làm cột và dùng trong xây dựng. Nhân dân dùng vỏ cây để chữa bệnh bán thân bất toại[7]. Do là loài cây quí hiếm nên hiện nay cây cà dăm bị khai thác kiệt quệ trong thiên nhiên.

Cà Dăm là tên cầu và tên chợ ở xã Hậu Mỹ Phú, huyện Cái Bè.

2. Cái Bè

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Cái: do từ sông Cái gọi tắt, là sông lớn, có nhiều chi lưu đổ vào) + Phương tiện giao thông đường thủy (Bè: là phương tiện giao thông đường thủy có cấu trúc phẳng, thường được làm bằng gỗ, tre,… phục vụ cho việc chuyên chở và vận chuyển trên mặt nước).

---

[4] Ngọc Tú (2014), *Tín ngưỡng thờ Neak Ta của người Khmer Nam Bộ*, Báo điện tử Tin Tức (Thông tấn xã Việt Nam), ngày 09/10/2014.

[5] Lê Hương (1969), *Người Việt gốc Miên*, Tác giả xuất bản, trang 45.

[6] Hoàng Đương (2018), *Luận bàn về tên Trà Ôn có nghĩa gì?*, Báo điện tử Vĩnh Long, ngày 23/01/2018.

[7] Võ Văn Chi (1991), *Cây thuốc An Giang*, Ủy ban khoa học và kỹ thuật An Giang, trang 74.

Cái Bè là nơi có nhiều bè đậu ngay tại vàm rạch. Theo quyển *Gia Định thành thống chí* của Trịnh Hoài Đức, năm 1732, Cái Bè là lỵ sở của châu Định Viễn, dinh Long Hồ (còn gọi là dinh Cái Bè). Hiện nay, Cái Bè là thị trấn huyện lỵ của huyện Cái Bè. Đồng thời, Cái Bè còn là tên rạch, tên chợ, tên cầu, tên trường trung học phổ thông, tên nhà thờ, tên bệnh viện,… ở huyện Cái Bè.

3. Cái Cối

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Cái) + Dụng cụ (Cối: dụng cụ làm bằng vật liệu rắn như đá, gỗ,… Ở giữa có lòng sâu, dùng để đựng các thứ khi giã hoặc xay).

Thời xưa, tại đây có nhiều xóm làm nghề đóng cối xay lúa.

Cái Cối ở xã An Hữu, huyện Cái Bè. Đây là vùng đất sản sinh ra nhiều nhân vật nổi tiếng, đầu thế kỷ XIX, có hai anh em Lê Văn Duyệt, Lê Văn Phong và Đoàn Cảnh Cư đều là công thần của nhà Nguyễn; trong thế kỷ XX, có Nguyễn Tống Triều là một trong những người sáng lập nghệ thuật sân khấu cải lương, nhạc sĩ Hoàng Việt, nhà thơ Việt Ánh,…

4. Cái Nứa

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Cái) + Thực vật (Cây Nứa: cao từ 10 m - 15 m, đường kính 4 - 6 cm, có lóng và đốt, lóng dài 20 - 40 cm, có nhiều công dụng, như đan rổ, rá, cót, làm phao, bè, dụng cụ đánh cá, nguyên liệu làm giấy,…)

Thời xưa, tại đây có nhiều cây nứa. Cái Nứa là tên chợ, tên cầu, tên rạch ở xã Hậu Thành, huyện Cái Bè; là tên rạch ở xã Thanh Hoà, thị xã Cai Lậy.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, địa danh Cái Nứa (xã Hậu Thành, huyện Cái Bè) có liên quan đến hoạt động của nghĩa quân Võ Duy Dương. Năm 1864, tại Cái Nứa, Thiên hộ Võ Duy Dương cho xây dựng ở đây một đồn binh, được gọi là đồn Tiền, còn gọi là đồn Cái Nứa, như là một vị trí tiền tiêu, cùng với đồn Hữu ở hướng Cần Lố và đồn Tả ở hướng gò Bắc Chiêng nhằm bảo vệ đồn Trung ở Gò Tháp, là căn cứ chính của Trung tâm kháng chiến Đồng Tháp Mười. Từ đây, nghĩa quân Võ Duy Dương đã tiến đánh nhiều vị trí chiếm đóng của quân Pháp trên địa bàn Cai Lậy và Cái Bè, thu được nhiều chiến công vang dội.

Để đàn áp nghĩa quân, dập tắt cuộc kháng chiến đang ngày càng phát triển, ngày 14/4/1866, thực dân Pháp huy động 1.000 quân thủy, bộ mở cuộc tấn công với quy mô lớn vào Đồng Tháp Mười theo ba cánh, trong đó, cánh tấn công vào đồn Tiền tại Cái Nứa do thiếu tá Dérôm chỉ huy. Một trận đánh ác liệt đã xảy ra tại đây liên tiếp trong hai ngày 15 và 16/4/1866. Quân Pháp sử dụng đại bác bắn mở đường để bộ binh xông lên. Còn nghĩa quân nấp trong các khu rừng tràm bắn trả quyết liệt. Do bị thiệt hại nặng, địch phải dừng lại củng cố lực lượng.

Ngày 17/4/1866, quân Pháp tập trung binh lực tấn công đồn Tiền lần thứ hai. Thủ lãnh Võ Duy Dương chỉ huy nghĩa quân bẻ gãy nhiều đợt đột kích của địch. Tuy nhiên, do có hỏa lực mạnh và số lượng binh lính tham chiến đông đảo, nên vòng vây của quân Pháp ngày càng xiết chặt. Trước tình hình nguy cấp đó, Phó tướng Nguyễn Tấn Kiều và Lãnh binh Nguyễn Văn Cẩn chỉ huy nghĩa quân từ đồn Trung tiến đến tiếp cứu, kết hợp với lực lượng từ bên trong đánh ra để mở con đường máu nhằm giải thoát chủ tướng và lực lượng nghĩa quân trấn giữ đồn Tiền. Ngày 18/4/1866, quân Pháp chiếm được đồn Tiền sau khi trả giá đắt về nhân mạng. Nghĩa quân rút khỏi Cái Nứa di chuyển về Cái Thia tiếp tục cuộc chiến đấu chống giặc ngoại xâm.

5. Cầu Cây Sung

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Thực vật (Cây sung: là cây thân gỗ, cao khoảng 25 - 30 m, được trồng lấy bóng mát, cây kiểng, chưng trong mâm ngũ quả ngày Tết với ý nghĩa sung túc, lá non dùng để ăn tươi, một số bộ phận của cây được chế biến thành một số bài thuốc theo y học cổ truyền).

Cầu Cây Sung nằm trên Đường tỉnh 863, được xây dựng năm 1984, dài 30m, ngang 5 m bắc qua kênh/kinh Cây Sung (kênh/kinh chảy qua vùng có nhiều cây sung), thuộc xã Hậu Thành, huyện Cái Bè.

6. Cầu Cây Vông

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Thực vật (Cây vông).

Cầu Cây Vông nằm trên Đường tỉnh 869, dài 38 m, ngang 6 m, kết cấu bê tông cốt thép, bắc qua kênh/kinh Cây Vông (kênh/kinh chảy qua vùng có nhiều cây vông), thuộc xã Hậu Mỹ Trinh, huyện Cái Bè.

7. Cầu Rạch Chanh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa hành thiên nhiên (Rạch) + Thực vật (Cây chanh: là loại cây thân bụi, cao từ 1 – 3 m, thân có nhiều gai, trái chanh được dùng làm thức ăn, nước uống giải khát rất tốt cho sức khỏe, làm mứt, lá non làm gia vị ăn kèm với thịt gà,…).

Cầu Rạch Chanh là cầu bắc qua Rạch Chanh nằm trên Đường tỉnh 861, dài 25 m, ngang 5 m, kết cấu bê tông cốt thép, bắc qua Rạch Chanh (rạch chảy qua vùng trồng nhiều cây chanh) ở xã An Thái Trung, huyện Cái Bè.

*** Địa hình thiên nhiên, động vật:**

1. Cái Thia

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Cái) + Động vật (Thia được gọi tắt từ cá lia thia: là giống cá nhỏ, chiều dài chỉ khoảng 5cm,

thường sinh sống ở các vũng bùn, hố nước cạn bên cạnh các cánh đồng, ruộng lúa, thường được làm món ăn, cá kiểng. Vào mùa nước nổi, cá có rất nhiều ở những địa phương ven vùng Đồng Tháp Mười).

Cái Thia là nơi có nhiều cá lia thia hoặc là nơi chuyên bán cá lia thia với số lượng lớn để chế biến các món ăn. Hiện nay, Cái Thia là tên rạch, tên cầu, tên chợ, tên nhà thờ (Nhà thờ giáo xứ Cái Thia), thuộc hai xã Mỹ Đức Đông và Mỹ Lương, huyện Cái Bè.

2. Cầu Cống Trâu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Cống) + Động vật (Trâu: là động vật ăn cỏ, to nặng, khi được thuần dưỡng là nguồn sức kéo trong sản xuất nông nghiệp, lấy thịt và sữa,….).

Cống Trâu là nơi có bến nước để trâu đến tắm và uống nước. Cầu Cống Trâu nằm trên Đường tỉnh 869, được xây dựng lại 1992, dài 15 m, kết cấu bê tông cốt thép, bắc qua kênh/kinh Cống Trâu, thuộc xã Hậu Mỹ Trinh, huyện Cái Bè.

3. Cổ Cò

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Bộ phận của cơ thể con người hoặc động vật (Cổ) + Động vật (Cò).

Cổ Cò là tên rạch - rạch Cổ Cò - là nơi con rạch có hình dáng cong và "ốm" như cổ con cò. Cổ Cò còn là tên chợ, tên cầu và tên Di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia (Di tích chiến thắng Cổ Cò) ở xã An Thái Đông, huyện Cái Bè.

4. Cổ Lịch

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Bộ phận của cơ thể con người hoặc động vật (Cổ) + Động vật (Lịch: loài cá lưỡng tính, giống như con lươn).

Cổ Lịch là "dòng nước nhỏ và cong giống cổ con lịch[8]". Liên quan đến địa danh này có cồn Cổ Lịch, rạch Cổ Lịch và cầu Cổ Lịch.

5. Hầm Vồ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ công trình xây dựng (Hầm) + Động vật (Cá vồ).

Hầm Vồ là nơi mà người dân đào nhiều hầm nuôi cá vồ, ở xã Hậu Mỹ Bắc A, huyện Cái Bè.

6. Mả Voi

[8] Lê Trung Hoa (2012), *Từ địa phương chỉ địa hình trong địa danh Nam Bộ,* Tạp chí Ngôn Ngữ số 4 năm 2012, trang 36.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng mang yếu tố tục lệ và tâm linh (Mả: Nơi chôn người, kể cả động vật mà con người cho là linh thiêng chết) + Động vật (Voi: là động vật có vú và là động vật trên cạn lớn nhất hiện nay; có bốn chân lớn để có thể chịu được trọng lượng cơ thể nặng; đầu to, có vòi và ngà.).

Thời xưa, vùng đất này là rừng rậm, có nhiều thú hoang sinh sống, trong đó có voi. Do yếu tố tâm linh, nên khi voi chết, người dân tổ chức chôn cất tử tế. Từ đó, có địa danh Mả Voi, ở xã Hậu Thành, huyện Cái Bè.

7. Trung tâm Quốc gia giống thủy sản nước ngọt Nam Bộ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trung tâm Quốc gia) + Động vật (Giống thủy sản) + Địa danh chỉ vùng (Nam Bộ).

Trung tâm Quốc gia giống thủy sản nước ngọt Nam Bộ, có diện tích 20 ha, tọa lạc tại xã An Thái Trung, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, được thành lập vào tháng 10/1976, đã qua các tên gọi, như Trại Cá giống cấp 1 Cái Bè (1976-1978), Trại Thực nghiệm nuôi thủy sản Cái Bè (1979-1988), Trại Nghiên cứu thủy sản Đồng bằng sông Cửu Long (1988-2005), Trung tâm Quốc gia giống thủy sản nước ngọt Nam Bộ (2006 - nay).

Trung tâm có chức năng nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo, tập huấn, hợp tác quốc tế, tư vấn, sản xuất kinh doanh và dịch vụ về giống và nuôi thủy sản nước ngọt khu vực Nam Bộ.

Về cơ cấu tổ chức, Trung tâm bao gồm: Phòng Di truyền chọn giống, Phòng Sản xuất giống, Phòng Công nghệ nuôi, Phòng Bệnh học thủy sản, Phòng Nghiệp vụ, Phòng Kinh doanh và Chuyển giao công nghệ, Trại sản xuất giống thủy sản nước ngọt.

Trung tâm đã và đang chuyển giao công nghệ sản xuất giống cá tra, cá bống tượng, cá rô đồng, cá sặc rằn, cá lóc bông,… cho nhiều địa phương trong cả nước như Tiền Giang, Sóc Trăng, Đồng Tháp, Quảng Nam, Thanh Hoá,…; thực hiện các dự án nuôi các loài cá bản địa sông Mêkông; lưu giữ, nghiên cứu thuần dưỡng các loài cá mới quí hiếm có giá trị kinh tế từ tự nhiên; sản xuất giống nhân tạo nhằm bổ sung và làm phong phú cơ cấu đàn cá nuôi.

*** Địa danh chỉ đơn vị hành chính:**

1. Trấn Định Tường

鎮 Trấn: Chỗ chợ đông đúc, khu vực hành chánh dưới cấp Huyện.

定 Định: Yên ổn, không thay đổi.

祥 Tường: Tốt, lành.

定祥鎮: Định Tường Trấn

Năm 1802, Nguyễn Phúc Ánh lên vua, xưng đế hiệu là Gia Long. Năm 1806, nhà vua cho đổi huyện Kiến Khương (thuộc dinh Trấn Định) thành huyện Kiến An.

Năm 1808, đơn vị **dinh** được đổi thành **trấn**. Lúc bấy giờ, ở Nam kỳ có 5 trấn: Biên Hòa, Phiên An, Định Tường, Vĩnh Long và Hà Tiên; 5 trấn này thuộc thành Gia Định. Đứng đầu thành Gia Định có các chức Tổng trấn, Phó Tổng trấn và Hiệp trấn.

Tỉnh Tiền Giang ngày nay, lúc đó, được gọi là trấn Định Tường. Đồng thời, vua Gia Long còn cho thăng huyện Kiến An thành phủ Kiến An, thăng 3 thuộc Kiến Hưng, Kiến Hòa, Kiến Đăng thành 3 huyện Kiến Hưng, Kiến Hòa, Kiến Đăng.

Đứng đầu trấn Định Tường là Trấn thủ. Dưới có các chức vụ Thư ký (phụ trách công việc hành chính), Cai án (phụ trách công việc tư pháp), Tri bạ (phụ trách công việc ruộng đất, hộ khẩu), Ty Xá sai (phụ trách việc văn án, từ tụng) và Ty Tướng thần lại (phụ trách lương thực, thuế khóa). Sau đó, hai Ty Xá sai và Tướng thần lại được đổi thành hai Ty Tả thừa và Ty Hữu thừa.

Dưới trấn có phủ, huyện, tổng và thôn. Đứng đầu phủ có viên Tri phủ; đứng đầu huyện có viên Tri huyện.

Theo quyển *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức, năm 1808, trấn Định Tường có: 1 phủ, 3 huyện, 6 tổng, 313 thôn và 1 ấp.

Phủ Kiến An

Phủ Kiến An có 3 huyện:

1. Huyện Kiến Hưng: có 2 tổng, 76 thôn. Lỵ sở đóng tại thôn Tân Lý Tây (nay thuộc huyện Châu Thành). Hai tổng[1] gồm:

+ Tổng Kiến Thuận (nay thuộc vùng thành phố Mỹ Tho và vùng nam huyện Châu Thành), có 39 thôn (Thới sơn, Phú An Tây, Phú An Lộc, Điều Hòa giang trạm, An Đức Chánh, Bình Tạo, An Hòa, Trung Lương, Đạo Ngạn, An Đức Đông, Long Hội, An Vĩnh, Cửu Viễn, Ngãi Hữu, Thân Nhơn, An Thới, Nhơn Hòa, Long Hội Tây, An Thạnh, Tân Thạnh Trung, An Phước, Tân An, Long Thạnh, Mỹ Thuận Đông, Mỹ Thuận Tây, Bình Thuyên/Toàn Đông, Tân Đức Đông, Tân Đức Chánh, Vĩnh Kim Đông, Vĩnh Kim Tây, Long Hưng, Bình Đông, Bình Toàn Tây, Hữu Đạo, Bình Sơn, Mỹ Điền, Tân Phú Sơn, Phú Hòa, Tân Hưng).

+ Tổng Hưng Xương (nay thuộc vùng bắc huyện Châu Thành đến bờ sông Vàm Cỏ - Long An) có 37 thôn (Hòa Mỹ, Tân Hiệp, Tân Lý Tây, Tân Lý Đông, Tân Hương Tây, Tân Hương, Tân Hương Trung, Nhơn Hậu, Nhơn Lợi Lương Hòa - Lương Thạnh nhị thôn, Bình Quân, Nhơn Lý Tây, Bình Định, Nhơn Nhượng,

[1] Hai tổng Kiến Thuận và Hưng Xương thành lập trên cơ sở thuộc Kiến Hưng, mỗi tổng giữ 1 chữ.

Xuân Sanh, Nhơn Hậu Đông, Bình An, Nghĩa Lợi, Dương Hòa, Tân Hội Đông, Tân Hội Tây, Vĩnh Hòa, Phú Mỹ, Vĩnh Hòa Đông, Mỹ Thạnh, Long Định, Tường Khánh, Bình An Đông, Phú Khương, Phú Thượng, Thân Hòa, Đông An, Mỹ Phước, Đông An (mới lập), Thân Đông, Chánh Đông Trung, Tân Thanh, Tuyên Thạnh).

2. Huyện Kiến Hòa: có 2 tổng, 150 thôn, 1 ấp. Lỵ sở đóng tại thôn Mỹ Hóa (nay thuộc xã Mỹ Phong - thành phố Mỹ Tho). Hai tổng[2] gồm:

+ Tổng Kiến Thạnh (nay thuộc vùng đất từ Mỹ Tho, Chợ Gạo đến huyện Vàm Cỏ - Long An) có 65 thôn (Mỹ Chánh, Phú Hội, Mỹ Hóa, Bình Hài, Bình Phong, Long Hòa, Thanh Xuân, Bình Hạnh, An Hòa, Lương Phú, Phú An, Phú Đức, Mỹ Trung, Bình Trung, Bình Phú, Bình Trị, Nhơn Nghĩa, Phú Lộc, Bình Cang, Bình Nguyên, Bình Tâm, Phú Long, Bình Quới, Phú Đa, Bình Hiệp, Bình Định Đông, Bình Công Tây, Ái Nghĩa, Tân Nho, Tân Hòa, Bình Thạnh, Đông An, Tân Xuân, Tân Thạnh, Bình An, Bình Dương, Nhựt Tân, An Khương, Phú Hòa, Phú Xuân, Bình Phước, Tân Long Hưng, Tân Hội, Tân An Tây, Tân Thủy, Phú Tây, Bình Thuận, Mỹ Đức, Thanh Xuân Đông, Bình Thới, Tân An, Tân Giang, Bình Đăng, Vĩnh Phước, Tân Mỹ, Tân Thạnh Lợi, Hưng Nghĩa, Long Trì, Long Hựu, Tân Tĩnh, Điền Trang, Bình Thời, Mỹ Thuận, Tân Hưng).

+ Tổng Hòa Bình (nay là vùng đất Gò Công (tỉnh Tiền Giang) và hai huyện Bình Đại, Châu Thành (tỉnh Bến Tre), có 85 thôn, 1 ấp (Bình Phú Đông, Bình Xuân, Bình Sơn, Tân Hóa, Long Thạnh, Bình Phương (Phan), Bình Hưng, Bình Quang, Thuận Hòa, An Định, Bình Thạnh, Toàn Thạnh, Bình Thủy, Bình Phục Nhứt, Bình Phục Nhứt Đông, Bình Phục Nhị, Bình Phú Chánh, Vĩnh Hựu, Vĩnh Lợi, Vĩnh An, Vĩnh Thạnh, Bình Long (Luông) Tây, Bình Long (Luông), An Long (Yên Luông) Đông, An Long (Yên Luông) Tây, Tân Cang (Cương), Tân Duân Đông, Tân Duân Trung, Bình Nghị, Bình Ân, Tăng Huy - An Hòa, Toàn Phước, Tân Niên Đông, Tân Niên Tây, Tân Niên Trung, Dương Phước, Tân Long (Luông), Bình Thuận Đông, Bình Thuận Tây, Bình Thạnh Đông, Bình Công, Tân Phú, Miễu Ông, Giao Long, Phước An Đông, Phước Hòa, Tân Thạch - An Hồ, Phước Thới, Phước Hậu, Phú Vinh (Vang), Huỳnh Long - Quới Sơn, Phú Anh Thạnh, Phú An Hòa, An Hải, Giao Hòa, An Hòa Tân, Long Phụng, Phú Thuận, Thanh Long - Long Thạnh nhị thôn, Phú Mỹ, Châu Hưng, Thới Long, Vang Quới, Lộc Thuận, Tân Định, Tân Hội, Phú Hòa, Phước Thuận, Lương Thạnh, Bình Đại, An Lộc Tân, Thới Hòa, Vinh Thạnh, Tân Phong, Long Thới - Long Hòa, Phước Toàn, Phước Định, Phú Thạnh, Phước Hạnh Tây, Phú Mỹ, Phước Hạnh, Long Hưng, Bình Thành Đông, Phước Hạnh Đông, Vĩnh Đức Hòa, ấp An Hòa).

[2] Hai tổng Kiến Thạnh và Hòa Bình thành lập trên cơ sở thuộc Kiến Hòa, mỗi tổng giữ 1 chữ.

3. Huyện Kiến Đăng: có 2 tổng, 87 thôn, lỵ sở đóng tại thôn Mỹ Đức Đông (vàm Cái Thia - nay là xã Mỹ Đức Đông, huyện Cái Bè). Hai tổng gồm:

+ Tổng Kiến Lợi: (nay là vùng Cai Lậy, một phần huyện Châu Thành) có 44 thôn (Kim Sơn, Giao Long, Phú Phong, Bình Chánh, Bình Chánh Đông, Bình Chánh Trung, Mỹ Đông Chánh, Mỹ Hòa, Mỹ Đông Trung, Mỹ Đông, An Thủy Đông, Long Phú, Hòa An, An Thủy Tây, Tân Sơn, Long Điền, Mỹ Quới, Mỹ Ân, Trà Luật, Mỹ An, Phú Long, Mỹ Trang, Mỹ Tường, Mỹ Trinh, Tân Hội, Tân Hòa, Tân Thuận, Hữu Hòa - Thanh Sơn, Hội Sơn, Xuân Sơn, Cẩm Sơn, Phú Nhuận Đông, Bình Chánh Tây, Phú An, Bình Phú, Mỹ Hạnh Đông, Mỹ Hạnh Trung, Mỹ Hạnh Tây, Phước An, Phú Mỹ, Đông An, An Mỹ, Bình Hiệp, Mỹ Hưng).

+ Tổng Kiến Phong (nay là vùng Cái Bè, Cao Lãnh và Chợ Mới - An Giang) có tất cả 43 thôn (Tân Đức, Tân Hiệp, Tân Phú Sơn, An Bình Đông, An Bình Tây, An Thành, Mỹ Chánh, Mỹ Thạnh, Hòa Mỹ, Mỹ Đức Đông, Mỹ Đức Tây, Mỹ Thiện, Mỹ Hòa, Mỹ Lương, An Thới Đông, An Thới Tây, An Thới Trung, Hòa Lộc, Mỹ Hưng, Mỹ Thuận, Mỹ An Đông, Thanh Hưng, Mỹ An Tây, An Mỹ, Mỹ Luông, Bình Hàn Tây, Bình Hàn Trung, Mỹ Toàn, Mỹ Xương, Mỹ Đảo, Mỹ Lộc, Mỹ Định, Mỹ Trà, Mỹ Nghĩa, Tân An, An Bình Long, Tân Mỹ, Tân Phú, Tân Thạnh, Tân An, Tân Khánh, Tân Phú Đông, Tân Phú Tây).

+ Thành trấn Định Tường: Năm Bính Tuất (1826), lỵ sở trấn Định Tường được dời từ thôn Mỹ Chánh - chợ Mỹ Tho (huyện Kiến Hòa, nay thuộc khu vực Phường 2 và Phường 8, TP Mỹ Tho) về ranh thôn Điều Hòa và thôn Bình Tạo (huyện Kiến Hưng, nay thuộc khu vực các Phường 1, 4, 7, TP Mỹ Tho). Theo đó, thành Định Tường được dựng lên. Thành này do Tổng trấn thành Gia Định Lê Văn Duyệt trực tiếp chỉ huy khoảng 11.000 nhân công xây dựng. Theo quyển *Đại Nam nhất thống chí*, thành Định Tường được đắp bằng đất, hình vuông, chu vi 320 trượng (khoảng 2.000 m), cao 9 thước 5 tấc (khoảng 4,5 m), mở 4 cửa, hào rộng 8 trượng (khoảng 3 m), sâu 6 thước 5 tấc (khoảng 3 m) . Phỏng đoán ngôi thành này nằm lọt khung trong các con đường 30 tháng 4 (phía nam), Lê Đại Hành (phía bắc), Lê Lợi (phía đông), Nam Kỳ Khởi Nghĩa (phía tây). Trong quyển "*Lịch sử cuộc viễn chinh Nam Kỳ năm 1861*", Léopold Pallu mô tả ngôi thành như sau: "*Thành Mỹ Tho xây theo lối châu Âu. Thành vuông vức, có ụ làm pháo đài. Hào chung quanh rộng có nước, tường thành cao và rất dày. Xung quanh thành là đầm lầy. Khí giới của thành có đại pháo nòng lớn. Thành kiểm soát hết sông Tiền Giang và các đường thuỷ đổ vào sông này*".

Tại lỵ sở mới, ngoài việc xây dựng tỉnh thành, chính quyền nhà Nguyễn còn tiến hành xây dựng các công trình khác nhằm phục vụ cho mục đích phát triển kinh tế và văn hóa, như trường học của tỉnh (1826), đàn Tiên nông thờ thần Nông (1832), đàn Xã tắc thờ thần Đất nước (1833), chợ, cửa quan thu thuế (1835), miếu Thành hoàng (1848), văn miếu đặt tại thôn Bình Tạo (tọa lạc ở khu vực bến phà Rạch Miễu cũ, Phường 6, thành phố Mỹ Tho) nhằm tôn vinh sự học, tôn vinh

người trí thức, đặc biệt là người trí thức địa phương theo nguyên lý "Hiền tài là nguyên khí của quốc gia",…

2. Tỉnh Định Tường (1832 - 1867)

省 Tỉnh

定 Định: Yên ổn, không thay đổi

祥 Tường: Tốt, lành

定祥省: Định Tường Tỉnh

Năm Đinh Mão (1831), vua Minh Mạng đổi đơn vị **trấn** thành đơn vị **tỉnh** trực thuộc chính quyền trung ương, xóa bỏ cấp trung gian "thành" (Gia Định Thành). Ở Nam Kỳ, năm 1832, chính quyền thành lập 6 tỉnh (quen gọi Nam Kỳ lục tỉnh), bao gồm ba tỉnh *kiêm nhiếp* (Chữ "Nhiếp": 攝 có nghĩa "Thay quyền để thống trị, kiêm quyền") và ba tỉnh *phân hạt* (tỉnh nhỏ):

+ Tỉnh Gia Định kiêm nhiếp tỉnh Biên Hòa (phân hạt).

+ Tỉnh Vĩnh Long kiêm nhiếp tỉnh Định Tường (phân hạt).

+ Tỉnh An Giang kiêm nhiếp tỉnh Hà Tiên (phân hạt).

Thống nhiếp hai tỉnh Vĩnh Long và Định Tường có Tổng đốc Long Tường, thường kiêm hàm Binh Bộ Thượng thư hoặc Đô Sát viện hữu Đô Ngự sử. Đứng đầu tỉnh Định Tường có Tuần phủ, giúp việc có Bố chánh, Án sát, Lãnh binh.

Tuần phủ là một quan văn nhưng có hàm Đô đốc. Bố Chánh là một quan văn làm nhiệm vụ hành chánh. Án Sát là một quan văn trông coi việc luật pháp, chấn hưng phong hóa. Lãnh binh là một quan võ, phụ trách việc quân sự.

Giúp việc Tuần phủ có hai ty chuyên trách:

+ Ty Bố chánh (Ty Phiên): phụ trách hành chính.

+ Ty Án sát (Ty Niết): phụ trách việc hình án từ tụng, chấn hưng phong hóa.

Ngoài ra, tại tỉnh còn 3 ty khác:

+ Ty Lễ sinh: phụ trách quản lý và phụ tế các đền miếu.

+ Ty Chiêm hậu: chuyên việc xem thiên tượng và làm lịch.

+ Ty Lương y: chuyên việc chữa trị bệnh tật.

Riêng về giáo dục, theo truyền thống của nước ta từ xưa, các việc giảng dạy đều do tư nhân đảm trách. Ở cấp tỉnh, nhà Nguyễn chỉ lập nhà Tỉnh học, cử một Đốc học; cấp phủ lập nhà Phủ học, cử một Giáo thọ; cấp huyện lập nhà Huyện học, cử một Huấn đạo. Các chức quan này vừa làm nhiệm vụ giảng dạy, vừa kiểm tra chất lượng giáo dục tư nhân, giới thiệu học trò đi thi.

Mỗi phủ có một chức Tri phủ, mỗi huyện có một chức Tri huyện.

Do địa bàn quá rộng, giao thông bất tiện nên vào năm Nhâm Thìn (1832), vùng Gò Công được tách rời khỏi tỉnh Định Tường và nhập vào tỉnh Gia Định. Theo đó, tổng Hòa Bình (vùng Gò Công) được tách ra khỏi tỉnh Định Tường và hợp nhất với một phần tổng Thuận Đạo thuộc tỉnh Gia Định để lập huyện Tân Hòa, thuộc phủ Tân An, tỉnh Gia Định. Lỵ sở huyện Tân Hòa đầu tiên đặt tại thôn Thanh Xuân Đông, tổng Thạnh Mục (nay thuộc huyện Vàm Cỏ, tỉnh Long An, giáp với xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang).

Theo *Địa bạ tỉnh Định Tường năm 1836*, tỉnh Định Tường có 1 phủ (Kiến An), 3 huyện (Kiến Hưng, Kiến Hòa, Kiến Đăng), 15 tổng và thôn. Cụ thể như sau:

- Phủ Kiến An

- Ba huyện (Kiến Hưng, Kiến Hòa, Kiến Đăng):

+ Huyện Kiến Hưng: Huyện Kiến Hưng do phủ Kiến An kiêm nhiếp, lỵ sở ở thôn Tân Hiệp (nay là thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu Thành), có 5 tổng, 75 thôn, gồm:

- Tổng Thuận Trị có 19 thôn (An Đức, An Đức Đông, An Hòa, An Thành, An Vĩnh, Bình Tạo, Cửu Viễn, Đạo Ngạn, Điều Hòa, Long Hội, Long Hội Tây, Ngãi Hữu, Nhơn Hòa, Phú Đức Đông, Phú Đức Tây, Tân Thuận, Thân Nhơn, Thới Sơn, Trung Lương).

- Tổng Thuận Bình có 17 thôn (An Phước, An Thạnh, Bình Đông, Bình Sơn, Bình Thuyên Đông, Hữu Đạo, Long Hưng, Long Thạnh, Mỹ Thuận Đông, Mỹ Thuận Tây, Tân Đức Đông, Tân Đức Tây, Tân Phú Đông, Vĩnh Kim Đông, Vĩnh Kim Tây, Thạnh Phú).

- Tổng Hưng Nhơn có 12 thôn (Dương Hòa, Định Hòa, Hưng Thạnh, Long Định, Mỹ Điền, Nhị Bình, Phú Mỹ, Phước An, Tân Hội Đông, Tân Hội Tây, Tân Lý Đông, Tân Lý Tây).

- Tổng Hưng Nhượng có 13 thôn (Bình An Đông, Bình Cư, Bình Quân, Hòa Mỹ, Lợi Thạnh, Nhơn Hậu, Nhơn Lý Tây, Nhơn Nhương, Tân Hiệp, Tân Hương Tây, Tường Khánh, Xuân Sanh, Tân Hương).

- Tổng Hưng Long có 14 thôn (Bình An, Bình Long Đông, Chánh Đông, Đông An, Ngãi Lợi, Phú Khương, Phú Thượng, Tân Đông, Thân Hòa Đông, Thân Hòa Tây, Thủy Đông, Trường Thạnh, Tuyên Thạnh, Vĩnh Thạnh, Mỹ Phước).

+ Huyện Kiến Hòa: lỵ sở đóng ở thôn Tân Hóa (nay thuộc xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo), có 5 tổng, 78 thôn, gồm:

- Tổng Hòa Hảo có 12 thôn (An Định, Bình Phục Đông, Bình Phục Nhứt, Bình Phương (Phan), Bình Thủy, Mỹ Hảo, Tân Hóa, Toàn Thạnh, Vĩnh An, Bình Quang, Hòa Bình, Hòa Thạnh).

- Tổng Hòa Hằng có 20 thôn (Bình Đại, Châu Hưng, Hằng Thạnh, Hòa Thới, Lộc Thuận, Phú Thành, Phú Thạnh Đông, Phú Thuận, Phú Vinh, Phước An Đông, Quới Sơn, Tân Phong, Thạch Hồ, Thạnh Hội, Từ Linh, Vinh (Vang) Quới, Giao Hòa, Giao Long, Long Phụng, Tân Định).

- Tổng Hòa Thinh (Hòa Thanh) có 17 thôn (An Hòa Tân, Lộc Tân, Lương Thạnh, Minh Đức, Phú Hữu, Phú Ngãi, Phú Nhơn, Phú Thạnh, Phước Định, Phước Hậu, Phước Hòa, Phước Thới, Phước Thuận, Phước Toàn, Thọ Phú, Thới Lai, Thới Thuận).

- Tổng Thạnh Phong có 14 thôn (Bình Đăng, Bình Hài, Bình Hạnh, Bình Phong, Bình Thời, Điền Trang, Long Hựu, Mỹ Chánh, Mỹ Hóa, Phong Thuận, Phú Hội, Tân Tĩnh, Tân Tĩnh Đông, Thạnh Lợi).

- Tổng Thạnh Quơn (Thạnh Quang) có 15 thôn (An Khương, An Lạc, Bình Cách, Bình Dương, Long Hòa, Lương Phú, Mỹ Trung, Phú Kiết, Phú Hòa, Song Thạnh, Thanh Xuân, Trung Lộc, Vĩnh Phước, Hưng Ngãi, Nhựt Tân).

+ Huyện Kiến Đăng: lỵ sở đóng tại thôn Mỹ Trang (nay thuộc thị xã Cai Lậy), có 5 tổng, 80 thôn:

- Tổng Lợi Trinh có 19 thôn (An Mỹ, Bình Chánh Tây, Bình Phú, Cẩm Sơn, Giai Mỹ, Hòa Sơn, Hòa Thuận, Hội Sơn, Lợi An, Mỹ Hạnh Đông, Mỹ Hạnh Tây, Mỹ Hạnh Trung, Mỹ Trang, Mỹ Tường, Phú Nhuận, Phú Thuận Đông, Tân Hòa, Tân Hội, Xuân Sơn).

- Tổng Lợi Trường có 21 thôn (An Thủy Đông, An Thủy Tây, Bàn Long, Bình Chánh, Bình Chánh Đông, Hòa An, Kim Sơn, Long Điền, Long Phú, Mỹ An, Mỹ Ân, Mỹ Đông, Mỹ Đông Thượng, Mỹ Đông Trung, Mỹ Hòa, Mỹ Quới, Mỹ Trinh, Phú Long, Phú Phong, Tân Sơn, Trà Tân, Bình Chánh Trung).

- Tổng Phong Hòa có 12 thôn (An Bình Đông, An Bình Tây, An Thành, An Cư, Hiệp Hòa, Hòa Khánh, Mỹ Đức Đông, Mỹ Hòa, Mỹ Thạnh, Mỹ Thiện, Phú Sơn, Tân Đức).

- Tổng Phong Phú có 17 thôn (An Thới Đông, An Thới Tây, An Thới Trung, Bình Hàn Tây, Bình Hàn Trung, Hòa Lộc, Mỹ An Đông, Mỹ An Tây, Mỹ Đức Tây, Mỹ Hưng, Mỹ Long, Mỹ Lợi, Mỹ Lương, Mỹ Thuận, Mỹ Toàn, Mỹ Xương, Thanh Hưng).

- Tổng Phong Thạnh có 11 thôn (An Bình, An Long, An Phong, Mỹ Đảo, Mỹ Ngãi, Mỹ Trà, Nhị Mỹ, Phong Mỹ, Tân An, Tân Phú, Tân Thạnh)[9].

Năm 1838, chính quyền nhà Nguyễn nâng hai tổng Phong Phú và Phong Thạnh của huyện Kiến Đăng thành ba tổng Phong Phú, Phong Thạnh và Phong Nẫm thuộc huyện Kiến Phong mới lập, trực thuộc phủ Kiến Tường mới lập. Phủ Kiến Tường đóng lỵ sở tại thôn Mỹ Trà (nay thuộc TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp) kiêm lý huyện Kiến Phong.

Riêng về huyện Tân Hòa (vùng Gò Công) thuộc phủ Tân An, tỉnh Gia Định có những chuyển biến hành chánh như sau:

Lỵ sở huyện Tân Hòa đầu tiên đặt tại thôn Thanh Xuân Đông, tổng Thạnh Mục (nay thuộc huyện Vàm Cỏ, tỉnh Long An, giáp với xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang).

Theo Địa bạ Minh Mạng năm 1836, huyện Tân Hòa có 4 tổng:

+ Tổng Hòa Đồng có 16 thôn.

+ Tổng Hòa Lạc có 17 thôn.

+ Tổng Thạnh Hội có 16 thôn.

+ Tổng Thạnh Mục có 16 thôn.

Trong 4 tổng nêu trên, hai tổng Hòa Đồng và Hòa Lạc thuộc vùng Gò Công (nay thuộc địa phận huyện Gò Công Tây, thị xã Gò Công, huyện Gò Công Đông và huyện Tân Phú Đông); còn hai tổng Thạnh Hội và Thạnh Mục thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Long An ngày nay. Số thôn của hai tổng Hòa Đồng và Hòa Lạc như sau:

+ Tổng Hòa Đồng có 16 thôn: Bình Công, Bình Hưng, Bình Long, Bình Long Tây, Bình Phú Đông, Bình Phú Tây, Bình Phục Nhị/Nhì, Bình Xuân Đông, Dương Phước, Đồng Sơn, Long Chánh, Tân Cang/Cương, Tân Nhựt, Vĩnh Hựu, Vĩnh Lợi, Vĩnh Thạnh.

+ Tổng Hòa Lạc có 17 thôn: An Long Đông/Yên Luông Đông, An Long Tây/Yên Luông Tây, Bình Ân, Bình Nghị, Bình Thạnh Đông, Bình Thạnh Tây, Bình Xuân, Mỹ Xuân, Tân Duân Đông, Tân Duân Trung, Tân Niên Đông, Tân Niên Tây, Tân Niên Trung, Tân Phước, Tăng Hòa, Thuận Ngãi (Bình Thuận Đông cũ), Thuận Tắc (Bình Thuận Tây cũ); và 1 phường: Toàn Phước.

Năm 1841, vua Thiệu Trị chia huyện Tân Hòa thành hai huyện: vùng ven sông Vàm Cỏ lập huyện Tân Thạnh; vùng Gò Công lập huyện Tân Hòa. Riêng

[9] Nguyễn Đình Đầu, *Nghiên cứu Địa bạ triều Nguyễn: Định Tường*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1994, trang 157-165.

huyện Tân Hoà có 4 tổng: Hòa Đồng Thượng, Hòa Đồng Hạ, Hòa Lạc Thượng và Hòa Lạc Hạ.

Lúc đó, huyện Tân Thạnh và huyện Tân Hòa thuộc phủ Hòa Thạnh, tỉnh Gia Định. Lỵ sở phủ Hòa Thạnh đặt tại Đồng Sơn.

Năm 1852, vua Tự Đức cho sáp nhập hai huyện Tân Thạnh và Tân Hòa để thành lập huyện mới lấy tên là huyện Tân Hòa vẫn thuộc tỉnh Gia Định. Huyện Tân Hòa (mới) có 8 tổng: Thạnh Hội Thượng, Thạnh Hội Hạ, Thạnh Mục Thượng, Thạnh Mục Hạ, Hòa Đồng Thượng, Hòa Đồng Hạ, Hòa Lạc Thượng và Hòa Lạc Hạ. Lỵ sở của huyện đóng tại thôn Thuận Ngãi, tổng Hòa Lạc Hạ (nay thuộc thị xã Gò Công).

Như vậy, vào năm 1852, vùng Gò Công thuộc huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định, có 4 tổng, 37 thôn, phường:

- Tổng Hòa Đồng Thượng: có 8 thôn: Bình Hưng, Bình Phú Đông, Bình Phú Tây, Bình Phục Nhì, Bình Phước, Đồng Sơn, Tân Nhựt, Trường Xuân.

- Tổng Hòa Đồng Hạ: có 9 thôn: Bình Công, Bình Hòa, Bình Luông Đông, Bình Luông Tây, Long Chánh, Tân Cương, Vĩnh Hựu, Vĩnh Lợi, Vĩnh Thạnh.

- Hòa Lạc Thượng: có 8 thôn: Bình Thạnh Đông, Bình Thạnh Tây, Bình Xuân, Mỹ Xuân, Tân Niên Đông, Tân Niên Tây, Tân Niên Trung, Tân Phước và 1 phường: Toàn Phước

- Tổng Hòa Lạc Hạ: có 11 thôn: An Long Đông/Yên Luông Đông, An Long Tây/Yên Luông Tây, Bình Ân, Bình Nghị, Dương Phước, Kiểng Phước (do phường Toàn Phước đổi thành), Tăng Hòa, Tân Duân Đông, Tân Duân Trung, Thuận Ngãi, Thuận Tắc.

3. Hạt Thanh tra (Inspection: 1867-1871)

Năm 1867, sau chiếm toàn bộ Nam kỳ, thực dân Pháp xóa bỏ Nam kỳ lục tỉnh của nhà Nguyễn, chia Nam kỳ ra nhiều hạt Thanh tra (Inspection), đứng đầu mỗi hạt Thanh Tra là một viên Thanh tra công việc nội chính bản xứ (Inspecteur des affaires Indigènes) do các sĩ quan Hải quân đảm nhiệm. Địa bàn các hạt Thanh tra tính theo đơn vị phủ, huyện cũ.

Theo đó, trên địa bàn tỉnh Tiền Giang ngày nay có 6 hạt Thanh tra:

- Hạt Thanh tra Mỹ Tho:

Phủ Kiến An kiêm lý huyện Kiến Hưng nên gọi là hạt Thanh tra Kiến An hay Kiến Hưng. Khi hạt Thanh tra này dời về Mỹ Tho thì gọi là hạt Thanh tra Mỹ Tho, coi huyện Kiến Hưng (cũ).

- Hạt Thanh tra Chợ Gạo:

Địa bàn huyện Kiến Hòa trở thành hạt Thanh tra Kiến Hòa; sau đó, dời về Chợ Gạo nên gọi là hạt Thanh tra Chợ Gạo, coi huyện Kiến Hòa (cũ).

- Hạt Thanh tra Cai Lậy

Địa bàn huyện Kiến Đăng trở thành hạt Thanh tra Kiến Đăng, vì đóng tại Cai Lậy nên được gọi là hạt Thanh tra Cai Lậy, coi huyện Kiến Đăng (cũ).

- Hạt Thanh tra Cần Lố:

Địa bàn phủ Kiến Tường kiêm lý huyện Kiến Phong trở thành hạt Thanh tra Kiến Tường, nhưng vì đóng tại Cần Lố nên được gọi là hạt Thanh tra Cần Lố, coi huyện Kiến Phong (cũ).

- Hạt Thanh tra Tân An:

Toàn bộ tổng Hưng Long của huyện Kiến Hưng và 9 thôn của tổng Hưng Nhơn cùng huyện nằm dọc theo bờ sông Vàm Cỏ và kênh Bưu Điện (kênh Bảo Định) được tách khỏi huyện Kiến Hưng để thành lập hạt Thanh tra Tân An.

- Hạt Thanh tra Gò Công:

Trông coi huyện Tân Hòa (cũ).

Ngày 5/12/1868, giải thể hạt Thanh tra Cai Lậy nhập vào hạt Thanh tra Mỹ Tho. Tiếp theo, ngày 23/12/1868, giải thể hạt Thanh Tra Chợ Gạo nhập vào hạt Thanh tra Mỹ Tho. Nhưng đến ngày 20/10/1869, hạt Thanh tra Cai Lậy được lập lại theo địa bàn cũ; đến ngày 8/9/1870, dời trụ sở về Cái Bè, nên gọi là hạt Thanh tra Cái Bè. Ngày 20/9/1870, giải thể hạt Thanh tra Cần Lố, đưa hai tổng Phong Hòa và Phong Phú của hạt Thanh tra Cần Lố vào hạt Thanh Tra Cái Bè, đồng thời đưa hai tổng còn lại là Phong Nẫm và Phong Thạnh qua hạt Thanh tra Sa Đéc. Ngày 5/6/1871, giải thể hạt Thanh tra Cái Bè nhập vào địa bàn hạt Thanh tra Mỹ Tho.

4. Tỉnh Mỹ Tho (Province de Mytho: 1900-1954)

Ngày 20/12/1899, Toàn quyền Đông dương ban hành Nghị định đổi các Tiểu khu hành chính thành tỉnh (Province) kể từ ngày 01/01/1900. Theo đó, Nam kỳ có 21 tỉnh. Mỹ Tho và Gò Công là hai tỉnh riêng biệt.

Theo *Địa phương chính tỉnh Mỹ Tho năm 1902*, tỉnh Mỹ Tho có diện tích là 223.660 hecta, dân số là 233.802 người, bao gồm 231.276 người Việt, 2.381 người Hoa, 103 người Âu, 42 người Ấn. Tỉnh lỵ đặt tại Mỹ Tho.

Toàn tỉnh có 15 tổng, 202 làng.

- Tổng Thuận Trị:

Có 19 làng: Điều Hòa, Thạnh Trị, Đạo Ngạn, An Vĩnh, Ngãi Hữu, Cửu Viễn, Thân Nhơn, Nhơn Hòa, Long Hội Tây, An Hội, Long Hội, Trung Lương, An Đức Đông, Bình Tạo, An Đức, Tân Thuận, Thới Sơn, Phú Đức, Phú Túc.

- Tổng Thuận Bình:

Có 15 làng: An Thạnh, An Phước, Thạnh Phú, Long Hưng, Mỹ Thuận Tây, Mỹ Thuận Đông, Vĩnh Kim Tây, Vĩnh Kim Đông, Bình Hòa Đông, Phong Trưng, Hữu Đạo, Điềm Hy, Dưỡng Điềm.

- Tổng Lợi Trường:

Có 12 làng: Mỹ Quý, Mỹ Quý Đông, Mỹ Phú, Mỹ Quý Tây, Long Điền, Mỹ Hậu, Bàn Long, Kim Sơn, Phú Phong, Bình Chánh Trung, Bình Chánh Đông, Bình Chánh.

- Tổng Lợi Mỹ:

Có 08 làng: Phú Long, Mỹ Khánh, Mỹ Đông Thượng, Mỹ Đông, Mỹ Đông Trung, Tân Thới, Trà Tân, Ngũ Hiệp.

- Tổng Lợi Trinh:

Có 15 làng: Long Phước, Mỹ Hạnh Tây, Bình Chánh Tây, Mỹ Hạnh Trung, Mỹ Hạnh Đông, Tân Phú Đông, Tân Hội, Mỹ Tường, Tân Long, Tân An, Hòa Sơn, Thanh Sơn, Mỹ Trang, Hòa Thuận, Cẩm Sơn.

- Tổng Hưng Nhơn:

Có 13 làng: Phú Mỹ, Hưng Thạnh, Mỹ Điền, Phước Lộc, Nhị Bình, Long Định, Định Hòa, Tân Lập, Tân Lý Đông, Tân Thành, Dương Hòa, Tân Hội Tây, Tân Hội Đông.

- Tổng Hưng Nhượng:

Có 06 làng: Tân Hương, Tân Hương Tây, Tân Lý Tây, Tân Hiệp, Hòa Mỹ, Tịnh Giang.

- Tổng Thạnh Quơn:

Có 13 làng: Tịnh Hà, An Khương, Trung Hòa, Song Thạnh, Bình Cách, Nhựt Tân, Mỹ Trung, Phú Kiết, Lương Phú, An Lạc, Long Hòa, Thanh Xuân, Bình Dương.

- Tổng Thạnh Phong:

Có 16 làng: Hưng Ngãi, Bình Đăng, Vĩnh Phước, Điền Trang, Bình Hài, Mỹ Phong, Phú Hội, Mỹ Chánh, Phong Thuận, Bình Phong, Bình Thạnh, Bình Hạnh, Long Thạnh, Tân Tĩnh Đông, Tân Xuân, Tân Tĩnh.

- Tổng Hòa Hảo:

Có 15 làng: Bình Long, Bình Phục Tây, Bình Quơn, Thuận Hòa, Bình Phục Đông, Tân Hóa, Hòa Thạnh, An Định, Hòa Bình, Hòa Ninh, Hòa An, Mỹ Thạnh, Bình Thủy, Bình Phan, Bình Trị.

- Tổng Hòa Quới:

Có 24 làng: An Hồ, Tân Thạch, Quới Sơn, Phú Thạnh, Giao Long, Giao Hòa, Nguyệt Thạnh, Long Phụng, Phú Thuận, Vang Quới, Phú Vang, Thới Lai, Châu Hưng, Tân Hưng, An Hóa, Phước Hậu, Phước Thới, Phước Hòa, Phú Ngãi, Phú Nhơn, Phước Khánh, Phước Thiện, Phước Định, Phú Thạnh.

- Tổng Hòa Thinh:

Có 11 làng: Lộc Thuận, Phú Long, Tân Định, Bình Trung, Bình Đại, Lộc Tân, Thạnh Lộc, Phước Thuận, Thọ Phú, Thừa Đức, Thới Thuận.

- Tổng Lợi Thuận:

Có 15 làng: Mỹ Thạnh, Đại Phú, Giai Mỹ, Phú Thuận Đông, Bình Phú, Phú Hưng, Phú Nhuận, Lợi Thành, Lợi An, An Mỹ, Phú Sơn, Hiệp Hòa, Tân Đức, Xuân Sơn, Hội Sơn.

- Tổng Phong Hòa:

Có 11 làng: Mỹ Đức Tây, Mỹ Thiện, Hậu Mỹ, Mỹ Hội, An Cư, Hậu Thành, An Bình Đông, Phú Hòa, An Hiệp, Hòa Khánh, Mỹ Đức Đông.

- Tổng Phong Phú:

Có 09 làng: Mỹ Lợi, Thanh Hưng, An Thái Đông, An Thái Trung, Mỹ Lương, Hòa Lộc, Mỹ Hưng, An Hữu, Mỹ Thuận[10].

Sau thời gian thực hiện chính sách trực trị (tỉnh - tổng - làng) không thành công, ở tỉnh Mỹ Tho, thực dân Pháp bắt buộc phải lập cấp quận làm trung gian giữa tỉnh và tổng, làng.

5. Quận Cái Bè:

Quận Cái Bè thành lập ngày 12-3-1912, có 3 tổng: Phong Hòa (8 làng), Phong Phú (9 làng) và Lợi Thuận (8 làng) được tách từ quận Cai Lậy.

Ngày 01-01-1928, tổng Lợi Thuận được trả về quận Cai Lậy.

6. Tỉnh Định Tường (Chính quyền Sài Gòn: 1954-1975)

Về phía chính quyền Sài Gòn, theo Sắc lệnh 143-NV ngày 22-10-1956 của Tổng thống chính quyền Sài Gòn Ngô Đình Diệm về việc "thay đổi địa giới và tên Đô thành Sài Gòn - Chợ Lớn cùng các tỉnh và tỉnh lỵ tại Việt Nam", tỉnh Định Tường được thành lập trên phần đất tỉnh Mỹ Tho và tỉnh Gò Công cũ. Tỉnh lỵ tỉnh Định Tường đặt tại Mỹ Tho, về mặt hành chánh thuộc xã Điều Hòa, quận Châu Thành.

---

[10] Theo quyển *Địa phương chí tỉnh Mỹ Tho năm 1902* (*Monographie de la province de Mytho, 1902*).

Theo sự phân định hành chính của chính quyền Sài Gòn, Định Tường là một trong 22 tỉnh của Nam Phần lúc đó, bắc giáp tỉnh Kiến Tường, đông bắc giáp tỉnh Long An, đông giáp biển Đông, tây nam và nam giáp hai tỉnh Vĩnh Long và Kiến Hòa, tây giáp tỉnh Kiến Phong, tây nam giáp tỉnh Sa Đéc. Ranh giới phía nam của tỉnh Định Tường là sông Tiền Giang (đoạn này còn gọi là sông Mỹ Tho).

Ngày 24-4-1957, chính quyền Sài Gòn ấn định các đơn vị hành chính trực thuộc tỉnh. Tỉnh Định Tường có tỉnh lỵ đặt tại Mỹ Tho, bao gồm 7 quận, 15 tổng, 123 xã. Cụ thể như sau:

(1) Quận Châu Thành (quận lỵ: xã Điều Hòa), có 2 tổng, 22 xã.

- Tổng Thuận Trị, gồm 09 xã: Bình Đức, Đạo Thạnh, Điều Hòa, Long An, Tam Hiệp, Thạnh Phú, Thới Sơn, Trung An, Phước Thạnh.

- Tổng Thuận Bình, gồm 13 xã: Bàn Long, Bình Trưng, Dưỡng Điềm, Đông Hòa, Điềm Hy, Hữu Đạo, Kim Sơn, Long Định, Long Hưng, Nhị Bình, Phú Phong, Song Thuận, Vĩnh Kim.

(2) Quận Bến Tranh (quận lỵ: xã Lương Hòa Lạc), có 2 tổng, 16 xã.

- Tổng Hưng Nhơn, gồm 09 xã: Hưng Thạnh Mỹ, Tân Hội Đông, Tân Lý Tây, Tân Lý Đông, Tân Hương, Tân Hiệp, Thân Cửu Nghĩa, Tân Hòa Thành, Phú Mỹ.

- Tổng Thạnh Quơn, gồm 07 xã: Lương Hòa Lạc, Hoà Tịnh, Mỹ Tịnh An, Phú Kiết, Tân Bình Thạnh, Trung Hòa, Thanh Bình

(3) Quận Chợ Gạo (quận lỵ: xã Bình Phan), có 2 tổng, 13 xã.

- Tổng Thạnh Phong, gồm 06 xã: Đăng Hưng Phước, Long Bình Điền, Mỹ Phong, Song Bình, Tân Mỹ Chánh, Xuân Đông.

- Tổng Hòa Hảo, gồm 07 xã: An Thanh Thủy, Bình Ninh, Bình Phan, Bình Phục Nhứt, Quơn Long, Hoà Định, Tân Thuận Bình

(4) Quận Cái Bè (quận lỵ: xã Đông Hoà Hiệp), có 2 tổng, 16 xã.

- Tổng Phong Hòa, gồm 08 xã: Đông Hòa Hiệp, Hội Cư, Hòa Khánh, Hậu Thành, Hậu Mỹ, Mỹ Thiện, Mỹ Đức Đông, Mỹ Đức Tây.

- Tổng Phong Phú, gồm 08 xã: An Hữu, Hưng Thuận (cù lao Quy), An Thái Đông, An Thái Trung, Thanh Hưng, Hòa Lộc, Mỹ Lợi, Mỹ Lương.

(5) Quận Cai Lậy (quận lỵ: xã Thanh Hòa), có 3 tổng, 25 xã.

- Tổng Lợi Trinh, gồm 09 xã: Thanh Hoà, Nhị Mỹ, Mỹ Hạnh Trung, Mỹ Phước Tây, Cẩm Sơn, Tân Phú Đông, Mỹ Hạnh Đông, Tân Bình, Tân Hội.

- Tổng Lợi Hoà, gồm 08 xã: Long Trung, Long Khánh, Tam Bình, Ngũ Hiệp, Mỹ Long, Long Tiên, Phú Quý, Nhị Quý.

- Tổng Lợi Thuận, gồm 08 xã: Phú An, Phú Nhuận Đông, Bình Phú, Thạnh Phú, Hiệp Đức, Hội Sơn, Xuân Sơn, Mỹ Thành.

(6) Quận Gò Công (quận lỵ: xã Long Thuận), có 2 tổng, 15 xã.

- Tổng Hòa Lạc Thượng, gồm 08 xã: Bình Thạnh Đông, Bình Xuân, Gia Thuận, Kiểng Phước, Tân Niên Đông, Tân Niên Tây, Tân Niên Trung, Tân Phước.

- Tổng Hòa Lạc Hạ, gồm 07: xã An Hòa, Bình An, Long Thuận, Phước Trung, Tân Bình Điền, Tăng Hòa, Tân Thành.

(7). Quận Hòa Đồng (quận lỵ: xã Đồng Sơn), có 2 tổng, 16 xã.

- Tổng Hòa Đồng Thượng, gồm 09 xã: Vĩnh Bình (Vĩnh Lợi và Bình Phú Tây cũ), Đồng Sơn, Bình Phú Đông, Thành Công (Bình Thành và Bình Công cũ), Thạnh Trị (Vĩnh Thạnh và Vĩnh Trị cũ), Bình Phục Nhì, Thạnh Nhựt, Vĩnh Viễn và Vĩnh Hựu.

- Tổng Hòa Đồng Hạ, gồm 07 xã: Long Hựu, Bình Luông Đông, Tân Thới, Phú Thạnh Đông, Bình Long (Bình Luông Tây và Long Thạnh cũ), Yên Luông (Yên Luông Đông và Yên Luông Tây cũ), Bình Tân (Bình Luông Trung và Tân Cương cũ).

Ngày 05-12-1957, chính quyền Sài Gòn dời quận lỵ quận Bến Tranh từ xã Lương Hòa Lạc đến xã Tân Hiệp.

Ngày 08-11-1960, quận Châu Thành đổi tên thành quận Long Định, đồng thời dời quận lỵ từ xã Điều Hòa tới xã Long Định. Ngày 09-8-1961, tách một phần đất thuộc quận Cái Bè lập một quận mới, lấy tên là quận Giáo Đức, quận lỵ đặt tại xã An Hữu, gồm 2 tổng Phong Phú và An Phú (mới lập). Quận Cái Bè đổi tên thành quận Sùng Hiếu. Quận Cai Lậy đổi tên thành quận Khiêm Ích.

Ngày 20-12-1963, chính quyền Sài Gòn tách hai quận Gò Công và Hòa Đồng ra khỏi tỉnh Định Tường để tái lập tỉnh Gò Công.

Ngày 23-5-1964, chia quận Long Định thành 2 quận: Châu Thành và Long Định. Quận Châu Thành có 2 tổng Thuận Trị và Thuận Hòa (mới lập), quận lỵ đặt tại xã Trung An, Quận Long Định có 2 tổng Thuận Bình và Lợi Trường, quận lỵ dời từ xã Long Định đến xã Vĩnh Kim.

Ngày 10-11-1964, đổi lại tên quận Sùng Hiếu thành quận Cái Bè, quận Khiêm Ích thành quận Cai Lậy như cũ. Sau năm 1965, chính quyền Sài Gòn giải thể cấp tổng; từ đó, các xã trực thuộc cấp quận. Ngày 24-3-1969, chính quyền Sài Gòn đổi tên quận Long Định thành quận Sầm Giang.

Ngày 30-9-1970, Thủ tướng chính quyền Sài Gòn ban hành Sắc lệnh số 114/SL-NV cải biến xã Điều Hòa thuộc quận Châu Thành thành thị xã Mỹ Tho, là thị xã tự trị trực thuộc chính quyền trung ương, đồng thời kiêm tỉnh lỵ tỉnh Định Tường. Lúc đó, tỉnh Định Tường có 01 thị xã, 07 quận, 92 xã, diện tích 1.686 km², dân số 453.562 người, tỉnh lỵ đặt tại thị xã Mỹ Tho. Cụ thể như sau:

TT	**TÊN THỊ XÃ/TÊN QUẬN/ TÊN XÃ**	**DIỆN TÍCH (km²)**	**DÂN SỐ (Người)**
I	**Thị xã Mỹ Tho**	**8,0**	**109.975**
II	**Quận Bến Tranh: 15 xã, quận lỵ đặt tại xã Tân Hiệp**	**225,7**	**67.531**
1	Hòa Tịnh	7,7	2.604
2	Lương Hòa Lạc	15,0	6.464
3	Mỹ Tịnh An	12,1	3.230
4	Phú Kiết	11,5	3.306
5	Phú Mỹ	46,8	5.612
6	Tân Bình Thành	12,5	2.458
7	Tân Hiệp	1,0	4.571
8	Tân Hòa Thành	20,1	3.309
9	Tân Hội Đông	8,4	4.118
10	Tân Hương	13,3	8.060
11	Tân Lý Đông	40.4	4.903
12	Tân Lý Tây	4,5	5.368
13	Thanh Bình	12,3	2.079
14	Thân Cửu Nghĩa	9,6	9.326
15	Trung Hòa	10,5	2.123

III	**Quận Cái Bè: 11 xã, quận lỵ đặt tại xã Đông Hòa Hiệp**	**278,4**	**79.124**
16	Đông Hòa Hiệp	17,0	27.197
17	Hậu Mỹ	60,9	10.474
18	Hậu Thành	10,6	8.130
19	Hiệp Đức	11,4	625
20	Hòa Khánh	25,5	10.311
21	Hội Cư	23,1	5.304
22	Hội Sơn	4,3	170
23	Mỹ Thành	40,6	8.273
24	Mỹ Thiện	64,7	3.742
25	Phú An	14,2	4.523
26	Xuân Sơn	6,1	375
IV	**Quận Cai Lậy: 20 xã, quận lỵ đặt tại xã Thanh Hòa**	**363,5**	**101.017**
27	Bình Phú	19,3	6.863
28	Cẩm Sơn	13,9	300
29	Long Khánh	17,9	5.024
30	Long Tiên	14,0	3.861
31	Long Trung	19,4	3.772
32	Mỹ Hạnh Đông	30,1	2.000
33	Mỹ Hạnh Trung	10,2	4.152
34	Mỹ Long	11,5	1.103

35	Mỹ Phước Tây	39,1	7.041
36	Ngũ Hiệp	27,3	6.039
37	Nhị Mỹ	12,5	5.823
38	Nhị Quý	11,8	7.344
39	Phú Nhuận Đông	15,6	4.980
40	Phú Quý	9,3	2.814
41	Tam Bình	16,9	4.885
42	Tân Bình	13,0	6.724
43	Tân Hội	10,9	3.519
44	Tân Phú Đông	5,3	675
45	Thanh Hòa	9,9	21.588
46	Thạnh Phú	55,6	2.510
V	**Quận Châu Thành: 11 xã, quận lỵ đặt tại xã Trung An**	**107,3**	**52.208**
47	Bình Đức	11,8	11.237
48	Đạo Thạnh	6,7	6.645
49	Long An	13,6	5.254
50	Mỹ Phong	11,1	5.456
51	Phước Thạnh	11,5	3.125
52	Tam Hiệp	13,6	2.749
53	Tân Long	4,9	7.208
54	Tân Mỹ Chánh	6,9	3.974
55	Thạnh Phú	7,9	2.183

56	Thới Sơn	13,8	2.148
57	Trung An	5,5	2.209
VI	**Quận Chợ Gạo: 11 xã, quận lỵ đặt tại xã Bình Phan**	**163,1**	**52.664**
58	An Thạnh Thủy	17,1	4.915
59	Bình Ninh	20,0	3.575
60	Bình Phan	9,0	5.903
61	Bình Phục Nhứt	18,3	5.786
62	Đăng Hưng Phước	14,5	6.257
63	Hòa Định	22,0	2.700
64	Long Bình Điền	12,1	4.331
65	Quơn Long	14,2	4.778
66	Song Bình	12,1	4.260
67	Tân Thuận Bình	14,9	5.579
68	Xuân Đông	8,9	4.580
VII	**Quận Giáo Đức: 10 xã, quận lỵ đặt tại xã An Hữu**	**226,5**	**58.791**
69	An Hữu	15,0	12.047
70	An Thới Đông	7,3	6.458
71	An Thới Trung	16,1	5.576
72	Hòa Lộc	5,1	1.214
73	Hưng Thuận	15,9	6.551
74	Mỹ Đức Đông	8,0	2.454

75	Mỹ Đức Tây	68,2	8.716
76	Mỹ Lợi	42,7	1.052
77	Mỹ Lương	13,6	5.404
78	Thanh Hưng	34,6	9.319
VIII	**Quận Sầm Giang: 14 xã, quận lỵ đặt tại xã Vĩnh Kim**	**321,5**	**42.227**
79	Bàn Long	10,2	385
80	Bình Trưng	6,5	1.146
81	Điềm Hy	4,6	1.762
82	Dưỡng Điềm	7,0	3.384
83	Đông Hòa	95,5	6.057
84	Hữu Đạo	4,6	941
85	Hưng Thạnh Mỹ	85,9	Không có số liệu
86	Kim Sơn	12,6	2.884
87	Long Định	22,6	7.599
88	Long Hưng	14,0	1.460
89	Nhị Bình	32,9	7.409
90	Phú Phong	10,9	1.338
91	Song Thuận	9,0	1.968
92	Vĩnh Kim	5,2	5.894

Ngày 12-7-1974, chính quyền Sài Gòn lập quận mới Hậu Mỹ, quận lỵ đặt tại xã Hậu Mỹ, quận này bao gồm một phần đất của các quận Cái Bè, Giáo Đức, Cai Lậy cùng tỉnh, của quận Kiến Bình (tỉnh Kiến Tường) và của quận Mỹ An (tỉnh

Kiến Phong). Các đơn vị hành chính của quận Hậu Mỹ chưa sắp xếp xong thì miền Nam được giải phóng (30-4-1975).

7. Tỉnh Tiền Giang

*** Diễn tiến hành chính**

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta đã hoàn toàn thắng lợi vào ngày 30-4-1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Ngày 20-9-1975, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 245-NQ/TƯ về việc giải thể cấp khu, hợp nhất tỉnh trong toàn quốc "nhằm xây dựng các tỉnh thành những đơn vị kinh tế, kế hoạch và đơn vị hành chính có khả năng giải quyết đến mức cao nhất những yêu cầu về đẩy mạnh sản xuất, tổ chức đời sống vật chất, văn hóa của nhân dân, về củng cố quốc phòng, bảo vệ trị an, và có khả năng đóng góp tốt nhất vào sự nghiệp chung của cả nước". Theo Nghị quyết này, 4 tỉnh Mỹ Tho, Gò Công, Long An, Bến Tre sẽ hợp lại thành một tỉnh, tên gọi sẽ do địa phương đề nghị lên. Nhưng ngày 20-12-1975, Bộ Chính trị lại ra Nghị quyết số 19/NQ điều chỉnh lại việc hợp tỉnh ở miền Nam Việt Nam cho sát với tình hình thực tế, theo đó tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công và thành phố Mỹ Tho hợp lại thành một tỉnh. Ngày 24-2-1976, Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ban hành Nghị quyết số 03-NQ/1976 về việc giải thể khu, hợp nhất tỉnh ở miền Nam Việt Nam. Theo Nghị quyết này tại miền Nam có 21 đơn vị trực thuộc Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, trong đó có tỉnh Tiền Giang do nhập tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công và thành phố Mỹ Tho.

Tỉnh Tiền Giang bấy giờ có 6 đơn vị hành chính trực thuộc là các huyện: Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công và thành phố Mỹ Tho. Tỉnh lỵ là thành phố Mỹ Tho, được công nhận là đô thị loại 3 trực thuộc tỉnh.

Sau đó, trên địa bàn tỉnh Tiền Giang có những sự điều chỉnh về hành chính như sau:

Ngày 26-3-1977, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 77-CP về việc chuyển thị xã Gò Công thuộc tỉnh Tiền Giang thành thị trấn Gò Công thuộc huyện Gò Công cùng tỉnh.

Ngày 12-4-1979, trên địa bàn huyện Cai Lậy, xã Thạnh Phú chia thành 2 xã mới Thạnh Lộc và Phú Cường, hợp nhất 2 xã Hội Sơn, Xuân Sơn thành xã Hội Xuân; trên địa bàn huyện Cái Bè, chia xã Hậu Mỹ Nam thành 2 xã Hậu Mỹ Phú, Hậu Mỹ Trinh; chia xã Hậu Mỹ Bắc thành 2 xã Hậu Mỹ Bắc A, Hậu Mỹ Bắc B; chia xã Mỹ Thiện thành 2 xã Thiện Trí, Thiện Trung; chia xã Thanh Hưng thành 2 xã Tân Thanh, Tân Hưng; chia xã Mỹ Lợi thành 2 xã Mỹ Lợi A, Mỹ Lợi B.

Ngày 13-4-1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 155-CP về việc chia huyện Gò Công thành huyện Gò Công Đông và huyện Gò Công Tây.

Như vậy, đến tháng 4-1979, tỉnh Tiền Giang có 7 đơn vị hành chính trực thuộc là các huyện: Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây và thành phố Mỹ Tho.

Ngày 13-2-1987, giải thể xã Tăng Hòa để thành lập thị trấn Tân Hòa là thị trấn huyện lỵ Gò Công Đông.

Ngày 16-2-1987, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 37-HĐBT về việc thành lập thị xã Gò Công trực thuộc tỉnh Tiền Giang trên cơ sở thị trấn Gò Công cũ và 1 phần diện tích và dân số của 2 huyện Gò Công Đông, Gò Công Tây.

Như vậy, đến tháng 2-1987, tỉnh Tiền Giang có 8 đơn vị hành chính trực thuộc là: thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây.

Ngày 23-11-1990, lập xã mới Mỹ Tân thuộc huyện Cái Bè trên cơ sở các phần đất và dân số tách từ các xã Mỹ Trung, Mỹ Lợi B, Mỹ Đức Tây và Nông trường Ngô Văn Nhạc.

Ngày 9-3-1992, trích 1 phần diện tích và dân số xã Phú Đông, huyện Gò Công Đông để thành lập xã Phú Tân.

Ngày 11-7-1994, Chính phủ ban hành Nghị định số 68-CP về việc thành lập huyện Tân Phước trên cơ sở tách một phần diện tích và dân số của của 2 huyện Cai Lậy và Châu Thành.

Như vậy, đến tháng 7-1994, tỉnh Tiền Giang có 9 đơn vị hành chính trực thuộc là: thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phước.

Ngày 14-1-2002, lập xã mới Tân Thạnh thuộc huyện Gò Công Tây trên cơ sở các phần đất tách từ các xã Tân Phú, Tân Thới và Phú Thạnh; tái lập xã Tăng Hòa thuộc huyện Gò Công Đông trên cơ sở phần đất và dân số tách từ thị trấn Tân Hòa.

Ngày 9-12-2003, lập phường Tân Long thuộc thành phố Mỹ Tho do cải biến xã Tân Long; lập phường 9 do tách một phần đất và dân số từ xã Tân Mỹ Chánh; lập phường 10 do tách một phần đất và dân số từ 2 xã Đạo Thạnh và Trung An; lập phường 5 thuộc thị xã Gò Công do tách một phần đất và dân số từ xã Long Hòa; chia xã Hội Cư của huyện Cái Bè thành 2 xã An Cư và Mỹ Hội.

Ngày 07-10-2005, Thủ tướng chính phủ ban hành Quyết định số 248/2005/QĐ-TTg về việc công nhận thành phố Mỹ Tho là đô thị loại 2 trực thuộc tỉnh.

Ngày 21-01-2008, Chính phủ ban hành Nghị định số 09/2008/NĐ-CP, về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Gò Công Đông và Gò Công Tây để mở rộng thị xã Gò Công và thành lập huyện Tân Phú Đông. Theo đó, huyện Tân Phú Đông bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên và nhân khẩu của các xã: Tân Thới, Tân Phú,

Phú Thạnh, Tân Thạnh của huyện Gò Công Tây và toàn bộ diện tích tự nhiên và nhân khẩu của xã Phú Đông và xã Phú Tân của huyện Gò Công Đông.

Như vậy, đến tháng 01-2008, tỉnh Tiền Giang có 10 đơn vị hành chính trực thuộc là: thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phước và Tân Phú Đông.

Ngày 29-6-2009, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 28/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Châu Thành, huyện Chợ Gạo để mở rộng địa giới hành chính thành phố Mỹ Tho; điều chỉnh địa giới hành chính xã, thành lập xã thuộc thành phố Mỹ Tho, huyện Châu Thành, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 30-9-2010, thành lập thị trấn Vàm Láng thuộc huyện Gò Công Đông.

Ngày 26-12-2013, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 130/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Cai Lậy để thành lập thị xã Cai Lậy và huyện Cai Lậy.

Như vậy, đến tháng 12-2013, tỉnh Tiền Giang diện tích là 250.830,36 ha, dân số có 1.712.547 người, gồm 01 thành phố (Mỹ Tho), 02 thị xã (Cai Lậy và Gò Công), 08 huyện (Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phú Đông và Tân Phước), 157 xã, phường, thị trấn (128 xã, 22 phường, 7 thị trấn). Cụ thể như sau:

TT	**Xã, phường, thị trấn**	**Diện tích (ha) (Dấu , là ngàn; dấu . là số lẻ)**	**Dân số (người)**
I	**Huyện Cái Bè**	**42,089.82**	**291,627**
1	Thị trấn Cái Bè	426.26	16,856
2	An Thái Đông	728.12	9,834
3	Hậu Mỹ Phú	1,120.44	7,306
4	An Cư	1,142.82	14,211
5	Hậu Thành	1,163.09	14,354

6	Mỹ Đức Đông	1,208.66	9,445
7	Thiện Trí	1,314.59	9,210
8	Mỹ Hội	1,377.24	8,383
9	An Hữu	1,411.36	17,263
10	Hoà Hưng	1,540.34	15,335
11	Mỹ Lương	1,608.97	10,370
12	Tân Thanh	1,634.06	10,427
13	Mỹ Tân	1,736.26	4,893
14	Mỹ Lợi A	1,747.61	10,298
15	Đông Hoà Hiệp	1,781.23	14,023
16	Tân Hưng	1,888.60	12,282
17	An Thái Trung	1,911.87	14,901
18	Mỹ Lợi B	1,912.95	7,414
19	Mỹ Đức Tây	1,975.46	13,965
20	Hậu Mỹ Bắc B	1,977.17	10,480
21	Thiện Trung	2,018.96	8,991

22	Hoà Khánh	2,253.21	20,142
23	Mỹ Trung	2,416.47	8,347
24	Hậu Mỹ Bắc A	2,626.04	12,787
25	Hậu Mỹ Trinh	3,168.04	10,110
II	**Huyện Cai Lậy**	**29,599.36**	**186,583**
1	Hiệp Đức	1,013.78	5,977
2	Mỹ Thành Bắc	1,748.73	8,075
3	Cẩm Sơn	1,241.58	8,009
4	Hội Xuân	1,168.68	8,880
5	Mỹ Long	1,280.75	9,158
6	Phú Nhuận	1,363.58	9,206
7	Thạnh Lộc	2,384.06	11,298
8	Long Tiên	1,644.10	12,001
9	Long Trung	1,511.30	12,141
10	Phú Cường	3,259.79	12,733
11	Mỹ Thành Nam	2,179.25	12,652

12	Tân Phong	2,469.99	12,594
13	Phú An	1,577.08	15,149
14	Ngũ Hiệp	2,780.00	16,117
15	Tam Bình	2,081.75	16,383
16	Bình Phú	1,894.94	16,210
III	**Thị xã Cai Lậy**	**14,018.95**	**123,775**
1	Phường 1	220.53	11,427
2	Phường 2	349.19	5,416
3	Phường 3	335.75	3,323
4	Phường 4	203.74	6,039
5	Phường 5	255.62	7,499
6	Phường Nhị Mỹ	553.84	4,586
7	Thanh Hoà	672.58	5,061
8	Tân Phú	826.44	5,410
9	Phú Quí	835.34	6,405
10	Mỹ Hạnh Trung	996.26	7,251

11	Mỹ Hạnh Đông	1,609.86	8,617
12	Nhị Quí	787.70	10,422
13	Tân Bình	900.93	5,669
14	Tân Hội	1,375.81	11,029
15	Mỹ Phước Tây	2,029.64	13,200
16	Long Khánh	2,065.72	12,421
IV	**Huyện Châu Thành**	**22,991.09**	**242,757**
1	Thị trấn Tân Hiệp	74.49	4,995
2	Dưỡng Điềm	341.58	6,192
3	Hữu Đạo	469.64	4,570
4	Tân Lý Tây	509.46	11,148
5	Thạnh Phú	733.81	9,686
6	Đông Hoà	758.96	9,530
7	Song Thuận	783.92	6,442
8	Bình Trưng	893.71	9,140
9	Phú Phong	900.03	6,980

10	Tân Hội Đông	913.62	7,589
11	Long An	591.85	9,258
12	Bàn Long	925.63	8,352
13	Tân Hương	1,103.29	15,170
14	Bình Đức	755.29	13,215
15	Kim Sơn	1,169.09	10,085
16	Thân Cửu Nghĩa	1,244.81	19,201
17	Điềm Hy	1,429.48	9,020
18	Long Hưng	1,475.67	12,355
19	Tân Lý Đông	1,555.24	14,275
20	Long Định	1,779.10	14,359
21	Nhị Bình	1,889.68	16,930
22	Tam Hiệp	2,121.40	14,015
23	Vĩnh Kim	571.34	10,250
V	**Huyện Tân Phước**	**33,321.74**	**57,561**
1	Thị trấn Mỹ Phước	279.40	2,792

2	Phú Mỹ	1,340.10	7,862
3	Tân Lập 2	1,647.54	2,278
4	Tân Hoà Thành	1,747.22	9,847
5	Thạnh Hoà	2,533.85	842
6	Tân Hoà Đông	2,677.93	1,593
7	Thạnh Mỹ	2,832.35	2,134
8	Tân Lập 1	2,870.98	5,549
9	Thạnh Tân	3,319.80	1,892
10	Hưng Thạnh	3,348.75	6,836
11	Tân Hoà Tây	3,352.21	4,257
12	Phước Lập	3,475.54	8,936
13	Mỹ Phước	3,896.07	2,743
VI	**Thành phố Mỹ Tho**	**8,154.10**	**220,014**
1	Phường 1	77.71	7,994
2	Phường 2	70.81	13,743
3	Phường 3	54.11	10,452

4	Phường 4	79.36	16,570
5	Phường 5	271.77	20,653
6	Phường 6	311.30	23,448
7	Phường 7	40.15	9,128
8	Phường 8	69.70	11,954
9	Phường 9	237.57	7,116
10	Phường 10	282.90	10,477
11	Phường Tân Long	272.79	3,470
12	Đạo Thạnh	1,031.47	15,866
13	Trung An	1,063.03	21,667
14	Tân Mỹ Chánh	931.59	12,271
15	Mỹ Phong	1,130.60	16,534
16	Phước Thạnh	1,017.60	12,291
17	Thới Sơn	1,211.64	6,380
VII	**Huyện Chợ Gạo**	**23,256.81**	**178,803**
1	Thị trấn Chợ Gạo	307.67	7,525

2	Hoà Tịnh	704.65	6,286
3	Bình Phan	1,059.00	7,039
4	Tân Bình Thạnh	1,126.85	7,555
5	Trung Hoà	1,077.76	6,452
6	Song Bình	932.58	8,055
7	Phú Kiết	1,154.46	9,942
8	Đăng Hưng Phước	1,476.48	11,151
9	Tân Thuận Bình	1,225.72	10,323
10	Long Bình Điền	1,192.33	11,875
11	Mỹ Tịnh An	1,143.39	8,782
12	Quơn Long	1,330.55	9,538
13	Thanh Bình	1,399.60	9,535
14	Hoà Định	1,359.25	8,136
15	Lương Hoà Lạc	1,007.99	12,477
16	Xuân Đông	1,514.64	8,666
17	An Thạnh Thuỷ	1,573.59	12,503

18	Bình Phục Nhứt	1,805.76	12,358
19	Bình Ninh	1,864.54	10,605
VIII	**Huyện Gò Công Tây**	**18,220.53**	**131,252**
1	Thành Công	810.52	5,934
2	Yên Luông	1,049.62	8,347
3	Bình Phú	1,321.53	7,569
4	Long Vĩnh	1,221.50	7,455
5	Đồng Sơn	1,483.55	8,844
6	Thạnh Trị	1,426.25	9,676
7	Bình Tân	1,669.13	10,368
8	Bình Nhì	1,375.49	11,750
9	Đồng Thạnh	1,567.52	10,351
10	Vĩnh Hựu	1,908.62	11,450
11	Thạnh Nhựt	1,783.72	12,821
12	Long Bình	1,839.67	15,055
13	Thị Trấn Vĩnh Bình	763.41	11,632

IX	**Huyện Gò Công Đông**	**26,768.16**	**142,797**
1	Thị trấn Tân Hoà	325.01	6,830
2	Tân Điền	2,002.19	7,182
3	Tăng Hoà	1,745.67	9,836
4	Phước Trung	2,103.03	10,201
5	Bình Ân	1,337.50	9,855
6	Tân Đông	1,137.91	10,002
7	Bình Nghị	1,319.05	11,176
8	Gia Thuận	1,912.06	6,066
9	Kiểng Phước	4,038.74	15,178
10	Tân Phước	2,194.76	13,857
11	Tân Thành	6,618.98	13,976
12	Thị trấn Vàm Láng	600.00	14,302
13	Tân Tây	1,433.26	14,336
X	**Thị xã Gò Công**	**10,198.49**	**96,877**
1	Phường 1	45.35	5,625

2	Phường 2	71.33	7,673
3	Phường 3	109.71	5,656
4	Phường 4	137.66	6,507
5	Phường 5	160.00	4,623
6	Long Hưng	657.22	5,241
7	Long Hoà	642.64	6,211
8	Long Chánh	768.26	5,584
9	Long Thuận	615.32	6,553
10	Bình Đông	2,244.87	13,776
11	Bình Xuân	2,786.41	16,056
12	Tân Trung	1,959.72	13,372
XI	**Huyện Tân Phú Đông**	**22,211.31**	**40,501**
1	Phú Thạnh	2,232.10	7,769
2	Tân Thới	2,138.26	10,248
3	Tân Phú	2,025.49	8,708
4	Tân Thạnh	2,237.03	4,374

5	Phú Tân	10,629.13	3,472
6	Phú Đông	2,949.30	5,930

Nguồn: Cổng Thông tin điện tử tỉnh Tiền Giang

Ngày 05-02-2016, Thủ tướng chính phủ ban hành Quyết định số 242/QĐ-TTg về việc công nhận thành phố Mỹ Tho là đô thị loại 1 trực thuộc tỉnh Tiền Giang.

Theo thống kê năm 2018, Tiền Giang có diện tích 2.087,315 km^2; dân số 1.763.237 người; 11 đơn vị hành chính cấp huyện (01 thành phố, 02 thị xã, 08 huyện), 173 đơn vị hành chính cấp xã (07 thị trấn, 22 phường và 144 xã).

Đơn vị hành chính	**TP Mỹ Tho**	**TX Cai Lậy**	**TX Gò Công**	**H. Cái Bè**	**H. Cai Lậy**	**H. Châu Thành**
Diện tích (km^2)	81,541	140,189	101,985	420,898	295,993	229,910
Dân số (người)	270.704	23.775	96.877	291.627	242.757	186.583
Mật độ dân (người/km^2)	3320	883	950	693	630	1056

Đơn vị hành chính	**H. Chợ Gạo**	**H. Gò Công Đông**	**H. Gò Công Tây**	**H. Tân Phú Đông**	**H. Tân Phước**
Diện tích (km^2)	232,568	267,681	182,205	222,113	333,217
Dân số (người)	178.803	142.797	131.252	40.501	57.561
Mật độ dân	769	533	720	182	172

(người/km^2)					

Nguồn: Cổng Thông tin điện tử tỉnh Tiền Giang

Năm 2021, tỉnh Tiền Giang có 11 đơn vị hành chính cấp huyện (01 thành phố (Mỹ Tho, đô thị loại 1), 02 thị xã (Cai Lậy và Gò Công, đều đô thị loại 3) và 8 huyện (Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Tân Phước, Chợ Gạo, Gò Công Tây, Gò Công Đông và Tân Phú Đông) với 172 đơn vị hành chính cấp xã (07 thị trấn, 22 phường và 143 xã).

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tính đến ngày 01-8-2021, dân số toàn tỉnh đạt 1.783.165 người, mật độ dân số đạt 710 người/km². Trong đó dân số sống tại thành thị đạt 247.742 người, chiếm 14% dân số toàn tỉnh, dân số sống tại nông thôn đạt 1.516.443 người, chiếm 86% dân số. Dân số nam đạt 865.821 người, trong khi đó nữ đạt 898.364 người. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 15%.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn địa danh huyện, xã, thị trấn thuộc huyện Cái Bè:**

1. Huyện Cái Bè

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Về địa danh Cái Bè thì có nhiều lý giải khác nhau. Từ "Cái' thì hầu như ai cũng thống nhất cho rằng, đó là con rạch. Nhưng, từ "Bè" thì có tới ba cách giải thích:

- Cách giải thích thứ nhất của Trịnh Hoài Đức trong quyển *Gia Định thành thông chí*, theo ông "Bè" là loại lán ghe chở bông vải, vỏ cây, cá khô lên buôn bán ở Campuchia. Lán ghe, theo mô tả của Trịnh Hoài Đức, là "ghe lồng, ghép ván lớn và dài, trên đậy cái mui dài từ đầu đến cuối, dưới là róng chuồng, chứa những bông vải, vỏ cây, cá khô, dùng toàn những người thiện nghệ cầm sào đứng trên mui ghe chống đi, gọi là ràn ghe".

- Cách giải thích thứ hai cho rằng: "Bè" là những bè chở cá hay vận chuyển gỗ do lái buôn mang từ Phnông Pênh (Campuchia) xuống buôn bán.

- Cách giải thích thứ ba: vào thế kỷ XVIII và nửa đầu thế kỷ XIX, vùng đất này rất ẩm thấp, vào mùa nước nổi (khoảng tháng 8 – 11 âm lịch) nước từ thượng nguồn sông Mekong tràn xuống lai láng, gây nên cảnh ngập lụt. Do đó, nhân dân cư trú dọc theo hai bên bờ rạch thường làm nhà trên những bè tre để ở và vì thế, vùng này được gọi là Cái Bè.

Mặc dù có những kiến giải khác nhau, nhưng tựu trung, đây là loại địa danh được cấu tạo theo công thức: đặc điểm tự nhiên (Cái = Rạch) + phương tiện di chuyển trên sông rạch (Bè)

Vị trí địa lý:

Huyện Cái Bè nằm về phía tây tỉnh Tiền Giang; phía Bắc giáp tỉnh Long An; phía Nam giáp tỉnh Vĩnh Long ngang qua sông Tiền; phía Đông giáp huyện Cai Lậy; phía Tây giáp tỉnh Đồng Tháp.

Diện tích tự nhiên: 41.224,49 ha.

Hành chính:

Gồm 1 thị trấn và 24 xã:

- Thị trấn Cái Bè,

- Xã: Đông Hoà Hiệp, Hoà Khánh, Mỹ Lương, An Hữu, Hoà Hưng, An Cư, Mỹ Hội, Hậu Thành, Thiện Trí, An Thái Trung, Mỹ Đức Đông, Mỹ Đức Tây, An Thái Đông, Tân Thanh, Tân Hưng, Mỹ Lợi A, Mỹ Lợi B, Mỹ Trung, Thiện Trung, Hậu Mỹ Phú, Hậu Mỹ Trinh, Hậu Mỹ Bắc A, Hậu Mỹ Bắc B.

Lịch sử hình thành:

Trong nửa sau thế kỷ XVIII, Cái Bè là lỵ sở của dinh Long Hồ. Chợ Cái Bè lập năm 1732, lúc đó gọi là chợ Long Hồ, nay là thị trấn Cái Bè. Đây là ngôi chợ sung túc, có hoạt động nôi và ngoại thương nhộn nhịp. Trong sách *Gia Định thành thông chí*, Trịnh Hoài Đức mô tả: "Chợ có quán xá trù mật, nhiều nhà phú hộ chất chứa hột cau để chở bán cho người buôn ở Sài Gòn. Lại chế tạo nhiều láng ghe (tức là ghe lồng ghép ván, lớn mà dài, trên đậy cái mui dài từ đầu đến cuối ghe, dưới làm kho, trong chứa bông vải, vỏ cây, cá khô và những thổ sản thô tạp, dùng toàn những người thiện nghệ cầm sào đứng trên mui chống ghe đi, gọi là rào ghe) để đi buôn bán ở Cao Miên (Campuchia)"[11]. Những "láng ghe" mà Trịnh Hoài Đức gọi, thực tế, theo cách gọi của dân gian là những "chiếc bè". Đó là cách giải thích địa danh Cái Bè: dòng sông cái có nhiều chiếc bè để đi buôn bán khắp nơi.

Năm 1757, lỵ sở dinh Long Hồ được dời sang xứ Tầm Bào (thuộc địa phận thôn Long Hồ, nay là thành phố Vĩnh Long). Sau đó, vùng đất Cái Bè khi đó lần lượt thuộc đạo Trường Đồn (1772); dinh Trường Đồn (1779); dinh Trấn Định (1781).

Năm 1808, dưới đời vua Gia Long, vùng đất Cái Bè được đặt tên là tổng Kiến Phong, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Huyện lỵ Kiến Đăng được đặt tại thôn Mỹ Đức Đông. Năm 1836, dưới đời vua Minh Mạng, vùng đất này là hai tổng Phong Hòa và Phong Phú, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

[11] Trịnh Hoài Đức (1998), *Gia Định thành thông chí*, Đỗ Mộng Khương, Nguyễn Ngọc Tỉnh dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, Nxb Giáo Dục, trang 67.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị, năm 1867, vùng đất Cái Bè thuộc hạt Thanh tra Cai Lậy. Năm 1870, thực dân Pháp thành lập hạt Thanh tra Cái Bè, do đổi tên từ hạt Thanh tra Cai Lậy gồm địa bàn hạt Thanh tra Cai Lậy cũ, thêm 2 tổng Phong Hòa, Phong Phú. Năm 1871, hạt thanh tra Cái Bè giải thể, vùng đất Cái Bè có hai tổng Phong Hòa và Phong Phú thuộc hạt Tham biện Mỹ Tho. Năm 1876, hai tổng Phong Hòa và Phong Phú thuộc Trung tâm hành chính Cai Lậy, Tiểu khu hành chính Mỹ Tho. Năm 1902, hai tổng này thuộc tỉnh Mỹ Tho.

Năm 1912, thực dân Pháp cho lập quận Cái Bè thuộc tỉnh Mỹ Tho, có 3 tổng: Phong Hòa (11 làng), Phong Phú (9 làng), Lợi Thuận (16 làng). Quận lỵ Cái Bè ban đầu thuộc làng An Bình Đông (tổng Phong Hòa), vốn là nơi đặt chợ Cái Bè. Tuy nhiên, sau này thực dân Pháp hợp nhất ba làng An Bình Đông, Phú Hòa và An Hiệp thành một làng mới, lấy tên là Đông Hòa Hiệp. Kể từ đó, quận lỵ Cái Bè thuộc địa bàn làng Đông Hòa Hiệp.

Các tổng Phong Hòa, Phong Phú và Lợi Thuận có các làng trực thuộc như sau:

Tổng Phong Hòa gồm 11 làng: Mỹ Đức Đông, Mỹ Đức Tây, Mỹ Thiện, Hậu Mỹ, Mỹ Hội, An Cư, Hậu Thành, Hòa Khánh, An Bình Đông, Phú Hòa, An Hiệp;

Tổng Phong Phú gồm 9 làng: An Thái Đông, An Thái Trung, Mỹ Lương, Hòa Lộc, Mỹ Hưng, Mỹ Thuận, An Hữu, Thanh Hưng, Mỹ Lợi;

Tổng Lợi Thuận gồm 16 làng: Hội Sơn, Xuân Sơn, Tân Đức, Hiệp Hòa, Phú Sơn, An Mỹ, Lợi An, Lợi Thành, Giai Mỹ, Giai Phú, Bình Phú, Phú Hưng, Phú Nhuận, Phú Thuận Đông, Mỹ Thạnh, Mỹ Phú Đông.

Đặc biệt, tên làng Mỹ Thuận (thuộc tổng Phong Phú) đã được dùng để chỉ tên bắc (phà) Mỹ Thuận bắc qua sông Tiền nối hai tỉnh Mỹ Tho và Vĩnh Long mà ngày nay đã được thay thế bằng cây cầu Mỹ Thuận.

Năm 1928, tổng Lợi Thuận gồm 16 làng được giao về quận Cai Lậy.

Sau nhiều lần sáp nhập và thành lập các làng mới, từ năm 1933 -1954, quận Cái Bè có các làng trực thuộc với các tên gọi mới như sau:

Tổng Phong Hòa gồm 9 làng: Hội Cư (hợp nhất An Cư và Mỹ Hội), Đông Hòa Hiệp (hợp nhất An Bình Đông, Phú Hòa và An Hiệp), Mỹ Đức Đông, Mỹ Đức Tây, Mỹ Thiện, Hậu Mỹ, Hậu Thành, Hòa Khánh, Mỹ Trung (được thành lập năm 1939 trên cơ sở tách một phần diện tích và dân số từ ba làng Mỹ Đức Tây, Mỹ Lợi và Mỹ An);

Tổng Phong Phú gồm 9 làng: An Thái Đông, An Thái Trung, Mỹ Lương, Hòa Lộc, Hưng Thuận (hợp nhất Mỹ Hưng và Mỹ Thuận), An Hữu, Thanh Hưng, Mỹ Lợi, Mỹ An (được thành lập năm 1934 trên cơ sở tách một phần diện tích và dân số từ hai làng Mỹ Lợi và Mỹ Đức Tây).

Về phía chính quyền cách mạng, từ năm 1945-1954, không gọi quận Cái Bè, mà là huyện Cái Bè; không có đơn vị hành chính cấp "tổng"; không gọi "làng" mà là "xã" với 18 xã mà tên gọi như cách gọi thuộc quận Cái Bè.

Từ năm 1954-1975, về phía chính quyền Sài Gòn, đầu năm 1956, địa giới hành chánh của quận Cái Bè có một số thay đổi do tách xã Mỹ An (thuộc tổng Phong Phú) và một phần xã Mỹ Trung (thuộc tổng Phong Hòa) để nhập vào địa bàn tỉnh Phong Thạnh mới được thành lập (đến cuối năm 1956, đổi tên thành tỉnh Kiến Phong, ngày nay là tỉnh Đồng Tháp); phần còn lại của xã Mỹ Trung nhập vào xã Mỹ Đức Tây.

Lúc đó, quận Cái Bè thuộc tỉnh Định Tường. Đồng thời, các làng gọi là xã. Năm 1961, quận Cái Bè được chia thành 2 quận là quận Sùng Hiếu và quận Giáo Đức thuộc tỉnh Định Tường. Theo đó, tổng Phong Phú được giao về cho quận Giáo Đức mới thành lập; đổi lại, quận Sùng Hiếu nhận thêm tổng Lợi Thuận (gồm 5 xã: Hội Sơn, Mỹ Thành, Phú An, Xuân Sơn, Hiệp Đức) tách từ quận Khiêm Ích, tức quận Cai Lậy. Năm 1964, quận Sùng Hiếu lấy lại tên cũ là quận Cái Bè. Sau năm 1965 các tổng giải thể.

Kể từ đó cho đến năm 1975, quận Cái Bè có 11 xã, gồm: Đông Hòa Hiệp, Hậu Mỹ, Hậu Thành, Hiệp Đức, Hòa Khánh, Hội Cư, Hội Sơn, Mỹ Thành, Mỹ Thiện, Phú An, Xuân Sơn. Quận lỵ đặt tại xã Đông Hòa Hiệp; quận Giáo Đức có 10 xã, gồm: An Hữu, Hưng Thuận, Thanh Hưng, An Thái Trung, Hòa Lộc, An Thái Đông, Mỹ Đức Đông, Mỹ Đức Tây, Mỹ Lợi, Mỹ Lương. Quận lỵ đặt tại xã An Hữu.

Năm 1974, chính quyền Sài Gòn lập quận mới có tên là quận Hậu Mỹ thuộc tỉnh Định Tường, quận lỵ tại xã Hậu Mỹ, gồm các xã Hậu Mỹ, Mỹ Thiện, Mỹ Thành thuộc quận Cái Bè; xã Mỹ Đức Tây thuộc quận Giáo Đức; xã Thạnh Phú thuộc quận Cai Lậy, cùng thuộc tỉnh Định Tường; một số xã thuộc quận Kiến Bình (tỉnh Kiến Tường, nay là tỉnh Long An) và một số xã thuộc quận Mỹ An (tỉnh Kiến Phong, nay là tỉnh Đồng Tháp). Các đơn vị hành chính của quận Hậu Mỹ chưa sắp xếp xong thì chính quyền Sài Gòn sụp đổ vào ngày 30/4/1975.

Về phía chính quyền Cách mạng, địa giới hành chính của huyện Cái Bè thuộc tỉnh Mỹ Tho vẫn được duy trì ổn định. Trong đó các xã Hội Sơn, Mỹ Thành, Phú An, Xuân Sơn, Hiệp Đức vẫn do huyện Cai Lậy quản lý. Đổi lại huyện Cái Bè quản lý thêm các xã An Hữu, Hưng Thuận, Thanh Hưng, An Thái Trung, Hòa Lộc, An Thái Đông, Mỹ Đức Đông, Mỹ Đức Tây, Mỹ Lợi, Mỹ Lương vốn thuộc quận Giáo Đức do chính quyền Sài Gòn lập nên.

Bên cạnh đó, chính quyền Cách mạng cũng chia xã Hậu Mỹ thành hai xã là xã Hậu Mỹ Bắc và xã Hậu Mỹ Nam; hợp nhất xã Hòa Lộc và xã Hưng Thuận thành xã Hòa Hưng; giữ nguyên địa danh xã Mỹ Trung cùng thuộc huyện Cái Bè.

Sau ngày 30/4/1975, chính quyền Cách mạng vẫn đặt huyện Cái Bè thuộc tỉnh Mỹ Tho. Huyện lỵ là thị trấn Cái Bè, được thành lập do tách một phần diện tích tự nhiên và dân số từ xã Đông Hòa Hiệp.

Tháng 3/1976, Cái Bè là huyện thuộc tỉnh Tiền Giang, bao gồm thị trấn Cái Bè và 17 xã: An Hữu, An Thái Đông, An Thái Trung, Đông Hòa Hiệp, Hậu Mỹ Bắc, Hậu Mỹ Nam, Hậu Thành, Hòa Hưng, Hòa Khánh, Hội Cư, Mỹ Đức Đông, Mỹ Đức Tây, Mỹ Lợi, Mỹ Lương, Mỹ Thiện, Mỹ Trung, Thanh Hưng.

Năm 1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 152-CP về việc chia một số xã thuộc huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang như sau:

- Chia xã Hậu Mỹ Nam thành hai xã lấy tên là xã Hậu Mỹ Phú và xã Hậu Mỹ Trinh.

- Chia xã Hậu Mỹ Bắc thành hai xã lấy tên là xã Hậu Mỹ Bắc A và Hậu Mỹ Bắc B.

- Chia xã Mỹ Thiện thành hai xã lấy tên là xã Thiện Trí và xã Thiện Trung.

- Chia xã Thanh Hưng thành hai xã lấy tên là xã Tân Thanh và xã Tân Hưng.

- Chia xã Mỹ Lợi thành hai xã lấy tên là xã Mỹ Lợi A và xã Mỹ Lợi B.

Năm 1990, theo quyết định số 521/TCCP của Ban Tổ chức - Cán bộ của Chính phủ, xã Mỹ Tân thuộc huyện Cái Bè được thành lập trên cơ sở tách diện tích và nhân khẩu của các xã Mỹ Trung, Mỹ Lợi B, Mỹ Đức Tây và nông trường Ngô Văn Nhạc.

Năm 2003, Chính phủ ban hành Nghị định số 154/2003/NĐ-CP[9] về việc thành lập phường, xã thuộc thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công và huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Theo đó, chia xã Hội Cư thuộc huyện Cái Bè thành xã An Cư và xã Mỹ Hội.

Hiện nay, huyện Cái Bè có 25 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc như ở mục 4. Hành chính. Năm 2023, huyện được công nhân đạt chuẩn Huyện Nông thôn mới.

Đặc sản: xoài cát Hòa Lộc, bưởi lông Cổ Cò, nhãn Thạch Kiệt, cam sành Cái Bè, quýt đường Cái Bè,…

Dân số: 294.240 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: đạt 57,1 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Huyện Cái Bè là huyện có nền kinh tế nông nghiệp phát triển mạnh với diện tích sản xuất lúa 2 vụ là 18.663 ha (năng suất bình quân đạt 7,17 tấn/ha); diện tích trồng cây lâu năm 22.515ha; diện tích cây màu 2.264 ha. Huyện đã xây dựng được các Cánh đồng lúa lớn ở 5 xã Hậu Mỹ Bắc B, Hậu Mỹ Trinh, Mỹ Trung, Hậu Mỹ

Bắc A và Mỹ Lợi B. Hình thành các vùng sản xuất lúa chất lượng cao và vùng chuyên canh cây ăn trái có quy mô lớn: xoài cát Hòa Lộc, bưởi lông Cổ Cò,…

Về công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp: huyện có 1 Cụm Công nghiệp: Cụm công nghiệp An Thạnh; có trên 1.500 cơ sở công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp và trên 600 doanh nghiệp hoạt động chủ yếu là xay xát và lau bóng gạo, ngoài ra còn có các cơ sở cơ khí phục vụ nông nghiệp, sản xuất các sản phẩm tiêu dùng, may mặc, đan lát, bánh, kẹo,... Hai làng nghề nổi tiếng: Làng nghề bánh phồng (thị trấn Cái Bè) và Làng nghề cốm (Đông Hòa Hiệp).

Toàn huyện hiện có 25 HTX, trong đó có 24 HTX hoạt động lĩnh vực nông nghiệp, 01 HTX hoạt động lĩnh vực phi nông nghiệp.

Về thương mại, dịch vụ: năm 2020, trên địa bàn có 37 chợ, trong đó: 05 chợ hạng 2, 31 chợ hạng 3 và 01 chợ nổi. Hệ thống chợ được mở rộng và phân bố đều ở các xã, thị trấn *(riêng xã Đông Hòa Hiệp chưa có chợ do nằm gần trung tâm thị trấn Cái Bè)* và có trên 90 cửa hàng xăng dầu phân bố đều khắp các xã đáp ứng được nhu cầu về nhiên liệu phục vụ sản xuất, kinh doanh của người dân và các doanh nghiệp trong huyện nhà và các vùng lân cận.

Ngoài ra, dọc các tuyến giao thông đường bộ, đường thủy cũng đã hình thành nhiều cơ sở kinh doanh phục vụ cho khách vãng lai. Đặc biệt khu vực Bà Đắc được xem là chợ gạo lớn nhất cả nước với trên 70 cơ sở kinh doanh lương thực cặp hai bên Quốc lộ 1A, cung cấp bình quân khoảng 1.000 tấn gạo/ngày đi các tỉnh trong cả nước.

Lĩnh vực bưu chính viễn thông: hiện có 24 điểm phục vụ. Trong đó, có 4 bưu cục cấp 3, có 2 bưu cục cấp 2 và 18 điểm bưu điện văn hóa xã, cùng với sự phát triển nhanh của các dịch vụ viễn thông như điện thoại di động, internet… cơ bản đáp ứng nhu cầu liên lạc, thông tin, giải trí tại chỗ của nhân dân.

Lĩnh vực tài chính, thương mại điện tử phát triển mạnh mẽ, hàng loạt ngân hàng lớn đặt văn phòng làm việc tại Cái Bè: Agribank, SCB Bank, Sacombank, Vietinbank, BIDV Bank, DongA bank,…Nhiều hình thức thanh toán điện tử được ứng dụng thay cho hình thức thanh toán tiền mặt.

Những sản phẩm OCOP trên địa bàn huyện: Xoài cát Hòa Lộc (chủ thể HTX Hòa Lộc xã Hòa Hưng), Bánh phồng tôm nhà cổ (chủ thể Công ty TNHH nhà Cổ Ba Đức, xã Đông Hòa Hiệp); Điểm tham quan du lịch Nhà cổ Ba Đức (Chủ thể: Công ty TNHH Nhà cổ Ba Đức, xã Đông Hòa Hiệp); Gạo Thiên hộ ST 24, Gạo Thiên hộ Nàng Hoa 9 (Chủ thể Công ty TNHH MTV Phước Lộc Thiên Hộ, xã Hậu Mỹ Bắc B).

Giáo dục:

Tỷ lệ huy động học sinh đến trường so độ tuổi: nhà trẻ đạt 13%, mẫu giáo đạt 72%, Tiểu học 100%, THCS 98,3%.

Phổ cập giáo dục THCS hoàn thành mức 2 ; Phổ cập giáo dục tiểu học hoàn thành mức 3 ; Công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi được giữ vững nhiều năm liền.

Hằng năm, tỷ lệ học sinh được xét hoàn thành chương trình tiểu học đều đạt 100%, học sinh tốt nghiệp THCS đạt 98% trở lên.

Hệ thống mạng lưới cơ sở giáo dục các cấp học, bậc học được phân bố đều khắp trên địa bàn huyện. Năm 2020, giáo dục mầm non có 09 nhóm trẻ tư thục, 28 trường mầm non. Giáo dục phổ thông có 23 trường tiểu học, 06 trường tiểu học và trung học cơ sở, 17 trường trung học cơ sở. Đến nay, có 100% giáo viên đạt chuẩn và có trên 40% giáo viên trên chuẩn đào tạo. Có 37 trường đạt chuẩn quốc gia, trong đó mầm non 12, tiểu học 17, trung học cơ sở 08.

Có 6 trường THPT, 1 Trường Trung cấp Kỹ thuật – Nghiệp vụ, 1 Trung tâm Chính trị huyện.

Y tế:

Trên địa bàn huyện có 1 Trung tâm y tế, 25/25 trạm y tế cấp xã, 2 phòng khám đa khoa trực thuộc Trung tâm y tế và 4 phòng khám đa khoa (tư nhân).

Năm 2020, có 25 xã - thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về Y tế; các trạm y tế đều có bác sĩ điều trị. Tỷ lệ bác sĩ trên 1 vạn dân đạt 2,94 bác sĩ. Tỷ lệ giường bệnh trên vạn dân 7,5 giường. Tỷ lệ nhân dân tham gia BHYT đạt 85,12%.

Về Y học cổ truyền: Hội Đông Y và 64 Phòng chẩn trị y dược cổ truyền hoạt động thường xuyên, có hiệu quả, chiếm được lòng tin của người bệnh. 25/25 Trạm Y tế xã, thị trấn có vườn thuốc nam mẫu.

Giao thông:

Huyện Cái Bè có hệ thống giao thông đường bộ và đường thủy rộng khắp tạo điều kiện thuận lợi cho giao thông đi lại và phát triển kinh tế - văn hóa cho địa phương:

- Giao thông đường bộ:

+ Quốc lộ: Quốc lộ I chạy ngang qua giữa huyện, dài khoảng 22km trên địa phận của 10 xã; Quốc lộ 30 từ ngã Ba An Thái Trung đến thành phố Cao Lãnh tỉnh Đồng Tháp. Đây cũng là địa phương có Đường cao tốc Trung Lương – Mỹ Thuận đi qua.

+ Đường Tỉnh: Đường tỉnh 875, Đường tỉnh 869, Đường tỉnh 863, Đường tỉnh 861, Đường tỉnh 864, Đường tỉnh 865.

+ Đường huyện: 19 đường huyện.

+ Bên cạnh đó, huyện còn có hệ thống đường liên xã, liên ấp, đường ven sông, đường tự phát của nhân dân.

- Giao thông đường thủy:

Ngoài sông Tiền chảy ngang qua huyện dài khoảng 30km làm ranh giới giữa huyện Cái Bè và huyện Cai Lậy (đoạn Cù lao Tân Phong) và giữa huyện Cái Bè - tỉnh Vĩnh Long, huyện Cái Bè còn có 3 hệ thống kênh rạch đóng vai trò cực kỳ quan trọng trong phát triển kinh tế - văn hóa của Cái Bè. Đó là hệ thống rạch Cái Cối – Cái Thia có tác dụng bồi đắp phù sa màu mỡ và tưới nước cho vùng cây ăn trái đặc sản có giá trị kinh tế cao; hệ thống rạch Trà Lọt và hệ thống rạch Cái Bè cùng với các con kênh đào dọc ngang khắp vùng Đồng Tháp Mười vừa mang phù sa bồi đắp cho ruộng đồng vừa dẫn nước ngọt, tháo phèn rửa mặn cho ruộng đất vùng sâu được tươi tốt hơn. Chẳng những thế, sông rạch Cái Bè còn đảm nhận việc vận chuyển trên 60% khối lượng hàng hóa của huyện và từ nhiều nơi khác đến, hình thành nên nhiều chợ nổi trên sông, rạch với những hoạt động thương mại nhộn nhịp, sầm uất. Tuy nhiên, ngày nay, sự phát triển nhanh chóng của các phương tiện giao thông đường bộ với tính ưu việt: thời gian di chuyển nhanh, tải trọng lớn, tiện nghi,… thì người dân ít lựa chọn phương tiện giao thông đường thủy để di chuyển cũng như vận tải hàng hóa. Giao thông đường thủy chủ yếu phục vụ cho vận tải lúa, gạo, trái cây tại những địa phương chưa phát triển về giao thông đường bộ.

Văn hóa:

Văn hóa huyện Cái Bè mang đặc trưng của nền văn hóa nông nghiệp nên người dân Cái Bè sùng bái và ước vọng sống hòa hợp với thiên nhiên. Có lối sống cố định lâu dài nên tạo ra những mối quan hệ tình cảm thân thiết, gắn bó, hình thành nên lối sống trọng tình, trọng đức và trọng văn. Mọi người sống tôn trọng và cư xử bình đẳng, dân chủ với nhau. Nhân dân Cái Bè có tinh thần yêu nước và tinh thần đấu tranh cách mạng anh dũng, kiên cường, ý thức bảo vệ quê hương, bảo vệ Tổ quốc trong các thời kỳ dưới sự lãnh đạo của Đảng. Bên cạnh đó, người dân Cái Bè còn mang những nét văn hóa riêng của Miền Tây Nam bộ và văn hóa sông nước. Đó chính là tính thật thà, chân chất, thân thiện, sống tình nghĩa tương thân tương ái; nhiệt tình, phóng khoáng trong giao tiếp...

Về mặt văn hoá, khu vực rạch Cái Cối có thể xem như là vùng miệt vườn tiêu biểu của Nam bộ. Ở đây có nhóm họ Lê –Lê Văn Thoại, ông nội của tướng Lê Văn Duyệt, là người từ Mộ Đức, Quảng Ngãi đến đây khai phá đầu tiên. Họ Đoàn- Đoàn Cảnh Cư, tướng thuộc triều Gia Long... Đây cũng là vùng đất sản sinh nhiều nhân tài làm văn hoá nghệ thuật như Nguyễn Tống Triều, một trong những người sáng lập nghệ thuật cải lương, nhạc sĩ Hoàng Việt, nhà thơ Bảo Định Giang...

Huyện có 3 di tích cấp quốc gia: Di tích chiến thắng Cổ Cò, Đình Mỹ Lương, Làng cổ Đông Hòa Hiệp; 29 di tích cấp tỉnh (di tích Chiến thắng Rạch Ruộng, Phủ thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh (xã Tân Hưng), miếu Hà Dương Thủy Thần (xã Hoà Khánh), di tích chiến thắng Á Rặt (xã Thiện Trí), chiến thắng đập Ông Tải (Hậu

Mỹ Trinh), chiến thắng Thẻ 23 (xã Mỹ Hội), Di tích Chiến thắng Ngã Sáu – Bằng Lăng),…) Đặc biệt Lễ hội văn hóa, du lịch làng cổ Đông Hòa Hiệp được công nhận là di sản phi vật thể cấp tỉnh và được nâng cấp lên Lễ hội cấp tỉnh, định kỳ tổ chức 2 năm/ lần, tạo ra sản phẩm du lịch mới, thu hút khá đông du khách trong và ngoài nước đến tham quan.

Về tôn giáo: Địa bàn huyện cơ bản hiện diện có các tôn giáo gồm: Phật giáo, Thiên chúa, Tin lành, Phật giáo hòa hảo, Cao đài gồm có 2 phái là Cao đài Tiên thiên, Cao đài Tây ninh và Tứ ân hiếu nghĩa có 1 chùa Thanh Liêm ở xã Hòa Khánh. Cụ thể:

+ Phật giáo: năm 2020, có 62 cơ sở Phật giáo (trong đó Tứ ân hiếu nghĩa: 1); tăng 95 vị, ni 64 vị (về giáo phẩm: 02 hòa thượng, 12 thượng tọa, 73 đại đức, 11 ni sư, 47 sư cô; về giới phẩm: 87 tỳ kheo, 58 tỳ kheo ni, 03 thức xoa ma na, 14 sa di, 06 sa di ni, 23 tịnh nhơn (08 tăng, 15 ni), khoảng 25.239 tín đồ. Phật giáo huyện Cái Bè có: 62 ngôi tự viện.

+ Công giáo: 08 giáo xứ, họ đạo; 08 chức sắc; 41 chức việc; khoảng 11.511tín đồ.

+ Cao Đài: Cao Đài Tây Ninh có 3 họ đạo với 14 chức sắc (04 giáo hữu, 10 lễ sanh), 121 chức việc và khoảng hơn 10.900 tín đồ; Cao Đài Tiên Thiên có 04 họ đạo, 37 chức sắc (06 giáo sư, 31 giáo hữu), 79 lễ sanh, 17 chức việc và khoảng hơn 1.045 tín đồ.

+ Tin Lành: Tin lành Việt Nam (Miền Nam): có 02 Chi hội, 03 điểm nhóm với, 14 (chức sắc, chức việc, 02 mục sư) và khoảng hơn 1.506 tín đồ.

+ Hòa Hảo: có 09 Ban trị sự cấp cơ sở (trong đó có 01 Ban trị sự cấp tỉnh quản lý) ; 63 chức việc và khoảng hơn 1.300 tín đồ.

+ Tứ Ân Hiếu nghĩa: 01 Chùa (Thanh Liêm, Ấp Hòa Phúc, xã Hòa Khánh) có 1 Ông gánh và khoảng 250 tín đồ (từ trước tới nay do Ban trị sự Phật giáo huyện đưa vào danh bộ quản lý).

Về kết quả thực hiện Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa: Toàn huyện có 21 xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới, 55 cơ sở thờ tự văn hóa, 32 con đường và 12 chợ văn hóa, 1 công viên văn hóa. Toàn huyện có 25 Nhà Văn hóa xã, 1 thư viện huyện, 25 thư viện xã và phòng đọc sách, 111 trụ sở ấp văn hóa.

Bên cạnh đó, phong trào văn hóa – văn nghệ huyện phát triển mạnh mẽ với hoạt động của các câu lạc bộ: CLB Đờn ca tài tử, CLB Hát với nhau, Hội sinh vật cảnh, CLB Võ thuật,...

Du lịch:

Cái Bè phát triển mạnh loại hình du lịch sinh thái miệt vườn, tham quan chợ nổi. Tổng lượt khách du lịch đến Cái Bè: Năm 2016 có 149.671 lượt; năm 2017 có

165.000 lượt; năm 2018 có 170.800 lượt; năm 2019 có 180.000 lượt trong đó khách lưu trú chiếm khoảng 60 – 70% lượt khách/năm.

Các dịch vụ phục vụ khách du lịch ngày càng đa dạng, phong phú với chất lượng được nâng lên, mở thêm nhiều tour, tuyến, điểm phục vụ khách du lịch như: du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng ở một số điểm như: nhà cổ, vườn trái cây, du lịch sông nước ven sông Tiền, các làng nghề truyền thống,…

Một số khu nghỉ dưỡng với quy mô xếp hạng 2 sao như: Mekong River side Resort, Mekong Logde.

Thể thao:

Phong trào thể dục thể thao (TDTT) quần chúng ngày càng phát triển rộng khắp, số người luyện tập TDTT thường xuyên đạt 35%; số gia đình luyện tập TDTT thường xuyên 25%. Hằng năm, huyện tổ chức các giải thi đấu thể thao, giao lưu, nằm trong các hệ thống các môn thi đấu của Đại hội TDTT, Hội khỏe Phù Đổng; tham gia hầu hết các giải thể thao do tỉnh tổ chức.

Huyện có 5 nhà thi đấu đa năng, 04 sân vận động lớn, 14 sân bóng đá mini, 05 sân tennis, 11 hồ bơi, 19 sân bóng chuyền, 15 CLB Thể hình – thẩm mỹ.

Tổng số liệt sĩ: 5.025 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ VN anh hùng: 815 Bà mẹ.

2. Thị trấn Cái Bè

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Thị trấn Cái Bè là trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa - xã hội của huyện Cái Bè. Về địa danh Cái Bè, xin xem mục 177. Huyện Cái Bè.

Vị trí địa lý: Thị trấn Cái Bè nằm về phía Tây - Nam của huyện, phía Đông và phía Bắc giáp xã Phú An, huyện Cai Lậy; phía Tây giáp xã Hòa Khánh; phía Nam giáp xã Đông Hòa Hiệp.

Diện tích tự nhiên: 421,54 ha.

Hành chính:

Thị trấn có 4 khu phố: 1, 2, 3 và 4.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long có 3 thôn An Bình Đông, An Bình Tây và An Thành thuộc tổng Kiến Phong, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, ba thôn này thuộc tổng Phong Hòa, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị, năm 1877, làng[12] An Bình Tây đổi thành Phú Hòa, làng An Thành đổi thành An Hiệp, làng An Bình Đông giữ nguyên tên; năm 1900, ba làng Phú Hòa, An Hiệp và An Bình Đông thuộc tổng Phong Hòa, tỉnh Mỹ Tho; năm 1913, sáp nhập làng Phú Hòa vào làng An Bình Đông lấy tên là An Bình Đông, làng An Hiệp giữ nguyên tên, hai làng An Bình Đông và An Hiệp thuộc tổng Phong Hòa, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho; năm 1925, hợp nhất hai làng An Bình Đông và An Hiệp lấy tên là Đông Hòa Hiệp, thuộc tổng Phong Hòa, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là xã Đông Hòa Hiệp, huyện Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp gọi là làng Đông Hòa Hiệp, tổng Phong Hòa, quận Cái Bè, tỉnh Định Tường.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng chia xã Đông Hòa Hiệp thành thị trấn Cái Bè và xã Đông Hòa Hiệp (mới), thị trấn Cái Bè thuộc huyện Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ 1954-1961, là xã[13] Đông Hòa Hiệp, tổng Phong Hòa, quận Cái Bè, tỉnh Định Tường; từ năm 1961-1964, xã thuộc tổng[14] Phong Hòa, quận Sùng Hiếu, tỉnh Định Tường; từ năm 1964-1975, là xã Đông Hòa Hiệp, quận Cái Bè, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, thị trấn Cái Bè thuộc huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Dân số: 15.835 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 60 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Tập trung khai thác tiềm năng, lợi thế, tích cực chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỉ trọng khu vực II (Công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp), khu vực III (Thương mại và dịch vụ), giảm dần khu vực I (Nông nghiệp).

- Nông nghiệp: Đất nông nghiệp trên địa bàn thị trấn còn 144 ha chủ yếu vườn cây ăn trái và trồng rau màu, hoa kiểng với mô hình nông nghiệp đô thị, nuôi thủy sản công nghiệp phát triển cặp sông Tiền.

- Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: tổng số hộ tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn là 189 hộ. Ngành nghề chủ yếu là xây dựng, cửa nhôm, sắt, đồ đúc, hàn tiện, các nghề truyền thống như đồ đúc, bánh rế, bánh phồng,...

---

[12] Từ năm 1876, chính quyền thực dân Pháp cho đổi đơn vị hành chính "thôn" thành "làng".

[13] Năm 1956, chính quyền Sài Gòn cho đổi đơn vị hành "làng" thành "xã".

[14] Từ năm 1965, chính quyền Sài Gòn xóa bỏ đơn vị hành chính "tổng".

- Thương mại, dịch vụ: Hiện nay, có 2.179 hộ kinh doanh như phát triển các cửa hàng bách hóa, siêu thị mini, kinh doanh dịch vụ khách sạn phục vụ du lịch, các dịch vụ công nghệ, mua bán qua mạng,…

- Phát triển doanh nghiệp và kinh tế hợp tác: có 65 doanh nghiệp; 2.369 hộ sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, còn có HTX Thủy bộ 2 tháng 9 hoạt động trên lĩnh vực giao thông vận tải.

Giáo dục:

Trên địa bàn có 5 trường:

- Trường trung học cơ sở thị trấn Cái Bè (đạt chuẩn quốc gia).

- Trường tiểu học A thị trấn Cái Bè (đạt chuẩn quốc gia).

- Trường tiểu học B thị trấn Cái Bè.

- Trường mầm non thị trấn Cái Bè.

- Trường mầm non 2 tháng 9 (đạt chuẩn quốc gia).

Thị trấn đạt chuẩn về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở.

Y tế:

Trạm y tế đạt chuẩn quốc gia về Y tế xã, có 08 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 02 hộ lý, 01 hộ sinh, 01 y tá, 01 lương y. Tất cả các khu phố đều có có tổ y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 90% (2020).

Giao thông:

Đường Bộ: Ngoài Đường tỉnh 875 và Đường huyện 74A đi qua địa bàn, nội ô thị trấn còn có hệ thống các con đường giao thông như: Đường Đốc Binh Kiều, Hoàng Việt, Lê Quý Đôn, Lê Văn Duyệt, Lê Thị Kim Chi,.... Có 1 Bến xe khách và 2 điểm tập kết xe tải vận chuyển nông sản và trái cây.

Đường thủy: có Kênh/Kinh 28 đi qua địa bàn. Với nhiều phương tiên giao thông đường thủy như ghe, xuồng, tàu, xà lan,...

Một bến đò liên huyện: Bến đò Tân Phong nối thị trấn Cái Bè, huyện Cái Bè với xã Tân Phong, huyện Cai Lậy.

Có 2 cầu lớn bắt qua Kênh 28: cầu Cái Bè 1 và cầu Cái Bè 2.

Văn hóa:

Trên địa bàn thị trấn có 01 Nhà văn hóa thị trấn, 04/04 Nhà văn hóa khu phố, Công viên văn hóa Hoàng Việt, 06 tuyến đường văn hóa (Thái Văn Tân, Nguyễn Thái Học, Ngô Văn Nhạc, Phạm Ngũ Lão, Võ Văn Giáo, Lê Thị Kim Chi), 04 nơi thờ tự văn hóa (Tin Lành, Thánh Thất Cao Đài, Chùa Phước Thới, Tịnh Xá Ngọc

Nguyên); Chùa Quan Thánh được công nhận là khu di tích lịch sử cách mạng cấp tỉnh. 100% các khu phố điều được công nhận là khu phố văn hóa; 100% hộ gia đình đăng ký thực hiện 3 tiêu chuẩn gia đình văn hóa. Có 02 Câu lạc bộ Đờn ca tài tử, cải lương tại khu 1 và khu 2.

Du lịch:

Thị trấn Cái Bè có 02 điểm du lịch: Nhà cổ ông Võ, cơ sở sản xuất bánh kẹo Cửu Long, 07 doanh nghiệp du lịch đăng ký ở thị trấn và 10 chi nhánh du lịch đặt tại địa phương việc đưa đón du khách đến các điểm du lịch. Chợ nổi Cái

Thể thao:

Có 02 sân bóng đá cỏ nhân tạo, 02 sân tennis, 05 sân cầu lông, 02 sân đá cầu tại công viên, 04 phòng tập gym và 01 phòng tập thể dục nhịp điệu. Phát triển thể dục thể thao đối với học sinh kể cả người cao tuổi, người khuyết tật, người lao động góp phần tập hợp thu hút đông đảo người dân tham gia tập luyện.

Tổng số liệt sĩ: 152 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ VN anh hùng: 05 Bà mẹ.

3. Xã An Cư

Ý nghĩa đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

安 An: Bình an, an toàn, yên ổn

居 Cư: Ở, cư trú

安居社 An Cư Xã

Vị trí địa lý:

Xã An Cư nằm ở phía Đông huyện Cái Bè; phía Đông giáp xã Phú An, huyện Cai Lậy; phía Tây giáp xã Hậu Thành; phía Nam giáp xã Đông Hòa Hiệp; phía Bắc giáp xã Mỹ Hội.

Diện tích tự nhiên: 1.142,8 ha.

Hành chính:

Xã An Cư có 5 ấp: An Thái, An Thiện, An Bình, Mỹ Hòa và Mỹ Hòa.

Về lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Mỹ Hòa thuộc tổng Kiến Phong, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng có thêm thôn An Cư; hai thôn Mỹ Hòa và An Cư thuộc tổng Phong Hòa, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị, năm 1877, làng Mỹ Hòa đổi thành Mỹ Hội; năm 1900, hai làng Mỹ Hội và An Cư thuộc tổng Phong Hòa, tỉnh Mỹ Tho; năm 1912, hai làng Mỹ Hội và An Cư thuộc tổng Phong Hòa, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho; năm 1925, hợp nhất hai làng Mỹ Hội và An Cư thành làng Hội Cư, tổng Phong Hòa, quận Cái Bè, tỉnh Định Tường.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là gọi là xã Hội Cư, huyện Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp gọi là làng Hội Cư, tổng Phong Hòa, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Hội Cư thuộc huyện Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ 1954-1961, là xã Hội Cư, tổng Phong Hòa, quận Cái Bè, tỉnh Định Tường; từ năm 1961-1964, xã thuộc tổng Phong Hòa, quận Sùng Hiếu, tỉnh Định Tường; từ năm 1964-1975, là xã Hội Cư , quận Cái Bè, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Hội Cư thuộc huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Năm 1994, xã Hội Cư được phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Năm 2015, xã An Cư được thành lập trên cơ sở điều chỉnh một phần diện tích và dân số xã Hội Cư. Năm 2018, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới.

Dân số: 13.283 người (2020).

Thu thập bình quân đầu người: 58.600.000 đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

- Nông nghiệp: tập trung ở các vườn cây ăn trái như: Xòa cát, dừa, bưởi, táo, chanh, mít, ổi… Sản lượng hàng năm trên 14.000 tấn. Về chăn nuôi tập trung ở đàn heo, bò, gia cầm, riêng với thủy sản tổng sản lượng hàng năm gần 750 tấn.

- Công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp: có khu xay xát mua bán lúa gạo Bà Đắc, công ty TNHH MTV Dream Mekong trên 1.000 lao động, các cơ sở tiểu thủ công như: làm bánh rế, sản xuất bao bì ….

- Thương mại và dịch vụ: có sự phát triển đáp ứng theo nhu cầu chung đáp ứng theo xu hướng phát triển của các lĩnh vực sản xuất như : phục vụ ăn uống, sửa chữa cơ khí, cung cấp các hàng hóa tiêu dùng khác. Đầu tư nâng cấp các chợ An Bình, An Thái, cửa hàng Bách hóa xanh, và các loại hình kinh doanh khác. Xã có hơn 900 hộ mua bán kinh doanh cá thể, trên 64 công ty, doanh nghiệp, Hợp tác xã hoạt động.

Hoạt động của các thành phần kinh tế mang lại gía trị hằng năm trên 1.000 tỷ đồng.

Giáo dục:

Có 3 trường học nằm dọc theo Đường tỉnh 869 gồm:

- Trường THCS Phan Văn Ba, đạt chuẩn Quốc gia.

- Trường tiểu học An Cư.

- Trường Mẫu giáo An Cư, đạt chuẩn Quốc gia.

Xã đạt chuẩn về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở.

Y tế:

Trạm y tế đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 08 biên chế: 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 01 hộ sinh, 01 dược sĩ, 2 lương y. Tất cả các ấp đều có có tổ y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 90% (2020).

Ngoài ra, Trung tâm y tế huyện Cái Bè được xây dựng trên địa bàn ấp An Thiện, xã An Cư đã tạo điều kiện thuận lợi hơn cho nhân dân trong việc khám chữa bệnh.

Giao thông:

An Cư có thuận lợi về giao thông do có tuyến đường quan trọng đi ngang qua, như Quốc lộ 1 (qua xã khoảng 7km), Đường tỉnh 863 (qua xã khoảng 1km), Đường tỉnh lộ 869 (qua xã khoảng 2km), Đường huyện 74C (qua xã khoảng 2km), Đường huyện 74D (qua xã khoảng 4km).

Xã có các cầu chính như: cầu Bà Đắc, cầu An Cư trên Quốc lộ 1, cầu Ông Ngũ trên Đường tỉnh 869, Cầu Ngang bắt qua Kênh/Kinh 8,…

Các đường liên xã liên ấp như: đường đan (dale) dọc Kênh/Kinh 8, đường Cây Da, đường Kháng Chiến, Mã Voi, đường Lò tương chùa An Nghĩa, đường vận chuyển Nông sản, đường Lộ Trâm bầu,...

Về giao thông thủy, ngoài đoạn Kênh/Kinh 8 dài khoảng 9km có nhiều kênh/kinh rạch liên thông phục vụ sinh hoạt, tưới tiêu như: Kênh/Kinh Lò Rèn, Rạch Miễu, Bà Đắc, Ông Ngũ, Rạch Chùa, Chợ Mới, Cầu Ngang, Cây sung,...

Văn hóa:

Xã có 1 nhà văn hóa xã, 2 nhà văn hóa liên ấp, 1 thư viện. Có 5/5 ấp văn hóa.

Các hoạt động văn hóa truyền thống được duy trì; có 6 câu lạc bộ Đờn ca tài tử. Về văn hóa tâm linh có 4 cơ sở thờ tự gồm : chùa An Nghĩa ở ấp An Thiện; chùa Khánh Vân, chùa Pháp Lạc ở ấp An Bình, chùa Từ Ân ở ấp An Hòa. Ngoài ra, xã còn có 1 Đình thần tên gọi là đình An Cư, 4 Miếu Bà.

Du lịch:

Hoạt động du lịch, tham quan ở địa phương còn mang tính tự phát. Tuy nhiên về định hướng phát triển xã đang được huyện đầu tư bến đón khách du lịch, điều này cũng sẽ giúp địa phương tận dụng cơ hội và lợi thế thúc đẩy các mô hình sản

xuất nông nghiệp chất lượng cao áp dụng công nghệ ở các lĩnh vực trồng hoa và rau màu gắn với tham quan các cơ sở xay xát và chế biến lúa gạo Bà Đắc để phát triển du lịch.

Thể thao:

Công tác chăm sóc sức khỏe và các phong trào rèn luyện giữ gìn sức khỏe luôn được người dân quan tâm. Xã có 1 đội bóng đá, 1 câu lạc bộ võ Pencak Silat, 1 câu lạc bộ dưỡng sinh, 1 câu lạc bộ thể hình và 1 hồ bơi.

Tổng số Liệt sĩ: 126 liệt sĩ.

Bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng: 15 Bà mẹ.

4. Xã An Hữu

Ý nghĩa đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

安 An: Bình an, an toàn, yên ổn

有 Hữu: Hữu ích

安有社 An Hữu Xã

Vị trí địa lý:

Xã An Hữu nằm phía tây của huyện Cái Bè, phía Đông giáp xã Mỹ Lương, phía Tây giáp xã Tân Thanh, phía Nam giáp Sông Tiền và một phần xã Hòa Hưng, phía Bắc giáp xã An Thái Trung và xã An Thái Đông.

Diện tích tự nhiên: 1.381,13 ha.

Hành chính:

Xã An Hữu gồm 05 ấp: ấp 1, ấp 2, ấp 3, ấp 4, ấp 5.

Lịch sử hình thành:

Năm 1841, đời vua Thiệu Trị, trên cơ sở điều chỉnh diện tích và dân số của thôn An Thái Tây, thôn An Hòa được thành lập, thuộc tổng Phong Phú, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị, năm 1877, làng An Hòa được đổi tên thành An Hữu; năm 1900, làng này thuộc tổng Phong Phú, tỉnh Mỹ Tho; năm 1904, làng Mỹ An Đông, thuộc tổng Phong Nẫm được sáp nhập vào làng An Hữu, thuộc tổng Phong Phú, vẫn lấy tên là làng An Hữu; năm 1912, làng An Hữu thuộc tổng Phong Phú, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là gọi là xã An Hữu, huyện Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp gọi là làng An Hữu, tổng Phong Phú, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã An Hữu thuộc huyện Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ 1954-1961, là xã An Hữu, tổng Phong Phú, quận Cái Bè, tỉnh Định Tường; từ năm 1961-1965, là xã An Hữu, tổng Phong Phú, quận Giáo Đức, tỉnh Định Tường; từ năm 1965-1975, là xã An Hữu, quận Giáo Đức, tỉnh Định Tường. An Hữu trở thành quận lỵ của quận Giáo Đức.

Sau năm 1975, xã An Hữu thuộc huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Năm 2021, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới.

Dân số: 15.856 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 50,1 triệu/người/năm (2020).

Kinh tế:

Vốn là quận lỵ của Quận Giáo Đức cũ nên An Hữu có tính chất nửa thành thị, nửa nông thôn.

Nông nghiệp chủ yếu là vườn cây ăn trái với sản lượng hằng năm khoảng 23.570 tấn trái cây các loại.

Thương mại - dịch vụ là mũi nhọn của An Hữu, phát triển nhanh, tập trung ở các lĩnh vực trái cây; các mặt hàng tiêu dùng khá đa dạng về chủng loại. Toàn xã có 1.318 cơ sở thương mại - dịch vụ, trong đó có 8 công ty, 13 doanh nghiệp và 1.297 hộ kinh doanh cá thể. Các cơ sở sản xuất – kinh doanh tiếp tục duy trì và có bước phát triển mạnh, có mức thu nhập khá cao, nhất là các cơ sở mua bán trái cây, vật tư nông nghiệp, quần áo may sẵn, kim khí điện máy, kinh doanh thực phẩm,…

Xã An Hữu có một chợ đang hoạt động nằm trên địa bàn ấp 4, có diện tích: 5.144m^2 với 254 quầy, 18 ki ốt, ngoài ra còn bố trí diện tích ngoài trời dành cho các hộ nhà vườn mua bán, thu hút trên 500 hộ kinh doanh mua bán thường xuyên chủ yếu các mặt hàng nông sản và các sản phẩm phục vụ nhu cầu sinh hoạt cho người dân, có khu vực để xe 100m^2. Chợ nằm trên Quốc lộ 1 và tuyến sông Cái Cối, thuận lợi cho việc trao đổi hàng hóa cả cho giao thông thuỷ bộ, phục vụ tốt nhu cầu tiêu dùng cho người dân tại địa phương.

Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: các ngành nghề truyền thống như bánh tráng, bánh rế, sợi bánh hủ tiếu phát triển, phục vụ tốt nhu cầu của nhân dân, kinh doanh có hiệu quả, góp phần giải quyết cho trên 400 lao động ở địa phương có việc làm ổn định.

Chăn nuôi, thủy sản: Diện tích chăn nuôi, thủy sản luôn ở mức ổn định, sản lượng chăn nuôi gia súc 20.100 con/năm; chăn nuôi gia cầm 287.905con/năm; sản lượng thủy sản 3.150 tấn/năm.

Trên địa bàn xã có Hợp tác xã Quỹ tín dụng An Hữu, có 1.290 thành viên.

Giáo dục:

Xã An Hữu đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Trên địa bàn xã có 05 trường, gồm: Trường mầm non An Hữu, Trường mầm non tư thục Phan Trọng Tuệ, Trường tiểu học A An Hữu, Trường tiểu

Y tế:

Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm Y tế đạt 92% (2020)

Trạm y tế xã có 09 biên chế: 01 bác sĩ, 01 y sĩ, 01 hộ sinh, 01 y tá, 05 hộ lý; đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã. Tất cả các ấp đều có tổ y tế.

Giao thông:

Xã có Quốc lộ 1 đi qua và hệ thống kênh/kinh rạch rộng khắp.

Đường xã**:** Có 18 tuyến đường; Đường ấp**:** Có 06 tuyến đường; Đường ngõ xóm: Có 24 tuyến đường. Xã An Hữu đã bê tông hóa các tuyến đường chính, phụ, liên xã trên địa bàn 05 ấp, thuận tiện cho nhân dân đi lại, trao đổi hoàn hóa. Có 01 bến xe; 01 bến tàu; 01 chợ.

Về đường thủy xã An Hữu thường xuyên tổ chức nạo vét kênh/kinh rạch, đảm bảo cho nhân dân đi lại và giao lưu mua bán được thuận lợi.

Văn hóa:

Xã An Hữu có 01 nhà văn hóa xã, 5/5 nhà văn hóa ấp, 5/5 ấp được công nhận lại danh hiệu ấp văn hóa hàng năm và giữ vững danh hiệu "Ấp văn hóa" liên tục từ 05 năm trở lên.

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao được duy trì thường xuyên, nhất là các dịp lễ tết, đáp ứng được nhu cầu vui chơi giải trí của nhân dân. Các thiết chế văn hóa, thể thao được quan tâm đầu tư xây dựng, nâng cấp để phục vụ nhu cầu sinh hoạt của nhân dân; nhà văn hóa của 05 ấp được đầu tư xây dựng sửa chửa nâng cấp; hàng năm có trên 90% hộ gia đình đạt tiêu chí văn hóa; toàn xã có 03 cơ sở thờ tự văn hóa.

Du lịch: Không.

Thể thao:

Trên địa bàn xã có 06 câu lạc bộ thể dục thể thao, duy trì các hoạt động thể thao thường xuyên trong dịp lễ tết.

Tổng số liệt sĩ: 254 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ VN anh hùng: 18 Bà mẹ.

5. Xã An Thái Đông

Ý nghĩa đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

安 An: Bình an, an toàn, yên ổn

泰 Thái: Bình yên, hanh thông

東 Đông: Phía đông

安泰東社 An Thái Đông Xã

Vị trí địa lý:

Xã An Thái Đông nằm về hướng Tây của huyện Cái Bè, phía Đông giáp xã Mỹ Lương và xã Mỹ Đức Tây, phía Tây giáp xã An Thái Trung, phía Nam giáp xã Mỹ Lợi A, phía Bắc giáp xã An Hữu.

Hành chính:

Xã có 04 ấp: Ấp Chợ, An Lạc, Đông Thạnh và Thái Hòa.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn An Thái Đông thuộc tổng Kiến Phong, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn này thuộc tổng Phong Phú, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị, năm 1900, làng An Thái Đông thuộc tổng Phong Phú, tỉnh Mỹ Tho; năm 1912, làng này thuộc tổng Phong Phú, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là gọi là xã An Thái Đông, huyện Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp gọi là làng An Thái Đông, tổng Phong Phú, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã An Thái Đông thuộc huyện Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ 1954-1961, là xã An Thái Đông, tổng Phong Phú, quận Cái Bè, tỉnh Định Tường; từ năm 1961-1965, là xã An Thái Đông, tổng Phong Phú, quận Giáo Đức, tỉnh Định Tường; từ năm 1965-1975, là xã An Thái Đông, quận Giáo Đức, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã An Thái Đông thuộc huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Năm 2021, xã đạt chuẩn Nông thôn mới.

Dân số: 10.233 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 55 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Chủ yếu là vườn cây ăn trái, như bưởi lông Cổ Cò, xoài cát Hòa Lộc, mận An Phước, Ổi.…

Giáo dục:

Có 03 trường: Trường mầm non An Thái Đông (đạt chuẩn quốc gia), Trường tiểu học An Thái Đông, Trường trung học cơ sở An Thái Đông. Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 10 biên chế: 01 bác sĩ, 05 y sĩ, 01 hộ sinh, 02 y tá, 01 lương y. Tất cả các ấp đều có tổ y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 90% (2020).

Giao thông:

Giao thông thuận lợi, cả đường thủy và đường bộ, có Quốc lộ 1 đi qua, Đường tỉnh 861 và Đường huyện 76 (An Thái Đông - Mỹ Lương), rạch Cổ Cò,…

Văn hóa:

Xã đạt chuẩn xã Văn hóa năm 2010. Có 04/04 ấp văn hóa.

Xã có Di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia Chiến thắng Cổ Cò và 01 Đình thần.

Du lịch:

Di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia Chiến thắng Cổ Cò thu hút đông đảo du khách đến tham quan.

Thể thao: Có nhiều các hoạt động thể thao.

Tổng số liệt sĩ: 251 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ VN anh hùng: 21 Bà mẹ.

6. Xã An Thái Trung

Ý nghĩa đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

安 An: Bình an, an toàn, yên ổn

泰 Thái: Bình yên, hanh thông

中 Trung: Giữa, bên trong

安泰東社 An Thái Trung Xã

Vị trí địa lý:

Xã An Thái Trung nằm phía Tây của huyện Cái Bè, phía Đông giáp xã An Thái Đông, phía Tây giáp xã Tân Thanh và xã Tân Hưng, phía Nam giáp xã An Hữu, phía Bắc giáp xã Mỹ Lợi A và xã Mỹ Lợi B.

Diện tích tự nhiên: 1.911,87 ha.

Hành chính:

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn An Thái Đông và thôn An Thái Tây, thuộc tổng Kiến Phong, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, hai thôn này thuộc tổng Phong Phú, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường. Năm 1841, đời vua Thiệu Trị, sau khi điều chỉnh diện tích và dân số của thôn An Thái Tây để thành lập thôn An Hòa, phần đất còn lại của thôn An Thái Tây được sáp nhập vào thôn An Thái Trung, lấy tên là thôn An Thái Trung thuộc tổng Phong Phú, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị, năm 1900, làng An Thái Trung thuộc tổng Phong Phú, tỉnh Mỹ Tho; năm 1912, làng này thuộc tổng Phong Phú, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là gọi là xã An Thái Trung, huyện Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp gọi là làng An Thái Trung, tổng Phong Phú, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã An Thái Trung thuộc huyện Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ 1954-1961, là xã An Thái Trung, tổng Phong Phú, quận Cái Bè, tỉnh Định Tường; từ năm 1961-1965, là xã An Thái Trung, tổng Phong Phú, quận Giáo Đức, tỉnh Định Tường; từ năm 1965-1975, là xã An Thái Trung, quận Giáo Đức, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã An Thái Trung thuộc huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Năm 2022, xã được công nhân đạt chuẩn xã Nông thôn mới.

Dân số: 14.764 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 57,43 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Thu nhập chủ yếu từ nông nghiệp: vườn cây ăn trái và chăn nuôi.

Đất nông nghiệp có diện tích 1.613 ha (100% cây ăn trái) và đất phi nông nghiệp 298.87 ha (trong đó có 85 ha là đất mặt nước sông rạch).

- Thu nhập từ nông, lâm nghiệp, thủy sản: 285,26 tỷ đồng.

- Thu nhập từ phi nông, lâm nghiệp, thủy sản: 256,85 tỷ đồng.

Xã có HTX nông nghiệp xã An Thái Trung thành lập năm 2020.

Xã An Thái Trung không quy hoạch chợ, hầu hết người dân trên địa bàn xã mua bán trao đổi hàng hóa tại các chợ trên địa bàn các xã lân cận như chợ An Hữu, chợ Tân Thanh, chợ Cổ Cò, chợ Mỹ Lợi A.

Hiện tại trên địa bàn xã có 01 cửa hàng bách hóa xanh đảm bảo cung cấp các nhu yếu phẩm cho người dân trên địa bàn xã.

Giáo dục:

Trên địa bàn xã có 04 trường, gồm:

- Trường mầm non An Thái Trung.

- Trường tiểu học An Thái Trung.

- Trường trung học cơ sở An Thái Trung.

- Trường trung học phổ thông Phạm Thành Trung.

Xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và giáo dục trung học cơ sở đạt; đạt chuẩn xóa mù chữ.

Y tế:

Xã có 1 trạm y tế và 1 phòng khám đa khoa An Thái Trung, 1 phòng khám đa khoa tư nhân.

Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 92,69%.

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 06 biên chế: 4 y sĩ, 1 hộ sinh , 1 lương y. Tất cả các ấp đều có tổ y tế.

Giao thông:

Xã có 2 Quốc lộ giao nhau tạo thành Ngã ba An Thái Trung; đó là Quốc lộ 1 và Quốc lộ 30.

Đường xã có 03 tuyến, Đường trục ấp có 04 tuyến, Đường ngõ xóm có 25 tuyến. Tất cả đều được láng nhựa, bê tông hóa và cứng hóa, tạo thuận lợi cho việc đi lại của nhân dân cũng như mua bán trao đổi hàng hóa.

Có hệ thống sông ngòi liên hoàn, chằng chịch thuận tiện cho việc tưới tiêu trong sản xuất nông nghiệp và giao thương hàng hóa: rạch Cái Cối, Rạch Chanh, rạch Bà Tứ, rạch Bà Lâm, Kênh/Kinh Cùng, kênh/kinh Kháng chiến,…

Văn hóa:

Xã đạt chuẩn xã văn hóa. Có 4/4 ấp văn hóa.

Xã An Thái Trung 1 nhà văn hóa xã và 4/4 nhà văn hóa ấp.

Xã có 9 cơ sở thờ tự tín ngưỡng tôn giáo như: chùa Thiền Vân, văn phòng Ban trị sự Phật giáo Hoà Hảo, nhà thờ Công giáo, Thánh tịnh Trước Cảnh Minh Đàn, nhóm Tin lành Bếtlêhem, 2 Miễu Bà và 1 Bia Căm Thù.

Du lịch: Du lịch còn dưới dạng tiềm năng.

Thể thao:

Xã có 1 sân vận động do huyện quản lý.

Tổng số liệt sĩ: 170 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ VN anh hùng: 29 Bà mẹ.

7. Xã Đông Hòa Hiệp

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

東 Đông: Phía đông.

和 Hòa: Hoà hợp, hoà thuận

合 Hiệp: Hợp lại, gộp lại

東和合社 Đông Hòa Hiệp Xã

Vị trí địa lý:

Xã Đông Hòa Hiệp nằm ở phía Đông huyện Cái Bè, phía Đông giáp hai xã Hiệp Đức và Phú An, huyện Cai Lậy, phía Tây giáp xã Hòa Khánh, phía Bắc giáp Quốc lộ 1, phía Nam giáp Sông Tiền.

Diện tích tự nhiên: 1.270 ha.

Hành chính:

Xã có 7 ấp gồm: An Hòa, An Ninh, Phú Hòa, An Bình Đông, An Lợi, An Thạnh và An Hiệp.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long có 3 thôn An Bình Đông, An Bình Tây và An Thành thuộc tổng Kiến Phong, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, ba thôn này thuộc tổng Phong Hòa, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị, năm 1877, làng An Bình Tây đổi thành Phú Hòa, làng An Thành đổi thành An Hiệp, làng An Bình Đông giữ nguyên tên; năm 1900, ba làng Phú Hòa, An Hiệp và An Bình Đông thuộc tổng Phong Hòa, tỉnh Mỹ Tho; năm 1913, sáp nhập làng Phú Hòa vào làng An Bình Đông lấy tên là An Bình Đông, làng An Hiệp giữ nguyên tên, hai làng An Bình Đông và An Hiệp thuộc tổng Phong Hòa, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho; năm 1925, hợp nhất hai làng An Bình Đông và An Hiệp lấy tên là Đông Hòa Hiệp, thuộc tổng Phong Hòa, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là xã Đông Hòa Hiệp, huyện Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp gọi là làng Đông Hòa Hiệp, tổng Phong Hòa, quận Cái Bè, tỉnh Định Tường.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng chia xã Đông Hòa Hiệp thành thị trấn Cái Bè và xã Đông Hòa Hiệp (mới), xã Đông Hòa Hiệp (mới) thuộc huyện Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ 1954-1961, là xã Đông Hòa Hiệp, tổng Phong Hòa, quận Cái Bè, tỉnh Định Tường; từ năm 1961-1964, xã thuộc tổng Phong Hòa, quận Sùng Hiếu, tỉnh Định Tường; từ năm 1964-1975, là xã Đông Hòa Hiệp, quận Cái Bè, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Đông Hòa Hiệp thuộc huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Năm 2016, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới. Năm 2020, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao.

Dân số: 17.200 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 63,86 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Xã có 1 cụm công nghiệp xay xát, lau bóng gạo (Cụm công nghiệp An Thạnh). Thu nhập chủ yếu của người dân từ canh tác vườn cây ăn trái và một phần nhỏ làm nghề tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ (du lịch).

HTX Nông nghiệp Đông Hòa Hiệp có 02 lĩnh vực hoạt động chính: Cấp nước sinh hoạt nông thôn; Dịch vụ sản xuất kinh doanh trong ngành trồng trọt từng bước hoạt động ổn định.

Giáo dục:

Xã có 03 trường: Trường mầm non Đông Hòa Hiệp (đạt chuẩn Quốc gia); Trường tiểu học Đông Hòa Hiệp (đạt chuẩn Quốc gia); Trường trung học cơ sở Đông Hòa Hiệp.

Xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở; đạt chuẩn xó mù chữ.

Y tế:

Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 95%.

Trạm y tế xã được công nhận đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 11 biên chế: 01 bác sĩ, 08 y sĩ, 01 hộ lý, 01 lương y. Tất cả các ấp đều có tổ y tế.

Giao thông:

Xã có Quốc lộ 1, Đường tỉnh lộ 864, Đường huyện 74 đi qua.

Đường liên xã, ấp được đổ bê tông, thảm nhựa thông suốt. Giao thông đường thủy có Sông Tiền, Kênh/Kinh 28 thuận tiện cho vận chuyển hàng hóa đi các địa phương.

Văn hóa:

Xã đạt chuẩn xã Văn hóa mới năm 2012. Có 7/7 ấp văn hóa. Xã có nhà văn hóa xã, 7/7 ấp có nhà văn hóa ấp.

Có 89% gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa, có 6 chùa được công nhận cơ sở thờ tự văn hóa.

Làng cổ Đông Hòa Hiệp vinh dự đón nhận Bằng Di tích cấp Quốc gia 2017.

Lễ hội văn hóa, du lịch làng cổ Đông Hòa Hiệp được công nhận là di sản phi vật thể cấp tỉnh và được nâng cấp lên Lễ hội cấp tỉnh, định kỳ tổ chức 2 năm/lần, tạo ra sản phẩm du lịch mới, thu hút khá đông du khách trong và ngoài nước đến tham quan.

Du lịch:

Có làng cổ Đông Hòa Hiệp, làng nghề cốm, kẹo ấp An Ninh, chợ nổi Cái Bè, thu đông đảo du khách trong và ngoài nước đến tham quan.

Thể thao:

Có 2 câu lạc bộ võ thuật, đội bóng đá, bóng chuyền.

Người dân tích cực tham gia rèn luyện thể dục mỗi ngày.

Khu thể thao xã với tổng diện tích 3.190 m^2. Bao gồm các công trình thể thao: 03 sân bóng chuyền; 05 sân cầu lông; 02 sân bóng đá mini. Ngoài ra còn sử dụng sân trường học, đất dân, đất công… làm sân tập thể thao đơn giản, có hồ bơi tư nhân.

Tổng số liệt sĩ: 225 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 19 Bà mẹ.

8. Xã Hậu Mỹ Bắc A

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

厚 Hậu: Nhân hậu, trung hậu

美 Mỹ: Tốt, đẹp

北 Bắc: Phía bắc

厚美北社 Hậu Mỹ Bắc Xã

A: chữ cái La tinh, chỉ sự phân biệt với xã Hậu Mỹ Bắc B.

Vị trí địa lý:

Xã nằm về phía Bắc của huyện Cái Bè, phía Đông giáp xã Mỹ Thành Bắc, huyện Cai Lậy, phía Tây giáp xã Mỹ Trung, phía Bắc giáp Hậu Mỹ Bắc B, phía Nam giáp xã Hậu Mỹ Trinh.

Diện tích tự nhiên: 2.738, 27 ha.

Hành chính:

Xã có 5 ấp: Hậu Phú 1, Hậu Phú 2, Hậu Phú 3, Mỹ Chánh 4, Mỹ Chánh 5.

Lịch sử hình thành:

Năm 1841, dưới đời vua Thiệu Trị, nơi đây là đồn điền Lương Điền thuộc tổng Phong Hòa, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Khi thực dân Pháp xâm lược tỉnh Định Tường (năm 1861), đồn điền này bị bỏ hoang, sau đó nhập vào làng Hậu Thành. Năm 1885, phần đất của đồn điền Lương Điền được tách ra từ làng Hậu Thành để thành lập làng Hậu Mỹ. Năm 1900, làng Hậu Mỹ thuộc tổng Phong Hòa, tỉnh Mỹ Tho. Năm 1912, làng này thuộc tổng Phong Hòa, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là xã Thiên Hộ, huyện Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp gọi là làng Hậu Mỹ, tổng Phong Hòa, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng gọi là xã Hậu Mỹ Bắc, huyện Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ 1954-1961, là xã Hậu Mỹ, tổng Phong Hòa, quận Cái Bè, tỉnh Định Tường; từ năm 1961-1964, xã thuộc tổng Phong Hòa, quận Sùng Hiếu, tỉnh Định Tường; từ năm 1964-1975, là xã Hậu Mỹ, quận Cái Bè, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Hậu Mỹ Bắc thuộc huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Năm 1979, xã Hậu Mỹ Bắc được chia thành hai xã Hậu Mỹ Bắc A và Hậu Mỹ Bắc B. Năm 2021, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới. Năm 2023, xã được công nhân đạt chuẩn xã Nông thôn mới nâng cao.

Dân số: 14.928 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 55,09 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Chủ yếu là sản xuất nông nghiệp với tổng diện tích là 586 ha, tổng sản lượng: 39.868 tấn, năng suất bình quân 6.8 tấn/ha. Cây màu thực phẩm trên đất trồng lúa với diện tích 210 ha, năng suất bình quân 2,8 tấn/ha.

Một bộ phận nhân dân sống quanh khu vực chợ Thiên Hộ làm nghề tiểu thủ công nghiệp và buôn bán. Chợ Thiên Hộ có vị trí khá đặc biệt trong toàn vùng, là chợ trung tâm, đầu mối luân chuyển hàng hóa vào khu vực Đồng Tháp Mười, cũng

như cung cấp nông sản, thủy sản cho các địa phương khác của huyện trong tỉnh và thành phố Hồ Chí Minh.

Xã có HTX nông nghiệp Hậu Mỹ thành lập năm 2019.

Giáo dục:

Xã có 5 trường:

+ Trường mầm non Hậu Mỹ Bắc A

+ Trường tiểu học Hậu Mỹ Bắc A.

+ Trường tiểu học Phan Lương Trực.

+ Trường trung học cơ sở Hậu Mỹ Bắc A.

+ Trường trung học phổ thông Thiên Hộ Dương.

Xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mần non, giáo dục tiểu học và giáo dục trung học cơ sở; đạt chuẩn xóa mù chữ.

Y tế

Xã có 1 trạm y tế đạt chuẩn quốc gia; 1 Phòng khám đa khoa trực thuộc Trung tâm y tế huyện; 1 phòng khám đa khoa tư nhân.

Trạm y tế có 06 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 02 hộ sinh, 01 điều dưỡng.

Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế: 82,70% (2020). Tất cả các ấp đều có tổ y tế.

Giao Thông

Xã Hậu Mỹ Bắc A có các tuyến giao thông đường thủy và đường bộ rộng khắp.

- Giao thông đường thủy có các tuyến kênh lớn nhỏ khác nhau như: tuyến thông qua nhiều tỉnh trong vùng như: kênh Nguyễn Văn Tiếp A, B kênh số 06, 07, 08, 09 ngoài ra còn có các tuyến kinh nhỏ và nội đồng góp phần cho giao thông đường thủy. Giao thông đường thủy vừa cung cấp nước sinh hoạt và sản xuất, giao thông đi lại và vận chuyển hàng hóa.

- Giao thông đường bộ: xã có tuyến Đường tỉnh 869 và Đường huyện 72 đi qua thuận lợi cho giao thông, ngoài ra xã còn có các tuyến đường giao thông liên xã đạt chuẩn nông thôn mới; tuyến bờ Đông kênh Bằng Lăng, bờ Nam kênh Nguyễn Văn Tiếp A, bờ Đông Nam lộ Nguyễn Văn Tiếp B, lộ Tây Kênh Số 7, lộ bờ Tây Kênh Số 8. Xã còn có 2 tuyến lộ ngõ xóm như tuyến lộ bờ Bắc kênh Một Thước, lộ kênh Xóm Trại, lộ bờ Bắc kênh 7 thước.

Văn hóa

Xã có nhà văn hóa xã. Có 5/5 ấp có nhà văn hóa ấp và đạt chuẩn ấp văn hóa.

Du lịch: Không.

Thể thao

Xã có 1 đội bóng đá, 1 đội bóng chuyền 1 đội cờ tướng, thường xuyên luyện tập và tham gia giao lưu các xã bạn.

Tổng số liệt sĩ: 315 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 57 Bà mẹ.

9. Xã Hậu Mỹ Bắc B

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

厚 Hậu: Nhân hậu, trung hậu

美 Mỹ: Tốt, đẹp

北 Bắc: Phía bắc

厚美北社 Hậu Mỹ Bắc Xã

B: chữ cái La tinh, chỉ sự phân biệt với xã Hậu Mỹ Bắc A.

Vị trí địa lý:

Xã Hậu Mỹ Bắc B nằm về phía Bắc huyện; phía Bắc giáp tỉnh Long An; phía Nam giáp xã Hậu Mỹ Bắc A; phía Đông giáp huyện Cai Lậy; phía Tây giáp tỉnh Đồng Tháp

Diện tích tự nhiên: 1.970 ha.

Hành chính:

Xã có 3 ấp: Hậu Quới, Mỹ Trung, Mỹ Thuận.

Lịch sử hình thành:

Năm 1841, dưới đời vua Thiệu Trị, nơi đây là đồn điền Lương Điền thuộc tổng Phong Hòa, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Khi thực dân Pháp xâm lược tỉnh Định Tường (năm 1861), đồn điền này bị bỏ hoang, sau đó nhập vào làng Hậu Thành. Năm 1885, phần đất của đồn điền Lương Điền được tách ra từ làng Hậu Thành để thành lập làng Hậu Mỹ. Năm 1900, làng Hậu Mỹ thuộc tổng Phong Hòa, tỉnh Mỹ Tho. Năm 1912, làng này thuộc tổng Phong Hòa, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là xã Thiên Hộ, huyện Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp gọi là làng Hậu Mỹ, tổng Phong Hòa, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng gọi là xã Hậu Mỹ Bắc, huyện Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ 1954-1961, là xã Hậu Mỹ, tổng Phong Hòa, quận Cái Bè, tỉnh Định Tường; từ năm 1961-1964, xã thuộc tổng Phong Hòa, quận Sùng Hiếu, tỉnh Định Tường; từ năm 1964-1975, là xã Hậu Mỹ, quận Cái Bè, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Hậu Mỹ Bắc thuộc huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Năm 1979, xã Hậu Mỹ Bắc được chia thành hai xã Hậu Mỹ Bắc A và Hậu Mỹ Bắc B. Năm 2020, xã Hậu Mỹ Bắc B được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới.

Dân số: 10.680 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 50,5 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế

Kinh tế chủ yếu là nông nghiệp, diện tích trồng lúa là 1.437ha, năng suất bình quân 6,93 tấn /ha, với tổng sản lượng: 29.254 tấn.

Bên cạnh đó, người dân còn trồng cây màu, như trồng dưa hấu trên đất trồng lúa với diện tích 141 ha, năng suất bình quân 2,9 tấn/ha. Nuôi trồng thủy sản với sản lượng khoảng 955 tấn/năm.

Trên địa bàn xã có 01 hợp tác xã tên là Hợp tác xã dich vụ nông nghiệp Mỹ Quới, được thành lập vào năm 1999. Ngành nghề hoạt động là cung cấp nước sinh hoạt nông thôn và tiêu thụ lúa.

Giáo dục:

Xã Hậu Mỹ Bắc B đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu, giáo dục trung học cơ sở và đạt chuẩn xóa mù chữ.

Trên địa bàn xã có các trường:

+ Trường mầm non Hậu Mỹ Bắc B (đạt chuẩn quốc gia).

+ Trường tiểu học Hậu Mỹ Bắc B (đạt chuẩn quốc gia).

+ Trường trung học cơ sở Hậu Mỹ Bắc B.

Y tế:

Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế: 85,61%.

Trạm Y tế xã đạt chuẩn quốc gia về Y tế xã. Có 06 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 hộ sinh, 01 y tá, 01 lương y.

Tất cả các ấp đều có tổ y tế.

Giao thông:

Điều kiện giao thông trên địa bàn xã có nhiều thuận lợi, nằm dọc theo 2 tuyến Đường tỉnh 865 và 869, các tuyến kênh trục chính gồm kênh Hai Hạt, kênh

Nguyễn Văn Tiếp. Xã có một bến xe lớn vận chuyển hàng hóa và hành khách đi các địa phương.

- Đường xã: Tuyến đường bờ Đông Phụng Thớt, dài 2,80 km, đã trãi nhựa toàn bộ.

- Đường ấp: Tuyến đường bờ Tây Kênh/Kinh 9, đã trải nhựa toàn bộ.

- Đường xóm: Gồm có 09 tuyến dài 28,52 km đã cứng hóa, không lầy lội vào mùa mưa.

Văn hóa

Năm 2017, xã được công nhận là xã đạt chuẩn văn hóa. Xã có 03/03 ấp được công nhận đạt tiêu chí văn hóa và giữ vững danh hiệu "Ấp văn hóa" liên tục từ 05 năm trở lên.

Hiện xã có 01 Hội trường sử dụng làm nhà văn hóa xã, diện tích 500 m^2, hội trường đảm bảo 200 chỗ ngồi, có đủ trang thiết bị: bàn, ghế, giá, tủ, trang bị âm thanh, ánh sáng, thông gió, đài truyền thanh; có 03 phòng chức năng: phòng hành chính (28m^2), phòng thông tin và truyền thanh (28m^2), phòng sinh hoạt câu lạc bộ (48 m^2)..

Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh: Bia căm thù (nơi giặc thảm sát nhân dân ta) tại ấp Hậu Quới.

Du lịch: Không.

Thể thao:

Diện tích sân thể thao của xã 3.100 m^2 tại Trung tâm xã và trên địa bàn các ấp. Xã có điểm vui chơi giải trí cho trẻ em tại sân trường tiểu học và THCS, nhà văn hóa ấp, nhà văn hóa xã.

Có hồ bơi tại trường tiểu học, diện tích 50m^2

Xã có 1 đội bóng đá, 1 đội bóng chuyền, 1 đội cờ tướng, thường xuyên luyện tập và tham gia giao lưu các xã bạn.

Tổng số liệt sĩ: 205 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 49 Bà mẹ.

10. Xã Hậu Mỹ Phú

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

厚 Hậu: Nhân hậu, trung hậu

美 Mỹ: Tốt, đẹp

富 Phú: Giàu có

厚美富社 Hậu Mỹ Phú Xã

Vị trí địa lý

Xã Hậu Mỹ Phú nằm ở khu vực phía Bắc của huyện Cái Bè, phía Đông giáp xã Mỹ Hội, phía Tây giáp xã Hòa Khánh, phía Nam giáp xã Hậu Thành, phía Bắc giáp i xã Hậu Mỹ Trinh

Diện tích tự nhiên: 1.113 ha.

Hành chính:

Xã có 03 ấp: Mỹ Phú A, Mỹ Phú B, Mỹ Quới

Lịch sử hình thành:

Năm 1841, dưới đời vua Thiệu Trị, nơi đây là đồn điền Lương Điền thuộc tổng Phong Hòa, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Khi thực dân Pháp xâm lược tỉnh Định Tường (năm 1861), đồn điền này bị bỏ hoang, sau đó nhập vào làng Hậu Thành. Năm 1885, phần đất của đồn điền Lương Điền được tách ra từ làng Hậu Thành để thành lập làng Hậu Mỹ. Năm 1900, làng Hậu Mỹ thuộc tổng Phong Hòa, tỉnh Mỹ Tho. Năm 1912, làng này thuộc tổng Phong Hòa, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là xã Thiên Hộ, huyện Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp gọi là làng Hậu Mỹ, tổng Phong Hòa, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng gọi là xã Hậu Mỹ Nam, huyện Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ 1954-1961, là xã Hậu Mỹ, tổng Phong Hòa, quận Cái Bè, tỉnh Định Tường; từ năm 1961-1964, xã thuộc tổng Phong Hòa, quận Sùng Hiếu, tỉnh Định Tường; từ năm 1964-1975, là xã Hậu Mỹ, quận Cái Bè, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Hậu Mỹ Nam thuộc huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Năm 1979, xã Hậu Mỹ Nam được chia thành hai xã Hậu Mỹ Phú và Hậu Mỹ Trinh. Năm 2020, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới. Năm 2022, xã được công nhân đạt chuẩn xã Nông thôn mới nâng cao.

Dân số: 8.291 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 50,31 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Xã xác định nông nghiệp là lợi thế, với trên 80% dân cư sản xuất nông nghiệp và khai thác các dịch vụ có liên quan đến nông nghiệp, như trồng lúa, cây ăn trái, rau màu, nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi heo (là xã chăn nuôi heo nhiều nhất huyện

Cái Bè). Xã đã tập trung phát triển vùng lúa chất lượng cao gắn với hình thành Cánh đồng lớn. Trên địa bàn xã có Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp (thành lập cuối năm 2019) cung cấp, sản xuất lúa giống, cấp xác nhận và bao tiêu sản phẩm lúa với diện tích 60 ha.

Trung tâm mua bán của xã là chợ Cà Dăm nằm chính giữa địa bàn xã, cạnh Kênh/Kinh 7 và Đường tỉnh 869.

Các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp chủ yếu là: xay xát lúa gạo, xây dựng, gò hàn, cơ khí sữa chữa máy móc,... Trên địa bàn xã, có 2 cơ sở kinh doanh xay xát lúa gạo, sơ chế trái cây đã giúp giải quyết việc làm cho lao động nhàn rỗi tại địa phương.

Giáo dục:

Xã có 02 trường: Trường mầm non Hậu Mỹ Phú, Trường tiểu học và trung học cơ sở Hậu Mỹ Phú.

Xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và giáo dục trung học cơ sở; đạt chuẩn xóa mù chữ.

Y tế:

Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 86,79% (2020)

Trạm Y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 08 biên chế: 01 bác sĩ, 05 y sĩ, 01 nữ hộ sinh, 01 dược sĩ.

Tất cả các ấp đều có tổ y tế.

Giao thông:

- Địa bàn xã có Đường tỉnh 869 đi qua.

- Đường xã: Có 02 tuyến, đã bê tông hóa và nhựa hóa, dài 9,365 km, đạt 100%.

- Đường ấp: Có 11 tuyến, chiều dài 20,2 km, đã bê tông hóa 100%.

- Đường xóm: Có 29 tuyến, dài 33,9 km đã cứng hóa, đạt 100%, không lầy lội vào mùa mưa

Xã có địa bàn hệ thống kênh/kinh rạch chằng chịt; hệ thống kênh, gạch chảy qua xã gồm có: kênh/kinh Đập Ông Tải, Kênh/Kinh 7, Kênh/Kinh 8, kênh/kinh Ông Cận, kênh/kinh Ông Thạch, rạch Thủ Ngữ, kênh/kinh Cây Còng, kênh/kinh Ông Tải, Đập Bà Phó, Đập Giữa, kênh/kinh Bao Ngạn, rạch Đập Bà Sáu, rạch Đất Sét,… Các tuyến kênh/kinh rạch này thông ra sông Tiền ở phía Nam cho phép các phương tiện thuỷ, bộ có trọng tải từ nhỏ đến lớn lưu thông dễ dàng, thuận lợi cho việc phát triển thương mại, dịch vụ nhất là ngành xay xát lúa gạo, sấy lúa, đặc biệt là cung cấp lượng nước ngọt cho người dân canh tác nông nghiệp và vận chuyển hàng hoá nông sản đến các

Văn hóa:

Xã đạt chuẩn Văn hóa năm 2014. Có 3/3 ấp văn hóa.

Xã có 01 Nhà văn hóa xã, diện tích 500 m^2, hội trường đảm bảo 250 chỗ ngồi, có đủ trang thiết bị: bàn, ghế, giá, tủ, trang bị âm thanh, ánh sáng, thông gió, đài truyền thanh; có 03 phòng chức năng: phòng hành chính (25m^2), phòng thông tin và truyền thanh (25m^2), phòng sinh hoạt câu lạc bộ (50,5 m^2)

Xã có điểm vui chơi giải trí cho trẻ em tại sân trường tiểu học và THCS, nhà văn hóa xã, ấp.

Năm 2020, hộ đăng ký Gia đình văn hóa đạt 100%, qua cuối năm bình xét đạt 89,8%.

Du lịch: Không.

Thể thao:

Diện tích sân thể thao của xã 1.900$m^{2.}$ tại trung tâm xã và trên địa bàn các ấp

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 22 Bà mẹ.

11. Xã Hậu Mỹ Trinh

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

厚 Hậu: Nhân hậu, trung hậu

美 Mỹ: Tốt, đẹp.

禎 Trinh: Điều tốt lành

厚美禎社 Hậu Mỹ Trinh Xã

Vị trí địa lý:

Xã nằm ở phía Bắc huyện; phía Đông giáp xã Mỹ Thành Bắc, huyện Cai Lậy; phía Tây giáp xã Thiện Trung; phía Nam giáp xã Hậu Mỹ Phú; phía Bắc giáp xã Hậu Mỹ Bắc A.

Diện tích tự nhiên: 3.151 ha.

Hành chính:

Lịch sử hình thành:

Năm 1841, dưới đời vua Thiệu Trị, nơi đây là đồn điền Lương Điền thuộc tổng Phong Hòa, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Khi thực dân Pháp xâm lược tỉnh Định Tường (năm 1861), đồn điền này bị bỏ hoang, sau đó nhập vào làng Hậu Thành. Năm 1885, phần đất của đồn điền Lương

Điền được tách ra từ làng Hậu Thành để thành lập làng Hậu Mỹ. Năm 1900, làng Hậu Mỹ thuộc tổng Phong Hòa, tỉnh Mỹ Tho. Năm 1912, làng này thuộc tổng Phong Hòa, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là xã Thiên Hộ, huyện Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp gọi là làng Hậu Mỹ, tổng Phong Hòa, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng gọi là xã Hậu Mỹ Nam, huyện Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ 1954-1961, là xã Hậu Mỹ, tổng Phong Hòa, quận Cái Bè, tỉnh Định Tường; từ năm 1961-1964, xã thuộc tổng Phong Hòa, quận Sùng Hiếu, tỉnh Định Tường; từ năm 1964-1975, là xã Hậu Mỹ, quận Cái Bè, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Hậu Mỹ Nam thuộc huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Năm 1979, xã Hậu Mỹ Nam được chia thành hai xã Hậu Mỹ Trinh và Hậu Mỹ Phú. Năm 2017, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới.

Thu nhập bình quân đầu người: 53 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Kinh tế nông nghiệp là chính:

- Sản lượng lúa: 244.088 tấn/năm,

- Sản lượng trái cây: 39.312 tấn/năm,

- Sản lượng thủy sản: 15.768 tấn/năm.

Bên cạnh đó, xã còn có các cơ sở xay xát lúa gạo kết hợp lò sấy lúa; tập trung chủ yếu dọc hai bên bờ Kênh/Kinh 7, trong đó có 08 doanh nghiệp, 01 hợp tác xã, 11 tổ hợp tác, và 395 hộ kinh doanh cá thể. Các cơ sở dịch vụ phát triển, đáp ứng ngày càng tốt hơn cho nhu cầu của người dân.

Giáo dục:

Xã Hậu Mỹ Trinh đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở, đạt chuẩn xóa mù chữ.

Trên địa bàn xã có 03 trường: Trường mầm non Hậu Mỹ Trinh (đạt chuẩn quốc gia), Trường tiểu học Hậu Mỹ Trinh (đạt chuẩn quốc gia), Trường trung học cơ sở Hậu Mỹ Trinh.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia về Y tế xã, có 08 biên chế: 01 bác sĩ, 05 y sĩ, 02 hộ sinh. Tất cả các ấp đều có tổ y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế: 85% (2020).

Giao thông:

Xã có Đường tỉnh 869 và Đường huyện 72 đi qua, cùng hệ thống đường liên xã, đường ấp, đường xóm đã được bê tông hóa, cứng hóa, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân đi lại, phục vụ sản xuất và vận chuyển hàng hóa.

Văn hóa:

Có 4/4 ấp văn hóa.

Có 1 nhà văn hóa xã, 4/4 ấp có nhà văn hóa – khu thể thao ấp (liên ấp).

Xã có 2 ngôi chùa: chùa Phước Hải (ấp Mỹ Tường B) và chùa Thiền Lâm (ấp Mỹ Tường A).

Du lịch: Không

Thể thao:

Có 1 sân bóng đá (400m^2) ở ấp Mỹ Trinh A.

Tổng liệt sĩ: 167 liệt sĩ

Tổng số Bà mẹ VNAH: 43 Bà mẹ.

12. Xã Hậu Thành

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính.

Địa danh Hán Việt:

厚 Hậu: Nhân hậu, trung hậu

成 Thành: Thành công

厚成社 Hậu Thành xã

Vị trí địa lý:

Xã nằm ở phía Đông của huyện, phía Đông giáp xã An Cư, phía Tây giáp xã Hòa Khánh, phía Nam giáp xã Đông Hòa Hiệp và xã Hòa Khánh, phía Bắc giáp xã Hậu Mỹ Phú.

Diện tích tự nhiên: 1.163,09 ha.

Hành chính:

Xã có 5 ấp: Hậu Vinh, Hậu Hoa, Hậu Hòa, Hậu Thuận, ấp Khu phố Cầu Xéo

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Mỹ Thạnh thuộc tổng Kiến Phong, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn này thuộc tổng Phong Phú, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường. Năm 1841, dưới đời vua Thiệu Trị, thôn Mỹ Thạnh được đổi tên thành Hậu Thành.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị, trong thập niên 1860, làng Hậu Thành nhận phần đất của đồn điền bị bỏ hoang là Lương Điền; năm 1885, đồn điền này được tách ra khỏi năm làng Hậu Thành để thành lập làng Hậu Mỹ; năm 1900, làng Hậu Thành thuộc tổng Phong Phú, tỉnh Mỹ Tho; năm 1912, làng này thuộc tổng Phong Phú, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là gọi là xã Hậu Thành, huyện Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp gọi là làng Hậu Thành, tổng Phong Phú, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Hậu Thành thuộc huyện Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ 1954-1961, là xã Hậu Thành, tổng Phong Phú, quận Cái Bè, tỉnh Định Tường; từ năm 1961-1964, là xã Hậu Thành, tổng Phong Phú, quận Sùng Hiếu, tỉnh Định Tường; từ năm 1965-1975, là xã Hậu Thành, quận Cái Bè, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Hậu Thành thuộc huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Năm 2020, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới.

Dân số: 13.554 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 54,21 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Có 80% dân cư sản xuất nông nghiệp và khai thác dịch vụ có liên quan đến nông nghiệp, cơ cấu kinh tế của xã chủ yếu là nông nghiệp.

Xã có diện tích vườn cây ăn trái chiếm khoảng 80% nên có rất nhiều vựa trái cây mở ra thúc đẩy việc trao đổi, mua bán nông sản giữa các vùng ngày càng tăng lên, người lao động có việc làm ổn định, thu nhập của người dân tăng lên, một số ngành nghề khác như: dịch vụ du lịch, tiểu thủ công nghiệp cũng phát triển. Qua điều tra thu nhập năm 2020 xã Hậu Thành đạt kết quả như sau:

- Thu nhập từ nông, lâm, thủy sản: 114,78 tỷ đồng,
- Thu nhập từ phi nông, lâm, thủy sản: 507,80 tỷ đồng.
- Thu nhập từ tiền lương, tiền công và thu khác: 103,53 tỷ đồng
- Tổng thu nhập năm của xã khoảng: 726,11 tỷ đồng.

Thực hiện chủ trương quy hoạch vùng, chuyển đổi mô hình từ sản xuất lúa kém hiệu quả sang trồng cây ăn trái hiệu quả kinh tế cao, chuyển hình thức chăn nuôi nhỏ lẻ sang chăn nuôi theo mô hình gia trại nên thu nhập nông hộ tăng đáng kể, tốc độ tăng trưởng kinh tế của xã bình quân hàng năm đạt 7,8%.

Trên địa bàn xã Hậu Thành có 2 chợ: Chợ Văn hóa Cái Nứa và Chợ Cầu Xéo. Hợp tác xã Nông nghiệp Hậu Thành được thành lập năm 2017, có 58 thành viên. Ngành nghề hoạt động sản xuất kinh doanh của HTX sản xuất và tiêu thụ trái cây.

Giáo dục:

Xã Hậu Thành đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Có 3 trường học: Trường mầm non Hậu Thành (đạt chuẩn Quốc gia), Trường tiểu học Hậu Thành (đạt chuẩn Quốc gia về cơ sở vật chất), Trường

Y tế:

Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 91,37% (2020).

Trạm y tế xã Hậu Thành đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 08 biên chế: 01 bác sĩ, 04 y sĩ, 02 hộ sinh, 01 lương y. Tất cả các ấp đều có tổ y tế.

Giao thông:

Qua xã có 02 Đường tỉnh 869 và 863; Đường huyện 71.

Xã có các tuyến đường trục xã và liên ấp có 06 tuyến với chiều dài 9,39km đạt chuẩn. Đường ngõ, xóm có 23 tuyến với chiều dài 30,815 km mặt bằng rộng từ 1,5m đến 2,5m, đã được cứng hóa 100%, không lầy lội vào mùa mưa.

Văn hóa:

Xã đạt chuẩn văn hóa năm 2014. Có 01 nhà văn hóa xã (ấp Hậu Hoa), 01 đình thần (ấp Hậu Thuận), 7 miếu Bà Chúa Xứ (ấp Hậu Vinh và ấp Hậu Thuận), 06 ngôi chùa gồm Phước Long, Phước Thiện (ấp Hậu Hoa); Kế Ân (ấp Hậu Thuận); Hòa An, An Hòa (ấp Hậu Vinh); Vạn Phước (ấp Khu phố Cầu Xéo).

Xã có 05/05 ấp được công nhận đạt và giữ vững danh hiệu "Ấp văn hóa" liên tục từ 05 năm trở lên

Du lịch: Không.

Thể thao:

Diện tích sân thể thao của xã 3.100 m^2 bao gồm trung tâm văn hóa thể thao xã và trên địa bàn các ấp như: 02 sân bóng đá mini, 02 sân cầu lông và 04 sân tập thể thao đơn giản tại các ấp và 02 trường.

Các khu thể thao của mỗi ấp bao gồm: sân cầu lông, sân tennis, sân bóng chuyền và các sân trường tiểu học và trung học cơ sở. Cụ thể: khu thể thao liên ấp Hậu Vinh - Cầu Xéo với diện tích là 1.200 m^2; khu thể thao liên ấp Hậu Hoa – Hậu Hòa là 1.400 m^2; khu thể thao ấp Hậu Thuận là 500 m^2.

Tổng số liệt sĩ: 188 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ VN anh hùng: 28 Bà mẹ.

13. Xã Hòa Hưng

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

和 Hòa: Hoà hợp

興 Hưng: Hưng thịnh

和興社 Hòa Hưng Xã

Vị trí địa lý:

Xã Hòa Hưng nằm về phía Tây của huyện, phía Đông giáp xã Mỹ Lương, phía Tây giáp xã An Hữu, phía Nam giáp sông Tiền, phía Bắc giáp hai xã An Hữu và Mỹ Lương.

Diện tích tự nhiên: 1.540 ha.

Hành chính:

Có 5 ấp: ấp Hòa, ấp Bình, ấp Thống, ấp Nhất, ấp Khu Phố.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có ba thôn Hòa Lộc, Mỹ Hưng và Mỹ Thuận thuộc tổng Kiến Phong, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, ba thôn này thuộc tổng Phong Phú, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; năm 1900, ba làng Hòa Lộc, Mỹ Hưng và Mỹ Thuận thuộc tổng Phong Phú, tỉnh Mỹ Tho; năm 1912, ba làng này thuộc tổng Phong Phú, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho; năm 1925, hợp nhất hai làng Mỹ Hưng và Mỹ Thuận thành làng Hưng Thuận thuộc tổng Phong Phú, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho, làng Hòa Lộc vẫn giữ nguyên như cũ.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là gọi là xã Hưng Thuận và xã Hòa Lộc, thuộc huyện Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp gọi là làng Hưng Thuận và làng Hòa Lộc, tổng Phong Phú, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng cho hợp nhất xã Hòa Lộc và xã Hưng Thuận thành xã Hòa Hưng thuộc huyện Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ 1954-1961, là xã Hưng Thuận và xã Hòa Lộc, tổng Phong Phú, quận Cái Bè, tỉnh Định Tường; từ năm 1961-1964, hai xã này thuộc tổng Phong Phú, quận Giáo Đức, tỉnh Định Tường; từ năm 1965-1975, là xã Hòa Lộc và xã Hưng Thuận, quận Giáo Đức, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Hòa Hưng thuộc huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang**.** Năm 2019, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới. Năm 2022, xã được công nhân đạt chuẩn xã Nông thôn mới nâng cao.

Dân số: 15.994 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 59,61 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Tổng thu nhập bình quân của xã năm 2020: 953,40 tỷ đồng. Trong đó:

- Thu nhập từ nông, lâm nghiệp, thủy sản: 328,52 tỷ đồng.

- Thu nhập từ phi nông, lâm nghiệp, thủy sản:142,04 tỷ đồng.

- Thu nhập tiền công, tiền lương: 428,84 tỷ đồng.

Hầu hết diện tích đất trong xã dùng sản xuất nông nghiệp, chủ yếu trồng xoài cát Hòa Lộc theo mô hình VietGAP, GlobalGAP với diện tích khoảng 560 ha, trong đó có 20 ha tiêu chuẩn VietGAP. Có những cây xoài lớn tuổi lên đến 70 năm. Xoài cát Hòa Lộc xuất khẩu ra nước ngoài khoảng 360 tấn/năm. Xoài được xuất sang các nước Pháp, Mỹ, Canada, Australia, Nhật Bản, Singapore, Trung Quốc. Chạy dọc theo bờ sông Tiền phía đông cầu Mỹ Thuận thuộc xã, trải dài hơn 6 km là ao cá ven sông và các bè cá của người dân địa phương với số lượng lớn.

Năm 2921, xã có 03 sản phẩm đạt chương trình OCOP: Xoài cát Hòa Lộc đạt 4 sao; Xoài Cát Hòa Lộc sấy dẻo đạt 3 sao, Chuối Xiêm sấy dẻo đạt 3 sao.

Giáo dục:

Xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học giáo dục trung học cơ sở, đạt chuẩn xóa mù chữ.

Trên địa bàn xã có 03 trường: Trường mầm non Hòa Hưng (đạt chuẩn Quốc gia), Trường tiểu học Hòa Hưng (đạt chuẩn Quốc gia), Trường trung học cơ sở Hòa Hưng.

Y tế:

Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 85,36% (2020).

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 11 biên chế: 01 bác sĩ, 07 y sĩ, 01 điều dưỡng, 01 dược sĩ, 01 nhân viên phụ trách dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các ấp đều có tổ y tế.

Giao thông:

- Đường xã: Đường cầu Ông Đội chiều dài 1 km, đạt chuẩn, chiếm tỷ lệ 100%.

- Đường ấp: Có 6 tuyến với tổng chiều dài 8.080m, đạt chuẩn 5/6 tuyến, dài 5.580m, chiếm tỷ lệ 69,1%.

- Đường ngõ, xóm: Có 19 tuyến đường với tổng chiều dài 14,398km, (06 tuyến đá, dài 5,05km; 13 tuyến bê tông, dài 9,348km).

Tháng 2 năm 2020, dự án cầu Mỹ Thuận 2 được khởi công xây dựng, cầu vượt sông Tiền với bờ bắc là xã Hòa Hưng.

Văn hóa:

Xã được công nhận là xã đạt chuẩn văn hóa năm 2015. Xã có 5/5 ấp được công nhận đạt tiêu chí văn hóa và giữ vững danh hiệu "Ấp văn hóa".

Xã có nhà văn hóa xã và 5/5 ấp có nhà văn hóa ấp.

Di sản văn hoá vật thể: Toàn xã có 11 di tích lớn nhỏ, trong đó có 2 di tích được xếp hạng cấp tỉnh, 7 cơ sở thờ tự văn hóa.

Di sản văn hoá phi vật thể: Di sản phi vật thể trên địa bàn xã có đờn ca tài tử, làng nghề làm bánh tráng, lễ hội kỳ yên ở đình thần.

Du lịch:

Năm 2020, Ủy ban nhân dân huyện Cái Bè đang có kế hoạch kêu gọi đầu tư dự án Khu du lịch sinh thái ở ấp Bình và Ấp Hòa, xã Hòa Hưng với

Thể thao:

Diện tích sân thể thao của xã 6.512m^2 bao gồm trung tâm văn hóa thể thao xã và trên địa bàn các ấpnhư: 01 sân bóng đá mini, 02 sân bóng chuyền, 01 sân cầu lông, 01 sân bóng rổ, 02 sân đá cầu và khu thể thao, sân tập thể thao đơn giản tại các ấp.

- Công trình văn hóa công cộng: Có sân vận động liên xã Hòa Hưng –An Thái Trung tại xã An Thái Trung với diện tích 7.350m^2 .

Tổng liệt sĩ: 149 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 19 Bà mẹ.

14. Xã Hòa Khánh

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

和 Hòa: Hoà hợp

慶 Khánh: Mừng, chúc mừng

Vị trí địa lý:

Xã Hòa Khánh nằm ở phía Nam của huyện Cái Bè, phía Đông giáp thị trấn Cái Bè và xã Đông Hòa Hiệp; phía Tây giáp xã Thiện Trí và xã Thiện Trung; phía Nam giáp xã Mỹ Đức Đông và sông Tiền; phía Bắc giáp xã Hậu Thành và xã Hậu Mỹ phú.

Diện tích tự nhiên: 2.253 ha.

Hành chính:

Xã có 7 ấp: Hòa Phúc, Hòa Lược, Hòa Quí, Hòa Hảo, Hòa Phú, Hòa Điền và ấp Khu Phố.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có hai thôn Hòa Mỹ và Mỹ Chánh thuộc tổng Kiến Phong, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, hai thôn này hợp nhất thành thôn Hòa Khánh thuộc tổng Phong Phú, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; năm 1900, làng Hòa Khánh thuộc tổng Phong Phú, tỉnh Mỹ Tho; năm 1912, làng này thuộc tổng Phong Phú, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là gọi là xã Hòa Khánh huyện Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp gọi là làng Hòa Khánh, tổng Phong Phú, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng gọi là xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ 1954-1961, là xã Hòa Khánh, tổng Phong Phú, quận Cái Bè, tỉnh Định Tường; từ năm 1961-1964, xã này thuộc tổng Phong Phú, quận Sùng Hiếu, tỉnh Định Tường; từ năm 1965-1975, là xã Hòa Khánh, quận Cái Bè, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Hòa Khánh thuộc huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Năm 2022, xã được công nhân đạt chuẩn xã Nông thôn mới.

Dân số: 19.992 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 51,4 triệu/người/năm (2020).

Kinh tế:

Kinh tế của xã chủ yếu là nông nghiệp, trong đó phần lớn là vườn cây ăn trái với diện tích 1.631 ha, sản lượng trái cây tăng từ 23.650 tấn năm 2015 lên 127.800 tấn năm 2020.

Chợ Hòa Khánh phục vụ nhu cầu vừa bán lẻ, vừa là đầu mối cung ứng hàng hóa cho các xã lân cận. Ngoài ra, các loại hình dịch vụ khá phát triển, như: vận chuyển, bưu chính viễn thông, tín dụng ngân hàng, dịch vụ ăn uống.

Giáo dục:

Trên địa bàn xã có 04 trường: Trường mẫu giáo Hòa Khánh, Trường tiểu học A Hòa Khánh (đạt chuẩn quốc gia), Trường tiểu học B Hòa Khánh, Trường trung học cơ sở Hòa Khánh:

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học và xóa mù chữ.

Y tế:

Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế 86% (2020).

Trạm y tế xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế. Trạm y tế có 12 biên chế: 01 bác sĩ, 07 y sĩ, 01 điều dưỡng, 02 dược sĩ, 01 nhân viên phụ trách dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các ấp đều có tổ y tế.

Giao thông:

- Đường thủy: Có các tuyến chính như sông Tiền chạy cặp phía nam dài 6 km, sông Trà Lọt từ sông Tiền nối đến Kênh/Kinh 28 dài hơn 10 km. Ngoài ra còn có nhiều rạch thông ra sông Tiền: rạch Bà Huê, Rạch Ba Xoài, Kinh cứu khổ, rạch Ông Tầm, Nước trong, Ông Khánh, Bà Đường....

- Đường bộ: Có Quốc lộ 1 ngang qua địa bàn xã dài 3 km, Đường tỉnh 863 ngang qua xã dài 1,3 km, Đường huyện 75 (Hòa Khánh - Miếu Cậu) dài 3,5 km, Đường huyện 23A (Cái Thia) dài 4,2 km. Ngoài ra, còn các tuyến đường giao thông nông thôn liên xã, liên ấp đều đã được nhựa hóa, bê tông hóa và cứng hóa (Đường xã: có 5 tuyến, Đường ấp: có 05 tuyến , Đường xóm: có 53 tuyến)....giúp cho việc đi lại, vận chuyển hàng hóa của nhân dân ngày càng thuận tiện.

Văn hóa:

Hoạt động văn hóa, văn nghệ, vui chơi giải trí phục vụ nhân dân được thực hiện thường xuyên, ngày càng thiết thực, có hiệu quả. Xã có nhà văn hóa xã và 7/7 ấp có nhà văn hóa ấp. Năm 2021, xã có 97% hộ đạt chuẩn gia đình văn hóa, 7/7 ấp công nhận là ấp văn hóa.

Du lịch:

Đa dạng hóa các loại hình du lịch sinh thái, vườn cây ăn trái đặc sản ở phía nam Quốc lộ 1, tham quan nhà cổ, di tích văn hóa (như mộ tổ Lê Văn Duyệt ở ấp Hòa Quí, miếu Hà Dương thủy thần ở ấp Hòa Lược, các chùa, các miếu trên địa bàn.

Thể thao:

Hiện nay xã có 2 sân bóng đá mini và 1 sân bóng chuyền dành cho nhân dân địa phương tham gia các hoạt động thể thao nhằm rèn luyện sức khỏe.

Tổng số liệt sĩ: 345 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 60 Bà mẹ.

15. Xã Mỹ Đức Đông

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

美 Mỹ: Tốt, đẹp

德 Đức: Đạo đức, đức hạnh

東 Đông: Phía đông

美德東社 Mỹ Đức Đông Xã

Vị trí địa lý:

Xã Mỹ Đức Đông nằm ở phía Nam của xã, phía đông giáp xã Thiện Trí; phía tây giáp xã Mỹ Đức Tây; phía nam giáp xã Mỹ Lương; phía bắc giáp xã Mỹ Tân và xã Thiện Trí.

Diện tích tự nhiên: 1.257,56 ha.

Hành chính:

Xã có 4 ấp: Mỹ Phú, Mỹ Quới, Mỹ Hưng A, Mỹ Hưng C.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Mỹ Đức Đông thuộc tổng Kiến Phong, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn này thuộc tổng Phong Hòa, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; năm 1900, làng Mỹ Đức Đông thuộc tổng Phong Hòa, tỉnh Mỹ Tho; năm 1912, làng này thuộc tổng Phong Hòa, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là gọi là xã Mỹ Đức Đông huyện Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp gọi là làng Mỹ Đức Đông, tổng Phong Hòa, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng gọi là xã Mỹ Đức Đông, huyện Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ 1954-1961, là xã Mỹ Đức Đông, tổng Phong Hòa, quận Cái Bè, tỉnh Định Tường; từ năm 1961-1964, xã này thuộc tổng Phong Hòa, quận Giáo Đức, tỉnh Định Tường; từ năm 1965-1975, là xã Mỹ Đức Đông, quận Giáo Đức, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Mỹ Đức Đông thuộc huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Năm 2018, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới.

Dân số: 10.150 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 53,46 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Nông nghiệp là chủ yếu. Diện tích trồng lúa giảm 70%, đa số người dân đã chuyển đổi từ đất lúa lên vườn trồng cây ăn quả. Kinh tế vườn có nhiều thuận lợi do có các ô đê bao được khép kín. Năm 2021, diện tích cây ăn trái toàn xã 837 ha, nâng suất bình quân 16,6/ 15 tấn /ha. Cây màu được sự quan tâm của hội khuyến

nông trồng nhiều loại loại hoa màu xen canh vườn và luân canh đất ruộng, đạt năng suất cao. Xã có Hợp tác xã nông nghiệp Mỹ Đức Đông.

Giáo dục:

Xã Mỹ Đức Đông đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và giáo dục trung học, đạt chuẩn xóa mù chữ.

Xã có 03 trường: Trường trung học cơ sở Mỹ Đức Đông, Trường tiểu học Mỹ Đức Đông (đạt chuẩn quốc gia), Trường mầm non Mỹ Đức Đông (đạt chuẩn quốc gia).

Y tế :

Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế đạt 86,30 % (2020).

Trạm y tế đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 09 biên chế: 01 bác sĩ, 06 y sĩ, 01 y tá, 01 dược sĩ. Tất cả các ấp đều có tổ y tế.

Giao thông:

Địa bàn xã có Quốc lộ 1 chạy ngang xã hơn 2 km cùng hệ thống đường xã, đường ấp, đường xóm đã được nhựa, bê tông và cứng hóa.

Văn hóa:

Xã Mỹ Đức Đông đạt chuẩn xã văn hóa mới 2015.

Có 4/4 ấp văn hóa, hằng năm được tái công nhận 4/4 ấp đạt tiêu chuẩn ấp văn hóa. Nhà văn hóa xã có diện tích 1.500m^2, với 200 chỗ ngồi; có 3 phòng chức năng. 4/4 ấp có nhà văn hóa ấp. Xã có 01 câu lạc bộ đờn ca tài tử.

Du lịch: Không có.

Thể thao:

Khu thể thao của xã có diện tích: 4.978 m^2 trên địa bàn 4 ấp; gồm 03 sân bóng chuyền, 3 sân cầu lông, 02 câu lạc bộ võ thuật,...

Tổng số bà mẹ Việt Nam Anh hùng: 39Bà mẹ.

16. Xã Mỹ Đức Tây

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính

Địa danh Hán Việt:

美 Mỹ: Tốt, đẹp

德 Đức: Đạo đức, đức hạnh

西 Tây: Phía tây

美德西社 Mỹ Đức Tây Xã

Vị trí địa lý:

Xã Mỹ Đức Tây nằm ở phía Nam của huyện; phía Đông giáp xã Mỹ Đức Đông; phía Tây giáp xã Mỹ Lợi A và xã An Thái Đông; phía Nam giáp xã Mỹ Lương, phía Bắc giáp xã Mỹ Tân và một phần xã Mỹ Đức Đông.

Diện tích tự nhiên: 1.988,44 ha.

Hành chính:

Xã có 05 ấp (Mỹ An, Mỹ Nghĩa 1, Mỹ Nghĩa 2, Mỹ Thạnh, Mỹ Tường) và 01 khu phố chợ.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Mỹ Đức Tây thuộc tổng Kiến Phong, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn này thuộc tổng Phong Phú, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; năm 1900, làng Mỹ Đức Tây thuộc tổng Phong Hòa, tỉnh Mỹ Tho; năm 1912, làng này thuộc tổng Phong Hòa, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là gọi là xã Mỹ Đức Tây huyện Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp gọi là làng Mỹ Đức Tây, tổng Phong Hòa, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng gọi là xã Mỹ Đức Tây, huyện Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ 1954-1961, là xã Mỹ Đức Tây, tổng Phong Hòa, quận Cái Bè, tỉnh Định Tường; từ năm 1961-1964, xã này thuộc tổng Phong Hòa, quận Giáo Đức, tỉnh Định Tường; từ năm 1965-1975, là xã Mỹ Đức Tây, quận Giáo Đức, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Mỹ Đức Tây thuộc huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Năm 2016, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới.

Dân số: 16.842 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 51,24 triệu /người/năm (2020).

Kinh tế:

Chủ yếu trồng các loại cây ăn trái như sau: mít, mận An Phước, sầu riêng, ổi,...

Xã có 01 chợ trung tâm với diện tích 1915,5 m^2 với 94 tiểu thương, đảm bảo là nơi trao đổi giao lưu hàng hóa của nhân dân trong và ngoài xã .

Xã có 1 hợp tác xã thành lập năm 2018, gồm có 283 thành viên. Hợp tác xã hoạt động theo 3 ngành dịch vụ chính là dịch vụ trồng trọt; dịch vụ tiêu thụ sản phẩm

trái cây chủ lực của xã, buôn bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; dịch vụ cung cấp nước sinh hoạt nông thôn.

Giáo dục:

Xã Mỹ Đức Tây đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và giáo dục trung học, đạt chuẩn xóa mù chữ.

Trên địa bàn xã có 04 trường học: rường mầm non Mỹ Đức Tây; Trường tiểu học A Mỹ Đức Tây (đạt chuẩn Quốc gia); Trường tiểu học B Mỹ Đức Tây; Trường trung học cơ sở Mỹ Đức Tây.

Y tế:

Trạm y tế xã Mỹ Đức Tây đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 06 biên chế: 01 bác sĩ, 01 y sĩ, 01 hộ lý, 02 điều dưỡng, 01 dược sĩ.

Tỷ lệ người tham gia BHYT trên địa bàn toàn xã đạt: 88,72% (2020). Tất cả các ấp đều có tổ y tế.

Giao thông:

Đường xã: Có 2 tuyến với tổng chiều dài 9,26 km, kết cấu bê tông.

Đường ấp: Có 4 tuyến đường với tổng chiều dài 16,1 km, kết cấu bê tông.

Đường xóm: Có 19 tuyến đường với chiều dài 35,21 km, được cứng hóa, không lầy lội vào mùa mưa.

Xã có 2 tuyến kênh cấp 1 và 24 tuyến kênh cấp 2 với tổng chiều dài 82,6 km đáp ứng yêu cầu giao thông thủy; cung cấp nước cho sinh hoạt, chăn nuôi gia súc, gia cầm và hoạt động sản xuất trên địa bàn.

Văn hóa:

Xã có Nhà văn hóa xã đạt chuẩn theo quy định, có 250 chỗ ngồi (có trang bị ampli, tivi, micro, loa) có tường rào bảo vệ, diện tích 1.670,3 m^2.

Có 5/5 ấp được công nhận đạt tiêu chí văn hóa và giữ vững danh hiệu "Ấp văn hóa" liên tục từ 05 năm trở lên; các ấp có nhà văn hóa liên ấp hoặc ấp như sau:

- Nhà văn hóa liên ấp Mỹ Nghĩa 1 và ấp Mỹ Nghĩa 2 với diện tích 500m^2 .
- Nhà văn hóa ấp Mỹ An với diện tích 500m^2.
- Nhà văn hóa ấp Mỹ Tường diện tích 500m^2
- Nhà văn hóa ấp Mỹ Thạnh sử dụng chung với nhà văn hóa xã.

Các nhà văn hóa đã được đầu tư trang bị đầy đủ trang thiết bị bên trong.

Xã có 1 phủ thờ văn hóa Dương Văn Tựu đạt chuẩn cấp Tỉnh và 03 cơ sở thờ tự văn hóa : Chùa Thiên Long Cổ Tự, Chùa Tam Bảo, Đồng Quang Trước Cảnh.

Du lịch: không.

Thể thao:

Trên địa bàn xã có 2 sân bóng đá mini, cỏ nhân tạo diện tích 1.710m^2, 02 sân bóng chuyền diện tích khoảng 200m^2/sân; 02 sân cầu lông 400m^2 tại trung tâm văn hóa xã, có 01 phòng tập thể thao đơn giản.

Xã Mỹ Đức Tây có 3 điểm vui chơi giải trí cho trẻ em và người cao tuổi

+ Mỹ Tường: có khu vui chơi cho trẻ em như nhà banh, ván trượt, xích đu

+ Mỹ Nghĩa 1 có hồ bơi.

+ Mỹ Thạnh có điểm tập thể dục và các dụng cụ thể thao, giải trí cho người cao tuổi.

Về khu thể thao ấp: các sân tập thể thao mỗi ấp tổng cộng trên 500m^2 đảm bảo nơi tập luyện thể dục thể thao cho nhân dân trên địa bàn các ấp.

Tổng số liệt sĩ: 252 liệt sĩ.

Tổng số Mẹ Việt Nam anh hùng: 40 Bà mẹ.

17. Xã Mỹ Hội

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

美 Mỹ: Tốt, đẹp

會 Hội: Hội hè, tụ hội

美會社 Mỹ Hội Xã

Vị trí địa lý:

Xã nằm về phía Đông Bắc của huyện; phía đông giáp xã Mỹ Thành Nam, huyện Cai Lậy; phía Tây giáp xã Hậu Mỹ Phú; phía Nam giáp xã Hậu Thành và xã An Cư; phía Bắc giáp xã Hậu Mỹ Trinh.

Diện tích tự nhiên: 1.377,24 ha.

Hành chính :

Xã có 04 ấp: Mỹ Trung , Mỹ Thuận, Mỹ Chánh A, Mỹ Chánh B.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Mỹ Hòa thuộc tổng Kiến Phong, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng có thêm thôn An Cư; hai thôn Mỹ Hòa và An Cư thuộc tổng Phong Hòa, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị, năm 1877, làng Mỹ Hòa đổi thành Mỹ Hội; năm 1900, hai làng Mỹ Hội và An Cư thuộc tổng Phong Hòa, tỉnh Mỹ Tho; năm 1912, hai làng Mỹ Hội và An Cư thuộc tổng Phong Hòa, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho; năm 1925, hợp nhất hai làng Mỹ Hội và An Cư thành làng Hội Cư, tổng Phong Hòa, quận Cái Bè, tỉnh Định Tường.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là gọi là xã Hội Cư, huyện Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp gọi là làng Hội Cư, tổng Phong Hòa, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Hội Cư thuộc huyện Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ 1954-1961, là xã Hội Cư, tổng Phong Hòa, quận Cái Bè, tỉnh Định Tường; từ năm 1961-1964, xã thuộc tổng Phong Hòa, quận Sùng Hiếu, tỉnh Định Tường; từ năm 1964-1975, là xã Hội Cư , quận Cái Bè, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Hội Cư thuộc huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Năm 2015, xã Mỹ Hội được thành lập trên cơ sở điều chỉnh một phần diện tích và dân số xã Hội Cư. Năm 2017, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới.

Dân số: 8.315 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 55 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Trong cơ cấu kinh tế của xã Mỹ Hội, sản xuất nông nghiệp là ngành chính, bên cạnh đó còn có lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ cũng phát triển mạnh. Các cơ sở xay xát lúa gạo kết hợp lò sấy lúa trên địa bàn xã tập trung chủ yếu dọc hai bên bờ Kênh/Kinh 8, năm 2021, có 14 cơ sở xay xát lúa gạo; trong đó, có 09 cơ sở xay xát kết hợp lò sấy lúa và 03 cơ sở chuyên sấy lúa; 03 cơ sở ép củi trấu.

Trên địa bàn xã có 490 cơ sở sản xuất kinh doanh tiểu thủ công nghiệp và thương mại - dịch vụ, trong đó có 17 doanh nghiệp và 473 hộ kinh doanh cá thể.

Xã có Hợp tác xã Dịch vụ sản xuất Nông nghiệp với 51 thành viên, thành lập năm 2017. Hợp tác xã đã tham gia vào chuỗi giá trị gắn với sản phẩm chủ lực là cung ứng giống và bao tiêu sản phẩm đầu ra cho thành viên hợp tác xã.

Trên địa bàn xã có 1 chợ đang hoạt động là Chợ Giồng. Chợ Giồng có diện tích 4.527,3m^2, là chợ trung tâm xã ở ấp Mỹ Trung, hoạt động mua - bán, trao đổi hàng hóa ở khu vực Chợ Giồng tương đối nhộn nhịp với các mặt hàng chủ yếu phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt tại chỗ của người dân.

Giáo dục:

Xã Mỹ Hội đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Trên địa bàn xã có 03 trường: Trường mầm non Mỹ Hội (đạt chuẩn Quốc gia); Trường tiểu học Đoàn Thị Nghiệp (đạt chuẩn Quốc gia); Trường trung học cơ sở Mỹ Hội.

Y tế:

Trạm Y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 02 hộ sinh, 01 lương y.

Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 92,53% (2020). Tất cả các ấp đều có tổ y tế.

Giao thông:

Xã có Đường huyện 71 và Đường huyện 72 đi qua địa bàn.

Bên cạnh đó, xã còn có hệ thống đường xã (2 tuyến), đường ấp (4 tuyến) và đường xóm (20 tuyến). Tất cả đã được láng nhựa, bê tông và cứng hóa.

Văn hóa:

Xã đã cải tạo hội trường UBND xã thành Nhà văn hóa xã, có 200 chỗ ngồi, diện tích 540 m^2, 3 phòng chức năng gồm phòng thông tin - truyền thanh (24m^2), phòng thư viện (50m^2) và phòng hành chính (24m^2).

- 100% ấp có Nhà văn hóa - khu thể thao ấp (liên ấp) làm nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng.

Xã có 4/4 ấp đạt danh hiệu ấp văn hóa, đạt 100% được tái công nhận và giữ vững danh hiệu "Ấp văn hóa" từ 5 năm trở lên. Thực hiện bình xét gia đình văn hóa hằng năm đạt trên 96% số hộ đạt 3 tiêu chuẩn gia đình văn hóa.

Ngoài ra, xã còn có 1 đình thần, 1 miếu Bà Chúa Xứ, 1 ngôi chùa Phước Hội (thuộc ấp Mỹ Trung).

Thể thao:

Trên địa bàn xã có 2 sân bóng chuyền với diện tích 1200m^2, 01 sân bóng đá ở ấp Mỹ Trung diện tích 7.000m^2, các sân thể thao đơn giản với diện tích 2000m^2, có 01 sân bóng đá mini diện tích 400m^2

Tổng số liệt sĩ: 160 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ VN anh hùng: 31 Bà mẹ.

18. Xã Mỹ Lợi A

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

美 Mỹ: Tốt, đẹp

利 Lợi: Lợi ích

美利社 Mỹ Lợi Xã

A: chữ cái La tinh, chỉ sự phân biệt với xã Mỹ Lợi B.

Vị trí địa lý:

Xã Mỹ lợi A nằm ở phía Bắc của huyện; phía Đông giáp xã Mỹ Đức Tây; phía Tây giáp xã An Thái Trung và xã Mỹ Lợi B; phía Nam giáp xã An Thái Trung và xã An Thái Đông; phía Bắc giáp xã Mỹ Lợi B và xã Mỹ Tân.

Diện tích tự nhiên: 1.747 ha.

Hành chính:

Xã có 4 ấp: Mỹ An, Lợi Trinh, Lợi Tường, Lợi Nhơn

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Mỹ Lợi thuộc tổng Kiến Phong, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn này thuộc tổng Phong Phú, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; năm 1900, làng Mỹ Lợi thuộc tổng Phong Phú, tỉnh Mỹ Tho; năm 1912, làng này thuộc tổng Phong Phú, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là gọi là xã Mỹ Lợi, huyện Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp gọi là làng Mỹ Lợi, tổng Phong Phú, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng gọi là xã Mỹ Lợi, huyện Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ 1954-1961, là xã Mỹ Lợi, tổng Phong Phú, quận Cái Bè, tỉnh Định Tường; từ năm 1961-1964, xã này thuộc tổng Phong Phú, quận Giáo Đức, tỉnh Định Tường; từ năm 1965-1975, là xã Mỹ Lợi, quận Giáo Đức, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Mỹ Lợi thuộc huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang; năm 1979, xã Mỹ Lợi được tách thành hai xã: Mỹ Lợi A và Mỹ Lợi B. Năm 2018, xã Mỹ Lợi A được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới.

Dân số: 10.639 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 56,13 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Người dân đa số sống dựa vào nông nghiệp, trong đó làm vườn là chính. Xã Mỹ Lợi A có diện tích vườn cây ăn trái 1.500 ha, chiếm khoảng 100% diện tích đất sản xuất nông nghiệp, nên có rất nhiều vựa trái cây mở ra thúc đẩy việc trao đổi, mua bán nông sản giữa các vùng, người lao động có việc làm ổn định, thu nhập của

người dân tăng lên, một số ngành nghề khác như: dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp cũng đang phát triển.

Trên địa bàn xã có Hợp tác xã nông nghiệp Mỹ Lợi A, được thành lập năm 2017. Ngành nghề hoạt động: Mua bán trái cây các loại; ươm, bán cây giống; kinh doanh vật tư nông nghiệp; kinh doanh thức ăn chăn nuôi và cung cấp nước sinh hoạt nông thôn.

Giáo dục:

Xã Mỹ Lợi A đạt chuẩn Quốc gia về công tác phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Xã có 3 trường: Trường Mầm non Mỹ Lợi A (đạt chuẩn Quốc gia), Trường tiểu học Mỹ Lợi A (đạt chuẩn Quốc gia), Trường trung học cơ sở Mỹ Đức Tây.

Y tế:

Trạm y tế đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 08 biên chế: 01 bác sĩ, 04 y sĩ, 01 hộ sinh, 01 dược sĩ, 01 lương y. Tất cả các ấp đều có tổ y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 90,8% (2020).

Giao thông:

Đường thủy đi ngang qua xã có Kênh/Kinh 5 dài 3,1 km, kênh/kinh Cổ Cò dài 6,5 km. Các tuyến kênh/kinh này thông ra sông Tiền ở phía Nam và kênh/kinh Nguyễn Văn Tiếp ở phía Bắc cho phép các phương tiện thuỷ có trọng tải từ nhỏ đến lớn lưu thông dễ dàng.

Đường bộ đi ngang qua xã có Đường tỉnh 861 dài 6,5 km, Đường huyện 79 dài 6 km. Đường nông thôn có 31 tuyến dài khoảng 58,2 km.

Văn hóa:

Xã có nhà văn hóa xã đúng chuẩn quy định

Có 04/04 ấp văn hóa; 100% ấp có Nhà văn hóa – khu thể thao ấp (liên ấp) làm nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng.

Hộ gia đình văn hóa được xét bình chọn hàng năm đạt 96,3%.

Du lịch: Không.

Thể thao:

Xã có 01 sân bóng đá, 03 sân bóng chuyền, 02 sân cầu lông, 01 đội bóng đá, 01 đội bóng chuyền, người dân thường xuyên tập thể thao. Có 02 điểm vui chơi giải trí cho trẻ em. Có 01 hồ bơi di động tại trường trung học cơ sở.

Tổng số liệt sĩ: 202 liệt sĩ

Tổng số Bà mẹ VN anh hùng: 49 Bà mẹ.

19. Xã Mỹ Lợi B

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

美 Mỹ: Tốt, đẹp

利 Lợi: Lợi ích

美利社 Mỹ Lợi Xã

B: chữ cái La tinh, chỉ sự phân biệt với xã Mỹ Lợi A.

Vị trí địa lý:

Xã nằm về phía Tây của huyện; phía Bắc giáp xã Mỹ Trung; phía Nam giáp ba xã Tân Hưng, Mỹ Lợi A và An Thái Trung; phía Đông giáp xã Mỹ Tân; phía Tây giáp tỉnh Đồng Tháp.

Diện tích tự nhiên: 1.876,8 ha.

Hành chính:

Xã có 04 ấp: Lợi Nhơn, Mỹ Thạnh, Lợi Thuận và Hưng Lợi.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Mỹ Lợi thuộc tổng Kiến Phong, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn này thuộc tổng Phong Phú, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; năm 1900, làng Mỹ Lợi thuộc tổng Phong Phú, tỉnh Mỹ Tho; năm 1912, làng này thuộc tổng Phong Phú, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là gọi là xã Mỹ Lợi, huyện Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp gọi là làng Mỹ Lợi, tổng Phong Phú, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng gọi là xã Mỹ Lợi, huyện Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ 1954-1961, là xã Mỹ Lợi, tổng Phong Phú, quận Cái Bè, tỉnh Định Tường; từ năm 1961-1964, xã này thuộc tổng Phong Phú, quận Giáo Đức, tỉnh Định Tường; từ năm 1965-1975, là xã Mỹ Lợi, quận Giáo Đức, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Mỹ Lợi thuộc huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang; năm 1979, xã Mỹ Lợi được tách thành hai xã: Mỹ Lợi A và Mỹ Lợi B. Năm 2020, xã Mỹ Lợi B được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới. Năm 2023, xã được công nhân đạt chuẩn xã Nông thôn mới nâng cao.

Dân số: 8.564 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 52,15 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Xã Mỹ Lợi B có diện tích trồng lúa chiếm khoảng 85% diện tích đất sản xuất nông nghiệp. Một số ngành nghề khác, như dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp cũng đang phát triển. Tổng thu nhập bình quân của xã là 404,191 tỷ đồng (2020)

Giáo dục:

Xã Mỹ Lợi B đạt chuẩn Quốc gia về công tác phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Xã có 3 trường: Trường mầm non Mỹ Lợi B (đạt chuẩn Quốc gia), Trường tiểu học và trung học cơ sở Mỹ Lợi B (đạt chuẩn Quốc gia), Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Ngô Văn Nhạc.

Y tế:

Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 85,98% (2020).

Trạm Y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 01 hộ sinh, 01 dược sĩ, 01 nhân viên dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các ấp đều có tổ y tế.

Giao thông:

Về giao thông đường bộ:

Tuyến Đường tỉnh 861 đi ngang qua xã với chiều dài 5 km.

Tuyến Đường huyện 79 đi ngang qua xã với chiều dài 2,5 km

Đường xã có 02 tuyến với tổng chiều dài 2,96 km, đã được trải nhựa: đường kênh/kinh Kho - cầu Kênh/Kinh 8 Mét giáp ranh xã Mỹ Trung, dài 1,5 km; đường Tây Cổ Cò, dài 1,46 km.

Đường ấp có 2 tuyến với tổng chiều dài 7,2 km, đã được: đường Tây kênh/kinh Cùng, dài 3,3 km; đường Tây Bảy Khao, dài 3,9 km.

Đường xóm có 24 tuyến với tổng chiều dài 47,325 km; trong đó có: 11 tuyến đã trải đá, dài 18,338 km; 12 tuyến đã trải bê tông và nhựa, dài 24,511 km; chỉ còn 1 tuyến dài 4,476 km chưa được cứng hóa.

Giao thông đường thủy có các tuyến kênh/kinh rạch chính, như rạch Cổ Cò, kênh/kinh Nguyễn Văn Tiếp, Rạch Ruộng,…

Hệ thống giao thông bộ, thủy có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của xã.

Văn hóa:

Nhà văn hóa xã có diện tích 2.837m^2 với hội trường có 200 chỗ ngồi, có đủ trang thiết bị: bàn, ghế, giá, tủ, trang bị âm thanh, ánh sáng, thông gió, đài truyền thanh; có 03 phòng chức năng: phòng hành chính (30m^2), phòng thông tin và truyền thanh (30m^2), phòng sinh hoạt câu lạc bộ (48 m^2).

Có 04/04 ấp được công nhận đạt tiêu chí văn hóa và giữ vững danh hiệu "Ấp văn hóa" liên tục từ 05 năm trở lên, chiếm 100%.

Du lịch: Không.

Thể thao:

Diện tích sân thể thao của xã 2.400 m^2 đặt tại Trung tâm xã và trên địa bàn ấp Lợi Thuận.

Các trường đều có điểm vui chơi, thể dục thể thao, giải trí cho trẻ em tại sân trường tiểu học và THCS và các nhà văn hóa ấp, nhà văn hóa xã.

Tổng số liệt sĩ: 105 liệt sĩ

Tổng số Bà mẹ VN anh hùng: 18 Bà mẹ.

20. Xã Mỹ Lương

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

美 Mỹ: Tốt, đẹp

良 Lương: Lương thiện, hiền lành

美良社 Mỹ Lương Xã

Vị trí địa lý:

Xã Mỹ Lương nằm phía tây nam của huyện; phía Đông giáp sông Tiền; phía Tây giáp xã An Hữu và xã An Thái Đông; phía Nam giáp xã Hòa Hưng; phía Bắc giáp xã Mỹ Đức Tây và xã Mỹ Đức Đông.

Hành chính:

Xã Mỹ Lương có 5 ấp: Lương Nhơn, Lương Ngãi, Lương Lễ, Lương Trí, Lương Tín.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Mỹ Lương thuộc tổng Kiến Phong, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn này thuộc tổng Phong Phú, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; năm 1900, làng Mỹ Lương thuộc tổng Phong Phú, tỉnh Mỹ Tho; năm 1912, làng này thuộc tổng Phong Phú, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là gọi là xã Mỹ Lương, huyện Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp gọi là làng Mỹ Lương, tổng Phong Phú, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng gọi là xã Mỹ Lương, huyện Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ 1954-1961, là xã Mỹ Lương, tổng Phong Phú, quận Cái Bè, tỉnh Định Tường; từ năm 1961-1964, xã này thuộc tổng Phong Phú, quận Giáo Đức, tỉnh Định Tường; từ năm 1965-1975, là xã Mỹ Lương, quận Giáo Đức, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Mỹ Lương thuộc huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Năm 2019, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới.

Dân số: 10.961 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 57,17 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế

Người dân đa số sống dựa vào nông nghiệp, trong đó làm vườn là chính và nuôi cá bè. Xã có diện tích vườn cây ăn trái: 983,7 ha, diện tích thủy sản: 3900m^2. Xã có 1 hợp tác xã dịch vụ sản xuất nông nghiệp.

Giáo dục:

Xã đạt chuẩn Quốc gia về công tác phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Xã có 3 trường: Trường mầm non Mỹ Lương, Trường tiểu học Mỹ Lương, Trường trung học cơ sở Mỹ Lương. Tất cả các trường đều đạt chuẩn quốc gia.

Y tế:

Trạm y tế đạt tiêu chí Quốc gia về Y tế xã, có 11 biên chế: 01 bác sĩ, 05 y sĩ, 01 hộ lý, 01 hộ sinh, 02 y tá, 01 lương y. Tất cả các ấp đều có tổ y tế. Tỷ lệ người dân tham gia BHYT đạt 90% (2020).

Giao thông:

Qua xã có Quốc lộ 1. Đường xã có một tuyến đường với tổng chiều dài 3,45 km, đã được trải nhựa. Đường ấp có 11 tuyến đường với chiều dài 17,48km, đã được trải bê tông và đá.

+ Cầu có 2 chiếc cầu dài từ 12- 18m, kết cấu bê tông cốt thép.

Về đường thủy, có sông Tiền chảy ngang qua xã và hệ thống kênh/kinh rạch dày đặc; có ba bến đò ngang.

Giao thông thủy, bộ ở xã thuận lợi, phục vụ tốt cho việc đi lại của nhân dân và giao thương, vận chuyển hàng hóa.

Văn hóa:

Có 100% gia đình đạt chuẩn gia đình văn hóa, có 05/05 ấp liên tục được tái công nhận danh hiệu ấp văn hóa.

Xã có nhà văn hóa xã đúng chuẩn quy định, 05/05 ấp đều có nhà văn hóa, có 04/05 ấp có câu lạc bộ đờn ca tài tử.

Năm 2011, Đình Mỹ Lương được Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch công nhận "Di tích kiến trúc nghệ thuật Quốc gia".

Thể thao:

Có 1 sân vận động mini trong khuôn viên trường trung học cơ sở, 2 sân cầu lông, 1 sân tập thể dục dưỡng sinh

Du lịch:

Đình Mỹ Lương được Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch công nhận "Di tích kiến trúc nghệ thuật Quốc gia" thu hút du khách trong và ngoài tỉnh đến tham quan.

Tổng số liệt sĩ: 278 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 46 Bà mẹ.

21. Xã Mỹ Tân

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

美 Mỹ: Tốt, đẹp

新 Tân: Mới mẻ

美新社 Mỹ Tân Xã

Vị trí địa lý:

Xã Mỹ Tân nằm về phía Bắc huyện Cái Bè; phía Đông giáp hai xã Thiện Trung và Mỹ Đức Đông; phía Tây giáp xã Mỹ Lợi B; phía Nam giáp xã Mỹ Lợi A; phía Bắc giáp xã Mỹ Trung.

Diện tích tự nhiên: 1.736 ha.

Hành chính:

Xã Mỹ Tân có 04 ấp: Ấp 1, Ấp 2, Ấp 3, Ấp 4.

Lịch sử hình thành:

Năm 1990, xã Mỹ Tân được thành lập trên cơ sở điều chỉnh diện tích và dân số của các xã Mỹ Trung, Mỹ Lợi B, Mỹ Đức Tây và nông trường Ngô Văn Nhạc. Năm 2019, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới. Năm 2021, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới nâng cao.

Dân số: 6.048 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 60,4 triệu đồng/người/năm (2021).

Kinh tế:

Kinh tế chủ yếu là nông nghiệp, Diện tích lúa gieo sạ hàng năm là 4.083 ha; năng suất bình quân 6,61 tấn/ha.

Vườn cây ăn trái phát triển tốt với diện tích 463 ha, sản lượng hàng năm 3.256 tấn/năm. Thu nhập lợi nhuận bình quân là 120 triệu đồng/ha/năm.

Diện tích gieo trồng màu hàng năm 248 ha; sản lượng 1.070tấn/năm.

Tổng đàn heo hằng năm 4.760 con, bò 47 con, đàn gia cầm 110.240 con.

Thủy sản cho thu nhập cao nên diện tích thả nuôi tăng lên, đạt 56 ha/năm.

Giáo dục:

Xã có 02 trường: Trường tiểu học Ngô Văn Nhạc (đạt chuẩn Quốc gia), Trường mầm non Mỹ Tân.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về công tác phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt tiêu chí Quốc gia về Y tế xã, có 06 biên chế: 01 bác sĩ, 04 y sĩ, 01 hộ sinh. Tất cả các ấp đều có tổ y tế.

Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 88,42% (2020).

Giao thông:

Địa bàn xã có các tuyến đường tỉnh và đường huyện đi qua: Đường tỉnh 861, Đường Giữa huyện, cùng hệ thống kênh mương rộng khắp.

Văn hóa:

Xã có 4/4 ấp văn hóa.

Có 01 nhà văn hóa cấp xã, 01 nhà văn hóa liên ấp. Trụ sở 04 ấp được trang bị đạt theo nông thôn mới.

Đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân; các giá trị văn hóa của dân tộc được phát huy. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá", gắn với cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh". Hằng năm, có 85,1 % hộ gia đình được công nhận danh hiệu văn hóa.

Du lịch: Không.

Thể thao:

Xã có 01 sân bóng đá, 6 sân bóng chuyền, 04 sân cầu lông đạt theo tiêu chí nông thôn mới.

Tổng số liệt sĩ: 51 liệt sĩ

Tổng số Bà mẹ VN anh hùng: Không.

22. Xã Mỹ Trung

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Xã Mỹ Trung

美 Mỹ: Tốt, đẹp

忠 Trung: Trung thành

美忠社 Mỹ Trung Xã

Vị trí địa lý:

Xã Mỹ Trung nằm về phía Tây Bắc của huyện; phía Đông giáp xã Hậu Mỹ Bắc A, xã Thiện Trung; phía Tây và phía Bắc giáp xã Phú Điền, huyện

Hành chính:

Xã Mỹ Trung có 04 ấp: Mỹ Hiệp, Mỹ Hòa, Mỹ Thị A, Mỹ Thị B.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Mỹ Đức Tây thuộc tổng Kiến Phong, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn này thuộc tổng Phong Phú, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; năm 1900, làng Mỹ Đức Tây thuộc tổng Phong Hòa, tỉnh Mỹ Tho; năm 1912, làng này thuộc tổng Phong Hòa, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho; năm 1939, trên cơ sở điều chỉnh một phần diện tích và dân số của làng Mỹ Đức Tây, làng Mỹ Trung được thành lập, thuộc tổng Phong Hòa, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là gọi là xã Mỹ Trung, huyện Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp gọi là làng Mỹ Đức Tây, tổng Phong Hòa, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng gọi là xã Mỹ Trung, huyện Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ 1954-1961, gọi là xã Mỹ Đức Tây, tổng Phong Hòa, quận Cái Bè, tỉnh Định Tường; từ năm 1961-1964, xã này thuộc tổng Phong Hòa, quận Giáo Đức, tỉnh Định Tường; từ năm 1965-1975, gọi là xã Mỹ Đức Tây, quận Giáo Đức, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Mỹ Trung thuộc huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Năm 2017, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông nghiệp mới.

Dân số: 10.023 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 52 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Kinh tế của xã chủ yếu là nông nghiệp, nhất là việc trồng lúa theo mô hình kết hợp lúa - cá, các cánh đồng lúa được nuôi kết hợp các giống cá: rô đồng, trê lai, sặc rằn, mè, trắm, rô,... Diện tích lúa 3 vụ là 1.545 ha.

Ngoài ra, xã còn tổ chức mô hình Cánh đồng lớn 300 ha. Có 02 Cánh đồng lớn: cánh đồng lớn ấp Mỹ Hiệp, diện tích: 150 ha; cánh đồng lớn ấp Mỹ Hòa, diện tích: 150 ha.

Xã có Hợp tác xã nông nghiệp Nguyễn Văn Thạnh, với 520 thành viên và diện tích sản xuất trên 500 ha.

Về lĩnh vực chăn nuôi, Mỹ Trung có tổng đàn heo 16.000 con, đàn bò 120 con, đàn dê 220 con, đàn gia cầm 103.000 con.

Trung tâm mua bán của xã là chợ Mỹ Trung, tọa lạc tại đoạn cuối của Đường tỉnh 863, ngay Ngã Sáu (điểm giao của 6 con kênh), đối diện với chợ xã Phú Điền, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Giáo dục:

Xã có 02 trường: Trường mầm non Mỹ Trung, Trường tiểu học và trung học cơ sở Mỹ Trung. Cả hai trường đều được công nhận đạt chuẩn Quốc gia.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về công tác phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm Y tế đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 01 hộ sinh, 01 điều dưỡng, 01 dược sĩ. Các tổ chăm sóc sức khỏe cộng

Giao thông:

Đi ngang qua xã có 02 tuyến Đường tỉnh 861 và 863, dài khoảng 10 km.

Có 02 tuyến kênh/kinh rạch chính là tuyến Kênh/Kinh 28 từ Ngã Sáu kéo dài đến giáp xã Thiện Trung và kênh Nguyễn Văn Tiếp Từ Ngã Sáu kéo dài đến giáp xã Hậu Mỹ Bắc A.

Đường giao thông nông thôn liên ấp, liên xã đã được trải nhựa hoặc bê tông hóa rất thuận tiện cho việc đi lại của nhân dân và giao thương hàng hóa.

Xã có chiếc cầu dây văng dầm thép bắc ngang qua kênh/kinh Nguyễn Văn Tiếp. Đây là cây cầu lớn nhất và quan trọng nhất xã, được xây dựng và khánh thành vào năm 2017, phục vụ 15.000 lượt người qua lại mỗi ngày.

Văn hóa:

Xã có 01 nhà văn hóa xã đạt chuẩn quy định, có 04/04 ấp có nhà văn hóa, 04/04 ấp được công nhận đạt tiêu chí văn hóa và giữ vững danh hiệu "Ấp văn hóa" liên tục từ 05 năm trở lên.

Du lịch:

Có 01 Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh Chiến thắng Ngã sáu - Bằng Lăng, thu hút du khách, nhất là học sinh - sinh viên, trong và ngoài tỉnh đến tham quan..

Thể thao:

Có 01 sân vận động mini và 02 sân bóng chuyền trong khuôn viên trường tiểu học và trung học cơ sở.

Tổng số liệt sĩ: 178 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ VN anh hùng: 42 Bà mẹ.

23. Xã Tân Hưng

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

新 Tân: Mới mẻ

興 Hưng: Hưng thịnh

新興社 Tân Hưng Xã

Vị trí địa lý:

Xã Tân Hưng nằm ở phía Tây của huyện Cái Bè; phía Đông giáp xã An Thái Trung; phía Tây giáp xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; phía Nam giáp xã Tân Thanh; phía Bắc giáp xã Mỹ Lợi B, xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Diện tích tự nhiên: 1.940,6 ha.

Hành chính:

Xã Tân Hưng được chia làm 04 ấp: Ấp 1, Ấp 2, Ấp 3, Ấp 4.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Thanh Hưng thuộc tổng Kiến Phong, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn này thuộc tổng Phong Phú, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; năm 1900, làng Thanh Hưng thuộc tổng Phong Phú, tỉnh Mỹ Tho; năm 1912, làng này thuộc tổng Phong Phú, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là gọi là xã Thanh Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp gọi là làng Thanh Hưng, tổng Phong Phú, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng gọi là xã Thanh Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ 1954-1961, là xã Thanh Hưng, tổng Phong Phú, quận Cái Bè, tỉnh Định Tường; từ năm 1961-1964, xã này thuộc tổng Phong Phú, quận Giáo Đức, tỉnh Định Tường; từ năm 1965-1975, là xã Thanh Hưng, quận Giáo Đức, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Thanh Hưng thuộc huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang; năm 1979, xã Thanh Hưng chia ra thành hai xã: Tân Hưng và Tân Thanh. Năm 2018, xã Tân Hưng được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới.

Dân số: 13.396 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 57,05 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Kinh tế xã Tân Hưng chủ yếu sản xuất nông nghiệp, chiếm tỷ lệ 80%, người dân chuyển dịch từ trồng lúa sang trồng vườn cây ăn trái có giá trị kinh tế và cho thu nhập cao như: sầu riêng, mít, xoài cát Hòa Lộc, chanh, ổi,….

Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ chiếm 20%, xã có chợ Vàm Xáng, đảm bảo việc mua bán hàng hóa.

Giáo dục:

Trên địa bàn xã có 03 trường: Trường trung học cơ sở Tân Hưng. Trường tiểu học Tân Hưng, Trường mầm Non Tân Hưng (đạt chuẩn Quốc gia).

Xã đạt chuẩn Quốc gia về công tác phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 04 y sĩ, 01 hộ sinh, 01 lương y. Tất cả các ấp đều có tổ y tế.

Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế trên toàn xã đạt 85,39%.

Giao thông:

Hệ thống giao thông xã có tuyến Quốc lộ 30 đi qua dài trên 6km, đường giao thông nông thôn liên ấp, liên xã đã được trải nhựa hoặc bê tông hóa đạt trên 80% rất thuận tiện cho việc đi lại của bà con. Hệ thống kênh/kinh, sông, rạch chằng chịt gồm kênh/kinh Rạch Đào, rạch Cái Lân, Rạch Ruộng, kênh/kinh Nguyễn Văn Tiếp

B,… rất thuận tiện cho việc luân chuyển hàng hóa từ địa phương cũng như các tỉnh miền Tây đi Thành phố Hồ Chí Minh và ngược lại

Văn hóa:

Xã Tân Hưng được công nhận là xã văn hóa vào năm 2005. Xã có nhà văn hóa xã, 4/4 ấp có nhà văn hóa ấp, đảm bảo cho việc sinh hoạt, học tập của cán bộ và người dân.

Xã có 4/4 ấp được công nhận là ấp văn hóa và liên tục 5 năm liền được tái công nhận danh hiệu ấp văn hóa.

Trên địa bàn xã có Phủ thờ Chủ Tịch Hồ Chí Minh được xây dựng vào ngày 19/5/1975 nằm trên bờ kênh/kinh Nguyễn Văn Tiếp B, phía Đông cầu Rạch Ruộng ở ấp 2 và Khu di tích chiến thắng 37 tàu nằm ở bờ Tây kênh/kinh Nguyễn Văn Tiếp B, ở ấp 3 xã Tân Hưng. Cả 02 di tích trên đều được xây dựng khá khang trang có trồng nhiều loại hoa, cây kiểng và phân công người chăm sóc, bảo vệ. Được công nhận là di tích văn hóa cấp tỉnh, hàng năm vào các ngày lễ, tết, cán bộ và nhân dân trong và ngoài xã đều đến đây kính dâng hương, hoa trước tượng Bác và các anh hùng liệt sĩ.

Xã duy trì tốt mô hình viếng mộ liệt sĩ và Bà mẹ Việt Nam anh hùng chôn cất tại đất nhà nhân dịp lễ 27/7 và Tết Nguyên đán. Từ đó góp phần giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ và phong trào đền ơn đáp nghĩa ở địa phương. Xã và các ấp đều có câu lạc bộ đờn ca tài tử.

Du lịch:

Xã có hai khu di tích cấp tỉnh (như đã nêu ở mục 12. Văn hóa) thu hút đông đảo nhân dân địa phương và du khách trong và ngoài tỉnh đến tham quan, chiêm bái và tổ chức các hoạt động dã ngoại nhân dịp lễ, tết.

Thể thao:

Phong trào thể dục thể thao cũng được quan tâm crú trọng, hàng năm nhân dịp lễ, tết, xã tổ chức các hoạt động thể thao để vui chơi và rèn luyện sức khỏe. Phong trào tập thể dục, thể thao luôn được duy trì thường xuyên nhất là phong trào tập thể dục buổi sáng.

Xã, ấp đều có câu lạc bộ thể dục dưỡng sinh, đội bóng đá, bóng chuyền,…

Tổng số liệt sĩ: 218 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 39 Bà mẹ.

24. Xã Tân Thanh

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

新 Tân: Mới mẻ

清 Thanh: Trong sạch

新清社 Tân Thanh Xã

Vị trí địa lý:

Xã Tân Thanh nằm ở phía tây nam của huyện Cái Bè; phía Đông giáp xã An Hữu, huyện Cái Bè; phía Tây giáp xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; phía Nam giáp xã An Nhơn và xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp; phía Bắc giáp với xã Tân Hưng, huyện Cái Bè.

Diện tích tự nhiên: 1.295,25 ha.

Hành chính:

Xã có 04 ấp, bao gồm ấp 1, ấp 2, ấp 3 và ấp 4.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Thanh Hưng thuộc tổng Kiến Phong, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn này thuộc tổng Phong Phú, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; năm 1900, làng Thanh Hưng thuộc tổng Phong Phú, tỉnh Mỹ Tho; năm 1912, làng này thuộc tổng Phong Phú, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là gọi là xã Thanh Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp gọi là làng Thanh Hưng, tổng Phong Phú, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng gọi là xã Thanh Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ 1954-1961, là xã Thanh Hưng, tổng Phong Phú, quận Cái Bè, tỉnh Định Tường; từ năm 1961-1964, xã này thuộc tổng Phong Phú, quận Giáo Đức, tỉnh Định Tường; từ năm 1965-1975, là xã Thanh Hưng, quận Giáo Đức, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Thanh Hưng thuộc huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang; năm 1979, xã Thanh Hưng chia ra thành hai xã: Tân Thanh và Tân Hưng. Năm 2014, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới. Năm 2015, xã được Chủ tịch nước tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Thua nhập bình quân đầu người: 60,45 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Nhân dân trên địa bàn xã chủ yếu làm nông nghiệp và dịch vụ, mua bán. Diện tích đất nông nghiệp là 925 ha, xã có chợ văn hóa với 174 tiểu thương, 132 hộ kinh doanh; có 17 doanh nghiệp và 37 vựa thu mua trái cây xuất khẩu.

Trên địa bàn xã có 03 hợp tác xã và 01 tổ hợp tác như: Hợp tác xã Quỹ tín dụng Tân Thanh, Hợp tác xã tiêu thụ điện, Hợp tác xã nước sạch Rạch Giồng và Tổ hợp tác nước sạch ấp 3 (Cồn Qui) hoạt động có hiệu quả.

Giáo dục:

Xã có 3 trường học: Trường mầm non Tân Thanh, Trường tiểu học Tân Thanh và Trường trung học cơ sở Tân Thanh. Tất cả ba trường đều đạt chuẩn quốc gia.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về công tác phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 06 biên chế: 01 bác sĩ, 04 y sĩ, 01 hộ sinh. Tất cả các ấp đều có tổ y tế.

Giao thông:

Xã có Quốc lộ 30 đi qua. Các tuyến đường giao thông trên địa bàn xã đều được nhựa hóa và bê tông hóa với chiều dài 19,13 km thuận tiện cho xe gắn máy và ô tô đi lại.

Văn hóa:

Xã được công nhận xã văn hóa vào năm 2003, có nhà văn hóa diện tích 500m^2, diện tích hội trường nhà văn hóa xã 405m^2, quy mô 250 chỗ ngồi, có đầy đủ trang thiết bị như: âm thanh, tivi, phong màn, hệ thống đèn, quạt,… và 4 phòng chức năng (phòng hành chính, phòng thư viện, phòng thông tin truyền thanh, phòng tập thể thao đơn giản). Xã có 4/4 ấp có nhà văn hóa, hằng năm được thẩm định tái công nhận ấp văn hóa.

Du lịch:

Theo quy hoạch tổng thể của Huyện sẽ kêu gọi đầu tư xây dựng khu du

Thể thao:

Trên địa bàn xã có 03 sân bóng đá mi ni; 05 sân bóng chuyền; 03 sân cầu lông để phục vụ nhân dân trong xã; 04 điểm vui chơi giải trí dành cho trẻ em, 05 điểm tập dưỡng sinh dành cho người cao tuổi.

Tổng số liệt sĩ: 155 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 27 Bà mẹ.

25. Xã Thiện Trí

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

善 Thiện: Thiện, lành

智 Trí: Trí tuệ

善智社 Thiện Trí Xã

Vị trí địa lý:

Xã Thiện Trí nằm ở phía Nam của huyện Cái Bè; phía Đông giáp xã Hòa Khánh; phía Tây giáp xã Mỹ Đức Đông; phía Nam giáp xã Hòa Khánh và xã Mỹ Đức Đông; phía Bắc giáp xã Hòa Khánh và xã Thiện Trung.

Diện tích tự nhiên: 1.328,88 ha.

Hành chính:

Xã Thiện Trí có 5 ấp: Mỹ Phú, Mỹ Quới, Mỹ Hưng, Mỹ Long, Mỹ Phúc.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Mỹ Thiện thuộc tổng Kiến Phong, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn này thuộc tổng Phong Hòa, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; năm 1900, làng Mỹ Thiện thuộc tổng Phong Hòa, tỉnh Mỹ Tho; năm 1912, làng này thuộc tổng Phong Hòa, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là gọi là xã Mỹ Thiện, huyện Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp gọi là làng Mỹ Thiện, tổng Phong Hòa, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng gọi là xã Mỹ Thiện, huyện Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ 1954-1961, là xã Mỹ Thiện, tổng Phong Hòa, quận Cái Bè, tỉnh Định Tường; từ năm 1961-1964, xã này thuộc tổng Phong Hòa, quận Sùng Hiếu, tỉnh Định Tường; từ năm 1965-1975, là xã Mỹ Thiện, quận Cái Bè, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Mỹ Thiện thuộc huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Năm 1977, xã Mỹ Thiện được phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Năm 1979, xã Mỹ Thiện chia ra thành hai xã: Thiện Trí và Thiện Trung. Năm 2020, xã Thiện Trí được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới.

Dân số: 9.606 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 53,07 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Xã Thiện Trí có diện tích đất nông nghiệp trồng cây ăn trái chiếm khoảng 85%, có 01 hợp tác xã dịch vụ sản xuất nông nghiệp ký hợp đồng tiêu thụ trái cây

với giá cả ổn định. Một số ngành nghề khác, như thương mại, dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp cũng đang phát triển.

Giáo dục:

Xã có 2 trường: Trường mầm non Thiện Trí (đạt chuẩn quốc gia), Trường tiểu học và trung học cơ sở Thiện Trí.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về công tác phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm Y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 09 biên chế: 01 bác sĩ, 06 y sĩ, 01 y tá, 01 dược sĩ. Tất cả các ấp đều có tổ y tế.

Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế là 96,05%

Giao thông:

Xã có Quốc lộ 1 đi qua. Đây là tuyến giao thông huyết mạch nối liền các tỉnh ĐBSCL và TP Hồ Chí Minh, có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của xã.

Đường ấp có 4 tuyến dài 10,019 km, đã được bê tông tông hóa và nhựa hóa. Đường xóm có 18 tuyến với tổng chiều dài 35,37 km đã cứng hoá, đảm bảo không lầy lội vào mùa mưa.

Đường nối với các khu sản xuất đã được nhựa hóa, đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm.

Văn hóa:

Xã có 1 nhà văn hóa xã với diện tích 500 m^2, hội trường đảm bảo 250 chỗ ngồi có đầy đủ trang thiết bị: bàn, ghế, tủ, trang bị âm thanh, ánh sáng, đài truyền thanh. Có 3 phòng chức năng: phòng Hành chính 21m^2, phòng Thông tin - Truyền thanh 21m^2, phòng Sinh hoạt Câu lạc bộ 60 m^2.

Xã có điểm vui chơi giải trí cho trẻ em tại sân trường tiểu học và THCS, nhà văn hóa ấp, nhà văn hóa xã

Xã có 5/5 ấp văn hóa, có nhà văn hóa ấp Mỹ Phú, nhà văn hóa ấp Mỹ Quới, nhà văn hóa ấp Mỹ Long, nhà văn hóa ấp Mỹ Phúc, nhà văn hóa ấp Mỹ Hưng sử dụng chung với nhà văn hóa xã, đảm bảo đủ diện tích đất quy hoạch trên 300m^2, có đầy đủ trang bị cơ sở vật chất,…

Du lịch: Có 02 điểm du lịch:

- Điểm du lịch Làng Tre thuộc địa phận ấp Mỹ Quới.

- Điểm du lịch chùa Hội Thọ ở ấp Mỹ Hưng. Đây là ngôi chùa đầu tiên ở Tiền Giang được Liên hiệp các Hội UNESCO Việt Nam công nhận là "Việt Nam linh

thiên cổ tự", Chùa cũng đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang công nhận "Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh" vào năm 2014. Hàng năm chùa Hội Thọ là nơi tổ chức các ngày lễ truyền thống như lễ tắm Phật đản sinh, lễ vu lan báo ân báo hiếu; lễ sóc vọng, lễ tam nguyên.…thu hút đông đảo khách thập phương và bà con phật tử trong vùng tham dự. Việc chùa Hội Thọ được công nhận là "Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh" và "Việt Nam linh thiên cổ tự" sẽ góp phần thu hút khách du lịch đến tham quan du lịch ở huyện Cái Bè.

Thể thao:

Diện tích sân thể thao của xã 3.050 m^2 tại trung tâm xã và các ấp.

Các khu thể thao của mỗi ấp bao gồm: các sân trường TH-THCS, các sân TDTT ấp, sân đình, khuôn viên của các trụ sở ấp, khuôn viên của trường học có đầy đủ dụng cụ luyện tập thể dục thể thao.

Có 02 hồ bơi tại ấp Mỹ Quới và ấp Mỹ Long, diện tích mỗi hồ 50m^2, có 02 sân cầu lông và 02 sân tập võ thuật, 01 đội bóng đá nam, 01 đội bóng đá nữ, 01 đội bóng chuyền hơi nữ.

Tổng số liệt sĩ: 230 liệt sĩ

Tổng số Bà mẹ VN anh hùng: 20 Bà mẹ.

26. Xã Thiện Trung

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

善 Thiện: Thiện, lành

忠 Trung: Trung thành

善忠社 Thiện Trung Xã

Vị trí địa lý:

Xã Thiện Trung nằm ở phía Tây Nam huyện Cái Bè; phía Đông giáp xã Hòa Khánh; phía Tây giáp xã Mỹ Trung, xã Mỹ Tân; phía Nam giáp xã Mỹ Đức Đông, xã Thiện Trí; phía Bắc giáp xã Hậu Mỹ Trinh, xã Hậu Mỹ Bắc A.

Diện tích tự nhiên: 2.016,24 ha.

Hành chính:

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Mỹ Thiện thuộc tổng Kiến Phong, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn này thuộc tổng Phong Hòa, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; năm 1900, làng Mỹ Thiện thuộc tổng Phong Hòa, tỉnh Mỹ Tho; năm 1912, làng này thuộc tổng Phong Hòa, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là gọi là xã Mỹ Thiện, huyện Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp gọi là làng Mỹ Thiện, tổng Phong Hòa, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng gọi là xã Mỹ Thiện, huyện Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ 1954-1961, là xã Mỹ Thiện, tổng Phong Hòa, quận Cái Bè, tỉnh Định Tường; từ năm 1961-1964, xã này thuộc tổng Phong Hòa, quận Sùng Hiếu, tỉnh Định Tường; từ năm 1965-1975, là xã Mỹ Thiện, quận Cái Bè, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Mỹ Thiện thuộc huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Năm 1977, xã Mỹ Thiện được phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Năm 1979, xã Mỹ Thiện chia ra thành hai xã: Thiện Trung và Thiện Trí. Năm 2021, xã được công nhân đạt chuẩn xã Nông thôn mới.

Thu nhập bình quân đầu người là: 57.170.000 đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Kinh tế của xã chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, trong đó phần lớn là trồng cây ăn trái, như: mít, sầu riêng, ổi, chanh,… Sản lượng thu hoạch bình quân hàng năm 3.909 tấn/năm. Việc trồng các loại cây ăn trái cho thu nhập cao hơn so với trồng lúa. Xã có 1 hợp tác xã dịch vụ sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, xã có một chợ tại trung tâm xã, đảm bảo cung cấp hàng hóa thiết yếu cho nhân dân.

Giáo dục:

Xã có 2 trường: Trường mầm non Thiện Trung (đạt chuẩn quốc gia), Trường tiểu học và trung học cơ sở Thiện Trung.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về công tác phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 04 y sĩ, 01 hộ sinh, 01 lương y. Tất cả các ấp đều có tổ y tế.

Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt tỉ lệ 92,72%.

Giao thông:

Xã có Đường tỉnh 863 và Kênh 28 chạy ngang xã.

Đường xã tổng chiều dài 17.910m; đường ấp tổng chiều dài 4.300 m; đường tây Mỹ Thiện chiều dài 4.300m, đường xóm tổng chiều dài 32.920m. Tất cả đều đã được nhựa hóa, bê tông hóa và cứng hóa.

Văn hóa:

Xã có 03/03 ấp văn hóa. Có 1 Nhà văn hóa xã, đang xây dựng 2 nhà văn hóa ấp.

Thể thao:

Có 1 sân cầu lông. Xã thường xuyên tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao trên địa bàn xã chào mừng các ngày lễ lớn trong năm.

Du lịch: Không có điểm du lịch.

Tổng số liệt sĩ: 149 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 37 Bà mẹ.

* **Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn quốc lộ, đường cao tốc, đường tỉnh:**

Quốc lộ 1, đoạn ngang qua tỉnh Tiền Giang

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng mang yếu tố Hán Việt (Quốc: 國: Nước; Lộ: 路: Đường) + Số hiệu (1).

Quốc lộ 1 trước đây, dưới thời nhà Nguyễn, trong nửa đầu thế kỷ 19, được gọi là đường Thiên lý; dưới thời thực dân Pháp (từ giữa thế kỷ 19 đến năm 1954), là Lộ Đông Dương; dưới thời chính quyền Sài Gòn (1954-1975) là Lộ 4.

Quốc lộ 1 là tuyến đường giao thông xuyên suốt Việt Nam, bắt đầu từ cửa khẩu Hữu Nghị trên biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc, nằm tại thị trấn Đồng Đăng thuộc huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, kết thúc tại thị trấn Năm Căn thuộc huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau với tổng chiều dài 2.482 km. Đây là tuyến đường quan trọng hàng đầu Việt Nam.

Quốc lộ 1 đoạn ngang qua tỉnh Tiền Giang bắt đầu từ km 1954 tại cầu Tân Hương, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, xuyên qua huyện Châu Thành, thành phố Mỹ Tho, thị xã Cai Lậy, huyện Cai Lậy và huyện Cái Bè, kết thúc tại km 2029 cầu Mỹ Thuận, xã Hòa Hưng, huyện Cái Bè, giáp giới tỉnh Vĩnh Long, dài 75 km.

Đường cao tốc:

Đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường cao tốc) + Địa danh Hán Việt (Trung Lương: Xin xem mục 1.2.1 - Mỹ: 美: Tốt, đẹp; Thuận: 順: Thuận theo, hoà thuận, suôn sẻ).

Đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận là một đoạn tuyến của tuyến đường cao tốc Bắc - Nam đi qua địa phận tỉnh Tiền Giang; có điểm đầu tiếp nối đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương tại nút giao thông

Thân Cửu Nghĩa (huyện Châu Thành), đi song song với Quốc lộ 1 và kết thúc tại nút giao thông An Thái Trung (huyện Cái Bè) giao với Quốc lộ 30.

Tuyến đường cao tốc này có chiều dài 51 km, đi qua 5 huyện, thị của tỉnh Tiền Giang là huyện Châu Thành, huyện Tân Phước, thị xã Cai Lậy, huyện Cai Lậy và huyện Cái Bè; vận tốc thiết kế 80 km/giờ với 4 làn xe, mà không có làn dừng khẩn cấp mà chỉ có một số điểm dừng khẩn cấp. Đây là tuyến cao tốc trọng điểm giảm tải cho Quốc lộ 1. Đoạn cao tốc này là một trong những tuyến đường huyết mạch, kết nối vùng Tây Nam Bộ với Thành phố Hồ Chí Minh và khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam.

Tuyến đường được xây dựng theo hình thức đối tác công tư (hợp đồng BOT), tổng mức đầu tư cho giai đoạn 1 là 12.668 tỷ đồng; được khởi công vào năm 2009, dự kiến hoàn thành năm 2013. Tuy nhiên, do thiếu vốn nên tuyến đường chỉ mới đạt 10% khối lượng. Cho khi đến năm 2019, dự án mới được cấp vốn và tái khởi công.

Tuyến đường được thông xe tạm thời vào ngày 25/01/2022 để phục vụ người dân Đồng bằng sông Cửu Long lưu thông vào dịp Tết Nguyên Đán. Ngày 27/4/2022, đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận chính thức được đưa vào hoạt động.

Đường tỉnh:

Điều 39, Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định:

Đường tỉnh là đường nối trung tâm hành chính của tỉnh với trung tâm hành chính của huyện hoặc trung tâm hành chính của tỉnh lân cận; đường có vị trí quan trọng với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

1. Đường tỉnh 861

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (861).

Đường tỉnh 861, có số hiệu đường bộ ĐT.861; điểm đầu: Quốc lộ 1 (Ngã ba xã An Thái Đông, huyện Cái Bè); điểm cuối: Ngã sáu (xã Mỹ Trung, huyện Cái Bè); chiều dài: 15,300 km.

2. Đường tỉnh 863

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (863).

Đường tỉnh 863, có số hiệu đường bộ ĐT.863; điểm đầu: Quốc lộ 1 (Ngã ba Lộ Mới, xã Hậu Thành, huyện Cái Bè); điểm cuối: Ngã sáu (xã Mỹ Trung, huyện Cái Bè); chiều dài: 15,733 km.

3. Đường tỉnh 864

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (864).

Đường tỉnh 864, có số hiệu đường bộ ĐT.864; điểm đầu: Đường vào mố cầu Bình Đức (đường Lê Thị Hồng Gấm, thành phố Mỹ Tho); điểm cuối: Cầu Mỹ Thuận (xã Hòa Hưng, huyện Cái Bè); chiều dài: 57,654 km.

4. Đường tỉnh 865

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (865).

Đường tỉnh 865, có số hiệu đường bộ ĐT.865; điểm đầu: Giáp ranh tỉnh Long An (xã Phú Mỹ, huyện Tân Phước); điểm cuối: Cầu Bằng Lăng (Giáp ranh tỉnh Đồng Tháp, xã Hậu Mỹ Bắc B, huyện Cái Bè); chiều dài: 47,06 km.

5. Đường tỉnh 869

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (869).

Đường tỉnh 869, có số hiệu đường bộ ĐT.869; điểm đầu: Quốc lộ 1 (Ngã ba An Cư, huyện Cái Bè); điểm cuối: ĐT.865 (xã Hậu Mỹ Bắc B, huyện Cái Bè); chiều dài: 19,764 km.

6. Đường tỉnh 875

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (875).

Đường tỉnh 875, có số hiệu đường bộ ĐT.875; điểm đầu: Quốc lộ 1 (Ngã ba Văn Cang, xã Phú An, huyện Cai Lậy); điểm cuối: Bến sông Tiền (thị trấn Cái Bè, huyện Cái Bè); chiều dài: 4,690 km.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn đường huyện, đường phố ở huyện Cái Bè:**

Khái niệm đường bộ, tên đường bộ và số hiệu đường bộ:

- Theo Điều 3, Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định: Đường bộ gồm đường, cầu đường bộ, hầm đường bộ, bến phà đường bộ.

- Theo Điều 40, Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định cách đặt tên và số hiệu đường bộ như sau: Tên đường được đặt tên danh nhân, người có công hoặc tên di tích, sự kiện lịch sử, văn hóa, tên địa danh hoặc tên theo tập quán; số hiệu đường được đặt theo số tự nhiên kèm theo chữ cái nếu cần thiết; trường hợp đường đô thị trùng với quốc lộ thì sử dụng cả tên đường đô thị và tên, số hiệu quốc lộ.

Đường huyện: 20 địa danh

Điều 39, Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định:

Đường huyện là đường nối trung tâm hành chính của huyện với trung tâm hành chính của xã, cụm xã hoặc trung tâm hành chính của huyện lân cận; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

1. Đường huyện 71

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (71).

Đường huyện 71 có số hiệu đường bộ ĐH.71; điểm đầu: Quốc lộ 1 (xã Hội Cư) ; điểm cuối: Quốc lộ 1A (xã Hòa Khánh); chiều dài: 9,100 km.

2. Đường huyện 71B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (71) + Chữ cái La tinh (B).

Đường huyện 71B có số hiệu đường bộ ĐH.71B; điểm đầu: Quốc lộ 1 (xã Hòa Khánh); điểm cuối: Sông Cái Cối - chợ Cái Thia (xã Mỹ Đức Đông); chiều dài: 4,200 km.

3. Đường huyện 71C

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (71) + Chữ cái La tinh (C).

Đường huyện 71C có số hiệu đường bộ ĐH.71C ;điểm đầu: Quốc lộ 1A Km 2005+650 (xã An Cư); điểm cuối: Đường huyện 71 (xã An Cư); chiều dài: 3,935 km.

4. Đường huyện 72

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (72).

Đường huyện 72 có số hiệu đường bộ ĐH.72; điểm đầu: Đường Chợ Giồng (23 B, xã Hội Cư); điểm cuối: Đường tỉnh 869 (xã Hậu Mỹ Bắc A); chiều dài: 12,900 km.

5. Đường huyện 73

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (73).

Đường huyện 73 có số hiệu đường bộ ĐH.73; điểm đầu: Đường tỉnh 865 (xã Hậu Mỹ Bắc B); điểm cuối: Kênh Hai Hạt (xã Hậu Mỹ Bắc B); chiều dài: 2,200 km.

6. Đường huyện 74

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (74).

Đường huyện 74 có số hiệu đường bộ ĐH.74; điểm đầu: Quốc lộ 1 (xã Hòa Khánh); điểm cuối: Đường tỉnh 875 (thị trấn Cái Bè); chiều dài: 5,000 km.

7. Đường huyện 74B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (74) + Chữ cái La tinh (B).

Đường huyện 74B có số hiệu đường bộ ĐH.74B; điểm đầu: Đường tỉnh 875 (thị trấn Cái Bè); điểm cuối: Quốc lộ 1A - cầu Mỹ Thuận (xã Hòa Hưng); chiều dài: 23,100 km.

8. Đường huyện 74C

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (74) + Chữ cái La tinh (C).

Đường huyện 74C có số hiệu đường bộ ĐH.74C; điểm đầu: Quốc lộ 1 - đối diện Phòng Cảnh sát PCCC (xã An Cư); điểm cuối: Đường huyện 74 (thị trấn Cái Bè); chiều dài: 4,000 km.

9. Đường huyện 74D

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (74) + Chữ cái La tinh (D).

Đường huyện 74D có số hiệu đường bộ ĐH.74D; điểm đầu: Quốc lộ 1 (Bến xe tải An Cư); điểm cuối: Đường tỉnh 875 - cầu Cái Bè (thị trấn Cái Bè); chiều dài: 4,800 km.

10. Đường huyện 75

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (75).

Đường huyện 75 có số hiệu đường bộ ĐH.75; điểm đầu: Quốc lộ 1 (xã Hòa Khánh); điểm cuối: Sông Tiền (xã Hòa Khánh); chiều dài: 3,970 km.

11. Đường huyện 76

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (76).

Đường huyện 76 có số hiệu đường bộ ĐH.76; điểm đầu: Quốc lộ 1 (xã Thiện Trí); điểm cuối: Kênh 28 (xã Thiện Trung); chiều dài: 8,000 km.

12. Đường huyện 77

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (77).

Đường huyện 77 có số hiệu đường bộ ĐH.77; điểm đầu: Quốc lộ 1 (xã Mỹ Đức Đông); điểm cuối: Đường Nguyễn Văn Tiếp B (xã Mỹ Trung); chiều dài: 15,600 km.

13. Đường huyện 78

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (78).

Đường huyện 78 có số hiệu đường bộ ĐH.78; điểm đầu: Quốc lộ 1 (xã An Thái Đông); điểm cuối: Ngã ba sông Cái Thia (xã Mỹ Lương); chiều dài: 4,960 km.

14. Đường huyện 78B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (78) + Chữ cái La tinh (B).

Đường huyện 78B có số hiệu đường bộ ĐH.78B; điểm đầu: Quốc lộ 1 (xã Hòa Hưng); điểm cuối: Rạch Mù U (xã Mỹ Lương); chiều dài: 11,490 km.

15. Đường huyện 79

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (79).

Đường huyện 79 có số hiệu đường bộ ĐH.79; điểm đầu: Đường tỉnh 861 (xã Mỹ Lợi A); điểm cuối: Đường Nguyễn Văn Tiếp B (xã Mỹ Lợi B); chiều dài: 7,720 km.

16. Đường huyện 79B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (79) + Chữ cái La tinh (B).

Đường huyện 79B có số hiệu đường bộ ĐH.79B; điểm đầu: Đường tỉnh 861 (xã Mỹ Lợi B); điểm cuối: Đường huyện 79 (xã Mỹ Lợi B); chiều dài: 4,000 km.

17. Đường huyện 80

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (80).

Đường huyện 80 có số hiệu đường bộ ĐH.80; điểm đầu: Đường tỉnh 861 (xã Mỹ Tân); điểm cuối: Đường huyện 77 (xã Mỹ Đức Đông); chiều dài: 5,020 km.

18. Đường huyện 80B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (80) + Chữ cái La tinh (B).

Đường huyện 80B có số hiệu đường bộ ĐH.80B; điểm đầu: Quốc lộ 30 (xã Tân Hưng); điểm cuối: Cầu Xoài Tư, giáp huyện Cai Lậy (xã Hậu Mỹ Trinh); chiều dài: 31,600 km.

19. Đường huyện 81

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (81).

Đường huyện 81 có số hiệu đường bộ ĐH.81; điểm đầu: Quốc lộ 30 (xã Tân Hưng); điểm cuối: UBND xã Tân Hưng; chiều dài: 1,360 km.

20. Đường huyện 82

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (82).

Đường huyện 82 có số hiệu đường bộ ĐH.82; điểm đầu: Đường Tân Hưng (xã Tân Hưng); điểm cuối: UBND xã Hậu Mỹ Bắc A (xã Hậu Mỹ Bắc A); chiều dài: 24,000 km.

Đường phố:

Tại Khoản 9, Điều 3, Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định: Đường phố là đường đô thị, gồm lòng đường và hè phố.

Theo định nghĩa trên thì có thể hiểu đường phố là phần đất được sử dụng cho việc đi lại của người dân và kết cấu hạ tầng công cộng, như cây xanh, đèn chiếu sáng, hệ thống đèn tín hiệu giao thông, hệ thống thoát nước, lòng đường cho xe di chuyển. Đường phố có vai trò quan trọng đối với những hoạt động đời sống của con người.

1. Đường Phan Văn Ba

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Phan Văn Ba).

Tiểu sử danh nhân:

PHAN VĂN BA

(1914 - 1980)

Phan Văn Ba sinh năm 1914 tại làng Hậu Thành, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Hậu Thành, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân.

Năm 1930, ông giác ngộ và tham gia cách mạng khi đang là học sinh Collège de Mytho (nay là Trường Trung học phổ thông Nguyễn Đình Chiểu, thành phố Mỹ Tho). Tại đây, ông đã tham gia thành lập chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam Trường

Collège do ông Phạm Hùng làm Bí thư. Đây là một trong những chi bộ Đảng đầu tiên của Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Mỹ Tho.

Năm 1931, phát hiện ông hoạt động cách mạng, chính quyền thực dân ra quyết định buộc ông phải thôi học; và đưa về quản thúc tại quê nhà. Tuy nhiên, ông vẫn bí mật hoạt động, ra sức tuyên truyền cách mạng và xây dựng cơ sở quần chúng ở khắp nơi trong huyện. Có thể nói, ông là lớp cán bộ cách mạng đầu tiên của Cái Bè và có công lao to lớn trong việc tổ chức, phát triển phong trào cách mạng ở địa phương trong những năm đầu thành lập Đảng.

Năm 1934, ông hoạt động trong giới công nhân ở Sóc Trăng. Năm 1936, do cơ sở bị lộ, ông chuyển địa bàn công tác về Mỹ Tho; và được Tỉnh ủy phân công về Cái Bè tổ chức phong trào Đông Dương đại hội, lãnh đạo quần chúng đấu tranh, đòi các quyền dân sinh, dân chủ, chống chính quyền thực dân khủng bố, đàn áp.

Năm 1937, trước khí thế cách mạng ngày càng dâng cao trong quần chúng, chính quyền thực dân Pháp tỉnh Mỹ Tho ra lệnh giải tán các Ủy ban Hành động của phong trào Đông Dương đại hội ở huyện Cái Bè. Do bị địch truy nã gắt gao, ông được tổ chức điều lên Sài Gòn làm công tác báo chí cho Đảng. Một thời gian sau, ông trở về Mỹ Tho; nhận nhiệm vụ vận động công nhân tham gia các phong trào đấu tranh do Tỉnh ủy phát động.

Năm 1940, ông tham gia lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Nam kỳ ở huyện Cái Bè. Cuộc khởi nghĩa bị thất bại, ông bị địch bắt được và đày đi Bà Rá (nay thuộc phường Sơn Giang, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước). Mặc dù bị đày ải vô cùng cực khổ ở chốn rừng thiêng nước độc; nhưng ông vẫn một lòng trung thành với Đảng và nhân dân.

Đầu năm 1945, sau khi được trả tự do, ông lại trở về Mỹ Tho hoạt động. Đến tháng 3 cùng năm, ông được Tỉnh ủy phân công về Cái Bè tổ chức Mặt trận Việt Minh, xây dựng các đoàn thể cách mạng và chỉ huy lực lượng Thanh niên tiền phong huyện. Tháng 8 - 1945, ông chỉ huy lực lượng này tham gia cuộc khởi nghĩa ở Cái Bè và giành được thắng lợi rực rỡ. Tháng 11 - 1946, ông được điều về tỉnh, làm Tổng thư ký Ủy ban Kháng chiến - Hành chính tỉnh Mỹ Tho. Năm 1952, ông được phân công trở lại Cái Bè, giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy.

Năm 1954, ông tập kết ra miền Bắc. Năm 1956, ông là Bí thư Đảng ủy kiêm Phó Giám đốc Xí nghiệp dược phẩm Hà Nội. Năm 1959, ông được điều về Hải Phòng, làm Bí thư Đảng ủy kiêm Phó Giám đốc bệnh viện Việt - Tiệp. Sau ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng (1975), ông chuyển công tác vào Thành phố Hồ Chí Minh; sau đó, được giải quyết chế độ hưu trí.

Năm 1980, do lâm trọng bệnh, ông đã từ trần tại Thành phố Hồ Chí Minh. Tên ông được đặt tên đường ở thị trấn Cái Bè và tên trường trung học cơ sở ở xã An Cư, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Đường Phan Văn Ba có điểm đầu: giáp với đường Võ Văn Giáo; điểm cuối: giáp với đường Lê Quý Đôn; chiều dài: 0,875 km; chiều rộng: 5-6 m.

2. Đường Nguyễn Chí Công

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Chí Công)

Tiểu sử danh nhân:

NGUYỄN CHÍ CÔNG

(1920 – 2005)

Nguyễn Chí Công, tên thật là Đoàn Văn Dư, sinh năm 1920 tại làng Mỹ Phước Tây, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Mỹ Phước Tây, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang).

Năm 1939, ông giác ngộ cách mạng, hoạt động tại xã nhà. Tháng 9- 1940, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam). Tháng 11-1940, ông tham gia cuộc khởi nghĩa Nam kỳ; nhưng sau đó, bị chính quyền thực dân Pháp bắt và kết án chung thân đày đi Côn Đảo. Ở trong tù, ông luôn luôn tỏ rõ là một chiến sĩ cộng sản kiên định, một lòng một dạ trung thành với Đảng và nhân dân.

Tháng 8-1945, cuộc tổng khởi nghĩa trên cả nước nổ ra và giành thắng lợi rực rỡ, ông được Đảng rước về đất nước. Không kịp nghỉ ngơi, ông lao ngay vào công tác; và được cấp trên phân công về hoạt động ở huyện Cái Bè, lần lượt phụ trách Đoàn Thanh niên cứu quốc huyện, tổ chức các cơ sở Đảng và các đoàn thể quần chúng cấp xã của huyện,... Tháng 12-1946, ông được đề bạt làm Phó Bí thư Huyện ủy Cái Bè. Năm 1951, ông được điều lên tỉnh, giữ chức vụ Phó Ban Kiểm tra Tỉnh ủy Mỹ Tho. Năm 1952, ông được tăng cường cho Huyện ủy Cái Bè, phụ trách liên xã. Tháng 6-1954, ông là Phó Bí thư rồi Bí thư Huyện ủy Cái Bè.

Sau hiệp định Genève (7-1954), ông được Đảng phân công ở lại miền Nam hoạt động. Tháng 10-1954, ông là Tỉnh ủy viên dự khuyết rồi Tỉnh ủy viên chính thức Tỉnh ủy Mỹ Tho, Bí thư Tỉnh đoàn Mỹ Tho. Trong thời kỳ này, phong trào thanh niên ở tỉnh Mỹ Tho phát triển mạnh mẽ, nhất là các phong trào chống bắt lính của địch, gia nhập lực lượng võ trang cách mạng, đấu tranh chính trị, đòi các quyền dân sinh dân chủ,...

Tháng 6-1958, ông là Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, phụ trách công tác Binh vận. Tháng 8-1958, ông là Phó Bí thư Tỉnh ủy Mỹ Tho, phụ trách công tác Tuyên huấn và Tài chính. Tháng 1-1964, ông được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy Mỹ Tho; và đến năm 1966, ông kiêm thêm nhiệm vụ là Khu ủy viên dự khuyết Khu ủy Khu 8. Ở cương vị mới, ông cùng với tập thể Tỉnh ủy lãnh chỉ đạo cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược của quân dân tỉnh nhà thu được những thắng lợi to

lớn trên nhiều mặt, nhất là những chiến thắng vang dội trên chiến trường Mỹ Tho trong mùa khô 1965 – 1966, mùa khô 1966 – 1967 và cuộc tập kích chiến lược xuân Mậu Thân 1968. Tháng 4-1968, ông được bầu là Khu ủy viên chính thức Khu ủy Khu 8, Phó ban Dân vận kiêm Thư ký Hội Nông dân Giải phóng Khu 8. Sau đó, do những năm tháng lăn lộn ở chiến trường hết sức khốc liệt, đầy khó khăn, gian khổ, nên ông lâm trọng bệnh, được cấp trên đưa ra Hà Nội điều trị trong ba năm.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng (30-4-1975), ông là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Dân vận Tỉnh ủy kiêm Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Tiền Giang. Năm 1983, ông được Đảng và Nhà nước giải quyết chế độ hưu trí. Dù tuổi cao, sức yếu; nhưng ông vẫn nhiệt tình tham gia công tác mặt trận với tư cách là Chủ tịch Danh dự Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Tiền Giang. Đến năm 1988, do điều kiện sức khỏe không cho phép, ông mới nghỉ hưu thực sự. Năm 2005, ông mất tại Tiền Giang. Tên ông được đặt tên đường ở thị trấn Cái Bè, huyện Cái Bè và thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Đường Nguyễn Chí Công có điểm đầu: giáp với đường Đoàn Thị Nghiệp; điểm cuối: giáp với đường Bảo Định Giang; chiều dài: 0,178 km; chiều rộng: 8 m.

3. Đường Lê Thị Kim Chi

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Lê Thị Kim Chi)

Tiểu sử danh nhân:

LÊ THỊ KIM CHI

(1913 - 2002)

Lê Thị Kim Chi tên thật là Nguyễn Thị Giàu, sinh năm 1913 tại làng Kim Sơn, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Kim Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân có truyền thống đấu tranh chống áp bức, bóc lột.

Năm 1929, bà giác ngộ cách mạng, làm liên lạc cho Tỉnh ủy Mỹ Tho và phụ trách việc in ấn báo *Chiến Đấu* – cơ quan ngôn luận của Tỉnh ủy. Năm 1931, bà được phân công xây dựng phong trào cách mạng ở huyện Cai Lậy. Khi Huyện ủy được thành lập, bà được bầu làm Bí thư.

Năm 1934, bà là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Mỹ Tho. Do có nhiều kinh nghiệm trong công tác tổ chức và phát triển phong trào cách mạng ở cơ sở, bà được điều về huyện Cái Bè công tác. Tại đây, bằng sự năng nỗ, nhiệt tình và sáng tạo, bà đã đạt được sự thành công lớn khi hoàn thành nhiệm vụ thành lập Huyện ủy Cái Bè.

Năm 1936, bà được Tỉnh ủy Mỹ Tho đề cử làm đại biểu của Liên Tỉnh ủy Nam kỳ. Sau cuộc khởi nghĩa Nam kỳ (11-1940), bà bị chính quyền thực dân Pháp

bắt giam tại Khám Lớn Sài Gòn. Trong thời gian ở trong tù, mặc dù bị tra tấn dã man, nhưng bà vẫn một lòng trung thành với Đảng và nhân dân.

Tháng 4 - 1945, sau khi được trả tự do; và tuy sức khỏe còn rất yếu kém, nhưng bà vẫn lao vào hoạt động. Bà đã được bầu bổ sung vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy Mỹ Tho, phụ trách công tác xây dựng phong trào cách mạng ở các huyện trong tỉnh.

Đầu năm 1946, bà được đề bạt làm Bí thư Đảng đoàn Phụ nữ Cứu quốc kiêm Hội trưởng Hội Phụ nữ Cứu quốc tỉnh Mỹ Tho. Dưới sự lãnh đạo và chỉ đạo của bà và tập thể Ban Chấp hành Hội Phụ nữ Cứu quốc, phong trào phụ nữ ở tỉnh Mỹ Tho phát triển rất mạnh mẽ, góp phần quan trọng trong việc đẩy mạnh cuộc kháng chiến của quân dân tỉnh nhà giành được những thắng lợi to lớn.

Năm 1949, bà là Tỉnh ủy viên, phụ trách Phụ vận. Sau đó, theo sự điều động của cấp trên, bà chuyển sang làm công tác Kiểm tra Đảng thuộc Khu ủy Khu 8. Năm 1951, bà được tăng cường cho tỉnh Đồng Tháp, làm nhiệm vụ Trưởng ban Kiểm tra Tỉnh ủy.

Tháng 7-1954, bà tập kết ra Bắc. Năm 1955, bà là Phó phòng Quan hệ Bắc – Nam. Năm 1962, bà là chuyên viên thuộc Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đảng. Tháng 2-1975, bà trở về miền Nam, công tác tại Ban Kiểm tra Đảng của T2, rồi Ban Kiểm tra Đảng Khu ủy Khu 8.

Sau ngày 30-4-1975, bà công tác tại Ủy ban Kiểm tra Đảng Tỉnh ủy Tiền Giang. Năm 1978, sau gần nửa thế kỷ hoạt động cách mạng không mệt mỏi, bà được Nhà nước cho nghỉ hưu và an dưỡng tại Phường 1, thành phố Mỹ Tho.

Năm 2002, do tuổi cao sức yếu, bà đã qua đời tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Trong quá trình hoạt động cách mạng, bà đã được Nhà nước tặng thưởng nhiều Huân, Huy chương cao quý. Bí danh của bà được đặt tên đường ở thị trấn Cái Bè, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Đường Lê Thị Kim Chi có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn Chí Công; điểm cuối: giáp với đường Song Hành; chiều dài: 0,696 km; chiều rộng: 6 m.

4. Đường Lê Văn Duyệt

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Lê Văn Duyệt)

Tiểu sử danh nhân:

LÊ VĂN DUYỆT

(1763 - 1832)

Lê Văn Duyệt sinh năm 1763 tại thôn Long Hưng, huyện Kiến Hưng, đạo Trường Đồn (nay là xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang).

Năm 1780, ông theo phò chúa Nguyễn Phúc Ánh, được phong chức Cai cơ. Trong hai năm 1784 và 1785, ông hộ giá Nguyễn Phúc Ánh sang Xiêm (Thái Lan) lánh nạn. Năm 1788, ông là người góp công lớn trong việc giúp Nguyễn Phúc Ánh chiếm được đất Gia Định. Năm 1800, ông chỉ huy quân chúa Nguyễn đánh chiếm cửa Thị Nại và thành Quy Nhơn (Bình Định).

Năm 1802, ông được vua Gia Long (tức Nguyễn Phúc Ánh) phong Khâm sai Chưởng tả quân dinh Bình Tây tướng quân, tước Quận công. Sau đó, ông cùng với Trung quân Nguyễn Văn Thành và Hậu quân Lê Chất được lệnh mang quân bình định miền Bắc; rồi lãnh chức Kinh lược sứ Thanh - Nghệ.

Năm 1813, ông được vua Gia Long cử làm Tổng trấn Gia Định thành, trông coi mọi việc ở vùng đất Nam Bộ, gồm năm trấn Biên Hòa, Gia Định, Định Tường, Vĩnh Long và Hà Tiên. Năm 1815, ông được triệu về Kinh. Năm 1820, ông được vua Minh Mạng cử làm Tổng trấn Gia Định thành lần thứ 2; và tại vị cho đến lúc mất vào năm 1832, thọ 69 tuổi.

Trong thời gian trấn nhậm Nam Bộ, ông có công lao to lớn trên các phương diện: giữ vững an ninh vùng biên giới tây nam của đất nước; tổ chức đào kênh Vĩnh Tế - một con kênh có giá trị về nhiều mặt ở miền tây Nam Bộ; khuyến khích dân chúng đẩy mạnh việc khẩn hoang để mở mang diện tích ruộng đất canh tác nông nghiệp; biết trọng dụng nhân tài; kiên quyết trừng trị bọn tham quan ô lại; có chính sách hợp lý đối với Thiên chúa giáo; mở cửa, thông thương với bên ngoài, nhất là đối với một số nước phương Tây; có chính sách đối ngoại khôn khéo, vừa mềm dẽo, vừa cương quyết,…

Ông là một đại công thần của triều Nguyễn. Cựu Thủ tướng Võ Văn Kiệt, trong buổi "Tọa đàm về nhân vật Lê Văn Duyệt" được tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 7-8-2000, đã có nhận xét: "Lê Văn Duyệt là một tài năng lớn về chính trị, kinh tế và quân sự" (Trích từ tạp chí Xưa và Nay số 78B/8-2000).

Năm 1833, người con nuôi của ông là Lê Văn Khôi đã khởi binh chống lại triều đình. Hai năm sau, cuộc khởi binh bị đàn áp đẫm máu. Vốn có tỵ hiềm với ông, vua Minh Mạng ra lệnh san bằng phần mộ của ông và dựng lên đó tấm bia có ghi tám chữ: "Quyền yêm Lê Văn Duyệt phục pháp xứ" (Đây là nơi tên yêm hoạn Lê Văn Duyệt chịu phép nước). Nỗi oan khuất của ông mãi đến năm 1848 mới được vua Tự Đức giải tỏa.

Hiện nay, lăng mộ của ông - mà nhân dân quen gọi là Lăng Thượng công, Lăng Đức Tả quân hay Lăng Ông Bà Chiểu - tọa lạc tại vùng Bà Chiểu, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Hằng năm, đến ngày giỗ kỵ của ông (30 tháng 7 âm lịch), nhân dân thường đến đây lễ bái rất đông. Ở Long Hưng (Châu Thành, Tiền Giang) cũng có phần mộ của ông và được nhân dân quanh năm hương khói. Tên ông được đặt tên đường ở nhiều địa phương trên cả nước.

Đường Lê Văn Duyệt có điểm đầu: giáp với đường Thiên Hộ Dương; điểm cuối: giáp với đường Nguyễn Thái Học; chiều dài: 0,466 km; chiều rộng: 5 m.

5. Đường Thiên Hộ Dương

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Thiên Hộ Dương)

Tiểu sử danh nhân:

THIÊN HỘ DƯƠNG

(1827 - 1866)

Thiên hộ Dương tên thật là Võ Duy Dương sinh năm 1827 tại thôn Cù Lâm Nam, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định (nay là thôn Nam Tương, xã Nhơn Tân, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định) trong một gia đình nông dân nghèo, cần cù; nhưng hiếu học.

Thuở thiếu thời, ông rất chăm học, có sức khỏe hơn người và tinh thông võ nghệ, được mọi người gọi là "Ngũ linh Dương", bởi vì cùng một lúc, ông cử nổi năm quả tạ (người Bình Định gọi quả tạ là "linh"), mỗi quả nặng 60 cân ta. Trong khoảng năm 1857 - 1858, ông chiêu mộ dân nghèo vào khai hoang lập ấp ở vùng Ba Giồng thuộc tỉnh Định Tường (nay là tỉnh Tiền Giang), góp phần quan trọng trong việc phát triển kinh tế, xã hội và ổn định đời sống dân cư ở khu vực này.

Tháng 02-1859, thực dân Pháp chiếm thành Gia Định. Trước cảnh nước mất nhà tan, ông đã cùng với Nguyễn Hữu Huân chiêu tập nghĩa sĩ, phất cờ khởi nghĩa, chống giặc ngoại xâm. Do có những thành tích xuất sắc trong chiến đấu, tháng 5-1859, ông được triều đình phong chức Chánh quản đạo.

Sau đó, ông trở về kinh đô Huế, dâng kế sách chống giặc Pháp lên nhà vua. Lúc bấy giờ, ở Quảng Ngãi có giặc Đá Vách nổi lên làm loạn; quan quân địa phương không tài nào trị được. Biết ông là người dũng trí toàn tài, nên vua Tự Đức giao cho ông nhiệm vụ đánh dẹp; và ông đã hoàn thành mỹ mãn trọng trách được giao phó. Năm 1860, để tưởng thưởng công lao, triều đình đã phong ông chức Chánh thất phẩm Thiên hộ. Tên gọi Thiên hộ Dương có từ đó.

Tháng 5-1861, ông trở lại Ba Giồng chỉ huy cuộc kháng chiến chống Pháp. Tại đây, ông đã chiêu mộ hơn 1000 quân nghĩa dũng, nên được triều đình phong chức Quản cơ vào tháng 9-1861, cùng lúc với Trương Định. Nhận thấy Ba Giồng là nơi đông dân, nhiều của; lại là cửa ngõ đi vào vùng đồng bằng sông Cửu Long; hơn nữa, nhân dân ở đây rất quyết tâm chống giặc; nên ông đã xây dựng nơi đây thành một trung tâm kháng chiến mạnh mẽ, tồn tại đồng thời với trung tâm kháng chiến Tân Hòa (Gò Công) của Trương Định.

Cuộc kháng chiến do ông lãnh đạo đã thu hút được mọi tầng lớp nhân dân tham gia: nông dân, dân binh đồn điền, quan lại, địa chủ, phú hào yêu nước,…

Nghĩa quân hoạt động trên một địa bàn rất rộng: từ phía nam sông Vàm Cỏ Tây, dọc theo kênh Bảo Định và sông Tiền, đến tận Cai Lậy và Cái Bè. Đồng thời, ông còn thiết lập mối quan hệ chặt chẽ với các lãnh tụ Trương Định ở Gò Công, Trần Xuân Hòa ở Cai Lậy, Bùi Quang Diệu ở Long An,… nhằm phối hợp trong chiến đấu.

Dưới sự chỉ huy của ông, nghĩa quân đã tiến hành những trận đánh dũng mãnh và thu được những thắng lợi vang dội, điển hình là trận tấn công đồn Bourdais (04-9-1861), trận Cái Thia (14-10-1861), trận Cai Lậy (15-10-1861), trận Kỳ Hôn (22-10-1861), trận Rạch Gầm (tháng 11- 1861),… Bên cạnh đó, nghĩa quân còn đẩy mạnh công tác diệt ác trừ gian, như ngày 17-10-1861, nghĩa quân đột nhập vào đồn Cai Lậy, diệt 1 tên đội; trong các ngày 22, 23, 24-11-1861, nghĩa quân len lõi vào vùng địch tạm chiếm, diệt các tên xã trưởng của các xã Mỹ Quý, Trung Lương, Tân Lý, Mỹ An,…

Trước tình hình đó, thực dân Pháp tập trung lực lượng đàn áp cuộc khởi nghĩa. Để bảo toàn lực lượng, cuối năm 1864, ông rút quân vào Đồng Tháp Mười, xây dựng căn cứ mới, tiếp tục cuộc kháng chiến chống Pháp.

Tại đây, dưới sự chỉ huy của ông, nghĩa quân đã thực hiện chiến thuật du kích, đánh vào các đồn nhỏ và những toán quân tuần tiểu của địch, khiến bọn chúng đối phó vô cùng vất vả. Đến giữa năm 1865, lực lượng được hồi phục, ông ra lệnh cho nghĩa quân đánh kỳ tập vào các vị trí quân sự trọng yếu của địch, gây cho quân Pháp những thiệt hại nặng nề, tiêu biểu là hai trận tấn công đồn Mỹ Trà vào tháng 7 và cuối năm 1865, trận Cái Nứa vào tháng 3-1866.

Lo sợ ảnh hưởng ngày càng tỏa rộng của nghĩa quân, tháng 4-1866, thực dân Pháp huy động 1.000 quân thiện chiến mở cuộc tấn công đại quy mô vào căn cứ Đồng Tháp Mười. Nghĩa quân đã anh dũng chống trả. Cuộc chiến đấu không cân sức diễn ra rất ác liệt. Do sức giặc quá mạnh, ông buộc phải rút quân lên vùng Đức Hòa (Long An) để liên minh với nghĩa quân Trương Quyền và nghĩa quân Campuchia do Pukombô lãnh đạo nhằm tiếp tục chống giặc Pháp xâm lược. Tháng 10-1866, Võ Duy Dương đi đường biển ra Bình Thuận nhằm vận động các tỉnh nam Trung kỳ giúp đỡ tiền bạc, lương thực, vũ khí cho các cuộc kháng chiến của nhân dân Nam kỳ. Nhưng không may, khi đến cửa biển Thần Mẫu (nay thuộc Cần Giờ, thành phố Hồ Chí Minh), ông bị bọn cướp biển giết hại, để lại bao niềm thương tiếc cho nhân dân và nghĩa sĩ.

Để tưởng nhớ Võ Duy Dương, tại Gò Tháp (xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp), người dân đã lập đền thờ ông cùng với Phó tướng Nguyễn Tấn Kiều (Đốc binh Kiều). Đây là một trong những di tích nằm trong cụm Di tích quốc gia đặc biệt Gò Tháp (được công nhận năm 2012). Tại nơi ông sinh ra (xã Nhơn Tân, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định), năm 1997, dòng họ đã góp tiền xây dựng đền thờ và hàng năm tổ chức tế lễ. Năm 2007, Hội Khoa học lịch sử Việt Nam trao

tặng cho đền thờ Võ Duy Dương tại xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn một tượng đồng phác họa chân dung ông.

Tại đền thờ ông và Nguyễn Tấn Kiều (Đốc binh Kiều) ở Gò Tháp có câu đối:

Sử sách sáng chói danh Thiên Hộ

Bia miệng lưu truyền tiếng Đốc binh.

Ở đây cũng còn lưu truyền câu ca dao:

Chiều chiều mây giục gió vần

Cảm thương Thiên Hộ xả thân cứu đời!

Ngày 14 tháng 11 âm lịch hàng năm là ngày giỗ chung hai ông. Tên ông được đặt tên đường ở thị trấn Cái Bè, tên trường trung học phổ thông và chợ ở huyện Cái Bè; tên trường tiểu học và tên đường ở TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Ngoài ra, nhiều địa phương trên cả nước cũng có tên đường mang tên Võ Duy Dương hay Thiên hộ Dương.

Đường Thiên Hộ Dương có điểm đầu: giáp với đường Trương Công Định; điểm cuối: giáp với đường Trưng Nữ Vương; chiều dài: 0,237 km; chiều rộng: 8 m.

6. Đường Trương Công Định

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Trương Công Định - chữ "Công" (公) trong chữ Hán có nghĩa là Cụ, Ông; tên thật là Trương Định)

Tiểu sử danh nhân:

TRƯƠNG CÔNG ĐỊNH

(1820 – 1864)

Trương Công Định tên thật là Trương Định sinh năm 1820 tại xã Tư Cung, huyện Bình Sơn, phủ Tư Nghĩa, trấn Quảng Ngãi (nay là xã Tịnh Khê, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi) trong một gia đình quan chức yêu nước.

Theo Nguyễn Thông trong *Lãnh binh Trương Định truyện*, ông có "*trang mạo khôi ngô, thông hiểu binh thư và bắn giỏi*". Sách *Đại Nam liệt truyện* của Quốc sử quán triều Nguyễn chép: "(*Trương*) *Định am hiểu võ nghệ, dũng cảm, mưu lược*". Paulin François Alexandre Vial, nguyên Trưởng đồn kiêm Giám đốc bản xứ sự vụ Gò Công, Giám đốc Nội vụ Nam Kỳ, trong quyển *Những năm đầu tiên ở Nam Kỳ* cho biết, ông cao lớn, nước da trắng, dáng người thanh tú.

Năm 1844, cha của ông là Trương Cầm vào tỉnh Gia Định nhận chức Lãnh binh. Ông được đi theo và sau đó, kết hôn với Lê Thị Thưởng, vốn là con gái của một hào phú ở Tân Hòa (Gò Công). Năm 1854, nhờ sự trợ giúp của gia đình bên

vợ, ông xuất tiền của, mộ dân lập đồn điền Gia Thuận (nay thuộc huyện Gò Công Đông, Tiền Giang) để khai hoang vùng đất này. Vì thế, ông được triều đình phong chức Phó quản cơ.

Năm 1859, quân Pháp hạ thành Gia Định. Với lòng yêu nước nồng nàn, ông đã chỉ huy dân quân đồn điền Gia Thuận phối hợp với quân triều đình tiến đánh quân địch ở vùng Thuận Kiều và lập được nhiều chiến công. Vì vậy, đến tháng 10-1860, ông và nghĩa sĩ, bao gồm 50 người, được vua Tự Đức "*thưởng cho gia trật hoặc kỷ lục, ngân tiền*". Chiến công nổi bật đầu tiên của Trương Định và nghĩa quân là trận phục kích tiêu diệt tên đại úy thủy quân lục chiến Barbé tại chùa Khải Tường (vị trí chùa nay là Bảo tàng Chứng tích chiến tranh, số 28, đường Võ Văn Tần, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh) ngày 07-12-1860.

Tháng 4-1861, quân Pháp lần lượt đánh chiếm Mỹ Tho và Gò Công. Với quyết tâm chống quân xâm lược, Trương Định đã chiêu mộ 6.000 nghĩa sĩ dựng cờ khởi nghĩa. Vì thế, ông được triều đình phong chức Quản Cơ rồi thăng lên Phó Lãnh binh tỉnh Gia Định. Bên cạnh đó, ông còn ra sức xây dựng căn cứ kháng chiến Tân Hòa ở Gò Công. Ngoài ra, Trương Định còn cho xây dựng đồn trại ở Gia Thuận, vốn là đồn điền do ông lập ra năm 1854.

Cuộc khởi nghĩa do Trương Định lãnh đạo có sự liên kết chặt chẽ với nhiều cuộc khởi nghĩa khác, như khởi nghĩa Nguyễn Trung Trực ở Tân An, Trần Xuân Hòa, Võ Duy Dương và Nguyễn Hữu Huân ở Ba Giồng,...

Ngày 22-6-1861, nghĩa quân Đỗ Trình Thoại tấn công quân Pháp ở đồn Gò Công. Cuộc tập kích này đã làm tên lính thủy Bodiez phải tử trận, tên trung úy Vial bị đâm trọng thương. Thế nhưng, thủ lãnh Đỗ Trình Thoại đã anh dũng đền nợ nước. Qua ngày hôm sau, để trả thù cho Đỗ Trình Thoại, Trương Định chỉ huy nghĩa quân đánh vào đồn Gò Công, gây cho địch nhiều thiệt hại.

Trong tháng 9-1861, ông chỉ huy nghĩa quân tiến hành trừng trị những tên tay sai chỉ điểm cho giặc, tiêu biểu là vụ bắt bá hộ Huy ở Đồng Sơn (nay thuộc huyện Gò Công Tây, Tiền Giang) phải đền tội phản quốc.

Sau đó, hoạt động quân sự của nghĩa quân Trương Định đã diễn ra liên tục. Ngày 30-12-1861, tấn công đồn Kỳ Hôn (nay thuộc TP Mỹ Tho, TG). Ngày 10-01-1862, tấn công đồn Gia Thạnh (nay thuộc huyện Chợ Gạo, TG); ngày hôm sau, với 10 chiến thuyền, nghĩa quân lại đánh đồn Rạch Gầm (nay thuộc huyện Châu Thành, TG). Từ ngày 22-01-1862 đến ngày 28-02-1862, nghĩa quân Trương Định mở 3 cuộc tấn công vào đồn Kỳ Hôn, có lần giặc Pháp phải bỏ đồn tháo chạy, bị nghĩa quân truy kích ráo riết.

Do bị tấn công liên tục, đô đốc Bonard ra lệnh cho quân Pháp rút khỏi đồn Gò Công ngày 01-3-1862. Cũng trong khoảng thời gian này, ông nhận được vũ khí do triều đình cấp phát, gồm 20 cỗ Quá sơn, 300 cân hỏa dược, 20 viên đạn thép, 80 trường thương. Trên cơ sở đó, đêm 06-4-1862, Trương Định chỉ huy nghĩa quân

táo bạo đột kích Chợ Lớn (nay thuộc Thành phố Hồ Chí Minh). Trận đánh này đã khiến nhân dân rất phấn khởi; còn quân giặc thì hoang mang cực độ.

Để thực thi hiệp ước ký với Pháp năm 1862, vua Tự Đức ra lệnh giải binh ở ba tỉnh miền đông Nam kỳ (Định Tường, Gia Định, Biên Hòa); trong đó có việc buộc Trương Định phải giải tán nghĩa quân và đi An Giang nhận chức Lãnh binh. Tuy nhiên, với tước vị Bình Tây đại tướng quân, ông đã dũng cảm và sáng suốt ở lại Gò Công, lãnh đạo nhân dân tiếp tục cuộc kháng chiến.

Tháng 11-1862, Trương Định cử các đội trinh sát đi hoạt động ở khắp nơi. Ngày 06-12-1862, nghĩa quân Trương Định tấn công một chiến thuyền của quân Pháp trên sông Vàm Cỏ ở gần Trảng Bàng (Tây Ninh). Ngày 17 và ngày 18-12-1862, Trương Định ra lệnh cho nghĩa quân đồng loạt mở cuộc tổng công kích vào các vị trí chiếm đóng của quân Pháp ở ba tỉnh miền đông Nam kỳ.

Trước tình hình đó, đầu năm 1863, quân Pháp tổ chức những cuộc hành quân càn quét vào căn cứ Tân Hòa (Gò Công) của nghĩa quân Trương Định. Ngày 16-02-1863, đô đốc Bonard, tổng chỉ huy quân Pháp ở Nam kỳ, đến Gò Công, trực tiếp chỉ huy cuộc tấn công. Do thế giặc quá mạnh nên Trương Định vừa cho nghĩa quân mật phục đánh địch liên tục, vừa ra lệnh cho đại bộ phận nghĩa quân rút đi nơi khác để bảo toàn lực lượng cho cuộc chiến đấu lâu dài.

Sau đó, Trương Định di chuyển về khu vực "Đám lá tối trời" ở Gia Thuận để gầy dựng lại lực lượng. Thực dân Pháp tung bọn mật thám, bọn phản bội chỉ điểm ráo riết theo dõi mọi hoạt động của nghĩa quân. Theo đó, Huỳnh Văn Tấn (Đội Tấn) được lệnh truy lùng nơi ở của Trương Định. Ngày 20-8-1864, Đội Tấn chỉ huy bọn thuộc hạ bất ngờ đột kích vào nơi trú ngụ của ông tại Kiểng Phước (nay thuộc huyện Gò Công Đông, TG). Trận chiến không cân sức đã diễn ra; và cuối cùng, Trương Định đã anh dũng hy sinh vì đại nghĩa cứu nước, cứu dân, hưởng dương 44 tuổi, để lại bao niềm tiếc thương trong lòng người dân Gò Công và Nam bộ:

Trời Bến Nghé mây mưa sùi sụt, thương đấng anh hùng gặp bước gian truân;

Đất Gò Công cây cỏ ủ ê, cám niềm thần tử hết lòng trung ái.

Xưa còn làm tướng, dốc rạng dồi hai chữ Bình Tây,

Nay thác theo thần, xin dâng hộ một câu phục thái.

(*Văn tế Trương Định* - Nguyễn Đình Chiểu)

Tuy nhiên, sự nghiệp của ông luôn sống mãi với hồn thiêng sông núi và gắn liền với những chiến công hiển hách:

Trong Nam tên họ nổi như cồn,

Mấy trận Gò Công để tiếng đồn.

Dấu đạn hãy rêm tàu bạch quỷ,

Hơi gươm thêm rạng thể hoàng môn.

(*Thơ điếu Trương Định* - Nguyễn Đình Chiểu)

và:

"*Vì nước tấm thân đã nấy, còn mất cũng cam.*

Giúp đời cái nghĩa đáng làm, nên hư nào nại.

Rạch Lá, Gò Công mấy trận, giặc thấy đã kinh,

Cửa Khâu, Trại Cá mấy nơi, ai nghe chẳng hãi".

(*Văn tế Trương Định* - Nguyễn Đình Chiểu)

Sau khi ông mất, nhà yêu nước Nguyễn Đình Chiểu đã làm bài văn tế và mười hai bài thơ điếu Trương Định, ca ngợi cuộc đời chiến đấu hào hùng và cái chết lẫm liệt của ông. Một *Tờ tấu* trong danh mục *Châu bản triều Nguyễn* nhận xét về ông như sau: "Cố Trương Định mộ nghĩa ở Gò Công, chấn động thôn dân, đánh lấy được thảy đều vui mừng, cùng nhau báo cáo. Hoặc cùng nộp đưa tiền bạc, lúa gạo, lấy đó làm quân lương; hoặc quyên nộp đồng sắt, hỏa dược, cứu tế quân nhu. Già trẻ khỏe mạnh ở nhà đều ứng mộ, lòng ham muốn nhanh chóng được giết giặc Tây di". Con ông là Trương Quyền noi chí cha, tiếp tục phất cao cờ khởi nghĩa chống thực dân Pháp xâm lược và hy sinh anh dũng vào năm 1867.

Tên ông được đặt tên công trình công cộng ở nhiều địa phương khác trên cả nước. Lăng mộ và đền thờ của ông ở thị xã Gò Công được Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận là Di tích lịch sử Quốc gia năm 1989. Đền thờ của ông ở xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông được Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận là Di tích lịch sử Quốc gia năm 2004. Đền thờ ông tại xã Tịnh Khê, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là Di tích lịch sử Quốc gia năm 2023.

Ngoài ra, đền thờ ông còn có ở một số nơi khác, như Tân Phước, Tân Tây, Tân Hòa (huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang), Bửu Hòa, Phước Hòa (thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai),...

Năm 1995, tượng đài ông được tạo tác bằng đá hoa cương, cao 8 m, bệ bằng bê tông ốp đá cao 4 m. Đến năm 2006, tượng được thay bằng chất liệu đồng, tọa lạc tại phường 2, thị xã Gò Công, là di tích Lịch sử - Văn hóa cấp tỉnh.

Cuộc đời và sự nghiệp của ông đã được khắc họa trên sân khấu và điện ảnh, như hai vở cải lương *Bình Tây Đại nguyên soái* của Nghệ sĩ Nhân dân Nguyễn Thành Châu (1978), *Cờ nghĩa giồng Sơn Quy* của Nghệ nhân ưu tú Huỳnh Anh (vở này đạt Huy chương Bạc tại Hội diễn sân khấu toàn quốc năm 2010), bộ phim *Bình*

Tây Đại nguyên soái của Nhà biên kịch Phạm Thùy Nhân do Hãng phim Cửu Long sản xuất năm 2013.

Lễ hội tưởng niệm ông diễn ra trong các ngày 17 và 18/8 hàng năm tại xã Tịnh Khê, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi và trong các ngày 19 và 20/8 tại lăng mộ và đền thờ của ông ở thị xã Gò Công cũng như tại đền thờ ở xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Đường Trương Công Định có điểm đầu: giáp với đường Bảo Định Giang; điểm cuối: giáp với đường Phạm Hồng Thái; chiều dài: 0,1004 km; chiều rộng: 8 m.

7. Đường Lê Quý Đôn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Lê Quý Đôn)

Tiểu sử danh nhân:

LÊ QUÝ ĐÔN

(1726 - 1784)

Lê Quý Đôn nguyên là Lê Danh Phương, tự Doãn Hậu, hiệu Quế Đường, sinh năm 1726, trong một gia đình khoa bảng; quê tại làng Diên Hà, trấn Sơn Nam Hạ, nay là thôn Phú Hiếu, xã Độc Lập, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Ngay từ nhỏ, ông đã nổi tiếng thông minh, chăm học. Năm 14 tuổi, ông theo cha lên học ở kinh đô Thăng Long. Năm 17 tuổi, ông thi Hương, đỗ Giải nguyên. Năm 27 tuổi, đỗ Hội nguyên, rồi đỗ Đình Nguyên Bảng nhãn.

Sau khi đã đỗ đạt, ông được bổ làm quan và từng giữ nhiều chức vụ quan trọng của triều Lê - Trịnh, như: Hàn lâm thừa chỉ sung Toản tu quốc sử quán (năm 1754), Hàn lâm viện thị giảng (năm 1757), Đốc đồng xứ Kinh Bắc (năm 1764), Thị thư kiêm Tư nghiệp Quốc tử Giám (năm 1767), Tán lý quân vụ, Thự phó đô ngự sử (năm 1768), Công bộ hữu thị lang (năm 1769), Bồi tụng (năm 1773), Lại bộ tả thị lang kiêm Tổng tài quốc sử quán (năm 1775), Hiệp trấn tham tán quân cơ Trấn phủ Thuận Hóa (năm 1776), Hiệp trấn Nghệ An (năm 1783), Công bộ thượng thư (năm 1784).

Tác phẩm của ông có tới 40 bộ, bao gồm hàng trăm quyển, nhưng một số bị thất lạc. Những tác phẩm tiêu biểu của ông còn giữ được có thể kể ra như sau:

- Quần thư khảo biện.
- Vân đài loại ngữ.
- Đại Việt thông sử.
- Phủ biên tạp lục.

- Toàn Việt thi lục.

Ông mất năm 1784. Nhận xét về ông, Giáo sư Sử học Văn Tân trong bài *Kỷ niệm 250 năm ngày sinh Lê Quý Đôn* viết: "Lê Quý Đôn đã nắm được tất cả các tri thức mà con người Việt Nam hồi thế kỷ XVIII có thể có được. Có thể nói, Lê Quý Đôn là cái tủ sách tổng hợp biết nói của nước Việt Nam hồi thế kỷ XVIII. Trên thì thiên văn, dưới thì địa lý, giữa là con người, không gì Lê Quý Đôn không biết. Hiểu biết của ông rất rộng, lại rất sâu".

Tại quê hương ông còn có Khu lưu niệm danh nhân văn hóa Lê Quý Đôn được công nhận là Khu di tích lịch sử văn hóa quốc gia (Quyết định 235 VH/QĐ ngày 12-12-1986 của Bộ Văn hóa Thông tin). Tên ông được đặt tên đường, tên trường học ở nhiều tỉnh thành trên cả nước.

Đường Lê Quý Đôn có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn Chí Công; điểm cuối: giáp với đường Đoàn Thị Nghiệp; chiều dài: 0,1300 km; chiều rộng: 3 m.

8. Đường Bảo Định Giang

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Bảo Định Giang)

Tiểu sử danh nhân:

BẢO ĐỊNH GIANG

(1919 – 2005)

Bảo Định Giang tên thật là Nguyễn Thanh Danh, ngoài ra còn có các bút danh Nguyễn Thanh, Thu Thủy, Văn Kỳ Thanh, Nguyễn Tịnh Hà, sinh năm 1919 tại làng Mỹ Thiện, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Thiện Trí, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang).

Năm 1935, khi đang học trung học, nhưng do gia đình bị phá sản, ông phải rời quê nhà đến chùa Vĩnh Tràng ở Mỹ Tho học chữ Nho với Phan Văn Viễn, vốn là một sĩ phu yêu nước, cháu gọi Phan Đình Phùng bằng bác, quê ở Hà Tĩnh, bị thực dân Pháp buộc "an trí" ở Mỹ Tho. Năm 1938, ông gia nhập Hội Khuyến học tỉnh Mỹ Tho và được phân công phụ trách thư viện của Hội.

Năm 1939, ông được nhà cách mạng Nguyễn Văn Nguyễn tuyên truyền, giáo dục, giác ngộ chủ nghĩa cộng sản. Tháng 8 - 1945, ông tham gia cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Mỹ Tho; sau đó, được giao nhiệm vụ quản lý "quán cơm bình dân" do Tỉnh ủy và Ủy ban Hành chính tỉnh thành lập nhằm làm nơi bồi dưỡng sức khỏe cho những cán bộ cách mạng từ nhà tù Côn Đảo được Đảng rước về đất liền. Cuối tháng 10 - 1945, khi thực dân Pháp quay trở lại xâm chiếm Mỹ Tho, ông được điều về Chợ Gạo làm Trưởng ban Tuyên truyền huyện. Giữa tháng 11 - 1945, trên đường đi công tác, ông bị quân Pháp bắt tại xã Thanh Bình. Tại nhà ngục Mỹ Tho, mặc dù bị tra tấn liên tục trong vòng hai tháng, nhưng ông vẫn giữ vững tinh

thần kiên định đến cùng, quyết không khai báo, bảo vệ cơ sở cách mạng. Sau đó, do được học trò và gia đình bên vợ (chưa cưới) chạy vạy, lo lót, ông được trả tự do.

Đầu năm 1946, ông vào Đồng Tháp Mười rồi lên chiến khu Đ ở tỉnh Biên Hòa (nay thuộc tỉnh Đồng Nai) để chuẩn bị ra Bắc. Nhưng, được chỉ thị của cấp trên, ông trở về Đồng Tháp Mười, phụ trách công tác tuyên truyền kiêm Chủ bút báo *Tổ Quốc* của Chiến khu 8. Năm 1950, ông được đề bạt làm Trưởng ban Tuyên truyền thuộc Bộ Tư lệnh Nam bộ đóng ở Rạch Giá (nay là tỉnh Kiên Giang). Năm 1951, ông được điều lên chiến trường miền Đông Nam bộ, đóng ở căn cứ Dương Minh Châu (Tây Ninh). Năm 1953, ông tham dự lớp chỉnh huấn do Trung ương mở ở Bình Định, Quảng Ngãi. Sau đó, ông được điều ra miền Bắc, công tác ở Tổng cục Chính trị và Ban Tuyên huấn Trung ương tại ATK (An toàn khu) Việt Bắc.

Sau khi hiệp định Genève được ký kết (7 - 1954), ông vào công tác ở Sầm Sơn (Thanh Hóa), phụ trách tuyên truyền đón bộ đội và đồng bào miền Nam tập kết ra Bắc. Trong thời gian ở miền Bắc (1953 - 1977), ông đảm nhận nhiều chức vụ quan trọng trong các ngành phát thanh, báo chí, tuyên huấn, văn nghệ, như Trưởng ban Văn nghệ Đài Tiếng nói Việt Nam, Phó Tổng thư ký Hội Văn nghệ Việt Nam, Phó Vụ trưởng Vụ Văn nghệ thuộc Ban Tuyên huấn Trung ương, Tổng biên tập báo *Văn Nghệ*, Phó Chủ tịch Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam.

Năm 1977, ông được phân công công tác ở thành phố Hồ Chí Minh, làm Chủ tịch Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật kiêm Tổng biên tập báo *Văn Nghệ thành phố Hồ Chí Minh*; đồng thời là Ủy viên Đoàn Chủ tịch Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Việt Nam. Năm 1990, ông nghỉ hưu, nhưng vẫn tiếp tục sáng tác với bút lực rất dồi dào.

Về lĩnh vực sáng tác, ông đến với thơ văn ngay từ lúc còn rất trẻ. Năm 19 tuổi, ông đã có những bài thơ đầu tiên nói lên tâm sự buồn nhớ cha mẹ mỗi khi Tết đến. Năm 23 tuổi, ông có hai bài văn xuôi đầu tiên là *Tâm sự Khuất Nguyên* và *Cuộc đời Nhà thơ lớn Bạch Cư Dị* đăng trên tuần báo *Đông Thanh* ở Sài Gòn. Năm 26 tuổi, vào tháng 8 - 1945, ông có bài thơ đầu tiên về đề tài cách mạng là bài *Dư đồ Tổ quốc*. Từ những sáng tác đầu tay cho đến lúc cuối đời, ông đã có gần 50 tác phẩm được xuất bản thành sách và hàng trăm bài báo, bao gồm các thể loại ca dao, thơ văn, bút ký, kịch bản văn học, sưu tầm, nghiên cứu, phê bình,... Các tác phẩm chính của ông là:

- Ca dao: *Ca dao Đồng Tháp, Ca dao Bảo Định Giang toàn tập, Ca dao - dân ca Nam bộ* (viết chung),...

- Thơ: *Những con số máu* (Đạt Giải thưởng của Sở Thông tin Nam bộ), *Đường giải phóng, Đêm huyền diệu, Mây trắng bến Nhà Rồng, Thuyền chở đạo,...*

- Văn: *Ơn chị, Hồi chuông ngày ấy, Phù sa sông Tiền, Đất nước – Con người Tiền Giang, Trong mỗi trái tim* (Đạt Giải thưởng của Liên hiệp các hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam năm 1994),...

- Bút ký: *Đốt lò hương ấy, Về Nam*,...

- Kịch bản văn học: *Hả dạ, Đồng xanh - Máu đỏ, Những bài tay xây dựng, Lục Vân Tiên - Kiều Nguyệt Nga, Người mặt cháy*,...

- Sưu tầm, nghiên cứu, phê bình: *Từ trong máu lửa, Ca dao dân ca Nam Bộ, Thơ văn yêu nước Nam bộ cuối thế kỷ XIX, Mấy vấn đề văn nghệ yêu nước và cách mạng, Nguyễn Thông - con người và tác phẩm* (viết chung), *Bùi Hữu Nghĩa, con người và tác phẩm, Những ngôi sao sáng trên bầu trời văn học Nam bộ nửa sau thế kỷ XIX, Văn nghệ - một thời để nhớ* (Đạt Giải thưởng của Liên hiệp các hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam năm 1998),...

Nhìn chung, các tác phẩm của ông xoay quanh 4 chủ đề chính là Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh, Hồ Chí Minh - vị Anh hùng giải phóng dân tộc và Danh nhân văn hóa kiệt xuất, Nhà thơ yêu nước Nguyễn Đình Chiểu và đất nước - con người Tiền Giang. Đặc biệt, ông là tác giả của bốn câu thơ - ca dao nổi tiếng được sáng tác năm 1946:

Tháp Mười đẹp nhứt bông sen,

Việt Nam đẹp nhứt có tên Cụ Hồ.

Bông sen dành để lễ chùa,

Cụ Hồ mãi mãi tôn thờ trong tâm.

Năm 2005, ông mất tại thành phố Hồ Chí Minh. Cuộc đời và tác phẩm của ông luôn luôn gắn bó với nhân dân, với sự nghiệp kháng chiến, dựng xây đất nước, với quê hương Nam Bộ yêu quý. Ông thuộc lớp các nhà văn, chiến sĩ mà chất người, chất văn của vùng đất phương Nam được biểu hiện khá nổi bật. Ông vinh dự được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhì, Huân chương Kháng chiến chống Pháp hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhất, Huy hiệu Thành đồng Tổ quốc, Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng, Huy chương Vì sự nghiệp văn học Việt Nam,... Đồng thời, ông còn được truy tặng Giải thưởng Nhà nước về Văn học Nghệ thuật đợt 1 (2001). Bút danh của ông được đặt tên đường ở thị trấn Cái Bè, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Đường Bảo Định Giang có điểm đầu: giáp với đường Trương Công Định; điểm cuối: giáp ranh xã Đông Hòa Hiệp; chiều dài: 0,1140 km; chiều rộng: 1.5 m.

9. Đường Nguyễn Thái Học

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Thái Học)

Tiểu sử danh nhân:

NGUYỄN THÁI HỌC

(1902 - 1930)

Nguyễn Thái Học sinh năm 1902 tại làng Thổ Tang, tổng Lương Điền, phủ Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Yên (nay là thị trấn Thổ Tang, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc).

Năm 19 tuổi (1921), ông thi đậu vào Trường Cao đẳng sư phạm Hà Nội. Do tính tình cương trực và không khuất phục lối giáo dục của người Pháp, ông bỏ học vào năm thứ ba. Sau đó, ông thi đậu vào Trường Cao đẳng Thương mại thuộc Viện Đại học Đông Dương (1925-1927). Trong thời gian này, ông tham gia thành lập Nam Đồng thư xã ở Hà Nội. Đây là một tiệm sách và cơ sở ấn loát chuyên in và phổ biến sách có nội dung cổ vũ tinh thần yêu nước.

Sau một thời gian vận động, năm 1927, các thành viên của Nam Đồng thư xã thành lập Việt Nam Quốc dân Đảng. Nguyễn Thái Học được bầu làm Chủ tịch. Việt Nam Quốc dân Đảng theo chủ nghĩa Tam dân của Tôn Dật Tiên. Tức là phấn đấu: Dân tộc độc lập - Dân quyền tự do - Dân sinh hạnh phúc. Đường lối chiến lược của Đảng là: Trước làm cách mạng quốc gia, sau làm cách mạng thế giới. Đảng lấy lực lượng trí thức tiểu tư sản, tư sản dân tộc làm nòng cốt. Chỉ trong một thời gian ngắn Việt Nam Quốc dân Đảng đã phát triển mạnh mẽ lan rộng khắp các tỉnh ở Bắc kỳ.

Tuy nhiên, do tổ chức thiếu chặt chẽ, kỷ luật không nghiêm, lộ bí mật, nhiều tay chân mật thám của Pháp trà trộn trong Đảng, nên cuộc vận động quần chúng của Việt Nam Quốc dân Đảng gặp nhiều trở ngại. Trước tình hình đó, Nguyễn Thái Học cùng các thành viên chủ chốt của Việt Nam Quốc dân Đảng chủ trương khởi nghĩa với phương châm: "Không thành công thì thành nhân".

Dưới sự lãnh đạo của Việt Nam Quốc dân Đảng đứng đầu là lãnh tụ Nguyễn Thái Học, phong trào bạo động chống Pháp ở các tỉnh đã nổ ra, mà đỉnh cao là khởi nghĩa Yên Bái vào đêm 10, rạng ngày 11/2/1930. Cuộc bạo động đã không thành công. Việt Nam Quốc dân Đảng và khởi nghĩa Yên Bái bị thực dân Pháp dìm trong bể máu. Nguyễn Thái Học cùng các đồng chí của ông bị giặc Pháp bắt và hành hình vào ngày 17/6/1930 tại Yên Bái. Tên ông được đặt tên đường, tên trường học ở nhiều địa phương trên cả nước.

Đường Nguyễn Thái Học có điểm đầu: giáp với đường Đốc Binh Kiều; điểm cuối: giáp ranh xã Hòa Khánh; chiều dài: 0,1896 km; chiều rộng: 6-8 m.

10. Đường Đốc Binh Kiều

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Chức vụ và tên danh nhân (Đốc binh Kiều).

Tiểu sử danh nhân:

ĐỐC BINH KIỀU

(- 1866)

Đốc binh Kiều tên thật là Nguyễn Tấn Kiều, còn gọi là Lê Công Kiều, Quan lớn thượng, chưa rõ năm sinh, nguyên quán miền Trung, di cư vào huyện Kiến Đăng, tỉnh Định Tường (nay là vùng Cái Bè - Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang).

Năm 1861, thực dân Pháp xâm chiếm Định Tường, ông chiêu mộ nghĩa dũng nổi lên chống giặc ở vùng Rạch Ruộng (Cái Bè). Sau đó, ông mang nghĩa quân thuộc quyền gia nhập lực lượng kháng chiến do Võ Duy Dương (Thiên hộ Dương) lãnh đạo. Do có tài thao lược, tinh thần chiến đấu dũng cảm và chỉ huy nghĩa quân lập được nhiều chiến công; nên ông được Võ Duy Dương phong chức Đốc binh, nên được người đời gọi là Đốc binh Kiều.

Năm 1864, để chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài, Võ Duy Dương rút quân vào vùng bưng biền Đồng Tháp Mười, thành lập căn cứ kháng chiến chống Pháp. Lúc bấy giờ, ông được Võ Duy Dương tin tưởng giao nhiệm vụ làm Phó tướng, trực tiếp chỉ huy xây dựng căn cứ Đồng Tháp Mười.

Bằng nhãn quan quân sự sắc sảo, ông cho xây dựng đại bản doanh của nghĩa quân ở Gò Tháp, thường được gọi là đồn Trung; và ba đồn khác bao quanh là đồn Tiền (hướng Cái Nứa), đồn Tả (hướng Gò Bắc Chiêng), đồn Hữu (hướng Cần Lố), để tạo thế chân vạc, bảo vệ đồn Trung.

Các đồn này đều có lũy đất chung quanh, cao khoảng 2,5 mét, thân lũy có trổ cửa và lỗ châu mai, ngoài lũy có những hàng cừ bằng cây sao nhằm chống địch tiếp cận đồn. Mỗi đồn có từ 200 - 300 nghĩa quân, được trang bị khoảng 10 khẩu súng thần công các loại và 40 - 50 khẩu súng bắn đá.

Ngoài ra, ông còn cho xây dựng nhiều đồn nhỏ (có khoảng 100 - 150 nghĩa quân) và trạm canh (có khoảng 10 nghĩa quân), tạo thành tuyến bảo vệ vòng ngoài cho căn cứ chính, trong đó quan trọng nhất là các đồn Cái Nứa (Hậu Thành, Cái Bè), Cái Thia (Mỹ Đức Đông, Cái Bè), Thủ Ngữ, Đất Sét, Quản Oai, Rạch Ruộng (Hậu Mỹ, Cái Bè), Mỹ Thạnh (Phú Nhuận, Cai Lậy), Trường Tháp (Mỹ Thành Bắc, Cai Lậy),…

Từ căn cứ Đồng Tháp Mười, dưới sự chỉ huy của ông và chủ tướng Võ Duy Dương, nghĩa quân đã liên tục tấn công các vị trí đóng quân của giặc Pháp, tạo nên những chiến thắng oai hùng, tiêu biểu là hai lần tấn công đồn Mỹ Trà (Cao Lãnh) vào giữa và cuối năm 1865, gây cho địch những tổn thất nặng nề. Có lần, ông đã chỉ huy nghĩa quân táo bạo tấn công đồn Cai Lậy.

Trước sự phát triển mạnh mẽ của lực lượng nghĩa quân, đầu tháng 4- 1866, thực dân Pháp huy động khoảng 1.000 quân tấn công căn cứ Đồng Tháp Mười. Để

đối phó với quân giặc, được sự phân công của Bộ chỉ huy nghĩa quân và chủ tướng Võ Duy Dương, ông và Lãnh binh Nguyễn Văn Cẩn nhận lãnh trọng trách chỉ huy đồn Trung nhằm bảo vệ đại bản doanh và chi viện cho các đồn khác, trong đó có đồn Tả do Võ Duy Dương chỉ huy.

Sau những trận đánh thăm dò, ngày 14-4-1866, quân Pháp chia ra làm ba cánh đồng loạt tấn công Đồng Tháp Mười. Nghĩa quân trú đóng trong các đồn đã kiên cường chống trả, khiến quân Pháp bị tiêu hao khá nhiều. Thế nhưng, do quân đông, hỏa lực mạnh, địch lần lượt chiếm đồn Tả (ngày 16-4), đồn Tiền và đồn Hữu (ngày 17-4).

Trước tình hình đó, ông đốc thúc nghĩa quân từ đồn Trung xông ra ứng chiến nhằm giải vây cho Võ Duy Dương và các toán nghĩa quân từ các nơi đổ về. Chiến sự diễn ra vô cùng ác liệt. Cuối cùng, trong một trận đánh giáp lá cà với quân địch, ông đã anh dũng đền nợ nước ngày 18-4-1866. Có tài liệu chép, lúc lên đài quan sát, ông bị trúng đạn, được đưa về gò Giồng Dung điều trị và sau đó vài ngày thì mất. Thi hài ông được an táng tại nền đồn Trung ở Gò Tháp, đồng thời, nghĩa quân cũng làm vài ngôi mộ giả để nghi trang. Hiện nay, ở Gò Tháp có đền thờ chung, thờ ông và chủ tướng Võ Duy Dương. Ngày 14 tháng 11 âm lịch hàng năm là ngày giỗ chung hai ông. Lễ giỗ này được chính quyền và nhân dân địa phương tổ chức rất trang nghiêm, thu hút đông đảo nhân dân đến chiêm bái và cúng kiếng.

Người đời sau có bài thơ ca ngợi ông như sau:

Vì nước quên mình bởi chữ trung,

Thương dân chi sá chốn sình bùn.

Mấy năm Đồng Tháp danh vang dội,

Cọp sống ngoài truông cáo hãi hùng.

Hai thước im lìm nơi thạch động,

Đồng bào tưởng nhớ đứng thờ chung.

Nỗi lòng nghĩ đến nhiều năm trước,

Hương lửa đều không cảnh lạnh lùng.

Hiện nay, đền thờ của ông và Võ Duy Dương tọa lạc ở Gò Tháp, xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Đây là một trong những di tích nằm trong cụm Di tích quốc gia đặc biệt Gò Tháp (được công nhận năm 2012). Nhân dân còn lập Miếu thờ ông ở thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An. Tên và chức vụ của ông (Đốc binh Kiều) được đặt tên đường ở thành phố Mỹ Tho; tên trường trung học phổ thông ở thị xã Cai Lậy (tỉnh Tiền Giang), tên trường trung học phổ thông và tên xã ở huyện Tháp Mười (tỉnh Đồng Tháp).

Đường Đốc Binh Kiều có điểm đầu: giáp với đường Thiên Hộ Dương; điểm cuối: giáp với đường Phạm Hồng Thái; chiều dài: 0,1049 km; chiều rộng: 5.5 m.

11. Đường Phạm Ngũ Lão

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Phạm Ngũ Lão)

Tiểu sử danh nhân:

PHẠM NGŨ LÃO

(1255 - 1320)

Phạm Ngũ Lão sinh năm 1255 tại làng Phù Ủng, huyện Đường Hào, phủ Hải Dương (nay là xã Phù Ủng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên).

Ông là người có chí khí và nghị lực. Phạm Đình Hổ trong tác phẩm "Vũ trung tùy bút" có kể lại chuyện ông ra mắt Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn đại ý như sau: Hưng Đạo Vương cùng tuỳ tùng đi ngang qua Đường Hào thấy Phạm Ngũ Lão ngồi bên vệ đường đan sọt. Quân lính kéo đến, dẹp lối đi. Ông vẫn ngồi thản nhiên, như không để ý đến ai cả. Quân lính cầm giáo đâm vào đùi chảy máu mà ông vẫn không cử động, thấy vậy Hưng Đạo Vương dừng lại hỏi, bấy giờ ông mới trả lời rằng đang nghĩ một câu trong binh thư nên không để ý. Biết người có tài, Hưng Đạo Vương cho ông ngồi cùng kiệu đưa về kinh sư. Từ đó, ông trở thành của gia tướng của Hưng Đạo Vương.

Trong các cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên Mông (Trung Quốc), ông lập được nhiều chiến công. Năm 1285, trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông lần thứ hai (1285), ông cùng với Thượng tướng Trần Quang Khải tiến đánh Chương Dương (nay là xã Chương Dương, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội), Hàm Tử (nay là xã Hàm Tử, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng yên), đập tan đội binh thuyền của giặc và diệt quân Nguyễn Mông chiếm đóng Thăng Long. Sau đó, ông được lệnh mang 3 vạn quân phục kích đánh địch ở Vạn Kiếp (nay thuộc xã Hưng Đạo, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương), chặn đường địch rút chạy lên biên giới phía bắc và diệt được hai phó tướng địch là Lý Quán và Lý Hằng.

Trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông lần thứ ba (1288), dưới sự chỉ huy của Hưng Đạo Vương, ông cùng các tướng bày trận phục kích đường rút lui của giặc trên sông Bạch Đằng, trong trận này quân ta bắt sống các tướng chỉ huy của quân Nguyên Mông là Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp, Áo Lỗ Xích. Sau đó, ông nhận lệnh mang quân truy kích cánh quân chủ lực của địch do Thoát Hoan chỉ huy rút chạy trên đường bộ.

Năm 1290, vua Trần Nhân Tông giao cho ông cai quản quân Thánh Dực (còn gọi là quân Cấm Vệ), phong chức Hữu Kim ngô Đại tướng quân. Đến đời

vua Trần Anh Tông, ông được thăng chức Điện súy Thượng tướng quân, tước Quan nội hầu. Ông đã ba lần chỉ huy quân đội nhà Trần đánh tan các cuộc xâm lấn biên giới phía Tây của quân Ai Lao vào các năm 1294, 1297 và 1301; hai lần đánh thắng quân Chiêm Thành quấy rối biên giới phía Nam vào các năm 1312 và 1318, bảo vệ vững chắc sự toàn vẹn lãnh thổ của nước ta.

Không chỉ có tài về quân sự, mà ông còn để lại nhiều bài thơ về chí trai, lòng yêu nước. Hiện nay, tác phẩm của ông chỉ còn lại hai bài là "Thuật Hoài" ("Tỏ lòng") và "Văn Thượng tướng quốc công Hưng Đạo Đại Vương" ("Viếng Thượng tướng quốc công Hưng Đạo Đại Vương").

Ông mất năm 1320, hưởng thọ 66 tuổi. Vua Trần Minh Tông ra lệnh nghỉ chầu 5 ngày để tỏ lòng thương tiếc ông. Sách "Đại việt sử ký toàn thư" viết: "*Ngũ Lão xuất thân trong hàng quân ngũ nhưng rất thích đọc sách, là người phóng khoáng, có chí lớn, thích ngâm thơ, tựa như không để ý đến việc võ binh. Nhưng quân ông chỉ huy, thực là đội quân phụ tử, hễ đánh là thắng. Ông huấn luyện quân đội rất có kỷ luật, đối đãi tướng hiệu tựa như người nhà, cùng đồng cam cộng khổ với binh sĩ, là bậc danh tướng của một thời vậy*". Nhân dân xã Phù Ủng dựng đền thờ ngay trên nền nhà cũ của ông. Ông cũng được phối thờ tại đền Kiếp Bạc, Chí Linh, Hải Dương tại đền thờ Trần Hưng Đạo. Hàng năm, lễ hội truyền thống đền Phù Ủng được tổ chức từ ngày 25 tháng chạp, chính hội được tổ chức vào ngày 11 tháng giêng âm lịch, thu hút đông đảo nhân dân khắp nơi đế chiêm bái, tham quan. Tên ông được đặt tên công trình công cộng ở nhiều địa phương trên cả nước.

Đường Phạm Ngũ Lão có điểm đầu: giáp với đường Trương Công Định; điểm cuối: giáp với đường Lê Văn Duyệt; chiều dài: 0,237 km; chiều rộng: 5 m.

12. Đường Xẻo Mây

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Địa hình thiên nhiên (Xẽo) + Thực vật (Cây mây).

- Xẽo: Theo *Đại Nam quấc âm tự vị* của Huình Tịnh Paulus Của, "xẽo là đàng (đường) nước vắn tắt, ngọn rạch nhỏ như cái cựa gà[15]". Xẽo là để chỉ con rạch cùng, nước chảy vào chảy ra chỉ có một đầu. Xẽo có hai loại: xẽo to có công dụng dẫn nước lên ruộng hay vận chuyển lúa; xẽo nhỏ vừa làm ranh giới giữa khu vườn

[15] Huỳnh Tịnh Paulus Của (tái bản năm 2018), *Đại Nam quấc âm tự vị*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, trang 1190.

này với khu vườn khác hoặc dùng để dẫn nước phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt, tưới tiêu, làm bến đậu ghe xuồng[16],…

- Mây: Cây mây là loại thực vật thân leo, thích nghi với mọi điều kiện sống, kể cả những nơi đất nghèo dinh dưỡng, sống thành bụi, có lóng dài, màu trắng đẹp, dẽo bền, dễ chẻ nên rất được ưa chuộng làm đồ đan lát, nhất là đan mặt bàn ghế và chế tác đồ thủ công mỹ nghệ.

Đường Xẻo Mây có điểm đầu: giáp với đường Trương Công Định; điểm cuối: giáp ranh xã Hòa Khánh; chiều dài: 0,973 km; chiều rộng: 6-8 m.

13. Đường Ngô Văn Nhạc

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Ngô Văn Nhạc)

Tiểu sử danh nhân:

NGÔ VĂN NHẠC

(1931 – 1969)

Ngô Văn Nhạc sinh năm 1931 tại làng Mỹ Lợi, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Mỹ Lợi A, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân.

Năm 1959, ông tham gia cách mạng tại quê nhà, làm nhiệm vụ nuôi giấu cán bộ. Năm 1960, ông gia nhập bộ đội. Năm 1964, ông làm trung đội trưởng trung đội địa phương huyện Cái Bè. Trong chiến đấu, ông bị thương hai lần, nên chuyển sang phụ trách Tổ dân quân huyện.

Năm 1965, trên đường đi công tác, ông bị vướng mìn, mất hết một chân và được điều về làm Chính trị viên Xã đội Mỹ Lợi. Tại đây, ông ra sức xây dựng lực lượng du kích xã ngày càng lớn mạnh và phát động trong nhân dân phong trào tự tạo vũ khí từ việc tận dụng bom pháo lép của địch. Từ đó, đội du kích xã đã đánh bại nhiều cuộc hành quân càn quét của địch, tiêu diệt nhiều sinh lực của bọn chúng.

Tháng 5-1968, gia đình ông tình nguyện nhận nuôi dưỡng một thương binh có tên là Nguyễn Văn Đẩu bị mất cả hai chân. Một tháng sau, ông thành lập Tổ du kích thương binh, gồm có ba người: ông, thương binh Nguyễn Văn Đẩu, thương binh Ngô Văn Hồng (con trai của ông, bị hỏng hai mắt), nhằm hỗ trợ nhau trong chiến đấu. Tính đến tháng 2-1969, Tổ du kích đặc biệt này đã đánh hàng chục trận lớn nhỏ, tiêu diệt 85 lính địch. Những chiến công vang dội đó đã làm nức lòng quân dân khắp nơi, có tác dụng thúc đẩy phong trào du kích chiến tranh trên địa bàn toàn huyện và cả tỉnh tiến lên.

---

[16] Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Quang Ân (2007), *Địa chí Tiền Giang (tập 2),* Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tiền Giang và Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, trang 623.

Cũng trong năm 1969, trong một trận chống càn ác liệt tại xã nhà, ông đã anh dũng hy sinh. Ngày 10-2-1970, ông được Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam truy tặng Huân chương Quân công giải phóng hạng Ba và danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng. Tên ông được đặt tên đường ở thị trấn Cái Bè; tên trường tiểu học ở xã Mỹ Tân, huyện Cái Bè, tên trường trung học cơ sở và trung học phổ thông ở xã Mỹ Lợi B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Đường Ngô Văn Nhạc có điểm đầu: giáp với đường Trương Công Định; điểm cuối: giáp với đường Đốc Binh Kiều; chiều dài: 0,285 km; chiều rộng: 6 m.

14. Đường Đoàn Thị Nghiệp

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Đoàn Thị Nghiệp)

Tiểu sử danh nhân:

ĐOÀN THỊ NGHIỆP

(1925 – 1972)

Đoàn Thị Nghiệp sinh năm 1925 tại làng Hội Cư, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Hội Cư, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang). Khi lập gia đình, bà về quê chồng tại làng Bình Phú, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Bình Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang). Chồng bà là ông Bùi Văn Thô sinh năm 1924, nguyên là Trung tá Quân đội nhân dân Việt Nam. Bà có hai con là Bùi Văn Thưởng và Bùi Văn Tấn đều hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Năm 1946, bà tham gia cách mạng tại Bình Phú, làm công tác phụ nữ, lãnh đạo và vận động chị em tham gia các phong trào cách mạng ở địa phương, như đóng góp lương thực, thực phẩm thuốc men cho bộ đội, đi dân công phục vụ chiến trường,...

Sau năm 1954, bà vẫn tiếp tục bám trụ ở địa bàn công tác cũ, lãnh đạo nhân dân đấu tranh chính trị. Do có thành tích trong công tác, bà được bầu làm Huyện uỷ viên huyện Cai Lậy. Trong những năm 1959 - 1960, mặc dù phong trào cách mạng ở địa phương bị địch đánh phá ác liệt, nhưng bà vẫn kiên cường bám chặt địa bàn cơ sở và cùng Huyện ủy ra sức củng cố xây dựng các chi bộ Đảng, phát động phong trào quần chúng và tổ chức lực lượng vũ trang của huyện. Sau đó, do yêu cầu của tổ chức, bà được điều sang An Giang công tác.

Năm 1967, bà được điều về Mỹ Tho và công tác tại Mặt trận vành đai diệt Mỹ Bình Đức (huyện Châu Thành). Tại đây, bà đã lập kế hoạch bắt sống được một sĩ quan Mỹ. Đồng thời, bà còn tham gia nhiều trận đánh vào căn cứ Đồng Tâm do sư đoàn 9 Mỹ chiếm đóng. Năm 1968, Bà được phân công phụ trách Mảng 4 Cai Lậy Bắc. Thực hiện nghiêm túc và sáng tạo chủ trương "Bám trụ

đánh địch" của Tỉnh đội, bà đã thành lập "Mặt trận chống phá bình định", mà lực lượng chủ yếu là các cơ quan của Tỉnh đội và du kích các xã trong khu vực, nhằm kiên quyết bẻ gãy các cuộc hành quân càn quét của địch, giữ vững địa bàn đứng chân.

Ngày 22-4-1972, địch huy động hai tiểu đoàn đánh phá ác liệt vào cơ quan Huyện đội Cai Lậy Bắc đóng ở xã Phú Nhuận (Cai Lậy). Lúc này, do các đơn vị đều đi tác chiến ở các chiến trường trong tỉnh, nên tại cơ quan Tỉnh đội chỉ còn 5 chiến sĩ và 8 du kích xã. Với cương vị là Tỉnh đội phó, bà đã nhanh chóng tổ chức và chỉ huy chiến đấu. Ỷ vào quân đông, địch liên tục mở nhiều đợt đột kích, nhưng đều bị quân ta đánh bật ra. Tuy nhiên, do có sự chênh lệch rất lớn về quân số và vũ khí, đến 12 giờ trưa cùng ngày, địch mới tiến vào vòng ngoài khu căn cứ. Lúc bấy giờ, bà bị thương nặng và sa vào tay địch. Biết bà giữ chức vụ quan trọng của Tỉnh đội Mỹ Tho, địch vừa mua chuộc, dụ dỗ, vừa tra tấn dã man nhằm buộc bà phải khai báo, đầu hàng; nhưng bà đã không chịu khuất phục và anh dũng hy sinh lúc 22 giờ ngày 22-4-1972, hưởng dương 47 tuổi.

Bà đã được tặng thưởng 1 Huân chương Quân công giải phóng hạng Ba, 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng Nhất. Ngày 6-11-1978, bà được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Năm 1994, bà được truy tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam anh hùng vì có hai người con đã anh dũng hy sinh trong chiến đấu. Tên bà được đặt tên trường trung học cơ sở của xã Bình Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang và trường tiểu học ở xã Mỹ Hội, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang; tên đường tại thị trấn Cái Bè, thị xã Cai Lậy và thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Cuộc đời chiến đấu oanh liệt của bà được khắc họa qua bộ phim truyện "Rặng trâm bầu" do Hãng phim Phương Đông TP Hồ Chí Minh, Phát hành phim quân đội, Đài Phát thanh - Truyền hình Tiền Giang hợp tác sản xuất 2004 và vở kịch "Rặng trâm đầu" do Sân khấu Trịnh Kim Chi thực hiện năm 2018.

Đường Đoàn Thị Nghiệp có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn Chí Công; điểm cuối: giáp với đường Lê Quý Đôn; chiều dài: 0,615 km; chiều rộng: 5 m.

15. Đường Phạm Hồng Thái

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Phạm Hồng Thái)

Tiểu sử danh nhân:

PHẠM HỒNG THÁI

(1896 – 1924)

Phạm Hồng Thái tên thật là Phạm Thành Tích, sinh năm 1896 tại xã Hưng Nhân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.

Khoảng cuối năm 1918, ông cùng với một nhóm thanh niên yêu nước theo một thành viên của Việt Nam Quang phục hội là Vương Thúc Oánh sang Xiêm (Thái Lan) rồi đến Quảng Châu (Trung Quốc). Năm 1923, ông cùng với Lê Hồng Phong, Hồ Tùng Mậu, Lê Hồng Sơn, Lâm Đức Thụ thành lập Tâm Tâm Xã với tôn chỉ: "Liên hiệp những người có tri thức trong toàn dân Việt Nam, không phân biệt ranh giới, đảng phái; miễn là có quyết tâm hy sinh tất cả tư ý và quyền lợi cá nhân, đem hết sức mình tiến hành mọi việc để khôi phục quyền làm người của người Việt Nam".

Để thức tỉnh đồng bào trong nước và gây thanh thế, ngày 19/6/1924, sau khi viết bản cáo trạng tố cáo tội ác của thực dân Pháp ở Việt Nam đến nhân dân toàn thế giới, ông giả dạng nhà báo vào khách sạn Victoria tại tô giới của Pháp ở Sa Diện (Quảng Châu) để ám sát Toàn quyền Pháp ở Đông Dương là Martial Henri Merlin. Merlin lúc bấy giờ đang thực hiện chuyến công du sang Nhật Bản để điều đình với chính phủ Nhật Bản trong việc trục xuất các nhà cách mạng Việt Nam.

Tại đây, trong lúc Merlin đang dự tiệc, ông đã ném một quả bom nhỏ vào giữa bàn tiệc. Tuy nhiên, vụ mưu sát không thành, Merlin chỉ bị thương nhẹ và thoát chết. Sau khi thi hành nhiệm vụ, ông thoát được khỏi khách sạn; nhưng bị cảnh sát truy đuổi ráo riết nên phải gieo mình xuống dòng sông Châu Giang tuẫn tiết khi chỉ mới 28 tuổi. Sự kiện này được báo chí đương thời gọi là "Tiếng bom Sa Diện" đã làm chấn động dư luận trên thế giới và động viên tinh thần yêu nước cho nhân dân Việt Nam. Thi hài của ông được chính phủ Trung Hoa dân quốc chôn cất nghiêm trang ở đồi Hoàng Hoa Cương là nơi an táng 72 liệt sĩ Trung Quốc đã hy sinh trong cuộc Cách mạng Tân Hợi năm 1911. Tên ông được đặt tên đường, tên trường học ở nhiều địa phương trên cả nước.

Đường Phạm Hồng Thái có điểm đầu: giáp với đường Trương Công Định; điểm cuối: giáp với đường Trưng Nữ Vương; chiều dài: 0,274 km; chiều rộng: 6 m.

16. Đường Hoàng Việt

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Hoàng Việt)

Tiểu sử danh nhân:

HOÀNG VIỆT

(1928 – 1967)

Hoàng Việt, tên thật là Lê Chí Trực, ngoài ra còn có các bút danh Lê Trực và Lê Quỳnh, sinh năm 1928 tại Chợ Lớn (nay thuộc Thành phố Hồ Chí Minh), quê nội ở Bà Rịa (nay thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu); nhưng sinh sống và lớn lên ở quê ngoại tại làng An Hữu, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã An Hữu, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang).

Có năng khiếu và đam mê âm nhạc, ông sáng tác từ rất sớm. Khoảng năm 1944 - 1945, ông có các ca khúc "Chí cả", "Biệt đô thành", "Tiếng còi trong sương đêm" được nhiều người yêu thích.

Ngày 23 - 9 - 1945, thực dân Pháp quay trở lại xâm lược Nam bộ. Với lòng yêu nước nồng nàn và tinh thần giác ngộ cách mạng, ông "xếp bút nghiên" lên đường tham gia kháng chiến. Lúc đầu, ông công tác ở Ty Công an Bà Rịa. Đến cuối năm 1946, ông chuyển về Đoàn Văn công Khu 8 đóng ở vùng Thiên Hộ - Hậu Mỹ (Cái Bè) giáp với Đồng Tháp Mười. Trong khoảng thời gian này, ông sáng tác các ca khúc "Thành đồng Tổ quốc", "Lá xanh", "Ai nghe chiến dịch mùa xuân".

Năm 1951, ông được phân công về Đoàn Văn công Phân Liên khu miền Đông Nam bộ. Lúc bấy giờ, cuộc sống của cán bộ, chiến sĩ ở đây vô cùng gian khổ. Tuy vậy, với tinh thần lạc quan cách mạng, ông đã vượt qua những khó khăn đó; và hòa mình vào cuộc kháng chiến của nhân dân miền Đông "gian lao mà anh dũng". Ngoài việc theo đoàn văn công đi biểu diễn, phục vụ chiến sĩ và nhân dân; ông còn tập trung bút lực và tâm huyết sáng tác nhiều ca khúc hay, phản ánh cuộc kháng chiến hào hùng và niềm tin tất thắng của nhân dân miền Nam "Thành đồng Tổ quốc". Đó là các ca khúc "Tin tưởng", "Đêm mưa dầm", "Lửa sáng", "Nhạc rừng", "Mùa lúa chín", "Lên ngàn",…

Năm 1954, ông tập kết ra Bắc. Năm 1956, ông học âm nhạc tại Nhạc viện Hà Nội. Sống trong cảnh "ngày Bắc đêm Nam", từ trong niềm xúc cảm thương nhớ về quê hương miền Nam thân yêu, ông sáng tác hai ca khúc "Tình ca" và "Quê mẹ" với những giai điệu trữ tình, sâu lắng; nhưng cũng không kém phần sôi động, hùng tráng về một miền Nam đau thương, kiên trung và bất khuất, đang quật khởi vùng lên.

Năm 1958, ông được Nhà nước cử sang Bulgarie học ở Nhạc viện Sophia. Được sự hướng dẫn tận tình của Giáo sư nổi tiếng Goléminoff, ông lao vào viết khí nhạc; và trở thành người viết nhạc giao hưởng đầu tiên của giới nhạc sĩ Việt Nam với bản giao hưởng "Quê hương". Trong bản giao hưởng này, với bút pháp tài hoa, ông đã sử dụng chất liệu của 9 ca khúc cách mạng và 2 bài dân ca để xây dựng nội dung tư tưởng và ngôn ngữ nghệ thuật. Qua 4 chương của tác phẩm, ông đã nêu bật truyền thống đấu tranh bất khuất của dân tộc và hiện thực cách mạng sôi nổi của miền Nam trong những năm đầu chiến đấu chống ngoại bang và bọn tay sai bán nước. Với bản giao hưởng "Quê hương", ông đã nhận được tấm bằng đỏ (hạng Ưu) của Nhạc viện Sophia.

Năm 1964, ông về nước, công tác tại Nhạc viện Hà Nội. Ít lâu sau, ông xin về miền Nam chiến đấu. Sau những ngày vượt Trường Sơn vô cùng gian khổ, năm 1966, ông về đến căn cứ Trung ương Cục miền Nam đóng ở miền Đông Nam bộ và công tác tại Đoàn Văn công Giải phóng. Với trình độ âm nhạc uyên bác, ông tận tình hướng dẫn, giúp đỡ các nhạc sĩ trẻ sáng tác ca khúc. Thời kỳ này, ông viết ca

khúc "Bài ca thanh niên miền Nam thành đồng" và hợp tác với hai nhạc sĩ Lưu Hữu Phước, Nguyễn Vũ viết vở nhạc kịch "Bông sen".

Đầu tháng 12 - 1967, từ Đông Nam bộ, vượt qua nhiều chặng đường nguy hiểm, ông về đến quê ngoại Cái Bè với ý định là tìm cảm xúc để viết bài giao hưởng số 2 về cuộc sống, chiến đấu của đồng bào vùng sông nước Cửu Long. Lúc bấy giờ, chiến trường Cái Bè hết sức ác liệt. Do đó, điều kiện làm việc của ông gặp rất nhiều khó khăn. Hầu như mọi sinh hoạt đều diễn ra dưới hầm trú ẩn. Mặc dù vậy, ông vẫn hăng say sáng tác. Đề cương của bản giao hưởng số 2 có tựa đề "Cửu Long" đã được hoàn thành dưới ánh đèn dầu tù mù và trong mưa bom, bão đạn của quân thù.

Sáng ngày 31 - 12 - 1967, một đoàn trực thăng Mỹ bay vào vùng căn cứ Mỹ Thiện (Cái Bè) phóng hỏa tiễn hủy diệt địa hình. Hầm trú ẩn của ông bị trúng đạn; và ông đã anh dũng hy sinh.

Nhận xét về sự nghiệp của ông, nhạc sĩ Xuân Hồng, Phó Tổng thư ký Hội Nhạc sĩ Việt Nam, Tổng thư ký Hội Âm nhạc TP Hồ Chí Minh, viết: "Sự nghiệp của Hoàng Việt để lại cho đời những gì? Là một nhạc sĩ tất nhiên anh để lại tác phẩm, nhưng theo tôi, có một cái thật là cao cả, đó là lý tưởng và ý chí của một người nghệ sĩ chân chính, được thể hiện bằng một câu nói bất hủ của anh mà hiện nay vẫn còn bút tích: "Cho đến chết mới hết sáng tác cho đời". Tác phẩm của anh để lại là những viên đá, là những cây cột lõi vững chắc góp phần xây dựng cho toà nhà âm nhạc cách mạng Việt Nam hiện đại".

Do có những đóng góp to lớn vào nền âm nhạc nước nhà và sự nghiệp giải phóng miền Nam, ông được Nhà nước truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh (1996). Nghệ danh Hoàng Việt của ông được đặt tên đường ở thị trấn Cái Bè, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh; tên trường tiểu học - trung học cơ sở - trung học phổ thông ở thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đường Hoàng Việt có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn Chí Công; điểm cuối: giáp ranh xã Đông Hòa Hiệp; chiều dài: 0,739 km; chiều rộng: 6 m.

17. Đường Trưng Nữ Vương

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Vương hiệu và tên danh nhân (Trưng Nữ Vương)

Tiểu sử danh nhân:

TRƯNG NỮ VƯƠNG

(14- 43)

Trưng Trắc sinh năm 14 sau công nguyên, là con gái Lạc tướng huyện Mê Linh (nay là huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội) thuộc dòng dõi Hùng Vương. Bà

là một phụ nữ đảm đang, dũng cảm, giàu lòng yêu nước. Chồng bà là Thi Sách, con trai Lạc tướng huyện Châu Diên (nay thuộc hai tỉnh Nam Định và Hà Nam) cũng là một người yêu nước và có chí khí quật cường.

Dưới ách thống trị của nhà Hán (Trung Quốc), nhân dân ta bị đàn áp và bóc lột tàn bạo. Trước tình hình đó, hai gia đình Lạc tướng Mê Linh và Châu Diên với sự ủng hộ của nhân dân cùng nhau liên kết với các thủ lĩnh khác chuẩn bị khởi nghĩa. Đúng lúc đó, Thi Sách bị Thái thú Tô Định giết chết. Hành vi bạo ngược của Tô Định không làm bà nhụt chí; mà ngược lại, bà càng quyết tâm tiến hành cuộc khởi nghĩa để đền nợ nước, trả thù nhà, giành lại nền độc lập cho đất nước

Tháng 3 năm 40, bà cùng em là Trưng Nhị phát động khởi nghĩa ở cửa sông Hát (nay thuộc xã Hát Môn, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội). Nghĩa quân nhanh chóng làm chủ Mê Linh. Từ Mê Linh, nghĩa quân tiến đánh Cổ Loa (nay thuộc huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội); rồi từ đó tiến về Luy Lâu (nay thuộc huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh), trung tâm của chính quyền đô hộ.

Dưới sự lãnh đạo của Hai Bà Trưng, các cuộc khởi nghĩa ở bốn quận: Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố đã thống nhất thành một phong trào nổi dậy rộng lớn cả nước. Bị đòn bất ngờ, chính quyền đô hộ tan rã và sụp đổ nhanh chóng. Quân Hán hoảng sợ bỏ hết của cải, vũ khí, chạy tháo thân về nước. Tô Định phải cắt tóc, cạo râu, mặc giả thường dân, lẩn vào đám tàn quân trốn về Trung Quốc. Chỉ trong vòng không đầy một tháng, cuộc khởi nghĩa hoàn toàn thắng lợi, giành lại nền độc lập dân tộc sau hơn hai thế kỷ bị phong kiến nước ngoài đô hộ. Trưng Trắc được suy tôn lên làm vua (Trưng Vương hay Trưng Nữ Vương) và đóng đô ở Mê Linh.

Năm 42, nhà Hán sai Mã Viện đem 2 vạn quân và 2 ngàn xe thuyền sang xâm lược nước ta. Trong cuộc chiến đấu chống giặc ở Lãng Bạc (nay là khu vực Hồ Tây thuộc quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội), quân của Hai Bà bị thiệt hại nặng, phải lui về Cổ Loa, rồi Cấm Khê (nay thuộc huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội) lập căn cứ chống giữ. Sau một năm chiến đấu quyết liệt, Hai Bà đã anh dũng hy sinh vào mùa hè năm 43.

Trưng Trắc và Trưng Nhị là hai nữ anh hùng dân tộc đầu tiên trong lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc Việt Nam.

Đường Trưng Nữ Vương có điểm đầu: giáp với đường Phạm Hồng Thái; điểm cuối: giáp với Rạch Bà Hợp; chiều dài: 0,1666 km; chiều rộng: 4-6 m.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên cầu ở huyện Cái Bè:**

Khái niệm Cầu

Cầu là một công trình giao thông được bắc qua các chướng ngại nước, như rãnh nước, dòng suối, dòng sông, dòng kênh/kinh, dòng rạch, hồ, biển hay các chướng ngại khác, như đường bộ, đường sắt,… đảm bảo cho giao thông được liên tục.

Trên Đường tỉnh 861:

1. Cầu Bàu Giai

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa hình thiên nhiên (Bàu) + Công cụ tát nước (Gàu Giai).

- Vị trí: Km 0+426, xã An Thái Đông, huyện Cái Bè, trên Đường tỉnh 861.

- Cầu bắc qua: Kinh Bàu Giai

- Quy mô: 1 nhịp dài 18 m; mặt sàn mạ kẽm rộng 4,2 m; khổ cầu 5,2 m; Htt: +2.50

- Tải trọng (Tấn): 13

- Năm đưa vào sử dụng: Nâng cấp năm 2005

2. Cầu Kháng chiến

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Động từ (Kháng chiến: Chiến đấu chống quân xâm lược để bảo vệ nền độc lập, tự do của đất nước).

- Vị trí: Km 1+360, xã An Thái Đông, huyện Cái Bè, trên Đường tỉnh 861.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Kháng chiến

- Quy mô: 1 nhịp Bailey dài 12 m; mặt sàn mạ kẽm rộng 4,2 m; khổ cầu 5,2 m; Htt: +2.50

- Tải trọng (Tấn): 13

- Năm đưa vào sử dụng: Nâng cấp 2005

3. Cầu Bà Tắc

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Giới tính và tên người (Bà Tắc).

- Vị trí: Km 1+924, xã Mỹ Lợi A, huyện Cái Bè, trên Đường tỉnh 861.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Bà Tắc

- Quy mô: 1 nhịp dài 33,7m; mặt bê tông cốt thép (BTCT); rộng 5,5 m; khổ cầu 6,5 m; 6 dầm BTTA; Htt: +2.77

- Tải trọng (Tấn): 13

- Năm đưa vào sử dụng: Bảo hành năm 2012.

4. Cầu Bà Thiên

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Giới tính và tên người (Bà Thiên).

- Vị trí: Km 3+015, xã Mỹ Lợi A, huyện Cái Bè, trên Đường tỉnh 861.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Bà Thiên

- Quy mô: 3 nhịp dài 56,6m; mặt BTCT rộng 5,5m; khổ cầu 6,5m; 6 dầm BTTA /nhịp; Htt: +4.33

- Tải trọng (Tấn): 13

- Năm đưa vào sử dụng: 2011

5. Cầu Mương Điều

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Mương) + Thực vật (Cây điều).

- Vị trí: Km 4+775, xã Mỹ Lợi A, huyện Cái Bè, trên Đường tỉnh 861.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Mương Điều

- Quy mô: 3 nhịp dài 56,6m; mặt BTCT rộng 5,5m; khổ cầu 6,5m; 6 dầm BTTA /nhịp; Htt: +4.33

- Tải trọng (Tấn): 13

- Năm đưa vào sử dụng: Bảo hành năm 2012

6. Cầu Ngọc Lan

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Tên người (Ngọc Lan).

- Vị trí: Km 6+100, xã Mỹ Lợi A, huyện Cái Bè, trên Đường tỉnh 861.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Ngọc Lan

- Quy mô: 1 nhịp dài 9m; mặt gỗ rộng 3m; khổ cầu 3,3m; 05 dầm I.350; Htt: +2.00

- Tải trọng (Tấn): 3,5

- Năm đưa vào sử dụng: 1986

7. Cầu Sáu Bình

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Thứ và tên người (Sáu Bình).

- Vị trí: Km 7+400, xã Mỹ Lợi A và xã Mỹ Tân, huyện Cái Bè, trên Đường tỉnh 861.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Út Tấn

- Quy mô: 1 nhịp dài 18m; mặt gỗ rộng 3m; khổ cầu 3,3m; 05 dầm I.350; Htt: +2.00

- Tải trọng (Tấn): 3,5

- Năm đưa vào sử dụng: 1986

8. Cầu Kinh/Kênh Kho

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Công trình xây dựng (Kho).

- Vị trí: Km 9+200, xã Mỹ Lợi A và xã Mỹ Tân, huyện Cái Bè, trên Đường tỉnh 861.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Kho

- Quy mô: 3 nhịp dài 18m; mặt gỗ rộng 3m; khổ cầu 3,3m; 05 dầm I.450; Htt: +2.20

- Tải trọng (Tấn): 3,5

- Năm đưa vào sử dụng: 1986

9. Cầu Tám Thước

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Kích thước (Tám Thước).

- Vị trí: Km 10+500, xã Mỹ Lợi B, huyện Cái Bè, trên Đường tỉnh 861.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Kháng chiến

- Quy mô: 3 nhịp dài 18m; mặt gỗ rộng 3m; khổ cầu 3,3m; 05 dầm I.450; Htt: +2.20

- Tải trọng (Tấn): 3,5

- Năm đưa vào sử dụng: 1986

10. Cầu Kháng chiến 2

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Động từ (Kháng chiến: Chiến đấu chống quân xâm lược để bảo vệ nền độc lập, tự do của đất nước) + Chữ số (2).

- Vị trí: Km 12+300, xã Mỹ Trung, huyện Cái Bè, trên Đường tỉnh 861.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Kháng chiến

- Quy mô: 1 nhịp dài 4m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; dầm liền khối BTCT; Htt: +2.50

- Tải trọng (Tấn): HL93[17]

- Năm đưa vào sử dụng: 2023

Trên Đường tỉnh 863:

1. Cầu Thông Lưu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Tên rạch (Rạch Thông Lưu).

- Vị trí: Km 1+808, xã Hậu Thành, huyện Cái Bè, trên Đường tỉnh 863.

- Cầu bắc qua: Rạch Thông Lưu

- Quy mô: 3 nhịp dài 54m; mặt gỗ rộng 3m; khổ cầu 3,3m; Htt: +4.50

- Tải trọng (Tấn): 10

- Năm đưa vào sử dụng: Gia cường 2005

2. Cầu Cây Sung

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Thực vật (Cây sung).

- Vị trí: Km 3+253,5, xã Hậu Thành, huyện Cái Bè, trên Đường tỉnh 863.

- Cầu bắc qua: Rạch Cây Sung

- Quy mô: 3 nhịp dài 39,6m; mặt thép rộng 4m; khổ cầu 4,5m; Htt:+3.0

- Tải trọng (Tấn): 16

- Năm đưa vào sử dụng: 2011

3. Cầu Kinh/Kênh Cũ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Tính từ (Cũ).

- Vị trí: Km 3+866,5, xã Hậu Thành, huyện Cái Bè, trên Đường tỉnh 863.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Cũ

- Quy mô: 3 nhịp dài 39,6m; mặt thép rộng 4m; khổ cầu 4,5m; Htt: +2.8

- Tải trọng (Tấn): 16

- Năm đưa vào sử dụng: 2011

4. Cầu Đất Sét

[17] HL93 được viết tắt từ Tiếng Anh: **H**ighway **L**oad accepted in 19**93** (Tải trọng trên đường cao tốc được chấp nhận vào năm 1993), tải trọng HL93 tương đương 40 tấn.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Vật liệu (Đất sét: là loại đất bao gồm các hạt khoáng rất mịn và không nhiều chất hữu cơ. Loại đất này khá dính vì không có nhiều khoảng trống giữa các hạt khoáng. Vì vậy, khả năng thoát nước của đất sét kém. Do đó, những khu vực đất sét dễ bị ngập úng trong mùa mưa và khô hạn vào mùa hè). Ở đây có mỏ đất sét.

- Vị trí: Km 4+967, xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè, trên Đường tỉnh 863.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Đất Sét

- Quy mô: 3 nhịp dài 39m; mặt gỗ rộng 3m; khổ cầu 3,3m; 3 dầm I.500/15 – I.450/12; Htt: +3.00

- Tải trọng (Tấn): 16

- Năm đưa vào sử dụng: 1986

5. Cầu Ông Dưng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Giới tính và tên người (Ông Dưng).

- Vị trí: Km 5+834, xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè, trên Đường tỉnh 863.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Ông Dưng

- Quy mô: 3 nhịp dài 30,8m; mặt thép rộng 4,3m; Htt: +2.50

- Tải trọng (Tấn): 16

- Năm đưa vào sử dụng: Sửa chữa năm 2021

6. Cầu Nước Chùa

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Vật thể lỏng (Nước) + Công trình xây dựng mang tính chất tôn giáo (Chùa). Rạch Nước Chùa là dòng nước chảy ngang qua ngôi chùa.

- Vị trí: Km 6+106, xã Thiện Trung, huyện Cái Bè, trên Đường tỉnh 863.

- Cầu bắc qua: Rạch Nước Chùa

- Quy mô: 1 nhịp dài 45m; mặt thép rộng 4,2m; khổ cầu 5,2m; Htt: +3.00

- Tải trọng (Tấn): 10

- Năm đưa vào sử dụng: 2005

.) Cầu Hai Thỏ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Thứ và tên người (Hai Thỏ).

- Vị trí: Km 6+563, xã Thiện Trung, huyện Cái Bè, trên Đường tỉnh 863.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Hai Thỏ

- Quy mô: 2 nhịp dài 18m; mặt gỗ rộng 3m; khổ cầu 3,3m; 3 dầm I.450; Htt: +2.20

- Tải trọng (Tấn): 3

- Năm đưa vào sử dụng: 1996

8. Cầu Hồng Xi Na

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Tên người (Hồng Xi Na: Theo dân gian, vào thưở xưa, ở khu vực này nhiều kinh/kênh rạch nên bà con đi lại rất khó khăn, một người Hoa tên là Hồng Xi Na đã bắc cây cầu cho người dân đi lại, mọi người quen gọi là cầu Hồng Xi Na).

- Vị trí: Km 7+232,5, xã Thiện Trung, huyện Cái Bè, trên Đường tỉnh 863.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Hồng Xi Na

- Quy mô: 3 nhịp dài 39m (2x12+15)– Mặt gỗ rộng 3m – 3 dầm I 450; Htt: +3.00

- Tải trọng (Tấn): 3

- Năm đưa vào sử dụng: 1996

9. Cầu Đường Củi Lớn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh nhân tạo (Đường: Trong ngữ cảnh này chỉ đường nước/dòng nước) + Chất đốt (Củi) + Tính từ (Lớn). Kinh/Kênh Đường Củi Lớn là đường nước/dòng nước lớn được dùng để chở củi

- Vị trí: Km 8+019, xã Thiện Trung, huyện Cái Bè, trên Đường tỉnh 863.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Đường Cũi Lớn

- Quy mô: 3 nhịp dài 30m; mặt gỗ rộng 3m; khổ cầu 3,3m; 4 dầm I.450; Htt: +2.50

- Tải trọng (Tấn): 3

- Năm đưa vào sử dụng: 1992

10. Cầu Đường Củi Nhỏ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh nhân tạo (Đường: Trong ngữ cảnh này chỉ đường nước/dòng nước) + Chất đốt (Củi) + Tính từ (Nhỏ). Kinh/Kênh Đường Củi Nhỏ là đường nước/dòng nước nhỏ được dùng để chở củi

- Vị trí: Km 8+297,5, xã Thiện Trung, huyện Cái Bè, trên Đường tỉnh 863.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Đường Cũi Nhỏ

- Quy mô: 3 nhịp dài 39m; mặt gỗ rộng 3m; khổ cầu 3,3m; 3 dầm I.450; Htt: +2.50

- Tải trọng (Tấn): 3

- Năm đưa vào sử dụng: 1996

11. Cầu Hai Chùa

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Số lượng (Hai) + Công trình xây dựng mang tính chất tôn giáo (Chùa). Kinh/Kênh Hai Chùa là dòng nước chảy ngang qua hai ngôi chùa.

- Vị trí: Km 9+363,5, xã Thiện Trung, huyện Cái Bè, trên Đường tỉnh 863.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Hai Chùa

- Quy mô: 2 nhịp dài 18m; mặt gỗ rộng 3m; khổ cầu 3,3m; 3 dầm I.450; Htt: +2.20

- Tải trọng (Tấn): 3

- Năm đưa vào sử dụng: 1985

12. Cầu Bằng Lăng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Thực vật (Cây bằng lăng)

- Vị trí: Km 10+645, xã Thiện Trung, huyện Cái Bè, trên Đường tỉnh 863.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Bằng Lăng

- Quy mô: 1 nhịp dài 36m; mặt thép rộng 4,2m; khổ cầu 5,2m; Htt: +3.00

- Tải trọng (Tấn): 10

- Năm đưa vào sử dụng: 2005

13. Cầu Kinh/Kênh 1000

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Chữ số (1000).

- Vị trí: Km 11+879,5, xã Mỹ Trung, huyện Cái Bè, trên Đường tỉnh 863.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh 1000

- Quy mô: 3 nhịp dài 24m; mặt gỗ rộng 3m; khổ cầu 3,3m; 3 dầm I.450; Htt: +2.50

- Tải trọng (Tấn): 3,0

- Năm đưa vào sử dụng: 1996

14. Cầu Kinh/Kênh Chà Là

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Thực vật (Cây chà là).

- Vị trí: Km 12+921,5, xã Mỹ Trung, huyện Cái Bè, trên Đường tỉnh 863.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Chà Là

- Quy mô: 3 nhịp dài 24m; mặt gỗ rộng 3m; khổ cầu 3,3m; 3 dầm I.450; Htt: +2.50

- Tải trọng (Tấn): 3

- Năm đưa vào sử dụng: 1996

15. Cầu Tư Thanh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Thứ và tên người (Tư Thanh).

- Vị trí: Km 14+630, xã Mỹ Trung, huyện Cái Bè, trên Đường tỉnh 863.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Tư Thanh

- Quy mô: 3 nhịp dài 30m; mặt gỗ rộng 3m; khổ cầu 3,3m; 3 dầm I.450; Htt: +2.50

- Tải trọng (Tấn): 3

- Năm đưa vào sử dụng: 1996

Trên Đường tỉnh 864:

1. Cầu Cống Giồng Tre

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Giồng) + Thực vật (Cây tre).

- Vị trí: Km 32+415, xã Đông Hòa Hiệp, huyện Cái Bè, trên Đường tỉnh 864.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Giồng Tre.

- Quy mô: 1 nhịp dài 12m; mặt BTCT rộng 10m; khổ cầu 11m; dầm BTCT; Htt: +2.50; cầu giao thông kết hợp cống thủy lợi.

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2019

2. Cầu Cái Bè 2

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Huyện Cái Bè) + Chữ số (2).

- Vị trí: Km Km 34+190, xã Đông Hòa Hiệp và thị trấn Cái Bè, huyện Cái Bè, trên Đường tỉnh 864.

- Cầu bắc qua: Rạch Cái Bè.

- Quy mô: 6 nhịp dài 201m; mặt BTCT rộng 9m (1+7+1); khổ cầu 10m; nhịp 40m có 4 dầm Super T BTTA/nhịp; nhịp 20m có 10 dầm bản BTTA/nhịp: Htt: +5.60

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2017

3. Cầu Vàm Trà Lọt

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa hình thiên nhiên (Vàm) + Địa danh Việt gốc Khmer (Tà đọc trại thành Trà: có nghĩa là người đàn ông đứng tuổi, có uy tín, được kính trọng) + Tên người (Lọt).

- Vị trí: Km 38+509, xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè, trên Đường tỉnh 864.

- Cầu bắc qua: Rạch Trà Lọt

- Quy mô: 7 nhịp dài 181,28m (6x24,54+33); mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; dầm BTDƯL 6 dầm/nhịp; CĐdc: +5.50; BxH= 25x3,5m

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

4. Cầu Kinh/Kênh Cũ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Tính từ (Cũ).

- Vị trí: Km 40+082, xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè, trên Đường tỉnh 864.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Cũ

- Quy mô: 1 nhịp dài 25,27m; Mặt BTCT rộng 7m; khổ cầu 8m; dầm BTDƯL; 5 dầm/nhịp; CĐdc: +4.0

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2020

5. Cầu Rạch Bà Sáu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Giới tính và tên người (Bà Sáu).

- Vị trí: Km 41+801, xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè, trên Đường tỉnh 864.

- Cầu bắc qua: Rạch Bà Sáu

- Quy mô: 3 nhịp dài 58,01m; mặt BTCT rộng 7m; khổ cầu 8m; dầm BTDƯL 5 dầm/nhịp; CĐdc: +2.80

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2017

6. Cầu Vàm Cái Thia

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa hình thiên nhiên (Vàm) + Địa hình thiên nhiên (Sống cái, gọi tắt là Cái) + Động vật (Cá lia thia, gọi tắt là Thia).

- Vị trí: Km 42+870, xã Mỹ Đức Đông và xã Mỹ Lương, huyện Cái Bè, trên Đường tỉnh 864.

- Cầu bắc qua: Rạch Cái Thia.

- Quy mô: 7 nhịp dài 237,7m; mặt BTCT rộng 9m (1+7+1) đồng mức; khổ cầu 10m; dầm BTDƯL; CĐdc: +6.50

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng:

7. Cầu Rạch Cái Sơn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Địa hình thiên nhiên (Sống cái, gọi tắt là Cái) + Thực vật (Cây sơn).

- Vị trí: Km 45+359, xã Mỹ Lương, huyện Cái Bè, trên Đường tỉnh 864.

- Cầu bắc qua: Rạch Cái Sơn.

- Quy mô: 3 nhịp dài 45,65m (2x12,84+,18,94m); Mặt BTCT rộng 7m; khổ cầu 8m; dầm BTDƯL 5 dầm/nhịp; CĐdc: +2.80

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2016

8. Cầu Rạch Ong Bầu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Động vật (Ong bầu).

- Vị trí: Km 46+156, xã Hòa Hưng, huyện Cái Bè, trên Đường tỉnh 864.

- Cầu bắc qua: Rạch Ong Bầu

- Quy mô: 3 nhịp dài 25,29m (2x6+12,5m); Mặt BTCT rộng 7m; khổ cầu 8m; dầm BTDƯL 5 dầm/nhịp; CĐdc: +2.80

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2016

9. Cầu Miễu Bà

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng mang tính chất tín ngưỡng dân gian (Miễu Bà).

- Vị trí: Km 47+549, xã Hòa Hưng, huyện Cái Bè, trên Đường tỉnh 864.

- Cầu bắc qua: Rạch Miễu Bà.

- Quy mô: 3 nhịp dài 38,3m (3x12,5m); Mặt BTCT rộng 7m; khổ cầu 8m; dầm BTDƯL 5 dầm/nhịp; CĐdc: +2.80

- Tải trọng (Tấn): HL93.

- Năm đưa vào sử dụng: 2016.

10. Cầu Vàm Cổ Lịch

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa hình thiên nhiên (Vàm) + Bộ phận cơ thể (Cổ) + Động vật (Con lịch).

- Vị trí: Km 48+353, xã Hòa Hưng, huyện Cái Bè, trên Đường tỉnh 864.

- Cầu bắc qua: Rạch Vàm Cổ Lịch.

- Quy mô: 5 nhịp dài 100,94m (4x18,6+24,54m); Mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; dầm BTDƯL; dầm I 24,54m 6 dầm/nhịp; dầm I 18,6m 10 dầm/nhịp; CĐdc: +5.30

- Tải trọng (Tấn): HL93.

- Năm đưa vào sử dụng: 2016.

Trên Đường tỉnh 865:

1. Cầu Kinh/Kênh Chà Là

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Thực vật (Cây chà là)

- Vị trí: Km 42+380, xã Hậu Mỹ Bắc B, huyện Cái Bè, trên Đường tỉnh 865.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Chà Là

- Quy mô: 3 nhịp dài 38m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; 10 dầm BTDƯL chữ I; Htt: +3.50

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2013

2. Cầu Kinh/Kênh Giữa

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Vị trí (Giữa).

- Vị trí: Km 45+322, xã Hậu Mỹ Bắc B, huyện Cái Bè, trên Đường tỉnh 865.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Giữa

- Quy mô: 3 nhịp dài 44m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; 10 dầm BTDƯL chữ I; Htt: +3.50

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2013

3. Cầu Bằng Lăng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Thực vật (Cây bằng lăng).

- Vị trí: Km 47+061, xã Hậu Mỹ Bắc B, huyện Cái Bè, trên Đường tỉnh 865.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Bằng Lăng

- Quy mô: 3 nhịp dài 74m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; 6 dầm BTDUL; Htt: +5.30

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2015

Trên Đường tỉnh 869:

1. Cầu Ông Ngũ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Giới tính và tên người (Ông Ngũ).

- Vị trí: Km 0+280, xã An Cư, huyện Cái Bè, trên Đường tỉnh 869.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh 8

- Quy mô: 1 nhịp dài 19m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 9,5m; 10 dầm T (BTDƯL); Htt: +3.50

- Tải trọng (Tấn): 25

- Năm đưa vào sử dụng: 2001.

2. Cầu Một Thước

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Kích thước (Một thước).

- Vị trí: Km 16+380, xã Hậu Mỹ Bắc A, huyện Cái Bè, trên Đường tỉnh 869.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Một Thước

- Quy mô: 1 nhịp dài 25m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 9,5m; dầm I (DƯL); Htt: +3.50

- Tải trọng (Tấn): 25

- Năm đưa vào sử dụng: 2000

3. Cầu Kinh/Kênh 5

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Chữ số (5).

- Vị trí: Km 18+477, xã Hậu Mỹ Bắc A, huyện Cái Bè, trên Đường tỉnh 869.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh 5.

- Quy mô: 3 nhịp dài 45m; mặt BTCT rộng 8m; khổ cầu 9m; dầm BTDƯL 10 dầm/nhịp; Htt:

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2017.

4. Cầu Thiên Hộ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Chức danh của Võ Duy Dương (Thiên hộ).

- Vị trí: Km 96+492, xã Hậu Mỹ Bắc A - Hậu Mỹ Bắc B, huyện Cái Bè, trên Đường tỉnh 869.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Nguyễn Văn Tiếp.

- Quy mô: 15 nhịp dài 385m; mặt BTCT rộng 8m; khổ cầu 9m; dầm BTDƯL nhịp thông thuyền 5 dầm I/nhịp, nhịp biên 5 dầm I/nhịp; BxH= 30x6m

- Tải trọng (Tấn): HL93.

- Năm đưa vào sử dụng: 2017.

5. Cầu Ông Thạch

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Giới tính và tên người (Ông Thạch).

- Vị trí: Km 5+336, xã Hậu Mỹ Phú, huyện Cái Bè, trên Đường tỉnh 869.

- Cầu bắc qua: Rạch Ông Thạch

- Quy mô: 1 nhịp dài 15m; mặt BTCT rộng 4m; khổ cầu 4,5m; 7 dầm I 550; Htt: +3.50

- Tải trọng (Tấn): 12.

- Năm đưa vào sử dụng: 1992.

6. Cầu Cà Dăm

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Thực vật (Cây cà dăm).

- Vị trí: Km 6+312, xã Hậu Mỹ Phú, huyện Cái Bè, trên Đường tỉnh 869.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Cà Dăm.

- Quy mô: 3 nhịp dài 38m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 9,5m; 10 dầm T (BTDƯL); Htt: +3.50

- Tải trọng (Tấn): 25.

- Năm đưa vào sử dụng: 2000.

7. Cầu Ông Tải

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Giới tính và tên người (Ông Tải).

- Vị trí: Km 7+511, xã Hậu Mỹ Phú, huyện Cái Bè, trên Đường tỉnh 869.

- Cầu bắc qua: Rạch Đường Chùa

- Quy mô: 3 nhịp dài 38m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 9,5m; 10 dầm T (BTDƯL); Htt: +3.50

- Tải trọng (Tấn): 25.

- Năm đưa vào sử dụng: 2000.

8. Cầu Ông Tỉnh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Giới tính và tên người (Ông Tỉnh).

- Vị trí: Km 9+294, xã Hậu Mỹ Trinh, huyện Cái Bè, trên Đường tỉnh 869.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Ông Chủ

- Quy mô: 3 nhịp dài 33m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 9,5m; dầm I (BTDƯL); Htt: +3.50

- Tải trọng (Tấn): 25.

- Năm đưa vào sử dụng: 2000.

9. Cầu Cây Vông

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Thực vật (Cây vông).

- Vị trí: Km 10+455, xã Hậu Mỹ Trinh, huyện Cái Bè, trên Đường tỉnh 869.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Cây Vông

- Quy mô: 3 nhịp dài 38m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 9,5m; 10 dầm T (BTDƯL); Htt: +3.50

- Tải trọng (Tấn): 25.

- Năm đưa vào sử dụng: 2001.

10. Cầu Cống Trâu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Cống) + Động vật (Trâu rừng).

- Vị trí: Km 11+856, xã Hậu Mỹ Trinh, huyện Cái Bè, trên Đường tỉnh 869.

- Cầu bắc qua: Kinh Đường Trâu.

- Quy mô: 1 nhịp dài 15m; mặt BTCT rộng 4m; khổ cầu 4,5m; 7 dầm I.550; Htt: +3.50.

- Tải trọng (Tấn): 12.

- Năm đưa vào sử dụng: 1992.

11. Cầu Bảy Thước

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Kích thước (Bảy thước).

- Vị trí: Km 13+042, xã Hậu Mỹ Trinh, huyện Cái Bè, trên Đường tỉnh 869.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Bảy Thước.

- Quy mô: 1 nhịp dài 15m; mặt BTCT rộng 4m; khổ cầu 4,5m; 7 dầm I.550; Htt: +3.50.

- Tải trọng (Tấn): 12.

- Năm đưa vào sử dụng: 1992.

12. Cầu Cái Nứa

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa hình thiên nhiên (Sông cái, gọi tắt là Cái) + Thực vật (Cây nứa).

- Vị trí: Km 3+182, xã Hậu Thành, huyện Cái Bè, trên Đường tỉnh 869.

- Cầu bắc qua: Rạch Cái Nứa

- Quy mô: 3 nhịp dài 38m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 9,5m; 10 dầm T (BTDƯL); Htt: +3.50

- Tải trọng (Tấn): 25

- Năm đưa vào sử dụng: 2001.

13. Cầu Thủ Ngữ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Chức quan võ hoặc thu thuế dưới thời nhà Nguyễn (Thủ) + Tên người (Ngữ).

- Vị trí: Km 3+892, xã Hậu Thành, huyện Cái Bè, trên Đường tỉnh 869.

- Cầu bắc qua: Rạch Thủ Ngữ.

- Quy mô: 3 nhịp dài 38m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 9,5m; 10 dầm T (BTDƯL); Htt: +3.50.

- Tải trọng (Tấn): 25.

- Năm đưa vào sử dụng: 2000.

Trên Đường tỉnh 875:

Cầu Cái Bè

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Huyện Cái Bè).

- Vị trí: Km 3+119, thị trấn Cái Bè, huyện Cái Bè, trên Đường tỉnh 875.

- Cầu bắc qua: Rạch Cái Bè.

- Quy mô: 4 nhịp dài 98m; mặt BTCT rộng 5,5m; khổ cầu 6,3m; dầm BTTA; Htt: +4.50.

- Tải trọng (Tấn): 13.

- Năm đưa vào sử dụng: 2003.

Trên Quốc lộ 1:

1. Cầu An Hữu cũ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Xã An Hữu) + Tính từ (Cũ).

- Vị trí: km2023+633

- Cầu bắc qua: Rạch An Hữu

- Số nhịp: 7

- Tải trọng (Tấn): 30

- Năm đưa vào sử dụng: 1972

- Chiều dài: 174,6 m

- Chiều rộng: 10 m

2. Cầu An Hữu mới

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Xã An Hữu) + Tính từ (Mới).

- Vị trí: km2023+633

- Cầu bắc qua: rạch An Hữu

- Số nhịp: 4

- Tải trọng (Tấn): HL93[18]

- Năm đưa vào sử dụng: 2015

- Chiều dài: 209,5 m

- Chiều rộng: 10,5 m

3. Cầu Bà Lâm cũ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Giới tính và tên người (Bà Lâm) + Tính từ (Cũ).

- Vị trí: km2021+004

- Cầu bắc qua: Rạch Bà Lâm

- Số nhịp: 1

- Tải trọng (Tấn): 30

- Năm đưa vào sử dụng: 1999

- Chiều dài: 34,1 m

- Chiều rộng: 12,5 m

4. Cầu Bà Lâm mới

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Giới tính và tên người (Bà Lâm) + Tính từ (Mới).

- Vị trí: km2021+004

- Cầu bắc qua: Rạch Bà Lâm

- Số nhịp: 1

- Tải trọng (Tấn): 30

- Năm đưa vào sử dụng: 2022

- Chiều dài: 34,1 m

- Chiều rộng: 12,5 m

5. Cầu Cổ Cò cũ

[18] HL93 được viết tắt từ Tiếng Anh: **H**ighway **L**oad accepted in 19**93** (Tải trọng trên đường cao tốc được chấp nhận vào năm 1993), tải trọng HL93 tương đương 40 tấn.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Bộ phận cơ thể (Cổ) + Động vật (Con Cò) + Tính từ (Cũ).

- Vị trí: km2019+180
- Cầu bắc qua: Rạch Cổ Cò
- Số nhịp: 5
- Tải trọng (Tấn): 30
- Năm đưa vào sử dụng: 1990
- Chiều dài: 125,4 m
- Chiều rộng: 10,8 m

6. Cầu Cổ Cò mới

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Bộ phận cơ thể (Cổ) + Động vật (Con Cò) + Tính từ (Mới).

- Vị trí: km2019+180
- Cầu bắc qua: Rạch Cổ Cò
- Số nhịp: 7
- Tải trọng (Tấn): 93
- Năm đưa vào sử dụng: 2014
- Chiều dài: 317,4 m
- Chiều rộng: 12 m

7. Cầu Mỹ Đức Tây

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Xã Mỹ Đức Tây)

- Vị trí: km2017+453
- Cầu bắc qua: sông Mỹ Đức Tây
- Số nhịp: 3
- Tải trọng (Tấn): 30
- Năm đưa vào sử dụng: 2000
- Chiều dài: 68,4 m
- Chiều rộng: 12,5 m

8. Cầu Ông Hưng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Giới tính và tên người (Ông Hưng).

- Vị trí: km2015+752
- Cầu bắc qua: Rạch Ông Hưng
- Số nhịp: 3
- Tải trọng (Tấn): 30
- Năm đưa vào sử dụng: 1973
- Chiều dài: 45,8 m
- Chiều rộng: 20 m

9. Cầu Ông Vẽ cũ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Giới tính và tên người (Ông Vẽ) + Tính từ (Cũ).

- Vị trí: km2014+647
- Cầu bắc qua: Rạch Ông Vẽ
- Số nhịp: 3
- Tải trọng (Tấn): 30
- Năm đưa vào sử dụng: 1973
- Chiều dài: 48 m
- Chiều rộng: 10,5 m

10. Cầu Ông Vẽ mới

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Giới tính và tên người (Ông Vẽ) + Tính từ (Mới).

- Vị trí: km2014+647
- Cầu bắc qua: Rạch Ông Vẽ
- Số nhịp: 3
- Tải trọng (Tấn): 30
- Năm đưa vào sử dụng: 2007
- Chiều dài: 54,8 m
- Chiều rộng: 11 m

11. Cầu Rạch Chanh cũ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Thực vật (Cây chanh) + Tính từ (Cũ).

- Vị trí: km2022+343
- Cầu bắc qua: Rạch Chanh
- Số nhịp: 3
- Tải trọng (Tấn): 30
- Năm đưa vào sử dụng: 1975
- Chiều dài: 38,4 m
- Chiều rộng: 10,5 m

12. Cầu Rạch Chanh mới

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Thực vật (Cây chanh) + Tính từ (Mới).

- Vị trí: km2022+343
- Cầu bắc qua: Rạch Chanh
- Số nhịp: 3
- Tải trọng (Tấn): 30
- Năm đưa vào sử dụng: 2007
- Chiều dài: 45,8 m
- Chiều rộng: 11 m

13. Cầu Rạch Giồng cũ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa hình thiên nhiên (Rạch Giồng) + Tính từ (Cũ).

- Vị trí: km2025+089
- Cầu bắc qua: Rạch Giồng
- Số nhịp: 3
- Tải trọng (Tấn): 30
- Năm đưa vào sử dụng: 1975
- Chiều dài: 44,4 m
- Chiều rộng: 10,5 m

14. Cầu Rạch Giồng mới

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa hình thiên nhiên (Rạch Giồng) + Tính từ (Mới).

- Vị trí: km2025+089
- Cầu bắc qua: Rạch Giồng
- Số nhịp: 3
- Tải trọng (Tấn): 30
- Năm đưa vào sử dụng: 2007
- Chiều dài: 54,8 m
- Chiều rộng: 11 m

15. Cầu Rạch Miễu cũ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Công trình xây dựng mang yếu tố tín ngưỡng, tôn giáo + Tính từ (Cũ).

- Vị trí: km2017+928
- Cầu bắc qua: Rạch Miễu
- Số nhịp: 1
- Tải trọng (Tấn): 30
- Năm đưa vào sử dụng: 2000
- Chiều dài: 31,8 m
- Chiều rộng: 12,5 m

16. Cầu Rạch Miễu mới

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Công trình xây dựng mang yếu tố tín ngưỡng, tôn giáo + Tính từ (Mới).

- Vị trí: km2017+928
- Cầu bắc qua: Rạch Miễu
- Số nhịp: 1
- Tải trọng (Tấn): 30
- Năm đưa vào sử dụng: 2022
- Chiều dài: 31,8 m
- Chiều rộng: 12,5 m

Trên Đường cao tốc Trung Lương – Mỹ Thuận:

1. Cầu An Cư

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Xã An Cư).

- Vị trí: km82+513
- Số nhịp: 09
- Tải trọng (Tấn): HL93
- Năm đưa vào sử dụng: 2021
- Chiều dài: 350 m
- Chiều rộng: 17,50 m

2. Cầu Bà Năm

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Giới tính và tên người (Bà Năm).

- Vị trí: km92+741
- Số nhịp: 01
- Tải trọng (Tấn): HL93
- Năm đưa vào sử dụng: 2021
- Chiều dài: 33,64 m
- Chiều rộng: 17,50 m

3. Cầu Bà Rằng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Giới tính và tên người (Bà Rằng).

- Vị trí: km80+960
- Số nhịp: 01
- Tải trọng (Tấn): HL93
- Năm đưa vào sử dụng: 2021
- Chiều dài: 55,19 m
- Chiều rộng: 17,50 m

4. Cầu Bảy Tiên

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Thứ và tên người (Bảy Tiên).

- Vị trí: km92+397

- Số nhịp: 10

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 392 m

- Chiều rộng: 17,50 m

5. Cầu Bàu Giai 1

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa hình thiên nhiên (Bàu) + Công cụ tát nước (Gàu Giai) + Chữ số (1).

- Vị trí: km98+516

- Số nhịp: 03

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 83,82 m

- Chiều rộng: 17,50 m

6. Cầu Cổ Cò

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Bộ phận của cơ thể con người hoặc động vật (Cổ) + Động vật (Cò). .

- Vị trí: km97+201

- Số nhịp: 09

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 342,89 m

- Chiều rộng: 17,50 m

7. Cầu Đập Lớn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Đập) + Kích thước (Lớn) .

- Vị trí: km88+530

- Số nhịp: 01

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 43,10 m

- Chiều rộng: 17,50 m

8. Cầu Kinh/Kênh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh).

- Vị trí: km83+559

- Số nhịp: 01

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 28,10m

- Chiều rộng: 17,50 m

9. Cầu Kinh/Kênh Ngang 1

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Chữ số (1) .

- Vị trí: km0+874

- Số nhịp: 01

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 43,10m

- Chiều rộng: 12 m

10. Cầu Mỹ Đức Tây

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Xã Mỹ Đức Tây).

- Vị trí: km94+983

- Số nhịp: 03

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 94,28 m

- Chiều rộng: 17,50 m

11. Cầu Mỹ Thiện

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Xã Mỹ Thiện).

- Vị trí: km89+602

- Số nhịp: 01

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 43,10 m

- Chiều rộng: 17,50 m

12. Cầu Mỹ Thuận 2

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính xưa (Thôn Mỹ Thuận) + Chữ số (2).

- Vị trí: Km101+126. Cầu Mỹ Thuận 2 nằm cách cầu Mỹ Thuận hiện hữu hơn 300 m, bắc qua sông Tiền, kết nối tuyến cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương - Mỹ Thuận với cao tốc Mỹ Thuận - Cần Thơ

- Số nhịp: nhịp chính kết cấu dây văng dài 650 m; nhịp dẫn kết cầu dầm Super T và dầm hộp đúc hẫng cân bằng dài 1.276 m.

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2023

- Chiều dài: Tổng chiều dài tuyến là 6.610 m, trong đó phần cầu chính dài 1.906 m; phần đường dẫn hai đầu cầu dài 473 m.

- Chiều rộng: 25 m

13. Cầu Nanh Cá

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Danh từ (Nanh: răng sắc ở giữa răng cửa và răng hàm, dùng để xé thức ăn) + Động vật (Cá).

- Vị trí: km81+834

- Số nhịp: 01

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 52,70 m

- Chiều rộng: 17,50 m

14. Cầu Ông Hưng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Giới tính và tên người (Ông Hưng) .

- Vị trí: km 93+160

- Số nhịp: 01

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 52,10m

- Chiều rộng: 17,50 m

15. Cầu Ông Vẽ 2

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Giới tính và tên người (Ông Vẽ) + Chữ số (2) .

- Vị trí: km91+245

- Số nhịp: 07

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 243,40 m

- Chiều rộng: 17,50 m

16. Cầu Rạch Chanh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Thực vật (Cây chanh).

- Vị trí: km99+967

- Số nhịp: 03

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 73,74 m

- Chiều rộng: 17,50 m

17. Cầu Rạch Miễu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Công trình xây dựng mang yếu tố tín ngưỡng, tôn giáo (Miễu).

- Vị trí: km95+848

- Số nhịp: 09

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 325,10 m

- Chiều rộng: 17,50 m

18. Cầu Thông Lưu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Tên rạch (Rạch Thông Lưu).

- Vị trí: km87+310

- Số nhịp: 08

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 295,60 m

- Chiều rộng: 17,50 m

19. Cầu Trà Lọt

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh gốc Khmer (Tà Lok, Tà: là người đàn ông lớn tuổi, được kính trọng; Lok: tên người[19]).

- Vị trí: km84+537

- Số nhịp: 08

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 310 m

- Chiều rộng: 17,50 m

20. Cầu Vượt An Thái Trung

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Động từ (Vượt) + Địa danh hành chính (Xã An Thái Trung).

- Vị trí: km100+750

- Số nhịp: 08

[19] Lê Hương (1969), *Người Việt gốc Miên*, Tác giả xuất bản, trang 45.

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 209,15 m

- Chiều rộng: 12 m

21. Cầu Vượt Đường Huyện 76

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Động từ (Vượt) + Công trình xây dựng (Đường huyện 76).

- Vị trí: km89+683

- Số nhịp: 06

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 236,40 m

- Chiều rộng: 7 m

22. Cầu Vượt Đường Tỉnh 861

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Động từ (Vượt) + Công trình xây dựng (Đường tỉnh 861).

- Vị trí: km96+304

- Số nhịp: 05

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 290,20 m

- Chiều rộng: 7 m

23. Cầu Vượt Nút Giao Cái Bè

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Động từ (Vượt) + Công trình xây dựng (Nút giao) + Địa danh hành chính (Thị trấn/Huyện Cái Bè). .

- Vị trí: km81+323

- Số nhịp: 09

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 386,49 m

- Chiều rộng: 12 m

Trên Quốc lộ 30:

1. Cầu Bà Tứ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Giới tính và tên người (Bà Tứ).

- Vị trí: km 1+333
- Cầu bắc qua: Rạch Bà Tứ
- Số nhịp: 03
- Tải trọng (Tấn): 25
- Năm đưa vào sử dụng: 1982. Nâng cấp: 2019
- Chiều dài: 75,20 m
- Chiều rộng: 9 m

2. Cầu Cái Lân

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa hình thiên nhiên (Sông cái) + Linh vật (Lân).

- Vị trí: km7+687
- Cầu bắc qua: Rạch Cái Lân
- Số nhịp: 03
- Tải trọng (Tấn): 25
- Năm đưa vào sử dụng: 1991. Nâng cấp: 2019
- Chiều dài: 75,30 m
- Chiều rộng: 9 m

3. Cầu Rạch Đào

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Thực vật (Cây đào).

- Vị trí: km4+402
- Cầu bắc qua: Rạch Đào
- Số nhịp: 03
- Tải trọng (Tấn): 25
- Năm đưa vào sử dụng: 1981. Nâng cấp: 2019
- Chiều dài: 75,20 m

- Chiều rộng: 9 m

4. Cầu Rạch Giồng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Địa hình thiên nhiên (Giồng).

- Vị trí: km2+214
- Cầu bắc qua: Rạch Giồng
- Số nhịp: 01
- Tải trọng (Tấn): HL93
- Năm đưa vào sử dụng: 1982. Nâng cấp: 2019
- Chiều dài: 25,60 m
- Chiều rộng: 9 m

5. Cầu Rạch Ruộng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Loại hình canh tác nông nghiệp (Ruộng).

- Vị trí: km5+832
- Cầu bắc qua: Rạch Ruộng
- Số nhịp: 05
- Tải trọng (Tấn): 25
- Năm đưa vào sử dụng: 1985. Nâng cấp: 2019
- Chiều dài: 112,50 m
- Chiều rộng: 9 m

* **Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn địa danh Cống, Đập, Đê:**

Cống lớn:

Cống Ông Khánh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Giới tính và tên người (Ông Khánh).

Cống ở xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè, được xây dựng năm 2001; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 7,5 m, sâu 3 m, diện tích phục vụ 591 ha.

Cống vừa và nhỏ:

1. Cống Bà Phú

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Giới tính và tên người (Bà Phú).

Cống ở xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè, được xây dựng năm 2002; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 5 m, sâu 1,5 m, diện tích phục vụ 20 ha.

2. Cống Bà Thêm

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Giới tính và tên người (Bà Thêm).

Cống ở xã Đông Hòa Hiệp, huyện Cái Bè, được xây dựng năm 2002; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 3 m, sâu 2 m, diện tích phục vụ 150 ha.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên bến xe, bến đò, bến phà:**

Bến xe:

Theo quy định của Bộ Giao thông - Vận tải có 2 loại bến xe là bến xe khách và bến xe hàng. Trong phạm vi đề tài, tập trung nghiên cứu về địa danh bến xe khách trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Khái niệm bến xe khách:

Theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách - Sửa đổi lần 1 năm 2015, Bến xe khách là công trình thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thực hiện chức năng phục vụ xe ô tô đón, trả hành khách và các dịch vụ hỗ trợ vận tải hành khách công cộng được xây dựng trên một thửa đất hoặc nhiều thửa đất liền kề.

Cũng theo Thông tư nêu trên, Bến xe khách được phân thành 6 loại. Quy định về các hạng mục công trình tương ứng với từng loại bến xe khách như trong Bảng sau:

TT	Tiêu chí phân loại	Đơn vị tính	Loại bến xe khách					
			Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4	Loại 5	Loại 6
1	Diện tích mặt bằng (tối thiểu)	m^2	15.000	10.000	5.000	2.500	1.500	500
2	Diện tích bãi đỗ xe ôtô chờ	m^2	5.000	3.000	1.000	500	160	80

	vào vị trí đón khách (tối thiểu)							
3	Diện tích bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác	m^2	2.000	1.500	900	400	30	20
4	Diện tích tối thiểu phòng chờ cho hành khách (có thể phân thành nhiều khu vực trong bến)	m^2	500	300	150	100	50	30
5	Số vị trí đón, trả khách (tối thiểu)	vị trí	50	40	30	20	10	6
6	Số chỗ ngồi tối thiểu khu vực phòng chờ cho hành khách	chỗ	100	60	30	20	10	10
7	Hệ thống điều hòa, quạt điện khu vực phòng chờ cho hành khách (tối thiểu)	-	Đảm bảo nhiệt độ không vượt quá 30°C	Quạt điện	Quạt điện	Quạt điện	Quạt điện	Quạt điện

8	Diện tích khu vực làm việc	-	Bình quân 4,5 m^2/người		
9	Diện tích văn phòng dành cho Y tế	-	Tối thiểu 10 m^2		
10	Diện tích khu vệ sinh	-	> 1 % tổng diện tích xây dựng bến (Có nơi vệ sinh phục vụ người khuyết tật theo QCVN 10:2014/BXD)		
11	Diện tích dành cho cây xanh, thảm cỏ	-	Tỷ lệ diện tích đất dành cho cây xanh, thảm cỏ tối thiểu 2% tổng diện tích		
12	Đường xe ra, vào bến	-	riêng biệt	chung (rộng tối thiểu 7,5 m)	
13	Đường dẫn từ phòng chờ cho hành khách đến các vị trí đón, trả khách	-	Có mái che		
14	Kết cấu mặt đường ra, vào bến xe và sân bến	-	Mặt đường nhựa hoặc bê tông xi măng		
15	Hệ thống cung cấp thông tin	-	Có hệ thống phát thanh, có hệ thống bảng chỉ dẫn bằng điện tử, có thiết bị	Có hệ thống phát thanh, có hệ thống bảng chỉ dẫn	

			tra cứu thông tin tự động		
16	Hệ thống kiểm soát xe ra vào bến	-	Có phần mềm quản lý bến xe và trang bị hệ thống camera giám sát xe ra vào bến	Có phần mềm quản lý bến xe	

1. Bến xe An Hữu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến xe) + Địa danh hành chính (Xã An Hữu).

Bến xe An Hữu, mã số (63)13, tọa lạc tại Tổ 1, Ấp 4, xã An Hữu, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, diện tích 648,69 m², điện thoại: (0273)3824214, xếp loại 6.

2. **Bến xe Cái Bè**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến xe) + Địa danh hành chính (Huyện Cái Bè).

Bến xe Cái Bè, mã số (63)12, tọa lạc tại thị trấn Cái Bè, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, diện tích 2.595,8 m², điện thoại: (0273)3824215, xếp loại 4.

3. Bến xe Hậu Mỹ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến xe) + Địa danh hành chính xưa (Xã Hậu Mỹ. Năm 1979, xã chia thành 4 xã: Hậu Mỹ Bắc A, Hậu Mỹ Bắc B, Hậu Mỹ Trinh, Hậu Mỹ Phú).

Bến xe Hậu Mỹ, mã số (63)26, tọa lạc tại xã Hậu Mỹ Bắc B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, diện tích 2.211 m², điện thoại: (0273), xếp loại 6.

*** Bến đò:**

Khái niệm

Bến đò là bến đỗ trên các bờ sông để đò dừng nhằm tiếp nhận hoặc trao trả hành khách, hàng hóa trong quá trình chuyên chở.

1. Bến đò Kinh/Kênh 9

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến đò) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Số thứ tự (9).

Bến đò Kinh/Kênh 9 bờ phải và bờ trái đều nằm trên Kinh/Kênh 9, nối xã Hậu Mỹ Bắc A, huyện Cái Bè với xã Hậu Mỹ Bắc B, cùng huyện (và ngược lại), tỉnh Tiền Giang.

2. Bến đò An Ninh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến đò) + Địa danh hành chính (Ấp An Ninh).

Bến đò An Ninh bờ phải và bờ trái đều nằm trên Kinh/Kênh 28, nối Khu 1, thị trấn Cái Bè, huyện Cái Bè với ấp An Ninh, xã Đông Hòa Hiệp, cùng huyện (và ngược lại), tỉnh Tiền Giang.

3. Bến đò Tân Hưng - Thanh Mỹ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến đò) + Địa danh hành chính (Xã Tân Hưng - Xã Thanh Mỹ).

Bến đò Tân Tân Hưng - Thanh Mỹ bờ phải và bờ trái đều nằm trên kinh/kênh Nguyễn Văn Tiếp, nối xã Tân Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang với xã Thanh Mỹ, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp (và ngược lại).

* **Bến phà:**

Khái niệm

Bến phà là nơi đón, trả khách qua sông bằng phà.

1.Bến phà Cái Bè - Tân Phong

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến phà) + Địa danh hành chính (Thị trấn Cái Bè - Xã Tân Phong).

Bến phà Cái Bè - Tân Phong bờ phải (Cái Bè) nằm trên Kinh/Kênh 28, bờ trái (Tân Phong) nằm trên sông Tiền, nối thị trấn Cái Bè, huyện Cái Bè với xã Tân Phong, huyện Cai Lậy (và ngược lại), tỉnh Tiền Giang.

*Y tế tuyến huyện:

Trung tâm Y tế huyện Cái Bè

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng mang tính chất chăm sóc sức khỏe (Trung tâm y tế) + Địa danh hành chính (Huyện Cái Bè).

- Khái quát Trung tâm Y tế huyện Cái Bè:

+ Địa chỉ: Quốc lộ 1, ấp An Thiện, xã An Cư, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

+ Điện thoại: 02733 824 377

+ Trang thông tin điện tử: ttytcaibe.soytetiengiang.gov.vn

+ Email: ttytcaibe@gmail.com

+ Cơ quan chủ quản: Sở Y tế tỉnh Tiền Giang.

+ Tổng diện tích: 25.937,9 m^2 ; diện tích sử dụng: 4.352,38 m^2

+ Tổng số cán bộ, viên chức (2022): 465; trong đó nam: 173; nữ: 292

Trung tâm Y tế huyện Cái Bè được thành lập năm 2018 theo Quyết định số 4137/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang, có chức năng, nhiệm vụ như sau:

+ Thực hiện các hoạt động cung cấp chuyên môn, kỹ thuật về y tế dự phòng:

Triển khai thực hiện các hoạt động phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm, HIV/AIDS: giám sát, sàng lọc phát hiện sớm, tiêm chủng phòng bệnh, điều trị dự phòng, triển khai các biện pháp chống dịch và khắc phục hậu quả của dịch bệnh; phòng, chống yếu tố nguy cơ phát sinh, lây lan dịch, bệnh;

Triển khai thực hiện các hoạt động phòng, chống bệnh không lây nhiễm, kiểm soát và phòng, chống các yếu tố nguy cơ, giám sát, sàng lọc phát hiện, quản lý và triển khai các biện pháp phòng, chống bệnh không lây nhiễm;

Thực hiện các hoạt động dinh dưỡng cộng đồng, vệ sinh môi trường, y tế trường học, sức khỏe lao động, phòng, chống bệnh nghề nghiệp, tai nạn thương tích; giám sát chất lượng nước dùng cho ăn uống, sinh hoạt và bảo vệ môi trường đối với các cơ sở y tế và phòng, chống các yếu tố nguy cơ có hại cho sức khỏe theo quy định của pháp luật;

Tổ chức thực hiện khám, phân loại sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, khám sức khỏe thực hiện nghĩa vụ quân sự theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện các hoạt động cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng:

Thực hiện sơ cứu, cấp cứu;

Thực hiện khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng theo giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh và phạm vi hoạt động chuyên môn được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho các trường hợp bệnh nhân tự đến, bệnh nhân được chuyển tuyến, bệnh nhân do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến trên chuyển về để tiếp tục theo dõi, điều trị, chăm sóc, phục hồi chức năng;

Thực hiện các kỹ thuật, thủ thuật, phẫu thuật, chuyển tuyến theo quy định của pháp luật;

Tổ chức, quản lý điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, điều trị nghiện chất khác và điều trị HIV/AIDS theo quy định của pháp luật;

Thực hiện khám giám định y khoa theo quy định của pháp luật; tham gia khám giám định pháp y khi được trưng cầu.

+ Thực hiện các hoạt động cung cấp dịch vụ về chuyên môn, kỹ thuật về chăm sóc sức khỏe sinh sản:

Triển khai thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ em; chăm sóc sức khỏe vị thành niên và thanh niên; sức khỏe sinh sản nam giới và người cao tuổi;

Thực hiện các kỹ thuật, thủ thuật chuyên ngành phụ sản và biện pháp tránh thai theo quy định;

Phòng, chống nhiễm khuẩn, ung thư đường sinh sản và các bệnh lây truyền từ cha mẹ sang con.

+ Thực hiện các hoạt động cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về an toàn thực phẩm:

Triển khai thực hiện các hoạt động phòng, chống ngộ độc thực phẩm trên địa bàn; điều tra, giám sát, xử lý các vụ ngộ độc thực phẩm và bệnh truyền qua thực phẩm;

Hướng dẫn, giám sát cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố trên địa bàn trong việc bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật;

Tham gia thẩm định điều kiện của các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn theo phân cấp; tham gia thanh tra, kiểm tra về an toàn thực phẩm và thực hiện các nhiệm vụ khác về an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật và theo phân công, phân cấp.

+ Thực hiện các hoạt động cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về dân số:

Triển khai thực hiện các hoạt động tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tư vấn, tầm soát, sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh; dịch vụ kế hoạch hóa gia đình;

Tổ chức thực hiện và phối hợp liên ngành trong triển khai thực hiện các hoạt động về công tác dân số nhằm điều chỉnh mức sinh, kiểm soát quy mô dân số, kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh, nâng cao chất lượng dân số và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi thích ứng với già hóa dân số trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện các xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh và thăm dò chức năng phục vụ cho hoạt động chuyên môn, kỹ thuật theo chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm và nhu cầu của người dân; tổ chức thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn sinh học tại phòng xét nghiệm và an toàn bức xạ theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện các hoạt động dịch vụ y tế trong phòng, chống khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa và đáp ứng tình trạng khẩn cấp về y tế.

+ Tuyên truyền, cung cấp thông tin về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và tổ chức các hoạt động tư vấn, giáo dục, truyền thông, vận

động nhân dân tham gia các hoạt động bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe, công tác dân số và phát triển trên địa bàn.

+ Quản lý, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ:

Thực hiện lập hồ sơ quản lý sức khỏe người dân trên địa bàn;

Trực tiếp quản lý, chỉ đạo các hoạt động chuyên môn, kỹ thuật đối với các trạm y tế xã, phường, thị trấn và các phòng khám đa khoa khu vực, nhà hộ sinh (nếu có);

Hướng dẫn, kiểm soát, giám sát hỗ trợ về chuyên môn kỹ thuật đối với các cơ sở y tế thuộc cơ quan, trường học, công nông trường, xí nghiệp trên địa bàn và đội ngũ nhân viên y tế xã, thị trấn, cộng tác viên dân số.

+ Đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ:

Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật;

Tập huấn, bồi dưỡng cập nhật kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên y tế xã, thị trấn, cộng tác viên dân số và các đối tượng khác theo quy định của cấp có thẩm quyền ở địa phương.

+ Thực hiện việc tiếp nhận, cung ứng, bảo quản, cấp phát, sử dụng thuốc, phương tiện tránh thai, vắc xin, sinh phẩm y tế, hóa chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn theo quy định của cấp có thẩm quyền ở địa phương và quy định của pháp luật.

+ Triển khai thực hiện các dự án, chương trình y tế, dân số theo quy định của cấp có thẩm quyền ở địa phương; thực hiện kết hợp quân - dân y theo đặc điểm, tình hình thực tế và quy định của pháp luật.

+ Thực hiện ký hợp đồng với cơ quan bảo hiểm xã hội để tổ chức khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế tại Trung tâm Y tế huyện và các đơn vị y tế thuộc Trung tâm Y tế huyện theo quy định của pháp luật.

+ Nghiên cứu và tham gia nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; ứng dụng phát triển khoa học kỹ thuật trong hoạt động chuyên môn.

Đảng bộ Trung tâm y tế huyện Cái Bè có 07 chi bộ trực thuộc với 103 đảng viên; lãnh đạo đơn vị có 01 Giám đốc và 03 Phó Giám đốc; Công đoàn cơ sở có 42 tổ công đoàn với 465 công đoàn viên; Đoàn thanh niên có 02 chi đoàn với 36 đoàn viên.

Trung tâm có 04 phòng chức năng: Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ, Phòng Tổ chức hành chính, Phòng Tài chính kế toán, Phòng Dân số - Truyền thông và giáo dục sức khỏe; 12 khoa lâm sàng và cận lâm sàng: Khoa Hồi sức cấp cứu, Khoa thận nhân tạo, Khoa Khám bệnh, Khoa Nội, Khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức

năng, Khoa Ngoại - Gây mê hồi sức, Khoa Phụ sản - Chăm sóc sức khỏe sinh sản, Khoa Nhi, Khoa Truyền nhiễm, Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế, Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh, Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn; 02 khoa thuộc hệ y học dự phòng: Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS, Khoa Y tế công cộng - An toàn thực phẩm và dinh dưỡng

Ngoài ra, Trung tâm còn có 02 phòng khám đa khoa: Phòng khám đa khoa An Thái Trung, Phòng khám đa khoa Hậu Mỹ Bắc A; 25 trạm y tế thị trấn, xã: thị trấn Cái Bè, các xã: Đông Hoà Hiệp, Hoà Khánh, Mỹ Lương, An Hữu, Hoà Hưng, An Cư, Mỹ Hội, Hậu Thành, Thiện Trí, An Thái Trung, Mỹ Đức Đông, Mỹ Đức Tây, An Thái Đông, Tân Thanh, Tân Hưng, Mỹ Lợi A, Mỹ Lợi B, Mỹ Trung, Thiện Trung, Hậu Mỹ Phú, Hậu Mỹ Trinh, Hậu Mỹ Bắc A, Hậu Mỹ Bắc B, Mỹ Tân. Bệnh viện thuộc Trung tâm xếp hạng 3 với 200 giường bệnh.

Về trình độ chuyên môn, năm 2022, Trung tâm Y tế huyện Cái Bè có: Thạc sĩ: 06 ; Bác sĩ chuyên khoa 2: 02 ; Bác sĩ chuyên khoa 1: 40; Bác sĩ đại học: 44; Dược sĩ: 51; Cử nhân cao đẳng: 22 ; Trình độ khác: 300.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên tượng đài, bia lưu niệm (nghiên cứu, biên soạn thêm bia tưởng niệm, khu tưởng niệm, bia căm thù, bia mộ):**

Tượng đài:

Tượng đài là công trình xây dựng nhằm phục vụ yêu cầu ghi nhớ, tưởng niệm các sự kiện, các nhân vật lịch sử, được thể hiện bằng nghệ thuật điêu khắc kết hợp với nghệ thuật kiến trúc, ở những nơi công cộng, bằng các chất liệu bền vững, như đá, kim loại không gỉ, bê tông,…

1.Tượng đài Chiến thắng Cổ Cò

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Tượng đài) + Sự kiện lịch sử (Chiến thắng Cổ Cò).

Sự kiện lịch sử:

Đầu năm 1947, nắm chắc tình hình tiểu đoàn Léon của Pháp sau khi đi càn quét vùng Chợ Mới thuộc tỉnh Long Châu Tiền (nay là tỉnh An Giang) sẽ rút quân về Sài Gòn, đúng như dự đoán ngày 22/01/1947, tiểu đoàn Léon của Pháp rút quân về Sài Gòn nên trong đêm 21/01/1947 (đêm 30 Tết) ta gấp rút chuẩn bị trận phục kích và sẵn sàng vào vị trí chiến đấu.

Lúc 10 giờ 30 sáng ngày 22/01/1947 (Mùng 1 Tết Đinh Hợi), đoàn xe quân sự chở đầy lính có xe thiết giáp bảo vệ lọt vào trận địa phục kích, quân ta cho nổ mìn khoá đầu ở cầu Rạch Miễu (huyện Cái Bè) diệt ngay chiếc xe đi đầu chặn đoàn xe lại. Các đơn vị của ta đồng loạt nổ súng xung phong mãnh liệt. Quân địch

bị đánh bất ngờ, lúc đầu địch chống trả yếu ớt và chạy tán loạn; nhưng sau đó dựa vào xe bọc thép chúng bắn trả quyết liệt.

Nhưng chỉ sau 45 phút giao tranh các đơn vị của ta lần lượt đè bẹp sức đề kháng của quân địch, đại bộ phận quân địch bị tiêu diệt, ta hoàn toàn làm chủ trận địa, số sống sót tháo chạy về hướng Mỹ Thuận bị các đơn vị địa phương chặn diệt gần hết. Tại Mỹ Thiện, lúc 13 giờ một bộ phận của Chi đội 17 chặn đánh làm thiệt hại nặng một đại đội địch từ Sài Gòn đến chi viện. Sau gần 2 giờ chiến đấu, ta diệt đại bộ phận tiểu đoàn bộ binh cơ giới thiện chiến của Pháp, phá huỷ 14 xe quân sự (có 08 xe thiết giáp), thu nhiều vũ khí và đạn dược.

Trận đánh Cổ Cò đánh dấu bước trưởng thành của bộ đội chủ lực Khu 8 và bộ đội địa phương tỉnh Mỹ Tho về trình độ tác chiến chỉ huy, bố trí thế trận, sử dụng lực lượng và cách đánh phục kích; thể hiện tinh thần chiến đấu mưu trí, dũng cảm của cán bộ, chiến sĩ; góp phần thúc đẩy phong trào chiến tranh du kích ở địa phương cũng như cả nước phát triển mạnh mẽ. Chiến thắng Cổ Cò là trận đánh lớn đầu tiên trên chiến trường Khu 8, kể từ khi hưởng ứng Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Chiến thắng Cổ Cò làm cho nhân dân ta liên tưởng đến chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa của hoàng đế Quang Trung năm xưa:

Trận Cổ Cò tưởng nhớ đến Quang Trung,

Việt Nam xưa nay lắm anh hùng.

Mùng một Tết thắng quân xâm lược,

Trên đất này xuất hiện Quang Trung.

Tượng đài Chiến thắng Cổ Cò nằm trong Khu di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia Chiến thắng Cổ Cò theo Quyết định số 38/2001/QĐ-BVHTT ngày 12/7/2001 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch); có diện tích 3.070 m^2, tọa lạc tại xã An Thái Đông, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Tượng đài được khánh thành năm 2015, phần bệ có diện tích 148m^2, cao 6 m; phần cụm tượng được tạo tác bằng hợp kim đồng, cao 4 m, gồm 03 nhân vật, thể hiện sự hợp đồng chặt chẽ trong chiến đấu giữa bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích để làm nên Chiến thắng Cổ Cò oanh liệt.

2. Tượng đài Chiến thắng Ngã Sáu - Bằng Lăng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Tượng đài) + Sự kiện lịch sử (Chiến thắng Ngã Sáu - Bằng Lăng).

Sự kiện lịch sử:

Ngã Sáu hay còn gọi là Ngã Sáu Mỹ Trung, do 3 con kênh Nguyễn Văn Tiếp, kênh Mỹ Lợi và kênh 28 cắt nhau tại xã Mỹ Trung tạo thành sáu ngã nên nhân dân địa phương gọi là Ngã Sáu.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, quân và dân tỉnh Mỹ Tho cùng các lực lượng chủ lực Quân khu 8 làm nên nhiều chiến công vang dội, góp phần cùng nhân dân cả nước giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Một trong những chiến công đó là chiến thắng Ngã Sáu - Bằng Lăng ở xã Mỹ Trung, huyện Cái Bè, từ ngày 11 đến ngày 14-3-1975.

Vào đợt 2 của chiến dịch Mùa khô 1975, Khu 8 cùng toàn Miền đồng loạt tiến công địch trên tất cả các mặt trận. Sau khi nghiên cứu tình hình chiến trường, kế hoạch tác chiến của đợt 2, Quân Khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu 8 nhất trí đề nghị Thường vụ Khu ủy Khu 8 cho chuyển hướng tiến công ra phía Bắc huyện Cái Bè.

Thực hiện kế hoạch tiến công đợt 2 của Quân khu 8, ngày 11-3-1975, Trung đoàn 24 của ta nổ súng tiến công đánh chiếm Yếu khu Ngã Sáu lần thứ nhất, diệt 1 tiểu đoàn bảo an. Cùng ngày, Trung đoàn 320 của ta đánh viện tại kinh Bằng Lăng trên cánh đồng giáp hai xã Hậu Mỹ - Mỹ Thiện, diệt gọn Tiểu đoàn 2 thuộc Trung đoàn 10, Sư đoàn 7 ngụy. Ngày 13-3-1975, Tiểu đoàn 3 thuộc Trung đoàn 10 của địch chiếm lại Yếu khu Ngã Sáu. Ngày 14-3-1975, Trung đoàn 207 của ta tấn công Yếu khu Ngã Sáu lần thứ hai và giải phóng hoàn toàn căn cứ này. Quân địch buộc phải tháo chạy tán loạn.

Chiến thắng Ngã Sáu - Bằng Lăng có tác dụng làm "đòn xeo" tích cực trên toàn chiến trường, liên tục tiến công tiêu diệt địch, bức rút, bức hàng, mở rộng vùng giải phóng, làm suy sụp tinh thần của binh sĩ địch; là tiền đề để nhân dân Mỹ Tho vững bước tiến vào Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy giải phóng tỉnh Mỹ Tho theo phương châm: "Xã giải phóng xã, huyện giải phóng huyện, tỉnh giải phóng tỉnh", góp phần cùng cả nước giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Tượng đài Chiến thắng Ngã Sáu - Bằng Lăng do Nghệ nhân ưu tú Trần Văn Trầm tạo mẫu, được khánh thành năm 2007, tọa lạc tại xã Mỹ Trung, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang trong Khu di tích lịch sử - văn hóa có cùng tên, rộng 3.500 m². Tượng đài cao 22,5 m, được tạo tác bằng bê tông cốt thép, bao gồm khối phù điêu hình lục giác, tượng trưng cho 6 cánh của hoa sen - loài hoa tiêu biểu của Đồng Tháp Mười và sáu ngã do các con kênh giao cắt tạo thành. Phù điêu chạm khắc hình ảnh của trận đánh năm xưa với sự phối hợp nhịp nhàng của ba thứ quân: bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích.

Phía trên phù điêu là hình ảnh 6 chiếc xuồng ba lá được cách điệu, tỏa ra sáu hướng theo sáu ngã của các con kênh với ý nghĩa đây là phương tiện giao thủy chủ yếu của Đồng Tháp Mười: xuồng chở bộ đội vượt kênh xông vào trận đánh, xuồng vận chuyển vũ khí, lương thực, thực phẩm,… phục vụ bộ đội chiến đấu.

Trên bức phù điêu là hình tượng sáu nòng súng được cách điệu thành 6 đóa hoa súng. Được biết, cùng với hoa sen, hoa súng là loại hoa đặc hữu của Đồng Tháp Mười. Trên đỉnh tượng đài là đóa hoa sen được cách điệu và ngôi sao vàng

năm cánh. Toàn bộ những những hình khối của tượng đài nói lên chủ đề cuộc kháng chiến của quân dân ta rất đỗi hào hùng, oanh liệt; nhưng không kém phần lãng mạn cách mạng và thi vị trong công cuộc giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Di tích Chiến thắng Ngã Sáu - Bằng Lăng được Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 5004/QĐ-UBND ngày 24/12/2009.

3. Tượng đài Chiến thắng Rạch Ruộng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Tượng đài) + Sự kiện lịch sử (Chiến thắng Rạch Ruộng).

Sự kiện lịch sử:

Sông Rạch Ruộng là vùng giáp ranh của hai tỉnh Kiến Phong (nay là tỉnh Đồng Tháp) và Mỹ Tho (nay là tỉnh Tiền Giang). Đoạn sông Rạch Ruộng, nơi nổ ra trận đánh tàu thuộc địa bàn xã Thanh Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho. Xuôi sông Rạch Ruộng về phía Nam khoảng vài km là vàm sông (cửa chảy ra sông Tiền). Ngọn sông Rạch Ruộng được nối với kinh Nguyễn Văn Tiếp B tại điểm giáp ranh với xã Thanh Mỹ, huyện Mỹ An, tỉnh Kiến Phong (nay là xã Thanh Mỹ, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp), là một trong những đường giao thông trọng yếu của ta trong vùng căn cứ Đồng Tháp Mười.

Ngày 4/12/1967, lực lượng địch gồm gần 100 tàu chiến, kết hợp bộ binh và trực thăng đổ quân tiếp viện từ sông Tiền nối tiếp nhau tấn công vào sông Rạch Ruộng với quy mô lớn, lực lượng hùng hậu, tần suất dày và mức độ vô cùng ác liệt nhằm tiêu diệt các đơn vị bộ đội ta ở khu vực này; đồng thời tiến sâu, trụ lại để xây dựng căn cứ tại Ngã Sáu xã Thanh Mỹ, nhằm tăng cường bình định, đánh phá vùng Đồng Tháp Mười.

Được tin Mỹ - ngụy sẽ tổ chức cuộc hành quân càn quét quy mô lớn vào vùng giáp ranh hai tỉnh Kiến Phong và Mỹ Tho, Tiểu đoàn 502 và các cơ quan thuộc Tỉnh đội Kiến Phong đóng ở đây chủ động triển khai đội hình chiến đấu trên trận địa dài gần 2 km. Chờ đoàn tàu địch lọt vào trận địa, Tiểu đoàn 502 bất ngờ nổ súng chặn đầu. Một số tàu địch trúng đạn bốc cháy. Nhiều chiếc khác gầm rú, điên cuồng, dùng hỏa lực bắn liên tiếp hai bên bờ sông. Trận đánh diễn ra vô cùng ác liệt. Từ chỗ bất ngờ, bị động, ta đã kịp thời chuyển sang giành thế chủ động tấn công địch, nêu cao quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ.

Trong một ngày kiên cường chiến đấu, mặc dù có sự chênh lệch lớn về lực lượng và vũ khí, nhưng Tiểu đoàn 502 đã anh dũng, mưu trí, đẩy lùi nhiều cuộc tiến công của địch, bẻ gãy cuộc càn của liên quân Mỹ-ngụy; bắn chìm, bắn cháy 40 tàu địch, loại khỏi vòng chiến đấu hàng trăm binh lính.

Bị thiệt hại nặng, địch cho trực thăng đổ quân tiếp viện và ném hàng chục tấn bom, bắn hơn 2.000 trái đạn pháo xuống trận địa. Tiểu đoàn 502 và các cơ quan thuộc Tỉnh đội kiên cường bám công sự chiến đấu trong ngày ròng rã, tối đến, được lệnh rút khỏi trận địa, riêng Tiểu đoàn 502 còn tập kích địch trước khi rút quân. Tuy hy sinh, tổn thất lớn: hơn 80 cán bộ, chiến sĩ (riêng Ban Tham mưu Tỉnh đội và bộ phận Văn nghệ, Báo chí của Ban Tuyên huấn tỉnh bị thiệt hại nặng), song thắng lợi giành được hết sức vẻ vang. Về phía địch, phải 2 ngày sau, Mỹ - ngụy mới trục vớt hết tàu bị chìm, bị cháy và tập hợp thi thể lính Mỹ thiệt mạng trong trận đánh.

Chiến thắng Rạch Ruộng là chiến thắng của tinh thần chiến đấu dũng cảm, kiên cường, mưu trí, sáng tạo của cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang và nhân dân địa ta trong giai đoạn đối đầu với chiến lược "Chiến tranh cục bộ".

Có thể nói, chiến thắng Rạch Ruộng (4/12/1967), là sự tiếp nối chiến công của chiến thắng Ba Rài (15/9/1967) của quân và dân Mỹ Tho và Kiến Phong, là bài học quý trong xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân, thực hiện 3 mũi giáp công lên tầm cao mới. Chiến thắng này được xem như một cú đánh "bồi" làm phá sản hoàn toàn chiến thuật "Hạm đội nhỏ trên sông" của Mỹ - ngụy. Cùng với chiến thắng Ba Rài diễn ra trước đó không lâu, chiến thắng Rạch Ruộng thêm một lần giáng đòn phủ đầu vào lực lượng cơ động đường sông (MRF) - niềm kiêu hãnh của quân lực Hoa Kỳ trên chiến trường sông nước đồng bằng sông Cửu Long, cổ vũ mạnh mẽ tinh thần chiến đấu, quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ của quân dân ta.

Tượng đài Chiến thắng Rạch Ruộng tọa lạc tại Ấp 3, xã Tân Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang trong khuôn viên rộng 1.813,7 m², được khánh thành năm 2017, do nhà điêu khắc Nguyễn Oanh thiết kế. Tượng được làm bằng bê tông cốt thép, sơn giả đá, cao 8 m với biểu tượng là một chiến sĩ giải phóng quân đầu đội mũ tai bèo, trong tư thế tiến công với hai tay rắn chắc cầm khẩu súng B.40 nã đạn về phía quân thù, chung quanh là những cuộn sóng đang dâng trào như nhấn chìm đoàn tàu chiến Mỹ và hình ảnh chim bồ câu tượng trưng cho khát vọng hòa bình, độc lập của nhân dân ta.

Di tích Chiến thắng Rạch Ruộng được Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số: 3180/QĐ-UBND, ngày 26/10/2020.

***Bia lưu niệm (Nghiên cứu, biên soạn thêm: Bia tưởng niệm, Khu tưởng niệm, bia căm thù, bia mộ):**

Bia lưu niệm/tưởng niệm:

Bia lưu niệm/tưởng niệm là vật được tạo tác dạng hình phiến dẹp có mặt phẳng, thường được làm bằng đá, kim loại, gỗ, bê tông cốt thép,… với kích thước

thường có chiều cao lớn hơn chiều rộng, được dựng lên để lưu niệm/tưởng niệm danh nhân, sự kiện lịch sử, tổ chức chính trị - xã hội,…

1.Bia lưu niệm chiến thắng căn cứ Thẻ 23

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bia lưu niệm) + Sự kiện lịch sử (Chiến thắng căn cứ Thẻ 23)

Năm 1967, trên Lộ 23, Mỹ đã cho xây dựng căn cứ Thẻ 23, có diện tích 6.500 m² với hệ thống tường thành, trận địa pháo, hầm ngầm, lô cốt rất kiên cố và hàng rào phòng thủ có nhiều lớp dây thép gai, gài mìn dày đặc. Căn cứ này có thể chứa từ 800 đến 1.000 quân lính. Giữa năm 1968, Mỹ giao lại cho quân đội Sài Gòn làm hậu cứ của Trung đoàn 12, Sư đoàn 7 bộ binh.

Đầu năm 1970, Quân khu 8 của ta quyết định mở Chiến dịch tổng hợp ABC, trong đó mở màn là trận tấn công vào căn cứ Thẻ 23 do Tiểu đoàn 261A bộ binh và Tiểu đoàn 269 đặc công đảm nhiệm dưới sự chỉ huy của đồng chí Trần Minh Phú (Sáu Phú), trung đoàn trưởng Trung đoàn 1 bộ binh của Quân khu 8.

Đêm 30/3 rạng ngày 01/4/1970, bộ đội ta tấn công mãnh liệt và làm chủ căn cứ, diệt khoảng 350 tên; phá hủy 6 khẩu pháo, hệ thống thông tin liên lạc, kho tàng và toàn bộ nhà cửa của địch trong căn cứ.

Chiến thắng căn cứ Thẻ 23 là trận đánh nổi bật của lực lượng vũ trang cách mạng, có tầm cỡ chiến lược và mang ý nghĩa lịch sử quan trọng, tạo niềm tin để Đảng bộ tỉnh Mỹ Tho cùng cán bộ, chiến sĩ Quân khu 8 nói chung và tỉnh Mỹ Tho nói riêng tiến lên đánh bại quân địch, góp phần bảo vệ vùng giải phóng trong tỉnh và cùng với toàn Miền đánh thắng từng bước chiến lược "Việt Nam hóa" của Mỹ và quân đội Sài Gòn.

Với tầm vóc và ý nghĩa quan trọng của trận đánh, Tỉnh ủy, Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang đã tiến hành xây dựng Bia lưu niệm chiến thắng căn cứ Thẻ 23 tại ấp Mỹ Hòa, xã An Cư, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Bia có diện tích khoảng 150 m^2, chiều cao khoảng 12 m, ngang khoảng 3,6 m, có 2 phần: chân bia được xây dựng bằng chất liệu bê tông cốt thép, cao khoảng 4 m dán gạch men; thân bia cao khoảng 8 m, mặt trước khắc dòng chữ: "Bia Chiến thắng của Trung đoàn 1 - Quân khu 8" trên nền đá hoa cương. Trên đỉnh thân bia là quần thể tượng, bao gồm tượng 1 chiến sĩ tay trái cầm khẩu súng AK ở phía trên, tượng 1 chiến sĩ vác khẩu B40 ở giữa và tượng 1 chiến sĩ đặc công trườn vào căn cứ địch, tay ôm khối thuốc nổ ở phía dưới. Bia thể hiện sự phối hợp nhịp nhàng trong chiến đấu giữa lực lượng bộ binh và đặc công thuộc Trung đoàn 1, Quân khu 8 đánh diệt căn cứ Thẻ 23 của địch.

Bia lưu niệm Chiến thắng căn cứ Thẻ 23 nằm trong khuôn viên Di tích Chiến thắng căn cứ Thẻ 23. Di tích được Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang xếp

hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15/02/2000.

2. Bia lưu niệm Chiến thắng Đập Ông Tải

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bia lưu niệm) + Sự kiện lịch sử (Chiến thắng Đập Ông Tải). Đập ông Tải do một người đàn ông có tên là Tải đã vận động Nhân dân đắp đập tại thôn Hậu Mỹ vào đầu thế kỷ 19.

Di tích Chiến thắng Đập Ông Tải tọa lạc tại xã Hậu Mỹ Trinh, huyện Cái Bè, được xây dựng năm 1995, do hai nhà điêu khắc Trần Văn Trầm và Hà Phú Thành tạo mẫu, gồm Bia Chiến thắng và vườn hoa kiểng chung quanh, có hàng rào rộng khoảng 500 m². Bia có diện tích xây dựng khoảng 20 m^2, cao 5 m, đế bia cao 1 m (bê tông, gạch tráng men), thân bia được đỡ bởi một khối bê tông cốt thép, bên trên đắp nổi 04 chữ: "Chiến thắng Đập Ông Tải" sơn màu đỏ và ngôi sao năm cánh màu vàng, bên dưới hàng chữ là phù điêu được đắp nổi mô tả một chiến sĩ quân giải phóng cầm súng AK trong tư thế lướt tới đạp lên khẩu pháo và binh lính địch.

Bên dưới chân bia là nội dung tóm tắt lịch sử của di tích có nội dung như sau: *"Nơi đây, đêm 17 tháng 11 năm 1967, tiểu đoàn 261, được tăng cường một đại đội của tiểu đoàn 263, bộ đội chủ lực Khu 8, tập kích cụm hỏa lực Mỹ, diệt gọn 1 tiểu đoàn, phá hủy 06 khẩu pháo 105 ly (trên chiến trường Mỹ Tho, đây là tiểu đoàn bộ binh Mỹ đầu tiên bị diệt gọn)".*

Di tích lịch sử "Chiến thắng Đập Ông Tải" được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15/02/2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Bia căm thù:

Bia căm thù là vật được tạo tác dạng hình phiến dẹp có mặt phẳng, thường được làm bằng đá, kim loại, gỗ, bê tông cốt thép,… với kích thước thường có chiều cao lớn hơn chiều rộng, trên bia ghi lại ngày tháng năm, địa điểm, số người bị giết hại trong các cuộc càn quét, tàn sát của kẻ địch đối với nhân dân ta.

Bia căm thù "Mỹ - ngụy thảm sát đồng bào xã Hậu Mỹ Bắc 1967"

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bia) + Tính từ (Căm thù) + Sự kiện lịch sử (Mỹ - ngụy thảm sát đồng bào xã Hậu Mỹ Bắc 1967).

Bia tọa lạc tại xã hậu Mỹ Bắc B, huyện Cái Bè.

Ngày 26/6/1967, đại đội biệt kích Mỹ cùng hai tiểu đội lính Đại Hàn do cố vấn Mỹ chỉ huy mở cuộc tập kích vào xã Hậu Mỹ Bắc (huyện Cái Bè) nhằm biến nơi đây thành vùng trắng, buộc nhân dân ở đây phải ra vùng kiểm soát của chính quyền Sài Gòn, trong kế hoạch bình định đánh bật cách mạng ra khỏi vùng nông

thôn. Trận càn này đã thất bại thảm hại khi lực lượng vũ trang địa phương đánh trả.

Hôm sau, vào ngày 27/6/1967, căm tức do trận càn bị thất bại nặng nề, lính Đại Hàn dưới sự chỉ huy của cố vấn Mỹ đã ập đến khu vực dọc hai bên kinh Hai Hạt thuộc xã Tân Hòa (nay huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An) và xã Hậu Mỹ Bắc (nay là xã Hậu Mỹ Bắc B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang) nhằm trả thù vào những người dân vô tội. Vào lúc 10 giờ ngày 27/6/1967 (ngày 21 tháng 5 Đinh Mủi), bọn chúng đến từng nhà gọi hết mọi người ra rồi xả súng giết hết không để sót một ai. Nếu người nào không ra khỏi hầm thì ném lựu đạn giết chết, cứ thế chúng tiếp tục kéo sang nhà khác tiếp tục những hành vi tội ác.

Cuộc thảm sát này đã làm thiệt mạng 41 người dân, bao gồm người già, phụ nữ và trẻ con; trong đó có 20 người dân thuộc xã Hậu Mỹ Bắc. Năm 1993, Bia căm thù "Mỹ - ngụy thảm sát đồng bào xã Hậu Mỹ Bắc 1967" được khánh thành do nhà điêu khắc Trần Văn Trầm tạo mẫu. Bia nằm trong khuôn viên di tích có diện tích 500 m², bao gồm bia, vườn hoa kiểng, tường rào. Bia cao 4 m, rộng 6 m; phía trên có dòng chữ: Bia căm thù "Mỹ - ngụy thảm sát đồng bào xã Hậu Mỹ Bắc 1967" được sơn màu đỏ; giữa thân bia chạm nổi phù điêu mô tả cảnh binh lính địch cầm súng đã tàn ác giết chết đồng bào ta được sơn màu vàng đồng; đế bia là sàn bê tông cốt thép được ốp gạch men màu đỏ.

Di tích "Kinh Hai Hạt – Nơi ghi dấu tội ác" được xếp hạng Di tích lịch sử cấp tỉnh theo Quyết định 09/2000/QĐ.UB ngày 15/02/2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên công viên/vườn hoa, rạp hát:**

Công viên/Vườn hoa:

Khái niệm:

- Công viên là khu vực được trồng cây xanh tập trung trong một diện tích đất lớn nhằm mục đích phục vụ công cộng, là nơi sinh hoạt ngoài trời, nghỉ ngơi, thư giãn, vui chơi, giải trí, tập luyện thể dục, nơi tổ chức các hoạt động văn hóa - xã hội đáp ứng nhu cầu của nhân dân. Ngoài cây xanh, công viên còn có các công trình kiến trúc và công trình hạ tầng kỹ thuật đồng bộ. Phạm vi quản lý một công viên bao gồm diện tích bên trong công viên và vỉa hè của công viên đó.

- Vườn hoa: Loại công viên hoặc vườn nhỏ ở đô thị trong đó có trồng nhiều hoa. Có thể đứng độc lập hoặc gắn với công trình kiến trúc, có tác dụng tăng thẩm mỹ cho cảnh quan đô thị.

1. Công viên Hoàng Việt

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Công viên) + Danh nhân (Hoàng Việt).

Tiểu sử danh nhân:

Hoàng Việt, tên thật là Lê Chí Trực, ngoài ra còn có các bút danh Lê Trực và Lê Quỳnh, sinh năm 1928 tại Chợ Lớn (nay thuộc Thành phố Hồ Chí Minh), quê nội ở Bà Rịa (nay thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu); nhưng sinh sống và lớn lên ở quê ngoại tại làng An Hữu, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã An Hữu, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang).

Có năng khiếu và đam mê âm nhạc, ông sáng tác từ rất sớm. Khoảng năm 1944 - 1945, ông có các ca khúc "Chí cả", "Biệt đô thành", "Tiếng còi trong sương đêm" được nhiều người yêu thích.

Ngày 23 - 9 - 1945, thực dân Pháp quay trở lại xâm lược Nam bộ. Với lòng yêu nước nồng nàn và tinh thần giác ngộ cách mạng, ông "xếp bút nghiên" lên đường tham gia kháng chiến. Lúc đầu, ông công tác ở Ty Công an Bà Rịa. Đến cuối năm 1946, ông chuyển về Đoàn Văn công Khu 8 đóng ở vùng Thiên Hộ - Hậu Mỹ (Cái Bè) giáp với Đồng Tháp Mười. Trong khoảng thời gian này, ông sáng tác các ca khúc "Thành đồng Tổ quốc", "Lá xanh", "Ai nghe chiến dịch mùa xuân".

Năm 1951, ông được phân công về Đoàn Văn công Phân Liên khu miền Đông Nam bộ. Lúc bấy giờ, cuộc sống của cán bộ, chiến sĩ ở đây vô cùng gian khổ. Tuy vậy, với tinh thần lạc quan cách mạng, ông đã vượt qua những khó khăn đó; và hòa mình vào cuộc kháng chiến của nhân dân miền Đông "gian lao mà anh dũng". Ngoài việc theo đoàn văn công đi biểu diễn, phục vụ chiến sĩ và nhân dân; ông còn tập trung bút lực và tâm huyết sáng tác nhiều ca khúc hay, phản ánh cuộc kháng chiến hào hùng và niềm tin tất thắng của nhân dân miền Nam "Thành đồng Tổ quốc". Đó là các ca khúc "Tin tưởng", "Đêm mưa dầm", "Lửa sáng", "Nhạc rừng", "Mùa lúa chín", "Lên ngàn",…

Năm 1954, ông tập kết ra Bắc. Năm 1956, ông học âm nhạc tại Nhạc viện Hà Nội. Sống trong cảnh "ngày Bắc đêm Nam", từ trong niềm xúc cảm thương nhớ về quê hương miền Nam thân yêu, ông sáng tác hai ca khúc "Tình ca" và "Quê mẹ" với những giai điệu trữ tình, sâu lắng; nhưng cũng không kém phần sôi động, hùng tráng về một miền Nam đau thương, kiên trung và bất khuất, đang quật khởi vùng lên.

Năm 1958, ông được Nhà nước cử sang Bulgarie học ở Nhạc viện Sophia. Được sự hướng dẫn tận tình của Giáo sư nổi tiếng Goléminoff, ông lao vào viết khí nhạc; và trở thành người viết nhạc giao hưởng đầu tiên của giới nhạc sĩ Việt Nam với bản giao hưởng "Quê hương". Trong bản giao hưởng này, với bút pháp tài hoa, ông đã sử dụng chất liệu của 9 ca khúc cách mạng và 2 bài dân ca để xây dựng nội dung tư tưởng và ngôn ngữ nghệ thuật. Qua 4 chương của tác phẩm, ông đã nêu bật truyền thống đấu tranh bất khuất của dân tộc và hiện thực cách mạng sôi nổi của

miền Nam trong những năm đầu chiến đấu chống ngoại bang và bọn tay sai bán nước. Với bản giao hưởng "Quê hương", ông đã nhận được tấm bằng đỏ (hạng Ưu) của Nhạc viện Sophia.

Năm 1964, ông về nước, công tác tại Nhạc viện Hà Nội. Ít lâu sau, ông xin về miền Nam chiến đấu. Sau những ngày vượt Trường Sơn vô cùng gian khổ, năm 1966, ông về đến căn cứ Trung ương Cục miền Nam đóng ở miền Đông Nam bộ và công tác tại Đoàn Văn công Giải phóng. Với trình độ âm nhạc uyên bác, ông tận tình hướng dẫn, giúp đỡ các nhạc sĩ trẻ sáng tác ca khúc. Thời kỳ này, ông viết ca khúc "Bài ca thanh niên miền Nam thành đồng" và hợp tác với hai nhạc sĩ Lưu Hữu Phước, Nguyễn Vũ viết vở nhạc kịch "Bông sen".

Đầu tháng 12 - 1967, từ Đông Nam bộ, vượt qua nhiều chặng đường nguy hiểm, ông về đến quê ngoại Cái Bè với ý định là tìm cảm xúc để viết bài giao hưởng số 2 về cuộc sống, chiến đấu của đồng bào vùng sông nước Cửu Long. Lúc bấy giờ, chiến trường Cái Bè hết sức ác liệt. Do đó, điều kiện làm việc của ông gặp rất nhiều khó khăn. Hầu như mọi sinh hoạt đều diễn ra dưới hầm trú ẩn. Mặc dù vậy, ông vẫn hăng say sáng tác. Đề cương của bản giao hưởng số 2 có tựa đề "Cửu Long" đã được hoàn thành dưới ánh đèn dầu tù mù và trong mưa bom, bão đạn của quân thù.

Sáng ngày 31 - 12 - 1967, một đoàn trực thăng Mỹ bay vào vùng căn cứ Mỹ Thiện (Cái Bè) phóng hỏa tiễn hủy diệt địa hình. Hầm trú ẩn của ông bị trúng đạn; và ông đã anh dũng hy sinh.

Nhận xét về sự nghiệp của ông, nhạc sĩ Xuân Hồng, Phó Tổng thư ký Hội Nhạc sĩ Việt Nam, Tổng thư ký Hội Âm nhạc TP Hồ Chí Minh, viết: "Sự nghiệp của Hoàng Việt để lại cho đời những gì? Là một nhạc sĩ tất nhiên anh để lại tác phẩm, nhưng theo tôi, có một cái thật là cao cả, đó là lý tưởng và ý chí của một người nghệ sĩ chân chính, được thể hiện bằng một câu nói bất hủ của anh mà hiện nay vẫn còn bút tích: "Cho đến chết mới hết sáng tác cho đời". Tác phẩm của anh để lại là những viên đá, là những cây cột lõi vững chắc góp phần xây dựng cho toà nhà âm nhạc cách mạng Việt Nam hiện đại".

Do có những đóng góp to lớn vào nền âm nhạc nước nhà và sự nghiệp giải phóng miền Nam, ông được Nhà nước truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh (1996). Nghệ danh Hoàng Việt của ông được đặt tên đường ở thành phố Mỹ Tho, tên công viên ở huyện Cái Bè tỉnh Tiền Giang; tên đường ở quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh; tên trường tiểu học - trung học cơ sở - trung học phổ thông ở thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk; tên Hội thi Tiếng hát Phát thanh Truyền hình Tiền Giang - Giải Hoàng Việt - do Đài Phát thanh - Truyền hình Tiền Giang tổ chức.

Công viên được khánh thành năm 2013, tọa lạc tại thị trấn Cái Bè, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, diện tích 5.506 m², hệ thực vật gồm có cây thân gỗ (bằng lăng, tha la, thị, sao,…); cây tạo hình (móng bò, sứ trắng, bông giấy,…); cây lá

màu các loại và các thảm cỏ,… Đồng thời, công viên còn có ghế đá; thiết bị tập thể dục; đài phun nước nghệ thuật cao 10 m, đèn trang trí (01 hệ thống đèn led trang trí nghệ thuật cao 4 m, rộng 5,9 m và nhiều trụ đèn trong khuôn viên); hệ thống điện nước; vỉa hè,…

2. Công viên Mũi Tàu An Cư

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Công viên) + Vị trí (Mũi Tàu: nơi giao nhau của một số con đường, có hình dáng như mũi của chiếc tàu) + Địa danh hành chính (Xã An Cư).

Công viên được khánh thành năm 2010, tọa lạc tại xã An Cư, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, diện tích 1.200 m², hệ thực vật gồm có cây thân gỗ (bằng lăng, thông ba lá,…); cây tạo dáng (cau vua, dương, sứ trắng,..), cây lá màu các loại và thảm cỏ; đèn chiếu sáng, ghế đá, hệ thống điện nước,…

*** Rạp hát:**

Khái niệm:

Rạp hát là nơi để biểu diễn các tác phẩm âm nhạc, sân khấu (kịch, cải lương, chèo, tuồng,…), điện ảnh,…

1. Rạp An Hữu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Rạp hát) + Địa danh hành chính (Xã An Hữu).

Rạp An Hữu được xây dựng vào đầu thập niên 1980, có 700 chỗ ngồi, là rạp chiếu phim và biểu diễn nghệ thuật cải lương, văn nghệ quần chúng, tọa lạc xã An Hữu, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Sau đó, rạp được đổi tên thành rạp Hoàng Việt[20], một nhạc sĩ - liệt sĩ cách mạng nổi tiếng. Từ đầu thập niên 2000, do hoạt động không hiệu quả, rạp đành phải đóng cửa.

2. Rạp Cái Bè

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Rạp hát) + Địa danh hành chính (Thị trấn Cái Bè/Huyện Cái Bè).

Rạp Cái Bè được xây dựng vào đầu thập niên 1980, có 1 trệt, 1 lầu, 1.400 chỗ ngồi, là rạp chiếu phim và biểu diễn nghệ thuật cải lương, văn nghệ quần chúng,

[20] Hoàng Việt với tên khai sinh là Lê Chí Trực, còn có bút danh Lê Trực (trước năm 1945) và Lê Quỳnh (từ năm 1966 khi trở về chiến trường Nam bộ). Anh sinh ngày 29-2-1928, nguyên quán ở thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Sau Cách mạng Tháng Tám, Hoàng Việt tham gia quân đội ở chiến trường miền Đông Nam bộ. Anh đã anh dũng hy sinh ngày 31-12-1967 trong một trận oanh tạc ở chiến trường miền Tây Nam bộ (huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang), chưa hoàn thành kịp bản giao hưởng "Cửu Long" của mình.

tọa lạc thị trấn Cái Bè, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Năm 2003, rạp được cải tạo thành Trung tâm thương mại thị trấn Cái Bè.

3.Rạp Thiên Hộ Dương

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Rạp hát) + Chức vụ dưới thời nhà Nguyễn (Thiên hộ) + Tên người (Võ Duy Dương).

Võ Duy Dương sinh năm 1827 tại thôn Cù Lâm Nam, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định (nay là thôn Nam Tương, xã Nhơn Tân, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định) trong một gia đình nông dân nghèo, cần cù; nhưng hiếu học.

Thuở thiếu thời, ông rất chăm học, có sức khỏe hơn người và tinh thông võ nghệ, được mọi người gọi là "Ngũ linh Dương", bởi vì cùng một lúc, ông cử nổi năm quả tạ (người Bình Định gọi quả tạ là "linh"), mỗi quả nặng 60 cân ta. Trong khoảng năm 1857 - 1858, ông chiêu mộ dân nghèo vào khai hoang lập ấp ở vùng Ba Giồng thuộc tỉnh Định Tường (nay là tỉnh Tiền Giang), góp phần quan trọng trong việc phát triển kinh tế, xã hội và ổn định đời sống dân cư ở khu vực này.

Tháng 02-1859, thực dân Pháp chiếm thành Gia Định. Trước cảnh nước mất nhà tan, ông đã cùng với Nguyễn Hữu Huân chiêu tập nghĩa sĩ, phất cờ khởi nghĩa, chống giặc ngoại xâm. Do có những thành tích xuất sắc trong chiến đấu, tháng 5-1859, ông được triều đình phong chức Chánh quản đạo.

Sau đó, ông trở về kinh đô Huế, dâng kế sách chống giặc Pháp lên nhà vua. Lúc bấy giờ, ở Quảng Ngãi có giặc Đá Vách nổi lên làm loạn; quan quân địa phương không tài nào trị được. Biết ông là người dũng trí toàn tài, nên vua Tự Đức giao cho ông nhiệm vụ đánh dẹp; và ông đã hoàn thành mỹ mãn trọng trách được giao phó. Năm 1860, để tưởng thưởng công lao, triều đình đã phong ông chức Chánh thất phẩm Thiên hộ. Tên gọi Thiên hộ Dương có từ đó.

Tháng 5-1861, ông trở lại Ba Giồng chỉ huy cuộc kháng chiến chống Pháp. Tại đây, ông đã chiêu mộ hơn 1000 quân nghĩa dũng, nên được triều đình phong chức Quản cơ vào tháng 9-1861, cùng lúc với Trương Định. Nhận thấy Ba Giồng là nơi đông dân, nhiều của; lại là cửa ngõ đi vào vùng đồng bằng sông Cửu Long; hơn nữa, nhân dân ở đây rất quyết tâm chống giặc; nên ông đã xây dựng nơi đây thành một trung tâm kháng chiến mạnh mẽ, tồn tại đồng thời với trung tâm kháng chiến Tân Hòa (Gò Công) của Trương Định.

Cuộc kháng chiến do ông lãnh đạo đã thu hút được mọi tầng lớp nhân dân tham gia: nông dân, dân binh đồn điền, quan lại, địa chủ, phú hào yêu nước,… Nghĩa quân hoạt động trên một địa bàn rất rộng: từ phía nam sông Vàm Cỏ Tây, dọc theo kênh Bảo Định và sông Tiền, đến tận Cai Lậy và Cái Bè. Đồng thời, ông còn thiết lập mối quan hệ chặt chẽ với các lãnh tụ Trương Định ở Gò Công, Trần Xuân Hòa ở Cai Lậy, Bùi Quang Diệu ở Long An,… nhằm phối hợp trong chiến đấu.

Dưới sự chỉ huy của ông, nghĩa quân đã tiến hành những trận đánh dũng mãnh và thu được những thắng lợi vang dội, điển hình là trận tấn công đồn Bourdais (04-9-1861), trận Cái Thia (14-10-1861), trận Cai Lậy (15-10-1861), trận Kỳ Hôn (22-10-1861), trận Rạch Gầm (tháng 11- 1861),… Bên cạnh đó, nghĩa quân còn đẩy mạnh công tác diệt ác trừ gian, như ngày 17-10-1861, nghĩa quân đột nhập vào đồn Cai Lậy, diệt 1 tên đội; trong các ngày 22, 23, 24-11-1861, nghĩa quân len lõi vào vùng địch tạm chiếm, diệt các tên xã trưởng của các xã Mỹ Quý, Trung Lương, Tân Lý, Mỹ An,…

Trước tình hình đó, thực dân Pháp tập trung lực lượng đàn áp cuộc khởi nghĩa. Để bảo toàn lực lượng, cuối năm 1864, ông rút quân vào Đồng Tháp Mười, xây dựng căn cứ mới, tiếp tục cuộc kháng chiến chống Pháp.

Tại đây, dưới sự chỉ huy của ông, nghĩa quân đã thực hiện chiến thuật du kích, đánh vào các đồn nhỏ và những toán quân tuần tiểu của địch, khiến bọn chúng đối phó vô cùng vất vã. Đến giữa năm 1865, lực lượng được hồi phục, ông ra lệnh cho nghĩa quân đánh kỳ tập vào các vị trí quân sự trọng yếu của địch, gây cho quân Pháp những thiệt hại nặng nề, tiêu biểu là hai trận tấn công đồn Mỹ Trà vào tháng 7 và cuối năm 1865, trận Cái Nứa vào tháng 3-1866.

Lo sợ ảnh hưởng ngày càng tỏa rộng của nghĩa quân, tháng 4-1866, thực dân Pháp huy động 1.000 quân thiện chiến mở cuộc tấn công đại quy mô vào căn cứ Đồng Tháp Mười. Nghĩa quân đã anh dũng chống trả. Cuộc chiến đấu không cân sức diễn ra rất ác liệt. Do sức giặc quá mạnh, ông buộc phải rút quân lên vùng Đức Hòa (Long An) để liên minh với nghĩa quân Trương Quyền và nghĩa quân Campuchia do Pukombô lãnh đạo nhằm tiếp tục chống giặc Pháp xâm lược. Tháng 10-1866, Võ Duy Dương đi đường biển ra Bình Thuận nhằm vận động các tỉnh nam Trung kỳ giúp đỡ tiền bạc, lương thực, vũ khí cho các cuộc kháng chiến của nhân dân Nam kỳ. Nhưng không may, khi đến cửa biển Thần Mẫu (nay thuộc Cần Giờ, thành phố Hồ Chí Minh), ông bị bọn cướp biển giết hại, để lại bao niềm thương tiếc cho nhân dân và nghĩa sĩ.

Để tưởng nhớ Võ Duy Dương, tại Gò Tháp (xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp), người dân đã lập đền thờ ông cùng với Phó tướng Nguyễn Tấn Kiều (Đốc binh Kiều). Đây là một trong những di tích nằm trong cụm Di tích quốc gia đặc biệt Gò Tháp (được công nhận năm 2012). Tại nơi ông sinh ra (xã Nhơn Tân, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định), năm 1997, dòng họ đã góp tiền xây dựng đền thờ và hàng năm tổ chức tế lễ. Năm 2007, Hội Khoa học lịch sử Việt Nam trao tặng cho đền thờ Võ Duy Dương tại xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn một tượng đồng phác họa chân dung ông.

Tại đền thờ ông và Nguyễn Tấn Kiều (Đốc binh Kiều) ở Gò Tháp có câu đối:

Sử sách sáng chói danh Thiên Hộ

Bia miệng lưu truyền tiếng Đốc binh.

Ở đây cũng còn lưu truyền câu ca dao:

Chiều chiều mây giục gió vần

Cảm thương Thiên Hộ xả thân cứu đời!

Ngày 14 tháng 11 âm lịch hàng năm là ngày giỗ chung hai ông. Chức vụ và tên của ông được đặt tên trường trung học phổ thông, chợ, rạp hát ở xã Hậu Mỹ Bắc A, huyện Cái Bè; tên trường tiểu học và tên đường ở TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Ngoài ra, nhiều địa phương trên cả nước cũng có tên đường, tên trường học mang tên Võ Duy Dương hay Thiên hộ Dương.

Rạp Thiên Hộ Dương được xây dựng vào đầu thập niên 1980, có 500 chỗ ngồi, là rạp chiếu phim và biểu diễn nghệ thuật cải lương, văn nghệ quần chúng, tọa lạc xã Hậu Mỹ Bắc A, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Từ giữa thập niên 1990, rạp tạm dừng hoạt động.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên chợ:**

*** Chợ**

- Theo Hoàng Phê trong *Từ điển Tiếng Việt*, "Chợ là nơi công cộng, để đông người đến mua và bán trong những buổi, ngày nhất định"[21].

- *Từ điển Bách khoa Việt Nam* ghi: "Chợ là nơi gặp nhau giữa nơi cung và cầu các hàng hóa, dịch vụ, vốn; là nơi tập trung mua bán hàng hóa giữa người sản xuất, người mua bán và người tiêu dùng"[22].

- Trong quyển *Gốc và Nghĩa của Từ Việt thông dụng*, Vũ Xuân Phái định nghĩa: "Chợ là nơi tụ họp buôn bán"; "chợ búa là nơi tụ họp bày bán hàng hóa, để buôn bán trong làng, xóm (thời xưa) hay cái chợ là nơi quy định mua bán"[23].

- Theo Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, "Chợ là loại hình kinh doanh thương mại được hình thành và phát triển mang tính truyền thống, được tổ chức tại một địa điểm theo quy hoạch, đáp ứng nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hoá và nhu cầu tiêu dùng của khu vực dân cư"[24].

---

[21] Hoàng Phê (2000), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng, tr.165.

[22] *Từ điển Bách khoa Việt Nam (2003),* NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội, tr.22.

[23] Vũ Xuân Phái *(2009)*, *Gốc và Nghĩa của Từ Việt thông dụng,* NXB Trẻ, tr.162.

[24] Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1.

*** Chợ đầu mối**

Theo Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, "Chợ đầu mối: là chợ có vai trò chủ yếu thu hút, tập trung lượng hàng hóa lớn từ các nguồn sản xuất, kinh doanh của khu vực kinh tế hoặc của ngành hàng để tiếp tục phân phối tới các chợ và các kênh lưu thông khác"[25].

**** Phân loại chợ***

Tùy vào mục đích và tiêu chí, người ta phân loại chợ theo nhiều cách khác nhau: Phân loại chợ theo điều kiện môi sinh; Phân loại chợ theo số lượng hộ kinh doanh, vị trí và mặt bằng của chợ (theo quy mô: chợ loại I, chợ loại II và chợ loại III); Phân loại chợ theo tính chất mua bán (chợ bán buôn và chợ bán lẻ); Phân loại chợ theo đặc điểm mặt hàng kinh doanh (chợ tổng hợp và chợ chuyêndoanh); Theo địa giới hành chính (chợ đô thị và chợ nông thôn); Phân loại theo tính chất và quy mô xây dựng (chợ kiên cố, chợ bán kiên cố, chợ tạm).

- Trong công trình nghiên cứu "Chợ nổi đồng bằng sông Cửu Long từ góc nhìn văn hóa học", Đặng Thị Hạnh đã lập bảng phân loại chợ như sau[26]:

STT	TIÊU CHÍ PHÂN LOẠI	LOẠI HÌNH CHỢ
1	Theo thời gian họp chợ	- Chợ sáng - Chợ hôm - Chợ chiều - Chợ đêm - Chợ phiên
2	Theo lịch sử	- Chợ truyền thống - Chợ hiện đại (siêu thị)
3	Theo khu vực địa lý	- Chợ quê - Chợ ven đô - Chợ đô thị

[25] Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1.

[26] Đặng Thị Hạnh (2012), *Chợ nổi đồng bằng sông Cửu Long từ góc nhìn văn hóa học,* Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh, tr.41.

		- Chợ đồng bằng - Chợ miền núi
4	Theo quy mô hành chánh	- Chợ làng - Chợ xã (liên làng) - Chợ huyện (liên xã) - Chợ thị trấn - Chợ thị xã
5	Theo tính chất, quy mô trao đổi hàng hóa	- Chợ đầu mối - Chợ bán lẻ - Chợ chuyên doanh - Chợ tổng hợp
6	Theo loại hình hàng hóa bán chủ yếu tại chợ	- Chợ vải - Chợ trâu - Chợ trái cây - Chợ hải sản
7	Theo quy mô xây dựng	- Chợ kiên cố - Chợ bán kiên cố - Chợ tạm

- Trong quyển *Chợ quê trong quá trình biến đổi*, Lê Thị Mai đã phân chia chợ ra thành nhiều loại hình khác nhau, với những tiêu chí khác nhau như sau[27]:

+ Thời gian hợp chợ có: Chợ sáng, chợ hôm, chợ chiều, chợ đêm, chợ phiên

+ Theo khu vực, địa vực có: chợ quê, chợ đô thị, chợ ven đô, chợ đồng bằng, chợ trung du, chợ miền biển…

+ Theo quy mô hành chánh có: Chợ làng, chợ xã (liên làng), chợ huyện (liên xã), chợ thị trấn, chợ thị xã,...

+ Theo tính chất, quy mô trao đổi hàng hóa có: Chợ đầu mối, chợ bán lẻ,

[27] Lê Thị Mai (2004), *Chợ quê trong quá trình chuyển đổi*, NXB Thế Giới, tr.41.

chợ chuyên doanh, chợ tổng hợp,…

+ Theo loại hình hàng hóa bán tại chợ có: chợ vải, chợ trâu, chợ lụa, chợ trái cây, chợ nông sản,…

Trong đề tài này, nhóm tác giả chọn cách phân loại chợ theo Nghị định 02/2003/NĐ - CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ[28]:

- *Chợ loại 1:* Là chợ có trên 400 điểm kinh doanh chợ, được đầu tư xây dựng kiên cố, hiện đại theo quy hoạch; được đặt ở các vị trí trung tâm kinh tế thương mại quan trọng của tỉnh, thành phố hoặc là chợ đầu mối của ngành hàng, của khu vực kinh tế và được tổ chức họp thường xuyên; có mặt bằng phạm vi chợ phù hợp với quy mô hoạt động của chợ và tổ chức đầy đủ các dịch vụ tại chợ: trông giữ xe, bốc xếp hàng hóa, kho bảo quản hàng hóa, dịch vụ đo lường, dịch vụ kiểm tra chất lượng hàng hóa, vệ sinh an toàn thực phẩm và các dịch vụ khác.

- *Chợ loại 2:* Là chợ có trên 200 điểm kinh doanh, được đầu tư xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố theo quy hoạch; được đặt ở trung tâm giao lưu kinh tế của khu vực và được tổ chức họp thường xuyên hay không thường xuyên; có mặt bằng phạm vi chợ phù hợp với quy mô hoạt động chợ và tổ chức các dịch vụ tối thiểu tại chợ: trông giữ xe, bốc xếp hàng hóa, kho bảo quản hàng hóa, dịch vụ đo lường.

- *Chợ loại 3:* Là các chợ có dưới 200 điểm kinh doanh hoặc các chợ chưa được đầu tư xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố. Chủ yếu phục vụ nhu cầu mua bán hàng hóa của nhân dân trong xã, phường và địa bàn phụ cận.

*** Quy mô chợ**

Theo Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, có chợ kiên cố và chợ bán kiên cố[29]:

- Chợ kiên cố: là chợ được xây dựng bảo đảm có thời gian sử dụng trên 10 năm.

- Chợ bán kiên cố: là chợ được xây dựng bảo đảm có thời gian sử dụng từ 5 đến 10 năm.

1. Chợ An Bình

[28] Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1.

[29] Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh Hán Việt (An: 安: Bình an, an toàn, yên ổn; Bình: 平: Hoà bình, bình đẳng).

Chợ loại 3, ở xã An Cư, huyện Cái Bè, diện tích 1.193 m², có 20 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

2. Chợ An Hữu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã An Hữu).

Chợ loại 2, ở xã An Hữu, huyện Cái Bè, diện tích 1900 m², có 429 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, quần áo, giày dép, kim khí điện máy, nữ trang, nông cụ, tạp hóa,…

3. Chợ An Thái

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh Hán Việt (An: 安: Bình an, an toàn, yên ổn; Thái: 泰: bình yên.

Chợ loại 3, ở xã An Cư, huyện Cái Bè, diện tích 1.039 m², có 79 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, quần áo, giày dép, tạp hóa,…

4. Chợ An Thái Trung

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã An Thái Trung).

Chợ loại 3, ở xã An Thái Trung, huyện Cái Bè, diện tích 1.200 m², có 15 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

5. Chợ Ấp Bình

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (Ấp Bình).

Chợ loại 3, ở xã Hòa Hưng, huyện Cái Bè, diện tích 2.100 m², có 15 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

6. Chợ Cà Dăm

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Thực vật (Cà Dăm: là cây gỗ cao 10-20m; vỏ cây được dùng làm thuốc, hỗ trợ điều trị đau nhức xương khớp, phong tê thấp).

Chợ loại 3, ở xã Hậu Mỹ Phú, huyện Cái Bè, diện tích 1.500 m², có 36 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, tạp hóa,…

7. Chợ Cái Bè

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (huyện Cái Bè/thị trấn Cái Bè).

Chợ Cái Bè là một ngôi chợ nổi tiếng từ đầu thế thế kỷ XIX. Theo quyển *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức, rạch Cái Bè còn có tên là "sông An Bình ở địa phận hai thôn An Bình Đông và An Bình Tây, huyện Kiến Đăng, cách phía tây trấn Định Tường 67 dặm rưỡi. Đi vào sông độ một dặm thì có chợ, quán xá trù mật, nhiều nhà phú hộ chất chứa hột cau để chở bán cho người buôn ở Sài Gòn. Lại chế tạo nhiều láng ghe (tức là ghe lồng ghép ván, lớn mà dài, trên đậy cái mui dài từ đầu đến cuối ghe, dưới làm kho, trong chứa bông vải, vỏ cây, cá khô và những thổ sản thô tạp, dùng toàn những người thiện nghệ cầm sào đứng trên mui chống ghe đi, gọi là rào ghe) để đi buôn bán ở Cao Miên (Campuchia)[30]".

Chợ loại 2, ở thị trấn Cái Bè, huyện Cái Bè, diện tích 6.200 m², có 354 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, bánh kẹo (nổi tiếng là bánh phồng sữa, cốm,…), quần áo, giày dép, kim khí điện máy, nữ trang, nông cụ, tạp hóa,…

8. Chợ Cái Nứa

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa hình thiên nhiên (Cái: do từ sông Cái gọi tắt, là sông lớn, có nhiều chi lưu đổ vào) + Thực vật (Cây nứa).

Chợ loại 3, ở xã Hậu Thành, huyện Cái Bè, diện tích 2.500 m², có 136 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, quần áo, giày dép, kim khí điện máy, tạp hóa,…

9. Chợ Cái Thia

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa hình thiên nhiên (Cái: do từ sông Cái gọi tắt, là sông lớn, có nhiều chi lưu đổ vào) + Động vật (Cá lia thia).

Chợ loại 3, ở xã Mỹ Đức Đông, huyện Cái Bè, diện tích 2.421 m², có 54 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, tạp hóa,…

10. Chợ Cầu Xéo

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Công trình xây dựng (Cầu) + Vị trí (Xéo). Chợ được xây cất tại cầu Xéo. Chiếc cầu này có vị trị xéo với Quốc lộ 1.

Chợ loại 3, ở xã Hậu Thành, huyện Cái Bè, diện tích 2.500 m², có 80 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, quần áo, giày dép, kim khí điện máy, tạp hóa,…

11. Chợ Chùa Bà

[30] Trịnh Hoài Đức (1998), *Gia Định thành thông chí*, Đỗ Mộng Khương, Nguyễn Ngọc Tỉnh dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, Nxb Giáo Dục, trang 67.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Công trình xây dựng mang yếu tố tôn giáo (Chùa) + Đối tượng thờ tự (Bà Thiên Hậu theo tín ngưỡng người Hoa, gọi tắt là Bà). Chợ được xây cất gần Chùa Bà.

Chợ loại 3, ở xã An Thái Trung, huyện Cái Bè, diện tích 1.300 m², có 35 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, tạp hóa,…

12. Chợ Cổ Cò

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Bộ phận của cơ thể con người hoặc động vật (Cổ) + Động vật (Con cò). Chợ được xây cất ven bờ rạch Cổ Cò, là rạch có hình dáng cong như cổ con cò.

Chợ loại 2, ở xã An Thái Đông, huyện Cái Bè, diện tích 1.500 m², có 287 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, bánh kẹo, quần áo, giày dép, kim khí điện máy, nữ trang, nông cụ, tạp hóa,…

13. Chợ Giồng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa hình tự nhiên (Giồng: âm trại của "vồng", là khoảng đất nổi cao lên giữa nơi bằng phẳng, tương đối rộng, có nhiều cát, thích hợp cho việc trồng các loại cây ăn trái và các loại hoa màu, như khoai, đậu, bắp, thuốc lá,…[31]).

Chợ loại 3, ở xã Mỹ Hội, huyện Cái Bè, diện tích 10.000 m², có 90 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, bánh kẹo, quần áo, giày dép, kim khí điện máy, tạp hóa,…

14. Chợ Hai Hạt

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Số lượng (Hai) + Đơn vị hành chính dưới thời Pháp thuộc (Hạt Tham biện, gọi tắt là Hạt). Vào cuối thế kỷ XIX, chính quyền thực dân Pháp ở Nam Kỳ cho đào một con kênh/kinh từ rạch Cái Bè vào Đồng Tháp Mười. Con kênh/kinh này chạy dọc theo ranh giới giữa hạt tham biện Mỹ Tho (nay là tỉnh Tiền Giang) và hạt tham biện Tân An (nay là tỉnh Long An), nên gọi là kênh/kinh Hai Hạt, Chợ Hai Hạt được xây cất ven bờ kênh/kinh Hai Hạt.

Chợ loại 3, ở xã Hậu Mỹ Bắc B, huyện Cái Bè, diện tích 2.400 m², có 10 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

15. Chợ Hậu Mỹ Trinh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Hậu Mỹ Trinh).

---

[31] Lê Trung Hoa (1991), *Địa danh Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Khoa học xã hội, trang 91.

Chợ loại 3, ở xã Hậu Mỹ Trinh, huyện Cái Bè, diện tích 3.000 m², có 33 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, tạp hóa,…

16. Chợ Hòa Hưng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Hòa Hưng).

Chợ loại 3, ở xã Hòa Hưng, huyện Cái Bè, diện tích 1.000 m², có 20 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, tạp hóa,…

17. Chợ Hòa Khánh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Hòa Khánh).

Chợ loại 2, ở xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè, diện tích 1.500 m², có 310 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, bánh kẹo, quần áo, giày dép, kim khí điện máy, nữ trang, nông cụ, tạp hóa,…

18. Chợ Hòa Lộc

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh Hán Việt (Hoà: 和: Hoà hợp, hoà thuận; Lộc: 祿: Phúc, tốt lành, bổng lộc).

Chợ loại 3, ở xã Hòa Hưng, huyện Cái Bè, diện tích 4.511 m², có 25 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, tạp hóa,… Đặc sản: Xoài cát Hòa Lộc.

19. Chợ Hồng Xi Na

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Tên người (Hồng Xi Na: Theo dân gian, vào thuở xưa, ở khu vực này nhiều kinh rạch nên bà con đi lại rất khó khăn, một người Hoa tên là Hồng Xi Na đã bắc cây cầu cho người dân đi lại, mọi người quen gọi là cầu Hồng Xi Na. Sau này, có chợ cũng được gọi theo tên Hồng Xi Na).

Chợ loại 3, ở xã Thiện Trung, huyện Cái Bè, diện tích 17.098 m², có 67 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, quần áo, giày dép, đồ gia dụng, tạp hóa,…

20. Chợ Hưng Lợi

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh Hán Việt (Hưng: 興: Hưng thịnh; Lợi: 利: Lợi ích).

Chợ loại 3, ở xã Mỹ Lợi B, huyện Cái Bè, diện tích 12.000 m², có 25 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, tạp hóa,…

21. Chợ Kinh Kho

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) Công trình xây dựng (Kho: kho chứa lương thực của đồn điền vào giữa thế kỷ XIX cho nhà Nguyễn lập ra).

Chợ loại 3, ở xã Mỹ Lợi B, huyện Cái Bè, diện tích 5.000 m², có 52 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, quần áo, đồ gia dụng, tạp hóa,…

22. Chợ Kênh/Kinh Cầu Xéo

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Công trình xây dựng (Kênh/Kinh) + Công trình xây dựng (Cầu) + Vị trí (Xéo). Chợ được xây cất tại Cầu Xéo; cầu này bắc qua Kênh/Kinh Xéo.

Chợ loại 3, ở xã Mỹ Hội, huyện Cái Bè, diện tích 9.000 m², có 20 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

23. Chợ Mỹ Đức Tây

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Mỹ Đức Tây).

Chợ loại 3, ở xã Mỹ Đức Tây, huyện Cái Bè, diện tích 11.500 m², có 250 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, bánh kẹo, quần áo, giày dép, kim khí điện máy, nữ trang, nông cụ, tạp hóa,…

24. Chợ Mỹ Lợi A

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Mỹ Lợi A).

Chợ loại 3, ở xã Mỹ Lợi A, huyện Cái Bè, diện tích 11.500 m², có 45 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, tạp hóa,…

25. Chợ Mỹ Lợi B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Mỹ Lợi B).

Chợ loại 3, ở xã Mỹ Lợi B, huyện Cái Bè, diện tích 2.400 m², có 20 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

26 Chợ Mỹ Lương

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Mỹ Lương).

Chợ loại 3, ở xã Mỹ Lương, huyện Cái Bè, diện tích 2.000 m², có 35 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, tạp hóa,…

27. Chợ Mỹ Tân

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Mỹ Tân).

Chợ loại 3, ở xã Mỹ Tân, huyện Cái Bè, diện tích 2.500 m², có 21 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

28. Chợ Mỹ Thiện

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh Hán Việt (Mỹ 美: Tốt, đẹp; Thiện: 善: Thiện, lành).

Chợ loại 3, ở xã Thiện Trí, huyện Cái Bè, diện tích 4.000 m², có 60 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, quần áo, giày dép, đồ gia dụng, tạp hóa,…

29. Chợ Mỹ Trung

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Mỹ Trung).

Chợ loại 3, ở xã Mỹ Trung, huyện Cái Bè, diện tích 1.750 m², có 48 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, đồ gia dụng, tạp hóa,…

30. Chợ Nổi Cái Bè

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Tính chất (Nổi) + Địa danh hành chính (huyện Cái Bè).

Chợ loại 3, nằm trên rạch Cái Bè, thuộc thị trấn Cái Bè, huyện Cái Bè, nơi giáp ranh giữa ba tỉnh Tiền Giang, Vĩnh Long và Bến Tre. Chợ họp trên sông với phương tiện chủ yếu là ghe, thuyền; diện tích 5.000 m², có 100 hộ kinh doanh trái cây, ẩm thực, đồ gia dụng, gia cầm, thủy sản, tạp hóa,…

Tác giả Hoài An viết trong bài *Chợ Nổi Cái Bè* như sau: *"Chợ Nổi Cái Bè nhóm họp trên sông, ghe thuyền đi lại như mắc cửi. Chợ họp suốt cả ngày trên quy mô lớn, có đủ các ghe thuyền từ các miệt vườn xa xôi về đây bán hàng và mua hàng. Chính vì vậy mà Chợ Nổi Cái Bè hàng hóa rất đa dạng và phong phú, từ hàng vải may mặc, đồ gia dụng cho đến heo, gà, vịt, cá, tôm, rắn… và ngay cả đồ ăn thức uống cũng chẳng thiếu"*[32].

31. Chợ Ông Hưng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Giới tính và Tên người (Ông Hưng).

Chợ loại 3, ở xã Mỹ Đức Đông, huyện Cái Bè, diện tích 1.002 m², có 15 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

32. Chợ Ông Vẽ

[32] Hoài An, *Chợ Nổi Cái Bè*, Báo Đồng Tháp Online, ngày 20/1/2015.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Giới tính và Tên người (Ông Vẽ).

Chợ loại 3, ở xã Mỹ Đức Đông, huyện Cái Bè, diện tích 750 m², có 10 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

33. Chợ Tân Thanh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Tân Thanh).

Chợ loại 3, ở xã Tân Thanh, huyện Cái Bè, diện tích 5.200 m², có 106 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, quần áo, giày dép, đồ gia dụng, tạp hóa,…

34. Chợ Thiên Hộ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Chức vụ dưới thời nhà Nguyễn (Thiên hộ). Danh xưng "Thiên hộ" nhằm chỉ Võ Duy Dương được triều đình nhà Nguyễn phong chức Thiên hộ khi ông quy tập dân chúng khai hoang vùng Đồng Tháp Mười vào giữa thế kỷ XIX. Do đó, ông thường được gọi là Thiên hộ Dương. Khi giặc Pháp xâm lược Nam Kỳ, ông lập căn cứ kháng chiến chống thực dân Pháp ở vùng Đồng Tháp Mười từ năm 1862 - 1866.

Chợ loại 2, ở xã Hậu Mỹ Bắc A, huyện Cái Bè, diện tích 19.600 m², có 315 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, quần áo, giày dép, đồ gia dụng, nữ trang, nông cụ, tạp hóa,…

35. Chợ Thiện Trung

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Thiện Trung).

Chợ loại 3, ở xã Thiện Trung, huyện Cái Bè, diện tích 3.058 m², có 10 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, tạp hóa,…

36. Chợ Vàm Xáng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa Việt gốc Khmer (Vàm) + Địa danh Việt gốc Pháp (Xáng: do Chaland đọc trại mà thành, còn gọi là sà lan).

- Vàm: Theo Vương Hồng Sển, Vàm là biến âm từ Khmer "pàm" hoặc "piam" nghĩa là cửa sông"[33]. Theo Lê Trung Hoa, Vàm là tiếng Việt gốc Khmer: piăm, là nơi con rạch đổ ra sông lớn. Piăm có khả năng biến thành vàm; bởi vì, phụ âm tắc môi - môi "p" chuyển thành phụ âm xát môi - răng "v" là hiện tượng phổ biến: Kam**p**ot (một tỉnh ở Campuchia) - Cần **V**ọt (cách đọc của người Việt); còn âm

[33] Vương Hồng Sển (1998), *Tự vị tiếng nói miền Nam*, Nxb Trẻ, trang 476.

chính "ă" chuyển đổi với "a" đã có tiền lệ: hằng (tháng) - hàng (tháng); (đại) bàng – (cánh) bằng,… Do đó, piăm hoàn toàn có thể biến thành vàm[34]).

- Xáng: là chiếc sà lan trên đó có đặt chiếc cần cẩu với những gàu to, hoạt động nhờ động cơ, dùng để múc đất, bùn hay cát để đào kênh/kinh hay nạo vét sông, kênh/kinh, rạch. Dân gian còn gọi là xáng múc. Hiện nay, gọi là tàu cuốc.

Chợ Vàm Xáng là chợ được xây cất tại vàm sông do xáng múc mạo vét.

Chợ loại 3, ở xã Tân Hưng, huyện Cái Bè, diện tích 7.000 m², có 50 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, đồ gia dụng, quần áo, giày dép, tạp hóa,…

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn trường học:**

Trường trung học phổ thông, trường trung học cơ sở - trung học phổ thông:

Trường trung học phổ thông:

1. Trường Trung học phổ thông Cái Bè

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học phổ thông) + Địa danh hành chính (Huyện Cái Bè).

Địa chỉ: Khu III, thị trấn Cái Bè, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.n

Số điện thoại: 02733 824 355.

Trang thông tin điện tử: thptcaibe.tiengiang.edu.vn

Email: c3caibe.tiengiang@moet.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường Trung học Cái Bè được thành lập ngày 12/12/1960 tọa lạc tại địa điểm ở ngã ba sông Tiền hướng mặt ra vàm sông. Năm 1989, trường được dời đến địa điểm hiện tại và được xây mới hoàn toàn.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt tên theo đơn vị hành chính: Huyện Cái Bè

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 17 đảng viên; nam: 09; nữ: 08; Chi ủy: 03; nam: 02; nữ: 01. Ban Giám hiệu: 03; nam: 02; nữ: 01. Công đoàn: 91 công đoàn viên; nam: 45; nữ: 46. Đoàn thanh niên: 1.425; nam: 715 ; nữ: 710.

Tổng số viên chức: 91; nam: 45; nữ: 46. Tổng số giáo viên: 84; nam: 39; nữ: 45. Thạc sĩ: 14; Cử nhân (đại học): 70. Tổng số học sinh: 1840; nam: 736; nữ: 1.104 .

Tổng diện tích: 30.525 m²; diện tích sử dụng: 29.000 m².

---

[34] Lê Trung Hoa (1991), *Địa danh ở thành phố Hồ Chí Minh*. Nxb Khoa học xã hội, trang 120.

Trường có 4 dãy lầu, mỗi dãy có 1 tầng trệt, 1 tầng lầu, Phòng làm việc: 15; Phòng học: 42; Phòng thí nghiệm: 05; Phòng nghe nhìn: 01; Phòng máy tính: 03; Thư viện: 01; Sân chơi: 01; Khu thể thao: 03; Nhà vệ sinh: 06; Các loại hình khác: căn tin, nhà xe.

2. Trường Trung học phổ thông Huỳnh Văn Sâm

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học phổ thông) + Họ và tên danh nhân (Huỳnh Văn Sâm).

Địa chỉ: Đường 875 Khu IV, Thị trấn Cái Bè.

Số điện thoại: 02733824363

Trang thông tin điện tử: thpthuynhvansam.tiengiang.edu.vn

Email: c3huynhvansam.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1990, Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang ra Quyết định thành lập Trường Trung học phổ thông bán công Huỳnh Văn Sâm. Năm 2008, trường chuyển đổi từ loại hình trường bán công thành trường công lập với tên gọi là Trường Trung học phổ thông Huỳnh Văn Sâm.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

HUỲNH VĂN SÂM

(1924 – 1959)

Huỳnh Văn Sâm sinh năm 1924 tại làng Mỹ Hạnh Đông, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Mỹ Hạnh Đông, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang).

Sớm giác ngộ cách mạng, năm 1932, ông làm liên lạc cho Tỉnh ủy Mỹ Tho. Sau đó, ông bị chính quyền thực dân Pháp bắt, giam ở nhà tù Mỹ Tho. Do không đủ chứng cớ buộc tội, địch buộc phải trả tự do cho ông. Ra tù, ông trở về quê nhà và tiếp tục hoạt động cách mạng.

Năm 1940, ông tham gia cuộc khởi nghĩa Nam kỳ tại Cai Lậy. Do địch đàn áp khốc liệt, nên ông phải rời khỏi địa phương, nhưng rồi bị bắt tại Gò Vấp. Tòa án thực dân kết án ông 20 năm tù và đày đi Côn Đảo. Trong tù, ông giữ vững khí tiết của người chiến sĩ cộng sản, kiên quyết không để địch khuất phục.

Sau Cách mạng tháng Tám thành công (1945), ông và toàn thể tù chính trị được Đảng và chính phủ rước về đất liền vào tháng 10-1945. Mặc dù sức khỏe bị sút kém; nhưng ông vẫn hăng hái hoạt động.

Tháng 11-1945, chấp hành sự phân công của Tỉnh ủy Mỹ Tho, ông về Cái Bè thành lập Huyện ủy Lâm thời lần thứ nhất và lần thứ 2 (1946), do ông làm Bí thư. Với cương vị này, ông đã cùng với Huyện ủy lãnh đạo và chỉ đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân huyện Cái Bè trong thời kỳ đầu giành được những thắng lợi to lớn trên nhiều mặt, góp phần vào thắng lợi chung của nhân dân

toàn tỉnh. Năm 1947, ông được rút lên tỉnh, vào Ban Chấp hành Tỉnh ủy Mỹ Tho, là tỉnh ủy viên và công tác liên tục đến Hiệp định Genève (1954).

Sau Hiệp định Genève, ông được cấp trên phân công tập kết ra miền Bắc. Nhưng, với tinh thần nhiệt tình cách mạng, ông xin ở lại miền Nam tiếp tục cuộc chiến đấu chống kẻ thù mới của dân tộc là đế quốc Mỹ. Lúc bấy giờ, địa bàn Cái Bè bị địch đánh phá rất ác liệt. Tuy vậy, ông vẫn kiên cường bám trụ, ra sức xây dựng cơ sở quần chúng và phong trào cách mạng ở địa phương.

Năm 1957, ông được phân công làm Bí thư Huyện ủy Gò Công. Lúc này, ở huyện Gò Công, để thực hiện chiến dịch "tố cộng, diệt cộng", địch huy động các lực lượng bảo an, dân vệ, công an, do thám dùng mọi thủ đoạn thâm độc và xảo quyệt để đánh vào cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân nhằm triệt phá cơ sở cách mạng và tiêu diệt phong trào đấu tranh của nhân dân ta. Trước tình hình đó, với tư cách là Bí thư Huyện ủy, ông đã chỉ đạo cho các chi bộ giáo dục cho cán bộ, đảng viên kiên định lập trường, giữ vững khí tiết cách mạng, tạo niềm tin cho quần chúng và chống lại sự khủng bố, đàn áp của kẻ địch. Bên cạnh đó, ông còn chỉ đạo các xã thành lập các tổ tự vệ nhằm tiến hành các hoạt động trừng trị bọn ác ôn và cảnh cáo bọn gián điệp. Nhờ đó, cơ sở cách mạng trên địa bàn huyện được giữ vững; bọn tề điệp co lại, không còn hung hăng như trước; quần chúng tin tưởng vào cách mạng; tạo điều kiện cho phong trào tiến lên. Đầu năm 1959, ông là Trưởng ban Tuyên huấn Tỉnh ủy Mỹ Tho.

Giữa năm 1959, sức khỏe của ông bị hao mòn dần do hậu quả của những năm tháng bị tù đày dưới chế độ thực dân Pháp và nhất là trong điều kiện sinh sống có quá nhiều khó khăn, gian khổ. Mặc dù được người thân và đồng chí hết lòng chăm sóc, nhưng do bệnh tình quá nặng, ông đã qua đời vào cuối năm 1959. Do có những cống hiến quan trọng trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, ông được Nhà nước truy tặng Huân chương Độc lập. Tên của ông được đặt cho một trường trung học phổ thông ở thị trấn Cái Bè (Tiền Giang).

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 18 đảng viên; nam: 10; nữ: 8; Chi ủy: 4; nam: 3; Nữ: 01. Ban giám hiệu: 03; nam: 01, nữ: 02. Công đoàn: 73 công đoàn viên; nam: 37; nữ: 36. Đoàn thanh niên: 725 đoàn viên; nam: 315 ; nữ: 410.

Tổng số viên chức: 69; nam: 34; nữ: 35. Tổng số giáo viên: 65; nam: 32; nữ: 33. Thạc sĩ: 17; Cử nhân (đại học): 50; Cử nhân (Cao đẳng): 02. Tổng số học sinh: 1.418; nam: 724; nữ: 694.

Tổng diện tích: 10.000 m²; diện tích sử dụng: 2.500 m².

Trường có 02 nhà trệt, 02 dãy lầu, mỗi dãy có 02 tầng; Phòng làm việc: 06; Phòng học: 23; Phòng thí nghiệm: 02 ; Phòng nghe nhìn: 02; Phòng máy tính: 02; Thư viện: 01 ; Sân chơi: 01; Khu thể thao: 01; Nhà vệ sinh: 03 khu. Căn tin: 01; Nhà xe: 02.

3. Trường Trung học phổ thông Lê Thanh Hiền

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học phổ thông) + Họ và tên danh nhân (Lê Thanh Hiền).

Địa chỉ: Ấp 1, xã An Hữu, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại : 02733821171

Trang thông tin điện tử **:**http://thptlethanhhien.tiengiang.edu.vn

Email: c3lethanhhien.tiengiang@moet.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường Trung học phổ thông bán công Lê Thanh Hiền, được thành lập năm 1990. Năm 2008, trường chuyển đổi từ loại hình trường bán công thành trường công theo Quyết định số 3470/QĐ-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2008 Ủy ban Nhân dân tỉnh với tên gọi là Trường Trung học phổ thông Lê Thanh Hiền.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

LÊ THANH HIỀN

(1914 – 1969)

Lê Thanh Hiền tên thật là Lê Văn Xồi, bí danh Tư Hiền, sinh năm 1914 tại làng Tân Mỹ, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Thanh Mỹ, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp) trong một gia đình nông dân nghèo có truyền thống đấu tranh chống áp bức, bóc lột.

Năm 1939, ông giác ngộ cách mạng; và năm sau, tham gia cuộc khởi nghĩa Nam kỳ ở Cái Bè. Cuộc khởi nghĩa bị thực dân Pháp đàn áp đẫm máu, ông phải tạm ngưng hoạt động.

Giữa năm 1945, ông tham gia lực lượng Thanh niên tiền phong; và cùng với nhân dân nổi dậy giành chính quyền ở xã Tân Mỹ vào cuối tháng 8-1945. Đầu năm 1946, ông giữ chức Trưởng Công an xã, rồi Bí thư Đảng ủy xã kiêm Chính trị viên Xã đội. Ở cương vị nào, ông cũng đều hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Phong trào cách mạng ở xã Tân Mỹ, do ông trực tiếp lãnh đạo và chỉ đạo, phát

triển mạnh mẽ về mọi mặt, góp phần quan trọng vào việc thúc đẩy phong trào cách mạng của huyện và tỉnh tiến lên.

Sau hiệp định Genève (7-1954), ông được tổ chức phân công ở lại miền Nam hoạt động. Năm 1955, ông được cấp trên phân công làm Phó Bí thư Huyện ủy Cái Bè. Tháng 7-1956, ông chỉ huy cuộc biểu tình đông đến 2.000 người đòi địch thi hành hiệp định Genève và các quyền dân sinh, dân chủ.

Giữa năm 1957, ông hoàn thành việc xây dựng căn cứ của Tỉnh ủy Mỹ Tho tại Cái Bè theo yêu cầu của cấp trên trong điều kiện địch liên tục ruồng bố. Đầu năm 1958, ông được đề bạt làm Bí thư Huyện ủy Cái Bè. Lúc này, địch đang tăng cường lực lượng, đánh phá phong trào cách mạng ở địa phương hết sức ác liệt. Tuy vậy, ông vẫn bám chặt địa bàn, xúc tiến việc củng cố Huyện ủy và lãnh đạo nhân dân đấu tranh chống các chính sách "tố cộng", "diệt cộng", lập "khu trù mật", "cải cách điền địa",… của địch.

Năm 1960, trong cao trào "Đồng khởi" của toàn miền Nam, ông là người đề ra kế hoạch và trực tiếp chỉ đạo cuộc nổi dậy mạnh mẽ của nhân dân huyện Cái Bè; tiêu biểu là cuộc biểu tình đông đến 15.000 người tại Ngả sáu Mỹ Trung tháng 7-1960 và cuộc bức rút, giải phóng Khu trù mật Hậu Mỹ tháng 2-1961. Tháng 3-1961, ông được bầu làm Chủ tịch Mặt trận Dân tộc Giải phóng huyện Cái Bè.

Đến cuối năm 1961, đầu năm 1962, do phong trào cách mạng ở huyện Cái Bè đã phát triển mạnh và đều khắp; nên Tỉnh ủy Mỹ Tho đã điều ông đến huyện Hòa Đồng (nay là huyện Gò Công Tây) giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy kiêm Tỉnh ủy viên Tỉnh ủy Mỹ Tho. Đây là nhiệm vụ rất khó khăn, vì huyện này hầu như bị địch bình định trắng, cơ sở Đảng, đoàn thể, phong trào bị địch đánh phá vô cùng ác liệt. Tuy vậy, với bản lĩnh của một cán bộ lãnh đạo đầy tài năng và dày dạn kinh nghiệm, ông đã nhanh chóng gầy dựng lại cơ sở và đưa phong trào đấu trang cách mạng ở địa phương phát triển vững chắc.

Từ năm 1962 - 1963, với vai trò là Bí thư Huyện ủy, ông và tập thể Huyện ủy đã lãnh chỉ đạo quân dân Hòa Đồng kiên quyết đánh bại âm mưu bình định, gom dân, lập ấp chiến lược của địch.

Trên cơ sở những thắng lợi đã đạt được, thay mặt Huyện ủy, ông chỉ đạo cho các xã xây dựng các xã, ấp chiến đấu. Đến tháng 12-1963, huyện có 16/16 xã chiến đấu, trong đó có 87/120 ấp chiến đấu. Từ đó, vùng giải phóng ngày càng được mở rộng. Chính vì vậy, tại Hội nghị tổng kết phong trào du kích chiến tranh toàn tỉnh Mỹ Tho được tổ chức vào cuối năm 1963, huyện Hòa Đồng được tuyên dương là địa phương có thành tích xuất sắc trong công tác đánh phá ấp chiến lược.

Cũng trong tháng 12-1963, ông được điều động về tỉnh, làm Phó Ban Dân vận Tỉnh ủy. Tháng 02-1964, ông được đề bạt làm Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy phụ trách công tác dân vận kiêm Chủ tịch Mặt trận dân tộc giải phóng tỉnh Mỹ Tho. Là người lãnh đạo công tác dân vận và Mặt trận, ông luôn theo sát cơ sở và quần

chúng nhân dân để tìm hiểu tình hình thực tế và đề ra kế hoạch chỉ đạo sâu sát với từng địa phương, từng công việc cụ thể.

Ngày 22-7-1969, ông anh dũng đền nợ nước trên đường đi công tác từ Mỹ Thiện đến Hậu Mỹ (huyện Cái Bè). Là một cán bộ cách mạng trung kiên, năng động, ông luôn vượt qua mọi khó khăn, thử thách, hoàn thành tốt nhiệm vụ do cấp trên tin tưởng giao phó. Tên ông được đặt tên trường trung học phổ thông ở huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 14 đảng viên; Nam: 09, nữ: 05; Chi ủy: 03; nam: 03; nữ: 00. Ban Giám hiệu: 03; nam: 03; nữ: 00. Công đoàn: 76 công đoàn viên, Nam: 35; nữ: 41. Đoàn Thanh Niên: 562 đoàn viên, Nam: 241; Nữ: 321.

Tổng số viên chức: 76 ; Nam: 35; Nữ: 41. Tổng số Giáo viên: 65; Nam: 30; Nữ: 35. Thạc sĩ: 14 ; Cử nhân (Đại học): 57 ; Cử nhân (Cao đẳng): 01; Trình độ khác: 03.

Tổng số học sinh: 1.474; Nam: 763; Nữ: 711.

Tổng diện tích: 6.773 m^2 ; diện tích sử dụng: 6.773 m^2 .

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 03 tầng, Phòng làm việc: 10 ; Phòng học: 30; Phòng thí nghiệm: 04; Phòng nghe nhìn: 02; Phòng máy tính: 02; Thư viện: 01; Sân chơi: 02; Khu thể thao: 01 nhà đa năng; Nhà vệ sinh: 06; Căn tin, nhà xe.

4. Trường Trung học Phổ thông Phạm Thành Trung

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học phổ thông) + Họ và tên danh nhân (Phạm Thành Trung).

Địa chỉ: Ấp 2, xã An Thái Trung, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0733817436.

Trang thông tin điện tử:

Email: c3phamthanhtrung.tiengiang@moet.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường Tiểu học An Hữu. Năm 1962, đổi tên thành Trường Trung Tiểu học An Hữu. Năm 1966, đổi tên thành Trường Trung học Giáo Đức. Sau năm 1975, hợp nhất ba trường: Trung học Giáo Đức, Trung học tư thục Nguyễn Huệ và Trung học Nông Lâm Súc thành Trường Phổ thông cấp 2-3 An Hữu. Năm 1977, tách cấp 2 (trung học cơ sở) ra khỏi cấp 3 (trung học phổ thông) thành Trường Phổ thông trung học An Hữu. Năm 1990, sáp nhập cấp 2 (trung học cơ sở) vào Trường Phổ thông trung học An Hữu thành Trường Trung học phổ thông An Hữu. Năm 2003, lại một lần nữa tách cấp 2 (trung học cơ sở) ra khỏi cấp 3 (trung học phổ thông), cấp 3 (trung học phổ thông) dời về cơ sở mới tại Ấp 2, xã An Thái Trung, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang và đổi tên thành Trường Trung học phổ thông Phạm Thành Trung theo Quyết định số 3657/QĐ-UB ngày 25 tháng 9

năm 2003 của ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

PHẠM THÀNH TRUNG

(1922 – 1961)

Phạm Thành Trung, tên khai sinh là Phạm Văn Đua, sinh năm 1922 tại làng Mỹ Thiện, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Thiện Trung, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân có truyền thống yêu nước.

Ông tham gia cách mạng trước tháng 8-1945. Khi Pháp đánh chiếm lại Cái Bè, đóng đồn tới xã Mỹ Thiện (10-1945), ông gia nhập lực lượng tự vệ xã Mỹ Thiện rồi lên Quốc vệ đội (địa phương quân huyện). Năm 1946, được kết nạp vào Đảng. Từ năm 1947-1952, ông được tăng cường cho xã, với nhiệm vụ: Xã đội trưởng, Trưởng Công an xã, Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính xã Mỹ Thiện. Giữa năm 1952, với cương vị là Huyện ủy viên huyện Cái Bè, Chính trị viên phó Huyện đội, ông đã cùng với Huyện ủy lãnh đạo phong trào chiến tranh du kích ở huyện Cái Bè phát triển mạnh mẽ, góp phần vào thắng lợi chung của dân tộc trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Sau Hiệp định Genève (7-1954), ông được bố trí ở lại miền Nam, là Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Cái Bè. Tháng 01-1955, ông là Bí thư Huyện ủy Cái Bè, đến tháng 5-1958 được bổ sung là Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Cái Bè. Với trọng trách này, ông đã bám sát cơ sở và địa bàn, chỉ đạo phong trào đấu tranh của nhân dân trong tình hình mới đầy khó khăn và thử thách. Nhờ thế, phong trào cách mạng ở Cái Bè được giữ vững trước sự khủng bố khốc liệt của chính quyền Sài Gòn.

Tối ngày 29-7-1958, trên đường đi công tác xã Hậu Mỹ lên xã Mỹ Đức Tây, ông đã bị địch phục kích bắt đưa về giam tại An Hữu (quận Giáo Đức, nay thuộc huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang), sau đó đưa về quận Cái Bè giam và tra tấn suốt 15 ngày đêm nhưng không khai thác được gì. Sau đó, ông bị giải về trại giam Mỹ Tho. Tại đây, ông tiếp tục bị tra tấn và giam cầm 5 tháng. Trong thời gian bị giam cầm, ông đã cùng tập thể tù chính trị đấu tranh không thực hiện nội quy của nhà tù, không tố cộng, không chào cờ chính quyền Sài Gòn, không tuyên bố ủng hộ chế độ Ngô Đình Diệm. Tháng 3-1959, ông bị đưa về Tổng nha cảnh sát ở Sài Gòn. Tại đây, ông vẫn bị hành hạ cực hình; rồi đưa sang nhà lao Phú Lợi. Lúc này, sức khỏe của ông rất yếu do bị địch tra tấn, làm hư một con mắt, tai bị điếc.

Ngày 01-7-1959, ông bị địch đưa ra Côn Đảo giam cầm. Ở chốn "địa ngục trần gian" này, ông bị giam ở Lao I (trại I, trại Cộng sản - đây là nơi giam giữ tù chính trị câu lưu đấu tranh chống ly khai Đảng Cộng sản) và được Đảng ủy Nhà lao phân công nằm trong Ban Lãnh đạo đấu tranh chống "ly khai". Ở trong Lao I,

ông là hạt nhân đoàn kết nội bộ, được tổ chức và tập thể tin yêu, vì ông luôn thể hiện là một cán bộ gương mẫu, lúc nào cũng tỏ ra xứng đáng là người lãnh đạo, chỉ huy mặt trận chống ly khai, từ đó, động viên được tinh thần của đồng chí, đồng đội, làm tăng thêm sức mạnh "đoàn kết và dũng cảm" đấu tranh với bọn ác ôn.

Trước thủ đoạn vừa tra trấn dã man vừa dụ dỗ, mua chuộc, ông vẫn giữ vững khí tiết của người chiến sĩ cộng sản, một mực trung thành với lý tưởng cách mạng. Trong khuôn khổ của cái gọi là chiến dịch Bác Ái II, sáng ngày 27-3-1961, bọn địch ở Côn Đảo buộc ông và các tù chính trị ở Lao I phải tự viết bản xác nhận lý do không "ly khai". Trước sự o ép, đe dọa của địch, ông đã dũng cảm viết bản xác định lập trường của mình như sau:

"Côn Sơn, ngày 27/3/1961. Tôi ký tên dưới đây là Phạm Thành Trung, 39 tuổi, sanh quán tại làng Mỹ Thiện, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho. Làm giấy xác định lập trường như sau: Tôi không thể ly khai Bác và Đảng Cộng sản được. Tôi không biết quốc gia là gì, vì vậy mà tôi không ly khai".

Không lung lay được ý chí của người đảng viên cộng sản kiên trung, bất khuất, vào buổi tối cùng ngày, ông bị bọn cai ngục đánh đập cho đến chết. Ông đã anh dũng hy sinh khi vừa 39 tuổi. Ông đã để lại cho hậu thế một tấm gương sáng ngời về chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam. Ông đã được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Nhất, Huân chương Độc lập hạng Nhì. Ngày 9-10-2014, ông được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Tên hoạt động của ông được đặt tên trường trung học phổ thông ở huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 25 đảng viên; nam: 14, nữ: 11; Chi ủy 05; nam 04; nữ 01. Ban Giám hiệu: 03; nam: 03, nữ: 00. Công đoàn: 94 công đoàn viên; nam: 48; nữ 46. Đoàn thanh niên: 990 đoàn viên; nam: 427; nữ: 553.

Tổng số viên chức: 94; nam: 48; nữ 46. Tổng số giáo viên: 81; nam: 43; nữ: 38. Thạc sĩ: 22 ; Cử nhân (Đại học): 59.

Tổng số học sinh: 1.866; nam: 765; nữ: 1.101.

Tổng diện tích: 18.364,6m^2; diện tích sử dụng: 18.364,6 m^2

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy 01 tầng trệt, 02 tầng lầu; 02 dãy lầu, mỗi dãy 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; Phòng làm việc: 09; Phòng học: 44; Phòng thí nghiệm: 03; Phòng nghe nhìn: 01; Phòng máy tính: 03; Thư viện: 01; Sân chơi: 03; Khu thể thao: 02; Nhà vệ sinh: 16 phòng; căn tin, nhà xe.

5. Trường Trung học phổ thông Thiên Hộ Dương

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học phổ thông) + Tước và tên danh nhân (Thiên hộ Dương).

Địa chỉ: Ấp Hậu Phú 1, xã Hậu Mỹ Bắc A, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733.822.182.

Trang thông tin điện tử: http://thpt-thienhoduong-tiengiang.edu.vn/

Email: c3thienhoduong.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1985, Trường được thành lập theo Quyết định số 1354/QĐ-UBND ngày 06/11/1985 của Ủy ban Nhân dân huyện Cái Bè. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

THIÊN HỘ DƯƠNG

(1827 - 1866)

Thiên hộ Dương tên thật là Võ Duy Dương sinh năm 1827 tại thôn Cù Lâm Nam, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định (nay là thôn Nam Tương, xã Nhơn Tân, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định) trong một gia đình nông dân nghèo, cần cù; nhưng hiếu học.

Thuở thiếu thời, ông rất chăm học, có sức khỏe hơn người và tinh thông võ nghệ, được mọi người gọi là "Ngũ linh Dương", bởi vì cùng một lúc, ông cử nổi năm quả tạ (người Bình Định gọi quả tạ là "linh"), mỗi quả nặng 60 cân ta. Trong khoảng năm 1857 - 1858, ông chiêu mộ dân nghèo vào khai hoang lập ấp ở vùng Ba Giồng thuộc tỉnh Định Tường (nay là tỉnh Tiền Giang), góp phần quan trọng trong việc phát triển kinh tế, xã hội và ổn định đời sống dân cư ở khu vực này.

Tháng 02-1859, thực dân Pháp chiếm thành Gia Định. Trước cảnh nước mất nhà tan, ông đã cùng với Nguyễn Hữu Huân chiêu tập nghĩa sĩ, phất cờ khởi nghĩa, chống giặc ngoại xâm. Do có những thành tích xuất sắc trong chiến đấu, tháng 5-1859, ông được triều đình phong chức Chánh quản đạo.

Sau đó, ông trở về kinh đô Huế, dâng kế sách chống giặc Pháp lên nhà vua. Lúc bấy giờ, ở Quảng Ngãi có giặc Đá Vách nổi lên làm loạn; quan quân địa phương không tài nào trị được. Biết ông là người dũng trí toàn tài, nên vua Tự Đức giao cho ông nhiệm vụ đánh dẹp; và ông đã hoàn thành mỹ mãn trọng trách được giao phó. Năm 1860, để tưởng thưởng công lao, triều đình đã phong ông chức Chánh thất phẩm Thiên hộ. Tên gọi Thiên hộ Dương có từ đó.

Tháng 5-1861, ông trở lại Ba Giồng chỉ huy cuộc kháng chiến chống Pháp. Tại đây, ông đã chiêu mộ hơn 1000 quân nghĩa dũng, nên được triều đình phong chức Quản cơ vào tháng 9-1861, cùng lúc với Trương Định. Nhận thấy Ba Giồng là nơi đông dân, nhiều của; lại là cửa ngõ đi vào vùng đồng bằng sông Cửu Long; hơn nữa, nhân dân ở đây rất quyết tâm chống giặc; nên ông đã xây dựng nơi đây thành một trung tâm kháng chiến mạnh mẽ, tồn tại đồng thời với trung tâm kháng chiến Tân Hòa (Gò Công) của Trương Định.

Cuộc kháng chiến do ông lãnh đạo đã thu hút được mọi tầng lớp nhân dân tham gia: nông dân, dân binh đồn điền, quan lại, địa chủ, phú hào yêu nước,… Nghĩa quân hoạt động trên một địa bàn rất rộng: từ phía nam sông Vàm Cỏ Tây, dọc theo kênh Bảo Định và sông Tiền, đến tận Cai Lậy và Cái Bè. Đồng thời, ông còn thiết lập mối quan hệ chặt chẽ với các lãnh tụ Trương Định ở Gò Công, Trần Xuân Hòa ở Cai Lậy, Bùi Quang Diệu ở Long An,… nhằm phối hợp trong chiến đấu.

Dưới sự chỉ huy của ông, nghĩa quân đã tiến hành những trận đánh dũng mãnh và thu được những thắng lợi vang dội, điển hình là trận tấn công đồn Bourdais (04-9-1861), trận Cái Thia (14-10-1861), trận Cai Lậy (15-10-1861), trận Kỳ Hôn (22-10-1861), trận Rạch Gầm (tháng 11- 1861),… Bên cạnh đó, nghĩa quân còn đẩy mạnh công tác diệt ác trừ gian, như ngày 17-10-1861, nghĩa quân đột nhập vào đồn Cai Lậy, diệt 1 tên đội; trong các ngày 22, 23, 24-11-1861, nghĩa quân len lõi vào vùng địch tạm chiếm, diệt các tên xã trưởng của các xã Mỹ Quý, Trung Lương, Tân Lý, Mỹ An,…

Trước tình hình đó, thực dân Pháp tập trung lực lượng đàn áp cuộc khởi nghĩa. Để bảo toàn lực lượng, cuối năm 1864, ông rút quân vào Đồng Tháp Mười, xây dựng căn cứ mới, tiếp tục cuộc kháng chiến chống Pháp.

Tại đây, dưới sự chỉ huy của ông, nghĩa quân đã thực hiện chiến thuật du kích, đánh vào các đồn nhỏ và những toán quân tuần tiểu của địch, khiến bọn chúng đối phó vô cùng vất vả. Đến giữa năm 1865, lực lượng được hồi phục, ông ra lệnh cho nghĩa quân đánh kỳ tập vào các vị trí quân sự trọng yếu của địch, gây cho quân Pháp những thiệt hại nặng nề, tiêu biểu là hai trận tấn công đồn Mỹ Trà vào tháng 7 và cuối năm 1865, trận Cái Nứa vào tháng 3-1866.

Lo sợ ảnh hưởng ngày càng tỏa rộng của nghĩa quân, tháng 4-1866, thực dân Pháp huy động 1.000 quân thiện chiến mở cuộc tấn công đại quy mô vào căn cứ Đồng Tháp Mười. Nghĩa quân đã anh dũng chống trả. Cuộc chiến đấu không cân sức diễn ra rất ác liệt. Do sức giặc quá mạnh, ông buộc phải rút quân lên vùng Đức Hòa (Long An) để liên minh với nghĩa quân Trương Quyền và nghĩa quân Campuchia do Pukombô lãnh đạo nhằm tiếp tục chống giặc Pháp xâm lược. Tháng 10-1866, Võ Duy Dương đi đường biển ra Bình Thuận nhằm vận động các tỉnh nam Trung kỳ giúp đỡ tiền bạc, lương thực, vũ khí cho các cuộc kháng chiến của nhân dân Nam kỳ. Nhưng không may, khi đến cửa biển Thần Mẫu (nay thuộc Cần Giờ, thành phố Hồ Chí Minh), ông bị bọn cướp biển giết hại, để lại bao niềm thương tiếc cho nhân dân và nghĩa sĩ.

Để tưởng nhớ Võ Duy Dương, tại Gò Tháp (xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp), người dân đã lập đền thờ ông cùng với Phó tướng Nguyễn Tấn Kiều (Đốc binh Kiều). Đây là một trong những di tích nằm trong cụm Di tích quốc gia đặc biệt Gò Tháp (được công nhận năm 2012). Tại nơi ông sinh ra (xã Nhơn

Tân, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định), năm 1997, dòng họ đã góp tiền xây dựng đền thờ và hàng năm tổ chức tế lễ. Năm 2007, Hội Khoa học lịch sử Việt Nam trao tặng cho đền thờ Võ Duy Dương tại xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn một tượng đồng phác họa chân dung ông.

Tại đền thờ ông và Nguyễn Tấn Kiều (Đốc binh Kiều) ở Gò Tháp có câu đối:

Sử sách sáng chói danh Thiên Hộ

Bia miệng lưu truyền tiếng Đốc binh.

Ở đây cũng còn lưu truyền câu ca dao:

Chiều chiều mây giục gió vần

Cảm thương Thiên Hộ xả thân cứu đời!

Ngày 14 tháng 11 âm lịch hàng năm là ngày giỗ chung hai ông. Tên ông được đặt tên trường trung học phổ thông và chợ ở huyện Cái Bè; tên trường tiểu học và tên đường ở TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Ngoài ra, nhiều địa phương trên cả nước cũng có tên đường mang tên Võ Duy Dương hay Thiên hộ Dương.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 21 đảng viên; nam: 13; nữ: 08; Chi ủy: 05; nam: 03; nữ: 02. Ban Giám hiệu: 01; nam: 01; nữ: 00. Công đoàn: 64 công đoàn viên; nam: 30; nữ: 34. Đoàn thanh niên: 877 đoàn viên; nam: 371; nữ: 506.

Tổng số viên chức: 64; nam: 30; nữ: 34. Tổng số giáo viên: 59; nam: 29; nữ: 30. Thạc sĩ: 12; Cử nhân (đại học): 47; Cử nhân (cao đẳng): 01, Trình độ khác: 04.

Tổng số học sinh: 1.193; nam: 542; nữ: 651.

Tổng diện tích: 23.220,6 m²; diện tích sử dụng: 17.500 m²

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu; Phòng làm việc: 02; Phòng học: 18; Phòng thí nghiệm: 06; Phòng nghe nhìn: 03; Phòng máy tính: 03; Thư viện: 01; Sân chơi: 02; Khu thể thao: 02; Nhà vệ sinh: 03 khu; Căn tin; Nhà xe.

*** Trường Trung học cơ sở - Trung học phổ thông Ngô Văn Nhạc**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở và Trung học phổ thông) + Họ và tên danh nhân (Ngô Văn Nhạc).

Địa chỉ: Ấp Lợi Thuận, xã Mỹ Lợi B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

Số điện thoại: 02733750072

Trang thông tin điện tử:http://thptngovannhac.tiengiang.edu.vn

Email: c23ngovannhac.tiengiang@moet.edu.vn

Trường Trung học cơ sở Mỹ Lợi B được thành lập theo Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 21 tháng 08 năm 2001 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang. Năm 2009, các lớp trung học phổ thông được hình thành và học tại Trường Trung học cơ sở Mỹ Lợi B.

Năm 2012, hợp nhất Trường Trung học cơ sở Mỹ Lợi B và các lớp trung học phổ thông đặt tại trường này thành Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Ngô Văn Nhạc theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2012 của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

NGÔ VĂN NHẠC

(1931 – 1969)

Ngô Văn Nhạc sinh năm 1931 tại làng Mỹ Lợi, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Mỹ Lợi A, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân.

Năm 1959, ông tham gia cách mạng tại quê nhà, làm nhiệm vụ nuôi giấu cán bộ. Năm 1960, ông gia nhập bộ đội. Năm 1964, ông làm trung đội trưởng trung đội địa phương huyện Cái Bè. Trong chiến đấu, ông bị thương hai lần, nên chuyển sang phụ trách Tổ dân quân huyện.

Năm 1965, trên đường đi công tác, ông bị vướng mìn, mất hết một chân và được điều về làm Chính trị viên Xã đội Mỹ Lợi. Tại đây, ông ra sức xây dựng lực lượng du kích xã ngày càng lớn mạnh và phát động trong nhân dân phong trào tự tạo vũ khí từ việc tận dụng bom pháo lép của địch. Từ đó, đội du kích xã đã đánh bại nhiều cuộc hành quân càn quét của địch, tiêu diệt nhiều sinh lực của bọn chúng.

Tháng 5-1968, gia đình ông tình nguyện nhận nuôi dưỡng một thương binh có tên là Nguyễn Văn Đẩu bị mất cả hai chân. Một tháng sau, ông thành lập Tổ du kích thương binh, gồm có ba người: ông, thương binh Nguyễn Văn Đẩu, thương binh Ngô Văn Hồng (con trai của ông, bị hỏng hai mắt), nhằm hỗ trợ nhau trong chiến đấu. Tính đến tháng 2-1969, Tổ du kích đặc biệt này đã đánh hàng chục trận lớn nhỏ, tiêu diệt 85 lính địch. Những chiến công vang dội đó đã làm nức lòng quân dân khắp nơi, có tác dụng thúc đẩy phong trào du kích chiến tranh trên địa bàn toàn huyện và cả tỉnh tiến lên.

Cũng trong năm 1969, trong một trận chống càn ác liệt tại xã nhà, ông đã anh dũng hy sinh. Ngày 10-2-1970, ông được Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam truy tặng Huân chương Quân công giải phóng hạng Ba và danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng. Tên ông được đặt tên đường ở thị trấn Cái Bè; tên trường tiểu học ở xã Mỹ Tân, huyện Cái Bè, tên trường trung học cơ sở và trung học phổ thông ở xã Mỹ Lợi B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 15 đảng viên; nam: 12; nữ: 03 ; Chi ủy: 03; nam: 03 nữ: 00. Ban giám hiệu: 03; nam: 03; nữ: 00. Công đoàn: 50 công đoàn viên; nam: 31; nữ: 19. Đoàn thanh niên: 367 đoàn viên; nam: 172; nữ: 195.

Tổng số viên chức: 50; nam: 31; nữ: 19. Tổng số giáo viên: 44; nam: 29; Nữ: 15. Thạc sĩ: 08; Cử nhân (đại học): 34; Cử nhân (Cao đẳng): 02.

Tổng số học sinh: 986; nam: 466; Nữ: 520.

Tổng số diện tích: 18.799,1 m^2; diện tích sử dụng: 18.799,1 m^2

Trường có 04 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu, Phòng làm việc: 06; Phòng học: 20; Phòng thí nghiệm: 03; Phòng nghe nhìn: 01; Phòng máy tính: 02; Thư viện: 01; Sân chơi: 01; Khu thể thao: 01; Nhà vệ sinh: 02 khu; căn tin, nhà xe.

Trường Trung học cơ sở:

1. Trường Trung học cơ sở An Hữu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã An Hữu).

Địa chỉ: Ấp 1, xã An Hữu, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733821143

Trang thông tin điện tử: http://thcsanhuu.tiengiang.edu.vn

Email: c2anhuucaibe.tiengiang.moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp II An Hữu được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I An Hữu và Trường Phổ thông cấp II An Hữu hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở An Hữu. Sau đó, bộ phận Cấp II của trường được tách ra thành lập Trường Trung học cơ sở An Hữu theo Quyết định số 808/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2002 của Ủy ban Nhân dân huyện Cái Bè.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã An Hữu.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 21 đảng viên; nam: 13; nữ: 08; Chi ủy: 05; nam: 04; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 55 công đoàn viên; nam: 27; nữ: 28. Đoàn thanh niên: 05 đoàn viên; nam: 02; nữ: 03. Đội thiếu niên: 1.110 đội viên; nam: 567; nữ: 543.

Tổng số cán bộ, viên chức: 55; nam: 27; nữ: 28. Tổng số giáo viên: 53; nam: 26; nữ: 27. Thạc sĩ: 04; Cử nhân (đại học): 40; Cử nhân (cao đẳng): 09.

Tổng số học sinh: 1.110; nam: 567; nữ: 543.

Tổng diện tích: 9.101 m^2; diện tích sử dụng: 9.101 m^2.

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu; phòng làm việc: 10; phòng học: 18; phòng thí nghiệm: 03; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 07.

2. Trường Trung học cơ sở Hòa Hưng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Hòa Hưng).

Địa chỉ: Ấp Bình , xã Hòa Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733821407

Email: c2hoahungcaibe.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp II Hòa Hưng được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Hòa Hưng và Trường Phổ thông cấp II Hòa Hưng hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Hòa Hưng. Năm 2001, bộ phận Cấp II của trường được tách ra thành lập Trường Trung học cơ sở Hòa Hưng. Năm 2011, trường được cấp lại Quyết định thành lập theo Quyết định số 15532/QĐ-UB ngày 26 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban Nhân dân huyện Cái Bè.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Hòa Hưng.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 10 đảng viên; nam: 05; nữ: 05; Chi ủy: 03; nam: 02; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 33 công đoàn viên; nam: 18; nữ: 15. Đoàn thanh niên: 47 đoàn viên; nam: 21; nữ: 26. Đội thiếu niên : 516 đội viên; nam: 271; nữ: 245.

Tổng số cán bộ, viên chức: 30; nam: 17; nữ: 13. Tổng số giáo viên: 25 nam: 14; nữ: 11. Cử nhân (đại học): 22; Cử nhân (cao đẳng): 03.

Tổng số học sinh: 563; nam: 292; nữ: 271.

Tổng diện tích: 8.460 m^2 , diện tích sử dụng: 8.460 m^2

Trường có 02 dãy lầu; mỗi dãy có 01 tầng trệt, 03 tầng lầu; phòng làm việc: 10; phòng học: 16; phòng thí nghiệm: 07; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 12.

3. Trường Trung học cơ sở Hòa Khánh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Hòa Khánh).

Địa chỉ: Ấp Hòa Phúc, xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733753507

Trang thông tin điện tử: http://thcshoakhanh.tiengiang.edu.vn

Email: c2hoakhanhcaibe.tiengiang@moet.edu.vn.

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp II Hòa Khánh được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Hòa Khánh và Trường Phổ thông cấp II Hòa Khánh hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Hòa Khánh. Năm 2001, bộ phận Cấp II của trường được tách ra thành lập Trường Trung học cơ sở Hòa Khánh. Năm 2011, trường được cấp lại Quyết định thành lập theo Quyết định số 11515/QĐ-UB ngày 26 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban Nhân dân huyện Cái Bè.

Trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Hòa Khánh.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 14 đảng viên; nam: 09; nữ: 05; Chi ủy: 03; nam: 02; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 48 công đoàn viên; nam: 23; nữ: 25. Đoàn thanh niên: 03 đoàn viên; nam: 02; nữ: 01. Đội thiếu niên: 858 đội viên; nam: 405; nữ: 453.

Tổng số cán bộ, viên chức: 48 ; nam: 23; nữ: 25. Tổng số giáo viên: 45; nam: 22; nữ: 23. Cử nhân (đại học): 40; Cử nhân (cao đẳng): 07; Trung cấp: 01.

Tổng số học sinh: 1.009; nam: 525; nữ: 484.

Tổng diện tích: 13.624,2 m^2; diện tích sử dụng: 13.624,2 m^2

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; phòng làm việc: 07; phòng học: 16; phòng thí nghiệm: 03; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 01 ; khu thể thao: 01 ; khu vệ sinh: 02.

4. Trường Trung học cơ sở Hậu Mỹ Bắc A

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Hậu Mỹ Bắc A).

Địa chỉ: Ấp Hậu Phú 1, xã Hậu Mỹ Bắc A, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

Số điện thoại: 02733 760489

Trang thông tin điện tử: ?

Email: c2haumybacacaibe.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp II Hậu Mỹ Bắc được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Hậu Mỹ Bắc và Trường Phổ thông cấp II Hậu Mỹ Bắc hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Hậu Mỹ Bắc. Năm 1979, xã Hậu Mỹ Bắc tách ra thành hai xã Hậu Mỹ Bắc A và Hậu Mỹ Bắc B. Theo đó, Trường Phổ thông cơ sở Hậu Mỹ Bắc được chia tách thành hai trường là Trường Phổ thông cơ sở Hậu Mỹ Bắc A và Trường Phổ thông cơ sở Hậu Mỹ Bắc B. Năm 1997, bộ phận Cấp II của Trường Phổ thông cơ sở Hậu Mỹ Bắc A được tách ra, thành lập Trường Trung học cơ sở Hậu Mỹ Bắc A. Năm 2009, trường được cấp lại Quyết định thành lập

theo Quyết định số 4531/QĐ-UBND ngày 14 tháng 08 năm 2009 của Ủy ban Nhân dân huyện Cái Bè.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Hậu Mỹ Bắc A.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 17 đảng viên; nam: 09; nữ: 08; Chi ủy: 05; nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 49 công đoàn viên; nam: 24; nữ: 25. Đoàn thanh niên: 116 đoàn viên; nam: 52; nữ: 64. Đội thiếu niên: 859 đội viên; nam: 439; nữ: 420.

Tổng số cán bộ, viên chức: 49; nam: 24; nữ: 25. Tổng số giáo viên: 45; nam: 22; nữ: 23. Thạc sĩ: 02; Cử nhân (đại học): 41; Cử nhân (cao đẳng): 05; Trung cấp: 01.

Tổng số học sinh: 973; nam: 491; nữ: 482.

Tổng diện tích: 14.016 m^2; diện tích sử dụng: 14.016 m^2

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt vào 01 tầng lầu; phòng làm việc: 19; phòng học: 28; phòng thí nghiệm: 04; phòng nghe nhìn: 02; phòng máy tính: 01; thư viện: 03; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; nhà đa năng: 01; khu vệ sinh: 06.

5. Trường Trung học cơ sở Hậu Mỹ Bắc B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Hậu Mỹ Bắc B).

Địa chỉ: ấp Hậu Quới, xã Hậu Mỹ Bắc B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

Số điện thoại:02733.822.367

Trang thông tin điện tử:

Email: c2haumybacbcaibe.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp II Hậu Mỹ Bắc được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Hậu Mỹ Bắc và Trường Phổ thông cấp II Hậu Mỹ Bắc hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Hậu Mỹ Bắc. Năm 1979, xã Hậu Mỹ Bắc tách ra thành hai xã Hậu Mỹ Bắc A và Hậu Mỹ Bắc B. Theo đó, Trường Phổ thông cơ sở Hậu Mỹ Bắc được chia tách thành hai trường là Trường Phổ thông cơ sở Hậu Mỹ Bắc A và Trường Phổ thông cơ sở Hậu Mỹ Bắc B. Năm 1999, bộ phận Cấp II của Trường Phổ thông cơ sở Hậu Mỹ Bắc B được tách ra, thành lập Trường Trung học cơ sở Hậu Mỹ Bắc B theo Quyết định số 342/QĐ-UB ngày 12 tháng 10 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân huyện Cái Bè.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Hậu Mỹ Bắc B.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 20 đảng viên; trong đó nam: 07; nữ:13; Chi ủy: 05; nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 37 công

đoàn viên; nam: 13; nữ: 24. Đoàn thanh niên: 74 đoàn viên; nam: 27; nữ: 47. Đội thiếu niên: 565 đội viên; nam: 287; nữ: 278.

Tổng số cán bộ, viên chức: 37; nam: 13; nữ: 24. Tổng số giáo viên: 32; nam: 11; nữ: 21. Cử nhân (đại học):31; Cử nhân (cao đẳng): 05; Trung cấp: 01.

Tổng số học sinh: 635; nam: 313 ; nữ: 322.

Tổng diện tích: 4.871,5m^2; diện tích sử dụng: 4.871,5m^2

Trường có 03 dãy lầu; 01 dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; 02 dãy có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu; phòng làm việc: 07; phòng học: 16; phòng học bộ môn: 02; phòng thí nghiệm: 03; phòng nghe nhìn: 02; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

6. Trường Trung học cơ sở Hậu Mỹ Trinh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Hậu Mỹ Trinh).

Địa chỉ: Ấp Mỹ Tường B, xã Hậu Mỹ Trinh, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733922244

Trang thông tin điện tử: http://thcshaumytrinh.tiengiang.edu.vn/

Email: c2haumytrinhcaibe.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp II Hậu Mỹ Nam được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Hậu Mỹ Nam và Trường Phổ thông cấp II Hậu Mỹ Nam hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Hậu Mỹ Nam. Năm 1979, xã Hậu Mỹ Nam tách ra thành hai xã Hậu Mỹ Trinh và Hậu Mỹ Phú. Theo đó, Trường Phổ thông cơ sở Hậu Mỹ Nam được chia tách thành hai trường là Trường Phổ thông cơ sở Hậu Mỹ Phú và Trường Phổ thông cơ sở Hậu Mỹ Trinh. Năm 1993, bộ phận Cấp II của Trường Phổ thông cơ sở Hậu Mỹ Trinh được tách ra, thành lập Trường Trung học cơ sở Hậu Mỹ Trinh. Năm 2011, trường được cấp lại Quyết định thành lập theo Quyết định số 11524/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban Nhân dân huyện Cái Bè.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Hậu Mỹ Trinh.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 13 đảng viên; nam: 07; nữ: 06; Chi ủy: 003; nam: 01; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 26 công đoàn viên; nam: 12; nữ: 14. Đoàn thanh niên: 08 đoàn viên; nam: 02; nữ: 06. Đội thiếu niên: 477 đội viên; nam: 257; nữ: 220.

Tổng số cán bộ, viên chức: 26; nam: 12; nữ: 14. Tổng số giáo viên: 21; nam: 10; nữ: 11. Cử nhân (đại học): 20; Cử nhân (cao đẳng): 06.

Tổng số học sinh: 477; nam: 257; nữ: 220.

Tổng diện tích: 6.127 m^2; diện tích sử dụng: 6.127 m^2

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 06; phòng học: 18; phòng thí nghiệm: 01; Phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

7. Trường Trung học cơ sở Hậu Thành

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Hậu Thành).

Địa chỉ: Ấp Hậu Hoa, xã Hậu Thành, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733.922.136

Trang thông tin điện tử:

Email: c2hauthanhcaibe.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp II Hậu Thành được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Hậu Thành và Trường Phổ thông cấp II Hậu Thành hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Hậu Thành. Năm 1993, bộ phận Cấp II của trường được tách ra, thành lập Trường Trung học cơ sở Hậu Thành theo Quyết định số 505/QĐ.UB, ngày 30 tháng 8 năm 1993 của Ủy ban Nhân dân huyện Cái Bè.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Hậu Thành.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 16 đảng viên; nam: 07; nữ: 09; Chi ủy: 03; nam: 02; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 28 công đoàn viên; nam: 13; nữ: 15. Đoàn thanh niên: 02 đoàn viên; nam: 01; nữ: 01. Đội thiếu niên: 455 đội viên; nam: 227 ; nữ: 228.

Tổng số cán bộ, viên chức: 28; nam: 13; nữ: 15. Tổng số giáo viên: 23; nam: 10; nữ: 13. Cử nhân (đại học): 18; Cử nhân (cao đẳng): 05.

Tổng số học sinh: 455; nam: 227 ; nữ: 228.

Tổng diện tích: 5.791 m^2; diện tích sử dụng: 1.306,56 m^2

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; phòng làm việc: 03; phòng học: 12; phòng thí nghiệm: 01; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01 ; khu thế thao: 01; khu vệ sinh: 02.

8. Trường Trung học cơ sở Mỹ Đức Đông

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Mỹ Đức Đông).

Địa chỉ: Ấp Mỹ Quới, xã Mỹ Đức Đông, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273819293

Trang thông tin điện tử: thcsmyducdong.tiengiang.edu.vn

Email: c2myducdongcaibe.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp II Mỹ Đức Đông được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Mỹ Đức Đông và Trường Phổ thông cấp II Mỹ Đức Đông hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Mỹ Đức Đông. Năm 1993, bộ phận Cấp II của trường được tách ra, thành lập Trường Trung học cơ sở Mỹ Đức Đông. Năm 2011, trường được cấp lại quyết định thành lập theo Quyết định số 11527/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban Nhân dân huyện Cái Bè.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Mỹ Đức Đông.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 09 đảng viên; nam: 06; nữ: 03; Chi ủy: 03; nam: 02; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 27 công đoàn viên; nam: 15; nữ: 12. Đoàn thanh niên: 18 đoàn viên; nam: 09; nữ: 09; Đội thiếu niên: 460 đội viên; nam: 221; nữ: 230.

Tổng số cán bộ, viên chức: 27; nam: 15; nữ: 12. Tổng số giáo viên: 21; nam: 13; nữ: 08. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (đại học): 18; Cử nhân (cao đẳng): 08.

Tổng số học sinh: 660; nam: 221; nữ: 239.

Tổng diện tích: 6.015,6 m^2; diện tích sử dụng: 6.015,6 m^2

Trường có 02 dãy lầu; mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 04; phòng học: 16; phòng thí nghiệm: 03; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

9. Trường Trung học cơ sở Mỹ Đức Tây

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Mỹ Đức Tây).

Địa chỉ: Ấp Mỹ Thạnh, xã Mỹ Đức Tây, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733746768

Trang thông tin điện tử: http://thcsmyductay.tiengiang.edu.vn

Email: c2myductaycaibe.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp II Mỹ Đức Tây được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Mỹ Đức Tây và Trường Phổ thông cấp II Mỹ Đức Tây hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Mỹ Đức Tây. Năm 1993, bộ phận Cấp II của trường được tách ra, thành lập Trường Trung học cơ sở Mỹ Đức Tây. Năm 2011, trường được cấp lại quyết định thành lập theo Quyết định số theo Quyết định số 11528/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban Nhân dân huyện Cái Bè. Trường đạt chuẩn Quốc gia.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Mỹ Đức Tây.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 11 đảng viên; nam: 02, nữ: 09; Chi ủy: 03 nam: 01, nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 36 công đoàn viên; nam: 12; nữ: 24. Đoàn thanh niên: 26 đoàn viên; nam: 10; nữ: 16. Đội Thiếu niên: 682 đội viên; nam: 327; nữ: 355.

Tổng số cán bộ, viên chức: 36; 12 nam và 24 nữ. Tổng số giáo viên: 32; trong đó nam: 11; nữ: 21. Cử nhân (đại học): 26; Cử nhân (cao đẳng): 07; Trung cấp: 03.

Tổng số học sinh: 682; nam: 327; nữ: 355.

Tổng diện tích: 8.000 m²; diện tích sử dụng: 5.000 m²

Trường có 02 dãy lầu; mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 08; phòng học: 19; phòng thí nghiệm: 03; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 03.

10. Trường Trung học cơ sở Mỹ Hội

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Mỹ Hội).

Địa chỉ: ấp Mỹ Trung, xã Mỹ Hội, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

Số điện thoại:073.3720045

Trang thông tin điện tử: c2myhoi.caibe

Email:c2hoicucaibe.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp II Hội Cư được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Hội Cư và Trường Phổ thông cấp II Hội Cư hợp nhất, thành lập hai trường là Trường Phổ thông cơ sở I Hội Cư và Trường Phổ thông cơ sở II Hội Cư. Năm 1993, bộ phận Cấp II của Trường Phổ thông cơ sở I Hội Cư được tách ra, thành lập Trường Trung học cơ sở Hội Cư. Năm 2003, xã Hội Cư được tách thành hai xã là An Cư và Mỹ Hội. Năm 2004, trên địa bàn xã Mỹ Hội, Trường Trung học cơ sở Mỹ Hội được thành lập theo Quyết định số 1410/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân huyện Cái Bè.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Mỹ Hội.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 16 đảng viên; nam: 09; nữ: 07; Chi ủy: 03; nam: 03; nữ: 00. Ban giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 36 công đoàn viên; nam: 15; nữ: 21. Đoàn thanh niên: 61 đoàn viên; nam: 21; nữ: 40. Đội thiếu niên: 668 đội viên; nam: 345; nữ: 323.

Tổng số cán bộ, viên chức: 36; nam: 15; nữ: 21. Tổng số giáo viên: 34; nam: 15; nữ: 19. Cử nhân (đại học): 30; Cử nhân (cao đẳng): 05; Trung cấp: 01.

Tổng số học sinh: 729; nam: 366; nữ: 363.

Tổng diện tích: 2.678,4 m^2; diện tích sử dụng: 1.000 m^2

Trường có 01 dãy lầu; gồm 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 03; phòng học: 10; phòng thí nghiệm: 03; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

11. Trường Trung học cơ sở Mỹ Lợi A

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Mỹ Lợi A).

Địa chỉ: Ấp Lợi Trinh, xã Mỹ Lợi A, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733746196

Trang thông tin điện tử: http://thcsmyloia.tiengiang.edu.vn

Email: c2myloiacaibe.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp II Mỹ Lợi được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Mỹ Lợi và Trường Phổ thông cấp II Mỹ Lợi hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Mỹ Lợi. Năm 1979, xã Mỹ Lợi được tách thành hai xã là Mỹ Lợi A và Mỹ Lợi B. Theo đó, Trường Phổ thông cơ sở Mỹ Lợi cũng được tách thành hai trường là Trường Phổ thông cơ sở Mỹ Lợi A và Trường Phổ thông cơ sở Mỹ Lợi B. Năm 1995, bộ phận Cấp II của Trường Phổ thông cơ sở Mỹ Lợi A được tách ra, thành lập Trường Trung học cơ sở Mỹ Lợi A theo Quyết định số 338/QĐ.UB ngày 15 tháng 12 năm 1995 của Ủy ban Nhân dân huyện Cái Bè.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Mỹ Lợi A.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 16 đảng viên; nam: 10; nữ: 06; Chi ủy: 03; nam: 02; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 34 công đoàn viên; nam: 17; nữ: 17. Đoàn thanh niên: 04 đoàn viên; nam: 03; nữ: 01. Đội thiếu niên: 719 đội viên; nam: 354; nữ: 365.

Tổng số cán bộ, viên chức: 34; nam: 17; nữ: 17. Tổng số giáo viên: 33; nam: 16; nữ: 17. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (đại học): 26; Cử nhân (cao đẳng): 06.

Tổng số học sinh: 719; nam: 354; nữ: 365.

Tổng diện tích: 9.873 m^2; diện tích sử dụng: 4.269 m^2

Trường có 02 dãy lầu; mỗi dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; phòng làm việc: 06; phòng học: 10; phòng thí nghiệm: 02; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

12. Trường Trung học cơ sở Phan Văn Ba

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Họ và tên danh nhân (Phan Văn Ba).

Địa chỉ: Ấp An Bình, xã An Cư, huyên Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 023733823368

Trang thông tin điện tử: http;//thcsphanvanba.tienggiang.edu.vn/

Email: c2phanvanbacaibe.tienggiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp II Hội Cư được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Hội Cư và Trường Phổ thông cấp II Hội Cư hợp nhất, thành lập hai trường là Trường Phổ thông cơ sở I Hội Cư và Trường Phổ thông cơ sở II Hội Cư.

Cũng trong năm 1976, Trường Phổ thông cấp II Đông Hòa Hiệp được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Đông Hòa Hiệp và Trường Phổ thông cấp II Đông Hòa Hiệp hợp nhất, thành lập hai trường là Trường Phổ thông cơ sở I Đông Hòa Hiệp và Trường Phổ thông cơ sở II Đông Hòa Hiệp.

Năm 1993, Trường Phổ thông cơ sở II Hội Cư và Trường Phổ thông cơ sở I Đông Hòa Hiệp hợp nhất, thành lập Trường Trung học cơ sở Phan Văn theo Quyết định số 651/QĐ.UB ngày 21 tháng 10 năm 1993 của Uỷ ban nhân dân huyện Cái Bè.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường.

PHAN VĂN BA

(1914 – 1980)

Phan Văn Ba sinh năm 1914 tại làng Hậu Thành, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Hậu Thành, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân.

Năm 1930, ông giác ngộ và tham gia cách mạng khi đang là học sinh Collège de Mytho (nay là Trường Trung học phổ thông Nguyễn Đình Chiểu, thành phố Mỹ Tho). Tại đây, ông đã tham gia thành lập chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam Trường Collège do ông Phạm Hùng làm Bí thư. Đây là một trong những chi bộ Đảng đầu tiên của Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Mỹ Tho.

Năm 1931, phát hiện ông hoạt động cách mạng, chính quyền thực dân ra quyết định buộc ông phải thôi học; và đưa về quản thúc tại quê nhà. Tuy nhiên, ông vẫn bí mật hoạt động, ra sức tuyên truyền cách mạng và xây dựng cơ sở quần chúng ở khắp nơi trong huyện. Có thể nói, ông là lớp cán bộ cách mạng đầu tiên của Cái Bè và có công lao to lớn trong việc tổ chức, phát triển phong trào cách mạng ở địa phương trong những năm đầu thành lập Đảng.

Năm 1934, ông hoạt động trong giới công nhân ở Sóc Trăng. Năm 1936, do cơ sở bị lộ, ông chuyển địa bàn công tác về Mỹ Tho; và được Tỉnh ủy phân công

về Cái Bè tổ chức phong trào Đông Dương đại hội, lãnh đạo quần chúng đấu tranh, đòi các quyền dân sinh, dân chủ, chống chính quyền thực dân khủng bố, đàn áp.

Năm 1937, trước khí thế cách mạng ngày càng dâng cao trong quần chúng, chính quyền thực dân Pháp tỉnh Mỹ Tho ra lệnh giải tán các Ủy ban Hành động của phong trào Đông Dương đại hội ở huyện Cái Bè. Do bị địch truy nã gắt gao, ông được tổ chức điều lên Sài Gòn làm công tác báo chí cho Đảng. Một thời gian sau, ông trở về Mỹ Tho; nhận nhiệm vụ vận động công nhân tham gia các phong trào đấu tranh do Tỉnh ủy phát động.

Năm 1940, ông tham gia lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Nam kỳ ở huyện Cái Bè. Cuộc khởi nghĩa bị thất bại, ông bị địch bắt được và đày đi Bà Rá (nay thuộc phường Sơn Giang, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước). Mặc dù bị đày ải vô cùng cực khổ ở chốn rừng thiêng nước độc; nhưng ông vẫn một lòng trung thành với Đảng và nhân dân.

Đầu năm 1945, sau khi được trả tự do, ông lại trở về Mỹ Tho hoạt động. Đến tháng 3 cùng năm, ông được Tỉnh ủy phân công về Cái Bè tổ chức Mặt trận Việt Minh, xây dựng các đoàn thể cách mạng và chỉ huy lực lượng Thanh niên tiền phong huyện. Tháng 8 - 1945, ông chỉ huy lực lượng này tham gia cuộc khởi nghĩa ở Cái Bè và giành được thắng lợi rực rỡ. Tháng 11 - 1946, ông được điều về tỉnh, làm Tổng thư ký Ủy ban Kháng chiến - Hành chính tỉnh Mỹ Tho. Năm 1952, ông được phân công trở lại Cái Bè, giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy.

Năm 1954, ông tập kết ra miền Bắc. Năm 1956, ông là Bí thư Đảng ủy kiêm Phó Giám đốc Xí nghiệp dược phẩm Hà Nội. Năm 1959, ông được điều về Hải Phòng, làm Bí thư Đảng ủy kiêm Phó Giám đốc bệnh viện Việt - Tiệp. Sau ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng (1975), ông chuyển công tác vào Thành phố Hồ Chí Minh; sau đó, được giải quyết chế độ hưu trí. Năm 1980, do lâm trọng bệnh, ông đã từ trần tại Thành phố Hồ Chí Minh. Tên ông được đặt tên đường ở thị trấn Cái Bè và tên trường trung học cơ sở ở xã An Cư, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 12 đảng viên; nam: 04, nữ: 08; Chi ủy: 03; nam: 00; nữ: 03. Ban giám hiệu: 02; nam: 00; nữ: 02. Công đoàn: 33 công đoàn viên; nam: 14; nữ: 19. Đoàn thanh niên: 06; nam: 02; nữ: 04. Đội thiếu niên: 619; nam: 304, nữ: 315.

Tổng số cán bộ, viên chức: 33 viên; nam: 14; nữ: 19. Tổng số giáo viên: 28; nam: 11; nữ: 17. Cử nhân (đại học): 25; Cử nhân (cao đẳng): 03; Trung cấp: 05 .

Tổng số học sinh: 619; nam: 304, nữ: 315.

Tổng diện tích: 8.370,8 m^2; diện tích sử dụng: 8.370,8 m^2

Trường có 2 dãy lầu; mỗi dãy có 01 tầng trệt, 03 tầng lầu; phòng làm việc: 06; phòng học: 17; phòng thí nghiệm: 06; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; nhà đa năng: 01; khu vệ sinh: 02.

13. Trường Trung học cơ sở Tân Hưng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Tân Hưng).

Địa chỉ: Ấp 3, xã Tân Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733920100

Trang thông tin điện tử: http://www.thcstanhung.tiengiang.edu.vn

Email: c2tanhungcaibe.tiengiang@moet. edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp II Thanh Hưng được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Thanh Hưng và Trường Phổ thông cấp II Thanh Hưng hợp nhất, thành lập Trường Phổ thông cơ sở Thanh Hưng. Năm 1979, xã Thanh Hưng tách thành hai xã là Tân Hưng và Tân Thanh. Theo đó, Trường Phổ thông cơ sở Thanh Hưng được tách thành hai trường là Trường Phổ thông cơ sở Tân Hưng và Trường Phổ thông cơ sở Tân Thanh. Trên địa bàn xã Tân Hưng, năm 1993, bộ phận Cấp II của Trường Phổ thông cơ sở Tân Hưng được tách ra, thành lập Trường Trung học cơ sở Tân Hưng. Năm 2006, trường được cấp lại quyết định thành lập theo Quyết định số 2143/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân huyện Cái Bè.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Tân Hưng.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 11 đảng viên; nam: 09; nữ: 02; Chi ủy: 03; nam: 03; nữ: 00. Ban Giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 36 công đoàn viên; nam: 21; nữ: 15. Đoàn thanh niên: 00; nam: 00; nữ: 00. Đội thiếu niên: 615 đội viên; nam: 313; nữ: 302.

Tổng số cán bộ, viên chức: 36; nam: 21; nữ: 15

Tổng số giáo viên: 35; nam: 20; nữ: 15. Cử nhân (đại học): 17; Cử nhân (cao đẳng): 18.

Tổng số học sinh: 615; nam: 313; nữ: 302.

Tổng diện tích: 8.341,7 m^2; diện tích sử dụng: 8.341,7 m^2

Trường có 01 dãy lầu, gồm 01 tầng trệt, 02 tầng lầu; phòng làm việc: 04; phòng học: 12; phòng thí nghiệm: 02; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thế thao: 01; khu vệ sinh: 02.

14. Trường Trung học cơ sở Tân Thanh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Tân Thanh).

Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Thanh, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733740450

Trang thông tin điện tử: thcstanthanh.tiengiang.edu.vn

Email: c2tanthanhcaibe.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp II Thanh Hưng được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Thanh Hưng và Trường Phổ thông cấp II Thanh Hưng hợp nhất, thành lập Trường Phổ thông cơ sở Thanh Hưng. Năm 1979, xã Thanh Hưng tách thành hai xã là Tân Hưng và Tân Thanh. Theo đó, Trường Phổ thông cơ sở Thanh Hưng được tách thành hai trường là Trường Phổ thông cơ sở Tân Hưng và Trường Phổ thông cơ sở Tân Thanh. Trên địa bàn xã Tân Thanh, năm 1993, bộ phận Cấp II của Trường Phổ thông cơ sở Tân Thanh được tách ra, thành lập Trường Trung học cơ sở Tân Thanh. Năm 2006, trường được cấp lại quyết định thành lập theo Quyết định số 2144/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân huyện Cái Bè.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Tân Thanh.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 09 đảng viên; nam: 02; nữ: 07. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 38 công đoàn viên; nam: 14; nữ: 24. Đoàn thanh niên: 07 đoàn viên; nam: 01; nữ: 06. Đội thiếu niên: 832 đội viên; nam: 402; nữ: 430.

Tổng số cán bộ, viên chức: 38; nam:14 ; nữ: 24. Tổng số giáo viên: 33; nam:12; nữ: 21. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (đại học): 26; Cử nhân (cao đẳng): 09, Trung học phổ thông: 02 (nhân viên bảo vệ và tạp vụ).

Tổng số học sinh: 832; nam: 402 ; nữ: 430 .

Tổng diện tích: 6.444,6 m^2; diện tích sử dụng: 6.444,6 m^2

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 02 tầng lầu; phòng làm việc: 06; phòng học:16; phòng thí nghiệm: 03; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 01 ; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 07.

15. Trường Trung học cơ sở thị trấn Cái Bè

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Thị trấn Cái Bè).

Địa chỉ: Khu 1b, thị trấn Cái Bè, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733.823.277

Trang thông tin điện tử: thcsthitrancaibe.tiengiang.edu.vn

Email: c2thitrancaibe.tiengiang@moet.edu.vn

Trường Trung học cơ sở thị trấn Cái Bè có tiền thân của Trường Trung học Cái Bè được thành lập năm 1960. Năm 1976, Trường Trung học Cái Bè tách thành 2 trường là Trường Phổ thông cấp II thị trấn Cái Bè và Trường Phổ thông cấp III Cái Bè. Năm 1978, Trường Phổ thông thị trấn cấp II Cái Bè hợp nhất với Trường Phổ thông cấp I thị trấn Cái Bè thành Trường Phổ thông cơ sở thị trấn Cái Bè. Sau đó, Trường Phổ thông cơ sở thị trấn Cái Bè được chia tách thành hai trường là Trường Phổ thông cơ sở 1 thị trấn Cái Bè và Trường Phổ thông cơ sở 2 thị trấn Cái Bè. Năm 1993, bộ phận Cấp II của Trường Phổ thông cơ sở 1 thị trấn Cái Bè và Trường Phổ thông cơ sở 2 thị trấn Cái Bè tách ra, hợp nhất thành Trường Trung học cơ sở thị trấn Cái Bè.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Thị trấn Cái Bè.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 30 đảng viên; nam: 08; nữ: 22; Chi ủy: 04; nam: 02; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 101 công đoàn viên; nam: 44; nữ: 57. Đoàn thanh niên: 20 đoàn viên; nam: 06; nữ: 14; Đội thiếu niên: 2.152 đội viên; nam: 1.073; nữ: 1.079.

Tổng số cán bộ, viên chức: 101; nam: 44; nữ: 57. Tổng số giáo viên: 92; nam: 40; nữ: 52. Thạc sĩ: 03; Cử nhân (đại học): 78; Cử nhân (cao đẳng): 13.

Tổng số học sinh: 2.152; nam: 1073; nữ: 1079.

ổng diện tích: 14.403,7 m^2; diện tích sử dụng: 14.403,7m^2

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 02 tầng lầu; phòng làm việc: 06; phòng học: 43; phòng thí nghiệm: 04; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 03; thư viện: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 03.

Trường tiểu học, trường tiểu học - trung học cơ sở:

1. Trường Tiểu học A An Hữu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Mẫu tự la tinh (A) + Địa danh hành chính (Xã An Hữu).

Địa chỉ: Ấp 3, xã An Hữu, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733.821526

Trang thông tin điện tử: http://thaanhuu.pgdcaibe.edu.vn

Email: c1anhuuacaibe.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I An Hữu được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I An Hữu và Trường Phổ thông cấp II An Hữu hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở An

Hữu. Năm 1988, bộ phận Cấp I được tách ra, thành lập Trường Tiểu học A An Hữu theo Quyết định số 1967/QĐ.UB ngày 12/8/1988 của Ủy ban Nhân dân huyện Cái Bè.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã An Hữu.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 13 đảng viên; nam: 06; nữ: 07; Chi ủy: 03; nam: 01; nữ: 02. Ban giám hiệu: 03; nam: 01; nữ: 02. Công đoàn: 43 công đoàn viên; nam: 14; nữ: 29. Đoàn thanh niên: 05 đoàn viên; nam: 00; nữ: 05. Đội thiếu niên: 612; nam: 322; nữ: 290.

Tổng số cán bộ, viên chức: 43; nam: 14; nữ: 29. Tổng số giáo viên: 36; nam: 12; nữ: 24. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (đại học): 39; Trung cấp: 03.

Tổng số học sinh: 896; nam: 458; nữ: 438.

Tổng diện tích: 7.564 m^2; diện tích sử dụng: 7.564 m^2

Trường có 02 dãy trệt và 02 dãy lầu (mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu), phòng làm việc: 08; phòng học: 32 (28 phòng và 04 phòng học bộ môn); phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02

2. Trường Tiểu học B An Hữu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Mẫu tự la tinh (B) + Địa danh hành chính (Xã An Hữu).

Địa chỉ: Ấp 1, xã An Hữu, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733821685

Trang thông tin điện tử:

Email: c1anhuubcaibe.tiengiangmoet.edu.vn

Năm 2011, Trường Tiểu học B An Hữu được thành theo Quyết định số 1517/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban Nhân dân huyện Cái Bè.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã An Hữu.

Năm 2023 Chi bộ nhà trường có 12 đảng viên; nam: 04; nữ: 08; Chi ủy: 03; nam: 02; nữ: 01. Ban Giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 25 công đoàn viên; nam: 06; nữ: 19. Đoàn thanh niên: 07 đoàn viên; nam: 01 ; nữ: 06. Đội thiếu niên: 342 đội viên; nam: 177; nữ: 165.

Tổng số cán bộ, viên chức: 25; nam: 06 ; nữ: 19. Tổng số giáo viên: 21; nam: 03; nữ: 18. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (đại học): 19; Cử nhân (cao đẳng): 00; Trung học sư phạm: 01.

Tổng số học sinh: 607; nam: 316; nữ: 291.

Tổng diện tích: 4.546, 4 m^2; diện tích sử dụng: 4. 546, 4m^2

Trường có 03 dãy trệt; phòng làm việc: 03; phòng học: 17; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

3. Trường Tiểu học A Thị trấn Cái Bè

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Mẫu tự la tinh (A) + Địa danh hành chính (Thị trấn Cái Bè).

Địa chỉ: Khu I B, thị trấn Cái Bè, huyện Cái Bè , tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0733924512

Trang thông tin điện tử: http://thattcaibe.tiengiang.edu.vn/

Email: c1thitrancaibe.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I thị trấn Cái Bè được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I thị trấn Cái Bè và Trường Phổ thông cấp II thị trấn Cái Bè hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở thị trấn Cái Bè. Năm 1993, bộ phận Cấp I được tách ra, thành lập Trường Tiểu học thị trấn Cái Bè. Năm 2008, trường được tách ra, thành Trường Tiểu học A thị trấn Cái Bè theo Quyết định số 12320/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2008 của Ủy ban Nhân dân huyện Cái Bè.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Thị trấn Cái Bè.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 14 đảng viên; nam: 07; nữ: 07; Chi ủy: 03; nam: 02; nữ: 01. Ban giám hiệu: 03; nam: 02 ; nữ: 01. Công đoàn: 50 công đoàn viên; nam: 16 ; nữ: 34. Đoàn thanh niên: 06 đoàn viên; nam: 00; nữ: 06. Đội thiếu niên: 851 đội viên; nam: 415 ; nữ: 436.

Tổng số cán bộ, viên chức: 50; nam: 16 ; nữ: 34. Tổng số giáo viên: 45; nam: 13; nữ: 32. Cử nhân (đại học): 38; Cử nhân (cao đẳng): 03; Trung học sư phạm: 04.

Tổng số học sinh 1.304; nam: 654; nữ: 650.

Tổng diện tích: 7.564,3 m^2; diện tích sử dụng: 3.715,7 m^2

Trường có 03 dãy lầu, 02 dãy có 01 tầng trệt; 02 tầng lầu; 01 dãy có 01 tầng trệt; 01 tầng lầu; phòng làm việc: 06; phòng học: 28; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 02; khu vệ sinh: 04.

4. Trường Tiểu học B Thị trấn Cái Bè

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Mẫu tự la tinh (B) + Địa danh hành chính (Thị trấn Cái Bè).

Địa chỉ: Đường Lê Thị Kim Chi, khu 4 Thị trấn Cái Bè, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733925544

Trang thông tin điện tử:thbttcaibe.admin

Email: c1thitrancaibeb.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I thị trấn Cái Bè được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I thị trấn Cái Bè và Trường Phổ thông cấp II thị trấn Cái Bè hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở thị trấn Cái Bè. Năm 1993, bộ phận Cấp I được tách ra, thành lập Trường Tiểu học thị trấn Cái Bè. Năm 2008, trường được tách ra, thành Trường Tiểu học B thị trấn Cái Bè theo Quyết định số 12321/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2008 của Ủy ban Nhân dân huyện Cái Bè.

Trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Thị trấn Cái Bè.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 14 đảng viên; trong đó nam: 05; nữ 09; Chi ủy: 03; nam: 01, nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 35 công đoàn viên; nam: 15; nữ: 20. Đoàn thanh niên: 04 đoàn viên; nam: 02; nữ: 02. Đội Thiếu niên: 486 đội viên; nam: 231; nữ:255.

Tổng số cán bộ, viên chức: 35; nam: 15; nữ: 20. Tổng số giáo viên: 28; nam: 13; nữ: 15. Cử nhân(Đại học): 29; Cử nhân(Cao đẳng): 01; Trung học sư phạm: 02; Trung cấp: 03.

Tổng số học sinh: 779; nam: 375; nữ: 404.

Tổng diện tích: 6.621,2m^2; diện tích xây dựng: 2.144 m^2

Trường có 02 dãy trệt và 01 dãy lầu, gồm 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; phòng làm việc: 06; phòng học: 14; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

5. Trường Tiểu học An Cư

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã An Cư).

Địa chỉ: Ấp An Bình, xã An Cư, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 283 242

Trang thông tin điện tử: www.http//truongtieuhocancu.caibe.tiengiang

Email: C1ancucaibe.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Hội Cư được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Hội Cư và Trường Phổ thông cấp II Hội Cư hợp nhất

thành Trường Phổ thông cơ sở Hội Cư. Năm 1993, bộ phận Cấp I của Trường Phổ thông cơ sở Hội Cư tách ra, thành Trường Tiểu học Hội Cư A và Trường Tiểu học Hội Cư B theo Quyết định số 524/QĐ.UB ngày 30 tháng 8 năm 1993 của Ủy ban Nhân dân huyện Cái Bè. Năмm 2003, xã Hội Cư được tách thành hai xã An Cư và Mỹ Hội. Năm 2004, Trường Tiểu học Hội Cư B được đổi tên thành Trường Tiểu học An Cư theo Quyết định số 1411/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân huyện Cái Bè.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã An Cư.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 12 đảng viên; nam: 07; nữ: 05; Chi ủy: 03; nam: 03; nữ: 00. Ban giám hiệu: 02; nam: 02 ; nữ: 00. Công đoàn: 32 công đoàn viên; nam: 13 ; nữ: 19. Đoàn thanh niên: 06 đoàn viên; nam: 02; nữ: 04. Đội thiếu niên: 244 đội viên; nam: 116; nữ: 128.

Tổng số cán bộ, viên chức: 32; nam: 13; nữ: 19. Tổng số giáo viên: 27; nam: 10; nữ: 17. Cử nhân (đại học): 22 ; Cử nhân (cao đẳng) : 04; Trung học sư phạm: 01.

Tổng số học sinh: 594; nam: 288; nữ: 306.

Tổng diện tích: 3.282,4m^2; diện tích sử dụng: 3.282,4m^2

Trường có 01 dãy lầu, gồm 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 01; phòng học: 11; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

6. Trường Tiểu học Đông Hòa Hiệp

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Đông Hòa Hiệp).

Địa chỉ: Ấp An Lợi, xã Đông Hòa Hiệp, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733819561

Trang thông tin điện tử: www.thadonghoahiep.pgdcaibe.edu.vn

Email: c1donghoahiepacaibe.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Đông Hòa Hiệp được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Đông Hòa Hiệp và Trường Phổ thông cấp II Đông Hòa Hiệp hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Đông Hòa Hiệp. Sau đó, bộ phận Cấp I của Trường Phổ thông cơ sở Đông Hòa Hiệp được tách ra, thành Trường Tiểu học A Đông Hòa Hiệp và Trường Tiểu học B Đông Hòa Hiệp. Năm 2019, Trường Tiểu học A Đông Hòa Hiệp và Trường Tiểu học B Đông Hòa Hiệp hợp nhất thành Trường Tiểu học Đông Hòa Hiệp theo Quyết định số 2479/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban Nhân dân huyện Cái Bè. Trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Đông Hòa Hiệp .

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 20 đảng viên; nam: 03; nữ: 17; Chi ủy: 05; nam: 01; nữ: 04. Ban giám hiệu: 03; nam: 01; nữ: 02. Công đoàn: 47 công đoàn viên; nam:13; nữ: 34. Đoàn thanh niên: 10 đoàn viên; nam: 02; nữ: 08; Đội thiếu niên: 492 đội viên; nam:247; nữ: 245.

Tổng số cán bộ, viên chức: 47; nam: 13; nữ: 34. Tổng số giáo viên: 42; nam: 14; nữ: 28. Cử nhân (đại học): 36; Cử nhân (cao đẳng): 09; Trung học sư phạm: 02.

Tổng số học sinh: 797; nam: 406; nữ: 391.

Tổng diện tích: 11.206 m^2; diện tích sử dụng: 11.206 m^2

Trường có 04 dãy lầu; 02 dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; 02 dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; phòng làm việc: 05; phòng học: 30; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 02; thư viện: 02; sân chơi: 02; khu thể thao: 02; khu vệ sinh: 09.

7. Trường Tiểu học Đoàn Thị Nghiệp

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Họ và tên danh nhân (Đoàn Thị Nghiệp).

Địa chỉ: Ấp Mỹ Trung, xã Mỹ Hội, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733720016

Trang thông tin điện tử: http://thdoanthinghiep.pgdcaibe.edu.vn

Email: c1doanthinghiepcaibe.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Hội Cư được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Hội Cư và Trường Phổ thông cấp II Hội Cư hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Hội Cư. Năm 1993, bộ phận Cấp I của Trường Phổ thông cơ sở Hội Cư tách ra, thành Trường Tiểu học Hội Cư A và Trường Tiểu học Hội Cư B theo Quyết định số 524/QĐ.UB ngày 30 tháng 8 năm 1993 của Ủy ban Nhân dân huyện Cái Bè. Năm 2002, Trường Tiểu học Hội Cư A được đổi tên thành Trường Tiểu học Đoàn Thị Nghiệp theo Quyết định số 750/QĐ.UB ngày 22 ngày 7 năm 2002 của Ủy ban Nhân dân huyện Cái Bè.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

ĐOÀN THỊ NGHIỆP

(1925 – 1972)

Đoàn Thị Nghiệp sinh năm 1925 tại làng Hội Cư, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Hội Cư, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang). Khi lập gia đình, bà về quê

chồng tại làng Bình Phú, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Bình Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang). Chồng bà là ông Bùi Văn Thô sinh năm 1924, nguyên là Trung tá Quân đội nhân dân Việt Nam. Bà có hai con là Bùi Văn Thưởng và Bùi Văn Tấn đều hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Năm 1946, bà tham gia cách mạng tại Bình Phú, làm công tác phụ nữ, lãnh đạo và vận động chị em tham gia các phong trào cách mạng ở địa phương, như đóng góp lương thực, thực phẩm thuốc men cho bộ đội, đi dân công phục vụ chiến trường,...

Sau năm 1954, bà vẫn tiếp tục bám trụ ở địa bàn công tác cũ, lãnh đạo nhân dân đấu tranh chính trị. Do có thành tích trong công tác, bà được bầu làm Huyện uỷ viên huyện Cai Lậy. Trong những năm 1959 - 1960, mặc dù phong trào cách mạng ở địa phương bị địch đánh phá ác liệt, nhưng bà vẫn kiên cường bám chặt địa bàn cơ sở và cùng Huyện ủy ra sức củng cố xây dựng các chi bộ Đảng, phát động phong trào quần chúng và tổ chức lực lượng vũ trang của huyện. Sau đó, do yêu cầu của tổ chức, bà được điều sang An Giang công tác.

Năm 1967, bà được điều về Mỹ Tho và công tác tại Mặt trận vành đai diệt Mỹ Bình Đức (huyện Châu Thành). Tại đây, bà đã lập kế hoạch bắt sống được một sĩ quan Mỹ. Đồng thời, bà còn tham gia nhiều trận đánh vào căn cứ Đồng Tâm do sư đoàn 9 Mỹ chiếm đóng. Năm 1968, Bà được phân công phụ trách Mãng 4 Cai Lậy Bắc. Thực hiện nghiêm túc và sáng tạo chủ trương "Bám trụ đánh địch" của Tỉnh đội, bà đã thành lập "Mặt trận chống phá bình định", mà lực lượng chủ yếu là các cơ quan của Tỉnh đội và du kích các xã trong khu vực, nhằm kiên quyết bẻ gẫy các cuộc hành quân càn quét của địch, giữ vững địa bàn đứng chân.

Ngày 22-4-1972, địch huy động hai tiểu đoàn đánh phá ác liệt vào cơ quan Huyện đội Cai Lậy Bắc đóng ở xã Phú Nhuận (Cai Lậy). Lúc này, do các đơn vị đều đi tác chiến ở các chiến trường trong tỉnh, nên tại cơ quan Tỉnh đội chỉ còn 5 chiến sĩ và 8 du kích xã. Với cương vị là Tỉnh đội phó, bà đã nhanh chóng tổ chức và chỉ huy chiến đấu. Ỷ vào quân đông, địch liên tục mở nhiều đợt đột kích, nhưng đều bị quân ta đánh bật ra. Tuy nhiên, do có sự chênh lệch rất lớn về quân số và vũ khí, đến 12 giờ trưa cùng ngày, địch mới tiến vào vòng ngoài khu căn cứ. Lúc bấy giờ, bà bị thương nặng và sa vào tay địch. Biết bà giữ chức vụ quan trọng của Tỉnh đội Mỹ Tho, địch vừa mua chuộc, dụ dỗ, vừa tra tấn dã man nhằm buộc bà phải khai báo, đầu hàng; nhưng bà đã không chịu khuất phục và anh dũng hy sinh lúc 22 giờ ngày 22-4-1972, hưởng dương 47 tuổi.

Bà đã được tặng thưởng 1 Huân chương Quân công giải phóng hạng Ba, 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng Nhất. Ngày 6-11-1978, bà được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Năm 1994, bà được truy tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam anh hùng vì có hai người con đã anh

dũng hy sinh trong chiến đấu. Tên bà được đặt tên trường trung học cơ sở của xã Bình Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang và trường tiểu học ở xã Mỹ Hội, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, tên đường tại thị xã Cai Lậy và thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Cuộc đời chiến đấu oanh liệt của bà được khắc họa qua bộ phim truyện "Rặng trâm bầu" do Hãng phim Phương Đông TP Hồ Chí Minh, Phát hành phim quân đội, Đài Phát thanh - Truyền hình Tiền Giang hợp tác sản xuất 2004 và vở kịch "Rặng trâm đầu" do Sân khấu Trịnh Kim Chi thực hiện năm 2018. Phần mộ của bà đặt tại nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Tiền Giang.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có: 21 đảng viên; nam: 13; nữ: 08; Chi ủy: 05; nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 03; nam: 02; nữ: 01. Công đoàn: 46 công đoàn viên; nam: 26; nữ: 20. Đoàn thanh niên: 14 đoàn viên; nam: 06; nữ: 08. Đội thiếu niên: 653 đội viên; nam: 343; nữ: 310.

Tổng số cán bộ, viên chức: 46; nam: 26; nữ: 20. Tổng số giáo viên: 40; nam: 24; nữ: 16. Cử nhân (đại học): 24; Cử nhân (cao đẳng): 08; Trung học sư phạm: 11; Trung cấp: 03.

Tổng số học sinh: 1.064; nam: 554; nữ: 510.

Tổng diện tích: 12.227,9m^2; diện tích sử dụng: 1.840m^2

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu, phòng làm việc: 08; phòng học: 21; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 04.

8. Trường Tiểu học Hòa Hưng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Hòa Hưng).

Địa chỉ: Ấp Bình, xã Hòa Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733730539

Trang thông tin điện tử: thhoahung.tiengiang.edu.vn/quantri

Email: *c1hoahungacaibe.tiengiang@moet.edu.vn*

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Hòa Hưng được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Hòa Hưng và Trường Phổ thông cấp II Hòa Hưng hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Hòa Hưng. Năm 1987, bộ phận Cấp I của trường được tách ra, thành lập Trường Tiểu học A Hòa Hưng và Trường Tiểu học B Hòa Hưng. Năm 2018, hai trường hợp nhất thành Trường Tiểu học Hòa Hưng theo Quyết định số 4454/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban Nhân dân huyện Cái Bè.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Hòa Hưng.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 13 đảng viên; nam: 02; nữ: 11; Chi ủy: 03; nam: 00; nữ: 03. Ban giám hiệu: 02; nam: 00; nữ: 02. Công đoàn: 43 công đoàn viên; nam: 14 ; nữ: 29. Đoàn thanh niên: 11 đoàn viên; nam: 02; nữ: 09. Đội thiếu niên: 529 đội viên; nam: 280; nữ: 249.

Tổng số cán bộ, viên chức: 43; nam: 14; nữ: 29. Tổng số giáo viên: 38; nam: 12; nữ: 26. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (đại học): 31; Cử nhân (cao đẳng): 03; Trung học sư phạm: 08.

Tổng số học sinh: 856; nam: 454 ; nữ: 402.

Tổng diện tích: 7.103,6 m^2; diện tích sử dụng: 1.646,42 m^2

Trường có 3 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; phòng làm việc: 05; phòng học: 25; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 02; thư viện: 02; sân chơi: 02; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 04.

9. Trường Tiểu học Hòa Khánh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Hòa Khánh).

Địa chỉ: Ấp Hòa Hảo, xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733819321

Trang thông tin điện tử:

Email: c1hoakhanhbcaibe.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Hòa Khánh được thành lập. Năm 1987, Trường Phổ thông cấp I Hòa Khánh và Trường Phổ thông cấp II Hòa Khánh hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Hòa Khánh. Năm 1993, bộ phận Cấp I của trường được tách ra, thành lập Trường Tiểu học A Hòa Khánh và Trường Tiểu học B Hòa Khánh. Năm 2022, hai trường hợp nhất thành Trường Tiểu học Hòa Hưng theo Quyết định số 3469/QĐ-UBND ngày 24 tháng 06 năm 2022 của Ủy ban Nhân dân huyện Cái Bè.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Hòa Khánh.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 22 đảng viên; nam: 11; nữ: 11; Chi ủy: 05; nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 03; nam: 01; nữ: 02. Công đoàn: 62 công đoàn viên; nam: 27; nữ: 35. Đoàn thanh niên: 07 đoàn viên; nam: 04; nữ: 03. Đội thiếu niên: 835 đội viên; nam: 426; nữ: 409.

Tổng số cán bộ, viên chức: 62; nam: 27 ; nữ: 35. Tổng số giáo viên: 55; nam: 24 ; nữ: 31. Cử nhân (đại học): 48; Cử nhân (cao đẳng): 03; Trung học sư phạm: 04.

Tổng số học sinh: 1.319; nam: 671; nữ: 648.

Tổng diện tích: 15.618,8 m^2; diện tích sử dụng: 13.567,8 m^2

Trường có 04 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 02 tầng lầu; phòng làm việc: 07; phòng học: 39; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 04.

10. Trường Tiểu học Hậu Mỹ Bắc A

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Hậu Mỹ Bắc A).

Địa chỉ: Ấp Mỹ Chánh 5, xã Hậu Mỹ Bắc A, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733822279

Trang thông tin điện tử: thhaumybaca.pgdcaibe.edu.vn

Email: c1haumybacacaibe.tiengiang@moet.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường Tiểu học Kháng chiến Phan Lương Trực được thành lập năm 1948. Năm 1976, trường có tên là Trường Phổ thông cấp I Hậu Mỹ Bắc. Năm 1979, khi xã Hậu Mỹ Bắc tách ra thành hai xã Hậu Mỹ Bắc A và Hậu Mỹ Bắc B thì Trường Phổ thông cấp I Hậu Mỹ Bắc cũng tách ra, thành lập Trường Phổ thông cấp I Hậu Mỹ Bắc A. Sau đó, Trường Phổ thông cấp I Hậu Mỹ Bắc A và Trường Phổ thông cấp II Hậu Mỹ Bắc A hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Hậu Mỹ Bắc A. Năm 1997, bộ phận Cấp I của trường được tách ra, thành lập Trường Tiểu học Hậu Mỹ Bắc A theo Quyết định số 139/QĐ.UB ngày 28 tháng 01 năm 1997 của Ủy ban Nhân dân huyện Cái Bè.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Hậu Mỹ Bắc A.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 11 đảng viên; nam: 04; nữ: 07; Chi ủy: 03; nam: 02 ; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 36 công đoàn viên; nam: 13; nữ: 23. Đoàn thanh niên: 12 đoàn viên; nam: 05; nữ: 07. Đội thiếu niên: 455 đội viên; nam: ; nữ: 238.

Tổng số cán bộ, viên chức: 36 ; nam: 13; nữ: 23. Tổng số giáo viên: 30; nam: 12; nữ: 18. Cử nhân (đại học): 28; Cử nhân (cao đẳng): 01; Trung học sư phạm: 03. Trung cấp: 03.

Tổng số học sinh: 748; nam: 410; nữ: 338.

Tổng diện tích: 10.921,4 m^2; diện tích sử dụng: 10.921,4 m^2

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu; phòng làm việc: 09; phòng học: 21; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 02 ; khu thể thao: 02; khu vệ sinh: 04.

11. Trường Tiểu học Hậu Mỹ Bắc B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Hậu Mỹ Bắc B).

Địa chỉ: Ấp Mỹ Trung, xã Hậu Mỹ Bắc B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 822282.

Trang thông tin điện tử:

Email: c1haumybacbcaibe.tiengiang@moet.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường Tiểu học Kháng chiến Phan Lương Trực được thành lập năm 1948. Năm 1976, trường có tên là Trường Phổ thông cấp I Hậu Mỹ Bắc. Năm 1979, khi xã Hậu Mỹ Bắc tách ra thành hai xã Hậu Mỹ Bắc A và Hậu Mỹ Bắc B thì Trường Phổ thông cấp I Hậu Mỹ Bắc cũng tách ra, thành lập Trường Phổ thông cấp I Hậu Mỹ Bắc B. Sau đó, Trường Phổ thông cấp I Hậu Mỹ Bắc B và Trường Phổ thông cấp II Hậu Mỹ Bắc B hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Hậu Mỹ Bắc B. Năm 1992, bộ phận Cấp I của trường được tách ra, thành lập Trường Tiểu học Hậu Mỹ Bắc B theo Quyết định số 631/QĐ.UB ngày 28 tháng 8 năm 1992 của Ủy ban Nhân dân huyện Cái Bè.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Hậu Mỹ Bắc B.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 16 đảng viên; nam: 05; nữ: 11; Chi ủy: 03; nam: 01; nữ: 02. Ban giám hiệu: 01; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 30 công đoàn viên; nam: 13 ; nữ: 17. Đoàn thanh niên: 09 đoàn viên; nam: 01 ; nữ: 08. Đội thiếu niên: 371 đội viên; nam: 175; nữ: 196.

Tổng số cán bộ, viên chức: 30; nam: 13 ; nữ: 17. Tổng số giáo viên: 28; nam: 12 ; nữ: 16. Cử nhân (Đại học): 23; Cử nhân (Cao đẳng): 01; Trung học sư phạm: 06.

Tổng số học sinh: 583; Nam 291; nữ: 292.

Tổng diện tích: 6.142,6 m^2; diện tích sử dụng: 2.158,6 m^2.

Trường có 03 dãy lầu; mỗi dãy có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu; phòng làm việc: 06; phòng học: 21; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01 ; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 04.

12. Trường Tiểu học Hậu Mỹ Trinh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Hậu Mỹ Trinh).

Địa chỉ: Ấp Mỹ Tường B, xã Hậu Mỹ Trinh, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0733923772.

Trang thông tin điện tử:

Email: c1haumytrinhcaibe.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1979, Trường Phổ thông cơ sở Hậu Mỹ Trinh được thành lập. Sau đó, bộ phận Cấp I của trường được tách ra, thành lập Trường Tiểu học Hậu Mỹ Trinh theo Quyết định số 11510/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban Nhân dân huyện Cái Bè.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Hậu Mỹ Trinh.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 14 đảng viên; nam: 06; nữ: 08; Chi ủy: 03; nam: 02; nữ: 01. Ban giám hiệu : 01; nam: 01; nữ: 00. Công đoàn: 35 công đoàn viên; nam: 15; nữ: 20. Đoàn thanh niên: 11 đoàn viên; nam: 06; nữ: 05; Đội thiếu niên: 525; nam: 275; nữ: 250.

Tổng số cán bộ, viên chức: 35; nam: 15; nữ: 20. Tổng số giáo viên: 30; nam: 13; nữ:17. Cử nhân (đại học): 27; Cử nhân (cao đẳng): 02; Trung học sư phạm: 01.

Tổng số học sinh: 613; nam: 289; nữ: 324.

Tổng diện tích: 8.116,6 m²; diện tích sử dụng: 1.456,66 m²

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 02 tầnglầu; phòng làm việc: 08; phòng học: 20 phòng; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

13. Trường Tiểu học Hậu Thành

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Hậu Thành).

Địa chỉ: Ấp Hậu Hoa, xã Hậu Thành, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 922 126

Trang thông tin điện tử:

Email: c1hauthanhcaibe.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Hậu Thành được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Hậu Thành và Trường Phổ thông cấp II Hậu Thành hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Hậu Thành. Sau đó, bộ phận Cấp I của trường được tách ra, thành lập Trường Tiểu học Hậu Thành theo Quyết định số 1415/QĐ.UB ngày 30 tháng 9 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân huyện Cái Bè.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Hậu Thành.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 12 đảng viên; nam: 09, nữ: 03; Chi ủy: 03; nam: 03; nữ: 00. Ban giám hiệu: 02 ; nam: 02 ; nữ: 00. Công đoàn: 40 công đoàn viên; nam: 23 ; nữ: 17. Đoàn thanh niên: 08 đoàn viên; nam: 04; nữ: 04. Đội thiếu niên: 553 đội viên; nam: 287; nữ: 266.

Tổng số cán bộ, viên chức: 40; nam: 23 ; nữ: 17. Tổng số giáo viên: 34; nam: 19; nữ: 15. Cử nhân (đại học): 29; Cử nhân (cao đẳng): 07; Trung học sư phạm: 01; Trung cấp: 01.

Tổng số học sinh: 854; nam: 442; nữ: 412.

Tổng diện tích: 10.357,1 m^2; diện tích sử dụng: 1.152 m^2

Trường có 3 dãy lầu; 01 dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu, 02 dãy có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu; phòng làm việc: 11; phòng học: 33; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 04.

14. Trường Tiểu học Mỹ Đức Đông

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Mỹ Đức Đông).

Địa chỉ: Ấp Mỹ Quới, xã Mỹ Đức Đông, huyện Cái Bè, Tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733819213

Trang thông tin điện tử:

Email: c1myducdongcaibe tiengiang

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Mỹ Đức Đông được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Mỹ Đức Đông và Trường Phổ thông cấp II Mỹ Đức Đông hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Mỹ Đức Đông. Sau đó, bộ phận Cấp I của trường được tách ra, thành lập Trường Tiểu học Mỹ Đức Đông theo Quyết định số 1675/QĐ.UB ngày ngày 21 tháng 9 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân huyện Cái Bè.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Mỹ Đức Đông.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 21 đảng viên; nam: 11; nữ: 10; Chi ủy: 05; nam: 04; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 44 công đoàn viên; nam: 22; nữ: 22. Đoàn thanh niên: 14 đoàn viên; nam: 08; nữ: 06. Đội thiếu niên: 567 đội viên; nam: 321; nữ: 246.

Tổng số cán bộ, viên chức: 44; nam: 22; nữ: 22. Tổng số giáo viên: 38; nam: 20; nữ: 18. Cử nhân (đại học): 10; Cử nhân (cao đẳng): 05; Trung học sư phạm: 28; Trung cấp: 01.

Tổng số học sinh: 846; nam: 430; nữ: 416.

Tổng diện tích: 10.536,6 m^2; diện tích sử dụng: 8.846,6 m^2

Trường có 02 dãy lầu; mỗi dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; phòng làm việc: 06; phòng học: 29; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 03.

15. Trường Tiểu học Mỹ Đức Tây

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Mỹ Đức Tây).

Địa chỉ: Ấp Mỹ Nghĩa 1, xã Mỹ Đức Tây, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 747 904

Trang thông tin điện tử: http://thamyductay.tiengiang.edu.vn/

Email: c1myductayacaibe.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Mỹ Đức Tây được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Mỹ Đức Tây và Trường Phổ thông cấp II Mỹ Đức Tây hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Mỹ Đức Tây. Sau đó, bộ phận Cấp I của trường được tách ra, thành lập Trường Tiểu học Mỹ Đức Tây A và Trường Tiểu học Mỹ Đức Tây B. Năm 2019, hai trường hợp nhất thành Trường Tiểu học Mỹ Đức Tây theo Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban Nhân dân huyện Cái Bè. Trường được công nhận đạt chuẩn Kiểm định chất lượng giáo dục năm 2015 theo Quyết định số 549/QĐ-SGDĐT ngày 21/7/2015 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Tiền Giang và đạt chuẩn Quốc gia năm 2018 theo Quyết định số 2377/QĐ-UBND ngày 29/8/2018 của Ủy ban Nhân dân dân tỉnh Tiền Giang.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Mỹ Đức Tây.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 21 đảng viên; nam: 12; nữ: 09; Chi ủy: 05; nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 03; nam: 02; nữ: 01. Công đoàn: 51 công đoàn viên; nam: 25; nữ: 26. Đoàn thanh niên: 18 đoàn viên; nam: 07; nữ: 11. Đội thiếu niên: 647đội viên; nam: 336; nữ: 311.

Tổng số cán bộ, viên chức: 51; nam: 25 ; nữ: 26. Tổng số giáo viên: 47 ; nam: 23 ; nữ: 24. Cử nhân (đại học): 32; Cử nhân (cao đẳng): 07; Trung học sư phạm: 08.

Tổng số học sinh: 1057; nam: 1042; nữ: 515.

Tổng diện tích: 10.655,6 m^2; diện tích sử dụng: 10.655,6 m^2

Trường có 02 dãy lầu, 01 dãy có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu; 01 dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; phòng làm việc: 12 ; phòng học: 35; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 02 ;

khu vệ sinh: 08.

16. Trường Tiểu học Mỹ Lợi A

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Mỹ Lợi A).

Địa chỉ: Ấp Lợi Trinh, xã Mỹ Lợi A, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 746220

Trang thông tin điện tử: thmyloia.tiengiang.edu.vn

Email: c1myloiacaibe.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Mỹ Lợi được thành lập. Năm 1979, khi xã Mỹ Lợi tách ra thành hai xã Mỹ Lợi A và Mỹ Lợi B thì Trường Phổ thông cấp I Mỹ Lợi cũng tách ra, thành lập Trường Phổ thông cấp I Mỹ Lợi A. Sau đó, Trường Phổ thông cấp I Mỹ Lợi A và Trường Phổ thông cấp II Mỹ Lợi A hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Mỹ Lợi A. Năm 1995, bộ phận Cấp I của trường được tách ra, thành lập Trường Tiểu học Mỹ Lợi A theo Quyết định số 337/QĐ.UB ngày 13 tháng 12 năm 1995 của Ủy ban Nhân dân huyện Cái Bè.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Mỹ Lợi A.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 19 đảng viên, nam: 08, nữ: 11; Chỉ ủy: nam: 04, nữ: 01. Ban giám hiệu: 03, nam: 02, nữ: 01. Công đoàn: 40 công đoàn viên, nam: 15, nữ: 25. Đoàn thanh niên: 08 đoàn viên, nam: 00, nữ: 08. Đội thiếu niên: 571 đội viên, nam: 291, nữ: 280.

Tổng số cán bộ, viên chức: 40, nam: 15, nữ: 25. Tổng số giáo viên: 38; nam: 14, nữ: 24. Cử nhân (Đại học): 38; Cử nhân (Cao đẳng): 00; Trung học sư phạm: 01; Trung cấp văn thư: 01.

Tổng số học sinh: 904, nam: 449, nữ: 455.

Tổng diện tích: 7.024,4 m^2, diện tích sử dụng: 6.057,9 m^2

Trường có 01 dãy lầu, gồm có 01 tầng trệt và 02 tầng lầu; 2 dãy trệt; phòng làm việc: 07; phòng học: 23; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy vi tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 01, khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 03.

17. Trường Tiểu học Ngô Văn Nhạc

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Họ và tên danh nhân (Ngô Văn Nhạc).

Địa chỉ: Ấp 3, xã Mỹ Tân, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733750017

Trang thông tin điện tử: thngovannhac.pgdcaibe.edu.vn

Email: c1ngovannhaccaibe.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1990, xã Mỹ Tân được thành lập. Sau đó, Trường Phổ thông cấp I Mỹ Tân được ra đời. Năm 2001, trường được đổi tên thành Trường Tiểu học Mỹ Tân. Năm 2011, trường đổi tên thành Trường Tiểu học Ngô Văn Nhạc theo Quyết định số 11521/QĐ-UNBD ngày 26 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban Nhân dân huyện Cái Bè.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

NGÔ VĂN NHẠC

(1931 – 1969)

Ngô Văn Nhạc sinh năm 1931 tại làng Mỹ Lợi, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Mỹ Lợi A, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân.

Năm 1959, ông tham gia cách mạng tại quê nhà, làm nhiệm vụ nuôi giấu cán bộ. Năm 1960, ông gia nhập bộ đội. Năm 1964, ông làm trung đội trưởng trung đội địa phương huyện Cái Bè. Trong chiến đấu, ông bị thương hai lần, nên chuyển sang phụ trách Tổ dân quân huyện.

Năm 1965, trên đường đi công tác, ông bị vướng mìn, mất hết một chân và được điều về làm Chính trị viên Xã đội Mỹ Lợi. Tại đây, ông góp phần tích cực trong việc xây dựng lực lượng du kích xã ngày càng lớn mạnh và phát động trong nhân dân phong trào tự tạo vũ khí từ việc tận dụng bom pháo lép của địch. Từ đó, đội du kích xã đã đánh bại nhiều cuộc hành quân càn quét của địch, tiêu diệt nhiều sinh lực của bọn chúng.

Tháng 5-1968, gia đình ông tình nguyện nhận nuôi dưỡng một thương binh có tên là Nguyễn Văn Đẩu bị mất cả hai chân. Một tháng sau, ông thành lập Tổ du kích thương binh, gồm có ba người: ông, thương binh Nguyễn Văn Đẩu, thương binh Ngô Văn Hồng (con trai của ông, bị hỏng hai mắt), nhằm hỗ trợ nhau trong chiến đấu. Tính đến tháng 2-1969, Tổ du kích đặc biệt này đã đánh hàng chục trận lớn nhỏ, tiêu diệt 85 lính địch. Những chiến công vang dội đó đã làm nức lòng quân dân khắp nơi, có tác dụng thúc đẩy phong trào du kích chiến tranh trên địa bàn toàn huyện và cả tỉnh tiến lên.

Cũng trong năm 1969, trong một trận chống càn ác liệt tại xã nhà, ông đã anh dũng hy sinh. Ngày 10-2-1970, ông được Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam truy tặng Huân chương Quân công giải phóng hạng Ba và danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng. Tên ông được đặt tên trường tiểu học ở xã Mỹ Tân, huyện Cái Bè, tên trường trung học cơ sở và trung học phổ thông ở xã Mỹ Lợi B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có: 08 đảng viên; nam: 05; nữ: 03. Ban giám hiệu: 02; nam: 01 ; nữ: 01. Công đoàn: 28 công đoàn viên; nam: 14; nữ: 14. Đoàn thanh niên: 09 đoàn viên; nam: 05; nữ: 04. Đội thiếu niên: 368 đội viên; nam: 206; nữ: 192.

Tổng số cán bộ, viên chức: 28 ; nam: 14 ; nữ: 14.

Tổng số giáo viên: 24; nam: 13; nữ: 11. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (đại học): 24; Cử nhân (cao đẳng): 02; Trung học sư phạm: 01.

Tổng số học sinh: 598; nam: 302; nữ: 296.

Tổng diện tích: 7.077,3 m^2; diện tích sử dụng: 7.077,3m^2

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 02 tầng lầu; phòng làm việc: 06; phòng học: 16; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 02 ; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 04.

18. Trường Tiểu học Phan Lương Trực

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Họ và tên danh nhân (Phan Lương Trực).

Địa chỉ: Ấp Hậu Phú 2 xã Hậu Mỹ Bắc A Huyện Cái Bè tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 822 284

Trang thông tin điện tử: thphanluongtruc.pgdcaibe.edu.vn

Email: c1phanluongtruccaibe.tiengiang@moet.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường Tiểu học Kháng chiến Phan Lương Trực được thành lập năm 1948. Năm 1976, trường có tên là Trường Phổ thông cấp I Hậu Mỹ Bắc. Năm 1979, khi xã Hậu Mỹ Bắc tách ra thành hai xã Hậu Mỹ Bắc A và Hậu Mỹ Bắc B thì Trường Phổ thông cấp I Hậu Mỹ Bắc cũng tách ra, thành lập Trường Phổ thông cấp I Hậu Mỹ Bắc A. Sau đó, Trường Phổ thông cấp I Hậu Mỹ Bắc A và Trường Phổ thông cấp II Hậu Mỹ Bắc A hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Hậu Mỹ Bắc A. Năm 1997, bộ phận Cấp I của trường được tách ra, thành lập Trường Tiểu học Phan Lương Trực theo Quyết định số 139/QĐ.UB ngày 28 tháng 01 năm 1997 của Ủy ban Nhân dân huyện Cái Bè.

Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và đạt Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

PHAN LƯƠNG TRỰC

(1916 – 1946)

Phan Lương Trực sinh năm 1916 tại làng Trường Thành, huyện Ô Môn, tỉnh Cần Thơ (nay là xã Trường Thành, huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ) trong một gia

đình nông dân yêu nước. Thuở nhỏ, ông học tại Collège de Cantho (nay là Trường THPT Châu Văn Liêm, TP. Cần Thơ) và Lycée Pétrus Ký (nay là Trường THPT Chuyên Lê Hồng Phong, TP. Hồ Chí Minh). Sau đó, ông thi đậu vào Trường Sư phạm Sài Gòn. Năm 1940, sau khi tốt nghiệp, ông dạy học ở Rạch Giá. Năm 1943, ông chuyển về dạy học tại xã Quới Sơn, quận An Hóa, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Quới Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre).

Đầu năm 1945, ông tham gia Hội Khuyến học tỉnh Mỹ Tho. Đây là một tổ chức do Đảng lập ra, hoạt động công khai, nhằm tập hợp đội ngũ trí thức yêu nước; nâng cao trình độ dân trí cho quần chúng, nhất là thanh niên; giáo dục, tuyên truyền, vận động nhân dân đoàn kết đấu tranh chống thực dân Pháp và phát xít Nhật, giành độc lập, tự do cho đất nước.

Ngày 19-5-1945, được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Mỹ Tho, ông mở Trường Võ bị Mỹ Tho đặt tại đình An Vĩnh, xã Long An, huyện Châu Thành (tỉnh Tiền Giang). Trường có khoảng 100 học viên, quy tụ cán bộ của Đảng và thanh niên yêu nước trong các giới để huấn luyện chính trị, quân sự, phương pháp tập hợp quần chúng,… nhằm đào tạo đội ngũ cán bộ cho cơ sở, chuẩn bị giành chính quyền khi thời cơ đến.

Ngày 17-8-1945, ông tham dự hội nghị Tỉnh ủy Mỹ Tho. Hội nghị quyết định phát lệnh khởi nghĩa giành chính quyền ở tỉnh Mỹ Tho và thành lập Ban Vận động Việt Minh, gồm có 5 thành viên, trong đó có ông. Khoảng 4 giờ sáng ngày 18-8-1945, ông chỉ huy học viên của Trường Võ bị Mỹ Tho, được biên chế thành 3 trung đội, tiến vào nội ô thị xã Mỹ Tho, phối hợp với lực lượng bên trong, lực lượng nội ứng của binh sĩ và sự hỗ trợ của quần chúng cách mạng, nhanh chóng đánh chiếm các mục tiêu quan trọng trong thị xã lúc 7 giờ sáng, góp phần quan trọng vào thắng lợi của cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền ở tỉnh Mỹ Tho.

Cuối tháng 9-1945, ông được cấp trên tín nhiệm phân công làm Chính trị viên Lực lượng Bộ đội Thủ Khoa Huân của tỉnh Mỹ Tho khi vừa mới thành lập. Tháng 10-1945, ông chỉ huy 2 phân đội vũ trang mang tên Lê Lợi tiến đánh quân Pháp quyết liệt ở cầu Quay, chợ Cũ (Mỹ Tho), Bến Tranh (Chợ Gạo) nhằm ngăn chặn địch đánh phá các địa phương ở phía Tây thị xã Mỹ Tho. Sau khi gây cho quân địch nhiều thiệt hại, được lệnh của Xứ ủy Nam bộ, ông chỉ huy 2 phân đội này di chuyển sang Rạch Miễu (lúc đó thuộc tỉnh Mỹ Tho, nay thuộc xã Tân Thạch, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre) để cùng với Mặt trận An Hóa (lúc đó An Hóa cũng thuộc tỉnh Mỹ Tho, nay thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre) để đề phòng địch đánh rộng ra tỉnh Bến Tre.

Ngày 18-8-1946, nhằm ngăn cản quân xâm lược Pháp đánh lan ra khắp Nam bộ, ông đã tham gia chỉ huy Bộ đội Thủ Khoa Huân chiến đấu chống địch tại xã Tường Đa, quận An Hóa, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Tường Đa, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre). Trận đánh diễn ra rất gay go và ác liệt. Mặc dù quân Pháp có ưu thế

về quân số và vũ khí; nhưng với lòng yêu nước nồng nàn và tinh thần chiến đấu kiên cường, bộ đội ta đã dũng cảm đánh trả địch rất quyết liệt, gây cho bọn chúng nhiều tổn thất nặng nề.

Trong lúc kịch chiến với quân địch, ông đã anh dũng đền nợ nước khi mới vừa tròn 30 tuổi. Để ghi nhận và tưởng nhớ công lao của ông đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc, Nhà nước đã truy tặng ông Huân chương Chiến công hạng Nhì. Tên ông được đặt tên trường tiểu học tại xã Hậu Mỹ, huyện Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho trong kháng chiến chống thực dân Pháp và tên trường tiểu học hiện nay ở xã Hậu Mỹ Bắc A, huyện Cái Bè; đồng thời, tên ông còn được đặt tên đường ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 12 đảng viên; nam: 03; nữ: 09; Chi ủy: 03; nam: 01; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 29 công đoàn viên; nam: 09; nữ: 20. Đoàn thanh niên: 11 đoàn viên; nam: 04 ; nữ: 07. Đội thiếu niên: 354 đội viên; nam: 196 ; nữ: 158.

Tổng số cán bộ, viên chức: 29; nam: 09; nữ: 20.

Tổng số giáo viên: 27; nam: 08; nữ: 19. Cử nhân (đại học): 27; Cử nhân (cao đẳng): 01; Trung cấp: 01.

Tổng số học sinh: 586; nam: 311; nữ: 275.

Tổng diện tích: 11.395,7 m^2; diện tích sử dụng: 3.914 m^2

Trường có 01 dãy trệt và 01 dãy lầu, gồm 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; phòng làm việc: 04; phòng học: 18; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 02; thư viện:01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh:02.

19. Trường Tiểu học Tân Hưng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Tân Hưng).

Địa chỉ: Ấp 2, xã Tân Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733920067

Trang thông tin điện tử:

Email: c1tanhungcaibe.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Thanh Hưng được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Thanh Hưng và Trường Phổ thông cấp II Thanh Hưng hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Thanh Hưng. Năm 1979, xã Thanh Hưng tách ra thành hai xã Tân Hưng và Tân Thanh. Sau đó, Trường Phổ thông cơ sở Tân Hưng được thành lập. Năm 1992, bộ phận Cấp I của Trường Phổ thông cơ sở Tân Hưng được tách ra, thành lập Trường Tiểu học Tân Hưng theo Quyết định số 69/QĐ.UB ngày 09 tháng 8 năm 1992 của Ủy ban Nhân dân huyện Cái Bè.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Tân Hưng.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 13 đảng viên; nam: 10; nữ: 03; Chi ủy: 03; nam: 01; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 00; nữ: 02. Công đoàn: 35 công đoàn viên; nam: 2 đội viên; nam:224; nữ: 235.

Tổng số cán bộ, viên chức: 35; nam: 19; nữ: 16. Tổng số giáo viên: 31; nam:18; nữ: 13. Cử nhân (đại học): 26; Cử nhân (cao đẳng): 04; Trung học sư phạm: 05.

Tổng số học sinh: 690; nam: 344; nữ: 346 .

Tổng diện tích: 6.553,4 m^2; diện tích sử dụng: 6.553,4 m^2

Cơ sở vật chất:

Trường có 03 dãy lầu; mỗi dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; phòng làm việc: 06; phòng học: 23; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 02 ; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 03.

20. Trường Tiểu học Tân Thanh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Tân Thanh).

Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Thanh, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733920071

Trang thông tin điện tử: thtanthanh.pgdcaibe.edu.vn

Email: c1tanthanhcaibe.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Thanh Hưng được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Thanh Hưng và Trường Phổ thông cấp II Thanh Hưng hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Thanh Hưng. Năm 1979, xã Thanh Hưng tách ra thành hai xã Tân Hưng và Tân Thanh. Sau đó, Trường Phổ thông cơ sở Tân Thanh được thành lập. Năm 1992, bộ phận Cấp I của Trường Phổ thông cơ sở Tân Thanh được tách ra, thành lập Trường Tiểu học Tân Thanh theo Quyết định số 630/QĐ.UB ngày 28 tháng 8 năm 1992 của Ủy ban Nhân dân huyện Cái Bè.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Tân Thanh.

Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 và Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 12 đảng viên; nam: 06; nữ: 06; Chi ủy: 03; nam: 03; nữ: 00. Ban giám hiệu: 03; nam: 02; nữ: 01. Công đoàn: 48 công đoàn viên; nam: 16; nữ: 32. Đoàn thanh niên: 10 đoàn viên; nam: 01; nữ: 09. Đội thiếu niên: 597 đội viên; nam: 292; nữ: 305.

Tổng số cán bộ, viên chức: 48; nam: 16; nữ: 32. Tổng số giáo viên: 42; nam:13; nữ: 29. Thạc sĩ: 02; Cử nhân (đại học): 38; Cử nhân (cao đẳng): 00; Trung học sư phạm: 07; Trung cấp: 01.

Tổng số học sinh: 985; nam: 493; nữ: 492.

Tổng diện tích: 8.129,5 m^2; diện tích sử dụng: 8.129,5 m^2

Trường có 3 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 10; phòng học: 26; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 02; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 04.

21. Trường Tiểu học - Trung học cơ sở An Thái Đông

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học - Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã An Thái Đông).

Địa chỉ: Ấp Thái Hòa, xã An Thái Đông, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733746540

Trang thông tin điện tử: http://th-thcsanthaidong.tiengiang.edu.vn

Email: c2anthaidongcaibe.tiengiang@moet.edu.vn Lịch sử trường:

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I An Thái Đông và Trường Phổ thông cấp II An Thái Đông được thành lập. Năm 1978, hai trường hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở An Thái Đông. Sau đó, trường được tách ra, thành Trường Tiểu học An Thái Đông và Trường Trung học cơ sở An Thái Đông. Năm 2021, hai trường hợp nhất thành Trường Tiểu học và Trung học cơ sở An Thái Đông theo Quyết định số 5609/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban Nhân dân huyện Cái Bè.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã An Thái Đông.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 22 đảng viên; nam: 12; nữ: 10; Chi ủy: 05; nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 03; nam: 02; nữ: 01. Công đoàn: 58 công đoàn viên; nam: 26; nữ: 32. Đoàn thanh niên: 11 đoàn viên; nam: 02; nữ: 09; Đội thiếu niên: 1.040 đội viên; nam: 531; nữ: 509

Tổng số cán bộ, viên chức: 58; nam: 26; nữ: 32. Tổng số giáo viên: 53; nam: 24; nữ: 29. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (đại học): 45; Cử nhân (cao đẳng): 09; Trung học sư phạm: 02; Trung cấp: 01.

Tổng số học sinh: 1.324; nam: 677; nữ: 647.

Tổng diện tích: 1.390 m^2; diện tích sử dụng: 1.390 m^2

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 03 tầng lầu; phòng làm việc: 10; phòng học: 36; phòng thí nghiệm: 02; phòng nghe nhìn: 02; phòng máy tính: 02; thư viện: 03; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; nhà thi đấu đa năng: 01; khu vệ sinh: 02.

22. Trường Tiểu học - Trung học cơ sở An Thái Trung

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học - Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã An Thái Trung).

Địa chỉ: Ấp 1, xã An Thái Trung, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733821438

Trang thông tin điện tử: thcsanthaitrung.tiengiang.edu.vn

Email: c2anthaitrungcaibe.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I An Thái Trung và Trường Phổ thông cấp II An Thái Trung được thành lập. Năm 1978, hai trường hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở An Thái Trung. Sau đó, trường được tách ra, thành Trường Tiểu học An Thái Trung và Trường Trung học cơ sở An Thái Trung. Năm 2021, hai trường hợp nhất thành Trường Tiểu học và Trung học cơ sở An Thái Trung theo Quyết định số 5616/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban Nhân dân huyện Cái Bè.

Trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã An Thái Trung.

Trường chưa được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục, nhưng trước khi hợp nhất thì đơn vị Trường Trung học cơ sở An Thái Trung được đánh giá đạt Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 1 theo Quyết định số 593/QĐ-SGDĐT ngày 24 tháng 10 năm 2017 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Tiền Giang.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 20 đảng viên; nam: 11; nữ 09; Chi ủy: 05; nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 03; nam: 02; nữ: 01. Công đoàn: 77; nam: 37; nữ: 40. Đoàn thanh niên: 33 đoàn viên; nam: 13; nữ: 20. Đội thiếu niên: 1.160 đội viên; nam: 627; nữ: 533.

Tổng số cán bộ, viên chức: 77; nam: 37; nữ: 40. Tổng số giáo viên: 70; nam: 35; nữ: 35. Cử nhân (đại học): 63; Cử nhân (cao đẳng): 05; Trung học sư phạm: 07; Trung cấp: 02.

Tổng số học sinh: 1.520; nam: 827; nữ: 693.

Tổng diện tích: 9.659 m^2; diện tích sử dụng: 5.234 m^2.

Trường 05 dãy lầu, mỗi dãy 01 tầng trệt và 02 tầng lầu; phòng làm việc: 08; phòng học: 36; phòng thí nghiệm: 03; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 03; thư viện: 02; sân chơi: 03; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 03.

23. Trường Tiểu học - Trung học cơ sở Hậu Mỹ Phú

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học - Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Hậu Mỹ Phú).

Địa chỉ: Ấp Mỹ Phú A, xã Hậu Mỹ Phú, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273.3922092

Trang thông tin điện tử: http://thcshaumyphu.tiengiang.edu.vn

Email: c2haumyphucaibe.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1979, xã Hậu Mỹ Nam chia thành hai xã Hậu Mỹ Phú và Hậu Mỹ Trinh. Theo đó, tại xã Hậu Mỹ Phú, Trường Phổ thông cấp I Hậu Mỹ Phú và Trường Phổ thông cấp II Hậu Mỹ Phú được thành lập. Sau đó, Trường Phổ thông cấp I Hậu Mỹ Phú đổi tên thành Trường Tiểu học Hậu Mỹ Phú; Trường Phổ thông cấp II Hậu Mỹ Phú đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Hậu Mỹ Phú. Năm 2020, hai trường hợp nhất thành Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Hậu Mỹ Phú theo Quyết định số 3900/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban Nhân dân huyện Cái Bè.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Hậu Mỹ Phú.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 30 đảng viên; nam: 17; nữ: 13; Chi ủy: 05; nam: 01; nữ: 04. Ban giám hiệu: 03; nam: 00; nữ: 03. Công đoàn: 55 công đoàn viên; nam: 27; nữ: 28. Đoàn thanh niên: 18 đoàn viên; nam: 08; nữ: 10. Đội thiếu niên: 825 đội viên; nam: 423; nữ: 402.

Tổng số cán bộ, viên chức: 55; nam: 27; nữ: 28. Tổng số giáo viên: 50; nam: 26; nữ: 24. Cử nhân (đại học): 45; Cử nhân (cao đẳng): 04; Trung học sư phạm: 01.

Tổng số học sinh: 1.065; nam: 538 ; nữ: 527.

Tổng diện tích: 9.900 m^2; diện tích sử dụng: 8.248 m^2

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 03 tầng lầu; phòng làm việc: 09; phòng học: 32; phòng thí nghiệm: 04; Phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 02; thư viện:01; sân chơi: 01 ; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 08.

24. Trường Tiểu học - Trung học cơ sở Mỹ Lợi B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học - Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Mỹ Lợi B).

Địa chỉ: Ấp Mỹ Thạnh, xã Mỹ Lợi B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733.750 008.

Trang thông tin điện tử: Website: http://thcsmyloib.tiengiang.edu.vn

Email: c2myloibcaibe.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1979, xã Mỹ Lợi chia thành hai xã Mỹ Lợi A và Mỹ Lợi B. Theo đó, tại xã Mỹ Lợi B, Trường Phổ thông cấp I Mỹ Lợi B và Trường Phổ thông cấp II Mỹ Lợi B được thành lập. Sau đó, Trường Phổ thông cấp I Mỹ Lợi B đổi tên thành Trường Tiểu học Mỹ Lợi B; Trường Phổ thông cấp II Mỹ Lợi B đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Mỹ Lợi B. Năm 2019, hai trường hợp nhất thành Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Mỹ Lợi B theo Quyết định số 2504/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Nhân dân huyện Cái Bè.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Mỹ Lợi B.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 12 đảng viên; nam: 12; nữ: 00; Chi ủy: 03; nam: 03; nữ: 00. Ban giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 34 công đoàn viên; nam: 25; nữ: 09. Đoàn thanh niên: 21 đoàn viên; nam: 07; nữ: 14. Đội thiếu niên: 575 đội viên; nam: 296; nữ: 279.

Tổng số cán bộ, viên chức: 34; nam: 25; nữ: 09. Tổng số giáo viên: 32; nam: 25; nữ: 07. Cử nhân (đại học): 17; Cử nhân (cao đẳng): 06; Trung học sư phạm: 09.

Tổng số học sinh: 596; nam: 303; nữ: 293.

Tổng diện tích: 8.935,2 m^2; diện tích sử dụng: 8.935,2 m^2

Trường có 05 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; phòng làm việc: 08; phòng học: 18; phòng thí nghiệm: 03; phòng nghe nhìn: 02; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 02; khu vệ sinh: 05.

25. Trường Tiểu học - Trung học cơ sở Mỹ Lương

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học - Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Mỹ Lương).

Địa chỉ: Ấp Lương Lễ, xã Mỹ Lương, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

Số điện thoại: 02733921097

Trang thông tin điện tử: http://thcsmyluong.tiengiang.edu.vn

- Email: c2myluongcabe.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Mỹ Lương và Trường Phổ thông cấp II Mỹ Lương được thành lập. Năm 1978, hai trường hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Mỹ Lương. Năm 1993, trường tách ra thành hai trường là Trường Tiểu học Mỹ Lương và Trường Trung học cơ sở Mỹ Lương. Năm 2020, hai trường hợp nhất thành Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Mỹ Lương theo Quyết định số 3930/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban Nhân dân huyện Cái Bè.

Trường đã được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục năm 2015.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Mỹ Lương.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 21 đảng viên; nam: 14 ; nữ: 07; Chi ủy: 05; nam: 04; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 50; nam: 21; nữ: 29. Đoàn thanh niên: 06 đoàn viên; nam: 03; nữ: 03. Đội thiếu niên: 736 đội viên; nam: 355; nữ: 381.

Tổng số cán bộ, viên chức: 50; nam: 21; nữ: 29. Tổng số giáo viên: 48; nam: 19; nữ: 29. Cử nhân (đại học): 38; Cử nhân (cao đẳng): 12.

Tổng số học sinh: 1.008 ; nam: 513 ; nữ: 495.

Tổng diện tích: 10.560,1 m²; diện tích sử dụng: 3.591,75 m²

Trường có 04 dãy lầu; 03 dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; 01 dãy có 01 tầng trệt và 02 tầng lầu; phòng làm việc: 08; phòng học: 52; phòng thí nghiệm: 01; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 03; thư viện: 02; sân chơi: 02; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 05.

26. Trường Tiểu học - Trung học cơ sở Mỹ Trung

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học - Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Mỹ Trung).

Địa chỉ: Ấp Mỹ Thị A, xã Mỹ Trung, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02736270507

Trang thông tin điện tử:

Email: C1mytrungbcaibetiengiang@moet.edu.vn

C2mytrungcaibetiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Mỹ Trung và Trường Phổ thông cấp II Mỹ Trung được thành lập. Năm 1978, hai trường hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Mỹ Trung. Năm 1993, trường tách ra thành hai trường là Trường Tiểu học Mỹ Trung và Trường Trung học cơ sở Mỹ Trung. Năm 2020, hai trường hợp nhất thành Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Mỹ Trung theo Quyết định số 3906/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban Nhân dân huyện Cái Bè.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Mỹ Trung.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 18 đảng viên; nam: 08; Nữ: 10; Chi ủy: 05; nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 03; nam: 00; nữ: 03. Công đoàn: 52; nam: 24; nữ: 2. Đoàn thanh niên: 07 đoàn viên; nam 03; nữ: 04. Đội thiếu niên: 681 đội viên; nam: 369; nữ: 312.

Tổng số cán bộ, viên chức: 52; nam: 24; nữ: 28. Tổng số giáo viên: 45; nam: 25; nữ: 20. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (đại học) 36; Cử nhân (cao đẳng): 05; Trung học sư phạm: 07; Trung cấp: 03.

Tổng số học sinh: 1.011; nam: 532; nữ: 479.

Tổng diện tích: 18.150 m^2; diện tích sử dụng: 3200 m^2

Trường có 03 dãy lầu; mỗi dãy có 1 tầng trệt, 01 tầng lầu; phòng làm việc: 07; phòng học: 29; phòng thí ng1; khu thể thao: 02; khu vệ sinh: 06.

27. Trường Tiểu học - Trung học cơ sở Thiện Trí

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học - Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Thiện Trí).

Địa chỉ: Ấp Mỹ Quới, xã Thiện Trí, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733756 226.

Trang thông tin điện tử: http://thientri.tiengiang.edu.vn/

Email: c2thientricaibe.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Mỹ Thiện và Trường Phổ thông cấp II Mỹ Thiện được thành lập. Năm 1978, hai trường hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Mỹ Thiện. Năm 1979, xã Mỹ Thiện chia thành hai xã Thiện Trí và Thiện Trung. Theo đó, tại xã Thiện Trí, Trường Phổ thông cơ sở Thiện Trí được thành lập. Năm 1997, trường tách ra thành hai trường là Trường Tiểu học Thiện Trí và Trường Trung học cơ sở Thiện Trí. Năm 2020, hai trường hợp nhất thành Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Thiện Trí theo Quyết định số 3922/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban Nhân dân huyện Cái Bè.

Khi chưa sáp nhập thì Trường Tiểu học Thiện Trí đã được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục. Trường Trung học cơ sở Thiện Trí đạt Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Thiện Trí.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 22 đảng viên; nam: 10; nữ: 12; Chi ủy: 05; nam: 02; nữ: 03. Ban giám hiệu: 03; nam: 02; nữ: 01. Công đoàn: 52 công đoàn viên; nam: 22; nữ: 30. Đoàn thanh niên: 28 đoàn viên; nam:13; nữ: 15. Đội thiếu niên: 804 đội viên; nam: 427; nữ: 377.

Tổng số cán bộ, viên chức: 52; nam: 22; nữ: 30. Tổng số giáo viên: 45; nam: 20; nữ: 25. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (đại học): 33; Cử nhân (cao đẳng): 05; Trung học sư phạm: 10; Trung cấp: 03.

Tổng số học sinh: 1.114; nam: 562; nữ: 552.

Tổng diện tích: 13.069 m^2; diện tích sử dụng:13.069 m^2

Trường có 06 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 14; phòng học: 32; phòng thí nghiệm: 07; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 03; thư viện: 02; sânchơi: 02; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 05.

28. Trường Tiểu học - Trung học cơ sở Thiện Trung

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học - Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Thiện Trung).

Địa chỉ: Ấp Mỹ Lược, xã Thiện Trung, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733825819.

Trang thông tin điện tử: https: vanbantiengiang.digigov.vn

Email: c2thientrungcaibe.tiengiang@moet.edu.vn.

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Mỹ Thiện và Trường Phổ thông cấp II Mỹ Thiện được thành lập. Năm 1978, hai trường hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Mỹ Thiện. Năm 1979, xã Mỹ Thiện chia thành hai xã Thiện Trí và Thiện Trung. Theo đó, tại xã Thiện Trung, Trường Phổ thông cơ sở Thiện Trí được thành lập. Năm 1997, trường tách ra thành hai trường là Trường Tiểu học Thiện Trung và Trường Trung học cơ sở Thiện Trung. Năm 2020, hai trường hợp nhất thành Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Thiện Trung theo Quyết định số 3915/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban Nhân dân huyện Cái Bè.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Thiện Trung.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 32 đảng viên; trong đó nam: 15; nữ: 17; Chi ủy: 05; nam: 04; nữ: 01. Ban giám hiệu: 03; nam: 02; nữ: 01. Công đoàn: 56 công đoàn viên; nam: 24; nữ: 32. Đoàn thanh niên: 25 đoàn viên; nam: 10; nữ: 15. Đội thiếu niên: 1.117 đội viên; nam: 567; nữ: 550.

Tổng số cán bộ, viên chức: 56; nam: 24; nữ: 32. Tổng số giáo viên: 51; nam: 21; nữ: 30. Cử nhân (đại học): 43; Cử nhân (cao đẳng): 08; Trung học sư phạm: 05.

Tổng số học sinh: 1.354; nam: 742; nữ: 612.

Tổng diện tích: 13.188 m^2, diện tích sử dụng: 2.392 m^2

Trường có 04 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; phòng làm việc: 03; phòng học: 27; phòng thí nghiệm: 01; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 02; khu vệ sinh: 04.

* **Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn địa danh Kinh/Kênh:**

*** Khái niệm**

Kinh/Kênh là dòng dẫn nước do con người tạo ra, nhằm vào nhiều mục đích, trong đó có hai mục đích chính là thủy lợi và giao thông thủy.

1. Kinh/Kênh Bang Mãn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Chức vụ (Bang biện: Viên chức thời thuộc Pháp, thuộc hàng Tổng, nhưng nhỏ hơi Cai/Chánh tổng) + Tên người (Bang biện Mãn, gọi tắt là Bang Mãn).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Tân Hưng, An Thái Trung, Mỹ Lợi A thuộc huyện Cái Bè; điểm đầu nối với Kinh/Kênh Cùng, điểm cuối nối với rạch Cổ Cò, dài 5,2 km, bề ngang 27 - 48 m, sâu 1,0 - 2,5 m, diện tích phục vụ 520 ha.

2. Kinh/Kênh Cùng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Tính từ (Cùng: Ở chỗ cuối, đến đó là hết giới hạn).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Tân Thanh, Tân Hưng, Mỹ Lợi B, An Thái Trung thuộc huyện Cái Bè; điểm đầu nối với rạch Cái Cối, điểm cuối nối với rạch Cổ Cò, dài 8,44 km, bề ngang 26 - 48 m, sâu 1,5 - 3,9) m, diện tích phục vụ 1.142 ha.

3. Kinh/Kênh Danh Cừu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Tên người (Danh Cửu).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã An Hữu, An Thái Trung, Mỹ Lợi A thuộc huyện Cái Bè; điểm đầu nối với rạch Cái Cối, điểm cuối nối với rạch Cổ Cò, dài 6.800 km, bề ngang 27-:-36 m, sâu 1,5 - 3 m, diện tích phục vụ 692 ha.

4. Kinh/Kênh Đường Củi

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Địa danh nhân tạo (Đường: Trong ngữ cảnh này chỉ đường/dòng nước) + Chất đốt (Củi). Kinh/Kênh Đường Củi là đường nước/dòng nước được dùng để chở củi

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Thiện Trung, Hậu Mỹ Trinh, Hậu Mỹ Bắc A, huyện Cái Bè; điểm đầu nối với Kinh/Kênh 28, điểm cuối nối với kinh/kênh Nguyễn Văn Tiếp, dài 10,74 km, bề ngang 25 - 35 m, sâu 1,5 - 3,0 m, diện tích phục vụ 1.550 ha.

5. Kinh/Kênh Lộ Giồng Tre

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Công trình xây dựng mang yếu tố Hán Việt (Lộ: 塘: Đường) + Địa hình thiên nhiên (Giồng: âm trại của "vồng", là khoảng đất nổi cao lên giữa nơi bằng phẳng,

tương đối rộng, có nhiều cát, thích hợp cho việc trồng các loại cây ăn trái và các loại hoa màu, như khoai, đậu, bắp, thuốc lá,…[35]) + Thực vật (Tre).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua xã Đông Hòa Hiệp, huyện Cái Bè; các xã Hiệp Đức, Cẩm Sơn, Bình Phú thuộc huyện Cai Lậy; điểm đầu nối với Sông Tiền, điểm cuối nối với kinh/kênh Xáng Mới, dài 10,55 km, bề ngang 10 - 25 m, sâu 1,0 - 3,0 m, diện tích phục vụ 625 ha.

6. Kinh/Kênh Một Thước

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Kích thước (Một Thước).

Kinh/Kênh lấy nước từ rạch Bà Tồn qua các xã Mỹ Thành Nam, Mỹ Thành Bắc của huyện Cai Lậy và xã Hội Cư, Hậu Mỹ Trinh của huyện Cái Bè . Điểm đầu tại xã Mỹ Thành Nam (huyện Cai Lậy) và điểm cuối giáp Kinh/Kênh 9 của xã Hậu Mỹ Trinh (huyện Cái Bè), dài 10 km, bề ngang 25 - 35 m, sâu 2 - 6 m, diện tích phục vụ 1.787 ha.

7. Kinh/Kênh Nguyễn Văn Tiếp

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Họ và tên nhân vật lịch sử (Nguyễn Văn Tiếp).

Tiểu sử nhân vật Nguyễn Văn Tiếp:

Nguyễn Văn Tiếp sinh năm 1900 tại làng Long Phú, quận Trung Quận, tỉnh Chợ Lớn (nay là xã Thanh Phú, huyện Bến Lức, tỉnh Long An) trong một gia đình trí thức yêu nước.

Thuở nhỏ, ông được gia đình cho lên Sài Gòn học tập. Do có điều kiện tiếp xúc với sách báo tiến bộ và chịu sự tác động của các phong trào đấu tranh chống chính quyền thực dân Pháp, nên ông sớm có tư tưởng yêu nước và cách mạng.

Sau khi tốt nghiệp trường sư phạm, ông làm giáo viên tại trường tiểu học Thanh Hà (Bến Lức). Trong khoảng thời gian này, ông tích cực tham gia các phong trào yêu nước đang diễn ra sôi nổi ở Nam bộ, như phong trào Hội kín Nguyễn An Ninh, phong trào đấu tranh đòi chính quyền Pháp trả tự do nhà yêu nước Phan Bội Châu (1925), phong trào để tang và truy điệu chí sĩ Phan Châu Trinh (1926),… Sau đó, ông bị Pháp bắt và giam ở Cần Thơ; nhưng do không có chứng cớ nên bọn chúng đành phải thả ông ra.

Năm 1929, ông gia nhập tổ chức An Nam Cộng sản Đảng. Sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (tháng 2-1930), ông được cử làm Bí thư chi bộ làng Long Phú (tháng 4-1930). Đây là một trong số mấy chi bộ được thành lập sớm nhất

[35] Lê Trung Hoa (1991), *Địa danh Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Khoa học xã hội, trang 91.

ở tỉnh Chợ Lớn. Tháng 5-1930, ông chỉ huy hàng trăm nông dân tiến vào quận lỵ Trung Quận (nay là thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lực, tỉnh Long An) đấu tranh đòi giảm sưu thuế. Sau cuộc biểu tình này, ông bị thực dân Pháp bắt và xử án tù chung thân đày Côn Đảo. Ở trong tù, mặc dù bị đày ải đến độ cùng cực; nhưng ông vẫn giữ vững tinh thần lạc quan cách mạng, một lòng một dạ trung thành với Tổ quốc, Đảng và nhân dân.

Cuối năm 1936, do áp lực của phong trào cách mạng trong cả nước và của Mặt trận Nhân dân ở Pháp, ông cùng với nhiều tù chính trị khác được trả tự do. Vừa mới ra tù, ông lại lao vào hoạt động cách mạng. Tháng 11-1940, ông tham gia cuộc khởi nghĩa Nam kỳ tại quê nhà. Cuộc khởi nghĩa bị thực dân Pháp đàn áp dã man. Một lần nữa, ông bị địch bắt; rồi sau đó, lãnh án khổ sai chung thân tại Côn Đảo.

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, ông và những người tù cộng sản được Đảng rước về đất liền. Lúc này, thực dân Pháp đang lăm le quay trở lại xâm lược Nam bộ. Với tinh thần tiến công cách mạng, không cho phép mình được nghỉ ngơi, ông hăng hái hoạt động và chấp hành nghiêm chỉnh mọi sự phân công của tổ chức.

Tháng 10-1945, ông được cấp trên tin tưởng cử làm Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chánh tỉnh Mỹ Tho kiêm Ủy viên Ủy ban Kháng chiến Hành chánh Nam Bộ và Xứ ủy viên Xứ ủy Nam bộ. Với trọng trách đó, ông là một trong những cán bộ lãnh đạo trọng yếu chỉ đạo phong trào kháng chiến của nhân dân tỉnh Mỹ Tho nói riêng và Khu 8 nói chung ngày càng phát triển mạnh mẽ, trong đó có những chiến thắng vang dội trên toàn quốc, như chiến thắng Cổ Cò (tháng 1-1947), chiến thắng Giồng Dứa (tháng 4-1947),…

Tháng 5-1947, trong khi đang chủ trì một cuộc họp quan trọng của tỉnh Mỹ Tho trong vùng căn cứ Đồng Tháp Mười, ông bị bệnh bất ngờ và qua đời.

Để ghi nhớ công lao của ông, theo đề nghị của Ủy ban Kháng chiến Hành chánh tỉnh Mỹ Tho, Ủy ban Kháng chiến Hành chánh Nam bộ đã lấy tên của ông đặt cho một con kinh từ Đồng Tháp Mười đổ ra sông Tiền, thay cho tên kinh Tổng đốc Lộc. Đó là kinh Nguyễn Văn Tiếp, một con kinh có tầm quan trọng về nhiều mặt đối với khu vực Đồng Tháp Mười. Đồng thời, một tiểu đoàn chủ lực thuộc trung đoàn 308 của Quân khu 8 cũng được mang tên ông. Hiện nay, tên ông được đặt tên trường trung học phổ thông ở huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang; tên đường ở thành phố Tân An và huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Phần mộ của ông tọa lạc tại Ấp Bắc, xã Tân Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Kinh/Kênh Nguyễn Văn Tiếp không chỉ đóng vai trò quan trọng trong việc khai hoang phục hóa vùng Đồng Tháp Mười mà còn gắn với những giai đoạn lịch sử quan trọng của đất nước.

Kinh/Kênh Nguyễn Văn Tiếp cho đến cuối thế kỷ XVIII chỉ là một con rạch nhỏ bắt nguồn từ sông Vàm Cỏ Tây, ăn sâu vô Đồng Tháp Mười khoảng vài km

với tên gọi Rạch Chanh (Đăng Giang). Kinh/Kênh Nguyễn Văn Tiếp do đô đốc Đặng Trấn của nhà Tây Sơn cho đào năm Ất Tỵ 1785, khi đó gọi là kinh/kênh mới Rạch Chanh (Tranh giang Tân kinh). Vì đào kinh ngang qua Bàu Bèo nên dân gian khi đó quen gọi là kinh/kênh Bàu Bèo, lâu ngày nói trại thành kinh/kênh Bà Bèo. Mục đích của nhà Tây Sơn đào kinh/kênh này nhằm phục vụ cho việc hành quân, nhưng cũng nhờ nó mà việc đi lại của người dân thuận lợi hơn, phục vụ tốt cho việc khai hoang xây dựng vùng đất mới. Từ đó, người dân đến định cư ở 2 bờ kinh/kênh ngày một nhiều, tạo nên sự sung túc cho cả khu vực. Con kinh/kênh này thường bị lấp cạn do tiếp giáp với Đồng Tháp Mười nên dưới thời vua Minh Mạng nó được nạo vét cho rộng thêm.

Đến thời Pháp, rồi Mỹ - chính quyền Sài Gòn nhận thấy tầm quan trọng của con kinh/kênh này về kinh tế lẫn quân sự nên cho xáng nạo vét sâu, rộng hơn nữa. Thời đầu, thực dân Pháp gọi đây là "Arroyo Commercial" (kinh/kênh Thương Mãi), sau do Tổng đốc Trần Bá Lộc chỉ huy nạo vét thêm nên có giai đoạn được gọi là kinh/kênh Tổng đốc Lộc.

Quyển *Địa chí Tiền Giang (2007)* viết: "Năm 1896, Tổng đốc Lộc (Trần Bá Lộc) cho đào một con kinh/kênh lớn dài 45 km, rộng 10 m. Bắt đầu từ rạch Bà Bèo (Arroyo Commercial), đào thời Tây Sơn, bao quanh cả vùng Mỹ Tho đổ ra rạch Ruộng gần Sa Đéc. Để phục vụ cho công trình này, dân phu phải đào 3 con kinh/kênh nhỏ, đi từ Cái Thia, Trà Lọt, Cái Bè, lấy lối vào kinh/kênh chính, dài tổng cộng 81 km, trong điều kiện cực kỳ khó khăn. Kênh/Kinh đi qua vùng hoàn toàn không có người ở, phải tiếp tế lương thực, thuốc men và nước sinh hoạt cho dân phu. Đào xong 3 con kinh/kênh mở lối này mới dùng thuyền tiếp tế các nhu yếu phẩm nói trên cho việc đào con kinh/kênh chính. Tháng 4 - 1897, kinh/kênh được chủ tỉnh Mỹ Tho Paul Bocquillon tổ chức khánh thành và tháng 7 năm đó được Toàn quyền Paul Doummer chấp thuận đặt tên là kinh/kênh Tổng Đốc Lộc - người khởi xướng và chỉ huy đào kinh".

Khi mới đào xong kinh/kênh Tổng đốc Lộc, thực dân Pháp và Trần Bá Lộc đã chiêu mộ dân nghèo đến làm ăn, khẩn hoang. Năm 1898, chúng tiếp tục cho đào các kinh/kênh nhỏ, việc khai hoang càng phát đạt. Nhưng công cuộc đào kinh/kênh cũng chỉ dừng lại ở đó, không củng cố và phát triển thêm. Năm 1904 hai trận bão liên tiếp vào ngày 1 tháng 5 và 2 tháng 11 kèm theo lụt lớn đã tàn phá hết mùa màng, nhà cửa, bồi lấp kinh/kênh rạch làm cho phần lớn dân cư bỏ đi đến các vùng dễ làm ăn như miệt Hậu Giang. Bão lũ là nguyên nhân trực tiếp; nhưng thực tế là do lâu ngày kinh mương không được đầu tư tu bổ.

Vào đầu thế kỷ XX, cùng với hàng loạt kinh/kênh rạch khác trong Đồng Tháp Mười, Pháp cho nạo vét lại con kinh/kênh này, từ Rạch Chanh thẳng lên Bà Bèo. Xuất phát từ kinh/kênh Tổng đốc Lộc tại đầu nguồn rạch Cái Nứa, Pháp cho đào một con kinh/kênh thẳng về hướng Tây trong Đồng Tháp Mười, xuyên qua huyện Tháp Mười và Cao Lãnh để ra sông Tiền, dài 60 km. Để thuận tiện giao

thông đường thủy, người Pháp đào con kinh thẳng, chứ không theo kinh/kênh cũ cong quẹo. Khi hoàn thành người Pháp đặt tên là Arroyo Commercial (kinh/kênh Thương Mãi) và kinh/kênh này giữ vai trò thông thương giữa miền Tây và Sài Gòn. Ngoài ra, kinh này cũng giữ vị trí chiến lược về mặt quân sự. Vị trí chiến lược này đặc biệt quan trọng trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược Nam bộ lần thứ 2 (tháng 9-1945). Kinh/Kênh Thương Mãi trở thành hành lang bảo vệ chiến khu trong Đồng Tháp Mười. Quân Pháp tổ chức nhiều đợt bố ráp vào trong Đồng Tháp Mười xuất phát từ con kinh/kênh này trong những năm 1947 - 1948.

Vê tên kinh/kênh, đến khi Cách mạng tháng Tám (1945) thành công, tên kinh/kênh Tổng đốc Lộc mới xóa bỏ. Sau năm 1947, ta đã lấy tên đồng chí Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Mỹ Tho vừa mới hy sinh để đặt cho con kinh/kênh này - kinh/kênh Nguyễn Văn Tiếp. Năm 1957, Ngô Đình Diệm đổi lại thành kinh/kênh Tháp Mười. Từ sau năm 1975, tên đồng chí Nguyễn Văn Tiếp lại được đặt cho con kinh này.

Những năm 1980, với chủ trương tiến công vào Đồng Tháp Mười, kinh/kênh Nguyễn Văn Tiếp được nạo vét và mở rộng một lần nữa (rộng 50 m); đồng thời xây dựng một con đập ở đoạn giáp với sông Vàm Cỏ, gọi là cống đập Rạch Chanh. Dọc bờ kinh Nguyễn Văn Tiếp là đê bao chống lũ mang tên Đê 19 tháng 5 với nhiều đập nhỏ dùng để tháo chua, ngăn lũ như: đập Rạch Gốc, Cống Tượng, Cầu Quán… Dọc bờ Bắc là Đường Tỉnh 865 xuyên qua địa phận các huyện Tân Phước, Cai Lậy, Cái Bè (Tiền Giang) đến thị trấn Mỹ An (huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp).

Kinh/Kênh Nguyễn Văn Tiếp là kinh/kênh dài nhất tỉnh Tiền Giang, chảy qua 4 huyện: Cái Bè, Cai Lậy, Tân Phước, Châu Thành, dài 66 km, bề ngang 40 m, độ sâu trung bình 4 - 5 m. Trong đó, đoạn kinh/kênh từ rạch Ruộng chạy lên phía đông bắc gọi là kênh Nguyễn Văn Tiếp B dài 20,4 km, đoạn rẽ về phía đông nối với sông Vàm Cỏ Tây gọi là Nguyễn Văn Tiếp A dài 45,5 km. Kinh/Kênh Nguyễn Văn Tiếp B cũng là ranh giới tự nhiên giữa tỉnh Tiền Giang với Đồng Tháp. Kinh/Kinh được nạo vét nhiều lần, nhất là năm 2000 để lấy đất đắp đê ngăn lũ.

8. Kinh/Kênh Hai Hạt - Trương Văn Sanh (Huyện Cai Lậy và huyện Cái Bè)

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Số lượng (Hai) + Đơn vị hành chính dưới thời Pháp thuộc (Hạt Tham biện, gọi tắt là Hạt) + Họ và tên người (Trương Văn Sanh).

Kinh/Kênh Hai Hạt - Trương Văn Sanh (đoạn chảy trên địa bàn huyện Cai Lậy và huyện Cái Bè) xuyên qua xã Phú Cường, huyện Cai Lậy và xã Hậu Mỹ Bắc B, huyện Cái Bè; điểm đầu nối với Kinh/Kênh 12, điểm cuối nối với Kinh/Kênh 6, dài 15,66 km, bề ngang 20 - 30 m, sâu 1,5 - 2,0 m, diện tích phục vụ 280 ha, được đào năm 1990.

9. Kinh/Kênh 5

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Số hiệu (5).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Mỹ Đức Đông, Mỹ Đức Tây, Mỹ Lợi A, Mỹ Lợi B, Mỹ Tân, Mỹ Trung thuộc huyện Cái Bè; điểm đầu nối với rạch Cái Cối, điểm cuối nối với kinh/kênh Nguyễn Văn Tiếp B, dài 18,89 km, bề ngang 34 - 74 m, sâu 2,6 - 6,5 m, diện tích phục vụ 3.600 ha.

10. Kinh/Kênh 6

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Số hiệu (6).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Thiện Trí, Mỹ Tân, Thiện Trung, Mỹ Trung, Hậu Mỹ Bắc A, Hậu Mỹ Bắc B thuộc huyện Cái Bè; điểm đầu nối với rạch Mỹ Thiện, điểm cuối nối với kinh/kênh Hai Hạt, dài 21,37 km, bề ngang 26 - 33 m, sâu 2,0 - 5,0 m, diện tích phục vụ 1.850 ha.

11. Kinh/Kênh 7

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Số hiệu (7).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè; điểm đầu nối với sông Tiền, điểm cuối nối với kinh/kênh Hai Hạt, dài 26.71 km, bề ngang 40 - 70 m, sâu 2 - 9 m, diện tích phục vụ 3.650 ha.

12. Kinh/Kênh 8

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Số hiệu (8).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua xã Đông Hoà Hiệp, huyện Cái Bè; điểm đầu nối với rạch Cái Bè, điểm cuối nối với Kinh/Kênh 7, dài 17,42 km, bề ngang 40 - 50 m, sâu 3 - 4 m, diện tích phục vụ 1.250 ha.

13. Kinh/Kênh 9

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Số hiệu (9).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua xã hậu Mỹ Trinh, huyện Cái Bè; điểm đầu nối với Kinh/Kênh 8, điểm cuối nối với kinh/kênh Hai Hạt, dài 10,41 km, bề ngang 25 - 35 m, sâu 2,5 - 3,5 m, diện tích phục vụ 1.862 ha.

14. Kinh/Kênh 20

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Số hiệu (20).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Mỹ Trung, Mỹ Tân, Mỹ Đức Tây thuộc huyện Cái Bè; điểm đầu nối với Kinh/Kênh 5, điểm cuối nối với Kinh/Kênh 28, dài 9,5 km, bề ngang 24 - 30 m, sâu 1,5 - 3 m, diện tích phục vụ 960 ha.

15. Kinh/Kênh 28

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Số hiệu (28).

Kinh/Kênh 28 là đoạn kinh/kênh cuối gần sông Tiền của một hệ thống gồm nhiều đoạn kinh/kênh đào khá thẳng nối liền nhau chạy từ kinh Hồng Ngự thuộc tỉnh Đồng Tháp theo hướng đông - nam cắt ngang các kinh/kênh Đồng Tiến, An Phong, Mỹ Hòa, Nguyễn Văn Tiếp A, Nguyễn Văn Tiếp B và ra sông Tiền qua ngõ rạch Thông Lưu - rạch Cái Bè.

Kinh/Kênh 28 được đào năm 1901, nằm trong địa phận huyện Cái Bè, thông với kinh/kênh Nguyễn Văn Tiếp B tại ngã sáu Mỹ Trung đi qua các xã Mỹ Trung, Thiện Trung, Hòa Thành, Hòa Khánh, Thiện Trí, Đông Hòa Hiệp đến ngã ba Thông Lưu. Kinh/Kênh dài 14 km, rộng trung bình 60 m, sâu 9 - 13m. Đây là con kinh quan trọng đi từ trung tâm Đồng Tháp Mười ra sông Tiền. Vào những năm còn lũ lớn, Kinh/Kênh 28 là trục thoát lũ chính.

Nghiên cứu địa danh tín ngưỡng, tôn giáo:

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên Đình:**

Khái niệm Đình (chữ Hán: 亭): là công trình trong tổng thể kiến trúc làng Việt Nam.

Đình Số thứ tự làng là nơi thờ Thành hoàng làng (là người thành lập làng hay có công với làng), đồng thời là nơi hội họp, bàn việc của dân làng. Đình được coi là trung tâm sinh hoạt văn hóa gắn bó với một cộng đồng cư dân và mang đặc trưng của nền văn minh lúa nước Việt Nam.

1.Đình An Hữu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính (Xã An Hữu).

Đình An Hữu tọa lạc tại Ấp 4, xã An Hữu, huyện Cái Bè.

Đình thần An Hữu (hay còn gọi là Đình Rạch Chanh) được thành lập trong nửa đầu thế kỷ 19.

Trong 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, đình An Hữu là nơi tổ chức hội, họp bàn kế hoạch tác chiến chống kẻ thù của 3 xã An Hữu, An Thái Đông và An Thái Trung. Đặc biệt, đình là nơi thành lập Mặt trận Việt Minh, nơi thành lập chi bộ Đảng đầu tiên và là nơi họp tổ chức kế hoạch cuộc tổng tiến công nổi dậy năm 1968 và 1975 của xã An Hữu. Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng thống

nhất đất nước (30-4-1975), chính quyền và nhân dân xã An Hữu đã đưa các anh hùng liệt sĩ đã hy sinh trong 2 cuộc kháng chiến về thờ cúng tại Đình.

Đình diện tích xây dựng là 465,60 m^2, toàn bộ mái đình lợp theo kiểu chồng riềm, điệp mái và được đỡ trên 72 cột gỗ và 28 cột bê tông. Tại sân đình có bàn thờ Thần Nông ở bên trái, miếu thờ Cửu thiên huyền nữ ở phí bên phải. Vào trong đình, phía trước là vỏ ca (dành làm nơi xây chầu và hát bội vào mỗi dịp lễ cúng đình, giữa là vỏ quy (dùng làm chỗ cho các chức sắc chầu lễ, cầm chầu mỗi khi hát bội hoặc hội họp hoặc là nơi nhân dân tề tựu trước khi vào chánh điện hành lễ), bên trong cùng là chánh điện (là nơi thờ tự chính). Hằng năm, đình có 2 lệ cúng, cúng Thượng điền vào ngày 11/11 âm lịch và cúng Hạ điền vào ngày 11/4 âm lịch.

Đình An Hữu được được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 5044/QĐ-UBND ngày 24/12/2009 của UBND tỉnh Tiền Giang.

2. Đình An Thái Trung

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh nhành chính (Xã An Thái Trung).

Đình An Thái Trung tọa lạc tại Ấp 2, xã An Thái Trung, huyện Cái Bè.

Đình được xây dựng đầu thế kỷ XIX, có diện tích đất 1.038,6m^2, diện tích xây dựng 338m^2, có kiến trúc theo dạng chữ Tam (≡) gồm ba phần: Vỏ ca, vỏ quy, chánh điện, ba ngôi nhà nằm song song nhau trên một trục cửa quay về hướng Đông (Rạch Chanh). Đình được trùng tu vào các năm 1916, 1970. Hiện nay, đình được trùng tu tôn tạo khá khang trang.

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, đình An Thái Trung là cơ sở cách mạng. Đặc biệt, tại nơi đây, ông Nguyễn Văn Tiếp - Chủ tịch Ủy ban hành chánh kháng chiến tỉnh Mỹ Tho đã tổ chức nhiều cuộc hội họp.

Hiện nay, đình An Thái Trung còn lưu giữ di vật có giá trị: hai trái châu bằng đồng có niên đại cuối thế kỷ XIX đầu XX, đây là cổ vật quí hiếm, có giá trị cao về mặt nghệ thuật.

Đình An Thái Trung được được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 3418/QĐ-UBND ngày 01/12/2010 của UBND tỉnh Tiền Giang.

3. Đình Mỹ Lương

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính (Xã Mỹ Lương).

Đình Mỹ Lương tọa lạc tại ấp Lương Nhơn, xã Mỹ Lương, huyện Cái Bè.

Đình được tôn tạo lần đầu tiên năm 1926. Trong đình có tấm bảng bằng chữ Hán - Nôm ghi lại tên các mạnh thường quân đã đóng góp để xây dựng vào năm 1926. Ngôi đình có quy mô xây dựng lớn, với diện tích 790,875 m^2 gồm vỏ ca, vỏ

quy và chánh điện, thờ Thành hoàng Bổn cảnh (thờ chính) và những vị Tiền hiền và Hậu hiền đã có nhiều đóng góp cho vùng đất Mỹ Lương.

Trong đình hiện còn lưu giữ nhiều di vật quý giá, được chạm trổ công phu có niên đại từ thế kỷ 18-19. Đáng chú ý còn có các bức tranh tường và tranh gỗ được chế tác vào đầu thế kỷ 20, rất có giá trị.

Trước năm 1975, đình Mỹ Lương là cơ sở cách mạng của địa phương. Hiện trong đình còn giữ một bàn thờ thần, mà bên trong là một hầm bí mật của xã suốt từ năm 1965 đến năm 1975.

Hằng năm, lễ Hạ điền được tổ chức vào ngày 15, 16 tháng 3 âm lịch âm lịch; và lễ Thượng điền được tổ chức vào ngày 15, 16 tháng 11 âm lịch.

Ngày 1/11/2011, Bộ văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Quyết định số 3528/QĐ-BVHTTDL công nhận Đình Mỹ Lương là Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Quốc gia.

4. Đình Mỹ Hưng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính xưa (Thôn Mỹ Hưng)

Đình Mỹ Hưng tọa lạc xã Hòa Hưng, huyện Cái Bè.

Đình được xây dựng vào đầu thế kỷ 19.

Sau Cách mạng tháng Tám 1945, đình bị hủy hoại hoàn toàn, nhân địa phương di dời về chỗ mới, đình bị thu hẹp, vật liệu không kiên cố. Tháng 11 năm kỷ dậu (1969), đình được tu bổ xây dựng bằng bê tông, lợp tole. Sau ngày 30/4/1975, vào những năm 1990 nhân dân tu bổ thêm làm cổng đình. Từ năm 2000 đến nay mỗi năm đều có tu bổ, sửa chữa từ vỏ ca đến chánh điện. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ, đình là cơ sở cách mạng quan trọng của xã và huyện Cái Bè.

Đình có diện tích đất hơn 3.000 m^2, Từ khi xây dựng cho đến nay, đình Mỹ Hưng đều được bố cục theo dạng chữ tam (≡). Đây là kiểu kiến trúc truyền thống của đình chùa Nam bộ gồm ba ngôi nhà song song nối tiếp từ trước ra sau: vỏ ca; vỏ quy; chánh điện; ngoài ra đình còn có nhà thờ liệt sĩ cách mạng và nhà bếp (nhà khói) có diện tích xây dựng 496,85 m^2.

Đình Mỹ Hưng được được xếp hạng Di tích lịch sử – văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 3418/QĐ-UBND ngày 01/12/2010 của UBND tỉnh Tiền Giang.

5. Đình Hòa Khánh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính (Xã Hòa Khánh).

Đình Hòa Khánh tọa lạc xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè.

Đình Hòa Khánh là một ngôi đình cổ thờ Thần Hoàng Bổn Cảnh có diện tích khoảng 500m^2, được xây dựng vào năm 1830 theo kiểu chữ Nhị (=) gồm tiền điện và chánh điện với các chất liệu truyền thống như gạch, đá, ngói, gỗ…

Đình còn là cơ sở cách mạng vững chắc của xã trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Năm 1948, Mặt trận Việt Minh và du kích xã thường xuyên sử dụng đình làm nơi hội họp, bàn kế hoạch đánh địch. Năm 1949, tại đình, du kích xã đã họp bàn kế hoạch đánh diệt đồn Nước Trong, cách đình 500 mét. Trong những năm kháng chiến chống Mỹ, lực lượng của ta sử dụng đình làm cơ sở cách mạng, hội họp chi bộ, họp dân để tuyên truyền đường lối cách mạng

Đình Hòa Khánh được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận Di tích cấp tỉnh về kiến trúc nghệ thuật theo Quyết định số 2651/QĐ-UBND ngày 04/11/2013 của UBND tỉnh Tiền Giang.

6. Đình Hòa Lộc

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính xưa (Thôn Hòa Lộc).

Đình Hòa Lộc tọa lạc xã Hòa Hưng, huyện Cái Bè.

Đình Hòa Lộc được xây dựng vào đầu thế kỷ 19, theo kiểu chữ Tam (≡) gồm ba phần: vỏ ca, vỏ quy và chánh điện. Mái lợp ngói âm dương, theo kiểu điệp ốc. Đình thờ thờ Đông Chinh vương và Dực Thánh vương[36] là hai hoàng tử con của vua Lý Thái Tổ.

Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ cứu nước, đình Hòa Lộc là cơ sở cách mạng vững chắc của địa phương và các xã lân cận của tỉnh Vĩnh Long.

Di tích đình Mỹ Hưng được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 2699/QĐ-UBND ngày 25/7/2005.

7. Đình Ông Lữ

[36] Năm 1028, vua Lý Thái Tổ băng hà, chưa tế táng xong, thì các hoàng tử là Vũ Đức vương, Đông Chinh vương và Dực Thánh vương đã đem quân đến vây thành Thăng Long để tranh ngôi vua với Thái tử Lý Đức Chính/Lý Phật Mã/Khai Thiên vương, con trưởng vua Lý Thái Tổ. Cuộc phản loạn bị trấn áp. Vũ Đức vương bị giết chết tại trận. Dực Thánh vương và Đông Chinh vương phải chạy trốn. Về sau, Dực Thánh vương và Đông Chinh vương xin về chịu tội. Vua Lý Thái Tông nghĩ tình cốt nhục bèn tha tội, cho phục chức như cũ, lại cắt đất phân phong cho cả hai ông. Từ đó, hai ông ra sức chiêu tập dân nghèo, tiến hành khai khẩn những vùng đất còn hoang hóa. Vì thế, hai ông được nhân dân xem là thủy tổ của những người đi khai hoang.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Tên người (Ông Lữ).

Đình Ông Lữ tọa lạc tại ấp Mỹ Phú, xã Mỹ Đức Đông, huyện Cái Bè.

Năm 1819, đình Ông Lữ được xây cất khá đơn sơ tại ngã ba xã Mỹ Đức Đông giáp xã Mỹ Đức Tây ở phần đất ông Phan Văn Sĩ. Hiện trên cây xiên còn khắc chữ Hán "Kỷ Mão niên" (1819). Năm 1879, đình được dời về phần đất của ông Trương Văn Cơ bên cạnh rạch Ông Lữ thuộc ấp Mỹ Phú nên được gọi là Đình Ông Lữ.

Đình được xây dựng theo kiểu chữ Tam (≡), gồm vỏ ca, vỏ quy và chánh điện, có diện tích 390m². Cửa đình quay ra bờ sông Cái Thia, gần với chợ, bến nước, cây cổ thụ đã tạo nên một không gian của ngôi làng xưa. Với chất liệu truyền thống như gạch đá, ngói, gỗ và cột, kèo, xiên, trính được liên kết bằng hệ thống mộng chốt tạo thế vững chắc cho ngôi đình. Các bao lam, hoành phi, câu đối, bàn thờ, khám thờ trong đình được chạm trổ rất công phu, tỉ mỉ mang tính nghệ thuật cao.

Bên cạnh đó, đình Ông Lữ còn là cơ sở cách mạng của xã, huyện trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược.

Vào những năm 1952 - 1953, trên máng xối vỏ quy và chánh điện là nơi giấu súng đạn của du kích xã. Trong kháng chiến chống Mỹ, để kìm kẹp và đánh phá lực lượng cách mạng của ta, địch cho xây dựng tại đây một đồn gần chợ Cái Thia vào năm 1956. Năm 1963, ông Lê Văn Ngâu và ông Phạm Thành Lâm làm hầm bí mật dưới bàn thờ thần để cất giấu vũ khí và cán bộ cách mạng ẩn nấp qua những lần càn quét, khủng bố của địch. Năm 1968, cán bộ cách mạng xã, huyện trú ẩn tại đình thường xuyên tổ chức đánh địch lập ấp chiến lược ở vàm Móc Mang, đồn bót ở lộ Bà Khoa, đồn Cầu Cháy - Cái Thia gây cho quân địch nhiều tổn thất nặng nề.

Hàng năm, đình có 02 lễ cúng Thượng điền và Hạ điền vào các ngày 15, 16 tháng 3 và 15, 16 tháng 11 âm lịch và một lễ cúng miễu Bà Chúa Xứ vào ngày 23 tháng 3 âm lịch.

Ngày 15/02/2000, UBND tỉnh Tiền Giang ban hành Quyết định số 09/2000/QĐ.UB công nhận đình Ông Lữ là Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh.

8. Đình Thanh Hưng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính xưa (Thôn Thanh Hưng).

Đình Thanh Hưng tọa lạc xã Tân Thanh, huyện Cái Bè.

Đình được xây dựng vào đầu thế kỷ 19, được trùng tu, tôn tạo vào các năm 1969, 1991; diện tích đất khoảng 4.000 m^2; diện tích xây dựng 228 m^2 gồm hai hạng mục chính là chánh điện và nhà khói. Nguyên thủy, đình được xây dựng bằng những vật liệu truyền thống đá, gạch, gỗ, mái ngói âm dương… Nhìn tổng thể,

đình có kiến trúc theo dạng chữ Tam (≡) gồm: vỏ ca, vỏ quy và chánh điện, cửa quay về hướng Tây Bắc (hướng về sông Cái Cối).

Đình Thanh Hưng được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 2651/QĐ-UBND ngày 04/11/2013.

9. Đình Đông Hòa Hiệp

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính (Xã Đông Hòa Hiệp).

Đình Đông Hòa Hiệp tọa lạc xã Đông Hòa Hiệp, huyện Cái Bè.

Đình được xây dựng vào đầu thế kỷ XVIII, có diện tích 365,8m^2, được trùng tu vào các năm 1991, 2016 và 2019.

Đình Đông Hòa Hiệp xây dựng theo kiểu chữ Nhị (=), gồm vỏ quy và chánh điện. Hiện nay, đình Đông Hòa Hiệp còn giữ những di vật có giá trị như bao lam, hoành phi, liễn, đối, lư đồng. Đặc biệt, đình Đông Hòa Hiệp còn giữ bộ cột gỗ, đôi long trụ chạm trực tiếp trên thân cột nguyên khối không ốp vào cột như các đôi long trụ khác. Đây là đôi long tụ đặc trưng và hiếm có ở Nam Bộ.

Đình Đông Hòa Hiệp được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 1301/QĐ-UBND, ngày 04/06/2012.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên Miếu:**

Khái niệm Miếu

Miếu là một dạng di tích văn hóa trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam có quy mô nhỏ hơn đền. Đối tượng được thờ ở miếu rất đa dạng, thể hiện ở tên gọi của miếu - tên gọi theo đối tượng được thờ thường phiếm chỉ và tượng trưng. Ví dụ: miếu Cô, miếu Cậu, miếu thờ thần núi gọi là miếu Sơn thần, miếu thờ thần nước gọi là miếu Hà Bá hoặc miếu Thủy thần, miếu thờ thần đất gọi là miếu thổ thần.

Miếu Hà Dương Thủy Thần

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Miếu) + Vị thần theo tín ngưỡng dân gian của người Việt (Hà Dương Thủy Thần: thần Sóng).

Miếu Hà Dương Thủy Thần thờ Thủy Long thần nữ (thần Sóng), được xây dựng vào thế kỷ thứ XVIII, còn gọi là miếu ông Sóng hay miếu Cậu, tọa lạc trên bờ bắc sông Tiền (đoạn giữa vàm Trà Lọt và vàm Cái Thia) thuộc ấp Hòa Lược, xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè.

Người dân Nam Bộ có tín ngưỡng thờ thần. Đặc biệt nhiều gia đình mưu sinh bằng thủy lộ, những "thương hồ hạ bạc" tại miền Tây gửi gắm niềm tin vào vị thần ngự trị sông nước. Nhiều đền, miếu thờ thủy thần có niên đại hàng trăm năm được lưu giữ và truyền thừa cho đến nay, trong đó có Miếu Hà Dương Thủy Thần.

Sông Tiền, đoạn từ vàm Trà Lọt đến vàm Cái Thia, thường có sóng to và gió lớn, khiến nhiều ghe thuyền đi ngang qua đây thường bị đắm. Vì đời sống của người dân miền Tây phụ thuộc vào sông nước nên đây thật sự là một nỗi lo lớn. Nhằm mong nhận được sự phù hộ của thủy thần giữ cho sóng yên gió lặng, người dân và giới buôn bán trên sông đã đóng góp tiền của để xây dựng ngôi miếu này vào thế kỉ thứ XVIII. Trải qua hơn 300 năm tồn tại, miếu Hà Dương Thủy Thần đã có nhiều lần được trùng tu, nhất là vào năm 1969 và năm 2009.

Miếu có tổng diện tích gần 1500 m², diện tích xây dựng 182,69 m^2, là ngôi nhà được xây dựng theo lối tứ trụ, bên trong có bàn thờ Thần được sơn son thếp vàng. Hằng năm, miếu có hai lễ cúng vào ngày 22, 23 tháng 3 ấm lịch và ngày 9,10 tháng 12 âm lịch thu hút đông đảo nhân dân và giới ghe thuyền (thương hồ) các nơi tề tựu về dự lễ.

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, miếu Hà Dương Thủy Thần trở thành nơi trú ẩn cho các cán bộ và chiến sĩ cách mạng. Quanh miếu có 5 hầm bí mật, đủ để chứa một tiểu đội. Miếu cũng là nơi tổ chức các cuộc họp để lên kế hoạch đánh địch, bao gồm cả kế hoạch tấn công đồn Trà Lọt.

Từ năm 1969 đến năm 1973, các chiến sĩ cách mạng đã kiên trì bám trụ tại miếu và bắn chìm một tàu đổ bộ, một tàu chở lính quân đội Sài Gòn và một tàu hậu cần của quân đội Mỹ. Tuy nhiên, địch đã không ngừng tấn công và phá huỷ miếu nhiều lần, gây ra thương vong cho 5 chiến sĩ cách mạng.

Miếu Hà Dương Thủy Thần được được công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 1310/QĐ-UBND ngày 04/6/2012 của UBND tỉnh Tiền Giang.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên Đền thờ**

Khái niệm Đền thờ

Đền thờ là công trình kiến trúc mang tính chất tín ngưỡng để thờ cúng một vị thần hoặc một danh nhân quá cố.

1. Phủ thờ/Đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Phủ thờ/Đền thờ) + Chức vụ, họ và tên danh nhân (Chủ tịch Hồ Chí Minh).

Phủ thờ/Đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh tọa lạc tại xã Tân Hưng, huyện Cái Bè.

Sau ngày 30/4/1975, nhằm tưởng nhớ công lao vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh (Bác Hồ), các cán bộ cách mạng lão thành của xã Thanh Hưng (năm 1979, tách ra thành hai xã Tân Hưng và Tân Thanh) đã đề xuất lấy nền bót của chế độ cũ ngay dưới đầu cầu rạch Ruộng để xây dựng Phủ thờ/Đền thờ tưởng nhớ Bác Hồ và giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ..

Việc xây dựng Phủ thờ/Đền thờ Bác Hồ được sự đồng tình. ủng hộ cao của toàn thể Nhân dân trong xã cũng như một số đồng hương xã Thanh Hưng kinh doanh ở Thành phố Hồ Chí Minh đã đóng góp tiền của, công sức để xây dựng. Nhờ đó, công trình được khởi công vào tháng 8/1975; và một năm sau thì hoàn thành.

Năm 1983, Phủ thờ/Đền thờ được trùng tu, nâng cấp bằng nguồn kinh phí đầu tư của Tỉnh khang trang như hiện nay. Ngày 02/9/2006, Bảo tàng Quân khu 9 hỗ trợ Ủy ban Nhân dân huyện Cái Bè trưng bày 5 mảng hình ảnh về cuộc đời và sự nghiệp hoạt động cách mạng của Bác Hồ.

Phủ thờ/Đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh có diện tích 1.400 m^2, được xây dựng hình lục giác, mái cong, lợp ngói mang đậm nét kiến trúc phương Đông. Bên trong có bàn thờ Bác với bức tượng đồng cùng những hình ảnh tư liệu trưng bày về cuộc đời và sự nghiệp hoạt động cách mạng của Bác. Bên phải Phủ thờ/Đền thờ là nhà bia ghi danh hơn 400 liệt sĩ của xã Thanh Hưng. Khuôn viên bên ngoài được bao bọc bởi các loại hoa, cây kiểng.

Hằng năm, vào các dịp lễ, tết, sinh nhật Bác Hồ, có rất nhiều cán bộ, chiến sĩ, đồng bào, sinh viên, học sinh trong và ngoài tỉnh đến Phủ thờ/Đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh thắp nhang tưởng nhớ và ôn lại thân thế, sự nghiệp của Người. Đặc biệt, nhiều trường học, cơ quan, đơn vị chọn Phủ thờ/Đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh là "địa chỉ đỏ" để tổ chức cho học sinh, đoàn viên, cán bộ thực hiện các chuyến du khảo "về nguồn".

Nằm sát bên rạch Ruộng với dòng nước ngọt quanh năm và chở nặng phù sa , Phủ thờ/Đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn là niềm tự hào của người dân huyện Cái Bè vì đây là địa phương duy nhất trong tỉnh có Phủ thờ/Đền thờ Bác Hồ. Phủ thờ/Đền thờ không chỉ là nơi để tưởng nhớ Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu mà đã trở thành biểu tượng văn hóa, lịch sử quan trọng trong đời sống của Nhân dân địa phương.

Phủ thờ/Đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh được UBND tỉnh Tiền Giang xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB, ngày 15/02/2000.

2. Đền thờ Dương Văn Tựu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đền thờ) + Họ và tên danh nhân (Dương Văn Tựu).

Đền thờ Dương Văn Tựu tọa lạc tại xã Mỹ Đức Tây, huyện Cái Bè.

Tại Mỹ Đức Tây, năm 1861, ông Dương Văn Tựu đã vận động, kêu gọi các nghĩa sĩ yêu nước trong vùng đứng lên chống thực dân Pháp xâm lược. Lực lượng nghĩa quân do ông chỉ huy có sự phối hợp chiến đấu với nghĩa quân Thiên hộ Dương.

Năm 1862, ông cùng với 27 nghĩa sĩ đã anh dũng hy sinh trong trận tấn công đồn Thuộc Nhiêu (nay thuộc xã Dưỡng Điềm, huyện Châu Thành).

Sau khi ông hy sinh, gia đình đã xây dựng đền thờ (còn gọi Dương Phủ Từ) để làm nơi thờ ông và 27 nghĩa sĩ đã "vị quốc vong thân". Đền thờ được trùng tu váo các năm 1976, 2009, 2010. Hiện nay, đền thờ có diện tích 144 m^2.

Đền thờ Dương Văn Tựu được được UBND tỉnh Tiền Giang xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 3418/QĐ-UBND ngày 01/12/2010.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên Chùa:**

Khái niệm Chùa

Chùa là cơ sở hoạt động và truyền bá Phật giáo, là nơi tập trung sinh hoạt, tu hành và thuyết giảng đạo Phật của các nhà sư, tăng, ni. Mọi người kể cả tín đồ hay người không theo đạo đều có thể đến thăm viếng, nghe giảng kinh hay thực hành các nghi lễ Phật giáo.

1. Chùa Bà Cạn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chùa) + Địa danh chỉ địa hình tự nhiên (Bà Cạn)

Chùa Bà Cạn tọa lạc tại Ấp 4, xã An Thái Trung, huyện Cái Bè.

Chùa là nơi thờ bà Chúa Xứ ở địa phương. Vì ngôi chùa nằm ngay vàm Rạch Cạn nên nhân dân địa phương gọi là Chùa Bà Cạn. Chùa có diện tích 500 m^2.

Nơi đây vào ngày 23/4/1968, giặc Mỹ cho máy bay, tàu chiến ném bom, bắn phá và cho lính bộ binh triệt hạ Ấp 4, xã An Thái Trung, huyện Cái Bè; giết chết 55 người dân rất man rợ, trong đó toàn là người già, phụ nữ, trẻ con.

Để tưởng nhớ nhân dân vô tội bị giặc thảm sát và ghi dấu tội ác của giặc đối với nhân dân ta, sau ngày 30/4/1975, chính quyền và nhân dân xã An Thái Trung đã xây dựng tại chùa một bia căm thù. Năm 1995, Tỉnh ủy Tiền Giang, Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện Cái Bè đã xây dựng mới bia căm thù, có phù điêu mô tả sự kiện.

Chùa Bà Cạn được công nhận Di tích lịch sử cách mạng cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ-UB ngày 15/02/2000 của UBND tỉnh Tiền Giang.

2. Chùa Hội Thọ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chùa) + Từ Hán Việt (Hội Thọ).

Chùa Hội Thọ tọa lạc tại ấp Mỹ Hưng, xã Thiện Trí, huyện Cái Bè.

Khi mới thành lập (năm 1755), chùa Hội Thọ có tên Sắc tứ Kim Chương tự tọa lạc tại thôn Tân Triêm, huyện Bình Dương, tỉnh Gia Định (nay thuộc Quận 1, Thành

phố Hồ Chí Minh). Chùa là nơi tổ chức lễ chúc thọ giới đàn đầu tiên ở Nam Bộ vào năm 1804 và là ngôi chùa đã 3 lần được ban sắc: Kim Chương tự (năm 1755), Phổ Quang Thiên Sơn tự (năm 1776) và Thiên Trường tự (năm 1813).

Năm 1859, sau khi thành Gia Định bị quân Pháp chiếm đóng, chùa được dời về địa điểm hiện nay và đổi tên thành chùa Hội Thọ. Chùa trải qua những lần trùng tu vào các năm 1982, 2003, 2018 với tổng diện tích 5.152 m^2, diện tích xây dựng 350 m^2. Nhìn tổng thể, ngôi chùa được xây theo chữ công (工), gồm Cổng chùa được xây dựng kiểu tam quan (1 cửa chính và 2 cổng phụ), có 2 tầng mái lợp ngói vảy rồng cong đầu đao trang trí đề tài "hồi long", hoa sen, lá sen, bánh xe luân hồi. Bảng hiệu cổng đắp nổi "Sắc tứ Kim Chương", "Phổ Quang", "Thiên Trường"; chính giữa là "Tổ Đình Hội Thọ"; 2 bên cổng phụ đắp nổi "Trí Tuệ" và "Từ Bi". Trên 4 trụ cổng đắp nổi các câu đối chữ Nôm.

Trong sân chùa có tượng Phật Bà Quan Thế Âm đứng trên tòa sen cầm bình cam lồ và điện thờ Phật Di Lặc, xung quanh là vườn hoa và những cây sa la tạo không gian thanh tịch chốn thiền.

Chánh điện có diện tích 334,25 m², nền lót gạch men, cột tròn, các đầu hồi trang trí hoa văn hoa sen, lá sen. Trên vách tường trang trí nhiều bức vẽ như: Đức Phật đản sanh, Phật chuyển pháp luân, Phật Niệm Hoa thị chúng Ca Diếp, Phật nhập niết bàn,… Trên 2 cửa đắp nổi tượng Văn Thù Sư lợi Bồ Tát và Phổ Hiền Bồ Tát cưỡi linh vật. Hai gian tả và hữu là tượng ông Tiêu Diện, tượng Hộ Pháp và 18 vị La Hán.

Trên điện thờ Bổn sư Thích Ca sơ sinh, tượng Hộ Pháp và Tiêu Diện, tượng Bổn sư Thích Ca, tượng A Di Đà, Quan âm và Địa tạng, tượng Phật Di Lặc, tượng A Di Đà, bộ tam thế Phật gồm Quan âm, Di Đà và Thế Chí cùng 7 vị dược sư và Phật thiên thủ thiên nhãn. Trên bàn thờ hậu tổ được trang trí biển đại tự "Tổ Ấn Trùng Quang" và ảnh tổ khai sơn đề chữ "Kim Chương sắc tứ đại lão hòa thượng", 2 bên trang trí đôi liễn bằng 2 mảnh thân cây tre gai hình chữ "S".

Dưới bàn thờ tổ là các bài vị cổ được sơn son thếp vàng rất độc đáo. Đối diện bàn thờ tổ là bàn thờ tượng Phật Chuẩn đề. 2 bên hông nhà hậu thờ 20 tượng Thập điện Diêm Vương. Đa số được chạm trổ công phu, sắc sảo, có niên đại thế kỷ XIX rất độc đáo và quý hiếm. Đặc biệt, pho tượng đức Phật A Di Đà bằng đất sét cao 0,55 m, ngang gối 0,40 m đang tọa thiền có niên đại đầu thế kỷ XIX, là một tác phẩm mỹ thuật đặc sắc.

Nhà khách, nhà khói là nơi đón khách thập phương tề tựu về viếng chùa trong các ngày rằm, lễ vu lan báo hiếu và kỵ giỗ các vị sư tổ của chùa.

Hệ thống các mộ tháp được xây trên đầu mộ chứ không xây trùm trên mộ như các nơi khác, phần nào đã thể hiện sự độc đáo của chùa Hội Thọ. Mộ gồm: 3

tháp, có 3 - 4 tầng, hình lục giác thờ Hòa thượng Minh Giác, Hòa thượng Thiệu Long và Yết ma Quảng Tục.

Từ năm 1920 đến năm 1925, chùa còn là nơi các trí thức yêu nước như Hòa thượng Thiệu Long, Yết Ma Quảng Tục và cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc (thân sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh) đàm đạo bàn việc nước.

Hằng năm, chùa Hội Thọ là nơi tổ chức các ngày lễ truyền thống như: lễ tắm Phật đản sinh, lễ Vu lan báo ân báo hiếu; lễ Sóc vọng, lễ Tam nguyên,… thu hút đông đảo khách thập phương và bà con phật tử trong vùng tham dự.

Chùa Hội Thọ được công nhận Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp tỉnh theo Quyết định số 2711/QĐ-UBND ngày 30/10/2014 của UBND tỉnh Tiền Giang.

3. Chùa Phước Ân

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chùa) + Từ Hán Việt (Phước Ân).

Chùa Phước Ân tọa lạc tại xã Đông Hòa Hiệp, huyện Cái Bè.

Chùa Phước Ân được xây dựng vào năm 1880. Ngôi chùa đã qua 4 lần trùng tu lớn vào các năm 1889, 1907, 1928, 2005, 2013. Chùa Phước Ân có diện tích xây dựng 601 m^2 trên tổng diện tích 4.756 m^2, gồm các hạng mục như cổng tam quan, sân, tiền điện, chánh điện, đài Quán âm, nhà hậu tổ, Tăng xá, nhà khách, nhà bếp.

Cổng chùa được xây dựng kiểu tam quan: Cửa chính rộng 9 m; 2 cửa nhỏ hai bên có kích thước rộng 2,3 m. Mái có 2 tầng, lợp ngói vảy rồng. Bên trên bờ nóc cổng giữa trang trí đầu rồng, mái trang trí 4 con rồng bằng xi măng sơn màu vàng, các đầu đao bờ mái bên dưới trang trí hình rồng màu vàng, các mái uốn cong hình đầu đao. Khoảng tường giữa tầng mái trên và tầng mái dưới đắp nổi chữ Quốc ngữ "Chùa Phước Ân" chữ màu trắng trên nền xanh. Trên các trụ cổng đắp nổi mặt trước 2 câu đối chữ Hán; mặt sau đắp nổi nội dung dịch nghĩa câu đối phía trước có nội dung:

Phước trí trang nghiêm càn khôn cộng lễ

Ân đức thâm huyền vạn loại đồng quy.

Dịch nghĩa:

Vào trong cửa trầm kiếp ngàn đời thường tu Phật đạo

Ra ngoài ngõ mười phương ba cõi khắp độ quần sanh..

Qua cổng bước vào chùa, cách cổng khoảng 10 m, bên tay phải là tượng Phật bà Quan âm đứng trên tòa sen cầm bình cam lộ bằng đá non nước, xung quanh đế tượng được trồng các loại hoa thơm tạo không gian thanh tịnh chốn thiền.

Chánh điện có tường và các cột gạch bằng bê tông, nền lót gạch men, mái lợp ngói vảy cá. Phía trước nhìn vào chùa gồm 5 cửa làm bằng gỗ: Cửa chính

rộng 2,9 m; 4 cửa hai bên rộng 1,7 m. Hai bên hông tiền điện, chánh điện và hậu tổ có 12 cửa sổ, kích thước rộng 1,7 m.

Bên trong chánh điện là không gian rộng, trang trí đơn giản. Trên tường cửa chính từ trong nhìn ra là bức tranh vẽ quần thể Phật lấy hình Phật Thích Ca làm trung tâm. Hai bên hông không trang trí. Trên vách tường vẽ bộ tranh tam thế Phật (A Di Đà - Văn Thù - Phổ Hiền), lấy tượng phật A Di Đà bằng đá màu trắng làm trung tâm, hình đức Văn Thù và Phổ Hiền được đắp nổi trên tường, bên dưới bệ tượng là các vị dược sư. Bên trong nhà hậu tổ gian giữa thờ đức Phật Chuẩn đề và sư tổ Đạt Ma.

Chùa Phước Ân được công nhận Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp tỉnh theo Quyết định số 4021/QĐ-UBND ngày 13/12/2018 của UBND tỉnh Tiền Giang.

4. Chùa Quan Thánh Đế Quân

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chùa) + Nhân vật lịch sử (Quan Thánh Đế Quân còn gọi là Quan Đế, Quan Công, Ông).

Chùa Quan Thánh Đế Quân, gọi tắt là chùa Quan Thánh, tọa lạc tại Khu 1B, thị trấn Cái Bè, huyện Cái Bè.

Chùa được xây dựng vào cuối thế kỷ 19, thờ Quan Thánh Đế Quân tức Quan Vân Trường và hai tùy tướng Quan Bình, Châu Thương biểu tượng cho sự trung nghĩa. Năm 1985 và năm 2007, chùa được trùng tu khang trang như hiện nay. Chùa có tổng diện tích khoảng 2000 m², diện tích xây dựng khoảng 600 m², gồm: cổng chùa, sân, thảo bạt, chánh điện, nhà khói. Hiện nay, chùa đang lưu giữ những di vật có giá trị, như bao lam, hoành phi, liễn, lư đồng,…

Chùa Quan Thánh là nơi thành lập Chi bộ Đảng xã Đông Hòa Hiệp (chi bộ thứ 3 trong huyện Cái Bè sau hai Chi bộ xã Hậu Thành và xã Hậu Mỹ) để lãnh đạo nhân dân trong công cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc.

Chùa Quan Thánh Đế Quân được công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ-UB ngày 15/02/2000 của UBND tỉnh Tiền Giang.

5. Chùa Thiên Hòa

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chùa) + Từ Hán Việt (Thiên Hòa).

Chùa Thiên Hòa tọa lạc tại ấp Phú Hòa, xã Đông Hòa Hiệp, huyện Cái Bè,.

Chùa được xây năm 1818, đã trải qua 3 lần trùng tu vào những năm đầu thế kỷ 20, năm 1996, năm 2006. Khuôn viên chùa rộng 2.101 m², diện tích xây dựng 823 m². Chùa xây dựng theo lối chữ tam (≡), gồm có: tiền điện, chính điện và hậu điện.

Trước chùa, có một cây bồ đề rất lớn ở chính giữa sân chùa. Từ con đường nhỏ dẫn vào chùa là một khoảng sân rộng bằng gạch, ngay cạnh bên cây bồ đề có dựng

một bức tượng Phật. Xung quanh chùa là vườn cây ăn trái xum xuê. Mái của tiền điện, chánh điện và hậu điện được lợp ngói âm dương. Hệ thống đỡ mái gồm 28 cột gỗ tròn và các cột gạch chạy quanh vách tường, các đầu hồi bằng xi măng làm theo kiểu phương Tây. Chánh điện xây dựng theo kiểu tứ trụ kéo dài ra 4 hướng. Bên dưới chánh điện là bố trí quần thể hơn 50 tượng Phật quay ra 4 hướng. Phần chánh điện uy nghiêm tôn kính thờ phật A Di Đà, Thích Ca, Ngọc Hoàng, Tam Thế Phật, đức Phật Bà Quan Âm, Địa Tạng, các vị Bồ tát. Đối xứng bệ thờ hai bên thờ già lam, linh sơn cùng Thập điện diêm vương và đức Thiên Thủ Thiên Nhãn. Bên ngoài tiền điện, hai gian hai bên thờ Tiêu Diện Đại Sĩ và Tam Châu Hộ Pháp. Những hàng cột và xà ngang trong tiền điện, chánh điện, hậu điện được treo các bức hoành phi, liễn đối bằng gỗ chạm khắc Hán tự sơn son thếp vàng rất sắc sảo làm tăng thêm nét cổ kính của ngôi chùa.

Chùa Thiên Hòa được công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 4021/QĐ-UBND ngày 13/12/2018 của UBND tỉnh Tiền Giang.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên Nhà thờ:**

Khái niệm Nhà thờ và Hạt (đạo Thiên Chúa):

- Nhà thờ (đạo Thiên Chúa) là địa điểm để các vị linh mục và giáo dân cử hành các nghi lễ thờ phượng Thiên Chúa.

- Hạt (đạo Thiên Chúa) là một cấp quản lý của đạo Thiên Chúa, bao gồm nhiều nhà thờ nằm chung trên một khu vực địa lý.

- Hạt Cái Bè: 27 địa danh

1. Nhà thờ An Thái Trung

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Nhà thờ) + Địa danh hành chính (xã An Thái Trung).

Nhà thờ tọa lạc tại Ấp 2, xã An Thái Trung, huyện Cái Bè, được xây dựng lần đầu năm 1960, xây mới năm 2004.

2. Nhà thờ Ba Giồng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Nhà thờ) + Địa danh chỉ địa hình tự nhiên (Ba Giồng).

Nhà thờ tọa lạc tại ấp Tân Quới, xã Tân Lý Đông, huyện Châu Thành, được xây dựng vào khoảng cuối thế kỷ 17. Sau đó, nhà thờ đã ba lần bị đốt cháy. Năm 1950, nhà thờ được xây dựng lại bằng vật liệu thô sơ, đã nhiều lần được sửa chữa cho khỏi sụp đổ. Năm 1997, nhà thờ được xây dựng mới.

3. Nhà thờ Bà Tồn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Nhà thờ) + Giới tính và tên người (Bà Tồn).

Nhà thờ tọa lạc tại Ấp 6, xã Phú An, huyện Cai Lậy, được xây dựng năm 1892. Nhà thờ được tu sửa lần thứ nhất vào năm 1976, lần hai vào năm 1978, lần ba vào năm 1982; được trùng tu và khánh thành năm 1992.

4. Nhà thờ Bằng Lăng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Nhà thờ) + Địa danh chỉ thực vật (Cây bằng lăng).

Nhà thờ tọa lạc tại ấp Mỹ Chánh, xã Hậu Mỹ Bắc A, huyện Cái Bè, được xây dựng năm 1926. Nhà thờ bị bom đạn thiêu hủy 05 lần vào các năm 1946, 1950, 1951, 1965, 1971. Sau năm 1975, hòa bình lập lại, nhà thờ được cất lại lần thứ 6 bằng tre lá. Năm 1990, nhà thờ được cất lần thứ 7 tương đối kiên cố và hiện còn sinh hoạt cho đến hiện nay.

5. Nhà thờ Bình Trưng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Nhà thờ) + Địa danh hành chính (xã Bình Trưng).

Nhà thờ tọa lạc tại ấp Bình Thới A, xã Bình Trưng, huyện Châu Thành, được xây dựng khoảng năm 1930; tu sửa vào các năm 1955, 1960; bị bom pháo làm sụp đổ năm 1968; xây dựng lại bằng tre lá sau ngày 30-4-1975; tôn tạo năm 1984; xây dựng mới năm 2007.

6. Nhà thờ Cai Lậy

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Nhà thờ) + Địa danh hành chính (thị xã Cai Lậy).

Nhà thờ tọa lạc tại Phường 5, thị xã Cai Lậy, được xây dựng năm 1933. Năm 1958 và trong thập niên 60 của thế kỷ 20, nhà thờ được trùng tu một số lần với quy mô nhỏ. Năm 2008, nhà thờ được xây dựng mới.

7. Nhà thờ Cái Bè

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Nhà thờ) + Địa danh hành chính (Thị trấn Cái Bè).

Nhà thờ tọa lạc tại số 171, khu III, thị trấn Cái Bè, huyện Cái Bè, được xây dựng từ năm 1929-1932 với lối kiến trúc Roman của phương Tây.

8. Nhà thờ Cái Mây

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Nhà thờ) + Địa danh tự nhiên và chỉ thực vật (rạch Cái Mây).

Nhà thờ tọa lạc tại ấp Hoà Quý, xã Hoà Khánh, huyện Cái Bè, được xây dựng năm 1869, sửa chữa các năm 1880, 1904, tôn tạo từ năm 1929 đến năm 1932, xây mới từ năm 2005 đến năm 2007.

9. Nhà thờ Cái Thia

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Nhà thờ) + Địa danh tự nhiên (rạch Cái Thia).

Nhà thờ tọa lạc tại ấp Lương Nhơn, xã Mỹ Lương, huyện Cái Bè, được xây dựng năm 1900. Trong thời gian chiến tranh (1945-1954) nhà thờ bị phá huỷ hoàn toàn. Năm 1997, nhà thờ được xây mới, khang trang như hiện nay.

10. Nhà thờ Chợ Bưng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Nhà thờ) + Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh Việt gốc Khmer (Bưng).

Nhà thờ tọa lạc tại Ấp 1, xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành, được xây dựng khoảng năm 1900. Trải qua nhiều lần tu sửa, nhà thờ được xây dựng mới từ năm 1993 đến năm 1994; trùng tu năm 2006.

11. Nhà thờ Đông Hòa

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Nhà thờ) + Địa danh hành chính (xã Đông Hòa).

Nhà thờ tọa lạc tại ấp Tây B, xã Đông Hòa, huyện Châu Thành, được xây dựng khoảng năm 1930; xây dựng lại năm từ năm 1958 - 1960; tu sửa, tôn tạo năm 1992.

12. Nhà thờ Giồng Cát

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Nhà thờ) + Địa danh chỉ địa hình tự nhiên và vật liệu (Giồng Cát).

Nhà thờ tọa lạc tại ấp Tây, xã Nhị Bình, huyện Châu Thành, được xây dựng năm 1938; tu sửa năm 1955; xây dựng mới 2017.

13. Nhà thờ Hòa Hưng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Nhà thờ) + Địa danh hánh chính (xã Hòa Hưng).

Nhà thờ tọa lạc tại ấp Thống, xã Hòa Hưng, huyện Cái Bè, được xây dựng năm 1947. Năm 1960, nhà thờ được trùng tu. Năm 1986, nhà thờ được xây mới.

14. Nhà thờ Kinh Gãy

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Nhà thờ) + Địa danh nhân tạo (Kinh) + Tính từ (Gãy: chỗ gấp khúc, không được thẳng như bình thường). Kinh Gãy là đoạn kinh chảy ngang qua Ấp 4, xã Thạnh Lộc, huyện Cai Lậy có những chỗ gấp khúc, ngoằn ngoèo.

Nhà thờ tọa lạc tại Ấp 4, xã Thạnh Lộc, huyện Cai Lậy, được xây dựng năm 1906, được cất lại vào năm 1943 bằng tre lá tạm bợ. Năm 1949, nhà thờ bị bom

phá sập. Năm 1954, nhà thờ được xây cất lại cũng bằng tre lá. Năm 1965, lại bị bom đánh sập lần nữa. Sau năm 1975, nhà thờ được xây cất lại bằng vật liệu thô sơ tre lá tạm bợ. Năm 1982, nhà thờ xây cất bán kiên cố. Năm 2000, nhà được xây dựng mới.

15. Nhà thờ Kim Sơn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Nhà thờ) + Địa danh hành chính (xã Kim Sơn).

Tuy mang tên hành chính xã Kim Sơn; nhưng nhà thờ tọa lạc tại ấp Phú Hòa, xã Phú Phong, huyện Châu Thành, được xây dựng vào khoảng cuối thế kỷ 19; tu sửa, tôn tạo vào các năm 1932, 1976; xây mới năm 2022.

16. Nhà thờ Long Định 1

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Nhà thờ) + Địa danh hành chánh (xã Long Định) + Số thứ tự (1).

Nhà thờ tọa lạc tại số 144, ấp Khu Phố, xã Long Định, huyện Châu Thành, được xây dựng năm từ năm 1954-1955; xây dựng mới năm 1992.

17. Nhà thờ Long Định 2

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Nhà thờ) + Địa danh hành chính (xã Long Định) + Số thứ tự (2).

Nhà thờ tọa lạc tại ấp Mới, xã Long Định, huyện Châu Thành, được xây dựng năm từ năm 1964; xây dựng mới năm 1967.

18. Nhà thờ Long Quới

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Nhà thờ) + Địa danh hành chính (ấp Long Quới thuộc xã Ngũ Hiệp).

Nhà thờ tọa lạc tại ấp Long Quới, xã Ngũ Hiệp, huyện Cai Lậy, được xây dựng năm 1956, trùng tu vào các năm 2000, 2005.

19. Nhà thờ Mỹ Trung

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Nhà thờ) + Địa danh hành chính (xã Mỹ Trung).

Nhà thờ tọa lạc tại ấp Mỹ Hiệp, xã Mỹ Trung, huyện Cái Bè, được xây dựng năm 1942. Năm 1960, nhà thờ được xây dựng bán kiên cố. Năm 1963, nhà thờ bị bom pháo đánh sập. Sau ngày 30 tháng 04 năm 1975, đất nước được thanh bình, nhà thờ được xây dựng lại bằng vật liệu gỗ, tre, lá. Năm 1995, nhà thờ được xây dựng kiên cố và trải qua các lần tu sửa, tôn tạo vào các năm 2004, 2010.

20. Nhà thờ Nhị Bình

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Nhà thờ) + Địa danh hành chính (xã Nhị Bình).

Nhà thờ tọa lạc tại ấp Tây, xã Nhị Bình, huyện Châu Thành, được xây dựng năm 1970; tu sửa năm 1973; xây dựng mới năm 2000.

21. Nhà thờ Nhị Quý

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Nhà thờ) + Địa danh hành chính (xã Nhị Quý).

Nhà thờ tọa lạc tại ấp Quý Chánh, xã Nhị Quý, thị xã Cai Lậy, được xây dựng năm 1999.

22. Nhà thờ Ngũ Hiệp

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Nhà thờ) + Địa danh hành chính (xã Ngũ Hiệp).

Nhà thờ tọa lạc tại ấp Hòa Hảo, xã Ngũ Hiệp, huyện Cai Lậy, được xây dựng từ năm 1869-1871. Năm 1913, nhà thờ được xây mới kiên cố. Năm 1993, nhà thờ được tu sửa như hiện nay.

23. Nhà thờ Tân Hiệp

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Nhà thờ) + Địa danh hành chính (thị trấn Tân Hiệp).

Nhà thờ tọa lạc tại khu phố Cá, thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu Thành, được xây dựng năm 1920; tu sửa năm 1950; xây dựng lại năm 1960; xây mới năm 2011.

24. Nhà thờ Thuộc Nhiêu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Nhà thờ) + Chức và và tên người (Thuộc Nhiêu).

Nhà thờ tọa lạc tại ấp Hòa, xã Dưỡng Điềm, huyện Châu Thành, được xây dựng năm 1945; bị tháo dỡ 1973 do chương trình bình định của chính quyền Sài Gòn; xây dựng mới từ năm 2005-2006.

25. Nhà thờ Tín Đức

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Nhà thờ) + Từ Hán - Việt (Tín: 信 : tin tưởng, tin theo, Đức: 德: đạo đức, thiện).

Nhà thờ tọa lạc tại ấp Tân Thuận, xã Bình Đức, huyện Châu Thành, được xây dựng năm 1954, tu sửa năm 1968, xây dựng mới từ năm 2003-2004

26. Nhà thờ Vĩnh Kim

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Nhà thờ) + Địa danh hành chính (xã Vĩnh Kim).

Nhà thờ tọa lạc tại ấp Bình Thới A, xã Bình Trưng, huyện Châu Thành; được xây dựng năm 1945; bị bom pháo làm sụp đổ năm 1965; xây dựng lại sau năm 1975; xây dựng mới năm 2015.

27. Nhà thờ Xoài Mút

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Nhà thờ) + Địa danh chỉ thực vật (Xoài Mút).

Nhà thờ tọa lạc tại ấp Bờ Xe, xã Thạnh Phú, huyện Châu Thành, được xây dựng khoảng giữa thế kỷ 19. Nhà thờ trải qua một số lần tu sửa; xây dựng mới năm 1997.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên thánh thất:**

Khái niệm:

Thánh thất: là nhà thờ Đức Chí Tôn (Đấng Cao Đài) và các vị Thần, Thánh, Tiên, Phật. Hay còn gọi là ngôi nhà của chư thánh. Tại mỗi Tộc đạo (Họ đạo) đều phải xây dựng một Thánh thất để làm đền thờ Đức Chí Tôn và làm nơi tín ngưỡng cho bổn đạo địa phương.

1. Thánh thất Cái Bè

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (thị trấn Cái Bè).

Thánh thất Cái Bè được xây dựng trước năm 1975, xây dựng mới năm 2016, tọa lạc tại Khu 4, thị trấn Cái Bè, huyện Cái Bè.

2. Thánh thất Hòa Hưng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Hòa Hưng).

Thánh thất Hòa Hưng được xây dựng trước năm 1975, tọa lạc tại ấp Thông, xã Hòa Hưng, huyện Cái Bè.

Nghiên cứu địa danh chỉ vùng:

*** Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên xóm:**

Khái niệm:

Xóm: là nơi quần tụ những hộ gia đình sinh sống gần nhau, có hoặc không có mối quan hệ họ hàng với nhau.

Xóm Bánh Phồng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Tên một loại bánh dân gian (Bánh phồng).

Xóm Bánh Phồng là nơi chuyên sản xuất bánh phồng, thuộc xã Đông Hòa Hiệp, huyện Cái Bè.

Hiện danh tiếng của bánh phồng nơi đây ngày càng vang xa. Người dân miền Tây, Thành phố Hồ Chí Minh và khắp nơi trong cả nước cũng đều biết đến loại bánh này và đặc biệt là xuất khẩu ở một số quốc gia trên thế giới.

*** Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên xứ:**

Khái niệm:

Theo *Từ điển Tiếng Việt phổ thông* của Viện Ngôn ngữ học, Xứ là khu vực địa lý có chung một số đặc điểm tự nhiên hoặc xã hội nào đó.

Xứ Cổ Lịch

Xứ Cổ Lịch là địa danh xưa, được ghi trong *Địa bạ Minh Mạng năm 1836*, tọa lạc ở thôn Mỹ Hưng, tổng Phong Phú, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến Tường, tỉnh Định Tường, nay thuộc xã Hòa Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xứ) + Bộ phận của cơ thể con người hoặc động vật (Cổ) + Động vật (Lịch: loài cá lưỡng tính, giống như con lươn).

Cổ Lịch là "dòng nước nhỏ và cong giống cổ con lịch"[37]. Xứ Cổ Lịch là vùng đất thuộc cồn Cổ Lịch hiện nay.

*** Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên khu:**

Khái niệm:

Khu là khoảng đất được giới hạn với những đặc điểm hoặc chức năng riêng, khác với xung quanh.

1. Khu du lịch chợ nổi Cái Bè

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Khu) + Loại hình kinh tế (Du lịch) + Loại hình chợ (Chợ nổi) + Địa danh hành chính (Huyện Cái Bè).

Chợ nổi Cái Bè là chợ họp trên sông, trải dài từ cầu Cái Bè, gần ngay Nhà thờ Cái Bè ra đến vàm rạch Cái Bè, là ngã ba giữa rạch Cái Bè và sông Tiền, thuộc thị trấn Cái Bè, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Đây là nơi trao đổi mua bán hàng hóa, đặc biệt là các loại trái cây và là điểm tham quan du lịch nổi tiếng.

Chợ được hình thành từ cuối thế kỷ 18. Theo ghi chép của quyển *Gia Định thành thông chí* và quyển *Đại Nam nhất thống chí*, chợ nổi Cái Bè lúc đó đã là nơi

[37] Lê Trung Hoa (2012), *Từ địa phương chỉ địa hình trong địa danh Nam Bộ*, Tạp chí Ngôn Ngữ số 4 năm 2012, trang 36.

buôn bán sầm uất. Tất cả hàng hoá đều được chở trên các bè di chuyển trên sông. Bè tre đậu kín cửa vàm, chở lúa gạo, cá khô, cau khô và các loại vỏ cây dà, cây đước đi buôn bán ở khắp nơi, trong đó có cả Campuchia.

Từ những năm 1980, ngành Du lịch tỉnh Tiền Giang đi vào hoạt động, khách du lịch bắt đầu đến tham quan. Do hình thức mua bán đặc biệt trên sông nước nên khách du lịch đến càng nhiều, cùng với các địa điểm tham quan ở các địa phương lân cận nên góp phần thúc đẩy sự sung túc của chợ. Tại đây, khách du lịch được tham quan cảnh họp chợ trên sông, xem các món hàng được treo trên cây sào (cây bẹo) ở đầu ghe, mua bán với các thương lái, thưởng thức trái cây và các món ăn dân dã của vùng sông nước và tìm hiểu về văn hóa mua bán trên sông đặc trưng của người dân miền Tây Nam Bộ.

2. Khu du lịch Làng cổ Đông Hòa Hiệp

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Khu) + Loại hình du lịch (Du lịch làng cổ) + Địa danh hành chính (Xã Đông Hòa Hiệp).

Khu Làng cổ Đông Hòa Hiệp tọa lạc tại xã Đông Hòa Hiệp, huyện Cái Bè. Làng cổ Đông Hòa Hiệp (huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang), nơi có những ngôi nhà cổ mang đậm phong cách nhà vườn Nam Bộ có tuổi đời hơn 100 năm, là điểm đến thu hút đông đảo du khách.

Hiện nay, Khu Làng cổ Đông Hòa Hiệp có 7 ngôi nhà cổ được xây dựng cách nay từ 150 - 220 năm và 29 ngôi nhà được xây dựng cách nay từ 80 - 100 năm. Trong các ngôi nhà này vẫn còn giữ được nhiều di vật cổ đẹp, quý hiếm, như các bộ liễn đối khảm xà cừ, các bộ bàn ghế chạm trổ rất công phu và nhiều vật dụng bằng sứ,... Các ngôi nhà cổ ở đây nằm đan xen với những vườn cây ăn trái sum suê tạo nên vẻ đẹp dân dã nhưng thơ mộng. Ước tính mỗi năm, Khu Làng cổ đón khoảng 100.000 lượt du khách.

Năm 2022, tỉnh Tiền Giang tổ chức Lễ hội Văn hóa - Du lịch Làng cổ Đông Hòa Hiệp nhằm bảo tồn và phát huy giá trị Khu Làng cổ Đông Hòa Hiệp, phục vụ cho phát triển du lịch, với các hoạt động như: Hội thảo "Giới thiệu tiềm năng, các điểm đến và phải pháp phát triển du lịch Tiền Giang bền vững, hiệu quả"; tổ chức Farmtrip; không gian thiệu sản phẩm du lịch, sản phẩm OCOP, sản phẩm dặc trưng địa phương; triển lãm sinh vật cảnh, hòn non bộ, trang trí tiểu cảnh; biểu diễn nghệ thuật đờn ca tài tử; hội thi "Ẩm thực du lịch", hội thi "Làm bánh dân gian"; trưng bày tác phẩm chưng nghi; hội thi đua xuồng, thả đèn hoa đăng; tái hiện nghi thức cúng đình xưa; biểu diễn bộ sưu tập áo dài "Di sản lịch sử - văn hóa Tiền Giang"; chương trình biểu diễn nghệ thuật,...

Khu Làng cổ Đông Hòa Hiệp được xếp hạng Di tích Kiến trúc - Nghệ thuật cấp Quốc gia theo Quyết định số: 2075/QĐ-BVHTTDL ngày 24/5/2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

3. Khu mộ Nguyễn Văn Cẩn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Khu) + Địa danh chỉ công trình xây dựng (Mộ) + Nhân vật lịch sử (Nguyễn Văn Cẩn).

Nguyễn Văn Cẩn sinh năm 1802, tại thôn Mỹ Lợi, huyện Kiến Đăng, trấn Định Tường (nay là xã Mỹ Lợi A, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang).

Ngay sau khi thực dân Pháp đánh chiếm tỉnh Định Tường (1861), ông gia nhập lực lượng kháng chiến do Võ Duy Dương lãnh đạo. Do có nhiều thành tích trong chiến đấu, ông được Chủ tướng phong chức Lãnh binh.

Năm 1864, Võ Duy Dương thành lập căn cứ kháng chiến Đồng Tháp Mười. Lúc bấy giờ, ông được Bộ Tham mưu nghĩa quân tin tưởng giao cho nhiệm vụ chỉ huy đại bản doanh, còn được gọi là đồn Trung, cùng với Phó tướng Nguyễn Tấn Kiều.

Ngày 14/4/1866, Thủy sư đô đốc De Lagrandière huy động khoảng 1.000 quân thủy bộ cùng với nhiều tàu chiến và đại bác, chia làm ba cánh, ồ ạt tấn công căn cứ Đồng Tháp Mười. Nghĩa quân đã kiên cường chống trả. Nhưng, do thế giặc quá mạnh, các đồn Tiền, đồn Tả, đồn Hữu đều lần lượt bị thất thủ.

Trước tình hình vô cùng nguy ngập đó, để giải vây cho Chủ tướng Võ Duy Dương và nghĩa quân, ông và Phó tướng Nguyễn Tấn Kiều chỉ huy lực lượng ở đồn Trung đánh mạnh vào các cánh quân của giặc Pháp.

Sau khi hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ giải nguy cho Chủ tướng, ông rút quân về cố thủ ở đồn Trung.Trước hỏa lực mạnh mẽ của đại bác Pháp, đồn Trung bị vỡ. Phó tướng Nguyễn Tấn Kiều anh dũng đền nợ nước. Còn ông rút quân về Hồng Ngự (nay thuộc tỉnh Đồng Tháp) tiếp tục chiến đấu.

Thực dân Pháp ra lệnh cho Trần Bá Lộc mang quân truy kích. Ông chỉ huy nghĩa quân đánh một trận mở đường máu; rồi sau đó, di chuyển đến Châu Đốc. Tại đây, sau khi gầy dựng lại lực lượng, ông chỉ huy nghĩa quân tấn công quân Pháp ở nhiều nơi, gây cho địch nhiều thiệt hại nặng nề; tiêu biểu nhất là trận hạ đồn Châu Đốc.

Quyết tiêu diệt nghĩa quân, giặc Pháp tung lực lượng hùng hậu đàn áp. Trong một trận đánh không cân sức tại núi Sập, nghĩa quân tan rã. Trước tình hình đó, ông đến chùa Tây An gặp gỡ các nhà sư yêu nước để bàn bạc kế sách chống giặc. Tại đây, để che mắt địch, ông quy y đầu Phật với pháp danh là Minh Mai và pháp hiệu là Phương Danh. Cuối năm 1870, ông trở về Cái Bè trùng tu chùa Thắng Quang ở làng Hòa Hưng (nay là xã Hòa Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang). Hoằng pháp nơi đây ổn định, ông trở lại chiến trường Đồng Tháp Mười, khai sơn chùa Gò Tháp, lập bàn thờ Thiên hộ Dương, Đốc binh Kiều và những nghĩa sĩ đã vì nước hy sinh. Ngôi chùa này được xem là điểm tựa tâm linh cho những nhà yêu nước và nghĩa binh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược trong

nửa sau thế kỷ XIX. Sau đó, do bị tên Việt gian Trần Bá Lộc theo dõi truy bắt nên ông bí mật lẻn về Mỹ Lợi (Cái Bè) sinh sống và dựng một ngôi chùa, mang tên là chùa Phước Quang, nhằm thực hiện việc cứu đời, cứu người theo giáo lý nhà Phật.

Ông mất ngày 23/01/1902 (nhằm ngày 25 tháng Chạp năm Nhâm Dần) tại quê nhà. Hiện nay, Khu mộ ông tọa lạc tại địa chỉ số 331/12, ấp Lợi Tường, xã Mỹ Lợi A, huyện Cái Bè.

Trước đây, mộ Lãnh binh Cẩn được xây bằng đá ong dưới danh nghĩa mộ của một danh tăng. Đến năm 1918, viên chủ tỉnh Mỹ Tho người Pháp biết được việc này đã buộc gia đình phải giao nộp tất cả giấy tờ, sắc phong của Lãnh binh Cẩn. Trong kháng chiến chống Mỹ, một trái bom nổ gần ngôi mộ của Lãnh binh Cẩn đã đánh bạt mất cấu trúc bên trên của ngôi mộ. Sau này, cháu chắt của ông đã trùng tu lại một phần ngôi mộ này.

Khu mộ Nguyễn Văn Cẩn được xây dựng mới năm 1992 và tôn tạo năm 2019 với diện tích 300 m², được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 2711/QĐ-UBND ngày 30/10/2014 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

4. **Khu mộ Lê Văn Hiếu**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Khu) + Địa danh chỉ công trình xây dựng (Mộ) + Nhân vật lịch sử (Lê Văn Hiếu).

Khu mộ Lê Văn Hiếu tọa lạc tại ấp Hòa Quý, xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè.

Lê Văn Hiếu nguyên quán ở tỉnh Vĩnh Phúc hiện nay, di cư vào xứ Đàng Trong lập nghiệp tại thôn Bồ Đề, huyện Chương Nghĩa, phủ Quảng Ngãi, dinh Quảng Nam (nay là thôn Bồ Đề, xã Đức Nhuận, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi). Khoảng giữa thế kỷ 18, từ Quảng Ngãi, ông vào vùng Trà Lọt (nay thuộc xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè) khẩn hoang, nên được xem là Tiền hiền khia khẩn vùng đất này. Sau khi ông qua đời năm 1764 vì dịch bệnh thiên thời, con là Lê Văn Toại rời vùng Trà Lọt đến cư ngụ tại thôn Long Hưng, huyện Kiến Hưng (nay là xã Long Hưng, huyện Châu Thành). Lê Văn Toại (1742 - 1820) có tất cả 4 người con trai, 2 người con gái; trong đó, con trưởng là Lê Văn Duyệt (1764 - 1832), một bậc đại công thần sáng lập ra nhà Nguyễn (1802 - 1945), được ban chức Tả quân, Tổng trấn thành Gia Định.

Sau khi Nguyễn Phúc Ánh lên ngôi vua với đế hiệu Gia Long (1802), do cháu nội là Lê Văn Duyệt có công lớn đối với triều Nguyễn, ông Lê Văn Hiếu được nhà vua truy tặng hàm Quang Tiến Chiêu Nghị Tướng quân, Cẩm y vệ Cai cơ, Hiếu Thuận hầu, thụy Cương Chính. Năm 1814, ông Lê Văn Toại cho xây dựng mộ cha mình là Lê Văn Hiếu.

Kiến trúc khu mộ ông Lê Văn Hiếu bao gồm: cổng, tường rào, sân tế, bình phong phía trước, vòng thành, bia mộ, nhà mồ, bình phong phía sau, điện thờ.

Ngôi mộ cổ nằm ở vị trí trung tâm, xây theo dạng khung đóng (ngang 5 m, dài 7 m, cao 0,6 m, dày 0,6 m). Phía trước và sau mộ đều có 1 bức bình phong bằng đá, mặt sau bức phía trước đắp hình hai kỳ lân chầu mặt trời. Nổi bật nhất là tấm bia mộ bằng đá xanh nguyên khối, đặt trên bệ đá cao ngay trước mộ, cao khoảng 1,5 m rộng 0,8 m, được chạm khắc hình mặt trời cùng họa tiết mây, trông rất công phu và đẹp mắt.

Trên bia mộ khắc ba cột chữ Hán:

Cột giữa chữ to ghi tước hiệu và họ của người được an táng trong mộ: phiên âm: *Việt cố Hiển khảo tặng Quang Tiến Chiêu Nghị Tướng quân Cai cơ Lê hầu chi mộ*, dịch nghĩa: *Mộ của cha [đã mất], họ Lê, được ban chức Cai cơ, tặng Quang Tiến Chiêu Nghị Tướng quân, tước Lê hầu*.

Cột bên phải chữ nhỏ, thấp hơn khoảng 1/3 so với cột giữa, ghi niên đại lập bia: phiên âm: *Tuế tại Giáp Tuất trọng hạ nguyệt cát nhật*, dịch nghĩa: *Ngày lành tháng 5 năm Giáp Tuất* (tức năm 1814).

Cột bên trái chữ nhỏ, thấp hơn khoảng hơn một nửa so với cột giữa, ghi tước hiệu và tên người lập bia: phiên âm: *Hiếu tử Khâm sai Chưởng cơ tự Toại lập*, dịch nghĩa: *Hiếu tử Khâm sai Chưởng cơ tên tự là Toại lập bia*.

Tuy đã hơn 200 năm nhưng kiến trúc của mộ không bị phá vỡ, hiện trạng còn rất tốt. Ngôi mộ có giá trị cao về mặt khảo cổ học (vật liệu xây dựng, chất kết dính, phong cách kiến trúc).

Phía sau ngôi mộ là điện thờ, được xây dựng năm 1974 do sự đóng góp tiền của, công sức của Nhân dân xã Hòa Khánh. Khi đó, điện thờ có tường xi măng, mái tôn. Trên nóc có đắp hình hai rồng đầu hướng vào nhau, ở giữa có biểu tượng bình hồ lồ, vòng lớn nhất của bình hồ lô gắn thêm họa tiết xung quanh giống như tia nắng mặt trời đang chiếu sáng (biến tấu từ "Lưỡng long chầu nhật" hoặc "Lưỡng long tranh châu"). Hai bên đầu rường đắp hai hình cá chép hóa rồng đầu chúc xuống. Cửa ra vào dạng tam quan. Bên trong điện thờ bài trí giản dị nhưng trang nghiêm. Bệ thờ chính nhỏ và thấp nằm ở giữa cùng bài vị và bức hoành phi "Thần linh hiển hách" treo phía trên. Hai bên bệ thờ chính là bàn thờ Tả ban và bàn thờ Hữu ban, phía trên mỗi bàn thờ có một bức hoành phi ghi chữ giống nhau "Quốc thái dân an". Năm 2023, điện thờ được Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang đầu tư xây mới.

Khu mộ Lê Văn Hiếu được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 2290/QĐ-UBND ngày 03/10/2023 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

5. Khu trù mật Hậu Mỹ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Khu trù mật: khu dồn dân do chính quyền Sài Gòn lập ra vào năm 1959 nhằm tách dân ra khỏi cách

mạng. Năm 1962, do thất bại, khu trù mật bị thay thế bởi ấp chiến lược) + Địa danh hành chính trước năm 1975 (xã Hậu Mỹ).

Khu trù mật Hậu Mỹ do chính quyền Sài Gòn thành lập năm 1959, tọa lạc tại xã Hậu Mỹ, huyện Cái Bè (nay là xã Hậu Mỹ Bắc, huyện Cái Bè).

Khu trù mật được xây dựng kiên cố, có chiều dài 1.800 m, rộng 900 m, gồm hai khu A và B, giữa hai khu có đường hào, lòng đường hào có nhiều cọc sắt, rào gai. Khu A có nhà chỉ huy, nhà dành cho cố vấn Mỹ, trận địa pháo, hầm ngầm bê tông, nhà kho và nhà để xe. Khu B có công sở, nhà đèn, trại lính và chợ,... Bao quanh có tường thành với nhiều lô cốt, 09 lớp hàng rào kẽm gai có gài nhiều loại mìn, do 01 đại đội bảo an, 01 đại đội thám báo, 02 đại đội dân vệ,... chốt giữ. Ngoài ra, còn có một tiểu đoàn bộ binh thuộc Sư đoàn 7 đến tăng cường, tổng cộng có khoảng 700 tên. Khu trù mật Hậu Mỹ còn là tiền cứ cho các tiểu đoàn thuộc Sư đoàn 7 quân đội Sài Gòn.

Đêm 03/3/1964, lực lượng vũ trang cách mạng, gồm tiểu đoàn 261B (Quân khu 8), đại đội đặc công 31, đại đội trợ chiến 318 triển khai chiếm lĩnh trận địa. Đúng 01 giờ sáng ngày 04/3/1964, bộ đội ta nổ súng tấn công Khu trù mật Hậu Mỹ. Sau 15 phút bắn hỏa lực áp chế địch, các mũi xung phong diệt lô cốt đầu cầu, đánh thẳng vào khu chỉ huy trận địa pháo, tập trung diệt các ổ đề kháng và đánh địch co cụm.

Sau 02 giờ chiến đấu quyết liệt, ta làm chủ trận địa, diệt và bắt sống khoảng 500 tên địch, thu hơn 100 súng các loại. Khu trù mật Hâu Mỹ bị bộ đội ta đánh diệt hoàn toàn. Sau đó, địch buộc phải chuyển đổi khu trù mật thành căn cứ quân sự với tên gọi Yếu khu Thiên Hộ; năm 1974, nâng lên thành Chi khu Hậu Đức.

Di tích Chiến thắng Khu trù mật Hậu Mỹ được Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 2711/QĐ-UBND ngày 30/10/2014.

*** Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên miệt:**

Khái niệm:

Miệt để chỉ vùng, miền, nhưng có không gian địa lý nhỏ hơn.

1. Miệt bưởi lông Cổ Cò

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Miệt) + Trái cây (Bưởi lông) + Địa danh chỉ địa hành thiên nhiên (Cổ Cò).

Bưởi lông Cổ Cò là giống bưởi đặc sản của vùng đất Cổ Cò (xã An Thái trung) nói riêng và huyện Cái Bè nói chung. Quả bưởi có dạng hình quả lê, bên ngoài có lớp lông trắng mịn, sờ tay vò hơi nhám, lớp lông này sẽ rụng dần. Khi chín, vỏ quả có màu xanh vàng, có phủ lớp lông tơ mỏng bên ngoài vỏ. Vỏ quả khá mỏng, trong quả bì màu trắng hồng, thịt quả màu vàng đỏ, dễ lột, vị ngọt đến ngọt chua nhẹ, độ Brix từ 10 – 11% khá nhiều nước, mùi thơm. Mỗi trái có từ 5 – 30 hột. Trọng lượng trái từ 0,9 – 1,4 kg, cá biệt có trái to đến 2 kg.

Với đặc điểm và lợi thế là có khả năng cho quả sai, trái quanh năm nên dễ chuyên canh, năng suất từ 20 – 30 tấn/ha, cao hơn so với một số giống bưởi khác, trung bình mỗi gốc cây được 5 – 7 năm tuổi có thể đạt tối đa 250 – 300 quả/năm. Hiện diện tích trồng bưởi huyện Cái Bè là 1.700 ha cho sản lượng trên 30.000 tấn quả/năm.

Bưởi chứa nhiều chất bổ dưỡng như các loại đường trái cây, đạm, béo, acid tannic, beta-caroten và các chất khoáng như phospho, sắt, canxi, kali, magiê, các vitamin B1, B2, C, nên ăn bưởi tốt cho sức khỏe, nhất là những người bị bệnh tiểu đường, tăng huyết áp, mỡ máu. Ngoài ra, bưởi còn được sử dụng trong việc chế biến nhiều món ăn và làm thuốc trị bệnh.

2. Miệt vườn Cái Bè

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Miệt) + Loại hình sản xuất nông nghiệp (Vườn) + Địa danh hành chính (Huyện Cái Bè).

Miệt vườn Cái Bè thuộc địa phận huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Nhờ điều kiện thiên nhiên thuận lợi, nhất là có hệ thống sông rạch dầy đặc, nguồn nước ngọt quanh năm và đất đai phù sa màu mỡ, nhà vườn cần cù, năng động, sáng tạo trong sản xuất, kinh doanh, nên miệt vườn Cái Bè sở hữu diện tích trồng cây ăn quả lớn nhất tỉnh: khoảng 150.000 ha, chiếm 1/3 diện tích cây ăn quả của cả tỉnh, với các loại trái cây đặc sản, như chôm chôm, sầu riêng, xoài cát, cam, bưởi, quýt,… có giá trị kinh tế cao. Ngoài ra, nơi đây còn phát triển mạnh loại hình du lịch sinh thái miệt vườn, như tham quan nhà cổ, chợ nổi, vườn cây ăn quả,... mang lại nguồn thu đáng kể cho huyện và Nhân dân.

3. Miệt xoài cát Hòa Lộc

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Miệt) + Trái cây (Xoài cát) + Địa danh hành chính xưa (Thôn Hòa Lộc).

Năm 1939, cụ Nguyễn Văn Lời ngụ ở làng Hòa Lộc (nay thuộc xã Hòa Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang) là người đầu tiên trồng giống xoài quý này.

Lúc bấy giờ, kỹ thuật chiết, ghép hoặc tháp cành chưa phổ biến, nên cụ Lời nhân giống xoài này bằng cách trồng hột. Do đó, trải qua nhiều thế hệ, giống xoài Hòa Lộc được phân ly thành hai loại: xoài cát trắng và xoài cát xanh, với các đặc điểm khác biệt như sau: Xoài cát trắng có trái thon dài, vỏ mỏng, da màu xanh nhạt và khi chín có màu vàng sáng, thịt dẽ và có màu vàng chanh, vị ngọt thanh, trung bình mỗi trái nặng từ 0,4 – 0,8 kg, cá biệt có trái nặng đến 1 kg. Xoài cát xanh có trái ngắn hơn, vỏ dày, da màu xanh đậm và khi chín có màu vàng hơi sậm, thịt dẽ và có màu vàng nghệ, vị ngọt đậm, trung bình mỗi trái nặng từ 0,3 – 0,5 kg, đôi khi có trái nặng đến 0,7 kg.

Tuy nhiên, giữa chúng có những điểm chung giống nhau: trái có eo thon và hơi bầu tròn ở cuống, tại eo trái có một cái gai nhỏ nhô ra, đít trái nhọn, khi chín

muồi, trên vỏ trái xuất hiện những chấm đen như tàn nhang và rõ nhất là ở đầu trái. Đây cũng là điểm để phân biệt giữa xoài Hòa Lộc với các giống xoài khác, giúp cho người tiêu dùng không lầm lẫn khi mua.

Xoài cát Hòa Lộc hấp dẫn và nổi tiếng ở khắp nơi bởi phẩm chất của nó, như hột nhỏ và dẹt; tỷ lệ phần thịt ăn được chiếm từ 80 – 85 % trọng lượng trái, trong khi các loại xoài khác chỉ đạt khoảng 50 – 60 %; thịt dẽ và không xơ; độ ngọt hơn hẳn các giống xoài khác; vị béo và đặc biệt là có mùi thơm đậm đà. Vì thế, xoài cát Hòa lộc được tiêu thụ mạnh trên thị trường trong và ngoài nước.

Bên cạnh đó, xoài cát Hòa Lộc cho năng suất rất cao, nếu được chăm sóc tốt, cây trồng 10 năm tuổi sẽ cho từ 15 – 20 tấn trái/ha, tỷ lệ trái loại I và loại II đạt khoảng 70 – 80%. Do có phẩm chất tuyệt hảo, đáp ứng được thị hiếu của người tiêu dùng và năng suất cao, nên nhà vườn khi trồng giống xoài Hòa Lộc sẽ thu lợi gấp 3 – 5 lần so với việc trồng giống xoài Ghép (còn gọi là xoài Bưởi) và gấp đôi so với việc trồng giống xoài cát Chu.

Do có điều kiện thổ nhưỡng thích hợp, nên hiện nay huyện Cái Bè là địa phương có diện tích trồng xoài cát Hòa Lộc lớn nhất nước, khoảng từ 1.200 ha - 1.500 ha. Xoài cát Hòa Lộc đã được đăng ký xuất xứ nhãn hiệu hàng hóa và đạt được chứng nhận VietGAP.

B. HUYỆN CAI LẬY

*** Sưu tầm, thống kê, phân loại, nghiên cứu, biên soạn địa danh sông:**

*** Khái niệm:**

Sông: là dòng nước tự nhiên, chảy thường xuyên, có lưu lượng lớn và nguồn nước được cung cấp chủ yếu là từ các con suối hay từ các con sông nhỏ, vốn là những nơi có độ cao hơn dòng chính; lòng sông rộng, tàu thuyền lớn di chuyển dễ dàng.

Sông Năm Thôn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Sông) + Chữ số (Năm) + Địa danh hành chính (Thôn: Vào cuối thế kỷ XVIII, trên cù lao Năm Thôn (Ngũ Hiệp) có 5 thôn là: An Thủy Đông, An Thủy Tây, Hòa An, Long Phú, Tân Sơn nên có tên gọi là Năm Thôn).

Sông Năm Thôn là nhánh rẽ của sông Tiền chảy ngang qua cù lao Năm Thôn, dài 15 km, bắt đầu từ Cồn Tròn ở xã Tân Phong, huyện Cai Lậy đến Sông Tiền tại xã Phú Phong, huyện Châu Thành.

*** Sưu tầm, thống kê, phân loại, nghiên cứu, biên soạn địa danh giồng:**

Khái niệm:

Giồng: âm trại của "vồng", là khoảng đất nổi cao lên giữa nơi bằng phẳng, tương đối rộng, có nhiều cát, thích hợp cho việc trồng các loại cây ăn trái và các loại hoa màu, như khoai, đậu, bắp, thuốc lá,…[1]

1. Giồng Quản Tú

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Giồng) + Chức vụ ở thôn xã thời xưa (Quản: gọi tắt chức Hương quản trong Hội đồng Hương chức thời xưa. Hương quản có nhiệm vụ trông coi công tác an ninh, trật tự trong làng xã) + Tên người (Tú).

Giồng Quản Tú là giồng cát mang tên ông Quản Tú, rộng khoảng 30 ha, ở xã Phú An, huyện Cai Lậy.

2. Giồng Sung

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Giồng) + Thực vật (Cây sung: là loại cây thân gỗ, cao từ 20 - 30 m, được trồng để lấy bóng mát, trang trí, làm cảnh; quả và lá đều ăn được; theo Y học cổ truyền, một số bộ

[1] Lê Trung Hoa (1991), *Địa danh Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Khoa học xã hội, trang 91.

phận của cây, nhất là quả, là vị thuốc chữa một bệnh như táo bón, tiểu đường, tăng huyết áp, viêm họng,…).

Giồng Sung là giồng cát có nhiều cây sung hoặc có cây sung to, rộng khoảng 40 ha, có dạng hình khum tròn mà không trải dài như thường thấy ở giồng cát, tọa lạc tại ấp Bình Phong, xã Bình Phú, huyện Cai Lậy.

3. Giồng Tre

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Giồng) + Thực vật (Tre).

- Cây tre: là cây thân gỗ lâu năm, rỗng ruột và mang rễ chùm. Thân tre chia thành các đốt. Cây tre trong tự nhiên có thể mọc thành cụm hoặc mọc dài thành lũy (lũy tre). Cây tre là một phần trong văn hóa của người Việt, có nhiều công dụng: vật liệu xây dựng, ẩm thực, làm một số vật dụng,…

Giồng Tre là giồng cát có nhiều bụi tre, rộng khoảng 30 ha. Giống như Giồng Sung, Giồng Tre có dạng hình khum tròn mà không trải dài như thường thấy ở giồng cát, tọa lạc tại ấp Bình Trị, xã Bình Phú, huyện Cai Lậy.

*** Sưu tầm, thống kê, phân loại, nghiên cứu, biên soạn địa danh gò**:

Khái niệm:

Gò: Khoảng đất nổi cao lên giữa nơi bằng phẳng.

1. Gò Chùa

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Tên công trình xây dựng mang tính chất tôn giáo (Chùa).

Gò Chùa là gò đất mà trên đó có một ngôi chùa, rộng khoảng 3 ha, thuộc xã Long Khánh, huyện Cai Lậy.

2. Gò Chùa Trường Tháp

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Tên công trình xây dựng mang tính chất tôn giáo (Chùa Trường Tháp).

Gò Chùa Trường Tháp là gò đất, rộng khoảng 1 ha, mà trên đó có chùa Trường Tháp, tọa lạc tại xã Mỹ Thành Bắc, huyện Cai Lậy. Gò này là Di chỉ khảo cổ học thuộc nền văn hóa Óc Eo ở Đồng bằng sông Cửu Long. Tại đây, người ta phát hiện nhiều gạch, 01 lin ga, 01 bàn nghiền (pesani), 3 đoạn cột đá có thể là hiện vật kiến trúc của ngôi tháp, dấu vết của thời Vương quốc Phù Nam cổ.

3. Gò Da

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Thực vật (Cây da).

- Cây da: còn gọi là cây đa, là loại thân gỗ to, cao từ 20 - 30 m, tán lá rộng, có thể lan tỏa bao phủ trên diện tích vô cùng rộng, từ cành cây mọc ra rất nhiều rễ khí

và chúng sẽ phát triển thành cây khi chạm xuống đất, được dùng làm cây cảnh (kiểng) và lấy bóng mát, nhất là ở đình, chùa, cổng làng,…

Gò Da là gò có cây da cao, to, rộng khoảng 4 ha, ở xã Cẩm Sơn, huyện Cai Lậy.

4. Gò Găng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Thực vật (Găng: là dạng cây thân gỗ nhỏ, có thể cao tới 3 m hoặc 4 m, được trồng làm hàng rào do thân và cành có nhiều gai; lấy gỗ làm trục xe, lược, con quay; quả ngâm hoặc sắc lấy nước dùng gội đầu và giặt quần áo, nhất là những hàng tơ lụa có màu, hỗ trợ điều trị đau nhức xương khớp, tiêu chảy, lỵ, tiểu vàng, đỏ, gắt[2],…).

Gò Găng là một gò cát mọc toàn cây găng, rộng khoảng 5 ha, nay thuộc xã Long Khánh, huyện Cai Lậy.

*** Địa danh Việt gốc Khmer:**

1. Ba Rài

Ba Rài là địa danh Việt gốc Khmer: Baray. Theo Vương Hồng Sển, Ba Rài là "hồ chứa nước lớn để dùng vào việc dẫn thủy nhập điền[3]". Theo quyển *Địa chí Tiền Giang*, Ba Rài có nghĩa là "hồ chứa nước ngọt[4]".

Ba Rài là tên rạch, tên cầu, tên chợ, tên khu di tích chiến thắng Ra Rài ở thị xã Cai Lậy và huyện Cai Lậy.

2. Bưng Cây Gáo Ba Làng

- Bưng: Bưng là địa danh Việt gốc Khmer: Bâng. Theo Lê Trung Hoa trong quyển *Địa danh ở Thành phố Hồ Chí Minh*, bưng có nghĩa là "hồ to, chỉ chỗ đất trũng giữa đồng, đọng nước, có nhiều cây mọc (như đưng, đế, lác, ...". Vào mùa mưa ở bưng thường có nhiều cá đồng, cho nên có câu ca dao:

Gió đưa, gió đẩy,
Về rẫy ăn còng,
Về bưng ăn cá,
Về giồng ăn dưa.

---

[2] *Cây găng - công dụng và cách dùng làm thuốc*, Trang thông tin điện tử Cây thuốc quý tỉnh Hòa Bình.
[3] Vương Hồng Sển (1998), *Tự vị tiếng nói miền Nam*, Nxb Trẻ, trang 48.
[4] Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Quang Ân (2007), *Địa chí Tiền Giang (tập 2)*, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tiền Giang và Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, trang 538.

Trong tiếng Việt, âm **â** có thể được gọi trại thành âm **ư**; ví dụ: v**â**ng lịnh - v**ư**ng lịnh; d**â**ng cơm - d**ư**ng cơm; n**â**ng - n**ư**ng; t**ầ**ng - t**ừ**ng; v**ầ**ng - v**ừ**ng. Do đó, **Bâng** hoàn toàn có thể được gọi trại thành **Bưng**.

- Bưng Cây Gáo Ba Làng rộng khoảng 20 ha, tọa lạc tại nơi giáp ranh giữa ba làng Cẩm Sơn, An Mỹ và Phú Sơn, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay thuộc xã Cẩm Sơn và xã Phú An, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang).

3. Bưng Môn

Bưng Môn là bưng có nhiều cây môn nước mọc hoang, tọa lạc ở xã Điềm Hy, huyện Châu Thành và xã Tân Phú, huyện Cai Lậy.

4. Tham Rôn

Tham Rôn là Tiếng Khmer để chỉ cây trôm.

Tham Rôn là tên một con rạch thuộc xã Cẩm Sơn, huyện Cai Lậy. Trước năm 1904, tại vàm rạch Tham Rôn có một cây trôm cổ thụ to lớn. Bắc qua rạch Tham Rôn có cầu Tham Rôn.

Nơi đây có nhiều chiến công oanh liệt của quân dân ta trong kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

5. Trấp Bèo

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Trấp: là địa danh Việt gốc Khmer: Trap. Theo quyển *Đại Nam Quốc âm tự vị* của Huỳnh Tịnh Của, trấp là đất bưng cỏ (tiếng Khmer là: Péangtrap - bưng trấp). Theo quyển *Địa chí Tiền Giang*, Trấp là "địa hình trũng, ngập nước, nhỏ hơn bưng[5]") + Thực vật (Bèo: là loài thực vật thủy sinh, nổi trên mặt nước, rễ bung thành chùm, có nhiều loại khác nhau, thường dùng làm thức ăn cho heo/lợn hoặc làm phân xanh).

Trấp Bèo rộng khoảng 2 ha, cách ngã tư Quản Oai về phía tây khoảng vài km, ở xã Phú Cường, huyện Cai Lậy. Có lẽ, ngày xưa cái trấp này có rất nhiều bèo (như bàu Bèo, bàu Súng, bàu Sọ ở huyện Tân Phước). Hiện nay, không còn dấu vết; nhưng con kênh/kinh chảy ngang qua đây được gọi là kênh/kinh Trấp Bèo.

Nơi đây, vào năm 1959, ông Võ Văn Bảy, công an xã Thạnh Phú, huyện Cai Lậy bị tòa án quân sự đặc biệt của chính quyền Sài Gòn xử tử bằng máy chém.

*** Địa danh Việt có gốc Mã Lai:**

1. Cù Lao Năm Thôn (Ngũ Hiệp)

---

[5] Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Quang Ân (2007), *Địa chí Tiền Giang (tập 2)*, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tiền Giang và Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, trang 699.

Vào cuối thế kỷ XVIII, trên cù lao có 5 thôn là: An Thủy Đông, An Thủy Tây, Hòa An, Long Phú, Tân Sơn nên có tên gọi là Năm Thôn. Năm 1875, chính quyền thực dân Pháp cho lập một làng trên cù lao Năm Thôn lấy tên là Ngũ Hiệp với ý nghĩa là năm thôn hợp lại. Cù lao có diện tích tự nhiên là 25,8 km², chiều dài khoảng 13,5 km, chiều ngang rộng nhất 2,5 km, nay là xã Ngũ Hiệp, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

2. Cù lao Tân Phong

Cù lao Tân Phong xưa được dân gian gọi là Cồn Cù[6]. Trước năm 1808, cù lao Tân Phong có tên là thôn Tân Cù Bình An, tức cồn mới bình an, thuộc tổng Bình Dương, châu Định Viễn, dinh Long Hồ. Năm 1808, thuộc tổng Vĩnh Trường, huyện Vĩnh Bình, phủ Định Viễn, trấn Vĩnh Thanh. Đến năm 1836, đổi tên thành thôn Tân Phong, thuộc tổng Bình Hưng, huyện Vĩnh Bình, phủ Định Viễn, tỉnh Vĩnh Long. Cù lao nằm trên sông Tiền, phía trên cù lao Năm Thôn, dọc theo chợ nổi Cái Bè, thuộc xã Tân Phong, huyện Cai Lậy, có diện tích tự nhiên là 24,3 km²[7].

*** Địa hình thiên nhiên, thực vật:**

1. Ấp Chà Là

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Thực vật (Cây chà là: là một loại cây có gai, thuộc họ cau, chủ yếu sống ở vùng bưng biền, ven sông rạch ẩm thấp. Quả chín có vị ngọt. Vào thời xưa, cuộc sống còn khó khăn, thiếu thốn, chà là là một thứ trái giúp cho người nghèo vượt qua cơn đói. Có thể ăn chà là khi quả còn non và chín. Lúc non hái về luộc lấy hạt hoặc phơi khô giã, lọc lấy hạt ghế vào cơm. Quả chín ngoài việc ăn tươi thì có thể phơi khô rồi giã lọc lấy tinh bột để thay thế đường. Cũng vì thế, đến nay dân gian vẫn còn lưu truyền câu ca dao: *Đói lòng ăn hột chà là / Để cơm nuôi mẹ, mẹ già yếu răng*).

Ấp Chà Là thuộc xã Phú Nhuận, huyện Cai Lậy, là tổ chức dân cư mà xưa kia nơi đây có nhiều cây chà là.

Ấp Chà Là đông giáp ấp Phú Lợi, cùng xã, tây giáp Ấp 7, xã Mỹ Thành Nam, bắc giáp Ấp 6, xã Thạnh Lộc, nam giáp ấp Phú Hòa, cùng xã; diện tích tự nhiên

---

[6] Trong thần thoại, con cù là con rồng con, mới ló sừng. Nhưng cũng có thuyết cho rằng, con cù giống con rồng nhưng có cặp sừng khủng hơn. Theo tín ngưỡng dân gian, con cù là loài thủy quái gây ra sấm sét, gió mưa và lụt lội.

[7] Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Quang Ân (2007), *Địa chí Tiền Giang (tập 2)*, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tiền Giang và Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, trang 554.

157 ha; dân số (năm 2019): 1.620 người, nam 776, nữ 844; được công nhận ấp văn hóa.

2. Ba Dầu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Vị trí (Ngã ba: là nơi hai đường bộ gặp nhau trên cùng một mặt phẳng, hoặc là nơi đường giao nhau cùng mức có 3 nhánh đường[8]) + Thực vật (Cây dầu: là cây gỗ lớn, thân tròn, thẳng, cao 40 – 50 m, cây thường trồng ngoài trời làm bóng mát, là nguyên liệu cho ngành sơn, vẹc ni, gỗ dùng để đóng đồ nội thất thông thường).

Ba Dầu là ngã ba có nhiều cây dầu ở xã Long Tiên, huyện Cai Lậy. Ba Dầu còn là tên rạch - rạch Ba Dầu (tên chữ Hán là Du Giang) - nối với rạch Trà Tân và rạch Mù U, rạch Bang Lợi, chảy từ xã Long Tiên xuống các xã Tam Bình và Mỹ Long, huyện Cai Lậy. Hiện tại, rạch Ba Dầu đã được cải tạo lại, nối với Đìa Đưng ở cùng xã, nên còn gọi là kênh/kinh Đìa Đưng. Tại ngã ba này, có chợ Ba Dầu. Đây là chợ cổ tồn tại cho đến ngày nay.

3. Ba Dừa

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Vị trí (Ngã ba) + Thực vật (Cây dừa: là loại cây thân mọc thẳng và không phân nhánh, có chiều cao trung bình từ 15 đến 20m, thậm chí cao đến 30 m. Đây là loại cây đa công dụng, tận dụng được nguồn lợi từ rễ tới ngọn để phục vụ nhu cầu của con người, như giải khát, dùng trong chế biến thực phẩm, chất đốt, xây dựng, đồ gỗ mỹ nghệ, làm thuốc Đông y,...).

Ba Dừa là ngã ba có cây dừa cao thuộc xã Long Tiên, huyện Cai Lậy. Đây còn là ngã ba rạch Trà Tân, một con rạch quan trọng về giao thông thủy và thủy lợi, dẫn nước ngọt cho các xã Long Tiên, Long Trung, Long Khánh,… thuộc huyện Cai Lậy.

4. Cầu Rạch Cóc

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa hành thiên nhiên (Rạch) + Thực vật (Cây cóc rừng: là loại thân gỗ nhỏ, cao từ 10 - 15 m, được phân thành nhiều nhánh, gỗ giòn, dễ gãy, quả nhỏ. Lá cóc non thường được làm rau sống vì có vị chua hoặc dùng để nấu canh chua, thái nhỏ để bóp gỏi, mùi khá thơm.Theo y học cổ truyền, lá, quả, vỏ thân được sử dụng làm thuốc, giúp kích thích hệ tiêu hóa, ăn ngon, tiêu thực, giải nhiệt, trị đau họng,…).

Hoặc:

[8] Thái Sơn (2011), *Tổng cục Đường bộ giải thích khái niệm "ngã ba"*, Báo điện tử Thanh Niên, ngày 14/11/2011.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa hành thiên nhiên (Rạch) + Động vật (Cá cóc: là loại cá quý hiếm, cùng họ với cá chép, thường sống ở vực sâu, nước xoáy, trụ cầu, bến phà thuộc sông Tiền, sông Hậu, có thịt thơm ngon, được chế biến thành những món ăn đặc sản).

Cầu Rạch Cóc nằm trên Đường tỉnh 877B, dài 25 m, ngang 4 m, kết cấu bê tông cốt thép, là cầu bắc qua Rạch Cóc (rạch chảy qua vùng có nhiều cây cóc mọc hoặc có nhiều cá cóc) ở xã Hiệp Đức, huyện Cai Lậy.

5. Gian U

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gian) + Thực vật (Cây mù u).

- Gian: là địa hình trũng, ngăn cách, nên gọi là gian[9].

- Cây mù u: Xin xem mục từ Ba U

Gian U gọi tắt từ Gian Mù U, là nơi đất trũng có nhiều cây mù u, thuộc xã Long Khánh, huyện Cai Lậy. Tại đây, có cầu Gian U và rạch Gian U. Hiện tại, Gian U được gọi trại thành Văn U.

6. Trảng Tranh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình tự nhiên (Trảng: là vùng đất bằng phẳng, trống trải, thưa cây cối thân gỗ, phổ biến là cây thân cỏ, như tranh, bàng,…) + Thực vật (Cây tranh).

Trảng Tranh là nơi có nhiều cây cỏ tranh mọc, thuộc xã Hội Xuân, huyện Cai Lậy.

7. Xoài Tư

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Thực vật (Xoài) + Số lượng (Tư).

Xoài Tư là nơi có cây xoài cổ thụ có bốn nhánh to hoặc là nơi có bốn cây xoài to.

Xoài Tư là đồn điền được thành lập khoảng năm 1853 trong khuôn khổ chính sách khai hoang Nam Kỳ, nhất là ở vùng ven Đồng Tháp Mười, do vua Tự Đức đề xướng và quan Kinh lược sứ Nam Kỳ Nguyễn Tri Phương là người chỉ đạo thực hiện. Được biết, đồn điền là hình thức khai hoang do binh lính tiến hành. Lúc bấy giờ, đồn điền Xoài Tư bao gồm một vùng đất kéo dài từ rạch Cái Gáo đến Rạch Ruộng, nay thuộc xã Mỹ Thành Bắc, huyện Cai Lậy.

---

[9] Huyện ủy - Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy (2010), *Địa chí Cai Lậy*, Sở Thông tin - Truyền thông Tiền Giang, trang 32.

Trong cuộc khởi nghĩa chống thực dân Pháp từ năm 1861 - 1866 do Võ Duy Dương (Thiên hộ Dương) lãnh đạo, đồn điền Xoài Tư là nguồn cung cấp lương thực quan trọng cho nghĩa quân. Binh lính đồn điền cũng là lực lượng nòng cốt của cuộc khởi nghĩa.

Sau khi cuộc khởi nghĩa bị thực dân Pháp đàn áp dã man (4/1866) và thủ lãnh Võ Duy Dương mất (10/1866), đồn điền Xoài Tư bị giải thể. Tuy nhiên, địa danh này đã được Nguyễn Liêng Phong phản ánh trong quyển *Nam Kỳ phong tục nhơn vật diễn ca*:

Đương khi thiết lập đồn điền,

Hãy còn nền chợ ở miền Xoài Tư.

*** Địa hình thiên nhiên, động vật:**

1. Rạch Cái Rắn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Địa hình thiên nhiên (Cái) + Động vật (Rắn: là loài động vật bò sát máu lạnh, có 2 loại rắn: có nọc độc và không có nọc độc)

Có hai cách giải thích về nguồn gốc của địa danh này:

Thứ nhất, vì con rạch này khá to, trong rạch mang nhiều phụ lưu nên gọi là "rạch cái" và vì hình dáng của rạch quanh co như một con rắn khổng lồ bò trên cánh đồng bát ngát nên người dân mới gọi là rạch Cái Rắn.

Thứ hai, xã Phú Nhuận ngày nay trù phú, nhưng đời Gia Long còn hoang vu, có thể gọi là một làng ven Đồng Tháp Mười. Lúc mới lập làng, đình cất lại vàm rạch. Trước cửa đình có một cây đa khổng lồ, xung quanh là một đám rừng rậm rạp. Trong đám rừng trước cửa đình Phú Nhuận có một hang rắn nên gọi rạch là Cái Rắn[10].

Rạch Cái Rắn là con rạch chảy qua xã Phú Nhuận, huyện Cai Lậy.

*** Địa danh chỉ đơn vị hành chính:**

1. Tỉnh Định Tường (1832 - 1867)

省 Tỉnh

定 Định: Yên ổn, không thay đổi

祥 Tường: Tốt, lành

定祥省: Định Tường Tỉnh

[10] Huỳnh Ngọc Trảng - Trương Ngọc Tường (1992), *Nghìn năm bia miệng*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, trang 87.

Năm Đinh Mão (1831), vua Minh Mạng đổi đơn vị **trấn** thành đơn vị **tỉnh** trực thuộc chính quyền trung ương, xóa bỏ cấp trung gian "thành" (Gia Định Thành). Ở Nam Kỳ, năm 1832, chính quyền thành lập 6 tỉnh (quen gọi Nam Kỳ lục tỉnh), bao gồm ba tỉnh *kiêm nhiếp* (Chữ "Nhiếp": 攝 có nghĩa "Thay quyền để thống trị, kiêm quyền") và ba tỉnh *phân hạt* (tỉnh nhỏ):

+ Tỉnh Gia Định kiêm nhiếp tỉnh Biên Hòa (phân hạt).

+ Tỉnh Vĩnh Long kiêm nhiếp tỉnh Định Tường (phân hạt).

+ Tỉnh An Giang kiêm nhiếp tỉnh Hà Tiên (phân hạt).

Thống nhiếp hai tỉnh Vĩnh Long và Định Tường có Tổng đốc Long Tường, thường kiêm hàm Binh Bộ Thượng thư hoặc Đô Sát viện hữu Đô Ngự sử. Đứng đầu tỉnh Định Tường có Tuần phủ, giúp việc có Bố chánh, Án sát, Lãnh binh.

Tuần phủ là một quan văn nhưng có hàm Đô đốc. Bố Chánh là một quan văn làm nhiệm vụ hành chánh. Án Sát là một quan văn trông coi việc luật pháp, chấn hưng phong hóa. Lãnh binh là một quan võ, phụ trách việc quân sự.

Giúp việc Tuần phủ có hai ty chuyên trách:

+ Ty Bố chánh (Ty Phiên): phụ trách hành chính.

+ Ty Án sát (Ty Niết): phụ trách việc hình án từ tụng, chấn hưng phong hóa.

Ngoài ra, tại tỉnh còn 3 ty khác:

+ Ty Lễ sinh: phụ trách quản lý và phụ tế các đền miếu.

+ Ty Chiêm hậu: chuyên việc xem thiên tượng và làm lịch.

+ Ty Lương y: chuyên việc chữa trị bệnh tật.

Riêng về giáo dục, theo truyền thống của nước ta từ xưa, các việc giảng dạy đều do tư nhân đảm trách. Ở cấp tỉnh, nhà Nguyễn chỉ lập nhà Tỉnh học, cử một Đốc học; cấp phủ lập nhà Phủ học, cử một Giáo thọ; cấp huyện lập nhà Huyện học, cử một Huấn đạo. Các chức quan này vừa làm nhiệm vụ giảng dạy, vừa kiểm tra chất lượng giáo dục tư nhân, giới thiệu học trò đi thi.

Mỗi phủ có một chức Tri phủ, mỗi huyện có một chức Tri huyện.

Do địa bàn quá rộng, giao thông bất tiện nên vào năm Nhâm Thìn (1832), vùng Gò Công được tách rời khỏi tỉnh Định Tường và nhập vào tỉnh Gia Định. Theo đó, tổng Hòa Bình (vùng Gò Công) được tách ra khỏi tỉnh Định Tường và hợp nhất với một phần tổng Thuận Đạo thuộc tỉnh Gia Định để lập huyện Tân Hòa, thuộc phủ Tân An, tỉnh Gia Định. Lỵ sở huyện Tân Hòa đầu tiên đặt tại thôn Thanh Xuân Đông, tổng Thạnh Mục (nay thuộc huyện Vàm Cỏ, tỉnh Long An, giáp với xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang).

Theo *Địa bạ tỉnh Định Tường năm 1836*, tỉnh Định Tường có 1 phủ (Kiến An), 3 huyện (Kiến Hưng, Kiến Hòa, Kiến Đăng), 15 tổng và thôn. Cụ thể như sau:

- Phủ Kiến An

- Ba huyện (Kiến Hưng, Kiến Hòa, Kiến Đăng):

+ Huyện Kiến Hưng: Huyện Kiến Hưng do phủ Kiến An kiêm nhiếp, lỵ sở ở thôn Tân Hiệp (nay là thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu Thành), có 5 tổng, 75 thôn, gồm:

- Tổng Thuận Trị có 19 thôn (An Đức, An Đức Đông, An Hòa, An Thành, An Vĩnh, Bình Tạo, Cửu Viễn, Đạo Ngạn, Điều Hòa, Long Hội, Long Hội Tây, Ngãi Hữu, Nhơn Hòa, Phú Đức Đông, Phú Đức Tây, Tân Thuận, Thân Nhơn, Thới Sơn, Trung Lương).

- Tổng Thuận Bình có 17 thôn (An Phước, An Thạnh, Bình Đông, Bình Sơn, Bình Thuyên Đông, Hữu Đạo, Long Hưng, Long Thạnh, Mỹ Thuận Đông, Mỹ Thuận Tây, Tân Đức Đông, Tân Đức Tây, Tân Phú Đông, Vĩnh Kim Đông, Vĩnh Kim Tây, Thạnh Phú).

- Tổng Hưng Nhơn có 12 thôn (Dương Hòa, Định Hòa, Hưng Thạnh, Long Định, Mỹ Điền, Nhị Bình, Phú Mỹ, Phước An, Tân Hội Đông, Tân Hội Tây, Tân Lý Đông, Tân Lý Tây).

- Tổng Hưng Nhượng có 13 thôn (Bình An Đông, Bình Cư, Bình Quân, Hòa Mỹ, Lợi Thạnh, Nhơn Hậu, Nhơn Lý Tây, Nhơn Nhương, Tân Hiệp, Tân Hương Tây, Tường Khánh, Xuân Sanh, Tân Hương).

- Tổng Hưng Long có 14 thôn (Bình An, Bình Long Đông, Chánh Đông, Đông An, Ngãi Lợi, Phú Khương, Phú Thượng, Tân Đông, Thân Hòa Đông, Thân Hòa Tây, Thủy Đông, Trường Thạnh, Tuyên Thạnh, Vĩnh Thạnh, Mỹ Phước).

+ Huyện Kiến Hòa: lỵ sở đóng ở thôn Tân Hóa (nay thuộc xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo), có 5 tổng, 78 thôn, gồm:

- Tổng Hòa Hảo có 12 thôn (An Định, Bình Phục Đông, Bình Phục Nhứt, Bình Phương (Phan), Bình Thủy, Mỹ Hảo, Tân Hóa, Toàn Thạnh, Vĩnh An, Bình Quang, Hòa Bình, Hòa Thạnh).

- Tổng Hòa Hằng có 20 thôn (Bình Đại, Châu Hưng, Hằng Thạnh, Hòa Thới, Lộc Thuận, Phú Thành, Phú Thạnh Đông, Phú Thuận, Phú Vinh, Phước An Đông, Quới Sơn, Tân Phong, Thạch Hồ, Thạnh Hội, Từ Linh, Vinh (Vang) Quới, Giao Hòa, Giao Long, Long Phụng, Tân Định).

- Tổng Hòa Thinh (Hòa Thanh) có 17 thôn (An Hòa Tân, Lộc Tân, Lương Thạnh, Minh Đức, Phú Hữu, Phú Ngãi, Phú Nhơn, Phú Thạnh, Phước Định, Phước

Hậu, Phước Hòa, Phước Thới, Phước Thuận, Phước Toàn, Thọ Phú, Thới Lai, Thới Thuận).

- Tổng Thạnh Phong có 14 thôn (Bình Đăng, Bình Hài, Bình Hạnh, Bình Phong, Bình Thời, Điền Trang, Long Hựu, Mỹ Chánh, Mỹ Hóa, Phong Thuận, Phú Hội, Tân Tĩnh, Tân Tĩnh Đông, Thạnh Lợi).

- Tổng Thạnh Quơn (Thạnh Quang) có 15 thôn (An Khương, An Lạc, Bình Cách, Bình Dương, Long Hòa, Lương Phú, Mỹ Trung, Phú Kiết, Phú Hòa, Song Thạnh, Thanh Xuân, Trung Lộc, Vĩnh Phước, Hưng Ngãi, Nhựt Tân).

+ Huyện Kiến Đăng: lỵ sở đóng tại thôn Mỹ Trang (nay thuộc thị xã Cai Lậy), có 5 tổng, 80 thôn:

- Tổng Lợi Trinh có 19 thôn (An Mỹ, Bình Chánh Tây, Bình Phú, Cẩm Sơn, Giai Mỹ, Hòa Sơn, Hòa Thuận, Hội Sơn, Lợi An, Mỹ Hạnh Đông, Mỹ Hạnh Tây, Mỹ Hạnh Trung, Mỹ Trang, Mỹ Tường, Phú Nhuận, Phú Thuận Đông, Tân Hòa, Tân Hội, Xuân Sơn).

- Tổng Lợi Trường có 21 thôn (An Thủy Đông, An Thủy Tây, Bàn Long, Bình Chánh, Bình Chánh Đông, Hòa An, Kim Sơn, Long Điền, Long Phú, Mỹ An, Mỹ Ân, Mỹ Đông, Mỹ Đông Thượng, Mỹ Đông Trung, Mỹ Hòa, Mỹ Quới, Mỹ Trinh, Phú Long, Phú Phong, Tân Sơn, Trà Tân, Bình Chánh Trung).

- Tổng Phong Hòa có 12 thôn (An Bình Đông, An Bình Tây, An Thành, An Cư, Hiệp Hòa, Hòa Khánh, Mỹ Đức Đông, Mỹ Hòa, Mỹ Thạnh, Mỹ Thiện, Phú Sơn, Tân Đức).

- Tổng Phong Phú có 17 thôn (An Thới Đông, An Thới Tây, An Thới Trung, Bình Hàn Tây, Bình Hàn Trung, Hòa Lộc, Mỹ An Đông, Mỹ An Tây, Mỹ Đức Tây, Mỹ Hưng, Mỹ Long, Mỹ Lợi, Mỹ Lương, Mỹ Thuận, Mỹ Toàn, Mỹ Xương, Thanh Hưng).

- Tổng Phong Thạnh có 11 thôn (An Bình, An Long, An Phong, Mỹ Đảo, Mỹ Ngãi, Mỹ Trà, Nhị Mỹ, Phong Mỹ, Tân An, Tân Phú, Tân Thạnh)[11].

Năm 1838, chính quyền nhà Nguyễn nâng hai tổng Phong Phú và Phong Thạnh của huyện Kiến Đăng thành ba tổng Phong Phú, Phong Thạnh và Phong Nẫm thuộc huyện Kiến Phong mới lập, trực thuộc phủ Kiến Tường mới lập. Phủ Kiến Tường đóng lỵ sở tại thôn Mỹ Trà (nay thuộc TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp) kiêm lý huyện Kiến Phong.

Riêng về huyện Tân Hòa (vùng Gò Công) thuộc phủ Tân An, tỉnh Gia Định có những chuyển biến hành chánh như sau:

---

[11] Nguyễn Đình Đầu, *Nghiên cứu Địa bạ triều Nguyễn: Định Tường*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1994, trang 157-165.

Lỵ sở huyện Tân Hòa đầu tiên đặt tại thôn Thanh Xuân Đông, tổng Thạnh Mục (nay thuộc huyện Vàm Cỏ, tỉnh Long An, giáp với xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang).

Theo Địa bạ Minh Mạng năm 1836, huyện Tân Hòa có 4 tổng:

+ Tổng Hòa Đồng có 16 thôn.

+ Tổng Hòa Lạc có 17 thôn.

+ Tổng Thạnh Hội có 16 thôn.

+ Tổng Thạnh Mục có 16 thôn.

Trong 4 tổng nêu trên, hai tổng Hòa Đồng và Hòa Lạc thuộc vùng Gò Công (nay thuộc địa phận huyện Gò Công Tây, thị xã Gò Công, huyện Gò Công Đông và huyện Tân Phú Đông); còn hai tổng Thạnh Hội và Thạnh Mục thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Long An ngày nay. Số thôn của hai tổng Hòa Đồng và Hòa Lạc như sau:

+ Tổng Hòa Đồng có 16 thôn: Bình Công, Bình Hưng, Bình Long, Bình Long Tây, Bình Phú Đông, Bình Phú Tây, Bình Phục Nhị/Nhì, Bình Xuân Đông, Dương Phước, Đồng Sơn, Long Chánh, Tân Cang/Cương, Tân Nhựt, Vĩnh Hựu, Vĩnh Lợi, Vĩnh Thạnh.

+ Tổng Hòa Lạc có 17 thôn: An Long Đông/Yên Luông Đông, An Long Tây/Yên Luông Tây, Bình Ân, Bình Nghị, Bình Thạnh Đông, Bình Thạnh Tây, Bình Xuân, Mỹ Xuân, Tân Duân Đông, Tân Duân Trung, Tân Niên Đông, Tân Niên Tây, Tân Niên Trung, Tân Phước, Tăng Hòa, Thuận Ngãi (Bình Thuận Đông cũ), Thuận Tắc (Bình Thuận Tây cũ); và 1 phường: Toàn Phước.

Năm 1841, vua Thiệu Trị chia huyện Tân Hòa thành hai huyện: vùng ven sông Vàm Cỏ lập huyện Tân Thạnh; vùng Gò Công lập huyện Tân Hòa. Riêng huyện Tân Hoà có 4 tổng: Hòa Đồng Thượng, Hòa Đồng Hạ, Hòa Lạc Thượng và Hòa Lạc Hạ.

Lúc đó, huyện Tân Thạnh và huyện Tân Hòa thuộc phủ Hòa Thạnh, tỉnh Gia Định. Lỵ sở phủ Hòa Thạnh đặt tại Đồng Sơn.

Năm 1852, vua Tự Đức cho sáp nhập hai huyện Tân Thạnh và Tân Hòa để thành lập huyện mới lấy tên là huyện Tân Hòa vẫn thuộc tỉnh Gia Định. Huyện Tân Hòa (mới) có 8 tổng: Thạnh Hội Thượng, Thạnh Hội Hạ, Thạnh Mục Thượng, Thạnh Mục Hạ, Hòa Đồng Thượng, Hòa Đồng Hạ, Hòa Lạc Thượng và Hòa Lạc Hạ. Lỵ sở của huyện đóng tại thôn Thuận Ngãi, tổng Hòa Lạc Hạ (nay thuộc thị xã Gò Công).

Như vậy, vào năm 1852, vùng Gò Công thuộc huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định, có 4 tổng, 37 thôn, phường:

- Tổng Hòa Đồng Thượng: có 8 thôn: Bình Hưng, Bình Phú Đông, Bình Phú Tây, Bình Phục Nhì, Bình Phước, Đồng Sơn, Tân Nhựt, Trường Xuân.

- Tổng Hòa Đồng Hạ: có 9 thôn: Bình Công, Bình Hòa, Bình Luông Đông, Bình Luông Tây, Long Chánh, Tân Cương, Vĩnh Hựu, Vĩnh Lợi, Vĩnh Thạnh.

- Hòa Lạc Thượng: có 8 thôn: Bình Thạnh Đông, Bình Thạnh Tây, Bình Xuân, Mỹ Xuân, Tân Niên Đông, Tân Niên Tây, Tân Niên Trung, Tân Phước và 1 phường: Toàn Phước

- Tổng Hòa Lạc Hạ: có 11 thôn: An Long Đông/Yên Luông Đông, An Long Tây/Yên Luông Tây, Bình Ân, Bình Nghị, Dương Phước, Kiểng Phước (do phường Toàn Phước đổi thành), Tăng Hòa, Tân Duân Đông, Tân Duân Trung, Thuận Ngãi, Thuận Tắc.

2. Hạt Thanh tra (Inspection: 1867-1871)

Năm 1867, sau chiếm toàn bộ Nam kỳ, thực dân Pháp xóa bỏ Nam kỳ lục tỉnh của nhà Nguyễn, chia Nam kỳ ra nhiều hạt Thanh tra (Inspection), đứng đầu mỗi hạt Thanh Tra là một viên Thanh tra công việc nội chính bản xứ (Inspecteur des affaires Indigènes) do các sĩ quan Hải quân đảm nhiệm. Địa bàn các hạt Thanh tra tính theo đơn vị phủ, huyện cũ.

Theo đó, trên địa bàn tỉnh Tiền Giang ngày nay có 6 hạt Thanh tra:

- Hạt Thanh tra Mỹ Tho:

Phủ Kiến An kiêm lý huyện Kiến Hưng nên gọi là hạt Thanh tra Kiến An hay Kiến Hưng. Khi hạt Thanh tra này dời về Mỹ Tho thì gọi là hạt Thanh tra Mỹ Tho, coi huyện Kiến Hưng (cũ).

- Hạt Thanh tra Chợ Gạo:

Địa bàn huyện Kiến Hòa trở thành hạt Thanh tra Kiến Hòa; sau đó, dời về Chợ Gạo nên gọi là hạt Thanh tra Chợ Gạo, coi huyện Kiến Hòa (cũ).

- Hạt Thanh tra Cai Lậy

Địa bàn huyện Kiến Đăng trở thành hạt Thanh tra Kiến Đăng, vì đóng tại Cai Lậy nên được gọi là hạt Thanh tra Cai Lậy, coi huyện Kiến Đăng (cũ).

- Hạt Thanh tra Cần Lố:

Địa bàn phủ Kiến Tường kiêm lý huyện Kiến Phong trở thành hạt Thanh tra Kiến Tường, nhưng vì đóng tại Cần Lố nên được gọi là hạt Thanh tra Cần Lố, coi huyện Kiến Phong (cũ).

- Hạt Thanh tra Tân An:

Toàn bộ tổng Hưng Long của huyện Kiến Hưng và 9 thôn của tổng Hưng Nhơn cùng huyện nằm dọc theo bờ sông Vàm Cỏ và kênh Bưu Điện (kênh Bảo Định) được tách khỏi huyện Kiến Hưng để thành lập hạt Thanh tra Tân An.

- Hạt Thanh tra Gò Công:

Trông coi huyện Tân Hòa (cũ).

Ngày 5/12/1868, giải thể hạt Thanh tra Cai Lậy nhập vào hạt Thanh tra Mỹ Tho. Tiếp theo, ngày 23/12/1868, giải thể hạt Thanh Tra Chợ Gạo nhập vào hạt Thanh tra Mỹ Tho. Nhưng đến ngày 20/10/1869, hạt Thanh tra Cai Lậy được lập lại theo địa bàn cũ; đến ngày 8/9/1870, dời trụ sở về Cái Bè, nên gọi là hạt Thanh tra Cái Bè. Ngày 20/9/1870, giải thể hạt Thanh tra Cần Lố, đưa hai tổng Phong Hòa và Phong Phú của hạt Thanh tra Cần Lố vào hạt Thanh Tra Cái Bè, đồng thời đưa hai tổng còn lại là Phong Nẫm và Phong Thạnh qua hạt Thanh tra Sa Đéc. Ngày 5/6/1871, giải thể hạt Thanh tra Cái Bè nhập vào địa bàn hạt Thanh tra Mỹ Tho.

3. Tỉnh Mỹ Tho (Province de Mytho: 1900-1954)

Ngày 20/12/1899, Toàn quyền Đông dương ban hành Nghị định đổi các Tiểu khu hành chính thành tỉnh (Province) kể từ ngày 01/01/1900. Theo đó, Nam kỳ có 21 tỉnh. Mỹ Tho và Gò Công là hai tỉnh riêng biệt.

Theo *Địa phương chính tỉnh Mỹ Tho năm 1902*, tỉnh Mỹ Tho có diện tích là 223.660 hecta, dân số là 233.802 người, bao gồm 231.276 người Việt, 2.381 người Hoa, 103 người Âu, 42 người Ấn. Tỉnh lỵ đặt tại Mỹ Tho.

Toàn tỉnh có 15 tổng, 202 làng.

- Tổng Thuận Trị:

Có 19 làng: Điều Hòa, Thạnh Trị, Đạo Ngạn, An Vĩnh, Ngãi Hữu, Cửu Viễn, Thân Nhơn, Nhơn Hòa, Long Hội Tây, An Hội, Long Hội, Trung Lương, An Đức Đông, Bình Tạo, An Đức, Tân Thuận, Thới Sơn, Phú Đức, Phú Túc.

- Tổng Thuận Bình:

Có 15 làng: An Thạnh, An Phước, Thạnh Phú, Long Hưng, Mỹ Thuận Tây, Mỹ Thuận Đông, Vĩnh Kim Tây, Vĩnh Kim Đông, Bình Hòa Đông, Phong Trưng, Hữu Đạo, Điềm Hy, Dưỡng Điềm.

- Tổng Lợi Trường:

Có 12 làng: Mỹ Quý, Mỹ Quý Đông, Mỹ Phú, Mỹ Quý Tây, Long Điền, Mỹ Hậu, Bàn Long, Kim Sơn, Phú Phong, Bình Chánh Trung, Bình Chánh Đông, Bình Chánh.

- Tổng Lợi Mỹ:

Có 08 làng: Phú Long, Mỹ Khánh, Mỹ Đông Thượng, Mỹ Đông, Mỹ Đông Trung, Tân Thới, Trà Tân, Ngũ Hiệp.

- Tổng Lợi Trinh:

Có 15 làng: Long Phước, Mỹ Hạnh Tây, Bình Chánh Tây, Mỹ Hạnh Trung, Mỹ Hạnh Đông, Tân Phú Đông, Tân Hội, Mỹ Tường, Tân Long, Tân An, Hòa Sơn, Thanh Sơn, Mỹ Trang, Hòa Thuận, Cẩm Sơn.

- Tổng Hưng Nhơn:

Có 13 làng: Phú Mỹ, Hưng Thạnh, Mỹ Điền, Phước Lộc, Nhị Bình, Long Định, Định Hòa, Tân Lập, Tân Lý Đông, Tân Thành, Dương Hòa, Tân Hội Tây, Tân Hội Đông.

- Tổng Hưng Nhượng:

Có 06 làng: Tân Hương, Tân Hương Tây, Tân Lý Tây, Tân Hiệp, Hòa Mỹ, Tịnh Giang.

- Tổng Thạnh Quơn:

Có 13 làng: Tịnh Hà, An Khương, Trung Hòa, Song Thạnh, Bình Cách, Nhựt Tân, Mỹ Trung, Phú Kiết, Lương Phú, An Lạc, Long Hòa, Thanh Xuân, Bình Dương.

- Tổng Thạnh Phong:

Có 16 làng: Hưng Ngãi, Bình Đăng, Vĩnh Phước, Điền Trang, Bình Hài, Mỹ Phong, Phú Hội, Mỹ Chánh, Phong Thuận, Bình Phong, Bình Thạnh, Bình Hạnh, Long Thạnh, Tân Tĩnh Đông, Tân Xuân, Tân Tĩnh.

- Tổng Hòa Hảo:

Có 15 làng: Bình Long, Bình Phục Tây, Bình Quơn, Thuận Hòa, Bình Phục Đông, Tân Hóa, Hòa Thạnh, An Định, Hòa Bình, Hòa Ninh, Hòa An, Mỹ Thạnh, Bình Thủy, Bình Phan, Bình Trị.

- Tổng Hòa Quới:

Có 24 làng: An Hồ, Tân Thạch, Quới Sơn, Phú Thạnh, Giao Long, Giao Hòa, Nguyệt Thạnh, Long Phụng, Phú Thuận, Vang Quới, Phú Vang, Thới Lai, Châu Hưng, Tân Hưng, An Hóa, Phước Hậu, Phước Thới, Phước Hòa, Phú Ngãi, Phú Nhơn, Phước Khánh, Phước Thiện, Phước Định, Phú Thạnh.

- Tổng Hòa Thinh:

Có 11 làng: Lộc Thuận, Phú Long, Tân Định, Bình Trung, Bình Đại, Lộc Tân, Thạnh Lộc, Phước Thuận, Thọ Phú, Thừa Đức, Thới Thuận.

- Tổng Lợi Thuận:

Có 15 làng: Mỹ Thạnh, Đại Phú, Giai Mỹ, Phú Thuận Đông, Bình Phú, Phú Hưng, Phú Nhuận, Lợi Thành, Lợi An, An Mỹ, Phú Sơn, Hiệp Hòa, Tân Đức, Xuân Sơn, Hội Sơn.

- Tổng Phong Hòa:

Có 11 làng: Mỹ Đức Tây, Mỹ Thiện, Hậu Mỹ, Mỹ Hội, An Cư, Hậu Thành, An Bình Đông, Phú Hòa, An Hiệp, Hòa Khánh, Mỹ Đức Đông.

- Tổng Phong Phú:

Có 09 làng: Mỹ Lợi, Thanh Hưng, An Thái Đông, An Thái Trung, Mỹ Lương, Hòa Lộc, Mỹ Hưng, An Hữu, Mỹ Thuận[12].

Sau thời gian thực hiện chính sách trực trị (tỉnh - tổng - làng) không thành công, ở tỉnh Mỹ Tho, thực dân Pháp bắt buộc phải lập cấp quận làm trung gian giữa tỉnh và tổng, làng.

4. Quận Cai Lậy:

Quận Cai Lậy thành lập năm 1904, đầu tiên có 6 tổng: Lợi Trinh (9 làng), Lợi Thuận (8 làng), Lợi Mỹ (8 làng), Lợi Trường (12 làng), Phong Hòa (8 làng), Phong Phú (9 làng).

Năm 1912, cắt ba làng của tổng Lợi Trường là Bàn Long, Phú Phong và Kim Sơn để nhập vào quận Châu Thành. Năm 1913, cắt ba tổng Phong Hòa (8 làng), Phong Phú (9 làng) và Lợi Thuận (8 làng) để lập quận Cái Bè.

Nhưng đến năm 1928, quận Cái Bè trả tổng Lợi Thuận về quận Cai Lậy.

5. Tỉnh Định Tường (Chính quyền Sài Gòn: 1954-1975)

Về phía chính quyền Sài Gòn, theo Sắc lệnh 143-NV ngày 22-10-1956 của Tổng thống chính quyền Sài Gòn Ngô Đình Diệm về việc "thay đổi địa giới và tên Đô thành Sài Gòn - Chợ Lớn cùng các tỉnh và tỉnh lỵ tại Việt Nam", tỉnh Định Tường được thành lập trên phần đất tỉnh Mỹ Tho và tỉnh Gò Công cũ. Tỉnh lỵ tỉnh Định Tường đặt tại Mỹ Tho, về mặt hành chánh thuộc xã Điều Hòa, quận Châu Thành.

Theo sự phân định hành chính của chính quyền Sài Gòn, Định Tường là một trong 22 tỉnh của Nam Phần lúc đó, bắc giáp tỉnh Kiến Tường, đông bắc giáp tỉnh Long An, đông giáp biển Đông, tây nam và nam giáp hai tỉnh Vĩnh Long và Kiến Hòa, tây giáp tỉnh Kiến Phong, tây nam giáp tỉnh Sa Đéc. Ranh giới phía nam của tỉnh Định Tường là sông Tiền Giang (đoạn này còn gọi là sông Mỹ Tho).

---

[12] Theo quyển *Địa phương chí tỉnh Mỹ Tho năm 1902* (*Monographie de la province de Mytho, 1902*).

Ngày 24-4-1957, chính quyền Sài Gòn ấn định các đơn vị hành chính trực thuộc tỉnh. Tỉnh Định Tường có tỉnh lỵ đặt tại Mỹ Tho, bao gồm 7 quận, 15 tổng, 123 xã. Cụ thể như sau:

(1) Quận Châu Thành (quận lỵ: xã Điều Hòa), có 2 tổng, 22 xã.

- Tổng Thuận Trị, gồm 09 xã: Bình Đức, Đạo Thạnh, Điều Hòa, Long An, Tam Hiệp, Thạnh Phú, Thới Sơn, Trung An, Phước Thạnh.

- Tổng Thuận Bình, gồm 13 xã: Bàn Long, Bình Trưng, Dưỡng Điềm, Đông Hòa, Điềm Hy, Hữu Đạo, Kim Sơn, Long Định, Long Hưng, Nhị Bình, Phú Phong, Song Thuận, Vĩnh Kim.

(2) Quận Bến Tranh (quận lỵ: xã Lương Hòa Lạc), có 2 tổng, 16 xã.

- Tổng Hưng Nhơn, gồm 09 xã: Hưng Thạnh Mỹ, Tân Hội Đông, Tân Lý Tây, Tân Lý Đông, Tân Hương, Tân Hiệp, Thân Cửu Nghĩa, Tân Hòa Thành, Phú Mỹ.

- Tổng Thạnh Quơn, gồm 07 xã: Lương Hòa Lạc, Hoà Tịnh, Mỹ Tịnh An, Phú Kiết, Tân Bình Thạnh, Trung Hòa, Thanh Bình

(3) Quận Chợ Gạo (quận lỵ: xã Bình Phan), có 2 tổng, 13 xã.

- Tổng Thạnh Phong, gồm 06 xã: Đăng Hưng Phước, Long Bình Điền, Mỹ Phong, Song Bình, Tân Mỹ Chánh, Xuân Đông.

- Tổng Hòa Hảo, gồm 07 xã: An Thanh Thủy, Bình Ninh, Bình Phan, Bình Phục Nhứt, Quơn Long, Hoà Định, Tân Thuận Bình

(4) Quận Cái Bè (quận lỵ: xã Đông Hoà Hiệp), có 2 tổng, 16 xã.

- Tổng Phong Hòa, gồm 08 xã: Đông Hòa Hiệp, Hội Cư, Hòa Khánh, Hậu Thành, Hậu Mỹ, Mỹ Thiện, Mỹ Đức Đông, Mỹ Đức Tây.

- Tổng Phong Phú, gồm 08 xã: An Hữu, Hưng Thuận (cù lao Quy), An Thái Đông, An Thái Trung, Thanh Hưng, Hòa Lộc, Mỹ Lợi, Mỹ Lương.

(5) Quận Cai Lậy (quận lỵ: xã Thanh Hòa), có 3 tổng, 25 xã.

- Tổng Lợi Trinh, gồm 09 xã: Thanh Hoà, Nhị Mỹ, Mỹ Hạnh Trung, Mỹ Phước Tây, Cẩm Sơn, Tân Phú Đông, Mỹ Hạnh Đông, Tân Bình, Tân Hội.

- Tổng Lợi Hoà, gồm 08 xã: Long Trung, Long Khánh, Tam Bình, Ngũ Hiệp, Mỹ Long, Long Tiên, Phú Quý, Nhị Quý.

- Tổng Lợi Thuận, gồm 08 xã: Phú An, Phú Nhuận Đông, Bình Phú, Thạnh Phú, Hiệp Đức, Hội Sơn, Xuân Sơn, Mỹ Thành.

(6) Quận Gò Công (quận lỵ: xã Long Thuận), có 2 tổng, 15 xã.

- Tổng Hòa Lạc Thượng, gồm 08 xã: Bình Thạnh Đông, Bình Xuân, Gia Thuận, Kiểng Phước, Tân Niên Đông, Tân Niên Tây, Tân Niên Trung, Tân Phước.

- Tổng Hòa Lạc Hạ, gồm 07: xã An Hòa, Bình An, Long Thuận, Phước Trung, Tân Bình Điền, Tăng Hòa, Tân Thành.

(7). Quận Hòa Đồng (quận lỵ: xã Đồng Sơn), có 2 tổng, 16 xã.

- Tổng Hòa Đồng Thượng, gồm 09 xã: Vĩnh Bình (Vĩnh Lợi và Bình Phú Tây cũ), Đồng Sơn, Bình Phú Đông, Thành Công (Bình Thành và Bình Công cũ), Thạnh Trị (Vĩnh Thạnh và Vĩnh Trị cũ), Bình Phục Nhì, Thạnh Nhựt, Vĩnh Viễn và Vĩnh Hựu.

- Tổng Hòa Đồng Hạ, gồm 07 xã: Long Hựu, Bình Luông Đông, Tân Thới, Phú Thạnh Đông, Bình Long (Bình Luông Tây và Long Thạnh cũ), Yên Luông (Yên Luông Đông và Yên Luông Tây cũ), Bình Tân (Bình Luông Trung và Tân Cương cũ).

Ngày 05-12-1957, chính quyền Sài Gòn dời quận lỵ quận Bến Tranh từ xã Lương Hòa Lạc đến xã Tân Hiệp.

Ngày 08-11-1960, quận Châu Thành đổi tên thành quận Long Định, đồng thời dời quận lỵ từ xã Điều Hòa tới xã Long Định. Ngày 09-8-1961, tách một phần đất thuộc quận Cái Bè lập một quận mới, lấy tên là quận Giáo Đức, quận lỵ đặt tại xã An Hữu, gồm 2 tổng Phong Phú và An Phú (mới lập). Quận Cái Bè đổi tên thành quận Sùng Hiếu. Quận Cai Lậy đổi tên thành quận Khiêm Ích.

Ngày 20-12-1963, chính quyền Sài Gòn tách hai quận Gò Công và Hòa Đồng ra khỏi tỉnh Định Tường để tái lập tỉnh Gò Công.

Ngày 23-5-1964, chia quận Long Định thành 2 quận: Châu Thành và Long Định. Quận Châu Thành có 2 tổng Thuận Trị và Thuận Hòa (mới lập), quận lỵ đặt tại xã Trung An, Quận Long Định có 2 tổng Thuận Bình và Lợi Trường, quận lỵ dời từ xã Long Định đến xã Vĩnh Kim.

Ngày 10-11-1964, đổi lại tên quận Sùng Hiếu thành quận Cái Bè, quận Khiêm Ích thành quận Cai Lậy như cũ. Sau năm 1965, chính quyền Sài Gòn giải thể cấp tổng; từ đó, các xã trực thuộc cấp quận. Ngày 24-3-1969, chính quyền Sài Gòn đổi tên quận Long Định thành quận Sầm Giang.

Ngày 30-9-1970, Thủ tướng chính quyền Sài Gòn ban hành Sắc lệnh số 114/SL-NV cải biến xã Điều Hòa thuộc quận Châu Thành thành thị xã Mỹ Tho, là thị xã tự trị trực thuộc chính quyền trung ương, đồng thời kiêm tỉnh lỵ tỉnh Định Tường. Lúc đó, tỉnh Định Tường có 01 thị xã, 07 quận, 92 xã, diện tích 1.686 km², dân số 453.562 người, tỉnh lỵ đặt tại thị xã Mỹ Tho. Cụ thể như sau:

TT	TÊN THỊ XÃ/TÊN QUẬN/ TÊN XÃ	DIỆN TÍCH (km^2)	DÂN SỐ (Người)
I	**Thị xã Mỹ Tho**	**8,0**	**109.975**
II	**Quận Bến Tranh: 15 xã, quận lỵ đặt tại xã Tân Hiệp**	**225,7**	**67.531**
1	Hòa Tịnh	7,7	2.604
2	Lương Hòa Lạc	15,0	6.464
3	Mỹ Tịnh An	12,1	3.230
4	Phú Kiết	11,5	3.306
5	Phú Mỹ	46,8	5.612
6	Tân Bình Thành	12,5	2.458
7	Tân Hiệp	1,0	4.571
8	Tân Hòa Thành	20,1	3.309
9	Tân Hội Đông	8,4	4.118
10	Tân Hương	13,3	8.060
11	Tân Lý Đông	40.4	4.903
12	Tân Lý Tây	4,5	5.368
13	Thanh Bình	12,3	2.079
14	Thân Cửu Nghĩa	9,6	9.326
15	Trung Hòa	10,5	2.123
III	**Quận Cái Bè: 11 xã, quận lỵ đặt tại xã Đông Hòa Hiệp**	**278,4**	**79.124**
16	Đông Hòa Hiệp	17,0	27.197
17	Hậu Mỹ	60,9	10.474

18	Hậu Thành	10,6	8.130
19	Hiệp Đức	11,4	625
20	Hòa Khánh	25,5	10.311
21	Hội Cư	23,1	5.304
22	Hội Sơn	4,3	170
23	Mỹ Thành	40,6	8.273
24	Mỹ Thiện	64,7	3.742
25	Phú An	14,2	4.523
26	Xuân Sơn	6,1	375
IV	**Quận Cai Lậy: 20 xã, quận lỵ đặt tại xã Thanh Hòa**	**363,5**	**101.017**
27	Bình Phú	19,3	6.863
28	Cẩm Sơn	13,9	300
29	Long Khánh	17,9	5.024
30	Long Tiên	14,0	3.861
31	Long Trung	19,4	3.772
32	Mỹ Hạnh Đông	30,1	2.000
33	Mỹ Hạnh Trung	10,2	4.152
34	Mỹ Long	11,5	1.103
35	Mỹ Phước Tây	39,1	7.041
36	Ngũ Hiệp	27,3	6.039
37	Nhị Mỹ	12,5	5.823
38	Nhị Quý	11,8	7.344

39	Phú Nhuận Đông	15,6	4.980
40	Phú Quý	9,3	2.814
41	Tam Bình	16,9	4.885
42	Tân Bình	13,0	6.724
43	Tân Hội	10,9	3.519
44	Tân Phú Đông	5,3	675
45	Thanh Hòa	9,9	21.588
46	Thạnh Phú	55,6	2.510
V	**Quận Châu Thành: 11 xã, quận lỵ đặt tại xã Trung An**	**107,3**	**52.208**
47	Bình Đức	11,8	11.237
48	Đạo Thạnh	6,7	6.645
49	Long An	13,6	5.254
50	Mỹ Phong	11,1	5.456
51	Phước Thạnh	11,5	3.125
52	Tam Hiệp	13,6	2.749
53	Tân Long	4,9	7.208
54	Tân Mỹ Chánh	6,9	3.974
55	Thạnh Phú	7,9	2.183
56	Thới Sơn	13,8	2.148
57	Trung An	5,5	2.209
VI	**Quận Chợ Gạo: 11 xã, quận lỵ đặt tại xã Bình Phan**	**163,1**	**52.664**
58	An Thạnh Thủy	17,1	4.915

59	Bình Ninh	20,0	3.575
60	Bình Phan	9,0	5.903
61	Bình Phục Nhứt	18,3	5.786
62	Đăng Hưng Phước	14,5	6.257
63	Hòa Định	22,0	2.700
64	Long Bình Điền	12,1	4.331
65	Quơn Long	14,2	4.778
66	Song Bình	12,1	4.260
67	Tân Thuận Bình	14,9	5.579
68	Xuân Đông	8,9	4.580
VII	**Quận Giáo Đức: 10 xã, quận lỵ đặt tại xã An Hữu**	**226,5**	**58.791**
69	An Hữu	15,0	12.047
70	An Thới Đông	7,3	6.458
71	An Thới Trung	16,1	5.576
72	Hòa Lộc	5,1	1.214
73	Hưng Thuận	15,9	6.551
74	Mỹ Đức Đông	8,0	2.454
75	Mỹ Đức Tây	68,2	8.716
76	Mỹ Lợi	42,7	1.052
77	Mỹ Lương	13,6	5.404
78	Thanh Hưng	34,6	9.319
VIII	**Quận Sầm Giang: 14 xã, quận lỵ đặt tại xã Vĩnh Kim**	**321,5**	**42.227**

79	Bàn Long	10,2	385
80	Bình Trưng	6,5	1.146
81	Điềm Hy	4,6	1.762
82	Dưỡng Điềm	7,0	3.384
83	Đông Hòa	95,5	6.057
84	Hữu Đạo	4,6	941
85	Hưng Thạnh Mỹ	85,9	Không có số liệu
86	Kim Sơn	12,6	2.884
87	Long Định	22,6	7.599
88	Long Hưng	14,0	1.460
89	Nhị Bình	32,9	7.409
90	Phú Phong	10,9	1.338
91	Song Thuận	9,0	1.968
92	Vĩnh Kim	5,2	5.894

Ngày 12-7-1974, chính quyền Sài Gòn lập quận mới Hậu Mỹ, quận lỵ đặt tại xã Hậu Mỹ, quận này bao gồm một phần đất của các quận Cái Bè, Giáo Đức, Cai Lậy cùng tỉnh, của quận Kiến Bình (tỉnh Kiến Tường) và của quận Mỹ An (tỉnh Kiến Phong). Các đơn vị hành chính của quận Hậu Mỹ chưa sắp xếp xong thì miền Nam được giải phóng (30-4-1975).

6. Tỉnh Tiền Giang

*** Diễn tiến hành chính**

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta đã hoàn toàn thắng lợi vào ngày 30-4-1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Ngày 20-9-1975, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 245-NQ/TƯ về việc giải thể cấp khu, hợp nhất tỉnh trong toàn quốc "nhằm xây dựng các tỉnh thành những đơn vị kinh tế, kế hoạch và đơn vị hành chính có khả năng giải quyết đến mức cao nhất những yêu cầu về đẩy mạnh sản xuất, tổ chức đời sống vật chất, văn hóa của nhân

dân, về củng cố quốc phòng, bảo vệ trị an, và có khả năng đóng góp tốt nhất vào sự nghiệp chung của cả nước". Theo Nghị quyết này, 4 tỉnh Mỹ Tho, Gò Công, Long An, Bến Tre sẽ hợp lại thành một tỉnh, tên gọi sẽ do địa phương đề nghị lên. Nhưng ngày 20-12-1975, Bộ Chính trị lại ra Nghị quyết số 19/NQ điều chỉnh lại việc hợp tỉnh ở miền Nam Việt Nam cho sát với tình hình thực tế, theo đó tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công và thành phố Mỹ Tho hợp lại thành một tỉnh. Ngày 24-2-1976, Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ban hành Nghị quyết số 03-NQ/1976 về việc giải thể khu, hợp nhất tỉnh ở miền Nam Việt Nam. Theo Nghị quyết này tại miền Nam có 21 đơn vị trực thuộc Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, trong đó có tỉnh Tiền Giang do nhập tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công và thành phố Mỹ Tho.

Tỉnh Tiền Giang bấy giờ có 6 đơn vị hành chính trực thuộc là các huyện: Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công và thành phố Mỹ Tho. Tỉnh lỵ là thành phố Mỹ Tho, được công nhận là đô thị loại 3 trực thuộc tỉnh.

Sau đó, trên địa bàn tỉnh Tiền Giang có những sự điều chỉnh về hành chính như sau:

Ngày 26-3-1977, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 77-CP về việc chuyển thị xã Gò Công thuộc tỉnh Tiền Giang thành thị trấn Gò Công thuộc huyện Gò Công cùng tỉnh.

Ngày 12-4-1979, trên địa bàn huyện Cai Lậy, xã Thạnh Phú chia thành 2 xã mới Thạnh Lộc và Phú Cường, hợp nhất 2 xã Hội Sơn, Xuân Sơn thành xã Hội Xuân; trên địa bàn huyện Cái Bè, chia xã Hậu Mỹ Nam thành 2 xã Hậu Mỹ Phú, Hậu Mỹ Trinh; chia xã Hậu Mỹ Bắc thành 2 xã Hậu Mỹ Bắc A, Hậu Mỹ Bắc B; chia xã Mỹ Thiện thành 2 xã Thiện Trí, Thiện Trung; chia xã Thanh Hưng thành 2 xã Tân Thanh, Tân Hưng; chia xã Mỹ Lợi thành 2 xã Mỹ Lợi A, Mỹ Lợi B.

Ngày 13-4-1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 155-CP về việc chia huyện Gò Công thành huyện Gò Công Đông và huyện Gò Công Tây.

Như vậy, đến tháng 4-1979, tỉnh Tiền Giang có 7 đơn vị hành chính trực thuộc là các huyện: Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây và thành phố Mỹ Tho.

Ngày 13-2-1987, giải thể xã Tăng Hòa để thành lập thị trấn Tân Hòa là thị trấn huyện lỵ Gò Công Đông.

Ngày 16-2-1987, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 37-HĐBT về việc thành lập thị xã Gò Công trực thuộc tỉnh Tiền Giang trên cơ sở thị trấn Gò Công cũ và 1 phần diện tích và dân số của 2 huyện Gò Công Đông, Gò Công Tây.

Như vậy, đến tháng 2-1987, tỉnh Tiền Giang có 8 đơn vị hành chính trực thuộc là: thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây.

Ngày 23-11-1990, lập xã mới Mỹ Tân thuộc huyện Cái Bè trên cơ sở các phần đất và dân số tách từ các xã Mỹ Trung, Mỹ Lợi B, Mỹ Đức Tây và Nông trường Ngô Văn Nhạc.

Ngày 9-3-1992, trích 1 phần diện tích và dân số xã Phú Đông, huyện Gò Công Đông để thành lập xã Phú Tân.

Ngày 11-7-1994, Chính phủ ban hành Nghị định số 68-CP về việc thành lập huyện Tân Phước trên cơ sở tách một phần diện tích và dân số của của 2 huyện Cai Lậy và Châu Thành.

Như vậy, đến tháng 7-1994, tỉnh Tiền Giang có 9 đơn vị hành chính trực thuộc là: thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phước.

Ngày 14-1-2002, lập xã mới Tân Thạnh thuộc huyện Gò Công Tây trên cơ sở các phần đất tách từ các xã Tân Phú, Tân Thới và Phú Thạnh; tái lập xã Tăng Hòa thuộc huyện Gò Công Đông trên cơ sở phần đất và dân số tách từ thị trấn Tân Hòa.

Ngày 9-12-2003, lập phường Tân Long thuộc thành phố Mỹ Tho do cải biến xã Tân Long; lập phường 9 do tách một phần đất và dân số từ xã Tân Mỹ Chánh; lập phường 10 do tách một phần đất và dân số từ 2 xã Đạo Thạnh và Trung An; lập phường 5 thuộc thị xã Gò Công do tách một phần đất và dân số từ xã Long Hòa; chia xã Hội Cư của huyện Cái Bè thành 2 xã An Cư và Mỹ Hội.

Ngày 07-10-2005, Thủ tướng chính phủ ban hành Quyết định số 248/2005/QĐ-TTg về việc công nhận thành phố Mỹ Tho là đô thị loại 2 trực thuộc tỉnh.

Ngày 21-01-2008, Chính phủ ban hành Nghị định số 09/2008/NĐ-CP, về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Gò Công Đông và Gò Công Tây để mở rộng thị xã Gò Công và thành lập huyện Tân Phú Đông. Theo đó, huyện Tân Phú Đông bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên và nhân khẩu của các xã: Tân Thới, Tân Phú, Phú Thạnh, Tân Thạnh của huyện Gò Công Tây và toàn bộ diện tích tự nhiên và nhân khẩu của xã Phú Đông và xã Phú Tân của huyện Gò Công Đông.

Như vậy, đến tháng 01-2008, tỉnh Tiền Giang có 10 đơn vị hành chính trực thuộc là: thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phước và Tân Phú Đông.

Ngày 29-6-2009, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 28/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Châu Thành, huyện Chợ Gạo để mở rộng địa giới hành chính thành phố Mỹ Tho; điều chỉnh địa giới hành chính xã, thành lập xã thuộc thành phố Mỹ Tho, huyện Châu Thành, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 30-9-2010, thành lập thị trấn Vàm Láng thuộc huyện Gò Công Đông.

Ngày 26-12-2013, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 130/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Cai Lậy để thành lập thị xã Cai Lậy và huyện Cai Lậy.

Như vậy, đến tháng 12-2013, tỉnh Tiền Giang diện tích là 250.830,36 ha, dân số có 1.712.547 người, gồm 01 thành phố (Mỹ Tho), 02 thị xã (Cai Lậy và Gò Công), 08 huyện (Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phú Đông và Tân Phước), 157 xã, phường, thị trấn (128 xã, 22 phường, 7 thị trấn). Cụ thể như sau:

TT	**Xã, phường, thị trấn**	**Diện tích (ha) (Dấu , là ngàn; dấu . là số lẻ)**	**Dân số (người)**
I	**Huyện Cái Bè**	**42,089.82**	**291,627**
1	Thị trấn Cái Bè	426.26	16,856
2	An Thái Đông	728.12	9,834
3	Hậu Mỹ Phú	1,120.44	7,306
4	An Cư	1,142.82	14,211
5	Hậu Thành	1,163.09	14,354
6	Mỹ Đức Đông	1,208.66	9,445
7	Thiện Trí	1,314.59	9,210
8	Mỹ Hội	1,377.24	8,383
9	An Hữu	1,411.36	17,263

10	Hoà Hưng	1,540.34	15,335
11	Mỹ Lương	1,608.97	10,370
12	Tân Thanh	1,634.06	10,427
13	Mỹ Tân	1,736.26	4,893
14	Mỹ Lợi A	1,747.61	10,298
15	Đông Hoà Hiệp	1,781.23	14,023
16	Tân Hưng	1,888.60	12,282
17	An Thái Trung	1,911.87	14,901
18	Mỹ Lợi B	1,912.95	7,414
19	Mỹ Đức Tây	1,975.46	13,965
20	Hậu Mỹ Bắc B	1,977.17	10,480
21	Thiện Trung	2,018.96	8,991
22	Hoà Khánh	2,253.21	20,142
23	Mỹ Trung	2,416.47	8,347
24	Hậu Mỹ Bắc A	2,626.04	12,787
25	Hậu Mỹ Trinh	3,168.04	10,110

II	**Huyện Cai Lậy**	**29,599.36**	**186,583**
1	Hiệp Đức	1,013.78	5,977
2	Mỹ Thành Bắc	1,748.73	8,075
3	Cẩm Sơn	1,241.58	8,009
4	Hội Xuân	1,168.68	8,880
5	Mỹ Long	1,280.75	9,158
6	Phú Nhuận	1,363.58	9,206
7	Thạnh Lộc	2,384.06	11,298
8	Long Tiên	1,644.10	12,001
9	Long Trung	1,511.30	12,141
10	Phú Cường	3,259.79	12,733
11	Mỹ Thành Nam	2,179.25	12,652
12	Tân Phong	2,469.99	12,594
13	Phú An	1,577.08	15,149
14	Ngũ Hiệp	2,780.00	16,117
15	Tam Bình	2,081.75	16,383

16	Bình Phú	1,894.94	16,210
III	**Thị xã Cai Lậy**	**14,018.95**	**123,775**
1	Phường 1	220.53	11,427
2	Phường 2	349.19	5,416
3	Phường 3	335.75	3,323
4	Phường 4	203.74	6,039
5	Phường 5	255.62	7,499
6	Phường Nhị Mỹ	553.84	4,586
7	Thanh Hoà	672.58	5,061
8	Tân Phú	826.44	5,410
9	Phú Quí	835.34	6,405
10	Mỹ Hạnh Trung	996.26	7,251
11	Mỹ Hạnh Đông	1,609.86	8,617
12	Nhị Quí	787.70	10,422
13	Tân Bình	900.93	5,669
14	Tân Hội	1,375.81	11,029

15	Mỹ Phước Tây	2,029.64	13,200
16	Long Khánh	2,065.72	12,421
IV	**Huyện Châu Thành**	**22,991.09**	**242,757**
1	Thị trấn Tân Hiệp	74.49	4,995
2	Dưỡng Điềm	341.58	6,192
3	Hữu Đạo	469.64	4,570
4	Tân Lý Tây	509.46	11,148
5	Thạnh Phú	733.81	9,686
6	Đông Hoà	758.96	9,530
7	Song Thuận	783.92	6,442
8	Bình Trưng	893.71	9,140
9	Phú Phong	900.03	6,980
10	Tân Hội Đông	913.62	7,589
11	Long An	591.85	9,258
12	Bàn Long	925.63	8,352
13	Tân Hương	1,103.29	15,170

14	Bình Đức	755.29	13,215
15	Kim Sơn	1,169.09	10,085
16	Thân Cửu Nghĩa	1,244.81	19,201
17	Điềm Hy	1,429.48	9,020
18	Long Hưng	1,475.67	12,355
19	Tân Lý Đông	1,555.24	14,275
20	Long Định	1,779.10	14,359
21	Nhị Bình	1,889.68	16,930
22	Tam Hiệp	2,121.40	14,015
23	Vĩnh Kim	571.34	10,250
V	**Huyện Tân Phước**	**33,321.74**	**57,561**
1	Thị trấn Mỹ Phước	279.40	2,792
2	Phú Mỹ	1,340.10	7,862
3	Tân Lập 2	1,647.54	2,278
4	Tân Hoà Thành	1,747.22	9,847
5	Thạnh Hoà	2,533.85	842

6	Tân Hoà Đông	2,677.93	1,593
7	Thạnh Mỹ	2,832.35	2,134
8	Tân Lập 1	2,870.98	5,549
9	Thạnh Tân	3,319.80	1,892
10	Hưng Thạnh	3,348.75	6,836
11	Tân Hoà Tây	3,352.21	4,257
12	Phước Lập	3,475.54	8,936
13	Mỹ Phước	3,896.07	2,743
VI	**Thành phố Mỹ Tho**	**8,154.10**	**220,014**
1	Phường 1	77.71	7,994
2	Phường 2	70.81	13,743
3	Phường 3	54.11	10,452
4	Phường 4	79.36	16,570
5	Phường 5	271.77	20,653
6	Phường 6	311.30	23,448
7	Phường 7	40.15	9,128

8	Phường 8	69.70	11,954
9	Phường 9	237.57	7,116
10	Phường 10	282.90	10,477
11	Phường Tân Long	272.79	3,470
12	Đạo Thạnh	1,031.47	15,866
13	Trung An	1,063.03	21,667
14	Tân Mỹ Chánh	931.59	12,271
15	Mỹ Phong	1,130.60	16,534
16	Phước Thạnh	1,017.60	12,291
17	Thới Sơn	1,211.64	6,380
VII	**Huyện Chợ Gạo**	**23,256.81**	**178,803**
1	Thị trấn Chợ Gạo	307.67	7,525
2	Hoà Tịnh	704.65	6,286
3	Bình Phan	1,059.00	7,039
4	Tân Bình Thạnh	1,126.85	7,555
5	Trung Hoà	1,077.76	6,452

6	Song Bình	932.58	8,055
7	Phú Kiết	1,154.46	9,942
8	Đăng Hưng Phước	1,476.48	11,151
9	Tân Thuận Bình	1,225.72	10,323
10	Long Bình Điền	1,192.33	11,875
11	Mỹ Tịnh An	1,143.39	8,782
12	Quơn Long	1,330.55	9,538
13	Thanh Bình	1,399.60	9,535
14	Hoà Định	1,359.25	8,136
15	Lương Hoà Lạc	1,007.99	12,477
16	Xuân Đông	1,514.64	8,666
17	An Thạnh Thuỷ	1,573.59	12,503
18	Bình Phục Nhứt	1,805.76	12,358
19	Bình Ninh	1,864.54	10,605
VIII	**Huyện Gò Công Tây**	**18,220.53**	**131,252**
1	Thành Công	810.52	5,934

2	Yên Luông	1,049.62	8,347
3	Bình Phú	1,321.53	7,569
4	Long Vĩnh	1,221.50	7,455
5	Đồng Sơn	1,483.55	8,844
6	Thạnh Trị	1,426.25	9,676
7	Bình Tân	1,669.13	10,368
8	Bình Nhì	1,375.49	11,750
9	Đồng Thạnh	1,567.52	10,351
10	Vĩnh Hựu	1,908.62	11,450
11	Thạnh Nhựt	1,783.72	12,821
12	Long Bình	1,839.67	15,055
13	Thị Trấn Vĩnh Bình	763.41	11,632
IX	**Huyện Gò Công Đông**	**26,768.16**	**142,797**
1	Thị trấn Tân Hoà	325.01	6,830
2	Tân Điền	2,002.19	7,182
3	Tăng Hoà	1,745.67	9,836

4	Phước Trung	2,103.03	10,201
5	Bình Ân	1,337.50	9,855
6	Tân Đông	1,137.91	10,002
7	Bình Nghị	1,319.05	11,176
8	Gia Thuận	1,912.06	6,066
9	Kiểng Phước	4,038.74	15,178
10	Tân Phước	2,194.76	13,857
11	Tân Thành	6,618.98	13,976
12	Thị trấn Vàm Láng	600.00	14,302
13	Tân Tây	1,433.26	14,336
X	**Thị xã Gò Công**	**10,198.49**	**96,877**
1	Phường 1	45.35	5,625
2	Phường 2	71.33	7,673
3	Phường 3	109.71	5,656
4	Phường 4	137.66	6,507
5	Phường 5	160.00	4,623

6	Long Hưng	657.22	5,241
7	Long Hoà	642.64	6,211
8	Long Chánh	768.26	5,584
9	Long Thuận	615.32	6,553
10	Bình Đông	2,244.87	13,776
11	Bình Xuân	2,786.41	16,056
12	Tân Trung	1,959.72	13,372
XI	**Huyện Tân Phú Đông**	**22,211.31**	**40,501**
1	Phú Thạnh	2,232.10	7,769
2	Tân Thới	2,138.26	10,248
3	Tân Phú	2,025.49	8,708
4	Tân Thạnh	2,237.03	4,374
5	Phú Tân	10,629.13	3,472
6	Phú Đông	2,949.30	5,930

Nguồn: Cổng Thông tin điện tử tỉnh Tiền Giang

Ngày 05-02-2016, Thủ tướng chính phủ ban hành Quyết định số 242/QĐ-TTg về việc công nhận thành phố Mỹ Tho là đô thị loại 1 trực thuộc tỉnh Tiền Giang.

Theo thống kê năm 2018, Tiền Giang có diện tích 2.087,315 km^2; dân số 1.763.237 người; 11 đơn vị hành chính cấp huyện (01 thành phố, 02 thị xã, 08 huyện), 173 đơn vị hành chính cấp xã (07 thị trấn, 22 phường và 144 xã).

Đơn vị hành chính	**TP Mỹ Tho**	**TX Cai Lậy**	**TX Gò Công**	**H. Cái Bè**	**H. Cai Lậy**	**H. Châu Thành**
Diện tích (km^2)	81,541	140,189	101,985	420,898	295,993	229,910
Dân số (người)	270.704	23.775	96.877	291.627	242.757	186.583
Mật độ dân (người/km^2)	3320	883	950	693	630	1056

Đơn vị hành chính	**H. Chợ Gạo**	**H. Gò Công Đông**	**H. Gò Công Tây**	**H. Tân Phú Đông**	**H. Tân Phước**
Diện tích (km^2)	232,568	267,681	182,205	222,113	333,217
Dân số (người)	178.803	142.797	131.252	40.501	57.561
Mật độ dân (người/km^2)	769	533	720	182	172

Nguồn: Cổng Thông tin điện tử tỉnh Tiền Giang

Năm 2021, tỉnh Tiền Giang có 11 đơn vị hành chính cấp huyện (01 thành phố (Mỹ Tho, đô thị loại 1), 02 thị xã (Cai Lậy và Gò Công, đều đô thị loại 3) và 8 huyện (Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Tân Phước, Chợ Gạo, Gò Công Tây, Gò Công Đông và Tân Phú Đông) với 172 đơn vị hành chính cấp xã (07 thị trấn, 22 phường và 143 xã).

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tính đến ngày 01-8-2021, dân số toàn tỉnh đạt 1.783.165 người, mật độ dân số đạt 710 người/km². Trong đó dân số sống tại thành thị đạt 247.742 người, chiếm 14% dân số toàn tỉnh, dân số sống tại nông

thôn đạt 1.516.443 người, chiếm 86% dân số. Dân số nam đạt 865.821 người, trong khi đó nữ đạt 898.364 người. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 15%.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn địa danh huyện, xã, thị trấn thuộc huyện Cai Lậy:**

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Cai Lậy ban đầu chỉ là tên một giồng cát nằm ở ấp Hữu Hòa (ngày nay thuộc Phường 1, thị xã Cai Lậy) do ông Cai cơ Ngô Tấn Lễ chỉ huy khai khẩn. Cai cơ Ngô Tấn Lễ là tướng của chúa Nguyễn Ánh. Từ Cai Lễ nói trại thành Cai Lậy. Chợ Cai Lậy được lập từ cuối thế kỷ XVIII.

Vị trí địa lý:

Huyện Cai Lậy nằm ở phía tây tỉnh Tiền Giang, phía Bắc giáp huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An; phía Đông giáp thị xã Cai Lậy và các huyện Tân Phước, Châu Thành; phía Tây giáp huyện Cái Bè; phía Nam giáp sông Tiền, đối diện huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre và một phần của tỉnh Vĩnh Long.

Diện tích tự nhiên: 29.599,35 ha.

Hành chính:

Huyện có 16 đơn vị hành chính cấp xã: Thạnh Lộc, Mỹ Thành Bắc, Phú Cường, Mỹ Thành Nam, Phú Nhuận, Bình Phú, Cẩm Sơn, Phú An, Mỹ Long, Long Tiên, Hiệp Đức, Long Trung, Hội Xuân, Tân Phong, Tam Bình và Ngũ Hiệp.

Lịch sử hình thành:

Trong các thế kỷ XVII - XVIII, vùng đất Cai Lậy ngày nay lần lượt thuộc châu Định Viễn, dinh Long Hồ; đạo Trường Đồn (1772); dinh Trường Đồn (1779); dinh Trấn Định (1781).

Năm 1808, dưới đời vua Gia Long, vùng đất Cai Lậy được đặt tên là tổng Kiến Lợi, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, dưới đời vua Minh Mạng, vùng đất này là hai tổng Lợi Trinh và Lợi Trường, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường. Huyện Lỵ đặt tại thôn Mỹ Trang (nay thuộc khu vực trung tâm thị xã Cai Lậy).

Dưới thời thực dân Pháp, năm 1867, hạt Thanh tra Cai Lậy được thành lập, coi huyện Kiến Đăng (cũ), nên còn được gọi là hạt Thanh Tra Kiến Đăng. Năm 1868, hạt Thanh tra Cai Lậy giải thể và nhập vào hạt Thanh tra Mỹ Tho. Năm 1869, hạt Thanh tra Cai Lậy được lập lại theo địa bàn cũ. Năm 1870, hạt Thanh tra Cai Lậy dời lỵ sở tới chợ Cái Bè nên được đổi tên là hạt Thanh tra Cái Bè. Năm 1871, hạt thanh tra Cái Bè giải thể; vùng đất Cai Lậy có 2 tổng Lợi Trinh và Lợi Trường thuộc hạt Tham biện Mỹ Tho. Năm 1876, Trung tâm hành chính Cai Lậy được thành lập thuộc Tiểu khu hành chính Mỹ Tho. Năm 1900, vùng đất Cai Lậy có 3 tổng Lợi Trinh, Lợi Mỹ và Lợi Trường thuộc tỉnh Mỹ Tho.

Năm 1904, quận Cai Lậy thành lập, đầu tiên có 6 tổng: Lợi Trinh, Lợi Thuận, Lợi Mỹ, Lợi Trường, Phong Hòa, Phong Phú. Năm 1912, cắt ba làng của tổng Lợi Trường là Bàn Long, Phú Phong và Kim Sơn để nhập vào quận Châu Thành. Năm 1913, cắt ba tổng Phong Hòa, Phong Phú và Lợi Thuận để lập quận Cái Bè. Nhưng đến năm 1928, quận Cái Bè trả tổng Lợi Thuận về quận Cai Lậy.

Quận lỵ Cai Lậy ban đầu thuộc làng Thanh Sơn (tổng Lợi Trinh), vốn là nơi đặt chợ Cai Lậy. Tuy nhiên, sau này thực dân Pháp hợp nhất hai làng Thanh Sơn và Hòa Sơn thành một làng mới, lấy tên là Thanh Hòa. Kể từ đó, quận lỵ Cai Lậy thuộc địa bàn làng Thanh Hòa.

Sau nhiều lần sáp nhập và thành lập các làng mới, từ năm 1933 - 1954, quận Cai Lậy có các làng trực thuộc với các tên gọi mới như sau:

Tổng Lợi Trinh gồm 9 làng: Mỹ Phước Tây (hợp nhất Long Phước và Mỹ Hạnh Tây), Mỹ Hạnh Đông, Mỹ Hạnh Trung, Tân Phú, Tân Bình (hợp nhất Tân An, Tân Long và Bình Chánh), Tân Hội, Nhị Mỹ (hợp nhất Mỹ Tường và Mỹ Trang), Thanh Hòa (hợp nhất Thanh Sơn và Hòa Sơn), Cẩm Sơn;

Tổng Lợi Mỹ gồm 4 làng: Long Khánh (hợp nhất Hòa Thuận, Phú Long và Mỹ Khánh), Long Tiên (hợp nhất Mỹ Đông và Mỹ Đông Thượng), Long Trung (hợp nhất Trà Tân, Tân Thới và Mỹ Đông Trung), Ngũ Hiệp;

Tổng Lợi Trường gồm 4 làng: Tam Bình (hợp nhất Bình Chánh, Bình Chánh Đông và Bình Chánh Trung), Mỹ Long (hợp nhất Mỹ Hậu và Long Điền), Phú Quý (hợp nhất Mỹ Phú và Mỹ Quý Tây), Nhị Quý (hợp nhất Mỹ Quý và Mỹ Quý Đông);

Tổng Lợi Thuận gồm 8 làng: Hội Sơn, Xuân Sơn, Hiệp Đức (hợp nhất Tân Đức và Hiệp Hòa), Phú An (hợp nhất Phú Sơn và An Mỹ), Mỹ Thành (hợp nhất 4 làng Lợi An, Lợi Thành, Giai Mỹ và Giai Phú), Bình Phú, Phú Nhuận Đông (hợp nhất Phú Hưng, Phú Nhuận và Phú Thuận Đông), Thạnh Phú (hợp nhất Mỹ Thạnh và Mỹ Phú Đông).

Về phía chính quyền cách mạng, từ năm 1945-1954, không gọi quận Cai Lậy, mà là huyện Cai Lậy; không có đơn vị hành chính cấp "tổng"; không gọi "làng" mà là "xã" với 25 xã mà tên gọi như cách gọi thuộc quận Cai Lậy.

Từ năm 1954 - 1975, về phía chính quyền Sài Gòn, sau năm 1956, đặt quận Cai Lậy thuộc tỉnh Định Tường, các làng gọi là xã.

Năm 1961, quận Cai Lậy đổi tên thành quận Khiêm Ích, đồng thời chuyển tổng Lợi Thuận (gồm 5 xã: Hội Sơn, Xuân Sơn, Phú An, Hiệp Đức và Mỹ Thành) qua quận Sùng Hiếu (tức quận Cái Bè).

Năm 1964, quận lấy lại tên cũ Cai Lậy.

Sau năm 1965, các tổng đều bị giải thể. Quận lỵ Cai Lậy đặt tại xã Thanh Hòa.

Cho tới trước ngày 30/4/1975, quận Cai Lậy thuộc tỉnh Định Tường có 20 xã trực thuộc quận gồm: Bình Phú, Cẩm Sơn, Long Khánh, Long Tiên, Long Trung, Mỹ Hạnh Đông, Mỹ Hạnh Trung, Mỹ Long, Mỹ Phước Tây, Ngũ Hiệp, Nhị Mỹ, Mỹ Quý, Phú Nhuận Đông, Phú Quý, Tam Bình, Tân Bình, Tân Hội, Tân Phú Đông, Thạnh Hòa, Thạnh Phú.

Riêng xã Thạnh Phú, giữa năm 1974, được giao về cho quận Hậu Mỹ mới thành lập quản lý.

Về phía chính quyền Cách mạng, địa giới hành chính của huyện Cai Lậy thuộc tỉnh Mỹ Tho vẫn được duy trì ổn định; trong đó, các xã Hội Sơn, Mỹ Thành, Phú An, Xuân Sơn, Hiệp Đức vẫn do huyện Cai Lậy quản lý (chính quyền Sài Gòn đặt các xã này thuộc quận Cái Bè, tỉnh Định Tường).

Bên cạnh đó, chính quyền Cách mạng cũng chia xã Mỹ Thành thành hai xã là Mỹ Thành Bắc và Mỹ Thành Nam. Năm 1967, huyện Cai Lậy nhận thêm xã Tân Phong từ huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre (chính quyền Sài Gòn vẫn đặt xã Tân Phong thuộc quận Chợ Lách, tỉnh Vĩnh Long cho đến ngày 30/4/1975).

Năm 1971, huyện Cai Lậy chia thành hai huyện là Cai Lậy Bắc và Cai Lậy Nam thuộc tỉnh Mỹ Tho.

Huyện Cai Lậy Bắc gồm 14 xã: Mỹ Thành Bắc, Mỹ Thành Nam, Bình Phú, Phú Nhuận, Thạnh Phú, Thạnh Hòa, Nhị Mỹ, Nhị Quý, Tân Hội, Tân Phú Đông, Tân Bình, Mỹ Hạnh Đông, Mỹ Hạnh Trung, Mỹ Phước Tây;

Huyện Cai Lậy Nam gồm 13 xã: Phú Quý, Long Khánh, Cẩm Sơn, Phú An, Mỹ Long, Long Tiên, Hiệp Đức, Long Trung, Hội Sơn, Xuân Sơn, Tân Phong, Tam Bình, Ngũ Hiệp.

Sau ngày 30/4/1975, chính quyền Cách mạng hợp nhất hai huyện Cai Lậy Nam và Cai Lậy Bắc thành huyện Cai Lậy, thuộc tỉnh Mỹ Tho. Huyện lỵ là thị trấn Cai Lậy, được thành lập do tách một phần diện tích tự nhiên và dân số từ các xã Nhị Mỹ và Thanh Hòa. Đồng thời, xã Tân Hòa Tây trực thuộc huyện Cai Lậy cũng được thành lập do điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên và dân số từ các xã Mỹ Hạnh Đông và Mỹ Phước Tây.

Tháng 3/976, Cai Lậy là huyện của tỉnh Tiền Giang, với huyện lỵ là thị trấn Cai Lậy. Huyện Cai Lậy có 29 đơn vị hành chính là các xã: Bình Phú, Cẩm Sơn, Hiệp Đức, Hội Sơn, Long Khánh, Long Tiên, Long Trung, Mỹ Hạnh Đông, Mỹ Hạnh Trung, Mỹ Long, Mỹ Phước Tây, Mỹ Thành Bắc, Mỹ Thành Nam, Ngũ Hiệp, Nhị Mỹ, Nhị Quý, Phú An, Phú Nhuận, Phú Quý, Tam Bình, Tân Bình, Tân Hòa Tây, Tân Hội, Tân Phong, Tân Phú, Thanh Hòa, Thạnh Phú, Xuân Sơn và thị trấn Cai Lậy.

Năm 1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 152-CP về việc điều chỉnh một số xã thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang như sau: Chia xã Thạnh Phú

thành hai xã lấy tên là xã Thạnh Lộc và xã Phú Cường. Hợp nhất xã Hội Sơn và xã Xuân Sơn thành một xã lấy tên là xã Hội Xuân.

Năm 1994, Chính phủ ban hành Nghị định số 68-CP, theo đó tách một phần diện tích và dân số của huyện Cai Lậy hợp với một phần diện tích và dân số của huyện Châu Thành để thành lập huyện Tân Phước thuộc tỉnh Tiền Giang. Lúc này, xã Tân Hòa Tây được giao về cho huyện Tân Phước quản lý.

Sau khi thành lập huyện Tân Phước, huyện Cai Lậy có 28 đơn vị hành chính là các xã Ngũ Hiệp, Tam Bình, Tân Phong, Long Trung, Hội Xuân, Hiệp Đức, Long Tiên, Mỹ Long, Phú Quý, Long Khánh, Cẩm Sơn, Phú An, Nhị Quý, Nhị Mỹ, Thanh Hoà, Bình Phú, Phú Nhuận, Tân Bình, Tân Hội, Tân Phú, Mỹ Hạnh Trung, Mỹ Hạnh Đông, Mỹ Phước Tây, Phú Cường, Thạnh Lộc, Mỹ Thành Bắc, Mỹ Thành Nam và thị trấn Cai Lậy.

Năm 2013, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 130/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Cai Lậy để thành lập thị xã Cai Lậy và huyện Cai Lậy. Theo đó, huyện Cai Lậy (mới) có 16 đơn vị hành chính cấp xã, gồm các xã: Bình Phú (huyện lỵ), Thạnh Lộc, Mỹ Thành Bắc, Phú Cường, Mỹ Thành Nam, Phú Nhuận, Cẩm Sơn, Phú An, Mỹ Long, Long Tiên, Hiệp Đức, Long Trung, Hội Xuân, Tân Phong, Tam Bình và Ngũ Hiệp. Năm 2020, huyện Cai Lậy có 12 xã được công nhận xã đạt chuẩn Nông thôn mới: Thạnh Lộc, Phú Nhuận, Cẩm Sơn, Phú An, Mỹ Long, Long Tiên, Hiệp Đức, Long Trung, Hội Xuân, Tân Phong, Tam Bình và Ngũ Hiệp. Năm 2022, huyện được công nhận đạt chuẩn Huyện Nông thôn mới.

Đặc sản: ốc gạo Tân Phong, sầu riêng Ngũ Hiệp, chôm chôm Tân Phong,…

Dân số: 194.272 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 60 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

- Nông nghiệp:

+ Trồng trọt:

Ngành trồng trọt giữ vị trí quan trọng trong cơ cấu sử dụng đất chiếm tỷ trọng 80% diện tích tự nhiên, sản phẩm chính là lúa và trái cây. Tổng diện tích canh tác là 23.498 ha, 61% diện tích là canh tác cây lâu năm.

Cây lúa chiếm 39% diện tích canh tác với tổng diện tích canh tác 8.903 ha.

Cây lâu năm trên địa bàn chiếm diện tích 14.306 ha, chủ lực là vườn cây ăn trái tại các xã phía Nam, trong đó các cây trồng quan trọng là:

- Cây sầu riêng được xem là cây ăn trái quan trọng nhất trên địa bàn, có diện tích 10.455 ha.

- Cây mít thái siêu sớm cũng đang là đối tượng được quan tâm mở rộng diện tích canh tác, đến năm 2020, trồng được 765,96 ha.

- Chôm chôm tập trung chủ yếu tại Tân Phong, diện tích 618 ha, sản lượng 10.417 tấn và đang có khuynh hướng giảm nhẹ do một số diện tích chuyển sang trồng sầu riêng và mít.

- Ngoài ra, các loại cây ăn trái khác có diện tích và sản lượng đáng kể trên địa bàn là xoài, chuối,...

+ Chăn nuôi:

Chăn nuôi trên địa bàn huyện phát triển kém so với trồng trọt chiếm 6% trong giá trị tăng thêm nông nghiệp, các sản phẩm chủ lực theo thứ tự là thịt heo, thịt gia cầm và thịt bò.

Đàn heo biến động hàng năm trong khoảng 41.000-57.000 con tùy tình hình thị trường và dịch bệnh. Tổng đàn năm 2020 đạt 50.240 con, sản lượng 9.450tấn thịt, phương thức nuôi trên địa bàn chủ yếu là nông hộ với quy mô nhỏ.

Đàn trâu bò năm 2020 ước đạt 637 con, đàn bò trong giai đoạn này và đang có khuynh hướng giảm mạnh khoảng 8,6%/năm.

+ Thủy sản:

Về nuôi trồng:

Diện tích mặt nước nuôi thủy sản năm 2020 là 1.149 ha, trong đó trên 1.000 ha nuôi trong các ao hầm thổ cư và mương vườn tận dụng nuôi cá.

Diện tích nuôi cá da trơn thâm canh khoảng 70-80 ha, phần lớn do các doanh nghiệp thuê đất nuôi tại cồn Tân Hòa (Ngũ Hiệp) và cồn Ông, cồn Tre, cồn Đa (Tân Phong).

Nghề đánh bắt:

Chủ yếu là khai thác thủy sản trên các sông rạch, năm 2020, đạt 1.131 tấn.

- Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp:

Do là địa bàn thuần nông, ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp phát triển chậm, quy mô nhỏ và kém đa dạng, chủ yếu là chỉ phát triển trong một số lãnh vực sơ chế hàng nông sản, tiểu thủ công nghiệp phục vụ sản xuất và đời sống. Các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ chiếm tỷ trọng tương đối thấp (khoảng 6%), các cơ sở dưới dạng cá thể có quy mô nhỏ lẻ, bán thủ công, bán cơ giới, sản xuất theo kinh nghiệm hoặc được truyền nghề tại chỗ chiếm tỷ trọng đến 94%. Năm 2021, toàn Huyện có 84 cơ sở công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp thu dụng 4.551 lao động.

Lĩnh vực sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp chủ lực của huyện là ngành xay xát, lau bóng gạo. Đây là ngành phát triển tương đối khá, được xem là

ngành chủ lực, có truyền thống phát triển lâu đời và tương đối ổn định do địa bàn Huyện là vùng lúa và nằm trên tuyến kinh tế lúa gạo phát khởi từ khu vực Nam Đồng Tháp Mười theo trục kênh Nguyễn Văn Tiếp. Huyện có một số cơ sở có công suất trên 30 tấn/ngày, một vài doanh nghiệp có công suất 200 tấn/ngày dưới dạng công ty, doanh nghiệp tư nhân đầu tư máy móc, thiết bị khá tốt. Sản lượng gạo xay xát tăng đều, năm 2020, đạt 76.666 tấn xay xát, 128.014 tấn lau bóng gạo.

Ngành sản xuất nước đá phát triển nhằm cung cấp cho nhu cầu tiêu dùng tại địa phương. Sản lượng tăng hàng năm, năm 2020, đạt 3.849 tấn.

Ngoài ra, ngành chế biến lương thực - thực phẩm và đồ uống còn bao gồm các sản phẩm khác như bánh mì, bún, bánh tằm, xay bột, hủ tiếu, bún, bánh mì, nước tinh khiết, bánh kẹo,... tuy nhỏ lẻ và manh mún nhưng cũng góp phần đáng kể vào việc làm tăng giá trị sản xuất và sử dụng nhiều lao động tại địa phương.

Ngành cưa xẻ gỗ trên địa bàn huyện trang bị chính là máy cưa CD cũ, mỗi cơ sở sử dụng khoảng 3 lao động. Nguồn gỗ chủ yếu là gỗ cây dừa, cây bạch đàn, ... tại địa phương và một số gỗ súc. Sản lượng tăng nhẹ từ 87 m^3 năm 2005 lên 182 m^3 năm 2015.

Ngành sản xuất đồ mộc (bàn, ghế, tủ, giường,...) mẫu mã chưa đẹp, sản xuất thủ công, sản lượng tương đối khá.

Ngành may mặc đa số là may đo, phát triển khắp nơi trong huyện, ngoài ra còn có vài cơ sở may gia công với quy mô nhỏ. Sản lượng từ 75.000 sản phẩm năm 2005, lên 83.000 sản phẩm năm 2010, và 104.000 sản phẩm năm 2015.

Ngành cơ kim khí phát triển khá với các sản phẩm: nông cụ cầm tay, đồ tôn sắt tây, tôn xà gồ, gia công hàn tiện, sửa chữa cơ khí, cửa sắt, lan can, cầu thang, sườn nhà… do nhu cầu xây dựng ngày càng lớn. Tuy nhiên phần lớn các cơ sở có quy mô nhỏ dưới dạng cá thể và được phân bố rải rác ở các xã.

Các ngành sản xuất khác mang tính tiểu thủ công nghiệp, đáng kể nhất là nghề đan lát, lục bình, góp phần giải quyết lao động nông nhàn tại địa phương.

Ngoài ra lĩnh vực đóng gói trái cây trên địa bàn huyện trong thời gian gần đây phát triển nhanh trên cơ sở chợ đầu mối Long Trung và vùng chuyên canh sầu riêng, chủ yếu là các cơ sở quy mô nhỏ kết hợp thu mua - đóng gói - vận chuyển, góp phần đáng kể cho việc giải quyết lao động tại địa phương và gia tăng giá trị trong chuỗi sản xuất nông nghiệp-sơ chế-đóng gói-vận chuyển-thương mại. Sản lượng đóng gói ước tính tăng từ 2.650 tấn năm 2005 lên 30.000 tấn năm 2015 và có tiềm năng phát triển các khâu công nghiệp hóa (đông lạnh, bao bì, chế biến phụ phẩm,…)

Về cụm công nghiệp, trên địa bàn huyện đã quy hoạch 02 cụm công nghiệp Phú Cường và Long Trung; nhưng cho đến năm 2020, vẫn còn trong tình trạng thu hút nhà đầu tư.

- Xây dựng:

Năm 2020, trên địa bàn huyện có 49 doanh nghiệp đăng ký hoạt động lĩnh vực xây dựng, trong đó có 01 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tư vấn thiết kế (tại Tam Bình), ngành xây dựng chủ yếu là các tổ xây dựng tư nhân, hoạt động nhỏ lẻ theo mùa vụ, phối hợp hoạt động với các doanh nghiệp phục vụ xây dựng, sửa chữa nhà ở và các công trình công cộng trong và ngoài địa bàn tổng số lao động trong ngành chung quanh 1.800 người.

Đối tượng của ngành chủ yếu là xây dựng mới và chỉnh trang hạ tầng nông thôn kết hợp với nhà ở dân cư, các cơ quan công quyền, cụm tuyến dân cư nông thôn, một số cơ sở thương mại dịch vụ và các cơ sở xí nghiệp trên địa bàn, các công trình phúc lợi công cộng, kết hợp với các doanh nghiệp ngoài địa bàn trong việc thi công kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi và cấp thoát nước.

- Thương mại:

Trên địa bàn huyện, năm 2020, có 17 chợ loại 3[13] và 1 chợ chuyên kinh doanh trái cây tại xã Long Trung, hầu hết các xã trên địa bàn huyện đều có chợ, xã không có chợ là xã Phú Cường. Ngoài ra, trên địa bàn huyện vẫn còn xuất hiện một số chợ tự phát tại các tuyến đường chính trên địa bàn huyện.

Hệ thống chợ trên địa bàn có thể chia làm các nhóm sau:

+ Chợ trung tâm huyện: là đầu mối giao lưu hàng hóa trên địa bàn và là trung tâm tiêu thụ của huyện hoặc tiểu vùng: chợ Bình Phú; tuy nhiên hiện nay chợ Bình Phú chủ yếu là bán lẻ; chức năng bán buôn còn kém và đang trong quá trình cải tạo.

+ Chợ dân sinh: gồm chợ các xã, chủ yếu phục vụ bán lẻ trên địa bàn các xã, trong đó các chợ tại Thạnh Lộc, Long Trung, Ngã Năm Phú Nhuận, Bà Tồn và Tam Bình có quy mô hoạt động thương mại đáng kể

+ Trung tâm nông sản và chợ chuyên doanh: trên địa bàn huyện có 1 chợ chuyên doanh là chợ trái cây Long Trung (hiện chưa phân hạng chợ); chức năng thu mua, đóng gói, vận chuyển trái cây tại địa phương và theo tuyến sông Tiền (chủ yếu là nguồn hàng từ huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre). Tại xã Phú Cường còn có Trung tâm Nông sản chuyên lúa gạo do Tổng Công ty Lương thực trung ương

[13] Chợ loại 3: Theo Nghị định số 02 năm 2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, chợ loại 3 là các chợ có dưới 200 điểm kinh doanh hoặc các chợ chưa được đầu tư xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố. Chủ yếu phục vụ nhu cầu mua bán hàng hoá của nhân dân trong xã, phường và địa bàn phụ cận.

quản lý, nhưng hiện trạng hoạt động như 01 tổng kho với các nhà máy xay xát, lau bóng.

Tổng số lao động trong lĩnh vực thương mại là 10.878 người.

Doanh số mua trong cơ cấu mua của địa phương các mặt hàng chiếm tỷ trọng cao là: hàng nông, thủy sản (25,8%), hàng công nghiệp (62,9%), còn lại 11,3%

Doanh số bán các cơ sở hoạt động thương mại có đóng góp cao trong doanh thu phân bố nhiều nhất tại các chợ xã Bình Phú, Long Trung, Tam Bình, Thạnh Lộc, Bà Tồn, Ngã 5 Phú Nhuận.

Giáo dục:

- Giáo dục mầm non:

Mạng lưới trường mầm non (mẫu giáo - nhà trẻ) đã phủ khắp trên địa bàn huyện, trung bình mỗi xã, có 01 trường mầm non. Toàn Huyện có 16 trường mầm non công lập trong đó có 03 trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia.

Tỷ lệ huy động đạt 60% học sinh trong độ tuổi vào trường mầm non.

Huyện đã tập trung bồi dưỡng 100% giáo viên và cán bộ quản lý về thực hiện chương trình giáo dục mầm non, quản lý chất lượng giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non do Bộ Giáo dục - Đào tạo quy định.

- Giáo dục phổ thông:

+ Tiểu học:

Toàn huyện có 26 trường tiểu học với 7 trường đạt chuẩn quốc gia (chiếm tỷ lệ 26,9%). Số xã có 2 trường tiểu học chiếm 63% (10/16 xã), riêng các xã Phú Nhuận, Cẩm Sơn, Long Tiên, Hiệp Đức, Mỹ Long và Hội Xuân có 01 trường tiểu học. Tỷ lệ huy động đối với goa1o dục tiểu học trong địa bàn đạt 100% học sinh trong độ tuổi vào tiểu học. Số giáo viên trực tiếp giảng dạy là 805 giáo viên, đạt tỷ lệ giáo 1,5 giáo viên/lớp. Chất lượng giáo viên nhìn chung khá ổn định, tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn là 100%.

+ Trung học cơ sở:

Huyện có 16 trường trung học cơ sở, trong đó có 01 trường đạt chuẩn quốc gia (chiếm 6,3%). Tỷ lệ huy động đạt 100% số học sinh trong độ tuổi vào trung học cơ sở. Số giáo viên trên trực tiếp giảng dạy là 602 đạt tỷ lệ 1,9 giáo viên/lớp. Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn 100%. Công tác tổ chức, chỉ đạo thực hiện dạy học 2 buổi/ngày luôn được chú trọng.

+ Trung học phổ thông:

Toàn huyện có 02 trường trung học phổ thông (Trường Phan Việt Thống - xã Bình Phú và Trường Lưu Tấn Phát - xã Tam Bình). Tỷ lệ huy động đạt 40% số học

sinh trong độ tuổi vào trung học phổ thông. Số giáo viên trực tiếp giảng dạy là 280 giáo viên đạt tỷ lệ 2,25 giáo viên/lớp. Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn 100%.

+ Đào tạo:

Số lao động qua đào tạo trên địa bàn huyện chiếm khoảng 31,7%; trong đó lao động qua đào tạo nghề chiếm16,3% (công nhân có bằng cấp chứng chỉ 7,2%; trung học chuyên nghiệp 6,9%; cao đẳng đại học 2,2%).

Y tế:

Hệ thống y tế công lập trên địa bàn huyện Cai Lậy gồm có: Trung tâm Y tế huyện Cai Lậy (cơ sở 1) tại xã Bình Phú và Trung tâm Y tế huyện Cai Lậy (cơ sở 2) tại xã Phú Cường; 01 Phòng khám đa khoa khu vực tại xã Long Trung và 16 trạm y tế cấp xã, Hệ thống y tế ngoài công lập gồm có:06 phòng mạch và 26 quầy thuốc.

Huyện có 16/16 xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã, công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân được chú trọng với 16/16 trạm y tế có bác sĩ và 100% xã có nữ hộ sinh hoặc y sĩ sản khoa hoạt động.

Giao thông:

Về giao thông đường bộ, bên cạnh các tuyến trục cơ bản (Quốc lộ 1, Đường tỉnh/ĐT.864, ĐT.865, ĐT.868, ĐT.874B, ĐT.875, ĐT.875B), huyện đã phát triển hệ thống đường huyện nhằm thông ô tô đến trung tâm xã (kế cả 2 xã cù lao Tân Phong và Ngũ Hiệp) và tạo cơ sở nâng cấp một số tuyến đường huyện lên đường tỉnh.

Về đường thủy, huyện có 150 tuyến kênh/kinh rạch với tổng chiều dài 427 km. Sông Tiền, sông Ba Rài là hai tuyến đường sông huyết mạch quan trọng chạy qua địa bàn huyện; kết hợp với hệ thống kênh/kinh rạch chằng chịt đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển kinh tế, xã hội của huyện và tỉnh.

Các công trình giao thông nông thôn cũng đã được tích cực xây dựng theo chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng xã nông thôn mới. Lĩnh vực phát triển các khu dân cư nông thôn cũng bước đầu đạt nhiều thành quả khả quan. Hệ thống thủy lợi về cơ bản đã đáp ứng yêu cầu kiểm soát lũ vùng lúa, điều tiết nước vườn cây ăn trái. Các lĩnh vực cấp điện, bưu chính viễn thông, đặc biệt là cấp nước sạch tập trung cũng được chú trọng đầu tư và đạt nhiều thành quả khả quan.

Văn hóa:

Các công trình văn hóa - thể dục thể thao cấp cơ sở bao gồm: 4/16 trung tâm văn hóa xã (Cẩm Sơn, Long Tiên, Tam Bình, Thạnh Lộc)

Tỷ lệ hộ gia đình đạt chuẩn văn hóa 100%. Địa bàn có 16 đài truyền thanh xã mỗi ngày 2 buổi phục vụ cho 100% dân số trong toàn huyện; sóng truyền hình cũng được phủ kín trên 16 đơn vị xã, thu hút 100% hộ xem ti vi.

Du lịch:

Việc phát triển kinh tế vườn và 02 cù lao theo tuyến sông Tiền - sông Năm Thôn (Tân Phong, Ngũ Hiệp), Cai Lậy có nhiều tiềm năng phát triển du lịch sinh thái, bao gồm các dịch vụ tham quan vườn trái cây, ẩm thực miệt vườn, nghĩ dưỡng, giải trí, du lịch homestay (du lịch nghỉ tại nhà dân).

Ngoài ra, trên địa bàn huyện có các di tích lịch sử - văn hóa có tiềm năng phát triển du lịch như sau:

- 01 di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia là: Đình Long Trung tại xã Long Trung.

- 03 di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh là: Địa điểm khảo cổ chùa Trường Tháp tại xã Mỹ Thành Bắc, Di tích căn cứ Tỉnh ủy Mỹ Tho tại xã Long Tiên, Di tích chiến thắng Ba Rài tại xã Cẩm Sơn

Thể thao:

Huyện Cai Lậy có 06 sân bóng đá, 26 sân bóng chuyền và 60 sân tập luyện thể dục thể thao (phần lớn là sân xã hội hóa).

Hoạt động xã hội hóa thể dục, thể thao được tăng cường bằng nhiều hình thức phục vụ kịp thời và hiệu quả trong dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn và nhiệm vụ chính trị của địa phương. Số người tập luyện thể dục thể thao thường xuyên ngày càng nhiều. Công tác giáo dục thể chất trong trường học các cấp được duy trì và đảm bảo, việc giảng dạy thể dục thể thao đã đi vào nề nếp.

Tổng số liệt sỹ: 4.407 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ VN anh hùng: 749 Bà mẹ.

2. Thị trấn Bình Phú

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

平 Bình: Hoà bình, yên bình

富: Phú: Giàu có

市鎮 Thị trấn: Đơn vị hành chính dưới tỉnh, huyện; trên ấp.

平富市鎮 Bình Phú Thị trấn

Vị trí địa lý:

Xã Bình Phú nằm ở trung tâm huyện Cai Lậy, phía Đông giáp Phường 2, thị xã Cai Lậy, phía Tây giáp 2 xã Phú An và Phú Nhuận, phía Nam giáp 2 xã Thanh Hòa và Cẩm Sơn, phía Bắc giáp Phường 2, thị xã Cai Lậy.

Diện tích tự nhiên: 1.800 ha.

Hành chính:

Thị trấn có 11 khu phố: Bình Long, Bình Phong, Bình Trị, Bình Đức, Bình Thới, Bình Sơn, Bình Ninh, Bình Hưng, Bình Thạnh, Bình Tịnh, Bình Quới.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Bình Phú, thuộc tổng Kiến Lợi, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn Bình Phú thuộc tổng Lợi Trinh, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, làng[14] Bình Phú thuộc tổng Lợi Thuận, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1904, làng này thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; năm 1913, làng Bình Phú thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho; năm 1928, làng Bình Phú thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Bình Phú thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp gọi là làng Bình Phú, tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1971, gọi là xã Bình Phú thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1971-1975, xã Bình Phú được chia thành hai xã là Bình Phú Bắc và Bình Phú Nam, lấy Quốc lộ 4 (nay là Quốc lộ 1) làm ranh giới, thuộc huyện Cai Lậy Bắc, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ 1954-1961, là xã Bình Phú, tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường; từ năm 1961-1964, xã thuộc tổng Lợi Thuận, quận Khiêm Ích, tỉnh Định Tường; từ năm 1964-1975, là xã Bình Phú, quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, hai xã Bình Phú Bắc và Bình Phú Nam được hợp nhất, lấy tên là xã Bình Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2013, huyện Cai Lậy được chia tách thành thị xã Cai Lậy và huyện Cai Lậy. Xã Bình Phú thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2018, xã Bình Phú được công nhận đạt tiêu chí đô thị loại V. Cũng trong năm 2018, Trung tâm Hành chính huyện Cai Lậy đặt tại ấp Bình Quới, xã Bình Phú được đưa vào hoạt động. Ngày 11/8/2022, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 569/NQ-UBTVQH15 (Nghị quyết có hiệu lực từ ngày 01/10/2022) về việc thành lập thị trấn Bình Phú trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của xã Bình Phú.

Dân số: 18.689 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 50 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

[14] Từ năm 1876, chính quyền thực dân Pháp cho đổi đơn vị hành chính "thôn" thành "làng".

Xã có tuyến cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận, tuyến tránh Quốc Lộ 1 và hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm hành chính huyện trên địa bàn xã nên rất thuận lợi cho phát triển kinh tế. Năm 2020, toàn xã có 38 doanh nghiệp, 04 công ty may xuất khẩu, hơn 20 cơ sở sản xuất mua bán tạo công ăn việc làm cho hơn 4.660 lao động. Gần 1.000 hộ tiểu thương mua bán tại chợ Bình Phú và dọc các tuyến đường khắp các ấp.

Bình Phú là vùng đất được phù sa sông Cửu Long bồi đắp nên thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp như trồng lúa từ sản xuất 1 vụ tăng lên 2, 3 vụ lúa 1 năm và trồng được nhiều loại cây ăn trái đạt năng suất cao như: dừa, xoài, bưởi, cam, chuối và hoa màu.

Giáo dục:

Trên địa bàn xã có 04 trường học: Trường trung học phổ thông Phan Việt Thống (đạt chuẩn Quốc gia), Trường trung học cơ sở Đoàn Thị Nghiệp (đạt chuẩn Quốc gia), Trường tiểu học Bình Phú, Trường mầm non Bình Phú.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 08 biên chế: 01 bác sĩ , 03 y sĩ, 2 nữ hộ sinh, 01 dược sĩ và 01 nhân viên phụ trách dân số - kế hoạch hóa gia đình, trên địa bàn xã còn có Trung tâm Y tế huyện Cai Lậy (Cơ sở Bình Phú) do huyện quản lý. Tất các các ấp đều có tổ y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 93% (2020).

Giao thông:

Hệ thống giao thông đường bộ trên địa bàn xã cơ bản hoàn chỉnh. Xã có tuyến Quốc lộ 1 xuyên qua chia xã thành hai khu vực Bắc lộ, Nam lộ với chiều dài khoảng 03km. Có một tuyến đường tránh chạy ngang qua xã dài khoảng 03km, có tuyến Đường tỉnh 875B chiều dài khoảng 03km, một tuyến huyện lộ dài khoảng 04km. Ngoài ra, còn nhiều tuyến đường liên xã, liên ấp được nhựa hóa, bê tông hóa đi lại dễ dàng và vận chuyển hàng hóa thuận tiện.

Xã có rạch Thông Lưu: Con rạch này bắt nguồn từ vùng ven Đồng Tháp Mười, phía Bắc của xã chạy xuyên qua giữa xã Bình Phú dài 7 km và ngang qua xã Phú An đổ ra sông Cái Bè tại vàm sông Cái Bè. Dọc hai bên con rạch này có các kênh rạch nhỏ khác như: rạch Tràm, rạch Bang Dầy, kênh Giồng Tre, kênh Mới đi thông sang các xã xung quanh, phục vụ tốt cho giao thông thủy và thủy lợi.

Văn hóa:

Xã có trung tâm văn hóa - thể thao đạt chuẩn quy định, có 11/11 ấp có nhà văn hóa ấp và đạt danh hiệu ấp văn hóa.

Du lịch: Địa bàn xã chưa địa điểm du lịch.

Thể thao:

Xã có một sân bóng đá diện tích trên 01 ha, các hoạt động thể dục - thể thao được tổ chức và duy trì thường xuyên.

Tổng số liệt sĩ: 315 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: có 57 Bà mẹ.

3. Xã Cẩm Sơn

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

錦 Cẩm: Rực rỡ, đẹp đẽ, lộng lẫy

山 Sơn: Núi

錦山社 Cẩm Sơn Xã

Vị trí địa lý:

Xã Cẩm Sơn nằm về phía Đông Nam huyện Cai Lậy, phía Đông giáp xã Long Khánh, phía Tây giáp xã Phú An và xã Hiệp Đức, phía Nam giáp xã Long Trung và xã Hội Xuân, phía Bắc giáp xã Thanh Hòa.

Diện tích tự nhiên: 1.252,82 ha.

Đơn vị hành chánh:

Xã có 4 ấp: ấp 1, 2, 3, 4.

Lịch sử hình thành:

Cuối thế kỷ XVIII, thôn Cẩm Sơn được thành lập. Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Cẩm Sơn, thuộc tổng Kiến Lợi, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn Cẩm Sơn thuộc tổng Lợi Trinh, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, làng Cẩm Sơn thuộc tổng Lợi Trinh, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1904, làng này thuộc tổng Lợi Trinh, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Cẩm Sơn thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Cẩm Sơn, tổng Lợi Trinh, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1971, gọi là xã Cẩm Sơn thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1971-1975, xã Cẩm Sơn thuộc huyện Cai Lậy Nam, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn,

từ 1954-1961, là xã Cẩm Sơn, tổng Lợi Trinh, quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường; từ năm 1961-1964, xã Cẩm Sơn thuộc tổng Lợi Trinh, quận Khiêm Ích, tỉnh Định Tường; từ năm 1964-1975, là xã Cẩm Sơn thuộc quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Cẩm Sơn thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2013, huyện Cai Lậy được chia tách thành thị xã Cai Lậy và huyện Cai Lậy. Xã Cẩm Sơn thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2017, xã được công nhân đạt chuẩn xã Nông thôn mới. Năm 2020, xã được công nhân đạt chuẩn xã Nông thôn mới nâng cao.

Dân số: 8.215 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 61,4 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Kinh tế chủ yếu của xã là sản xuất nông nghiệp, trong đó chủ lực là trồng cây ăn trái, như sầu riêng, cam, bưởi da xanh,… Trung bình hằng năm thu hoạch 35.000 tấn trái cây các loại. Đồng thời, người dân còn trồng lúa, rau màu và chăn nuôi xã với tổng đàn gia súc, gia cầm khoảng hàng chục ngàn con.

Ngoài ra, xã còn có trên 600 cơ sở ngành nghề công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

Giáo dục:

Xã có 03 trường học: Trường mầm non Cẩm Sơn, Trường tiểu học Cẩm Sơn (đạt chuẩn Quốc gia) và Trường trung học cơ sở Trần Minh Châu (đạt chuẩn Quốc gia).

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 08 biên chế: 01 bác sĩ , 03 y sĩ, 2 nữ hộ sinh, 01 dược sĩ và 01 nhân viên phụ trách dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất các các ấp đều có tổ y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 93% (2020).

Giao thông:

Toàn xã có 29.881 m đường giao thông; trong đó; có 1.520 m Đường tỉnh 875B; 10.450 m Đường huyện 60, 54B, 54C; 17.911 m đường xã, đường ấp, đường dân sinh được trải nhựa và bê tông.

Hệ thống sông rạch trên địa bàn xã khá dày đặc, thuận lợi cho giao thông thủy và thủy lợi.

Văn hóa:

Xã đạt danh hiệu xã Văn hóa năm 2003, 4/4 ấp đạt danh hiệu ấp văn hóa.

Nhà văn hóa xã có diện tích 500,48 m², đạt chuẩn quy định. Có 02 Nhà văn hóa liên ấp, mỗi nơi có diện tích 182,5 m² .

Du lịch:

Có 01 trạm dừng chân trung chuyển khách du lịch của Công ty du lịch Mê - Kông ở ấp 4.

Thể thao:

Có 01 sân vận động đủ quy cách cấp huyện, 01 đội bóng đá nam, 02 sân bóng chuyền và 7 sân cầu lông.

Tổng số liệt sĩ: 372 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam Anh hùng: 71 Bà mẹ.

4. Xã Hiệp Đức

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

合 Hiệp: Hợp lại, gộp lại

德 Đức: Đạo đức, đức hạnh

合德社 Hiệp Đức Xã

Vị trí địa lý:

Xã Hiệp Đức nằm ở phía Tây Nam huyện Cai Lậy, phía Đông giáp xã Hội Xuân, phía Tây giáp xã Phú An, xã Đông Hòa Hiệp (huyện Cái Bè), phía Bắc giáp giáp xã Phú An và Cẩm Sơn, phía Nam giáp Sông Tiền.

Diện tích tự nhiên: 1.022,12 ha.

Hành chính:

Xã có 06 ấp: Hiệp Phú, Hiệp Quới, Hiệp Nhơn, Hiệp Ngãi, Hiệp Ninh, Hiệp Thạnh

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có hai thôn Tân Hiệp và Tân Đức, thuộc tổng Kiến Phong, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn Tân Hiệp được đổi thành thôn Hiệp Hòa; cả hai thôn Tân Đức và Hiệp Hòa đều thuộc tổng Phong Hòa, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, hai làng Tân Đức và Hiệp Hòa đều thuộc tổng Lợi Thuận, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1904, hai làng này thuộc tổng Lợi

Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; năm 1912, hai làng Hiệp Hòa và Tân Đức thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho; năm 1925, hai làng này được hợp nhất lấy tên là làng Hiệp Đức; năm 1928, làng Hiệp Đức thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Hiệp Đức thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Hiệp Đức, tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1971, gọi là xã Hiệp Đức thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1971-1975, xã Hiệp Đức thuộc huyện Cai Lậy Nam, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ 1954-1961, là xã Hiệp Đức, tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường; từ năm 1961-1964, xã Hiệp Đức thuộc tổng Lợi Thuận, quận Khiêm Ích, tỉnh Định Tường; từ năm 1964-1975, là xã Hiệp Đức thuộc quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Hiệp Đức thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2013, huyện Cai Lậy được chia tách thành thị xã Cai Lậy và huyện Cai Lậy. Xã Hiệp Đức thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2018, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới. Năm 2021, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới nâng cao.

Dân số: 6.950 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 60 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Hiệp Đức là xã thuộc vùng châu thổ sông Cửu Long, đất đai màu mỡ, có nguồn nước ngọt quanh năm, lực lượng lao động dồi dào. Đây là tiềm năng thuận lợi để xã phát triển kinh tế theo lợi thế của mình.

Sản xuất nông nghiệp (trồng cây ăn trái, lúa, rau màu, chăn nuôi) vẫn là ngành chính và chiếm phần lớn trong cơ cấu kinh tế. Lĩnh vực thương mại và dịch vụ hoạt động khá nhờ kinh doanh vật tư nông nghiệp, xăng dầu, buôn bán tạp hoá, kinh doanh ăn uống giải khát,… Ngoài ra, xã còn có một số cơ sở gia công, sửa chữa thuộc lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

Giáo dục:

Xã đạt 100% chỉ tiêu về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở.

Xã có 03 trường học: Trường trung học cơ sở Hiệp Đức, Trường tiểu học Hiệp Đức và Trường mầm non Hiệp Đức. Tất cả đều đạt chuẩn Quốc gia.

Y tế:

Trạm Y tế xã đạt chuẩn Quốc gia, đội ngũ cán bộ y tế gồm 07 nhân viên, trong đó có 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 02 nữ hộ sinh; 01 dược sĩ, 01 điều dưỡng. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 96% (2020). Các ấp đều có tổ y tế.

Giao thông:

Về giao thông đường bộ, xuyên qua xã có Đường tỉnh 875B, Đường tỉnh 864. Đường xã có 01 tuyến được trải nhựa 261,58m đạt 100%, Đường ấp có 13 tuyến với 17,991km được bê - tông hóa, đạt 100%, tạo thuận lợi trong việc đi lại của nhân dân và giao thương hàng hóa.

Về đường thủy, hệ thống sông, kênh/kinh rạch chằng chịt với trên 30 kênh, rạch lớn nhỏ. Đáng kể nhất là sông Tiền chảy qua phía Nam của xã khoảng 2 km; rạch Cái Lá và kênh/kinh Giồng Tre chảy theo hướng Bắc - Nam với tổng chiều dài 10,1 km. Hai trục sông, kênh/kinh này cung cấp nước ngọt từ sông Tiền và tiêu thoát nước lũ và có giá trị giao thông thủy,...

Văn hóa:

Xã có Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, trong đó có Nhà văn hóa xã, tổng diện tích 500.48m^2, diện tích xây dựng 264m^2, có 250 chỗ ngồi, cải tạo 03 phòng cũ khối Công an, Quân sự thành 2 phòng chức năng (phòng Đài truyền thanh, phòng hành chính) có diện tích 31.5m^2/phòng và xây dựng mới 1 phòng chức năng (phòng thư viện) diện tích 52.5m^2.

Có 6/6 ấp được công nhận ấp văn hóa. Các ấp đều có nhà văn hóa.

Xã có 02 câu lạc bộ (Câu lạc bộ Hát với nhau, Câu lạc bộ Gia đình phát triển bền vững) thường xuyên xây dựng kế hoạch hoạt động và tham gia các hoạt động của huyện. Ngoài ra, 6/6 ấp có tổng cộng 24 câu lạc bộ như: câu lạc bộ hát với nhau, câu lạc bộ cờ tướng, câu lạc bộ hoa kiểng. Bên cạnh đó, 6/6 ấp có câu lạc bộ đờn ca tài tử, câu lạc bộ hát với nhau sinh hoạt thường xuyên thu hút đông đảo người dân tham gia, phong trào văn hóa văn nghệ - thể dục thể thao luôn được duy trì.

Du lịch: Xã chưa có địa điểm du lịch.

Thể thao:

Xã có trung tâm văn hóa - thể thao xã và hệ thông sân bãi tập luyện thể dục – thể thao trên địa bàn xã như sau:

Sân tập thể dục dưỡng sinh, sân bóng chuyền (02 sân), sân cầu lông (04 sân), sân tập võ thuật tại các trường học, sân Nhà văn hóa và sân nhà hộ dân trên địa bàn xã, có 4 câu lạc bộ thể dục dưỡng sinh với 6 điểm tập ở các ấp; có 1 câu lạc bộ võ Thuật Karate,...

Số người dân trên địa bàn luyện tập TDTT thường xuyên đạt tỷ lệ 30,18%.

Số học sinh trong độ tuổi tiểu học, trung học cơ sở biết kỹ năng an toàn trong môi trường nước đạt tỷ lệ 60,65%.

Tổng số liệt sĩ: 182 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 20 Bà mẹ.

5. Xã Hội Xuân

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

會 Hội: Hội hè, tụ hội

春 Xuân: Mùa xuân

Vị trí địa lý:

Xã Hội Xuân nằm về phía Tây Bắc huyện; phía Đông giáp xã Long Trung, phía Tây giáp xã Hiệp Đức, phía Nam giáp xã Ngũ Hiệp, phía Bắc giáp xã Cẩm Sơn.

Diện tích tự nhiên: 1.195,61 ha.

Hành chính:

Xã Hội Xuân có 09 ấp: Xuân Quang, Xuân Sắc, Xuân Kiển, Hòa Điền, Hội Nhơn, Hội Nghĩa, Hội Lễ, Hội Trí, Hội Tín.

Lịch sử hình thành:

Hai thôn Hội Sơn và Xuân Sơn do ông Nguyễn Văn Cối lập năm 1785[15]. Năm 1808, đời vua Gia Long, hai thôn Hội Sơn và Xuân Sơn thuộc tổng Kiến Lợi, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, hai thôn này thuộc tổng Lợi Trinh, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, hai làng Hội Sơn và Xuân Sơn đều thuộc tổng Lợi Thuận, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1904, hai làng này thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; năm 1912, hai làng Hội Sơn và Xuân Sơn thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho; năm 1928, hai làng Hội Sơn và Xuân Sơn thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Hội Sơn và xã Xuân Sơn đều thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Hội Sơn và làng Xuân Sơn, tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1971, gọi là xã Hội Sơn và xã Xuân Sơn thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho;

[15] Theo Monographie de là province de Mytho - 1902 (Địa phương chí tỉnh Mỹ Tho - 1902).

từ năm 1971-1975, xã Hội Sơn và xã Xuân Sơn thuộc huyện Cai Lậy Nam, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ 1954-1961, xã Hội Sơn và xã Xuân Sơn thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường; từ năm 1961-1964, hai xã này thuộc tổng Lợi Thuận, quận Sùng Hiếu, tỉnh Định Tường; từ năm 1964-1975, xã Hội Sơn và xã Xuân Sơn thuộc quận Cái Bè, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Hội Sơn và xã Xuân Sơn thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 1979, xã Hội Sơn và xã Xuân Sơn hợp nhất thành xã Hội Xuân, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2013, huyện Cai Lậy được chia tách thành thị xã Cai Lậy và huyện Cai Lậy. Xã Hội Xuân thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2020, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới.

Dân số: 9.352 người.

Thu nhập bình quân đầu người: 55 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Hội Xuân có đất đai phù sa màu mỡ kết hợp với khí hậu nhiệt đới thích hợp trồng cây ăn trái. Từ khi được nhà nước đầu tư xây dựng đê bao ngăn lũ (năm 2000), nhân dân trong xã mạnh dạn chuyển đổi cơ cấu cây trồng đem lại hiệu quả kinh tế cao, như: sầu riêng, mít Thái siêu sớm, cam, bưởi,...

Giáo dục:

Có 03 trường học: Trường mầm non Hội Xuân (đạt chuẩn Quốc gia), Trường tiểu học Hội Xuân (đạt chuẩn Quốc gia), Trường trung học cơ sở Hội Xuân.

Xã đạt 100% chỉ tiêu về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở.

Y tế:

Trạm Y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 09 biên chế: 02 bác sĩ, 04 y sĩ, 01 nữ hộ sinh, 01 dược sĩ, 01 nhân viên phụ trách dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các ấp đều có tổ y tế. Tất các các ấp đều có tổ y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 94% (2020).

Giao thông:

Xã có Đường tỉnh 864; Đường huyện 54B, 54C, 67 đi ngang qua xã. Tất cả các tuyến đường xã, liên ấp, ngõ xóm đều đã được trải nhựa, bê tông, cứng hóa.

Hệ thống kênh/kinh, rạch chằng chịt, phía nam của xã có sông Năm Thôn là một nhánh của sông Tiền quanh năm được bồi đắp phù sa. Với hệ thống sông chính là sông Ba Rài[16] cung cấp nguồn nước ngọt dồi dào cho hoạt động sản xuất nông nghiệp và thuận tiện cho giao thông thủy.

[16] Sông Ba Rài liên quan đến chiến thắng Ba Rài của quân dân ta ngày 15/9/1967.

Văn hóa:

Năm 1847, vua Thiệu Trị sắc phong 02 ngôi đình để thờ các vị thần và bậc tiền hiền có công với nước. Đình Đôi tọa lạc ấp Hội Nghĩa thờ Đông chinh vương, Dực thánh vương (nhà Lý), đình thần Xuân Sơn tọa lạc ấp Xuân Quang thờ công thần Cao Văn Hạp (quan vận lương thời Nguyễn Huệ). Ngoài ra, trên địa bàn Hội Xuân còn có một số miếu thờ dân gian như: miếu Ông - ấp Hội Tín, miếu Bà - ấp Hội Nhơn, miếu Thần Nông - ấp Hội Trí, miếu Tiên Sư - ấp Hội Lễ; miếu ông Tà - ấp Xuân Quang, miếu ông Hổ - ấp Xuân Sắc, miếu Trắng (dinh Trắng) - ấp Xuân Kiển. Hàng năm, các đình, miếu đều tổ chức cúng Kỳ Yên để nhân dân đến lễ bái theo nghi thức văn hóa cổ truyền, cầu nguyện cho quốc thái dân an.

Xã có nhà văn hóa xã đạt chuẩn theo quy định, 03 nhà văn hóa liên ấp. Tất cả các ấp đều đạt danh hiệu ấp văn hóa. Hàng năm, xã có 100% hộ đăng ký thực hiện các tiêu chuẩn gia đình văn hóa, qua bình xét năm 2020 có 98% số hộ đạt 03 tiêu chuẩn gia đình văn hóa.

Du lịch: Không có.

Thể thao:

Xã có sân tập thể dục - thể thao ở nhà văn hóa xã và nhà văn hóa các ấp, 01 sân bóng đá mini cỏ nhân tạo.

Tổng số liệt sĩ: 194 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 25 Bà mẹ.

6. Xã Long Tiên

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

隆 Long: Hưng thịnh, long trọng

先 Tiên: Trước, phía trước

隆先社 Long Tiên Xã

Vị trí địa lý:

Xã Long Tiên nằm về phía Đông Nam của huyện, phía Đông giáp xã Mỹ Long, phía Tây giáp xã Long Trung, phía Nam giáp xã Tam Bình, phía Bắc giáp xã Long Khánh và xã Phú Quý, thị xã Cai Lậy.

Diện tích tự nhiên: 1.644,1 ha.

Hành chính:

Xã có 09 ấp: Mỹ Lợi A, Mỹ Lợi B, Mỹ Thạnh A, Mỹ Thạnh B, Mỹ Chánh, Mỹ Lương, Mỹ Thuận, Mỹ Hưng và Ấp 9.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Mỹ Đông thuộc tổng Kiến Lợi, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, có thêm thôn Mỹ Đông Thượng; cả thôn Mỹ Đông và thôn Mỹ Đông Thượng thuộc tổng Lợi Trường, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, hai làng Mỹ Đông và Mỹ Đông Thượng đều thuộc tổng Lợi Mỹ, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1904, hai làng này thuộc tổng Lợi Mỹ, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; năm 1923, hai làng Mỹ Đông và Mỹ Đông Thượng hợp nhất thành làng Long Tiên thuộc tổng Lợi Hòa, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Long Tiên thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Long Tiên, tổng Lợi Hòa, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1971, gọi là xã Long Tiên thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1971-1975, xã Long Tiên thuộc huyện Cai Lậy Nam, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ 1954-1961, xã Long Tiên thuộc tổng Lợi Hòa, quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường; từ năm 1961-1964, xã này thuộc tổng Lợi Hòa, quận Khiêm Ích, tỉnh Định Tường; từ năm 1964-1975, xã Long Tiên thuộc quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Long Tiên thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2013, huyện Cai Lậy được chia tách thành thị xã Cai Lậy và huyện Cai Lậy. Xã Long Tiên thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2017, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới.

Dân số: 12.740 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 65 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Kinh tế của xã chủ lực là sản xuất nông nghiệp, nhất là trồng cây ăn trái với hai loại cây trồng chính yếu là sầu riêng và vú sữa lò rèn. Các chợ quan trọng của xã là chợ Ba Dầu, chợ Cái Mít, chợ Cây Bã Đậu và chợ Ngã ba Long Tiên.

Giáo dục:

Xã có 3 trường học: Trường mầm non Long Tiên (đạt chuẩn Quốc gia), Trường tiểu học Nguyễn Chí Liêm (đạt chuẩn quốc gia), Trường trung học cơ sở Phan Văn Cẩm. Xã đạt chuẩn về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 08 biên chế: 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 02 dược sĩ, 01 hộ sinh, 01 cán bộ dân số. Tất cả các ấp đều có tổ y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 93% (2020).

Giao thông:

Xã có Đường tỉnh 868, Đường huyện 35 và Đường huyện 62B chạy qua. Có 73 tuyến đường trên địa bàn xã với tổng chiều dài 55,92km. Đường xã và đường trung tâm xã đến huyện được nhựa hóa; đường trục ấp và đường ấp được cứng hóa; đường ngõ xóm không lầy lội vào mùa mưa.

Xã có hệ thống kênh/kinh, rạch dày đặc, quan trọng nhất là Rạch Gầm, thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp và giao thông đường thủy.

Văn hóa:

Xã có Trung tâm Văn hóa Thể thao; trong đó có 01 Nhà Văn hóa đạt chuẩn; hội trường 250 chỗ ngồi, có đủ trang thiết bị với 03 phòng chức năng: phòng hành chính và truyền thanh, phòng đọc sách, phòng sinh hoạt của các câu lạc bộ,...

Xã có 9/9 ấp của xã đã có Trụ sở ấp văn hóa, có 03 Nhà Văn hóa liên ấp: Nhà Văn hóa xã đồng thời được sử dụng làm Nhà Văn hóa liên ấp phục vụ cho sinh hoạt văn hóa, hội họp của nhân dân 03 ấp Mỹ Lương, Mỹ Thạnh A và Ấp 9; Nhà Văn hóa liên ấp Ấp Mỹ Thuận được sử dụng cho sinh hoạt văn hóa, hội họp của nhân dân 03 ấp Mỹ Thuận, Mỹ Thạnh B và Mỹ Lợi B; Nhà Văn hóa liên ấp ấp Mỹ Hưng sử dụng cho sinh hoạt văn hóa, hội họp của nhân dân 03 ấp Mỹ Hưng, Mỹ Chánh và Mỹ Lợi A.

Hàng năm, xã có 100% hộ đăng ký thực hiện các tiêu chuẩn gia đình văn hóa, qua bình xét năm 2020 có 97,77% số hộ đạt 03 tiêu chuẩn gia đình văn hóa.

Hàng năm, xã có 9/9 ấp văn hóa trên địa bàn xã được tái công nhận ấp văn hóa đạt tỷ lệ 100%, xã được công nhận là xã Văn hóa năm 2010.

Du lịch: Không có

Thể thao:

Xã có Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, số lượng sân bãi trên địa bàn xã năm 2020 như sau:

Sân tập thể dục dưỡng sinh, sân bóng chuyền, sân cầu lông, sân tập võ thuật tại các trường học, sân Nhà văn hóa và sân nhà hộ dân trên địa bàn xã, cụ thể: có 9 câu lạc bộ thể dục dưỡng sinh với 16 điểm tập ở các ấp; có 2 câu lạc bộ yoga, 1 câu lạc bộ võ thuật Karate, 1 câu lạc bộ bóng đá, 1 câu lạc bộ bóng chuyền hơi với 2 sân bóng chuyền và 9 sân cầu lông.

Số người dân trên địa bàn luyện tập TDTT thường xuyên là 4.784/12.709 người đạt tỷ lệ 37,6%; có 695/1.137 học sinh trong độ tuổi tiểu học, trung học cơ

sở thường trú tại địa phương biết kỹ năng an toàn trong môi trường nước, đạt tỷ lệ 61,1%.

Tổng số liệt sĩ: 474 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 51 Bà mẹ.

7. Xã Long Trung

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính

Địa danh Hán Việt:

隆 Long: Hưng thịnh, long trọng

忠 Trung: Trung thành

隆忠社 Long Trung Xã

Vị trí địa lý:

Xã Long Trung nằm về phía Đông Nam huyện Cai Lậy, phía Đông giáp với hai xã Long Tiên và Tam Bình, phía Tây giáp xã Hội Xuân, phía Bắc giáp

Diện tích tự nhiên: 1.525,2ha.

Hành chính:

Xã có 12 ấp: ấp 1, ấp 3, ấp 5, ấp 6, ấp 7, ấp 8, ấp 11, ấp 12, ấp 14, ấp 15, ấp 16 và ấp 17.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Mỹ Đông Trung và thôn Trà Tân thuộc tổng Kiến Lợi, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, hai thôn này thuộc tổng Lợi Trường, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; năm 1882, thôn Trà Tân được điều chỉnh một phần diện tích và dân số để thành lập làng Tân Thới; từ năm 1900, ba làng Mỹ Đông Trung, Trà Tân và Tân Thới thuộc tổng Lợi Mỹ, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1904, hai làng này thuộc tổng Lợi Mỹ, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; năm 1925, hai làng Trà Tân và Tân Thới hợp nhất thành làng Hưng Long thuộc tổng Lợi Mỹ; năm 1932, hai làng Mỹ Đông Trung và Hưng Long hợp nhất thành làng Long Trung thuộc tổng Lợi Mỹ; năm 1934, làng Long Trung thuộc tổng Lợi Hòa, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Long Trung thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Long Trung, tổng Lợi Hòa, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1971, gọi là xã Long Trung thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1971-1975, xã Long Trung thuộc huyện Cai Lậy Nam, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ 1954-1961, xã Long Trung thuộc tổng Lợi Hòa, quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường; từ năm 1961-1964, xã này thuộc tổng Lợi Hòa, quận Khiêm Ích, tỉnh Định Tường; từ năm 1964-1975, xã Long Trung thuộc quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Long Trung thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2013, huyện Cai Lậy được chia tách thành thị xã Cai Lậy và huyện Cai Lậy. Xã Long Trung thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2019, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới.

Dân số: 13.001 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 55 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Kinh tế chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, nhất là trồng cây ăn trái, như sầu riêng (cây chủ lực), mít, bưởi,..., sản lượng bình quân hàng năm 17.000 tấn.

Chợ quan trọng nhất là chợ Ba Dừa với mức độ buôn bán ngày càng nhộn nhịp. Năm 2020, xã có 638 hộ kinh doanh, thương mại và hơn 20 cơ sở đóng gói gia công trái cây xuất khẩu.

Các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp phát triển đa dạng, như nghề mộc gia dụng, may mặc, may gia công,… các cơ sở như: nước đá, sản xuất thùng giấy, sản xuất rổ nhựa,… Năm 2020, xã có 02 cơ sở sản xuất thùng giấy, 01 cơ sở may mặc, 10 cơ sở may gia công, 02 cơ sở sản xuất rổ nhựa.

Xã có 01 Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp, kinh doanh cây ăn quả, hoạt động dịch vụ sau thu hoạch, dịch vụ trồng trọt, dịch vụ cung cấp nước sinh hoạt nông thôn, mua bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, mua bán trái cây các loại.

Giáo dục:

Xã có 03 trường học: Trường mầm non Long Trung (đạt chuẩn Quốc gia), Trường Tiểu học Long Trung (đạt chuẩn Quốc gia), Trường THCS Long Trung.

Xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế

Năm 2020, trên địa bàn xã có 01 Phòng khám đa khoa khu vực Long Trung; 01 Trạm y tế xã (đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 07 biên chế: 01 nữ hộ sinh, 01 dược sỹ kiêm kế toán , 05 y sĩ , trong đó có 01 y sĩ kiêm cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình). Tất các các ấp đều có tổ y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 91% (2020).

Giao thông

Qua xã có Đường tỉnh 864 và 868, Đường huyện 62. Hệ thống đường liên xã, ấp, đường ngõ xóm được nhựa hóa, bê tông hóa, đáp ứng nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa của người dân. Xã Long Trung nối với cù lao Ngũ Hiệp ở phía nam bởi cầu Ngũ Hiệp hoàn thành xây dựng vào năm 2020 dài 285m, ngang 10m, gồm 7 nhịp.

Có nhiều con sông, kênh/kinh, rạch chảy qua địa bàn xã, quan trọng nhất là sông Năm Thôn và sông Trà Tân, tạo điều kiện thuận lợi cho giao thông thủy và thủy lợi.

Văn hóa

Hàng năm, có 100% hộ đăng ký thực hiện 3 tiêu chuẩn gia đình văn hóa, qua bình xét cuối năm có trên 98% hộ đạt 3 tiêu chuẩn.

Toàn xã có 01 nhà văn hóa xã đạt chuẩn quy định và 02 nhà văn hóa liên ấp (ấp 4, ấp 16). Tất cả các ấp đều đạt danh hiệu Ấp văn hóa.

Du lịch:

Đình Thần Long Trung được công nhận di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia, thu hút nhân dân trong và ngoài xã đến chiêm bái, tham quan.

Thể thao:

Xã có 02 sân bóng đá mini, 03 sân bóng chuyền, 01 câu lạc bộ dưỡng sinh.

Tổng số liệt sĩ: 331 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ VN anh hùng: 52 Bà mẹ.

8. Xã Mỹ Long

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

美: Mỹ: Tốt, đẹp

隆 Long: Hưng thịnh, long trọng

美隆社 Mỹ Long Xã

Vị trí địa lý:

Xã Mỹ Long nằm phía Đông Nam của huyện Cai Lậy, phía Đông giáp huyện Châu Thành, phía Tây giáp xã Long Tiên, phía Nam giáp xã Tam Bình, xã Phú Phong huyện Châu Thành, phía Bắc giáp xã Nhị Quý, Phú Quý, thị xã Cai Lậy

Diện tích tự nhiên: 1.281 ha.

Hành chính:

Xã có 8 ấp: Mỹ Hội, Mỹ Phú, Mỹ Điền, Mỹ Hòa, Mỹ Chánh, Mỹ Lợi, Mỹ Thạnh, Mỹ Hưng.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Mỹ An và thôn Long Điền thuộc tổng Kiến Lợi, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, hai thôn này thuộc tổng Lợi Trường, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; khoảng thập niên 1870, làng Mỹ An được đổi thành Mỹ Hậu; từ năm 1900, hai làng Mỹ Hậu và Long Điền thuộc tổng Lợi Trường, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1904, hai làng này thuộc tổng Lợi Trường, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; năm 1925, hai làng Mỹ Hậu và Long Điền hợp nhất thành làng Mỹ Long thuộc tổng Lợi Trường, quận Cai Lậy; năm 1934, làng Mỹ Long thuộc tổng Lợi Hòa, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Mỹ Long thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Mỹ Long, tổng Lợi Hòa, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1971, gọi là xã Mỹ Long thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1971-1975, xã Mỹ Long thuộc huyện Cai Lậy Nam, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ 1954-1961, xã Mỹ Long thuộc tổng Lợi Hòa, quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường; từ năm 1961-1964, xã này thuộc tổng Lợi Hòa, quận Khiêm Ích, tỉnh Định Tường; từ năm 1964-1975, xã Mỹ Long thuộc quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Mỹ Long thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2013, huyện Cai Lậy được chia tách thành thị xã Cai Lậy và huyện Cai Lậy. Xã Mỹ Long thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2018, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới.

Dân số: 10.465 người (2020).
Thu nhập bình quân đầu người: 51,5 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Xã Mỹ Long có các ngành kinh tế mũi nhọn phục vụ cho sự phát triển chung của địa phương như:

- Sản xuất nông nghiệp: bao gồm 2.609 hộ gia đình trồng trọt (chủ yếu là trồng sầu riêng) và chăn nuôi.

- Thương mại - dịch vụ: bao gồm 245 hộ kinh doanh xăng dầu, buôn bán, tạp hoá, kinh doanh ăn uống giải khát, gia công, sửa chữa và các ngành nghề khác.

Giáo dục:

Xã có 03 trường học: Trường trung học cơ sở Mỹ Long (đạt chuẩn Quốc gia), Trường tiểu học Mỹ Long (đạt chuẩn Quốc gia), Trường mầm non Mỹ Long.

Xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mần non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Xã có 01 Trạm Y tế đạt chuẩn Quốc gia, gồm 09 biên chế: có 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 02 nữ hộ sinh, 02 dược sĩ, 01 y sĩ y học cổ truyền. Các ấp đều có tổ y tế.

Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 92% (2020).

Giao thông:

Toàn xã có 43 tuyến đường giao thông nông thôn, tổng chiều dài: 55.581km. Trong đó:

+ Đường Tỉnh: Đường tỉnh 874B đi qua 03 ấp: Mỹ Hội, Mỹ Điền, Mỹ Phú với chiều dài 3.820m.

+ Đường Huyện: Đường huyện 35 đi qua 05 ấp: Mỹ Phú, Mỹ Điền, Mỹ Hội, Mỹ Hòa, Mỹ Chánh dài 4.000m. Đường huyện lộ 54 đi qua ấp Mỹ Chánh dài 2.000m.

+ Đường ấp: toàn xã có 15 đường trục ấp được bê tông hóa nằm trên địa bàn của 08 ấp với tổng chiều dài là 30.000m.

+ Đường dân sinh: tổng số đường dân sinh trên toàn xã là 22 tuyến được bê tông hóa và trải đá xanh nằm trên 08 ấp với tổng chiều dài là 15.760m.

Xã Mỹ Long có nhiều kênh/kinh, rạch chảy qua, quan trọng nhất rạch Trà Tân – kênh/kinh Bang Lợi dài 17km. Hệ thống kênh/kinh, rạch chảy trên địa bàn xã là nguồn cung cấp nước ngọt cho sản xuất và đời sống, tiêu úng trong mùa lũ và là tuyến giao thông đường thủy hết sức quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội.

Văn hóa:

Xã Mỹ Long đạt chuẩn xã Văn hóa nông thôn mới vào năm 2016, có nhà văn hóa xã đạt chuẩn quy định; có 08/08 ấp đạt danh hiệu Ấp văn hóa và có trụ sở văn hóa ấp đạt 100%.

Năm 2020, có 2.366/2.817 hộ đạt danh hiệu Gia đình văn hóa, tỷ lệ 83,99%. Trong đó có 2.090/2.366 gia đình văn hóa được công nhận 3 năm trở lên, tỷ lệ đạt 88,33%.

Xã có 01 Câu lạc bộ Đờn ca tài tử và có 01 Câu lạc bộ Hát với nhau.

Du lịch:

Xã không có điểm du lịch.

Thể thao:

Trên địa bàn xã có 02 sân bóng mini, 06 điểm đánh bóng chuyền, cầu lông ở 03 điểm trường, 02 nhà văn hóa liên ấp và trung tâm văn hóa thể thao xã. Có 07 Câu lạc bộ thể dục dưỡng sinh và 01 Câu lạc bộ võ thuật Taekwondo.

Tổng số liệt sĩ: 246 liệt sĩ.

Tổng số Bà Mẹ Việt Nam anh hùng: 40 Bà mẹ.

9. Xã Mỹ Thành Bắc

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

美 Mỹ: Tốt, đẹp

成 Thành: Thành công

北 Bắc: Phía bắc

美成北社 Mỹ Thành Bắc Xã

Vị trí địa lý:

Xã nằm về phía Tây Bắc của huyện Cai Lậy, phía Đông giáp xã Thạnh Lộc, phía Tây giáp xã Hậu Mỹ Bắc A, xã Hậu Mỹ Bắc B, xã Hậu Mỹ Trinh và xã Mỹ Hội của huyện Cái Bè, phía Nam giáp xã Mỹ Thành Nam, phía Bắc giáp tỉnh Long An.

Xã có diện tích tự nhiên 1.748,73 ha, dân số năm 2021 là 8.251 người (2.041 hộ), mật độ dân số trung bình là 485 người/km^2. Địa bàn xã gồm có 5 ấp: ấp 1, ấp 2, ấp 3, ấp 4 và ấp 5.

Diện tích tự nhiên: 1.748,73 ha.

Hành chính:

Xã có 5 ấp: ấp 1, ấp 2, ấp 3, ấp 4, ấp 5.

Lịch sử hình thành:

Năm 1836, đời vua Minh Mạng, có hai thôn Giai Mỹ và Lợi An thuộc tổng Lợi Trinh, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường. Năm 1858, đời vua Tự Đức, ông Huỳnh Văn Tú lập thôn Lợi Thành trên cơ sở tách một phần diện tích và dân số của thôn Lợi An. Khi này, các thôn Giai Mỹ, Lợi An và Lợi Thành thuộc tổng Lợi Thuận, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến Tường, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; năm 1866, thôn Giai Phú (còn gọi là Đại Phú) được thành lập trên cơ sở tách một phần diện tích và dân số của thôn Giai Mỹ; từ năm 1900, các làng Lợi An, Lợi Thành, Giai Mỹ, Giai Phú (Đại Phú) thuộc tổng Lợi Thuận, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1904, hai làng này thuộc tổng Lợi Thuận, quận

Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; năm 1925, hai làng Lợi An và Lợi Thành hợp nhất thành làng An Thành, hai làng Giai Mỹ và Giai Phú (Đại Phú) hợp nhất thành làng Mỹ Phú; năm 1932, hai làng Mỹ Phú và An Thành hợp nhất lấy tên là làng Mỹ Thành thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Mỹ Thành thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Mỹ Thành, tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1969, gọi là xã Mỹ Thành thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1969-1971, xã Mỹ Thành được chia thành hai xã Mỹ Thành Bắc và Mỹ Thành Nam; từ năm 1971-1975, xã Mỹ Thành Bắc thuộc huyện Cai Lậy Bắc, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ 1954-1961, xã Mỹ Thành thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường; từ năm 1961-1964, xã này thuộc tổng Lợi Thuận, quận Sùng Hiếu, tỉnh Định Tường; từ năm 1964-1975, xã Mỹ Thành thuộc quận Cái Bè, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Mỹ Thành Bắc thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2013, huyện Cai Lậy được chia tách thành thị xã Cai Lậy và huyện Cai Lậy. Xã Mỹ Thành Bắc thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2021, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

Dân số: 8.251 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 50 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Kinh tế chủ yếu của xã là sản xuất nông nghiệp; trong đó quan trọng nhất là trồng lúa (sản lượng bình quân hàng năm khoảng 20.000 tấn), đặt biệt xã có mô hình cánh đồng lớn với diện tích 546 ha; trồng cây ăn trái (sầu riêng, mít, bưởi và các loại cây có múi,...) với sản lượng bình quân hàng năm đạt 23.507 tấn. Ngoài ra, nhân dân còn trồng rau màu (sản lượng bình quân hàng năm đạt 1.417 tấn),

Nghề chăn nuôi gia súc, gia cầm cũng phát triển theo hướng bán công nghiệp và hộ gia đình. Năm 2020, xã có đàn heo 27.531 con, đàn bò 687 con, đàn gia cầm trên 547.000 con và 08 hộ nuôi chim yến.

Năm 2020, xã có 47 cơ sở ngành nghề sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp thu hút gần 300 lao động. Về thương mại, dịch vụ, xã có 220 hộ kinh doanh cá thể, giải quyết việc làm cho trên 500 lao động. Xã có 01 hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp thu hút 661 thành viên. Ngoài ra, còn có 06 tổ hợp tác với gần 2.000 tổ viên hoạt động có hiệu quả cao.

Giáo dục:

Xã có 03 trường học: Trường mầm non Mỹ Thành Bắc, Trường Tiểu học Mỹ Thành Bắc, Trường trung học cơ sở Mỹ Thành Bắc.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 09 biên chế: 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 02 dược sĩ, 02 hộ sinh 01 nhân viên dân số - kế hoạch hóa gia đình. Các ấp đều có tổ y tế.

Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 96% (2020).

Giao thông:

Các tuyến giao thông thuỷ bộ này có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Ngang qua xã có Đường tỉnh 865 (đoạn qua địa bàn xã có chiều dài 1,55km), Đường huyện 66 (đoạn ngang qua địa bàn xã có chiều dài 3,86km), Đường huyện 68 (đoạn qua địa bàn xã có chiều dài 3,40km), Đường huyện 69 (đoạn ngang qua địa bàn xã có chiều dài 3,75km)

Đường liên xã, trục xã: gồm 01 tuyến Đường Nam kênh Tháp Mười 2 (Nguyễn Văn Tiếp), có chiều dài 1,64km, đã được trải nhựa.

Đường liên ấp, trục ấp: có 7 tuyến với tổng chiều dài khoảng 23km, đã được trải bê tông.

Đường ngõ, xóm: có 19 tuyến đường, với tổng chiều dài 66,43 km, đã trải bê tông và đá xanh.

Xã có hệ thống kênh/kinh, rạch dày đặc, trong đó có các kênh/kinh lớn như: kênh/kinh Tháp Mười 2 (Nguyễn Văn Tiếp), rạch Cả Gáo, Kênh/Kinh 9, Kênh/Kinh 10, kênh/kinh Chùa Tháp, Kênh/Kinh 1 tháng 5,...

Các tuyến giao thông thuỷ bộ này có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Văn hóa:

Xã được công nhận xã văn hóa năm 2019, có nhà văn hóa xã đạt chuẩn quy định. Có 5/5 ấp được công nhận ấp văn hóa.

Du lịch: Không.

Thể thao:

Xã có các sân bãi luyện tập thể dục thể thao được bố trí ở nhà văn hóa xã, các trường học, trụ sở các ấp,…

Tổng số liệt sĩ: 323 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ VN anh hùng: 66 Bà mẹ.

10. Xã Mỹ Thành Nam

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

美 Mỹ: Tốt, đẹp

成 Thành: Thành công

南 Nam: Phía nam

美成南社 Mỹ Thành Nam Xã

Vị trí địa lý:

Xã Mỹ Thành Nam nằm phía Bắc huyện Cai Lậy, phía Đông giáp xã Phú Nhuận và xã Thạnh Lộc, phía Tây giáp xã Mỹ Hội của huyện Cái Bè, phía Nam giáp xã Phú An, Quốc lộ 1, phía Bắc giáp xã Mỹ Thành Bắc.

Diện tích tự nhiên: 2.164,76 ha.

Hành chính:

Xã có 8 ấp: ấp 5, ấp 6, ấp 7, ấp 8, ấp 9A, ấp 9B, ấp 10 và ấp 11.

Lịch sử hình thành:

Năm 1836, đời vua Minh Mạng, có hai thôn Giai Mỹ và Lợi An thuộc tổng Lợi Trinh, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường. Năm 1858, đời vua Tự Đức, ông Huỳnh Văn Tú lập thôn Lợi Thành trên cơ sở tách một phần diện tích và dân số của thôn Lợi An. Lúc này, các thôn Giai Mỹ, Lợi An và Lợi Thành thuộc tổng Lợi Thuận, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến Tường, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; năm 1866, thôn Giai Phú (còn gọi là Đại Phú) được thành lập trên cơ sở điều chỉnh một phần diện tích và dân số của thôn Giai Mỹ; từ năm 1900, các làng Lợi An, Lợi Thành, Giai Mỹ, Giai Phú (Đại Phú) thuộc tổng Lợi Thuận, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1904, hai làng này thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; năm 1925, hai làng Lợi An và Lợi Thành hợp nhất thành làng An Thành, hai làng Giai Mỹ và Giai Phú (Đại Phú) hợp nhất thành làng Mỹ Phú; năm 1932, hai làng Mỹ Phú và An Thành hợp nhất lấy tên là làng Mỹ Thành thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Mỹ Thành thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Mỹ Thành, tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1969, gọi là xã Mỹ Thành thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1969-1971, xã Mỹ Thành được chia thành hai xã Mỹ Thành Bắc và Mỹ Thành Nam; từ năm 1971-1975, xã Mỹ Thành Nam thuộc huyện Cai Lậy Bắc, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ 1954-1961, xã Mỹ Thành thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường; từ năm 1961-1964, xã này thuộc tổng Lợi Thuận, quận Sùng Hiếu, tỉnh Định Tường; từ năm 1964-1975, xã Mỹ Thành thuộc quận Cái Bè, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Mỹ Thành Nam thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2013, huyện Cai Lậy được chia tách thành thị xã Cai Lậy và huyện Cai Lậy. Xã Mỹ Thành Nam thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2021, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

Dân số: 12.590 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 50,2 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Nông nghiệp là thế mạnh của xã, quan trọng nhất là trồng lúa. Xã đã được chứng nhận sản xuất và chế biến gạo đạt tiêu chuẩn Global GAP (sản xuất nông nghiệp tốt toàn cầu) vào năm 2009. Đây là chứng nhận GlobalGAP đầu tiên của Việt Nam và các nước sản xuất lúa gạo ở Đông Nam Á. Các giống lúa chất lượng cao được trồng là OM 4900 và OM 5451 trong 3 vụ Đông Xuân, Xuân Hè và Hè Thu, năng suất từ 7 tấn/ha - 9 tấn/ha.

Xã có 2 hợp tác xã là Hợp tác xã Mỹ Thành và Hợp tác xã nông nghiệp Mỹ Thành Nam. Hợp tác xã nông nghiệp Mỹ Thành Nam đi đầu trong việc trồng lúa đạt tiêu chí GlobalGAP và liên kết doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm theo mô hình "Cánh đồng lớn" với hằng trăm ha ruộng lúa. Gạo chất lượng cao của xã đã được đặt thương hiệu "Gạo Mỹ Thành", được xuất khẩu sang nhiều nước.

Xã Mỹ Thành Nam cũng được chọn làm thí điểm nhiều mô hình ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, như: Chương trình "Sức khỏe hạt giống", Chương trình "Quản lý chuột cộng đồng", Chương trình "Cánh đồng lúa sạch", Chương trình "3 giảm, 3 tăng" và chương trình "Xây dựng quy trình sản xuất lúa chất lượng cao, an toàn". Từ năm 2017, Trạm Khuyến nông tỉnh Tiền Giang phối hợp Hội Nông dân xã Mỹ Thành Nam (huyện Cai Lậy) triển khai thí điểm cho nông dân trên địa bàn xã "Nuôi lươn thương phẩm không bùn an toàn sinh học" và đã đạt hiệu quả kinh tế.

Nông dân địa phương chuyển dần sang hướng đa dạng hóa trong sản xuất nông nghiệp, bên cạnh trồng lúa còn kết hợp nhiều mô hình, như: mô hình trồng lúa chất lượng cao kết hợp trồng cây ăn trái, mô hình nuôi ếch kết hợp cá nước ngọt, mô hình trồng lúa chất lượng cao kết hợp chăn nuôi gia súc, gia cầm

Xã có hai trung tâm mua bán lớn là chợ Bà Tồn nằm trên Quốc lộ 1 và chợ Ngã Năm nằm ở phía đông, thuộc khu vực ngã năm của 5 con sông, tiếp giáp với xã Phú Nhuận.

Giáo dục:

Xã có 3 trường học: Trường mầm non Mỹ Thành Nam, Trường tiểu học Mỹ Thành Nam, Trường trung học cơ sở Mỹ Thành Nam (đạt chuẩn Quốc gia).

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y Tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 09 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 02 dược sĩ, 01 điều dưỡng, 02 hộ sinh 01 nhân viên dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các ấp đều có tổ y tế.

Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 92% (2020).

Giao thông:

Ngang qua xã có Quốc lộ 1, Đường huyện 66 và 68.

Đường liên xã, đường ấp có 11 tuyến, trong đó có 03 tuyến đường trải nhựa, 03 tuyến đường trải bê tông, 05 tuyến đường trải đá.

Đường dân sinh có 15 tuyến, trong đó có 01 tuyến đường nhựa, 03 tuyến đường bê tông, 07 tuyến đường cấp phối đá, đảm bảo sạch và không lầy lội vào trong mùa mưa.

Mạng lưới kênh rạch chằng chịt thuận lợi cho phát triển giao thông đường thủy, quan trọng nhất là kênh/kinh Đường Nước, Kênh/Kinh 10, kênh/kinh Cả Gáo, kênh/kinh Một Thước.

Văn hóa:

Xã được công nhận xã văn hóa năm 2020, có nhà văn hóa xã đạt chuẩn quy định. Tất cả các ấp đều được công nhận ấp văn hóa. Chùa Phước Sơn (ấp 5) có từ thế kỷ 19, là di tích lịch sử cách mạng cấp tỉnh. Đình Giai Phú (ấp 5) có từ năm 1866 là di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh.

Có 01 CLB đờn ca tài tử xã, 03 CLB đờn ca tài tử ấp

Du Lịch: Xã chưa có địa điểm du lịch.

Thể thao:

Trên địa bàn xã có các CLB đội nhóm, sở thích như: 01 CLB thể dục dưỡng sinh xã, 01 CLB dưỡng sinh ấp, 08 CLB bóng chuyền ấp, 08 CLB bóng đá,... thường xuyên tập luyện, tổ chức sinh hoạt giao lưu với các xã bạn.

Tổng số liệt sĩ: 211 liệt sĩ

Tổng số Bà Mẹ Việt Nam anh hùng: 50 Bà mẹ.

11. Xã Ngũ Hiệp

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

五 Ngũ: Năm

合 Hiệp: Hợp lại, gộp lại

五合社 Ngũ Hiệp Xã

Vị trí địa lý:

Đây là xã cù lao. Nằm ở phía Nam huyện Cai Lậy, phía Bắc giáp các xã Tam Bình, Long Trung, Hội Xuân, phía Đông giáp huyện Châu Thành, phía

Hành chính:

Xã có 7 ấp: Hòa An, Hòa Hảo, Hòa Thinh, Long Quới, Tân Đông, Thủy Tây và Tân Sơn.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có năm thôn An Thủy Đông, Long Phú, Hòa An, An Thủy Tây, Tân Sơn thuộc tổng Kiến Lợi, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, năm thôn này thuộc tổng Lợi Trường, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; 1875, hợp nhất năm làng An Thủy Đông, Long Phú, Hòa An, An Thủy Tây, Tân Sơn thành làng Ngũ Hiệp; từ năm 1900, làng Ngũ Hiệp thuộc tổng Lợi Mỹ, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1904, làng này thuộc tổng Lợi Mỹ, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; năm 1933, làng Ngũ Hiệp, thuộc tổng Lợi Hòa, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Ngũ Hiệp thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Ngũ Hiệp, tổng Lợi Hòa, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1971, gọi là xã Ngũ Hiệp thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1971-1975, xã Ngũ Hiệp thuộc huyện Cai Lậy Nam, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ 1954-1961, xã Ngũ Hiệp thuộc tổng Lợi Hòa, quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường; từ năm 1961-1964, xã này thuộc tổng Lợi Hòa, quận Khiêm Ích, tỉnh Định Tường; từ năm 1964-1975, xã Ngũ Hiệp thuộc quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Ngũ Hiệp thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2013, huyện Cai Lậy được chia tách thành thị xã Cai Lậy và huyện Cai Lậy. Xã Ngũ Hiệp thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2016, xã được công nhận xã đạt chuẩn Nông thôn mới.

Dân số: 16.558 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 58.567.000 đồng/người/năm (2020)

Kinh tế:

Đa số người dân sông chủ yếu bằng nghề nông với trồng trọt và chăn nuôi. Xã cù lao Ngũ Hiệp là vùng chuyên canh sầu riêng, ngoài ra còn có chôm chôm, bưởi, mít,… Sầu riêng là cây trồng có giá trị kinh tế cao, cả cù lao có 1.530 ha sầu riêng, với năng suất gần 49.000 tấn/năm. Do đó, cù lao Ngũ Hiệp được mệnh danh là "vương quốc sầu riêng". Tỉnh Tiền Giang cũng đã đăng ký thương hiệu sản phẩm "Sầu riêng Ngũ Hiệp". Ngoài ra, người dân còn nuôi cá bè dọc theo sông Năm Thôn, một nhánh của sông Tiền.

Giáo dục:

Xã có 03 trường học: Trường mầm non Ngũ Hiệp (đạt chuẩn Quốc gia), Trường tiểu học Ngũ Hiệp (đạt chuẩn Quốc gia), Trường trung học cơ sở Ngũ Hiệp.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia, có 10 biên chế: 01 bác sĩ, 06 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh. Tất cả các ấp đều có tổ y tế.

Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 92% (2020).

Giao thông:

Xã có 01 đoạn Đường tỉnh 868 đi ngang qua và có 01 tuyến Đường huyện 70 bao quanh xã với chiều dài gần 18 km. Toàn xã có 33 cây cầu chính được xây dựng kiên cố. Quan trọng nhất là cầu Ngũ Hiệp bắc qua sông Năm Thôn, kết nối xã cù lao Ngũ Hiệp ở bờ Nam và với xã Long Trung ở bờ Bắc thuộc địa bàn huyện Cai Lậy, tạo điều kiện thuận lợi cho giao thông đường bộ và góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương, nhất là kinh tế vườn. Xã có 06 tuyến đường liên ấp, trong đó có 01 tuyến đường trải nhựa, số còn lại trải bê tông và đá xanh.

Văn hóa:

Xã có 01 đình thần tại ấp Hòa An được công nhận di tích lịch sử cấp tỉnh và được công nhận là cơ sở thờ tự văn hóa; 03 ngôi chùa được công nhận là cơ sở thờ

tự văn hóa gồm chùa Hữu Phước ấp Tân Sơn, chùa Chơn Thường II ấp Thủy Tây và chùa Chơn Thường I ấp Hòa Thinh.

Xã có 01 đội Lân Sư Rồng tại chùa Hữu Phước, 01 câu lạc bộ đờn ca tài tử.

Nhà văn hóa xã diện tích 720m^2 với 250 chỗ ngồi, có 02 phòng chức năng, mỗi phòng 40m^2. Tất cả các ấp đều được công nhận ấp văn hóa.

Du lịch:

Xã có điều kiện thuận lợi để phát triển ngành du lịch sinh thái, tham quan vườn cây ăn trái và dịch vụ câu cá tự nhiên trên sông Tiền.

Ấp Hòa An (Cồn Tròn) đã được quy hoạch phát triển mô hình du lịch nghỉ dưỡng kết hợp với các khu du lịch ở huyện Cái Bè và xã Tân Phong thuộc huyện Cai Lậy.

Thể thao:

Xã có 01 đội bóng đá, 01 đội bóng chuyền và phát triển mạnh câu lạc bộ dưỡng sinh.

Tổng số liệt sĩ: 249 liệt sĩ

Tổng số Bà Mẹ Việt Nam anh hùng: 27 Bà mẹ.

12. Xã Phú An

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính

Địa danh Hán Việt:

富 Phú: Giàu có

安 An: Bình an, an toàn, yên ổn

富安社 Phú An Xã

Vị trí địa lý:

Xã Phú An nằm về phía về phía tây huyện Cai Lậy; phía Đông giáp xã Hiệp Đức, xã Cẩm Sơn của huyện Cai Lậy; phía Tây giáp xã An Cư, xã Mỹ Hội của huyện Cái Bè, phía Nam giáp xã Đông Hòa Hiệp, thị trấn Cái Bè của huyện Cái Bè, phía Bắc giáp xã Mỹ Thành Nam, xã Bình Phú của huyện Cai Lậy.

Diện tích tự nhiên: 1.577,08 ha.

Hành chính:

Xã có 06 ấp: ấp 1, ấp 2, ấp 3, ấp 4, ấp 5, ấp 6.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có hai thôn 2 thôn Phú Sơn và An Mỹ; trong đó thôn Phú Sơn thuộc tổng Kiến Lợi, thôn An Mỹ thuộc tổng Kiến Phong, huyện Kiến

Đăng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn Phú Sơn thuộc tổng Phong Hòa, thôn An Mỹ thuộc tổng Lợi Trinh, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, làng Phú Sơn và làng An Mỹ thuộc tổng Lợi Thuận, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1904, hai làng này thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; năm 1913, làng Phú Sơn và làng An Mỹ thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho; năm 1925, hợp nhất hai làng Phú Sơn và An Mỹ thành làng Phú An; năm 1928, làng Phú An thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Phú An thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Phú An thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1971, gọi là xã Phú An thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1971-1975, xã Phú An thuộc huyện Cai Lậy Nam, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ 1954-1961, xã Phú An thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường; từ năm 1961-1964, xã này thuộc tổng Lợi Thuận, quận Sùng Hiếu, tỉnh Định Tường; từ năm 1964-1975, xã Phú An thuộc quận Cái Bè, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Phú An thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2013, huyện Cai Lậy được chia tách thành thị xã Cai Lậy và huyện Cai Lậy. Xã Phú An thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2018, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới.

Dân số: 15.859 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 51 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Xã Phú An là xã thuần nông, trong đó việc trồng cây ăn trái là chủ lực với các loại cây có giá trị kinh tế cao, như sầu riêng, bưởi da xanh, mít Thái,… Ngoài ra, người dân còn trồng rau màu, chăn nuôi gia súc, gia cầm và buôn

Giáo dục:

Xã 03 trường học: Trường mẫu giáo Phú An, Trường Tiểu học Phú An (đạt chuẩn Quốc gia), Trường trung học cơ sở Nguyễn Tuấn Việt (đạt chuẩn Quốc gia).

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 06 biên chế: 01 bác sĩ, 04 y sĩ, 01 y tá. Tất cả các ấp đều có có tổ y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 91% (2020).

Giao thông:

Ngang qua xã có đoạn Quốc lộ 1 với chiều dài 5,57 km, đoạn Đường tỉnh 875 chiều dài 2,19 km, đoạn Đường huyện 63 chiều dài 2,43 km, đoạn Đường huyện 67 chiều dài 2,77km.

Đường trục xã, liên xã: có 12 tuyến đường với chiều dài 26,93 km, đã được nhựa hóa.

Đường trục ấp, liên ấp, ấp: có 39 tuyến, dài 32 km, đã được trải bê tông.

Đường ngõ xóm: có 27 tuyến với tổng chiều dài 9,95 km vừa được trải bê tông, vừa được trải cấp phối đá.

Xã có sông Phú An, dài 9,5 km và 13 rạch.

Hệ thống giao thông thủy bộ của xã giúp cho việc đi lại, vận chuyển hàng hóa, nông sản của nhân dân và giao thương buôn bán được thuận lợi.

Văn hóa:

Nhà văn hóa xã diện tích xây dựng là 326,25m^2, đảm bảo 250 chỗ ngồi với 03 phòng chức năng gồm phòng hành chánh có diện tích 30m^2, phòng truyền thanh có diện tích 30m^2, phòng sinh hoạt các câu lạc bộ có diện tích 50m^2.

Có 2 nhà văn hóa liên ấp (nhà văn hóa ấp 3, ấp 4 đặt tại ấp 4), nhà văn hóa liếp ấp (ấp 1, ấp 6 đặt tại ấp 6); có 6/6 ấp đạt ấp được công nhận là ấp văn hóa.

Du lịch:

Có các cơ sơ sở phục vụ du lịch như:

Trạm dừng chân Le Longannier tọa lạc tại ấp 5 xã Phú An.

03 khách sạn: khách sạn Hoa Tuấn tọa lạc ấp 4, khách sạn Ban Mai Mê Kông tọa lạc ấp 4, khách sạn Minh Huy tọa lạc ấp 5.

12 nhà nghỉ: A Tiên tọa lạc ấp 4, Mỹ Đông 2 tọa lạc ấp 6, Mỹ Ảnh tọa lạc ấp 6, Đông Nam 2 tọa lạc ấp 4, Phú An tọa lạc ấp 5, Ánh Hồng tọa lạc ấp 4, Phước Hòa tọa lạc ấp 5, Xuân Hoa tọa lạc ấp 4, Minh Hương tọa lạc ấp 4, Sơn Trà tọa lạc ấp 2, 777 tọa lạc ấp 6, A Tiên tọa lạc ấp 4.

Thể thao:

Xã có 01 sân vận động tại ấp 1 với diện tích 12.800 m^2; có 01 sân bóng đá mini tại ấp 5 với diện tích 800m^2, có 04 sân cầu lông, 02 sân bóng chuyền và 7 sân tập thể dục dưỡng sinh với tổng diện tích là 2.545m^2; có 01 hồ bơi cố định để dạy bơi cho trẻ tại ấp 2 xã Phú An với diện tích 200m^2.

Tổng số Liệt sĩ: 338 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 73 Bà mẹ.

13. Xã Phú Cường

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

富 Phú: Giàu có

強 Cường: Mạnh, khoẻ

富強社 Phú Cường Xã

Vị trí địa lý:

Xã Phú Cường nằm về phía tây bắc huyện Cai Lậy, phía đông giáp xã Mỹ Phước Tây, xã Tân Bình của thị xã Cai Lậy và xã Tân Hòa Tây của huyện Tân Phước, phía Tây giáp xã Thạnh Lộc, phía Nam giáp xã Phú Nhuận, phía Bắc giáp xã Tân Hòa, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

Diện tích tự nhiên: 3.260 ha.

Hành chính:

Xã có 07 ấp: ấp1, ấp2, ấp 3, ấp 4, ấp 5A, ấp 5B, ấp 6.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Mỹ Thạnh thuộc tổng Kiến Phong, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn này thuộc tổng Phong Hòa, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, làng Mỹ Thạnh thuộc tổng Lợi Thuận, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1904, làng này thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; năm 1911, làng Mỹ Phú Đông được thành lập thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; năm 1925, hợp nhất hai làng Mỹ Thạnh và Mỹ Phú Đông thành làng Thạnh Phú thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Thạnh Phú thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Thạnh Phú thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1971, gọi là xã Thạnh Phú thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1971-1975, xã Thạnh Phú thuộc huyện Cai Lậy Bắc, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ 1954-1961, xã Thạnh Phú thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường; từ năm 1961-1964, xã này thuộc tổng Lợi Thuận, quận Kiêm Ích, tỉnh Định Tường; từ năm 1964-1975, xã Thạnh Phú thuộc quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Thạnh Phú thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 1979, xã Thạnh Phú được chia tách thành hai xã Phú Cường và Thạnh Lộc. Năm 2013, huyện Cai Lậy được chia tách thành thị xã Cai Lậy và huyện Cai Lậy. Xã Phú Cường thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2021, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

Dân số: 12.362 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 50 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Kinh tế nông nghiệp là chủ yếu, phần lớn diện tích canh tác là trồng lúa, năng suất bình quân 19 tấn/ha/năm. Ngoài ra, người dân còn trồng cây ăn trái (chủ yếu là sầu riêng, mít, bưởi,…), rau màu (chủ yếu là dưa hấu, rau nhút,…), chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản. Trên địa bàn xã có nhiều nhà máy xay xát lớn và Trung tâm Nông sản Phú Cường, nằm trên Đường tỉnh 865 là đầu mối tiêu thụ lúa gạo trong tỉnh và khu vực.

Xã có một số hộ làm thương mại, dịch vụ và tiểu thủ công ngiệp.

Giáo dục:

Xã có 03 trường học gồm: Trường mầm non Phú Cường (đạt chuẩn Quốc gia), Trường tiểu học Phú Cường và Trường trung học cơ sở Phú Cường.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trên địa bàn xã có Trung tâm y tế huyện Cai Lậy (cơ sở Phú Cường).

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 04 y sĩ, 01, hộ sinh, 01 y tá. Tất cả các ấp đều có tổ y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 91% (2020).

Giao thông:

Qua xã có Đường tỉnh 865, Đường huyện 59B, Đường huyện 65.

Đường xã dài 8.920m đã được trải nhựa, có đoạn trải bê tông; đường ấp dài 2.340m, trải bê tông; đường ngõ xóm dài 13.270m, vừa trải bê tông, vừa trải đá xanh.

Xã có hệ thống kênh/kinh, rạch chằng chịt, quan trọng nhất là kênh/kinh Nguyễn Văn Tiếp và kênh/kinh Bang Dầy.

Văn hóa:

Xã có Nhà văn hóa xã đạt chuẩn quy định. Tất cả các ấp đều được công nhận Ấp văn hóa. Hàng tháng, tại Nhà văn hóa xã đều có sinh hoạt đờn ca tài tử,…

Du lịch: Chưa có điểm du lịch.

Thể thao:

Xã có các hoạt động bóng đá, bóng chuyền, bơi lội, thể dục dưỡng sinh.

Tổng số liệt sĩ: 242 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 43 Bà mẹ.

14. Xã Phú Nhuận

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

富 Phú: Giàu có

潤 Nhuận: Lợi nhuận, thấm ướt

富潤社 Phú Nhuận Xã

Vị trí địa lý:

Xã Phú Nhuận nằm phía Đông Bắc của huyện Cai Lậy; phía Đông giáp xã Bình Phú của huyện Cai Lậy, xã Tân Bình của thị xã Cai Lậy; phía Tây giáp xã Mỹ Thành Nam; phía Nam giáp xã Bình Phú; phía Bắc giáp xã Phú Cường và xã Thạnh Lộc.

Diện tích tự nhiên: 1.364 ha.

Hành chính:

Xã có 06 ấp: Phú Thuận, Phú Bình, Chà Là, Phú Lợi, Phú Hòa, Phú Tiểu.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Phú Nhuận thuộc tổng Kiến Lợi, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, ngoài thôn Phú Nhuận còn có thôn Phú Thuận Đông thuộc tổng Lợi Trinh, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; 1879, làng Phú Hưng được thành lập; năm 1900, ba làng Phú Nhuận, Phú Thuận Đông và Phú Hưng thuộc tổng Lợi Thuận, tỉnh Mỹ Tho; năm 1904, ba làng này thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; năm 1913, làng Phú Hưng được nhập vào Phú Nhuận; lúa này hai làng Phú Nhuận và Phú Thuận Đông thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho; năm 1925, làng Phú Nhuận và Phú Thuận Đông hợp nhất thành làng Phú Nhuận Đông thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho; năm 1928, làng Phú Nhuận Đông thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Phú Nhuận thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực

dân Pháp, gọi là làng Phú Nhuận Đông thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1971, gọi là xã Phú Nhuận thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1971-1975, xã Phú Nhuận thuộc huyện Cai Lậy Bắc, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ 1954-1961, xã Phú Nhuận Đông thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường; từ năm 1961-1964, xã này thuộc tổng Lợi Thuận, quận Kiêm Ích, tỉnh Định Tường; từ năm 1964-1975, xã Phú Nhuận Đông thuộc quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Phú Nhuận thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2013, huyện Cai Lậy được chia tách thành thị xã Cai Lậy và huyện Cai Lậy. Xã Phú Nhuận thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2020, xã được công nhận xã đạt chuẩn xã Nông thôn mới. Năm 2022, xã được công nhân đạt chuẩn xã Nông thôn mới nâng cao

Dân số: 9.089 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 50.471.000 đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Sản xuất nông nghiệp mà trong đó cây lúa vẫn giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế của xã. Bên cạnh đó, người dân còn trồng cây ăn trái với diện tích ngày càng tăng, chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản.

Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: có nhiều cơ sở sơ chế nông sản, may gia công.

Xã có chợ Ngã Năm và chợ Phú Nhuận với quy mô kinh doanh tương đối phát triển.

Giáo dục:

Tất cả các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn xã đều được công nhận đạt chuẩn Quốc gia.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã được công nhận đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 08 biên chế: 01 bác sĩ, 04 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 hộ sinh, 01 nhân viên dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các ấp đều có tổ y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 92% (2020).

Giao thông

Ngang qua xã có Quốc lộ 1, Đường huyện 65, Đường huyện 66.

Hệ thống giao thông nông thôn toàn xã gồm:

Đường liên xã: có 09 tuyến, tổng chiều dài 17,54 km, có 1,7km mặt đường được trải nhựa 03 m, đạt 9,7%.

Đường trục xã: có 02 tuyến, tổng chiều dài 4,6 km, được trải nhựa.

Đường trục ấp: có 03 tuyến, tổng chiều dài 7,24 km. Có 01 tuyến chiều dài 3,1km được trải bê tông, đạt 43%; số còn lại trải đá.

Đường ngõ, xóm: có 19 tuyến, tổng chiều dài 16,453km. Trong đó, có 03 tuyến được trải bê tông, với chiều dài là 5,779km, đạt 35,1%; số còn lại trải đá.

Xã có hệ thống kênh/kinh, rạch dày đặc, quan trọng nhất là kênh/kinh Bang Dầy, kênh/kinh Bồi Tường, rạch Đập Đìa Dứa,…

Văn hóa:

Xã có Nhà văn hóa xã đạt chuẩn quy định. Năm 2019, xã được công nhận đạt chuẩn xã Văn hóa. Tất cả các ấp đều được công nhận Ấp văn hóa.

Du lịch: Chưa có địa điểm du lịch.

Thể thao:

Các hoạt động luyện tập thể dục - thể thao (bóng chuyền, cầu lông, dưỡng sinh,…) được thực hiện tại sân Nhà văn hóa xã, sân các trường học, sân trụ sở các ấp.

Hàng năm, xã đều có tổ chức thi đấu giải bóng đá, đại hội thể dục thể thao, đồng thời tham gia đầy đủ các phong trào thể dục thể thao do huyện tổ chức.

Tổng số liệt sĩ: 255 liệt sĩ.

Tổng số bà mẹ Việt Nam anh hùng: 48 Bà mẹ.

15. Xã Tam Bình

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính

Địa danh Hán Việt:

三 Tam: Ba, số ba

平 Bình: Hoà bình, bình đẳng

三平社 Tam Bình Xã

Vị trí địa lý:

Xã Tam Bình nằm ở phía Đông Nam huyện Cai Lậy, phía Đông giáp hai xã Bàn Long và Phú Phong của huyện Châu Thành, phía Tây giáp xã Long Trung, phía Nam giáp sông Tiền và xã Ngũ Hiệp; phía Bắc giáp xã Long Tiên.

Diện tích tự nhiên: 2.081ha.

Hành chính:

Xã có 11 ấp: Đông Hòa, Tây Hòa, Bình Chánh Đông, Bình Chánh Tây, Bình Thuận, Bình Thanh, Bình Thạnh, Bình Đức, Bình Hòa A, Bình Hòa B, Bình Ninh.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có ba thôn Bình Chánh, Bình Chánh Đông, Bình Chánh Trung thuộc tổng Kiến Lợi, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, ba thôn này thuộc tổng Lợi Trường, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, ba làng Bình Chánh, Bình Chánh Đông, Bình Chánh Trung thuộc tổng Lợi Trường, tỉnh Mỹ Tho; năm 1904, ba làng này thuộc tổng Lợi Trường, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; 1932, ba làng Bình Chánh, Bình Chánh Đông, Bình Chánh Trung hợp nhất thành làng Tam Bình thuộc tổng Lợi Hòa, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Tam Bình thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Tam Bình thuộc tổng Lợi Hòa, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1971, gọi là xã Tam Bình thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1971-1975, xã Tam Bình thuộc huyện Cai Lậy Nam, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ 1954-1961, xã Tam Bình thuộc tổng Lợi Hòa, quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường; từ năm 1961-1964, xã này thuộc tổng Lợi Hòa, quận Kiêm Ích, tỉnh Định Tường; từ năm 1964-1975, xã Tam Bình thuộc quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Tam Bình thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2013, huyện Cai Lậy được chia tách thành thị xã Cai Lậy và huyện Cai Lậy. Xã Tam Bình thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2014, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới.

Dân số: 18.598 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 55 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Kinh tế của xã chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, nhất là trồng cây ăn trái với cây chủ lực là cây sầu riêng, sản lượng cây ăn trái bình quân hàng năm 55.000 tấn. Xã có 01 Hợp tác xã hoạt động trên lĩnh vực cung cấp nước sinh hoạt nông thôn và sản xuất mua bán trái cây, hàng năm đều có lãi. Năm 2018, Tam Bình là xã duy nhất của tỉnh Tiền Giang đón nhận bằng khen Thủ tướng Chính phủ về thành tích thực hiện Nghị quyết 26 của Trung ương về Tam nông: nông nghiệp – nông dân – nông thôn.

Đồng thời, người dân còn chăn nuôi gia súc, gia cầm theo hướng bán công nghiệp và hộ gia đình.

Năm 2020, trên địa bàn xã có 362 cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp và hộ kinh doanh cá thể, như may gia công quần áo, bao bì, sản xuất thực phẩm, gỗ,…. Trung tâm mua bán của xã là chợ Tam Bình.

Giáo dục:

Xã có 03 trường học: Trường Mầm non Tam Bình (đạt chuẩn Quốc gia), Trường tiểu học Tam Bình, Trường trung học cơ sở Tam Bình (đạt chuẩn Quốc gia).

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 10 nhân viên, trong đó có 01 bác sĩ, 04 y sĩ, 02 nữ hộ sinh, 01 dược sĩ, 01 điều dưỡng, 01 nhân viên dân số và kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các ấp đều có tổ y tế.

Năm 2020, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 90%.

Giao thông

Các tuyến đường chính chạy qua địa bàn xã là Đường tỉnh 868, đường tỉnh tỉnh 864. 100% tuyến đường chính của xã đã được nhựa hóa, 95% tuyến đường liên ấp, liên xóm được bê tông hóa.

Các tuyến đường thủy, trên địa bàn xã có 5 con rạch tự nhiên và 10 con kênh đào, trong đó quan trọng nhất là hai con rạch Cái Sơn và Mù U.

Văn hóa

Xã được công nhận xã Văn hóa; có 01 nhà văn hóa xã, đạt chuẩn quy định; 03 cụm nhà văn hóa liên ấp (ấp Đông Hòa - Tây Hòa; ấp Bình Thạnh - Bình Thanh; ấp Bình Hòa A - Bình Đức). Tất cả các ấp đều được công nhận Ấp văn hóa.

Năm 2020, có 100% hộ đăng ký "Gia đình văn hóa", trong đó có 96% hộ đạt danh hiệu "Gia đình văn hóa".

Du lịch: Chưa có địa điểm du lịch.

Thể thao:

Xã có 02 sân bóng đá mini, 11 câu lạc bộ dưỡng sinh, sân nhà văn hóa xã và nhà văn hóa liên ấp được sử dụng làm nơi tập luyện các môn thể dục - thể thao, như bóng chuyền, cầu lông, dưỡng sinh,…

Tổng số liệt sĩ: 309 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ VN anh hùng là: 45 Bà mẹ.

16. Xã Tân Phong

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

新 Tân: Mới mẻ

豐 Phong: Đầy đủ, thịnh, được mùa, đẹp

新豐社 Tân Phong Xã

Vị trí địa lý:

Tân Phong là 01 xã cù lao trên sông Tiền, nằm ở phía Nam huyện Cai Lậy; phía Tây giáp tỉnh Vĩnh Long; phía Đông giáp xã Ngũ Hiệp; phía Nam giáp huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre; phía Bắc giáp huyện Cái Bè.

Diện tích tự nhiên: 2.469,99 ha.

Hành chính:

Xã có 7 ấp: Tân Thiện; Tân Thái; Tân Luông A; Tân Luông B; Tân Bường A; Tân Bường B; Tân An.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Bình An thuộc tổng Vĩnh Trường, huyện Vĩnh Bình, phủ Định Viễn, trấn Vĩnh Thanh. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn Bình An được đổi tên thành Tân Phong, thuộc tổng Bình Hưng, huyện Vĩnh Bình, phủ Định Viễn, tỉnh Vĩnh Long.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, làng Tân Phong thuộc tổng Bình Hưng, tỉnh Vĩnh Long; năm 1908, làng này thuộc tổng Bình Hưng, quận Châu Thành, tỉnh Vĩnh Long.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Tân Phong thuộc huyện Chợ Lách, tỉnh Vĩnh Long; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Tân Phong thuộc tổng Bình Hưng, quận Chợ Lách, tỉnh Vĩnh Long..

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1967, gọi là xã Tân Phong, huyện Chợ Lách, tỉnh Vĩnh Long; từ năm 1967-1971, xã Tân Phong thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1971-1975, xã Tân Phong thuộc huyện Cai Lậy Nam, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ 1954-1975, xã Tân Phong thuộc quận Chợ Lách, tỉnh Vĩnh Long.

Sau năm 1975, xã Tân Phong thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2013, huyện Cai Lậy được chia tách thành thị xã Cai Lậy và huyện Cai Lậy. Xã

Tân Phong thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2019, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới.

Dân số: 13.875 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 50,206 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Người dân địa phương sinh sống chủ yếu bằng trồng trọt cây ăn trái có giá trị kinh tế cao, như sầu riêng, chôm chôm, mận An Phước, mít nghệ, nhãn,… Sản lượng trái cây các loại bình quân hàng năm là trên 20.000 tấn. Trên cù lao Tân Phong còn có nhiều hộ nuôi bè cá, tập trung nhiều nhất ở ven bờ sông phía đông nam của cù lao.

Xã có hợp tác xã nông nghiệp - thương mại - dịch vụ, hoạt động trên lĩnh vực cung ứng vật tư nông nghiệp, thu mua, đóng gói và bảo quản các sản phẩm từ cây ăn trái.

Đồng thời, du lịch sinh thái miệt vườn là thế mạnh của xã cù lao. Trung tâm mua bán là chợ Tân Phong với hoạt động thương mãi nhộn nhịp.

Giáo dục:

Xã có 03 trường: Trường mầm non Tân Phong (đạt chuẩn Quốc gia), Trường tiểu học Tân Phong (đạt chuẩn Quốc gia), Trường trung học cơ sở Tân Phong.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 10 biên chế: 02 bác sĩ, 04 y sĩ, 02 dược sĩ, 01 hộ sinh, 01 nhân viên dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả

Giao thông:

Năm 2020, tất cả các tuyến đường xã, đường ấp, đường ngõ xóm với tổng chiều dài 12,522 km đều được trải bê tông. Xã có hệ thống sông rạch dày đặc, thuận lợi cho giao thông thủy. Tuy nhiên, xã vẫn chưa có cầu bắc qua sông nên việc đi lại đến xã này đều bằng phà. Ở phía Tây Bắc xã là phà Tân Phong nhìn qua phía bên kia sông là bến tàu Cái Bè. Ở Phía Đông Nam của xã là phà Rạch Giông nhìn qua phía bên kia sông Tiền là tỉnh Vĩnh Long. Ngoài ra, xã còn một số bến phà nhỏ. Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang đang có kế hoạch xây dựng cầu bắc qua sông.

Văn hóa:

Năm 2018, xã được công nhận Xã văn hóa, có nhà văn hóa xã đạt chuẩn quy định. 7/7 ấp được công nhận Ấp văn hóa. Các câu lạc bộ đờn ca tài tử đều có ở cấp xã và các ấp.

Du lịch:

Năm 2020, trên địa bàn xã có 09 điểm kinh doanh dịch vụ du lịch, 03 đội đò chèo và 01 điểm xuồng chèo kayak.

Trên cù lao có khu vực bãi tắm thuộc ấp Tân Thiện nổi tiếng với hình thức du lịch *tắm cồn*. Ẩm thực địa phương được biết đến nổi bật là ốc gạo. Loại hình du lịch sinh thái miệt vườn, homestay (ở nhà dân) là thế mạnh về du lịch của xã.

Thể thao:

Năm 2020, xã có 05 câu lạc bộ thể dục thể thao gồm: 02 câu lạc bộ thể dục dưỡng sinh; 01 câu lạc bộ võ thuật cổ truyền; 01 câu lạc bộ bóng đá; 01 câu lạc bộ bóng chuyền.

Tổng số liệt sĩ: 116 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 10 Bà mẹ.

17. Xã Thạnh Lộc

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

盛 Thịnh (Thạnh): Thịnh vượng, tươi tốt, phồn vinh

祿 Lộc: Phúc lành, tốt lành

盛祿社 Thạnh Lộc Xã

Vị trí địa lý:

Xã Thạnh Lộc nằm ở phía Tây Nam huyện, phía Đông giáp xã Phú Cường, phía Tây giáp xã Mỹ Thành Bắc, phía Nam giáp xã Mỹ Thành Nam và xã Phú Nhuận, phía Bắc giáp xã Tân Hòa, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

Diện tích tự nhiên: 2.384,06 ha.

Hành chính:

Xã có 6 ấp: ấp 1, ấp 2, ấp 3, ấp 4, ấp 5 và ấp 6.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Mỹ Thạnh thuộc tổng Kiến Phong, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn này thuộc tổng Phong Hòa, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, làng Mỹ Thạnh thuộc tổng Lợi Thuận, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1904, làng này thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; năm 1911, làng Mỹ Phú Đông được thành lập thuộc tổng Lợi Thuận,

quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; năm 1925, hợp nhất hai làng Mỹ Thạnh và Mỹ Phú Đông thành làng Thạnh Phú thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Thạnh Phú thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Thạnh Phú thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1971, gọi là xã Thạnh Phú thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1971-1975, xã Thạnh Phú thuộc huyện Cai Lậy Bắc, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ 1954-1961, xã Thạnh Phú thuộc tổng Lợi Thuận, quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường; từ năm 1961-1964, xã này thuộc tổng Lợi Thuận, quận Kiêm Ích, tỉnh Định Tường; từ năm 1964-1975, xã Thạnh Phú thuộc quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Thạnh Phú thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 1979, xã Thạnh Phú được chia tách thành hai xã Thạnh Lộc và Phú Cường. Năm 2013, huyện Cai Lậy được chia tách thành thị xã Cai Lậy và huyện Cai Lậy. Xã Phú Cường thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2019, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới.

Dân số: 12.308 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 50 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Kinh tế của xã chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, trong đó cây lúa là cây trồng chủ lực của xã, mỗi năm sản xuất 03 vụ, năng suất đạt bình quân 7 tấn/ha/vụ. Ngoài ra, người dân còn trồng cây ăn trái (mít, sầu riêng, chanh,...), rau màu (dưa hấu, bắp,...), nuôi cá (nhất là nghề ương cá tra bột), nuôi chim yến, gia súc, gia cầm,... Xã có 01 hợp tác xã nông nghiệp hoạt động trên lĩnh vực cung ứng dịch vụ nông nghiệp và mua bán lúa gạo.

Xã có một số nhà máy xay xát và tàu, ghe tập trung trên kênh Nguyễn Văn Tiếp để vận chuyển lúa gạo. Trung tâm mua bán của xã là chợ Thạnh Lộc.

Giáo dục:

Xã có 03 trường học: Trường mầm non Thạnh Lộc, Trường tiểu học Thạnh Lộc, Trường trung học cơ sở Thạnh Lộc.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế xã, có 09 biên chế: 01 bác sĩ, 04 y sĩ, 02 dược sĩ, 01 hộ sinh, 01 nhân viên dân số - kế hoạch hóa gia đình Tất cả các ấp đều có tổ y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 98,16% (2020).

Giao thông:

Ngang qua xã có Đường tỉnh 865, Đường huyện 59B.

Toàn xã hiện có 14 tuyến đường giao thông nông thôn, tổng chiều dài: 42.627m Trong đó:

- Đường xã: Không có

- Đường ấp: Có 9 tuyến, tổng chiều dài 24.581m. Trong đó có 8 tuyến với chiều dài 23.781m đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT, đạt tỷ lệ 97%.

- Đường ngõ xóm: Có 5 tuyến, tổng chiều dài 18.046m, 100% được cứng hóa đảm bảo không lầy lội vào mùa mưa. Trong đó có 4 tuyến với chiều 12.086m đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT, đạt tỷ lệ 67%.

Về giao thông đường thủy, xã có nhiều kênh/kinh, rạch chảy ngang qua, quan trọng nhất là kênh/kinh Nguyễn Văn Tiếp.

Văn hóa:

Xã đạt danh hiệu Xã văn hoá năm 2017, có nhà văn hóa xã đạt chuẩn quy định; 6/6 ấp được công nhận ấp văn hóa.

Du lịch: Không có điểm du lịch

Thể thao:

Năm 2020, xã có 06 sân bóng chuyền, 04 sân cầu lông, 01 hồ bơi và 10 sân tập thể dục dưỡng sinh, với tổng diện tích 4.520m^2. Bên cạnh đó, xã có 01 sân bóng đá (11 người), với diện tích là 9.364,6m^2 phục vụ cho việc tổ chức các hoạt động thể thao ở địa phương và giao lưu với các xã lân cận.

Tổng số liệt sĩ: 385 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 65 Bà mẹ.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn quốc lộ, đường cao tốc, đường tỉnh:**

Quốc lộ 1, đoạn ngang qua tỉnh Tiền Giang

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng mang yếu tố Hán Việt (Quốc: 國: Nước; Lộ: 路: Đường) + Số hiệu (1).

Quốc lộ 1 trước đây, dưới thời nhà Nguyễn, trong nửa đầu thế kỷ 19, được gọi là đường Thiên lý; dưới thời thực dân Pháp (từ giữa thế kỷ 19 đến năm 1954), là Lộ Đông Dương; dưới thời chính quyền Sài Gòn (1954-1975) là Lộ 4.

Quốc lộ 1 là tuyến đường giao thông xuyên suốt Việt Nam, bắt đầu từ cửa khẩu Hữu Nghị trên biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc, nằm tại thị trấn Đồng Đăng thuộc huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, kết thúc tại thị trấn Năm Căn thuộc

huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau với tổng chiều dài 2.482 km. Đây là tuyến đường quan trọng hàng đầu Việt Nam.

Quốc lộ 1 đoạn ngang qua tỉnh Tiền Giang bắt đầu từ km 1954 tại cầu Tân Hương, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, xuyên qua huyện Châu Thành, thành phố Mỹ Tho, thị xã Cai Lậy, huyện Cai Lậy và huyện Cái Bè, kết thúc tại km 2029 cầu Mỹ Thuận, xã Hòa Hưng, huyện Cái Bè, giáp giới tỉnh Vĩnh Long, dài 75 km.

*** Đường cao tốc:**

Đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường cao tốc) + Địa danh Hán Việt (Trung Lương: Xin xem mục 1.2.1 - Mỹ: 美: Tốt, đẹp; Thuận: 順: Thuận theo, hoà thuận, suôn sẻ).

Đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận là một đoạn tuyến của tuyến đường cao tốc Bắc - Nam đi qua địa phận tỉnh Tiền Giang; có điểm đầu tiếp nối đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương tại nút giao thông Thân Cửu Nghĩa (huyện Châu Thành), đi song song với Quốc lộ 1 và kết thúc tại nút giao thông An Thái Trung (huyện Cái Bè) giao với Quốc lộ 30.

Tuyến đường cao tốc này có chiều dài 51 km, đi qua 5 huyện, thị của tỉnh Tiền Giang là huyện Châu Thành, huyện Tân Phước, thị xã Cai Lậy, huyện Cai Lậy và huyện Cái Bè; vận tốc thiết kế 80 km/giờ với 4 làn xe, mà không có làn dừng khẩn cấp mà chỉ có một số điểm dừng khẩn cấp. Đây là tuyến cao tốc trọng điểm giảm tải cho Quốc lộ 1. Đoạn cao tốc này là một trong những tuyến đường huyết mạch, kết nối vùng Tây Nam Bộ với Thành phố Hồ Chí Minh và khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam.

Tuyến đường được xây dựng theo hình thức đối tác công tư (hợp đồng BOT), tổng mức đầu tư cho giai đoạn 1 là 12.668 tỷ đồng; được khởi công vào năm 2009, dự kiến hoàn thành năm 2013. Tuy nhiên, do thiếu vốn nên tuyến đường chỉ mới đạt 10% khối lượng. Cho khi đến năm 2019, dự án mới được cấp vốn và tái khởi công.

Tuyến đường được thông xe tạm thời vào ngày 25/01/2022 để phục vụ người dân Đồng bằng sông Cửu Long lưu thông vào dịp Tết Nguyên Đán. Ngày 27/4/2022, đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận chính thức được đưa vào hoạt động.

*** Đường tỉnh:**

1. **Đường tỉnh 868**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (868).

Đường tỉnh 868, có số hiệu đường bộ ĐT.868; điểm đầu: Cầu Hai Hạt (giáp ranh tỉnh Long An - xã Phú Cường, huyện Cai Lậy); điểm cuối: Bến đò Thủy Tây (giáp sông Tiền - xã Ngũ Hiệp, huyện Cai Lậy); chiều dài: 34,466 km.

2. Đường tỉnh 874B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (874B).

Đường tỉnh 874B, có số hiệu đường bộ ĐT.874B; điểm đầu: Quốc lộ 1 (Ngã ba Nhị Quý, thị xã Cai Lậy); điểm cuối: Cầu Mỹ Long (xã Mỹ Long, huyện Cai Lậy); chiều dài: 5,040 km.

3. Đường tỉnh 875

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (875).

Đường tỉnh 875, có số hiệu đường bộ ĐT.875; điểm đầu: Quốc lộ 1 (Ngã ba Văn Cang, xã Phú An, huyện Cai Lậy); điểm cuối: Bến sông Tiền (thị trấn Cái Bè, huyện Cái Bè); chiều dài: 4,690 km.

4. Đường tỉnh 875B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (875B).

Đường tỉnh 875B, có số hiệu đường bộ ĐT.875B; điểm đầu: Quốc lộ 1 (xã Bình Phú, huyện Cai Lậy); điểm cuối: Bến đò Hiệp Đức (nhánh sông cù lao Tân Phong, xã Hiệp Đức, huyện Cai Lậy); chiều dài: 10,887 km.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn đường huyện, đường phố ở huyện Cai Lậy:**

Khái niệm đường bộ, tên đường bộ và số hiệu đường bộ:

- Theo Điều 3, Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định: Đường bộ gồm đường, cầu đường bộ, hầm đường bộ, bến phà đường bộ.

- Theo Điều 40, Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định cách đặt tên và số hiệu đường bộ như sau: Tên đường được đặt tên danh nhân, người có công hoặc tên di tích, sự kiện lịch sử, văn hóa, tên địa danh hoặc tên theo tập quán; số hiệu đường được đặt theo số tự nhiên kèm theo chữ cái nếu cần thiết; trường hợp đường đô thị trùng với quốc lộ thì sử dụng cả tên đường đô thị và tên, số hiệu quốc lộ.

Đường huyện: 20 địa danh.

Điều 39, Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định:

Đường huyện là đường nối trung tâm hành chính của huyện với trung tâm hành chính của xã, cụm xã hoặc trung tâm hành chính của huyện lân cận; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

1. Đường huyện 35

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (35).

Đường huyện 35 có số hiệu đường bộ ĐH.35; điểm đầu: Đường tỉnh 868 (xã Long Tiên); điểm cuối: Giáp ranh huyện Châu Thành (xã Mỹ Long); chiều dài: 9,529 km.

2. Đường huyện 54

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (54).

Đường huyện 54 có số hiệu đường bộ ĐH.54; điểm đầu: Kênh Tám Thêm, ranh thị xã Cai Lậy (xã Mỹ Long); điểm cuối: Kênh Ban Lợi, cầu Vàm Kênh Ông Mười (xã Mỹ Long); chiều dài: 2,000 km.

3. Đường huyện 54B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (54) + Chữ cái La tinh (B).

Đường huyện 54B có số hiệu đường bộ ĐH.54B; điểm đầu: Giáp ranh thị xã Cai Lậy (xã Cẩm Sơn); điểm cuối: Sông Năm Thôn (ấp Hội Tín, xã Hội Xuân); chiều dài: 11,500 km.

4. Đường huyện 54C

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (54) + Chữ cái La tinh (C).

Đường huyện 54C có số hiệu đường bộ ĐH.54C; điểm đầu: Giáp ranh thị xã Cai Lậy (xã Cẩm Sơn); điểm cuối: Sông Năm Thôn (ấp Hội Nhơn, xã Hội Xuân); chiều dài: 11,708 km.

5. Đường huyện 57B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (57) + Chữ cái La tinh (B).

Đường huyện 57B có số hiệu đường bộ ĐH.57B; điểm đầu: Đường huyện 65 (xã Bình Phú); điểm cuối: Cầu Kênh Tổng, ranh thị xã Cai Lậy (xã Bình Phú); chiều dài: 2,765 km.

6. Đường huyện 59B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (59) + Chữ cái La tinh (B).

Đường huyện 59B có số hiệu đường bộ ĐH.59B; điểm đầu: Cầu Kênh 9, ranh huyện Cái Bè (xã Mỹ Thành Bắc); điểm cuối: Cầu Kênh Năm, ranh thị xã Cai Lậy (xã Phú Cường); chiều dài: 13,190 km.

7. Đường huyện 60

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (60).

Đường huyện 60 có số hiệu đường bộ ĐH.60; điểm đầu: Cầu Văn U, ranh thị xã Cai Lậy (xã Cẩm Sơn); điểm cuối: Đường tỉnh 875B - đường Giồng Tre (xã Cẩm Sơn); chiều dài: 3,086 km.

8. Đường huyện 62

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (62).

Đường huyện 62 có số hiệu đường bộ ĐH.62; điểm đầu: Đường tỉnh 868 (xã Long Tiên - Long Trung); điểm cuối: Chợ Ba Dừa (xã Long Trung); chiều dài: 0,930 km.

9. Đường huyện 62B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (62) + Chữ cái La tinh (B).

Đường huyện 62B có số hiệu đường bộ ĐH.62B; điểm đầu: Đường huyện 35 (xã Long Tiên); điểm cuối: Đường tỉnh 864 (xã Tam Bình); chiều dài: 5,070 km.

10. Đường huyện 63

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (63).

Đường huyện 63 có số hiệu đường bộ ĐH.63; điểm đầu: Cầu Cả Nứa, ranh thị xã Cai Lậy (xã Bình Phú); điểm cuối: Quốc lộ 1A (xí nghiệp chăn nuôi 30/4, xã Phú An); chiều dài: 5,074 km.

11. Đường huyện 64

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (64).

Đường huyện 64 có số hiệu đường bộ ĐH.64; điểm đầu: Bến phà BOT Hiệp Đức (bờ xã Tân Phong); điểm cuối: Bến phà Tân Phong - Ngũ Hiệp (nhánh sông Cồn Tròn, xã Tân Phong); chiều dài: 7,885 km.

12. Đường huyện 65

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (65).

Đường huyện 65 có số hiệu đường bộ ĐH.65; điểm đầu: Quốc lộ 1A (xã Bình Phú); điểm cuối: Đường huyện 59B - đường Nam Nguyễn Văn Tiếp (xã Phú Cường); chiều dài: 8,421 km.

13. Đường huyện 65B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (65) + Chữ cái La tinh (B).

Đường huyện 65B có số hiệu đường bộ ĐH.65B; điểm đầu: Đường huyện 66 (xã Phú Nhuận); điểm cuối: Đường Nam Hai Hạt (xã Thạnh Lộc); chiều dài: 10,200 km.

14. Đường huyện 66

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (66).

Đường huyện 66 có số hiệu đường bộ ĐH.66; điểm đầu: Quốc lộ 1A - cầu Phú Nhuận (xã Phú Nhuận); điểm cuối: Đường huyện 59B - đường Nam kênh Nguyễn Văn Tiếp (xã Mỹ Thành Bắc); chiều dài: 12,060 km.

15. Đường huyện 67

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (67).

Đường huyện 67 có số hiệu đường bộ ĐH.67; điểm đầu: Đường tỉnh 875 (xã Phú An); điểm cuối: Đường huyện 62 - Chợ Ba Dừa (xã Long Trung); chiều dài: 10,740 km.

16. Đường huyện 68

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (68).

Đường huyện 68 có số hiệu đường bộ ĐH.68; điểm đầu: Đường huyện 66 (Ngã 5 xã Mỹ Thành Nam); điểm cuối: Kênh 9, ranh huyện Cái Bè (xã Mỹ Thành Bắc); chiều dài: 7,729 km.

17. Đường huyện 68B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (68B) + Chữ cái La tinh (B).

Đường huyện 68B có số hiệu đường bộ ĐH.68B; điểm đầu: Đường huyện 69 (xã Mỹ Thành Bắc); điểm cuối: Giáp ranh thị xã Cai Lậy (xã Phú Cường); chiều dài: 9,600 km.

18. Đường huyện 69

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (69).

Đường huyện 69 có số hiệu đường bộ ĐH.69; điểm đầu: Đường huyện 68 - Đường Cả Gáo (xã Mỹ Thành Bắc); điểm cuối: Đường huyện 59B - đường Nam kênh Nguyễn Văn Tiếp (xã Mỹ Thành Bắc); chiều dài: 3,570 km.

19. Đường huyện 70

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (70).

Đường huyện 70 có số hiệu đường bộ ĐH.70; điểm đầu Đầu ấp Hòa An (xã Ngũ Hiệp; điểm cuối: Cuối ấp Long Quới (xã Ngũ Hiệp); chiều dài: 16,200 km.

20. Đường huyện 70B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (70B) + Chữ cái La tinh (B).

Đường huyện 70B có số hiệu đường bộ ĐH.70B; điểm đầu: Đầu ấp Hòa An (xã Ngũ Hiệp); điểm cuối: Cuối ấp Long Quới (xã Ngũ Hiệp); chiều dài: 13,400 km.

Đường phố: Huyện Cai Lậy chưa có đường phố.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên cầu ở huyện Cai Lậy:**

Khái niệm Cầu

Cầu là một công trình giao thông được bắc qua các chướng ngại nước, như rãnh nước, dòng suối, dòng sông, dòng kênh/kinh, dòng rạch, hồ, biển hay các chướng ngại khác, như đường bộ, đường sắt,… đảm bảo cho giao thông được liên tục.

Trên Đường tỉnh 864:

1. Cầu Cống Cây Sung

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Cống) + Thực vật (Cây Sung).

- Vị trí: Km 31+297, xã Hiệp Đức, huyện Cai Lậy, trên Đường tỉnh 864.

- Cầu bắc qua: Rạch Cây Sung

- Quy mô: 1 nhịp dài 4m; mặt BTCT rộng 10m; khổ cầu 11m; dầm BTCT; Htt: +2.50; cầu giao thông kết hợp cống thủy lợi.

- Tải trọng thiết kế (Tấn): HL93

- Tải trọng cho phép (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2019

- Đèn chiếu sáng cầu: Không

2. Cầu Cống Cái Lá

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Sông cái, gọi tắt là Cái) + Thực vật (Lá).

- Vị trí: Km 31+475, xã Hiệp Đức, huyện Cai Lậy, trên Đường tỉnh 864.

- Cầu bắc qua: Rạch Cái Lá

- Quy mô: 2 nhịp dài 17,5m; Mặt BTCT rộng 10m; khổ cầu 11m; dầm BTCT; Htt: +2.50; cầu giao thông kết hợp cống thủy lợi.

- Tải trọng thiết kế (Tấn): HL93

- Tải trọng cho phép (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2019

- Đèn chiếu sáng cầu: Có

3. Cầu Cống Kháng Chiến

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Cống) + Động từ (Kháng chiến: Chiến đấu chống quân xâm lược để bảo vệ nền độc lập, tự do của đất nước).

- Vị trí: Km 30+310, xã Hiệp Đức, huyện Cai Lậy, trên Đường tỉnh 864.

- Cầu bắc qua: Rạch Kháng chiến.

- Quy mô: 1 nhịp dài 10m; mặt BTCT rộng 10m; khổ cầu 11m; dầm BTCT; Htt: +2.50; cầu giao thông kết hợp cống thủy lợi.

- Tải trọng thiết kế (Tấn): HL93

- Tải trọng cho phép (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2019

- Đèn chiếu sáng cầu: Có

4. Cầu Cống Sắt

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Cống) Chất liệu (Sắt).

- Vị trí: Km 30+565, xã Hiệp Đức, huyện Cai Lậy, trên Đường tỉnh 864.

- Cầu bắc qua: Rạch Cóc.

- Quy mô: 1 nhịp dài 4m; Mặt BTCT rộng 10m; khổ cầu 11m; dầm BTCT; Htt: +2.50; cầu giao thông kết hợp cống thủy lợi.

- Tải trọng thiết kế (Tấn): HL93

- Tải trọng cho phép (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2019.

- Đèn chiếu sáng cầu: Không

5. Cầu Ba Rài

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh gốc Khmer (Baray - Ba Rài: có nghĩa là "hồ chứa nước lênh láng").

- Vị trí: Km28+600, xã Hội Xuân, huyện Cai Lậy, trên Đường tỉnh 864.

- Cầu bắc qua: Rạch Ba Rài

- Quy mô: 5 nhịp dài 166m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; dầm BTTA; Htt: +6.00

- Tải trọng thiết kế (Tấn): HL93

- Tải trọng cho phép (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2013

- Đèn chiếu sáng cầu: Không

6. Cầu Cống Rạch Sơn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Thực vật (Cây sơn).

- Vị trí: Km 29+793, xã Hội Xuân, huyện Cai Lậy, trên Đường tỉnh 864.

- Cầu bắc qua: Rạch Sơn

- Quy mô: 1 nhịp dài 4m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; dầm bản đổ liền khối BTCT; cầu giao thông kết hợp cống thủy lợi.

- Tải trọng thiết kế (Tấn): HL93

- Tải trọng cho phép (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2019

- Đèn chiếu sáng cầu: Không

7. Cầu Trà Tân

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Địa danh Việt gốc Khmer (Tà đọc trại thành Trà: có nghĩa là người đàn ông đứng tuổi, có uy tín, được kính trọng) + Tên người (Tân).

- Vị trí: Km 25+590, xã Long Trung, huyện Cai Lậy, trên Đường tỉnh 864.

- Cầu bắc qua: Rạch Trà Tân

- Quy mô: 3 nhịp dài 82,28m; mặt BTCT rộng 5,5m; khổ cầu 6m; 3 dầm BTTA I.400; Htt: +4.50

- Tải trọng thiết kế (Tấn): H13

- Tải trọng cho phép (Tấn): 13

- Năm đưa vào sử dụng: 2003

- Đèn chiếu sáng cầu: Có

8. Cầu Cống Ông Tùng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Cống) + Giới tính và tên người (Ông Tùng).

- Vị trí: Km 27+458, xã Long Trung, huyện Cai Lậy, trên Đường tỉnh 864.

- Cầu bắc qua: Rạch Ông Tùng

- Quy mô: 3 nhịp dài 28,5m; mặt BTCT 7m; khổ cầu 10m; Dầm BTCT; Htt: +3.50; cầu giao thông kết hợp cống thủy lợi.

- Tải trọng thiết kế (Tấn): H30-HK80

- Tải trọng cho phép (Tấn): H30-HK80

- Năm đưa vào sử dụng: 2012

- Đèn chiếu sáng cầu: Có

9. Cầu Cái Sơn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) +

- Vị trí: Km 22+895, xã Tam Bình, huyện Cai Lậy, trên Đường tỉnh 864.

- Cầu bắc qua: Rạch Cái Sơn

- Quy mô: 3 nhịp dài 38,5m (3x12,5); Mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; dầm BTTA 11 dầm/ nhịp; Htt: +3.00

- Tải trọng thiết kế (Tấn): HL93

- Tải trọng cho phép (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2015

- Đèn chiếu sáng cầu: Có

10. Cầu Cây Còng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Thực vật (Cây còng).

- Vị trí: Km 16+994, xã Tam Bình, huyện Cai Lậy, trên Đường tỉnh 864.

- Cầu bắc qua: Rạch cây Còng.

- Quy mô: 3 nhịp dài 38,5m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; 11 dầm BTTA/ nhịp; Htt: +3.00

- Tải trọng thiết kế (Tấn): HL93

- Tải trọng cho phép (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2015

- Đèn chiếu sáng cầu: Có

11. Cầu Cống Chùa

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Cống) + Công trình xây dựng có tính chất tôn giáo (Chùa).

- Vị trí: Km 17+988, xã Tam Bình, huyện Cai Lậy, trên Đường tỉnh 864.

- Cầu bắc qua: Rạch Cống Chùa.

- Quy mô: 1 nhịp dài 6m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m;dầm bản đổ liền khối BTCT; cầu giao thông kết hợp cống thủy lợi.

- Tải trọng thiết kế (Tấn): HL93

- Tải trọng cho phép (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2019

- Đèn chiếu sáng cầu: Không

12. Cầu Hai Tân

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Thứ và tên người (Hai Tân).

- Vị trí: Km 18+874, xã Tam Bình, huyện Cai Lậy, trên Đường tỉnh 864.

- Cầu bắc qua: Rạch Hai Tân

- Quy mô: 3 nhịp dài 38,5m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; 11 dầm BTTA/ nhịp; Htt: +3.20

- Tải trọng thiết kế (Tấn): HL93

- Tải trọng cho phép (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2015

- Đèn chiếu sáng cầu: Có

13. Cầu Tam Bình

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Xã Tam Bình).

- Vị trí: Km 21+295, xã Tam Bình, huyện Cai Lậy, trên Đường tỉnh 864.

- Cầu bắc qua: Rạch Mù U.

- Quy mô: 3 nhịp dài 83,08m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; dầm BTTA 6 dầm/nhịp; Htt: +4.50

- Tải trọng thiết kế (Tấn): HL93

- Tải trọng cho phép (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2015

- Đèn chiếu sáng cầu: Có

Trên Đường tỉnh 865:

1. Cầu Kinh/Kênh 9

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Chữ số (9).

- Vị trí: Km 40+683, xã Mỹ Thành Bắc, huyện Cai Lậy, trên Đường tỉnh 865.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh 9

- Quy mô: 3 nhịp dài 74m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; 6 dầm BTDƯL chữ I; Htt: +5.30

- Tải trọng thiết kế (Tấn): HL93

- Tải trọng cho phép (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2013

- Đèn chiếu sáng cầu: Không.

2. Cầu Kinh/Kênh 10

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Chữ số (10).

- Vị trí: Km 38+920, xã Mỹ Thành Bắc, huyện Cai Lậy, trên Đường tỉnh 865.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh 10

- Quy mô: 3 nhịp dài 61m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; dầm BTTA nhịp giữa 6 dầm/nhịp; nhịp biên 11 dầm/nhịp; Htt: +4.80

- Tải trọng thiết kế (Tấn): HL93

- Tải trọng cho phép (Tấn): 2015

- Đèn chiếu sáng cầu: Không.

3. Cầu Đá

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Vật liệu (Đá).

- Vị trí: Km 31+329, xã Phú Cường, huyện Cai Lậy, trên Đường tỉnh 865.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Bà Bèo

- Quy mô: 3 nhịp dài 45m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; dầm BTTA 11 dầm/nhịp; Htt: +3.00

- Tải trọng thiết kế (Tấn): HL93

- Tải trọng cho phép (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 8/2015

- Đèn chiếu sáng cầu: Không.

4. Cầu Cống Chùa

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Cống) + Công trình xây dựng Phật giáo (Chùa).

- Vị trí: Km 33+945, xã Phú Cường, huyện Cai Lậy, trên Đường tỉnh 865.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Cống Chùa

- Quy mô: 3 nhịp dài 38m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; dầm BTDUL 11 dầm/nhịp; Htt: +3.50

- Tải trọng thiết kế (Tấn): HL93

- Tải trọng cho phép (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2015

- Đèn chiếu sáng cầu: Không.

5. Cầu Cống Kho

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Cống) + Công trình xây dựng (Kho)

- Vị trí: Km 35+142, xã Phú Cường, huyện Cai Lậy, trên Đường tỉnh 865.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Kho

- Quy mô: 3 nhịp dài 28m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; 11 dầm BTTA/nhịp giữa; Htt: +3.50

- Tải trọng thiết kế (Tấn): HL93

- Tải trọng cho phép (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 7/2014

- Đèn chiếu sáng cầu: Không.

6. Cầu 26/3

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + (Sự kiện chính trị (Ngày thành lập Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh: 26/3).

- Vị trí: Km32+750, xã Phú Cường, huyện Cai Lậy, trên Đường tỉnh 865.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh 26/3

- Quy mô: 3 nhịp dài 28m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; nhịp biên 11 dầm BTCT đỗ tại chỗ; nhịp giữa 11dầm BTTA; Htt: +3.00

- Tải trọng thiết kế (Tấn): HL93

- Tải trọng cho phép (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2015

- Đèn chiếu sáng cầu: Không.

7. Cầu Bà Trần

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Giới tính và tên người (Bà Trần).

- Vị trí: Km 38+229, xã Thạnh Lộc, huyện Cai Lậy, trên Đường tỉnh 865.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Bà Trần

- Quy mô: 3 nhịp dài 38m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; 11 dầm BTDUL/nhịp; Htt: +3.50

- Tải trọng thiết kế (Tấn): HL93

- Tải trọng cho phép (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2014

- Đèn chiếu sáng cầu: Không.

8. Cầu Tám Dư

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Thứ và tên người (Tám Dư).

- Vị trí: Km 37+524, xã Thạnh Lộc, huyện Cai Lậy, trên Đường tỉnh 865.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Tám Dư

- Quy mô: 3 nhịp dài 38m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; 11 dầm BTDUL/nhịp; Htt: +3.50

- Tải trọng thiết kế (Tấn): HL93

- Tải trọng cho phép (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2014

- Đèn chiếu sáng cầu: Không.

9. Cầu Thầy Cai

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Chức vụ ở làng xã thời xưa (Thầy Cai).

- Vị trí: Km 36+616, xã Thạnh Lộc, huyện Cai Lậy, trên Đường tỉnh 865.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Thầy Cai

- Quy mô: 3 nhịp dài 44m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; 11 dầm BTTA/nhịp; Htt: +3.50

- Tải trọng thiết kế (Tấn): HL93

- Tải trọng cho phép (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2014

- Đèn chiếu sáng cầu: Không.

Trên Đường tỉnh 874B:

1. Cầu Cống Bọng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Cống) + Tính từ (Bọng: Rỗng bên trong).

- Vị trí: Km 2+421, xã Nhị Quí, thị xã Cai Lậy, trên Đường tỉnh 874B

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Ngang

- Quy mô: 1 nhịp dài 13m; mặt BTCT rộng 6,5m; khổ cầu 7,5m; dầm BTDƯL; Htt: +2.56

- Tải trọng thiết kế (Tấn): 0,5 x HL93

- Tải trọng cho phép (Tấn): 16

- Năm đưa vào sử dụng: 2011

- Đèn chiếu sáng cầu: Có

2. Cầu Long Điền

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính xưa (Thôn Long Điền)

- Vị trí: Km 3+227, xã Mỹ Long, huyện Cai Lậy, trên Đường tỉnh 874B

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Long Điền

- Quy mô: 3 nhịp dài 56m; mặt BTCT rộng 6,5m; khổ cầu 7,5m; dầm BTDƯL; Htt: +3.50

- Tải trọng thiết kế (Tấn): 0,5 x HL93

- Tải trọng cho phép (Tấn): 16

- Năm đưa vào sử dụng: 2011

- Đèn chiếu sáng cầu: Có

Trên Đường tỉnh 875B:

1. Cầu Bình Trị

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Ấp Bình Trị).

- Vị trí: Km 1+979, thị trấn Bình Phú, huyện Cai Lậy, trên Đường tỉnh 875B

- Cầu bắc qua: Rạch Bình Trị

- Quy mô: 3 nhịp dài 44m; mặt BTCT rộng 6,5m; khổ cầu 7m; dầm BTDƯL; Htt: + 3.50

- Tải trọng thiết kế (Tấn): H13

- Tải trọng cho phép (Tấn): 13

- Năm đưa vào sử dụng: 2013

- Đèn chiếu sáng cầu: Không

2. Cầu Kinh/Kênh Mới

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Tính từ (Mới).

- Vị trí: Km 0+255, thị trấn Bình Phú, huyện Cai Lậy, trên Đường tỉnh 875B

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Mới

- Quy mô: 3 nhịp dài 57,17m (3x18,6); mặt BTCT rộng 6,5m; khổ cầu 7m; dầm BTTA; Htt: +3.00

- Tải trọng thiết kế (Tấn): H13

- Tải trọng cho phép (Tấn): 13

- Năm đưa vào sử dụng: 2009

- Đèn chiếu sáng cầu: Có

3. Cầu Bà Chóng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Giới tính và tên người (Bà Chóng).

- Vị trí: Km 7+138, xã Hiệp Đức, huyện Cai Lậy, trên Đường tỉnh 875B

- Cầu bắc qua: Rạch Bà Chóng

- Quy mô: 03 nhịp dài 24m; mặt BTCT rộng 4m; khổ cầu 4,5m; dầm thép liên hợp; Htt: + 3.00

- Tải trọng thiết kế (Tấn): H8

- Tải trọng cho phép (Tấn): 8

- Năm đưa vào sử dụng: 1993

- Đèn chiếu sáng cầu: Có

4. Cầu Cây Kho

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Vật liệu (Cây) + Công trình xây dựng (Kho).

- Vị trí: Km 8+524, xã Hiệp Đức, huyện Cai Lậy, trên Đường tỉnh 875B

- Cầu bắc qua: Rạch Cây Kho

- Quy mô: 03 nhịp dài 24m; mặt BTCT rộng 4m; khổ cầu 4,5m; dầm thép liên hợp; Htt: + 3.00

- Tải trọng thiết kế (Tấn): H8

- Tải trọng cho phép (Tấn): 8

- Năm đưa vào sử dụng: 1994

- Đèn chiếu sáng cầu: Có

5. Cầu Ông Quý

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Giới tính và tên người (Ông Quý).

- Vị trí: Km 6+142, xã Hiệp Đức, huyện Cai Lậy, trên Đường tỉnh 875B

- Cầu bắc qua: Rạch Ông Quý

- Quy mô: 3 nhịp dài 38,3m (2x6,5+18,6); mặt BTCT rộng 6,5m; khổ cầu 7m; dầm BTDƯL; Htt: + 3.00

- Tải trọng thiết kế (Tấn): H13

- Tải trọng cho phép (Tấn): 13

- Năm đưa vào sử dụng: 2013

- Đèn chiếu sáng cầu: Không

6. Cầu Tham Rôn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh gốc Khmer chỉ thực vật (Tham Rôn: gọi trại thành trôm - cây trôm).

- Vị trí: Km 3+490, xã Cẩm Sơn, huyện Cai Lậy, trên Đường tỉnh 875B

- Cầu bắc qua: rạch Tham Rôn

- Quy mô: 3 nhịp dài 44m; mặt BTCT rộng 6,5m; khổ cầu 7m; dầm BTDƯL; Htt: + 3.50

- Tải trọng thiết kế (Tấn): H13

- Tải trọng cho phép (Tấn): 13

- Năm đưa vào sử dụng: 2013

- Đèn chiếu sáng cầu: Không.

Trên Đường cao tốc Trung Lương – Mỹ Thuận:

1. Cầu Bà Tồn 1

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Giới tính và tên người (Bà Tồn + Chữ số (1).

- Vị trí: km79+582

- Số nhịp: 03

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 85,20 m

- Chiều rộng: 17,50 m

2. Cầu Cà Mau

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh gốc Khmer (Cà Mau: Tưk Khmau, có nghĩa là Nước đen[17]) .

- Vị trí: km70+447

- Số nhịp: 01

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 59,10 m

- Chiều rộng: 17,50 m

3. Cầu Bình Phú 1

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Thị trấn Bình Phú) + Chữ số (2).

[17] Lê Trung Hoa (2018), *Địa danh học Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, trang 158.

- Vị trí: km73+957

- Số nhịp: 09

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 312 m

- Chiều rộng: 17,50 m

4. Cầu Bình Phú 2

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Thị trấn Bình Phú) + Chữ số (2).

- Vị trí: km75+711

- Số nhịp: 03

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 87,20 m

- Chiều rộng: 17,50 m

5. Cầu Cai Lậy

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Thị xã/Huyện Cai Lậy).

- Vị trí: km71+897

- Số nhịp: 09

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 349,90 m

- Chiều rộng: 17,50 m

6. Cầu Đìa Dứa

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Đìa) + Thực vật (Cây dứa dại).

- Vị trí: km78+984

- Số nhịp: 01

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 56,23 m

- Chiều rộng: 17,50 m

7. Cầu Một Thước

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Kích thước (Một thước/mét).

- Vị trí: km80+268

- Số nhịp: 03

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 85,20 m

- Chiều rộng: 17,50 m

8. Cầu Phú Nhuận

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Xã Phú Nhuận).

- Vị trí: km76+759

- Số nhịp: 09

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 350 m

- Chiều rộng: 17,50 m

9. Cầu Vượt Đường Huyện 57C

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Động từ (Vượt) + Công trình xây dựng (Đường huyện 57C) .

- Vị trí: km70+754

- Số nhịp: 05

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 220,40m

- Chiều rộng: 7 m

10. Cầu Vượt Đường Huyện 65

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Động từ (Vượt) + Công trình xây dựng (Đường huyện 65).

- Vị trí: km75+410
- Số nhịp: 05
- Tải trọng (Tấn): HL93
- Năm đưa vào sử dụng: 2021
- Chiều dài: 208,20 m
- Chiều rộng: 7 m

11. Cầu Vượt Kinh/Kênh Chín Thắng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Động từ (Vượt) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Thứ và tên người (Chín Thắng).

- Vị trí: km78+075
- Số nhịp: 05
- Tải trọng (Tấn): HL93
- Năm đưa vào sử dụng: 2021
- Chiều dài: 208,40 m
- Chiều rộng: 7,50 m

12. Cầu Vượt Võ Việt Tân

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Động từ (Vượt) + Họ và tên danh nhân (Võ Việt Tân).

Tiểu sử danh nhân:

VÕ VIỆT TÂN

(1928 – 1969)

Võ Việt Tân tên khai sinh là Võ Văn Đợi, ông có bí danh khác là Võ Phát Huy, sinh năm 1928 tại làng Mỹ Phước Tây, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Mỹ Phước Tây, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân có truyền thống đấu tranh chống áp bức, bóc lột.

Tháng 8 - 1945, ông giác ngộ cách mạng, tham gia khởi nghĩa giành chính quyền ở địa phương. Năm 1947, ông gia nhập lực lượng du kích xã Mỹ Phước Tây. Do có nhiều thành tích trong chiến đấu, năm 1952, ông được đề bạt làm Xã đội trưởng. Đội du kích xã Mỹ Phước Tây, do ông chỉ huy, ngày càng phát triển vững mạnh, đánh bại nhiều cuộc hành quân càn quét của địch, tiêu biểu là trận tiêu diệt bọn lính Commandos quận Cai Lậy vào cuối năm 1952.

Sau Hiệp định Genève (7-1954), ông được phân công ở lại miền Nam hoạt động. Lúc bấy giờ, ông đảm trách nhiệm vụ Phó Bí thư rồi Bí thư chi bộ xã Mỹ Phước Tây (1958) kiêm Huyện ủy viên phụ trách các xã Mỹ Hạnh Đông và Mỹ Hạnh Trung.

Năm 1959, ông được chỉ định phụ trách thêm ba xã Phú Quý, Nhị Quý và Mỹ Long. Tuy bị địch theo dõi và truy bắt gắt gao; nhưng ông vẫn bám chặt địa bàn, lãnh đạo quần chúng nhân dân đấu tranh chống địch. Phong trào cách mạng ở các địa phương do ông phụ trách không những được giữ vững mà còn phát triển ngày càng mạnh mẽ.

Năm 1960, ông được bầu vào Ban Thường vụ Huyện ủy Cai Lậy, phụ trách công tác binh vận. Năm 1963, ông là Phó Bí thư Huyện ủy kiêm Chính trị viên Huyện đội. Với nhiệm vụ được giao, ông đã trực tiếp chỉ đạo cuộc nổi dậy và tiến công quân sự của quân dân Cai Lậy trong cao trào phá ấp chiến lược, giải phóng nông thôn do Tỉnh ủy Mỹ Tho và Khu ủy Khu 8 phát động trong tháng 7 – 1963.

Kết quả, qua mười ngày hoạt động sôi nổi, ta đã bức hàng 7 đồn, bức rút 8 đồn và hình thành vùng giải phóng rộng lớn kéo dài từ Long Tiên, Long Trung đến Cẩm Sơn, Hiệp Đức. Từ đó, "Vùng 20 tháng 7" được ra đời và ngày càng mở rộng. Đây là vùng giải phóng lớn nhất của tỉnh Mỹ Tho, nối liền các huyện Châu Thành, Cai Lậy và Cái Bè.

Năm 1965, ông là Tỉnh ủy viên Tỉnh ủy Mỹ Tho kiêm Bí thư Huyện ủy Cai Lậy. Với cương vị này, ông và tập thể Huyện ủy đã đề ra nhiều chủ trương đúng đắn và sáng tạo nhằm thúc đẩy phong trào cách mạng ở huyện nhà tiến lên, xứng đáng là một trong những địa phương dẫn đầu trong toàn tỉnh về thành tích chiến đấu và phục vụ chiến đấu, cũng như mở rộng vùng giải phóng.

Năm 1967, ông được điều về tỉnh, phụ trách công tác binh vận. Lúc này, địch tăng cường đánh phá phong trào cách mạng rất ác liệt. Tuy nhiên, với tinh thần nhiệt tình và ý chí tiến công cách mạng, ông đã vượt qua những khó khăn, thử thách, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được tổ chức giao phó. Đến cuối năm 1968, ông đã củng cố được nhiều cơ sở binh vận ở hai huyện Chợ Gạo, Châu Thành và thành phố Mỹ Tho.

Đầu năm 1969, ông được phân công trở về phụ trách huyện Cai Lậy. Ngày 21-02-1969, trên đường đi công tác, ông bị bọn lính biệt kích sát hại dã man tại Rạch Muồng, xã Phú Nhuận, huyện Cai Lậy. Bí danh Võ Việt Tân của ông được đặt tên trường trung học cơ sở, tên đường ở thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Vị trí: km70+182

- Số nhịp: 09

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 298,10 m

- Chiều rộng: 7 m

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn địa danh Cống, Đập, Đê**

Cống:

1. Cống Cái Sơn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Rạch Cái Sơn).

Cống ở đầu vàm rạch Cái Sơn thuộc xã Tam Bình, huyện Cai Lậy, được xây dựng năm 2023; là loại cống lộ thiên, số cửa 2, chiều rộng 20 m, sâu 5 m, có chức năng ngăn nước mặn từ sông Tiền không để xâm nhập vào và trữ ngọt bên trong, diện tích phục vụ khoảng 15.000 ha.

2. Cống Cây Còng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Thực vật (Cây Còng).

Cống ở đầu vàm rạch Cây Còng thuộc xã Tam Bình, huyện Cai Lậy, được xây dựng năm 2023; là loại cống lộ thiên, số cửa 2, chiều rộng 20 m, sâu 5 m, có chức năng ngăn nước mặn từ sông Tiền không để xâm nhập vào và trữ ngọt bên trong, diện tích phục vụ khoảng 20.000 ha.

3. Cống Hai Tân

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Thứ và tên người (Hai Tân).

Cống ở đầu vàm rạch Hai Tân thuộc xã Tam Bình, huyện Cai Lậy, được xây dựng năm 2023; là loại cống lộ thiên, số cửa 2, chiều rộng 20 m, sâu 5 m, có chức năng ngăn nước mặn từ sông Tiền không để xâm nhập vào và trữ ngọt bên trong, diện tích phục vụ khoảng 25.000 ha.

4. **Cống Mù U**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Thực vật (Cây Mù U).

Cống ở đầu vàm rạch Mù U thuộc xã Tam Bình, huyện Cai Lậy, được xây dựng năm 2023; là loại cống lộ thiên, số cửa 2, chiều rộng 20 m, sâu 5 m, có chức năng ngăn nước mặn từ sông Tiền không để xâm nhập vào và trữ ngọt bên trong, diện tích phục vụ khoảng 20.000 ha.

*** Cống lớn:**

1. Cống Cầu Kinh/Kênh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh).

Cống ở xã Phú An, huyện Cai Lậy, được xây dựng năm 2009; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 10 m, sâu 2,3 m, diện tích phục vụ 456 ha.

2. Cống Cầu Ván

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Công trình xây dựng (Cầu) + Vật liệu (Ván gỗ).

Cống ở xã Cẩm Sơn, huyện Cai Lậy, được xây dựng năm 2013; là loại cống hở, số cửa 3, chiều rộng 8 m, sâu 2,7 m, diện tích phục vụ 300 ha.

3. Cống Mười Nén

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Thứ và tên người (Mười Nén).

Cống ở xã Long Tiên, huyện Cai Lậy, được xây dựng năm 2013; là loại cống hở, số cửa 2 , chiều rộng 8 m, sâu 2,7 m, diện tích phục vụ 507 ha.

Cống vừa và nhỏ:

1. Cống Đường nước

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên hoặc nhân tạo (Đường nước).

Cống ở xã Phú Quý, huyện Cai Lậy, được xây dựng năm 2010; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 3,4 m, sâu 2,5 m, diện tích phục vụ 100 ha.

2. Cống Hai Xàng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Thứ và tên người (Hai Xàng).

Cống ở xã Hội Xuân, huyện Cai Lậy, được xây dựng năm 2013; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 5 m, sâu 2,5 m, diện tích phục vụ 175 ha.

3. Cống Miễu Chay

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Công trình xây dựng mang yếu tố tín ngưỡng (Miễu: là nơi thờ Thần, các bậc trung nghĩa có công với nước, với dân, nhỏ hơn đình, đền, còn gọi là miếu) + Ẩm thực (Chay: là các món ăn, sản phẩm có nguồn gốc từ thực vật).

Địa danh Miễu Chay có liên quan đến truyện tích dân gian có tên: Thần Thành hoàng ăn chay" như sau:

Đình (thời xưa gọi là miễu) Cẩm Sơn (huyện Cai Lậy) thờ Tống Thiên quốc sư đại vương tôn thần và Chân An Giác tính Tuệ Tĩnh Thiền Sư tôn thần. Tuệ Tĩnh

là một nhà sư người làng Cẩm Sơn (Nam Định) vào cuối nhà Trần. Còn Tống Thiên quốc sư có người nói rằng là Tống Huệ Sinh, quốc sư đời Lý Thái Tông. Bên cạnh còn thờ hàng chục vị thần theo tín ngưỡng dân gian đủ màu sắc Việt, Hoa, Chăm, Khmer,… mà đứng đầu là Cao Các Quang Huệ đại vương tôn thần tức Sơn Tinh trong thần thoại Việt Nam.

Các vị thần này được các vị tiền hiền, hậu hiền làng Cẩm Sơn đem danh hiệu từ miền Bắc, miền Trung vào thờ. Do hai vị thành hoàng chính là hai nhà sư nên làng này có tục cúng chay. Thuở khai hoang, cuộc sống dân làng giản dị, tục lệ này dễ dàng được chấp nhận. Nhưng đến đời vua Gia Long, Minh Mạng thì trong làng bắt đầu lộn xộn. Hương chức chia ra hai phe. Một phe chủ trương cần phải giết trâu, giết heo cúng tế linh đình mới có thể tổ chức yến ẩm và biếu xén những làng khác. Một phe chủ trương cần phải giữ tục lệ truyền thống, không yến ẩm và biếu xén cũng không hại gì.

Phe cải cách mạnh, nhưng không được nhiều người ủng hộ. Muốn lôi kéo đông người, họ bí mật cho người lợi dụng đến tối mặc áo đội mũ lên ngọn đa giả làm thần hiện về rên la:

- Cúng chay lạt lẽo, ăn xót ruột quá! Cúng chay lạt lẽo, ăn xót ruột quá!

Trong làng có ông Cả Long không tin chuyện huyễn hoặc đó. Ông bí mật cho người chuẩn bị đèn sào, theo dõi sau mấy đêm, lực lượng của ông bắt được người giả dạng Thành hoàng. Vì ông thuộc lực lượng phe bảo vệ cổ tục nên tức giận tra khảo và bắt được kẻ chủ mưu. Phe "cải cách" phải chịu thua.

Đời Thiệu Trị, khoảng cuối năm 1845, triều đình bắt đầu ban sắc hợp thức hóa các vị Thành hoàng ở Nam bộ. Làng Cẩm Sơn được mấy lá sắc "Bổn cảnh Thành hoàng" với danh hiệu chung như những làng khác. Phe cải cách bắt đầu vùng lên. Họ cho rằng nhiệm kỳ quan lại trấn nhậm mỗi địa phương chỉ vài ba năm thì Thành hoàng cũng như thế. Triều đình gởi sắc phong cho vị Thành hoàng mới đến thay thế cho vị "Thành hoàng ăn chay". Thế là họ ra lệnh giết heo tế lễ linh đình. Năm đầu phe bảo thủ e dè sợ oai triều đình. Nhưng năm sau họ bắt đầu phản công. Họ bí mật mua chuộc bọn đồ tể. Lúc con heo tế đã bị đâm họng làm lông đem ra bờ sông Ba Rài chờ mổ bụng, thì một người khác ngồi bên kia bờ sông bí mật kéo qua. Họ còn tung tin để sau đó có người qua sông cõng heo về để tiếp tục xẻ thịt. Thịt đã nấu chín nhưng khi để trên bàn tế thì thịt nhảy ra khỏi mâm. Từ đó họ khẳng định: Thành hoàng Cẩm Sơn vẫn là những nhà sư, vẫn còn ăn chay như cũ.

Cuộc tranh chấp đang gay gắt thì có ý kiến nên làm sớ dâng triều đình xin thêm một vị "thần ăn mặn". Lại có ý kiến là nên lập miếu thờ cụ Điều khiển Nguyễn Cư Trinh vì sinh tiền cụ có công mộ dân Quảng Ngãi vào lập nhiều làng, trong số đó có làng Cẩm Sơn. Lúc bấy giờ, cháu nội Nguyễn Cư Trinh là Nguyễn

Cư Sĩ làm Bố chánh tỉnh Định Tường nên ý kiến đó được dễ dàng chấp nhận. Thế là vào năm 1852, làng Cẩm Sơn có một ngôi đình thờ những "ông thần ăn mặn".

Dịp may, vào năm 1887, hòa thượng trụ trì chùa Phước Lâm viên tịch. Hòa thượng vốn là một vị quan cựu trào xuất gia đầu Phật, pháp hiệu là Quảng Huệ. Phe bảo thủ ở Cẩm Sơn cho rằng quan lại tu hành thì chỉ thành thần nên tung tin trước khi hòa thượng Phước Lâm tịch có cho biết rằng ngài sẽ ra thay thế "ông thần ăn chay". Hòa thượng là người đạo cao đức trọng, được dân làng Cẩm Sơn mến mộ. Pháp hiệu Hòa thượng lại trùng với mỹ tự thần Cao Các được thờ trong đình nên dễ gây niềm tin.

Thế là Thành hoàng Cẩm Sơn vẫn là "ông thần ăn chay[18]".

Cống ở xã Cẩm Sơn, huyện Cai Lậy, được xây dựng năm 2012; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 5 m, sâu 2,5 m, diện tích phục vụ 137 ha.

4. Cống Ông Bảo

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Giới tính và tên người (Ông Bảo).

Cống ở xã Long Trung, huyện Cai Lậy, được xây dựng năm 2012; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 5 m, sâu 2,5 m, diện tích phục vụ 800 ha.

5. Cống Ông Tùng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Giới tính và tên người (Ông Tùng).

Cống ở xã Long Trung, huyện Cai Lậy, được xây dựng năm 2012; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 5 m, sâu 2,5 m, diện tích phục vụ 800 ha.

6. Cống Rạch Sâu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Tính từ chỉ độ sâu (Sâu).

Cống ở xã Long Tiên, huyện Cai Lậy, được xây dựng năm 2010; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 5,6 m, sâu 2,5 m, diện tích phục vụ 250 ha.

7. Cống Thanh Niên

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Tầng lớp trong xã hội (Thanh niên: Điều 1 Luật Thanh niên 2020 quy định: "Thanh niên là người có độ tuổi từ đủ 16 tuổi đến 30 tuổi").

Cống ở xã Cẩm Sơn, huyện Cai Lậy, được xây dựng năm 2010; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 3 m, sâu 2,5 m, diện tích phục vụ 356 ha.

---

[18] Huỳnh Ngọc Trảng - Trương Ngọc Tường (1992), *Nghìn năm bia miệng*, Nxb TP Hồ Chí Minh, trang 29.

8. Cống Vàm Tắc 1

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Vàm) + Địa hình thiên nhiên hoặc nhân tạo (Tắc: là đường nước nhân tạo hoặc tự nhiên, có kích thước nhỏ, nối liền hai dòng chảy (kinh/kênh hoặc rạch) để đi tắt từ dòng nước này đến dòng nước khác cho nhanh thay vì phải đi vòng. Tắt là tính từ được chuyển hóa thành danh từ, thường viết nhầm, đọc trại thành tắc) + Số hiệu (1).

Cống ở xã Hội Xuân, huyện Cai Lậy, được xây dựng năm 2010; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 5 m, sâu 2,5 m, diện tích phục vụ 100 ha.

9. Cống Vàm Tắc 2

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên hoặc nhân tạo (Tắc) + Số hiệu (2).

Cống ở xã Hội Xuân, huyện Cai Lậy, được xây dựng năm 2010; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 5 m, sâu 2,5 m, diện tích phục vụ 120 ha.

10. Cống 26 tháng 3

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Sự kiện lịch sử (26 tháng 3: Ngày thành lập Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh).

Cống ở xã Long Tiên, huyện Cai Lậy, được xây dựng năm 2013; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 5 m, sâu 2,5 m, diện tích phục vụ 100 ha.

11. Cống 868

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Số hiệu Đường tỉnh 868.

Cống ở xã Long Tiên, huyện Cai Lậy, được xây dựng năm 2012; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 3 m, sâu 2,5 m, diện tích phục vụ 263 ha.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên bến xe, bến đò, bến phà:**

Bến xe:

Theo quy định của Bộ Giao thông - Vận tải có 2 loại bến xe là bến xe khách và bến xe hàng. Trong phạm vi đề tài, tập trung nghiên cứu về địa danh bến xe khách trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Khái niệm bến xe khách:

Theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách - Sửa đổi lần 1 năm 2015, Bến xe khách là công trình thuộc kết cấu hạ tầng giao

thông đường bộ thực hiện chức năng phục vụ xe ô tô đón, trả hành khách và các dịch vụ hỗ trợ vận tải hành khách công cộng được xây dựng trên một thửa đất hoặc nhiều thửa đất liền kề.

Cũng theo Thông tư nêu trên, Bến xe khách được phân thành 6 loại. Quy định về các hạng mục công trình tương ứng với từng loại bến xe khách như trong Bảng sau:

TT	Tiêu chí phân loại	Đơn vị tính	Loại bến xe khách					
			Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4	Loại 5	Loại 6
1	Diện tích mặt bằng (tối thiểu)	m^2	15.000	10.000	5.000	2.500	1.500	500
2	Diện tích bãi đỗ xe ôtô chờ vào vị trí đón khách (tối thiểu)	m^2	5.000	3.000	1.000	500	160	80
3	Diện tích bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác	m^2	2.000	1.500	900	400	30	20
4	Diện tích tối thiểu phòng chờ cho hành khách (có thể phân thành nhiều khu vực trong bến)	m^2	500	300	150	100	50	30
5	Số vị trí đón, trả	vị trí	50	40	30	20	10	6

	khách (tối thiểu)							
6	Số chỗ ngồi tối thiểu khu vực phòng chờ cho hành khách	chỗ	100	60	30	20	10	10
7	Hệ thống điều hòa, quạt điện khu vực phòng chờ cho hành khách (tối thiểu)	-	Đảm bảo nhiệt độ không vượt quá 30°C	Quạt điện	Quạt điện	Quạt điện	Quạt điện	Quạt điện
8	Diện tích khu vực làm việc	-	Bình quân 4,5 m^2/người					
9	Diện tích văn phòng dành cho Y tế	-	Tối thiểu 10 m^2					
10	Diện tích khu vệ sinh	-	> 1 % tổng diện tích xây dựng bến (Có nơi vệ sinh phục vụ người khuyết tật theo QCVN 10:2014/BXD)					
11	Diện tích dành cho cây xanh, thảm cỏ	-	Tỷ lệ diện tích đất dành cho cây xanh, thảm cỏ tối thiểu 2% tổng diện tích					
12	Đường xe ra, vào bến	-	riêng biệt			chung (rộng tối thiểu 7,5 m)		

13	Đường dẫn từ phòng chờ cho hành khách đến các vị trí đón, trả khách	-	Có mái che		
14	Kết cấu mặt đường ra, vào bến xe và sân bến	-	Mặt đường nhựa hoặc bê tông xi măng		
15	Hệ thống cung cấp thông tin	-	Có hệ thống phát thanh, có hệ thống bảng chỉ dẫn bằng điện tử, có thiết bị tra cứu thông tin tự động	Có hệ thống phát thanh, có hệ thống bảng chỉ dẫn	
16	Hệ thống kiểm soát xe ra vào bến	-	Có phần mềm quản lý bến xe và trang bị hệ thống camera giám sát xe ra vào bến	Có phần mềm quản lý bến xe	

1. Bến xe Cai Lậy

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến xe) + Địa danh hành chính (Thị xã Cai Lậy).

Trước năm 2014, bến xe Cai Lậy thuộc huyện Cai Lậy; sau thực hiện Nghị quyết số 130/NQ-CP của Chính phủ ngày 26 tháng 12 năm 2013 về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Cai Lậy để thành lập thị xã Cai Lậy và huyện Cai Lậy còn lại, bến xe Cai Lậy nằm trên địa bàn thị xã Cai Lậy.

Bến xe Cai Lậy, mã số (63)14, tọa lạc tại Quốc lộ 1, Phường 5, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, diện tích 3.064,7 m², điện thoại: (0273)3826474, xếp loại 5.

2. Bến xe Hưng Long

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến xe) + Địa danh hành chính đầu thế XX (Làng Hưng Long).

Bến xe Hưng Long, mã số (63)43, tọa lạc tại Ngã tư Hưng Long, xã Long Trung, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, diện tích 2.000 m², xếp loại 6.

***Bến phà:**

Khái niệm

Bến phà là nơi đón, trả khách qua sông bằng phà.

1. Bến phà Cái Bè - Tân Phong

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến phà) + Địa danh hành chính (Thị trấn Cái Bè - Xã Tân Phong).

Bến phà Cái Bè - Tân Phong bờ phải (Cái Bè) nằm trên Kinh/Kênh 28, bờ trái (Tân Phong) nằm trên sông Tiền, nối thị trấn Cái Bè, huyện Cái Bè với xã Tân Phong, huyện Cai Lậy (và ngược lại), tỉnh Tiền Giang.

2. Bến phà Hiệp Đức - Tân Phong

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến phà) + Địa danh hành chính (Xã Hiệp Đức - Xã Tân Phong).

Bến phà Hiệp Đức - Tân Phong bờ phải và bờ trái đều nằm trên sông Tiền, nối xã Hiệp Đức với xã Tân Phong (và ngược lại), thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

3. Bến phà Ngũ Hiệp - Tân Phong

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến phà) + Địa danh hành chính (Xã Ngũ Hiệp - Xã Tân Phong).

Bến phà Ngũ Hiệp - Tân Phong bờ phải và bờ trái đều nằm trên sông Tiền, nối ấp Tân Sơn, xã Ngũ Hiệp với ấp Tân Bường, xã Tân Phong (và ngược lại), thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

***Y tế tuyến huyện:**

Trung tâm Y tế huyện Cai Lậy

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng mang tính chất chăm sóc sức khỏe (Trung tâm y tế) + Địa danh hành chính (Huyện Cai Lậy).

- Khái quát Trung tâm Y tế huyện Cai Lậy:

+ Địa chỉ: Tỉnh lộ 875B, xã Bình Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

+ Điện thoại: 0273.3826435

+ Trang thông tin điện tử: ttythuyencailay.com.vn

+ Email: trungtamyte_cailay@yahoo.com.vn

+ Cơ quan chủ quản: Sở Y tế Tiền Giang

+ Tổng diện tích: 8.727m^2; diện tích sử dụng: 6.720m^2

+ Tổng số cán bộ, viên chức: 318; trong đó Nam: 120 ; Nữ: 198.

Trung tâm Y tế huyện Cai Lậy được thành lập năm 2018 theo Quyết định số 3524/QĐ-SYT ngày 28/12/2018 của Sở Y tế tỉnh Tiền Giang, có chức năng, nhiệm vụ như sau:

+ Cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về y tế dự phòng, khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng, dân số - kế hoạch hóa gia đình và các dịch vụ y tế khác theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện các hoạt động phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm, HIV/AIDS, bệnh không lây nhiễm, bệnh chưa rõ nguyên nhân; tiêm chủng phòng bệnh; y tế trường học; phòng, chống các yếu tố nguy cơ tác động lên sức khỏe, phát sinh, lây lan dịch, bệnh; quản lý và nâng cao sức khỏe cho người dân trên địa bàn.

+ Thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường đối với các cơ sở y tế; vệ sinh và sức khỏe lao động, phòng, chống bệnh nghề nghiệp, tai nạn thương tích; vệ sinh trong hoạt động mai táng, hỏa táng; giám sát chất lượng nước dùng cho ăn uống, sinh hoạt và dinh dưỡng cộng đồng.

+ Thực hiện các hoạt động phòng, chống ngộ độc thực phẩm trên địa bàn; tham gia thẩm định cơ sở đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn theo phân cấp; tham gia thanh tra, kiểm tra, giám sát công tác phòng, chống ngộ độc thực phẩm, phòng, chống bệnh truyền qua thực phẩm; hướng dẫn, giám sát cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, ăn uống trong việc bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật và thực hiện các nhiệm vụ khác về an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật và theo phân công, phân cấp.

+ Thực hiện sơ cứu, cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng theo quy định của cấp có thẩm quyền và giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh cho các trường hợp bệnh nhân tự đến, bệnh nhân được chuyển tuyến, bệnh nhân do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến trên chuyển về để tiếp tục theo dõi điều trị, chăm sóc, phục hồi chức năng; thực hiện các kỹ thuật, thủ thuật, chuyển tuyến theo quy định của pháp luật; khám sức khỏe và chứng nhận sức khỏe theo quy định; tham gia khám giám định y khoa, khám giám định pháp y khi được trưng cầu.

+ Thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản và cải thiện tình trạng dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em; phối hợp thực hiện công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện các xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh phục vụ cho hoạt động chuyên môn, kỹ thuật theo chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm và nhu cầu của

người dân; tổ chức thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn sinh học tại phòng xét nghiệm và an toàn bức xạ theo quy định.

+ Thực hiện tuyên truyền, cung cấp thông tin về chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước về y tế; tổ chức các hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe về y tế, chăm sóc sức khỏe trên địa bàn.

+ Chỉ đạo tuyến, hướng dẫn về chuyên môn kỹ thuật đối với các trạm y tế xã, y tế ấp và các cơ sở y tế thuộc cơ quan, trường học, xí nghiệp, cơ sở sản xuất trên địa bàn huyện.

+ Thực hiện đào tạo liên tục cho đội ngũ viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định; tập huấn, bồi dưỡng cập nhật kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực phụ trách cho đội ngũ nhân viên y tế ấp và các đối tượng khác theo phân công, phân cấp của Sở Y tế; là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe và hướng dẫn thực hành để cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện việc cung ứng, bảo quản, cấp phát, sử dụng và tiếp nhận thuốc, vắc xin, sinh phẩm y tế, hóa chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn theo phân cấp của Sở Y tế và quy định của pháp luật.

+ Triển khai thực hiện các dự án, chương trình y tế ở địa phương theo phân công, phân cấp của Sở Y tế; tổ chức điều trị nghiện chất bằng thuốc thay thế theo quy định của pháp luật; thực hiện kết hợp quân - dân y theo tình hình thực tế ở địa phương.

+ Thực hiện ký hợp đồng với cơ quan bảo hiểm xã hội để tổ chức khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế tại Trung tâm Y tế và các đơn vị y tế thuộc Trung tâm Y tế theo quy định của pháp luật.

+ Nghiên cứu và tham gia nghiên cứu khoa học, ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật về lĩnh vực liên quan.

+ Về dân số - kế hoạch hoá gia đình và sức khoẻ sinh sản: tổ chức thực hiện các chỉ tiêu, chỉ báo thuộc lĩnh vực dân số - kế hoạch hoá gia đình; chỉ đạo, hướng dẫn các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy trình chuyên môn, nghiệp vụ về các dịch vụ chăm sóc sức khoẻ sinh sản và kế hoạch hoá gia đình cho các bộ phận chuyên môn thuộc Trung tâm và tuyến y tế cơ sở.

Đảng bộ Trung tâm Y tế huyện Cai Lậy có 05 chi bộ với 79 đảng viên; lãnh đạo đơn vị gồm giám đốc và 02 phó giám đốc; Công đoàn cơ sở có 318 công đoàn viên; Chi đoàn thanh niên có 26 đoàn viên.

Trung tâm có 04 phòng chức năng: Phòng Tổ chức hành chính, Phòng Kế hoạch tổng hợp, Phòng Tài chính kế toán, Phòng Dân số; 07 khoa chuyên môn: Lâm sàng (03 khoa): Khoa Nội - Nhi - Nhiễm, Khoa Ngoại - Sản, Khoa Khám

bệnh - Hồi sức cấp cứu; Cận lâm sàng (02 khoa): Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh, Khoa Dược; y tế dự phòng (02 khoa): Khoa Y tế công cộng - An toàn thực phẩm, Khoa Kiểm soát bệnh tật. Bệnh viện thuộc Trung tâm được xếp hạng 3 với 185 giường bệnh.

Đồng thời, Trung tâm có 01 phòng khám đa khoa và 16 trạm y tế xã: Phòng khám Đa khoa Long Trung, Trạm Y tế các xã Bình Phú, Phú Nhuận, Mỹ Thành Nam, Mỹ Thành Bắc, Thạnh Lộc, Phú Cường, Phú An, Cẩm Sơn, Hiệp Đức, Hội Xuân, Tân Phong, Ngũ Hiệp, Long Trung, Tam Bình, Mỹ Long, Long Tiên.

Về trình độ chuyên môn, Trung tâm có Thạc sĩ: 01; Bác sĩ chuyên khoa I: 11; Bác sĩ chuyên khoa 2: 01; Bác sĩ: 36; Dược sĩ chuyên khoa I: 02; Cử nhân đại học: 63; Cử nhân cao đẳng: 44; Trình độ khác: 160.

***Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên tượng đài, bia lưu niệm (nghiên cứu, biên soạn thêm bia tưởng niệm, khu tưởng niệm, bia căm thù, bia mộ):**

Tượng đài:

Tượng đài là công trình xây dựng nhằm phục vụ yêu cầu ghi nhớ, tưởng niệm các sự kiện, các nhân vật lịch sử, được thể hiện bằng nghệ thuật điêu khắc kết hợp với nghệ thuật kiến trúc, ở những nơi công cộng, bằng các chất liệu bền vững, như đá, kim loại không gỉ, bê tông,…

Tượng đài Chiến thắng Ba Rài

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Tượng đài) + Sự kiện lịch sử (Chiến thắng Ba Rài).

Sự kiện lịch sử:

Từ tháng 3/1965, đứng trước nguy cơ phá sản hoàn toàn của chiến lược "Chiến tranh đặc biệt", Mỹ ồ ạt đổ quân viễn chinh Mỹ, quân đồng minh của Mỹ cùng với vũ khí, phương tiện chiến tranh vào miền Nam Việt Nam, thực hiện chiến lược "chiến tranh cục bộ". Đây là loại hình chiến tranh xâm lược thực dân mới được tiến hành bằng lực lượng của quân viễn chinh Mỹ, quân đồng minh của Mỹ và quân lính chính quyền Sài Gòn; trong đó, quân Mỹ giữ vai trò nòng cốt, nhằm chống lại phong trào cách mạng và nhân dân miền Nam.

Để thực hiện chiến lược "Chiến tranh cục bộ" ở Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), do hệ thống sông rạch chằng chịt, không tiện cho việc triển khai lực lượng cơ giới đường bộ, Mỹ đã đề ra chiến thuật "thiết giáp hạm trên sông" bằng cách "*tạo ra một lực lượng hỗn hợp hải - lục đường sông (Joint army-navy riverine force) đóng trên các căn cứ nổi, có thể cơ động nhanh theo đường sông từ nơi này đến nơi khác*" nhằm tấn công bất ngờ và chớp nhoáng, tiêu diệt bộ đội chủ lực quân giải phóng và lực lượng du kích.

Trong khuôn khổ đó, tháng 7/1966, nhiệm vụ này được giao cho Sư đoàn 9 bộ binh Mỹ đóng ở căn cứ Đồng Tâm (Mỹ Tho), mà lực lượng chủ yếu để thực hiện việc tác chiến đường sông là Lữ đoàn 2, gồm có 3 tiểu đoàn cùng các đơn vị trực thuộc, do đại tá William B. Fulton chỉ huy. Đến tháng 4/1967, Hải đoàn đặc nhiệm 117 Mỹ được tăng cường đến Đồng Tâm. Tại đây, Hải đoàn này đã phối hợp với Lữ đoàn 2 Mỹ tạo thành lực lượng hải lục cơ động tác chiến đường sông (Mobile riverine force - viết tắt là MRF) với quân số 5.000 người. Lần đầu tiên, lực lượng hỗn hợp hải - lục cơ động tác chiến đường sông Mỹ được thành lập trên chiến trường miền Nam nói chung và ĐBSCL nói riêng.

Lực lượng hỗn hợp hải lục này, khi hành quân, đi đầu là một vài chiếc tàu bọc thép (thiết giáp đỉnh - Armored troop carrier, viết tắt là ATC) không chở quân có nhiệm vụ rà mìn và thủy lôi; tiếp theo là những chiếc tàu bọc thép chở quân; khi đến trận địa, binh lính bộ binh sẽ đổ bộ lên bờ dưới sự yểm trợ hỏa lực của pháo binh, máy bay ném bom và trực thăng chiến đấu, nhất là sự chi viện tại chỗ của các tàu xung kích (tiền phong đỉnh - Monitor); mỗi chiếc tàu xung kích được trang bị 1 đại bác 80 li, 1 đại bác 40 li, 1 súng cối 81 li bắn trực xạ, 2 trọng liên 12.7 li, 1 đại liên 30 và nhiều súng phóng lựu M.79. Ngoài ra, còn có tàu cứu thương, phà để máy bay trực thăng cất và hạ cánh.

Trước tình hình đó, quán triệt Nghị quyết 11 (tháng 3/1965) và Nghị quyết 12 (tháng 12/1965) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Khu ủy Khu 8 và Tỉnh ủy Mỹ Tho đã đề ra chủ trương "quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược"; trong đó có việc chuẩn bị lực lượng về mọi mặt để đánh thắng lực lượng hỗn hợp hải - lục và chiến thuật "thiết giáp hạm trên sông" của Mỹ. Trên thực tế chiến trường, các đơn vị võ trang của Khu 8 và tỉnh Mỹ Tho đã từng đương đầu và đánh bại lực lượng này ở Long Tiên, Cẩm Sơn (huyện Cai Lậy) tháng 5/1967, ở Bàn Long (huyện Châu Thành) đầu tháng 9/1967.

Ngày 15/9/1967, lực lượng hỗn hợp hải - lục thuộc Lữ đoàn 2 Mỹ mở cuộc hành quân Cohort, tấn công vào xã Cẩm Sơn (Cai Lậy) với quy mô lớn, lực lượng hùng hậu, tần suất dày và mức độ vô cùng ác liệt nhằm tiêu diệt tiểu đoàn 263 chủ lực Khu 8. Sau một ngày kiên cường chiến đấu, mặc dù có sự chênh lệch lớn về lực lượng và vũ khí, nhưng tiểu đoàn 263 của ta đã anh dũng, mưu trí đánh bại hoàn toàn cuộc càn quét của địch, bắn chìm, bắn cháy, bắn hư 16 tàu các loại, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 200 lính Mỹ, bắn rơi 01 chiếc máy bay phản lực F100.

Chiến thắng Ba Rài ngày 15/9/1967 có ý nghĩa vô cùng to lớn trong tiến trình cách mạng miền Nam. Đây là trận đánh tiêu diệt sinh lực địch, tàu chiến và phương tiện chiến tranh của Mỹ nhiều nhất ở đồng bằng sông Cửu Long. Chiến thắng này thể hiện sự lãnh đạo, chỉ đạo đúng đắn sáng tạo, năng động, đầy quyết tâm của Khu ủy Khu 8 và Tỉnh ủy Mỹ Tho trong giai đoạn đối đầu với chiến lược "chiến tranh cục bộ" của địch. Đồng thời, chiến thắng Ba Rài đánh dấu bước

trưởng thành vượt bật của lực lượng võ trang tỉnh Mỹ Tho và Khu 8, tạo ra nền tảng vững chắc để bộ đội ta lập nên những chiến thắng lẫy lừng sau đó.

Nếu chiến thắng Ấp Bắc ngày 02/01/1963 làm thất bại chiến thuật cơ động bằng xe bọc thép và máy bay trực thăng (chiến thuật "thiết xa vận", "trực thăng vận"), báo hiệu sự phá sản tất yếu của chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của Mỹ - ngụy, thì chiến thắng Ba Rài là chiến thắng của một trận đột phá, có tính chất quyết định trong việc bẻ gãy chiến thuật "Thiết giáp hạm trên sông" của lực lượng hỗn hợp hải - lục Mỹ, có không quân và pháo binh yểm trợ tối đa, góp phần quan trọng trong việc đánh bại chiến lược "chiến tranh cục bộ" của đối phương trên toàn chiến trường miền Nam.

Tượng đài Chiến thắng Ba Rài nằm trong Khu di tích Chiến thắng Ba Rài, có diện tích với tổng diện tích 17.828,2 m^2 (trong đó khu vực 1: 5009,5 m^2, Khu vực 2: 12.818,7 m^2), khánh thành nhân kỷ niệm 40 năm Chiến thắng Ba Rài (15/9/1967 - 15/9/2007), tọa lạc tại xã Cẩm Sơn, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Tượng đài do nhà điêu khắc Lương Văn Thạnh tạo mẫu, cao 12 m, được tạo tác bằng bê tông cốt thép, thể hiện các cuộn sóng dâng trào mạnh mẽ của sông Ba Rài nói riêng và sông nước Tiền Giang nói chung đã nhấn chìm các tàu chiến hiện đại của Mỹ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Khu di tích Chiến thắng Ba Rài được Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 2699/QĐ-UBND ngày 25/7/2005.

*** Bia lưu niệm (Nghiên cứu, biên soạn thêm: Bia tưởng niệm, Khu tưởng niệm, bia căm thù, bia mộ):**

Bia lưu niệm/tưởng niệm:

Bia lưu niệm/tưởng niệm là vật được tạo tác dạng hình phiến dẹp có mặt phẳng, thường được làm bằng đá, kim loại, gỗ, bê tông cốt thép,… với kích thước thường có chiều cao lớn hơn chiều rộng, được dựng lên để lưu niệm/tưởng niệm danh nhân, sự kiện lịch sử, tổ chức chính trị - xã hội,…

Bia lưu niệm căn cứ Tỉnh ủy Mỹ Tho

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bia lưu niệm) + Địa danh lịch sử (Căn cứ Tỉnh ủy Mỹ Tho).

Sự kiện lịch sử:

Ngày 01/8/1970, cơ quan Tỉnh ủy Mỹ Tho chính thức chuyển về ấp Mỹ Lợi A (xã Long Tiên, huyện Cai Lậy Nam, tỉnh Mỹ Tho, nay là ấp Mỹ Lợi A, xã Long Tiên, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang). Huyện ủy Cai Lậy Nam và Chi ủy xã Long Tiên xây dựng lực lượng quần chúng làm cơ sở nuôi dưỡng, che chở, tiếp tế lương thực, thực phẩm. Căn cứ Tỉnh ủy Mỹ Tho ở Long Tiên tồn tại từ tháng 8-1970 đến

tháng 4-1975. Tại đây, mặc dủ địch đánh phá vô cùng ác liệt, nhưng Tỉnh ủy đã tổ chức nhiều hội nghị quan trọng nhằm lãnh đạo, chỉ đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ của quân dân tỉnh Mỹ Tho tiến lên giành thắng lợi rực rỡ.

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy và được nhân dân yêu thương đùm bọc, lực lượng an ninh vũ trang tỉnh đã mưu trí, dũng cảm phối hợp với dân quân du kích và nhân dân địa phương, đánh hàng trăm trận đánh, tiêu diệt và làm bị thương hàng ngàn tên địch, bảo vệ an toàn cơ quan Tỉnh ủy trong điều kiện khó khăn, ác liệt. Ngày 29-01-1996, xã Long Tiên được phong tặng danh hiệu "Anh hùng lực lượng vũ trang".

Năm 1996, tại ấp Mỹ Lợi A, xã Long Tiên, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, Bia lưu niệm căn cứ Tỉnh ủy Mỹ Tho, do nghệ nhân ưu tú Trần Văn Trầm tạo mẫu, được xây dựng trong khuôn viên 583 m^2, trên nền cao khoảng 1 m với hình ảnh thanh gươm cao hơn 5 m chỉ thẳng lên trời tượng trưng cho sức mạnh chiến đấu hào hùng, oanh liệt của quân dân tỉnh nhà. Liền kề là lá cờ Đảng đỏ thắm được cách điệu nằm phía sau thanh gươm, thể hiện là nơi Tỉnh ủy lãnh đạo nhân dân tiến hành cuộc kháng chiến. Trên nền lá cờ có in dòng chữ "Bia lưu niệm căn cứ Tỉnh ủy Mỹ Tho thời chống Mỹ". Bên dưới thanh gươm và lá cờ là thiết kế nhằm tái hiện lại những chiếc hầm lớn nhỏ, để làm nơi bảo vệ những chiến sĩ trong khi chiến đấu chống lại kẻ địch. Trên nóc hầm là hình 5 vòng tròn biểu tượng của những thân dừa chịu đựng bom đạn, khói lửa chiến tranh.

Xung quanh Bia lưu niệm căn cứ Tỉnh ủy Mỹ Tho có những chậu hoa kiểng được chăm sóc tươi tốt, rực rỡ sắc màu. Phía trước Bia là khoảng sân rộng có lát gạch men để du khách tham quan, hành lễ, chiêm ngưỡng được thuận lợi.

Bia lưu niệm căn cứ Tỉnh ủy Mỹ Tho nằm trong khuôn viên Di tích Căn cứ Tỉnh ủy Mỹ Tho được Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15/02/2000.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên công viên/vườn hoa, rạp hát:**

Công viên/Vườn hoa:

Khái niệm:

- Công viên là khu vực được trồng cây xanh tập trung trong một diện tích đất lớn nhằm mục đích phục vụ công cộng, là nơi sinh hoạt ngoài trời, nghỉ ngơi, thư giãn, vui chơi, giải trí, tập luyện thể dục, nơi tổ chức các hoạt động văn hóa - xã hội đáp ứng nhu cầu của nhân dân. Ngoài cây xanh, công viên còn có các công trình kiến trúc và công trình hạ tầng kỹ thuật đồng bộ. Phạm vi quản lý một công viên bao gồm diện tích bên trong công viên và vỉa hè của công viên đó.

- Vườn hoa: Loại công viên hoặc vườn nhỏ ở đô thị trong đó có trồng nhiều hoa. Có thể đứng độc lập hoặc gắn với công trình kiến trúc, có tác dụng tăng thẩm mỹ cho cảnh quan đô thị.

1. Công viên Cẩm Sơn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Công viên) + Địa danh hành chính (Xã Cẩm Sơn).

Công viên được khánh thành năm 2021 ở xã Cẩm Sơn, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, diện tích 2.553 m². Hệ thực vật gồm: cây thân gỗ (giáng hương, bằng lăng,…); cây tạo hình (cọ dầu, cau kiểng,…); cây cho hoa (hoa trang, hoa dâm bụt, hoa giấy,..); cây lá màu và các thảm cỏ,… Công viên còn có ghế đá; thiết bị tập thể dục; đèn chiếu sáng; hệ thống điện nước; nhà vệ sinh, đường đi nội bộ lát bằng gạch Terrazo,…

2. Công viên Quảng trường huyện Cai Lậy

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Công viên) + Công trình xây dựng (Quảng trường) + Địa danh hành chí (huyện Cai Lậy).

Công viên được khánh thành năm 2020, tọa lạc tại thị trấn Bình Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, diện tích 6.300 m². Hệ thực vật gồm: cây thân gỗ (giáng hương, bằng lăng,…); cây tạo hình (cọ dầu, cau kiểng,…); cây cho hoa (sứ Thái, hoa giấy,..); cây lá màu và các thảm cỏ,… Công viên còn có sân lễ, đường nội bộ, ghế đá, hệ thống điện nước, hồ nước với hệ thống nhạc nước nghệ thuật, hệ thống chiếu sáng công cộng và hệ thống chiếu sáng trung tâm với cột đèn cao 29 m,…

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên chợ:**

Chợ

- Theo Hoàng Phê trong *Từ điển Tiếng Việt*, "Chợ là nơi công cộng, để đông người đến mua và bán trong những buổi, ngày nhất định"[19].

- *Từ điển Bách khoa Việt Nam* ghi: "Chợ là nơi gặp nhau giữa nơi cung và cầu các hàng hóa, dịch vụ, vốn; là nơi tập trung mua bán hàng hóa giữa người sản xuất, người mua bán và người tiêu dùng"[20].

- Trong quyển *Gốc và Nghĩa của Từ Việt thông dụng*, Vũ Xuân Phái định nghĩa: "Chợ là nơi tụ họp buôn bán"; "chợ búa là nơi tụ họp bày bán hàng hóa, để buôn bán trong làng, xóm (thời xưa) hay cái chợ là nơi quy định mua bán"[21].

---

[19] Hoàng Phê (2000), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng, tr.165.

[20] *Từ điển Bách khoa Việt Nam (2003)*, NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội, tr.22.

[21] Vũ Xuân Phái *(2009)*, *Gốc và Nghĩa của Từ Việt thông dụng*, NXB Trẻ, tr.162.

- Theo Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, "Chợ là loại hình kinh doanh thương mại được hình thành và phát triển mang tính truyền thống, được tổ chức tại một địa điểm theo quy hoạch, đáp ứng nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hoá và nhu cầu tiêu dùng của khu vực dân cư"[22].

Chợ đầu mối

Theo Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, "Chợ đầu mối: là chợ có vai trò chủ yếu thu hút, tập trung lượng hàng hóa lớn từ các nguồn sản xuất, kinh doanh của khu vực kinh tế hoặc của ngành hàng để tiếp tục phân phối tới các chợ và các kênh lưu thông khác"[23].

**** Phân loại chợ***

Tùy vào mục đích và tiêu chí, người ta phân loại chợ theo nhiều cách khác nhau: Phân loại chợ theo điều kiện môi sinh; Phân loại chợ theo số lượng hộ kinh doanh, vị trí và mặt bằng của chợ (theo quy mô: chợ loại I, chợ loại II và chợ loại III); Phân loại chợ theo tính chất mua bán (chợ bán buôn và chợ bán lẻ); Phân loại chợ theo đặc điểm mặt hàng kinh doanh (chợ tổng hợp và chợ chuyêndoanh); Theo địa giới hành chính (chợ đô thị và chợ nông thôn); Phân loại theo tính chất và quy mô xây dựng (chợ kiên cố, chợ bán kiên cố, chợ tạm).

- Trong công trình nghiên cứu "Chợ nổi đồng bằng sông Cửu Long từ góc nhìn văn hóa học", Đặng Thị Hạnh đã lập bảng phân loại chợ như sau[24]:

STT	TIÊU CHÍ PHÂN LOẠI	LOẠI HÌNH CHỢ
1	Theo thời gian họp chợ	- Chợ sáng - Chợ hôm - Chợ chiều - Chợ đêm

[22] Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1.

[23] Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1.

[24] Đặng Thị Hạnh (2012), *Chợ nổi đồng bằng sông Cửu Long từ góc nhìn văn hóa học*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh, tr.41.

		- Chợ phiên
2	Theo lịch sử	- Chợ truyền thống - Chợ hiện đại (siêu thị)
3	Theo khu vực địa lý	- Chợ quê - Chợ ven đô - Chợ đô thị - Chợ đồng bằng - Chợ miền núi
4	Theo quy mô hành chánh	- Chợ làng - Chợ xã (liên làng) - Chợ huyện (liên xã) - Chợ thị trấn - Chợ thị xã
5	Theo tính chất, quy mô trao đổi hàng hóa	- Chợ đầu mối - Chợ bán lẻ - Chợ chuyên doanh - Chợ tổng hợp
6	Theo loại hình hàng hóa bán chủ yếu tại chợ	- Chợ vải - Chợ trâu - Chợ trái cây - Chợ hải sản
7	Theo quy mô xây dựng	- Chợ kiên cố - Chợ bán kiên cố - Chợ tạm

- Trong quyển *Chợ quê trong quá trình biến đổi*, Lê Thị Mai đã phân chia chợ ra thành nhiều loại hình khác nhau, với những tiêu chí khác nhau như sau[25]:

+ Thời gian hợp chợ có: Chợ sáng, chợ hôm, chợ chiều, chợ đêm, chợ phiên

+ Theo khu vực, địa vực có: chợ quê, chợ đô thị, chợ ven đô, chợ đồng bằng, chợ trung du, chợ miền biển…

+ Theo quy mô hành chánh có: Chợ làng, chợ xã (liên làng), chợ huyện (liên xã), chợ thị trấn, chợ thị xã,...

+ Theo tính chất, quy mô trao đổi hàng hóa có: Chợ đầu mối, chợ bán lẻ, chợ chuyên doanh, chợ tổng hợp,…

+ Theo loại hình hàng hóa bán tại chợ có: chợ vải, chợ trâu, chợ lụa, chợ trái cây, chợ nông sản,…

Trong đề tài này, nhóm tác giả chọn cách phân loại chợ theo Nghị định 02/2003/NĐ - CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ[26]:

- *Chợ loại 1:* Là chợ có trên 400 điểm kinh doanh chợ, được đầu tư xây dựng kiên cố, hiện đại theo quy hoạch; được đặt ở các vị trí trung tâm kinh tế thương mại quan trọng của tỉnh, thành phố hoặc là chợ đầu mối của ngành hàng, của khu vực kinh tế và được tổ chức họp thường xuyên; có mặt bằng phạm vi chợ phù hợp với quy mô hoạt động của chợ và tổ chức đầy đủ các dịch vụ tại chợ: trông giữ xe, bốc xếp hàng hóa, kho bảo quản hàng hóa, dịch vụ đo lường, dịch vụ kiểm tra chất lượng hàng hóa, vệ sinh an toàn thực phẩm và các dịch vụ khác.

- *Chợ loại 2:* Là chợ có trên 200 điểm kinh doanh, được đầu tư xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố theo quy hoạch; được đặt ở trung tâm giao lưu kinh tế của khu vực và được tổ chức họp thường xuyên hay không thường xuyên; có mặt bằng phạm vi chợ phù hợp với quy mô hoạt động chợ và tổ chức các dịch vụ tối thiểu tại chợ: trông giữ xe, bốc xếp hàng hóa, kho bảo quản hàng hóa, dịch vụ đo lường.

- *Chợ loại 3:* Là các chợ có dưới 200 điểm kinh doanh hoặc các chợ chưa được đầu tư xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố. Chủ yếu phục vụ nhu cầu mua bán hàng hóa của nhân dân trong xã, phường và địa bàn phụ cận.

*** Quy mô chợ**

---

[25] Lê Thị Mai (2004), *Chợ quê trong quá trình chuyển đổi*, NXB Thế Giới, tr.41.

[26] Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1.

Theo Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, có chợ kiên cố và chợ bán kiên cố[27]:

- Chợ kiên cố: là chợ được xây dựng bảo đảm có thời gian sử dụng trên 10 năm.

- Chợ bán kiên cố: là chợ được xây dựng bảo đảm có thời gian sử dụng từ 5 đến 10 năm.

Chợ ở huyện Cai Lậy:

1. Chợ Ấp 6

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (Ấp 6).

Chợ loại 3, ở xã Phú An, huyện Cai Lậy, diện tích 2.000 m², có 12 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

2. Chợ Ba Dầu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Vị trí (Ngã ba) + Thực vật (Cây dầu). Chợ Ba Dầu là chợ ở ngã ba có nhiều cây dầu hoặc có cây dầu to.

Chợ loại 3, ở xã Long Tiên, huyện Cai Lậy, diện tích 1.000 m², có 25 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

3. Chợ Ba Dừa

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Vị trí (Ngã ba) + Thực vật (Cây dừa). Chợ Ba Dừa là chợ ở ngã ba có trồng nhiều cây dừa hoặc có cây dừa cao.

Chợ loại 3, ở xã Long Trung, huyện Cai Lậy, diện tích 3.223 m², có 20 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

4. Chợ Bà Tồn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Giới tính (Bà) + Tên người (Tồn).

Chợ loại 3, ở xã Mỹ Thành Nam, huyện Cai Lậy, diện tích 1.113 m², có 15 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

5. Chợ Bình Phú

---

[27] Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Bình Phú).

Chợ loại 3, ở xã Bình Phú, huyện Cai Lậy, diện tích 3.213 m², có 223 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, quần áo, giày dép, kim khí điện máy, tạp hóa,…

6. Chợ Cái Mít

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa hình thiên nhiên (Cái: do từ sông Cái gọi tắt, là sông lớn, có nhiều chi lưu đổ vào) + Thực vật (Cây mít). Dân gian gọi trại thành chợ Cả Mít.

Chợ loại 3, ở xã Long Tiên, huyện Cai Lậy, diện tích 1.322 m², có 18 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

7. Chợ Cẩm Sơn (Chợ Bà Văn, Chợ Tham Rôn)

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Cẩm Sơn).

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Giới tính (Bà) + Tên người (Văn)

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh Việt gốc Khmer: Tham Rôn: cây trôm).

Theo quyển *Địa chí Tiền Giang, tập 2*, chợ do một người phụ nữ tên là Bà Văn lập năm 1890, nên có tên là chợ Bà Văn. Do chợ nằm ở gần cầu Tham Rôn và rạch Tham Rôn nên còn được gọi là chợ Tham Rôn. Năm 2010, chợ được xây cất mới, có tên chính thức là chợ Cẩm Sơn.

Chợ loại 3, ở xã Cẩm Sơn, huyện Cai Lậy, diện tích 1.200 m², có 18 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

8. Chợ Hiệp Đức

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Hiệp Đức).

Chợ loại 3, ở xã Hiệp Đức, huyện Cai Lậy, diện tích 1.200 m², có 14 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

9. Chợ Hội Xuân

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Hội Xuân).

Chợ loại 3, ở xã Hội Xuân, huyện Cai Lậy, diện tích 1.500 m², có 25 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

10. Chợ Mỹ Long

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Mỹ Long).

Chợ loại 3, ở xã Mỹ Long, huyện Cai Lậy, diện tích 714 m², có 21 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

11. Chợ Ngã Năm

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Vị trí (Ngã Năm).

Chợ loại 3, ở xã Phú Nhuận, huyện Cai Lậy, diện tích 9.200 m², có 40 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, kim khí điện máy, quần áo, tạp hóa,…

12. Chợ Ngũ Hiệp

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Ngũ Hiệp).

Chợ loại 3, ở xã Ngũ Hiệp, huyện Cai Lậy, diện tích 1.528 m², có 20 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

13. Chợ Phú An (Chợ Cái Lá)

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Phú An).

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa hình thiên nhiên (Cái: do từ sông Cái gọi tắt, là sông lớn, có nhiều chi lưu đổ vào) + Thực vật (Lá: chỉ những hàng dừa nước mọc ken dầy ở hai bên bờ sông).

Chợ loại 3, ở xã Phú An, huyện Cai Lậy, diện tích 1.374 m², có 46 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, quần áo, giày dép, tạp hóa,…

14. Chợ Tam Bình (Chợ Cả Công)

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Tam Bình).

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Chức vụ ở làng xã thời xưa (Hương cả, gọi tắt là Cả) + Tên người (Huỳnh Thanh Công).

Chợ do Hương cả Huỳnh Thanh Công (Cả Công) lập vào đầu thế kỷ XIX. Đây là chợ loại 3, ở xã Tam Bình, huyện Cai Lậy, diện tích 4.196 m², có 30 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, quần áo, giày dép, tạp hóa,…

15. Chợ Tân Phong

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Tân Phong).

Chợ loại 3, ở xã Tân Phong, huyện Cai Lậy, diện tích 800 m², có 16 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

16. Chợ Thạnh Lộc

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Thạnh Lộc).

Chợ loại 3, ở xã Thạnh Lộc, huyện Cai Lậy, diện tích 1.944 m², có 30 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

17. Chợ Xoài Tư

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Thực vật (Xoài) + Số lượng (Tư). Xoài Tư là nơi có cây xoài cổ thụ có bốn nhánh to hoặc là nơi có bốn cây xoài to.

Chợ được thành lập năm 1853. Trong quyển *Nam Kỳ phong tục nhơn vật diễn ca* được xuất bản đầu thế kỷ XX, Nguyễn Liêng Phong viết:

Đương khi thiết lập đồn điền,

Hãy còn nền chợ ở miền Xoài Tư.

Đây là chợ loại 3, ở xã Mỹ Thành Bắc, huyện Cai Lậy, diện tích 2.500 m², có 15 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

*** Kho:**

Kho là một tòa nhà được xây dựng trên một địa điểm đạt các điều kiện nhất định để sử dụng cho việc chứa và lưu trữ lương thực, hàng hoá,...

1. Kho Bà Tồn

* Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kho: là một tòa nhà được xây dựng trên một địa điểm đạt các điều kiện nhất định để sử dụng cho việc chứa và lưu trữ lương thực, hàng hoá,...) + Giới tính (Bà) + Tên người (Tồn).

* Khái quát Kho Bà Tồn:

- Địa chỉ: xã Phú An, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Điện thoại: 0273.3816670 Fax:0273.3816665

- Hoạt động chính: Thu mua, sản xuất chế biến, bảo quản, dự trữ lương thực theo chỉ tiêu, nhiệm vụ công ty giao. Xay xát, chế biến, kinh doanh lương thực, cung ứng cho xuất khẩu và nội địa, kinh doanh vật tư nông nghiệp.

- Diện tích: 3.202,2 m^2

- Diện tích chứa - bảo quản tốt hàng hóa: 1.400 m^2

- Tổng tích lượng quy ra gạo: 5.000 tấn

- Máy móc thiết bị:

+ 02 cân điện tử thành phẩm

+ 01 dây chuyền xát và lau bóng gạo lức với tổng năng suất 10 tấn/giờ.

+ 01 dây chuyền đấu trộn gạo trắng năng suất 30 tấn/giờ.

+ 01 hệ thống silo chứa gạo thành phẩm với sức chứa 140 tấn.

+ 02 hệ thống cân điện tử và may bao thành phẩm đạt năng suất 25tấn/giờ.

+ 01 hệ thống băng tải xuất nhập và luân chuyển hàng hóa trong kho với tổng chiều dài 103m.

+ 01 hệ thống sấy gạo liên tục 6 tấn/giờ.

- Năng lực chế biến: 30.000 tấn/năm.

2. Kho Mỹ Phước Tây

* Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kho) + Địa danh hành chính (Xã Mỹ Phước Tây).

* Khái quát Kho Mỹ Phước Tây:

- Địa chỉ: xã Mỹ Phước Tây, huyện Cai Lậy, Tiền Giang

- Điện thoại: 0273.3777555 Fax: 0273.3777666

- Hoạt động chính: Thu mua, sản xuất chế biến, bảo quản, dự trữ lương thực theo chỉ tiêu, nhiệm vụ công ty giao. Xay xát, chế biến, kinh doanh lương thực, cung ứng cho xuất khẩu và nội địa, kinh doanh vật tư nông nghiệp.

- Diện tích : 4.115,2 m^2

- Diện tích chứa - bảo quản tốt hàng hóa: 1.764 m^2

- Tổng tích lượng quy ra gạo: 5.500 tấn

- Hoạt động chính: Thu mua, sản xuất chế biến, bảo quản, dự trữ lương thực theo chỉ tiêu, nhiệm vụ công ty giao. Xay xát, chế biến, kinh doanh lương thực, cung ứng cho xuất khẩu và nội địa, kinh doanh vật tư nông nghiệp.

- Máy móc, thiết bị:

+ 01 dây chuyền xát và lau bóng gạo lức đạt năng suất 8 - 10 tấn/giờ.

+ 01 dây chuyền đấu trộn gạo trắng 25 tấn/giờ.

+ 01 hệ thống silo chứa gạo thành phẩm với sức chứa 110 tấn.

+ 01 hệ thống băng tải xuất nhập và luân chuyển hàng hóa trong kho với tổng chiều dài 98m.

- Năng lực chế biến: 40.000 tấn/năm

3. Kho Phú Cường

* Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kho) + Địa danh hành chính (Xã Phú Cường).

* Khái quát Kho Phú Cường:

- Địa chỉ: Xã Phú Cường, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang

- Điện thoại : 02733.827338

- Năm thành lập : 12/07/2006

- Hoạt động chính : Xay xát, chế biến và kinh doanh gạo xuất khẩu và nội địa. dịch vụ công ích: phơi , sấy, bảo quản nông sản, gia công xay xát lúa, lau bong gạo, môi giới mua bán nông sản cho nông dân, thông tin giá cả, thị trường nông sản, hàng hóa.

- Diện tích : 26.219 m²

- Diện tích chứa : 15.000 m²

- Tổng tích lượng quy ra gạo 47.100 tấn

- Năng lực xay xát, chế biến lúa, gạo:

+ Sấy lúa : 200 tấn/ngày

+ Xay xát, bóc vỏ lúa : 20 tấn/giờ

+ Xát trắng và lau bóng : 32 tấn/giờ

- Máy móc, thiết bị :

+ 3 dây chuyền Xát và lau bóng gạo lức đạt năng suất 8 -10 tấn/giờ

+ 4 dây chuyền Đấu trộn gạo trắng 25 tấn/giờ

+ 10 hệ thống silo chứa gạo thành phẩm với sức chứa 110 tấn

+ 62 hệ thống băng tải xuất nhập và luân chuyển hàng hoá trong kho với tổng chiều dài 500 m.

- Năng lực chế biến 45.000 tấn/năm.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn trường học:**

Trường trung học phổ thông, trường trung học cơ sở - trung học phổ thông:

Trường trung học phổ thông:

1. Trường Trung học phổ thông Lưu Tấn Phát

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học phổ thông) + Họ và tên danh nhân (Lưu Tấn Phát).

Địa chỉ: Ấp Bình Thạnh, xã Tam Bình, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang

Số điện thoại: 02733 828 315

Trang thông tin điện tử: http://luutanphat.tiengiang.edu.vn

Email: c3luutanphat.tiengiang.edu.vn

Năm 1980, Phân hiệu Tam Bình trực thuộc Trường Trung học phổ thông Đốc Binh Kiều được thành lập. Năm 1986, Trường Trung học phổ thông Tam Bình được thành lập theo Quyết định số 110/UB ngày 09/01/1986 của Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy. Năm 2005, trường được đổi tên thành tên Trường Trung học phổ thông Lưu Tấn Phát theo Quyết định số 2651/QĐ-UBND ngày 20/07/2005 của Ủy ban Nhân dân Tiền Giang. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

LƯU TẤN PHÁT

(1910 – 1966)

Lưu Tấn Phát, bí danh Ba Đoàn, sinh năm 1910 tại làng Long Trung, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Long Trung, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình trung lưu yêu nước.

Sau khi tốt nghiệp bằng Thành chung tại Collège de Mytho (nay là Trường Trung học phổ thông Nguyễn Đình Chiểu, TP Mỹ Tho), ông học sư phạm tại Trường Sư phạm Sài Gòn; rồi trở thành giáo viên dạy học tại Trường Tiểu học Long Khánh, huyện Cai Lậy. Là một trí thức dưới chế độ thực dân Pháp, ông luôn mang trong lòng nỗi đau của người dân mất nước và nung nấu ý chí đấu tranh giải phóng dân tộc. Vì thế, khi Chi hội Hội Việt Nam cách mạng thanh niên xã Long Trung được thành lập, ông đã tích cực tham gia và hoạt động rất năng nổ nhằm giáo dục, tuyên truyền và giác ngộ cách mạng cho đội ngũ nhà giáo và học sinh tại những nơi ông dạy học.

Sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (3 - 2 - 1930), ông càng hăng say công tác và luôn tin tưởng vào sự thắng lợi của công cuộc đấu tranh giành nền độc lập cho đất nước. Năm 1940, ông là một trong những hạt nhân nòng cốt trong cuộc khởi nghĩa Nam kỳ diễn ra rất sôi nổi và quyết liệt ở xã nhà.

Cuộc khởi nghĩa bị thực dân Pháp đàn áp dã man. Tuy giữ được bí mật của nhân thân, nhưng ông cũng bị chính quyền thực dân nghi ngờ; nên đầu năm 1941, ông bị buộc thuyên chuyển đến dạy học ở huyện An Hóa, tỉnh Bến Tre. Tại nhiệm sở mới, bất chấp sự nguy hiểm của thời kỳ địch đang tiến hành cuộc "khủng bố trắng", ông lại âm thầm xây dựng cơ sở cách mạng. Chính quyền thực dân, do không đủ chứng cớ để bắt, nên buộc ông phải thôi dạy học vào giữa năm 1942.

Liền ngay lúc đó, ông trở về Mỹ Tho, mướn một góc sân của tiệm buôn Nam Thành để sửa đồng hồ. Năm 1943, ông mở tiệm sửa và bán đồng hồ, lấy tên hiệu

buôn Tấn Phát ở đường Trưng Bắc - Mỹ Tho, nhằm tạo nguồn tài chánh cho đoàn thể và biến nơi đây trở thành tụ điểm hội họp, liên lạc của cách mạng. Tháng 8 - 1945, hòa trong khí thế sôi nổi của quần chúng, ông nhiệt tình tham gia cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền ở Mỹ Tho.

Cuối tháng 10 - 1945, thực dân Pháp quay trở lại đánh chiếm Mỹ Tho. Với lòng yêu nước nồng nàn và ý chí quyết tâm bảo vệ thành quả của cách mạng cũng như nền độc lập của Tổ quốc, ông đã hiến toàn bộ tài sản cho cách mạng và thoát ly ra bưng biền tham gia cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Từ tháng 10-1945 đến cuối năm 1947, ông phụ trách Dân quân huyện Cai Lậy, làm Huyện đội phó. Năm 1948, ông được đề bạt làm Huyện đội trưởng, chỉ huy nhiều trận đánh vào các đồn bót của địch trên địa bàn huyện, thu được những chiến công oanh liệt. Trong thời gian này, các chiến sĩ thuộc Huyện đội Cai Lậy chiến đấu rất tài giỏi với danh xưng "Bộ đội thầy giáo Phát". Năm 1949, ông được chỉ định làm Bí thư Huyện ủy Cai Lậy. Năm 1950, ông được phân công làm Tỉnh đội phó Tỉnh đội Mỹ Tho, phụ trách Mặt trận 15A. Năm 1952, ông tham gia Huyện ủy Cai Lậy, phụ trách Huyện đội chánh.

Sau năm 1954, ông được Đảng phân công ở lại miền Nam tiếp tục chiến đấu, làm Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Cai Lậy, phụ trách các xã phía trong của huyện Cai Lậy. Lúc bấy giờ, địch tăng cường đánh phá phong trào cách mạng rất ác liệt. Tuy vậy, ông vẫn kiên trì bám trụ địa bàn được phân công, ra sức xây dựng cơ sở cách mạng, lực lượng chính trị của quần chúng và nhất là lực lượng vũ trang, góp phần quan trọng trong việc chỉ đạo phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân huyện nhà tiến lên vững chắc, trở thành một trong những địa phương có phong trào cách mạng phát triển mạnh nhất của tỉnh Mỹ Tho.

Năm 1956, ông được điều động lên Khu 2 Trung Nam Bộ (Khu 8 sau này), được phân công chỉ huy lực lượng vũ trang của Khu dưới danh nghĩa là lực lượng giáo phái ly khai "Cao Thiên Hòa Bình" (Cao Đài, Thiên Chúa, Hòa Hảo, Bình Xuyên) nhằm chống chính quyền thân Mỹ của Ngô Đình Diệm, hỗ trợ phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng, khoét sâu mâu thuẫn nội bộ của địch, tạo điều kiện cho phong trào cách mạng phát triển mạnh mẽ. Sau đó, ông được giữ chức vụ Chủ nhiệm hậu cần Quân khu 2 Trung Nam Bộ với cấp bậc Trung tá. Đây là lúc Mỹ đang đổ quân viễn chinh Mỹ ồ ạt vào miền Nam; và vì thế, cường độ của chiến tranh trở nên vô cùng khốc liệt. Tuy nhiên, với sự năng nỗ, nhiệt tình, không ngại khó khăn, gian khổ, ông đã làm mọi cách để đảm bảo hậu cần cho lực lượng vũ trang của toàn quân khu, giúp cho các đơn vị thực hiện tốt nhiệm vụ chiến đấu.

Năm 1966, trên đường đi công tác, ông đã bị trực thăng của địch bắn anh dũng hy sinh tại Cả Trắp, tỉnh Kiến Phong (nay là tỉnh Đồng Tháp). Được biết, ông có tất cả 7 người con đều tham gia cách mạng, trong đó có 3 người đã anh dũng đền nợ nước.

Trong quá trình tham gia cách mạng, ông được Nhà nước trao tặng Huân chương Độc lập hạng Ba, 03 Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng Nhất, Nhì, Ba, Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất, Huân chương kháng chiến hạng Nhất. Tên ông được đặt tên trường trung học phổ thông ở xã Tam Bình, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 25 đảng viên; nam: 13; nữ: 12; Chi ủy: 05; nam: 04; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02; nam:00; nữ: 02. Công đoàn: 80 công đoàn viên; nam: 40; nữ: 40. Đoàn thanh niên: 680 đoàn viên, nam: 304; nữ: 376.

Tổng số viên chức: 80; nam: 40; nữ: 40. Tổng số giáo viên: 73; nam 38; nữ: 35. Thạc sĩ: 07; Cử nhân (đại học): 68; Cử nhân (Cao đẳng): 01. Tổng số học sinh: 1.660; nam: 716; nữ: 944.

Tổng diện tích: 3.8514,3 m^2; diện tích sử dụng : 4.962m^2

Trường có 05 dãy lầu, trong đó: 03 dãy 1 trệt, 1 lầu; 01 dãy 1 trệt, 2 lầu; 01 dãy 1 trệt; 3 lầu.

Phòng làm việc: 04; Phòng học: 24; Phòng thí nghiệm: 04; Phòng nghe nhìn: 01; Phòng vi tính: 03; Thư viện: 01; Sân chơi: 01 ; Khu thể thao: 01; Nhà vệ sinh: 03 khu; Hồ bơi: 01.

2. Trường Trung học phổ thông Phan Việt Thống

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học phổ thông) + Họ và tên danh nhân (Phan Việt Thống).

Địa chỉ: Khu phố Bình Ninh, thị trấn Bình Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang

Số điện thoại: 02733772128

Trang thông tin điện tử: http://phanvietthong.tiengiang.edu.vn

Email: c3phanvietthong.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 2003, Trường Trung học phổ thông Phan Việt Thống được thành lập theo Quyết định số 2773/QĐ-UB ngày 24 tháng 7 năm 2003 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Tiểu sử danh nhân được đặt trên trường:

PHAN VIỆT THỐNG

(1930 – 1971)

Phan Việt Thống tên khai sinh là Phan Văn Thống , sinh năm 1930 tại làng Tân Bình, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Tân Bình, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân có truyền thống cách mạng.

Năm 1947, ông giác ngộ cách mạng, gia nhập đội du kích của xã nhà, chiến đấu chống thực dân Pháp xâm lược. Do có thành tích xuất sắc trong chiến đấu, nên đầu năm 1954, ông được đề bạt làm Xã đội trưởng xã Tân Bình.

Sau khi Hiệp định Genève được ký kết (7 – 1954), ông được Đảng phân công ở lại miền Nam, tiếp tục cuộc chiến đấu chống đế quốc Mỹ xâm lược. Dưới sự chỉ huy của ông, đội du kích xã Tân Bình đã đánh hàng chục trận, làm thất bại nhiều cuộc càn quét ác liệt của địch, từng bước mở rộng vùng giải phóng của xã. Năm 1962, ông được bầu làm Bí thư Xã ủy Tân Bình.

Năm 1963, do yêu cầu của chiến trường huyện Cai Lậy vốn rất nóng bỏng và căng thẳng, ông được bổ sung vào Huyện đội, phụ trách du kích liên xã; và đến năm 1967, đảm nhận trọng trách là Huyện đội trưởng. Trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968, ông là người chỉ huy quân dân trong huyện thực hiện các cuộc tiến công mạnh mẽ vào các đồn bót và căn cứ quân sự của địch ở trên toàn huyện Cai Lậy, lập nên những chiến công vang dội, tiêu biểu là trận diệt đồn Cây Kè (xã Mỹ Thành), đồn Lộ Quẹo (xã Phú Nhuận) và giải phóng tuyến lộ 12 từ xã Mỹ Phước Tây đến xã Tân Bình,... Sau đó, ông chỉ huy bộ đội địa phương huyện và du kích các xã kiên quyết đánh địch phản kích, bảo vệ vững chắc vùng giải phóng ở bắc Lộ 4 và các lõm du kích ở nam Lộ 4 (nay là Quốc lộ 1).

Năm 1969, ông đã trực tiếp chỉ huy đại đội địa phương quân huyện Cai Lậy tấn công tiêu diệt 1 trung đội Mỹ khi bọn chúng càn quét ở lộ Hòa Thượng (xã Phú Nhuận). Cũng trong năm này, ông được giữ chức vụ Phó Bí thư Huyện ủy Cai Lậy. Cuối năm 1970, theo sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, huyện Cai Lậy được chia thành hai huyện Cai Lậy Nam và Cai Lậy Bắc. Đầu năm 1971, ông được bầu làm Tỉnh uỷ viên, Bí thư Huyện ủy Cai Lậy Bắc. Vào thời điểm này, tuy địch tăng cường đánh phá ác liệt, nhưng ông vẫn kiên cường bám sát địa bàn, lãnh chỉ đạo phong trào cách mạng ở địa phương tiến lên.

Ngày 8-12-1971, địch đổ bọn biệt kích bất ngờ bao vây căn cứ Huyện ủy đóng ở khu vườn Bờ Rô, ấp Bình Hưng, xã Bình Phú. Với tinh thần thà hy sinh chứ nhất quyết không để địch bắt sống, ông đã chiến đấu đến viên đạn cuối cùng và anh dũng hy sinh.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn được giải phóng (30 – 4 – 1975), ông được Nhà nước truy tặng nhiều Huân chương cao quý. Bí danh của ông - Phan Việt Thống - được đặt tên trường trung học phổ thông ở thị trấn Bình Phú, huyện Cai Lậy; tên đường ở thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 34 đảng viên; nam: 13; nữ: 21; Chi ủy: 05; nam: 03, nữ: 02. Ban giám hiệu: 03; nam: 02; nữ: 01. Công đoàn: 72 công đoàn viên; nam: 26; nữ: 46. Đoàn thanh niên: 1.256 đoàn viên; nam: 598; nữ: 658.

Tổng số viên chức: 72; nam: 26; nữ: 46. Tổng số giáo viên: 62; nam: 21; nữ: 41. Thạc sĩ: 19; Cử nhân (Đại học): 48; Cử nhân Cao đẳng: 01; Trình độ khác: 04.

Tổng số học sinh: 1.321; trong đó nam: 581; nữ: 740

Tổng diện tích: 1.973.7 m²; diện tích sử dụng: 1.973.7 m²

Trường có 03 dãy lầu; mỗi dãy có 01 tầng trệt và 02 tầng lầu; Phòng làm việc: 09; Phòng học 23; Phòng thí nghiệm: 02; Phòng nghe nhìn: 01; Phòng máy tính: 02; Thư viện: 01; Sân chơi: 02; Khu thể thao: 02; Nhà vệ sinh: 04 khu; căn tin; nhà xe.

Trường Trung học cơ sở:

1. Trường Trung học cơ sở Phan Văn Cẩm

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Họ và tên danh nhân (Phan Văn Cẩm).

Địa chỉ: Ấp Mỹ Thuận, xã Long Tiên, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733811726

Trang thông tin điện tử: thcsphanvancam.pgdcailay.edu.vn

Email: c2phanvancamel.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp 1 Long Tiên và Trường Phổ thông cấp 2 Long Tiên được thành lập. Năm 1978, hai trường hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Long Tiên. Năm 1992, bộ phận Cấp 2 tách ra, thành lập Trường Trung học cơ sở Long Tiên. Năm 2011, trường đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Phan Văn Cẩm theo Quyết định số 4411/QĐ-UBND ngày 28/7/2011 của Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy. Trường được công nhận đạt Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

PHAN VĂN CẨM

(1928 - 1967)

Phan Văn Cẩm sinh năm 1928 tại làng Long Tiên, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Long Tiên , huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang).

Năm 1961, ông giác ngộ cách mạng, tham gia Đội du kích xã. Do có thành tích xuất sắc trong chiến đấu, năm 1963, ông vinh dự được kết nạp vào Đảng Cộng Sản Việt Nam. Tháng 12/1964, ông được đề bạt giữ chức vụ Phó Bí thư Chi bộ xã Long Tiên. Tháng 9/1965, ông là Bí thư Chi bộ xã Long Tiên. Dưới sự lãnh đạo của Chi ủy do ông làm Bí thư, phong trào cách mạng ở xã Long Tiên phát triển vô cùng mạnh mẽ, là xã được Tỉnh ủy Mỹ Tho chọn làm căn cứ của Tỉnh ủy trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Tháng 02/1967, ông được tín nhiệm bầu làm Huyện ủy viên Huyện ủy Cai Lậy.

Ngày 02/3/1967, trong một chuyến đi công tác, ông đã anh dũng hy sinh. Tên ông được đặt tên trường trung học cơ sở ở xã Long Tiên, huyện Cai Lậy. tỉnh Tiền Giang.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 11 đảng viên; nam: 05; nữ: 06. Chi ủy: 03; nam: 02, nữ: 01. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 25 công đoàn viên; nam: 12; nữ: 13. Đoàn thanh niên: 05 đoàn viên; nam: 02; nữ: 03. Đội Thiếu niên: 436 đội viên; nam: 239; nữ: 197.

Tổng số cán bộ, viên chức: 25; nam: 12; nữ: 13. Tổng số giáo viên: 25; nam: 12; nữ: 13. Cử nhân (đại học): 14; Cử nhân (cao đẳng): 11.

Tổng số học sinh: 436; nam: 239; nữ: 197.

Tổng diện tích: 2.384 m²; diện tích sử dụng: 2.384 m²

Trường có 02 dãy lầu; 01 dãy có 01 tầng trệt và 02 tầng lầu; 01 dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 09; phòng học: 13; phòng thí nghiệm: 03; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

2. Trường Trung học cơ sở Trần Minh Châu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Họ và tên danh nhân (Trần Minh Châu).

Địa chỉ: Ấp 4, xã Cẩm sơn, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733911397

Trang thông tin điện tử:

Email: c2camsoncl.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp 1 Cẩm Sơn và Trường Phổ thông cấp 2 Cẩm Sơn được thành lập. Năm 1978, hai trường hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Cẩm Sơn. Năm 1991, bộ phận Cấp 2 tách ra, thành lập Trường Trung học cơ sở Cẩm Sơn. Năm 2012, trường được cấp lại quyết định thành lập theo Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 09/4/2012 của Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy. Năm 2015, trường đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Trần Minh Châu theo Quyết định số 4041/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

TRẦN MINH CHÂU

(1902 – 1941)

Trần Minh Châu, tên khai sinh là Trần Văn Phát, sinh năm 1902 tại làng Cẩm Sơn, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Cẩm Sơn, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang).

Thuở nhỏ, ông học ở trường làng, trường quận rồi lên Sài Gòn vừa làm thuê, vừa đi học. Ông có trình độ học vấn Diplôme thời Pháp (tương đương với cấp trung học cơ sở ngày nay).

Năm 1930, ông giác ngộ chủ nghĩa cộng sản, tham gia cách mạng và hoạt động ở Cai Lậy. Trong Cao trào cách mạng 1930 - 1931 và Cao trào dân chủ 1936 - 1939, ông làm công tác tuyên truyền, vận động quần chúng đấu tranh chống sưu cao, thuế nặng, đòi tự do, dân chủ. Năm 1939, ông là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Mỹ Tho (nay là tỉnh Tiền Giang). Tháng 11/1940, ông tham gia khởi nghĩa Nam Kỳ ở Cai Lậy. Cuộc khởi nghĩa bị thực dân Pháp dìm trong biển máu. Trong một lần đi công tác, ông bị quận trưởng Cai Lậy Nguyễn Văn Tâm (Quận Tâm) bắt được. Trải qua các nhà tù Cai Lậy, Mỹ Tho, mặc dù bị tra tấn dã man, nhưng ông luôn giữ vững khí tiết của người chiến sĩ cộng sản, kiên quyết không khai báo, tuyệt đối trung thành với Đảng và Nhân dân.

Tại Tòa án đại hình Sài Gòn, với vốn Tiếng Pháp thông thạo, ông không cần luật sư biện hộ mà tự bào chữa một cách đanh thép, kiên quyết bác bỏ những lập luận vu khống của bọn quan tòa thực dân, nêu cao lòng yêu nước và lý tưởng giải phóng dân tộc của những chiến sĩ cách mạng. Sau đó, ông bị kết án tù khổ sai, đày đi Côn Đảo.

Tại nhà tù Côn Đảo, nơi được mệnh danh là "địa ngục trần gian", bất chấp đòn roi hành hạ, khủng bố của bọn cai ngục, ông vẫn không sờn ý chí kiên cường, bất khuất; tham gia sinh hoạt Đảng; tích cực đấu tranh chống đánh đập, cực hình; đòi cải thiện chế độ lao tù.

Năm 1941, do bị tra tấn cùng với sự thiếu ăn thường xuyên, sức khỏe của ông suy kiệt dần và hy sinh tại Côn Đảo. Ông đã cống hiến cả tuổi thanh xuân của mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, vì nền độc lập, tự do cho Tổ quốc. Tên ông được đặt tên trường trung học cơ sở ở xã Cẩm Sơn, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2013, Chi bộ nhà trường có 13 đảng viên; nam: 08; nữ: 05; Chỉ ủy: 05; nam: 04; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02; nam: 02, nữ: 00. Công đoàn: 30 công đoàn viên; nam: 16; nữ: 14. Đoàn thanh niên: 00. Đội Thiếu niên: 535 đội viên; nam: 274; nữ: 261.

Tổng số cán bộ, viên chức: 30; nam: 16; nữ: 14. Tổng số giáo viên: 29; nam: 15; nữ: 14. Cử nhân (đại học): 19; Cử nhân (cao đẳng): 10.

Tổng số học sinh: 535; nam: 274; nữ: 261.

Tổng diện tích: 6.337,6 m²; diện tích sử dụng: 6.337,6 m²

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 11; phòng học: 12; phòng thí nghiệm: 04; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

3. Trường Trung học cơ sở Hiệp Đức

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Hiệp Đức).

Địa chỉ: Ấp Hiệp Nhơn, xã Hiệp Đức, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733911829

Trang thông tin điện tử:

Email: c2hiepduccl.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp 1 Hiệp Đức và Trường Phổ thông cấp 2 Hiệp Đức được thành lập. Năm 1978, hai trường hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Hiệp Đức. Năm 1997, bộ phận Cấp 2 tách ra, thành lập Trường Trung học cơ sở Hiệp Đức theo Quyết định số 60/QĐ-UB ngày 30/7/1997 của Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Hiệp Đức.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 08 đảng viên; nam: 05; nữ: 03. Ban giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 25 công đoàn viên; nam: 13; nữ: 12. Đoàn thanh niên: 04 đoàn viên; nam: 02; nữ: 02. Đội Thiếu niên: 395 đội viên; nam: 193; nữ: 202.

Tổng số cán bộ, viên chức: 25; nam: 13 ; nữ: 12. Tổng số giáo viên: 23; nam: 12 ; nữ: 11. Cử nhân (đại học): 12; Cử nhân (cao đẳng): 11.

Tổng số học sinh: 395; nam: 193; nữ: 202.

Tổng diện tích: 4.554 m²; diện tích sử dụng: 4.554 m²

Trường có 02 dãy lầu; mỗi dãy có 01 tầng trệt và 02 tầng lầu; phòng làm việc: 10; phòng học: 14; phòng thí nghiệm: 03; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

4. Trường Trung học cơ sở Hội Xuân

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Hội Xuân)

Địa chỉ: Ấp Hòa Điền, xã Hội Xuân, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang

Số điện thoại: 0273 3 912 354

Trang thông tin điện tử: http://thcshoixuan.pgdcailay.edu.vn

Email: c2hoixuancailay.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp 1 Hội Xuân và Trường Phổ thông cấp 2 Hội Xuân được thành lập. Năm 1978, hai trường hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Hội Xuân. Năm 1992, bộ phận Cấp 2 tách ra, thành lập Trường Trung học cơ sở Hội Xuân theo Quyết định số 58/QĐ.UB ngày 18/8/1992 của Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy. Trường được công nhận đạt Kiểm định chất lượng giáo dục.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 10 đảng viên; nam: 5; nữ: 5; Chi ủy: 03; nam: 03 ; nữ: 00. Ban Giám hiệu: 02; nam: 01; nữ:01. Công đoàn: 25 công đoàn viên; nam: 14 ; nữ: 11. Đoàn thanh niên: 04 đoàn viên; nam: 01; nữ: 03; Đội thiếu niên: 390 đội viên; nam: 183; nữ: 207.

Tổng số cán bộ, viên chức: 25; nam: 14; nữ: 11. Tổng số giáo viên: 25; nam: 14; nữ: 11. Cử nhân (đại học): 20 ; Cử nhân (cao đẳng): 05. Trung học sư phạm: 00. Trình độ khác: 00.

Tổng số học sinh: 390; nam: 190; nữ: 200.

Tổng diện tích: 8.101,3 m^2; diện tích sử dụng: 2.291,0m^2

Trường có 01 dãy lầu, 2 tầng, phòng làm việc:07; phòng học: 10; phòng thí nghiệm: 02; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 00; khu vệ sinh: 02.

5. Trường Trung học cơ sở Long Trung

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Long Trung).

Địa chỉ: Ấp 17, xã Long Trung, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733811646

Trang thông tin điện tử: thcs-longtrung-tiengiang.violet.vn

Email: c2longtrungcailay.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1973, Trường Trung học tỉnh hạt liên xã Long Trung - Long Tiên được thành lập. Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, trường hợp nhất với Trường Tiểu học cộng đồng Mỹ Đông Trung thành Trường Phổ thông cơ sở Long Trung. Năm 1979, trường đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Long Trung A. Năm 1992, bộ phận Cấp II tách ra, thành lập Trường Trung học cơ sở Long Trung theo Quyết định số 60/QĐ.UB ngày 18 tháng 8 năm 1992 của Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy. Trường được công nhận đạt Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Long Trung.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 10 đảng viên; nam: 04; nữ: 06; Chi ủy: 03; nam: 02; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 42 công đoàn

viên; nam: 17; nữ: 25. Đoàn thanh niên: 47 đoàn viên; nam: 17; nữ: 30. Đội thiếu niên: 886 đội viên; nam: 472; nữ: 414.

Tổng số cán bộ, viên chức: 42; nam: 17; nữ: 25. Tổng số giáo viên: 41; nam: 17; nữ: 24. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (đại học): 20; Cử nhân (cao đẳng): 20.

Tổng số học sinh: 898; nam: 472; nữ: 426.

Tổng diện tích: 5.389 m²; diện tích sử dụng: 4.750 m².

Trường có 02 dãy lầu; 01 dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; 01 dãy có 01 tầng trệt và 02 tầng lầu; phòng làm việc: 07; phòng học: 21; phòng thí nghiệm: 02; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 03. Thư viện, 01 phòng Y tế, 01 phòng tiếp dân, 01 phòng thiết bị xuống cấp trầm trọng.

6. Trường Trung học cơ sở Mỹ Long

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Mỹ Long).

Địa chỉ: Ấp Mỹ Hội, xã Mỹ Long, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733799061

Trang thông tin điện tử: http://thesmylong.tiengiang.edu.vn

Email: c2mylongcailay.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp 1 Mỹ Long và Trường Phổ thông cấp 2 Mỹ Long được thành lập. Năm 1978, hai trường hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Mỹ Long. Năm 1994, bộ phận Cấp 2 tách ra, thành lập Trường Trung học cơ sở Mỹ Long. Năm 2012, trường nhận được Quyết định số 1876/ QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2012 của Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy về việc công nhận tên và năm thành lập Trường Trung học cơ sở Mỹ Long. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Mỹ Long.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 08 đảng viên; nam 06; nữ: 02. Ban giám Hiệu: 01; nam: 01; nữ: 00. Công đoàn: 36 công đoàn viên; nam: 17; nữ: 19. Đoàn thanh niên: 37 đoàn viên; nam: 17; nữ: 20. Đội thiếu niên: 804 đội viên; nam: 379; nữ: 425.

Tổng số cán bộ, viên chức: 36; nam: 17; nữ: 19. Tổng số giáo viên: 35; nam 16; nữ: 19. Cử nhân (đại học): 27; Cử nhân (cao đẳng) 08.

Tổng số học sinh: 804; nam 379; nữ: 425.

Tổng diện tích: 6.219 m²; diện tích sử dụng: 6.219 m²

Trường có 01 dãy lầu, gồm có 01 tầng trệt và 03 tầng lầu; phòng làm việc: 08; phòng học: 10; phòng thí nghiệm 03; phòng nghe nhìn: 01; phòng vi tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

7. Trường Trung học cơ sở Mỹ Thành Bắc

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Mỹ Thành Bắc).

Địa chỉ: Ấp 3, xã Mỹ Thành Bắc, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733. 813814

Trang thông tin điện tử: http://thcsmythanhbac.tiengiang.edu.vn

Email: c2mythanhbaccailay.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp 1 Mỹ Thành Bắc và Trường Phổ thông cấp 2 Mỹ Thành Bắc được thành lập. Năm 1978, hai trường hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Mỹ Thành Bắc. Năm 1992, bộ phận Cấp 2 tách ra, thành lập Trường Trung học cơ sở Mỹ Thành Bắc. Trường được công nhận đạt Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Mỹ Thành Bắc.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 09; nam: 08; nữ: 01. Ban Giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 22 công đoàn viên; nam: 13; nữ: 09. Đoàn thanh niên: 41 đoàn viên; nam: 19; nữ: 22. Đội thiếu niên: 857 đội viên; nam: 415; nữ: 442.

Tổng số cán bộ, viên chức: 22; nam: 13; nữ: 09. Tổng số giáo viên: 18; nam: 11; nữ: 07. Thạc sĩ: 02; Cử nhân (đại học): 12; Cử nhân (cao đẳng): 04.

Tổng diện tích: 4.155 m²; diện tích sử dụng: 960 m²

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 07; phòng học: 11; phòng thí nghiệm 03; phòng nghe nhìn: 01; phòng vi tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

8. Trường Trung học cơ sở Mỹ Thành Nam

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Mỹ Thành Nam).

Địa chỉ: Ấp 6, xã Mỹ Thành Nam, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733775524

Trang thông tin điện tử: http://thesmythanhnam2.tiengiang.edu.vn

Email: c2mythanhnam2cailay.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp 1 Mỹ Thành Nam và Trường Phổ thông cấp 2 Mỹ Thành Nam được thành lập. Năm 1978, hai trường hợp nhất thành

Trường Phổ thông cơ sở Mỹ Thành Nam. Năm 1980, Trường Phổ thông cơ sở Mỹ Thành Nam chia thành Trường Phổ thông cơ sở A Mỹ Thành Nam và Trường Phổ thông cơ sở B Mỹ Thành Nam theo Quyết định tạm thời của Ban Giáo dục huyện Cai Lậy ký ngày 04/ 09/1980 và được Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy công nhận chính thức với Quyết định số 41/QĐUB ngày 15/11/1980. Năm 1992, bộ phận Cấp 2 của Trường Phổ thông cơ sở A Mỹ Thành Nam và Trường Phổ thông cơ sở B Mỹ Thành Nam tách ra, thành lập Trường Trung học cơ sở Mỹ Thành Nam theo Quyết định số 49/QĐ.UB ngày 18/8/1992 của Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy. Năm 2012, Trường Trung học cơ sở Mỹ Thành Nam tách thành hai trường là Trường Trung học cơ sở Mỹ Thành Nam 1 và Trường Trung học cơ sở Mỹ Thành Nam 2 theo Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 10/01/2012 của Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy. Năm 2020, hai trường hợp nhất thành Trường Trung học cơ sở Mỹ Thành Nam theo Quyết định số 3867/QĐ-UBND ngày 31/07/2020 của Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Mỹ Thành Nam.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 17 đảng viên; nam: 05; nữ: 12; Chi ủy: 04; trong đó nam: 01; nữ: 03. Ban giám hiệu: 03; nam: 02; nữ: 01. Công đoàn; 64 công đoàn viên; nam: 26; nữ: 38. Đoàn thanh niên: 10 đoàn viên; nam: 02; nữ: 08. Đội Thiếu niên: 1.192 đội viên; nam: 602; nữ: 590.

Tổng số cán bộ, viên chức: 64; nam: 26; nữ: 38. Tổng số giáo viên: 61; nam: 24; nữ: 37. Cử nhân (đại học): 45; Cử nhân (cao đẳng): 16.

Tổng số học sinh: 1.192; nam: 602; nữ: 590.

Tổng diện tích: 11.200 m²; diện tích sử dụng: 8.300 m²

Trường có 03 dãy lầu; mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 08; phòng học: 20; phòng thí nghiệm: 06; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 02; thư viện: 02; sân chơi: 02; khu thể thao: 02; khu vệ sinh: 05.

9. Trường Trung học cơ sở Đoàn Thị Nghiệp

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Họ và tên danh nhân (Đoàn Thị Nghiệp).

Địa chỉ: Ấp Bình Quới, thị trấn Bình Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 816259.

Trang thông tin điện tử: http://thcsdoanthinghiep.tiengiang.edu vn 5.

Email: c2doanthinghiepcl.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1970, Trường Trung học tỉnh hạt Bình Phú được thành lập. Sau ngày 30/4/1975, trường đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở A Bình Phú, bao gồm các

lớp cấp 1 (từ lớp 1 đến lớp 5) và các lớp cấp 2 (từ lớp 6 đến lớp 9). Năm 1983, là Trường Phổ thông cơ sở Bình Phú 1. Năm 1990, bộ phận Cấp 2 được tách ra, thành lập Trường Trung học cơ sở Đoàn Thị Nghiệp. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

ĐOÀN THỊ NGHIỆP

(1925 – 1972)

Đoàn Thị Nghiệp sinh năm 1925 tại làng Hội Cư, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Hội Cư, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang). Khi lập gia đình, bà về quê chồng tại làng Bình Phú, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Bình Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang). Chồng bà là ông Bùi Văn Thô sinh năm 1924, nguyên là Trung tá Quân đội nhân dân Việt Nam. Bà có hai con là Bùi Văn Thưởng và Bùi Văn Tấn đều hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Năm 1946, bà tham gia cách mạng tại Bình Phú, làm công tác phụ nữ, lãnh đạo và vận động chị em tham gia các phong trào cách mạng ở địa phương, như đóng góp lương thực, thực phẩm thuốc men cho bộ đội, đi dân công phục vụ chiến trường,...

Sau năm 1954, bà vẫn tiếp tục bám trụ ở địa bàn công tác cũ, lãnh đạo nhân dân đấu tranh chính trị. Do có thành tích trong công tác, bà được bầu làm Huyện uỷ viên huyện Cai Lậy. Trong những năm 1959 - 1960, mặc dù phong trào cách mạng ở địa phương bị địch đánh phá ác liệt, nhưng bà vẫn kiên cường bám chặt địa bàn cơ sở và cùng Huyện ủy ra sức củng cố xây dựng các chi bộ Đảng, phát động phong trào quần chúng và tổ chức lực lượng vũ trang của huyện. Sau đó, do yêu cầu của tổ chức, bà được điều sang An Giang công tác.

Năm 1967, bà được điều về Mỹ Tho và công tác tại Mặt trận vành đai diệt Mỹ Bình Đức (huyện Châu Thành). Tại đây, bà đã lập kế hoạch bắt sống được một sĩ quan Mỹ. Đồng thời, bà còn tham gia nhiều trận đánh vào căn cứ Đồng Tâm do sư đoàn 9 Mỹ chiếm đóng. Năm 1968, Bà được phân công phụ trách Mảng 4 Cai Lậy Bắc. Thực hiện nghiêm túc và sáng tạo chủ trương "Bám trụ đánh địch" của Tỉnh đội, bà đã thành lập " Mặt trận chống phá bình định", mà lực lượng chủ yếu là các cơ quan của Tỉnh đội và du kích các xã trong khu vực, nhằm kiên quyết bẻ gẫy các cuộc hành quân càn quét của địch, giữ vững địa bàn đứng chân.

Ngày 22-4-1972, địch huy động hai tiểu đoàn đánh phá ác liệt vào cơ quan Huyện đội Cai Lậy Bắc đóng ở xã Phú Nhuận (Cai Lậy). Lúc này, do các đơn vị đều đi tác chiến ở các chiến trường trong tỉnh, nên tại cơ quan Huyện đội chỉ còn 5 chiến sĩ và 8 du kích xã. Với cương vị là Tỉnh đội phó, bà đã nhanh chóng tổ chức và chỉ huy chiến đấu. Ỷ vào quân đông, địch liên tục mở nhiều đợt đột kích,

nhưng đều bị quân ta đánh bật ra. Tuy nhiên, do có sự chênh lệch rất lớn về quân số và vũ khí, đến 12 giờ trưa cùng ngày, địch mới tiến vào vòng ngoài khu căn cứ. Lúc bấy giờ, bà bị thương nặng và sa vào tay địch. Biết bà giữ chức vụ quan trọng của Tỉnh đội Mỹ Tho, địch vừa mua chuộc, dụ dỗ, vừa tra tấn dã man nhằm buộc bà phải khai báo, đầu hàng; nhưng bà đã không chịu khuất phục và anh dũng hy sinh lúc 22 giờ ngày 22-4-1972, hưởng dương 47 tuổi.

Bà đã được tặng thưởng 1 Huân chương Quân công giải phóng hạng Ba, 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng Nhất. Ngày 6-11-1978, bà được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Năm 1994, bà được truy tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam anh hùng vì có hai người con đã anh dũng hy sinh trong chiến đấu. Tên bà được đặt tên trường trung học cơ sở của xã Bình Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang và trường tiểu học ở xã Mỹ Hội, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, tên đường tại thị xã Cai Lậy và thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Cuộc đời chiến đấu oanh liệt của bà được khắc họa qua bộ phim truyện "Rặng trâm bầu" do Hãng phim Phương Đông TP Hồ Chí Minh, Phát hành phim quân đội, Đài Phát thanh - Truyền hình Tiền Giang hợp tác sản xuất 2004 và vở kịch "Rặng trâm bầu" do Sân khấu Trịnh Kim Chi thực hiện năm 2018.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 12 đảng viên; nam: 04; nữ: 08; Chỉ ủy: 03; nam: 02; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 50 công đoàn viên; nam: 23; nữ: 27. Đoàn thanh niên: 02 đoàn viên; nam: 00; nữ: 02. Đội thiếu niên: 976 đội viên; nam: 465; nữ: 511.

Tổng số cán bộ, viên chức: 50; nam: 23; nữ: 27. Tổng số giáo viên: 49; nam: 22; nữ: 27. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (đại học): 29; cử nhân (cao đẳng): 19.

Tổng số học sinh: 976; nam: 465; nữ: 511.

Tổng diện tích: 9.902 m²; diện tích sử dụng: 9.902 m².

Trường có 01 dãy lầu, gồm 01 tầng trệt và 03 tầng lầu; phòng làm việc: 05; phòng học: 12; phòng thí nghiệm: 03; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 03.

10. Trường Trung học cơ sở Ngũ Hiệp

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Ngũ Hiệp).

Địa chỉ: Ấp Hòa Hảo, xã Ngũ Hiệp, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273 3812910 4. Trang thông tin điện tử: /

Email: c2nguhiepcailay.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp 1 Ngũ Hiệp và Trường Phổ thông cấp 2 Ngũ Hiệp được thành lập. Năm 1978, hai trường hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Ngũ Hiệp. Năm 1992, bộ phận Cấp 2 của Trường Phổ thông cơ sở Ngũ Hiệp

tách ra, thành lập Trường Trung học cơ sở Ngũ Hiệp. Trường được công nhận đạt Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Ngũ Hiệp.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 05 đảng viên; nam: 04; nữ 01. Ban giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 38 công đoàn viên; nam: 28; nữ: 20. Đội Thiếu niên: 631 đội viên; nam: 359; nữ: 272.

Tổng số cán bộ, viên chức: 38; nam: 28; nữ: 20. Tổng số giáo viên: 36; nam: 27; nữ: 19. Cử nhân (đại học): 14; Cử nhân (cao đẳng): 22.

Tổng số học sinh: 631; nam: 359; nữ: 272.

Tổng diện tích: 8.579,9 m²; diện tích sử dụng: 8.579,9 m²

Trường có 01 dãy phòng trệt; 01 dãy lầu, gồm 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; phòng làm việc: 05; phòng học: 10; phòng thí nghiệm: 01; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

11. Trường Trung học cơ sở Phú Nhuận

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Phú Nhuận).

Địa chỉ: Ấp Phú Tiểu, xã Phú Nhuận, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273.3816181

Trang thông tin điện tử: http://thcsphunhuan.tiengiang.edu.vn

Email trường: c2phunhuancl.tiengiang@moet.edu.vn

Lịch sử nhà trường:

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp 1 Phú Nhuận và Trường Phổ thông cấp 2 Phú Nhuận được thành lập. Năm 1978, hai trường hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Phú Nhuận. Năm 1997, bộ phận Cấp 2 của Trường Phổ thông cơ sở Phú Nhuận tách ra, thành lập Trường Trung học cơ sở Phú Nhuận theo Quyết định số 61/QĐ.UB ngày 30 tháng 7 năm 1997 của Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy. Trường được công nhận đạt Kiểm định chất lượng giáo dục.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 10 đảng viên, nam: 05; nữ: 05 ; Chi ủy: 02; nam: 02, nữ: 00. Ban giám hiệu: 01; nam: 01, nữ: 00. Công đoàn: 26 công đoàn viên; nam:12 ; nữ: 14. Đội Thiếu niên: 435 đội viên; nam: 207; nữ: 228.

Tổng số cán bộ, viên chức: 26, nam: 12; nữ: 14. Tổng số giáo viên: 24; nam: 11; nữ: 13. Cử nhân (đại học); 21; cử nhân (cao đẳng):05; trung cấp sư phạm:00; trung cấp: 00.

Tổng số học sinh: 435; nam: 207; nữ: 228.

Tổng diện tích: 5.119m^2; diện tích sử dụng: 861m^2

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 02 tầng; phòng làm việc: 03; phòng học: 09; phòng thí nghiệm: 01; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 00; khu vệ sinh: 02.

12. Trường Trung học cơ sở Tam Bình

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Tam Bình).

Địa chỉ: Ấp Bình Thuận, xã Tam Bình, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang

Số điện thoại: 02733.828.347

Trang thông tin điện tử: http://thcstambinh.pgdcailay.edu.vn

Email: c2tambinhcailay.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp 1 Tam Bình và Trường Phổ thông cấp 2 Tam Bình được thành lập. Năm 1978, hai trường hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Tam Bình. Năm 1995, bộ phận Cấp 2 của Trường Phổ thông cơ sở Tam Bình tách ra, thành lập Trường Trung học cơ sở Tam Bình theo Quyết định số 390/QĐ.UB ngày 21/10/1995 của Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Năm 2013, Chi bộ nhà trường có 26 đảng viên; nam: 14; nữ: 12; Chi ủy: 05; nam: 05; nữ: 00. Ban Giám hiệu: 03; nam: 03; nữ: 00. Công đoàn: 66 công đoàn viên; nam: 31; nữ: 35. Đoàn thanh niên: 05; nam: 02; nữ: 03. Đội Thiếu niên: 1.361 đội viên; nam: 692 ; nữ: 669.

Tổng số cán bộ, viên chức: 66; nam: 31; nữ: 35. Tổng số giáo viên: 66; nam: 31; nữ: 35. Cử nhân (đại học): 49; Cử nhân (Cao đẳng): 17.

Tổng số học sinh: 1.361; nam: 692 ; nữ: 669.

Tổng diện tích: 9.480m^2; diện tích sử dụng: 9.480 m^2

Trường có 04 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng lầu và 01 tầng trệt; phòng làm việc: 09; phòng học: 24; phòng thí nghiệm: 02; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; phòng Âm nhạc: 01; phòng Anh văn: 01; phòng thiết bị: 02; phòng Đoàn-Đội: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 00; khu vệ sinh: 04.

13. Trường Trung học cơ sở Tân Phong

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Tân Phong).

Địa chỉ: Ấp Tân Bường A, xã Tân Phong, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang

Số điện thoại: 02733.810.006

Trang thông tin điện tử: http://thcstanphong.pgdcailay.edu.vn

Email: c2tanphongcailay.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp 1 Tân Phong và Trường Phổ thông cấp 2 Tân Phong được thành lập. Năm 1978, hai trường hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Tân Phong. Năm 2012, bộ phận Cấp 2 của Trường Phổ thông cơ sở Tân Phong tách ra, thành lập Trường Trung học cơ sở Tân Phong theo Quyết định số 1817/QĐ-UBND ngày 09 tháng 04 năm 2012 của Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy. Trường được công nhận đạt Kiểm định chất lượng giáo dục.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 10 đảng viên; nam: 06; nữ: 04. Ban Giám hiệu: 02; nam:01; nữ: 01. Công đoàn: 27 công đoàn viên; nam: 16; nữ: 11. Đoàn thanh niên: 10 đoàn viên; nam: 07; nữ: 03.

Tổng số cán bộ, viên chức: 27; nam:16; nữ: 11 Tổng số giáo viên: 22; nam: 12; nữ:10. Cử nhân (đại học): 22; Cử nhân (cao đẳng): 04.

Tổng số học sinh: 561; nam: 304; nữ: 257.

Tổng diện tích: 5.903 m^2; diện tích sử dụng: 5.903 m^2.

Trường có 3 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 06; phòng học: 12; phòng thực hành: 02; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 00; khu vệ sinh: 02.

14. Trường Trung học cơ sở Thạnh Lộc

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Thạnh Lộc).

Địa chỉ: Ấp 2, xã Thạnh Lộc, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang

Số điện thoại: 02733813085

Trang thông tin điện tử: http://thcsthanhloc.pgdcailay.edu.vn

Email: c2thanhloccailay.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp 1 Thạnh Lộc và Trường Phổ thông cấp 2 Thạnh Lộc được thành lập. Năm 1978, hai trường hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Thạnh Lộc. Năm 1997, bộ phận Cấp 2 của Trường Phổ thông cơ sở Thạnh Lộc tách ra, thành lập Trường Trung học cơ sở Thạnh Lộc theo Quyết định số 57/QĐ.UB ngày 30/7/1997 của Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy. Trường được công nhận đạt Kiểm định chất lượng giáo dục.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 18 đảng viên; nam: 10; nữ: 8; Chi ủy: 03; nam: 02; nữ: 01. Ban Giám hiêu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 32 công đoàn viên; nam: 19; nữ: 13. Đoàn thanh niên: 06; nam: 03; nữ: 03. Đội Thiếu niên: 739 đội viên; nam: 366 ; nữ: 373.

Tổng số cán bộ, viên chức: 32; nam: 19; nữ: 13. Tổng số giáo viên: 30; nam: 17; nữ: 13. Cử nhân (đại học): 28; Cử nhân (Cao đẳng): 04.

Tổng số học sinh: 739; nam: 366 ; nữ: 373.

Tổng diện tích: 13.976m^2; diện tích sử dụng: 13.976 m^2

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 02 tầng lầu và 01 tầng trệt; phòng làm việc: 09; phòng học: 16; phòng thí nghiệm: 02; phòng máy tính: 02 ; phòng thư viện: 01; phòng Âm nhạc: 01; phòng Anh văn: 01; phòng thiết bị: 02; phòng Đoàn-Đội: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 06.

15. Trường Trung học cơ sở Nguyễn Tuấn Việt

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Tuấn Việt).

Địa chỉ: Ấp 2, xã Phú An, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Điện thoại: 02733911978

Trang thông tin điện tử: http://thcsnguyentuanviet.pgdcailay.edu.vn.

Email: c2nguyentuanvietcl.tiengiang@moet.edu.vn;

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp 1 Phú An và Trường Phổ thông cấp 2 Phú An được thành lập. Năm 1978, hai trường hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Phú An. Năm 1980, Trường Phổ thông cơ sở Phú An chia thành Trường Phổ thông cơ sở A Phú An và Trường Phổ thông cơ sở B Phú An. Năm 1992, bộ phận Cấp 2 của Trường Phổ thông cơ sở A Phú An và Trường Phổ thông cơ sở B Phú An tách ra, thành lập Trường Trung học cơ sở Phú An theo Quyết định số 49/QĐ.UB ngày 18/8/1992 của Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy. Năm 2011, Trường Trung học cơ sở Phú An được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Nguyễn Tuấn Việt theo Quyết định số 3385/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2011 của Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

NGUYỄN TUẤN VIỆT

(1951 - 1975)

Nguyễn Tuấn Việt sinh năm 1951 tại làng Phú An, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Phú An, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang).

Năm 1968, ông gia nhập bộ đội, làm chiến sĩ trinh sát thuộc Tỉnh đội Mỹ Tho. Năm 1971, trong một trận chiến đấu chống địch càn quét, ông bị thương nặng: mất tay trái và ba ngón của bàn tay phải. Tuy vậy, ông vẫn xin ở lại đơn vị, tiếp tục chiến đấu.

Năm 1972, địch cho 3 tiểu đoàn địa phương quân thuộc Tiểu khu Định Tường tấn công vào xã Long Tiên (huyện Cai Lậy) và đóng Sở chỉ huy hành quân gần căn cứ của Tỉnh đội.

Được sự phân công của cấp trên, ông cùng với 6 chiến sĩ khác nhận nhiệm vụ trinh sát nơi đóng quân của địch. Bằng sự mưu trí và dũng cảm, ông và đồng đội đã hoàn thành xuất sắc công tác được giao. Ngay sau đó, bộ đội ta đã tấn công quyết liệt vào vị trí trú đóng của địch, khiến cho 3 tiểu đoàn ngụy bị tiêu hao nặng, phải rút chạy. Thừa thắng, bộ đội truy kích địch đến tận Lộ 4 (nay là Quốc lộ 1), bức rút thêm 6 đồn bót, giữ vững vùng căn cứ của Tỉnh đội.

Bên cạnh đó, ông còn làm công tác đưa đón cán bộ qua lại Lộ 4. Đây là công tác cực kì nguy hiểm; bởi vì Lộ 4 là tuyến giao thông huyết mạch, địch thường xuyên phục kích, tuần tra, kiểm soát rất nghiêm ngặt. Từ năm 1972 đến đầu năm 1975, ông đã đưa đón 1.484 lượt cán bộ qua lại Lộ 4 tuyệt đối an toàn. Trong quá trình chiến đấu, với cương vị Chính trị viên đại đội trinh sát, Bộ Tham mưu Quân khu 8, ông đã chỉ huy đại đội đánh 40 trận, diệt khoảng 800 tên địch, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh, bản thân diệt 190 tên, làm bị thương 80 tên khác và phá hủy 9 xe quân sự, trong đó có 3 xe tăng.

Ngày 6-1-1975, ông cùng 4 đồng đội làm nhiệm vụ đưa đoàn cán bộ vượt Lộ 4, đoạn ngang qua xã Điềm Hy (huyện Châu Thành). Sau khi hoàn thành công tác; trên đường trở về, gặp phải đoàn xe bọc thép M.113 của địch chạy từ Long Định lên, sau khi ra ám hiệu cho các đồng đội ẩn nấp, ông nhanh chóng di chuyển ra mặt đường để quan sát và tìm cách đánh địch. Phát hiện ra ông, từ trên xe M.113, địch dùng súng trọng liên bắn ra. Ông bị trúng đạn và anh dũng hy sinh.

Ông được tặng 9 bằng khen và giấy khen, 3 lần được công nhận danh hiệu Dũng sĩ. Ngày 15-1-1976, ông được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Tên ông được tên trường trung học cơ sở ở xã Phú An, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 09 đảng viên; nam: 07; nữ: 02; Chi ủy: 03; nam: 02; nữ: 01. Ban Giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 43 công đoàn viên; nam: 21; nữ: 22. Đoàn thanh niên: 08 đoàn viên; nam: 03; nữ: 05. Đội Thiếu niên: 893; nam: 489; nữ: 404.

Tổng số cán bộ, viên chức: 43; nam: 21; nữ: 22. Tổng số giáo viên: 41; trong đó nam: 20; nữ: 21. Cử nhân (đại học): 27; Cử nhân (cao đăng): 14.

Tổng số học sinh: 893; nam: 489 ; nữ: 404.

Tổng diện tích: 6.586 m²; diện tích sử dụng: 6.586 m²

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; phòng làm việc: 09; phòng học: 16; phòng thí nghiệm: 03; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

Trường tiểu học, trường tiểu học - trung học cơ sở:

1. Trường Tiểu học Bình Phú

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Thị trấn Bình Phú).

Địa chỉ: Ấp Bình Tịnh, thi trấn Bình Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733816232.

Trang thông tin điện tử:

Email: c1binhphucl.tiengiang@moet.edu.vn

Trường được thành lập trước ngày 30/4/1975 với tên gọi là Trường Tiểu học Bình Long Tịnh. Năm 1976, là trường Phổ thông cơ sở Bình Phú A, bao gồm Cấp 1 (từ lớp 1 - lớp 5) và Cấp 2 (từ lớp 6 đến lớp 9). Năm 1984, Cấp 1 được tách ra khỏi trường để thành lập Trường Tiểu học Bình Phú 2. Năm 1995, trường được tách ra thành 02 trường là Trường Tiểu học Bình Phú 1 và Trường Tiểu học Bình Phú 2. Năm 2020, hai trường hợp nhất thành Trường Tiểu học Bình Phú.

Trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Thị trấn Bình Phú.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 25 đảng viên; nam: 12; nữ: 13; Chi ủy: 05; nam: 07; nữ: 00. Ban Giám hiệu: 03; nam: 03; nữ: 00. Công đoàn: 62 công đoàn viên; nam: 26; nữ: 36. Đoàn thanh niên: 10 đoàn viên; nam: 00; nữ: 10 . Đội thiếu niên: 753 đội viên; nam: 402; nữ: 351

Tổng số cán bộ, viên chức: 62; nam: 26; nữ: 36. Tổng số giáo viên: 60; nam: 26; nữ: 34. Cử nhân (đại học): 40; Cử nhân (cao đẳng):09; Trung học sư phạm: 13.

Tổng số học sinh: 1.149; nam: 600; nữ: 549.

Tổng diện tích: 11.646 m²; diện tích sử dụng: 11.646 m²

Cơ sở vật chất:

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 10 tầng trệt và 02 tầng lầu, phòng làm việc: 07; phòng học: 38; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 02; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 08.

2. Trường Tiểu học Cẩm Sơn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Cẩm Sơn).

Địa chỉ: Ấp 2, xã Cẩm Sơn, huyện Cai Lậy, tỉnhTiền Giang

Số điện thoại: 02733911395

Trang thông tin điện tử:

Email: c1camsoncl.tiengiang@moet.edu.vn

Năm học 1975-1976, trường mang tên là Trường Cấp 1 Cẩm Sơn. Từ năm 1977 – 1991, là Trường Phổ thông cơ sở Cẩm Sơn. Năm 1992, Cấp 1 được tách ra để thành lập Trường Tiểu học Cẩm Sơn theo Quyết định số 59/QĐ.UB ngày 18/8/1992 của Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 13 đảng viên; nam: 08; nữ: 05; Chi ủy: 05; nam: 04; nữ: 01. Ban Giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 33 công đoàn viên; nam: 19; nữ: 14. Đoàn thanh niên: 06 đoàn viên; nam: 02; nữ: 04. Đội thiếu niên: 430 đội viên; nam: 220; nữ: 210.

Tổng số cán bộ, viên chức: 33; nam: 19; nữ: 14. Tổng số giáo viên: 31; nam: 18; nữ: 13. Cử nhân (đại học): 27; Cử nhân (cao đẳng): 04; Trung học sư phạm: 01; Trung cấp: 01.

Tổng số học sinh: 744; nam: 383; nữ: 361.

Tổng diện tích: 6.906 m^2; diện tích sử dụng: 6.906 m^2

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 06; phòng học: 17; phòng thí nghiệm: 01; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 04.

3. Trường Tiểu học Hiệp Đức

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Hiệp Đức).

Địachỉ: Ấp Hiệp Phú, xã Hiệp Đức, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang..

Số điện thoại: 02733923629

Trang thông tin điện tử:

Email: c1hiepduccl.tiengiang@moet.edu.vn

Năm học 1975-1976, trường mang tên là Trường Cấp 1 Hiệp Đức. Từ năm 1977 – 1991, Trường Cấp 1 Hiệp Đức và Trường Cấp 2 Hiệp Đức hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Hiệp Đức. Năm 1997, Cấp 1 được tách ra để thành lập Trường Tiểu học Hiệp Đức theo Quyết định số 60/QĐ.UB ngày 30/7/1997 của Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 06 đảng viên; nam: 03; nữ: 03. Ban Giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 27 công đoàn viên; nam: 12; nữ: 15. Đoàn thanh niên: 03 đoàn viên; nam: 00; nữ: 03. Đội thiếu niên: 281 đội viên; nam: 144; nữ: 137.

Tổng số cán bộ, viên chức: 27; nam: 12; nữ: 15.

Tổng số giáo viên: 25; nam: 11; nữ: 14. Cử nhân (đại học): 15; Cử nhân (cao đẳng): 06; Trung học sư phạm: 04.

Tổng số học sinh: 486; nam: 240; nữ: 246.

Tổng diện tích: 5.188 m²; diện tích sử dụng: 5.188 m²

Phòng làm việc: 05; phòng học: 12; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 04.

4. Trường Tiểu học Hội Xuân

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Hội Xuân).

Địachỉ: Ấp Xuân Kiển, xã Hội Xuân, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang

Số điện thoại: 02733912408

Trang thông tin điện tử:

Email: c1hoixuanccl.tiengiang@moet.edu.vn

Sau năm 1975, trường mang tên là Trường Cấp 1 Hội Xuân A và Trường Cấp 1 Hội Xuân B. Năm 1992, hai trường hợp nhất thành Trường Tiểu Hội Xuân theo Quyết định số 58/QĐ.UB ngày 18/8/1992 của Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 15 đảng viên; nam: 06; nữ: 09. Chi ủy: 03; nam: 03; nữ: 00. Ban Giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 36 công đoàn viên; nam: 13; nữ: 23. Đoàn thanh niên: 05 đoàn viên; nam: 01; nữ: 04. Đội thiếu niên: 382 đội viên; nam: 182; nữ: 200.

Tổng số cán bộ, viên chức: 36; nam: 13; nữ: 23.

Tổng số giáo viên: 35; nam: 12; nữ: 23. Cử nhân (đại học): 23; Cử nhân (cao đẳng): 04; Trung học sư phạm: 08.

Tổng số học sinh: 651; nam: 330; nữ: 321.

Tổng diện tích: 10.422 m²; diện tích sử dụng: 10.422 m²

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu , phòng làm việc: 08; phòng học: 21; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 06.

5. Trường Tiểu học Nguyễn Chí Liêm

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Chí Liêm).

Địachỉ: Ấp Mỹ Lương, xã Long Tiên, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang

Số điện thoại: 02733811818

Trang thông tin điện tử: thnguyenchiliem/sites.google.com/

Email: c1nguyenchiliem.tiengiang@moet.edu.vn

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

Nguyễn Chí Liêm sinh năm 1937 làng Long Tiên, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Long Tiên , huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang).

Tháng 8/1960, ông giác ngộ cách mạng, tham gia du kích xã, sau đó được kết nạp Đảng Cộng sản Việt Nam. Từ năm 1963 - 1965, ông là Thư ký văn phòng Huyện ủy Cai Lậy. Từ năm 1966 - 1969, ông được đề bạt giữ chức vụ Trưởng văn phòng Huyện ủy Cai Lậy

Ngày 29/11/1969, trong khi làm nhiệm vụ quan sát địch hành quân càn quét tại xã Phú An, huyện Cai Lậy, ông đã anh dũng hy sinh.

Năm học 1975-1976, trường mang tên là Trường Cấp 1 Long Tiên. Năm 1978, Trường Cấp 1 Long Tiên và Trường Cấp 2 Long Tiên hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Long Tiên. Năm 1991, Cấp 1 được tách ra để thành lập Trường Tiểu học Long Tiên. Năm 2011, trường được đổi tên thành Trường Tiểu học Nguyễn Chí Liêm theo Quyết định số 4410/QĐ-UBND ngày 28/7/2011 của Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 26 đảng viên; nam: 15; nữ: 11. Chi ủy: 05; nam: 05; nữ: 00. Ban Giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 32 công đoàn viên; nam: 21; nữ: 11. Đoàn thanh niên: 00 đoàn viên; nam: 00; nữ: 00. Đội thiếu niên: 366 đội viên; nam: 272; nữ: 94.

Tổng số cán bộ, viên chức: 32; nam: 21; nữ: 11.

Tổng số giáo viên: 32; nam: 21; nữ: 11. Cử nhân (đại học): 12; Cử nhân (cao đẳng): 09; Trung học sư phạm: 11.

Tổng số học sinh: 696; nam: 370; nữ: 326.

Tổng diện tích: 5.912 m^2; diện tích sử dụng: 5.912 m^2

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu , phòng làm việc: 07; phòng học: 18; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 03.

6. Trường Tiểu học Long Trung

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Long Trung).

Địa chỉ: Ấp 17, xã Long Trung, huyện Cai Lậy, tỉnhTiền Giang

Số điện thoại: 02733811609

Trang thông tin điện tử: http://thlongtrung.pgdcailay.edu.vn/

Email: c1longtrungcl.tiengiang@moet.edu.vn

Trường được thành lập năm 1960 với tên gọi là Trường Tiểu học Mỹ Đông Trung. Năm 1976, trường đổi tên là Trường Cấp 1 Long Trung. Năm 1997, trường tách ra thành Trường Tiểu học Long Trung 1 và Trường Tiểu học Long Trung 2. Ngày 01/8/2019, hai trường hợp nhất thành Trường Tiểu học Long Trung.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 11 đảng viên; nam: 04; nữ: 07; Chi ủy: 03; nam: 02; nữ: 01. Ban Giám hiệu: 03; nam: 02; nữ: 01. Công đoàn: 59 công đoàn viên; nam: 18; nữ: 41. Đoàn thanh niên: 03 đoàn viên; nam: 01; nữ: 02. Đội thiếu niên: 855 đội viên; nam: 440; nữ: 415 .

Tổng số cán bộ, viên chức: 59; nam: 18; nữ: 41. Tổng số giáo viên: 58; nam: 18; nữ: 40. Cử nhân (đại học): 36; Cử nhân (cao đẳng): 08; Trung học sư phạm: 14.

Tổng số học sinh: 1.380; nam: 729; nữ: 651.

Tổng diện tích: 5.233 m²; diện tích sử dụng: 5.233 m²

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 02 tầng lầu; phòng làm việc: 08; phòng học: 26; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 02; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 04.

7. Trường Tiểu học Mỹ Long

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Mỹ Long).

Địa chỉ: Ấp Mỹ Hội, xã Mỹ Long, huyện Cai Lậy, tỉnhTiền Giang

Số điện thoại: 02733911395

Trang thông tin điện tử: http://thmylong.pgdcailay.edu.vn/

Email: c1mylonggcl.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cơ sở Mỹ Long được thành lập, bao gồm Cấp 1 và Cấp 2. Năm 1994, Cấp 1 được tách ra thành Trường Tiểu học Mỹ Long.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 16 đảng viên; nam: 09; nữ: 07; Chi ủy: 03; nam: 03; nữ: 00. Ban Giám hiệu: 03; nam: 02; nữ: 01. Công đoàn: 51 công đoàn

viên; nam: 24; nữ: 27. Đoàn thanh niên: 18 đoàn viên; nam: 03; nữ: 15. Đội thiếu niên: 634 đội viên; nam: 309; nữ: 325.

Tổng số cán bộ, viên chức: 51; nam: 24; nữ: 27. Tổng số giáo viên: 50; nam: 23; nữ: 27. Cử nhân (đại học): 32; Cử nhân (cao đẳng): 07; Trung học sư phạm: 11.

Tổng số học sinh: 1.044; nam: 520; nữ: 524.

Tổng diện tích: 8.889 m²; diện tích sử dụng: 8.889 m²

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 02 tầng lầu; phòng làm việc: 10; phòng học: 26; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 02; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 04.

8. Trường Tiểu học Mỹ Thành Bắc

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Mỹ Thành Bắc).

Địa chỉ: Ấp 5, xã Mỹ Thành Bắc, huyện Cai Lậy, tỉnhTiền Giang

Số điện thoại: 02733813066

Trang thông tin điện tử:

Email: c1mythanhbaccl.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cơ sở Mỹ Thành Bắc được thành lập, bao gồm Cấp 1 và Cấp 2. Năm 1994, Cấp 1 được tách ra thành Trường Tiểu học Mỹ Thành Bắc.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 16 đảng viên; nam: 10; nữ: 06; Chi ủy: 03; nam: 03; nữ: 00. Ban Giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 39 công đoàn viên; nam: 21; nữ: 18. Đoàn thanh niên: 08 đoàn viên; nam: 00; nữ: 08. Đội thiếu niên: 243 đội viên; nam: 117; nữ: 126.

Tổng số cán bộ, viên chức: 39; nam: 21; nữ: 18. Tổng số giáo viên: 37; nam: 19; nữ: 18. Cử nhân (đại học): 25; Cử nhân (cao đẳng): 10; Trung học sư phạm: 02.

Tổng số học sinh: 675; nam: 323; nữ: 352.

Tổng diện tích: 17.374 m²; diện tích sử dụng: 4.503 m²

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 20; phòng học: 28; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 02; phòng máy tính: 02; thư viện: 02; sân chơi: 04; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 10.

9. Trường Tiểu học Mỹ Thành Nam

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Mỹ Thành Nam).

Địa chỉ: Ấp 7, xã Mỹ Thành Nam, huyện Cai Lậy, tỉnhTiền Giang

Số điện thoại: 02733775949

Trang thông tin điện tử:

Email: c1mythanhnamcl.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cơ sở Mỹ Thành Nam được thành lập, bao gồm Cấp 1 và Cấp 2. Năm 1994, Cấp 1 được tách ra thành lập Trường Tiểu học Mỹ Thành Nam 1 và Trường Tiểu học Mỹ Thành Nam 2. Năm 2019, hai trường hợp nhất thành Trường Tiểu học Mỹ Thành Nam theo Quyết định số 2715/QĐ-UBND ngày 24/6/2019 của Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy.

Trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 13 đảng viên; nam: 08; nữ: 05; Chi ủy: 03; nam: 03; nữ: 00. Ban Giám hiệu: 03; nam: 03; nữ: 00. Công đoàn: 68 công đoàn viên; nam: 27; nữ: 41. Đoàn thanh niên: 06 đoàn viên; nam: 01; nữ: 05. Đội thiếu niên: 478 đội viên; nam: 253; nữ: 225.

Tổng số cán bộ, viên chức: 68; nam: 27; nữ: 41. Tổng số giáo viên: 64; nam: 25; nữ: 39. Cử nhân (đại học): 43; Cử nhân (cao đẳng): 22; Trung học sư phạm: 03.

Tổng số học sinh: 1.337; nam: 713; nữ: 624.

Tổng diện tích: 11.822 m²; diện tích sử dụng: 2.416 m²

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 08; phòng học: 45; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 02; sân chơi: 02; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 10.

10. Trường Tiểu học Ngũ Hiệp

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Ngũ Hiệp).

Địa chỉ: Ấp Hòa Thinh, xã Ngũ Hiệp, huyện Cai Lậy, tỉnhTiền Giang

Số điện thoại: 02733812069

Trang thông tin điện tử:

Email: c1nguhiepcl.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cơ sở Ngũ Hiệp được thành lập, bao gồm Cấp 1 và Cấp 2. Năm 1994, Cấp 1 được tách ra thành lập Trường Tiểu học Ngũ Hiệp 1 và Trường Tiểu học Ngũ Hiệp 2. Năm 2019, hai trường hợp nhất thành Trường Tiểu học Ngũ Hiệp theo Quyết định số 2712/QĐ-UBND ngày 24/6/2019 của Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 13 đảng viên; nam: 09; nữ: 04; Chi ủy: 03; nam: 02; nữ: 01. Ban Giám hiệu: 03; nam: 02; nữ: 01. Công đoàn: 71 công đoàn viên; nam: 36; nữ: 35. Đoàn thanh niên: 06 đoàn viên; nam: 02; nữ: 04. Đội thiếu niên: 429 đội viên; nam: 226; nữ: 203.

Tổng số cán bộ, viên chức: 71; nam: 36; nữ: 35. Tổng số giáo viên: 69; nam: 34; nữ: 35. Cử nhân (đại học): 60; Cử nhân (cao đẳng): 06; Trung học sư phạm: 03.

Tổng số học sinh: 1.214; nam: 621; nữ: 593.

Tổng diện tích: 20.888 m²; diện tích sử dụng: 15.000 m²

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 10; phòng học: 44; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 02; phòng máy tính: 02; thư viện: 02; sân chơi: 02; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 10.

11. Trường Tiểu học Phú An

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Phú An).

Địa chỉ: Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy, tỉnhTiền Giang

Số điện thoại: 02733823850

Trang thông tin điện tử:

Email: c1phuancl.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cơ sở Phú An được thành lập, bao gồm Cấp 1 và Cấp 2. Năm 1994, Cấp 1 được tách ra thành lập Trường Tiểu học Phú An 1 và Trường Tiểu học Phú An 2. Năm 2020, hai trường hợp nhất thành Trường Tiểu học Ngũ Hiệp theo Quyết định số 3863/QĐ-UBND ngày 31/7/2020 của Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 18 đảng viên; nam: 10; nữ: 08; Chi ủy: 04; nam: 03; nữ: 01. Ban Giám hiệu: 03; nam: 03; nữ: 00. Công đoàn: 60 công đoàn viên; nam: 24; nữ: 36. Đoàn thanh niên: 23 đoàn viên; nam: 03; nữ: 20. Đội thiếu niên: 699 đội viên; nam: 358; nữ: 341.

Tổng số cán bộ, viên chức: 60; nam: 24; nữ: 36. Tổng số giáo viên: 58; nam: 22; nữ: 36. Cử nhân (đại học): 44; Cử nhân (cao đẳng): 09; Trung học sư phạm: 05.

Tổng số học sinh: 1.150; nam: 571; nữ: 579.

Tổng diện tích: 14.099 m²; diện tích sử dụng: 8.600 m²

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 22; phòng học: 38; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 02; phòng máy tính: 03; thư viện: 02; sân chơi: 02; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 08.

12. Trường Tiểu học Phú Cường

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Phú Cường).

Địa chỉ: Ấp 5A, xã Phú Cường, huyện Cai Lậy, tỉnhTiền Giang

Số điện thoại: 02733827366

Trang thông tin điện tử:

Email: c1phucuongcl.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cơ sở Phú Cường được thành lập, bao gồm Cấp 1 và Cấp 2. Năm 1994, Cấp 1 được tách ra thành lập Trường Tiểu học Phú Cường.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 18 đảng viên; nam: 07; nữ: 11; Chi ủy: 05; nam: 02; nữ: 03. Ban Giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 39 công đoàn viên; nam: 15; nữ: 24. Đoàn thanh niên: 09 đoàn viên; nam: 03; nữ: 06. Đội thiếu niên: 367 đội viên; nam: 187; nữ: 180.

Tổng số cán bộ, viên chức: 39; nam: 15; nữ: 24. Tổng số giáo viên: 35; nam: 12; nữ: 23. Cử nhân (đại học): 26; Cử nhân (cao đẳng): 10; Trung học sư phạm: 01.

Tổng số học sinh: 1.150; nam: 571; nữ: 579.

Tổng diện tích: 9.612 m²; diện tích sử dụng: 9.612 m²

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 08; phòng học: 21; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 02; phòng máy tính: 04; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 07.

13. Trường Tiểu học Phú Nhuận

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Phú Nhuận).

Địa chỉ: Ấp Phú Hòa, xã Phú Nhuận, huyện Cai Lậy, tỉnhTiền Giang

Số điện thoại: 02733772006

Trang thông tin điện tử: http// thphunhuanpgdcailay.edu.vn

Email: c1phunhuancl.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cơ sở Phú Nhuận được thành lập, bao gồm Cấp 1 và Cấp 2. Năm 1997, Cấp 1 được tách ra thành lập Trường Tiểu học Phú Nhuận theo Quyết định số 61/QĐ.UB ngày 30/7/1997 của Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 16 đảng viên; nam: 10; nữ: 06; Chi ủy: 03; nam: 03; nữ: 00. Ban Giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 32 công đoàn viên; nam: 17; nữ: 15. Đoàn thanh niên: 05 đoàn viên; nam: 00; nữ: 05. Đội thiếu niên: 179 đội viên; nam: 86; nữ: 93.

Tổng số cán bộ, viên chức: 32; nam: 17; nữ: 15. Tổng số giáo viên: 30; nam: 16; nữ: 14. Cử nhân (đại học): 18; Cử nhân (cao đẳng): 05; Trung học sư phạm: 07.

Tổng số học sinh: 533; nam: 269; nữ: 264.

Tổng diện tích: 10.007 m²; diện tích sử dụng: 7.000 m²

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 07; phòng học: 20; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 05.

14. Trường Tiểu học Tam Bình

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Tam Bình).

Địa chỉ: Ấp Tây Hòa, xã Tam Bình, huyện Cai Lậy, tỉnhTiền Giang

Số điện thoại: 02733828988

Trang thông tin điện tử: http// thtambinhpgdcailay.edu.vn

Email: c1tambinhcl.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cơ sở Phú Nhuận được thành lập, bao gồm Cấp 1 và Cấp 2. Năm 1997, Cấp 1 được tách ra thành lập Trường Tiểu học Tam Bình 1 và Trường Tiểu học Tam Bình 2. Năm 2019, hai trường hợp nhất thành Trường Tiểu học Tam Bình theo Quyết định số 2711/QĐ-UBND ngày 24/6/2019 của Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 13 đảng viên; nam: 08; nữ: 05; Chi ủy: 03; nam: 02; nữ: 01. Ban Giám hiệu: 03; nam: 02; nữ: 01. Công đoàn: 61 công đoàn viên; nam: 34; nữ: 27. Đoàn thanh niên: 06 đoàn viên; nam: 01; nữ: 05. Đội thiếu niên: 718 đội viên; nam: 361; nữ: 357.

Tổng số cán bộ, viên chức: 61; nam: 34; nữ: 27. Tổng số giáo viên: 59; nam: 32; nữ: 27. Thạc sĩ: 01. Cử nhân (đại học): 45; Cử nhân (cao đẳng): 03; Trung học sư phạm: 10.

Tổng số học sinh: 1.204; nam: 617; nữ: 587.

Tổng diện tích: 8.770 m²; diện tích sử dụng: 8.770 m²

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 08; phòng học: 27; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 05; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 05.

15. Trường Tiểu học Tân Phong

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Tân Phong).

Địa chỉ: Ấp Tân Bường A, xã Tân Phong, huyện Cai Lậy, tỉnhTiền Giang

Số điện thoại: 02733810033

Trang thông tin điện tử:

Email: c1tanphongcl.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cơ sở Tân Phong được thành lập, bao gồm Cấp 1 và Cấp 2. Năm 1997, Cấp 1 được tách ra thành lập Trường Tiểu học Tân Phong 1 và Trường Tiểu học Tân Phong 2. Năm 2019, hai trường hợp nhất thành Trường Tiểu học Tân Phong theo Quyết định ngày 01/7/2019 của Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 13 đảng viên; nam: 09; nữ: 04; Chi ủy: 03; nam: 03; nữ: 00. Ban Giám hiệu: 03; nam: 03; nữ: 00. Công đoàn: 54 công đoàn viên; nam: 28; nữ: 26. Đoàn thanh niên: 05 đoàn viên; nam: 01; nữ: 04. Đội thiếu niên: 477 đội viên; nam: 262; nữ: 215.

Tổng số cán bộ, viên chức: 54; nam: 28; nữ: 26. Tổng số giáo viên: 52; nam: 26; nữ: 26. Cử nhân (đại học): 31; Cử nhân (cao đẳng): 08; Trung học sư phạm: 13.

Tổng số học sinh: 808; nam: 437; nữ: 371.

Tổng diện tích: 10.970 m²; diện tích sử dụng: 10.970 m²

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 10; phòng học: 39; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 05.

16. Trường Tiểu học Thạnh Lộc

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Thạnh Lộc).

Địa chỉ: Ấp 2, xã Thạnh Lộc, huyện Cai Lậy, tỉnhTiền Giang

Số điện thoại: 02733813065

Trang thông tin điện tử: http://ththanhloc.pgdcailay.edu.vn

Email: c1thanhloccl.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cơ sở Thạnh Lộc được thành lập, bao gồm Cấp 1 và Cấp 2. Năm 1997, Cấp 1 được tách ra thành lập Trường Tiểu học Thạnh Lộc 1 và Trường Tiểu học Thạnh Lộc 2. Năm 2020, hai trường hợp nhất thành Trường Tiểu học Thạnh Lộc theo Quyết định số 3865/QĐ-UBND ngày 31/7/2020 của Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường ghép với Trường Mầm non Thạnh Lộc có 36 đảng viên; nam: 15; nữ: 21; Chi ủy: 05; nam: 03; nữ: 02. Ban Giám hiệu: 03; nam: 02; nữ: 01. Công đoàn: 54 công đoàn viên; nam: 21; nữ: 33. Đoàn thanh niên: 22 đoàn viên; nam: 07; nữ: 15. Đội thiếu niên: 562 đội viên; nam: 290; nữ: 272.

Tổng số cán bộ, viên chức: 54; nam: 21; nữ: 33. Tổng số giáo viên: 52; nam: 19; nữ: 33. Cử nhân (đại học): 40; Cử nhân (cao đẳng): 09; Trung học sư phạm: 03.

Tổng số học sinh: 935; nam: 486; nữ: 449.

Tổng diện tích: 14.245 m²; diện tích sử dụng: 14.245 m²

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 08; phòng học: 37; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 04; thư viện: 02; sân chơi: 02; khu thể thao: 02; khu vệ sinh: 07.

***Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn địa danh Kinh/Kênh:**

Khái niệm

Kinh/Kênh là dòng dẫn nước do con người tạo ra, nhằm vào nhiều mục đích, trong đó có hai mục đích chính là thủy lợi và giao thông thủy.

1. Kinh Kênh Hai Tân - Ông Mười

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Thứ và tên người (Hai Tân).

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Giới tính và tên người (Ông Mười).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Tam Bình, Long Tiên, Mỹ Long, Nhị Mỹ thuộc huyện Cai Lậy; xã Phú Quý, phường Nhị Quý thuộc thị xã Cai Lậy; điểm đầu nối với sông Năm Thôn, điểm cuối nối với kinh/kênh Lộ Đất, dài 12,6 km, bề ngang 20 - 30 m, sâu 2 - 3 m, diện tích phục vụ 3.000 ha.

2. Kinh/Kênh Lộ Giồng Tre

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Công trình xây dựng mang yếu tố Hán Việt (Lộ: 塘 : Đường) + Địa hình thiên nhiên (Giồng: âm trại của "vồng", là khoảng đất nổi cao lên giữa nơi bằng phẳng,

tương đối rộng, có nhiều cát, thích hợp cho việc trồng các loại cây ăn trái và các loại hoa màu, như khoai, đậu, bắp, thuốc lá,…[28]) + Thực vật (Tre).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua xã Đông Hòa Hiệp, huyện Cái Bè; các xã Hiệp Đức, Cẩm Sơn, Bình Phú thuộc huyện Cai Lậy; điểm đầu nối với Sông Tiền, điểm cuối nối với kinh/kênh Xáng Mới, dài 10,55 km, bề ngang 10 - 25 m, sâu 1,0 - 3,0 m, diện tích phục vụ 625 ha.

3. Kinh/Kênh Một Thước

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Kích thước (Một Thước).

Kinh/Kênh lấy nước từ rạch Bà Tồn qua các xã Mỹ Thành Nam, Mỹ Thành Bắc của huyện Cai Lậy và xã Hội Cư, Hậu Mỹ Trinh của huyện Cái Bè . Điểm đầu tại xã Mỹ Thành Nam (huyện Cai Lậy) và điểm cuối giáp Kinh/Kênh 9 của xã Hậu Mỹ Trinh (huyện Cái Bè), dài 10 km, bề ngang 25 - 35 m, sâu 2 - 6 m, diện tích phục vụ 1.787 ha.

4. Kinh/Kênh Mỹ Long - Bà Kỳ

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Địa danh hành chính (xã Mỹ Long).

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Giới tính và tên người (Bà Kỳ).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua xã Mỹ Long, huyện Cai Lậy; phường Nhị Quí, các xã Tân Hội, Tân Phú, Mỹ Hạnh Đông thuộc thị xã Cai Lậy; điểm đầu nối với rạch Bang Lợi, điểm cuối nối với kinh/kênh Nguyễn Văn Tiếp , dài 14,58 km, bề ngang 25 - 40 m, sâu 1,5 - 3,0 m, diện tích phục vụ 3.383 ha.

5. Kinh/Kênh Nguyễn Văn Tiếp

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Họ và tên nhân vật lịch sử (Nguyễn Văn Tiếp).

Tiểu sử nhân vật Nguyễn Văn Tiếp:

Nguyễn Văn Tiếp sinh năm 1900 tại làng Long Phú, quận Trung Quận, tỉnh Chợ Lớn (nay là xã Thanh Phú, huyện Bến Lức, tỉnh Long An) trong một gia đình trí thức yêu nước.

Thuở nhỏ, ông được gia đình cho lên Sài Gòn học tập. Do có điều kiện tiếp xúc với sách báo tiến bộ và chịu sự tác động của các phong trào đấu tranh chống chính quyền thực dân Pháp, nên ông sớm có tư tưởng yêu nước và cách mạng.

---

[28] Lê Trung Hoa (1991), *Địa danh Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Khoa học xã hội, trang 91.

Sau khi tốt nghiệp trường sư phạm, ông làm giáo viên tại trường tiểu học Thanh Hà (Bến Lức). Trong khoảng thời gian này, ông tích cực tham gia các phong trào yêu nước đang diễn ra sôi nổi ở Nam bộ, như phong trào Hội kín Nguyễn An Ninh, phong trào đấu tranh đòi chính quyền Pháp trả tự do nhà yêu nước Phan Bội Châu (1925), phong trào để tang và truy điệu chí sĩ Phan Châu Trinh (1926),… Sau đó, ông bị Pháp bắt và giam ở Cần Thơ; nhưng do không có chứng cớ nên bọn chúng đành phải thả ông ra.

Năm 1929, ông gia nhập tổ chức An Nam Cộng sản Đảng. Sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (tháng 2-1930), ông được cử làm Bí thư chi bộ làng Long Phú (tháng 4-1930). Đây là một trong số mấy chi bộ được thành lập sớm nhất ở tỉnh Chợ Lớn. Tháng 5-1930, ông chỉ huy hàng trăm nông dân tiến vào quận lỵ Trung Quận (nay là thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lực, tỉnh Long An) đấu tranh đòi giảm sưu thuế. Sau cuộc biểu tình này, ông bị thực dân Pháp bắt và xử án tù chung thân đày Côn Đảo. Ở trong tù, mặc dù bị đày ải đến độ cùng cực; nhưng ông vẫn giữ vững tinh thần lạc quan cách mạng, một lòng một dạ trung thành với Tổ quốc, Đảng và nhân dân.

Cuối năm 1936, do áp lực của phong trào cách mạng trong cả nước và của Mặt trận Nhân dân ở Pháp, ông cùng với nhiều tù chính trị khác được trả tự do. Vừa mới ra tù, ông lại lao vào hoạt động cách mạng. Tháng 11-1940, ông tham gia cuộc khởi nghĩa Nam kỳ tại quê nhà. Cuộc khởi nghĩa bị thực dân Pháp đàn áp dã man. Một lần nữa, ông bị địch bắt; rồi sau đó, lãnh án khổ sai chung thân tại Côn Đảo.

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, ông và những người tù cộng sản được Đảng rước về đất liền. Lúc này, thực dân Pháp đang lăm le quay trở lại xâm lược Nam bộ. Với tinh thần tiến công cách mạng, không cho phép mình được nghỉ ngơi , ông hăng hái hoạt động và chấp hành nghiêm chỉnh mọi sự phân công của tổ chức.

Tháng 10-1945, ông được cấp trên tin tưởng cử làm Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chánh tỉnh Mỹ Tho kiêm Ủy viên Ủy ban Kháng chiến Hành chánh Nam Bộ và Xứ ủy viên Xứ ủy Nam bộ. Với trọng trách đó, ông là một trong những cán bộ lãnh đạo trọng yếu chỉ đạo phong trào kháng chiến của nhân dân tỉnh Mỹ Tho nói riêng và Khu 8 nói chung ngày càng phát triển mạnh mẽ, trong đó có những chiến thắng vang dội trên toàn quốc, như chiến thắng Cổ Cò (tháng 1-1947), chiến thắng Giồng Dứa (tháng 4-1947),…

Tháng 5-1947, trong khi đang chủ trì một cuộc họp quan trọng của tỉnh Mỹ Tho trong vùng căn cứ Đồng Tháp Mười, ông bị bệnh bất ngờ và qua đời.

Để ghi nhớ công lao của ông, theo đề nghị của Ủy ban Kháng chiến Hành chánh tỉnh Mỹ Tho, Ủy ban Kháng chiến Hành chánh Nam bộ đã lấy tên của ông đặt cho một con kinh từ Đồng Tháp Mười đổ ra sông Tiền, thay cho tên kinh Tổng đốc Lộc.

Đó là kinh Nguyễn Văn Tiếp, một con kinh có tầm quan trọng về nhiều mặt đối với khu vực Đồng Tháp Mười. Đồng thời, một tiểu đoàn chủ lực thuộc trung đoàn 308 của Quân khu 8 cũng được mang tên ông. Hiện nay, tên ông được đặt tên trường trung học phổ thông ở huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang; tên đường ở thành phố Tân An và huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Phần mộ của ông tọa lạc tại Ấp Bắc, xã Tân Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Kinh/Kênh Nguyễn Văn Tiếp không chỉ đóng vai trò quan trọng trong việc khai hoang phục hóa vùng Đồng Tháp Mười mà còn gắn với những giai đoạn lịch sử quan trọng của đất nước.

Kinh/Kênh Nguyễn Văn Tiếp cho đến cuối thế kỷ XVIII chỉ là một con rạch nhỏ bắt nguồn từ sông Vàm Cỏ Tây, ăn sâu vô Đồng Tháp Mười khoảng vài km với tên gọi Rạch Chanh (Đăng Giang). Kinh/Kênh Nguyễn Văn Tiếp do đô đốc Đặng Trấn của nhà Tây Sơn cho đào năm Ất Tỵ 1785, khi đó gọi là kinh/kênh mới Rạch Chanh (Tranh giang Tân kinh). Vì đào kinh ngang qua Bàu Bèo nên dân gian khi đó quen gọi là kinh/kênh Bàu Bèo, lâu ngày nói trại thành kinh/kênh Bà Bèo. Mục đích của nhà Tây Sơn đào kinh/kênh này nhằm phục vụ cho việc hành quân, nhưng cũng nhờ nó mà việc đi lại của người dân thuận lợi hơn, phục vụ tốt cho việc khai hoang xây dựng vùng đất mới. Từ đó, người dân đến định cư ở 2 bờ kinh/kênh ngày một nhiều, tạo nên sự sung túc cho cả khu vực. Con kinh/kênh này thường bị lấp cạn do tiếp giáp với Đồng Tháp Mười nên dưới thời vua Minh Mạng nó được nạo vét cho rộng thêm.

Đến thời Pháp, rồi Mỹ - chính quyền Sài Gòn nhận thấy tầm quan trọng của con kinh/kênh này về kinh tế lẫn quân sự nên cho xáng nạo vét sâu, rộng hơn nữa. Thời đầu, thực dân Pháp gọi đây là "Arroyo Commercial" (kinh/kênh Thương Mãi), sau do Tổng đốc Trần Bá Lộc chỉ huy nạo vét thêm nên có giai đoạn được gọi là kinh/kênh Tổng đốc Lộc.

Quyển *Địa chí Tiền Giang (2007)* viết: "Năm 1896, Tổng đốc Lộc (Trần Bá Lộc) cho đào một con kinh/kênh lớn dài 45 km, rộng 10 m. Bắt đầu từ rạch Bà Bèo (Arroyo Commercial), đào thời Tây Sơn, bao quanh cả vùng Mỹ Tho đổ ra rạch Ruộng gần Sa Đéc. Để phục vụ cho công trình này, dân phu phải đào 3 con kinh/kênh nhỏ, đi từ Cái Thia, Trà Lọt, Cái Bè, lấy lối vào kinh/kênh chính, dài tổng cộng 81 km, trong điều kiện cực kỳ khó khăn. Kênh/Kinh đi qua vùng hoàn toàn không có người ở, phải tiếp tế lương thực, thuốc men và nước sinh hoạt cho dân phu. Đào xong 3 con kinh/kênh mở lối này mới dùng thuyền tiếp tế các nhu yếu phẩm nói trên cho việc đào con kinh/kênh chính. Tháng 4 - 1897, kinh/kênh được chủ tỉnh Mỹ Tho Paul Bocquillon tổ chức khánh thành và tháng 7 năm đó được Toàn quyền Paul Doummer chấp thuận đặt tên là kinh/kênh Tổng Đốc Lộc - người khởi xướng và chỉ huy đào kinh".

Khi mới đào xong kinh/kênh Tổng đốc Lộc, thực dân Pháp và Trần Bá Lộc đã chiêu mộ dân nghèo đến làm ăn, khẩn hoang. Năm 1898, chúng tiếp tục cho đào các kinh/kênh nhỏ, việc khai hoang càng phát đạt. Nhưng công cuộc đào kinh/kênh cũng chỉ dừng lại ở đó, không củng cố và phát triển thêm. Năm 1904 hai trận bão liên tiếp vào ngày 1 tháng 5 và 2 tháng 11 kèm theo lụt lớn đã tàn phá hết mùa màng, nhà cửa, bồi lấp kinh/kênh rạch làm cho phần lớn dân cư bỏ đi đến các vùng dễ làm ăn như miệt Hậu Giang. Bão lũ là nguyên nhân trực tiếp; nhưng thực tế là do lâu ngày kinh mương không được đầu tư tu bổ.

Vào đầu thế kỷ XX, cùng với hàng loạt kinh/kênh rạch khác trong Đồng Tháp Mười, Pháp cho nạo vét lại con kinh/kênh này, từ Rạch Chanh thẳng lên Bà Bèo. Xuất phát từ kinh/kênh Tổng đốc Lộc tại đầu nguồn rạch Cái Nứa, Pháp cho đào một con kinh/kênh thẳng về hướng Tây trong Đồng Tháp Mười, xuyên qua huyện Tháp Mười và Cao Lãnh để ra sông Tiền, dài 60 km. Để thuận tiện giao thông đường thủy, người Pháp đào con kinh thẳng, chứ không theo kinh/kênh cũ cong quẹo. Khi hoàn thành người Pháp đặt tên là Arroyo Commercial (kinh/kênh Thương Mãi) và kinh/kênh này giữ vai trò thông thương giữa miền Tây và Sài Gòn. Ngoài ra, kinh này cũng giữ vị trí chiến lược về mặt quân sự. Vị trí chiến lược này đặc biệt quan trọng trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược Nam bộ lần thứ 2 (tháng 9-1945). Kinh/Kênh Thương Mãi trở thành hành lang bảo vệ chiến khu trong Đồng Tháp Mười. Quân Pháp tổ chức nhiều đợt bố ráp vào trong Đồng Tháp Mười xuất phát từ con kinh/kênh này trong những năm 1947 - 1948.

Vê tên kinh/kênh, đến khi Cách mạng tháng Tám (1945) thành công, tên kinh/kênh Tổng đốc Lộc mới xóa bỏ. Sau năm 1947, ta đã lấy tên đồng chí Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Mỹ Tho vừa mới hy sinh để đặt cho con kinh/kênh này - kinh/kênh Nguyễn Văn Tiếp. Năm 1957, Ngô Đình Diệm đổi lại thành kinh/kênh Tháp Mười. Từ sau năm 1975, tên đồng chí Nguyễn Văn Tiếp lại được đặt cho con kinh này.

Những năm 1980, với chủ trương tiến công vào Đồng Tháp Mười, kinh/kênh Nguyễn Văn Tiếp được nạo vét và mở rộng một lần nữa (rộng 50 m); đồng thời xây dựng một con đập ở đoạn giáp với sông Vàm Cỏ, gọi là cống đập Rạch Chanh. Dọc bờ kinh Nguyễn Văn Tiếp là đê bao chống lũ mang tên Đê 19 tháng 5 với nhiều đập nhỏ dùng để tháo chua, ngăn lũ như: đập Rạch Gốc, Cống Tượng, Cầu Quán… Dọc bờ Bắc là Đường Tỉnh 865 xuyên qua địa phận các huyện Tân Phước, Cai Lậy, Cái Bè (Tiền Giang) đến thị trấn Mỹ An (huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp).

Kinh/Kênh Nguyễn Văn Tiếp là kinh/kênh dài nhất tỉnh Tiền Giang, chảy qua 4 huyện: Cái Bè, Cai Lậy, Tân Phước, Châu Thành, dài 66 km, bề ngang 40 m, độ sâu trung bình 4 - 5 m. Trong đó, đoạn kinh/kênh từ rạch Ruộng chạy lên phía đông bắc gọi là kênh Nguyễn Văn Tiếp B dài 20,4 km, đoạn rẽ về phía đông nối với sông Vàm Cỏ Tây gọi là Nguyễn Văn Tiếp A dài 45,5 km. Kinh/Kênh Nguyễn

Văn Tiếp B cũng là ranh giới tự nhiên giữa tỉnh Tiền Giang với Đồng Tháp. Kinh/Kinh được nạo vét nhiều lần, nhất là năm 2000 để lấy đất đắp đê ngăn lũ.

6. Kinh/Kênh Hai Hạt - Trương Văn Sanh (Huyện Cai Lậy và huyện Cái Bè)

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Số lượng (Hai) + Đơn vị hành chính dưới thời Pháp thuộc (Hạt Tham biện, gọi tắt là Hạt) + Họ và tên người (Trương Văn Sanh).

Kinh/Kênh Hai Hạt - Trương Văn Sanh (đoạn chảy trên địa bàn huyện Cai Lậy và huyện Cái Bè) xuyên qua xã Phú Cường, huyện Cai Lậy và xã Hậu Mỹ Bắc B, huyện Cái Bè; điểm đầu nối với Kinh/Kênh 12, điểm cuối nối với Kinh/Kênh 6, dài 15,66 km, bề ngang 20 - 30 m, sâu 1,5 - 2,0 m, diện tích phục vụ 280 ha, được đào năm 1990.

7. Kinh/Kênh 10

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Số hiệu (10).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua xã Mỹ Thành Nam, huyện Cai Lậy; điểm đầu nối với Ngã 5 Kênh 10, điểm cuối nối với kinh/kênh Hai Hạt, dài 11,5 km, bề ngang 25 - 40 m, sâu 2 - 4 m, diện tích phục vụ 1.150 ha; được đào năm 2001.

8. Kinh/Kênh 12

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Số hiệu (12).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Hội Xuân, Cẩm Sơn, Phú Cường thuộc huyện Cai Lậy; các xã Thanh Hòa, Mỹ Phước Tây, Mỹ Hạnh Trung thuộc thị xã Cai Lậy; điểm đầu nối với sông Tiền, điểm cuối nối với kinh/kênh Hai Hạt và kinh/kênh Trương Văn Sanh, dài 30,89 km, bề ngang 40 - 60 m, sâu 3,0 - 7,0 m, diện tích phục vụ 4.603 ha.

Nghiên cứu địa danh tín ngưỡng, tôn giáo:

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên Đình:**

Khái niệm Đình (chữ Hán: 亭): là công trình trong tổng thể kiến trúc làng Việt Nam.

Đình Số thứ tự làng là nơi thờ Thành hoàng làng (là người thành lập làng hay có công với làng), đồng thời là nơi hội họp, bàn việc của dân làng. Đình được coi là trung tâm sinh hoạt văn hóa gắn bó với một cộng đồng cư dân và mang đặc trưng của nền văn minh lúa nước Việt Nam.

1. Đình Bình Phú

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính (Thị trấn Bình Phú)

Đình Bình Phú tọa lạc thị trấn Bình Phú, huyện Cai Lậy, được xây dựng khoảng năm 1785. Từ ngày thành lập cho đến nay, trải qua nhiều lần trùng tu, sửa chữa, đáng chú ý nhất là lần trùng tu vào năm 1995 - 1996 đình có diện mạo khang trang như ngày nay. Đình thờ Phi vận tướng quân Nguyễn Phục[29], ngoài ra còn thờ ba vị vua nhà Lê là Lê Thái Tổ, Lê Thái Tông, Lê Thánh Tông và thờ các vị tổ tiên của nhà Nguyễn từ Thái sư Hưng quốc công Nguyễn Kim đến các vị chúa Nguyễn. Đình có nhiều di vật giá trị như: đôi long trụ, hoành phi, câu đối được chạm trổ công phu, 06 sắc phong của vua Thiệu Trị và vua Tự Đức.

Đình được xây dựng theo lối chữ Tam (≡), diện tích 621,43 m², gồm có: nhà thờ Tiên sư, vỏ ca và chánh điện.

Đình Bình Phú được Ủy ban Nhân dân (UBND) tỉnh Tiền Giang công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 3750/QĐ-UBND ngày 25/11/2016.

2. Đình Cẩm Sơn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính (Xã Cẩm Sơn).

Đình Cẩm Sơn tọa lạc xã Cẩm Sơn, huyện Cai Lậy, được xây dựng vào cuối thế kỷ XVIII. Năm 1924 đình được xây dựng lại. Trong chiến tranh, ngôi đình đã bị tàn phá. Đến năm 2009, Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang chấp thuận cho xã Cẩm Sơn xây dựng lại ngôi đình bằng nguồn kinh phí xã hội hóa.

Nơi đây còn lưu giữ nhiều di vật có giá trị và tập tục sinh hoạt tín ngưỡng độc đáo: Thờ Tổng Thiên Quốc Sư Đại Vương *(Quốc sư, nhà sư thời nhà Lý Thánh Tông có công bình Chiêm Thành thế kỷ thứ 11)*, Đại Càn Quốc Gia Nam Hải *(thần phù hộ người đi biển)*, Chúa Xứ Thánh Nương, Ngũ Hành Nương Nương... và nhiều di vật có giá trị như: 06 sắc phong của vua Thiệu Trị (1845) và vua Tự Đức (1850).

Đình được xây dựng theo kiểu chữ Nhị (=), gồm vỏ quy và chánh điện. Với diện tích 398,76m^2, đình có các hạng mục: Chánh điện, Nhà khói, Bàn thờ Thần

[29] Phi vận tướng quân Nguyễn Phục một vị tướng dưới thời Lê Thánh Tông bị trị tội chết do không vận chuyển lương thảo kịp thời khi quân Đại Việt hành quân đến Chiêm Thành. Sở dĩ, ông không thi hành quân lệnh là do bão biển. Việc làm của ông vừa cứu được lương thảo, vừa cứu được sinh mạng của nhiều binh lính. Sau đó, nhà vua hối hận và xét lại công trạng của ông, sắc cho dân chúng tôn thờ. Ông được xem là vị thần bảo trợ người đi biển.

nông và các Miếu phối tự, được xây dựng bằng vật liệu hiện đại, xây tường, kết cấu bê tông cốt thép, mái lợp tôn thiếc, nền lót gạch men khang trang.

Đình Cẩm Sơn được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 4021/QĐ-UBND ngày 13/12/2018.

3. Đình Hòa An

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính (Ấp Hòa An).

Đình Hòa An tọa lạc tại ấp Hòa An, xã Ngũ Hiệp, huyện Cai Lậy.

Theo các sắc phong còn lưu giữ, đình Hòa An được thành lập vào giữa thế kỷ XIX.

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và đế quốc Mỹ, đình Hòa An là cơ sở cách mạng quan trọng của huyện và xã: Các vị chức sắc của đình (các ông kế hiền, ông chánh bái…) phần lớn có tham gia Việt Minh chống Pháp; là nơi che chở, nuôi giấu cán bộ cách mạng; là nơi lực lượng thanh niên của xã tập hợp thành lập hội đá banh, tranh thủ thế hợp pháp để hoạt động cách mạng; là cơ sở mở lớp bình dân học vụ. Năm 1960, đình là một trong những nơi phong trào đồng khởi nổi dậy rất mạnh mẽ, tiến hành diệt ác, phá kềm, làm cho bọn tề làng và lực lượng phòng vệ của địch ở xã tan rã, bỏ trốn. Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng thống nhất đất nước 30/4/1975, các cuộc họp của xã đều tổ chức tại đình (đến khi xây dựng trụ sở xã).

Đình có diện tích xây dựng 400m^2 trên diện tích 3.860,8m^2 đất gồm: vỏ ca có diện tích 114 m^2, kết cấu cột kèo theo kiểu tứ trụ; chánh điện có diện tích 132 m^2, được xây dựng theo kiểu tứ trụ gồm 2 tầng mái (cổ lầu); và nhà khói có diện tích 132 m^2, là nơi nấu nướng trong các dịp cúng đình. Hằng năm, đình có 02 lễ cúng: Lễ cúng Hạ điền vào ngày 16 tháng 6 âm lịch; Lễ cúng Thượng điền vào ngày 16 tháng chạp âm lịch.

Đình Hòa An được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 3180/QĐ-UBND ngày 26/10/2020.

4. Đình Phú Sơn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính xưa (Thôn Phú Sơn).

Đình Phú Sơn tọa lạc tại xã Phú An, huyện Cai Lậy.

Đình được xây dựng năm 1915. Về sau, ngôi đình được xây lại lớn hơn bằng gỗ gỗ quý. mái lợp ngói âm dương. Đình được nhiều lần trùng tu: 1936, 1960, 1995, 2000. Đình còn là cơ sở cách mạng quan trọng của xã Phú An trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

Khuôn viên di tích rộng 2.070 m². Đình rộng 443 m^2 gồm: các bàn thờ, miếu thờ ở sân đình, vỏ ca, chánh điện, nhà khói.

Đình thờ thờ Mai Thành hoàng đại vương[30], Cẩn Ma ha Thành hoàng đại vương[31], Văn Khánh hầu Thành hoàng đại vương[32].

Đình Phú Sơn được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 3570/QĐ-UBND ngày 25/11/2016.

5. Đình Phú Thuận Đông

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính xưa (Thôn Phú Thuận Đông).

Đình tọa lạc tại ấp Phú Bình, xã Phú Nhuận, huyện Cai Lậy, được xây dựng khoảng đầu thế kỷ 19.

Theo lời kể của những người cao tuổi, ngôi đình đầu tiên có kết cấu sườn gỗ, vách ván, nền lót gạch, mái ngói, gồm các phần vỏ ca, chánh điện và nhà tiền vãng. Đến năm 1946, vì sợ thực dân Pháp trở lại đóng đồn bót, nhân dân địa phương đã tự nguyện dỡ đình, tiêu thổ kháng chiến. Từ năm 1955 - 1958, ngôi đình được trùng tu. Mấy năm sau bị bom đạn của quân đội Sài Gòn thiêu hủy. Hiện vật còn lại là bàn Thần Nông bên ngoài sân đình được xây dựng năm 1958, một số táng đá cột và 1 chiếc mõ thời kháng Pháp.

Đình Phú Thuận Đông được triều đình nhà Nguyễn cấp 6 đạo sắc phong, bao gồm: 2 đạo sắc Thần Thành hoàng và 2 đạo sắc Thần Đại càn cấp năm Thiệu Trị thứ 5 (1845), 1 đạo sắc Thần Thành hoàng và Thần Đại càn được cấp năm Tự Đức thứ 3 (1850).

Đình là di tích cách mạng, nơi đây là điểm tập hợp lực lượng trong phong trào Đông Dương đại hội (1936 - 1939) và cuộc Nam Kỳ khởi nghĩa (tháng 11/1940). Trong giai đoạn kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, từ năm 1971 đến năm 1974, Văn phòng Huyện ủy Cai Lậy Bắc về đóng căn cứ ở đây. Cơ quan Ban Tuyên giáo

---

[30] Mai Thành hoàng đại vương là Mai Văn An, nguyên là lính vũ lâm thời nhà Lê, chết trận trong lúc hành quân đến Chiêm Thành, nổi tiếng linh thiêng, được dân làng Thủy Lan, h. Lệ Thủy, t. Quảng Trị lập miếu thờ.

[31] Cẩn Ma ha Thành hoàng đại vương là một vị thần của dân tộc Chăm. Ma ha có nghĩa là Ông Lớn.

[32] Văn Khánh hầu Thành hoàng đại vương là Nguyễn Phúc Kỳ, con của chúa Nguyễn Phúc Nguyên. Năm 1614, ông được cử làm Trấn thủ dinh Quảng Nam. Trong thời gian ông trị nhậm, dinh Quảng Nam được bảo vệ vững chắc, nhiều nơi hoang vu được khai phá, phát triển cả về kinh tế lẫn văn hóa. Ông mất năm 1631, được truy tặng Thiếu Bảo Khánh Quận công.

Khu ủy Sài Gòn - Gia Định, Trường Thiếu sinh quân Trừ Văn Thố, Quân y huyện… cũng từng đóng quân ở đây.

Đình Phú Thuận Đông được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 3180/QĐ-UBND ngày 26/10/2022.

6. Đình Giai Phú

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chí xưa (Thôn Giai Phú).

Đình Giai Phú tọa lạc ấp 5, xã Mỹ Thành Nam, huyện Cai Lậy, được xây dựng vào thế kỷ giữa thế kỷ 19. Đình còn có tên gọi khác là đình Cả Gáo (đọc trại từ Cái Gáo), do vùng này xưa kia mọc rất nhiều cây gáo - một loại cây lấy gỗ khá phổ biến ở vùng Đồng Tháp Mười. Năm 1852, đình được vua Tự Đức ban sắc phong nhưng sắc phong đã bị cháy trong một lần giặc Pháp đốt phá đình.

Không chỉ là nơi cúng bái của người dân địa phương, đình Giai Phú còn là di tích lịch sử cách mạng của huyện Cai Lậy trong 2 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Tại đây đã diễn ra các cuộc hội họp bí mật của cách mạng; từng là trụ sở Ủy ban Hành chánh kháng chiến huyện Cai Lậy, Ủy ban Nhân dân cách mạng và Ủy ban Mặt trận dân tộc giải phóng xã Mỹ Thành và là nơi thường xuyên tổ chức các lớp bình dân học vụ.

Đình Giai Phú đã nhiều lần bị giặc đốt phá và được dân làng xây cất lại bằng tre lá để tổ chức lễ cúng đình hàng năm. Năm 1979, đình được xây mới bằng bê tông, mái lợp tôn, nền lát gạch men. Năm 2012, ngôi đình được trùng tu khang trang như ngày nay dựa theo kiến trúc của ngôi đình Nam bộ xưa, với vỏ ca, chánh điện, nhà khói và sân đình, diện tích 148 m². Đình thờ Thành hoàng làng và tiền hiền khai khẩn, hậu hiền khai cơ. Ngoài ra, còn có bàn thờ Thần nông, bàn thờ Tiên sư và bia ghi danh 57 liệt sĩ của Ấp 5.

Lễ cúng đình được tổ chức 3 kỳ trong năm: ngày 16, 17 tháng 4 (gọi là lễ Hạ Điền); ngày 11, 12 tháng 12 (lễ Thượng Điền) và cúng ốm đau dịch tễ vào ngày mùng 7 tháng Giêng âm lịch.

Đình Giai Phú được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 2711/QĐ-UBND ngày 30/10/2014.

7. Đình Long Trung

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính (xã Long Trung).

Đình Long Trung tọa lạc tại xã Long Trung, huyện Cai Lậy, được xây dựng khoảng đầu thế kỷ 19.

Đình Long Trung thuộc loại hình kiến trúc nghệ thuật cổ, có giá trị về lịch sử. Theo sắc phong của Triều Nguyễn vào năm 1841 (thời vua Thiệu Trị) phong cho

Thần làng Mỹ Đông Trung (nay là xã Long Trung) là Thượng Đẳng Thần, gồm có 6 lá sắc thần: 03 lá Đại Càn thờ ở Miếu, 03 lá thờ ở đình. Nhìn tổng thể kiến trúc, đình được xây dựng theo dạng chữ tam (≡) gồm 3 dãy nhà ngang: vỏ ca, chánh điện, hậu đường đều được xây dựng bằng các loại gỗ quí, gạch ngói và chất kết dính là hồ ô dước theo kỹ thuật truyền thống; kèo cột, xiên trích và bộ sườn của mái kết cấu với nhau bằng hệ thống mộng, chốt rất tinh vi và sắc sảo. Bên trong đình được trang trí các bao lam, cửa võng, các tấm hoành phi, câu đối, các bàn thờ… được chạm trỗ công phu, tinh xảo, đặc sắc.

Đình Long Trung còn lưu giữ nhiều di sản văn hoá vật thể và phi vật thể rất độc đáo ở Tiền Giang. Đặc biệt là các tấm hoành chạm 3 lớp kết hợp với các tượng tròn trang trí bên trên, các nghi thức tế lễ và lễ hội chưng nghi của nhân dân vào ngày 16/11 (âm lịch) hàng năm.

Mỗi năm đình có 03 lần cúng vào các ngày 12/01; 16-17/11 và 12/12 (âm lịch). Lần cúng vào ngày 16-17/11 là lệ cúng Kỳ Yên. Đây là lần cúng quan trọng và lớn nhất ở Đình Long Trung. Trong lần cúng này có tổ chức trưng bày những tác phẩm chưng kết, hoa kiểng, mâm ngũ quả… là những nông sản của nhân dân địa phương làm ra, đồng thời trong lễ hội Kỳ Yên cũng là dịp trao đổi kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp.

Đình Long Trung được Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận là Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Quốc gia theo Quyết định số 61/1999/QĐ-BVHTT ngày 13/9/1999.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên Chùa:**

Khái niệm Chùa

Chùa là cơ sở hoạt động và truyền bá Phật giáo, là nơi tập trung sinh hoạt, tu hành và thuyết giảng đạo Phật của các nhà sư, tăng, ni. Mọi người kể cả tín đồ hay người không theo đạo đều có thể đến thăm viếng, nghe giảng kinh hay thực hành các nghi lễ Phật giáo.

Chùa Phước Sơn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chùa) + Từ Hán Việt (Phước Sơn).

Chùa Phước Sơn tọa lạc tại xã Mỹ Thành Nam, huyện Cai Lậy, được xây dựng vào cuối thế kỷ 19. Trong thời kháng chiến chống thực dân Pháp, chùa bị quân Pháp tàn phá hoàn toàn. Nhân dân dựng lại vào năm 1960. Đến năm 1965, do chiến tranh, chùa được dời ra đồng. Năm 1972, chùa dời về vị trí hiện nay. Năm 1978, phật tử tại chợ An Đông, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh thỉnh 04 tượng Phật về tôn trí ở chùa. Năm 1980, ngôi chùa được trùng tu. Khuôn viên Chùa Phước Sơn có diện tích 3.127,6 m^2, gồm: Chánh điện, Hậu tổ, nhà bếp, nhà ăn.

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ cứu nước, Chùa Phước Sơn là cơ sở cách mạng quan trọng của xã Mỹ Thành Nam và của huyện Cai Lậy. Đây là nơi được sử dụng làm xưởng chế tạo vũ khí, từng là nơi đóng quân của Tiểu đoàn 307, Tiểu đoàn 261, Tiểu đoàn Đặc công 283 và lực lượng cách mạng địa phương.

Chùa được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 4021/QĐ-UBND ngày 13/12/2018.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên thánh thất:**

Khái niệm:

Thánh thất: là nhà thờ Đức Chí Tôn (Đấng Cao Đài) và các vị Thần, Thánh, Tiên, Phật. Hay còn gọi là ngôi nhà của chư thánh. Tại mỗi Tộc đạo (Họ đạo) đều phải xây dựng một Thánh thất để làm đền thờ Đức Chí Tôn và làm nơi tín ngưỡng cho bổn đạo địa phương.

1. Thánh thất Bình Phú

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Bình Phú).

Thánh thất Bình Phú được xây dựng năm 1935, xây dựng mới năm 2009, tọa lạc tại ấp Bình Quới, thị trấn Bình Phú, huyện Cai Lậy.

2. Thánh thất Long Tiên

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chánh (xã Long Tiên).

Thánh thất Long Tiên được xây dựng năm 1965, xây dựng mới năm 1990, tọa lạc tại ấp Mỹ Thạnh A, xã Long Tiên, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

3. Thánh thất Phú Cường - Thạnh Lộc

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Phú Cường - xã Thạnh Lộc).

Thánh thất Phú Cường - Thạnh Lộc được xây dựng năm 1958, xây dựng mới năm 2011, tọa lạc tại xã Phú Cường, huyện Cai Lậy.

4. Thánh thất Tam Bình

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Tam Bình).

Thánh thất Tam Bình được xây dựng năm 1955, tọa lạc tại ấp Bình Thuận, xã Tam Bình, huyện Cai Lậy.

5. Thánh thất Tân Phong

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Tân Phong).

Thánh thất Tân Phon, được xây dựng năm 1955, tọa lạc tại ấp Tân Bường A, xã Tân Phong, huyện Cai Lậy.

Nghiên cứu địa danh chỉ vùng:

*** Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên xóm:**

Khái niệm:

Xóm: là nơi quần tụ những hộ gia đình sinh sống gần nhau, có hoặc không có mối quan hệ họ hàng với nhau.

1. Xóm Chòi

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Công trình xây dựng (Chòi: Nhà nhỏ được dựng sơ sài trên cây cao, thường dùng làm nơi canh phòng).

Vào giữa thế kỷ 18, ông Hồ Đắc Lại từ Xứ Truồi - Huế (nay thuộc hai xã Lộc An và Lộc Điền, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên - Huế) di cư vào thôn Mỹ Đông Trung (nay là xã Long Trung, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang) khẩn hoang, lập nghiệp. Khi mới đến vùng đất mới, do có nhiều thú dữ, nhất là cọp và rắn, nên ông dựng chòi trên cây cao để cư trú. Về sau, người dân đến khai hoang ngày càng nhiều. Từ đó, hình thành nên Xóm Chòi. Ông Hồ Đắc Lại và vợ được dân gian gọi là ông Chòi, bà Chòi.

Địa danh này liên quan đến trận đánh bọn biệt kích quân đội Sài Gòn ngày 26/01/1968 của Tiểu đoàn 514 Tỉnh đội Mỹ Tho. Trận đánh này, ta tiêu diệt khoảng 100 tên địch (trong đó có 05 cố vấn Mỹ), bắn rơi 01 chiếc máy bay trực thăng, thu 100 súng các loại và 07 máy truyền tin PRC25. Chiến thắng Xóm Chòi tạo điều kiện thuận lợi cho lực lương vũ trang huyện Cai Lậy phát triển mạnh mẽ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ sau cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968.

2. Xóm Tre

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Thực vật (Cây tre).

Xóm Tre là xóm nhà có nhiều bụi tre. Ở tỉnh Tiền Giang có 02 địa danh Xóm Tre, gồm:

- Xóm Tre (Thành phố Mỹ Tho): Tọa lạc tại Phường 5, thành phố Mỹ Tho. Nơi đây là căn cứ lõm (căn cứ cách mạng nằm sâu trong vùng địch tạm chiếm, có quy mô nhỏ) của lực lượng du kích Phường 5 trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975).

- Xóm Tre (Huyện Cai Lậy): Tọa lạc tại xã Long Tiên, huyện Cai Lậy. Tại đây, đêm 24 rạng sáng ngày 25/7/1967, Tiểu đoàn 514 Tỉnh đội Mỹ Tho tập kích Sở chỉ huy hành quân của Tiểu đoàn 2 thuộc Sư đoàn 9 Mỹ, tiêu diệt hơn 100 lính Mỹ, thu 160 súng các loại, 03 máy truyền tin PRC25 và thu hồi toàn bộ số súng mà địch lấy được của Tiểu đoàn 263 (chủ lực Quân khu 8) ngày 23/7/1967. Đây là trận đánh trực tiếp với lính Mỹ giành được thắng lợi giòn giã nhất của Tiểu đoàn 514 trên chiến trường Mỹ Tho năm 1967.

*** Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên xứ:**

Khái niệm:

Theo *Từ điển Tiếng Việt phổ thông* của Viện Ngôn ngữ học, Xứ là khu vực địa lý có chung một số đặc điểm tự nhiên hoặc xã hội nào đó.

1. Xứ Ba Rài

Xứ Ba Rài là địa danh xưa, được ghi trong *Địa bạ Minh Mạng năm 1836*, tọa lạc ở thôn Tân Hội và thôn Cẩm Sơn, tổng Lợi Trường, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến Tường, tỉnh Định Tường, nay thuộc xã Tân Hội, thị xã Cai Lậy và xã Cẩm Sơn, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xứ) + Địa danh Việt gốc Khmer (Ba Rài: Theo Vương Hồng Sển, Ba Rài là "hồ chứa nước lớn để dùng vào việc dẫn thủy nhập điền"[33]. Theo quyển *Địa chí Tiền Giang*, Ba Rài có nghĩa là "hồ chứa nước ngọt"[34].

Xứ Ba Rài là vùng đất có hồ lớn chứa nước ngọt. Xứ Ba Rài có liên quan đến chiến thắng Ba Rài ngày 15/9/1967 tại xã Cẩm Sơn, huyện Cai Lậy. Chiến thắng này có ý nghĩa vô cùng to lớn trong tiến trình cách mạng miền Nam. Đây là trận đánh tiêu diệt sinh lực địch, tàu chiến và phương tiện chiến tranh của Mỹ nhiều nhất ở đồng bằng sông Cửu Long; thể hiện sự lãnh đạo, chỉ đạo đúng đắn sáng tạo, năng động, đầy quyết tâm của Khu ủy Khu 8 và Tỉnh ủy Mỹ Tho trong giai đoạn đối đầu với chiến lược "chiến tranh cục bộ" của địch. Đồng thời, chiến thắng Ba Rài đánh dấu bước trưởng thành vượt bật của lực lượng võ trang tỉnh Mỹ Tho và Khu 8, tạo ra nền tảng vững chắc để bộ đội ta lập nên những chiến thắng lẫy lừng sau đó. Nếu chiến thắng Ấp Bắc ngày 2/1/1963 làm thất bại chiến thuật cơ động bằng xe bọc thép và máy bay trực thăng (chiến thuật "thiết xa vận", "trực thăng vận"), báo hiệu sự phá sản tất yếu của chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của Mỹ - ngụy, thì chiến thắng Ba Rài là chiến thắng của một trận đột phá, có tính chất quyết

[33] Vương Hồng Sển (1998), *Tự vị tiếng nói miền Nam*, Nxb Trẻ, trang 48.

[34] Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Quang Ân (2007), *Địa chí Tiền Giang (tập 2)*, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tiền Giang và Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, trang 538.

định trong việc bẻ gãy chiến thuật "Thiết giáp hạm trên sông" của lực lượng hỗn hợp hải lục Mỹ, có không quân và pháo binh yểm trợ tối đa, góp phần quan trọng trong việc đánh bại chiến lược "chiến tranh cục bộ" của đối phương trên toàn chiến trường miền Nam.

2. Xứ Dầu Chai

Xứ Dầu Chai là địa danh xưa, được ghi trong *Địa bạ Minh Mạng năm 1836*, tọa lạc ở thôn Mỹ Đông Thượng, tổng Lợi Trường, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến Tường, tỉnh Định Tường, nay thuộc xã Long Tiên, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xứ) + Vật liệu (Dầu chai: dầu được cất từ nhựa của cây chai dùng để trám chỗ hở của xuồng, ghe).

Xứ Dầu Chai là vùng đất có nghề sản xuất dầu chai.

3. Xứ Nam Mai

Xứ Nam Mai là địa danh xưa, được ghi trong *Địa bạ Minh Mạng năm 1836*, tọa lạc ở thôn Bình Chánh Đông, tổng Lợi Trường, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường, nay thuộc xã Tam Bình, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xứ) + Thực vật (Nam Mai, còn gọi là Bạch mai - Mai trắng hay mai mù u).

Xứ Nam Mai là nơi trồng nhiều cây bạch mai/mai trắng hay mai mù u. Ở Thành phố Hồ Chí Minh có hai địa danh Chùa Cây Mai và Gò Cây Mai là để chỉ loài Bạch Mai. Cảnh gò và chùa cây mai ở đây đã trở thành đề tài xướng họa của nhiều thi nhân trong nửa đầu thế kỷ XIX.

*** Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên khu:**

Khái niệm:

Khu là khoảng đất được giới hạn với những đặc điểm hoặc chức năng riêng, khác với xung quanh.

1. Khu du lịch sinh thái miệt vườn Tân Phong

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Khu) + Loại hình du lịch (Du lịch sinh thái miệt vườn)+ Địa danh hành chính (Xã Tân Phong).

Cù lao Tân Phong nằm trên sông Tiền, phía trên cù lao Năm Thôn, dọc theo chợ nổi Cái Bè, thuộc xã Tân Phong, huyện Cai Lậy, có diện tích tự nhiên là 24,3 km^2 [35].

Trên cù lao có các cồn nhỏ: Cồn Quản Thoi (7,1 ha), cồn Giáo Đôi (2,2 ha), cồn Quản Lý (40,1 ha) ở ấp Tân An, Cồn Giữa (48,2 ha) ở ấp Tân Bường B, Cồn Đại Diện (41,9 ha), Cồn Ngậm (42,7 ha), Cồn Tre (20,2 ha) ở ấp Tân Thái, Cồn Bầu (16,2 ha) ở ấp Tân Bường A, Cồn Trích ở ấp Tân Thiện (23 ha)…

Khác với nhiều cồn, bãi khác trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, ở cù lao Tân Phong đa phần bốn bên đều được đất phù sa bồi, tình trạng bị sạt lở ít xảy ra. Hàng năm các bên bờ của cù lao này đều xuất hiện thêm những diện tích bồi đáng kể. Đặc biệt là ở khu vực hạ lưu hiện nay đã xuất hiện diện tích đất bãi bồi hơn 2 ha. Ở nhiều khu vực khác của cù lao thì đất bồi cũng cách bờ vài chục mét[36].

Cù lao Tân Phong xưa được dân gian gọi là Cồn Cù[37]. Trước năm 1808, cù lao Tân Phong có tên là thôn Tân Cù Bình An, tức cồn mới bình an, thuộc tổng Bình Dương, châu Định Viễn, dinh Long Hồ. Năm 1808, thuộc tổng Vĩnh Trường, huyện Vĩnh Bình, phủ Định Viễn, trấn Vĩnh Thanh. Đến năm 1836, đổi tên thành thôn Tân Phong, thuộc tổng Bình Hưng, huyện Vĩnh Bình, phủ Định Viễn, tỉnh Vĩnh Long. Dưới thời thực dân Pháp, năm 1876, xã cù lao Tân Phong thuộc tổng Bình Hưng, hạt Vĩnh Long. Năm 1890, thuộc tổng Bình Hưng, quận Châu Thành, tỉnh Vĩnh Long. Từ năm 1955 - 1975, về phía chính quyền Sài Gòn, Tân Phong thuộc quận Chợ Lách, tỉnh Vĩnh Long; về phía chính quyền cách mạng, thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho. Sau năm 1975, xã cù lao Tân Phong thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Được phù sa bồi đắp, nước ngọt quanh năm, Tân Phong có vị trí thuận lợi trong việc phát triển kinh tế vườn cũng như nuôi trồng và đánh bắt thủy sản. Cù lao là vùng chuyên canh cây ăn trái (sầu riêng, chôm chôm, mít nghệ,…) và điểm du lịch sinh thái nổi tiếng của huyện Cai Lậy. Hàng năm, cứ vào mỗi dịp lễ, tết, hàng

---

[35] Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Quang Ân (2007), *Địa chí Tiền Giang (tập 2)*, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tiền Giang và Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, trang 554.

[36] Huyện ủy - Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy (2010), *Địa chí Cai Lậy*, Sở Thông tin - Truyền thông Tiền Giang, trang 17.

[37] Trong thần thoại, con cù là con rồng con, mới ló sừng. Nhưng cũng có thuyết cho rằng, con cù giống con rồng nhưng có cặp sừng khủng hơn. Theo tín ngưỡng dân gian, con cù là loài thủy quái gây ra sấm sét, gió mưa và lụt lội.

ngàn lượt du khách từ các nơi thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long lại đến Tân Phong tận hưởng thú vui "tắm cồn". Ngoài các loại trái cây ngon, cù lao Tân Phong còn nổi tiếng với đặc sản ốc gạo. Sách *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức viết: "Ốc gạo vỏ trắng xoáy tròn, lớn bằng ngón tay, khi nấu chín thì dưới yếm của nó lồi ra hạt mỡ trắng như hạt gạo, vị thơm ngon[38]". Ốc gạo ở cù lao Tân Phong sinh sản trên nhiều lưu vực sông Cồn Bầu, Cồn Tre, Cồn Tròn... Đặc biệt, ốc gạo ở Cồn Tre là ngon nhất với ốc to, vỏ màu xanh ngọc, ruột đầy. Ốc gạo đẻ vào khoảng tháng 7 âm lịch năm trước; khoảng tháng 4, tháng 5 âm lịch năm sau là đến mùa thu hoạch. Vào mùa ốc rộ, lưu vực Tân Phong, xuồng ghe tấp nập. Hàng trăm chiếc giăng mắc đan xen nhau náo nhiệt cả vùng. Đến lúc con nước vừa ròng, tiếng tù và nổi lên trầm vang trên mặt sông nước mênh mông là hiệu lệnh mọi người xúm nhau đẩy xuồng ghe ra cào ốc.

2. Khu trù mật Mỹ Phước Tây

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Khu trù mật: khu dồn dân do chính quyền Sài Gòn lập ra vào năm 1959 nhằm tách dân ra khỏi cách mạng. Năm 1962, do thất bại, khu trù mật bị thay thế bởi ấp chiến lược) + Địa danh hành chính (xã Mỹ Phước Tây).

Khu trù mật Mỹ Phước Tây do chính quyền Sài Gòn thành lập năm 1959, tọa lạc tại xã Mỹ Phước Tây, huyện Cai Lậy (nay là xã Mỹ Phước Tây, thị xã Cai Lậy).

Đây thực sự là trại giam lớn, tập trung hàng trăm hộ dân sinh sống chen chút, cực khổ dưới sự o ép, khủng bố của địch. Từ đó, nhân dân trong khu trù mật liên tục đấu tranh đòi trở về thôn xóm cũ.

Liên quan đến khu trù mật này có các hoạt động đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị của ta. Ngày 16/6/1960, địch cho 2 tiểu đoàn biệt động quân và lực lượng phòng vệ Tổng thống phủ, có máy bay, xe thiết giáp, tàu chiến, pháo binh yểm trợ tổ chức càn quét xã Mỹ Phước Tây để chuẩn bị cho việc tổng thống chính quyền Sài Gòn Ngô Đình Diệm đến chủ trì lễ khánh thành Khu trù mật Mỹ Phước Tây.

Sáng ngày 17/6/1960, địch càn quét ở khu vực Gò Đôi, gần kinh/kênh Láng Biển, xã Mỹ Phước Tây. Tại đây, lính địch dàn đội hình, dùng hỏa lực mạnh bắn phá dọn đường hành quân. Trước tình hình đó, 2 trung đội bộ binh thuộc Tiểu đoàn 514 Tỉnh đội Mỹ Tho và lực lượng du kích địa phương đã bí mật phục kích, chờ địch đến gần 50 m, bất ngờ đồng loạt nổ súng; đồng thời, phất cờ xung phong và dùng loa kêu gọi lính địch đầu hàng. Lầm tưởng là đụng phải bộ đội chủ lực của ta,

[38] Trịnh Hoài Đức (1998), *Gia Định thành thông chí*, Đỗ Mộng Khương, Nguyễn Ngọc Tỉnh dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, Nxb Giáo Dục, trang 155.

bọn đi đầu rối loạn hàng ngũ và đầu hàng. Tuy nhiên, do quân đông, hỏa lực mạnh, bọn đi sau chống trả quyết liệt. Đến 16 giờ, lực lượng của ta chủ động rời khỏi trận địa về đến kinh/kênh Hai Hạt an toàn. Trong lúc chiến sự đang diễn ra, du kích xã Mỹ Phước Tây bí mật đột nhập vào khu trù mật, tiêu diệt một tên ác ôn và đốt cháy toàn bộ những dãy nhà "kiểu mẫu" ở đây.

Với trận đánh này, ta đã bẻ gãy cuộc càn quét của địch, tiêu diệt và làm bị thương khoảng 300 tên lính, phá hủy nhiều phương tiện quân sự, bắn cháy 01 máy bay trinh sát L.19. Địch buộc phải thay đổi kế hoạch khánh thành Khu trù mật Mỹ Phước Tây.

Sau đó, ngày 11/6/1961, Nhân dân 5 xã xung quanh Khu trù mật Mỹ Phước Tây tổ chức biểu tình đấu tranh chống địch dồn dân vào khu trù mật. Quận trưởng Cai Lậy cho đại đội lính bảo an quận và lực lượng dân vệ các đồn dọc theo Lộ 12 ra ngăn chặn, bắn chết một phụ nữ tên là Thái Thị Kiểu và làm bị thương 3 người khác. Nhân dân khiêng thi hài của chị Kiểu ra thị trấn Cai Lậy đòi bồi thường nhân mạng, đòi không được càn quét, bắt bớ, gom dân vào khu trù mật. Trước sự đấu tranh quyết liệt của Nhân dân, quận trưởng Cai Lậy buộc phải nhân lỗi, cam kết bồi thưởng thỏa đáng và bỏ việc gom dân. Cuộc biểu tình giành được thắng lợi. Sau đó, địch buộc phải chuyển đổi khu trù mật thành căn cứ quân sự với tên gọi Trại Mỹ Phước Tây.

*** Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên vùng**

Khái niệm:

Vùng là khu vực rộng không có ranh giới rõ ràng.

Vùng giải phóng 20 tháng 7

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Vùng) + Động từ (Giải phóng. *Từ điển Tiếng Việt* ghi nhận *giải phóng* có 4 nghĩa. Đó là: 1. "Làm cho được tự do, cho thoát khỏi bị nước ngoài nô dịch, chiếm đóng"; 2. "Làm cho được tự do, thoát khỏi địa vị nô lệ hoặc tình trạng bị áp bức, kiềm chế, ràng buộc"; 3. "Làm thoát khỏi tình trạng bị vướng mắc, cản trở" và 4. "Làm cho thoát ra một chất nào đó hay năng lượng"[39]) + Sự kiện lịch sử (20 tháng 7: Ngày ký kết Hiệp định Genève, 20/7/1954).

Với khí thế "Thi đua Ấp Bắc giết giặc lập công", đầu năm 1964, kỷ niệm 10 năm ngày chiến thắng Điện Biên Phủ và ký kết Hiệp định Genève (1954-1964), Tỉnh ủy Mỹ Tho quyết tâm lãnh đạo nhân dân nổi dậy mở "Vùng giải phóng 20 tháng 7" bao gồm 14 xã phía Nam Lộ 4 thuộc 2 huyện Cai Lậy (8 xã: Phú An, Cẩm Sơn, Long Trung, Long Tiên, Phú Quí, Nhị Quí, Mỹ Long, Tam Bình) và

[39] Hoàng Phê (chủ biên), *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Hồng Đức, 2020, trang 373.

Châu Thành (6 xã: Bàn Long, Phú Phong, Kim Sơn, Song Thuận, Vĩnh Kim, Long Hưng).

Đó là khu vực đông dân thuộc huyện Cai Lậy và huyện Châu Thành, có vị thế quan trọng đối với lực lượng cách mạng và quân Mỹ - ngụy; là nơi diễn ra cuộc tranh chấp quyết liệt giữa "bình định" của giặc và chống phá bình định của cách mạng nhằm giành quyền kiểm soát, giành đất, giành dân.

Để "bình định", kẻ địch không từ bỏ một thủ đoạn tàn bạo nào hòng khuất phục người dân, buộc họ phải rời bỏ ruộng vườn, nhà cửa vào sống trong "khu trù mật", "ấp chiến lược". Thực hiện điều này, Mỹ - ngụy muốn xóa bỏ hạ tầng cơ sở của chiến tranh nhân dân, bao gồm cơ sở chính trị, căn cứ du kích, vùng giải phóng và triệt phá vùng hậu phương - nơi cung cấp quan trọng tiềm lực cho cuộc kháng chiến của nhân dân ta.

Cuộc chiến tranh giành quyền kiểm soát vùng nông thôn diễn ra dai dẳng, quyết liệt trên tất cả các mặt: Quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa. Trong cuộc đấu tranh này, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, quân dân Vùng giải phóng 20 tháng đã thực hiện phương châm "ba bám" (bám đất, bám dân, bám cơ sở cách mạng), "một tấc không đi, một ly không rời", đẩy mạnh ba mũi giáp công (chính trị, quân sự, binh vận), không ngừng mở rộng quyền làm chủ ở nông thôn, xây dựng xã, ấp chiến đấu thành vùng hậu phương cho cuộc kháng chiến. Vùng giải phóng "20 tháng 7" thật sự trở thành hậu phương tại chỗ của lực lượng cách mạng, của dân quân du kích, bộ đội địa phương và các đơn vị bộ đội chủ lực quân khu và của miền.

*** Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên địa điểm:**

Khái niệm:

Địa điểm là nơi chốn cụ thể tiến hành một hoạt động hoặc phản ánh một sự kiện, một sự việc nào đó.

Địa điểm khảo cổ Chùa Trường Tháp

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Địa điểm) + Một chuyên ngành của Khoa học lịch sử (khảo cổ) + Địa danh chỉ công trình xây dựng (Chùa) + Địa danh Hán Việt (Trường: 長: lâu, dài; Tháp: 塔: Tòa tháp).

Địa điểm khảo cổ Chùa Trường Tháp nằm ở Ấp 2, xã Mỹ Thành Bắc, huyện Cai Lậy. Tại đây, người ta phát hiện nhiều di vật, như gạch, bình gốm, mảnh gồm vỡ, 01 linga, 01 bàn nghiền (pesani), một bệ thờ và ba đoạn của một cột đá có thể là dấu vết kiến trúc của một ngôi tháp,… thuộc Văn hóa Óc Eo, có niên đại từ thế kỷ 7 - thế kỷ 8.

Địa điểm khảo cổ Chùa Trường Tháp được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15 tháng 2 năm 2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

*** Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên miệt:**

Khái niệm:

Miệt để chỉ vùng, miền, nhưng có không gian địa lý nhỏ hơn.

1. Miệt Ba Dừa

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Miệt) + Vị trí (Ngã ba) + Thực vật (Cây dừa).

Trong bài *Tản mạn Ba Dừa*, Nguyễn Ngọc Phan cho biết: "Miệt Ba Dừa gắn liền với tên con rạch nhỏ cùng tên, có lưu vực rộng, tưới mát cả vùng cây ăn trái rộng lớn của cuộc đất ven sông Tiền. Có lẽ vì vậy mà ngày xưa, bọn khai thác thuộc địa của người Pháp đã lưu ý ghi vào tài liệu. Nó có tên là rạch Trà Tân. Ở chỗ nó chia ba, ngã rẽ về hướng bắc, có tên là Ông Bảo, bản đồ xưa gọi là rạch Bà Mương, rạch Bà Bang, không biết từ lúc nào bà đổi thành ông… Ngã xuống Long Tiên nhập vào rạch Ba Dầu, còn dòng nước đổ ra sông Tiền thì đi theo nhiều hướng, có chỗ đi tắt qua xã Hội Xuân, nhập vào rạch Ba Rài gọi là tắt Trà Tân và nhiều nhánh nối qua các con rạch nhỏ chằng chịt, ngoằn ngoèo, khó tìm nơi bắt nguồn, nơi kết thúc.

Theo các vị lão niên, nơi người ta nhớ nhất là rạch Trà Tân, có một ngôi làng cổ xưa nằm trên bờ rạch - làng Trà Tân, tên làng không theo qui củ tiêu chí đặt tên và ngôi chợ cùng tên rất cổ xưa, nay không còn. Năm tháng đi qua, người ta không nhớ và không cần thiết phải nhớ Ba Dừa là cái ngã ba có những cây dừa cao vút. Nên Ba Dừa tồn tại trong ký ức của mọi người là ngôi chợ, là cái đình được công nhận di tích quốc gia và xa rộng hơn là một vùng đất nổi tiếng qua câu hát thời chống Mỹ *"ghé lại Ba Dừa ngọt vị sầu riêng"*, hay qua lời truyền miệng "cây kiểng cổ Ba Dừa".

Miệt Ba Dừa thời chống Mỹ là vùng đất dữ. Trong chiến tranh, đất dữ không nhất thiết là nơi xảy ra những trận đánh ác liệt mà có khi nó là địa bàn cài răng lược, giằng co của ta và địch suốt cuộc chiến. Quân đội Sài Gòn đặt ở đây một chi khu quân sự nhằm kiểm soát con đường chiến thuật xuống bờ sông Tiền, đến tận Mỹ Tho. Sát sườn sào huyệt của địch là địa bàn đứng chân của ta: Ban Tuyên huấn tỉnh, Khu 8 và nhiều đơn vị lực lượng vũ trang, bộ đội chủ lực... Và Ba Dừa trong máu lửa đã được nhiều người biết đến.

Ba Dừa là vùng đất học. Ngoài họ Trần Thế, xã Long Trung còn có những kiếng họ nổi tiếng, như họ Nguyễn Đăng, tiền hiền khai khẩn và họ Hồ Đắc, hậu hiền khai cơ làng Mỹ Đông Trung. Chuyện các khoa bảng lưu danh hậu thế của hai

họ này sẽ nhắc ở dịp khác. Nay xin nói về một nhân sĩ Nho học nổi tiếng ở đất Ba Dừa là cử nhân Đặng Văn Thạnh"[40].

2. Miệt chôm chôm Tân Phong

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Miệt) + Trái cây (Chôm chôm) + Địa danh hành chính (Xã Tân Phong).

Tân Phong là cù lao sông nước thuộc huyện Cai Lậy, có đất phù sa màu mỡ, nước ngọt quanh năm, thích hợp trồng nhiều loại cây ăn trái có giá trị kinh tế cao mà nổi bật là chôm chôm với 550 ha, đây là diện tích trồng chôm chôm lớn nhất tỉnh Tiền Giang.

Cây chôm chôm trồng được nhiều nơi ở Nam Bộ; nhưng có lẽ không nơi đâu cho trái to đẹp, chất lượng ngon ngọt bằng chôm chôm trên đất cù lao Tân Phong. Thương hiệu "chôm chôm Tân Phong" chiếm trọn niềm tin của khách hàng phía Nam nhiều năm nay bởi chất lượng vượt trội.

Giống chôm chôm truyền thống hiện diện từ lâu đời đã làm nên tên tuổi cho miệt vườn Tân Phong là giống chôm chôm Java. Ưu điểm giống chôm chôm này là năng suất cao, dễ chăm sóc, ít sâu bệnh và giá trị kinh tế cao. Thông thường, chôm chôm trồng khoảng 4 năm tuổi trở đi bắt đầu cho thu hoạch với năng suất ổn định. Những năm về sau, vườn cây càng lâu năm, năng suất càng cao.

Để thâm canh chôm chôm đạt hiệu quả, các khâu quan trọng cần chú ý là: Tỉa cành, tạo tán, có chế độ chăm sóc phù hợp, bón nhiều phân hữu cơ hoai mục, biết xử lý để chủ động mùa vụ thu hoạch vừa trúng mùa, trúng giá và bội thu. Chôm chôm Tân Phong đã đạt chứng nhận VietGAP vào năm 2011.

Thịt chôm chôm rất giàu vitamin C, đồng, mangan, các nguyên tố khoáng vi lượng (kali, calcium, sắt,...), protein, chất béo tốt,... nên rất tốt cho sức khỏe. Chôm chôm dùng để ăn tươi hoặc đóng hộp dưới nhiều hình thức, để dự trữ hoặc xuất khẩu. Ngoài ra, chôm chôm còn được chế biến thành nhiều món ngon, như mứt chôm chôm, chè hạt sen chôm chôm, gỏi chôm chôm hải sản, bắp bò hầm chôm chôm,…

3. Miệt Nhãn giồng Nhị Quý

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Miệt) + Trái cây (Nhãn) + Địa danh chỉ địa hình thiên nhiên (Giồng) + Địa danh hành chính (Xã Nhị Quý).

[40] Nguyễn Ngọc Phan, *Tản mạn Ba Dừa*, Trang Thông tin điện tử Hội Văn học - Nghệ thuật Tiền Giang, ngày 29/8/2011.

Nhãn Nhị Quý được trồng ở vùng đất giồng thuộc xã Nhị Quý, huyện Cai Lậy. Với diện tích trồng nhãn trên 500ha, Nhị Quý là vùng chuyên canh nhãn lớn nhất ở Tiền Giang hiện nay.

Nhãn Nhị Quý đã nổi tiếng từ rất lâu, được trồng tập trung ở các ấp Quý Thành, Quý Chánh và Quý Lợi. Nhãn ở đây có rất nhiều loại, nhưng được phân ra làm 4 loại chính: nhãn da bò, nhãn tiêu quế, nhãn xuồng cơm vàng, long nhãn. Mỗi loại có hương vị riêng, rất độc đáo. Đặc biệt, ở ấp Quý Chánh có cây nhãn da bò cổ thụ, được trồng trước năm 1950, cao 15 m, bề hoành thân cây đo được 1,5 m, tán cây xòe rộng khoảng 45m, mỗi năm cây cho trái một lần vào tháng 7 với khoảng 250-300 kg trái. Năm 2011, nhãn Nhị Quý đã đạt chứng nhận VietGAP.

Nhãn bắt đầu ra hoa vào khoảng tháng 4-5 dương lịch. Đến tháng 7-8 dương lịch, nhãn chín rộ. Nhãn ở đây trái nào cũng rất to, nhỏ hột, cùi dày và mỏng vỏ. Có lẽ vì điều này mà nhãn Nhị Quý sớm nổi tiếng. Khi nhãn chín đượm một màu vàng sẫm tươi (riêng long nhãn có màu vàng nhạt) mùi thơm tỏa ngào ngạt, vị ngọt đậm. Hạt nhãn màu nâu sẫm. Riêng nhãn tiêu có hột rất nhỏ, cỡ đầu đũa.

Theo Đông y, nhãn có nhiều công dụng trong việc chữa bệnh, nhất là bệnh đau bao tử/dạ dày. Nhãn dùng để ăn tươi, đóng hộp hoặc bóc vỏ, bỏ hột, sấy khô làm long nhãn (nhãn nhục). Nhãn còn được chế biến thành nhiều món ngon, như chè hạt sen long nhãn, chè hạt sen nhãn khô, sâm bổ lượng,… Người dân nơi đây kết hợp việc trồng nhãn lấy quả với việc nuôi ong lấy mật trong khu vườn của mình.

4. Miệt ốc gạo Tân Phong

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Miệt) + Loại hình ốc (Ốc gạo) + Địa danh hành chính (Xã Tân Phong).

Xã Tân Phong (huyện Cai Lậy) là một cù lao nằm giữa sông Tiền, tiếp giáp với thị trấn Cái Bè, gồm có nhiều cồn như: cồn Tre, cồn Bầu, cồn Tròn. Nơi đây có ốc gạo nổi tiếng, đặc biệt là ở khu vực cồn Tre, nên người ta thường gọi là *ốc gạo cồn Tre*.

Lòng sông Tiền đoạn này có nhiều cát nên là môi trường thuận lợi để ốc gạo sinh sôi. Ốc gạo sinh sản vào khoảng tháng 7 âm lịch, đến khoảng tháng 5 âm lịch năm sau thì đến độ chuẩn bị sinh sản, to bằng hột mít, cũng là mùa người ta khai thác ốc. Ốc gạo có vỏ màu xanh ngọc, ruột trắng ngà, ngọt giòn và không tanh, không nhớt như các loại ốc khác. Ốc gạo đến dịp tết Đoan ngọ (mùng 5 tháng 5 âm lịch) thì vừa đúng lứa, to mập (*"Ốc gạo cồn Tre, hai người đè, một người lể"* - tục ngữ) mà chưa có con trong bụng nên ăn rất ngon. Sau đó, ốc bắt đầu có nhiều con bên trong, ăn nghe "rào rạo".

Ốc gạo cồn Tre từ các thế kỉ trước đã nổi tiếng khắp Nam Bộ nên được ghi chép khá kĩ trong sách *Gia Định thành thông chí*: *"Sông Kiến Đăng có thứ ốc*

gạo, vỏ trắng, xoáy tròn, lớn bằng ngón tay, khi nấu chín thì dưới cái yếm của nó lồi ra hạt mỡ trắng như hột gạo, vị thơm ngon; nguyên nó ở dưới sông sâu, tháng 4, 5 bò lên bến cạn, người làm nghề đem thuyền đến cào chở bán khắp xa gần. Ốc này tháng 7 mang thai, tháng 8 trở về sông sâu, vỏ nó có thể đốt thành than làm vôi".

Ốc gạo sống lẫn trong cát dưới đáy sông nên người ta phải lặn để cào bắt, đem về rộng chừng một ngày cho ốc nhả cát ra rồi mới đem luộc. Khi ốc vừa chín tới thì phải nhắc xuống ngay, vì nếu luộc chín quá thì khi lể ốc sẽ bị đứt ngang thân, phần còn lại không lể ra được.

Ruột ốc có thể dùng để ăn trực tiếp bằng cách chấm với nước mắm gừng hay nước mắm sả ớt. Ngoài ra người ta còn có thể dùng ruột ốc để làm nhưn cho món gỏi cuốn hay nấu cháo, um với nước dừa, rang bơ…

Trong hồi ký *Hơn nửa đời hư*, Vương Hồng Sển có kể thú vui mò ốc gạo sông Tiền tại chợ Cồn (có thể là cồn Tre) và thưởng thức món ốc này mà ông cho rằng *"ngày xưa đó là một món ăn lạ, được dâng lên vua ngự thiện và được các quan hộ tống chở ra tận Huế dưới danh từ cống phẩm của Nam Kỳ lục tỉnh"*. Đến những năm 1930, ốc gạo sông Tiền vẫn là món đặc sản nổi tiếng đến mức Vương Hồng Sển còn ghi chép lại được một bài thi mẫu của học trò thời bấy giờ miêu tả về nó:

Bãi hạc cồn nhàn thảy rạng danh,
Cháu con gò đống nhóm nên thành.
Xa cừ đồng tánh tôn như chú,
Thô mễ trùng danh cứng bằng anh.
Tây chẳng phải thời nam phải tiết,
Xuân sang vừa nghén hạ vừa sanh.
Hàm rồng ngon ngọt bao là đáng,
Tuy cũng đồng loài khí chẳng tanh.

(Khuyết danh, trước năm 1919[41])

5. Miệt vườn sầu riêng Ngũ Hiệp

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Miệt) + Loại hình sản xuất nông nghiệp (Vườn) + Trái cây (Sầu riêng) + Địa danh hành chính (Xã Ngũ Hiệp).

[41] Vương Hồng Sển (1974, tái bản 1997), *Hơn nửa đời hư*, Nxb Văn hoá Thông tin, tr.225 – 226.

Là một trong những cù lao lớn nằm ở hạ lưu sông Tiền thuộc huyện Cai Lậy, Tiền Giang, cù lao Ngũ Hiệp được thiên nhiên ưu ái ban tặng đất đai màu mỡ, nước ngọt quanh năm, không khí trong lành, mát mẻ… Ban đầu, cù lao có tên Trà Tân, sau đó đổi thành Năm Thôn vì nơi này có 5 thôn (An Thủy Đông, An Thủy Tây, Hòa An, Long Phú và Tân Sơn), rồi 5 thôn này hợp nhất lại thành Ngũ Hiệp.

Đây là nơi 3 con sông lớn hội tụ là sông Tiền, sông Ba Lai và sông Hàm Luông, dòng nước cuồn cuộn chảy, bồi đắp phù sa nên cây cối quanh năm tươi tốt, xóm làng trù phú. Trong quá trình hình thành và phát triển, cù lao Ngũ Hiệp trải qua nhiều bước thăng trầm với nhiều biến cố. Hiện nay, cù lao Ngũ Hiệp nổi danh là "vương quốc sầu riêng" của Tiền Giang.

Câu chuyện cù lao này trở thành "vương quốc sầu riêng" bắt đầu từ nhiều về năm trước. Sau năm 1975, Ngũ Hiệp "loay hoay" với nhiều mô hình trồng cây ăn trái, trong đó cây chuối già chiếm ưu thế nhờ có thị trường xuất khẩu, nhưng việc tiêu thụ ngày càng bấp bênh. Vì lẽ đó, một số hộ dân chuyển qua trồng tiêu, nhưng cũng không mang lại hiệu quả, vì không hợp với thổ nhưỡng của cù lao.

Làm nhiều, nói ít, ông Hai Tôn (một trong những nông dân sau này có thương hiệu "Vua sầu riêng") từ xã Tam Bình (huyện Cai Lậy) sang cù lao Ngũ Hiệp lập vườn từ năm 1960, là người đầu tiên đem giống sầu riêng khổ qua vàng, khổ qua xanh sang trồng trên đất cù lao. Đây là giống sầu riêng của ông Chánh bái Mẫn ở làng Tam Bình, trồng vào khoảng năm 1930. Sau năm 1975, đất cù lao cũng bị cuốn theo phong trào tập đoàn sản xuất nông nghiệp, trái sầu riêng ít người nhắc đến, bởi lẽ thời bao cấp gạo còn không đủ ăn. Ông Hai Tôn thì vẫn lặng lẽ chăm sóc những gốc sầu riêng với tâm trạng "bỏ thì thương, vương thì tội".

Rồi thiên nhiên tình cờ mang lại cho ông một bài học kinh nghiệm đắt giá. Đó là, năm 1978 nước triều dâng làm bể bờ bao, khiến ông phải vất vả bơm nước ra, không ngờ sầu riêng bị sốc ra hoa đậu trái rất nhiều. Sau vụ lở đê này, ông mới nghĩ ra kỹ thuật xiết nước, rồi dùng ni lông đậy gốc cho cây sầu riêng ra hoa trái vụ. Từ đó, ông Hai Tôn đầu tư trồng sầu riêng khổ qua vàng, khổ qua xanh thành vườn chuyên canh, cho năng suất từ 20 - 30 tấn/ha, giá bán trên thị trường luôn cao, cho hiệu quả gấp 3 - 4 lần trồng lúa năng suất cao. Nhờ cây trồng này mà ông có "tiếng tăm" ở miệt vườn Ngũ Hiệp.

Rất nhiều nông dân trong vùng đã làm theo ông Hai Tôn ở Ngũ Hiệp, tích cực chuyển đổi sản xuất từ vườn tạp sang chuyên canh sầu riêng và đều thành công, trở thành những điển hình làm giàu. Từ năm 2000 trở lại đây, có rất nhiều nông dân ở xã Ngũ Hiệp đã mạnh dạn chuyển đổi các giống sầu riêng khổ qua vàng, khổ qua xanh sang trồng các giống sầu riêng mới chất lượng cao như: RI 6, Monthong, Chuồng bò..., có nhiều ưu điểm như cơm dày, hạt lép, phẩm chất ngon, luôn được thị trường trong nước và nước ngoài ưa chuộng, người trồng bán được giá cao.

Hơn thế nữa, sầu riêng đã được xác định là một trong các loại cây trồng chủ lực của tỉnh. Riêng xã cù lao Ngũ Hiệp hiện có hơn 1.500 ha vườn chuyên canh sầu riêng, chiếm hơn 98% diện tích đất nông nghiệp của xã. Những năm qua, xã đã tập trung chuyển giao khoa học - kỹ thuật, vận động nông dân trồng các giống sầu riêng chất lượng cao, với sản lượng mỗi năm đạt gần 50.000 tấn. Đặc biệt, nhiều nông dân nắm vững kỹ thuật xử lý cây ra hoa nghịch vụ và rải vụ "đón" giá nên mau chóng làm giàu.

Sầu riêng Ngũ Hiệp bao gồm nhiều giống được thị trường ưa chuộng, như: sầu riêng Ri 6, monthong, hạt lép chuồng bò (Tư Tây), sữa hạt lép (Chín Hóa), khổ qua xanh, lá quéo, bí,…Năm 2011, Sầu riêng Ngũ Hiệp đạt chứng nhận VietGAP.

Sầu riêng Ngũ Hiệp trái to như một trái mít cỡ trung bình, vỏ dày và cứng, có gai nhọn lởm chởm. Khi ăn chỉ cần lấy mũi dao tách nhẹ vào đường rãnh vỏ rồi mở ra sẽ thấy những múi sầu riêng màu vàng ngà trông như có phết một lớp bơ bên ngoài, hạt nhỏ, dày, thơm, rất béo. Mùi hương của sầu riêng Ngũ Hiệp đậm đà, quyến rũ. Sầu riêng rất bổ dưỡng vì giàu vitamin B, C và E và hàm lượng sắt cao. Do đó, loại quả này có tác dụng tốt cho sức khỏe. Ngoài ra, sầu riêng còn được sử dụng để tạo hương vị cho nhiều món ăn trong ẩm thực.

C. THỊ XÃ CAI LẬY

*** Sưu tầm, thống kê, phân loại, nghiên cứu, biên soạn địa danh Giồng:**

1. Giồng Bà Trà

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Giồng) + Giới tính (Bà) + Tên người (Trà).

Giồng Bà Trà là giồng cát mà nơi đó có một người phụ nữ tên là Trà cư trú hoặc có công lao nhất định đối với địa phương, rộng khoảng 10 ha, thuộc Phường 5, thị xã Cai Lậy.

2. Giồng Bù Lu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Giồng) + Đia hình thiên nhiên (Sông Bù Lu).

Ở tỉnh Thừa Thiên - Huế có sông Bù Lu. Sông này bắt nguồn từ sườn Bắc Bạch Mã - Hải Vân tại nơi có độ cao tuyệt đối khoảng 500 m, chảy theo hướng Nam Tây Nam - Bắc Đông Bắc. Từ thượng nguồn có hai nhánh Thừa Lưu và Nước Ngọt. Đến cách cửa biển Cảnh Dương chừng 7 km hai nhánh sông này hội lưu thành sông chính mang tên Bù Lu và chảy ra biển Đông. Sông Bù Lu có chiều dài dòng chính 17 km, diện tích lưu vực 118 km^2 và độ dốc bình quân lòng sông 58,8m/km (so với độ dốc lòng sông vùng đồi núi 129,4m/km).

Tiền Giang nói chung, Cai Lậy nói riêng được khai phá bởi lưu dân người Việt ở miền Ngoài vào, trong đó có lưu dân ở Thừa Thiên - Huế. Chính họ đã mang địa danh ở quê cũ vào đặt tên đất ở quê hương mới: sông Bù Lu - giồng Bù Lu. Trường hợp này đã thấy xuất hiện ở Cai Lậy, như Cống Huế và Xóm Cống Huế ở xã Mỹ Hạnh Đông, thị xã Cai Lậy là do những lưu dân từ Thừa Thiên - Huế đến lập nghiệp; dòng họ Hồ Đắc nguyên thủy ở Truồi, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên - Huế vào khai hoang ở xã Long Trung, huyện Cai Lậy khoảng đầu thế kỷ XVIII,…

Hoặc:

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Giồng) + Phương ngôn (Bù Lu).

Ở Nam Bộ có phương ngôn "Bù lu bù loa". Nghĩa của phương ngôn này là làm ầm ĩ bằng cách kêu la hoặc khóc lóc cho ra vẻ to chuyện hoặc để gây sự chú ý. Dân gian đã gọi tắt phương ngôn này để đặt địa danh.

Giồng Bù Lu rộng khoảng 20 ha, trải dài từ phường Nhị Mỹ đến xã Tân Bình, thị xã Cai Lậy.

3. Giồng Cai Lậy

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Giồng) + Chức vụ thời xưa (Cai: Cai cơ, một chức quan võ, chỉ huy khoảng 50 quân lính) + Tên người (Ngô Tấn Lễ).

Giồng Cai Lậy tọa lạc ở thị xã Cai Lậy, có diện tích 100 ha, rộng nhất so với các giồng cát xung quanh. Giồng Cai Lậy là giồng cát do ông Cai cơ Ngô Tấn Lễ

chỉ huy quân lính khai khẩn. Để ghi nhớ công lao của ông, người dân địa phương lấy chức vụ và tên của ông đặt tên giồng cát là Cai Lễ; nhưng do kỵ húy, người ta không sử dụng từ "Lễ" mà gọi trại thành "Lậy": Cai Lễ thành Cai Lậy.

4. Giồng Lâm Vồ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Giồng) + Thực vật (Lâm vồ: là cây gỗ lớn, có nhánh to, vỏ nhẵn; lá hình tam giác cụt, hơi thót lại ở cuống, mép không gợn sóng, không có đuôi kéo dài, cuống lá ngắn hay dài, rất mảnh. Cây này còn được gọi là cây bồ đề Việt Nam).

Giồng Lâm Vồ được người Pháp viết thành Giong Lam; cho nên có người đọc sai là Giồng Lắm/Lấm. Giồng Lâm Vồ là giồng cát có cây lâm vồ to hay có nhiều cây lâm vồ mọc hoang thành rừng, rộng khoảng 30 ha, tọa lạc tại xã Tân Hội, thị xã Cai Lậy.

5. Giồng Mồ Côi

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Giồng) + Danh từ (Mồ côi: đơn độc, một mình).

Giồng Mồ Côi là tên một giồng cát ở thị xã Cai Lậy. Giồng cát nằm riêng lẻ một mình nên gọi là giồng Mồ Côi.

6. **Giồng Mỹ Quý**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Giồng) + Địa danh hành chính thời xưa (Mỹ Quý).

Giồng Mỹ Quý trải dài từ các ấp Quý Thành, Quý Lợi, Quý Chánh, Quý Phước thuộc xã Nhị Quý, huyện Cai Lậy sang các ấp Phú Hưng, Phú Mỹ thuộc xã Phú Quý.

Địa danh Mỹ Quý liên quan đến cuộc khởi nghĩa chống thực dân Pháp xâm lược của Trần Xuân Hòa. Ông chưa rõ năm sinh, người tỉnh Quảng Trị, con của quan Bố chính tỉnh Vĩnh Long Trần Tuyên.

Năm 1841, ông thi đỗ Cử nhân, từng giữ chức Tri phủ. Nhưng sau đó, do mắc bệnh phong, ông được triều đình cho nghỉ việc. Ở Nam Kỳ, con của nhà quan thường được gọi bằng "Cậu"; và do có thời gian làm Tri phủ, nên ông được mọi người gọi là "Phủ Cậu".

Sau khi thực dân Pháp đánh chiếm tỉnh Định Tường (4/1861), ông đứng ra chiêu mộ nghĩa sĩ chống giặc, nên được triều đình phong chức Binh bị quân thứ hai tỉnh Vĩnh Long và Định Tường.

Lúc bấy giờ, ông lập căn cứ khởi nghĩa ở thôn Mỹ Quý, huyện Kiến Đăng, tỉnh Định Tường (nay là xã Nhị Quý, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang). Tại đây, dựa trên nền của một đồn quân cũ, ông đã cùng với Đỗ Thúc Tịnh và Võ Duy Dương (Thiên hộ Dương) huy động nhân dân trong vùng cùng với nghĩa quân xây đắp nên một ngôi thành mới để thay thế cho tỉnh thành Mỹ Tho đã bị quân Pháp chiếm đóng, mà dân gian quen gọi là tân thành Mỹ Quý.

Thành Mỹ Quý có chiều dài khoảng 130 mét, chiều ngang khoảng 50 - 60 m. Bao quanh thành là luỹ tre dày đặc, kế đến là hệ thống hào sâu khoảng 3 m, rộng từ 4 - 5 m, dưới hào có cắm chông tre. Thành được đắp bằng đất. Mặt tường ngoài

thẳng đứng, có cắm chông tre. Mặt tường trong thoai thoải để nghĩa quân dễ dàng vận động trong chiến đấu. Bốn góc của căn cứ có bốn pháo đài, trông giống hình trái bầu, nên nhân dân địa phương gọi là "*ông Bầu*". Trên bốn pháo đài có bố trí bốn khẩu thần công hướng ra bốn phía. Bên trong thành, nghĩa quân xây dựng doanh trại, kho tàng dự trữ lương thực, vũ khí, thuốc sung,… để phục vụ cho công tác chiến đấu lâu dài.

Từ thành Mỹ Quý, nghĩa quân do ông chỉ huy đã hai lần tập kích đồn Cai Lậy vào các ngày 29/8/1861 và ngày 15/9/1861, gây cho địch những thiệt hại nặng nề.

Trước tình hình đó, thực dân Pháp tập trung lực lượng đàn áp cuộc khởi nghĩa. Ngày 25/9/1861, quân Pháp, gồm hai cánh thủy - bộ, do trung tá Desvaux, Chánh tham biện Mỹ Tho, chỉ huy, ồ ạt tiến công thành Mỹ Quý. Thế nhưng, nghĩa quân đã không hề nao núng, chiến đấu rất kiên cường và dũng cảm.

Tuy nhiên, do chênh lệch về tương quan lực lượng; cho nên, thành Mỹ Quý bị tan vỡ. Vì thế, ông cho rút quân về Cái Bè, củng cố lực lượng, tiếp tục cuộc kháng chiến. Không tiêu diệt được nghĩa quân, giặc Pháp đã hèn hạ giết chết mẹ của ông và thân nhân của nghĩa quân.

Sau đó, ông phối hợp tác chiến với nghĩa quân Võ Duy Dương đánh địch ở khắp nơi, như Cái Thia, Cai Lậy, Cái Bè, Rạch Gầm, Trung Lương, Tân Lý,… khiến quân giặc vô cùng hoang mang, dao động.

Lo sợ cuộc khởi nghĩa có thể lan rộng ra khắp nơi; thực dân Pháp, một lần nữa, đã huy động lực lượng hùng hậu đàn áp. Ngày 06/01/1862, đại úy hải quân Rieuner mang quân đánh Mỹ Trang, Bang Lễnh thuộc Cai Lậy. Ông chỉ huy nghĩa quân chống trả mãnh liệt. Nhưng thật không may, ông sa vào tay giặc. Ngày hôm sau, bọn chúng giải ông về Mỹ Tho. Trên đường đi, ông đã tự vẫn để giữ tròn khí tiết.

Sự tuẫn tiết của ông đã khiến cho nghĩa sĩ và nhân dân vô cùng thương tiếc, khâm phục. Triều đình nhà Nguyễn truy tặng ông hàm Quang lộc tự khanh và sai quan tỉnh Quảng Trị lập đền thờ, mỗi năm tế hai lần vào dịp xuân thu. Vua Tự Đức khen tặng ông là "*người có tiết nghĩa, làm vẻ vang sử sách, khó kiếm được ai như thế*". Tờ phúc trình của bộ Binh ngày 04 tháng 2 năm Nhâm Tuất (1862) trong Châu bản triều Nguyễn viết về ông như sau: *"Trần Xuân Hòa lần lượt chiến đấu chống Tây dương ở các thôn xóm Hòa Khánh, Ba Đồ, Bình Phú, Mỹ Trang thuộc hạt ấy, tất cả 6 lần, có bắn chết người Tây dương, bắn lui thuyền Tây dương ... Xin chuẩn cho thăng thụ Hàn lâm viện Thị giảng học sĩ, thưởng thêm cho tiền bạc Phi Long loại to, loại nhỏ, mỗi loại 3 mai ..."*.

Nhiều bài thơ điếu ca ngợi ông đã được sáng tác:

* Bài 1:

Tiêu tán binh rồi, xác thịt chôn,
Ngàn thu chỉ có liệt oanh tồn.
Bia danh ái quốc, bia còn dựng,
Dấu ngựa Cần vương, dấu chẳng mòn.
Bắc khuyết cỏ cây còn lả chả,

Đầu lầu ve dế cũng thon von.
Tôi con đâu cũng tôi con vậy,
Kẻ ấm hương đăng, kẻ lạnh hồn.
(Khuyết danh)

* Bài 2:

Qua chơi ta nhớ nghiệp tiền triều,
Nghĩa sĩ mộ còn cảnh Thuộc Nhiêu.
Hoàng thổ một gò nêu thạch trụ,
Bạch vân mấy thức lộng hà kiều.
Kiếp ăn thần tử tuy dày mỏng,
Nần nợ quân vương trả ít nhiều.
Giận chẳng ngừa Tây dang nắng mộ,
Oán thù nào mất, chí nào tiêu.
(Khuyết danh)

* Bài 3:

Chợ Thuộc Nhiêu rày chút hỏi han,
Bia ai tử tiết dựng bên đàng.
Vai non sông gánh nào muôn kẻ,
Đầu giáo gươm phơi để bảy chàng.
Mảnh đá thủ dương pha tiết rạng,
Hồn quyên lạc xã ngậm sương than.
Một mai trời đất xoay dần lại,
Chung vẻ đài lâu chẳng phụ lòng.
(Lê Thành)

7. Giồng Ông Mẫu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Giồng) + Giới tính (Ông) + Tên người (Mẫu).

Giồng Ông Mẫu là giồng cát do ông Mẫu tổ chức khai khẩn, rộng khoảng 20 ha, tọa lạc tại xã Tân Hội, thị xã Cai Lậy.

8. Giồng Văn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Giồng) + Danh từ (Văn: văn hóa, văn minh, văn tự, văn chương).

Giồng Văn có liên quan đến câu phương ngôn "Văn Cai Lậy, Võ Ba Giồng".

Ngoài ra, còn một thuyết khác là người dân ở đây gọi là Giồng Vân (đọc theo cách phát âm địa phương Nam bộ là Dân). Theo lời kể của người lớn tuổi, thời Pháp có một người tên Vân đi lính Tây (Pháp), tánh tình hung bạo thường nói đùa là giồng này mang tên của mình. Trong "Đông Long thế phổ" của tác giả Năm Ban ở xã Hội Xuân, huyện Cai Lậy cũng cho biết như vậy.

Địa danh này là một giồng cát vàng, nhỏ, bắt đầu từ cầu chùa Long Khánh đến đình Long Khánh.

Về địa chất, cát ở đây màu vàng, có những hạt lấp lánh, có người cho rằng đây là dấu tích vỏ sò, vỏ ốc của những đợt bồi đắp biển từ rất xa xưa.

Hiện nay, giồng cát này tọa lạc tại ấp Phú Hưng, xã Long Khánh, thị xã Cai Lậy.

*** Sưu tầm, thống kê, phân loại, nghiên cứu, biên soạn địa danh Gò:**

1. Gò Cây Trôm

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Thực vật (Cây trôm).

- Cây trôm: Trôm là tiếng Việt gốc Khmer: Tham rôn, gọi trại mà ra, là cây thân gỗ, cao từ 15 - 20 m. Gỗ dùng trong xây dựng, xẻ ván, đóng đồ mộc. Vỏ làm thuốc lợi tiểu và có chất nhầy làm săn da; lá làm thuốc kháng sinh, tiêu viêm, nhuận tràng. Hạt có dầu béo, màu vàng nhạt, dịu, có tác dụng nhuận tràng, lợi trung tiện, chữa ghẻ, thắp sáng, có thể ăn được và xay bột làm nhân bánh. Đặc biệt, nhựa trôm (mủ trôm) có dạng keo, dễ tan trong nước, chứa nhiều chất bổ dưỡng dùng để chế các loại nước giải khát, giải nhiệt cao cấp. Ngoài ra, trôm còn được trồng trên đường phố, trong công viên để tạo cảnh quan và bóng mát.

Gò Cây Trôm là gò có cây trôm to hoặc nhiều cây trôm, thuộc xã Phú Quý, thị xã Cai Lậy.

2. Gò Chùa Bửu Tháp

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Tên công trình xây dựng mang tính chất tôn giáo (Chùa Bửu Tháp).

Gò Chùa Bửu Tháp rộng khoảng 5 ha tọa lạc tại xã Tân Hội, thị xã Cai Lậy. Đó một gò đất trong khuôn viên chùa Bửu Tháp. Đây còn là di chỉ khảo cổ học thuộc nền văn hóa Óc Eo ở Đồng bằng sông Cửu Long. Tại đây, trong quá trình canh tác, người dân địa phương thường gặp những vỉa gạch lớn ở độ sâu 0,4 m, loại gạch thường gặp trong các kiến trúc thời kỳ Óc Eo - hậu Óc Eo. Ngoài ra, người ta còn tìm thấy tượng nữ thần nhỏ làm bằng sa thạch màu xám xanh bị gãy đầu và tay chân chỉ còn phần thân cao 10 cm, thân tròn, ngực nở, mang đặc điểm tượng thời hậu Óc Eo.

3. Gò Lức (xã Phú Quý, thị xã Cai Lậy)

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Thực vật (Lức: là tiếng Việt gốc Khmer: Rolưk gọi trại mà ra[1]. Đây là cây thân thảo, cao 2 - 5 m, rễ thường được dùng chữa ngoại cảm phát sốt nóng hơi rét, nhức đầu, khát nước, tức ngực khó chịu, lá có hương thơm, thường dùng để xông, còn dùng chữa đau mỏi lưng[2]).

Gò Lức là gò có nhiều bụi cây lức, rộng khoảng 5 ha, ở xã Phú Quý, thị xã Cai Lậy.

4. Gò Me (xã Phú Quý, thị xã Cai Lậy)

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Thực vật (Cây me).

---

[1] *Lê Trung Hoa (2015),* Tên cây gốc Khmer trong địa danh Nam Bộ, *Tạp chí Kiến thức ngày nay, số 908, ngày 1-11- 2015, trang 17.*

[2] Võ Văn Chi (1991), *Cây thuốc An Giang*, Ủy ban khoa học và kỹ thuật An Giang, trang 337.

Gò Me là gò có nhiều cây me hoặc có cây me to, rộng khoảng 10 ha, thuộc xã Phú Quý, thị xã Cai Lậy.

5. Gò Thanh Hiệp

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Địa danh hành chính gốc Hán Việt (ấp Thanh Hiệp: Thanh: 清 : Trong sạch, Hiệp: 合 : Hợp lại, gộp lại).

Gò Thanh Hiệp rộng khoảng 3 ha, tọa lạc ở ấp Thanh Hiệp, xã Thanh Hòa, thị xã Cai Lậy.

6. Gò Trà Luộc

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Địa danh Việt gốc Khmer (Tà đọc trại thành Trà: có nghĩa là người đàn ông đứng tuổi, có uy tín, được kính trọng) + Tên người (Luộc).

Gò Trà Luộc là gò cát mang tên ông Luộc, rộng khoảng 200 ha, trải dài trên địa bàn xã Dưỡng Điềm thuộc huyện Châu Thành và hai xã Nhị Quý, Phú Quý thuộc thị xã Cai Lậy.

*** Địa danh Việt gốc Khmer:**

1. Ba Rài

Ba Rài là địa danh Việt gốc Khmer: Baray. Theo Vương Hồng Sển, Ba Rài là "hồ chứa nước lớn để dùng vào việc dẫn thủy nhập điền[3]". Theo quyển *Địa chí Tiền Giang*, Ba Rài có nghĩa là "hồ chứa nước ngọt[4]".

Ba Rài là tên rạch, tên cầu, tên chợ, tên khu di tích chiến thắng Ra Rài ở thị xã Cai Lậy và huyện Cai Lậy.

2. Bưng Bồn Bồn

Gọi là Bưng Bồn Bồn vì tại vùng trũng này, vào thời xưa, cây rau bồn bồn mọc rất nhiều. Bưng Bồn Bồn trải rộng từ ấp Tân Thạnh, Tân Hòa, xã Tân Hội giáp ranh xã Mỹ Hạnh Trung và ấp Mỹ Bình, xã Mỹ Hạnh Đông, thị xã Cai Lậy, diện tích khoảng 100 ha[5].

3. Cà Mau

Cà Mau là địa danh Việt gốc Khmer: Tưk Khmau, có nghĩa là Nước đen[6].

Cà Mau là tên rạch, tên cầu ở xã Tân Bình, thị xã Cai Lậy.

4. Trấp Xóm Dó

---

[3] Vương Hồng Sển (1998), *Tự vị tiếng nói miền Nam*, Nxb Trẻ, trang 48.

[4] Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Quang Ân (2007), *Địa chí Tiền Giang (tập 2)*, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tiền Giang và Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, trang 538.

[5] Huyện Ủy - Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy (2010), *Địa chí Cai Lậy*, Sở Thông tin – Truyền thông Tiền Giang, trang 31.

[6] Lê Trung Hoa (2018), *Địa danh học Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, trang 158.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Trấp) + Địa điểm quần cư (Xóm: là nơi quần tụ những hộ gia đình sinh sống gần nhau, có hoặc không có mối quan hệ họ hàng với nhau) + Thực vật (Dó: cây thân gỗ, cao khỏng 15 m - 20 m, là loại nguyên liệu quý phục vụ cho việc chiết xuất tinh dầu và tạo trầm hương).

Trấp Xóm Dó là xóm nhà ở gần cái trấp mà ở đó có nhiều cây dó, rộng khoảng 30 ha, tọa lạc tại xã Nhị Quý, thị xã Cai Lậy.

*** Địa danh Việt gốc Pháp:**

Kênh/Kinh Xáng Lacour (đọc theo Tiếng Việt: Lacua)

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kênh/Kinh) + Phương tiện đào kênh/kinh (Xáng) + Tên của người Pháp chỉ huy việc đào kênh/kinh (Lacour).

Kênh/kinh này được đào bằng xáng múc (tàu cuốc) năm 1915[7], nối rạch Ba Rài vào kênh/kinh Nguyễn Văn Tiếp ở xã Mỹ Hạnh Trung (thị xã Cai Lậy), dài khoảng 4 km, rộng 28 - 32 m, sâu 1,8 - 2,8 m.

*** Địa danh chỉ thiên nhiên, thực vật:**

Địa danh chỉ thiên nhiên (địa danh thiên nhiên, thực vật, động vật):

Khái niệm Ấp:

Ấp: là tổ chức dân cư cấp cơ sở ở nông thôn, dưới xã, nhưng không phải là một đơn vị hành chính nhà nước.

1. Ấp Bà Bèo

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Địa hình thiên nhiên (Bàu: là nơi đất trũng, mùa mưa nước khá sâu; nhưng mùa nắng chỉ còn những vũng nước nhỏ hay khô hẳn. Khác với đầm, hồ, ao vì đầm, hồ, ao có nước quanh năm. Bàu được gọi trại thành Bà) + Thực vật (Bèo: là loài thực vật thủy sinh, nổi trên mặt nước, rễ bung thành chùm, có nhiều loại khác nhau, thường dùng làm thức ăn cho heo/lợn hoặc làm phân xanh).

Bàu Bèo được dân gian gọi trại thành Bà Bèo. Ấp Bà Bèo thuộc xã Mỹ Phước Tây, thị xã Cai Lậy, là tổ chức dân cư mà xưa kia nơi đây có cái bàu to chứa bèo.

Ấp Bà Bèo đông giáp ấp Mỹ Phú, xã Mỹ Hạnh Đông, tây giáp ấp Mỹ Lợi và ấp Mỹ Thạnh, xã Mỹ Hạnh Trung và ấp Láng Biển, cùng xã, bắc giáp ấp Láng Biển, cùng xã, cùng xã, nam giáp ấp Mỹ Bình, xã Mỹ Hạnh Đông, cùng xã; diện tích tự nhiên 125 ha; dân số (năm 2019): 864 người, nam 390, nữ 474; được công nhận ấp văn hóa.

2. Ấp Cầu Dừa

---

[7] Ngọc Phan - Hoàng Phương (2016), *Dấu xưa Đồng Tháp Mười: Kỳ bí bia đá trấn thủy*, Báo điện tử Thanh Niên, ngày 15/3/2016.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Công trình xây dựng (Cầu: Theo *Từ điển Tiếng Việt phổ thông* của Viện Ngôn Ngữ học, cầu là công trình xây dựng trên sông, hồ, chỗ trũng,… để tiện đi lại) + Thực vật (Dừa: là một loài cây có thân cây lớn, đơn trục, có thể cao tới 30 m, tất cả các phần của quả dừa và cây dừa đều có thể được sử dụng. Dừa còn là loại cây cho quả tương đối nhiều; vì thế nó có giá trị kinh tế đáng kể. Quả dừa và nước dừa có nhiều tác dụng tốt cho sức khỏe).

Ấp Cầu Dừa thuộc xã Mỹ Phước Tây, thị xã Cai Lậy, là tổ chức dân cư mà xưa kia nơi đây có chiếc cầu có cây dừa cao hoặc nhiều cây dừa.

Ấp Cầu Dừa đông giáp ấp Rạch Trắc, cùng xã, tây giáp ấp 12, xã Phú Cường, bắc giáp ấp Kinh 12, cùng xã, nam giáp ấp 7, xã Tân Bình và ấp Mỹ Hòa, xã Mỹ Hạnh Trung; diện tích tự nhiên 186 ha; dân số (năm 2019): 2.135 người, nam 1.010, nữ 1.125; được công nhận ấp văn hóa.

3. Ấp Láng Biển

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Địa hình thiên nhiên (Láng) + Địa hình thiên nhiên (Biển: Trong ngữ cảnh này, biển dùng để chỉ nơi rộng mênh mông, bát ngát).

Ấp Láng Biển thuộc xã Mỹ Phước Tây, thị xã Cai Lậy, là tổ chức dân cư mà xưa kia nơi đây là vùng đất thấp, rộng khoảng 300 ha, ngập nước, có nhiều tôm cá, thực vật, như cỏ lác, năn, đưng, sậy,….

Ấp Láng Biển đông giáp ấp Mỹ Phú, xã Mỹ Hạnh Đông, tây giáp ấp Long Phước và ấp Rạch Trắc, cùng xã, bắc giáp ấp Tân Hưng Tây, xã Tân Hòa Tây, nam giáp ấp Mỹ Lợi, xã Mỹ Hạnh Trung; diện tích tự nhiên: 775 ha; dân số (năm 2019): 2.400 người, nam 1.155, nữ 1.245; được công nhận ấp văn hóa.

4. Ấp Rạch Trắc

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Thực vật (Cây trấp, gọi trại thành trắc: là cây gỗ nhỏ, cao từ 5 - 10 m, quả trấp rất chua, thường được dùng để gội đầu; vỏ, lá được chưng cất làm tinh dầu);

Hoặc:

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Địa danh Việt gốc Khmer (Trấp gọi trại thành Trắc: là địa danh Việt gốc Khmer: Trap. Theo quyển *Đại Nam Quấc âm tự vị* của Huình Tịnh Paulus Của, trấp là đất bưng cỏ (tiếng Khmer là: Péangtrap - bưng trấp). Theo quyển *Địa chí Tiền Giang*, Trấp là "địa hình trũng, ngập nước, nhỏ hơn bưng[8]").

[8] Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Quang Ân (2007), *Địa chí Tiền Giang (tập 2),* Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tiền Giang và Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, trang 699.

Ấp Rạch Trắc thuộc xã Mỹ Phước Tây, thị xã Cai Lậy, là tổ chức dân cư mà xưa kia nơi đây có con rạch chảy ngang qua vùng đất có nhiều cây trấp, gọi trại thành Rạch Trắc hoặc chảy qua cái trấp, gọi trại thành Rạch Trắc.

Ấp Rạch Trắc đông giáp ấp Mỹ Lợi, xã Mỹ Hạnh Trung và ấp Láng Biển, cùng xã, tây giáp ấp Cầu Dừa, cùng xã, bắc giáp ấp Kinh 12 và ấp Long Phước, cùng xã, nam giáp ấp Mỹ Thạnh và ấp Mỹ Hòa, xã Mỹ Hạnh Trung; diện tích tự nhiên 219 ha; dân số (năm 2019): 2.511 người, nam 1.146, nữ 1.365; được công nhận ấp văn hóa.

5. Hàng Xay

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Hàng cây) + Thực vật (Cây xay: là loại cây gỗ lớn, cao từ 15-20 m; quả xay có vị chua ngọt, ăn được hoặc được ngâm rượu có tác dụng làm cho ăn ngon; vỏ cây và quả đều có thể dùng trong y học như những vị thuốc bổ,…).

Hàng Xay là nơi có nhiều cây xay, là tên chợ: chợ Hàng Xay, nay là chợ Phú Quý, xã Phú Quý, thị xã Cai Lậy.

*** Địa hình thiên nhiên, động vật:**

Cua Con Cọp

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Danh từ (Cua: khúc quanh, chỗ quẹo, ngoặc qua một hướng khác hoặc một con đường khác) + Động vật (Con cọp).

Cua Con Cọp là đoạn đường có khúc quanh mà tại đó có một biển quảng cáo la de (bia) con cọp của Hãng bia BGI thời xưa ở gần bến xe Cai Lậy (cũ), nay thuộc thị xã Cai Lậy.

*** Địa danh chỉ đơn vị hành chính:**

Tỉnh Tiền Giang

Diễn tiến hành chính

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta đã hoàn toàn thắng lợi vào ngày 30-4-1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Ngày 20-9-1975, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 245-NQ/TƯ về việc giải thể cấp khu, hợp nhất tỉnh trong toàn quốc "nhằm xây dựng các tỉnh thành những đơn vị kinh tế, kế hoạch và đơn vị hành chính có khả năng giải quyết đến mức cao nhất những yêu cầu về đẩy mạnh sản xuất, tổ chức đời sống vật chất, văn hóa của nhân dân, về củng cố quốc phòng, bảo vệ trị an, và có khả năng đóng góp tốt nhất vào sự nghiệp chung của cả nước". Theo Nghị quyết này, 4 tỉnh Mỹ Tho, Gò Công, Long An, Bến Tre sẽ hợp lại thành một tỉnh, tên gọi sẽ do địa phương đề nghị lên. Nhưng ngày 20-12-1975, Bộ Chính trị lại ra Nghị quyết số 19/NQ điều chỉnh lại việc hợp tỉnh ở miền Nam Việt Nam cho sát với tình hình thực tế, theo đó tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công và thành phố Mỹ Tho hợp lại thành một tỉnh. Ngày 24-2-1976, Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ban hành Nghị quyết số 03-NQ/1976 về việc giải thể khu, hợp nhất tỉnh ở miền Nam Việt Nam. Theo Nghị quyết này tại miền Nam có 21 đơn vị trực thuộc Chính phủ Cách mạng

Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, trong đó có tỉnh Tiền Giang do nhập tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công và thành phố Mỹ Tho.

Tỉnh Tiền Giang bấy giờ có 6 đơn vị hành chính trực thuộc là các huyện: Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công và thành phố Mỹ Tho. Tỉnh lỵ là thành phố Mỹ Tho, được công nhận là đô thị loại 3 trực thuộc tỉnh.

Sau đó, trên địa bàn tỉnh Tiền Giang có những sự điều chỉnh về hành chính như sau:

Ngày 26-3-1977, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 77-CP về việc chuyển thị xã Gò Công thuộc tỉnh Tiền Giang thành thị trấn Gò Công thuộc huyện Gò Công cùng tỉnh.

Ngày 12-4-1979, trên địa bàn huyện Cai Lậy, xã Thạnh Phú chia thành 2 xã mới Thạnh Lộc và Phú Cường, hợp nhất 2 xã Hội Sơn, Xuân Sơn thành xã Hội Xuân; trên địa bàn huyện Cái Bè, chia xã Hậu Mỹ Nam thành 2 xã Hậu Mỹ Phú, Hậu Mỹ Trinh; chia xã Hậu Mỹ Bắc thành 2 xã Hậu Mỹ Bắc A, Hậu Mỹ Bắc B; chia xã Mỹ Thiện thành 2 xã Thiện Trí, Thiện Trung; chia xã Thanh Hưng thành 2 xã Tân Thanh, Tân Hưng; chia xã Mỹ Lợi thành 2 xã Mỹ Lợi A, Mỹ Lợi B.

Ngày 13-4-1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 155-CP về việc chia huyện Gò Công thành huyện Gò Công Đông và huyện Gò Công Tây.

Như vậy, đến tháng 4-1979, tỉnh Tiền Giang có 7 đơn vị hành chính trực thuộc là các huyện: Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây và thành phố Mỹ Tho.

Ngày 13-2-1987, giải thể xã Tăng Hòa để thành lập thị trấn Tân Hòa là thị trấn huyện lỵ Gò Công Đông.

Ngày 16-2-1987, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 37-HĐBT về việc thành lập thị xã Gò Công trực thuộc tỉnh Tiền Giang trên cơ sở thị trấn Gò Công cũ và 1 phần diện tích và dân số của 2 huyện Gò Công Đông, Gò Công Tây.

Như vậy, đến tháng 2-1987, tỉnh Tiền Giang có 8 đơn vị hành chính trực thuộc là: thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây.

Ngày 23-11-1990, lập xã mới Mỹ Tân thuộc huyện Cái Bè trên cơ sở các phần đất và dân số tách từ các xã Mỹ Trung, Mỹ Lợi B, Mỹ Đức Tây và Nông trường Ngô Văn Nhạc.

Ngày 9-3-1992, trích 1 phần diện tích và dân số xã Phú Đông, huyện Gò Công Đông để thành lập xã Phú Tân.

Ngày 11-7-1994, Chính phủ ban hành Nghị định số 68-CP về việc thành lập huyện Tân Phước trên cơ sở tách một phần diện tích và dân số của của 2 huyện Cai Lậy và Châu Thành.

Như vậy, đến tháng 7-1994, tỉnh Tiền Giang có 9 đơn vị hành chính trực thuộc là: thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phước.

Ngày 14-1-2002, lập xã mới Tân Thạnh thuộc huyện Gò Công Tây trên cơ sở các phần đất tách từ các xã Tân Phú, Tân Thới và Phú Thạnh; tái lập xã Tăng Hòa thuộc huyện Gò Công Đông trên cơ sở phần đất và dân số tách từ thị trấn Tân Hòa.

Ngày 9-12-2003, lập phường Tân Long thuộc thành phố Mỹ Tho do cải biến xã Tân Long; lập phường 9 do tách một phần đất và dân số từ xã Tân Mỹ Chánh; lập phường 10 do tách một phần đất và dân số từ 2 xã Đạo Thạnh và Trung An; lập phường 5 thuộc thị xã Gò Công do tách một phần đất và dân số từ xã Long Hòa; chia xã Hội Cư của huyện Cái Bè thành 2 xã An Cư và Mỹ Hội.

Ngày 07-10-2005, Thủ tướng chính phủ ban hành Quyết định số 248/2005/QĐ-TTg về việc công nhận thành phố Mỹ Tho là đô thị loại 2 trực thuộc tỉnh.

Ngày 21-01-2008, Chính phủ ban hành Nghị định số 09/2008/NĐ-CP, về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Gò Công Đông và Gò Công Tây để mở rộng thị xã Gò Công và thành lập huyện Tân Phú Đông. Theo đó, huyện Tân Phú Đông bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên và nhân khẩu của các xã: Tân Thới, Tân Phú, Phú Thạnh, Tân Thạnh của huyện Gò Công Tây và toàn bộ diện tích tự nhiên và nhân khẩu của xã Phú Đông và xã Phú Tân của huyện Gò Công Đông.

Như vậy, đến tháng 01-2008, tỉnh Tiền Giang có 10 đơn vị hành chính trực thuộc là: thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phước và Tân Phú Đông.

Ngày 29-6-2009, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 28/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Châu Thành, huyện Chợ Gạo để mở rộng địa giới hành chính thành phố Mỹ Tho; điều chỉnh địa giới hành chính xã, thành lập xã thuộc thành phố Mỹ Tho, huyện Châu Thành, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 30-9-2010, thành lập thị trấn Vàm Láng thuộc huyện Gò Công Đông.

Ngày 26-12-2013, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 130/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Cai Lậy để thành lập thị xã Cai Lậy và huyện Cai Lậy.

Như vậy, đến tháng 12-2013, tỉnh Tiền Giang diện tích là 250.830,36 ha, dân số có 1.712.547 người, gồm 01 thành phố (Mỹ Tho), 02 thị xã (Cai Lậy và Gò Công), 08 huyện (Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phú Đông và Tân Phước), 157 xã, phường, thị trấn (128 xã, 22 phường, 7 thị trấn). Cụ thể như sau:

TT	Xã, phường, thị trấn	Diện tích (ha) (Dấu , là ngàn; dấu . là số lẻ)	Dân số (người)
I	**Huyện Cái Bè**	**42,089.82**	**291,627**

1	Thị trấn Cái Bè	426.26	16,856
2	An Thái Đông	728.12	9,834
3	Hậu Mỹ Phú	1,120.44	7,306
4	An Cư	1,142.82	14,211
5	Hậu Thành	1,163.09	14,354
6	Mỹ Đức Đông	1,208.66	9,445
7	Thiện Trí	1,314.59	9,210
8	Mỹ Hội	1,377.24	8,383
9	An Hữu	1,411.36	17,263
10	Hoà Hưng	1,540.34	15,335
11	Mỹ Lương	1,608.97	10,370
12	Tân Thanh	1,634.06	10,427
13	Mỹ Tân	1,736.26	4,893
14	Mỹ Lợi A	1,747.61	10,298
15	Đông Hoà Hiệp	1,781.23	14,023
16	Tân Hưng	1,888.60	12,282
17	An Thái Trung	1,911.87	14,901
18	Mỹ Lợi B	1,912.95	7,414
19	Mỹ Đức Tây	1,975.46	13,965
20	Hậu Mỹ Bắc B	1,977.17	10,480
21	Thiện Trung	2,018.96	8,991
22	Hoà Khánh	2,253.21	20,142
23	Mỹ Trung	2,416.47	8,347

24	Hậu Mỹ Bắc A	2,626.04	12,787
25	Hậu Mỹ Trinh	3,168.04	10,110
II	**Huyện Cai Lậy**	**29,599.36**	**186,583**
1	Hiệp Đức	1,013.78	5,977
2	Mỹ Thành Bắc	1,748.73	8,075
3	Cẩm Sơn	1,241.58	8,009
4	Hội Xuân	1,168.68	8,880
5	Mỹ Long	1,280.75	9,158
6	Phú Nhuận	1,363.58	9,206
7	Thạnh Lộc	2,384.06	11,298
8	Long Tiên	1,644.10	12,001
9	Long Trung	1,511.30	12,141
10	Phú Cường	3,259.79	12,733
11	Mỹ Thành Nam	2,179.25	12,652
12	Tân Phong	2,469.99	12,594
13	Phú An	1,577.08	15,149
14	Ngũ Hiệp	2,780.00	16,117
15	Tam Bình	2,081.75	16,383
16	Bình Phú	1,894.94	16,210
III	**Thị xã Cai Lậy**	**14,018.95**	**123,775**
1	Phường 1	220.53	11,427
2	Phường 2	349.19	5,416
3	Phường 3	335.75	3,323

4	Phường 4	203.74	6,039
5	Phường 5	255.62	7,499
6	Phường Nhị Mỹ	553.84	4,586
7	Thanh Hoà	672.58	5,061
8	Tân Phú	826.44	5,410
9	Phú Quí	835.34	6,405
10	Mỹ Hạnh Trung	996.26	7,251
11	Mỹ Hạnh Đông	1,609.86	8,617
12	Nhị Quí	787.70	10,422
13	Tân Bình	900.93	5,669
14	Tân Hội	1,375.81	11,029
15	Mỹ Phước Tây	2,029.64	13,200
16	Long Khánh	2,065.72	12,421
IV	**Huyện Châu Thành**	**22,991.09**	**242,757**
1	Thị trấn Tân Hiệp	74.49	4,995
2	Dưỡng Điềm	341.58	6,192
3	Hữu Đạo	469.64	4,570
4	Tân Lý Tây	509.46	11,148
5	Thạnh Phú	733.81	9,686
6	Đông Hoà	758.96	9,530
7	Song Thuận	783.92	6,442
8	Bình Trưng	893.71	9,140
9	Phú Phong	900.03	6,980

10	Tân Hội Đông	913.62	7,589
11	Long An	591.85	9,258
12	Bàn Long	925.63	8,352
13	Tân Hương	1,103.29	15,170
14	Bình Đức	755.29	13,215
15	Kim Sơn	1,169.09	10,085
16	Thân Cửu Nghĩa	1,244.81	19,201
17	Điềm Hy	1,429.48	9,020
18	Long Hưng	1,475.67	12,355
19	Tân Lý Đông	1,555.24	14,275
20	Long Định	1,779.10	14,359
21	Nhị Bình	1,889.68	16,930
22	Tam Hiệp	2,121.40	14,015
23	Vĩnh Kim	571.34	10,250
V	**Huyện Tân Phước**	**33,321.74**	**57,561**
1	Thị trấn Mỹ Phước	279.40	2,792
2	Phú Mỹ	1,340.10	7,862
3	Tân Lập 2	1,647.54	2,278
4	Tân Hoà Thành	1,747.22	9,847
5	Thạnh Hoà	2,533.85	842
6	Tân Hoà Đông	2,677.93	1,593
7	Thạnh Mỹ	2,832.35	2,134
8	Tân Lập 1	2,870.98	5,549

9	Thạnh Tân	3,319.80	1,892
10	Hưng Thạnh	3,348.75	6,836
11	Tân Hoà Tây	3,352.21	4,257
12	Phước Lập	3,475.54	8,936
13	Mỹ Phước	3,896.07	2,743
VI	**Thành phố Mỹ Tho**	**8,154.10**	**220,014**
1	Phường 1	77.71	7,994
2	Phường 2	70.81	13,743
3	Phường 3	54.11	10,452
4	Phường 4	79.36	16,570
5	Phường 5	271.77	20,653
6	Phường 6	311.30	23,448
7	Phường 7	40.15	9,128
8	Phường 8	69.70	11,954
9	Phường 9	237.57	7,116
10	Phường 10	282.90	10,477
11	Phường Tân Long	272.79	3,470
12	Đạo Thạnh	1,031.47	15,866
13	Trung An	1,063.03	21,667
14	Tân Mỹ Chánh	931.59	12,271
15	Mỹ Phong	1,130.60	16,534
16	Phước Thạnh	1,017.60	12,291
17	Thới Sơn	1,211.64	6,380

VII	**Huyện Chợ Gạo**	**23,256.81**	**178,803**
1	Thị trấn Chợ Gạo	307.67	7,525
2	Hoà Tịnh	704.65	6,286
3	Bình Phan	1,059.00	7,039
4	Tân Bình Thạnh	1,126.85	7,555
5	Trung Hoà	1,077.76	6,452
6	Song Bình	932.58	8,055
7	Phú Kiết	1,154.46	9,942
8	Đăng Hưng Phước	1,476.48	11,151
9	Tân Thuận Bình	1,225.72	10,323
10	Long Bình Điền	1,192.33	11,875
11	Mỹ Tịnh An	1,143.39	8,782
12	Quơn Long	1,330.55	9,538
13	Thanh Bình	1,399.60	9,535
14	Hoà Định	1,359.25	8,136
15	Lương Hoà Lạc	1,007.99	12,477
16	Xuân Đông	1,514.64	8,666
17	An Thạnh Thuỷ	1,573.59	12,503
18	Bình Phục Nhứt	1,805.76	12,358
19	Bình Ninh	1,864.54	10,605
VIII	**Huyện Gò Công Tây**	**18,220.53**	**131,252**
1	Thành Công	810.52	5,934
2	Yên Luông	1,049.62	8,347

3	Bình Phú	1,321.53	7,569
4	Long Vĩnh	1,221.50	7,455
5	Đồng Sơn	1,483.55	8,844
6	Thạnh Trị	1,426.25	9,676
7	Bình Tân	1,669.13	10,368
8	Bình Nhì	1,375.49	11,750
9	Đồng Thạnh	1,567.52	10,351
10	Vĩnh Hựu	1,908.62	11,450
11	Thạnh Nhựt	1,783.72	12,821
12	Long Bình	1,839.67	15,055
13	Thị Trấn Vĩnh Bình	763.41	11,632
IX	**Huyện Gò Công Đông**	**26,768.16**	**142,797**
1	Thị trấn Tân Hoà	325.01	6,830
2	Tân Điền	2,002.19	7,182
3	Tăng Hoà	1,745.67	9,836
4	Phước Trung	2,103.03	10,201
5	Bình Ân	1,337.50	9,855
6	Tân Đông	1,137.91	10,002
7	Bình Nghị	1,319.05	11,176
8	Gia Thuận	1,912.06	6,066
9	Kiểng Phước	4,038.74	15,178
10	Tân Phước	2,194.76	13,857
11	Tân Thành	6,618.98	13,976

12	Thị trấn Vàm Láng	600.00	14,302
13	Tân Tây	1,433.26	14,336
X	**Thị xã Gò Công**	**10,198.49**	**96,877**
1	Phường 1	45.35	5,625
2	Phường 2	71.33	7,673
3	Phường 3	109.71	5,656
4	Phường 4	137.66	6,507
5	Phường 5	160.00	4,623
6	Long Hưng	657.22	5,241
7	Long Hoà	642.64	6,211
8	Long Chánh	768.26	5,584
9	Long Thuận	615.32	6,553
10	Bình Đông	2,244.87	13,776
11	Bình Xuân	2,786.41	16,056
12	Tân Trung	1,959.72	13,372
XI	**Huyện Tân Phú Đông**	**22,211.31**	**40,501**
1	Phú Thạnh	2,232.10	7,769
2	Tân Thới	2,138.26	10,248
3	Tân Phú	2,025.49	8,708
4	Tân Thạnh	2,237.03	4,374
5	Phú Tân	10,629.13	3,472
6	Phú Đông	2,949.30	5,930

Nguồn: Cổng Thông tin điện tử tỉnh Tiền Giang

Ngày 05-02-2016, Thủ tướng chính phủ ban hành Quyết định số 242/QĐ-TTg về việc công nhận thành phố Mỹ Tho là đô thị loại 1 trực thuộc tỉnh Tiền Giang.

Theo thống kê năm 2018, Tiền Giang có diện tích 2.087,315 km^2; dân số 1.763.237 người; 11 đơn vị hành chính cấp huyện (01 thành phố, 02 thị xã, 08 huyện), 173 đơn vị hành chính cấp xã (07 thị trấn, 22 phường và 144 xã).

Đơn vị hành chính	TP Mỹ Tho	TX Cai Lậy	TX Gò Công	H. Cái Bè	H. Cai Lậy	H. Châu Thành
Diện tích (km^2)	81,541	140,189	101,985	420,898	295,993	229,910
Dân số (người)	270.704	23.775	96.877	291.627	242.757	186.583
Mật độ dân (người/km^2)	3320	883	950	693	630	1056

Đơn vị hành chính	H. Chợ Gạo	H. Gò Công Đông	H. Gò Công Tây	H. Tân Phú Đông	H. Tân Phước
Diện tích (km^2)	232,568	267,681	182,205	222,113	333,217
Dân số (người)	178.803	142.797	131.252	40.501	57.561
Mật độ dân (người/km^2)	769	533	720	182	172

Nguồn: Cổng Thông tin điện tử tỉnh Tiền Giang

Năm 2021, tỉnh Tiền Giang có 11 đơn vị hành chính cấp huyện (01 thành phố (Mỹ Tho, đô thị loại 1), 02 thị xã (Cai Lậy và Gò Công, đều đô thị loại 3) và 8 huyện (Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Tân Phước, Chợ Gạo, Gò Công Tây, Gò Công Đông và Tân Phú Đông) với 172 đơn vị hành chính cấp xã (07 thị trấn, 22 phường và 143 xã).

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tính đến ngày 01-8-2021, dân số toàn tỉnh đạt 1.783.165 người, mật độ dân số đạt 710 người/km². Trong đó dân số sống tại thành thị đạt 247.742 người, chiếm 14% dân số toàn tỉnh, dân số sống tại nông thôn đạt 1.516.443 người, chiếm 86% dân số. Dân số nam đạt 865.821 người, trong khi đó nữ đạt 898.364 người. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 15%.

*** Địa danh thị xã, xã, phường thuộc thị xã Cai Lậy:**

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Tên gọi Cai Lễ ban đầu chỉ là tên một giồng cát nằm ở ấp Hữu Hòa (ngày nay thuộc phường 1, thị xã Cai Lậy) do ông Cai cơ Ngô Tấn Lễ chỉ huy khai khẩn. Cai

cơ Ngô Tấn Lễ là tướng của chúa Nguyễn Ánh, dưới quyền Võ Tánh. Lâu dần từ Cai Lễ được nhân dân nói trại thành Cai Lậy.

Ban đầu, địa danh Cai Lậy chỉ là tên một ngôi chợ Cai Lậy được thành lập vào cuối thế kỷ XVIII tại thôn Thanh Sơn (sau này là làng Thanh Sơn) thuộc tổng Kiến Lợi, huyện Kiến Đăng, tỉnh Định Tường và sau đó là tỉnh Mỹ Tho. Năm 1904, thực dân Pháp thành lập quận và đặt tên là quận Cai Lậy do lấy theo tên gọi giồng Cai Lậy và chợ Cai Lậy vốn là nơi đặt quận lỵ. Từ đó đến nay vẫn giữ nguyên tên đơn vị hành chính là Cai Lậy chỉ thay đổi huyện hoặc thị xã.

Vị trí địa lý:

Thị xã Cai Lậy nằm ở phía tây tỉnh Tiền Giang, cách thành phố Mỹ Tho khoảng 30 km, cách Thành phố Hồ Chí Minh khoảng 90 km, có ranh giới địa lý hành chính như sau:

- Phía Bắc giáp huyện Tân Phước.

- Phía Đông giáp huyện Châu Thành.

- Phía Tây giáp huyện Cai Lậy.

- Phía Nam giáp huyện Cai Lậy.

Diện tích tự nhiên: 14.018,95 ha.

Hành chính:

Thị xã Cai Lậy có 16 đơn vị hành chính cấp xã (10 xã), phường (6 phường), gồm: Phường 1, Phường 2, Phường 3, Phường 4, Phường 5, phường Nhị Mỹ và các xã Tân Bình, Mỹ Phước Tây, Mỹ Hạnh Đông, Mỹ Hạnh Trung, Tân Phú, Tân Hội, Nhị Quý, Thanh Hòa, Phú Quý, Long Khánh.

Lịch sử hình thành:

Thị xã Cai Lậy nằm ở phía tây tỉnh Tiền Giang, cách thành phố Mỹ Tho khoảng 30 km, cách Thành phố Hồ Chí Minh khoảng 90 km, có vị trí địa lý: phía bắc giáp huyện Tân Phước, phía đông giáp huyện Châu Thành, phía tây và phía nam giáp huyện Cai Lậy.

Cai Lậy ban đầu chỉ là tên một giồng cát nằm ở ấp Hữu Hòa (ngày nay thuộc Phường 1, thị xã Cai Lậy) do ông Cai cơ Ngô Tấn Lễ chỉ huy khai khẩn. Cai cơ Ngô Tấn Lễ là tướng của chúa Nguyễn Ánh. Từ Cai Lễ nói trại thành Cai Lậy. Chợ Cai Lậy được lập từ cuối thế kỷ XVIII.

Trong các thế kỷ XVII - XVIII, vùng đất Cai Lậy ngày nay lần lượt thuộc châu Định Viễn, dinh Long Hồ; đạo Trường Đồn (1772); dinh Trường Đồn (1779); dinh Trấn Định (1781).

Năm 1808, dưới đời vua Gia Long, vùng đất Cai Lậy được đặt tên là tổng Kiến Lợi, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, dưới đời vua Minh Mạng, vùng đất này là hai tổng Lợi Trinh và Lợi Trường, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường. Huyện Lỵ đặt tại thôn Mỹ Trang (nay thuộc khu vực trung tâm thị xã Cai Lậy).

Dưới thời thực dân Pháp, năm 1867, hạt Thanh tra Cai Lậy được thành lập, coi huyện Kiến Đăng (cũ), nên còn được gọi là hạt Thanh Tra Kiến Đăng. Năm 1868, hạt Thanh tra Cai Lậy giải thể và nhập vào hạt Thanh tra Mỹ Tho. Năm 1869, hạt Thanh tra Cai Lậy được lập lại theo địa bàn cũ. Năm 1870, hạt Thanh tra Cai Lậy dời lỵ sở tới chợ Cái Bè nên được đổi tên là hạt Thanh tra Cái Bè. Năm 1871, hạt thanh tra Cái Bè giải thể; vùng đất Cai Lậy có 2 tổng Lợi Trinh và Lợi Trường thuộc hạt Tham biện Mỹ Tho. Năm 1876, Trung tâm hành chính Cai Lậy được thành lập thuộc Tiểu khu hành chính Mỹ Tho. Năm 1900, vùng đất Cai Lậy có 3 tổng Lợi Trinh, Lợi Mỹ và Lợi Trường thuộc tỉnh Mỹ Tho.

Năm 1904, quận Cai Lậy thành lập, đầu tiên có 6 tổng: Lợi Trinh, Lợi Thuận, Lợi Mỹ, Lợi Trường, Phong Hòa, Phong Phú. Năm 1912, cắt ba làng của tổng Lợi Trường là Bàn Long, Phú Phong và Kim Sơn để nhập vào quận Châu Thành. Năm 1913, cắt ba tổng Phong Hòa, Phong Phú và Lợi Thuận để lập quận Cái Bè. Nhưng đến năm 1928, quận Cái Bè trả tổng Lợi Thuận về quận Cai Lậy.

Quận lỵ Cai Lậy ban đầu thuộc làng Thanh Sơn (tổng Lợi Trinh), vốn là nơi đặt chợ Cai Lậy. Tuy nhiên, sau này thực dân Pháp hợp nhất hai làng Thanh Sơn và Hòa Sơn thành một làng mới, lấy tên là Thanh Hòa. Kể từ đó, quận lỵ Cai Lậy thuộc địa bàn làng Thanh Hòa.

Sau nhiều lần sáp nhập và thành lập các làng mới, từ năm 1933 - 1954, quận Cai Lậy có các làng trực thuộc với các tên gọi mới như sau:

Tổng Lợi Trinh gồm 9 làng: Mỹ Phước Tây (hợp nhất Long Phước và Mỹ Hạnh Tây), Mỹ Hạnh Đông, Mỹ Hạnh Trung, Tân Phú, Tân Bình (hợp nhất Tân An, Tân Long và Bình Chánh), Tân Hội, Nhị Mỹ (hợp nhất Mỹ Tường và Mỹ Trang), Thanh Hòa (hợp nhất Thanh Sơn và Hòa Sơn), Cẩm Sơn;

Tổng Lợi Mỹ gồm 4 làng: Long Khánh (hợp nhất Hòa Thuận, Phú Long và Mỹ Khánh), Long Tiên (hợp nhất Mỹ Đông và Mỹ Đông Thượng), Long Trung (hợp nhất Trà Tân, Tân Thới và Mỹ Đông Trung), Ngũ Hiệp;

Tổng Lợi Trường gồm 4 làng: Tam Bình (hợp nhất Bình Chánh, Bình Chánh Đông và Bình Chánh Trung), Mỹ Long (hợp nhất Mỹ Hậu và Long Điền), Phú Quý (hợp nhất Mỹ Phú và Mỹ Quý Tây), Nhị Quý (hợp nhất Mỹ Quý và Mỹ Quý Đông);

Tổng Lợi Thuận gồm 8 làng: Hội Sơn, Xuân Sơn, Hiệp Đức (hợp nhất Tân Đức và Hiệp Hòa), Phú An (hợp nhất Phú Sơn và An Mỹ), Mỹ Thành (hợp nhất 4 làng Lợi An, Lợi Thành, Giai Mỹ và Giai Phú), Bình Phú, Phú Nhuận Đông (hợp

nhất Phú Hưng, Phú Nhuận và Phú Thuận Đông), Thạnh Phú (hợp nhất Mỹ Thạnh và Mỹ Phú Đông).

Về phía chính quyền cách mạng, từ năm 1945-1954, không gọi quận Cai Lậy, mà là huyện Cai Lậy; không có đơn vị hành chính cấp "tổng"; không gọi "làng" mà là "xã" với 25 xã mà tên gọi như cách gọi thuộc quận Cai Lậy.

Từ năm 1954 - 1975, về phía chính quyền Sài Gòn, sau năm 1956, đặt quận Cai Lậy thuộc tỉnh Định Tường, các làng gọi là xã.

Năm 1961, quận Cai Lậy đổi tên thành quận Khiêm Ích, đồng thời chuyển tổng Lợi Thuận (gồm 5 xã: Hội Sơn, Xuân Sơn, Phú An, Hiệp Đức và Mỹ Thành) qua quận Sùng Hiếu (tức quận Cái Bè).

Năm 1964, quận lấy lại tên cũ Cai Lậy.

Sau năm 1965, các tổng đều bị giải thể. Quận lỵ Cai Lậy đặt tại xã Thanh Hòa.

Cho tới trước ngày 30/4/1975, quận Cai Lậy thuộc tỉnh Định Tường có 20 xã trực thuộc quận gồm: Bình Phú, Cẩm Sơn, Long Khánh, Long Tiên, Long Trung, Mỹ Hạnh Đông, Mỹ Hạnh Trung, Mỹ Long, Mỹ Phước Tây, Ngũ Hiệp, Nhị Mỹ, Mỹ Quý, Phú Nhuận Đông, Phú Quý, Tam Bình, Tân Bình, Tân Hội, Tân Phú Đông, Thạnh Hòa, Thạnh Phú.

Riêng xã Thạnh Phú, giữa năm 1974, được giao về cho quận Hậu Mỹ mới thành lập quản lý.

Về phía chính quyền Cách mạng, địa giới hành chính của huyện Cai Lậy thuộc tỉnh Mỹ Tho vẫn được duy trì ổn định; trong đó, các xã Hội Sơn, Mỹ Thành, Phú An, Xuân Sơn, Hiệp Đức vẫn do huyện Cai Lậy quản lý (chính quyền Sài Gòn đặt các xã này thuộc quận Cái Bè, tỉnh Định Tường).

Bên cạnh đó, chính quyền Cách mạng cũng chia xã Mỹ Thành thành hai xã là Mỹ Thành Bắc và Mỹ Thành Nam. Năm 1967, huyện Cai Lậy nhận thêm xã Tân

Phong từ huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre (chính quyền Sài Gòn vẫn đặt xã Tân Phong thuộc quận Chợ Lách, tỉnh Vĩnh Long cho đến năm 1975).

Năm 1971, huyện Cai Lậy chia thành hai huyện là Cai Lậy Bắc và Cai Lậy Nam thuộc tỉnh Mỹ Tho.

Huyện Cai Lậy Bắc gồm 14 xã: Mỹ Thành Bắc, Mỹ Thành Nam, Bình Phú, Phú Nhuận, Thạnh Phú, Thạnh Hòa, Nhị Mỹ, Nhị Quý, Tân Hội, Tân Phú Đông, Tân Bình, Mỹ Hạnh Đông, Mỹ Hạnh Trung, Mỹ Phước Tây;

Huyện Cai Lậy Nam gồm 13 xã: Phú Quý, Long Khánh, Cẩm Sơn, Phú An, Mỹ Long, Long Tiên, Hiệp Đức, Long Trung, Hội Sơn, Xuân Sơn, Tân Phong, Tam Bình, Ngũ Hiệp.

Sau ngày 30/4/1975, chính quyền Cách mạng hợp nhất hai huyện Cai Lậy Nam và Cai Lậy Bắc thành huyện Cai Lậy, thuộc tỉnh Mỹ Tho. Huyện lỵ là thị trấn Cai Lậy, được thành lập do tách một phần diện tích tự nhiên và dân số từ các xã Nhị Mỹ và Thanh Hòa. Đồng thời, xã Tân Hòa Tây trực thuộc huyện Cai Lậy cũng được thành lập do điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên và dân số từ các xã Mỹ Hạnh Đông và Mỹ Phước Tây.

Tháng 3/1976, Cai Lậy là huyện của tỉnh Tiền Giang, với huyện lỵ là thị trấn Cai Lậy. Huyện Cai Lậy có 29 đơn vị hành chính là các xã: Bình Phú, Cẩm Sơn, Hiệp Đức, Hội Sơn, Long Khánh, Long Tiên, Long Trung, Mỹ Hạnh Đông, Mỹ Hạnh Trung, Mỹ Long, Mỹ Phước Tây, Mỹ Thành Bắc, Mỹ Thành Nam, Ngũ Hiệp, Nhị Mỹ, Nhị Quý, Phú An, Phú Nhuận, Phú Quý, Tam Bình, Tân Bình, Tân Hòa Tây, Tân Hội, Tân Phong, Tân Phú, Thanh Hòa, Thạnh Phú, Xuân Sơn và thị trấn Cai Lậy.

Năm 1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 152-CP về việc điều chỉnh một số xã thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang như sau: Chia xã Thạnh Phú

thành hai xã lấy tên là xã Thạnh Lộc và xã Phú Cường. Hợp nhất xã Hội Sơn và xã Xuân Sơn thành một xã lấy tên là xã Hội Xuân.

Năm 1994, Chính phủ ban hành Nghị định số 68-CP, theo đó tách một phần diện tích và dân số của huyện Cai Lậy hợp với một phần diện tích và dân số của huyện Châu Thành để thành lập huyện Tân Phước thuộc tỉnh Tiền Giang. Lúc này, xã Tân Hòa Tây được giao về cho huyện Tân Phước quản lý.

Sau khi thành lập huyện Tân Phước, năm 1994, huyện Cai Lậy còn lại diện tích tự nhiên 40.893,66 ha; nhân khẩu 314.243 người; gồm 28 đơn vị hành chính là các xã Ngũ Hiệp, Tam Bình, Tân Phong, Long Trung, Hội Xuân, Hiệp Đức, Long Tiên, Mỹ Long, Phú Quý, Long Khánh, Cẩm Sơn, Phú An, Nhị Quý, Nhị Mỹ, Thanh Hoà, Bình Phú, Phú Nhuận, Tân Bình, Tân Hội, Tân Phú, Mỹ Hạnh Trung, Mỹ Hạnh Đông, Mỹ Phước Tây, Phú Cường, Thạnh Lộc, Mỹ Thành Bắc, Mỹ Thành Nam và thị trấn Cai Lậy. Năm 2010, Bộ Xây dựng ban hành Quyết định số 792/QĐ-BXD về việc công nhận thị trấn Cai Lậy là đô thị loại IV.

Năm 2013, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 130/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Cai Lậy để thành lập thị xã Cai Lậy và huyện Cai Lậy. Nội dung Nghị quyết về việc thành lập thị xã Cai Lậy như sau:

1. Thành lập thị xã Cai Lậy thuộc tỉnh Tiền Giang trên cơ sở điều chỉnh 14.018,95 ha diện tích tự nhiên và 123.775 nhân khẩu của huyện Cai Lậy, bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên và nhân khẩu của thị trấn Cai Lậy và các xã Mỹ Phước Tây, Mỹ Hạnh Đông, Mỹ Hạnh Trung, Tân Phú, Tân Bình, Tân Hội, Nhị Mỹ, Nhị Quý, Thanh Hòa, Phú Quý, Long Khánh. Thị xã Cai Lậy có 14.018,95 ha diện tích tự nhiên và 123.775 nhân khẩu.

2. Điều chỉnh địa giới hành chính thị trấn Cai Lậy và các xã Nhị Mỹ, Tân Bình để thành lập 6 phường thuộc thị xã Cai Lậy:

- Thành lập Phường 1 thuộc thị xã Cai Lậy trên cơ sở điều chỉnh 68,36 ha diện tích tự nhiên, 10.027 nhân khẩu của thị trấn Cai Lậy; 79,15 ha diện tích tự nhiên, 995 nhân khẩu của xã Tân Bình và 73,02 ha diện tích tự nhiên, 405 nhân khẩu của xã Nhị Mỹ. Phường 1 có 220,53 ha diện tích tự nhiên và 11.427 nhân khẩu.

- Thành lập Phường 2 thuộc thị xã Cai Lậy trên cơ sở điều chỉnh 215,54 ha diện tích tự nhiên, 3.854 nhân khẩu của thị trấn Cai Lậy và 133,65 ha diện tích tự nhiên, 1.562 nhân khẩu của xã Tân Bình. Phường 2 có 349,19 ha diện tích tự nhiên và 5.416 nhân khẩu.

- Thành lập Phường 3 thuộc thị xã Cai Lậy trên cơ sở điều chỉnh 278,19 ha diện tích tự nhiên, 2.778 nhân khẩu của xã Tân Bình và 57,56 ha diện tích tự nhiên, 545 nhân khẩu của xã Nhị Mỹ. Phường 3 có 335,75 ha diện tích tự nhiên và 3.323 nhân khẩu.

- Thành lập Phường 4 thuộc thị xã Cai Lậy trên cơ sở điều chỉnh 85,57 ha diện tích tự nhiên, 4.858 nhân khẩu của thị trấn Cai Lậy và 118,17 ha diện tích tự nhiên, 1.181 nhân khẩu của xã Nhị Mỹ. Phường 4 có 203,74 ha diện tích tự nhiên và 6.039 nhân khẩu.

- Thành lập Phường 5 thuộc thị xã Cai Lậy trên cơ sở điều chỉnh 255,62 ha diện tích tự nhiên và 7.499 nhân khẩu còn lại của thị trấn Cai Lậy. Phường 5 có 255,62 ha diện tích tự nhiên và 7.499 nhân khẩu.

- Thành lập phường Nhị Mỹ thuộc thị xã Cai Lậy trên cơ sở điều chỉnh 553,84 ha diện tích tự nhiên và 4.586 nhân khẩu còn lại của xã Nhị Mỹ. Phường Nhị Mỹ có 553,84 ha diện tích tự nhiên và 4.586 nhân khẩu.

Từ thời điểm thành lập (2013) cho đến hiện nay, thị xã Cai Lậy có 16 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 06 phường: 1, 2, 3, 4, 5, Nhị Mỹ và 10 xã: Tân Bình, Mỹ

Phước Tây, Mỹ Hạnh Đông, Mỹ Hạnh Trung, Tân Phú, Tân Hội, Nhị Quý, Thanh Hòa, Phú Quý, Long Khánh.

Năm 2020, Bộ Xây dựng ban hành Quyết định số 171/QĐ-BXD về việc công nhận thị xã Cai Lậy là đô thị loại III. Ngày 05 tháng 10 năm 2020, được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2020 và đạt chuẩn văn minh đô thị", với 10/10 xã đạt chuẩn "Xã nông thôn mới" và 6/6 phường đạt chuẩn "Văn minh đô thị".

Đặc sản: Nhãn giồng Nhị Quý, bánh canh bột xắt vịt,...

Dân số: 126.229 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 60 triệu đồng/người/năm (2021).

Kinh tế:

Tổng giá trị sản xuất 03 khu vực tăng 5,5%/năm. Cơ cấu giá trị sản xuất *(theo giá hiện hành)*: Khu vực 1 (nông nghiệp - thủy sản): đạt 34,7%, Khu vực 2 (công nghiệp - xây dựng): đạt 35,4%, Khu vực 3 (thương mại - dịch vụ): đạt 29,9%. Cụ thể:

Năm 2020, với 365 doanh nghiệp và 14 hợp tác xã đang hoạt động; 8.905 cơ sở sản xuất, kinh doanh cá thể cùng 12.150 hộ nông nghiệp đã đưa kinh tế của thị xã có bước phát triển đáng kể, tạo ra giá trị sản xuất 12.357,9 tỷ đồng. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, mặc dù còn chậm do xuất phát điểm kinh tế của thị xã tương đối thấp, với tỷ trọng kinh tế phi nông nghiệp chiếm 64,2%.

Về Nông nghiệp: Diện tích cây hàng năm 3.811 ha, trong đó diện tích canh tác lúa năm 2020 là 3.778 ha, diện tích cây lâu năm là 7.219 ha. Chăn nuôi nhỏ lẻ với quy mô hộ gia đình là chủ yếu: đàn bò 2.091 con, đàn heo 12.180 con và đàn gia cầm 217 ngàn con.

Tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2020 là 1,48%.

Giáo dục:

Quy mô trường lớp ổn định, cơ sở vật chất được tăng cường. Đến năm 2021, toàn thị xã có 23/34 trường đạt chuẩn quốc gia (Mầm non 09/13 trường, Tiểu học 08/09 trường, Trung học cơ sở 06/07 trường).

Công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên được quan tâm; năm 2021, tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn bậc mầm non đạt 89,2%, trên chuẩn 54,2%; bậc tiểu học 67,6%, trên chuẩn 0%; bậc trung học cơ sở 66,7%, trên chuẩn 0,7%. Chọn 22 giáo viên tham gia dự thi giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh, kết quả có 20 giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh *(07 giáo viên Mầm non, 13 giáo viên Tiểu học).* Hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học 2020-2021, kết quả tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đạt 99,87%, tốt nghiệp THCS đạt 99,85%.

Y tế:

Đội ngũ cán bộ làm công tác y tế toàn thị xã có 300 cán bộ nhân viên; tỷ lệ bác sĩ/vạn dân: 7,8; tỷ lệ giường bệnh/vạn dân: 37,9; 16/16 Trạm y tế xã - phường có bác sĩ, đạt tỷ lệ 100%; ngoài ra còn có 48 cơ sở khám chữa bệnh tư nhân. Cơ sở vật chất, trang thiết bị từng bước được đầu tư, đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân. Năm 2020, Phòng khám đa khoa thị xã và Trạm Y tế các xã, phường đã tổ chức khám và điều trị bệnh cho 220.866 lượt người.

Về thực hiện bộ tiêu chí Quốc gia Y tế xã, Nông thôn mới, Nông thôn mới nâng cao: 16/16 Trạm Y tế xã, phường hàng năm đều đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã. Năm 2021, có 03 xã thực hiện Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao gồm xã Nhị Quý, Phú Quý, Thanh Hòa đang hoàn thành hồ sơ chờ thẩm định.

Các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế tiếp tục triển khai có hiệu quả. Tình hình dịch bệnh được kiểm soát và khống chế quyết liệt, nhất là phòng chống dịch bệnh Covid-19. Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em được thực hiện đúng quy định.

Năm 2020, toàn thị xã có 119.230/125.742 người tham gia bảo hiểm y tế, tỷ lệ bao phủ đạt 94,82%, đạt 101,96% NQ và đạt 100,18% chỉ tiêu tỉnh giao (tỉnh giao 94,2%).

Trung tâm Y tế thị xã Cai Lậy đạt danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc năm 2020" theo Quyết định số 1134/QĐ-UBND ngày 13/05/2021 của UBND tỉnh Tiền Giang.

Giao thông:

Về đường bộ, tuyến Quốc lộ 1 với chiều dài khoảng 10,7 km đi ngang qua thị xã được xem là tuyến phát triển chính trong quá trình tiếp cận, giao lưu kinh tế, văn hóa với các khu vực lân cận của địa bàn và hình thành hành lang phát khởi đô thị hóa. Ngoài ra trên địa bàn còn có các tuyến đường tỉnh (ĐT): ĐT.865, ĐT.868, ĐT.874, ĐT.874B, các tuyến đường huyện (ĐH): ĐH.51, ĐH.52, ĐH.53, ĐH.54, ĐH.57, ĐH.58, ĐH.59, ĐH.60, ĐH.64, ĐH.67… đã hình thành các tuyến giao thông đối ngoại và hệ thống mạng lưới đường trục, góp phần quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của toàn địa bàn thị xã. Ngoài ra cấp trên đang thi công đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận ngang qua địa bàn thị xã.

Về đường thủy, tuyến quan trọng nhất trên địa bàn là sông Ba Rài chảy qua 10,5 km khu vực phía Đông của địa bàn thị xã theo hướng Bắc-Nam ra sông Tiền và kết nối với kênh 12 - kênh Nguyễn Văn Tiếp, hình thành tuyến đường thủy quan trọng vận chuyển lúa gạo phục vụ phát triển xay xát - lau bóng - kho vận và cũng là một trong những tuyến giao thông quan trọng nối liền khu vực phía Nam vùng Đồng Tháp Mười với sông Tiền. Ngoài ra, còn có hệ thống kênh rạch chằng chịt với các tuyến trục chính có giá trị giao thông thủy như Kênh Cũ, kênh Thanh Niên, kênh Mỹ Long - Bà Kỳ....

Văn hóa:

Các phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" thực hiện có hiệu quả. Qua bình xét cuối năm 2020, có 31.835/33.699 hộ đạt 3 tiêu chuẩn gia

đình văn hóa, đạt tỷ lệ 94,47%; 72/72 ấp, khu phố văn hóa, đạt tỷ lệ 100%; 16/16 đơn vị "Phường đạt chuẩn văn minh đô thị", "Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới", đạt tỷ lệ 100%; 105 cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa.

Các thiết chế văn hóa được đầu tư nâng cấp, xây dựng. Thị xã có 1 Trung tâm Văn hóa - Thể thao, 01 Thư viện, 01 Nhà truyền thống, 41 Cơ sở thờ tự văn hóa; 81 Con đường văn hóa; 01 Công viên văn hóa; 03 Chợ văn hóa; 02 Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã; 15 Nhà Văn hóa xã, phường; 22 Nhà văn hóa ấp, liên ấp; khoảng 300 Câu lạc bộ, đội, nhóm sở thích văn hóa - văn nghệ cấp xã, cấp ấp; 72 Quy ước văn hóa; 10 xã đạt chuẩn Nông thôn mới; 01 Xã đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao; xây dựng thành công 72/72 Câu lạc bộ gia đình hạnh phúc phát triển bền vững - Đội phòng, chống bạo lực gia đình.

Hiện trên địa bàn thị xã có 15 di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh (01 di tích cấp quốc gia đặc biệt; 01 di tích cấp quốc gia và 13 di tích cấp tỉnh).

Hàng năm nhân dân thị xã tổ chức lễ hội Tứ Kiệt, lễ hội Hạ Điền, Thượng Điền, Kỳ Yên, Vu Lan, Phật Đản… đúng quy định của pháp luật, đảm bảo nếp sống văn hóa, văn minh, tiết kiệm và có ý nghĩa giáo dục truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc.

Ngành Văn hóa thông tin thị xã đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tặng 01 Bằng khen cho Ấp Phú Hòa, xã Long Khánh về thành tích trong Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa (TDĐKXDĐSVH)" giai đoạn 2000 - 2020; 06 Bằng khen của UBND tỉnh cho 04 tập thể và 02 cá nhân về thành tích trong Phong trào TDĐKXDĐSVH giai đoạn 2000 - 2020; 07 Bằng khen của UBND tỉnh cho 03 tập thể và 04 cá nhân về thành tích Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến 2020.

Du lịch:

Quan tâm đầu tư, tôn tạo các khu di tích lịch sử như: Lăng Tứ Kiệt, Cổ Miếu Tứ Kiệt, Chiến thắng Ấp Bắc…, phát triển Lễ hội Tứ Kiệt, phát triển các làng nghề truyền thống gắn với các sản phẩm OCOP (sầu riêng 9 Phẻ, lạp xưởng Cô Tuyết)... nhằm thu hút khách đến tham quan du lịch tại các di tích và di sản văn hóa. Hằng năm, có trên 3 nghìn lượt khách du lịch đến tham quan trên địa bàn thị xã.

Thể thao:

Thời gian qua, phong trào thể dục thể thao phát triển mạnh, diễn ra sôi nổi nhất là nhân kỷ niệm các ngày lễ, Tết, ngày kỷ niệm… thu hút đông đảo cán bộ, chiến sĩ, công chức, viên chức, học sinh và nhân dân tham gia. Hàng năm, thị xã tổ chức các giải thể thao, hội thao cấp thị xã như: bóng đá sân lớn; bóng đá mini; bóng chuyền Olympic, bóng chuyền hơi, cầu lông, quần vợt, võ thuật, chạy việt dã và các môn thể thao dân tộc… Đồng thời đăng cai các giải cấp tỉnh như bóng đá, bóng chuyền nông thôn, bóng chuyền trẻ, hội thi bơi… thu hút người dân tham gia; đồng thời tuyển chọn vận động viên tham gia các giải đấu cấp tỉnh và khu vực.

Hoạt động liên tịch về thể dục thể thao với các ngành, đoàn thể được chú trọng bằng nhiều hình thức như: Hội khỏe Phù Đổng, Hội thao chiến sĩ khỏe, chiến sĩ Công an khỏe; tổ chức giải Cầu lông, bóng đá mi ni công nhân viên chức lao động; Hội thao người cao tuổi; Việt dã phụ nữ; Bóng chuyền Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; Bóng đá, bóng chuyền nông dân; Bóng chuyền Hội Cựu chiến binh… Hiện thị xã Cai Lậy có 143 điểm tập luyện thể dục thể thao (TDTT) của 19 bộ môn như: Bóng chuyền, bơi, bóng đá sân lớn, bóng đá cỏ nhân tạo, cầu lông, thể dục dưỡng sinh, võ Taekwondo, Vovinam, bóng chuyền hơi, quần vợt..., 42 câu lạc bộ (CLB) thể dục dưỡng sinh, 14 CLB cầu lông, 17 CLB võ thuật, thu hút thành viên tham gia luyện tập thường xuyên.

Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động thể dục thể thao trên địa bàn thị xã được quan tâm đầu tư (sân bóng đá lớn, sân bóng đá mini, sân quần vợt, sân bóng chuyền, cầu lông, hồ bơi...). Nhiều hoạt động TDTT được tổ chức đa dạng, phong phú và diễn ra sôi nổi từ cấp thị xã đến cơ sở. Hiện thị xã có trên 45.767 người tham gia luyện tập thể thao thường xuyên, đạt tỷ lệ 35,70%; 8.731 gia đình tập luyện thể thao thường xuyên, đạt tỷ lệ 25,30%. Đặc biệt, phong trào TDTT trong người cao tuổi, thanh thiếu niên, học sinh, lực lượng vũ trang phát triển bền vững. Về thể thao thành tích cao, thị xã tích cực tham gia các giải do tỉnh tổ chức, các giải khu vực và toàn quốc, kết quả năm 2020, đạt 46 huy chương (11 Huy chương Vàng, 16 Huy chương Bạc và 19 Huy chương Đồng).

Tổng số liệt sĩ: 2.559 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ VN anh hùng: 669 Bà mẹ.

2. Xã Long Khánh

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:
Địa danh Hán Việt:

隆 Long: Hưng thịnh, long trọng

慶 Khánh: Mừng, chúc mừng

隆慶社 Long Khánh Xã

Vị trí địa lý:

Xã Long Khánh nằm phía Nam thị xã Cai Lậy.

- Phía Bắc giáp xã Thanh Hoà, Phường 5.
- Phía Đông giáp xã Phú Quý.
- Phía Nam giáp xã Long Trung, Long Tiên của huyện Cai Lậy.
- Phía Tây giáp xã Cẩm Sơn của huyện Cai Lậy.

Diện tích tự nhiên: 2.080,67 ha.

Hành chính:

Xã Long Khánh có 09 ấp: 04 ấp phía Đông Đường tỉnh 868 gồm: Phú Hưng, Phú Hiệp, Phú Hòa và Mỹ Phú; 05 ấp ở phía Tây Đường tỉnh 868 gồm Hòa Trí, Hòa Nghĩa, Hòa Nhơn, Phú Thuận và Mỹ Vĩnh.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có hai thôn Mỹ Hòa và Phú Long (còn gọi là Phú Luông, do kỵ húy vua Gia Long, nên Long được gọi trại thành Luông), thuộc tổng Kiến Lợi, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, hai thôn này thuộc tổng Lợi Trường, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Ngày 12-7-1877, làng[9] Mỹ Hòa đổi thành Mỹ Khánh, đến ngày 24-10-1925, làng Mỹ Khánh (tổng Lợi Mỹ) nhập với làng Hòa Thuận (tổng Lợi Trinh) lấy tên là Thuận Khánh thuộc tổng Lợi Mỹ. Ngày 24-11-1932, nhập làng Phú Long và làng Thuận Khánh lấy tên là Long Khánh, thuộc tổng Lợi Mỹ, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là xã Long Khánh, huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho ; chính quyền thực dân gọi là làng Long Khánh, tổng Lợi Trường, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1971, là xã Long Khánh, huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho, từ năm 1971-1975, xã Long Khánh được chia thành hai xã Long Khánh Đông và Long Khánh Tây, lấy hương lộ Ba Dừa (nay là Đường tỉnh 868) làm ranh giới, thuộc huyện Cai Lậy Nam, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ 1954-1961, là xã Long Khánh, tổng Lợi Trường, quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường; từ năm 1961-1964, xã thuộc tổng Lợi Trường, quận Khiêm Ích, tỉnh Định Tường; từ năm 1964-1975, là xã Long Khánh, quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, hai xã Long Khánh Đông và Long Khánh Tây được hợp nhất, lấy tên là xã Long Khánh, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2013, xã Long Khánh thuộc thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2017, xã được công nhận đạt

[9] Từ năm 1876, chính quyền thực dân Pháp cho đổi đơn vị hành chính "thôn" thành "làng".

chuẩn Nông thôn mới. Năm 2020, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao.

Đặc sản: nhãn giồng Nhị Quý.

Dân số: 14.520 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 62 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Về trồng trọt: Phát triển kinh tế vườn chuyên canh cây ăn trái (sầu riêng, bưởi da xanh…) Diện tích cây ăn trái là 1.740,85 ha, sản lượng vườn cây ăn trái khoảng 55.000 tấn/năm. Hiện trên địa bàn xã có 6 ha bưởi da xanh và 10 ha sầu riêng được sản xuất theo chuẩn VietGAP.

Về chăn nuôi: Chăn nuôi trên địa bàn chủ yếu là chăn nuôi quy mô hộ gia đình với các loại vật nuôi phổ biến như: bò, heo, gà, vịt.

Về thương mại, dịch vụ và tiểu thủ công nghiệp: 01 Hợp tác xã nông nghiệp, 28 doanh nghiệp tư nhân, đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất và tiêu dùng của nhân dân. Chợ xã có 455 hộ tiểu thương kinh doanh buôn bán, đảm bảo nhu cầu thiết yếu của người dân.

Giáo dục:

Thời nhà Nguyễn, xã có ông Trần Thành Lập đỗ cử nhân Khoa Đinh Dậu năm 1837, được tôn làm tiền hiền của thôn Phú Long (Phú Luông, nay là xã Long Khánh).

Xã có 03 trường học đạt chuẩn quốc gia: Trường mầm non (MN) Long Khánh, Trường tiểu học (TH) Long Khánh, Trường trung học cơ sở (THCS) Thái Thị Kim Hồng).

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế. Trạm có 09 biên chế: 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 02 hộ sinh, 02 dược sĩ, 01 cán bộ phụ trách dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các ấp đều có tổ y tế, tỷ lệ bảo hiểm y tế trên địa bàn đạt 91% (2020).

Giao thông:

Xã có Đường tỉnh 868 đi qua trung tâm xã trên tuyến có hai cầu: Cầu Thanh Niên dài 18,6m, bắc qua kinh Thanh Niên xã Long Khánh, kết cấu bê tông cốt thép, xây dựng năm 1997, tải trọng 30 tấn. Cầu Long Khánh dài 12,5m, bắc qua rạch Bà Kén thuộc xã Long Khánh, kết cấu bê tông cốt thép, xây dựng trước năm 1975, nâng cấp năm 2003, tải trọng 30 tấn.

Đường huyện 60, còn gọi là lộ Thanh Niên dài 3 km, rộng 6,7m, được xây dựng từ năm 1992, nối Tỉnh lộ 868 đi đến xã Cẩm Sơn, đến năm 2005 được trải nhựa. Trên tuyến có 3 cầu gồm cầu Văn U bắc qua rạch Giang U; cầu Thanh Niên bắc qua rạch Bà Kén đều có tải trọng 8 tấn.

Đường huyện 61, còn gọi là đường Cây Trâm, nguyên là Bờ đắp cũ, dài 3,5km, mặt đường hẹp nhưng được trải nhựa, nối đường tỉnh 868 đến cầu Ba Đá cùng xã.

Hệ thống giao thông nông thôn được bê tông hoá đạt chuẩn nông thôn mới.

Văn hóa:

Xã có các di tích lịch sử - văn hóa cổ, như chùa Long Phước, được xem là di tích thứ 36 của Bồ tát Thích Quảng Đức, hiện nay là nơi làm việc của Ban trị sự Giáo hội Phật giáo thị xã Cai Lậy; đình Phú Luông (Phú Long); nhà cổ của Ông Hội đồng Cự,...

Xã có 1 nhà văn hoá xã; 05 nhà văn hoá liên ấp đáp ứng yêu cầu vui chơi, giải trí cho nhân dân.

Du lịch:

Xã có tiềm năng dịch vụ du lịch sinh thái vườn.

Thể thao:

Xã có 01 sân vận động, 01 đội bóng đá; 01 đội bóng chuyền, 09 đội cầu lông tập trung ở các khu dân cư.

Tổng số liệt sĩ: 424 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ VN anh hùng: 66 Bà mẹ.

3. Xã Mỹ Hạnh Đông

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

美 Mỹ: Tốt đẹp

幸 Hạnh: May mắn

東 Đông: Phía đông.

美幸東社 Mỹ Hạnh Đông Xã

Vị trí địa lý:

Xã Mỹ Hạnh Đông nằm về phía Đông Bắc thị xã Cai Lậy.

- Phía Bắc giáp xã Tân Hòa Tây, huyện Tân Phước.
- Phía Nam giáp xã Tân Hội, thị xã Cai Lậy.
- Phía Tây giáp xã Mỹ Phước Tây và xã Mỹ Hạnh Trung, thị xã Cai Lậy.
- Phía Đông giáp xã Tân Phú, thị xã Cai Lậy và xã Phước Lập, huyện Tân Phước.

Diện tích tự nhiên: 1.609,18 ha.

Hành chính:

Xã Mỹ Hạnh Đông có 04 ấp: Mỹ Phú, Mỹ Hội, Mỹ Bình và Mỹ Lương.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Mỹ Hạnh Đông, thuộc tổng Kiến Lợi, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn Mỹ Hạnh Đông thuộc tổng Lợi Trinh, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường. Năm 1838, vẫn đời vua Minh Mạng, thôn thuộc tổng Lợi Trinh, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến Tường, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị, từ 1904, làng Mỹ Hạnh Đông thuộc tổng Lợi Trinh, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là xã Mỹ Hạnh Đông, huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho ; chính quyền thực dân gọi là làng Mỹ Hạnh Đông, tổng Lợi Trinh, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1971, là xã Mỹ Hạnh Đông, huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho, từ năm 1971-1975, xã Mỹ Hạnh Đông thuộc huyện Cai Lậy Bắc, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ 1954-1961, là xã thuộc tổng Lợi Trinh, quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường; từ năm 1961-1964, xã thuộc tổng Lợi Trinh, quận Khiêm Ích, tỉnh Định Tường; từ năm 1964-1975, là xã Mỹ Hạnh Đông, quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Mỹ Hạnh Đông thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2013, xã thuộc thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2020, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

Dân số: 8.585 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 50 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Nhân dân chủ yếu sống bằng nghề sản xuất nông nghiệp, còn lại một số hộ sản xuất tiểu thủ công nghiệp, kinh doanh thương mại và dịch vụ. Năm 2020, toàn xã có 01 Hợp tác xã Nông nghiệp, có 03 doanh nghiệp tư nhân, 268 tiểu thương, hộ sản xuất kinh doanh đang hoạt động trên địa bàn xã.

Tổng giá trị sản xuất các ngành kinh tế ước tính 487 tỉ đồng/năm, trong đó giá trị sản xuất công nghiệp ước tính 32 tỉ đồng.

Giáo dục:

Xã có 02 trường: Trường mầm non Mỹ Hạnh Đông, Trường tiểu học và trung học cơ sở Mỹ Hạnh Đông (đạt chuẩn quốc gia). Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế. Trạm có 0 biên chế: 02 bác sĩ. Tất cả các ấp đều có tổ y tế, tỷ lệ bảo hiểm y tế trên địa bàn đạt 92,62% (2020).

Giao thông:

Xã Mỹ Hạnh Đông có 02 trục đường chính gồm Đường huyện 53 và Đường huyện 59 tạo điều kiện giao lưu kinh tế - văn hóa trong khu vực.

Có 2 tuyến đường liên xã chiều dài 4,531 km, được bêtông hóa. Đường ấp có 6 tuyến với chiều dài 13,029 km, kết cấu bê tông hóa.

Sông Ba Rài, kinh 12, kinh Cũ là những tuyến đường thủy quan trọng của khu vực.

Văn hóa:

Xã đầu tư xây dựng Nhà văn hóa xã khang trang đảm bảo phục vụ văn hóa văn nghệ cho người dân. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" tiếp tục phát triển. Qua bình xét cuối năm 2020, có 2.034 hộ/2.180 hộ đạt 03 tiêu chuẩn gia đình văn hóa chiếm tỉ lệ 93,30%, trong đó có 1.744 hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa 03 năm liền. Có 4/4 ấp đạt danh hiệu Ấp văn hóa đạt

100%, có 4 cơ quan đơn vị văn hóa, 1 cơ sở thờ tự văn hóa (chùa Khánh Hưng tọa lạc ấp Mỹ Phú) và 5 Con đường văn hóa.

Xã đã thành lập đội văn nghệ thường xuyên biểu diễn phục vụ nhân dân, tham gia các hội thi, hội diễn do thị xã tổ chức, đạt được nhiều giải thưởng.

Du lịch: Du lịch chưa phát triển ở địa phương.

Thể thao:

Phong trào "Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại" được nhân dân tích cực hưởng ứng với các bộ môn như chạy bộ, các bài tập thể dục buổi sáng, thể dục dưỡng sinh, bóng đá, bóng chuyền…. Hàng năm người tập luyện thể dục thể thao thường xuyên đạt 30% trở lên, gia đình tập luyện thể dục thể thao thường xuyên đạt 27% trở lên.

Xã có 1 đội bóng chuyền, 04 câu lạc bộ thể dục dưỡng sinh, 04 câu lạc bộ võ thuật. Năm 2020, trên địa bàn có 2 sân bóng chuyền, 4 điểm tập luyện thể dục dưỡng sinh, 3 sân võ thuật.

Tổng số liệt sĩ: 443 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ VN anh hùng: 92 Bà mẹ.

4. Xã Mỹ Hạnh Trung

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

美 Mỹ: Tốt đẹp

幸 Hạnh: May mắn

中 Trung: Ở giữa, bên trong

美幸中社 Mỹ Hạnh Trung Xã

Vị trí địa lý:

Mỹ Hạnh Trung nằm ở phía Bắc thị xã Cai Lậy. Phía Đông giáp xã Mỹ Hạnh Đông, xã Mỹ Phước Tây. Phía Tây giáp Phường 3, xã Mỹ Phước Tây. Phía Bắc giáp xã Mỹ Phước Tây. Phía Nam giáp phường Nhị Mỹ, Phường 3.

Diện tích tự nhiên: 10.015,1 ha.

Hành chính:

Xã có 5 ấp: Mỹ Đa, Mỹ Hòa, Mỹ Luận, Mỹ Lợi và Mỹ Thạnh.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, thôn Mỹ Hạnh Trung thuộc tổng Kiến Lợi, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn này thuộc tổng Lợi Trinh, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, làng Mỹ Hạnh Trung thuộc tổng Lợi Trinh, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1904, làng này thuộc tổng Lợi Trinh, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Mỹ Hạnh Trung thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Mỹ Hạnh Trung, tổng Lợi Trinh, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1971, gọi là xã Mỹ Hạnh Trung thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1971-1975, xã Mỹ Hạnh Trung thuộc huyện Cai Lậy Bắc, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ 1954-1961, xã Mỹ Hạnh Trung thuộc tổng Lợi Trinh, quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường; từ năm 1961-1964, xã này thuộc tổng Lợi Trinh, quận Khiêm Ích, tỉnh Định Tường; từ năm 1964-1975, xã Mỹ Hạnh Trung thuộc quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Mỹ Hạnh Trung thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2013, huyện Cai Lậy được chia tách thành thị xã Cai Lậy và huyện Cai Lậy. Xã Mỹ Hạnh Trung thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2019, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

Dân số: 7.765 nhân khẩu (2020).

Thu nhập bình quân đầu người:

Thu nhập bình quân đầu người hiện nay: 50,25 triệu/người/năm.

Kinh tế:

Nền kinh tế xã chủ yếu là nông nghiệp trồng lúa 3 vụ, các loại cây ăn trái đang phát triển tại xã: dừa, nhãn, bưởi, sầu riêng, mít…chăn nuôi và thương mại và dịch vụ.

Xã có 1 Hợp tác xã nông nghiệp Thạnh Lợi, 15 doanh nghiệp tư nhân, 524 tiểu thương, hộ kinh doanh buôn bán có thuế.

Giáo dục:

Xã có 02 trường học: Trường mầm non Mỹ Hạnh Trung, Trường tiểu học và trung học cơ sở Mỹ Hạnh Trung. Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế, có 08 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 02 hộ sinh, 02 dược sĩ, 01 cán bộ phụ trách dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các ấp đều có tổ y tế, tỷ lệ bảo hiểm y tế trên địa bàn đạt 92% (2020).

Giao Thông:

Xã có các tuyến đường giao thông đi qua như: Đường tỉnh 868, Đường tỉnh 868B, Đường huyện 58, Đường huyện 59 và các đường liên xã, liên ấp được nâng cấp đạt tiêu chí Nông thôn mới.

Về đường thủy, xã tiếp giáp sông Ba Rài, kênh/kinh Sông Cũ, kênh/kinh Ban Chón… tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao lưu hàng hóa trong khu vực các xã phía Bắc với thị xã Cai Lậy.

Văn hóa:

Xã đã xây dựng được 5/5 ấp văn hóa. Ngày 22 tháng 11 năm 2018, xã Mỹ Hạnh Trung được công nhận đạt chuẩn "Xã văn hóa nông thôn mới".

Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" tiếp tục phát triển. Qua bình xét cuối năm 2020 có 1.921 hộ/2.160 hộ đạt 03 tiêu chuẩn gia đình văn hóa chiếm 88,93%, trong đó có 1.822 hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa 03 năm liền.

Xã có 5/5 ấp văn hóa, 05 con đường văn hóa, 01 cơ sở thờ tự văn hóa, 5/5 ấp đều có đủ 4 loại hình câu lạc bộ, đội, nhóm sở thích phục vụ nhu cầu văn hóa tinh thần cho nhân dân.

Du lịch: Du lịch còn dưới dạng tiềm năng.

Thể thao:

Phong trào thể thao phát triển, góp phần thiết thực trong cuộc vận động "Toàn dân rèn luyện thân thể theo theo gương Bác Hồ vĩ đại". Xã có 01 đội bóng đá, 01 đội bóng chuyền, 02 đội cầu lông, tham gia giải bóng đá Đại hội TDTT thị xã Cai Lậy vào vòng 1/8; tham gia giải bóng chuyền Đại hội TDTT thị xã Cai Lậy.

Tổng số liệt sĩ: 374 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 79 Bà mẹ.

5. Xã Mỹ Phước Tây

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

美 Mỹ: Tốt đẹp

福 Phước: Tốt lành, hạnh phúc

西 Tây: Phía tây

美福西社 Mỹ Phước Tây Xã

Vị trí địa lý:

Xã Mỹ Phước Tây cách trung tâm thị xã Cai Lậy 8 km về phía Đông Bắc, phía Bắc giáp xã Phú Cường (huyện Cai Lậy) và xã Tân Hòa Tây (huyện Tân Phước), phía Đông giáp xã Mỹ Hạnh Đông, phía Nam giáp xã Tân Bình và Mỹ Hạnh Trung, phía Tây giáp xã Tân Bình (thị xã Cai Lậy) và xã Phú Cường (huyện Cai Lậy).

Diện tích tự nhiên: 2041,53 ha.

Hành chính:

Xã Mỹ Phước Tây có 6 ấp: Bà Bèo, Cầu Dừa, Kinh 12, Long Phước, Láng Biển, Rạch Trắc.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Mỹ Hạnh Tây, thuộc tổng Kiến Lợi, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn Mỹ Hạnh Tây thuộc tổng Lợi Trinh, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường. Năm 1838, vẫn đời vua Minh Mạng, thôn thuộc tổng Lợi Trinh, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến Tường, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị, từ 1904, làng Mỹ Hạnh Tây thuộc tổng Lợi Trinh, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho. Năm 1913, làng Mỹ Hạnh Tây hợp nhất với làng Long Phước, tổng Lợi Thạnh thành làng Mỹ Phước Tây, thuộc tổng Lợi Trinh, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là xã Mỹ Phước Tây, huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho ; chính quyền thực dân gọi là làng Mỹ Phước Tây, tổng Lợi Trinh, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1971, là xã Mỹ Phước Tây, huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho, từ năm 1971-1975, xã Mỹ Phước Tây thuộc huyện Cai Lậy Bắc, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ 1954-1961, là xã thuộc tổng Lợi Trinh, quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường; từ năm 1961-1964, xã thuộc tổng Lợi Trinh, quận Khiêm Ích, tỉnh Định Tường; từ năm 1964- 1975, là xã Mỹ Phước Tây, quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Mỹ Phước Tây thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2013, xã thuộc thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2016, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

Dân số: 13.986 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 50,4 triệu đồng/người/năm (2021).

Kinh tế:

Xã có một khu trung tâm thương mại Mỹ Phước Tây, là đầu mối giao lưu quan trọng của khu vực các xã phía Bắc là cửa ngõ giao lưu kinh tế với các tỉnh trong khu vực gồm: Long An - Đồng Tháp - Tiền Giang.

Đa số người dân sống chủ yếu vào nông nghiệp; trồng lúa 3 vụ/năm, một số dịch vụ, buôn bán nhỏ lẻ. Xã có 1 HTX nông nghiệp Mỹ Phước Tây, HTX Tiến Phát và 1.200 tiểu thương, hộ kinh doanh buôn bán có thuế…

Giáo dục:

Xã có 04 trường học: Trường mầm non Mỹ Phước Tây (đạt chuẩn Quốc gia), Trường tiểu học Trần Thị Gấm (đạt chuẩn Quốc gia), Trường trung học cơ sở Mai Thị Út (đạt chuẩn Quốc gia), Trường trung học phổ thông Lê Văn Phẩm. Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 02 hộ sinh, 01 dược sĩ, 01 cán bộ phụ trách dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các ấp đều có tổ y tế, tỷ lệ bảo hiểm y tế trên địa bàn đạt 92% (2020).

Giao thông:

Xã có Đường tỉnh 868 dài 6km và Đường tỉnh 865 dài 8km, Đường huyện Mỹ Hạnh Trung - Mỹ Phước Tây dài 4,2 km chạy ngang. Đường xã ấp có 09 tuyến với chiều dài 25,98 km, kết cấu vật liệu bê tông 25,72km, nhựa 2,6km.

Giao thông đường thủy, xã có Kênh/Kinh 12, kênh/kinh La-cua, kênh/kinh Nguyễn Văn Tiếp giao thông thuận lợi cho khu vực.

Văn hóa:

Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" tiếp tục phát triển. Qua bình xét cuối năm 2020 có 3.675/ 3.743 hộ đạt 03 tiêu chuẩn gia đình văn hóa chiếm 98%, trong đó có 3.503 hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa 03 năm liền.

Xã hiện có 06 ấp văn hóa ,06 con đường văn hóa, 01 cơ sở thờ tự văn hóa, 6/6 ấp đều có đủ 4 loại hình câu lạc bộ, đội, nhóm sở thích phục vụ nhu cầu văn hóa tinh thần cho nhân dân.

Du lịch: Du lịch còn ở dưới dạng tiềm năng.

Thể thao:

Phong trào thể thao phát triển. Xã có 01 đội bóng đá, 01 đội bóng chuyền, 01 đội cầu lông… thường xuyên thi đấu giao hữu với các đơn vị bạn.

Tổng số liệt sĩ: 426 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 85 Bà mẹ.

6. Xã Nhị Quý

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

二 Nhị: Thứ hai, số hai

貴 Quý: Sang, quý giá, quý trọng

二貴社: Nhị Quý Xã

Vị trí địa lý:

Xã Nhị Quý nằm về phía Đông Nam thị xã Cai Lậy. Phía Đông giáp xã Hữu Đạo và xã Dưỡng Điềm, huyện Châu Thành. Phía Tây giáp phường Nhị Mỹ và xã Long Khánh. Phía Nam giáp xã Phú Quý (thị xã Cai Lậy) và xã Mỹ Long (huyện Cai Lậy). Phía Bắc giáp Quốc lộ 1 xã Tân Hội và phường Nhị Mỹ.

Diện tích tự nhiên: 788 ha.

Hành chính:

Xã có 5 ấp: Quý Chánh, Quý Thành, Quý Lợi, Quý Phước, Quý Trinh.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có hai thôn Mỹ Quý và Mỹ Trinh, thuộc tổng Kiến Lợi, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, hai thôn này thuộc tổng Lợi Trường, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường. Năm 1838, vẫn đời vua Minh Mạng, hai thôn thuộc tổng Lợi Trường, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến Tường, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị, trong nửa sau thế kỷ XIX, làng Mỹ Trinh và ấp Mỹ Hòa của làng Mỹ Quí hợp nhất thành thôn Mỹ Quý Đông, ấp Mỹ Phú của làng Mỹ Quý được nâng lên thành làng Mỹ Quý Tây; ấp Mỹ Thới của làng Mỹ Quý được nâng lên thành làng; nhưng vẫn giữ tên Mỹ Quí. Năm 1900, các làng Mỹ Quý, Mỹ Quý Tây, Mỹ Quý Đông thuộc tổng Lợi Trường, tỉnh Mỹ Tho.

Năm 1925, hai làng Mỹ Quý và Mỹ Quý Đông được hợp nhất thành làng Nhị Quý, thuộc tổng Lợi Trường, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho. Năm 1934, làng Nhị Quý thuộc tổng Lợi Hòa, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là xã Nhị Quý, huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho ; chính quyền thực dân gọi là làng Nhị Quý, tổng Lợi Hòa, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1971, là xã Nhị Quý, huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho, từ năm 1971-1975, xã Nhị Quý thuộc huyện Cai Lậy Nam, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ 1954-1961, là xã thuộc tổng Lợi Hòa, quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường; từ năm 1961-

1964, xã thuộc tổng Lợi Hòa, quận Khiêm Ích, tỉnh Định Tường; từ năm 1964-1975, là xã Nhị Quý, quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Nhị Quý thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2013, xã thuộc thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2019, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới. Năm 2021, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao.

Dân số: 10.639 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 50,49 triệu đồng/người/năm (2021).

Kinh tế:

Về nông nghiệp: vận động nhân dân chuyển đổi diện tích các loại cây có giá trị kinh tế thấp sang trồng các loại cây có giá trị kinh tế cao như nhãn xuồng, bưởi da xanh, sầu riêng,...

Về công nghiệp và thương mại dịch vụ: có nhiều công ty và doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn xã góp phần tạo việc làm cho lao động nông thôn.

Xã có 01 Hợp tác xã Nông nghiệp Nhị Quý thành lập tháng 8 năm 2018 có 29 thành viên. HTX hoạt động theo đúng quy định của Luật HTX năm 2012, có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững.

Giáo dục:

Trên địa bàn xã có 03 trường: Trường mầm non Nhị Quý, Trường tiểu học Nhị Quý, Trường trung học cơ sở Nhị Quý. Tất cả các trường đều đạt chuẩn quốc gia.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế, có 08 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 02 hộ sinh, 02 dược sĩ, 01 cán bộ phụ trách dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các ấp đều có tổ y tế, tỷ lệ bảo hiểm y tế trên địa bàn đạt 94% (2020).

Giao thông:

Đường xã có 2 tuyến chiều dài 4,324 km, được bêtông hóa và nhựa hóa đạt 100% số km. Đường ấp có 6 tuyến với chiều dài 11,742 km, được cứng hóa chuẩn 11,586/11,742 km đạt 98,67%. Đường dân sinh xã có 22 tuyến với chiều dài 18,702 km, cứng hóa 9,142/18,702 km đạt 48,88%; còn lại 12 tuyến đường dài 9,56 km mặt đường đá 0x4 đảm bảo không lầy lội vào mùa mưa.

Văn hóa:

Xã Nhị Quý có 5/5 ấp đều được tái công nhận ấp văn hóa hàng năm.

Hiện xã có 01 nhà văn hóa với diện tích 752 m^2, đảm bảo đủ 200 chỗ ngồi, với đầy đủ các trang thiết bị như: đèn, quạt, âm thanh,… có 03 phòng chức năng theo qui định, phòng thông tin truyền thanh 20m^2, phòng hành chính 20m^2, phòng đọc sách 40 m^2 và sinh hoạt CLB.

Có 834/1.342 trẻ em trong độ tuổi tiểu học, THCS trên địa bàn xã được phổ cập kỹ năng an toàn trong môi trường nước, đạt tỷ lệ 62,1%.

Có nhà văn hóa liên ấp Quý Trinh - Quý Phước, liên ấp Quý Thành - Quý Lợi là nơi sinh hoạt văn hóa văn nghệ và các khu thể thao phục vụ hoạt động văn hóa, thể thao của xã.

Du lịch: Du lịch còn dưới dạng tiềm năng.

Thể thao:

Xã có sân vận động xã với diện tích 8.592 m^2 tại ấp Quý Chánh; có 01 sân bóng đá cỏ nhân tạo tại ấp Quý Lợi (tư nhân) diện tích 1.000m^2; có 02 điểm vui chơi giải trí cho trẻ em tại trường mầm non và trường tiểu học, 08 sân luyện tập thể dục dưỡng sinh cho người cao tuổi đảm bảo các điều kiện cơ bản cho trẻ em, người cao tuổi vui chơi. Có hồ bơi di động của tư nhân đầu tư tại Trường tiểu học Nhị Quý điểm Quý Lợi đảm bảo đủ các phương tiện dạy bơi cho trẻ em.

Tổng số liệt sĩ: 265 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ VN anh hùng: 40 Bà mẹ.

7. Xã Phú Quý

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

富 Phú: Giàu có

貴 Quý: Sang, quý giá, quý trọng

富貴社 Phú Quý Xã

Vị trí địa lý:

Xã Phú Quý nằm ở phía Đông Nam của thị xã Cai Lậy.

- Phía Đông: giáp xã Nhị Quý.
- Phía Tây: giáp xã Long Khánh.
- Phía Nam: giáp xã Mỹ Long và xã Long Tiên.
- Phía Bắc: giáp xã Nhị Quý.

Diện tích tự nhiên: 835,34 ha.

Hành chính:

Phú Quý có 04 ấp gồm: ấp Phú An, Phú Hòa, Phú Hưng, Phú Mỹ.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Mỹ Ân, thuộc tổng Kiến Lợi, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, thôn Mỹ Ân thuộc tổng Lợi Trường, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường. Năm 1838, vẫn đời vua Minh Mạng, thôn này thuộc tổng Lợi Trường, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến Tường, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị, trong nửa sau thế kỷ XIX, làng Mỹ Ân đổi tên thành làng Mỹ An Tây. Năm 1877, làng Mỹ An Tây đổi thành làng Mỹ Phú. Năm 1904, làng Mỹ Phú thuộc tổng Lợi Trường, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho. Năm 1913, làng Mỹ Phú và làng Mỹ Quý Tây hợp nhất thành làng Phú Quý, thuộc tổng Lợi Trường, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho. Năm 1934, làng Phú Quý thuộc tổng Lợi Hòa, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là xã Phú Quý, huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân gọi là làng Phú Quý, tổng Lợi Hòa, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1971, là xã Phú Quý, huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho, từ năm 1971-1975, xã Phú Quý thuộc huyện Cai Lậy Nam, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ 1954-1961, là xã thuộc tổng Lợi Hòa, quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường; từ năm 1961-1964, xã thuộc tổng Lợi Hòa, quận Khiêm Ích, tỉnh Định Tường; từ năm 1964-1975, là xã Phú Quý, quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Phú Quý thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2013, xã thuộc thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2018, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới. Năm 2021, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao.

Thu nhập bình quân đầu người: 60 triệu đồng/người/năm (2021).

Kinh tế:

Nhân dân xã Phú Quý chủ yếu sống bằng nghề nông: trồng cây ăn trái, trồng lúa, hoa màu, chăn nuôi gia súc gia cầm và thủy sản. Toàn xã có 80 ha đất trồng lúa, 516,54 ha đất trồng cây ăn trái giá trị kinh tế cao như sầu riêng, bưởi da xanh, vú sữa, nhãn tiêu…ước đạt gần 8.000 tấn/năm; đàn heo 854 con, đàn bò 315 con, đàn gia cầm khoảng 17.655 con; 51,18 ha đất mặt nước nuôi trồng thủy sản, sản lượng năm 2014 đạt 299,4 tấn.

Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: Toàn xã có 02 cơ sở xay xát nhỏ, 01 cơ sở sửa chữa hàn cửa sắt, 01 cơ sở đóng gói trái cây, 01 cơ sở đan giỏ túi xách, 01 cơ sở may gia công

Ngành Thương mại - dịch vụ: Trên địa bàn xã, các hoạt động buôn bán như: vật tư nông nghiệp, các hàng hóa thiết yếu và mua bán tạp hóa chủ yếu tập trung theo tuyến Đường huyện 51 và chợ Phú Quý. Tổng số hộ kinh doanh 189 hộ.

Giáo dục:

Xã có 02 trường là Trường tiểu học và trung học cơ sở Phú Quý và Trường mầm non Phú Quý. Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế, có 07 biên chế, gồm có 1 bác sĩ, 1 trung cấp dược, 1 y sĩ, 2 trung cấp hộ sinh, 1 phụ trách công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình và 1 phụ trách y học cổ truyền. Tất cả các ấp đều có tổ y tế, tỷ lệ bảo hiểm y tế trên địa bàn đạt 82% (2020).

Giao thông:

Trên địa bàn xã có tuyến Đường huyện 51 nối với Đường tỉnh 874B và Đường huyện 54 nối với tuyến Quốc lộ 1, với tổng chiều dài 5,82km đã được láng nhựa. Ngoài ra, đường xã có 4 tuyến với chiều dài 7,73km; đường ấp có 8 tuyến với chiều dài 14,9km bê tông hóa; đường dân sinh có 33 tuyến với chiều dài 19,705km đã được cứng hóa… tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao lưu hàng hóa và phát triển kinh tế - xã hội.

Văn hóa:

Nhà văn hóa xã Phú Quý được xây dựng hoàn thành năm 2018, gồm các hạng mục: Hội trường, các phòng chức năng, sân đan, hệ thống điện nước sinh hoạt, cổng tường rào,… tạo điều kiện thuận lợi trong sinh hoạt văn hóa - văn nghệ, góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho cán bộ công nhân viên chức và nhân dân lao động ở địa phương.

Nhiều năm liền 4/4 ấp của xã giữ vững danh hiệu ấp văn hóa, có 02 nhà văn hóa liên ấp

Du lịch: Du lịch còn dưới dạng tiềm năng.

Thể thao:

Xã có 1 sân bóng đá tại ấp Phú Mỹ có diện tích 0,37 ha.

Tổng số liệt sĩ: 234 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ VN anh hùng: 40 Bà mẹ.

8. Xã Tân Bình

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính

Địa danh Hán Việt:

新 Tân: Mới mẻ

平 Bình: Hoà bình, bình đẳng

新平社 Tân Bình Xã

Vị trí địa lý

Xã Tân Bình nằm về phía Tây Bắc của thị xã Cai Lậy, phía Đông giáp xã Mỹ Hạnh Trung; phía Tây giáp xã Bình Phú, xã Phú Nhuận huyện Cai Lậy; phía Nam giáp Phường 2, Phường 3; phía Bắc giáp xã Mỹ Phước Tây, xã Phú Cường huyện Cai Lậy.

Diện tích tự nhiên: 900.93 ha.

Hành chính:

Xã có 4 ấp: ấp 3, ấp 5, ấp 6, ấp 7.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Tân Hòa và thôn Bình Chánh Tây, thuộc tổng Kiến Lợi, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng. hai thôn này thuộc tổng Lợi Trường, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường. Năm 1838, vẫn đời vua Minh Mạng, hai thôn thuộc tổng Lợi Trường, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến Tường, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị, năm 1877, làng Tân Hòa đổi thành làng Tân Long. Sau đó, một phần diện tích của làng Tân Long được tách ra để thành lập làng Tân An. Từ 1904, các làng Bình Chánh Tây, Tân Long, Tân An thuộc tổng Lợi Trinh, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho. Năm 1925, hợp nhất các làng Tân Long, Tân An và Bình Chánh Tây thành làng Tân Bình thuộc tổng Lợi Trinh, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là xã Tân Bình, huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân gọi là làng Tân Bình, tổng Lợi Trinh, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1971, là xã Tân Bình, huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho, từ năm 1971-1975, xã Tân Bình được chia thành hai xã Tân Bình Tây nằm phía tây rạch Ba Rài và Tân Bình Đông năm phía đông rạch Ba Rài, lấy Tỉnh lộ 29 (nay là Đường tỉnh 868) làm ranh giới, thuộc huyện Cai Lậy Nam, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ 1954-1961, là xã thuộc tổng Lợi Trinh, quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường; từ năm 1961-1964, xã thuộc tổng Lợi Trinh, quận Khiêm Ích, tỉnh Định Tường; từ năm 1964-1975, là xã Tân Bình, quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, hai xã Tân Bình Tây và Tân Bình Đông được hợp nhất thành xã Tân Bình, thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2013, xã thuộc thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2019, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

Dân số: 5.920 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 50,15 triệu đồng/người/năm (2021).

Kinh tế:

Kinh tế tiếp tục phát triển, đời sống nhân không ngừng nâng lên. Xác định sản xuất nông nghiệp là thế mạnh trong phát triển kinh tế - xã hội của xã, để sản xuất nông nghiệp phát triển bền vững, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, Đảng bộ đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện kế hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp, khuyến khích nông dân chuyển đổi từ đất trồng lúa kém hiệu quả sang vườn chuyên canh trồng các loại cây ăn trái có giá trị kinh tế cao, tăng cường áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, góp phần tăng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, từng bước cải thiện, nâng cao giá trị thu nhập cho nông dân. Các đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, công trình giao thông, thủy lợi nội đồng được nạo vét, đầu tư nâng cấp bảo đảm phục vụ tốt cho sản xuất.

Chăn nuôi duy trì ổn định, chủ yếu là chăn nuôi quy mô hộ gia đình. Công tác phòng, chống các loại dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm luôn được quan tâm; công tác tiêm phòng, phun thuốc tiêu độc khử trùng được duy trì thường xuyên; đàn bò phát triển mạnh, tuy nhiên đàn heo và đàn gia cầm giảm mạnh do giá cả đầu ra không ổn định và dịch bệnh dịch tả heo Châu Phi ảnh hưởng đến việc tái đàn.

Ngoài ra, xã có 13,71 ha nuôi thủy sản chủ yếu là ương cá bột và nuôi cá thịt ở các hộ gia đình cho thu nhập khá ổn định.

Cùng với sự phát triển sản xuất nông nghiệp, Đảng ủy đã lãnh đạo, chỉ đạo, khuyến khích nhân dân đầu tư vào các ngành nghề dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng, nhiều cửa hàng, hộ kinh doanh, dịch vụ mới thành lập, từ đó đáp ứng nhu cầu sản xuất, tiêu dùng và mua bán, trao đổi hàng hóa, tăng nguồn thu nhập cho người dân, góp phần giải quyết việc làm cho lao động trong xã và thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển.

Kinh tế xã Tân Bình phát triển khá về: công nghiệp (tuyến công nghiệp xay xát, lau bóng gạo Tân Bình), thương mại - dịch vụ, có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Xã có 17 doanh nghiệp tư nhân, 24 cơ sở kinh doanh, buôn bán có mã số thuế và phải nộp thuế, 17 cơ sở kinh doanh có mã số thuế và không thuộc diện nộp thuế.

Giáo dục:

Xã có 03 trường: Trường mầm non Tân Bình, Trường tiểu học Tân Bình, Trường trung học cơ sở Tân Bình (đạt chuẩn quốc gia). Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế, có 07 biên chế: 02 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 hộ sinh trung học, 02 dược sĩ trung học. Tất cả các ấp đều có tổ y tế, tỷ lệ bảo hiểm y tế trên địa bàn đạt 98% (2020).

Giao thông:

Hệ thống giao thông đường bộ trên địa bàn xã gồm có Đường tỉnh 868; Đường huyện 57B, đường trục xã, liên xã; đường trục ấp; đường xóm, ấp; đường trục chính nội đồng. Mạng lưới giao thông của xã phân bố khá đều, bước đầu đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân. Cụ thể:

- Đường tỉnh 868: Có chiều dài 1,95 km, kết cấu mặt đường bê tông nhựa rộng 07 m.
- Đường huyện 57B: Có chiều dài 1,85 km, kết cấu mặt đường nhựa và đan bê tông, rộng 4m.
- Đường xã có 02 tuyến, dài 6,017 km được nhựa hóa đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm. Đạt 100%.
- Đường ấp có 08 tuyến dài 15,191 km, được cứng hóa đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm đạt 84,04% (12,766km/15,191km).
- Đường ngõ, xóm có 22 tuyến dài 13,414 km. Trong đó có 08 tuyến dài 3,615 km sạch và không lầy lội vào mùa mưa, chiếm 100%; 14 tuyến dài 9,799 km cứng hóa đạt 73,05 %.

Văn hóa:

Phong trào *"Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"* từng bước đi vào chiều sâu và đạt kết quả khá tốt, hàng năm có trên 98% hộ dân đăng ký xây dựng gia đình văn hóa, đạt trên 92% hộ đạt danh hiệu gia đình văn hóa; 4/4 ấp giữ vững ấp văn hóa đạt

Hàng năm nhân dân tổ chức lễ hội cúng đình Tân Long (ấp 3) và đình Bình Chánh (ấp 7). Bia tưởng niệm các chiến sĩ khởi nghĩa Nam kỳ (ấp 3) và đình Bình Chánh (ấp 7) được công nhận là Di tích lịch sử cấp tỉnh.

Du lịch: Du lịch còn dưới dạng tiềm năng.

Thể thao:

Phong trào thể dục thể thao luôn được duy trì, thường xuyên tổ chức các giải thể thao chào mừng các ngày lễ lớn của đất nước, các mô hình câu lạc bộ được duy trì tốt ở các ấp. Xã có 01 đội bóng đá, 01 đội bóng chuyền, 04 CLB dưỡng sinh ở bốn ấp.

Tổng số liệt sĩ: 121 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ VN anh hùng: 21 Bà mẹ.

9. Xã Tân Hội

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

新 Tân: Mới mẻ

會 Hội: Hội hè, tụ hội

新會社: Tân Hội Xã

Vị trí địa lý:

Xã Tân Hội nằm ở phía Đông Bắc thị xã Cai Lậy; phía Đông giáp xã Tân Phú, thị xã Cai Lậy và xã Điềm Hy, huyện Châu Thành; phía Tây giáp phường Nhị Mỹ, xã Mỹ Hạnh Trung, xã Mỹ Hạnh Đông; phía Nam giáp Quốc lộ 1 và xã Nhị Quí; phía Bắc giáp xã Mỹ Hạnh Đông.

Diện tích tự nhiên: 1.393,34 ha.

Hành chính:

Xã Tân Hội có 5 ấp: Tân Hòa, Tân Thạnh, Tân Phong, Tân Hiệp và Quí Thạnh.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Tân Hội, thuộc tổng Kiến Lợi, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn này thuộc tổng Lợi Trinh, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường. Năm 1838, vẫn đời vua Minh Mạng, thôn Tân Hội thuộc tổng Lợi Trinh, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến Tường, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị, từ năm 1904, làng Tân Hội thuộc tổng Lợi Trinh, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là xã Tân Hội, huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân gọi là làng Tân Hội, tổng Lợi Trinh, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1971, là xã Tân Hội, huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho, từ năm 1971-1975, xã Tân Hội thuộc huyện Cai Lậy Nam, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ 1954-1961, là xã thuộc tổng Lợi Trinh, quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường; từ năm 1961-1964, xã thuộc tổng Lợi Trinh, quận Khiêm Ích, tỉnh Định Tường; từ năm 1964-1975, là xã Tân Hội, quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Tân Hội thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2013, xã thuộc thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2020, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

Dân số: 11.461 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 50 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Về nông nghiệp: diện tích đất sản xuất nông nghiệp là 973,7 ha, chủ yếu là trồng lúa và trồng cây ăn trái như dừa, mít, bưởi, sầu riêng; đất nuôi trồng thủy sản chủ yếu là nuôi cá giống; chăn nuôi trên địa bàn chủ yếu là chăn nuôi quy mô hộ gia đình với các loại vật nuôi phổ biến như: bò, heo, gà, vịt.

Về thương mại, dịch vụ và tiểu thủ công nghiệp: có 402 cơ sở sản xuất - kinh doanh (trong đó 03 cây xăng, 02 khách sạn, 02 nhà trọ, 17 doanh nghiệp).

Giáo dục:

Xã có 3 trường học: Trường mầm non Tân Hội (đạt chuẩn quốc gia), Trường tiểu học Tân Hội (đạt chuẩn quốc gia), Trường trung học cơ sở Nguyễn Văn Lo. Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 hộ sinh trung học, 02 dược sĩ trung học, 01 cán bộ phụ trách dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các ấp đều có tổ y tế, tỷ lệ bảo hiểm y tế trên địa bàn đạt 96% (2020).

Giao thông:

Xã nằm trên Quốc lộ 1, Đường huyện 52 và Đường huyện 53 tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại và giao lưu hàng hoá trong khu vực.

Đường xã và đường từ trung tâm xã đến các đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.

Đường ấp và đường liên ấp ít nhất được cứng hóa. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa. Đường nối với các khu sản xuất đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm.

Văn hóa:

Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nhân dân cùng thực hiện tốt phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới việc tang và lễ hội; đăng ký thực hiện các tiêu chuẩn gia đình văn hóa; giữ gìn vệ sinh môi trường, không vứt rác xuống sông, ao, hồ, kênh, rạch,… Ra quân trồng hoa cây cảnh trên các tuyến đường.

Xã có 5/5 ấp được công nhận là ấp văn hóa và hàng năm đều được tái công nhận, đạt tỷ lệ 100%.

Năm 2018, xã Tân Hội được công nhận là xã văn hóa nông thôn mới. Có trên 90% hộ gia đình đạt 3 tiêu chuẩn gia đình văn hóa, nhiều gia đình đạt gia đình văn hóa tiêu biểu.

Du lịch: Du lịch còn dưới dạng tiềm năng.

Thể thao:

Khu thể thao gồm: 03 sân bóng chuyền và 04 sân cầu lông, 02 sân tập thể dục dưỡng sinh, 04 điểm sinh hoạt võ thuật, 02 hồ bơi di động và 01 sân bóng đá mini với tổng diện tích 2.500 m^2.

Xã còn có sân vận động với diện tích 5.635 m^2.

Xã có 01 đội bóng đá, 02 đội bóng đá mi ni, 2 đội bóng chuyền, 1 CLB cầu lông.

Xã có điểm vui chơi giải trí cho trẻ em tại Trường mầm non Tân Hội, Trường tiểu học Tân Hội và Trường THCS Nguyễn Văn Lo.

Các trụ sở ấp có sân bóng chuyền, sân tập thể dục dưỡng sinh cho người cao tuổi.

Tổng số liệt sĩ: 334 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 88 Bà mẹ.

10. Xã Tân Phú

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

新 Tân: Mới mẻ

富 Phú: giàu có

新富社Tân Phú Xã

Vị trí địa lý:

Xã Tân Phú ở về phía Đông Bắc thị xã Cai Lậy, phía Đông và Đông Nam giáp xã Điềm Hy, huyện Châu Thành; phía Tây và Nam giáp xã Tân Hội và xã Mỹ Hạnh Đông, thị xã Cai Lậy; phía Bắc giáp xã Phước Lập, huyện Tân Phước.

Diện tích tự nhiên: 880 ha.

Hành chính:

Xã Tân Phú có 05 ấp, gồm: Tân Hòa, Tân Hiệp, Tân An, ấp Bắc, Tân Thới.

Lịch sử hình thành:

Năm 1830, đời vua Minh Mạng, có thôn Tân Phú Đông thuộc tổng Thuận Bình, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị, từ năm 1904, làng Tân Phú Đông thuộc tổng Lợi Trinh, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho. Năm 1923, ấp Quới Thạnh của làng Mỹ Quý (tổng Lợi Trường, quận Cai Lậy) được nhập vào làng Tân Phú Đông. Năm 1939, ấp Bắc Bình (Ấp Bắc) của làng Nhị Bình, (tổng Hưng Nhơn, quận Châu Thành) được nhập vào làng Tân Phú Đông.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là xã Tân Phú Đông, huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân gọi là làng Tân Phú Đông, tổng Lợi Trinh, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1971, gọi là xã Tân Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho, từ năm 1971-1975, xã Tân Phú thuộc huyện Cai Lậy Bắc, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ 1954-1961, gọi là xã Tân Phú Đông thuộc tổng Lợi Trinh, quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường; từ năm 1961-1964, xã Tân Phú Đông thuộc tổng Lợi Trinh, quận Khiêm Ích, tỉnh Định Tường; từ năm 1964-1975, là xã Tân Phú Đông, quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã được chính thức mang tên Tân Phú thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2013, xã thuộc thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2018, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới. Năm 2022, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao.

Xã Tân Phú là nơi diễn ra trận đánh Ấp Bắc (02/01/1963) nổi tiếng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Dân số: 5.679 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 50,6 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Đa số người dân trong xã sống bằng nghề nông; trồng lúa 3 vụ/năm, trồng cây ăn quả, chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi cá; một số kinh doanh dịch vụ, buôn bán nhỏ lẻ.

Xã có 02 hợp tác xã (HTX): 01 HTX dịch vụ nông nghiệp Tân Phú, 01 HTX xây dựng Tân Phú, 13 doanh nghiệp tư nhân gồm: 06 nhà máy xay xát lúa gạo; 02 cơ sở may túi xách và 05 cơ sở chuyên sản xuất, gia công hàng xuất khẩu như: kết nơ vải, đan lục bình, làm bánh rế. Nhìn chung hoạt động sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn xã có bước phát triển, góp phần giải quyết việc làm cho hơn 650 lao động tại địa phương, tạo thu nhập bình quân từ 3,5 triệu đồng đến 4,5 triệu đồng/người/tháng. Xã có 300 hộ kinh doanh cá thể.

Giáo dục:

Xã có 03 trường: Trường mầm non Tân Phú, Trường tiểu học Ấp Bắc, Trường trung học cơ sở Ấp Bắc. Tất cả các tường đều đạt chuẩn quốc gia. Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế, có 08 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 02 hộ sinh, 02 dược sĩ, 01 cán bộ phụ trách dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các ấp đều có tổ y tế, tỷ lệ bảo hiểm y tế trên địa bàn đạt 96% (2020).

Giao thông:

Xã có Đường tỉnh 874B chạy ngang. Đường xã có 02 tuyến, chiều dài 6,960 km, được trải bê tông 6,690 km, đạt 100% Đường ấp có 11 tuyến với chiều dài 15,520 km, bê tông hóa 12,08 km/15,520 km, đạt 77,84%. Đường dân sinh có 12 tuyến với chiều dài 4,840 km, được cứng hóa đạt 100%.

Văn hóa:

Năm 2020, xã Tân Phú có 05/05 ấp văn hóa, 03 con đường văn hóa , 01 cơ sở thờ tự văn hóa, 5/5 ấp đều có đủ 4 loại hình câu lạc bộ, đội, nhóm sở thích phục vụ nhu cầu văn hóa tinh thần cho nhân dân.

Số hộ đạt gia đình văn hóa năm 2020 là 1.471 hộ/1.569 hộ đạt 03 tiêu chuẩn gia đình văn hóa chiếm 93.7%, trong đó có 1.392 hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa 03 năm liền. Nhà văn hóa xã được xây dựng khang trang, 01 phòng đọc sách, báo.

Năm 2012, xã Tân Phú được công nhận đạt chuẩn "Xã văn hóa".

Di tích Chiến thắng Ấp Bắc được Bộ Văn hóa và Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận là Di tích lịch sử cấp quốc gia năm 1993. Mộ ông Phan Đình Lân và ông Nguyễn Văn Tiếp được công nhận là Di tích lịch sử cấp tỉnh năm 2000.

Du lịch:

Xã có Di tích lịch sử cấp Quốc gia Chiến thắng Ấp Bắc, thu hút đông đảo du khách trong và ngoài tỉnh đến tham quan.

Thể thao:

Phong trào thể thao phát triển. Xã có 01 đội bóng đá, 01 đội bóng chuyền, 02 đội cầu lông, 01 câu lạc bộ võ thuật Taekwondo, 01 câu lạc bộ thể dục nhịp điệu, 07 câu lạc bộ thể dục dưỡng sinh

Tổng số liệt sĩ: 269 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 23 Bà mẹ.

11. Xã Thanh Hòa

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

清 Thanh: Trong sạch

和: Hòa: Hoà hợp, hoà thuận

清和社: Thanh Hòa Xã

Vị trí địa lý:

Xã Thanh Hòa tiếp giáp trung tâm thị xã Cai Lậy; phía Đông giáp xã Long Khánh, thị xã Cai Lậy; phía Tây giáp xã Cẩm Sơn và Bình Phú, huyện Cai Lậy; phía Nam giáp xã Long Khánh và xã Cẩm Sơn, huyện Cai Lậy; phía Bắc giáp Phường 5, Phường 2, thị xã Cai Lậy và Quốc lộ 1.

Diện tích tự nhiên: 678,09 ha.

Hành chính:

Xã có 4 ấp gồm: Thanh Sơn, Thanh Hiệp, Thanh Hưng, Thanh Bình.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Thanh Sơn và ấp Hữu Hòa, thuộc tổng Kiến Lợi, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, ấp Hữu Hòa được nâng lên thành thôn có tên là Hòa Sơn; cả hai thôn Thanh Sơn và Hòa Sơn thuộc tổng Lợi Trinh, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường. Năm 1838, vẫn đời vua Minh Mạng, hai thôn này thuộc tổng Lợi Trinh, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến Tường, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị, từ năm 1904, làng Thanh Sơn và làng Hòa Sơn thuộc tổng Lợi Trinh, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; và là quận lỵ của quận Cai Lậy. Năm 1932, hai làng này hợp nhất thành làng Thanh Hòa, thuộc tổng Lợi Trinh, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là xã Thanh Hòa, huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân gọi là làng Thanh Hòa, tổng Lợi Trinh, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1971, gọi là xã Thanh Hòa, huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho, từ năm 1971-1975, xã Thanh Hòa thuộc huyện Cai Lậy Nam, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ 1954-1961, gọi là xã Thanh Hòa thuộc tổng Lợi Trinh, quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường; từ năm 1961-1964, xã Thanh Hòa thuộc tổng Lợi Trinh, quận Khiêm Ích, tỉnh Định Tường; từ năm 1964-1975, là xã Thanh Hòa, quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Thanh Hòa thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2013, xã thuộc thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2017, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới. Năm 2021, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao.

Dân số: 5.774 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 52,39 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Nhân dân xã Thanh Hòa chủ yếu sản xuất nông nghiệp với diện tích đất trồng cây ăn trái lớn có giá trị kinh tế cao như sầu riêng, mít, bưởi da xanh… Bên cạnh trồng trọt, người dân trên địa bàn còn chăn nuôi gia súc, gia cầm.

Trên địa bàn xã hiện có 09 doanh nghiệp (trong đó có 01 công ty và 01 hợp tác xã); có 31 cơ sở sản xuất công nghiệp hoạt động ở quy mô nhỏ, giải quyết gần 170 công nhân có việc làm ổn định ở địa phương.

Giáo dục:

Xã có 02 trường: Trường mầm non Thanh Hòa, Trường tiểu học và trung học cơ sở Thanh Hòa. Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế, có 08 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 02 hộ sinh trung học, 02 dược sĩ trung học, 01 cán bộ phụ trách dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các ấp đều có tổ y tế, tỷ lệ bảo hiểm y tế trên địa bàn đạt 97% (2020).

Giao thông:

Thanh Hòa có tuyến tránh Quốc lộ 1 đoạn qua thị xã Cai Lậy với chiều dài khoảng 2 km; có 01 tuyến đường xã chiều dài 1,185 km; có 12 tuyến đường ấp với tổng chiều dài 10,351 km, được cứng hóa đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện; 16 tuyến đường dân sinh được cứng hóa, đạt 70 %, đảm bảo sạch và không lầy lội vào mùa mưa.

Sông Ba Rài là tuyến giao thông đường thủy quan trọng bậc nhất của khu vực.

Văn hóa:

Xã xây dựng mới Nhà văn hóa khang trang. Các hoạt động văn hóa, thông tin, truyền thông được đầu tư kịp thời đảm bảo cho hoạt động văn hóa, văn nghệ, thông tin tuyên truyền của địa phương. Các danh hiệu văn hóa trong phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" đều được giữ vững. Hộ đạt 3 tiêu chuẩn văn hóa hàng năm đạt từ 90% trở lên. Xã có 04 con đường văn hóa, 01 cơ sở thờ tự văn hóa; có 04 câu lạc bộ gia đình hạnh phúc, phát triển bền vững, góp phần hạn chế bạo lực gia đình ở địa phương; có 02 câu lạc bộ hát với nhau nghe.

Hàng năm nhân dân trong xã tổ chức lễ hội cúng đình Cả Nứa ở ấp Thanh Hiệp.

Du lịch: Du lịch còn dưới dạng tiềm năng.

Thể thao:

Thanh Hòa có 01 Câu lạc bộ bóng chuyền hơi người cao tuổi. Hoạt động thể dục thể thao được duy trì tốt.

Tổng số liệt sĩ: 257 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 46 Bà mẹ.

12. Phường 1

Ý nghĩa, tên đơn vị hành chính:

Tên đơn vị hành chính được đặt theo đơn vị cấp phường và số từ (1).

Vị trí địa lý:

Phường 1 là trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội của thị xã Cai Lậy:

- Phía Đông giáp Phường 4 và phường Nhị Mỹ;
- Phía Tây giáp Phường 2;
- Phía Nam giáp Phường 5;
- Phía Bắc giáp Phường 3.

Diện tích tự nhiên: 227,35ha.

Hành chính:

Phường 1 có 4 khu phố: Khu phố 1, Khu phố 2, Khu phố 3 và Khu phố 4.

Lịch sử hình thành:

Phường 1 thuộc thị xã Cai Lậy được thành lập năm 2013 trên cơ sở điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên và một phần nhân khẩu của thị trấn Cai Lậy; một phần diện tích tự nhiên và một phần nhân khẩu của các xã Tân Bình, Nhị Mỹ. Phường đã được công nhận đạt chuẩn Văn minh đô thị giai đoạn 2016-2020.

Dân số: 8.935 người (2020)

Thu nhập bình quân đầu người: 46.000.000 đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Kinh tế - xã hội của phường tăng trưởng khá cao; đời sống của nhân dân trong toàn phường được nâng cao, kinh tế - xã hội đạt và vượt chỉ tiêu giao.

Về nông nghiệp: Trên địa bàn phường không còn diện tích đất lúa do người dân đã chuyển đổi cơ cấu từ cây lúa sang trồng cây lâu năm, với diện tích 106,29ha.

Thế mạnh kinh tế của phường là thương mại và dịch vụ. Hiện nay, phường có 59 doanh nghiệp; 1.839 hộ kinh doanh cá thể (trong đó: 100 hộ cá thể làm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; 1739 hộ kinh doanh thương mại - dịch vụ).

Giáo dục:

Trên địa bàn phường có Trường tiểu học Phan Văn Kiêu và Trường THCS Trừ Văn Thố. Phường đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế phường đạt chuẩn Quốc gia về y tế, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 03 dược sĩ trung học. Tất cả các ấp đều có tổ y tế, tỷ lệ bảo hiểm y tế trên địa bàn đạt 98% (2020).

Giao thông:

Phường 1 là khu đô thị trung tâm của thị xã Cai Lậy, là cửa ngõ kinh tế phía Tây của tỉnh Tiền Giang; chính vì thế hệ thống giao thông trên địa bàn phường 1 được đầu tư khá đồng bộ nhằm đảm bảo việc đi lại của người dân và việc vận chuyển hàng hóa thuận lợi dễ dàng. Giao thông đường bộ, phường có tuyến Quốc lộ 1, Đường tỉnh 868 và đường đô thị 3 tháng 2 đi qua. Về đường thủy, phường có đường sông Ba Rài góp phần quan trọng trong việc vận chuyển trao đổi hàng hóa giữa các địa phương. Nhờ hệ thống giao thông thuận tiện, góp phần thúc đẩy sự phát triển của thị xã Cai Lậy nói chung và của Phường 1 nói riêng.

Văn hóa:

Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" phát triển. Qua bình xét năm 2020, có 2.255/2.506 hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa, chiếm tỷ lệ 89,98%.

Trên địa bàn phường có 1 nhà văn hóa, 3 điểm sinh hoạt văn hóa, 3 cơ sở thờ tự văn hóa, 1 công viên văn hóa và 8 con đường văn hóa.

Hàng năm nhân dân trong phường tổ chức lễ hội - Giỗ Tứ Kiệt vào ngày 24 tháng Chạp.

Trên địa bàn phường có Lăng Tứ Kiệt được Bộ Văn hóa – Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận là Di tích lịch sử cấp quốc gia vào năm 1999. Cổ miếu Tứ Kiệt được công nhận là Di tích lịch sử cấp tỉnh vào năm 2019.

Du lịch:

Lăng và Cổ miếu Tứ Kiệt thu hút du khách trong và ngoài tỉnh đến tham quan, chiêm bái.

Thể thao:

Phường có 1 đội bóng đá, 2 đội bóng chuyền, 1 sân bóng đá mini, 1 hồ bơi, 2 sân cầu lông, 1 sân quần vợt quần phục vụ nhu cầu thể thao.

Tổng số liệt sĩ: 83 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: Không.

13. Phường 2

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Tên đơn vị hành chính được đặt theo đơn vị cấp phường và số từ (2).

Vị trí địa lý:

Phường 2 là phường tiếp giáp trung tâm thị xã Cai Lậy, phía Đông giáp sông Ba Rài, phía Tây giáp xã Bình Phú và xã Tân Bình, phía Nam giáp xã Thanh Hòa, phía Bắc giáp xã Tân Bình.

Diện tích tự nhiên: 349,2 ha.

Hành chính:

Phường có 5 khu phố gồm: khu phố 1, khu phố 2, khu phố 3, khu phố 4 và khu phố 5.

Lịch sử hình thành:

Phường 2 thuộc thị xã Cai Lậy được thành lập năm 2013 trên cơ sở điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên và một phần nhân khẩu của thị trấn Cai Lậy và xã Tân Bình. Phường đã được công nhận đạt chuẩn Văn minh đô thị giai đoạn 2016-2020.

Thu nhập bình quân đầu người: 47 triệu đồng/người/năm (2021).

Kinh tế:

Sản xuất nông nghiệp: diện tích vườn cây ăn trái hiện nay là 264,3 ha chủ yếu trồng cây sầu riêng, mít, bưởi,…

Thương mại dịch vụ phát triển, năm 2012, phường có 11 công ty và 8 doanh nghiệp tư nhân, 256 hộ cá thể (bao gồm mua bán, kinh doanh dịch vụ, sản xuất).

Giáo dục:

Phường có Trường mầm non 8/3 đạt chuẩn quốc gia, 1 chi nhánh của Trường tiểu học Trương Văn Sanh. Phường đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế phường đạt chuẩn Quốc gia về y tế, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 02 dược sĩ trung học, 01 hộ sinh trung học, 01 cán bộ phụ trách dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các ấp đều có tổ y tế, tỷ lệ bảo hiểm y tế trên địa bàn đạt 98% (2020).

Giao thông:

Phường 2 có 3 trục đường chính gồm Quốc lộ 1 ở khu phố 2, khu phố 3; đường nội thị Nguyễn Văn Hiếu thuộc khu phố 1, khu phố 2; đường đan Nguyễn Công Bằng thuộc khu phố 1, khu phố 3, khu phố 4 và khu phố 5. Ngoài ra còn nhiều tuyến đường liên tổ đã và đang được bê tông hóa.

Văn hóa:

Năm 2019, Nhà Văn hóa Phường 2 và 02 phòng chức năng được đầu tư xây dựng nhằm phục vụ cho hoạt động văn hóa, thông tin, tuyên truyền cùa phường.

Hoạt động văn hóa, thông tin, tuyên truyền được thực hiện theo yêu cầu kế hoạch. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", xây dựng các tuyến đường văn hóa, gia đình văn hóa, khu phố văn hóa và các tiêu chí phường văn minh đô thị luôn được chú trọng, phát động cán bộ, nhân dân thực hiện tốt. Hàng năm có 100% hộ đăng ký 3 tiêu chuẩn gia đình văn hóa, bình xét 3 tiêu chuẩn đạt từ 93 - 97%. Các câu lạc bộ đờn ca tài tử, cờ tướng, dưỡng sinh và gia đình hạnh phúc bền vững được thành lập (05 câu lạc bộ/khu phố), các phong trào văn hóa văn nghệ được duy trì, đáp ứng nhu cầu văn hóa tinh thần và tăng cường công tác quản lý, kiểm tra các hoạt động văn hóa.

Du lịch: Du lịch còn dưới dạng tiềm năng.

Thể thao:

Hoạt động thể dục thể thao được duy trì và phát triển. Phường có đội bóng đá, đội bóng chuyền, đội cầu lông,... Hàng năm có đăng ký tham gia hội thi, các giải cấp thị xã và tổ chức Đại hội thể dục thể thao cấp phường.

Tổng số Liệt sĩ: 43 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ VN anh hùng: 04 Bà mẹ.

14. Phường 3

Ý nghĩa trên đơn vị hành chính:

Tên đơn vị hành chính được đặt theo đơn vị cấp phường và số từ (3).

Vị trí địa lý:

Phường 3 là một trong những phường trung tâm của thị xã Cai Lậy. Phía Đông giáp phường Nhị Mỹ; phía Tây giáp sông Ba Rài và phường 2; phía Nam giáp phường 1; phía bắc giáp xã Tân Bình và xã Mỹ Hạnh Trung.

Diện tích tự nhiên: 334,31 ha.

Hành chính:

Phường 3 có 3 khu phố: khu phố 1, khu phố 2, khu phố 3.

Lịch sử hình thành:

Phường 3 thuộc thị xã Cai Lậy được thành lập năm 2013 trên cơ sở điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên và một phần nhân khẩu của các xã Tân Bình và Nhị Mỹ. Phường đã được công nhận đạt chuẩn Văn minh đô thị giai đoạn 2016-2020.

Thu nhập bình quân đầu người: 56 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Kinh tế thế mạnh của phường chủ yếu là trồng lúa; trồng hoa màu, cây ăn trái, chăn nuôi gia súc, gia cầm và cá; Trên địa bàn phường có 240 công ty, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh và dịch vụ.

Giáo dục:

Phường có 02 trường: Trường mầm non Phường 3, Trường tiểu học Tân Bình. Phường đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế phường đạt chuẩn Quốc gia về y tế, có 08 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 02 dược sĩ trung học, 02 hộ sinh trung học, 01 cán bộ phụ trách dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các ấp đều có tổ y tế, tỷ lệ bảo hiểm y tế trên địa bàn đạt 95% (2020).

Giao thông:

Phường có Đường tỉnh 868 chạy từ thị xã Cai Lậy đến tỉnh Long An; 03 tuyến Đường huyện Võ Việt Tân, 57C, 57B; tuyến cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận. Đường thủy có sông Ba Rài và rạch Cà Mau, rạch Ban Chón là quan trọng nhất.

Văn hóa:

Phường có 1 nhà văn hóa để tổ chức các hoạt động văn hóa - văn nghệ; 03 tuyến đường văn hóa; năm 2020, có 796/849 hộ được công nhận danh hiệu Gia đình văn hóa, đạt 93,76%.

Du lịch: Du lịch còn dưới dạng tiềm năng.

Thể thao:

Phường có 5 câu lạc bộ: bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, dưỡng sinh, cờ tướng.

Tổng số liệt sĩ: 67 liệt sĩ.

Tổng số bà mẹ Việt Nam anh hùng: 18 Bà mẹ.

15. Phường 4

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Tên đơn vị hành chính được đặt theo đơn vị cấp phường và số từ (4).

Vị trí địa lý:

Phường 4 là một trong những phường trung tâm thị xã Cai Lậy. Phía Đông giáp phường Nhị Mỹ, phía Tây giáp Phường 1 và Phường 5, phía Nam giáp Phường 5 và xã Long Khánh, phía Bắc giáp Phường 1 và phường Nhị Mỹ.

Diện tích tự nhiên: 214,73 ha.

Hành chính:

Phường 4 có 03 khu phố: khu phố 1, khu phố 2 và khu phố 3.

Lịch sử hình thành:

Phường 4 thuộc thị xã Cai Lậy được thành lập năm 2013 trên cơ sở điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên và một phần nhân khẩu của thị trấn Cai Lậy và xã Nhị Mỹ. Phường đã được công nhận đạt chuẩn Văn minh đô thị giai đoạn 2016-2020.

Dân số: 5.879 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 54 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Cơ cấu kinh tế của phường phát triển theo hướng tăng dần tỉ trọng về thương mại - dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp; ngành nông nghiệp chiếm tỷ trọng thấp trong cơ cấu kinh tế. Thế mạnh kinh tế của phường là thương mại và dịch vụ. Năm 2021, phường có 44 doanh nghiệp, 678 cơ sở cá thể về công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và thương mại - dịch vụ.

Giáo dục:

Phường có 03 trường: Trường trung học phổ thông Đốc Binh Kiều, Trường trung học cơ sở Võ Việt Tân và Trường mầm non 3/2 (đạt chuẩn Quốc gia). Phường đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế phường đạt chuẩn Quốc gia về y tế, có 08 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 02 dược sĩ trung học, 02 hộ sinh trung học, 01 cán bộ phụ trách dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các ấp đều có tổ y tế, tỷ lệ bảo hiểm y tế trên địa bàn đạt 96% (2020).

Giao thông:

Phường 4 có tuyến đường Quốc lộ 1 và Đường tỉnh 868 là cửa ngõ quan trọng để giao thương mua bán hành hóa giữa các tỉnh trong khu vực lân cận với thành phố Hồ Chí Minh. Các tuyến đường nội ô ở phường được Nhà nước đầu tư láng nhựa, 2 bên vỉa hè khang trang, sạch, đẹp.

Văn hóa:

Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được nâng cao; hệ thống các công trình hạ tầng như giao thông, điện, cấp thoát nước, thông tin liên lạc, vệ sinh môi trường đã và đang được tiếp tục đầu tư xây dựng theo hướng chỉnh trang đô thị nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao cho người dân.

Phường có 3/3 khu phố văn hóa, 6 con đường văn hóa, 1 cơ sở thờ tự văn hóa, 3/3 khu phố đều có đủ 4 loại hình câu lạc bộ, đội, nhóm sở thích phục vụ nhu cầu văn hóa tinh thần cho nhân dân. Số hộ đạt gia đình văn hóa năm 2020 là 1.461/1.532 hộ đạt 03 tiêu chuẩn gia đình văn hóa chiếm 95,3%, trong đó có 1.279 hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa 03 năm liền.

Du lịch: Du lịch của phường còn dưới dạng tiềm năng.

Thể thao:

Phường 4 có câu lạc bộ cầu lông, bóng đá, bóng chuyền, cờ tướng, câu lạc bộ dưỡng sinh. Thế mạnh của phường là câu lạc bộ bóng đá có thành tích cao nhất trong phong trào Đại hội thể dục thể thao năm 2020 do cấp trên tổ chức. Trên địa bàn phường 4 có 1 sân vận động, 2 sân bóng đá mini, 1 sân cầu lông, 1 hồ bơi tạo điều kiện cho nhân dân có nơi sinh hoạt, rèn luyện sức khỏe và thi đấu.

Tổng số liệt sĩ: 45 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: Không.

16. Phường 5

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Tên đơn vị hành chính được đặt theo đơn vị cấp phường và số từ (5).

Vị trí địa lý:

Phường 5 là một trong những phường trung tâm thị xã Cai Lậy; phía Đông giáp Phường 4 và xã Long Khánh; phía Tây giáp sông Ba Rài và xã Thanh Hòa; phía Nam giáp xã Long Khánh; phía Bắc giáp Phường 1 và Phường 4.

Diện tích tự nhiên: 255,62 ha.

Hành chính:

Phường 5 có 03 khu phố: Khu phố 1, Khu phố 2, Khu phố 3.

Lịch sử hình thành:

Phường 5 thuộc thị xã Cai Lậy được thành lập năm 2013 trên cơ sở điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên và một phần nhân khẩu của thị trấn Cai Lậy. Phường đã được công nhận đạt chuẩn Văn minh đô thị giai đoạn 2016-2020.

Dân số: Có 7.819 người (2020)

Thu nhập bình quân đầu người: 49 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Phường 5 là một trong những phường trung tâm của thị xã Cai Lậy nên thế mạnh kinh tế phường là thương mại - dịch vụ và tiểu thủ - công nghiệp. Toàn phường có 816 hộ kinh doanh cá thể và 52 doanh nghiệp, công ty đang hoạt động trên địa bàn phường 5, trong đó ngành công nghiệp 87 cơ sở; bán lẻ hàng hóa, sữa chửa ô tô, mô tô 321 cơ sở, dịch vụ ăn uống, lưu trú 391 cơ sở, vận tải kho bãi 09 cơ sở; dịch vụ khác 08 cơ sở… Hoạt động tín dụng, ngân hàng phát triển nhanh, trên địa bàn phường hiện có 07 ngân hàng đang hoạt động góp phần đáp ứng nhu cầu vay vốn cho nhân dân.

Giáo dục:

Trên địa bàn phường có Trường tiểu học Trương Văn Sanh (đạt chuẩn quốc gia). Phường đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế phường đạt chuẩn Quốc gia về y tế, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 02 dược sĩ trung học, 01 hộ sinh trung học, 01 cán bộ phụ trách dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các ấp đều có tổ y tế, tỷ lệ bảo hiểm y tế trên địa bàn đạt 97% (2020).

Giao thông:

Trên địa bàn phường có Đường tỉnh 868, đường Lê Quang Công, 06 tuyến đường liên xã, phường và trên 40 tuyến đường đan (dal) liên xóm. Tất cả các tuyến đường đều được trải nhựa hoặc đổ bê tông cốt thép tạo điều kiện thuận tiện cho người dân đi lại.

Văn hóa:

Hàng năm, có 100% hộ dân đăng ký thực hiện nếp sống văn minh, gia đình văn hóa. Qua bình xét có 95% hộ đạt 3 tiêu chuẩn gia đình văn hóa. Phường có nhà văn hóa, các khu phố có trụ sở kiêm điểm sinh hoạt văn hóa, 06 con đường văn hóa; 05 cơ sở thờ tự văn hóa, 01 chợ văn hóa.

Du lịch: Du lịch còn dưới dạng tiềm năng.

Thể thao:

Phong trào thể dục thể thao phát triển tốt, đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí và rèn luyện thể lực trong nhân dân. Phường có 01 câu lạc bộ dưỡng sinh, 01 câu lạc bộ võ thuật Taekwondo và Vovinam giúp phát triển và rèn luyện thể thao trong nhân dân.

Tổng số liệt sĩ: 74 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 06 Bà mẹ.

17. Phường Nhị Mỹ

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

二 Nhị: Thứ hai, số hai

美 Mỹ: Tốt đẹp

坊: Phường

二美坊: Nhị Mỹ Phường

Vị trí địa lý:

Phường Nhị Mỹ nằm về phía Đông của thị xã Cai Lậy; phía Đông giáp xã Tân Hội; phía Tây giáp Phường 1, Phường 3 và Phường 4; phía Nam giáp xã Nhị Quý và xã Long Khánh; phía Bắc giáp xã Mỹ Hạnh Trung.

Diện tích tự nhiên: 540,17 ha.

Hành chính:

Phường có 03 khu phố: Mỹ Lợi, Mỹ An và Mỹ Thuận.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có hai thôn Mỹ Tường và Mỹ Trang thuộc tổng Kiến Lợi, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, hai thôn này thuộc tổng Lợi Trinh, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường. Năm 1838, huyện lỵ huyện Kiến Đăng đóng ở thôn Mỹ Trang.

Dưới thời thực dân thống trị, từ 1904, hai làng Mỹ Trang và Mỹ Tường thuộc tổng Lợi Trinh, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho. Năm 1932, hai làng Mỹ Trang và Mỹ Tường hợp nhất thành làng Nhị Mỹ.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là xã Nhị Mỹ, huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân gọi là làng Nhị Mỹ, tổng Lợi Trinh, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1971, là xã Nhị Mỹ, huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho, từ năm 1971-1975, xã Nhị Mỹ thuộc huyện Cai Lậy Nam, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ 1954-1961, là xã thuộc tổng Lợi Trinh, quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường; từ năm 1961-1964, xã thuộc quận Khiêm Ích, tỉnh Định Tường; từ năm 1964- 1975, là xã Nhị Mỹ, quận Cai Lậy, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Nhị Mỹ thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 2013, xã thuộc thị xã Cai Lậy, sau khi đã điều chỉnh một phần điện tích tự nhiên và một phần nhân khẩu để thành lập các Phường 1, 3, 4 thuộc thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Phường đã được công nhận đạt chuẩn Văn minh đô thị giai đoạn 2016-2020.

Dân số: 4.794 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 40 - 45 triệu/người/năm (2021).

Kinh tế: Nền kinh tế phường chủ yếu là nông nghiệp, thương mại và dịch vụ. Kinh tế chăn nuôi cá là chủ lực (nuôi cá giống, cá cảnh). Các loại cây ăn trái đang phát triển tại phường: dừa, nhãn, bưởi, sầu riêng, mít… Năm 2021, có 202 công ty, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh và dịch vụ đóng trên địa bàn phường.

Giáo dục:

Phường có 03 trường: Trường mầm non Nhị Mỹ, Trường tiểu học Nhị Mỹ, Trường trung học phổ thông Tứ Kiệt. Phường đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế phường đạt chuẩn Quốc gia về y tế, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 02 dược sĩ trung học, 01 hộ sinh trung học, 01 cán bộ phụ trách dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các ấp đều có tổ y tế, tỷ lệ bảo hiểm y tế trên địa bàn đạt 98% (2020).

Giao thông:

Phường có các tuyến đường đi qua như: Quốc lộ 1, Đường tỉnh 868 B, đường Lê Quang Công, các tuyến Đường huyện 52, 53, 54, 55, 56. Các tuyến đường do phường quản lý đều đạt chuẩn "Phường văn minh đô thị", các tuyến đường thuộc khu phố quản lý đều được bê - tông hóa.

Văn hóa:

Xã Nhị Mỹ là "Xã văn hóa" đầu tiên của huyện Cai Lậy được công nhận năm 2002.

Phường mới xây dựng mới Nhà văn hóa khang trang, có phòng đọc sách, báo.

Hàng năm, 03/03 khu phố đều được tái công nhận Khu phố văn hóa.

Số hộ đạt gia đình văn hóa năm 2019 là 1.309 hộ, đạt tỷ lệ 96,5%, số hộ đạt gia đình văn hóa 3 năm liền là 1.259 hộ, đạt 93%.

Du lịch: Du lịch còn dưới dạng tiềm năng.

Thể thao:

Phường có sân vận động với diện tích 550 m^2 tại khu phố Mỹ Lợi; có 01 sân bóng đá cỏ nhân tạo tại khu phố Mỹ An (tư nhân) diện tích 250 m^2. có 02 điểm vui chơi, giải trí, hoạt động thể dục thể thao cho trẻ em tại trường mầm non và trường tiểu học, có 01 sân cầu lông tại Nhà Văn hóa phường ở khu phố Mỹ Lợi.

Tổng số liệt sĩ: 126 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 28 Bà mẹ.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn quốc lộ, đường cao tốc, đường tỉnh:**

Quốc lộ 1, đoạn ngang qua tỉnh Tiền Giang

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng mang yếu tố Hán Việt (Quốc: 國: Nước; Lộ: 路: Đường) + Số hiệu (1).

Quốc lộ 1 trước đây, dưới thời nhà Nguyễn, trong nửa đầu thế kỷ 19, được gọi là đường Thiên lý; dưới thời thực dân Pháp (từ giữa thế kỷ 19 đến năm 1954), là Lộ Đông Dương; dưới thời chính quyền Sài Gòn (1954-1975) là Lộ 4.

Quốc lộ 1 là tuyến đường giao thông xuyên suốt Việt Nam, bắt đầu từ cửa khẩu Hữu Nghị trên biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc, nằm tại thị trấn Đồng Đăng thuộc huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, kết thúc tại thị trấn Năm Căn thuộc huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau với tổng chiều dài 2.482 km. Đây là tuyến đường quan trọng hàng đầu Việt Nam.

Quốc lộ 1 đoạn ngang qua tỉnh Tiền Giang bắt đầu từ km 1954 tại cầu Tân Hương, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, xuyên qua huyện Châu Thành, thành phố Mỹ Tho, thị xã Cai Lậy, huyện Cai Lậy và huyện Cái Bè, kết thúc tại km 2029 cầu Mỹ Thuận, xã Hòa Hưng, huyện Cái Bè, giáp giới tỉnh Vĩnh Long, dài 75 km.

*** Đường cao tốc:**

Đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường cao tốc) + Địa danh Hán Việt (Trung Lương: Xin xem mục 1.2.1 - Mỹ: 美: Tốt, đẹp; Thuận: 順: Thuận theo, hoà thuận, suôn sẻ).

Đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận là một đoạn tuyến của tuyến đường cao tốc Bắc - Nam đi qua địa phận tỉnh Tiền Giang; có điểm đầu tiếp nối đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương tại nút giao thông

Thân Cửu Nghĩa (huyện Châu Thành), đi song song với Quốc lộ 1 và kết thúc tại nút giao thông An Thái Trung (huyện Cái Bè) giao với Quốc lộ 30.

Tuyến đường cao tốc này có chiều dài 51 km, đi qua 5 huyện, thị của tỉnh Tiền Giang là huyện Châu Thành, huyện Tân Phước, thị xã Cai Lậy, huyện Cai Lậy và huyện Cái Bè; vận tốc thiết kế 80 km/giờ với 4 làn xe, mà không có làn dừng khẩn cấp mà chỉ có một số điểm dừng khẩn cấp. Đây là tuyến cao tốc trọng điểm giảm tải cho Quốc lộ 1. Đoạn cao tốc này là một trong những tuyến đường huyết mạch, kết nối vùng Tây Nam Bộ với Thành phố Hồ Chí Minh và khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam.

Tuyến đường được xây dựng theo hình thức đối tác công tư (hợp đồng BOT), tổng mức đầu tư cho giai đoạn 1 là 12.668 tỷ đồng; được khởi công vào năm 2009, dự kiến hoàn thành năm 2013. Tuy nhiên, do thiếu vốn nên tuyến đường chỉ mới đạt 10% khối lượng. Cho khi đến năm 2019, dự án mới được cấp vốn và tái khởi công.

Tuyến đường được thông xe tạm thời vào ngày 25/01/2022 để phục vụ người dân Đồng bằng sông Cửu Long lưu thông vào dịp Tết Nguyên Đán. Ngày 27/4/2022, đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận chính thức được đưa vào hoạt động.

*** Đường tỉnh:**

Đường tỉnh 874B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (874B).

Đường tỉnh 874B, có số hiệu đường bộ ĐT.874B; điểm đầu: Quốc lộ 1 (Ngã ba Nhị Quý, thị xã Cai Lậy); điểm cuối: Cầu Mỹ Long (xã Mỹ Long, huyện Cai Lậy); chiều dài: 5,040 km.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn đường huyện, đường phố ở thị xã Cai Lậy:**

Đường huyện:

1. Đường huyện 51

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (51).

Đường huyện 51 có số hiệu đường bộ ĐH.51; điểm đầu: Giáp ranh huyện Châu Thành (xã Nhị Quý); điểm cuối: Đường huyện 54 (Đường Phú Quý, xã Phú Quý); chiều dài: 3,650 km.

2. Đường huyện 52

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (52).

Đường huyện 52 có số hiệu đường bộ ĐH.52; điểm đầu: Đường tỉnh 874 (xã Tân Phú); điểm cuối: Đường huyện 53 (xã Tân Hội); chiều dài: 3,850 km.

3. Đường huyện 53

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (53).

Đường huyện 53 có số hiệu đường bộ ĐH.53; điểm đầu: Quốc lộ1A (phường Nhị Mỹ); điểm cuối: Đường huyện 59 (Đường Sông Cũ) (xã Mỹ Hạnh Đông); chiều dài: 7,200 km.

4. Đường huyện 54

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (54).

Đường huyện 54 có số hiệu đường bộ ĐH.54; điểm đầu: Hết ranh phường Nhị Mỹ (cầu Ba Dép); điểm cuối: Đường huyện 59 (Đường Sông Cũ) (xã Mỹ Hạnh Đông); chiều dài: 7,200 km.

5. Đường huyện 54B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (54) + Chữ cái La tinh (B).

Đường huyện 54B có số hiệu đường bộ ĐH.54B; điểm đầu: Đường Hà Tôn Hiến (ranh phường 5, thị xã Cai Lậy); điểm cuối: Hết ranh xã Thanh Hòa; chiều dài: 4,200 km.

6. Đường huyện 54C

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (54) + Chữ cái La tinh (C).

Đường huyện 54C có số hiệu đường bộ ĐH.54C; điểm đầu: Đường Nguyễn Công Bằng (ranh phường 2, thị xã Cai Lậy); điểm cuối: Hết ranh xã Thanh Hòa; chiều dài: 3,900 km.

7. Đường huyện 57B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (57) + Chữ cái La tinh (B).

Đường huyện 57 có số hiệu đường bộ ĐH.57B; điểm đầu: Cầu Vĩ - ĐH.53 (xã Tân Hội); điểm cuối: Cầu Kênh Tổng (xã Tân Bình); chiều dài: 6,240 km.

8. Đường huyện 58

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (58).

Đường huyện 58 có số hiệu đường bộ ĐH.58; điểm đầu: Đường tỉnh 868 - cầu Kênh 12 (xã Mỹ Hạnh Trung); điểm cuối: Kênh Tháp Mười số 2 (kênh Nguyễn Văn Tiếp, xã Mỹ Phước Tây); chiều dài: 4,300 km.

9. Đường huyện 58B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (58) + Chữ cái La tinh (B).

Đường huyện 58B có số hiệu đường bộ ĐH.58B; điểm đầu: Kênh Láng Cò (Phường 3); điểm cuối: Kênh Tháp Mười số 2 (Kênh Nguyễn Văn Tiếp, xã Mỹ Phước Tây); chiều dài: 6,320 km.

10. Đường huyện 59

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (59).

Đường huyện 59 có số hiệu đường bộ ĐH.59; điểm đầu: Cầu Kênh Xáng Ngang, đường Mỹ Phước Tây (xã Mỹ Hạnh Trung); điểm cuối: Giáp ranh huyện Tân Phước (xã Mỹ Hạnh Đông); chiều dài: 6,974 km.

11. Đường huyện 59B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (59) + Chữ cái La tinh (B).

Đường huyện 59B có số hiệu đường bộ ĐH.59B; điểm đầu: Giáp ranh huyện Tân Phước (xã Mỹ Hạnh Đông); điểm cuối: Kênh 12 – Đường tỉnh 868 (xã Mỹ Phước Tây); chiều dài: 9,200 km.

12. Đường huyện 60

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (60).

Đường huyện 60 có số hiệu đường bộ ĐH.60; điểm đầu: Đường tỉnh 868 - cầu Thanh Niên (xã Long Khánh); điểm cuối: Giáp ranh huyện Cai Lậy (xã Long Khánh); chiều dài: 3,150 km.

13. Đường huyện 61

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (61).

Đường huyện 61 có số hiệu đường bộ ĐH.61; điểm đầu: Đường tỉnh 868 (xã Long Khánh); điểm cuối: Trụ sở ấp Mỹ Vĩnh (xã Long Khánh); chiều dài: 1,810 km.

14. Đường huyện 63

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (63).

Đường huyện 63 có số hiệu đường bộ ĐH.63; điểm đầu: Đường tỉnh 868 (xã Long Khánh); điểm cuối: Giáp ranh huyện Cai Lậy (xã Thanh Hòa); chiều dài: 2,700 km.

Đường phố:

1. Đường 3 tháng 2

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Sự kiện lịch sử (3 tháng 2)

Sự kiện lịch sử:

Từ ngày 06/01 đến ngày 07/02/1930, Nguyễn Ái Quốc (Hồ Chí Minh) đã chủ động tổ chức và chủ trì Hội nghị hợp nhất Đảng tại Hương Cảng, Trung Quốc

Hội nghị đã quyết định hợp nhất các tổ chức Đảng (Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng, Đông Dương Cộng sản Liên đoàn) thành Đảng Cộng sản Việt Nam. Hội nghị thảo luận và thông qua các văn kiện do Nguyễn Ái Quốc (Hồ Chí Minh) soạn thảo: Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt và Điều lệ vắn tắt của Đảng Cộng sản. Hội nghị thông qua lời kêu gọi của Nguyễn Ái Quốc (Hồ Chí Minh) thay mặt Quốc tế Cộng sản và Đảng Cộng sản Việt Nam gửi đến đồng bào, đồng chí trong cả nước nhân dịp thành lập Đảng.

Hội nghị hợp nhất các tổ chức Cộng sản có ý nghĩa như là một Đại hội thành lập Đảng. Những văn kiện được thông qua tại Hội nghị hợp nhất chính là Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng đã quyết nghị lấy ngày 3 tháng 2 dương lịch hằng năm làm ngày kỷ niệm thành lập Đảng.

Hội nghị hợp nhất các tổ chức đảng cộng sản ở Việt Nam thành một Đảng Cộng sản duy nhất - Đảng Cộng sản Việt Nam - theo một đường lối chính trị đúng đắn, tạo nên sự thống nhất về tư tưởng, chính trị và hành động của phong trào cách mạng cả nước, hướng tới mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp, là sự khẳng định vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân Việt Nam và hệ tư tưởng Mác-Lênin đối với cách mạng Việt Nam. Sự kiện Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sự kiện lịch sử cực kỳ trọng đại, một bước ngoặt vô cùng quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam, đánh dấu một mốc son chói lọi trên con đường phát triển của dân tộc ta.

Sự ra đời của Đảng là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác-Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước của nhân dân Việt Nam, là sự kiện gắn liền với tên tuổi của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh.

Sự kiện thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và việc ngay từ khi ra đời, Đảng đã có Cương lĩnh chính trị xác định đúng đắn con đường cách mạng là giải phóng dân tộc theo phương hướng cách mạng vô sản, chính là cơ sở để Đảng Cộng sản Việt Nam vừa ra đời đã nắm được ngọn cờ lãnh đạo phong trào cách mạng Việt Nam; giải quyết được tình trạng khủng hoảng về đường lối cách mạng, về giai cấp lãnh đạo cách mạng diễn ra đầu thế kỷ XX, mở ra con đường và phương hướng phát triển mới cho đất nước Việt Nam. Chính đường lối này là cơ sở đảm bảo cho sự tập hợp lực lượng và sự đoàn kết, thống nhất của toàn dân tộc cùng chung tư tưởng và hành động để tiến hành cuộc cách mạng vĩ đại giành những thắng lợi to lớn sau này.

Đường 03 tháng 02 có điểm đầu: Quốc lộ 1; điểm cuối: cầu Bang Chón, Phường 3; chiều dài: 2,8 km ; chiều rộng: 7,0 m.

2. Đường 30 tháng 4

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Sự kiện lịch sử (30 tháng 4)

Sự kiện lịch sử:

Ngày 30/4/1975, thường được gọi là Ngày 30 tháng 4 - Ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Đây là sự kiện chấm dứt cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam khi quân giải phóng tiến vào dinh "Độc Lập", tổng thống chính quyền Sài Gòn Dương Văn Minh cùng nội các tuyên bố đầu hàng vô điều kiện Quân giải phóng miền Nam Việt Nam vào trưa ngày 30/4/1975. Chiến thắng ngày 30/4/1975 đã chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc và chế độ quân chủ ở nước ta, giải phóng miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thống nhất đất nước; đồng thời, mở ra một kỷ nguyên mới của lịch sử

dân tộc - kỷ nguyên cả nước bước vào thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Chiến thắng này đã đi vào lịch sử nước ta và của thế giới như một trang sử chói lọi ở những năm 70 của thế kỷ XX, mang tầm vóc quốc tế và ý nghĩa thời đại sâu sắc.

Đường 30 tháng 4 có điểm đầu: Quốc lộ 1; điểm cuối: Đường 3 tháng 2; chiều dài: 0,810 km ; chiều rộng: 8,0 m.

3. Đường Ấp 2 Tân Bình

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Địa danh hành chính (Ấp 2 thuộc xã Tân Bình).

Đường Ấp 2 Tân Bình có điểm đầu: đường 3 tháng 2; điểm cuối: Cầu Vuông; chiều dài: 1,7 km ; chiều rộng: 3,5 m.

4. Đường Ấp Bắc

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Sự kiện lịch sử (Chiến thắng Ấp Bắc).

Sự kiện lịch sử:

Ngày 01/01/1963, các đơn vị bộ đội của ta tập hợp tại Ấp Bắc để chuẩn bị tấn công ấp chiến lược Giồng Dứa (xã Long Định, huyện Châu Thành). Dò biết hoạt động của quân ta, ngày 02/01/1963, địch mở trận càn mang tên "Đức Thắng 01 - 63", do Sư đoàn 7 ngụy và chiến đoàn bảo an thuộc Tiểu khu Định Tường đảm trách.

Sau một ngày kiên cường chiến đấu chống địch càn quét, bắt đầu từ 5 giờ sáng và kéo dài liên tục đến 20 giờ, ta đã giành được thắng lợi vang dội: diệt và làm bị thương 450 tên, bắn rơi và bắn hỏng 16 máy bay trực thăng, bắn cháy 3 xe thiết giáp M.113, bắn chìm 01 tàu chiến.

Chiến thắng Ấp Bắc đã làm thất bại chiến thuật "trực thăng vận, thiết xa vận" của địch, mở đầu cho phong trào đánh bại chiến thuật mới của địch trên toàn chiến trường miền Nam. Đó là chiến công đặc biệt quan trọng, mở ra cục diện mới, tạo ra điển hình mới, đem lại lòng tin cho chiến sĩ và nhân dân ta ở miền Nam có khả năng đánh thắng Mỹ về quân sự trong "Chiến tranh đặc biệt".

Chiến thắng Ấp Bắc có ý nghĩa chiến lược làm đảo lộn các chiến thuật và chiến lược của đế quốc Mỹ; làm nhụt ý chí xâm lược của kẻ thù, làm lung lay chế độ tay sai Ngô Đình Diệm, gây tiếng vang lớn trên trường quốc tế. Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ chín, tháng 12/1963, đã chỉ rõ: "Sau những thất bại nặng nề của kế hoạch Xtalây - Taylo, nhất là sau Chiến thắng Ấp Bắc của quân và dân miền Nam, đế quốc Mỹ đã bắt đầu không tin là chúng sẽ thắng, và đã công khai nói lên sự mất tin tưởng đó". Đồng chí Tổng bí thư Đảng Lê Duẩn cho rằng: "Với chiến thắng Ấp Bắc, Mỹ thấy không thể thắng ta trong chiến lược chiến tranh đặc biệt".

Đường Ấp Bắc có điểm đầu: cầu Trường Tín; điểm cuối: cầu Năm Trinh; chiều dài: 3,3 km; chiều rộng: 4,5 m.

5. Đường Bến Cát

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Công trình xây dựng (Bến: là chỗ bờ sông, người ta thường xây bậc lên xuống để

lấy nước, tắm giặt, xếp dỡ hàng hoá, như bến đò, bến tàu,… Sau đó, bến còn bao gồm luôn cả bến xe trên đường bộ) + Vật liệu dạng hạt (Cát).

Đường Bến Cát có điểm đầu: đường 30 tháng 4; điểm cuối: đường Ấp Bắc; chiều dài: 0,800 km; chiều rộng: 8 m.

6. Đường Nguyễn Công Bằng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Công Bằng).

Tiểu sử danh nhân:

NGUYỄN CÔNG BẰNG
(1931 – 1989)

Nguyễn Công Bằng (1931- 1989), quê quán: xã Tân Phú, thị xã Cai Lậy. Tham gia cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ. Chức vụ trước khi hưu trí: Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đường Nguyễn Công Bằng có điểm đầu: kinh/kênh 30 tháng 6; điểm cuối: Hết ranh Phường 2; chiều dài: 1,500 km; chiều rộng: 2 m.

7. Đường Đặng Văn Bê

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Đặng Văn Bê).

Tiểu sử danh nhân:

ĐẶNG VĂN BÊ
(1934 – 1971)

Đặng Văn Bê sinh năm 1934 tại làng Mỹ Phước Tây, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Mỹ Phước Tây, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang).

Năm 1961, ông tham gia cách mạng tại địa phương, thuộc lực lượng an ninh bảo vệ trại giam xã. Năm 1962, ông được kết nạp vào Đoàn Thanh niên nhân dân cách mạng miền Nam (nay là Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ chí Minh. Tháng 3-1967, ông là Tiểu đội trưởng du kích xã Mỹ Phước Tây. Trong thời gian ngắn trực tiếp tham gia chiến đấu, ông đã cùng đồng đội phối hợp với các đơn vị liên tục đánh địch, loại khỏi vòng chiến đấu 246 tên (trong đó có 2 tên cố vấn Mỹ), thu 10 súng, 1 máy thông tin, phá hủy 1 xe Jeep, bắn rơi 1 máy bay trực thăng, bắn chìm và bắn hỏng 5 tàu tuần tiễu. Riêng bản thân ông đã tiêu diệt 13, làm bị thương 32 tên địch, thu 6 súng các loại, bắn hỏng 1 tàu tuần tiễu.

Tháng 10-1969, ông bị lính sư đoàn 7 quân đội Sài Gòn bắt tại xóm Láng Biển, xã Mỹ Phước Tây. Sau đó, ông bị giải về khám đường Cần Thơ. Tháng 2-1970, ông bị địch giải ra nhà tù Phú Quốc. Tại đây, ông đã cùng đồng đội kiên quyết đấu tranh đòi địch thực hiện đúng chính sách tù binh, như chế độ ăn uống đầy đủ, không được tra tấn đánh đập, ngược đãi tù binh, không bắt lao động khổ sai và không cưỡng bách tù nhân chiêu hồi. Do đó, tháng 9-1970, ông bị giải sang phân khu cộng sản C.10.

Tháng 1-1971, địch xây dựng xong phân khu chiêu hồi D.10. Chúng dụ dỗ tù binh ở phân khu cộng sản C.10: "Anh em tù binh nào muốn sớm trở về đất

liền đoàn tụ gia đình, vợ con thì sang phân khu chiêu hồi ở. Còn tù binh nào kiên quyết theo cộng sản thì ở lại đây (tức C.10)". Nhưng chỉ có một tên phản bội đồng ý chuyển sang phân khu chiêu hồi. Vì vậy, địch dùng biện pháp đàn áp, buộc tù binh phải thực hiện việc chuyển trại. Trước tình hình đó, ông cùng đồng đội kiên quyết đấu tranh tuyệt thực suốt 2 ngày 28 và 29-1-1971 để chống địch bắt ép.

Lúc 8 giờ tối 29-1-1971, địch cho 1 trung đội quân cảnh, trang bị dùi cui, lựu đạn cay xông vào phòng 2, phân khu C.10 đàn áp bắt những người chỉ huy cuộc tuyệt thực. Ông cùng với các tù binh trong phòng đánh trả bọn quân cảnh khiến bọn chúng phải tháo chạy trở ra. Sau khi củng cố lực lượng, bọn quân cảnh lại xông vào phòng tiếp tục đàn áp. Trong lần này, ông bị bắt trong tình trạng bị thương tích đầy người.

Tại khu biệt giam, ông bị bọn quân cảnh và bọn trật tự thay nhau đánh đập rất dã man trong nhiều giờ liền. Mặc dù vậy, ông vẫn tỏ rõ ý chí chiến đấu không khoan nhượng của người chiến sĩ cách mạng. Ông liên tục lên án bọn tay sai bán nước và hô khẩu hiệu: "Đả đảo Mỹ - Thiệu!", "Hồ Chí Minh muôn năm!". Thấy không khuất phục được khí tiết của người tù binh cộng sản, bọn chúng cho ông vào bao tải và buộc miệng bao lại, rồi ném vào chảo nước đang sôi. Đến khi chúng lôi ra, toàn thân ông đã bị vuột da và ông đã anh dũng hy sinh.

Địch giết hại ông một cách dã man hòng khuất phục tinh thần đấu tranh của tù binh. Tuy nhiên, sự hy sinh anh dũng của ông đã trở thành tấm gương sáng để củng cố thêm lòng căm thù giặc và ý chí đấu tranh kiên cường của tù binh trong nhà tù Phú Quốc. Từ sau ngày ông hy sinh, làn sóng đấu tranh của tù binh ở nhà tù này ngày càng dâng lên mạnh mẽ.

Với những thành tích đã lập được trong chiến đấu, ông được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Ba, 2 bằng khen và 4 giấy khen. Ngày 5 - 12 - 2007, ông được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Tên ông được đặt tên đường, tên trường tiểu học ở thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Đường Đặng Văn Bê có điểm đầu: Quốc lộ 1; điểm cuối: đường Lê Quang Công; chiều dài: 0,420 km; chiều rộng: 3,5 m.

8. Đường Nguyễn Văn Chấn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (NguyễnVăn Chấn).

Tiểu sử danh nhân:

NGUYỄN VĂN CHẤN
(1932 – 1970)

Liệt sĩ Nguyễn Văn Chấn (1932-1970), quê quán: xã Thanh Hòa, thị xã Cai Lậy. Tham gia cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ. Chức vụ trước khi hy sinh (1970): Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Huyện đội trưởng huyện Cai Lậy. Tên ông được đặt tên đường ở thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Đường Nguyễn Văn Chấn có điểm đầu: đường Thái Thị Kiều; điểm cuối: đường Hồ Hải Nghĩa; chiều dài: 0,100 km; chiều rộng: 4 m.

9. Đường Cao Đăng Chiếm

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Cao Đăng Chiếm).

Tiểu sử danh nhân:

CAO ĐĂNG CHIẾM
(1921 – 2007)

Cao Đăng Chiếm, bí danh Sáu Hoàng, sinh năm 1921, tại làng Nhị Quý, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Nhị Quý, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình có truyền thống yêu nước. Lúc nhỏ, ông được gia đình cho đi học tiểu học và trung học ở Mỹ Tho. Sau đó, ông lên Sài Gòn học nghề về giao thông công chính và đi làm.

Tiếp nối truyền thống yêu nước của ông cha, ông sớm giác ngộ cách mạng. Năm 1943, ông gia nhập tổ chức Công hội đỏ hoạt động bí mật. Tháng 8-1945, ông tham gia Tổng khởi nghĩa giành chính quyền, được giao nhiệm vụ chiếm giữ và treo Quốc kỳ tại Dinh Thống đốc Nam Kỳ ở Sài Gòn.

Tháng 9-1945, ông giữ chức vụ Phó Giám đốc Quốc gia tự vệ cuộc (sau đổi thành Sở Công an Nam Bộ) kiêm Trưởng ty Công an thành phố Sài Gòn - Gia Định. Năm 1946, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam) do ông Nguyễn Văn Linh (sau này là Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam) tổ chức kết nạp. Tháng 4-1947, ông được bầu làm Thành ủy viên Thành ủy Sài Gòn. Từ năm 1950 đến năm 1954, ông là Giám đốc Sở Công an Liên Phân khu miền Đông Nam Bộ.

Sau hiệp định Genève (7-1954), ông được Trung ương chỉ định hoạt động ở miền Nam, công tác tại Ban Địch tình Xứ ủy Nam Bộ, tiếp cận bảo vệ Bí thư Xứ ủy Nam Bộ Lê Duẩn (sau này là Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam).

Tháng 1-1960, ông là Phó Ban Bảo vệ an ninh Xứ ủy Nam Bộ. Tháng 10-1961, ông được giao nhiệm vụ xây dựng căn cứ địa cách mạng nhằm chuẩn bị cho đấu tranh vũ trang ở tỉnh Tây Ninh và phát động nổi dậy ở khu Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định.

Năm 1965, ông giữ chức vụ Trưởng Ban An ninh Đặc khu Sài Gòn - Gia Định (gọi tắt là Ban An ninh T4), tham gia Đặc khu ủy. Trong thời gian này, ông đã lãnh đạo Ban An ninh T4 triển khai nhiều mặt công tác và tổ chức xây dựng lực lượng, cơ sở trong lòng địch. Ban An ninh T4 đã tổ chức hệ thống an ninh của cách mạng ngay tại thành phố Sài Gòn - Gia Định và thành lập lực lượng an ninh vũ trang.

Năm 1966, ông được đề bạt làm Phó Ban An ninh Trung ương Cục miền Nam, được Trung ương Cục chỉ định làm Tư lệnh Mặt trận tiền phương kiêm Chỉ huy trưởng bảo vệ căn cứ Trung ương Cục.

Cuối năm 1974, ông được Trung ương Cục miền Nam chỉ định làm Chỉ huy phó Ban Chỉ huy tiền phương và là Thường vụ Đảng ủy Đặc khu Sài Gòn - Gia

Định, chuẩn bị chiến dịch đánh vào giải phóng Sài Gòn - Gia Định. Với cương vị này, ông đã chỉ huy các lực lượng an ninh phối hợp với quân chủ lực trong Chiến dịch Hồ Chí Minh, tấn công và nổi dậy để giải phóng Sài Gòn - Gia Định ngày 30-4-1975, kết thúc thắng lợi công cuộc giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Sau ngày 30-4-1975, ông giữ chức vụ Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban Quân quản Sài Gòn - Gia Định, phụ trách an ninh, nội chính, trực tiếp phụ trách đoàn cán bộ chiếm lĩnh, tiếp quản các cơ quan của chính quyền Sài Gòn. Tháng 2-1976, ông là Phó Trưởng ban đại diện Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an) tại miền Nam. Tháng 10-1976, ông được Thủ tướng Phạm Văn Đồng chỉ định làm Thứ trưởng Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an). Tháng 12-1976, tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV, ông được bầu làm Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V (tháng 3-1982) và Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (tháng 12-1986), ông được bầu làm Ủy viên chính thức Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. Từ năm 1986, ông đảm nhiệm chức vụ Thứ trưởng thường trực Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an) và là Ủy viên thường vụ Đảng ủy Công an Trung ương. Ông là một trong những cán bộ lãnh đạo đã tích cực xây dựng lực lượng Công an Nhân dân theo hướng cách mạng, tinh nhuệ, từng bước chính quy và hiện đại. Năm 1989, ông được Nhà nước phong hàm Thượng tướng Công an Nhân dân. Năm 1991, ông được Đảng, Nhà nước cho nghỉ hưu trí. Năm 2007, ông bị bệnh nặng qua đời. Năm 2010, ông được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Do công lao, thành tích đóng góp cho sự nghiệp cách mạng, ông đã được Đảng, Nhà nước tặng thưởng: Huân chương Độc lập hạng Nhất; Huân chương Kháng chiến hạng Nhất; hai Huân chương Quân công hạng Nhất; Huân chương Chiến công hạng Nhất; Huân chương Kháng chiến chống Mỹ, cứu nước hạng Nhất; Huy chương Vì an ninh Tổ quốc, Huy hiệu 60 năm tuổi đảng và nhiều phần thưởng cao quý khác của Đảng, Nhà nước và bạn bè quốc tế trao tặng.

Tên ông được đặt tên đường ở thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Đường Cao Đăng Chiếm có điểm đầu: đường 3 tháng 2; điểm cuối: đường Nguyễn Văn Tạo; chiều dài: 2,3 km; chiều rộng: 7 m.

10. Đường Huỳnh Văn Chính

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Chí Công).

Tiểu sử danh nhân:

HUỲNH VĂN CHÍNH
(1916 – 1941)

Liệt sĩ Huỳnh Văn Chính (1916-1941), quê quán: làng Mỹ Hạnh Đông, quân Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Mỹ Hạnh Đông, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang). Tham gia cách mạng năm 1935. Tháng 5-1940, ông là Tỉnh ủy viên tỉnh Mỹ Tho,

Bí thư Quận ủy Cai Lậy. Tháng 11-1940, ông cùng với Ban Thường vụ Quận ủy lãnh đạo và phát động cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ ở quận Cai Lậy.

2 giờ ngày 23-11-1940, lệnh khởi nghĩa về đến xã Mỹ Hạnh Đông. Thay mặt Quận ủy Cai Lậy, ông chỉ đạo chuyển lệnh khởi nghĩa đến các xã và yêu cầu các xã huy động lực lượng khởi nghĩa chiếm nhà việc (trụ sở), giải tán ban hội tề, huy động quần chúng cùng kéo về chiếm dinh quận, thành lập chính quyền nhân dân.

Nhận lệnh khởi nghĩa, nhân dân xã Mỹ Hạnh Đông nổi dậy chiếm nhà việc, thành lập chính quyền nhân dân. Chi bộ xã Mỹ Phước Tây huy động hàng trăm người, chia làm 2 đoàn, một đoàn nhập vào đoàn xã Mỹ Hạnh Đông ở gần xóm Huế; đoàn còn lại chiếm nhà việc xã Mỹ Phước Tây, sau đó kéo ra chợ Kinh 12 nhập với lực lượng của hai xã Mỹ Hạnh Đông, Mỹ Hạnh Trung tiến ra chiếm dinh quận.

Sau đó, chính quyền thực dân Pháp tỉnh Mỹ Tho và quận Cai Lậy tập trung lực lượng đàn áp cuộc khởi nghĩa. Cơ sở Đảng và các tổ chức quần chúng ở Cai Lậy bị thiệt hại nặng nề. Là Bí thư Quận ủy, ông rút vào hoạt động bí mật, kiên quyết bám trụ địa bàn, chỉ đạo khôi phục phong trào. Tuy nhiên, đến ngày 24-10-1941, ông đã anh dũng hy sinh trong lúc làm nhiệm vụ. Tên ông được đặt tên đường ở thị Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Đường Huỳnh Văn Chính có điểm đầu: Quốc lộ 1; điểm cuối: đường Nguyễn Công Bằng; chiều dài: 1,600 km; chiều rộng: 3,5 m.

11. Đường Nguyễn Chí Công

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Chí Công).

Tiểu sử danh nhân:

NGUYỄN CHÍ CÔNG
(1920 – 2005)

Nguyễn Chí Công, tên thật là Đoàn Văn Dư, sinh năm 1920 tại làng Mỹ Phước Tây, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Mỹ Phước Tây, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang).

Năm 1939, ông giác ngộ cách mạng, hoạt động tại xã nhà. Tháng 9- 1940, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam). Tháng 11-1940, ông tham gia cuộc khởi nghĩa Nam kỳ; nhưng sau đó, bị chính quyền thực dân Pháp bắt và kết án chung thân đày đi Côn Đảo. Ở trong tù, ông luôn luôn tỏ rõ là một chiến sĩ cộng sản kiên định, một lòng một dạ trung thành với Đảng và nhân dân.

Tháng 8-1945, cuộc tổng khởi nghĩa trên cả nước nổ ra và giành thắng lợi rực rỡ, ông được Đảng rước về đất nước. Không kịp nghỉ ngơi, ông lao ngay vào công tác; và được cấp trên phân công về hoạt động ở huyện Cái Bè, lần lượt phụ trách Đoàn Thanh niên cứu quốc huyện, tổ chức các cơ sở Đảng và các đoàn thể quần chúng cấp xã của huyện,... Tháng 12-1946, ông được đề bạt làm Phó Bí thư Huyện ủy Cái Bè. Năm 1951, ông được điều lên tỉnh, giữ chức vụ Phó Ban Kiểm tra Tỉnh

ủy Mỹ Tho. Năm 1952, ông được tăng cường cho Huyện ủy Cái Bè, phụ trách liên xã. Tháng 6-1954, ông là Phó Bí thư rồi Bí thư Huyện ủy Cái Bè.

Sau hiệp định Genève (7-1954), ông được Đảng phân công ở lại miền Nam hoạt động. Tháng 10-1954, ông là Tỉnh ủy viên dự khuyết rồi Tỉnh ủy viên chính thức Tỉnh ủy Mỹ Tho, Bí thư Tỉnh đoàn Mỹ Tho. Trong thời kỳ này, phong trào thanh niên ở tỉnh Mỹ Tho phát triển mạnh mẽ, nhất là các phong trào chống bắt lính của địch, gia nhập lực lượng võ trang cách mạng, đấu tranh chính trị, đòi các quyền dân sinh dân chủ,...

Tháng 6-1958, ông là Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, phụ trách công tác Binh vận. Tháng 8-1958, ông là Phó Bí thư Tỉnh ủy Mỹ Tho, phụ trách công tác Tuyên huấn và Tài chính. Tháng 1-1964, ông được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy Mỹ Tho; và đến năm 1966, ông kiêm thêm nhiệm vụ là Khu ủy viên dự khuyết Khu ủy Khu 8. Ở cương vị mới, ông cùng với tập thể Tỉnh ủy lãnh chỉ đạo cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược của quân dân tỉnh nhà thu được những thắng lợi to lớn trên nhiều mặt, nhất là những chiến thắng vang dội trên chiến trường Mỹ Tho trong mùa khô 1965 - 1966, mùa khô 1966 - 1967 và cuộc tập kích chiến lược xuân Mậu Thân 1968. Tháng 4-1968, ông được bầu là Khu ủy viên chính thức Khu ủy Khu 8, Phó ban Dân vận kiêm Thư ký Hội Nông dân Giải phóng Khu 8. Sau đó, do những năm tháng lăn lộn ở chiến trường hết sức khốc liệt, đầy khó khăn, gian khổ, nên ông lâm trọng bệnh, được cấp trên đưa ra Hà Nội điều trị trong ba năm.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng (30-4-1975), ông là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Dân vận Tỉnh ủy kiêm Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Tiền Giang. Năm 1983, ông được Đảng và Nhà nước giải quyết chế độ hưu trí. Dù tuổi cao, sức yếu; nhưng ông vẫn nhiệt tình tham gia công tác mặt trận với tư cách là Chủ tịch Danh dự Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Tiền Giang. Đến năm 1988, do điều kiện sức khỏe không cho phép, ông mới nghỉ hưu thực sự. Năm 2005, ông mất tại Tiền Giang. Tên ông được đặt tên đường ở thị trấn Cái Bè, huyện Cái Bè và thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Đường Nguyễn Chí Công có điểm đầu: đường Mai Thị Út; điểm cuối: đường Nguyễn Văn Lộc; chiều dài: 0,170 km; chiều rộng: 5,5 m.

12. Đường Lê Quang Công

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Lê Quang Công).

Tiểu sử danh nhân:

LÊ QUANG CÔNG
(1937 – 2017)

Lê Quang Công, bí danh Thanh Long, sinh năm 1937 tại làng Mỹ Phước Tây, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Mỹ Phước Tây, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang).

Năm 1957, ông tham gia cách mạng, là nhân viên giao liên xã Mỹ Phước Tây, huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là tỉnh Tiền Giang). Năm 1960, ông gia nhập quân đội, là chiến sĩ, rồi tiểu đội phó, tiểu đội trưởng, trung đội phó thuộc

Đại đội 1, Tiểu đoàn 514 Bộ đội tỉnh Mỹ Tho. Năm 1963, ông được đề bạt làm trung đội trưởng, đại đội phó, đại đội trưởng Đại đội 2, Tiểu đoàn 514. Năm 1965, ông được phân công nhiệm vụ là tiểu đoàn phó Tiểu đoàn 514 Bộ đội tỉnh Mỹ Tho.

Từ năm 1960- 1965, ông tham gia chiến đấu 62 trận, diệt 26 lính địch, làm bị thương 35 tên, bắt 12 tên, thu 27 súng, 60 lựu đạn, góp phần cùng đơn vi bắn rơi 1 máy bay, bắn bị thương 5 chiếc khác, bắn cháy 2 xe lội nước. Trong đó có những trận đánh tiêu biểu như sau:

Tháng 7-1963, địch cho 3 tiểu đoàn có 3 xe bọc thép, 15 xe lội nước dàn hàng ngang tiến vào trận địa của ta. Ông đã chỉ huy đơn vị và phối hợp với đơn vị bạn chiến đấu, bẻ gãy nhiều đợt tiến công của địch. Sau đó, chúng tăng viện thêm 1 tiểu đoàn, mở tiếp 2 đợt tiến công nữa. Trước tình hình đó, ông vẫn bình tỉnh chỉ huy đơn vị chiến đấu, giữ vững trận địa. Trận này, ông và đơn vị đánh bại 4 đợt tiến công của 4 tiểu đoàn địch, diệt 50 tên, bắn rơi 1 máy bay.

Ngày 20-7-1963, trong trận chống càn ở xã Quơn Long (huyện Chợ Gạo), ông chỉ huy đơn vị đánh bại các cuộc tiến công của 8 tiểu đoàn địch, có 27 tàu chiến, 42 xe lội nước, 23 máy bay các loại và 8 khẩu pháo yểm trợ. Trận này, đơn vị của ông diệt và làm bị thương 380 lính địch, bắn rơi 1 máy bay trực thăng, bắn cháy 1 xe lội nước.

Tháng 11-1963, nhân lúc các tướng trẻ thân Mỹ của quân đội Sài Gòn tiến hành đảo chính, lật đổ tổng thống ngụy quyền Ngô Đình Diệm, đơn vị do ông chỉ huy phối hợp với đơn vị bạn đánh địch suốt 6 ngày đêm, diệt 10 đồn bót, phá 6 ấp chiến lược; trong đó, trận đánh đồn Tân Thành (nay thuộc huyện Gò Công Đông), ông bị 13 vết thương, nhưng vẫn dẫm đầu đơn vị xung phong, tiêu diệt địch.

Với những chiến tích oanh liệt đó, ngày 05-5-1965, ông được Ủy ban Trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tặng Huân chương Quân công giải phóng hạng Ba và danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Năm 1967, ông là Tỉnh đội phó kiêm tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 514. Năm 1970, ông đảm nhiệm chức vụ Tỉnh đội phó, Tham mưu trưởng Tỉnh đội Mỹ Tho. Với cương vị này, ông đã cùng với Ban Chỉ huy Tỉnh đội đề ra những kế hoạch tác chiến đúng đắn, mưu trí, sáng tạo để lực lượng vũ trang tỉnh nhà đánh bại quân địch, góp phần vào thắng lợi của công cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Sau ngày thống nhất đất nước (30-4-1975), từ năm 1976 - 1990, ông lần lượt được phong quân hàm thiếu tá, trung tá, thượng tá, đại tá với chức vụ Phó Chỉ huy trưởng, Tham mưu trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Tiền Giang. Năm 1990, ông được Đảng, Nhà nước và Quân đội cho nghỉ hưu. Năm 2017, ông bị bệnh nặng và qua đời. Tên ông được đặt tên đường ở thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Trong quá trình hoạt động cách mạng, ông được tặng thưởng:

- Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng;
- Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng;
- Huy hiệu 55 năm tuổi Đảng;

- Danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân;
- Huân chương Độc lập hạng Ba;
- 2 Huân chương Chiến công hạng Nhất;
- 1 Huân chương Chiến công hạng Nhì;
- 6 Huân chương Chiến công hạng Ba
- Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất, Nhì, Ba;
- Nhiều Huy chương, Kỷ niệm chương, Bằng khen của Trung ương và địa phương.

Đường Lê Quang Công có điểm đầu: đường 30 tháng 4; điểm cuối: đường Nguyễn Văn Tòng; chiều dài: 3,080 km; chiều rộng: 3,5 m.

13. Đường Cao Hải Đễ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Cao Hải Đễ).

Tiểu sử danh nhân:

CAO HẢI ĐỄ
(1895 -)

Cao Hải Đễ sinh năm 1895, chưa rõ năm mất, người làng Hiệp Hòa, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Hiệp Đức, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang).

Thuở thiếu thời, ông đã từng học qua Trường Dòng Mỹ Tho và Trường Lycée Pétrus Ký (nay là Trường Trung học phổ thông chuyên Lê Hồng Phong, Thành phố Hồ Chí Minh).

Ông sớm đến với hoạt động báo chí giữa lúc nền báo chí Việt Nam đang trong giai đoạn hình thành. Năm 1924, ông sáng lập tạp chí *Công ích toàn thơ*, xuất bản mỗi tháng 1 kỳ, gồm năm phần: khảo cứu, bổ quốc văn, tạp sử, vệ sanh (sinh) và tiểu thuyết.

Tháng 7-1926, ông là Chủ nhiệm tờ *Nhựt Tân Báo*. Đây là tuần báo, thông tin và thời sự, xuất bản ở Sài Gòn, số 1 được ra ngày 6 - 4 - 1922. Tờ báo này có khuynh hướng chống chính quyền thực dân; mỗi số đều có một bài xã luận về một đề tài có liên quan đến thời sự, những bài viết về khoa học, văn học được thể hiện dưới hình thức những bài thơ hay tiểu thuyết dịch từ văn học Pháp, tin tức trong và ngoài nước, tin vặt,… Do tính chất đối lập với chính quyền, nên tờ báo bị thực dân Pháp cấm xuất bản vào ngày 6 - 7 - 1929.

Tháng 8-1926, ông sáng lập tờ báo tiếng Pháp *L' Ère Nouvelle* (*Kỷ nguyên mới*) ở Sài Gòn dưới dạng bán tuần san. Trong số đầu tiên ra ngày 17 - 8 - 1926, báo tuyên bố "Đây không phải là cơ quan cách mạng hoặc tuyên truyền cho chủ nghĩa cộng sản", nhưng trên thực tế, trong quá trình tồn tại, báo đã đăng nhiều bài về chủ nghĩa Bôn sê vích ở Liên Xô, về lý thuyết cộng sản,… do Lénine và Jean Jaurès (một nhà lý luận cộng sản Pháp) viết được dịch lại từ báo chí tiến bộ ở Pháp. Bên cạnh đó, báo còn đề cập đến đời sống cực khổ của nhân dân lao động, nhất là của nông dân, tố cáo chế độ thực dân và khêu gợi tinh thần đấu tranh chống áp bức, bóc lột của nhân dân. Do đó, đến ngày 22 - 6 - 1929, báo bị chính quyền thực dân thu hồi giấy phép.

Đồng thời, ông còn là Chủ nhiệm tờ *Pháp Việt nhứt gia* được xuất bản ở Sài Gòn với số ra đầu tiên vào ngày 8 - 2 - 1927. Theo Huỳnh Văn Tòng trong quyển *Lịch sử Báo chí Việt Nam*, tuy mang tên như thế, nhưng đây là tờ bán tuần báo chuyên về chính trị và thông tin, có mục đích và tôn chỉ giống hai tờ báo trên, tức là luôn tỏ thái độ chống chính quyền thực dân. Vì thế, tờ báo bị nhà cầm quyền Pháp ở Nam kỳ kiểm duyệt hết sức gắt gao. Tờ báo chỉ tồn tại trong vòng ba tháng; đến ngày 17 - 5 - 1929, báo bị đình bản.

Trong thập niên 30 của thế kỷ XX, ông tiếp tục cộng tác với nhiều tờ báo ở Sài Gòn mang khuynh hướng cấp tiến, chống thực dân Pháp. Khoảng thời gian này, ông thường xuyên về Mỹ Tho và các tỉnh miền Tây Nam kỳ để hoạt động cách mạng. Đến tháng 6 - 1940, ông bị nhà cầm quyền Pháp tỉnh Mỹ Tho bắt tại Cai Lậy; và sau đó, bị kết án đày đi biệt xứ.

Về văn học, ông đã viết và xuất bản các tác phẩm phiên âm từ chữ Nôm và dịch từ chữ Hán ra chữ Quốc ngữ, như *Thanh Xà - Bạch xà diễn nghĩa* (1915), *Sãi Vãi* (phiên âm từ truyện Nôm của Nguyễn Cư Trinh, 1923), *Lê Văn Duyệt* (1924), *Nợ nước nhà* (1924), *Thanh niên bửu giám* (1925).

Với những hoạt động báo chí và văn học vô cùng sôi nổi, ông quả là một trong những nhà báo tiền phong và kỳ cựu ở nước ta, có tinh thần dân tộc sâu đậm, xứng danh là một người cầm bút chân chính và có nhiều đóng góp vào nền báo chí Việt Nam. Tên ông được đặt tên đường ở thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Đường Cao Hải Đễ có điểm đầu: đường Mai Thị Út; điểm cuối: đường Nguyễn Văn Lộc; chiều dài: 0,160 km; chiều rộng: 7 m.

14. Đường Trương Văn Điệp

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Trương Văn Điệp).

Tiểu sử danh nhân:

TRƯƠNG VĂN ĐIỆP
(1916 – 1962)

Trương Văn Điệp, bí danh là Trương Hồng Lĩnh và Trương Nam Kiên, sinh năm 1916 tại làng Mỹ Hạnh Đông, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Mỹ Hạnh Đông, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình trung nông yêu nước, có truyền thống cách mạng.

Năm 1940, ông tham gia cuộc khởi nghĩa Nam kỳ ở tại quê nhà. Cuộc khởi nghĩa bị đàn áp nên ông rút vào hoạt động bí mật. Tháng 8 - 1945, ông gia nhập lực lượng Thanh niên tiền phong và tham gia khởi nghĩa giành chính quyền ở địa phương. Sau đó, ông giữ chức Thư ký rồi Chủ nhiệm Thôn bộ Việt Minh xã Mỹ Hạnh Đông.

Cuối năm 1947, ông được bầu vào Huyện bộ Việt Minh huyện Cai Lậy và phụ trách việc thành lập Hội Công thương cứu quốc huyện. Năm 1950, ông được phân công làm Bí thư Huyện ủy kiêm Chính trị viên Huyện đội Cai Lậy. Với chức trách được giao, ông đã lãnh đạo và chỉ đạo phong trào cách mạng ở huyện Cai

Lậy có những bước phát triển vững chắc, góp phần cùng với quân dân cả nước đánh bại thực dân Pháp.

Sau hiệp định Genève (tháng 7 - 1954), ông được chỉ định làm Tỉnh ủy viên tỉnh Mỹ Tho, phụ trách huyện An Hóa (nay thuộc huyện Bình Đại và một phần huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre). Tại đây, ông đã cùng với Huyện ủy dấy lên phong trào đấu tranh sôi nổi của nhân dân, đòi tổng tuyển cử thống nhất nước nhà, đòi các quyền dân sinh dân chủ, chống tố cộng, diệt cộng.

Sau khi phong trào cách mạng ở An Hóa đã lớn mạnh, từ năm 1956 – 1958, ông được cấp trên điều đi tăng cường cho Tỉnh ủy An Giang và Tỉnh ủy Kiến Phong. Năm 1959, ông được phân công trở về Mỹ Tho hoạt động, phụ trách huyện Châu Thành. Năm 1961, ông chuyển sang phụ trách huyện Chợ Gạo. Lúc bấy giờ, phong trào cách mạng ở đây còn gặp rất nhiều khó khăn, nhưng ông đã cùng với Ban Cán sự huyện ra sức xây dựng cơ sở Đảng và các tổ chức quần chúng. Nhờ đó, Huyện ủy Chợ Gạo được tái lập và phong trào đấu tranh ngày càng phát triển vững chắc.

Năm 1962, ông được bầu làm Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Dân vận Tỉnh ủy kiêm Chủ tịch Mặt trận Dân tộc giải phóng tỉnh Mỹ Tho. Ở cương vị nào, ông cũng đều hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Ngày 2 - 9 - 1962, địch bất ngờ đổ quân vào Cống Đình thuộc xã Hưng Thạnh, huyện Châu Thành (nay là xã Hưng Thạnh, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang), nơi tổ chức Hội nghị Tỉnh ủy.

Đến 14 giờ cùng ngày, địch phát hiện hầm trú ẩn của ông. Bọn chúng dùng loa gọi hàng, nhưng ông kiên quyết không chịu khuất phục; và đã hy sinh anh dũng sau khi chiến đấu đến viên đạn cuối cùng, nêu cao tấm gương sáng về ý chí tiến công cách mạng và tinh thần tận trung với Đảng, tận hiếu với nhân dân. Tên ông được đặt tên đường ở thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Đường Trương Văn Điệp có điểm đầu: đường Bến Cát; điểm cuối: đường Cao Đăng Chiếm; chiều dài: 0,900 km; chiều rộng: 9 m.

15. Đường Thái Thị Kim Hồng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Thái Thị Kim Hồng).

Tiểu sử danh nhân:

THÁI THỊ KIM HỒNG
(1940 – 1973)

Thái Thị Kim Hồng tên thật là Thái Thị Xiếu, sinh năm 1940 tại làng Long Khánh, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Long Khánh, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân có truyền thống yêu nước.

Năm 1957, bà giác ngộ cách mạng, làm công tác giao liên và phụ nữ tại xã. Năm 1960, bà được đề bạt làm Huyện ủy viên Huyện ủy Cai Lậy, phụ trách xã Phú An. Bất chấp nguy hiểm, không nề khó khăn, gian khổ, bà kiên trì bám chặt địa bàn, xây dựng cơ sở cách mạng. Nhờ thế, phong trào đấu tranh của quần chúng ở địa phương ngày càng dâng cao.

Cuối năm 1961, trong một chuyến đi công tác, bà bị địch bắt. Trải qua các nhà giam Cai Lậy, Mỹ Tho, mặc dù bị tra tấn hết sức dã man, nhưng bà vẫn giữ vững khí tiết, kiên quyết không khai báo, một lòng trung thành với cách mạng và nhân dân. Không những thế, bà còn tham gia sinh hoạt Đảng trong Chi bộ nhà tù. Năm 1964, địch trả tự do cho bà sau khi đã đánh đập, đày ải bà đến độ liệt cả hai chân và tắt cả tiếng nói.

Sau đó, được sự chăm sóc tận tình của đồng đội và người thân trong gia đình, sức khỏe của bà được hồi phục dần. Năm 1965, bà hoạt động trở lại và được bầu làm Ủy viên Ban Chấp hành Hội Liên hiệp phụ nữ giải phóng tỉnh Mỹ Tho. Tấm gương kiên cường chiến đấu và tinh thần tiến công cách mạng của bà được Tỉnh ủy Mỹ Tho phổ biến khắp nơi; để thông qua đó, giáo dục và rèn luyện phẩm chất cách mạng cho toàn thể cán bộ, chiến sĩ trong tỉnh.

Năm 1969, bà được phân công làm Hội trưởng Hội Liên hiệp phụ nữ giải phóng tỉnh. Đây là thời điểm vô cùng căng thẳng trên chiến trường Mỹ Tho và toàn miền Nam. Địch tăng cường khủng bố và càn quét với mức độ khốc liệt chưa từng thấy. Thế nhưng, với sự sáng tạo, năng nỗ và tinh thần quyết tâm vượt qua mọi khó khăn, thử thách, bà đã cùng với Ban Chấp hành Hội Phụ nữ tỉnh ra sức xây dựng phong trào phụ nữ ngày càng vững mạnh, góp phần quan trọng vào những thắng lợi vang dội của quân dân tỉnh nhà.

Tháng 2 - 1973, bà bị bắt lần thứ hai tại xã Long Khánh, huyện Cai Lậy trong một cuộc hành quân càn quét của sư đoàn 7 quân đội Sài Gòn; và phải gánh chịu mọi cực hình, tra tấn của bọn chúng. Bị đánh đến gãy xương vai, vỡ xương hàm mặt, chết đi sống lại nhiều lần, song bà vẫn kiên quyết giữ bí mật của tổ chức, không hé răng đến nửa lời.

Không khuất phục được ý chí của người nữ chiến sĩ cộng sản kiên cường, bọn địch đã bắn chết bà ngay tại chỗ. Trước lúc anh dũng hy sinh, bà còn hô vang khẩu hiệu chiến đấu: "Đả đảo Mỹ - Thiệu - Hương ! Đả đảo sư đoàn 7 phá hoại hiệp định Paris!". Bí danh của bà - Thái Thị Kim Hồng - được đặt tên trường trung học cơ sở ở xã Long Khánh và tên đường ở thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Đường Thái Thị Kim Hồng có điểm đầu: đường 30 tháng 4; điểm cuối: cầu Sáu Thê; chiều dài: 0,710 km; chiều rộng: 7,5 m.

16. Đường Hà Tôn Hiến

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Hà Tôn Hiến).

Tiểu sử danh nhân:

HÀ TÔN HIẾN

(- 1941)

Hà Tôn Hiến, tên thật là Lưu Thơ Hiến, chưa rõ năm sinh, người làng Long Trung, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Long Trung, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang).

Năm 1936, ông giác ngộ cách mạng; và hưởng ứng phong trào Đông Dương đại hội do Đảng Cộng sản phát động, ông lập gánh cải lương Thanh Vân, quy tụ

các nhạc công, diễn viên ở địa phương, tự viết tuồng có nội dung yêu nước, tự luyện tập rồi đi lưu diễn khắp nơi nhằm giáo dục, tuyên truyền lòng yêu nước, tinh thần chống áp bức, bất công cho nhân dân. Đặc biệt, trong chương trình biểu diễn cải lương, ông còn giới thiệu diễn giả thuyết trình các chủ đề yêu nước, cách mạng cho khán giả. Gánh hát của ông thường diễn các tuồng tích ca ngợi nghĩa khí, trung thành, thông tuệ, can đảm, tận tụy, ngay thẳng; phê phán thái độ xu nịnh, gian tà, độc ác, xảo trá; như các vở *La Thông tảo bắc*, *Tiết Nhơn Quý chinh đông*, *Ngũ hổ bình tây*, *Tống tửu Đơn Hùng Tín*,… ông vừa là bầu gánh, vừa là kép chánh, thường đóng vai Lưu Hắc Hiến trong vở *Lưu Hắc Hiến bắn Tô Định Phương*, nên mật thám Pháp còn gọi ông là Lưu Hắc Hiến. Đồng thời, ông còn là người giỏi võ nghệ. Vốn là một võ sĩ có hạng, ông thường thượng đài thi đấu với biệt danh là Hà Tôn Hiến.

Tháng 11-1940, trong cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ, ông là Trưởng ban khởi nghĩa ở khu vực Hưng Long (nay thuộc xã Long Trung, huyện Cai Lậy). Nhờ uy tín của mình, ông đã mượn được súng đạn và vận động ủng hộ tài chính từ những người có tài sản nhưng giàu lòng yêu nước và có tinh thần dân tộc. Với trọng trách do cấp trên giao phó, ông chia nghĩa quân ra thành nhiều nhóm với sự phân công rõ ràng và cụ thể: nhóm chiếm Nhà việc (trụ sở) xã Long Tiên, nhóm chiếm Nhà việc xã Tam Bình, nhóm tiến sang cù lao Ngũ Hiệp chiếm Nhà việc và phá kho thóc của Đốc phủ Mầu, chia lúa cho dân nghèo. Song song đó, ông còn chỉ huy nhiều nghĩa quân mang súng tiến đến các xã lân cận để hỗ trợ và thị uy.

Trước tình hình đó, tên quận trưởng Cai Lậy là Nguyễn Văn Tâm huy động lực lượng hùng hậu, theo đường sông từ Cái Bè xuống Hưng Long, đàn áp cuộc khởi nghĩa do ông chỉ huy. Sau những trận đánh ác liệt, ông bị thương nhẹ và được đồng đội bí mật đưa sang Chợ Lách (Bến Tre). Tuy nhiên, bọn địch phát hiện được, tiến hành bao vây. Nghĩa quân tiếp tục anh dũng đánh trả. Trong lần chiến đấu này, ông bị thương lần thứ hai, nhưng thoát khỏi vòng vây. Ông cùng với một số nghĩa quân di chuyển đến Sa Đéc ẩn lánh; nhưng do có chỉ điểm, nên ông bị bắt tại đây.

Chính quyền thực dân Pháp đưa ông về giam giữ tại nhà giam Cai Lậy. Tại đây, ông bị bọn cai ngục tra tấn rất dã man hòng buộc ông phải khai báo cơ sở cách mạng và đầu hàng. Mặc dù vậy, ông vẫn giữ vững khí tiết của người chiến sĩ cộng sản, một lòng trung thành với Tổ quốc và Nhân dân. Bất lực trước ý chí kiên trung, bất khuất của ông, ngày 04-6-1941, thực dân Pháp đã xử tử hình ông tại ngã tư Hưng Long. Trước lúc anh dũng hy sinh vì nước, vì dân, ông đã hô vang khẩu hiệu: "Đả đảo đế quốc Pháp", "Đảng Cộng sản Đông Dương muôn năm". Tên ông được đặt tên đường ở thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Đường Hà Tôn Hiến có điểm đầu: đường 30 tháng 4; điểm cuối: cống Ông Toan; chiều dài: 0,980 km; chiều rộng: 7,5 m.

17. Đường Nguyễn Văn Hiếu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Văn Hiếu).

Tiểu sử danh nhân:

NGUYỄN VĂN HIẾU
(1904 – 1965)

Nguyễn Văn Hiếu, bí danh Ba Cau Khô sinh năm 1904 ở làng Thanh Hòa, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Thanh Hòa, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang).

Cuối năm 1927, ông tham gia hoạt động trong chi bộ Hội Việt Nam cách mạng thanh niên tại Chợ Cai Lậy; tháng 5-1930 ông là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam ở chi bộ Chợ Cai Lậy; tháng 5-1931 ông là Quận ủy viên Cai Lậy.

Hưởng ứng Cuộc vận động Đông Dương Đại hội ở Cai Lậy ông cùng các đồng chí trong Quận ủy vận động nhân dân các xã Mỹ Hạnh Đông, Mỹ Hạnh Trung, Tân Hội, Tân Phú, Nhị Mỹ,… ký tên vào Bản Dân Nguyện gởi đến Thống đốc Nam Kỳ. Ngày 14-7-1937, ông cùng đảng viên trong chi bộ vận động hàng ngàn người tham gia cuộc mít tinh tại Chợ Cai Lậy đấu tranh đòi dân sinh dân chủ. Năm 1938, ông vận động nhân dân ở Chợ Cai Lậy, xã Nhị Mỹ, xã Mỹ Hạnh Đông đóng góp tiền, gạo để ủng hộ cuộc bãi công của công nhân Xưởng Ba Son (Sài Gòn). Tháng 8-1940, chuẩn bị cuộc Nam kỳ khởi nghĩa, Quận ủy Cai Lậy phân công ông phụ trách các xã Nhị Quý, Phú Quý, Long Khánh. Tháng 2-1941, địch đàn áp cuộc khởi nghĩa, theo chủ trương của Quận ủy Cai Lậy, các đồng chí đảng viên phải chuyển vào hoạt động bí mật hoặc thay tên đổi họ để hoạt động, ông đi bán cau khô và từ đó có bí danh Ba Cau Khô. Cuối năm 1942, ông làm Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Việt Minh quận Cai Lậy.

Tháng 3-1945, Quận ủy Cai Lậy (nhóm Giải phóng) được thành lập, ông được phân công làm Bí thư Quận ủy. Ngày 17-7-1945 hợp nhất hai Quận ủy (nhóm Giải phóng và nhóm Tiền phong) ông là Quận ủy viên lâm thời. Ngày 14-8-1945, ông là Quận ủy viên chính thức. Tháng 8-1946 ông là Ủy viên Thường vụ Huyện ủy. Năm 1948, ông được phân công làm Trưởng ban Trang trải ruộng đất huyện Cai Lậy. Năm 1949, ông được rút về tỉnh Mỹ Tho hoạt động. Từ năm 1954, ông hoạt động ở Khu ủy Khu 8. Ngày 17-11-1965, ông hy sinh. Khi đó, ông là cán bộ Ban Kinh tế Đảng thuộc Khu ủy Khu 8. Tên ông được đặt tên đường ở thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Đường Nguyễn Văn Hiếu có điểm đầu: Quốc lộ 1; điểm cuối: cầu Trừ Văn Thố; chiều dài: 0,750 km; chiều rộng: 7 m.

18. Đường Ông Hiệu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Giới tính và tên người (Ông Hiệu: tên thật là Phan Văn Hiệu, chưa rõ năm sinh, năm mất, có công chiêu tập dân chúng, khai hoang lập thôn Mỹ Trang vào cuối thế kỷ XVIII).

Đường Ông Hiệu có điểm đầu: đường Hồ Hải nghĩa; điểm cuối: đường Bến Cát; chiều dài: 0,720 km; chiều rộng: 6 m.

19. Đường Trần Xuân Hòa

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Trần Xuân Hòa).

Tiểu sử danh nhân:

TRẦN XUÂN HÒA

(- 1861)

Trần Xuân Hòa, chưa rõ năm sinh, người tỉnh Quảng Trị, con của quan Bố chính tỉnh Vĩnh Long Trần Tuyên.

Năm 1841, ông thi đỗ Cử nhân, từng giữ chức Tri phủ. Nhưng sau đó, do mắc bệnh phong, ông được triều đình cho nghỉ việc. Ở Nam kỳ, con của nhà quan thường được gọi bằng "Cậu"; và do có thời gian làm Tri phủ, nên ông được mọi người gọi là "Phủ Cậu".

Sau khi thực dân Pháp đánh chiếm tỉnh Định Tường (4-1861), ông đứng ra chiêu mộ nghĩa sĩ chống giặc, nên được triều đình phong chức Binh bị quân thứ hai tỉnh Vĩnh Long và Định Tường.

Lúc bấy giờ, ông lập căn cứ khởi nghĩa ở thôn Mỹ Quý, huyện Kiến Đăng, tỉnh Định Tường (nay là xã Nhị Quý, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang). Tại đây, dựa trên nền của một đồn quân cũ, ông đã cùng với Đỗ Thúc Tịnh và Võ Duy Dương (Thiên hộ Dương) huy động nhân dân trong vùng cùng với nghĩa quân xây đắp nên một ngôi thành mới để thay thế cho tỉnh thành Mỹ Tho đã bị quân Pháp chiếm đóng, mà dân gian quen gọi là tân thành Mỹ Quý.

Thành Mỹ Quý có chiều dài khoảng 130 mét, chiều ngang khoảng 50-60 mét. Bao quanh thành là luỹ tre dày đặc, kế đến là hệ thống hào sâu khoảng 3 mét, rộng từ 4 - 5 mét, dưới hào có cắm chông tre. Thành được đắp bằng đất. Mặt tường ngoài thẳng đứng, có cắm chông tre. Mặt tường trong thoai thoải để nghĩa quân dễ dàng vận động trong chiến đấu. Bốn góc của căn cứ có bốn pháo đài, trông giống hình trái bầu, nên nhân dân địa phương gọi là "*ông Bầu*". Trên bốn pháo đài có bố trí bốn khẩu thần công hướng ra bốn phía. Bên trong thành, nghĩa quân xây dựng doanh trại, kho tàng dự trữ lương thực, vũ khí, thuốc sung,… để phục vụ cho công tác chiến đấu lâu dài.

Từ thành Mỹ Quý, nghĩa quân do ông chỉ huy đã hai lần tập kích đồn Cai Lậy vào các ngày 29-8-1861 và ngày 15-9-1861, gây cho địch những thiệt hại nặng nề.

Trước tình hình đó, thực dân Pháp tập trung lực lượng đàn áp cuộc khởi nghĩa. Ngày 25-9-1861, quân Pháp, gồm hai cánh thủy- bộ, do trung tá Desvaux, Chánh tham biện Mỹ Tho, chỉ huy, ồ ạt tiến công thành Mỹ Quý. Thế nhưng, nghĩa quân đã không hề nao núng, chiến đấu rất kiên cường và dũng cảm.

Tuy nhiên, do chênh lệch về tương quan lực lượng; cho nên, thành Mỹ Quý bị tan vỡ. Vì thế, ông cho rút quân về Cái Bè, củng cố lực lượng, tiếp tục cuộc kháng chiến. Không tiêu diệt được nghĩa quân, giặc Pháp đã hèn hạ giết chết mẹ của ông và thân nhân của nghĩa quân.

Sau đó, ông phối hợp tác chiến với nghĩa quân Võ Duy Dương đánh địch ở khắp nơi, như Cái Thia, Cai Lậy, Cái Bè, Rạch Gầm, Trung Lương, Tân Lý,… khiến quân giặc vô cùng hoang mang, dao động.

Lo sợ cuộc khởi nghĩa có thể lan rộng ra khắp nơi; thực dân Pháp, một lần nữa, đã huy động lực lượng hùng hậu đàn áp. Ngày 06-01-1862, đại úy hải quân Rieuner mang quân đánh Mỹ Trang, Bang Lềnh thuộc Cai Lậy. Ông chỉ huy nghĩa quân chống trả mãnh liệt. Nhưng thật không may, ông sa vào tay giặc. Ngày hôm sau, bọn chúng giải ông về Mỹ Tho. Trên đường đi, ông đã tự vẫn để giữ tròn khí tiết.

Sự tuẫn tiết của ông đã khiến cho nghĩa sĩ và nhân dân vô cùng thương tiếc, khâm phục. Triều đình nhà Nguyễn truy tặng ông hàm Quang lộc tự khanh và sai quan tỉnh Quảng Trị lập đền thờ, mỗi năm tế hai lần vào dịp xuân thu. Vua Tự Đức khen tặng ông là "*người có tiết nghĩa, làm vẻ vang sử sách, khó kiếm được ai như thế*". Tờ phúc trình của bộ Binh ngày 04 tháng 2 năm Nhâm Tuất (1862) trong Châu bản triều Nguyễn viết về ông như sau: *"Trần Xuân Hòa lần lượt chiến đấu chống Tây dương ở các thôn xóm Hòa Khánh, Ba Đồ, Bình Phú, Mỹ Trang thuộc hạt ấy, tất cả 6 lần, có bắn chết người Tây dương, bắn lui thuyền Tây dương ... Xin chuẩn cho thăng thụ Hàn lâm viện Thị giảng học sĩ, thưởng thêm cho tiền bạc Phi Long loại to, loại nhỏ, mỗi loại 3 mai ..."*. Tên ông được đặt tên đường ở thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Đường Trần Xuân Hòa có điểm đầu: đường Cao Hải Đễ; điểm cuối: đường Lê Văn Phẩm; chiều dài: 0,620 km; chiều rộng: 5,5 m.

20. Đường Trần Hùng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Trần Hùng).

Tiểu sử danh nhân:

TRẦN HÙNG
(1921 – 2007)

Trần Hùng tên thật là Trần Bửu, sinh năm 1921 tại làng Phú An, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Phú An, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang).

Tháng 5-1945, ông tham gia công tác Đoàn Thanh niên tại xã Phú An, được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam ngày 15-8-1947. Từ tháng 8-1947 đến 1949, ông làm Phó rồi Trưởng Công an xã; năm 1950 là nhân viên Công an huyện. Từ 1952 - 1959, ông làm Bí thư xã Phú An. Năm 1960, là cán bộ Huấn học huyện Cai Lậy. Năm 1961, là cán bộ Tổ chức Huyện ủy. Năm 1962, là Huyện ủy viên, Trưởng Văn phòng Huyện ủy. Năm 1964, ông là Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, phụ trách Tổ chức. Tháng 2-1969, ông làm Bí thư Huyện ủy (bổ sung Tỉnh ủy viên tháng 5-1969). Năm 1973, ông là Ủy viên Thư ký Ủy ban Nhân dân Cách mạng tỉnh Mỹ Tho. Năm 1975, ông là Kiểm soát viên Ủy ban Nhân dân Cách mạng Khu 8. Từ tháng 5-1975 đến năm 1983, là Trưởng ty Lao động tỉnh Tiền Giang (nay là Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Tiền Giang); Năm 1983, ông nghỉ hưu. Qua đời ngày 09-01-2007. Tên ông được đặt tên đường ở thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Đường Trần Hùng có điểm đầu: Quốc lộ 1; điểm cuối: đường Ấp Bắc; chiều dài: 0,900 km; chiều rộng: 4,5 m.

21. Đường Tứ Kiệt

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Biệt danh của các danh nhân (Tứ Kiệt).

Tiểu sử các danh nhân:

Tứ Kiệt hay Bốn Ông là cách gọi của nhân dân để chỉ bốn vị anh hùng chống Pháp ở Cai Lậy (Tiền Giang). Đó là các ông Nguyễn Thanh Long (sinh năm 1820 tại thôn Cẩm Sơn, huyện Kiến Đăng, tỉnh Định Tường, nay là xã Cẩm Sơn, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang), Trần Công Thận (sinh năm 1825 tại thôn Mỹ Trang, huyện Kiến Đăng, tỉnh Định Tường, nay là xã Long Khánh, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang), Trương Văn Rộng (chưa rõ năm sinh, người thôn Tân Lý Đông, huyện Kiến Hưng, tỉnh Định Tường, này là xã Tân Lý Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang), Ngô Tấn Đước hay Đức (chưa rõ năm sinh, người thôn Tân Hội, huyện Kiến Đăng, tỉnh Định Tường, nay là xã Tân Hội, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang).

Vốn có lòng yêu nước nồng nàn, khi giặc Pháp xâm chiếm Tiền Giang (1861), cả bốn ông đều tham gia lực lượng nghĩa quân do Thiên hộ Võ Duy Dương lãnh đạo.

Sau khi cuộc khởi nghĩa bất thành (1866), bốn ông trở về Cai Lậy chiêu tập nghĩa sĩ, tiếp tục đứng lên đánh Pháp. Tại đây, bốn ông đã xây dựng thế trận lòng dân vô cùng vững chắc; và với chiến thuật du kích, nghĩa quân do bốn ông chỉ huy đã gây cho quân Pháp nhiều thiệt hại nặng nề. Hai chiến công tiêu biểu của nghĩa quân Tứ Kiệt là trận tấn công thành Mỹ Tho và trận thiêu hủy đồn Cai Lậy:

Về trận đánh thành Mỹ Tho, vào khoảng 3 giờ sáng ngày 01-5-1868, nhân lúc trời còn tối và bọn lính canh say ngủ, nghĩa quân đã dùng thang vượt tường thành, đốt cháy kho lương, giết chết và làm bị thương một số lính Pháp; sau đó, nghĩa quân đã rút lui an toàn.

Về trận thiêu hủy đồn Cai Lậy, ngày 24-12-1870, lợi dụng lúc bọn chỉ huy đồn Cai Lậy về Mỹ Tho dự lễ Giáng sinh, nghĩa quân bất ngờ đánh úp đồn Cai Lậy, phóng hỏa thiêu hủy hoàn toàn đồn này và tiêu diệt một số tên Việt gian có nợ máu với nhân dân; đồng thời, nghĩa quân cũng thu được nhiều vũ khí của địch.

Trước sự lớn mạnh của cuộc khởi nghĩa Tứ Kiệt, thực dân Pháp vô cùng lo sợ. Bọn chúng ra lệnh cho tên Việt gian Trần Bá Lộc chỉ huy hàng ngàn quân lính mở nhiều cuộc càn quét vô cùng khốc liệt vào vùng Cai Lậy, nhằm bình định nơi này và tiêu diệt nghĩa quân.

Lực lượng nghĩa quân đã kiên quyết và anh dũng chống trả. Nhưng cuối cùng, do sự chênh lệch quá lớn về lực lượng; nghĩa quân tan rã và bốn ông đều bị sa vào tay giặc. Biết bốn ông đều là những bậc nghĩa khí và có ảnh hưởng lớn trong nhân dân, Trần Bá Lộc dùng những thủ đoạn vô cùng thâm độc hòng buộc bốn ông phải đầu hàng, như vừa ra sức mua chuộc, dụ dỗ; vừa tra tấn dã man; đặc biệt, bọn chúng còn mang những người thân trong gia đình của bốn ông ra đánh đập hết sức tàn bạo, nhằm rúng ép bốn ông phải quy thuận.

Thế nhưng, trước sau, bốn ông đều khẳng khái tuyên bố: "*Sinh vi tướng, tử vi thần*", quyết không chịu khuất phục. Bất lực trước ý chí bất khuất của bốn ông, ngày 25 tháng chạp năm Canh Ngọ (nhằm ngày 14-02-1871), thực dân Pháp đã xử chém bốn vị anh hùng dân tộc tại chợ Cai Lậy.

Cảm phục cuộc đời và tấm gương chiến đấu oanh liệt, bất khuất của Bốn Ông, nhân dân Cai Lậy đã tự động quyên góp tiền bạc, xây dựng một ngôi đền ở ngay tại thị trấn Cai Lậy để thờ tự bốn ông. Đến năm 1997, lăng mộ của Bốn Ông được trùng tu với quy mô lớn, tọa lạc đường 30 tháng 4, phường 1, thị xã Cai Lậy và được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia năm 1999. Hàng năm, cứ đến ngày 25 tháng chạp, nhân dân Cai Lậy lại làm giỗ hội, tưởng nhớ đến Bốn Ông đã vì nước quên thân, nêu cao tấm gương sáng ngời cho hậu thế noi theo. Thật đúng là:

Tứ vị anh hùng vị quốc hy sinh vĩnh niệm.
Kiệt nhân nghĩa cử tinh thần bất khuất lưu tồn.

Đường Tứ Kiệt có điểm đầu: Quốc lộ 1; điểm cuối: đường 3 tháng 2; chiều dài: 0,780 km; chiều rộng: 6 m.

22. Đường Phan Văn Khỏe

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Phan Văn Khỏe).

Tiểu sử danh nhân:

PHAN VĂN KHỎE
(1901 – 1946)

Phan Văn Khoẻ sinh năm 1901 tại làng Mỹ Hạnh Đông, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Mỹ Hạnh Đông, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang) trong gia đình nông dân nghèo.

Năm 1928, ông giác ngộ cách mạng, là hội viên Hội Việt Nam cách mạng thanh niên ở xã Mỹ Hạnh Đông. Đầu năm 1930, khi chi bộ Hội Việt Nam cách mạng thanh niên được phát triển thành chi bộ An Nam cộng sản Đảng thì ông là đảng viên đầu tiên của quận Cai Lậy. Cuối tháng 4-1930, Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Mỹ Tho phân công ông phụ trách hoạt động cách mạng ở Cai Lậy. Đầu năm 1933, ông được bổ sung vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Mỹ Tho. Cuối năm 1933, ông được chỉ định làm Phó Bí thư Tỉnh ủy Mỹ Tho, tập trung thực hiện nhiệm vụ củng cố tổ chức, phát triển lực lượng và chuẩn bị phong trào đấu tranh mới sau khi Cao trào cách mạng 1930-1931 của nhân dân ta bị thực dân Pháp đàn áp dã man.

Ngày 01-5-1936, ông lãnh đạo cuộc đấu tranh của gần 500 đồng bào các xã vùng Mỹ Hạnh Đông kéo ra chợ Cai Lậy đòi dân sinh, dân chủ. Cuộc đấu tranh giành thắng lợi và gây tiếng vang khắp tỉnh Mỹ Tho. Cuối năm 1936, ông là Xứ ủy viên Nam Kỳ, phụ trách phong trào cách mạng các tỉnh Trung Nam Kỳ. Đầu năm 1940, ông là Ủy viên Ban Thường vụ Xứ ủy Nam Kỳ được tăng cường cho tỉnh Mỹ Tho với chức vụ là Bí thư Tỉnh ủy, để duy trì sự ổn định về tổ chức và xây dựng lực lượng chuẩn bị phong trào cách mạng mang tính chất toàn Xứ. Ông là người được Xứ ủy Nam Kỳ trực tiếp giao nhiệm vụ chỉ đạo thiết kế lá cờ Mặt trận

(Quốc kỳ nước ta hiện nay). Tháng 7-1940, tại xã Tân Hương, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho, Hội nghị Xứ ủy Nam Kỳ thông qua cờ đỏ sao vàng 5 cánh do chính ông trực tiếp chỉ đạo và tham gia thiết kế. Với vai trò là Ủy viên Ban Thường vụ Xứ ủy Nam kỳ, Bí thư Tỉnh ủy Mỹ Tho, ông trực tiếp chỉ đạo công cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở tỉnh Mỹ Tho.

Đêm 22 rạng 23-11-1940, cuộc khởi nghĩa nổ ra khắp quận Châu Thành và quận Cai Lậy. Ủy ban khởi nghĩa tỉnh Mỹ Tho đặt tại đình Long Hưng xã Long Hưng, quận Châu Thành. Tại đây, Ủy ban Nhân dân lâm thời tỉnh Mỹ Tho được thành lập do ông làm Chủ tịch. Đồng thời, cũng tại sân đình Long Hưng, lần đầu tiên, lá cờ đỏ sao vàng năm cánh được treo trên ngọn cây bàng. Cờ đỏ sao vàng trở thành biểu tượng cho ý chí và mục tiêu khởi nghĩa là giành độc lập cho dân tộc và tự do cho nhân dân. Quốc hiệu "Việt Nam dân chủ chủ cộng hòa quốc" cũng ra đời tại ngôi đình này. Trong 49 ngày làm chủ từ ngày 23-11-1940 đến ngày 12-01-1941, Ủy ban Nhân dân lâm thời tỉnh Mỹ Tho thực hiện được một số việc có ý nghĩa lịch sử, như thành lập chính quyền nhân dân cấp tỉnh, quận, xã; thành lập Tòa án nhân dân tỉnh; thực thi một số chính sách: Xóa bỏ các thứ thuế vô lý, các khoản nợ của nông dân thiếu địa chủ, tịch thu lúa của địa chủ chia dân nghèo, giáo dục và khoan hồng người lầm đường lạc lối... Chế độ dân chủ cộng hòa trở thành hiện thực trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng ta.

Sau cuộc khởi nghĩa, nhiều cơ sở, tổ chức Đảng bị khủng bố tan rã và hàng ngàn đảng viên, cán bộ và quần chúng bị bắt, bị giết hại. Hệ thống tổ chức Đảng từ Xứ ủy xuống Tỉnh ủy, Quận ủy, Chi bộ đứt liên lạc. Tuy nhiên, ông vẫn bám địa bàn, tìm cách móc nối liên lạc từ Xứ ủy đến chi bộ cơ sở. Đầu năm 1941, các cán bộ Xứ ủy còn lại bầu ông giữ chức vụ Bí thư Xứ ủy Nam kỳ. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Xứ ủy do ông đứng đầu, hệ thống tổ chức Đảng được phục hồi. Ngày 11-7-1941, trên đường công tác từ Cai Lậy ra lộ Đông Dương (nay là Quốc lộ 1) để qua Bến Tre, ông bị địch bắt. Trong nhà giam Cai Lậy và Mỹ Tho, mặc dù bị tra tấn dã man, nhưng ông vẫn giữ vững khí tiết của người chiến sĩ cộng sản, một lòng trung thành với Đảng, kiên quyết không đầu hàng, khai báo. Bất lực, chính quyền thực dân Pháp kết án tử hình. Không khuất phục, ông chống án, khiến bọn chúng buộc phải giảm án xuống chung thân và đày đi Côn Đảo.

Tại nhà tù Côn Đảo, ông mang số tù: C.10018. Trong thời gian bị giam cầm, ông nhận được tin Phan Văn Lữ, con trai cả của ông cũng rơi vào tay giặc, bị tra tấn đến chết tại bót cảnh sát Catinat ở Sài Gòn; rồi lại được tin Phan Văn Nam - người em ruột cũng bị bắt ra Côn Đảo, đã vĩnh viễn nằm lại nơi đây. Tuy nhiên, những nỗi đau đó đã không làm ông gục ngã. Dù bị giam cấm cố và bị tra tấn cực hình nhưng ông đã giữ vững khí tiết cách mạng, không ngừng đấu tranh, chống áp bức, khủng bố của kẻ địch ngay trong nhà lao.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, ông trở về tiếp tục công tác ở tỉnh Mỹ Tho. Cuối năm 1945, khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược bùng nổ, lực lượng cách mạng rút vào vùng Đồng Tháp Mười, ông vẫn bám vùng ven kinh Tổng đốc Lộc (nay là kinh Nguyễn Văn Tiếp) nắm tình hình, tập hợp và

củng cố lực lượng kháng chiến. Ông liên lạc với các ông Trần Văn Trà, Nguyễn Văn Vịnh,… củng cố lực lượng vũ trang, xây dựng căn cứ Đồng Tháp Mười để tiến hành cuộc kháng chiến lâu dài ở các tỉnh Trung Nam Bộ.

Đầu tháng 3-1946, trên đường công tác từ Cai Lậy đến Cái Bè, ông bị giặc bắt lần thứ hai. Chúng tra tấn ông hết sức dã man. Không thể khuất phục được người cộng sản kiên cường, đêm mùng 7 tháng 3 năm 1946 bọn giặc hèn hạ thủ tiêu ông ở gò Bà Đội Phận - một bãi nghĩa địa hoang vắng ở phía đông chợ Cai Lậy. Ông đã anh dũng đền nợ nước khi vừa tròn 45 tuổi.

Ông đã hiến dâng trọn đời mình cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, là tấm gương đạo đức cách mạng sáng ngời cho các thế hệ noi theo. Với những cống hiến lớn lao cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và Tổ quốc, ông được Đảng và Nhà nước truy tặng Huân chương cao quí - Huân chương Hồ Chí Minh. Tên ông được đặt tên công viên, tên đường ở Thành phố Hồ Chí Minh, tên đường ở thành phố Mỹ Tho và thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Đường Phan Văn Khỏe có điểm đầu: Bến Tàu; điểm cuối: đường Lê Văn Phẩm; chiều dài: 0,660 km; chiều rộng: 7 m.

23. Đường Phan Văn Kiêu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Phan Văn Kiêu).

Tiểu sử danh nhân:

PHAN VĂN KIÊU
(1906 – KHOẢNG NĂM 1933)

Phan Văn Kiêu sinh năm 1906 tại làng Nhị Mỹ, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là Phường 4, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Sớm giác ngộ cách mạng, năm 1927, ông tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin. Cuối năm 1927, chi bộ Hội Việt Nam cách mạng thanh niên đầu tiên được thành lập ở xã Nhị Mỹ, ông được phân công làm Bí thư. Tháng 5-1930, chi bộ Đảng của xã Nhị Mỹ được thành lập, ông được phân công làm Bí thư. Năm 1931, ông là Ủy viên Ban Chấp hành Quận ủy Cai Lậy, thực hiện chủ trương của Đảng về làm "kinh tế mạo hiểm" để gây quỹ hoạt động, đồng chí được phân công mở quán cơm ở ngã ba Trung Lương (huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang) vừa kiếm tiền, vừa làm nơi liên lạc và nhận tài liệu tuyên truyền. Tháng 10-1931 ông bị địch bắt đày đi Côn Đảo. Khoảng năm 1933 ông đã hy sinh ở Côn Đảo. Tên ông được đặt tên đường ở thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Đường Phan Văn Kiêu có điểm đầu: Quốc lộ 1; điểm cuối: đường Thanh Tâm; chiều dài: 0,300 km; chiều rộng: 6 m.

24. Đường Thái Thị Kiểu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Thái Thị Kiểu).

Tiểu sử danh nhân:

THÁI THỊ KIỂU
(1916 – 1961)

Thái Thị Kiểu sinh năm 1916 tại làng Tân Hội, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Tân Hội, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân có truyền thống đấu tranh chống áp bức, bất công. Lớn lên, bà lấy chồng ở làng Mỹ Hạnh Trung, quận Cai Lậy (nay là xã Mỹ Hạnh Trung, thị xã Cai Lậy).

Bà sớm giác ngộ cách mạng. Trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), bà là đội viên du kích ở địa phương. Sau đó, bà chuyển sang công tác phụ nữ. Đồng thời, bà còn là người phụ nữ hết lòng thương yêu, chăm sóc chồng con và tích cực tăng gia sản xuất, cùng với chồng nuôi sống gia đình và đóng góp cho cách mạng.

Ngày 10-6-1961, với nhiệm vụ là Trưởng ban Chỉ đạo đấu tranh công khai của huyện Cai Lậy, bà là một trong những người đi đầu trong cuộc biểu tình đông đến hàng ngàn quần chúng do Tỉnh ủy Mỹ Tho và Huyện ủy Cai Lậy tổ chức nhằm phá "khu trù mật" Mỹ Phước Tây của chính quyền Sài Gòn.

Trên đường hành tiến, đoàn biểu tình đã bị địch đàn áp dã man. Bọn chúng đã dùng súng bắn thẳng vào quần chúng tay không, khiến cho bà hy sinh tại chỗ. Trước cái chết oanh liệt của bà, quần chúng càng căm thù địch, dũng cảm xông lên và đấu tranh quyết liệt với bọn chúng.

Cuối cùng, chính quyền địch buộc phải nhượng bộ, như thực hiện việc đền bù nhân mạng, xử lý tên lính đã bắn chết người, nhận đơn kiến nghị của nhân dân, chấm dứt việc bắn pháo bừa bãi; cũng kể từ đây, bọn chúng không còn gom được dân vào "khu trù mật" nữa; chứng tỏ cái gọi là quốc sách lập "khu trù mật" của địch ở tỉnh Mỹ Tho bị thất bại nặng nề.

Ngay trong ngày bà hy sinh, Huyện ủy Cai Lậy quyết định kết nạp bà vào Đảng Nhân dân cách mạng miền Nam (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam). Chi bộ xã Mỹ Hạnh Trung (huyện Cai Lậy) tổ chức lễ kết nạp Đảng và lễ truy điệu rất trang trọng với sự tham dự của hàng ngàn người trong niềm thương vô hạn. Để tưởng nhớ người phụ nữ kiên trung, bất khuất, nhạc sĩ Việt Trung đã sáng tác nhạc phẩm "Bài ca Thái Thị Kiểu" được nhiều người yêu thích. Tên bà được đặt tên đường ở thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Đường Thái Thị Kiểu có điểm đầu: Quốc lộ 1; điểm cuối: đường Tứ Kiệt; chiều dài: 0,380 km; chiều rộng: 6 m.

25. Đường Nguyễn Văn Kim

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Văn Kim).

Tiểu sử danh nhân:

NGUYỄN VĂN KIM

(1923 – 1958)

Nguyễn Văn Kim, bí danh Mười Nam, sinh năm 1923 tại làng Mỹ Hạnh Đông, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nau là xã Mỹ Hạnh Đông, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang).

Ông tham gia cách mạng năm 1940, vào Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 11-1940. Ngày 23-11-1940, ông tham gia cuộc khởi nghĩa Nam kỳ ở Mỹ Hạnh Đông.

Năm 1944, làm liên lạc, năm 1945 là Bí thư chi bộ xã Mỹ Hạnh Đông; Năm 1946, làm Trưởng ban Giao thông liên lạc thuộc Ủy ban Kháng chiến tỉnh Mỹ Tho. Năm 1947, là Huyện ủy viên huyện Cai Lậy. Năm 1950, ông được Tỉnh ủy Đồng Tháp phân công làm Trưởng đoàn kiểm tra dân quân chính Khu vực 6 huyện Cái Bè. Năm 1951, là Thư ký Nông hội huyện Cái Bè. Tháng 6-1952, là Thư ký Nông hội tỉnh Mỹ Tho. Tháng 2-1958, ông là Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Cai Lậy. Ông anh dũng hy sinh ngày 13-10-1958. Tên ông được đặt tên đường ở thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Đường Nguyễn Văn Kim có điểm đầu: đường Trần Hùng; điểm cuối: Đường tây kênh Ông Mười; chiều dài: 1,143 km; chiều rộng: 3 m.

26. Đường Nguyễn Chí Liêm

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Chí Liêm).

Tiểu sử danh nhân:

NGUYỄN CHÍ LIÊM
(1934 – 1970)

Nguyễn Chí Liêm (1934-1970), quê quán: xã Thanh Hòa, thị xã Cai Lậy. Tham gia cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ. Chức vụ trước khi hy sinh (1970): Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Trưởng ban An ninh huyện Cai Lậy.

Đường Nguyễn Chí Liêm có điểm đầu: đường Thái Thị Kiểu; điểm cuối: đường Hồ Hải Nghĩa; chiều dài: 0,100 km; chiều rộng: 4 m.

27. Đường Nguyễn Văn Lo

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Văn Lo).

Tiểu sử danh nhân:

NGUYỄN VĂN LO
(1956 – 1974)

Nguyễn Văn Lo sinh năm 1956 trong một gia đình nông dân tại làng Tân Hội, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Tân Hội, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang).

Năm 1968, tuy mới 13 tuổi, ông đã tham gia cách mạng ở địa phương. Lúc bấy giờ, ông vừa đi học, vừa bí mật tổ chức cho các bạn học chung nhặt bom pháo lép giao nộp cho du kích xã để chế tạo lại làm vũ khí đánh địch. Ông đã trực tiếp 6 lần phóng bom vào căn cứ 33 do lính Mỹ chiếm đóng, gây cho địch một số thiệt hại về vật chất và sự hoang mang, dao động về tinh thần. Ngoài ra, ông còn tham gia gài mìn, diệt và làm bị thương nhiều tên địch.

Năm 1969, ông được cấp trên xét cho vào du kích mật; nhưng với điều kiện là không được tham gia các trận đánh do tuổi còn nhỏ; mà chỉ làm công tác nhặt bom pháo lép và theo dõi tình hình địch ở hai ấp Tân Phong và Tân Thanh. Ông đã 3 lần dẫn du kích đi diệt những tên ác ôn, có nợ máu với nhân dân và tiến hành 15 vụ gài mìn, lựu đạn xung quanh đồn bót, khiến địch vô cùng lo sợ. Có lần, ông mang mìn và lựu đạn gài tại nơi máy bay địch thường đáp xuống để đổ quân đi càn quét, làm một chiếc bị hư nặng.

Năm 1972, do bị lộ, nên ông được vào đội du kích ấp. Sau một khóa học về chế tạo vũ khí, ông được phân công làm Tổ trưởng tổ sản xuất vũ khí xã. Do có năng khiếu, lòng dũng cảm, óc sáng tạo; lại được trang bị những kiến thức cơ bản về vũ khí; nên ông đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Liên tiếp trong hai năm 1972 - 1973, tổ sản xuất vũ khí của ông đã làm ra được hàng ngàn quả mìn, lựu đạn, phục vụ đắc lực cho đội du kích xã đánh bại các cuộc càn quét ác liệt của quân ngụy, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, bảo vệ vững chắc vùng giải phóng. Ngoài ra, ông còn cùng với đồng đội chiến đấu hàng chục trận, làm nên những chiến công vang dội. Năm 1974, ông được phân công sản xuất một đợt trái nổ để phục vụ cho cao điểm đánh địch. Để đảm bảo chất lượng, ông thường xuyên kiểm tra các trái nổ đã được sản xuất. Ngày 10-9-1974, ông đã anh dũng hy sinh trong lúc thực thi nhiệm vụ.

Trong quá trình chiến đấu, ông đã diệt và làm bị thương 77 tên địch, phá hủy 5 xe tăng và 1 máy bay. Ông đã được tặng 4 bằng khen, giấy khen, danh hiệu Dũng sĩ diệt Mỹ. Ngày 20-10-1976, ông được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Tên ông được đặt tên đường ở thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Đường Nguyễn Văn Lo có điểm đầu: đường Phan Văn Khỏe; điểm cuối: đường Trương Văn Điệp; chiều dài: 0,200 km; chiều rộng: 5,5 m.

28. Đường Nguyễn Văn Lộc

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Văn Lộc).

Tiểu sử danh nhân:

NGUYỄN VĂN LỘC
(1923 – 1971)

Nguyễn Văn Lộc, bí danh Bảy Hiếu, sinh năm 1923 tại làng Nhị Quý, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Nhị Quý, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang).

Ông nhập ngũ năm 1948. Sau Hiệp định Genève (7-1954), ông được phân công ở lại miền Nam tham gia xây dựng mạng lưới tình báo và được cấp trên phân công làm Cụm trưởng Cụm tình báo A24. Lưới tình báo của ông đã cài cắm nhiều cán bộ và cơ sở điệp báo nằm trong các cơ quan đầu não của địch nhằm thu thập tin tức, phục vụ cách mạng trong thời kỳ chống Mỹ. Ngày 23-7-1965, ông bị địch bắt và bị tra tấn dã man, nhưng ông đã giữ vững khí tiết, dũng cảm mưu trí đấu tranh với địch, giấu được tung tích. Không khai thác được gì, ngày 23-01-1968, địch trả tự do cho ông, toàn bộ cụm tình báo do ông phụ trách đều được an toàn.

Tháng 4-1968, ông được bổ nhiệm làm Cụm trưởng Cụm tình báo A28 thuộc Phòng Tình báo Miền. Tại nội thành Sài Gòn, Cụm tình báo này hoạt động bí mật và rất hiệu quả, thu thập được nhiều thông tin quý báu, có giá trị chiến lược.

Ngày 5-8-1971, ông lại bị địch bắt tại chiến khu Bời Lời (huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh). Mặc dù bị địch đánh đập tàn nhẫn, nhưng ông kiên quyết

không khai báo, bảo vệ bí mật của cụm tình báo. Không khuất phục được người cụm trưởng tình báo, địch đã thủ tiêu ông. Toàn bộ cán bộ, điệp viên và cơ sở điệp báo của Cụm A28 do ông làm cụm trưởng vẫn an toàn và tiếp tục hoạt động cho đến ngày toàn thắng 30-4-1975.

Ngày 23-5-2005, ông được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Tên ông được đặt tên đường ở thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Đường Nguyễn Văn Lộc có điểm đầu: đường Phan Văn Khỏe; điểm cuối: đường Trương Văn Điệp; chiều dài: 0,370 km; chiều rộng: 9 m.

29. Đường Mỹ Trang

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Địa danh hành chính xưa (Thôn Mỹ Trang được thành lập cuối thế kỷ XVIII: Mỹ: 美: Tốt, đẹp; Trang: 莊: Trang trọng, khang trang).

Đường Mỹ Trang có điểm đầu: đường Bến Cát; điểm cuối: Đường huyện 53; chiều dài: 3,3 km; chiều rộng: 8 m.

30. Đường Hồ Hải Nghĩa

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Hồ Hải Nghĩa).

Tiểu sử danh nhân:

HỒ HẢI NGHĨA
(1914 – 1963)

Hồ Hải Nghĩa (1914-1963), quê quán: xã Tân Bình, thị xã Cai Lậy. Tham gia 2 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Chức vụ trước khi hy sinh (1963): Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Trưởng ban Tổ chức Huyện ủy Cai Lậy.

Đường Hồ Hải Nghĩa có điểm đầu: đường Hà Tôn Hiến; điểm cuối: đường 3 tháng 2; chiều dài: 2,4 km; chiều rộng: 4 m.

31. Đường Đoàn Thị Nghiệp

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Đoàn Thị Nghiệp).

Tiểu sử danh nhân:

ĐOÀN THỊ NGHIỆP
(1925 – 1972)

Đoàn Thị Nghiệp sinh năm 1925 tại làng Hội Cư, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Hội Cư, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang). Khi lập gia đình, bà về quê chồng tại làng Bình Phú, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Bình Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang). Chồng bà là ông Bùi Văn Thô sinh năm 1924, nguyên là Trung tá Quân đội nhân dân Việt Nam. Bà có hai con là Bùi Văn Thưởng và Bùi Văn Tấn đều hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Năm 1946, bà tham gia cách mạng tại Bình Phú, làm công tác phụ nữ, lãnh đạo và vận động chị em tham gia các phong trào cách mạng ở địa phương, như

đóng góp lương thực, thực phẩm thuốc men cho bộ đội, đi dân công phục vụ chiến trường,...

Sau năm 1954, bà vẫn tiếp tục bám trụ ở địa bàn công tác cũ, lãnh đạo nhân dân đấu tranh chính trị. Do có thành tích trong công tác, bà được bầu làm Huyện uỷ viên huyện Cai Lậy. Trong những năm 1959 - 1960, mặc dù phong trào cách mạng ở địa phương bị địch đánh phá ác liệt, nhưng bà vẫn kiên cường bám chặt địa bàn cơ sở và cùng Huyện ủy ra sức củng cố xây dựng các chi bộ Đảng, phát động phong trào quần chúng và tổ chức lực lượng vũ trang của huyện. Sau đó, do yêu cầu của tổ chức, bà được điều sang An Giang công tác.

Năm 1967, bà được điều về Mỹ Tho và công tác tại Mặt trận vành đai diệt Mỹ Bình Đức (huyện Châu Thành). Tại đây, bà đã lập kế hoạch bắt sống được một sĩ quan Mỹ. Đồng thời, bà còn tham gia nhiều trận đánh vào căn cứ Đồng Tâm do sư đoàn 9 Mỹ chiếm đóng. Năm 1968, Bà được phân công phụ trách Mảng 4 Cai Lậy Bắc. Thực hiện nghiêm túc và sáng tạo chủ trương "Bám trụ đánh địch" của Tỉnh đội, bà đã thành lập "Mặt trận chống phá bình định", mà lực lượng chủ yếu là các cơ quan của Tỉnh đội và du kích các xã trong khu vực, nhằm kiên quyết bẻ gãy các cuộc hành quân càn quét của địch, giữ vững địa bàn đứng chân.

Ngày 22-4-1972, địch huy động hai tiểu đoàn đánh phá ác liệt vào cơ quan Huyện đội Cai Lậy Bắc đóng ở xã Phú Nhuận (Cai Lậy). Lúc này, do các đơn vị đều đi tác chiến ở các chiến trường trong tỉnh, nên tại cơ quan Tỉnh đội chỉ còn 5 chiến sĩ và 8 du kích xã. Với cương vị là Tỉnh đội phó, bà đã nhanh chóng tổ chức và chỉ huy chiến đấu. Ỷ vào quân đông, địch liên tục mở nhiều đợt đột kích, nhưng đều bị quân ta đánh bật ra. Tuy nhiên, do có sự chênh lệch rất lớn về quân số và vũ khí, đến 12 giờ trưa cùng ngày, địch mới tiến vào vòng ngoài khu căn cứ. Lúc bấy giờ, bà bị thương nặng và sa vào tay địch. Biết bà giữ chức vụ quan trọng của Tỉnh đội Mỹ Tho, địch vừa mua chuộc, dụ dỗ, vừa tra tấn dã man nhằm buộc bà phải khai báo, đầu hàng; nhưng bà đã không chịu khuất phục và anh dũng hy sinh lúc 22 giờ ngày 22-4-1972, hưởng dương 47 tuổi.

Bà đã được tặng thưởng 1 Huân chương Quân công giải phóng hạng Ba, 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng Nhất. Ngày 6-11-1978, bà được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Năm 1994, bà được truy tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam anh hùng vì có hai người con đã anh dũng hy sinh trong chiến đấu. Tên bà được đặt tên trường trung học cơ sở của xã Bình Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang và trường tiểu học ở xã Mỹ Hội, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang; tên đường tại thị trấn Cái Bè, thị xã Cai Lậy và thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Cuộc đời chiến đấu oanh liệt của bà được khắc họa qua bộ phim truyện "Rặng trâm bầu" do Hãng phim Phương Đông TP Hồ Chí Minh, Phát hành phim quân đội, Đài Phát thanh - Truyền hình Tiền Giang hợp tác sản xuất 2004 và vở kịch "Rặng trâm đầu" do Sân khấu Trịnh Kim Chi thực hiện năm 2018.

Đường Đoàn Thị Nghiệp có điểm đầu: đường 30 tháng 4; điểm cuối: đường Tứ Kiệt; chiều dài: 0,220 km; chiều rộng: 6 m.

32. Đường Lê Văn Phẩm

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Lê Văn Phẩm).

Tiểu sử danh nhân:

LÊ VĂN PHẨM
(1922 – 1990)

Lê Văn Phẩm, bí danh Chín Hải, sinh năm 1922 tại làng Mỹ Phước Tây, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Mỹ Phước Tây, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân nghèo có truyền thống yêu nước.

Ông sớm giác ngộ cách mạng, đi giao liên, rải truyền đơn và tham gia cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ (tháng 11-1940) ở quê nhà. Cuộc khởi nghĩa bị thực dân Pháp đàn áp dã man, ông di chuyển đến Mộc Hoá (nay thuộc tỉnh Long An) lao động sinh sống. Sau đó, ông trở về xã Mỹ Phước Tây tiếp tục hoạt động cách mạng. Tháng 3-1945, ông vinh dự được đứng vào hàng ngũ Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam) và được cấp trên tin tưởng cử làm Trung đội trưởng kiêm Chính trị viên trung đội du kích xã Mỹ Phước Tây.

Tháng 8-1945, ông chỉ huy trung đội du kích tham gia khởi nghĩa giành chính quyền ở xã Mỹ Phước Tây nói riêng và huyện Cai Lậy nói chung. Khi thực dân Pháp quay trở lại xâm lược Nam Bộ (23-9-1945), ông bám trụ tại xã nhà, tiếp tục xây dựng cơ sở cách mạng, phát động phong trào nhân dân tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Tháng 11-1946, ông được đề bạt làm Phó bí thư chi bộ xã Mỹ Phước Tây. Táng 3-1947, được chỉ định làm Bí thư Chi bộ xã Mỹ Phước Tây kiêm Phó Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính xã và Chính trị viên Xã đội. Bằng sự năng nỗ, nhiệt tình, ông đã góp công to lớn trong việc đẩy mạnh phong trào kháng chiến của xã nhà ngày càng phát triển vững chắc. Năm 1953, ông là một trong hai đồng chí Bí thư xã được bầu vào Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Cai Lậy, phụ trách liên xã 3, gồm 6 xã là Tân Phú, Tân Bình, Mỹ Hạnh Trung, Mỹ Hạnh Đông, Mỹ Phước Tây, Hội Mỹ (Tân Hội và Nhị Mỹ).

Sau khi Hiệp định Genève được ký kết (1954), ông được phân công ở lại miền Nam, phụ trách xây dựng cơ sở cách mạng ở huyện Cai Lậy. Tháng 10-1955, ông được đề cử vào Thường vụ Huyện ủy Cai Lậy, phụ trách công tác binh vận. Tháng 7-1957, ông được Tỉnh ủy Mỹ Tho cử làm Phó Bí thư Huyện ủy Châu Thành. Tháng 8-1957, ông làm Bí thư Huyện ủy Châu Thành. Tháng 3-1959, ông được cử vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Mỹ Tho. Mặc dù phong trào cách mạng trong thời kỳ này gặp khó khăn nghiêm trọng, cơ sở Đảng bị vỡ lỡ, một số cán bộ, theo sự phân công của tổ chức, phải đi "điều lắng"; nhưng ông vẫn kiên cường bám trụ, cùng với Huyện ủy lãnh đạo nhân dân tiến hành đấu tranh chính trị, nhằm bảo vệ Đảng, cán bộ cách mạng trước sự đánh phá khốc liệt của địch, đòi các quyền dân sinh dân chủ, chống âm mưu chia cắt đất nước, khủng bố, đàn áp của địch,… Bên

cạnh đó, ông còn ra sức xây dựng lực lượng vũ trang ở địa phương để làm đòn bẩy cho phong trào tiến lên.

Tháng 3-1960, ông được phân công phụ trách hai Huyện ủy Gò Công và Hoà Đồng (nay là các huyện Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phú Đông và thị xã Gò Công), trực tiếp làm Trưởng ban Cán sự Đảng huyện Hoà Đồng. Tại đây, ông đã góp phần quan trọng trong việc lãnh đạo, chỉ đạo phong trào cách mạng ở huyện Hòa Đồng phát triển mạnh mẽ. Tính đến cuối năm 1961, ở huyện Hòa Đồng, ta đã giải phóng hoàn toàn 3 xã (Long Hựu, Thành Công, Bình Long), làm chủ 3 xã (Bình Phú Đông, Tân Thới, Bình Thạnh Đông). Do đó, tại Hội nghị tổng kết phong trào du kích chiến tranh toàn tỉnh Mỹ Tho được tổ chức cuối năm 1961, huyện Hòa Đồng được đánh giá là địa phương có phong trào du kích chiến tranh phát triển mạnh. Năm 1962, lực lượng cách mạng huyện Hòa Đồng vẫn làm chủ tình hình, du kích các xã vẫn tiếp tục bao vây đồn bót, tổ chức những trận đánh phục kích táo bạo, bộ đội, du kích và nhân dân phối hợp chặt chẽ chống phá mưu đồ gom dân, lập ấp chiến lược của địch.

Tháng 10-1962, ông được Tỉnh ủy bổ sung vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy Mỹ Tho, phụ trách an ninh, kiêm Chính trị viên phó Tỉnh đội. Ở cương vị này, ông đã góp phần làm cho lực lượng vũ trang của tỉnh nhà, với ba thứ quân bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích, có sự tiến triển vượt bậc cả về số lượng lẫn chất lượng, nhất là phong trào du kích chiến tranh có sự phát triển mạnh mẽ.

Cuối năm 1967, ông là Chính trị viên Tỉnh đội Mỹ Tho. Tháng 6-1968, ông được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy Mỹ Tho. Lúc này, tình hình trên chiến trường diễn ra rất căng thẳng. Địch điên cuồng phản kích và tiến hành bình định vùng nông thôn, khiến cho ta gặp nhiều khó khăn. Trước tình hình đó, ông đã cùng với tập thể Tỉnh ủy đề ra những chủ trương và biện pháp đúng đắn, sáng tạo, lãnh đạo và chỉ đạo quân dân tỉnh nhà tiếp tục đẩy mạnh thế chiến lược tiến công, tạo nên những thắng lợi to lớn trên chiến trường. Tháng 6-1971, ông là Khu ủy viên Khu 8, Bí thư Tỉnh ủy Mỹ Tho. Phong trào cách mạng của tỉnh Mỹ Tho trong thời gian này tiếp tục phát triển mạnh mẽ, góp phần cùng với toàn Miền đánh bại chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của Mỹ và chính quyền Sài Gòn, buộc bọn chúng phải ký kết hiệp định Paris năm 1973.

Tháng 2-1974, ông được đề bạt làm Ủy viên Thường vụ Khu ủy Khu 8, trực tiếp chỉ đạo thắng lợi việc mở mãng chuyển vùng Khu vực 3 bao gồm Gò Công - nam Long An và huyện Chợ Gạo trong chiến dịch Mùa khô 1974 - 1975, tạo điều kiện thuận lợi để Quân khu 8 mở cuộc tấn công quyết định vào Sài Gòn từ phía tây nam trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất nước nhà. Giữa tháng 4-1975, trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, ông là Tư lệnh phó Mặt trận Nam Sài Gòn.

Từ năm 1976-1986, ông là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa 4 và Khóa 5, Bí thư Tỉnh ủy Tiền Giang. Là Bí thư Tỉnh ủy, ông đã cùng với tập thể Tỉnh ủy ra sức lãnh đạo, chỉ đạo công tác khắc phục hậu quả chiến tranh, phục hoá, khai hoang, ổn định chính trị - xã hội, giữ vững an ninh - quốc phòng, phát triển

kinh tế, văn hoá - giáo dục, khuyếch trương các ngành nghề, mở mang đường xá, trường học, bệnh xá, cải thiện đời sống nhân dân; trong đó có những công trình mang dấu ấn thế kỷ gắn liền với trí tuệ, tâm huyết, công sức của ông là chương trình vùng lúa năng suất cao, khai hoang Đồng Tháp Mười, dự án ngọt hoá Gò Công, xây dựng tuyến đường xuyên cù lao Lợi Quan (Tân Phú Đông),… Năm 1986, ông nghỉ hưu sau hơn 40 năm hoạt động cách mạng không mệt mõi. Năm 1990, ông lâm trọng bệnh qua đời.

Tên ông được đặt tên đường ở thành phố Mỹ Tho; tên đường và tên trường trung học phổ thông ở thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Đường Lê Văn Phẩm có điểm đầu: đường Phan Văn Khỏe; điểm cuối: đường Trần Xuân Hòa; chiều dài: 0,430 km; chiều rộng: 7 m.

33. Đường Trương Văn Sanh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Trương Văn Sanh).

Tiểu sử danh nhân:

TRƯƠNG VĂN SANH
(1918 – 1959)

Trương Văn Sanh sinh năm 1918 tại làng Mỹ Hạnh Đông, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Mỹ Hạnh Đông, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang).

Năm 1940, ông giác ngộ và tham gia cách mạng ở xã nhà. Năm 1956, ông là Huyện ủy viên huyện Cai Lậy. Năm 1958, ông lần lượt giữ chức vụ Phó Bí thư rồi Bí thư Huyện ủy Cai Lậy. Lúc này, chính quyền Sài Gòn thực hiện chiến dịch "tố cộng", "diệt cộng", đánh phá phong trào cách mạng rất ác liệt. Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy Mỹ Tho, với cương vị là Bí thư Huyện ủy, ông và Ban Thường vụ Huyện ủy Cai Lậy tập trung lãnh chỉ đạo việc đẩy mạnh đấu tranh chính trị; tăng cường hoạt động vũ trang, diệt ác phá kìm, nhằm phục vụ cho phong trào, gây dựng cơ sở, hỗ trợ phong trào đấu tranh chính trị; quán triệt đội ngũ cán bộ, đảng viên trong huyện phải quyết tâm thực hiện chỉ thị, nghị quyết của Đảng, phải gắn chặt với quần chúng, lãnh đạo quần chúng đấu tranh, dù phải hy sinh, chịu đựng ác liệt cũng không được rời bỏ vị trí, đảng viên phải giữ vững lập trường, khí tiết, kiên quyết chiến đấu đến cùng, khi sa vào tay giặc thì sẵn sàng hy sinh, không khai báo, không ly khai, không tố cộng, ai vi phạm thì xem mình tự khai trừ ra khỏi Đảng, lấy gương đảng viên đã anh dũng hy sinh cho cán bộ, đảng viên học tập. Đồng thời, Huyện ủy đã huy động hàng chục ngàn lượt người đấu tranh chống bắt xâu, chống tập trung dân vào khu trù mật Mỹ Phước Tây (huyện Cai Lậy).

Ngày 17-4-1959, do có chiêu hồi phản bội chỉ điểm, bọn lính bất ngờ tấn công vào địa điểm mà Huyện ủy tổ chức hội nghị. Ông bị bắn trọng thương và bị tra tấn rất dã man hòng buộc ông đầu hàng và khai báo cơ sở cách mạng. Thế nhưng, ông vẫn kiên cường chịu đựng và giữ vững khí tiết cách mạng; đồng thời, ông còn mạnh mẽ tố cáo, lên án bọn phản dân hại nước, làm tay sai cho giặc ngoại xâm. Không khuất phục được người chiến sĩ cộng sản kiên trung, bọn chúng đã giết chết ông.

Tên ông được đặt tên Trường Đảng huyện Cai Lậy trước đây, tên đường tại thị xã Cai Lậy và đoạn kênh Hai Hạt, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Đường Trương Văn Sanh có điểm đầu: đường đường Thái Thị Kiểu; điểm cuối: đường Hồ Hải Nghĩa; chiều dài: 0,100 km; chiều rộng: 4 m.

34. Đường Nguyễn Văn Tạo

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Văn Tạo).

Tiểu sử danh nhân:

NGUYỄN VĂN TẠO
(1880 – 1946)

Nguyễn Văn Tạo sinh năm 1880 tại làng Nhị Mỹ, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là phường Nhị Mỹ, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang).

Ông xuất thân từ thành phần địa chủ yêu nước, có uy tín lớn đối với nhân hai ấp Mỹ Lợi và Mỹ Định thuộc xã Nhị Mỹ. Do đắc cử Hội đồng quản hạt tỉnh Mỹ Tho, nên ông được nhân dân gọi là "Ông Hội đồng Tạo".

Từ năm 1925, ông bắt đầu tiếp xúc, bàn luận thời cuộc với một số cán bộ cách mạng ở trong tỉnh và huyện Cai Lậy. Sau cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ tháng 11-1940, ông được hai cán bộ cách mạng huyện Cai Lậy là Nguyễn Thuận Hườn và Đặng Văn Giao tin tưởng nhờ cất giữ một phần tiền, vàng và kim cương do chính quyền cách mạng huyện Cai Lậy tịch thu của vợ chồng Đốc phủ Mầu, một đại địa chủ khét tiếng gian ác, tay sai thực dân Pháp ở cù lao Ngũ Hiệp.

Năm 1944, được Huyện ủy Cai Lậy mời, ông tham gia làm cố vấn cho Mặt trận Việt Minh huyện Cai Lậy. Đầu năm 1945, để chuẩn bị tổng khởi nghĩa, ông Đặng Văn Giao, Phó Bí thư Huyện ủy Cai Lậy, vận động ông đóng góp tiền của ủng hộ cách mạng. Ông và gia đình đóng góp 500 đồng tiền Đông Dương cho cách mạng. Đây là số tiền rất lớn và người nhận là ông Trần Công Lý, Huyện ủy viên Cai Lậy.

Cuối năm 1945, thực dân Pháp đánh chiếm huyện Cai Lậy. Do có mật báo chỉ điểm, ngày 16-01-1946, giặc Pháp cho 1 tiểu đội lính mã tà (cảnh sát) đến nhà ông, tiến hành bắt giữ và tra tấn ông vô cùng tàn bạo nhằm buộc ông phải giao nộp số tiền, vàng và kim cương mà chính quyền cách mạng huyện Cai Lậy gởi. Mặc dù bị đánh đập dã man, nhưng ông vẫn giữ vững lập trường, khí tiết cách mạng, không khai báo một lời và quyết bảo vệ số tiền, vàng, kim cương của cách mạng. Bất lực, bọn lính đành phải giải ông về Dinh quận để tiếp tục tra khảo. Trên đường đi, ông tỏ thái độ hiên ngang, dõng dạc tố cáo và mắng chửi quân cướp nước. Nhận thấy không thể khuất phục được vị nhân sĩ yêu nước, bọn lính đã bắn chết ông tại một địa điểm gần cầu Ba Lầu, ấp Mỹ Lợi, xã Nhị Mỹ (nay là khu phố Mỹ Lợi, phường Nhị Mỹ).

Sau khi ông anh dũng hy sinh, vợ của ông là bà Huỳnh Thị Vậy đã đào hộp tiền, vàng, kim cương giao trả đầy đủ cho Ủy ban kháng chiến hành chính huyện Cai Lậy và người nhận là Trưởng ban Tài chính huyện Cai Lậy Nguyễn Đồng Bang.

Ông có người con trai duy nhất là Nguyễn Hữu Ninh sinh năm 1917, tham gia cách mạng năm 1947, là Y sĩ bộ đội thuộc Quân khu 8. Tháng 10-1954, tập kết ra Bắc; sau đó, học tiếp lên bác sĩ quân y, mang quân hàm thượng úy với chức vụ Chủ nhiệm Quân y Trung đoàn 660, Sư đoàn 338. Năm 1969, ông Nguyễn Hữu Ninh anh dũng hy sinh tại nơi đóng quân ở Thanh Hóa do máy bay Mỹ ném bom.

Vợ của ông là bà Huỳnh Thị Vậy được Nhà nước trao tặng danh hiệu cao quý "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" năm 2014.

Nhân dân địa phương tưởng nhớ công lao của ông nên thường gọi con kênh tại phường Nhị Mỹ là Kênh Hội Đồng. Đồng thời, tên ông được đặt tên đường tại thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Đường Nguyễn Văn Tạo có điểm đầu: đường Ấp Bắc; điểm cuối: Hết ranh phường Nhị Mỹ; chiều dài: 2,200 km; chiều rộng: 2 m.

35. Đường Võ Thanh Tâm

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Võ Thanh Tâm).

Tiểu sử danh nhân:

VÕ THANH TÂM
(1937 – 1969)

Võ Thanh Tâm (1937-1969), quê quán: xã Mỹ Hạnh Đông, thị xã Cai Lậy. Tham gia cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ. Chức vụ trước khi hy sinh (1969): Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Trưởng ban Tuyên huấn Huyện ủy, Huyện đội phó huyện Cai Lậy.

Đường Võ Thanh Tâm có điểm đầu: đường Thái Thị Kiểu; điểm cuối: đường Võ Việt Tân; chiều dài: 1,050 km; chiều rộng: 8 m.

36. Đường Võ Việt Tân

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Võ Việt Tân).

Tiểu sử danh nhân:

VÕ VIỆT TÂN
(1928 – 1969)

Võ Việt Tân có tên thật là Võ Văn Đợi, sinh năm 1928 tại làng Mỹ Phước Tây, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Mỹ Phước Tây, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân có truyền thống đấu tranh chống áp bức, bóc lột.

Tháng 8 - 1945, ông giác ngộ cách mạng, tham gia khởi nghĩa giành chính quyền ở địa phương. Năm 1947, ông gia nhập lực lượng du kích xã Mỹ Phước Tây. Do có nhiều thành tích trong chiến đấu, năm 1952, ông được đề bạt làm Xã đội trưởng. Đội du kích xã Mỹ Phước Tây, do ông chỉ huy, ngày càng phát triển vững mạnh, đánh bại nhiều cuộc hành quân càn quét của địch, tiêu biểu là trận tiêu diệt bọn lính Commandos quận Cai Lậy vào cuối năm 1952.

Sau hiệp định Genève (7-1954), ông được phân công ở lại miền Nam hoạt động. Lúc bấy giờ, ông đảm trách nhiệm vụ Phó Bí thư rồi Bí thư chi bộ xã Mỹ

Phước Tây (1958) kiêm Huyện ủy viên phụ trách các xã Mỹ Hạnh Đông và Mỹ Hạnh Trung.

Năm 1959, ông được chỉ định phụ trách thêm ba xã Phú Quý, Nhị Quý và Mỹ Long. Tuy bị địch theo dõi và truy bắt gắt gao; nhưng ông vẫn bám chặt địa bàn, lãnh đạo quần chúng nhân dân đấu tranh chống địch. Phong trào cách mạng ở các địa phương do ông phụ trách không những được giữ vững mà còn phát triển ngày càng mạnh mẽ.

Năm 1960, ông được bầu vào Ban Thường vụ Huyện ủy Cai Lậy, phụ trách công tác binh vận. Năm 1963, ông là Phó Bí thư Huyện ủy kiêm Chính trị viên Huyện đội. Với nhiệm vụ được giao, ông đã trực tiếp chỉ đạo cuộc nổi dậy và tiến công quân sự của quân dân Cai Lậy trong cao trào phá ấp chiến lược, giải phóng nông thôn do Tỉnh ủy Mỹ Tho và Khu ủy Khu 8 phát động trong tháng 7 – 1963.

Kết quả, qua mười ngày hoạt động sôi nổi, ta đã bức hàng 7 đồn, bức rút 8 đồn và hình thành vùng giải phóng rộng lớn kéo dài từ Long Tiên, Long Trung đến Cẩm Sơn, Hiệp Đức. Từ đó, "Vùng 20 tháng 7" được ra đời và ngày càng mở rộng. Đây là vùng giải phóng lớn nhất của tỉnh Mỹ Tho, nối liền các huyện Châu Thành, Cai Lậy và Cái Bè.

Năm 1965, ông là Tỉnh ủy viên Tỉnh ủy Mỹ Tho kiêm Bí thư Huyện ủy Cai Lậy. Với cương vị này, ông và tập thể lãnh đạo Huyện ủy đã đề ra nhiều chủ trương đúng đắn và sáng tạo nhằm thúc đẩy phong trào cách mạng ở huyện nhà tiến lên, xứng đáng là một trong những địa phương dẫn đầu trong toàn tỉnh về thành tích chiến đấu và phục vụ chiến đấu, cũng như mở rộng vùng giải phóng.

Năm 1967, ông được điều về tỉnh, phụ trách công tác binh vận. Lúc này, địch tăng cường đánh phá phong trào cách mạng rất ác liệt. Tuy nhiên, với tinh thần nhiệt tình và ý chí tiến công cách mạng, ông đã vượt qua những khó khăn, thử thách, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được tổ chức giao phó. Đến cuối năm 1968, ông đã củng cố được nhiều cơ sở binh vận ở hai huyện Chợ Gạo, Châu Thành và thành phố Mỹ Tho.

Đầu năm 1969, ông được phân công trở về phụ trách huyện Cai Lậy. Nhưng thật không may, ngày 21-02-1969, ông bị bọn lính biệt kích sát hại dã man tại Rạch Muồng, xã Phú Nhuận. Bí danh Võ Việt Tân của ông được tên trường trung học cơ sở, tên đường ở thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Đường Võ Việt Tân có điểm đầu: Quốc lộ 1; điểm cuối: hết ranh Phường 3; chiều dài: 2,800 km; chiều rộng: 8 m.

37. Đường Đặng Văn Thạnh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Đặng Văn Thạnh).

Tiểu sử danh nhân:

ĐẶNG VĂN THẠNH
(1830 – 1899)

Đặng Văn Thạnh sinh năm 1830, người thôn Trà Tân, huyện Kiến Đăng, trấn Định Tường (nay là xã Long Trung, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang), trong một gia đình nhà Nho.

Năm 1855, ông đỗ cử nhân hạng tư tại trường thi Gia Định; nên thường được gọi là Cử Thạnh. Sau đó, ông được triều đình bổ làm Huấn đạo Kiến Hòa, tỉnh Định Tường (nay là tỉnh Tiền Giang). Mấy năm sau, ông lần lượt trải qua các chức vụ Kinh lịch, Thông phán, Tri huyện Phong Thạnh, tỉnh An Giang. Đầu năm 1861, khi thực dân Pháp đánh chiếm ba tỉnh miền Đông Nam kỳ là Gia Định, Định Tường và Biên Hòa, ông chuyển ra làm Tri huyện Tuy Phong, rồi Bố Chính tỉnh Bình Thuận.

Cuối năm 1861, với lòng yêu nước nhiệt thành, ông xin từ quan và tập hợp một số người thân tín theo đường biển đi về Nam tham gia kháng chiến chống giặc ngoại xâm. Nhưng khi đi ngang vùng biển Cần Giờ, ông bị hải quân Pháp bắt.

Biết ông là người nổi tiếng và có ảnh hưởng sâu rộng trong giới quan lại, trí thức yêu nước và nhân dân, giặc Pháp giao ông cho Đỗ Hữu Phương quản thúc để dễ bề mua chuộc, dụ dỗ. Song, ông đã khẳng khái từ chối mọi sự hợp tác với chính quyền thực dân và lên án Đỗ Hữu Phương là kẻ bán nước cầu vinh.

Sau đó, ông trốn thoát khỏi nhà Đỗ Hữu Phương ở Chợ Lớn và đi về Mỹ Tho tìm cách bắt liên lạc với phong trào kháng chiến do Nguyễn Hữu Huân lãnh đạo. Thế nhưng, một lần nữa, ông lại bị địch bắt. Bọn chúng giam lỏng ông ở nhà Trần Bá Lộc ở Cái Bè. Sống trong cảnh "*cá chậu chim lồng*", ông phát sinh tâm bệnh. Do đó, ông được trả về quê nhà. Tại đây, ông dồn hết tâm huyết và trí lực sáng tác thơ văn và câu đối để tỏ rõ khí tiết của mình, châm biếm bọn Việt gian và tố cáo chế độ thực dân Pháp; đồng thời, ông còn mở lớp dạy học nhằm góp phần mở mang dân trí cho địa phương và rèn đúc tinh thần yeu nước cho môn sinh.

Năm 1899, ông lâm trọng bệnh và từ trần. Phần mộ của ông tọa lạc tại xã Long Trung, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Ông là một chí sĩ nặng lòng với đất nước và có những đóng góp tích cực cho nền giáo dục cũng như văn học của nước nhà trong nửa sau thế kỷ XIX. Tên ông được đặt tên đường ở thành phố Mỹ Tho và thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Đường Đặng Văn Thạnh có điểm đầu: đường Phan Văn Khỏe; điểm cuối: đường Trương Văn Điệp; chiều dài: 0,460 km; chiều rộng: 9 m.

38. Đường Trừ Văn Thố

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Trừ Văn Thố).

Tiểu sử danh nhân:

TRỪ VĂN THỐ

(1937 – 1963)

Trừ Văn Thố sinh năm 1937 tại làng Thanh Hòa, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là Phường 1, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang).

Năm 1961, ông vào du kích xã. Tháng 4-1962, ông gia nhập bộ đội, được bổ sung về Trung đoàn 2, Công trường 9 bộ đội chủ lực Miền. Tháng 4-1963, ông

được cử đi học trinh sát; rồi sau đó, được phân công về đơn vị Q 272. Ở đơn vị mới, ông được giao nhiệm vụ trinh sát đồn Cây Trường ở khu Dinh điền Văn Hữu thuộc huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Ngày 18-10-1963, đơn vị Q 272 nổ súng tấn công đồn Cây Trường. Ông được phân công phụ trách một tổ 3 người; và cùng với một số tổ khác đánh vào lô cốt cố thủ chính của địch. Sau khi tổ của ông dùng mìn mở được đột phá khẩu và đánh sập một lô cốt ở tiền duyên; các chiến sĩ Q 272, được hỏa lực súng cối chi viện, ồ ạt xung phong.

Thế nhưng, từ trong lô cốt chính, địch dùng súng đại liên bắn xối xả vào đội hình tiến công của bộ đội. Với quyết tâm giành thắng lợi, ông đã bí mật ôm bộc phá bò về phía lô cốt của địch.

Phát hiện ra ông, địch tập trung các cỡ súng bắn cấp tập vào nơi ông đang vận động. Một loạt đạn đã làm ông bị thương nặng ở chân. Tuy vậy, ông nén đau đớn, nhanh chóng tiếp cận lô cốt của địch đặt bộc phá và giật nụ xòe. Một chớp lửa bùng sáng và kèm theo là một tiếng nổ lớn vang lên. Tiếng súng địch tạm ngưng trong giây lát; nhưng sau đó lại rộ lên. Thêm một số chiến sĩ nữa đã hy sinh.

Lúc bấy giờ, từ một vị trí kín đáo, ông dùng thủ pháo ném về phía lô cốt của địch; nhưng không đạt kết quả. Trước tình hình gay go đó, ông trườn dần lên. Khi đến sát lô cốt của địch, ông bất ngờ bật dậy, dùng thân mình bịt lỗ châu mai. Tiếng đại liên của địch câm bặc. Chỉ chờ có thế, toàn đơn vị của ông đồng loạt xung phong và đồn Cây Trường bị tiêu diệt hoàn toàn. Thế nhưng, người chiến sĩ trinh sát kiên cường và dũng cảm đã anh dũng hy sinh.

Ngày 5-8-1965, ông được Ủy ban Trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam truy tặng Huân chương Quân công giải phóng hạng Ba và danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng. Tên ông được đặt tên xã và tên trường trung học cơ sở ở huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương; tên trường trung học cơ sở, tên cầu và tên đường ở thị xã Cai Lậy, tên đường ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đường Trừ Văn Thố có điểm đầu: đường Cai Hải Đễ; điểm cuối: đường Trương Văn Điệp; chiều dài: 0,370 km; chiều rộng: 7 m.

39. Đường Phan Việt Thống

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Phan Việt Thống).

Tiểu sử danh nhân:

PHAN VIỆT THỐNG
(1930 – 1971)

Phan Việt Thống tên thật là Phan Văn Thống , sinh năm 1930 tại làng Tân Bình, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Tân Bình, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân có truyền thống cách mạng.

Năm 1947, ông giác ngộ cách mạng, gia nhập đội du kích của xã nhà, chiến đấu chống thực dân Pháp xâm lược. Do có thành tích xuất sắc trong chiến đấu, nên đầu năm 1954, ông được đề bạt làm Xã đội trưởng xã Tân Bình.

Sau khi hiệp định Genève được ký kết (7 - 1954), ông được Đảng phân công ở lại miền Nam, tiếp tục cuộc chiến đấu chống đế quốc Mỹ xâm lược. Dưới sự chỉ huy của ông, đội du kích xã Tân Bình đã đánh hàng chục trận, làm thất bại nhiều cuộc càn quét ác liệt của địch, từng bước mở rộng vùng giải phóng của xã. Năm 1962, ông được bầu làm Bí thư Xã ủy Tân Bình.

Năm 1963, do yêu cầu của chiến trường huyện Cai Lậy vốn rất nóng bỏng và căng thẳng, ông được bổ sung vào Huyện đội, phụ trách du kích liên xã; và đến năm 1967, đảm nhận trọng trách là Huyện đội trưởng. Trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968, ông là người chỉ huy quân dân trong huyện thực hiện các cuộc tiến công mạnh mẽ vào các đồn bót và căn cứ quân sự của địch ở trên toàn huyện Cai Lậy, lập nên những chiến công vang dội, tiêu biểu là trận diệt đồn Cây Kè (xã Mỹ Thành), đồn Lộ Quẹo (xã Phú Nhuận) và giải phóng tuyến lộ 12 từ xã Mỹ Phước Tây đến xã Tân Bình,... Sau đó, ông chỉ huy bộ đội địa phương huyện và du kích các xã kiên quyết đánh địch phản kích, bảo vệ vững chắc vùng giải phóng ở bắc Lộ 4 và các lõm du kích ở nam Lộ 4 (nay là Quốc lộ 1).

Năm 1969, ông đã trực tiếp chỉ huy đại đội địa phương quân huyện Cai Lậy tấn công tiêu diệt 1 trung đội Mỹ khi bọn chúng càn quét ở lộ Hòa Thượng (xã Phú Nhuận). Cũng trong năm này, ông được giữ chức vụ Phó Bí thư Huyện ủy Cai Lậy. Cuối năm 1970, theo sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, huyện Cai Lậy được chia thành hai huyện Cai Lậy Nam và Cai Lậy Bắc. Đầu năm 1971, ông được bầu làm Tỉnh uỷ viên, Bí thư Huyện ủy Cai Lậy Bắc. Vào thời điểm này, tuy địch tăng cường đánh phá ác liệt, nhưng ông vẫn kiên cường bám sát địa bàn, lãnh chỉ đạo phong trào cách mạng ở địa phương tiến lên.

Ngày 8-12-1971, địch đổ bọn biệt kích bất ngờ bao vây căn cứ Huyện ủy đóng ở khu vườn Bờ Rô, ấp Bình Hưng, xã Bình Phú. Với tinh thần thà hy sinh chứ nhất quyết không để địch bắt sống, ông đã chiến đấu đến viên đạn cuối cùng và anh dũng hy sinh. Sau ngày miền Nam hoàn toàn được giải phóng (30 - 4 - 1975), ông được Nhà nước truy tặng nhiều Huân chương cao quý. Bí danh của ông - Phan Việt Thống - được đặt tên trường trung học phổ thông ở xã Bình Phú, huyện Cai Lậy; tên đường ở thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Đường Phan Việt Thống có điểm đầu: đường Tứ Kiệt; điểm cuối: đường Đoàn Thị Nghiệp; chiều dài: 0,170 km; chiều rộng: 4 m.

40. Đường Nguyễn Văn Tiết

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Văn Tiết).

Tiểu sử danh nhân:

NGUYỄN VĂN TIẾT
(1909 – 2003)

Nguyễn Văn Tiết, thường được gọi là "ông già bá đỏ", sinh năm 1909 tại làng Mỹ Phước Tây, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Mỹ Phước Tây, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang). Sau đó, ông theo gia đình chuyển cư đến xã Hưng Mỹ, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Từ năm 1955 - 1975, ông làm nhiệm vụ giao liên tại xã Hưng Mỹ. Trong điều kiện địch ra sức đánh phá, càn quét, bình định khốc liệt; nhưng ông vẫn kiên cường bám trụ, nêu cao tinh thần chiến đấu dũng cảm, mưu trí, quyết chiến, quyết thắng.

Ngày 30-12-1973, ông dùng mìn định hướng phục kích ở kênh Rau Dừa. Sau đó, chờ 2 xuồng máy của địch chạy vào đúng tầm, ông bình tỉnh cho nổ mìn, diệt gọn 9 tên lính địch và làm bị thương nhiều tên khác. Suốt quá trình cầm súng chiến đấu, ông đã tham gia đánh 30 trận, diệt 30 tên.

Để hoàn thành nhiệm vụ giao liên, đưa đón cán bộ cách mạng đi lại hoạt động an toàn trong điều kiện địch phong tỏa gắt gao, tuần tra canh gác chặt chẽ, ông cùng con cháu đào nhiều hầm bí mật để nuôi giấu cán bộ. Đặc biệt, ông trực tiếp đào và động viên con cháu cùng đào tuyến kênh dài 1.400 mét nối từ vườn nhà ra sát bờ kênh Rau Dừa. Đây là sáng kiến độc đáo của ông vì tuyến kênh này giúp cho cán bộ ta di chuyển được thuận lợi, không bị địch phát hiện; đồng thời làm chiến hào tiêu diệt địch. Sự lợi hại của chiến hào này là khi cán bộ ta không còn sử dụng, ông biến nó thành hầm chông, mìn. Tại đây, ông đã diệt 18 tên địch. Trong chiến đấu, do sử dụng khẩu súng trường Mosin - Nagant còn gọi K44 hay súng trường bá đỏ do Liên Xô sản xuất, nên ông được gọi với cái tên là "ông già bá đỏ".

Trong quá trình hoạt động cách mạng, ông được tặng thưởng Huân chương Chiến công giải phóng hạng Nhất, 3 lần được tuyên dương Dũng sĩ diệt Mỹ, chiến sĩ thi đua. Ngày 6-11-1978, Ông được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Năm 2003, do tuổi cao sức yếu, ông qua đời. Tên ông được đặt tên đường ở thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Đường Nguyễn Văn Tiết có điểm đầu: Đường tỉnh 868; điểm cuối: đường Hồ Hải Nghĩa; chiều dài: 0,337 km; chiều rộng: 8 m.

41. Đường Nguyễn Văn Tòng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Văn Tòng).

Tiểu sử danh nhân:

NGUYỄN VĂN TÒNG
(1943 – 2015)

Nguyễn Văn Tòng, bí danh Nguyễn Công Sanh, sinh năm 1943 tại làng Phú Quý, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Phú Quý, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang).

Tháng 7-1963, ông nhập ngũ, chiến đấu trên chiến trường Cai Lậy. Tuy nhiên, đến tháng 12-1963, do bị thương, ông được giải ngũ về địa phương tham gia du kích xã và được phân công làm Ấp đội trưởng du kích ấp Mỹ Hòa, xã Phú Quý. Trong khoảng thời gian này, ông vinh dự được kết nạp vào Đảng Nhân dân Cách mạng miền Nam (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam).

Tháng 6-1968, địch từ Lộ 4 (nay là Quốc lộ 1) càn quét và xã. Lúc này, với 2 quả lựu đạn, ông bí mật trườn theo kênh gài đón đầu, diệt 2 tên lính, làm bị

thương 1 tên. Thấy địch tiếp tục tiến vào, ông trở về nhà lấy thêm lựu đạn, gài trước hướng đi của chúng, sau đó giả vờ bỏ chạy để địch đuổi theo, làm cho lính địch vướng phải lựu đạn, khiến cho 2 tên bị tiêu diệt, làm bị thương 4 tên.

Có lần, thấy tên đồn trưởng đứng trên nóc đồn dùng loa kêu gọi du kích đầu hàng, ông liền trèo lên cây me bắn tỉa làm tên này chết tại chỗ. Hôm sau, biết tin địch đã điều tên khác thuộc loại ác ôn về thay, ông cùng 1 tổ du kích bí mật nằm phục sẵn ở gần cửa đồn. 5 giờ sáng, tên này vừa từ trong đồn bước ra ông liền nổ súng tiêu diệt. Trận đánh làm cho nhân dân phấn khởi và tin tưởng lực lượng vũ trang cách mạng; còn bọn lính địch thì vô cùng hoang mang, lo sợ.

Tháng 12-1969, ông cùng 3 du kích chống 2 trung đội địch càn quét. Trong lúc chiến đấu, 1 đồng chí hy sinh, 2 đồng chí bị thương. Phát hiện ngôi nhà mà tổ du kích đang chốt giữ, địch tập trung lực lượng tiếp cận bao vây với mục đích bắt sống các chiến sĩ cách mạng. Trước tình thế nguy hiểm đó, ông bình tĩnh, mưu trí đánh lạc hướng nhằm thu hút hỏa lực địch về phía mình, để đồng đội có điều kiện chuyển thương binh và tử sĩ ra ngoài. Riêng ông không chỉ bảo toàn tính mạng mà còn mang 4 khẩu súng về căn cứ an toàn.

Sau ngày giải phóng miền Nam (30-4-1975), ông đi học Trường Văn hóa Quân khu 9 đặt tại xã Bình Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Tháng 12-1979, ông mang quân hàm thượng úy, là Trợ lý tuyển quân động viên, Tỉnh đội Tiền Giang. Tháng 02-1985, ông là thiếu tá, Phó Trưởng phòng tuyển quân động viên, Tỉnh đội Tiền Giang. Tháng 7-1986, với quân hàm thiếu tá, ông là Chuyên gia Dân quân Đoàn 9903 Mặt trận 979 ở Campuchia. Tháng 8-1988, ông được thăng quân hàm lên trung tá, giữ chức vụ Phó Tham mưu Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Tiền Giang. Tháng 4-1992, ông mang quân hàm thượng tá. Tháng 10-1994, ông được nghỉ hưu theo chế độ. Năm 2015, do lâm trọng bệnh, ông mất tại quê nhà.

Trong quá trình chiến đấu của thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, ông đã tham gia chiến đấu 69 trận, tiêu diệt và làm bị thương 92 tên Mỹ và lính Sài Gòn, bắt 1 tên, thu 1 súng. Ông được tặng 3 bằng khen, 2 giấy khen, 1 huy hiệu Bác Hồ và 08 lần đạt danh hiệu Dũng sĩ diệt Mỹ. Ngày 10-2-1970, ông được Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tặng Huân chương Chiến công giải phóng hạng Nhì và danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Tên ông được đặt tên đường ở thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Đường Nguyễn Văn Tòng có điểm đầu: Quốc lộ 1; điểm cuối: Hết ranh Phường Nhị Mỹ; chiều dài: 0,750 km; chiều rộng: 4,5 m.

42. Đường Mai Thị Út

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Mai Thị Út).

Tiểu sử danh nhân:

MAI THỊ ÚT
(1912 – 1994)

Mai Thị Út sinh năm 1912, trong một gia đình nông dân tại làng Mỹ Hạnh Trung, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Mỹ Hạnh Trung, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang).

Năm 1945, bà tham gia cách mạng và làm Hội trưởng Hội Phụ nữ cứu quốc xã Mỹ Phước Tây, Cai Lậy. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954), bà cùng với chị em phụ nữ ở địa phương tích cực làm công tác vận chuyển lương thực, vũ khí, thương binh trong chiến khu Đồng Tháp Mười.

Sau năm 1954, bà vừa lo việc đồng áng, nuôi con để cho chồng an tâm công tác; vừa trực tiếp lãnh đạo phụ nữ xã tiến hành đấu tranh chính trị, đòi chính quyền địch thực hiện các quyền dân sinh, dân chủ và tổng tuyển cử thống nhất đất nước.

Tháng 1-1960, với cương vị Hội trưởng Hội Phụ nữ giải phóng xã, bà cùng với chồng là ông Nguyễn Văn Hợi, Bí thư Xã ủy, lãnh đạo nhân dân trong xã nổi dậy, làm tan rã bộ máy kềm kẹp của địch ở địa phương. Ngày 10-6-1960, bà chỉ huy một cuộc biểu tình đông đến hàng ngàn người, chống chính quyền địch gom dân vào khu trù mật Mỹ Phước Tây và giành được thắng lợi rực rỡ.

Cuối năm 1961, bà vừa công tác ở xã, vừa làm nhiệm vụ vận chuyển hàng cho cơ quan hậu cần Tỉnh đội Mỹ Tho. Đường dây vận chuyển phải vượt qua hệ thống đồn bót dày đặc của địch và bọn mật thám, cảnh sát, chỉ điểm luôn theo dõi, rình rập; nhưng bà đã khôn khéo ngụy trang và hoàn thành tốt công tác được giao.

Năm 1965, bà bị địch bắt trong khi vận chuyển hàng hóa từ Cai Lậy vào căn cứ Đồng Tháp Mười. Mặc dù bị địch tra tấn dã man, nhưng bà vẫn giữ vững khí tiết, kiên quyết không khai báo. Cuối cùng, địch buộc phải trả tự do cho bà. Ra tù, bà công tác càng tích cực hơn, tiếp tục vận chuyển hàng trăm tấn hàng cho hậu cần Tỉnh đội.

Năm 1968, bà là Xã ủy viên và làm giao liên hợp pháp cho Y4 Đặc khu Sài Gòn - Gia Định với nhiệm vụ chuyển thư từ, tài liệu trên khắp địa bàn Nam bộ. Với công tác này, bà đã hoàn thành xuất sắc. Đồng thời, bà cũng không tiếc tiền của, ủng hộ bộ đội hàng trăm giạ lúa, heo gà,… để góp phần giúp cho các chiến sĩ giải phóng ăn no, đánh thắng quân thù.

Năm 1972, mặc dù tuổi đã ngoài 60, nhưng bà vẫn nhận nhiệm vụ vận chuyển hàng bằng ghe hai đáy từ biên giới Việt Nam - Campuchia về Đồng Tháp Mười. Lúc này, địch thực hiện việc phong tỏa đường thủy rất ác liệt; nhưng bằng kinh nghiệm và sự dũng cảm, mưu trí, tất cả các chuyến hàng do bà vận chuyển đều đến đích an toàn, góp phần quan trọng vào thắng lợi của quân dân Mỹ Tho trong chiến dịch Tổng hợp xuân hè 1972 và các trận đánh địch phá hoại hiệp định Paris (1973). Từ năm 1973 – 1975, bà làm công tác chuyển tiền từ Thanh Bình (Chợ Gạo) về Ấp Bắc (Cai Lậy) với khoảng năm trăm triệu đồng tiền miền Nam, tương đương hàng ngàn lượng vàng.

Sau năm 1975, tuy tuổi cao sức yếu, nhưng do yêu cầu của cấp trên, bà tiếp tục làm Hội trưởng Hội Phụ nữ xã Mỹ Phước Tây và cùng với Xã ủy, Ủy ban nhân dân xã vận động nhân dân tích cực lao động sản xuất, hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp. Năm 1977, bà được Bộ Quốc

phòng phong quân hàm Thượng úy. Bà có chồng và 8 người con đều tham gia hoạt động cách mạng, trong đó chồng và 2 người con đã hy sinh anh dũng trong sự nghiệp giải phóng dân tộc. Bà được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng Ba. Năm 1994, bà mất tại Mỹ Phước Tây, thọ 82 tuổi. Ngày 20-12-1994, bà được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân và Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Tên bà được đặt tên trường trung học cơ sở và tên đường ở thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Đường Mai Thị Út có điểm đầu: đường Cao Hải Đễ; điểm cuối: đường Võ Việt Tân; chiều dài: 1,060 km; chiều rộng: 9 m.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên cầu ở thị xã Cai Lậy**

Khái niệm Cầu

Cầu là một công trình giao thông được bắc qua các chướng ngại nước, như rãnh nước, dòng suối, dòng sông, dòng kênh/kinh, dòng rạch, hồ, biển hay các chướng ngại khác, như đường bộ, đường sắt,… đảm bảo cho giao thông được liên tục.

Trên Đường tỉnh 865:

1. Cầu Cặp Rằn Núi

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Cấp bậc quân sự (Cặp rằn: Xuất phát từ Tiếng Pháp gọi trại - Caporale, có nghĩa là hạ sĩ, cai) + Tên người (Nguyễn Văn Núi).

- Vị trí: Km 25+047, xã Mỹ Phước Tây, thị xã Cai Lậy, trên Đường tỉnh 865.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Cặp Rằn Núi. Đây là một con kênh/kinh nhỏ dẫn nước từ kinh/kênh Nguyễn Văn Tiếp về phía bắc vào Đồng Tháp Mười, nay thuộc huyện Tân Phước.

Theo dân gian, ở vùng này, khoảng năm 1930. có một người Pháp, không rõ họ tên, đến đây khai khẩn đất hoang và thuê một người dân ở địa phương là Nguyễn Văn Núi làm cặp rằn, nên được mọi người gọi là cặp rằn Núi. Tại đây, ông chủ người Pháp cho đào một số kinh/kênh nhánh, đắp bờ bao để tháo chua, rửa

phèn, dẫn nước ngọt nhằm phục vụ cho việc cấy lúa. Tuy nhiên, chính việc này đã làm cho phèn tiềm tàng dưới lòng đất xì lên ngày càng nhiều, khiến cho việc trồng trọt của ông chủ người Pháp bị thất bại hoàn toàn. Do lỗ lã trong kinh doanh điền đất, ông chủ người Pháp buộc phải bỏ cuộc.

- Quy mô: 3 nhịp dài 29m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m;10 dầm BTTA chữ T nhịp giữa; nhịp biên bản bê tông đổ tại chỗ; Htt: +3.50

- Tải trọng (Tấn): HL93[10]

- Năm đưa vào sử dụng: 2013

2. Cầu Kinh/Kênh Kho

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kho) + Công trình xây dựng (Kho).

- Vị trí: Km 26+370, xã Mỹ Phước Tây, thị xã Cai Lậy, trên Đường tỉnh 865.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Kho

- Quy mô: 3 nhịp dài 31m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; dầm BTTA; Htt: +3.50

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2013

3. Cầu Mỹ Đông

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính xưa (Thôn Mỹ Đông).

[10] HL93 được viết tắt từ Tiếng Anh: **H**ighway **L**oad accepted in 19**93** (Tải trọng trên đường cao tốc được chấp nhận vào năm 1993), tải trọng HL93 tương đương 40 tấn.

- Vị trí: Km 27+835, xã Mỹ Phước Tây, thị xã Cai Lậy, trên Đường tỉnh 865.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Mỹ Đông.

- Quy mô: 3 nhịp dài 44m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; dầm BTTA; Htt: +3.50

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2013

4. Cầu Kinh/Kênh 1

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Chữ số (1).

- Vị trí: Km 28+893, xã Mỹ Phước Tây, thị xã Cai Lậy, trên Đường tỉnh 865.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh 1.

- Quy mô: 3 nhịp dài 44m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; dầm BTTA; Htt: +3.50

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2013

5. Cầu Kinh/Kênh 12

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Chữ số (12).

Vị trí: Km 29+931, xã Mỹ Phước Tây, thị xã Cai Lậy, trên Đường tỉnh 865.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh 12.

- Quy mô: 3 nhịp dài 82m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; 10 dầm BTDƯL chữ I; Htt: +5.50

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2012

Trên Đường tỉnh 868:

Cầu trên tuyến chính:

1. Cầu Thanh Niên

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Tầng lớp (Thanh niên).

- Vị trí: Km 16+902, xã Long Khánh, thị xã Cai Lậy, trên Đường tỉnh 868.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Thanh Niên.

- Quy mô: 1 nhịp dài 19m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; 9 dầm BTTA; Htt: +3.50

- Tải trọng (Tấn): 25

- Năm đưa vào sử dụng: 1997.

2. Cầu Long Khánh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Xã Long Khánh).

- Vị trí: Km 17+874, xã Long Khánh, thị xã Cai Lậy, trên Đường tỉnh 868.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Long Khánh.

- Quy mô: 1 nhịp dài 19m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; 9 dầm BTTA; Htt: +3.50

- Tải trọng (Tấn): 25

- Năm đưa vào sử dụng: 1997.

3. Cầu Thầy Cai

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Chức vụ ở làng xã thời xưa (Thầy Cai).

- Vị trí: Km 22+742, xã Long Trung, huyện Cai Lậy, trên Đường tỉnh 868.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Bang Lợi.

- Quy mô: 3 nhịp dài 38m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; 9 dầm BTTAx3; Htt: +3.50

- Tải trọng (Tấn): 25

- Năm đưa vào sử dụng: 1997.

4. Cầu Ngũ Hiệp

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Xã Ngũ Hiệp).

- Vị trí: Km 25+874, xã Long Trung - xã Ngũ Hiệp, huyện Cai Lậy, trên Đường tỉnh 868.

- Cầu bắc qua: Sông Năm Thôn.

- Quy mô: 7 nhịp dài 285m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; dầm BTDƯL; BxH = 30x6m; CĐdc: +7.55m

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021.

5. Cầu Kinh/Kênh 12

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Chữ số (12).

- Vị trí: Km 9+089, xã Mỹ Hạnh Trung, thị xã Cai Lậy, trên Đường tỉnh 868.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh 12

- Quy mô: 5 nhịp dài 111m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; 9 dầm BTTA; Htt: +5.75

- Tải trọng (Tấn): 30

- Năm đưa vào sử dụng: 2000.

6. Cầu Nàng Chưng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Danh xưng chỉ phụ nữ và tên người (Nàng Chưng).

- Vị trí: Km 9+266, xã Mỹ Hạnh Trung – Tân Bình, thị xã Cai Lậy, trên Đường tỉnh 868.

- Cầu bắc qua: Rạch Nàng Chưng

- Quy mô: 1 nhịp dài 25m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; 5 dầm BTTA; Htt: +4.00

- Tải trọng (Tấn): 30

- Năm đưa vào sử dụng: 1999.

7. Cầu Quản Oai

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Chức vụ làng xã thời xưa và tên người (Quản Oai).

- Vị trí: Km 3+395, xã Mỹ Phước Tây, thị xã Cai Lậy, trên Đường tỉnh 868.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Nguyễn Văn Tiếp.

- Quy mô: 5 nhịp dài 166m; mặt BTCT rộng 8m; khổ cầu 10m; 6 dầm BTTAx5; Htt: +8.20

- Tải trọng (Tấn): 30

- Năm đưa vào sử dụng: 2004.

8. Cầu Một Thước

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Kích thước (Một thước).

- Vị trí: Km 4+770, xã Mỹ Phước Tây, thị xã Cai Lậy, trên Đường tỉnh 868.

- Cầu bắc qua: Kinh Một Thước

- Quy mô: 1 nhịp dài 25m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; 5 dầm BTTA; Htt: +3.00

- Tải trọng (Tấn): 30

- Năm đưa vào sử dụng: 2000.

9. Cầu Kinh/Kênh Kháng Chiến

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Động từ (Kháng chiến: Chiến đấu chống quân xâm lược để bảo vệ nền độc lập, tự do của đất nước).

- Vị trí: Km 5+891, xã Mỹ Phước Tây, thị xã Cai Lậy, trên Đường tỉnh 868.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Kháng Chiến

- Quy mô: 1 nhịp dài 25m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; 5 dầm BTTA; Htt: +3.00

- Tải trọng (Tấn): 30

- Năm đưa vào sử dụng: 2000.

10. Cầu Dừa

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Thực vật (Cây dừa).

- Vị trí: Km 6+993, xã Mỹ Phước Tây, thị xã Cai Lậy, trên Đường tỉnh 868.

- Cầu bắc qua: Rạch Dừa

- Quy mô: 1 nhịp dài 25m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; 5 dầm BTTA; Htt: +3.00

- Tải trọng (Tấn): 30

- Năm đưa vào sử dụng: 2000.

11. Cầu Hai Hạt

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Số lượng (Hai) + Đơn vị hành chính dưới thời Pháp thuộc (Hạt Tham biện, gọi tắt là Hạt: Vào cuối thế kỷ XIX, chính quyền thực dân Pháp ở Nam Kỳ cho đào một con kinh/kênh từ rạch Cái Bè vào Đồng Tháp Mười. Con kinh/kênh này chạy dọc theo ranh giới giữa hạt tham biện Mỹ Tho (nay là tỉnh Tiền Giang) và hạt tham biện Tân An (nay là tỉnh Long An), nên gọi là kinh/kênh Hai Hạt).

- Vị trí: Km 0+015, xã Phú Cường, huyện Cai Lậy, trên Đường tỉnh 868.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Hai Hạt - Trương Văn Sanh

- Quy mô: 3 nhịp dài 30m; mặt BTCT rộng 5,5m; khổ cầu 6.3m; dầm I; Htt: +4.00

- Tải trọng (Tấn): 20

- Năm đưa vào sử dụng: 1989; gia cường 2020.

12. Cầu Tân Bình

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Xã Tân Bình).

- Vị trí: Km 11+447, xã Tân Bình, thị xã Cai Lậy, trên Đường tỉnh 868.

- Cầu bắc qua: Rạch Cà Mau

- Quy mô: 3 nhịp dài 30m; mặt BTCT rộng 6m; khổ cầu 6,5m; 6 dầm I450/9m; 7dầm I 450/12m; Htt: +3.50

- Tải trọng (Tấn): 30

- Năm đưa vào sử dụng: 1991; gia cố tăng tải 2012.

13. Cầu Cà Mau

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh gốc Khmer (Cà Mau: Tưk Khmau, có nghĩa là Nước đen[11]).

- Vị trí: Km 12+802, xã Tân Bình, thị xã Cai Lậy, trên Đường tỉnh 868.

- Cầu bắc qua: Rạch Cà Mau

[11] Lê Trung Hoa (2018), *Địa danh học Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, trang 158.

- Quy mô: 3 nhịp dài 38m ; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; 9 dầm BTTAx3; Htt: +3.50

- Tải trọng (Tấn): 30

- Năm đưa vào sử dụng: 1997.

14. Cầu Sa Rài

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh gốc Khmer (Sa Rài: Sarai: một loài thực vật dưới nước, như rong, tảo[12]).

- Vị trí: Km 13+575, xã Tân Bình, thị xã Cai Lậy, trên Đường tỉnh 868.

- Cầu bắc qua: Sông Sa Rài

- Quy mô: 1 nhịp dài 25m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; 9 dầm BTTA; Htt: +3.50

- Tải trọng (Tấn): 30

- Năm đưa vào sử dụng: 1996

Cầu trên tuyến tránh:

1. Cầu Cà Mau

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh gốc Khmer (Cà Mau: Tưk Khmau, có nghĩa là Nước đen[13]).

[12] Nghĩa từ Sa Rài do Thạc sĩ Thạch Thị Rọ Mu Ni, giảng viên Tiếng Khmer, Khoa Ngôn ngữ - Văn hóa - Nghệ thuật Khmer Nam Bộ, Trường Đại học Trà Vinh, cung cấp.

[13] Lê Trung Hoa (2018), *Địa danh học Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, trang 158.

- Vị trí: Km 2+971, xã Mỹ Hạnh Trung, thị xã Cai Lậy, trên Đường tỉnh 868.

- Cầu bắc qua: Rạch Cà Mau.

- Quy mô: 3 nhịp dài 62m; mặt BTCT rộng 11m; khổ cầu 12m; dầm BTDƯL; BxH = 10x2,5m

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2020.

2. Cầu Bang Chón

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Chức vụ (Bang biện: Viên chức thời thuộc Pháp, thuộc hàng Tổng, nhưng nhỏ hơi Cai/Chánh tổng) + Tên người (Bang biện Chón, gọi tắt là Bang Chón).

- Vị trí: Km 1+815, xã Mỹ Hạnh Trung, thị xã Cai Lậy, trên Đường tỉnh 868.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Bang Chón.

- Quy mô: 1 nhịp dài 33m; mặt BTCT rộng 11m; khổ cầu 12m; dầm BTDƯL; BxH = 15x2,75m

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2020.

3. Cầu Mới Mỹ Luận

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Tính từ (Mới) + Địa danh hành chính xưa (Thôn Mỹ Luận).

- Vị trí: Km 2+309, xã Mỹ Hạnh Trung, thị xã Cai Lậy, trên Đường tỉnh 868.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Mỹ Luận.

- Quy mô: 1 nhịp dài 25m; mặt BTCT rộng 11m; khổ cầu 12m; dầm BTDƯL; BxH = 10x2,5m

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2020.

4. Cầu Nàng Chưng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Danh xưng chỉ phụ nữ và tên người (Nàng Chưng).

- Vị trí: Km 0+393, xã Mỹ Hạnh Trung, thị xã Cai Lậy, trên Đường tỉnh 868.

- Cầu bắc qua: Rạch Nàng Chưng.

- Quy mô: 1 nhịp dài 25m; mặt BTCT rộng 11m; khổ cầu 12m; dầm BTDƯL; BxH = 10x2,5m

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2020.

5. Cầu Ông Hiệu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Giới tính và tên người (Ông Hiệu).

- Vị trí: Km 5+312, Phường 1, thị xã Cai Lậy, trên Đường tỉnh 868.

- Cầu bắc qua: Rạch Ông Hiệu

- Quy mô: 1 nhịp dài 19m; mặt BTCT rộng 11m; khổ cầu 12,75m; 7 dầm BTDƯL.

- Tải trọng thiết kế (Tấn): HL93

- Tải trọng cho phép (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2020.

6. Cầu Vượt đường cao tốc

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Động từ (Vượt) + Công trình xây dựng (Đường cao tốc).

- Vị trí: Km 4+220, Phường 3, thị xã Cai Lậy, trên Đường tỉnh 868.

- Cầu bắc qua: Cầu vượt qua đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận.

- Quy mô: 10 nhịp dài 396m; mặt BTCT rộng 11m; khổ cầu 12m; dầm BTCTDƯL.

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2022.

Trên Đường tỉnh 874:

1. Cầu Phan Đình Lân

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Họ và tên nhân vật lịch sử (Phan Đình Lân: tên thật là Bùi Văn Long, sinh năm 1915, liệt sĩ cách mạng, hy sinh năm 1947 trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược).

- Vị trí: Km 5+031, xã Tân Phú, thị xã Cai Lậy, trên Đường tỉnh 874.

- Cầu bắc qua: Rạch Bà Kỳ

- Quy mô: 3 nhịp dài 24m; mặt BTCT rộng 6m; khổ cầu 6,5m; 6 dầm I.596; Htt: +3.30

- Tải trọng (Tấn): 10

- Năm đưa vào sử dụng: 2002

2. Cầu Tân Hiệp

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Ấp Tân Hiệp).

- Vị trí: Km 3+352, xã Tân Phú, thị xã Cai Lậy, trên Đường tỉnh 874

- Cầu bắc qua: Rạch Bà Kỳ

- Quy mô: 3 nhịp dài 24m; mặt BTCT rộng 4 m; khổ cầu 4,5m; 5 dầm I.550/nhịp 6m + 6 dầm I.550/ nhịp 12m; Htt: +3.30

- Tải trọng (Tấn): 8

- Năm đưa vào sử dụng: 1992

Trên Quốc lộ 1:

1. Cầu Mỹ Quý cũ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính xưa (Thôn Mỹ Quý) + Tính từ (Cũ).

- Vị trí: km1986+346

- Cầu bắc qua: rạch Bưng Môn

- Số nhịp: 3

- Tải trọng (Tấn): 30

- Năm đưa vào sử dụng: 1988

- Chiều dài: 50,5 m

- Chiều rộng: 12,5 m

2. Cầu Mỹ Quý mới

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính xưa (Thôn Mỹ Quý) + Tính từ (Mới).

- Vị trí: km 1986+346

- Cầu bắc qua: rạch Bưng Môn

- Số nhịp: 3

- Tải trọng (Tấn): 30

- Năm đưa vào sử dụng: 2022

- Chiều dài: 50,5 m

- Chiều rộng: 12,5 m

Trên Đường cao tốc Trung Lương – Mỹ Thuận:

1. Cầu Dây Thép

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Cách gọi bưu điện thời xưa (Dây thép).

- Vị trí: km1+635

- Số nhịp: 05

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 191 m

- Chiều rộng: 12 m

2. Cầu Hội Đồng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Danh từ (Hội đồng: tập thể những người được chỉ định hoặc được bầu ra để họp bàn và quyết định những công việc nhất định)**.**

- Vị trí: km69+356

- Số nhịp: 01

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 48,64 m

- Chiều rộng: 17,50 m

3. Cầu Mỹ Quý

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính xưa (Thôn Mỹ Quý).

- Vị trí: km65+700

- Số nhịp: 01

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 53,10 m

- Chiều rộng: 17,50 m

4. Cầu Tân Hội

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Xã Tân Hội).

- Vị trí: km67+339

- Số nhịp: 09

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 350 m

- Chiều rộng: 17,50 m

5. Cầu Tân Phú

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Xã Tân Phú).

- Vị trí: km64+697

- Số nhịp: 01

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 34,10 m

- Chiều rộng: 17,50 m

6. Cầu Vượt Đường Tỉnh 868

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Động từ (Vượt) + Công trình xây dựng (Đường tỉnh 868).

- Vị trí: km69+050

- Số nhịp: 10

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 396,40 m

- Chiều rộng: 7 m

7. Cầu Vượt Nút Giao Cai Lậy

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Động từ (Vượt) + Công trình xây dựng (Nút giao) + Địa danh hành chính (Thị xã Cai Lậy).

- Vị trí: km66+500

- Số nhịp: 07

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 294,23 m

- Chiều rộng: 12 m

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn địa danh Cống, Đập, Đê**

Cống vừa và nhỏ:

1. Cống Bà Ụt

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Giới tính và tên người (Bà Ụt).

Cống ở xã Thanh Hòa, thị xã Cai Lậy, được xây dựng năm 2016; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 3 m, sâu 2,3 m, diện tích phục vụ 60 ha.

2. Cống Ông Thiệm

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Giới tính và tên người (Ông Thiệm).

Cống ở xã Thanh Hòa, thị xã Cai Lậy, được xây dựng năm 2016; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 3 m, sâu 2,3 m, diện tích phục vụ 74 ha.

3. Cống Ông Toan

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Giới tính và tên người (Ông Toan).

Cống ở xã Thanh Hòa, thị xã Cai Lậy, được xây dựng năm 2016; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 3 m, sâu 2,3 m, diện tích phục vụ 65 ha.

*** Bến đò:**

Khái niệm

Bến đò là bến đỗ trên các bờ sông để đò dừng nhằm tiếp nhận hoặc trao trả hành khách, hàng hóa trong quá trình chuyên chở.

1. Bến đò Cống Dứa

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến đò) + Công trình xây dựng (Cống) + Thực vật (Dứa).

Bến đò Cống Dứa bờ phải và bờ trái đều nằm trên kinh/kênh Tháp Mười số 2, nối ấp Mỹ Phú, xã Mỹ Hạnh Đông, thị xã Cai Lậy với ấp Tân Hưng Đông, xã Tân Hòa Tây, huyện Tân Phước (và ngược lại), tỉnh Tiền Giang.

2. Bến đò Kinh/Kênh Tây

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến đò) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Phương hướng (Tây).

Bến đò Kinh/Kênh Tây bờ phải và bờ trái đều nằm trên kinh/kênh Tháp Mười số 2, nối ấp Mỹ Phú, xã Mỹ Hạnh Đông, thị xã Cai Lậy với ấp Tân Hưng Tây, xã Tân Hòa Tây, huyện Tân Phước (và ngược lại), tỉnh Tiền Giang.

3. Bến đò Tân Hòa Tây

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến đò) + Địa danh hành chính (Xã Tân Hòa Tây).

Bến đò Tân Hòa Tây bờ phải và bờ trái đều nằm trên kinh/kênh Tháp Mười số 2, nối xã Tân Hòa Tây, huyện Tân Phước với xã Mỹ Hạnh Đông, thị xã Cai Lậy (và ngược lại), tỉnh Tiền Giang.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên bệnh viện (tỉnh, khu vực, huyện, quân đội):**

Khái niệm

Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO): Bệnh viện là một bộ phận của một tổ chức mang tính chất y học và xã hội, có chức năng đảm bảo cho nhân dân được săn sóc toàn diện về y tế cả chữa bệnh và phòng bệnh.

Trước đây bệnh viện chỉ được coi là một cơ sở khám và điều trị bệnh nhân đơn thuần. Bước sang thế kỷ XXI, cách mạng khoa học kỹ thuật - công nghệ trên thế giới đã phát triển như vũ bão và đạt được nhiều thành tựu rực rỡ, tác động sâu sắc làm thay đổi quan niệm về bệnh viện. Bệnh viện không chỉ đơn thuần làm công tác khám và điều trị mà còn thực hiện những chức năng khác trong chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, như giáo dục sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe tại nhà và đồng thời còn là trung tâm đào tạo cán bộ y tế và tiến hành các nghiên cứu y học về khám chữa bệnh và phòng bệnh.

Bệnh viện khu vực:

Bệnh viện đa khoa khu vực Cai Lậy

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng mang tính chất chăm sóc sức khỏe (Bệnh viện) + Tính từ (Đa khoa: có nhiều khoa) + Danh từ (Khu vực: là khái niệm thuộc lĩnh vực địa lý, chỉ vùng đất có giới hạn nhất định, phân biệt với những vùng đất khác) + Địa danh hành chính (Cai Lậy).

Y tế tuyến huyện:

Trung tâm Y tế thị xã Cai Lậy

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng mang tính chất chăm sóc sức khỏe (Trung tâm y tế) + Địa danh hành chính (Thị xã Cai Lậy).

- Khái quát Trung tâm Y tế thị xã Cai Lậy:

+ Địa chỉ: đường Ấp Bắc, khu phố Mỹ An, phường Nhị Mỹ, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

+ Điện thoại: 02733 772 244

+ Trang thông tin điện tử: ttytthixacailay.com.vn

+ Email: txcailay.ttyt@tiengiang.gov.vn

+ Cơ quan chủ quản: Sở Y tế tỉnh Tiền Giang

+ Tổng diện tích: 2.057,4m^2; diện tích sử dụng: 1.227,5m^2

+ Tổng số cán bộ viên chức (2022): 188 người, trong đó nam: 56, nữ: 132;

Trung tâm Y tế thị xã Cai Lậy được thành lập năm 2014 theo Quyết định 902/QĐ-UBND ngày 15/4/2014 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang, có chức năng, nhiệm vụ:

+ Thực hiện các hoạt động phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm, HIV/AIDS, bệnh không lây nhiễm, bệnh chưa rõ nguyên nhân; tiêm chủng phòng bệnh; y tế trường học; phòng, chống các yếu tố nguy cơ tác động lên sức khỏe, phát sinh, lây lan dịch, bệnh; quản lý và nâng cao sức khỏe cho người dân trên địa bàn.

+ Thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường đối với các cơ sở y tế; vệ sinh và sức khỏe lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp, tai nạn thương tích; vệ sinh trong hoạt động mai táng, hỏa táng; giám sát chất lượng nước dùng cho ăn uống, sinh hoạt và dinh dưỡng cộng đồng.

+ Thực hiện các hoạt động phòng chống ngộ độc thực phẩm trên địa bàn huyện; tham gia thẩm định cơ sở đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn theo phân cấp; tham gia thanh tra, kiểm tra, giám sát công tác phòng chống ngộ độc thực phẩm, phòng chống bệnh truyền qua thực phẩm; hướng dẫn, giám sát cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, ăn uống trong việc bảo đảm an toàn thực phâm theo quy định của pháp luật và thực hiện các nhiệm vụ khác về an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật và theo phân công, phân cấp.

+ Thực hiện sơ cứu, cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng theo quy định của cấp có thẩm quyền và giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh cho các trường hợp bệnh nhân tự đến, bệnh nhân được chuyển tuyến, bệnh nhân do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến trên chuyển về để tiếp tục theo dõi điều trị, chăm sóc, phục hồi chức năng; thực hiện các kỹ thuật, thủ thuật, chuyển tuyến theo quy định của pháp luật; khám sức khỏe và chứng nhận sức khỏe theo quy định; tham gia khám giám định y khoa, khám giám định pháp y khi được trưng cầu.

+ Thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản và cải thiện tình trạng dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em; thực hiện công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện các xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh phục vụ cho hoạt động chuyên môn, kỹ thuật theo chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Y tế và nhu cầu của người dân; tổ chức thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn sinh học tại phòng

xét nghiệm và an toàn bức xạ theo quy định.

+ Thực hiện tuyên truyền, cung cấp thông tin về chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước về y tế; tổ chức các hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe về y tế, chăm sóc sức khỏe trên địa bàn.

+ Chỉ đạo tuyến, hướng dẫn về chuyên môn kỹ thuật đối với các trạm y tế xã, phường, y tế ấp, khu phố và các cơ sở y tế thuộc cơ quan, trường học, xí nghiệp, cơ sở sản xuất trên địa bàn.

+ Thực hiện đào tạo liên tục cho đội ngũ viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định; tập huấn, bồi dưỡng cập nhật kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực phụ trách cho đội ngũ nhân viên y tế ấp, khu phố và các đối tượng khác theo phân công, phân cấp của Sở Y tế tỉnh Tiền Giang; là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe và hướng dẫn thực hành để cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện việc cung ứng, bảo quản, cấp phát, sử dụng và tiếp nhận thuốc, vắc xin, sinh phẩm y tế, hóa chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn theo phân cấp của Sở Y tế tỉnh Tiền Giang và quy định của pháp luật.

+ Triển khai thực hiện các dự án, chương trình y tế ở địa phương theo phân công, phân cấp của Sở Y tế; tổ chức điều trị nghiện chất bằng thuốc thay thế theo quy định của pháp luật; thực hiện kết hợp quân - dân y theo tình hình thực tế ở địa phương.

+ Thực hiện ký hợp đồng với cơ quan bảo hiểm xã hội để tổ chức khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế tại Trung tâm Y tế và các đơn vị y tế thuộc Trung tâm Y tế theo quy định của pháp luật.

- Nghiên cứu và tham gia nghiên cứu khoa học, ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật về lĩnh vực liên quan.

Đảng bộ Trung tâm có 03 chi bộ trực thuộc với 39 đảng viên. Lãnh đạo đơn vị gồm 01 Giám đốc và 02 Phó Giám đốc, Công đoàn cơ sở có 23 tổ công đoàn, 188 công đoàn viên; Chi đoàn thanh niên có 18 đoàn viên.

Trung tâm có 01 phòng chức năng: Phòng Hành chính tổng hợp; 5 khoa chuyên môn: Khoa Dân số - Sức khỏe sinh sản, Khoa Dược, Khoa An toàn vệ sinh thực phẩm - Y tế công cộng, Khoa Kiểm soát bệnh tật - HIV/AIDS, Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh; 01 phòng khám : Phòng khám đa khoa thị xã Cai Lậy; 16 trạm y tế phường, xã: Phường 1, Phường 2, Phường 3, Phường 4, Phường 5, phường Nhị Mỹ, các xã Tân Bình, Mỹ Phước Tây, Mỹ Hạnh Đông, Mỹ Hạnh Trung, Tân Phú, Tân Hội, Nhị Quý, Thanh Hòa, Phú Quý, Long Khánh. Trung tâm được xếp hạng 3.

Về trình độ chuyên môn, năm 2022, Trung tâm có: Thạc sĩ: 01, Bác sĩ chuyên khoa 2: 01, Bác sĩ chuyên khoa 1: 09, Đại học: 61, Cao đẳng: 23, Trình độ khác: 93.

- Khái quát Bệnh viện đa khoa khu vực Cai Lậy

+ Địa chỉ: số 398, đường Quốc lộ 1, khu phố 1, phường 4, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang

+ Điện thoại: 02733 826 024

+ Trang thông tin điện tử: www.cailayhospital.vn

+ Email: bvdkkvcailay@gmail.com

+ Cơ quan chủ quản: Sở Y tế tỉnh Tiền Giang

+ Tổng diện tích: 26.468,7 m^2; diện tích sử dụng: 16,304.2 m^2.

+ Tổng số cán bộ, viên chức: 448; trong đó nam: 102; nữ: 346

Bệnh viện được thành lập năm 1994 theo Quyết định 1381/QĐUB ngày 03 tháng 12 năm 1994 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc tách chuyển

Bệnh viện thuộc Trung tâm Y tế huyện Cai Lậy thành Bệnh viện đa khoa khu vực Cai Lậy.

Bệnh viện được xếp hạng 2, có chức năng, nhiệm vụ: Cấp cứu - khám bệnh - chữa bệnh; đào tạo cán bộ y tế; nghiên cứu khoa học về y học; chỉ đạo tuyến dưới về chuyên môn, kỹ thuật; phòng bệnh; hợp tác quốc tế; quản lý kinh tế y tế.

Năm 2022, Đảng bộ Bệnh viện có 06 chi bộ trực thuộc với 123 đảng viên; lãnh đạo đơn vị có 01 Quyền Giám đốc và 02 Phó Giám đốc; Công đoàn cơ sở có 475 công đoàn viên; Đoàn thanh niên có 119 đoàn viên.

Bệnh viện có 495 giường bệnh, 08 phòng chức năng: Phòng Tổ chức cán bộ, Phòng Hành chính quản trị, Phòng Kế hoạch tổng hợp, Phòng Điều dưỡng, Phòng Tài chính kế toán, Phòng Quản lý chất lượng - Công tác xã hội, Phòng Vật tư - Thiết bị y tế, Phòng Công nghệ thông tin; 14 khoa chuyên môn: Lâm sàng (10 khoa): Khoa Khám bệnh, Khoa Hồi sức cấp cứu, Khoa Nội tổng hợp, Khoa Nội tim mạch - Lão học, Khoa Ngoại tổng hợp, Khoa Phụ sản, Khoa Nhi, Khoa Y học cổ truyền, Khoa Phẫu thuật - Gây mê hồi sức, Khoa Truyền nhiễm ; Cận lâm sàng (04 khoa): Khoa Cận lâm sàng, Khoa Dược, Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn, Khoa Dinh dưỡng.

Về trình độ chuyên môn, năm 2022, bệnh viện có: Thạc sĩ: 04, Chuyên khoa 1: 19, Chuyên khoa 2: 06, Cử nhân đại học: 227 (trong đó có 68 bác sĩ), Cử nhân cao đẳng: 72, Trình độ khác: 120

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên tượng đài, bia lưu niệm (nghiên cứu, biên soạn thêm bia tưởng niệm, khu tưởng niệm, bia căm thù, bia mộ):**

Tượng đài:

Tượng đài là công trình xây dựng nhằm phục vụ yêu cầu ghi nhớ, tưởng niệm các sự kiện, các nhân vật lịch sử, được thể hiện bằng nghệ thuật điêu khắc kết hợp với nghệ thuật kiến trúc, ở những nơi công cộng, bằng các chất liệu bền vững, như đá, kim loại không gỉ, bê tông,…

Tượng đài Tiểu đội gang thép

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Tượng đài) + Danh xưng một tiểu đội chiến đấu anh dũng tại chiến trận Ấp Bắc (Tiểu đội gang thép).

Diễn biến sự kiện:

Ngày 01/01/1963, các đơn vị bộ đội của ta tập hợp tại Ấp Bắc để chuẩn bị tấn công ấp chiến lược Giồng Dứa (xã Long Định, huyện Châu Thành). Dò biết hoạt động của quân ta, ngày 02/01/1963, địch mở trận càn mang tên "Đức Thắng 01 - 63", do Sư đoàn 7 ngụy và chiến đoàn bảo an thuộc Tiểu khu Định Tường đảm trách. Sở chỉ huy cuộc càn đặt tại chợ Thuộc Nhiêu. Đại tá Bùi Đình Đạm, Tư lệnh Sư đoàn 7, trung tá John Paul Vann chỉ huy cùng 51 cố vấn quân sự Mỹ và nhiều sĩ quan quân đội Sài Gòn. Về sau có thiếu tướng Huỳnh Văn Cao - Tư lệnh Vùng 4 chiến thuật, thiếu tướng Trần Thiện Khiêm - Tham mưu trưởng liên quân của quân đội Sài Gòn đến chỉ huy.

Lực lượng ta, chỉ có 1 đại đội thuộc Tiểu đoàn 261 Quân khu 8, 1 đại đội thuộc Tiểu đoàn 514 tỉnh Mỹ Tho, 1 trung đội bảo vệ công trường của tỉnh, 1 trung đội địa phương quân huyện Châu Thành và du kích các xã Tân Phú, Điềm Hy, Tân Hội; trang bị chủ yếu là súng bộ binh, lựu đạn, thủ pháo, chưa có vũ khí chuyên dụng chống máy bay và xe thiết giáp, đạn dược hạn chế; dưới sự chỉ huy chung của Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 261 Võ Văn Hoàng (Hai Hoàng) và chỉ huy trực tiếp tại trận địa là Đại đội trưởng Đại đội 1, Tiểu đoàn 261 Đặng Minh Nhuận (Đoàn Triết Minh, Nguyễn Bảy, Bảy Đen).

Về phía địch, Mỹ và quân đội Sài Gòn đã huy động lực lượng lớn, bao gồm 3 tiểu đoàn của Sư đoàn 7, 1 tiểu đoàn dù thuộc lực lượng tổng trừ bị chiến lược của Bộ tổng tham mưu, 2 đại đội biệt động quân, 4 đại đội bảo an biệt kích, 4 đại đội bảo an, 3 đại đội dân vệ biệt kích, tổng cộng khoảng 2.000 tên; 13 xe thiết giáp M.113, 20 máy bay trực thăng, 2 máy bay ném bom, 6 máy bay khu trục, 4 máy bay trinh sát, 7 máy bay vận tải, 13 tàu chiến, 6 khẩu đại bác 105 ly, 4 khẩu cối 106,7 ly chi viện.

5 giờ sáng ngày 02/01/1963, địch tổ chức 2 mũi tấn công vào trận địa của ta. Mũi thứ nhất đến cầu Trường Gà, bị hai tổ trinh sát và du kích chận đánh. Do lực lượng ít, địa hình không thuận lợi nên hai tổ này vừa đánh vừa rút lui. Địch đuổi đến khu vực phòng ngự của ta, Trung đội 1 thuộc Đại đội 1, Tiểu đoàn 261 nổ súng, ghìm chúng lại. Trung đội địa phương Châu Thành vận động đánh vào bên sườn và sau lưng. Địch tháo chạy tán loạn, trên 50 tên chết và bị thương, ta bắt 7 tù binh và thu gần 50 súng. Mũi thứ hai bị du kích chặn đánh ở cầu Sao, do địa hình sình lầy nên địch tiến quân chậm hơn. Chúng thọc vào chỗ bố trí của trung đội địa phương Châu Thành, ta nổ súng. Trung đội 1 vận động đánh ngang sườn và sau lưng, địch tháo chạy ra chùa Thầy Lơ. Ta diệt trên 60 tên, thu 20 súng; ta hy sinh 2 và bị thương 3 đồng chí.

Do bọn lính bảo an thuộc Tiểu khu Định Tường bị đánh thiệt hại nặng, nên Tiểu đoàn 1 thuộc Trung đoàn 11, Sư đoàn 7 từ Khu trù mật Mỹ Phước Tây đổ quân từ máy bay trực thăng xuống Ấp Bắc. 10 giờ 20 phút, 5 chiếc máy bay trực thăng vũ trang UH-1 hộ tống cho 10 chiếc máy bay vận tải CH-21 sà xuống đổ quân trước trận địa của Đại đội 1 Tiểu đoàn 261. Đại đội trưởng Đặng Minh Nhuận lệnh cho khẩu đại liên nổ súng. Do đạn lép nên không diệt được chiếc đầu. Khi đại liên nổ được, toàn đại đội bắn mãnh liệt vào 9 chiếc đáp xuống sau, 6 chiếc trúng đạn tại chỗ. Bọn địch đổ từ trực thăng xuống số bị chết, số bị thương, số còn lại tháo chạy tán loạn.

Tại ấp Tân Thới, xã Tân Phú, máy bay vận tải CH-21 đổ tiếp Tiểu đoàn 2 thuộc Trung đoàn 12, Sư đoàn 7 xuống. Địch chấn chỉnh đội hình, dàn hàng ngang, tiến về phía Miễu Hội. Du kích và trinh sát đại đội 1 thuộc Tiểu đoàn 514 chặn đánh từ xa. 12 giờ 30 phút, địch cách tiền duyên 70 mét. Đại đội trưởng Mười Diệp lệnh cho Trung đội 1 nổ súng, diệt gần hết tốp đi đầu. Địch tháo chạy ra đồng co cụm. Ta bị thương 2 đồng chí. Trung đội 3 bí mật vận động theo bờ trâm bầu của rạch Ấp Bắc, bất ngờ đánh tạt ngang sườn làm địch rối loạn hàng ngũ. Chúng gọi pháo binh chi viện và rút về ngã tư Miễu Hội cố thủ.

Qua các đợt tấn công, do bị đánh trả quyết liệt, địch phải dừng ngoài đồng. Sau đó, pháo và máy bay địch bắn phá ác liệt vào trận địa ấp Tân Thới và Ấp Bắc. Khi pháo ngừng bắn, xe thiết giáp M.113 và bộ binh địch tấn công vào đội hình Đại đội 1 thuộc Tiểu đoàn 261. Ngay phút đầu tiên, ta bắn cháy 1 xe, bắn hỏng 2 xe khác. Trước trận địa phòng ngự của Tiểu đội 3 thuộc Trung đội 1, tình hình khá gay go, 3 xe thiết giáp M.113 và 1 tốp bộ binh địch tiến gần đến công sự. Do địa hình lồi lõm, nên hỏa lực đại liên, súng cối của đại đội bắn chi viện không kết quả. Trận địa có nguy cơ bị địch chọc thủng. Đồng chí Nguyễn Văn Đừng - Tiểu đội trưởng Tiểu đội 4, Trung đội 2, Đại đội 1, lệnh cho 3 đồng chí Minh, Thúy, Dương bắn yểm trợ để mình cùng 2 đồng chí Hùng và Công vận động ra đánh xe thiết giáp M.113. Ba đồng chí bò cặp bờ ranh, rồi bất ngờ nhảy lên xe thiết giáp M.113 ném thủ pháo phá hủy xe, diệt 5 tên địch. Bọn còn lại hốt hoảng tháo chạy trở ra, 3 đồng chí nhanh chóng trở về công sự, nhưng bị địch chặn đánh và đã hy sinh anh dũng. Các đồng chí Minh, Thúy, Dương bị thương. Do chiến công này, sau trận Ấp Bắc, Nhân dân và bộ đội gọi tiểu đội này là "tiểu đội gang thép" với tất cả niềm tự hào và sự khâm phục về tinh thần chiến đấu quả cảm, can trường của các chiến sĩ giải phóng quân.

Đến 18 giờ, địch đưa Tiểu đoàn 3 dù đến tăng viện. Tên đại tá Cao Văn Viên, tư lệnh lữ đoàn dù, ngồi trên trực thăng quan sát chỉ huy cuộc tiến công. Tiểu đoàn

dù được 16 chiếc máy bay vận tải Đa-cô-ta thả xuống trước trận địa Đại đội 1, Tiểu đoàn 514. Đợi địch xuống thật gần, toàn đại đội nổ súng, một số tên bị diệt ngay trên không, dù địch rơi ngay trong trận địa, ta địch xen kẽ cách nhau từng bờ mương liếp chuối. Đám lính dù, có tên bị mắc lủng lẳng trên ngọn cây, có tên bị kẹt trên mái nhà. Chiến sĩ ta cứ nhằm sắc áo rằn ri của bọn chúng mà bắn. Cuộc tấn công của Tiểu đoàn 3 dù thuộc lực lượng tổng trừ bị chiến lược địch bị thất bại hoàn toàn.

Đến 20 giờ cùng ngày, địch lợi dụng trời tối tổ chức tấn công vào trận địa. Đây là đợt tấn công cuối cùng của địch nhưng vẫn bị đánh bật ra, trận chiến xem như chấm dứt.

Kết quả, sau một ngày kiên cường chiến đấu chống địch càn quét, bắt đầu từ 5 giờ sáng và kéo dài liên tục đến 20 giờ, ta đã giành được thắng lợi vang dội: diệt và làm bị thương 450 tên, trong đó có 3 tên Mỹ và hàng chục sĩ quan ngụy, bắn rơi và bắn hỏng 16 máy bay trực thăng, bắn cháy 3 xe thiết giáp M.113, 2 tàu chiến.

Tượng đài "Tiểu đội Gang thép" được đúc bằng đồng, nặng 18 tấn, phần bệ cao 4 m, phần tượng cao 8 m, khánh thành năm 1993, nằm trong khuôn viên của Di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia Chiến thắng Ấp Bắc theo Quyết định số 43/QĐ-BT ngày 07/01/1993 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch); sau đó, được xếp hạng Di tích Quốc gia đặc biệt theo Quyết định số 1649/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 28/12/2022; tọa lạc tại xã Tân Phú, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Tượng đài được đặt bên cạnh ngôi mộ tháp, nơi ba chiến sĩ Nguyễn Văn Đừng, Đỗ Văn Trạch (bí danh Công) và Hùng, Tiểu đội 1, Trung đội 2, Đại đội 1, Tiểu đoàn 261 đã anh dũng hy sinh. Các chiến sĩ đã cảm tử chiến đấu đến viên đạn cuối cùng. Chính vì thế, khi thể hiện phác thảo tượng đài, nhà điêu khắc Nguyễn Hải đã đưa hình tượng các chiến sĩ quả cảm này vào tác phẩm, ba chiến sĩ đang ở ba tư thế hiên ngang trong chiến đấu, một người đánh bộ binh, một người bắn máy

bay và một người đánh xe tăng. Cả ba tựa vào nhau tạo thành một khối nhất quán, vững chắc, thể hiện sự đoàn kết, nhất trí, dũng cảm. Tác giả của tượng đài đã khắc họa sắc nét vóc dáng của ba chiến sĩ mạnh mẽ về thể chất lẫn tâm hồn với khí phách kiên cường, bất khuất.

*** Bia lưu niệm (Nghiên cứu, biên soạn thêm: Bia tưởng niệm, Khu tưởng niệm, bia căm thù, bia mộ):**

Bia lưu niệm/tưởng niệm:

Bia lưu niệm/tưởng niệm là vật được tạo tác dạng hình phiến dẹp có mặt phẳng, thường được làm bằng đá, kim loại, gỗ, bê tông cốt thép,… với kích thước thường có chiều cao lớn hơn chiều rộng, được dựng lên để lưu niệm/tưởng niệm danh nhân, sự kiện lịch sử, tổ chức chính trị - xã hội,…

1. Bia lưu niệm căn cứ Tỉnh đội Mỹ Tho

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bia lưu niệm) + Địa danh lịch sử (Căn cứ Tỉnh đội Mỹ Tho).

Địa danh lịch sử:

Xã Tân Phú là căn cứ cách mạng của huyện Cai Lậy, huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho và Khu 8 trong Kháng chiến chống Mỹ. Nổi bật nhất đây là nơi quân dân ta đã làm nên chiến thắng Ấp Bắc vang dội (02-01-1963). Trong suốt hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, các đồng chí lãnh đạo đã về đây hoạt động và làm việc. Mặc dù xã Tân Phú thường xuyên bị giặc càn quét, bao vây, đánh phá ác liệt; nhưng nhân dân xã một lòng, một dạ đi theo Đảng, bảo vệ an toàn tuyệt đối, không đồng chí nào bị địch bắt hoặc bị sát hại.

Từ năm 1971 đến tháng 4-1975, Tỉnh đội Mỹ Tho do đồng chí Nguyễn Văn Thành (Tám Tàu), Tỉnh đội trưởng và đồng chí Trần Hữu Danh (Sáu Danh) Tỉnh đội phó kiêm Tham mưu trưởng, trực tiếp chỉ huy về đóng tại ấp Tân Hòa và ấp

Tân Thới, xã Tân Phú. Cụ thể: Ban chỉ huy Tỉnh đội đóng ở nhà ông Sáu Mão, ông Ba Quy, ông Nguyễn Văn Trạng ở ấp Tân Hòa; Văn phòng Tỉnh đội đóng ở nhà ông Nguyễn Văn Sử ở ấp Tân Thới.

Tại căn cứ xã Tân Phú, Ban chỉ huy Tỉnh đội đã đề ra nhiều chỉ đạo quan trọng về mặt quân sự, tạo điều kiện để lực lượng vũ trang tỉnh Mỹ Tho giành những thắng lợi to lớn trong cuộc tiến công và nổi dậy xuân hè năm 1972, đánh địch bình định lấn chiếm sau Hiệp định Paris (1973), tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.

Ngoài ra, căn cứ xã Tân Phú còn là nơi đứng chân của lực lượng vũ trang Miền, như cuối năm 1971, Bộ Tư lệnh quân giải phóng miền Nam Việt Nam do Đại tá Đồng Văn Cống, Phó Tư lệnh kiêm Tham mưu trưởng Bộ Tư lệnh Miền, chỉ huy về đóng ở nhà ông Lê Văn Chẩn, nhà ông Lê Văn Trưng ở ấp Tân Thới để trực tiếp chỉ đạo các vùng trọng điểm đẩy mạnh hơn nữa kế hoạch tạo thế và lực, chuẩn bị cho cuộc tiến công và nổi dậy xuân hè năm 1972 ở Đồng bằng sông Cửu Long. Cuối 1972, đồng chí Trần Nam Trung, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam về đóng ở nhà ông Nguyễn Văn Sử và nhà ông Lê Văn Trưng ở ấp Tân Thới để triển khai các vấn đề về quân sự trước và sau khi ký kết Hiệp định Paris (27-01-1973).

Đầu tháng 4-1975, Tỉnh ủy Mỹ Tho do đồng chí Nguyễn Công Bình (Sáu Bình), Bí thư Tỉnh ủy, về đóng ở chùa Thầy Thắng, ấp Tân Hiệp nhằm tập trung lãnh đạo công tác phát động phong trào bứt phá Lộ 4 (nay là Quốc lộ 1), chặt đứt các lộ sườn để phối hợp với Mặt trận Tây Nam Sài Gòn trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975. Bên cạnh đó, Tỉnh ủy Mỹ Tho còn chỉ đạo tăng cường lực lượng vũ trang, chính trị, binh vận, thực hiện phương châm "xã tự giải phóng xã, huyện giải phóng huyện, tỉnh giải phóng tỉnh".

Giữa tháng 4/1975, Khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu 8 về đóng ở nhà ông Nguyễn Văn Sử, ấp Tân Thới, xã Tân Phú. Khu ủy Khu 8 gồm đồng chí Huỳnh

Châu Sổ (Năm Bê), Bí thư Khu ủy và đồng chí Lê Việt Thắng, Phó bí thư Khu ủy. Bộ Tư lệnh Quân khu 8 do đồng chí Lê Quốc Sản (Tám Phương), Phó Tư lệnh, chỉ huy 200 người, kể cả điện đài, cơ yếu, cảnh vệ.

Khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu 8 họp đề ra quyết sách: "Tập trung lực lượng cắt đứt Lộ 4, không cho địch từ Sài Gòn rút chạy về miền Tây cố thủ, tiêu diệt và làm tan rã địch, giải phóng hoàn toàn tỉnh Mỹ Tho, thực hành nổi dậy đồng loạt giải phóng hoàn toàn khu".

Di tích căn cứ Tỉnh đội Mỹ Tho ở xã Tân Phú là nơi ghi dấu sự kiện cơ quan Tỉnh đội Mỹ Tho đứng chân chỉ huy quân dân tỉnh Mỹ Tho giành được nhiều thắng lợi to lớn trong cuộc kháng chiến chống Mỹ giai đoạn 1970 - 1975, đồng thời ghi nhớ những những người có công và tưởng niệm đến những chiến sĩ đã anh dũng hy sinh vì sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, thống nhất đất nước 30-4-1975 đến nay, hàng năm đến Ngày thương binh - liệt sĩ 27-7, nhân dân trong vùng đều tổ chức lễ giỗ để tưởng nhớ đến các chiến sĩ đã hy sinh trong cuộc kháng chiến. Nhân dân đã tề tựu rất đông tham dự. Di tích còn là nơi giáo dục truyền thống của địa phương.

Di tích căn cứ Tỉnh đội Mỹ Tho tọa lạc tại ấp Tân Hòa, xã Tân Phú, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang được xây dựng năm 1996, có diện tích 228 m^2, chiều dài 15m, chiều ngang 11m, cửa quay về hướng Tây. Khuôn viên di tích được trải bê tông, chung quanh có hàng rào khung sắt, Bia lưu niệm được xây dựng bằng xi măng cốt thép ốp gạch men đỏ có đính ngôi sao vàng năm cánh, tượng trưng cho lá cờ Tổ quốc, hình nòng súng và lưỡi lê cách điệu, ốp gạch men màu đen. Hình tượng có ý nghĩa lực lượng vũ trang cách mạng "Tuyệt đối trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội; nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng

đánh thắng". Bia do nghệ nhân ưu tú Trần Văn Trầm tạo mẫu, có chiều cao khoảng 6,6 m. Nền bia bằng xi măng có lát gạch men màu đen, diện tích 18 m².

Bia lưu niệm căn cứ Tỉnh đội Mỹ Tho nằm trong khuôn viên Di tích Căn cứ Tỉnh đội Mỹ Tho được Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15/02/2000.

2. Bia lưu niệm chiến thắng Ấp Bắc

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bia lưu niệm) + Sự kiện lịch sử (Chiến thắng Ấp Bắc).

Bia lưu niệm nằm trong khuôn viên Di tích Quốc gia đặc biệt "Chiến thắng Ấp Bắc" tại xã Tân Phú, thị xã Cai Lậy. Bia cao 3 m, rộng 1,5 m, được tạo tác bằng bê tông cốt thép, có nội dung: *"Chiến thắng Ấp Bắc ngày 02/01/1963 đã đánh bại các chiến thuật: bủa lưới, phóng lao, trực thăng vận và thiết xa vận mà đế quốc Mỹ cho là tân kỳ. Chiến thắng Ấp Bắc nói lên đầy đủ ý chí quật cường của dân tộc Việt Nam; sức mạnh vô địch của chiến tranh nhân dân; là tiếng chuông báo hiệu sụp đổ của chế độ Ngô Đình Diệm cùng chiến lược chiến tranh đặc biệt của đế quốc Mỹ".*

3. Bia lưu niệm "Ngọn cờ đầu"

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bia lưu niệm) + Sự kiện lịch sử (Ngọn cờ đầu).

Bia tọa lạc tại Công viên Lê Văn Tám, Phường 1, thị xã Cai Lậy.

Bia do nhà điêu khắc Trần Văn Trầm tạo mẫu, được tạo tác bằng đá hoa cương ghi chép nội dung sự kiện lịch sử: "Nơi đây đêm mùng 5 rạng mùng 6 tháng 2 năm 1931, được sự chỉ đạo của tổ chức Đảng ở Cai Lậy, đồng chí Trần Hữu Tâm đã treo cờ đỏ búa liềm đầu tiên trên ngọn cây dương để kỷ niệm một năm ngày thành lập Đảng cộng sản Việt Nam".

Bia lưu niệm Ngọn cờ đầu nằm trong Địa điểm Nơi treo cờ Đảng. Địa điểm này được Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15/02/2000.

4. Bia tưởng niệm "Đồng bào hy sinh trong cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ tại vịnh Bà Thu"

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bia tưởng niệm) + Sự kiện lịch sử (Đồng bào hy sinh trong cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ tại vịnh Bà Thu).

Sự kiện lịch sử:

Khoảng 10 giờ ngày 23/11/1940, trong cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ. dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Mỹ Tho, đoàn quân khởi nghĩa từ các xã Mỹ Hạnh Đông, Mỹ Phước Tây, Mỹ Hạnh Trung kéo đến vịnh Bà Thu (nay thuộc Ấp 3, xã Tân Bình, thị xã Cai Lậy) để chuẩn bị tiến về trung tâm quận lỵ Cai Lậy thì bị hơn 40 tên lính mã tà do Quận trường Cai Lậy Nguyễn Văn Tâm (Quận Tâm) trực tiếp chỉ huy chặn lại. Khí thế của quần chúng dâng lên hừng hực, dũng cảm tiến lên và hô vang các khẩu hiệu hòa lẫn với tiếng trống, tiếng mõ vang dội cả một góc trời.

Tên Quận Tâm ngồi ở phía bên kia rạch Ba Rài, thấy đám lính mã tà cứ lùi dần, đã điên tiết cho ca nô chạy qua và hét to "chặn chúng lại". Đoàn người biểu tình cầm gậy gộc, giáo mác xông lên đánh giáp lá cà với bọn lính địch.

Lúc bấy giờ, chị Lê Thị Sảnh cầm cờ Đảng xông lên phía trước thì bị tên Quận Tâm đánh báng súng vào bụng ngã gục. Chị Phan Thị Chạy đang cầm tấm biểu ngữ, thấy vậy nhảy lên đỡ lấy cán cờ, quyết không để lá cờ của Đảng rơi xuống đất. Đoàn người biểu tình tiếp tục tiến lên.

Tên Quận Tâm điên cuồng ra lệnh nổ súng, làm chị Dương Thị Nhậm hy sinh; anh Nguyễn Văn Cư bị trúng đạn, sau đó hy sinh; khoảng 20 người bị thương, trong đó có anh Đoàn Quý Thể, đảng viên xã Tân Bình bị trúng đạn xuyên qua hai mắt và bị địch bắt cùng 38 người khác.

Trước sự đàn áp dã man của địch, đoàn khởi nghĩa tạm thời rút lui, chuẩn bị đối phó với địch. Hàng ngàn lượt người dân xã Tân Bình tham gia đốn cây làm chướng ngại vật trên Lộ 12 và dưới rạch Ba Rài, đoạn từ chùa Khánh Quới đến rạch Nàng Chưng để ngăn chặn địch vào đàn áp cuộc khởi nghĩa.

Để tưởng nhớ của những người tham gia khởi nghĩa đã anh dũng chiến đấu, hy sinh, tại Ấp 3, xã Tân Bình, thị xã Cai Lậy, năm 1999, Huyện ủy, Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy đã xây dựng Bia tưởng niệm vịnh Bà Thu, do nhà điêu khắc Lương Văn Thạnh phác thảo. Bia được xây dựng bằng đá hoa cương (granit), cao 9 m, có 06 đoạn, nền bia bằng bê tông cốt thép, lót gạch men màu nâu đỏ. Thân bia có dáng hình khẩu súng, trên mỗi đoạn có điêu khắc 4 cánh tay nắm chặt đưa lên cao là biểu tượng của đấu tranh chính trị. Trên đỉnh bia là lá cờ đỏ sao vàng năm cánh, phần dưới khắc nội dung sự kiện lịch sử:

"Ngày 23/11/1940, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Mỹ Tho, từ các xã Mỹ Hạnh Đông, Mỹ Phước Tây, Mỹ Hạnh Trung, nhân dân biểu tình có vũ trang tiến ra Cai Lậy giành chính quyền hưởng ứng cuộc khởi nghĩa Nam kỳ.

Tới đây đoàn biểu tình đã bị thực dân Pháp và tay sai đàn áp đẫm máu, bà Dương Thị Nhậm, ông Nguyễn Văn Cư hy sinh và hơn 20 người khác bị thương.

Sau đó giặc bắt đi 38 người giam ở Sài Gòn và đày ra Côn Đảo, phần lớn đã hy sinh.

Đảng bộ và nhân dân Cai Lậy mãi mãi ghi nhớ công ơn các chiến sĩ tham gia khởi nghĩa Nam kỳ".

Bia tưởng niệm nằm trong khuôn viên Di tích vịnh Bà Thu được Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15/02/2000.

*** Khu tưởng niệm:**

Khu tưởng niệm đồng chí Phan Văn Khỏe

Khu tưởng niệm là công trình xây dựng có tính chất thiêng liêng nhằm tưởng nhớ đến người đã mất với lòng tôn kính và biết ơn.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Khu tưởng niệm) + Nhân vật lịch sử (Phan Văn Khỏe).

Phan Văn Khoẻ sinh năm 1901 tại làng Mỹ Hạnh Đông, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Mỹ Hạnh Đông, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang) trong gia đình nông dân nghèo.

Năm 1928, ông giác ngộ cách mạng, là hội viên Hội Việt Nam cách mạng thanh niên ở xã Mỹ Hạnh Đông. Đầu năm 1930, ông là đảng viên đầu tiên của quận Cai Lậy. Cuối tháng 4-1930, Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Mỹ Tho phân công ông phụ trách hoạt động cách mạng ở Cai Lậy. Đầu năm 1933, ông được bổ sung vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Mỹ Tho. Cuối năm 1933, ông được chỉ định làm Phó Bí thư Tỉnh ủy Mỹ Tho, tập trung thực hiện nhiệm vụ củng cố tổ chức, phát triển lực lượng và chuẩn bị phong trào đấu tranh mới sau khi Cao trào cách mạng 1930-1931 của nhân dân ta bị thực dân Pháp đàn áp dã man.

Ngày 01-5-1936, ông lãnh đạo cuộc đấu tranh của gần 500 đồng bào các xã vùng Mỹ Hạnh Đông kéo ra chợ Cai Lậy đòi dân sinh, dân chủ. Cuộc đấu tranh giành thắng lợi và gây tiếng vang khắp tỉnh Mỹ Tho. Cuối năm 1936, ông là Xứ ủy viên Nam Kỳ, phụ trách phong trào cách mạng các tỉnh Trung Nam Kỳ. Đầu năm 1940, ông là Ủy viên Ban Thường vụ Xứ ủy Nam Kỳ được tăng cường cho tỉnh Mỹ Tho, chức vụ là Bí thư Tỉnh ủy, với nhiệm vụ duy trì sự ổn định về tổ chức và xây dựng lực lượng chuẩn bị phong trào cách mạng mang tính chất toàn Xứ. Ông là người được Xứ ủy Nam Kỳ trực tiếp giao nhiệm vụ chỉ đạo thiết kế lá cờ Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương (Cờ đỏ sao vàng năm cánh, Quốc kỳ nước ta hiện nay). Tháng 7-1940, tại xã Tân Hương, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho, Hội nghị Xứ ủy Nam Kỳ thông qua Cờ đỏ sao vàng năm cánh do chính ông trực tiếp chỉ đạo thiết kế.

Với vai trò là Ủy viên Ban Thường vụ Xứ ủy Nam kỳ, Bí thư Tỉnh ủy Mỹ Tho, ông trực tiếp chỉ đạo công cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở tỉnh Mỹ Tho.

Đêm 22 rạng 23-11-1940, cuộc khởi nghĩa nổ ra khắp quận Châu Thành và quận Cai Lậy. Ủy ban khởi nghĩa tỉnh Mỹ Tho đặt tại đình Long Hưng, xã Long Hưng, quận Châu Thành.

Tại đây, Ủy ban Nhân dân cách mạng tỉnh Mỹ Tho được thành lập do ông làm Chủ tịch. Đồng thời, cũng tại sân đình Long Hưng, lần đầu tiên, lá Cờ đỏ sao vàng năm cánh được treo trên ngọn cây bàng. Cờ đỏ sao vàng trở thành biểu tượng cho ý chí và mục tiêu khởi nghĩa là giành độc lập cho dân tộc và tự do cho nhân dân. Quốc hiệu "Việt Nam dân chủ cộng hòa quốc" cũng ra đời tại ngôi đình này. Trong 49 ngày làm chủ từ ngày 23-11-1940 đến ngày 12-01-1941, Ủy ban Nhân dân cách mạng tỉnh Mỹ Tho thực hiện được một số việc có ý nghĩa lịch sử, như thành lập chính quyền nhân dân cấp tỉnh, quận, xã; thành lập Tòa án nhân dân tỉnh; thực thi một số chính sách: Xóa bỏ các thứ thuế vô lý, các khoản nợ của nông dân thiếu địa chủ, tịch thu lúa của địa chủ chia dân nghèo, giáo dục và khoan hồng người lầm đường lạc lối... Chế độ dân chủ cộng hòa trở thành hiện thực trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng ta.

Sau cuộc khởi nghĩa, nhiều cơ sở, tổ chức Đảng bị khủng bố tan rã và hàng ngàn đảng viên, cán bộ và quần chúng bị bắt, bị giết hại. Hệ thống tổ chức Đảng từ Xứ ủy xuống Tỉnh ủy, Quận ủy, Chi bộ đứt liên lạc. Tuy nhiên, ông vẫn bám địa bàn, tìm cách móc nối liên lạc từ Xứ ủy đến chi bộ cơ sở. Đầu năm 1941, các cán bộ Xứ ủy còn lại bầu ông giữ chức vụ Bí thư Xứ ủy Nam kỳ. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Xứ ủy do ông đứng đầu, hệ thống tổ chức Đảng được phục hồi. Ngày 11-7-1941, trên đường công tác từ Cai Lậy ra lộ Đông Dương (nay là Quốc lộ 1) để qua Bến Tre, ông bị địch bắt. Trong nhà giam Cai Lậy và Mỹ Tho, mặc dù bị tra tấn dã man, nhưng ông vẫn giữ vững khí tiết của người chiến sĩ cộng sản, một lòng trung thành với Đảng, kiên quyết không đầu hàng, khai báo. Bất lực, chính quyền thực dân Pháp kết án tử hình. Không khuất phục, ông chống án, khiến bọn chúng buộc phải giảm án xuống chung thân khổ sai và đày đi Côn

Đảo.

Tại nhà tù Côn Đảo, ông mang số tù: C.10018. Trong thời gian bị giam cầm, ông nhận được tin Phan Văn Lữ, con trai cả của ông cũng rơi vào tay giặc, bị tra tấn đến chết tại bót cảnh sát Catinat ở Sài Gòn; rồi lại được tin Phan Văn Nam - người em ruột cũng bị bắt ra Côn Đảo, đã vĩnh viễn nằm lại nơi đây. Tuy nhiên, những nỗi đau đó đã không làm ông gục ngã. Dù bị giam cấm cố và bị tra tấn cực hình nhưng ông đã giữ vững khí tiết cách mạng, không ngừng đấu tranh, chống áp bức, khủng bố của kẻ địch ngay trong nhà lao.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, ông trở về tiếp tục công tác ở tỉnh Mỹ Tho. Cuối năm 1945, khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược bùng nổ, lực lượng cách mạng rút vào vùng Đồng Tháp Mười, ông vẫn bám vùng ven kinh Tổng đốc Lộc (nay là kinh Nguyễn Văn Tiếp) nắm tình hình, tập hợp và củng cố lực lượng kháng chiến. Ông liên lạc với các ông Trần Văn Trà, Nguyễn Văn Vịnh,… củng cố lực lượng vũ trang, xây dựng căn cứ Đồng Tháp Mười để tiến hành cuộc kháng chiến lâu dài ở các tỉnh Trung Nam Bộ.

Đầu tháng 3-1946, trên đường công tác từ Cai Lậy đến Cái Bè, ông bị giặc bắt lần thứ hai. Chúng tra tấn ông hết sức dã man. Không thể khuất phục được người cộng sản kiên cường, đêm mùng 7 tháng 3 năm 1946 bọn giặc hèn hạ thủ tiêu ông ở gò Bà Đội Phận - một bãi nghĩa địa hoang vắng ở phía đông chợ Cai Lậy. Ông đã anh dũng đền nợ nước khi vừa tròn 45 tuổi.

Ông đã hiến dâng trọn đời mình cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, là tấm gương đạo đức cách mạng sáng ngời cho các thế hệ noi theo. Công lao và sự cống hiến hiến của ông đối với quê hương, với cách mạng là vô cùng to lớn. Các sự kiện lịch sử trọng đại trong khởi nghĩa Nam Kỳ diễn ra ở tỉnh Mỹ Tho (nay là tỉnh Tiền Giang) đều có sự tham gia, đóng góp của ông, như sự ra đời của Cờ đỏ sao vàng, tên nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (nay là Công hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam), thành lập Ủy ban Nhân dân cách mạng tỉnh Mỹ Tho, lực

lượng vũ trang Nhân dân cách mạng và Toà án Nhân dân cách mạng tỉnh Mỹ Tho.

Với những cống hiến lớn lao cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và Tổ quốc, ngày 30/5/1998, ông được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng Huân chương cao quí - Huân chương Hồ Chí Minh. Tên ông được đặt tên công viên, tên đường ở Thành phố Hồ Chí Minh, tên đường ở thành phố Mỹ Tho và thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Khu tưởng niệm đồng chí Phan Văn Khỏe tọa lạc tại xã Mỹ Hạnh Đông, thị xã Cai Lậy, có diện tích 1 ha, khánh thành năm 2023, gồm các hạng mục sân lễ, nhà bia, cột cờ, nhà tưởng niệm, hoa kiểng, cây xanh, bãi đậu xe, cổng tam quan, hệ thống hàng rào, chiếu sáng và các công trình phụ trợ khác. Bên trong nhà tưởng niệm có án thờ bằng gỗ quý được chạm trỗ tinh xảo, chính giữa án thờ là tượng chân dung đồng chí Phan Văn Khỏe, phía sau tượng là bức phù điêu bằng đồng chạm khắc nổi hình hoa sen, hai bên có câu đối: *"Cờ đỏ sao vàng uy linh hồn dân tộc. Khởi nghĩa Nam Kỳ vang danh đất Tiền Giang"*. Ngoài ra, còn có bộ lư, đôi hạc đứng trên lưng rùa, các bình hoa và bộ binh khí (8 món); tất cả đều được làm bằng đồng có tính mỹ thuật rất cao. Tại nhà bia có tấm bia cao 3 m, rộng 1,5 m, được tạo tác bằng đá hoa cương màu đen, chạm khắc chữ chìm màu vàng, ghi tóm tắt tiểu sử của đồng chí Phan Văn Khỏe.

Khu tưởng niệm đồng chí Phan Văn Khỏe được Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 3187/QĐ-UBND ngày 24/11/2021.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên công viên/vườn hoa, rạp hát:**

Công viên/Vườn hoa:

Khái niệm:

- Công viên là khu vực được trồng cây xanh tập trung trong một diện tích đất lớn nhằm mục đích phục vụ công cộng, là nơi sinh hoạt ngoài trời, nghỉ ngơi, thư giãn, vui chơi, giải trí, tập luyện thể dục, nơi tổ chức các hoạt động văn hóa - xã hội đáp ứng nhu cầu của nhân dân. Ngoài cây xanh, công viên còn có các công trình kiến trúc và công trình hạ tầng kỹ thuật đồng bộ. Phạm vi quản lý một công viên bao gồm diện tích bên trong công viên và vỉa hè của công viên đó.

- Vườn hoa: Loại công viên hoặc vườn nhỏ ở đô thị trong đó có trồng nhiều hoa. Có thể đứng độc lập hoặc gắn với công trình kiến trúc, có tác dụng tăng thẩm mỹ cho cảnh quan đô thị.

1. Công viên Khu thương mại Phường 1

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Công viên) + Công trình xây dựng (Khu thương mại) + Địa danh hành chính (Phường 1).

Công viên được khánh thành năm 2018, tọa lạc tại Phường 1, thị xã Cai lậy, tỉnh Tiền Giang, diện tích 8.200 m², có nền cỏ lá gừng, hoa và các loại cây lá màu; cây thân gỗ có xà cừ, bằng lăng, phượng vỹ, dương; vỉa hè, lối đi lát gạch Tezzaro; thiết bị tập thể dục, ghế đá, đèn trang trí, hệ thống điện nước,…

2. Công viên Phường 1

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Công viên) + Địa danh hành chính (Phường 1).

Công viên được khánh thành năm 2019, tọa lạc tại Phường 1, thị xã Cai lậy, tỉnh Tiền Giang, diện tích 1.100 m², có nền cỏ lá gừng, hoa và các loại cây lá màu; cây thân gỗ có xà cừ, bằng lăng, phượng vỹ, dương, lim xẹt; hồ nước và đài phun nước, vỉa hè, lối đi lát gạch Tezzaro; thiết bị tập thể dục, ghế đá, đèn trang trí, hệ thống điện nước,…

3. Công viên Phường 2

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Công viên) + Địa danh hành chính (Phường 2).

Công viên được khánh thành năm 2019, tọa lạc tại Phường 2, thị xã Cai lậy, tỉnh Tiền Giang, diện tích 1.500 m², có nền cỏ lá gừng, hoa và các loại cây lá màu; cây thân gỗ có xà cừ, bằng lăng,,,,,; vỉa hè, lối đi lát gạch Tezzaro, ghế đá, đèn trang trí,…

4. Công viên Trần Hữu Tám

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Công viên) + Họ và tên danh nhân (Trần Hữu Tám: Ông là một trong những đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đầu tiên ở huyện Cai Lậy. Khuya ngày 06/02/1931, ông đã treo cờ đỏ búa liềm trên ngọn cây dương, gần Nhà thương Cai Lậy. Đây là lần đầu tiên cờ Đảng xuất hiện ở huyện Cai Lậy, trở thành sự kiện lịch sử lớn ở địa phương).

Công viên được khánh thành khoảng năm 2010, tọa lạc tại Phường 1, thị xã Cai lậy, tỉnh Tiền Giang, diện tích 2.500 m², có nền cỏ lá gừng, hoa và các loại cây lá màu; cây thân gỗ có xà cừ, bằng lăng, phượng vỹ, liễu,…; vỉa hè, lối đi lát gạch Tezzaro; thiết bị tập thể dục, ghế đá, đèn trang trí, đài phun nước, hệ thống điện nước,…

5. Công viên Tứ Kiệt

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Công viên) + Danh nhân (Tứ Kiệt hay Bốn Ông).

Tiểu sử danh nhân:

Tứ Kiệt hay Bốn Ông là cách gọi của nhân dân để chỉ bốn vị anh hùng chống Pháp ở Cai Lậy (Tiền Giang). Đó là các ông Nguyễn Thanh Long (sinh năm 1820 tại thôn Cẩm Sơn, huyện Kiến Đăng, tỉnh Định Tường, nay là xã Cẩm Sơn, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang), Trần Công Thận (sinh năm 1825 tại thôn Mỹ Trang,

huyện Kiến Đăng, tỉnh Định Tường, nay là xã Long Khánh, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang), Trương Văn Rộng (chưa rõ năm sinh, người thôn Tân Lý Đông, huyện Kiến Hưng, tỉnh Định Tường, này là xã Tân Lý Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang), Ngô Tấn Đước hay Đức (chưa rõ năm sinh, người thôn Tân Hội, huyện Kiến Đăng, tỉnh Định Tường, nay là xã Tân Hội, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang).

Vốn có lòng yêu nước nồng nàn, khi giặc Pháp xâm chiếm Tiền Giang (1861), cả bốn ông đều tham gia lực lượng nghĩa quân do Thiên hộ Võ Duy Dương lãnh đạo.

Sau khi cuộc khởi nghĩa bất thành (1866), bốn ông trở về Cai Lậy chiêu tập nghĩa sĩ, tiếp tục đứng lên đánh Pháp. Tại đây, bốn ông đã xây dựng thế trận lòng dân vô cùng vững chắc; và với chiến thuật du kích, nghĩa quân do bốn ông chỉ huy đã gây cho quân Pháp nhiều thiệt hại nặng nề. Hai chiến công tiêu biểu của nghĩa quân Tứ Kiệt là trận tấn công thành Mỹ Tho và trận thiêu hủy đồn Cai Lậy:

Về trận đánh thành Mỹ Tho, vào khoảng 3 giờ sáng ngày 01-5-1868, nhân lúc trời còn tối và bọn lính canh say ngủ, nghĩa quân đã dùng thang vượt tường thành, đốt cháy kho lương, giết chết và làm bị thương một số lính Pháp; sau đó, nghĩa quân đã rút lui an toàn.

Về trận thiêu hủy đồn Cai Lậy, ngày 24-12-1870, lợi dụng lúc bọn chỉ huy đồn Cai Lậy về Mỹ Tho dự lễ Giáng sinh, nghĩa quân bất ngờ đánh úp đồn Cai Lậy, phóng hỏa thiêu hủy hoàn toàn đồn này và tiêu diệt một số tên Việt gian có nợ máu với nhân dân; đồng thời, nghĩa quân cũng thu được nhiều vũ khí của địch.

Trước sự lớn mạnh của cuộc khởi nghĩa Tứ Kiệt, thực dân Pháp vô cùng lo sợ. Bọn chúng ra lệnh cho tên Việt gian Trần Bá Lộc chỉ huy hàng ngàn quân lính mở nhiều cuộc càn quét vô cùng khốc liệt vào vùng Cai Lậy, nhằm bình định nơi này và tiêu diệt nghĩa quân.

Lực lượng nghĩa quân đã kiên quyết và anh dũng chống trả. Nhưng cuối cùng, do sự chênh lệch quá lớn về lực lượng; nghĩa quân tan rã và bốn ông đều bị sa vào tay giặc. Biết bốn ông đều là những bậc nghĩa khí và có ảnh hưởng lớn trong nhân dân, Trần Bá Lộc dùng những thủ đoạn vô cùng thâm độc hòng buộc bốn ông phải đầu hàng, như vừa ra sức mua chuộc, dụ dỗ; vừa tra tấn dã man; đặc biệt, bọn chúng còn mang những người thân trong gia đình của bốn ông ra đánh đập hết sức tàn bạo, nhằm rúng ép bốn ông phải quy thuận.

Thế nhưng, trước sau, bốn ông đều khẳng khái tuyên bố: "*Sinh vi tướng, tử vi thần*", quyết không chịu khuất phục. Bất lực trước ý chí bất khuất của bốn ông, ngày 25 tháng chạp năm Canh Ngọ (nhằm ngày 14-02-1871), thực dân Pháp đã xử chém bốn vị anh hùng dân tộc tại chợ Cai Lậy.

Cảm phục cuộc đời và tấm gương chiến đấu oanh liệt, bất khuất của Bốn Ông, nhân dân Cai Lậy đã tự động quyên góp tiền bạc, xây dựng một ngôi đền ở ngay tại thị trấn Cai Lậy để thờ tự bốn ông. Đến năm 1997, lăng mộ của Bốn Ông được trùng tu với quy mô lớn, tọa lạc đường 30 tháng 4, phường 1, thị xã Cai Lậy và được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia năm 1999. Hàng năm, cứ đến ngày 25 tháng chạp, nhân dân Cai Lậy lại làm giỗ hội, tưởng nhớ đến Bốn Ông đã vì nước quên thân, nêu cao tấm gương sáng ngời cho hậu thế noi theo. Thật đúng là:

Tứ vị anh hùng vị quốc hy sinh vĩnh niệm.

Kiệt nhân nghĩa cử tinh thần bất khuất lưu tồn.

Công viên Tứ Kiệt được khánh thành khoảng năm 2010, có diện tích 420 m², tọa lạc tại Phường 2, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, bao gồm các hạng mục: ghế đá, các dụng cụ tập thể dục ngoài trời, vỉa hè và lối đi lát gạch Tezzaro, nhà vệ sinh, hệ thống điện nước; nền cỏ lá gừng, hoa và các loại cây lá màu; cây thân gỗ có xà cừ, bằng lăng, phượng vỹ,…

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên chợ:**

Chợ

- Theo Hoàng Phê trong *Từ điển Tiếng Việt*, "Chợ là nơi công cộng, để đông người đến mua và bán trong những buổi, ngày nhất định"[14].

- *Từ điển Bách khoa Việt Nam* ghi: "Chợ là nơi gặp nhau giữa nơi cung và cầu các hàng hóa, dịch vụ, vốn; là nơi tập trung mua bán hàng hóa giữa người sản xuất, người mua bán và người tiêu dùng"[15].

- Trong quyển *Gốc và Nghĩa của Từ Việt thông dụng*, Vũ Xuân Phái định nghĩa: "Chợ là nơi tụ họp buôn bán"; "chợ búa là nơi tụ họp bày bán hàng hóa, để buôn bán trong làng, xóm (thời xưa) hay cái chợ là nơi quy định mua bán"[16].

- Theo Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, "Chợ là loại hình kinh doanh thương mại được hình thành và phát triển mang tính truyền thống, được tổ chức tại một địa điểm theo quy hoạch, đáp ứng nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hoá và nhu cầu tiêu dùng của khu vực dân cư"[17].

Chợ đầu mối

Theo Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, "Chợ đầu mối: là chợ có vai trò chủ yếu thu hút, tập trung

---

[14] Hoàng Phê (2000), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng, tr.165.

[15] *Từ điển Bách khoa Việt Nam (2003),* NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội, tr.22.

[16] Vũ Xuân Phái *(2009), Gốc và Nghĩa của Từ Việt thông dụng,* NXB Trẻ, tr.162.

[17] Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1.

lượng hàng hóa lớn từ các nguồn sản xuất, kinh doanh của khu vực kinh tế hoặc của ngành hàng để tiếp tục phân phối tới các chợ và các kênh lưu thông khác"[18].

Phân loại chợ

Tùy vào mục đích và tiêu chí, người ta phân loại chợ theo nhiều cách khác nhau: Phân loại chợ theo điều kiện môi sinh; Phân loại chợ theo số lượng hộ kinh doanh, vị trí và mặt bằng của chợ (theo quy mô: chợ loại I, chợ loại II và chợ loại III); Phân loại chợ theo tính chất mua bán (chợ bán buôn và chợ bán lẻ); Phân loại chợ theo đặc điểm mặt hàng kinh doanh (chợ tổng hợp và chợ chuyêndoanh); Theo địa giới hành chính (chợ đô thị và chợ nông thôn); Phân loại theo tính chất và quy mô xây dựng (chợ kiên cố, chợ bán kiên cố, chợ tạm).

- Trong công trình nghiên cứu "Chợ nổi đồng bằng sông Cửu Long từ góc nhìn văn hóa học", Đặng Thị Hạnh đã lập bảng phân loại chợ như sau[19]:

STT	TIÊU CHÍ PHÂN LOẠI	LOẠI HÌNH CHỢ
1	Theo thời gian họp chợ	- Chợ sáng - Chợ hôm - Chợ chiều - Chợ đêm - Chợ phiên

[18] Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1.

[19] Đặng Thị Hạnh (2012), *Chợ nổi đồng bằng sông Cửu Long từ góc nhìn văn hóa học*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh, tr.41.

2	Theo lịch sử	- Chợ truyền thống - Chợ hiện đại (siêu thị)
3	Theo khu vực địa lý	- Chợ quê - Chợ ven đô - Chợ đô thị - Chợ đồng bằng - Chợ miền núi
4	Theo quy mô hành chánh	- Chợ làng - Chợ xã (liên làng) - Chợ huyện (liên xã) - Chợ thị trấn - Chợ thị xã
5	Theo tính chất, quy mô trao đổi hàng hóa	- Chợ đầu mối - Chợ bán lẻ - Chợ chuyên doanh - Chợ tổng hợp
6	Theo loại hình hàng hóa bán chủ yếu tại chợ	- Chợ vải - Chợ trâu - Chợ trái cây

		- Chợ hải sản
7	Theo quy mô xây dựng	- Chợ kiên cố - Chợ bán kiên cố - Chợ tạm

- Trong quyển *Chợ quê trong quá trình biến đổi*, Lê Thị Mai đã phân chia chợ ra thành nhiều loại hình khác nhau, với những tiêu chí khác nhau như sau[20]:

+ Thời gian hợp chợ có: Chợ sáng, chợ hôm, chợ chiều, chợ đêm, chợ phiên

+ Theo khu vực, địa vực có: chợ quê, chợ đô thị, chợ ven đô, chợ đồng bằng, chợ trung du, chợ miền biển…

+ Theo quy mô hành chánh có: Chợ làng, chợ xã (liên làng), chợ huyện (liên xã), chợ thị trấn, chợ thị xã,...

+ Theo tính chất, quy mô trao đổi hàng hóa có: Chợ đầu mối, chợ bán lẻ,

chợ chuyên doanh, chợ tổng hợp,…

+ Theo loại hình hàng hóa bán tại chợ có: chợ vải, chợ trâu, chợ lụa, chợ trái cây, chợ nông sản,…

Trong đề tài này, nhóm tác giả chọn cách phân loại chợ theo Nghị định 02/2003/NĐ - CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ[21]:

[20] Lê Thị Mai (2004), *Chợ quê trong quá trình chuyển đổi*, NXB Thế Giới, tr.41.

[21] Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1.

- *Chợ loại 1:* Là chợ có trên 400 điểm kinh doanh chợ, được đầu tư xây dựng kiên cố, hiện đại theo quy hoạch; được đặt ở các vị trí trung tâm kinh tế thương mại quan trọng của tỉnh, thành phố hoặc là chợ đầu mối của ngành hàng, của khu vực kinh tế và được tổ chức họp thường xuyên; có mặt bằng phạm vi chợ phù hợp với quy mô hoạt động của chợ và tổ chức đầy đủ các dịch vụ tại chợ: trông giữ xe, bốc xếp hàng hóa, kho bảo quản hàng hóa, dịch vụ đo lường, dịch vụ kiểm tra chất lượng hàng hóa, vệ sinh an toàn thực phẩm và các dịch vụ khác.

- *Chợ loại 2:* Là chợ có trên 200 điểm kinh doanh, được đầu tư xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố theo quy hoạch; được đặt ở trung tâm giao lưu kinh tế của khu vực và được tổ chức họp thường xuyên hay không thường xuyên; có mặt bằng phạm vi chợ phù hợp với quy mô hoạt động chợ và tổ chức các dịch vụ tối thiểu tại chợ: trông giữ xe, bốc xếp hàng hóa, kho bảo quản hàng hóa, dịch vụ đo lường.

- *Chợ loại 3:* Là các chợ có dưới 200 điểm kinh doanh hoặc các chợ chưa được đầu tư xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố. Chủ yếu phục vụ nhu cầu mua bán hàng hóa của nhân dân trong xã, phường và địa bàn phụ cận.

*** Quy mô chợ**

Theo Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, có chợ kiên cố và chợ bán kiên cố[22]:

- Chợ kiên cố: là chợ được xây dựng bảo đảm có thời gian sử dụng trên 10 năm.

- Chợ bán kiên cố: là chợ được xây dựng bảo đảm có thời gian sử dụng từ 5 đến 10 năm.

Chợ ở thị xã Cai Lậy:

[22] Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1.

1. Chợ Cai Lậy

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Chức vụ thời xưa (Cai cơ) + Tên người (Lậy: Vùng đất này do ông Cai cơ Ngô Tấn Lễ (Cai Lễ) chỉ huy khai khẩn. Lâu dần từ Cai Lễ được nhân dân nói trại thành Cai Lậy).

Chợ Cai Lậy do bà Cai Lễ lập năm 1772. Đến đầu thế kỷ XIX, do chợ tọa lạc tại thôn Thanh Sơn, nên còn được gọi là chơ Thanh Sơn. Theo sách *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức, chợ Thanh Sơn là một chợ lớn, có "*quán xá liền lạc, ghe thuyền khắp nơi đến tụ họp buôn bán thành nơi đô hội*". Đến giữa thế kỷ XIX, thôn Thanh Sơn được đổi thành thôn Hòa Sơn, nên được gọi là chợ Hòa Sơn.

Năm 2000, chợ được xây mới. Năm 2022, chợ được xếp loại 1, có diện tích 24.412 m², tọa lạc ở Phường 1, thị xã Cai Lậy, với 495 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, quần áo, vải sợi, đồ gia dụng, kim khí điện máy, bánh kẹo, tạp hóa, nông cụ,…

2. Chợ Bưng Môn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa hình thiên nhiên (Bưng: gốc từ Khmer *bâng* (hồ to) gọi trại mà ra, chỉ vùng đất trũng giữa đồng, đọng nước, có nhiều cây mọc, như đưng, đế, lác,...[23] hoặc là đất sình lầy, nước lắp xắp, cá tôm ở nhiều, cỏ lác mọc loạn xạ[24].) + Thực vật (cây môn nước: là một loài cây thuộc họ Ráy (Araceae), mọc ở nơi ẩm thấp, đọng nước; đây

[23] Lê Trung Hoa (2018), *Địa danh học Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, trang 77.

[24] Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Quang Ân (2007), *Địa chí Tiền Giang (tập 2),* Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tiền Giang và Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, trang 542.

là loại cây mà thân dùng để làm rau ăn (dưa chua), củ dùng để làm lương thực và thực phẩm).

Năm 2022, chợ được xếp loại 3, có diện tích 540 m², tọa lạc ở xã Tân Hội, thị xã Cai Lậy, với 48 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

3. Chợ Long Khánh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Long Khánh).

Năm 2022, chợ được xếp loại 3, có diện tích 2.315 m², tọa lạc ở xã Long Khánh, thị xã Cai Lậy, với 40 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

4. Chợ Mỹ Hạnh Đông

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Mỹ Hạnh Đông).

Chợ được lập năm 1975. Năm 2022, chợ được xếp loại 3, có diện tích 2.314 m², tọa lạc ở xã Mỹ Hạnh Đông, thị xã Cai Lậy, với 39 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

5. Chợ Mỹ Hạnh Trung (Chợ Cái Chuối)

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Mỹ Hạnh Trung).

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa hình thiên nhiên (Cái: do từ sông Cái gọi tắt, là sông lớn, có nhiều chi lưu đổ vào) + Thực vật (Chuối: là cây ra hoa thân thảo lớn, trung bình cao từ 3 - 5 m, trái chuối là một trong những loại trái cây rất phổ biến, có giá trị dinh dưỡng cao, tốt cho sức khỏe).

Chợ được lập năm 1954. Năm 2022, chợ được xếp loại 3, có diện tích 3.582 m², tọa lạc ở xã Mỹ Hạnh Trung, thị xã Cai Lậy, với 75 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, quần áo, bánh kẹo, tạp hóa,…

6. Chợ Mỹ Phước Tây

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Mỹ Phước Tây).

Chợ được lập năm 1958. Năm 2022, chợ được xếp loại 2, có diện tích 5.000 m², tọa lạc ở xã Mỹ Phước Tây, thị xã Cai Lậy, với 199 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, quần áo, kim khí điện máy, nông cụ, tạp hóa,…

7. Chợ Nhị Quý

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Nhị Quý).

Chợ được lập năm 1885. Năm 2022, chợ được xếp loại 3, có diện tích 2.926 m², tọa lạc ở xã Nhị Quý, thị xã Cai Lậy, với 198 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, quần áo, bánh kẹo, kim khí điện máy, tạp hóa,…

8. Chợ Phú Quý (Chợ Trà Luộc)

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Phú Quý).

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh Việt gốc Khmer (Trà Luộc: Tà đọc trại thành Trà có nghĩa là người đàn ông đứng tuổi, có uy tín, được kính trọng; Tên người: Luộc).

Chợ được lập năm 1885. Năm 2022, chợ được xếp loại 3, có diện tích 817 m², tọa lạc ở xã Phú Quý, thị xã Cai Lậy, với 40 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

9. Chợ Tam Long

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh Hán Việt (Tam: 三; Ba, số ba; Long: 隆: Hưng thịnh, long trọng).

Chợ được lập năm 1980, xây mới năm 2014. Năm 2022, chợ được xếp loại 3, có diện tích 5.815 m², tọa lạc ở xã Phường 2, thị xã Cai Lậy, với 61 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, quần áo, bánh kẹo, tạp hóa,…

10. Chợ Tân Bình

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh Hán Việt (Tân: 新: Mới mẻ; Bình: 平: Hoà bình, bình đẳng).

Năm 2022, chợ được xếp loại 3, có diện tích 929 m², tọa lạc ở xã Phường 5, thị xã Cai Lậy, với 50 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, quần áo, bánh kẹo, tạp hóa,…

11. Chợ Tân Hội

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Tân Hội).

Năm 2022, chợ được xếp loại 3, có diện tích 2.087 m², tọa lạc ở xã Tân Hội, thị xã Cai Lậy, với 74 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, quần áo, bánh kẹo, tạp hóa,…

12. Chợ Tân Phú

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Tân Phú).

Năm 2022, chợ được xếp loại 3, có diện tích 1.386 m², tọa lạc ở xã Tân Phú, thị xã Cai Lậy, với 81 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, quần áo, bánh kẹo, tạp hóa,…

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn trường học:**

Trường trung học phổ thông, trường trung học cơ sở - trung học phổ thông:

Trường trung học phổ thông:

1. Trường Trung học phổ thông Đốc Binh Kiều

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học phổ thông) + Tước vị và tên danh nhân (Đốc binh Kiều).

Địa chỉ: Số 02, đường Võ Thanh Tâm, Khu phố 1, Phường 4, thị xã Cai lậy, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273.3829.348

Trang thông tin điện tử: dbk.tiengiang.edu.vn

Email: c3docbinhkieu.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1959, Trường Trung học Cai Lậy được thành lập. Năm 1962, trường được đổi tên là Trường Trung học Khiêm Ích (do quận Cai Lậy bấy giờ đổi tên thành quận Khiêm Ích). Năm 1967, trường được đổi tên thành Trường Trung học Đốc Binh Kiều. Sau năm 1975 là Trường Trung học phổ thông Đốc Binh Kiều. Năm 2011, trường có Quyết định thành lập số 1229/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

ĐỐC BINH KIỀU

(? - 1866)

Ông tên thật là Nguyễn Tấn Kiều, còn gọi là Lê Công Kiều, Quan lớn thượng, chưa rõ năm sinh, nguyên quán miền Trung, di cư vào huyện Kiến Đăng, tỉnh Định Tường (nay là vùng Cái Bè - Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang).

Năm 1861, thực dân Pháp xâm chiếm Định Tường, ông chiêu mộ nghĩa dũng nổi lên chống giặc ở vùng Rạch Ruộng (Cái Bè). Sau đó, ông mang nghĩa quân thuộc quyền gia nhập lực lượng kháng chiến do Võ Duy Dương (Thiên hộ Dương) lãnh đạo. Do có tài thao lược, tinh thần chiến đấu dũng cảm và chỉ huy nghĩa quân lập được nhiều chiến công; nên ông được Võ Duy Dương phong chức Đốc binh, nên được người đời gọi là Đốc binh Kiều.

Năm 1864, để chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài, Võ Duy Dương rút quân vào vùng bưng biền Đồng Tháp Mười, thành lập căn cứ kháng chiến chống Pháp. Lúc bấy giờ, ông được Võ Duy Dương tin tưởng giao nhiệm vụ làm Phó tướng, trực tiếp chỉ huy xây dựng căn cứ Đồng Tháp Mười.

Bằng nhãn quan quân sự sắc sảo, ông cho xây dựng đại bản doanh của nghĩa quân ở Gò Tháp, thường được gọi là đồn Trung; và ba đồn khác bao quanh là đồn Tiền (hướng Cái Nứa), đồn Tả (hướng Gò Bắc Chiêng), đồn Hữu (hướng Cần Lố), để tạo thế chân vạc, bảo vệ đồn Trung.

Các đồn này đều có lũy đất chung quanh, cao khoảng 2,5 mét, thân lũy có trổ cửa và lỗ châu mai, ngoài lũy có những hàng cừ bằng cây sao nhằm chống địch tiếp cận đồn. Mỗi đồn có từ 200 - 300 nghĩa quân, được trang bị khoảng 10 khẩu súng thần công các loại và 40 - 50 khẩu súng bắn đá.

Ngoài ra, ông còn cho xây dựng nhiều đồn nhỏ (có khoảng 100 - 150 nghĩa quân) và trạm canh (có khoảng 10 nghĩa quân), tạo thành tuyến bảo vệ vòng ngoài cho căn cứ chính, trong đó quan trọng nhất là các đồn Cái Nứa (Hậu Thành, Cái

Bè), Cái Thia (Mỹ Đức Đông, Cái Bè), Thủ Ngữ, Đất Sét, Quản Oai, Rạch Ruộng (Hậu Mỹ, Cái Bè), Mỹ Thạnh (Phú Nhuận, Cai Lậy), Trường Tháp (Mỹ Thành Bắc, Cai Lậy),…

Từ căn cứ Đồng Tháp Mười, dưới sự chỉ huy của ông và chủ tướng Võ Duy Dương, nghĩa quân đã liên tục tấn công các vị trí đóng quân của giặc Pháp, tạo nên những chiến thắng oai hùng, tiêu biểu là hai lần tấn công đồn Mỹ Trà (Cao Lãnh) vào giữa và cuối năm 1865, gây cho địch những tổn thất nặng nề. Có lần, ông đã chỉ huy nghĩa quân táo bạo tấn công đồn Cai Lậy.

Trước sự phát triển mạnh mẽ của lực lượng nghĩa quân, đầu tháng 4- 1866, thực dân Pháp huy động khoảng 1.000 quân tấn công căn cứ Đồng Tháp Mười. Để đối phó với quân giặc, được sự phân công của Bộ chỉ huy nghĩa quân và chủ tướng Võ Duy Dương, ông và Lãnh binh Nguyễn Văn Cẩn nhận lãnh trọng trách chỉ huy đồn Trung nhằm bảo vệ đại bản doanh và chi viện cho các đồn khác, trong đó có đồn Tả do Võ Duy Dương chỉ huy.

Sau những trận đánh thăm dò, ngày 14-4-1866, quân Pháp chia ra làm ba cánh đồng loạt tấn công Đồng Tháp Mười. Nghĩa quân trú đóng trong các đồn đã kiên cường chống trả, khiến quân Pháp bị tiêu hao khá nhiều. Thế nhưng, do quân đông, hỏa lực mạnh, địch lần lượt chiếm đồn Tả (ngày 16-4), đồn Tiền và đồn Hữu (ngày 17-4).

Trước tình hình đó, ông đốc thúc nghĩa quân từ đồn Trung xông ra ứng chiến nhằm giải vây cho Võ Duy Dương và các toán nghĩa quân từ các nơi đổ về. Chiến sự diễn ra vô cùng ác liệt. Cuối cùng, trong một trận đánh giáp lá cà với quân địch, ông đã anh dũng đền nợ nước ngày 18-4-1866. Có tài liệu chép, lúc lên đài quan sát, ông bị trúng đạn, được đưa về gò Giồng Dung điều trị và sau đó vài ngày thì mất. Thi hài ông được an táng tại nền đồn Trung ở Gò Tháp, đồng thời, nghĩa quân cũng làm vài ngôi mộ giả để nghi trang. Hiện nay, ở Gò Tháp có đền thờ chung, thờ ông và chủ tướng Võ Duy Dương. Ngày 14 tháng 11 âm lịch hàng năm là ngày

giỗ chung hai ông. Lễ giỗ này được chính quyền và nhân dân địa phương tổ chức rất trang nghiêm, thu hút đông đảo nhân dân đến chiêm bái và cúng kiếng.

Người đời sau có bài thơ ca ngợi ông như sau:

Vì nước quên mình bởi chữ trung,

Thương dân chi sá chốn sình bùn.

Mấy năm Đồng Tháp danh vang dội,

Cọp sống ngoài truông cáo hãi hùng.

Hai thước im lìm nơi thạch động,

Đồng bào tưởng nhớ đứng thờ chung.

Nỗi lòng nghĩ đến nhiều năm trước,

Hương lửa đều không cảnh lạnh lùng.

Hiện nay, đền thờ của ông và Võ Duy Dương tọa lạc ở Gò Tháp, xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Đây là một trong những di tích nằm trong cụm Di tích quốc gia đặc biệt Gò Tháp (được công nhận năm 2012). Nhân dân còn lập Miếu thờ ông ở thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An. Tên và chức vụ của ông (Đốc binh Kiều) được đặt tên đường ở thành phố Mỹ Tho; tên trường trung học phổ thông ở thị xã Cai Lậy (tỉnh Tiền Giang), tên trường trung học phổ thông và tên xã ở huyện Tháp Mười (tỉnh Đồng Tháp).

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 33 đảng viên; nam: 16; Nữ: 17; Chi ủy: 05; nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 03; nam: 02; nữ: 01. Công đoàn: 85 công đoàn viên; nam: 39; nữ: 46. Đoàn thanh niên: 1.550, nam: 773, nữ: 777.

Tổng số viên chức: 83; nữ: 45; nam: 38. Tổng số giáo viên: nữ: 44; nam: 35. Thạc sĩ: 17; Cử nhân (Đại học): 64: Cử nhân (Cao đẳng): 00; Trình độ khác: 02. Tổng số học sinh: 1.770; nam: 855; nữ: 915.

Tổng diện tích: 20.560 m²; diện tích sử dụng: 1.980 m².

Trường có 08 dãy lầu, mỗi dãy 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; phòng làm việc: 07; phòng học: 40; phòng thí nghiệm: 07; phòng nghe nhìn: 02; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; Nhà vệ sinh: 20; căn tin, nhà xe.

2. Trường Trung học phổ thông Lê Văn Phẩm

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học phổ thông) + Họ và tên danh nhân (Lê Văn Phẩm).

Địa chỉ: Ấp Kinh 12, xã Mỹ Phước Tây, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733.827.302.

Trang thông tin điện tử: http://thptlevanpham.tiengiang.edu.vn/

Email: c3levanpham.tiengiang@moet.edu.vn

Ngày19/01/1984, Phân hiệu Mỹ Phước Tây thuộc Trường Trung học phổ thông Đốc Binh Kiều được thành lập. Ngày 15/10/1986, Phân hiệu Mỹ Phước Tây được tách ra khỏi trường Trung học phổ thông Đốc Binh Kiều để thành lập Trường Trung học phổ thông Mỹ Phước Tây. Năm 1988, trường nhận được Quyết định thành lập theo Công văn số 175/CT-UB ngày 13/5/1988 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang. Ngày 16/10/2014, Ủy ban Nhân tỉnh Tiền Giang ban hành Quyết định số 2533/QĐ-UBND đổi tên trường Trung học phổ thông Mỹ Phước Tây thành Trường Trung học phổ thông Lê Văn Phẩm. Trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

LÊ VĂN PHẨM

(1922 – 1990)

Lê Văn Phẩm, bí danh Chín Hải, sinh năm 1922 tại làng Mỹ Phước Tây, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Mỹ Phước Tây, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân nghèo có truyền thống yêu nước.

Ông sớm giác ngộ cách mạng, đi giao liên, rải truyền đơn và tham gia cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ (tháng 11-1940) ở quê nhà. Cuộc khởi nghĩa bị thực dân Pháp đàn áp dã man, ông di chuyển đến Mộc Hoá (nay thuộc tỉnh Long An) lao động sinh sống. Sau đó, ông trở về xã Mỹ Phước Tây tiếp tục hoạt động cách mạng. Tháng 3-1945, ông vinh dự được đứng vào hàng ngũ Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam) và được cấp trên tin tưởng cử làm Trung đội trưởng kiêm Chính trị viên trung đội du kích xã Mỹ Phước Tây.

Tháng 8-1945, ông chỉ huy trung đội du kích tham gia khởi nghĩa giành chính quyền ở xã Mỹ Phước Tây nói riêng và huyện Cai Lậy nói chung. Khi thực dân Pháp quay trở lại xâm lược Nam Bộ (23-9-1945), ông bám trụ tại xã nhà, tiếp tục xây dựng cơ sở cách mạng, phát động phong trào nhân dân tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Tháng 11-1946, ông được đề bạt làm Phó bí thư chi bộ xã Mỹ Phước Tây. Táng 3-1947, được chỉ định làm Bí thư Chi bộ xã Mỹ Phước Tây kiêm Phó Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính xã và Chính trị viên Xã đội. Bằng sự năng nỗ, nhiệt tình, ông đã góp công to lớn trong việc đẩy mạnh phong trào kháng chiến của xã nhà ngày càng phát triển vững chắc. Năm 1953, ông là một trong hai đồng chí Bí thư xã được bầu vào Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Cai Lậy, phụ trách liên xã 3, gồm 6 xã là Tân Phú, Tân Bình, Mỹ Hạnh Trung, Mỹ Hạnh Đông, Mỹ Phước Tây, Hội Mỹ (Tân Hội và Nhị Mỹ).

Sau khi Hiệp định Genève được ký kết (1954), ông được phân công ở lại miền Nam, phụ trách xây dựng cơ sở cách mạng ở huyện Cai Lậy. Tháng 10-1955, ông được đề cử vào Thường vụ Huyện ủy Cai Lậy, phụ trách công tác binh vận. Tháng

7-1957, ông được Tỉnh ủy Mỹ Tho cử làm Phó Bí thư Huyện ủy Châu Thành. Tháng 8-1957, ông làm Bí thư Huyện ủy Châu Thành. Tháng 3-1959, ông được cử vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Mỹ Tho. Mặc dù phong trào cách mạng trong thời kỳ này gặp khó khăn nghiêm trọng, cơ sở Đảng bị vở lỡ, một số cán bộ, theo sự phân công của tổ chức, phải đi "điều lắng"; nhưng ông vẫn kiên cường bám trụ, cùng với Huyện ủy lãnh đạo nhân dân tiến hành đấu tranh chính trị, nhằm bảo vệ Đảng, cán bộ cách mạng trước sự đánh phá khốc liệt của địch, đòi các quyền dân sinh dân chủ, chống âm mưu chia cắt đất nước, khủng bố, đàn áp của địch,… Bên cạnh đó, ông còn ra sức xây dựng lực lượng vũ trang ở địa phương để làm đòn bẩy cho phong trào tiến lên.

Tháng 3-1960, ông được phân công phụ trách hai Huyện ủy Gò Công và Hoà Đồng (nay là các huyện Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phú Đông và thị xã Gò Công), trực tiếp làm Trưởng ban Cán sự Đảng huyện Hoà Đồng. Tại đây, ông đã góp phần quan trọng trong việc lãnh đạo, chỉ đạo phong trào cách mạng ở huyện Hòa Đồng phát triển mạnh mẽ. Tính đến cuối năm 1961, ở huyện Hòa Đồng, ta đã giải phóng hoàn toàn 3 xã (Long Hựu, Thành Công, Bình Long), làm chủ 3 xã (Bình Phú Đông, Tân Thới, Bình Thạnh Đông). Do đó, tại Hội nghị tổng kết phong trào du kích chiến tranh toàn tỉnh Mỹ Tho được tổ chức cuối năm 1961, huyện Hòa Đồng được đánh giá là địa phương có phong trào du kích chiến tranh phát triển mạnh. Năm 1962, lực lượng cách mạng huyện Hòa Đồng vẫn làm chủ tình hình, du kích các xã vẫn tiếp tục bao vây đồn bót, tổ chức những trận đánh phục kích táo bạo, bộ đội, du kích và nhân dân phối hợp chặt chẽ chống phá mưu đồ gom dân, lập ấp chiến lược của địch.

Tháng 10-1962, ông được Tỉnh ủy bổ sung vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy Mỹ Tho, phụ trách an ninh, kiêm Chính trị viên phó Tỉnh đội. Ở cương vị này, ông đã góp phần làm cho lực lượng vũ trang của tỉnh nhà, với ba thứ quân bộ đội chủ lực,

bộ đội địa phương và dân quân du kích, có sự tiến triển vượt bậc cả về số lượng lẫn chất lượng, nhất là phong trào du kích chiến tranh có sự phát triển mạnh mẽ.

Cuối năm 1967, ông là Chính trị viên Tỉnh đội Mỹ Tho. Tháng 6-1968, ông được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy Mỹ Tho. Lúc này, tình hình trên chiến trường diễn ra rất căng thẳng. Địch điên cuồng phản kích và tiến hành bình định vùng nông thôn, khiến cho ta gặp nhiều khó khăn. Trước tình hình đó, ông đã cùng với tập thể Tỉnh ủy đề ra những chủ trương và biện pháp đúng đắn, sáng tạo, lãnh đạo và chỉ đạo quân dân tỉnh nhà tiếp tục đẩy mạnh thế chiến lược tiến công, tạo nên những thắng lợi to lớn trên chiến trường. Tháng 6-1971, ông là Khu ủy viên Khu 8, Bí thư Tỉnh ủy Mỹ Tho. Phong trào cách mạng của tỉnh Mỹ Tho trong thời gian này tiếp tục phát triển mạnh mẽ, góp phần cùng với toàn Miền đánh bại chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của Mỹ và chính quyền Sài Gòn, buộc bọn chúng phải ký kết hiệp định Paris năm 1973.

Tháng 2-1974, ông được đề bạt làm Ủy viên Thường vụ Khu ủy Khu 8, trực tiếp chỉ đạo thắng lợi việc mở mãng chuyển vùng Khu vực 3 bao gồm Gò Công - nam Long An và huyện Chợ Gạo trong chiến dịch Mùa khô 1974 - 1975, tạo điều kiện thuận lợi để Quân khu 8 mở cuộc tấn công quyết định vào Sài Gòn từ phía tây nam trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất nước nhà. Giữa tháng 4-1975, trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, ông là Tư lệnh phó Mặt trận Nam Sài Gòn.

Từ năm 1976-1986, ông là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa 4 và Khóa 5, Bí thư Tỉnh ủy Tiền Giang. Là Bí thư Tỉnh ủy, ông đã cùng với tập thể Tỉnh ủy ra sức lãnh đạo, chỉ đạo công tác khắc phục hậu quả chiến tranh, phục hoá, khai hoang, ổn định chính trị - xã hội, giữ vững an ninh - quốc phòng, phát triển kinh tế, văn hoá - giáo dục, khuyếch trương các ngành nghề, mở mang đường xá, trường học, bệnh xá, cải thiện đời sống nhân dân; trong đó có những công trình mang dấu ấn thế kỷ gắn liền với trí tuệ, tâm huyết, công sức của đồng chí là chương

trình vùng lúa năng suất cao, khai hoang Đồng Tháp Mười, dự án ngọt hoá Gò Công, xây dựng tuyến đường xuyên cù lao Lợi Quan (Tân Phú Đông),… Năm 1986, ông nghỉ hưu sau hơn 40 năm hoạt động cách mạng không mệt mõi. Năm 1990, ông lâm trọng bệnh qua đời.

Trong quá trình hoạt động cách mạng, ông được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Kháng chiến chống Pháp hạng Ba, Huân chương Kháng chiến chống Mỹ, cứu nước hạng Nhất, Huân chương Quyết thắng hạng Nhất, Huân chương Lao động quên mình do Chính phủ Liên Xô tặng và nhiều huân, huy chương khác.

Dù ở bất cứ cương vị nào, ông cũng đều gắn bó mật thiết với nhân dân, có nhiều đóng góp quan trọng cho Tiền Giang trong công cuộc giải phóng dân tộc cũng như trong thời bình xây dựng đất nước. Tên ông được đặt tên đường ở thành phố Mỹ Tho; tên đường và tên trường trung học phổ thông ở thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2013, Chi bộ nhà trường có 32 đảng viên; nam: 15; nữ: 17; Chi ủy: 05; ó nam: 02; nữ: 03. Ban giám hiệu: 03; nam: 03; nữ: 00. Công đoàn: 70 công đoàn viên; nam: 36; nữ: 34. Đoàn thanh niên: 888 đoàn viên; nam: 393; nữ: 495.

Tổng số viên chức: 70; nam: 36; nữ: 34. Tổng số giáo viên: 64; nam: 32; nữ: 32. Thạc sĩ: 13; Cử nhân (đại học): 52; Cử nhân (cao đẳng): 01; Trình độ khác: 04.

Tổng số học sinh:1.378; nam: 657; nữ: 713.

Tổng diện tích: 20.868,8 m^2; diện tích sử dụng: 20.868,8m^2.

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 3 tầng ; Phòng làm việc: 09; Phòng học: 23; Phòng thí nghiệm: 06; Phòng nghe nhìn: 01; Phòng máy tính: 02; Thư viện: 01; Sân chơi: 8.000m^2; Khu thể thao: 2.500m^2; Nhà vệ sinh: 05 khu (Giáo viên: 02; Học sinh: 03), Căn tin và nhà xe.

3. Trường Trung học phổ thông Tứ Kiệt

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học phổ thông) + Bốn vị anh hùng chống Pháp (Tứ Kiệt).

Địa chỉ: Số 217, Quốc lộ 1, Khu phố 3, Phường 4, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733.829.038

Trang thông tin điện tử: tukiet.tiengiang.edu.vn

Email: c3tukiet.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1958, Trường Bán công Tứ Kiệt được thành lập. Sau năm 1975, trường có tên là Trường Bổ túc văn hóa. Năm 1989, trường được thay đổi chức năng, mang tên là Trường Bán công Cai Lậy. Năm 1998, trường được đổi tên thành Trường Trung học phổ thông bán công Tứ Kiệt. Năm 2008, theo Quyết định số 2726 ngày 05 tháng 9 năm 2008 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang, trường được công nhận là trường công lập và đổi tên thành Trường Trung học phổ thông Tứ Kiệt.

Tiểu sử các danh nhân được đặt tên trường:

TỨ KIỆT

Tứ Kiệt hay Bốn Ông là cách gọi của nhân dân để chỉ bốn vị anh hùng chống Pháp ở Cai Lậy (Tiền Giang). Đó là các ông Nguyễn Thanh Long (sinh năm 1820 tại thôn Cẩm Sơn, huyện Kiến Đăng, tỉnh Định Tường, nay là xã Cẩm Sơn, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang), Trần Công Thận (sinh năm 1825 tại thôn Mỹ Trang, huyện Kiến Đăng, tỉnh Định Tường, nay là xã Long Khánh, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang), Trương Văn Rộng (chưa rõ năm sinh, người thôn Tân Lý Đông, huyện Kiến Hưng, tỉnh Định Tường, này là xã Tân Lý Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang), Ngô Tấn Đước hay Đức (chưa rõ năm sinh, người thôn Tân Hội,

huyện Kiến Đăng, tỉnh Định Tường, nay là xã Tân Hội, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang).

Vốn có lòng yêu nước nồng nàn, khi giặc Pháp xâm chiếm Tiền Giang (1861), cả bốn ông đều tham gia lực lượng nghĩa quân do Thiên hộ Dương lãnh đạo.

Sau khi cuộc khởi nghĩa bất thành (1866), bốn ông trở về Cai Lậy chiêu tập nghĩa sĩ, tiếp tục đứng lên đánh Pháp. Tại đây, bốn ông đã xây dựng thế trận lòng dân vô cùng vững chắc; và với chiến thuật du kích, nghĩa quân do bốn ông chỉ huy đã gây cho quân Pháp nhiều thiệt hại nặng nề. Hai chiến công tiêu biểu của nghĩa quân Tứ Kiệt là trận tấn công thành Mỹ Tho và trận thiêu hủy đồn Cai Lậy:

Về trận đánh thành Mỹ Tho, vào khoảng 3 giờ sáng ngày 01-5-1868, nhân lúc trời còn tối và bọn lính canh say ngủ, nghĩa quân đã dùng thang vượt tường thành, đốt cháy kho lương, giết chết và làm bị thương một số lính Pháp; sau đó, nghĩa quân đã rút lui an toàn.

Về trận thiêu hủy đồn Cai Lậy, ngày 24-12-1870, lợi dụng lúc bọn chỉ huy đồn Cai Lậy về Mỹ Tho dự lễ Giáng sinh, nghĩa quân bất ngờ đánh úp đồn Cai Lậy, phóng hỏa thiêu hủy hoàn toàn đồn này và tiêu diệt một số tên Việt gian có nợ máu với nhân dân; đồng thời, nghĩa quân cũng thu được nhiều vũ khí của địch.

Trước sự lớn mạnh của cuộc khởi nghĩa Tứ Kiệt, thực dân Pháp vô cùng lo sợ. Bọn chúng ra lệnh cho tên Việt gian Trần Bá Lộc chỉ huy hàng ngàn quân lính mở nhiều cuộc càn quét vô cùng khốc liệt vào vùng Cai Lậy, nhằm bình định nơi này và tiêu diệt nghĩa quân.

Lực lượng nghĩa quân đã kiên quyết và anh dũng chống trả. Nhưng cuối cùng, do sự chênh lệch quá lớn về lực lượng; nghĩa quân tan rã và bốn ông đều bị sa vào tay giặc. Biết bốn ông đều là những bậc nghĩa khí và có ảnh hưởng lớn trong nhân dân, Trần Bá Lộc dùng những thủ đoạn vô cùng thâm độc hòng buộc bốn ông phải đầu hàng, như vừa ra sức mua chuộc, dụ dỗ; vừa tra tấn dã man; đặc biệt, bọn

chúng còn mang những người thân trong gia đình của bốn ông ra đánh đập hết sức tàn bạo, nhằm rúng ép bốn ông phải quy thuận.

Thế nhưng, trước sau, bốn ông đều khẳng khái tuyên bố: "*Sinh vi tướng, tử vi thần*", quyết không chịu khuất phục. Bất lực trước ý chí bất khuất của bốn ông, ngày 25 tháng chạp năm Canh Ngọ (nhằm ngày 14-02-1871), thực dân Pháp đã xử chém bốn vị anh hùng dân tộc tại chợ Cai Lậy.

Cảm phục cuộc đời và tấm gương chiến đấu oanh liệt, bất khuất của Bốn Ông, nhân dân Cai Lậy đã tự động quyên góp tiền bạc, xây dựng một ngôi đền ở ngay tại thị trấn Cai Lậy để thờ tự bốn ông. Năm 1997, lăng mộ của Bốn Ông được trùng tu với quy mô lớn, tọa lạc đường 30 tháng 4, Phường 1, thị xã Cai Lậy và được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa Quốc gia năm 1999. Hàng năm, cứ đến ngày 25 tháng chạp, nhân dân Cai Lậy lại làm giỗ hội, tưởng nhớ đến Bốn Ông đã vì nước quên thân, nêu cao tấm gương sáng ngời cho hậu thế noi theo. Thật đúng là:

Tứ vị anh hùng vị quốc hy sinh vĩnh niệm.

Kiệt nhân nghĩa cử tinh thần bất khuất lưu tồn.

Danh xưng Tứ Kiệt được đặt tên trường trung học phổ thông ở thị xã Cai Lậy và tên đường ở huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 15 đảng viên; nam: 08; nữ: 07; Chi ủy: 03; nam: 02; nữ: 01. Ban Giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 68 công đoàn viên; nam: 29; nữ 39. Đoàn thanh niên: 770 đoàn viên; nam: 349; nữ: 421.

Tổng số viên chức: 64; nam: 27; nữ: 37. Tổng số giáo viên: 60; nam: 26; nữ: 34. Thạc sĩ: 10; Cử nhân (đại học): 52; Cử nhân (Cao đẳng): 01; Trình độ khác: 01.

Tổng số học sinh: 1.271; nam: 637; nữ: 634.

Tổng diện tích:18.301,8 m^2; diện tích sử dụng: 18.301,8 m^2

Trường có 03 dãy lầu (dãy hành chính: 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; dãy phòng học bộ môn: 01 tầng trệt, 02 tầng lầu; dãy phòng học: 01 tầng trệt, 03 tầng lầu); Phòng làm việc: 09; Phòng học: 33; Phòng thí nghiệm: 06; Phòng nghe nhìn: 02; Phòng máy tính: 02; Thư viện: 01; Sân chơi: 01; Khu thể thao: 01; Nhà vệ sinh: 03 khu; Căn tin, Nhà xe.

Trường Trung học cơ sở:

1. Trường Trung học cơ sở Thái Thị Kim Hồng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Họ và tên danh nhân (Thái Thị Kim Hồng).

Địa chỉ: Ấp Phú Hưng, xã Long Khánh, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733826284

Trang thông tin điện tử: http://thcsthaithikimhong.tiengiang.edu.vn

Email: c2thaithikimhongcl.tiengiang@moet.edu.vn

Tiền thân là Trường Phổ thông cơ sở Long Khánh được thành lập năm 1976. Năm 1991, Trường Trung học cơ sở Long Khánh được thành lập trên cơ sở tách cấp II từ Trường Phổ thông cơ sở Long Khánh. Năm 2011, trường được đổi tên là Trường Trung học cơ sở Thái Thị Kim Hồng.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử của danh nhân được mang tên trường:

THÁI THỊ KIM HỒNG

(1940 – 1973)

Thái Thị Kim Hồng tên khai sinh là Thái Thị Xiếu, sinh năm 1940 tại làng Long Khánh, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Long Khánh, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân có truyền thống yêu nước.

Năm 1957, bà giác ngộ cách mạng, làm công tác giao liên và phụ nữ tại xã. Năm 1960, bà được đề bạt làm Huyện ủy viên Huyện ủy Cai Lậy, phụ trách xã Phú An. Bất chấp nguy hiểm, không nề khó khăn, gian khổ, bà kiên trì bám chặt địa bàn, xây dựng cơ sở cách mạng. Nhờ thế, phong trào đấu tranh của quần chúng ở địa phương ngày càng dâng cao.

Cuối năm 1961, trong một chuyến đi công tác, bà bị địch bắt. Trải qua các nhà giam Cai Lậy, Mỹ Tho, mặc dù bị tra tấn hết sức dã man, nhưng bà vẫn giữ vững khí tiết, kiên quyết không khai báo, một lòng trung thành với cách mạng và nhân dân. Không những thế, bà còn tham gia sinh hoạt Đảng trong Chi bộ nhà tù. Năm 1964, địch trả tự do cho bà sau khi đã đánh đập, đày ải bà đến độ liệt cả hai chân và tắt cả tiếng nói.

Sau đó, được sự chăm sóc tận tình của đồng đội và người thân trong gia đình, sức khỏe của bà được hồi phục dần. Năm 1965, bà hoạt động trở lại và được bầu làm Ủy viên Ban Chấp hành Hội Liên hiệp phụ nữ giải phóng tỉnh Mỹ Tho. Tấm gương kiên cường chiến đấu và tinh thần tiến công cách mạng của bà được Tỉnh ủy Mỹ Tho phổ biến khắp nơi; để thông qua đó, giáo dục và rèn luyện phẩm chất cách mạng cho toàn thể cán bộ, chiến sĩ trong tỉnh.

Năm 1969, bà được phân công làm Hội trưởng Hội Liên hiệp phụ nữ giải phóng tỉnh. Đây là thời điểm vô cùng căng thẳng trên chiến trường Mỹ Tho và toàn miền Nam. Địch tăng cường khủng bố và càn quét với mức độ khốc liệt chưa từng thấy. Thế nhưng, với sự sáng tạo, năng nỗ và tinh thần quyết tâm vượt qua mọi khó khăn, thử thách, bà đã cùng với Ban Chấp hành Hội Phụ nữ tỉnh ra sức xây dựng phong trào phụ nữ ngày càng vững mạnh, góp phần quan trọng vào những thắng lợi vang dội của quân dân tỉnh nhà.

Tháng 2 - 1973, bà bị bắt lần thứ hai tại xã Long Khánh, huyện Cai Lậy trong một cuộc hành quân càn quét của Sư đoàn 7 quân đội Sài Gòn; và phải gánh chịu mọi cực hình, tra tấn của bọn chúng. Bị đánh đến gãy xương vai, vỡ xương hàm

mặt, chết đi sống lại nhiều lần, song bà vẫn kiên quyết giữ bí mật của tổ chức, không hé răng đến nửa lời.

Không khuất phục được ý chí của người nữ chiến sĩ cộng sản kiên cường, bọn địch đã bắn chết bà ngay tại chỗ. Trước lúc anh dũng hy sinh, bà còn hô vang khẩu hiệu chiến đấu: "Đả đảo Mỹ - Thiệu - Hương! Đả đảo Sư đoàn 7 phá hoại hiệp định Paris!". Bí danh của bà - Thái Thị Kim Hồng - được đặt tên trường trung học cơ sở ở xã Long Khánh, thị xã Cai Lậy và tên đường ở thị xã Cai Lậy tỉnh Tiền Giang.

Năm 2021, Chi bộ nhà trường có 14 đảng viên, trong đó nam: 05, nữ: 09; Chi ủy: 03, trong đó nam: 02, nữ: 01. Ban giám hiệu: 02, trong đó nam: 02, nữ: 00. Công đoàn: 40 công đoàn viên, trong đó nam: 18, nữ: 22. Đoàn thanh niên: 01 đoàn viên, trong đó nam: 01, Nữ: 00. Đội thiếu niên: 821, trong đó nam: 482, nữ: 339.

Tổng số giáo viên: 36, trong đó nam: 16, nữ: 20. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (Đại học): 28; Cử nhân (Cao đẳng): 07. Tổng số học sinh: 821, trong đó nam: 482, nữ: 339.

Tổng diện tích: 4.952 m^2 ; Diện tích sử dụng: 4.952 m^2. Trường có 1 tầng trệt và 3 tầng lầu, phòng làm việc: 07, phòng học: 19, phòng thí nghiệm: 05, phòng nghe nhìn: 01, phòng máy tính: 02, thư viện: 01, sân chơi: 01, khu thể thao: 00, nhà vệ sinh: 09.

2. Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Lo

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Văn Lo).

Địa chỉ: Ấp Tân Thạnh, xã Tân Hội, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733718360

Trang thông tin điện tử: Không.

Email: c2tanhoicailay.tiengiang@moet.edu.vn

Tiền thân của trường trước năm 1975 là Trường Tiểu học cộng đồng Tân Hội. Sau năm 1975, trường được xây dựng mới để phát triển lên trường có lớp cấp 2 (từ lớp 6 - lớp 9). Lúc này, trường chỉ mới có 03 phòng kiên cố lợp ngói. Năm 1978, trường được Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF) tài trợ xây dựng thêm 04 phòng bán kiên cố lợp tôn. Năm 1979, trường có tên là Trường Phổ thông cơ sở Tân Hội, gồm các lớp cấp I và cấp II. Năm 1992, Trường Trung học cơ sở Tân Hội được thành lập trên cơ sở các lớp cấp II được tách ra từ Trường Phổ thông cơ sở Tân Hội. Năm 2013, trường được đổi tên là Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Lo.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

NGUYỄN VĂN LO

(1956 – 1974)

Nguyễn Văn Lo sinh năm 1955 trong một gia đình nông dân tại làng Tân Hội, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Tân Hội, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang).

Năm 1968, tuy mới 13 tuổi, ông đã tham gia cách mạng ở địa phương. Lúc bấy giờ, ông vừa đi học, vừa bí mật tổ chức cho các bạn học chung nhặt bom pháo lép giao nộp cho du kích xã để chế tạo lại làm vũ khí đánh địch. Ông đã trực tiếp 6 lần phóng bom vào Căn cứ 33 do lính Mỹ chiếm đóng, gây cho địch một số thiệt hại về vật chất và sự hoang mang, dao động về tinh thần. Ngoài ra, ông còn tham gia gài mìn, diệt và làm bị thương nhiều tên địch.

Năm 1969, ông được cấp trên xét cho vào du kích mật; nhưng với điều kiện là không được tham gia các trận đánh do tuổi còn nhỏ; mà chỉ làm công tác nhặt bom

pháo lép và theo dõi tình hình địch ở hai ấp Tân Phong và Tân Thanh. Ông đã 3 lần dẫn du kích đi diệt những tên ác ôn, có nợ máu với nhân dân và tiến hành 15 vụ gài mìn, lựu đạn xung quanh đồn bót, khiến địch vô cùng lo sợ. Có lần, ông mang mìn và lựu đạn gài tại nơi máy bay địch thường đáp xuống để đổ quân đi càn quét, làm một chiếc bị hư hại nặng.

Năm 1972, do bị lộ, nên ông được vào đội du kích ấp. Sau một khóa học về chế tạo vũ khí, ông được phân công làm Tổ trưởng tổ sản xuất vũ khí xã. Do có năng khiếu, lòng dũng cảm, óc sáng tạo; lại được trang bị những kiến thức cơ bản về vũ khí; nên ông đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Đặc biệt, ông có sáng kiến chế tạo đạn cối, pháo 105 li lép thành 3 loại mìn: "mìn gạt", "mìn hẹn giờ", "mìn phóng". Ba loại mìn này dễ sử dụng và có hiệu suất diệt xe cơ giới, bộ binh, phá hủy đồn bót cao. Ông còn có sáng kiến làm bệ phóng, phóng cối 80 li hoặc pháo 105 li vào đồn bót địch, làm cho quân thù khiếp sợ, hoang mang cực độ. Ông còn thực hiện việc cắt ngắn báng súng tiểu liên AR.15 làm cho súng trở nên gọn nhẹ, nhưng tính năng chiến đấu không thay đổi.

Liên tiếp trong hai năm 1972 - 1973, tổ sản xuất vũ khí của ông đã làm ra được hàng ngàn quả mìn, lựu đạn, phục vụ đắc lực cho đội du kích xã đánh bại các cuộc càn quét ác liệt của quân ngụy, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, bảo vệ vững chắc vùng giải phóng. Ngoài ra, ông còn cùng với đồng đội chiến đấu hàng chục trận, làm nên những chiến công vang dội. Năm 1974, ông được phân công sản xuất một đợt trái nổ để phục vụ cho cao điểm đánh địch. Để đảm bảo chất lượng, ông thường xuyên kiểm tra các trái nổ đã được sản xuất. Ngày 10-9-1974, ông đã anh dũng hy sinh trong lúc thực thi nhiệm vụ.

Trong quá trình chiến đấu, ông đã diệt và làm bị thương nhiều tên địch, phá hủy 5 xe tăng và 1 máy bay. Ông đã được tặng 4 bằng khen, giấy khen, danh hiệu Dũng sĩ diệt Mỹ. Ngày 20-10-1976, ông được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh

hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Tên ông được đặt tên trường trung học cơ sở ở xã Nhị Quý, thị xã Cai Lậy.

Năm 2021, Chi bộ nhà trường có 16 đảng viên, trong đó nam: 08, nữ: 08; Chi ủy: 03, trong đó nam: 02, Nữ: 01. Ban giám hiệu: 02, trong đó nam: 02, nữ: 00. Công đoàn: 38, trong đó nam: 17, nữ: 21. Đoàn thanh niên: 00. Đội thiếu niên: 626, trong đó nam: 292, nữ: 334.

Tổng số giáo viên: 35, trong đó nam: 15, nữ: 18. Cử nhân (Đại học): 24; Cử nhân (Cao đẳng): 11. Tổng số học sinh: 626, trong đó nam: 334, nữ: 192.

Tổng diện tích: 12.164,4 m^2; diện tích sử dụng: 4.720 m^2. Trường có lầu; phòng làm việc: 08; phòng học: 13; phòng thí nghiệm: 04; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy vi tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; nhà vệ sinh: 02 khu.

3. Trường Trung học cơ sở Nhị Quý

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Nhị Quý).

Địa chỉ: Ấp Quý Phước, xã Nhị Quý, thị xã Cai Lậy.

Số điện thoại: 2733814151

Trang thông tin điện tử: http://thcsnhiquy.tiengiang.edu.vn

Email: c2nhiquicailay.tiengiang@moet.edu.vn

Trường được đặt tên theo đơn vị hành chính - xã Nhị Quý.

Tiền thân của trường là Trường Trung học tỉnh hạt[25] Nhị Quý được xây dựng năm 1970 và khánh thành đưa vào sử dụng năm 1971. Năm học 1975-1976, năm

[25] Đây là loại hình trường trung học do ngân sách địa phương tài trợ, dạy từ lớp 6 đến lớp 9.

đầu sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng (30-4-1975), trường được đổi tên là Trường Phổ thông cơ sở Nhị Quý B. Năm 1987, trường được hợp nhất với Trường Phổ thông cơ sở Nhị Quý A thành Trường Phổ thông cơ sở Nhị Quý, trong đó có các lớp mẫu giáo, cấp I và cấp II. Năm 1990, các lớp cấp II được tách riêng thành Trường Trung học cơ sở Nhị Quý. Năm 2020, Trường THCS Nhị Quý dời về địa điểm hiện tại (ấp Quý Phước, xã Nhị Quý).

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Năm 2021, Chi bộ nhà trường có 12 đảng viên; trong đó nam: 06, nữ: 06; Chi ủy: 03, trong đó nam: 03, nữ: 00; Ban giám hiệu: 02, trong đó nam: 02, nữ: 00; Công đoàn: 39 công đoàn viên, trong đó nam: 17, nữ: 22; Đoàn thanh niên: 01 đoàn viên, trong đó nam: 00, nữ: 01; Đội thiếu niên: 736, trong đó nam: 364, nữ: 372.

Tổng số giáo viên: 39, trong đó nam: 17, nữ: 22. Cử nhân (Đại học): 25; Cử nhân (Cao đẳng): 14. Tổng số học sinh: 736, trong đó nam: 364, nữ: 372

Tổng diện tích: 4.115 m²; Diện tích sử dụng: 4.115 m². Trường có lầu; phòng làm việc: 08; phòng học: 10; phòng thí nghiệm: 04; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; nhà vệ sinh: 9.

4. Trường Trung học cơ sở Võ Việt Tân

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Họ và tên danh nhân (Võ Việt Tân).

.Địa chỉ: Đường Mỹ Trang, Khu phố 2, Phường 4, thị xã Cai Lậy. tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733826608

Trang thông tin điện tử: Không

Email: thcs.voviettan.pgdcl@gmail.com

Trường được thành lập ngày 18/1/1991, có tên gọi là Trường Phổ thông Chuyên. Năm 1997, trường được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Võ Việt Tân.

Trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

VÕ VIỆT TÂN

(1928 – 1969)

Võ Việt Tân tên khai sinh là Võ Văn Đợi, ông có bí danh khác là Võ Phát Huy, sinh năm 1928 tại làng Mỹ Phước Tây, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Mỹ Phước Tây, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân có truyền thống đấu tranh chống áp bức, bóc lột.

Tháng 8 - 1945, ông giác ngộ cách mạng, tham gia khởi nghĩa giành chính quyền ở địa phương. Năm 1947, ông gia nhập lực lượng du kích xã Mỹ Phước Tây. Do có nhiều thành tích trong chiến đấu, năm 1952, ông được đề bạt làm Xã đội trưởng. Đội du kích xã Mỹ Phước Tây, do ông chỉ huy, ngày càng phát triển vững mạnh, đánh bại nhiều cuộc hành quân càn quét của địch, tiêu biểu là trận tiêu diệt bọn lính Commandos quận Cai Lậy vào cuối năm 1952.

Sau Hiệp định Genève (7-1954), ông được phân công ở lại miền Nam hoạt động. Lúc bấy giờ, ông đảm trách nhiệm vụ Phó Bí thư rồi Bí thư chi bộ xã Mỹ Phước Tây (1958) kiêm Huyện ủy viên phụ trách các xã Mỹ Hạnh Đông và Mỹ Hạnh Trung.

Năm 1959, ông được chỉ định phụ trách thêm ba xã Phú Quý, Nhị Quý và Mỹ Long. Tuy bị địch theo dõi và truy bắt gắt gao; nhưng ông vẫn bám chặt địa bàn, lãnh đạo quần chúng nhân dân đấu tranh chống địch. Phong trào cách mạng ở các

địa phương do ông phụ trách không những được giữ vững mà còn phát triển ngày càng mạnh mẽ.

Năm 1960, ông được bầu vào Ban Thường vụ Huyện ủy Cai Lậy, phụ trách công tác binh vận. Năm 1963, ông là Phó Bí thư Huyện ủy kiêm Chính trị viên Huyện đội. Với nhiệm vụ được giao, ông đã trực tiếp chỉ đạo cuộc nổi dậy và tiến công quân sự của quân dân Cai Lậy trong cao trào phá ấp chiến lược, giải phóng nông thôn do Tỉnh ủy Mỹ Tho và Khu ủy Khu 8 phát động trong tháng 7 – 1963.

Kết quả, qua mười ngày hoạt động sôi nổi, ta đã bức hàng 7 đồn, bức rút 8 đồn và hình thành vùng giải phóng rộng lớn kéo dài từ Long Tiên, Long Trung đến Cẩm Sơn, Hiệp Đức. Từ đó, "Vùng 20 tháng 7" được ra đời và ngày càng mở rộng. Đây là vùng giải phóng lớn nhất của tỉnh Mỹ Tho, nối liền các huyện Châu Thành, Cai Lậy và Cái Bè.

Năm 1965, ông là Tỉnh ủy viên Tỉnh ủy Mỹ Tho kiêm Bí thư Huyện ủy Cai Lậy. Với cương vị này, ông và tập thể Huyện ủy đã đề ra nhiều chủ trương đúng đắn và sáng tạo nhằm thúc đẩy phong trào cách mạng ở huyện nhà tiến lên, xứng đáng là một trong những địa phương dẫn đầu trong toàn tỉnh về thành tích chiến đấu và phục vụ chiến đấu, cũng như mở rộng vùng giải phóng.

Năm 1967, ông được điều về tỉnh, phụ trách công tác binh vận. Lúc này, địch tăng cường đánh phá phong trào cách mạng rất ác liệt. Tuy nhiên, với tinh thần nhiệt tình và ý chí tiến công cách mạng, ông đã vượt qua những khó khăn, thử thách, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được tổ chức giao phó. Đến cuối năm 1968, ông đã củng cố được nhiều cơ sở binh vận ở hai huyện Chợ Gạo, Châu Thành và thành phố Mỹ Tho.

Đầu năm 1969, ông được phân công trở về phụ trách huyện Cai Lậy. Ngày 21-02-1969, trên đường đi công tác, ông bị bọn lính biệt kích sát hại dã man tại Rạch Muồng, xã Phú Nhuận, huyện Cai lậy. Bí danh Võ Việt Tân của ông được đặt tên trường trung học cơ sở, tên đường ở thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2021, Chi bộ nhà trường có 18 đảng viên, nam: 06, nữ: 12; Chi ủy: 05, nam: 01, Nữ: 04. Ban giám hiệu: 03, nam: 01, nữ: 02. Công đoàn: 49 công đoàn viên, nam: 17, nữ: 32. Đoàn thanh niên: 15 đoàn viên, nam: 02, nữ: 13. Đội thiếu niên: 1.133, nam: 521, nữ: 602.

Tổng số giáo viên: 48, nam: 16, nữ: 32. Thạc sĩ: 2, Cử nhân (Đại học): 36, Cử nhân (Cao đẳng): 10. Tổng số học sinh: 1.133, nam: 521, nữ: 602.

Tổng diện tích: 4.332 m^2; diện tích sử dụng: 4.332 m^2. Trường có 1 trệt, 2 Lầu, phòng làm việc: 06, phòng học: 14, phòng thí nghiệm: 02, phòng máy tính: 02, thư viện: 01, sân chơi: 01, khu thể thao: 01, nhà vệ sinh: 02 khu.

5. Trường Trung học cơ sở Tân Bình

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Tân Bình).

Địa chỉ: Ấp 3, xã Tân Bình, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733826032

Trang thông tin điện tử: http://thcstanbinh.txcailay.edu.vn/

Email: c2tanbinhcailay.tiengiang@moet.edu.vn

Trường được đặt tên theo đơn vị hành chính - xã Tân Bình.

Trường được thành lập sau năm 1975.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Chi bộ nhà trường có 07 đảng viên, trong đó nam: 06, nữ: 01. Ban giám hiệu: 02, trong đó nam: 02, nữ: 00. Công đoàn: 28 công đoàn viên, trong đó nam: 13, nữ: 15. Đoàn thanh niên: 04 đoàn viên, trong đó nam: 01, nữ: 03. Đội thiếu niên: 506, trong đó nam: 251, nữ: 255.

Tổng số giáo viên: 28, trong đó nam: 14, nữ: Cử nhân (Đại học): 16, Cử nhân (Cao đẳng): 12. Tổng số học sinh: 761, trong đó Nam: 506, Nữ: 255

Tổng diện tích: 10.068 m^2; Diện tích sử dụng: 10.068 m^2. Trường có lầu; phòng làm việc: 08, Phòng học: 12, Phòng thí nghiệm: 04, phòng nghe nhìn: 01, phòng máy tính: 01, thư viện: 01, sân chơi: 01, khu thể thao: 01, nhà vệ sinh: 2 khu.

6. Trường Trung học cơ sở Trừ Văn Thố

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Họ và tên danh nhân (Trừ Văn Thố).

Địa chỉ: Số 21, đường Trương Văn Điệp, Khu phố 1, Phường 1, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733826476

Trang thông tin điện tử: Không

Email: c2truvanthocailay.tiengiang@moet.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường Văn hóa công nông cấp 1, 2 tỉnh Mỹ Tho (thường gọi là Trường Thiếu sinh quân). Ngày 5-8-1965, ông được Ủy ban Trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam truy tặng Huân chương Quân công giải phóng hạng Ba và danh hiệu "Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng". Từ đó, Trường Văn hóa công nông được đổi tên thành Trường Trừ Văn Thố. Sau 30/4/1975, tên trường là Trường Phổ thông cơ sở Trừ Văn Thố 1. Năm 2010, trường được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Trừ Văn Thố.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

TRỪ VĂN THỐ

(1937 – 1963)

Trừ Văn Thố sinh năm 1937 tại làng Thanh Hòa, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là Phường 2, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân có truyền thống yêu nước.

Năm 1961, ông vào du kích xã. Trong một trận đánh địch càn quét, mặc dù bị thương khá nặng, nhưng ông vẫn không rời trận địa và cùng với đồng đội chiến đấu, đánh bại quân địch.

Tháng 4-1962, ông gia nhập bộ đội, được bổ sung về Trung đoàn 2, Công trường 9 bộ đội chủ lực Miền, chiến đấu ở miền Đông Nam bộ và tham gia đánh hàng chục trận lớn, nhỏ. Tháng 4-1963, ông được cử đi học trinh sát; rồi sau đó, được phân công về đơn vị Q 272. Đây là đơn vị đặc công đặc biệt tinh nhuệ thuộc Trung đoàn 2, Công trường 9 bộ đội chủ lực Miền. Ở đơn vị mới, ông được giao nhiệm vụ trinh sát đồn Cây Trường ở khu Dinh điền Văn Hữu (Hiếu Văn 1; Hiếu Văn 2) thuộc huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Đồn này rất kiên cố và có vị trí chiến lược cực kì quan trọng; bởi vì nó án ngữ đường số 13 và khu tam giác Dinh Điền - Căm Xe - Văn Hữu. Do vậy, địch bố trí một lực lượng mạnh để phòng thủ nơi đây. Trong hơn một tháng, ông đã dũng cảm vượt qua mọi gian lao, nguy hiểm; bí mật thâm nhập vào trinh sát đồn Cây Trường; nhằm giúp đơn vị nắm vững các vị trí bố phòng của địch; và trên cơ sở đó, xây dựng phương án chiến đấu, tiêu diệt căn cứ này.

Ngày 18-10-1963, đơn vị Q 272 nổ súng tấn công đồn Cây Trường. Ông được phân công phụ trách một tổ 3 người; và cùng với một số tổ khác đánh vào lô cốt cố thủ chính của địch. Sau khi tổ của ông dùng mìn mở được đột phá khẩu và đánh sập một lô cốt ở tiền duyên; thì các chiến sĩ Q 272, được hỏa lực súng cối chi viện, ồ ạt xung phong.

Thế nhưng, từ trong lô cốt chính, địch dùng súng đại liên bắn xối xả vào đội hình tiến công của bộ đội. Một số chiến sĩ đã gục ngã trên đường hành tiến, trong đó có 2 tổ viên của ông. Với quyết tâm giành thắng lợi, ông đã bí mật ôm bộc phá bò về phía lô cốt của địch.

Phát hiện ra ông, địch tập trung các cỡ súng bắn cấp tập vào nơi ông đang vận động. Một loạt đạn đã làm ông bị thương nặng ở chân. Tuy vậy, ông nén đau đớn, nhanh chóng tiếp cận lô cốt của địch đặt bộc phá và giật nụ xòe. Một chớp lửa bùng sáng và kèm theo là một tiếng nổ lớn vang lên. Tiếng súng địch tạm ngưng trong giây lát; nhưng sau đó lại rộ lên. Thêm một số chiến sĩ nữa đã hy sinh.

Lúc bấy giờ, từ một vị trí kín đáo, ông dùng thủ pháo ném về phía lô cốt của địch; nhưng không đạt kết quả. Trước tình hình gay go đó, ông trườn dần lên. Khi đến sát lô cốt của địch, ông bất ngờ bật dậy, dùng thân mình bịt lỗ châu mai. Tiếng đại liên của địch câm bặc. Chỉ chờ có thế, toàn đơn vị của ông đồng loạt xung phong; và đồn Cây Trường bị tiêu diệt hoàn toàn. Thế nhưng, người chiến sĩ trinh sát kiên cường và dũng cảm đã anh dũng hy sinh.

Ngày 5-8-1965, ông được Ủy ban Trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam truy tặng Huân chương Quân công giải phóng hạng Ba và danh hiệu "Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng". Tên ông được đặt cho một xã thuộc huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương; tên trường trung học cơ sở tại huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương và thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang; tên đường ở thị xã Cai Lậy và thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2021, Chi bộ nhà trường có 18 đảng viên, trong đó nam: 06, nữ: 12; Chi ủy: 05, trong đó nam: 01, nữ: 04. Ban giám hiệu: 02, trong đó nam: 01, nữ: 01. Công đoàn: 72 công đoàn viên, trong đó nam: 34, nữ: 38. Đoàn thanh niên: 09 đoàn viên, trong đó nam: 04, nữ: 05. Đội thiếu niên: 1.323, trong đó nam: 662, nữ: 661.

Tổng số giáo viên: 67, trong đó nam: 31, nữ: 36. Cử nhân (Đại học): 51, Cử nhân (Cao đẳng): 16. Tổng số học sinh: 1.323, nam: 662, nữ: 661.

Tổng diện tích: 7.139,2 m^2; diện tích sử dụng: 7.139,2 m^2. Trường có 01 tầng trệt, 03 tầng lầu, phòng làm việc: 14, phòng học: 17, phòng thí nghiệm: 04, phòng nghe nhìn: 02, phòng máy tính: 02, thư viện: 01, sân chơi: 01, khu thể thao: 01, nhà vệ sinh: 02 khu (09 phòng).

7. Trường Trung học cơ sở Mai Thị Út

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Họ và tên danh nhân (Mai Thị Út).

Địa chỉ: Ấp Long Phước, xã Mỹ Phước Tây, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang

Số điện thoại: 02733 827 926

Trang thông tin điện tử: http://thcsmaithiut.tiengiang.edu.vn

Email: c2maithiutcl.tiengiang@moet.edu.vn

Trường được thành lập ngày 22 - 12 - 2005 trên cơ sở tách bậc trung học cơ sở ra từ Trường Trung học phổ thông Mỹ Phước Tây và Trường Phổ thông cơ sở Mỹ Phước Tây. Khi đó, Trường có tên là Trường Trung học cơ sở Mỹ Phước Tây. Năm 2012, trường được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Mai Thị Út.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử của danh nhân được đặt tên trường:

MAI THỊ ÚT

(1912- 1994)

Mai Thị Út tên thật là Mai Thị Nhiều sinh năm 1912 tại làng Mỹ Hạnh Trung, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Mỹ Hạnh Trung, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền

Giang). Sau đó, bà kết hôn và sinh sống ở quê chồng tại xóm Láng Biển, làng Mỹ Phước Tây, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là ấp Láng Biển, xã Mỹ Phước Tây, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang).

Năm 1945, bà tham gia cách mạng và làm Hội trưởng Hội Phụ nữ cứu quốc xã Mỹ Phước Tây, Cai Lậy. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954), bà cùng với chị em phụ nữ ở địa phương tích cực làm công tác vận chuyển lương thực, vũ khí, thương binh trong chiến khu Đồng Tháp Mười.

Sau năm 1954, bà vừa lo việc đồng áng, nuôi con để cho chồng an tâm công tác; vừa trực tiếp lãnh đạo phụ nữ xã tiến hành đấu tranh chính trị, đòi chính quyền địch thực hiện các quyền dân sinh, dân chủ và tổng tuyển cử thống nhất đất nước.

Tháng 1-1960, với cương vị Hội trưởng Hội Phụ nữ giải phóng xã Mỹ Phước Tây, bà cùng với chồng là ông Nguyễn Văn Hợi, Bí thư Xã ủy, lãnh đạo nhân dân trong xã nổi dậy, làm tan rã bộ máy kềm kẹp của địch ở địa phương. Ngày 10-6-1960, bà chỉ huy một cuộc biểu tình đông đến hàng ngàn người, chống chính quyền địch gom dân vào khu trù mật Mỹ Phước Tây và giành được thắng lợi rực rỡ.

Cuối năm 1961, bà vừa công tác ở xã, vừa làm nhiệm vụ vận chuyển hàng cho cơ quan hậu cần Tỉnh đội Mỹ Tho. Đường dây vận chuyển phải vượt qua hệ thống đồn bót dày đặc của địch và bọn mật thám, cảnh sát, chỉ điểm luôn theo dõi, rình rập; nhưng bà đã khôn khéo ngụy trang và hoàn thành tốt công tác được giao.

Năm 1965, bà bị địch bắt trong khi vận chuyển hàng hóa từ Cai Lậy vào căn cứ Đồng Tháp Mười. Mặc dù bị địch tra tấn dã man, nhưng bà vẫn giữ vững khí tiết, kiên quyết không khai báo. Cuối cùng, địch buộc phải trả tự do cho bà. Ra tù, bà công tác càng tích cực hơn, tiếp tục vận chuyển hàng trăm tấn hàng cho hậu cần Tỉnh đội.

Năm 1968, bà là Xã ủy viên và làm giao liên hợp pháp cho Y4 Đặc khu Sài Gòn - Gia Định với nhiệm vụ chuyển thư từ, tài liệu trên khắp địa bàn Nam bộ. Với công tác này, bà đã hoàn thành xuất sắc. Đồng thời, bà cũng không tiếc tiền

của, ủng hộ bộ đội hàng trăm giạ lúa, heo gà,… để góp phần giúp cho các chiến sĩ giải phóng ăn no, đánh thắng quân thù.

Năm 1972, mặc dù tuổi đã ngoài 60, nhưng bà vẫn nhận nhiệm vụ vận chuyển hàng bằng ghe hai đáy từ biên giới Việt Nam - Campuchia về Đồng Tháp Mười. Lúc này, địch thực hiện việc phong tỏa đường thủy rất ác liệt; nhưng bằng kinh nghiệm và sự dũng cảm, mưu trí, tất cả các chuyến hàng do bà vận chuyển đều đến đích an toàn, góp phần quan trọng vào thắng lợi của quân dân Mỹ Tho trong chiến dịch Tổng hợp xuân hè 1972 và các trận đánh địch phá hoại hiệp định Paris (1973). Từ năm 1973 - 1975, bà làm công tác chuyển tiền từ Thanh Bình (Chợ Gạo) về Ấp Bắc (Cai Lậy) với khoảng năm trăm triệu đồng tiền miền Nam, tương đương hàng ngàn lượng vàng.

Sau năm 1975, tuy tuổi cao sức yếu, nhưng do yêu cầu của cấp trên, bà tiếp tục làm Hội trưởng Hội Phụ nữ xã Mỹ Phước Tây và cùng với Xã ủy, Ủy ban nhân dân xã vận động nhân dân tích cực lao động sản xuất, hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp. Năm 1977, bà được Bộ Quốc phòng phong quân hàm Thượng úy. Bà có chồng và 8 người con đều tham gia hoạt động cách mạng, trong đó chồng và 2 người con đã hy sinh anh dũng trong sự nghiệp giải phóng dân tộc. Năm 1994, bà mất tại Mỹ Phước Tây, thọ 82 tuổi.

Quá trình hoạt động cách mạng, bà được nhà nước phong tặng: Huân chương kháng chiến hạng Nhất, Huân chương Giải phóng hạng Nhất, Huân chương Độc lập hạng Ba, bảng vàng gia đình vinh dự. Ngày 20-12-1994, bà được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân và Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Tên bà được đặt tên trường trung học cơ sở và tên đường ở thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2021, Chi bộ nhà trường có 19 đảng viên, trong đó nam: 06; nữ: 13; Chi ủy: 05, trong đó nam: 03, nữ: 02; Ban giám hiệu: 02, trong đó nam: 01, nữ: 01;

Công đoàn: 60 công đoàn viên, trong đó nam: 23, nữ: 37; Đoàn thanh niên: 13 đoàn viên; Đội thiếu niên: 1.294.

Tổng số giáo viên: 56, trong đó nam: 20, nữ: 36. Cử nhân (Đại học): 38; Cử nhân (Cao đẳng): 18. Tổng số học sinh: 1.294, trong đó nam: 658, nữ: 636

Tổng diện tích: 14.326,4 m^2; diện tích sử dụng: 2.134 m^2. Lầu: 02; phòng làm việc: 08; phòng học: 19; phòng thí nghiệm: 04; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; nhà vệ sinh: 03 khu.

Trường tiểu học, trường tiểu học - trung học cơ sở:

1. Trường Tiểu học Đặng Văn Bê

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Họ và tên danh nhân (Đặng Văn Bê).

Địa chỉ: Ấp Kinh 12, xã Mỹ Phước Tây, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733827333

Trang thông tin điện tử: http://thdangvanbe.txcailay.edu.vn

Email: c1dangvanbecl.tiengiang@moet.edu.vn

Trường được thành lập năm 1960 với tên gọi là Trường Tiểu học Mỹ Phước Tây. Sau năm 1975 là Trường Cấp I-II Mỹ Phước Tây. Năm 1996, các lớp cấp II được tách ra để thành lập Trường Tiểu học Mỹ Phước Tây A. Năm 2001, trường được gọi là Trường Tiểu học Mỹ Phước Tây 1. Năm 2012, trường được đổi tên thành Trường Tiểu học Đặng Văn Bê.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

ĐẶNG VĂN BÊ

(1934 – 1971)

Đặng Văn Bê sinh năm 1934 tại làng Mỹ Phước Tây, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Mỹ Phước Tây, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang).

Năm 1961, ông tham gia cách mạng tại địa phương, thuộc lực lượng an ninh bảo vệ trại giam xã. Năm 1962, ông được kết nạp vào Đoàn Thanh niên nhân dân cách mạng miền Nam (nay là Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ chí Minh. Tháng 3-1967, ông là Tiểu đội trưởng du kích xã Mỹ Phước Tây. Trong thời gian ngắn trực tiếp tham gia chiến đấu, ông đã cùng đồng đội phối hợp với các đơn vị khác liên tục đánh địch, loại khỏi vòng chiến đấu 246 tên (trong đó có 2 tên cố vấn Mỹ), thu 10 súng, 1 máy thông tin, phá hủy 1 xe Jeep, bắn rơi 1 máy bay trực thăng, bắn chìm và bắn hỏng 5 tàu tuần tiễu. Riêng bản thân ông đã tiêu diệt 13, làm bị thương 32 tên địch, thu 6 súng các loại, bắn hỏng 1 tàu tuần tiễu. Điển hình có những trận đánh đạt hiệu quả cao như: Tháng 3-1967, địch điều 4 đại đội biệt kích từ hai tỉnh Kiến Tường và Sa Đéc về Mỹ Phước Tây lập "Trại biệt kích đặc biệt". Chúng điên cuồng đánh phá, sát hại nhiều cán bộ, du kích và nhân dân trong xã, có gia đình bị chúng đốt nhà 3-4 lần/tháng. Lúc này, là Tiểu đội trưởng du kích, ông đã chỉ huy tiểu đội về ấp Láng Biển lập các "bãi chết" bằng chông, lựu đạn diệt và làm bị thương hơn 40 tên biệt kích. Tháng 12-1967, ông cùng du kích xã phối hợp Tiểu đoàn 514 phục kích tại vàm kênh Kháng chiến, ấp Bà Bèo diệt gọn 2 đại đội biệt kích gồm 161 tên, bắn rơi 1 máy bay trực thăng. Tháng 9-1968, ông cùng du kích xã phối hợp với Tiểu đoàn 514 phục kích trên bờ kênh Nguyễn Văn Tiếp, đánh đoàn tàu địch đi tuần tiễu, bắn chìm 1 chiếc, bị thương 3 chiếc, diệt 9 tên địch.

Tháng 10-1969, ông bị lính Sư đoàn 7 quân đội Sài Gòn bắt tại xóm Láng Biển, xã Mỹ Phước Tây. Sau đó, ông bị giải về khám đường Cần Thơ. Tháng 2-1970, ông bị địch giải ra nhà tù Phú Quốc. Tại đây, ông đã cùng đồng đội kiên quyết đấu tranh đòi địch thực hiện đúng chính sách tù binh, như chế độ ăn uống

đầy đủ, không được tra tấn đánh đập, ngược đãi tù binh, không bắt lao động khổ sai và không cưỡng bách tù nhân chiêu hồi. Do đó, tháng 9-1970, ông bị giải sang phân khu cộng sản (C.10).

Tháng 1-1971, địch xây dựng xong phân khu chiêu hồi (D.10). Chúng dụ dỗ tù binh ở phân khu cộng sản (C.10): "Anh em tù binh nào muốn sớm trở về đất liền đoàn tụ gia đình, vợ con thì sang phân khu chiêu hồi ở. Còn tù binh nào kiên quyết theo cộng sản thì ở lại đây (tức C.10)". Nhưng chỉ có một tên phản bội đồng ý chuyển sang phân khu chiêu hồi. Vì vậy, địch dùng biện pháp đàn áp, buộc tù binh phải thực hiện việc chuyển trại. Trước tình hình đó, ông cùng đồng đội kiên quyết đấu tranh tuyệt thực suốt 2 ngày 28 và 29-1-1971 để chống địch bắt ép.

Lúc 8 giờ tối 29-1-1971, địch cho 1 trung đội quân cảnh, trang bị dùi cui, lựu đạn cay xông vào phòng 2, phân khu C.10 đàn áp bắt những người chỉ huy cuộc tuyệt thực. Ông cùng với các tù binh trong phòng đánh trả bọn quân cảnh khiến bọn chúng phải tháo chạy trở ra. Sau khi củng cố lực lượng, bọn quân cảnh lại xông vào phòng tiếp tục đàn áp. Trong lần này, ông bị bắt trong tình trạng bị thương tích đầy người.

Tại khu biệt giam, ông bị bọn quân cảnh và bọn trật tự thay nhau đánh đập rất dã man trong nhiều giờ liền. Mặc dù vậy, ông vẫn tỏ rõ ý chí chiến đấu không khoan nhượng của người chiến sĩ cách mạng. Ông liên tục lên án bọn tay sai bán nước và hô khẩu hiệu: "Đả đảo Mỹ - Thiệu!", "Hồ Chí Minh muôn năm!". Thấy không khuất phục được khí tiết của người tù binh cộng sản, bọn chúng cho ông vào bao tải và buộc miệng bao lại, rồi ném vào chảo nước đang sôi. Đến khi chúng lôi ra, toàn thân ông đã bị vuột da và ông đã anh dũng hy sinh.

Địch giết hại ông một cách dã man hòng khuất phục tinh thần đấu tranh của tù binh. Tuy nhiên, sự hy sinh anh dũng của ông đã trở thành tấm gương

sáng để củng cố thêm lòng căm thù giặc và ý chí đấu tranh kiên cường của tù binh trong nhà tù Phú Quốc. Từ sau ngày ông hy sinh, làn sóng đấu tranh của tù binh ở nhà tù này ngày càng dâng lên mạnh mẽ.

Với những thành tích đã lập được trong chiến đấu, ông được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Ba, 2 bằng khen và 4 giấy khen. Ngày 5 - 12 - 2007, ông được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Tên ông được đặt tên đường, tên trường tiểu học ở thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2021, Chi bộ nhà trường có 07 đảng viên, nam: 05, nữ: 02. Ban giám hiệu: 03, nam: 03, nữ: 00. Công đoàn: 44 công đoàn viên, nam 20, nữ: 24. Đoàn thanh niên: 11, nam: 3, nữ: 8. Đội thiếu niên: 558, nam: 318, nữ: 240.

Tổng số giáo viên: 40, nam: 18, nữ: 22. Cử nhân (Đại học): 22. Cử nhân (cao đẳng): 18. Tổng số học sinh: 1.336, nam: 931, nữ: 405.

Tổng diện tích: 15.963 m^2. Diện tích sử dụng: 10.000 m^2. Trường có 02 dãy lầu (mỗi dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu), phòng làm việc: 04, phòng học: 20, phòng máy tính: 01, thư viện: 01, sân chơi: 01 (250 m^2), khu thể thao: 01 (1.000 m^2), nhà vệ sinh: 02 khu.

2. Trường Tiểu học Trần Thị Gấm

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Họ và tên danh nhân (Trần Thị Gấm).

Địa chỉ: ấp Láng Biển, xã Mỹ Phước Tây, thị xã Cai Lậy, TG

Số điện thoại: 0273777110

Trang thông tin điện tử: thtranthigam.txcailay.edu.vn

Email: c1tranthigamcl.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1996, Trường Tiểu học Mỹ Phước Tây B được thành lập. Năm 2001, trường được gọi là Trường Tiểu học Mỹ Phước Tây 2. Năm 2012, trường được đổi tên thành Trường Tiểu học Trần Thị Gấm.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

TRẦN THỊ GẤM

(1946 – 1966)

Trần Thị Gấm sinh năm 1946 tại làng Mỹ Phước Tây, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Mỹ Phước Tây, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân có truyền thống cách mạng.

Năm 1963, bà giác ngộ và tham gia cách mạng, công tác tại Nhà in Lý Tự Trọng thuộc Ban Tuyên huấn Khu 8 (Khu Trung Nam Bộ). Đối với công việc, bà luôn gương mẫu trong khắc phục khó khăn, cùng đồng chí, đồng đội hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được lãnh đạo phân công, như may, vá trang phục để trang bị hằng năm cho công nhân đơn vị; xếp và đóng hoàn chỉnh các loại sách, báo, tài liệu mà đơn vị được giao nhiệm vụ in ấn; tổ chức phát hành sách, báo và các loại tài liệu đã được đóng gói hoàn chỉnh đến các trạm giao liên để chuyển phát đến bảy tỉnh thuộc Khu 8 gồm: Kiến Tường, Kiến Phong, Long An, Mỹ Tho, Bến Tre, Gò Công và An Giang đảm bảo an toàn không thất lạc. Đặc biệt, bà đã đóng góp công sức to lớn trong đợt vận chuyển toàn bộ Nhà in Lý Tự Trọng từ căn cứ rừng tràm Bình Hòa Đông thuộc tỉnh Kiến Tường (nay là xã Bình Hòa Đông, huyện Mộc hóa, tỉnh Long An) về kinh Gáo Đôi thuộc xã Tân Công Sính, huyện Hồng Ngự, tỉnh Kiến Phong (nay là xã Tân Công Sính, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp) tuyệt đối an toàn.

Ngoài những nhiệm vụ trên, mỗi năm, bà còn tích cực xung phong đi sản xuất tự túc cùng đồng chí, đồng đội góp phần cải thiện đời sống cho tập thể đơn vị.

Vào mùa nước nổi cao nhất năm 1966 ở Đồng Tháp Mười, ngày 4-10-1966, quân Mỹ và quân đội Sài Gòn sử dụng chiến thuật hạm đội nhỏ trên sông kết hợp với thuyền bay, trực thăng vũ trang mở trận càn lớn hòng thọc sâu đánh phá căn cứ địa cách mạng của Khu 8 ở khu vực này.

Qua ngày 5-10-1966, lực lượng hành quân của địch đánh vào một số đơn vị bám trụ, trong đó có chốt tiền tiêu thuộc Nhà in Lý Tự Trọng đóng tại kinh Gáo Đôi thuộc xã Tân Công Sính. Chốt này có 7 công nhân nhà in được trang bị súng trường, tiểu liên và lựu đạn. Mặc dù tương quan lực lượng quá chênh lệch về phía quân địch; nhưng với tinh thần quyết chiến, các công nhân đã kiên cường đánh trả, gây cho địch nhiều thiệt hại. Sau đó, do súng hết đạn và hỏa lực của địch áp đảo, nên sáu công nhân lần lượt hy sinh, chỉ còn lại một mình bà tiếp tục chiến đấu. Địch phát hiện, cho hai thuyền bay áp sát vách nhà sàn kêu gọi đầu hàng. Quyết không để lọt vào tay giặc, bà đã cho nổ tung thùng lựu đạn gài duy nhất còn lại, làm hư hỏng hai thuyền bay, địch chết và bị thương hơn một tiểu đội. Bà đã anh dũng hy sinh ngay tại trận địa. Trận đánh cuối cùng của bà đã chặn được mũi tiến quân của địch và sau đó không lâu bọn chúng buộc phải vội vã rút quân.

Sự hy sinh của bà đã để lại tấm gương anh hùng, bất khuất cho nhiều thế hệ công nhân nhà in Lý Tự Trọng và cán bộ, chiến sĩ, đồng bào ta lúc bấy giờ noi theo; nhất là cán bộ, chiến sĩ đang hoạt động ở Đồng Tháp Mười nói chung, cán bộ, chiến sĩ và nhân dân xã Tân Công Sính nói riêng.

Để ghi nhận sự hy sinh anh dũng của bà, Ủy ban Mặt trận dân tộc giải phóng miền Trung Nam Bộ truy tặng bà Huân chương giải phóng hạng Nhất.

Tấm gương chiến đấu hào hùng, bất khuất của bà được thể hiện qua bút ký *Trận đánh Trần Thị Gấm* của nhà văn Nguyễn Quang Sáng đăng trên báo *Văn*

nghệ Trung Nam bộ năm 1967, bài vọng cổ *Mùa bông điên điển* của nhạc sĩ Phan Thế phát trên Đài phát thanh giải phóng do hai Nghệ sĩ ưu tú Thanh Hùng và Ngọc Hoa trình bày, phim *Hoa Điền Thanh* của Xưởng phim hoạt hình Trung ương.

Căn cứ vào thành tích đặc biệt xuất sắc của bà trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, ngày 30-01-2011, Nhà nước truy tặng bà danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Tên bà được tên trường tiểu học ở xã Mỹ Phước Tây, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang; tên đường ở xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay, mộ của bà tọa lạc tại Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Đồng Tháp.

Năm 2021, Chi bộ nhà trường có 08 đảng viên, nam: 06, nữ: 02. Ban giám hiệu: 02, nam: 02, nữ: 00. Công đoàn: 25 công đoàn viên, nam 14, nữ: 11. Đoàn thanh niên: 05, nam: 03, nữ: 02. Đội thiếu niên: 163, nam: 83, nữ: 80.

Tổng số giáo viên: 23, nam: 14, nữ: 09. Cử nhân (Đại học): 18. Cử nhân (cao đẳng): 05. Tổng số học sinh: 423, nam: 226, nữ: 197.

Tổng diện tích: 21.169 m^2. Diện tích sử dụng: 21.169 m^2. Trường có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu, phòng làm việc: 06, phòng học: 14, phòng nghe nhìn: 01, phòng máy tính: 01, thư viện: 01, sân chơi: 01, khu thể thao: 01, nhà vệ sinh: 03 khu.

3. Trường Tiểu học Long Khánh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Long Khánh).

Địa chỉ: Ấp Phú Thuận, xã Long Khánh, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733820812

Trang thông tin điện tử: Không.

Email: C1longkhanhcl.tiengiang@moet.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường Tiểu học cộng đồng Long Khánh được thành lập trước năm 1975. Năm 1977, trường có tên là Trường Phổ thông cơ sở Long Khánh, bao gồm các lớp cấp I (từ lớp 1 - lớp 5), cấp II (từ lớp 6 - lớp 9). Năm 1991, tách các lớp cấp I để thành lập Trường Tiểu học Long Khánh.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo đơn vị hành chính - xã Long Khánh.

Năm 2021, Chi bộ nhà trường có 12 đảng viên, nam: 09, nữ: 03, Chi ủy: 03, nam: 03, nữ: 00. Ban giám hiệu: 03, nam: 02, nữ: 01. Công đoàn: 49 công đoàn viên, nam 30, nữ: 19. Đoàn thanh niên: 00. Đội thiếu niên: 562, nam: 286, nữ: 276.

Tổng số giáo viên: 45, nam: 26, nữ: 19. Cử nhân (Đại học): 30. Cử nhân (cao đẳng): 15. Tổng số học sinh: 912, nam: 482, nữ: 430.

Tổng diện tích: 10.541 m^2. Diện tích sử dụng: 10.541 m^2. Trường có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu, phòng làm việc: 09, phòng học: 26, phòng máy tính: 01, thư viện: 01, sân chơi: 03, khu thể thao: 01, nhà vệ sinh: 03 khu.

4. Trường Tiểu học Nhị Mỹ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Phường Nhị Mỹ).

Địa chỉ: Khu phố Mỹ Lợi, phường Nhị Mỹ, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733829114

Trang thông tin điện tử: http:nhimy.txcailay.edu.vn.

Email: C1nhimycailaytiengiang@moet.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường Phổ thông cơ sở Nhị Mỹ được thành lập năm 1977, bao gồm các lớp cấp I (từ lớp 1 – lớp 5), cấp II (từ lớp 6 – lớp 9). Năm 1991, tách các lớp cấp I để thành lập Trường Tiểu học Nhị Mỹ.

Trường đạt chuẩn Quốc và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo đơn vị hành chính - Phường Nhị Mỹ.

Năm 2021, Chi bộ nhà trường có 06 đảng viên, nam: 03, nữ: 03. Ban giám hiệu: 02, nam: 02, nữ: 00. Công đoàn: 30 công đoàn viên, nam 14, nữ: 16. Đoàn thanh niên: 00. Đội thiếu niên: 251, nam: 132, nữ: 119.

Tổng số giáo viên: 29, nam: 12, nữ: 17. Cử nhân (Đại học): 22. Cử nhân (cao đẳng): 07. Tổng số học sinh: 251, nam: 132, nữ: 119.

Tổng diện tích: 5.360 m^2. Diện tích sử dụng: 950 m^2. Trường có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu, phòng làm việc: 08, phòng học: 20, phòng máy tính: 01, thư viện: 01, sân chơi: 02, khu thể thao: 01, nhà vệ sinh: 02 khu.

5. Trường Tiểu học Nhị Quý

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Phường Nhị Quý).

Địa chỉ: Ấp Quý Lợi, xã Nhị Quý, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733814150

Trang thông tin điện tử: Không.

Email: C1nhiquicailaytiengiang@moet.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường Tiểu học cộng đồng Nhị Quý được thành lập trước năm 1975. Năm 1976, Trường Phổ thông cơ sở Nhị Quý được thành lập, bao

gồm các lớp cấp I (từ lớp 1 – lớp 5), cấp II (từ lớp 6 – lớp 9). Năm 1991, tách các lớp cấp I để thành lập Trường Tiểu học Nhị Quý.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo đơn vị hành chính - Xã Nhị Quý.

Năm 2021, Chi bộ nhà trường có 20 đảng viên, nam: 06, nữ: 14; Chi ủy: 05, nam 02, nữ: 03. Ban giám hiệu: 02, nam: 01, nữ: 01. Công đoàn: 41 công đoàn viên, nam 16, nữ: 25. Đoàn thanh niên: 00. Đội thiếu niên: 483, nam: 257, nữ: 226.

Tổng số giáo viên: 40, nam: 16, nữ: 24. Cử nhân (Đại học): 29. Cử nhân (cao đẳng): 11. Tổng số học sinh: 810, nam: 444; nữ: 366.

Tổng diện tích: 5.956 m^2. Diện tích sử dụng: 5.956 m^2. Trường có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu, phòng làm việc: 06, phòng học: 28, phòng máy tính: 01, phòng nghe nhìn: 01, thư viện: 01, sân chơi: 01, khu thể thao: 01, nhà vệ sinh: 03 khu (01 dành cho giáo viên, 02 dành cho học sinh).

6. Trường Tiểu học Trương Văn Sanh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Họ và tên danh nhân (Trương Văn Sanh).

Địa chỉ: Số 120, đường Thái Thị Kim Hồng, Khu phố 3, Phường 5, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733829413

Trang thông tin điện tử: http://thtruongvansanh.txcailay.edu.vn

Email: c1truongvansanhcl.tiengiang@moet.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường Cấp I Trừ Văn Thố 3 được thành lập năm 1976. Năm 1992, trường được đổi tên thành Trường Tiểu học Trừ Văn Thố 3. Năm 2011, trường có tên là Trường Tiểu học Trương Văn Sanh.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

TRƯƠNG VĂN SANH

(1918 – 1959)

Trương Văn Sanh sinh năm 1918 tại làng Mỹ Hạnh Đông, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Mỹ Hạnh Đông, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang).

Năm 1940, ông giác ngộ và tham gia cách mạng ở xã nhà. Năm 1956, ông là Huyện ủy viên huyện Cai Lậy. Năm 1958, ông lần lượt giữ chức vụ Phó Bí thư rồi Bí thư Huyện ủy Cai Lậy. Lúc này, chính quyền Sài Gòn thực hiện chiến dịch "tố cộng", "diệt cộng", đánh phá phong trào cách mạng rất ác liệt. Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy Mỹ Tho, với cương vị là Bí thư Huyện ủy, ông và Ban Thường vụ Huyện ủy Cai Lậy tập trung lãnh chỉ đạo việc đẩy mạnh đấu tranh chính trị; tăng cường hoạt động vũ trang, diệt ác phá kìm, nhằm phục vụ cho phong trào, gây dựng cơ sở, hỗ trợ phong trào đấu tranh chính trị; quán triệt đội ngũ cán bộ, đảng viên trong huyện phải quyết tâm thực hiện chỉ thị, nghị quyết của Đảng, phải gắn chặt với quần chúng, lãnh đạo quần chúng đấu tranh, dù phải hy sinh, chịu đựng ác liệt cũng không được rời bỏ vị trí, đảng viên phải giữ vững lập trường, khí tiết, kiên quyết chiến đấu đến cùng, khi sa vào tay giặc thì sẵn sàng hy sinh, không khai báo, không ly khai, không tố cộng, ai vi phạm thì xem mình tự khai trừ ra khỏi Đảng, lấy gương đảng viên đã anh dũng hy sinh cho cán bộ, đảng viên học tập. Đồng thời, Huyện ủy đã huy động hàng chục ngàn lượt người đấu tranh chống bắt xâu, chống tập trung dân vào khu trù mật Mỹ Phước Tây (huyện Cai Lậy).

Ngày 17-4-1959, do có chiêu hồi phản bội chỉ điểm, bọn lính bất ngờ tấn công vào địa điểm mà Huyện ủy tổ chức hội nghị. Ông bị bắn trọng thương và bị tra tấn rất dã man hòng buộc ông đầu hàng và khai báo cơ sở cách mạng. Thế nhưng, ông vẫn kiên cường chịu đựng và giữ vững khí tiết cách mạng; đồng thời, ông còn mạnh mẽ tố cáo, lên án bọn phản dân hại nước, làm tay sai cho giặc ngoại xâm. Không khuất phục được người chiến sĩ cộng sản kiên trung, bọn chúng đã giết chết ông theo lối hành hình thời trung cổ bằng cách mổ bụng moi gan mang về trình lên tên quận trưởng Cai Lậy để lãnh thưởng.

Tên ông được đặt tên Trường Đảng huyện Cai Lậy trước đây, tên đường, tên trường tiểu học tại thị xã Cai Lậy và đoạn kênh Hai Hạt, huyện Tân Phước hiện nay.

Năm 2021, Chi bộ nhà trường có 17 đảng viên, nam: 02, nữ: 15; Chi ủy: 03, nam 01, nữ: 02. Ban giám hiệu: 01, nam: 00, nữ: 01. Công đoàn: 79 công đoàn viên, nam 40, nữ: 39. Đoàn thanh niên: 00. Đội thiếu niên: 567, nam: 301, nữ: 266.

Tổng số giáo viên: 75, nam: 41, nữ: 34. Cử nhân (Đại học): 32. Cử nhân (cao đẳng): 43. Tổng số học sinh: 1.477, nam: 1.004, nữ: 473.

Tổng diện tích: 10.000 m^2. Diện tích sử dụng: 7.671,7 m^2. Trường có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu, phòng làm việc: 04, phòng học: 31, phòng máy tính: 01, phòng nghe nhìn: 01, thư viện: 01, sân chơi: 04, khu thể thao: 01, nhà vệ sinh: 03 khu (01 dành cho giáo viên, 02 dành cho học sinh).

7. Trường Tiểu học Phan Văn Kiêu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Họ và tên danh nhân (Phan Văn Kiêu).

Địa chỉ: Số 46, đường Võ Việt Tân, Khu phố 3, Phường 1, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang

Số điện thoại: 02733903539

Trang thông tin điện tử: thphanvankieu.txcailay.edu.vn

Email: c1phanvankieucl.tienggiang@moet.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường Phổ thông cơ sở Trừ Văn Thố được thành lập sau năm 1975, bao gồm các lớp cấp I (từ lớp 1 - lớp 5), cấp II (từ lớp 6 - lớp 9). Năm 1992, tách các lớp cấp I để thành lập Trường Tiểu học Trừ Văn Thố 2. Năm 2011, trường được đổi tên thành Trường Tiểu học Phan Văn Kiêu.

Trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

Phan Văn Kiêu sinh năm 1906 tại làng Mỹ Trang, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là ấp Mỹ Cần, xã Nhị Mỹ, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang).

Năm 1927, ông cùng với các ông Võ Quí Khuông , Trần Hữu Tám,… tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lê Nin và truyền bá cho những người yêu nước ở Cai Lậy. Cuối năm 1927, Chi bộ Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên được thành lập ở làng Mỹ Trang do ông làm bí thư.

Sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời ngày 03-02-1930, tháng 5-1930, Chi bộ Đảng làng Mỹ Trang được thành lập, do đồng chí Phan Văn Kiêu làm bí thư. Đảng viên là các ông Trần Hữu Tám, Nguyễn Đồng Bang, Trần Văn Ngọ, Trần Văn An (thợ bạc An).

Năm 1931, thực hiện chủ trương làm kinh tế của Đảng, Quận ủy Cai Lậy phân công ông và ông Trần Văn Ngọ mở quán cơm ở Ngã ba Trung Lương (Châu Thành) để gây quỹ tài chính phục vụ cho hoạt động cách mạng và làm nơi liên lạc, nhận tài liệu tuyên truyền. Đồng thời, ông đã hai lần tổ chức chặn đánh tàu của Nguyễn Văn Kiệu và xe đò Ngọc Lợi để gây tiếng vang vì chủ cơ sở có liên quan đối với địch.

Tháng 10-1931, ông bị thực dân Pháp bắt giam. Ở trong tù, mặc dù bị tra tấn dã man, nhưng ông vẫn kiên cường vượt qua, quyết không khai báo, giữ vững ý chí và khí tiết của người chiến sĩ cộng sản. Toà án thực dân kết án tử hình đối với ông. Nhưng do quần chúng và dư luận báo chí phản đối mạnh mẽ buộc thực dân Pháp hạ mức án tử hình xuống chung thân khổ sai và đày đi Côn Đảo. Tại chốn "địa ngục trần gian" Côn Đảo, ông vẫn tiếp tục chiến đấu đến hơi thở cuối cùng. Ngày 02-10-1939, do những năm tháng bị đày ải, tra tấn đến cùng cực, ông kiệt sức và hy sinh ở nhà tù Côn Đảo. Tên ông được đặt tên đường và tên trường tiểu học ở thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2021, Chi bộ nhà trường có 16 đảng viên, nam: 04, nữ: 12; Chi ủy: 03, nam: 01, nữ: 02. Ban giám hiệu: 04, nam: 03, nữ: 01. Công đoàn: 82 công đoàn viên, nam 26, nữ: 56. Đoàn thanh niên: 00. Đội thiếu niên: 1.115, nam: 602, nữ: 513.

Tổng số giáo viên: 75, nam: 22, nữ: 53. Cử nhân (Đại học): 58. Cử nhân (cao đẳng): 17. Tổng số học sinh: 1.790, nam: 939, nữ: 851.

Tổng diện tích: 11.062 m^2. Diện tích sử dụng: 11.062 m^2. Trường có 01 trệt và 02 lầu, phòng làm việc: 5, phòng học: 54, phòng thí nghiệm: 0, phòng nghe nhìn: 01, phòng máy tính: 02, thư viện: 01, sân chơi: 02; khu thể thao: 01 nhà đa năng, nhà vệ sinh: 2 khu (13 phòng).

8. Trường Tiểu học Tân Bình

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Tân Bình).

Địa chỉ: Khu phố 3, Phường 1, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 2733826082

Trang thông tin điện tử: Không

Email: c1tanhbinhcailay.tiengiang@moet.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường Cấp I Tân Bình được thành lập sau năm 1975. Năm 1992, trường được đổi tên thành Trường Tiểu học Tân Bình.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo đơn vị hành chính - Xã Tân Bình.

Năm 2021, Chi bộ nhà trường có 11 đảng viên, nam: 04, nữ: 07; Chi ủy: 03, nam 01, nữ: 02. Ban giám hiệu: 03, nam: 03, nữ: 00. Công đoàn: 33 công đoàn viên, nam 09, nữ: 24. Đoàn thanh niên: 00. Đội thiếu niên: 176, nam: 84, nữ: 92.

Tổng số giáo viên: 33, nam: 09, nữ: 24. Cử nhân (Đại học): 19. Cử nhân (cao đẳng): 04. Trung học sư phạm: 10. Tổng số học sinh: 462, nam: 217, nữ: 245.

Tổng diện tích: 1.984,4 m^2. Diện tích sử dụng: 1.984,4 m^2. Trường có 01 trệt và 01 lầu, phòng làm việc: 3, phòng học: 14, phòng thí nghiệm: 00, phòng nghe nhìn: 00, phòng máy tính: 01, thư viện: 01, Sân chơi: 01 (896.4 m^2), khu thể thao: 00, nhà vệ sinh: 4 khu.

9. Trường Tiểu học Tân Hội

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Tân Hội).

Địa chỉ: Ấp Tân Phong, xã Tân Hội, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733718741

Trang thông tin điện tử: http://thtanhoi.txcailay.edu.vn/

Email: c1tanhoicailay.tiengiang@moet.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường Cấp I Tân Hội được thành lập sau năm 1975. Năm 1980, trường được đổi tên thành Trường Cấp I Nguyễn Văn Lo. Năm 1992, trường được đổi tên thành Trường Tiểu học Tân Hội.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo đơn vị hành chính - Xã Tân Hội.

Năm 2021, Chi bộ nhà trường có 25 đảng viên, nam: 06, nữ: 19; Chi ủy: 03, nam 02, nữ: 01. Ban giám hiệu: 03, nam: 02, nữ: 01. Công đoàn: 44 công đoàn viên, nam 15, nữ: 29. Đoàn thanh niên: 00. Đội thiếu niên: 328, nam: 110, nữ: 218.

Tổng số giáo viên: 44, nam: 15, nữ: 29. Cử nhân (Đại học): 36. Cử nhân (cao đẳng): 08. Tổng số học sinh: 864, nam: 433, nữ: 431.

Tổng diện tích: 14.031 m^2. Diện tích sử dụng: 14.031 m^2. Trường có 01 trệt và 01 lầu, phòng làm việc: 5, phòng học: 37, phòng thí nghiệm: 00, phòng nghe nhìn: 00, phòng máy tính: 01, thư viện: 01, Sân chơi: 03, Khu thể thao: 00, Nhà vệ sinh: 6 khu.

10. Trường Tiểu học - Trung học cơ sở Ấp Bắc

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học - Trung học cơ sở) + Sự kiện lịch sử (Chiến thắng Ấp Bắc).

Địa chỉ: Ấp Bắc, xã Tân Phú, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273.3814268 và 0273.3814484

Trang thông tin điện tử: Không.

Email: c1apbaccl.tiengiang@moet.edu.vn và thcs.apbac.pgd@gmail.com

Tiền thân của trường là Trường Phổ thông cơ sở cấp I Tân Phú và Trường Phổ thông cơ sở cấp II Tân Phú được thành lập năm 1976. Năm 1994, đổi tên

thành Trường Tiểu học Ấp Bắc và Trường Trung học cơ sở Ấp Bắc. Năm 2020, hợp nhất hai trường thành Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Ấp Bắc.

Trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục.

Sự kiện lịch sử được đặt tên trường:

Ngày 01/01/1963, các đơn vị bộ đội của ta tập hợp tại Ấp Bắc để chuẩn bị tấn công ấp chiến lược Giồng Dứa (xã Long Định, huyện Châu Thành). Dò biết hoạt động của quân ta, ngày 02/01/1963, địch mở trận càn mang tên "Đức Thắng 01 - 63", do Sư đoàn 7 ngụy và chiến đoàn bảo an thuộc Tiểu khu Định Tường đảm trách.

Sau một ngày kiên cường chiến đấu chống địch càn quét, bắt đầu từ 5 giờ sáng và kéo dài liên tục đến 20 giờ, ta đã giành được thắng lợi vang dội: diệt và làm bị thương 450 tên, trong đó có 3 tên Mỹ và hàng chục sĩ quan ngụy, bắn rơi và bắn hỏng 16 máy bay trực thăng, bắn cháy 3 xe thiết giáp M.113, 2 tàu chiến.

Chiến thắng Ấp Bắc đã làm thất bại chiến thuật "trực thăng vận, thiết xa vận" của địch, mở đầu cho phong trào đánh bại chiến thuật mới của địch trên toàn chiến trường miền Nam. Đó là chiến công đặc biệt quan trọng, mở ra cục diện mới, tạo ra điển hình mới, đem lại lòng tin cho chiến sĩ và nhân dân ta ở miền Nam có khả năng đánh thắng Mỹ về quân sự trong "Chiến tranh đặc biệt".

Chiến thắng Ấp Bắc có ý nghĩa chiến lược làm đảo lộn các chiến thuật và chiến lược của đế quốc Mỹ; làm nhụt ý chí xâm lược của kẻ thù, làm lung lay chế độ tay sai Ngô Đình Diệm, gây tiếng vang lớn trên trường quốc tế. Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ chín, tháng 12/1963, đã chỉ rõ: "Sau những thất bại nặng nề của kế hoạch Xtalây - Taylo, nhất là sau Chiến thắng Ấp Bắc của quân và dân miền Nam, đế quốc Mỹ đã bắt đầu không tin là chúng sẽ thắng, và đã công khai nói lên sự mất tin tưởng đó". Tổng bí thư Đảng Lê Duẩn

cho rằng: "Với chiến thắng Ấp Bắc, Mỹ thấy không thể thắng ta trong chiến lược chiến tranh đặc biệt".

Năm 2021, Chi bộ nhà trường có 20 đảng viên, nam: 14, nữ: 06; Chi ủy: 05, nam: 03, nữ: 02. Ban giám hiệu: 02, nam: 02, nữ: 00. Công đoàn: 58 công đoàn viên, nam 26, nữ: 32. Đoàn thanh niên: 04, nam: 01, nữ: 03. Đội thiếu niên: 952, nam: 491, nữ: 461.

Tổng số giáo viên: 53, nam: 25, nữ: 28. Cử nhân (Đại học): 30. Cử nhân (cao đẳng): 19. Trung học sư phạm: 04. Tổng số học sinh: 1.002, nam: 521, nữ: 481.

Tổng diện tích: 17.549,9 m^2. Diện tích sử dụng: 6.000 m^2. Trường có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu, phòng làm việc: 06, phòng học: 31, phòng thí nghiệm: 01, phòng nghe nhìn: 02, phòng máy tính: 02, thư viện: 01, sân chơi: 02, khu thể thao: 01, Nhà vệ sinh: 04 khu.

11. Trường Tiểu học - Trung học cơ sở Mỹ Hạnh Đông

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học - Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Mỹ Hạnh Đông).

Địa chỉ: Ấp Mỹ Phú, xã Mỹ Hạnh Đông, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733914941

Trang thông tin điện tử: http//thcsmyhanhdong.tiengiang.edu.vn

Email: c2myhanhdongcailay.tiengiang@moet.edu.vn

và c1myhanhdongcailay.tiengiang@moet.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường Phổ thông cơ sở cấp I Mỹ Hạnh Đông và Trường Phổ thông cơ sở cấp II Mỹ Hạnh Đông được thành lập năm 1976. Năm 1992, đổi tên thành Trường Tiểu học Mỹ Hạnh Đông và Trường Trung học cơ sở

Mỹ Hạnh Đông. Năm 2021, hợp nhất hai trường thành Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Mỹ Hạnh Đông.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính - Xã Mỹ Hạnh Đông.

Năm 2021, Chi bộ nhà trường có 2 đảng viên, nam: 10, nữ: 14; Chi ủy: 05, nam: 03, nữ: 02. Ban giám hiệu: 02, nam: 00, nữ: 02. Công đoàn: 59 công đoàn viên, nam: 32, nữ: 27. Đoàn thanh niên: 07, nam: 00, nữ: 07. Đội thiếu niên: 625, nam: 208, nữ: 317.

Tổng số giáo viên: 56, nam: 29, nữ: 27. Cử nhân (Đại học): 29, Cử nhân (Cao đẳng): 21, Trung học sư phạm: 06. Tổng số học sinh: 938, nam: 473, nữ: 455.

Tổng diện tích: 9.890,8 m^2; Diện tích sử dụng: 9.890,8 m^2. Trường cô dãy lầu, mỗi dãy 01 tầng trệt, 01 tầng lầu, phòng làm việc: 09, phòng học: 24, phòng thí nghiệm: 04, phòng nghe nhìn: 02, thư viện: 03, sân chơi: 02, khu thể thao: 02, nhà vệ sinh: 14 phòng.

12. Trường Tiểu học - Trung học cơ sở Mỹ Hạnh Trung

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học - Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Mỹ Hạnh Trung).

Địa chỉ: Ấp Mỹ Lợi, xã Mỹ Hạnh Trung, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273.3914.378

Trang thông tin điện tử: http://thcs.myhanhtrung-tiengiang.edu.vn

Email: C2myhanhtrungcailay.tiengiang@moet.edu.vn

C1myhanhtrungcailay.tiengiang@moet.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường Phổ thông cơ sở cấp I Mỹ Hạnh Trung và Trường Phổ thông cơ sở cấp II Mỹ Hạnh Trung được thành lập năm 1976. Năm 1992, đổi tên thành Trường Tiểu học Mỹ Hạnh Trung và Trường Trung học cơ sở Mỹ Hạnh Trung. Năm 2020, hợp nhất hai trường thành Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Mỹ Hạnh Trung.

Trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính - Xã Mỹ Hạnh Trung.

Năm 2021, Chi bộ nhà trường có 28 đảng viên, nam: 16, nữ: 12; Chi ủy: 05, nam: 05, nữ: 00. Ban giám hiệu: 02, nam: 02, nữ: 00. Công đoàn: 62 công đoàn viên, nam: 32, nữ: 30. Đoàn thanh niên: 20 đoàn viên, nam: 13, Nữ: 07. Đội thiếu niên: 852, nam: 457, nữ: 395.

Tổng số giáo viên: 55, nam: 27, nữ: 28. Cử nhân (Đại học): 37, Cử nhân (Cao đẳng): 13, Trung học sư phạm: 05. Tổng số học sinh: 1.070, nam: 562, nữ: 508.

Tổng diện tích:11.786,6 m^2; Diện tích sử dụng: 11.786,6 m^2. Trường có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu, phòng làm việc: 03, phòng học: 32, phòng thí nghiệm: 01, Phòng nghe nhìn: 01, phòng máy tính: 03, thư viện: 02, sân chơi: 02 chính, 01 phụ, khu thể thao: 02 chính, 01 phụ, nhà vệ sinh: 02 khu.

13. Trường Tiểu học - Trung học cơ sở Phú Quý

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học - Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Phú Quý).

Địa chỉ: Điểm chính: Ấp Phú Hưng, xã Phú Quý, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Điểm phụ: Ấp Phú Hòa, xã Phú Quý, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733814053 – 02733814269

Trang thông tin điện tử: http://th-thcsphuquy.txcailay.edu.vn/

Email: c1phuquicailay.tiengiang@moet.edu.vn

c2phuquicl.tiengiang@moet.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường Phổ thông cơ sở cấp I Phú Quý và Trường Phổ thông cơ sở cấp II Phú Quý được thành lập năm 1976. Năm 1992, đổi tên thành Trường Tiểu học Phú Quý và Trường Trung học cơ sở Phú Quý. Năm 2019, hợp nhất hai trường thành Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Phú Quý.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính - Xã Phú Quý.

Năm 2021, Chi bộ nhà trường có 16 đảng viên, nam: 08, nữ: 08; Chi ủy: 04, nam: 03, nữ: 01. Ban giám hiệu: 02, nam: 01, nữ: 01. Công đoàn: 46 công đoàn viên, nam: 25, nữ: 21. Đoàn thanh niên: 00. Đội thiếu niên: 718, nam: 340, nữ: 378.

Tổng số giáo viên: 41, nam: 22, nữ: 19. Cử nhân (Đại học): 26, Cử nhân (Cao đẳng): 11, THSP: 04. Tổng số học sinh: 936, nam: 458, ữ: 478.

Tổng diện tích: 6.477,2 m^2; Diện tích sử dụng: 6.477,2 m^2. Điểm chính có 1 tầng trệt và 01 tầng lầu, Điểm phụ có các dãy phòng cấp 4; phòng làm việc: điểm chính 04, điểm phụ 01; phòng học: điểm chính 15, điểm phụ 06; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: điểm chính 01, điểm phụ 00; phòng máy tính: Điểm chính 01, Điểm phụ 01; thư viện: điểm chính 02, điểm phụ 01; sân chơi: điểm chính: 01, điểm phụ: 01, khu thể thao: 00; nhà vệ sinh: điểm chính: 02 khu, điểm phụ: 02.

14. Trường Tiểu học - Trung học cơ sở Thanh Hòa

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học - Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Thanh Hòa).

Địa chỉ: Điểm chính: Ấp Thanh Hiệp, xã Thanh Hòa, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Điểm phụ: Ấp Thanh Hưng, xã Thanh Hòa, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang

Số điện thoại: 02733820651 - 02733916796

Trang thông tin điện tử: Không.

Email: c1thanhhoacailay.tiengiang@moet.edu.vn

c2thanhhoacl.tiengiang@moet.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường Phổ thông cơ sở cấp I Thanh Hòa và Trường Phổ thông cơ sở cấp II Thanh Hòa được thành lập năm 1976. Năm 1992, đổi tên thành Trường Tiểu học Thanh Hòa và Trường Trung học cơ sở Thanh Hòa. Năm 2019, hợp nhất hai trường thành Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Thanh Hòa.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính - Xã Thanh Hòa.

Năm 2021, Chi bộ nhà trường có 12 đảng viên, nam: 05, nữ: 07. Ban giám hiệu: 01, nam: 01, nữ: 00. Công đoàn: 26 công đoàn viên, nam: 17, nữ: 09. Đoàn thanh niên: 00. Đội thiếu niên: 393, nam: 191, nữ: 202.

Tổng số giáo viên: 24, trong đó nam: 15, nữ: 09. Cử nhân (Đại học): 14, Cử nhân (Cao đẳng): 10. Tổng số học sinh: 530, nam: 261, nữ: 269

Tổng diện tích: 6.689,2 m^2; Diện tích sử dụng: 6.689,2m^2. Điểm chính có 1 tầng trệt và 01 tầng lầu, điểm phụ có các dãy phòng cấp 4; phòng làm việc: điểm chính: 04, điểm phụ: 03; phòng học: điểm chính: 10, điểm phụ: 04; phòng thí nghiệm: điểm chính: 01, điểm phụ: 00; phòng nghe nhìn: điểm chính: 01, điểm phụ: 00; phòng máy tính: điểm chính: 01, điểm phụ: 01; thư viện: điểm chính: 01, điểm phụ: 01; sân chơi: điểm chính: 01, Điểm phụ: 01; khu thể thao: 00; nhà vệ sinh: điểm chính: 02 khu, điểm phụ: 01 khu.

***Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn địa danh Kinh/Kênh:**

*** Khái niệm**

Kinh/Kênh là dòng dẫn nước do con người tạo ra, nhằm vào nhiều mục đích, trong đó có hai mục đích chính là thủy lợi và giao thông thủy.

1. Kinh/Kênh Bang Chón - Trường Gà (Thị xã Cai Lậy)

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Chức vụ (Bang biện: Xin xem mục từ kinh/kênh Bang Mãn) + Tên người (Bang biện Chón, gọi tắt là Bang Chón)

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Địa điểm tổ chức đá gà (Trường Gà).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Tân Bình, Mỹ Hạnh Trung, Mỹ Hạnh Đông, Tân Hội, Tân Phú thuộc thị xã Cai Lậy; điểm đầu nối với rạch Ba Rài, điểm cuối giáp ranh huyện Châu Thành, dài 10 km, bề ngang 20 - 23 m, sâu 1,5 - 2,0 m, diện tích phục vụ 1.061 ha.

2. Kinh/Kênh Bà Bèo

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Địa hình thiên nhiên (Bàu: là nơi đất trũng, mùa mưa nước khá sâu; nhưng mùa nắng chỉ còn những vũng nước nhỏ hay khô hẳn. Khác với đầm, hồ, ao vì đầm, hồ, ao có nước quanh năm. Dân gian gọi trại "Bàu" thành "Bà") + Thực vật (Bèo: là loài thực vật thủy sinh, nổi trên mặt nước). Kinh/Kênh Bàu Bèo gọi trại thành kinh/kênh Bà Bèo.

Kinh/Kênh Bà Bèo được đô đốc Tây Sơn là Đặng Trấn cho đào năm 1785 nhằm trấn áp quân Đông Sơn do Đỗ Thanh Nhơn chỉ huy. Đây là lực lượng ủng hộ Nguyễn Ánh trong việc tranh chấp với phong trào Tây Sơn do Nguyễn Nhạc, Nguyện Huệ, Nguyễn Lữ lãnh đạo. Lúc đó, con kinh/kênh này được sách sử chép là Tranh giang Tân kinh (Kinh/kênh mới rạch Chanh). Lúc đó, vì kinh/kênh chảy ngang qua Bàu Bèo nên dân gian gọi là kinh/kênh Bàu Bèo, nói trại thành kinh/kênh Bà Bèo.

Trong nửa sau thế kỷ XIX, kinh/kênh Bà Bèo là tuyến đường thủy quan trọng trong việc vận chuyển nông sản, hàng hóa từ miền Tây đến Sài Gòn và

ngược lại, nên được người Pháp gọi là kinh/kênh Thương Mãi (Arroyo de Commercial). Về sau, khi có kinh/kênh Chợ Gạo, con kinh/kênh này không còn vai trò thương mãi như trước, nên được dân gian gọi là Sông Cũ. Hiện nay, tên gọi phổ biến là kinh/kênh Bà Bèo.

Kinh/Kênh chảy xuyên qua xã Mỹ Hạnh Trung, thị xã Cai Lậy; thị trấn Mỹ Phước, xã Phước Lập thuộc huyện Tân Phước; điểm đầu nối với kinh/kênh Xáng Lacour, điểm cuối nối với kinh/kênh Nguyễn Văn Tiếp, dài 7,22 km, bề ngang 25 - 30 m, sâu 25 - 30 m, diện tích phục vụ 780 ha.

3. Kinh Kênh Hai Tân - Ông Mười

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Thứ và tên người (Hai Tân).

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Giới tính và tên người (Ông Mười).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Tam Bình, Long Tiên, Mỹ Long, Nhị Mỹ thuộc huyện Cai Lậy; xã Phú Quý, phường Nhị Quý thuộc thị xã Cai Lậy; điểm đầu nối với sông Năm Thôn, điểm cuối nối với kinh/kênh Lộ Đất, dài 12,6 km, bề ngang 20 - 30 m, sâu 2 - 3 m, diện tích phục vụ 3.000 ha.

4. Kinh/Kênh Kháng Chiến (Lộ Đất)

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Động từ (Kháng chiến: Chiến đấu chống quân xâm lược để bảo vệ nền độc lập, tự do của đất nước).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Tân Hội, Tân Phú thuộc thị xã Cai Lậy; điểm đầu nối với Lộ di tích lịch sử - văn hóa Ấp Bắc, điểm cuối nối với kinh/kênh Ba Kỳ, dài 1,8 km, bề ngang 16 - 22 m, sâu 1,0 - 2,0 m, diện tích phục vụ 180 ha.

5. Kinh/Kênh Mỹ Long - Bà Kỳ

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Địa danh hành chính (xã Mỹ Long).

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Giới tính và tên người (Bà Kỳ).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua xã Mỹ Long, huyện Cai Lậy; phường Nhị Quí, các xã Tân Hội, Tân Phú, Mỹ Hạnh Đông thuộc thị xã Cai Lậy; điểm đầu nối với rạch Bang Lợi, điểm cuối nối với kinh/kênh Nguyễn Văn Tiếp , dài 14,58 km, bề ngang 25 - 40 m, sâu 1,5 - 3,0 m, diện tích phục vụ 3.383 ha.

6. Kinh/Kênh Xáng Lacour (đọc theo Tiếng Việt: La - cua)

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Phương tiện đào kinh/kênh (Xáng: do Tiếng Pháp Chaland đọc trại mà thành, còn gọi là sà lan. Trên chiếc xáng có đặt cần cẩu với những gàu to, hoạt động nhờ động cơ, dùng để múc đất, bùn hay cát để đào kinh/kênh hay nạo vét sông, kinh/kênh, rạch. Dân gian còn gọi là xáng múc. Hiện nay, gọi là tàu cuốc) + Tên của người Pháp chỉ huy việc đào kênh/kinh (Lacour).

Kinh/kênh này được đào bằng xáng múc (tàu cuốc) năm 1915[26], nối rạch Ba Rài vào kênh/kinh Nguyễn Văn Tiếp ở xã Mỹ Hạnh Trung (thị xã Cai Lậy), dài 4 km, bề ngang 28 - 32 m, sâu 1,8 - 2,8 m, diện tích phục vụ 456 ha.

7. Kinh/Kênh 12

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Số hiệu (12).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Hội Xuân, Cẩm Sơn, Phú Cường thuộc huyện Cai Lậy; các xã Thanh Hòa, Mỹ Phước Tây, Mỹ Hạnh Trung thuộc thị xã Cai Lậy; điểm đầu nối với sông Tiền, điểm cuối nối với kinh/kênh Hai Hạt và kinh/kênh Trương Văn Sanh, dài 30,89 km, bề ngang 40 - 60 m, sâu 3,0 - 7,0 m, diện tích phục vụ 4.603 ha.

---

[26] Ngọc Phan - Hoàng Phương (2016), *Dấu xưa Đồng Tháp Mười: Kỳ bí bia đá trấn thủy*, Báo điện tử Thanh Niên, ngày 15/3/2016.

Nghiên cứu địa danh tín ngưỡng, tôn giáo:

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên Đình:**

Khái niệm Đình (chữ Hán: 亭): là công trình trong tổng thể kiến trúc làng Việt Nam.

Đình Số thứ tự làng là nơi thờ Thành hoàng làng (là người thành lập làng hay có công với làng), đồng thời là nơi hội họp, bàn việc của dân làng. Đình được coi là trung tâm sinh hoạt văn hóa gắn bó với một cộng đồng cư dân và mang đặc trưng của nền văn minh lúa nước Việt Nam.

1. Đình Long Khánh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính (Xã Long Khánh).

Đình Long Khánh, còn gọi là đình Phú Luông hay Phú Long, tọa lạc tại ấp Phú Hưng, xã Long Khánh, thị xã Cai Lậy.

Đình được xây dựng vào đầu thế kỷ 19, tổng diện tích 6.922 m^2, diện tích xây dựng khoảng 1.000 m^2, có lối kiến trúc hình chữ công (工) gồm: Tiền điện, Chánh điện, nhà Tiền vãng, nhà khách, nhà khói.

Trên cổng là bảng hiệu "Cổ Môn Đình", mặt trước, mặt sau cổng có các câu đối Mái cổng lợp ngói vảy cá, phía trên nóc trang trí lưỡng long tranh châu bằng gốm men xanh.

Sân đình có bàn thờ Thần Nông, 02 ngôi miếu thờ Cửu Thiên Huyền Nữ và Bổn Thôn Hội Đồng.

Tiền điện có diện tích 41,6 m^2, nền gạch tàu, mái lợp ngói âm dương. Chánh điện đình là ngôi nhà 03 gian 02 chái với diện tích 127,4 m^2, 03 khung cửa gỗ tạo không gian rộng, có 16 cột, trong đó 04 cột cái (tứ trụ) bằng gỗ căm xe, nền lót

gạch bông, vách đóng ván bổ kho, mái lợp ngói vảy cá. Nhà Tiền vãng có diện tích 83,2 m^2 gồm 03 gian thờ. Bộ khung nhà theo kiểu nhà rường, nền lót gạch tàu, mái lợp ngói móc, đỡ mái bằng 08 cột hàng nhất và 04 cột hàng nhì. Nhà khách gồm 08 cột gỗ vuông đỡ mái, nền lợp ngói móc có diện tích 96,2 m^2. Nhà khói có diện tích 91 m^2 là nơi nấu nướng phục vụ các lệ cúng hàng năm của đình. Bên trong tiền điện, chánh điện, nhà tiền vãng, nhà khách đều có những tác phẩm nghệ thuật đặc sắc, được chạm trổ công phu và tinh xảo.

Đình thờ thần Thành hoàng bổn cảnh, các vị tiền hiền, hậu hiền. Hiện nay, đình còn lưu giữ 2 sắc phong do vua Tự Đức ban năm 1853: sắc Bổn cảnh Thành hoàng chi thần và sắc Đại càn quốc gia Nam hải tứ vị thượng đẳng thần. Hằng năm, đình Long Khánh có 02 lễ cúng: Hạ điền vào ngày 9, 10 tháng 6 âm lịch và Thượng điền từ ngày 10 đến ngày 12 tháng 12 âm lịch cầu cho mưa thuận gió hòa, quốc thái dân an.

Đình Long Khánh được UBND tỉnh Tiền Giang xếp hạng là Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15/02/2000.

2. Đình Bình Chánh Tây

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chánh xưa (Thôn Bình Chánh Tây).

Đình Bình Chánh Tây tọa lạc tại xã Tân Bình, thị xã Cai Lậy.

Đình được xây dựng vào cuối thế kỷ XIX, sau đó được sửa chữa nhiều lần. Năm 2010, đình được trùng tu, xây dựng lại hàng rào, vỏ ca, chánh điện và nhà khói.

Đình có diện tích đất 570 m^2, diện tích xây dựng 350 m^2, thờ Tứ Kiệt và thần Thành hoàng bổn cảnh. Mỗi năm, đình có 02 lễ cúng: Hạ điền vào ngày 17 tháng 6 âm lịch, Thượng điền vào ngày 17 tháng 12 âm lịch.

Đình là cơ sở cách mạng của xã Tân Bình, huyện Cai Lậy trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

Đình Bình Chánh Tây được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 1301/QĐ-UBND ngày 04/6/2012.

3. Đình Thanh Sơn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính xưa (Thôn Thanh Sơn).

Đình Thanh Sơn tọa lạc tại Khu 2, Phường 5, thị xã Cai Lậy.

Đình được xây dựng vào cuối thế kỷ XVIII. Năm 1861, đình bị đại bác của thực dân Pháp bắn sập. Năm 1882, đình được cất lại trên nền cũ và đến năm 1911 được trùng tu. Năm 1935, cầu đúc Cai Lậy được khởi công xây dựng, đình được dời về phía nam khoảng 100 m, tức vị trí hiện nay của đình. Năm 2006, đình được trùng tu, sửa chữa lại mái đình, nhà khói. Đình có diện tích đất 611,8 m², diện tích xây dựng là 225 m², được xây dựng theo kiểu tứ trụ gồm có: chánh điện, nhà khách, nhà tiền vãng, nhà khói.

Đình thờ thần Thành hoàng bổn cảnh, các vị tiền hiền, hậu hiền. Hiện đình còn lưu giữ những di vật có giá trị như: 03 đôi liễn, 04 biển đại tự có niên đại vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, 03 khánh thờ làm bằng gỗ có khắc năm 1961,... Hiện đình còn lưu giữ những di vật có giá trị như: bao lam, hoành phi, liễn… Mỗi năm, đình có 02 lễ cúng: ngày 16, 17 tháng 06 âm lịch cúng Hạ điền; ngày 16, 17 tháng 11 âm lịch cúng Thượng điền.

Đình là cơ sở cách mạng trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

Đình Thanh Sơn được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 2093/QĐ-UBND ngày 19/7/2016.

4. Đình Mỹ Trang

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính xưa (Thôn Mỹ Trang).

Đình Mỹ Trang tọa lạc tại phường Nhị Mỹ, thị xã Cai Lậy.

Đình được xây dựng vào năm 1836. Giặc Pháp đã đốt cháy đình ngày 13/11/1945; vì vậy, đình Mỹ Trang còn gọi là Miễu cháy. Năm 1999-2000, đình được xây dựng lại trên nền cũ. Với diện tích xây dựng 287,98 m^2 đình được xây theo kiểu chữ tam (≡), gồm: vỏ ca, vỏ quy và chánh điện.

Đình thờ thần Thành hoàng bổn cảnh, các vị tiền hiền, hậu hiền.

Trong tổng khởi nghĩa tháng 8/1945, đình là trụ sở, điểm xuất phát của lực lượng Thanh niên Tiền Phong xã Nhị Mỹ phối hợp cùng lực lượng cách mạng huyện Cai Lậy giành chánh quyền địch về tay nhân dân. Nơi đây, Trường Quân chính tỉnh Mỹ Tho được thành lập (tháng 10/1945) để huấn luyện chiến sĩ cách mạng tỉnh và huyện Cai Lậy những kiến thức cơ bản về quân sự nhằm góp phần xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Đình Mỹ Trang được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 5044/QĐ-UBND ngày 24/12/2009.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên Miếu:**

Khái niệm Miếu

Miếu là một dạng di tích văn hóa trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam có quy mô nhỏ hơn đền. Đối tượng được thờ ở miếu rất đa dạng, thể hiện ở tên gọi của miếu - tên gọi theo đối tượng được thờ thường phiếm chỉ và tượng trưng. Ví dụ: miếu Cô, miếu Cậu, miếu thờ thần núi gọi là miếu Sơn thần, miếu thờ thần nước gọi là miếu Hà Bá hoặc miếu Thủy thần, miếu thờ thần đất gọi là miếu thổ thần.

Cổ miếu Tứ Kiệt

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Miếu) + Tên các danh nhân lịch sử (Tứ Kiệt).

Cổ miếu Tứ Kiệt tọa lạc tại Khu phố 1, Phường 1, thị xã Cai Lậy.

Cổ Miếu thờ 4 vị anh hùng có công trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, được nhân dân tôn kính gọi là Tứ Kiệt, gồm Trần Công Thận, Nguyễn Thanh Long, Ngô Tấn Đước và Trương Văn Rộng.

Sau khi giặc Pháp hạ thành Mỹ Tho và chiếm toàn tỉnh Định Tường (1861), bốn ông tham gia cuộc khởi nghĩa do Thiên hộ Dương khởi xướng và lãnh đạo. Căn cứ Đồng Tháp Mười của nghĩa quân Thiên hộ Dương bị vỡ, bốn ông liền về Cai Lậy chiêu mộ nghĩa quân tiếp tục phất cao cờ khởi nghĩa. Trong những chiến công của nghĩa quân Tứ Kiệt, có hai chiến công được xem là chói lọi nhất. Đó là cuộc tiến công vào thành Mỹ Tho và thiêu hủy đồn Cai Lậy. Sau hai năm hoạt động gây cho giặc nhiều thiệt hại, cuộc khởi nghĩa của Tứ Kiệt đành chịu thất bại trước sự đàn áp khốc liệt của quân Pháp. Bốn ông cùng 150 nghĩa quân bị bắt. Bọn chúng đem vinh hoa phú quý ra dụ dỗ các ông trong nhiều ngày không thành.

Ngày 14/2/1871 (nhằm ngày 25 tháng Chạp năm Canh Ngọ), giặc Pháp đưa bốn ông ra pháp trường xử trảm, bêu đầu ở chợ Cai Lậy nhằm uy hiếp tinh thần của dân chúng, sau đó vùi ở bến sông cạnh chợ. Thân nhân gia đình chỉ mang thân mình các ông về quê nhà, gắn chiếc đầu giả làm bằng đất sét vào chôn cất.

Cảm kích bốn vị anh hùng, nhân dân Cai Lậy đã bí mật mang chôn thủ cấp của bốn ông và đắp mộ, hương khói trang nghiêm. Lúc bấy giờ ở làng Mỹ Trang, ông Nhiêu học Đặng Văn Ngưu dựng trước nhà một ngôi miếu thờ ngay tại khu đất giặc bêu đầu bốn ông. Ngôi miếu lợp ngói âm dương và để che mắt chính quyền thực dân, người ta gọi đó là chùa Ông (vì phía trước lập bàn thờ Quan Công tượng trưng cho trung nghĩa), còn phía sau lập bài vị khắc bốn chữ "Tứ vị

thần hồn" sơn son thếp vàng rực rỡ (nên có người gọi là "Miếu cô hồn"). Mặc dù vậy, nhân dân đều biết đó là miếu thờ Tứ Kiệt.

Trận bão năm Giáp Thìn (1904) làm ngôi miếu đổ sập. Ông Nhiêu dời ngôi miếu về làng Thanh Sơn. Ngôi miếu được trùng tu vào các năm 1954, 1967 với tổng diện tích 695,4 m^2. Hằng năm, vào ngày 25 tháng Chạp âm lịch, nhân dân Cai Lậy tụ tập đông đúc về đây tảo mộ và làm giỗ rất trang trọng, thành kính tưởng nhớ đến bốn ông vì nước quên mình nêu tấm gương sáng ngời cho hậu thế.

Cổ Miếu Tứ Kiệt được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh tại Quyết định số 3781/QĐ-UBND ngày 19/12/2017.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên Đền thờ**

Khái niệm Đền thờ

Đền thờ là công trình kiến trúc mang tính chất tín ngưỡng để thờ cúng một vị thần hoặc một danh nhân quá cố.

Mộ và đền thờ Tứ Kiệt

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Mộ và Đền thờ) + Tên các danh nhân lịch sử (Tứ Kiệt).

Mộ và đền thờ Tứ Kiệt tọa lạc tại Khu phố 1, Phường 1, thị xã Cai Lậy.

Tứ Kiệt là 4 vị anh hùng có công trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, được nhân dân tôn kính gọi là Tứ Kiệt, gồm Trần Công Thận, Nguyễn Thanh Long, Ngô Tấn Đước và Trương Văn Rộng.

Sau khi giặc Pháp hạ thành Mỹ Tho và chiếm toàn tỉnh Định Tường (1861), bốn ông tham gia cuộc khởi nghĩa do Thiên hộ Dương khởi xướng và lãnh đạo. Căn cứ Đồng Tháp Mười của nghĩa quân Thiên hộ Dương bị vỡ, bốn ông liền về Cai Lậy chiêu mộ nghĩa quân tiếp tục phất cao cờ khởi nghĩa. Trong những chiến công của nghĩa quân Tứ Kiệt, có hai chiến công được xem là chói lọi nhất. Đó là

cuộc tiến công vào thành Mỹ Tho và thiêu hủy đồn Cai Lậy. Sau hai năm hoạt động gây cho giặc nhiều thiệt hại, cuộc khởi nghĩa của Tứ Kiệt đành chịu thất bại trước sự đàn áp khốc liệt của quân Pháp. Bốn ông cùng 150 nghĩa quân bị bắt. Bọn chúng đem vinh hoa phú quý ra dụ dỗ các ông trong nhiều ngày không thành.

Ngày 14/2/1871 (nhằm ngày 25 tháng Chạp năm Canh Ngọ), giặc Pháp đưa bốn ông ra pháp trường xử trảm, bêu đầu ở chợ Cai Lậy nhằm uy hiếp tinh thần của dân chúng, sau đó vùi ở bến sông cạnh chợ. Thân nhân gia đình chỉ mang thân mình các ông về quê nhà, gắn chiếc đầu giả làm bằng đất sét vào chôn cất.

Cảm kích bốn vị anh hùng, nhân dân Cai Lậy đã bí mật mang chôn thủ cấp của bốn ông và đắp mộ, hương khói trang nghiêm.

Năm 1998, mộ và đền thờ Tứ Kiệt được trùng tu khang trang cho đến hiện nay, ngoài ra còn có sân trồng hoa kiểng chung quanh, với diện tích 718,7 m².

Phía trước cổng chính có tôn trí 2 câu đối:

Tứ vị anh hùng vị quốc hy sinh vĩnh niệm.

Kiệt nhân nghĩa cử tinh thần bất khuất lưu tồn.

Mộ và đền thờ Tứ Kiệt được xây theo kiến trúc truyền thống, chia làm hai khu vực:

Nhà tưởng niệm ở phía trước rộng hơn 100 m², mái cong hai lớp chạm rồng, được đỡ bởi 16 cây cột chạm rồng tinh vi. Bên trong được bày trí theo lối thờ phụng. Chính giữa là bàn thờ, lư hương, bài vị tạo nét nghiêm trang. Hai bên có hai giá binh khí và đôi hạc cưỡi quy (rùa) bằng gỗ được chạm trỗ khéo léo.

Nhà mộ ở phía sau, chỉ có một lớp mái cong chạm rồng. Bên trong là 4 cây cột đỡ mái chạm rồng. Bên dưới là bốn ngôi mộ đều được dán bằng đá granite màu sẫm.

Hàng năm vào ngày 25 tháng Chạp âm lịch, nhân dân Cai Lậy tụ họp đông đúc về đây tảo mộ và làm lễ tưởng niệm ngày Bốn Ông hy sinh rất trang trọng,

thành kính tưởng nhớ đến các vị anh hùng dân tộc vì nước quên mình, vì dân giết giặc, nêu tấm gương sáng ngời cho hậu thế noi theo.

Mộ và đền thờ Tứ Kiệt được Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia theo Quyết định số 61/1999/QĐ-BVHTT ngày 13/9/1999.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên Chùa:**

Khái niệm Chùa

Chùa là cơ sở hoạt động và truyền bá Phật giáo, là nơi tập trung sinh hoạt, tu hành và thuyết giảng đạo Phật của các nhà sư, tăng, ni. Mọi người kể cả tín đồ hay người không theo đạo đều có thể đến thăm viếng, nghe giảng kinh hay thực hành các nghi lễ Phật giáo.

1. Chùa Khánh Sơn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chùa) + Tư Hán Việt (Khánh Sơn).

Chùa Khánh Sơn tọa lạc tại Phường 1, thị xã Cai Lậy.

Nguyên thủy, đây vốn là một ngôi chùa làng nằm trên khu đất giồng thuộc làng Mỹ Trang, địa điểm chật hẹp, không thuận tiện. Nhờ dân làng Mỹ Trang đóng góp công sức, thầy Yết ma Từ Cẩn, một bậc chân tu ở địa phương, đã dời đến địa điểm hiện nay, xây dựng lại chùa và khánh thành vào năm 1928. Mặc dù trải qua nhiều lần tu sửa, trong đó có lần trùng tu quy mô nhất vào năm 1999-2000, nhưng chùa vẫn giữ được sự cổ kính, thu hút nhiều đồng bào và Phật tử đến lễ bái.

Chùa còn là cơ sở cách mạng ở địa phương. Khoảng năm 1928, tại làng Mỹ Trang (sau gọi là Nhị Mỹ) có một thanh niên yêu nước là Phan Văn Kiêu, học sinh tại Trường Trung học Mỹ Tho, tham gia Hội Việt nam Cách mạng Thanh niên. Thỉnh thoảng có ông Phạm Văn Thiện (Thủ tướng Phạm Hùng sau này) đến Cai

Lậy hướng dẫn chỉ đạo phong trào, thì ông Phan Văn Kiêu đã được thầy Yết ma Từ Cẩn cho mượn chánh điện làm nơi hội họp và đích thân thầy canh gác bảo vệ. Khi hay tin trong tổ chức có ba thanh niên sắp đi Trung Quốc học lớp chính trị do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc giảng dạy, thầy Yết ma Từ Cẩn đã gởi tặng 300 đồng, một số tiền rất lớn thời bấy giờ, để làm lộ phí. Chùa cũng là nơi tập luyện võ nghệ và học quân sự của nhân dân trong vùng để chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ năm 1940.

Hiện nay, chùa có diện tích 420 m^2, được xây dựng theo kiểu chữ Tam (≡), gồm: tiền đường, chánh điện và nhà hậu tổ. Khi mới xây dựng chùa được lợp bằng ngói âm dương, bó nền bằng đá ong, mặt nền lát gạch Tàu, vách đóng kiểu bổ kho bằng gỗ, cột căm xe. Năm 1999 - 2000, chùa được trùng tu: các đề tài về tứ linh, tứ quý, các hoa văn, họa tiết hoa trái, chim thú trang trí trong chùa được các nghệ nhân chạm khắc tinh xảo, có tính mỹ thuật cao và mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc. Đồng thời, chùa được lát gạch tráng men chánh điện, thay đổi mái ngói từ ngói âm dương sang ngói móc và xây mặt dựng phía trước, sơn và nhủ vàng tất cả các bao lam trong chánh điện và nhà hậu tổ.

Chùa khánh Sơn được công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 5044/QĐ-UBND ngày 24/12/2009 của UBND tỉnh Tiền Giang.

2. Chùa Kim Tiên

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chùa) + Hiệu của Đức Phật (Đại Giác Kim Tiên, gọi tắt là Kim Tiên).

Theo *Từ điển Phật học*, Kim Tiên là từ chỉ cho đức Phật do vua Huy Tông nhà Tống (Trung Quốc) đặt ra. Quyển *Tống sử Huy Tông bản kỉ* ghi: "Mùa xuân tháng giêng năm Ất mão, niên hiệu Tuyên Hòa năm thứ nhất (1119), vua ban sắc chỉ đổi hiệu Phật là Đại Giác Kim Tiên".

Chùa Kim Tiên tọa lạc tại Khu phố 2, Phường 5, thị xã Cai Lậy.

Chùa xây dựng từ đời vua Cảnh Hưng (1740 - 1786), trải qua nhiều lần trùng tu, tôn tạo: lần trùng tu thứ nhất làm bằng tre lá, lập nên ngôi chùa gỗ mái lợp ngói âm dương; lần trùng tu thứ hai vào năm 1919-1920, vách gỗ được thay bằng vách tường gạch, chế tác nhiều bao lam (cửa võng); lần trùng tu thứ ba vào năm 1999- 2001, chùa đổi mái lợp ngói âm dương bằng lợp ngói vảy cá, nền chánh điện được lót gạch tráng men. Tổng diện tích chùa 900 m².

Chùa là nơi lui tới hội họp của những nhà trí thức yêu nước. Đặc biệt, cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc là thân sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh đã về đây đàm đạo cùng các vị sư, các nhà trí thức yêu nước và bốc thuốc chữa bệnh cho dân nghèo quanh vùng vào những năm 1919-1920. Ông còn tặng cho chùa một câu đối: "*Đại đạo quãng khai thố giác đàm đế nguyệt / Thiền cỏ giáo dưỡng qui mao thằng thọ đầu phong"; dịch nghĩa*: "Rộng mở đạo thiền như tìm sừng thỏ khêu bóng trăng đáy nước / Nuôi dưỡng mái thiền như tìm thấy lông rùa để trói ngọn gió vào đầu ngọn cây".

Tại sân chùa có tượng Phật Quan Thế Âm ngự trên tòa sen, xung quanh là hoa kiểng. Ở chánh điện, có 1 pho tượng Phật bằng đồng cao 1 m, ngang 80 cm; 02 tượng Phật Thích Ca được sơn son thếp vàng cao 1 m, ngang 80 cm; bộ 3 tượng Thập điện bằng gỗ cao 80 cm sơn son thếp vàng; 01 tượng Phật Di Lặc bằng đất sét cũng được sơn son thếp vàng và một tượng Văn quan ngồi bằng gỗ cao 80 cm (áo có hoa văn rồng); các bức hoành phi, liễn đối; 3 bộ bao lam, trong đó 2 bộ chạm tùng lộc mai điểu, 1 bộ lam chạm Cửu Long rất tinh xảo; ở nhà tổ có 3 bộ bao lam chạm lộng hoa lá, cặp liễn chạm khắc câu đối của cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc.

Chùa Kim Tiên được công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ-UBND ngày 15/02/2000 của UBND tỉnh Tiền Giang.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên thánh thất:**

Khái niệm:

Thánh thất: là nhà thờ Đức Chí Tôn (Đấng Cao Đài) và các vị Thần, Thánh, Tiên, Phật. Hay còn gọi là ngôi nhà của chư thánh. Tại mỗi Tộc đạo (Họ đạo) đều phải xây dựng một Thánh thất để làm đền thờ Đức Chí Tôn và làm nơi tín ngưỡng cho bổn đạo địa phương.

1. Thánh thất Cai Lậy

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (Thị xã Cai Lậy).

Thánh thất Cai Lậy được xây dựng năm 1945 và trùng tu năm 2003, tọa lạc tại Phường 4, thị xã Cai Lậy.

2. Thánh thất Long Khánh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (Xã Long Khánh).

Thánh thất Long Khánh được xây dựng năm 1964, tọa lạc tại xã Long Khánh, thị xã Cai Lậy.

Nghiên cứu địa danh chỉ vùng:

*** Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên xóm:**

Khái niệm:

Xóm: là nơi quần tụ những hộ gia đình sinh sống gần nhau, có hoặc không có mối quan hệ họ hàng với nhau.

1. Xóm Bưng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Địa danh Việt gốc Khmer (Bưng).

Bưng: gốc từ Khmer *bâng* (hồ to), chỉ vùng đất trũng giữa đồng, đọng nước, có nhiều cây mọc, như đưng, đế, lác,...[27] hoặc là đất sình lầy, nước lắp xắp, cá tôm ở nhiều, cỏ lác mọc loạn xạ[28]..

Xóm Bưng là xóm nhà ở tại Bưng Môn, xã Tân Phú, thị xã Cai Lậy.

2. Xóm Cặp Rằn Núi

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Cấp bậc quân sự (Cặp rằn) + Tên người (Núi).

- Cặp Rằn: Xuất phát từ Tiếng Pháp gọi trại - Caporale, có nghĩa là hạ sĩ, cai.

- Núi: Nguyễn Văn Núi.

Xóm Cặp Rằn Núi tọa lạc tại xã Mỹ Phước Tây, thị xã Cai Lậy.

Theo dân gian, ở vùng này, khoảng năm 1930. có một người Pháp, không rõ họ tên, đến đây tổ chức đào kênh/kinh, khai khẩn đất hoang và thuê một người dân ở địa phương là Nguyễn Văn Núi làm cặp rằn trông coi công việc, nên được mọi người gọi là cặp rằn Núi. Từ đó, xóm nhà ở khu vực này được gọi là xóm Cặp Rằn Núi, kênh/kinh được gọi là kênh/kinh Cặp Rằn Núi.

Tại đây là nơi diễn ra chiến thắng oanh liệt đầu tiên của lực lượng vũ trang huyện Cai Lậy vào tháng 01/1946 khi thực dân Pháp quay trở lại xâm lược Nam Bộ (tháng 9/1945).

Theo quyển *Lịch sử Đảng bộ huyện Cai Lậy* (tập 1), lúc đó, có một toán lính commando (biệt kích) Pháp sử dụng ghe tam bản đi từ Mỹ Hạnh Đông (nay thuộc thị xã Cai Lậy) đến cầu Quản Oai (nay thuộc xã Phú Cường, huyện Cai Lậy),

[27] Lê Trung Hoa (2018), *Địa danh học Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, trang 77.

[28] Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Quang Ân (2007), *Địa chí Tiền Giang (tập 2)*, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tiền Giang và Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, trang 542.

ngang qua khu vực xóm và kênh/kinh Cặp Rằn Núi. Ta cho người đến giả báo với chúng là tại xóm và kênh/kinh Cặp Rằn Núi có một toán cướp quấy nhiễu, cướp bóc người dân lương thiện. Bọn chỉ huy tưởng thật cho lính đến đánh dẹp. Nhân cơ hội đó, ta bí mật tổ chức cho hai tiểu đội vũ trang của huyện tiến hành phục kích. Khi bọn này lọt vào trận địa, quân ta đồng loạt nổ súng tấn công, làm chết 2 tên, số còn lại hốt hoảng bỏ chạy. Đây là chiến thắng mở màn cho cách đánh du kích và chủ động đánh địch của quân dân huyện Cai Lậy trong những ngày đầu kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Nghiên cứu địa danh chỉ vùng:

*** Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên xóm:**

Khái niệm:

Xóm: là nơi quần tụ những hộ gia đình sinh sống gần nhau, có hoặc không có mối quan hệ họ hàng với nhau.

1. Xóm Dài

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Kích thước (Dài).

Xóm Dài là xóm nhà mà Nhân dân trong thời kỳ chiến tranh ác liệt (1954-1975) từ trong vườn đã tản cư ở dọc dài theo kinh đào để tránh bom đạn, nay thuộc xã Tân Hội, thị xã Cai Lậy.

2. Xóm Dĩa

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Hình dạng (Dĩa).

Xóm Dĩa là xóm nhà mà Nhân dân trong thời kỳ chiến tranh ác liệt (1954-1975) từ trong vườn đã tản cư ra đồng để tránh bom đạn và co cụm thành hình bầu dục, giống như chiếc dĩa, nay thuộc xã Tân Hội, thị xã Cai Lậy.

Địa danh này có liên quan đến việc cô giáo Nguyễn Ngọc Thụy dạy ở trường Xóm Dĩa. Năm 1966, bà con ở đây mở một điểm trường có hai lớp học. Buổi sáng dạy lớp vỡ lòng, buổi chiều dạy lớp một, học trò hai lớp học này có khoảng 30 em mỗi lớp. Dân địa phương đắp bảy cái công sự và một hầm trảng xê đề phòng khi giặc càn hoặc máy bay ném bom hay pháo bắn. Vào một buổi trưa, học sinh lớp một vừa tập trung, cô giáo đang ổn định lớp thì một chiếc máy bay thám thính "đầm già" L.19 từ hướng Mỹ Tho bay đến. Mười phút sau một trái pháo từ hướng Long Định bắn lên, nổ cách trường chừng một trăm thước. Đó là trái pháo điểm. Cô nhanh chóng điều các em học sinh xuống hầm trú ẩn. Pháo bắt đầu bắn tấp cập. Đất rung chuyển từng hồi, cả Xóm Dĩa chìm trong khói pháo. Trường học bị pháo bắn trúng. Bàn ghế tập vở và tấm bảng đen chỉ còn là những mảnh vụn. Quanh trường học, các cây trâm bầu ngã liệt địa. Lúc này đang mùa nước nổi, hầm trú ẩn bị ngập nước, đỉa bò lúc nhúc. Bình thường cô giáo rất sợ đỉa, nhưng trong hoàn cảnh đó, cô phải vừa trấn an học trò vừa lo gỡ bắt từng con đỉa cho các em. Khoảng một giờ sau, pháo bắn thưa hơn. Xem chừng đã êm, cô giáo bò ra khỏi hầm trước. Các mẹ, các chị trong xóm túa ra đón con cháu về nhà, ôm chầm cô giáo mà khóc.

3. Xóm Diệc

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Động vật (Chim diệc: là loài chim chân cao, cổ và mỏ dài, lông xám hay lông nâu, thường kiếm ăn ở đầm lầy ruộng nước).

Xóm Diệc là nơi có nhiều chim diệc đến sinh sống, tọa lạc tại xã Tân Hội, thị xã Cai Lậy.

Tại Xóm Diệc, ngày 10/02/1968, Ban Chỉ huy Tỉnh đội Mỹ Tho (nay là tỉnh Tiền Giang) triển khai Quyết định thành lập Tiểu đoàn 514C với 2 đại đội, gồm

208 cán bộ, chiến sĩ, trong đó có 176 tân binh là du kích, thanh niên nhận từ 2 phía Nam, Bắc huyện Cai Lậy. Ngay sau khi thành lập, ngày 11/02/1968, Tiểu đoàn 514C đối mặt với trận càn quy mô lớn của lính Mỹ có máy bay, pháo binh và xe thiết giáp M.113 yểm trợ. Mặc dù vừa mới ra đời, chưa kịp trang bị đầy đủ vũ khí nhưng toàn tiểu đoàn đã bám chắc công sự, phòng ngự kiên cường, chiến đấu bẻ gãy 3 mũi tiến công của quân Mỹ, giữ vững trận địa, diệt 80 lính Mỹ, bắn cháy 1 xe và hư 2 xe M113.

4. Xóm Dó

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Thực vật (Dó: cây thân gỗ, cao khỏng 15 m - 20 m, là loại nguyên liệu quý phục vụ cho việc chiết xuất tinh dầu và tạo trầm hương, kỳ nam).

Xóm Dó là xóm nhà có nhiều cây dó, tọa lạc tại xã Nhị Quý, thị xã Cai Lậy.

5. Xóm Rạch Trắc

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Thực vật (Cây trấp, gọi trại thành trắc) hoặc Địa danh Việt gốc Khmer (Trấp gọi trại thành Trắc).

- Rạch: là dòng nước tự nhiên, nhỏ hơn sông, ghe thuyền đi lại được. Ở Trung Bộ và Bắc Bộ hoàn toàn không có từ này. Còn ở Nam Bộ, tên rạch rất phổ biến[29].

- Cây trấp: là cây gỗ nhỏ, cao từ 5 - 10 m, quả trấp rất chua, thường được dùng để gội đầu; vỏ, lá được chưng cất làm tinh dầu.

- Trấp: là địa danh Việt gốc Khmer: Trap. Theo quyển *Đại Nam Quấc âm tự vị* của Huình Tịnh Paulus Của, trấp là đất bưng cỏ (tiếng Khmer là: Péangtrap -

[29] Lê Trung Hoa (2012), *Từ địa phương chỉ địa hình trong địa danh Nam Bộ*, Tạp chí Ngôn ngữ số 4, 2012, trang 37.

bưng trấp). Theo quyển *Địa chí Tiền Giang*, Trấp là "địa hình trũng, ngập nước, nhỏ hơn bưng[30]"..

Xóm Rạch Trắc là xóm nhà ở Rạch Trắc, vốn là nơi có nhiều cây trấp hoặc cái trấp, gọi trại thành trắc. Xóm Rạch Trắc thuộc xã Mỹ Phước Tây, thị xã Cai Lậy.

Xóm Rạch Trắc gắn liền với một số mẩu chuyện nói về lòng yêu nước và tinh thần đấu tranh bất khuất của người dân địa phương. Tác giả Nguyễn Ngọc Phan viết:

"Thời kỳ tiền kháng chiến xóm Rạch Trắc đã nổi danh với những ông già chịu chơi, đã từng chửi xéo ngài Chủ quận Nguyễn Văn Tâm - còn mệnh danh là "cọp xám Nam kỳ".

Đương thời, quận Tâm rất ngán dân xóm Rạch Trắc, những nông dân từng gióng mõ cầm cờ, gây tiếng vang trong cuộc Nam kỳ khởi nghĩa. Bấy giờ Rạch Trắc lục bình sinh sôi đầy cứng. Mỗi lần quận Tâm chạy ca nô vô thị sát phải thông báo trước cho đám tay chân dọn dẹp. Hội tề đánh mõ tập trung dân làng lại, bắt vác bồ cào kéo lục bình, dọn đường cho tàu quan lớn. Trong số dân dọn có một ông già đứng ra thị thiềng (chỉ huy). Ông hét người làm:

- "Bổ đại bồ cào lên đầu nó rồi kéo lên bờ. Để nó trôi ra trôi vô hoài báo làng, báo dân".

Gã Hương quản trợn trừng con mắt, biết ông già chửi xéo quận Tâm, nhưng không biết làm sao được.

Truyền thống đó, mươi năm sau còn nối tiếp bởi một ông già Rạch Trắc khác: Ông Mẫn. Tết năm Ất Mão (1955), chính quyền thân Mỹ Ngô Đình Diệm

[30] Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Quang Ân (2007), *Địa chí Tiền Giang (tập 2)*, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tiền Giang và Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, trang 699.

hô hào ăn Tết hòa bình, bày trò treo khẩu hiệu, dán áp phích, làm cổng chào,... Tại cửa tam quan đường liên tỉnh Cai Lậy - Mộc Hóa, họ treo một câu liễn:

Ưng lính cụ Ngô vàng đeo đầy cổ

Ưng lính ông Hồ cực khổ muôn đời!

Bà con đi chợ Tết thấy lạ xúm lại xem. Tên lính gác cổng vênh váo bảo mọi người:

- Cô bác nào đối được hai câu liễn này sẽ được thưởng.

Ông Mẫn thiệt tình:

- Tui dốt chữ, chú đọc tui nghe rồi tui đáp, nhưng giao trước nói trật thì không được bắt nghen!

Tên lính tỏ ra là người thông thái, giải thích rằng chính phủ Việt Nam cộng hòa cho tự do ngôn luận, tự do nói, nếu ông đáp hay thì có thưởng, trật cũng không sao. Ông Mẫn cười, đáp ngay:

Ưng lính ông Ngô vàng đeo có lúc

Ưng lính Cụ Hồ hạnh phúc muôn năm!

Nói xong ông quày quả bỏ đi trong tiếng vỗ tay của bà con đi chợ. Tên lính vội vã chạy theo nắm tay ông trì kéo. Ông trừng mắt bảo "Hồi nãy chú nói có đáp trật cũng không bắt mà". Tên lính cả thẹn "Đâu có, tui tính hỏi quê quán ông ở đâu để mà sau này có đối đáp tui mời ông tới". Ông trả lời cụt ngủn "Xóm Rạch Trắc", rồi thẳng bước, mặc cho tên lính nhìn theo hậm hực[31]".

6. **Xóm Vịnh Bà Thu**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Địa danh chỉ địa hình tự nhiên (Vịnh) + Giới tính và tên người (Bà Thu).

Xóm Vịnh Bà Thu là xóm nhà nằm tại vịnh Bà Thu thuộc xã Tân Bình, thị xã Cai Lậy.

[31] Nguyễn Ngọc Phan (2015), *Người xóm Rạch Trắc*, Tạp chí Văn nghệ Tiền Giang, số 42 (2015).

Xóm Vịnh Bà Thu liên quan đến di tích Vịnh Bà Thu. Đây là nơi ghi dấu sự kiện lịch sử và tưởng niệm các liệt sĩ cách mạng đã hy sinh trong cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ ngày 23/11/1940.

Để tưởng nhớ những người tham gia khởi nghĩa đã anh dũng chiến đấu, hy sinh, tại Ấp 3, xã Tân Bình, thị xã Cai Lậy, Nhà nước và nhân dân đã xây dựng Bia tưởng niệm Vịnh Bà Thu, do nhà điêu khắc Lương Văn Thạnh phác thảo, xây dựng bằng đá granit (6 đoạn), cao 9 m, nền bia bằng bê tông cốt thép, lót gạch men màu nâu đỏ vào năm 1985, trùng tu vào năm 1992. Bia có dáng hình khẩu súng, trên các đoạn của thân bia điêu khắc 4 cánh tay nắm chặt đưa lên cao (hình tượng của đấu tranh chính trị), trên cùng là lá cờ đỏ sao vàng năm cánh, phần dưới khắc nội dung lịch sử di tích:

"Ngày 23/11/1940, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Tỉnh Mỹ Tho, từ các xã Mỹ Hạnh Đông, Mỹ Phước Tây, Mỹ Hạnh Trung, nhân dân biểu tình có vũ trang tiến ra Cai Lậy giành chính quyền hưởng ứng cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ. Tới đây đoàn biểu tình đã bị thực dân Pháp và tay sai đàn áp đẫm máu. Bà Dương Thị Nhậm, ông Nguyễn Văn Cư hy sinh và hơn 20 người khác bị thương. Sau đó giặc bắt đi 38 người giam ở Sài Gòn và đày ra Côn Đảo, phần lớn đã hy sinh. Đảng bộ và nhân dân Cai Lậy mãi mãi ghi nhớ công ơn các chiến sĩ tham gia khởi nghĩa Nam Kỳ".

Tại địa điểm xảy ra sự kiện Vịnh Bà Thu, ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang đã công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15/02/2000.

7. Xóm Vuông

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Hình dạng (Vuông).

Xóm Vuông là xóm nhà mà Nhân dân trong thời kỳ chiến tranh ác liệt (1954-1975) từ trong vườn đã tản cư ra đồng để tránh bom đạn và co cụm thành hình vuông, nay thuộc xã Tân Hội, thị xã Cai Lậy.

*** Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên địa điểm:**

Khái niệm:

Địa điểm là nơi chốn cụ thể tiến hành một hoạt động hoặc phản ánh một sự kiện, một sự việc nào đó.

1. Địa điểm khảo cổ Chùa Bửu Tháp

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Địa điểm) + Một chuyên ngành của Khoa học lịch sử (khảo cổ) + Địa danh chỉ công trình xây dựng (Chùa) + Địa danh Hán Việt (Bửu: 寶: Quý giá; Tháp: 塔: Tòa tháp).

Địa điểm khảo cổ Chùa Bửu Tháp được phát hiện tại một gò đất trong khuôn viên chùa Bửu Tháp, thuộc ấp Tân Phong, xã Tân Hội, thị xã Cai Lậy. Gò có diện tích hơn 1.000 m^2, cao hơn mặt ruộng 0,5 m. Tại đây, người ta đã tìm thấy những vỉa gạch bị chôn vùi ở độ sâu 0,4 m. Đây là nền móng của các kiến trúc thuộc Văn hoá Óc Eo, có niên đại từ thế kỷ 7 - thế kỷ 8. Ngoài ra, người ta còn tìm thấy tượng nữ thần bị gãy đầu làm bằng sa thạch.

Địa điểm khảo cổ Chùa Bửu Tháp được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15 tháng 2 năm 2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang.

2. Địa điểm Nơi treo cờ Đảng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Địa điểm) + Sự kiện lịch sử (Nơi treo cờ Đảng).

Địa điểm Nơi treo cờ Đảng có diện tích 50 m², gồm có bia được tạo tác bằng đá hoa cương ghi chép nội dung sự kiện lịch sử và bồn hoa, cây cảnh, đèn chiếu sáng,… tọa lạc tại Phường 1, thị xã Cai Lậy.

Đêm ngày 5 rạng sáng ngày 06/2/1931, được sự chỉ đạo của tổ chức Đảng ở Cai Lậy, đồng chí Trần Hữu Tám đã treo cờ đỏ búa liềm đầu tiên trên ngọn cây dương tại trung tâm thị trấn Cai Lậy để kỷ niệm một năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930 - 03/02/1931).

Địa điểm Nơi treo cờ Đảng được Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15/02/2000.

D. HUYỆN TÂN PHƯỚC

*** Sưu tầm, thống kê, phân loại, nghiên cứu, biên soạn địa danh Việt gốc Pháp:**

1. Cặp Rằn Núi

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Cấp bậc quân sự (Cặp rằn) + Tên người (Núi).

- Cặp Rằn: Xuất phát từ Tiếng Pháp gọi trại - Caporale (đọc theo Tiếng Việt: Ca-pô-ran), có nghĩa là hạ sĩ, cai.

- Núi: Nguyễn Văn Núi.

Cặp Rằn Núi là tên một con kênh/kinh nhỏ dẫn nước từ kênh/kinh Nguyễn Văn Tiếp về phía bắc vào Đồng Tháp Mười, nay thuộc xã Tân Hòa Tây, huyện Tân Phước.

Theo dân gian, ở vùng này, khoảng năm 1930, có một người Pháp, không rõ họ tên, đến đây khai khẩn đất hoang và thuê một người dân ở địa phương là Nguyễn Văn Núi làm cặp rằn, nên được mọi người gọi là cặp rằn Núi. Tại đây, ông chủ người Pháp cho đào một số kênh/kinh nhánh, đắp bờ bao để tháo chua, rửa phèn, dẫn nước ngọt nhằm phục vụ cho việc cấy lúa. Tuy nhiên, chính việc này đã làm cho phèn tiềm tàng dưới lòng đất xì lên ngày càng nhiều, khiến cho việc trồng trọt của ông chủ người Pháp bị thất bại hoàn toàn. Do lỗ lã trong kinh doanh điền đất, ông chủ người Pháp buộc phải bỏ cuộc.

Kênh/kinh Cặp Rằn Núi là nơi diễn ra chiến thắng oanh liệt đầu tiên của lực lượng vũ trang huyện Cai Lậy vào tháng 01/1946 khi thực dân Pháp quay trở lại xâm lược Nam Bộ (tháng 9/1945).

Theo quyển *Lịch sử Đảng bộ huyện Cai Lậy* (tập 1), lúc đó, có một toán lính commando (biệt kích) Pháp sử dụng ghe tam bản đi từ Mỹ Hạnh Đông (nay thuộc thị xã Cai Lậy) đến cầu Quản Oai (nay thuộc xã Phú Cường, huyện Cai Lậy), ngang qua khu vực kênh/kinh Cặp Rằn Núi. Ta cho người đến giả báo với chúng là tại kênh/kinh Cặp Rằn Núi có một toán cướp quấy nhiễu, cướp bóc người dân lương thiện. Bọn chỉ huy tưởng thật cho lính đến đánh dẹp. Nhân cơ hội đó, ta bí mật tổ chức cho hai tiểu đội vũ trang của huyện tiến hành phục kích. Khi bọn này lọt vào trận địa, quân ta đồng loạt nổ súng tấn công, làm chết 2 tên, số còn lại hốt hoảng bỏ chạy. Đây là chiến thắng mở màn cho cách đánh du kích và chủ động đánh địch của quân dân huyện Cai Lậy trong những ngày đầu kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

2. Kênh/Kinh Bà Đầm

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kênh/Kinh) + Giới tính (Bà Đầm).

- Kênh/Kinh: Xin xem mục từ Kênh/Kinh Arroyo de la Poste.

- Bà Đầm: Đầm gọi tắt từ Tiếng Pháp - Madame, có nghĩa là Bà, dân gian quen gọi là Bà Đầm. Đây là một phụ nữ Việt, tên là Nguyễn Thị Dơn, có chồng người Pháp - người khai khẩn điền đất ở Tân Hòa Tây. Tại đây, ông chủ người Pháp thuê nhân công đào một số con kênh/kinh; trong đó có con kênh/kinh được dân gian đặt tên là Bà Đầm. Kinh doanh thua lỗ, ông chủ người Pháp, sau đó, phải rời đi.

Kênh/kinh Bà Đầm là một con kinh nhỏ lấy nước từ kênh/kinh Nguyễn Văn Tiếp dẫn vào Đồng Tháp Mười, nay thuộc xã Tân Hòa Tây, huyện Tân Phước.

3. Kênh/Kinh Xáng Lecomb (đọc theo Tiếng Việt: Lơ-com)

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kênh/Kinh) + Phương tiện đào kênh/kinh (Xáng) + Tên của người Pháp chỉ huy việc đào kênh/kinh (Lecombe: Tên đầy đủ là Alexis Elie Lecombe. Ông ta làm Chủ tỉnh Mỹ Tho (Chef de la province de Mytho) từ năm 1922 - năm 1925).

Kênh/Kinh này được đào bằng xáng múc (tàu cuốc) khoảng từ năm 1922 - năm 1925 lúc Lecombe giữ chức Chủ tỉnh Mỹ Tho. Năm 1949, Ủy ban Kháng chiến - Hành chính Nam Bộ cho đổi tên thành kênh/kinh Nguyễn Tấn Thành, một cán bộ cách mạng, hy sinh năm 1949.

Kênh/Kinh xáng Nguyễn Tấn Thành chảy qua hai huyện Châu Thành và Tân Phước. Điểm đầu nối từ kênh/kinh Nguyễn Văn Tiếp A, tại trung tâm thị trấn Mỹ Phước của huyện Tân Phước chảy thẳng xuống phía nam, cắt qua Quốc lộ 1 tại cầu Kênh/Kinh Xáng (xã Long Định); sau đó, chảy tiếp cắt qua Đường tỉnh 864 tại cầu cũng có tên là cầu Kênh/Kinh Xáng (còn gọi là cầu Đồng Tâm, giáp ranh hai xã Bình Đức và Song Thuận) rồi đổ ra sông Tiền. Kênh/Kinh dài 19,3 km, rộng 40m, bề rộng tại vàm kênh/kinh lên đến 125m, chiều sâu 5m - 8m so với mặt đất tự nhiên.

*** Địa danh còn tranh luận về gốc từ:**

1. Tràm Cá Bông

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Thực vật (Cây tràm) + Động vật (Cá bông: tức cá lóc bông, là một loại cá nước ngọt, có thân tròn, dài, đuôi dẹp, đỉnh đầu bằng và rộng, mõm hơi tròn. Trên lưng màu nâu đen hoặc xanh sậm, có hai dải sọc đậm dọc thân, vì thế được gọi là cá bông hay cá lóc bông. Cá lóc bông là loài có kích thước lớn nhất trong họ cá lóc, có thịt thơm ngon, rất được ưa chuộng).

Tràm Cá Bông thuộc xã Tân Hòa Tây, huyện Tân Phước, là vùng rừng tràm ngập nước có nhiều cá bông/cá lóc bông.

2. Tràm Cá Sặc

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Thực vật (Cây tràm) + Động vật (Cá sặc: là một loài cá nước ngọt, thường sống trong các cánh đồng cạn hay vùng đầm lầy, có thân hình dẹp và kéo dài, hai vây ngực dài, dưới cổ có hai râu kéo dài đến tận đuôi. Cá thường có màu vàng nâu, trên thân có những sọc xen kẽ. Thịt ngọt và dai, được chế biến thành nhiều món ngon, nhất là khô cá sặc).

Tràm Cá Sặc thuộc xã Hưng Thạnh, huyện Tân Phước, là vùng rừng tràm ngập nước có nhiều cá sặc.

3. Tràm Mù

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Thực vật (Cây tràm) + Tính từ (Mù: ở đây có nghĩa là mù mịt, tăm tối).

Tràm Mù là khu rừng tràm rậm rạp, mù mịt. Đó là tên của một con kênh/kinh chảy trên địa bàn huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang - kênh/kinh Tràm Mù. Con kinh này dài 22km, xuyên qua các xã Tân Hòa Đông, Thạnh Mỹ, Thạnh Tân, Thạnh Hòa, có điểm đầu nối với rạch Láng Cát tại xã Tân Hòa Đông, điểm cuối nối với kinh Một, giáp ranh huyện Cai Lậy.

Song song kênh/kinh Tràm Mù là đường Tràm Mù có tổng chiều dài gần 5.600 m, rộng 12 m, mặt đường rộng 7 m, lề đường mỗi bên rộng 2,5 m, kết cấu mặt đường láng nhựa 2 lớp, tổng vốn đầu tư hơn 50 tỷ đồng. Đây là trục giao thông huyết mạch đáp ứng cho nhu cầu giao thông ngày càng cao của các xã phía Tây Bắc của huyện Tân Phước, nối trung tâm huyện với Trại giam Phước Hòa (Tổng Cục VIII - Bộ Công an), Khu bảo tồn sinh thái Đồng Tháp Mười ở xã Thạnh Tân, Thiền viện Trúc lâm Chánh Giác,... Bên cạnh đó, cầu kênh/kinh Tràm Mù tại trung tâm huyện cũng được xây dựng với chiều dài hơn 44 m, rộng 10 m.

Khu vực Tràm Mù là căn cứ cách mạng quan trọng của tỉnh Mỹ Tho (nay là tỉnh Tiền Giang) trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1945 - 1975). Hiện nay, vùng này có tiềm năng du lịch rất lớn với Thiền viện Trúc Lâm Chánh Giác, Khu bảo tồn sinh thái Đồng Tháp Mười và những cánh đồng trồng khóm, khoai mỡ, thanh long rộng lớn.

4. Tràm Quạ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Thực vật (Cây tràm) + Động vật (Quạ: là loại chim có lông màu đen, cánh dài, mỏ dài và quặp, thường kiếm ăn ở những nơi ngập nước, bãi lầy).

Tràm Quạ thuộc xã Thạnh Tân, huyện Tân Phước, là vùng rừng tràm có nhiều chim quạ cư ngụ, sinh sôi nảy nở.

5. Kênh/Kinh Cầu Sao

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kênh/Kinh) + Công trình xây dựng (Cầu) + Thực vật (Cây sao: là loại cây thân gỗ lớn thuộc họ dầu, có gỗ rất cứng và chịu được nước, thường được dùng để đóng ghe xuồng).

Kênh/Kinh Cầu Sao là con kênh chảy ngang qua cầu Sao tọa lạc tại Giồng Sao - giồng đất có nhiều cây sao.

Kênh/Kinh này chảy qua hai huyện Tân Phước và Châu Thành, dài 13,3 km, rộng 35 m, sâu từ 3 - 4,5 m. Điểm đầu nối với Rạch Gầm, điểm cuối nối với kênh/kinh Cà Dăm.

Ở phía bắc Quốc lộ 1, kênh/kinh Cầu Sao nối với kênh/kinh Bà Thước và kênh/kinh Kháng Chiến ở xã Điềm Hy và băng qua kênh/kinh Hai tại xã Nhị Bình rồi chảy xuống kênh/kinh Nguyễn Tấn Thành.

Ở phía nam Quốc lộ 1, đoạn chảy qua xã Bình Trưng khá ngoằn ngoèo, trước khi nối vào rạch Gầm ở xã Vĩnh Kim, con kênh/kinh này chia nước cho nhiều kênh/kinh nội đồng trong khu vực và trở thành chi lưu quan trọng của Rạch Gầm.

6. Kênh/Kinh Năn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kênh/Kinh) + Thực vật (Năn: là một loại cỏ mọc hoang trên những cánh đồng ngập nước. Củ của loại năn ngọt ăn được. Thịt củ màu trắng, giòn và có thể dùng để ăn sống, luộc, nướng, làm dưa món hoặc đóng hộp. Người ta còn nghiền củ năn ngọt thành bột để làm bánh)

Kênh/Kinh Năn là con kênh chảy ngang qua những cánh đồng ngập nước, hoang hóa, có nhiều cỏ năn, dài 10,68 km, nối Ngã ba rạch Bến Chùa ở xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành với Ngã ba kênh/kinh Tháp Mười số 2 tại xã Hưng Thạnh, huyện Tân Phước.

*** Địa danh chỉ đơn vị hành chính:**

Tỉnh Tiền Giang

Diễn tiến hành chính

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta đã hoàn toàn thắng lợi vào ngày 30-4-1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Ngày 20-9-1975, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 245-NQ/TƯ về việc giải thể cấp khu, hợp nhất tỉnh trong toàn quốc "nhằm xây dựng các tỉnh thành những đơn vị kinh tế, kế hoạch và đơn vị hành chính có khả năng giải quyết đến mức cao nhất những yêu cầu về đẩy mạnh sản xuất, tổ chức đời sống vật chất, văn hóa của nhân dân, về củng cố quốc phòng, bảo vệ trị an, và có khả năng đóng góp tốt nhất vào sự nghiệp chung của cả nước". Theo Nghị quyết này, 4 tỉnh Mỹ Tho, Gò Công, Long An, Bến Tre sẽ hợp lại thành một tỉnh, tên gọi sẽ do địa phương đề nghị lên. Nhưng ngày 20-12-1975, Bộ Chính trị lại ra Nghị quyết số 19/NQ điều chỉnh lại

việc hợp tỉnh ở miền Nam Việt Nam cho sát với tình hình thực tế, theo đó tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công và thành phố Mỹ Tho hợp lại thành một tỉnh. Ngày 24-2-1976, Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ban hành Nghị quyết số 03-NQ/1976 về việc giải thể khu, hợp nhất tỉnh ở miền Nam Việt Nam. Theo Nghị quyết này tại miền Nam có 21 đơn vị trực thuộc Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, trong đó có tỉnh Tiền Giang do nhập tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công và thành phố Mỹ Tho.

Tỉnh Tiền Giang bấy giờ có 6 đơn vị hành chính trực thuộc là các huyện: Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công và thành phố Mỹ Tho. Tỉnh lỵ là thành phố Mỹ Tho, được công nhận là đô thị loại 3 trực thuộc tỉnh.

Sau đó, trên địa bàn tỉnh Tiền Giang có những sự điều chỉnh về hành chính như sau:

Ngày 26-3-1977, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 77-CP về việc chuyển thị xã Gò Công thuộc tỉnh Tiền Giang thành thị trấn Gò Công thuộc huyện Gò Công cùng tỉnh.

Ngày 12-4-1979, trên địa bàn huyện Cai Lậy, xã Thạnh Phú chia thành 2 xã mới Thạnh Lộc và Phú Cường, hợp nhất 2 xã Hội Sơn, Xuân Sơn thành xã Hội Xuân; trên địa bàn huyện Cái Bè, chia xã Hậu Mỹ Nam thành 2 xã Hậu Mỹ Phú, Hậu Mỹ Trinh; chia xã Hậu Mỹ Bắc thành 2 xã Hậu Mỹ Bắc A, Hậu Mỹ Bắc B; chia xã Mỹ Thiện thành 2 xã Thiện Trí, Thiện Trung; chia xã Thanh Hưng thành 2 xã Tân Thanh, Tân Hưng; chia xã Mỹ Lợi thành 2 xã Mỹ Lợi A, Mỹ Lợi B.

Ngày 13-4-1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 155-CP về việc chia huyện Gò Công thành huyện Gò Công Đông và huyện Gò Công Tây.

Như vậy, đến tháng 4-1979, tỉnh Tiền Giang có 7 đơn vị hành chính trực thuộc là các huyện: Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây và thành phố Mỹ Tho.

Ngày 13-2-1987, giải thể xã Tăng Hòa để thành lập thị trấn Tân Hòa là thị trấn huyện lỵ Gò Công Đông.

Ngày 16-2-1987, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 37-HĐBT về việc thành lập thị xã Gò Công trực thuộc tỉnh Tiền Giang trên cơ sở thị trấn Gò Công cũ và 1 phần diện tích và dân số của 2 huyện Gò Công Đông, Gò Công Tây.

Như vậy, đến tháng 2-1987, tỉnh Tiền Giang có 8 đơn vị hành chính trực thuộc là: thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây.

Ngày 23-11-1990, lập xã mới Mỹ Tân thuộc huyện Cái Bè trên cơ sở các phần đất và dân số tách từ các xã Mỹ Trung, Mỹ Lợi B, Mỹ Đức Tây và Nông trường Ngô Văn Nhạc.

Ngày 9-3-1992, trích 1 phần diện tích và dân số xã Phú Đông, huyện Gò Công Đông để thành lập xã Phú Tân.

Ngày 11-7-1994, Chính phủ ban hành Nghị định số 68-CP về việc thành lập huyện Tân Phước trên cơ sở tách một phần diện tích và dân số của của 2 huyện Cai Lậy và Châu Thành.

Như vậy, đến tháng 7-1994, tỉnh Tiền Giang có 9 đơn vị hành chính trực thuộc là: thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phước.

Ngày 14-1-2002, lập xã mới Tân Thạnh thuộc huyện Gò Công Tây trên cơ sở các phần đất tách từ các xã Tân Phú, Tân Thới và Phú Thạnh; tái lập xã Tăng Hòa thuộc huyện Gò Công Đông trên cơ sở phần đất và dân số tách từ thị trấn Tân Hòa.

Ngày 9-12-2003, lập phường Tân Long thuộc thành phố Mỹ Tho do cải biến xã Tân Long; lập phường 9 do tách một phần đất và dân số từ xã Tân Mỹ Chánh; lập phường 10 do tách một phần đất và dân số từ 2 xã Đạo Thạnh và Trung An; lập phường 5 thuộc thị xã Gò Công do tách một phần đất và dân số từ xã Long Hòa; chia xã Hội Cư của huyện Cái Bè thành 2 xã An Cư và Mỹ Hội.

Ngày 07-10-2005, Thủ tướng chính phủ ban hành Quyết định số 248/2005/QĐ-TTg về việc công nhận thành phố Mỹ Tho là đô thị loại 2 trực thuộc tỉnh.

Ngày 21-01-2008, Chính phủ ban hành Nghị định số 09/2008/NĐ-CP, về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Gò Công Đông và Gò Công Tây để mở rộng thị xã Gò Công và thành lập huyện Tân Phú Đông. Theo đó, huyện Tân Phú Đông bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên và nhân khẩu của các xã: Tân Thới, Tân Phú, Phú Thạnh, Tân Thạnh của huyện Gò Công Tây và toàn bộ diện tích tự nhiên và nhân khẩu của xã Phú Đông và xã Phú Tân của huyện Gò Công Đông.

Như vậy, đến tháng 01-2008, tỉnh Tiền Giang có 10 đơn vị hành chính trực thuộc là: thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phước và Tân Phú Đông.

Ngày 29-6-2009, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 28/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Châu Thành, huyện Chợ Gạo để mở rộng địa giới hành chính thành phố Mỹ Tho; điều chỉnh địa giới hành chính xã, thành lập xã thuộc thành phố Mỹ Tho, huyện Châu Thành, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 30-9-2010, thành lập thị trấn Vàm Láng thuộc huyện Gò Công Đông.

Ngày 26-12-2013, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 130/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Cai Lậy để thành lập thị xã Cai Lậy và huyện Cai Lậy.

Như vậy, đến tháng 12-2013, tỉnh Tiền Giang diện tích là 250.830,36 ha, dân số có 1.712.547 người, gồm 01 thành phố (Mỹ Tho), 02 thị xã (Cai Lậy và Gò Công), 08 huyện (Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phú Đông và Tân Phước), 157 xã, phường, thị trấn (128 xã, 22 phường, 7 thị trấn). Cụ thể như sau:

TT	Xã, phường, thị trấn	Diện tích (ha) (Dấu , là ngàn; dấu . là số lẻ)	Dân số (người)
I	**Huyện Cái Bè**	**42,089.82**	**291,627**
1	Thị trấn Cái Bè	426.26	16,856
2	An Thái Đông	728.12	9,834
3	Hậu Mỹ Phú	1,120.44	7,306
4	An Cư	1,142.82	14,211
5	Hậu Thành	1,163.09	14,354
6	Mỹ Đức Đông	1,208.66	9,445
7	Thiện Trí	1,314.59	9,210
8	Mỹ Hội	1,377.24	8,383
9	An Hữu	1,411.36	17,263
10	Hoà Hưng	1,540.34	15,335
11	Mỹ Lương	1,608.97	10,370
12	Tân Thanh	1,634.06	10,427
13	Mỹ Tân	1,736.26	4,893

14	Mỹ Lợi A	1,747.61	10,298
15	Đông Hoà Hiệp	1,781.23	14,023
16	Tân Hưng	1,888.60	12,282
17	An Thái Trung	1,911.87	14,901
18	Mỹ Lợi B	1,912.95	7,414
19	Mỹ Đức Tây	1,975.46	13,965
20	Hậu Mỹ Bắc B	1,977.17	10,480
21	Thiện Trung	2,018.96	8,991
22	Hoà Khánh	2,253.21	20,142
23	Mỹ Trung	2,416.47	8,347
24	Hậu Mỹ Bắc A	2,626.04	12,787
25	Hậu Mỹ Trinh	3,168.04	10,110
II	**Huyện Cai Lậy**	**29,599.36**	**186,583**
1	Hiệp Đức	1,013.78	5,977
2	Mỹ Thành Bắc	1,748.73	8,075
3	Cẩm Sơn	1,241.58	8,009
4	Hội Xuân	1,168.68	8,880
5	Mỹ Long	1,280.75	9,158
6	Phú Nhuận	1,363.58	9,206

7	Thạnh Lộc	2,384.06	11,298
8	Long Tiên	1,644.10	12,001
9	Long Trung	1,511.30	12,141
10	Phú Cường	3,259.79	12,733
11	Mỹ Thành Nam	2,179.25	12,652
12	Tân Phong	2,469.99	12,594
13	Phú An	1,577.08	15,149
14	Ngũ Hiệp	2,780.00	16,117
15	Tam Bình	2,081.75	16,383
16	Bình Phú	1,894.94	16,210
III	**Thị xã Cai Lậy**	**14,018.95**	**123,775**
1	Phường 1	220.53	11,427
2	Phường 2	349.19	5,416
3	Phường 3	335.75	3,323
4	Phường 4	203.74	6,039
5	Phường 5	255.62	7,499
6	Phường Nhị Mỹ	553.84	4,586
7	Thanh Hoà	672.58	5,061
8	Tân Phú	826.44	5,410

9	Phú Quí	835.34	6,405
10	Mỹ Hạnh Trung	996.26	7,251
11	Mỹ Hạnh Đông	1,609.86	8,617
12	Nhị Quí	787.70	10,422
13	Tân Bình	900.93	5,669
14	Tân Hội	1,375.81	11,029
15	Mỹ Phước Tây	2,029.64	13,200
16	Long Khánh	2,065.72	12,421
IV	**Huyện Châu Thành**	**22,991.09**	**242,757**
1	Thị trấn Tân Hiệp	74.49	4,995
2	Dưỡng Điềm	341.58	6,192
3	Hữu Đạo	469.64	4,570
4	Tân Lý Tây	509.46	11,148
5	Thạnh Phú	733.81	9,686
6	Đông Hoà	758.96	9,530
7	Song Thuận	783.92	6,442
8	Bình Trưng	893.71	9,140
9	Phú Phong	900.03	6,980
10	Tân Hội Đông	913.62	7,589

11	Long An	591.85	9,258
12	Bàn Long	925.63	8,352
13	Tân Hương	1,103.29	15,170
14	Bình Đức	755.29	13,215
15	Kim Sơn	1,169.09	10,085
16	Thân Cửu Nghĩa	1,244.81	19,201
17	Điềm Hy	1,429.48	9,020
18	Long Hưng	1,475.67	12,355
19	Tân Lý Đông	1,555.24	14,275
20	Long Định	1,779.10	14,359
21	Nhị Bình	1,889.68	16,930
22	Tam Hiệp	2,121.40	14,015
23	Vĩnh Kim	571.34	10,250
V	**Huyện Tân Phước**	**33,321.74**	**57,561**
1	Thị trấn Mỹ Phước	279.40	2,792
2	Phú Mỹ	1,340.10	7,862
3	Tân Lập 2	1,647.54	2,278
4	Tân Hoà Thành	1,747.22	9,847
5	Thạnh Hoà	2,533.85	842

6	Tân Hoà Đông	2,677.93	1,593
7	Thạnh Mỹ	2,832.35	2,134
8	Tân Lập 1	2,870.98	5,549
9	Thạnh Tân	3,319.80	1,892
10	Hưng Thạnh	3,348.75	6,836
11	Tân Hoà Tây	3,352.21	4,257
12	Phước Lập	3,475.54	8,936
13	Mỹ Phước	3,896.07	2,743
VI	**Thành phố Mỹ Tho**	**8,154.10**	**220,014**
1	Phường 1	77.71	7,994
2	Phường 2	70.81	13,743
3	Phường 3	54.11	10,452
4	Phường 4	79.36	16,570
5	Phường 5	271.77	20,653
6	Phường 6	311.30	23,448
7	Phường 7	40.15	9,128
8	Phường 8	69.70	11,954
9	Phường 9	237.57	7,116
10	Phường 10	282.90	10,477

11	Phường Tân Long	272.79	3,470
12	Đạo Thạnh	1,031.47	15,866
13	Trung An	1,063.03	21,667
14	Tân Mỹ Chánh	931.59	12,271
15	Mỹ Phong	1,130.60	16,534
16	Phước Thạnh	1,017.60	12,291
17	Thới Sơn	1,211.64	6,380
VII	**Huyện Chợ Gạo**	**23,256.81**	**178,803**
1	Thị trấn Chợ Gạo	307.67	7,525
2	Hoà Tịnh	704.65	6,286
3	Bình Phan	1,059.00	7,039
4	Tân Bình Thạnh	1,126.85	7,555
5	Trung Hoà	1,077.76	6,452
6	Song Bình	932.58	8,055
7	Phú Kiết	1,154.46	9,942
8	Đăng Hưng Phước	1,476.48	11,151
9	Tân Thuận Bình	1,225.72	10,323
10	Long Bình Điền	1,192.33	11,875
11	Mỹ Tịnh An	1,143.39	8,782

12	Quơn Long	1,330.55	9,538
13	Thanh Bình	1,399.60	9,535
14	Hoà Định	1,359.25	8,136
15	Lương Hoà Lạc	1,007.99	12,477
16	Xuân Đông	1,514.64	8,666
17	An Thạnh Thuỷ	1,573.59	12,503
18	Bình Phục Nhứt	1,805.76	12,358
19	Bình Ninh	1,864.54	10,605
VIII	**Huyện Gò Công Tây**	**18,220.53**	**131,252**
1	Thành Công	810.52	5,934
2	Yên Luông	1,049.62	8,347
3	Bình Phú	1,321.53	7,569
4	Long Vĩnh	1,221.50	7,455
5	Đồng Sơn	1,483.55	8,844
6	Thạnh Trị	1,426.25	9,676
7	Bình Tân	1,669.13	10,368
8	Bình Nhì	1,375.49	11,750
9	Đồng Thạnh	1,567.52	10,351
10	Vĩnh Hựu	1,908.62	11,450

11	Thạnh Nhựt	1,783.72	12,821
12	Long Bình	1,839.67	15,055
13	Thị Trấn Vĩnh Bình	763.41	11,632
IX	**Huyện Gò Công Đông**	**26,768.16**	**142,797**
1	Thị trấn Tân Hoà	325.01	6,830
2	Tân Điền	2,002.19	7,182
3	Tăng Hoà	1,745.67	9,836
4	Phước Trung	2,103.03	10,201
5	Bình Ân	1,337.50	9,855
6	Tân Đông	1,137.91	10,002
7	Bình Nghị	1,319.05	11,176
8	Gia Thuận	1,912.06	6,066
9	Kiểng Phước	4,038.74	15,178
10	Tân Phước	2,194.76	13,857
11	Tân Thành	6,618.98	13,976
12	Thị trấn Vàm Láng	600.00	14,302
13	Tân Tây	1,433.26	14,336
X	**Thị xã Gò Công**	**10,198.49**	**96,877**
1	Phường 1	45.35	5,625

2	Phường 2	71.33	7,673
3	Phường 3	109.71	5,656
4	Phường 4	137.66	6,507
5	Phường 5	160.00	4,623
6	Long Hưng	657.22	5,241
7	Long Hoà	642.64	6,211
8	Long Chánh	768.26	5,584
9	Long Thuận	615.32	6,553
10	Bình Đông	2,244.87	13,776
11	Bình Xuân	2,786.41	16,056
12	Tân Trung	1,959.72	13,372
XI	**Huyện Tân Phú Đông**	**22,211.31**	**40,501**
1	Phú Thạnh	2,232.10	7,769
2	Tân Thới	2,138.26	10,248
3	Tân Phú	2,025.49	8,708
4	Tân Thạnh	2,237.03	4,374
5	Phú Tân	10,629.13	3,472
6	Phú Đông	2,949.30	5,930

Nguồn: Cổng Thông tin điện tử tỉnh Tiền Giang

Ngày 05-02-2016, Thủ tướng chính phủ ban hành Quyết định số 242/QĐ-TTg về việc công nhận thành phố Mỹ Tho là đô thị loại 1 trực thuộc tỉnh Tiền Giang.

Theo thống kê năm 2018, Tiền Giang có diện tích 2.087,315 km^2; dân số 1.763.237 người; 11 đơn vị hành chính cấp huyện (01 thành phố, 02 thị xã, 08 huyện), 173 đơn vị hành chính cấp xã (07 thị trấn, 22 phường và 144 xã).

Đơn vị hành chính	**TP Mỹ Tho**	**TX Cai Lậy**	**TX Gò Công**	**H. Cái Bè**	**H. Cai Lậy**	**H. Châu Thành**
Diện tích (km^2)	81,541	140,189	101,985	420,898	295,993	229,910
Dân số (người)	270.704	23.775	96.877	291.627	242.757	186.583
Mật độ dân (người/km^2)	3320	883	950	693	630	1056

Đơn vị hành chính	**H. Chợ Gạo**	**H. Gò Công Đông**	**H. Gò Công Tây**	**H. Tân Phú Đông**	**H. Tân Phước**
Diện tích (km^2)	232,568	267,681	182,205	222,113	333,217
Dân số (người)	178.803	142.797	131.252	40.501	57.561
Mật độ dân (người/km^2)	769	533	720	182	172

Nguồn: Cổng Thông tin điện tử tỉnh Tiền Giang

Năm 2021, tỉnh Tiền Giang có 11 đơn vị hành chính cấp huyện (01 thành phố (Mỹ Tho, đô thị loại 1), 02 thị xã (Cai Lậy và Gò Công, đều đô thị loại 3) và 8 huyện (Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Tân Phước, Chợ Gạo, Gò Công Tây, Gò Công Đông và Tân Phú Đông) với 172 đơn vị hành chính cấp xã (07 thị trấn, 22 phường và 143 xã).

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tính đến ngày 01-8-2021, dân số toàn tỉnh đạt 1.783.165 người, mật độ dân số đạt 710 người/km². Trong đó dân số sống tại thành thị đạt 247.742 người, chiếm 14% dân số toàn tỉnh, dân số sống tại nông

thôn đạt 1.516.443 người, chiếm 86% dân số. Dân số nam đạt 865.821 người, trong khi đó nữ đạt 898.364 người. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 15%.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn địa danh huyện, xã, thị trấn thuộc huyện Tân Phước:**

1. Huyện Tân Phước

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

新 Tân: Mới mẻ

福 Phước: Tốt lành, hạnh phúc

縣 Huyện

新富縣 Tân Phước Huyện

Vị trí địa lý:

Huyện cách trung tâm thành phố Mỹ Tho 25 km về hướng Tây Bắc; phía Đông giáp huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang và tỉnh Long An; phía Tây giáp huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang và tỉnh Long An; phía Nam giáp huyện Châu Thành và huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang; phía Bắc giáp tỉnh Long An.

Diện tích tự nhiên: 33.320 ha.

Hành chính:

Huyện Tân Phước có 01 thị trấn và 11 xã, gồm: thị trấn Mỹ Phước và các xã Hưng Thạnh, Phú Mỹ, Phước Lập, Tân Hòa Đông, Tân Hòa Tây, Tân Hòa Thành, Tân Lập 1, Tân Lập 2, Thạnh Hòa, Thạnh Mỹ, Thạnh Tân.

Lịch sử hình thành:

Trước năm 1994, địa bàn huyện Tân Phước ngày nay thuộc hai huyện Châu Thành và Cai Lậy của tỉnh Tiền Giang. Trong đó, xã Tân Hòa Tây trước đây thuộc huyện Cai Lậy; 6 xã Tân Hòa Đông, Hưng Thạnh, Mỹ Phước, Phú Mỹ, Tân Lập và Tân Hòa Thành trước đây cùng thuộc huyện Châu Thành.

Ngày 11/7/1994, Chính phủ ban hành Nghị định số 68-CP về việc thành lập huyện Tân Phước thuộc tỉnh Tiền Giang như sau: Thành lập huyện Tân Phước thuộc tỉnh Tiền Giang trên cơ sở diện tích tự nhiên 10.634,72 ha (trong đó có 580 hécta giao lại cho tỉnh Long An), nhân khẩu 5.698 người của huyện Cai Lậy và diện tích tự nhiên 23.486,53 ha (trong đó có 550,81 hécta giao cho tỉnh Long An), nhân khẩu 36.333 người của huyện Châu Thành.

Khi mới thành lập, 7 xã nêu trên (Tân Hòa Tây, Tân Hòa Đông, Hưng Thạnh, Mỹ Phước, Phú Mỹ, Tân Lập và Tân Hòa Thành) được chia lại như sau: chia xã

Tân Hòa Tây thành ba xã mới là Tân Hòa Tây, Thạnh Hòa và Thạnh Tân; tách đất xã Mỹ Phước để thành lập thị trấn Mỹ Phước (thị trấn huyện lỵ huyện Tân Phước); chia xã Tân Lập thành hai xã là Tân Lập 1 và Tân Lập 2; tách một phần đất đai các xã Mỹ Phước và Tân Lập để thành lập mới xã Phước Lập; chia xã Tân Hòa Đông thành hai xã mới là Tân Hòa Đông và Thạnh Mỹ; giữ nguyên địa giới hành chính các xã Tân Hòa Thành, Phú Mỹ và Hưng Thạnh như cũ.

Năm 1994, huyện Tân Phước có diện tích tự nhiên là 32.991,44 ha; nhân khẩu 42.031 người; gồm 13 đơn vị hành chính là thị trấn Mỹ Phước và 12 xã: Phú Mỹ, Tân Hoà Thành, Hưng Thạnh, Mỹ Phước, Tân Hoà Đông, Tân Hoà Tây, Thạnh Mỹ, Thạnh Hoà, Thạnh Tân, Phước Lập, Tân Lập 1, Tân Lập 2.

Ngày 10/1/2020, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 870/NQ-UBTVQH14 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Tiền Giang (Nghị quyết có hiệu lực từ ngày 1 tháng 2 năm 2020). Theo đó, sáp nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của xã Mỹ Phước vào thị trấn Mỹ Phước. Do vậy, huyện Tân Phước có 1 thị trấn và 11 xã như hiện nay: thị trấn Mỹ Phước (huyện lỵ) và 11 xã: Hưng Thạnh, Phú Mỹ, Phước Lập, Tân Hòa Đông, Tân Hòa Tây, Tân Hòa Thành, Tân Lập 1, Tân Lập 2, Thạnh Hòa, Thạnh Mỹ, Thạnh Tân. Năm 2020, huyện có 08 xã được công nhận xã đạt chuẩn Nông thôn mới là: Hưng Thạnh, Phú Mỹ, Tân Hòa Tây, Tân Hòa Thành, Tân Lập 2, Thạnh Hòa, Thạnh Mỹ, Thạnh Tân.

Đặc sản: Trái khóm tươi, kẹo/mứt khóm, khoai mỡ, đọt rau choại,...

Dân số: 65.650 người (2020)

Thu nhập bình quân đầu người: 50.62 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Là một huyện nằm trong vùng Đồng Tháp Mười, nên đất đai, nguồn nước đều bị nhiễm phèn, hàng năm bị ảnh hưởng lũ lụt của vùng Đồng Tháp Mười. Qua quá trình xây dựng và phát triển, công cuộc khai thác và cải tạo đất đai, phát triển hệ thống thủy lợi tháo chua, rửa phèn, dẫn nước ngọt, thoát lũ, khai hoang sản xuất; xây dựng hệ thống đê bao bảo vệ cây trồng trong mùa lũ, xây dựng cụm tuyến dân cư vượt lũ và phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, điện, nước sinh hoạt, trường học, trạm y tế,…phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, ổn định dân cư; xây dựng hệ thống chính trị, củng cố quốc phòng, an ninh đã thay đổi diện mạo của vùng đất từng mệnh danh là "rốn phèn, rốn lũ" đến nay kinh tế - xã hội của huyện phát triển vượt bậc, đời sống nhân dân được cải thiện nhiều mặt, thu hút đầu tư nhiều dự án lớn, khẳng định nơi đây không phải là "vùng đất chết".

Kinh tế của huyện luôn tăng trưởng ở mức cao đạt 17,13%/năm, giai đoạn 2015 – 2020. Các khu vực kinh tế có mức tăng trưởng phù với đặc thù của huyện, trong đó: khu vực I đạt 50.81%; khu vực II đạt 48.45%; khu vực III đạt 35.9%.

Sản xuất nông nghiệp được phát triển theo hướng đa dạng, năng suất, chất lượng và hiệu quả; diện tích canh tác cây lúa là 6.471 ha đạt 100% diện tích lúa được cơ giới hóa từ khâu làm đất đến thu hoạch; diện tích cây khóm giảm dần, còn 15.125,6 ha, chủ yếu do chuyển đổi sang cây trồng khác hiệu quả hơn như thanh long, mít, chanh, bơ, mãng cầu, cam, bưởi,… Chăn nuôi gia súc, gia cầm với quy mô công nghiệp được hình thành, từng bước phát triển, chất lượng ngày càng nâng lên, giá trị sản xuất ngành chăn nuôi tăng bình quân 6,0%/năm.

Các vùng kinh tế chủ lực của huyện:

- Vùng khóm nguyên liệu: 15.700 ha, sản lượng 287.000 tấn/năm. Là vùng nguyên liệu khóm (dứa) lớn nhất tỉnh, phục vụ cho công nghiệp chế biến xuất khẩu. Mô hình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP đang giúp nông dân sản xuất, tiêu thụ có hiệu quả.

- Vùng sản xuất lúa: 6.600 ha, diện tích gieo trồng hàng năm trên 17.800 ha; sản lượng bình quân gần 110.000 tấn/ năm . Mô hình "cánh đồng mẫu lớn" cho hiệu quả sản xuất cao và thúc đẩy thực hiện tốt CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn tại huyện.

- Vùng khoai mỡ : 1.000 ha, sản lượng 16.000 tấn/năm; là cây trồng thích nghi vùng đất phèn ở khu vực phía đông bắc của huyện, hiêu quả kinh tế cao cho nông dân.

- Rau màu các loại : 2.200 ha, sản lượng hàng năm 35.200 tấn. Trong đó, cây dưa hấu trên đất phèn hàng năm gần 200 ha, chất lượng rất ngon, không thua kém các vùng khác.

- Chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao và quy mô lớn: hàng năm tổng đàn ổn định: đàn gia cầm 350.000 con, đàn heo 15.000 con.

- Rừng tràm: 3.100 ha, là vùng đệm khu bảo tồn sinh thái, bảo vệ hệ sinh thái vùng ngập nước Đồng Tháp Mười.

- Khu công nghiệp Long Giang: 540 ha, với các ngành công nghiệp hiện đại, vốn đầu tư nước ngoài, giải quyết việc làm cho hàng ngàn lao động.

Nhìn chung, tình hình sản xuất nông nghiệp ổn định, các chỉ tiêu về diện tích gieo trồng, sản lượng thu hoạch các loại cây trồng, vật nuôi cơ bản đạt kế hoạch đề ra. Công tác phòng, chống xâm nhập mặn được các cấp ủy, chính quyền tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai các giải pháp bảo vệ sản xuất cho nhân dân; các hoạt động hỗ trợ sản xuất như tăng cường kiểm soát, phòng chống dịch bệnh trên cây trồng, đàn vật nuôi, tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật được các cấp, các ngành thực hiện tốt, hiệu quả sản xuất tiếp tục được nâng lên.

Giáo dục:

Chất lượng dạy học được tăng lên, tỷ lệ học sinh huy động so với dân số trong độ tuổi ở các bậc học, tỷ lệ duy trì sĩ số và lên lớp thẳng đạt mục tiêu; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông và đỗ đại học ngày càng tăng. Công tác phổ cập giáo dục đảm bảo tính bền vững, được tái công nhận hàng năm.

Y tế:

Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho nhân dân, tăng cường công tác quản lý nhà nước về y tế; quan tâm đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ khám chữa bệnh theo hướng hiện đại. Mạng lưới y tế cơ sở tiếp tục được củng cố và hoàn thiện, 100% trạm y tế có bác sĩ, 100% ấp - khu phố có Tổ y tế hoạt động thường xuyên, 12/12 xã - thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã. Các cơ sở y tế thực hiện tốt công tác khám và điều trị bệnh cho nhân dân; đẩy mạnh các hoạt động truyền thông giáo dục sức khoẻ; chú trọng công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình, phát triển bảo hiểm y tế toàn dân; thực hiện hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh trong cộng đồng và hoàn thành các chỉ tiêu nghị quyết đề ra.

Giao thông:

Tập trung đầu tư nâng cấp tải trọng cầu – đường đáp ứng nhu cầu vận vải hàng hóa, từng bước đồng bộ hệ thống giao thông nội huyện, kết nối với hệ thống đường tỉnh xuyên qua địa bàn. Quan tâm hoàn thiện hệ thống công trình thủy lợi, nâng cao năng lực phòng chống thiên tai, bảo vệ an toàn các hoạt động sản xuất nông nghiệp. Củng cố hệ thống cung cấp nước sinh hoạt nông thôn, đầu tư mở rộng, cải thiện chất lượng nước, đồng thời chuyển đổi mô hình quản lý từ Tổ hợp tác sang doanh nghiệp.

Văn hóa:

Công tác quản lý nhà nước về văn hóa, thông tin được thực hiện đúng quy định, các cấp chính quyền thường xuyên chỉ đạo công tác kiểm tra, xử lý các vi phạm trên lĩnh vực văn hóa, dịch vụ văn hóa. Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa được duy trì, củng cố và nâng chất gắn với xây dựng nông thôn mới – đô thị văn minh. Nhiều phong trào thiết thực được đông đảo quần chúng tham gia, chất lượng nâng lên, hàng năm có 92,64% hộ gia đình, 96% cơ quan, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa; các giá trị văn hóa truyền thống được gìn giữ và phát huy; các hủ tục, mê tín dị đoan, tệ nạn xã hội được bài trừ, môi trường văn hóa lành mạnh được củng cố.

Du lịch:

Tiếp tục lãnh đạo các cấp, các ngành, phối hợp với các sở, ngành tỉnh triển khai các giải pháp phù hợp, phát huy tiềm năng, lợi thế của huyện để phát triển du lịch trên địa bàn gắn với thực hiện Nghị quyết 13-NQ/HU ngày 05/5/2017 của Huyện ủy. Một số điểm du lịch trên địa bàn huyện có thể liên kết với các địa

phương lân cận để hình thành tour du lịch sinh thái, văn hóa, tâm linh và du lịch cộng đồng như: Di tích lịch sử - văn hóa Đình Dương Hòa, di tích lịch sử cách mạng bia căm thù Phú Mỹ; Khu Bảo tồn sinh thái với 100,6 ha. Có trên 50 loài chim, cò sinh sống, bảo tồn hệ thực vật sinh thái ngập nước vùng Đồng Tháp Mười; Khu thiền viện Trúc Lâm Chánh Giác: rộng 30 ha, được xây dựng năm 2012 theo mô hình truyền thống của hệ phái Trúc Lâm Yên Tử trực thuộc danh bộ của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Số lượng khách từ các địa phương đến địa bàn huyện khá đông, khoảng 466.850 lượt người trong giai đoạn 2015 – 2020.

Thể thao:

Các hoạt động thể dục, thể thao được các cấp, các ngành quan tâm lãnh đạo, nâng cao chất lượng, đa dạng hóa hình thức, đáp ứng nhu cầu nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân. Đồng thời được mở rộng và từng bước xã hội hóa, thu hút nhiều thành phần tham gia, tạo sân chơi lành mạnh trong cộng đồng.

Tổng số liệt sĩ: 1.035 liệt sĩ.

Tổng số Bà Mẹ Việt Nam anh hùng: 157 Bà mẹ.

2. Thị trấn Mỹ Phước

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

美 Mỹ: Tốt, đẹp

福 Phước: Tốt lành, hạnh phúc

美福 Mỹ Phước

市鎮 Thị trấn

美福市鎮 Mỹ Phước Thị trấn

Vị trí địa lý:

Thị trấn Mỹ Phước nằm ở trung tâm huyện Tân Phước; phía Đông giáp xã Hưng Thạnh; phía Tây giáp xã Tân Hỏa Tây; phía Nam giáp xã Phước Lập; phía Bắc giáp xã Thạnh Mỹ và xã Thạnh Tân.

Diện tích tự nhiên: 4.028 ha.

Hành chính:

Thị trấn có 5 khu phố là: khu phố 1, khu phố 2, khu phố 3, khu phố 4 và khu phố 5.

Lịch sử hành chính:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có hai thôn Phước An và Mỹ Điền thuộc tổng Kiến Thuận, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, hai thôn này thuộc tổng Hưng Nhơn, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; năm 1863, Phước An đổi thành Phước Lộc. Năm 1900, hai làng Phước Lộc và Mỹ Điền thuộc tổng Hưng Nhơn, tỉnh Mỹ Tho. Năm 1913, hai làng Mỹ Điền và Phước Lộc hợp nhất, có tên là Mỹ Phước, thuộc tổng Hưng Nhơn, quận Bến Tranh, tỉnh Mỹ Tho. Năm 1925, hai làng Hưng Thạnh và Mỹ Phước hợp nhất, lấy tên là Hưng Thạnh Mỹ, thuộc tổng Hưng Nhơn, quận Bến Tranh, tỉnh Mỹ Tho. Năm 1928, làng Hưng Thạnh Mỹ thuộc tổng Hưng Nhơn, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là xã Mỹ Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp gọi là làng Hưng Thạnh Mỹ thuộc tổng Hưng Nhơn, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng gọi là xã Mỹ Phước thuộc huyện Châu Thành; từ tháng 5/1968, thuộc huyện Châu Thành Bắc, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, năm 1956, đặt xã Hưng Thạnh Mỹ thuộc quận Bến Tranh, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Mỹ Phước thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Năm 1994, huyện Tân Phước được thành lập, xã Mỹ Phước được tách ra thành thị trấn Mỹ Phước và xã Mỹ Phước (mới) thuộc huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Năm 2020, xã Mỹ Phước hợp nhất với thị trấn Mỹ Phước, lấy tên là thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Đặc sản: đọt choại, trái khóm tươi, kẹo khóm Tân Phước,...

Dân số: 6.690 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 50.000.000 đồng/người/năm (năm 2020).

Kinh tế:

Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ có bước phát triển và hoạt động tương đối ổn định, hoạt động kinh doanh phát triển cả về số lượng và chất lượng. Chợ Tân Phước đầu tư xây mới, phân loại ngành hàng, quy mô mua bán kinh doanh ngày càng được mở rộng, chủng loại hàng hóa phong phú.

Về sản xuất nông nghiệp, vận động nhân dân áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nên lĩnh vực sản xuất nông nghiệp phát triển khá toàn diện, chuyển đổi từ trồng cây kém hiệu quả và cây lâm nghiệp sang các loại cây ăn trái có hiệu quả kinh tế cao hơn, công tác phòng chống dịch bệnh trên cây trồng được

đảm bảo, chăn nuôi gia súc gia cầm với quy mô lớn, từng bước phát triển, chất lượng ngày càng nâng lên. Triển khai thực hiện có hiệu quả các kế hoạch đầu tư công gắn với mục tiêu xây dựng thị trấn văn minh đô thị. Công tác quản lý ngân sách được lãnh đạo thực hiện có hiệu quả, khai thác tốt các nguồn thu, từ đó thu ngân sách hàng năm đều đạt và vượt chỉ tiêu. Công tác quản lý Nhà nước về đất đai được tăng cường cũng cố và đi vào nề nếp.

Các thành phần kinh tế cá thể phát triển theo hướng tích cực, hoạt động có hiệu quả, các doang nghiệp và hợp tác xã đầu tư vốn, mở rộng sản xuất, kinh doanh; liên kết kinh doanh với các đơn vị trong và ngoài huyện, ngoài tỉnh tạo việc làm ổn định góp phần tăng thu nhập, nâng cao mức sống cho người lao động; tăng thu ngân sách góp phần tăng trưởng kinh tế.

Giáo dục:

Thị trấn có 04 trường: Trường mầm non thị trấn Mỹ Phước, Trường tiểu học thị trấn Mỹ Phước, Trường trung học cơ sở thị trấn Mỹ Phước, trường trung học phổ thông Tân Phước.

Thị trấn đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế thị trấn đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 11 biên chế: 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 02 điều dưỡng, 02 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh, 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các ấp đều có tổ y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 93% (2020).

Giao thông:

Triển khai thực hiện có hiệu quả các kế hoạch đầu tư công gắn với mục tiêu chỉnh trang đô thị, hệ thống giao thông từng bước được hoàn thiện tạo điều kiện thuận lợi đi lại cho nhân dân.

Văn hóa:

Hoạt động văn hóa, thông tin tuyên truyền được quan tâm, chú trọng góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá " gắn với xây dựng thị trấn văn minh đô thị ngày càng nâng cao về chất lượng, hiệu quả. Thị trấn có nhà văn hóa đa năng đạt chuẩn quy định. Có trên 95% hộ gia đình được công nhận gia đình văn hoá, có 100% cơ quan đạt chuẩn "Cơ quan văn hóa"; 05/05 khu phố văn hóa, có trụ sở kiêm điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng và 06 con đường văn hóa.

Du lịch:

Thị trấn có chùa cổ Phật Đá thu hút du khách trong và ngoài tỉnh đến tham quan, chiêm bái.

Thể thao:

Hoạt động thể dục, thể thao được duy trì và phát triển, thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia tập luyện, góp phần nâng cao sức khỏe cộng đồng. Công tác gia đình ngày được quan tâm, phát huy các giá trị đạo đức, lối sống, cách ứng xử tốt đẹp trong gia đình, góp phần xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc.

Tổng số liệt sĩ: 88 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: có 15 Bà mẹ.

3. Xã Hưng Thạnh

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

興 Hưng: Hưng thịnh

盛 Thịnh (Thạnh): Thịnh vượng, tươi tốt, phồn vinh

興盛社 Hưng Thạnh Xã

Vị trí địa lý:

Xã Hưng Thạnh, nằm phía đông huyện Tân Phước; ranh giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Đông: giáp xã Phú Mỹ.
- Phía Tây: giáp thị trấn Mỹ Phước.
- Phía Nam: giáp xã Tân Hòa Thành, Tân Lập 2.
- Phía Bắc: giáp xã Tân Hòa Đông, Thạnh Mỹ.

Diện tích tự nhiên: 3.257,08ha.

Hành chính:

Xã Hưng Thạnh có 3 ấp gồm: Hưng Điền, Hưng Quới, Hưng Phú.

Lịch sử hình thành:

Năm 1836, đời vua Minh Mạng, có thôn Hưng Thạnh thuộc tổng Hưng Nhơn, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; năm 1900, làng Hưng Thạnh thuộc tổng Hưng Nhơn, tỉnh Mỹ Tho. Năm 1925, hai làng Hưng Thạnh và Mỹ Phước hợp nhất, lấy tên là Hưng Thạnh Mỹ, thuộc tổng Hưng Nhơn, quận Bến Tranh, tỉnh Mỹ Tho. Năm 1928, làng Hưng Thạnh Mỹ thuộc tổng Hưng Nhơn, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là xã Hưng Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp gọi là làng Hưng Thạnh Mỹ thuộc tổng Hưng Nhơn, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng gọi là xã Hưng Thạnh thuộc huyện Châu Thành; từ tháng 5/1968, thuộc huyện Châu Thành Bắc, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, năm 1956, đặt xã Hưng Thạnh Mỹ thuộc quận Bến Tranh, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Hưng Thạnh thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Năm 1994, huyện Tân Phước được thành lập, xã Hưng Thạnh thuộc huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Năm 2020, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới.

Dân số: 7.287 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 51,56 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Hưng Thạnh có 01 chợ nằm tại trung tâm xã đáp ứng nhu cầu mua, bán phục vụ cho người dân. Trên địa bàn xã chủ yếu là sản xuất nông nghiệp có 2.843,46 ha. Trong đó sản xuất khóm 2.331 ha; thanh long 144,5 ha; chanh 18,25 ha; mít 46,3 ha; dừa 22,7 ha; cam 18,4 ha; dừa 5 ha; lúa 48,4 ha; xoài, bưởi, mãng cầu, măng cụt, ổi, nhàu 18 ha,...

Giáo dục:

Xã có 03 Trường: Trường trung học cơ sở Hưng Thạnh, Trường tiểu học Hưng Thạnh, Trường mầm non Hưng Thạnh. Tất cả các trường đều đạt chuẩn Quốc gia.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 06 biên chế: 02 bác sĩ, 01 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh, 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các ấp đều có tổ y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 93% (2020).

Giao thông:

Xã có Đường tỉnh 865 chạy ngang và Đường huyện 45, có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của xã.

Bên cạnh đó, xã còn có tuyến kênh Nguyễn Văn Tiếp đi qua các tỉnh, tạo nhiều thuận lợi cho giao thông thủy cũng như vận chuyển và trao đổi hàng hóa ở địa phương.

Trên địa bàn xã có tổng cộng 4 tuyến đường với tổng chiều dài là 10.600m, cụ thể như sau:

Đường đê Kênh 19/5 chiều dài 2.700m, mặt đường rộng 3,5m, được nhựa hóa.

Đường trục ấp và đường liên ấp được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm. Tổng cộng có 03 tuyến, chiều dài 8.900m được nhựa hóa 100%.

Đường đông kênh Rạch Đình có chiều dài 4.50m, mặt đường rộng 3,5m, được nhựa hóa.

Đường đông kênh Ông Chủ có chiều dài 3.800m, mặt đường rộng 3m, được nhựa hóa.

Đường đông kênh Cống Bọng có chiều dài 600m, mặt đường rộng 3m, được nhựa hóa.

Văn hóa:

Xã có nhà văn hóa (hội trường đa năng) và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của xã gồm 01 hội trường, 05 phòng chức năng theo quy định. Nhà văn hoá xã có quy mô 3.051,4 m^2, đảm bảo trên 200 chỗ ngồi, với tổng kinh phí xây dựng 7.665.166.752 đồng được đưa vào sử dụng năm 2020. Có 3/3 ấp được tái công nhận danh hiệu ấp văn hóa đạt tỷ lệ 100%. Hàng năm xã có trên 90% hộ dân đăng ký thực hiện các tiêu chuẩn gia đình văn hóa, qua bình xét có trên 87% hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa.

Xã đẩy mạnh cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"; qua đó góp phần xây dựng đời sống văn hóa, nếp sống văn minh, đẩy lùi các thủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan, tệ nạn xã hội; xây dựng, tăng cường hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao phục vụ nhu cầu sinh hoạt văn hóa tinh thần cho nhân dân.

Trụ sở ấp văn hóa các ấp Hưng, Hưng Quới, Hưng Phú có cơ sở vật chất được trang bị đầy đủ.

Du lịch: Chưa có địa điểm du lịch.

Thể thao:

Xã có các điểm tập luyện thể thao, như: sân bóng đá mini 800m^2, bóng chuyền 300m^2 tại nhà văn hóa xã thuộc ấp Hưng Điền; sân bóng chuyền 200m^2, sân bóng đá mini 1.000m^2 thuộc ấp Hưng Phú; sân bóng đá mini 600m^2 thuộc ấp Hưng Quới.

Các công trình phụ gồm hồ bơi di động trong khuôn viên Trường tiểu học Hưng Thạnh với thể tích 60m^3 và có bố trí các dụng cụ phục vụ cho bơi lội.

Hàng năm, nhân các ngày lễ, tết, các sự kiện trọng đại của đất nước xã có tổ chức giao lưu thể dục thể thao như bóng đá, bóng chuyền và các trò chơi dân gian…

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 10 Bà mẹ.

4. Xã Phú Mỹ

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

富 Phú: Giàu có

美 Mỹ: Tốt, đẹp

富美社 Phú Mỹ Xã

Vị trí địa lý:

Xã Phú Mỹ nằm về phía Đông huyện Tân Phước; phía Đông giáp huyện Thủ Thừa (tỉnh Long An); phía Tây giáp xã Tân Hòa Đông và Hưng Thạnh; phía Nam giáp xã Hưng Thạnh và Tân Hòa Thành; phía Bắc giáp huyện Thủ Thừa (tỉnh Long An).

Diện tích tự nhiên: 1.340,10 ha.

Hành chính:

Xã có 4 ấp: ấp Phú Hữu, Phú Nhuận, Phú Xuân và Phú Thạnh.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, thôn Phú Mỹ thuộc tổng Hưng Xương, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn này thuộc tổng Hưng Nhơn, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; năm 1900, làng Phú Mỹ thuộc tổng Hưng Nhơn, tỉnh Mỹ Tho; năm 1913, thuộc tổng Hưng Nhơn, quận Bến Tranh, tỉnh Mỹ Tho; năm 1928, thuộc tổng Hưng Nhơn, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là xã Phú Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp gọi là làng Phú Mỹ thuộc tổng Hưng Nhơn, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng gọi là xã Phú Mỹ thuộc huyện Châu Thành; từ tháng 5/1968, thuộc huyện Châu Thành Bắc, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, năm 1956, đặt xã Phú Mỹ thuộc quận Bến Tranh, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Phú Mỹ thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Năm 1994, xã thuộc huyện Tân Phước. Năm 2016, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới.

Dân số: 8.257 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 60 triệu đồng/người/năm (2020)

Kinh tế:

Kinh tế của xã Phú Mỹ chuyển dịch theo hướng tăng dần thương mại dịch vụ, công nghiệp - xây dựng và giảm dần nông nghiệp: Thời gian qua cơ cấu ngành nông nghiệp của xã ngày càng giảm. Tuy nhiên sản xuất nông nghiệp vẫn là ngành chính của xã với các loại cây trồng chính là: cây lúa và khóm, khoai mỡ.

Xã có 516 cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể, toàn xã có 37 cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, 51 cơ sở vận tải hàng hóa và vận chuyển hành chuyển hành khách đường bộ, 73 cơ sở dịch vụ ăn uống, 22 cơ sở bán, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ, 293 cơ sở bán buôn bán lẻ hàng hóa, 40 cơ sở hoạt động ngành nghề dịch vụ, công nghệ thông tin và truyền thông; 22 doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, 01 ngân hàng. 01 hợp tác xã thương mại dịch vụ nông nghiệp tổng số xã viên 30 xã viên.

Giáo dục:

Xã có 04 trường: Trường mầm non Phú Mỹ, Trường tiểu học Phú Mỹ A, Trường tiểu học Phú Mỹ B, Trường trung học cơ sở Phú Mỹ. Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 06 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh, 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các ấp đều có tổ y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 92% (2020).

Giao thông:

Xã có Đường tỉnh 865 đi ngang qua giáp với Đường tỉnh 866 tạo thành cầu nối quan trọng của các xã trong huyện với trung tâm thị trấn Tân Hiệp và thành phố Tân An tỉnh Long An.

Hệ thống giao thông đường bộ trọng yếu của xã đã được nâng cấp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho bà con nhân dân giao lưu hàng hóa và đi lại sản xuất..

Văn hóa:

Hoạt động văn hóa của xã trong các năm qua đã đạt được nhiều kết quả tốt; đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân luôn được chú trọng và từng bước được nâng cao. Tính đến nay có trên 85% số hộ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa; 4/4 ấp

được công nhận là ấp văn hóa, xã Phú Mỹ đạt danh hiệu xã văn hóa, xã văn hóa nông thôn mới, xã Nông thôn mới.

Du lịch: Du lịch của xã còn dưới dạng tiềm năng.

Thể thao:

Xã có sân bóng đá tại ấp Phú Xuân là nơi tổ chức các hoạt động thể dục - thể thao. Bên cạnh đó còn có 2 sân cỏ nhân tạo phục vụ nhu cầu tập luyện thể dục thể thao của người dân trong và ngoài xã.

Tổng số liệt sĩ: 154 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 16 Bà mẹ.

5. Xã Phước Lập

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

福 Phước: Tốt lành, hạnh phúc

立 Lập: Dựng lên, tạo thành

福立社 Phước Lập Xã

Vị trí địa lý:

Xã Phước Lập phía Đông giáp xã Tân Lập 1 và xã Tân Lập 2; phía Tây giáp xã Điềm Hy (huyện Châu Thành) và xã Mỹ Hạnh Đông, xã Tân Phú (thị xã Cai Lậy); phía Nam giáp xã Long Định và xã Nhị Bình (huyện Châu Thành); phía Bắc giáp thị trấn Mỹ Phước.

Hành chính

Có 7 ấp: Kinh 2A, Kinh 2B, Mỹ Hòa, Mỹ Lợi, Mỹ Bình, Mỹ Thành, Mỹ Phú.

Lịch sử hình thành:

Xã Phước Lập được thành lập năm 1994 trên cơ sở điều chỉnh một phần diện tích và dân số của xã Long Định, huyện Châu Thành. Năm 2022, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

Dân số: 10.658 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 55,5 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Năm 2020, xã có 432 cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp hoạt động ổn định, góp phần đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, từng bước giải quyết được nguyên liệu và lao động ở địa phương.

Thương mại - dịch vụ tiếp tục được phát triển và hoạt động có hiệu quả, năm 2020, xã có 290 cơ sở kinh doanh, chủ yếu là các mặt hàng phục vụ xây dựng, sản xuất nông nghiệp, buôn bán nhỏ và các cửa hàng phục vụ ăn uống,… góp phần tăng thêm thu nhập và ổn định đời sống người dân. Ngoài ra, trên địa bàn xã có 28 công ty và doanh nghiệp hoạt động, góp phần giải quyết việc làm ổn định cho 2.455 lao động.

Hoạt động sản xuất nông nghiệp vẫn là hoạt động kinh tế chính yếu của xã. Người dân trồng lúa, khóm, thanh long, chăn nuôi gia súc, gia cầm,…

Giáo dục:

Xã có 02 trường: Trường tiểu học Phước Lập (đạt chuẩn quốc gia), Trường mầm non Phước Lập.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh, 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các ấp đều có tổ y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 90% (2020).

Giao thông:

Từ năm 2015 – 2020, xã đã xây dựng được 06 công trình, với tổng kinh phí trên 5.511.279.000đ, vận động nhân dân hiến đất trên 16.000m^2, nâng cấp, sửa chữa, xây mới 16 cây cầu giao thông nông thôn, tổng kinh phí 3.038.769.000 đồng, nhân dân tự nguyện đóng góp là 119.800.000đ và trên 500 ngày công lao động; 05 công trình thủy lợi, tổng chiều dài 8.107m, tổng kinh phí 896.000.000 đồng như nạo vét các tuyến kênh phục vụ cho tưới tiêu, sản xuất nông nghiệp, phòng, chống thiên tai và sinh hoạt của nhân dân; tổ chức trục vớt lục bình 02 tuyến kênh/kinh gồm kênh/kinh 2 và kênh/kinh 5, đã góp phần đảm bảo nguồn nước để nhân dân phục vụ sản xuất.

Văn hoá:

Xã có 5/7 ấp văn hóa, hàng năm, có trên 98% hộ gia đình đăng ký gia đình văn hóa, cuối năm bình xét có trên 85% hộ đạt 03 tiêu chuẩn đình văn hoá.

Hoạt động thông tin tuyên truyền, văn hoá văn nghệ luôn được quan tâm. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá" được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, các giá trị văn hóa truyền thống được giữ gìn và phát huy, các hủ tục, mê tín dị đoan, tệ nạn xã hội được bài trừ.

Du lịch: Du lịch còn dưới dạng tiềm năng.

Thể thao:

Xã có 01 CLB Thể dục dưỡng sinh ở ấp Mỹ Lợi được thành lập vào năm 2020.

Các hoạt động thể dục, thể thao được duy trì. Thường xuyên tham gia các hoạt động thể dục, thể thao do ngành cấp trên phát động. Phối hợp cùng xã bạn tổ chức giao lưu bóng chuyền, bóng đá,…

Phát động trong nhân dân tham gia phong trào rèn luyện thân thể, phong trào thể dục buổi sáng luôn được duy trì.

Tổng số liệt sĩ: 179 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 61 Bà mẹ.

6. **Xã Tân Hòa Đông**

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

新 Tân: Mới mẻ

和 Hoà: Hoà hợp, hoà thuận

東 Đông: Phía đông

新和東社 Tân Hòa Đông Xã

Vị trí địa lý

Xã Tân Hoà Đông nằm về phía bắc của huyện Tân Phước; phía Tây giáp xã Thạnh Mỹ, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang; phía Nam giáp xã Hưng Thạnh, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang; phía Bắc giáp huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

Diện tích tự nhiên: 2.689,51 ha.

Hành chính:

Xã có 4 ấp gồm: Tân Thuận, Tân Thành, Tân Phát và Tân Long.

Lịch sử hình thành:

Trước Cách mạng tháng Tám (1945), xã Tân Hòa Đông hiện nay là vùng đất hoang hóa. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ (1945-1975), nơi đây là vùng căn cứ địa cách mạng.

Sau ngày 30-4-1975, xã Tân Hòa Đông được thành lập thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Năm 1994, xã Tân Hòa Đông thuộc huyện Tân Phước. Năm 2022, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

Dân số: 1890 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 50.500.000 đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Kinh tế của xã chủ yếu dựa vào nông nghiệp. Là vùng chuyên canh trồng khóm và khoai của huyện.

Giáo dục:

Xã có 01 Trường mầm non - tiểu học Tân Hòa Đông. Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 06 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh, 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các ấp đều có tổ y tế. Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế 96,38% (năm 2020).

Giao thông:

Có các Đường huyện 40, 41, 45A, 45B giao với các Đường tỉnh 865, 866, 867. Tất các các tuyến đường xã, đường liên ấp đều được bê tông hóa và cứng hóa.

Văn hoá:

Xã có 01 nhà văn hóa và 4 ấp có trụ sở văn hóa, 4/4 ấp đạt chuẩn ấp văn hóa. Năm 2020, có 100% hộ gia đình đăng ký gia đình văn hóa, cuối năm bình xét có 95% hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hoá.

Du lịch: Du lịch còn dưới dạng tiềm năng.

Thể thao:

Năm 2020, xã có 01 câu lạc bộ thể thao, 1 sân bóng đá và 1 sân bóng chuyền. Phong trào tập luyện thể dục thể thao trong nhân dân ngày càng phát triển.

Tổng số liệt sĩ: 9 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: Không.

7. **Xã Tân Hòa Tây**

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

新 Tân: Mới mẻ

和 Hoà: Hoà hợp, hoà thuận

西 Tây: Phía tây

新和西社 Tân Hòa Tây Xã

Vị trí địa lý:

Xã nằm ở phía tây của huyện; phía Đông giáp thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước; phía Tây giáp xã Phú Cường, huyện Cai Lậy; phía Nam giáp xã Mỹ Phước Tây, xã Mỹ Hạnh Đông, thị xã Cai Lậy; phía Bắc giáp xã Thạnh Hòa; Thạnh Tân, huyện Tân Phước và xã Tân Hòa, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

Diện tích tự nhiên: 3.352 ha.

Hành chính:

Có 4 ấp: Tân Hưng Phú, Tân Hưng Đông, Tân Hưng Tây, Tân Hưng Phước.

Lịch sử hình thành:

Trước Cách mạng tháng Tám (1945), trong kháng chiến chống thực dân Pháp và chống Mỹ (1945-1975), xã Tân Hòa Tây hiện nay thuộc hai xã Mỹ Hạnh Đông và Mỹ Phước Tây, huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho.

Sau ngày 30-4-1975, trên cơ sở điều chỉnh một phần diện tích và dân số của hai xã Mỹ Hạnh Đông và Mỹ Phước Tây, xã Tân Hòa Tây được thành lập thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Năm 1994, xã Tân Hòa Tây thuộc huyện Tân Phước. Năm 2021, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

Dân số: 4.502 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 53,2 triệu/người/năm (năm 2020)

Kinh tế:

Kinh tế của xã chủ yếu dựa vào nông nghiệp, cụ thể như sau:

- Trồng cây lúa nước: 6960 ha

- Trồng cây khóm: 245 ha.

- Trồng cây màu: 108 ha.

Ngoài ra, nhân dân còn chăn nuôi gia súc, gia cầm.

Giáo dục:

Xã có 02 trường học: Trường tiểu học Tân Hòa Tây và Trường mầm non Tân Hòa Tây.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh, 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các ấp đều có tổ y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 93% (2020).

Giao thông:

Trên địa bàn xã có 13 tuyến đường giao thông nông thôn với tổng chiều dài 27,5 km, đều đã được bê tông hóa và cứng hóa, trong đó:

- Đường xã: Có 02 tuyến với chiều dài 8,3km.

- Đường ấp: Có 11 tuyến với chiều dài 19,2km.

Văn hóa:

Xã có 01 nhà văn hóa với diện tích 529 m^2 đạt chuẩn nông thôn mới và 4 ấp có trụ sở văn hóa đạt chuẩn nông thôn mới. 4/4 ấp đạt chuẩn ấp văn hóa và 3 con đường văn hóa. Hàng năm qua thẩm định 04/04 ấp được tái công nhận danh hiệu văn hóa và có trên 98% hộ gia đình đăng ký gia đình văn hóa, cuối năm bình xét có trên 94% hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hoá.

Du lịch: không có

Thể thao:

Xã có 01 sân bóng đá với diện tích gần 11.000m^2.

Tổng số liệt sĩ: có 103 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 13 Bà mẹ.

8. **Xã Tân Hòa Thành**

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

新 Tân: Mới mẻ

和 Hoà: Hoà hợp, hoà thuận

誠 Thành: Thật thà, thành thật

新和誠社 Tân Hòa Thành Xã

Vị trí địa lý:

Xã Tân Hòa Thành ở phía đông bắc của huyện, phía Đông giáp xã Lợi Bình Nhơn, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An; phía Tây giáp xã Tân Lập 2; phía Nam giáp xã Tân Hội Đông và Tân Lý Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang; phía Bắc giáp xã Phú Mỹ và Hưng Thạnh.

Diện tích tự nhiên: 1.951,66 ha.

Hành chính:

Xã có 08 ấp: ấp Một, ấp Hai, ấp Ba, ấp Tư, ấp Tân Qưới, ấp Tân Phú, ấp Tân Vinh và ấp Tân Lợi.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có hai thôn Tân Hội Tây và Dương Hòa thuộc tổng Hưng Xương, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, hai thôn này thuộc tổng Hưng Nhơn, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường. Năm 1848, đời vua Tự Đức, ở đây lập thêm thôn Tân Hòa thuộc tổng Hưng Nhơn, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; năm 1877, làng Tân Hòa được đổi tên là Tân Thành; năm 1900, ba làng Tân Hội Tây, Dương Hòa và Tân Thành thuộc tổng Hưng Nhơn, tỉnh Mỹ Tho. Năm 1913, ba làng này thuộc tổng Hưng Nhơn, quận Bến Tranh, tỉnh Mỹ Tho. Năm 1925, ba làng Tân Hội Tây, Dương Hòa và Tân Thành hợp nhất, lấy tên là Tân Hòa Thành, thuộc tổng Hưng Nhơn, quận Bến Tranh, tỉnh Mỹ Tho. Năm 1928, làng Tân Hòa Thành thuộc tổng Hưng Nhơn, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là xã Tân Hòa Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp gọi là làng Tân Hòa Thành thuộc tổng Hưng Nhơn, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng gọi là xã Tân Hòa Thành thuộc huyện Châu Thành; từ tháng 5/1968, thuộc huyện Châu Thành Bắc, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, năm 1956, đặt xã Tân Hòa Thành thuộc quận Bến Tranh, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Tân Hòa Thành thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Năm 1994, xã thuộc huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Năm 2015, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới. Năm 2021, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao.

Dân số: 11.141 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 61 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Nông nghiệp của xã phát triển theo hướng đẩy mạnh sản xuất chuyên canh, cây ăn trái để cải tạo vườn tạp, tích cực áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nhằm tăng năng suất, sản lượng và đạt chất lượng xuất khẩu. Cụ thể: lúa đạt chuẩn 18 tấn/ha/năm; cây hoa màu thực phẩm năng suất bình quân 17 tấn/ha/năm; gia súc, gia cầm 14.000 con/năm; nuôi trồng thủy sản 18 ha. Xã có 01 hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp hoạt động theo Luật Hợp tác xã có 240 thành viên tham gia.

Về thương mại dịch vụ: có 230 hộ sản xuất kinh doanh và doanh nghiệp tư nhân, chủ yếu mua bán lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng, dịch vụ nông lâm ngư nghiệp, vận tải, xây dựng,… Tuy nhiên, phần đông chỉ ở qui mô vừa và nhỏ.

Giáo dục:

Xã có 03 trường: Trường trung học cơ sở Tân Hòa Thành, Trường tiểu học Tân Hòa Thành, Trường mầm non Tân Hòa Thành. Tất cả đều đạt chuẩn Quốc gia. Ngoài ra, trên địa bàn xã còn có Trường trung học phổ thông Nguyễn Văn Tiếp.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 06 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh, 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 87% (năm 2020).

Giao thông:

- Giao thông đường bộ: đường tỉnh: 02; đường huyện: 03; đường xã: 20

- Cầu đường bộ: 28 cầu.

- Giao thông thủy: 32 tuyến kênh/kinh, rạch chính.

- Cống: 20 cống kiên cố.

Tất cả các tuyến đường, cầu, kênh/kinh, rạch, cống đáp ứng nhu cầu giao thương hàng hóa và đi lại của nhân dân.

Văn hóa:

Xã có 01 điểm Bưu điện văn hóa; 01 Nhà văn hóa xã; 08/08 Nhà văn hóa.

Du lịch: Không.

Thể Thao:

Xã có 01 sân vận động, 01 đội bóng đá và 01 đội bóng chuyền; 08 ấp

Tổng số liệt sĩ: 199 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 35 Bà mẹ.

9. **Xã Tân Lập 1**

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt và chữ số:

新 Tân: Mới mẻ

立 Lập: Dựng lên, tạo thành

一 : 1

新立一社 Tân Lập 1 Xã

Vị trí địa lý:

Xã nằm về phía Đông Nam huyện; phía Đông giáp xã Tân Lý Đông huyện Châu Thành; phía Tây giáp xã Phước Lập; phía Nam giáp xã Long Định, xã Tam Hiệp và xã Tân Lý Đông, huyện Châu Thành; phía Bắc giáp xã Tân Lập 2, xã Tân Hòa Thành.

Diện tích tự nhiên: 2.965,10 ha.

Hành chính:

Lịch sử hình thành:

Trước Cách mạng tháng Tám (1945), trong kháng chiến chống thực dân Pháp và chống Mỹ (1945-1975), xã Tân Lập 1 hiện nay nằm trong vùng Đồng Tháp Mười hoang vu không có người định cư.

Năm 1994, xã Tân Lập 1 được thành lập, thuộc huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Năm 2022, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

Dân số: 6.312 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 49 triệu đồng/người/năm (năm 2020)

Kinh tế:

Tiềm năng và động lực chính của xã là nằm trong vùng quy hoạch xây dựng đô thị và công nghiệp thuộc khu đông nam huyện Tân Phước.

Ngoài ra, xã còn thế mạnh là phát triển vùng chuyên canh cây khóm cho năng suất, sản lượng và đem lại hiệu quả kinh tế cao; cung ứng cho thị trường trong và ngoài tỉnh, chế biến xuất khẩu.

Hướng phát triển của xã là nền kinh tế tổng hợp, trong đó phát triển mạnh công nghiệp, thương mại, dịch vụ, nông nghiệp.

Trên địa bàn xã có Khu công nghiệp Long Giang và tương lai sẽ thành lập Khu công nghiệp Nam Tân Phước 1.

Giáo dục:

Xã có 03 trường: Trường mầm non Tân Lập 1; Trường tiểu học Tân Lập 1và Trường trung học cơ sở Tân Lập 1.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học,

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh, 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các ấp đều có tổ y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 88% (2020).

Giao thông:

Xã có đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương và Đường tỉnh 866B đi ngang qua và Đường Huyện 44, tạo điều kiện thuận lợi cho việc lưu thông của xã với bên ngoài.

Ngoài ra, còn các đường giao thông khác xã như: đường Đông kinh Năng, đường Bắc Kinh 2; đường Nam Kinh 2, đường Đông kinh Tuyến Bảy; đường kinh Thầy Lực, đường Bắc Kinh 1; đường Tây kinh Tuyến Bảy và

Văn hóa:

Xã có Nhà văn hóa xã và 5/5 ấp có nhà văn hóa ấp, có 3/5 ấp Văn hóa.

Du lịch: Xã chưa có điểm du lịch.

Thể thao:

Trên địa bàn xã có một sân bóng đá mini của tư nhân.

Tổng số liệt sĩ: 38 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 05 Bà mẹ.

10. Xã Tân Lập 2

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt và chữ số:

新 Tân: Mới mẻ

立 Lập: Dựng lên, tạo thành

二: 2

新立二社 Tân Lập 2 Xã

Vị trí địa lý:

Xã nằm về phía Đông Nam huyện; phía Đông giáp xã Tân Hòa Thành và xã Hưng Thạnh; phía Tây giáp xã Phước Lập; phía Nam giáp xã Tân Lập 1; phía Bắc giáp thị trấn Mỹ Phước và xã Hưng Thạnh.

Diện tích tự nhiên: 1.630,30 ha.

Hành chính:

Xã có 4 ấp gồm: Tân Bình, Tân Hòa, Tân Phong và Tân Vinh.

Lịch sử hình thành:

Trước năm 1994, xã Tân Lập 2 thuộc 3 xã: Hưng Thạnh, Mỹ Phước và Tân Lập thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đồng thời chịu sự quản lý trực tiếp của Nông trường quốc doanh Tân Lập.

Năm 1994, trên cơ sở điều chỉnh một phần diện tích và dân số xã Hưng Thạnh, xã Tân Lập 2 được thành lập, thuộc huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Năm 2019, xã đã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới. Năm 2022, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao.

Dân số: 2.440 người (năm 2020).

Kinh tế:

Kinh tế của xã chủ yếu dựa vào nông nghiệp, đặc biệt là cây khóm với diện tích 724 ha, sản lượng thu hoạch được 16.652 tấn (2020). Ngoài ra, nhân dân còn trồng cây ăn quả khác, như thanh long, mít, chanh,... với tổng diện tích 118 ha, sản lượng 1.920 tấn (2020). Bên cạnh đó, nhân dân còn tận dụng diện tích ao, mương nuôi cá,... Xã có 01 hợp tác xã nông nghiệp Quyết Thắng.

Về sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và thương mại - dịch vụ: xã có 27 hộ buôn bán nhỏ lẻ, vận tải hàng hóa, có 3 trạm cấp nước đảm bảo cung cấp nước sạch sinh hoạt của người dân trong xã và một phần xã Hưng Thạnh. Nghề làm mứt khóm tiếp tục được duy trì nhỏ lẻ tại các hộ gia đình.

Giáo dục:

Xã có 03 trường: Trường mẫu giáo Tân Lập 2, Trường tiểu học Tân Lập 2, Trường trung học cơ sở Tân Lập 2. Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 06 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh, 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các ấp đều có tổ y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 90% (2020).

Giao thông:

Các tuyến đường trong xã đã được láng nhựa với chiều dài 3,7 km, tạo điều kiện cho giao thương hàng hóa và việc đi lại của nhân dân được thuận lợi hơn.

Văn hóa:

Xã có 01 nhà văn hóa, 4/4 ấp được UBND huyện công nhận ấp văn hóa. Hàng năm xã có 100% hộ dân đăng ký thực hiện các tiêu chuẩn gia đình Văn hóa, qua bình xét có trên 97% hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa.

Xã tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"; qua đó góp phần xây dựng đời sống văn hóa, nếp sống văn minh, đẩy lùi các thủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan, tệ nạn xã hội; xây dựng, tăng cường hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao phục vụ nhu cầu sinh hoạt văn hóa tinh thần cho nhân dân.

Thể thao:

Xã có 01 sân bóng đá diện tích 3.500 m^2 , 02 sân bóng chuyền tại ấp Tân Bình và ấp Tân Phong diện tích 3.360 m^2, phục vụ cho thanh thiếu niên vui chơi, giải trí.

Tổng số liệt sĩ: 26 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 05 Bà mẹ.

11. Xã Thạnh Hòa

Ý nghĩa tên đơn vị:

Địa danh Hán Việt:

盛 Thịnh (Thạnh): Thịnh vượng, tươi tốt, phồn vinh

和 Hòa: Hoà hợp, hoà thuận

盛和社 Thạnh Hòa Xã

Vị trí địa lý:

Xã Thạnh Hòa nằm về phía Tây Bắc huyện; phía Đông giáp xã Thạnh Tân, huyện Tân Phước; phía Tây giáp xã Tân Hòa, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An; phía Nam giáp xã Tân Hòa Tây, huyện Tân Phước; phía Bắc giáp xã Thạnh An, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

Diện tích tự nhiên: 2.479,37ha.

Hành chính:

Lịch sử hình thành:

Trước Cách mạng tháng Tám (1945), trong kháng chiến chống thực dân Pháp và chống Mỹ (1945-1975), xã Thạnh Hòa hiện nay nằm trong vùng Đồng Tháp Mười hoang vu không có người định cư.

Năm 1994, xã Thạnh Hòa được thành lập, thuộc huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Năm 2017, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới. Năm 2020, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao.

Dân số: 1.207 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 58.000.000 đồng/người/năm (2020)

Kinh tế:

Kinh tế của xã chủ yếu dựa vào nông nghiệp. Một số mô hình sản xuất nông nghiệp được duy trì và phát triển như: mô hình liên kết sản xuất lúa của nông dân ấp Hòa Xuân, mô hình sản xuất giống lúa chất lượng cao 10 ha, mô hình trình diễn lúa chất lượng cao OM 9921 diện tích 10 ha… Diện tích các loại cây ăn quả tăng nhanh, năm 2020 có 208 ha, riêng cây khóm diện tích giảm mạnh do sản xuất kém hiệu quả, năm 2020 chỉ còn 161 ha.

Chăn nuôi phát triển mạnh về quy mô, tổng đàn gia súc, gia cầm đạt khoảng 7.400 con (2020). Hoạt động nuôi thả thủy sản được duy trì, chủ yếu là nuôi cá, tổng diện tích nuôi khoảng 80 ha, sản lượng khoảng 3.000 tấn (2020).

Giáo dục:

Xã có 01 trường học: Trường tiểu học - mầm non Thạnh Hòa đạt chuẩn Quốc gia. Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh, 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các ấp đều có tổ y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 99% (2020).

Giao thông:

Trên địa bàn xã có tổng cộng 20 tuyến đường với tổng chiều dài là 34,03 km, gồm 03 tuyến đường xã, 13 tuyến đường ấp, 04 tuyến đường dân sinh và có 27 cây cầu chính với tổng chiều dài 810 m.

Văn hóa:

Xã có 01 nhà văn hóa xã và 03 nhà văn hóa ấp, 03 ấp đều được công nhận ấp văn hóa.

Duy trì mô hình: "Hát nhạc truyền thống" sinh hoạt định kỳ vào ngày 15 (dương lịch) hằng tháng.

Thể thao:

Xã có 01 sân bóng đá mini. Duy trì và phát triển phong trào thể dục thể thao, tham gia hội thi cấp huyện đảm bảo theo yêu cầu, kế hoạch; Câu lạc bộ "Luyện tập và giao lưu bóng đá" ra mắt vào tháng 7/2020, đã thu hút nhiều người tham gia.

Tổng số liệt sĩ: 03 liệt sĩ.

Tổng số bà mẹ Việt Nam anh hùng: 01 Bà mẹ.

12. Xã Thạnh Mỹ

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

盛 Thịnh (Thạnh): Thịnh vượng, tươi tốt, phồn vinh

美 Mỹ: Tốt, đẹp

盛美社 Thạnh Mỹ Xã

Vị trí địa lý:

Xã Thạnh Mỹ nằm ở phía Bắc của huyện Tân Phước; phía Đông giáp xã Tân Hòa Đông; phía Tây giáp xã Thạnh Tân; phía Nam giáp thị trấn Mỹ Phước; phía Bắc giáp xã Thủy Đông và xã Thạnh An, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

Diện tích tự nhiên: 2.832,2 ha.

Hành chính:

Xã có 4 ấp: Mỹ Thuận, Mỹ Hòa, Mỹ Lộc, Mỹ Thiện.

Lịch sử hình thành:

Trước Cách mạng tháng Tám (1945), xã Thạnh Mỹ hiện nay nằm giữa địa phận của tỉnh Mỹ Tho và tỉnh Tân An (nay là tỉnh Long An). Trong kháng chiến chống thực dân Pháp và chống Mỹ (1945-1975), nơi đây là vùng căn cứ cách mạng, không có dân cư sinh sống.

Năm 1994, xã Thạnh Mỹ được thành lập, thuộc huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Năm 2021, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới.

Dân số: 2.459 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 53,02 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Là xã thuần nông, ngoài việc làm kinh tế hộ gia đình từ sản xuất nông nghiệp, chủ lực là cây khóm, địa phương còn chú trọng đến liên kết sản xuất, gắn với tiêu thụ nông sản; phát triển chăn nuôi an toàn sinh học, liên kết thu mua khóm, thanh long, khoai mỡ và các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp… mang lại hiệu quả.

Giáo dục:

Xã có 03 trường: Trường mầm non Thạnh Mỹ, Trường tiểu học Thạnh Mỹ, Trường trung học cơ sở Thạnh Mỹ. Tất cả các trường đều đạt chuẩn Quốc gia. Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 06 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh, 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các ấp đều có tổ y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 90% (2020).

Giao thông:

Được đầu tư nâng cấp và sửa chữa cầu, đường liên ấp đạt chuẩn nông thôn mới.

Văn hóa:

Xã có 01 nhà văn hóa xã; có 4/4 ấp đạt chuẩn ấp văn hóa và 4/4 trụ sở nhà văn hóa

Du lịch: Xã chưa có địa điểm du lịch.

Thể thao:

Xã có một sân bóng đá, hàng năm tổ chức đá giao lưu các xã bạn trong các ngày lễ lớn trong năm.

Tổng số liệt sĩ: 09 liệt sĩ.

Tổng số bà mẹ Việt Nam anh hùng: Không có.

13. Xã Thạnh Tân

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

盛 Thịnh (Thạnh): Thịnh vượng, tươi tốt, phồn vinh

新 Tân: Mới mẻ

盛新社 Thạnh Tân Xã

Vị trí địa lý:

Xã Thạnh Tân nằm ở phía Tây Bắc của huyện Tân Phước; phía Đông giáp xã Thạnh Mỹ; phía Tây giáp xã Thạnh Hòa và trại giam Phước Hòa - Cục V26 Bộ công an; phía Nam giáp xã Tân Hòa Tây và thị trấn Mỹ Phước; phía Bắc giáp xã Thạnh An, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

Diện tích tự nhiên: 3.303,6 ha.

Hành chính:

Xã có 5 ấp gồm: Ấp 1, Ấp 2, Ấp 3, Ấp 4, Ấp 5.

Lịch sử hình thành:

Trước Cách mạng tháng Tám (1945), trong kháng chiến chống thực dân Pháp và chống Mỹ (1945-1975), xã Thạnh Tân hiện nay là vùng hoang hóa lâu đời, nằm trong vùng trũng Đồng Tháp Mười, đất đai nhiễm phèn nặng và không có người dân sinh sống.

Năm 1994, xã Thạnh Tân được thành lập, thuộc huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Năm 2020, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới.

Dân số: 2.441 người (2020).

Thu thập bình quân đầu người: 59 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Kinh tế của xã là kinh tế nông nghiệp, cây khóm là cây chủ lực với tổng diện tích khóm 2.150 ha, năng suất bình quân 23 tấn/ha. Cây ăn quả có 346ha, trong đó: Cây thanh long 125 ha, cây chanh 09 ha, cây mít 177 ha, cây mãng cầu xiêm 5 ha,

cây xoài 08 ha, cây bưởi 03 ha, cây sầu riêng 05 ha, cây dừa 06 ha, cây bơ 02 ha, cây nhàu 06 ha; Chăn nuôi: gia súc là 482 con, đàn gia cầm 2.670 con; Thuỷ sản: Diện tích nuôi trồng thuỷ sản 15,4 ha, sản lượng thu hoạch 210 tấn/năm.

Giáo dục:

Xã có 02 trường: Trường mầm non Thạnh Tân, Trường tiểu học Thạnh Tân. Cả hai trường đều đạt chuẩn Quốc gia.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 06 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh, 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các ấp đều có tổ y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 89% (2020).

Giao thông:

Xã có 03 tuyến đường huyện đi qua gồm Đường huyện 40, 41 và 47 với chiều dài khoảng 15 km, trục đường xã có 16 km đường dal, nhựa hóa 3,5 km và hàng chục km đường trải đá xanh, giúp nhân dân đi lại và mua bán hàng hóa thuận lợi.

Văn hóa:

Xã có 01 nhà văn hóa xã và 05/05 nhà văn hóa ấp. Hàng năm có trên 94% số hộ đăng ký 3 tiêu chí gia đình văn hoá, qua bình xét có từ 87% trở lên số hộ được công nhận và 100% cơ quan được công nhận cơ quan văn hoá. Các tiêu chí của ấp văn hóa và con đường văn hóa được củng cố và nâng chất hàng năm; toàn xã có 5/5 ấp văn hoá, 100% ấp có trụ sở. Có 100% nhân dân có phương tiện nghe nhìn.

Du lịch:

Xã có 01 Khu Bảo tồn sinh thái Đồng Tháp Mười với 106 ha, phục vụ du lịch và bảo tồn động vật hoang dã.

Thiền Viện Trúc Lâm Chánh Giác được xây dựng từ năm 2011 với 30 ha, đây là điểm du lịch tâm linh, thu hút đông đảo du khách trong và ngoài xã đến tham quan, chiêm bái.

Thể thao:

Hoạt động thể thao được duy trì thường xuyên, tập trung vào các ngày lễ, tết,…Phối hợp tổ chức giao lưu văn nghệ, thể dục thể thao với các đơn vị bạn và tham gia các phong trào do huyện tổ chức đạt nhiều thứ hạng cao. Xã chưa có câu lạc bộ thể dục - thể thao.

Tổng số liệt sỹ: 19 liệt sĩ.

Tổng số bà mẹ Việt Nam anh hùng: 01 Bà mẹ.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn quốc lộ, đường cao tốc, đường tỉnh:**

*** Đường cao tốc:**

1. Đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương, đoạn ngang qua tỉnh Tiền Giang

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường cao tốc) + Địa danh hành chính (Thành phố Hồ Chí Minh) + Địa danh hành chính xưa (Thôn Trung Lương).

Đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương là đường cao tốc nối Thành phố Hồ Chí Minh với Tiền Giang nói riêng và các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long nói chung. Đây là một phần của tuyến đường cao tốc Bắc – Nam, có điểm đầu tuyến là nút giao thông Chợ Đệm, xã Tân Túc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, điểm cuối là nút giao thông Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành, Tiền Giang.

Việc đưa vào khai thác tuyến đường cao tốc này đáp ứng cho khoảng 50.000 lượt ô tô qua lại mỗi ngày. Với tuyến đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương, thời gian từ Thành phố Hồ Chí Minh đi Tiền Giang và ngược lại được rút ngắn chỉ còn khoảng 30 phút, thay vì 90 phút như trước đó.

Đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương được khởi công xây dựng năm 2004, khánh thành năm 2010; có chiều dài toàn tuyến 61,9 km; vận tốc thiết kế 120 km/giờ; tổng kinh phí đầu tư 9.884 tỷ đồng; Chủ đầu tư Bộ Giao thông vận tải; đơn vị thi công: Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 4 và Tổng công ty xây dựng Trường Sơn; tư vấn giám sát là Công ty QCI (Cuba).

Đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương, đoạn ngang qua tỉnh Tiền Giang xuyên qua các xã Tân Lập 1 (huyện Tân Phước), Tân Hội Đông, Tân Lý Đông, Tam Hiệp, Thân Cửu Nghĩa (huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang), dài 14 km.

2. Đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường cao tốc) + Địa danh Hán Việt (Trung Lương: Xin xem mục 1.2.1 - Mỹ: 美: Tốt, đẹp; Thuận: 順: Thuận theo, hoà thuận, suôn sẻ).

Đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận là một đoạn tuyến của tuyến đường cao tốc Bắc - Nam đi qua địa phận tỉnh Tiền Giang; có điểm đầu tiếp nối đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương tại nút giao thông Thân Cửu Nghĩa (huyện Châu Thành), đi song song với Quốc lộ 1 và kết thúc tại nút giao thông An Thái Trung (huyện Cái Bè) giao với Quốc lộ 30.

Tuyến đường cao tốc này có chiều dài 51 km, đi qua 5 huyện, thị của tỉnh Tiền Giang là huyện Châu Thành, huyện Tân Phước, thị xã Cai Lậy, huyện Cai Lậy và huyện Cái Bè; vận tốc thiết kế 80 km/giờ với 4 làn xe, mà không có làn dừng khẩn cấp mà chỉ có một số điểm dừng khẩn cấp. Đây là tuyến cao tốc trọng điểm giảm tải cho Quốc lộ 1. Đoạn cao tốc này là một trong những tuyến đường huyết mạch, kết nối vùng Tây Nam Bộ với Thành phố Hồ Chí Minh và khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam.

Tuyến đường được xây dựng theo hình thức đối tác công tư (hợp đồng BOT), tổng mức đầu tư cho giai đoạn 1 là 12.668 tỷ đồng; được khởi công vào năm 2009, dự kiến hoàn thành năm 2013. Tuy nhiên, do thiếu vốn nên tuyến đường chỉ mới đạt 10% khối lượng. Cho khi đến năm 2019, dự án mới được cấp vốn và tái khởi công.

Tuyến đường được thông xe tạm thời vào ngày 25/01/2022 để phục vụ người dân Đồng bằng sông Cửu Long lưu thông vào dịp Tết Nguyên Đán. Ngày 27/4/2022, đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận chính thức được đưa vào hoạt động.

*** Đường tỉnh:**

1. Đường tỉnh 865

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (865).

Đường tỉnh 865, có số hiệu đường bộ ĐT.865; điểm đầu: Giáp ranh tỉnh Long An (xã Phú Mỹ, huyện Tân Phước); điểm cuối: Cầu Bằng Lăng (Giáp ranh tỉnh Đồng Tháp, xã Hậu Mỹ Bắc B, huyện Cái Bè); chiều dài: 47,06 km.

2. Đường tỉnh 866

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (866).

Đường tỉnh 866, có số hiệu đường bộ ĐT.866; điểm đầu: Quốc lộ 1 (Ngã ba xã Tân Lý Tây, huyện Châu Thành); điểm cuối: ĐT.865 (xã Phú Mỹ, huyện Tân Phước); chiều dài: 9,822 km.

3. Đường tỉnh 866B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (866B).

Đường tỉnh 866B, có số hiệu đường bộ ĐT.866B; điểm đầu: ĐT.866 (Ngã ba Việt Kiều, xã Tân Lý Đông, huyện Châu Thành); điểm cuối: Kinh Năn (xã Tân Lập, huyện Tân Phước); chiều dài: 5,340 km.

4. Đường tỉnh 867

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (867).

Đường tỉnh 867, có số hiệu đường bộ ĐT.867; điểm đầu: Quốc lộ 1 (Ngã ba Long Định, huyện Châu Thành); điểm cuối: Cầu ngã năm Hoàng Gia (ranh tỉnh Long An - xã Thạnh Mỹ, huyện Tân Phước); chiều dài: 23,160 km.

5. Đường tỉnh 874

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (874).

Đường tỉnh 874, có số hiệu đường bộ ĐT.874; điểm đầu: Quốc lộ 1 (Ngã ba Khu di tích Ấp Bắc, xã Điềm Hy, huyện Châu Thành); điểm cuối: ĐT.867, thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước; chiều dài: 8,785 km.

6. Đường tỉnh 878

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (878).

Đường tỉnh 878, có số hiệu đường bộ ĐT.878; điểm đầu: Đường nhánh cao tốc Đồng Tâm (xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành); điểm cuối: ĐT.865 (xã Hưng Thạnh, huyện Tân Phước); chiều dài: 13,480 km.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn đường huyện ở huyện Tân Phước:**

Khái niệm đường bộ, tên đường bộ và số hiệu đường bộ:

- Theo Điều 3, Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định: Đường bộ gồm đường, cầu đường bộ, hầm đường bộ, bến phà đường bộ.

- Theo Điều 40, Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định cách đặt tên và số hiệu đường bộ như sau: Tên đường được đặt tên danh nhân, người có công hoặc tên di tích, sự kiện lịch sử, văn hóa, tên địa danh hoặc tên theo tập quán; số hiệu đường được đặt theo số tự nhiên kèm theo chữ cái nếu cần thiết; trường hợp đường đô thị trùng với quốc lộ thì sử dụng cả tên đường đô thị và tên, số hiệu quốc lộ.

Huyện Tân Phước là một huyện nằm trong vùng Đồng Tháp Mười của tỉnh Tiền Giang, được thành lập theo Nghị định số 68-CP ngày 11 tháng 7 năm 1994 của Chính phủ. Huyện có 13 đơn vị hành chính cấp xã (12 xã và 01 thị trấn).

Do mới thành lập từ năm 1994 và là huyện nông nghiệp nên số lượng đường huyện, đường phố ít, nhiều tuyến đường chưa được đặt tên, đa số là tên thường gọi.

Đường huyện:

Khái niệm

Điều 39, Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định:

Đường huyện là đường nối trung tâm hành chính của huyện với trung tâm hành chính của xã, cụm xã hoặc trung tâm hành chính của huyện lân cận; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

1. Đường huyện 40

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (40).

Đường huyện 40 có số hiệu đường bộ ĐH.40; điểm đầu: Rạch Láng Cát (xã Tân Hòa Đông); điểm cuối: Kênh 1 (xã Thạnh Hòa); chiều dài: 21,300 km.

2. Đường huyện 41

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (41).

Đường huyện 41 có số hiệu đường bộ ĐH.41; điểm đầu: Rạch Láng Cát (xã Tân Hòa Đông); điểm cuối: Kênh 1 (xã Thạnh Hòa); chiều dài: 21,700 km.

3. Đường huyện 42

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (42).

Đường huyện 42 có số hiệu đường bộ ĐH.42; điểm đầu: Rạch Láng Cát (xã Tân Hòa Đông); điểm cuối: Kênh 1 (xã Thạnh Hòa); chiều dài: 26,500 km.

4. Đường huyện 43

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (43).

Đường huyện 43 có số hiệu đường bộ ĐH.43; điểm đầu: Kênh Năng (xã Tân Lập 2); điểm cuối: Kênh Xáng Long Định (kênh Nguyễn Tấn Thành) (xã Phước Lập); chiều dài: 8,000 km.

5. Đường huyện 44

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (44).

Đường huyện 44 có số hiệu đường bộ ĐH.44; điểm đầu: Kênh Tháp Mười số 2 (kênh Nguyễn Văn Tiếp) (xã Hưng Thạnh); điểm cuối: Kênh 1 (xã Tân Lập 1); chiều dài: 7,500 km.

6. Đường huyện 44B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (44) + Chữ cái la tinh (B).

Đường huyện 44B có số hiệu đường bộ ĐH.44B; điểm đầu: Kênh Tháp Mười số 2 (Kênh Nguyễn Văn Tiếp) (xã Phước Lập); điểm cuối: Kênh 1 (xã Phước Lập); chiều dài: 7,000 km.

7. Đường huyện 45

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (45).

Đường huyện 45 có số hiệu đường bộ ĐH.45; điểm đầu: ĐT.865 (xã Hưng Thạnh); điểm cuối: Đường Bắc Đông (xã Tân Hòa Đông); chiều dài: 7,500 km.

8. Đường huyện 45B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (45) + Chữ cái la tinh (B).

Đường huyện 45B có số hiệu đường bộ ĐH.45B; điểm đầu: ĐT.866 (xã Phú Mỹ); điểm cuối: Đường Bắc Đông (xã Tân Hòa Đông); chiều dài: 7,500 km.

9. Đường huyện 45C

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (45) + Chữ cái la tinh (C).

Đường huyện 45C có số hiệu đường bộ ĐH.45C; điểm đầu: ĐT.865 (xã Mỹ Phước); điểm cuối: Kênh Trương Văn Sanh (xã Mỹ Phước); chiều dài: 4,900 km.

10. Đường huyện 46

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (46).

Đường huyện 46 có số hiệu đường bộ ĐH.46; điểm đầu: ĐT.865 (xã Tân Hòa Tây); điểm cuối: Kênh Trương Văn Sanh (xã Tân Hòa Tây); chiều dài: 4,500 km.

11. Đường huyện 47

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (47).

Đường huyện 47 có số hiệu đường bộ ĐH.47; điểm đầu: ĐT.865 (xã Tân Hòa Tây); điểm cuối: Đường Bắc Đông (xã Thạnh Tân); chiều dài: 9,500 km.

12. Đường huyện 48

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (48).

Đường huyện 48 có số hiệu đường bộ ĐH.48; điểm đầu: ĐT.865 (xã Tân Hòa Tây); điểm cuối: Kênh Trương Văn Sanh (xã Tân Hòa Tây); chiều dài: 4,000 km.

13. Đường huyện 48B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (48) + Chữ cái la tinh (B).

Đường huyện 48B có số hiệu đường bộ ĐH.48B; điểm đầu: ĐT.865 (xã Tân Hòa Tây); điểm cuối: Đường Bắc Đông (xã Thạnh Hòa); chiều dài: 9,500 km.

14. Đường huyện 49

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (49).

Đường huyện 49 có số hiệu đường bộ ĐH.49; điểm đầu: Chợ Tân Phước (thị trấn Mỹ Phước); điểm cuối: Giáp ranh thị xã Cai Lậy (xã Phước Lập); chiều dài: 1,600 km.

15. Đường huyện 50

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (50).

Đường huyện 50 có số hiệu đường bộ ĐH.50; điểm đầu: ĐT.866 (xã Tân Hòa Thành); điểm cuối: Kênh Năng (xã Tân Lập 2); chiều dài: 6,200 km.

Đường phố: 38 địa danh

Tại Khoản 9, Điều 3, Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định: Đường phố là đường đô thị, gồm lòng đường và hè phố.

Theo định nghĩa trên thì có thể hiểu đường phố là phần đất được sử dụng cho việc đi lại của người dân và kết cấu hạ tầng công cộng, như cây xanh, đèn chiếu sáng, hệ thống đèn tín hiệu giao thông, hệ thống thoát nước, lòng đường cho xe di chuyển. Đường phố có vai trò quan trọng đối với những hoạt động đời sống của con người.

1. Đường tỉnh 867 cũ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (867) + Tính từ (Cũ).

Đường tỉnh 867 cũ có điểm đầu: đường gom dân sinh cầu Phật đá, điểm cuối: mố phía nam cầu Phật Đá cũ, chiều dài: 0,12 km, chiều rộng: 3,5m.

2. Đường dân sinh cầu Phật Đá

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Công trình xây dựng (Khu dân sinh cầu Phật Đá).

Sơ nét lịch sử chùa Phật Đá:

Vào khoảng cuối thế kỷ XVIII, ở Bàu Bèo (sau gọi trại thành Bà Bèo) có một người đàn ông đã lớn tuổi làm nghề chăn trâu. Một hôm, như thường lệ, ông thả đàn trâu ăn trên cánh đồng hoang. Khi cho đàn trâu lội ngang qua Bàu Sọ (nằm giữa Bàu Sấu và Bàu Bèo), ông phát hiện một tượng đá nằm dưới bùn lầy.

Nhận thấy hiện tượng lạ, ông liền chạy về báo tin cho dân làng biết. Các vị bô lão và bà con trong làng vội vã chạy đến xem. Sau đó, mọi người hợp lực mang bức tượng lên và chùi rửa cẩn thận. Đó là một pho tượng Phật[1] bằng đá, có 4 tay, đứng trên tòa sen, cao khoảng 1,40 m.

Dân làng rất đỗi vui mừng, bàn nhau rước tượng về lập chùa thờ cúng với tên gọi là chùa Phật Đá (chùa thờ tượng Phật bằng đá). Năm 1789, chùa được một viên quan đặt tên là Linh Phước tự. Hiện nay, chùa Linh Phước (chùa Phật Đá) tọa lạc tại thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước.

Đường dân sinh cầu Phật Đá có điểm đầu: dốc cầu Phật đá phía Nam, điểm cuối: dốc cầu Phật Đá phía Bắc, chiều dài: 0,3 km, chiều rộng: 3,5 m.

3. Đường Tám Nghi

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Thứ và tên người (Tám Nghi).

Đường Tám Nghi có điểm đầu: Đường tỉnh 867, điểm cuối: Kênh Cà Dăm, chiều dài: 01 km, chiều rộng: 1,5 m.

4. Đường Đông kênh Nguyễn Tấn Thành

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Phương hướng (Phía đông) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Tấn Thành).

Kinh/Kênh Nguyễn Tấn Thành do chính quyền thực dân Pháp đào khoảng năm 1918, gọi là Kinh/Kênh Xáng Lacomb, chảy qua huyện Châu Thành và huyện Tân Phước. Điểm đầu từ kinh/kênh Nguyễn Văn Tiếp A tại trung tâm thị trấn Mỹ Phước thẳng xuống phía nam, cắt Quốc lộ 1 tại cầu Kinh/Kênh Xáng (xã Long Định). Trước khi ra sông Tiền, kinh/kênh cắt Đường tỉnh 864 tại cầu Đồng Tâm.

Kinh/Kênh Nguyễn Tấn Thành dài 19,3 km, rộng 40m, bề rộng tại vàm kinh 125m, sâu 5 - 8 m. Kinh nầy ngoài chức năng giao thông thủy, còn là trục thoát lũ quan trọng của tỉnh. Kinh được nạo vét nhiều lần, lần gần đây nhất vào năm 2000 để lấy đất đắp bờ đê ngăn lũ. Trong mùa khô năm 2020 và 2021, tỉnh Tiền Giang cũng triển khai đắp đập thép ngăn mặn, trữ ngọt trên kinh/kênh Nguyễn Tấn Thành. Công trình đã phát

[1] Thật ra là tượng thần Visnu - một trong ba vị thần tối cao của Ấn Độ giáo (Braman: Thần sáng tạo; Visnu: Thần Bảo tồn; thần Xiva: Thần hủy diệt).

huy hiệu quả trong công tác phòng, chống hạn, mặn, góp phần bảo vệ nước sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt cho người dân hai huyện Tân Phước và Châu Thành của tỉnh Tiền Giang và một phần của tỉnh Long An.

Tiểu sử danh nhân:

NGUYỄN TẤN THÀNH

(1922 – 1949)

Nguyễn Tấn Thành, bí danh là Chín Kỉnh, sinh năm 1922 tại làng Long Hưng, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân.

Sớm giác ngộ cách mạng, năm 1938, lúc mới 16 tuổi, ông đã lên Sài Gòn tham gia phong trào "Đông Dương đại hội" và các "Ủy ban Hành động" do Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam) phát động.

Tháng 11 - 1940, ông tham gia cuộc khởi nghĩa Nam kỳ ở quê nhà. Được biết, Long Hưng là nơi có phong trào khởi nghĩa sôi nổi và mạnh mẽ nhất ở tỉnh Mỹ Tho. Cuộc khởi nghĩa bị thất bại, ông bị địch truy nã gắt gao, nên phải rút vào hoạt động bí mật.

Tháng 8 - 1944, ông được cấp trên giao nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng huyện Châu Thành. Để có vũ khí trang bị cho du kích, ông trực tiếp lên Sài Gòn, nhân cuộc đảo chính của Nhật (9 - 3 - 1945), giật súng của lính Pháp đi lẻ mang về Long Hưng.

Tháng 8 - 1945, ông cùng với đội vũ trang tham gia khởi nghĩa giành chính quyền ở huyện Châu Thành. Cuối tháng 10 - 1945, sau khi chiếm thị xã Mỹ Tho, địch cho tàu chiến chạy dọc theo sông Tiền bắn phá các xã ven sông để thăm dò lực lượng của ta.

Lúc bấy giờ, đội vũ trang Châu Thành, với phiên hiệu là Phân đội Tự vệ chiến đấu quân, do ông chỉ huy lập phòng tuyến ở vàm kênh xáng Lacomb kiên quyết chiến đấu ngăn chặn địch. Sau đó, Phân đội lãnh trách nhiệm giữ mặt trận bến đò Long Hưng.

Đầu tháng 11 - 1945, Phân đội của ông được bổ sung thêm quân số, hoạt động mạnh ở địa bàn ba xã Long Hưng, Long Định, Tam Hiệp, gây cho quân Pháp những thiệt hại nặng nề. Danh tiếng của bộ đội Chín Kỉnh vang xa khắp nơi.

Do đó, đến tháng 1 - 1946, ông được bổ sung vào Tỉnh ủy Mỹ Tho; và tại Hội nghị Quân Dân Chính tỉnh Mỹ Tho (3 - 1946), ông được bầu làm Ủy viên Quân sự tỉnh. Với chức trách được giao, ông đã ra sức xây dựng lực lượng vũ trang từ tỉnh xuống tận xã ngày càng lớn mạnh, vừa đánh quân Pháp, tiêu diệt sinh lực địch; vừa tiễu trừ, trấn áp bọn cướp, bọn phản động, bảo vệ cuộc sống, tài sản của nhân dân. Đồng thời, ông còn cho đào các con kênh kháng chiến nhằm phục vụ sản xuất, đời

sống dân sinh cho nhân dân và ngăn chặn xe lội nước của địch đột nhập vào vùng căn cứ cách mạng.

Bên cạnh đó, ông đã trực tiếp chỉ huy đại đội dân quân tỉnh tấn công vào các vị trí chiếm đóng của quân địch, giành được những chiến công vang dội, điển hình như trận đánh đồn Tân Lý Tây tháng 8 - 1947, tiêu diệt toàn bộ quân địch ở đây, thu được nhiều vũ khí, đạn dược; trận đánh liên hoàn vào các đồn của địch trên Lộ 28 trong tháng 4 - 1948, thu được trên 100 khẩu súng các loại; trận đánh diệt đồn Kênh xáng Lacomb trên lộ Đông Dương (nay là Quốc lộ 1) tháng 6 - 1948,…

Đồng thời, ông rất chú trọng đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quân sự cho tỉnh. Hầu hết cán bộ dân quân cấp tỉnh, huyện, xã đều được đưa đi học tại các trường Quân chính của quân khu hoặc của tỉnh. Đặc biệt, vào giữa năm 1947, ông còn cho mở khóa đào tạo 120 cán bộ nữ dân quân để làm nòng cốt xây dựng phong trào nữ dân quân của tỉnh.

Đầu năm 1949, ông được điều động về Bộ Tư lệnh Nam Bộ. Trước khi đi, với ý định để lại một kỷ niệm đẹp cho đồng chí, đồng đội và cũng nhằm giải quyết sự khan hiếm vũ khí, ông chỉ huy đại đội dân quân tỉnh tấn công đồn cầu đúc An Thạnh (đồn cầu Rượu, xã Long Định, huyện Châu Thành) trên lộ Đông Dương. Nhưng không may, ông đã anh dũng hy sinh.

Để tưởng nhớ người cán bộ quân sự tài ba đã cống hiến tuổi thanh xuân của mình vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ đã lấy tên ông đặt cho kênh xáng Lacomb chảy xuyên qua nơi "chôn nhau cắt rốn" của ông: kinh/kênh Nguyễn Tấn Thành.

Đường Đông Kênh Nguyễn Tấn Thành có điểm đầu: đường Nam Nguyễn Văn Tiếp, điểm cuối: Ranh xã Phước Lập, chiều dài: 01 km, chiều rộng: 2,5 m.

5. Đường Tây Kênh 5 Khu 4

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Phương hướng (Phía tây) + Công trình xây dựng (Kênh 5 Khu 4).

Đường Tây Kênh 5 Khu 4 có điểm đầu: Đường ĐT.865, điểm cuối: Ranh xã Mỹ Phước cũ, chiều dài: 0,3 km, chiều rộng: 2,5 m.

6. Đường Đông kênh Lộ Mới

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Phương hướng (Phía đông) + Công trình xây dựng (Kênh Lộ Mới).

Đường Đông kênh Lộ Mới có điểm đầu: Đường Đường tỉnh 865, điểm cuối: Trại giam Mỹ Phước, chiều dài: 1,3 km, chiều rộng: 3 m.

7. Đường Cà Dăm

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Thực vật (Cây cà dăm).

Đường Cà Dăm có điểm đầu: Đường Tám Nghi, điểm cuối: Đường huyện 49, chiều dài: 1,7 km, chiều rộng: 1,5 m.

8. Đường Kênh 250

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Công trình xây dựng (Kênh 250).

Đường Kênh 250 có điểm đầu: Đường Đông kênh Nguyễn Tấn Thành, điểm cuối: Ranh xã Phước Lập, chiều dài: 1,3 km, chiều rộng: 1,5 m

9. Đường Nam kênh Nguyễn Văn Tiếp

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Phương hướng (Phía nam) + Công trình xây dựng (Kênh Nguyễn Văn Tiếp).

Đường Nam kênh Nguyễn Văn Tiếp có điểm đầu đường Đông kênh Nguyễn Tấn Thành, điểm cuối: Ranh xã Phước Lập, chiều dài: 1 km, chiều rộng: 3,5 m.

10. Đường vào Trung tâm Văn hóa huyện (1)

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Cơ quan văn hóa (Trung tâm Văn hóa huyện) + Chữ số (1).

Đường vào Trung tâm Văn hóa huyện (1) có điểm đầu: Đường tỉnh 874, điểm cuối: Đường E, chiều dài: 0,4 km, chiều rộng: 9 m.

11. Đường vào Trung tâm Văn hóa huyện (2)

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Cơ quan văn hóa (Trung tâm Văn hóa huyện) + Chữ số (2).

Đường vào Trung tâm Văn hóa huyện (2) có điểm đầu: Đường E, điểm cuối: Đường số 19, chiều dài: 0,4 km, chiều rộng: 20 m.

12. Đường A

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Chữ cái la tinh (A).

Đường A có điểm đầu: Đường C, điểm cuối: Đường Tám Nghi, chiều dài: 1 km, chiều rộng: 4,5 m.

13. Đường B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Chữ cái la tinh (B).

Đường B có điểm đầu: Đường số 19, điểm cuối: Đường Tám Nghi, chiều dài: 1 km, chiều rộng: 2,5 m.

14. Đường C

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Chữ cái la tinh (C).

Đường C có điểm đầu: Đường vào Trung tâm văn hóa, điểm cuối: Đường số 3, chiều dài: 0,085 km, chiều rộng: 5,5 m.

15. Đường D

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Chữ cái la tinh (D).

Đường D có điểm đầu; Đường số 3, điểm cuối: Đường số 15, chiều dài: 0,174 km, chiều rộng: 5,5 m.

16. Đường E

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Chữ cái la tinh (E).

Đường E có điểm đầu: Đầu đường Đường tỉnh 867, điểm cuối: Đường số 15, chiều dài: 1,2 km, chiều rộng: 9 m.

17. Đường F

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Chữ cái la tinh (F).

Đường F có điểm đầu: Đường số 2, điểm cuối: Đường số 7, chiều dài: 0,167 km, chiều rộng: 5,5 m.

18. Đường G

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Chữ cái la tinh (G).

Đường G có điểm đầu: Đường số 2, điểm cuối: Đường số 7, chiều dài: 0,167 km, chiều rộng: 5,5 m.

19. Đường H

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Chữ cái la tinh (H).

Đường H có điểm đầu: Đường tỉnh 867, điểm cuối: Đường số 15, chiều dài: 0,6 km, chiều rộng: 9 m.

20. Đường I

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Chữ cái la tinh (I).

Đường I có điểm đầu: Đường số 8, điểm cuối: Đường số 11, chiều dài: 0,167 km, chiều rộng: 5,5 m.

21. Đường J

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Chữ cái la tinh (J).

Đường J có điểm đầu: Đường số 8, điểm cuối: Đường số 15, chiều dài: 0,223 km, chiều rộng: 5,5 m.

22. Đường K

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Chữ cái la tinh (K).

Đường K có điểm đầu: Đường số 8, điểm cuối: Đường số 11, chiều dài: 0,170 km, chiều rộng: 5,5 m.

23. Đường L

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Chữ cái la tinh (L).

Đường L có điểm đầu: Đường số 8, điểm cuối: Đường số 10, chiều dài: 0,084 km, chiều rộng: 5,5 m.

24. Đường M

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Chữ cái la tinh (M).

Đường M có điểm đầu: Đường số 8, điểm cuối: Đường số 15, chiều dài: 0,232 km, chiều rộng: 5,5 m.

25. Đường số 2

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Chữ số (2).

Đường số 2 có điểm đầu: Đường C, điểm cuối: Đường H, chiều dài: 0,350 km, chiều rộng: 5,5 m.

26. Đường số 3

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Chữ số (3).

Đường số 3 có điểm đầu: Đường E, điểm cuối: Đường C, chiều dài: 0,127 km, chiều rộng: 5,5 m.

27. Đường số 5

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Chữ số (5).

Đường số 5 có điểm đầu: Đường D, điểm cuối: Đường tỉnh 874, chiều dài: 0,86 km, chiều rộng: 5,5 m.

28. Đường số 6

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Chữ số (6).

Đường số 6 có điểm đầu: đường D, điểm cuối; Đất hộ dân, chiều dài: 0,093 km, chiều rộng: 5,5 m.

29. Đường số 7

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Chữ số (7).

Đường số 7 có điểm đầu: Đường E, điểm cuối: Đường H, chiều dài: 0,163 km, chiều rộng: 5,5 m.

30. Đường số 8

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Chữ số (8).

Đường số 8 có điểm đầu: Đường H, điểm cuối: Đường M, chiều dài: 0,250 km, chiều rộng: 5,5 m.

31. Đường số 10

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Chữ số (10).

Đường số 10 có điểm đầu: Đường I, điểm cuối: Đường M, chiều dài: 0,184 km, chiều rộng: 5,5 m.

32. Đường số 11

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Chữ số (11).

Đường số 11 có điểm đầu: Đường H, điểm cuối: Đường J, chiều dài: 0,232 km, chiều rộng: 5,5 m.

33. Đường số 15

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Chữ số (15).

Đường số 15 có điểm đầu: Đường tỉnh 874, điểm cuối: Đường M, chiều dài: 0,8km, chiều rộng: 7 m.

34. Đường số 16

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Chữ số (16).

Đường số 16 có điểm đầu: Đường tỉnh 867, điểm cuối: Đường vào Trung tâm văn hóa, chiều dài: 0,180 km, chiều rộng: 5,5 m.

35. Đường số 17

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Chữ số (17).

Đường số 17 có điểm đầu: Đường tỉnh 867, điểm cuối: Đường vào Trung tâm văn hóa, chiều dài: 0,180 km, chiều rộng: 5,5 m.

36. Đường số 18

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Chữ số (18).

Đường số 18 có điểm đầu: Đường tỉnh 867, điểm cuối: Đường vào Trung tâm văn hóa, chiều dài: 0,180 km, chiều rộng: 5,5 m.

37. Đường số 19

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Chữ số (19).

Đường số 19 có điểm đầu: Đường tỉnh 867, điểm cuối: Đường vào Trung tâm văn hóa, chiều dài: 0,180 km, chiều rộng: 5,5 m.

38. Đường số 20

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Chữ số (20).

Đường số 20 có điểm đầu: Đường E, điểm cuối: Đường số 19, chiều dài: 0,300 km, chiều rộng: 5,5 m.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên cầu ở huyện Tân Phước:.**

Khái niệm

Cầu là một công trình giao thông được bắc qua các chướng ngại nước, như rãnh nước, dòng suối, dòng sông, dòng kênh/kinh, dòng rạch, hồ, biển hay các chướng ngại khác, như đường bộ, đường sắt,… đảm bảo cho giao thông được liên tục.

Trên Đường tỉnh 865:

1. Cầu Chín Hấn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Bí danh của nhân vật lịch sử (Chín Hấn).

Tiểu sử nhân vật lịch sử:

Chín Hấn là bí danh của ông Đỗ Văn Hấn, sinh năm 1938 tại làng Hưng Thạnh, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Hưng Thạnh, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang).

Năm 1959, ông gia nhập vào lực lượng du kích xã Hưng Thạnh. Năm 1960, ông là Xã đội trưởng xã Hưng Thạnh. Năm 1961, ông được vinh dự kết nạp vào Đảng Nhân dân Cách mạng miền Nam (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam). Tháng 7-1962, ông vào bộ đội, sau đó, giữ chức vụ trung đội trưởng trung đội địa phương quân huyện Châu Thành. Tháng 7-1963, ông được đề bạt làm đại đội trưởng đại đội địa phương quân huyện. Trong năm này, địch tổ chức cuộc càn quét cấp tiểu đoàn, sử dụng bọn "cọp rằn núi" của Sư đoàn 7 phối hợp với máy bay, tàu chiến bao vây khu vực Đồng Tháp Mười thuộc huyện Châu Thành, hòng tiêu diệt căn cứ địa cách mạng. Trước tình hình đó, ông đã linh hoạt, mưu trí chỉ huy đại đội huyện tổ chức phục kích, đánh giáp lá cà với địch. Ngay trong trận đầu tiên đã có hàng trăm tên địch bị tiêu diệt tại trận. Tuy bị thương trong lúc chiến đấu, nhưng ông vẫn bình tĩnh và mưu trí chỉ huy đơn vị đánh địch, loại khỏi vòng chiến hơn 200 tên địch. Một mình ông sử dụng khẩu trung liên tiêu diệt nhiều tên địch, thu 34 súng các loại và 50 quả lựu đạn. Đại đội địa phương quân huyện Châu Thành, dưới sự chỉ huy của ông, đã bẻ gãy hoàn toàn đợt càn quét của địch, giữ vững căn cứ địa cách mạng.

Năm 1967, ông là Huyện đội phó Huyện đội Châu Thành. Tháng 6-1968, ông đảm nhận chức vụ Huyện đội trưởng Huyện đội Châu Thành Bắc. Năm 1971, ông chỉ huy một tiểu đội cải trang đột nhập đồn Tân Lý Tây bắt 14 tên (có 1 đồn phó), thu 5 súng và 30 quả lựu đạn. Năm 1972, ông chỉ huy bộ đội huyện tiến công đồn Phú Mỹ. Trong trận này, ông đã dũng cảm ôm bộc phá leo

lên lầu ném vào đồn địch diệt 22 tên, làm bị thương 8 tên khác, thu 15 súng các loại. Bọn địch vẫn ngoan cố chống trả và được các đồn lân cận chi viện nên tổ chức phản kích quyết liệt. Ông tiếp tục leo lên nóc lầu cạnh đồn ném lựu đạn vào sở chỉ huy của địch diệt thêm 10 tên. Sang ngày thứ hai của cuộc chiến đấu, ông đã anh dũng hy sinh trong tư thế lẫm liệt của người chiến sĩ cách mạng, để lại trong lòng cán bộ chiến sĩ và nhân dân huyện Châu Thành sự tiếc thương vô hạn.

Bên cạnh công tác chỉ huy chiến đấu, ông đã vận động quần chúng phá thế kềm kẹp của địch, giải phóng và giữ vững căn cứ Hưng Thạnh, vốn là căn cứ địa cách mạng mà Tỉnh ủy và Tỉnh đội Mỹ Tho đóng trong suốt thời gian dài để lãnh đạo và chỉ đạo phong trào cách mạng của toàn tỉnh

Trong quá trình chiến đấu, trên cương vị chỉ huy, ông đã dũng cảm, kiên cường, mưu trí, sáng tạo chỉ huy đơn vị đánh địch liên tục, đã loại khỏi vòng chiến đấu trên 400 tên địch, diệt 3 máy bay trực thăng, thu 117 súng các loại, 80 quả lựu đạn cùng nhiều đạn dược và quân trang quân dụng khác. Riêng ông đã tiêu diệt 139 tên, bắt 14 tên (có 1 phó đồn), bắn bị thương 8 tên khác, thu 57 súng các loại, 80 quả lựu đạn.

Do có thành tích xuất sắc trong chiến đấu, ông được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công hạng Ba; 3 Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba; danh hiệu "Chiến sĩ Ấp Bắc" và 6 bằng khen.

Ngày 5-2-2007, ông được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng. Bí danh của ông - Chín Hấn - được đặt tên kinh/kênh, tên cầu ở huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- Vị trí: Km 7+272, xã Hưng Thạnh, huyện Tân Phước, trên Đường tỉnh 865.

- Cầu bắc qua: Kinh Chín Hấn

- Quy mô: 3 nhịp dài 44,2m (2x12,5+18,6); Mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; dầm BTDUL 11 dầm/nhịp;; Htt: +4.80

- Tải trọng (Tấn): HL93[2]

- Năm đưa vào sử dụng: 2015

- Đèn chiếu sáng cầu: Không.

2. Cầu Cống Bọng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Cống) + Tính từ (Bọng: rỗng bên trong).

- Vị trí: Km 4+953, xã Hưng Thạnh, huyện Tân Phước, trên Đường tỉnh 865.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Cống Bọng

- Quy mô: 3 nhịp dài 38,3 m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; 11 dầm BTTA chữ T; Htt :+3.50

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2013

3. Cầu Ông Chú

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Giới tính và tên người (Ông Chú).

- Vị trí: Km 8+584, xã Hưng Thạnh, huyện Tân Phước, trên Đường tỉnh 865.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Ông Chú

- Quy mô: 3 nhịp dài 44,2m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; dầm BTTA 11 dầm/ nhịp; Htt: +5.40

[2] HL93 được viết tắt từ Tiếng Anh: **H**ighway **L**oad accepted in 19**93** (Tải trọng trên đường cao tốc được chấp nhận vào năm 1993), tải trọng HL93 tương đương 40 tấn.

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2015

4. Cầu Rạch Đình

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Công trình xây dựng mang tính chất tín ngưỡng dân gian (Đình).

- Vị trí: Km 10+319, xã Hưng Thạnh, huyện Tân Phước, trên Đường tỉnh 865.

- Cầu bắc qua: Rạch Đình

- Quy mô: 3 nhịp dài 38,1m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; 11 dầm BTDUL/nhịp; Htt: +3.50

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2014

5. Cầu Xáng Cụt

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + + Phương tiện đào kinh/kênh (Xáng: do Tiếng Pháp Chaland đọc trại mà thành, còn gọi là sà lan. Trên chiếc xáng có đặt cần cẩu với những gàu to, hoạt động nhờ động cơ, dùng để múc đất, bùn hay cát để đào kinh/kênh hay nạo vét sông, kinh/kênh, rạch. Dân gian còn gọi là xáng múc. Hiện nay, gọi là tàu cuốc) + Tính từ (Cụt).

- Vị trí: Km 6+108, xã Hưng Thạnh, huyện Tân Phước, trên Đường tỉnh 865.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Xáng Cụt

- Quy mô: 3 nhịp dài 38,3 m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; 11 dầm BTTA chữ T; Htt :+3.50

- Tải trọng: HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2013

6. Cầu Rạch Đào

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Thực vật (Cây đào lộn hột).

- Vị trí: Km 12+938, thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước, trên Đường tỉnh 865.

- Cầu bắc qua: Rạch Đào

- Quy mô: 3 nhịp dài 38 m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; 11 dầm BTDUL/nhịp; Htt: +3.50

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 8/2014

7. Cầu Kinh/Kênh 10

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Chữ số (10).

- Vị trí: Km 17+714, thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước, trên Đường tỉnh 865.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh 10.

- Quy mô: 3 nhịp dài 43m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; 10 dầm BTTA/nhịp; Htt: +3.00

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2014

8. Cầu Kinh/Kênh 13

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Chữ số (13).

- Vị trí: Km 16+956, thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước, trên Đường tỉnh 865.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh 13.

- Quy mô: 3 nhịp dài 43,6m (2x12,5+18,6); Mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; 10 dầm BTTA/nhịp; Htt: +3.00

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2014

9. Cầu Kinh/Kênh 17

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Chữ số (17).

- Vị trí: Km 15+922, thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước, trên Đường tỉnh 865.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh 17.

- Quy mô: 3 nhịp dài 43,6m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; 10 dầm BTTA/nhịp; Htt: +3.00

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2014

10. Cầu Kinh/Kênh Lộ Mới

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Công trình xây dựng (Lộ: Đường) + Tính từ (Lộ Mới)

- Vị trí: Km18+509, thị trấn Mỹ Phước Phước, huyện Tân Phước, trên Đường tỉnh 865.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Lộ Mới

- Quy mô: 3 nhịp dài 50,34m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; 10 dầm BTDƯL (nhịp biên chữ T; nhịp giữa chữ I); Htt: +5.47

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2012.

11. Cầu Chợ Phú Mỹ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Chợ) +Địa danh hành chính (Xã Phú Mỹ).

- Vị trí: Km 1+200, xã Phú Mỹ, huyện Tân Phước, trên Đường tỉnh 865.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Cũ còn gọi Sông Cũ.

- Quy mô: 3 nhịp dài 56m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; dầm BTTA 12dầm/nhịp; Htt :+3.50

- Tải trọng (Tấn): 30

- Năm đưa vào sử dụng: 2009

12. Cầu Rạch Chợ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa hình thiên nhiên + Công trình xây dựng (Chợ).

- Vị trí: Km 1+904, xã Phú Mỹ, huyện Tân Phước, trên Đường tỉnh 865.

- Cầu bắc qua: Rạch Láng Cát

- Quy mô: 3 nhịp dài 44m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; 11dầm BTTA chữ T; Htt :+3.50

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2013

13. Cầu Tràm Sập

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Thực vật (Tràm) + Động từ (Sập).

- Vị trí: Km 2+929, xã Phú Mỹ, huyện Tân Phước, trên Đường tỉnh 865.

- Cầu bắc qua: Rạch Tràm Sập

- Quy mô: 3 nhịp dài 44m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; 11 dầm BTTA chữ T; Htt :+3.50

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2013

14. Cầu Bà Rãnh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Giới tính và tên người (Bà Rãnh).

- Vị trí: Km 20+877, xã Tân Hòa Tây, huyện Tân Phước, trên Đường tỉnh 865.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Bà Rãnh

- Quy mô: 3 nhịp dài 38m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; 10 dầm BTTA chữ T; Htt: +3.50

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2013

15. Cầu Kinh/Kênh Mới

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Tính từ (Mới).

- Vị trí: Km 22+077, xã Tân Hòa Tây, huyện Tân Phước, trên Đường tỉnh 865.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Mới

- Quy mô: 3 nhịp dài 43m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; 10 dầm BTTA/nhịp; Htt: +3.50

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2014

16. Cầu Kinh/Kênh Tây

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Phương hướng (Phía Tây).

- Vị trí: Km 23+578, xã Tân Hòa Tây, huyện Tân Phước, trên Đường tỉnh 865.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Tây.

- Quy mô: 3 nhịp dài 62m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; 10 dầm BTTA chữ T; Htt: +5.00

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2013

Trên Đường tỉnh 866:

1. Cầu Lớn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Kích thước (Lớn).

- Vị trí: Km 7+763, xã Tân Hòa Thành, huyện Tân Phước, trên Đường tỉnh 866.

- Cầu bắc qua: Rạch Ông Đạo

- Quy mô: 1 nhịp dài 19m; mặt BTCT; khổ cầu 10m (0,5x2+9m); dầm BTDƯL 6 dầm/nhịp; Htt:+2.50

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2020.

2. Cầu Phú Mỹ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Xã Phú Mỹ).

- Vị trí: Km 9+677, xã Phú Mỹ, huyện Tân Phước, trên Đường tỉnh 866.

- Cầu bắc qua: Kinh Nguyễn Văn Tiếp

- Quy mô: 7 nhịp dài 157m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; Dầm BTTA; Htt: +7.14

- Tải trọng (Tấn): 30

- Năm đưa vào sử dụng: 2003.

Trên Đường tỉnh 866B:

1. Cầu Kinh/Kênh Năn (Bên phải)

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Thực vật (Cỏ năn) + Vị trí (Bên phải).

- Vị trí: Km 5+340, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, trên Đường tỉnh 866B.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Năn

- Quy mô: Dàn thép 3 nhịp dài 48m; mặt thép tấm rộng 4m; Htt: +3.20

- Tải trọng (Tấn): 8

- Năm đưa vào sử dụng: 2018.

2. Cầu Kênh Năng (Bên trái)

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Thực vật (Cỏ năn) + Vị trí (Bên trái).

- Vị trí: Km 5+340, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, trên Đường tỉnh 866B.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Năn

- Quy mô: 3 nhịp dài 36m; mặt gỗ 3,3m; 5 dầm I.450 x 3; Htt: +3.20

- Tải trọng (Tấn): 8

- Năm đưa vào sử dụng: 1983.

Trên Đường tỉnh 867:

1. Cầu Kinh/Kênh 2

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Chữ số (2).

- Vị trí: Km 5+156, xã Phước Lập, huyện Tân Phước, trên Đường tỉnh 867.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh 2

- Quy mô: 5 nhịp dài 69m; mặt BTCT rộng 7m; khổ cầu 10m (1,5+7+1,5); 9 dầm BTTAx5; Htt: +3.50

- Tải trọng (Tấn): 25

- Năm đưa vào sử dụng: 1994.

2. Cầu Chùa Phật Đá

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng Phật giáo (Chùa) + Tên chùa (Phật Đá: Vào khoảng cuối thế kỷ 18, người dân phát hiện tại đây một pho tượng Phật bằng đá có bốn tay, hai tay trên cầm mặt nhật, mặt nguyệt; hai tay dưới cầm trái châu và tích tượng, đứng trên tòa sen cao khoảng 1,40m. Thực ra đó là vị thần Vixnu (thần Bảo tồn) của đạo Hin đu - Ấn giáo. Từ đó, chủa có tên là chùa Phật Đá).

- Vị trí: Km 11+445, thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước, trên Đường tỉnh 867.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Nguyễn Văn Tiếp

- Quy mô: 5 nhịp dài 201m; mặt BTCT rộng 9,5m; khổ cầu 10,5m; dầm BTDUL loại Supper T 5 dầm/nhịp; khẩu độ thông thuyền 30x6

- Tải trọng: HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2015

3. Cầu Kinh/Kênh 500

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Chữ số (500).

- Vị trí: Km 12+956, thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước, trên Đường tỉnh 867.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh 500

- Quy mô: 1 nhịp dài 25,14m; mặt BTCT rộng 7m; khổ cầu 8m; 5 dầm BTTA- I; Htt: +3.00

- Tải trọng (Tấn): H30

- Năm đưa vào sử dụng: 2010

4. Cầu Trương Văn Sanh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Họ và tên nhân vật lịch sử (Trương Văn Sanh).

Tiểu sử nhân vật lịch sử:

Trương Văn Sanh sinh năm 1918 tại làng Mỹ Hạnh Đông, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Mỹ Hạnh Đông, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang).

Năm 1940, ông giác ngộ và tham gia cách mạng ở xã nhà. Năm 1956, ông là Huyện ủy viên huyện Cai Lậy. Năm 1958, ông lần lượt giữ chức vụ Phó Bí thư rồi Bí thư Huyện ủy Cai Lậy.

Lúc bấy giờ, chính quyền Sài Gòn thực hiện chiến dịch "tố cộng", "diệt cộng", đánh phá phong trào cách mạng rất ác liệt. Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy Mỹ Tho, với cương vị là Bí thư Huyện ủy, ông và Ban Thường vụ Huyện ủy Cai Lậy tập trung lãnh chỉ đạo việc đẩy mạnh đấu tranh chính trị; tăng cường hoạt động vũ trang, diệt ác phá kìm, nhằm phục vụ cho phong trào, gây dựng cơ sở, hỗ trợ phong trào đấu tranh chính trị; quán triệt đội ngũ cán bộ, đảng viên trong huyện phải quyết tâm thực hiện chỉ thị, nghị quyết của Đảng, phải gắn chặt với quần chúng, lãnh đạo quần chúng đấu tranh, dù phải hy sinh, chịu đựng ác liệt cũng không được rời bỏ vị trí, đảng viên phải giữ vững lập trường, khí tiết, kiên quyết chiến đấu đến cùng, khi sa vào tay giặc thì sẵn sàng hy sinh, không khai báo, không ly khai, không tố cộng, ai vi phạm thì xem mình tự khai trừ ra khỏi Đảng, lấy gương đảng viên đã anh dũng hy sinh cho cán bộ, đảng viên học tập. Đồng thời, Huyện ủy đã huy động hàng chục ngàn lượt người đấu tranh chống bắt xâu, chống tập trung dân vào khu trù mật Mỹ Phước Tây (huyện Cai Lậy).

Ngày 17-4-1959, do có chiêu hồi phản bội chỉ điểm, bọn lính bất ngờ tấn công vào địa điểm mà Huyện ủy tổ chức hội nghị. Ông bị bắn trọng thương và bị tra tấn rất dã man hòng buộc ông đầu hàng và khai báo cơ sở cách mạng. Thế nhưng, ông vẫn kiên cường chịu đựng và giữ vững khí tiết cách mạng; đồng thời, ông còn mạnh mẽ tố cáo, lên án bọn phản dân hại nước, làm tay sai cho giặc ngoại xâm. Không khuất phục được người chiến sĩ cộng sản kiên trung, bọn chúng đã giết chết ông theo lối hành hình thời trung cổ bằng cách mổ bụng moi gan mang về trình lên tên quận trưởng Cai Lậy để lãnh thưởng.

Tên ông được đặt tên Trường Đảng huyện Cai Lậy trước đây; tên trường tiểu học, tên đường tại thị xã Cai Lậy; tên một đoạn kênh thuộc kênh Hai Hạt và tên cầu thuộc huyện Tân Phước hiện nay.

- Vị trí: Km 17+123, xã Mỹ Phước – xã Thạnh Mỹ, huyện Tân Phước, trên Đường tỉnh 867.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Trương Văn Sanh

- Quy mô: 3 nhịp dài 50m; mặt BTCT rộng 7m; khổ cầu 8m; dầm BTTA; Htt: +5.67

- Tải trọng (Tấn): 30

- Năm đưa vào sử dụng: 2012.

5. Cầu Tràm Mù

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Thực vật (Cây tràm) + Tính từ (Mù: trong ngữ cảnh này, là mù mịt). Tràm Mù là nơi cây tràm mọc mù mịt như rừng.

- Vị trí: Km 19+985, xã Thạnh Mỹ, huyện Tân Phước, trên Đường tỉnh 867.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Tràm Mù

- Quy mô: 1 nhịp dài 33m;mặt BTCT rộng 7m; khổ cầu 8m; dầm BTTA; Htt: +4.00

- Tải trọng (Tấn): 30

- Năm đưa vào sử dụng: 2012.

6. Cầu Ngã 5

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Vị trí (Ngã 5)

- Vị trí: Km 22+900, xã Thạnh Mỹ, huyện Tân Phước, trên Đường tỉnh 867.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Bắc Đông

- Quy mô: 4 nhịp dài 80,75m (4x20); mặt BTCT rộng 10m; khổ cầu 11m; dầm BTDUL; Htt: +5.50

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2013.

Trên Đường tỉnh 874:

1. Cầu Nguyễn Văn Đừng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Họ và tên nhân vật lịch sử (Nguyễn Văn Đừng)

Tiểu sử nhân vật lịch sử:

Nguyễn Văn Đừng sinh năm 1938 tại làng Phong Mỹ, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay là xã Phong Mỹ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp) trong một gia đình nông dân.

Năm 1959, ông gia nhập bộ đội địa phương rồi chủ lực khu. Trong chiến đấu, ông luôn nêu cao tinh thần quyết chiến quyết thắng, dũng cảm, mưu trí và sáng tạo, chấp hành triệt để mệnh lệnh của cấp trên, khi tiến công thì mãnh liệt, chớp nhoáng, khi phòng ngự thì gan góc, kiên cường. Do có thành tích trong chiến đấu, ông được đề bạt làm Tiểu đội trưởng tiểu đội 4, đại đội 1, tiểu đoàn 261 chủ lực Quân khu 8 (khu Trung Nam Bộ). Tiểu đội 4 do ông chỉ huy là một tiểu đội mạnh, được cấp trên tin tưởng, thường giao cho những nhiệm vụ quan trọng trong tác chiến.

Trong đội hình đại đội 1, ông tham gia đánh hàng chục trận trên chiến trường Khu 8 và lập được những chiến công oanh liệt. Giữa năm 1962, ông và đơn vị đánh phục kích 1 tiểu đoàn của địch ở Thủ Thừa (Long An). Chấp hành mệnh lệnh của cấp trên, ông đợi địch đến thật gần mới ra lệnh cho toàn tiểu đội bất ngờ nổ súng tiến công, khiến cho một số tên bị tiêu diệt và hàng ngũ của bọn chúng bị rối loạn. Nhưng sau đó, do có quân đông và được phi pháo yểm trợ tối đa, địch điên cuồng chống trả quyết liệt. Tình hình chiến sự diễn ra rất căng thẳng. Trước tình huống đó, nhận được lệnh của chỉ huy, ông đã dũng cảm và bí mật dùi sâu vào giữa đội

hình của địch, dùng súng trung liên bắn chế áp, tạo điều kiện tốt nhất cho toàn đơn vị xung phong, tiêu diệt tiểu đoàn địch.

Cuối năm 1962, ông cùng với đơn vị đánh phục kích địch ở Gò Công. Tình huống diễn ra không như dự kiến của ta. Chỉ có đoạn cuối trong đội hình hành quân của địch là lọt vào trận địa mai phục. Vì thế, bọn đi đầu quay lại tấn công ta rất ác liệt. Với quyết tâm tiêu diệt địch, được lệnh của đại đội trưởng, ông chỉ huy tiểu đội vận động lên đánh vào sườn trái của địch. Bản thân ông dùng súng trung liên dũng cảm lao lên phía trước và đột kích mạnh mẽ vào tung thâm của địch, buộc bọn chúng phải lùi dần vào trận địa đã bày sẵn của ta. Chỉ chờ có thế, toàn đơn vị nổ súng tiêu diệt gần như hoàn toàn quân địch.

Ngày 2-1-1963, ông tham gia đánh trận Ấp Bắc lịch sử. Tiểu đội do ông chỉ huy được bố trí ở hướng phòng ngự chính yếu. Với chiến thuật "trực thăng vận", "thiết xa vận", từ 5 giờ 30 phút sáng, địch mở cuộc càn quét có quy mô lớn vào Ấp Bắc (xã Tân Phú, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang) nhằm tiêu diệt lực lượng võ trang của ta đang đóng quân ở tại đây. Địch tấn công bộ đội ta bằng thủ đoạn máy bay ném bom và pháo binh bắn dọn bãi, xe thiết giáp M.113 đột kích ở phía trước mặt, máy bay trực thăng đổ quân ở phía sau lưng hòng đẩy quân ta vào giữa hai gọng kềm để tiêu diệt. Thế nhưng, mọi tính toán đen tối của địch đều bị thất bại thảm hại. Tiểu đội 4 do ông chỉ huy đã kiên cường đánh bật các đợt xung phong vô cùng ác liệt của quân địch, bắn cháy 1 xe M.113, tiêu diệt nhiều lính địch, giữ vững trận địa của ta. Đến 14 giờ 30 phút, địch lại mở một đợt tấn công mới. Lần này, địch cho máy bay ném bom và bắn pháo rất dữ dội, rồi cho 4 chiếc M.113 đồng loạt xông lên, dùng trọng liên bắn xối xả về phía trận địa của ta như muốn nghiền nát các chiến sĩ của tiểu đội 4. Trước nguy cơ trận địa có thể bị địch đánh xuyên thủng, ông đã bình tĩnh chỉ huy và động viên các chiến sĩ trong tiểu đội phải kiên quyết bám trụ và giữ vững trận địa, chiến đấu đến cùng. Bản thân ông đã dũng cảm dùng thủ pháo đánh giáp chiến với xe bọc thép địch. Kết cuộc, ông và tiểu đội

4 đã đẩy lùi địch, tiêu diệt 2 xe M.113, bắn bị thương 1 chiếc khác, chiếc còn lại rút chạy. Thông qua đó, đã bảo vệ vững chắc trận địa; góp phần làm nên chiến thắng Ấp Bắc vang dội. Tiểu đội 4 được nhân dân nể phục, gọi là "tiểu đội gang thép". Tuy nhiên, ông cùng với một số đồng đội khác đã anh dũng hy sinh ngay tại chiến hào.

Trong quá trình chiến đấu, ông được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng Nhất và là Chiến sĩ thi đua của Quân khu 8. Ngày 5-5-1965, ông được Ủy ban Trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng. Tên ông được đặt tên trường trung học cơ sở ở xã Phong Mỹ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; tên đường ở Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh; tên cầu ở xã Phước Lập, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- Vị trí: Km 5+605, xã Phước Lập, huyện Tân Phước, trên Đường tỉnh 874

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Bàu Sấu

- Quy mô: 3 nhịp dài 36m; mặt BTCT rộng 6m; khổ cầu 6,5m; 9 dầm I.596; Htt: +4.00

- Tải trọng (Tấn): 10

- Năm đưa vào sử dụng: 2002

2. Cầu Nguyễn Văn Tiếp

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Họ và tên nhân vật lịch sử (Nguyễn Văn Tiếp).

Tiểu sử nhân vật lịch sử:

Nguyễn Văn Tiếp sinh năm 1900 tại làng Long Phú, quận Trung Quận, tỉnh Chợ Lớn (nay là xã Thanh Phú, huyện Bến Lức, tỉnh Long An) trong một gia đình trí thức yêu nước.

Thuở nhỏ, ông được gia đình cho lên Sài Gòn học tập. Do có điều kiện tiếp xúc với sách báo tiến bộ và chịu sự tác động của các phong trào đấu tranh chống chính quyền thực dân Pháp, nên ông sớm có tư tưởng yêu nước và cách mạng.

Sau khi tốt nghiệp trường sư phạm, ông làm giáo viên tại trường tiểu học Thanh Hà (Bến Lức). Trong khoảng thời gian này, ông tích cực tham gia các phong trào yêu nước đang diễn ra sôi nổi ở Nam bộ, như phong trào Hội kín Nguyễn An Ninh, phong trào đấu tranh đòi chính quyền Pháp trả tự do nhà yêu nước Phan Bội Châu (1925), phong trào để tang và truy điệu chí sĩ Phan Châu Trinh (1926),… Sau đó, ông bị Pháp bắt và giam ở Cần Thơ; nhưng do không có chứng cớ nên bọn chúng đành phải thả ông ra.

Năm 1929, ông gia nhập tổ chức An Nam Cộng sản Đảng. Sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (tháng 2-1930), ông được cử làm Bí thư chi bộ làng Long Phú (tháng 4-1930). Đây là một trong số mấy chi bộ được thành lập sớm nhất ở tỉnh Chợ Lớn. Tháng 5-1930, ông chỉ huy hàng trăm nông dân tiến vào quận lỵ Trung Quận (nay là thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lực, tỉnh Long An) đấu tranh đòi giảm sưu thuế. Sau cuộc biểu tình này, ông bị thực dân Pháp bắt và xử án tù chung thân đày Côn Đảo. Ở trong tù, mặc dù bị đày ải đến độ cùng cực; nhưng ông vẫn giữ vững tinh thần lạc quan cách mạng, một lòng một dạ trung thành với Tổ quốc, Đảng và nhân dân.

Cuối năm 1936, do áp lực của phong trào cách mạng trong cả nước và của Mặt trận Nhân dân ở Pháp, ông cùng với nhiều tù chính trị khác được trả tự do. Vừa mới ra tù, ông lại lao vào hoạt động cách mạng. Tháng 11-1940, ông tham gia cuộc khởi nghĩa Nam kỳ tại quê nhà. Cuộc khởi nghĩa bị thực dân Pháp đàn áp dã man. Một lần nữa, ông bị địch bắt; rồi sau đó, lãnh án khổ sai chung thân tại Côn Đảo.

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, ông và những người tù cộng sản được Đảng rước về đất liền. Lúc này, thực dân Pháp đang lăm le quay trở lại xâm lược

Nam bộ. Với tinh thần tiến công cách mạng, không cho phép mình được nghỉ ngơi , ông hăng hái hoạt động và chấp hành nghiêm chỉnh mọi sự phân công của tổ chức.

Tháng 10-1945, ông được cấp trên tin tưởng cử làm Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chánh tỉnh Mỹ Tho kiêm Ủy viên Ủy ban Kháng chiến Hành chánh Nam Bộ và Xứ ủy viên Xứ ủy Nam bộ. Với trọng trách đó, ông là một trong những cán bộ lãnh đạo trọng yếu chỉ đạo phong trào kháng chiến của nhân dân tỉnh Mỹ Tho nói riêng và Khu 8 nói chung ngày càng phát triển mạnh mẽ, trong đó có những chiến thắng vang dội trên toàn quốc, như chiến thắng Cổ Cò (tháng 1-1947), chiến thắng Giồng Dứa (tháng 4-1947),…

Tháng 5-1947, trong khi đang chủ trì một cuộc họp quan trọng của tỉnh Mỹ Tho trong vùng căn cứ Đồng Tháp Mười, ông bị bệnh bất ngờ và qua đời.

Để ghi nhớ công lao của ông, theo đề nghị của Ủy ban Kháng chiến Hành chánh tỉnh Mỹ Tho, Ủy ban Kháng chiến Hành chánh Nam bộ đã lấy tên của ông đặt cho một con kinh từ Đồng Tháp Mười đổ ra sông Tiền, thay cho tên kinh Tổng đốc Lộc. Đó là kinh Nguyễn Văn Tiếp, một con kinh có tầm quan trọng về nhiều mặt đối với khu vực Đồng Tháp Mười. Đồng thời, một tiểu đoàn chủ lực thuộc trung đoàn 308 của Quân khu 8 cũng được mang tên ông. Hiện nay, tên ông được đặt tên trường trung học phổ thông, tên cầu ở huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang; tên đường ở thành phố Tân An và huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Phần mộ của ông tọa lạc tại Ấp Bắc, xã Tân Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Vị trí: Km 7+259, xã Phước Lập - thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước, trên Đường tỉnh 874

- Cầu bắc qua: Rạch Bà Kỳ

- Quy mô: 3 nhịp dài 45m; mặt BTCT rộng 6m; khổ cầu 6,5m; 9 dầm I.596; Htt: +4.00

- Tải trọng (Tấn): 10

- Năm đưa vào sử dụng: 2002

Trên Đường tỉnh 878:

Cầu Nguyễn Văn Tiếp

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Họ và tên nhân vật lịch sử (Nguyễn Văn Tiếp).

- Vị trí: Km 13+268, xã Hưng Thạnh, huyện Tân Phước, trên Đường tỉnh 878

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Nguyễn Văn Tiếp.

- Quy mô: 9 nhịp dài 359m; mặt BTCT rộng 15m; khổ cầu 16m; dầm BTDƯL; CĐdc: +8.69

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Đèn chiếu sáng cầu: Có

Trên Đường cao tốc Trung Lương – Mỹ Thuận:

1. Cầu Kinh/Kênh 2A

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Chữ số và chữ cái la tinh (2A).

- Vị trí: km56+693

- Số nhịp: 01

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 42,64 m

- Chiều rộng: 17,50 m

2. Cầu Kinh/Kênh Xáng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Phương tiện đào kinh/kênh (Xáng: do từ Tiếng Pháp Chaland đọc trại mà thành, còn gọi là sà lan. Trên chiếc xáng có đặt cần cẩu với những gàu to, hoạt động nhờ động cơ, dùng để múc đất, bùn hay cát để đào kinh/kênh hay nạo vét sông, kinh/kênh, rạch. Dân gian còn gọi là xáng múc. Hiện nay, gọi là tàu cuốc).

- Vị trí: km57+981

- Số nhịp: 11

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 448,30 m

- Chiều rộng: 17,50 m

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn địa danh Cống, Đập, Đê**

Cống vừa và nhỏ:

1. Cống Bà Nghĩa

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Giới tính và tên người (Bà Nghĩa).

Cống ở xã Phú Mỹ, huyện Tân Phước, được xây dựng năm 1983; là loại cống hộp, số cửa 1, chiều rộng Φ 150 m, sâu 1,5 m, diện tích phục vụ 256 ha.

2. Cống Cầu Quán

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Công trình xây dựng (Cầu) + Nhà bán hàng (Quán).

Cống ở xã Phú Mỹ, huyện Tân Phước, được xây dựng năm 1985; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 2,6 m, sâu 2 m, diện tích phục vụ 315 ha.

3. Cống Quản Thọ 1

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Chức vụ làng xã thời xưa (Hương quản, gọi tắt là Quản: hương chức trông coi an ninh, trật tự trong làng xã) + Tên người (Thọ) + Số hiệu (1).

Cống ở xã Hưng Thạnh, huyện Tân Phước, được xây dựng năm 2002; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 4,5 m, sâu 3 m, diện tích phục vụ 450 ha.

4. Cống Quản Thọ 2

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Chức vụ làng xã thời xưa (Hương quản, gọi tắt là Quản: hương chức trông coi an ninh, trật tự trong làng xã) + Tên người (Thọ) + Số hiệu (1).

Cống ở xã Hưng Thạnh, huyện Tân Phước, được xây dựng năm 2002; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 5,5 m, sâu 3,2 m, diện tích phục vụ 370 ha.

5. Cống Rạch Gốc (Xã Tân Hòa Thành, huyện Tân Phước)

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Danh từ (Gốc: Có ba cách giải thích địa danh Rạch Gốc: 1. Xuất xứ từ tiếng Khmer: Prêk Kol, gọi trại thành Rạch Gốc; 2. Rạch Gốc là một con rạch chính (gốc); 3. Rạch Gốc là rạch chảy qua nơi có nhiều gốc cây).

Cống ở xã Tân Hòa Thành, huyện Tân Phước, được xây dựng năm 1983; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 45 m, sâu 2,8 m, diện tích phục vụ 256 ha.

6. Cống Rạch Gốc (Xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông)

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) +Danh từ (Gốc).

Cống ở xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông, được xây dựng năm 2009; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 3,5 m, sâu 2,5 m, diện tích phục vụ 550 ha.

7. Cống Tượng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Động vật (Tượng: Con voi).

Cống ở xã Hưng Thạnh, huyện Tân Phước, được xây dựng năm 2002; là loại cống tròn, số cửa 1, chiều rộng Φ 150 m, sâu 1,5 m, diện tích phục vụ 35 ha.

Bến đò:

Khái niệm

Bến đò là bến đỗ trên các bờ sông để đò dừng nhằm tiếp nhận hoặc trao trả hành khách, hàng hóa trong quá trình chuyên chở.

1. Bến đò Cống Dứa

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến đò) + Công trình xây dựng (Cống) + Thực vật (Dứa).

Bến đò Cống Dứa bờ phải và bờ trái đều nằm trên kinh/kênh Tháp Mười số 2, nối ấp Mỹ Phú, xã Mỹ Hạnh Đông, thị xã Cai Lậy với ấp Tân Hưng Đông, xã Tân Hòa Tây, huyện Tân Phước (và ngược lại), tỉnh Tiền Giang.

2. Bến đò Kinh/Kênh Tây

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến đò) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Phương hướng (Tây).

Bến đò Kinh/Kênh Tây bờ phải và bờ trái đều nằm trên kinh/kênh Tháp Mười số 2, nối ấp Mỹ Phú, xã Mỹ Hạnh Đông, thị xã Cai Lậy với ấp Tân Hưng Tây, xã Tân Hòa Tây, huyện Tân Phước (và ngược lại), tỉnh Tiền Giang.

3. Bến đò Rạch Đào

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến đò) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Thực vật (Cây đào).

Bến đò Rạch Đào bờ phải và bờ trái đều nằm trên kinh/kênh Tháp Mười số 2, nối thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước với xã Phước Lập, cùng huyện (và ngược lại), tỉnh Tiền Giang.

4. Bến đò Tân Hòa Tây

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến đò) + Địa danh hành chính (Xã Tân Hòa Tây).

Bến đò Tân Hòa Tây bờ phải và bờ trái đều nằm trên kinh/kênh Tháp Mười số 2, nối xã Tân Hòa Tây, huyện Tân Phước với xã Mỹ Hạnh Đông, thị xã Cai Lậy (và ngược lại), tỉnh Tiền Giang.

Y tế tuyến huyện:

Trung tâm Y tế huyện Tân Phước

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng mang tính chất chăm sóc sức khỏe (Trung tâm y tế) + Địa danh hành chính (Huyện Tân Phước).

- Khái quát Trung tâm Y tế huyện Tân Phước

+ Địa chỉ: Khu phố 4, Thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang

+ Số điện thoại: 0273.3.848026

+ Trang thông tin điện tử: http://ttyttanphuoc.soytetiengiang.gov.vn

+ Email: ttyttanphuoc@gmail.com

+ Cơ quan chủ quản: Sở Y tế tỉnh Tiền Giang.

+ Tổng diện tích: 23.663,7 m^2; diện tích sử dụng: 20.000 m^2

+ Tổng số cán bộ, viên chức, người lao động: 178 người.

Trung tâm Y tế huyện Tân Phước được thành lập năm 2009 theo Quyết định số 2332/QĐ-UBND ngày 02/7/2009 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang; có chức năng, nhiệm vụ như sau:

+ Thực hiện các hoạt động cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về y tế dự phòng.

+ Thực hiện các hoạt động cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng.

+ Thực hiện các hoạt động cung cấp dịch vụ về chuyên môn, kỹ thuật về chăm sóc sức khỏe sinh sản.

+ Thực hiện các hoạt động cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về an toàn thực phẩm.

+ Thực hiện các hoạt động cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về dân số.

+ Thực hiện các xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh và thăm dò chức năng phục vụ cho hoạt động chuyên môn, kỹ thuật theo chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm và nhu cầu của người dân; tổ chức thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn sinh học tại phòng xét nghiệm và an toàn bức xạ theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện các hoạt động dịch vụ y tế trong phòng chống khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa và đáp ứng tình trạng khẩn cấp về y tế.

+ Tuyên truyền, cung cấp thông tin về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và tổ chức các hoạt động tư vấn, giáo dục, truyền thông, vận động nhân dân tham gia các hoạt động bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe, công tác dân số và phát triển trên địa bàn.

+ Quản lý, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ.

+ Đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

+ Thực hiện việc tiếp nhận, cung ứng, bảo quản, cấp phát, sử dụng thuốc, phương tiện tránh thai, vắc xin, sinh phẩm y tế, hóa chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn theo quy định của cấp có thẩm quyền ở địa phương và quy định của pháp luật.

+ Triển khai thực hiện các dự án, chương trình y tế, dân số theo quy định của cấp có thẩm quyền ở địa phương; thực hiện kết hợp quân - dân y theo đặc điểm, tình hình thực tế và theo quy định của pháp luật.

Thực hiện ký hợp đồng với cơ quan bảo hiểm xã hội để tổ chức khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế tại Trung tâm Y tế huyện và các đơn vị y tế thuộc Trung tâm Y tế huyện theo quy định của pháp luật.

+ Nghiên cứu và tham gia nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; ứng dụng phát triển khoa học kỹ thuật trong hoạt động chuyên môn.

Đảng bộ Trung tâm có 3 chi bộ trực thuộc với 37 đảng viên. Lãnh đạo đơn vị gồm 01 Giám đốc và 01 Phó giám đốc. Công đoàn cơ sở có 178 công đoàn viên. Chi đoàn thanh niên có 25 đoàn viên.

Trung tâm có 04 phòng chức năng: Phòng Tổ chức - Hành chính, Phòng Tài chính - Kế toán, Phòng Kế hoạch tổng hợp, Phòng Dân số; 06 khoa chuyên môn: Khoa Khám bệnh - Hồi sức cấp cứu, Khoa Nội tổng hợp, Khoa Phụ sản, Khoa Kiểm soát bệnh tật, Khoa Dược, Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh; 01 phòng khám: Phòng khám đa khoa Phú Mỹ; 13 trạm y tế thị trấn và xã: thị trấn Mỹ Phước; các xã Hưng Thạnh, Phú Mỹ, Tân Hòa Thành, Tân Lập 1, Tân Lập 2, Phước Lập, Tân Hòa Tây, Thạnh Hòa, Thạnh Tân, Thạnh Mỹ, Tân Hòa Đông. Bệnh viện thuộc Trung tâm xếp hạng 3, có 70 giường.

Về trình độ chuyên môn, năm 2022, Trung tâm có: Thạc sĩ: 02; Bác sĩ chuyên khoa 1: 20, Dược sĩ chuyên khoa 1: 01; Bác sĩ đa khoa: 18; Dược sĩ: 07; Cử nhân điều dưỡng: 13; Đại học khác: 13.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên công viên/vườn hoa, rạp hát:**

Công viên/Vườn hoa:

Khái niệm:

- Công viên là khu vực được trồng cây xanh tập trung trong một diện tích đất lớn nhằm mục đích phục vụ công cộng, là nơi sinh hoạt ngoài trời, nghỉ ngơi, thư giãn, vui chơi, giải trí, tập luyện thể dục, nơi tổ chức các hoạt động văn hóa - xã hội đáp ứng nhu cầu của nhân dân. Ngoài cây xanh, công viên còn có các công trình kiến trúc và công trình hạ tầng kỹ thuật đồng bộ. Phạm vi quản lý một công viên bao gồm diện tích bên trong công viên và vỉa hè của công viên đó.

- Vườn hoa: Loại công viên hoặc vườn nhỏ ở đô thị trong đó có trồng nhiều hoa. Có thể đứng độc lập hoặc gắn với công trình kiến trúc, có tác dụng tăng thẩm mỹ cho cảnh quan đô thị.

Công viên 27 tháng 8

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Công viên) + Sự kiện lịch sử (Ngày thành lập huyện Tân Phước 27/8/1994).

Công viên được khánh thành năm 2019 nhân kỷ niệm 25 năm thành lập huyện Tân Phước (27/8/1994 - 27/8/2019), diện tích 18.500 m², tọa lạc tại thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, hệ thực vật gồm có: cây thân gỗ (bằng lăng, sao, dầu, lộc vừng,…); cây tạo dáng (cau kiểng, hoa giấy,...), các loại cây lá màu và thảm cỏ; đèn chiếu sáng, ghế đá, hệ thống điện nước, thiết bị tập thể dục, đường nội bộ được lát gạch Tezzaro, nhà vệ sinh,…

*** Bia căm thù**:

Bia căm thù là vật được tạo tác dạng hình phiến dẹp có mặt phẳng, thường được làm bằng đá, kim loại, gỗ, bê tông cốt thép,… với kích thước thường có chiều

cao lớn hơn chiều rộng, trên bia ghi lại ngày tháng năm, địa điểm, số người bị giết hại trong các cuộc càn quét, tàn sát của kẻ địch đối với nhân dân ta.

Bia căm thù "Thực dân Pháp bán thịt người ở bến đò Phú Mỹ"

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bia) + Tính từ (Căm thù) + Sự kiện lịch sử (thực dân Pháp bán thịt người ở bến đò Phú Mỹ).

Sự kiện lịch sử:

Làng Phú Mỹ nằm ở vùng ven của Đồng Tháp Mười, được lập khá sớm (vào cuối thế kỷ XVIII). Ngày xưa, làng Phú Mỹ thuộc tổng Hưng Xương, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Thời Minh Mạng, làng thuộc tổng Hưng Nhơn, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường. Trong làng có chợ Thầy Yến, mang tên một thầy thuốc Bắc, tên Yến, đã có công lập chợ. Ngày nay, làng Phú Mỹ là xã Phú Mỹ, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Từ khi thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta (năm 1945), chúng bắt đầu thực hiện việc bình định, lập đồn bót khắp nơi, kể cả những vùng hẻo lánh. Chiến lược "đánh nhanh, thắng nhanh" của chúng bị thất bại. Từ năm 1947, thực dân Pháp quay về bình định vùng chiếm đóng, tuyển mộ thêm ngụy quân, củng cố hệ thống đồn bót và ra sức khủng bố những người yêu nước.

Tại xã Phú Mỹ, bọn phản động đội lốt tôn giáo (trong phái Cao Đài Tây Ninh), được sự trợ giúp của thực dân Pháp, đã trắng trợn gom dân lập căn cứ chống phá cách mạng. Thực dân Pháp cho lập đồn tại bến đò để kiểm soát ghe thuyền ra vào Đồng Tháp Mười - vùng căn cứ cách mạng của tỉnh Mỹ Tho. Đồn này do một tên sĩ quan ác ôn người Pháp chỉ huy, dưới hắn còn có nhiều tên giết người không gớm tay. Ngoài số lính Pháp và lính ngụy, chúng còn bổ sung thêm một đội lính Âu - Phi, có lúc quân số trong đồn lên đến 1 đại đội. Không những thế, thực dân Pháp còn cho bọn phản động đội lốt tôn giáo lập quân đội riêng và cho những người theo chúng làm tay sai mặc sức giết hại đồng bào yêu nước. Nhân dân ở đây luôn sống trong nỗi lo

sợ, kinh hoàng. Cán bộ ta hoạt động trong vùng này gặp nhiều khó khăn và nguy hiểm.

Chúng đã dùng búa chặt đầu những đồng chí, những người dân mà chúng tình nghi có quan hệ kháng chiến hoặc không chịu vào lính Cao Đài. Tại bến đò và ngã ba gần bến đò chúng dựng các giàn cây để treo thịt người mà chúng đã giết, có trường hợp chúng đeo đá vào cổ người dân rồi xô xuống kinh gọi là đi "mò tôm".

Đồng bào ở đây đã chứng kiến những tội ác cực kỳ man rợ của giặc Pháp, nổi cộm nhất là tên chỉ huy đồn Phú Mỹ Taillet. Tên này có biệt danh là "Tây Búa", do trong người lúc nào cũng có lận 1 cây búa làm biểu tượng thị uy và công cụ giết người. Những năm 1947 - 1949, chúng gây tội ác nhiều nhất, hàng chục cán bộ và đồng bào bị chúng đập đầu, mổ bụng,… Những hình ảnh về "quầy bán thịt người" tại bến đò Phú Mỹ được nhà quay phim Khương Mễ và đồng nghiệp của ông chụp lại khá nhiều. Đáng tiếc nay chỉ còn 1 bức ảnh đã được đăng báo là còn lưu giữ. Dù chỉ là 1 bức ảnh nhưng nó là bằng chứng xác thực để tố cáo tội ác dã man của thực dân Pháp và bọn phản động đội lốt tôn giáo trong giáo phái Cao Đài Tây Ninh tại vùng Phú Mỹ trong những năm 1947 -1949.

Để trả thù cho đồng bào, đồng chí bị địch giết hại một cách dã man, một số đồng chí công an được cử đến đây để trừ gian diệt ác. Các đồng chí đã giết được một số tên, trong đó đồng chí nữ công an Đặng Thị Mành đã cải trang thành dân thường, có lúc thành một người thiến heo, tay xách túi bàng, miệng thổi ống sáo, la cà khắp thôn xóm, chợ búa, đến cả gần bót giặc; có lúc cải trang thành nhà sư, mặc áo cà sa, đầu cạo nhẵn. Năm 1948, tại chợ Phú Mỹ, đồng chí đã bắn chết tên "Tây Búa" rồi trà trộn trong đám đông chạy thoát. Trong 2 năm 1948 - 1949, Huyện ủy Châu Thành cử nhiều cán bộ đến Phú Mỹ làm công tác Cao Đài vận. Nhờ đó, tình hình vùng này dần trở lại ổn định, đồng bào yên tâm trở về tăng gia sản xuất và ủng hộ kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn.

Năm 1994, tại nơi thực dân Pháp đóng đồn ở bến đò Phú Mỹ, Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang đã cho xây dựng Bia căm thù với 2 mảng phù điêu mô tả sự giết người man rợ của bọn thực dân Pháp và bọn phản động đội lốt tôn giáo đối với đồng bào, đồng chí xã Phú Mỹ và vùng lân cận. Bia căm thù thực dân Pháp bán thịt người ở bến đò Phú Mỹ do nhà điêu khắc Trần Văn Trầm tạo mẫu, cao 6 m và phù điêu dài 24 m, nặng 20 tấn, được tạo tác bằng chất liệu bê tông cốt thép.

Bia nằm trong khuôn viên Di tích Bến đò Phú Mỹ. Di tích này được Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận là Di tích lịch sử cách mạng cấp Quốc gia theo Quyết định số 921/QĐ-BT ngày 20/7/1994.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên chợ:**

Chợ

- Theo Hoàng Phê trong *Từ điển Tiếng Việt*, "Chợ là nơi công cộng, để đông người đến mua và bán trong những buổi, ngày nhất định"[3].

- *Từ điển Bách khoa Việt Nam* ghi: "Chợ là nơi gặp nhau giữa nơi cung và cầu các hàng hóa, dịch vụ, vốn; là nơi tập trung mua bán hàng hóa giữa người sản xuất, người mua bán và người tiêu dùng"[4].

- Trong quyển *Gốc và Nghĩa của Từ Việt thông dụng*, Vũ Xuân Phái định nghĩa: "Chợ là nơi tụ họp buôn bán"; "chợ búa là nơi tụ họp bày bán hàng hóa, để buôn bán trong làng, xóm (thời xưa) hay cái chợ là nơi quy định mua bán"[5].

- Theo Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, "Chợ là loại hình kinh doanh thương mại được hình thành và phát triển mang tính truyền thống, được tổ chức tại một địa điểm theo quy hoạch,

---

[3] Hoàng Phê (2000), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng, tr.165.

[4] *Từ điển Bách khoa Việt Nam (2003),* NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội, tr.22.

[5] Vũ Xuân Phái *(2009), Gốc và Nghĩa của Từ Việt thông dụng,* NXB Trẻ, tr.162.

đáp ứng nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hoá và nhu cầu tiêu dùng của khu vực dân cư"[6].

Chợ đầu mối

Theo Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, "Chợ đầu mối: là chợ có vai trò chủ yếu thu hút, tập trung lượng hàng hóa lớn từ các nguồn sản xuất, kinh doanh của khu vực kinh tế hoặc của ngành hàng để tiếp tục phân phối tới các chợ và các kênh lưu thông khác"[7].

Phân loại chợ

Tùy vào mục đích và tiêu chí, người ta phân loại chợ theo nhiều cách khác nhau: Phân loại chợ theo điều kiện môi sinh; Phân loại chợ theo số lượng hộ kinh doanh, vị trí và mặt bằng của chợ (theo quy mô: chợ loại I, chợ loại II và chợ loại III); Phân loại chợ theo tính chất mua bán (chợ bán buôn và chợ bán lẻ); Phân loại chợ theo đặc điểm mặt hàng kinh doanh (chợ tổng hợp và chợ chuyêndoanh); Theo địa giới hành chính (chợ đô thị và chợ nông thôn); Phân loại theo tính chất và quy mô xây dựng (chợ kiên cố, chợ bán kiên cố, chợ tạm).

- Trong công trình nghiên cứu "Chợ nổi đồng bằng sông Cửu Long từ góc nhìn văn hóa học", Đặng Thị Hạnh đã lập bảng phân loại chợ như sau[8]:

STT	TIÊU CHÍ PHÂN LOẠI	LOẠI HÌNH CHỢ
1	Theo thời gian họp chợ	- Chợ sáng - Chợ hôm

[6] Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ,* Hà Nội, tr.1.

[7] Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ,* Hà Nội, tr.1.

[8] Đặng Thị Hạnh (2012), *Chợ nổi đồng bằng sông Cửu Long từ góc nhìn văn hóa học,* Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh, tr.41.

		- Chợ chiều - Chợ đêm - Chợ phiên
2	Theo lịch sử	- Chợ truyền thống - Chợ hiện đại (siêu thị)
3	Theo khu vực địa lý	- Chợ quê - Chợ ven đô - Chợ đô thị - Chợ đồng bằng - Chợ miền núi
4	Theo quy mô hành chánh	- Chợ làng - Chợ xã (liên làng) - Chợ huyện (liên xã) - Chợ thị trấn - Chợ thị xã
5	Theo tính chất, quy mô trao đổi hàng hóa	- Chợ đầu mối - Chợ bán lẻ - Chợ chuyên doanh - Chợ tổng hợp
6	Theo loại hình hàng hóa bán chủ yếu tại chợ	- Chợ vải - Chợ trâu - Chợ trái cây

		- Chợ hải sản
7	Theo quy mô xây dựng	- Chợ kiên cố - Chợ bán kiên cố - Chợ tạm

- Trong quyển *Chợ quê trong quá trình biến đổi*, Lê Thị Mai đã phân chia chợ ra thành nhiều loại hình khác nhau, với những tiêu chí khác nhau như sau[9]:

+ Thời gian hợp chợ có: Chợ sáng, chợ hôm, chợ chiều, chợ đêm, chợ phiên

+ Theo khu vực, địa vực có: chợ quê, chợ đô thị, chợ ven đô, chợ đồng bằng, chợ trung du, chợ miền biển…

+ Theo quy mô hành chánh có: Chợ làng, chợ xã (liên làng), chợ huyện (liên xã), chợ thị trấn, chợ thị xã,...

+ Theo tính chất, quy mô trao đổi hàng hóa có: Chợ đầu mối, chợ bán lẻ, chợ chuyên doanh, chợ tổng hợp,…

+ Theo loại hình hàng hóa bán tại chợ có: chợ vải, chợ trâu, chợ lụa, chợ trái cây, chợ nông sản,…

Trong đề tài này, nhóm tác giả chọn cách phân loại chợ theo Nghị định 02/2003/NĐ - CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ[10]:

- *Chợ loại 1:* Là chợ có trên 400 điểm kinh doanh chợ, được đầu tư xây dựng kiên cố, hiện đại theo quy hoạch; được đặt ở các vị trí trung tâm kinh tế thương mại quan trọng của tỉnh, thành phố hoặc là chợ đầu mối của ngành hàng, của khu

[9] Lê Thị Mai (2004), *Chợ quê trong quá trình chuyển đổi*, NXB Thế Giới, tr.41.

[10] Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1.

vực kinh tế và được tổ chức họp thường xuyên; có mặt bằng phạm vi chợ phù hợp với quy mô hoạt động của chợ và tổ chức đầy đủ các dịch vụ tại chợ: trông giữ xe, bốc xếp hàng hóa, kho bảo quản hàng hóa, dịch vụ đo lường, dịch vụ kiểm tra chất lượng hàng hóa, vệ sinh an toàn thực phẩm và các dịch vụ khác.

- *Chợ loại 2:* Là chợ có trên 200 điểm kinh doanh, được đầu tư xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố theo quy hoạch; được đặt ở trung tâm giao lưu kinh tế của khu vực và được tổ chức họp thường xuyên hay không thường xuyên; có mặt bằng phạm vi chợ phù hợp với quy mô hoạt động chợ và tổ chức các dịch vụ tối thiểu tại chợ: trông giữ xe, bốc xếp hàng hóa, kho bảo quản hàng hóa, dịch vụ đo lường.

- *Chợ loại 3:* Là các chợ có dưới 200 điểm kinh doanh hoặc các chợ chưa được đầu tư xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố. Chủ yếu phục vụ nhu cầu mua bán hàng hóa của nhân dân trong xã, phường và địa bàn phụ cận.

Quy mô chợ

Theo Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, có chợ kiên cố và chợ bán kiên cố[11]:

- Chợ kiên cố: là chợ được xây dựng bảo đảm có thời gian sử dụng trên 10 năm.

- Chợ bán kiên cố: là chợ được xây dựng bảo đảm có thời gian sử dụng từ 5 đến 10 năm.

Chợ ở huyện Tân Phước:

1. Chợ Bắc Đông

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh Hán Việt (Bắc: 北: Phía bắc; Đông: 東: Phía đông).

[11] Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1.

Chợ loại 3, ở xã Thạnh Mỹ, huyện Tân Phước, diện tích 1.250 m², có 42 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, đồ gia dụng, tạp hóa, đặc sản có khóm tươi,…

2. Chợ Phú Mỹ (Chợ Thầy Yến)

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Phú Mỹ).

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Tên người (Theo dân gian, ông Cai tổng Nguyễn Tấn Yến lập chợ, nên gọi là chợ Thầy Yến).

Chợ loại 2, ở xã Phú Mỹ, huyện Tân Phước, diện tích 2.504 m², có 441 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, quần áo, giày dép, kim khí điện máy, nữ trang, nông cụ, đồ gia dụng, tạp hóa, chiếu, đệm bàng, giỏ bàng,…

3. Chợ Cổ Chi (Chợ Tân Hòa Thành)

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Thực vật (Cổ Chi, có nơi đọc trại thành Củ Chi, là tên gọi dân gian đối với cây mã tiền. Cổ Chi là vùng đất có nhiều cây cổ chi/cây mã tiền).

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Tân Hòa Thành).

Chợ loại 3, ở xã Tân Hòa Thành, huyện Tân Phước, diện tích 1.000 m², có 30 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, đồ gia dụng, tạp hóa, bàng buông,…

4. Chợ Tân Lập 1

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Tân Lập 1).

Chợ loại 3, ở xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, diện tích 1.000 m², có 26 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, tạp hóa, đặc sản có khoai mỡ,…

5. Chợ Tân Phước (Chợ Bà Bèo)

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (huyện Tân Phước).

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa hình thiên nhiên (Bàu: dân gian gọi trại thành Bà, là nơi đất trũng, mùa mưa nước khá sâu; nhưng mùa nắng chỉ còn những vũng nước nhỏ hay khô hẳn. Khác với đầm, hồ, ao vì đầm, hồ, ao có nước quanh năm.) + Thực vật (Bèo: là loài thực vật thủy sinh, nổi trên mặt nước). Chợ Bàu Bèo gọi trại thành chợ Bà Bèo.

Chợ loại 2, ở thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước, diện tích 28.000 m², có 355 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, quần áo, giày dép, kim khí điện máy, nữ trang, nông cụ, đồ gia dụng, tạp hóa, đặc sản có kẹo khóm và rau choại,…

6. Chợ Thạnh Tân

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Thạnh Tân).

Chợ loại 3, ở xã Thạnh Tân, huyện Tân Phước, diện tích 2.200 m², có 44 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, tạp hóa, đặc sản có khóm tươi, khoai mỡ,…

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên khu công nghiệp, kho, trạm:**

Khu công nghiệp:

Khu công nghiệp là khu vực có ranh giới địa lý xác định, chuyên sản xuất hàng công nghiệp và thực hiện dịch vụ cho sản xuất công nghiệp, được thành lập

theo điều kiện, trình tự và thủ tục quy định tại Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ.

Khu công nghiệp Long Giang

* Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Khu công nghiệp) + Địa danh Hán Việt (Long: 龍: Rồng; Giang: 江: Sông).

* Khái quát Khu công nghiệp Long Giang:

Khu công nghiệp Long Giang được thành lập vào tháng 11 năm 2007 theo Giấy chứng nhận đầu tư số 532043000007 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Tiền Giang cấp ngày 26/11/2007, với thời hạn dự án là 50 năm.

- Địa chỉ: xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- Số điện thoại: 073 3 849 888.

- Số Fax: 073 3 642 722.

- Loại hình doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên.

- Tổng vốn đầu tư: Tổng vốn đầu tư: 100 triệu USD.

- Vốn điều lệ: 20 triệu USD.

- Diện tích: 540 ha.

Khu công nghiệp Long Giang nằm sát cạnh đường Cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương, cách trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh, sân bay Tân Sơn Nhất, cảng Sài Gòn, cảng Hiệp Phước khoảng 50 km, cách cảng Bourbon khoảng 35 km và cách trung tâm thành phố Mỹ Tho khoảng 15 km.

Về đường bộ, từ Khu công nghiệp Long Giang đến Thành phố Hồ Chí Minh có thể đi bằng Quốc lộ 1 và đường Cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương

Về đường thủy, Khu công nghiệp Long Giang có bến thủy, sà lan khoảng 500 - 600 tấn vận chuyển hàng hóa đi từ LJIP đến Cảng Mỹ Tho và Cảng Hiệp Phước.

Khu công nghiệp Long Giang có cơ sở hạ tầng và tiện ích công cộng hiện đại:

- Nguồn điện theo tiêu chuẩn TCVN 1985 - 1994.

- Nguồn nước theo tiêu chuẩn QCVN 01:2009/BYT với công suất 48.000m^3/ngày.

- 4.000 đường dây điện thoại IDD và ADSL.

- Nhà máy xử lý nước thải với công suất hoạt động 40.000m^3/ngày.

- Hệ thống đường nội bộ trải nhựa đạt tiêu chuẩn VNH18-H30.

Các lĩnh vực hoạt động chủ yếu:

- Các ngành điện, điện tử, điện lạnh, lắp ráp hệ thống thiết bị điện tử viễn thông; Các ngành cơ khí, lắp ráp.

- Các ngành sản xuất gỗ, thủ công mỹ nghệ cao cấp; Các ngành sản xuất thiết bị, hàng gia dụng: Dệt may, hàng trang sức may mặc; Sản xuất các sản phẩm về da (không có thuộc da); sản xuất vỏ hộp, bao bì, nhựa bao bì; Sản xuất vật dụng văn phòng, văn phòng phẩm.

- Các ngành sản xuất dược phẩm, hóa chất mỹ phẩm, dụng cụ quang học, thiết bị y tế; Các ngành chế biến nông, sản, thực phẩm, đồ uống, giải khát; Chế biến thủy - hải sản;

- Các ngành sản xuất vật liệu xây dựng, thiết bị vệ sinh, gốm sứ, thủy tinh, pha lê; Các ngành công nghiệp giấy (không sản xuất bột giấy); Sản xuất giấy bìa Carton, bìa gợn sóng, sản xuất giấy vệ sinh, sản xuất giấy bao bì, giấy báo, tạp chí.

Đến năm 2022, có 42 công ty đang hoạt động tại Khu công nghiệp Long Giang.

Kho:

Kho là một tòa nhà được xây dựng trên một địa điểm đạt các điều kiện nhất định để sử dụng cho việc chứa và lưu trữ lương thực, hàng hoá,...

Kho Mỹ Phước

* Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kho) + Địa danh hành chính (Thị trấn Mỹ Phước).

* Khái quát Kho Mỹ Phước:

- Địa chỉ: Thị trấn Tân Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- Diện tích: 26.671 m^2

- Tổng diện tích chứa - bảo quản tốt hàng hóa: 2.342 m^2

- Tổng tích lượng qui ra gạo: 4000 tấn

- Hoạt động chính: Thu mua, sản xuất chế biến, bảo quản, dự trữ lương thực theo chỉ tiêu, nhiệm vụ công ty giao. Xay xát, chế biến, kinh doanh lương thực, cung ứng cho xuất khẩu và nội địa, kinh doanh vật tư nông nghiệp.

- Máy móc thiết bị:

+ 01 dây chuyền xay xát đạt năng xuất 5 tấn/giờ.

+ 04 dây chuyền xát và lau bóng gạođạt năng suất 32 tấn/giờ.

+ 03 dây chuyền đấu trộn gạo trắng với năng suất 120 tấn/giờ.

+ 01 hệ thống silo chứa gạo nguyên liệu với sức chứa 280 tấn.

+ 02 hệ thống silo chứa gạo thành phẩm với sức chứa 650 tấn.

+ 03 hệ thống cân điện tử và may bao thành phẩm đạt năng suất 70 tấn/giờ.

+ 01 hệ thống băng tải xuất nhập và luân chuyển hàng hóa trong kho với tổng chiều dài 580 m.

+ 03 máy tách màu điện tử với tổng năng suất 12 tấn/giờ.

+ 01 hệ thống sấy gạo liên tục 20 tấn/giờ.

- Năng lực chế biến: 80.000 tấn/năm

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn trường học:**

Trường trung học phổ thông, trường trung học cơ sở - trung học phổ thông:

Trường trung học phổ thông:

1. Trường Trung học phổ thông Nguyễn Văn Tiếp

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học phổ thông) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Văn Tiếp).

Địa chỉ: 0209 ấp Tân Quới, xã Tân Hòa Thành, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 849 141

Trang thông tin điện tử:

Email: c3nguyenvantiep.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1983, Phân hiệu Tân Hòa Thành thuộc Trường Phổ thông trung học Tân Hiệp được thành lập. Năm 1985, trên cơ sở Phân hiệu, Trường Phổ thông trung học Tân Hòa Thành được thành lập. Năm 1989, trường được đổi tên thành Trường Phổ thông cấp 2-3 Nguyễn Văn Tiếp theo Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 1989 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành. Năm 1995, trường được đổi tên thành Trường Trung học phổ thông Nguyễn Văn Tiếp.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

NGUYỄN VĂN TIẾP

(1900 – 1947)

Nguyễn Văn Tiếp sinh năm 1900 tại làng Long Phú, quận Trung Quận, tỉnh Chợ Lớn (nay là xã Thanh Phú, huyện Bến Lức, tỉnh Long An) trong một gia đình trí thức yêu nước.

Thuở nhỏ, ông được gia đình cho lên Sài Gòn học tập. Do có điều kiện tiếp xúc với sách báo tiến bộ và chịu sự tác động của các phong trào đấu tranh chống chính quyền thực dân Pháp, nên ông sớm có tư tưởng yêu nước và cách mạng.

Sau khi tốt nghiệp trường sư phạm, ông làm giáo viên tại trường tiểu học Thanh Hà (Bến Lức). Trong khoảng thời gian này, ông tích cực tham gia các phong trào yêu nước đang diễn ra sôi nổi ở Nam bộ, như phong trào Hội kín Nguyễn An Ninh, phong trào đấu tranh đòi chính quyền Pháp trả tự do nhà yêu nước Phan Bội Châu (1925), phong trào để tang và truy điệu chí sĩ Phan Châu Trinh (1926),… Sau đó, ông bị Pháp bắt và giam ở Cần Thơ; nhưng do không có chứng cớ nên bọn chúng đành phải thả ông ra.

Năm 1929, ông gia nhập tổ chức An Nam Cộng sản Đảng. Sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (tháng 2-1930), ông được cử làm Bí thư chi bộ làng Long Phú (tháng 4-1930). Đây là một trong số mấy chi bộ được thành lập sớm nhất ở tỉnh Chợ Lớn. Tháng 5-1930, ông chỉ huy hàng trăm nông dân tiến vào quận lỵ Trung Quận (nay là thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lực, tỉnh Long An) đấu tranh đòi giảm sưu thuế. Sau cuộc biểu tình này, ông bị thực dân Pháp bắt và xử án tù chung thân đày Côn Đảo. Ở trong tù, mặc dù bị đày ải đến độ cùng cực; nhưng ông vẫn giữ vững tinh thần lạc quan cách mạng, một lòng một dạ trung thành với Tổ quốc, Đảng và nhân dân.

Cuối năm 1936, do áp lực của phong trào cách mạng trong cả nước và của Mặt trận Nhân dân ở Pháp, ông cùng với nhiều tù chính trị khác được trả tự do. Vừa mới ra tù, ông lại lao vào hoạt động cách mạng. Tháng 11-1940, ông tham gia

cuộc khởi nghĩa Nam kỳ tại quê nhà. Cuộc khởi nghĩa bị thực dân Pháp đàn áp dã man. Một lần nữa, ông bị địch bắt; rồi sau đó, lãnh án khổ sai chung thân tại Côn Đảo.

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, ông và những người tù cộng sản được Đảng rước về đất liền. Lúc này, thực dân Pháp đang lăm le quay trở lại xâm lược Nam bộ. Với tinh thần tiến công cách mạng, không cho phép mình được nghỉ ngơi , ông hăng hái hoạt động và chấp hành nghiêm chỉnh mọi sự phân công của tổ chức.

Tháng 10-1945, ông được cấp trên tin tưởng cử làm Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chánh tỉnh Mỹ Tho kiêm Ủy viên Ủy ban Kháng chiến Hành chánh Nam Bộ và Xứ ủy viên Xứ ủy Nam bộ. Với trọng trách đó, ông là một trong những cán bộ lãnh đạo trọng yếu chỉ đạo phong trào kháng chiến của nhân dân tỉnh Mỹ Tho nói riêng và Khu 8 nói chung ngày càng phát triển mạnh mẽ, trong đó có những chiến thắng vang dội trên toàn quốc, như chiến thắng Cổ Cò (tháng 1-1947), chiến thắng Giồng Dứa (tháng 4-1947),…

Tháng 5-1947, trong khi đang chủ trì một cuộc họp quan trọng của tỉnh Mỹ Tho trong vùng căn cứ Đồng Tháp Mười, ông bị bệnh bất ngờ và qua đời.

Để ghi nhớ công lao của ông, theo đề nghị của Ủy ban Kháng chiến Hành chánh tỉnh Mỹ Tho, Ủy ban Kháng chiến Hành chánh Nam bộ đã lấy tên của ông đặt cho một con kinh từ Đồng Tháp Mười đổ ra sông Tiền, thay cho tên kinh Tổng đốc Lộc. Đó là kinh Nguyễn Văn Tiếp, một con kinh có tầm quan trọng về nhiều mặt đối với khu vực Đồng Tháp Mười. Đồng thời, một tiểu đoàn chủ lực thuộc trung đoàn 308 của Quân khu 8 cũng được mang tên ông. Hiện nay, tên ông được đặt tên trường trung học phổ thông ở huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang; tên đường ở thành phố Tân An và huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Phần mộ của ông tọa lạc tại Ấp Bắc, xã Tân Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 19 đảng viên; nam: 12 ; nữ: 07; Chi ủy: 05 ; nam: 04 ; nữ: 01. Ban Giám hiệu: 03; nam: 03; nữ: 00. Công đoàn: 47 công đoàn viên; nam: 22 ; nữ: 25. Đoàn Thanh niên: 486 đoàn viên; nam: 188 ; nữ: 298.

Tổng số viên chức: 47; nam: 22; nữ: 25.

Tổng số giáo viên: 43; nam: 20; nữ: 23. Thạc sĩ: 05; Cử nhân (Đại học): 39; Cử nhân (Cao đẳng): 01; Trình độ khác: 02

Tổng số học sinh: 911 ; trong đó nam: 382; nữ: 529

Tổng diện tích: 12.837,77 m^2; diện tích sử dụng: 1.672 m^2

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy gồm 01 tầng trệt, 2 tầng lầu; Phòng làm việc: 08; Phòng học: 21; Phòng thí nghiệm: 03; Phòng nghe nhìn: 01; Phòng máy tính: 02; Thư viện: 01; Sân chơi: 02; Khu thể thao: 01; Nhà vệ sinh: 03 khu; Các loại hình khác: 01 phòng thiết bị, 01 phòng Giáo dục quốc phòng, 02 phòng kho, căn tin, nhà xe.

2. Trường Trung học phổ thông Tân Phước

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học phổ thông) + Địa danh hành chính (Huyện Tân Hiệp).

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại:.073. 3848280

Trang thông tin điện tử: thpttanphuoc.tiengiang.edu.vn

Email: C3tanphuoc.tiengiang@moet.edu.vn.

Trường Trung học phổ thông Tân Phước được thành lập theo Quyết định số 2437/QĐUB ngày 17 tháng 8 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Tên trường được đặt theo đơn vị hành chính: Huyện Tân Phước.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 19 đảng viên; nam 10; nữ: 09; Chi ủy: 03; nam 01; nữ: 02. Ban Giám hiệu: 02; nam 01; nữ: 01. Công đoàn: 47 công đoàn viên; nam: 21; nữ: 26. Đoàn Thanh niên: 875; nam: 426; nữ: 449.

Tổng số viên chức: 47; nam: 21; nữ: 26. Tổng số giáo viên: 39; nam: 18; nữ: 21. Thạc sĩ: 08; Cử nhân (đại học): 35; Trình độ khác: 04.

Tổng số học sinh: 904; nam: 422; nữ: 482.

Tổng diện tích: 29.485, 6 m^2; diện tích sử dung: 25.919,75m^2.

Trường có 01 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu; Phòng làm việc: 10; Phòng học: 14; Phòng thí nghiệm: 06; Phòng nghe nhìn: 02; Phòng máy tính: 02; Thư viện: 02; Sân chơi: 01 (3.000 m^2); Khu thể thao (hồ bơi): 424,93m^2; Nhà vệ sinh: 02 khu: 106 m^2 (Khu dành cho học sinh: 82 m^2; Khu dành cho giáo viên: 24 m^2); căn tin; nhà xe.

Trường Trung học cơ sở:

1. Trường Trung học cơ sở Hưng Thạnh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Hưng Thạnh).

Địa chỉ: Ấp Hưng Điền, xã Hưng Thạnh, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0733 646 435

Trang thông tin điện tử: http://thcshungthanh.tiengiang.edu.vn

Email: c2hungthanhtp.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 2000, trường được thành lập theo Quyết định số 486/2000/QĐ.UB của Ủy ban Nhân dân huyện Tân Phước. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Hưng Thạnh.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 14 đảng viên; nam: 04; nữ: 10; Chi ủy: 03; nam: 02; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 33 công đoàn viên; nam: 13; nữ: 20. Đoàn thanh niên: 06 đoàn viên; nam: 01; nữ: 05. Đội thiếu niên: 379 đội viên; nam: 177; nữ: 202

Tổng số cán bộ, viên chức: 33; nam: 13; nữ: 20. Tổng số giáo viên: 26; nam: 10; nữ: 16. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (Đại học); 17; Cử nhân (Cao đăng): 08.

Tổng số học sinh: 379; nam: 177; nữ: 202.

Tổng diện tích 6.545m^2; diện tích sử dụng 4.500m^2.

Gồm 03 dãy lầu, mỗi dãy gồm 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 06; phòng học: 09; phòng thí nghiệm: 03; phòng nghe nhìn: 01; phòng vi tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; Nhà vệ sinh: 02.

2. Trường Trung học cơ sở Mỹ Phước

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Mỹ Phước).

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733848787

Trang thông tin điện tử: http://thcsttmyphuoc.pgdtanphuoc.edu.vn

Email: c2ttmyphuoctp.tiengiang@moet.edu.vn

Trường được thành lập theo Quyết định số 2120/QĐ.UBND ngày 03/10/2008 của Ủy ban Nhân dân huyện Tân Phước. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Thị trấn Mỹ Phước.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 33 đảng viên; nam: 16; nữ: 17; Chi ủy: 05; nam: 04 ; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02; nam: 02, nữ: 00. Công đoàn: 62 công đoàn

viên; nam: 24; nữ: 38. Đoàn thanh niên: 04 đoàn viên; nam: 00; nữ: 04. Đội thiếu niên: 1.223 đội viên; nam: 628; nữ: 595.

Tổng số cán bộ, viên chức: 62; nam: 24; nữ: 38. Tổng số giáo viên: 54; nam: 18; nữ: 36. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (đại học): 40; Cử nhân (cao đẳng): 20; Trung cấp: 01.

Tổng số học sinh: 1.223; nam: 628; nữ: 595.

Tổng diện tích: 8.756.3 m^2; diện tích sử dụng: 8.756.3 m^2.

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy gồm 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 08; phòng học: 14; phòng truyền thống: 01; thư viện: 01; 02 phòng tin học: 02; hội trường: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; nhà vệ sinh: 04.

3. Trường Trung học cơ sở Phú Mỹ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Phú Mỹ).

Địa chỉ: Ấp Phú Nhuận, xã Phú Mỹ, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733.849.049

Trang thông tin điện tử: http://thcsphumy.pgdtanphuoc.edu.vn

Email:c2phumytp.tiengiang@moet.edu.vn

Tháng 9/1975, Trường cấp I và cấp II Phú Mỹ được thành lập. Năm 1979, trường có tên là Trường Phổ thông cơ sở Phú Mỹ. Năm 1990, trường được tách thành Trường Tiểu học Phú Mỹ và Trường Trung học cơ sở Phú Mỹ. Lúc này, trường thuộc Phòng Giáo dục huyện Châu Thành.

Sau khi huyện Tân Phước được thành lập, năm 1995, Trường Trung học cơ sở Phú Mỹ thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Tân Phước theo Quyết định số 39/QĐ-UB ngày 11/3/1995 của Uỷ ban nhân dân huyện Tân Phước. Trường được

công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục; vinh dự nhận được 02 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2005 và năm 2019.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Phú Mỹ.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 15 đảng viên; nam: 06; nữ: 09; Chi ủy: 03; nam: 01; nữ: 02. Ban giám hiệu: 01 người; nam: 00; nữ: 01. Công đoàn: 32 công đoàn viên; nam: 11; nữ: 21. Đoàn thanh niên: 10 đoàn viên; nam: 03; nữ: 07. Đội thiếu niên: 609 đội viên; nam: 302; nữ: 307.

Tổng số cán bộ, viên chức: 32; nam: 11; nữ: 21. Tổng số giáo viên: 28, Nam: 10, nữ: 18. Cử nhân (đại học); 24 ; Cử nhân (cao đăng): 08.

Tổng số học sinh: 609; nam: 602; nữ: 607.

Tổng diện tích: 8560 m^2; diện tích sử dụng: 8560 m^2.

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 05; phòng học: 17; phòng thí nghiệm: 03; phòng nghe nhìn: 01; phòng vi tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; nhà vệ sinh: 02 khu (giáo viên và học sinh).

4. Trường Trung học cơ sở Tân Hòa Thành

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Tân Hòa Thành).

Địa chỉ: Ấp Tân Quới, xã Tân Hòa Thành, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733649567

Trang thông tin điện tử: thcstanhoathanh.tiengiang.edu.vn

Email: c2tanhoathanhtp@gmail.com

Năm 2012, Trường Trung học cơ sở Tân Hòa Thành được thành lập theo Quyết định số 1000/QĐ-UBND ngày 26 tháng 06 năm 2012 của Ủy ban Nhân dân

huyện Tân Phước trên cơ sở chia tách từ Trường Trung học phổ thông Nguyễn Văn Tiếp. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Tân Hòa Thành.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 13 đảng viên; nam: 07; nữ: 06; Chi ủy: 03; nam: 02; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 35 công đoàn viên; nam: 16; nữ: 19. Đoàn thanh niên: 37 đoàn viên; nam: 15; nữ: 22. Đội thiếu niên: 658 đội viên; nam: 329; nữ: 329.

Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên: 35; nam: 16; nữ: 19. Tổng số giáo viên: 33; nam: 14; nữ: 19. Cử nhân (đại học); 23; Cử nhân (cao đẳng): 10; Trung cấp Y tế: 01.

Tổng số học sinh: 658; nam: 320; nữ: 338.

Tổng diện tích: 7845,7m^2; diện tích sử dụng: 5.005,5m^2.

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; phòng làm việc: 08; phòng học: 10; phòng thí nghiệm: 01; phòng nghe nhìn: 01; phòng vi tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; nhà vệ sinh: 06.

5. Trường Trung học cơ sở Tân Lập

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Tân Lập 1).

Địa chỉ: Ấp 5, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733642056 .

Trang thông tin điện tử://thcstanlap.pgdtanphuoc.edu.vn/

Email: c2tanlaptp.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 2001, Trường Trung học cơ sở Tân Lập được thành lập theo Quyết định 487/2001/QĐ.UB ngày 22/8/2001 của Uỷ ban Nhân dân huyện Tân Phước trên cơ

sở chia tách Trường Phổ thông cơ sở Tân Lập 1. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Tân Lập 1.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 21 đảng viên; nam: 10; nữ: 11; Chi ủy: 04 ; nam: 04; nữ: 00. Ban giám hiệu: 02 người; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 27 công đoàn viên; nam: 11; nữ: 16. Đoàn thanh niên: 02 đoàn viên; nam: 00; nữ: 02. Đội thiếu niên: 449 đội viên; nam: 235; nữ: 214.

Tổng số cán bộ, viên chức: 27; nam: 11; nữ: 16. Tổng số giáo viên: 23; nam: 09; nữ: 14. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (đại học); 17; Cử nhân (cao đẳng): 09.

Tổng số học sinh: 449; nam: 235; nữ: 214.

Tổng diện tích: 11.597,7 m^2; diện tích sử dụng: 11.597,7 m^2.

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; phòng làm việc: 07; phòng học:12; phòng thí nghiệm: 04; phòng nghe nhìn: 00; phòng vi tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: chưa có; nhà vệ sinh: 04 khu.

6. Trường Trung học cơ sở Thạnh Mỹ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Thạnh Mỹ).

Địa chỉ: Ấp Mỹ Thuận, xã Thạnh Mỹ, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733644029

Trang thông tin điện tử: http://thcsthanhmy.pgdtanphuoc.edu.vn

Email: c2thanhmytp.tiengiang@moet.edu.vn

Trường được thành lập theo Quyết định số 485/2000/QĐ.UB ngày 17/8/2000 của Ủy ban Nhân dân huyện Tân Phước.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Thạnh Mỹ.

Năm 2013, Chi bộ nhà trường có 13 đảng viên; nam: 06; nữ: 07; Chi ủy: 03; nam:02; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 27 đoàn viên; nam: 13; nữ: 14. Đoàn thanh niên: 12 đoàn viên; 2 nam: 02; nữ: 10. Đội thiếu niên: 303 đội viên; nam: 151; nữ: 152.

Tổng số cán bộ, viên chức: 27; nam: 13; nữ: 14. Tổng số giáo viên: 21; nam: 09; nữ: 12. Cử nhân (đại học): 14; Cử nhân (cao đẳng): 13

Tổng số học sinh: 303; nam: 151; nữ: 152.

Tổng diện tích: 21.251 m^2; diện tích sử dụng: 3.500 m^2

Trường có 01 dãy lầu, gồm 01 tầng trệt và 02 tầng lầu; phòng làm việc: 01; phòng học: 05; phòng thí nghiệm: 03; phòng nghe nhìn: 00; phòng vi tính: 01; thư viện: 01; phòng thiết bị: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 00; nhà vệ sinh: 02 khu.

Trường tiểu học, trường tiểu học - trung học cơ sở:

1. Trường Tiểu học Hưng Thạnh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Hưng Thạnh).

Địa chỉ: Ấp Hưng Điền, xã Hưng Thạnh, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733646270

Trang thông tin điện tử: Chưa có.

Email: C1hungthanhtp.tiengiang@moet.edu.vn

Trường Tiểu học Hưng Thạnh được thành lập năm 1978. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Hưng Thạnh.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 15 đảng viên; nam: 05 ; nữ: 10; Chi ủy: 03; nam: 03; nữ: 00. Ban giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 32 công đoàn

viên; nam: 10; nữ: 22. Đoàn thanh niên: 06 đoàn viên; nam: 03; nữ: Đội thiếu niên: 303 đội viên; nam: 176; nữ: 127.

Tổng số cán bộ, viên chức: 32; nam: 10; nữ: 22. Tổng số giáo viên: 29; nam: 09; nữ: 20. Cử nhân (đại học); 14 ; Cử nhân (cao đăng): 08; Trung học sư phạm: 07.

Tổng số học sinh: 488; nam: 266; nữ: 222

Tổng diện tích: 5.763,7 m^2; diện tích sử dụng: 5.763,7 m^2

Trường có 01 dãy lầu, gồm 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; phòng làm việc: 05; phòng học: 20; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 01; phòng vi tính: 01; thư viện: 01; phòng thiết bị: 01; sân chơi: 2.205 m^2 ; khu thể thao: 750 m^2 ; nhà vệ sinh: 06 .

2. Trường Tiểu học Mỹ Phước

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Thị trấn Mỹ Phước).

Địa chỉ: Khu 3, Thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733808098

Trang thông tin điện tử: Chưa có.

Email: c1ttmyphuoc.tiengiang@moet.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường Phổ thông cơ sở Mỹ Phước được thành lập 1976 thuộc huyện Châu Thành. Đến năm 1994, khi huyện Tân Phước được thành lập, trường được đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Thị trấn Mỹ Phước. Trong thời điểm này trường có 3 cấp học, gồm Mầm Non, Cấp I (từ lớp 1 - lớp 5), Cấp II (từ lớp 6 - lớp 9); đến năm 1998, trường còn có các lớp Cấp III (từ lớp 10 - lớp 12). Năm 1999, Ủy ban Nhân dân huyện cho tách các cấp học Mầm Non, Cấp I, Cấp II và Cấp III của Trường Phổ thông cơ sở thị trấn Mỹ Phước thành các Trường Mầm

non Thị trấn Mỹ Phước, Trường Tiểu học Thị trấn Mỹ Phước, Trường Trung học cơ sở Thị trấn Mỹ Phước và Trường Trung học phổ thông Tân Phước. Trường Tiểu học Thị trấn Mỹ Phước được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt tên theo đơn vị hành chính: Thị trấn Mỹ Phước.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 30 đảng viên; nam: 04; nữ: 26; Chi ủy: 05; nam 01; nữ: 04. Ban giám hiệu: 03 ; nam: 01; nữ: 02. Công đoàn: 50 công đoàn viên; nam: 11; nữ: 39. Đoàn thanh niên: 15 đoàn viên; nam: 03; nữ: 12. Đội thiếu niên: 609 đội viên; nam: 297; nữ: 312.

Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên: 50, nam: 11; nữ: 39. Tổng số giáo viên: 44; nam: 09, nữ: 35. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (đại học): 36; Cử nhân (Cao đẳng): 08; Trung cấp: 05

Tổng số học sinh: 1.026; nam: 493; nữ: 513.

Tổng diện tích 16.882 m^2; diện tích sử dụng; 16.882 m^2.

Trường có 05 dãy lầu; mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 05; phòng học: 31; phòng vi tính: 02; thư viện: 02; sân chơi: 02; khu thể thao: 02; nhà vệ sinh: 05.

3. Trường Tiểu học Phú Mỹ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Phú Thạnh).

Địa chỉ: Ấp Phú Hữu, xã Phú Mỹ, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273-3849023

Trang thông tin điện tử: thphumya.tiengian.edu.vn

Email: c1phumyatp.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp 1 Phú Mỹ A và Trường Phổ thông cấp 1 Phú Mỹ B được thành lập. Năm 1996, hai trường được đổi tên thành Trường Tiểu học Phú Mỹ A và Trường Tiểu học Phú Mỹ B. Tháng 7-2016, hai trường được hợp nhất thành Trường Tiểu học Phú Mỹ. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục, được nhận Huân chương Lao động hạng Ba của Chủ tịch nước (2007) và Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (2013).

Tên trường được đặt tên theo đơn vị hành chính: Xã Phú Mỹ.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 21 đảng viên; nam: 08; nữ 13; Chi ủy: 04; nam: 02 ; nữ: 02. Ban giám hiệu: 01; nam: 00; nữ: 01. Công đoàn: 38 công đoàn viên; nam: 12 ; nữ: 26. Đoàn thanh niên: 08 đoàn viên; nam: 02; nữ: 06 . Đội thiếu niên: 554 đội viên; nam: 264; nữ: 290.

Tổng số cán bộ, viên chức: 38; nam: 12 ; nữ: 26. Tổng số giáo viên: 36; nam: 11; nữ: 25. Cử nhân (đại học): 28; Cử nhân (cao đăng): 05; Trung học sư phạm: 03.

Tổng số học sinh: 755; nam: 373; nữ: 382.

Tổng diện tích: 7.911 m^2; diện tích sử dụng: 7.911 m^2.

Trường có 03 dãy lầu; mỗi dãy gồm 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; phòng làm việc: 06; phòng học: 33 ; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 02; phòng vi tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 01; nhà vệ sinh: 05.

4. Trường Tiểu học Phước Lập

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Phước Lập).

Địa chỉ: Ấp Mỹ Lợi, xã Phước Lập, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733.848355

Trang thông tin điện tử: Chưa có

Email: c1phuoclap1tp.tiengiang@moet.edu.vn

Trường Tiểu học Phước Lập được thành lập năm 2018 theo Quyết định số 2681/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của Ủy ban Nhân dân huyện Tân Phước trên cơ sở hợp nhất Trường Tiểu học Phước Lập 1 và Trường Tiểu học Phước Lập 2. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (2012).

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Phước Lập.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 20 đảng viên; nam: 09; nữ: 11; Chi ủy; 05, nam: 03, nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 00; nữ: 02. Công đoàn: 30 công đoàn viên; nam: 11; nữ: 19. Đoàn thanh niên: 04 đoàn viên; nam: 02; nữ: 02. Đội thiếu niên: 347 đội viên; nam: 172; nữ: 175.

Tổng số cán bộ, viên chức: 30; nam: 11; nữ: 19. Tổng số giáo viên: 26, nam: 10, nữ: 16. Cử nhân (đại học): 19 ; Cử nhân (cao đẳng): 04; Trung học sư phạm: 07.

Tổng số học sinh: 573; nam: 302; nữ: 271.

Tổng diện tích: 10.446,2 m^2; diện tích sử dụng: 10.446,2m^2.

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy gồm 01 tầng trệt, 01 tầng lầu, phòng làm việc: 05; phòng học: 23 ; phòng thiết bị: 01; phòng nghe nhìn: 02; phòng âm nhạc: 01; phòng đọc: 01; phòng vi tính: 03; thư viện: 02; sân chơi: 02; khu thể thao: 02 ; nhà vệ sinh: 06.

5. Trường Tiểu học Tân Hòa Tây

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Tân Hòa Tây).

Địa chỉ: Ấp Tân Hưng Tây, xã Tân Hòa Tây, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733848454

Trang thông tin điện tử: Chưa có

Email: c1tanhoatay.tiengiang@moet.edu.vn

Trường Tiểu học Tân Hòa Tây được thành lập theo Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 11 tháng 03 năm 1995 của Ủy ban Nhân dân huyện Tân Phước. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Tân Hòa Tây.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 07 đảng viên; nam: 05; nữ: 02; Chi ủy: 02; nam: 02; nữ: 00. Ban giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 16 công đoàn viên; nam: 07; nữ: 09. Đoàn thanh niên: 02 đoàn viên, nam: 01; 01 nữ: 01. Đội thiếu niên: 100 đội viên; nam 46; nữ: 54.

Tổng số cán bộ, viên chức: 16; nam: 07; nữ: 09. Tổng số giáo viên: 14; nam: 06; 8 nữ: 08. Cử nhân (đại học): 11; Cử nhân (cao đẳng): 03.

Tổng số học sinh: 173; nam: 81; nữ: 92.

Tổng diện tích: 4.554,7 m^2; diện tích sử dụng; 4.554,7 m^2.

Trường có ó dãy lầu, gồm 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 01; phòng học: 06; phòng nghe nhìn: 00; phòng vi tính: 00; thư viện: 01; phòng thiết bị: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; nhà vệ sinh: 02.

6. Trường Tiểu học Tân Hòa Thành

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Tân Hòa Thành).

Địa chỉ: Ấp Tân Quới, xã Tân Hòa Thành, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 849143

Trang thông tin điện tử: http://thtanhoathanha.tiengiang.edu.vn

Email: c1tanhoathanhatp.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 2018, Trường Tiểu học Tân Hòa Thành được thành lập trên cơ sở hợp nhất Trường Tiểu học Tân Hòa Thành A và Trường Tiểu học Tân Hòa Thành B. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục, vinh dự được trao tặng Bằng khen Thủ tướng Chính phủ năm 2018.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Tân Hòa Thành.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 26 đảng viên; nam: 09; nữ: 17; Chi ủy: 04; nam: 02; nữ: 02. Ban Giám hiệu: 03; nam: 02; nữ: 01. Công đoàn: 49 công đoàn viên; nam: 15; nữ: 34. Đoàn thanh niên: 10 đoàn viên; nam: 01; nữ: 09. Đội thiếu niên: 517 đội viên; nam: 276; nữ: 241.

Tổng số cán bộ, viên chức: 49; nam: 15; nữ: 34. Tổng số giáo viên: 44; nam: 13; nữ: 31. Cử nhân (đại học): 30; Cử nhân (cao đẳng): 11; Trung học sư phạm: 08.

Tổng số học sinh: 926; nam: 502; nữ: 424.

Tổng diện tích: 8.203,3 m^2; diện tích sử dụng: 8.203,3 m^2.

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; phòng làm việc: 02; phòng học: 28; phòng nghe nhìn: 01; phòng vi tính: 02; thư viện: 01; phòng thiết bị: 04; phòng mỹ thuật: 01; phòng âm nhạc: 01; phòng truyền thống công tác đội: 02; phòng y tế: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 01; nhà vệ sinh: 08.

7. Trường Tiểu học Tân Lập 2

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Tân Lập 2).

Địa chỉ: Ấp Tân Bình, xã Tân Lập 2, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733642034

Trang thông tin điện tử: Chưa có

Email: c1tanlap2tp.tiengiang@moet.edu.vn

Trường được thành lập năm 1995. Trường đạt chuẩn Quốc gia.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Tân Lập 2.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 10 đảng viên; nam: 05; nữ: 05; Chi ủy: 03, nam: 03; nữ: 00. Ban giám hiệu: 01, nam: 01; nữ: 00. Công đoàn: 16 công đoàn viên; nam: 06; nữ: 10. Đoàn thanh niên: 03 đoàn viên; nam: 01; nữ: 02. Đội thiếu niên: 156 đội viên; nam: 70; nữ: 86.

Tổng số giáo viên: 16; nam: 06; nữ: 10. Cử nhân (đại học); 10; Cử nhân (cao đăng): 06;

Tổng số học sinh: 253; nam: 120; nữ: 133

Tổng diện tích: 4.706,4 m^2; diện tích sử dụng: 1.422m^2.

Trường có 01 dãy lầu, gồm 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; phòng làm việc: 02; phòng học: 10; phòng nghe nhìn: 01; phòng vi tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; nhà vệ sinh: 02.

8. Trường Tiểu học Thạnh Mỹ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Thạnh Mỹ).

Địa chỉ: Ấp Mỹ Lộc, xã Thạnh Mỹ, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733644030.

Trang thông tin điện tử: Chưa có

Email: c1thanhmytp.tiengiang@.moet.edu.vn

Trường Tiểu học Thạnh Mỹ được thành lập năm 1995. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Thạnh Mỹ.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 07 đảng viên; nam: 02; nữ: 05; Chi ủy: 03; nam: 02; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 13 công đoàn viên; nam: 03; nữ: 10. Đội thiếu niên: 156 đội viên; nam: 77; nữ: 79.

Tổng số giáo viên: 13; nam: 03; nữ: 10. Cử nhân (đại học); 10; Cử nhân (cao đăng): 02; Trung học sư phạm: 01.

Tổng số học sinh: 254; nam: 133; nữ: 121.

Tổng diện tích: 15.77,69 m^2; diện tích sử dụng: 10.000 m^2.

Trường có 01 dãy lầu, gồm 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; phòng làm việc: 03; phòng học: 08; phòng nghe nhìn: 01; phòng vi tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; nhà vệ sinh: 02

9. Trường Tiểu học Thạnh Tân

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Thạnh Tân).

Địa chỉ: Ấp 4, xã Thạnh Tân, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 643 059

Trang thông tin điện tử: http://ththanhtan.tiengiang.edu.vn

Email: c1thanhtantp.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1997, trường được thành lập theo Quyết định số 284/QĐ-UB ngày 23 tháng 7 năm 1997 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện Tân Phước. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Thạnh Tân.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 13 đảng viên; nam: 04; nữ: 09; Chi ủy: 03; nam: 02; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 19 công đoàn

viên; nam: 08; nữ: 11. Đoàn thanh niên: 06 đoàn viên; nam: 01; nữ: 01. Đội thiếu niên: 175 đội viên; nam: 95; nữ: 80.

Tổng số cán bộ, viên chức: 19; nam: 08; nữ: 11. Tổng số giáo viên: 17; nam: 06; nữ: 11. Cử nhân (Đại học): 10; Cử nhân (Cao đẳng): 06; Trung học sư phạm: 01.

Tổng số học sinh: 281; nam: 133; nữ: 148.

Tổng diện tích 5.160 m^2; diện tích sử dụng: 5.160 m^2.

Trường có 01 dãy lầu, gồm 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; phòng làm việc: 06; phòng học: 10 ; phòng nghe nhìn: 01; phòng vi tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; nhà vệ sinh: 03.

***Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn địa danh Kinh/Kênh:**

Khái niệm

Kinh/Kênh là dòng dẫn nước do con người tạo ra, nhằm vào nhiều mục đích, trong đó có hai mục đích chính là thủy lợi và giao thông thủy.

1. Kinh/Kênh Bà Bèo

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Địa hình thiên nhiên (Bàu: là nơi đất trũng, mùa mưa nước khá sâu; nhưng mùa nắng chỉ còn những vũng nước nhỏ hay khô hẳn. Khác với đầm, hồ, ao vì đầm, hồ, ao có nước quanh năm. Dân gian gọi trại "Bàu" thành "Bà") + Thực vật (Bèo: là loài thực vật thủy sinh, nổi trên mặt nước). Kinh/Kênh Bàu Bèo gọi trại thành kinh/kênh Bà Bèo.

Kinh/Kênh Bà Bèo được đô đốc Tây Sơn là Đặng Trấn cho đào năm 1785 nhằm trấn áp quân Đông Sơn do Đỗ Thanh Nhơn chỉ huy. Đây là lực lượng ủng hộ Nguyễn Ánh trong việc tranh chấp với phong trào Tây Sơn do Nguyễn Nhạc, Nguyện Huệ, Nguyễn Lữ lãnh đạo. Lúc đó, con kinh/kênh này được sách sử chép

là Tranh giang Tân kinh (Kinh/kênh mới rạch Chanh). Lúc đó, vì kinh/kênh chảy ngang qua Bàu Bèo nên dân gian gọi là kinh/kênh Bàu Bèo, nói trại thành kinh/kênh Bà Bèo.

Trong nửa sau thế kỷ XIX, kinh/kênh Bà Bèo là tuyến đường thủy quan trọng trong việc vận chuyển nông sản, hàng hóa từ miền Tây đến Sài Gòn và ngược lại, nên được người Pháp gọi là kinh/kênh Thương Mãi (Arroyo de Commercial). Về sau, khi có kinh/kênh Chợ Gạo, con kinh/kênh này không còn vai trò thương mãi như trước, nên được dân gian gọi là Sông Cũ. Hiện nay, tên gọi phổ biến là kinh/kênh Bà Bèo.

Kinh/Kênh chảy xuyên qua xã Mỹ Hạnh Trung, thị xã Cai Lậy; thị trấn Mỹ Phước, xã Phước Lập thuộc huyện Tân Phước; điểm đầu nối với kinh/kênh Xáng Lacour, điểm cuối nối với kinh/kênh Nguyễn Văn Tiếp, dài 7,22 km, bề ngang 25 - 30 m, sâu 25 - 30 m, diện tích phục vụ 780 ha.

2. Kinh/Kênh Bắc Đông

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Từ chỉ phương hướng (Bắc Đông).

Kinh/Kênh Bắc Đông là một đoạn trong ba kinh/kênh Đồng Tiến - Lagrange - Bắc Đông nối tiếp nhau, đã được đào từ thời Pháp thuộc, chạy từ tây sang đông, nối liền sông Tiền với sông Vàm Cỏ Tây. Trước đây, đoạn kinh/kênh Bắc Đông chỉ dài 14 km tính từ chỗ tiếp giáp với kinh/kênh Lagrange đến sông Vàm Cỏ Tây. Năm 1987, đã đào thêm một kinh/kênh mới dài 14,5 km chạy thẳng từ Kinh/Kênh 12 ở phía tây đến chỗ giáp kinh/kênh Lagrange và kinh/kênh Bắc Đông, con kinh/kênh mới này cũng gọi là kinh/kênh Bắc Đông. Năm 1994, kinh/kênh được nạo vét.

Tổng chiều dài của kinh/kênh Bắc Đông là 28,5 km, trong đó phần thuộc địa phận Tiền Giang là 20,3 km, chảy xuyên qua các xã Tân Hòa Đông, Thạnh Mỹ,

Thạnh Hòa, Thạnh Tân thuộc huyện Tân Phước, sâu 2,9 - 3,2 m, bề ngang 23 - 37 m, diện tích phục vụ 2.039 ha.

3. Kinh/Kênh Cà Dăm

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Thực vật (Cà dăm: là cây gỗ cao 10-20 m; vỏ cây được dùng làm thuốc, hỗ trợ điều trị đau nhức xương khớp, phong tê thấp).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua thị trấn Mỹ Phước, xã Phước Lập thuộc huyện Tân Phước; xã Nhị Bình,huyện Châu Thành; điểm đầu nối với kinh/kênh Nguyễn Tấn Thành, điểm cuối nối với kinh/kênh Mỹ Long - Bà Kỳ, dài 6,54 km, bề ngang 19 - 49 m, sâu 1,8 - 3,7 m, diện tích phục vụ 654 ha, được đào năm 2006.

4. Kinh/Kênh Chợ Bưng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh Khmer (Bưng).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Long An, Tam Hiệp thuộc huyện Châu Thành và các xã Tân Lập 1, Tân Lập 2 thuộc huyện Tân Phước; điểm đầu nối với kinh/kênh Bảo Định, điểm cuối nối với kinh/kênh Nguyễn Văn Tiếp, dài 16,4 km, bề ngang 22 - 29 m, sâu 1,5 - 4,5 m, diện tích phục vụ 1.290 ha.

5. Kinh/Kênh Lộ Mới

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Công trình xây dựng mang yếu tố Hán Việt (Lộ: 塘 : Đường) + Tính từ (Mới).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua thị trấn Mỹ Phước, xã Thạnh Mỹ thuộc huyện Tân Phước; điểm đầu nối với kinh/kênh Nguyễn Văn Tiếp, điểm cuối nối với kinh/kênh Bắc Đông, dài 11,55 km, bề ngang 23 - 37 m, sâu 2,2 - 3,0 m, diện tích phục vụ 2.310 ha, được đào năm 1990.

6. Kinh/Kênh Nguyễn Tấn Thành

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh?Kênh) + Họ và tên nhân vật lịch sử (Nguyễn Tấn Thành).

Tiểu sử nhân vật Nguyễn Tấn Thành:

Nguyễn Tấn Thành, bí danh là Chín Kỉnh, sinh năm 1922 tại làng Long Hưng, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân.

Sớm giác ngộ cách mạng, năm 1938, lúc mới 16 tuổi, ông đã lên Sài Gòn tham gia phong trào "Đông Dương đại hội" và các "Ủy ban Hành động" do Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam) phát động.

Tháng 11 - 1940, ông tham gia cuộc khởi nghĩa Nam kỳ ở quê nhà. Được biết, Long Hưng là nơi có phong trào khởi nghĩa sôi nổi và mạnh mẽ nhất ở tỉnh Mỹ Tho. Cuộc khởi nghĩa bị thất bại, ông bị địch truy nã gắt gao, nên phải rút vào hoạt động bí mật.

Tháng 8 - 1944, ông được cấp trên giao nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng huyện Châu Thành. Để có vũ khí trang bị cho du kích, ông trực tiếp lên Sài Gòn, nhân cuộc đảo chính của Nhật (9 - 3 - 1945), giật súng của lính Pháp đi lẻ mang về Long Hưng.

Tháng 8 - 1945, ông cùng với đội vũ trang tham gia khởi nghĩa giành chính quyền ở huyện Châu Thành. Cuối tháng 10 - 1945, sau khi chiếm thị xã Mỹ Tho, địch cho tàu chiến chạy dọc theo sông Tiền bắn phá các xã ven sông để thăm dò lực lượng của ta.

Lúc bấy giờ, đội vũ trang Châu Thành, với phiên hiệu là Phân đội Tự vệ chiến đấu quân, do ông chỉ huy lập phòng tuyến ở vàm kênh xáng Lacomb kiên quyết chiến đấu ngăn chặn địch. Sau đó, Phân đội lãnh trách nhiệm giữ mặt trận bến đò Long Hưng.

Đầu tháng 11 - 1945, Phân đội của ông được bổ sung thêm quân số, hoạt động mạnh ở địa bàn ba xã Long Hưng, Long Định, Tam Hiệp, gây cho quân Pháp những thiệt hại nặng nề. Danh tiếng của bộ đội Chín Kỉnh vang xa khắp nơi.

Do đó, đến tháng 1 - 1946, ông được bổ sung vào Tỉnh ủy Mỹ Tho; và tại Hội nghị Quân Dân Chính tỉnh Mỹ Tho (3 - 1946), ông được bầu làm Ủy viên Quân sự tỉnh. Với chức trách được giao, ông đã ra sức xây dựng lực lượng vũ trang từ tỉnh xuống tận xã ngày càng lớn mạnh, vừa đánh quân Pháp, tiêu diệt sinh lực địch; vừa tiễu trừ, trấn áp bọn cướp, bọn phản động, bảo vệ cuộc sống, tài sản của nhân dân. Đồng thời, ông còn cho đào các con kênh kháng chiến nhằm phục vụ sản xuất, đời sống dân sinh cho nhân dân và ngăn chặn xe lội nước của địch đột nhập vào vùng căn cứ cách mạng.

Bên cạnh đó, ông đã trực tiếp chỉ huy đại đội dân quân tỉnh tấn công vào các vị trí chiếm đóng của quân địch, giành được những chiến công vang dội, điển hình như trận đánh đồn Tân Lý Tây tháng 8 - 1947, tiêu diệt toàn bộ quân địch ở đây, thu được nhiều vũ khí, đạn dược; trận đánh liên hoàn vào các đồn của địch trên Lộ 28 trong tháng 4 - 1948, thu được trên 100 khẩu súng các loại; trận đánh diệt đồn Kênh xáng Lacomb trên lộ Đông Dương (nay là Quốc lộ 1) tháng 6 - 1948,…

Đồng thời, ông rất chú trọng đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quân sự cho tỉnh. Hầu hết cán bộ dân quân cấp tỉnh, huyện, xã đều được đưa đi học tại các trường Quân chính của quân khu hoặc của tỉnh. Đặc biệt, vào giữa năm 1947, ông còn cho mở khóa đào tạo 120 cán bộ nữ dân quân để làm nòng cốt xây dựng phong trào nữ dân quân của tỉnh.

Đầu năm 1949, ông được điều động về Bộ Tư lệnh Nam Bộ. Trước khi đi, với ý định để lại một kỷ niệm đẹp cho đồng chí, đồng đội và cũng nhằm giải quyết sự khan hiếm vũ khí, ông chỉ huy đại đội dân quân tỉnh tấn công đồn cầu đúc An Thạnh (đồn cầu Rượu, xã Long Định, huyện Châu Thành) trên lộ Đông Dương. Nhưng không may, ông đã anh dũng hy sinh.

Để tưởng nhớ người cán bộ quân sự tài ba đã cống hiến tuổi thanh xuân của mình vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ đã lấy tên ông đặt cho kênh xáng Lacomb chảy xuyên qua nơi "chôn nhau cắt rốn" của ông: kinh/kênh Nguyễn Tấn Thành.

Kinh/Kênh Nguyễn Tấn Thành do chính quyền thực dân Pháp đào khoảng năm 1918, gọi là Kinh/Kênh Xáng Lacomb, chảy qua huyện Châu Thành và huyện Tân Phước. Điểm đầu từ kinh/kênh Nguyễn Văn Tiếp A tại trung tâm thị trấn Mỹ Phước thẳng xuống phía nam, cắt Quốc lộ 1 tại cầu Kinh/Kênh Xáng (xã Long Định). Trước khi ra sông Tiền, kinh/kênh cắt Đường tỉnh 864 tại cầu Đồng Tâm.

Kinh/Kênh Nguyễn Tấn Thành dài 19,3 km, rộng 40m, bề rộng tại vàm kinh 125m, sâu 5 - 8 m. Kinh nầy ngoài chức năng giao thông thủy, còn là trục thoát lũ quan trọng của tỉnh. Kinh được nạo vét nhiều lần, lần gần đây nhất vào năm 2000 để lấy đất đắp bờ đê ngăn lũ. Trong mùa khô năm 2020 và 2021, tỉnh Tiền Giang cũng triển khai đắp đập thép ngăn mặn, trữ ngọt trên kinh/kênh Nguyễn Tấn Thành. Công trình đã phát huy hiệu quả trong công tác phòng, chống hạn, mặn, góp phần bảo vệ nước sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt cho người dân hai huyện Tân Phước và Châu Thành của tỉnh Tiền Giang và một phần của tỉnh Long An.

7. Kinh/Kênh Nguyễn Văn Tiếp

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Họ và tên nhân vật lịch sử (Nguyễn Văn Tiếp).

Tiểu sử nhân vật Nguyễn Văn Tiếp:

Nguyễn Văn Tiếp sinh năm 1900 tại làng Long Phú, quận Trung Quận, tỉnh Chợ Lớn (nay là xã Thanh Phú, huyện Bến Lức, tỉnh Long An) trong một gia đình trí thức yêu nước.

Thuở nhỏ, ông được gia đình cho lên Sài Gòn học tập. Do có điều kiện tiếp xúc với sách báo tiến bộ và chịu sự tác động của các phong trào đấu tranh chống chính quyền thực dân Pháp, nên ông sớm có tư tưởng yêu nước và cách mạng.

Sau khi tốt nghiệp trường sư phạm, ông làm giáo viên tại trường tiểu học Thanh Hà (Bến Lức). Trong khoảng thời gian này, ông tích cực tham gia các phong trào yêu nước đang diễn ra sôi nổi ở Nam bộ, như phong trào Hội kín Nguyễn An Ninh, phong trào đấu tranh đòi chính quyền Pháp trả tự do nhà yêu nước Phan Bội Châu (1925), phong trào để tang và truy điệu chí sĩ Phan Châu Trinh (1926),… Sau đó, ông bị Pháp bắt và giam ở Cần Thơ; nhưng do không có chứng cớ nên bọn chúng đành phải thả ông ra.

Năm 1929, ông gia nhập tổ chức An Nam Cộng sản Đảng. Sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (tháng 2-1930), ông được cử làm Bí thư chi bộ làng Long Phú (tháng 4-1930). Đây là một trong số mấy chi bộ được thành lập sớm nhất ở tỉnh Chợ Lớn. Tháng 5-1930, ông chỉ huy hàng trăm nông dân tiến vào quận lỵ Trung Quận (nay là thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lực, tỉnh Long An) đấu tranh đòi giảm sưu thuế. Sau cuộc biểu tình này, ông bị thực dân Pháp bắt và xử án tù chung thân đày Côn Đảo. Ở trong tù, mặc dù bị đày ải đến độ cùng cực; nhưng ông vẫn giữ vững tinh thần lạc quan cách mạng, một lòng một dạ trung thành với Tổ quốc, Đảng và nhân dân.

Cuối năm 1936, do áp lực của phong trào cách mạng trong cả nước và của Mặt trận Nhân dân ở Pháp, ông cùng với nhiều tù chính trị khác được trả tự do. Vừa mới ra tù, ông lại lao vào hoạt động cách mạng. Tháng 11-1940, ông tham gia cuộc khởi nghĩa Nam kỳ tại quê nhà. Cuộc khởi nghĩa bị thực dân Pháp đàn áp dã man. Một lần nữa, ông bị địch bắt; rồi sau đó, lãnh án khổ sai chung thân tại Côn Đảo.

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, ông và những người tù cộng sản được Đảng rước về đất liền. Lúc này, thực dân Pháp đang lăm le quay trở lại xâm lược

Nam bộ. Với tinh thần tiến công cách mạng, không cho phép mình được nghỉ ngơi , ông hăng hái hoạt động và chấp hành nghiêm chỉnh mọi sự phân công của tổ chức.

Tháng 10-1945, ông được cấp trên tin tưởng cử làm Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chánh tỉnh Mỹ Tho kiêm Ủy viên Ủy ban Kháng chiến Hành chánh Nam Bộ và Xứ ủy viên Xứ ủy Nam bộ. Với trọng trách đó, ông là một trong những cán bộ lãnh đạo trọng yếu chỉ đạo phong trào kháng chiến của nhân dân tỉnh Mỹ Tho nói riêng và Khu 8 nói chung ngày càng phát triển mạnh mẽ, trong đó có những chiến thắng vang dội trên toàn quốc, như chiến thắng Cổ Cò (tháng 1-1947), chiến thắng Giồng Dứa (tháng 4-1947),…

Tháng 5-1947, trong khi đang chủ trì một cuộc họp quan trọng của tỉnh Mỹ Tho trong vùng căn cứ Đồng Tháp Mười, ông bị bệnh bất ngờ và qua đời.

Để ghi nhớ công lao của ông, theo đề nghị của Ủy ban Kháng chiến Hành chánh tỉnh Mỹ Tho, Ủy ban Kháng chiến Hành chánh Nam bộ đã lấy tên của ông đặt cho một con kinh từ Đồng Tháp Mười đổ ra sông Tiền, thay cho tên kinh Tổng đốc Lộc. Đó là kinh Nguyễn Văn Tiếp, một con kinh có tầm quan trọng về nhiều mặt đối với khu vực Đồng Tháp Mười. Đồng thời, một tiểu đoàn chủ lực thuộc trung đoàn 308 của Quân khu 8 cũng được mang tên ông. Hiện nay, tên ông được đặt tên trường trung học phổ thông ở huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang; tên đường ở thành phố Tân An và huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Phần mộ của ông tọa lạc tại Ấp Bắc, xã Tân Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Kinh/Kênh Nguyễn Văn Tiếp không chỉ đóng vai trò quan trọng trong việc khai hoang phục hóa vùng Đồng Tháp Mười mà còn gắn với những giai đoạn lịch sử quan trọng của đất nước.

Kinh/Kênh Nguyễn Văn Tiếp cho đến cuối thế kỷ XVIII chỉ là một con rạch nhỏ bắt nguồn từ sông Vàm Cỏ Tây, ăn sâu vô Đồng Tháp Mười khoảng vài km

với tên gọi Rạch Chanh (Đăng Giang). Kinh/Kênh Nguyễn Văn Tiếp do đô đốc Đặng Trấn của nhà Tây Sơn cho đào năm Ất Tỵ 1785, khi đó gọi là kinh/kênh mới Rạch Chanh (Tranh giang Tân kinh). Vì đào kinh ngang qua Bàu Bèo nên dân gian khi đó quen gọi là kinh/kênh Bàu Bèo, lâu ngày nói trại thành kinh/kênh Bà Bèo. Mục đích của nhà Tây Sơn đào kinh/kênh này nhằm phục vụ cho việc hành quân, nhưng cũng nhờ nó mà việc đi lại của người dân thuận lợi hơn, phục vụ tốt cho việc khai hoang xây dựng vùng đất mới. Từ đó, người dân đến định cư ở 2 bờ kinh/kênh ngày một nhiều, tạo nên sự sung túc cho cả khu vực. Con kinh/kênh này thường bị lấp cạn do tiếp giáp với Đồng Tháp Mười nên dưới thời vua Minh Mạng nó được nạo vét cho rộng thêm.

Đến thời Pháp, rồi Mỹ - chính quyền Sài Gòn nhận thấy tầm quan trọng của con kinh/kênh này về kinh tế lẫn quân sự nên cho xáng nạo vét sâu, rộng hơn nữa. Thời đầu, thực dân Pháp gọi đây là "Arroyo Commercial" (kinh/kênh Thương Mãi), sau do Tổng đốc Trần Bá Lộc chỉ huy nạo vét thêm nên có giai đoạn được gọi là kinh/kênh Tổng đốc Lộc.

Quyển *Địa chí Tiền Giang (2007)* viết: "Năm 1896, Tổng đốc Lộc (Trần Bá Lộc) cho đào một con kinh/kênh lớn dài 45 km, rộng 10 m. Bắt đầu từ rạch Bà Bèo (Arroyo Commercial), đào thời Tây Sơn, bao quanh cả vùng Mỹ Tho đổ ra rạch Ruộng gần Sa Đéc. Để phục vụ cho công trình này, dân phu phải đào 3 con kinh/kênh nhỏ, đi từ Cái Thia, Trà Lọt, Cái Bè, lấy lối vào kinh/kênh chính, dài tổng cộng 81 km, trong điều kiện cực kỳ khó khăn. Kênh/Kinh đi qua vùng hoàn toàn không có người ở, phải tiếp tế lương thực, thuốc men và nước sinh hoạt cho dân phu. Đào xong 3 con kinh/kênh mở lối này mới dùng thuyền tiếp tế các nhu yếu phẩm nói trên cho việc đào con kinh/kênh chính. Tháng 4 - 1897, kinh/kênh được chủ tỉnh Mỹ Tho Paul Bocquillon tổ chức khánh thành và tháng 7 năm đó được Toàn quyền Paul Doummer chấp thuận đặt tên là kinh/kênh Tổng Đốc Lộc - người khởi xướng và chỉ huy đào kinh".

Khi mới đào xong kinh/kênh Tổng đốc Lộc, thực dân Pháp và Trần Bá Lộc đã chiêu mộ dân nghèo đến làm ăn, khẩn hoang. Năm 1898, chúng tiếp tục cho đào các kinh/kênh nhỏ, việc khai hoang càng phát đạt. Nhưng công cuộc đào kinh/kênh cũng chỉ dừng lại ở đó, không củng cố và phát triển thêm. Năm 1904 hai trận bão liên tiếp vào ngày 1 tháng 5 và 2 tháng 11 kèm theo lụt lớn đã tàn phá hết mùa màng, nhà cửa, bồi lấp kinh/kênh rạch làm cho phần lớn dân cư bỏ đi đến các vùng dễ làm ăn như miệt Hậu Giang. Bão lũ là nguyên nhân trực tiếp; nhưng thực tế là do lâu ngày kinh mương không được đầu tư tu bổ.

Vào đầu thế kỷ XX, cùng với hàng loạt kinh/kênh rạch khác trong Đồng Tháp Mười, Pháp cho nạo vét lại con kinh/kênh này, từ Rạch Chanh thẳng lên Bà Bèo. Xuất phát từ kinh/kênh Tổng đốc Lộc tại đầu nguồn rạch Cái Nứa, Pháp cho đào một con kinh/kênh thẳng về hướng Tây trong Đồng Tháp Mười, xuyên qua huyện Tháp Mười và Cao Lãnh để ra sông Tiền, dài 60 km. Để thuận tiện giao thông đường thủy, người Pháp đào con kinh thẳng, chứ không theo kinh/kênh cũ cong quẹo. Khi hoàn thành người Pháp đặt tên là Arroyo Commercial (kinh/kênh Thương Mãi) và kinh/kênh này giữ vai trò thông thương giữa miền Tây và Sài Gòn. Ngoài ra, kinh này cũng giữ vị trí chiến lược về mặt quân sự. Vị trí chiến lược này đặc biệt quan trọng trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược Nam bộ lần thứ 2 (tháng 9-1945). Kinh/Kênh Thương Mãi trở thành hành lang bảo vệ chiến khu trong Đồng Tháp Mười. Quân Pháp tổ chức nhiều đợt bố ráp vào trong Đồng Tháp Mười xuất phát từ con kinh/kênh này trong những năm 1947 - 1948.

Vê tên kinh/kênh, đến khi Cách mạng tháng Tám (1945) thành công, tên kinh/kênh Tổng đốc Lộc mới xóa bỏ. Sau năm 1947, ta đã lấy tên đồng chí Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Mỹ Tho vừa mới hy sinh để đặt cho con kinh/kênh này - kinh/kênh Nguyễn Văn Tiếp. Năm 1957, Ngô Đình Diệm đổi lại thành kinh/kênh Tháp Mười. Từ sau năm 1975, tên đồng chí Nguyễn Văn Tiếp lại được đặt cho con kinh này.

Những năm 1980, với chủ trương tiến công vào Đồng Tháp Mười, kinh/kênh Nguyễn Văn Tiếp được nạo vét và mở rộng một lần nữa (rộng 50 m); đồng thời xây dựng một con đập ở đoạn giáp với sông Vàm Cỏ, gọi là cống đập Rạch Chanh. Dọc bờ kinh Nguyễn Văn Tiếp là đê bao chống lũ mang tên Đê 19 tháng 5 với nhiều đập nhỏ dùng để tháo chua, ngăn lũ như: đập Rạch Gốc, Cống Tượng, Cầu Quán… Dọc bờ Bắc là Đường Tỉnh 865 xuyên qua địa phận các huyện Tân Phước, Cai Lậy, Cái Bè (Tiền Giang) đến thị trấn Mỹ An (huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp).

Kinh/Kênh Nguyễn Văn Tiếp là kinh/kênh dài nhất tỉnh Tiền Giang, chảy qua 4 huyện: Cái Bè, Cai Lậy, Tân Phước, Châu Thành, dài 66 km, bề ngang 40 m, độ sâu trung bình 4 - 5 m. Trong đó, đoạn kinh/kênh từ rạch Ruộng chạy lên phía đông bắc gọi là kênh Nguyễn Văn Tiếp B dài 20,4 km, đoạn rẽ về phía đông nối với sông Vàm Cỏ Tây gọi là Nguyễn Văn Tiếp A dài 45,5 km. Kinh/Kênh Nguyễn Văn Tiếp B cũng là ranh giới tự nhiên giữa tỉnh Tiền Giang với Đồng Tháp. Kinh/Kinh được nạo vét nhiều lần, nhất là năm 2000 để lấy đất đắp đê ngăn lũ.

8. Kinh/Kênh Quản Thọ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Chức vụ thời xưa (Hương quản, gọi tắt là Quản: người trông coi an ninh, trật tự của làng xã) + Tên người (Thọ).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Tam Hiệp, Thân Cửu Nghĩa, Tân Lý Đông, Tân Hội Đông thuộc huyện Châu Thành; các xã Tân Hòa Thành, Hưng Thạnh thuộc huyện Tân Phước; điểm đầu nối với kinh/kênh Chợ Bưng, điểm cuối nối với kinh/kênh Nguyễn Văn Tiếp, dài 14,36 km, bề ngang 15 - 27 m, sâu 0,9 - 2,6 m, diện tích phục vụ 1.290 ha, được đào năm 2006.

9. Kinh/Kênh Sáu Ầu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Thứ trong gia đình (Sáu) + Tên người (Ầu).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Tam Hiệp, Long Định thuộc huyện Châu Thành; các xã Tân Lập 1, Tân lập 2 thuộc huyện Tân Phước; điểm đầu nối với Quốc lộ 1, điểm cuối nối với Kinh/Kênh 1, dài 5,87 km, bề ngang 20-:-25 m, sâu 2,0 - 2,5 m, diện tích phục vụ 850 ha.

10. Kinh/Kênh Tràm Mù

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Thực vật (Cây tràm) + Tính từ (Mù: trong ngữ cảnh này, là mù mịt). Tràm Mù là nơi cây tràm mọc mù mịt như rừng.

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Tân Hòa Đông, Thạnh Mỹ, Thạnh Hòa, Thạnh Tân, huyện Tân Phước; điểm đầu nối với Kinh/Kênh 1, điểm cuối nối với rạch Láng Cát, dài 22,1 km, bề ngang 17 - 20 m, sâu 1,4 - 2,9 m, diện tích phục vụ 4.474 ha, được đào năm 1994.

11. Kinh/Kênh Hai Hạt - Trương Văn Sanh (Huyện Tân Phước)

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Số lượng (Hai) + Đơn vị hành chính dưới thời Pháp thuộc (Hạt Tham biện, gọi tắt là Hạt: Vào cuối thế kỷ XIX, chính quyền thực dân Pháp ở Nam Kỳ cho đào một con kênh/kinh từ rạch Cái Bè vào Đồng Tháp Mười. Con kênh/kinh này chạy dọc theo ranh giới giữa hạt tham biện Mỹ Tho (nay là tỉnh Tiền Giang) và hạt tham biện Tân An (nay là tỉnh Long An), nên gọi là kênh/kinh Hai Hạt) + Họ và tên người (Trương Văn Sanh).

Tiểu sử Trương Văn Sanh (1918 – 1959):

Trương Văn Sanh sinh năm 1918 tại làng Mỹ Hạnh Đông, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Mỹ Hạnh Đông, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang).

Năm 1940, ông giác ngộ và tham gia cách mạng ở xã nhà. Năm 1956, ông là Huyện ủy viên huyện Cai Lậy. Năm 1958, ông lần lượt giữ chức vụ Phó Bí thư rồi Bí thư Huyện ủy Cai Lậy. Lúc này, chính quyền Sài Gòn thực hiện chiến dịch "tố

cộng", "diệt cộng", đánh phá phong trào cách mạng rất ác liệt. Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy Mỹ Tho, với cương vị là Bí thư Huyện ủy, ông và Ban Thường vụ Huyện ủy Cai Lậy tập trung lãnh chỉ đạo việc đẩy mạnh đấu tranh chính trị; tăng cường hoạt động vũ trang, diệt ác phá kìm, nhằm phục vụ cho phong trào, gây dựng cơ sở, hỗ trợ phong trào đấu tranh chính trị; quán triệt đội ngũ cán bộ, đảng viên trong huyện phải quyết tâm thực hiện chỉ thị, nghị quyết của Đảng, phải gắn chặt với quần chúng, lãnh đạo quần chúng đấu tranh, dù phải hy sinh, chịu đựng ác liệt cũng không được rời bỏ vị trí, đảng viên phải giữ vững lập trường, khí tiết, kiên quyết chiến đấu đến cùng, khi sa vào tay giặc thì sẵn sàng hy sinh, không khai báo, không ly khai, không tố cộng, ai vi phạm thì xem mình tự khai trừ ra khỏi Đảng, lấy gương đảng viên đã anh dũng hy sinh cho cán bộ, đảng viên học tập. Đồng thời, Huyện ủy đã huy động hàng chục ngàn lượt người đấu tranh chống bắt xâu, chống tập trung dân vào khu trù mật Mỹ Phước Tây (huyện Cai Lậy).

Ngày 17-4-1959, do có chiêu hồi phản bội chỉ điểm, bọn lính bất ngờ tấn công vào địa điểm mà Huyện ủy tổ chức hội nghị. Ông bị bắn trọng thương và bị tra tấn rất dã man hòng buộc ông đầu hàng và khai báo cơ sở cách mạng. Thế nhưng, ông vẫn kiên cường chịu đựng và giữ vững khí tiết cách mạng; đồng thời, ông còn mạnh mẽ tố cáo, lên án bọn phản dân hại nước, làm tay sai cho giặc ngoại xâm. Không khuất phục được người chiến sĩ cộng sản kiên trung, bọn chúng đã giết chết ông theo lối hành hình thời trung cổ bằng cách mổ bụng moi gan mang về trình lên tên quận trưởng Cai Lậy để lãnh thưởng.

Tên ông được đặt tên Trường Đảng huyện Cai Lậy trước đây; tên trường tiểu học, tên đường tại thị xã Cai Lậy và tuyến kênh Hai Hạt - Trương Văn Sanh chảy xuyên qua ba huyện Tân Phước, Cai Lậy, Cái Bè hiện nay.

Kinh/Kênh Hai Hạt - Trương Văn Sanh (đoạn chảy trên địa bàn huyện Tân Phước) chảy xuyên qua các xã Tân Hòa Đông, Thạnh Mỹ, Thạnh Hòa, Thạnh Tân, Tân Hòa Tây thuộc huyện Tân Phước; điểm đầu nối với rạch Láng Cát, điểm

cuối nối với Kinh/Kênh 12, dài 25, 55 km, bề ngang 20 - 27 m, sâu 1,7 - 3,9 m, diện tích phục vụ 5.580 ha, được đào năm 1990.

12. Kinh/Kênh 1 (Huyện Tân Phước)

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Số hiệu (1).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước; điểm đầu nối với kinh/kênh Nguyễn Tấn Thành, điểm cuối nối với kinh/kênh Chợ Bưng, dài 6,84 km, bề ngang 19 - 34 m, sâu 1,8 - 4,4 m, diện tích phục vụ 547 ha, được đào năm 2006.

13. Kinh/Kênh 2 (Huyện Tân Phước)

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Số hiệu (2).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước; điểm đầu nối với kinh/kênh Nguyễn Tấn Thành, điểm cuối nối với kinh/kênh Chợ Bưng, dài 7.22 km, bề ngang 23 - 37 m, sâu 2,1 - 2,8 m, diện tích phục vụ 786 ha, được đào năm 2006.

14. Kinh/Kênh 3 (Huyện Tân Phước)

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Số hiệu (3).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua xã Tân Lập 2, huyện Tân Phước; điểm đầu nối với kinh/kênh Nguyễn Tấn Thành, điểm cuối nối với kinh/kênh Chợ Bưng, dài 8,27 km, bề ngang 17 - 22 m, sâu 1,3 - 1,6 m, diện tích phục vụ 845 ha, được đào năm 2006.

Nghiên cứu địa danh tín ngưỡng, tôn giáo:

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên Đình:**

Khái niệm Đình (chữ Hán: 亭): là công trình trong tổng thể kiến trúc làng Việt Nam.

Đình Số thứ tự làng là nơi thờ Thành hoàng làng (là người thành lập làng hay có công với làng), đồng thời là nơi hội họp, bàn việc của dân làng. Đình được coi là trung tâm sinh hoạt văn hóa gắn bó với một cộng đồng cư dân và mang đặc trưng của nền văn minh lúa nước Việt Nam.

1. Đình Dương Hòa

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính xưa (Thôn Dương Hòa).

Đình Dương Hòa tọa lạc tại Ấp 4, xã Tân Hòa Thành, huyện Tân Phước.

Đình được xây dựng khoảng đầu thế kỷ 19. Trải qua nhiều năm, đình bị xuống cấp trầm trọng. Vì thế, năm 2019, đình được Ủy ban nhân dân huyện Tân Phước tiến hành xây dựng, trùng tu với các hạng mục chính gồm: San nền, xây mới vỏ ca, vỏ quy, chánh điện, nhà bếp, nhà kho, nhà vệ sinh, hàng rào và hệ thống thoát nước,… với tổng điện tích khoảng 2.000 m

Đình thờ thần Thành hoàng bổn cảnh, các vị thần linh do nhân dân tín ngưỡng, các vị Tiền hiền, Hậu hiền. Mỗi năm, đình có 4 lễ cúng: Khai sơn (6 tháng 1 âm lịch), Hạ điền (12 tháng 4 âm lịch), Thượng điền (12 tháng 9 âm lịch), cầu an (12 tháng 12 âm lịch).

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và và đế quốc Mỹ, đình là cơ sở cách mạng vững chắc của xã Tân Hòa Thành.

Đình Dương Hòa được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15/02/2000.

2. Đình Hưng Thạnh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính (Xã Hưng Thạnh).

Đình Hưng Thạnh tọa lạc tại ấp Hưng Phú, xã Hưng Thạnh, huyện Tân Phước.

Đình được xây dựng vào giữa thế kỷ 19. Đình Hưng Thạnh là cửa ngõ của Đồng Tháp Mười trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, là trụ sở của lực lượng khởi nghĩa Nam kỳ 1940, khởi nghĩa giành chính quyền tháng 8/1945 của xã và là địa điểm liên lạc của Tỉnh ủy Gò Công, Huyện ủy Chợ Gạo và các xã của huyện Châu Thành. Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đình là điểm giao liên của Khu 8, là cơ sở quan trọng của các lực lượng cách mạng của ta tại căn cứ Tỉnh ủy ở Hưng Thạnh. Cho nên, đình đã bị giặc đốt phá nhiều lần và bị bom đạn phá hủy hoàn toàn. Sau ngày 30/4/1975, đình được xây dựng lại. Năm 2006, đình được trùng tu quy mô lớn, với vật liệu hiện đại, như cột bê tông cốt thép, xây tường chung quanh, mái lợp ngói móc (ngói Tây) và lót gạch men ở chánh điện). Đình có tổng diện tích 3.691 m^2, diện tích xây dựng 324 m^2, bao gồm: vỏ ca, chánh điện và nhà khói.

Đình thờ thần Thành hoàng bổn cảnh, các vị thần linh theo tín ngưỡng dân gian, các vị tiền hiền, hậu hiền. Mỗi năm, đình có 3 lễ cúng: ngày 7 tháng giêng cúng Khai sơn Thủy tạ; ngày 15 và 16 tháng 6 cúng Kỳ yên; ngày 15 và 16 tháng 11 cúng Hạ ngươn.

Đình Hưng Thạnh được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số: 3781/QĐ-UBND ngày 19/12/2017.

3. Đình Phú Mỹ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính (Xã Phú Mỹ).

Đình Phú Mỹ tọa lạc tại xã Phú Mỹ, huyện Tân Phước.

Đình được xây dựng vào đầu thế kỷ 19. Trải qua nhiều lần trùng tu vào các năm 1925, 1970, 1994, 2012, đình có diện mạo như hiện nay. Với tổng diện tích 4.000 m², diện tích xây dựng 418,65 m², đình được xây dựng theo kiểu chữ tam (≡), gồm: vỏ ca, vỏ quy và chánh điện. Bên trong đình có nhiều bức hoành phi, liễn, bao lam,… được sơn son thếp vàng, chạm khắc tinh xảo mang tính nghệ thuật cao với chủ đề tứ linh, tứ quý, chim hoa, dơi,…

Đình thờ thần Thành hoàng bổn cảnh, bà Chúa xứ nương nương, các vị thần linh theo tín ngưỡng dân gian, các vị tiền hiền, Hậu hiền. Mỗi năm, đình có 4 lễ cúng: Khai sơn (15 tháng 1 âm lịch), Hạ điền (15 tháng 4 âm lịch), Thượng điền (15 tháng 9 âm lịch), cầu an (15 tháng 12 âm lịch).

Đình Phú Mỹ được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15/02/2000.

4. Đình Tân Hội Tây

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính xưa (Thôn Tân Hội Tây).

Đình Tân Hội Tây tọa lạc tại ấp Tân Quới, xã Tân Hòa Thành, huyện Tân Phước.

Đình được xây dựng vào giữa thế kỷ 19 và trải qua nhiều lần trùng tu vào các năm 1956, 1960, 1985, 1998, 2012. Đình có tổng diện tích 4.688 m^2, diện tích xây dựng 1.14.4 m², được xây dựng theo kiểu chữ tam (≡), gồm: vỏ ca, vỏ quy và chánh điện, phía sau có nhà hậu.

Đình thờ thần Thành hoàng bổn cảnh, các vị Tiền hiền và hậu hiền. Mỗi năm, đình có 2 lễ cúng: Hạ điền (15, 16 tháng 4 âm lịch) và Thượng điền (15, 16 tháng 12 âm lịch).

Hiện nay, đình còn lưu giữ các bức hoành phi, liễn, bao lam được sơn son thếp vàng và chạm trỗ công phu, tinh xảo, có tính nghệ thuật cao.

Đình là cơ sở cách mạng trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

Đình Tân Hội Tây được UBND tỉnh Tiềng công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 2651/QĐ-UBND ngày 04/11/2013.

5. Đình Tân Thành

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính xưa (Thôn Tân Thành).

Đình Tân Thành tọa lạc tại Ấp 2, xã Tân Hòa Thành, huyện Tân Phước.

Đình được xây dựng vào cuối thế kỷ. Năm 1989, đình được xây dựng lại theo kiểu chữ nhị (=), gồm hai phần: vỏ quy và chánh điện với vật liệu là bê tông, mái tole, nền lát gạch tàu. Đình có tổngdiện tích là 4.637 m^2, trong đó diện tích xây dựng là 113,69 m^2

Đình thờ thần Thành hoàng bổn cảnh, các vị Tiền hiền và hậu hiền. Mỗi năm, đình có 2 lễ cúng: Hạ điền (15, 16 tháng 3 âm lịch) và Thượng điền (15, 16 tháng 11 âm lịch).

Đình là cơ sở cách mạng trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

Đình Tân Thành được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 1301/QĐ-UBND ngày 04/6/2012.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên Miếu:**

Khái niệm Miếu

Miếu là một dạng di tích văn hóa trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam có quy mô nhỏ hơn đền. Đối tượng được thờ ở miếu rất đa dạng, thể hiện ở tên gọi của miếu - tên gọi theo đối tượng được thờ thường phiếm chỉ và tượng trưng. Ví dụ: miếu Cô,

miếu Cậu, miếu thờ thần núi gọi là miếu Sơn thần, miếu thờ thần nước gọi là miếu Hà Bá hoặc miếu Thủy thần, miếu thờ thần đất gọi là miếu thổ thần.

Miếu Bà Chúa Xứ Cống Tượng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Miếu) + Vị thần theo tín ngưỡng dân gian của người Việt (Bà Chúa Xứ) + Công trình xây dựng (Cống) + Địa danh chỉ động vật (Tượng: Voi).

Miếu Bà Chúa Xứ Cống Tượng tọa lạc tại Cống Tượng, ấp Hưng Điền, xã Hưng Thạnh, huyện Tân Phước.

Miếu được xây dựng vào đầu thế kỷ 19. Năm 2013, do việc nạo vét kênh Nguyễn Văn Tiếp, nên miếu được di dời về phần đất kế bên ngôi miếu cũ có diện tích 3.791 m^2 do gia đình ông Đoàn Thanh Long hiến tặng. Miếu được xây mới và khánh thành ngày 19/10 năm Bính Thân (18/11/2016).

Miếu gồm có tiền điện, chánh điện và hậu điện, trước chánh điện có hai ngôi miếu nhỏ: phía bên trái là miếu Chư thần chư vị; phía bên phải là miếu Chiến sĩ, giữa hai ngôi miễu nhỏ này là cột cờ. Bên trong chánh điện thờ Bà Chúa Xứ, vốn được xem là vị thần bảo hộ, vô cùng nổi tiếng và linh ứng. Bà là nữ thần thịnh vượng, có thể phù trợ người làm ăn, kinh doanh, buôn bán, mang đến sự thành công trong công việc. Bà cũng thường được người dân cầu nguyện ban phước lộc, sức khỏe, con cái, cuộc sống gia đình, mong cầu công việc tương lai hay sự thành công trong việc học tập, công danh, sự nghiệp.

Miếu còn là cơ sở cách mạng quan trọng ở địa phương trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

Miếu Bà Chúa Xứ Cống Tượng được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh tại Quyết định số 3781/QĐ-UBND ngày 19/12/2017.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên thánh thất:**

Khái niệm:

Thánh thất: là nhà thờ Đức Chí Tôn (Đấng Cao Đài) và các vị Thần, Thánh, Tiên, Phật. Hay còn gọi là ngôi nhà của chư thánh. Tại mỗi Tộc đạo (Họ đạo) đều phải xây dựng một Thánh thất để làm đền thờ Đức Chí Tôn và làm nơi tín ngưỡng cho bổn đạo địa phương.

1.Thánh thất Khổ Hiền Trang

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Công trình tôn giáo (Khổ Hiền Trang: là cái trại hay cái nhà lớn, lập ra để những người hiền đến ở tu hành).

Thánh thất Khổ Hiền Trang được xây dựng trước năm 1927, tọa lạc tại xã Phú Mỹ, huyện Tân Phước.

2. Thánh thất Tân Hòa Thành

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Tân Hòa Thành).

Thánh thất Tân Hòa Thành được xây dựng trước năm 1939, tọa lạc tại Ấp 1, xã Tân Hòa Thành, huyện Tân Phước.

Nghiên cứu địa danh chỉ vùng:

*** Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên xóm:**

Khái niệm:

Xóm: là nơi quần tụ những hộ gia đình sinh sống gần nhau, có hoặc không có mối quan hệ họ hàng với nhau.

Xóm Đào

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Tên công trình xây dựng (Kênh Đào).

Xóm Kênh Đào, gọi tắt là Xóm Đào, nằm trên bờ bắc kênh đào Nguyễn Văn Tiếp, có chiều dài gần 2,5 km từ kênh Tây xuống đến cống Bà Rãnh, nay thuộc địa phận xã Tân Hòa Tây, huyện Tân Phước.

Xóm Đào có liên quan đến chiến thắng Xóm Đào tháng 6/1965. Dự đoán được kế hoạch của quân địch, đêm 28/6/1965, tiểu đoàn 261 của ta và du kích xã đã đào công sự, bố trí trận địa, sẵn sàng chiến đấu. Sáng sớm ngày 29/6/1965, một tiểu đoàn thuộc Sư đoàn 7 quân đội Sài Gòn được trực thăng đổ quân xuống Xóm Đào, ngay địa bàn đóng quân của tiểu đoàn 261. Khoảng 6 giờ ngày 29/6/1965 , đợi quân địch đi sát trận địa, quân ta đồng loạt nổ súng diệt ngay bọn đi đầu, bọn đi sau hoảng sợ chạy ra khỏi trận địa để củng cố lực lượng và kêu gọi quân tiếp viện. Sau đó, địch cho pháo binh, máy bay bắn phá hơn một giờ đồng hồ vào trận địa ta. Cả Xóm Đào tràn ngập khói lửa hủy diệt của bom đạn. Lúc này, khu chiến thuật Tiền Giang và Bộ tư lệnh Sư đoàn 7 tăng cường thêm một số trung đoàn bộ binh, tiểu đoàn thám sát, 2 chi đoàn xe thiết giáp và hơn 100 máy bay chiến đấu yểm trợ, quyết tâm bao vây tiêu diệt lực lượng vũ trang của ta tại trận Xóm Đào.

Đã có nhiều kinh nghiệm trong tác chiến phòng ngự vòng tròn nên các chiến sĩ nên ta đã bình tĩnh đợi địch đến thật gần công sự mới nổ súng. Cuộc chiến đấu diễn ra hết sức quyết liệt, ta đã đẩy lùi hàng chục cuộc tấn công của địch, tiêu diệt 300 tên, bắn cháy 04 máy bay. Càng chiến đấu, sự kết hợp giữa lực lượng chủ lực và dân quân du kích xã Mỹ Hạnh Đông càng chặt chẽ hơn. Nhân dân Mỹ Hạnh Đông đã không sợ hy sinh, tiếp tế cơm nước đến tận trận địa. Chính sự dũng cảm của các mẹ, các chị đã thôi thúc tinh thần chiến đấu cho các chiến sĩ của ta.

Đến 17 giờ, lợi dụng lúc địch lo củng cố đội hình, toàn bộ lực lượng của ta rời khỏi công sự, tấn công thẳng vào giữa đội hình của chúng, tiêu diệt gọn 1 đại đội bộ binh, bắt sống hơn 30 tên, thu hàng trăm khẩu súng, rồi rút lui về vùng căn cứ Ấp Bắc.

Sau chiến thắng Ấp Bắc năm 1963, đây là trận thắng lớn của quân ta, có ý nghĩa lịch sử to lớn đối với địa phương. Chiến thắng xóm Đào được báo giải phóng miền Trung Nam Bộ ca ngợi:

"Ai về xã Mỹ Hạnh Đông,

Mà xem chiến sĩ Hi rôn diệt thù.

Ai về kinh Cũ, Xóm Đào

Mà xem đồng bào đi lượm súng rơi"

(Thơ Nguyễn Xuân Phán)

*** Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên xứ:**

Khái niệm:

Theo *Từ điển Tiếng Việt phổ thông* của Viện Ngôn ngữ học, Xứ là khu vực địa lý có chung một số đặc điểm tự nhiên hoặc xã hội nào đó.

1. Xứ Ao Bèo

Xứ Ao Bèo là địa danh xưa, được ghi trong *Địa bạ Minh Mạng năm 1836*, tọa lạc ở thôn Phước An, tổng Hưng Nhơn, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường, nay thuộc thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xứ) + Công trình xây dựng (Ao: hồ nước nhân tạo, được đào sâu để chứa nước) + Thực vật thủy sinh (Bèo).

Xứ Ao Bèo là vùng đất có ao bèo.

2. Xứ Bàu Bầu

Xứ Bàu Bầu là địa danh xưa, được ghi trong *Địa bạ Minh Mạng năm 1836*, tọa lạc ở thôn Mỹ Điền, tổng Hưng Nhơn, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường, nay thuộc thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xứ) + Địa hình tự nhiên (Bàu: nơi đất trũng, mùa mưa nước khá sâu; nhưng mùa nắng chỉ còn những vũng nước nhỏ hay khô hẳn) + Thực vật (Trái bầu) hoặc Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xứ) + Địa hình tự nhiên (Bàu: nơi đất trũng, mùa mưa nước khá sâu; nhưng mùa nắng chỉ còn những vũng nước nhỏ hay khô hẳn) + Hình dạng (Giống như trái bầu).

Xứ Bàu Bầu là nơi đất trũng trồng nhiều cây bầu hoặc là nơi đất trũng có hình dạng giống như trái bầu.

3. Xứ Kiến Vàng

Xứ Kiến Vàng là địa danh xưa, được ghi trong *Địa bạ Minh Mạng năm 1836*, tọa lạc ở thôn Hưng Thạnh, tổng Hưng Nhơn, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường, nay thuộc xã Hưng Thạnh, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xứ) + Tên một loại côn trùng (Kiến vàng: do bụng kiến có màu vàng nên được gọi là Kiến vàng, sống theo bầy đàn, có khả năng khống chế và tiêu diệt nhiều loại côn trùng gây hại).

Xứ Kiến Vàng là vùng đất có nhiều kiến vàng.

*** Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên khu:**

Khái niệm:

Khu là khoảng đất được giới hạn với những đặc điểm hoặc chức năng riêng, khác với xung quanh.

Khu bảo tồn sinh thái Đồng Tháp Mười

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Khu) + Từ Hán Việt (Bảo tồn: Giữ gìn, không để bị mất mát, tổn thất) + Ngành Sinh học (Hệ sinh thái: bao gồm quần xã sinh vật và sinh cảnh. Sinh vật trong quần xã luôn tác động

lẫn nhau và đồng thời tác động qua lại với các thành phần vô sinh của sinh cảnh. Nhờ đó hệ sinh thái là một hệ thống sinh học hoàn chỉnh và tương đối ổn định[12]) + Địa danh chỉ vùng (Đồng Tháp Mười: một vùng đất ngập nước phía đông sông Tiền trải rộng trên ba tỉnh Long An, Đồng Tháp và Tiền Giang, rộng khoảng 700.000 ha).

Khu Bảo tồn sinh thái Đồng Tháp Mười được thành lập vào năm 1999, thuộc địa bàn xã Thạnh Tân, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Đây là nơi có hệ sinh thái đa dạng, bảo tồn được nhiều loài động, thực vật quý hiếm. Hiện nay, Khu Bảo tồn sinh thái Đồng Tháp Mười có diện tích khoảng 100 ha, gồm 40 ha rừng tràm nguyên sinh, 40 ha mặt nước. Vùng đệm xung quanh khu bảo tồn có diện tích 1.800 ha, chủ yếu là rừng tràm.

Khu Bảo tồn sinh thái Đồng Tháp Mười có khoảng 156 loài thực vật, lớp chim 147 loài, lớp cá 34 loài, lớp lưỡng thê 8 loài, lớp côn trùng 30 loài. Số lượng các loài chim đã có hàng vạn cá thể. Thông qua việc bảo vệ nghiêm ngặt, môi trường sống thuận lợi, yên bình và an toàn là những yếu tố thu hút các loài chim nước về sinh sống tại Khu Bảo tồn sinh thái Đồng Tháp Mười ngày càng nhiều. Trung bình mỗi năm, ở đây còn có thêm khoảng 1.000 chim, thú sinh sôi và được dẫn dụ từ các nơi khác đến. Trong đó, nhiều nhất là họ hàng các loài cò. Gần đây, Khu Bảo tồn có thêm nhiều loài chim quý hiếm có trong Sách đỏ Việt Nam. Đặc biệt, dang sen - loài chim nước rất to đã về sống, làm tổ, đẻ con tại Khu Bảo tồn sinh thái Đồng Tháp Mười. Năm 2023, Khu Bảo tồn sinh thái Đồng Tháp Mười đã quy tập được trên 12.000 con chim, cò trú ngụ sinh sản như: Cò trắng, cò ngàn, le le, vịt trời, diệc xám, điên điển, trích, quốc…

Ngoài việc thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, bảo tồn, nuôi dưỡng, chăm sóc các loài động, thực vật thiên nhiên, Khu Bảo tồn sinh thái Đồng Tháp Mười còn có

[12] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011), *Sinh học lớp 12*, Nxb Giáo dục Việt Nam, trang 186.

tiềm năng phát triển du lịch. Trong những năm qua, để thạo thuận lợi hơn cho du khách, địa phương đã tiến hành san lấp mặt bằng, đường dẫn vào khu bảo tồn, đường nội bộ, cầu tàu nhỏ, nhà dừng chân, bãi đậu xe... Thời gian tới, nơi đây sẽ là một trong những điểm đến hấp dẫn trên bản đồ du lịch Tiền Giang cũng như trong thế liên kết phát triển du lịch tiểu vùng Đồng Tháp Mười giữa các tỉnh Tiền Giang, Long An, Đồng Tháp và Thành phố Hồ Chí Minh.

*** Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên vùng:**

Khái niệm:

Vùng là khu vực rộng không có ranh giới rõ ràng.

Vùng Đồng Tháp Mười

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Vùng) + Địa hình tự nhiên (Đồng) + Địa danh chỉ công trình xây dựng (Tháp) + Chữ số (Mười).

Đồng Tháp Mười là vùng đất nhập nước phía đông sông Tiền trải rộng trên ba tỉnh Long An, Tiền Giang và Đồng Tháp, có diện tích khoảng 700.000 ha.

Tên gọi của địa danh này lần đầu tiên xuất hiện dưới dạng chữ Hán - Thập Tháp (十塔) trong *Châu bản triều Nguyễn* ngày 27-3-1865; xuất hiện dưới dạng chữ Quốc ngữ - Tháp Mười trong bản tin của *Công báo Nam kỳ* thuộc Pháp khi nói về cuộc khởi nghĩa của Thiên hộ Dương: "Ngày 17.4.1866, quân Pháp đã chiếm được Tháp Mười".

Tên gọi Tháp Mười có hai cách giải thích: (1) Là nơi có ngọn tháp cao 10 tầng; có lẽ xuất phát từ cách giải thích này mà chính quyền Ngô Đình Diệm vào năm 1956 cho xây dựng tại Gò Tháp (nay thuộc xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp) một cái tháp cao 10 tầng, đặt tên là Viễn Vọng đài nhằm mục đích quân sự; tháp này đã bị lực lượng vũ trang cách mạng đánh sập năm 1959; (2)

Là tháp thứ 10 trong hệ thống 10 cái tháp được xây dựng tại Gò Tháp dưới thời vương quốc Phù Nam cổ (từ thế kỷ 1 đến thế kỷ 7).

Vì thế, dân gian gọi cánh đồng bao la có cái tháp cao 10 tầng hoặc cái tháp thứ 10 là Đồng Tháp Mười.

Trước đây, Đồng Tháp Mười là vùng đất hoang vu, đầy muỗi, đĩa, rắn,… và bị nhiễm phèn nặng, không thể canh tác. Trong thập niên 1980, ba tỉnh Đồng Tháp, Long An và Tiền Giang đã đẩy mạnh khai hoang vùng Đồng Tháp Mười.

Riêng tỉnh Tiền Giang, thành quả khai hoang là huyện Tân Phước được thành lập vào ngày 27/8/1994. Đây là huyện vùng Đồng Tháp Mười duy nhất của tỉnh Tiền Giang. Sự ra đời và phát triển của địa phương trong suốt nhiều năm qua minh chứng về tính đúng đắn và thành quả Chương trình khai hoang, di dân lập nghiệp vùng Đồng Tháp Mười của Đảng và Nhà nước ta trong nửa cuối thế kỷ 20, giúp cho một bộ phận dân nghèo vươn lên, xóa đói giảm nghèo và dựng nên cơ nghiệp vững bền trên vùng đất mới, từng là căn cứ cách mạng kiên cường suốt hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Bộ mặt huyện Tân Phước ngày càng khởi sắc. Đời sống của người dân ngày càng phát triển. Năm 2023, tất cả xã trong huyện đều đạt chuẩn Nông thôn mới, tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống còn 1,8%. Phấn đấu đến năm 2024, nhân dịp kỷ niệm 30 năm thành lập huyện, ra mắt huyện nông thôn mới; năm 2025, có 02 xã đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao và nâng thu nhập bình quân đầu người lên 73,6 triệu đồng/năm.

*** Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên miệt:**

Khái niệm:

Miệt để chỉ vùng, miền, nhưng có không gian địa lý nhỏ hơn.

Miệt khóm Tân Phước

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Miệt) + Trái cây (Khóm) + Địa danh hành chính (Huyện Tân Phước).

Huyện Tân Phước là nơi có điều kiện sinh thái và thổ nhưỡng thích hợp cho việc trồng và phát triển cây khóm. Được biết, khóm là cây công nghiệp hàng đầu của tỉnh.

Năm 1978, trên địa bàn Tân Phước, lần đầu tiên khóm được trồng tại nông trường Tân Lập. Năm 1981, diện tích cây khóm là 130 ha, sản lượng đạt 960 tấn. Từ đó trở đi, diện tích và sản lượng khóm liên tục được tăng lên. Hiện tại, toàn huyện có khoảng 90.000 ha khóm, sản lượng khoảng 80.000 tấn.

Với diện tích trồng khóm như vậy, Tân Phước là địa phương có diện tích trồng khóm đứng hàng thứ hai trên cả nước, chỉ xếp sau tỉnh Kiên Giang mà thôi.

Cây khóm Tân Phước là nguồn cung cấp nguyên liệu ổn định cho ngành công nghiệp chế biến rau quả của tỉnh, giải quyết việc làm cho hàng chục ngàn người dân địa phương và cư dân từ nơi khác đến Tân Phước lập nghiệp.

Ở đây, nông dân thường trồng hai giống khóm là Queen và Cayenne:

- Queen có lá ngắn, dày, vỏ có màu xanh ửng tím, dày, gai nhiều, quả nhỏ và hai đầu thuổn lại, mắt nhỏ, hố sâu, khi chín vỏ có màu vàng tươi, ruột vàng đẹp, thơm ngon, năng suất khoảng 20 – 25 tấn / ha.

- Cayenne còn gọi là thơm Tây, có lá xanh to, quả lớn hình trụ, vỏ mỏng, mắt to, khi chín vỏ có màu cam tươi hơi xanh, ruột màu vàng nhạt, mềm, nhiều nước, có vị chua ngọt, năng suất cao hơn giống Queen.

Do giống Cayenne có một số ưu điểm hơn giống Quenn và được ưa chuộng trên thị trường quốc tế; nên từ năm 1995, nông dân đã thay dần giống Queen bằng giống Cayenne.

Trong việc trồng khóm, khâu làm đất, phần lớn, đã được cơ giới hóa. Nông dân còn sử dụng phân chuyên dùng cho khóm; áp dụng các biện pháp thâm canh và tiến bộ của khoa học – công nghệ vào sản xuất. Nhờ đó, năng suất, chất lượng của khóm không ngừng được nâng lên.

Trái khóm không chỉ được tiêu dùng trong nước mà còn có giá trị xuất khẩu. Công ty rau quả Tiền Giang đã đầu tư các dây chuyền công nghệ hiện đại để sản xuất các mặt hàng khóm đông lạnh, khóm đóng hộp, nước khóm cô đặc,... Ngoài tiêu thụ nội địa, hầu hết sản phẩm của công ty đã được xuất khẩu sang thị trường nhiều nước, góp phần tạo nguồn ngoại tệ quan trọng cho tỉnh. Trái khóm còn được chế biến thành kẹo khóm, nước màu khóm được người tiêu dùng ưa chuộng. Khóm Tân Phước đã đạt được chứng nhận Viet GAP.

E. HUYỆN CHÂU THÀNH

*** Sưu tầm, thống kê, phân loại, nghiên cứu, biên soạn địa danh Giồng:**

Khái niệm:

Giồng: âm trại của "vồng", là khoảng đất nổi cao lên giữa nơi bằng phẳng, tương đối rộng, có nhiều cát, thích hợp cho việc trồng các loại cây ăn trái và các loại hoa màu, như khoai, đậu, bắp, thuốc lá,…[1]

1. Giồng Cai Lữ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Giồng) + Chức vụ thời xưa (Cai) + Tên người (Nguyễn Văn Lữ).

Giồng Cai Lữ là tên một giồng cát ở hai xã Nhị Bình và Dưỡng Điềm, huyện Châu Thành. Giồng Cai Lữ là giồng cát do ông Cai đội Nguyễn Văn Lữ quê ở Quảng Nam chiêu mộ dân nghèo vào khai khẩn. Ông có công lập thôn Bình Thuyên vào khoảng giữa thế kỷ XVIII nên được dân làng tôn là tiền hiền. Sau thôn Bình Thuyên, do dân số ngày càng đông, nên tách ra thành hai thôn là Bình Thuyên Đông và Bình Thuyên Tây. Phần đất của ông thuộc thôn Bình Thuyên Tây. Dưới thời vua Minh Mạng (1820 - 1840), thôn Bình Thuyên Tây nhập với thôn Bình Yên thành thôn Nhị Bình.

Khi ông mất, chức vụ và tên của ông được đặt cho một giồng cát ở đây: giồng Cai Lữ. Giồng này đã có tiếng trong lịch sử; được nhắc nhiều khi Nguyễn Phúc Ánh trốn chạy quân Tây Sơn hồi nửa sau thế kỷ XVIII.

2. Giồng Chợ Bưng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Giồng) + Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh Việt gốc Khmer (Bưng).

- Chợ: Theo *Từ điển Tiếng Việt phổ thông* của Viện Ngôn Ngữ học, chợ là nơi công cộng để đông người đến mua bán vào những ngày, buổi nhất định.

- Bưng: Bưng là địa danh Việt gốc Khmer: Bâng. Theo Lê Trung Hoa trong quyển *Địa danh ở Thành phố Hồ Chí Minh*, bưng có nghĩa là "hồ to, chỉ chỗ đất trũng giữa đồng, đọng nước, có nhiều cây mọc (như đưng, đế, lác, ...". Vào mùa mưa ở bưng thường có nhiều cá đồng, cho nên có câu ca dao:

Gió đưa, gió đẩy,
Về rẫy ăn còng,
Về bưng ăn cá,

[1] Lê Trung Hoa (1991), *Địa danh Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Khoa học xã hội, trang 91.

Về giồng ăn dưa.

Trong tiếng Việt, âm **â** có thể được gọi trại thành âm **ư**; ví dụ: v**â**ng lịnh - v**ư**ng lịnh; d**â**ng cơm - d**ư**ng cơm; n**â**ng - n**ư**ng; t**ầ**ng - t**ừ**ng; v**ầ**ng - v**ừ**ng. Do đó, **Bâng** hoàn toàn có thể được gọi trại thành **Bưng**.

Giồng Chợ Bưng là giồng cát mà trên đó có Chợ Bưng, rộng khoảng 50 ha, thuộc xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành.

3. Giồng Dứa

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Giồng) + Thực vật (Cây dứa dại: là cây mọc tự nhiên, có sức sống vô cùng mạnh mẽ ở mọi điều kiện thời tiết với chiều cao khoảng từ 3 - 4 m, có cây cao tới 6 m. Các bộ phận của cây dứa gai như: rễ, đọt, hoa, trái, lá non đều có thể tận dụng làm thuốc, chủ trị thanh nhiệt, làm ra mồ hôi, giải độc, lợi tiểu, cầm máu. Do đó, dân gian có bài thơ nói về công dụng của cây dứa gai như sau:

Dứa dại còn gọi dứa gai.

Đọt non hay rễ được xài từ lâu.

Nếu cần nướng trước sắc sau,

Rễ mạnh hơn đọt giống nhau cách dùng.

Trục thủy tiêu thũng nói chung,

Xơ gan cổ trướng tiểu thông giảm phù.

Đi đái rát trị êm ru,

Mất ngủ li bì uống ngủ cũng ngon.

Mọc hoang đầy khắp đó đây,

Khi cần nên kiếm trồng thay hàng rào.

Giồng Dứa là một bộ phận của Ba Giồng, xuất phát từ xã Tam Hiệp (huyện Châu Thành) chạy cặp theo Quốc lộ 1 đến xã Long Định cùng huyện. Theo dân gian, thời xưa, do nơi đây có nhiều cây dứa dại mọc hoang um tùm nên nhân dân trong vùng gọi là Giồng Dứa.

Địa danh Giồng Dứa được thể hiện qua ca dao:

Ai về Giồng Dứa qua truông,

Gió lay bông sậy, để buồn cho em.

Nơi đây ghi lại chiến thắng oanh liệt của quân dân ta trong thời kỳ Kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Ngày 25/04/1947, đồng chí Trần Văn Trà, Khu bộ trưởng Khu 8, đã chỉ huy chi đội 17 bộ đội chủ lực của Khu và đại đội khoá sinh Trường Quân chính khu 8 phối hợp cùng quân dân du kích tỉnh Mỹ Tho

đánh tiêu diệt đoàn xe công voa và đoàn xe Chính phủ Nam Kỳ tự trị. Chiến thắng Giồng Dứa đánh dấu bước trưởng thành của lực lượng vũ trang về trình độ nghệ thuật tác chiến, chỉ huy, sử dụng lực lượng, bố trí thế trận chiến tranh nhân dân,… Từ đó, tạo ra thế và lực mới để lực lượng vũ trang Khu 8 (cũ) và quân dân Mỹ Tho trong kháng chiến chống Pháp phát triển mạnh mẽ, góp phần đánh bại thực dân Pháp trên chiến trường Nam bộ nói chung và Mỹ Tho nói riêng.

Năm 1985, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Tiền Giang xây dựng tại đây 01 tượng đài chiến thắng gồm: tượng tròn và phù điêu mô tả trận đánh do hai nhà điêu khắc Đỗ Như Cẩn và Phạm Mười tạo mẫu, đồng chí Thượng tướng Trần Văn Trà làm cố vấn tượng đài mô tả lại cảnh chiến đấu đốt xe địch của quân ta: nữ dân quân, vệ quốc quân và một nông dân thổi tù và.

Năm 2000, do nhu cầu mở rộng Quốc lộ 1, tượng đài đã được quy hoạch tôn tạo lại và di dời vào trong 40 m, xây dựng trong một khuôn viên gần 1 ha với các hạng mục công trình như: công viên, vườn hoa, cây cảnh, hồ cảnh bao bọc chung quanh. Tượng đài và phù điêu chất liệu bê tông cốt thép cao 7m, dài 24m. Di tích Chiến thắng Giồng Dứa được được Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa Quốc gia năm 2003.

4. Giồng Kỳ Lân

Giồng Kỳ Lân là địa danh được ghi trong quyển *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức, *Đại Nam nhất thống chí* của Quốc sử quán triều Nguyễn, *Địa bạ Minh Mạng năm 1836*, tọa lạc ở thôn Thân Nhơn, tổng Thuận Trị, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường. Hiện nay, giồng này thuộc các ấp Thân Bình, Thân Đạo, Thân Đức, Thân Hòa, xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành.

Giồng Kỳ Lân là địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Giồng) + Linh vật (Kỳ lân).

- Kỳ lân: Theo truyền thuyết, Kỳ lân là thần thú và là vua của tất cả các loài thú bốn chân, được coi là một trong Tứ Linh: Long, Lân, Quy, Phụng. Kỳ lân có đầu của rồng, thân hươu, chân ngựa, đuôi trâu, móng guốc, mình vẩy tê tê, đầu có sừng nhọn và cong, có vây lửa cạnh chân. Kỳ lân bay được lên trời, chạy được trên đất và trên mặt nước, miệng phun ra lửa, nhưng lại rất hiền hòa, không hại ai, sừng không dùng để húc. Vì thế, kỳ lân là linh vật tượng trưng cho từ tâm, trí tuệ, nhân nghĩa và tốt lành.

Theo truyền thuyết, thời xưa, giồng này cây cối mọc um tùm. Vào những ngày linh tháng tốt, lúc ban đêm, người ta thấy kỳ lân xuất hiện, nên đặt tên là giồng Kỳ Lân. Nơi đây là vùng chuyên canh rau màu của xã Thân Cửu Nghĩa.

5. Giồng Lộ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Giồng) + Công trình xây dựng (Lộ: từ Hán Việt: 路: Đường đi).

Giồng Lộ là giồng cát mà trên đó có con đường dài 3 km, ngang 5 m, mặt đường được trải nhựa, chạy xuyên qua ấp 5, nối Chợ Bưng (xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành) với đường cao tốc Trung Lương - Thành phố Hồ Chí Minh.

*** Sưu tầm, thống kê, phân loại, nghiên cứu, biên soạn địa danh gò:**

Khái niệm:

Gò: Khoảng đất nổi cao lên giữa nơi bằng phẳng.

1. Gò Chết Chém

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Sự kiện (Chết chém).

Gò Chết Chém rộng khoảng 2 ha, tọa lạc tại xã Tân Lý Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Địa danh này có cách giải thích như sau:

Theo bài *Đôi nét tiểu sử họ đạo Ba Giồng: một họ đạo lâu đời của giáo phận Mỹ Tho* đăng trên *Trang điện tử tienghatvinguoingheo.net* trích dẫn từ tài liệu "*Bản tường trình của Linh mục F. Demarcq (cha sở họ đạo Tân An 1911), thừa sai Tông Tòa*" hiện được lưu trữ tại Tòa Tổng Giám mục Thành phố Hồ Chí Minh, địa danh Gò Chết Chém có xuất xứ từ một vụ giết hại giáo dân đạo Thiên chúa dưới triều vua Tự Đức. Để tường minh vấn đề, thiết nghĩ cần phải đặt sự kiện đó trong bối cảnh lịch sử phức tạp lúc bấy giờ.

Sau khi chiếm tỉnh thành Gia Định (1859) và hạ đại đồn Chí Hòa ngày 25/2/1861, thực dân Pháp tính ngay đến việc mở rộng địa bàn xâm lược, trong đó tỉnh đầu tiên mà bọn chúng nhắm đến là Định Tường, vì các lý do sau đây:

+ Định Tường là tỉnh giàu có, là vựa lúa và là thị trường lúa gạo quan trọng của Việt Nam. Vì vậy, chiếm được Định Tường sẽ cắt đứt được nguồn cung ứng lúa gạo ra Huế và các nơi khác.

+ Định Tường có vị trí then chốt trong hệ thống giao thông thủy ở đồng bằng sông Cửu Long, có thể dễ dàng đi đến các tỉnh miền Tây Nam kỳ và Cao Miên (Campuchia) bằng cách ngược dòng Mê Kông; để thực hiện mưu đồ xâm chiếm vương quốc này.

+ Định Tường là một trung tâm kháng chiến chống Pháp mạnh nhất ở Nam kỳ gắn liền với nhiều cuộc khởi nghĩa, tiêu biểu là các cuộc khởi nghĩa do Trương Định, Nguyễn Hữu Huân (Thủ khoa Huân), Võ Duy Dương (Thiên hộ Dương) lãnh đạo. Chính vì thế, thực dân Pháp thấy cần phải đánh chiếm để nhanh chóng tiêu diệt các cuộc khởi nghĩa đó.

Để thực hiện mưu đồ đó, theo lệnh của Thủy sư đô đốc Charner, ngày 26/3/1861, hải quân trung tá Bourdais chỉ huy một hạm đội theo đường kênh/kinh Bảo Định tiến đánh thành Mỹ Tho. Trên đường hành tiến, bọn chúng bị quân dân ta chặn đánh quyết liệt. Tuy nhiên, do có thế mạnh về tàu chiến và vũ khí,… nên quân Pháp ngày càng tiến đến gần Mỹ Tho.

Trong lúc đó, chính quyền nhà Nguyễn tại tỉnh Định Tường có một hành động sai lầm, thiển cận, làm tổn hại đến sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc và tôn giáo là bắt cha Phêrô Nguyễn Văn Lựu cai quản họ đạo Ba Giồng từ năm 1853 mang đi hành quyết vào ngày 07/4/1861 vì hoài nghi và lo ngại vị cha xứ này kích động giáo dân đạo Thiên chúa nổi dậy làm nội ứng cho quân Pháp. Ngày 12/4/1861, quân Pháp hoàn tất việc đánh chiếm thành Mỹ Tho.

Vẫn theo tài liệu nêu trên, tuy quân Pháp chiếm được thành Mỹ Tho; nhưng những vùng nông thôn vẫn do quân triều đình nhà Nguyễn kiểm soát. Năm 1862, cũng vì hiềm nghi, quân triều đình đã bắt 27 giáo dân thuộc họ đạo Ba Giồng truy xét; trong đó 25 người bị xử tử tại một một địa điểm gần chợ Cổ Chi, cách nhà thờ Ba Giồng khoảng 2 km; 2 người bỏ chạy, nhưng cũng bị giết trên đường đào tẩu. Sau đó, thi hài của những người xấu số này được chôn tại một gò đất gần nơi hành quyết. Từ đó, mới có địa danh Gò Chết Chém. Đây thực sự là một bi kịch của lịch sử trong buổi đầu thực dân Pháp xâm lược nước ta. Mười năm sau, ngày 18/6/1872, linh mục coi sóc họ đạo là M. Hamon cho cải táng hài cốt các giáo dân về nơi an nghỉ tại Đất Thánh thuộc nhà thờ Ba Giồng.

Với cách giải thích này, Gò Chết Chém là gò đất chôn 27 giáo dân bị nhà Nguyễn hành hình năm 1862.

2. Gò Dinh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Công trình kiến trúc (Dinh).

- Dinh: Năm 1808, lỵ sở của phủ Kiến An và huyện Kiến Hưng được đóng tại thôn Tân Lý Tây. Đến năm 1833, dời về thôn Tân Hiệp. Theo sách *Đại Nam Nhất Thống Chí*, lỵ sở này có: "*chu vi 65 trượng, có lũy tre bao quanh…*". Tại đây, dinh của quan tri phủ và quan tri huyện được dựng lên, nên được gọi là Gò Dinh.

Gò Dinh rộng khoảng 10 ha, tọa lạc tại thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu Thành.

3. Gò Gạch

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Vật liệu xây dựng (Gạch): Gò có nhiều gạch.

Tại đây có địa điểm khảo cổ học Gò Gạch thuộc địa phận xã Tân Lý Tây, huyện Châu Thành, có diện tích khoảng 1.000 m^2.

Hiện nay, trên di tích có một ngôi chùa mang tên là Kim Thạch. Chùa đã được xây cất từ lâu. Tại đây, vẫn còn những nền gạch lộ trên mặt đất. Nhiều viên gạch của kiến trúc cổ đã được mang đi lát đường hoặc xây nền chùa. Trong sân chùa còn nhiều đá cuội, một số tảng đá bị vỡ, nhiều mảnh tượng và bệ tượng vỡ. Có nhiều khả năng đây là di tích kiến trúc tôn giáo vào thời kỳ Văn hóa Óc Eo (thế kỷ thứ VII-VIII).

4. Gò Lũy

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Công trình xây dựng (Lũy: công trình được làm bằng đất, bao quanh chỗ đóng quân).

Gò Lũy rộng khoảng 50 ha, tọa lạc tại xã Nhị Bình, huyện Châu Thành, là gò đất có đồn lũy của quân Đông Sơn. Đạo quân này do Đỗ Thanh Nhơn lập ra nhằm ủng hộ chúa Nguyễn Phúc Ánh trong việc tranh chấp với quân Tây Sơn do Nguyễn Nhạc, Nguyện Huệ và Nguyễn Lữ chỉ huy. Năm 1781, do Đỗ Thanh Nhơn ngày càng lộng quyền, Nguyễn Phúc Ánh đã ra lệnh giết chết viên tướng này. Do đó, quân Đông Sơn rút vào Gò Lũy xây đồn đắp lũy, vừa chống Nguyễn Phúc Ánh, vừa chống quân Tây Sơn. Sau đó, Nguyễn Phúc Ánh bị quân Tây Sơn truy đuổi phải chạy trốn ở nhiều nơi. Đồng thời, quân Tây Sơn cũng truy đánh quân Đông Sơn. Sau trận Rạch Gầm - Xoài Mút (1/1785), tiêu diệt 5 vạn quân Xiêm do Nguyễn Phúc Ánh rước về, quân Tây Sơn do đô đốc Trấn chỉ huy tiến đánh vào Gò Lũy khiến quân Đông Sơn rút vào vùng Bà Bèo và bọn phiến quân này tan rã dần.

Các địa danh liên quan đến Gò Lũy là đường Gò Lũy và chợ Gò Lũy.

Gò Lũy gắn liền với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Ba Giồng dưới sự lãnh đạo của Thiên hộ Võ Duy Dương. Tháng 5/1861, từ Huế, ông trở lại Ba Giồng chỉ huy cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm. Tại đây, ông đã chiêu mộ hơn 1.000 quân nghĩa dũng, nên được triều đình phong chức Quản cơ vào tháng 9/1861, cùng lúc với Trương Định ở Gò Công.

Nhận thấy Ba Giồng là nơi đông dân, nhiều của; lại là cửa ngõ đi vào vùng đồng bằng sông Cửu Long; hơn nữa, nhân dân ở vùng này rất quyết tâm chống giặc; nên ông đã xây dựng nơi đây thành một trung tâm kháng chiến mạnh mẽ, tồn tại đồng thời với trung tâm kháng chiến Tân Hòa (Gò Công) của Trương Định. Theo đó, ông cho xây dựng đồn lũy với một số vị trí xung yếu; trong đó có một gò đất mà sau này được gọi là Gò Lũy ở thôn Nhị Bình thuộc tổng Hưng Nhơn, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường. Từ các căn cứ trên đất Ba Giồng, trong đó có căn cứ Gò Lũy, dưới sự chỉ huy của ông, nghĩa quân Ba Giồng đã tiến hành những trận đánh dũng mãnh và thu được những thắng lợi vang dội, điển hình là trận tấn công đồn Bourdais (4/9/1861), trận Cái Thia (14/10/1861), trận Cai Lậy (15/10/1861), trận Kỳ Hôn (22/10/1861), trận Rạch Gầm (tháng 11/1861),…

Bên cạnh đó, nghĩa quân còn đẩy mạnh công tác diệt ác trừ gian, như ngày 17/10/1861, nghĩa quân đột nhập vào đồn Cai Lậy, diệt 1 tên đội; trong các ngày

22, 23, 24/11/1861, nghĩa quân len lõi vào vùng địch tạm chiếm, diệt các tên xã trưởng của các xã Mỹ Quý, Trung Lương, Tân Lý Tây, Mỹ An,…

Trước tình hình đó, thực dân Pháp tập trung lực lượng đàn áp cuộc khởi nghĩa. Để bảo toàn lực lượng, cuối năm 1864, ông rút quân vào Đồng Tháp Mười, xây dựng căn cứ mới, tiếp tục cuộc kháng chiến chống Pháp.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta (1954-1975), địch đã xây dựng Gò Lũy thành tiền đồn thuộc yếu khu Long Định. Tại đây, địch đóng 5 đồn (1 đồn cấp đại đội, 4 đồn cấp trung đội). Sau hiệp định Paris (1973), Tỉnh đội Mỹ Tho điều đại đội đặc công về đứng chân ở Gò Lũy với nhiệm vụ bao vây, cô lập các đồn của địch và chống địch hành quân lấn chiếm. Qua hơn một năm hoạt động, đại đội đặc công của ta gần như làm chủ khu vực Gò Lũy, xây dựng ấp, xã chiến đấu; còn địch thì co cụm trong các đồn bót của bọn chúng. Trong mùa khô năm 1974, ta đã mở chiến dịch "Mở mảng Gò Lũy". Theo quyển *Địa chí Tiền Giang (tập 2)*, đầu năm 1974, tại khu vực Gò Lũy, ngoài các đồn đã có từ trước, địch bố trí tiểu đoàn địa phương quân 513 đóng quân gần đồn Ba Ông Bí và đồn Xóm Kiệu, có cụm pháo 2 khẩu 105 mm; đồng thời, có 2 tiểu đoàn địa phương quân 402, 427 và chi đoàn 3 thuộc chiến đoàn 6 thiết giáp Tiểu khu Định Tường sẵn sàng cơ động nhanh, chi viện khi cần thiết.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy Mỹ Tho, Ban Chỉ huy Tỉnh đội đề ra kế hoạch đánh địch mở lõm trước mùa khô ở các huyện trong tỉnh, trong đó, trọng điểm là khu vực Gò Lũy, nhằm tạo thế đứng, mở rộng vùng giải phóng và đường hành lang nối dài từ Lộ 4 (nay là Quốc lộ 1) đến phía tây thị xã Mỹ Tho, tạo điều kiện thuận lợi cho các đợt hoạt động kế tiếp, hoàn thành nhiệm vụ trong mùa khô 1974.

Lực lượng tham chiến của ta trong đợt mở mảng này gồm hai tiểu đoàn 514 C và 2009 B, hai đại đội trợ chiến tỉnh Mỹ Tho và lực lượng du kích xã Nhị Bình. Cuộc mở mảng gồm 2 đợt:

Đợt 1 từ ngày 14 đến ngày 19/4/1974, hai tiểu đoàn chủ công của ta kết hợp với lực lượng địa phương tổ chức vây lấn, bắn tỉa làm cho địch hoang mang, bỏ chạy khỏi đồn Cây Đa và Xóm Mô. Chiều 15/4, trước nguy cơ bị mất khu vực Gò Lũy, địch điều tiểu đoàn 402 có xe thiết giáp M 113 và pháo binh yểm trợ tiến vào giải tỏa. Tuy nhiên, bọn này bị tiểu đoàn 514 C của ta chận đánh quyết liệt, bị thiệt hại nặng nên phải rút quân ra ngoài khu vực Gò Lũy. Kết thúc đợt 1, ta tiêu diệt hai đồn Cây Đa và Xóm Mô, mở rộng vùng giải phóng, đánh thiệt hại nặng tiểu đoàn 402 của địch. Bị thua đau, địch cho lập thêm một đồn mới có công sự chiến đấu, hầm chỉ huy, bố trí 7 vòng rào, vật cản; đồng thời, cho củng cố lại hai đồn Ba Ông Bí và Xóm Kiệu với ý đồ giữ bằng được địa bàn trọng yếu này.

Đợt 2 từ ngày 20 đến ngày 24/4/1974, đêm 20/4, sau khi được tăng cường, bổ sung lực lượng và hỏa lực, tiểu đoàn 2009 B của ta tấn công hai đồn Ba Ông Bí và

Xóm Kiệu với phương châm vây, lấn, tấn, phá, triệt, diệt. Trước tình hình đó, địch cho hai tiểu đoàn 402 và 427 địa phương quân vào ứng cứu; nhưng bị tiểu đoàn 514 C của ta chận đánh, gây cho chúng nhiều thiệt hại (chết và bị thương gần 50 tên), nên buộc phải rút quân. Nhân cơ hội đó, toàn bộ lực lượng của ta đồng loạt tấn công, tiêu diệt hai đồn Ba Ông Bí và Xóm Kiệu.

Qua hai đợt cao điểm của tháng 4/1974, ta đã tiêu diệt và bức rút 1 đồn cấp đại đội, 3 đồn cấp trung đội, loại khỏi vòng chiến đấu 140 tên địch, bắn cháy và làm hư 3 xe ủi đất, 3 xe M 113, thu 4 máy thông tin PRC25, 2 súng M 79, 2 đại liên, 1 súng cối 60 mm và 20 súng tiểu liên M 16. Đợt mở mảng Gò Lũy đã tạo nên thế trận mới, mở rộng vùng giải phóng huyện Châu Thành Bắc.

5. Gò Me (xã Long Hưng, huyện Châu Thành)

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Thực vật (Cây me: là cây thân gỗ, có thể cao tới 20m, có nhiều công dụng: trồng ở đô thị lấy bóng mát; làm cây kiểng bonsai; đóng đồ gỗ mỹ nghệ, vật dụng gia đình; một số bộ phận của cây còn là một trong những dược liệu dùng để chữa các bệnh như trĩ, viêm lợi, bong gân, tiêu chảy, kiết lị, tảy giun, kích thích tiêu hóa, vàng da, mụn nhọn, thanh nhiệt cơ thể; trái me làm gia vị, thức uống giải khát, mứt,…).

Gò Me rộng khoảng 5 ha, tọa lạc tại xã Long Hưng, huyện Châu Thành, là gò có nhiều cây me hoặc có cây me to.

Gò Me gắn liền với sự kiện lịch sử bi tráng của dân tộc trong cuộc khởi nghĩa Nam kỳ. Đó là cuộc tuẫn tiết đầy khí phách anh hùng của bốn chiến sĩ cộng sản kiên cường: Lê Văn Giác, Nguyễn Văn Ghè, Lê Văn Quới, Nguyễn Văn Huân.

1 giờ sáng ngày 23-11-1940, cuộc khởi nghĩa Nam kỳ ở tỉnh Mỹ Tho bùng nổ với tâm điểm là xã Long Hưng. Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Mỹ Tho và sự chỉ huy trực tiếp của Ủy ban khởi nghĩa tỉnh, quần chúng nhân dân và lực lượng võ trang đã đồng loạt nổi dậy và tiến đánh địch ở toàn địa bàn huyện Châu Thành, lật đổ hầu như toàn bộ chính quyền địch ở cơ sở.

Ngay sau đó, chính quyền thực dân tỉnh Mỹ Tho huy động lực lượng hùng hậu để đàn áp. Cuộc khởi nghĩa bị dìm trong biển máu. Ngày 4 – 1 – 1941, quân Pháp tổ chức một trận càn quét với quy mô lớn vào Long Hưng. Nghĩa quân đã kiên cường đánh trả. Nhưng do tương quan lực lượng có sự chênh lệch quá lớn, nên lực lượng cách mạng phải rút vào Gò Me cố thủ. Đến tờ mờ sáng ngày hôm sau, sau khi bắn đến viên đạn cuối cùng, bốn chiến sĩ Lê Văn Giác, Nguyễn Văn Ghè, Lê Văn Quới, Nguyễn Văn Huân đã quyết định tuẫn tiết để không sa vào tay giặc, bảo vệ cơ sở Đảng và cách mạng. Hành động vị quốc vong thân của Bốn Ông và địa danh Gò Me đã đi vào lịch sử dân tộc, sống mãi ngàn thu.

Di tích Gò Me được tỉnh Tiền Giang xếp hạng là Di tích lịch sử văn hóa cấp Tỉnh.

6. Gò Ông Hoài

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Giới tính (Ông) + Tên người (Hoài: Theo lời kể của dân gian, khoảng cuối thế kỷ XVIII, ông Nguyễn Văn Hoài từ miền Trung di cư vào Nam sinh sống. Ông là người lập ra thôn Tân Đức Đông (nay thuộc xã Dưỡng Điềm). Sau khi mất, ông được dân làng tôn làm tiền hiền; đồng thời, tên của ông được đặt cho một gò cát ở đây: gò Ông Hoài, tức Hoài cương được ghi trong sách *Đại Nam nhất thống chí* của Quốc sử quán triều Nguyễn. Ông có người con là Nguyễn Văn Nhiêu từng giữ chức Cai thuộc nên được gọi là Thuộc Nhiêu).

Gò Ông Hoài rộng khoảng 12 ha, thuộc xã Dưỡng Điềm, huyện Châu Thành.

7. Gò Sao

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình tự nhiên (Gò) + Thực vật (Cây Sao: là loại cây thân gỗ lớn thuộc họ dầu, có gỗ rất cứng và chịu được nước, thường được dùng để đóng ghe xuồng).

Gò Sao rộng khoảng 5 ha, thuộc xã Tân Lý Tây, huyện Châu Thành, là gò có nhiều cây sao. Tại đây có di chỉ khảo cổ học Gò Sao, nằm trong khu vực đình Tân Lý Tây, phía trước Uỷ ban Nhân dân xã Tân Lý Tây.

Tại di tích Gò Sao, người ta tìm thấy nhiều nền gạch và các vĩa gạch nằm ở độ sâu 1 m và cách đình khoảng 20 m về phía tây nam. Đồng thời, tại đây đã phát hiện 1 tượng thần Visnu (thần Bảo tồn theo Ấn Độ giáo), 1 rìu đá, một số mảnh vỡ của bình cổ và 1 bàn nghiền bị vỡ. Khảo sát các loại gạch cho thấy nhiều khả năng di tích ở vào thời kỳ Óc Eo muộn (thế kỷ thứ VII-XIII).

8. Gò Tân Hiệp

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Địa danh hành chính gốc Hán Việt (thị trấn Tân Hiệp: Tân: 新: Mới mẻ; Hiệp: 合: Hợp lại, gộp lại).

Tại đây có di chỉ khảo cổ học thuộc thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu Thành (nay thuộc khu làm việc của Huyện uỷ) phân bố trên một gò cao khoảng 5-7 m so với chung quanh, diện tích khoảng 3.000 m^2.

Đây là di tích kiến trúc có quy mô được xem là lớn nhất ở Tiền Giang. Gò nhân tạo này được bó nền (bọc nền) bằng gạch có hình vuông với chiều cao khoảng 4 m. Gạch bó nền có kích thước giống gạch tại di tích Gò Thành (xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo). Hiện nay, tại đây còn 1 tảng đá lớn rộng khoảng 1,50 m^2 nằm bên ngoài thành gạch cũ.

Trên mặt gò, các kiến trúc đã bị sụp đổ. Thực dân Pháp sử dụng độ cao của gò để xây đồn bót. Thời Mỹ xâm lược cũng xây dựng các công trình phục vụ quân sự

tại đây. Nay thành gạch không còn vết tích cũ. Qua khảo sát, có thể đoán định di tích là kiến trúc trung tâm có liên quan đến tôn giáo vào thời kỳ Óc Eo muộn (thế kỷ thứ VII-XIII)[2].

9. Gò Trao Trảo

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Thực vật (Trao trảo: Dưa).

Đây là địa danh xưa. Gò Trao Trảo rộng khoảng 25 ha, trải dài trên địa bàn xã Tân Lý Tây, huyện Châu Thành. Theo sách *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức và sách *Đại Nam nhất thống chí* của Quốc sử quán triều Nguyễn, tại đây có một gò cát được người dân trồng các loại dưa nên có tên là Qua Qua 瓜瓜. Trong chữ Hán, chữ "Qua" 瓜 có nghĩa là "dưa", vì có tự dạng gần giống chữ "Trảo" 爪 (móng vuốt) nên bị viết và đọc nhầm là "Trảo Trảo" 爪爪, sau đọc trại thành "Trao Trảo". Đây là địa danh có nguồn gốc từ thực vật (dưa), tức gò trồng dưa; hoàn toàn không phải động vật (chim trao trảo). Dưa là một loại thực vật đặc hữu của miệt gò/giồng:

Mẹ mong gả thiếp về giồng,
Ăn bông bí luộc, dưa hồng nấu canh.
(Ca dao)

Trên đất giồng mình trồng khoai lang,
Trên đất giồng mình trồng dưa gang.
Hỡi cô gánh nước[3] *đường xa,*
Con bao gánh nữa để qua[4] *gánh dùm…*
("Lý đất giồng")

Gió đưa gió đẩy,
Về rẫy ăn còng,
Về sông ăn cá,
Về giồng ăn dưa.

---

[2] Lê Ái Siêm (2002), *Tiền Giang những di tích nổi tiếng*, Sở Thương mại - Du lịch Tiền Giang và Sở Văn hóa - Thông tin Tiền Giang, trang 357.

[3] Vì đất giồng cao ráo, ít kênh rạch nên nước sinh hoạt và cả trồng trọt thường phải gánh từ giếng.

[4] "Qua" là đại từ nhân xưng có tính cách thân mật, có nghĩa là "tôi".

(Ca dao)

*** Địa danh Việt gốc Khmer:**

1. Bưng Môn

Bưng Môn là bưng có nhiều cây môn nước mọc hoang, tọa lạc ở xã Điềm Hy, huyện Châu Thành và xã Tân Phú, huyện Cai Lậy.

2. Cầu Chợ Bưng

Cầu Chợ Bưng được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Chợ) + Địa hình thiên nhiên (Bưng).

Cầu Chợ Bưng là cầu được xây dựng gần chợ có tên là Bưng. Cầu Chợ Bưng nằm trên Đường tỉnh 878, km 04+275, dài 43 m, rộng 21,60 m, bắc qua rạch Bến Chùa, thuộc địa bàn xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành, kết cấu bê tông, được xây dựng năm 1980, tải trọng 25 tấn.

3. Chợ Bưng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa hình thiên nhiên (Bưng).

Chợ Bưng được thành lập từ đầu thế kỷ XIX, thuộc xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Chợ Bưng là chợ được xây dựng gần cái bưng.

Hiện tại, Chợ Bưng được xây dựng bán kiên cố; có tổng diện tích là 1.100 m², nhà lồng chợ 500 m², hàng hóa được buôn bán tại chợ phong phú, như thực phẩm, quần áo, tạp hóa, đồ gia dụng,… Chợ hoạt động chủ yếu vào buổi sáng.

4. Chợ Vàm

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa hình tự nhiên (Vàm: Theo Vương Hồng Sển, Vàm là biến âm từ Khmer "pàm" hoặc "piam" nghĩa là cửa sông"[5]. Theo Lê Trung Hoa, Vàm là tiếng Việt gốc Khmer: piăm, là nơi con rạch đổ ra sông lớn. Piăm có khả năng biến thành vàm; bởi vì, phụ âm tắc môi - môi "p" chuyển thành phụ âm xát môi - răng "v" là hiện tượng phổ biến: Kam**p**ot (một tỉnh ở Campuchia) - Cần **V**ọt (cách đọc của người Việt); còn âm chính "ă" chuyển đổi với "a" đã có tiền lệ: h**ằ**ng (tháng) - h**à**ng (tháng); (đại) b**à**ng – (cánh) b**ằ**ng,… Do đó, piăm hoàn toàn có thể biến thành vàm[6]).

Chợ Vàm là tên dân gian để chỉ chợ Rạch Gầm, được thiết lập ở chỗ Rạch Gầm đổ ra sông Tiền, thuộc xã Kim Sơn, huyện Châu Thành. Đây là chợ nhỏ, nhà

[5] Vương Hồng Sển (1998), *Tự vị tiếng nói miền Nam*, Nxb Trẻ, trang 476.

[6] Lê Trung Hoa (1991), *Địa danh ở thành phố Hồ Chí Minh*. Nxb Khoa học xã hội, trang 120.

lồng có diện tích khoảng 120 m², bán các mặt hàng phục vụ cho sinh hoạt hàng ngày của người dân, chỉ hoạt động vào buổi sáng.

5. Đường Cây Trôm (xã Kim Sơn, huyện Châu Thành)

Đường Cây Trôm tọa lạc tại ấp Hội, xã Kim Sơn, là địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Thực vật (Cây Trôm).

- Đường: Theo *Từ điển Tiếng Việt phổ thông* của Viện Ngôn Ngữ học, đường là lối đi nhất định được tạo ra để nối liền hai địa điểm, hai nơi.

- Cây trôm : Trôm là tiếng Việt gốc Khmer: Tham rôn, gọi trại mà ra, là cây thân gỗ, cao từ 15 - 20 m. Gỗ dùng trong xây dựng, xẻ ván, đóng đồ mộc. Vỏ làm thuốc lợi tiểu và có chất nhầy làm săn da; lá làm thuốc kháng sinh, tiêu viêm, nhuận tràng. Hạt có dầu béo, màu vàng nhạt, dịu, có tác dụng nhuận tràng, lợi trung tiện, chữa ghẻ, thắp sáng, có thể ăn được và xay bột làm nhân bánh. Đặc biệt, nhựa trôm (mủ trôm) có dạng keo, dễ tan trong nước, chứa nhiều chất bổ dưỡng dùng để chế các loại nước giải khát, giải nhiệt cao cấp. Ngoài ra, trôm còn được trồng trên đường phố, trong công viên để tạo cảnh quan và bóng mát.

Đường Cây Trôm là con đường mà xưa kia có cây trôm to mọc tại đó. Đây là đường nội ấp, được lát dale, ngang 2 m, dài khoảng 500 m.

6. Đường Cây Trôm (xã Vĩnh Kim, huyện Châu Thành)

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Thực vật (Cây Trôm). Đường Cây Trôm là con đường có cây trôm to mọc tại đó, hiện nay vẫn còn. Đây là đường nội ấp, được lát dale, ngang 2 m, dài khoảng 300 m, tọa lạc tại ấp Vĩnh Thới, xã Vĩnh Kim.

7. Sóc Gòn

Sóc Gòn là địa danh ở xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Sóc : là Tiếng Việt gốc Khmer. Theo Lê Trung Hoa trong quyển *Địa danh ở Thành phố Hồ Chí Minh*, Sóc có từ gốc Srôk, có nghĩa hẹp là "xứ", nghĩa rộng là "làng" hay "xã"[7]. Theo Sơn Lương, Sóc là đơn vị cư trú của người Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long có quy mô lớn hơn Phum, mà Phum tương đương với "xóm" của người Việt. Phum và Sóc dùng để chỉ địa danh nơi cư trú của bà con cộng đồng người Khmer, chứ không hề có ý nghĩa là đơn vị hành chính như ở nước bạn Campuchia[8].

---

[7] Lê Trung Hoa (1991), *Địa danh ở Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Khoa học xã hội, trang 68.

[8] Sơn Lương, *Vài nét về đời sống sinh hoạt văn hóa và lễ hội Ooc Om Bóc - Đua ghe Ngo của người Khmer Sóc Trăng*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học "Bảo tồn và phát huy Lễ hội Ooc Om Boc -

Cũng theo Lê Trung Hoa trong sách đã dẫn, trong tiếng Việt, hiện tượng tổ hợp phụ âm đầu có âm lỏng "r" bị rụng âm "r" là điều rất phổ biến, như crème thành kem, frein thành phanh (thắng xe), fromage thành phó mát hay phô mai; như vậy, **Sr** hoàn toàn có khả năng chuyển thành **S**. Đồng thời, vần "ôk" hay "ôc" (đây chỉ là hai cách viết của một vần) chuyển thành "oc" cũng hay xảy ra, như độc giả - bạn đọc, khốc - khóc. Do đó, Srôk được đọc và viết thành Sóc là có cơ sở[9].

- Gòn : có hai cách giải thích :

+ Cách thứ nhất :

Gòn là cây bông gòn, viết tắt lại thành Gòn. Đây là loài cây thân gỗ, cao khoảng 10 m. Cây trưởng thành sinh ra khoảng vài trăm trái, mỗi trái dài khoảng 15 cm. Trái chứa các hột được bao bọc trong các sợi mịn có màu trắng là hỗn hợp của linhin và xenluloza. Sợi cây bông gòn nhẹ, nổi trên nước, đàn hồi, dễ cháy và không thấm nước. Nó không thể xe thành sợi giống như chỉ; nên được dùng làm chất nhồi cho các loại nệm, gối, bàn ghế, đồ chơi trẻ em và các lớp cách âm, cách nhiệt. Hạt chứa dầu được sử dụng để nấu xà bông và có thể làm phân bón.

Với cách giải thích này, Sóc Gòn là nơi trồng nhiều cây bông gòn.

+ Cách thứ hai:

Theo PGS.TS Lê Trung Hoa trong sách đã dẫn, Gòn là Tiếng Việt gốc Khơ Me: Nokor, có nghĩa là "thị trấn".

Âm tiết "No" trong Nokor được lược bỏ, bởi vì các địa danh có ba âm tiết bị lược bỏ âm tiết ở giữa là hiện tượng thường xảy ra, như cầu Xóm Kiệu - cầu Kiệu, sông Ông Đốc - sông Đốc, rạch Cọp Gầm/rạch Ông Gầm - rạch Gầm,… Do đó, Srôk/Sóc Nokor thành Srôk/Sóc kor.

Âm tiết "kor" biến thành âm tiết "gòn", vì Tiếng Khmer "kor" và Tiếng Việt "gòn" cùng có nghĩa là "cây gòn".

Với cách giải thích này, Sóc Gòn là nơi có một thị trấn.

7. Tha La

Tha La là địa danh được sử dụng nhiều nhất ở huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, như:

Xứ Tha La: xã Long Hưng.

Rạch Tha La: hai xã Thân Cửu Nghĩa và Bình Trưng.

Đua ghe Ngo Sóc Trăng", Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Sóc Trăng và Phân viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh, 2009, trang 24.

[9] Lê Trung Hoa (1991), *Địa danh ở Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Khoa học xã hội, trang 68.

Cầu Tha La: bắc ngang rạch Tha La, ở xã Thân Cửu Nghĩa.

Chợ Tha La: xã Đông Hòa.

Ao Tha La: ấp Tân Phong, xã Tân Lý Tây.

Xóm Tha La: ấp Đông B, xã Nhị Bình.

Ngài ra, còn có xóm Tha La ở ấp Mỹ Vĩnh, xã Long Khánh, thị xã Cai Lậy.

Tha La là địa danh Việt gốc Khmer: Sala gọi trại mà ra. Sách *Đại Nam quốc âm tự vị* (1896) của Huỳnh Tịnh Của định nghĩa Tha La là: *"Chòi, trại của thầy sãi Cao Miên"*. Sách *Việt Nam tự điển* của Lê Văn Đức viết: *"Tha La là chòi trại: Cất tha la, xóm tha la"*. Sách *Việt Nam tự điển* của Lê Ngọc Trụ: *"Tha la có gốc từ Khmer (sala) là chòi nhỏ ở vệ đường, cho khách bộ hành nghỉ chân"*. Sách *Địa danh học Việt Nam* của Lê Trung Hoa: Tha la có nghĩa là chòi nhỏ ven đường để khách nghỉ chân. Sách *Nam Kỳ phong tục nhơn vật diễn ca*, Nguyễn Liên Phong cho biết chức năng của Tha La là trạm nghỉ chân dọc đường: "*Thường khi xây cất Tha La. Lớn bằng căn phố người ta nghỉ ngồi"*.

Trong Tiếng Việt, âm **s** và **th** có thể biến đổi với nhau; ví dụ: **s**ụp lạy - **th**ụp lạy, **s**ụt lùi - **th**ụt lùi, màu **s**ẩm - màu **th**ẩm,… Do đó, **S**ala được biến thể thành **Th**ala.

8. Vàm Miễu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Vàm) + Công trình xây dựng mang yếu tố tín ngưỡng (Miễu: là nơi thờ Thần, các bậc trung nghĩa có công với nước, với dân, nhỏ hơn đình, đền, còn gọi là miếu).

Vàm Miễu là nơi con rạch đổ ra sông lớn có ngôi miễu thờ Thủy thần, tọa lạc tại xã Bàn Long, huyện Châu Thành. Gắn liền với địa danh này là rạch Vàm Miễu và cầu Vàm Miễu.

9. Ga Ông Táo

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Ga) + Công cụ nấu bếp được thần thánh hóa theo tín ngưỡng dân gian (Ông Táo).

- Ga: xuất phát từ tiếng Pháp - Gare, có nghĩa là Trạm dừng xe.

- Ông Táo: Ông Táo hay Táo Quân trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam có nguồn gốc từ ba vị thần Thổ Công, Thổ Địa và Thổ Kỳ của Lão giáo ở Trung Quốc; nhưng được Việt hóa thành huyền tích "Hai ông - Một bà". Tuy vậy, người dân vẫn quen gọi chung là Ông Táo hay Táo Quân theo thuyết Tam vị nhất thể (thuyết Ba ngôi) khá phổ biến trong các tín ngưỡng, tôn giáo.

Ở Việt Nam, sự tích Ông Táo (Táo Quân) được truyền khẩu, rồi ghi chép, do đó có những sự khác nhau về tình tiết, nội dung chính được tóm tắt như sau:

Trọng Cao có vợ là Thị Nhi ăn ở với nhau đã lâu mà không con, nên sinh ra buồn phiền, hay cãi cọ nhau. Một hôm, Trọng Cao giận quá, đánh vợ. Thị Nhi bỏ nhà ra đi sau đó gặp và bằng lòng làm vợ Phạm Lang. Khi Trọng Cao hết giận vợ, nghĩ lại mình cũng có lỗi nên đi tìm vợ. Khi đi tìm vì tiền bạc đem theo đều tiêu hết nên Trọng Cao đành phải đi ăn xin.

Khi Trọng Cao đến ăn xin nhà Thị Nhi, thì hai bên nhận ra nhau. Thị Nhi rước Trọng Cao vào nhà, hai người kể chuyện và Thị Nhi tỏ lòng ân hận vì đã trót lấy Phạm Lang làm chồng.

Phạm Lang trở về nhà, sợ chồng bắt gặp Trọng Cao nơi đây thì khó giải thích, nên Thị Nhi bảo Trọng Cao ẩn trong đống rơm ngoài vườn. Phạm Lang về nhà liền ra đốt đống rơm để lấy tro bón ruộng. Trọng Cao không dám chui ra nên bị chết thiêu. Thị Nhi trong nhà chạy ra thấy Trọng Cao đã chết bởi sự sắp đặt của mình nên nhào vào đống rơm đang cháy để chết theo.

Phạm Lang gặp tình cảnh quá bất ngờ, thấy vợ chết không biết tính sao, liền nhảy vào đống rơm đang cháy để chết theo vợ.

Linh hồn của ba vị được đưa lên Ngọc Hoàng Thượng Đế. Vị Ngọc Hoàng thấy ba người đều có nghĩa, nên sắc phong cho làm Táo Quân, gọi chung là: Định Phúc Táo Quân, nhưng mỗi người giữ một việc:

- Phạm Lang làm Thổ Công, trông coi việc bếp núc. Danh hiệu: Đông Trù Tư Mệnh Táo Phủ Thần Quân
- Trọng Cao làm Thổ Địa, trông coi việc nhà cửa. Danh hiệu: Thổ Địa Long Mạch Tôn Thần
- Thị Nhi làm Thổ Kỳ, trông coi việc chợ búa. Danh hiệu: Ngũ Phương Ngũ Thổ Phúc Đức Chánh Thần

Người Việt quan niệm ba vị Thần Táo định đoạt phước đức cho gia đình, phước đức này do việc làm đúng đạo lý của gia chủ và những người trong nhà. Bàn thờ thường đặt gần bếp, trên có bài vị thờ viết bằng chữ Hán. Hàng năm, đúng vào ngày 23 tháng chạp là ngày Ông Táo (Táo Quân) lên chầu trời nên người ta gọi ngày này là "Tết Ông Táo", có nơi gọi là "Tết Ông Công".

Người Việt quan niệm Ông Táo trong khi chầu trời sẽ thưa với Ngọc Hoàng Thượng Đế những sự kiện xảy ra trong năm vừa qua ở dưới trần gian. Vì thế, người Việt Nam làm lễ tiễn Ông Táo rất thịnh soạn với lễ cúng thường có là phục trang của Ông Táo, xôi chè, mứt, bánh kẹo, trái cây, trà rượu, nhang đèn, vàng mã,… Ngoài ra, còn có cá chép, vì người ta cho rằng, ông Táo sẽ cỡi cá chép để lên trời.

Theo tín ngưỡng dân gian, người dân cúng Ông Táo với mong muốn những điều tốt đẹp nhất sẽ được thưa với Ngọc Hoàng, và những điều không may mắn

hoặc không tốt sẽ được báo cáo nhẹ đi; đồng thời, cầu mong cả nhà được mạnh khỏe, vui tươi, tấn tài, tấn lộc,…

Ga Ông Táo là tên gọi dân gian để chỉ ga Tân Hương (nay thuộc xã Tân Hương, huyện Châu Thành), một trong 15 ga của tuyến đường sắt đầu tiên ở Việt Nam: tuyến Sài Gòn - Mỹ Tho, dài 71 km, được xây dựng từ năm 1881, hoàn thành năm 1885.

Ga Ông Táo là ga xe lửa mà tại chỗ đó người dân đem vứt bỏ các bếp lò, cà ràng bằng đất, gọi chung là Ông Táo, đã không còn sử dụng được nữa.

*** Địa danh Việt gốc Pháp :**

1. Kênh/Kinh Xáng Cụt (xã Long Hưng, huyện Châu Thành)

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kênh/Kinh) + Phương tiện đào kênh/kinh (Xáng) + Tính từ (Cụt).

Kênh/Kinh Xáng Cụt thuộc xã Long Hưng, huyện Châu Thành, dài không quá 1 km từ bờ kênh/kinh Nguyễn Tấn Thành đến cầu Thầy Tùng.

Năm 1968, một năm sau khi sư đoàn 9 bộ binh Mỹ đến căn cứ Đồng Tâm, do bị du kích, bộ đội, pháo binh của Mặt trận vành đai diệt Mỹ Bình Đức tấn công, pháo kích, quấy rối liên tục, nên chúng đề ra kế hoạch là dùng xáng (tàu cuốc) đào một con kênh/kinh từ Long Hưng xuống Thạnh Phú (huyện Châu Thành) và theo Lộ Ngang đến Bình Đức (huyện Châu Thành) để làm tuyến phòng thủ, bảo vệ căn cứ. Tuy nhiên, vừa đào mới được 1 km thì bị đặc công ta đánh phá quyết liệt nên đành phải bỏ dỡ. Từ đó, con kênh/kinh này được nhân dân địa phương gọi là kênh/kinh Xáng Cụt.

2. Kênh/Kinh Xáng Lecomb (đọc theo Tiếng Việt: Lơ-com)

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kênh/Kinh) + Phương tiện đào kênh/kinh (Xáng) + Tên của người Pháp chỉ huy việc đào kênh/kinh (Lecombe: Tên đầy đủ là Alexis Elie Lecombe. Ông ta làm Chủ tỉnh Mỹ Tho (Chef de la province de Mytho) từ năm 1922 - năm 1925).

Kênh/Kinh này được đào bằng xáng múc (tàu cuốc) khoảng từ năm 1922 - năm 1925 lúc Lecombe giữ chức Chủ tỉnh Mỹ Tho. Năm 1949, Ủy ban Kháng chiến - Hành chính Nam Bộ cho đổi tên thành kênh/kinh Nguyễn Tấn Thành, một cán bộ cách mạng, hy sinh năm 1949.

Kênh/Kinh xáng Nguyễn Tấn Thành chảy qua hai huyện Châu Thành và Tân Phước. Điểm đầu nối từ kênh/kinh Nguyễn Văn Tiếp A, tại trung tâm thị trấn Mỹ Phước của huyện Tân Phước chảy thẳng xuống phía nam, cắt qua Quốc lộ 1 tại cầu Kênh/Kinh Xáng (xã Long Định); sau đó, chảy tiếp cắt qua Đường tỉnh 864 tại cầu cũng có tên là cầu Kênh/Kinh Xáng (còn gọi là cầu Đồng Tâm, giáp ranh hai xã Bình Đức và Song Thuận) rồi đổ ra sông Tiền. Kênh/Kinh dài 19,3 km, rộng 40m,

bề rộng tại vàm kênh/kinh lên đến 125m, chiều sâu 5m - 8m so với mặt đất tự nhiên.

3. Khu phố Ga

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Khu phố) + Công trình xây dựng (Ga: xuất phát từ tiếng Pháp - Gare, có nghĩa là Trạm dừng xe).

Khu phố Ga thuộc thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu Thành, là đơn vị hành chánh mà xưa kia nơi đây từng là ga xe lửa - ga Tân Hiệp - một trong 15 ga của tuyến đường sắt đầu tiên ở Việt Nam: tuyến Sài Gòn - Mỹ Tho, dài 71 km, được xây dựng từ năm 1881, hoàn thành năm 1885. Khu phố Ga đã được công nhận ấp văn hóa.

* **Địa hình thiên nhiên, thực vật:**

1. Ấp Bờ Xe

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Bờ: là đường đi hẹp, bằng đất, dọc theo bờ ruộng, sông, rạch, kênh/kinh, mương,… Hiện nay, có nơi trải sỏi đỏ, đá cấp phối hay bê tông,…) + Phương tiện di chuyển (Xe: là phương tiện giao thông và vận chuyển bằng đường bộ).

Ấp Bờ Xe thuộc xã Thạnh Phú, huyện Châu Thành, là tổ chức dân cư mà xưa kia nơi đây có một bờ đất dùng cho xe thô sơ, kéo bằng súc vật (bò, trâu) để vận chuyển nông sản,...

Ấp Bờ Xe đông giáp ấp Chợ, cùng xã, tây giáp ấp Long Bình, xã Long Hưng, bắc giáp ấp Thạnh Hưng, xã Phước Thạnh, nam giáp ấp Cây Xanh, cùng xã; diện tích tự nhiên 103 ha; dân số (năm 2019): 1.317 người, nam 536, nữ 781; được công nhận ấp văn hóa.

2. Ấp Cây Xanh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Thực vật (Cây sanh đọc trại thành cây xanh: là cây thân gỗ, cao từ 15 đến 20 m, thân và cành dẻo dễ uốn, tạo thế đẹp, do đó, cây sanh thường được tạo dáng thành cây kiểng bonsai. Ngoài ra, cây sanh còn được trồng làm bóng mát).

Ấp Cây Xanh thuộc xã Thạnh Phú, huyện Châu Thành, là tổ chức dân cư mà xưa kia nơi đây có nhiều cây sanh cổ thụ. Ở Thành phố Hồ Chí Minh có địa danh Hàng Sanh, nhưng cũng được đọc trại thành Hàng Xanh.

Ấp Cây Xanh đông giáp ấp Xóm Vông, cùng xã, tây giáp ấp Long Bình, xã Long Hưng, bắc giáp Ấp Chợ và ấp Bờ Xe, cùng xã, nam giáp Trại rắn Đồng Tâm, xã Bình Đức; diện tích tự nhiên 102 ha; dân số (năm 2019): 1.574 người, nam 775, nữ 799; được công nhận ấp văn hóa.

3. Ấp Dầu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Thực vật (Cây dầu: là cây gỗ lớn, thân tròn, thẳng, cao 40 - 50 m. Gỗ màu nâu đỏ nhạt, thớ thô, bền. Sản phẩm được sử dụng trong các công trình xây dựng, đóng đồ mộc, chế biến vecni, sơn, mực in. Lá, hoa, vỏ cây có thể tinh chế tanin và dược liệu).

Ấp Dầu thuộc xã Đông Hòa, huyện Châu Thành, là tổ chức dân cư mà xưa kia nơi đây người dân trồng nhiều cây dầu để lấy gỗ và thu hoạch trái ép dầu.

Ấp Dầu đông giáp ấp Thạnh Hòa, xã Long Hưng, tây giáp Đường tỉnh 876, bắc giáp ấp Tây B, cùng xã, nam giáp ấp Thới, cùng xã; diện tích tự nhiên 93 ha; dân số (năm 2019): 992 người, nam 550, nữ 442; được công nhận ấp văn hóa.

4. Ấp Đồng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Lĩnh vực nông nghiệp (Đồng: là một khu vực đất đai rộng lớn ở nông thôn được sử dụng để trồng trọt).

Ấp Đồng thuộc xã Bình Đức, huyện Châu Thành, là tổ chức dân cư mà xưa kia nơi đây là một cánh đồng rộng.

Ấp Đồng đông giáp xã Trung An, tây giáp ấp Lộ Ngang và ấp Chợ, cùng xã, bắc giáp ấp Giáp Nước, xã Thạnh Phú, nam giáp ấp Chợ và ấp Bình Tạo, cùng xã; diện tích tự nhiên 56 ha; dân số (năm 2019): 831 người, nam 415, nữ 416; được công nhận ấp văn hóa.

5. Ấp Keo

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân (Ấp) + Thực vật (Cây keo).

Ấp Keo thuộc xã Long Định, huyện Châu Thành, là tổ chức dân cư mà xưa kia nơi đây có nhiều cây keo.

Ấp Keo đông giáp Ấp 3, xã Tam Hiệp, tây giáp ấp Trung, cùng xã, bắc giáp Ấp 3, xã Tam Hiệp, nam giáp ấp Đông, cùng xã; diện tích tự nhiên 118 ha; dân số (năm 2019): 585 người, nam 320, nữ 265; được công nhận ấp văn hóa.

6. Ấp Xóm Vông

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Đơn vị cư trú (Xóm) + Thực vật (Cây vông: cây cao 10 - 20 m, thân có nhiều gai ngắn; theo y học cổ truyền, các bộ phận dùng làm thuốc là lá, vỏ thân cây và hạt. Lá có vị đắng nhạt, hơi chát, tính bình, có tác dụng ức chế hệ thần kinh trung ương, làm an thần, gây ngủ, hạ nhiệt, hạ huyết áp, co bóp các cơ,…Vỏ thân cây có tác dụng khu phong thông lạc, sát trùng, trấn tĩnh. Ngoài ra, lá vông thường được dùng để gói nem).

Ấp Xóm Vông thuộc xã Thạnh Phú, huyện Châu Thành, là tổ chức dân cư mà xưa kia nơi đây có một xóm nhà có nhiều cây vông.

Ấp Xóm Vông đông giáp ấp Phước Thuận, xã Phước Thạnh, tây giáp ấp Miễu Hội, cùng xã, bắc giáp Ấp Chợ, cùng xã, nam giáp ấp Lộ Ngang, xã Bình Đức; diện tích tự nhiên 119 ha; dân số (năm 2019): 1845 người, nam 903, nữ 942; được công nhận ấp văn hóa.

7. Ba U

Ba U ngày xưa là một cánh rừng, đầy cây cỏ hoang dại, như tràm, mù u, năn, lác,… thuộc ba xã Long Định, Tam Hiệp và Tân Lý Đông, huyện Châu Thành. Rừng Ba U còn gọi là rừng Lầu Thầy Kiện (rừng có ngôi nhà lầu của một vị luật sư đã bỏ hoang).

Ba U là địa danh có nhiều cách lý giải khác nhau:

Thứ nhất: địa danh được cấu tạo theo phương thức: Số từ (Ba) + Thực vật (Cây mù u).

Cây mù u: Theo quyển *Gia Định thành thông chí*: "Cây thủy mai hay Nam mai (tục gọi là cây mù u), lá và hoa như cây mơ, không có gai, quả tròn to bằng ngón chân cái, bên ngoài có vỏ mỏng rồi đến vỏ cứng, trong có một hạt, hạt ép dầu hay làm thuốc chữa vết thương gươm giáo, dầu có thể thắp đèn, gián, kiến không ăn, cây thì khẳng khiu, bền và dẻo[10]". Đây là cây thân gỗ, cao từ 5 - 10 m. Cây mù u được dùng lấy gỗ vì có gỗ cứng và chắc, được dùng trong xây dựng và làm ghe xuồng. Dầu từ hạt mù u được dùng trong các chế phẩm chăm sóc da và tóc, điều trị bỏng. Dầu mù u thời xưa cũng được dùng để thắp sáng.

Với xuất xứ này, Ba U là nơi tiếp giáp giữa ba làng có nhiều cây mù u.

Thứ hai: địa danh được cấu tạo theo phương thức: Số từ (Ba) + Từ Hán Việt (U: tối tăm). Với xuất xứ này, Ba U là nơi hoang vắng, tối tăm, tiếp giáp giữa ba làng.

Thứ ba: địa danh được cấu tạo theo phương thức: Thứ (Ba) + Tên người (U); là vùng đất có một người mang tên Ba U

Thứ tư: địa danh được cấu tạo theo phương thức: Vị trí đường bộ (Ngã ba) + Thực vật (Cây mù u); là ngã ba có nhiều cây mù u.

Địa danh Ba U gắn liền với cuộc khởi nghĩa Nam kỳ ở tỉnh Mỹ Tho. Tháng 4-1940, Tỉnh ủy Mỹ Tho xúc tiến mạnh mẽ và toàn diện công cuộc chuẩn bị khởi nghĩa; trong đó có việc chọn Ba U làm căn cứ chính của cuộc khởi nghĩa; bởi vì vùng này có vị thế hiểm yếu do ở kế cận Đồng Tháp Mười mênh mông, kênh rạch

[10] Trịnh Hoài Đức (1998), *Gia Định thành thông chí*, Đỗ Mộng Khương, Nguyễn Ngọc Tỉnh dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, Nxb Giáo dục, trang 34.

chằng chịt, dễ giữ bí mật;đồng thời, địch gặp nhiều khó khăn, trở ngại trong việc tiếp cận và hành quân lùng sục. Người phụ trách xây dựng căn cứ là bà Nguyễn Thị Ngọc Tốt (Nguyễn Thị Thập). Người trực tiếp chỉ huy căn cứ là ông Nguyễn Văn Tân (Lữ Đồng Tân).

Lúc bấy giờ, căn cứ Ba U được chuẩn bị khá quy mô, gồm có 3 khu:

- Khu Marseille (thành phố cảng của nước Pháp): nơi sản xuất vũ khí.

- Khu Paris (thủ đô của nước Pháp): khu hậu cần, dự trữ lương thực, thuốc men, may cờ, in tài liệu.

- Khu Đà Lạt: nơi trực tiếp đón các đồng chí từ ngoài vào dự họp.

Đồng thời, căn cứ Ba U còn là nơi huấn luyện quân sự, đào tạo cán bộ chỉ huy cho lực lượng vũ trang tỉnh.

1 giờ sáng ngày 23-11-1940, cuộc khởi nghĩa Nam kỳ ở tỉnh Mỹ Tho bùng nổ. Đến 7 giờ sáng, từ căn cứ Ba U, một cánh nghĩa quân do đồng chí Nguyễn Thị Thập chỉ huy phối hợp với lực lượng du kích các xã Thân Cửu Nghĩa, Long An, Trung An mang theo cờ, khẩu hiệu, vũ khí thô sơ, nổi trống mõ, pháo tre tấn công đồn Chợ Bưng (xã Tam Hiệp).

Sau đó, cuộc khởi nghĩa Nam kỳ bị thực dân Pháp đàn áp khốc liệt. Tuy nhiên, tiếng vang của cuộc khởi nghĩa và căn cứ Ba U đã để lại dấu ấn sâu đậm trong lòng nhân dân Mỹ Tho về ý chí đấu tranh kiên cường, dũng cảm, bất khuất của quân dân ta trong công cuộc giải phóng dân tộc.

8. Bờ Cây Gừa

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Bờ) + Thực vật (Cây gừa).

- Bờ: là đường đi hẹp, bằng đất, dọc theo bờ ruộng, sông, rạch, kênh/kinh, mương,… Hiện nay, có nơi trải sỏi đỏ, đá cấp phối hay bê tông,…

- Cây Gừa: là cây gỗ lớn, cao tới 25 m, được trồng lấy bóng mát, làm cây kiểng và có tác dụng chống xói mòn, sạt lỡ. Ngoài ra, rễ khí sinh và lá gừa còn là vị thuốc, chữa cảm mạo, sốt cao, viêm amidal, đau nhức khớp xương, thanh nhiệt, tiêu viêm, kháng sinh, làm ra mồ hôi và lợi tiểu.

Bờ Cây Gừa là đường đi hẹp có cây gừa to, thuộc xã Đông Hòa, huyện Châu Thành.

9. Bờ Cỏ Sả

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình thiên nhiên (Bờ) + Thực vật (Cỏ sả).

- Cỏ sả: là loại cây thảo, lâu năm, thân cao tới 2 - 3m, không có thân bò, chỉ sinh nhánh và mọc thành bụi, có đặc tính sinh trưởng mạnh, năng suất cao, khả

năng chịu hạn, chịu nóng và chịu bóng cây tốt, dễ trồng. Cỏ sả có tác dụng vừa phủ đất chống xói mòn và giữ ẩm, vừa được dùng làm thức ăn cho chăn nuôi gia súc, như bò, trâu, dê,… rất tốt.

Bờ Cỏ Sả là đường đi hẹp mà hai bên đường được trồng nhiều cỏ sả, thuộc xã Kim Sơn, huyện Châu Thành.

10. Cầu Cây Me (xã Bàn Long, huyện Châu Thành)

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Thực vật (Cây me).

Cầu Cây Me là cầu được xây dựng ở nơi có cây me to, thuộc xã Bàn Long, huyện Châu Thành, được xây dựng năm 2006, dài 46 m, ngang 4 m, kết cấu bê tông cốt thép, trọng tải 8 tấn.

11. Cầu Dừa

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Thực vật (Cây dừa).

Cầu Dừa là cầu được xây dựng ở nơi có cây dừa cao hoặc có nhiều cây dừa. Cầu Dừa nằm trên Đường tỉnh 867, km 03 + 626, dài 36 m, ngang 5 m, bắc ngang qua kênh/kinh Xáng trên địa bàn xã Long Định, huyện Châu Thành, kết cấu bê tông cốt thép, xây dựng trước năm 1975, nâng cấp năm 1991, tải trọng 25 tấn.

12. Cầu Ván (xã Long Định, huyện Châu Thành)

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Vật liệu làm cầu (Ván: là tấm gỗ phẳng).

Lúc mới xây dựng, cầu được làm bằng ván gỗ. Cầu nằm trên Đường tỉnh 867, km 02+548, dài 24 m, ngang 5 m, bắc qua kênh/kinh Phủ Chung, xã Long Định, huyện Châu Thành, kết cấu bê tông cốt thép, xây dựng trước năm 1975, được nâng cấp năm 1982, tải trọng 16 tấn.

13. Cầu Xoài Mút

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Thực vật (Xoài Mút: Xưa kia, ở vùng này có nhiều cây xoài rừng, trái nhỏ, hột to, cơm ít, muốn ăn được, sau khi gọt vỏ, phải đưa vào miệng mút. Rồi lần hồi dân gian gọi là Xoài Mút, cũng có người gọi là Xoài Hột. Xoài Mút thường để chỉ tên rạch, Xoài Hột là tên chợ: chợ Xoài Hột thuộc xã Thạnh Phú).).

Cầu nằm trên Đường tỉnh 864, km 03+587, dài 43,6m, ngang 7 m, bắc qua rạch Xoài Mút (rạch chảy qua vùng có nhiều cây xoài mút), thuộc xã Bình Đức, huyện Châu Thành, kết cấu bê tông cốt thép, xây dựng trước năm 1975, nâng cấp năm 1988, tải trọng 30 tấn.

14. Cổ Chi

Cổ Chi, có nơi đọc trại thành Củ Chi, là tên gọi dân gian đối với cây mã tiền. Cổ Chi là vùng đất có nhiều cây cổ chi (cây mã tiền). Theo *Địa bạ Minh Mạng* được lập năm 1836, Xứ Cổ Chi tọa lạc tại hai thôn Tân Hội Đông và Tân Lý Đông, tổng Hưng Nhơn, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường. Hiện nay, Cổ Chi thuộc xã Tân Hội Đông, huyện Châu Thành.

Cây mã tiền - *Strychnos nux-vomica* L, thuộc họ Mã tiền – *Loganiaceae*, thân gỗ cao 5-12m, có cây cao đến 25m. Hạt cây mã tiền chứa chất strychnine có độc tính cao, dân gian vẫn thường ngâm với rượu để xoa bóp, chữa các chứng nhức xương, cơ và khớp. Rượu không được uống.

Ngoài cách giải thích như trên, có ý kiến cho rằng, Cổ Chi thực ra là Cỗ Chi (chữ Cỗ có dấu ngã). Vào thời xưa, ở đây có ông hương chuyên lo nấu cỗ trong dịp hội hè đình đám của làng; và ông có tên là Chi, nên người dân gọi là ông Hương Cỗ Chi, sau đó, gọi tắt thành Cỗ Chi. Được biết, danh xưng "hương" là một chức việc của thôn xã dưới thời nhà Nguyễn và của làng thời Pháp thuộc. Cỗ là những món ăn bày thành mâm để cúng lễ ăn uống theo phong tục cổ truyền hoặc để thết khách sang trọng. Theo chúng tôi, cách giải thích này chưa hợp lý; vì hai lẽ sau đây:

- Thứ nhất, từ Cổ Chi, trong đó chữ Cổ có dấu hỏi, đã xuất hiện trong các văn bản thành văn từ rất sớm, như *Địa bạ Minh Mạng* được lập năm 1836, tài liệu *27 vị tử đạo tại Ba Giồng (Mỹ Tho)* của Linh mục M. Hamon (1882) hiện còn lưu trữ tại Hội Thừa sai Paris (Pháp), quyển *Địa phương chí tỉnh Mỹ Tho* năm 1902.

- Thứ hai, từ Cỗ Chi, trong đó chữ Cỗ có dấu ngã, chỉ là câu chuyện mang tính chất truyền miệng. Cho đến bây giờ, sau nhiều chuyến đi điền dã, chúng tôi vẫn chưa tìm ra nhân vật có tên Chi một cách xác thực; hay nói cách khác, đó là một nhân vật "ảo".

15. Cống Cây Da

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Thực vật (Cây da). Cống Cây Da là cống dẫn nước mà xưa kia có cây da mọc tại đó.

- Cống: Theo *Đại Nam quấc âm tự vị* của Huỳnh Tịnh Paulus Của, là "đàng (đường) nước xây dưới đất". Theo *Địa chí Tiền Giang*, cống là công trình dẫn nước đến một nơi đã định (như cống thoát nước đô thị) hoặc điều tiết nước theo ý muốn (như cống thủy lợi). Cống thường được phân làm hai loại chính là cống ngầm và cống hở. Cống ngầm là cống nằm hoàn toàn trong lòng đất và mực nước bên trong nhiều khi chạm trần ống. Cống hở là cống có một mặt lộ thiên, trên đó thường được xây cầu, trần ống được thiết kế để mực nước không bao giờ chạm đến; đó là cống thủy lợi, loại cống này thường được bố trí thêm cửa và khe để điều tiết nước.

- Cây da: còn gọi là cây đa, có tên khoa học là Ficus bengalensis, là loài cây lớn nhất thế giới tính theo bề rộng thân và cành cây, với một số cây da cổ thụ có thể che phủ một diện tích tới vài trăm mét vuông. Ở Việt Nam, ý nghĩa biểu tượng của cây da là sự trường tồn, sức sống dẻo dai và tâm linh của con người. Nó còn gắn liền với hình ảnh của làng quê nước ta

Cống Cây Da là cống dẫn nước mà xưa kia có cây da mọc tại đó, tọa lạc tại xã Vĩnh Kim, huyện Châu Thành.

16. Đường Cây Lim

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Thực vật (Cây lim: là cây gỗ lớn, cao trên 30 m, được trồng làm bóng mát, vỏ chứa nhiều chất chát dùng để nhuộm; đặc biệt là dùng để lấy gỗ. Gỗ lim là loài gỗ cứng, chắc, nặng, không bị mối mọt; có màu hơi nâu đến nâu thẫm; có khả năng chịu lực tốt, thường được dùng làm cột, kèo, xà, cửa, lát sàn,... và các bộ phận cấu trúc trong các công trình xây cất theo lối cổ, làm đồ gia dụng như tủ thờ, tủ chè, giường, phản,...).

Đường Cây Lim là con đường mà xưa kia có cây lim to mọc tại đó, nay cây lim này đã chết. Đường Cây Lim có chiều ngang 2,5 m, dài 1,5 km, được trải nhựa. Hiện nay, trên con đường này còn có chợ Cây Lim, tọa lạc tại xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành.

17. Đường Cây Mai

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Thực vật (Cây Mai).

- Cây Mai: có hai loại Bạch Mai và Hoàng Mai.

+ Bạch Mai: tên khoa học Ochrocarpus siamensis L., thuộc họ mù u Guttiferae, có hoa cánh nhỏ, trắng tinh khôi, thơm dịu và thanh khiết. Bạch Mai được dân gian gọi là Mai Mù U, còn sách vở thì gọi là Nam Mai. Trong quyển *Gia Định Thành thông chí*, Trịnh Hoài Đức đã ghi: "*Mai Mù U tự linh khí mà sinh ra, không thể đem đi trồng nơi khác được*".

+ Hoàng Mai: tên khoa học Ochnaceae, thuộc họ Mai vàng hay họ Lão Mai, có hoa cánh nhỏ, màu vàng rực, nở vào dịp Tết âm lịch, được xem là loài hoa tượng trưng cho mùa xuân ở miền Nam nước ta.

Theo chúng tôi, Cây Mai trong địa danh Đường Cây Mai là loài Bạch Mai (Mai Mù u/Nam Mai). Theo *Địa bạ Minh Mạng năm 1836*, ở thôn Tân Thuận, tổng Thuận Trị, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường (nay thuộc xã Bình Đức) có địa danh Xứ Nam Mai, vốn là Bạch Mai hay Mai Mù U. Ở Thành phố Hồ Chí Minh có hai địa danh Chùa Cây Mai và Gò Cây Mai là để chỉ loài Bạch Mai.

Cảnh gò, chùa và cây mai ở đây đã trở thành đề tài xướng họa của nhiều thi nhân trong nửa đầu thế kỷ XIX.

Đường Cây Mai có chiều ngang 3 m, dài 2 km, được lát dal, là con đường mà xưa kia có cây Bạch Mai mọc tại đó, tọa lạc tại xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành. Tại đây, còn có địa danh kênh/kinh Cây Mai.

18. Đường Truông

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Địa hình tự nhiên (Truông: là vùng đất hoang, ngõ sâu hun hút, cây cối mọc um tùm, rậm rạp như rừng, thường có ở những vùng đất giồng).

Đường Truông tọa lạc tại xã Tân Lý Tây, huyện Châu Thành.

19. Kênh/Kinh Cầu Sao

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kênh/Kinh) + Công trình xây dựng (Cầu) + Thực vật (Cây sao: là loại cây thân gỗ lớn thuộc họ dầu, có gỗ rất cứng và chịu được nước, thường được dùng để đóng ghe xuồng).

Kênh/Kinh Cầu Sao là con kênh chảy ngang qua cầu Sao tọa lạc tại Giồng Sao - giồng đất có nhiều cây sao.

Kênh/Kinh này chảy qua hai huyện Tân Phước và Châu Thành, dài 13,3 km, rộng 35 m, sâu từ 3 - 4,5 m. Điểm đầu nối với Rạch Gầm, điểm cuối nối với kênh/kinh Cà Dăm.

Ở phía bắc Quốc lộ 1, kênh/kinh Cầu Sao nối với kênh/kinh Bà Thước và kênh/kinh Kháng Chiến ở xã Điềm Hy và băng qua kênh/kinh Hai tại xã Nhị Bình rồi chảy xuống kênh/kinh Nguyễn Tấn Thành.

Ở phía nam Quốc lộ 1, đoạn chảy qua xã Bình Trưng khá ngoằn ngoèo, trước khi nối vào rạch Gầm ở xã Vĩnh Kim, con kênh/kinh này chia nước cho nhiều kênh/kinh nội đồng trong khu vực và trở thành chi lưu quan trọng của Rạch Gầm.

20. Kênh/Kinh Năn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kênh/Kinh) + Thực vật (Năn: là một loại cỏ mọc hoang trên những cánh đồng ngập nước. Củ của loại năn ngọt ăn được. Thịt củ màu trắng, giòn và có thể dùng để ăn sống, luộc, nướng, làm dưa món hoặc đóng hộp. Người ta còn nghiền củ năn ngọt thành bột để làm bánh).

Kênh/Kinh Năn là con kênh chảy ngang qua những cánh đồng ngập nước, hoang hóa, có nhiều cỏ năn, dài 10,68 km, nối Ngã ba rạch Bến Chùa ở xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành với Ngã ba kênh/kinh Tháp Mười số 2 tại xã Hưng Thạnh, huyện Tân Phước.

21. Khu phố Me

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Khu phố) + Thực vật (Cây me).

Năm 1781, lỵ sở dinh Trấn Định được dời từ thôn Tân Hiệp đến thôn Mỹ Chánh, chợ Mỹ Tho. Cũng theo đó, đồn Trấn Định tại thôn Tân Hiệp trở thành phế tích. Tại đây, trên bờ đồn đã bị phá vỡ, người dân trồng những hàng me vừa lấy bóng mát, vừa thu hoạch trái. Từ đó, thành địa danh.

Khu phố Me thuộc thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu Thành; đông giáp Quốc lộ 1, tây giáp ấp Tân Lược 1, xã Tân Lý Đông, bắc giáp ấp Tân Phong, xã Tân Lý Tây, nam giáp Khu phố Rẫy, cùng thị trấn; diện tích tự nhiên 5,67 ha; dân số (2019): 1.412 người, nam 642, nữ 770; được công nhận khu phố Văn hóa.

22. Khu phố Rẫy

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Khu phố) + Một loại hình đất đai (Rẫy: là đất trồng các loại hoa màu, như rau, củ, quả,…).

Khu phố Rẫy thuộc thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu Thành, là tổ chức dân cư mà xưa kia nơi đây người dân chủ yếu làm rẫy.

Khu phố Rẫy đông giáp Quốc lộ 1, tây giáp ấp Thân Đức, xã Thân Cửu Nghĩa, bắc giáp rạch Trấn Định, xã Tân Lý Đông, nam giáp ấp Thân Hòa, xã Thân Cửu Nghĩa; diện tích tự nhiên 33,7 ha; dân số (năm 2019): 1.757 người, nam 831, nữ 926; được công nhận khu phố văn hóa.

23. Lộ Me

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Lộ: từ Hán Việt: 路 : Con đường) + Thực vật (Cây Me).

Lộ Me là con đường mà xưa kia có hai hàng me được trồng dọc theo hai bên đường hoặc có cây me to, chiều ngang 4 m, dài 5 km, mặt đường được trải nhựa, nối Đường tỉnh 876 với hai xã Song Thuận và Long Hưng, huyện Châu Thành.

24. Lộ Xoài (xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành)

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Lộ) + Thực vật (Cây xoài).

Lộ Xoài là con đường mà trước kia có một cây xoài to ở tại đầu đường. Đây là con đường nội ấp (ấp 6, xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành), chiều ngang 4 m, chiều dài 2 km, mặt đường được trải nhựa.

25. Ngã Ba Chim Chim

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Vị trí (Ngã ba) + Thực vật (cây chân/chưn chim, gọi trại thành Chim chim: Theo y học cổ truyền, cây chân/chưn chim là loại cây có vị thuốc; vỏ thân và vỏ rễ dùng chữa sổ mũi, cảm cúm phát sốt, đau họng, phong thấp, đau nhức xương, té ngã tụ máu, sưng đau, tê liệt hoặc gân

xương co quắp, viêm hạch bạch huyết cấp, phù thũng, giải độc; rễ dùng làm thuốc bổ, thuốc mát, thông tiểu tiện, thường gọi là Sâm nam hay Nam sâm; lá trị viêm da dị ứng, eczema, phỏng).

Ngày xưa, tại nơi đây có nhiều cỏ chân chim mọc; nên dân gian gọi là lộ Chân Chim, lâu ngày nói trại thành Chim Chim, tọa lạc tại nơi giáp ranh giữa xã Đông Hòa và xã Nhị Bình, huyện Châu Thành. Trước kia, Chim Chim là con lộ nối Tỉnh lộ 25 (nay là Đường tỉnh 876) với lộ Đông Dương (nay là Quốc lộ 1). Trước năm 1880, Tỉnh lộ 25 là một trong những con đường huyết mạch nằm trong hệ thống lộ Đông Dương, chạy dọc theo sông Tiền, nối tỉnh lỵ Mỹ Tho đến Cai Lậy.

Ngã ba Chim Chim gắn liền với cuộc đấu tranh chính trị của nhân dân huyện Châu Thành vào cuối tháng 12/1960. Sách *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Tiền Giang tập 2 (1954 – 1975)* viết về sự kiện này như sau: "Chào mừng sự kiện ra đời của Mặt trận Dân tộc Giải phóng tỉnh Mỹ Tho, phong trào nổi dậy đấu tranh của nhân dân diễn ra hết sức mạnh mẽ với nhiều hình thức phong phú, như tập trung đưa đơn, đi chợ nhồi, mít tinh, biểu tình,… Tiêu biểu có cuộc biểu tình được tổ chức ở ngã ba Chim Chim, xã Đông Hòa, huyện Châu Thành có 15.000 người tham gia chống địch càn quét, bắn phá ruộng vườn và khu dân cư. Mặc dù địch khủng bố dã man, bắn chết 2 người, 13 người khác bị thương, nhưng quần chúng vẫn giữ vững đội ngũ và đấu tranh quyết liệt. Trước sức mạnh của quần chúng, tên quận trưởng buộc phải đồng ý bồi thường sinh mạng và ra lệnh phạt bọn lính ở ngã ba Chim Chim để xoa dịu phong trào".

Tại ngã ba Chim Chim, sự kiện này đã được dựng bia để ghi dấu cuộc đấu tranh anh dũng của nhân dân ta, đồng thời tố cáo tội ác của kẻ địch.

Hiện nay, ngã ba Chim Chim còn được gọi tên là ngã ba Đông Hòa (lấy tên xã Đông Hòa), thuộc huyện Châu Thành, nối liền Quốc lộ 1 với Đường tỉnh 876, vô Chợ Giữa (Vĩnh Kim).

*** Địa hình thiên nhiên, động vật:**

1. **Cầu Ô Thước**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Điển tích (Chim quạ bắc cầu Ô Thước để Ngưu Lang và Chức Nữ gặp nhau).

- Xuất xứ của điển tích chim quạ bắc cầu Ô Thước để Ngưu Lang và Chức Nữ gặp nhau:

Ngưu Lang là vị thần chăn trâu của Ngọc hoàng thượng đế, vì say mê một tiên nữ phụ trách việc dệt vải tên là Chức Nữ nên bỏ bê việc chăn trâu, để trâu đi nghênh ngang vào điện Ngọc Hư. Chức Nữ cũng vì mê tiếng tiêu của Ngưu Lang nên trễ nải việc dệt vải. Ngọc Hoàng giận giữ, bắt cả hai phải ở cách xa nhau, người đầu sông Ngân, kẻ cuối sông Ngân.

Sau đó, Ngọc Hoàng thương tình nên ra ơn cho hai người mỗi năm được gặp nhau một lần vào đêm ngày 15 tháng Bảy âm lịch. Khi tiễn biệt nhau, Ngưu Lang và Chức Nữ khóc sướt mướt. Nước mắt của họ rơi xuống trần hóa thành cơn mưa và được người dưới trần gian đặt tên là mưa Ngâu. Thời bấy giờ, sông Ngân trên thiên đình không có một cây cầu nào cả nên Ngọc Hoàng mới ra lệnh cho làm cầu để Ngưu Lang và Chức Nữ được gặp nhau. Các phường thợ mộc ở trần thế được vời lên trời để xây cầu. Vì mạnh ai nấy làm, không ai nghe ai, nên đến kỳ hạn mà cầu vẫn không xong. Ngọc Hoàng bực tức, bắt tội các phường thợ mộc hóa kiếp làm quạ lấy đầu sắp lại làm cầu cho Ngưu Lang và Chức Nữ gặp nhau.

Vì thế, cứ tới tháng bảy là loài quạ phải họp nhau lại để chuẩn bị lên trời bắc Ô kiều (cầu Ô). Khi gặp nhau, nhớ lại chuyện xưa nên chúng lại lao vào cắn mổ nhau đến xác xơ lông cánh. Ngưu Lang và Chức Nữ lên cầu, nhìn xuống thấy một đám đen lúc nhúc ở dưới chân thì lấy làm gớm ghiếc, mới ra lệnh cho đàn chim ô thước mỗi khi lên trời làm cầu thì phải nhổ sạch lông đầu. Từ đó, cứ tới tháng bảy thì loài quạ lông bị xơ xác, đầu thì rụng hết lông.

Tuy nhiên, sau một thời gian vì cảm thương cho sự chia lìa của cặp vợ chồng, Ngọc Hoàng đã trả lại hình hài cho những người thợ mộc và ra lệnh họ phải làm một cây cầu thật vững chắc để Ngưu Lang và Chức Nữ có thể gặp nhau. Từ đó, Ngưu Lang và Chức Nữ được sống bên nhau.

Có dị bản khác cho rằng tên gọi của Ô kiều là cầu Ô Thước do chim Ô (quạ) và chim Thước (chim Khách) kết cánh tạo ra.

Chuyện Ngưu Lang - Chức Nữ đã đi vào rất nhiều tác phẩm văn học để chỉ sự xa cách trong tình yêu.

Truyện thơ Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu viết:

Hữu tình chi bấy Ngưu lang,

Tấm lòng Chức Nữ vì chàng mà nghiêng.

Còn trong *Quan Âm Thị Kính:*

Thiệt công ô thước bắc cầu,

Chàng Ngưu Ả Chức giã nhau từ rày.

Chuyện tình Ngưu Lang Chức Nữ không chỉ xuất hiện trong văn học trung đại mà còn ở rất nhiều tác phẩm hiện đại. Nhà thơ Tản Đà viết:

Trên trời Chức Nữ cùng Ngưu Lang,

Một dải sông Ngân lệ mấy hàng…

Nhà thơ Lưu Trọng Lư trong bài *Một mùa đông* cũng có viết:

Đây là giải Ngân hà,

Anh là chim Ô thước.

Sẽ bắc cầu nguyện ước,

Một đêm một lần qua.[11]

Cầu Ô Thước là cầu được đặt tên theo điển tích nêu trên. Theo GS.TS Trần Văn Khê, tên Ô Thước là do một nhà văn - nhà thơ ở địa phương là Khổng Nghi đặt[12].

Cầu tọa lạc tại xã Vĩnh Kim, huyện Châu Thành, bắc ngang qua rạch Gầm, xây dựng trước năm 1975, được nâng cấp năm 1996, được làm bằng thép gỗ, bề ngang khoảng 2,5 m, dài khoảng 60 m.

2. Cầu Trâu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Động vật (Trâu).

Cầu Trâu là cạnh cầu có bến nước để trâu đến tắm và uống nước, tọa lạc tại ấp Trung, xã Đông Hòa, huyện Châu Thành. Tại đây, còn có đường Cầu Trâu.

3. Chợ Ông Hổ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Động vật (Ông Hổ).

Về danh xưng Ông Hổ là do thời xưa, khi mới khai khẩn vùng đất này, cọp có khá nhiều và đe dọa cuộc sống của người đi khai hoang. Theo tín ngưỡng dân gian, do sợ cọp (còn gọi là hổ, hùm, ông ba mươi) nên ở trong đình làng, về phía trái sân đình, cư dân lập miếu thờ cọp, tôn cọp làm thần với danh hiệu "Sơn quân chi thần", "Chúa xứ sơn lâm" hay "Sơn Lâm chúa tể". Cư dân còn bầu cọp làm Hương Cả của thôn làng; và có tục gọi cọp là "Ông": Ông Hổ. Dân gian có tục lệ là vào ngày mùng ba Tết Nguyên đán, sau khi cúng tiễn ông bà xong, người ta thường dán trước cửa nhà một mảnh giấy hồng điều có vẽ hình cọp với dòng chữ Hán "Sơn lâm đại tướng quân" với lòng mong muốn là "Ông Hổ" sẽ trấn giữ không cho ma quỷ, tà khí vào nhà, bảo hộ cho gia chủ.

Chợ Ông Hổ tọa lạc tại xã Long Hưng, huyện Châu Thành; nằm bên cạnh rạch và cầu Ông Hổ. Đây là chợ nhỏ, không có nhà lồng, chủ yếu bán thực phẩm, chỉ hoạt động vào buổi sáng.

4. Miếu Ông Cọp

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng mang yếu tố tín ngưỡng (Miếu) + Động vật (Cọp).

---

[11] Đào Lê Na, *Điển cố tình yêu trong văn học*, Trang điện tử Văn học và Ngôn ngữ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5/7/2012.

[12] Trần Văn Khê (2013), *Hồi ký, tập 1*, Nxb Thời đại, trang 46.

Thời xưa, ở xã Long Hưng có Hương cả Ngô Ngọc Lựu, tục gọi là Cả Lựu. Năm 1833, nhân việc vua Minh Mạng trả thù Tả quân Tổng trấn Gia Định thành Lê Văn Duyệt vì có con nuôi là Lê Văn Khôi khởi binh chống lại triều đình, Cả Lựu lợi dụng quyền thế ở địa phương chiếm đoạt ruộng đất của gia đình Lê Văn Duyệt, trở thành đại địa chủ lớn nhất ở vùng này. Cả Lựu có con là Ngô Ngọc Quang, giữ chức Cai tổng dưới thời Pháp thuộc, đồng thời được chính quyền thực dân ban tước huyện hàm, nên tục gọi là Huyện Trụ. Hai cha con Cả Lựu và Huyện Trụ là cường hào ác bá ở địa phương, đàn áp, giết hại, vơ vét, bóc lột nông dân đến tận xương tủy.

Sống giữa oán thù chất ngất như thế, Cả Lựu và Huyện Trụ vô cùng lo sợ, nên cho xây dựng nhà ở thành một dinh thự rất kiên cố, giống như một pháo đài, có gia nô được trang bị súng bảo vệ ngày đêm. Đồng thời, về mặt tâm linh, để trấn ngự những oan hồn đã bị đè nén, dồn đến đường cùng phải chết, hai cha con cho lập một ngôi miếu thờ cọp ở ngay trước cổng nhà, làm nhiệm vụ như là một tiền án, ngăn chặn từ xa. Tác giả Trần Văn Sanh trong bài *Hai khu mộ trăm năm cô đơn* được in trong quyển *Đất Long Hưng* cho biết: "*Cái miếu bề ngoài âm u như một cảnh dưới địa ngục. Bên trong vẽ một thần Hổ, dáng dữ tợn, mắt như tóe lửa, miệng há ra đỏ lòm như máu, ba chân trụ xuống đất, một chân giơ lên như sẵn sàng xé xác kẻ nào dám đụng đến sự an toàn của chủ gia*".

Miếu Ông Cọp là miếu thờ cọp, thuộc xã Long Hưng, huyện Châu Thành.

5. Kênh/Kinh Cầu Voi

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kênh/Kinh) + Công trình xây dựng (Cầu) + Động vật (Voi).

Kênh/Kinh Cầu Voi là con kênh/kinh chảy ngang qua cầu mà vào thời xưa nơi đây là một bến nước có nhiều voi đến tắm và uống nước.

Kênh/Kinh Cầu Voi được đào năm 1947, nhằm phục vụ cho công tác thủy lợi và công cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tại địa phương. Kênh/Kinh dài khoảng 2 km, ngang khoảng 15 m, chảy trên địa bàn xã Thạnh Phú, huyện Châu Thành nối với kênh/kinh Đào của xã Long Hưng cùng huyện.

6. Khu phố Cá

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Khu phố) + Động vật (Cá).

Nguyên ở đây, vào thời xưa, tại chỗ giao nhau giữa rạch Trấn Định và kênh/kinh Bảo Định, ghe thuyền chở cá từ các nơi theo kênh/kinh Bảo Định đến đây neo đậu để chuyển cá lên bờ tiêu thụ; sau đó, nơi này được đặt địa danh như thế.

Khu phố Cá thuộc thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu Thành, đông giáp ấp Hòa Ninh, xã Hòa Tịnh, tây giáp Quốc lộ 1, bắc giáp ấp Cửu Hòa, xã Thân Cửu Nghĩa, nam giáp khu phố Ga, cùng thị trấn; diện tích tự nhiên 276 ha; dân số (2019): 2.047 người, nam 973, nữ 1.074; được công nhận khu phố văn hóa.

7. Trại rắn Đồng Tâm

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trại) + Động vật (Rắn) + Tên căn cứ quân sự của quân đội Mỹ và quân đội Sài Gòn từ năm 1967 - 1975 (Đồng Tâm).

Trại rắn Đồng Tâm có tên đầy đủ là Trung tâm nuôi trồng, nghiên cứu, chế biến dược liệu Quân khu 9. Trại rắn được thành lập năm 1977; tọa lạc tại xã Bình Đức, huyện Châu Thành, cách thành phố Mỹ Tho khoảng 8 km và Quốc lộ 1 khoảng 5 km.

Với tổng diện tích là 15 ha, Trại rắn Đồng Tâm đã được nhân dân khắp nơi biết đến với tính cách là nơi nuôi rắn có quy mô lớn nhất ở Việt Nam. Hiện nay, Trại rắn có khoảng hàng ngàn con rắn các loại, nhiều nhất là hổ mang, hổ chúa, hổ mèo, mái gầm (cạp nong), lục đầu dồ, rắn ráo,... Đây là những loại rắn cực độc, nhưng rất có giá trị trong nghiên cứu khoa học và khai thác nọc để phục vụ cho điều, chữa trị bệnh. Đàn rắn bảo tồn có khoảng 200 con hổ chúa, trong đó có gần 10 con lớn, mỗi con dài từ 3 m - 4 m, nặng từ 8 kg - 10 kg.

Năm 1996, Trại rắn xây dựng Nhà bảo tàng chuyên ngành rắn, được xem là đầu tiên và lớn nhất ở Việt Nam. Nhà bảo tàng đã lưu mẫu hầu hết các loại rắn ở nước ta, có tác dụng thiết thực trong công tác nghiên cứu khoa học, học tập và tham quan.

Bên cạnh đó, Trại rắn còn là nơi điều trị nạn nhân bị rắn độc cắn. Đa số bệnh nhân ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, một số tỉnh miền đông Nam bộ và cực nam Trung bộ. Mỗi năm, Trại rắn đã tiến hành cấp cứu và điều trị miễn phí (trừ thuốc kháng huyết thanh) từ 400 - 500 ca bị rắn độc cắn. Năm 2005, Trại rắn được đầu tư 3,5 tỷ đồng để xây dựng Khoa điều trị bệnh nhân bị rắn cắn và Xí nghiệp bào chế Đông dược. Đặc biệt, từ năm 2000 - 2020, Trại rắn đã điều trị thành công 100% các ca bị rắn độc cắn, không có ca nào bị tử vong.

Ngoài ra, Trại rắn còn đầu tư nuôi một số loài động vật quý hiếm khác, như trăn, gấu, đà điểu, nai, cá sấu, nhím, khỉ, vượn, cua đinh,... Đàn ong mật của Trại rắn có đến 600 đàn, hàng năm cho khoảng 300 tấn mật.

Trại rắn còn thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ; và từ đó đã bào chế thành công nhiều loại thuốc y dược học dân tộc cổ truyền, tạo được hiệu quả cao trong chữa trị bệnh, phục vụ cho nhu cầu của nhân dân, sản xuất kinh doanh và quốc phòng, như cao trăn, cao rắn, cao khỉ, rượu rắn, mỡ trăn, thuốc xoa nọc rắn, rượu hội, viên điều trị rắn độc cắn, bột rắn lục, bột rắn hổ mang,... Đồng

thời, Trại rắn còn là địa điểm tham quan rất độc đáo và lý thú, mỗi năm thu hút hàng trăm ngàn du khách trong và ngoài nước đến thưởng ngoạn.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn địa danh tỉnh:**

1. Đạo Trường Đồn

長 Trường: Lâu dài.

敦 Đồn: Đồn trú

長敦道 Trường Đồn Đạo

Năm Nhâm Tý (1772), chúa Nguyễn Phúc Thuần quyết định thành lập tại Mỹ Tho một đơn vị hành chính mang tính quân quản là đạo Trường Đồn. Đứng đầu đạo Trường Đồn có một quan võ cấp Cai cơ (hoặc Cai đội), một quan văn cấp Thư ký và lực lượng tinh binh, thuộc binh. Lỵ sở đạo Trường Đồn đặt tại giồng Kiến Định (nay là thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu Thành).

Năm 1776, nghĩa quân Tây Sơn tiến vào Nam, chiếm đạo Trường Đồn, chính quyền của chúa Nguyễn tan rã. Theo một tấm bia khắc đời Cảnh Thịnh hiện còn lưu tại Hà Nội và quyển *Lê Quý kỷ sự*, vùng Mỹ Tho - Gò Công được nhà Tây Sơn lập huyện Vĩnh Định thuộc phủ Tây Định[13].

2. Dinh Trường Đồn

営 Dinh

長 Trường: Lâu dài.

敦 Đồn: Đồn trú.

長敦営 Trường Đồn Dinh

Năm Mậu Tuất (1778), Nguyễn Phúc Ánh chiếm lại đạo Trường Đồn. Năm Kỷ Hợi (1779), ông cho bãi bỏ các kho biệt nạp, điều chỉnh lại địa giới hành chính ở Nam Bộ, lập dinh Trường Đồn. Đặt các chức Lưu thủ, Ký lục, Cai bạ[14] để cai trị. Lỵ sở dinh Trường Đồn vẫn đặt tại giồng Kiến Định.

Dinh Trường Đồn không có "phủ" mà chỉ có một "huyện", đó là huyện Kiến Khương (Kiến Khang, tương ứng với tỉnh Tiền Giang, một phần tỉnh Bến Tre và

---

[13] Nguyễn Thu, *Lê Quý kỷ sự*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1974, trang 85.

[14] Lưu thủ: Chức quan đứng đầu "dinh".

Ký lục: Chức quan giúp việc cho Lưu thủ, phụ trách công việc hành chính.

Cai bạ: Chức quan giúp việc cho Lưu thủ, phụ trách công việc tài chính, thuế khóa, ruộng đất, quân lương,…

một phần tỉnh An Giang ngày nay), có ba thuộc[15]. Đứng đầu thuộc có chức Cai thuộc (phụ trách chung), Thuộc lại, Ký thuộc chuyên trách việc thuế khóa, từ tụng. Ba thuộc là:

- Thuộc Kiến Hưng: gồm vùng đất khai phá sớm, dọc theo Ba Giồng (nay là vùng đất từ thành phố Tân An, tỉnh Long An qua thị trấn Tân Hiệp và đến vùng Rạch Gầm, huyện Châu Thành).

- Thuộc Kiến Hòa: tương ứng hiện nay là vùng đất từ Chợ Cũ (thành phố Mỹ Tho) đến Chợ Gạo, Gò Công,... bao gồm luôn cả hai huyện Châu Thành và Bình Đại của tỉnh Bến Tre.

- Thuộc Kiến Đăng: bao gồm khu vực Cai Lậy, Cái Bè (tỉnh Tiền Giang), Cao Lãnh đến Hồng Ngự (tỉnh Đồng Tháp), Chợ Mới (tỉnh An Giang) ngày nay. Thuộc Kiến Đăng đến giữa thế kỷ XVIII vẫn còn là vùng biên địa, việc khai hoang vẫn đang được tiếp diễn.

3. Dinh Trấn Định

営 Dinh

鎮 Trấn Chỗ chợ đông đúc, khu vực hành chánh dưới cấp Huyện

定 Định

鎮定営 Trấn Định Dinh

Năm 1781, chúa Nguyễn Phúc Ánh cho đổi tên dinh Trường Đồn thành dinh Trấn Định. Lỵ sở của dinh Trấn Định đặt tại giồng Kiến Định (nay thuộc thị trấn Tân Hiệp). Theo sách *Đại Nam nhất thống chí* của Quốc sử quán triều Nguyễn, gò Kiến Định là *"gò đống rộng lớn, cây cối sum suê, chỗ khởi lên chỗ phục xuống, tiếp tục nối liền, trước có đại giang* (tức sông Tiền) *ngăn trở, sau tựa Chằm Mãng Trạch* (tức Đồng Tháp Mười)*"*.

Sau đó, lỵ sở của dinh Trấn Định được dời sang thôn Mỹ Chánh - chợ Mỹ Tho (thuộc tổng Kiến Thạnh, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An; nay là khu vực Chợ Cũ thuộc các phường 2, 3, 8, TP Mỹ Tho), gồm có 1 phủ là Kiến An, 3 huyện là Kiến Đăng, Kiến Hưng và Kiến Hòa, 6 tổng là Kiến Phong, Hòa Bình, Kiến Thuận, Hưng Xương, Kiến Thạnh và Kiến Lợi, 314 thôn ấp.

Năm 1792, thành của dinh Trấn Định, còn gọi là đồn Mỹ Tho, được xây dựng. Thành này do Trần Văn Học vẽ kiểu theo mô hình thành Vauban của Pháp. Khi hoàn tất việc xây dựng, đích thân chúa Nguyễn Phúc Ánh đã đến dự lễ khánh thành.

---

[15] Thuộc tương đương với tổng, là cấp trung gian giữa huyện và thôn. Hiện tại, ở Tiền Giang còn các địa danh Thuộc Đẹp (huyện Cai Lậy), Thuộc Nhiêu (huyện Châu Thành) là chức danh của các nhân vật thời đó.

Theo *Gia Định thành thông chí*, thành dinh Trấn Định "*được đắp bằng đất, có dạng hình vuông, chu vi 998 tầm (2.430,13 m[16]), có mở hai cái cửa ở phía tả và phía hữu, nơi cửa có cầu treo bắc ngang hào, hào rộng 8 tầm (19,48 m), sâu 1 tầm (2,435 m), bốn mùa nước ngọt có nhiều tôm cá, dưới cầu có dòng nhỏ để thông với sông lớn Mỹ Tho, ngoài hào có đắp lũy đất, có cạnh góc lồi lõm như hình hoa mai, chân lũy mặt tiền ra 30 tầm (73,05 m) thì đến sông lớn. Trong đồn có kho gạo, kho thuốc súng, trại quân và súng lớn, tích trữ đầy đủ, nghiêm túc, mặt sông rộng lớn. Năm Giáp Dần 1794 trên đồn có đặt súng lớn...*".

Theo quyển *Đại Nam thực lục* của Quốc sử quán triều Nguyễn thì "*tháng giêng năm Nhâm Tý (1792), vua (tức Nguyễn Phúc Ánh) sai đắp thành Mỹ Tho. Thành được đắp bằng đất, góc thành có dạng như hoa mai, chu vi 499 trượng (khoảng 2.430,13 m[17]), phát quan quân các dinh đến ứng dịch, vua ngự đến xem*".

Còn quyển *Đại Nam nhất thống chí* (*phần tỉnh Định Tường*) của Quốc sử quán triều Nguyễn chép: "*Bảo cũ Mỹ Tho (tức thành dinh Trấn Định) ở địa phận huyện Kiến Hòa, cách lỵ sở tỉnh Định Tường chừng một dặm về phía Đông. Chu vi chừng 4 dặm, mở hai cửa tả hữu. Hào rộng 4 trượng, ngoài cửa có bắc cầu treo. Ngoài cửa hào có dạy đắp bằng đất có góc như hình con hổ. Bảo được dựng từ năm Nhâm Tý (1792) đầu đời trung hưng*".

Vị trí của thành dinh Trấn Định phỏng đoán nằm lọt khung giữa các con đường Đinh Bộ Lĩnh (nam) - Nguyễn Huỳnh Đức (tây) - Học Lạc (bắc) - Thái Sanh Hạnh (đông) thuộc phường 8, phường 9, TP Mỹ Tho hiện nay. Thành có hai cửa: cửa tả, phỏng đoán tại ngã ba đường Học Lạc - Nguyễn Văn Nguyễn; cửa hữu, phỏng đoán tại ngã ba đường Đinh Bộ Lĩnh - Nguyễn Văn Nguyễn.

Liên quan đến địa danh dinh Trấn Định có bài thơ *Trấn Định xuân canh* do Trịnh Hoài Đức sáng tác năm 1794 khi ông được cử làm Ký lục dinh này. Bài thơ ca ngợi cảnh đẹp thiên nhiên, tinh thần lao động hăng say và cuộc sống yên bình, an lạc của nhân dân dinh Trấn Định xưa:

TRẤN ĐỊNH XUÂN CANH

Trấn Định xuân hồi biến ngạn nhai,

Dân xu Nam mẫu[18] lực tương giai.

Quán thông hồ thỉ điền trung hức,

Lê phá đào hoa vũ hậu cai.

---

[16] Theo nhà nghiên cứu Nguyễn Đình Đầu, 1 tầm = 2,435 mét.

[17] Theo nhà nghiên cứu Nguyễn Đình Đầu, 1 trượng = 4,87 mét.

[18] Nam mẫu: Xuất phát từ câu Diệp bỉ Nam mẫu (đem cơm ra đồng Nam mẫu) trong Kinh Thi của Khổng tử.

Mục địch bối hoành ngưu trạc trạc,

Tiều ca thanh học điểu hài hài.

Đương gia lão đại cung canh chức,

Quỹ hưởng tang âm xuất tiểu oa.

Dịch thơ của Hoài Anh:

CÀY MÙA XUÂN Ở TRẤN ĐỊNH

Xuân về bến đẹp bờ tươi,

Ruộng phía nam sức bao người dồn ra.

Tưới thông mương máng chan hòa,

Sau mưa cày gốc cây già bật tung.

Trẻ chăn trâu sáo ngang lưng,

Tiếng chim hòa tiếng ca lừng tiều phu.

Người lớn dệt vải cày bừa,

Rẽ dâu, đứa trẻ cơm đưa ra đồng.

Ngoài ra, ông còn sáng tác bài thơ *Mỹ Tho dạ vũ* khi thành dinh Trấn Định (thành Mỹ Tho) được xây dựng:

MỸ THO DẠ VŨ

Trạc anh[19] xướng bãi nguyệt trầm tê (tây),

Tiêu tích Tho giang[20]vũ chính thê.

Hòe thị[21] trào đôi du[22] giáp quán,

Tông kiều[23] vân ủng thạch ngưu[24] nê.

---

[19] Trạc anh: có nghĩa là Giặt dải mũ.

[20] Tho giang: Sông Mỹ Tho.

[21] Hòe thị: Chợ Hòe, ý chỉ chợ Mỹ Tho.

[22] Du: Dầu, mỡ (lấy từ thực vật hoặc động vật), như "hoa sanh du" 花生油: dầu đậu phộng, "tru du" 豬油 mỡ heo. Ở đây chỉ một xóm chuyên làm nghề ép dầu. Hiện nay vẫn còn địa danh Xóm Dầu ở khu vực chùa Bửu Lâm, phường 3, TP Mỹ Tho.

[23] Tông kiều: Năm 1792, chính quyền chúa Nguyễn cho xây cầu Quỳ Tông bắc ngang qua rạch Bảo Định. Năm 1801, cầu bị gỡ bỏ do nước xoáy.

[24] Thạch ngưu: Trâu đá

Quang hàn liễu[25] phố ngư thuyền hỏa,
Thanh thấp mai thành[26] thú trại bề.
Vạn khoảnh minh triêu trình hợp dĩnh,
Tang lâm[27] vô sự đảo kiền tê.

Bản dịch thơ của Hoài Anh:

MƯA ĐÊM Ở MỸ THO

Khúc "giặt dải mũ" hát xong,
Nhìn ra trăng đã lặn vùng trời tây.
Chợ Hòe triều mới dâng đầy,
Quả du dồn đống phơi bày đường trơ.
Cầu Tông mây phủ mịt mờ,
Che hình trâu đá sau mưa lấm bùn.
Lửa thuyền chài bến liễu vờn,
Thành mai vọng gác trống dồn tong tong.
Sáng nom lúa trỗ đòng đòng,
Cần chi cầu đảo nhọc lòng rừng Tang.

Bản dịch thơ của Huỳnh Minh Đức:

MƯA ĐÊM Ở MỸ THO

Hát khúc "trạc anh", trăng gác tê,
Mưa đêm sông Mỹ kéo lê thê.
Nước giăng Hòe thị, du thành đống,
Mây phủ Tông kiều, trâu bị che.
Bến liễu, lửa chày soi bóng lạnh,
Thành mai, tiếng trống vọng tư bề.

---

[25] Liễu: ở đây chỉ cây thủy liễu, tức cây bần.

[26] Mai thành: thành Mai, ý chỉ thành Mỹ Tho. Thành này được xây dựng năm 1792. Sách "*Gia Định thành thông chí*" của Trịnh Hoài Đức viết: "(thành Mỹ Tho) … *có góc cạnh lồi ra hủng vô như hình hoa mai* …"

[27] Tang Lâm: Đời Thành Thang nhà Thương (Trung Quốc) bị bảy năm hạn hán, vua quan phải đến rừng Tang làm lễ cầu mưa.

Sáng mai lúa trổ tràn đồng ruộng,

Đâu phải Tang Lâm đợi mưa về.

4. Trấn Định Tường

鎮 Trấn: Chỗ chợ đông đúc, khu vực hành chánh dưới cấp Huyện.

定 Định: Yên ổn, không thay đổi.

祥 Tường: Tốt, lành.

定祥鎮: Định Tường Trấn

Năm 1802, Nguyễn Phúc Ánh lên vua, xưng đế hiệu là Gia Long. Năm 1806, nhà vua cho đổi huyện Kiến Khương (thuộc dinh Trấn Định) thành huyện Kiến An.

Năm 1808, đơn vị **dinh** được đổi thành **trấn**. Lúc bấy giờ, ở Nam kỳ có 5 trấn: Biên Hòa, Phiên An, Định Tường, Vĩnh Long và Hà Tiên; 5 trấn này thuộc thành Gia Định. Đứng đầu thành Gia Định có các chức Tổng trấn, Phó Tổng trấn và Hiệp trấn.

Tỉnh Tiền Giang ngày nay, lúc đó, được gọi là trấn Định Tường. Đồng thời, vua Gia Long còn cho thăng huyện Kiến An thành phủ Kiến An, thăng 3 thuộc Kiến Hưng, Kiến Hòa, Kiến Đăng thành 3 huyện Kiến Hưng, Kiến Hòa, Kiến Đăng.

Đứng đầu trấn Định Tường là Trấn thủ. Dưới có các chức vụ Thư ký (phụ trách công việc hành chính), Cai án (phụ trách công việc tư pháp), Tri bạ (phụ trách công việc ruộng đất, hộ khẩu), Ty Xá sai (phụ trách việc văn án, từ tụng) và Ty Tướng thần lại (phụ trách lương thực, thuế khóa). Sau đó, hai Ty Xá sai và Tướng thần lại được đổi thành hai Ty Tả thừa và Ty Hữu thừa.

Dưới trấn có phủ, huyện, tổng và thôn. Đứng đầu phủ có viên Tri phủ; đứng đầu huyện có viên Tri huyện.

Theo quyển *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức, năm 1808, trấn Định Tường có: 1 phủ, 3 huyện, 6 tổng, 313 thôn và 1 ấp.

Phủ Kiến An

Phủ Kiến An có 3 huyện:

1. Huyện Kiến Hưng: có 2 tổng, 76 thôn. Lỵ sở đóng tại thôn Tân Lý Tây (nay thuộc huyện Châu Thành). Hai tổng[1] gồm:

+ Tổng Kiến Thuận (nay thuộc vùng thành phố Mỹ Tho và vùng nam huyện Châu Thành), có 39 thôn (Thới sơn, Phú An Tây, Phú An Lộc, Điều Hòa giang trạm, An Đức Chánh, Bình Tạo, An Hòa, Trung Lương, Đạo Ngạn, An Đức Đông,

[1] Hai tổng Kiến Thuận và Hưng Xương thành lập trên cơ sở thuộc Kiến Hưng, mỗi tổng giữ 1 chữ.

Long Hội, An Vĩnh, Cửu Viễn, Ngãi Hữu, Thân Nhơn, An Thới, Nhơn Hòa, Long Hội Tây, An Thạnh, Tân Thạnh Trung, An Phước, Tân An, Long Thạnh, Mỹ Thuận Đông, Mỹ Thuận Tây, Bình Thuyên/Toàn Đông, Tân Đức Đông, Tân Đức Chánh, Vĩnh Kim Đông, Vĩnh Kim Tây, Long Hưng, Bình Đông, Bình Toàn Tây, Hữu Đạo, Bình Sơn, Mỹ Điền, Tân Phú Sơn, Phú Hòa, Tân Hưng).

+ Tổng Hưng Xương (nay thuộc vùng bắc huyện Châu Thành đến bờ sông Vàm Cỏ - Long An) có 37 thôn (Hòa Mỹ, Tân Hiệp, Tân Lý Tây, Tân Lý Đông, Tân Hương Tây, Tân Hương, Tân Hương Trung, Nhơn Hậu, Nhơn Lợi Lương Hòa - Lương Thạnh nhị thôn, Bình Quân, Nhơn Lý Tây, Bình Định, Nhơn Nhượng, Xuân Sanh, Nhơn Hậu Đông, Bình An, Nghĩa Lợi, Dương Hòa, Tân Hội Đông, Tân Hội Tây, Vĩnh Hòa, Phú Mỹ, Vĩnh Hòa Đông, Mỹ Thạnh, Long Định, Tường Khánh, Bình An Đông, Phú Khương, Phú Thượng, Thân Hòa, Đông An, Mỹ Phước, Đông An (mới lập), Thân Đông, Chánh Đông Trung, Tân Thanh, Tuyên Thạnh).

2. Huyện Kiến Hòa: có 2 tổng, 150 thôn, 1 ấp. Lỵ sở đóng tại thôn Mỹ Hóa (nay thuộc xã Mỹ Phong - thành phố Mỹ Tho). Hai tổng[2] gồm:

+ Tổng Kiến Thạnh (nay thuộc vùng đất từ Mỹ Tho, Chợ Gạo đến huyện Vàm Cỏ - Long An) có 65 thôn (Mỹ Chánh, Phú Hội, Mỹ Hóa, Bình Hài, Bình Phong, Long Hòa, Thanh Xuân, Bình Hạnh, An Hòa, Lương Phú, Phú An, Phú Đức, Mỹ Trung, Bình Trung, Bình Phú, Bình Trị, Nhơn Nghĩa, Phú Lộc, Bình Cang, Bình Nguyên, Bình Tâm, Phú Long, Bình Quới, Phú Đa, Bình Hiệp, Bình Định Đông, Bình Công Tây, Ái Nghĩa, Tân Nho, Tân Hòa, Bình Thạnh, Đông An, Tân Xuân, Tân Thạnh, Bình An, Bình Dương, Nhựt Tân, An Khương, Phú Hòa, Phú Xuân, Bình Phước, Tân Long Hưng, Tân Hội, Tân An Tây, Tân Thủy, Phú Tây, Bình Thuận, Mỹ Đức, Thanh Xuân Đông, Bình Thới, Tân An, Tân Giang, Bình Đăng, Vĩnh Phước, Tân Mỹ, Tân Thạnh Lợi, Hưng Nghĩa, Long Trì, Long Hựu, Tân Tĩnh, Điền Trang, Bình Thời, Mỹ Thuận, Tân Hưng).

+ Tổng Hòa Bình (nay là vùng đất Gò Công (tỉnh Tiền Giang) và hai huyện Bình Đại, Châu Thành (tỉnh Bến Tre), có 85 thôn, 1 ấp (Bình Phú Đông, Bình Xuân, Bình Sơn, Tân Hóa, Long Thạnh, Bình Phương (Phan), Bình Hưng, Bình Quang, Thuận Hòa, An Định, Bình Thạnh, Toàn Thạnh, Bình Thủy, Bình Phục Nhứt, Bình Phục Nhứt Đông, Bình Phục Nhị, Bình Phú Chánh, Vĩnh Hựu, Vĩnh Lợi, Vĩnh An, Vĩnh Thạnh, Bình Long (Luông) Tây, Bình Long (Luông), An Long (Yên Luông) Đông, An Long (Yên Luông) Tây, Tân Cang (Cương), Tân Duân Đông, Tân Duân Trung, Bình Nghị, Bình Ân, Tăng Huy - An Hòa, Toàn Phước, Tân Niên Đông, Tân Niên Tây, Tân Niên Trung, Dương Phước, Tân Long

[2] Hai tổng Kiến Thạnh và Hòa Bình thành lập trên cơ sở thuộc Kiến Hòa, mỗi tổng giữ 1 chữ.

(Luông), Bình Thuận Đông, Bình Thuận Tây, Bình Thạnh Đông, Bình Công, Tân Phú, Miễu Ông, Giao Long, Phước An Đông, Phước Hòa, Tân Thạch - An Hồ, Phước Thới, Phước Hậu, Phú Vinh (Vang), Huỳnh Long - Quới Sơn, Phú Anh Thạnh, Phú An Hòa, An Hải, Giao Hòa, An Hòa Tân, Long Phụng, Phú Thuận, Thanh Long - Long Thạnh nhị thôn, Phú Mỹ, Châu Hưng, Thới Long, Vang Quới, Lộc Thuận, Tân Định, Tân Hội, Phú Hòa, Phước Thuận, Lương Thạnh, Bình Đại, An Lộc Tân, Thới Hòa, Vinh Thạnh, Tân Phong, Long Thới - Long Hòa, Phước Toàn, Phước Định, Phú Thạnh, Phước Hạnh Tây, Phú Mỹ, Phước Hạnh, Long Hưng, Bình Thành Đông, Phước Hạnh Đông, Vĩnh Đức Hòa, ấp An Hòa).

3. Huyện Kiến Đăng: có 2 tổng, 87 thôn, lỵ sở đóng tại thôn Mỹ Đức Đông (vàm Cái Thia - nay là xã Mỹ Đức Đông, huyện Cái Bè). Hai tổng gồm:

+ Tổng Kiến Lợi: (nay là vùng Cai Lậy, một phần huyện Châu Thành) có 44 thôn (Kim Sơn, Giao Long, Phú Phong, Bình Chánh, Bình Chánh Đông, Bình Chánh Trung, Mỹ Đông Chánh, Mỹ Hòa, Mỹ Đông Trung, Mỹ Đông, An Thủy Đông, Long Phú, Hòa An, An Thủy Tây, Tân Sơn, Long Điền, Mỹ Quới, Mỹ Ân, Trà Luật, Mỹ An, Phú Long, Mỹ Trang, Mỹ Tường, Mỹ Trinh, Tân Hội, Tân Hòa, Tân Thuận, Hữu Hòa - Thanh Sơn, Hội Sơn, Xuân Sơn, Cẩm Sơn, Phú Nhuận Đông, Bình Chánh Tây, Phú An, Bình Phú, Mỹ Hạnh Đông, Mỹ Hạnh Trung, Mỹ Hạnh Tây, Phước An, Phú Mỹ, Đông An, An Mỹ, Bình Hiệp, Mỹ Hưng).

+ Tổng Kiến Phong (nay là vùng Cái Bè, Cao Lãnh và Chợ Mới - An Giang) có tất cả 43 thôn (Tân Đức, Tân Hiệp, Tân Phú Sơn, An Bình Đông, An Bình Tây, An Thành, Mỹ Chánh, Mỹ Thạnh, Hòa Mỹ, Mỹ Đức Đông, Mỹ Đức Tây, Mỹ Thiện, Mỹ Hòa, Mỹ Lương, An Thới Đông, An Thới Tây, An Thới Trung, Hòa Lộc, Mỹ Hưng, Mỹ Thuận, Mỹ An Đông, Thanh Hưng, Mỹ An Tây, An Mỹ, Mỹ Luông, Bình Hàn Tây, Bình Hàn Trung, Mỹ Toàn, Mỹ Xương, Mỹ Đảo, Mỹ Lộc, Mỹ Định, Mỹ Trà, Mỹ Nghĩa, Tân An, An Bình Long, Tân Mỹ, Tân Phú, Tân Thạnh, Tân An, Tân Khánh, Tân Phú Đông, Tân Phú Tây).

+ Thành trấn Định Tường: Năm Bính Tuất (1826), lỵ sở trấn Định Tường được dời từ thôn Mỹ Chánh - chợ Mỹ Tho (huyện Kiến Hòa, nay thuộc khu vực Phường 2 và Phường 8, TP Mỹ Tho) về ranh thôn Điều Hòa và thôn Bình Tạo (huyện Kiến Hưng, nay thuộc khu vực các Phường 1, 4, 7, TP Mỹ Tho). Theo đó, thành Định Tường được dựng lên. Thành này do Tổng trấn thành Gia Định Lê Văn Duyệt trực tiếp chỉ huy khoảng 11.000 nhân công xây dựng. Theo quyển *Đại Nam nhất thống chí*, thành Định Tường được đắp bằng đất, hình vuông, chu vi 320 trượng (khoảng 2.000 m), cao 9 thước 5 tấc (khoảng 4,5 m), mở 4 cửa, hào rộng 8 trượng (khoảng 3 m), sâu 6 thước 5 tấc (khoảng 3 m) . Phỏng đoán ngôi thành này nằm lọt khung trong các con đường 30 tháng 4 (phía nam), Lê Đại Hành (phía bắc), Lê Lợi (phía đông), Nam Kỳ Khởi Nghĩa (phía tây). Trong quyển "*Lịch sử cuộc viễn chinh Nam Kỳ năm 1861*", Léopold Pallu mô tả ngôi thành như sau: "*Thành Mỹ Tho xây theo lối châu Âu. Thành vuông vức, có ụ làm pháo đài. Hào*

chung quanh rộng có nước, tường thành cao và rất dày. Xung quanh thành là đầm lầy. Khí giới của thành có đại pháo nòng lớn. Thành kiểm soát hết sông Tiền Giang và các đường thuỷ đổ vào sông này".

Tại lỵ sở mới, ngoài việc xây dựng tỉnh thành, chính quyền nhà Nguyễn còn tiến hành xây dựng các công trình khác nhằm phục vụ cho mục đích phát triển kinh tế và văn hóa, như trường học của tỉnh (1826), đàn Tiên nông thờ thần Nông (1832), đàn Xã tắc thờ thần Đất nước (1833), chợ, cửa quan thu thuế (1835), miếu Thành hoàng (1848), văn miếu đặt tại thôn Bình Tạo (tọa lạc ở khu vực bến phà Rạch Miễu cũ, Phường 6, thành phố Mỹ Tho) nhằm tôn vinh sự học, tôn vinh người trí thức, đặc biệt là người trí thức địa phương theo nguyên lý "Hiền tài là nguyên khí của quốc gia",…

5. Tỉnh Định Tường (1832 - 1867)

省 Tỉnh

定 Định: Yên ổn, không thay đổi

祥 Tường: Tốt, lành

定祥省: Định Tường Tỉnh

Năm Đinh Mão (1831), vua Minh Mạng đổi đơn vị **trấn** thành đơn vị **tỉnh** trực thuộc chính quyền trung ương, xóa bỏ cấp trung gian "thành" (Gia Định Thành). Ở Nam Kỳ, năm 1832, chính quyền thành lập 6 tỉnh (quen gọi Nam Kỳ lục tỉnh), bao gồm ba tỉnh *kiêm nhiếp* (Chữ "Nhiếp": 攝 có nghĩa "Thay quyền để thống trị, kiêm quyền") và ba tỉnh *phân hạt* (tỉnh nhỏ):

+ Tỉnh Gia Định kiêm nhiếp tỉnh Biên Hòa (phân hạt).

+ Tỉnh Vĩnh Long kiêm nhiếp tỉnh Định Tường (phân hạt).

+ Tỉnh An Giang kiêm nhiếp tỉnh Hà Tiên (phân hạt).

Thống nhiếp hai tỉnh Vĩnh Long và Định Tường có Tổng đốc Long Tường, thường kiêm hàm Binh Bộ Thượng thư hoặc Đô Sát viện hữu Đô Ngự sử. Đứng đầu tỉnh Định Tường có Tuần phủ, giúp việc có Bố chánh, Án sát, Lãnh binh.

Tuần phủ là một quan văn nhưng có hàm Đô đốc. Bố Chánh là một quan văn làm nhiệm vụ hành chánh. Án Sát là một quan văn trông coi việc luật pháp, chấn hưng phong hóa. Lãnh binh là một quan võ, phụ trách việc quân sự.

Giúp việc Tuần phủ có hai ty chuyên trách:

+ Ty Bố chánh (Ty Phiên): phụ trách hành chính.

+ Ty Án sát (Ty Niết): phụ trách việc hình án từ tụng, chấn hưng phong hóa.

Ngoài ra, tại tỉnh còn 3 ty khác:

+ Ty Lễ sinh: phụ trách quản lý và phụ tế các đền miếu.

+ Ty Chiêm hậu: chuyên việc xem thiên tượng và làm lịch.

+ Ty Lương y: chuyên việc chữa trị bệnh tật.

Riêng về giáo dục, theo truyền thống của nước ta từ xưa, các việc giảng dạy đều do tư nhân đảm trách. Ở cấp tỉnh, nhà Nguyễn chỉ lập nhà Tỉnh học, cử một Đốc học; cấp phủ lập nhà Phủ học, cử một Giáo thọ; cấp huyện lập nhà Huyện học, cử một Huấn đạo. Các chức quan này vừa làm nhiệm vụ giảng dạy, vừa kiểm tra chất lượng giáo dục tư nhân, giới thiệu học trò đi thi.

Mỗi phủ có một chức Tri phủ, mỗi huyện có một chức Tri huyện.

Do địa bàn quá rộng, giao thông bất tiện nên vào năm Nhâm Thìn (1832), vùng Gò Công được tách rời khỏi tỉnh Định Tường và nhập vào tỉnh Gia Định. Theo đó, tổng Hòa Bình (vùng Gò Công) được tách ra khỏi tỉnh Định Tường và hợp nhất với một phần tổng Thuận Đạo thuộc tỉnh Gia Định để lập huyện Tân Hòa, thuộc phủ Tân An, tỉnh Gia Định. Lỵ sở huyện Tân Hòa đầu tiên đặt tại thôn Thanh Xuân Đông, tổng Thạnh Mục (nay thuộc huyện Vàm Cỏ, tỉnh Long An, giáp với xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang).

Theo *Địa bạ tỉnh Định Tường năm 1836*, tỉnh Định Tường có 1 phủ (Kiến An), 3 huyện (Kiến Hưng, Kiến Hòa, Kiến Đăng), 15 tổng và thôn. Cụ thể như sau:

- Phủ Kiến An

- Ba huyện (Kiến Hưng, Kiến Hòa, Kiến Đăng):

+ Huyện Kiến Hưng: Huyện Kiến Hưng do phủ Kiến An kiêm nhiếp, lỵ sở ở thôn Tân Hiệp (nay là thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu Thành), có 5 tổng, 75 thôn, gồm:

- Tổng Thuận Trị có 19 thôn (An Đức, An Đức Đông, An Hòa, An Thành, An Vĩnh, Bình Tạo, Cửu Viễn, Đạo Ngạn, Điều Hòa, Long Hội, Long Hội Tây, Ngãi Hữu, Nhơn Hòa, Phú Đức Đông, Phú Đức Tây, Tân Thuận, Thân Nhơn, Thới Sơn, Trung Lương).

- Tổng Thuận Bình có 17 thôn (An Phước, An Thạnh, Bình Đông, Bình Sơn, Bình Thuyên Đông, Hữu Đạo, Long Hưng, Long Thạnh, Mỹ Thuận Đông, Mỹ Thuận Tây, Tân Đức Đông, Tân Đức Tây, Tân Phú Đông, Vĩnh Kim Đông, Vĩnh Kim Tây, Thạnh Phú).

- Tổng Hưng Nhơn có 12 thôn (Dương Hòa, Định Hòa, Hưng Thạnh, Long Định, Mỹ Điền, Nhị Bình, Phú Mỹ, Phước An, Tân Hội Đông, Tân Hội Tây, Tân Lý Đông, Tân Lý Tây).

- Tổng Hưng Nhượng có 13 thôn (Bình An Đông, Bình Cư, Bình Quân, Hòa Mỹ, Lợi Thạnh, Nhơn Hậu, Nhơn Lý Tây, Nhơn Nhương, Tân Hiệp, Tân Hương Tây, Tường Khánh, Xuân Sanh, Tân Hương).

- Tổng Hưng Long có 14 thôn (Bình An, Bình Long Đông, Chánh Đông, Đông An, Ngãi Lợi, Phú Khương, Phú Thượng, Tân Đông, Thân Hòa Đông, Thân Hòa Tây, Thủy Đông, Trường Thạnh, Tuyên Thạnh, Vĩnh Thạnh, Mỹ Phước).

+ Huyện Kiến Hòa: lỵ sở đóng ở thôn Tân Hóa (nay thuộc xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo), có 5 tổng, 78 thôn, gồm:

- Tổng Hòa Hảo có 12 thôn (An Định, Bình Phục Đông, Bình Phục Nhứt, Bình Phương (Phan), Bình Thủy, Mỹ Hảo, Tân Hóa, Toàn Thạnh, Vĩnh An, Bình Quang, Hòa Bình, Hòa Thạnh).

- Tổng Hòa Hằng có 20 thôn (Bình Đại, Châu Hưng, Hằng Thạnh, Hòa Thới, Lộc Thuận, Phú Thành, Phú Thạnh Đông, Phú Thuận, Phú Vinh, Phước An Đông, Quới Sơn, Tân Phong, Thạch Hồ, Thạnh Hội, Từ Linh, Vinh (Vang) Quới, Giao Hòa, Giao Long, Long Phụng, Tân Định).

- Tổng Hòa Thinh (Hòa Thanh) có 17 thôn (An Hòa Tân, Lộc Tân, Lương Thạnh, Minh Đức, Phú Hữu, Phú Ngãi, Phú Nhơn, Phú Thạnh, Phước Định, Phước Hậu, Phước Hòa, Phước Thới, Phước Thuận, Phước Toàn, Thọ Phú, Thới Lai, Thới Thuận).

- Tổng Thạnh Phong có 14 thôn (Bình Đăng, Bình Hài, Bình Hạnh, Bình Phong, Bình Thời, Điền Trang, Long Hựu, Mỹ Chánh, Mỹ Hóa, Phong Thuận, Phú Hội, Tân Tĩnh, Tân Tĩnh Đông, Thạnh Lợi).

- Tổng Thạnh Quơn (Thạnh Quang) có 15 thôn (An Khương, An Lạc, Bình Cách, Bình Dương, Long Hòa, Lương Phú, Mỹ Trung, Phú Kiết, Phú Hòa, Song Thạnh, Thanh Xuân, Trung Lộc, Vĩnh Phước, Hưng Ngãi, Nhựt Tân).

+ Huyện Kiến Đăng: lỵ sở đóng tại thôn Mỹ Trang (nay thuộc thị xã Cai Lậy), có 5 tổng, 80 thôn:

- Tổng Lợi Trinh có 19 thôn (An Mỹ, Bình Chánh Tây, Bình Phú, Cẩm Sơn, Giai Mỹ, Hòa Sơn, Hòa Thuận, Hội Sơn, Lợi An, Mỹ Hạnh Đông, Mỹ Hạnh Tây, Mỹ Hạnh Trung, Mỹ Trang, Mỹ Tường, Phú Nhuận, Phú Thuận Đông, Tân Hòa, Tân Hội, Xuân Sơn).

- Tổng Lợi Trường có 21 thôn (An Thủy Đông, An Thủy Tây, Bàn Long, Bình Chánh, Bình Chánh Đông, Hòa An, Kim Sơn, Long Điền, Long Phú, Mỹ An, Mỹ Ân, Mỹ Đông, Mỹ Đông Thượng, Mỹ Đông Trung, Mỹ Hòa, Mỹ Quới, Mỹ Trinh, Phú Long, Phú Phong, Tân Sơn, Trà Tân, Bình Chánh Trung).

- Tổng Phong Hòa có 12 thôn (An Bình Đông, An Bình Tây, An Thành, An Cư, Hiệp Hòa, Hòa Khánh, Mỹ Đức Đông, Mỹ Hòa, Mỹ Thạnh, Mỹ Thiện, Phú Sơn, Tân Đức).

- Tổng Phong Phú có 17 thôn (An Thới Đông, An Thới Tây, An Thới Trung, Bình Hàn Tây, Bình Hàn Trung, Hòa Lộc, Mỹ An Đông, Mỹ An Tây, Mỹ Đức Tây, Mỹ Hưng, Mỹ Long, Mỹ Lợi, Mỹ Lương, Mỹ Thuận, Mỹ Toàn, Mỹ Xương, Thanh Hưng).

- Tổng Phong Thạnh có 11 thôn (An Bình, An Long, An Phong, Mỹ Đảo, Mỹ Ngãi, Mỹ Trà, Nhị Mỹ, Phong Mỹ, Tân An, Tân Phú, Tân Thạnh)[28].

Năm 1838, chính quyền nhà Nguyễn nâng hai tổng Phong Phú và Phong Thạnh của huyện Kiến Đăng thành ba tổng Phong Phú, Phong Thạnh và Phong Nẫm thuộc huyện Kiến Phong mới lập, trực thuộc phủ Kiến Tường mới lập. Phủ Kiến Tường đóng lỵ sở tại thôn Mỹ Trà (nay thuộc TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp) kiêm lý huyện Kiến Phong.

Riêng về huyện Tân Hòa (vùng Gò Công) thuộc phủ Tân An, tỉnh Gia Định có những chuyển biến hành chánh như sau:

Lỵ sở huyện Tân Hòa đầu tiên đặt tại thôn Thanh Xuân Đông, tổng Thạnh Mục (nay thuộc huyện Vàm Cỏ, tỉnh Long An, giáp với xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang).

Theo Địa bạ Minh Mạng năm 1836, huyện Tân Hòa có 4 tổng:

+ Tổng Hòa Đồng có 16 thôn.

+ Tổng Hòa Lạc có 17 thôn.

+ Tổng Thạnh Hội có 16 thôn.

+ Tổng Thạnh Mục có 16 thôn.

Trong 4 tổng nêu trên, hai tổng Hòa Đồng và Hòa Lạc thuộc vùng Gò Công (nay thuộc địa phận huyện Gò Công Tây, thị xã Gò Công, huyện Gò Công Đông và huyện Tân Phú Đông); còn hai tổng Thạnh Hội và Thạnh Mục thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Long An ngày nay. Số thôn của hai tổng Hòa Đồng và Hòa Lạc như sau:

+ Tổng Hòa Đồng có 16 thôn: Bình Công, Bình Hưng, Bình Long, Bình Long Tây, Bình Phú Đông, Bình Phú Tây, Bình Phục Nhị/Nhì, Bình Xuân Đông, Dương Phước, Đồng Sơn, Long Chánh, Tân Cang/Cương, Tân Nhựt, Vĩnh Hựu, Vĩnh Lợi, Vĩnh Thạnh.

---

[28] Nguyễn Đình Đầu, *Nghiên cứu Địa bạ triều Nguyễn: Định Tường*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1994, trang 157-165.

+ Tổng Hòa Lạc có 17 thôn: An Long Đông/Yên Luông Đông, An Long Tây/Yên Luông Tây, Bình Ân, Bình Nghị, Bình Thạnh Đông, Bình Thạnh Tây, Bình Xuân, Mỹ Xuân, Tân Duân Đông, Tân Duân Trung, Tân Niên Đông, Tân Niên Tây, Tân Niên Trung, Tân Phước, Tăng Hòa, Thuận Ngãi (Bình Thuận Đông cũ), Thuận Tắc (Bình Thuận Tây cũ); và 1 phường: Toàn Phước.

Năm 1841, vua Thiệu Trị chia huyện Tân Hòa thành hai huyện: vùng ven sông Vàm Cỏ lập huyện Tân Thạnh; vùng Gò Công lập huyện Tân Hòa. Riêng huyện Tân Hoà có 4 tổng: Hòa Đồng Thượng, Hòa Đồng Hạ, Hòa Lạc Thượng và Hòa Lạc Hạ.

Lúc đó, huyện Tân Thạnh và huyện Tân Hòa thuộc phủ Hòa Thạnh, tỉnh Gia Định. Lỵ sở phủ Hòa Thạnh đặt tại Đồng Sơn.

Năm 1852, vua Tự Đức cho sáp nhập hai huyện Tân Thạnh và Tân Hòa để thành lập huyện mới lấy tên là huyện Tân Hòa vẫn thuộc tỉnh Gia Định. Huyện Tân Hòa (mới) có 8 tổng: Thạnh Hội Thượng, Thạnh Hội Hạ, Thạnh Mục Thượng, Thạnh Mục Hạ, Hòa Đồng Thượng, Hòa Đồng Hạ, Hòa Lạc Thượng và Hòa Lạc Hạ. Lỵ sở của huyện đóng tại thôn Thuận Ngãi, tổng Hòa Lạc Hạ (nay thuộc thị xã Gò Công).

Như vậy, vào năm 1852, vùng Gò Công thuộc huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định, có 4 tổng, 37 thôn, phường:

- Tổng Hòa Đồng Thượng: có 8 thôn: Bình Hưng, Bình Phú Đông, Bình Phú Tây, Bình Phục Nhì, Bình Phước, Đồng Sơn, Tân Nhựt, Trường Xuân.

- Tổng Hòa Đồng Hạ: có 9 thôn: Bình Công, Bình Hòa, Bình Luông Đông, Bình Luông Tây, Long Chánh, Tân Cương, Vĩnh Hựu, Vĩnh Lợi, Vĩnh Thạnh.

- Hòa Lạc Thượng: có 8 thôn: Bình Thạnh Đông, Bình Thạnh Tây, Bình Xuân, Mỹ Xuân, Tân Niên Đông, Tân Niên Tây, Tân Niên Trung, Tân Phước và 1 phường: Toàn Phước

- Tổng Hòa Lạc Hạ: có 11 thôn: An Long Đông/Yên Luông Đông, An Long Tây/Yên Luông Tây, Bình Ân, Bình Nghị, Dương Phước, Kiểng Phước (do phường Toàn Phước đổi thành), Tăng Hòa, Tân Duân Đông, Tân Duân Trung, Thuận Ngãi, Thuận Tắc.

6. Tỉnh Mỹ Tho (Province de Mytho: 1900-1954)

Ngày 20/12/1899, Toàn quyền Đông dương ban hành Nghị định đổi các Tiểu khu hành chính thành tỉnh (Province) kể từ ngày 01/01/1900. Theo đó, Nam kỳ có 21 tỉnh. Mỹ Tho và Gò Công là hai tỉnh riêng biệt.

Theo *Địa phương chính tỉnh Mỹ Tho năm 1902*, tỉnh Mỹ Tho có diện tích là 223.660 hecta, dân số là 233.802 người, bao gồm 231.276 người Việt, 2.381 người Hoa, 103 người Âu, 42 người Ấn. Tỉnh lỵ đặt tại Mỹ Tho.

Toàn tỉnh có 15 tổng, 202 làng.

- Tổng Thuận Trị:

Có 19 làng: Điều Hòa, Thạnh Trị, Đạo Ngạn, An Vĩnh, Ngãi Hữu, Cửu Viễn, Thân Nhơn, Nhơn Hòa, Long Hội Tây, An Hội, Long Hội, Trung Lương, An Đức Đông, Bình Tạo, An Đức, Tân Thuận, Thới Sơn, Phú Đức, Phú Túc.

- Tổng Thuận Bình:

Có 15 làng: An Thạnh, An Phước, Thạnh Phú, Long Hưng, Mỹ Thuận Tây, Mỹ Thuận Đông, Vĩnh Kim Tây, Vĩnh Kim Đông, Bình Hòa Đông, Phong Trưng, Hữu Đạo, Điềm Hy, Dưỡng Điềm.

- Tổng Lợi Trường:

Có 12 làng: Mỹ Quý, Mỹ Quý Đông, Mỹ Phú, Mỹ Quý Tây, Long Điền, Mỹ Hậu, Bàn Long, Kim Sơn, Phú Phong, Bình Chánh Trung, Bình Chánh Đông, Bình Chánh.

- Tổng Lợi Mỹ:

Có 08 làng: Phú Long, Mỹ Khánh, Mỹ Đông Thượng, Mỹ Đông, Mỹ Đông Trung, Tân Thới, Trà Tân, Ngũ Hiệp.

- Tổng Lợi Trinh:

Có 15 làng: Long Phước, Mỹ Hạnh Tây, Bình Chánh Tây, Mỹ Hạnh Trung, Mỹ Hạnh Đông, Tân Phú Đông, Tân Hội, Mỹ Tường, Tân Long, Tân An, Hòa Sơn, Thanh Sơn, Mỹ Trang, Hòa Thuận, Cẩm Sơn.

- Tổng Hưng Nhơn:

Có 13 làng: Phú Mỹ, Hưng Thạnh, Mỹ Điền, Phước Lộc, Nhị Bình, Long Định, Định Hòa, Tân Lập, Tân Lý Đông, Tân Thành, Dương Hòa, Tân Hội Tây, Tân Hội Đông.

- Tổng Hưng Nhượng:

Có 06 làng: Tân Hương, Tân Hương Tây, Tân Lý Tây, Tân Hiệp, Hòa Mỹ, Tịnh Giang.

- Tổng Thạnh Quơn:

Có 13 làng: Tịnh Hà, An Khương, Trung Hòa, Song Thạnh, Bình Cách, Nhựt Tân, Mỹ Trung, Phú Kiết, Lương Phú, An Lạc, Long Hòa, Thanh Xuân, Bình Dương.

- Tổng Thạnh Phong:

Có 16 làng: Hưng Ngãi, Bình Đăng, Vĩnh Phước, Điền Trang, Bình Hài, Mỹ Phong, Phú Hội, Mỹ Chánh, Phong Thuận, Bình Phong, Bình Thạnh, Bình Hạnh, Long Thạnh, Tân Tĩnh Đông, Tân Xuân, Tân Tĩnh.

- Tổng Hòa Hảo:

Có 15 làng: Bình Long, Bình Phục Tây, Bình Quơn, Thuận Hòa, Bình Phục Đông, Tân Hóa, Hòa Thạnh, An Định, Hòa Bình, Hòa Ninh, Hòa An, Mỹ Thạnh, Bình Thủy, Bình Phan, Bình Trị.

- Tổng Hòa Quới:

Có 24 làng: An Hồ, Tân Thạch, Quới Sơn, Phú Thạnh, Giao Long, Giao Hòa, Nguyệt Thạnh, Long Phụng, Phú Thuận, Vang Quới, Phú Vang, Thới Lai, Châu Hưng, Tân Hưng, An Hóa, Phước Hậu, Phước Thới, Phước Hòa, Phú Ngãi, Phú Nhơn, Phước Khánh, Phước Thiện, Phước Định, Phú Thạnh.

- Tổng Hòa Thinh:

Có 11 làng: Lộc Thuận, Phú Long, Tân Định, Bình Trung, Bình Đại, Lộc Tân, Thạnh Lộc, Phước Thuận, Thọ Phú, Thừa Đức, Thới Thuận.

- Tổng Lợi Thuận:

Có 15 làng: Mỹ Thạnh, Đại Phú, Giai Mỹ, Phú Thuận Đông, Bình Phú, Phú Hưng, Phú Nhuận, Lợi Thành, Lợi An, An Mỹ, Phú Sơn, Hiệp Hòa, Tân Đức, Xuân Sơn, Hội Sơn.

- Tổng Phong Hòa:

Có 11 làng: Mỹ Đức Tây, Mỹ Thiện, Hậu Mỹ, Mỹ Hội, An Cư, Hậu Thành, An Bình Đông, Phú Hòa, An Hiệp, Hòa Khánh, Mỹ Đức Đông.

- Tổng Phong Phú:

Có 09 làng: Mỹ Lợi, Thanh Hưng, An Thái Đông, An Thái Trung, Mỹ Lương, Hòa Lộc, Mỹ Hưng, An Hữu, Mỹ Thuận[29].

Sau thời gian thực hiện chính sách trực trị (tỉnh - tổng - làng) không thành công, ở tỉnh Mỹ Tho, thực dân Pháp bắt buộc phải lập cấp quận làm trung gian giữa tỉnh và tổng, làng.

7. Quận Châu Thành:

Quận Châu Thành lập ngày 22-3-1912, có 3 tổng: Thuận Bình (15 làng), Thuận Trị (16 làng) và Lợi Trường (3 làng được tách từ quận Cai Lậy): Bàn Long, Phú Phong và Kim Sơn).

---

[29] Theo quyển *Địa phương chí tỉnh Mỹ Tho năm 1902* (*Monographie de la province de Mytho, 1902*).

Năm 1925, do thực hiện việc chia tách, nên tổng Thuận Bình còn 13 làng, tổng Thuận Trị còn 10 làng. Ngày 19-11-1927, xóa hẳn tổng Lợi Trường, nhập 3 làng Bàn Long, Phú Phong và Kim Sơn vào tổng Thuận Bình.

8. Tỉnh Định Tường (Chính quyền Sài Gòn: 1954-1975)

Về phía chính quyền Sài Gòn, theo Sắc lệnh 143-NV ngày 22-10-1956 của Tổng thống chính quyền Sài Gòn Ngô Đình Diệm về việc "thay đổi địa giới và tên Đô thành Sài Gòn - Chợ Lớn cùng các tỉnh và tỉnh lỵ tại Việt Nam", tỉnh Định Tường được thành lập trên phần đất tỉnh Mỹ Tho và tỉnh Gò Công cũ. Tỉnh lỵ tỉnh Định Tường đặt tại Mỹ Tho, về mặt hành chánh thuộc xã Điều Hòa, quận Châu Thành.

Theo sự phân định hành chính của chính quyền Sài Gòn, Định Tường là một trong 22 tỉnh của Nam Phần lúc đó, bắc giáp tỉnh Kiến Tường, đông bắc giáp tỉnh Long An, đông giáp biển Đông, tây nam và nam giáp hai tỉnh Vĩnh Long và Kiến Hòa, tây giáp tỉnh Kiến Phong, tây nam giáp tỉnh Sa Đéc. Ranh giới phía nam của tỉnh Định Tường là sông Tiền Giang (đoạn này còn gọi là sông Mỹ Tho).

Ngày 24-4-1957, chính quyền Sài Gòn ấn định các đơn vị hành chính trực thuộc tỉnh. Tỉnh Định Tường có tỉnh lỵ đặt tại Mỹ Tho, bao gồm 7 quận, 15 tổng, 123 xã. Cụ thể như sau:

(1) Quận Châu Thành (quận lỵ: xã Điều Hòa), có 2 tổng, 22 xã.

- Tổng Thuận Trị, gồm 09 xã: Bình Đức, Đạo Thạnh, Điều Hòa, Long An, Tam Hiệp, Thạnh Phú, Thới Sơn, Trung An, Phước Thạnh.

- Tổng Thuận Bình, gồm 13 xã: Bàn Long, Bình Trưng, Dưỡng Điềm, Đông Hòa, Điềm Hy, Hữu Đạo, Kim Sơn, Long Định, Long Hưng, Nhị Bình, Phú Phong, Song Thuận, Vĩnh Kim.

(2) Quận Bến Tranh (quận lỵ: xã Lương Hòa Lạc), có 2 tổng, 16 xã.

- Tổng Hưng Nhơn, gồm 09 xã: Hưng Thạnh Mỹ, Tân Hội Đông, Tân Lý Tây, Tân Lý Đông, Tân Hương, Tân Hiệp, Thân Cửu Nghĩa, Tân Hòa Thành, Phú Mỹ.

- Tổng Thạnh Quơn, gồm 07 xã: Lương Hòa Lạc, Hoà Tịnh, Mỹ Tịnh An, Phú Kiết, Tân Bình Thạnh, Trung Hòa, Thanh Bình

(3) Quận Chợ Gạo (quận lỵ: xã Bình Phan), có 2 tổng, 13 xã.

- Tổng Thạnh Phong, gồm 06 xã: Đăng Hưng Phước, Long Bình Điền, Mỹ Phong, Song Bình, Tân Mỹ Chánh, Xuân Đông.

- Tổng Hòa Hảo, gồm 07 xã: An Thanh Thủy, Bình Ninh, Bình Phan, Bình Phục Nhứt, Quơn Long, Hoà Định, Tân Thuận Bình

(4) Quận Cái Bè (quận lỵ: xã Đông Hoà Hiệp), có 2 tổng, 16 xã.

- Tổng Phong Hòa, gồm 08 xã: Đông Hòa Hiệp, Hội Cư, Hòa Khánh, Hậu Thành, Hậu Mỹ, Mỹ Thiện, Mỹ Đức Đông, Mỹ Đức Tây.

- Tổng Phong Phú, gồm 08 xã: An Hữu, Hưng Thuận (cù lao Quy), An Thái Đông, An Thái Trung, Thanh Hưng, Hòa Lộc, Mỹ Lợi, Mỹ Lương.

(5) Quận Cai Lậy (quận lỵ: xã Thanh Hòa), có 3 tổng, 25 xã.

- Tổng Lợi Trinh, gồm 09 xã: Thanh Hoà, Nhị Mỹ, Mỹ Hạnh Trung, Mỹ Phước Tây, Cẩm Sơn, Tân Phú Đông, Mỹ Hạnh Đông, Tân Bình, Tân Hội.

- Tổng Lợi Hoà, gồm 08 xã: Long Trung, Long Khánh, Tam Bình, Ngũ Hiệp, Mỹ Long, Long Tiên, Phú Quý, Nhị Quý.

- Tổng Lợi Thuận, gồm 08 xã: Phú An, Phú Nhuận Đông, Bình Phú, Thạnh Phú, Hiệp Đức, Hội Sơn, Xuân Sơn, Mỹ Thành.

(6) Quận Gò Công (quận lỵ: xã Long Thuận), có 2 tổng, 15 xã.

- Tổng Hòa Lạc Thượng, gồm 08 xã: Bình Thạnh Đông, Bình Xuân, Gia Thuận, Kiểng Phước, Tân Niên Đông, Tân Niên Tây, Tân Niên Trung, Tân Phước.

- Tổng Hòa Lạc Hạ, gồm 07: xã An Hòa, Bình An, Long Thuận, Phước Trung, Tân Bình Điền, Tăng Hòa, Tân Thành.

(7). Quận Hòa Đồng (quận lỵ: xã Đồng Sơn), có 2 tổng, 16 xã.

- Tổng Hòa Đồng Thượng, gồm 09 xã: Vĩnh Bình (Vĩnh Lợi và Bình Phú Tây cũ), Đồng Sơn, Bình Phú Đông, Thành Công (Bình Thành và Bình Công cũ), Thạnh Trị (Vĩnh Thạnh và Vĩnh Trị cũ), Bình Phục Nhì, Thạnh Nhựt, Vĩnh Viễn và Vĩnh Hựu.

- Tổng Hòa Đồng Hạ, gồm 07 xã: Long Hựu, Bình Luông Đông, Tân Thới, Phú Thạnh Đông, Bình Long (Bình Luông Tây và Long Thạnh cũ), Yên Luông (Yên Luông Đông và Yên Luông Tây cũ), Bình Tân (Bình Luông Trung và Tân Cương cũ).

Ngày 05-12-1957, chính quyền Sài Gòn dời quận lỵ quận Bến Tranh từ xã Lương Hòa Lạc đến xã Tân Hiệp.

Ngày 08-11-1960, quận Châu Thành đổi tên thành quận Long Định, đồng thời dời quận lỵ từ xã Điều Hòa tới xã Long Định. Ngày 09-8-1961, tách một phần đất thuộc quận Cái Bè lập một quận mới, lấy tên là quận Giáo Đức, quận lỵ đặt tại xã An Hữu, gồm 2 tổng Phong Phú và An Phú (mới lập). Quận Cái Bè đổi tên thành quận Sùng Hiếu. Quận Cai Lậy đổi tên thành quận Khiêm Ích.

Ngày 20-12-1963, chính quyền Sài Gòn tách hai quận Gò Công và Hòa Đồng ra khỏi tỉnh Định Tường để tái lập tỉnh Gò Công.

Ngày 23-5-1964, chia quận Long Định thành 2 quận: Châu Thành và Long Định. Quận Châu Thành có 2 tổng Thuận Trị và Thuận Hòa (mới lập), quận lỵ đặt tại xã Trung An, Quận Long Định có 2 tổng Thuận Bình và Lợi Trường, quận lỵ dời từ xã Long Định đến xã Vĩnh Kim.

Ngày 10-11-1964, đổi lại tên quận Sùng Hiếu thành quận Cái Bè, quận Khiêm Ích thành quận Cai Lậy như cũ. Sau năm 1965, chính quyền Sài Gòn giải thể cấp tổng; từ đó, các xã trực thuộc cấp quận. Ngày 24-3-1969, chính quyền Sài Gòn đổi tên quận Long Định thành quận Sầm Giang.

Ngày 30-9-1970, Thủ tướng chính quyền Sài Gòn ban hành Sắc lệnh số 114/SL-NV cải biến xã Điều Hòa thuộc quận Châu Thành thành thị xã Mỹ Tho, là thị xã tự trị trực thuộc chính quyền trung ương, đồng thời kiêm tỉnh lỵ tỉnh Định Tường. Lúc đó, tỉnh Định Tường có 01 thị xã, 07 quận, 92 xã, diện tích 1.686 km², dân số 453.562 người, tỉnh lỵ đặt tại thị xã Mỹ Tho. Cụ thể như sau:

TT	TÊN THỊ XÃ/TÊN QUẬN/ TÊN XÃ	DIỆN TÍCH (km²)	DÂN SỐ (Người)
I	**Thị xã Mỹ Tho**	**8,0**	**109.975**
II	**Quận Bến Tranh: 15 xã, quận lỵ đặt tại xã Tân Hiệp**	**225,7**	**67.531**
1	Hòa Tịnh	7,7	2.604
2	Lương Hòa Lạc	15,0	6.464
3	Mỹ Tịnh An	12,1	3.230
4	Phú Kiết	11,5	3.306
5	Phú Mỹ	46,8	5.612
6	Tân Bình Thành	12,5	2.458
7	Tân Hiệp	1,0	4.571
8	Tân Hòa Thành	20,1	3.309
9	Tân Hội Đông	8,4	4.118
10	Tân Hương	13,3	8.060

11	Tân Lý Đông	40.4	4.903
12	Tân Lý Tây	4,5	5.368
13	Thanh Bình	12,3	2.079
14	Thân Cửu Nghĩa	9,6	9.326
15	Trung Hòa	10,5	2.123
III	**Quận Cái Bè: 11 xã, quận lỵ đặt tại xã Đông Hòa Hiệp**	**278,4**	**79.124**
16	Đông Hòa Hiệp	17,0	27.197
17	Hậu Mỹ	60,9	10.474
18	Hậu Thành	10,6	8.130
19	Hiệp Đức	11,4	625
20	Hòa Khánh	25,5	10.311
21	Hội Cư	23,1	5.304
22	Hội Sơn	4,3	170
23	Mỹ Thành	40,6	8.273
24	Mỹ Thiện	64,7	3.742
25	Phú An	14,2	4.523
26	Xuân Sơn	6,1	375
IV	**Quận Cai Lậy: 20 xã, quận lỵ đặt tại xã Thanh Hòa**	**363,5**	**101.017**
27	Bình Phú	19,3	6.863
28	Cẩm Sơn	13,9	300
29	Long Khánh	17,9	5.024
30	Long Tiên	14,0	3.861

31	Long Trung	19,4	3.772
32	Mỹ Hạnh Đông	30,1	2.000
33	Mỹ Hạnh Trung	10,2	4.152
34	Mỹ Long	11,5	1.103
35	Mỹ Phước Tây	39,1	7.041
36	Ngũ Hiệp	27,3	6.039
37	Nhị Mỹ	12,5	5.823
38	Nhị Quý	11,8	7.344
39	Phú Nhuận Đông	15,6	4.980
40	Phú Quý	9,3	2.814
41	Tam Bình	16,9	4.885
42	Tân Bình	13,0	6.724
43	Tân Hội	10,9	3.519
44	Tân Phú Đông	5,3	675
45	Thanh Hòa	9,9	21.588
46	Thạnh Phú	55,6	2.510
V	**Quận Châu Thành: 11 xã, quận lỵ đặt tại xã Trung An**	**107,3**	**52.208**
47	Bình Đức	11,8	11.237
48	Đạo Thạnh	6,7	6.645
49	Long An	13,6	5.254
50	Mỹ Phong	11,1	5.456
51	Phước Thạnh	11,5	3.125

52	Tam Hiệp	13,6	2.749
53	Tân Long	4,9	7.208
54	Tân Mỹ Chánh	6,9	3.974
55	Thạnh Phú	7,9	2.183
56	Thới Sơn	13,8	2.148
57	Trung An	5,5	2.209
VI	**Quận Chợ Gạo: 11 xã, quận lỵ đặt tại xã Bình Phan**	**163,1**	**52.664**
58	An Thạnh Thủy	17,1	4.915
59	Bình Ninh	20,0	3.575
60	Bình Phan	9,0	5.903
61	Bình Phục Nhứt	18,3	5.786
62	Đăng Hưng Phước	14,5	6.257
63	Hòa Định	22,0	2.700
64	Long Bình Điền	12,1	4.331
65	Quơn Long	14,2	4.778
66	Song Bình	12,1	4.260
67	Tân Thuận Bình	14,9	5.579
68	Xuân Đông	8,9	4.580
VII	**Quận Giáo Đức: 10 xã, quận lỵ đặt tại xã An Hữu**	**226,5**	**58.791**
69	An Hữu	15,0	12.047
70	An Thới Đông	7,3	6.458
71	An Thới Trung	16,1	5.576

72	Hòa Lộc	5,1	1.214
73	Hưng Thuận	15,9	6.551
74	Mỹ Đức Đông	8,0	2.454
75	Mỹ Đức Tây	68,2	8.716
76	Mỹ Lợi	42,7	1.052
77	Mỹ Lương	13,6	5.404
78	Thanh Hưng	34,6	9.319
VIII	**Quận Sầm Giang: 14 xã, quận lỵ đặt tại xã Vĩnh Kim**	**321,5**	**42.227**
79	Bàn Long	10,2	385
80	Bình Trưng	6,5	1.146
81	Điềm Hy	4,6	1.762
82	Dưỡng Điềm	7,0	3.384
83	Đông Hòa	95,5	6.057
84	Hữu Đạo	4,6	941
85	Hưng Thạnh Mỹ	85,9	Không có số liệu
86	Kim Sơn	12,6	2.884
87	Long Định	22,6	7.599
88	Long Hưng	14,0	1.460
89	Nhị Bình	32,9	7.409
90	Phú Phong	10,9	1.338
91	Song Thuận	9,0	1.968
92	Vĩnh Kim	5,2	5.894

Ngày 12-7-1974, chính quyền Sài Gòn lập quận mới Hậu Mỹ, quận lỵ đặt tại xã Hậu Mỹ, quận này bao gồm một phần đất của các quận Cái Bè, Giáo Đức, Cai Lậy cùng tỉnh, của quận Kiến Bình (tỉnh Kiến Tường) và của quận Mỹ An (tỉnh Kiến Phong). Các đơn vị hành chính của quận Hậu Mỹ chưa sắp xếp xong thì miền Nam được giải phóng (30-4-1975).

9. Tỉnh Tiền Giang

Diễn tiến hành chính

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta đã hoàn toàn thắng lợi vào ngày 30-4-1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Ngày 20-9-1975, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 245-NQ/TƯ về việc giải thể cấp khu, hợp nhất tỉnh trong toàn quốc "nhằm xây dựng các tỉnh thành những đơn vị kinh tế, kế hoạch và đơn vị hành chính có khả năng giải quyết đến mức cao nhất những yêu cầu về đẩy mạnh sản xuất, tổ chức đời sống vật chất, văn hóa của nhân dân, về củng cố quốc phòng, bảo vệ trị an, và có khả năng đóng góp tốt nhất vào sự nghiệp chung của cả nước". Theo Nghị quyết này, 4 tỉnh Mỹ Tho, Gò Công, Long An, Bến Tre sẽ hợp lại thành một tỉnh, tên gọi sẽ do địa phương đề nghị lên. Nhưng ngày 20-12-1975, Bộ Chính trị lại ra Nghị quyết số 19/NQ điều chỉnh lại việc hợp tỉnh ở miền Nam Việt Nam cho sát với tình hình thực tế, theo đó tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công và thành phố Mỹ Tho hợp lại thành một tỉnh. Ngày 24-2-1976, Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ban hành Nghị quyết số 03-NQ/1976 về việc giải thể khu, hợp nhất tỉnh ở miền Nam Việt Nam. Theo Nghị quyết này tại miền Nam có 21 đơn vị trực thuộc Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, trong đó có tỉnh Tiền Giang do nhập tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công và thành phố Mỹ Tho.

Tỉnh Tiền Giang bấy giờ có 6 đơn vị hành chính trực thuộc là các huyện: Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công và thành phố Mỹ Tho. Tỉnh lỵ là thành phố Mỹ Tho, được công nhận là đô thị loại 3 trực thuộc tỉnh.

Sau đó, trên địa bàn tỉnh Tiền Giang có những sự điều chỉnh về hành chính như sau:

Ngày 26-3-1977, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 77-CP về việc chuyển thị xã Gò Công thuộc tỉnh Tiền Giang thành thị trấn Gò Công thuộc huyện Gò Công cùng tỉnh.

Ngày 12-4-1979, trên địa bàn huyện Cai Lậy, xã Thạnh Phú chia thành 2 xã mới Thạnh Lộc và Phú Cường, hợp nhất 2 xã Hội Sơn, Xuân Sơn thành xã Hội Xuân; trên địa bàn huyện Cái Bè, chia xã Hậu Mỹ Nam thành 2 xã Hậu Mỹ Phú, Hậu Mỹ Trinh; chia xã Hậu Mỹ Bắc thành 2 xã Hậu Mỹ Bắc A, Hậu Mỹ Bắc B; chia xã Mỹ Thiện thành 2 xã Thiện Trí, Thiện Trung; chia xã Thanh Hưng thành 2 xã Tân Thanh, Tân Hưng; chia xã Mỹ Lợi thành 2 xã Mỹ Lợi A, Mỹ Lợi B.

Ngày 13-4-1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 155-CP về việc chia huyện Gò Công thành huyện Gò Công Đông và huyện Gò Công Tây.

Như vậy, đến tháng 4-1979, tỉnh Tiền Giang có 7 đơn vị hành chính trực thuộc là các huyện: Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây và thành phố Mỹ Tho.

Ngày 13-2-1987, giải thể xã Tăng Hòa để thành lập thị trấn Tân Hòa là thị trấn huyện lỵ Gò Công Đông.

Ngày 16-2-1987, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 37-HĐBT về việc thành lập thị xã Gò Công trực thuộc tỉnh Tiền Giang trên cơ sở thị trấn Gò Công cũ và 1 phần diện tích và dân số của 2 huyện Gò Công Đông, Gò Công Tây.

Như vậy, đến tháng 2-1987, tỉnh Tiền Giang có 8 đơn vị hành chính trực thuộc là: thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây.

Ngày 23-11-1990, lập xã mới Mỹ Tân thuộc huyện Cái Bè trên cơ sở các phần đất và dân số tách từ các xã Mỹ Trung, Mỹ Lợi B, Mỹ Đức Tây và Nông trường Ngô Văn Nhạc.

Ngày 9-3-1992, trích 1 phần diện tích và dân số xã Phú Đông, huyện Gò Công Đông để thành lập xã Phú Tân.

Ngày 11-7-1994, Chính phủ ban hành Nghị định số 68-CP về việc thành lập huyện Tân Phước trên cơ sở tách một phần diện tích và dân số của của 2 huyện Cai Lậy và Châu Thành.

Như vậy, đến tháng 7-1994, tỉnh Tiền Giang có 9 đơn vị hành chính trực thuộc là: thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phước.

Ngày 14-1-2002, lập xã mới Tân Thạnh thuộc huyện Gò Công Tây trên cơ sở các phần đất tách từ các xã Tân Phú, Tân Thới và Phú Thạnh; tái lập xã Tăng Hòa thuộc huyện Gò Công Đông trên cơ sở phần đất và dân số tách từ thị trấn Tân Hòa.

Ngày 9-12-2003, lập phường Tân Long thuộc thành phố Mỹ Tho do cải biến xã Tân Long; lập phường 9 do tách một phần đất và dân số từ xã Tân Mỹ Chánh; lập phường 10 do tách một phần đất và dân số từ 2 xã Đạo Thạnh và Trung An; lập phường 5 thuộc thị xã Gò Công do tách một phần đất và dân số từ xã Long Hòa; chia xã Hội Cư của huyện Cái Bè thành 2 xã An Cư và Mỹ Hội.

Ngày 07-10-2005, Thủ tướng chính phủ ban hành Quyết định số 248/2005/QĐ-TTg về việc công nhận thành phố Mỹ Tho là đô thị loại 2 trực thuộc tỉnh.

Ngày 21-01-2008, Chính phủ ban hành Nghị định số 09/2008/NĐ-CP, về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Gò Công Đông và Gò Công Tây để mở rộng

thị xã Gò Công và thành lập huyện Tân Phú Đông. Theo đó, huyện Tân Phú Đông bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên và nhân khẩu của các xã: Tân Thới, Tân Phú, Phú Thạnh, Tân Thạnh của huyện Gò Công Tây và toàn bộ diện tích tự nhiên và nhân khẩu của xã Phú Đông và xã Phú Tân của huyện Gò Công Đông.

Như vậy, đến tháng 01-2008, tỉnh Tiền Giang có 10 đơn vị hành chính trực thuộc là: thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phước và Tân Phú Đông.

Ngày 29-6-2009, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 28/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Châu Thành, huyện Chợ Gạo để mở rộng địa giới hành chính thành phố Mỹ Tho; điều chỉnh địa giới hành chính xã, thành lập xã thuộc thành phố Mỹ Tho, huyện Châu Thành, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 30-9-2010, thành lập thị trấn Vàm Láng thuộc huyện Gò Công Đông.

Ngày 26-12-2013, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 130/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Cai Lậy để thành lập thị xã Cai Lậy và huyện Cai Lậy.

Như vậy, đến tháng 12-2013, tỉnh Tiền Giang diện tích là 250.830,36 ha, dân số có 1.712.547 người, gồm 01 thành phố (Mỹ Tho), 02 thị xã (Cai Lậy và Gò Công), 08 huyện (Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phú Đông và Tân Phước), 157 xã, phường, thị trấn (128 xã, 22 phường, 7 thị trấn). Cụ thể như sau:

TT	Xã, phường, thị trấn	Diện tích (ha) (Dấu , là ngàn; dấu . là số lẻ)	Dân số (người)
I	**Huyện Cái Bè**	**42,089.82**	**291,627**
1	Thị trấn Cái Bè	426.26	16,856
2	An Thái Đông	728.12	9,834
3	Hậu Mỹ Phú	1,120.44	7,306
4	An Cư	1,142.82	14,211

5	Hậu Thành	1,163.09	14,354
6	Mỹ Đức Đông	1,208.66	9,445
7	Thiện Trí	1,314.59	9,210
8	Mỹ Hội	1,377.24	8,383
9	An Hữu	1,411.36	17,263
10	Hoà Hưng	1,540.34	15,335
11	Mỹ Lương	1,608.97	10,370
12	Tân Thanh	1,634.06	10,427
13	Mỹ Tân	1,736.26	4,893
14	Mỹ Lợi A	1,747.61	10,298
15	Đông Hoà Hiệp	1,781.23	14,023
16	Tân Hưng	1,888.60	12,282
17	An Thái Trung	1,911.87	14,901
18	Mỹ Lợi B	1,912.95	7,414
19	Mỹ Đức Tây	1,975.46	13,965
20	Hậu Mỹ Bắc B	1,977.17	10,480

21	Thiện Trung	2,018.96	8,991
22	Hoà Khánh	2,253.21	20,142
23	Mỹ Trung	2,416.47	8,347
24	Hậu Mỹ Bắc A	2,626.04	12,787
25	Hậu Mỹ Trinh	3,168.04	10,110
II	**Huyện Cai Lậy**	**29,599.36**	**186,583**
1	Hiệp Đức	1,013.78	5,977
2	Mỹ Thành Bắc	1,748.73	8,075
3	Cẩm Sơn	1,241.58	8,009
4	Hội Xuân	1,168.68	8,880
5	Mỹ Long	1,280.75	9,158
6	Phú Nhuận	1,363.58	9,206
7	Thạnh Lộc	2,384.06	11,298
8	Long Tiên	1,644.10	12,001
9	Long Trung	1,511.30	12,141
10	Phú Cường	3,259.79	12,733

11	Mỹ Thành Nam	2,179.25	12,652
12	Tân Phong	2,469.99	12,594
13	Phú An	1,577.08	15,149
14	Ngũ Hiệp	2,780.00	16,117
15	Tam Bình	2,081.75	16,383
16	Bình Phú	1,894.94	16,210
III	**Thị xã Cai Lậy**	**14,018.95**	**123,775**
1	Phường 1	220.53	11,427
2	Phường 2	349.19	5,416
3	Phường 3	335.75	3,323
4	Phường 4	203.74	6,039
5	Phường 5	255.62	7,499
6	Phường Nhị Mỹ	553.84	4,586
7	Thanh Hoà	672.58	5,061
8	Tân Phú	826.44	5,410
9	Phú Quí	835.34	6,405

10	Mỹ Hạnh Trung	996.26	7,251
11	Mỹ Hạnh Đông	1,609.86	8,617
12	Nhị Quí	787.70	10,422
13	Tân Bình	900.93	5,669
14	Tân Hội	1,375.81	11,029
15	Mỹ Phước Tây	2,029.64	13,200
16	Long Khánh	2,065.72	12,421
IV	**Huyện Châu Thành**	**22,991.09**	**242,757**
1	Thị trấn Tân Hiệp	74.49	4,995
2	Dưỡng Điềm	341.58	6,192
3	Hữu Đạo	469.64	4,570
4	Tân Lý Tây	509.46	11,148
5	Thạnh Phú	733.81	9,686
6	Đông Hoà	758.96	9,530
7	Song Thuận	783.92	6,442
8	Bình Trưng	893.71	9,140

9	Phú Phong	900.03	6,980
10	Tân Hội Đông	913.62	7,589
11	Long An	591.85	9,258
12	Bàn Long	925.63	8,352
13	Tân Hương	1,103.29	15,170
14	Bình Đức	755.29	13,215
15	Kim Sơn	1,169.09	10,085
16	Thân Cửu Nghĩa	1,244.81	19,201
17	Điềm Hy	1,429.48	9,020
18	Long Hưng	1,475.67	12,355
19	Tân Lý Đông	1,555.24	14,275
20	Long Định	1,779.10	14,359
21	Nhị Bình	1,889.68	16,930
22	Tam Hiệp	2,121.40	14,015
23	Vĩnh Kim	571.34	10,250
V	**Huyện Tân Phước**	**33,321.74**	**57,561**

1	Thị trấn Mỹ Phước	279.40	2,792
2	Phú Mỹ	1,340.10	7,862
3	Tân Lập 2	1,647.54	2,278
4	Tân Hoà Thành	1,747.22	9,847
5	Thạnh Hoà	2,533.85	842
6	Tân Hoà Đông	2,677.93	1,593
7	Thạnh Mỹ	2,832.35	2,134
8	Tân Lập 1	2,870.98	5,549
9	Thạnh Tân	3,319.80	1,892
10	Hưng Thạnh	3,348.75	6,836
11	Tân Hoà Tây	3,352.21	4,257
12	Phước Lập	3,475.54	8,936
13	Mỹ Phước	3,896.07	2,743
VI	**Thành phố Mỹ Tho**	**8,154.10**	**220,014**
1	Phường 1	77.71	7,994
2	Phường 2	70.81	13,743

3	Phường 3	54.11	10,452
4	Phường 4	79.36	16,570
5	Phường 5	271.77	20,653
6	Phường 6	311.30	23,448
7	Phường 7	40.15	9,128
8	Phường 8	69.70	11,954
9	Phường 9	237.57	7,116
10	Phường 10	282.90	10,477
11	Phường Tân Long	272.79	3,470
12	Đạo Thạnh	1,031.47	15,866
13	Trung An	1,063.03	21,667
14	Tân Mỹ Chánh	931.59	12,271
15	Mỹ Phong	1,130.60	16,534
16	Phước Thạnh	1,017.60	12,291
17	Thới Sơn	1,211.64	6,380
VII	**Huyện Chợ Gạo**	**23,256.81**	**178,803**

1	Thị trấn Chợ Gạo	307.67	7,525
2	Hoà Tịnh	704.65	6,286
3	Bình Phan	1,059.00	7,039
4	Tân Bình Thạnh	1,126.85	7,555
5	Trung Hoà	1,077.76	6,452
6	Song Bình	932.58	8,055
7	Phú Kiết	1,154.46	9,942
8	Đăng Hưng Phước	1,476.48	11,151
9	Tân Thuận Bình	1,225.72	10,323
10	Long Bình Điền	1,192.33	11,875
11	Mỹ Tịnh An	1,143.39	8,782
12	Quơn Long	1,330.55	9,538
13	Thanh Bình	1,399.60	9,535
14	Hoà Định	1,359.25	8,136
15	Lương Hoà Lạc	1,007.99	12,477
16	Xuân Đông	1,514.64	8,666

17	An Thạnh Thuỷ	1,573.59	12,503
18	Bình Phục Nhứt	1,805.76	12,358
19	Bình Ninh	1,864.54	10,605
VIII	**Huyện Gò Công Tây**	**18,220.53**	**131,252**
1	Thành Công	810.52	5,934
2	Yên Luông	1,049.62	8,347
3	Bình Phú	1,321.53	7,569
4	Long Vĩnh	1,221.50	7,455
5	Đồng Sơn	1,483.55	8,844
6	Thạnh Trị	1,426.25	9,676
7	Bình Tân	1,669.13	10,368
8	Bình Nhì	1,375.49	11,750
9	Đồng Thạnh	1,567.52	10,351
10	Vĩnh Hựu	1,908.62	11,450
11	Thạnh Nhựt	1,783.72	12,821
12	Long Bình	1,839.67	15,055

13	Thị Trấn Vĩnh Bình	763.41	11,632
IX	**Huyện Gò Công Đông**	**26,768.16**	**142,797**
1	Thị trấn Tân Hoà	325.01	6,830
2	Tân Điền	2,002.19	7,182
3	Tăng Hoà	1,745.67	9,836
4	Phước Trung	2,103.03	10,201
5	Bình Ân	1,337.50	9,855
6	Tân Đông	1,137.91	10,002
7	Bình Nghị	1,319.05	11,176
8	Gia Thuận	1,912.06	6,066
9	Kiểng Phước	4,038.74	15,178
10	Tân Phước	2,194.76	13,857
11	Tân Thành	6,618.98	13,976
12	Thị trấn Vàm Láng	600.00	14,302
13	Tân Tây	1,433.26	14,336
X	**Thị xã Gò Công**	**10,198.49**	**96,877**

1	Phường 1	45.35	5,625
2	Phường 2	71.33	7,673
3	Phường 3	109.71	5,656
4	Phường 4	137.66	6,507
5	Phường 5	160.00	4,623
6	Long Hưng	657.22	5,241
7	Long Hoà	642.64	6,211
8	Long Chánh	768.26	5,584
9	Long Thuận	615.32	6,553
10	Bình Đông	2,244.87	13,776
11	Bình Xuân	2,786.41	16,056
12	Tân Trung	1,959.72	13,372
XI	**Huyện Tân Phú Đông**	**22,211.31**	**40,501**
1	Phú Thạnh	2,232.10	7,769
2	Tân Thới	2,138.26	10,248
3	Tân Phú	2,025.49	8,708

4	Tân Thạnh	2,237.03	4,374
5	Phú Tân	10,629.13	3,472
6	Phú Đông	2,949.30	5,930

Nguồn: Cổng Thông tin điện tử tỉnh Tiền Giang

Ngày 05-02-2016, Thủ tướng chính phủ ban hành Quyết định số 242/QĐ-TTg về việc công nhận thành phố Mỹ Tho là đô thị loại 1 trực thuộc tỉnh Tiền Giang.

Theo thống kê năm 2018, Tiền Giang có diện tích 2.087,315 km^2; dân số 1.763.237 người; 11 đơn vị hành chính cấp huyện (01 thành phố, 02 thị xã, 08 huyện), 173 đơn vị hành chính cấp xã (07 thị trấn, 22 phường và 144 xã).

Đơn vị hành chính	**TP Mỹ Tho**	**TX Cai Lậy**	**TX Gò Công**	**H. Cái Bè**	**H. Cai Lậy**	**H. Châu Thành**
Diện tích (km^2)	81,541	140,189	101,985	420,898	295,993	229,910
Dân số (người)	270.704	23.775	96.877	291.627	242.757	186.583
Mật độ dân (người/km^2)	3320	883	950	693	630	1056

Đơn vị hành chính	**H. Chợ Gạo**	**H. Gò Công Đông**	**H. Gò Công Tây**	**H. Tân Phú Đông**	**H. Tân Phước**
Diện tích (km^2)	232,568	267,681	182,205	222,113	333,217
Dân số (người)	178.803	142.797	131.252	40.501	57.561

Mật độ dân (người/km^2)	769	533	720	182	172

Nguồn: Cổng Thông tin điện tử tỉnh Tiền Giang

Năm 2021, tỉnh Tiền Giang có 11 đơn vị hành chính cấp huyện (01 thành phố (Mỹ Tho, đô thị loại 1), 02 thị xã (Cai Lậy và Gò Công, đều đô thị loại 3) và 8 huyện (Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Tân Phước, Chợ Gạo, Gò Công Tây, Gò Công Đông và Tân Phú Đông) với 172 đơn vị hành chính cấp xã (07 thị trấn, 22 phường và 143 xã).

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tính đến ngày 01-8-2021, dân số toàn tỉnh đạt 1.783.165 người, mật độ dân số đạt 710 người/km². Trong đó dân số sống tại thành thị đạt 247.742 người, chiếm 14% dân số toàn tỉnh, dân số sống tại nông thôn đạt 1.516.443 người, chiếm 86% dân số. Dân số nam đạt 865.821 người, trong khi đó nữ đạt 898.364 người. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 15%.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn địa danh huyện, xã, thị trấn thuộc huyện Châu Thành:**

1. Huyện Châu Thành

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh "Châu thành" được sử dụng khá phổ biến ở Nam Bộ. Một số từ điển ghi nhận với nhiều nghĩa khác nhau:

- Theo *Việt Nam từ điển* của Lê Văn Đức, Châu Thành là "thành thị, khu vực chính một xứ hay một tỉnh, nơi người đứng đầu xứ hay tỉnh trưởng cai trị, thường dân cư đông đúc, mua bán thịnh vượng".

- Trong quyển *Từ điển Tiếng Việt*, hai tác giả Quang Hùng và Ánh Ngọc cho rằng, Châu thành là từ Hán Việt. Châu là vùng đất, thành là đô thị, từ châu thành được giải thích là vùng đô thị hay còn gọi là thành phố.

Trong sách *Phương ngữ Nam bộ - Ghi chép và chú giải*, Nam Chi Bùi Thanh Kiên ghi: "Châu thành chỉ các làng xã vây quanh tỉnh lỵ. "Châu thành không phải là một tên riêng. Các tỉnh Nam Bộ đều có quận, huyện châu thành. Châu thành chỉ các làng xã vây quanh tỉnh lỵ".

- Tác giả Nguyễn Thanh Lợi, trong bài viết *Giải mật những địa danh kỳ lạ - Đất Châu Thành nam thanh nữ tú* (đăng trên Báo Tuổi trẻ online ngày 24/02/2021) giải thích về địa danh Châu Thành như sau: "Ban đầu 'châu thành' chỉ các trung tâm hành chính, nơi có chợ búa, các cơ quan của hạt tham biện trú đóng. Sau khi thành lập các thị xã với chức năng "tỉnh lỵ", nó chiếm một phần diện tích của "châu thành", phần diện tích còn lại vẫn giữ tên cũ là quận Châu Thành và sau này là huyện Châu Thành".

Vị trí địa lý:

Huyện Châu Thành nằm về phía Tây của tỉnh, phía Đông giáp thành phố Mỹ Tho và huyện Chợ Gạo, phía Tây giáp huyện Cai Lậy, phía Nam giáp tỉnh Bến Tre qua ranh giới tự nhiên là sông Tiền, phía Bắc giáp huyện Tân Phước và tỉnh Long An.

Diện tích tự nhiên: 22.991,09 ha

Hành chính:

Huyện Châu Thành có 23 đơn vị hành chính cấp xã gồm: 22 xã, 01 thị trấn, như sau: 22 xã: Tân Hương, Tân Lý Đông, Thân Cửu Nghĩa, Tam Hiệp, Bình Đức, Long Định, Nhị Bình, Dưỡng Điềm, Phú Phong, Kim Sơn, Song Thuận, Vĩnh Kim, Bàn Long, Bình Trưng, Điềm Hy, Đông Hòa, Long Hưng, Thạnh Phú, Long An, Tân Lý Tây, Tân Hội Đông, Hữu Đạo; 01 thị trấn: Tân Hiệp.

Lịch sử hình thành:

Huyện Châu Thành được khai phá và ổn định dân cư sớm nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long. Vào khoảng đầu thế kỷ thứ XVII, các giồng cát huyện Châu Thành đã có người từ miền Trung, miền Bắc vào khai hoang lập nghiệp.

Năm 1772, một đơn vị hành chính, có tính quân sự được thành lập là đạo Trường Đồn. Đạo Trường Đồn được đặt tại giồng Kiến Định (thị trấn Tân Hiệp ngày nay). Theo sách *Đại Nam nhất thống chí* của Quốc sử quán triều Nguyễn, giồng Kiến Định có *"gò đống rộng lớn, cây cối sum suê, chỗ khởi lên chỗ phục xuống, tiếp tục nối liền, trước có đại giang* (tức sông Tiền và kênh/kinh Bảo Định - Người viết) *ngăn trở, sau tựa Chằm Mãng Trạch* (tức Đồng Tháp Mười - Người viết)*"*. Năm 1779, đạo Trường Đồn được nâng lên dinh Trường Đồn. Lỵ sở dinh Trường Đồn vẫn đặt tại giồng Kiến Định.

Năm 1781, dinh Trường Đồn được đổi tên lại là dinh Trấn Định. Lỵ sở dinh Trấn Định vẫn đặt tại giồng Kiến Định. Đến năm 1792, lỵ sở dinh Trấn Định mới dời về thôn Mỹ Chánh - chợ Mỹ Tho (thuộc tổng Kiến Thạnh, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An; nay là khu vực Chợ Cũ thuộc các phường 2, 3, 8, TP Mỹ Tho).

Năm 1808, dưới thời vua Gia Long, vùng đất Châu Thành bao gồm hai tổng Kiến Thuận và Hưng Xương, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Lỵ sở phủ Kiến An kiêm nhiếp huyện Kiến Hưng đóng tại thôn Tân Lý Tây. Năm 1836, dưới đời vua Minh Mạng, vùng đất này là bốn tổng Thuận Trị, Thuận Bình, Hưng Nhơn và Hưng Nhượng, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường. Huyện lỵ đặt tại thôn Tân Hiệp (nay lả thị trấn Tân Hiệp).

Dưới thời thực dân Pháp thống trị, năm 1867, vùng đất Châu Thành thuộc hạt Thanh tra Mỹ Tho. Năm 1871, vùng đất Châu Thành bao gồm bốn tổng Thuận Trị, Thuận Bình, Hưng Nhơn và Hưng Nhượng thuộc hạt Tham biện Mỹ Tho. Năm

1876, bốn tổng Thuận Trị, Thuận Bình, Hưng Nhơn và Hưng Nhượng thuộc Trung tâm hành chính Mỹ Tho. Năm 1902, bốn tổng này thuộc tỉnh Mỹ Tho.

Năm 1912, quận Châu Thành được thành lập, có 3 tổng: Thuận Bình (15 làng), Thuận Trị (16 làng) và Lợi Trường (3 làng được tách từ quận Cai Lậy là Bàn Long, Phú Phong và Kim Sơn).

Năm 1925, do thực hiện việc chia tách, nên tổng Thuận Bình còn 13 làng, tổng Thuận Trị còn 10 làng. Năm 1927, xóa hẳn tổng Lợi Trường, nhập 3 làng Bàn Long, Phú Phong và Kim Sơn vào tổng Thuận Bình. Năm 1928, quận Châu Thành nhận thêm tổng Hưng Nhơn và tổng Hưng Nhượng từ quận Bến Tranh vừa bị giải thể. Lúc này, tổng Hưng Nhượng cũng bị giải thể và sáp nhập vào tổng Hưng Nhơn.

Sau nhiều lần sáp nhập và thành lập các làng mới, từ năm 1933 - 1954, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho có 33 làng trực thuộc với các tên gọi mới như sau:

- Tổng Hưng Nhơn gồm 10 làng: Hưng Thạnh Mỹ (hợp nhất Hưng Thạnh, Mỹ Điền và Phước Lộc), Phú Mỹ, Tân Hội Đông, Tân Hòa Thành (hợp nhất Tân Hội Tây, Dương Hòa và Tân Thành), Tân Lý Đông (sáp nhập Tân Lập vào Tân Lý Đông), Long Định (sáp nhập Định Hòa vào Long Định), Nhị Bình, Tân Hương (sáp nhập Tân Hương Tây vào Tân Hương), Tân Hiệp, Tân Lý Tây.

- Tổng Thuận Trị gồm 10 làng: Thân Cửu Nghĩa (hợp nhất Thân Nhơn, Cửu Viễn và Nghĩa Hữu), Tam Hiệp (hợp nhất Nhơn Hòa, An Hội và Long Hội Tây), Long An (hợp nhất Long Hội và An Vĩnh), Bình Đức (hợp nhất Bình Tạo, An Đức và Tân Thuận), Đạo Thạnh (hợp nhất Đạo Ngạn và Thạnh Trị), Trung An (hợp nhất Trung Lương và An Đức Đông), Thới Sơn, Điều Hòa, Phú Đức, Phú Túc.

- Tổng Thuận Bình gồm 13 làng: Song Thuận (hợp nhất Mỹ Thuận Đông và Mỹ Thuận Tây), Vĩnh Kim (hợp nhất Vĩnh Kim Đông và Vĩnh Kim Tây), Hữu Đạo, Dưỡng Điềm, Điềm Hy, Đông Hòa (hợp nhất Bình Đông và Bình Hòa Đông), Bình Trưng (hợp nhất Bình Sơn và Phong Trưng), Phước Thạnh (hợp nhất An Phước và An Thạnh), Long Hưng, Thạnh Phú, Kim Sơn, Bàn Long, Phú Phong.

Về phía chính quyền cách mạng, từ năm 1945-1954, không gọi quận Châu Thành, mà là huyện Châu Thành; không có đơn vị hành chính cấp "tổng"; không gọi "làng" mà là "xã" với 33 xã mà tên gọi như cách gọi thuộc quận Châu Thành.

Từ năm 1954 - 1975, về phía chính quyền Sài Gòn, năm 1956, hai xã Phú Túc và Phú Đức thuộc quận Châu Thành được sáp nhập vào quận Bình Đại, tỉnh Kiến Hòa (nay là tỉnh Bến Tre). Cũng trong năm này, quận Bến Tranh được tái lập. Lúc này, tổng Hưng Nhơn được trả về cho quận Bến Tranh như thời kỳ 1913 - 1928. Quận lỵ Bến Tranh ban đầu vẫn đặt tại xã Lương Hòa Lạc (trước đó thuộc quận Chợ Gạo); tuy nhiên, năm 1957, quận lỵ quận Bến Tranh được dời từ xã Lương Hòa Lạc tới xã Tân Hiệp (ngày nay là thị trấn Tân Hiệp thuộc huyện Châu Thành).

Như vậy, khoảng thời gian năm 1956, 1957, huyện Châu Thành ngày nay bao gồm hai quận Châu Thành (quận lỵ đặt tại xã Điều Hòa (kiêm thêm tỉnh lỵ tỉnh Định Tường) và Bến Tranh (quận lỵ đặt tại xã Tân Hiệp) cùng thuộc tỉnh Định Tường.

Năm 1958, lập xã Tân Long trên phần đất cù lao Rồng thuộc quận Châu Thành. Năm 1960, quận Châu Thành đổi tên thành quận Long Định, quận lỵ đặt tại xã Long Định. Năm 1964, chia quận Long Định thành hai quận Châu Thành và Long Định. Quận Châu Thành có quận lỵ đặt tại xã Trung An, gồm 2 tổng Thuận Trị với 6 xã, Thuận Hòa (mới lập) với 6 xã, trong đó có nhận thêm 2 xã Mỹ Phong, Tân Mỹ Chánh tách từ quận Chợ Gạo. Quận Long Định, quận lỵ đặt tại xã Long Định còn 2 tổng: Thuận Bình với 7 xã, Lợi Trường (lập lại) với 7 xã.

Sau năm 1965, các tổng đều bị giải thể. Về sau, quận lỵ quận Châu Thành cũng được dời qua xã Đạo Thạnh (kế bên xã Trung An).

Năm 1969, quận Long Định đổi tên là quận Sầm Giang, quận lỵ đặt tại xã Vĩnh Kim.

Năm 1970, chính quyền Sài Gòn cải biến xã Điều Hòa thành thị xã Mỹ Tho.

Cho đến năm 1975, theo sự phân chia, sắp xếp hành chính của chính quyền Sài Gòn, vùng đất huyện Châu Thành bao gồm:

- Quận Châu Thành có 11 xã: Bình Đức, Đạo Thạnh, Long An, Mỹ Phong, Phước Thạnh, Tam Hiệp, Tân Long, Tân Mỹ Chánh, Thạnh Phú, Thới Sơn, Trung An. Quận lỵ đặt tại xã Trung An.

- Quận Bến Tranh có 15 xã: Tân Hội Đông, Tân Lý Tây, Tân Lý Đông, Tân Hương, Tân Hiệp, Thân Cửu Nghĩa, Tân Hoà Thành, Phú Mỹ, Lương Hoà Lạc, Hoà Tịnh, Mỹ Tịnh An, Phú Kiết, Tân Bình Thạnh, Thanh Bình, Trung Hoà. Quận lỵ đặt tại xã Tân Hiệp.

- Quận Sầm Giang có 14 xã: Hưng Thạnh Mỹ, Nhị Bình, Long Định, Dưỡng Điềm, Điềm Hy, Hữu Đạo, Bình Trưng, Bàn Long, Phú Phong, Đông Hòa, Vĩnh Kim, Kim Sơn, Long Hưng, Song Thuận. Quận lỵ đặt tại xã Vĩnh Kim.

Về phía chính quyền Cách mạng, địa giới hành chính của huyện Châu Thành thuộc tỉnh Mỹ Tho vẫn được duy trì như trước năm 1956.

Năm 1967, Trung ương Cục miền Nam nâng cấp thị xã Mỹ Tho lên thành thành phố Mỹ Tho, là đơn vị hành chính cấp tỉnh trực thuộc Khu 8, tồn tại ngang bằng với tỉnh Mỹ Tho cho đến năm 1976. Địa bàn thành phố Mỹ Tho bao gồm các xã Điều Hòa, Đạo Thạnh, Trung An, Tân Long, Mỹ Phong, Tân Mỹ Chánh vốn cùng thuộc địa bàn quận Châu Thành, tỉnh Định Tường của chính quyềnSài Gòn.

Đồng thời, tên gọi xã Hưng Thạnh Mỹ của chính quyền thực dân Pháp và sau đó là chính quyền Sài Gòn sử dụng không được phía chính quyền Cách mạng công

nhận; mà thay vào đó, vẫn giữ nguyên tên của hai xã riêng biệt là Hưng Thạnh và Mỹ Phước như trước khi chính quyền thực dân Pháp cho hợp nhất hai xã này và lấy tên chung là Hưng Thạnh Mỹ. Ngoài ra, chính quyền Cách mạng vẫn duy trì xã Tân Lập như trước thời điểm xã này bị chính quyền thực dân Pháp giải thể và sáp nhập vào xã Tân Lý Đông.

Năm 1969, huyện Châu Thành được chia thành hai huyện là Châu Thành Bắc và Châu Thành Nam thuộc tỉnh Mỹ Tho. Ranh giới giữa hai huyện này chủ yếu được lấy theo tuyến đường Quốc lộ 4 lúc bấy giờ (ngày nay là Quốc lộ 1).

Huyện Châu Thành Bắc có 16 xã: Tân Hội Đông, Tân Lý Tây, Tân Lý Đông, Tân Hương, Tân Hiệp, Thân Cửu Nghĩa, Tân Hoà Thành, Tân Lập, Phú Mỹ, Long An, Tam Hiệp, Hưng Thạnh, Mỹ Phước, Nhị Bình, Long Định, Điềm Hy.

Huyện Châu Thành Nam có 14 xã: Bình Đức, Phước Thạnh, Thạnh Phú, Thới Sơn, Dưỡng Điềm, Hữu Đạo, Bình Trưng, Bàn Long, Phú Phong, Đông Hòa, Vĩnh Kim, Kim Sơn, Long Hưng, Song Thuận

Bên cạnh đó, chính quyền Cách mạng vẫn đặt các xã Lương Hoà Lạc, Hoà Tịnh, Mỹ Tịnh An, Phú Kiết, Tân Bình Thạnh, Thanh Bình, Trung Hoà thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Sau ngày 30/4/1975, chính quyền Cách mạng hợp nhất hai huyện Châu Thành Bắc và Châu Thành Nam thành huyện Châu Thành thuộc tỉnh Mỹ Tho. Đồng thời, xã Tân Hòa Đông thuộc huyện Châu Thành cũng được thành lập do tách một phần diện tích tích tự nhiên và dân số từ xã Tân Đông thuộc quận Tuyên Nhơn, tỉnh Kiến Tường (nay là tỉnh Long An).

Từ tháng 3/1976, huyện Châu Thành thuộc tỉnh Tiền Giang. Huyện lỵ là thị trấn Tân Hiệp, được thành lập trên toàn bộ phần đất xã Tân Hiệp. Huyện Châu Thành ban đầu gồm 31 đơn vị hành chính trực thuộc là các xã: Bàn Long, Bình Đức, Bình Trưng, Điềm Hy, Đông Hòa, Dưỡng Điềm, Hưng Thạnh, Hữu Đạo, Kim Sơn, Long An, Long Định, Long Hưng, Mỹ Phước, Nhị Bình, Phú Mỹ, Phú Phong, Phước Thạnh, Song Thuận, Tam Hiệp, Tân Hòa Đông, Tân Hòa Thành, Tân Hội Đông, Tân Hương, Tân Lập, Tân Lý Đông, Tân Lý Tây, Thân Cửu Nghĩa, Thạnh Phú, Thới Sơn, Vĩnh Kim và thị trấn Tân Hiệp.

Năm 1994, Chính phủ ban hành Nghị định số 68-CP về việc thành lập huyện Tân Phước thuộc tỉnh Tiền Giang trên cơ sở tách một phần diện tích tự nhiên và dân số hai huyện Châu Thành và Cai Lậy. Lúc này, 6 xã Tân Hòa Đông, Hưng Thạnh, Mỹ Phước, Phú Mỹ, Tân Lập và Tân Hòa Thành thuộc huyện Châu Thành được giao cho huyện Tân Phước quản lý.

Sau khi thành lập huyện Tân Phước (1994), huyện Châu Thành còn lại diện tích tự nhiên 25.376,03 hécta với nhân khẩu 243.880, có 25 đơn vị hành chính cấp xã bao gồm 24 xã: Phú Phong, Kim Sơn, Song Thuận, Bàn Long, Vĩnh Kim, Bình

Trưng, Hữu Đạo, Đông Hoà, Long Hưng, Dưỡng Điềm, Điềm Hy, Nhị Bình, Long Định, Tam Hiệp, Phước Thạnh, Thạnh Phú, Bình Đức, Thân Cửu Nghĩa, Tân Lý Tây, Tân Lý Đông, Tân Hội Đông, Tân Hương, Long An, Thới Sơn và thị trấn Tân Hiệp.

Năm 2009, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 28/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Châu Thành, huyện Chợ Gạo, để mở rộng địa giới hành chính thành phố Mỹ Tho. Theo đó, điều chỉnh 2.585,77 ha diện tích tự nhiên và 24.440 nhân khẩu của huyện Châu Thành, bao gồm: điều chỉnh 1.211,64 ha diện tích tự nhiên và 5.505 nhân khẩu của xã Thới Sơn; điều chỉnh 329,90 ha diện tích tự nhiên và 4.174 nhân khẩu của xã Long An; điều chỉnh 177,69 ha diện tích tự nhiên và 1.754 nhân khẩu của xã Thạnh Phú; điều chỉnh 510,01 ha diện tích tự nhiên và 6.177 nhân khẩu của xã Phước Thạnh; điều chỉnh 356,53 ha diện tích tự nhiên và 6.830 nhân khẩu của xã Bình Đức về thành phố Mỹ Tho quản lý. Trong đó, phần diện tích và dân số của 3 xã Long An, Phước Thạnh và Thạnh Phú lập thành xã Phước Thạnh mới thuộc thành phố Mỹ Tho. Phần diện tích và dân số của xã Bình Đức nhập vào xã Trung An; điều chỉnh 323,14 ha diện tích tự nhiên và 3.093 nhân khẩu còn lại của xã Phước Thạnh về xã Thạnh Phú quản lý.

Trong lịch sử, trên địa bàn huyện Châu Thành, năm 1785, đã diễn ra một chiến công hiển hách; đó là việc nghĩa quân Tây Sơn và nhân dân ta dưới sự chỉ huy tài ba của vị anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ đã đánh bại cuộc xâm lược của 5 vạn quân Xiêm và 300 chiến thuyền trên sông Tiền đoạn từ Rạch Gầm đến rạch Xoài Mút, bảo vệ vững chắc nền độc lập ở vùng đất phương Nam của Tổ quốc.

Trong công cuộc giải phóng dân tộc (1930-1975), Đảng bộ Châu Thành đã lãnh đạo nhân dân giành những thắng lợi hết sức vang dội, tiêu biểu nhất là: Khởi nghĩa Nam kỳ (xã Long Hưng là nơi xuất hiện lá cờ đỏ sao vàng, danh xưng Việt Nam dân chủ công hòa quốc, Ủy ban Nhân dân cách mạng tỉnh và Tòa án Nhân dân cách mạng đầu tiên trên cả nước), trận đánh đồn cầu Đúc - Long Định (1946), mặt trận Kênh Xáng (1946), chiến thắng Giồng Dứa (1947)…trong kháng chiến chống Pháp; cuộc đấu tranh chính trị tại ngã ba Chim Chim, vành đai diệt Mỹ ở Bình Đức…trong kháng chiến chống Mỹ. Lực lượng vũ trang và nhân dân huyện Châu Thành và 12 xã: Long Hưng, Kim Sơn, Bình Đức, Tam Hiệp, Song Thuận, Điềm Hy, Bình Trưng, Nhị Bình, Long Định, Bàn Long, Thạnh Phú và Vĩnh Kim được tuyên dương danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Huyện có 18 xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới: Long An (2015), Tân Hội Đông (2015), Tam Hiệp (2016), Kim Sơn (2016), Tân Lý Tây (2017), Vĩnh Kim (2018), Tân Lý Đông (2018), Hữu Đạo (2019), Nhị Bình (2019), Tân Hương (2019), Phú Phong (2019), Thân Cửu Nghĩa (2020), Thạnh Phú (2020), Dưỡng Điềm (2020), Long Hưng (2020), Bình Trưng (2020), Đông Hòa (2020), Long Định (2021); 01 thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị: Tân Hiệp (2020).

Đặc sản: trái vú sữa Lò Rèn Vĩnh Kim, trái sapôchê Mặc Bắc, cháo lòng Tân Hiệp,...

Dân số: 266.062 người (năm 2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 47,106 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Nhờ vị trí địa lý thuận lợi, toàn huyện có Quốc lộ 1 đi xuyên qua chiều dài của huyện, nằm cặp bờ sông Tiền; cửa ngõ của Tiền Giang với Thành phố Hồ Chí Minh nên kinh tế của huyện phát triển khá nhanh, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỉ trọng công nghiệp và thương mại - dịch vụ, đến năm 2020. cơ cấu như sau: Khu vực I (Nông nghiệp): 40,38%; Khu vực II (Công nghiệp): 32,06%; Khu vực III (Thương mại và dịch vụ): 27,56%.

Về nông nghiệp: Chủ yếu là kinh tế vườn, có diện tích 11.359 ha với các loại cây chủ yếu như sapô, nhãn, vú sữa và các loại cây có múi với sản lượng hàng năm khoảng 135.000 tấn.

Cây lúa có diện tích canh tác 4.990 ha, sản lượng hàng năm khoảng 8.000 tấn.

Cây rau màu thực phẩm diện tích xuống giống hàng năm khoảng 7.200 ha.

Về công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp:

Huyện có 709 cơ sở sản xuất kinh doanh tiểu thủ công nghiệp, qui mô vốn 950,34 tỷ đồng, giải quyết việc làm 18.642 lao động. Hiện có 1 cụm Công nghiệp Song Thuận 5 ha, đang quy hoạch cụm Công nghiệp Tam Hiệp qui mô 80 ha.

Về thương mại - dịch vụ:

Huyện có 18 chợ, trong đó có 1 chợ đầu mối là Vĩnh Kim, có sức mua bán trao đổi khá lớn, huyện đang kêu gọi đầu tư mở rộng.

Giáo dục:

Mạng lưới trường học từ giáo dục mầm non đến giáo dục phổ thông của huyện tiếp tục được duy trì và phát triển. Năm 2020, toàn huyện có 23 trường mầm non, 23 trường tiểu học, 16 trường trung học cơ sở, 05 trường trung học phổ thông. Tổng số trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia là 36 trường (11 mầm non, 15 tiểu học, 10 trung học cơ sở).

Y tế:

Trên địa bàn huyện có 27 cơ sở y tế, trong đó có 1 Trung tâm Y tế (có bệnh viện) thực hiện 2 chức năng (Y tế dự phòng và khám, chữa bệnh), 3 phòng khám đa khoa khu vực (Dưỡng Điềm, Vĩnh Kim, Tân Hương) và 23 trạm y tế xã, thị trấn.

Về nhân lực, toàn huyện có tổng cộng 474 cán bộ ngành y và 42 cán bộ ngành dược, trong đó có 63 bác sĩ và 04 dược sĩ.

Năm 2015, một số chỉ tiêu phát triển của lĩnh vực y tế:

- Số giường bệnh/vạn dân: 3,45

- Số bác sĩ/ vạn dân: 2,55 (trung bình của tỉnh là 6 bác sĩ/vạn dân)

- Tỷ lệ trạm y tế xã có bác sĩ: 100%

- Tỷ lệ trạm y tế xã có nữ hộ sinh hoặc Y sĩ sản - nhi: 100%

- Tỷ lệ xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã: 26,08% (6/23 xã, thị trấn)

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị SDD: 12,3% (của tỉnh là 13,1%).

Hệ thống y tế ngoài công lập năm 2020 có: 53 phòng khám tây y, 02 phòng khám răng hàm mặt, 11 phòng chẩn trị, 01 nhà bảo sanh, 03 nhà thuốc tư nhân, 08 nhà thuốc y học dân tộc, 224 đại lý thuốc và 11 cơ sở mua bán thuốc thành phẩm, bình quân có 12,4 cơ sở mua bán thuốc phục vụ 1 vạn dân.

Năm 2020, có 61,2% người dân tham gia bảo hiểm y tế, 100% xã, thị trấn trên địa bàn đã có bác sĩ và hộ sinh hoặc y sĩ sản, 100% trẻ dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin phòng ngừa, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng giảm xuống trong thời gian qua, hiện còn 12,3%. Hoạt động chăm sóc, bảo vệ bà mẹ và trẻ em trong thời gian qua cũng đã đạt được nhiều kết quả tích cực (tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh ở trạm y tế giảm, số lượt khám thai/ khám phụ khoa và số người sinh trong cơ sở y tế tăng…).

Giao thông:

- Mạng lưới giao thông bộ

Trên địa bàn huyện có nhiều loại hình đường giao thông khác nhau: đường cao tốc, quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện và hệ thống giao thông nông thôn, đóng vai trò kết nối giao thương hàng hóa, đi lại của người dân trong và ngoài huyện.

Đường cao tốc, quốc lộ:

+ Đường cao tốc: đoạn cao tốc qua địa bàn huyện là một phần của đường cao tốc Tp. Hồ Chí Minh – Trung Lương – Cần Thơ, dài 11 km, có điểm đầu tại xã Tân Hội Đông và điểm cuối tại xã Thân Cửu Nghĩa. Đây là trục quan trọng về phát triển kinh tế - xã hội, góp phần rút ngắn khoảng cách không gian giữa Châu Thành với các trung tâm kinh tế lớn ở phía Nam như: TP Hồ Chí Minh, TP Cần Thơ.

+ Quốc lộ 1:

Quốc lộ (QL) 1 đoạn đi qua địa bàn huyện dài 22 km, được phân thành 2 nhánh và giao nhau tại Trung An (Tp. Mỹ Tho), nhánh 1 đi qua các xã, thị trấn thuộc vùng Đông Bắc huyện: thị trấn Tân Hiệp, xã Tân Hương, Tân Lý Tây, Thân

Cửu Nghĩa và Long An, đóng vai trò là trục phát triển kinh tế đối với vùng Đông Bắc huyện. Nhánh 2 có điểm đầu tại ranh xã Tam Hiệp và điểm cuối tại ranh xã Điềm Hy, đóng vai trò là trục hành lang phát triển kinh tế đối với các xã Tam Hiệp, Long Định, Nhị Bình, Điềm Hy, Dưỡng Điềm, Đông Hòa, Long Hưng và Thạnh Phú.

Đường tỉnh (ĐT):

+ ĐT 864:

- Về đường: đoạn qua huyện dài 12,5 km, kết cấu mặt đường bê tông nhựa và láng nhựa, tình trạng khai thác tốt, có đặc điểm nằm song song với QL 1 và cặp sông Tiền, kết nối với ĐT 876 và ĐT 870 và đi qua các xã Phú Phong, Kim Sơn, Song Thuận, Bình Đức, đóng vai trò là trục giao thông quan trọng đối với phát triển kinh tế vườn tại các xã phía Nam của huyện, đồng thời kết nối thông thương với TP Mỹ Tho.

- Về cầu: đoạn qua huyện có 5 cầu: cầu Xoài Mút, cầu Kinh Xáng, cầu Rạch Gầm, cầu Phú Phong, cầu cống Song Thuận.

+ ĐT 866:

- Về đường: toàn tuyến đi qua huyện Tân Phước và Châu Thành, đoạn qua địa bàn huyện dài 7 km, qua các xã: Tân Hội Đông, Tân Lý Đông và Tân Lý Tây, kết cấu mặt đường chủ yếu là láng nhựa, tình trạng khai thác tốt.

- Về cầu: đoạn qua huyện có 1 cầu.

+ ĐT 866B

- Về đường: tuyến đi qua khu công nghiệp Đông Nam Tân Phước, đoạn qua huyện dài 2,1 km, đạt cấp IV đồng bằng, kết cấu mặt đường láng nhựa, tình trạng khai thác tốt, có đặc điểm nằm vắt ngang xã Tân Lý Đông và kết nối với ĐT 866.

- Về cầu: đoạn qua huyện có cầu vượt số 10 dài 260m thuộc dự án cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh – Trung Lương.

+ ĐT 867

- Về đường: tuyến đi qua 2 huyện, kết nối xã Long Định với thị trấn Mỹ Phước (huyện Tân Phước), chạy dọc theo kênh Nguyễn Tấn Thành (kênh Xáng - Long Định), đoạn qua huyện dài 3,9 km, hiện đang trong tình trạng khai thác tốt.

- Về cầu: đoạn qua huyện có 4 cầu (cầu Chợ, cầu Ván, cầu Ba Râu, cầu Dừa).

+ ĐT 870:

- Về đường: là một trong các tuyến đường sườn nối liền QL1 và ĐT.864; toàn tuyến dài 5,7km, đạt cấp IV đồng bằng, kết cấu mặt bê tông nhựa, tình trạng khai thác tốt.

- Về cầu: toàn tuyến có 1 cầu với chiều 12,5m; tải trọng 25T.

+ ĐT 874:

- Về đường: đoạn qua huyện nằm trên địa bàn xã Điềm Hy, đóng vai trò kết nối Điềm Hy với thị trấn Mỹ Phước (huyện Tân Phước); đoạn qua huyện dài 1,9 km, đạt cấp V đồng bằng, kết cấu mặt đường láng nhựa, tình trạng khai thác tương đối tốt.

- Về cầu: đoạn qua huyện có 2 cầu (cầu Điềm Hy và cầu Kinh Ngang).

+ ĐT 876:

- Về đường: toàn tuyến dài 8,59km, đạt cấp IV đồng bằng, kết cấu mặt đường BTN, tình trạng khai thác tuyến tương đối tốt, đóng vai trò là trục giao thông xương sống trong phát triển kinh tế vườn đối với các xã phía Nam QL 1A với trung tâm là xã Vĩnh Kim.

- Về cầu: toàn tuyến có 2 chiếc với tổng chiều dài 63,5m; cầu Vĩnh Kim và cầu Song Thuận, tải trọng 30 tấn.

+ ĐT 878:

- Về đường: điểm đầu tại đường nhánh cao tốc TP HCM – Trung Lương (xã Tam Hiệp), điểm cuối giao với ĐT.865 (xã Hưng Thạnh); đoạn qua huyện dài 1,25 km, nằm trên địa bàn xã Tam Hiệp và xã Tân Lý Đông, đây là trục giao thông quan trọng kết nối với vùng đô thị - công nghiệp Đông Nam Tân Phước, hiện đã được phê duyệt đang chuẩn bị khởi công xây dựng.

+ ĐT 878B:

- Về đường: đoạn qua huyện dài 1,4 km, nằm trùng với ranh giới 2 xã Tân Hương và Tân Lý Tây, đạt cấp IV đồng bằng, kết cấu mặt đường láng nhựa, tuyến trong trạng thái khai thác tốt.

- Về cầu: toàn tuyến có 1 cầu dài 38m (cầu Hòa Tịnh, tải trọng 12 tấn, nằm trên địa bàn huyện Chợ Gạo).

Đường huyện (ĐH):

Tổng chiều dài 73,5 km, bao gồm các tuyến: ĐH 31, ĐH 32, ĐH 33, ĐH 34, ĐH 35B, ĐH 35, ĐH 36, ĐH 37, ĐH 38, ĐH 38B, ĐH 39, ĐH Dây Thép đóng vai trò kết nối các trung tâm xã với hệ thống đường tỉnh và mạng lưới đường quốc gia (quốc lộ, cao tốc), góp phần phát triển kinh tế - xã hội của huyện nói chung và đảm bảo thông thương giữa các xã và thị trấn trên địa bàn huyện.

Giao thông nông thôn:

Một số tuyến đường trục chính, giao thông nông thôn trọng điểm của các xã đã được đầu tư xây dựng láng nhựa, đan bê tông cốt thép đã tạo nên bộ mặt nông thôn mới cho các xã. Trong giai đoạn 2011-2013 đã đầu tư xây dựng 150 công

trình giao thông nông thôn, tổng chiều dài 95,3 km, tổng nguồn vốn đầu tư trên 60 tỷ đồng, được huy động từ các nguồn vốn khác nhau: vốn tín dụng ưu đãi, vốn tỉnh hỗ trợ và nhân dân đóng góp và nguồn vốn từ chương trình xây dựng nông thôn mới.

Giao thông nội thị:

Các tuyến đường giao thông nội thị đã được đầu tư nâng cấp, mở rộng, xây mới đã tạo nên nét văn minh và mỹ quan đô thị cho thị trấn Tân Hiệp.

+ Đánh giá chung:

Các tuyến đường tỉnh và đường huyện được hình thành theo mạng xương cá với trục chính là Quốc lộ 1, phân bố rộng khắp đảm bảo sự giao thương hàng hóa, giao lưu văn hóa và nhu cầu đi lại của người dân trên địa bàn. Khu vực phía Bắc và phía Tây QL1 các tuyến đường tỉnh và đường huyện phân nhánh từ QL1 hướng về Chợ gạo, TP Mỹ Tho và vùng Đồng Tháp Mười như: ĐH.878B nối liền QL1 từ Tân Lý Tây đi Tân Bình Thạnh (Chợ Gạo) và cắt ĐT.879B đi Long An. Khu vực phía Nam QL1: Giữa trục QL1 và trục ĐT.864, các tuyến đường tỉnh và đường huyện nối liền 2 trục này tạo thành mạng lưới giao thông trong khu vực kinh tế vườn. Ngoài ra còn có trục phụ Đông - Tây là tuyến đường liên 6 xã (ĐH.35), đi qua Vĩnh Kim và nối với các tuyến đường trục đô thị của TP Mỹ Tho.

Hệ thống đường tỉnh là khá nhiều nhưng đa phần không nằm trọn tuyến trên địa bàn huyện, các tuyến có chiều dài tương đối ngắn (khoảng 1-2 km), như: ĐT 874, ĐT 867, ĐT 866B, ĐT 878, ĐT 878B.

Hệ thống đường huyện kết nối chặt chẽ với hệ thống đường tỉnh đảm bảo yêu cầu vận chuyển hàng hóa và nhu cầu đi lại của nhân dân trên địa bàn.

- Mạng lưới giao thông thủy

Trên địa bàn huyện có sông Tiền, dài 7,6 km là tuyến đường thủy nội địa cấp đặc biệt do Trung ương quản lý, đóng vai trò phục vụ giao thông cho các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) đi Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyến kênh Nguyễn Tấn Thành (Kênh Xáng) là tuyến kênh cấp III, do Trung ương quản lý, đoạn qua huyện dài 11,8 km, đóng vai trò kết nối giao thông vùng Đồng Tháp Mười với sông Tiền.

Hệ thống kênh rạch do huyện và tỉnh quản lý phân bố khá chằng chịt, nhất là ở các xã phía Nam QL 1A, khu vực có điều kiện thuận lợi trong phát triển kinh tế vườn. Trong khi đó, ở các xã phía Bắc và phía Đông QL 1, hệ thống kênh rạch nhỏ và không có điều kiện thuận lợi để phát triển dưới sự tác động của cống điều tiết ngọt hóa Bến Chùa.

Văn hóa:

Châu Thành còn là một trong những nơi có truyền thống văn hoá lâu đời được phát huy qua nhiều thế hệ. Chính nơi đây đã sản sinh và thu hút nhiều nhà giáo, nhà văn, nhà thơ, nhà khoa học, bác sĩ, nhạc sĩ nổi tiếng như: TS Phan Hiển Đạo, nhà thơ Nguyễn Văn Lạc (Học Lạc), chí sĩ Mai Bạch Ngọc, gia đình nội ngoại của GS.TS Trần Văn Khê về âm nhạc (Trần Quang Diệm, Trần Ngọc Viện (Diện), Trần Văn Chiều, GS.TS Trần Văn Khê, Trần Văn Trạch, TS Trần Quang Hải, Nguyễn Tri Túc, Nguyễn Tri Lạc, Nguyễn Tri Khương, Nguyễn Mỹ Ca), bác sĩ Nguyễn Tấn Gi Trọng, kỹ sư Canh nông Ngô Tấn Nhơn, GSTS Âm nhạc Nguyễn Văn Nam, bác sĩ Trần Nam Hưng, bác sĩ Trần Khải Siêu, bác sĩ Trần Hữu Di (ba anh em ruột đều theo ngành Y), nhà giáo Đặng Minh Trứ, Tiến sĩ Thú y Trương Tấn Ngọc, nhà thơ Khổng Nghi, PGS.TS Văn học Nguyễn Tấn Phát,... mà trung tâm là vùng Chợ Giữa - Vĩnh Kim nổi danh cả nước với danh xưng "làng tiến sĩ". Đặc biệt, huyện còn có gánh hát Đồng Nữ Ban – gánh hát nữ duy nhất, nổi tiếng một thời, từng biểu diễn khắp Nam kỳ Lục tỉnh.

Năm 2020, các hoạt động văn hóa, thông tin, tuyên truyền có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần làm cho đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân thêm phong phú. Tiếp tục bảo quản và khai thác có hiệu quả trang thiết bị hiện có, nâng cao chất lượng, nội dung chương trình truyền thanh, công tác tuyên truyền phản ánh kịp thời tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng, xây dựng hệ thống chính trị của huyện… nhất là trong dịp Tết Nguyên đán, kỷ niệm các ngày lễ lớn.

Hàng năm tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, hội thi, hội diễn và phối hợp ban, ngành, đẩy mạnh phong trào thể dục, thể thao quần chúng, các hoạt động văn hóa, trưng bày triển lãm… Công tác thông tin tuyên truyền cổ động trực quan đến tận hộ dân, các giá trị văn hóa truyền thống được lưu giữ và phát huy, đẩy mạnh tuyên truyền giáo dục truyền thống, nâng cao ý thức chấp hành các chủ trương chính sách của Đảng và Pháp luật của Nhà nước trong nội bộ và nhân dân tại địa phương.

Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá" gắn với xây dựng "Nông thôn mới" được đẩy mạnh, góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân. Đến nay, tỷ lệ hộ đạt gia đình văn hoá 94,52%; có 22 xã được công nhận xã đạt chuẩn văn hoá nông thôn mới và 1 thị trấn văn minh đô thị; 133/133 ấp văn hoá.

Thể thao:

Năm 2020, Huyện có 36 sân bóng đá mini, 5 sân tennis, 41 sân bóng chuyền, 45 sân cầu lông, 1 hồ bơi, 1 câu lạc bộ võ thuật, 1 câu lạc bộ thẩm mỹ, 1 nhà thi đấu cầu lông, 100% các trường học đều có sân bãi và dạy tốt môn thể dục thể thao nội khóa.

Phong trào thể dục, thể thao tiếp tục phát triển và có nhiều tiến bộ rõ nét, thể thao quần chúng được phát động và hưởng ứng rộng rãi. Giáo dục thể chất trong

nhà trường được duy trì thường xuyên. Công tác xã hội hóa hoạt động thể dục thể thao có nhiều chuyển biến tích cực, sân bãi luyện tập và thi đấu được đầu tư, thu hút số người thường xuyên tham gia luyện tập thể dục thể thao tăng lên đáng kể. Tỷ lệ % dân số tập TDTT thường xuyên đạt 30%. Nhìn chung, phong trào thể dục thể thao trong thời gian qua có chuyển biến tích cực nhưng còn tự phát, chưa thường xuyên.

Du lịch:

Du lịch Châu Thành mang đậm nét đặc trưng du lịch sinh thái, sông nước vùng Đồng bằng sông Cửu Long đã và đang thu hút ngày càng nhiều du khách trong và ngoài nước đến với Tiền Giang nói chung và Châu Thành nói riêng. Huyện Châu Thành có 4 di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia (Di tích chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút, Di tích Đình Long Hưng, Di tích Bia căm thù Chợ Giữa, Di tích chiến thắng Giồng Dứa), 20 di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh và một số điểm tham quan khác, như khu sinh vật cảnh Đồng Tâm (Trại rắn Đồng Tâm), các làng nghề truyền thống như: làng nghề truyền thống thủ công mỹ nghệ Tân Lý Đông, Tân Lý Tây, làng nghề truyền thống bàng buông Thân Cửu Nghĩa, làng nghề truyền thống dệt chiếu Long Định, làng nghề truyền thống kim hoàn ở xã Tân Hương và làng nghề chiếu cói Bình Đức. Bên cạnh đó, huyện còn có những vườn cây ăn trái ven sông Tiền rất thích hợp với phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, du lịch miệt vườn.

Sản phẩm du lịch của huyện gồm: du lịch sinh thái nghỉ dưỡng gắn với tham quan nghiên cứu di tích lịch sử - văn hóa, du lịch miệt vườn và du lịch gắn với tham quan tìm hiểu hoạt động sản xuất của các làng nghề truyền thống.

Tiềm năng phát triển du lịch của Châu Thành là rất lớn, trong thời gian qua phát triển khá nhanh, tuy nhiên cách thức tổ chức hoạt động du lịch thiếu tính liên kết, chậm cải tiến về hình thức, nội dung hoạt động, loại hình du lịch còn đơn điệu, sản phẩm du lịch ít được đổi mới bổ sung, chủ yếu là kinh doanh ăn uống nhỏ lẻ và nhà nghỉ bình dân, chất lượng phục vụ chưa cao, cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất ngành du lịch thiếu đồng bộ nên vòng quay của khách còn thấp.

Tổng số liệt sĩ: 5.750 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 1.060 Bà mẹ.

2. Thị trấn Tân Hiệp

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

新 Tân: Mới mẻ

合 Hiệp: Hợp lại, gộp lại

市鎮: Thị trấn

新合市鎮 Tân Hiệp Thị trấn

Vị trí địa lý:

Thị trấn Tân Hiệp là trung tâm hành chính - kinh tế - văn hóa - xã hội của huyện, nằm về phía Đông Bắc của huyện Châu Thành, phía Bắc giáp xã Tân Lý Đông và xã Tân Lý Tây, phía Nam giáp xã Thân Cửu Nghĩa, phía Tây giáp xã Tân Lý Đông và xã Thân Cửu Nghĩa, phía Đông giáp xã Hòa Tịnh, huyện Chợ Gạo.

Diện tích tự nhiên: 75,75 ha.

Hành chính:

Thị trấn có 04 ấp: ấp Ga, ấp Me, ấp Cá, ấp Rẫy.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Tân Hiệp, thuộc tổng Hưng Xương, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn Tân Hiệp thuộc tổng Hưng Nhượng, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường, là phủ lỵ của phủ Kiến An.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, làng[30] Tân Hiệp thuộc tổng Hưng Nhượng, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1913, làng này thuộc tổng Hưng Nhượng, quận Bến Tranh, tỉnh Mỹ Tho. Năm 1928, làng Tân Hiệp thuộc tổng Hưng Nhơn, quân Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Hiệp Lý (do hai xã Tân Hiệp và Tân Lý Tây hợp nhất) thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Tân Hiệp thuộc tổng Hưng Nhơn, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Tân Hiệp thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; từ tháng 5/1968, thuộc huyện Châu Thành Bắc, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, gọi là xã Tân Hiệp thuộc quận Bến Tranh, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Tân Hiệp được nâng lên thành thị trấn Tân Hiệp, là huyện lỵ của huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Năm 2018, thị trấn đạt chuẩn đô thị loại V. Năm 2020, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị.

Dân số: 6.430 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 48 triệu/người/năm (2020).

Kinh tế:

[30] Từ năm 1876, chính quyền thực dân Pháp cho đổi đơn vị hành chính "thôn" thành "làng".

Kinh tế của thị trấn tập trung vào lĩnh vực thương mại - dịch vụ. Năm 2020, trên địa bàn thị trấn hiện có 596 cơ sở thương mại - dịch vụ - sản xuất kinh doanh. Trong đó: Doanh nghiệp tư nhân: 14, Công nghiệp: 28, Vận tải: 22, Thương nghiệp: 347, Dịch vụ khác: 82, Lưu trú, ăn uống: 103. Chợ Tân Hiệp có hoạt động buôn bán rất nhộn nhịp.

Bên cạnh đó, người dân còn chăn nuôi gia súc, gia cầm. Ngoài ra, thị trấn còn có một số cơ sở sửa chữa gia công cơ khí, may mặc và sản xuất bánh kẹo nhỏ lẻ,…

Giáo dục:

Thị trấn có 03 trường học: Trường mầm non Tân Hiệp (đạt chuẩn Quốc gia), Trường tiểu học Tân Hiệp (đạt chuẩn Quốc gia), Trường trung học cơ sở Đoàn Giỏi. 100% đội ngũ giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn.

Thi trấn đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế thị trấn đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 02 dược sĩ, 01 hộ sinh, 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các khu phố đều có tổ y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 90%.

Giao thông:

Năm 2020, 100% các con đường trên địa bàn thị trấn đã được trải nhựa hoặc bê tông hoá, lát gạch vĩa hè nội thị, trồng cây xanh hai bên đường tạo sự thông thoáng, mát mẽ, không che khuất tầm nhìn, người dân đi lại, buôn bán dễ dàng, tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội.

Văn hóa:

Thị trấn có nhà văn hóa đạt chuẩn quy định. Các ấp đều có trụ sở kiêm điểm văn hóa được xây dựng khang trang.

Phong trào *"Toàn dân đoàn kết xây đời sống văn hóa"* luôn được sự quan tâm lãnh đạo chặt chẽ của cấp ủy đảng, chính quyền; qua phát động phong trào hàng năm có 100% số hộ đăng ký xây dựng gia đình văn hoá, tỷ lệ hộ đạt 3 tiêu chuẩn gia đình văn hoá đạt từ 95 – 98% trên tổng số hộ đăng ký; bốn ấp đều được tái công nhận ấp văn hóa.

Thị trấn có 02 đội kèn tây, 01 đội lân và 01 câu lạc bộ đờn ca tài tử.

Du lịch: Thị trấn chưa có địa điểm du lịch.

Thể thao:

Năm 2020, thị trấn có 06 đội bóng đá, 04 đội bóng chuyền, 01 đội thể dục dưỡng sinh, 01 đội cầu lông, 01 câu lạc bộ dưỡng sinh; số người luyện tập thể dục

thể thao thường xuyên: 2.583/6458 người, đạt 39,99%; số gia đình thể dục thể thao: 413/1.181 hộ, đạt 34,97%.

Tổng số liệt sĩ: 45 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 07 Bà mẹ.

3. Xã Bàn Long

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

蟠 Bàn: Uốn khúc

龍 Long: Rồng

蟠龍社 Bàn Long Xã

Vị trí địa lý:

Xã Bàn Long nằm ở phía Tây Nam huyện Châu Thành; phía Đông giáp xã Kim Sơn và xã Vĩnh Kim; phía Tây giáp xã Phú Phong và xã Mỹ Long, huyện Cai Lậy; phía Bắc giáp xã Bình Trưng và xã Hữu Đạo; phía Nam: Giáp xã Kim Sơn và xã Vĩnh Kim.

Diện tích tự nhiên: 894 ha.

Hành chính:

Xã có 6 ấp: Long Trị, Long Thạnh, Long Hòa A, Long Hòa B, Long Thành A, Long Thành B.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, thôn Bàn Long thuộc tổng Kiến Lợi; huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, trấn Định Tường; năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn này thuộc tổng Lợi Trường, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, làng Bàn Long thuộc tổng Lợi Trường, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1912, làng Bàn Long thuộc tổng Lợi Trường, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Bàn Long thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Bàn Long, tổng Lợi Trường, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Bàn Long thuộc huyện Châu Thành; từ tháng 5/1968, thuộc huyện Châu Thành Nam, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, năm 1956, xã Bàn Long thuộc quận

Châu Thành; năm 1960, thuộc quận Long Định; năm 1969, thuộc quận Sầm Giang, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Bàn Long thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Năm 2021, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

Dân số: 8523 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 50,8 triệu/người/năm (2020).

Kinh tế:

Sản xuất nông nghiệp, nhất là trồng cây ăn trái, giữ vai trò chủ yếu trong nền kinh tế của xã. Các lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và thương mại - dịch vụ có xu hướng ngày càng phát triển.

Giáo dục:

Xã có 03 trường: mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và

Y tế:

Trạm Y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 03 y sĩ và 01 dược sĩ.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế.

Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 91% (2020).

Giao thông:

Hệ thống đường giao thông trên địa bàn xã gồm Đường huyện 35, đường xã, đường ấp và đường dân sinh:

Đường xã: có 03 tuyến với tổng chiều dài 6.730 m.

Đường ấp: có 07 tuyến với tổng chiều dài 8.012 m.

Đường dân sinh: Có 62 tuyến với tổng chiều dài khoảng 41.052 m.

Tất cả các tuyến đường đã được nhựa hóa, bê tông hóa và cứng hóa.

Xã có hệ thống sông rạch chằng chịt, quan trọng nhất là Rạch Gầm và rạch rau Răm đều đổ ra sông Tiền, thuận lợi cho giao thông đường thủy.

Văn hóa:

Xã có trung tâm văn hóa - thể thao; 06/06 ấp có nhà văn hóa ấp.

Hàng năm các hộ đăng ký xây dựng gia đình văn hóa đều đạt tỷ lệ 100% và cuối năm xét công nhận đạt tỷ lệ trên 95%.

Xã có 06/06 ấp được công nhận và giữ vững danh hiệu "Ấp văn hóa" theo quy định liên tục từ 05 năm liền trở lên (đạt tỉ lệ 100%).

Xã Bàn Long có hai ngôi chùa: chùa Bửu Long ở ấp Long Thạnh, chùa Bửu Linh ở ấp Long Trị, có di tích Vịnh Cá Bông ấp Long Trị, đền thờ liệt sĩ Quân – Dân y Châu Thành - Mỹ Tho ở ấp Long Hòa B.

Du lịch: Không.

Thể thao:

Hằng năm, xã đều tham gia các giải thể thao cấp huyện: bóng đá, kéo co, cầu lông, bóng chuyền,... Có các câu lạc bộ: takewondo, cầu lông, bóng đá, bóng chuyền.

Số hộ tập luyện thể thao thường xuyên 572/2.190 hộ chiếm 26,11%, số người tập luyện thường xuyên 2.596/8.613 người đạt 30,14%.

Tổng số liệt sĩ: 279 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 52 Bà mẹ.

4. Xã Bình Đức

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

平 Bình: Hoà bình, bình đẳng

德 Đức: Đạo đức, đức hạnh

平德社 Bình Đức Xã

Vị trí địa lý:

Xã Bình Đức nằm về phía Nam Quốc lộ 1 của huyện Châu Thành, phía Đông: giáp xã Trung An (TP Mỹ Tho), phía Bắc giáp xã Thạnh Phú và xã Long Hưng, phía Nam giáp sông Tiền và xã Thới Sơn (TP Mỹ Tho), phía Tây giáp kinh Nguyễn Tất Thành, xã Song Thuận và xã Long Hưng.

Diện tích tự nhiên: 870,24 ha.

Hành chính:

Xã được chia làm 3 ấp: Lộ Ngang, Tân Thuận A và Tân Thuận B.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có ba thôn là An Đức Chánh, An Đức Đông và Bình Tạo, đều thuộc tổng Kiến Thuận, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường; năm 1836, đời vua Minh Mạng, có bốn thôn là An Đức, An Đức Đông, Bình Tạo và Tân Thuận, đều thuộc tổng Thuận Trị, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, các làng Tân Thuận, An Đức, An Đức Đông và Bình Tạo thuộc tổng Thuận Trị, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1912, bốn làng này thuộc quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; năm 1925, hợp nhất ba làng Tân Thuận, An Đức và An Đức Đông thành làng Thuận Đức; năm 1932, hợp nhất hai làng Thuận Đức và làng Bình Tạo thành làng Bình Đức thuộc tổng Thuận Trị, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Bình Đức thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Bình Đức, tổng Thuận Trị, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Bình Đức thuộc huyện Châu Thành; từ tháng 5/1968, thuộc huyện Châu Thành Nam, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, năm 1956, xã Bình Đức thuộc quận Châu Thành; năm 1960, thuộc quận Long Định; năm 1964, thuộc quận Châu Thành, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Bình Đức thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, gồm 5 ấp: Tân Thuận, Lộ Ngang, Bình Tạo, ấp Chợ và ấp Đồng.

Tháng 6/2009, theo Đề án của Ủy ban nhân dân tỉnh và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh địa giới hành chính xã Bình Đức, huyện Châu Thành để mở rộng thành phố Mỹ Tho, toàn bộ diện tích và dân số ấp Đồng và ấp Bình Tạo; một phần diện tích và dân số ấp Lộ Ngang và ấp Chợ của xã Bình Đức được giao cho thành phố Mỹ Tho quản lý. Năm 2023, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

Dân số: 7.735 người (2020)

Thu nhập bình quân đầu người: 58 triệu đồng/ người/ năm (2020).

Kinh tế:

Xã Bình Đức có Đường tỉnh 870 và Đường tỉnh 864 đi qua, lại tiếp giáp giữa Khu công nghiệp Mỹ Tho và Cụm công nghiệp Song Thuận nên tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Nông nghiệp xã không giữ vai trò chủ đạo, toàn xã chỉ có 216 hộ sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp, chiếm 9,46% số hộ trên địa bàn toàn xã, các loại cây trồng chủ yếu trên địa bàn xã là nhãn, dừa, chuối,...

Kinh tế của xã chủ yếu là công nghiệp, thương nghiệp và dịch vụ khác. Trên địa bàn xã có 60 doanh nghiệp. Trong đó: có 03 doanh nghiệp sản xuất, lau bóng gạo; 09 doanh nghiệp sản xuất, chế biến thủy sản, còn lại các doanh nghiệp khác kinh doanh trên các lĩnh vực khác như đóng tàu, mua bán sắt thép, phế liệu… và 460 hộ kinh doanh, thương mại dịch vụ.

Hoạt động trong sản xuất tiểu thủ công nghiệp, các ngành sản xuất thủy hải sản, kinh doanh lương thực, dệt may ổn định, các ngành dịch vụ mua bán được phát triển.

Giáo dục

Trên địa bàn xã có 02 trường gồm: trường Mầm non Bình Đức và trường Tiểu học Bình Đức. Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và xóa mù chữ.

Y tế

Xã có 1 trạm Y tế đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã. Trạm có 08 cán bộ, nhân viên: 03 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 hộ sinh, 02 điều dưỡng, 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các ấp đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 92% (2020).

Giao thông:

Trên địa bàn xã có 27 tuyến đường bao gồm: 02 đường xã, 03 đường ấp và 22 đường dân sinh với tổng chiều dài khoảng 10.300m. Đường hiện trạng có là: đường nhựa, đan bê tông cốt thép, đan bê tông không thép.

- Đường xã: Các tuyến giao thông đường xã gồm 2 tuyến gồm đường Vành Đai và đường Lộ Ngang; tổng chiều dài là 3.000m; kết cấu: láng nhựa.

- Đường ấp: gồm 3 tuyến, tổng chiều dài 2.900m đã được bê tông hóa.

- Đường ngõ, xóm: có 22 tuyến chiều dài 6.400m, không lầy lội vào mùa mưa, được cứng hóa 100%.

Văn hóa:

Xã có nhà văn hóa xã với hội trường có sức chứa 250 chổ ngồi. Trên địa bàn xã có 03/03 ấp đạt danh hiệu Ấp văn hóa.

Du lịch:

Có Trại rắn Đồng Tâm thu hút đông đảo du khách khắp nơi đến tham quan.

Thể thao:

Trên địa bàn xã có 01 sân bóng đá mini tư nhân, tọa lạc ấp Lộ Ngang diện tích 500m^2 , phục vụ cho việc đá bóng cho các em học sinh, công nhân và nhân dân trong xã.

Tổng số liệt sĩ: 80 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 21 Bà mẹ.

5. Xã Bình Trưng

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

平 Bình: Hoà bình, bình đẳng

嬸 Trưng: Trưng tập, gọi đến

平嬸社 Bình Trưng Xã

Vị trí địa lý:

Xã Bình Trưng nằm ở phía Tây Nam huyện Châu Thành, phía bắc giáp xã Dưỡng Điềm, Nhị Bình, phía đông giáp xã Đông Hoà, phía tây giáp xã Hữu Đạo và Bàn Long, phía Nam giáp xã Vĩnh Kim.

Diện tích tự nhiên: 918,12 ha.

Hành chính:

Xã có 08 ấp: Bình Hòa A, Bình Hòa B, Bình Thới A, Bình Thới B, Bình Trung, Bình Thuận, Bình Thạnh, Bình Phú.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Bình Sơn thuộc tổng Kiến Thuận, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường; năm 1836, đời vua Minh Mạng, tôn này thuộc tổng Thuận Bình, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường; năm 1852, đời vua Tự Đức, có thêm thôn Phong Trưng, thuộc tổng Thuận Bình, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, hai làng Bình Sơn và Phong Trưng thuộc tổng Thuận Bình, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1912, hai làng này thuộc quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; năm 1925, hai làng Bình Sơn và Phong Trưng được hợp nhất, lấy tên là làng Bình Trưng thuộc tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Bình Trưng thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Bình Trưng, tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Bình Trưng thuộc huyện Châu Thành; từ tháng 5/1968, thuộc huyện Châu Thành Nam, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, năm 1956, xã Bình Đức thuộc quận Châu Thành; năm 1960, thuộc quận Long Định; năm 1969, thuộc quận Sầm Giang, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Bình Trưng thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Năm 2020, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới.

Dân số: 9.636 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 50,39 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Kinh tế của xã chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, nhất là kinh tế vườn với nhiều loại cây trồng có giá trị kinh tế, như bưởi da xanh, sa pô chê, vú sữa… Trong lĩnh vực chăn nuôi, trồng trọt, phát triển mô hình kinh tế hợp tác nông nghiệp, công tác chuyển giao khoa học kỹ thuật thường xuyên được sự giúp đỡ của các ngành chức năng trong tỉnh và huyện; việc ứng dụng các tiến bộ khoa học vào sản xuất đạt hiệu quả; chất lượng các mặt hàng nông sản từng bước đáp ứng kinh tế thị trường; cuộc sống của nông hộ không ngừng được cải thiện nâng cao.

Trên lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại - dịch vụ, xã có 01 cơ sở sản xuất rau củ quả; 01 công ty may giày tại ấp Bình Trung thu hút trên 100 lao động trong và ngoài địa phương, 18 hộ kinh doanh dịch vụ ăn uống,...

Giáo dục:

Xã có 01 Trường tiểu học Bình Trưng và 01 Trường mầm non Bình Trưng. Cả hai trường đều đạt chuẩn quốc gia. Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 07 biên chế: 03 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 hộ sinh, 01 điều dưỡng.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế.

Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 90% (2020).

Giao thông:

Xã có 100% đường trục xã, liên xã, 94,78% đường trục ấp, liên ấp và 64,57% đường ngõ xóm đã được được nhựa hóa, bê tông hóa đạt chuẩn

Năm 2020, xã có 61 tuyến đường giao thông nông thôn thuận lợi cho việc phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của xã. Với tổng chiều dài 52,35 km, gồm có 04 tuyến đường xã dài 5,115 km; 04 tuyến đường ấp dài 7,949 km và 53 tuyến đường dân sinh dài 39,291 km.

Văn hóa:

Địa bàn xã có 05/08 cơ sở thờ tự được công nhận cơ sở thờ tự văn hóa, đạt tỷ lệ 62,5%.

Xã có 1 nhà văn hóa xã gồm 3 phòng chức năng sức chứa hơn 200 người và 3 nhà văn hóa liên ấp. Các ấp đều đạt danh hiệu Ấp văn hóa.

Du lịch: Không

Thể thao:

Xã có sân tập thể dục - thể thao ở nhà văn hóa xã và nhà văn hóa liên ấp.

Tổng số liệt sĩ: 284 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 64 Bà mẹ.

6. Xã Dưỡng Điềm

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

养 Dưỡng: Nuôi dưỡng

恬 Điềm: Bình tĩnh, điềm đạm, yên ổn

养恬社 Dưỡng Điềm Xã

Vị trí địa lý:

Xã nằm ở phía Tây Nam huyện Châu Thành; phía Đông giáp xã Nhị Bình; phía Tây giáp xã Hữu Đạo; phía Bắc giáp xã Điềm Hy, phía Nam giáp xã Bình Trưng.

Diện tích tự nhiên: 344,11 ha.

Hành chính:

Xã có 05 ấp: Bình, Hòa, Tây, Thuận, Trung Nam.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Tân Đức Đông thuộc tổng Kiến Thuận, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, có thêm thôn Tân Đức Tây; hai thôn Tân Đức Đông và thôn Tân Đức Tây thuộc tổng Thuận Bình, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; trong thập niên 1860, hai làng Tân Đức Tây và Tân Đức Đông được hợp nhất lấy tên là làng Tân Đức; năm 1876, làng Tân Đức được tách ra: Tân Đức Tây được đổi thành Điềm Hy, Tân Đức Đông được đổi thành Dưỡng Điềm; từ năm 1900, làng Dưỡng Điềm thuộc tổng Thuận Bình, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1912, làng này thuộc tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Dưỡng Điềm thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Dưỡng Điềm, tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Dưỡng Điềm thuộc huyện Châu Thành; từ tháng 5/1968, thuộc huyện Châu Thành

Nam, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, năm 1956, xã Dưỡng Điềm thuộc quận Châu Thành; năm 1960, thuộc quận Long Định; năm 1969, thuộc quận Sầm Giang, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Dưỡng Điềm thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Năm 2020, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới.

Dân số: 6.487 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 50,2 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Kinh tế chủ yếu của địa phương là sản xuất nông nghiệp nhất là trồng cây ăn trái, như sa pô chê, dừa bưởi, chanh, cam,…

Ngoài ra, người dân còn chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản, và buôn bán nhỏ.

Giáo dục:

Xã có 04 trường học: Trường mầm non Dưỡng Điềm (đạt chuẩn Quốc gia), Trường tiểu học Dưỡng Điềm, Trường trung học cơ sở Dưỡng Điềm, Trường trung học phổ thông Dưỡng Điềm.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 07 biên chế: 03 y sĩ, 02 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế.

Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 91% (2020).

Giao thông:

Đi ngang qua xã có Quốc lộ 1.

Xã 78 tuyến đường giao thông nông thôn, tất cả đều được trải bê tông, đảm đảm lưu thông và phục vụ vận chuyển hàng hóa, nông sản.

Văn hóa:

Xã có nhà văn hóa xã, 01 câu lạc bộ Đờn ca tài tử, 01 câu lạc bộ gia đình phát triển bền vững. Tất cả các ấp đều được công nhận Ấp văn hóa và có nhà văn hóa ấp khang trang.

Hằng năm có 100% hộ dân đăng ký gia đình văn hóa, bình xét có 96% hộ đạt 03 tiêu chí gia đình văn hóa.

Du lịch: Chưa có địa điểm du lịch.

Thể thao:

Xã có 04 sân bóng đá mini, 01 sân bong chuyền, 01 đội bóng đá của xã, 05 đội bóng đá của 05 ấp, 01 đội bóng chuyền của xã, 05 đội bóng đá của 05 ấp và 01 câu lạc bộ dưỡng sinh.

Tổng số liệt sĩ: 155 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 23 Bà mẹ.

7. Xã Điềm Hy

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

恬 Điềm: Bình tĩnh, điềm đạm, yên ổn

僖 Hy: Vui vẻ, vui mừng

恬僖社 Điềm Hy Xã

Vị trí địa lý:

Xã Điềm Hy nằm ở phía Tây Nam huyện Châu Thành; phía Đông giáp xã Nhị Bình, huyện Châu Thành; phía Tây giáp hai xã Tân Hội và Tân Phú, thị xã Cai Lậy; phía Nam xã Dưỡng Điềm, huyện Châu Thành; phía Bắc giáp xã Phước Lập, huyện Tân Phước.

Diện tích tự nhiên: 1.385 ha.

Hành chính:

Xã có 04 ấp: ấp Hưng, ấp Thới, ấp Bắc A, ấp Bắc B.

Lịch sử hình thành:

Năm 1836, đời vua Minh Mạng, có hai thôn Tân Đức Đông và thôn Tân Đức Tây thuộc tổng Thuận Bình, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; trong thập niên 1860, hai làng Tân Đức Tây và Tân Đức Đông được hợp nhất lấy tên là làng Tân Đức; năm 1876, làng Tân Đức được tách ra: Tân Đức Tây được đổi thành Điềm Hy, Tân Đức Đông được đổi thành Dưỡng Điềm; từ năm 1900, làng Điềm Hy thuộc tổng Thuận Bình, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1912, làng này thuộc tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Điềm Hy thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Điềm Hy, tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Điềm Hy thuộc huyện Châu Thành; từ tháng 5/1968, thuộc huyện Châu Thành Nam, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, năm 1956, xã Điềm Hy thuộc quận Châu Thành; năm 1960, thuộc quận Long Định; năm 1969, thuộc quận Sầm Giang, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Điềm Hy thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Năm 2023, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

Dân số: 11.659 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 50 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Kinh tế chủ yếu của địa phương là sản xuất nông nghiệp. Xã có hai vùng đất khác nhau: từ phía bắc Quốc lộ 1 đến đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận là vùng nước ngọt, đất đai màu mỡ, nước phù sa Sông Tiền chảy vào thích hôp cho việc trồng cây ăn trái và rau màu; từ đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận đến giáp xã Phước Lập, huyện Tân Phước là vùng đất thấp bị nhiễm phèn nên nhân dân trồng lúa nước, chất lượng, năng suất khá.

Ngoài ra, người dân còn chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản, làm nghề đan lát và buôn bán nhỏ.

Giáo dục:

Xã có 02 trường học: Trường mầm non Điềm Hy, Trường tiểu học Điềm Hy.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 07 biên chế: 03 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng, 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế.

Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 91% (2020).

Giao thông:

Đi ngang qua xã có Quốc lộ 1, Đường tỉnh 874, Đường huyện 38B.

Xã 76 tuyến đường giao thông nông thôn, tất cả đều được trải bê tông và hệ thống kênh/kinh rạch chằng chịt, đảm đảm lưu thông và phục vụ vận chuyển hàng hóa, nông sản.

Văn hóa:

Xã có nhà văn hóa xã, tất cả các ấp đều được công nhận Ấp văn hóa và có nhà văn hóa ấp khang trang.

Hằng năm có 100% hộ dân đăng ký gia đình văn hóa, cuối năm bình xét có 97% hộ đạt 03 tiêu chí gia đình văn hóa.

Du lịch: Chưa có địa điểm du lịch.

Thể thao:

Xã có 04 đội bóng đá, 01 đội bóng chuyền và 03 câu lạc bộ dưỡng sinh.

Tổng số liệt sĩ: 222 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 51 Bà mẹ.

8. Xã Đông Hòa

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

東 Đông: Phía đông

和 Hòa: Hoà hợp, hoà thuận

東和社 Đông Hòa Xã

Vị trí địa lý:

Xã nằm ở phía Tây Nam huyện Châu Thành; phía Đông giáp xã Long Hưng; phía Tây giáp xã Bình Trưng; phía Nam giáp xã Vĩnh Kim; phía Bắc giáp xã Nhị Bình và xã Long Định.

Diện tích tự nhiên: 736,41 ha.

Hành chính:

Xã có 8 ấp: Dầu, Đông A, Đông B, Nguơn, Tây B, Tân Trang, Thới, Trung.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có hai thôn là Bình Đông và Bình Thuyên Đông (có tài liệu ghi là Bình Toàn Đông), thuộc tổng Kiến Thuận, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, hai thôn này thuộc tổng Thuận Bình, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; làng Bình Thuyên Đông được đổi tên thành Bình Hòa Đông; từ năm 1900, hai làng Bình Đông và Bình Hòa Đông thuộc tổng Thuận Bình, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1912, hai làng này thuộc tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; năm 1925, hai làng Bình Đông và Bình Hòa Đông hợp nhất, lấy tên là Đông Hòa thuộc tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Đông Hòa thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Đông Hòa, tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho;

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Đông Hòa thuộc huyện Châu Thành; từ tháng 5/1968, thuộc huyện Châu Thành Nam, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, năm 1956, xã Đông Hòa thuộc quận Châu Thành; năm 1960, thuộc quận Long Định; năm 1969, thuộc quận Sầm Giang, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Đông Hòa thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Năm 2020, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

Dân số: 9.927 (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 50,48 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Kinh tế chủ yếu của địa phương là sản xuất nông nghiệp; tập trung vào việc trồng cây ăn trái, như vú sữa, sa pô chê, dừa, bưởi da xanh,…

Ngoài ra, người dân còn chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản và buôn bán nhỏ.

Giáo dục:

Xã có 03 trường học: Trường mầm non Đông Hòa (đạt chuẩn Quốc gia), Trường tiểu học Điềm Hy Đông Hòa, Trường trung học cơ sở Đông Hòa (đạt chuẩn Quốc gia).

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 01 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng, 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế.

Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 92% (2020).

Giao thông:

Đi ngang qua xã có Quốc lộ 1, Đường tỉnh 876.

Xã 81 tuyến đường giao thông nông thôn, tất cả đều được trải bê tông và hệ thống kênh/kinh rạch chằng chịt, đảm đảm lưu thông và phục vụ vận chuyển hàng hóa, nông sản.

Văn hóa:

Xã có nhà văn hóa xã đạt chuẩn theo quy định; năm 2019, được công nhận Xã văn hóa. Tất cả các ấp đều được công nhận Ấp văn hóa và có nhà văn hóa ấp khang trang.

Hằng năm có 100% hộ dân đăng ký gia đình văn hóa, cuối năm bình xét có 94% hộ đạt 03 tiêu chí gia đình văn hóa.

Du lịch: Chưa có địa điểm du lịch.

Thể thao:

Xã có 03 sân cầu lông, 02 sân bóng đá mini, 01 sân bong chuyền, 08 đội bóng đá, 08 đội bóng chuyền.

Tổng số liệt sĩ: 122 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 10 Bà mẹ.

9. Xã Hữu Đạo

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

有 Hữu: Có, hữu ích, sung túc

道 Đạo: Đạo lý, đạo nghĩa

有道社 Hữu Đạo Xã

Vị trí địa lý:

Xã Hữu Đạo nằm ở phía tây của huyện Châu Thành, phía đông và phía bắc giáp xã Dưỡng Điềm, Bình Trưng, phía tây giáp xã Nhị Quý thuộc thị xã Cai Lậy và xã Mỹ Long thuộc huyện Cai Lậy, phía nam giáp xã Bàn Long.

Diện tích tự nhiên: 392,75 ha.

Hành chính:

Xã có 04 ấp: Hữu Bình, Hữu Hòa, Hữu Thuận, Hữu Lợi.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Hữu Đạo thuộc tổng Kiến Thuận, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn này thuộc tổng Thuận Bình, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, làng Hữu Đạo thuộc tổng Thuận Bình, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1912, làng này thuộc tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Hữu Đạo thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Hữu Đạo, tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho;

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Hữu Đạo thuộc huyện Châu Thành; từ tháng 5/1968, thuộc huyện Châu Thành Nam, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, năm 1956, xã Hữu Đạo thuộc quận Châu Thành; năm 1960, thuộc quận Long Định; năm 1969, thuộc quận Sầm Giang, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Hữu Đạo thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Năm 2019, xã được công nhận đạt chuẩn Xã nông thôn mới. Năm 2023, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao.

Dân số: 5.355 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 49 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Về nông nghiệp, xã tập trung đẩy mạnh kinh tế vườn, trồng các loại cây ăn quả có hiệu quả kinh tế cao như sầu riêng, bưởi, sa pô chê,…. Ngoài ra, còn có một số hộ buôn bán nhỏ lẻ.

Giáo dục:

Xã có 02 trường học: Trường mầm non Hữu Đạo, Trường tiểu học Hữu Đạo, được xây dựng theo chuẩn nông thôn mới đáp ứng cho nhu cầu dạy và học cho con em trong và ngoài xã. Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 07 cán bộ, nhân viên: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 hộ sinh, 01 điều dưỡng.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế.

Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 93% (2020).

Giao thông:

Về đường thủy, xả có hệ thống kênh/kinh, rạch chằng chịt, quan trọng là kênh Trời Xanh, kênh Chùa, kênh Hội Đồng,....

Về đường bộ, các tuyến đường liên xã, đường liên ấp đều được trải nhựa và trải bê tông, tạo thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hóa, đi lại của nhân dân.

Văn hóa:

Xã có nhà văn hóa xã đạt chuẩn theo quy định, các ấp đều có trụ sở kiêm điểm sinh hoạt văn hóa, 04/04 ấp đều được công nhận Ấp văn hóa.

Du lịch: Không có địa điểm du lịch.

Thể thao:

Xã có các địa điểm tập luyện thể dục, thể thao ở sân nhà văn hóa xã và các trường học.

Tổng số liệt sĩ: 165 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ VN anh hùng: 33 Bà mẹ.

10. Xã Kim Sơn

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

金 Kim: Vàng

山 Sơn: Núi

金山社 Kim Sơn Xã

Vị trí địa lý:

Xã Kim Sơn nằm ở phía Nam huyện Châu Thành, phía Đông giáp xã Song Thuận, phía Tây giáp xã Phú Phong, phía Nam giáp sông Tiền, phìa Bắc giáp hai xã Bàn Long và Vĩnh Kim.

Diện tích tự nhiên: 1.169,088 ha.

Hành chính:

Xã có 04 ấp: ấp Đông, ấp Tây, ấp Mỹ, ấp Hội.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Hữu Đạo thuộc tổng Kiến Lợi, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn này thuộc tổng Lợi Trường, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, làng Kim Sơn thuộc tổng Lợi Trường, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1912, làng này thuộc tổng Lợi Trường, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; năm 1927, làng Kim Sơn thuộc tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Kim Sơn thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Kim Sơn, tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho;

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Kim Sơn thuộc huyện Châu Thành; từ tháng 5/1968, thuộc huyện Châu Thành Nam, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, năm 1956, xã Kim Sơn thuộc quận Châu Thành; năm 1960, thuộc quận Long Định; năm 1969, thuộc quận Sầm Giang, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Kim Sơn thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Năm 2016, xã được công nhận đạt chuẩn Xã nông thôn mới.

Dân số: 10.578 người (2020).

Thu thập bình quân đầu người: 50,2 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Kinh tế chủ yếu của xã là trồng cây ăn trái: sa pô chê, vú sữa, cam, quýt, bưởi,... Năm 2020, sản lượng bình quân từ cây ăn trái đạt 19.500 tấn. Xã có 01 hợp tác xã cung ứng dịch vụ nông nghiệp, 04 tổ hợp tác trái sapôchê thương hiệu Mặc Bắc ở 4 ấp.

Về sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, đa phần các doanh nghiệp nằm cặp Đường tỉnh 864, Đường tỉnh 876 và cặp sông Tiền. Năm 2020, toàn xã có 30 công ty, doanh nghiệp.

Thương mại, dịch vụ có bước phát triển. Năm 2020, xã có 272 hộ kinh doanh nhỏ, lẻ.

Giáo dục:

Xã có 03 trường học: Trường mầm non Kim Sơn, Trường tiểu học Kim Sơn, Trường trung học cơ sở Rạch Gầm. Cả 3 trường đều đạt chuẩn Quốc gia.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đặt chuẩn Quốc gia, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 3 y sĩ, 01 hộ sinh, 1 dược sĩ, 01 y tá.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế.

Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 90% (2020).

Giao thông:

Xã có 82 tuyến đường giao thông với tổng chiều dài 60.954 m, gồm đường xã; đường ấp; đường xóm, đã được trải nhựa và bê tông. Giao thông đường thủy thuận lợi với hệ thống sông rạch chằng chịt, quan trọng là sông Tiền và Rạch Gầm.

Văn hóa:

Xã có nhà văn hóa, trong đó có hội trường đa năng (diện tích 450 m^2 với 250 chỗ ngồi) phục vụ sinh hoạt văn hóa của toàn xã.

Xã có có 01 câu lạc bộ đờn ca tài tử, 01 Di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia: Di tích Chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút, có 4/4 ấp đạt ấp văn hóa và có nhà văn hóa.

Hàng năm có 100% hộ đăng ký gia đình văn hóa, cuối năm bình xét có trên 92 % số hộ đạt 03 tiêu chuẩn gia đình văn hóa.

Du lịch:

Di tích Chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút thu hút đông đảo du khách trong và ngoài tỉnh đến tham quan.

Thể thao:

Xã có 01 sân bóng đá có diện tích trên 6.700m^2, các sân tập luyện thể dục, thể thao ở nhà văn hóa xã và nhà văn hóa các ấp, 01 CLB cầu lông, 04 CLB bóng đá, 04 CLB bóng chuyền, 04 CLB dưỡng sinh. Phong trào Thể dục - thể thao ngày càng phát triển. Số người tham gia luyện tập TDTT thường xuyên 67%, số hộ gia đình thể thao 32% chất lượng ngày càng nâng lên.

Tổng số liệt sĩ: 378 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 65 Bà mẹ.

11. Xã Long An

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

隆 Long: Hưng thịnh, long trọng

安 An: Bình an, an toàn, yên ổn

隆安社 Long An Xã

Vị trí địa lý:

Xã Long An nằm ở phía Nam huyện Châu Thành, phía Đông giáp sông Bảo Định, xã Đạo Thạnh (thành phố Mỹ Tho), xã Lương Hòa Lạc (huyện Chợ Gạo), phía Tây giáp xã Tam Hiệp, phía Bắc giáp xã Thân Cửu Nghĩa, phía Nam giáp xã Phước Thạnh (thành phố Mỹ Tho).

Diện tích tự nhiên: 646,29 ha.

Hành chính:

Xã Long An có 04 ấp: Long Tường, Long Thới, Long Bình, Long Thạnh.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có hai thôn Long Hội và An Vĩnh, đều thuộc tổng Kiến Thuận, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, hai thôn này đều thuộc tổng Thuận Trị, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, hai làng Long Hội và An Vĩnh thuộc tổng Thuận Trị, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1912, hai làng này thuộc tổng Lợi Trường, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; năm 1932, hai làng Long Hội và An Vĩnh hợp nhất thành làng Long An thuộc tổng Thuận Trị, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Long An thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Long An, tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho;

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Long An thuộc huyện Châu Thành; từ tháng 5/1968, thuộc huyện Châu Thành Bắc, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, đặt xã Long An thuộc quận Châu Thành, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Long An thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Năm 2015, xã được công nhận đạt chuẩn Xã nông thôn mới. Năm 2023, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao.

Dân số: 9.865 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 52,5 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Kinh tế của xã chủ yếu là sản xuất nông nghiệp: trồng cây ăn trái, rau màu, chăn nuôi gia súc, gia cầm và thủy sản

Về sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, năm 2020, trên địa bàn xã có 03 doanh nghiệp tư nhân, 03 công ty trách nhiệm hữu hạn, 01 công ty cổ phần, 01 cơ sở sản xuất bàng buông xuất khẩu.

Về thương mại dịch vụ, do xã có nhiều tuyến giao thông chính đi qua, nên việc kinh doanh thương mại - dịch vụ được thuận lợi, năm 2020, xã có 351 cơ sở hoạt động.

Giáo dục:

Xã có 03 trường học: Trường mầm non Long An, Trường tiểu học Long An, Trường trung học cơ sở Long An. Tất cả ba trường này đều đạt chuẩn Quốc gia.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia về y tế xã, có 10 biên chế: 06 y sĩ, 02 dược sĩ, 1 điều dưỡng, 01 hộ sinh.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế.

Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 91% (2020).

Giao thông:

Năm 2020, xã có 118 tuyến đường giao thông nông thôn đều được trải nhựa và bê tông, thuận lợi cho việc phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của xã.

Văn hoá:

Xã có Nhà văn hoá xã với Hội trường đa năng: 500m^2, 250 chỗ ngồi, có 04 nhà văn hóa ấp, các nhà văn hoá ấp đều xây dựng đạt chuẩn, đảm bảo sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng dân cư trên địa bàn.

Năm 2020, 100% số hộ đăng ký thực hiện 3 tiêu chuẩn gia đình văn hóa đạt 100%; cuối năm bình xét có 98% số hộ đạt danh hiệu gia đình văn hóa.

Du lịch:

Xã có 01 điểm du lịch sinh thái tại ấp Long Thạnh (Trạm dừng chân Mê-Kông).

Thể thao:

Xã có 05 sân bóng đá mini, 01 hồ bơi.

Số người tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên của xã: 3.643/9865 người, đạt 36,98%.

Tổng số liệt sĩ: 91 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 21 Bà mẹ.

12. Xã Long Định

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

隆 Long: Hưng thịnh, long trọng

定 Định: Ổn định, yên ổn

隆定社 Long Định Xã

Vị trí địa lý

Xã Long Định nằm ở phía Tây Nam huyện Châu Thành, phía Đông giáp xã Tam Hiệp, phía Tây giáp xã Nhị Bình, phía Nam giáp xã Long Hưng, xã Đông Hòa, phía Bắc giáp xã Phước Lập và xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước.

Diện tích tự nhiên: 1.779 ha.

Hành chính

Xã có 08 ấp và 01 khu phố: ấp Mới, ấp Kinh 2A, ấp Tây 1, ấp Tây 2, ấp Trung, ấp Keo, ấp Đông, ấp Long Hòa B và Khu phố Lương Minh Chánh.

Lịch sử hình thành

Năm 1808, đời vua Gia Long, thôn Long Định thuộc tổng Hưng Xương, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn Long Định được chia tách thành hai thôn là Long Định và Định Hòa; đều thuộc tổng Hưng Nhơn, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, hai làng Long Định và Định Hòa thuộc tổng Hưng Nhơn, tỉnh Mỹ Tho; năm 1905, hai làng này được hợp nhất thành làng Long Định; từ năm 1912, làng này thuộc tổng Hưng Nhơn, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; năm 1942, làng Long Định thuộc tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Long Định thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Long Định, tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho;

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Long Định thuộc huyện Châu Thành; từ tháng 5/1968, thuộc huyện Châu Thành Nam, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, năm 1956, xã Long Định thuộc quận Châu Thành; năm 1960, thuộc quận Long Định; năm 1969, thuộc quận Sầm Giang, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Long Định thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Năm 2021, xã được công nhận đạt chuẩn Xã nông thôn mới.

Dân số: 16.197 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 50,7 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Kinh tế chủ yếu của xã là sản xuất nông nghiệp, trong đó chủ lực là trồng cây ăn trái với những loại cây có giá trị kinh tế, như bưởi da xanh, cam, mít, sa pô chê,…

Xã có một chợ trung tâm phục vụ mua sắm cho nhân dân trên địa bàn xã và một phần nhân dân các xã lân cận như xã Long Hưng, Nhị Bình, Đông Hoà, Tam Hiệp huyện Châu Thành và xã Phước Lập huyện Tân Phước; có làng nghề Dệt chiếu có khoảng 330 hộ làm nghề dệt chiếu, có 01 Hợp tác xã thương mại dịch vụ, đồng thời có các cơ quan trực thuộc Trung ương đóng trên địa bàn như Viện nghiên cứu cây ăn quả Miền Nam, Trung tâm bảo vệ thực vật phía Nam rất thuận lợi cho việc nhân dân trồng lúa, cây ăn quả và rau màu... và có một Công ty cổ phần rau quả Tiền Giang tạo việc làm cho trên 1.000 lao động của xã.

Giáo dục:

Xã có 03 trường học: Trường mầm non Long Định, Trường tiểu học Long Định, Trường trung học cơ sở Long Định (đạt chuẩn Quốc gia).

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học.

Y tế:

Xã có trạm y tế đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, với 08 biên chế: 01 bác sĩ, 06 y sĩ và 01 dược sĩ.

Toàn xã có 09 tổ y tế ấp. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 92% (2020).

Giao thông:

Xã có tuyến Quốc lộ 1 đi ngang qua dài hơn 5,4 km, Đường tỉnh 867 chiều dài hơn 04 km, Đường huyện 33, Đường huyện lộ 38B; có tuyến kênh/kinh Nguyễn Tấn Thành và hệ thống kênh rạch chằng chịt.

Xã có 86 tuyến đường giao thông nông thôn được bê tông hoá, nhựa hoá với 11,891 km trải bê tông, 11,552 km trải nhựa rất thuận tiện cho việc đi lại và lưu thông hàng hoá.

Các tuyến đường giao thông thủy - bộ đã tạo thuận lợi choviệc đi lại và lưu thông hàng hóa, sản xuất nông nghiệp và phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

Văn hóa:

Xã có nhà văn hóa xã đạt chuẩn theo quy định, được công nhận xã đạt chuẩn văn hóa năm 2020; có 08 ấp và 01 khu phố đạt chuẩn ấp văn hóa; tất cả các ấp và khu phố đều có trụ sở kiêm điểm sinh hoạt văn hóa. Hằng năm có 100% hộ dân đăng ký gia đình văn hóa, cuối năm bình xét có 97,4% hộ đạt 03 tiêu chí gia đình văn hóa.

Du lịch:

Xã có làng nghề dệt chiếu ở Khu phố Lương Minh Chánh và Công ty sản xuất kẹo sôcôla Kim My ở ấp Tây 2, thường xuyên có các đoàn tham quan của du khách trong và ngoài nước.

Thể thao:

Xã có 10 đội bóng đá, 01 đội bóng chuyền và 03 câu lạc bộ dưỡng sinh.

Tổng số liệt sĩ: 332 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 63 Bà mẹ.

13. Xã Long Hưng

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

隆 Long: Hưng thịnh, long trọng

興 Hưng: Hưng thịnh

隆興社 Long Hưng Xã

Vị trí địa lý:

Xã Long Hưng nằm phía Nam huyện Châu Thành; phía Đông giáp xã Thạnh Phú; phía Tây giáp xã Vĩnh Kim, Đông Hòa, Song Thuận; phía Nam giáp xã Bình Đức; phía Bắc giáp xã Long Định.

Diện tích tự nhiên: 1.497 ha.

Hành chính:

Xã Long Hưng có 9 ấp: Thạnh Hòa, Long Thuận A, Long Thuận B, Long Thới, Long Thạnh A, Long Lợi, Long Bình A, Long Bình B và ấp Nam.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có hai thôn Long Thạnh và Long Hưng, thuộc tổng Kiến Thuận, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. năm 1936, đời vua Minh Mạng, hai thôn Long Thạnh và Long Hưng được hợp nhất thành thôn Long Hưng, thuộc tổng Thuận Bình, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, làng Long Hưng thuộc tổng Thuận Bình, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1912, làng này thuộc tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Long Hưng thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Long Hưng, tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho;

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Long Hưng thuộc huyện Châu Thành; từ tháng 5/1968, thuộc huyện Châu Thành Nam, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, năm 1956, xã Long Hưng thuộc quận Châu Thành; năm 1960, thuộc quận Long Định; năm 1969, thuộc quận Sầm Giang, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Long Hưng thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Năm 2020, xã được công nhận đạt chuẩn Xã nông thôn mới.

Dân số: 14.345 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 54 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Kinh tế của xã chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, tập trung vào việc trồng cây ăn trái (vú sữa, sa pô chê, bưởi danh xanh, cam, dừa,…) và trồng rau màu. Ngoài ra người dân còn chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản theo mô hình kinh tế hộ và trang trại nhỏ.

Về sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, năm 2020, trên địa bàn xã có 24 doanh nghiệp và 195 hộ sản xuất cá thể với các ngành như may gia công, sản xuất thực phẩm, cấp nước sinh hoạt nông thôn,…

Giáo dục:

Xã có 03 trường: Trường mầm non Long Hưng, Trường tiểu học Long Hưng và Trường trung học cơ sở Long Hưng.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế đạt chuẩn Quốc gia về y tế xã, có 09 biên chế: 01 bác sĩ, 05 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh, 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình.

Tất cả các ấp đều có tổ y tế. Bảo hiểm y tế toàn dân đạt 90% (2020).

Giao thông:

Hệ thống đường bộ, có Quốc lộ 1 qua xã 5 km, Đường huyện 35 qua xã 6 km, Đường huyện 34 qua xã 8 km, đường Vành đai Đồng Tâm - Long Hưng - Thạnh Phú - Bình Đức qua xã 6 km, hệ thống đường giao thông liên xóm ấp có 24 đường trải bê tông và nhựa, tổng chiều dài 22,6 km.

Hệ thống giao thông đường thủy có kênh/kinh Nguyễn Tấn Thành, kênh/kinh Xáng Cụt, kênh/kinh Đào, kênh/kinh Kháng Chiến.

Hệ thống giao thông thủy, bộ tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại, giao thương hàng hóa được dễ dàng.

Văn hóa:

Xã có nhà Văn hóa xã, 9 ấp có trụ sở ấp kiêm điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng, có Khu Di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia Nam kỳ khởi nghĩa, Khu mộ bia Gò Me, Bia Chiến thắng, Chùa Ông Hiếu, Lăng thân sinh Tả quân Lê văn Duyệt,...

Du lịch:

Khu Di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia Nam kỳ khởi nghĩa, Khu mộ bia Gò Me, Bia Chiến thắng, Chùa Ông Hiếu, Lăng thân sinh Tả quân Lê văn Duyệt,... thu hút đông đảo du khách trong và ngoài tỉnh đến tham quan.

Thể thao:

Số người tham gia luyện tập thể dục, thể thao thường xuyên đạt 35% so với dân số trong toàn xã. Xã có 01 câu lạc bộ thể dục thể thao, 02 sân bóng chuyền, 01 sân cầu lông.

Tổng số liệt sĩ: 614 liệt sĩ.

Tổng số bà mẹ Việt Nam anh hùng: 114 Bà mẹ.

14. Xã Nhị Bình

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

二 Nhị: Hai, số hai

平 Bình: Hoà bình, bình đẳng

二平社 Nhị Bình Xã

135.2. Vị trí địa lý:

Xã Nhị Bình nằm ở phía Tây của huyện Châu Thành; phía Đông giáp xã Đông Hòa, xã Long Định; phía Tây giáp xã Điềm Hy, xã Dưỡng Điềm: phía Nam giáp xã Bình Trưng, phía Bắc giáp xã Phước Lập, huyện Tân Phước.

Diện tích tự nhiên: 1.889,68 ha.

Hành chính:

Xã có 8 ấp: ấp Hưng, ấp Tây, ấp Hòa, ấp Nam, ấp Trung A, ấp Trung B, ấp Đông A, ấp Đông B.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có hai thôn Bình Yên và Bình Thuyên Đông (còn gọi là Bình Toàn Đông), thuộc tổng Kiến Thuận, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, hai thôn này được hợp nhất thành thôn Nhị Bình thuộc tổng Hưng Nhơn, huyện Kiến Hưng, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, làng Nhị Bình thuộc tổng Hưng Nhơn, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1913, làng này thuộc tổng Hưng Nhơn, quận Bến Tranh, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1928, làng Nhị Bình thuộc tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Nhị Bình thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Nhị Bình, tổng Hưng Nhơn, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho;

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Nhị Bình thuộc huyện Châu Thành; từ tháng 5/1968, thuộc huyện Châu Thành Nam, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, năm 1956, xã Nhị Bình thuộc quận Châu

Thành; năm 1960, thuộc quận Long Định; năm 1969, thuộc quận Sầm Giang, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Nhị Bình thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Năm 2019, xã được công nhận đạt chuẩn Xã nông thôn mới.

Dân số: 19.200 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 55 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Hoạt động kinh tế của địa phương chủ yếu từ sản xuất nông nghiệp. Xã triển khai thực hiện hiệu quả cánh đồng lớn ở các ấp phía Bắc Quốc lộ 1, phát triển mạnh rau màu và cây ăn trái ở các ấp phía Nam Quốc lộ 1 và thương mại dịch vụ phát triển mạnh ở các trục lộ chính đi ngang qua địa bàn và ở chợ Gò Lũy.

Về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ, năm 2020, xã có 19 doanh nghiệp, 1.892 hộ kinh doanh thương mại, dịch vụ và buôn bán nhỏ lẻ, 01 hợp tác xã thương mại - dịch vụ, đặc biệt thương mại, dịch vụ phát triển mạnh ở các trục lộ chính đi ngang qua địa bàn và ở chợ Gò Lũy.

Giáo dục:

Xã Nhị Bình có 03 trường học: Trường mầm non Nhị Bình, Trường Tiểu học Nhị Bình, Trường trung học cơ sở Bùi Văn Hòa. Cả ba trường đều được công nhận đạt chuẩn Quốc gia.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

135.10. Y tế:

Trạm Y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 12 biên chế: 01 bác sĩ, 04 y sĩ, 01 dược sĩ, 06 nữ hộ sinh.

Tất cả các ấp đều có tổ y tế. Bảo hiểm y tế toàn dân đạt 91% (2020).

Giao thông:

Xã Nhị Bình có Quốc lộ 1, Đường huyện 37, kênh/kinh Kháng Chiến đi ngang qua và hệ thống kênh/kinh, rạch chằng chịch nên rất thuận lợi trong việc đi lại và lưu thông hàng hóa, sản xuất nông nghiệp và phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

Về giao thông nông thôn (đường xã, đường ấp, đường dân sinh) có tổng chiều dài 58,554 km, gồm có đường xã 05 tuyến dài 8,925 km; đường ấp 02 tuyến dài 2,898 km và đường dân sinh 48 tuyến dài 46,731 km

Văn hóa:

Xã có 08/08 ấp trên địa bàn xã được công nhận và giữ vững danh hiệu "Ấp văn hóa" trong 05 năm liên tục (từ năm 2016 đến năm 2020).

Có nhà văn hóa xã và 05 nhà văn hóa ấp đạt chuẩn theo quy định.

Xã có 1 Câu lạc bộ Đờn ca tài tử.

Du lịch: Không.

Thể thao:

Hoạt động thể dục thể thao từng bước được phát triển, nâng cao cả về mặt số lượng lẫn chất lượng, các môn được người dân tham gia tập luyện nhiều nhất đó là môn bóng đá, bóng chuyền hơi, chạy bộ...

Có 01 câu lạc bộ bóng đá và 02 câu lạc bộ bóng chuyền thu hút đông đảo thanh thiếu niên trên địa bàn xã tham gia.

Tổng số liệt sĩ: 595 liệt sĩ.
Tổng số bà mẹ Việt Nam anh hùng: 106 Bà mẹ.

15. Xã Phú Phong

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

富 Phú: Giàu có

豐 Phong: Đầy, thịnh, đẹp, được mùa

富豐社 Phú Phong Xã

Vị trí địa lý:

Xã Phú Phong nằm về phía Tây Nam của huyện Châu Thành, phía Đông giáp xã Kim Sơn, phía Tây giáp xã Tam Bình (huyện Cai Lậy), phía Nam giáp với sông Tiền, phía bắc giáp với xã Bàn Long.

Diện tích tự nhiên: 1.027,35 ha.

Hành chính:

Xã có 6 ấp: Phú Hoà, Phú Ninh, Phú Thuận, Phú Long, Phú Quới và Phú Thạnh

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Phú Phong thuộc tổng Kiến Lợi; huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, trấn Định Tường; năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn Phú Phong thuộc tổng Lợi Trường, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, làng Phú Phong thuộc tổng Lợi Trường, tỉnh Mỹ Tho; năm 1912, làng này thuộc tổng Lợi Trường, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; năm 1927, làng Phú Phong thuộc tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Phú Phong thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Phú Phong, tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho;

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Phú Phong thuộc huyện Châu Thành; từ tháng 5/1968, thuộc huyện Châu Thành Nam, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, năm 1956, xã Phú Phong thuộc quận Châu Thành; năm 1960, thuộc quận Long Định; năm 1969, thuộc quận Sầm Giang, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Phú Phong thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Năm 2019, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

Dân số: 7.234 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 49 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Kinh tế chủ yếu của xã là sản xuất nông nghiệp, tập trung vào việc trồng các cây có giá trị kinh tế, như vú sữa, sầu riêng, bưởi, cây sapôchê, dừa,...

Về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xã có 06 doanh nghiệp, 01 hợp tác xã Dịch vụ vật tư nông nghiệp.

Giáo dục:

Xã có 03 trường học: Trường Mầm non Phú Phong, Trường tiểu học Phú Phong, Trường trung học cơ sở Phú Phong.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế xã, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng.

Tất cả các ấp đều có tổ y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 90%.

Giao thông:

Xã có 63 tuyến đường giao thông nông thôn thuận lợi cho việc phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của xã với tổng chiều dài 47,448 km, gồm có đường xã 01 tuyến, dài 2,02 km; đường ấp 03 tuyến, dài 5,95km và đường dân sinh 59 tuyến, dài: 39,79 km. Tất cả các tuyến đường đã được trải nhựa và bê tông.

Giao thông đường thủy thuận lợi do có hệ thống sông, rạch chằng chịt, quan trọng là sông Tiền, rạch Rau Răm,...

Văn hóa:

Xã có nhà văn hóa xã, trong đó có hoặc hội trường đa năng (diện tích 500m², hơn 200 chỗ ngồi); 03 nhà văn hóa liên ấp: nhà văn hóa liên ấp Phú Thạnh - Phú Quới - Phú Long, nhà văn hóa liên ấp Phú Hòa - Phú Ninh, ấp Phú Thuận do có địa giới hành chính riêng lẻ nên xây dựng riêng một nhà văn hóa ấp, đạt chuẩn đảm bảo sinh hoạt văn hóa phục vụ cộng đồng dân cư trên địa bàn. Tất cả các ấp đều đạt danh hiệu Ấp văn hóa.

Du lịch: Chưa có địa điểm du lịch.

Thể thao:

Xã có 01 sân bóng đá mini ở ấp Phú Thạnh, diện tích 800m², tận dụng tất cả các sân trường tiểu học, sân trường trung học, sân nhà văn hóa xã và nhà văn hóa liên ấp để làm sân bóng chuyền, sân cầu lông, sân tập thể dục dưỡng sinh,..

Có 03 câu lạc bộ thể dục dưỡng sinh, 06 câu lạc cầu lông và 6 câu lạc bộ bóng chuyền, 01 phòng tập gym.

Tổng số liệt sĩ: 230 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 47 Bà mẹ.

16. Xã Song Thuận

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

双 Song: Đôi, cặp

順 Thuận: Thuận theo, hoà thuận, suôn sẻ

双順社 Song Thuận xã

Vị trí địa lý

Xã Song Thuận nằm ở phía Tây Nam huyện Châu Thành; phía Đông giáp kinh Nguyễn Tấn Thành; phía Tây giáp xã Kim Sơn; phía Nam giáp Sông Tiền; phía Bắc giáp xã Long Hưng.

Diện tích tự nhiên: 783,92 ha.

Hành chính:

Xã có 05 ấp: Đông Hòa, Tây Hòa, Mỹ Thạnh, Mỹ Hòa, Mỹ Phú.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có hai thôn Mỹ Thuận Đông và Mỹ Thuận Tây thuộc tổng Kiến Thuận, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, hai thôn Mỹ Thuận Đông và Mỹ Thuận Tây thuộc tổng Thuận Bình, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, hai làng Mỹ Thuận Đông và Mỹ Thuận Tây thuộc tổng Thuận Bình, tỉnh Mỹ Tho; năm 1912, hai làng này thuộc tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; năm 1925, hai làng Mỹ Thuận Đông và Mỹ Thuận Tây hợp nhất thành làng Song Thuận thuộc tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Song Thuận thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Song Thuận, tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho;

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Song Thuận thuộc huyện Châu Thành; từ tháng 5/1968, thuộc huyện Châu Thành Nam, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, năm 1956, xã Song Thuận thuộc quận Châu Thành; năm 1960, thuộc quận Long Định; năm 1969, thuộc quận Sầm Giang, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Song Thuận thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Năm 2021, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

Dân số: 7.372 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 50 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế

Kinh tế chủ yếu của xã là sản xuất nông nghiệp, trong đó tập trung vào việc trồng cây ăn trái có giá trị kinh tế, như vú sữa, sầu riêng, bưởi, sa pô chê, dừa,... Xã có Cụm công nghiệp Song Thuận với 14 công ty, doanh nghiệp đang hoạt động.

Giáo dục

Xã có 02 trường học: Trường mầm non Song Thuận, Trường tiểu học Song Thuận (đạt chuẩn Quốc gia).

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và xóa mù chữ.

Y tế

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 06 biên chế: 04 y sĩ, 01 điều dưỡng và 01dược sĩ.

Tất cả các ấp đều có tổ y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 90%.

Giao thông

Xã có Đường tỉnh 864, Đường tỉnh 876 đi ngang qua, 38 tuyến đường giao thông nông thôn đều được trải nhựa và bê tông, đảm bảo lưu thông và phục vụ vận chuyển hàng hóa, nông sản.

Giao thông đường thủy thuận lợi với hệ thống sông, kênh/kinh, rạch chằng chịt, quan trọng là tuyến Sông Tiền và kênh/kinh Nguyễn Tấn Thành.

Văn hóa

Hằng năm, có 100% hộ dân đăng ký gia đình văn hóa, cuối năm bình xét có 95% hộ, đạt 03 tiêu chí gia đình văn hóa. Xã có nhà văn hóa xã đạt chuẩn theo quy định. Các ấp đều đạt danh hiệu Ấp văn hóa, có trụ sở kiêm điểm sinh hoạt văn hóa khang trang.

Du lịch:

Trên địa bàn xã có 01 điểm du lịch "Ve chay thần kỳ" tọa lạc ấp Mỹ Phú.

Thể thao:

Xã có 01 sân vận động, sân tập thể dục, thể thao ở nhà văn hóa xã, có 06 đội bóng đá, 06 câu lạc bộ bóng chuyền và 06 câu lạc bộ cầu lông.

Tổng số liệt sĩ: 166 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 50 Bà mẹ.

17. Xã Tam Hiệp

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

三 Tam: Ba, số ba

合 Hiệp: Hợp lại, gộp lại

三合社 Tam Hiệp Xã

Vị trí địa lý:

Xã Tam Hiệp nằm ở phía Tây Nam huyện Châu Thành, phía Đông giáp xã Long An và xã Thân Cửu Nghĩa, phía Tây giáp xã Long Định, phía Nam giáp xã Phước Thạnh (thành phố Mỹ Tho), phía Bắc giáp xã Tân Lý Đông, xã Tân Lập (huyện Tân Phước).

Diện tích tự nhiên: 2.121,4 ha.

Hành chính:

Xã có 08 ấp: Ấp 1, Ấp 2, Ấp 3, Ấp 4, Ấp 5, Ấp 6, Ấp 7 và ấp Khu Phố.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có ba thôn Nhơn Hòa, An Thành và Long Hội Tây thuộc tổng Kiến Thuận, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, ba thôn này thuộc tổng Thuận Trị, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, ba làng Nhơn Hòa, An Thành và Long Hội Tây thuộc tổng Thuận Trị, tỉnh Mỹ Tho; năm 1912, ba làng này thuộc tổng Thuận Trị, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; năm 1925, hai làng Mỹ Thuận Đông và Mỹ Thuận Tây hợp nhất thành làng Song Thuận thuộc tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; năm 1925, làng Nhơn Hòa hợp nhất với làng An Hội thành làng Nhơn Hội; năm 1933, làng Nhơn Hội hợp nhất với làng Long Hội Tây thành làng Tam Hiệp, tổng Thuận Trị, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Tam Hiệp thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Tam Hiệp, tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho;

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Tam Hiệp thuộc huyện Châu Thành; từ tháng 5/1968, thuộc huyện Châu Thành Bắc, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ năm 1956, xã Tam Hiệp thuộc quận Châu Thành, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Tam Hiệp thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Năm 2016, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới. Năm 2022, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao.

Dân số: 15.662 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 60,5 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Kinh tế của xã chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, tập trung vào việc trồng cây ăn trái, rau màu, chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản. Ngoài ra, người dân còn làm nghề buôn bán và dịch vụ,...

Giáo dục:

Xã có 03 trường đều đạt chuẩn quốc gia: Trường mầm non Tam Hiệp, Trường tiểu học Tam Hiệp, Trường trung học cơ sở Tam Hiệp.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế xã, có 10 biên chế: 01 bác sĩ, 04 y sĩ, 02 dược sĩ, 02 điều dưỡng, 01 nữ hộ sinh.

Tất cả các ấp đều có tổ y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 90%.

Giao thông:

Xã có Quốc lộ 1, nhánh cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương chạy ngang qua, có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của xã.

Có 5 tuyến đường liên xã tổng chiều dài 11.364 m được nhựa hóa đạt 100%; 13 tuyến đường liên ấp tổng chiều dài 22.194 m, được trải bê tông 20.374 m, đạt tỷ lệ 91,7%.

Văn hóa:

Xã có 01 nhà văn hóa xã và 8/8 ấp có nhà văn hóa ấp; 100% ấp đều được công nhận danh hiệu Ấp văn hóa.

Du lịch:

Xã có 02 điểm: Điền Lan Thôn Trang và Bách Nhật Hoa Viên.

Thể Thao:

Số người tham gia luyện tập thể dục, thể thao thường xuyên đạt tỷ lệ 64%, số hộ gia đình thể thao đạt 33%. Có 01 sân bóng đá đạt chuẩn.

Tổng số liệt sĩ: 520 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 96 Bà mẹ.

18. Xã Tân Hội Đông

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

新 Tân: Mới mẻ

會 Hội: Hội hè, tụ hội

東 Đông: Phía đông

新會東社 Tân Hội Đông Xã

Vị trí địa lý:

Xã Tân Hội Đông nằm về phía Tây Bắc huyện Châu Thành; phía Đông giáp xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, phường Khánh Hậu, thành phố Tân An, tỉnh Long An; phía Tây và phía Bắc giáp xã Lợi Bình Nhơn, thành phố Tân An, tỉnh Long An; xã Tân Hoà Thành, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang; phía Nam giáp xã Tân Lý Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Diện tích tự nhiên: 913,62 ha.

Hành chính:

Xã có 05 ấp: Khu Phố, Tân Xuân, Tân Hoà, Tân Thới, Tân Thuận.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, thôn Tân Hội Đông thuộc tổng Hưng Xương, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn này thuộc tổng Hưng Nhơn, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, làng Tân Hội Đông thuộc tổng Hưng Nhơn, tỉnh Mỹ Tho; năm 1913, làng này thuộc tổng Hưng Nhơn, quận Bến Tranh, tỉnh Mỹ Tho; năm 1928, làng Tân Hội Đông thuộc tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Tân Hội Đông thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Tân Hội Đông, tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho;

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Tân Hội Đông thuộc huyện Châu Thành; từ tháng 5/1968, thuộc huyện Châu Thành Bắc, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ năm 1956, xã Tân Hội Đông thuộc quận Bến Tranh, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Tân Hội Đông thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Năm 2015, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới. Năm 2021, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao.

Dân số: 7.978 người (2020).

Thu thập bình quân đầu người: 60,2 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Kinh tế của xã chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, nhất là trồng lúa chất lượng cao, trồng rau màu và các loại cây ăn trái. Xã xây dựng mô hình cánh đồng lớn tại địa bàn 02 ấp Tân Thới và Tân Thuận trồng lúa Nàng Hoa 9, mở rộng trồng lúa nếp IR 4625 trên địa bàn ấp Tân Hòa. Có hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp ký liên kết bao tiêu cung cấp giống ban đầu và đầu ra với Cơ sở dịch vụ nông nghiệp Lúa Vàng, Doanh nghiệp tư nhân Quốc Đạt và Công ty Hạt giống Hoa Tiên.

Ngoài ra, xã có 05 doanh nghiệp, gồm: 1 nhà máy xay xát, 2 cơ sở cất chế tinh dầu rau om, 1 doanh nghiệp cung cấp nước sạch sinh hoạt, 01 doanh nghiệp kinh doanh vàng bạc và các cơ sở nhỏ lẻ như sản phẩm nông cụ, hàn tiện, sửa chữa cơ khí, ép bàng,...

Xã có nghề truyền thống đan các sản phẩm bàng buông, như đan nón, manh đệm, giỏ xách,…

Giáo dục:

Xã có 03 trường đạt chuẩn Quốc gia: Trường mầm non Tân Hội Đông, Trường tiểu học Tân Hội Đông, Trường trung học cơ sở Tân Hội Đông.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế xã, có 06 biên chế: 03 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 điều dưỡng, 01 nữ hộ sinh.

Tất cả các ấp đều có tổ y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 90%.

Giao thông:

Toàn xã có 17 tuyến đường giao thông nông thôn, tổng chiều dài 14.200 m, tất cả đền được trải nhựa, bê tông.

Văn hóa:

Xã có nhà văn hóa, trong đó có hội trường đa năng phục vụ sinh hoạt văn hóa của toàn xã, có 01 câu lạc bộ đờn ca tài tử, 01 câu lạc bộ gia đình phát triển bền vững. Năm 2020, có 100% hộ đăng ký gia đình văn hóa, cuối năm bình xét có trên 93 % số hộ đạt 03 tiêu chuẩn gia đình văn hóa.

Tất cả các ấp đều đạt danh hiệu Ấp văn hóa, có trụ sở kiêm điểm sinh hoạt văn hóa khang trang.

Du lịch: Chưa có địa điểm du lịch.

Thể thao:

Số người tham gia luyện tập thể dục, thể thao thường xuyên đạt tỷ lệ 67%, số hộ gia đình thể thao đạt 32%. Sân nhà văn hóa xã và sân các trường học được sử dụng làm nơi tập luyện, thi đấu các môn bóng chuyền, cầu lông,…

Tổng số liệt sĩ: 79 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 10 Bà mẹ.

19. Xã Tân Hương

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

新 Tân: Mới mẻ

鄉 Hương: Thôn

新鄉社 Tân Hương Xã

Vị trí địa lý:

Xã Tân Hương nằm về phía Đông Bắc huyện Châu Thành, phía Đông giáp xã Trung Hòa, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang và phường Tân Khánh, thành phố Tân An, tỉnh Long An; phía Tây giáp xã Tân Lý Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang; phía Nam giáp xã Tân Lý Tây, huyện Châu Thành và xã Hòa Tịnh, huyện Chợ Gạo; phía Bắc giáp xã Tân Hội Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang và phường Khánh Hậu, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Diện tích tự nhiên: 1.036,11 ha.

Hành chính:

Xã Tân Hương có 4 ấp: Tân Hòa, Tân Thuận, Tân Phú và Tân Thạnh.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có ba thôn Tân Hương, Tân Hương Tây và Tân Hương Trung, thuộc tổng Hưng Xương, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, chỉ còn lại hai thôn là Tân Hương và Tân Hương Tây, thuộc tổng Hưng Nhượng, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, hai làng Tân Hương, Tân Hương Tây thuộc tổng Hưng Nhượng, tỉnh Mỹ Tho; năm 1913, làng này thuộc tổng Hưng Nhượng, quận Bến Tranh, tỉnh Mỹ Tho; năm 1925, hai làng được hợp nhất thành làng Tân Hương; năm 1928, làng Tân Hương thuộc tổng Hưng Nhơn, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là xã Tân Hương thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp gọi là làng Tân Hương thuộc tổng Hưng Nhơn, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Tân Hương thuộc huyện Châu Thành; từ tháng 5/1968, thuộc huyện Châu Thành Bắc, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ năm 1956, xã Tân Hương thuộc quận Bến Tranh, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Tân Hương thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Năm 2019, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

Dân số: 17.482 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 53 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Kinh tế chủ yếu của xả là sản xuất nông nghiệp, bao gồm trồng các giống lúa xuất khẩu, cây ăn trái có giá trị kinh tế, rau màu và chăn nuôi. Đồng thời, nhân dân còn có nghề đươn đệm với nhiều sản phẩm đa dạng, như đệm lúa, đệm nằm,

đươn nóp ngủ chống muỗi, tụng đựng lúa (bao óng), giỏ xách, gối nằm, cặp học cho trẻ em, nón,…; nghề chế tác vàng bạc,…

Trên địa bàn xã, có Khu công nghiệp Tân Hương với quy mô 200 ha, có 27 doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư, thu hút trên 60 ngàn lao động, tập trung các ngành nghề chế biến thực phẩm, may, thức ăn gia súc,…

Các loại hình dịch vụ phát triển, như ngân hàng, khách sạn, nhà hàng, nhà trọ, ăn uống, bán lẻ hàng tiêu dùng, sửa chữa cơ khí,…

Giáo dục:

Xã có 03 trường học: Trường mầm non Tân Hương (đạt chuẩn Quốc gia), Trường tiểu học Tân Hương (đạt chuẩn Quốc gia), Trường trung học cơ sở Tân Hương.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ .

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế xã, có 07 biên chế: 04 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 điều dưỡng, 01 nữ hộ sinh.

Tất cả các ấp đều có tổ y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 91%.

Giao thông

Đi ngang qua xã có Quốc lộ 1, Đường tỉnh 878B, Đường tỉnh 866, Đường huyện.

Hệ thống giao thông nông thôn của xã có 3 tuyến đường trục xã, 18 tuyến trục ấp với tổng chiều dài 33,5 km, tất cả đều được trải nhựa và bê tông.

Văn hóa:

Xã có nhà văn hóa xã đạt chuẩn quy định. Tất cả các ấp đều đạt danh hiệu Ấp văn hóa, có trụ sở kiêm điểm sinh hoạt văn hóa khang trang.

Xã có 01 di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh: Đình Tân Hương (Đình Cột Lớn) và Đình Tân Hương Tây.

Năm 2020, có 100% hộ dân đăng ký gia đình văn hóa; đến cuối năm bình xét có 97% hộ đạt chuẩn gia đình văn hóa.

Du lịch: Chưa có địa điểm du lịch.

Thể thao:

Xã có sân bóng đá tại ấp Tân Thạnh, diện tích 4000 m^2, 05 sân bóng đá mini, sân bóng chuyền, sân cầu lông,... tại Nhà văn hóa xã.

Ở xã và các ấp đều có đội bóng đá, bóng chuyền, cầu lông với hàng trăm vận động viên.

Tỷ lệ hộ gia đình thể thao của xã đạt 25%, tỷ lệ người dân tham gia luyện tập thể thao thường xuyên chiếm 30%.

Tổng số liệt sĩ: 151 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 22 Bà mẹ.

20. Xã Tân Lý Đông

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

新 Tân: Mới mẻ

理 Lý: Sửa sang

東 Đông: Phía đông

新理東社 Tân Lý Đông Xã

Vị trí địa lý:

Xã Tân Lý Đông nằm về phía Tây Bắc huyện Châu Thành, phía Đông giáp hai xã Tân Hương và Tân Lý Tây, cùng huyện; phía Tây giáp xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước; phía Nam giáp với thị trấn Tân Hiệp, xã Tam Hiệp và xã Thân Cửu Nghĩa, cùng huyện; phía Bắc giáp xã Tân Hội Đông, , cùng huyện và xã Tân Hòa Thành, huyện Tân Phước.

Diện tích tự nhiên: 1.555,239 ha.

Hành chính:

Xã có 07 ấp: Tân Quới, Tân Phú 2, Tân Phú 1, Tân Thạnh, Tân Lập, Tân Lược 1, Tân Lược 2.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, thôn Tân Lý Đông[31] thuộc tổng Hưng Xương, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh

[31] Xã Tân Lý Đông ở về hướng tây, xã Tân Lý Tây ở về hướng đông. Lý giải về điều này, Hồ Trung Tú viết trong tiểu luận *100 năm Mỹ Sơn, nhìn lại* ... như sau : "*Ở Quảng Nam, cái kiểu gọi địa danh tây sang đông và đông sang tây như thế là nhiều vô khối, không thể kể hết. Giáo sư Trần Quốc Vượng bảo, chỉ vì ông bà mình ngày xưa vào đây, lạ nước, lạ cái, nên phải sử dụng bản đồ của người Chàm (Chăm). Mà người Chàm thì lại dùng bản đồ theo kiểu của người Ả rập là phương Nam đặt lên trên. Chính vì thế mà tây mới lộn sang đông và ngược lại. Ở Quảng Nam*

Mạng, thôn này thuộc tổng Hưng Nhơn, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, làng Tân Lý Đông thuộc tổng Hưng Nhượng, tỉnh Mỹ Tho; năm 1913, làng này thuộc tổng Hưng Nhượng, quận Bến Tranh, tỉnh Mỹ Tho; năm 1928, làng Tân Lý Đông thuộc tổng Hưng Nhơn, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Tân Lý Đông thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Tân Lý Đông thuộc tổng Hưng Nhơn, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho;

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Tân Lý Đông thuộc huyện Châu Thành; từ tháng 5/1968, thuộc huyện Châu Thành Bắc, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ năm 1956, xã Tân Lý Đông thuộc quận Bến Tranh, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Tân Lý Đông thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Năm 2018, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

Dân số: 16.496 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 50 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Từ khi Khu công nghiệp Tân Hương và Khu công nghiệp Long Giang hình thành và đi vào hoạt động, cơ cấu kinh tế của xã phát triển theo hướng giảm dần tỷ trọng khu vực nông nghiệp, tăng dần tỷ trọng khu vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ: ngành công nghiệp chiếm tỷ trọng 61,4%, thương mại và dịch vụ chiếm 22,8%, nông nghiệp chiếm 15,8%.

Giáo dục:

Xã có 03 trường học: Trường mầm non Tân Lý Đông, Trường tiểu học Tân Lý Đông (đạt chuẩn Quốc gia), Trường trung học cơ sở Tân Lý Đông.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

điều đó không lạ, bởi lúc ấy, sau năm 1306, vùng đất này xa xôi quá. Còn con người vào đây là những nhóm người nhỏ bé, mới thoát ra từ một ngàn năm đô hộ của nền văn minh Trung Hoa, không thể không kinh hãi trước những pho tượng đá lạ lẫm, dữ dằn. Nhưng với Sài Gòn và Nam bộ cách nay 300 năm mà vẫn cứ còn quen thuộc với cái phương nam đặt lên trên như thế thì cũng là điều đáng để ngạc nhiên. Nó chứng tỏ cái sức sống dai dẳng của cái bản đồ ấy" .

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 08 biên chế: 04 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 điều dưỡng, 01 nữ hộ sinh.

Tất cả các ấp đều có tổ y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 90%.

Giao Thông:

Ngang qua xã có Đường tỉnh 866 và Đường tỉnh 866B. Trên địa bàn xã có 81 tuyến đường giao thông nông thôn với tổng chiều dài 65 km, trong đó 100% tuyến đường xã được nhựa hóa, bê tông hóa, 68,54% tuyến đường ấp và liên ấp được cứng hóa.

Văn hóa:

Xã có 01 nhà văn hóa đa năng xã và 04/07 nhà văn hóa ấp cùng với 03/7 trụ sở ấp văn hóa; tất cả các ấp đều được công nhận Ấp văn hóa.

Thể thao:

Xã có 01 sân vận động, 01 sân bóng đá mini của tư nhân, sân bóng chuyền, sân cầu lông,... tại Nhà văn hóa xã.

Xã và 07 ấp đều có đội bóng đá, bóng chuyền, cầu lông.

Tỷ lệ hộ gia đình thể thao của xã đạt 27%, tỷ lệ người dân tham gia luyện tập thể thao thường xuyên đạt 32%.

Tổng số liệt sĩ: 201 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 29 Bà mẹ.

21. Xã Tân Lý Tây

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

新 Tân: Mới mẻ

理 Lý: Sửa sang

西 Tây: Phía tây

新理西社 Tân Lý Tây Xã

Vị trí địa lý:

Xã Tân Lý Tây nằm ở phía Đông Bắc huyện Châu Thành, phía Đông giáp xã Hòa Tịnh, huyện Chợ Gạo, phía Tây giáp xã Tân Lý Đông, phía Nam giáp thị trấn Tân Hiệp, phía Bắc giáp xã Tân Hương.

Diện tích tự nhiên: 509 ha.

Hành chính:

Xã có 3 ấp: Tân Phong, Tân Phú và Tân Thạnh.

Lịch sử hành chính:

Năm 1808, đời vua Gia Long, thôn Tân Lý Tây thuộc tổng Hưng Xương, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn này thuộc tổng Hưng Nhơn, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, làng Tân Lý Tây thuộc tổng Hưng Nhượng, tỉnh Mỹ Tho; năm 1913, làng này thuộc tổng Hưng Nhượng, quận Bến Tranh, tỉnh Mỹ Tho; năm 1928, làng Tân Lý Tây thuộc tổng Hưng Nhơn, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Tân Lý Tây thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Tân Lý Tây thuộc tổng Hưng Nhơn, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho;

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Tân Lý Tây thuộc huyện Châu Thành; từ tháng 5/1968, thuộc huyện Châu Thành Bắc, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ năm 1956, xã Tân Lý Tây thuộc quận Bến Tranh, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Tân Lý Tây thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Năm 2017, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

Dân số: 15.645 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 50 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Kinh tế nông nghiệp có thế mạnh về trồng lúa năng suất cao, rau màu và chăn nuôi, đặc biệt là nuôi bò. Địa bàn xã nằm gần Khu công nghiệp Tân Hương của tỉnh tạo ra thời cơ và động lực mới thúc đẩy xã chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng phát triển sản xuất công nghiệp, thương mại, dịch vụ. Xã có nghề truyền thống đặc biệt và lâu đời là đan các sản phẩm bàng buông, như đệm, giỏ xách, nón, cập,…

Giáo dục:

Xã có 03 trường học: Trường mầm non Tân Lý Tây, Trường tiểu học Tân Lý Tây, Trường trung học cơ sở Đoàn Giỏi. Cả ba trường đều đạt chuẩn Quốc gia.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 08 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 điều dưỡng, 01 nữ hộ sinh, 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình.

Tất cả các ấp đều có tổ y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 91%.

Giao thông:

Qua xã có Quốc lộ 1, Đường tỉnh 866, Đường tỉnh lộ 878B.

Hệ thống giao thông nông thôn gồm đường liên xã, trục xã, liên ấp, dường

Văn hóa:

Xã có nhà văn hóa xã, trong đó có hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của xã.

Tất cả các ấp đều đạt danh hiệu Ấp văn hóa, có trụ sở kiêm điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng khang trang.

Có 97% số hộ đạt danh hiệu gia đình văn hóa.

Xã có di tích kiến trúc rất lâu đời như: di tích Gò Gạch ở ấp Tân Phong, di tích Gò Sao ở ấp Tân Phú, nhất là quần thể đình Tân Lý Tây và các cây sao, dầu cổ thụ xung quanh được công nhận là di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh.

Du lịch:

Các di tích Gò Gạch, di tích Gò Sao, đình Tân Lý Tây thu hút du khách đến tham quan.

Thể thao:

Xã có 01 sân vận động, 02 sân bóng đá mini của tư nhân, sân bóng chuyền, sân cầu lông,... tại Nhà văn hóa xã.

Xã và tất cả các ấp đều có đội bóng đá, bóng chuyền, cầu lông.

Tổng số liệt sĩ: 172 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 21 Bà mẹ.

22. Xã Thạnh Phú

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

盛 Thịnh (Thạnh): Thịnh vượng, tươi tốt, phồn vinh

富 Phú: Giàu có

盛富社 Thạnh Phú Xã

Vị trí địa lý:

Xã Thạnh Phú nằm về phía Nam huyện Châu Thành, phía Đông giáp Đường tỉnh 870, phía Tây giáp xã Long Hưng, phía Nam giáp xã Bình Đức, phía Bắc giáp Quốc lộ 1.

Diện tích tự nhiên: 839,35 ha.

Hành chính:

Xã **c**ó 06 ấp: Chợ, Bờ Xe, Cây Xanh, Miểu Hội, Xóm Vông, Thạnh Hưng.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Tân Thạnh Trung thuộc tổng Kiến Thuận, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn Tân Thạnh Trung được đổi tên thành Thạnh Phú thuộc tổng Thuận Bình, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900. làng Thạnh Phú thuộc tổng Thuận Bình, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1912, làng này thuộc tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Thạnh Phú thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Thạnh Phú, tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho;

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Thạnh Phú thuộc huyện Châu Thành; từ tháng 5/1968, thuộc huyện Châu Thành Nam, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ năm 1956, xã Thạnh Phú thuộc quận Châu Thành, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Thạnh Phú thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Năm 2020, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

Dân số: 10.493 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 50,32 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Kinh tế chủ của địa phương là sản xuất nông nghiệp, nhất là trồng rau màu và cây ăn trái, như cây vú sữa, dừa, sa pô chê, cây có múi,… Ngoài ra, người dân còn chăn nuôi, buôn bán nhỏ,...

Giáo dục:

Xã có 02 trường: Trường mầm non Thạnh Phú và Trường Tiểu học Thạnh Phú. Cả hai trường đều được công nhận đạt chuẩn Quốc gia.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 90%.

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 08 biên chế: 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng, 01 dân số viên.

Tất cả các ấp đều có tổ y tế

Giao thông:

Đường xã nhựa hóa, bê tông hóa đạt tỷ lệ 100%.

Đường ấp cứng hóa đạt 50%.

Đường dân sinh không lầy lội vào mùa mưa 100%.

Văn hóa:

Xã có nhà văn hóa xã đạt chuẩn theo quy định; 100% ấp đạt chuẩn Ấp văn hóa, có nhà văn hóa ấp.

Năm 2020, xã có 100% tổng số hộ đăng ký gia đình văn hóa, kết quả cuối năm bình xét gia đình văn hóa có 2893/3061 hộ đạt 94,5%.

Du lịch: xã không có địa điểm du lịch.

Thể thao:

Xã có sân vận động, 03 câu lạc bộ bóng đá, bóng chuyền, cầu lông.

06 ấp có 18 câu lạc bộ, mỗi ấp 03 câu lạc bộ: bóng đá, bóng chuyền, cầu lông.

Tổng số liệt sĩ: 215 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 45 Bà mẹ.

23. Xã Thân Cửu Nghĩa

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính

Địa danh Hán Việt:

親 Thân: Thơm, thương yêu, đáng tin cậy

久 Cửu: Lâu dài

義 Nghĩa: Đúng lẽ phải, hợp đạo lý

親久義社 Thân Cửu Nghĩa Xã

Vị trí địa lý:

Xã Thân Cửu Nghĩa nằm về phía Bắc huyện Châu Thành, phía Đông giáp xã Phú Kiết, huyện Chợ Gạo, phía Tây giáp xã Tân Lý Đông và xã Tam Hiệp, phía

Bắc giáp xã Tân Lý Đông, thị trấn Tân Hiệp, phía Nam giáp xã Tam Hiệp và xã Long An.

Diện tích tự nhiên: 1.244,81 ha.

Hành chính:

Xã có 07 ấp: Thân Bình, Thân Đạo, Thân Hoà, Thân Đức, Cửu Hoà, Ngãi (do chữ Nghĩa nói trại) Thuận, Ngãi Lợi.

Lịch sử hình thành

Năm 1808, đời vua Gia Long, có ba thôn Cửu Viễn, Ngãi Hữu và Thân Nhơn thuộc tổng Kiến Thuận, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, ba thôn này thuộc tổng Thuận Trị, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, ba làng Cửu Viễn, Ngãi Hữu và Thân Nhơn thuộc tổng Thuận Trị, tỉnh Mỹ Tho; năm 1912, ba làng này thuộc tổng Thuận Trị, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; năm 1925, làng Ngãi Hữu và làng Cửu Viễn được hợp nhất thành làng Cửu Nghĩa (từ "Ngãi" do từ "Nghĩa" đọc trại mà ra); năm 1932, hợp nhất làng Thân Nhơn và làng Cửu Nghĩa thành làng Thân Cửu Nghĩa, thuộc tổng Thuận Trị, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho..

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Thân Cửu Nghĩa thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Thân Cửu Nghĩa thuộc tổng Hưng Nhơn, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho;

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Thân Cửu Nghĩa thuộc huyện Châu Thành; từ tháng 5/1968, thuộc huyện Châu Thành Bắc, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ năm 1956, xã Thân Cửu Nghĩa thuộc quận Bến Tranh, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Thân Cửu Nghĩa thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Năm 2020, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

Dân số: 19.855 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 50,5 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Xã chuyên canh cây rau màu, cây ăn trái. Ngoài ra, người dân còn trồng lúa, chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản.

Xã có 19 doanh nghiệp tư nhân, 03 công ty trách nhiệm hữu hạn, 01 công ty cổ phần.

Sản xuất bàng buông xuất khẩu là thế mạnh của xã, tổng sản phẩm bán ra trung bình 4 triệu sản phẩm/năm.

Do có nhiều tuyến giao thông chính đi qua địa bàn, nên việc kinh doanh thương mại - dịch vụ ở xã được thuận lợi; năm 2020, có 565 cơ sở hoạt động.

Giáo dục:

Xã có 03 trường học: Trường mầm non Thân Cửu Nghĩa, Trường tiểu học Thân Cửu Nghĩa, Trường trung học cơ sở Thân Cửu Nghĩa. Tất cả các trường đạt chuẩn Quốc gia.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 06 biên chế: 01 bác sĩ, 05 y sĩ. Tất cả các ấp đều có tổ y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 90%.

Giao thông:

Ngang qua xã có Quốc lộ 1 và đường nhánh dẫn vào đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương.

Xã có 81 tuyến đường giao thông nông thôn với tổng chiều dài 55,824 km, gồm có 03 tuyến đường xã dài 5,3 km, 10 tuyến đường ấp dài 12,211 km và 68 tuyến đường dân sinh dài 38,313 km. Tất cả các tuyến đường đều được trải nhựa, bê tông.

Văn hóa:

Xã có Nhà văn hoá xã, bao gồm: Hội trường đa năng và 04 phòng chức năng (Phòng Hành chính, Phòng Đọc sách báo - thư viện, Phòng thể thao, Phòng Truyền thống.

Xã có 03 nhà văn hóa ấp và 02 nhà văn hóa liên ấp. 07/07 ấp đạt chuẩn Ấp văn hóa. Các nhà văn hoá ấp đều xây dựng đạt chuẩn, đảm bảo sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng dân cư trên địa bàn.

Du lịch:

Có 01 điểm du lịch sinh thái tại ấp Thân Hoà (Vườn Dì Sáu) có diện tích trên 10.000m^2 .

Thể thao:

Xã có 02 sân bóng đá mini và 01 hồ bơi tư nhân. Sân nhà văn hóa xã, nhà văn hóa liên ấp, nhà văn hóa ấp cũng là nơi nhân dân đến tập luyện thể dục, thể thao. Số người tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên của xã 7.055 người, đạt 40% dân số của xã

Tổng số liệt sĩ: 213 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 35 Bà mẹ.

24. Xã Vĩnh Kim

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

永 Vĩnh: Lâu dài, mãi mãi, vĩnh viễn

金 Kim: Vàng, tiền

永金社 Vĩnh Kim Xã

Vị trí địa lý:

Vĩnh Kim nằm ở phía Nam huyện Châu Thành, phía Đông giáp xã Long Hưng, xã Song Thuận; phía Tây giáp xã Bàn Long; phía Nam giáp xã Kim Sơn, phía Bắc giáp xã Bình Trưng, xã Đông Hòa.

Diện tích tự nhiên: 571,34 ha.

Hành chính:

Xã Vĩnh Kim có 06 ấp: Vĩnh Hòa, Vĩnh Bình, Vĩnh Phú, Vĩnh Quý, Vĩnh Thới, Vĩnh Thạnh.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có hai thôn là Vĩnh Kim Đông và Vĩnh Kim Tây thuộc tổng Kiến Thuận, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, hai thôn này thuộc tổng Thuận Bình, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, hai làng Vĩnh Kim Đông và Vĩnh Kim Tây thuộc tổng Thuận Bình, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1912, hai làng này thuộc tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; năm 1925, hai làng Vĩnh Kim Đông và Vĩnh Kim Tây hợp nhất thành làng Vĩnh Kim thuộc tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Vĩnh Kim thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Vĩnh Kim, tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Vĩnh Kim thuộc huyện Châu Thành; từ tháng 5/1968, thuộc huyện Châu Thành Nam, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, năm 1956, xã Vĩnh Kim thuộc quận Châu Thành; năm 1960, thuộc quận Long Định; năm 1969, thuộc quận Sầm Giang, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Vĩnh Kim thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Năm 2018, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới. Năm 2020, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao.

Dân số: 13.652 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 61 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Hoạt động kinh tế của địa phương chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, trong đó tập trung vào việc trồng cây ăn trái, như bưởi da xanh, sa pô chê, vú sữa lò rèn (từng là đặc sản của xã),...

Xã có 53 cơ sở sản xuất, như sản xuất bánh mì, cơ khí sửa chữa, hàn tiện, chế biến đồ mộc, may gia công,…

Trên địa bàn xã có 02 chợ, Chợ Giữa Vĩnh Kim với hoạt động mua bán các sản phẩm tiêu dùng thiết yếu và Chợ Trái cây Vĩnh Kim là chợ đầu mối thu mua, trung chuyển các loại trái cây đi các nơi trong cả nước; có 802 hộ kinh doanh mua bán.

Ngoài ra, xã còn có hợp tác xã thương mại - dịch vụ với cửa hàng bách hóa tổng hợp và cửa hàng Bách hóa xanh phục vụ nhu cầu mua sắm hàng tiêu dùng của nhân dân trên địa bàn xã và các xã lân cận.

Giáo dục:

Trên địa bàn xã có 04 trường học: Trường mầm non Vĩnh Kim (đạt chuẩn Quốc gia), Trường tiểu học Vĩnh Kim, Trường trung học cơ sở Vĩnh Kim (đạt chuẩn Quốc gia), Trường trung học phổ thông Vĩnh Kim.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 07 biên chế: 03 y sĩ, 02 điều dưỡng, 01 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh, 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các ấp đều có tổ y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 92%.

Ngoài ra, trên địa bàn xã còn có Phòng khám đa khoa Vĩnh Kim. Đây là phòng khám công lập hạng 4 có chức năng khám chữa các bệnh lý đa khoa.

Giao thông:

Ngang qua xã có Đường tỉnh 876, Đường huyện 35.

Hệ thống giao thông nông thôn đã được trải nhựa và bê tông, gồm có:

- Đường xã: có 3 tuyến đường với chiều dài 2,995 km.

- Đường ấp: Có 6 tuyến dài 8,785 km.

- Đường dân sinh: có 83 tuyến, tổng chiều dài 38,826 km.

Giao thông đường thủy thuận lợi với hệ thống sông, kênh/kinh, rạch chằng chịt, quan trọng là tuyến Rạch Gầm.

Văn hóa:

Xã Vĩnh Kim là quê hương của nhiều trí thức nổi tiếng, của nhiều người có học vị tiến sĩ, được mệnh danh là "làng tiến sĩ", riêng về lĩnh vực âm nhạc có Giáo sư Tiến sĩ Âm nhạc học Trần Văn Khê, Giáo sư Tiến sĩ Âm nhạc học Trần Quang Hải (con của Giáo sư Tiến sĩ Trần Văn Khê), Giáo sư Tiến sĩ Âm nhạc học Nguyễn Văn Nam,...

Có Nhà Văn hóa xã và 02 Nhà Văn hóa liên ấp Vĩnh Hòa - Vĩnh Bình và Vĩnh Phú - Vĩnh Thới, 01 Nhà Văn hóa ấp Vĩnh Quý. Tất cả các nhà văn hóa đều đạt chuẩn theo quy định, 06/06 ấp được công nhận danh hiệu Ấp văn hóa.

Xã có 1 Câu lạc bộ Đờn ca tài tử, có 98% hộ dân đạt danh hiệu Gia đình văn hóa (2020), 01 di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia: di tích thảm sát Chợ Giữa - Vĩnh Kim; 01 di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh: ngôi nhà nơi Bác Tôn Đức Thắng ở và hoạt động cách mạng.

Du lịch:

Với lợi thế Vĩnh Kim là xã trung tâm của các xã lân cận, có chợ trái cây Vĩnh Kim và Chợ Giữa là nơi giao thương buôn bán rất nhộn nhịp; có vườn cây ăn trái sum suê, lại có di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia và cấp tỉnh, hứa hẹn một tiềm năng to lớn để phát triển du lịch.

Thể thao:

Xã có 01 sân vận động, 01 câu lạc bộ bóng đá xã; 06 câu lạc bộ bóng đá và 6 câu lạc bộ bóng chuyền tại 6 ấp; 2 phòng tập gym và các nhóm, hội cầu lông, thể dục dưỡng sinh, aerobic (thể dục nhịp điệu), tỷ lệ người dân tham gia các hoạt động thể dục thể thao đạt 30%.

Tổng số liệt sĩ: 218 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 43 Bà mẹ.

Nghiên cứu địa danh chỉ công trình xây dựng.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn quốc lộ, đường cao tốc, đường tỉnh:**

Khái niệm đường bộ, tên đường bộ và số hiệu đường bộ:

- **Theo Điều 3,** Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định: Đường bộ gồm đường, cầu đường bộ, hầm đường bộ, bến phà đường bộ.

- Theo Điều 40, Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định cách đặt tên và số hiệu đường bộ như sau: Tên đường được đặt tên danh nhân, người có công hoặc tên di tích, sự kiện lịch sử, văn hóa, tên địa danh hoặc tên theo tập quán; số hiệu đường được đặt theo số tự nhiên kèm theo chữ cái nếu cần thiết; trường hợp đường đô thị trùng với quốc lộ thì sử dụng cả tên đường đô thị và tên, số hiệu quốc lộ.

Quốc lộ: 03 địa danh.

Điều 39, Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định:

Quốc lộ là đường nối liền thủ đô Hà Nội với trung tâm hành chính cấp tỉnh; đường nối liền trung tâm hành chính cấp tỉnh từ 3 địa phương trở lên; đường nối liền từ cảng biển quốc tế, cảng hàng không quốc tế đến các cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính trên đường bộ; đường có vị trí đặc biệt quan trọng với sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng, khu vực.

1. Quốc lộ 1, đoạn ngang qua tỉnh Tiền Giang

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng mang yếu tố Hán Việt (Quốc: 國: Nước; Lộ: 路: Đường) + Số hiệu (1).

Quốc lộ 1 trước đây, dưới thời nhà Nguyễn, trong nửa đầu thế kỷ 19, được gọi là đường Thiên lý; dưới thời thực dân Pháp (từ giữa thế kỷ 19 đến năm 1954), là Lộ Đông Dương; dưới thời chính quyền Sài Gòn (1954-1975) là Lộ 4.

Quốc lộ 1 là tuyến đường giao thông xuyên suốt Việt Nam, bắt đầu từ cửa khẩu Hữu Nghị trên biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc, nằm tại thị trấn Đồng Đăng thuộc huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, kết thúc tại thị trấn Năm Căn thuộc huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau với tổng chiều dài 2.482 km. Đây là tuyến đường quan trọng hàng đầu Việt Nam.

Quốc lộ 1 đoạn ngang qua tỉnh Tiền Giang bắt đầu từ km 1954 tại cầu Tân Hương, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, xuyên qua huyện Châu Thành, thành phố Mỹ Tho, thị xã Cai Lậy, huyện Cai Lậy và huyện Cái Bè, kết thúc tại km 2029 cầu Mỹ Thuận, xã Hòa Hưng, huyện Cái Bè, giáp giới tỉnh Vĩnh Long, dài 75 km.

* **Đường cao tốc:**

1. Đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương, đoạn ngang qua tỉnh Tiền Giang

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường cao tốc) + Địa danh hành chính (Thành phố Hồ Chí Minh) + Địa danh hành chính xưa (Thôn Trung Lương).

Đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương là đường cao tốc nối Thành phố Hồ Chí Minh với Tiền Giang nói riêng và các tỉnh Đồng bằng sông Cửu

Long nói chung. Đây là một phần của tuyến đường cao tốc Bắc – Nam, có điểm đầu tuyến là nút giao thông Chợ Đệm, xã Tân Túc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, điểm cuối là nút giao thông Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành, Tiền Giang.

Việc đưa vào khai thác tuyến đường cao tốc này đáp ứng cho khoảng 50.000 lượt ô tô qua lại mỗi ngày. Với tuyến đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương, thời gian từ Thành phố Hồ Chí Minh đi Tiền Giang và ngược lại được rút ngắn chỉ còn khoảng 30 phút, thay vì 90 phút như trước đó.

Đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương được khởi công xây dựng năm 2004, khánh thành năm 2010; có chiều dài toàn tuyến 61,9 km; vận tốc thiết kế 120 km/giờ; tổng kinh phí đầu tư 9.884 tỷ đồng; Chủ đầu tư Bộ Giao thông vận tải; đơn vị thi công: Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 4 và Tổng công ty xây dựng Trường Sơn; tư vấn giám sát là Công ty QCI (Cuba).

Đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương, đoạn ngang qua tỉnh Tiền Giang xuyên qua các xã Tân Lập 1 (huyện Tân Phước), Tân Hội Đông, Tân Lý Đông, Tam Hiệp, Thân Cửu Nghĩa (huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang), dài 14 km.

2. Đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường cao tốc) + Địa danh Hán Việt (Trung Lương: Xin xem mục 1.2.1 - Mỹ: 美: Tốt, đẹp; Thuận: 順: Thuận theo, hoà thuận, suôn sẻ).

Đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận là một đoạn tuyến của tuyến đường cao tốc Bắc - Nam đi qua địa phận tỉnh Tiền Giang; có điểm đầu tiếp nối đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương tại nút giao thông Thân Cửu Nghĩa (huyện Châu Thành), đi song song với Quốc lộ 1 và kết thúc tại nút giao thông An Thái Trung (huyện Cái Bè) giao với Quốc lộ 30.

Tuyến đường cao tốc này có chiều dài 51 km, đi qua 5 huyện, thị của tỉnh Tiền Giang là huyện Châu Thành, huyện Tân Phước, thị xã Cai Lậy, huyện Cai Lậy và huyện Cái Bè; vận tốc thiết kế 80 km/giờ với 4 làn xe, mà không có làn dừng khẩn cấp mà chỉ có một số điểm dừng khẩn cấp. Đây là tuyến cao tốc trọng điểm giảm tải cho Quốc lộ 1. Đoạn cao tốc này là một trong những tuyến đường huyết mạch, kết nối vùng Tây Nam Bộ với Thành phố Hồ Chí Minh và khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam.

Tuyến đường được xây dựng theo hình thức đối tác công tư (hợp đồng BOT), tổng mức đầu tư cho giai đoạn 1 là 12.668 tỷ đồng; được khởi công vào năm 2009, dự kiến hoàn thành năm 2013. Tuy nhiên, do thiếu vốn nên tuyến đường chỉ mới đạt 10% khối lượng. Cho khi đến năm 2019, dự án mới được cấp vốn và tái khởi công.

Tuyến đường được thông xe tạm thời vào ngày 25/01/2022 để phục vụ người dân Đồng bằng sông Cửu Long lưu thông vào dịp Tết Nguyên Đán. Ngày 27/4/2022, đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận chính thức được đưa vào hoạt động.

*** Đường tỉnh:**

1. **Đường tỉnh 866**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (866).

Đường tỉnh 866, có số hiệu đường bộ ĐT.866; điểm đầu: Quốc lộ 1 (Ngã ba xã Tân Lý Tây, huyện Châu Thành); điểm cuối: ĐT.865 (xã Phú Mỹ, huyện Tân Phước); chiều dài: 9,822 km.

2. Đường tỉnh 866B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (866B).

Đường tỉnh 866B, có số hiệu đường bộ ĐT.866B; điểm đầu: ĐT.866 (Ngã ba Việt Kiều, xã Tân Lý Đông, huyện Châu Thành); điểm cuối: Kinh Năn (xã Tân Lập, huyện Tân Phước); chiều dài: 5,340 km.

3. Đường tỉnh 867

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (867).

Đường tỉnh 867, có số hiệu đường bộ ĐT.867; điểm đầu: Quốc lộ 1 (Ngã ba Long Định, huyện Châu Thành); điểm cuối: Cầu ngã năm Hoàng Gia (ranh tỉnh Long An - xã Thạnh Mỹ, huyện Tân Phước); chiều dài: 23,160 km.

4. Đường tỉnh 870

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (870).

Đường tỉnh 870, có số hiệu đường bộ ĐT.870; điểm đầu: Quốc lộ 1 (Ngã tư Đồng Tâm, xã Phước Thạnh, thành phố Mỹ Tho và xã Thạnh Phú, huyện Châu Thành); điểm cuối: ĐT.864 (xã Trung An, thành phố Mỹ Tho và xã Bình Đức, huyện Châu Thành); chiều dài: 5,712 km.

5. Đường tỉnh 874

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (874).

Đường tỉnh 874, có số hiệu đường bộ ĐT.874; điểm đầu: Quốc lộ 1 (Ngã ba Khu di tích Ấp Bắc, xã Điềm Hy, huyện Châu Thành); điểm cuối: ĐT.867, thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước; chiều dài: 8,785 km.

6. Đường tỉnh 876

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (876).

Đường tỉnh 876, có số hiệu đường bộ ĐT.876; điểm đầu: Quốc lộ 1 (Ngã ba Đông Hòa, huyện Châu Thành); điểm cuối: ĐT.864 (Ngã ba Tây Hòa, xã Song Thuận, huyện Châu Thành); chiều dài: 8,600 km.

7. Đường tỉnh 878

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (878).

Đường tỉnh 878, có số hiệu đường bộ ĐT.878; điểm đầu: Đường nhánh cao tốc Đồng Tâm (xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành); điểm cuối: ĐT.865 (xã Hưng Thạnh, huyện Tân Phước); chiều dài: 13,480 km.

8. Đường tỉnh 878B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (878B).

Đường tỉnh 878B, có số hiệu đường bộ ĐT.878B; điểm đầu: Quốc lộ 1 (Ngã ba Hòa Tịnh - xã Tân Lý Tây và xã Tân Hương, huyện Châu Thành); điểm cuối: ĐT.879B (xã Tân Bình Thạnh, huyện Chợ Gạo); chiều dài: 8,700 km.

9. Đường tỉnh 878C

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (878C).

Đường tỉnh 878C, có số hiệu đường bộ ĐT.878C; điểm đầu: Quốc lộ 1 (Ngã tư Lương Phú, xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành); điểm cuối: ĐT.879 (Chợ Bến Tranh, xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo); chiều dài: 1,293 km.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn đường huyện, đường phố ở huyện Châu Thành:**

Khái niệm đường bộ, tên đường bộ và số hiệu đường bộ:

- Theo Điều 3, Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định: Đường bộ gồm đường, cầu đường bộ, hầm đường bộ, bến phà đường bộ.

- Theo Điều 40, Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định cách đặt tên và số hiệu đường bộ như sau: Tên đường được đặt tên danh nhân, người có công hoặc tên di tích, sự kiện lịch sử, văn hóa, tên địa danh hoặc tên theo tập quán; số hiệu

đường được đặt theo số tự nhiên kèm theo chữ cái nếu cần thiết; trường hợp đường đô thị trùng với quốc lộ thì sử dụng cả tên đường đô thị và tên, số hiệu quốc lộ.

Đường huyện:

Điều 39, Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định:

Đường huyện là đường nối trung tâm hành chính của huyện với trung tâm hành chính của xã, cụm xã hoặc trung tâm hành chính của huyện lân cận; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

1. Đường huyện 31

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (31).

Đường huyện 31 có số hiệu đường bộ ĐH.31; điểm đầu: Quốc lộ 1 (xã Tân Hương); điểm cuối: Cầu Cổ Chi (xã Tân Hội Đông); chiều dài: 340 km.

2. Đường huyện 32

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (32).

Đường huyện 32 có số hiệu đường bộ ĐH.32; điểm đầu: Quốc lộ 1 (thị trấn Tân Hiệp); điểm cuối: Ngã ba Thầy Khanh (nối đường nhánh cao tốc) (xã Thân Cửu Nghĩa); chiều dài: 3,500 km.

3. Đường huyện 32B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (32) + Chữ cái La tinh (B).

Đường huyện 32 có số hiệu đường bộ ĐH.32; điểm đầu: Quốc lộ 1 (xã Thân Cửu Nghĩa); điểm cuối: Đê Quản Thọ (xã Thân Cửu Nghĩa); chiều dài: 3,000 km.

4. Đường huyện 33

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (33).

Đường huyện 33 có số hiệu đường bộ ĐH.33; điểm đầu: Quốc lộ 1 (xã Long Định); điểm cuối: Kênh Năng (xã Long Định); chiều dài: 4,000 km.

5. Đường huyện 34

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (34).

Đường huyện 34 có số hiệu đường bộ ĐH.34; điểm đầu: Quốc lộ 1 (xã Long Hưng); điểm cuối: Đường tỉnh 870 (xã Thạnh Phú - Bình Đức); chiều dài: 15,600 km.

6. Đường huyện 35

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (35).

Đường huyện 35 có số hiệu đường bộ ĐH.35; điểm đầu: Đường tỉnh 870 (xã Thạnh Phú); điểm cuối: Giáp ranh huyện Cai Lậy (xã Bàn Long); chiều dài: 12 km.

7. Đường huyện 35B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (35) + Chữ cái La tinh (B).

Đường huyện 35B có số hiệu đường bộ ĐH.35B; điểm đầu: Quốc lộ 1 - cầu Kênh Xáng (xã Long Định); điểm cuối: Đường tỉnh 864 - cầu Kênh Xáng (xã Song Thuận); chiều dài: 7,800 km.

8. Đường huyện 36

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (36).

Đường huyện 36 có số hiệu đường bộ ĐH.36; điểm đầu: Quốc lộ 1 (xã Dưỡng Điềm); điểm cuối: Đường tỉnh 876 (xã Bình Trưng); chiều dài: 9,400 km.

9. Đường huyện 37

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (37).

Đường huyện 37 có số hiệu đường bộ ĐH.37; điểm đầu: Quốc lộ 1 (xã Nhị Bình); điểm cuối: Cầu Bến Hải (xã Nhị Bình); chiều dài: 9,400 km.

10. Đường huyện 38

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (38).

Đường huyện 38 có số hiệu đường bộ ĐH.38; điểm đầu: Đường tỉnh 866B (xã Tân Lý Đông); điểm cuối: Kênh Xáng Long Định/ Kênh Nguyễn Tấn Thành (xã Long Định); chiều dài: 14,100 km.

11. Đường huyện 38B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (38) + Chữ cái La tinh (B).

Đường huyện 38B có số hiệu đường bộ ĐH.38B; điểm đầu: Đường tỉnh 867 - cầu Chợ (xã Long Định); điểm cuối: Đường tỉnh 874 - cầu số 2 (xã Điềm Hy); chiều dài: 6,800 km.

12. Đường huyện 39

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (39).

Đường huyện 39 có số hiệu đường bộ ĐH.39; điểm đầu: Đường dẫn cao tốc Đồng Tâm (xã Tam Hiệp); điểm cuối: Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (xã Tam Hiệp); chiều dài: 4,340 km.

Đường phố:

Tại Khoản 9, Điều 3, Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định: Đường phố là đường đô thị, gồm lòng đường và hè phố.

Theo định nghĩa trên thì có thể hiểu đường phố là phần đất được sử dụng cho việc đi lại của người dân và kết cấu hạ tầng công cộng, như cây xanh, đèn chiếu sáng, hệ thống đèn tín hiệu giao thông, hệ thống thoát nước, lòng đường cho xe di chuyển. Đường phố có vai trò quan trọng đối với những hoạt động đời sống của con người.

1. Đường Bên Hông Trung Tâm Văn Hóa

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Vị trí (Bên hông) + Cơ quan văn hóa (Trung tâm văn hóa).

Đường Bên Hông Trung Tâm Văn Hóa có điểm đầu: Quốc lộ 1; điểm cuối: Đường huyện 32; chiều dài: 0,210 km; chiều rộng: 8 m.

2. Đường Bưu Điện

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Công trình xây dựng (Bưu điện)

Đường Bưu điện có điểm đầu: Quốc lộ 1; điểm cuối: Chùa Linh Phong; chiều dài: 0,150 km; chiều rộng: 8 m.

3. Đường Cầu Hộ Tài

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Công trình xây dựng (Cầu) + Chức vụ làng xã thời xưa (Hộ lại: gọi tắt là Hộ - người trông coi hộ khẩu, hôn nhân, giá thú, khai sinh, khai tử) + Tên người (Tài).

Đường Cầu Hộ Tài có điểm đầu: Đường nội thị; điểm cuối: Cầu Hộ Tài; chiều dài: 0,350 km; chiều rộng: 8 m.

4. Đường Cống Kênh Mã Lân

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Công trình xây dựng (Cống - Kênh) + Linh vật (Mã Lân).

Đường Cống Kênh Mã Lân có điểm đầu: Nhà hàng Hồng Kim Bảo; điểm cuối: Nhà dân; chiều dài: 1 km; chiều rộng: 4 m.

5. Đường Gom

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Động từ (Gom: dồn hết lại một chỗ để làm việc gì hoặc để cho gọn).

Đường Gom có điểm đầu: Trường Trung học phổ thông Tân Hiệp cũ; điểm cuối: Cổng chợ Tân Hiệp; chiều dài 0,500 km; chiều rộng: 6 m.

6. Đường Kênh Mé Tre

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Công trình xây dựng (Kênh) + Phương hướng (Mé: ở về phía) + Thực vật (Cây tre).

Đường Kênh Mé Tre có điểm đầu: Rạch Trấn Định; điểm cuối: Cột mốc 3 xã; chiều dài: 0,600 km; chiều rộng: 4 m.

7. Đường Khu Gia Binh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Công trình xây dựng quân sự (Khu Gia binh).

Đường Khu Gia Binh có điểm đầu: Quốc lộ 1; điểm cuối: Trung tâm Y tế huyện; chiều dài: 0,500 km; chiều rộng: 6 m.

8. Đường Khu Phố Me

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư (Khu phố) + Thực vật (Cây me).

Đường Khu Phố Me có điểm đầu: Quốc lộ 1; điểm cuối: Ranh xã Tân Lý Đông; chiều dài: 0,300 km; chiều rộng: 6 m.

9. Đường Lộ Cũ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Công trình xây dựng (Lộ; đường) + Tính từ (Cũ).

Đường Lộ Cũ có điểm đầu: Cổng chợ Tân Hiệp; điểm cuối: Ranh xã Tân Lý Tây; chiều dài: 0,320 km; chiều rộng: 10 m.

10. Đường Nhà thương Hồng Phước

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Công trình xây dựng y tế (Nhà thương Hồng Phước).

Đường Nhà thương Hồng Phước có điểm đầu: Quốc lộ 1; điểm cuối: Ranh xã Tân Lý Đông; chiều dài 0,500 km; chiều rộng: 5 m.

11. Đường Nối Đường Huyện 32

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Động từ (Nối: làm cho tiếp liền vào nhau, tạo ra một sự liên tục) + Tên đường huyện (Đường Huyện 32).

Đường Nối Đường Huyện 32 có điểm đầu: Quốc lộ 1; điểm cuối: Đường huyện 32; chiều dài: 0,500 km; chiều rộng: 4 m.

12. Đường Nội Thị

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Địa danh Hán Việt (Nội thị - Bên trong thị trấn).

Đường Nội Thị có điểm đầu: Chùa Linh Phong; điểm cuối: Đường vào chợ Tân Hiệp; chiều dài: 0,450 km; chiều rộng: 8 m.

13. Đường Quầy sách Thanh Tùng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Nơi bán sách (Quầy sách Thanh Tùng).

Đường Quầy sách Thanh Tùng có điểm đầu: Quốc lộ 1; điểm cuối: Chợ Tân Hiệp; chiều dài: 1,250 km; chiều rộng: 4 m.

14. Đường Tân Hiệp - Thân Đức

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Địa danh hành chính (Thị trấn Tân Hiệp - Ấp Thân Đức thuộc xã Thân Cửu Nghĩa).

Đường Tân Hiệp - Thân Đức có điểm đầu: giao với Quốc lộ 1; điểm cuối: Xã Thân Cửu Nghĩa; chiều dài: 0,500 km; chiều rộng: 10 m.

15. Đường Vào Chợ Tân Hiệp

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Động từ (Vào: di chuyển đến một vị trí ở phía trong) + Công trình xây dựng (Chợ Tân Hiệp).

Đường Vào Chợ Tân Hiệp có điểm đầu: Quốc lộ 1; điểm cuối: Nhà thờ Tân Hiệp; chiều dài: 0,140 km; chiều rộng: 16 m.

16. Đường Vào Chùa Linh Phong

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Động từ (Vào: di chuyển đến một vị trí ở phía trong) + Công trình xây dựng Phật giáo (Chùa Linh Phong).

Đường Vào Chùa Linh Phong có điểm đầu: Quốc lộ 1; điểm cuối: Chùa Linh Phong; chiều dài: 0,140 km; chiều rộng: 16 m.

17. Đường Vào Công An Huyện

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Động từ (Vào: di chuyển đến một vị trí ở phía trong) + Cơ quan Công an (Công an huyện).

Đường Vào Công An Huyện có điểm đầu: Đường Nội thị ; điểm cuối: Cổng Công an huyện; chiều dài: 0,100 km; chiều rộng: 6 m.

18. Đường Vào Huyện Ủy

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Động từ (Vào: di chuyển đến một vị trí ở phía trong) + Cơ quan Đảng (Huyện ủy).

Đường Vào Huyện Ủy có điểm đầu: Quốc lộ 1; điểm cuối: Trụ sở Huyện ủy; chiều dài: 0,140 km; chiều rộng: 16 m.

19. Đường Vào Sân Bắn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Động từ (Vào: di chuyển đến một vị trí ở phía trong) + Công trình xây dựng quân sự (Sân bắn).

Đường Đường Vào Sân Bắn có điểm đầu: Quốc lộ 1; điểm cuối: Ranh xã Thân Cửu Nghĩa; chiều dài: 0,600 km; chiều rộng: 30 m.

20. Đường Xóm Giá

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Thực phẩm (Giá).

Đường Xóm Giá có điểm đầu: Quốc lộ 1; điểm cuối: Ranh xã Tân Lý Đông; chiều dài: 2 km; chiều rộng: 4 m.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên cầu ở huyện Châu Thành:**

Khái niệm Cầu

Cầu là một công trình giao thông được bắc qua các chướng ngại nước, như rãnh nước, dòng suối, dòng sông, dòng kênh/kinh, dòng rạch, hồ, biển hay các chướng ngại khác, như đường bộ, đường sắt,… đảm bảo cho giao thông được liên tục.

Trên Đường tỉnh 864:

1. Cầu Kinh/Kênh Xáng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Phương tiện đào kênh/kinh (Xáng: do Chaland đọc trại mà thành, còn gọi là sà lan. Trên chiếc xáng có đặt cần cẩu với những gàu to, hoạt động nhờ động cơ, dùng để múc đất, bùn hay cát để đào kinh/kênh hay nạo

vét sông, kinh/kênh, rạch. Dân gian còn gọi là xáng múc. Hiện nay, gọi là tàu cuốc).

- Vị trí: Km 6+003, xã Song Thuận, huyện Châu Thành, trên Đường tỉnh 864.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Nguyễn Tấn Thành

- Quy mô: 7 nhịp dài 172m, mặt BTCT rộng 7m; khổ cầu 9m; 5 dầm BTTA chữ T/25m, 5 dầm BTTA chữ I/24,5m; Htt: +9.50

- Tải trọng (Tấn): 30

- Năm đưa vào sử dụng: 1994

2. Cầu Cống Song Thuận

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Cống) + Địa danh hành chính (Xã Song Thuận).

- Vị trí: Km 6+925, xã Song Thuận, huyện Châu Thành, trên Đường tỉnh 864.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Song Thuận

- Quy mô: 1 nhịp dài 8m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; dầm bản đổ liền khối BTCT; cầu giao thông kết hợp cống thủy lợi.

- Tải trọng (Tấn): HL93[32]

- Năm đưa vào sử dụng: 2019

3. Cầu Rạch Gầm

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa hình tự nhiên (Rạch Gầm).

- Vị trí: Km 10+613, xã Kim Sơn, huyện Châu Thành, trên Đường tỉnh 864.

- Cầu bắc qua: Rạch Gầm

- Quy mô: 7 nhịp dài 148,7m; mặt BTCT rộng 7m; khổ cầu 9m; 10 dầm BTTA chữ T/12,5m, 5 dầm BTTA chữ I/24,54m; Htt: +4.00

- Tải trọng (Tấn): 30

- Năm đưa vào sử dụng: 1999

4. Cầu Phú Phong

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Xã Phú Phong)

- Vị trí: Km 14+639, xã Phú Phong, huyện Châu Thành, trên Đường tỉnh 864.

[32] HL93 được viết tắt từ Tiếng Anh: **H**ighway **L**oad accepted in 19**93** (Tải trọng trên đường cao tốc được chấp nhận vào năm 1993), tải trọng HL93 tương đương 40 tấn.

- Cầu bắc qua: Rạch Rau Răm.

- Quy mô: 5 nhịp dài 108,18m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; 6 dầm BTTA/nhịp; Htt: +4.30

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2015

Trên Đường tỉnh 866:

1. Cầu Cổ Chi

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Thực vật (Cây cổ chi).

- Vị trí: Km 5+036, xã Tân Hội Đông, huyện Châu Thành, trên Đường tỉnh 866.

- Cầu bắc qua: Rạch Ông Đạo

- Quy mô: 3 nhịp dài 62m; mặt BTCT; khổ cầu 10m (0,5x2+9m); dầm BTDƯL 6 dầm/nhịp; Htt:+3.55

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2020

2. Cầu Vượt số 9 đường cao tốc

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Động từ (Vượt) + Chữ số (số 9) + Công trình xây dựng (Đường cao tốc).

- Vị trí: Km 5+971,5, xã Tân Hội Đông, huyện Châu Thành, trên Đường tỉnh 866.

- Cầu bắc qua: Cầu vượt qua Đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương.

- Quy mô: 6 nhịp dài 200m; mặt BTCT rộng 12m; khổ cầu 13m; dầm BTDUL; chiều cao tĩnh không 4,85m

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2010

Trên Đường tỉnh 866B:

Cầu Vượt số 10 đường cao tốc

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Động từ (Vượt) + Chữ số (số 10) + Công trình xây dựng (Đường cao tốc).

- Vị trí: Km 01+252, xã Tân Lý Đông, huyện Châu Thành, trên Đường tỉnh 866B.

- Cầu bắc qua: Cầu vượt qua Đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương.

- Quy mô: 8 nhịp dài 260m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; dầm BTDUL; Chiều cao tĩnh không 4,85m

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2010

Trên Đường tỉnh 867:

1. Cầu Ba Râu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Thứ và biệt danh (Ba Râu).

- Vị trí: Km 3+230, xã Long Định, huyện Châu Thành, trên Đường tỉnh 867.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Phủ Chung

- Quy mô: 1 nhịp dài 13,2m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; dầm BTTA 11 dầm/nhịp; Htt: +2.50

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2015.

2. Cầu Chợ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Chợ).

- Vị trí: Km 1+885, xã Long Định, huyện Châu Thành, trên Đường tỉnh 867.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Kháng Chiến

- Quy mô: 1 nhịp dài 25,14m; mặt BTCT rộng 7m; khổ cầu 10m (1,5+7+1,5); 9 dầm BTTA; Htt: +3.00

- Tải trọng (Tấn): 25

- Năm đưa vào sử dụng: 1996.

3. Cầu Dừa

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Thực vật (cây dừa).

- Vị trí: Km 3+662, xã Long Định, huyện Châu Thành, trên Đường tỉnh 867.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Ba Ngang

- Quy mô: 3 nhịp dài 44m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; dầm BTTA 11 dầm/nhịp; Htt: +3.50

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2015.

4. Cầu Ván

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Vật liệu (Ván gỗ).

- Vị trí: Km 2+666, xã Long Định, huyện Châu Thành, trên Đường tỉnh 867.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh 2A

- Quy mô: 3 nhịp dài 29m; mặt BTCT rộng 8m; khổ cầu 9m; 11 dầm BTTA/ nhịp 12,5; 11 dầm BTCT thường/ nhịp 8; Htt: +2.80

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2010.

Trên Đường tỉnh 870:

Cầu Lộ Ngang

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Lộ: Đường) + Vị trí (Ngang).

- Vị trí: Km 4+854, xã Bình Đức, huyện Châu Thành, trên Đường tỉnh 870.

- Cầu bắc qua: Rạch Xoài Hột.

- Quy mô: 1 nhịp dài 13; mặt BTCT 9m; 10 dầm BTTA

- Tải trọng (Tấn): 40

- Năm đưa vào sử dụng: 1990.

Trên Đường tỉnh 874:

1. Cầu Điềm Hy

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Xã Điềm Hy).

- Vị trí: Km 1+803, xã Điềm Hy, huyện Châu Thành, trên Đường tỉnh 874

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Ngang

- Quy mô: 3 nhịp dài 24m; mặt BTCT rộng 4 m; khổ cầu 4,5m; 5 dầm I.550/ nhịp 6m + 6 dầm I.550/ nhịp 12m; Htt: +3.30

- Tải trọng (Tấn): 8

- Năm đưa vào sử dụng: 1992

2. Cầu Kinh/Kênh Ngang

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Vị trí (Ngang).

- Vị trí: Km 1+235, xã Điềm Hy, huyện Châu Thành, trên Đường tỉnh 874

- Cầu bắc qua: Kênh Ngang

- Quy mô: 1 nhịp dài 15m; mặt BTCT rộng 4m; khổ cầu 4,5m; 6 dầm I.596; Htt: +3.30

- Tải trọng (Tấn): 10

- Năm đưa vào sử dụng: 2005

Trên Đường tỉnh 876:

1. Cầu Song Thuận

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Xã Song Thuận).

- Vị trí: Km 6+655, xã Song Thuận, huyện Châu Thành, trên Đường tỉnh 876

- Cầu bắc qua: sông Rạch Gầm

- Quy mô: 1 nhịp dài 19m; mặt BTCT rộng 11m; khổ cầu 12m; dầm BTTA; Htt: +3.00

- Tải trọng (Tấn): 40

- Năm đưa vào sử dụng: 2003

2. Cầu Vĩnh Kim

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Xã Vĩnh Kim).

- Vị trí: Km 5+321, xã Vĩnh Kim, huyện Châu Thành, trên Đường tỉnh 876

- Cầu bắc qua: Rạch Gầm

- Quy mô: 3 nhịp dài 44m; mặt BTCT rộng 11m; khổ cầu 12m; dầm BTTA; Htt: +3.00

- Tải trọng (Tấn): 40

- Năm đưa vào sử dụng: 2003

Trên Đường tỉnh 878:

1. Cầu Quản Thọ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Chức vụ thời xưa (Hương quản, gọi tắt là Quản: người trông coi an ninh, trật tự của làng xã) + Tên người (Thọ).

- Vị trí: Km 11+366, xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành, trên Đường tỉnh 878

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Quản Thọ

- Quy mô: 3 nhịp dài 72m; mặt BTCT rộng 15m; khổ cầu 16m; dầm BTDUL 9 dầm/ nhịp; Htt: +4.00

- Tải trọng: HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2020

Trên Đường tỉnh 878C:

1. Cầu Bến Tranh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Bến) + Thực vật (Cỏ tranh).

- Vị trí: Km 1+312, xã Thân Cửu Nghĩa (huyện Châu Thành) - xã Lương Hòa Lạc (huyện Chợ Gạo), trên Đường tỉnh 878C

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Bảo Định

- Quy mô: 3 nhịp dài 48m; mặt BTCT chiều rộng 10m; khổ cầu 11m; dầm BTTA 10 dầm/nhịp; Htt: +3.85

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2015

2. Cầu Lương Phú

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính xưa (Thôn Lương Phú).

- Vị trí: Km 0+781, xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành, trên Đường tỉnh 878C

- Cầu bắc qua: kinh/Kênh Bảo Định

- Quy mô: 1 nhịp dài 19m; mặt BTCT rộng 7m; khổ cầu 8m; 8 dầm 18m (BTDƯL); Htt: +2.50

- Tải trọng (Tấn): 30

- Năm đưa vào sử dụng: 2009

Trên Quốc lộ 1:

1. Cầu Bến Chùa giữa

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Bến) + Công trình xây dựng mang yếu tố tín ngưỡng, tôn giáo (Chùa) + Vị trí (Giữa).

- Vị trí: km1966+641
- Cầu bắc qua: Rạch Bến Chùa
- Số nhịp: 3
- Tải trọng (Tấn): 30
- Năm đưa vào sử dụng: 1968
- Chiều dài: 45 m
- Chiều rộng: 13,5 m

2. Cầu Bến Chùa phải

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Bến) + Công trình xây dựng mang yếu tố tín ngưỡng, tôn giáo (Chùa) + Vị trí (Phải).

- Vị trí: km1966+641
- Cầu bắc qua: Rạch Bến Chùa
- Số nhịp: 3
- Tải trọng (Tấn): 10
- Năm đưa vào sử dụng: 2004
- Chiều dài: 45,8 m
- Chiều rộng: 3,5 m

3. Cầu Bến Chùa trái

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Bến) + Công trình xây dựng mang yếu tố tín ngưỡng, tôn giáo (Chùa) + Vị trí (Trái).

- Vị trí: km1966+641
- Cầu bắc qua: Rạch Bến Chùa
- Số nhịp: 3
- Tải trọng (Tấn): 10
- Năm đưa vào sử dụng: 2004
- Chiều dài: 45,8 m
- Chiều rộng: 3,5 m

4. Cầu Kinh/Kênh Xáng cũ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Phương tiện đào kinh/kênh (Xáng: do Tiếng Pháp Chaland đọc trại mà thành, còn gọi là sà lan. Trên chiếc xáng có đặt cần cẩu với những gàu to, hoạt động nhờ động cơ, dùng để múc đất, bùn hay cát để đào kinh/kênh hay nạo vét sông, kinh/kênh, rạch. Dân gian còn gọi là xáng múc. Hiện nay, gọi là tàu cuốc) + Tính từ (Cũ).

- Vị trí: km1977+174
- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Nguyễn Tấn Thành
- Số nhịp: 3
- Tải trọng (Tấn): HL93
- Năm đưa vào sử dụng: 1992
- Chiều dài: 74,7 m
- Chiều rộng: 10,5 m

5. Cầu Kênh Xáng mới

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Phương tiện đào kinh/kênh (Xáng: do Tiếng Pháp Chaland đọc trại mà thành, còn gọi là sà lan. Trên chiếc xáng có đặt cần cẩu với những gàu to, hoạt động nhờ động cơ, dùng để múc đất, bùn hay cát để đào kinh/kênh hay nạo vét sông, kinh/kênh, rạch. Dân gian còn gọi là xáng múc. Hiện nay, gọi là tàu cuốc) + Tính từ (Mới).

- Vị trí: km1877+174
- Cầu bắc qua: Kênh Nguyễn Tấn Thành
- Số nhịp: 11
- Tải trọng (Tấn): HL93
- Năm đưa vào sử dụng: 2014
- Chiều dài: 449,6 m
- Chiều rộng: 12 m

6. Cầu Rượu cũ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh chỉ thức uống (Rượu: thời xưa, nơi đây có một xóm nhà chuyên nấu rượu) + Tính từ (Cũ).

- Vị trí: km1972+909
- Cầu bắc qua: Rạch Cầu Rượu

- Số nhịp: 3

- Tải trọng (Tấn): 30

- Năm đưa vào sử dụng: 1997

- Chiều dài: 50,5 m

- Chiều rộng: 12,5 m

7. Cầu Rượu mới

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh chỉ thức uống (Rượu: thời xưa, nơi đây có một xóm nhà chuyên nấu rượu) + Tính từ (Mới).

- Vị trí: km 1972+909

- Cầu bắc qua: Rạch Cầu Rượu

- Số nhịp: 3

- Tải trọng (Tấn): 30

- Năm đưa vào sử dụng: 2022

- Chiều dài: 50,5 m

- Chiều rộng: 12,5 m

8. Cầu Sao cũ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Thực vật (Cây sao) + Tính từ (Cũ).

- Vị trí: km1982+110

- Cầu bắc qua: Rạch Sao

- Số nhịp: 3

- Tải trọng (Tấn): 30

- Năm đưa vào sử dụng: 1998

- Chiều dài: 50,5 m

- Chiều rộng: 12,5 m

9. Cầu Sao mới

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Thực vật (Cây sao) + Tính từ (Mới).

- Vị trí: km1982+110

- Cầu bắc qua: Rạch Sao

- Số nhịp: 3
- Tải trọng (Tấn): 30
- Năm đưa vào sử dụng: 2022
- Chiều dài: 50,5 m
- Chiều rộng: 12,5 m

10. Cầu Tân Hương 1

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Xã Tân Hương) + Chữ số (1)

- Vị trí: km 1955+163
- Cầu bắc qua: Rạch Ông Đạo
- Số nhịp: 1
- Tải trọng (Tấn): 30
- Năm đưa vào sử dụng: 1999
- Chiều dài: 31,8 m
- Chiều rộng: 7,8 m

11. Cầu Tân Hương 2

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Xã Tân Hương) + Chữ số (2)

- Vị trí: km 1955+163
- Cầu bắc qua: Rạch Ông Đạo
- Số nhịp: 1
- Tải trọng (Tấn): 30
- Năm đưa vào sử dụng: 2000
- Chiều dài: 31,8 m
- Chiều rộng: 7,8 m

Trên Đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương:

1. Cầu Chợ Bưng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Chợ) + Địa hình thiên nhiên (Bưng: là địa danh Việt gốc Khmer: Bâng. Theo Lê Trung Hoa trong quyển *Địa danh ở Thành phố Hồ Chí Minh*, bưng có nghĩa là "hồ to, chỉ chỗ đất trũng giữa đồng, đọng nước, có nhiều cây mọc (như đưng, đế, lác, ...".

Trong tiếng Việt, âm **â** có thể được gọi trại thành âm **ư**; ví dụ: v**â**ng lịnh - v**ư**ng lịnh; d**â**ng cơm - d**ư**ng cơm; n**â**ng - n**ư**ng; t**ầ**ng - t**ừ**ng; v**ầ**ng - v**ừ**ng. Do đó, **Bâng** hoàn toàn có thể được gọi trại thành **Bưng**).

- Vị trí: km2+368
- Số nhịp: 03
- Tải trọng (Tấn): HL93
- Năm đưa vào sử dụng: 2009
- Chiều dài: 45 m
- Chiều rộng: 20,2 m

2. Cầu Quản Thọ 1

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Chức vụ thời xưa (Hương quản, gọi tắt là Quản: người trông coi an ninh, trật tự của làng xã) + Tên người (Thọ) + Chữ số (1).

- Vị trí: km45+334
- Số nhịp: 01
- Tải trọng (Tấn): HL93
- Năm đưa vào sử dụng: 2009
- Chiều dài: 32 m
- Chiều rộng: 23,50 m

3. Cầu Quản Thọ 2

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Chức vụ thời xưa (Hương quản, gọi tắt là Quản: người trông coi an ninh, trật tự của làng xã) + Tên người (Thọ) + Chữ số (2).

- Vị trí: km)+796
- Số nhịp: 01
- Tải trọng (Tấn): HL93
- Năm đưa vào sử dụng: 2009
- Chiều dài: 33 m
- Chiều rộng: 23,50 m

4. Cầu Rạch Gốc

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Danh từ (Gốc).

Có ba cách giải thích địa danh Rạch Gốc:

- Xuất xứ từ tiếng Khmer: Prêk Kol, gọi trại thành Rạch Gốc.

- Rạch Gốc là một con rạch chính (gốc).

- Rạch Gốc là rạch chảy qua nơi có nhiều gốc cây.

- Vị trí: km40+850

- Số nhịp: 03

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2009

- Chiều dài: 80 m

- Chiều rộng: 23,50 m

5. Cầu Tân Hương

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Xã Tân Hương).

- Vị trí: km42+301

- Số nhịp: 03

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2009

- Chiều dài: 78 m

- Chiều rộng: 23,50 m

6. Cầu Xáng Múc

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Phương tiện đào kinh/kênh (Xáng: do Tiếng Pháp Chaland đọc trại mà thành, còn gọi là sà lan. Trên chiếc xáng có đặt cần cẩu với những gàu to, hoạt động nhờ động cơ, dùng để múc đất, bùn hay cát để đào kinh/kênh hay nạo vét sông, kinh/kênh, rạch. Dân gian còn gọi là xáng múc. Hiện nay, gọi là tàu cuốc).

- Vị trí: km46+500

- Số nhịp: 05

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2009

- Chiều dài: 179 m

- Chiều rộng: 23,50 m

Trên Đường cao tốc Trung Lương – Mỹ Thuận:

1. Cầu Ấp Hưng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Ấp Hưng).

- Vị trí: km60+072
- Số nhịp: 01
- Tải trọng (Tấn): HL93
- Năm đưa vào sử dụng: 2021
- Chiều dài: 44,64 m
- Chiều rộng: 17,50 m

2. Cầu Hỏa

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Đạ danh Hán Việt (Hỏa: có nghĩa là lửa).

- Vị trí: km62+745
- Số nhịp: 01
- Tải trọng (Tấn): HL93
- Năm đưa vào sử dụng: 2021
- Chiều dài: 51,10 m
- Chiều rộng: 17,50 m

3. Cầu Kinh/Kênh 1

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Chữ số (1).

- Vị trí: km55+273
- Số nhịp: 09
- Tải trọng (Tấn): HL93
- Năm đưa vào sử dụng: 2021
- Chiều dài: 369,40 m
- Chiều rộng: 17,50 m

4. Cầu Kinh/Kênh Giữa

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Vị trí (Giữa).

- Vị trí: km60+619

- Số nhịp: 01

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 38,10 m

- Chiều rộng: 17,50 m

5. Cầu Kinh/Kênh Năn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Thực vật (Cỏ năn).

- Vị trí: km51+040

- Số nhịp: 10

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 385,22 m

- Chiều rộng: 12,50 m

6. Cầu Sao

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Thực vật (Cây Sao).

- Vị trí: km61+405

- Số nhịp: 01

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 53,10 m

- Chiều rộng: 17,50 m

7. Cầu Sáu Ầu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Thứ và tên người (Sáu Ầu).

- Vị trí: km54+043

- Số nhịp: 01

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 53,10 m

- Chiều rộng: 17,50 m

8. Cầu Tám Thước

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Kích Thước (Tám thước/mét).

- Vị trí: km54+412

- Số nhịp: 01

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 27,10 m

- Chiều rộng: 17,50 m

9. Cầu Vượt Đường Huyện 39

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Động từ (Vượt) + Công trình xây dựng (Đường huyện 39).

- Vị trí: km52+620

- Số nhịp: 05

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 208,25 m

- Chiều rộng: 07 m

10. Cầu Vượt Đường Tỉnh 874

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Động từ (Vượt) + Công trình xây dựng (Đường tỉnh 874).

- Vị trí: km63+796

- Số nhịp: 07

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 288,40 m

- Chiều rộng: 07 m

11. Cầu Vượt Nút Giao Thân Cửu Nghĩa

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Động từ (Vượt) + Công trình xây dựng (Nút giao) + Địa danh hành chính (Xã Thân Cửu Nghĩa).

- Vị trí: km50+418
- Số nhịp: 10
- Tải trọng (Tấn): HL93
- Năm đưa vào sử dụng: 2021
- Chiều dài: 368,20 m
- Chiều rộng: 12,50 m

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn địa danh Cống, Đập, Đê**

Cống:

1. Cống Phú Phong

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình hành chính (Xã Phú Phong).

Cống ở đầu sông Phú Phong thuộc xã Phú Phong, huyện Châu Thành, được xây dựng năm 2023; là loại cống lộ thiên, số cửa 2, chiều rộng 50 m, sâu 7 m, có chức năng ngăn nước mặn từ sông Tiền không để xâm nhập vào và trữ ngọt bên trong, diện tích phục vụ khoảng 30.000 ha.

2. Cống Rạch Gầm

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Rạch Gầm).

Cống ở đầu vàm Rạch Gầm thuộc xã Kim Sơn, huyện Châu Thành, được xây dựng năm 2023; là loại cống lộ thiên, số cửa 2, chiều rộng 50 m, sâu 7 m, có chức năng ngăn nước mặn từ sông Tiền không để xâm nhập vào và trữ ngọt bên trong, diện tích phục vụ khoảng 30.000 ha.

***Cống vừa và nhỏ:**

1. Cống Ba Đô

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Thứ và tên người (Ba Đô).

Cống ở xã Bình Đức, huyện Châu Thành, được xây dựng năm 2016; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 5,5 m, sâu 2,7 m, diện tích phục vụ 100 ha.

2. Cống Mương Đào

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Công trình xây dựng (Mương: là dòng chảy để dẫn nước) + Động từ (Đào: lấy lên một khối lượng đất đá để tạo thành một khoảng trống sâu xuống hoặc để tìm lấy vật gì ở dưới lòng đất).

Cống ở xã Long Hưng, huyện Châu Thành, được xây dựng năm 2016; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 5 m, sâu 2,5 m, diện tích phục vụ 250 ha.

3. Cống Xáng Cụt

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Phương tiện đào kênh/kinh (Xáng) + Tính từ (Cụt: đoạn cuối bị ùn tắc lại, không thông được với nơi khác).

Cống ở xã Long Hưng, huyện Châu Thành, được xây dựng năm 2016; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 5 m, sâu 2,5 m, diện tích phục vụ 270 ha.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên bến xe, bến đò, bến phà:**

Bến xe:

Theo quy định của Bộ Giao thông - Vận tải có 2 loại bến xe là bến xe khách và bến xe hàng. Trong phạm vi đề tài, tập trung nghiên cứu về địa danh bến xe khách trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Khái niệm bến xe khách:

Theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách - Sửa đổi lần 1 năm 2015, Bến xe khách là công trình thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thực hiện chức năng phục vụ xe ô tô đón, trả hành khách và các dịch vụ hỗ trợ vận tải hành khách công cộng được xây dựng trên một thửa đất hoặc nhiều thửa đất liền kề.

Cũng theo Thông tư nêu trên, Bến xe khách được phân thành 6 loại. Quy định về các hạng mục công trình tương ứng với từng loại bến xe khách như trong Bảng sau:

TT	Tiêu chí phân loại	Đơn vị tính	Loại bến xe khách					
			Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4	Loại 5	Loại 6
1	Diện tích mặt bằng (tối thiểu)	m^2	15.000	10.000	5.000	2.500	1.500	500

2	Diện tích bãi đỗ xe ôtô chờ vào vị trí đón khách (tối thiểu)	m^2	5.000	3.000	1.000	500	160	80
3	Diện tích bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác	m^2	2.000	1.500	900	400	30	20
4	Diện tích tối thiểu phòng chờ cho hành khách (có thể phân thành nhiều khu vực trong bến)	m^2	500	300	150	100	50	30
5	Số vị trí đón, trả khách (tối thiểu)	vị trí	50	40	30	20	10	6
6	Số chỗ ngồi tối thiểu khu vực phòng chờ cho hành khách	chỗ	100	60	30	20	10	10
7	Hệ thống điều hòa, quạt điện khu vực phòng chờ	-	Đảm bảo nhiệt độ không vượt	Quạt điện	Quạt điện	Quạt điện	Quạt điện	Quạt điện

	cho hành khách (tối thiểu)		quá 30°C					
8	Diện tích khu vực làm việc	-	Bình quân 4,5 m^2/người					
9	Diện tích văn phòng dành cho Y tế	-	Tối thiểu 10 m^2					
10	Diện tích khu vệ sinh	-	> 1 % tổng diện tích xây dựng bến (Có nơi vệ sinh phục vụ người khuyết tật theo QCVN 10:2014/BXD)					
11	Diện tích dành cho cây xanh, thảm cỏ	-	Tỷ lệ diện tích đất dành cho cây xanh, thảm cỏ tối thiểu 2% tổng diện tích					
12	Đường xe ra, vào bến	-	riêng biệt			chung (rộng tối thiểu 7,5 m)		
13	Đường dẫn từ phòng chờ cho hành khách đến các vị trí đón, trả khách	-	Có mái che					
14	Kết cấu mặt đường ra, vào bến xe và sân bến	-	Mặt đường nhựa hoặc bê tông xi măng					

15	Hệ thống cung cấp thông tin	-	Có hệ thống phát thanh, có hệ thống bảng chỉ dẫn bằng điện tử, có thiết bị tra cứu thông tin tự động	Có hệ thống phát thanh, có hệ thống bảng chỉ dẫn	
16	Hệ thống kiểm soát xe ra vào bến	-	Có phần mềm quản lý bến xe và trang bị hệ thống camera giám sát xe ra vào bến	Có phần mềm quản lý bến xe	

Bến xe Vĩnh Kim

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến xe) + Địa danh hành chính (Xã Vĩnh Kim).

Bến xe Vĩnh Kim, mã số (63)19, tọa lạc tại xã Vĩnh Kim, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, diện tích 2.504 m², điện thoại: (0273)3834019, xếp loại 4.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên bệnh viện (tỉnh, khu vực, huyện, quân đội):**

Khái niệm

Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO): Bệnh viện là một bộ phận của một tổ chức mang tính chất y học và xã hội, có chức năng đảm bảo cho nhân dân được săn sóc toàn diện về y tế cả chữa bệnh và phòng bệnh.

Trước đây bệnh viện chỉ được coi là một cơ sở khám và điều trị bệnh nhân đơn thuần. Bước sang thế kỷ XXI, cách mạng khoa học kỹ thuật - công nghệ trên thế giới đã phát triển như vũ bão và đạt được nhiều thành tựu rực rỡ, tác động sâu sắc làm thay đổi quan niệm về bệnh viện. Bệnh viện không chỉ đơn thuần làm công tác khám và điều trị mà còn thực hiện những chức năng khác trong chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, như giáo dục sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe tại nhà và đồng thời còn là trung tâm đào tạo cán bộ y tế và tiến hành các nghiên cứu y học về khám chữa bệnh và phòng bệnh.

Bệnh viện Tâm thần Tiền Giang

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng mang tính chất chăm sóc sức khỏe (Bệnh viện) + Bệnh lý (Bệnh tâm thần: là bệnh lý do rối loạn hoạt động não bộ gây ra những biến đổi bất thường về lời nói, tác phong, tình cảm, hành vi, ý tưởng...) + Địa danh hành chính (Tỉnh Tiền Giang).

- Khái quát Bệnh viện Tâm thần Tiền Giang

+ Địa chỉ: Km 1980, Quốc lộ 1, xã Nhị Bình, huyện Châu Thành, Tiền Giang.

+ Điện thoại: 0733. 834 437 Fax: 0733. 832 948, 0733.832 235

+ Trang thông tin điện tử: http://benhvientamthantg.gov.vn

+ Email: bvtamthantg@yahoo.com

+ Cơ quan chủ quản: Sở Y tế tỉnh Tiền Giang

+ Tổng diện tích: 5.962 m²; diện tích sử dụng: 5.738 m²

+ Tổng số cán bộ, viên chức (2022): 191; trong đó nam: 59, nữ 132.

Năm 2002, Trung Tâm sức khỏe tâm thần được chuyển đổi thành Bệnh viện Tâm Thần Tiền Giang theo Quyết định số 1444/QĐ-UBND ngày 13/05/2002 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Tiền thân của Bệnh viện tâm thần là:

Năm 1977: Khoa Tâm thần trực thuộc Bệnh viện Đa khoa trung tâm tỉnh Tiền Giang được thành lập.

Năm 1995: Theo Quyết định số 884/QĐUB ngày 18/4/1995 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang, Trạm Tâm thần trực thuộc Sở Y tế tỉnh Tiền Giang được thành lập.

Năm 1997: Theo quyết định số 3004/QĐUB ngày 31/10/1997 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang, Trung Tâm sức khoẻ tâm thần Tiền Giang được thành lập trên cơ sở hợp nhất Trạm Tâm thần thuộc Sở Y tế và Khoa Tâm thần thuộc Bệnh viện Đa khoa trung tâm Tiền Giang.

Bệnh viện Tâm thần là Bệnh viện chuyên khoa tâm thần hạng 2, có chức năng, nhiệm vụ tham mưu về chuyên môn cho Sở Y tế; thực hiện chỉ đạo quản lý, theo dõi sức khỏe tâm thần tại cộng đồng; khám, chữa chuyên khoa tâm thần cho bệnh nhân tâm thần trong và ngoài tỉnh; chỉ đạo tuyến dưới về chuyên môn; nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế.

Đảng bộ Bệnh viện có 04 chi bộ trực thuộc với 45 đảng viên; lãnh đạo đơn vị có 01 giám đốc và 02 phó giám đốc; Công đoàn cơ sở có 191 công đoàn viên; Chi Đoàn thanh niên có 25 đoàn viên.

Bệnh viện có với 250 giường bệnh; 04 phòng chức năng: Phòng Kế hoạch tổng hợp, Phòng Tài chính - Kế toán, Phòng Tổ chức - Hành chính, Phòng Điều dưỡng; 06 khoa chuyên môn: Lâm sàng (03 khoa): Khoa Hồi sức cấp cứu, Khoa Khám bệnh, Khoa Điều trị nội trú; Cận lâm sàng (03 khoa): Khoa Dược, Khoa Dinh dưỡng, Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn.

Về trình độ chuyên môn, năm 2022, Bệnh viện có: Thạc sĩ: 04; Bác sĩ chuyên khoa 1: 09, Bác sĩ chuyên khoa 2: 03; Dược sĩ chuyên khoa 1: 01; Điều dưỡng chuyên khoa 1: 05; Cử nhân đại học: 56, Cử nhân cao đẳng: 08, Trình độ khác: 104.

Y tế tuyến huyện:

Trung tâm Y tế huyện Châu Thành

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng mang tính chất chăm sóc sức khỏe (Trung tâm y tế) + Địa danh hành chính (Huyện Châu Thành).

- Khái quát Trung tâm Y tế huyện Châu Thành:

+ Địa chỉ: Ấp Rẫy, thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang

+ Điện thoại: 0273.3831271; Fax: 0273.3896544

+ Trang thông tin điện tử: http://ttytchauthanh.soytetiengiang.gov.vn

+ Email: ChauThanh.ttytdp@Tiengiang.gov.vn

+ Cơ quan chủ quản: Sở Y tế tỉnh Tiền Giang

+ Tổng diện tích: 22.226,2 m² ; diện tích sử dụng: 13.811,9 m²

+ Tổng số cán bộ, viên chức (2022): 408; trong đó nam: 117; nữ: 291

Trung tâm Y tế huyện Cái Bè được thành lập năm 2009 theo Quyết định số 2329/QĐ-UBND ngày 02/7/2009 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang, có chức năng, nhiệm vụ như sau:

+ Thực hiện các hoạt động phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm, HIV/AIDS, bệnh không lây nhiễm, bệnh chưa rõ nguyên nhân; tiêm chủng, phòng bệnh; y tế trường học; phòng, chống các yếu tố nguy cơ tác động lên sức khỏe, phát sinh, lây lan dịch, bệnh; quản lý và nâng cao sức khỏe cho người dân trên địa bàn.

+ Thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường đối với các cơ sở y tế; vệ sinh và sức khỏe lao động, phòng, chống bệnh nghề nghiệp, tai nạn thương tích; vệ sinh trong hoạt động mai táng, hỏa táng; giám sát chất lượng nước dùng cho ăn uống, sinh hoạt và dinh dưỡng cộng đồng.

+ Thực hiện các hoạt động phòng, chống ngộ độc thực phẩm trên địa bàn huyện; tham gia thẩm định cơ sở đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn theo phân cấp; tham gia thanh tra, kiểm tra, giám sát công tác phòng, chống ngộ độc thực phẩm, phòng chống bệnh truyền nhiễm qua thực phẩm; hướng dẫn, giám sát cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, ăn uống trong việc bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật và thực hiện các nhiệm vụ khác về an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật và theo phân công, phân cấp.

+ Thực hiện sơ cứu, cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng theo quy định của cấp có thẩm quyền và giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh cho các trường hợp bệnh nhân tự đến, bệnh nhân được chuyển tuyến, bệnh nhân do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến trên chuyển về để tiếp tục theo dõi, điều trị, chăm sóc, phục hồi chức năng; thực hiện các kỹ thuật, thủ thuật, chuyển tuyến theo quy định của pháp luật; khám sức khỏe và chứng nhận sức khỏe theo quy định; tham gia khám giám định y khoa, khám giám định pháp y khi được trưng cầu.

+ Thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản và cải thiện tình trạng dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em; phối hợp thực hiện công tác dân số kế hoạch hóa gia đình theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện các xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, phục vụ cho hoạt động chuyên môn, kỹ thuật theo chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Y tế và nhu cầu của người dân; tổ chức thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn sinh học tại phòng xét nghiệm và an toàn bức xạ theo quy định.

+ Thực hiện tuyên truyền, cung cấp thông tin về chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước về Y tế, tổ chức các hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe về y tế, chăm sóc sức khỏe trên địa bàn.

+ Chỉ đạo tuyến, hướng dẫn về chuyên môn, kỹ thuật đối với các trạm y tế xã, y tế ấp và các cơ sở y tế thuộc cơ quan, trường học, xí nghiệp, cơ sở sản xuất trên địa bàn.

+ Thực hiện đào tạo liên tục cho đội ngũ viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định; tập huấn, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực phụ trách cho đội ngũ nhân viên y tế ấp và các đối tượng khác theo phân công, phân cấp của Sở Y tế tỉnh Tiền Giang; là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe và hướng dẫn thực hành để cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện việc cung ứng, bảo quản, cấp phát, sử dụng và tiếp nhận thuốc, vắc xin, sinh phẩm y tế, hóa chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn theo phân cấp của Sở Y tế Tiền Giang và quy định của pháp luật.

+ Triển khai thực hiện các dự án, chương trình y tế địa phương theo phân công, phân cấp của Sở Y tế; tổ chức điều trị nghiện chất bằng thuốc thay thế theo quy định của pháp luật; thực hiện kết hợp quân - dân y theo tình hình thực tế ở địa phương.

+ Thực hiện ký hợp đồng với cơ quan bảo hiểm xã hội để tổ chức khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế tại Trung tâm Y tế và các đơn vị trực thuộc theo quy định của pháp luật.

+ Nghiên cứu và tham gia nghiên cứu khoa học, ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật về các lĩnh vực liên quan.

+ Về Dân số - Kế hoạch hóa gia đình và sức khỏe sinh sản: Tổ chức thực hiện các chỉ tiêu, chỉ báo thuộc lĩnh vực Dân số - Kế hoạch hóa gia đình; chỉ đạo hướng dẫn các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy trình chuyên môn, nghiệp vụ về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình cho các bộ phận chuyên môn thuộc Trung tâm và tuyến y tế cơ sở.

Đảng bộ Trung tâm y tế huyện Châu Thành có 06 chi bộ trực thuộc với 95 đảng viên; lãnh đạo đơn vị có 01 Giám đốc và 03 Phó Giám đốc; Công đoàn cơ sở có 39 tổ công đoàn với 408 công đoàn viên; Đoàn thanh niên có 02 chi đoàn với 28 đoàn viên.

Trung tâm có 04 phòng chức năng: Phòng Tổ chức hành chính, Phòng Kế hoạch tổng hợp, Phòng Tài chính kế toán, Phòng Dân số; 09 khoa lâm sàng và cận lâm sàng: Khoa Hồi sức cấp cứu, Khoa Khám bệnh, Khoa Nội tổng hợp, Khoa Ngoại tổng hợp, Khoa Nhi, Khoa phụ sản, Khoa Truyền nhiễm, Khoa Xét nghiệm – Chẩn đoán hình ảnh, Khoa Dược; 04 khoa thuộc hệ y học dự phòng: Khoa Kiểm soát bệnh tật, Khoa Y tế công cộng và dinh dưỡng, Khoa Quản lý bệnh xã hội, Khoa An toàn thực phẩm.

Ngoài ra, Trung tâm còn có 03 phòng khám đa khoa: Phòng khám đa khoa Vĩnh Kim, Phòng khám đa khoa Dưỡng Điềm, Phòng khám đa khoa Tân Hương; 23 trạm y tế thị trấn, xã: thị trấn Tân Hiệp và 22 xã: Tân Hội Đông, Tân Hương, Tân Lý Đông, Tân Lý Tây, Thân Cửu Nghĩa, Tam Hiệp, Điềm Hy, Nhị Bình, Dưỡng Điềm, Đông Hòa, Hữu Đạo, Long An, Long Hưng, Bình Trưng, Thạnh Phú, Bàn Long, Vĩnh Kim, Bình Đức, Song Thuận, Kim Sơn, Phú Phong, Long Định. Bệnh viện thuộc Trung tâm Y tế huyện xếp hạng 3 với 180 giường bệnh.

Về trình độ chuyên môn, năm 2022, Trung tâm Y tế huyện Châu Thành có: Bác sĩ chuyên khoa 2: 01 ; Bác sĩ chuyên khoa 1: 30; Cử nhân đại học: 55; Cử nhân cao đẳng: 113; Trình độ khác: 209.

***Quân đội:**

Phòng khám đa khoa quân dân y tỉnh Tiền Giang

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng mang tính chất chăm sóc sức khỏe (Phòng khám) + Tính từ (Đa khoa: có nhiều khoa) + Loại hình y tế (quân dân y: Căn cứ Khoản 1 Điều 2 Nghị định 118/2018/NĐ-CP Quy định về công tác kết hợp quân dân y, có hiệu lực từ 30/10/2018, kết hợp quân dân y được quy định như sau: Kết hợp quân dân y là sự kết hợp giữa lực lượng quân y và lực lượng dân y nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của các lực lượng y tế nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe nhân dân, bộ đội và đáp ứng các tình huống về y tế) + Địa danh hành chính (tỉnh Tiền Giang).

- Khái quát Phòng khám đa khoa quân dân y tỉnh Tiền Giang

+ Địa chỉ: 211A, Ấp Mới, xã Long Định, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

+ Điện thoại: 02733632891

+ Email: quandanytg@yahooo.com

+ Cơ quan chủ quản: Sở Y tế tỉnh Tiền Giang - Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Tiền Giang

+ Tổng diện tích: 17.768 m²; diện tích sử dụng: 4.600 m²

+ Tổng số cán bộ, viên chức (2022): 17; trong đó: nam: 12; nữ: 05

Tiền thân của Phòng Khám đa khoa quân dân y Tiền Giang là Bệnh xá Quân y Long Định, Tiền Giang. Phòng Khám chính thức đi vào hoạt động trên tinh thần phối hợp giữa Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh và Sở Y tế tỉnh Tiền Giang theo Quyết định thành lập số: 4123/QĐ-UBND ngày 24/10/2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Phòng Khám có chức năng, nhiệm vụ: Điều trị bệnh cho người dân, cán bộ, sĩ quan, chiến sĩ, cán bộ hưu trí, cựu chiến binh, gia đình chính sách, gia đình có công, gia đình neo đơn có hoàn cảnh khó khăn,… trên địa bàn trong và ngoài tỉnh; khám tuyển quân; thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và chính trị do cấp trên chỉ đạo.

Năm 2022, Phòng Khám có chi bộ với 06 đảng viên; lãnh đạo đơn vị: 01 trưởng phòng (đồng thời là Bí thư chi bộ); công đoàn cơ sở có 15 công đoàn viên; Đoàn thanh niên có 05 đoàn viên.

Phòng Khám có: Khoa Khám - Cấp Cứu; Khu lưu bệnh điều trị nội trú; Khu Khám nội tổng hợp; Khu Khám ngoại tổng quát; Khu Tiểu phẫu; Phòng Khám Đông Y; các bộ phận cận lâm sàng bao gồm X quang, Siêu âm, Đo điện tim, Xét nghiệm, Dược; Khu Hành chánh có Ban Lãnh đạo, tổ chức, kế toán và 20 giường bệnh.

Về trình độ chuyên môn, năm 2022, Phòng Khám có: Bác sĩ đa khoa: 03; Bác sĩ chuyên khoa 1: 01; Cử nhân đại học: 04; Cử nhân cao đẳng: 03; Dược sĩ đại học: 02; Dược sĩ trung học: 01; trình độ chuyên môn khác: 02.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên tượng đài, bia lưu niệm (nghiên cứu, biên soạn thêm bia tưởng niệm, khu tưởng niệm, bia căm thù, bia mộ):**

Tượng đài:

Tượng đài là công trình xây dựng nhằm phục vụ yêu cầu ghi nhớ, tưởng niệm các sự kiện, các nhân vật lịch sử, được thể hiện bằng nghệ thuật điêu khắc kết hợp với nghệ thuật kiến trúc, ở những nơi công cộng, bằng các chất liệu bền vững, như đá, kim loại không gỉ, bê tông,…

1. Tượng đài Căm thù Chợ Giữa (Vĩnh Kim)

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Tượng đài) + Tính từ (Căm thù) + Công trình xây dựng (Chợ Giữa).

Sự kiện lịch sử:

Sau cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ (ngày 23-11-1940), thực dân Pháp huy động lực lượng quân sự đông đảo để càn quét trấn áp ý chí đấu tranh kiên cường của nhân dân ta. Các xã có phong trào khởi nghĩa mạnh, như Long Hưng, Đông Hòa, Vĩnh Kim, Kim Sơn,… đều bị địch càn quét với thủ đoạn thật tàn bạo, dã man, đặc biệt trong đó có làng Vĩnh Kim, nơi mà quân Pháp cho rằng đây là cơ quan chỉ huy của cuộc khởi nghĩa.

Chợ Giữa xưa[33] nằm ở làng Vĩnh Kim Đông thuộc tổng Thuận Bình, tỉnh Mỹ Tho (nay thuộc ấp Vĩnh Hoà, xã Vĩnh Kim, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang). Tại Chợ Giữa, vào một buổi sáng đầu tháng 12-1940, nhân dân ở các làng lân cận đổ về đây họp chợ, một số người dân do địch ruồng bố gắt gao cũng về đây tránh bom đạn. Vào giờ cao điểm chợ đang họp đông đúc, giặc đã cho máy bay ném hai quả bom xuống giữa chợ, bom nổ làm chết, bị thương rất nhiều người trong số đó có nhiều phụ nữ đang mang thai khiến cho các bào thai văng ra ngoài bụng mẹ.

Ném bom xong giặc Pháp xua quân bao vây chợ bắt những người còn sống sót kéo xác những người đã chết ném xuống hố bom không cho thân nhân, gia đình người bị nạn đem xác về chôn. Trong số đó, có người bị thương chưa chết, giặc vẫn cho chôn sống. Dưới sông gần chợ, ghe xuồng của nhân dân đi lại cũng bị chúng bắn giết bừa bãi, xác chết trôi đầy sông, máu loang đỏ cả một đoạn sông. Hơn 10 ngày sau, vì quá hôi thối nhân dân quanh chợ đấu tranh, địch mới cho thân nhân, gia đình đem xác về chôn nơi khác.

Theo báo cáo của chủ tỉnh Mỹ Tho Dufour, từ ngày 3 đến ngày 5-12-1940, địch đã càn quét bắt 400 người, từ ngày 6-12 đến cuối tháng 12-1940, bắt thêm 2500 người. Tổng cộng trong vòng 1 tháng chúng bắt được 2.900 người dân vô tội. Ngoài ra, thực dân Pháp còn đưa những người bị bắt ra xử tử hàng loạt. Chúng đem những người bị bắt về nhốt tại nhà việc làng Điều Hòa, Mỹ Tho rồi dùng dây thép gai xiên tay lại với nhau đày ra Côn Đảo.

Tượng đài Tượng đài Căm thù Chợ Giữa (Vĩnh Kim) được khánh thành năm 2004 trong khuôn viên có diện tích 600 m^2, tọa lạc tại Chợ Giữa (Vĩnh Kim), xã Vĩnh Kim, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Tượng đài do nhà điêu khắc Lương

---

[33] Chợ Giữa Vĩnh Kim (nay thuộc ấp Vĩnh Hòa, xã Vĩnh Kim, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang) còn gọi là chợ Đình Thung, do ông Cai đình Thung lập. Dân gian quen gọi là chợ Giữa vì chợ nằm ở vị trí trung tâm của các xã Long Hưng, Đông Hòa, Bình Trưng, Kim Sơn, Song Thuận, Phú Phong.

Văn Thạnh tạo mẫu, nặng 8 tấn, cao 4 m, được tạo tác bằng hợp kim đồng. Bức tượng thể hiện hình tượng người phụ nữ với nón lá, gióng gánh trong tư thế quỳ, một tay ôm đứa con đã chết, một tay cầm chiếc đòn gánh gãy, phía dưới là thúng, gióng, mắt hướng lên bầu trời nơi có máy bay giặc đang quần đảo, với ánh mắt đầy căm phẫn. Phía dưới tượng đài là dải tranh gốm sứ tái hiện cảnh thảm sát năm xưa.

Tượng đài Căm thù nằm trong khuôn viên Di tích Địa điểm vụ thảm sát Chợ Giữa - Vĩnh Kim. Di tích được Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận là Di tích lịch sử cách mạng cấp Quốc gia theo Quyết định số 62/QĐ-BVHTT ngày 27/11/2003.

Hằng năm, vào ngày 05-12, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Vĩnh Kim cùng các đoàn thể của xã tổ chức mít tinh kỷ niệm, có đông đảo đồng bào các xã lân cận và các gia đình nạn nhân trong vụ thảm sát về dự. Đây cũng là dịp để cho thế hệ trẻ biết và tự hào về những ngày tháng đấu tranh hào hùng của dân tộc.

2. Tượng đài Chiến thắng Giồng Dứa

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Tượng đài) + Sự kiện lịch sử (Chiến thắng Giồng Dứa).

Sự kiện lịch sử:

Thời xưa, Giồng Dứa là vùng đất hoang vu, hiểm trở, nên có câu ca dao:

Ai về Giồng Dứa qua truông,

Gió lay bông sậy để buồn cho em.

Giồng Dứa gắn liền với một chiến công oanh liệt của quân dân tỉnh Mỹ Tho (nay là tỉnh Tiền Giang) - Chiến thắng Giồng Dứa.

Vào ngày 25 hàng tháng, Bộ Chỉ huy quân Pháp ở Nam Bộ thường tổ chức một đoàn xe tiếp tế vũ khí, lương thực cho binh lính của bọn chúng ở các tỉnh miền Tây. Nắm được quy luật đó, Bộ Chỉ huy Khu 8 của ta quyết định tấn công đoàn xe này. Đúng 10 giờ ngày 25/4/1947, đoàn xe quân sự của địch lọt vào trận địa phục kích. Bộ đội ta anh dũng nổ súng tiến công. Bị đánh phủ đầu một cách bất ngờ, toàn bộ quân địch nhanh chóng tan rã. Sau 10 phút chiến đấu, ta giành thắng lợi hoàn toàn, phá hủy 14 xe quân sự; tịch thu nhiều vũ khí, đạn dược, quân trang, quân dụng; diệt nhiều tên địch, trong đó có những sĩ quan cao cấp của quân đội thực dân Pháp.

Chiến thắng Giồng Dứa đã gây chấn động lớn trong dư luận trong và ngoài nước, chứng tỏ bộ đội ta ngày càng lớn mạnh, hoàn toàn có khả năng đánh bại lực lượng địch đông hơn gấp nhiều lần và được trang bị hiện đại; đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho phong trào du kích chiến tranh phát triển mạnh mẽ ở chiến trường Khu 8. Chiến thắng này đã khiến cho quân địch càng hoang mang, dao động. Từ đây, địch buộc phải bố trí lực lượng cơ giới đi hộ tống các đoàn xe chở

quân, vũ khí, lương thực; và không dám rút bớt quân để tăng viện cho chiến trường chính miền Bắc.

Tượng đài Chiến thắng Giồng Dứa được Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Tiền Giang xây dựng năm 1985 trong khuôn viên Trường Quân sự Tiền Giang tại ấp Đông, xã Long Định, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Tượng đài gồm một cụm tượng với các nhân vật được thể hiện là một nữ dân quân, hai chiến sĩ vệ quốc đoàn và một nông dân thổi tù và đang trong tư thế tiến công dũng mãnh tiêu diệt địch. Phía dưới là bức phù điêu mô tả sinh động, hào hùng cảnh quân dân ta chiến đấu đốt xe địch.

Tượng đài do hai nhà điêu khắc Đỗ Như Cẩn và Phạm Mười tạo mẫu, dưới sự cố vấn của Thượng tướng Trần Văn Trà, người chỉ huy trận đánh năm xưa. Năm 2000, do nhu cầu mở rộng Quốc lộ 1, tượng đài đã được quy hoạch tôn tạo và di dời vào phía bên trong, cách vị trí cũ 40 m, trên diện tích gần 9.000 m^2 với các hạng mục: công viên, vườn hoa, cây cảnh, hồ nước bao bọc chung quanh. Tượng đài cao 7 m và phù điêu dài 24 m, được tạo tác bằng chất liệu bê tông cốt thép.

Di tích Chiến thắng Giồng Dứa được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia theo Quyết định số 62/2003/QĐ-BVHTT, ngày 27/11/2003 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

3. Tượng đài Chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Tượng đài) + Sự kiện lịch sử (Chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút).

Sự kiện lịch sử:

Khoảng tháng 12/1784, quân Xiêm tiến đến sông Tiền, đóng quân từ rạch Trà Lọt (Cái Bè) đến rạch Trà Tân (Cai Lậy), chuẩn bị tấn công Mỹ Tho. Cũng vào thời điểm này, quân Tây Sơn, do Nguyễn Huệ chỉ huy, vượt biển tiến vào Mỹ Tho.

Sau khi xem xét tình hình quân địch và địa bàn sông nước, Nguyễn Huệ quyết định chọn đoạn sông Tiền từ Rạch Gầm đến rạch Xoài Mút làm trận địa quyết chiến với quân Xiêm.

Đoạn sông này dài khoảng 7 km, ở giữa có cù lao Thới Sơn, hai bên bờ sông cây cối um tùm, cách Mỹ Tho khoảng 12 km. Nguyễn Huệ đã cho bố trí một trận địa mai phục lớn ở tại đây. Thủy quân được giấu trong các con rạch. Bộ binh và pháo binh được bố trí trên bờ và trên cù lao ở giữa sông.

Đêm ngày 19 rạng ngày 20/01/1785 (tức đêm mùng 9 rạng ngày mùng 10 tháng Chạp năm Giáp Thìn), nhằm lúc nước thủy triều lên, Nguyễn Huệ cho chiến thuyền tấn công khiêu khích quân địch. Sau một lúc chiến đấu, chiến thuyền Tây Sơn giả vờ thua bỏ chạy. Hai tướng giặc huy động toàn bộ lực lượng đuổi theo và lọt vào trận địa mai phục của quân Tây Sơn. Sau đợt công kích phủ đầu bằng pháo

binh, quân thủy - bộ Tây Sơn đồng loạt xông ra, chia cắt đội hình của quân địch và tấn công vô cùng dũng mãnh. Quân Xiêm hoàn toàn bị rối loạn, không còn khả năng chống trả, đành phải thua trận. Toàn bộ chiến thuyền của giặc bị đánh đắm. Quân Xiêm bị tiêu diệt gần hết; chỉ còn một số ít thoát được theo đường bộ trốn chạy về nước; Nguyễn Ánh cũng theo đám tàn quân chạy sang Xiêm. Sử triều Nguyễn ghi: "*Kể từ sau trận Giáp Thìn, người Xiêm sợ quân Tây Sơn như sợ cọp* ".

Trận thủy chiến Rạch Gầm - Xoài Mút là một trận đánh mai phục kết hợp với bao vây tiêu diệt. Muốn mai phục được ở một vùng đất có dân như ở Rạch Gầm - Xoài Mút thì vấn đề cốt lõi đầu tiên là nắm được lòng dân. Nơi ẩn náu kín đáo nhất và lợi hại nhất của quân Tây Sơn không phải là địa hình hiểm trở mà chính là lòng dân. Nhân dân Tiền Giang đã một lòng theo Tây Sơn. Điều này được thể hiện qua việc nhân dân hướng dẫn Nguyễn Huệ đi trinh sát địa bàn, cung cấp những chi tiết cần thiết về tình hình sông nước, thủy triều để ông thiết lập trận địa mai phục và lên phương án tác chiến; đồng thời, nhân dân đã giữ bí mật trận địa mai phục đến phút chót khiến quân địch không mải may nghi ngờ. Bên cạnh đó, nhân dân còn đóng góp lương thực, thực phẩm và các vật dụng, như dầu mù u, vỏ dừa khô,… để nghĩa quân chiến đấu tiêu diệt giặc Xiêm.

Ở Tiền Giang có câu ca dao:

Gái Mỹ Tho, mày tằm mắt phụng,

Giặc đến nhà chẳng vụng huơ đao.

Câu ca dao trên phản ánh việc phụ nữ nói riêng, nhân dân Tiền Giang nói chung đã tham gia đánh giặc cùng với quân Tây Sơn trong việc bảo vệ nền độc lập của Tổ quốc.

Thắng lợi của trận thủy chiến Rạch Gầm-Xoài Mút không chỉ là thắng lợi của quân Tây Sơn mà còn là thắng lợi của nhân dân Tiền Giang.

Lần đầu tiên trong lịch sử nước ta, nhân dân Nam bộ, trong đó có nhân dân Tiền Giang, cùng với quân Tây Sơn, dưới sự lãnh đạo tài ba của Nguyễn Huệ đã đánh bại sự xâm lược hung hãn của bọn phong kiến Xiêm và trừng trị đích đáng hành động "cõng rắn cắn gà nhà" của Nguyễn Ánh; giữ vững nền độc lập dân tộc và sự toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ thành quả khai hoang của nhân dân Nam bộ, tạo điều kiện để vùng đất này sớm trở thành vựa lúa lớn nhất của đất nước.

Đây cũng là lần đầu tiên trong lịch sử, một cuộc kháng chiến chống ngoại xâm do giai cấp nông dân đảm nhiệm. Chiến thắng Rạch Gầm-Xoài Mút đánh dấu một bước ngoặc cơ bản, một sự chuyển biến về chất của phong trào nông dân Tây Sơn: từ cuộc đấu tranh giai cấp, phong trào đã nhận lãnh sứ mệnh lịch sử vẻ vang là đi đầu trong cuộc đấu tranh dân tộc. Chính điều này đã làm cho uy tín của phong

trào Tây Sơn ngày càng được nâng cao trong nhân dân, tạo điều kiện thuận lợi cho phong trào và nhân dân Bắc hà đánh bại cuộc xâm lược của ngót 30 vạn quân Thanh (Trung Quốc) vào năm 1789.

Trận thủy chiến Rạch Gầm - Xoài Mút là một trong chiến công lẫy lừng của nhân dân ta, sánh cùng với những Bạch Đằng, Hàm Tử, Chi Lăng, Ngọc Hồi - Đống Đa, … oanh liệt. Thật là:

Bần gie đóm đậu sáng ngời,

Rạch Gầm - Xoài Mút muôn đời oai linh.

(Ca dao)

Tượng đài Chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút được khánh thành năm 2005, tác giả là nhà điêu khắc Nguyễn Hải, khắc họa vị anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ trong tư thế chỉ huy chiến đấu. Tượng làm bằng đồng, cao hơn 8 m, được đặt trên bệ cao mô phỏng hình chiến thuyền. Chính giữa là bức tượng Nguyễn Huệ oai phong đứng trên chiến thuyền đang rút gươm, bên dưới là người dân địa phương chèo thuyền và nghĩa quân giương nỏ nhìn về phía sông Tiền như đang chuẩn bị xông lên, tấn công quân Xiêm xâm lược.

Dưới chân tượng đài là khu nhà trưng bày, với dãy phù điêu bằng đồng bao bọc xung quanh. Hoa văn trên dãy phù điêu chạm khắc hình người và chim lạc được tác giả cách điệu từ mặt trống đồng. Trên vách bên trong nhà trưng bày là dãy tranh ghép gốm màu, gồm 4 chương: khẩn hoang, lập ấp, trận thủy chiến và khải hoàn, chiều cao 1,8 m có diện tích 57 m², hai mảng phù điêu chim muông với cây trái có diện tích 13 m² bằng chất liệu composite.

Di tích Chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút được công nhận Di tích cấp Quốc gia đặc biệt theo Quyết định số 2408/QĐ TTg ngày 31/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

*** Bia lưu niệm (Nghiên cứu, biên soạn thêm: Bia tưởng niệm, Khu tưởng niệm, bia căm thù, bia mộ):**

Bia lưu niệm/tưởng niệm:

Bia lưu niệm/tưởng niệm là vật được tạo tác dạng hình phiến dẹp có mặt phẳng, thường được làm bằng đá, kim loại, gỗ, bê tông cốt thép,… với kích thước thường có chiều cao lớn hơn chiều rộng, được dựng lên để lưu niệm/tưởng niệm danh nhân, sự kiện lịch sử, tổ chức chính trị - xã hội,…

Bia tưởng niệm "Bốn chiến sĩ khởi nghĩa Nam Kỳ tuẫn tiết tại Gò Me"

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bia tưởng niệm) + Sự kiện lịch sử (Bốn chiến sĩ khởi nghĩa Nam Kỳ tuẫn tiết tại Gò Me).

Gò Me tọa lạc tại ấp Long Bình B, xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Địa danh này gắn liền với sự kiện lịch sử bi tráng của dân tộc trong cuộc khởi nghĩa Nam kỳ. Đó là cuộc tuẫn tiết đầy khí phách anh hùng của bốn chiến sĩ cộng sản kiên cường: Lê Văn Giác, Nguyễn Văn Ghè, Nguyễn Văn Quới, Nguyễn Văn Huân.

1 giờ sáng ngày 23-11-1940, cuộc khởi nghĩa Nam kỳ ở tỉnh Mỹ Tho bùng nổ với tâm điểm là xã Long Hưng. Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Mỹ Tho và sự chỉ huy trực tiếp của Ủy ban khởi nghĩa tỉnh, quần chúng nhân dân và lực lượng võ trang đã đồng loạt nổi dậy và tiến đánh địch ở toàn địa bàn huyện Châu Thành, lật đổ hầu như toàn bộ chính quyền địch ở cơ sở.

Ngay sau đó, chính quyền thực dân tỉnh Mỹ Tho huy động lực lượng hùng hậu để đàn áp. Cuộc khởi nghĩa bị dìm trong biển máu. Ngày 04/01/1941, quân Pháp tổ chức một trận càn quét với quy mô lớn vào Long Hưng. Nghĩa quân đã kiên cường đánh trả. Nhưng do tương quan lực lượng có sự chênh lệch quá lớn, nên lực lượng cách mạng phải rút vào Gò Me cố thủ. Đến 6 giờ 30 phút ngày hôm sau (tức ngày 05/01/1941, nhằm ngày 8 tháng 12 năm Canh Thìn), sau khi bắn đến viên đạn cuối cùng, bốn ông Nguyễn Văn Ghè (Tỉnh ủy viên tỉnh Mỹ Tho, Bí thư Huyện ủy Châu Thành, ủy viên Ban Khởi nghĩa tỉnh Mỹ Tho), Nguyễn Văn Quới (Huyện ủy viên huyện Châu Thành, ủy viên Ban Khởi nghĩa tỉnh Mỹ Tho), Lê Văn Giác (ủy viên Ban Khởi nghĩa tỉnh Mỹ Tho, Bí thư Chi bộ đầu tiên của xã Long Hưng), Nguyễn Văn Quân (cán bộ huyện Châu Thành, phụ trách Chi bộ xã Bình Trưng) đã quyết định tuẫn tiết để không sa vào tay giặc, bảo vệ cơ sở Đảng và cách mạng. Hành động vị quốc vong thân của Bốn Ông và địa danh Gò Me đã đi vào lịch sử dân tộc, sống mãi ngàn thu.

Di tích được xây dựng vào năm 1985, trùng tu năm 1994 và 2010. Với diện tích khoảng 2.000 m^2, di tích có 2 hạng mục: Miếu thờ, bia lưu niệm. Bia được làm bằng bê- tông cốt thép, hình chữ nhật, bên chân phải bia có cách điệu biểu tượng bông lúa. Nội dung bia khắc những dòng chữ:

"Nơi đây vào lúc 6 giờ 30 phút ngày 8 tháng 12 năm Canh Thìn (05/01/1941) bốn đồng chí đã tự cắt cổ tử tiết để khỏi rơi vào tay giặc Pháp: Nguyễn Văn Ghè - Tỉnh ủy viên, Ban khởi nghĩa của tỉnh, Bí thư Huyện ủy Châu Thành; Nguyễn Văn Quới - Huyện ủy viên Châu Thành, Ban khởi nghĩa của tỉnh; Lê Văn Giác - Ban khởi nghĩa của tỉnh, Bí thư chi bộ đầu tiên của xã Long Hưng; Nguyễn Văn Quân - Cán bộ huyện phụ trách chi bộ xã Bình Trưng (huyện Châu Thành)".

Bia nằm trong khuôn viên Di tích Gò Me. Di tích này được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15/02/2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Bia mộ:

Bia mộ là phần được tạo tác bằng đá, xây trước mộ. Trên bia mộ có ghi một số thông tin như: họ tên, ngày/tháng/năm sinh, ngày/tháng/năm mất của người quá cố, ghi chép tóm tắt tiểu sử và công trạng của người mất.

Bia mộ Phan Hiển Đạo

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bia mộ) + Nhân vật lịch sử (Phan Hiển Đạo).

Phan Hiển Đạo sinh năm 1822 tại thôn Vĩnh Kim Đông, huyện Kiến Hưng, tỉnh Định Tường (nay là xã Vĩnh Kim, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang).

Thuở nhỏ, ông nổi tiếng thông minh, hiếu học và học giỏi. Năm 1847, tại khoa thi Hương được tổ chức ở Gia Định, ông đỗ Cử nhân hạng ba; và là người duy nhất của tỉnh Định Tường (nay là tỉnh Tiền Giang) được đăng khoa ở khoa thi này.

Sau đó, ông lại khăn gói ra kinh đô Huế tiếp tục dùi mài kinh sử. Tại đây, sau những giờ cần mẫn đèn sách, ông còn cất công đi tìm các thầy dạy nhạc ở chốn cung đình để thọ giáo môn âm nhạc. Vì thế, ông có kiến thức nhất định về âm nhạc truyền thống của dân tộc, nhất là âm nhạc bác học và dân gian Huế. Đồng thời, ông còn biết sử dụng nhiều loại nhạc khí; trong đó, điêu luyện nhất là đàn tranh và đàn kìm.

Giữa lúc quan niệm "*xướng ca vô loại*" của Nho giáo đang ngự trị trong xã hội; thì việc học nhạc của ông - vốn là người xuất thân từ cửa Khổng sân Trình - được xem là một hành động cách tân và dũng cảm. Ông đã tiếp nối truyền thống yêu chuộng âm nhạc của dân tộc nói chung và của nhân dân tỉnh Định Tường nói riêng. (Sách *Đại Nam nhất thống chí*, ở mục Phong tục của tỉnh Định Tường, có ghi rằng: "*Người ở đây hay múa hát làm vui*").

Năm 1856, ông cùng với hàng ngàn sĩ tử của mọi miền đất nước bước vào kì thi Hội được tổ chức tại kinh đô Huế. Kết quả, khoa thi đó, cả nước chỉ có sáu người đỗ Chánh bảng và một người đỗ Phó bảng; trong đó, ông được đăng khoa ở Chánh bảng và nhận học vị Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân.

Sau khi được nhà vua ban áo mão Tiến sĩ, ông "*vinh quy bái tổ*" về quê nhà; và được nhân dân tiếp đón nồng hậu; bởi vì, cho đến lúc đó, ông là vị Tiến sĩ đầu tiên của tỉnh Định Tường và là một trong số rất ít Tiến sĩ của cả Nam Kỳ lục tỉnh hồi nửa đầu thế kỷ 19.

Sau đó, ông được triều đình bổ chức Đốc học tỉnh Định Tường. Từ đó, ông đã đem hết tâm huyết và năng lực phục vụ sự nghiệp giáo dục của tỉnh nhà. Bên cạnh đó, ông còn ra sức quảng bá âm nhạc truyền thống dân tộc ở địa phương; nhất là ở Vĩnh Kim, để khiến nơi này sau đó trở thành một trong những "*cái nôi*" của nghệ thuật ca nhạc tài tử Nam bộ.

Năm 1861, thực dân Pháp chiếm tỉnh Định Tường. Trước sự thay đổi của thời cuộc, ông lui về ở ẩn tại quê nhà, bất hợp tác với địch; mặc dù, bọn chúng đã nhiều lần sai Tôn Thọ Tường đến Vĩnh Kim Đông, vừa mua chuộc, vừa ép buộc ông phải ra làm việc cho Pháp.

Năm 1864, ông đến Vĩnh Long, xin gặp Phan Thanh Giản; nhưng không được vị Khâm sai đại thần này tiếp. Không những thế, Phan Thanh Giản còn nghi ngờ ông khiếp nhược đầu hàng giặc. Không thể chịu đựng nổi oan ức, ông lặng lẽ trở về quê nhà tự vẫn.

Giữa lúc ở Nam Kỳ đã xuất hiện những tên tay sai có cỡ như Trần Bá Lộc, Huỳnh Văn Tấn, Tôn Thọ Tường,…; thì việc ông không để giặc lợi dụng và tìm đến cái chết là một hành động đáng quý. Nó nói lên sự thanh khiết, lòng yêu nước của một trí thức chân chính.

Khu mộ Phan Hiển Đạo tọa lạc tại xã Vĩnh Kim, huyện Châu Thành, được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15 tháng 2 năm 2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Về bia mộ của ông, ở Vĩnh Kim có ông Phan Bộ Tam gốc người Minh Hương viết văn bia minh oan cho Phan Hiển Đạo. Bia mộ của Phan Hiển Đạo được chạm khắc chữ chìm trên đá, cao khoảng 1 m, rộng khoảng 0,7 m, đặt ở trước mộ của ông.

Nội dung bia mộ (bản dịch của Tiến sĩ Văn học Võ Phước Lộc):

"Ông huý Đạo tự ... họ Phan, đậu tiến sĩ làm quan đến Học chính tỉnh Định Tường.

Năm Tự Đức... bọn Pháp Lang đến cướp nước, các nơi đều mất, ông bất khuất qua đời và chôn ở làng Vĩnh Kim Đông.

Than ôi! Sĩ cùng thấy tiết nghĩa. Đời loạn rõ trung thần.

Nay quốc gia đang lúc bên trong không sinh lo nghĩ, bên ngoài chưa khỏi hoạn nạn. Người đương thời nói với nhau rằng: "Nếu ông ấy chẳng phải trung thần, nếu ông ấy chẳng phải là liệt sĩ thì cũng là người cứng cỏi vì giận lời đồn đại hoặc cũng là người mềm lòng ví giận hiện tượng bên ngoài, nên lâm nạn, miễn bàn..."

Ông của tôi bỗng chốc gặp vận nước gian nan có thể cởi mũ về quê hoặc mở cửa thành ra hàng giặc để được toàn thân bảo vệ vợ con. Ví dù đã như vậy, tôi nghe tiếng Phan công, lòng cũng hổ thẹn lắm. Tuy nhiên, nếu Phan ông không phải là học trò mà tự tìm cái chết, thì cũng đáng trách vậy. Đương thời trọng nghĩa Cần Vương, chí mong khôi phục. Nếu như trời không bắt tội khổ sở, thì cũng có thể giành lại được. Giúp vua được việc là tốt không giúp được việc tự tìm cái chết là việc kế đó. Vì ông đã tự tìm cái chết , nên lòng kẻ này mới được yên ổn.

Đầu tiên chẳng cần ai biết đến, tuy nhiên cái chết của ông cũng tự nhiên nổi danh bất hủ.

Không ai chờ đợi bài minh, cũng chẳng ai suy tính hẹp hòi nên tôi mới vui vẻ làm bài minh này.

Há có một mình tôi xiển dương cái đức để đền ơn cho bậc cố lão, mong làm gương cho bọn bầy tôi có hai lòng ở trong thiên hạ đời sau vậy.

Có bài minh rằng:

Lấy trung làm đạo tốt là sự tích. Sanh mà chết nhưng bị tiếng gian, thì chỉ có cách khắc ghi trên đá, để làm gương cho kẻ làm tôi vậy.

Đường cử nhân Phan Bộ Tam".

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên công viên/vườn hoa, rạp hát:**

Công viên/Vườn hoa:

Khái niệm:

- Công viên là khu vực được trồng cây xanh tập trung trong một diện tích đất lớn nhằm mục đích phục vụ công cộng, là nơi sinh hoạt ngoài trời, nghỉ ngơi, thư giãn, vui chơi, giải trí, tập luyện thể dục, nơi tổ chức các hoạt động văn hóa - xã hội đáp ứng nhu cầu của nhân dân. Ngoài cây xanh, công viên còn có các công trình kiến trúc và công trình hạ tầng kỹ thuật đồng bộ. Phạm vi quản lý một công viên bao gồm diện tích bên trong công viên và vỉa hè của công viên đó.

- Vườn hoa: Loại công viên hoặc vườn nhỏ ở đô thị trong đó có trồng nhiều hoa. Có thể đứng độc lập hoặc gắn với công trình kiến trúc, có tác dụng tăng thẩm mỹ cho cảnh quan đô thị.

Công viên Tân Hội Đông

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Công viên) + Địa danh hành chính (Xã Tân Hội Đông).

Công viên được khánh thành năm 2015, tọa lạc tại xã Tân Hội Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, diện tích 1.120 m², hệ thực vật gồm có các loài hoa và cây thấp tầng tạo cảnh quan; 01 bệ bê tông cao 3 m, ốp gạch giả đá, trên mặt bệ có tượng chim bồ câu trắng, đèn chiếu sáng, hệ thống điện nước, thiết bị tập thể dục ngoài trời, ghế đá,…

Rạp hát:

Khái niệm:

Rạp hát là nơi để biểu diễn các tác phẩm âm nhạc, sân khấu (kịch, cải lương, chèo, tuồng,…), điện ảnh,…

Rạp Kim Quang

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Rạp hát) + Địa danh Hán Việt (Kim: 金: Vàng, tiền; Quang: 光: Sáng, quang đãng).

Rạp Kim Quang được xây dựng vào khoảng cuối thập niên 1950, là rạp chiếu phim và biểu diễn cải lương, 400 chỗ ngồi, tọa lạc tại Ấp Me, thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Từ năm 2006, do sự phát triển của Internet, rạp phải dừng hoạt động và được Công ty cổ phần Sách và Dịch vụ văn hóa Long An thuê kinh doanh với tên gọi Nhà sách Tân Hiệp.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên chợ:**

Chợ

- Theo Hoàng Phê trong *Từ điển Tiếng Việt*, "Chợ là nơi công cộng, để đông người đến mua và bán trong những buổi, ngày nhất định"[34].

- *Từ điển Bách khoa Việt Nam* ghi: "Chợ là nơi gặp nhau giữa nơi cung và cầu các hàng hóa, dịch vụ, vốn; là nơi tập trung mua bán hàng hóa giữa người sản xuất, người mua bán và người tiêu dùng"[35].

- Trong quyển *Gốc và Nghĩa của Từ Việt thông dụng*, Vũ Xuân Phái định nghĩa: "Chợ là nơi tụ họp buôn bán"; "chợ búa là nơi tụ họp bày bán hàng hóa, để buôn bán trong làng, xóm (thời xưa) hay cái chợ là nơi quy định mua bán"[36].

- Theo Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, "Chợ là loại hình kinh doanh thương mại được hình thành và phát triển mang tính truyền thống, được tổ chức tại một địa điểm theo quy hoạch, đáp ứng nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hoá và nhu cầu tiêu dùng của khu vực dân cư"[37].

Chợ đầu mối

Theo Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, "Chợ đầu mối: là chợ có vai trò chủ yếu thu hút, tập trung lượng hàng hóa lớn từ các nguồn sản xuất, kinh doanh của khu vực kinh tế hoặc của ngành hàng để tiếp tục phân phối tới các chợ và các kênh lưu thông khác"[38].

---

[34] Hoàng Phê (2000), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng, tr.165.

[35] *Từ điển Bách khoa Việt Nam (2003),* NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội, tr.22.

[36] Vũ Xuân Phái *(2009)*, *Gốc và Nghĩa của Từ Việt thông dụng*, NXB Trẻ, tr.162.

[37] Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1.

[38] Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1.

Phân loại chợ

Tùy vào mục đích và tiêu chí, người ta phân loại chợ theo nhiều cách khác nhau: Phân loại chợ theo điều kiện môi sinh; Phân loại chợ theo số lượng hộ kinh doanh, vị trí và mặt bằng của chợ (theo quy mô: chợ loại I, chợ loại II và chợ loại III); Phân loại chợ theo tính chất mua bán (chợ bán buôn và chợ bán lẻ); Phân loại chợ theo đặc điểm mặt hàng kinh doanh (chợ tổng hợp và chợ chuyêndoanh); Theo địa giới hành chính (chợ đô thị và chợ nông thôn); Phân loại theo tính chất và quy mô xây dựng (chợ kiên cố, chợ bán kiên cố, chợ tạm).

- Trong công trình nghiên cứu "Chợ nổi đồng bằng sông Cửu Long từ góc nhìn văn hóa học", Đặng Thị Hạnh đã lập bảng phân loại chợ như sau[39]:

STT	TIÊU CHÍ PHÂN LOẠI	LOẠI HÌNH CHỢ
1	Theo thời gian họp chợ	- Chợ sáng - Chợ hôm - Chợ chiều - Chợ đêm - Chợ phiên
2	Theo lịch sử	- Chợ truyền thống - Chợ hiện đại (siêu thị)
3	Theo khu vực địa lý	- Chợ quê - Chợ ven đô - Chợ đô thị - Chợ đồng bằng - Chợ miền núi
4	Theo quy mô hành chánh	- Chợ làng - Chợ xã (liên làng) - Chợ huyện (liên xã) - Chợ thị trấn

[39] Đặng Thị Hạnh (2012), *Chợ nổi đồng bằng sông Cửu Long từ góc nhìn văn hóa học*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh, tr.41.

		- Chợ thị xã
5	Theo tính chất, quy mô trao đổi hàng hóa	- Chợ đầu mối - Chợ bán lẻ - Chợ chuyên doanh - Chợ tổng hợp
6	Theo loại hình hàng hóa bán chủ yếu tại chợ	- Chợ vải - Chợ trâu - Chợ trái cây - Chợ hải sản
7	Theo quy mô xây dựng	- Chợ kiên cố - Chợ bán kiên cố - Chợ tạm

- Trong quyển *Chợ quê trong quá trình biến đổi*, Lê Thị Mai đã phân chia chợ ra thành nhiều loại hình khác nhau, với những tiêu chí khác nhau như sau[40]:

+ Thời gian hợp chợ có: Chợ sáng, chợ hôm, chợ chiều, chợ đêm, chợ phiên

+ Theo khu vực, địa vực có: chợ quê, chợ đô thị, chợ ven đô, chợ đồng bằng, chợ trung du, chợ miền biển…

+ Theo quy mô hành chánh có: Chợ làng, chợ xã (liên làng), chợ huyện (liên xã), chợ thị trấn, chợ thị xã,...

+ Theo tính chất, quy mô trao đổi hàng hóa có: Chợ đầu mối, chợ bán lẻ, chợ chuyên doanh, chợ tổng hợp,…

+ Theo loại hình hàng hóa bán tại chợ có: chợ vải, chợ trâu, chợ lụa, chợ trái cây, chợ nông sản,…

Trong đề tài này, nhóm tác giả chọn cách phân loại chợ theo Nghị định 02/2003/NĐ - CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ[41]:

---

[40] Lê Thị Mai (2004), *Chợ quê trong quá trình chuyển đổi*, NXB Thế Giới, tr.41.

[41] Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1.

- *Chợ loại 1:* Là chợ có trên 400 điểm kinh doanh chợ, được đầu tư xây dựng kiên cố, hiện đại theo quy hoạch; được đặt ở các vị trí trung tâm kinh tế thương mại quan trọng của tỉnh, thành phố hoặc là chợ đầu mối của ngành hàng, của khu vực kinh tế và được tổ chức họp thường xuyên; có mặt bằng phạm vi chợ phù hợp với quy mô hoạt động của chợ và tổ chức đầy đủ các dịch vụ tại chợ: trông giữ xe, bốc xếp hàng hóa, kho bảo quản hàng hóa, dịch vụ đo lường, dịch vụ kiểm tra chất lượng hàng hóa, vệ sinh an toàn thực phẩm và các dịch vụ khác.

- *Chợ loại 2:* Là chợ có trên 200 điểm kinh doanh, được đầu tư xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố theo quy hoạch; được đặt ở trung tâm giao lưu kinh tế của khu vực và được tổ chức họp thường xuyên hay không thường xuyên; có mặt bằng phạm vi chợ phù hợp với quy mô hoạt động chợ và tổ chức các dịch vụ tối thiểu tại chợ: trông giữ xe, bốc xếp hàng hóa, kho bảo quản hàng hóa, dịch vụ đo lường.

- *Chợ loại 3:* Là các chợ có dưới 200 điểm kinh doanh hoặc các chợ chưa được đầu tư xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố. Chủ yếu phục vụ nhu cầu mua bán hàng hóa của nhân dân trong xã, phường và địa bàn phụ cận.

Quy mô chợ

Theo Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, có chợ kiên cố và chợ bán kiên cố[42]:

- Chợ kiên cố: là chợ được xây dựng bảo đảm có thời gian sử dụng trên 10 năm.

- Chợ bán kiên cố: là chợ được xây dựng bảo đảm có thời gian sử dụng từ 5 đến 10 năm.

Chợ ở huyện Châu Thành:

1. Chợ Bình Đức

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Bình Đức).

Chợ loại 3, ở xã Bình Đức, huyện Châu Thành, diện tích 591 m², có 121 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, đồ gia dụng, kim khí điện máy, tạp hóa,…

2. Chợ Bưng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh Việt gốc Khmer (Bưng).

---

[42] Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1.

Theo Lê Trung Hoa trong quyển *Địa danh ở Thành phố Hồ Chí Minh*, bưng có nghĩa là "*hồ to, chỉ chỗ đất trũng giữa đồng, đọng nước, có nhiều cây mọc, như đưng, đế, lác,...*". Trong tiếng Việt, âm **â** có thể được gọi trại thành âm **ư**; ví dụ: v**â**ng lịnh - v**ư**ng lịnh; d**â**ng cơm - d**ư**ng cơm; n**â**ng - n**ư**ng; t**ầ**ng - t**ừ**ng; v**ầ**ng - v**ừ**ng. Do đó, **Bâng** hoàn toàn có thể được gọi trại thành **Bưng**)[43].

Theo Vương Hồng Sển trong quyển *Tự vị tiếng nói miền Nam*, bưng "*là đất sình lầy lấp xấp nước, cá tôm ở nhiều, cỏ lác mọc loạn xạ. Bưng là do tiếng Khmer là "trapéang" đổi ra "péang", bâng, bưng nói dồn lại*"[44].

Theo Trần Minh Thương, "*Bưng"* được Việt hóa từ chữ *tra - péang*: *vũng, ao*; lúc đọc là *trà bang, trà vang*; sau rút lại còn *bang* rồi biến âm theo cách nói người miền Nam thành *bưng, như ca dao có câu: "Trắng da vì bởi má cưng/Đen da vì bởi lội **bưng** vớt bèo"*[45].

Theo *Địa chí Tiền Giang*, bưng là đất sình lầy, nước lắp xắp, cá tôm ở nhiều, cỏ lác mọc loạn xạ[46].

Chợ Bưng là chợ loại 3, ở xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành, diện tích 600 m², có 60 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, đồ gia dụng, tạp hóa,…

3. Chợ Đông Hòa

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Đông Hòa).

Chợ loại 3, ở xã Đông Hòa, huyện Châu Thành, diện tích 1.612 m², có 60 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, đồ gia dụng, tạp hóa,…

4. Chợ Rạch Gầm

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Âm thanh của động vật (Cọp Gầm, gọi tắt thành Gầm) hoặc Âm thanh của người đàn ông (Ông Gầm, gọi tắt thành Gầm) hoặc Thực vật (Cây gằm, gọi trại thành Gầm) hoặc Động vật (Tiếng Khmer Ca Răm: Con Cọp).

- Rạch: là dòng nước tự nhiên, nhỏ hơn sông, ghe thuyền đi lại được. Ở Trung Bộ và Bắc Bộ hoàn toàn vắng mặt từ này. Còn ở Nam Bộ, nó hết sức phổ biến[47].

---

[43] Lê Trung Hoa (1991), *Địa danh ở Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Khoa học xã hội, trang 63.
[44] Vương Hồng Sển (1998), *Tự vị tiếng nói miền Nam*, Nxb Trẻ, trang 48.
[45] Trần Minh Thương, *Tiếng Việt gốc Khmer trong ngôn ngữ bình dân ở miền Tây Nam Bộ - nhìn từ góc độ ca dao*, Nguồn: http://khoavanhoc.edu.vn, ngày 24/02/2015.
[46] Trần Hoàng Diệu – Nguyễn Quang Ân (2007), *Địa chí Tiền Giang (tập 2)*, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tiền Giang và Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, trang 542.
[47] Lê Trung Hoa (2012), *Từ địa phương chỉ địa hình trong địa danh Nam Bộ*, Tạp chí Ngôn ngữ số 4, 2012, trang 37.

Theo Lê Trung Hoa, rạch là tiếng Việt gốc Khmer *Prêk*, có nghĩa là *Dòng sông nhỏ*. Về ngữ âm, *prêk* có thể chuyển hóa thành *rạch*. Trong tiếng Việt, hiện tượng tổ hợp phụ âm đầu có âm lỏng "r" bị rụng âm "r" là điều rất phổ biến, như crème thành kem, frein thành phanh (thắng xe), fromage thành phó mát hay phô mai, (tấm) drap thành (tấm) ra: tấm trải giường, grève - (làm) reo: biểu tình. Như vậy, ***Pr*** hoàn toàn có khả năng chuyển thành ***R***. Âm tiết ***êk*** có thể chuyển thành ách, như méc - mách, (cù) léc - (cù) nách, vêk mục (tiếng Khmer) - vạch mặt[48].

- Về từ "Gầm" có nhiều cách giải thích khác nhau:

+ Cách thứ nhất: Ngày xưa, Rạch Gầm là một vùng đất hoang vu. Thuở đó, khi những người Việt tiền phong đến đây khẩn đất, lập điền, thì chỉ thấy toàn là rừng rậm, cây cối mịt mùng, còn dã thú nhiều không sao kể, nhất là cọp. Tiếng rống của cọp vang dậy cả một vùng, nên những người đi khai hoang đặt tên là rạch Cọp Gầm, rồi về sau, gọi trại thành Rạch Gầm.

- Cách thứ hai: Thuở xưa, tại vùng đất Rạch Gầm ở bên bờ tả ngạn sông Tiền và Phú Túc ở bên bờ hữu ngạn (nay thuộc tỉnh Bến Tre), trời đất tối tăm, mịt mù. Bỗng một đêm nọ, trời mưa như trút nước, sấm chớp nổi lên đùng đùng. Bất chợt, có tiếng gầm từ bờ bên này vang sang bờ bên kia; rồi sau đó, có tiếng hét dội lại, như đối đáp nhau. Đến sáng ra, trời quanh mây tạnh, phong cảnh sáng sủa, tươi tốt. Nhờ vậy, dân chúng làm ăn ngày càng khấm khá, phát đạt. Để ghi lại chuyện này, nhân dân đặt tên cho con rạch ở bờ tả ngạn là rạch Ông Gầm, sau đó gọi tắt là Rạch Gầm, còn con rạch ở bờ hữu ngạn đối diện thuộc cù lao Phú Túc là rạch Bà Hét.

Với cách giải thích thứ nhất và thứ hai, rạch Gầm là địa danh gọi tắt từ rạch Cọp Gầm hay rạch ông Gầm mà ra. Như vậy, rạch Cọp Gầm hay rạch Ông Gầm là địa danh có ba âm tiết. Các địa danh loại này được lược bỏ âm tiết ở giữa là hiện tượng thường xảy ra, như cầu Xóm Kiệu - cầu Kiệu (Thành phố Hồ Chí Minh), sông Ông Đốc - sông Đốc (Cà Mau),…

- Cách thứ ba: Theo tác giả Việt Tuấn trong bài "Rạch Gầm – Xoài Mút" được in trong quyển *Các di tích lịch sử - văn hóa quốc gia tại tỉnh Tiền Giang*, Rạch Gầm có xuất xứ từ tiếng Khmer: Ca Răm, có nghĩa là Con Cọp. Ca Răm gọi trại thành Gầm[49].

Chợ Rạch Gầm là chợ loại 3, ở xã Kim Sơn, huyện Châu Thành, diện tích 1.700 m², có 33 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, tạp hóa,…

---

[48] Lê Trung Hoa (1991), *Địa danh Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Khoa học xã hội, trang 87.

[49] Nhiều tác giả (2000), *Các di tích lịch sử - văn hóa quốc gia tại tỉnh Tiền Giang*, Sở Văn hóa - Thông tin Tiền Giang, trang 45.

5. Chợ Giữa Vĩnh Kim

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Vị trí (Giữa: chợ này nằm ở vị trí trung tâm của các địa phương xunh quanh, như Đông Hòa, Bình Trưng, Long Hưng, Kim Sơn, Song Thuận,...) + Địa danh hành chính (xã Vĩnh Kim).

Sách Địa chí Tiền Giang năm 2005 viết: "*Chợ Giữa còn gọi là chợ Đình Thung do ông Cai đình tên là Thung lập, nằm ngã ba Rạch Gầm và rạch Chà Là*".

Chợ loại 2, ở xã Vĩnh Kim, huyện Châu Thành, diện tích 3.308 m², có 245 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, kim khí điện máy, quần áo, giày dép, kim khí điện máy, nữ trang, đồ gia dụng, nông cụ, tạp hóa,…

6. Chợ Gò Lũy (Chợ Kháng Chiến)

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa hình thiên nhiên (Gò: Khoảng đất nổi cao lên giữa nơi bằng phẳng) + Công trình xây dựng (Lũy: công trình được làm bằng đất, bao quanh chỗ đóng quân).

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Động từ (Kháng chiến: Chiến đấu chống quân xâm lược để bảo vệ nền độc lập, tự do của đất nước). Gò Lũy là vùng căn cứ cách mạng trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Vì thế, chợ ở đây còn được gọi là chợ Kháng Chiến.

Chợ loại 3, ở xã Nhị Bình, huyện Châu Thành, diện tích 1.000 m², có 34 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, tạp hóa,…

7. Chợ Long An

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Long An).

Chợ loại 3, ở xã Long An, huyện Châu Thành, diện tích 1.000 m², có 27 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, tạp hóa,…

8. Chợ Long Định

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Long Định).

Chợ loại 2, ở xã Long Định, huyện Châu Thành, diện tích 2.670 m², có 225 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, quần áo, giày dép, nông cụ, nữ trang, kim khí điện máy, đồ gia dụng, trái cây, tạp hóa,…

9. Chợ Phú Phong (Chợ Rau Răm)

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Phú Phong).

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Thực vật (Rau Răm). Ở đây có rạch Rau Răm, là rạch có nhiều người trồng rau răm. Chợ Rau Răm được xây cất bên bờ rạch Rau Răm.

Chợ loại 3, ở xã Phú Phong, huyện Châu Thành, diện tích 3.483 m², có 81 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, quần áo, giày dép, đồ gia dụng, tạp hóa,…

10. Chợ Tân Hiệp (Chợ Trấn Định)

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (thị trấn Tân Hiệp).

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính xưa (Trấn Định: do dinh Trấn Định gọi tắt. Thôn Tân Hiệp xưa từng là lỵ sở của danh Trấn Định).

Chợ loại 2, ở thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu Thành, diện tích 1.984 m², có 273 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, quần áo, giày dép, nông cụ, nữ trang, kim khí điện máy, đồ gia dụng, trái cây, tạp hóa,…

11. Chợ Tân Hội Đông

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Tân Hội Đông).

Chợ loại 3, ở xã Tân Hội Đông, huyện Châu Thành, diện tích 1.411 m², có 110 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, quần áo, giày dép, đồ gia dụng, tạp hóa,…

12) Chợ Tân Hương

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Tân Hương).

Chợ loại 3, ở xã Tân Hương, huyện Châu Thành, diện tích 776 m², có 93 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, quần áo, giày dép, đồ gia dụng, tạp hóa,…

13. Chợ Tân Lý Đông

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Tân Lý Đông).

Chợ loại 3, ở xã Tân Lý Đông, huyện Châu Thành, diện tích 1296 m², có 130 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, quần áo, giày dép, đồ gia dụng, tạp hóa,…

14. Chợ Tân Lý Tây

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Tân Lý Tây).

Chợ loại 3, ở xã Tân Lý Tây, huyện Châu Thành, diện tích 596 m², có 93 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, quần áo, giày dép, đồ gia dụng, tạp hóa,…

15. Chợ Thân Hòa

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh Hán Việt (Thân: 親 Thân; Ruột thịt, thương yêu, đáng tin cậy (Theo *Địa bạ Định Tường*, trang 162); Hòa: 和: Hoà hợp, hoà thuận).

Chợ loại 3, ở xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành, diện tích 400 m², có 45 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, đồ gia dụng, tạp hóa,…

16. Chợ Thuộc Nhiêu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Chức vụ ở làng xã thời xưa (Thuộc: đơn vị hành chính cuối thế kỷ XVIII, tương đương "tổng" trong nửa đầu thế kỷ XIX, đứng đầu "thuộc" là Cai thuộc) + Tên người (Nguyễn Văn Nhiêu: giữ chức Cai thuộc, nên dân gian gọi tắt là Thuộc Nhiệu. Ông là người miền trung, có công quy tập dân chúng khẩn hoang vùng Dưỡng Điềm ngày nay và lập chợ Thuộc Nhiêu).

Chợ loại 3, ở xã Dưỡng Điềm, huyện Châu Thành, diện tích 1.054 m², có 143 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, quần áo, giày dép, đồ gia dụng, tạp hóa, heo thừa vú,…

17. Chợ Trái cây Vĩnh Kim

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Thực vật (Trái cây) + Địa danh hành chính (xã Vĩnh Kim).

Chợ loại 2, ở xã Vĩnh Kim, huyện Châu Thành, diện tích 27.414 m², có 288 hộ chuyên kinh doanh trái cây các loại,… cung cấp trái cây cho cả nước và xuất khẩu.

18. Chợ Xoài Hột

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Thực vật (Xoài Hột: loại xoài rừng, trái nhỏ, hột to, cơm ít, dân gian gọi là xoài hột hay xoài mút).

Chợ loại 3, ở xã Thạnh Phú, huyện Châu Thành, diện tích 1.500 m², có 76 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, quần áo, giày dép, đồ gia dụng, tạp hóa,…

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên khu công nghiệp, kho, trạm:**

Khu công nghiệp:

Khu công nghiệp là khu vực có ranh giới địa lý xác định, chuyên sản xuất hàng công nghiệp và thực hiện dịch vụ cho sản xuất công nghiệp, được thành lập theo điều kiện, trình tự và thủ tục quy định tại Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ.

Khu công nghiệp Tân Hương

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Khu công nghiệp) + Địa danh hành chính (Xã Tân Hương).

Khái quát Khu công nghiệp Tân Hương:

Khu công nghiệp Tân Hương được thành lập năm 2006 theo Giấy Chứng nhận đầu tư số 53211000001 ngày 20/11/2006 do Ban Quản lý các khu công nghiệp Tiền Giang cấp, có diện tích 197,33 ha thuộc xã Tân Hương, huyện Châu thành tỉnh Tiền Giang, cách trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh 50 km về hướng Đông Nam theo Quốc lộ 1; 37km về hướng Tây Bắc bằng đường Cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương; cách thành phố Mỹ Tho 12 km về phía Tây Nam; cách cảng Hiệp Phước khoảng 45 km; cách Sân bay Tân Sơn Nhất khoảng 43 km.

Hệ thống giao thông và hạ tầng kỹ thuật của Khu công nghiệp Tân Hương được xây dựng, thiết kế hoàn chỉnh; trạm xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp với công suất 10.000 m^3/ngày.

Chủ đầu tư Khu công nghiệp Tân Hương là Công ty TNHH Nhựt Thành Tân. Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5312000221, ngày 27/6/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp.

Số điện thoại: 073.3937091

Số Fax: 073.3875851

Tổng vốn đầu tư: 581,6 tỷ đồng.

Đến năm 2022, có 26 doanh nghiệp đang hoạt động tại Khu Công nghiệp Tân Hương.

*** Kho:**

Kho là một tòa nhà được xây dựng trên một địa điểm đạt các điều kiện nhất định để sử dụng cho việc chứa và lưu trữ lương thực, hàng hoá,...

Kho Bình Đức

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kho) + Địa danh hành chính (Xã Bình Đức).

Khái quát Kho Bình Đức:

- Địa chỉ: Ấp Tân Thuận, xã Bình Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Điện thoại: 0273.3853042 Fax: 0273.3853848

- Hoạt động chính: Thu mua, sản xuất chế biến, bảo quản, dự trữ lương thực theo chỉ tiêu, nhiệm vụ công ty giao. Xay xát, chế biến, kinh doanh lương thực, cung ứng cho xuất khẩu và nội địa, kinh doanh vật tư nông nghiệp.

- Diện tích và tích lượng kho:

+ Diện tích: 5.542 m^2

+ Tổng diện tích chứa - bảo quản tốt hàng hóa: 2.949 m^2

+ Tổng tích lượng qui ra gạo: 6.500 tấn

- Máy móc thiết bị:

+ 01 dây chuyền xay xát năng xuất 5 tấn/giờ.

+ 03 dây chuyền xát và lau bóng đạt năng suất 26 tấn/giờ.

+ 03 dây chuyền đấu trộn gạo trắng năng suất 100 tấn/giờ.

+ 01 hệ thống silo chứa gạo thành phẩm với năng suất 100 tấn.

+ 01 hệ thống cân điện tử và may bao thành phẩm đạt năng suất 25 tấn/giờ.

+ 01 hệ thống băng tải xuất nhập và luân chuyển hàng hóa trong kho với tổng chiều dài 152m.

+ 01 hệ thống sấy gạo liên tục 20 tấn/giờ.

- Năng lực chế biến: 35.000 tấn/năm.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn trường học:**

Trường trung học phổ thông, trường trung học cơ sở - trung học phổ thông:

Trường trung học phổ thông:

1. Trường Trung học phổ thông Dưỡng Điềm

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học phổ thông) + Địa danh hành chính (Xã Dưỡng Điềm).

Địa chỉ: Ấp Hòa, xã Dưỡng Điềm, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang;

Số điện thoại: 02733 629 031

Trang thông tin điện tử: thptduongdiem.tiengiang@moet.edu.vn

Email: c3duongdiem.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1987, phân hiệu Dưỡng Điềm thuộc Trường Trung học phổ thông Vĩnh Kim được thành lập. Năm 1990, phân hiệu Dưỡng Điềm hợp nhất với Trường Phổ thông cơ sở Dưỡng Điềm thành Trường Phổ thông Trung học Dưỡng Điềm. Năm

học 2008-2009, trường được tách ra thành Trường Trung học phổ thông Dưỡng Điềm và Trường Trung học cơ sở Dưỡng Điềm. Năm 2011, trường được hợp thức hóa việc thành lập theo Quyết định số 1229/QĐ-UBND ngày 10/5/2011 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 23 đảng viên; nam: 13; nữ: 10; Chi ủy: 03; nam: 02; nữ: 01. Ban Giám hiệu: 03; nam: 02; nữ: 01. Công đoàn: 65 công đoàn viên, nam: 32; nữ: 33. Đoàn thanh niên: 570 đoàn viên, nam: 211; nữ: 359.

Tổng số viên chức: 65, nam: 30; nữ: 35. Tổng số giáo viên: 57; nam: 26; nữ: 31. Thạc sĩ: 05; Cử nhân (đại học): 54; Cử nhân (cao đẳng): 01; Trung cấp: 01. Tổng số học sinh: 1.401, nam: 685; nữ: 716;

Tổng diện tích: 19.600m^2. Diện tích sử dụng: 19.600m^2

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 3 tầng; phòng làm việc: 10; phòng học: 31; phòng thí nghiệm: 08; Phòng nghe nhìn: (ngoại ngữ): 00; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 04; phòng tư vấn học đường: 01; phòng y tế: 01.

2. Trường Trung học phổ thông Nam Kỳ Khởi Nghĩa

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học phổ thông) + Sự kiện lịch sử (Nam Kỳ Khởi Nghĩa)).

Địa chỉ: Khu phố Cá, thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273.3831366

Trang thông tin điện tử: namkykhoinghia.tiengiang.edu.vn

Email: C3namkykhoinghia.tiengiang.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường Trung học phổ thông bán công Châu Thành được thành lập theo Quyết định số 158/QĐ.UB ngày 13/02/1993 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành. Năm 2008, Trường Trung học phổ thông bán công Châu Thành được chuyển đổi mô hình từ trường bán công thành trường công lập và mang tên Trường Trung học phổ thông Nam Kỳ Khởi Nghĩa theo Quyết định số 3472/QĐ-UBND ngày 5/11/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Sự kiện lịch sử được đặt tên trường:

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ Bảy (khóa I) diễn ra từ ngày 06 đến ngày 08/11/1939 tại Bà Điểm (Hóc Môn, Gia Định) nhận định: Nhật sẽ xâm chiếm Đông Dương và Pháp sẽ đầu hàng Nhật, cách mạng Đông Dương sẽ bùng nổ; do vậy, phải đoàn kết thực hiện bằng được nhiệm vụ đánh đổ đế quốc, giải phóng dân tộc; chủ trương thành lập Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương, đoàn kết rộng rãi các tầng lớp, giai cấp, dân tộc và các cá nhân yêu nước.

Tháng 3/1940, Ban Thường vụ Xứ ủy Nam Kỳ do đồng chí Võ Văn Tần làm Bí thư soạn thảo Đề cương chuẩn bị bạo động. Đến giữa tháng 11/1940, Xứ ủy Nam Kỳ quyết định phát động toàn Nam Kỳ nổi dậy đánh đổ chính quyền thuộc địa, giành chính quyền về tay Nhân dân. Ngày 21/11/1940, Thường vụ Xứ ủy ra thông báo cho các cấp bộ Đảng và Nhân dân đồng loạt nổi dậy khởi nghĩa vào lúc 24 giờ ngày 22, rạng sáng ngày 23/11/1940.

Trong một thời gian ngắn từ khi Thường vụ Xứ ủy ra Đề cương chuẩn bị bạo động (tháng 3/1940), công tác chuẩn bị khởi nghĩa được triển khai rất khẩn trương; các tổ chức phản đế xuất hiện nhiều nơi, nhất là ở vùng nông thôn. Mít tinh, biểu tình liên tiếp nổ ra. Nhiều nơi địch đến đánh phá, Nhân dân nổi trống mõ, uy hiếp địch, bảo vệ cán bộ. Các đội tự vệ, du kích phát triển ngay trong những xí nghiệp lớn ở Sài Gòn như Ba Son, nhà máy đèn Chợ Quán, trường Bách Nghệ,... Ở nông thôn, phần lớn các xã đều có từ một tiểu đội đến một trung đội du kích. Các cơ sở sản xuất vũ khí làm việc suốt ngày đêm. Phong trào chống chiến tranh, chống bắt lính với khẩu hiệu "không một đồng xu, không một người lính cho đế quốc chiến tranh" ngày càng lan rộng. Công tác binh vận được tổ chức ráo riết, phần lớn trong số 15.000 binh lính người Việt trong quân đội Pháp đóng ở Sài Gòn sẵn sàng phối hợp nổi dậy.

Đêm ngày 22, rạng sáng ngày 23/11/1940, khởi nghĩa bùng nổ đồng loạt tại hầu hết các tỉnh Nam Kỳ, mạnh nhất là ở Gia Định, Mỹ Tho, Vĩnh Long,... Lực lượng vũ trang và quần chúng đã nổi dậy tiến công địch ở các xã, tập kích nhiều đồn bốt, tiến đánh một số quận lỵ, phá hỏng nhiều cầu, đường... Tại một số xã, quận, chính quyền địch hoang mang, tan rã, chính quyền cách mạng được thành lập. Lần đầu tiên cờ đỏ sao vàng xuất hiện ở những nơi đã thành lập chính quyền cách mạng và trong nhiều cuộc biểu tình. Bọn phản cách mạng bị xét xử. Ruộng, thóc của địa chủ phản động được chia cho dân cày nghèo. Lần đầu tiên, lá cờ đỏ sao vàng xuất hiện tại đình Long Hưng (huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho).

Trước tình hình đó, thực dân Pháp đã thẳng tay đàn áp, tiến hành khủng bố trắng, dìm cuộc khởi nghĩa vào biển máu. Theo các báo cáo của chính quyền thuộc địa, tính đến hết ngày 31-1-1941, Pháp đã bắt 7.048 người. Hàng nghìn người bị xử tử, chết trong tù, bị đày ra Côn Đảo và bị giam trong các trại tập trung Bà Rá, Tà Lài,...

Tháng 12/1940, Xứ ủy Nam Kỳ họp ở Bà Quẹo (Gia Định) quyết định dừng cuộc khởi nghĩa để tránh tổn thất, đưa lực lượng còn lại xây dựng căn cứ U Minh và Đồng Tháp Mười. Cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ bị dập tắt. Thực dân Pháp nhân cơ hội này xử bắn nhiều đồng chí cán bộ kiên trung của Đảng bị bắt từ trước khởi nghĩa, như: Nguyễn Văn Cừ, Hà Huy Tập, Nguyễn Thị Minh Khai, Võ Văn Tần, Nguyễn Hữu Tiến, Phan Đăng Lưu,...

Khởi nghĩa Nam Kỳ có ý nghĩa lịch sử rất lớn lao. Cuộc khởi nghĩa đã góp phần minh chứng tính chính xác và đúng đắn của Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 6, tạm gác khẩu hiệu ruộng đất, tích cực chuẩn bị lực lượng chuyển sang đấu tranh vũ trang giành lấy chính quyền cách mạng về tay Nhân dân. Đồng thời, khởi nghĩa Nam Kỳ đã chứng minh rằng muốn lật đổ ách thống trị của thực dân đế quốc để giành độc lập, tự do cho dân tộc, nhất thiết phải bằng khởi nghĩa cách mạng, bạo lực vũ trang của toàn dân, chứ không chỉ bằng đấu tranh chính trị đơn thuần.

Ngày 28-1-1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước, trực tiếp chỉ đạo phong trào cách mạng. Người triệu tập Hội nghị Trung ương 8 tháng 5/1941 tại Pắc Bó (Cao Bằng). Hội nghị đã kết luận sự chỉ đạo chuyển hướng chiến lược của Hội nghị Trung ương 6 là hoàn toàn đúng đắn. Đồng thời khi tổng kết kinh nghiệm của các cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Đô Lương và Nam Kỳ, Hội nghị cho rằng: "Mặc dù sự đàn áp của giặc Pháp rất dữ dội mà dân ta vẫn không lùi. Nhưng cuộc khởi nghĩa lại gây một ảnh hưởng rộng lớn toàn quốc. Đó là những tiếng súng báo hiệu cho cuộc khởi nghĩa toàn quốc, là bước đấu tranh bằng võ lực của các dân tộc ở một nước Đông Dương".

Cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ mang tính chất của một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, tính chất Nhân dân rộng rãi, sâu sắc. Các tầng lớp, giai cấp, dân tộc, tôn giáo trong xã hội đều tham gia khởi nghĩa trên quy mô rộng lớn khắp Nam Kỳ. Từ thực tiễn của cuộc khởi nghĩa ở Nam Kỳ, Đảng ta đúc rút nhiều kinh nghiệm, bài học quý báu vận dụng trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, dẫn đến thành công của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 21 đảng viên, nam: 12; nữ: 09; Chi ủy: 03; nam: 02; nữ : 01. Ban Giám hiệu: 03, nam: 02; nữ: 01. Công đoàn: 47 công đoàn viên, nam: 23; nữ 24. Đoàn thanh niên: 192 đoàn viên, nam: 70; nữ : 122

Tổng số viên chức: 47, nam: 23; nữ: 24. Tổng số giáo viên; 38, nam: 20; nữ: 18. Thạc sĩ: 06; Cử nhân (đại học): 34; trình độ khác: 07. Tổng số học sinh: 722, nam: 369; nữ: 353.

Tổng diện tích: 4.752 m^2 ; diện tích sử dụng 4.752 m^2

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu, Phòng làm việc: 06; Phòng học: 17, Phòng thí nghiệm: 02; Phòng nghe nhìn: 00; Phòng máy tính: 02; Thư viện: 01; Sân chơi: 01; Khu thể thao: 01; Nhà vệ sinh: 02 khi, 08 phòng. Căn tin, nhà xe.

3. Trường Trung học phổ thông Rạch Gầm - Xoài Mút

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học phổ thông) + Sự kiện lịch sử (Chiến thắng Rạch Gầm – Xoài Mút).

Địa chỉ: Ấp Bình Thới A, xã Bình Trưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733833630.

Trang thông tin điện tử: không.

Email: c3RachGamXoaiMut.TienGiang@moet.edu.vn:

Năm 1999, Trường Phổ thông Trung học Bán công Rạch Gầm - Xoài Mút được thành lập theo Quyết định số 1229/QĐUB ngày 05 tháng 5 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang. Năm 2008, trường được chuyển đổi loại hình từ bán công sang công lập với tên gọi Trường Trung học phổ thông Rạch Gầm - Xoài Mút theo Quyết định số 2725/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2008 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Sự kiện lịch sử được đặt tên trường: Chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút (20-01-1785).

QUÂN XIÊM XÂM LƯỢC NAM BỘ

Giữa năm 1784, với ý đồ thôn tính nước Đại Việt, vua Xiêm Chakri I, lợi dụng sự cầu viện của Nguyễn Ánh, đã cử hai tướng Chiêu Tăng và Chiêu Sương chỉ huy 5 vạn quân và 300 thuyền chiến, chia làm hai đạo thủy - bộ cùng tiến sang xâm lược nước ta. Đạo quân thủy gồm 2 vạn và 300 thuyền chiến vượt biển đổ bộ lên Rạch Giá (Kiên Giang); đạo quân bộ gồm 3 vạn tiến qua nước Chân Lạp (Campuchia). Cuối năm 1784, cả hai đạo thủy bộ của quân Xiêm tập kết ở Cần Thơ, chuẩn bị tiến đánh Mỹ Tho. Nguyễn Ánh chỉ huy lực lượng riêng của mình theo gót quân giặc trở về nước. Quân Xiêm đi đến đâu là đốt phá, cướp của, giết người đến đó, gây nên những tội ác tày trời.

Trước tình hình đó, tướng Tây Sơn ở Nam bộ là Trương Văn Đa vừa tổ chức chiến đấu nhằm thăm dò và tiêu hao sinh lực của địch; vừa rút lui từng bước để bảo toàn lực lượng. Nhờ đó, thành Mỹ Tho và thành Gia Định vẫn được giữ vững.

Tại Quy Nhơn, bộ chỉ huy quân Tây Sơn theo dõi chặt chẽ hoạt động của quân Xiêm ở Nam bộ và tích cực chuẩn bị lực lượng để quét sạch bọn xâm lược ra khỏi đất nước. Vị tướng lừng danh Nguyễn Huệ nhận lãnh trách nhiệm tổ chức cuộc phản công chiến lược này.

QUÂN TÂY SƠN ĐẠI PHÁ QUÂN XIÊM

Khoảng tháng 12/1784, quân Xiêm tiến đến sông Tiền, đóng quân từ rạch Trà Lọt (Cái Bè) đến rạch Trà Tân (Cai Lậy), chuẩn bị tấn công Mỹ Tho. Cũng vào thời điểm này, quân Tây Sơn, do Nguyễn Huệ chỉ huy, vượt biển tiến vào Mỹ Tho.

Sau khi xem xét tình hình quân địch và địa bàn sông nước, Nguyễn Huệ quyết định chọn đoạn sông Tiền từ Rạch Gầm đến rạch Xoài Mút làm trận địa quyết chiến với quân Xiêm.

Đoạn sông này dài khoảng 7 km, ở giữa có cù lao Thới Sơn, hai bên bờ sông cây cối um tùm, cách Mỹ Tho khoảng 12 km. Nguyễn Huệ đã cho bố trí một trận địa mai phục lớn ở tại đây. Thủy quân được giấu trong các con rạch. Bộ binh và pháo binh được bố trí trên bờ và trên cù lao ở giữa sông.

Đêm ngày 18 rạng ngày 19/01/1785 (tức đêm mùng 8 rạng ngày mùng 9 tháng Chạp năm Giáp Thìn), nhằm lúc nước thủy triều lên, Nguyễn Huệ cho chiến thuyền tấn công khiêu khích quân địch. Sau một lúc chiến đấu, chiến thuyền Tây Sơn giả vờ thua bỏ chạy. Hai tướng giặc huy động toàn bộ lực lượng đuổi theo và lọt vào trận địa mai phục của quân Tây Sơn. Sau đợt công kích phủ đầu bằng pháo binh, quân thủy - bộ Tây Sơn đồng loạt xông ra, chia cắt đội hình của quân địch và tấn công vô cùng dũng mãnh. Quân Xiêm hoàn toàn bị rối loạn, không còn khả năng chống trả, đành phải thua trận. Toàn bộ chiến thuyền của giặc bị đánh đắm. Quân Xiêm bị tiêu diệt gần hết; chỉ còn một số ít thoát được theo đường bộ trốn chạy về nước; Nguyễn Ánh cũng theo đám tàn quân chạy sang Xiêm. Sử triều Nguyễn ghi:"*Kể từ sau trận Giáp Thìn, người Xiêm sợ quân Tây Sơn như sợ cọp".*

SỰ ĐÓNG GÓP CỦA NHÂN DÂN TIỀN GIANG TRONG TRẬN THỦY CHIẾN RẠCH GẦM-XOÀI MÚT

Trận thủy chiến Rạch Gầm - Xoài Mút là một trận đánh mai phục kết hợp với bao vây tiêu diệt. Muốn mai phục được ở một vùng đất có dân như ở Rạch Gầm - Xoài Mút thì vấn đề cốt lõi đầu tiên là nắm được lòng dân. Nơi ẩn náu kín đáo nhất và lợi hại nhất của quân Tây Sơn không phải là địa hình hiểm trở mà chính là lòng dân. Nhân dân Tiền Giang đã một lòng theo Tây Sơn. Điều này được thể hiện qua việc nhân dân hướng dẫn Nguyễn Huệ đi trinh sát địa bàn, cung cấp những chi tiết cần thiết về tình hình sông nước, thủy triều để ông thiết lập trận địa mai phục và lên phương án tác chiến; đồng thời, nhân dân đã giữ bí mật trận địa mai phục đến phút chót khiến quân địch không mải may nghi ngờ. Bên cạnh đó, nhân dân còn đóng góp lương thực, thực phẩm và các vật dụng, như dầu mù u, vỏ dừa khô,… để nghĩa quân chiến đấu tiêu diệt giặc Xiêm.

Ở Tiền Giang có câu ca dao:

Gái Mỹ Tho, mày tằm mắt phụng,

Giặc đến nhà chẳng vụng huơ đao.

Câu ca dao trên phản ánh việc phụ nữ nói riêng, nhân dân Tiền Giang nói chung đã tham gia đánh giặc cùng với quân Tây Sơn trong việc bảo vệ nền độc lập của Tổ quốc.

Thắng lợi của trận thủy chiến Rạch Gầm-Xoài Mút không chỉ là thắng lợi của quân Tây Sơn mà còn là thắng lợi của nhân dân Tiền Giang.

Ý NGHĨA LỊCH SỬ CỦA CHIẾN THẮNG RẠCH GẦM - XOÀI MÚT

Lần đầu tiên trong lịch sử nước ta, nhân dân Nam bộ, trong đó có nhân dân Tiền Giang, cùng với quân Tây Sơn, dưới sự lãnh đạo tài ba của Nguyễn Huệ đã đánh bại sự xâm lược hung hãn của bọn phong kiến Xiêm và trừng trị đích đáng hành động "cõng rắn cắn gà nhà" của Nguyễn Ánh; giữ vững nền độc lập dân tộc và sự toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ thành quả khai hoang của nhân dân Nam bộ, tạo điều kiện để vùng đất này sớm trở thành vựa lúa lớn nhất của đất nước.

Đây cũng là lần đầu tiên trong lịch sử, một cuộc kháng chiến chống ngoại xâm do giai cấp nông dân đảm nhiệm. Chiến thắng Rạch Gầm-Xoài Mút đánh dấu một bước ngoặc cơ bản, một sự chuyển biến về chất của phong trào nông dân Tây Sơn: từ cuộc đấu tranh giai cấp, phong trào đã nhận lãnh sứ mệnh lịch sử vẻ vang là đi đầu trong cuộc đấu tranh dân tộc. Chính điều này đã làm cho uy tín của phong trào Tây Sơn ngày càng được nâng cao trong nhân dân, tạo điều kiện thuận lợi cho phong trào và nhân dân Bắc hà đánh bại cuộc xâm lược của ngót 30 vạn quân Thanh (Trung Quốc) vào năm 1789.

Trận thủy chiến Rạch Gầm - Xoài Mút là một trong chiến công lẫy lừng của nhân dân ta, sánh cùng với những Bạch Đằng, Hàm Tử, Chi Lăng, Ngọc Hồi-Đống Đa, … oanh liệt. Thật là:

Bần gie đóm đậu sáng ngời,

Rạch Gầm – Xoài Mút muôn đời oai linh.

(Ca dao)

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 16 đảng viên; nam: 07; nữ: 09; Chi ủy: 05; nam: 02; nữ: 05. Ban Giám hiệu: 01; nam: 01; nữ: 00. Công đoàn: 45 công đoàn viên; nam: 18; nữ: 27. Đoàn thanh niên: 410 đoàn viên; nam: 185; nữ: 225

Tổng số viên chức: 45; nam: 18; nữ: 27. Tổng số giáo viên: 38; nam: 14 ; nữ: 24. Thạc sĩ: 03; Cử nhân (đại học): 35.

Tổng số học sinh: 769; nam: 394; nữ: 375 .

Tổng diện tích: 5.836 m²; diện tích sử dụng: 3.000 m²

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; Phòng làm việc: 06; Phòng học: 14; Phòng thí nghiệm: 01; Phòng nghe nhìn: 00; Phòng máy tính: 01; Thư viện: 01; Sân chơi: 01 (400 m^2); Khu thể thao: 01 (1.200m^2); Nhà vệ sinh: 02 khu; căn tin; nhà xe.

4. Trường Trung học phổ thông Tân Hiệp

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học phổ thông) + Địa danh hành chính (Thị trấn Tân Hiệp).

Địa chỉ: Trước năm 2019, trường tọa lạc tại thị trấn Tân Hiệp; Sau năm 2019, trường được xây dựng mới tọa lạc tại ấp Thân Đức, xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273.3831310

Trang thông tin điện tử: http://thpttanhiep.tiengiang.edu.vn/

Email: c3tanhiep.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1961, Trường Trung học Bến Tranh được thành lập. Tháng 6/1975, 03 trường Trung học Bến Tranh, Bán công Bến Tranh và Tư thục Từ Thiện hợp nhất thành Trường Phổ thông cấp II - III Tân Hiệp. Năm 1976, các lớp cấp II và cấp III được tách ra thành lập 02 trường mới: Trường cấp II Tân Hiệp và Trường cấp III Tân Hiệp. Năm 1985, trường được đổi tên thành Trường Trung học phổ thông Tân Hiệp. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Thị trấn Tân Hiệp.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 19 đảng viên; nam: 09; nữ: 10; Chi ủy: 05; nam: 04; nữ: 01. Ban Giám hiệu: 03; nam: 02; nữ: 01. Công đoàn: 64 công đoàn viên; nam: 30; nữ: 34. Đoàn thanh niên: 1.210 đoàn viên; nam: 443; nữ: 767.

Tổng số viên chức: 64; nam: 30; nữ: 34. Tổng số giáo viên: 61; nam: 28; nữ: 33. Thạc sĩ: 11; Cử nhân (đại học): 53.

Tổng số học sinh: 1.356; nam: 505; nữ: 851.

Tổng diện tích: 24.100,3m²; diện tích sử dụng: 4.393 m²

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 03 tầng lầu; Phòng làm việc: 09; Phòng học: 31; Phòng thí nghiệm: 06; Phòng nghe nhìn: 02; Phòng máy tính: 02; Thư viện: 01; Sân chơi: 01; Khu thể thao: 03 (nhà đa năng, sân bóng đá, hồ bơi); Nhà vệ sinh: 23 (11 nhà vệ sinh dành cho học sinh, 01 nhà vệ sinh ở nhà đa năng, 12 nhà vệ sinh dành cho giáo viên).

5. Trường Trung học phổ thông Vĩnh Kim

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học phổ thông) + Địa danh hành chính (Xã Vĩnh Kim).

Địa chỉ: Ấp Thới, xã Đông Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273.3834.014

Trang thông tin điện tử: www.thptvinhkim.tiengiang.edu.vn

Email: c3vinhkim.tiengiang@moet.edu.vn

Trường được thành lập ngày 20/08/1965 với tên gọi là Trường Trung học Long Định. Năm 1969, Nghị định số 45/GD/TN/PC/NĐ của Bộ giáo dục và thanh niên (chế độ cũ) ký ngày 10/9/1969 đổi tên lại là Trường Trung học Sầm Giang.

Sau ngày miền Nam giải phóng (30/4/1975), trường có tên là Trường Cấp 3 Vĩnh Kim rồi Trường Phổ thông trung học Vĩnh Kim. Năm 2011, trường được đổi tên thành Trường Trung học phổ thông Vĩnh Kim. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia.

Tên trường được đặt theo đơn vị hành chính: Xã Vĩnh Kim.

Năm 2013, Chi bộ nhà trường có 24 đảng viên; nam: 13; nữ: 11; Chi ủy: 05; nam: 04; nữ: 01. Ban Giám hiệu: 03; nam: 02; nữ: 01. Công đoàn: 89 công đoàn viên; nam: 41; nữ: 48. Đoàn thanh niên: 1.395 đoàn viên; nam: 675; nữ: 720.

Tổng số viên chức: 89; nam: 41; nữ: 48. Tổng số giáo viên: 64; nam: 28; nữ: 36. Thạc sĩ: 09; Cử nhân (đại học): 55.

Tổng số học sinh: 1.516; nam: 582; nữ: 934.

Tổng diện tích: 19.076,1 m²; diện tích sử dụng: 18.399,1 m²

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu; Phòng làm việc: 11; Phòng học: 24; Phòng bộ môn: 08; Phòng nghe nhìn: 00; Phòng máy tính: 04; Thư viện: 01; Sân chơi: 01; Khu thể thao: 01 nhà thi đấu đa năng, 01 hồ bơi; Nhà vệ sinh: 04 khu; Căn tin; Nhà xe.

Trường Trung học cơ sở:

1. Trường Trung học cơ sở Bùi Văn Hòa

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Họ và tên danh nhân (Bùi Văn Hòa).

Địa chỉ: Ấp Tây, xã Nhị Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733.627 941

Trang thông tin điện tử: http://thcsbuivanhoa.pgdchauthanhtg.edu.vn/

Email: c2nhibinhchauthanh.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông Cấp II Nhị Bình được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông Cấp I Nhị Bình và Trường Phổ thông Cấp II Nhị Bình hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Nhị Bình. Năm 1990, trường tách ra thành hai trường là Trường Tiểu học Nhị Bình và Trường Trung học cơ sở Nhị Bình. Năm 2014, Trường Trung học cơ sở Nhị Bình được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Bùi Văn Hòa theo Quyết định số 4865/QĐ-UBND, ngày 18 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

BÙI VĂN HÒA

(1940 - 1968)

Bùi Văn Hòa, tên khai sinh là Bùi Văn Hai, sinh năm 1940 tại làng Nhị Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Nhị Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang).

Tháng 5 - 1961, ông gia nhập bộ đội miền Đông Nam Bộ; được cấp trên điều về chiến đấu ở đơn vị U50, Hậu cần Tỉnh đội Biên Hòa, sau được điều lên đơn vị chiến đấu, ở đơn vị chốt 2 (đại đội 2) đặc công. Tại đây, ông được huấn luyện kỹ thuật đặc công. Tháng 2 - 1962, chấp hành mệnh lệnh của cấp trên, bằng sự dũng cảm cao độ và mưu trí tuyệt vời, ông đã nhiều thâm nhập vào trinh sát căn cứ liên hợp quân sự lớn nhất của Mỹ ở miền Nam đóng tại Long Bình, giúp cho lực lượng đặc công tỉnh Biên Hòa tiến hành những trận đánh "*xuất quỷ nhập thần*" vào căn cứ này, gây cho địch những tổn thất vô cùng to lớn.

Riêng ông đã cùng với đồng đội trực tiếp đánh nhiều trận, góp phần tạo nên những chiến công vang dội; điển hình là hai trận đánh diễn ra trong hai đêm 26 và 27 - 10 - 1966, làm nổ tung 17 kho đạn, vượt hai kho so với kế hoạch, phá hủy 280.000 quả đạn pháo các loại, diệt 300 lính địch, làm hư hại hoàn toàn 17 xe cơ giới, trong đó có 9 xe bọc thép.

Sau đó, để đối phó với ta, địch tăng cường bố phòng và thay đổi cách bố trí các kho đạn. Điều này đã làm cho công tác trinh sát và đột kích của ta gặp không ít khó khăn. Trước tình hình đó, ông đề xuất phương án luồn ra phía sau lưng địch, nhanh chóng thâm nhập vào căn cứ, rồi từ bên trong vượt ra bám các mục tiêu, đặt mìn xen kẻ giữa các kho để tạo thành thế nổ dây chuyền.

Với phương án này, cuối năm 1966, ông và đơn vị đã có một trận đánh lớn và thu được thắng lợi to lớn: phá hủy 40 kho đạn với 800.000 quả pháo các loại và 23 xe cơ giới, diệt và làm bị thương 350 lính địch. Trong bốn ngày cuối tháng 11-1967, ông có ba lần đột kích vào căn cứ Long Bình; trong đó có một lần, do không tiếp cận được mục tiêu, ông đã có sáng kiến dùng súng B. 40 bắn thẳng vào các dãy nhà kho chứa bom đạn, gây nhiều thiệt hại cho địch.

Ngày 28-02-1968, ông được giao nhiệm vụ dẫn đường cho đơn vị pháo 120 ly của Trung đoàn pháo binh 175 Biên Hòa tập kích vào Tổng kho Long Bình. Tới trạm Cờ Đỏ, bị địch phục kích, ông và nhiều đồng đội đã anh dũng hy sinh. Khi hy sinh ông là Trung đội phó Đội Biệt động 238 thị xã Biên Hoà, là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

Theo thống kê, trong khoảng thời gian tham gia chiến đấu, ông đã có 9 lần cùng đồng đội đánh vào căn cứ Tổng kho Long Bình, phá hủy hơn 1,2 triệu quả bom, đạn các loại, 3.500 thùng thuốc nổ, 47 xe cơ giới, tiêu diệt nhiều lính địch.

Với những chiến công và những cống hiến của ông cho cách mạng, ông được tặng 2 Huân chương Chiến công giải phóng hạng Nhất. Ngày 10-2-1970, ông được Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam truy tăng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng. Tên ông được đặt tên trường trung học cơ sở ở xã Nhị Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang; tên đường ở thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 22 đảng viên; nam: 16; nữ: 06; Chi ủy: 05; nam: 05; nữ: 00. Ban giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 31 công đoàn viên; nam: 20; nữ: 11. Đoàn thanh niên: 18 đoàn viên; nam: 10; nữ: 08. Đội thiếu niên: 626 đội viên; nam: 306; nữ: 320.

Tổng số cán bộ, viên chức: 31; nam: 20; nữ: 11. Tổng số giáo viên: 28; nam: 19; nữ: 09. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (đại học): 16; Cử nhân (cao đẳng): 11.

Tổng số học sinh: 638; nam: 318; nữ: 320.

Tổng diện tích: 9.463 m^2; diện tích sử dụng: 9.463m^2

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 10; phòng học: 10; phòng bộ môn (Âm nhạc, Mỹ thuật): 02; phòng thí nghiệm: 03; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 03.

2. Trường Trung học cơ sở Dưỡng Điềm

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Dưỡng Điềm).

Địa chỉ: Ấp Hòa, xã Dưỡng Điềm, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733627808

Trang thông tin điện tử: http://thcsduongdiem.pgdchauthanhtg.edu.vn

Email: c2duongdiem.chauthanh.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1978, Trường Phổ thông cơ sở Dưỡng Điềm được thành lập. Năm 1987, Phân hiệu Dưỡng Điềm thuộc Trường Phổ thông trung học Vĩnh Kim được thành lập. Năm 1990, Trường Phổ thông trung học Dưỡng Điềm (bao gồm Cấp II và Cấp III) được thành lập trên cơ sở hợp nhất Phân hiệu Dưỡng Điềm thuộc Trường Phổ thông trung học Vĩnh Kim và Trường Phổ thông cơ sở Dưỡng Điềm. Sau đó, Trường Phổ thông trung học Dưỡng Điềm được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Dưỡng Điềm. Năm 2008, Trường Trung học cơ sở Dưỡng Điềm được thành lập trên cơ sở tách ra từ Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Dưỡng Điềm theo Quyết định số 8486/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2008 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Đông Hòa.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 24 đảng viên; nam: 09; nữ: 15; Chi ủy: 05; nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 03; nam: 02; nữ: 01. Công đoàn: 72 công đoàn viên; nam: 28; nữ: 44. Đoàn thanh niên: 04 đoàn viên; nam: 01; nữ: 03. Đội thiếu niên: 1.446 đội viên; nam: 765; nữ: 681.

Tổng số cán bộ, viên chức: 72; nam: 28; nữ: 44. Tổng số giáo viên: 67; nam: 24 ; nữ: 43. Cử nhân (đại học): 62; Cử nhân (cao đẳng): 05.

Tổng số học sinh: 1.446; nam: 765; nữ: 681. .

Tổng diện tích: 7.616 m^2; diện tích sử dụng: 5.500m^2

Trường có 03 dãy, trong đó 02 dãy trệt, 01 dãy lầu có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 06; phòng học: 21; phòng thí nghiệm: 02; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 00; khu vệ sinh: 02.

3. Trường Trung học cơ sở Đoàn Giỏi

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Họ và tên danh nhân (Đoàn Giỏi).

Địa chỉ: Ấp Tân Phú, xã Tân Lý Tây, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733896681

Trang thông tin điện tử: thcsdoangioi.pgdchauthanh.edu.vn

Email: c2doangioict.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 2004, Trường Trung học cơ sở Đoàn Giỏi được thành lập theo Quyết định số 1038/QĐ-UB ngày 13 tháng 9 năm 2004 của Uỷ ban Nhân dân huyện Châu Thành.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

ĐOÀN GIỎI

(1925 – 1989)

Đoàn Giỏi còn có tên là Đoàn Văn Hòa, bút danh Nguyễn Hoài, Nguyễn Phú Lễ, Huyền Tư, sinh năm 1925 tại làng Tân Hiệp, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho (nay là thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu thành, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình địa chủ yêu nước.

Sau khi có bằng Thành chung tại Collège de Mytho (nay là Trường Trung học phổ thông Nguyễn Đình Chiểu, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang), ông lên Sài Gòn học hội họa tại Trường Mỹ thuật Gia Định. Ông sáng tác văn chương từ rất sớm. Năm 1943, lúc mới 18 tuổi, ông đã có truyện ngắn *Nhớ cố hương* đăng trên tờ *Nam kỳ tuần báo* do Hồ Biểu Chánh làm chủ bút.

Năm 1945, ông tham gia cách mạng ở quê nhà. Năm 1947, ông làm Trưởng Công an, phụ trách mười xã của huyện Châu Thành. Năm 1948, ông được đề bạt làm Trưởng ban Trinh sát Công an huyện; rồi Phó Trưởng ty Tuyên truyền tỉnh Mỹ Tho, phụ trách Phòng Văn nghệ kiêm Chủ bút báo *Tiền Phong*, cơ quan của Mặt trận Việt Minh tỉnh Mỹ Tho.

Năm 1950, ông được phân công xuống Rạch Giá, đảm nhiệm chức vụ Phó Trưởng ty Thông tin. Năm 1951, ông được bầu làm Ủy viên thường vụ Ban Chấp hành Hội Văn nghệ Nam bộ kiêm Phó Trưởng phòng Văn nghệ thuộc Sở Thông tin Nam bộ và là Ủy viên biên tập tạp chí *Lá Lúa*.

Về mặt văn chương, trong thời kỳ 1946 - 1954, ông viết nhiều thể loại khác nhau, như ký sự lịch sử có *Khí hùng đất nước, Những dòng chữ máu, Nam kỳ năm 40*; truyện ngắn có *Đường về gia hương*; kịch thơ có *Người Nam thà chết không hàng, Chiến sĩ Tháp Mười*; tập thơ có *Giữ vững niềm tin*.

Năm 1954, tập kết ra Bắc, ông công tác tại Đài Phát thanh Tiếng nói Việt Nam rồi Hội Văn nghệ Việt Nam. Ông là hội viên sáng lập Hội Nhà văn Việt Nam, năm 1957, đồng thời, còn là Ủy viên Ban Chấp hành Hội Nhà văn các khóa I, II, III. Thời kỳ này, ông tập trung bút lực sáng tác văn xuôi; và có những tác phẩm nổi tiếng, phản ánh tính cách và cuộc chiến đấu chống Mỹ hào hùng của nhân dân Nam bộ, tiêu biểu là các tác phẩm *Giòng máu Việt Nam phải lưu thông, Cây đước Cà Mau, Ngọn Tầm vông, Cá bống mú, Hoa hướng dương, Trần Văn Ơn, Rừng đêm xào xạc, Cuộc truy tìm kho vũ khí*; *Đất rừng phương Nam*. Đặc biệt, quyển *Đất rừng phương Nam* được bạn đọc trong và ngoài nước đón nhận nồng nhiệt. Đây là quyển truyện viết cho lứa tuổi thiếu nhi rất thành công và nổi tiếng của ông. Truyện đã được dịch ra nhiều tiếng nước ngoài, tái bản nhiều lần, được dựng thành phim và in trong Tủ Sách Vàng của Nhà xuất bản Kim Đồng.

Đồng thời, ông còn sáng tác thơ và có ba tập thơ nổi tiếng: *Giữ vững niềm tin, Bến nước mười hai, Truyện thằng Cồi*. Ông còn viết kịch bản sân khấu, như các vở *Ánh lửa, Trong cuộc khởi nghĩa Nam kỳ, Bất tử, Ba lần dũng sĩ*; trong đó, hai vở *Bất tử, Ba lần dũng sĩ* viết chung với Hoài Anh.

Sau năm 1975, ông trở về miền Nam, công tác tại Hội Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh. Vẫn chủ đề về Nam bộ, ông có các quyển *Người thủy thủ già trên hòn đảo lưu đày* viết về Bác Tôn Đức Thắng, *Từ đất Tiền Giang* viết về cán bộ cách mạng lão thành Nguyễn Thị Thập, *Tiếng gọi ngàn* và *Các con vật trên rừng dưới biển*. Ông còn viết nhiều bài ký sự lịch sử về những người phụ nữ Nam bộ "thành đồng Tổ quốc" và hàng loạt bài về thổ sản của đồng bằng sông Cửu Long với sự hiểu biết sâu sắc. Về biên khảo, ông có hai tác phẩm: *Những chuyện lạ về cá, Tê giác giữa ngàn xanh.*

Ngoài ra, ông cũng đem hết tâm huyết và kinh nghiệm trong việc góp phần đào tạo, bồi dưỡng giới nhà văn trẻ ở vùng đồng bằng sông Cửu Long. Bên cạnh

đó, ông đã hoàn thành việc sưu tập một khối lượng lớn tư liệu để chuẩn bị viết quyển *Núi cả cây ngàn*, nói về thuở hồng hoang và những trang sử thi của vùng đất mới phương Nam. Đề cương của tác phẩm này gồm 10 chương đã được ông viết xong; và dự định đến cuối năm 1989 sẽ hoàn tất bản thảo.

Đầu tháng 4 - 1989, ông từ trần tại thành phố Hồ Chí Minh do bệnh ung thư. Đánh giá về sự nghiệp văn chương của ông, nhà văn Anh Đức nhận định: "Với một đời văn trên bốn mươi năm, nhà văn Đoàn Giỏi đã để lại cho đời những dòng đẹp đẽ đậm sắc thái và đầy sinh thú về quê hương, đất nước, con người ở vùng đất Nam bộ thân yêu của Tổ quốc ta. Văn của nhà văn Đoàn Giỏi vừa mang chất trữ tình lại vừa mang tính chất lạ kỳ, sôi động". Nhà thơ Chế Lan Viên nhận xét: "Văn của Đoàn Giỏi luôn ngồn ngộn nguồn tư liệu và vốn sống mà tác giả chắt lọc. Là một nhà văn chịu khó tìm tòi nghiên cứu mọi chuyện một cách ngọn ngành, nên trang viết của ông thường rất góc cạnh, gồ ghề nhưng cũng đậm đặc chân tình như quê hương ông, miền đất hoang sơ và hào phóng miền Tây Nam bộ. Đoàn Giỏi là một trong những người đầu tiên truyền bá ngôn ngữ Nam bộ hiện đại qua những tác phẩm của mình". Do có công lao to lớn đối với nền văn học nước nhà, ông được truy tặng Giải thưởng Nhà nước về Văn học Nghệ thuật đợt 1 (2001). Tên ông được đặt tên trường trung học cơ sở ở xã Tân Lý Tây, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang; tên đường ở quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh và ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 28 đảng viên; nam:13; nữ: 15; Chi ủy: 05; nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 03; nam: 02; nữ: 01. Công đoàn: 59 công đoàn viên; nam: 24; nữ: 35. Đoàn thanh niên: 32 đoàn viên; nam: 15; nữ: 17. Đội thiếu niên: 1.286 đội viên; nam: 638; nữ: 648.

Tổng số cán bộ, viên chức: 59; nam: 24; nữ: 35. Tổng số giáo viên: 54; nam: 21; nữ: 33. Cử nhân (đại học): 44; Cử nhân (cao đẳng): 14; Trung cấp: 01.

Tổng số học sinh: 1.306; nam: 646; nữ: 660.

Tổng diện tích: 23.402,2m^2; diện tích sử dụng: 4.329m^2

Trường có 04 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 06; phòng học: 21; phòng thí nghiệm: 03; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

4. Trường Trung học cơ sở Đông Hòa

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Đông Hòa).

Địa chỉ: Ấp Tây B, xã Đông Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733834759

Trang thông tin điện tử: thcsdonghoa.pgdchauthanhtg.edu.vn

Email: c2donghoachauthanh.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông Cấp II Đông Hòa được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông Cấp I Đông Hòa và Trường Phổ thông Cấp II Đông Hòa hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Đông Hòa. Năm 1987, trường tách ra thành hai trường là Trường Tiểu học Đông Hòa và Trường Trung học cơ sở Đông Hòa. Năm 2010, Trường Trung học cơ sở Đông Hòa được xác nhận đơn vị không có Quyết định thành lập trường theo văn bản số 1841/UBND-NV ngày 21 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành.

Trường đạt chuẩn Quốc gia.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Đông Hòa.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 12 đảng viên; nam: 04; nữ: 08; Chi ủy: 01; nam: 03; nữ: 00. Ban giám hiệu: 01; nam: 01; nữ: 00. Công đoàn: 25 công đoàn viên; nam: 10; nữ: 15. Đoàn thanh niên: 37 đoàn viên; nam: 22; nữ: 17. Đội thiếu niên: 451 đội viên; nam: 231; nữ: 220.

Tổng số cán bộ, viên chức: 25; nam: 10; nữ: 15. Tổng số giáo viên: 21; nam: 09; nữ: 12. Cử nhân (đại học): 16; Cử nhân (cao đẳng): 05; Trung cấp: 03.

Tổng số học sinh: 488; nam: 253; nữ: 235.

Tổng diện tích: 4.855 m^2; diện tích sử dụng: 4.855 m^2

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 06; phòng học: 06; phòng thí nghiệm: 04; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

5. Trường Trung học cơ sở Long Định

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Long Định).

Địa chỉ: Ấp Mới, xã Long Định, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733834599

Trang thông tin điện tử: http://thcslongdinh.pgdchauthanhtg.edu.vn

Email: c2longdinhchauthanh.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Long Định và Trường Phổ thông cấp II Long Định được thành lập. Năm 1978, hai trường hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Long Định A và Trường Phổ thông cơ sở Long Định B. Năm 1990, bộ phận Cấp II của hai trường được tách ra, hợp nhất và thành lập Trường Trung học cơ sở Long Định theo Quyết định số 1189/QĐ-UB ngày 31 tháng 8 năm 1990 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Đông Hòa.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 19 đảng viên; nam: 11; nữ: 08; Chi ủy: 03; nam: 02; nữ: 01. Công đoàn: 41 công đoàn viên, nam: 23; nữ: 18. Đội thiếu niên: 878 đội viên, nam: 458; nữ: 420.

Tổng số cán bộ, viên chức: 41; nam: 23; nữ: 18. Tổng số giáo viên: 38; nam: 22; nữ: 16. Cử nhân (Đại học): 26; Cử nhân (Cao đẳng): 14; Trung cấp y tế: 01.

Tổng số học sinh: 878; nam: 458; nữ: 420.

Tổng diện tích: 13.011,3 m^2 , diện tích sử dụng: 13.011,3 m^2.

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy gồm 01 tầng trệt, 02 tầng lầu; phòng làm việc: 08; phòng học: 28; phòng thí nghiệm: 04; phòng máy vi tính: 02; phòng học Tiếng Anh: 01; phòng Âm nhạc: 01; phòng Mỹ thuật: 01; phòng thiết bị: 02; thư viện: 02; sân chơi: 01; khu thể thao: 02; khu vệ sinh: 03.

6. Trường Trung học cơ sở Long Hưng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Long Hưng).

Địa chỉ: Ấp Long Thạnh A, xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733.382.377

Trang thông tin điện tử: https://thcslonghung.pgdchauthanhtg.edu.vn

Email: c2longhungchauthanh.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Long Hưng và Trường Phổ thông cấp II Long Hưng được thành lập. Năm 1978, hai trường hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Long Hưng. Năm 2000, bộ phận Cấp II của trường được tách ra, thành lập Trường Trung học cơ sở Long Hưng theo Quyết định số 1205/QĐ.UB ngày 02 tháng 10 năm 2000 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Long Hưng.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 11 đảng viên; nam: 05; nữ: 06; Chi ủy: 03; nam: 02; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 24 công đoàn viên; nam: 08; nữ: 16. Đoàn thanh niên: 08 đoàn viên; nam: 02; nữ: 06. Đội thiếu niên: 424 đội viên; nam: 221; nữ: 203.

Tổng số cán bộ, viên chức: 24; nam: 08; nữ: 16. Tổng số giáo viên: 19; nam: 07; nữ: 12. Cử nhân (đại học): 15; Cử nhân (cao đẳng): 07; Trung cấp: 02.

Tổng số học sinh: 424; nam: 221; nữ: 203.

Tổng diện tích: 6.575,4m^2; diện tích sử dụng: 5.500,2m^2.

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 02 tầng lầu; phòng làm việc: 06; phòng học: 12; phòng thí nghiệm: 04; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

7. Trường Trung học cơ sở Phú Phong

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Phú Phong).

Địa chỉ: Ấp Phú Hòa, xã Phú Phong, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại:0273894090

Trang thông tin điện tử: thcsphuphongchauthanhtiengiang

Email: c2 phuphong chauthanh.Tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Phú Phong và Trường Phổ thông cấp II Phú Phong được thành lập. Năm 1978, hai trường hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Phú Phong. Năm 1997, bộ phận Cấp II của trường được tách ra, thành lập Trường Trung học cơ sở Phú Phong theo Quyết định số 946/QĐ.UB ngày 08 tháng 12 năm 1997 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Phú Phong.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 14 đảng viên; nam: 08; nữ: 06; Chi ủy: 03; nam: 01; nữ: 02. Ban Giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 23 công đoàn viên; nam: 10; nữ:13. Đoàn thanh niên: 12 đoàn viên; nam: 04; nữ: 08; Đội thiếu niên: 368 đội viên; nam: 193; nữ: 175.

Tổng số cán bộ, viên chức: 23; nam: 10; nữ: 13. Tổng số giáo viên: 19; nam: 09 ; nữ: 10. Cử nhân (đại học): 15; Cử nhân (cao đẳng): 07 ; Trung cấp: 01.

Tổng số học sinh: 380; nam: 200; nữ: 180. .

Tổng diện tích: 6.907,9 m^2; diện tích sử dụng: 6.907,9 m^2

Trường có 02 dãy lầu; mỗi dãy có 01 tầng trệt; 01 tầng lầu; phòng làm việc: 09; phòng học: 12; phòng thí nghiệm: 04; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; phòng thiết bị: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

8. Trường Trung học cơ sở Tam Hiệp

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Tam Hiệp).

Địa chỉ: Ấp 2, xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 027 3893 045.

Trang thông tin điện tử: vanthuthcstamhiep.cth

Email: c2tamhiepchauthanh.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Tam Hiệp và Trường Phổ thông cấp II Tam Hiệp được thành lập. Năm 1978, hai trường hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Tam Hiệp. Năm 1990, bộ phận Cấp II của trường được tách ra, thành lập Trường Trung học cơ sở Tam Hiệp theo Quyết định số 1079/QĐ.UB ngày 31 tháng 8 năm 1990 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Tam Hiệp.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 28 đảng viên; nam: 12; nữ: 16; Chi ủy: 05; nam: 03; nữ: 02. Ban Giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 46 công đoàn viên; nam: 18; nữ: 28. Đoàn thanh niên: 33 đoàn viên; nam: 18; nữ: 15. Đội thiếu niên: 864 đội viên; nam: 441; nữ: 423.

Tổng số cán bộ, viên chức: 46; nam: 18; nữ: 28. Tổng số giáo viên: 43; nam: 16; nữ: 27. Cử nhân (đại học: 33): ; Cử nhân (cao đẳng: 09); Trung cấp Y tế: 01.

Tổng số học sinh: 897; nam: 459; nữ: 438.

Tổng diện tích: 9.472 m² ; diện tích sử dụng: 9.472 m².

Trường có 02 dãy lầu, 01 dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu, 01 dãy có 01 tầng trệt và 02 tầng lầu; phòng làm việc: 16; phòng học: 11; phòng thí nghiệm: 03; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; phòng thiết bị: 01; phòng âm nhạc: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

9. Trường Trung học cơ sở Tân Hiệp

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Thị trấn Tân Hiệp).

Địa chỉ: Khu phố Cá, Thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273.3838342

Trang thông tin điện tử: thcstanhiep.pgdchauthanhtg.edu.vn.

Email: c2tanhiepchauthanh.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1961, Trường Trung học Bến Tranh được thành lập. Tháng 6/1975, 03 trường Trung học Bến Tranh, Bán công Bến Tranh và Tư thục Từ Thiện hợp nhất thành Trường Phổ thông cấp II - III Tân Hiệp. Năm 1976, các lớp cấp II và cấp III được tách ra thành lập 02 trường mới: Trường Phổ thông cấp II Tân Hiệp và Trường Phổ thông cấp III Tân Hiệp. Năm 1984, Trường Phổ thông cấp II Tân Hiệp được tách thành hai trường là Trường Phổ thông cơ sở Tân Hiệp A và Trường Phổ

thông cơ sở Tân Hiệp B, Năm 1987, hai trường hợp nhất thành Trường Trung học cơ sở Tân Hiệp.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Thị trấn Tân Hiệp.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 25 đảng viên; nam: 05; nữ: 19; Chi ủy: 05; nam: 02; nữ: 03. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 45 công đoàn viên; nam: 10; nữ: 35. Đoàn thanh niên: 06 đoàn viên; nam: 01; nữ: 05. Đội thiếu niên: 901 đội viên; nam: 453; nữ: 448.

Tổng số cán bộ, viên chức: 45; nam: 10 ; nữ: 35. Tổng số giáo viên: 41; nam: 09; nữ: 32. Cử nhân (đại học): 38; Cử nhân (cao đẳng): 07.

Tổng số học sinh: 901; nam: 453; nữ: 448.

Tổng diện tích: 1.439,2 m^2; diện tích sử dụng: 1.439,2 m^2

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 02 tầng lầu; phòng làm việc: 08; phòng học: 11; phòng thí nghiệm: 04; phòng nghe nhìn (ngoại ngữ): 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 06.

10. Trường Trung học cơ sở Tân Hội Đông

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Tân Hội Đông).

Địa chỉ: Ấp Tân Xuân, xã Tân Hội Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang

Số điện thoại: : 02733831827

Trang thông tin điện tử: thcstanhoidong.pgdchauthanhtg.edu.vn

Email: c2tanhoidongchauthanh.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Tân Hội Đông và Trường Phổ thông cấp II Tân Hội Đông được thành lập. Năm 1978, hai trường hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Tân Hội Đông. Năm 1990, bộ phận Cấp II của trường được tách ra, thành lập Trường Trung học cơ sở Tân Hội Đông theo Quyết định số 1183/QĐ.UB ngày 31 tháng 08 năm 1990 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Tân Hội Đông.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 21 đảng viên; nam: 09; nữ: 12; Chi ủy: 05; nam: 03; nữ: 02. Ban Giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 43 công đoàn viên; nam: 18; nữ: 25. Đoàn thanh niên: 09 đoàn viên; nam: 04; nữ: 05. Đội thiếu niên: 955 đội viên; nam: 464; nữ: 491.

Tổng số cán bộ, viên chức: 43; nam: 18; nữ: 25. Tổng số giáo viên: 38; nam: 17; nữ: 21. Thạc sĩ: 02; Cử nhân (đại học): 34; Cử nhân (cao đẳng): 06; Trung cấp

y tế: 01.

Tổng số học sinh: 955; nam: 464; nữ: 491.

Tổng diện tích: 8.297,7 m^2; diện tích sử dụng: 1.736 m^2

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu, phòng làm việc: 05; phòng học: 22; phòng thí nghiệm: 03; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 02; thư viện: 03; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

11. Trường Trung học cơ sở Tân Hương

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Tân Hương).

Địa chỉ: Ấp Tân Thạnh, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733831003

Trang thông tin điện tử:

Email: c2tanhuongchauthanh.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông Cấp II Tân Hương được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông Cấp I Tân Hương và Trường Phổ thông Cấp II Tân Hương hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Tân Hương. Năm 1987, trường tách ra thành hai trường là Trường Tiểu học Tân Hương và Trường Trung học cơ sở Tân Hương. Năm 2010, Trường Trung học cơ sở Tân Hương được xác nhận đơn vị không có Quyết định thành lập trường theo văn bản số 1841/UBND-NV ngày 21 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Tân Hương.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 15 đảng viên; nam: 07; nữ: 08; Chi ủy: 05; nam: 03; nữ: 02. Ban Giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 30 công đoàn viên; nam: 15; nữ: 15. Đoàn thanh niên: 06 đoàn viên; nam: 02; nữ: 04; Đội thiếu niên: 614 đội viên; nam: 297; nữ: 317.

Tổng số cán bộ, viên chức: 30; nam: 15; nữ: 15. Tổng số giáo viên: 26; nam: 13; nữ: 13. Cử nhân (đại học): 15; Cử nhân (cao đẳng): 15.

Tổng số học sinh: 614; nam: 297 nữ: 317 .

Tổng diện tích: 826 m^2; diện tích sử dụng: 826 m^2

Trường có 01 dãy lầu, gồm 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; phòng làm việc: 02; phòng học: 09; phòng thí nghiệm: 03; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 03.

12. Trường Trung học cơ sở Thân Cửu Nghĩa

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Thân Cửu Nghĩa).

Địa chỉ: Ấp Ngãi Lợi, xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 935001.

Trang thông tin điện tử: thcsthancuunghia.tiengiang.edu.vn.

Email: C2thancuunghiachauthanh.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông Cấp II Thân Cửu Nghĩa được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông Cấp I Thân Cửu Nghĩa và Trường Phổ thông Cấp II Thân Cửu Nghĩa hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Thân Cửu Nghĩa. Năm 1987, Trường Phổ thông cơ sở Thân Cửu Nghĩa tách ra thành hai trường là Trường Phổ thông cơ sở Thân Cửu Nghĩa A và Trường Phổ thông cơ sở Thân Cửu Nghĩa B. Năm 1990, Trường Phổ thông cơ sở Thân Cửu Nghĩa A và Trường Phổ thông cơ sở Thân Cửu Nghĩa B hợp nhất thành Trường Trung học cơ sở Thân Cửu Nghĩa theo Quyết định số 1196/QĐ.UB ngày 01 tháng 9 năm 1990 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành.

Trường đạt chuẩn Quốc gia.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Thân Cửu Nghĩa.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 17 đảng viên; nam: 08; nữ: 09; Chi ủy: 05; nam: 04; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02; trong đó nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 30 công đoàn viên; nam: 14; nữ: 16. Đoàn thanh niên: 20 đoàn viên; nam: 05 nữ: 15. Đội Thiếu niên: 564 đội viên; nam: 298; nữ: 266.

Tổng số giáo viên: 30; nam: 14; nữ: 16. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (đại học): 20; Cử nhân (cao đẳng): 07; Trung cấp: 02.

Tổng số học sinh: 584; nam: 303; nữ: 281.

Tổng diện tích: 8.664,9 m^2; diện tích sử dụng: 8.664,9 m^2

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tần trệt, 02 tầng lầu; phòng làm việc: 04; phòng học: 12; phòng thí nghiệm: 04; phòng nghe nhìn: 01; phòng Âm nhạc: 01; phòng Mỹ thuật: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; phòng thiết bị: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

13. Trường Trung học cơ sở Rạch Gầm

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Âm Thanh (Cọp gầm hay Ông gầm, gọi tắt thành Gầm).

Địa chỉ: Ấp Hội, xã Kim Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733894029

Trang thông tin điện tử: http://thcsrachgam.pgdchauthanhtg.edu.vn

Email: c2rachgamchauthanh.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông Cấp II Kim Sơn được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông Cấp I Kim Sơn và Trường Phổ thông Cấp II Kim Sơn hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Kim Sơn. Năm 1994, bộ phận Cấp II của trường tách ra và đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Rạch Gầm theo Quyết định số 3043/QĐ.UB ngày 30 tháng 8 năm 1994 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Địa danh chỉ địa hình tự nhiên được đặt tên trường: Rạch Gầm (Xin xem mục từ: Rạch Gầm tại Công việc 4: Sưu tầm, thống kê, phân loại, nghiên cứu, biên soạn địa danh Rạch thuộc Nội dung 6: nghiên cứu địa danh chỉ địa hình thiên nhiên.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 11 đảng viên; nam: 05; nữ: 06; Chi ủy: 03; nam: 03; nữ: 00. Ban giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 22 công đoàn viên; nam: 07; nữ: 15. Đoàn thanh niên: 53 đoàn viên; nam: 31; nữ: 22. Đội thiếu niên: 361 đội viên; nam: 181; nữ: 180.

Tổng số cán bộ, viên chức: 22 ; nam: 07; nữ: 15. Tổng số giáo viên: 19; nam: 05; nữ: 14. Cử nhân (đại học): 8; Cử nhân (cao đẳng): 04.

Tổng số học sinh: 414; nam: 212; nữ: 202.

Tổng diện tích: 4.355m^2; diện tích sử dụng: 1.691 m^2

Trường có 01 dãy lầu, gồm 01 tầng trệt, 01 tầng lầu và 02 dãy trệt; phòng làm việc: 09; phòng học: 07; phòng thí nghiệm: 04; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

14. Trường Trung học cơ sở Vĩnh Kim

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Vĩnh Kim).

Địa chỉ: Ấp Vĩnh Thới, xã Vĩnh Kim, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 834 060

Trang thông tin điện tử:

Email: c2vinhkimchauthanh.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, bộ phận Cấp II được tách ra từ Trường Phổ thông trung học Vĩnh Kim để thành lập Trường Phổ thông Cấp II Vĩnh Kim. Năm 1978, Trường Phổ thông Cấp I Vĩnh Kim và Trường Phổ thông Cấp II Vĩnh Kim hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Vĩnh Kim. Năm 1987, bộ phận Cấp II của trường được tách ra để thành lập Trường Trung học cơ sở Vĩnh Kim. Năm 2010, trường được

xác nhận đơn vị không có Quyết định thành lập trường theo văn bản số 1841/UBND-NV ngày 21 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Vĩnh Kim.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 30 đảng viên; nam: 15; nữ: 15; Chi ủy: 05; nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 03; nam: 03; nữ: 00. Công đoàn: 73 công đoàn viên; nam: 32; nữ: 41. Đoàn thanh niên: 12 đoàn viên; nam: 05; nữ: 07. Đội thiếu niên: 1.543 đội viên; nam: 803; nữ: 470.

Tổng số cán bộ, viên chức: 73; nam: 32; nữ: 41. Tổng số giáo viên: 66; nam: 29; nữ: 37. Cử nhân (đại học): 37; Cử nhân (cao đẳng): 33; Trung cấp: 03.

Tổng số học sinh: 1.543; nam: 803; nữ: 470.

Tổng diện tích: 5.932,8 m^2; diện tích sử dụng: 5.932,8 m^2

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 07; phòng học: 23; phòng thí nghiệm: 04; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 04; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 00; khu vệ sinh: 02.

Trường tiểu học, trường tiểu học - trung học cơ sở:

1. Trường Tiểu học Bình Đức

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Bình Đức).

Địa chỉ: Ấp Lộ Ngang, xã Bình Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273 3853520

Trang thông tin điện tử: https//: thbinhduc.pgdchauthanhtg.edu.vn

Email: c1binhducchauthanh.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Bình Đức A được thành lập. Năm 1978, là Trường Phổ thông cơ sở Bình Đức A. Năm 1987, bộ phận Cấp II tách ra, trường còn lại Cấp I và được đổi tên thành Trường Tiểu học Bình Đức. Năm 2010, trường được xác nhận đơn vị không có Quyết định thành lập trường theo văn bản số 1841/UBND-NV ngày 21 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Bình Đức.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 09 đảng viên; nam: 01; nữ: 08; Chi ủy: 03; nam: 01; nữ: 02. Ban Giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 28 công đoàn viên; nam: 09; nữ: 18. Đội thiếu niên: 475 đội viên; nam: 243; nữ: 232.

Tổng số cán bộ, viên chức: 28; nam: 09 ; nữ: 18. Tổng số giáo viên: 22; nam: 8; nữ: 14. Cử nhân (đại học): 24; Cử nhân (cao đẳng): 00; Trung học sư phạm: 01; Trung cấp Tài chính - Kế toán: 01; Trung cấp Y tế: 01.

Tổng số học sinh: 640; nam: 349 ; nữ: 291.

Tổng diện tích: 2.242 m^2; diện tích sử dụng: 2.242 m^2.

Trường có ba điểm trường nằm trên 2 ấp. Cả ba điểm trường có tổng cộng 15 phòng, trong đó có 13 phòng được sử dụng làm phòng học, 01 phòng dùng chung cho thư viện và thiết bị, 01 phòng làm văn phòng chung. Hiện trường chưa có các phòng làm việc của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, phòng giáo viên, các khối phòng chức năng hỗ trợ học tập, như phòng nghe nhìn, phòng Tin học…. Sân chơi còn nhỏ hẹp chưa đáp ứng nhu cầu tối thiểu. Trường đang trong dự án xây dựng trường mới đạt chuẩn mức độ 2 giai đoạn 2021-2026.

2. Trường Tiểu học Bình Trưng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Bình Trưng).

Địa chỉ: Ấp Bình Trung, xã Bình Trưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733.627.221

Trang thông tin điện tử: http://thbinhtrung.pgdchauthanhtg.edu.vn

Email: c1binhtrungchauthanh.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Bình Trưng được thành lập. Năm 1978, là Trường Phổ thông cơ sở Bình Trưng. Năm 1987, bộ phận Cấp II tách ra, trường còn lại Cấp I và được phân chia thành hai trường là Trường Tiểu học Bình Trưng A và Trường Tiểu học Bình Trưng B. Năm 2007, Trường Tiểu học Bình Trưng A và Trường Tiểu học Bình Trưng B hợp nhất thành Trường Tiểu học Bình Trưng theo Quyết định số 2488/QĐ-UBND ngày 19/9/2007 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Bình Trưng.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 10 đảng viên; nam: 08; nữ: 02; Chi ủy: 03; nam: 03; nữ: 00. Ban Giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 25 công đoàn viên; nam: 12; nữ: 13. Đội thiếu niên: 312 đội viên; nam: 155; nữ: 157.

Tổng số cán bộ, viên chức: 25; nam: 12; nữ: 13. Tổng số giáo viên: 21; nam: 10; nữ: 11. Cử nhân (đại học): 12; Cử nhân (cao đẳng): 04; Trung học sư phạm: 05.

Tổng số học sinh: 473; nam: 238; nữ: 235.

Tổng diện tích: 6.266,4 m^2; diện tích sử dụng: 1.939 m^2

Trường có 02 dãy lầu, dãy khối hành chánh có 02 tầng, dãy khối phòng học có 03 tầng, phòng làm việc: 08 ; phòng học: 20; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 02; thư viện: 02; sân chơi: 01; khu vệ sinh: 02.

3. Trường Tiểu học Điềm Hy

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Điềm Hy).

Địa chỉ: Ấp Bắc A, xã Điềm Hy, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733900234

Trang thông tin điện tử: thdiemhy.pgdchauthanhtg.edu.vn

Email: c1diemhychauthanh.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Điềm Hy được thành lập. Năm 1978, là Trường Phổ thông cơ sở Điềm Hy. Năm 1992, bộ phận Cấp II tách ra, trường còn lại Cấp I và được đổi tên thành Trường Tiểu học Điềm Hy. Năm 2010, Trường Tiểu học Điềm Hy được xác nhận đơn vị không có Quyết định thành lập trường theo văn bản số 1841/UBND-NV ngày 21 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Điềm Hy.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 13 đảng viên; nam: 08; nữ: 05; Chi ủy: 03 ; nam: 01 ; nữ: 02. Ban Giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 23 công đoàn viên; nam: 13; nữ: 10. Đội thiếu niên: 281 đội viên; nam: 151 ; nữ: 130

- Tổng số cán bộ, viên chức: 23; nam: 13; nữ: 10. Tổng số giáo viên: 21; nam: 13; nữ: 08. Cử nhân (đại học): 19; Cử nhân (cao đẳng): 02; Trung học sư phạm: 02.

Tổng số học sinh: 426; nam: 226; nữ: 200 .

Tổng diện tích: 9.364 m^2; diện tích sử dụng: 1.925 m^2

Trường có 03 dãy nhà cấp 4; phòng làm việc: 02; phòng học: 13; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 03; khu thể thao: 00 ; khu vệ sinh: 03.

4. Trường Tiểu học Đông Hòa

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Đông Hòa).

Địa chỉ: Ấp Trung, xã Đông Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273 3834 725

Trang thông tin điện tử: thdonghoa.pgdchauthanhtg.edu.vn

Email: c1donghoachauthanh.tiengiangmoet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Đông Hòa được thành lập. Năm 1978, là Trường Phổ thông cơ sở Đông Hòa. Năm 1987, bộ phận Cấp II tách ra, trường còn lại Cấp I và được đổi tên thành Trường Tiểu học Đông Hòa. Năm 2010, Trường Tiểu học Đông Hòa được xác nhận đơn vị không có Quyết định thành lập trường theo văn bản định số 1841/UBND-NV ngày 21 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Đông Hòa.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 16 đảng viên; nam: 03; nữ: 13; Chi ủy: 05; nam: 02; nữ: 03. Ban Giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 32 công đoàn viên; nam: 07; nữ: 25. Đội thiếu niên: 506 đội viên; nam: 259; nữ: 247.

Tổng số cán bộ, viên chức: 32 ; nam: 07 ; nữ: 25. Tổng số giáo viên: 32 ; nam: 07 ; nữ: 25. Cử nhân (đại học): 27; Cử nhân (cao đẳng): 04; Trung học sư phạm: 01.

Tổng số học sinh: 805; nam: 388 ; nữ: .

Tổng diện tích: 9.329 m^2; diện tích sử dụng: 9.329 m^2

Trường có 02 điểm trường: điểm chính có 03 dãy lầu, gồm 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; điểm phụ có 01 dãy lầu, gồm 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; phòng làm việc: 11; phòng học: 34; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 02; khu vệ sinh: 04.

5. Trường Tiểu học Dưỡng Điềm

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Dưỡng Điềm).

Địa chỉ: Ấp Hòa, xã Dưỡng Điềm, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733627849

Trang thông tin điện tử: http://thduongdiem.pgdchauthanhtg.edu.vn

Email: c1duongdiemchauthanh.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Dưỡng Điềm được thành lập. Năm 1978, là Trường Phổ thông cơ sở Dưỡng Điềm. Năm 1991, bộ phận Cấp II tách ra, trường còn lại Cấp I và được đổi tên thành Trường Tiểu học Dưỡng Điềm. Năm 2010, Trường Tiểu học Dưỡng Điềm được xác nhận đơn vị không có Quyết định thành lập trường theo văn bản số 1841/UBND-NV ngày 21 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Dưỡng Điềm.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 16 đảng viên; nam: 03 ; nữ: 13 ; Chi ủy: 03;

nam: 01; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 37 công đoàn viên; nam: 08; nữ: 29. Đoàn thanh niên: 16 đoàn viên; nam: 02; nữ: 14. Đội thiếu niên: 506 đội viên; nam: 263; nữ: 243.

Tổng số cán bộ, viên chức: 37; nam: 08; nữ: 29. Tổng số giáo viên: 35; nam: 08; nữ: 27. Cử nhân (đại học): 34; Cử nhân (cao đẳng): 02; Trung học sư phạm: 01.

Tổng số học sinh: 861; nam: 415; nữ: 446.

Tổng diện tích: 3.824 m^2; diện tích sử dụng: 3.824 m^2

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; phòng làm việc: 09; phòng học: 26; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01 ; thư viện: 02; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 03.

6. Trường Tiểu học Hữu Đạo

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Hữu Đạo).

Địa chỉ: Ấp Hữu Hòa, xã Hữu Đạo, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733627926

Trang thông tin điện tử:

Email: C1huudaochauthanh@tiengiang.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Hữu Đạo được thành lập. Năm 1978, là Trường Phổ thông cơ sở Hữu Đạo. Năm 2001, bộ phận Cấp II tách ra, trường còn lại Cấp I và được đổi tên thành Trường Tiểu học Hữu Đạo theo Quyết định số 1193/QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2001 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành.

Trường đạt chuẩn Quốc gia.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Hữu Đạo.

Năm 2003, Chi bộ nhà trường có 12 đảng viên; nam: 05; nữ: 07; Chi ủy: 03; nam: 02; nữ: 01. Ban Giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 20 công đoàn viên; nam: 09; nữ: 11. Đội thiếu niên: 187 đội viên; nam: 101; nữ: 86.

Tổng số cán bộ, viên chức: 20; nam: 09; nữ: 11.

Tổng số giáo viên: 18; nam: 07; nữ: 09. Cử nhân (đại học): 16; Cử nhân (cao đẳng): 01; Trung học sư phạm: 03.

Tổng số học sinh: 310; nam: 161; nữ: 149.

Tổng diện tích: 3.544,6 m^2; diện tích sử dụng: 1.144,6 m^2

Trường có hai dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu; phòng làm việc:

09; phòng học: 12; phòng học năng khiếu: 06 (01 phòng âm nhạc, 02 phòng tin học, 01 phòng mỹ thuật, 01 phòng ngoại ngữ, 01 phòng khoa học và công nghệ); thư viện: 01; phòng thiết bị: 01; Dãy phòng học có 12 phòng (10 phòng từ lớp 1 - 5; 01 phòng Ngoại ngữ, 01 phòng Khoa học và Công nghệ); sân chơi: 01; khu thể thao: 00; khu vệ sinh: 06.

7. Trường Tiểu học Kim Sơn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Kim Sơn).

Địa chỉ: Ấp Hội, xã Kim Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273 3894 211

Trang thông tin điện tử: thkimson.pgdchauthanhtg.edu.vn

Email: c1kimsonchauthanh.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Kim Sơn được thành lập. Năm 1978, là Trường Phổ thông cơ sở Kim Sơn. Năm 1994, bộ phận Cấp II tách ra, trường còn lại Cấp I và được đổi tên thành Trường Tiểu học Kim Sơn theo Quyết định số 3042/QĐ.UB ngày 30 tháng 8 năm 1994 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Kim Sơn.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 18 đảng viên; nam: 07; nữ: 11; Chi ủy: 05; nam: 02; nữ: 03. Ban giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 26 công đoàn viên; nam: 09; nữ: 17. Đoàn thanh niên: 01 đoàn viên; nam: 00; nữ: 01. Đội thiếu niên: 309 đội viên; nam: 164; nữ: 145.

Tổng số cán bộ, viên chức: 26; nam: 09; nữ: 17. Tổng số giáo viên: 22; nam: 07; nữ: 15. Cử nhân (đại học): 19; Cử nhân (cao đẳng): 01; Trung học sư phạm: 02.

Tổng số học sinh: 592; nam: 316; nữ: 276.

Tổng diện tích: 5.189,1m^2; diện tích sử dụng: 946,4m^2

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 04; phòng học: 16; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 00; khu vệ sinh: 02.

8. Trường Tiểu học Long Định

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Long Định).

Địa chỉ: Ấp Mới, xã Long Định, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 834798

Trang thông tin điện tử: thlongdinh.pgdchauthanhtg.edu.vn

Email: C1longdinhchauthanh.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Long Định được thành lập. Năm 1978, là Trường Phổ thông cơ sở Long Định A và Trường Phổ thông cơ sở Long Định B. Năm 1990, bộ phận Cấp II tách ra, trường còn lại Cấp I và được đổi tên thành Trường Tiểu học Long Định.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Long Định.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 31 đảng viên; nam: 09; nữ: 22; Chi ủy: 05; nam: 02 ; nữ: 03. Ban giám hiệu: 03; nam: 01; nữ: 02. Công đoàn: 45 công đoàn viên; nam: 11; nữ: 34. Đội thiếu niên: 965 đội viên; nam: 455; nữ: 510.

Tổng số cán bộ, viên chức: 45; nam: 11; nữ: 34. Tổng số giáo viên: 39; nam: 10; nữ: 29. Cử nhân (đại học): 40 ; Cử nhân (cao đẳng): 02 ; Trung học sư phạm: 03.

Tổng số học sinh: 1.265; nam: 656; nữ: 609.

Tổng diện tích: 7.903,2 m^2; diện tích sử dụng: 7.062,9 m^2

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 02 tầng, phòng làm việc: 03; phòng học: 29 ; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01 thư viện: 01; sân chơi: 04; khu thể thao: 00; khu vệ sinh: 04.

9. Trường Tiểu học Long Hưng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Long Hưng).

Địa chỉ: Ấp Long Thạnh A, xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733832197

Trang thông tin điện tử: thlong hung.pgdchauthanh.edu.vn

Email: c1longhungbchauthanh.tiengiang@.moet.edu.vn

Năm 1976, trường đổi tên thành Trường Phổ thông cấp I Long Hưng được thành lập. Năm 1978, là Trường Phổ thông cơ sở Long Hưng. Năm 1987, bộ phận Cấp II tách ra, trường còn lại Cấp I và được đổi tên thành Trường Tiểu học Long Hưng. Năm 2008, Trường Tiểu học Long Hưng được xác nhận đơn vị không có Quyết định thành lập trường theo văn bản số 8984/UBND-NV ngày 14 tháng 10 năm 2008 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Long Hưng.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 15 đảng viên; nam: 07; nữ: 08; Chi ủy: 03; nam: 03; nữ: 00. Ban giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 21 công đoàn

viên; nam: 07; nữ: 14. Đội thiếu niên: 252; nam: 116; nữ: 136

Tổng số cán bộ, viên chức: 21; nam: 07; nữ: 14. Tổng số giáo viên: 17; nam: 06; nữ: 11. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (đại học): 18; Trung cấp: 02.

Tổng số học sinh: 619; nam: 316; nữ: 303.

Tổng diện tích: 6.045,4 m^2; diện tích sử dụng: 6.045,4 m^2

Trường có 03 dãy lầu: Dãy thứ nhất: 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; Dãy thứ hai: 01 tầng trệt, 02 tầng lầu; Dãy thứ ba: 01 tầng trệt, 02 tầng lầu.

Phòng làm việc: 03; phòng học: 17; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

10. Trường Tiểu học Nhị Bình

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Nhị Bình).

Địa chỉ: Ấp Tây, xã Nhị Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273 3627 205

Trang thông tin điện tử: thnhibinhb.pgdchauthanhtg.edu.VN

Email: c1nhibinhbchauthanh.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Nhị Bình được thành lập. Năm 1978, là Trường Phổ thông cơ sở Nhị Bình. Năm 1987, bộ phận Cấp II tách ra, trường còn lại Cấp I và được chia thành Trường Tiểu học Nhị Bình A và Trường Tiểu học Nhị Bình B. Năm 2019, hai trường sáp nhập thành Trường Tiểu học Nhị Bình theo Quyết định số 4085/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Nhị Bình.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 32 đảng viên; nam: 13; nữ: 19; Chi ủy: 05; nam: 04; nữ: 01. Ban giám hiệu: 03; nam: 02; nữ: 01. Công đoàn: 52 công đoàn viên; nam: 20; nữ: 32. Đội thiếu niên: 649; nam: 342; nữ: 307.

Tổng số cán bộ, viên chức: 52; nam: 20; nữ: 32. Tổng số giáo viên: 47; nam: 17; nữ: 30. Cử nhân (đại học): 44; Cử nhân (cao đẳng): 01; Trung học sư phạm: 02.

Tổng số học sinh: 1036 ; nam: 556 ; nữ: 480 .

Tổng diện tích: 9.307,5 m^2; diện tích sử dụng: 9.307,5 m^2

Trường có 04 điểm trường: điểm chính có 03 dãy lầu (dãy 1 có 12 phòng, 03 tầng; dãy 2 có 6 phòng, 02 tầng; dãy 03 có 03 tầng, có 17 phòng chia ra: Phòng bộ

môn có: 05 phòng (phòng Âm nhạc: 01, Mỹ thuật: 01, Giáo dục thể chất: 01, Anh văn: 01, Tin học: 01), phòng chức năng, làm việc có 12 phòng gồm: văn phòng: 01, phòng họp giáo viên: 01, phòng Phó hiệu trưởng: 01, Phòng khuyết tật: 01, Phòng y tế: 01, phòng Tổng phụ trách: 01, phòng truyền thống: 01, Thư viện: 01, phòng đọc giáo viên: 01, phòng Thiết bị dùng chung: 01, phòng hiệu trưởng: 01, phòng nghỉ giáo viên: 01).

Phòng học có: 44 phòng: Chia ra: điểm phụ 1: ấp Hưng có 02 dãy trệt cấp 4: có 8 phòng; điểm phụ 2: ấp Hòa có 2 dãy trệt cấp 4 có 5 phòng; điểm phụ ấp Trung A có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 02 tầng có 10 phòng, dãy 02 trệt có 03 phòng cấp 4; Sân chơi: 04 (mỗi điểm có 1 sân chơi); khu vệ sinh: 04 (mỗi điểm có 01 khu vệ sinh); khu thể thao: 00.

11. Trường Tiểu học Phú Phong

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Phú Phong).

Địa chỉ: Ấp Phú Thạnh, xã Phú Phong, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 894 212

Trang thông tin điện tử: http://thphuphong.pgdchauthanhtg.edu.vn/

Email: c1phuphongchauthanh.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Phú Phong được thành lập. Năm 1978, là Trường Phổ thông cơ sở Phú Phong. Năm 1997, bộ phận Cấp II tách ra, trường còn lại Cấp I và và được đổi tên thành Trường Tiểu học Phú Phong theo Quyết định số 945/QĐ.UB, ngày 08 tháng 12 năm 1997 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành.

Trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Phú Phong.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 11 đảng viên; nam: 08; nữ: 03; Chi ủy: 03; nam: 03; nữ: 00. Ban giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 21 công đoàn viên; nam: 11; nữ: 10. Đội thiếu niên: 389 đội viên; nam: 176; nữ: 213.

Tổng số cán bộ, viên chức: 21; nam: 11; nữ: 10. Tổng số giáo viên: 18; nam: 09; nữ: 09. Cử nhân (đại học): 17; Cử nhân (cao đẳng): 02; Trung học sư phạm: 01; Trung cấp: 01. .

Tổng số học sinh: 538; nam: 275; nữ: 263. .

Tổng diện tích: 3.967 m^2; diện tích sử dụng: 3.967 m^2

Trường có 01 dãy lầu gồm 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; phòng làm việc: 01; phòng học: 11; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 90; khu vệ sinh: 02.

12. Trường Tiểu học Song Thuận

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Song Thuận).

Địa chỉ: Ấp Tây Hòa, xã Song Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273 3833 765

Trang thông tin điện tử: thsongthuan.pgdchauthanhtg.edu.vn

Email: c1songthuanchauthanh.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Song Thuận được thành lập. Năm 1978, là Trường Phổ thông cơ sở Song Thuận. Năm 1987, bộ phận Cấp II tách ra, trường còn lại Cấp I và được đổi tên thành Trường Tiểu học Song Thuận. Năm 2010, Trường Tiểu học Song Thuận được xác nhận đơn vị không có Quyết định thành lập trường theo văn bản số 1841/UBND-NV ngày 21 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Song Thuận.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 11 đảng viên; nam: 01; nữ: 10; Chi ủy: 03; nam: 01; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 21 công đoàn viên; nam: 06; nữ: 15. Đội thiếu niên: 221; nam: 109; nữ: 112.

Tổng số cán bộ, viên chức: 21; nam: 06; nữ: 15. Tổng số giáo viên: 19; nam: 06; nữ: 13. Cử nhân (đại học): 15; Cử nhân (cao đẳng): 04.

Tổng số học sinh: 374; nam: 193; nữ: 181.

Tổng diện tích: 5.654,7m^2; diện tích sử dụng: 5.319,6m^2

Trường có 02 dãy lầu (dãy 1 có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; dãy 2 có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu); phòng làm việc: 07; phòng học: 12; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 02; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01 (nhà đa năng); khu vệ sinh: 05.

13. Trường Tiểu học Tam Hiệp

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Tam Hiệp).

Địa chỉ: Ấp 1, xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 893357

Trang thông tin điện tử: thtamhiep.pgdchauthanhtg.edu.vn

Email: c1tamhiepchauthanh.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Tam Hiệp được thành lập. Năm 1978, là

Trường Phổ thông cơ sở Tam Hiệp. Năm 1987, bộ phận Cấp II tách ra, trường còn lại Cấp I và được chia thành Trường Tiểu học Tam Hiệp A và Trường Tiểu học Tam Hiệp B. Năm 2010, hai trường sáp nhập thành Trường Tiểu học Tam Hiệp theo Quyết định số 2481/QĐ-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Tam Hiệp.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 24 đảng viên; nam: 07; nữ: 17; Chi ủy: 05; nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 03; nam: 01; nữ: 02. Công đoàn: 46 công đoàn viên; nam: 15; nữ: 31. Đội thiếu niên: 706 đội viên; nam: 34; nữ: 365.

Tổng số cán bộ, viên chức: 46; nam: 15; nữ: 31. Tổng số giáo viên: 41; nam: 14; nữ: 27. Thạc sĩ: 02; Cử nhân (đại học): 36; Cử nhân (cao đẳng): 03; Trung học sư phạm: 04; Trung cấp kế toán: 01.

Tổng số học sinh: 1.120; nam: 554; nữ: 566.

Tổng diện tích: 12.287,3 m^2; diện tích sử dụng: 5.292m^2

Trường có 02 điểm trường:

- Điểm chính:

+ 01 dãy lầu hành chính, có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu, tầng trệt có 06 phòng (01 phòng thiết bị, 01 phòng giáo viên, 01 phòng phó hiệu trưởng; 01 văn phòng, 01 phòng y tế, 01 phòng giáo dục hòa nhập); tầng lầu có 04 phòng (01 thư viện, 01 phòng hiệu trưởng, 01 phòng truyền thống, 01 phòng Đội);

+ 02 dãy phòng học, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu, tầng trệt có 12 phòng học, tầng lầu có 08 phòng học, 01 phòng Tiếng Anh, 01 phòng Tin học, 01 phòng Âm nhạc, 01 phòng Mĩ thuật.

+ 01 khu nhà ăn có 01 tầng trệt và 1 tầng lầu và có hệ thống thang nâng.

- Điểm phụ:

+ 01 dãy lầu phòng học có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu, tầng trệt có 06 phòng học, 02 tầng lầu có 12 phòng học.

- Khu thể thao: có 01 sân bóng đá mini.

- Sân chơi: có 02 sân ở 02 điểm trường.

- Khu vệ sinh: ở 02 điểm trường có 02 khu vệ sinh giáo viên và 03 khu vệ sinh học sinh.

- Nhà đa năng: 01.

14. Trường Tiểu học Tân Hiệp

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Thị trấn Tân Hiệp).

Địa chỉ: Khu phố Cá, thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 933 990

Trang thông tin điện tử: thtanhiep.pgdchauthanhtg.edu.vn

Email: c1tanhiepchauthanh.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Tân Hiệp được thành lập. Năm 1978, là Trường Phổ thông cơ sở Tân Hiệp. Năm 1987, bộ phận Cấp II tách ra, trường còn lại Cấp I và được đổi tên thành Trường Tiểu học Tân Hiệp.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Thị trấn Tân Hiệp.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 24 đảng viên; nam: 03; nữ: 21; Chi ủy: 05; nam: 02; nữ: 03. Ban giám hiệu: 03; nam: 00; nữ: 03. Công đoàn: 44 công đoàn viên; nam: 09; nữ: 35. Đoàn thanh niên: 12 đoàn viên; nam: 04; nữ: 08. Đội thiếu niên: 681 đội viên; nam: 348; nữ: 333.

Tổng số cán bộ, viên chức: 44 ; nam: 09; nữ: 35. Tổng số giáo viên: 42; nam: 09; nữ: 33. Cử nhân (đại học): 39; Cử nhân (cao đẳng): 03; Trung học sư phạm: 02.

Tổng số học sinh: 1.135 ; nam: 579; nữ: 556.

Tổng diện tích: 7.500,3 m^2; diện tích sử dụng: 7.500,3 m^2

Trường có 04 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 06; phòng học: 30; phòng thí nghiệm: 00; phòng bộ môn: 05; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 06.

15. Trường Tiểu học Tân Hội Đông

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Tân Hội Đông).

Địa chỉ: Ấp Tân Xuân, xã Tân Hội Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 896 238

Trang thông tin điện tử: thtanhoidong.pgdchauthanhtg.edu.vn

Email: c1tanhoidongchauthanh.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Tân Hội Đông được thành lập. Năm 1978, là Trường Phổ thông cơ sở Tân Hội Đông. Năm 1990, bộ phận Cấp II tách ra, trường còn lại Cấp I và được đổi tên thành Trường Tiểu học Tân Hội Đông theo

Quyết định số 1177/QĐ.UB ngày 31tháng 8 năm 1990 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Tân Hội Đông.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 18 đảng viên; nam: 08; nữ: 10; Chi ủy: 05; nam: 04; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 38 công đoàn viên; nam: 18; nữ: 20. Đội thiếu niên: 441 đội viên; nam: 208; nữ: 233.

Tổng số cán bộ, viên chức: 38 ; nam: 18 ; nữ: 20. Tổng số giáo viên: 35; nam:16; nữ: 19. Cử nhân (đại học): 29; Cử nhân (cao đẳng): 01; Trung học sư phạm: 05; Trung cấp: 03.

Tổng số học sinh: 863; nam: 458; nữ: 405.

Tổng diện tích: 5.692,4 m^2; diện tích sử dụng: 1.306 m^2

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 1 tầng trệt và 03 tầng lầu; phòng làm việc: 06; phòng học: 28 (25 phòng học văn hoá và 02 phòng học bộ môn: âm nhạc, mỹ thuật); phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 03.

16. Trường Tiểu học Tân Hương

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Tân Hương).

Địa chỉ: Ấp Tân Phú, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 831828

Trang thông tin điện tử:http://thtanhuong.pgdchauthanhtg.edu.vn

Email: c1tanhuongachauthanh.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Tân Hương được thành lập. Năm 1978, là Trường Phổ thông cơ sở Tân Hương. Năm 1987, bộ phận Cấp II tách ra, trường còn lại Cấp I và được chia thành Trường Tiểu học Tân Hương A và Trường Tiểu học Tân Hương B. Năm 2018, hai trường sáp nhập thành Trường Tiểu học Tân Hương theo Quyết định số 4088/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Tân Hương.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 25 đảng viên, nam: 10; nữ 15; Chi ủy: 05, nam: 04, nữ: 01. Ban giám hiệu: 03, nam: 03, nữ: 00. Công đoàn: 54 công đoàn viên; nam: 18; nữ: 36. Đoàn thanh niên: 19 đoàn viên; nam: 04 ; nữ: 15. Đội thiếu niên: 788 đội viên; nam: 402; nữ: 386.

Tổng số cán bộ, viên chức: 52; nam: 17; nữ: 35. Tổng số giáo viên: 46; nam: 14; nữ: 32. Cử nhân (đại học): 39; Cử nhân (cao đẳng): 09; Trung học sư phạm: 02; Trung cấp kế toán: 01; Trung cấp y tế: 01.

Tổng số học sinh:1.323; nam: 700; nữ: 623.

Tổng diện tích:15.165 m^2; diện tích sử dụng: 3.124m^2

Trường có 05 dãy lầu: 01 dãy có 01 tầng trệt, 03 tầng lầu; 02 dãy có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu; 02 dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; phòng làm việc: 09; phòng học: 39; phòng học bộ môn: 08; phòng máy vi tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 02; khu vệ sinh: 10.

17. Trường Tiểu học Tân Lý Đông

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Tân Lý Đông).

Địa chỉ: Ấp Tân Quới, xã Tân Lý Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 033831047

Trang thông tin điện tử:

Email: c1tanlydongchauthanh.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Tân Lý Đông được thành lập. Năm 1978, là Trường Phổ thông cơ sở Tân Lý Đông. Năm 1990, bộ phận Cấp II tách ra, trường còn lại Cấp I và được đổi tên thành Trường Tiểu học Tân Lý Đông.

Trường đạt chuẩn Quốc gia.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Tân Lý Đông.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 25 đảng viên; nam:14; nữ: 11; Chi ủy: 05; nam: 03 ; nữ: 01. Ban giám hiệu: 03; nam: 02; nữ: 01. Công đoàn: 41 công đoàn viên; nam: 18 ; nữ: 23. Đội thiếu niên: 352 đội viên; nam: 194; nữ: 158.

Tổng số cán bộ, viên chức: 41; nam:18 ; nữ: 23. Tổng số giáo viên: 35; nam: 14; nữ: 21. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (đại học): 24; Cử nhân (cao đẳng): 03; Trung học sư phạm: 10; Trung cấp: 03.

Tổng số học sinh: 934 ; nam: 485 ; nữ: 449.

Tổng diện tích: 6.387,9 m^2; diện tích sử dụng: 4.070 m^2

Trường có 02 dãy nhà trệt và 02 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; phòng làm việc: 08; phòng học: 23; phòng học bộ môn (âm nhạc, mỹ thuật tin học): 03; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 00; khu vệ sinh: 02.

18. Trường Tiểu học Tân Lý Tây

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Tân Lý Tây).

Địa chỉ: ấp Tân Phong, xã Tân Lý Tây, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733896234.

Trang thông tin điện tử: http://thtanlytay.pgdchauthanhtg.edu.vn

Email: c1tanlytayachauthanh.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Tân Lý Tây được thành lập. Năm 1978, là Trường Phổ thông cơ sở Tân Lý Tây. Năm 1987, bộ phận Cấp II tách ra, trường còn lại Cấp I và được chia thành Trường Tiểu học Tân Lý Tây A và Trường Tiểu học Tân Lý Tây B. Năm 2015, hai trường sáp nhập thành Trường Tiểu học Tân Lý Tây theo Quyết định số 4566/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành.

Trường đạt chuẩn Quốc gia.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Tân Lý Tây.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 21 đảng viên; nam: 11; nữ: 10; Chi ủy: 05; nam: 04; nữ: 01. Ban giám hiệu: 03; nam: 02 ; nữ: 01. Công đoàn: 34 công đoàn viên; nam: 15; nữ: 19. Đội thiếu niên: 01; nam: 601; nữ: 300.

Tổng số cán bộ, viên chức: 34; nam: 15; nữ: 19. Tổng số giáo viên: 29; nam: 13; nữ: 16. Cử nhân (đại học): 18; Cử nhân (cao đẳng): 04; Trung học sư phạm: 07. Tổng số học sinh: 968; nam: 494; nữ: 474.

Tổng diện tích: 8.720,8 m^2; diện tích sử dụng: 1.677,51 m^2

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu, phòng làm việc: 14; phòng học: 22; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 06.

19. Trường Tiểu học Thân Cửu Nghĩa

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Thân Cửu Nghĩa).

Địa chỉ: Ấp Thân Hòa, xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 831114.

Trang thông tin điện tử: ththancuunghia.pgdchauthanhtg.edu.vn.

Email: c1thancuunghiaachauthanh.tiengiang@moet.edu.vn.

Năm 1976, trường đổi tên thành Trường Phổ thông cấp I Thân Cửu Nghĩa. Năm 1978, là Trường Phổ thông cơ sở Thân Cửu Nghĩa. Năm 1987, bộ phận Cấp II tách ra, trường còn lại Cấp I và được chia thành Trường Tiểu học Thân Cửu Nghĩa

A và Trường Tiểu học Thân Cửu Nghĩa B. Năm 2019, hai trường sáp nhập thành Trường Tiểu học Thân Cửu Nghĩa theo Quyết định số 4087/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Thân Cửu Nghĩa.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 28 đảng viên; nam: 09; nữ: 19; Chi ủy: 05; nam: 04 ; nữ: 01. Ban giám hiệu: 03; nam: 03; nữ: 00. Công đoàn: 53 công đoàn viên; nam: 14; nữ: 39. Đoàn thanh niên: 09 đoàn viên; nam: 01; nữ: 08. Đội thiếu niên: 777 đội viên; nam: 398; nữ: 379.

Tổng số cán bộ, viên chức: 53; nam: 14; nữ: 39. Tổng số giáo viên: 47; nam: 11; nữ: 36. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (đại học): 44; Cử nhân (cao đẳng): 05; Trung học sư phạm: 02; Trung cấp: 01.

Tổng số học sinh: 1230; nam: 645; nữ: 585.

Tổng diện tích: 15.453 m^2; diện tích sử dụng: 9.105 m^2.

Trường có 02 điểm:

Điểm chính: có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 02 tầng lầu; phòng làm việc: 10; phòng học: 23; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 00; khu vệ sinh: 02.

Điểm phụ: có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 02 tầng lầu; phòng làm việc: 10; phòng học: 12; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 00; khu vệ sinh: 01.

20. Trường Tiểu học Thạnh Phú

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Thạnh Phú).

Địa chỉ: Ấp Chợ, xã Thạnh Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733.893.294

Trang thông tin điện tử: http://ththanhphu.pgdchauthanhtg.edu.vn

Email: c1thanhphuchauthanh.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Thạnh Phú được thành lập. Năm 1978, là Trường Phổ thông cơ sở Thạnh Phú. Năm 1990, bộ phận Cấp II tách ra, trường còn lại Cấp I và được đổi tên thành Trường Tiểu học Thạnh Phú theo Quyết định 1192/QĐ.UB ngày 31 tháng 8 năm 1990 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Thạnh Phú.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 18 đảng viên; nam: 10; nữ: 08; Chi ủy: 05; nam: 04, nữ: 01. Ban giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 31 công đoàn viên; nam: 15; nữ: 16. Đội thiếu niên: 404 đội viên; nam: 204; nữ: 200.

Tổng số cán bộ, viên chức: 31; nam: 15; nữ: 16. Tổng số giáo viên: 26; nam: 12; nữ: 14. Cử nhân (đại học): 18; Cử nhân (cao đẳng): 02; Trung học sư phạm: 06.

Tổng số học sinh: 675; nam: 345; nữ: 330.

Tổng diện tích: 5.263,2 m^2 ; diện tích sử dụng: 5.263,2 m^2

Trường có 03 dãy lầu: 02 dãy có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu; 01 dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; phòng làm việc: 07; phòng học: 24; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 00; khu vệ sinh: 03.

21. Trường Tiểu học Vĩnh Kim

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Vĩnh Kim).

Địa chỉ: Ấp Vĩnh Thạnh, xã Vĩnh Kim, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733833766

Trang thông tin điện tử: thvinhkim.pgdchauthanhtg.edu.vn

Email: c1vinhkimchauthanh.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, thành Trường Phổ thông cấp I Vĩnh Kim được thành lập. Năm 1978, là Trường Phổ thông cơ sở Vĩnh Kim. Năm 1987, bộ phận Cấp II tách ra, trường còn lại Cấp I và được đổi tên thành Trường Tiểu học Vĩnh Kim. Năm 2010, Trường Tiểu học Vĩnh Kim được xác nhận đơn vị không có Quyết định thành lập trường theo văn bản số 1841/UBND-NV ngày 21 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Vĩnh Kim.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 23 đảng viên; nam: 05; nữ: 18; Chi ủy: 05; nam: 01; nữ: 04. Ban giám hiệu: 03; nam: 00; nữ: 03. Công đoàn: 51 công đoàn viên; nam: 17; nữ: 34. Đội thiếu niên: 975 đội viên; nam: 507; nữ: 468.

Tổng số cán bộ, viên chức: 51; nam: 17; nữ: 34. Tổng số giáo viên: 48; nam: 17; nữ: 31. Cử nhân (đại học): 39; Cử nhân (cao đẳng): 08; Trung học sư phạm: 04.

Tổng số học sinh: 1.465; nam: 756; nữ: 709.

Tổng diện tích: 2.894,2 m^2 ; diện tích sử dụng: 2.894,2 m^2

Trường không có lầu; phòng làm việc: 03; phòng học: 18; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 02; khu thể

thao: 00; khu vệ sinh: 02.

22. Trường Tiểu học - Trung học cơ sở Bàn Long

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học - Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Bàn Long).

Địa chỉ: Ấp Long Thành A, xã Bàn Long, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang

Số điện thoại: 02733 834353

Trang thông tin điện tử: http://thcsbanlong.pgdchauthanhtg.edu.vn

Email: c2banlongchauthanh.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Bàn Long và Trường Phổ thông cấp II Bàn Long được thành lập. Năm 1978, hai trường hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Bàn Long. Năm 1987, trường tách ra, bộ phận Cấp II thành Trường Trung học cơ sở Bàn Long; bộ phận Cấp I thành Trường Tiểu học Bàn Long. Năm 2022, hai trường sáp nhập thành Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Bàn Long theo Quyết định số 3784/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành.

Trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Bàn Long.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 21 đảng viên; nam: 06; nữ: 15; Chi ủy: 05; nam: 02; nữ: 03. Ban giám hiệu: 03; nam: 01; nữ: 02. Công đoàn: 48 công đoàn viên; nam: 20; nữ: 28. Đoàn thanh niên: 17 đoàn viên; nam: 05; nữ: 12. Đội thiếu niên: 673 đội viên; nam: 329; nữ: 344.

Tổng số cán bộ, viên chức: 46; nam: 18; nữ: 28. Tổng số giáo viên: 40; nam: 13 ; nữ: 25. Cử nhân (đại học): 28; Cử nhân (cao đẳng): 08; Trung học sư phạm: 04.

Tổng số học sinh: 871; nam: 426; nữ: 445

Tổng diện tích: 9.255,9 m^2; diện tích sử dụng: 9.255,9 m^2

Trường có 02 điểm:

Điểm tiểu học:

Có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 02 tầng lầu; phòng làm việc: 07; phòng học: 15; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 00; khu vệ sinh: 03.

Điểm trung học cơ sở:

Có 02 dãy lầu, một dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; một dãy có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu; phòng làm việc: 02; phòng học: 11; phòng thí nghiệm: 03; phòng nghe

nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 00; khu vệ sinh: 02.

23. Trường Tiểu học - Trung học cơ sở Long An

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học - Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Long An).

Địa chỉ: Ấp Long Tường, xã Long An, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 856 414

Trang thông tin điện tử: http://thcslongan.pgdchauthanhtg.edu.vn/

Email: c2longanchauthanh.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Long An và Trường Phổ thông cấp II Long An được thành lập. Năm 1978, hai trường hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Long An. Năm 1987, trường tách ra thành hai trường là Trường Tiểu học Long An và Trường Trung học cơ sở Long An. Năm 2022, hai trường sáp nhập thành Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Long An theo Quyết định số 3786/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành.

Trường đạt chuẩn Quốc gia.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Long An.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 26 đảng viên, nam: 12; nữ: 14; Chi ủy: 05; nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 03; nam: 02; nữ: 01. Công đoàn: 49 công đoàn viên; nam: 16; nữ: 33. Đoàn thanh niên: 12 đoàn viên; nam: 05; nữ: 07; Đội thiếu niên: 739 đội viên; nam: 373; nữ: 366.

Tổng số cán bộ, viên chức: 49; nam: 16; nữ: 33. Tổng số giáo viên: 42; nam: 14; nữ: 28. Cử nhân (Đại học): 35; Cử nhân (Cao đẳng): 11; Trung học sư phạm: 03.

Tổng số học sinh: 962; nam: 496; nữ: 466

Tổng diện tích: 6.690,6 m^2

Trường có 04 dãy lầu (3 dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; 1 dãy có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu); phòng làm việc: 12; phòng học: 30; phòng thí nghiệm: 04; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 02; thư viện: 02; sân chơi: 02; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 08.

* **Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn địa danh Kinh/Kênh:**

Khái niệm

Kinh/Kênh là dòng dẫn nước do con người tạo ra, nhằm vào nhiều mục đích, trong đó có hai mục đích chính là thủy lợi và giao thông thủy.

1. Kinh/kênh Bang Chón - Trường Gà (Huyện Châu Thành)

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Xin xem mục từ kinh/kênh Bang Chón (Thị xã Cai Lậy).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã thuộc huyện Châu Thành; điểm đầu giáp ranh huyện Châu Thành, điểm cuối nối với kinh/kênh Cà Dăm, dài 4,19 km, bề ngang 24 - 31 m, sâu 2,8 - 3,9 m, diện tích phục vụ 419 ha.

2. Kinh/Kênh Bảo Định

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Địa danh Hán Việt (Bảo: 保 : gánh vác, giữ gìn; Định: 定: Yên ổn).

Đây là con kênh được đào đầu tiên ở Nam bộ. Trước khi có con kênh này, tại đây đã có rạch Vũng Cù ở về phía đông bắc, chảy từ sông Vàm Cỏ Tây đến quán Thị Cai (nay thuộc thành phố Tân An, tỉnh Long An); và rạch Mỹ Tho ở về phía nam, chảy từ chợ Lương Phú (nay thuộc xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang) ra sông Tiền. Khoảng giữa bắc – nam, tức là từ quán Thị Cai đến chợ Lương Phú là ruộng vườn liên tiếp.

Năm 1705, vâng lệnh Quốc chúa Nguyễn Phúc Chu, Chính thống Vân trường hầu Nguyễn Cửu Vân đem quân đánh dẹp quân Cao Miên ở khu vực này khi bọn chúng xâm phạm biên cảnh. Để đề phòng quân giặc tập kích, Nguyễn Cửu Vân cho đắp một phòng tuyến kéo dài từ quán Thị Cai đến chợ Lương Phú. Bên ngoài phòng tuyến, ông cho đào một con mương hào nối liền rạch Vũng Cù và rạch Mỹ Tho. Sau đó, nhân đường nước đã lưu thông, người ta đào sâu thêm, thành ra đường kênh, ghe thuyền đi lại được. Lúc bấy giờ, để tiện cho việc nhắm hướng đào mở, người ta có dựng một cái thang cao, tục gọi là thang trông; và về sau trở thành địa danh: chợ Thang Trông ở xã Phú Kiết, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Về việc này, sách *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức ghi chép như sau: "*Thuở xưa, phía đông bắc từ sông nhỏ Vũng Cù chảy đến quán Thị Cai là hết, phía tây từ sông nhỏ Mỹ Tho cũng xuống đông đến chợ Lương Phú là hết, khoảng giữa thì ruộng đất liên tiếp từ nam đến bắc. Năm Ất dậu* (1705)*, đời vua Hiển tông Hiếu minh hoàng đế thứ 15* (tức Quốc chúa Nguyễn Phúc Chu)*, sai Chính thống Vân trường hầu qua đánh Cao Miên. Quân địch thường ra chỗ này quấy nhiễu quân ta. Sau Vân trường hầu bèn đắp lũy dài từ quán Thị Cai đến chợ Lương Phú, đào hai đầu tận cửa sông Vũng Cù và sông Mỹ Tho dẫn nước chảy đến làm hào mương ngồi lũy để củng cố cuộc phòng ngự. Sau nhân đường nước đã lưu thông, lại đào sâu thêm thành ra đường kinh đi ghe thuyền được*".

Sách *Đại Nam nhất thống chí* của Sử quán triều Nguyễn cũng ghi tương tự: "*Năm Ất Dậu* (1705*), đời Hiển tông, Chánh thống suất Nguyễn Cửu Vân đem quân đi đánh Cao Miên, cho đắp lũy dài từ quán Thị Cai đến chợ Lương Phú ở chỗ tận*

cùng hai đầu nguồn rạch Vũng Cù và Mỹ Tho, lấy nước làm hào vòng quanh lũy, để việc phòng thủ được vững vàng; sau đó, nhân đường nước lưu thông, đào sâu mãi xuống thành ra đường kinh thuận tiện cho thuyền bè".

Do đoạn kênh tại Thang Trông có giáp nước, nên kênh thường bị bùn lầy làm cho nông cạn. Vì thế, năm 1819, vua Gia Long ra lệnh cho các viên quan đứng đầu thành Gia Định và trấn Định Tường huy động dân phu nạo vét và mở rộng kênh từ Thang Trông đến Húc Đồng (Hóc Đùn) – bến Mỹ Tho dài 40 dặm rưỡi (khoảng 14 km).

Sự việc này được sách *Gia Định thành thông chí* viết như sau: "... *đường sông từ đông đến tây xa cách, nên đến chỗ Vọng Thê (tục gọi là Thang Trông, là chỗ khi đầu dựng cái thang cao để đứng nhắm địa thế đào mở, nhân đó gọi thành địa danh) nước thủy triều giao hội làm chỗ giáp nước, thế nước lênh đênh, khi lên, khi xuống, chảy mạnh, lại nhiều chỗ quanh quẹo hẹp nhỏ, vậy nên bùn cỏ tích tụ, càng ngày càng bị cạn lấp, thuyền lớn đi đến đây phải đợi nước lên cho đầy thì mới đi được. Năm Kỷ mão niên hiệu Gia Long thứ 18* (1819)*, vua xuống chỉ dụ sai đo thẳng từ chỗ Thang Trông đến Húc Đồng* (tức Hóc Đùn, nay thuộc xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang), *sai Trấn thủ Định Tường là Bửu thiện hầu Nguyễn Văn Phong đem dân phu trong trấn thay phiên đào mở*".

Bia *Phụng khai tân cảng ký* (còn gọi là Bia đào kênh Bảo Định), do vua Gia Long cho dựng năm 1819 tại Thang Trông, ghi : "*Đường sông này vốn có nhiều khúc quanh co, nhiều chỗ sâu cạn, nên ghe thuyền các loại khó đi lại*".

Sách *Đại Nam nhất thống chí* cho biết: "*Về phía đông nam, đường nước khá dài; cho nên khi chảy đến địa phận Vọng Thê* (tức Thang Trông) *thì hợp với nước thủy triều; đây là chỗ hai ngọn nước giao nhau nên gọi là Giao đầu thủy. Sở dĩ gọi là Vọng Thê là vì lúc mới bắt đầu đào sông, người ta phải trèo lên thang nhìn nhận những chỗ cần phải đo đạc kinh dinh, tục gọi là Thang Trông. Tuy thế, sông này nhiều chỗ quanh co nhỏ hẹp, mỗi ngày một nông cạn dần, nên năm Gia Long thứ 18* (1819) *sai Trấn thủ Định Tường là Nguyễn Văn Phong bắt hơn 9.000 dân phu đào từ Vọng Thê* (tức Thang Trông) *đến Húc Đồng* (tức Hóc Đùn), *cũng có chỗ đào kinh mới cho liên lạc với sông*".

Đây là công trình lớn, nên có đến 3 vị quan cao cấp của Gia Định thành và 2 vị quan đứng đầu của trấn Định Tường cùng tham gia chỉ huy, gồm :

- Gia Định thành Phó Tổng trấn - Thị trung Tả Thống chế Lý văn hầu Huỳnh Công Lý. Viên quan này có trách nhiệm chỉ huy toàn bộ công trình.

- Hiệp Tổng trấn, Lại bộ Thượng thư An toàn hầu Trịnh Hoài Đức.

- Tổng đốc Chưởng tiền quân - Bình Tây tướng quân - Đức quận công Nguyễn Huỳnh Đức.

- Trấn thủ Định Tường - Bửu Thiện hầu Nguyễn Văn Phong. Vị này có nhiệm vụ chỉ huy dân phu tại công trình.

- Chưởng cơ Lãnh binh - Nhiệm tín hầu (chưa rõ họ, tên). Vị này có nhiệm vụ huy động dân phu.

Về số lượng dân phu, sách *Gia Định thành thông chí* cho biết có 9.679 người; sách *Đại Nam nhất thống chí* ghi có hơn 9.000 người; trong khi đó, bia *Phụng khai tân cảng ký* ghi chỉ có 3.225 người. Thực ra, ghi chép của các tài liệu đó không mâu thuẫn nhau. Sách *Gia Định thành thông chí* cho biết: "*... đem 9.679 dân phu chia làm 3 phiên, thay nhau đào mở*". Như vậy, con số 3.225 dân phu được ghi trong bia *Phụng khai tân cảng ký* là số lượng dân phu của một phiên trong ba phiên đào mở của toàn bộ 9.679 dân phu mà *Gia Định thành thông chí* đã ghi chép. Dân phu tại công trình, theo sách *Gia Định thành thông chí*, mỗi người được cấp tiền và gạo; bia *Phụng khai tân cảng ký* cho biết cụ thể hơn: mỗi người được chính quyền địa phương cấp cho 1 quan tiền, 1 phương gạo.

Công việc chính của dân phu là nạo vét, mở rộng tuyến kênh đã có và đào sửa cho thẳng những đoạn kênh khúc khuỷu. Sách *Gia Định thành thông chí* chép: "*hoặc nhân theo đường sông cũ uốn nắn mà đào sâu rộng thêm; hoặc mở kênh mới để cho liên lạc*"; bia *Phụng khai tân cảng ký* cũng ghi tương tự: "*hoặc đào thẳng qua ruộng bằng phẳng, hoặc sửa những chỗ nông sâu*".

Công trình cải tạo kênh được tiến hành trong khoảng 3 tháng; khởi công ngày 28 tháng Giêng năm Kỷ Mão (23–2–1819); kết thúc theo ghi chép của *Gia Định thành thông chí* là ngày 4 tháng 4 nhuận năm Kỹ Mão (28–5–1819); theo ghi chép của bia *Phụng khai tân cảng ký* là ngày 10 tháng 4 nhuận năm Kỷ Mão (3–6–1819).

Sau khi công trình đã được hoàn thành mỹ mãn, vua Gia Long cho tạc sự kiện này vào bia đá dựng tại Thang Trông để "*truyền mãi về sau*"; và đặt tên cho kênh là Bảo Định. Lúc này, kênh có bề ngang 15 tầm (khoảng 32 mét), sâu 9 thước (khoảng 4 mét), hai bên bờ kênh có đường quan lộ được đắp bằng đất, rộng 6 tầm (khoảng 13 mét). Ngay khi ấy, Trịnh Hoài Đức có sáng tác bài thơ nói về tác dụng của kênh Bảo Định và cuộc sống sung túc của người dân ở dọc theo tuyến kênh:

TÂN KINH THẦN MỤC

Lạc nguyệt đề ô náo cửu cai,

Tân kinh mục tử[50] *trục tương lai.*

Địch xuy lô quản xâm yên tố,

Ngưu đạp vân căn[51] *nhập thủy ôi.*

[50] Mục tử: Trẻ chăn trâu.

Thảo dụ bình điền hồ khả lạp,

Tang âm lục dã lộ kham môi.

Phong niên tiếu ngạo Hy Hoàng[52] *thế,*

Túy ngọa hoa tùng bất thoát soa.

Bản dịch thơ của Hoài Anh:

SỚM CHĂN TRÂU Ở TÂN KINH

Trăng lặn quạ kêu rộn khoảng không,

Tân kinh mục tử ruỗi trên đồng.

Sáo bằng ống sậy vút trời thẳm,

Trâu dẫm đá chìm tới khuỷu sông.

Cỏ tốt bãi bằng, săn cáo tiện,

Dâu xanh bóng mát họp cò đông.

Được mùa ngạo thuở Hy Hoàng nhé,

Để áo, nằm say cạnh khóm hồng

Dưới thời Thiệu Trị (1841 – 1847), kênh Bảo Định được đổi tên là An Định; rồi Trí Tường.

Kênh Bảo Định, ngoài việc nối với sông Vàm Cỏ Tây ở phía bắc và sông Mỹ Tho ở phía nam; còn thông lưu với 19 con rạch tự nhiên ở phía tây và phía đông, tạo nên một hệ thống kinh rạch tương đối dày đặc. Do đó, ngoài tác dụng về an ninh – quốc phòng, kênh Bảo Định còn có giá trị to lớn về khai hoang, thủy lợi và giao thông thủy đối với vùng đất mới phương Nam. Điều đó thể hiện tầm nhìn chiến lược của Quốc chúa Nguyễn Phúc Chu và vua Gia Long trong việc khai đào và mở rộng con kênh được xem là đầu tiên ở Nam bộ.

Trong lịch sử kháng chiến chống ngoại xâm, kênh Bảo Định gắn liền với chiến công cùa quân dân ta vào năm 1861. Lúc bấy giờ, Định Tường là một tỉnh đông dân, nhiều của; lại là "cửa ngõ" của vùng đồng bằng sông Cửu Long. Cho nên, thực dân Pháp sau khi hạ đại đồn Chí Hoà ở Gia Định (2-1861) đã tính đến việc tiến đánh Định Tường, mà mục tiêu đầu tiên là thành Mỹ Tho.

---

[51] Vân căn: Gốc rễ của mây, tức là đá. Thơ thời nhà Tống có câu: "*Đồn yên nhiễu phong nguyệt, tích thủy nịch vân căn*", nghĩa là: *Khói dồn lại làm rối loạn hang gió, nước tụ lại làm chìm đá núi*.

[52] Hy Hoàng: là hai vị vua Phục Hy và Hoàng Đế thời cổ đại ở Trung Quốc. Dưới thời hai vị vua này, xã hội ổn định, thạnh trị, ý chỉ sự thái bình.

Ngày 17-3-1861, tàu chiến Pháp đánh chiếm Vũng Gù (nay thuộc thành phố Tân An, tỉnh Long An) và cửa Tiểu (Gò Công) nhằm thực thi kế hoạch tấn công thành Mỹ Tho từ hai hướng: hướng thứ nhất, theo đường kênh Bảo Định

Riêng tại mặt trận kênh Bảo Định, từ Vũng Gù đến Mỹ Tho, quân dân Định Tường đã đắp 9 cản hàn sông và xây dựng 5 đồn quân kiên cố nhằm đối phó với quân địch[53].

Ngày 5-4-1861, liên quân Pháp - Tây Ban Nha với 1 chiến thuyền lớn và 5 pháo hạm được trang bị nhiều đại bác bắt đầu tiến vào kênh Bảo Định. Trên đường hành tiến, quân giặc đã bị quân dân Định Tường chận đánh liên tục. Mãi đến chiều ngày 09-4-1861, mặc dù phải chịu nhiều tổn thất, nhưng với phương tiện chiến tranh và vũ khí vượt trội, đoàn tàu chiến của địch mới tiến đến được một địa điểm ở gần Mỹ Tho.

Trong buổi sáng ngày 10-4-1861, thực hiện mệnh lệnh của viên chỉ huy liên quân là đại tá thủy quân lục chiến Đuy-ki-lô (Duquilo), đại úy pháo binh Sốp-phô (Chauffaut) chỉ huy một toán quân gồm bộ binh Tây Ban Nha, 01 đại đội bộ binh và 01 đại đội thủy quân lục chiến người Pháp, làm nhiệm vụ trinh sát thực địa, chuẩn bị cho việc tấn công thành Mỹ Tho. Toán quân này đi dọc theo bờ hữu ngạn kênh Bảo Định hướng vào trung tâm Mỹ Tho. Trên đường đi, quân giặc bị một quả đạn súng thần công do quân ta bắn rơi vào đội hình. Quả đạn, tuy không làm ai bị thiệt mạng hay bị thương; nhưng đã khiến cho bọn chúng hết sức hoang mang, hỗn loạn, vì không biết rõ đích xác quả đạn từ đâu bắn tới. Trước sự việc đó, quân giặc phải bỏ dỡ cuộc hành quân trinh sát, quay trở về, rút xuống tàu chiến và các pháo hạm đang neo đậu ở giữa dòng kênh Bảo Định.

Đến 15 giờ cùng ngày, mặc dù chưa rõ tình hình bố phòng của quân ta, nhưng với bản chất hung hăng, kiêu ngạo, xem thường đối phương của một tên sĩ quan thực dân, đại tá thủy quân lục chiến Đuy-ki-lô (Duquilo) ra lệnh cho trung tá hải quân Buộc-đe (Bourdais) chỉ huy 03 đại đội bộ binh, thủy quân lục chiến với 300 binh lính và 4 pháo hạm mang số hiệu 16, 18, 22, 31, trong đó pháo hạm số 18 là pháo hạm chỉ huy, nhổ neo, xuôi dòng Bảo Định, tiến về thành Mỹ Tho.

Đoàn pháo hạm của địch tiến đến Bến Chùa[54] gần Trung Lương[55] thì xảy ra trận đấu súng quyết liệt giữa súng thần công của quân ta và đại bác của quân địch. Khi phát hiện đồn của quân ta, các pháo hạm của quân Pháp bắt đầu khai hỏa. Lập tức, quân ta bắn trả rất mãnh liệt. Chiếc pháo hạm chỉ huy số 18 bị bắn trúng ba quả đạn thần công, trong đó có 01 quả đạn đã khiến cho trung tá hải quân Buộc-đe

[53] Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Anh Tuấn (chủ biên), *Địa chí Tiền Giang (tập 1)*, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân tỉnh Tiền Giang - Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, 2005, trang 326.
[54] Nay thuộc xã Long An, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.
[55] Nay thuộc Phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

(Bourdais) chết ngay tại chỗ. Đây là một tổn thất lớn đối với liên quân Pháp - Tây Ban Nha. Bọn binh lính xâm lược ngày càng hoang mang, dao động.

Dòng kinh/kênh Bảo Định vốn hiền hòa nhưng đã nổi sóng căm hờn trước sự xâm lược của quân Pháp, tạo nên một chiến công oanh liệt của quân dân Định Tường trong buổi đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Trung tá hải quân Buộc-đe (Bourdais) đã phải đền tội trên dòng Bảo Định lịch sử. Đây là viên sĩ quan thực dân đầu tiên bị chết trận trong quá trình xâm lược nước ta của thực dân Pháp. Lịch sử Việt Nam ghi nhận chiến thắng Cầu Giấy (Hà Nội) lần thứ 1 năm 1873 với cái chết của đại úy Phơ-răng-xi Gạc-ni-ê (Francis Garnier), chiến thắng Cầu Giấy (Hà Nội) lần thứ 2 năm 1883 với cái chết của tên thiếu tá hải quân Hăng-ri Ri-vi-e (Henri Rivière) thì chiến công của quân dân Định Tường (nay là tỉnh Tiền Giang) năm 1861 trên dòng Bảo Định sống mãi với non sông gấm vóc Việt Nam.

Dưới thời thuộc Pháp, năm 1867, giới cầm quyền Pháp ở Mỹ Tho đã sử dụng xáng múc (tàu cuốc) để nạo vét kênh Bảo Định. Lúc bấy giờ, chiếc xáng múc to như một chiến hạm, hoạt động bằng máy hơi nước, có công suất khoảng vài trăm mã lực, xúc đất bằng những chiếc gàu sắt đặt liền nhau theo hình đường tròn như kiểu guồng đạp nước, có khả năng đào sâu khoảng 5 – 6 mét. Sau khi công việc hoàn tất, kênh có chiều dài 28 km, nối liền hai tỉnh lỵ Tân An và Mỹ Tho. *Địa phương chí tỉnh Mỹ Tho năm 1902* cho biết: "*Con kênh này được ghe thuyền của người bản xứ xuôi ngược tấp nập*".

Trước khi có kênh Chợ Gạo (1877), ngoài tác dụng thuỷ lợi, kênh Bảo Định là thuỷ lộ quan trọng để vận chuyển nông sản, hàng hóa, văn thư… từ Sài Gòn đi Đồng bằng sông Cửu Long và ngược lại, nên chính quyền thực dân Pháp mới đặt tên là kênh Bưu Điện (Arroyo de la Poste).

Năm 1974, cống Tân An đã được xây tại đầu phía Bắc của kênh (gần thành phố Tân An) nhằm ngăn nước mặn từ sông Vàm Cỏ Tây xâm nhập vào ruộng, vườn. Năm 2004, cống Bảo Định với chức năng tương tự cũng đã được xây ở đoạn kênh phía Nam trên Quốc lộ 50 tại xã Đạo Thạnh (TP Mỹ Tho). Vào mùa nước mặn hai cống ở phía bắc và phía nam đóng cửa, vai trò giao thông thủy của kênh hiện nay không như trước đây.

Kênh Bảo Định có thể nói là một phần không thể thiếu được của thành phố Mỹ Tho. Nhà thơ Xuân Diệu đã viết về điều này như sau:

Mỹ Tho bóng mát đường cây,

Nước sông Bảo Định dồn mây với thuyền.

Cầu Quay phố xá đôi bên,

Ta không buôn bán, chỉ ghiền văn thơ.

Gió sông mát rượi hồn thanh,

Con đò Rạch Miễu chạy quanh đảo Rồng.

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các Phường 1, 2, 3, 7, 10, xã Mỹ Phong thuộc thành phố Mỹ Tho; các xã Long An, Thân Cửu Nghĩa thuộc huyện Châu Thành; các xã Lương Hòa Lạc, Mỹ Tịnh An, Hòa Tịnh, Trung Hòa thuộc huyện Chợ Gạo; điểm đầu nối với sông Tiền tại Phường 1, thành phố Mỹ Tho, điểm cuối nối với rạch Bà Lý, xã Trung Hòa, huyện Chợ Gạo, dài 19,8 km, bề ngang từ 40 - 60 m, sâu 4 m, diện tích phục vụ 10.300 ha.

3. Kinh/Kênh Cà Dăm

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Thực vật (Cà dăm: là cây gỗ cao 10-20 m; vỏ cây được dùng làm thuốc, hỗ trợ điều trị đau nhức xương khớp, phong tê thấp).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua thị trấn Mỹ Phước, xã Phước Lập thuộc huyện Tân Phước; xã Nhị Bình, huyện Châu Thành; điểm đầu nối với kinh/kênh Nguyễn Tấn Thành, điểm cuối nối với kinh/kênh Mỹ Long - Bà Kỳ, dài 6,54 km, bề ngang 19 - 49 m, sâu 1,8 - 3,7 m, diện tích phục vụ 654 ha, được đào năm 2006.

4. Kinh/Kênh Cầu Sao

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Công trình xây dựng (Cầu) + Thực vật (Cây sao). Tuyến kinh này chảy qua giồng Sao - giồng cát có nhiều cây sao - nên được gọi là kinh/kênh Cầu Sao.

Kinh/kênh chảy xuyên qua các xã Bình Trưng, Đông Hòa, Dưỡng Điềm thuộc huyện Châu Thành, điểm đầu kinh nối với Rạch Gầm, điểm cuối nối với kinh/kênh Cà Dăm, dài 13,3 km, bề ngang 22 - 33 m, sâu 2,5 - 3,5 m, diện tích phục vụ 1.100 ha, được đào năm 1990.

5. Kinh/Kênh Chợ Bưng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh Khmer (Bưng).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Long An, Tam Hiệp thuộc huyện Châu Thành và các xã Tân Lập 1, Tân Lập 2 thuộc huyện Tân Phước; điểm đầu nối với kinh/kênh Bảo Định, điểm cuối nối với kinh/kênh Nguyễn Văn Tiếp, dài 16,4 km, bề ngang 22 - 29 m, sâu 1,5 - 4,5 m, diện tích phục vụ 1.290 ha.

6. Kinh/Kênh Kháng Chiến (Nhị Bình)

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Xin xem mục từ Kinh/Kênh Kháng Chiến (Lộ Đất).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Long Định, Nhị Bình, Điềm Hy thuộc huyện Châu Thành; điểm đầu nối với kinh/kênh Nguyễn Tấn Thành, điểm cuối

nối với Lộ di tích lịch sử - văn hóa Ấp Bắc, dài 6,86 km, bề ngang 13 - 25 m, sâu 1,0 - 1,8 m, diện tích phục vụ 685 ha.

7. Kinh/Kênh Kháng Chiến (Tam Hiệp)

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Xin xem mục từ Kinh/Kênh Kháng Chiến (Lộ Đất).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Long Định, Tam Hiệp thuộc huyện Châu Thành; điểm đầu nối với kinh/kênh Nguyễn Tán Thành, điểm cuối nối với kinh/kênh Chợ Bưng, dài 5.920 km, bề ngang 10 - 16 m, sâu 1,0 m, diện tích phục vụ 592 ha.

8. Kinh/Kênh Nguyễn Tấn Thành

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh?Kênh) + Họ và tên nhân vật lịch sử (Nguyễn Tấn Thành).

Tiểu sử nhân vật Nguyễn Tấn Thành:

Nguyễn Tấn Thành, bí danh là Chín Kỉnh, sinh năm 1922 tại làng Long Hưng, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân.

Sớm giác ngộ cách mạng, năm 1938, lúc mới 16 tuổi, ông đã lên Sài Gòn tham gia phong trào "Đông Dương đại hội" và các "Ủy ban Hành động" do Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam) phát động.

Tháng 11 - 1940, ông tham gia cuộc khởi nghĩa Nam kỳ ở quê nhà. Được biết, Long Hưng là nơi có phong trào khởi nghĩa sôi nổi và mạnh mẽ nhất ở tỉnh Mỹ Tho. Cuộc khởi nghĩa bị thất bại, ông bị địch truy nã gắt gao, nên phải rút vào hoạt động bí mật.

Tháng 8 - 1944, ông được cấp trên giao nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng huyện Châu Thành. Để có vũ khí trang bị cho du kích, ông trực tiếp lên Sài Gòn, nhân cuộc đảo chính của Nhật (9 - 3 - 1945), giật súng của lính Pháp đi lẻ mang về Long Hưng.

Tháng 8 - 1945, ông cùng với đội vũ trang tham gia khởi nghĩa giành chính quyền ở huyện Châu Thành. Cuối tháng 10 - 1945, sau khi chiếm thị xã Mỹ Tho, địch cho tàu chiến chạy dọc theo sông Tiền bắn phá các xã ven sông để thăm dò lực lượng của ta.

Lúc bấy giờ, đội vũ trang Châu Thành, với phiên hiệu là Phân đội Tự vệ chiến đấu quân, do ông chỉ huy lập phòng tuyến ở vàm kênh xáng Lacomb kiên quyết chiến đấu ngăn chặn địch. Sau đó, Phân đội lãnh trách nhiệm giữ mặt trận bến đò Long Hưng.

Đầu tháng 11 - 1945, Phân đội của ông được bổ sung thêm quân số, hoạt động mạnh ở địa bàn ba xã Long Hưng, Long Định, Tam Hiệp, gây cho quân Pháp những thiệt hại nặng nề. Danh tiếng của bộ đội Chín Kỉnh vang xa khắp nơi.

Do đó, đến tháng 1 - 1946, ông được bổ sung vào Tỉnh ủy Mỹ Tho; và tại Hội nghị Quân Dân Chính tỉnh Mỹ Tho (3 - 1946), ông được bầu làm Ủy viên Quân sự tỉnh. Với chức trách được giao, ông đã ra sức xây dựng lực lượng vũ trang từ tỉnh xuống tận xã ngày càng lớn mạnh, vừa đánh quân Pháp, tiêu diệt sinh lực địch; vừa tiễu trừ, trấn áp bọn cướp, bọn phản động, bảo vệ cuộc sống, tài sản của nhân dân. Đồng thời, ông còn cho đào các con kênh kháng chiến nhằm phục vụ sản xuất, đời sống dân sinh cho nhân dân và ngăn chặn xe lội nước của địch đột nhập vào vùng căn cứ cách mạng.

Bên cạnh đó, ông đã trực tiếp chỉ huy đại đội dân quân tỉnh tấn công vào các vị trí chiếm đóng của quân địch, giành được những chiến công vang dội, điển hình như trận đánh đồn Tân Lý Tây tháng 8 - 1947, tiêu diệt toàn bộ quân địch ở đây, thu được nhiều vũ khí, đạn dược; trận đánh liên hoàn vào các đồn của địch trên Lộ 28 trong tháng 4 - 1948, thu được trên 100 khẩu súng các loại; trận đánh diệt đồn Kênh xáng Lacomb trên lộ Đông Dương (nay là Quốc lộ 1) tháng 6 - 1948,…

Đồng thời, ông rất chú trọng đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quân sự cho tỉnh. Hầu hết cán bộ dân quân cấp tỉnh, huyện, xã đều được đưa đi học tại các trường Quân chính của quân khu hoặc của tỉnh. Đặc biệt, vào giữa năm 1947, ông còn cho mở khóa đào tạo 120 cán bộ nữ dân quân để làm nòng cốt xây dựng phong trào nữ dân quân của tỉnh.

Đầu năm 1949, ông được điều động về Bộ Tư lệnh Nam Bộ. Trước khi đi, với ý định để lại một kỷ niệm đẹp cho đồng chí, đồng đội và cũng nhằm giải quyết sự khan hiếm vũ khí, ông chỉ huy đại đội dân quân tỉnh tấn công đồn cầu đúc An Thạnh (đồn cầu Rượu, xã Long Định, huyện Châu Thành) trên lộ Đông Dương. Nhưng không may, ông đã anh dũng hy sinh.

Để tưởng nhớ người cán bộ quân sự tài ba đã cống hiến tuổi thanh xuân của mình vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ đã lấy tên ông đặt cho kênh xáng Lacomb chảy xuyên qua nơi "chôn nhau cắt rốn" của ông: kinh/kênh Nguyễn Tấn Thành.

Kinh/Kênh Nguyễn Tấn Thành do chính quyền thực dân Pháp đào khoảng năm 1918, gọi là Kinh/Kênh Xáng Lacomb, chảy qua huyện Châu Thành và huyện Tân Phước. Điểm đầu từ kinh/kênh Nguyễn Văn Tiếp A tại trung tâm thị trấn Mỹ Phước thẳng xuống phía nam, cắt Quốc lộ 1 tại cầu Kinh/Kênh Xáng (xã Long Định). Trước khi ra sông Tiền, kinh/kênh cắt Đường tỉnh 864 tại cầu Đồng Tâm.

Kinh/Kênh Nguyễn Tấn Thành dài 19,3 km, rộng 40m, bề rộng tại vàm kinh 125m, sâu 5 - 8 m. Kinh nầy ngoài chức năng giao thông thủy, còn là trục thoát lũ quan trọng của tỉnh. Kinh được nạo vét nhiều lần, lần gần đây nhất vào năm 2000 để lấy đất

đắp bờ đê ngăn lũ. Trong mùa khô năm 2020 và 2021, tỉnh Tiền Giang cũng triển khai đắp đập thép ngăn mặn, trữ ngọt trên kinh/kênh Nguyễn Tấn Thành. Công trình đã phát huy hiệu quả trong công tác phòng, chống hạn, mặn, góp phần bảo vệ nước sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt cho người dân hai huyện Tân Phước và Châu Thành của tỉnh Tiền Giang và một phần của tỉnh Long An.

9. Kinh/Kênh Nguyễn Văn Tiếp

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Họ và tên nhân vật lịch sử (Nguyễn Văn Tiếp).

Tiểu sử nhân vật Nguyễn Văn Tiếp:

Nguyễn Văn Tiếp sinh năm 1900 tại làng Long Phú, quận Trung Quận, tỉnh Chợ Lớn (nay là xã Thanh Phú, huyện Bến Lức, tỉnh Long An) trong một gia đình trí thức yêu nước.

Thuở nhỏ, ông được gia đình cho lên Sài Gòn học tập. Do có điều kiện tiếp xúc với sách báo tiến bộ và chịu sự tác động của các phong trào đấu tranh chống chính quyền thực dân Pháp, nên ông sớm có tư tưởng yêu nước và cách mạng.

Sau khi tốt nghiệp trường sư phạm, ông làm giáo viên tại trường tiểu học Thanh Hà (Bến Lức). Trong khoảng thời gian này, ông tích cực tham gia các phong trào yêu nước đang diễn ra sôi nổi ở Nam bộ, như phong trào Hội kín Nguyễn An Ninh, phong trào đấu tranh đòi chính quyền Pháp trả tự do nhà yêu nước Phan Bội Châu (1925), phong trào để tang và truy điệu chí sĩ Phan Châu Trinh (1926),… Sau đó, ông bị Pháp bắt và giam ở Cần Thơ; nhưng do không có chứng cớ nên bọn chúng đành phải thả ông ra.

Năm 1929, ông gia nhập tổ chức An Nam Cộng sản Đảng. Sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (tháng 2-1930), ông được cử làm Bí thư chi bộ làng Long Phú (tháng 4-1930). Đây là một trong số mấy chi bộ được thành lập sớm nhất ở tỉnh Chợ Lớn. Tháng 5-1930, ông chỉ huy hàng trăm nông dân tiến vào quận lỵ Trung Quận (nay là thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lực, tỉnh Long An) đấu tranh đòi giảm sưu thuế. Sau cuộc biểu tình này, ông bị thực dân Pháp bắt và xử án tù chung thân đày Côn Đảo. Ở trong tù, mặc dù bị đày ải đến độ cùng cực; nhưng ông vẫn giữ vững tinh thần lạc quan cách mạng, một lòng một dạ trung thành với Tổ quốc, Đảng và nhân dân.

Cuối năm 1936, do áp lực của phong trào cách mạng trong cả nước và của Mặt trận Nhân dân ở Pháp, ông cùng với nhiều tù chính trị khác được trả tự do. Vừa mới ra tù, ông lại lao vào hoạt động cách mạng. Tháng 11-1940, ông tham gia cuộc khởi nghĩa Nam kỳ tại quê nhà. Cuộc khởi nghĩa bị thực dân Pháp đàn áp dã man. Một lần nữa, ông bị địch bắt; rồi sau đó, lãnh án khổ sai chung thân tại Côn Đảo.

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, ông và những người tù cộng sản được Đảng rước về đất liền. Lúc này, thực dân Pháp đang lăm le quay trở lại xâm lược Nam bộ. Với tinh thần tiến công cách mạng, không cho phép mình được nghỉ ngơi , ông hăng hái hoạt động và chấp hành nghiêm chỉnh mọi sự phân công của tổ chức.

Tháng 10-1945, ông được cấp trên tin tưởng cử làm Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chánh tỉnh Mỹ Tho kiêm Ủy viên Ủy ban Kháng chiến Hành chánh Nam Bộ và Xứ ủy viên Xứ ủy Nam bộ. Với trọng trách đó, ông là một trong những cán bộ lãnh đạo trọng yếu chỉ đạo phong trào kháng chiến của nhân dân tỉnh Mỹ Tho nói riêng và Khu 8 nói chung ngày càng phát triển mạnh mẽ, trong đó có những chiến thắng vang dội trên toàn quốc, như chiến thắng Cổ Cò (tháng 1-1947), chiến thắng Giồng Dứa (tháng 4-1947),…

Tháng 5-1947, trong khi đang chủ trì một cuộc họp quan trọng của tỉnh Mỹ Tho trong vùng căn cứ Đồng Tháp Mười, ông bị bệnh bất ngờ và qua đời.

Để ghi nhớ công lao của ông, theo đề nghị của Ủy ban Kháng chiến Hành chánh tỉnh Mỹ Tho, Ủy ban Kháng chiến Hành chánh Nam bộ đã lấy tên của ông đặt cho một con kinh từ Đồng Tháp Mười đổ ra sông Tiền, thay cho tên kinh Tổng đốc Lộc. Đó là kinh Nguyễn Văn Tiếp, một con kinh có tầm quan trọng về nhiều mặt đối với khu vực Đồng Tháp Mười. Đồng thời, một tiểu đoàn chủ lực thuộc trung đoàn 308 của Quân khu 8 cũng được mang tên ông. Hiện nay, tên ông được đặt tên trường trung học phổ thông ở huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang; tên đường ở thành phố Tân An và huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Phần mộ của ông tọa lạc tại Ấp Bắc, xã Tân Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Kinh/Kênh Nguyễn Văn Tiếp không chỉ đóng vai trò quan trọng trong việc khai hoang phục hóa vùng Đồng Tháp Mười mà còn gắn với những giai đoạn lịch sử quan trọng của đất nước.

Kinh/Kênh Nguyễn Văn Tiếp cho đến cuối thế kỷ XVIII chỉ là một con rạch nhỏ bắt nguồn từ sông Vàm Cỏ Tây, ăn sâu vô Đồng Tháp Mười khoảng vài km với tên gọi Rạch Chanh (Đăng Giang). Kinh/Kênh Nguyễn Văn Tiếp do đô đốc Đặng Trấn của nhà Tây Sơn cho đào năm Ất Tỵ 1785, khi đó gọi là kinh/kênh mới Rạch Chanh (Tranh giang Tân kinh). Vì đào kinh ngang qua Bàu Bèo nên dân gian khi đó quen gọi là kinh/kênh Bàu Bèo, lâu ngày nói trại thành kinh/kênh Bà Bèo. Mục đích của nhà Tây Sơn đào kinh/kênh này nhằm phục vụ cho việc hành quân, nhưng cũng nhờ nó mà việc đi lại của người dân thuận lợi hơn, phục vụ tốt cho việc khai hoang xây dựng vùng đất mới. Từ đó, người dân đến định cư ở 2 bờ kinh/kênh ngày một nhiều, tạo nên sự sung túc cho cả khu vực. Con kinh/kênh này thường bị lấp cạn do tiếp giáp với Đồng Tháp Mười nên dưới thời vua Minh Mạng nó được nạo vét cho rộng thêm.

Đến thời Pháp, rồi Mỹ - chính quyền Sài Gòn nhận thấy tầm quan trọng của con kinh/kênh này về kinh tế lẫn quân sự nên cho xáng nạo vét sâu, rộng hơn nữa. Thời đầu, thực dân Pháp gọi đây là "Arroyo Commercial" (kinh/kênh Thương Mãi), sau do Tổng đốc Trần Bá Lộc chỉ huy nạo vét thêm nên có giai đoạn được gọi là kinh/kênh Tổng đốc Lộc.

Quyển *Địa chí Tiền Giang (2007)* viết: "Năm 1896, Tổng đốc Lộc (Trần Bá Lộc) cho đào một con kinh/kênh lớn dài 45 km, rộng 10 m. Bắt đầu từ rạch Bà Bèo (Arroyo Commercial), đào thời Tây Sơn, bao quanh cả vùng Mỹ Tho đổ ra rạch Ruộng gần Sa Đéc. Để phục vụ cho công trình này, dân phu phải đào 3 con kinh/kênh nhỏ, đi từ Cái Thia, Trà Lọt, Cái Bè, lấy lối vào kinh/kênh chính, dài tổng cộng 81 km, trong điều kiện cực kỳ khó khăn. Kênh/Kinh đi qua vùng hoàn toàn không có người ở, phải tiếp tế lương thực, thuốc men và nước sinh hoạt cho dân phu. Đào xong 3 con kinh/kênh mở lối này mới dùng thuyền tiếp tế các nhu yếu phẩm nói trên cho việc đào con kinh/kênh chính. Tháng 4 - 1897, kinh/kênh được chủ tỉnh Mỹ Tho Paul Bocquillon tổ chức khánh thành và tháng 7 năm đó được Toàn quyền Paul Doummer chấp thuận đặt tên là kinh/kênh Tổng Đốc Lộc - người khởi xướng và chỉ huy đào kinh".

Khi mới đào xong kinh/kênh Tổng đốc Lộc, thực dân Pháp và Trần Bá Lộc đã chiêu mộ dân nghèo đến làm ăn, khẩn hoang. Năm 1898, chúng tiếp tục cho đào các kinh/kênh nhỏ, việc khai hoang càng phát đạt. Nhưng công cuộc đào kinh/kênh cũng chỉ dừng lại ở đó, không củng cố và phát triển thêm. Năm 1904 hai trận bão liên tiếp vào ngày 1 tháng 5 và 2 tháng 11 kèm theo lụt lớn đã tàn phá hết mùa màng, nhà cửa, bồi lấp kinh/kênh rạch làm cho phần lớn dân cư bỏ đi đến các vùng dễ làm ăn như miệt Hậu Giang. Bão lũ là nguyên nhân trực tiếp; nhưng thực tế là do lâu ngày kinh mương không được đầu tư tu bổ.

Vào đầu thế kỷ XX, cùng với hàng loạt kinh/kênh rạch khác trong Đồng Tháp Mười, Pháp cho nạo vét lại con kinh/kênh này, từ Rạch Chanh thẳng lên Bà Bèo. Xuất phát từ kinh/kênh Tổng đốc Lộc tại đầu nguồn rạch Cái Nứa, Pháp cho đào một con kinh/kênh thẳng về hướng Tây trong Đồng Tháp Mười, xuyên qua huyện Tháp Mười và Cao Lãnh để ra sông Tiền, dài 60 km. Để thuận tiện giao thông đường thủy, người Pháp đào con kinh thẳng, chứ không theo kinh/kênh cũ cong quẹo. Khi hoàn thành người Pháp đặt tên là Arroyo Commercial (kinh/kênh Thương Mãi) và kinh/kênh này giữ vai trò thông thương giữa miền Tây và Sài Gòn. Ngoài ra, kinh này cũng giữ vị trí chiến lược về mặt quân sự. Vị trí chiến lược này đặc biệt quan trọng trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược Nam bộ lần thứ 2 (tháng 9-1945). Kinh/Kênh Thương Mãi trở thành hành lang bảo vệ chiến khu trong Đồng Tháp Mười. Quân Pháp tổ chức nhiều đợt bố ráp vào trong Đồng Tháp Mười xuất phát từ con kinh/kênh này trong những năm 1947 - 1948.

Vê tên kinh/kênh, đến khi Cách mạng tháng Tám (1945) thành công, tên kinh/kênh Tổng đốc Lộc mới xóa bỏ. Sau năm 1947, ta đã lấy tên đồng chí Chủ tịch

Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Mỹ Tho vừa mới hy sinh để đặt cho con kinh/kênh này - kinh/kênh Nguyễn Văn Tiếp. Năm 1957, Ngô Đình Diệm đổi lại thành kinh/kênh Tháp Mười. Từ sau năm 1975, tên đồng chí Nguyễn Văn Tiếp lại được đặt cho con kinh này.

Những năm 1980, với chủ trương tiến công vào Đồng Tháp Mười, kinh/kênh Nguyễn Văn Tiếp được nạo vét và mở rộng một lần nữa (rộng 50 m); đồng thời xây dựng một con đập ở đoạn giáp với sông Vàm Cỏ, gọi là cống đập Rạch Chanh. Dọc bờ kinh Nguyễn Văn Tiếp là đê bao chống lũ mang tên Đê 19 tháng 5 với nhiều đập nhỏ dùng để tháo chua, ngăn lũ như: đập Rạch Gốc, Cống Tượng, Cầu Quán… Dọc bờ Bắc là Đường Tỉnh 865 xuyên qua địa phận các huyện Tân Phước, Cai Lậy, Cái Bè (Tiền Giang) đến thị trấn Mỹ An (huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp).

Kinh/Kênh Nguyễn Văn Tiếp là kinh/kênh dài nhất tỉnh Tiền Giang, chảy qua 4 huyện: Cái Bè, Cai Lậy, Tân Phước, Châu Thành, dài 66 km, bề ngang 40 m, độ sâu trung bình 4 - 5 m. Trong đó, đoạn kinh/kênh từ rạch Ruộng chạy lên phía đông bắc gọi là kênh Nguyễn Văn Tiếp B dài 20,4 km, đoạn rẽ về phía đông nối với sông Vàm Cỏ Tây gọi là Nguyễn Văn Tiếp A dài 45,5 km. Kinh/Kênh Nguyễn Văn Tiếp B cũng là ranh giới tự nhiên giữa tỉnh Tiền Giang với Đồng Tháp. Kinh/Kinh được nạo vét nhiều lần, nhất là năm 2000 để lấy đất đắp đê ngăn lũ.

10. Kinh/Kênh Quản Thọ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Chức vụ thời xưa (Hương quản, gọi tắt là Quản: người trông coi an ninh, trật tự của làng xã) + Tên người (Thọ).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Tam Hiệp, Thân Cửu Nghĩa, Tân Lý Đông, Tân Hội Đông thuộc huyện Châu Thành; các xã Tân Hòa Thành, Hưng Thạnh thuộc huyện Tân Phước; điểm đầu nối với kinh/kênh Chợ Bưng, điểm cuối nối với kinh/kênh Nguyễn Văn Tiếp, dài 14,36 km, bề ngang 15 - 27 m, sâu 0,9 - 2,6 m, diện tích phục vụ 1.290 ha, được đào năm 2006.

11. Kinh/Kênh Sáu Ầu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Thứ trong gia đình (Sáu) + Tên người (Ầu).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Tam Hiệp, Long Định thuộc huyện Châu Thành; các xã Tân Lập 1, Tân lập 2 thuộc huyện Tân Phước; điểm đầu nối với Quốc lộ 1, điểm cuối nối với Kinh/Kênh 1, dài 5,87 km, bề ngang 20-:-25 m, sâu 2,0 - 2,5 m, diện tích phục vụ 850 ha.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên Đình:**

Khái niệm Đình (chữ Hán: 亭): là công trình trong tổng thể kiến trúc làng Việt Nam.

Đình Số thứ tự làng là nơi thờ Thành hoàng làng (là người thành lập làng hay có công với làng), đồng thời là nơi hội họp, bàn việc của dân làng. Đình được coi là trung tâm sinh hoạt văn hóa gắn bó với một cộng đồng cư dân và mang đặc trưng của nền văn minh lúa nước Việt Nam.

1. Đình An Vĩnh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính xưa (Thôn An Vĩnh).

Đình An Vĩnh tọa lạc tại ấp Long Thạnh, xã Long An, huyện Châu Thành, được xây dựng năm 1852. Đình được trùng tu tôn tạo vào các năm 1960, 1978, 1989, 1996, 2000, 2020. Đình thờ thần Thành hoàng, các vị tiền hiền, hậu hiền ở địa phương. Cửa đình quay về hướng Đông, có tổng diện tích đất là 1.094m², diện tích xây dựng là 433m² gồm: vỏ ca, vỏ quy, chánh điện, nhà khách, nhà khói.

Đình An Vĩnh được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 3418/QĐ-UBND ngày 01/12/2010.

2. Đình Cửu Viễn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính xưa (Thôn Cửu Viễn)

Đình Cửu Viễn tọa lạc tại ấp Ngãi Thuận, xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành.

Đình được xây dựng vào đầu thế kỷ 19, có diện tích đất 1.200 m², diện tích xây dựng 250 m²; trải qua nhiều lần trùng tu, trong đó lần trùng tu quy mô nhất vào năm 1998. Đình thờ thần Thành hoàng bổn cảnh, lệ cúng hằng năm tại đình: 12 tháng Chạp âm lịch cúng Thượng điền, 12 tháng 6 âm lịch cúng Hạ điền, 3 năm tổ chức hát bội 1 lần.

Đình là cơ sở cách mạng trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Đình hiện còn lưu giữ 1 Sắc Thần "Cửu Viễn Bổn Cảnh Thành Hoàng" do vua Tự Đức sắc phong năm 1852; một số di vật như: mõ mù u (dùng để báo động trong khởi nghĩa Nam Kỳ tháng 11/1940), be xuồng 3 lá (vận chuyển vũ khí trong trận đánh chiếm đồn Tha La),… Năm 1989, nhân kỷ niệm 49 năm Nam kỳ khởi nghĩa (1940-1989), Đảng bộ, chính quyền xã Thân Cửu Nghĩa tổ chức đặt Bia tưởng niệm tại đình Cửu Viễn để tưởng nhớ, ghi công các Anh hùng liệt sĩ đã hy sinh vì sự nghiệp cách mạng.

Đình Cửu Viễn được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 3781/QĐ-UBND ngày 19/12/2017.

3. Đình Dưỡng Điềm

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính (Xã Dưỡng Điềm).

Đình Nhị Bình tọa lạc tại ấp Trung, xã Dưỡng Điềm, huyện Châu Thành.

Đình được xây dựng vào đầu thế kỷ 19, diện tích đất 5000 m^2, diện tích sử dụng 420 m^2. Lúc ban đầu, đình, được xây dựng theo kiểu chữ tam (≡) gồm: vỏ ca, vỏ quy và chánh điện; nền đình được bó bằng đá ong, mặt nền được lót bằng gạch Tàu vuông 30 x 30 cm, cột gỗ căm xe, kê trên táng đá vuông 40 x 40 cm, mái lợp ngói âm dương. Do ảnh hưởng của chiến tranh, đình đã bị hư hại hoàn toàn. Sau ngày 30/4/1975, đình được nhân dân địa phương góp tiền của để xây dựng lại. Đình Dưỡng Điềm hiện nay được xây dựng theo kiểu chữ nhị (=) gồm vỏ ca và chánh điện. Nền đình cao 67 cm và bó nền bằng xi măng, mặt nền được lót gạch tráng men, mái lợp tole Fifro chung quanh được bao bọc tường gạch dầy 10 cm.

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, đình là cơ sở cách mạng của xã, huyện. Tại đây, dưới nền đình, năm 1961, du kích ấp Trung (xã Dưỡng Điềm) đã làm hầm bí mật để hoạt động.

Đình Dưỡng Điềm được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 3418/QĐ-UBND ngày 01/12/2010.

4. Đình Hữu Đạo

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính (Xã Hữu Đạo).

Đình Hữu Đạo tọa lạc tại xã Hữu Đạo, huyện Châu Thành.

Đình được xây dựng vào khoảng đầu thế kỷ 19, có kiến trúc hình chữ Tam (≡), gồm: vỏ ca, vỏ quy, chánh điện (cột gỗ, vách tường, mái tol, nền lát gạch men) với diện tích xây dựng 380 m^2.

Căn cứ vào sắc phong của vua Tự Đức và văn tế cúng hàng năm, đình thờ Thành hoàng bổn cảnh, Đại càn Quốc Gia Nam hải và các vị thần Ngũ hành nương nương, Chúa xứ thánh mẫu, Thổ thần, Bạch mã thái giám, Tiên sư, Tiền hiền khai khẩn, Hậu hiền khai cơ. Đồng thời, đình còn thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh và liệt sĩ cách mạng.

Hàng năm, đình có 2 lệ cúng chính: Thượng điền (bắt đầu mùa vụ mới) vào ngày 17/12 âm lịch và Hạ điền (khi thu hoạch xong) vào ngày 17/5 âm lịch.

Đình không chỉ mang ý nghĩa thờ cúng tâm linh mà còn gắn liền với những sự kiện lịch sử cách mạng của xã nói riêng và huyện Châu Thành nói chung. Trong khởi nghĩa Nam Kỳ năm 1940, đình là nơi quần chúng tập hợp và kéo đến đánh chiếm nhà việc tề làng Hữu Đạo. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, nhân dân xã Hữu Đạo đã tháo gỡ một số cột đình góp cho lực lượng cách mạng đắp cản hàn sông nhằm ngăn tàu chiến địch. Tháng 1/1960, chính quyền Ngô Đình Diệm cho cất đồn cách đình khoảng 100 m để kiềm kẹp đồng bào và đánh phá cơ sở cách mạng. Lực lượng ta đã cài cắm nội ứng vào đồn địch, chờ cơ hội tiêu diệt chúng.

Ngày 17/5/1960 âm lịch, nhằm ngày cúng đình, thừa cơ hội địch ra khỏi đồn, nội ứng của ta chớp thời cơ phối hợp với lực lượng bên ngoài đánh tiêu diệt đồn, thu 9 súng cacbin. Từ năm 1969 - 1972, địch cất lại đồn đối diện với đình khoảng 200m, phía trước là một bờ tường (nhân dân thường gọi là bờ Thần Nông). Dựa vào bờ Thần Nông, du kích xã thường xuyên bắn tỉa đồn địch, làm cho địch ngày đêm hoang mang, dao động, bớt đi càn quét. Ngày 17/5/1973 âm lịch, đình thần Hữu Đạo tổ chức cúng Hạ điền, bọn lính bỏ đồn sang đình tham gia rước sắc thần. Chớp thời cơ, lực lượng du kích xã đã bắt được 6 tên lính địch.

Năm 2015, đình được UBND tỉnh công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 3570/QĐ-UBND ngày 25/11/2016.

5. Đình Long Hưng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính (Xã Long Hưng).

Đình Long Hưng tọa lạc tại xã Long Hưng, huyện Châu Thành.

Đình được xây dựng khoảng đầu thế kỷ 19, có kiến trúc hình chữ Tam (≡), gồm vỏ ca, chánh điện và nhà khói. Chánh điện có diện tích 10 m x 10 m, lót gạch tàu, lợp ngói âm dương, trên nóc có hình lưỡng long tranh châu, xung quanh là vách gỗ. Có giá trị nhất là mấy cây cột căm xe to cả ôm. Giữa chánh điện là bàn thờ chánh, trên bàn thờ là tấm biển, trên đó có chữ Thần bằng ốc xà cừ. Trước bàn thờ có hai cặp hạc và hai dàn đao kiếm. Hai bên chánh điện có một số bàn thờ nhỏ để thờ các vị thần khác. Ngày thường có một tấm trướng che kín bàn thờ và chỉ kéo lên khi có cúng đình. Liền với chánh điện là vỏ ca được xây cất theo kiểu tứ trụ và là nơi hát bội biểu diễn. Vỏ ca gồm một sân khấu bằng gỗ và một khán đài đủ cho 300 - 400 người xem. Nhà khói là nhà bếp nơi nấu nướng.

Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954), có lần đình bị đốt cháy. Dân làng tự nguyện quyên góp tiền bạc, công sức và nhặt nhạnh những vật liệu chưa bị cháy để xây dựng lại một ngôi đình nhỏ hơn, mặt quay về hướng ngược lại với đình trước kia. Năm 1967, đình bị sập hoàn toàn do gỗ bị mối mọt và tàu Mỹ từ dưới kinh Nguyễn Tấn Thành bắn lên. Năm 1971, bà con chung sức, tiền của dựng lại bằng tre lá.

Sau ngày giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, đình được nhiều lần sửa chữa nhỏ. Năm 1997, nhân dân trong xã làm lại phần chánh điện để thờ cúng Thành hoàng và liệt sĩ của xã. Theo đó, chánh điện được làm theo dạng tứ trụ như lúc ban đầu, cột gỗ kê trên tán cổ bông, đường kính cột 25cm, kèo vỏ đậu, mái lợp ngói âm dương, xung quanh có tường gạch bao bọc, nền lót gạch Tàu, bên trong làm nhiều bàn thờ bằng xi măng để thờ Tổ quốc và các anh hùng, liệt sĩ của xã nhà.

Năm 1991, vỏ ca phía trước được làm thêm cột bê tông, mái lợp phibrô xi-măng, nền tráng xi - măng, phía trước không có cửa, chỉ có hai đầu hồi nhà xây

gạch. Đến năm 1996, sau khi đình được công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia, tỉnh Tiền Giang cho xây thành ngôi đình mới, trên diện tích gần 130 m^2 . Ngôi đình lợp ngói âm dương, bốn cột chánh bằng gỗ quý, chung quanh có tường gạch bao bọc, gồm có vỏ ca và chánh điện. Đình thờ vị Thành hoàng bổn cảnh và Tả quân Lê Văn Duyệt, một đại công thần của triều Nguyễn, quê ở Long Hưng; tượng và bức chân dung của ông được tôn trí ở chánh điện; tại đây, còn có bộ ván gồm hai tấm được làm bằng gỗ quý, tương truyền mỗi khi ra đình, Lê Văn Duyệt thường ngủ trên bộ ván này. Ngoài ra, tại chánh điện còn có nhiều bức hoành phi, câu đối, bao lam tuyệt đẹp.

Năm 2005, nhân kỷ niệm 65 năm Ngày Nam kỳ khởi nghĩa (23/11/1940 – 23/11/2005), tỉnh Tiền Giang đã tiến hành nâng cấp, mở rộng đình Long Hưng, tạo thành một quần thể kiến trúc rất khang trang, bề thế, bao gồm ngôi đình ở vị trí trung tâm; bên phải đình là Nhà trưng bày hiện vật lịch sử về cuộc khởi nghĩa Nam kỳ năm 1940 và ngôi nhà cổ Nam bộ thờ bà Nguyễn Thị Thập - một trong những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Nam kỳ ở tỉnh Mỹ Tho, nguyên Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, nguyên Phó Chủ tịch Quốc hội; bên trái đình là nhà bia ghi tên 614 liệt sĩ của xã; trong đó có 02 liệt sĩ được nhà nước công nhận Anh hùng lực lượng vũ trang là Lê Thị Hồng Gấm và Hồ Văn Nhánh. Xung quanh khu di tích có nhiều cây xanh, kiểng cổ quý hiếm, hoa tươi nở bốn mùa; đặc biệt, tại đây vẫn còn cây bàng cổ thụ, nơi lá cờ đỏ sao vàng đầu tiên của nước ta được cắm trên đó trong những ngày nổ ra cuộc khởi nghĩa Nam kỳ.

Mỗi năm, đình có 04 lệ cúng: cúng kỳ yên ngày 16/2 âm lịch, cúng hạ điền ngày 16/4 âm lịch, cúng Ông (Lê Văn Duyệt) ngày 1/8 âm lịch, cúng thượng điền ngày 16/11 âm lịch. Bên cạnh đó, hàng năm, vào ngày 23/11, cùng với cả nước kỷ niệm ngày Nam kỳ khởi nghĩa, nhân dân xã Long Hưng tổ chức lễ hội tại đình. Vào những năm chẵn, lễ hội được tổ chức quy mô lớn, có cắm trại, mít tinh, biểu diễn văn nghệ, thi đấu thể thao, thi nữ công gia chánh, chưng nghi,…

Đình là trụ sở chỉ huy, trung tâm của cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ ở tỉnh Mỹ Tho (23/11/1940), nơi xuất hiện lá cờ đỏ sao vàng, danh xưng "Việt Nam dân chủ cộng hòa quốc" và tòa án nhân cách mạng đầu tiên của nước ta.

Đình Long Hưng được Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia theo Quyết định số 65/QĐBT ngày 16/01/1995.

6. Đình Mỹ Thuận Đông

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính xưa (Thôn Mỹ Thuận Đông).

Đình Mỹ Thuận Đông tọa lạc tại ấp Đông Hòa, xã Song Thuận, huyện Châu Thành.

Đình Mỹ Thuận Đông được xây dựng vào đầu thế kỷ 19, diện tích đất 11.765 m^2, diện tích xây dựng 462,84 m^2, có kiến trúc theo kiểu chữ tam (≡), gồm vỏ ca, vỏ quy, chánh điện, nhà khói, thờ thần Thành hoàng bổn cảnh, các vị tiền hiền và Hậu hiền. Đình còn lưu giữ những di vật có giá trị văn hóa như: Sắc Thần, khám thờ thần, bộ binh khí. Lễ cúng Hạ điền vào ngày 16 tháng 4 âm lịch và Thượng điền vào ngày 16 tháng 11 âm lịch.

Đình Mỹ Thuận Đông được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 238/QĐ-UBND, ngày 27/01/2016.

7. Đình Mỹ Thuận Tây

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính xưa (Thôn Mỹ Thuận Tây)

Đình Mỹ Thuận Đông tọa lạc tại ấp Mỹ Thạnh, xã Song Thuận, huyện Châu Thành.

Đình Mỹ Thuận Tây được xây dựng vào đầu thế kỷ 19, diện tích đất 1.000 m^2, diện tích xây dựng 356,5 m^2, có kiến trúc theo kiểu chữ tam (≡), gồm vỏ ca, vỏ quy, chánh điện, nhà khói, thờ thần Thành hoàng bổn cảnh, các vị tiền hiền và Hậu hiền. Đình còn lưu giữ bốn sắc phong: hai sắc phong đời vua Thiệu trị năm 1845, hai sắc phong đời vua Tự Đức năm 1850 và năm 1853. Lễ cúng Hạ điền vào ngày 16 tháng 4 âm lịch và Thượng điền vào ngày 16 tháng 11 âm lịch.

Bên cạnh đó, đình còn là cơ sở cách mạng quan trọng trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ của xã, của huyện.

Đình Mỹ Thuận Đông được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 27/01/2016.

8. Đình Nhị Bình

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính (Xã Nhị Bình)

Đình Nhị Bình tọa lạc tại ấp Trung, xã Nhị Bình, huyện Châu Thành, được xây dựng vào đầu thế kỷ 19.

Đình thờ Thần hoàng bổn cảnh, ông Cai Lữ là người có công khai khẩn, lập làng, có diện tích xây dựng 386,82 m^2, được trùng tu tôn tạo vào các năm 1959, 1975, 2010 bằng chất liệu hiện đại. Đình được xây dựng theo kiểu chữ tam (≡), gồm có vỏ quy, chánh điện, nhà tiền vãng.

Đình Nhị Bình được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 3418/QĐ-UBND ngày 01/12/2010.

9. Đình Nhơn Hội

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính xưa (Làng Nhơn Hội)

Đình Nhơn Hội tọa lạc tại Ấp 1, xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành.

Đình được xây dựng vào cuối thế kỷ XIX có cột gỗ căm xe, mái lợp ngói âm dương, theo kiến trúc hình chữ tam, gồm có vỏ ca, vỏ quy và chánh điện. Năm 1965, đình bị trúng bom nên bị hư hại nặng; sau đó, được sửa chữa tạm để thờ Thần. Năm 1990, đình được tu sửa khang trang. Năm 2008, cổng đình và nội thất của chánh điện được trùng tu mới.

Đình Nhơn Hội cùng khuôn viên với chùa Nhơn Phước trên diện tích đất 2.500m^2, diện tích đình là 383,3 m^2 gồm nhà khách 160 m^2, chánh điện 223,3 m^2. Nhìn tổng thể ngôi đình xây dựng theo kiểu ba gian hai chái.

Đình Nhơn Hội được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 2711/QĐ-UBND ngày 30/10/2014.

10. Đình Tân Hiệp

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính (Thị trấn Tân Hiệp)

Đình Tân Hiệp tọa lạc tại khu phố Cá, thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu Thành.

Đình được xây dựng vào khoảng đầu thế kỷ 19, với diện tích xây dựng hơn 1.000m², có kiến trúc theo hình chữ Nhị (=), nhà ba gian. Cổng đình được xây dựng bằng bê tông theo kiểu tam quan, mái lợp ngói. Sau cổng chính là sân đình và vỏ ca. Vỏ ca được xây dựng theo kiểu nhà tứ trụ, 3 gian, có 16 cột gỗ, nền gạch men màu đỏ. Gian chính vỏ ca trên hai hàng cột có trang trí các câu đối bằng chữ Hán thể hiện sự tri ân, ca ngợi công lao của tiền nhân.

Tiếp đến là chánh điện, được xây dựng theo kiểu nhà tứ trụ, 3 gian, có 16 cột gỗ, trên mái ngói trang trí lưỡng long tranh châu bằng gốm men xanh, hai bên trang trí các mảnh gốm ghép hình hoa 6 cánh, vách ngoài thiết kế dạng song sắt vừa tạo độ thông thoáng vừa lấy ánh sáng tự nhiên.

Trung tâm chánh điện đặt khánh thờ thần uy nghi nổi bật. Bốn cột chính của chánh điện được ốp chạm nổi tứ linh (long, lân, qui, phụng), giữa hai hàng cột chánh điện trang trí mỗi bên hai bộ binh khí. Hai gian bên của chánh điện bố trí bàn thờ Tiền hiền, Hậu hiền, Tiền vãng, Hậu vãng, bàn thờ các Anh hùng liệt sĩ. Đề tài trang trí trên các khánh thờ, hoành phi là tứ linh, tứ quý, chim muông, hoa lá cách điệu tinh xảo. Đặc biệt, năm 1930, đình có đôi long trụ và bức hoành phi được chính quyền thực dân Pháp tỉnh Mỹ Tho mượn để đưa sang Pháp dự đấu

xảo ở Paris, mãi ba năm sau mới mang trả[56]. Hiện nay, trong đình có 5 bàn thờ chạm tứ linh, 10 liễn đại tự chạm tứ quý và nhiều bài vị sơn son thếp vàng rất rực rỡ.

Đình thờ thờ Đông Chinh vương và Dực Thánh vương[57] là hai hoàng tử con của vua Lý Thái Tổ.

Đình được trùng tu vào năm 1915. Năm 2017, hệ thống kèo, đòn tay trên vỏ ca hư hỏng, nên Ban Hội hương đình cùng với nhân dân đóng góp kinh phí sửa chữa. Trong hai năm 2018, 2019 nền gạch vỏ ca và chánh điện xuống cấp, hư hỏng, được sự chung tay góp sức của các nhà hảo tâm, Ban Hội hương tiếp tục tổ chức lót lại nền vỏ ca, chánh điện và sửa chữa nhà bếp để người dân đến tế lễ thuận lợi.

Đình được UBND tỉnh xếp hạng Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp tỉnh theo Quyết định số 09/QĐ.UB vào ngày 15/02/2000.

11. Đình Tân Hương

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính (Xã Tân Hương).

Đình Tân Hương tọa lạc tại ấp Tân Thạnh, xã Tân Hương, huyện Châu Thành.

Đình Tân Hương thờ ông Dương Tấn Tuyên là người có công lập làng Tân Hương và chợ Mỹ Tho. Đình Tân Hương còn gọi là Đình Lớn do đình có các hàng cột có đường kính rất lớn và để phân biệt với Đình Cháy (đình Tân Hương Tây).

Đình được xây dựng trong khoảng thời gian từ năm 1841 đến năm 1845, có 08 lá sắc phong vào năm Thiệu Trị thứ 5 (1845). Đình được trùng tu tôn tạo lớn vào năm 1906, có diện tích xây dựng 478 m^2, có kiến trúc theo kiểu chữ tam (≡) gồm: vỏ ca, vỏ quy và chánh điện. Đình Tân Hương được xây dựng bằng các chất liệu truyền thống như: gỗ, gạch, ngói tây (trước đây là ngói âm dương), đá chất liệu kết dính

---

[56] Lê Ái Siêm (2011), *Áp dụng công cụ GIS xây dựng cơ sở dữ liệu và chỉ dẫn địa lý vào quản lý di tích kết hợp du lịch trong tỉnh Tiền Giang*, Đề tài Nghiên cứu khoa học, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tiền Giang, tr. 65.

[57] Năm 1028, vua Lý Thái Tổ băng hà, chưa tế táng xong, thì các hoàng tử là Vũ Đức vương, Đông Chinh vương và Dực Thánh vương đã đem quân đến vây thành Thăng Long để tranh ngôi vua với Thái tử Lý Đức Chính/Lý Phật Mã/Khai Thiên vương, con trưởng vua Lý Thái Tổ. Cuộc phản loạn bị trấn áp. Vũ Đức vương bị giết chết tại trận. Dực Thánh vương và Đông Chinh vương phải chạy trốn. Về sau, Dực Thánh vương và Đông Chinh vương xin về chịu tội. Vua Lý Thái Tông nghĩ tình cốt nhục bèn tha tội, cho phục chức như cũ, lại cắt đất phân phong cho cả hai ông. Từ đó, hai ông ra sức chiêu tập dân nghèo, tiến hành khai khẩn những vùng đất còn hoang hóa. Vì thế, hai ông được nhân dân xem là thủy tổ của những người đi khai hoang.

bằng xi măng (trước đây là ô dước). Hiện nay, được trùng tu tôn tạo bằng chất liệu hiện đại.

Đình Tân Hương được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 3418/QĐ-UBND, ngày 01-12-2010.

12. Đình Tân Hương Tây

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính xưa (Thôn Tân Hương Tây)

Đình Tân Hương Tây tọa lạc tại ấp Tân Thuận, xã Tân Hương, huyện Châu Thành.

Đình được xây dựng vào đầu thế kỷ XIX, có diện tích xây dựng 675 m². Trong chánh điện, ở giữa đình nhìn từ ngoài vào là bàn thờ lớn với đôi hạc châu đầu vào nhau, phía sau là bàn phẩm vật cúng tế và tủ lưu giữ Sắc Thần. Phía đối diện, nhìn từ trong ra, ở giữa là bàn thờ Thần (Long án đặt trong khung kính ghi chữ Thần bằng tiếng Hán và 2 mão Thần), hai bên bàn thờ Thần gồm: bên tả thờ Tả ban (giống như Thần, có 2 mão), Bạch mã Thái giám và Tiền hiền (có bài vị khắc tên 11 vị tiền hiền bằng chữ Hán, người có công khai phá, thành lập Đình); bên hữu gồm bàn thờ Hữu ban (giống như Thần), Hậu hiền (có bài vị khắc tên 18 vị có công hiến đất xây đình, mở đường…).

Phía trước chánh điện, ở giữa là bàn thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh, hai bên tả, hữu là bàn thờ chiến sĩ; đối diện là sân khấu hát bộ. Trong thời gian diễn ra lễ hội, ngày cũng như đêm, khách thập phương nô nức đến đình thắp hương để cầu nguyện cho một năm mới được an lành, hạnh phúc.

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ, đình là cơ sở cách mạng: nơi hội họp của cán bộ xã Tân Hương và huyện Châu Thành; là nơi các đồng chí lãnh đạo Tỉnh ủy Mỹ Tho làm việc và chỉ đạo cuộc khởi nghĩa Nam kỳ năm 1940; trụ sở đầu tiên của chính quyền cách mạng xã Tân Hương 1940; nơi Huyện ủy Châu Thành hội họp và chỉ đạo quần chúng tiến hành tổng khởi nghĩa trong Cách mạng tháng Tám năm 1945. Năm 1946, sau khi quay trở lại xâm lược Nam Bộ, quân Pháp đã đốt cháy đình. Từ đó, đình còn được gọi là Đình Cháy.

Theo Ban Quản lý Di tích Đình Tân Hương, hiện tại đình còn lưu giữ và bảo quản tốt 8 Sắc Thần, số lượng cao nhất so với các đình khác trong tỉnh. Tổng số Sắc Thần trên được chia làm 2 nhóm như sau:

- Sắc Đại Càn Quốc gia Nam Hải Tứ vị Thượng đẳng Thần: gồm 4 Sắc; trong đó, vua Thiệu Trị năm thứ 5 (1845) phong 2 Sắc, vua Tự Đức năm thứ 3 (1850) và năm thứ 5 (1852) phong 2 Sắc với tổng số 4 vị Thần được sắc phong.

- Sắc Đông Nam Sát hải Nhị đại Tướng quân chi Thần: cũng gồm 4 Sắc có ngày, tháng, niên đại như 4 Sắc Đại Càn với tổng số 2 vị Thần được sắc.

Đình Thần Tân Hương Tây được UBND tỉnh công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định 3418/QĐ-UBND ngày 01/12/2010.

13. Đình Tân Lý Tây

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chánh (Xã Tân Lý Tây)

Đình Tân Lý Tây tọa lạc tại ấp Tân Phong, xã Tân Lý Tây, huyện Châu Thành.

Khi mới thành lập vào đầu thế kỷ 19 có tên "Tân Lý Đình" ghi bằng Hán tự trên tấm bảng hiệu của đình.

Trong những năm 1950, do chiến tranh ác liệt, đình bị hư hại nặng. Đến năm 1961, nhân dân trong vùng đã quyên góp tiền của trùng tu đình như diện mạo hiện nay.

Đình có diện tích đất 1.272 m^2, diện tích xây dựng 415 m^2, cửa quay về hướng chính Đông. Trước khi bước vào vỏ ca là bàn thờ Thần nông, trên tấm bình phong trang trí 4 con lân bằng sứ men xanh, ở giữa là tượng la hán đắp nổi bằng xi măng.

Đình Tân Lý Tây có cấu trúc hình chữ tam (≡), gồm vỏ ca, vỏ quy và chánh điện.

Vỏ ca là ngôi nhà rộng 189 m^2 có 24 cột (8 cột gỗ; 16 cột xi măng) gồm 3 gian. Vỏ ca có hệ thống cột kiểu tứ trụ mái ngói âm dương, nền lót gạch men màu vàng. Khoảng không gian giữa bốn cột cái là sân khấu hát bội được làm bằng xi măng. Các bộ phận cấu trúc cột, kèo, xiên, trính, kèo mái, đòn tay đã được đơn giản hóa chỉ còn lại xà ngang, xà dọc và cột. Cột cái được kê trên táng đá vuông bằng mặt nền, cột hàng nhì kê trên táng gỗ theo kiểu cổ bồng, trên xà ngang gian giữa đối diện sân khấu hát bội trang trí tấm hoành phi đại tự "Tân Lý Đình", gian tả, gian hữu trang trí hoành phi Hán tự "Vũ trụ", "Thới hòa" nền hình chữ vạn, viền trang trí cuốn thư, chạm nổi tứ quý (mai, lan, cúc, trúc) sơn son thếp vàng, hai mặt bệ đỡ cột trốn chạm đầu rồng rất sinh động.

Vỏ quy có cấu trúc khung theo lối nhà rường, có diện tích 126 m^2, gồm 16 cột, 8 cột chia ra làm ba gian, tả, hữu bái, 4 cột chái nối kéo dài tạo ra thế "chỉa ba" để có hai gian chái nối tiếp. Ngăn cách vỏ quy và chánh điện là máng xối giữa hai mái, một mái cao một mái thấp.

Sau máng xối là chánh điện (nơi thờ cúng tôn nghiêm), ngăn cách với nơi bái lạy thần là bộ cửa gỗ bức bàn, phía trên có chạm tứ quý cách điệu sơn màu xanh, đỏ, trắng theo lối ngũ sắc, bên trên cửa chánh điện là 30 khuôn chạm trổ tứ quý, hoa văn chữ "Vạn" chữ "Phước" và trang trí 3 hoành phi đại tự có nội dung "Thánh Cung Vạn Tuế; Huân Cao Bắc Đẩu; Công Ngật Nam Sơn" chạm tứ linh, "chữ vạn" trong phật giáo, hoa mẫu đơn, chùm nho, con sóc với cặp đối liễn Hán tự có nội dung "Vũ Thuận Phong Điều; Hải Yến Hà Thanh" với ý muốn cầu cho mưa thuận gió hòa đem lại điều phước, điều tốt lành cho nhân dân.

Chánh điện là nơi thờ tự chính của Đình Tân Lý Tây, có diện tích 100 m^2. Hệ thống đỡ mái gồm 24 cột (8 cột gỗ được kê trên táng đá và 16 cột xi măng chạy xung quanh 2 gian chái. Nối tiếp tường gạch với mái ngói là 12 khuôn tranh vẽ hoa, bướm, mai, điểu trên kiếng tạo nên kết cấu khung chặt chẽ.

Trên cột trốn chánh điện, các nghệ nhân xưa đã thể hiện cách điệu đầu rồng và dơi trên áp quả rất độc đáo. Bên dưới là xà ngang có 2 tấm biển đại tự nền vàng chữ đen treo sát mái ngói với nội dung "Thánh Đức Huyền Quang" và tấm hoành "Quốc Thới Dân An" chạm tứ linh (long, lân, quy, phụng), nền chạm "long ẩn vân" (rồng ẩn trong mây) bên trên tấm hoành chạm "lưỡng long tranh châu", cặp theo cột cái trang trí hai đôi long trụ chạm nổi "lưỡng long tranh châu và tứ linh" rất công phu, bên dưới là long đình và bàn thờ được làm bằng gỗ chạm trổ tứ linh, mái long đình trang trí "cá hóa long", xung quanh ba mặt chạm trổ tứ linh, mặt trước trên mi cửa long đình chạm "lưỡng long tranh châu", dơi và hoa rất sinh động. Bên cạnh những họa tiết chạm khắc trên gỗ thì cách bày trí của mỗi bàn thờ, đồ thờ (quy đội hạc, lục bình, lư hương, chân đèn, khánh thờ...) trong đình được bày trí rất độc đáo. Bàn thờ thần ở giữa vách tường phía ngoài là chữ "Thần" Hán tự, hai bên là cặp đối "Thần Ân Khai Lục Hợp; Thánh Đức Biến Vạn Phương". Phía tả, hữu ban có các bàn thờ Tiền hiền, Hậu hiền, Ngũ hành, Thổ địa, dọc theo vách vẽ chữ vào tường với các vế đối có nội dung và ý nghĩa thể hiện ước vọng sự thanh cao và cầu được no đủ, yên lành cho dân làng.

Hiện đình còn giữ 4 sắc thần (3 Sắc Đại Càn Quốc Gia Nam Hải Tứ Vị Thượng Đẳng Thần và 1 Sắc Bổn Cảnh Thành Hoàng Làng) do vua Thiệu Trị và vua Tự Đức phong. Hàng năm, đình tổ chức Kỳ yên (16/8 âm lịch), Hạ điền (20/4 âm lịch), Thượng điền (20/10 âm lịch).

Đình Tân Lý Tây được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận là Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp tỉnh theo Quyết định số 3418/QĐ-UBND, ngày 01/12/2010.

14. Đình Thân Nhơn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính xưa (Thôn Thân Nhơn)

Đình Thân Nhơn tọa lạc tại ấp Thân Hòa, xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành, được lập vào đầu thế kỷ 19 (hiện còn 02 sắc phong của Triều Nguyễn phong cho đình Thân Nhơn). Đình thờ thần Thành hoàng bổn cảnh, Tiền hiền khai khẩn, Hậu hiền khai cơ. Bên cạnh đó, đình còn là cơ sở hoạt động cách mạng của Chi bộ Đảng xã Thân Cửu Nghĩa trong kháng chiến chống Pháp.

Trước khi vào đình là sân đình gồm có các hạng mục: nhà bia ghi danh các anh hùng liệt sĩ của xã; bàn thờ Thần nông, hai bên là hai miếu thờ Ngũ hành và Sơn quân. Với diện tích xây dựng 597m^2, đình bao gồm các công trình: vỏ ca, vỏ quy, chánh điện, nhà việc, nhà thờ Tiên sư và nhà khói.

Đình Thân Nhơn được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận Di tích lịch sử -văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 3781/QĐ-UBND ngày 19/12/2017.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên Miếu:**

Khái niệm Miếu

Miếu là một dạng di tích văn hóa trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam có quy mô nhỏ hơn đền. Đối tượng được thờ ở miếu rất đa dạng, thể hiện ở tên gọi của miếu - tên gọi theo đối tượng được thờ thường phiếm chỉ và tượng trưng. Ví dụ: miếu Cô, miếu Cậu, miếu thờ thần núi gọi là miếu Sơn thần, miếu thờ thần nước gọi là miếu Hà Bá hoặc miếu Thủy thần, miếu thờ thần đất gọi là miếu thổ thần.

Thất thánh Cổ Miếu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Miếu) + Vị thần theo tín ngưỡng dân gian của người Hoa (Thất Thánh Nương Nương)

Cổ Miếu tọa lạc tại khu phố Rẫy, thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu Thành; được xây dựng vào năm 1874 và trải qua nhiều lần trùng tu vào các năm 1920, 1961, 1971, 2000, có diện tích 625 m².

Cổ Miếu thờ Thất Thánh Nương Nương (Thất Tinh Tiên Nữ), còn gọi là Bảy Bà, tức là bảy nàng tiên ở cung Diêu Trì của Tây Vương Mẫu, bao gồm: Hồng Tiên Nương, Thanh Tiên Nương, Tử Tiên Nương, Bạch Tiên Nương, Hoàng Tiên Nương, Lục Tiên Nương, Lam Tiên Nương. Ngoài ra, Cổ Miếu còn phối tự thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu, còn gọi là bà Thiên Hậu (vị thần bảo trợ của ngư phủ và người đi biển, tượng trưng cho sự cứu khổ, cứu nạn) và Phước Đức Chánh Thần (vị thần chủ quản xã, thôn, bang hội như Bổn Cảnh Thành Hoàng của người Việt).

Cổ miếu được xây dựng theo lối kiến trúc hình chữ nhị (=) với hai dãy nhà liền nhau gồm nhà khách và chánh điện. Từ xa, có thể dễ dàng nhận ra Cổ Miếu qua những nét đặc thù về phong cách kiến trúc và màu sắc của cổ miếu nổi bật hơn so với nhà ở của người dân xung quanh bởi vì các công trình tín ngưỡng của người Hoa thường được sơn màu đỏ với quan niệm màu đỏ là màu của may mắn và hạnh phúc.

Thất thánh Cổ Miếu được được xếp hạng Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp tỉnh theo Quyết định số 1310/QĐ-UBND ngày 04/6/2012 của UBND tỉnh Tiền Giang.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên Chùa:**

Khái niệm Chùa

Chùa là cơ sở hoạt động và truyền bá Phật giáo, là nơi tập trung sinh hoạt, tu hành và thuyết giảng đạo Phật của các nhà sư, tăng, ni. Mọi người kể cả tín đồ hay người không theo đạo đều có thể đến thăm viếng, nghe giảng kinh hay thực hành các nghi lễ Phật giáo.

1. **Chùa Kim Thạch**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chùa) + tên Hán Việt (Kim Thạch).

Chùa Kim Thạch tọa lạc tại ấp Tân Phong, xã Tân Lý Tây, huyện Châu Thành.

Chùa được xây dựng vào khoảng đầu thế kỷ 19. Sau ngày 30/4/1975, chùa được trùng tu, tôn tạo có diện mạo khang trang như ngày hôm nay với diện tích xây dựng khoảng 400 m².

Chùa còn là di tích khảo cổ được phát hiện năm 1992 thuộc nền Văn hóa Óc Eo ở Đồng bằng sông Cửu Long. Tại đây, các nhà khảo cổ phát hiện 01 tượng bằng đá cao 70 cm gãy đầu và chân, 01 bệ tượng bằng đá và nhiều gạch có kích thước, chất liệu giống gạch di tích khảo cổ Gò Thành, xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Các đĩa gạch đã nổi lên từng hàng xếp đều đặn và có nhiều đá cuội to nhỏ khác nhau có hòn to nặng hàng chục kg.

Di tích chùa Kim Thạch được công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số: 09/QĐ-UB ngày 15/02/2000 của UBND tỉnh Tiền Giang.

2. Chùa Ông Hiếu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chùa) + Giới tính và tên người (Ông Hiếu).

Chùa Ông Hiếu tọa lạc tại ấp Long Thuận A xã Long Hưng huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Chùa Ông Hiếu do một người có tên là ông Hiếu (ông Tư) khởi lập năm 1898 để làm nơi tu hành nên nhân dân địa phường gọi là chùa Ông Hiếu. Tên chữ của chùa là "Phước Khánh Tự".

Vào các năm 2002, 2005, 2018 chùa được sửa chữa và trùng tu, với diện tích xây dựng 319 m^2 theo kiểu chữ tam (≡), gồm: tiền đường, chánh điện và nhà hậu tổ. Ngoài ra, còn khuôn viên cây xanh, cây ăn trái và hoa kiểng.

Dù là cơ sở tôn giáo, nơi thờ tự của nhân dân địa phương, nhưng trong kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, chùa là cơ sở cách mạng trọng yếu của xã và huyện Châu Thành.

Chùa Ông Hiếu được công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 5044/QĐ-UBND ngày 24/12/2009 của UBND tỉnh Tiền Giang.

3. Chùa Phước Lâm

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chùa) + Từ Hán Việt (Phước Lâm).

Chùa Phước Lâm tọa lạc tại ấp Thân Đạo, xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành Gian.

Chùa được xây dựng vào cuối thế kỷ 18. Năm 1940-1945, chùa được sửa lại và lấy tên là Phước Lâm. Năm 2014 chùa được trùng tu, xây lại cổng, chánh điện và tường rào.

Chùa nằm trong khuôn viên có diện tích 5.481,9m^2, diện tích xây dựng 550^2 với nhiều cây xanh cổ thụ và hoa kiểng. Chùa được xây gồm: chánh điện, nhà hậu tổ, nhà ăn, nhà bếp, hội trường. Chùa còn lưu giữ những tác phẩm chạm khắc gỗ độc đáo. Bên cạnh đó, chùa còn là cơ sở của cách mạng trong kháng chiến chống thực dân Pháp Pháp và đế quốc Mỹ.

Chùa Phước Lâm được công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15/02/2000 của UBND tỉnh Tiền Giang.

4. Chùa Sắc Tứ Linh Thứu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chùa) + Từ Hán Việt (Sắc Tứ: Sắc vua ban) + Địa điểm (Linh Thứu: là nơi Đức Phật giảng dạy nhiều bộ kinh quan trọng của Phật giáo, nay thuộc tiểu bang Bihar, miền Đông Bắc Ấn Độ).

Chùa Sắc Tứ Linh Thứu tọa lạc tại ấp Chợ, xã Thạnh Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Chùa Sắc Tứ Linh Thứu được xây dựng vào khoảng nủa cuối thế kỷ XVIII, có tên Long Nguyên Tự. Năm 1784, chúa Nguyễn Phúc Ánh đến chùa trốn tránh sự truy đuổi của quân Tây Sơn, từ đó chùa có tên Long Tuyền Tự (tức chùa Suối Rồng). Năm 1841, vua Thiệu Trị ban sắc đổi tên thành Linh Thứu. Năm 1937, vua Bảo Đại truy phong cho chùa một tấm biển: "Nam Triều Lễ Nghi bộ Cung Sắc Tứ Linh Thứu Cổ Tự".

Chùa Sắc Tứ Linh Thứu trải qua nhiều lần trùng tu lớn vào các năm: 1890, 1974, 2009. Chùa nằm trong khuôn viên 5.287,4m^2. Chùa gồm: Chánh điện, Đông Lang, Tây Lang, nhà khách và nhà khói.

Bên trong chính điện, chùa có nhiều cột gỗ, các bức hoành phi, liễn, bao lam được sơn son thếp vàng, chạm trỗ rất tinh xảo.

Chùa Sắc Từ Linh Thứu được công nhận là Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15/02/2000 của UBND tỉnh Tiền Giang.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên thánh thất:**

Khái niệm:

Thánh thất: là nhà thờ Đức Chí Tôn (Đấng Cao Đài) và các vị Thần, Thánh, Tiên, Phật. Hay còn gọi là ngôi nhà của chư thánh. Tại mỗi Tộc đạo (Họ đạo) đều phải xây dựng một Thánh thất để làm đền thờ Đức Chí Tôn và làm nơi tín ngưỡng cho bổn đạo địa phương.

1. Thánh thất Bình Đức

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Bình Đức).

Thánh thất Bình Đức được xây dựng trước năm 1960, tọa lạc tại ấp Chợ, xã Bình Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

2. Thánh thất Bình Trưng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Bình Trưng).

Thánh thất Bình Trưng được xây dựng trước năm 1950, tọa lạc tại ấp Bình Thới A, xã Bình Trưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

3. Thánh thất Hữu Đạo

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Hữu Đạo).

Thánh thất Hữu Đạo được xây dựng năm 1960, tọa lạc tại ấp Hữu Hòa, xã Hữu Đạo, huyện Châu Thành.

4. Thánh thất Long An

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Long An).

Thánh thất Long An được xây dựng trước năm 1975, tọa lạc tại ấp Long Thạnh, xã Long An, huyện Châu Thành.

5. Thánh thất Nhị Bình

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Nhị Bình).

Thánh thất Nhị Bình được xây dựng năm 1958, tọa lạc tại ấp Hòa, xã Nhị Bình, huyện Châu Thành.

6. Thánh thất Tân Hương

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Tân Hương).

Thánh thất Tân Hương được xây dựng năm 1962, xây dựng mới năm 2010, tọa lạc tại xã Tân Hương, huyện Châu Thành.

7. Thánh thất Tân Lý Đông

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Tân Lý Đông).

Thánh thất Tân Lý Đông được xây dựng năm 2009, xây dựng mới năm 2016, tọa lạc tại xã Tân Lý Đông, huyện Châu Thành.

8. Thánh thất Tân Hội Đông

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Tân Hội Đông).

Thánh thất Tân Hội Đông được xây dựng năm 2006, xây dựng mới năm 2011, tọa lạc tại xã Tân Hội Đông, huyện Châu Thành.

9. Thánh thất Thân Cửu Nghĩa

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Thân Cửu Nghĩa).

Thánh thất Thân Cửu Nghĩa được xây dựng năm 1958, xây dựng mới năm 2012, tọa lạc tại ấp Ngãi Lợi, xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành.

10. Thánh thất Thạnh Phú

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Thạnh Phú).

Thánh thất Thạnh Phú được xây dựng năm 1945, tọa lạc tại ấp Miễu Hội, xã Thạnh Phú, huyện Châu Thành.

11.Thánh thất Vĩnh Kim

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Vĩnh Kim).

Thánh thất Vĩnh Kim được xây dựng năm 1945, xây dựng mới năm 2010, tọa lạc tại ấp Vĩnh Thạnh, xã Vĩnh Kim, huyện Châu Thành.

Nghiên cứu địa danh chỉ vùng:

*** Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên xóm:**

Khái niệm:

Xóm: là nơi quần tụ những hộ gia đình sinh sống gần nhau, có hoặc không có mối quan hệ họ hàng với nhau.

1. Xóm Bún

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Thực phẩm (Bún).

Xóm Bún là xóm có nghề làm bún. Ở tỉnh Tiền Giang có 02 địa danh Xóm Bún, gồm

- Xóm Bún (huyện Châu Thành): Có khoảng 10 lò bún; tọa lạc tại xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành.

- Xóm Bún (thành phố Mỹ Tho): Có khoảng 30 lò bún; tọa lạc tại xã Tân Mỹ Chánh, thành phố Mỹ Tho.

2. Xóm Cò

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Động vật (Chim cò: là loài chim có cánh mảnh dẻ, chân cao và cổ dài linh hoạt, thích nghi với cuộc sống ở những vùng đất ngập nước).

Xóm Cò là nơi có nhiều chim cò đến sinh sống. Ở tỉnh Tiền Giang có 02 địa danh Xóm Cò, gồm:

- Xóm Cò (Thị xã Cai Lậy): Tọa lạc tại xã Tân Hội, thị xã Cai Lậy. Tại đây, ngày 14/02/1948, đại đội dân quân tỉnh Mỹ Tho đánh bại cuộc càn quét của một tiểu đoàn lính Âu Phi của quân đội viễn chinh Pháp, tiêu diệt 20 tên, thu một số vũ khí.

- Xóm Cò (Huyện Châu Thành): Tọa lạc tại xã Long Định, huyện Châu Thành. Tại đây, sáng ngày 21/02/1961, Tiểu đoàn 514 thuộc Tỉnh đội Mỹ Tho chặn đánh hai đại đội phòng vệ số 41 và số 42 của địch, tiêu diệt một số tên, thu hơn 20 súng.

3. Xóm Giá

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Thực phẩm (Giá).

Xóm Giá là xóm có nghề làm giá, tọa lạc tại xã Tân Lý Đông, huyện Châu Thành.

4. Xóm Gò Me

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Địa danh chỉ địa hình tự nhiên (Gò) + Tên thực vật (Cây me).

Xóm Gò Me là xóm nhà tọa tại gò có trồng nhiều cây me, hiện nay thuộc xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Xóm Gò Me liên quan đến Di tích lịch sử Gò Me. Đây là nơi ghi dấu về lòng yêu nước nồng nàn của bốn chiến sĩ cách mạng trong cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ. Bốn ông (Nguyễn Văn Ghè, Lê Văn Giác, Nguyễn Văn Quới và Nguyễn Văn Quân) là những tấm gương kiên cường, bất khuất, giữ vững khí tiết cách mạng, sẵn sàng hy sinh vì Tổ quốc.

Di tích lịch sử Gò Me được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15/02/2000 của Ủy ban Nhân dân dân tỉnh Tiền Giang.

5. Xóm Kiệu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Thực vật (Cây kiệu)

Xóm Kiệu là xóm có nghề trồng cây kiệu, tọa lạc tại xã Nhị Bình, huyện Châu Thành.

6. Xóm Mô

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Công trình xây dựng (Mô).

Xóm Mô là xóm nhà nằm trên mô đất cao, tọa lạc tại khu vực Gò Lũy, xã Nhị Bình, huyện Châu Thành.

Địa danh này liên quan đến căn cứ Gò Lũy của nghĩa quân Võ Duy Dương. Tại đây, nghĩa quân có đắp một mô đất cao vừa để quan sát vừa ngăn chặn quân địch đánh vào căn cứ.

7. Xóm Nhà Thờ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Công trình xây dựng mang yếu tố tín ngưỡng (Nhà thờ).

Xóm Nhà Thờ tọa lạc tại xã Long Hưng, huyện Châu Thành, là xóm nhà có ngôi nhà thờ gia tộc được xây dựng lâu đời của dòng họ Mai, một trong những dòng họ đầu tiên đến khai khẩn xã Long Hưng[58].

Địa danh này có liên quan đến trận tiêu diệt ác ôn của lực lượng cách mạng. Tại tỉnh Mỹ Tho, bước vào năm 1957, chiến dịch "tố cộng, diệt cộng" của Mỹ - Diệm tiến hành rộng rãi khắp tỉnh. Địch tập trung đánh vào cán bộ đảng viên và các tổ chức cách mạng. Từ tháng 10/1957 đến tháng 5/1958, chúng đã bắn giết, bắt bớ, tù đày gần ba ngàn cán bộ đảng viên nòng cốt và quần chúng cách mạng. Tại nhiều xã, địch đã bắt bớ, tra tấn, cắt cổ, mổ bụng, moi gan hàng trăm người. Cơ sở Đảng ở các huyện Gò Công, Hòa Đồng, Chợ Gạo, Châu Thành và thị xã Mỹ Tho bị tổn thất nặng.

Để củng cố lại cơ sở và giữ vững phong trào, Tỉnh ủy chủ trương sử dụng lực lượng vũ trang diệt một số ác ôn đầu sỏ ở các địa phương. Việc trừng trị tên Quận trưởng Châu Thành Nguyễn Trung Long được đặt ra. Quận Long là một tên chống cộng khét tiếng, thuộc Đảng Cần lao nhân vị do Ngô Đình Diệm thành lập. Hắn vừa tàn ác vừa xảo quyệt. Mạng lưới điệp báo của hắn phát triển rất rộng.

Nắm được tin ngày 21/9/1957 tên quận Long sẽ đến bế giảng lớp truyền bá quốc ngữ tổ chức ở Long Hưng, đêm 20/9/1957, đồng chí Trần Hữu Danh cùng bảy đồng chí khác ra phục kích ở Xóm Nhà thờ xã Long Hưng. Sáng quận Long cùng hai xe đến, đi qua nhưng ta chờ đến khi hắn quay về mới đánh. Xế chiều quận

[58] Nhiều tác giả, *Đất Long Hưng*, 2001, trang 86.

Long ra về thì lọt vào trận địa phục kích của ta. Tên quận Long bị tiêu diệt tại chỗ. Nhân dân vui mừng hả dạ. Tên cảnh sát Châu ở Long Định đến tận nơi quận Long bị diệt lập miếu thờ, dọa sẽ trả thù. Nhưng chỉ hơn nửa tháng sau, đến lượt cảnh sát Châu đền tội.

8. Xóm So Đũa

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Thực vật (Cây so đũa).

Xóm So Đũa là xóm nhà có trồng nhiều cây so đũa, tọa lạc tại xã Song Thuận, huyện Châu Thành.

Ngày 8/3/1969, trung đội pháo binh nữ Mặt trận vành đai diệt Mỹ Bình Đức do đồng chí Nguyễn Thị Bé Sáu chỉ huy đã thiết lập trận địa pháo tại xóm So Đũa. Lúc 16 giờ cùng ngày, hàng đoàn trực thăng chở lính Mỹ đi càn quét trở về lần lượt hạ cánh xuống căn cứ Đồng Tâm. Nhận thấy thời cơ đã đến, đồng chí Bé Sáu ra lệnh nổ súng. Chỉ trong chốc lát, cả sân bay chìm trong khói lửa. Với trận này, trung đội pháo binh nữ đã lập chiến công lớn: 10 chiếc máy bay trực thăng, 1 kho xăng, 1 khẩu pháo bị phá hủy và nhiều lính Mỹ bị tiêu diệt.

Bị thua đau, địch điên cuồng phản ứng. Bọn chúng cho máy bay ném bom napalm và bắn pháo bừa bãi vào xóm So Đũa. Một ngôi nhà bị trúng bom, bốc cháy dữ dội; bên trong còn kẹt lại 4 trẻ em. Lúc bấy giờ, đang rút quân qua đây, nghe tiếng kêu cứu, đồng chí Bé sáu vứt vội nòng của khẩu cối 82 xuống đất và dũng cảm xông vào lửa đỏ cứu các em nhỏ.

Sau khi đưa các em xuống hầm trú ẩn, với ý thức bảo vệ vũ khí, đồng chí Bé Sáu chạy nhanh vào sân của ngôi nhà đang cháy định kéo nòng cối vào nơi an toàn. Thế nhưng, một chiếc máy bay trực thăng đã phát hiện ra đồng chí. Tên xạ thủ đại liên đã bắn như vãi đạn về hướng đồng chí đang di chuyển; và người chỉ huy trung đội pháo binh nữ đã anh dũng hy sinh.

Đồng chí Nguyễn Thị Bé Sáu được tặng thưởng Huân chương Quân công hạng Ba, nhiều bằng Dũng sĩ diệt Mỹ, Dũng sĩ diệt cơ giới, chiến sĩ thi đua cấp Quân khu năm 1969. Ngày 23/02/2010, đồng chí được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

9. Xóm Tràm

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Thực vật (Cây tràm).

Xóm Tràm là xóm có rừng cây tràm bao bọc, tọa lạc tại xã Long Hưng, huyện Châu Thành.

10. Xóm Voi

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Động vật (Voi).

Xóm Voi là xóm nhà mà thuở xưa (thế kỷ 17, 18) có nhiều ao, bàu; voi rừng kéo đến tìm thực ăn và tắm, tọa lạc tại xã Nhị Bình, huyện Châu Thành.

11. Xóm Vông

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Thực vật (Cây vông).

Xóm Vông là nơi có trồng nhiều cây vông, hiện nay là tên ấp, thuộc xã Thạnh Phú, huyện Châu Thành.

12. Xóm Vườn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Một loại hình canh tác nông nghiệp (Vườn).

Ngày 12/8/1940, tại nhà ông Tư Tĩnh ở Xóm Vườn, làng Long Hưng, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho (nay là Xóm Vườn, ấp Miễu Hội, xã Thạnh Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang), Tỉnh ủy Mỹ Tho mở Hội nghị xúc tiến công tác tổ chức lực lượng vũ trang, mua sắm và chế tạo vũ khí, dự trữ lương thực, thuốc men, may cờ, in tài liệu, luyện tập quân sự để chuẩn bị chờ ngày khởi nghĩa trên địa bàn toàn tỉnh vào tháng 11/1940. Hội nghị gồm các đồng chí: Nguyễn Hữu Thường, Nguyễn Thanh Phong, Nguyễn Văn Ghè, Lê Văn Giác, Huỳnh Văn Chín, Nguyễn Văn Kỉnh và đồng chí Hòa. Hội nghị do đồng chí Phan Văn Khỏe, Bí thư Tỉnh ủy, chủ trì.

Tỉnh ủy quyết định thành lập Ban Quân sự tỉnh, gồm 7 đồng chí: đồng chí Nguyễn Hữu Thường, Thường vụ Tỉnh ủy làm Chỉ huy trưởng. Ban Quân sự thành lập 4 Ban chính và phân công các đồng chí phụ trách, gồm: Ban Tham mưu do đồng chí Nguyễn Hữu Thường kiêm Tham mưu trưởng, đồng chí Huỳnh Văn Chín và đồng chí Lê Văn Quới làm Ủy viên; Ban Quân nhu do đồng chí Nguyễn Văn Tân phụ trách; Ban Quân báo do đồng chí Trần Bá Thọ phụ trách; Ban Phá hoại do đồng chí Nguyễn Văn Ghè và đồng chí Lê Văn Quới phụ trách.

Ngày 12/8/1940 trở thành Ngày truyền thống của lực lượng vũ trang tỉnh Tiền Giang).

*** Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên xứ:**

Khái niệm:

Theo *Từ điển Tiếng Việt phổ thông* của Viện Ngôn ngữ học, Xứ là khu vực địa lý có chung một số đặc điểm tự nhiên hoặc xã hội nào đó.

1. Xứ Bến Thuyền

Xứ Bến Thuyền là địa danh xưa, được ghi chép trong *Địa bạ Minh Mạng năm 1836*, tọa lạc tại thôn An Vĩnh, tổng Thuận Trị, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường, nay thuộc xã Long An, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xứ) + Công trình xây dựng (Bến: là chỗ bờ sông, người ta thường xây bậc lên xuống để lấy nước, tắm giặt, xếp dỡ hàng hoá, như bến đò, bến tàu, v.v… Sau đó, bến còn bao gồm luôn cả bến xe trên đường bộ) + Phương tiện giao thông thủy (Thuyền)

Xứ Bến Thuyền là xứ có bến ghe thuyền.

2. Xứ Bến Tranh

Xứ Bến Tranh là địa danh xưa, được ghi trong *Địa bạ Minh Mạng năm 1836*, tọa lạc ở thôn Ngãi Hữu và thôn Lương Phú, tổng Thuận Trị, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường, nay thuộc xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành và xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xứ) + Công trình xây dựng (Bến) + Thực vật (Cỏ tranh)

Xứ Bến Tranh là xứ có bến mà tại đó có nhiều cỏ tranh.

3. Xứ Cai Lữ

Xứ Cai Lữ là địa danh xưa, được ghi trong *Địa bạ Minh Mạng năm 1836*, tọa lạc ở thôn Nhị Bình, tổng Hưng Nhơn, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường, nay thuộc xã Nhị Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xứ) + Chức vụ thời xưa và tên người (Cai Lữ).

Xứ Cai Lữ là vùng đất do ông Cai đội Nguyễn Văn Lữ quy tụ nhân dân khai khẩn thôn Bình Thuyên Đông vào cuối thế kỷ 18. Đến năm 1836, thôn Bình Thuyên Đông hợp nhất với thôn Bình Yên thành thôn Nhị Bình.

4. Xứ Công Lãnh

Xứ Công Lãnh là địa danh xưa, được ghi trong *Địa bạ Minh Mạng năm 1836*, tọa lạc ở hai thôn Long Hội Tây và Nhơn Hoà, tổng Thuận Trị, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường, nay thuộc xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xứ) + Nhân vật (Công: Ông) + Chức vụ (Lãnh binh).

Xứ Công Lãnh là vùng đất mang tên Ông Lãnh. Về Ông Lãnh, sách *Địa chí Tiền Giang (tập 2)* viết: "*Vào năm Gia Long thứ IV (1805), tại thôn Long Hội Tây có đám dân nổi loạn cát cứ, giành giật đất đai, đâm chém nhau. Quan Trấn thủ sai Lãnh binh Nguyễn Lân dẫn binh đến. Bọn nổi loạn quá khích, tấn công quyết liệt,*

Ông hy sinh. Đến chiều anh của ông là Lãnh binh Nguyễn Tán đem binh đến cứu, rơi vào thế cùng, rút gươm tử tiết. Tương truyền, đêm đó, linh hồn vị lãnh binh nhập vào thổ dân trừng phạt, làm chúng ói mữa, vật vã. Dân địa phương tạc bài vị thờ vào miếu 'Trung Nghĩa thần' cạnh đình Long Hội Tây. Dân địa phương có tục cử tên 'lân cận' đọc là liên cận"[59].

Hiện tại, trong miếu Trung Nghĩa thần có thờ hai bài vị Nguyễn Lân và Nguyễn Tán. Hai ông còn được thờ ở đình Nhơn Hội với bài vị "Công Lãnh linh thần".

5. Xứ Củ Chi

Xứ Củ Chi là địa danh xưa, được ghi trong *Địa bạ Minh Mạng năm 1836*, tọa lạc ở thôn Tân Lý Đông, tổng Hưng Xương, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến Tường, tỉnh Định Tường, nay thuộc xã Tân Lý Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xứ) + Tên thực vật (Củ Chi: cây mã tiền).

Xứ Củ Chi là tên gọi dân gian chỉ vùng đất có nhiều cây mã tiền vào thời đó. Cây mã tiền là loại cây rừng, leo bằng móc, lá mọc đối có ba gân, hoa trắng, quả tròn, hạt dẹt như khuy áo, dùng làm thuốc.

6. Xứ Giồng Kỳ Lân

Xứ Giồng Kỳ Lân là địa danh xưa, được ghi trong *Địa bạ Minh Mạng năm 1836*, tọa lạc ở thôn Thân Nhơn, tổng Thuận Trị, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường, nay thuộc xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xứ) + Địa hình tự nhiên (Giồng) + Linh vật (Kỳ lân: tượng trưng cho từ tâm, trí tuệ, nhân nghĩa, thái bình và tốt lành).

Theo truyền thuyết được chép trong sách *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức, giồng này cây cối mọc um tùm. Vào những ngày linh tháng tốt, lúc ban đêm, người ta thấy kỳ lân xuất hiện, nên đặt tên là giồng Kỳ Lân.

Xứ Giồng Kỳ Lân là vùng đất giồng có kỳ lân xuất hiện.

7. Xứ Tha La

Xứ Tha La là địa danh xưa, được ghi trong *Địa bạ Minh Mạng năm 1836*, tọa lạc ở thôn Long Thạnh, tổng Thạnh Bình, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường, nay thuộc xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang[60].

---

[59] Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Quang Ân (chủ biên), *Địa chí Tiền Giang (tập 2)*, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân tỉnh Tiền Giang - Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, 2007, trang 1.185.

[60] Ngoài ra, địa danh Tha La còn có ở một nơi khác, như:

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xứ) + Địa danh Việt gốc Khmer (Tha La: do từ Khmer Sa La[61] gọi trại mà ra).

Xứ Tha La là nơi có nhà chòi cho khách đi đường nghỉ chân.

8. Xứ Thuộc Nhiêu

Xứ Thuộc Nhiêu là địa danh xưa, được ghi trong *Địa bạ Minh Mạng năm 1836*, tọa lạc ở thôn Tân Đức Đông, tổng Hưng Nhơn, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường, nay thuộc xã Dưỡng Điềm, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xứ) + Chức vụ và tên người (Thuộc Nhiêu).

Thuộc Nhiêu có tên là Nguyễn Văn Nhiêu, chưa rõ năm sinh năm mất, chỉ biết rằng, vào khoảng cuối thế kỷ XVIII, ông từ quê gốc ở miền Trung, theo cha là Nguyễn Văn Hoài di cư vào Nam. Tại vùng đất mới, ông Nguyễn Văn Hoài quy tụ dân chúng khai khẩn đất hoang ở thôn Tân Đức Đông (nay thuộc xã Dưỡng Điềm, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang), nên dân gian lấy tên ông đặt tên cho một gò cát ở đây: gò Ông Hoài mà sách *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức ghi là Hoài Cương. Còn ông Nguyễn Văn Nhiêu do từng giữ chức Cai thuộc (tương đương chức Cai tổng trong thế kỷ 19) nên được gọi là Thuộc Nhiêu; ông có công lập chợ và chợ tồn tại cho đến hiện nay: chợ Thuộc Nhiêu.

Xứ Thuộc Nhiêu là vùng đất mang tên của ông Thuộc Nhiêu.

Rạch Tha La : ở hai xã Thân Cửu Nghĩa và Bình Trưng, huyện Châu Thành.
Cầu Tha La: bắc ngang rạch Tha La, ở xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành.
Chợ Tha La: ở xã Đông Hòa, huyện Châu Thành.
Ao Tha La: ở ấp Tân Phong, xã Tân Lý Tây, huyện Châu Thành.

Xóm Tha La: ở ấp Đông B, xã Nhị Bình, huyện Châu Thành.

Xóm Tha La : ở ấp Hội Nghĩa, xã Long Khánh, thị xã Cai Lậy.

[61] Sách *Đại Nam quốc âm tự vị* của Huỳnh Tịnh Của định nghĩa Tha La là: *"Chòi, trại của thầy sãi Cao Miên"*. Sách *Việt Nam tự điển* của Lê Văn Đức: *"Tha La là chòi trại: Cất tha la, xóm tha la"*. Sách *Việt Nam tự điển* của Lê Ngọc Trụ: *"Tha la có gốc từ Khmer (sala) là chòi nhỏ ở vệ đường, cho khách bộ hành nghỉ chân"*. Sách *Địa danh học Việt Nam* của Lê Trung Hoa: Tha la có nghĩa là chòi nhỏ ven đường để khách nghỉ chân. Sách *Nam Kỳ phong tục nhơn vật diễn ca*, Nguyễn Liên Phong cho biết chức năng của Tha La là trạm nghỉ chân dọc đường: "*Thường khi xây cất Tha La. Lớn bằng căn phố người ta nghỉ ngồi"*. Trong Tiếng Việt, âm **s** và **th** có thể biến đổi với nhau; ví dụ: **s**ụp lạy - **th**ụp lạy, **s**ụt lùi - **th**ụt lùi, màu **s**ẩm - màu **th**ẩm,… Do đó, **S**ala được biến thể thành **Th**ala.

9. Xứ Trại Gòn

Xứ Trại Gòn là địa danh xưa, được ghi trong *Địa bạ Minh Mạng năm 1836*, tọa lạc ở thôn An Thành, tổng Thuận Trị, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường, nay thuộc xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xứ) + Công trình xây dựng (Trại) + Thực vật (Cây bông gòn).

Xứ Trại Gòn là vùng đất trồng nhiều cây bông gòn và làm nghề thủ công chế biến từ bông gòn.

10. Xứ Trấn Định

Xứ Trấn Định là địa danh xưa, được ghi trong *Địa bạ Minh Mạng năm 1836*, tọa lạc ở thôn Tân Lý Tây và thôn Tân Hiệp, tổng Hưng Nhơn, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường, nay thuộc xã Tân Lý Tây và thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xứ) + Tổ chức hành chính (Dinh Trấn Định).

Dinh: 营: Nơi đóng quân, doanh trại; ở đây, chỉ đơn vị hành chính mang tính chất quân sự.

Trấn: 填: Giữ yên một vùng đất.

Định: 定: Xếp đặt được yên ổn, không thay đổi.

Năm 1781, chúa Nguyễn Phúc Ánh cho đổi tên dinh Trường Đồn thành dinh Trấn Định. Trị sở của dinh Trấn Định đặt tại giồng Kiến Định (nay thuộc xã Tân Lý Tây và thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu Thành).

Xứ Trấn Định là vùng đất có trị sở của dinh Trấn Định đặt tại đó.

*** Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên khu:**

Khái niệm:

Khu là khoảng đất được giới hạn với những đặc điểm hoặc chức năng riêng, khác với xung quanh.

1. Khu căn cứ cách mạng Đìa Trâm Ba

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Khu căn cứ cách mạng) + Địa danh xây dựng (Đìa) + Thực vật và số lượng (Trâm Ba: Cây trâm lớn chia ra ba nhánh và ba nhánh cho ra ba loại trái khác nhau, như trâm bột, trâm hột và trâm quắn, ăn rất ngon).

Khu căn cứ cách mạng Đìa Trâm Ba tọa lạc tại ấp Đông Hòa, xã Song Thuận, huyện Châu Thành.

Đìa Trâm Ba là nơi ghi dấu nhiều sự kiện lịch sử quan trọng, tiêu biểu như:

Năm 1929, ông Trần Văn Vi (bí danh Dân Tôn Tử) vận động kết nạp được 5 đảng viên cộng sản. Từ đó, Chi bộ xã Song Thuận được thành lập tại nhà bà Nguyễn Thị Hương. Sau đó, chi bộ đã tổ chức nhiều cuộc họp tại đây để bàn kế hoạch lãnh đạo nhân dân trong xã đấu tranh chống thực dân Pháp. Tháng 4/1931 Tỉnh ủy Mỹ Tho tổ chức cuộc họp liên xã (Song Thuận, Long Hưng, Vĩnh Kim, Đông Hòa, Bình Đức, Thạnh Phú, Phước Thạnh) bàn kế hoạch vận động quần chúng cắt băng cờ, rãi truyền đơn, chống thuế, chống bắt đi làm xâu, chống canh tuần ban đêm. Khoảng năm 1930, tại đây hình thành một căn chòi lá, rộng khoảng 100 m^2 để cán bộ có nơi trú ngụ và hội họp.

Để chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa Nam kỳ năm 1940, hai cán bộ của Tỉnh ủy Mỹ Tho là ông Nguyễn Văn Tân và ông Trần Hữu Danh đã tổ chức cuộc họp chi bộ xã Song Thuận mở rộng tại đìa Trâm Ba để bàn kế hoạch lãnh đạo Nhân dân khởi nghĩa. Đêm 22 rạng sáng ngày 23/11/1940, Chi bộ xã Song Thuận lãnh đạo quần chúng nổi dậy khởi nghĩa. Nhân dân đánh trống, mõ liên hồi, tràn ra đường với gậy gộc, giáo mác, kéo đi truy bắt tề làng, khui các vựa lúa của địa chủ để phân phát cho dân nghèo.

Năm 1946, Đìa Trâm Ba là nơi đã diễn ra cuộc họp do ông Nguyễn Văn Trường, một trí thức yêu nước, Trưởng ban Bình dân học vụ xã, chủ trì. Sau đó, ông đã khởi xướng và dẫn đầu lực lượng quần chúng xuống đồn cầu Kinh Xáng đấu tranh đòi thực dân Pháp thi hành Tạm ước ngày 14/9/1946 được ký kết giữa Chủ tịch Hồ Chí Minh và đại diện Chính phủ Công hòa Pháp Marius Moutet.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), Đìa Trâm Ba là nơi làm việc và cũng là nơi tổ chức các cuộc họp của chi bộ và chính quyền, đoàn thể xã Song Thuận để lãnh đạo nhân dân tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ và chính quyền Sài Gòn. Đêm 24/02/1960, tại Đìa Trâm Ba, cán bộ cách mạng của xã là ông Nguyễn Văn Dần (Tám Dần) đã tổ chức một tiểu đội dân quân tự vệ tiến hành hoạt động vũ trang tuyên truyền, vận động nhân dân xã Song Thuận và các xã lân cận tuần hành thị uy từ xã Song Thuận ra Lộ 4 (nay là Quốc lộ 1).

Năm 1961, tại đìa Trâm Ba, chi bộ xã Song Thuận tổ chức cuộc học tập cho cán bộ đảng viên cùng các cán bộ ban ngành, đoàn thể và Nhân dân, quán triệt Nghị quyết của Khu ủy Trung Nam Bộ (Khu 8) và Nghị quyết của Tỉnh ủy Mỹ Tho là tập trung lực lượng tiến công địch một cách toàn diện.

Cũng tại nơi đây, vào năm 1963 đã diễn ra cuộc họp đi đến quyết định giải phóng toàn xã. Với lực lượng du kích địa phương kết hợp binh vận, ta tấn công chiếm bót Làng tại đình thần Song Thuận, sau đó bắt toàn bộ tề xã, tịch thu toàn bộ vũ khí và đưa lực lượng vào Cầu Lấp chiếm bót Cầu Lấp. Vì vậy, năm 1963, xã Song Thuận là một trong những xã đầu tiên của tỉnh Mỹ Tho được hoàn toàn

giải phóng. Vũ khí thu được đã được Huyện đội và Tỉnh đội sử dụng trang bị cho Tiểu đoàn 514 của tỉnh.

Năm 1966, căn cứ Đồng Tâm của Sư đoàn 9 Mỹ được thành lập. Đìa Trâm Ba là nơi hội họp của lực lượng cách mạng để bàn kế hoạch triển khai các cuộc tấn công vào căn cứ Đồng Tâm. Đây cũng là nơi đóng quân của của các đơn vị vũ trang, như địa phương quân huyện Châu Thành; lực lượng biệt động Thành đoàn Mỹ Tho; Tiểu đoàn B90, Tiểu đoàn pháo binh 309F, Tiểu đoàn 267, Tiểu đoàn 290, đơn vị đặc công thủy 318 trực thuộc Quân khu 8.

Đặc biệt, với lợi thế là cây trâm ba to và cao nên các chiến sĩ trèo lên cây để điều chỉnh thông tin cho pháo binh bắn vào các mục tiêu trong căn cứ Đồng Tâm, như sân bay, kho đạn,… gây cho địch nhiều tổn thất.

Năm 1973, ông Sáu Phong, Ủy viên Ban Thường vụ Trung ương Đoàn Thanh niên Nhân dân cách mạng miền Nam được Trung ương Đoàn phân công về Vành đai Bình Đức. Ông đã đến căn cứ Đìa Trâm Ba tổ chức cuộc họp gồm Thành đoàn Mỹ Tho, Huyện đoàn Châu Thành, Xã đoàn các xã: Song Thuận, Long Hưng, Đông Hòa, Vĩnh Kim, Kim Sơn, Bình Đức với nội dung là vận động phong trào thanh niên tòng quân giết giặc và xây dựng đơn vị chủ lực Miền (ông Sáu Phong có tên thật là Nguyễn Minh Triết nguyên Chủ tịch nước nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam).

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, Đìa Trâm Ba là căn cứ cách mạng vững chắc, bị giặc đánh, bao vây, cắt đường tiếp tế, phong tỏa trên không và dưới bộ; nhưng chưa một lần nào bọn chúng tiến vào được căn cứ. Sau năm 1975, đây là nơi thờ cúng các anh hùng liệt sĩ, đồng thời là nơi họp mặt của các chiến sĩ đã từng chiến đấu ở chiến trường Vành đai Bình Đức.

Khu căn cứ cách mạng Đìa Trâm Ba được Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 3187/QĐ-UBND ngày 24/11/2021.

2. Khu du lịch Điền lan thôn trang

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Khu) + Loại hình kinh tế (Du lịch) + Thực vật (Từ Hán Việt: Điền lan - Ruộng/Nơi trồng hoa lan) + Công trình xây dựng (Từ Hán Việt: Thôn trang - Trang trại ở nông thôn).

Khu du lịch Điền lan thôn trang tọa lạc tại xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành, có diện tích khoảng 1,5 ha, nơi có hơn 200.000 chậu lan Dendro. Tại khu du lịch, du khách sẽ được chiêm ngưỡng vẻ đẹp của đủ các giống (loài) hoa lan, nghệ thuật trồng lan của nhiều nghệ nhân trong không gian quy mô rộng lớn, hệ thống phòng thí nghiệm nuôi, cấy mô và vườn ươm cây con hiện đại,… Ngoài ra đây còn là khu du lịch theo phong cách Homestay miệt vườn vô cùng đặc biệt kết hợp giữa lưu

trú, với vui chơi, giải trí, nghỉ dưỡng… mang đậm văn hóa của người dân vùng sông nước miền Tây.

Tại đây còn có một không gian hoài cổ bày trí các nông cụ và vật dụng xưa của cư dân miệt vườn; chiếc xe lam, xe xích lô, xe hơi từ thập niên 60 của thế kỷ trước; một hầm rượu hơn 1.000 chai với thể tích nhỏ nhất 10 ml, lớn nhất 100 lít, bao gồm các loại rượu ngoại nhập có giá trị cho đến các loại rượu được ngâm từ các bài thuốc dược liệu có tác dụng chữa bệnh như: rượu đinh lăng, nhân sâm, mật nhân, sâm cau,… Khu du lịch còn phục vụ các món ăn dân dã đậm chất miền Tây sông nước.

3. Khu du lịch Nông trại dê sữa Đông Nghi

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Khu) + Loại hình du lịch (Du lịch nông trại) + Động vật (Dê sữa) + Tên người (Đông Nghi: Giám đốc Khu du lịch).

Khu du lịch Nông trại dê sữa Đông Nghi tọa lạc tại xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành, có diện tích khoảng 5.000 m².

Tại Khu du lịch, du khách được trở về với không gian đồng ruộng, vườn cây, tìm hiểu quy trình sản xuất nông nghiệp sạch, chăn nuôi an toàn sinh học, trực tiếp tham gia vào nhiều hoạt động như: cho dê ăn, dẫn dê đi dạo, tìm hiểu quy trình nuôi một con dê từ khi sinh đến trưởng thành cho đến khai thác sữa tươi, quy trình vắt sữa dê, sơ chế, chế biến. Khu du lịch có nhiều sản phẩm từ sữa dê được sản xuất theo hướng Organic (thực phẩm hữu cơ), như yaourt sữa dê sấy, yaourt sữa dê tươi, yaourt sữa dê trái cây sấy khô, bánh flan sữa dê tươi, bánh flan sữa dê sấy khô, sữa dê tươi đóng chai,... Khu du lịch này còn tổ chức dịch vụ bơi xuồng trên sông, đi xe đạp len lỏi qua các khu vườn cây ăn trái, trò chơi dân gian,...

4. Khu du lịch Ve chai thần kỳ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Khu) + Loại hình kinh tế (Du lịch) + Phế liệu (Ve chai) + Tính từ (Thần: huyền diệu; Kỳ: lạ. Huyền diệu lạ lùng).

Khu du lịch Ve chai thần kỳ tọa lạc tại xã Song Thuận, huyện Châu Thành, có diện tích khảng 4.000 m².

Tại đây, ngôi nhà, tường rào, bàn, ghế đều được làm từ những phế liệu như: chai nhựa, túi ni lông đã bị vứt bỏ; trong đó, nổi bật nhất là nhà thủy tạ ở giữa ao sen có kết cấu từ cột, sàn, mái, lan can đến bàn, ghế đều bằng vỏ chai nhựa, nhưng rất chắc chắn.

Điều độc đáo thứ hai ở khu du lịch này là các hoạt động tham quan, nghỉ mát, giải khát đều ở trên cao cách mặt đất khoảng 3 m. Chủ nhân đã cho lắp ghép các khung, trụ sắt chắc chắn ở tầm cao gắn với các ngọn cây dừa, sau đó trải lót bằng

các tấm thép, phía trên có phủ thảm cỏ nhân tạo màu xanh, tạo thành hệ thống giao thông trên cao để du khách được tận tay sờ, hái, chụp ảnh lưu niệm cùng với các buồng dừa trĩu quả và uống nước dừa cạnh ngọn dừa.

Du khách còn được tham gia trò chơi bắn "lựu đạn" bằng ná thun theo đúng cách tác chiến năm xưa. Tuy nhiên, quả lựu đạn được làm bằng gỗ, không có tính sát thương. Đây là một loại vũ khí thô sơ do cán bộ, chiến sĩ ở Vành đai diệt Mỹ Bình Đức tự chế để bắn vào đồn bót địch. Trải nghiệm mới lạ này nhằm giới thiệu, quảng bá thu hút du khách, góp phần giáo dục truyền thống yêu nước và cách mạng cho thế hệ trẻ.

Ngoài ra, du khách có thể tham gia các hoạt động hấp dẫn khác, như câu cá, thu hoạch mật ong,… thưởng thức các loại trái cây tươi, ngon và các món ăn dân dã ở địa phương.

5. Khu mộ Phan Hiển Đạo

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Khu) + Địa danh chỉ công trình xây dựng (Mộ) + Nhân vật lịch sử (Phan Hiển Đạo).

Phan Hiển Đạo sinh năm 1822 tại thôn Vĩnh Kim Đông, huyện Kiến Hưng, tỉnh Định Tường (nay là xã Vĩnh Kim, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang).

Thuở nhỏ, ông nổi tiếng thông minh, hiếu học và học giỏi. Năm 1847, tại khoa thi Hương được tổ chức ở Gia Định, ông đỗ Cử nhân hạng ba; và là người duy nhất của tỉnh Định Tường (nay là tỉnh Tiền Giang) được đăng khoa ở khoa thi này.

Sau đó, ông lại khăn gói ra kinh đô Huế tiếp tục dùi mài kinh sử. Tại đây, sau những giờ cần mẫn đèn sách, ông còn cất công đi tìm các thầy dạy nhạc ở chốn cung đình để thọ giáo môn âm nhạc. Vì thế, ông có kiến thức nhất định về âm nhạc truyền thống của dân tộc, nhất là âm nhạc bác học và dân gian Huế. Đồng thời, ông còn biết sử dụng nhiều loại nhạc khí; trong đó, điêu luyện nhất là đàn tranh và đàn kìm.

Giữa lúc quan niệm "*xướng ca vô loại*" của Nho giáo đang ngự trị trong xã hội; thì việc học nhạc của ông – vốn là người xuất thân từ cửa Khổng sân Trình – được xem là một hành động cách tân và dũng cảm. Ông đã tiếp nối truyền thống yêu chuộng âm nhạc của dân tộc nói chung và của nhân dân tỉnh Định Tường nói riêng. (Sách *Đại Nam nhất thống chí*, ở mục Phong tục của tỉnh Định Tường, có ghi rằng: "*Người ở đây hay múa hát làm vui*").

Năm 1856, ông cùng với hàng ngàn sĩ tử của mọi miền đất nước bước vào kì thi Hội được tổ chức tại kinh đô Huế. Kết quả, khoa thi đó, cả nước chỉ có sáu người đỗ Chánh bảng và một người đỗ Phó bảng; trong đó, ông được đăng khoa ở Chánh bảng và nhận học vị Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân.

Sau khi được nhà vua ban áo mão Tiến sĩ, ông "*vinh quy bái tổ*" về quê nhà; và được nhân dân tiếp đón nồng hậu; bởi vì, cho đến lúc đó, ông là vị Tiến sĩ đầu tiên của tỉnh Định Tường và là một trong số rất ít Tiến sĩ của cả Nam Kỳ lục tỉnh hồi nửa đầu thế kỷ 19.

Sau đó, ông được triều đình bổ chức Đốc học tỉnh Định Tường. Từ đó, ông đã đem hết tâm huyết và năng lực phục vụ sự nghiệp giáo dục của tỉnh nhà. Bên cạnh đó, ông còn ra sức quảng bá âm nhạc truyền thống dân tộc ở địa phương; nhất là ở Vĩnh Kim, để khiến nơi này sau đó trở thành một trong những "*cái nôi*" của nghệ thuật ca nhạc tài tử Nam bộ.

Năm 1861, thực dân Pháp chiếm tỉnh Định Tường. Trước sự thay đổi của thời cuộc, ông lui về ở ẩn tại quê nhà, bất hợp tác với địch; mặc dù, bọn chúng đã nhiều lần sai Tôn Thọ Tường đến Vĩnh Kim Đông, vừa mua chuộc, vừa ép buộc ông phải ra làm việc cho Pháp.

Năm 1864, ông đến Vĩnh Long, xin gặp Phan Thanh Giản; nhưng không được vị Khâm sai đại thần này tiếp. Không những thế, Phan Thanh Giản còn nghi ngờ ông khiếp nhược đầu hàng giặc. Không thể chịu đựng nổi oan ức, ông lặng lẽ trở về quê nhà tự vẫn.

Giữa lúc ở Nam Kỳ đã xuất hiện những tên tay sai có cỡ như Trần Bá Lộc, Huỳnh Văn Tấn, Tôn Thọ Tường,…; thì việc ông không để giặc lợi dụng và tìm đến cái chết là một hành động đáng quý. Nó nói lên sự thanh khiết, lòng yêu nước của một trí thức chân chính.

Có bài thơ điếu Phan Hiển Đạo với lời lẽ rất cảm động:

Nối dấu Văn tinh rạng vẻ son,

Rủi ro thời thế tiếng không tròn.

Cõi bờ chủ mới lăm vung quén,

Cờ biển ơn xưa nghĩ héo hon.

Tri kỉ mấy lời ghi bụng nhớ,

Dạ đài một giấc nín hơi ngon.

Khúc đờn Lưu thủy trôi dòng bích,

Mà giọng kìm tranh điệu Huế còn.

Hiện nay, Khu mộ ông tọa lạc tại ấp Vĩnh Hòa, xã Vĩnh Kim, huyện Châu Thành. Xung quanh ngôi mộ có bốn trụ hình búp sen bằng đá ong, không có mộ chí theo kiểu thông thường, chỉ có tấm bia đá ghi tiểu sử và hành trạng của ông.

Khu mộ Phan Hiển Đạo được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15 tháng 2 năm 2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

6. Khu mộ song thân Lê Văn Duyệt

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Khu) + Địa danh chỉ công trình xây dựng (Mộ) + Danh từ (Song thân: Cha mẹ) + Họ và tên nhân vật lịch sử (Lê Văn Duyệt).

Khu Mộ tọa lạc tại ấp Thạnh Hòa, xã Long Hưng, huyện Châu Thành, có diện tích 8.500 m², là khu vực có mộ của ông Lê Văn Toại và bà Nguyễn Thị Lập, song thân của Lê Văn Duyệt - một công thần khai quốc của triều Nguyễn (1802 - 1945).

Vào khoảng năm 1760 có ông Lê Văn Hiếu và người trai là Lê Văn Toại từ thôn Bồ Đề, huyện Chương Nghĩa, phủ Quảng Ngãi, dinh Quảng Nam (nay là thôn Bồ Đề, xã Đức Nhuận, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi) vào vùng Trà Lọt (nay thuộc xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè) khẩn hoang. Sau khi Lê Văn Hiếu qua đời năm 1764 vì dịch bệnh thiên thời, con là Lê Văn Toại rời vùng Trà Lọt đến cư ngụ tại thôn Long Hưng, huyện Kiến Hưng, (nay là xã Long Hưng, huyện Châu Thành). Lê Văn Toại (1742 - 1820) có tất cả 4 người con trai, 2 người con gái; trong đó, Lê Văn Duyệt (1764 - 1832) là con trưởng. Sử cũ mô tả Lê Văn Duyệt tuy có dáng người thấp bé, nhưng lại có sức mạnh hơn người, từng được coi là một trong "ngũ hổ tướng"[62] ở Gia Định.

Lê Văn Duyệt sinh năm 1764, tại thôn Long Hưng, huyện Kiến Hưng, đạo Trường Đồn (nay là xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang). Năm 1780, ông theo phò chúa Nguyễn Phúc Ánh, được phong chức Cai cơ. Năm 1788, ông góp công lớn trong việc giúp Nguyễn Phúc Ánh làm chủ vùng đất Gia Định. Năm 1802, ông được vua Gia Long (tức Nguyễn Phúc Ánh) phong Khâm sai Chưởng tả quân dinh Bình Tây tướng quân, tước Quận công.

Sau đó, ông cùng với Trung quân Nguyễn Văn Thành và Hậu quân Lê Chất được lệnh mang quân bình định miền Bắc; rồi lãnh chức Kinh lược sứ Thanh - Nghệ. Năm 1813, ông được vua Gia Long cử làm Tổng trấn Gia Định thành, trông coi mọi việc ở vùng đất Nam bộ, gồm 5 trấn Biên Hòa, Gia Định, Định Tường, Vĩnh Long và Hà Tiên. Năm 1815, ông được triệu về Kinh. Năm 1820, ông được vua Minh Mạng cử làm Tổng trấn Gia Định thành lần thứ 2; và tại vị cho đến lúc mất vào năm 1832.

Trong thời gian trấn nhậm Nam bộ, ông có công lao to lớn trên các phương diện: Giữ vững an ninh vùng biên giới Tây Nam của Tổ quốc; tổ chức đào kinh Vĩnh Tế - một con kinh có giá trị về nhiều mặt ở miền Tây Nam bộ; khuyến khích dân chúng đẩy mạnh việc khẩn hoang để mở mang diện tích ruộng đất canh tác nông nghiệp; trọng dụng nhân tài; kiên quyết trừng trị bọn tham quan ô lại; mở

[62] Bốn "hổ tướng" còn lại là Nguyễn Văn Trương, Nguyễn Văn Nhơn, Nguyễn Huỳnh Đức và Trương Tấn Bửu.

cửa, thông thương với bên ngoài, nhất là đối với một số nước phương Tây; có chính sách đối ngoại khôn khéo, vừa mềm dẻo, vừa cương quyết,… Ông là viên quan cao cấp của triều Nguyễn có nhiều đóng góp quan trọng cho đất nước. Cựu Thủ tướng Võ Văn Kiệt, trong buổi "Tọa đàm về nhân vật Lê Văn Duyệt", tổ chức tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 7-8-2000, đã có nhận xét: "Lê Văn Duyệt là một tài năng lớn về chính trị, kinh tế và quân sự" (Trích từ Tạp chí Xưa và Nay số 78B, tháng 8-2000).

Do Lê Văn Duyệt và gia đình của ông có công lao lớn đối với nhà Nguyễn[63], nên cha của ông là Lê Văn Toại được ra kinh thành Huế chầu vua Gia Long vào năm 1804; và được nhà vua phong hàm "Vũ Huân tướng quân chưởng cơ hầu" và ban khăn áo. Năm 1820, Lê Văn Toại qua đời, vua Minh Mạng ban tặng ông hàm "Thống chế hàm Chánh nhị phẩm", tên thụy là Cung Tỉnh. Thân mẫu của Lê Văn Duyệt là bà Nguyễn Thị Lập qua đời năm 1813.

Năm 1832, Lê Văn Duyệt mất. Nhân cơ hội này, vua Minh Mạng cho bãi chức Tổng trấn Gia Định thành và bãi bỏ 5 trấn là Biên Hòa, Phiên An, Định Tường, Vĩnh Thanh và Hà Tiên thuộc Gia Định thành để thành lập 6 tỉnh mới là Gia Định, Biên Hòa, Định Tường, Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên, tức Nam kỳ lục tỉnh, trực thuộc triều đình trung ương. Cũng trong năm này, vua Minh Mạng cử Bạch Xuân Nguyên giữ chức Bố chánh tỉnh Gia Định.

Tại đây, Bạch Xuân Nguyên vâng lệnh nhà vua truy xét những việc làm trước đây của Lê Văn Duyệt và kết tội vị cố Tả quân Tổng trấn Gia Định thành. Theo một số tài liệu, vua Minh Mạng kết tội Lê Văn Duyệt vì các lý do sau đây:

- Lê Văn Duyệt không ủng hộ việc vua Minh Mạng, vốn là con thứ, lên ngôi; mà chủ trương đưa con của hoàng tử Cảnh (con trưởng, mất năm 1801) nối ngôi sau khi vua Gia Long mất.

---

[63] Gia đình của ông Lê Văn Toại, thân phụ của Lê Văn Duyệt, có công cưu mang, giúp đỡ Nguyễn Ánh (vua Gia Long) trong lúc Nguyễn Ánh tiến hành cuộc chiến chống nhà Tây Sơn. Em của Lê Văn Duyệt là Lê Văn Phong (1769 - 1824) cũng từng theo Nguyễn Phúc Ánh lập được nhiều chiến công; nên sau khi lên ngôi, vua Gia Long thăng Lê Văn Phong giữ chức Đô thống chế dinh Tả quân Thần sách, tước Phong Đăng hầu; năm 1818, Lê Văn Phong nhà vua được tin tưởng, giao trọng trách là Phó Tổng trấn Bắc Thành (cai quản vùng đất từ Thanh Hóa trở ra Bắc); trong khi đó, Lê Văn Duyệt giữ chức Tổng trấn Gia Định thành; nên lúc bấy giờ có câu truyền tụng: "*Huynh Nam, đệ Bắc oai danh chấn/ Tử hiếu, thần trung tiết nghĩa cao*"; nghĩa là: "Anh trấn trong Nam, em trấn ngoài Bắc, lừng lẫy uy danh/ Con tròn đạo hiếu, tôi vẹn lòng trung, nêu cao tiết nghĩa"; năm 1824, ông mất, được vua Minh Mạng truy tặng Thiếu bảo, thụy là Tráng Nghị.

- Lê Văn Duyệt nhiều lần lạm quyền, không tuân theo mệnh lệnh của triều đình trung ương, đặc biệt là sau khi vua Gia Long qua đời.

- Lê Văn Duyệt tỏ ý ủng hộ các nhà truyền giáo đạo Thiên chúa và đề nghị mở cửa, thông thương với một số nước phương Tây. Điều này đã đi ngược lại chủ trương "bế quan, tỏa cảng" của vua Minh Mạng.

- Lê Văn Duyệt được hưởng quyền "nhập triều bất bái" (vào triều không phải lạy) từ thời vua Gia Long, nên sau này ông không lạy vua Minh Mạng. Điều này đã làm nhà vua khó chịu.

- Lê Văn Duyệt thẳng tay trừng trị Phó tổng trấn Gia Định thành Huỳnh Công Lý về tội tham nhũng, nhận hối lộ; mà Huỳnh Công Lý vốn là cha vợ của vua Minh Mạng.

Đồng thời, Bạch Xuân Nguyên còn truy bức, trả thù, sát hại những người thân cận với Lê Văn Duyệt. Bản thân vị Bố chánh này cũng là một tên tham quan ô lại, làm nhiều điều nhũng nhiễu nhân dân.

Căm phẫn trước thủ đoạn và việc làm hèn hạ của của vua Minh Mạng và kẻ thực thi là Bạch Xuân Nguyên, người con nuôi của Lê Văn Duyệt là Lê Văn Khôi khởi binh chống lại triều đình. Ngay lập tức, vua Minh Mạng huy động lực lượng hùng hậu đàn áp. Năm 1835, cuộc khởi binh bị dìm trong biển máu. Sau đó, nhà vua ra lệnh cho Phan Bá Đạt ở Đô sát viện dâng sớ kể tội Lê Văn Duyệt; đồng thời, triệu tập đình thần nghị xử và kết luận Lê Văn Duyệt có tất cả đến mười tội; gồm bảy tội nên trảm (chém), hai tội nên giảo (thắt cổ), một tội phải sung quân và tước hết mọi quan tước. Bên cạnh đó, mộ của ông cũng bị san phẳng. Về việc này, vua Minh Mạng có dụ như sau:

"Tội Lê Văn Duyệt nhổ từng cái tóc mà kể cũng không hết, nói ra đau lòng, dù có bửa quan quách mà giết thây cũng là đáng tội. Song nghĩ hắn chết đã lâu và đã truy đoạt quan tước, xương khô trong mả, chẳng cần gia hình chi cho uổng công. Vậy cho tổng đốc Gia Định đến chỗ mả hắn cuốc bỏ núm mộ san bằng mặt đất và khắc đá dựng bia ở trên viết to mấy chữ: 'Quyền yêm Lê Văn Duyệt phục pháp xứ' (chỗ này là nơi quyền yêm Lê Văn Duyệt phục pháp)".

Ngoài ra, mộ cha mẹ của Lê Văn Duyệt ở Long Hưng cũng bị đục bỏ tước hiệu khắc trên bia.

Hiện Khu Mộ song thân của Tả quân Lê Văn Duyệt ở giữa đồng, cách chợ Ông Hổ về phía đông bắc khoảng 1.000 m, tọa lạc tại ấp Thạnh Hòa, xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Khu Mộ được nhân dân tu sửa nhều lần. Năm 1992, tu bổ xây dựng thêm đền thờ, nhà khách, nhà khói, trang trí lại khung cảnh khuôn viên rất khang trang cho đến ngày nay.

Đây là một quần thể lăng mộ gồm hai ngôi mộ lớn và bốn ngôi nhỏ xây bằng đá ong tô ô dước màu rêu đen.

Ngôi mộ lớn thứ nhất ở bên trái nhìn từ ngoài vào là mộ của ông Lê Văn Toại, thân phụ của Lê Văn Duyệt. Ngôi mộ có hai vòng thành: vòng ngoài hiện nay đã nằm sát mặt đất ở bên ngoài, rộng 17,75 m, dài 21,12 m; vòng trong rộng 10,9 m, dài 14,43 m, bề dày thành mộ 42 cm. Mộ hình căn nhà đòn dông dọc, rộng 2,63m, dài 3,6m, cao 2,13m. Bia mộ có chiều dài 0,77m, chiều đứng 1,43m, viền khắc hoa văn, đầu bia hình chữ kim cũng có hoa văn rất đẹp. Bia bằng đá xanh màu xanh thẫm, được đục phẳng rồi mài láng mặt, chữ khắc âm nét rất sắc sảo. Bia mộ ghi: *Tuế tại Tân Tỵ trọng xuân cốc nhật. Hiển khảo Vũ Huân tướng quân Khâm sai Chưởng cơ tặng Thống chế Lê Hầu chi mộ. Tự tử Khâm sai Gia Định thành Tổng trấn, Chưởng Tả quân, Thánh triều công thần, Bình Tây tướng quân Quận công Lê Văn Duyệt bái giám*. Nghĩa là: Bia được lập vào ngày tốt tháng hai năm Tân Tỵ (1821). Phần mộ của người cha qua đời của tôi là ngài Hầu tước Lê (Văn Toại) được (vua Gia Long) phong tặng[64] chức hàm Vũ Huân tướng quân Khâm sai Chưởng cơ và (vua Minh Mạng) cáo tặng[65] chức hàm Thống chế. Người con nối dõi là Quận công Lê Văn Duyệt, Khâm sai Tổng trấn thành Gia Định, Chưởng tả quân, công thần của Thánh triều, Tướng quân Bình Tây cúi lạy xin chứng giám (việc lập bia).

Ngôi mộ lớn thứ hai là mộ của bà Nguyễn Thị Lập, thân mẫu của Lê Văn Duyệt. Ngôi mộ này cũng có hai vòng thành, nhưng có phần nhỏ hơn ngôi mộ thứ nhất. Bình phong trước mộ có phù điêu tùng trúc và cặp câu đối:

Thiên quang sinh tuấn kiệt

Địa hảo xuất anh tài

Nghĩa là:

Trời sáng sủa sinh ra bậc tuấn kiệt

Đất tốt tươi sản xuất đấng anh tài

Bình phong phía sau có đắp phù điêu chim và hoa với cặp câu đối như sau:

Tứ thời hoa bất lạc

Bát tiết điểu vô phi

Nghĩa là:

Bốn thời hoa chẳng rụng

Tám tiết chim không bay

Bia mộ của bà Nguyễn Thị Lập ghi: *Tuế tại Giáp Tuất trọng hạ nguyệt cát nhật. Hiển tỷ Khâm sai Chưởng cơ Lê hầu chánh thất Nguyễn Phu nhân chi mộ.*

---

[64] Phong tặng là tặng cho người còn sống.

[65] Cáo tặng là tặng cho người đã mất.

Hiếu tử Khâm sai Gia Định thành Tổng trấn Chưởng tả quân Bình Tây tướng quân Quận công Lê Văn Duyệt lập. Nghĩa là: Bia được lập vào ngày tốt tháng năm năm Giáp Tuất (1814). Ngôi mộ của người mẹ qua đời của tôi là bà phu nhân họ Nguyễn, vợ chánh của cha tôi là ngài Hầu tước Lê (Văn Toại), hàm Khâm sai Chưởng cơ. Người con hiếu là Quận công Lê Văn Duyệt, Khâm sai Tổng trấn thành Gia Định, Chưởng tả quân, Tướng quân Bình Tây lập bia.

Bốn ngôi mộ nhỏ được xây bên ngoài hai ngôi mộ lớn, trong đó có một ngôi mộ vọng[66] của Đức Tả quân Lê Văn Duyệt, không có bia, không có núm mộ; mà là bằng mặt, cao hơn mặt đất khoảng 20 cm, ở phía sau mộ có một bức bình phong, mặt trước của bức bình phong có chạm hình bạch hổ và cây tùng với hai câu đối: "*Sơn tùng thiên cổ mậu - Mãnh hổ tứ thời xuân*"; nghĩa là: "*Tùng trên núi ngàn xưa xum xuê - Cọp mạnh bốn mùa đều xuân*". Mặt sau của bức bình phong cũng đắp phù điêu hoa và chim có đôi câu đối như sau: "*Xuân chí điểu năng ngôn - Thu lai trình thải sắc*"; nghĩa là: "*Mùa xuân đến chim biết nói - Thu sang hoa khoe sắc tươi*"[67]. Ba ngôi mộ còn lại có thể là mộ của những người cháu của Lê Văn Duyệt bị vua Minh mạng xử tử trong vụ án năm 1832, trong đó có thể có mộ của Phò mã Lê Văn Yến, con của Tả dinh Đô thống chế Lê Văn Phong, em ruột của Tả quân Lê Văn Duyệt[68].

Trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ (1954 - 1975), Khu Lăng là một trong năm căn cứ lõm của du kích xã Long Hưng nằm trong Vành đai diệt Mỹ Bình Đức nhằm trực tiếp, hỗ trợ chiến đấu và tiếp nhận lực lượng chủ lực đánh phá căn cứ Đồng Tâm (từ 1967 - 1971, là căn cứ của Sư đoàn 9 bộ binh Mỹ; từ năm 1971 - 1975, là căn cứ của Sư đoàn 7 bộ binh quân đội Sài Gòn).

Khu Mộ được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 5044/QĐ-UBND ngày 24/12/2009 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

*** Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên vùng**

Khái niệm:

Vùng là khu vực rộng không có ranh giới rõ ràng.

Vùng giải phóng 20 tháng 7

---

[66] Mộ vọng là ngôi mộ giả được lập nên để tưởng nhớ người đã khuất, hoàn toàn không phải mộ thật.

[67] Dẫn theo bài "Mộ tả quân Lê Văn Duyệt hiện ở đâu?" của Hậu học Lý Việt Dũng đăng trên báo Tuổi Trẻ online ngày 21/5/2006.

[68] Dẫn theo bài "*Theo dấu người xưa - Kỳ 7: Nghi vấn quanh khu mộ song thân Tả quân Lê Văn Duyệt*" của Hoàng Phương - Ngọc Phan đăng trên báo Thanh Niên online ngày 12/8/2012.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Vùng) + Động từ (Giải phóng. *Từ điển Tiếng Việt* ghi nhận *giải phóng* có 4 nghĩa. Đó là: 1. "Làm cho được tự do, cho thoát khỏi bị nước ngoài nô dịch, chiếm đóng"; 2. "Làm cho được tự do, thoát khỏi địa vị nô lệ hoặc tình trạng bị áp bức, kiềm chế, ràng buộc"; 3. "Làm thoát khỏi tình trạng bị vướng mắc, cản trở" và 4. "Làm cho thoát ra một chất nào đó hay năng lượng"[69]) + Sự kiện lịch sử (20 tháng 7: Ngày ký kết Hiệp định Genève, 20/7/1954).

Với khí thế "Thi đua Ấp Bắc giết giặc lập công", đầu năm 1964, kỷ niệm 10 năm ngày chiến thắng Điện Biên Phủ và ký kết Hiệp định Genève (1954-1964), Tỉnh ủy Mỹ Tho quyết tâm lãnh đạo nhân dân nổi dậy mở "Vùng giải phóng 20 tháng 7" bao gồm 14 xã phía Nam Lộ 4 thuộc 2 huyện Cai Lậy (8 xã: Phú An, Cẩm Sơn, Long Trung, Long Tiên, Phú Quí, Nhị Quí, Mỹ Long, Tam Bình) và Châu Thành (6 xã: Bàn Long, Phú Phong, Kim Sơn, Song Thuận, Vĩnh Kim, Long Hưng).

Đó là khu vực đông dân thuộc huyện Cai Lậy và huyện Châu Thành, có vị thế quan trọng đối với lực lượng cách mạng và quân Mỹ - ngụy; là nơi diễn ra cuộc tranh chấp quyết liệt giữa "bình định" của giặc và chống phá bình định của cách mạng nhằm giành quyền kiểm soát, giành đất, giành dân.

Để "bình định", kẻ địch không từ bỏ một thủ đoạn tàn bạo nào hòng khuất phục người dân, buộc họ phải rời bỏ ruộng vườn, nhà cửa vào sống trong "khu trù mật", "ấp chiến lược". Thực hiện điều này, Mỹ - ngụy muốn xóa bỏ hạ tầng cơ sở của chiến tranh nhân dân, bao gồm cơ sở chính trị, căn cứ du kích, vùng giải phóng và triệt phá vùng hậu phương - nơi cung cấp quan trọng tiềm lực cho cuộc kháng chiến của nhân dân ta.

Cuộc chiến tranh giành quyền kiểm soát vùng nông thôn diễn ra dai dẳng, quyết liệt trên tất cả các mặt: Quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa. Trong cuộc đấu tranh này, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, quân dân Vùng giải phóng 20 tháng đã thực hiện phương châm "ba bám" (bám đất, bám dân, bám cơ sở cách mạng), "một tấc không đi, một ly không rời", đẩy mạnh ba mũi giáp công (chính trị, quân sự, binh vận), không ngừng mở rộng quyền làm chủ ở nông thôn, xây dựng xã, ấp chiến đấu thành vùng hậu phương cho cuộc kháng chiến. Vùng giải phóng "20 tháng 7" thật sự trở thành hậu phương tại chỗ của lực lượng cách mạng, của dân quân du kích, bộ đội địa phương và các đơn vị bộ đội chủ lực quân khu và của miền.

*** Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên địa điểm:**

Khái niệm:

---

[69] Hoàng Phê (chủ biên), *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Hồng Đức, 2020, trang 373.

Địa điểm là nơi chốn cụ thể tiến hành một hoạt động hoặc phản ánh một sự kiện, một sự việc nào đó.

1. Địa điểm khảo cổ Chùa Cây Ké

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Địa điểm) + Một chuyên ngành của Khoa học lịch sử (khảo cổ) + Công trình xây dựng (Chùa) + Thực vật (Cây ké: một loài thực vật mọc hoang. Đây là một loại thảo dược với nhiều công dụng hữu ích).

Địa điểm khảo cổ Chùa Cây Ké thuộc địa phận ấp Thân Hòa, xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành, có diện tích rộng hàng chục ngàn mét vuông. Tầng văn hóa cổ có độ sau từ 01 m - 2,5 m tập trung ở chùa Cây Ké.

Tại đây, nhiều vỉa gạch đã xuất lộ trên đường đi cũng như ở sân, vườn của các gia đình trong ấp, phát hiện một số rìu đá, 01 chì lưới bằng đất nung, 01 núm đậy lớn khá lạ mắt, một số đá cuội; nhiều mảnh gốm tô màu và không tô màu, nhiều bàn nghiền bằng đá, chày đá và vòi bình, nhiều gạch,… thuộc Văn hóa Óc Eo. Tại chùa Cây Ké có một tảng đá lớn có lỗ ở giữa được sử dụng làm đá thờ, có niên đại từ thế kỷ 7 - thế kỷ 8.

Địa điểm khảo cổ Chùa Cây Ké được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15 tháng 2 năm 2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

2. Địa điểm khảo cổ chùa Kim Thạch

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Địa điểm) + Một chuyên ngành của Khoa học lịch sử (khảo cổ) + Địa danh chỉ công trình xây dựng (Chùa) + Địa danh Hán Việt (Kim: 金: Vàng; Thạch: 石: Đá).

Địa điểm khảo cổ chùa Kim Thạch tọa lạc tại ấp Tân Phong, xã Tân Lý Tây, huyện Châu Thành. Tại đây, vẫn còn những nền gạch lộ trên mặt đất. Nhiều viên gạch của kiến trúc cổ đã được mang đi lát đường hoặc xây nền chùa. Trong sân chùa còn nhiều viên đá cuội, rìu đá, một số tảng đá bị vỡ, nhiều mảnh tượng và bệ tượng vỡ,… có niên đại từ thế kỷ 7 - thế kỷ 8 thuộc Văn hóa Óc Eo.

Địa điểm khảo cổ Chùa Kim Thạch được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15 tháng 2 năm 2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

3. Địa điểm khảo cổ Gò Huyện Ủy

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Địa điểm) + Một chuyên ngành của Khoa học lịch sử (khảo cổ) + Địa hình tự nhiên (Gò) + Tổ chức Đảng cấp huyện (Huyện ủy).

Địa điểm khảo cổ có tên là Gò Huyện ủy vì trụ sở Huyện ủy Châu Thành tọa lạc trên gò thuộc khu phố Cá, thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu Thành.

Địa điểm khảo cổ Gò Huyện ủy phân bố trên một gò cao khoảng 5 m - 7 m so với chung quanh, diện tích khoảng 3.000 m^2. Đây là một trong những địa điểm khảo cổ có quy mô được xem là lớn nhất ở Tiền Giang, thuộc Văn hóa Óc Eo. Gò được bó nền (bọc nền) bằng gạch có hình vuông với chiều cao khoảng 04m. Gạch bó nền có kích thước giống gạch tại địa điểm khảo cổ Gò Thành (xã Tân Thuận, huyện Chợ Gạo). Hiện nay còn 01 tảng đá lớn khoảng 1,5m^2 nằm bên ngoài thành gạch cũ. Địa điểm khảo cổ Gò Huyện ủy có niên đại từ thế kỷ 7 - thế kỷ 8.

Trên mặt gò các kiến trúc cổ đã bị sụp đổ. Thực dân Pháp sử dụng độ cao của gò để xây đồn bót. Thời Mỹ xâm lược cũng xây dựng các công trình phục vụ quân sự tại đây. Địa điểm khảo cổ Gò Huyện ủy được công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15 tháng 2 năm 2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

4. Địa điểm khảo cổ Gò Lũy

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Địa điểm) + Một chuyên ngành của Khoa học lịch sử (khảo cổ) + Địa hình tự nhiên (Gò) + Địa danh chỉ công trình xây dựng (Lũy).

Địa điểm khảo cổ Gò Lũy là giao điểm của 03 ấp: ấp Hưng, ấp Hòa và ấp Tây, xã Nhị Bình, huyện Châu Thành. Qua khảo sát vào năm 1988, địa điểm này đã bị đào bới rất nhiều. Tại đây, phát hiện một số vỉa gạch, bình gốm, mảnh gốm, rìu đá,… thuộc Văn hóa Óc Eo, có niên đại từ thế kỷ 7 - thế kỷ 8.

Địa điểm khảo cổ Gò Lũy được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15 tháng 2 năm 2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

*** Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên miệt:**

Khái niệm:

Miệt để chỉ vùng, miền, nhưng có không gian địa lý nhỏ hơn.

1. Miệt cháo lòng Tân Hiệp

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Miệt) + Loại hình cháo (Cháo lòng) + Địa danh hành chính (Thị trấn Tân Hiệp).

Thị trấn Tân Hiệp (huyện Châu Thành) từ nửa sau thế kỉ XVIII đã là trung tâm của đất Ba Giồng, nơi đặt lị sở của đạo Trường Đồn (1772 – 1776) rồi dinh Trường Đồn (1779 – 1781), tiền thân của dinh Trấn Định. Do đó, đây là nơi dân cư đông đúc, lại nằm trên đường thiên lí (bây giờ là Quốc lộ 1), cửa ngõ của Mỹ Tho nhìn về phía Sài Gòn. Vai trò trạm dừng chân đó từ rất sớm đã khiến Tân Hiệp nổi tiếng với món cháo lòng phục vụ khách đi đường.

Đúng như tên gọi "cháo lòng", nguyên liệu được dùng ở đây chủ yếu là lòng heo, với phèo (ruột non), gan, tim, cật (thận),… cộng thêm lưỡi, cuống cổ, dồi[70]… Các loại nguyên liệu này - cùng với huyết đông - được luộc ngay trong nồi cháo nấu bằng gạo. Do một phần huyết tan ra nên nồi cháo lòng ở đây có màu sậm, tạo cảm giác đậm đà.

Khi gạo đã nhừ thì người ta vớt các loại nguyên liệu vừa nói ra để riêng, xắt lát, cho vào dĩa. Cháo được ăn nóng cùng với dĩa thịt lòng, rau sống và nước mắm ớt.

Ngoài sự đa dạng của dĩa thịt lòng như vừa nói, điểm hấp dẫn riêng của cháo lòng Tân Hiệp có lẽ chính là dĩa rau sống. Do Tân Hiệp (cùng với xã Thân Cửu Nghĩa bên cạnh) là trung tâm của vùng chuyên canh rau sống từ lâu đời nên món cháo lòng Tân Hiệp được cung cấp rất nhiều loại rau tươi sống hấp dẫn như: cải ngọt, cần nước, dấp cá, húng cây, rau om, dấp cá, giá,… Do được dùng tại chỗ nên các loại rau này rất tươi ngon, điều không dễ có ở nơi khác. Nhờ vậy nên ăn cháo lòng Tân Hiệp no bụng mà không ngán, có cảm giác nhẹ nhàng và dễ tiêu.Thực khách tại chỗ, mà đặc biệt là khách đi đường, sáng sớm hoặc chiều, thường dừng chân tại Tân Hiệp thưởng thức tô cháo lòng để vừa có cảm giác nhẹ bụng, vừa đón nhận hương vị thiên nhiên của đất Ba Giồng danh tiếng.

2. Miệt dệt chiếu Long Định

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Miệt) + Ngành nghề tiểu thủ công nghiệp (Dệt chiếu) + Địa danh hành chính (Xã Long Định).

Miệt dệt chiếu Long Định có lịch sử hình thành khoảng 70 năm cách nay (2024), do các cư dân vùng chiếu nổi tiếng ở Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình đem vào. Nghề dệt chiếu phát triển mạnh ở khu phố Lương Minh Chánh, ấp Mới, ấp Kinh 2A, ấp Tây 1, ấp Long Hòa B thuộc xã Long Định, huyện Châu Thành với 390 hộ và 1.190 lao động chuyên dệt chiếu và hơn 1.000 người làm gia công ở các ấp lân cận trong và ngoài xã giáp ranh.

Trước đây, người ta dệt chiếu theo lối thủ công, hai lao động dệt mỗi ngày cho ra khoảng 4-5 chiếc chiếu; nhưng hiện nay đã có máy dệt, chỉ khoảng 45 phút/chiếc chiếu với một lao động. Dệt máy giảm bớt nhân công lại cho năng suất cao, chiếu đều đẹp, vì vậy ở đây hầu như không còn dệt chiếu thủ công.

Sản phẩm chính của miệt dệt chiếu Long Định là chiếu lát truyền thống nổi tiếng dày, bền, nằm vừa êm lại thoáng mát, giá phù hợp với túi tiền của người tiêu dùng, nên vẫn được nhiều khách hàng ưa chuộng. Tại đây, còn có nghề in bông chiếu. Một chiếc chiếu in bông được làm khoảng 5 đến 10 phút theo khuôn có sẵn:

[70] Tiết heo cùng với thịt băm, gia vị dồn trong ruột già heo rồi cột kín lại, luộc chín, khi dùng thì xắt thành lát.

rồng, phụng, bông hoa, bướm, chữ song hỷ hoặc logo tên đại lý bán hàng,… Công việc in bông trên chiếu cũng đơn giản, đầu tiên trộn màu, đây là công đoạn khó nhất, sau khi trộn màu sẽ quét lên chiếu theo khuôn, tiếp theo bỏ vào máy hấp khoảng 60 phút sẽ nổi màu lên. Chiếu in bông chỉ có 3 màu: xanh, đỏ và vàng.

Miệt dệt chiếu Long Định đã góp phần ổn định cuộc sống của người dệt chiếu, phát triển kinh tế của huyện Châu Thành nói chung và xã Long Định nói riêng.

3. Miệt đan nón bàng buông Châu Thành

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Miệt) + Ngành nghề tiểu thủ công nghiệp (Đan nón) + Thực vật (Cây cỏ bàng và cây buông) + Địa danh hành chính (Huyện Châu Thành).

Nghề đan nón bàng buông phát triển mạnh ở các xã Thân Cửu Nghĩa, Tân Lý Đông, Tân Lý Tây của huyện Châu Thành. Theo lời những bậc cao niên, thuở xưa, ở miệt này đã có nghề làm nón bàng, bởi ở đây cây cỏ bàng mọc rất nhiều. Sau đó, có ông Phạm Văn Cầm (tức ông Ba Cầm), trong một lần đi rừng phát hiện ra cây buông (một cây thuộc họ cọ) có lá xòe rộng rất đẹp liền hái đem về phơi khô, xé nhỏ kết thành nón. Khi đội thử, nón không chỉ mát mà còn dễ chịu bởi mùi thơm của lá buông. Thấy vậy ông làm thử vài cái cho dân làng đội để đi làm đồng. Không ngờ, nón được người dân ưa chuộng, đặt hàng quanh năm. Từ đó, nghề làm nón bàng buông hình thành và phát triển mạnh thành nghề truyền thống.

Nón bàng buông không chỉ bền, đẹp mà còn giữ được màu sắc tươi sáng, đội vào rất thoải mái. Để làm ra chiếc nón bàng buông, người thợ thủ công phải thật sự tỉ mỉ, công phu ở từng công đoạn. Đầu tiên, lá buông được kéo thành sợi nhỏ, phơi khô rồi sau đó giao lại cho thợ đan nón. Còn về loại cỏ bàng thì trước đây được dập bằng chày rất mất công và nhiều thời gian nhưng hiện nay đã được cải tiến dập bằng máy. Một chiếc nón đẹp ra đời chứa đựng rất nhiều tâm huyết của người thợ, tại công đoạn đan, người thợ phải đan thật khít chặt để nón không bị hở. Đan xong, nón được đem đi cắt rìa, may viền, ép khuôn, có nón phải nhuộm màu. Cuối cùng là công đoạn sấy khô, xử lý ẩm mốc. Ngoài ra, sau khi sấy nón xong phải dùng lửa xử lý cho hết phần lông còn dính trên nón, làm cho nón mềm mại, để khi đội sẽ được cảm giác thoải mái. Đặc biệt, công đoạn nhuộm màu cũng là một bí quyết của người thợ. Khi nhuộm phải để nón trong nước sôi cho màu thấm đều, không loang lổ. Sau khi nhuộm xong, phải phơi nắng cho màu khô và đảm bảo thấm sâu vào từng nan

Hiện nay, nón bàng buông rất đa dạng về chủng loại và kiểu dáng. Sản phẩm được tiêu thụ mạnh tại các khu du lịch và các tỉnh miền Tây, đồng thời còn được xuất khẩu sang thị trường nước ngoài.

4. Miệt giồng Châu Thành

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Miệt) + Địa hình tự nhiên (Giồng) + Địa danh hành chính (Châu Thành).

Miệt giồng Châu Thành nổi tiếng vào cuối thế kỷ 18 với hệ thống Ba Giồng kéo dài gần như xuyên suốt trên địa bàn huyện. Do đó, nghề trồng rau (rau ăn lá, rau ăn quả) ở đây đã có từ lâu đời với câu ca dao:

Mẹ mong gả thiếp về giồng,

Ăn bông bí luộc, dưa hồng nấu canh.

Ngoài điều kiện thiên nhiêu ưu đãi, nông dân có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất và được sự quan tâm của tỉnh, huyện trong việc đầu tư cơ sở hạ tầng - kỹ thuật, như thủy lợi, điện, giao thông nông thôn,… nên nghề trồng rau ở huyện Châu Thành phát triển mạnh theo hướng bền vững, xứng danh là "vương quốc rau" của tỉnh Tiền Giang.

Năm 2023, huyện Châu Thành có khoảng 1.800 ha diện tích trồng rau, tập trung tại các xã Tân Hương, Tân Lý Tây, Thân Cửu Nghĩa, Long An, Tam Hiệp, Nhị Bình,… mỗi năm cung cấp sản lượng 170 nghìn tấn rau các loại cho thị trường, chủ yếu như các tỉnh miền Đông, miền Tây Nam Bộ và Thành phố Hồ Chí Minh. Nhờ đó, thu nhập của người trồng rau ngày càng được cải thiện.

5. Miệt vú sữa lò rèn Vĩnh Kim

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Miệt) + Trái cây (vú sữa lò rèn) + Địa danh hành chính (Xã Vĩnh Kim).

Có nhiều cách giải thích khác nhau về nguồn gốc của vú sữa lò rèn Vĩnh Kim. Nhưng nhìn chung, người ta thống nhất nhau ở một điểm: vào thập niên 30 của thế kỷ XX, ở tại đây có một thanh niên làm nghề rèn đã lai tạo được giống vú sữa quý này; và từ đó, nó được gọi là vú sữa Lò rèn Vĩnh Kim.

Cây vú sữa lò rèn đặc biệt thích hợp với vùng đất Vĩnh Kim và phần nào ở 6 sáu xã tọa lạc xung quanh địa phương này, như Kim Sơn, Song Thuận, Phú Phong, Long Hưng, Bàn Long, Bình Trưng,... Ở những nơi khác cũng trồng được vú sữa lò rèn, nhưng phẩm chất trái và năng suất kém hơn nhiều. Có thể nói chắc chắn rằng, ở Việt Nam chỉ có Tiền Giang là có vú sữa lò rèn; và ở Tiền Giang chỉ có Vĩnh Kim là nơi mà trái vú sữa lò rèn có chất lượng ngon nhất.

Phẩm chất và hương vị đã tạo nên sự khác biệt giữa vú sữa lò rèn Vĩnh Kim với các giống vú sữa khác, như vú sữa nâu, vú sữa vàng, vú sữa bách thảo, vú sữa bánh xe,... Vú sữa lò rèn Vĩnh Kim có trái to tròn, láng mướt, màu xanh ngà, cơm dày, vỏ mỏng, ít hột, vị ngọt lịm và hương thơm thoang thoảng. Chính vì thế, vú sữa lò rèn Vĩnh Kim đã đạt được giải Nhì (không có giải Nhất) tại Hội chợ Nông nghiệp và Thủy sản Quốc tế được tổ chức tại TP Cần Thơ vào tháng 12/2000. Năm 2010. vú sữa Lò Rèn Vĩnh Kim đã được cấp chứng nhận GlobalGAP (Global Good

Agricultural Pratice: Thực hành nông nghiệp tốt toàn cầu). Đặc biệt hơn, từ quý IV năm 2016, trái vú sữa tươi được Bộ Nông nghiệp Mỹ cấp phép nhập khẩu vào thị trường nước này, mở ra cơ hội lớn trong việc gia tăng giá trị của trái vú sữa Việt Nam, mà Tiền Giang là địa phương có sản lượng nhiều nhất nước.

Năm 2023, Vĩnh Kim có khoảng 400 ha vú sữa lò rèn. Chợ trái cây có từ năm 1992 đã được xây mới vào năm 2003 có vị trí thủy – bộ thuận lợi, đảm nhiệm việc kinh doanh trái cây vô cùng sôi động cho Vĩnh Kim và cả khu vực. Đến đây vào những tháng giáp tết, người ta sẽ chứng kiến cảnh thu hoạch vú sữa lò rèn diễn ra rất nhộn nhịp; cũng như cảnh buôn bán tấp nập các loại trái cây của miệt vườn, mà chủ lực là trái vú sữa lò rèn nổi tiếng. Trái vú sữa lò rèn đã đem lại nguồn lợi lớn cho nông dân ở Vĩnh Kim và một số vùng phụ cận. Người dân Vĩnh Kim ngày càng khấm khá hơn là phần lớn nhờ vào loại trái cây quý hiếm này.

F. THÀNH PHỐ MỸ THO

*** Sưu tầm, thống kê, phân loại, nghiên cứu, biên soạn địa danh Địa danh Gò:**

*** Khái niệm Gò:**

Gò: Khoảng đất nổi cao lên giữa nơi bằng phẳng.

1. Gò Cát

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Vật liệu dạng hạt (Cát).

Gò Cát rộng khoảng 150 ha tọa lạc tại xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho. Đây là địa danh được ghi chép trong các sách cổ là *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức và *Đại Nam nhất thống chí* của Quốc sử quán triều Nguyễn với đặc sản rượu Gò Cát (Sa tửu). Gò Cát cũng là nơi sản xuất gạo Gò Cát rất ngon, được dùng làm bánh hủ tiếu để tạo nên món hủ tiếu Mỹ Tho vang danh khắp nơi[1].

Các địa danh có liên quan đến Gò Cát là rạch Gò Cát, cầu Gò Cát, cống Gò Cát, chợ Gò Cát, đường Gò Cát. Trong đó, chợ Gò Cát được phản ánh qua ca dao:

*Sớm mai đi chợ **Gò Cát***
Cây cao bóng mát, cát nhỏ dễ đi
Gái như em, mặt tròn như bông hoa lý
Trai như anh, thấm ý vừa lòng

Em với anh thương thiệt, sao ông tơ hồng không se?

2. Gò Me (xã Trung An, thành phố Mỹ Tho)

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Thực vật (Cây me).

---

[1] Tháng 12/2008, Cục Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ đã cấp giấy chứng nhận độc quyền cho thương hiệu "Hủ tiếu Mỹ Tho". Năm 2009, hủ tiếu Mỹ Tho của Tổ hợp tác sản xuất hủ tiếu Mỹ Tho (ấp Hội Gia, xã Mỹ Phong) được Trung tâm Thương hiệu Việt thuộc Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam, cấp giấy chứng nhận "Thương hiệu Việt". Tháng 3/2014, Tổ chức Kỷ lục châu Á đã trao Cúp vinh danh và chứng nhận "Hủ tiếu Mỹ Tho" là món ăn đạt giá trị ẩm thực châu Á năm 2013. Tỉnh Tiền Giang đã công nhận Làng nghề Hủ tiếu Mỹ Tho là một trong 13 làng nghề đầu tiên của tỉnh cần được đầu tư phát triển một cách toàn diện.

(Theo Nguyễn Phúc Nghiệp, *Hủ tiếu Mỹ Tho*, Tạp chí Du lịch, ngày 20/7/2018).

Gò Me rộng khoảng 7 ha, thuộc xã Trung An, thành phố Mỹ Tho. Địa danh này liên quan đến đường Gò Me có chiều ngang 3,5 m, dài khoảng 2 km dẫn vào khu du lịch sinh thái Ao Sen.

3. Gò Ông Giảng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Giới tính (Ông) + Tên người (Giảng).

Gò Ông Giảng là gò cát do ông Giảng tổ chức khai khẩn hoặc ông có công lao nhất định đối với địa phương, rộng khoảng 10 ha, nay thuộc Phường 9, thành phố Mỹ Tho.

* **Địa danh Việt gốc Khmer:**

1. Bưng Tra Sập

Bưng Tra Sập tọa lạc tại đường Lý Thường Kiệt, Phường 5, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Thời xưa, tại đây, có một cái bưng rộng khoảng 5 ha, trong đó có một số cây tra cổ thụ, do đặc tính thân cây không mọc theo hướng thẳng đứng mà oằn mình sát xuống mặt đất trông giống như sập ngã, nên thành địa danh.

2. Mỹ Tho

Địa danh Mỹ Tho là do tiếng Khmer "Mêso" nói trại mà ra, có nghĩa là "Cô gái trắng trẻo".

Tên Mỹ Tho viết bằng chữ Quốc ngữ xuất hiện lần đầu tiên vào năm 1747: "MI THO" trong quyển *Lịch sử truyền giáo xứ Nam Kỳ* của Launay.

Mê có thể biến thành **Mi** được, bởi vì trong tiếng Việt, âm **ê** có thể biến đổi thành âm **i** (b**ê**nh vực – b**i**nh vực). **So** có thể biến thành **Tho**, bởi vì âm **s** có thể biến đổi thành **th** (**s**up lạy - **th**up lạy, **s**ụt lùi - **th**ụt lùi). Từ đó, Mêso được gọi trại thành Mi Tho, về sau thành Mỹ Tho.

Một khi nói đến Mỹ Tho là phải nói đến Mỹ Tho Đại Phố (chợ phố lớn Mỹ Tho) được thành lập năm 1679, tọa lạc tại thôn Mỹ Chánh. Đây là ngôi chợ có hoạt động thương mại rất nhộn nhịp. Trong quyển *Gia Định thành thông chí*, Trịnh Hoài Đức viết: "Chợ phố lớn Mỹ Tho có nhà ngói cột chạm, đình cao, chùa rộng, ghe thuyền ở các ngả sông biển đến đậu đông đúc, làm thành chốn đại đô hội, rất phồn hoa, huyên náo".

Trên cơ sở đó, năm 1781, chúa Nguyễn cho dời lỵ sở của dinh Trấn Định từ thôn Tân Hiệp (nay thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang) về thôn Mỹ Chánh - chợ Mỹ Tho. Từ đây, Mỹ Tho không chỉ là trung tâm kinh tế - thương mại, mà còn là trung tâm chính trị của địa phương.

Thời Pháp, Mỹ Tho được đổi thành tên tỉnh. Thời chính quyền Sài Gòn (1954-1975), Mỹ Tho là tỉnh lỵ của tỉnh Định Tường. Về phía chính quyền cách mạng, vẫn gọi là tỉnh Mỹ Tho; riêng thị xã Mỹ Tho, cuối năm 1967, được nâng cấp lên thành phố Mỹ Tho, trực thuộc Khu 8 (Khu Trung Nam Bộ), ngang với cấp tỉnh.

Năm 1976, Mỹ Tho được công nhận là thành phố cấp 3, tỉnh lỵ của tỉnh Tiền Giang. Ngày 7/10/2005, thành phố Mỹ Tho được nâng lên thành đô thị loại 2; ngày 05/02/2016, được nâng lên thành đô thị loại 1; đây là đô thị loại 1 trực thuộc tỉnh đầu tiên ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

*** Địa danh Việt gốc Pháp:**

1. Bót số 8

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng quân sự (Bót: xuất phát từ tiếng Pháp - Poste, có nghĩa là Trạm canh gác của binh lính hoặc cảnh sát) + Số thứ tự (Số 8)

Bót số 8 là trạm canh gác thứ tám của cảnh sát do chính quyền thực dân Pháp tỉnh Mỹ Tho lập ra nằm trong hệ thống các trạm canh gác ở nội ô Mỹ Tho trước năm 1954. Hiện nay, địa điểm Bót số 8 tọa lạc gần Cơ sở chính của Trường Đại học Tiền Giang, số 119, đường Ấp Bắc, Phường 5, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

2. Đường Yersin (đọc theo Tiếng Việt: Yéc-xanh)

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Tên người Pháp (Yersin).

- Yersin: Alexandre Émile Jean Yersin (sinh năm 1863 tại Thụy Sĩ, mất năm 1943 tại Nha Trang, Việt Nam), là bác sĩ y khoa, nhà vi khuẩn học và nhà thám hiểm người Pháp gốc Thụy Sĩ. Ông là người khám phá Cao nguyên Lâm Viên (tỉnh Lâm Đồng), vạch ra một con đường bộ từ Trung Bộ, Việt Nam sang Campuchia, là người thành lập và là hiệu trưởng đầu tiên của Trường Y khoa thuộc Viện Đại học Đông Dương (tiền thân của Đại học Y Hà Nội hiện nay), đặt nền móng xây dựng Viện Pasteur Nha Trang và Trại chăn nuôi Suối Dầu. Đặc biệt, ông đã tìm ra trực khuẩn gây bệnh dịch hạch, sau này được đặt theo tên ông: Yersinia pestis.

Đường Yersin thuộc Phường 4, thành phố Mỹ Tho, từ đường Lê Thị Hồng Gấm đến đường Ấp Bắc, chiều dài: 1,10 km; chiều rộng: 6,0 m.

3. Hãng Xáng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức sản xuất, kinh doanh (Hãng) + Phương tiện đào kênh/kinh (Xáng).

Xáng: có gốc Tiếng Pháp - chaland (đọc theo Tiếng Việt : Sa-lan) gọi trại, thường gọi là chiếc sà lan, trên đó người ta đặt chiếc máy đào kênh/kinh, vét bùn; trước đây, người ta gọi là xáng múc; hiện nay gọi là tàu cuốc.

Năm 1902, một Công ty tư bản Pháp ở Paris thành lập Công ty nạo vét đường sông và công ty chính ở Việt Nam. Công ty có trụ sở chính tại Sài Gòn và chi nhánh đặt tại Mỹ Tho. Chi nhánh Mỹ Tho có nhiệm vụ trực tiếp làm việc tại các công trường khai thác, sửa chữa cơ khí, máy móc cho các loại tàu thủy và xáng. Vì thế, được gọi là Hãng Xáng Mỹ Tho. Lúc mới thành lập, Hãng Xáng tọa lạc tại vàm kênh/kinh Nicolas và

Sông Tiền, nay ở góc đường Lê Thị Hồng Gấm và Tết Mậu Thân, Phường 4, thành phố Mỹ Tho. Lúc đó, Hãng Xáng có tổng số thầy, thợ (công nhân) khoảng 600 người, gồm có các phân xưởng nguội, tiện, sắt, hàn, điện, đúc và văn phòng. Hãng có 10 chiếc xáng khá lớn và một số tàu kéo hoạt động ở vùng sông nước Cửu Long[2].

Hãng Xáng là một trong những nơi có Chi bộ Đảng Cộng sản được thành lập sớm nhất ở tỉnh Mỹ Tho (khoảng từ tháng 2 - tháng 4/1930) và là nơi có truyền thống phong trào đấu tranh mạnh mẽ chống thực dân Pháp của công nhân ở đây[3].

Năm 1954, Hãng Xáng chấm dứt hoạt động. Từ năm 1954 - 1975, địa điểm này chỉ là một xưởng cơ khí nhỏ, hoạt động cầm chừng. Sau 30/4/1975, địa điểm Hãng Xáng là Xưởng cơ khí thành phố Mỹ Tho, sau đó là một phân xưởng của Xí nghiệp cơ khí 1 tháng 5. Năm 2000, phân xưởng này giải thể, tại đây được xây dựng thành Thư viện tỉnh Tiền Giang.

4. Hồ Piscine (đọc theo Tiếng Việt: Pis-xin)

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Hồ) + Công trình xây dựng (Piscine)

- Hồ: là khoảng nước đọng tương đối rộng và sâu trong đất liền, thông thường có hai loại: hồ thiên nhiên và hồ nhân tạo.

- Piscine: xuất phát từ Tiếng Pháp - Piscine, có nghĩa là Hồ tắm.

Năm 1943, chính quyền thực dân Pháp ở Gò Công cho chặn một đoạn kênh/kinh Salicetti chảy trong nội thị Gò Công để làm hồ tắm, bởi vì Gò Công ở gần biển, khan hiếm nước ngọt dùng cho sinh hoạt. Dân chúng gọi là hồ Piscine. Theo tác giả Phan Thanh Sắc, đây là "hồ tắm dài và rộng hơn bất kỳ hồ tắm xây nào ở các tỉnh miền Nam và cả Sài Gòn. Piscine luôn đầy ắp nước, lâu lâu thay nước một lần. Nước là nước sông lấy khi nước lớn ở vàm bên phía chợ. Hồ đầy ắp nước, cũng trong cũng sạch. Thanh thiếu niên ở chợ bắt đầu đi tắm và bơi lội trên hồ. Lần lần các học trò của Trường Nam cũng xuống bơi lội, đùa giỡn...[4]".

Trong thập niên 60 của thế kỷ XX, hồ Piscine bị cạn lấp dần, trở thành ao tù. Sau năm 1975, hồ được lấp hoàn toàn; và tại đó, hình thành nên Công viên Đài Chiến tích Tết Mậu Thân tươi đẹp, thuộc Phường 1, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

5. Kênh/Kinh Arroyo de la Poste (đọc theo tiếng Việt: A-rô-yô đờ la Pox-tơ)

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kênh/Kinh) + Công trình xây dựng bằng Tiếng Pháp (Arroyo de la Poste).

---

[2] Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Quang Ân (2007), *Địa chí Tiền Giang (tập 2)*, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tiền Giang và Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, trang 923.

[3] Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tiền Giang (2010), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Tiền Giang, tập 1 (1930 – 1954)*, Nxb Chính trị Quốc gia, trang 56.

[4] Phan Thanh Sắc (2010), *Gò Công - Vọng tiếng đất lành*, Nxb Phương Đông, trang 256.

- Kênh/Kinh: là dòng dẫn nước trên mặt đất do con người tạo ra, có giá trị giao thông thủy và thủy lợi.

- Kênh/kinh Arroyo de la Poste:

Kênh/kinh được đào đầu tiên ở Nam bộ vào năm 1705, gọi là kênh/kinh Vũng Gù. Năm 1819, dưới thời vua Gia Long, kênh/kinh được nạo vét và mở rộng, được đặt tên là kênh/kinh Bảo Định. Dưới thời vua Thiệu Trị (1841 - 1847), kênh/kinh Bảo Định được đổi tên là An Định; rồi Trí Tường.

Trong nửa đầu thế kỷ XIX, dưới thời nhà Nguyễn, kênh/kinh được sử dụng như là tuyến giao thông đường thủy duy nhất nối Sài Gòn - Gia Định với lục tỉnh Nam Kỳ. Trên con kênh/kinh này, chính quyền nhà Nguyễn còn cho đặt các trạm để đảm nhiệm việc vận chuyển văn thư, giấy tờ của nhà nước phong kiến. Do đó, kênh/kinh còn có tên là kênh/kinh Trạm.

Năm 1867, sau khi thiết lập nền thống trị trên đất Nam Kỳ, giới cầm quyền Pháp ở Mỹ Tho đã sử dụng xáng để nạo vét kênh/kinh Bảo Định. Lúc bấy giờ, kênh/kinh Bảo Định tiếp tục vẫn là thuỷ lộ quan trọng để vận chuyển hàng hóa, công văn, thư từ,… từ Sài Gòn đi Đồng bằng sông Cửu Long và ngược lại, nên chính quyền thực dân Pháp đặt tên là Arroyo de la Poste (kênh/kinh Bưu Điện).

Con kênh/kinh này dài 22 km, nối liền sông Vàm Cỏ Tây tại thành phố Tân An, tỉnh Long An với sông Mỹ Tho tại thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

6. Kênh/Kinh Xáng Cụt (Phường 3, thành phố Mỹ Tho)

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kênh/Kinh) + Phương tiện đào kênh/kinh (Xáng) + Tính từ (Cụt: đoạn cuối bị ùn tắc lại, không thông được với nơi khác).

Kênh/Kinh Xáng Cụt là con kênh được đào bằng xáng nhưng nơi cuối dòng bị tắc, không thông lưu với sông, rạch, kênh/kinh nào khác.

Kênh/Kinh Xáng Cụt thuộc Phường 3, thành phố Mỹ Tho. Con kênh/kinh này do chính quyền Sài Gòn đào, dài khoảng 1 km, chảy từ kênh/kinh Bảo Định đến đường Hoa Thám trên địa bàn Phường 3. Hiện nay, con kênh/kinh này đã được lấp để xây dựng thành Khu dân cư rất khang trang, có nhiều tiện ích, phục vụ cuộc sống của nhân dân sở tại.

7. Kênh/Kinh Xáng Cụt (Phường 6, thành phố Mỹ Tho)

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kênh/Kinh) + Phương tiện đào kênh/kinh (Xáng) + Tính từ (Cụt).

Kênh/Kinh Xáng Cụt là con kênh được đào bằng xáng nhưng nơi cuối dòng bị tắc, không thông lưu với sông, rạch, kênh/kinh nào khác.

Kênh/Kinh Xáng Cụt thuộc Phường 6, thành phố Mỹ Tho. Con kênh/kinh này do quân đội Mỹ đào bằng xáng (tàu cuốc) năm 1967, dài khoảng 4 km, ngang khoảng 15 m,

một đầu nối với sông Tiền tại cầu Quan Âm tu viện trên đường Lê Thị Hồng Gấm, một đầu chạm đến đường Trần Ngọc Giải và đường Lý Thường Kiệt, nhằm bảo vệ nội ô Mỹ Tho về phía tây trước sự tấn công của quân giải phóng.

Hiện nay, con kênh/kinh này đang trong quá trình bị cạn lấp. Đoạn cuối giáp với đường Trần Ngọc Giải và đường Lý Thường Kiệt đã được xây dựng thành khu dân cư với diện tích 9,8 ha, có một con đường mới mở tại khu dân cư này mang tên Đỗ Quang.

8. Phú De

Phú De gọi trại từ Tiếng Pháp: Fourrière (đọc theo Tiếng Việt: Phuốc-ri-e), là nơi giữ súc vật đi rong, đồ đạc bị đánh rơi, ô tô vi phạm luật giao thông,… bị cảnh sát tạm giữ cho đến khi nộp phạt. Thời xưa, địa danh này tọa lạc tại sân đình Bình Tạo, nay ở góc đường Lê Thị Hồng Gấm và Tết Mậu Thân, Phường 4, thành phố Mỹ Tho.

*** Địa danh Việt có gốc Mã Lai :**

Cù lao Thới Sơn

Thôn Thới Sơn được lập trong khoảng cuối thế kỉ XVIII. Cù lao Thới Sơn (tên chữ Hán là Thới Sơn Châu), nằm ở hạ lưu sông Tiền, có diện tích tự nhiên khoảng 12km² với chiều dài khoảng 11km và chiều rộng khoảng 1km. Hiện nay, xã Thới Sơn thuộc thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

*** Địa hình thiên nhiên, thực vật :**

1. Ấp Giáp Nước

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Địa hình thiên nhiên (Giáp Nước: Thông thường, vị thế giáp nước có hai loại: 1. Nơi hai dòng nước từ hai nguồn khác hướng ở hai đầu chảy lại. 2. Nơi hai dòng nước không cùng chiều gặp nhau, tạo thành vùng nước xoáy).

Ấp Giáp Nước thuộc xã Phước Thạnh, thành phố Mỹ Tho, là tổ chức dân cư mà nơi đó có một địa điểm ở vào vị thế giáp nước.

Ấp Giáp Nước đông giáp Ấp 1, xã Trung An, tây giáp ấp Xóm Vông, xã Thạnh Phú, bắc giáp ấp Thạnh Hưng, cùng xã, nam giáp ấp Đồng, xã Bình Đức; diện tích tự nhiên 137 ha; dân số (năm 2019): 1.558 người, nam 732, nữ 826; được công nhận ấp văn hóa.

2. Cầu Bần

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Thực vật (Cây bần: là loài thực vật thân gỗ, chiều cao trung bình từ 10 - 15 m, sinh sống và phát triển mạnh ở khu vực rừng ngập mặn, có tác dụng chắn sóng, chống sạt lở đất, trái bần còn được sử dụng để nấu canh, một số bộ phận của cây được sử dụng làm thuốc y học cổ truyền, như chữa chứng bong gân, bầm tím do ứ máu, tiểu tiện không thông,…).

Cầu Bần nằm trên Lộ Me, bắc qua Rạch Bần, được xây dựng năm 1990, dài 24 m, rộng 6 m, kết cấu bê tông cốt thép, thuộc xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho. Hiện tại, cầu đã được dỡ bỏ, thay bằng cống hộp để làm đường.

3. Hàng Bông

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Hàng cây) + Thực vật (Bông).

Hàng Bông là tên chợ, chuyên buôn bán trái cây, rau củ, bông hoa,… nên có tên là chợ Hàng Bông; những mặt hàng nông sản đó, dân gian quen gọi là "đồ hàng bông". Chợ có từ đầu thế kỷ XX. Đến năm 1994, chợ được giải tỏa và thay vào đó là Trung tâm thương mại Mỹ Tho gồm có 4 tầng lầu và 1 tầng hầm. Hiện nay, địa điểm này tọa lạc tại Phường 1, thành phố Mỹ Tho.

4. Hàng Còng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Hàng cây) + Thực vật (Cây còng: là loại cây gỗ cực lớn, cao từ 15-25 m, thậm chí cao đến 50 m, tán rất rộng, làm cây che bóng mát, cây cảnh quan, chế biến đồ gỗ mỹ nghệ, cung cấp thực phẩm cho gia súc (dê, bò,...), một số bộ phận cây cũng có tác dụng làm thuốc,…).

Hàng Còng là nơi có nhiều cây còng, là tên của một chợ nhỏ nằm trên theo đường Tết Mậu Thân, dọc theo một phần bờ tây của Giếng Nước Lớn và Giếng Nước Nhỏ; đến khoảng năm 1980, dời vào một con hẽm nằm trên đường Lý Thường Kiệt thuộc Phường 4, thành phố Mỹ Tho.

5. Hàng Keo

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Hàng cây) + Thực vật (Cây keo).

Hàng Keo là tên dân gian gọi một con đường - đường Hàng Keo - trước đây lát đan (dale), năm 2019, được trải bê tông xi măng, ngang 3,5 m, dài 200 m, nằm giữa bờ tường của Trung tâm Mục vụ Công giáo (trước đây gọi là Chủng viện) và bờ tường của Tịnh xá Ngọc Tường (Phật giáo). Gọi là đường Hàng Keo là vì dọc theo bờ tường của Trung tâm Mục vụ, người ta có trồng một hàng keo để làm hàng rào. Hiện nay, hàng keo này đã bị đốn bỏ, nên còn gọi là đường Bờ Tường, thuộc Phường 6, thành phố Mỹ Tho.

*** Địa danh chỉ đơn vị hành chính:**

1. Trấn Định Tường

鎮 Trấn: Chỗ chợ đông đúc, khu vực hành chánh dưới cấp Huyện.

定 Định: Yên ổn, không thay đổi.

祥 Tường: Tốt, lành.

定祥鎮: Định Tường Trấn

Năm 1802, Nguyễn Phúc Ánh lên vua, xưng đế hiệu là Gia Long. Năm 1806, nhà vua cho đổi huyện Kiến Khương (thuộc dinh Trấn Định) thành huyện Kiến An.

Năm 1808, đơn vị **dinh** được đổi thành **trấn**. Lúc bấy giờ, ở Nam kỳ có 5 trấn: Biên Hòa, Phiên An, Định Tường, Vĩnh Long và Hà Tiên; 5 trấn này thuộc thành Gia Định. Đứng đầu thành Gia Định có các chức Tổng trấn, Phó Tổng trấn và Hiệp trấn.

Tỉnh Tiền Giang ngày nay, lúc đó, được gọi là trấn Định Tường. Đồng thời, vua Gia Long còn cho thăng huyện Kiến An thành phủ Kiến An, thăng 3 thuộc Kiến Hưng, Kiến Hòa, Kiến Đăng thành 3 huyện Kiến Hưng, Kiến Hòa, Kiến Đăng.

Đứng đầu trấn Định Tường là Trấn thủ. Dưới có các chức vụ Thư ký (phụ trách công việc hành chính), Cai án (phụ trách công việc tư pháp), Tri bạ (phụ trách công việc ruộng đất, hộ khẩu), Ty Xá sai (phụ trách việc văn án, từ tụng) và Ty Tướng thần lại (phụ trách lương thực, thuế khóa). Sau đó, hai Ty Xá sai và Tướng thần lại được đổi thành hai Ty Tả thừa và Ty Hữu thừa.

Dưới trấn có phủ, huyện, tổng và thôn. Đứng đầu phủ có viên Tri phủ; đứng đầu huyện có viên Tri huyện.

Theo quyển *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức, năm 1808, trấn Định Tường có: 1 phủ, 3 huyện, 6 tổng, 313 thôn và 1 ấp.

Phủ Kiến An

Phủ Kiến An có 3 huyện:

1. Huyện Kiến Hưng: có 2 tổng, 76 thôn. Lỵ sở đóng tại thôn Tân Lý Tây (nay thuộc huyện Châu Thành). Hai tổng[1] gồm:

+ Tổng Kiến Thuận (nay thuộc vùng thành phố Mỹ Tho và vùng nam huyện Châu Thành), có 39 thôn (Thới sơn, Phú An Tây, Phú An Lộc, Điều Hòa giang trạm, An Đức Chánh, Bình Tạo, An Hòa, Trung Lương, Đạo Ngạn, An Đức Đông, Long Hội, An Vĩnh, Cửu Viễn, Ngãi Hữu, Thân Nhơn, An Thới, Nhơn Hòa, Long Hội Tây, An Thạnh, Tân Thạnh Trung, An Phước, Tân An, Long Thạnh, Mỹ Thuận Đông, Mỹ Thuận Tây, Bình Thuyên/Toàn Đông, Tân Đức Đông, Tân Đức Chánh, Vĩnh Kim Đông, Vĩnh Kim Tây, Long Hưng, Bình Đông, Bình Toàn Tây, Hữu Đạo, Bình Sơn, Mỹ Điền, Tân Phú Sơn, Phú Hòa, Tân Hưng).

+ Tổng Hưng Xương (nay thuộc vùng bắc huyện Châu Thành đến bờ sông Vàm Cỏ - Long An) có 37 thôn (Hòa Mỹ, Tân Hiệp, Tân Lý Tây, Tân Lý Đông, Tân Hương Tây, Tân Hương, Tân Hương Trung, Nhơn Hậu, Nhơn Lợi Lương Hòa - Lương Thạnh nhị thôn, Bình Quân, Nhơn Lý Tây, Bình Định, Nhơn Nhượng, Xuân Sanh, Nhơn Hậu Đông, Bình An, Nghĩa Lợi, Dương Hòa, Tân Hội Đông, Tân Hội Tây, Vĩnh Hòa, Phú Mỹ, Vĩnh Hòa Đông, Mỹ Thạnh, Long Định, Tường Khánh, Bình An Đông, Phú Khương, Phú

[1] Hai tổng Kiến Thuận và Hưng Xương thành lập trên cơ sở thuộc Kiến Hưng, mỗi tổng giữ 1 chữ.

Thượng, Thân Hòa, Đông An, Mỹ Phước, Đông An (mới lập), Thân Đông, Chánh Đông Trung, Tân Thanh, Tuyên Thạnh).

2. Huyện Kiến Hòa: có 2 tổng, 150 thôn, 1 ấp. Lỵ sở đóng tại thôn Mỹ Hóa (nay thuộc xã Mỹ Phong - thành phố Mỹ Tho). Hai tổng[2] gồm:

+ Tổng Kiến Thạnh (nay thuộc vùng đất từ Mỹ Tho, Chợ Gạo đến huyện Vàm Cỏ - Long An) có 65 thôn (Mỹ Chánh, Phú Hội, Mỹ Hóa, Bình Hài, Bình Phong, Long Hòa, Thanh Xuân, Bình Hạnh, An Hòa, Lương Phú, Phú An, Phú Đức, Mỹ Trung, Bình Trung, Bình Phú, Bình Trị, Nhơn Nghĩa, Phú Lộc, Bình Cang, Bình Nguyên, Bình Tâm, Phú Long, Bình Quới, Phú Đa, Bình Hiệp, Bình Định Đông, Bình Công Tây, Ái Nghĩa, Tân Nho, Tân Hòa, Bình Thạnh, Đông An, Tân Xuân, Tân Thạnh, Bình An, Bình Dương, Nhựt Tân, An Khương, Phú Hòa, Phú Xuân, Bình Phước, Tân Long Hưng, Tân Hội, Tân An Tây, Tân Thủy, Phú Tây, Bình Thuận, Mỹ Đức, Thanh Xuân Đông, Bình Thới, Tân An, Tân Giang, Bình Đăng, Vĩnh Phước, Tân Mỹ, Tân Thạnh Lợi, Hưng Nghĩa, Long Trì, Long Hựu, Tân Tĩnh, Điền Trang, Bình Thời, Mỹ Thuận, Tân Hưng).

+ Tổng Hòa Bình (nay là vùng đất Gò Công (tỉnh Tiền Giang) và hai huyện Bình Đại, Châu Thành (tỉnh Bến Tre), có 85 thôn, 1 ấp (Bình Phú Đông, Bình Xuân, Bình Sơn, Tân Hóa, Long Thạnh, Bình Phương (Phan), Bình Hưng, Bình Quang, Thuận Hòa, An Định, Bình Thạnh, Toàn Thạnh, Bình Thủy, Bình Phục Nhứt, Bình Phục Nhứt Đông, Bình Phục Nhị, Bình Phú Chánh, Vĩnh Hựu, Vĩnh Lợi, Vĩnh An, Vĩnh Thạnh, Bình Long (Luông) Tây, Bình Long (Luông), An Long (Yên Luông) Đông, An Long (Yên Luông) Tây, Tân Cang (Cương), Tân Duân Đông, Tân Duân Trung, Bình Nghị, Bình Ân, Tăng Huy - An Hòa, Toàn Phước, Tân Niên Đông, Tân Niên Tây, Tân Niên Trung, Dương Phước, Tân Long (Luông), Bình Thuận Đông, Bình Thuận Tây, Bình Thạnh Đông, Bình Công, Tân Phú, Miễu Ông, Giao Long, Phước An Đông, Phước Hòa, Tân Thạch - An Hồ, Phước Thới, Phước Hậu, Phú Vinh (Vang), Huỳnh Long - Quới Sơn, Phú Anh Thạnh, Phú An Hòa, An Hải, Giao Hòa, An Hòa Tân, Long Phụng, Phú Thuận, Thanh Long - Long Thạnh nhị thôn, Phú Mỹ, Châu Hưng, Thới Long, Vang Quới, Lộc Thuận, Tân Định, Tân Hội, Phú Hòa, Phước Thuận, Lương Thạnh, Bình Đại, An Lộc Tân, Thới Hòa, Vinh Thạnh, Tân Phong, Long Thới - Long Hòa, Phước Toàn, Phước Định, Phú Thạnh, Phước Hạnh Tây, Phú Mỹ, Phước Hạnh, Long Hưng, Bình Thành Đông, Phước Hạnh Đông, Vĩnh Đức Hòa, ấp An Hòa).

3. Huyện Kiến Đăng: có 2 tổng, 87 thôn, lỵ sở đóng tại thôn Mỹ Đức Đông (vàm Cái Thia - nay là xã Mỹ Đức Đông, huyện Cái Bè). Hai tổng gồm:

+ Tổng Kiến Lợi: (nay là vùng Cai Lậy, một phần huyện Châu Thành) có 44 thôn (Kim Sơn, Giao Long, Phú Phong, Bình Chánh, Bình Chánh Đông, Bình Chánh Trung, Mỹ Đông Chánh, Mỹ Hòa, Mỹ Đông Trung, Mỹ Đông, An Thủy Đông, Long Phú, Hòa

[2] Hai tổng Kiến Thạnh và Hòa Bình thành lập trên cơ sở thuộc Kiến Hòa, mỗi tổng giữ 1 chữ.

An, An Thủy Tây, Tân Sơn, Long Điền, Mỹ Quới, Mỹ Ân, Trà Luật, Mỹ An, Phú Long, Mỹ Trang, Mỹ Tường, Mỹ Trinh, Tân Hội, Tân Hòa, Tân Thuận, Hữu Hòa - Thanh Sơn, Hội Sơn, Xuân Sơn, Cẩm Sơn, Phú Nhuận Đông, Bình Chánh Tây, Phú An, Bình Phú, Mỹ Hạnh Đông, Mỹ Hạnh Trung, Mỹ Hạnh Tây, Phước An, Phú Mỹ, Đông An, An Mỹ, Bình Hiệp, Mỹ Hưng).

+ Tổng Kiến Phong (nay là vùng Cái Bè, Cao Lãnh và Chợ Mới - An Giang) có tất cả 43 thôn (Tân Đức, Tân Hiệp, Tân Phú Sơn, An Bình Đông, An Bình Tây, An Thành, Mỹ Chánh, Mỹ Thạnh, Hòa Mỹ, Mỹ Đức Đông, Mỹ Đức Tây, Mỹ Thiện, Mỹ Hòa, Mỹ Lương, An Thới Đông, An Thới Tây, An Thới Trung, Hòa Lộc, Mỹ Hưng, Mỹ Thuận, Mỹ An Đông, Thanh Hưng, Mỹ An Tây, An Mỹ, Mỹ Luông, Bình Hàn Tây, Bình Hàn Trung, Mỹ Toàn, Mỹ Xương, Mỹ Đảo, Mỹ Lộc, Mỹ Định, Mỹ Trà, Mỹ Nghĩa, Tân An, An Bình Long, Tân Mỹ, Tân Phú, Tân Thạnh, Tân An, Tân Khánh, Tân Phú Đông, Tân Phú Tây).

+ Thành trấn Định Tường: Năm Bính Tuất (1826), lỵ sở trấn Định Tường được dời từ thôn Mỹ Chánh - chợ Mỹ Tho (huyện Kiến Hòa, nay thuộc khu vực Phường 2 và Phường 8, TP Mỹ Tho) về ranh thôn Điều Hòa và thôn Bình Tạo (huyện Kiến Hưng, nay thuộc khu vực các Phường 1, 4, 7, TP Mỹ Tho). Theo đó, thành Định Tường được dựng lên. Thành này do Tổng trấn thành Gia Định Lê Văn Duyệt trực tiếp chỉ huy khoảng 11.000 nhân công xây dựng. Theo quyển *Đại Nam nhất thống chí*, thành Định Tường được đắp bằng đất, hình vuông, chu vi 320 trượng (khoảng 2.000 m), cao 9 thước 5 tấc (khoảng 4,5 m), mở 4 cửa, hào rộng 8 trượng (khoảng 3 m), sâu 6 thước 5 tấc (khoảng 3 m) . Phỏng đoán ngôi thành này nằm lọt khung trong các con đường 30 tháng 4 (phía nam), Lê Đại Hành (phía bắc), Lê Lợi (phía đông), Nam Kỳ Khởi Nghĩa (phía tây). Trong quyển "*Lịch sử cuộc viễn chinh Nam Kỳ năm 1861*", Léopold Pallu mô tả ngôi thành như sau: "*Thành Mỹ Tho xây theo lối châu Âu. Thành vuông vức, có ụ làm pháo đài. Hào chung quanh rộng có nước, tường thành cao và rất dày. Xung quanh thành là đầm lầy. Khí giới của thành có đại pháo nòng lớn. Thành kiểm soát hết sông Tiền Giang và các đường thuỷ đổ vào sông này*".

Tại lỵ sở mới, ngoài việc xây dựng tỉnh thành, chính quyền nhà Nguyễn còn tiến hành xây dựng các công trình khác nhằm phục vụ cho mục đích phát triển kinh tế và văn hóa, như trường học của tỉnh (1826), đàn Tiên nông thờ thần Nông (1832), đàn Xã tắc thờ thần Đất nước (1833), chợ, cửa quan thu thuế (1835), miếu Thành hoàng (1848), văn miếu đặt tại thôn Bình Tạo (tọa lạc ở khu vực bến phà Rạch Miễu cũ, Phường 6, thành phố Mỹ Tho) nhằm tôn vinh sự học, tôn vinh người trí thức, đặc biệt là người trí thức địa phương theo nguyên lý "Hiền tài là nguyên khí của quốc gia",…

2. Tỉnh Định Tường (1832 - 1867)

省 Tỉnh

定 Định: Yên ổn, không thay đổi

祥 Tường: Tốt, lành

定祥省: Định Tường Tỉnh

Năm Đinh Mão (1831), vua Minh Mạng đổi đơn vị **trấn** thành đơn vị **tỉnh** trực thuộc chính quyền trung ương, xóa bỏ cấp trung gian "thành" (Gia Định Thành). Ở Nam Kỳ, năm 1832, chính quyền thành lập 6 tỉnh (quen gọi Nam Kỳ lục tỉnh), bao gồm ba tỉnh *kiêm nhiếp* (Chữ "Nhiếp": 攝 có nghĩa "Thay quyền để thống trị, kiêm quyền") và ba tỉnh *phân hạt* (tỉnh nhỏ):

+ Tỉnh Gia Định kiêm nhiếp tỉnh Biên Hòa (phân hạt).

+ Tỉnh Vĩnh Long kiêm nhiếp tỉnh Định Tường (phân hạt).

+ Tỉnh An Giang kiêm nhiếp tỉnh Hà Tiên (phân hạt).

Thống nhiếp hai tỉnh Vĩnh Long và Định Tường có Tổng đốc Long Tường, thường kiêm hàm Binh Bộ Thượng thư hoặc Đô Sát viện hữu Đô Ngự sử. Đứng đầu tỉnh Định Tường có Tuần phủ, giúp việc có Bố chánh, Án sát, Lãnh binh.

Tuần phủ là một quan văn nhưng có hàm Đô đốc. Bố Chánh là một quan văn làm nhiệm vụ hành chánh. Án Sát là một quan văn trông coi việc luật pháp, chấn hưng phong hóa. Lãnh binh là một quan võ, phụ trách việc quân sự.

Giúp việc Tuần phủ có hai ty chuyên trách:

+ Ty Bố chánh (Ty Phiên): phụ trách hành chính.

+ Ty Án sát (Ty Niết): phụ trách việc hình án từ tụng, chấn hưng phong hóa.

Ngoài ra, tại tỉnh còn 3 ty khác:

+ Ty Lễ sinh: phụ trách quản lý và phụ tế các đền miếu.

+ Ty Chiêm hậu: chuyên việc xem thiên tượng và làm lịch.

+ Ty Lương y: chuyên việc chữa trị bệnh tật.

Riêng về giáo dục, theo truyền thống của nước ta từ xưa, các việc giảng dạy đều do tư nhân đảm trách. Ở cấp tỉnh, nhà Nguyễn chỉ lập nhà Tỉnh học, cử một Đốc học; cấp phủ lập nhà Phủ học, cử một Giáo thọ; cấp huyện lập nhà Huyện học, cử một Huấn đạo. Các chức quan này vừa làm nhiệm vụ giảng dạy, vừa kiểm tra chất lượng giáo dục tư nhân, giới thiệu học trò đi thi.

Mỗi phủ có một chức Tri phủ, mỗi huyện có một chức Tri huyện.

Do địa bàn quá rộng, giao thông bất tiện nên vào năm Nhâm Thìn (1832), vùng Gò Công được tách rời khỏi tỉnh Định Tường và nhập vào tỉnh Gia Định. Theo đó, tổng Hòa Bình (vùng Gò Công) được tách ra khỏi tỉnh Định Tường và hợp nhất với một phần tổng Thuận Đạo thuộc tỉnh Gia Định để lập huyện Tân Hòa, thuộc phủ Tân An, tỉnh Gia Định. Lỵ sở huyện Tân Hòa đầu tiên đặt tại thôn Thanh Xuân Đông, tổng Thạnh Mục (nay thuộc huyện Vàm Cỏ, tỉnh Long An, giáp với xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang).

Theo *Địa bạ tỉnh Định Tường năm 1836*, tỉnh Định Tường có 1 phủ (Kiến An), 3 huyện (Kiến Hưng, Kiến Hòa, Kiến Đăng), 15 tổng và thôn. Cụ thể như sau:

- Phủ Kiến An

- Ba huyện (Kiến Hưng, Kiến Hòa, Kiến Đăng):

+ Huyện Kiến Hưng: Huyện Kiến Hưng do phủ Kiến An kiêm nhiếp, lỵ sở ở thôn Tân Hiệp (nay là thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu Thành), có 5 tổng, 75 thôn, gồm:

- Tổng Thuận Trị có 19 thôn (An Đức, An Đức Đông, An Hòa, An Thành, An Vĩnh, Bình Tạo, Cửu Viễn, Đạo Ngạn, Điều Hòa, Long Hội, Long Hội Tây, Ngãi Hữu, Nhơn Hòa, Phú Đức Đông, Phú Đức Tây, Tân Thuận, Thân Nhơn, Thới Sơn, Trung Lương).

- Tổng Thuận Bình có 17 thôn (An Phước, An Thạnh, Bình Đông, Bình Sơn, Bình Thuyên Đông, Hữu Đạo, Long Hưng, Long Thạnh, Mỹ Thuận Đông, Mỹ Thuận Tây, Tân Đức Đông, Tân Đức Tây, Tân Phú Đông, Vĩnh Kim Đông, Vĩnh Kim Tây, Thạnh Phú).

- Tổng Hưng Nhơn có 12 thôn (Dương Hòa, Định Hòa, Hưng Thạnh, Long Định, Mỹ Điền, Nhị Bình, Phú Mỹ, Phước An, Tân Hội Đông, Tân Hội Tây, Tân Lý Đông, Tân Lý Tây).

- Tổng Hưng Nhượng có 13 thôn (Bình An Đông, Bình Cư, Bình Quân, Hòa Mỹ, Lợi Thạnh, Nhơn Hậu, Nhơn Lý Tây, Nhơn Nhương, Tân Hiệp, Tân Hương Tây, Tường Khánh, Xuân Sanh, Tân Hương).

- Tổng Hưng Long có 14 thôn (Bình An, Bình Long Đông, Chánh Đông, Đông An, Ngãi Lợi, Phú Khương, Phú Thượng, Tân Đông, Thân Hòa Đông, Thân Hòa Tây, Thủy Đông, Trường Thạnh, Tuyên Thạnh, Vĩnh Thạnh, Mỹ Phước).

+ Huyện Kiến Hòa: lỵ sở đóng ở thôn Tân Hóa (nay thuộc xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo), có 5 tổng, 78 thôn, gồm:

- Tổng Hòa Hảo có 12 thôn (An Định, Bình Phục Đông, Bình Phục Nhứt, Bình Phương (Phan), Bình Thủy, Mỹ Hảo, Tân Hóa, Toàn Thạnh, Vĩnh An, Bình Quang, Hòa Bình, Hòa Thạnh).

- Tổng Hòa Hằng có 20 thôn (Bình Đại, Châu Hưng, Hằng Thạnh, Hòa Thới, Lộc Thuận, Phú Thành, Phú Thạnh Đông, Phú Thuận, Phú Vinh, Phước An Đông, Quới Sơn, Tân Phong, Thạch Hồ, Thạnh Hội, Từ Linh, Vinh (Vang) Quới, Giao Hòa, Giao Long, Long Phụng, Tân Định).

- Tổng Hòa Thinh (Hòa Thanh) có 17 thôn (An Hòa Tân, Lộc Tân, Lương Thạnh, Minh Đức, Phú Hữu, Phú Ngãi, Phú Nhơn, Phú Thạnh, Phước Định, Phước Hậu, Phước Hòa, Phước Thới, Phước Thuận, Phước Toàn, Thọ Phú, Thới Lai, Thới Thuận).

- Tổng Thạnh Phong có 14 thôn (Bình Đăng, Bình Hài, Bình Hạnh, Bình Phong, Bình Thời, Điền Trang, Long Hựu, Mỹ Chánh, Mỹ Hóa, Phong Thuận, Phú Hội, Tân Tĩnh, Tân Tĩnh Đông, Thạnh Lợi).

- Tổng Thạnh Quơn (Thạnh Quang) có 15 thôn (An Khương, An Lạc, Bình Cách, Bình Dương, Long Hòa, Lương Phú, Mỹ Trung, Phú Kiết, Phú Hòa, Song Thạnh, Thanh Xuân, Trung Lộc, Vĩnh Phước, Hưng Ngãi, Nhựt Tân).

+ Huyện Kiến Đăng: lỵ sở đóng tại thôn Mỹ Trang (nay thuộc thị xã Cai Lậy), có 5 tổng, 80 thôn:

- Tổng Lợi Trinh có 19 thôn (An Mỹ, Bình Chánh Tây, Bình Phú, Cẩm Sơn, Giai Mỹ, Hòa Sơn, Hòa Thuận, Hội Sơn, Lợi An, Mỹ Hạnh Đông, Mỹ Hạnh Tây, Mỹ Hạnh Trung, Mỹ Trang, Mỹ Tường, Phú Nhuận, Phú Thuận Đông, Tân Hòa, Tân Hội, Xuân Sơn).

- Tổng Lợi Trường có 21 thôn (An Thủy Đông, An Thủy Tây, Bàn Long, Bình Chánh, Bình Chánh Đông, Hòa An, Kim Sơn, Long Điền, Long Phú, Mỹ An, Mỹ Ân, Mỹ Đông, Mỹ Đông Thượng, Mỹ Đông Trung, Mỹ Hòa, Mỹ Quới, Mỹ Trinh, Phú Long, Phú Phong, Tân Sơn, Trà Tân, Bình Chánh Trung).

- Tổng Phong Hòa có 12 thôn (An Bình Đông, An Bình Tây, An Thành, An Cư, Hiệp Hòa, Hòa Khánh, Mỹ Đức Đông, Mỹ Hòa, Mỹ Thạnh, Mỹ Thiện, Phú Sơn, Tân Đức).

- Tổng Phong Phú có 17 thôn (An Thới Đông, An Thới Tây, An Thới Trung, Bình Hàn Tây, Bình Hàn Trung, Hòa Lộc, Mỹ An Đông, Mỹ An Tây, Mỹ Đức Tây, Mỹ Hưng, Mỹ Long, Mỹ Lợi, Mỹ Lương, Mỹ Thuận, Mỹ Toàn, Mỹ Xương, Thanh Hưng).

- Tổng Phong Thạnh có 11 thôn (An Bình, An Long, An Phong, Mỹ Đảo, Mỹ Ngãi, Mỹ Trà, Nhị Mỹ, Phong Mỹ, Tân An, Tân Phú, Tân Thạnh)[5].

Năm 1838, chính quyền nhà Nguyễn nâng hai tổng Phong Phú và Phong Thạnh của huyện Kiến Đăng thành ba tổng Phong Phú, Phong Thạnh và Phong Nẫm thuộc huyện Kiến Phong mới lập, trực thuộc phủ Kiến Tường mới lập. Phủ Kiến Tường đóng lỵ sở tại thôn Mỹ Trà (nay thuộc TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp) kiêm lý huyện Kiến Phong.

Riêng về huyện Tân Hòa (vùng Gò Công) thuộc phủ Tân An, tỉnh Gia Định có những chuyển biến hành chánh như sau:

Lỵ sở huyện Tân Hòa đầu tiên đặt tại thôn Thanh Xuân Đông, tổng Thạnh Mục (nay thuộc huyện Vàm Cỏ, tỉnh Long An, giáp với xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang).

Theo Địa bạ Minh Mạng năm 1836, huyện Tân Hòa có 4 tổng:

+ Tổng Hòa Đồng có 16 thôn.

+ Tổng Hòa Lạc có 17 thôn.

---

[5] Nguyễn Đình Đầu, *Nghiên cứu Địa bạ triều Nguyễn: Định Tường*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1994, trang 157-165.

+ Tổng Thạnh Hội có 16 thôn.

+ Tổng Thạnh Mục có 16 thôn.

Trong 4 tổng nêu trên, hai tổng Hòa Đồng và Hòa Lạc thuộc vùng Gò Công (nay thuộc địa phận huyện Gò Công Tây, thị xã Gò Công, huyện Gò Công Đông và huyện Tân Phú Đông); còn hai tổng Thạnh Hội và Thạnh Mục thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Long An ngày nay. Số thôn của hai tổng Hòa Đồng và Hòa Lạc như sau:

+ Tổng Hòa Đồng có 16 thôn: Bình Công, Bình Hưng, Bình Long, Bình Long Tây, Bình Phú Đông, Bình Phú Tây, Bình Phục Nhị/Nhì, Bình Xuân Đông, Dương Phước, Đồng Sơn, Long Chánh, Tân Cang/Cương, Tân Nhựt, Vĩnh Hựu, Vĩnh Lợi, Vĩnh Thạnh.

+ Tổng Hòa Lạc có 17 thôn: An Long Đông/Yên Luông Đông, An Long Tây/Yên Luông Tây, Bình Ân, Bình Nghị, Bình Thạnh Đông, Bình Thạnh Tây, Bình Xuân, Mỹ Xuân, Tân Duân Đông, Tân Duân Trung, Tân Niên Đông, Tân Niên Tây, Tân Niên Trung, Tân Phước, Tăng Hòa, Thuận Ngãi (Bình Thuận Đông cũ), Thuận Tắc (Bình Thuận Tây cũ); và 1 phường: Toàn Phước.

Năm 1841, vua Thiệu Trị chia huyện Tân Hòa thành hai huyện: vùng ven sông Vàm Cỏ lập huyện Tân Thạnh; vùng Gò Công lập huyện Tân Hòa. Riêng huyện Tân Hoà có 4 tổng: Hòa Đồng Thượng, Hòa Đồng Hạ, Hòa Lạc Thượng và Hòa Lạc Hạ.

Lúc đó, huyện Tân Thạnh và huyện Tân Hòa thuộc phủ Hòa Thạnh, tỉnh Gia Định. Lỵ sở phủ Hòa Thạnh đặt tại Đồng Sơn.

Năm 1852, vua Tự Đức cho sáp nhập hai huyện Tân Thạnh và Tân Hòa để thành lập huyện mới lấy tên là huyện Tân Hòa vẫn thuộc tỉnh Gia Định. Huyện Tân Hòa (mới) có 8 tổng: Thạnh Hội Thượng, Thạnh Hội Hạ, Thạnh Mục Thượng, Thạnh Mục Hạ, Hòa Đồng Thượng, Hòa Đồng Hạ, Hòa Lạc Thượng và Hòa Lạc Hạ. Lỵ sở của huyện đóng tại thôn Thuận Ngãi, tổng Hòa Lạc Hạ (nay thuộc thị xã Gò Công).

Như vậy, vào năm 1852, vùng Gò Công thuộc huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định, có 4 tổng, 37 thôn, phường:

- Tổng Hòa Đồng Thượng: có 8 thôn: Bình Hưng, Bình Phú Đông, Bình Phú Tây, Bình Phục Nhì, Bình Phước, Đồng Sơn, Tân Nhựt, Trường Xuân.

- Tổng Hòa Đồng Hạ: có 9 thôn: Bình Công, Bình Hòa, Bình Luông Đông, Bình Luông Tây, Long Chánh, Tân Cương, Vĩnh Hựu, Vĩnh Lợi, Vĩnh Thạnh.

- Hòa Lạc Thượng: có 8 thôn: Bình Thạnh Đông, Bình Thạnh Tây, Bình Xuân, Mỹ Xuân, Tân Niên Đông, Tân Niên Tây, Tân Niên Trung, Tân Phước và 1 phường: Toàn Phước

- Tổng Hòa Lạc Hạ: có 11 thôn: An Long Đông/Yên Luông Đông, An Long Tây/Yên Luông Tây, Bình Ân, Bình Nghị, Dương Phước, Kiểng Phước (do phường Toàn Phước đổi thành), Tăng Hòa, Tân Duân Đông, Tân Duân Trung, Thuận Ngãi, Thuận Tắc.

3. Hạt Thanh tra (Inspection: 1867-1871)

Năm 1867, sau chiếm toàn bộ Nam kỳ, thực dân Pháp xóa bỏ Nam kỳ lục tỉnh của nhà Nguyễn, chia Nam kỳ ra nhiều hạt Thanh tra (Inspection), đứng đầu mỗi hạt Thanh Tra là một viên Thanh tra công việc nội chính bản xứ (Inspecteur des affaires Indigènes) do các sĩ quan Hải quân đảm nhiệm. Địa bàn các hạt Thanh tra tính theo đơn vị phủ, huyện cũ.

Theo đó, trên địa bàn tỉnh Tiền Giang ngày nay có 6 hạt Thanh tra:

- Hạt Thanh tra Mỹ Tho:

Phủ Kiến An kiêm lý huyện Kiến Hưng nên gọi là hạt Thanh tra Kiến An hay Kiến Hưng. Khi hạt Thanh tra này dời về Mỹ Tho thì gọi là hạt Thanh tra Mỹ Tho, coi huyện Kiến Hưng (cũ).

- Hạt Thanh tra Chợ Gạo:

Địa bàn huyện Kiến Hòa trở thành hạt Thanh tra Kiến Hòa; sau đó, dời về Chợ Gạo nên gọi là hạt Thanh tra Chợ Gạo, coi huyện Kiến Hòa (cũ).

- Hạt Thanh tra Cai Lậy

Địa bàn huyện Kiến Đăng trở thành hạt Thanh tra Kiến Đăng, vì đóng tại Cai Lậy nên được gọi là hạt Thanh tra Cai Lậy, coi huyện Kiến Đăng (cũ).

- Hạt Thanh tra Cần Lố:

Địa bàn phủ Kiến Tường kiêm lý huyện Kiến Phong trở thành hạt Thanh tra Kiến Tường, nhưng vì đóng tại Cần Lố nên được gọi là hạt Thanh tra Cần Lố, coi huyện Kiến Phong (cũ).

- Hạt Thanh tra Tân An:

Toàn bộ tổng Hưng Long của huyện Kiến Hưng và 9 thôn của tổng Hưng Nhơn cùng huyện nằm dọc theo bờ sông Vàm Cỏ và kênh Bưu Điện (kênh Bảo Định) được tách khỏi huyện Kiến Hưng để thành lập hạt Thanh tra Tân An.

- Hạt Thanh tra Gò Công:

Trông coi huyện Tân Hòa (cũ).

Ngày 5/12/1868, giải thể hạt Thanh tra Cai Lậy nhập vào hạt Thanh tra Mỹ Tho. Tiếp theo, ngày 23/12/1868, giải thể hạt Thanh Tra Chợ Gạo nhập vào hạt Thanh tra Mỹ Tho. Nhưng đến ngày 20/10/1869, hạt Thanh tra Cai Lậy được lập lại theo địa bàn cũ; đến ngày 8/9/1870, dời trụ sở về Cái Bè, nên gọi là hạt Thanh tra Cái Bè. Ngày 20/9/1870, giải thể hạt Thanh tra Cần Lố, đưa hai tổng Phong Hòa và Phong Phú của hạt Thanh tra Cần Lố vào hạt Thanh Tra Cái Bè, đồng thời đưa hai tổng còn lại là Phong Nẫm và Phong Thạnh qua hạt Thanh tra Sa Đéc. Ngày 5/6/1871, giải thể hạt Thanh tra Cái Bè nhập vào địa bàn hạt Thanh tra Mỹ Tho.

4. Hạt Tham biện Mỹ Tho (L'Arrondissement de Mytho: 1871-1876)

Năm 1871, các hạt Thanh tra (Inspection) được đổi thành hạt Tham biện (Arrondissement). Theo đó, hạt Thanh tra Mỹ Tho được đổi thành hạt Tham biện Mỹ Tho. Đồng thời, Thống đốc Nam kỳ ban hành Nghị định thực hiện cuộc sửa đổi hành chính toàn xứ, thực hiện chính sách trực trị, bỏ cấp phủ và huyện, chỉ giữ lại cấp trung gian là tổng (canton) và cấp cơ sở là xã, thôn, nhưng thống nhất gọi là làng (village).

Hạt Tham biện Mỹ Tho năm 1871 có lỵ sở đặt tại Mỹ Tho (địa phận hai làng Điều Hòa và Bình Tạo), gồm 13 tổng với 182 làng:

- Tổng Thuận Trị có 20 làng.
- Tổng Thuận Bình có 16 làng.
- Tổng Hưng Nhơn có 13 làng.
- Tổng Hưng Nhượng có 06 làng.
- Tổng Thạnh Phong có 15 làng.
- Tổng Thạnh Quang/Quơn có 16 làng.
- Tổng Hòa Quới có 15 làng.
- Tổng Hòa Thinh có 18 làng.
- Tổng Hòa Hảo có 12 làng.
- Tổng Lợi Trinh có 14 làng.
- Tổng Lợi Trường có 12 làng.
- Tổng Lợi Thuận có 14 làng.
- Tổng Lợi Mỹ có 11 làng.

5. Khu vực hành chính Mỹ Tho (Circonscription administratives de Mytho: 1876-1899)

Địa bàn Khu vực hành chính Mỹ Tho quá rộng nên tuy đã xóa bỏ cấp phủ, huyện, nhưng vẫn phải dựa vào cơ sở cũ để lập các Trung tâm hành chính trực thuộc, bao gồm 3 Trung tâm hành chính là Mỹ Tho, Chợ Gạo và Cai Lậy với 15 tổng, 187 làng:

- Trung tâm hành chính Mỹ Tho có 4 tổng, 45 làng:

+ Tổng Thuận Trị có 10 làng.

+ Tổng Thuận Bình có 16 làng.

+ Tổng Hưng Nhơn có 13 làng.

+ Tổng Hưng Nhượng có 6 làng

- Trung tâm hành chính Chợ Gạo có 5 tổng, 73 làng:

+ Tổng Thạnh Phong có 15 làng.

+ Tổng Thạnh Quơn có 16 làng.

+ Tổng Hòa Hảo có 12 làng.

+ Tổng Hòa Quới có 12 làng.

+ Tổng Hòa Thinh có 18 làng.

- Trung tâm Hành chính Cai Lậy có 6 tổng, 69 làng:

+ Tổng Lợi Trinh có 14 làng.

+ Tổng Lợi Trường có 12 làng.

+ Tổng Lợi Mỹ có 11 làng.

+ Tổng Lợi Thuận có 14 làng.

+ Tổng Phong Hòa có 9 làng.

+ Tổng Phong Phú có 9 làng.

6. Tỉnh Mỹ Tho (Province de Mytho: 1900-1954)

Ngày 20/12/1899, Toàn quyền Đông dương ban hành Nghị định đổi các Tiểu khu hành chính thành tỉnh (Province) kể từ ngày 01/01/1900. Theo đó, Nam kỳ có 21 tỉnh. Mỹ Tho và Gò Công là hai tỉnh riêng biệt.

Theo *Địa phương chính tỉnh Mỹ Tho năm 1902*, tỉnh Mỹ Tho có diện tích là 223.660 hecta, dân số là 233.802 người, bao gồm 231.276 người Việt, 2.381 người Hoa, 103 người Âu, 42 người Ấn. Tỉnh lỵ đặt tại Mỹ Tho.

Toàn tỉnh có 15 tổng, 202 làng.

- Tổng Thuận Trị:

Có 19 làng: Điều Hòa, Thạnh Trị, Đạo Ngạn, An Vĩnh, Ngãi Hữu, Cửu Viễn, Thân Nhơn, Nhơn Hòa, Long Hội Tây, An Hội, Long Hội, Trung Lương, An Đức Đông, Bình Tạo, An Đức, Tân Thuận, Thới Sơn, Phú Đức, Phú Túc.

- Tổng Thuận Bình:

Có 15 làng: An Thạnh, An Phước, Thạnh Phú, Long Hưng, Mỹ Thuận Tây, Mỹ Thuận Đông, Vĩnh Kim Tây, Vĩnh Kim Đông, Bình Hòa Đông, Phong Trưng, Hữu Đạo, Điềm Hy, Dưỡng Điềm.

- Tổng Lợi Trường:

Có 12 làng: Mỹ Quý, Mỹ Quý Đông, Mỹ Phú, Mỹ Quý Tây, Long Điền, Mỹ Hậu, Bàn Long, Kim Sơn, Phú Phong, Bình Chánh Trung, Bình Chánh Đông, Bình Chánh.

- Tổng Lợi Mỹ:

Có 08 làng: Phú Long, Mỹ Khánh, Mỹ Đông Thượng, Mỹ Đông, Mỹ Đông Trung, Tân Thới, Trà Tân, Ngũ Hiệp.

- Tổng Lợi Trinh:

Có 15 làng: Long Phước, Mỹ Hạnh Tây, Bình Chánh Tây, Mỹ Hạnh Trung, Mỹ Hạnh Đông, Tân Phú Đông, Tân Hội, Mỹ Tường, Tân Long, Tân An, Hòa Sơn, Thanh Sơn, Mỹ Trang, Hòa Thuận, Cẩm Sơn.

- Tổng Hưng Nhơn:

Có 13 làng: Phú Mỹ, Hưng Thạnh, Mỹ Điền, Phước Lộc, Nhị Bình, Long Định, Định Hòa, Tân Lập, Tân Lý Đông, Tân Thành, Dương Hòa, Tân Hội Tây, Tân Hội Đông.

- Tổng Hưng Nhượng:

Có 06 làng: Tân Hương, Tân Hương Tây, Tân Lý Tây, Tân Hiệp, Hòa Mỹ, Tịnh Giang.

- Tổng Thạnh Quơn:

Có 13 làng: Tịnh Hà, An Khương, Trung Hòa, Song Thạnh, Bình Cách, Nhựt Tân, Mỹ Trung, Phú Kiết, Lương Phú, An Lạc, Long Hòa, Thanh Xuân, Bình Dương.

- Tổng Thạnh Phong:

Có 16 làng: Hưng Ngãi, Bình Đăng, Vĩnh Phước, Điền Trang, Bình Hài, Mỹ Phong, Phú Hội, Mỹ Chánh, Phong Thuận, Bình Phong, Bình Thạnh, Bình Hạnh, Long Thạnh, Tân Tĩnh Đông, Tân Xuân, Tân Tĩnh.

- Tổng Hòa Hảo:

Có 15 làng: Bình Long, Bình Phục Tây, Bình Quơn, Thuận Hòa, Bình Phục Đông, Tân Hóa, Hòa Thạnh, An Định, Hòa Bình, Hòa Ninh, Hòa An, Mỹ Thạnh, Bình Thủy, Bình Phan, Bình Trị.

- Tổng Hòa Quới:

Có 24 làng: An Hồ, Tân Thạch, Quới Sơn, Phú Thạnh, Giao Long, Giao Hòa, Nguyệt Thạnh, Long Phụng, Phú Thuận, Vang Quới, Phú Vang, Thới Lai, Châu Hưng, Tân Hưng, An Hóa, Phước Hậu, Phước Thới, Phước Hòa, Phú Ngãi, Phú Nhơn, Phước Khánh, Phước Thiện, Phước Định, Phú Thạnh.

- Tổng Hòa Thinh:

Có 11 làng: Lộc Thuận, Phú Long, Tân Định, Bình Trung, Bình Đại, Lộc Tân, Thạnh Lộc, Phước Thuận, Thọ Phú, Thừa Đức, Thới Thuận.

- Tổng Lợi Thuận:

Có 15 làng: Mỹ Thạnh, Đại Phú, Giai Mỹ, Phú Thuận Đông, Bình Phú, Phú Hưng, Phú Nhuận, Lợi Thành, Lợi An, An Mỹ, Phú Sơn, Hiệp Hòa, Tân Đức, Xuân Sơn, Hội Sơn.

- Tổng Phong Hòa:

Có 11 làng: Mỹ Đức Tây, Mỹ Thiện, Hậu Mỹ, Mỹ Hội, An Cư, Hậu Thành, An Bình Đông, Phú Hòa, An Hiệp, Hòa Khánh, Mỹ Đức Đông.

- Tổng Phong Phú:

Có 09 làng: Mỹ Lợi, Thanh Hưng, An Thái Đông, An Thái Trung, Mỹ Lương, Hòa Lộc, Mỹ Hưng, An Hữu, Mỹ Thuận[6].

Sau thời gian thực hiện chính sách trực trị (tỉnh - tổng - làng) không thành công, ở tỉnh Mỹ Tho, thực dân Pháp bắt buộc phải lập cấp quận làm trung gian giữa tỉnh và tổng, làng.

7. Tỉnh Mỹ Tho (Chính quyền cách mạng: 1954-1975)

Sau năm 1954, chính quyền cách mạng không công nhận tên gọi tỉnh Định Tường mà chính quyền Sài Gòn đặt và vẫn giữ tên tỉnh cũ là tỉnh Mỹ Tho. Từ năm 1957, do yêu cầu cách mạng, chính quyền cách mạng hợp nhất 2 tỉnh Mỹ Tho và Gò Công làm một đơn vị và gọi là tỉnh Mỹ Tho với các đơn vị cấp huyện, như Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, thị xã Mỹ Tho (thuộc tỉnh Mỹ Tho cũ), Gò Công và Hòa Đồng (thuộc tỉnh Gò Công cũ).

Tháng 9-1967, thị xã Mỹ Tho tách ra khỏi tỉnh Mỹ Tho và được nâng lên thành thành phố Mỹ Tho, trực thuộc Khu 8. Đến tháng 8-1968, Gò Công được tách khỏi tỉnh Mỹ Tho để lập lại tỉnh Gò Công. Địa bàn tỉnh Tiền Giang ngày nay, lúc đó có 3 đơn vị hành chính là tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công và thành phố Mỹ Tho.

Riêng tỉnh Mỹ Tho có 04 huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo. Năm 1969, huyện Châu Thành được chia thành hai huyện Châu Thành Bắc và Châu Thành Nam; năm 1971, huyện Cai Lậy được chia thành hai huyện Cai Lậy Bắc và Cai Lậy Nam. Như vậy, từ năm 1971, tỉnh Mỹ Tho có 06 huyện Cái Bè, Cai Lậy Bắc, Cai Lậy Nam, Châu Thành Bắc, Châu Thành Nam, Chợ Gạo. Các đơn vị hành chính này tồn tại đến ngày 30-4-1975.

8. Thành phố Mỹ Tho (Chính quyền cách mạng: 1967-1975)

Thành phố Mỹ Tho được thành lập tháng 9-1967, có 4 quận, cụ thể như sau:

- Quận 1: các Phường 1 và 7 hiện nay.

- Quận 2: các Phường 2, 3 và 8 hiện nay.

- Quận 3: các Phường 4, 5 và 6 hiện nay.

- Quận 4: các xã Tân Long, Tân Mỹ Chánh, Đạo Thạnh, Mỹ Phong, Trung An, Phường 9, Phường 10 hiện nay.

---

[6] Theo quyển *Địa phương chí tỉnh Mỹ Tho năm 1902* (*Monographie de la province de Mytho, 1902*).

Cuối năm 1973, đầu năm 1974, thành phố Mỹ Tho được sáp nhập vào tỉnh Mỹ Tho. Từ cuối năm 1974, thành phố Mỹ Tho lại được nâng lên đơn vị hành chính ngang tỉnh và tồn tại đến ngày 30-4-1975.

9. Tỉnh Định Tường (Chính quyền Sài Gòn: 1954-1975)

Về phía chính quyền Sài Gòn, theo Sắc lệnh 143-NV ngày 22-10-1956 của Tổng thống chính quyền Sài Gòn Ngô Đình Diệm về việc "thay đổi địa giới và tên Đô thành Sài Gòn - Chợ Lớn cùng các tỉnh và tỉnh lỵ tại Việt Nam", tỉnh Định Tường được thành lập trên phần đất tỉnh Mỹ Tho và tỉnh Gò Công cũ. Tỉnh lỵ tỉnh Định Tường đặt tại Mỹ Tho, về mặt hành chánh thuộc xã Điều Hòa, quận Châu Thành.

Theo sự phân định hành chính của chính quyền Sài Gòn, Định Tường là một trong 22 tỉnh của Nam Phần lúc đó, bắc giáp tỉnh Kiến Tường, đông bắc giáp tỉnh Long An, đông giáp biển Đông, tây nam và nam giáp hai tỉnh Vĩnh Long và Kiến Hòa, tây giáp tỉnh Kiến Phong, tây nam giáp tỉnh Sa Đéc. Ranh giới phía nam của tỉnh Định Tường là sông Tiền Giang (đoạn này còn gọi là sông Mỹ Tho).

Ngày 24-4-1957, chính quyền Sài Gòn ấn định các đơn vị hành chính trực thuộc tỉnh. Tỉnh Định Tường có tỉnh lỵ đặt tại Mỹ Tho, bao gồm 7 quận, 15 tổng, 123 xã. Cụ thể như sau:

(1) Quận Châu Thành (quận lỵ: xã Điều Hòa), có 2 tổng, 22 xã.

- Tổng Thuận Trị, gồm 09 xã: Bình Đức, Đạo Thạnh, Điều Hòa, Long An, Tam Hiệp, Thạnh Phú, Thới Sơn, Trung An, Phước Thạnh.

- Tổng Thuận Bình, gồm 13 xã: Bàn Long, Bình Trưng, Dưỡng Điềm, Đông Hòa, Điềm Hy, Hữu Đạo, Kim Sơn, Long Định, Long Hưng, Nhị Bình, Phú Phong, Song Thuận, Vĩnh Kim.

(2) Quận Bến Tranh (quận lỵ: xã Lương Hòa Lạc), có 2 tổng, 16 xã.

- Tổng Hưng Nhơn, gồm 09 xã: Hưng Thạnh Mỹ, Tân Hội Đông, Tân Lý Tây, Tân Lý Đông, Tân Hương, Tân Hiệp, Thân Cửu Nghĩa, Tân Hòa Thành, Phú Mỹ.

- Tổng Thạnh Quơn, gồm 07 xã: Lương Hòa Lạc, Hoà Tịnh, Mỹ Tịnh An, Phú Kiết, Tân Bình Thạnh, Trung Hòa, Thanh Bình

(3) Quận Chợ Gạo (quận lỵ: xã Bình Phan), có 2 tổng, 13 xã.

- Tổng Thạnh Phong, gồm 06 xã: Đăng Hưng Phước, Long Bình Điền, Mỹ Phong, Song Bình, Tân Mỹ Chánh, Xuân Đông.

- Tổng Hòa Hảo, gồm 07 xã: An Thanh Thủy, Bình Ninh, Bình Phan, Bình Phục Nhứt, Quơn Long, Hoà Định, Tân Thuận Bình

(4) Quận Cái Bè (quận lỵ: xã Đông Hoà Hiệp), có 2 tổng, 16 xã.

- Tổng Phong Hòa, gồm 08 xã: Đông Hòa Hiệp, Hội Cư, Hòa Khánh, Hậu Thành, Hậu Mỹ, Mỹ Thiện, Mỹ Đức Đông, Mỹ Đức Tây.

- Tổng Phong Phú, gồm 08 xã: An Hữu, Hưng Thuận (cù lao Quy), An Thái Đông, An Thái Trung, Thanh Hưng, Hòa Lộc, Mỹ Lợi, Mỹ Lương.

(5) Quận Cai Lậy (quận lỵ: xã Thanh Hòa), có 3 tổng, 25 xã.

- Tổng Lợi Trinh, gồm 09 xã: Thanh Hoà, Nhị Mỹ, Mỹ Hạnh Trung, Mỹ Phước Tây, Cẩm Sơn, Tân Phú Đông, Mỹ Hạnh Đông, Tân Bình, Tân Hội.

- Tổng Lợi Hoà, gồm 08 xã: Long Trung, Long Khánh, Tam Bình, Ngũ Hiệp, Mỹ Long, Long Tiên, Phú Quý, Nhị Quý.

- Tổng Lợi Thuận, gồm 08 xã: Phú An, Phú Nhuận Đông, Bình Phú, Thạnh Phú, Hiệp Đức, Hội Sơn, Xuân Sơn, Mỹ Thành.

(6) Quận Gò Công (quận lỵ: xã Long Thuận), có 2 tổng, 15 xã.

- Tổng Hòa Lạc Thượng, gồm 08 xã: Bình Thạnh Đông, Bình Xuân, Gia Thuận, Kiểng Phước, Tân Niên Đông, Tân Niên Tây, Tân Niên Trung, Tân Phước.

- Tổng Hòa Lạc Hạ, gồm 07: xã An Hòa, Bình An, Long Thuận, Phước Trung, Tân Bình Điền, Tăng Hòa, Tân Thành.

(7). Quận Hòa Đồng (quận lỵ: xã Đồng Sơn), có 2 tổng, 16 xã.

- Tổng Hòa Đồng Thượng, gồm 09 xã: Vĩnh Bình (Vĩnh Lợi và Bình Phú Tây cũ), Đồng Sơn, Bình Phú Đông, Thành Công (Bình Thành và Bình Công cũ), Thạnh Trị (Vĩnh Thạnh và Vĩnh Trị cũ), Bình Phục Nhì, Thạnh Nhựt, Vĩnh Viễn và Vĩnh Hựu.

- Tổng Hòa Đồng Hạ, gồm 07 xã: Long Hựu, Bình Luông Đông, Tân Thới, Phú Thạnh Đông, Bình Long (Bình Luông Tây và Long Thạnh cũ), Yên Luông (Yên Luông Đông và Yên Luông Tây cũ), Bình Tân (Bình Luông Trung và Tân Cương cũ).

Ngày 05-12-1957, chính quyền Sài Gòn dời quận lỵ quận Bến Tranh từ xã Lương Hòa Lạc đến xã Tân Hiệp.

Ngày 08-11-1960, quận Châu Thành đổi tên thành quận Long Định, đồng thời dời quận lỵ từ xã Điều Hòa tới xã Long Định. Ngày 09-8-1961, tách một phần đất thuộc quận Cái Bè lập một quận mới, lấy tên là quận Giáo Đức, quận lỵ đặt tại xã An Hữu, gồm 2 tổng Phong Phú và An Phú (mới lập). Quận Cái Bè đổi tên thành quận Sùng Hiếu. Quận Cai Lậy đổi tên thành quận Khiêm Ích.

Ngày 20-12-1963, chính quyền Sài Gòn tách hai quận Gò Công và Hòa Đồng ra khỏi tỉnh Định Tường để tái lập tỉnh Gò Công.

Ngày 23-5-1964, chia quận Long Định thành 2 quận: Châu Thành và Long Định. Quận Châu Thành có 2 tổng Thuận Trị và Thuận Hòa (mới lập), quận lỵ đặt tại xã Trung An, Quận Long Định có 2 tổng Thuận Bình và Lợi Trường, quận lỵ dời từ xã Long Định đến xã Vĩnh Kim.

Ngày 10-11-1964, đổi lại tên quận Sùng Hiếu thành quận Cái Bè, quận Khiêm Ích thành quận Cai Lậy như cũ. Sau năm 1965, chính quyền Sài Gòn giải thể cấp tổng; từ đó, các xã trực thuộc cấp quận. Ngày 24-3-1969, chính quyền Sài Gòn đổi tên quận Long Định thành quận Sầm Giang.

Ngày 30-9-1970, Thủ tướng chính quyền Sài Gòn ban hành Sắc lệnh số 114/SL-NV cải biến xã Điều Hòa thuộc quận Châu Thành thành thị xã Mỹ Tho, là thị xã tự trị trực thuộc chính quyền trung ương, đồng thời kiêm tỉnh lỵ tỉnh Định Tường. Lúc đó, tỉnh Định Tường có 01 thị xã, 07 quận, 92 xã, diện tích 1.686 km², dân số 453.562 người, tỉnh lỵ đặt tại thị xã Mỹ Tho. Cụ thể như sau:

TT	TÊN THỊ XÃ/TÊN QUẬN/ TÊN XÃ	DIỆN TÍCH (km^2)	DÂN SỐ (Người)
I	**Thị xã Mỹ Tho**	**8,0**	**109.975**
II	**Quận Bến Tranh: 15 xã, quận lỵ đặt tại xã Tân Hiệp**	**225,7**	**67.531**
1	Hòa Tịnh	7,7	2.604
2	Lương Hòa Lạc	15,0	6.464
3	Mỹ Tịnh An	12,1	3.230
4	Phú Kiết	11,5	3.306
5	Phú Mỹ	46,8	5.612
6	Tân Bình Thành	12,5	2.458
7	Tân Hiệp	1,0	4.571
8	Tân Hòa Thành	20,1	3.309
9	Tân Hội Đông	8,4	4.118
10	Tân Hương	13,3	8.060
11	Tân Lý Đông	40.4	4.903
12	Tân Lý Tây	4,5	5.368
13	Thanh Bình	12,3	2.079

14	Thân Cửu Nghĩa	9,6	9.326
15	Trung Hòa	10,5	2.123
III	**Quận Cái Bè: 11 xã, quận lỵ đặt tại xã Đông Hòa Hiệp**	**278,4**	**79.124**
16	Đông Hòa Hiệp	17,0	27.197
17	Hậu Mỹ	60,9	10.474
18	Hậu Thành	10,6	8.130
19	Hiệp Đức	11,4	625
20	Hòa Khánh	25,5	10.311
21	Hội Cư	23,1	5.304
22	Hội Sơn	4,3	170
23	Mỹ Thành	40,6	8.273
24	Mỹ Thiện	64,7	3.742
25	Phú An	14,2	4.523
26	Xuân Sơn	6,1	375
IV	**Quận Cai Lậy: 20 xã, quận lỵ đặt tại xã Thanh Hòa**	**363,5**	**101.017**
27	Bình Phú	19,3	6.863
28	Cẩm Sơn	13,9	300
29	Long Khánh	17,9	5.024

30	Long Tiên	14,0	3.861
31	Long Trung	19,4	3.772
32	Mỹ Hạnh Đông	30,1	2.000
33	Mỹ Hạnh Trung	10,2	4.152
34	Mỹ Long	11,5	1.103
35	Mỹ Phước Tây	39,1	7.041
36	Ngũ Hiệp	27,3	6.039
37	Nhị Mỹ	12,5	5.823
38	Nhị Quý	11,8	7.344
39	Phú Nhuận Đông	15,6	4.980
40	Phú Quý	9,3	2.814
41	Tam Bình	16,9	4.885
42	Tân Bình	13,0	6.724
43	Tân Hội	10,9	3.519
44	Tân Phú Đông	5,3	675
45	Thanh Hòa	9,9	21.588
46	Thạnh Phú	55,6	2.510
V	**Quận Châu Thành: 11 xã, quận lỵ đặt tại xã Trung An**	**107,3**	**52.208**

47	Bình Đức	11,8	11.237
48	Đạo Thạnh	6,7	6.645
49	Long An	13,6	5.254
50	Mỹ Phong	11,1	5.456
51	Phước Thạnh	11,5	3.125
52	Tam Hiệp	13,6	2.749
53	Tân Long	4,9	7.208
54	Tân Mỹ Chánh	6,9	3.974
55	Thạnh Phú	7,9	2.183
56	Thới Sơn	13,8	2.148
57	Trung An	5,5	2.209
VI	**Quận Chợ Gạo: 11 xã, quận lỵ đặt tại xã Bình Phan**	**163,1**	**52.664**
58	An Thạnh Thủy	17,1	4.915
59	Bình Ninh	20,0	3.575
60	Bình Phan	9,0	5.903
61	Bình Phục Nhứt	18,3	5.786
62	Đăng Hưng Phước	14,5	6.257
63	Hòa Định	22,0	2.700

64	Long Bình Điền	12,1	4.331
65	Quơn Long	14,2	4.778
66	Song Bình	12,1	4.260
67	Tân Thuận Bình	14,9	5.579
68	Xuân Đông	8,9	4.580
VII	**Quận Giáo Đức: 10 xã, quận lỵ đặt tại xã An Hữu**	**226,5**	**58.791**
69	An Hữu	15,0	12.047
70	An Thới Đông	7,3	6.458
71	An Thới Trung	16,1	5.576
72	Hòa Lộc	5,1	1.214
73	Hưng Thuận	15,9	6.551
74	Mỹ Đức Đông	8,0	2.454
75	Mỹ Đức Tây	68,2	8.716
76	Mỹ Lợi	42,7	1.052
77	Mỹ Lương	13,6	5.404
78	Thanh Hưng	34,6	9.319
VIII	**Quận Sầm Giang: 14 xã, quận lỵ đặt tại xã Vĩnh Kim**	**321,5**	**42.227**
79	Bàn Long	10,2	385

80	Bình Trưng	6,5	1.146
81	Điềm Hy	4,6	1.762
82	Dưỡng Điềm	7,0	3.384
83	Đông Hòa	95,5	6.057
84	Hữu Đạo	4,6	941
85	Hưng Thạnh Mỹ	85,9	Không có số liệu
86	Kim Sơn	12,6	2.884
87	Long Định	22,6	7.599
88	Long Hưng	14,0	1.460
89	Nhị Bình	32,9	7.409
90	Phú Phong	10,9	1.338
91	Song Thuận	9,0	1.968
92	Vĩnh Kim	5,2	5.894

Ngày 12-7-1974, chính quyền Sài Gòn lập quận mới Hậu Mỹ, quận lỵ đặt tại xã Hậu Mỹ, quận này bao gồm một phần đất của các quận Cái Bè, Giáo Đức, Cai Lậy cùng tỉnh, của quận Kiến Bình (tỉnh Kiến Tường) và của quận Mỹ An (tỉnh Kiến Phong). Các đơn vị hành chính của quận Hậu Mỹ chưa sắp xếp xong thì miền Nam được giải phóng (30-4-1975).

10. Tỉnh Tiền Giang

*** Diễn tiến hành chính**

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta đã hoàn toàn thắng lợi vào ngày 30-4-1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Ngày 20-9-1975, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 245-NQ/TƯ về việc giải thể cấp khu, hợp nhất tỉnh trong toàn quốc "nhằm xây dựng các tỉnh thành những đơn vị kinh tế, kế hoạch và đơn vị hành chính có khả năng giải quyết đến mức cao nhất những yêu cầu về đẩy mạnh sản xuất, tổ chức đời sống vật chất, văn hóa của nhân dân, về củng cố quốc phòng, bảo vệ trị an, và có khả năng đóng góp tốt nhất vào sự nghiệp chung của cả nước". Theo Nghị quyết này, 4 tỉnh Mỹ Tho, Gò Công, Long An, Bến Tre sẽ hợp lại thành một tỉnh, tên gọi sẽ do địa phương đề nghị lên. Nhưng ngày 20-12-1975, Bộ Chính trị lại ra Nghị quyết số 19/NQ điều chỉnh lại việc hợp tỉnh ở miền Nam Việt Nam cho sát với tình hình thực tế, theo đó tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công và thành phố Mỹ Tho hợp lại thành một tỉnh. Ngày 24-2-1976, Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ban hành Nghị quyết số 03-NQ/1976 về việc giải thể khu, hợp nhất tỉnh ở miền Nam Việt Nam. Theo Nghị quyết này tại miền Nam có 21 đơn vị trực thuộc Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, trong đó có tỉnh Tiền Giang do nhập tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công và thành phố Mỹ Tho.

Tỉnh Tiền Giang bấy giờ có 6 đơn vị hành chính trực thuộc là các huyện: Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công và thành phố Mỹ Tho. Tỉnh lỵ là thành phố Mỹ Tho, được công nhận là đô thị loại 3 trực thuộc tỉnh.

Sau đó, trên địa bàn tỉnh Tiền Giang có những sự điều chỉnh về hành chính như sau:

Ngày 26-3-1977, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 77-CP về việc chuyển thị xã Gò Công thuộc tỉnh Tiền Giang thành thị trấn Gò Công thuộc huyện Gò Công cùng tỉnh.

Ngày 12-4-1979, trên địa bàn huyện Cai Lậy, xã Thạnh Phú chia thành 2 xã mới Thạnh Lộc và Phú Cường, hợp nhất 2 xã Hội Sơn, Xuân Sơn thành xã Hội Xuân; trên địa bàn huyện Cái Bè, chia xã Hậu Mỹ Nam thành 2 xã Hậu Mỹ Phú, Hậu Mỹ Trinh; chia xã Hậu Mỹ Bắc thành 2 xã Hậu Mỹ Bắc A, Hậu Mỹ Bắc B; chia xã Mỹ Thiện thành 2 xã Thiện Trí, Thiện Trung; chia xã Thanh Hưng thành 2 xã Tân Thanh, Tân Hưng; chia xã Mỹ Lợi thành 2 xã Mỹ Lợi A, Mỹ Lợi B.

Ngày 13-4-1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 155-CP về việc chia huyện Gò Công thành huyện Gò Công Đông và huyện Gò Công Tây.

Như vậy, đến tháng 4-1979, tỉnh Tiền Giang có 7 đơn vị hành chính trực thuộc là các huyện: Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây và thành phố Mỹ Tho.

Ngày 13-2-1987, giải thể xã Tăng Hòa để thành lập thị trấn Tân Hòa là thị trấn huyện lỵ Gò Công Đông.

Ngày 16-2-1987, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 37-HĐBT về việc thành lập thị xã Gò Công trực thuộc tỉnh Tiền Giang trên cơ sở thị trấn Gò Công cũ và 1 phần diện tích và dân số của 2 huyện Gò Công Đông, Gò Công Tây.

Như vậy, đến tháng 2-1987, tỉnh Tiền Giang có 8 đơn vị hành chính trực thuộc là: thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây.

Ngày 23-11-1990, lập xã mới Mỹ Tân thuộc huyện Cái Bè trên cơ sở các phần đất và dân số tách từ các xã Mỹ Trung, Mỹ Lợi B, Mỹ Đức Tây và Nông trường Ngô Văn Nhạc.

Ngày 9-3-1992, trích 1 phần diện tích và dân số xã Phú Đông, huyện Gò Công Đông để thành lập xã Phú Tân.

Ngày 11-7-1994, Chính phủ ban hành Nghị định số 68-CP về việc thành lập huyện Tân Phước trên cơ sở tách một phần diện tích và dân số của của 2 huyện Cai Lậy và Châu Thành.

Như vậy, đến tháng 7-1994, tỉnh Tiền Giang có 9 đơn vị hành chính trực thuộc là: thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phước.

Ngày 14-1-2002, lập xã mới Tân Thạnh thuộc huyện Gò Công Tây trên cơ sở các phần đất tách từ các xã Tân Phú, Tân Thới và Phú Thạnh; tái lập xã Tăng Hòa thuộc huyện Gò Công Đông trên cơ sở phần đất và dân số tách từ thị trấn Tân Hòa.

Ngày 9-12-2003, lập phường Tân Long thuộc thành phố Mỹ Tho do cải biến xã Tân Long; lập phường 9 do tách một phần đất và dân số từ xã Tân Mỹ Chánh; lập phường 10 do tách một phần đất và dân số từ 2 xã Đạo Thạnh và Trung An; lập phường 5 thuộc thị xã Gò Công do tách một phần đất và dân số từ xã Long Hòa; chia xã Hội Cư của huyện Cái Bè thành 2 xã An Cư và Mỹ Hội.

Ngày 07-10-2005, Thủ tướng chính phủ ban hành Quyết định số 248/2005/QĐ-TTg về việc công nhận thành phố Mỹ Tho là đô thị loại 2 trực thuộc tỉnh.

Ngày 21-01-2008, Chính phủ ban hành Nghị định số 09/2008/NĐ-CP, về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Gò Công Đông và Gò Công Tây để mở rộng thị xã Gò Công và thành lập huyện Tân Phú Đông. Theo đó, huyện Tân Phú Đông bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên và nhân khẩu của các xã: Tân Thới, Tân Phú, Phú Thạnh, Tân Thạnh của huyện Gò Công Tây và toàn bộ diện tích tự nhiên và nhân khẩu của xã Phú Đông và xã Phú Tân của huyện Gò Công Đông.

Như vậy, đến tháng 01-2008, tỉnh Tiền Giang có 10 đơn vị hành chính trực thuộc là: thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phước và Tân Phú Đông.

Ngày 29-6-2009, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 28/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Châu Thành, huyện Chợ Gạo để mở rộng địa giới hành chính thành phố Mỹ Tho; điều chỉnh địa giới hành chính xã, thành lập xã thuộc thành phố Mỹ Tho, huyện Châu Thành, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 30-9-2010, thành lập thị trấn Vàm Láng thuộc huyện Gò Công Đông.

Ngày 26-12-2013, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 130/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Cai Lậy để thành lập thị xã Cai Lậy và huyện Cai Lậy.

Như vậy, đến tháng 12-2013, tỉnh Tiền Giang diện tích là 250.830,36 ha, dân số có 1.712.547 người, gồm 01 thành phố (Mỹ Tho), 02 thị xã (Cai Lậy và Gò Công), 08 huyện (Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phú Đông và Tân Phước), 157 xã, phường, thị trấn (128 xã, 22 phường, 7 thị trấn). Cụ thể như sau:

TT	Xã, phường, thị trấn	Diện tích (ha) (Dấu , là ngàn; dấu . là số lẻ)	Dân số (người)
I	**Huyện Cái Bè**	**42,089.82**	**291,627**
1	Thị trấn Cái Bè	426.26	16,856
2	An Thái Đông	728.12	9,834
3	Hậu Mỹ Phú	1,120.44	7,306
4	An Cư	1,142.82	14,211
5	Hậu Thành	1,163.09	14,354
6	Mỹ Đức Đông	1,208.66	9,445
7	Thiện Trí	1,314.59	9,210
8	Mỹ Hội	1,377.24	8,383

9	An Hữu	1,411.36	17,263
10	Hoà Hưng	1,540.34	15,335
11	Mỹ Lương	1,608.97	10,370
12	Tân Thanh	1,634.06	10,427
13	Mỹ Tân	1,736.26	4,893
14	Mỹ Lợi A	1,747.61	10,298
15	Đông Hoà Hiệp	1,781.23	14,023
16	Tân Hưng	1,888.60	12,282
17	An Thái Trung	1,911.87	14,901
18	Mỹ Lợi B	1,912.95	7,414
19	Mỹ Đức Tây	1,975.46	13,965
20	Hậu Mỹ Bắc B	1,977.17	10,480
21	Thiện Trung	2,018.96	8,991
22	Hoà Khánh	2,253.21	20,142
23	Mỹ Trung	2,416.47	8,347
24	Hậu Mỹ Bắc A	2,626.04	12,787

25	Hậu Mỹ Trinh	3,168.04	10,110
II	**Huyện Cai Lậy**	**29,599.36**	**186,583**
1	Hiệp Đức	1,013.78	5,977
2	Mỹ Thành Bắc	1,748.73	8,075
3	Cẩm Sơn	1,241.58	8,009
4	Hội Xuân	1,168.68	8,880
5	Mỹ Long	1,280.75	9,158
6	Phú Nhuận	1,363.58	9,206
7	Thạnh Lộc	2,384.06	11,298
8	Long Tiên	1,644.10	12,001
9	Long Trung	1,511.30	12,141
10	Phú Cường	3,259.79	12,733
11	Mỹ Thành Nam	2,179.25	12,652
12	Tân Phong	2,469.99	12,594
13	Phú An	1,577.08	15,149
14	Ngũ Hiệp	2,780.00	16,117

15	Tam Bình	2,081.75	16,383
16	Bình Phú	1,894.94	16,210
III	**Thị xã Cai Lậy**	**14,018.95**	**123,775**
1	Phường 1	220.53	11,427
2	Phường 2	349.19	5,416
3	Phường 3	335.75	3,323
4	Phường 4	203.74	6,039
5	Phường 5	255.62	7,499
6	Phường Nhị Mỹ	553.84	4,586
7	Thanh Hoà	672.58	5,061
8	Tân Phú	826.44	5,410
9	Phú Quí	835.34	6,405
10	Mỹ Hạnh Trung	996.26	7,251
11	Mỹ Hạnh Đông	1,609.86	8,617
12	Nhị Quí	787.70	10,422
13	Tân Bình	900.93	5,669

14	Tân Hội	1,375.81	11,029
15	Mỹ Phước Tây	2,029.64	13,200
16	Long Khánh	2,065.72	12,421
IV	**Huyện Châu Thành**	**22,991.09**	**242,757**
1	Thị trấn Tân Hiệp	74.49	4,995
2	Dưỡng Điềm	341.58	6,192
3	Hữu Đạo	469.64	4,570
4	Tân Lý Tây	509.46	11,148
5	Thạnh Phú	733.81	9,686
6	Đông Hoà	758.96	9,530
7	Song Thuận	783.92	6,442
8	Bình Trưng	893.71	9,140
9	Phú Phong	900.03	6,980
10	Tân Hội Đông	913.62	7,589
11	Long An	591.85	9,258
12	Bàn Long	925.63	8,352

13	Tân Hương	1,103.29	15,170
14	Bình Đức	755.29	13,215
15	Kim Sơn	1,169.09	10,085
16	Thân Cửu Nghĩa	1,244.81	19,201
17	Điềm Hy	1,429.48	9,020
18	Long Hưng	1,475.67	12,355
19	Tân Lý Đông	1,555.24	14,275
20	Long Định	1,779.10	14,359
21	Nhị Bình	1,889.68	16,930
22	Tam Hiệp	2,121.40	14,015
23	Vĩnh Kim	571.34	10,250
V	**Huyện Tân Phước**	**33,321.74**	**57,561**
1	Thị trấn Mỹ Phước	279.40	2,792
2	Phú Mỹ	1,340.10	7,862
3	Tân Lập 2	1,647.54	2,278
4	Tân Hoà Thành	1,747.22	9,847

5	Thạnh Hoà	2,533.85	842
6	Tân Hoà Đông	2,677.93	1,593
7	Thạnh Mỹ	2,832.35	2,134
8	Tân Lập 1	2,870.98	5,549
9	Thạnh Tân	3,319.80	1,892
10	Hưng Thạnh	3,348.75	6,836
11	Tân Hoà Tây	3,352.21	4,257
12	Phước Lập	3,475.54	8,936
13	Mỹ Phước	3,896.07	2,743
VI	**Thành phố Mỹ Tho**	**8,154.10**	**220,014**
1	Phường 1	77.71	7,994
2	Phường 2	70.81	13,743
3	Phường 3	54.11	10,452
4	Phường 4	79.36	16,570
5	Phường 5	271.77	20,653
6	Phường 6	311.30	23,448

7	Phường 7	40.15	9,128
8	Phường 8	69.70	11,954
9	Phường 9	237.57	7,116
10	Phường 10	282.90	10,477
11	Phường Tân Long	272.79	3,470
12	Đạo Thạnh	1,031.47	15,866
13	Trung An	1,063.03	21,667
14	Tân Mỹ Chánh	931.59	12,271
15	Mỹ Phong	1,130.60	16,534
16	Phước Thạnh	1,017.60	12,291
17	Thới Sơn	1,211.64	6,380
VII	**Huyện Chợ Gạo**	**23,256.81**	**178,803**
1	Thị trấn Chợ Gạo	307.67	7,525
2	Hoà Tịnh	704.65	6,286
3	Bình Phan	1,059.00	7,039
4	Tân Bình Thạnh	1,126.85	7,555

5	Trung Hoà	1,077.76	6,452
6	Song Bình	932.58	8,055
7	Phú Kiết	1,154.46	9,942
8	Đăng Hưng Phước	1,476.48	11,151
9	Tân Thuận Bình	1,225.72	10,323
10	Long Bình Điền	1,192.33	11,875
11	Mỹ Tịnh An	1,143.39	8,782
12	Quơn Long	1,330.55	9,538
13	Thanh Bình	1,399.60	9,535
14	Hoà Định	1,359.25	8,136
15	Lương Hoà Lạc	1,007.99	12,477
16	Xuân Đông	1,514.64	8,666
17	An Thạnh Thuỷ	1,573.59	12,503
18	Bình Phục Nhứt	1,805.76	12,358
19	Bình Ninh	1,864.54	10,605
VIII	**Huyện Gò Công Tây**	**18,220.53**	**131,252**

1	Thành Công	810.52	5,934
2	Yên Luông	1,049.62	8,347
3	Bình Phú	1,321.53	7,569
4	Long Vĩnh	1,221.50	7,455
5	Đồng Sơn	1,483.55	8,844
6	Thạnh Trị	1,426.25	9,676
7	Bình Tân	1,669.13	10,368
8	Bình Nhì	1,375.49	11,750
9	Đồng Thạnh	1,567.52	10,351
10	Vĩnh Hựu	1,908.62	11,450
11	Thạnh Nhựt	1,783.72	12,821
12	Long Bình	1,839.67	15,055
13	Thị Trấn Vĩnh Bình	763.41	11,632
IX	**Huyện Gò Công Đông**	**26,768.16**	**142,797**
1	Thị trấn Tân Hoà	325.01	6,830
2	Tân Điền	2,002.19	7,182

3	Tăng Hoà	1,745.67	9,836
4	Phước Trung	2,103.03	10,201
5	Bình Ân	1,337.50	9,855
6	Tân Đông	1,137.91	10,002
7	Bình Nghị	1,319.05	11,176
8	Gia Thuận	1,912.06	6,066
9	Kiểng Phước	4,038.74	15,178
10	Tân Phước	2,194.76	13,857
11	Tân Thành	6,618.98	13,976
12	Thị trấn Vàm Láng	600.00	14,302
13	Tân Tây	1,433.26	14,336
X	**Thị xã Gò Công**	**10,198.49**	**96,877**
1	Phường 1	45.35	5,625
2	Phường 2	71.33	7,673
3	Phường 3	109.71	5,656
4	Phường 4	137.66	6,507

5	Phường 5	160.00	4,623
6	Long Hưng	657.22	5,241
7	Long Hoà	642.64	6,211
8	Long Chánh	768.26	5,584
9	Long Thuận	615.32	6,553
10	Bình Đông	2,244.87	13,776
11	Bình Xuân	2,786.41	16,056
12	Tân Trung	1,959.72	13,372
XI	**Huyện Tân Phú Đông**	**22,211.31**	**40,501**
1	Phú Thạnh	2,232.10	7,769
2	Tân Thới	2,138.26	10,248
3	Tân Phú	2,025.49	8,708
4	Tân Thạnh	2,237.03	4,374
5	Phú Tân	10,629.13	3,472
6	Phú Đông	2,949.30	5,930

Nguồn: Cổng Thông tin điện tử tỉnh Tiền Giang

Ngày 05-02-2016, Thủ tướng chính phủ ban hành Quyết định số 242/QĐ-TTg về việc công nhận thành phố Mỹ Tho là đô thị loại 1 trực thuộc tỉnh Tiền Giang.

Theo thống kê năm 2018, Tiền Giang có diện tích 2.087,315 km^2; dân số 1.763.237 người; 11 đơn vị hành chính cấp huyện (01 thành phố, 02 thị xã, 08 huyện), 173 đơn vị hành chính cấp xã (07 thị trấn, 22 phường và 144 xã).

Đơn vị hành chính	TP Mỹ Tho	TX Cai Lậy	TX Gò Công	H. Cái Bè	H. Cai Lậy	H. Châu Thành
Diện tích (km^2)	81,541	140,189	101,985	420,898	295,993	229,910
Dân số (người)	270.704	23.775	96.877	291.627	242.757	186.583
Mật độ dân (người/km^2)	3320	883	950	693	630	1056

Đơn vị hành chính	H. Chợ Gạo	H. Gò Công Đông	H. Gò Công Tây	H. Tân Phú Đông	H. Tân Phước
Diện tích (km^2)	232,568	267,681	182,205	222,113	333,217
Dân số (người)	178.803	142.797	131.252	40.501	57.561
Mật độ dân (người/km^2)	769	533	720	182	172

Nguồn: Cổng Thông tin điện tử tỉnh Tiền Giang

Năm 2021, tỉnh Tiền Giang có 11 đơn vị hành chính cấp huyện (01 thành phố (Mỹ Tho, đô thị loại 1), 02 thị xã (Cai Lậy và Gò Công, đều đô thị loại 3) và 8 huyện (Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Tân Phước, Chợ Gạo, Gò Công Tây, Gò Công Đông và Tân Phú Đông) với 172 đơn vị hành chính cấp xã (07 thị trấn, 22 phường và 143 xã).

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tính đến ngày 01-8-2021, dân số toàn tỉnh đạt 1.783.165 người, mật độ dân số đạt 710 người/km². Trong đó dân số sống tại thành thị đạt 247.742 người, chiếm 14% dân số toàn tỉnh, dân số sống tại nông thôn đạt 1.516.443 người, chiếm 86% dân số. Dân số nam đạt 865.821 người, trong khi đó nữ đạt 898.364 người. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 15%.

*** Khái quát về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên**

- Vị trí địa lý:

Tiền Giang là tỉnh nằm ở phía Đông Bắc của vùng Đồng bằng sông Cửu Long, có tọa độ địa lý từ $10^0$12'20" - $10^0$35'26" vĩ Bắc và 105^0 49'07" - $106^0$48'06" kinh Đông; Bắc giáp tỉnh Long An; Nam giáp sông Tiền, ngăn cách với tỉnh Vĩnh long và tỉnh Bến Tre; Tây giáp tỉnh Đồng Tháp; Đông Bắc giáp biển với chiều dài 32 km. Lãnh thổ Tiền Giang nằm trải dọc theo bờ Bắc của sông Tiền với chiều dài 120 km, nằm án ngữ ngay cửa ngõ phía Nam của Thành phố Hồ Chí Minh với 3 tuyến đường giao thông huyết mạch là quốc lộ 1A, quốc lộ 30 và quốc lộ 50. Ngoài ra, tuyến đường thủy quan trọng từ các tỉnh miền Tây lên Thành phố Hồ Chí Minh cũng đi qua kênh Chợ Gạo nằm trên địa bàn tỉnh này.

Với vị trí như trên, Tiền Giang có nhiều lợi thế trong việc mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, phát triển sản xuất hàng hoá và giao lưu kinh tế - xã hội với các tỉnh trong vùng và với vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Tuy nhiên, vị trí này cũng mang lại nhiều thách thức cho tỉnh trong việc cạnh tranh, thu hút chất xám, thu hút vốn đầu tư nước ngoài và phát triển sản xuất công nghiệp.

Tiền Giang có diện tích tự nhiên là 2.510,61 km^2, chiếm 0,76% diện tích cả nước, 6,2% diện tích Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL).

- Khí hậu:

Tỉnh Tiền Giang có khí hậu cận xích đạo gió mùa; có lượng mưa lớn; có chế độ gió mùa, ít khi có bão. Nhìn chung tỉnh Tiền Giang có khí hậu thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, thủy sản. Tuy nhiên, mùa khô cũng gây ra tình trạng thiếu nước và xâm nhập mặn ở các huyện Gò Công, Tân Phú Đông, Chợ Gạo, Châu Thành và phần cực bắc của hai huyện Cai Lậy và Tân Phước đã ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất của người dân[7].

- Thủy văn:

Tiền Giang có mạng lưới sông ngòi, kênh rạch chằng chịt, trục chính là sông Tiền, một nhánh của sông Tiền chảy qua địa phận tỉnh Tiền Giang đổ ra biển ra cửa Tiểu và cửa Đại. Đoạn sông Tiền chảy qua Tiền Giang có chiều dài 115 km. Đoạn hạ lưu sông Vàm Cỏ chảy qua Tiền Giang với chiều dài 42 km. Mạng mạng lưới sông ngòi, kênh rạch dày đặc tạo điều kiện thuận lợi cho việc lưu thông vận chuyển hàng hóa phục vụ sản xuất và giao lưu, trao đổi hàng hoá với các khu vực lân cận, đồng thời là môi trường cho việc nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản[8].

- Tài nguyên thiên nhiên:

+ Tài nguyên đất:

Tỉnh Tiền Giang có diện tích là 2508,3 km^2, chiếm 6% diện tích Đồng bằng sông Cửu Long, 8,1% diện tích vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và 0,7 % diện tích cả nước.

---

[7] Trần Thanh Đức chủ biên (2012), *Địa lý địa phương Tiền Giang*, Nxb Giáo dục, tr.10- 11.
[8] Trần Thanh Đức chủ biên (2012), *Địa lý địa phương Tiền Giang*, Nxb Giáo dục, tr.12.

Tiền Giang có nhiều nhóm đất khác nhau như: đất phù sa chiếm 53% tổng diện tích đất tự nhiện của tỉnh, đất mặn chiếm 14.6% , đất phèn chiếm 19.4%, đất cát giồng chiếm 3,1%. Nhìn chung, Tiền Giang có nhiều loại đất phong phú và đa dạng phần lớn là đất phù sa thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp như trồng lúa, cây ăn trái, rau màu[9].

+ Tài nguyên nước:

Bên cạnh 2 sông lớn chảy qua là sông Tiền, sông Vàm Cỏ, Tiền Giang còn có hệ thống kênh rạch phong phú thuận lợi cho giao thông đường thủy và sản xuất nông nghiệp. Tỉnh Tiền Giang có chất lượng nguồn nước ngầm ngọt khá tốt. Đây là nguồn nước sạch quan trọng, cung cấp nước sạch cho sinh hoạt của nhân dân, đặc biệt có ý nghĩa đối với những vùng bị nhiễm phèn, nhiễm mặn.

+ Tài nguyên khoáng sản: tương tự như các tỉnh Tây Nam Bộ, Tiền Giang không có nhiều khoáng sản. Có thể kể đến là đất sét và than bùn, cát sông. Vì tài nguyên khoáng sản ở Tiền Giang ít do nên khi khai thác cần đảm bảo việc phát triển bền vững.

+ Tài nguyên sinh vật: Bên cạnh những loại cây do nhân dân canh tác Tiền Giang còn 3 thảm thực vật mang tính chất hoang dại như rừng ngập mặn ven biển, thảm thực vật rừng nước lợ, thảm thực vật vùng đất phèn hoang. Bên cạnh các loài động vật nuôi, tài nguyên động vật phong phú và đa dạng, có giá trị kinh tế, ở đây chủ yếu là thủy sản.

*** Khái quát về điều kiện kinh tế, văn hóa - xã hội**

Trong định hướng phát triển, Tiền Giang đã phân chia ba vùng kinh tế trọng điểm:

- Vùng các huyện phía Đông là vùng có tiềm năng rất lớn về kinh tế biển và phát triển các loại hình công nghiệp đóng tàu, cảng biển và vận tải biển, chế biến thủy hải sản; cùng các tiềm năng về du lịch và dịch vụ hậu cần nghề cá,...

- Vùng các huyện phía Tây có thế mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm, đặc biệt là cây ăn trái lớn nhất tỉnh gắn liền với sự phát triển công nghiệp chế biến nông sản và các dịch vụ phục vụ dọc theo trục kinh tế Quốc lộ 1. Ngoài ra, vùng còn có nhiều tiềm năng về phát triển du lịch, nơi hội tụ của ba vùng sinh thái như sinh thái mặn, ngọt gắn với sinh thái sông nước, cây ăn trái và sinh thái vùng ngập lũ Đồng Tháp Mười,...

- Vùng thành phố Mỹ Tho - Châu Thành là vùng động lực, đầu tàu thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và chủ động hội nhập, hợp tác kinh tế với vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam, vùng đô thị TP. Hồ Chí Minh và vùng Đồng bằng sông Cử Long (ĐBSCL).

Bên cạnh đó, Tiền Giang có nhiều ưu thế trong việc khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên để phát triển sản xuất hàng hóa, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, tăng cường khả năng hợp tác, giao lưu kinh tế, văn hóa, du lịch với các tỉnh, thành trong vùng

---

[9] Trần Thanh Đức chủ biên (2012), *Địa lý địa phương Tiền Giang*, Nxb Giáo dục, tr.14.

ĐBSCL và vùng Đông Nam Bộ cũng như với các nước Đông Nam Á đặc biệt là các quốc gia cùng chia sẻ nguồn tài nguyên dọc sông Mekong.

Trên cơ sở phân định thế mạnh từng vùng, Tiền Giang đã tập trung phát triển toàn diện nông nghiệp - nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa; thâm canh, chuyên canh, ứng dụng công nghệ sinh học; tổ chức lại hệ thống sản xuất nông nghiệp theo hướng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, an toàn (GAP) gắn với hệ thống tiêu thụ và phục vụ cho công nghiệp chế biến,... Đầu tư ổn định khoảng 60 nghìn ha đất canh tác lúa để đảm bảo vững chắc an ninh lương thực và mục tiêu xuất khẩu; hình thành các vùng chuyên canh là thế mạnh của tỉnh như cây ăn trái, rau sạch... Tiếp tục khai thác thế mạnh trong phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp hóa, nâng cao chất lượng sản phẩm và bảo vệ môi trường,... Phát triển thủy sản theo hướng quy hoạch các vùng nuôi, thâm canh tăng năng suất, đa dạng hóa đối tượng nuôi, kết hợp chặt chẽ khâu nuôi, bảo quản chế biến và quản lý bảo vệ môi trường; chú trọng phát triển các loại thủy sản có giá trị tiêu dùng nội địa và chế biến xuất khẩu như cá, tôm, nghêu, cá bè,... trên sông Tiền, các cồn, bãi bồi ven biển.

Tỉnh đã thu hút đầu tư phát triển các ngành công nghiệp theo hướng đa dạng hóa sản phẩm, ứng dụng công nghệ cao, đồng thời chú trọng các ngành, lĩnh vực tỉnh có lợi thế như công nghiệp chế biến, công nghệ sinh học, công nghiệp cơ khí, chế tạo phục vụ nông nghiệp - nông thôn cùng các ngành công nghiệp bổ trợ cho vùng kinh tế trọng điểm (KTTĐ) phía Nam và vùng ĐBSCL. Tập trung thu hút đầu tư phát triển nhanh các khu, cụm công nghiệp đã được phê duyệt đồng thời củng cố và nâng cao hiệu quả các khu, cụm công nghiệp đã có.

Kinh tế của tỉnh phát triển tương đối toàn diện, chất lượng tăng trưởng từng bước được cải thiện. Theo thống kê năm 2020, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 2016 - 2020 đạt 7,3%/năm[10]; trong đó, khu vực nông, lâm, ngư nghiệp đạt 3,7%/năm, khu vực công nghiệp - xây dựng đạt 12,5%/năm và khu vực dịch vụ đạt 7,5%/năm. Tổng sản phẩm trên địa bàn (Gross Regional Domestic Product, viết tắt là GRDP) bình quân đầu người năm 2020 đạt 58,6 triệu đồng, tương đương 2.506 USD.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng khu vực phi nông nghiệp, giảm tỷ trọng khu vực nông nghiệp. Tỷ trọng khu vực nông - lâm - ngư nghiệp giảm từ 45,8% năm 2015 xuống còn 37,1% năm 2020; khu vực công nghiệp – xây dựng tăng từ 19,9% năm 2015 tăng lên 27,8% năm 2020; khu vực dịch vụ tăng từ 34,3% năm 2015 tăng lên 35,1% năm 2020.

[10] Tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh cao hơn mức bình quân của vùng đồng bằng sông Cửu Long, quy mô GRDP của tỉnh chiếm 10,5%, đứng thứ 2/13 tỉnh, thành (sau Long An); giai đoạn 2016-2019 tăng 7,5%/năm.

Hoạt động xuất khẩu có bước phát triển mạnh mẽ, kim ngạch xuất khẩu đứng thứ 2/13 tỉnh, thành vùng đồng bằng sông Cửu Long. Năm 2020, kim ngạch xuất khẩu đạt 3,0 tỷ USD, tăng bình quân 11,3%/năm.

Thu, chi ngân sách: Ước thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 05 năm 2016 - 2020 là 45.799 tỷ đồng (năm 2020 đạt 11.665 tỷ đồng, chiếm 11,2% so GRDP của tỉnh), tăng bình quân 15,9%/năm, đạt 124,2% so Nghị quyết (5 năm 2016-2020 đạt 36.875 tỷ đồng). Ước thực hiện tổng chi ngân sách địa phương 05 năm 2016 - 2020 là 64.982,4 tỷ đồng (năm 2020 là 13.761,6 tỷ đồng, chiếm 13,2% so GRDP của tỉnh), bằng 111,45% so với Nghị quyết, tăng bình quân 7,3%/năm.

Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội tăng nhanh, giai đoạn 2016 - 2020 đạt trên 169.800 tỷ đồng, chiếm 38,2% so tổng GRDP (Nghị quyết là169.790 - 188.300 tỷ đồng); trong đó, năm 2019 - 2020 đầu tư hoàn thành đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận với tổng vốn trên 11.000 tỷ đồng và hoàn hoàn thành vào năm 2021.

Xây dựng nông thôn mới: Tập trung triển khai đồng bộ các chủ trương, chính sách, giải pháp xây dựng nông thôn mới, lồng ghép với thực hiện nội dung của tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nhất là trong đầu tư hạ tầng nông thôn, phát triển sản xuất, nâng cao đời sống nông dân. Nhờ nguồn lực từ phát triển kinh tế, xã hội, thu ngân sách,... Giai đoạn 2016 - 2020 có 107 xã nông thôn mới (giai đoạn 2011 - 2015 có 12 xã nông thôn mới), ước đến cuối năm 2020, toàn tỉnh có 119/143 xã đạt chuẩn nông thôn mới, chiếm 83,2%, vượt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra (mục tiêu kế hoạch đến cuối năm 2020 có 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới); có 8 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; huyện Gò Công Đông và huyện Chợ Gạo đạt chuẩn huyện nông thôn mới; thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công và thị xã Cai Lậy hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

Công tác giảm nghèo được quan tâm thực hiện với nhiều giải pháp thiết thực, kết hợp đồng bộ với các chính sách trợ giúp người nghèo về y tế, giáo dục, nhà ở, vay vốn tín dụng ưu đãi, đào tạo nghề lao động nông thôn... do vậy, tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh theo chuẩn tiếp cận đa chiều được kéo giảm xuống còn 2,51% năm 2019, đạt kế hoạch sớm 1 năm (vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra dưới 3%)[11]; dự kiến năm 2020 tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh giảm còn 2,25%.

Về phát triển doanh nghiệp: Trong 5 năm 2016-2020, tổng số doanh nghiệp mới được thành lập là 3.250 doanh nghiệp với tổng số vốn đăng ký là 21.017 tỷ đồng. Vốn đầu tư bình quân 6,5 tỷ đồng/doanh nghiệp (vốn đầu tư bình quân giai đoạn 2011-2015 là 4,3 tỷ đồng/doanh nghiệp). Ngoài ra, trong giai đoạn 2016-2020 còn có 870 doanh nghiệp đăng ký bổ sung vốn với tổng vốn bổ sung thêm là 13.593 tỷ. Đến nay, toàn tỉnh có 6.210 doanh nghiệp, vượt mục tiêu Nghị quyết 06-NQ/TU của Tỉnh ủy đề ra (đến năm 2020, toàn tỉnh có trên 5.000 doanh nghiệp). Các doanh nghiệp ngày càng đóng vai trò rất quan trọng trong nền kinh tế, đóng góp rất lớn trong tăng trưởng kinh tế, tăng kim ngạch xuất khẩu, tăng thu ngân sách, giải quyết việc làm, giúp huy động các nguồn lực xã hội cho đầu tư

[11] Công tác giảm nghèo của tỉnh xếp thứ 4/13 tỉnh, thành vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

phát triển. Ngoài những đóng góp trong phát triển kinh tế, doanh nghiệp còn tích cực tham gia các hoạt động xã hội, có ý thức trách nhiệm cao với cộng đồng, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân.

Về thu hút đầu tư: Tỉnh đã tập trung các giải pháp nhằm tạo môi trường thông thoáng, minh bạch trong đầu tư kinh doanh cho các doanh nghiệp, giúp các doanh nghiệp an tâm sản xuất kinh doanh. Trong đó, tập trung chỉ đạo rà soát, sửa đổi chính sách thu hút, ưu đãi đầu tư trên địa bàn; cải cách hành chính: rà soát, đơn giản hóa, bãi bỏ các thủ tục hành chính không cần thiết; ban hành quy chế liên thông trong giải quyết thủ tục đầu tư trên địa bàn tỉnh.

+ Thu hút đầu tư trong nước: Thu hút được 65 dự án vốn đầu tư trong nước với tổng vốn đầu tư đăng ký mới và tăng thêm đạt 15.112 tỷ đồng, tăng 26 dự án và gấp 2,27 lần về vốn so với giai đoạn 2011-2015. Các dự án vốn đầu tư lớn thu hút trong giai đoạn này gồm: Dự án Bến cảng – Tổng kho xăng dầu – Khí hóa lỏng và các sản phẩm sau dầu mỏ DKC Tiền Giang vốn đầu tư 3.646 tỷ đồng; Khu dân cư An Hòa vốn đầu tư 691 tỷ đồng; Cảng du thuyền vốn đầu tư 665 tỷ đồng; Hạ tầng Cụm công nghiệp An Thạnh 2 vốn đầu tư 599 tỷ đồng.

+ Về đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI): Thu hút được 42 dự án với tổng vốn đầu tư đăng ký 821,3 triệu USD, có 46 dự án đăng ký tăng vốn với tổng vốn đầu tư đăng ký tăng đạt 335,3 triệu USD. Nâng tổng vốn đầu tư nước ngoài thu hút được trong giai đoạn 2016 - 2020 đạt 1.156,6 triệu USD, tăng 8,6% so với thực hiện giai đoạn 2011 - 2015.

Các lĩnh vực văn hóa - xã hội luôn được quan tâm đầu tư, phát triển; công tác giảm nghèo được thực hiện tốt; công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm có nhiều chuyển biến tích cực; việc thu hút nhân tài và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được tỉnh quan tâm thực hiện thể hiện qua số lượng cán bộ, công chức, viên chức có trình độ sau đại học (thạc sỹ, tiến sỹ) ngày càng tăng. Tiếp tục thực hiện đổi mới công tác giáo dục - đào tạo; phổ cập giáo dục tiếp tục được củng cố; nâng cao chất lượng giảng dạy, đạo đức nghề nghiệp đội ngũ nhà giáo; giữ được kỷ cương, nền nếp trong các hoạt động giáo dục. Chất lượng khám bệnh, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân và tinh thần thái độ phục vụ của nhân viên y tế được nâng lên; đã kiểm soát và khống chế tốt các loại dịch bệnh, không để dịch lớn xảy ra; công tác bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm từng bước được củng cố; tính đến năm 2020, tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế đạt 100%; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 90% (*mục tiêu đề ra là 82%*).

Với những kết quả trên đã cho thấy bức tranh kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn 2015 - 2020 phát triển khá toàn diện, tạo nền tảng cho sự phát triển của tỉnh trong những giai đoạn tiếp theo.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn địa danh thành phố, xã, phường thuộc thành phố Mỹ Tho**

1. Thành phố Mỹ Tho

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Việt gốc Khmer: Mỹ Tho là do "Mêso" nói trại mà ra, có nghĩa là "Cô gái trắng trẻo".

Tên Mỹ Tho viết bằng chữ Quốc ngữ xuất hiện lần đầu tiên vào năm 1747: "MI THO" trong quyển *Lịch sử truyền giáo xứ Nam Kỳ 1658 -1823 (Histoire de la Mission de Cochinchine 1658-1823)* của Adrien Launay.

Mê có thể biến thành **Mi**, bởi vì trong tiếng Việt, âm **ê** có thể biến đổi thành âm **i** (b**ê**nh vực - b**i**nh vực). **So** có thể biến thành **Tho**, bởi vì âm **s** có thể biến đổi thành **th** (**s**ụp lạy - **th**ụp lạy, **s**ụt lùi - **th**ụt lùi). Từ đó, Mêso được gọi trại thành Mi Tho, về sau thành Mỹ Tho.

Vị trí địa lý:

Thành phố Mỹ Tho là thành phố trực thuộc tỉnh, phía Đông và phía Bắc giáp huyện Chợ Gạo, phía Tây giáp huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, phía Nam giáp huyện Châu Thành của tỉnh Bến Tre qua sông Tiền.

Diện tích tự nhiên: 8.154,08 ha.

Hành chính:

Thành phố Mỹ Tho có 17 xã, phường: 11 phường: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, Tân Long và 6 xã: Đạo Thạnh, Trung An, Mỹ Phong, Tân Mỹ Chánh, Thới Sơn, Phước Thạnh.

Lịch sử hình thành:

Từ thế kỷ XVII, Mỹ Tho đã được lưu dân người Việt từ miền Trung, miền Bắc vào khai hoang, lập ấp. Trải qua quá trình lao động gian khổ, anh dũng, bền bỉ và sáng tạo,cùng với một số chính sách khuyến khích khai hoang của chúa Nguyễn, lưu dân người Việt đã biến Mỹ Tho, từ một vùng đất hoang vu trở thành nơi trù phú, có nền sản xuất nông nghiệp phát triển và đời sống của cư dân ngày càng ổn định.

Năm 1679, một nhóm người Minh hương, được sự cho phép của chúa Nguyễn, đã vào Mỹ Tho lập nghiệp. Ở vùng đất mới, được sự bảo trợ của chính quyền chúa Nguyễn và sự cưu mang, đùm bọc của người Việt, số người Minh hương này chuyên về hoạt động thương mại. Trên cơ sở đó, Mỹ Tho đại phố tức chợ phố lớn Mỹ Tho được thành lập ở làng Mỹ Chánh, huyện Kiến Hòa. Khu đại phố này kéo dài từ bờ sông Tiền chạy dọc theo đường Nguyễn Huỳnh Đức đến Cầu Vĩ, Gò Cát, tức khu vực xã Mỹ Phong hiện nay.

Lúc bấy giờ, Mỹ Tho đại phố là một trong hai trung tâm kinh tế - thương mãi lớn nhất ở Nam bộ. Trịnh Hoài Đức trong quyển *Gia Định thành thông chí* mô tả sự phồn thịnh của Mỹ Tho đại phố như sau: "*Mỹ Tho đại phố có nhà ngói cột chạm, đình cao, chùa rộng.... ghe thuyền sông biển ở các ngả đến đậu đông đúc, làm thành một chốn đại đô hội, phồn hoa huyên náo...*" và "*phàm thuyền buôn các nơi qua lại phải đậu nghỉ ở sông Mỹ Tho, hóng mát, xem trăng, đợi con nước lên, thuận dòng lên tây hay xuống đông*".

Sự sung thịnh của chợ Mỹ Tho chứng tỏ sản xuất nông nghiệp và nền kinh tế hàng hóa ở đây đã có những bước phát triển đáng kể. Nông sản không chỉ đủ dùng cho nhu cầu của cư dân Mỹ Tho, mà còn dư ra với số lượng lớn, trở thành hàng hóa được buôn bán trên thị trường cả nước và xuất khẩu ra nước ngoài. Như vậy, thế mạnh vượt trội của Mỹ Tho đại phố là thương mãi; và thương mãi ở đây đã vươn ra tầm thế giới. Thế mạnh đó bắt nguồn từ sự gắn kết giữa sản xuất nông nghiệp với chế biến và xuất khẩu nông sản, nhất là thóc gạo, cau khô và thủy sản.

Vùng đất Mỹ Tho ngày nay lúc đó thuộc đạo Trường Đồn (từ năm 1772), dinh Trường Đồn (từ năm 1779). Năm 1781, trên cơ sở Mỹ Tho đại phố phát triển ngày càng phồn thịnh, ngay sau khi thành lập dinh Trấn Định, chúa Nguyễn Phúc Ánh đã cho dời lỵ sở của dinh Trấn Định từ giồng Kiến Định (nay là thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu Thành) về thôn Mỹ Chánh - chợ Mỹ Tho, thuộc tổng Kiến Thạnh, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An (nay là khu vực Chợ Cũ thuộc các phường 2, 3, 8, TP Mỹ Tho). Từ đó, Mỹ Tho trở thành trung tâm chánh trị, kinh tế và văn hóa của cả một vùng, mà ngày nay là tỉnh Tiền Giang. Có nhiều làng xã được thành lập xung quanh Mỹ Tho: Thái Trấn lập làng An Hoà (sau đổi là Thạnh Trị), Nguyễn Văn Trước lập làng Điều Hòa,…

Tiếp theo, năm 1792, cũng ngay tại lỵ sở của dinh Trấn Định, thành Mỹ Tho được dựng lên. Lúc bấy giờ, cả Nam bộ chỉ có hai thành được xây dựng với quy mô lớn là thành Mỹ Tho và thành Gia Định. Thành Mỹ Tho do Trần Văn Học vẽ kiểu theo phương pháp đồ họa phương Tây, có tham khảo kiểu thành Vô băng (Vauban) của Pháp. Khi hoàn tất việc xây dựng, đích thân chúa Nguyễn Phúc Ánh đã đến dự lễ khánh thành.

Theo *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức, thành dinh Trấn Định *"được đắp bằng đất, có dạng hình vuông, chu vi 998 tầm (2.430,13 m[12]), có mở hai cái cửa ở phía tả và phía hữu, nơi cửa có cầu treo bắc ngang hào, hào rộng 8 tầm (19,48 m), sâu 1 tầm (2,435 m), bốn mùa nước ngọt có nhiều tôm cá, dưới cầu có dòng nhỏ để thông với sông lớn Mỹ Tho, ngoài hào có đắp lũy đất, có cạnh góc lồi lõm như hình hoa mai, chân lũy mặt tiền ra 30 tầm (73,05 m) thì đến sông lớn. Trong đồn có kho gạo, kho thuốc súng, trại quân và súng lớn, tích trữ đầy đủ, nghiêm túc, mặt sông rộng lớn. Năm Giáp Dần 1794 trên đồn có đặt súng lớn..."*.

Theo quyển *Đại Nam thực lục* của Quốc sử quán triều Nguyễn thì *"tháng giêng năm Nhâm Tý (1792), vua (tức Nguyễn Phúc Ánh) sai đắp thành Mỹ Tho. Thành được đắp bằng đất, góc thành có dạng như hoa mai, chu vi 499 trượng (khoảng 2.430,13 m[13]), phát quan quân các dinh đến ứng dịch, vua ngự đến xem"*.

Còn quyển *Đại Nam nhất thống chí* (*phần tỉnh Định Tường*) của Quốc sử quán triều Nguyễn chép: *"Bảo cũ Mỹ Tho (tức thành dinh Trấn Định) ở địa phận huyện Kiến Hòa, cách lỵ sở tỉnh Định Tường chừng một dặm về phía Đông. Chu vi chừng 4 dặm, mở hai*

[12] Theo nhà nghiên cứu Nguyễn Đình Đầu, 1 tầm = 2,435 mét.

[13] Theo nhà nghiên cứu Nguyễn Đình Đầu, 1 trượng = 4,87 mét.

cửa tả hữu. Hào rộng 4 trượng, ngoài cửa có bắc cầu treo. Ngoài cửa hào có dạy đắp bằng đất có góc như hình con hổ. Bảo được dựng từ năm Nhâm Tý (1792) đầu đời trung hưng".

Vị trí của thành dinh Trấn Định phỏng đoán nằm lọt khung giữa các con đường Đinh Bộ Lĩnh (nam) - Nguyễn Huỳnh Đức (tây) - Học Lạc (bắc) - Thái Sanh Hạnh (đông) thuộc phường 8, phường 9, TP Mỹ Tho hiện nay. Thành có hai cửa: cửa tả, phỏng đoán tại ngã ba đường Học Lạc - Nguyễn Văn Nguyễn; cửa hữu, phỏng đoán tại ngã ba đường Đinh Bộ Lĩnh - Nguyễn Văn Nguyễn.

Như vậy, đến cuối thế kỷ XVIII, do đã có phố chợ buôn bán náo nhiệt; đã có hệ thống hành chánh hoàn chỉnh và đã có ngôi thành kiên cố với đội quân thường trực bảo vệ thì Mỹ Tho đã trở thành một đô thị đích thực.

Năm 1808, dưới đời vua Gia Long, trấn Định Tường được thành lập; và lỵ sở của trấn vẫn được đặt tại thôn Mỹ Chánh - chợ Mỹ Tho. Năm 1826, do yêu cầu phát triển của đô thị Mỹ Tho, vua Minh Mạng cho dời lỵ sở của trấn Định Tường từ thôn Mỹ Chánh - chợ Mỹ Tho sang địa điểm mới tại hai thôn Điều Hòa và Bình Tạo (nay thuộc các phường 1, 4, 7, TP Mỹ Tho). Theo đó, thành Định Tường được dựng lên. Thành này do Tổng trấn Gia Định thành Lê Văn Duyệt trực tiếp chỉ huy khoảng 11.000 nhân công xây dựng. Theo quyển *Đại Nam nhất thống chí*, thành Định Tường được đắp bằng đất, hình vuông, chu vi 320 trượng (khoảng 2.000 m), cao 9 thước 5 tấc (khoảng 4,5 m), mở 4 cửa, hào rộng 8 trượng (khoảng 3 m), sâu 6 thước 5 tấc (khoảng 3 m). Trong quyển *Lịch sử cuộc viễn chinh Nam Kỳ năm 1861*, Léopold Pallu mô tả ngôi thành như sau: "*Thành Mỹ Tho xây theo lối châu Âu. Thành vuông vức, có ụ làm pháo đài. Hào chung quanh rộng có nước, tường thành cao và rất dày. Xung quanh thành là đầm lầy. Khí giới của thành có đại pháo nòng lớn. Thành kiểm soát hết sông Tiền Giang và các đường thuỷ đổ vào sông này*". Phỏng đoán ngôi thành này nằm lọt khung trong các con đường 30 tháng 4 (phía nam), Lê Đại Hành (phía bắc), Lê Lợi (phía đông), Nam Kỳ Khởi Nghĩa (phía tây) hiện nay.

Năm 1832, dưới đời vua Minh Mạng, trấn Định Tường được đổi thành tỉnh Định Tường, lỵ sở vẫn được đặt tại hai thôn Điều Hòa và Bình Tạo. Tại đây, ngoài việc xây dựng tỉnh thành và trường học của tỉnh (1826), chính quyền nhà Nguyễn còn tiến hành xây dựng các công trình khác nhằm phục vụ cho mục đích phát triển kinh tế và văn hóa, như đàn Tiên nông thờ thần Nông (1832), đàn Xã tắc thờ thần Đất nước (1833), chợ, cửa quan thu thuế (1835), miếu Thành hoàng (1848),…

Về kinh tế, Mỹ Tho vẫn là một đô thị lớn về thương mãi ở Nam Kỳ. Trong quyển *Lịch sử cuộc viễn chinh Nam Kỳ năm 1861,* Léopold Pallu viết: "*Sài Gòn là trung tâm quân sự, Mỹ Tho là trung tâm thương mãi. Các ghe thuyền của người Nhật Bản, người Trung Hoa, người An Nam, người Xiêm (Thái Lan) có đáy cạn dễ di chuyển trên sông gần nơi sản xuất gạo, khiến cho Mỹ Tho trở thành trung tâm buôn bán lớn nhất của Nam kỳ, trước khi người Âu đến ... Mỹ tho còn là vựa thóc lại vừa là thị trường lúa gạo quan trọng của cả An Nam… Mỹ Tho là một vùng có nhà cửa rộng lớn, lợp bằng là dừa nước*

theo tập quán. Nhưng dọc theo bờ kinh Bưu Điện (Arroyo de la Poste hay kinh Bảo Định), nhà cửa thanh nhã hơn nhiều, mái lợp ngói giữa những vườn dừa, vườn cau, tất cả có vẻ trang nhã, phong lưu, đôi khi giàu có. Có thể so sánh với cảnh phồn hoa đô hội của Chợ Quán và kinh Tàu Hủ ở Sài Gòn...".

Dưới thời thực dân Pháp thống trị, năm 1867, vùng đất Mỹ Tho ngày nay thuộc hạt Thanh tra Mỹ Tho; năm 1871, thuộc hạt Tham biện Mỹ Tho; năm 1876, thuộc Trung tâm hành chính Mỹ Tho, Tiểu khu hành chính Mỹ Tho[14], Khu vực hành chính Mỹ Tho[15].

Năm 1900, tỉnh Mỹ Tho được thành lập, tỉnh lỵ đặt tại Mỹ Tho

Năm 1912, chính quyền thực dân Pháp chia tỉnh lỵ Mỹ Tho ra hai vùng: Vùng 1 thị tứ có 2 đại lý (délégation), Vùng 2 có hai làng Điều Hòa và Bình Tạo. Năm 1933, mở rộng ranh giới tỉnh lỵ Mỹ Tho về phía tây, lấy thêm phần đất các làng Thạnh Trị, Đạo Ngạn và Bình Tạo.

Năm 1938, tỉnh lỵ Mỹ Tho được công nhận là thị xã hỗn hợp (còn gọi là Hiệp xã). Năm 1942, Hiệp xã Mỹ Tho có 4 khu hành chính:

- Khu hành chính 1: tương ứng các Phường 1 và 7 hiện nay.

- Khu hành chính 2: tương ứng các Phường 2, 3 và 8 hiện nay.

- Khu hành chính 3: tương ứng Phường 4 và một phần Phường 6 hiện nay.

- Khu hành chánh 4: tương ứng Phường 5 và một phần Phường 6 hiện nay.

Từ năm 1945 - 1954, chính quyền Cách mạng thành lập thị xã Mỹ Tho trực thuộc tỉnh Mỹ Tho. Địa bàn thị xã Mỹ Tho khi đó, ngoài 4 khu hành chính, còn bao gồm luôn ba xã vùng ven: Trung An, Đạo Thạnh, Tân Mỹ Chánh

Từ năm 1954 - 1975, về phía chính quyền Sài Gòn, năm 1956, đổi tên tỉnh Mỹ Tho thành tỉnh Định Tường; giải thể thị xã Mỹ Tho, tỉnh lỵ tỉnh Định Tường đặt tại xã Điều Hòa, quận Châu Thành; đồng thời, xã Điều Hòa cũng là quận lỵ quận Châu Thành. Năm 1960, quận Châu Thành đổi tên thành quận Long Định, đồng thời dời quận lỵ tới xã Long Định (nay là xã Long Định, huyện Châu Thành). Lúc này, về mặt hành chính, tỉnh lỵ Mỹ Tho thuộc địa bàn xã Điều Hòa, quận Long Định, tỉnh Định Tường. Năm 1964, chính quyền Sài Gòn chia quận Long Định thành quận Châu Thành và quận Long Định. Khi đó, xã Điều Hòa trở lại thuộc quận Châu Thành và tỉnh lỵ Mỹ Tho tiếp tục nằm trên địa bàn xã Điều Hòa, quận Châu Thành.

---

[14] Địa bàn Tiểu khu hành chính Mỹ Tho quá rộng nên tuy đã xóa bỏ cấp phủ, huyện, nhưng vẫn phải dựa vào cơ sở cũ để lập các Trung tâm hành chính trực thuộc Tiểu khu hành chính, bao gồm 3 Trung tâm hành chính là Mỹ Tho, Chợ Gạo và Cai Lậy.

[15] Khu vực hành chính Mỹ Tho có 4 tiểu khu hành chính: Mỹ Tho, Gò Công, Tân An và Chợ Lớn.

Địa bàn xã Điều Hòa khi đó bao gồm 25 ấp trực thuộc: Lạc Hồng, Võ Tánh, Ngô Quyền, Nguyễn Huệ, Trương Vĩnh Ký, Thái Lập Thành, Nguyễn Trãi, Phan Văn Trị, Trịnh Hoài Đức, Đinh Bộ Lĩnh, Mỹ Chánh, Phan Thanh Giản, Học Lạc, Đốc Binh Kiều, Nguyễn Huỳnh Đức, Mỹ Phúc, Xóm Dầu, Cộng Hòa, Quyết Tiến, Cộng Đồng, Đồng Tiến, Dân Chủ, Võ Thắng, Bình Thành, Bình Tạo.

Năm 1970, cải biến xã Điều Hòa thành thị xã Mỹ Tho, là thị xã tự trị trực thuộc chính quyền Trung ương Sài Gòn; đồng thời, kiêm tỉnh lỵ tỉnh Định Tường. Năm 1971, thị xã Mỹ Tho có 6 khu phố:

- Khu phố 1: gồm các ấp Lạc Hồng, Võ Tánh, Ngô Quyền, Nguyễn Huệ, Trương Vĩnh Ký, Thái Lập Thành, Nguyễn Trãi (tương ứng Phường 1 và Phường 7 hiện nay).

- Khu phố 2: gồm các ấp Phan Văn Trị, Trịnh Hoài Đức, Đinh Bộ Lĩnh, Mỹ Chánh (tương ứng Phường 2 hiện nay).

- Khu phố 3: gồm các ấp Phan Thanh Giản, Học Lạc, Đốc Binh Kiều, Nguyễn Huỳnh Đức, Mỹ Phúc, Xóm Dầu (tương ứng Phường 3 và Phường 8 hiện nay).

- Khu phố 4: gồm các ấp Cộng Hòa, Quyết Tiến, Cộng Đồng, Đồng Tiến, Dân Chủ (tương ứng Phường 4 hiện nay).

- Khu phố 5: gồm các ấp Chiến Thắng, Nguyễn Tri Phương (tương ứng Phường 5 hiện nay).

- Khu phố 6: gồm các ấp Bình Thành, Bình Tạo (tương ứng Phường 6 hiện nay).

Năm 1972, đổi tất cả các đơn vị khu phố thành phường; ấp thành khóm; đồng thời khóm Bình Thành thuộc Khu phố 6/Phường 6 được chia làm 3 khóm: Bình Thành, Lý Thường Kiệt, Ngô Tùng Châu.

Về phía chính quyền Cách mạng, từ năm 1954-1967, vẫn giữ tên tỉnh cũ là tỉnh Mỹ Tho và tiếp tục duy trì thị xã Mỹ Tho trực thuộc tỉnh Mỹ Tho.

Năm 1967, thị xã Mỹ Tho được tách ra khỏi tỉnh Mỹ Tho, đồng thời nâng thị xã lên thành thành phố Mỹ Tho, ngang với cấp tỉnh, trực thuộc Khu 8. Lúc bấy giờ, thành phố Mỹ Tho có 4 quận:

- Quận 1: tương ứng các Phường 1 và 7 hiện nay.

- Quận 2: tương ứng các Phường 2, 3 và 8 hiện nay.

- Quận 3: tương ứng các Phường 4, 5 và 6 hiện nay.

- Quận 4: tương ứng các Phường 9, 10 và Tân Long; các xã Tân Mỹ Chánh, Đạo Thạnh, Mỹ Phong, Trung An hiện nay.

Sau ngày 30/4/1975, chính quyền Cách mạng vẫn duy trì ba đơn vị hành chính cấp tỉnh ngang bằng nhau là tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công và thành phố Mỹ Tho.

Năm 1976, tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công và thành phố Mỹ Tho hợp nhất để thành lập tỉnh mới có tên là tỉnh Tiền Giang. Từ đó, thành phố Mỹ Tho đóng vai trò là tỉnh lỵ tỉnh

Tiền Giang, được Trung ương công nhận là đô thị loại 3 trực thuộc tỉnh Tiền Giang. Thành phố Mỹ Tho khi đó gồm có 8 phường: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 và 5 xã vùng ven: Tân Long, Tân Mỹ Chánh, Đạo Thạnh, Mỹ Phong, Trung An.

Năm 2003, theo Nghị định số 154/2003/NĐ-CP của Chính phủ, thành phố Mỹ Tho có biến chuyển về hành chính như sau:

- Thành lập phường Tân Long thuộc thành phố Mỹ Tho trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của xã Tân Long.

- Thành lập Phường 9 thuộc thành phố Mỹ Tho trên cơ sở 274 ha diện tích tự nhiên và 9.270 nhân khẩu của xã Tân Mỹ Chánh.

- Thành lập Phường 10 thuộc thành phố Mỹ Tho trên cơ sở 69,32 ha diện tích tự nhiên và 3.323 nhân khẩu của xã Đạo Thạnh, 197,26 ha diện tích tự nhiên và 6.964 nhân khẩu của xã Trung An. Phường 10 có 266,58 ha diện tích tự nhiên và 10.287 nhân khẩu.

Năm 2005, thành phố Mỹ Tho được công nhận là đô thị loại 2.

Ngày 26/9/2009, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 28/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Châu Thành, huyện Chợ Gạo để mở rộng địa giới hành chính thành phố Mỹ Tho; điều chỉnh địa giới hành chính xã, thành lập xã thuộc thành phố Mỹ Tho, huyện Châu Thành, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang như sau:

1. Điều chỉnh địa giới hành chính huyện Châu Thành, huyện Chợ Gạo để mở rộng địa giới hành chính thành phố Mỹ Tho: Mở rộng địa giới hành chính thành phố Mỹ Tho trên cơ sở điều chỉnh 2.585,77 ha diện tích tự nhiên và 24.440 nhân khẩu của huyện Châu Thành (bao gồm toàn bộ 1.211,64 ha diện tích tự nhiên và 5.505 nhân khẩu của xã Thới Sơn; 329,90 ha diện tích tự nhiên và 4.174 nhân khẩu của xã Long An; 177,69 ha diện tích tự nhiên và 1.754 nhân khẩu của xã Thạnh Phú; 510,01 ha diện tích tự nhiên và 6.177 nhân khẩu của xã Phước Thạnh; 356,53 ha diện tích tự nhiên và 6.830 nhân khẩu của xã Bình Đức) và 709,51 ha diện tích tự nhiên và 6.917 nhân khẩu của huyện Chợ Gạo (bao gồm 502,33 ha diện tích tự nhiên và 4.986 nhân khẩu của xã Lương Hòa Lạc; 207,18 ha diện tích tự nhiên và 1.931 nhân khẩu của xã Song Bình) về thành phố Mỹ Tho quản lý. Thành phố Mỹ Tho có 8.154,08 ha diện tích tự nhiên và 204.142 nhân khẩu.

2. Điều chỉnh địa giới hành chính xã, thành lập xã thuộc thành phố Mỹ Tho, huyện Châu Thành và huyện Chợ Gạo.

Thành lập xã Phước Thạnh thuộc thành phố Mỹ Tho trên cơ sở điều chỉnh 329,90 ha diện tích tự nhiên và 4.174 nhân khẩu của xã Long An; 177,69 ha diện tích tự nhiên và 1.754 nhân khẩu của xã Thạnh Phú; 510,01 ha diện tích tự nhiên và 6.177 nhân khẩu của xã Phước Thạnh (phần diện tích tự nhiên và nhân khẩu của xã Phước Thạnh thuộc huyện Châu Thành điều chỉnh về thành phố Mỹ Tho). Xã Phước Thạnh có 1.017,60 ha diện tích tự nhiên và 12.105 nhân khẩu.

Điều chỉnh 356,53 ha diện tích tự nhiên và 6.830 nhân khẩu của xã Bình Đức (phần diện tích tự nhiên và nhân khẩu điều chỉnh về thành phố Mỹ Tho) về xã Trung An thuộc thành phố Mỹ Tho quản lý;

Điều chỉnh 502,33 ha diện tích tự nhiên và 4.986 nhân khẩu của xã Lương Hòa Lạc (phần diện tích tự nhiên và nhân khẩu điều chỉnh về thành phố Mỹ Tho) về xã Đạo Thạnh thuộc thành phố Mỹ Tho quản lý;

Điều chỉnh 207,18 ha diện tích tự nhiên và 1.931 nhân khẩu của xã Song Bình (phần diện tích tự nhiên và nhân khẩu điều chỉnh về thành phố Mỹ Tho) về xã Tân Mỹ Chánh thuộc thành phố Mỹ Tho quản lý;

Điều chỉnh 323,14 ha diện tích tự nhiên và 3.093 nhân khẩu còn lại của xã Phước Thạnh về xã Thạnh Phú thuộc huyện Châu Thành quản lý.

3. Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính huyện Châu Thành, huyện Chợ Gạo để mở rộng địa giới hành chính thành phố Mỹ Tho; điều chỉnh địa giới hành chính xã, thành lập xã thuộc thành phố Mỹ Tho, huyện Châu Thành, huyện Chợ Gạo:

- Xã Đạo Thạnh có 1.031,47 ha diện tích tự nhiên và 12.427 nhân khẩu.

- Xã Tân Mỹ Chánh có 931,59 ha diện tích tự nhiên và 8.975 nhân khẩu.

- Xã Trung An có 1.063,03 ha diện tích tự nhiên và 14.651 nhân khẩu.

Thành phố Mỹ Tho sau khi điều chỉnh, mở rộng có diện tích tự nhiên là 8.154,08 ha, dân số 204.142 người, có 17 đơn vị hành chính phường, xã: các Phường 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, Tân Long và các xã: Phước Thạnh, Trung An, Thới Sơn, Đạo Thạnh, Tân Mỹ Chánh, Mỹ Phong.

Năm 2016, thành phố Mỹ Tho được công nhận là đô thị loại 1 trực thuộc tỉnh Tiền Giang. Đó là đô thị loại 1 thứ hai của Vùng đồng bằng sông Cửu Long sau thành phố Cần Thơ và là đô thị loại 1 thứ 17 của cả nước. Năm 2017, thành phố được công nhận đạt chuẩn văn minh đô thị. Năm 2019, thành phố đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

Dân số: 229.253 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 94,96 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Thành phố Mỹ Tho là trung tâm kinh tế của tỉnh Tiền Giang, trong giai đoạn 2015-2020, tốc độ tăng trưởng kinh tế của thành phố ở mức cao và phát triển khá toàn diện. Năm 2020, cơ cấu kinh tế là công nghiệp (55,25%) với 01 khu công nghiệp (Mỹ Tho), 02 cụm công nghiệp (Trung An và Tân Mỹ Chánh); dịch vụ (40,10%); nông nghiệp (4,65%).

Lợi thế kinh tế của thành phố là phát triển các ngành thương mại - dịch vụ; đặc biệt phát triển các trung tâm thương mại, siêu thị, chợ, nhà hàng, khách sạn, khu du lịch, các

ngành dịch vụ tài chính, vận tải, bưu chính viễn thông, y tế, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; các khu dân cư - đô thị mới. Hoạt động thương mại trên địa bàn ngày càng phát triển, đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của người dân.

Giáo dục:

Hệ thống giáo dục trên địa bàn được đầu tư ngày càng hoàn thiện, năm 2020, toàn thành phố có 60 trường ở tất cả các bậc học, tỷ lệ học sinh đến trường luôn được đảm bảo. Công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập được nhân rộng. Tỷ lệ các chuẩn phổ cập giáo dục (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) và xóa mù chữ tiếp tục giữ vững ở mức khá cao, trường chuẩn quốc gia chiếm tỷ lệ 62,7%. Thành phố là địa phương có số lượng học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp toàn quốc, cấp tỉnh cao nhất tỉnh Tiền Giang.

Y tế:

Thành phố Mỹ Tho thực hiện tốt các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế gắn với nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân, thường xuyên đầu tư nâng cấp mạng lưới y tế, trang thiết bị; nâng cao trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ y, bác sĩ. Năm 2020, thành phố có 1,95 bác sĩ/vạn dân; thành phó có 01 trung tâm y tế và 17/17 trạm y tế phường, xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế giai đoạn 2012 - 2020 và có bác sĩ khám, chữa bệnh; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 90%.

Trong năm 2020, Trung tâm Y tế TP. Mỹ Tho và Trạm Y tế các phường, xã đã khám bệnh cho trên 550.800 lượt bệnh nhân, đạt tỷ lệ 183,6% so kế hoạch năm. Trung tâm Y tế thành phố còn điều trị nội trú cho 1.259 lượt bệnh nhân, đạt 44,9% so với kế hoạch. Đặc biệt, để bệnh nhân được thuận lợi trong việc sắp xếp thời gian khám bệnh, Trung tâm Y tế thành phố đã bố trí cho bệnh nhân bắt số đăng ký khám, chữa bệnh từ lúc 4 giờ 30 sáng mỗi ngày. Bên cạnh đó, Trung tâm Y tế thành phố còn duy trì việc khám, chữa bệnh ngoài giờ và triển khai thêm khám chuyên khoa đái tháo đường vào sáng ngày thứ Bảy hàng tuần; hàng quý đều tiến hành khảo sát sự hài lòng của bệnh nhân.

Giao thông:

Thành phố Mỹ Tho có sông Tiền và Quốc lộ 1 chạy qua, có Quốc lộ 50 đi về các địa phương thuộc khu vực Gò Công và Đường tỉnh 864 chạy dọc sông Tiền lên Cai Lậy, Cái Bè. Có Quốc lộ 60 và cầu Rạch Miễu nối thành phố Mỹ Tho với tỉnh Bến Tre. Từ thành phố Mỹ Tho có thể dễ dàng đi bằng đường thủy hay bằng đường bộ lên thành phố Hồ Chí Minh hoặc xuống các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long hay ra Biển Đông, hoặc đến Phnôm pênh (Campuchia).

Kết cấu hạ tầng kỹ thuật, xã hội của thành phố được đầu tư tương đối đồng bộ theo quy hoạch; các công trình trọng điểm như đường và kè Sông Tiền đoạn Phường 1, Phường 4, Phường 6, đoạn Phường 2, kè chống sạt lở ở cồn Tân Long, sông Bảo Định và các công trình giao thông, các trung tâm hành chính phường, xã, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa.

Tất cả các tuyến đường giao thông ở thành phố đều được trải nhựa, bê tông. Đặc biệt, thành phố là đã cải tạo, nâng cấp hầu hết các hẽm ở các khu dân cư theo Dự án nâng cấp đô thị vùng đồng bằng sông Cửu Long – Tiểu dự án thành phố Mỹ Tho... góp phần cho thành phố Mỹ Tho càng thêm khởi sắc và đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân thành phố không ngừng được nâng cao.

Văn hóa:

Thành phố Mỹ Tho đã được công nhận đạt chuẩn văn minh đô thị vào năm 2017, được công nhận hoàn thành nông thôn mới vào năm 2020.

Mỹ Tho - thành phố Anh hùng

Song song với quá trình khai mở đất đai, nhân dân Mỹ Tho luôn phải đối phó với giặc ngoại xâm. Năm 1705, quân Cao Miên thường kéo đến quấy phá, cướp bóc. Chúa Nguyễn sai Nguyễn Cửu Vân đắp lũy và đào kinh Bảo Định để chận đánh địch khiến bọn chúng phải đại bại rút quân về nước. Năm 1785, dưới sự chỉ huy của Nguyễn Huệ, nghĩa quân Tây Sơn và nhân dân Mỹ Tho đã đánh bại quân Xiêm xâm lược tại đoạn sông Tiền từ Rạch Gầm đến rạch Xoài Mút. Viết về sự kiện này, sử triều Nguyễn ghi: *"Kể từ sau trận Giáp Thìn, người Xiêm sợ quân Tây Sơn như sợ cọp"*. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử, nhân dân Mỹ Tho đã cùng với nghĩa quân Tây Sơn đánh bại sự xâm lược hung hãn của bọn phong kiến Xiêm, giữ vững nền độc lập dân tộc và sự toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ thành quả khai hoang của nhân dân Nam bộ.

Dưới thời thuộc Pháp (1861 – 1954) và dưới thời chính quyền Sài Gòn (1954 – 1975), mặc dù trải qua nhiều lần thay đổi địa giới hành chính và tên gọi, nhưng Mỹ Tho vẫn luôn là tỉnh lỵ. Đối với khu vực, Mỹ Tho là trung tâm của vùng Trung Nam bộ, là đầu mối giao thông thuỷ - bộ nối liền Sài Gòn với các tỉnh miền Tây. Đối với nội tỉnh, Mỹ Tho là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá của địa bàn toàn tỉnh. Điều đó đã tạo cho Mỹ Tho có vị trí chiến lược quân sự hết sức quan trọng. Vì thế, cả thực dân Pháp và đế quốc Mỹ đã chọn đặt ở tại Mỹ Tho các cơ quan đầu não của bọn chúng. Thành phố Mỹ Tho từ đó trở thành chiến trường trọng điểm, là nơi diễn ra các cuộc đấu tranh gay go, quyết liệt giữa ta và địch trong suốt thời kỳ tiến hành chiến tranh giải phóng dân tộc.

Có một điều chắc chắn là các phong trào yêu nước và cách mạng của nhân dân thành phố Mỹ Tho chống đế quốc xâm lược đã liên tục nổ ra và nối kết lại thành dòng chảy xuyên suốt chiều dài lịch sử đấu tranh của nhân dân thành phố. Cuộc khởi nghĩa của thủ khoa Nguyễn Hữu Huân và các phong trào Cần Vương, Hội kín, Minh Tân bùng nổ trong nửa sau thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX đều bắt đầu từ Mỹ Tho; và từ đó, lan tỏa đến các địa phương khác trong tỉnh.

Vào những năm 30 của thế kỷ XX, Mỹ Tho vẫn là trung tâm của phong trào yêu nước và cách mạng trong toàn tỉnh. Khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (3/2/1930) thì chỉ sau đó 2 tháng (tháng 4/1930) tại thành phố, một số chi bộ Đảng cũng được thành lập, như chi bộ Hãng Xáng, chi bộ Cô le đờ Mỹ Tho (Collège de Mytho - Trường Trung

học phổ thông Nguyễn Đình Chiểu hiện nay), chi bộ Xóm Dầu (Phường 3), chi bộ Hóc Đùn (xã Đạo Thạnh),…

Từ năm 1930 đến năm 1975, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Mỹ Tho đã tích cực tham gia phong trào cách mạng, trải qua nhiều hy sinh, gian khổ, cùng với nhân cả nước liên tiếp giành những thắng lợi rực rỡ trong sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Với những thành tích oanh liệt trong công cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm, thành phố Mỹ Tho đã được Đảng và Nhà nước ta phong tặng danh hiệu cao quý: thành phố Anh hùng. Mỹ Tho có cái đẹp trong sự oai hùng, lẫm liệt.

Mỹ Tho - cái nôi của nghệ thuật cải lương

Vào đầu thế kỷ XX, ở tỉnh Mỹ Tho (nay là tỉnh Tiền Giang) đã xuất hiện một số ban đờn ca tài tử. Tiêu biểu là Ban đờn ca tài tử Nguyễn Tống Triều (Tư Triều). Năm 1906, Ban đã được mời sang nước Pháp trình diễn tại cuộc đấu xảo được tổ chức ở thành phố cảng Mạc xây (Marseille).

Khi sang Pháp trình diễn, Ban đờn ca tài tử có 16 người gồm một người phụ trách, tám tài tử nam, năm tài tử nữ và hai em nhỏ. Nhạc cụ gồm bảy đờn tranh, một đờn kìm, một đờn đoản, một đờn cò, một đờn bầu, một đờn tì bà, một đờn tam, một thanh la và một trống cái. Ban Tư Triều đi Pháp biểu diễn với các nhạc sĩ chính gồm: Tư Triều đờn kìm, Chín Hoán đờn độc huyền, Bảy Võ đờn cò, cô Hai Nhiễu (con ông Tư Triều) đờn tranh, còn cô Ba Đắc là tài tử ca. Điểm đặc biệt của ban nhạc tài tử Tư Triều trong thời gian ở Pháp là được nhà tổ chức đưa lên sân khấu biểu diễn cho khán giả xem chứ không phải ngồi dưới sân khấu đờn hát cho khán giả nghe như ở Việt Nam.

Sau khi về nước, nghệ nhân Tư Triều sáng tạo ra một loại hình diễn xướng mới là ca ra bộ với nghĩa là diễn viên vừa ca vừa ra điệu bộ phù hợp với lời ca. Theo nhiều nhà nghiên cứu nghệ thuật, ca ra bộ là tiền thân của nghệ thuật cải lương. Từ đó, Ban đờn ca tài tử Tư Triều trở thành Ba ca ra bộ Tư Triều, được mời đi biểu diễn khắp nơi ở Nam Bộ, nhất là Sài Gòn và Mỹ Tho.

Về nghệ thuật cải lương, phải nói đến gánh hát thầy Năm Tú (Châu Văn Tú hay Pierre Tú) được thành lập năm 1918. Đây là gánh cải lương chuyên nghiệp đầu tiên ở Việt Nam. Ngay tại chợ Mỹ Tho, ông Năm Tú cho xây dựng một rạp hát với đầy đủ phương tiện, trang thiết bị nhằm phục vụ cho những buổi biểu diễn chuyên nghiệp của gánh hát do mình làm chủ. Rạp hát này có tên là rạp hát Thầy Năm Tú và đây là rạp hát cải lương đầu tiên ở nước ta. Và tối 15/3/1918, cũng chính tại rạp hát này, công chúng lục tỉnh Nam kỳ đã được xem vở cải lương đầu tiên là vở Kim Vân Kiều (có tài liệu viết vở Lục Vân Tiên) do ông Trương Duy Toản viết kịch bản.

Đồng thời, với tư duy nhạy bén của một người kinh doanh trong lĩnh vực nghệ thuật, ông Năm Tú còn sản xuất đĩa hát cải lương và đây là những đĩa hát cải lương đầu tiên ở Việt Nam.

Sau khi rạp hát cải lương ra đời và nghệ thuật cải lương được công chúng đón nhận nồng nhiệt, thầy Năm Tú đã nghĩ ra cách khuếch trương tên tuổi rạp hát, đồng thời quảng bá cải lương để bộ môn nghệ thuật này tiến xa hơn.

Khi đại diện hãng đĩa hát Pathé Phono của người Pháp đến rạp thầy Năm Tú xem cải lương, họ đã hài lòng trước cách tổ chức biểu diễn của ông. Chủ hãng đĩa đã đồng ý ký hợp đồng với thầy Năm Tú sản xuất đĩa hát cải lương. Lúc đó, để có thể cho dân chúng nghe đĩa một cách phổ biến, ông liên kết với các chủ sản xuất máy hát đĩa.

Để phân biệt với máy hát của Pháp, ông cho in nhãn hiệu con chó trên máy, còn trên đĩa hát thì in hình con gà trống đỏ. Đây là loại đĩa hát tiếng Hoa và Việt. Dành cho người Hoa nghe thì ông làm đĩa nhạc Hoa hoặc hòa tấu, còn loại tiếng Việt ưu tiên cho cải lương. Do đĩa có dung lượng thấp nên mỗi tuồng cải lương phải in từ 6 đến 12 đĩa. Nghe thì phải canh hết đĩa rồi lại thay.

Với đĩa hát con gà trống đỏ, ông thu âm gần như đầy đủ những tuồng tích của gánh hát. Ông đã có công gắn liền tên gánh hát của mình vào đĩa hát Pathé Phono và đã phổ biến lối hát cải lương đến những nơi hẻo lánh. Ông tạo điều kiện cho những đào, kép giỏi có chỗ thể hiện tài nghệ và gầy dựng tên tuổi. Đĩa hát "Con gà trống đỏ" nào cũng khởi sự bằng câu "Alô! Bạn hát cải lương của thầy Năm Tú tại Mỹ Tho, ca cho hãng Pathé Phono nghe chơi". Nhờ được thu âm với chất giọng mùi mẫn của cô Tư Sạng, cô Năm Cần Thơ mà các bà, các cô thính giả mê mẩn, mủi lòng. Thế là máy hát và đĩa hát bán chạy như tôm tươi. Sau mùa lúa thời đó, bà con đem tiền đến mua về để ngày Tết quây quần bên trà, bánh mà nghe đĩa hát "Con gà trống đỏ" (Theo "Con gà trống đỏ" của thầy Năm Tú" của nhà báo Thanh Hiệp đăng trên báo Người Lao Động, số ra ngày 31/01/2017).

Việc làm này của ông Năm Tú, ngoài mục đích tăng doanh thu, còn nhằm phổ biến nghệ thuật cải lương ra cả nước. Ngoài ra, trong những năm 20 của thế kỷ XX, ở Mỹ Tho còn có nhiều gánh cải lương nổi tiếng khác nữa, như Nam Đồng Ban, Tái Đồng Ban, Đồng Bào Nam, Huỳnh Kỳ,…

Từ trong cái nôi của nghệ thuật đờn ca tài tử - ca ra bộ - cải lương, ở Mỹ Tho đã sản sinh ra những tài danh cải lương tiền bối, như cố đệ nhất tài hoa cải lương Năm Phỉ (Lê Thị Phỉ), cố Nghệ sĩ nhân dân (NSND) Năm Châu (Nguyễn Thành Châu), cố NSND Tư Trang (Trần Hữu Trang), cố NSND Bảy Nam (Lê Thị Nam, em của cố nghệ sĩ Năm Phỉ), cố NSND Phùng Há (Trương Phụng Hảo),…

Mỹ Tho – Tiền Giang xứng danh là cái nôi của nghệ thuật đờn ca tài tử, ca ra bộ và cải lương.

Mỹ Tho - nhìn từ góc độ thơ văn và môi trường sinh thái

Từ lâu, Mỹ Tho đã đi vào ca dao và thi ca với vẻ đẹp đằm thắm, nền nã và thơ mộng. Đó là lời của cô gái Mỹ Tho dịu dàng, chung thủy khi động viên tinh thần dân tộc, yêu nước đối với người yêu:

Đèn Sài Gòn, ngọn xanh, ngọn đỏ,

Đèn Mỹ Tho, ngọn tỏ, ngọn lu.

Anh về học lấy chữ Nhu,

Chín trăng em đợi, mười thu em chờ.

(Ca dao)

Đó cũng là cô gái Mỹ Tho có sắc đẹp rạng ngời, nhưng anh dũng tuyệt vời trong công cuộc chống ngoại xâm:

Gái Mỹ Tho mày tằm, mắt phụng

Giặc đến nhà chẳng vụng huơ đao.

(Ca dao)

Về thi ca, lần đầu tiên, địa danh Mỹ Tho đã được xuất hiện ở bài thơ "*Mỹ Tho dạ vũ*" trong bộ "*Cấn Trai thi tập*" của Trịnh Hoài Đức (1765-1825), một đại trọng thần của nhà Nguyễn dưới hai triều vua Gia Long và Minh Mạng:

Mỹ Tho dạ vũ

Trạc anh xướng bãi nguyệt trầm tê (tây),

Tiêu tích Tho giang vũ chính thê.

Hòe thị trào đôi du giáp quán,

Tông kiều vân ủng thạch ngưu nê.

Quang hàn liễu phố ngư thuyền hỏa,

Thanh thấp mai thành thú trại bề.

Vạn khoảnh minh triêu trình hợp dĩnh,

Tang lâm vô sự đảo kiền tê.

Bản dịch thơ của Hoài Anh:

Mưa đêm ở Mỹ Tho

Khúc "giặt dải mũ" hát xong,

Nhìn ra trăng đã lặn vùng trời tây.

Chợ Hòe triều mới dâng đầy,

Quả du dồn đống phơi bày đường trơ.

Cầu Tông mây phủ mịt mờ,

Che hình trâu đá sau mưa lấm bùn.

Lửa thuyền chài bến liễu vờn,

Thành mai vọng gác trống dồn tong tong.

Sáng nom lúa trỗ đòng đòng,

Cần chi cầu đảo nhọc lòng rừng Tang.

Nhà thơ Học Lạc đã mô tả vẻ đẹp và sự sự sung thịnh của Mỹ Tho vào đầu thế kỷ XX trong bài thơ "*Tức cảnh Mỹ Tho*"; và lúc ấy, Mỹ Tho chỉ kém Sài Gòn mà thôi:

Trên Sài Gòn dưới Mỹ Tho,

Đâu đâu phong cảnh cũng nhường cho.

Lớn ròng chung rạch, chia đôi ngả,

Cũ mới phân nhau cũng một đò.

Phố cất vẽ vời xanh tựa lục,

Buồm dong lên xuống trắng như cò.

Đắc tình trạo tử nên mưa nắng,

Dắn dỏi đua nhau tiếng hát hò.

Nhà thơ nổi tiếng Xuân Diệu, năm 1940, khi đến Mỹ Tho làm việc đã có những vần thơ tuyệt tác về dòng sông Tiền giao hòa với dòng Bảo Định, tạo nên một khung cảnh trời mây, cây trái, sông nước hữu tình:

Mỹ Tho bóng mát đường cây,

Nước sông Bảo Định dồn mây với thuyền.

Cầu Quay phố xá hai bên,

Ta không buôn bán, chỉ ghiền văn thơ.

Nước sông mát rượi hồn thanh,

Con phà Rạch Miễu chạy quanh đảo Rồng.

Năm 1976, nhà thơ Nông Quốc Chấn đến thăm Mỹ Tho và đã cảm nhận tình đất, tình người ở đây. Đó là sự hồn hậu, nồng ấm, phóng khoáng, thủy chung, bất khuất và kiên cường:

Mời bạn ghé nhà tôi quê Mỹ Tho,

Ngã ba rẽ trái một đường to.

Dừa đang độ ngọt, xoài đang chín,

Đất của những người yêu tự do.

Trong thành phố có con rạch quan trọng là Bảo Định chia thành phố Mỹ Tho thành 2 khu vực tả ngạn và hữu ngạn. Đặc điểm nổi bật trong cảnh quan địa lý là vườn cây ăn trái ở các xã thuộc thành phố Mỹ Tho. Vườn đã tạo thành vành đai xanh của thành phố, bao bọc khu nội ô, tạo nên địa hình khá đặc biệt. Trong nội ô có hai giếng nước, nguyên

là hào thành của thành Mỹ Tho xưa, được đào năm 1927, hiện là công viên Tết Mậu Thân, nơi điều hòa nhiệt độ và là lá phổi của thành phố. Cảnh quan thành phố càng nên thơ hơn với sự tiếp nối đan xen giữa phố phường, vườn cây, đồng ruộng, sông nước,…

Ở Mỹ Tho, vẻ đẹp từ thiên nhiên ban tặng gắn kết hài hòa với vẻ đẹp cổ kính của những công trình kiến trúc độc đáo, như chùa Vĩnh Tràng (xã Mỹ Phong), chùa Bửu Lâm (Phường 3), chùa Ông (Phường 8, phía sau Chợ Cũ), tòa nhà làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh (Công quán), tòa nhà Bảo tàng tỉnh, Trường Trung học phổ thông Nguyễn Đình Chiểu (Collège de Mytho),… Vẻ đẹp của Mỹ Tho còn được tôn thêm bởi những công viên rợp bóng cây xanh mát, như công viên Lạc Hồng, công viênTết Mậu Thân, công viên cầu Rạch Miễu,…

Mỹ Tho - Vùng đất học

Mỹ Tho còn là "đất học", người dân Mỹ Tho có truyền thống hiếu học, nhiều người đỗ đạt, thành tài, nhiều sĩ phu yêu nước đã phục vụ quên mình cho đất nước nói chung và cho Mỹ Tho nói riêng, như Hàn lâm viện thị độc học sĩ Đinh Văn Như, Tổng đốc Bắc Ninh - Thái Nguyên Đinh Văn Lạc, Bộ Hộ Tả thị lang Ngô Phúc Hội, Tuần phủ Hưng Yên - Tiến sĩ Đinh Văn Minh, Bố chánh – Cử nhân Lương Quốc Quang (thời nhà Nguyễn),...

Collège de Mytho được thành lập năm 1879; đây là một trong những trường trung học theo giáo dục phương Tây được thành lập đầu tiên ở Việt Nam. Tuy trường do người Pháp thành lập; nhưng tuyệt đại đa số học sinh của trường với tinh thần dân tộc sâu đậm đã tích cực tham gia các phong trào yêu nước và cách mạng; trong đó có những trí thức nổi tiếng có những đóng góp quan trọng cho đất nước, xứng đáng với truyền thống cao quý của trường: Cách mạng – Dạy giỏi – Học giỏi. Ở đây, vẻ đẹp văn hóa của người trí thức nhập hòa với vẻ đẹp anh hùng cách mạng của người chiến sĩ cộng sản kiên cường.

Mỹ Tho - Vang danh một đặc sản

Đó là hủ tiếu Mỹ Tho. Đây là món ăn truyền thống, nổi tiếng cả nước và trên thế giới.

Điều đặc biệt là, sợi bánh hủ tiếu Mỹ Tho được làm từ gạo Gò Cát, thuộc phía đông bắc ngoại thành TP Mỹ Tho (nay là xã Mỹ Phong và Phường 9). Loại gạo này cho sợi hủ tiếu trong, giòn và dai hơn các loại hủ tiếu khác, nhưng lại không quá dai như miến (bún Tàu).

Sở dĩ hủ tiếu Mỹ Tho ngon nổi tiếng là do bánh hủ tiếu được làm bằng bột gạo, không pha bột mì, bột lọc; sợi hủ tiếu trong, dai, không mặn, không chua, có mùi thơm của gạo. Nước lèo có vai trò làm "nền" cho sợi hủ tiếu Mĩ Tho phát huy sức hấp dẫn. Nước lèo của hủ tiếu Mỹ Tho có vị ngọt đậm đà do được ninh với xương tuỷ heo, giò heo và khô mực nướng cùng với củ cải, lại thêm củ hành phi mỡ heo và hành lá xắt nhuyễn chấy mỡ, giúp tô hủ tiếu béo ngậy và thơm lừng.

Tô hủ tiếu Mỹ Tho là cả một sự tổng hợp: vừa có chất bột của sợi hủ tiếu, vừa có thịt, tôm, trứng, rau; vừa có vị ngọt của xương và thịt, vị chua của chanh, vị cay của ớt; vừa có màu trắng đục của sợi hủ tiếu, màu trắng sáng của giá, màu xanh của hành lá, màu vàng của nhân trứng cút, màu đỏ của tôm và ớt; mùi thơm của củ hành phi, hành lá, rau cần tàu…

Năm 2009, hủ tiếu Mỹ Tho của Tổ hợp tác sản xuất hủ tiếu Mỹ Tho (ấp Hội Gia, xã Mỹ Phong, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang) được Trung tâm Thương hiệu Việt, thuộc Hội liên hiệp Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, cấp giấy chứng nhận "Thương hiệu Việt". Tháng 3/2014, Tổ chức Kỷ lục châu Á đã trao cúp vinh danh và chứng nhận "Hủ tiếu Mỹ Tho là món ăn đạt giá trị ẩm thực châu Á năm 2013".

Du lịch:

Thành phố luôn định hướng bảo tồn các di tích cổ xưa gắn với khai thác các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể để thành phố phát triển một cách toàn diện, văn minh theo hướng bền vững, hiện đại.

Thành phố có các địa điểm tham quan du lịch nổi tiếng: chùa Vĩnh Tràng, chùa Bửu Lâm, chùa Linh Phước, đình Điều Hòa, trại rắn Đồng Tâm, Bảo tàng Tiền Giang, cù lao Thới Sơn, Trường Trung học phổ thông Nguyễn Đình Chiểu, Nhà Bạch công tử. Giếng Nước, Bờ Kè Sông Tiền, Quảng Trường Mỹ Tho,... Thật là:

Mỹ Tho cảnh đẹp người xinh,

Quyện lòng du khách gợi tình nước non.

Mỹ Tho đã và đang phát triển đa dạng nhiều loại hình du lịch theo tour liên kết và du lịch miệt vườn với nhiều chương trình tour đa dạng và mở rộng liên với Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Cần Thơ. Nhiều khu vui chơi du lịch trung tâm như: chùa Vĩnh Tràng, Trại rắn Đồng Tâm, khu vui chơi tổng hợp và du lịch miệt vườn sông nước Cửu Long Cù Lao Thới Sơn với các cồn: Cồn Long, cồn Lân, cồn Quy, cồn Phụng hợp thành vùng đất tứ linh vô cùng độc đáo mà du khách không thể không ghé qua. Ngoài ra, du khách còn có thể đón tàu ở bến Lạc Hồng để tham quan các cù lao miền sông nước, ăn trái cây, thăm trại làm mật ong, nghe đờn ca tài tử,...

Thể thao:

Cuộc vận động "Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại" tiếp tục phát triển, số người tham gia luyện tập thể dục thể thao thường xuyên đạt tỷ lệ 54% và số hộ gia đình luyện tập thể dục thể thao đạt tỷ lệ 39%.

Thành phố có trung tâm thể dục thể thao khá hiện đại, có những huấn luyện viên (HLV) nổi tiếng: HLV Cổ Hoàng Tuấn (bóng đá), HLV Nguyễn Tấn Cường (quần vợt), HLV Trần Đoàn (võ thuật), HLV Trần Thị Phương (thể dục thẩm mỹ),…; là địa phương cung cấp số lượng vận động viên các môn thể thao nhiều nhất cho tỉnh; có các đội tuyển bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, bóng rổ, bóng bàn, quần vợt, cờ tướng, cờ vua, võ thuật,… và nhiều câu lạc bộ võ thuật, dưỡng sinh, Yoga, cờ tướng, cờ vua,…

Tổng số liệt sĩ: 2.562 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ VN anh hùng: 433 Bà mẹ.

2. Xã Đạo Thạnh

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

道 Đạo: Đạo lý, đạo nghĩa

盛 Thịnh (Thạnh): : Thịnh vượng, tươi tốt, phồn vinh

社 Xã: Đơn vị hành chính dưới tỉnh, phủ, huyện, tổng; trên thôn

道盛社: Đạo Thạnh (Thịnh) Xã

Vị trí địa lý:

Xã Đạo Thạnh nằm về phía Bắc thành phố Mỹ Tho; phía Đông giáp xã Mỹ Phong; phía Tây giáp xã Long An (huyện Châu Thành); phía Nam giáp Phường 10, Phường 7; phía Bắc giáp xã Lương Hòa Lạc (huyện Chợ Gạo).

Diện tích tự nhiên: 1.031,47 ha.

Hành chính:

Xã Đạo Thạnh có 08 ấp: Ấp 1, Ấp 2, Ấp 3A, Ấp 3B, Ấp 4, Ấp 5, ấp Long Hòa A và ấp Long Hòa B.

Lịch sử hình thành:

Vào năm 1808, đời vua Gia Long, có 2 thôn Đạo Ngạn và An Hòa thuộc tổng Kiến Thuận, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng thuộc tổng Thuận Trị, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Ngày 07-7-1877, làng[16] An Hòa đổi thành Thạnh Trị, thuộc tổng Hưng Trị. Đến ngày 24-11-1932, làng Đạo Ngạn và làng Thạnh Trị nhập lại lấy tên là Đạo Thạnh, thuộc tổng Thuận Trị, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là xã Đạo Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân đặt làng Đạo Thạnh thuộc tổng Thuận Trị, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho. Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Đạo Thạnh thuộc thành phố Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn đặt xã Đạo Thạnh thuộc quận Châu Thành, tỉnh Định Tường. Sau năm 1975, xã Đạo Thạnh thuộc thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Năm 2018, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

Dân số: 21.029 người (2020).

[16] Từ năm 1876, chính quyền thực dân Pháp cho đổi đơn vị hành chính "thôn" thành "làng".

Thu nhập bình quân đầu người: 60 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Xã phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị, nhiều hộ dân chuyển sang mô hình chuyên canh như rau màu, cây ăn trái, hoa kiểng,… đạt hiệu quả cao.

Năm 2020, xã có 127 doanh nghiệp và 992 hộ sản xuất cá thể, quy mô vừa và nhỏ như may gia công, cơ khí, sản xuất thực phẩm và hàng tiêu dùng,…

Hoạt động thương mại – dịch vụ với nhiều hình thức kinh doanh đa dạng, đáp ứng nhu cầu lưu thông và phân phối hàng hóa đến người tiêu dùng.

Giáo dục:

Xã có 02 trường: Trường mầm non Đạo Thạnh (đạt chuẩn Quốc gia), Trường tiểu học Đạo Thạnh (đạt chuẩn Quốc gia). Ngoài ra, trên địa bàn xã còn có 01 điểm trường là cơ sở 2 Trường trung học cơ sở Lê Ngọc Hân.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã; có 08 biên chế: 01 bác sĩ, 04 y sĩ, 02 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh. Tất cả các ấp đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 90% (2020).

Giao thông:

Ngang qua xã có Quốc lộ 1

Đường xã: Có 03 tuyến với chiều dài 2,781 km, được trải nhựa và bê tông đạt 100%.

Đường ấp: Có 17 tuyến với chiều dài 6,432 km, được trải bê tông đạt 88%.

Đường dân sinh: Có 133 tuyến với chiều dài 53,774 km, được trải bê tông đạt 83%; còn lại đảm bảo 100% không lầy lội vào mùa mưa.

Đường thủy có kênh/kinh Bảo Định xuyên qua chính giữa xã dài 3,2km; từ xã có thể xuôi ra sông Tiền để đi các nơi và đi ngược về sông Vàm Cỏ - thành phố Tân An (tỉnh Long An). Bên cạnh con kinh chính, xã còn có các con rạch nhỏ như rạch Cầu Bần 2km, rạch Bà Đắc 1,7km, rạch Dự Bị 1,6km. Nối liền 2 bờ kinh rạch là những cây cầu như cầu Hùng Vương, Thạnh Trị, Đạo Thạnh được xây dựng khá kiên cố; cầu Công Dân được xây dứng bán kiên cố; cầu cống ngăn mặn Bảo Định (công trình quốc gia), cống Quốc lộ 50, cống rạch Bà Đắc và bến đò Trần Minh Ký. Hệ thống kinh rạch, cầu cống của xã vừa phục vụ cho việc đi lại và giao lưu hàng hóa, vừa góp phần phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội cho địa phương.

Văn hóa:

Xã có Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã và 08 Nhà văn hóa ấp.

Tất cả 08 ấp đều đạt danh hiệu Ấp văn hóa.

Hàng năm có 100% hộ dân đăng ký gia đình văn hóa, bình xét có 96% hộ đạt danh hiệu Gia đình văn hóa. Xã có các câu lạc bộ Hát với nhau, câu lạc bộ Đờn ca tài tử.

Du lịch:

Trên địa bàn xã có khu di tích Bia lưu niệm Thành ủy, Bia lưu niệm Thành đội hằng năm được người dân trong và ngoài địa phương đến tham quan. Các sơ sở thờ tự lớn như chùa Long Nguyên, đình Ông Quan Đế, chùa Phước Long Cổ Tự, chùa Linh Thứu, đình Thạnh Trị và đình Long Hòa, hằng năm tới ngày lễ đều thu hút được người dân trong và ngoài tỉnh đến thăm viếng.

Thể thao:

Xã có 01 phòng tập thể thao đa năng tại Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, ngoài ra phường cũng trang bị dụng cụ thể dục - thể thao ngoài trời tại ấp Mỹ Phú, Mỹ Thạnh và Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã đáp ứng nhu cầu tập thể dục - thể thao của người dân trên địa bàn xã. Phong trào rèn luyện thân thể cũng được nhân dân hưởng ứng tích cực, xã có phong trào võ thuật, cầu lông, quần vợt, bóng chuyền khá tốt, số người tham gia tập thể dục thể thao thường xuyên đạt 32,94% so dân số. Xã có các câu lạc bộ Dưỡng sinh, Cầu lông, Bóng chuyền.

Tổng số liệt sĩ: 379 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ VN anh hùng: 84 Bà mẹ.

3. Xã Mỹ Phong

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

美 Mỹ: Tốt, đẹp

豐 Phong: Đầy đủ, thịnh, được mùa, đẹp.

美豐社 Mỹ Phong Xã

Vị trí địa lý:

Xã Mỹ Phong nằm ở phía Đông Bắc thành phố Mỹ Tho; phía Đông giáp phường 9, xã Tân Mỹ Chánh, thành phố Mỹ Tho và xã Song Bình huyện Chợ Gạo; phía Tây giáp xã Đạo Thạnh; phía Nam giáp Phường 3 và Phường 8; phía Bắc: giáp xã Thanh Bình và xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo.

Diện tích tự nhiên: 1.130,60 ha.

Hành chính:

Xã có 8 ấp: Mỹ Lương, Mỹ Phú, Mỹ Hòa, Mỹ Hưng, Mỹ Thạnh, Mỹ An, Mỹ Lợi, Hội Gia.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, xã Mỹ Phong hiện nay nguyên là thôn Mỹ Hóa thuộc tổng Kiến Thạnh, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn này thuộc tổng Thạnh Phong, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường. Ngày 08-9-1867 đổi thành làng Mỹ Phong.

Trước cách mạng tháng Tám (1945), làng Mỹ Phong thuộc tổng Thạnh Phong, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho. Trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng đặt xã Mỹ Phong thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân đặt làng Mỹ Phong thuộc quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho. Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Mỹ Phong thuộc thành phố Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn đặt xã Mỹ Phong thuộc quận Chợ Gạo, tỉnh Định Tường. Sau năm 1975, xã Mỹ Phong thuộc thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Năm 2015, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới. Năm 2021, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao.

Dân số: 21.805 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 63.334.000 đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Cơ cấu kinh tế của xã là nền kinh tế nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại dịch vụ.

Là xã thuộc thành phố nên quá trình đô thị hóa ngày càng cao, làm cho giá trị ngành nông nghiệp có xu hướng giảm dần, trên địa bàn xã đã thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi đạt hiệu quả cao; xã không còn diện tích trồng lúa chuyển sang trồng các loại cây ăn quả, hoa màu đem lại hiệu quả kinh tế cao. Xã có 01 tổ hợp tác hoa tươi hoạt động ngày càng đi vào chiều sâu, phát triển cả về quy mô diện tích và số lượng hộ tham gia trồng.

Đàn gia súc, gia cầm trong toàn xã có: đàn bò hiện có 3.044 con, đàn heo hiện có 2.957 con, đàn gia cầm hiện có 294.000 con (thống kê năm 2020).

Ngoài việc chăn nuôi gia súc gia cầm bà con nông dân còn chú trọng đến việc tận dụng mương, ao vườn để nuôi cá các loại, hiện toàn xã có 4,7 ha mặt nước nuôi cá, sản lượng thu hoạch được khoảng 4.917 tấn/năm cá các loại.

Các cơ sở sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp hoạt động ổn định góp phần tiêu thụ nông sản và giải quết việc làm cho người lao động. Các cơ sở sản xuất tiếp tục được mở ra và từng bước đổi mới công nghệ để nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh và thu hút lao động tại chỗ.

Nhu cầu trao đổi mua bán sản phẩm ngày càng cao nên ngành tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ mua bán ngày càng phát triển.

Giáo dục:

Năm 2020, xã có 04 trường học: Trường mầm non Hoa Mai, Trường tiểu học Mỹ Phong, Trường tiểu học Thạnh Trị, Trường tiểu học - trung học cơ sở Lê Văn Nghề). Tất cả các trường đều đạt chuẩn Quốc gia.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã; có 09 biên chế: 01 bác sĩ, 04 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng. Tất cả các ấp đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 90% (2020).

Giao thông:

Ngang qua xã có Quốc lộ 50, Đường tỉnh lộ 879B, Đường tỉnh 879 và 08 tuyến đường huyện.

Hệ thống giao thông nông thôn của xã gồm 64 tuyến với tổng chiều dài 31,5km. Các tuyến đường này đều được trải nhựa và bê tông.

Hệ thống giao thông thủy trên địa bàn xã khá phong phú, gồm: rạch Gò Cát, rạch Bà Ngọt, kênh Lộ Ngang, kênh N6… có thể phục vụ tốt cho việc vận chuyển hàng hóa, hàng nông sản vào mùa thu hoạch cũng như việc đi lại giữa các ấp trong và ngoài xã.

Văn hóa:

Xã có Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, được công nhận danh hiệu Xã văn hóa. Hàng năm có 100% hộ dân đăng ký gia đình văn hóa, bình xét có 95% hộ đạt danh hiệu Gia đình văn hóa.

Nét đặc sắc về công trình tôn giáo - tín ngưỡng của xã Mỹ Phong là có chùa Vĩnh Tràng. Đây là một ngôi chùa nổi tiếng, được xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia và là một điểm du lịch nổi tiếng.

Xã có 03 Câu lạc bộ đờn ca tài tử; làng hoa Mỹ Phong phục vụ nhu cầu trao đổi, mua bán hoa tươi và thưởng hoa vào dịp Tết của người dân và khách du lịch; làng nghề truyền thống chuyên sản xuất bánh bún hủ tiếu.

Tất cả các ấp đều có nhà văn hóa và được công nhận danh hiệu ấp văn hóa.

Du lịch:

Xã có di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia: chùa Vĩnh Tràng thu hút đông đảo du khách trong và ngoài nước đến tham quan.

Thể thao:

Xã có 01 phòng tập thể thao đa năng tại Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, ngoài ra xã còn trang bị dụng cụ tập thể dục thể thao ngoài trời tại ấp Mỹ Phú, Mỹ Thạnh và

Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã đáp ứng nhu cầu tập thể dục thể thao của người dân trên địa bàn xã. Các câu lạc bộ bóng đá, bóng chuyền, cầu lông thu hút đông đảo người dân tham gia luyện tập.

Tổng số liệt sĩ: 318 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ VN anh hùng: 71 Bà mẹ.

4. Xã Phước Thạnh

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

福 Phước: Tốt lành, hạnh phúc

盛 Thịnh (Thạnh): : Thịnh vượng, tươi tốt, phồn vinh

福盛社 Phước Thạnh Xã

Vị trí địa lý:

Xã Phước Thạnh nằm về phía tây thành phố Mỹ Tho, phía Đông giáp xã Trung An; phía Tây giáp xã Thạnh Phú, huyện Châu Thành; phía Nam giáp xã Trung An; phía Bắc giáp xã Tam Hiệp và xã Long An, huyện Châu Thành.

Diện tích tự nhiên: 1.017,60 ha.

Hành chính:

Xã Phước Thạnh có 5 ấp: Long Mỹ, Long Hưng, Phước Hòa, Phước Thuận, Giáp Nước.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long có 2 thôn An Phước và An Thạnh thuộc tổng Kiến Thuận, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, hai thôn này thuộc tổng Thuận Bình, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường. Ngày 24-10-1925, hai làng này nhập lại lấy tên là Phước Thạnh thuộc tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng đặt xã Phước Thạnh thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân đặt xã Phước Thạnh thuộc tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho. Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã thuộc huyện Châu Thành, từ năm 1969, thuộc huyện Châu Thành Nam, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn đặt xã thuộc quận Châu Thành, tỉnh Định Tường. Sau năm 1975, xã Phước Thạnh thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Năm 2009, xã thuộc thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Năm 2018, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

Dân số: 12.723 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 46.230.000đ/người/năm (2020).

Kinh tế:

Phước Thạnh là xã nông nghiệp, kinh tế chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp, nhân dân chủ yếu làm rẫy, trồng cây ăn trái, chăn nuôi và một bộ phận nhỏ kinh doanh nhỏ lẻ. Các ngành nghề công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ cũng được quan tâm tạo điều kiện phát triển (năm 2020, trên địa bàn xã có 09 doanh nghiệp, 31 hộ kinh doanh dịch vụ).

Giáo dục:

Năm 2020, xã có 04 trường học: Trường mầm non Phước Thạnh (đạt chuẩn quốc gia), Trường tiểu học Phước Thạnh (đạt chuẩn quốc gia), Trường trung học cơ sở Phú Thạnh (đạt chuẩn quốc gia), Trường trung học phổ thông Phước Thạnh.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và công tác xóa mù chữ.

Y tế:

Xã có trạm y tế, có 09 biên chế: 1 bác sĩ, 1 dược sĩ, 4 y sĩ, 1 điều dưỡng, 2 hộ sinh. Trạm đã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã. Tất cả các ấp đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 91% (2020). Trên địa bàn xã có Bệnh viện Lao - Phổi tỉnh Tiền Giang.

Giao thông:

Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện đều được trải nhựa hoặc trải bê tông.

Đường ấp, đường liên ấp, đường ngõ, xóm đều được trải bê tông hoặc trải đá 04x04, không lầy lội vào mùa mưa.

Văn hóa:

Xã có Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, trong đó có hội trường đa năng trên 300 chỗ ngồi, đảm bảo phục vụ sinh hoạt văn hóa của toàn xã

Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định.

Tất cả các ấp đều đạt danh hiệu Ấp văn hóa. Tỷ lệ ấp có Nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng đạt 100%.

Về gia đình văn hóa, năm 2020 có 100 % hộ đăng ký, qua bình xét cuối năm có 95% số hộ được công nhận gia đình văn hóa.

Du lịch:

Xã có 3 điểm tham quan du lịch như: Vườn hoa Mãn Đình Hồng, vườn hoa Thạch Thảo, vườn hoa Ao sen Gò Me. Hàng năm, vào dịp lễ, tết, các vườn hoa này đón hàng nghìn lượt khách từ các nơi đến tham quan.

Thể thao:

Xã có hội trường đa năng, phục vụ sinh hoạt thể thao của nhân dân trong xã, 02 sân bóng đá mini, 02 sân bóng chuyền, 04 sân cầu lông, 01 hồ bơi tại trường Tiểu học Phước Thạnh, 01 hồ bơi tư nhân ở ấp Phước Hòa. Phong trào tập luyện thể dục, thể thao trong nhân dân phát triển mạnh.

Tổng số liệt sĩ: 298 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 65 Bà mẹ.

5. Xã Tân Mỹ Chánh

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

新 Tân: Mới

美 Mỹ: Tốt, đẹp

政 Chánh: ngay thẳng, chính trực

新美政社: Tân Mỹ Chánh Xã

Vị trí địa lý:

Xã Tân Mỹ Chánh nằm ở phía Đông thành phố Mỹ Tho; phía Đông giáp xã Song Bình, huyện Chợ Gạo; phía Tây giáp Phường 9; phía Nam giáp sông Tiền; phía Bắc giáp xã Mỹ Phong.

Diện tích tự nhiên: 931,59 ha.

Hành chính:

Xã có 06 ấp: Phong Thuận, Tân Tỉnh A, Tân Tỉnh B, Bình Phong, Bình Thành, Bình Lợi.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, xã Tân Mỹ Chánh hiện nay có 3 thôn Phú Hội, Mỹ Chánh và Bình Phong thuộc tổng Kiến Thạnh, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng có thêm thôn Phong Thuận, thuộc tổng Thạnh Phong, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Ngày 29-11-1923, chính quyền thực dân Pháp cho nhập hai làng Phú Hội và Mỹ Chánh lấy tên là làng Hội Mỹ; đồng thời, nhập hai làng Bình Phong và Phong Thuận lấy tên là làng Tân Phong. Năm 1936, hai làng Hội Mỹ và Tân Phong nhập lại lấy tên là Tân Hội Mỹ.

Trước Cách mạng tháng Tám (1945), làng Tân Hội Mỹ thuộc tổng Thạnh Phong, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là xã Tân Hội Mỹ, huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân là làng Tân Hội Mỹ, tổng Thạnh Phong, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), năm 1956, chính quyền Sài Gòn hợp nhất hai xã Tân Hội Mỹ và Mỹ Chánh thành xã Tân Mỹ Chánh thuộc quận Chợ Gạo, tỉnh Định Tường; chính quyền cách mạng đặt xã Tân Mỹ Chánh thuộc thành phố Mỹ Tho.

Sau năm 1975, xã Tân Mỹ Chánh thuộc thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Năm 1976, xã Tân Mỹ Chánh tách một phần đất để thành lập Phường 8. Năm 2003, xã Tân Mỹ Chánh tách thêm một phần đất để thành lập Phường 9. Năm 2014, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới. Năm 2020, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao. Năm 2022, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới kiểu mẫu.

Dân số: 14.709 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 61 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Cơ cấu kinh tế của xã là công nghiệp (đóng tàu, dịch vụ hậu cần nghề cá, sản xuất chế biến hải sản, thức ăn chăn nuôi,…), tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp.

Trên địa bàn xã có 03 mô hình kinh tế hợp tác, gồm:

- Hợp tác xã (HTX) chế biến thức ăn gia súc Bình Minh có trên 100 lao động, doanh số bình quân mỗi năm đạt trên 300 tỷ đồng. Sản phẩm gồm các loại thức ăn cho heo, bò, gà, vịt, cá,...

+ HTX Nông nghiệp có trên 850 thành viên và 14 lao động trực tiếp làm việc tại HTX, doanh số bình quân hàng năm đạt từ 8 - 10 tỷ đồng, ngành nghề hoạt động của HTX là giết mổ gia súc - gia cầm, thu mua hàng hóa nông sản của nông dân, dịch vụ cung cấp nước sạch nông thôn, cung cấp phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng, hoa màu, thức ăn chăn nuôi, ứng trước vật tư cho thành viên vay phục vụ sản xuất sau thu hoạch thanh toán cho HTX.

+ Quỹ tín dụng nhân dân Tân Mỹ Chánh: có trên 1.000 thành viên, doanh số cho vay hàng năm trên 110 tỷ đồng, có 08 cán bộ nhân viên làm việc tại Quỹ tín dụng.

Ngoài ra còn có 04 tổ hợp tác ngành nghề: Tổ hợp tác sản xuất hoa kiểng, Tổ hợp tác nuôi bò, Iổ hợp tác nước sạch nông thôn, Iổ hợp tác bưởi da xanh VIET GAP.

Giáo dục:

Năm 2020, xã có 03 trường học: Trường mầm non Tân Mỹ Chánh, Trường tiểu học Tân Mỹ Chánh, Trường trung học cơ sở Tân Mỹ Chánh. Cả 03 trường đều đạt chuẩn Quốc gia.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và công tác xóa mù chữ.

Ngoài ra, còn có 01 trường của Trung ương đóng trên địa bàn là Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam bộ.

Y tế:

Xã có trạm y tế, có 08 biên chế: 01 dược sĩ, 04 y sĩ, 01 điều dưỡng, 02 nữ hộ sinh. Trạm đã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã. Tất cả các ấp đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 91% (2020).

Giao thông:

Ngang qua xã có Quốc lộ 50 và 15 tuyến đường huyện.

Xã có 102 tuyến đường trục chính, đường xã, dân sinh được trải nhựa, đạt tỷ lệ 100%.

Văn hóa:

Xã có Nhà văn hóa của xã và 06/06 Nhà văn hóa ấp.

Tất cả các ấp đều đạt danh hiệu Ấp văn hóa.

Hàng năm có 100% hộ dân đăng ký gia đình văn hóa, bình xét có 96% hộ đạt danh hiệu Gia đình văn hóa. Xã có 01 câu lạc bộ Đờn ca tài tử.

Du lịch:

Xã chưa có địa điểm du lịch.

Thể thao:

Năm 2020, xã có 01 sân bóng đá 11 người, 08 sân bóng đá mini, 02 sân cầu lông, 02 sân bóng chuyền, 02 sân tennis, 01 hồ bơi,…

Tổng số liệt sĩ: 204 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 34 Bà mẹ.

6. Xã Thới Sơn

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

泰 Thái (Thới): To lớn, yên ổn

山 Sơn: Núi

泰山社: Thới Sơn Xã

Vị trí địa lý:

Xã Thới Sơn là một xã cù lao trên sông Tiền, phía Đông giáp phường Tân Long (thành phố Mỹ Tho); phía Tây và phía Nam giáp hai xã Phú Túc và An Khánh (huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre) được ngăn cách bởi sông Tiền (đoạn chảy qua địa bàn xã

thường gọi là sông Mỹ Tho); phía Bắc giáp xã Bình Đức (huyện Châu Thành) và Phường 6 (thành phố Mỹ Tho) qua sông Tiền.

Diện tích tự nhiên: 1.211 ha.

Hành chính:

Xã Thới Sơn có 4 ấp: Thới Hòa, Thới Bình, Thới Thuận và Thới Thạnh.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, thôn Thới Sơn thuộc tổng Kiến Thuận, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn thuộc tổng Thuận Trị, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Trước Cách mạng tháng Tám (1945), làng Thới Sơn thuộc tổng Thuận Trị, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho. Trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng đặt xã Thới Sơn thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân đặt làng Thới Sơn thuộc tổng Thuận Trị, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho. Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), về chính quyền cách mạng, xã Thới Sơn thuộc huyện Châu Thành, từ năm 1969, thuộc huyện Châu Thành Nam, tỉnh Mỹ Tho; về phía chính quyền Sài Gòn, xã Thới Sơn thuộc quận Châu Thành, tỉnh Định Tường. Sau năm 1975, xã Thới Sơn thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Năm 2009, xã Thới Sơn thuộc thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Năm 2019, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

Dân số: 5.920 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 56,12 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Kinh tế địa phương phát triển theo hướng "Dịch vụ – Nông nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp". Trong đó, du lịch sinh thái sông nước miệt vườn là thế mạnh của xã. Về nông nghiệp, xã có các cây trồng chủ lực, như bưởi, nhãn, sầu riêng, mít. Bên cạnh đó, việc chăn nuôi cá lồng bè cũng phát triển mạnh trên địa bàn xã. Năm 2020, xã có 585 lồng bè nuôi cá (chủ yếu cá điêu hồng, cá tra).

Giáo dục:

Năm 2020, xã có 02 trường học đều đạt chuẩn Quốc gia: Trường tiểu học và trung học cơ sở Thới Sơn; Trường mầm non Thới Sơn.

Công tác giáo dục phổ cập bậc trung học cơ sở, tiểu học và mầm non đều đạt chuẩn quốc gia.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế cơ sở, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 02 điều dưỡng, 01 nữ hộ sinh và 01dược sĩ. Tất cả các ấp đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 90% (2020).

Giao thông:

Năm 2020, xã có 01 tuyến đường xã được trải bê tông và nhựa; 06 tuyến đường ấp và liên ấp được "cứng hóa" trên 71%; 37 tuyến đường dân sinh đầu tư "cứng hóa" trên 55% và 100% các tuyến đường không còn lầy lội vào mùa mưa.

Về giao thủy, xã có nhiều thuận lợi vì có sông Tiền chảy ngang qua và hệ thống kênh/kinh rạch chằng chịt.

Văn hóa:

Xã có Nhà văn hóa của xã và 04/04 ấp có Nhà văn hóa ấp. Tất cả 04/04 ấp đều đạt danh hiệu Ấp văn hóa.

Hàng năm, qua phát động đã có 100% hộ dân đăng ký thực hiện gia đình văn hóa và kết quả qua bình xét cuối năm đã có 90% số hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa. Xã có 08 nhóm Đờn ca tài tử.

Du lịch:

Thới Sơn là xã có thế mạnh về du lịch sinh thái, thu hút nhiều du khách trong và ngoài nước đến tham quan. Năm 2020, trên địa bàn xã có 05 công ty du lịch xanh dẫn khách tham quan ở 19 điểm; có 56 quầy bán hàng thủ công mỹ nghệ lưu niệm, bánh kẹo đặc sản và nhà hàng ăn uống; có 40 phương tiện đò máy đưa rước khách du lịch trên sông và 02 tuyến đò chèo du lịch trong kênh rạch với 222 phương tiện, 08 nhóm đờn ca tài tử với 90 thành viên; 02 đội xe ngựa với 25 chiếc, 02 đội xe điện với 12 chiếc thường xuyên phục vụ khách tham quan du lịch.

Thể thao:

Lĩnh vực thể dục thể thao của xã cũng đã phát triển mạnh. Nhiều câu lạc bộ; đội, nhóm vui chơi giải trí, rèn luyện thân thể được hình thành và hoạt động tốt như câu lạc bộ dưỡng sinh, câu lạc bộ võ thuật.

Hàng năm, xã tổ chức hội thi thể thao và tham gia thi đấu võ thuật, hội thao, tranh giải bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, cờ tướng do thành phố tổ chức. Bên cạnh đó, xã còn được thành phố hỗ trợ 02 bộ tập thể dục giúp người dân có điều kiện rèn luyện sức khỏe.

Tổng liệt sĩ: 112 liệt sĩ.

Tổng Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 20 Bà mẹ.

7. Xã Trung An

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

忠: Trung: Trung thành

安: An: Bình an, an toàn, yên ổn

忠安社: Trung An Xã

Vị trí địa lý:

Xã Trung An nằm về phía Tây Bắc thành phố Mỹ Tho; phía đông giáp Phường 5, Phường 6; phía Tây giáp xã Phước Thạnh; phía Bắc giáp Quốc lộ 1; phía Nam giáp sông Tiền.

Diện tích tự nhiên: 1.063 ha.

Hành chính:

Xã có 09 ấp: ấp 1, ấp 2, ấp 3, ấp 4, ấp 5, ấp Bình Tạo, ấp Bình Tạo A, ấp Chợ, ấp Đồng.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, xã Trung An hiện nay là hai thôn Trung Lương và An Đức Đông thuộc tổng Kiến Thuận, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, hai thôn này thuộc thuộc tổng Thuận Trị, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường. Ngày 24-10-1925, hai làng này nhập lại lấy tên là Trung An, thuộc tổng Thuận Trị, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng đặt xã Trung An thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân đặt xã Trung An thuộc tổng Thuận Trị, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho. Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), về phía chính quyền cách mạng, xã Trung An thuộc thành phố Mỹ Tho; về phía chính quyền Sài Gòn, xã Trung An thuộc quận Châu Thành, tỉnh Định Tường. Sau năm 1975, xã Trung An thuộc thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Năm 2016, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

Dân số: 26.611 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 64,5 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Xã Trung An là vùng đất nửa nông thôn, nửa thành thị, có Khu công nghiệp Mỹ Tho, Cụm công nghiệp Trung An với 47 công ty, xí nghiệp trong và ngoài nước đang hoạt động. Nguồn thu nhập của người dân là làm kinh tế vườn, chăn nuôi, kinh doanh, dịch vụ, buôn bán và làm công nhân ở các công ty, xí nghiệp ở khu, cụm công nghiệp.

Giáo dục:

Năm 2020, xã có 05 trường: Trường mầm non Vàng Anh, Trường mầm non Bình Minh; Trường tiểu học Trung An; Trường trung học cơ sở Bình Đức và Trường trung học cơ sở Trung An. Tất cả các trường đã được công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã; có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh, 02 điều dưỡng. Tất cả các ấp đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 90% (2020).

Giao thông:

Ngang qua xã có Quốc lộ 1, đường Phạm Hùng (Đường tỉnh 870B), đường Ngô Gia Tự (Đường tỉnh 864), Đường tỉnh 870.

Đường xã có 04 tuyến đường đã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa với tổng chiều dài 8,8 km.

Đường ấp có tổng số 30 tuyến với tổng chiều dài 10,340 km, trong đó có 03 tuyến được trải nhựa, 22 tuyến được trải bê tông, 05 tuyến trả đá phối.

Đường dân sinh trên địa bàn xã có tổng số 93 tuyến với tổng chiều dài 21,740 km. Tất cả các tuyến đều được trải bê tông hoặ trải đá phối, không bị lầy lội vào mùa mưa.

Văn hóa:

Xã Trung An đạt Xã văn hóa năm 2009; đạt Xã văn hóa nông thôn mới năm 2015, có Nhà văn hóa xã đạt chuẩn theo quy định.

Có 09/09 ấp đạt chuẩn ấp văn hóa và đều có Nhà văn hóa ấp.

Hàng năm, xã có 100% hộ đăng ký xây dựng gia đình văn hóa, bình xét có 96% hộ đạt 03 tiêu chí gia đình văn hóa. Xã có câu lạc bộ Đờn ca tài tử.

Trên địa bàn xã, có đình An Đức Đông được công nhận di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh năm 2009 và Miễu Cây Vông được công nhận di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh năm 2013.

Du lịch:

Hai di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh trên địa bàn xã (đình An Đức Đông và miễu Cây Vông) thu hút du khách trong và ngoài xã đến tham quan, cúng kiếng.

Thể thao:

Diện tích thể thao tại các trường học, cơ quan, nhà văn hóa xả và các ấp trên địa bàn là 4.800m^2. Xã có 2 sân bóng đá mini, 01 sân bóng đá 11 người; 02 sân Cầu lông (CLB Câu lông Hải Yến, ấp 3, xã Trung An), sân công viên khu dân cư ấp Bình Tạo, sân Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, sân trụ sở các ấp và các trường học trên địa bàn.

Các câu lạc bộ được duy trì hoạt động thường xuyên như: Câu lạc bộ (CLB) dưỡng sinh, CLB bóng đá; CLB bóng chuyền; CLB bóng chuyền hơi; CLB cầu lông; CLB cờ vua, cờ tướng; CLB võ thuật, CLB thể dục thẩm mỹ; đội lân sư rồng.

Tổng số liệt sĩ: 284 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 56 Bà mẹ.

8. Phường 1

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Tên đơn vị hành chính được đặt theo đơn vị cấp phường và số từ (1).

Vị trí địa lý:

Phường 1 nằm ở trung tâm thành phố Mỹ Tho, phía Đông giáp kênh/kinh Bảo Định, phía Tây giáp Phường 4, phía Nam giáp sông Tiền, phía Bắc giáp Phường 7.

Diện tích tự nhiên: 77,115 ha.

Hành chính:

Phường 1 có 06 khu phố gồm: Khu phố 1, Khu phố 3, Khu phố 4, Khu phố 5, Khu phố 6.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, Phường 1 hiện nay là thôn Giang Trạm Điều Hòa[17], thuộc tổng Kiến Thuận, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường vì hầu hết dân ở thôn này đều làm nghề đi trạm. Tiền hiền lập thôn này là Nguyễn Văn Trước (Nguyễn Văn Trúc), Trương Văn Ân, Nguyễn Văn Kiên.

Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn Giang Trạm Điều Hòa được đổi thành thôn Điều Hòa thuộc tổng Thuận Trị, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Trước Cách mạng tháng Tám (1945) là làng Điều Hòa, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho. Trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là Khu I, thị xã Mỹ Tho, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân gọi là Khu I, hiệp xã Mỹ Tho, tỉnh Mỹ Tho. Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng gọi là Phường 1, thành phố Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn gọi là Phường 1 (gồm các khóm: Lạc Hồng, Võ Tánh, Ngô Quyền, Nguyễn Huệ, Trương Vĩnh Ký, Thái Lập Thành, Nguyễn Trãi và ấp Dân Chủ), thị xã Mỹ Tho, tỉnh Định Tường. Sau năm 1975, Phường 1 thuộc thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Dân số: 24.380 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 110 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Thế mạnh của phường là thương mại, dịch vụ và tiểu thủ công nghiệp.

Đẩy mạnh phát triển các ngành thương mại dịch vụ, tiểu thủ công nhiệp, dịch vụ ngân hàng, tài chính, bảo hiểm, y tế,…

---

[17] Giang trạm Điều Hòa: trạm đường thủy đặt tại thôn Điều Hòa để vận chuyển công văn, thư từ hoặc để các phái đoàn triều đình từ Kinh đô Huế vào công tác sẽ nghỉ lại và tiếp tục đến các địa phương khác.

Đầu tư phát triển đa dạng hóa các loại hình thương mại hiện đại, thương mại điện tử, hệ thống phân phối bán buôn, bán lẻ; kết hợp với du lịch mua sắm; hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh theo cơ chế chính sách, kết hợp với tiêu thụ sản phẩm, phát triển thị trường, xây dựng thương hiệu sản phẩm, thương hiệu doanh nghiệp.

Tạo điều kiện để các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn phường phát triển như may mặc, sản xuất trà, chả lụa, sản xuất cafe, bánh kẹo, gia công vàng bạc, giày dép,... mạnh dạn đầu tư, mua sắm trang thiết bị mới hiện đại, ứng dụng khoa học theo công nghệ mới, mở rộng sản xuất có nhiều sản phẩm chất lượng để cạnh tranh ra thị trường ngoài tỉnh. Kiểm tra các cơ sở sản xuất về xử lý chất thải đúng theo quy định, để bảo vệ sức khỏe con người và môi trường xanh sạch đẹp, góp phần tạo vẻ mỹ quan.

Giáo dục:

Năm 2020, Phường có 06 trường:

- 03 trường mầm non (MN): MN Bông Sen, MN Sao Sáng, MN Hoa Hồng.

- 01 trường tiểu học (TH): TH Thủ Khoa Huân.

- 02 trường trung học cơ sở: THCS Xuân Diệu, THCS Lê Ngọc Hân.

Tất cả các trường được đầu tư nâng cấp, cơ sở vật chất khang trang, thiết bị phục vụ dạy và học hiện đại, đạt chuẩn Quốc gia. Hai trường THCS Xuân Diệu và THCS Lê Ngọc Hân có số lượng học sinh giỏi cấp quốc gia và cấp tỉnh nhiều nhất tỉnh Tiền Giang.

Phường đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Ngoài ra, trên địa bàn phường còn có Trường trung học phổ thông Nguyễn Đình Chiểu. Đây là ngôi trường có truyền thống "Cách mạng – Dạy giỏi – Học giỏi".

Y tế:

Trạm y tế phường đạt chuẩn Quốc gia về Y tế cơ sở; có 06 biên chế: 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 điều dưỡng. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 100% (2020). Tất cả các khu phố đều có tổ y tế.

Ngoài ra trên địa bàn phường còn có nhiều cơ sở y tế công lập, tư nhân như: Bệnh viện đa khoa trung tâm tỉnh, Bệnh viện phụ sản tỉnh, Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh, Bệnh viện Anh Đức,…

Giao thông:

Tất cả các tuyến đường chính đều được mở rộng, trải nhựa, các tuyến hẻm khu dân cư được bê tông hóa hoàn toàn. Việc lát vỉa hè các tuyến đường trong phường đạt 100%. Đường thủy có sông Tiền và kênh/kinh Bảo Định chạy ngang qua.

Nhìn chung, với nhiều tuyến đường giao thông, đường thủy quan trọng nhiều tuyến nhánh liên khu phố gắn liền với các trục giao thông chính tạo thành một mạng lưới giao

thông thuận lợi cho việc đi lại cũng như giao lưu, trao đổi hàng hóa với các địa phương trong và ngoài phường.

Văn hóa:

Phường được công nhận danh hiệu Phường đạt chuẩn văn minh đô thị. Hàng năm có 100% hộ dân đăng ký gia đình văn hóa, bình xét có 97% hộ đạt danh hiệu Gia đình văn hóa. Phường có Nhà văn hóa với hội trường đa năng.

Các khu phố đều có trụ sở kiêm điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng. 100% khu phố được công nhận danh hiệu khu phố văn hóa.

Phường 1 có Chùa Ông là nơi tín ngưỡng tôn giáo, được tỉnh công nhận là cơ sở thờ tự văn hóa.

Du lịch:

Phường 1 là trung tâm của thành phố Mỹ Tho, trên địa bàn có nhiều di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, công viên, nhà nghỉ, khách sạn, nhà hàng, quán ăn, bến tàu,… phục vụ cho việc tham quan du lịch của du khách.

Thể thao:

Phong trào luyện tập thể dục, thể thao, rèn luyện thân thể, nâng cao sức khoẻ thể chất và tinh thần được nhân dân trong phường hưởng ứng tích cực; số hộ gia đình luyện tập thể thao đạt 30% - 35% số người thường xuyên tham gia luyện tập thể dục - thể thao. Có các câu lạc bộ bóng bàn, bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, cờ tướng, võ thuật, dưỡng sinh,...

Tổng số liệt sĩ: 27 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 08 Bà mẹ.

9. Phường 2

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Tên đơn vị hành chính được đặt theo đơn vị cấp phường và số từ (2).

Vị trí địa lý:

Phường 2 nằm về phía Đông thành phố Mỹ Tho, phía Đông giáp Phường 9, phía Tây giáp Phường 1, phía Nam giáp Sông Tiền, phía Bắc giáp Phường 3 và Phường 8.

Diện tích tự nhiên: 71 ha.

Hành chính:

Phường 2 có 05 khu phố: khu phố 1, khu phố 2, khu phố 3, khu phố 4, khu phố 5.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, Phường 2 hiện nay là thôn Giang Trạm Điều Hòa, thuộc tổng Kiến Thuận, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường vì hầu hết dân ở thôn này đều làm nghề đi trạm. Tiền hiền lập thôn này là Nguyễn Văn Trước.

Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn Giang Trạm Điều Hòa được đổi thành thôn Điều Hòa thuộc tổng Thuận Trị, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Trước Cách mạng tháng Tám (1945), Phường 2 hiện nay thuộc làng Điều Hòa, tổng Thuận Trị, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là Khu II thuộc thị xã Mỹ Tho, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân gọi là Khu II, hiệp xã Mỹ Tho, tỉnh Mỹ Tho. Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng gọi là Phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn đặt Phường 2 (gồm các khóm Phan Văn Trị, Trịnh Hoài Đức, Đinh Bộ Lĩnh và Mỹ Chánh), thuộc thị xã Mỹ Tho, tỉnh Định Tường. Sau năm 1975, Phường 2 thuộc thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Phường 2 đông giáp xã Tân Mỹ Chánh, tây giáp Phường 1, nam giáp sông Tiền, bắc giáp hai Phường 3 và 8, thành phố Mỹ Tho.

Dân số: 10.927 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 100 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Về dịch vụ: Hoạt động đa dạng, phong phú, phát huy được thế mạnh phường là mua bán hàng bông, tạp hóa nhỏ lẻ, mua bán hột vịt. Năm 2020, phường có 62 doanh nghiệp, 485 hộ kinh doanh cá thể (93 hộ hoạt động cố định).

Sản xuất công nghiệp: năm 2020, phường có 41 cơ sở sản xuất công nghiệp vẫn duy trì hoạt động, chủ yếu hàn tiện, làm cá khô, thêu, may mặc, kho đông, sản xuất nước đá,…

Phường 2 là một trong hai phường có kinh tế đường thủy phát triển nhất thành phố Mỹ Tho với những cảng sông tập trung dọc theo sông Tiền.

Giáo dục:

Năm 2020, Phường có 03 trường học và 01 Trung tâm: Trường trung học cơ sở Trịnh Hoài Đức, Trường tiểu học Hồ Văn Nhánh, Trường mầm non Phường 2., Trung tâm Giáo dục Thường xuyên thành phố Mỹ Tho.

Phường đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế phường đạt chuẩn Quốc gia về Y tế cơ sở; có 08 biên chế: 01 bác sĩ, 04 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 95% (2020). Tất cả các khu phố đều có tổ y tế.

Giao thông:

Tất cả các tuyến đường chính đều được mở rộng, trải nhựa, các tuyến đường hẻm ở khu dân cư được bê tông hóa hoàn toàn. Việc lát vỉa hè các tuyến đường trong phường đạt 100%. Đường Đinh Bộ Lĩnh nối liền với Quốc lộ 50 đi các huyện phía Đông của tỉnh. Đường thủy có sông Tiền và kênh/kinh Bảo Định chạy ngang qua. Giao thông thủy - bộ của phường đều thuận lợi, góp phần tích cực trong việc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Văn hóa:

Phường được công nhận danh hiệu Phường đạt chuẩn văn minh đô thị. Hàng năm có 100% hộ dân đăng ký gia đình văn hóa, bình xét có 93% hộ đạt danh hiệu Gia đình văn hóa. Phường có Nhà văn hóa với hội trường đa năng, phục vụ cho nhu cầu văn hóa của nhân dân trong phường.

Tất cả các khu phố đều có trụ sở kiêm điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng. 100% khu phố được công nhận danh hiệu Khu phố văn hóa.

Phường 2 có đình Điều Hòa được công nhận di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia.

Du lịch:

Phường có đình Điều Hòa được công nhận di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia, 04 chùa (chùa Trường Sanh, chùa Bửu Hưng, chùa Bửu Đức, chùa Bửu Sơn), 02 tịnh xá (tịnh xá Ngọc Mỹ, tịnh xá Mỹ Đức), 02 cơ sở tín ngưỡng (Miếu Tiên Sư, Lăng Ông Nam Hải), thu hút đông đảo du khách đến tham quan và cúng bái.

Thể thao:

Phong trào toàn dân luyện tập thể dục, thể thao ở phường phát triển tốt; số hộ gia đình luyện tập thể thao đạt 30% - 35% số người thường xuyên tham gia luyện tập thể dục - thể thao. Có các câu lạc bộ bóng bàn, cầu lông, cờ tướng, đá cầu.

Tổng số liệt sĩ: 83 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: Không có.

10. Phường 3

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Tên đơn vị hành chính được đặt theo đơn vị cấp phường và số từ (3).

Vị trí địa lý:

Phường 3 nằm về phía Đông thành phố Mỹ Tho, phía Đông giáp Phường 8, phía Tây giáp Phường 1 và Phường 7, phía Nam giáp Phường 2, phía Bắc giáp xã Mỹ Phong.

Diện tích tự nhiên: 54,11 ha.

Hành chính:

Phường có 07 khu phố: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, Phường 3 hiện nay một phần thuộc thôn Giang Trạm Điều Hòa, tổng Kiến Thuận, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường và thôn Phú Hội, tổng Kiến Thạnh, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn Giang Trạm Điều Hòa được đổi thành thôn Điều Hòa, tổng Thuận Trị, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường; thôn Phú Hội thuộc tổng Thạnh Phong, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Trước Cách mạng tháng Tám (1945), Phường 3 hiện nay có một phần đất thuộc làng Điều Hòa, tổng Thuận Trị, một phần đất thuộc làng Phú Hội, thuộc tổng Thạnh Phong, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là Khu III thuộc thị xã Mỹ Tho, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân gọi là Khu III, thuộc hiệp xã Mỹ Tho, tỉnh Mỹ Tho. Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng gọi là Phường 3, thành phố Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn đặt Phường 3, gồm các khóm Phan Thanh Giản, Học Lạc, Đốc Binh Kiều, Nguyễn Huỳnh Đức, Mỹ Phúc và Xóm Dầu, thuộc thị xã Mỹ Tho, tỉnh Định Tường. Sau năm 1975, Phường 3 thuộc thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Dân số: 8.572 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 87 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Thế mạnh kinh tế của phường là sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; thương mại và dịch vụ. Năm 2020, phường có 33 cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, 30 doanh nghiệp và 307 hộ kinh doanh cá thể.

Giáo dục:

Năm 2020, Phường có 02 trường học: Trường tiểu học Hoàng Hoa Thám và Trường mầm non Kim Đồng.

Phường đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế phường đạt chuẩn Quốc gia về Y tế cơ sở; có 08 biên chế: 01 bác sĩ, 04 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 96% (2020). Tất cả các khu phố đều có tổ y tế.

Giao thông:

Tất cả các tuyến đường chính của Phường 3 đều được mở rộng, trải nhựa, các tuyến đường hẻm ở khu dân cư được bê tông hóa đạt 100%. Việc lát vỉa hè các tuyến đường nội ô đạt 100%. Đường thủy có kênh/kinh Bảo Định chạy ngang qua. Giao thông thủy -

bộ của phường đều thuận lợi, góp phần tích cực trong việc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Văn hóa:

Phường được công nhận danh hiệu Phường đạt chuẩn văn minh đô thị. Năm 2020, phường có 94,4% hộ gia đình đăng ký gia đình văn hóa, cuối năm bình xét có 92% hộ được công nhận. Phường có Nhà văn hóa với hội trường đa năng, phục vụ cho nhu cầu văn hóa của nhân dân trong phường.

Tất cả các khu phố đều có trụ sở kiêm điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng. 100% khu phố được công nhận danh hiệu khu phố văn hóa.

Phường 3 có chùa Bửu Lâm được công nhận di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia.

Du lịch:

Phường có đình chùa Bửu Lâm được công nhận di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia, thu hút đông đảo du khách trong và ngoài nước đến tham quan, chiêm bái.

Thể thao:

Phong trào toàn dân luyện tập thể dục, thể thao ở phường phát triển tốt; số người luyện tập thể dục thể thao thường xuyên đạt 17,42%; số hộ gia đình thể thao đạt 27,3%. Có các câu lạc bộ bóng bàn, bóng chuyền, cầu lông, cờ tướng, đá cầu.

Tổng số liệt sĩ: 61 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ VN anh hùng: 02 Bà mẹ.

11. Phường 4

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Tên đơn vị hành chính được đặt theo đơn vị cấp phường và số từ (4).

Vị trí địa lý:

Phường 4 nằm ở phía Tây thành phố Mỹ Tho, phía Đông giáp Phường 1 và Phường 7, phía Tây giáp Phường 5 và Phường 6; phía Bắc giáp kênh/kinh Bảo Định, bên kia kênh/kinh là xã Đạo Thạnh; phía Nam giáp sông Tiền.

Diện tích tự nhiên: 80,72 ha.

Hành chính:

Phường 4 có 11 khu phố gồm các khu phố từ 1 đến 11.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, Phường 4 hiện nay thuộc thôn An Hòa, và thôn Bình Tạo, tổng Kiến Thuận, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, hai thôn này thuộc tổng Thuận Trị, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Trước Cách mạng tháng Tám (1945), Phường 4 hiện nay một phần thuộc làng An Hòa và một phần đất thuộc làng Bình Tạo, tổng Thuận Trị, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là Khu IV, thị xã Mỹ Tho, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân đặt là Khu IV, hiệp xã Mỹ Tho, tỉnh Mỹ Tho. Trong kháng chiến chống Mỹ, chính quyền cách mạng gọi là Phường 4, thuộc thành phố Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn gọi là Phường 4 (gồm các khóm Cộng Hòa, Quyết Tiến, Cộng Đồng, Đồng Tiến, Dân Chủ) thuộc thị xã Mỹ Tho, tỉnh Định Tường. Sau năm 1975, Phường 4 thuộc thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Dân số: 19.865 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 102 triệu đồng/năm (2020).

Kinh tế:

Thế mạnh kinh tế của Phường 4 hiện nay là thương mại - dịch vụ. Ngành thương mại - dịch vụ có 1.873 hộ kinh doanh. Trên địa bàn phường có 3 chợ mua bán rất sầm uất là chợ đầu mối Thạnh Trị, chợ trái cây và chợ Hàng Còng. Trên mặt tiền các tuyến đường của phường có các cửa hàng kinh doanh các loại sản phẩm thiết yếu cho đời sống, làm dịch vụ sửa chữa, cắt uốn tóc, khám chữa bệnh, chụp ảnh, ăn uống, khách sạn,… Sản xuất tiểu thủ công nghiệp có đồ sắt, chế biến bánh kẹo, lương thực thực phẩm, may mặc,…

Giáo dục:

Năm 2020, Phường có 02 trường học: Trường mầm non Tuổi Xanh và Trường tiểu học Lê Quý Đôn.

Phường đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế phường đạt chuẩn Quốc gia về Y tế cơ sở; có 08 biên chế: 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng.

Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 97% (2020). Tất cả các khu phố đều có tổ y tế.

Giao thông:

Phường 4 có 11 tuyến đường chính Ấp Bắc, Lý Thường Kiệt, Tết Mậu Thân, Lê Thị Hồng Gấm, Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Trần Hưng Đạo, Yersin, Đống Đa, Trần Quốc Toản; Nguyễn Tri Phương, Đường bờ kè sông Tiền. Công tác nâng cấp, bảo trì các tuyến đường chính do thành phố quản lý. Bên cạnh đó, trong những năm vừa qua địa phương cũng tăng cường công tác chỉnh trang, mở rộng mạng lưới giao thông. Năm 2020, Phường có 100% tuyến đường trong phường được trải nhựa hoặc bê tông. Việc lát vỉa hè các tuyến đường trong phường đạt 100%.

Văn hóa:

Phường được công nhận danh hiệu Phường đạt chuẩn văn minh đô thị. Năm 2020, phường có 100% hộ gia đình đăng ký gia đình văn hóa, cuối năm bình xét có 97% hộ được công nhận. Phường có Nhà văn hóa với hội trường đa năng, phục vụ cho nhu cầu văn hóa của nhân dân trong phường. Phường có 01 đội văn nghệ thường xuyên tập luyện và biểu diễn trong các dịp lễ tất và sự kiện quan trọng.

Tất cả các khu phố đều có trụ sở kiêm điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng. 100% khu phố được công nhận danh hiệu Khu phố văn hóa.

Trên địa bàn phường có 03 công viên: Công viên Tết Mậu Thân, Công viên Giếng Nước Lớn, Công viên Giếng Nước Nhỏ; thư viện tỉnh; Nhà bia liệt sĩ thành phố Mỹ Tho; 04 cơ sở thờ tự: Chùa Phổ Minh, Chùa Phước Long, Chùa Dược Sư, 01 Thánh thất Cao đài. Tín ngưỡng dân gian có 03 miếu: miếu Hòa Tường, miếu Hòa Thành và miếu Vạn Linh.

Du lịch:

Trên địa bàn phường có Công viên Tết Mậu Thân, Công viên Giếng Nước Lớn, Công viên Giếng Nước Nhỏ, Thánh thất Cao đài, Chùa Dược Sư, Chùa Phổ Minh, Thư viện tỉnh, Nhà bia liệt sĩ,… là những điểm đến thu hút khách du lịch khi đến Phường 4.

Thể thao:

Phong trào toàn dân luyện tập thể dục, thể thao ở phường phát triển tốt. Qua phong trào thể dục, thể thao "Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại", cán bộ và nhân dân thường xuyên tham gia luyện tập ở các công viên, câu lạc bộ thể dục, thể thao trong phường, rõ nét là ở Công viên Tết Mậu Thân mỗi sáng sớm. Số người luyện tập thể dục thể thao thường xuyên đạt 30%; số hộ gia đình thể thao đạt 32%.

Có các câu lạc bộ bóng bàn, bóng chuyền, cầu lông, cờ tướng, đá cầu. Trung tâm thể dục thể thao thành phố Mỹ Tho đặt trên địa bàn phường thu hút đông đảo nhân dân trong và ngoài phường đến tập luyện

Tổng số liệt sĩ: 96 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ VN anh hùng: Không có.

12. Phường 5

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Tên đơn vị hành chính được đặt theo đơn vị cấp phường và số từ (5).

Vị trí địa lý:

Phường 5 nằm về phía Tây thành phố Mỹ Tho, phía Đông giáp Phường 10; phía Tây giáp xã Trung An, Phường 10; phía Nam giáp Phường 6; phía Bắc giáp kinh/kênh Bảo Định.

Diện tích tự nhiên: 271,7 ha.

Hành chính:

Phường 5 có 10 khu phố; các khu phố được đánh số thứ tự từ 01 đến 10.

Lịch sử hành chính:

Năm 1808, đời vua Gia Long, Phường 5 hiện nay thuộc thôn Giang Trạm Điều Hòa, tổng Kiến Thuận, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường vì hầu hết dân ở thôn này đều làm nghề đi trạm. Tiền hiền lập thôn này là Nguyễn Văn Trước.

Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn Giang Trạm Điều Hòa được đổi thành thôn Điều Hòa thuộc tổng Thuận Trị, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Trước Cách mạng tháng Tám (1945), phường thuộc làng Điều Hòa, tổng Thuận Trị, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho. Trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là xã Điều Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân đặt xã Điều Hòa, tổng Thuận Trị, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho. Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng gọi là Phường 5, thành phố Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, đặt là Phường 5, gồm các khóm Chiến Thắng, Nguyễn Tri Phương, Xóm Tre, thuộc thị xã Mỹ Tho, tỉnh Định Tường. Sau năm 1975, Phường 5 thuộc thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Dân số: 21.440 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 92 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Thương mại - dịch vụ là kinh tế mũi nhọn của phường. Phường có nhiều hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, ngân hàng, siêu thị thương mại. dịch vụ vận tải, khách sạn, nhà hàng,...

Ngoài ra, phường còn có các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp, như may mặc, sản xuất cửa sắt, cửa nhôm, sản xuất cà phê, bánh kẹo,...

Giáo dục:

Năm 2020, Phường có 02 trường do địa phương quản lý: Trường tiểu học Thiên Hộ Dương, Trường mầm non Tuổi Ngọc. Ngoài ra, còn có Trường trung học phổ thông tư thục Ấp Bắc và Trường Đại học Tiền Giang.

Phường đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế phường đạt chuẩn Quốc gia về Y tế cơ sở; có 08 biên chế: 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 95% (2020). Tất cả các khu phố đều có tổ y tế. Trên địa bàn phường còn có Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (CDC) tỉnh Tiền Giang.

Giao Thông:

Phường 5 là cửa ngõ vào trung tâm thành phố Mỹ Tho, có các tuyến đường chính, như Ấp Bắc, Lý Thường Kiệt, Nguyễn Thị Thập,... Các tuyến đường nhỏ và hẻm trong phường đều được trải nhựa và trải bê tông. Việc lát vỉa hè các tuyến đường trong phường đạt 100%. Giao thông đường thủy có kênh/kinh Bảo Định, rạch Đạo Ngạn,...

Văn hóa:

Phường được công nhận danh hiệu Phường đạt chuẩn văn minh đô thị. Phường có Nhà văn hóa đạt chuẩn.

Năm 2020, Phường có 100% gia đình đăng ký gia đình văn hóa, có 98% gia đình đạt chuẩn; 05 con đường văn hóa, 02 cơ sở thờ tự văn hóa, các đội nhóm văn nghệ quần chúng,...

Tất cả các khu phố đều có trụ sở kiêm điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng. 100% khu phố được công nhận danh hiệu Khu phố văn hóa.

Du lịch:

Phường chưa có địa điểm du lịch.

Thể Thao:

Phường có các câu lạc bộ, đội, nhóm yêu thích, như: bóng đá, bóng chuyền, dưỡng sinh, cầu lông, thể hình, khiêu vũ, võ thuật,... Phong trào "Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại" phát triển tốt, tỷ lệ người tham gia tập thể dục đạt 32%, tỷ lệ hộ gia đình tham gia thể thao đạt 30% (năm 2020).

Tổng sô liệt sĩ: 173 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 07 Bà mẹ.

13. Phường 6

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Tên đơn vị hành chính được đặt theo đơn vị cấp phường và số từ (6).

Vị trí địa lý:

Phường 6 nằm về phía Tây thành phố Mỹ Tho, phía Đông giáp Phường 4, phía Tây giáp xã Trung An, phía Nam giáp Sông Tiền, phía Bắc giáp Phường 5.

Diện tích tự nhiên: 311,3 ha.

Hành chính:

Phường 6 có 13 khu phố: từ khu phố 1 đến khu phố 12 và khu phố Mỹ Thạnh Hưng).

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, Phường 6 hiện nay thuộc thôn Bình Tạo, tổng Kiến Thuận, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh

Mạng, thôn này thuộc tổng Thuận Trị, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Trước Cách mạng tháng Tám (1945) , phường thuộc làng Bình Tạo, tổng Thuận Trị, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho. Trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là ấp Bình Tạo, xã Bình Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân gọi là ấp Bình Tạo, xã Bình Đức, tổng Thuận Trị, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho. Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng gọi là Phường 6, thành phố Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn gọi là Phường 6 (gồm các khóm Bình Thành, Bình Tạo, Ngô Tùng Châu, Lý Thường Kiệt), thị xã Mỹ Tho, tỉnh Định Tường. Sau năm 1975, Phường 6 thuộc thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Dân số: 22.634 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 61,8 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Thế mạnh kinh tế của phường là thương mại - dịch vụ. Năm 2020, phường có 1032 cơ sở kinh doanh. Về tiểu thủ công nghiệp, năm 2020, phường có có 260 cơ sở sản xuất.

Giáo dục:

Năm 2020, Phường có 04 trường học: Trường mầm non Phường 6, Trường tiểu học Kim Đồng, Trường tiểu học Nguyễn Huệ, Trường trung học cơ sở Nam Định.

Phường đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế phường đạt chuẩn Quốc gia về Y tế cơ sở; có 09 biên chế: 01 bác sĩ, 04 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 95% (2020). Tất cả các khu phố đều có tổ y tế. Trên địa bàn phường có Bệnh viện quân y K120.

Giao thông:

Phường 6 có tuyến đường chính là đường Lê Thị Hồng Gấm. Các tuyến đường nhỏ và hẻm trong phường đều được trải nhựa và trải bê tông. Việc lát vỉa hè các tuyến đường trong phường đạt 100%. Giao thông đường thủy có sông Tiền.

Văn hóa:

Phường được công nhận danh hiệu Phường đạt chuẩn văn minh đô thị, có Nhà văn hóa đạt chuẩn, có câu lạc bộ gia đình hạnh phúc và các đội, nhóm văn nghệ quần chúng,…

Năm 2020, Phường có 100% gia đình đăng ký gia đình văn hóa, có 96% gia đình đạt chuẩn Gia đình văn hóa,...

Tất cả các khu phố đều có trụ sở kiêm điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng. 100% khu phố được công nhận danh hiệu Khu phố văn hóa.

Du lịch:

Chưa có địa điểm du lịch.

Thể Thao:

Phong trào "Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại" được đẩy mạnh và mở rộng. Kết quả bình xét gia đình thể dục thể thao cuối năm 2020, phường có 1.074/5.138 hộ, đạt 20,90%, có 6.987/22.634 người tham gia luyện tập thể dục thể thao thường xuyên, đạt tỷ lệ 30,87%.

Phường có các câu lạc bộ dưỡng sinh, bóng đá, bóng chuyền, cầu lông võ thuật, đá cầu,…

Tổng số liệt sĩ: 144 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 08 Bà mẹ.

14. Phường 7

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Tên đơn vị hành chính được đặt theo đơn vị cấp phường và số từ (7).

Vị trí địa lý:

Phường 7 nằm về phía Nam thành phố Mỹ Tho, phía Đông và phía Bắc giáp với kênh/kinh Bảo Định, phía Tây giáp với Phường 4, phía Nam giáp Phường 1.

Diện tích tự nhiên: 45,15 ha.

Hành chính:

Phường có 07 khu phố, các khu phố được đánh số từ 01 đến 07.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, Phường 7 hiện nay thuộc thôn Giang Trạm Điều Hòa, tổng Kiến Thuận, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường vì hầu hết dân ở thôn này đều làm nghề đi trạm. Tiền hiền lập thôn này là Nguyễn Văn Trước.

Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn Giang Trạm Điều Hòa được đổi thành thôn Điều Hòa thuộc tổng Thuận Trị, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Trước Cách mạng tháng Tám (1945), phường thuộc làng Điều Hòa, tổng Thuận Trị, quân Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là Khu I thuộc thị xã Mỹ Tho, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân gọi là Khu I thuộc hiệp xã Mỹ Tho, tỉnh Mỹ Tho. Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng ta gọi là Phường 1, thành phố Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn gọi là Phường 1, thị xã Mỹ

Tho, tỉnh Định Tường. Sau năm 1975, một phần đất và dân số của Phường 1 được tách ra để thành lập Phường 7, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

Dân số: 11.211 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 95 triệu/người/năm (2020).

Kinh tế:

Kinh tế chủ yếu của phường là thương mại - dịch vụ và sản xuất tiểu thủ công nghiệp.

Giáo dục:

Năm 2020, Phường có 05 trường học: Trường mầm non Lê Thị Hồng Gấm, Trường mầm non Hùng Vương, Trường mầm non Họa Mi, Trường tiểu học Chu Văn An, Trường trung học cơ sở Lê Ngọc Hân (là một trong những trường có nhiều học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp thành phố và cấp tỉnh).

Phường đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế phường đạt chuẩn Quốc gia về Y tế cơ sở; có 07 biên chế: 03 y sĩ, 02 nữ hộ sinh, 01 dược sĩ, 01 điều dưỡng. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 95% (2020). Tất cả các khu phố đều có tổ y tế.

Trên địa bàn phường có Trung tâm y tế thành phố Mỹ Tho, Bệnh viện Mắt tỉnh Tiền Giang, Trung tâm da liễu tỉnh Tiền Giang.

Giao thông:

Phường 7 có 04 tuyến đường chính là các đường Hùng Vương, Nguyễn Trải, Ngô Quyền, Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Các tuyến đường nhỏ và hẻm trong phường đều được trải nhựa và trải bê tông. Việc lát vỉa hè các tuyến đường trong phường đạt 100%. Giao thông đường thủy có kênh/kinh Bảo Định.

Văn hóa:

Phường được công nhận danh hiệu Phường đạt chuẩn văn minh đô thị, có Nhà văn hóa đạt chuẩn.

Năm 2020, Phường có 100% gia đình đăng ký gia đình văn hóa, có 95% gia đình đạt chuẩn Gia đình văn hóa,...

Tất cả các khu phố đều có trụ sở kiêm điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng. 100% khu phố được công nhận danh hiệu khu phố văn hóa.

Phường có câu lạc bộ đờn ca tài tử, các đội, nhóm văn nghệ quần chúng,…

Du lịch:

Trên địa bàn phường có Bảo tàng Tiền Giang, thu hút khách du lịch các nơi đến tham quan.

Thể thao:

Phường không có sân bãi luyện tập thể dục - thể thao, chủ yếu luyện tập ở sân bãi của các trường học,… Phong trào luyện tập thể dục - thể thao của nhân dân trong phường phát triển mạnh, như tập thể dục buổi sáng, thể dục thẩm mỹ, bóng bàn, điền kinh, đá cầu, đi - chạy bộ, quần vợt, bóng đá, bóng đá, cầu lông,… Năm 2020, phường có 27% số hộ đạt tiêu chí gia đình thể dục thể thao, 29% số người tham gia luyện tập thể dục thể thao thường xuyên.

Năm 2020, phường có 01 câu lạc bộ bóng bàn, 01 câu lạc bộ dưỡng sinh, 07 đội bóng đá, 2 đội đá cầu, 08 đội bóng chuyền, 05 đội cờ tướng.

Tổng số liệt sĩ: 32 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: Không.

15. Phường 8

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Tên đơn vị hành chính được đặt theo đơn vị cấp phường và số từ (8).

Vị trí địa lý:

Phường 8 nằm ở phía Đông thành phố Mỹ Tho, phía Đông giáp Phường 9, phía Tây giáp Phường 3, phía Nam giáp Phường 2, phía Bắc giáp Phường 3 và xã Mỹ Phong.

Diện tích tự nhiên: 69,96 ha.

Hành chính:

Phường 8 có 8 khu phố; các khu phố theo số thứ tự từ 01 đến 08.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, Phường 8 hiện nay thuộc thôn Giang Trạm Điều Hòa, tổng Kiến Thuận, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường và thôn Mỹ Chánh, tổng Kiến Thạnh, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn Giang Trạm Điều Hòa được đổi thành thôn Điều Hòa, tổng Thuận Trị, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường; thôn Mỹ Chánh thuộc tổng Thạnh Phong, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Trước Cách mạng tháng Tám (1945), Phường 8 hiện nay một phần thuộc làng Điều Hoà, tổng Thuận Trị, quận Châu Thành, một phần thuộc làng Tân Hội Mỹ, tổng Thạnh Phong, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho. Trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng đặt phường này thuộc xã Tân Mỹ Chánh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân đặt một phần đất của phường thuộc làng Điều Hòa, quận Châu Thành và một phần đất thuộc làng Tân Hội Mỹ, tổng Thạnh Phong, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho. Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt

phường thuộc xã Tân Mỹ Chánh, thành phố Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn đặt phường thuộc Phường 2, thị xã Mỹ Tho, tỉnh Định Tường và Tân Mỹ Chánh, quận Chợ Gạo, tỉnh Định Tường. Năm 1976, Phường 8 được thành lập từ việc tách một phần Phường 2 và một phần xã Tân Mỹ Chánh, thuộc thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Dân số: 10.652 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 91 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Từ một địa bàn gần như thuần nông, kinh tế của phường đã chuyển sang thương mại - dịch vụ và sản xuất tiểu thủ công nghiệp. Có Cảng cá Mỹ Tho và Chợ Cũ với hoạt động kinh doanh rất nhộn nhịp.

Giáo dục:

Năm 2020, Phường có 03 trường học: Trường mầm Non Sao Mai, Trường tiểu học Đinh Bộ Lĩnh, Trường trung học cơ sở Học Lạc. Ngoài ra, trên địa bàn phường còn có Trường Cao đẳng Tiền Giang.

Phường đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế phường đạt chuẩn Quốc gia về Y tế cơ sở; có 08 biên chế: 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh, 02 điều dưỡng. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 94% (2020). Tất cả các khu phố đều có tổ y tế.

Giao thông:

Phường 8 có 06 tuyến đường chính là các đường Đinh Bộ Lĩnh, Học Lạc, Nguyễn An Ninh, Nguyễn Trung Trực, Nguyễn Huỳnh Đức, Thái Sanh Hạnh,.... Các tuyến đường nhỏ và hẻm trong phường đều được trải nhựa và trải bê tông. Việc lát vỉa hè các tuyến đường trong phường đạt 100%. Giao thông đường thủy có Sông Tiền.

Văn hóa:

Phường được công nhận danh hiệu Phường đạt chuẩn văn minh đô thị, có Nhà văn hóa đạt chuẩn.

Có 100% gia đình đăng ký gia đình văn hóa, có 96% gia đình đạt chuẩn Gia đình văn hóa,...

Tất cả các khu phố đều có trụ sở kiêm điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng. 100% khu phố được công nhận danh hiệu Khu phố văn hóa.

Phường có câu lạc bộ đờn ca tài tử, các đội, nhóm văn nghệ quần chúng,…

Du lịch:

Trên địa bàn phường có Chùa Ông, thu hút khách du lịch các nơi đến tham quan, lễ bái.

Thể thao:

Phong trào luyện tập thể dục - thể thao của nhân dân trong phường phát triển mạnh, như tập thể dục buổi sáng, thể dục thẩm mỹ, bóng bàn, điền kinh, đá cầu, đi - chạy bộ, quần vợt, bóng đá, bóng đá, cầu lông,…

Năm 2020, phường có 28% số hộ đạt tiêu chí gia đình thể dục thể thao, 31% số người tham gia luyện tập thể dục thể thao thường xuyên. Phường có các câu lạc bộ bóng bàn, dưỡng sinh, đội bóng đá, đội đá cầu, đội bóng chuyền, đội cầu lông, đội cờ tướng.

Tổng số liệt sĩ: 68 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: Không.

16. Phường 9

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Tên đơn vị hành chính được đặt theo đơn vị cấp phường và số từ (9).

Vị trí địa lý:

Phường 9 nằm về phía Đông thành phố Mỹ Tho, phía Đông giáp xã Tân Mỹ Chánh, phía Tây giáp Phường 8 và Phường 2, phía Nam giáp sông Tiền, phía Bắc giáp xã Mỹ Phong.

Diện tích tự nhiên: 274 ha.

Hành chính:

Phường có 06 khu phố: Khu phố 1, Khu phố 2, Khu phố 3, Khu phố 4, Khu phố 5, Khu phố 6.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long có 3 thôn Phú Hội, Mỹ Chánh và Bình Phong thuộc tổng Kiến Thạnh, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đến đời vua Minh Mạng có thêm thôn Phong Thuận, thuộc tổng Thạnh Phong, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Ngày 29-11-1923, chính quyền thực dân Pháp cho nhập hai làng Phú Hội và Mỹ Chánh thành làng Hội Mỹ, đồng thời nhập hai làng Bình Phong và Phong Thuận thành làng Tân Phong. Năm 1936, Hội Mỹ và Tân Phong nhập lại lấy tên là Tân Hội Mỹ.

Trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng đặt xã Tân Hội Mỹ thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân đặt làng Tân Hội Mỹ thuộc quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho. Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), xã Tân Hội Mỹ nhập với xã Mỹ Chánh thành xã Tân Mỹ Chánh (1956); chính quyền cách mạng

đặt xã Tân Mỹ Chánh thuộc thành phố Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn đặt xã Tân Mỹ Chánh thuộc quận Chợ Gạo, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Tân Mỹ Chánh thuộc thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Năm 2003 thực hiện Nghị định 154/NĐ-CP ngày 07/12/2003, Phường 9 được thành lập trên cơ sở điều chỉnh diện tích và dân số của 02 ấp Phong Thuận A và Bình Phong A của xã Tân Mỹ Chánh.

Dân số: 9.270 người.

Thu nhập bình quân đầu người: 65 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Năm 2020, phường có 65 cơ sở tiểu thủ công nghiệp, như sản xuất nước đá, bún, bánh kẹo,…; 118 cơ sở thương mại - dịch vụ; về công nghiệp có các cơ sở đóng tàu, dịch vụ hậu cần nghề cá, sản xuất chế biến hải sản; 13 phương tiện đánh bắt xa bờ, sản lượng đánh bắt bình quân 6.800 tấn/năm.

Bên cạnh đó, phường cũng có một ít diện tích canh tác lúa, rau màu và chăn nuôi cá, trong đó có 02 hộ nuôi cá sấu và ba ba,…

Trên địa bàn phường có một số doanh nghiệp lớn, như công ty An Việt, công ty Ticco; công ty May Tiền Tiến; Cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh,…

Giáo dục:

Năm 2020, Phường có 02 trường học: Trường mầm non Rạng Đông, Trường tiểu học Âu Dương Lân. Cả 02 trường đều đạt Trường chuẩn quốc gia. Ngoài ra, trên địa bàn phường còn có Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.

Phường đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế phường đạt chuẩn Quốc gia về Y tế cơ sở; có 06 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 94% (2020). Tất cả các khu phố đều có tổ y tế.

Giao thông:

Trên địa bàn phường có tuyến Quốc lộ 50 chạy ngang qua với chiều dài khoảng 03 km, 12 tuyến đường khu dân cư trên địa bàn các khu phố với chiều dài khoảng 10 km, 20 tuyến đường liên khu phố, liên tổ với chiều dài trên 12 km. Tất cả các tuyến đường này đều được trải nhựa và bê tông. Giao thông thủy có Sông Tiền.

Văn hóa:

Phường được công nhận danh hiệu Phường đạt chuẩn văn minh đô thị, có Nhà văn hóa đạt chuẩn.

Năm 2020, Phường có 100% gia đình đăng ký gia đình văn hóa, có 96% gia đình đạt chuẩn Gia đình văn hóa,...

Tất cả các khu phố đều có trụ sở kiêm điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng. 100% khu phố được công nhận danh hiệu Khu phố văn hóa.

Phường có các câu lạc bộ đờn ca tài tử, Hát với nhau, các đội, nhóm văn nghệ quần chúng,…

Du lịch:

Chưa có địa điểm du lịch.

Thể thao:

Phong trào luyện tập thể dục - thể thao được nhân dân trong phường tích cực hưởng ứng. Năm 2020, phường có 27,6% số hộ đạt tiêu chí gia đình thể dục thể thao, 29,5% số người tham gia luyện tập thể dục thể thao thường xuyên. Phường có các câu lạc bộ dưỡng sinh, đội bóng đá, đội đá cầu, đội cầu lông, đội cờ tướng, 01 sân bóng đá mini, 02 sân cầu lông, 02 sân bóng chuyền, 02 sân tennis,…

Tổng số liệt sĩ: 45 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: Không.

17. Phường 10

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Tên đơn vị hành chính được đặt theo đơn vị cấp phường và số từ (10).

Vị trí địa lý:

Phường 10 nằm về phía Tây thành phố Mỹ Tho, phía Đông giáp kênh/kinh Bảo Định, phía Tây giáp xã Trung An, phía Nam giáp Phường 5, phía Bắc giáp xã Long An, huyện Châu Thành.

Diện tích tự nhiên: 266,58 ha.

Hành chính:

Phường 10 có 06 khu phố: các khu phố 1, 2, 3, 4, 5 và Trung Lương.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, Phường 10 hiện nay thuộc hai thôn Trung Lương và Đạo Ngạn, tổng Kiến Thuận, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, hai thôn này tổng Thuận Trị, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Trước Cách mạng tháng Tám (1945), hai làng Trung Lương và An Đức Đông nhập lại thành làng Trung An (1925), làng Đạo Ngạn và làng Thạnh Trị nhập lại lấy tên là Đạo

Thạnh (1932), hai làng này thuộc tổng Thuận Trị, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho. Phường 10 hiện nay thuộc hai làng Trung An và Đạo Thạnh.

Trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng đặt Phường 10 hiện nay thuộc hai xã Trung An và Đạo Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân đặt phường thuộc hai làng Trung An và Đạo Thạnh, tổng Thuận Trị, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho. Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt Phường 10 hiện nay thuộc một phần xã Trung An và một phần xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn đặt phường thuộc một phần xã Trung An và một phần xã Đạo Thạnh, quận Châu Thành , tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, hai xã Trung An và Đạo Thạnh thuộc thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Năm 2003, Phường 10 được thành lập từ việc tách một phần diện tích tự nhiên và dân số của xã Trung An và xã Đạo Thạnh.

Dân số: 12.122 người.

Thu nhập bình quân đầu người: 102 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Cơ cấu kinh tế của phường chuyển dịch và phát triển theo hướng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và thương mại - dịch vụ. Trên địa bàn phường có Siêu thị Coop Mart Mỹ Tho.

Giáo dục:

Phường có 02 trường học: Trường mầm non Sen Hồng, Trường tiểu học Thái Sanh Hạnh. Phường đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế phường đạt chuẩn Quốc gia về Y tế cơ sở; có 07 biên chế: 03 y sĩ, 02 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 95% (2020). Tất cả các khu phố đều có tổ y tế. Trên địa bàn phường có bệnh viện đa khoa tư nhân Tâm Minh Đức.

Giao thông:

Chạy ngang qua phường có Quốc lộ 1, Quốc lộ 60. Phường có các tuyến đường chính: Ấp Bắc, Lê Văn Phẩm, Nguyễn Công Bình,… Tất cả các tuyến đường trên địa bàn phường đều được trải nhựa và bê tông. Giao thông thủy có kênh/kinh Bảo Định.

Văn hóa:

Phường được công nhận danh hiệu Phường đạt chuẩn văn minh đô thị, có Nhà văn hóa đạt chuẩn.

Năm 2020. Phường có 100% gia đình đăng ký gia đình văn hóa, có 97% gia đình đạt chuẩn Gia đình văn hóa,...

Tất cả các khu phố đều có trụ sở kiêm điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng. 100% khu phố được công nhận danh hiệu Khu phố văn hóa.

Phường có các câu lạc bộ đờn ca tài tử, Hát với nhau, các đội, nhóm văn nghệ quần chúng,…

Du lịch:

Chưa có địa điểm du lịch.

Thể thao:

Phong trào luyện tập thể dục - thể thao được nhân dân trong phường tích cực hưởng ứng. Năm 2020, phường có 32,1% người dân tham gia luyện tập thể dục thể thao thường xuyên, 26,9% hộ gia đình thể dục thể thao, có 20 câu lạc bộ thể dục thể thao sinh hoạt thường xuyên, như dưỡng sinh, bóng đá, đá cầu, cầu lông, cờ tướng, võ thuật, bóng chuyền, thể dục thẩm mỹ,…

Tổng số liệt sĩ: 157 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 22 Bà mẹ.

18. Phường Tân Long

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

新 Tân: Mới mẻ

龍 Long: Rồng

坊 Phường: Đơn vị hành chính dưới tỉnh, thành phố; trên khu phố, khóm.

新龍坊 Tân Long Phường

Vị trí địa lý:

Phường Tân Long là một cù lao nằm về phía Nam thành phố Mỹ Tho, phía Đông giáp xã Tân Mỹ Chánh, phía Tây giáp xã Thới Sơn và Phường 4, phía Nam giáp huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, phía Bắc: giáp các Phường 1, 2, 9.

Diện tích tự nhiên: 325,68 ha.

Hành chính: có 03 khu phố: Thuận Hà, Tân Hòa, Tân Bình.

Lịch sử hình thành:

Theo sách *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức, cồn Rồng bắt đầu nổi lên từ năm 1788.

Trước Cách mạng tháng Tám (1945), phường có tên là Cồn Rồng. Trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng đặt Cồn Rồng thuộc xã Bình Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân đặt cồn thuộc làng Bình Đức, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho. Trong kháng chiến chống Mỹ (1945-1975), ngày 31-01-1958, chính quyền Sài Gòn thành lập xã Tân Long, thuộc quận Châu Thành, tỉnh Định Tường; chính quyền cách mạng đặt xã Tân Long thuộc thành phố Mỹ Tho, tỉnh Mỹ Tho.

Sau 1975, xã Tân Long thuộc thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Năm 2003, xã Tân Long được đổi thành phường Tân Long, thuộc thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Dân số: 3.263 người (2020)

Thu nhập bình quân đầu người: 75 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Phường có 45,32 ha đất nông nghiệp, chủ yếu trồng dừa, nhãn, bưởi, lá sâm, hoa kiểng, 169 bè nuôi cá, 40 tàu khai thác hải sản, 205 cơ sở kinh doanh dịch vụ, 05 cơ sở sửa chữa ghe tàu, 01 hãng sản xuất nước đá, 05 cơ sở hàn tiện.

Giáo dục:

Năm 2020, Phường có 02 trường học: Trường mầm non Tuổi Thơ, Trường tiểu học Tân Long. Phường đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế phường đạt chuẩn Quốc gia về Y tế cơ sở; có 06 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 94% (2020). Tất cả các khu phố đều có tổ y tế.

Giao thông:

Trên địa bàn phường có 02 tuyến đường chính, 06 tuyến đường ngang; tất cả đều được trải nhựa và trải bê tông.

Văn hóa:

Phường được công nhận danh hiệu Phường đạt chuẩn văn minh đô thị, có Nhà văn hóa đạt chuẩn.

Năm 2020, tổng số hộ đăng ký xây dựng Gia đình văn hóa trên địa bàn phường là 726/726 hộ, đạt 100%, Kết quả bình xét gia đình văn hóa là 696/726 hộ, đạt 95,86%.

Tất cả các khu phố đều được công nhận Khu phố văn hóa, có trụ sở kiêm điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng; đạt 100% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp; cơ sở tín ngưỡng, cơ sở thờ tự các tôn giáo, chợ được công nhận "Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hoá" và đạt danh hiệu "Nếp sống cộng đồng".

Phường có các câu lạc bộ đờn ca tài tử, cờ tướng, Hát với nhau, các đội, nhóm văn nghệ quần chúng,…

Du lịch:

Phường là điểm du lịch sinh thái miệt vườn, thu hút du khách khắp nơi đến tham quan, có 01 điểm homestay (dịch vụ du lịch lưu trú nhà dân) và 01 nhà hàng sinh thái.

Thể thao:

Trên địa bàn phường có 09 điểm tập luyện thể dục thể thao (khu vực bờ kè phía Đông và phía Tây, 02 sân trường học, 3 điểm sinh hoạt văn hóa, 02 sân nhà văn hóa, sân của người dân cho sử dụng tạm) dùng để tập luyện các môn: cầu lông, đá cầu, thể dục tay không, thể dục dưỡng sinh, bóng đá mini, thể thao dân tộc, đi bộ, điền kinh và bóng chuyền,...

Tổng số liệt sĩ: 23 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: Không.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn quốc lộ, đường cao tốc, đường tỉnh:**

1. Quốc lộ 1, đoạn ngang qua tỉnh Tiền Giang

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng mang yếu tố Hán Việt (Quốc: 國: Nước; Lộ: 路: Đường) + Số hiệu (1).

Quốc lộ 1 trước đây, dưới thời nhà Nguyễn, trong nửa đầu thế kỷ 19, được gọi là đường Thiên lý; dưới thời thực dân Pháp (từ giữa thế kỷ 19 đến năm 1954), là Lộ Đông Dương; dưới thời chính quyền Sài Gòn (1954-1975) là Lộ 4.

Quốc lộ 1 là tuyến đường giao thông xuyên suốt Việt Nam, bắt đầu từ cửa khẩu Hữu Nghị trên biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc, nằm tại thị trấn Đồng Đăng thuộc huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, kết thúc tại thị trấn Năm Căn thuộc huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau với tổng chiều dài 2.482 km. Đây là tuyến đường quan trọng hàng đầu Việt Nam.

Quốc lộ 1 đoạn ngang qua tỉnh Tiền Giang bắt đầu từ km 1954 tại cầu Tân Hương, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, xuyên qua huyện Châu Thành, thành phố Mỹ Tho, thị xã Cai Lậy, huyện Cai Lậy và huyện Cái Bè, kết thúc tại km 2029 cầu Mỹ Thuận, xã Hòa Hưng, huyện Cái Bè, giáp giới tỉnh Vĩnh Long, dài 75 km.

2. Quốc lộ 50, đoạn ngang qua tỉnh Tiền Giang

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng mang yếu tố Hán Việt (Quốc: 國: Nước; Lộ: 路: Đường) + Số hiệu (50).

Quốc lộ 50 là tuyến đường nối liền từ Thành phố Hồ Chí Minh qua tỉnh Long An đến tỉnh Tiền Giang, bắt đầu từ cầu Nhị Thiên Đường, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, theo hướng nam đi qua huyện Bình Chánh (Thành phố Hồ Chí Minh), sang hai huyện Cần Giuộc và Cần Đước, tỉnh Long An, đến thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Tại

trung tâm thị xã Gò Công, con đường rẽ sang hướng tây qua hai huyện Gò Công Tây, Chợ Gạo và kết thúc tại thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, với tổng chiều khoảng dài 95 km.

Quốc lộ 50 đoạn ngang qua tỉnh Tiền Giang bắt đầu từ km 41 tại cầu Mỹ Lợi, xã Bình Đông, thị xã Gò Công, xuyên qua thị xã Gò Công, hai huyện Gò Công Tây, Chợ Gạo và kết thúc tại km 95, ngã ba Trung Lương, Phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, dài 54 km.

3. Quốc lộ 60, đoạn ngang qua tỉnh Tiền Giang

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng mang yếu tố Hán Việt (Quốc: 國: Nước; Lộ: 路 : Đường) + Số hiệu (60).

Quốc lộ 60 bắt đầu từ ngã ba Trung Lương, Phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, đi qua các tỉnh Bến Tre, Trà Vinh và kết thúc tại thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, với chiều dài khoảng 115 km.

Quốc lộ 60 giúp rút ngắn đường đi từ Mỹ Tho đến Sóc Trăng trên 50 km, rút ngắn đường đi từ Mỹ Tho đến Trà Vinh 60 km so với đi theo Quốc lộ 1.

Quốc lộ 60 đoạn ngang qua tỉnh Tiền Giang bắt đầu từ ngã ba Trung Lương, Phường 10 đến cầu Rạch Miễu, xã Thới Sơn, thành phố Mỹ Tho, dài 5,5 km.

*** Đường tỉnh:**

1. Đường tỉnh 864

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (864).

Đường tỉnh 864, có số hiệu đường bộ ĐT.864; điểm đầu: Đường vào mố cầu Bình Đức (đường Lê Thị Hồng Gấm, thành phố Mỹ Tho); điểm cuối: Cầu Mỹ Thuận (xã Hòa Hưng, huyện Cái Bè); chiều dài: 57,654 km.

2. Đường tỉnh 870

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (870).

Đường tỉnh 870, có số hiệu đường bộ ĐT.870; điểm đầu: Quốc lộ 1 (Ngã tư Đồng Tâm, xã Phước Thạnh, thành phố Mỹ Tho và xã Thạnh Phú, huyện Châu Thành); điểm cuối: ĐT.864 (xã Trung An, thành phố Mỹ Tho và xã Bình Đức, huyện Châu Thành); chiều dài: 5,712 km.

3. Đường tỉnh 870B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (870B).

Đường tỉnh 870B, có số hiệu đường bộ ĐT.870B; điểm đầu: Quốc lộ 1 (xã Trung An, thành phố Mỹ Tho); điểm cuối: ĐT.864 (Khu Công nghiệp Mỹ Tho - xã Trung An); chiều dài: 4,506 km.

4. Đường tỉnh 879

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (879).

Đường tỉnh 879, có số hiệu đường bộ ĐT.879; điểm đầu: Đường Nguyễn Văn Giác (thành phố Mỹ Tho); điểm cuối: Giáp ranh tỉnh Long An (xã Trung Hòa, huyện Chợ Gạo); chiều dài: 15,358 km.

5. Đường tỉnh 879B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (879B).

Đường tỉnh 879B, có số hiệu đường bộ ĐT.879B; điểm đầu: Đường Nguyễn Trung Trực (thành phố Mỹ Tho); điểm cuối: Giáp ranh tỉnh Long An (xã Tân Bình Thạnh, huyện Chợ Gạo); chiều dài: 13,434 km.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn đường huyện, đường phố ở thành phố Mỹ Tho:**

Khái niệm đường bộ, tên đường bộ và số hiệu đường bộ:

- Theo Điều 3, Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định: Đường bộ gồm đường, cầu đường bộ, hầm đường bộ, bến phà đường bộ.

- Theo Điều 40, Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định cách đặt tên và số hiệu đường bộ như sau: Tên đường được đặt tên danh nhân, người có công hoặc tên di tích, sự kiện lịch sử, văn hóa, tên địa danh hoặc tên theo tập quán; số hiệu đường được đặt theo số tự nhiên kèm theo chữ cái nếu cần thiết; trường hợp đường đô thị trùng với quốc lộ thì sử dụng cả tên đường đô thị và tên, số hiệu quốc lộ.

Đường huyện: 23 địa danh.

Điều 39, Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định: Đường huyện là đường nối trung tâm hành chính của huyện với trung tâm hành chính của xã, cụm xã hoặc trung tâm hành chính của huyện lân cận; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

1. Đường huyện 86

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (86).

Đường huyện 86 có số hiệu đường bộ ĐH.86; điểm đầu: Quốc lộ 50 (xã Tân Mỹ Chánh); điểm cuối: Đường Lộ Làng (xã Tân Mỹ Chánh); chiều dài: 1,600 km.

2. Đường huyện 86C

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (86C) + Chữ cái La tinh (C)

Đường huyện 86 có số hiệu đường bộ ĐH.86C; điểm đầu: Quốc lộ 50 (xã Tân Mỹ Chánh); điểm cuối: Đường Lộ Làng (xã Tân Mỹ Chánh); chiều dài: 1,850 km.

3. Đường huyện 86D

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (86D) + Chữ cái La tinh (D)

Đường huyện 86D có số hiệu đường bộ ĐH.86D; điểm đầu: Quốc lộ 50 (xã Tân Mỹ Chánh); điểm cuối: Sông Tiền (xã Tân Mỹ Chánh); chiều dài: 0,600 km.

4. Đường huyện 87

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (87)

Đường huyện 87 có số hiệu đường bộ ĐH.87; điểm đầu: Đường tỉnh 879B (cầu Gò Cát, Phường 9); điểm cuối: Sông Tiền (xã Tân Mỹ Chánh); chiều dài: 2,800 km.

5. Đường huyện 87B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (87B) + Chữ cái La tinh (B)

Đường huyện 87B có số hiệu đường bộ ĐH.87B; điểm đầu: Cầu Bình Phong (xã Tân Mỹ Chánh); điểm cuối: Đường Lộ Xoài (xã Tân Mỹ Chánh); chiều dài: 2,100 km.

6. Đường huyện 87C

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (87C) + Chữ cái La tinh (C)

Đường huyện 87C có số hiệu đường bộ ĐH.87C; điểm đầu: Quốc lộ 50 (xã Tân Mỹ Chánh); điểm cuối: Đường Lộ Xoài (xã Tân Mỹ Chánh); chiều dài: 2,900 km.

7. Đường huyện 88

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (88)

Đường huyện 88 có số hiệu đường bộ ĐH.88; điểm đầu: Đường tỉnh 879B (xã Mỹ Phong); điểm cuối: Giáp xã Song Bình, huyện Chợ Gạo (xã Mỹ Phong); chiều dài: 1,300 km.

8. Đường huyện 89

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (89)

Đường huyện 89 có số hiệu đường bộ ĐH.89; điểm đầu: Đường tỉnh 879 (xã Mỹ Phong); điểm cuối: Giáp ranh huyện Chợ Gạo (xã Tân Mỹ Chánh); chiều dài: 4,697 km.

9. Đường huyện 90

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (90)

Đường huyện 90 có số hiệu đường bộ ĐH.90; điểm đầu: Đường Lộ Me (xã Mỹ Phong); điểm cuối: Giáp ranh huyện Chợ Gạo (xã Mỹ Phong); chiều dài: 3,750 km.

10. Đường huyện 90B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (90B) + Chữ cái La tinh (B).

Đường huyện 90 có số hiệu đường bộ ĐH.90B; điểm đầu: Đường tỉnh 879B (xã Mỹ Phong); điểm cuối: Đường Kênh Nổi (xã Mỹ Phong); chiều dài: 1,350 km.

11. Đường huyện 90C

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (90C) + Chữ cái La tinh (C).

Đường huyện 90 có số hiệu đường bộ ĐH.90C; điểm đầu: Đường tỉnh 879B (xã Mỹ Phong); điểm cuối: Đường Kênh Nổi (xã Mỹ Phong); chiều dài: 1,900 km.

12. Đường huyện 90D

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (90D) + Chữ cái La tinh (D).

Đường huyện 90 có số hiệu đường bộ ĐH.90D; điểm đầu: Đường Lộ Me (xã Mỹ Phong); điểm cuối: Ranh Ấp Mỹ Hưng (xã Mỹ Phong); chiều dài: 2,000 km.

13. Đường huyện 90E

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (90E) + Chữ cái La tinh (E).

Đường huyện 90 có số hiệu đường bộ ĐH.90E; điểm đầu: Đường tỉnh 879B (xã Mỹ Phong); điểm cuối: Ranh Ấp Mỹ Lương (xã Mỹ Phong); chiều dài: 2,300 km.

14. Đường huyện 91

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (91)

Đường huyện 91 có số hiệu đường bộ ĐH.91; điểm đầu: Kênh Ngang 1 (xã Mỹ Phong); điểm cuối: Rạch Gò Cát (xã Mỹ Phong); chiều dài: 2,200.

15. Đường huyện 92

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (92)

Đường huyện 92 có số hiệu đường bộ ĐH.92; điểm đầu: Quốc lộ 1A (Phường 10); điểm cuối: Đường Nguyễn Minh Đường (xã Đạo Thạnh); chiều dài: 3,300 km.

16. Đường huyện 92B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (92B) + Chữ cái La tinh (B).

Đường huyện 92B có số hiệu đường bộ ĐH.92B; điểm đầu: Đường xã Đạo Thạnh; điểm cuối: Bia Thành Đội (xã Đạo Thạnh); chiều dài: 1,200 km.

17. Đường huyện 92C

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (92C) + Chữ cái La tinh (C).

Đường huyện 92C có số hiệu đường bộ ĐH.92C; điểm đầu: Cầu Đạo Thạnh (xã Đạo Thạnh); điểm cuối: Quốc lộ 50 (xã Đạo Thạnh); chiều dài: 1,050 km.

18. Đường huyện 92D

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (92) + Chữ cái La tinh (D).

Đường huyện 92D có số hiệu đường bộ ĐH.92D; điểm đầu: Cầu Đạo Thạnh (xã Đạo Thạnh); điểm cuối: Quốc lộ 50 (xã Đạo Thạnh); chiều dài: 1,050.

19. Đường huyện 92E

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (92E) + Chữ cái La tinh (E).

Đường huyện 92E có số hiệu đường bộ ĐH.92E; điểm đầu: Đường huyện 92 (xã Đạo Thạnh); điểm cuối: Sông Bảo Định (xã Đạo Thạnh); chiều dài: 1,100 km.

20. Đường huyện 93

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (93)

Đường huyện 93 có số hiệu đường bộ ĐH.93; điểm đầu: Quốc lộ 1 (Phường 10, xã Trung An); điểm cuối: Đường Chùa Lương Phước (xã Trung An); chiều dài: 1,650 km.

21. Đường huyện 94

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (94)

Đường huyện 94 có số hiệu đường bộ ĐH.94; điểm đầu: Đường tỉnh 870B (xã Trung An); điểm cuối: Rạch Cái Ngang (xã Trung An); chiều dài: 1,500 km.

22. Đường huyện 94C

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (94C) + Chữ cái La tinh (C)

Đường huyện 94C có số hiệu đường bộ ĐH.94C; điểm đầu: Ấp Thới Thạnh (xã Thới Sơn); điểm cuối: Ấp Thới Bình (xã Thới Sơn); chiều dài: 7,600 km.

23. Đường huyện 95

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (95)

Đường huyện 95 có số hiệu đường bộ ĐH.95; điểm đầu: Đường Chùa Lương Phước (xã Trung An); điểm cuối: Rạch Cái Ngang (xã Trung An); chiều dài: 1,000 km.

Đường phố:

Tại Khoản 9, Điều 3, Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định: Đường phố là đường đô thị, gồm lòng đường và hè phố.

Theo định nghĩa trên thì có thể hiểu đường phố là phần đất được sử dụng cho việc đi lại của người dân và kết cấu hạ tầng công cộng, như cây xanh, đèn chiếu sáng, hệ thống đèn tín hiệu giao thông, hệ thống thoát nước, lòng đường cho xe di chuyển. Đường phố có vai trò quan trọng đối với những hoạt động đời sống của con người.

1. Đường 30 - 4

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Sự kiện lịch sử (30-4).

Sự kiện lịch sử:

Ngày 30/4/1975, thường được gọi là Ngày 30 tháng 4 - Ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Đây là sự kiện chấm dứt cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam khi quân giải phóng tiến vào dinh "Độc Lập", tổng thống chính quyền Sài Gòn Dương Văn Minh cùng nội các tuyên bố đầu hàng vô điều kiện Quân giải phóng miền Nam Việt Nam vào trưa ngày 30/4/1975. Chiến thắng ngày 30/4/1975 đã chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc và chế độ quân chủ ở nước ta, giải phóng miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thống nhất đất nước; đồng thời, mở ra một kỷ nguyên mới của lịch sử dân tộc - kỷ nguyên cả nước bước vào thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Chiến thắng này đã đi vào lịch sử nước ta và của thế giới như một trang sử chói lọi ở những năm 70 của thế kỷ XX, mang tầm vóc quốc tế và ý nghĩa thời đại sâu sắc.

Đường 30 tháng 4 có điểm đầu: giáp đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa và đường Lê Thị Hồng Gấm; điểm cuối: giao với đường Trưng Trắc bên bờ sông Bảo Định; chiều dài: 0,750 km; chiều rộng: 15,0 m.

2. Đường Âu Dương Lân

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Âu Dương Lân).

Tiểu sử danh nhân:

ÂU DƯƠNG LÂN

(- 1875)

Âu Dương Lân chưa rõ năm sinh, người thôn Phú An, huyện Kiến Hòa, trấn Định Tường (nay là xã Phú Kiết, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang).

Ông là người thông minh, học giỏi, thi đỗ cử nhân năm 1858 tại trường thi hương Gia Định. Được biết, cha của ông là Âu Dương Xuân cũng từng đỗ cử nhân năm 1842. Sau đó, ông được triều đình bổ làm Tri huyện Kiến Hòa, nên còn được gọi là Huyện Lân.

Khi thực dân Pháp xâm chiếm Nam kỳ (1859), ông tham gia phong trào kháng chiến do Võ Duy Dương và Nguyễn Hữu Huân lãnh đạo. Sau khi Nguyễn Hữu Huân bị giặc bắt và đày ra nước ngoài vào năm 1864; rồi tiếp theo Võ Duy Dương hy sinh vào năm 1866; ông lui về quê nhà, nuôi chí quật khởi và chờ đợi thời cơ. Năm 1867, ông hoạt động trở lại, cùng với một số thủ lãnh nghĩa quân, như Nguyễn Văn Thọ, Lê Quang Vì, Phan Tấn Kỳ, Trần Văn Thành,… tổ chức quyên góp tiền bạc, mua sắm vũ khí và lương thực,… chuẩn bị cho công cuộc đánh Pháp khi có thời cơ.

Năm 1869, Nguyễn Hữu Huân được thả về nước và bị quản thúc tại nhà của Đỗ Hữu Phương (Tổng đốc Phương) ở Chợ Lớn. Năm 1872, Nguyễn Hữu Huân đào thoát khỏi nơi giam giữ và lẻn về Mỹ Tho chiêu mộ nghĩa sĩ tiếp tục cuộc kháng Pháp. Ngay lập tức, ông đã bắt liên lạc với vị Thủ khoa yêu nước; và được Nguyễn Hữu Huân tin tưởng giao trọng trách làm Phó tướng của cuộc khởi nghĩa. Lực lượng nghĩa quân ngày càng phát triển mạnh mẽ và tỏa ra tấn công quân Pháp ở khắp mọi nơi. Một hệ thống chính quyền kháng chiến đã được thiết lập ở vùng Mỹ Tho, Chợ Gạo.

Trước tình hình đó, thực dân Pháp tập trung lượng hùng hậu đàn áp cuộc khởi nghĩa. Năm 1875, ông bị quân Pháp bắt được. Bọn chúng vừa dụ dỗ, vừa tra tấn ông rất tàn bạo hòng buộc ông phải quy thuận. Nhưng, ông vẫn giữ vững khí tiết của người sĩ phu chân chính.

Cuối cùng, ngày 12 tháng 7 năm Ất Hợi (12-8-1875), giặc Pháp đã hèn mạt chém đầu ông tại bờ sông Mỹ Tho (nay thuộc khu vực công viên Lạc Hồng, đường 30 tháng 4, phường 1, thành phố Mỹ Tho). Hiện nay, phần mộ của ông tọa lạc tại ấp Phú Khương A, xã Phú Kiết, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang và đã được công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh (2010). Tên ông được đặt tên đường và tên trường ở Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; tên đường và tên trường ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đường Âu Dương Lân có điểm đầu: giáp với Quốc lộ 50; điểm cuối: giao với Khu Hành chính Phường 9; chiều dài: 0,150 km; chiều rộng: 22,0 m.

3. Đường Ấp Bắc

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Địa danh lịch sử (Ấp Bắc).

Địa danh lịch sử:

Ngày 01/01/1963, các đơn vị bộ đội của ta tập hợp tại Ấp Bắc để chuẩn bị tấn công ấp chiến lược Giồng Dứa (xã Long Định, huyện Châu Thành). Dò biết hoạt động của quân ta, ngày 02/01/1963, địch mở trận càn mang tên "Đức Thắng 01 - 63", do Sư đoàn 7 ngụy và chiến đoàn bảo an thuộc Tiểu khu Định Tường đảm trách.

Sau một ngày kiên cường chiến đấu chống địch càn quét, bắt đầu từ 5 giờ sáng và kéo dài liên tục đến 20 giờ, ta đã giành được thắng lợi vang dội: diệt và làm bị thương 450 tên, trong đó có 3 tên Mỹ và hàng chục sĩ quan ngụy, bắn rơi và bắn hỏng 16 máy bay trực thăng, bắn cháy 3 xe thiết giáp M.113, 2 tàu chiến.

Chiến thắng Ấp Bắc đã làm thất bại chiến thuật "trực thăng vận, thiết xa vận" của địch, mở đầu cho phong trào đánh bại chiến thuật mới của địch trên toàn chiến trường miền Nam. Đó là chiến công đặc biệt quan trọng, mở ra cục diện mới, tạo ra điển hình mới, đem lại lòng tin cho chiến sĩ và nhân dân ta ở miền Nam có khả năng đánh thắng Mỹ về quân sự trong "Chiến tranh đặc biệt".

Chiến thắng Ấp Bắc có ý nghĩa chiến lược làm đảo lộn các chiến thuật và chiến lược của đế quốc Mỹ; làm nhụt ý chí xâm lược của kẻ thù, làm lung lay chế độ tay sai Ngô Đình Diệm, gây tiếng vang lớn trên trường quốc tế. Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ chín, tháng 12/1963, đã chỉ rõ: "Sau những thất bại nặng nề của kế hoạch Xtalây - Taylo, nhất là sau Chiến thắng Ấp Bắc của quân và dân miền Nam, đế quốc Mỹ đã bắt đầu không tin là chúng sẽ thắng, và đã công khai nói lên sự mất tin tưởng đó". Đồng chí Tổng bí thư Đảng Lê Duẩn cho rằng: "Với chiến thắng Ấp Bắc, Mỹ thấy không thể thắng ta trong chiến lược chiến tranh đặc biệt".

Đường Ấp Bắc có điểm đầu: giáp Quốc lộ 60; điểm cuối: giao với đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa; chiều dài: 3,430 km; chiều rộng: 16,0 m.

4. Đường Cô Giang

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Danh nhân (Cô Giang).

Tiểu sử danh nhân:

CÔ GIANG

(1906 – 1930)

Cô Giang tên thật là Nguyễn Thị Giang, sinh năm 1906 tại thị xã Phủ Lạng Thương, tỉnh Bắc Giang.

Năm 1927, bà tham gia Việt Nam Quốc Dân Đảng và được cử làm Tổng thư ký. Đêm 10, rạng ngày 11/2/1930, Việt Nam Quốc Dân Đảng phát động cuộc khởi nghĩa ở Yên Bái và một số địa phương khác ở Bắc Kỳ. Cuộc khởi nghĩa bị thực dân Pháp đàn áp

dã man. Lãnh tụ Nguyễn Thái Học cùng nhiều thành viên nòng cốt của Việt Nam Quốc Dân Đảng bị thực dân Pháp bắt được. Khi cuộc khởi Nghĩa Yên Bái thất bại, ngày 17/6/1930, bà từ Hà Nội lên Yên Bái đến tận pháp trường chứng kiến cái chết anh dũng của Đảng trưởng Nguyễn Thái Học, đồng thời cũng là vị hôn phu của mình cùng với 12 đồng chí khác.

Tờ mờ sáng ngày 18/6/1930, bà về quê nhà của Nguyễn Thái Học ở làng Thổ Tang, tổng Lương Điền, phủ Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Yên (nay là thị trấn Thổ Tang, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc) lạy tạ bố mẹ chồng, tháo chiếc đồng hồ có khắc chữ "G" tặng cho Nguyễn Văn Lâm, em trai Nguyễn Thái Học và từ giã mọi người. Trên đường đi ra, bà ghé quán trà bên gốc cây đề, thuộc Xóm Mới, làng Đông Vệ, cách làng Thổ Tang ước chừng một cây số.

Sau khi uống bát nước trà xanh, bà đến đứng dưới gốc cây đề, mắt nhìn về hướng làng Thổ Tang và tự kết liễu đời mình bằng khẩu súng lục mà Nguyễn Thái Học đã tặng bà trước đó ở đền các vị Vua Hùng (tỉnh Phú Tho). Tên của bà được đặt tên một trường trung học phổ thông ở huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, tên phường Cô Giang ở Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, tên bà cũng được tên đường ở một số tỉnh trên cả nước, trong đó có thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Đường Cô Giang có điểm đầu: giáp đường Trịnh Hoài Đức; điểm cuối: giao với đường Phan Thanh Giản; chiều dài: 0,08 km; chiều rộng 6,0 m.

5. Đường Diệp Minh Tuyền

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Diệp Minh Tuyền).

Tiểu sử danh nhân:

DIỆP MINH TUYỀN

(1941 – 1997)

Diệp Minh Tuyền sinh năm 1941 tại làng Phú Hội, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho (nay là Phường 8, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình trí thức yêu nước. Cha của ông - cụ Diệp Tư - từng là nhà giáo, cán bộ cách mạng nổi tiếng.

Ông sớm có năng khiếu âm nhạc, từ thuở nhỏ, ông đã chơi thành thạo đàn nandoline. Năm 1950, ông theo thân mẫu vào chiến khu Đồng Tháp Mười, học thiếu sinh quân ở Phòng Dân quân Khu 8, sáng tác thơ văn đăng trên báo tường của cơ quan và nhất là tham gia biểu diễn văn nghệ tại các đơn vị bộ đội. Kể từ đó, trên lĩnh vực âm nhạc, ông bắt đầu chịu ảnh hưởng những ca khúc kháng chiến của các nhạc sĩ cách mạng, như Văn Cao, Lưu Hữu Phước, Hoàng Việt,...

Năm 1952, ông theo thân phụ về Phân liên khu miền Tây Nam bộ đóng ở rừng U Minh. Tại đây, ông theo học tại Trường Tiểu học kháng chiến xã Biển Bạch (huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau) và tham gia đội văn nghệ của nhà trường. Ông cũng tham gia phụ

việc làm nhân viên in ấn thuộc Phòng Chính trị Bộ Tư lệnh miền Tây Nam bộ. Cũng ở đây, ông có dịp được gặp gỡ nghệ sĩ Quốc Hương, một tên tuổi lớn của nền tân nhạc cách mạng Việt Nam.

Năm 1954, ông tập kết ra Bắc, học tập tại trường Học sinh miền Nam và tham gia Ban văn nghệ Trường Học sinh miền Nam số 14, một ban văn nghệ khá nổi tiếng ở Hải Phòng. Thời gian này ông viết ca khúc đầu tay *Em bé miền Nam*, rồi tiếp theo là ca khúc *Chiều Hạ Long*.

Năm 1961, ông thi đậu vào khoa Ngữ văn, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội. Tại đây, ông vừa học tập vừa tiếp tục chơi nhạc và làm thơ. Năm 1962, ông có bài thơ đầu tay được đăng trên báo *Phụ nữ Việt Nam*, số Xuân Nhâm Dần. Năm 1965, sau khi tốt nghiệp đại học, ông công tác tại Tổ lý luận phê bình văn học, Viện Văn học Việt Nam. Năm 1968, ông vượt Trường Sơn, trở về miền Nam chiến đấu, công tác tại Tổ Văn thuộc Tiểu ban Văn nghệ, Ban Tuyên huấn Trung ương Cục miền Nam.

Sau ngày thống nhất đất nước (30-4-1975), ông đảm nhận chức vụ Phó Tổng Thư ký Hội Âm nhạc Thành phố Hồ Chí Minh, Tổng biên tập Tạp chí *Sóng Nhạc*, Ủy viên Ban Chấp hành Hội Nhà văn Thành phố Hồ Chí Minh và là Ủy viên Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Thành phố Hồ Chí Minh. Ông cũng là Hội viên của Hội Nhà văn Việt Nam, Hội Nhà báo Việt Nam và Hội Nhạc sĩ Việt Nam.

Ông sáng tác thơ, nhạc và viết khảo luận, phê bình khá nhiều; ở lĩnh vực nào cũng thành công.

Về thơ, ông đã xuất bản 6 tập thơ, tiêu biểu là các tập thơ *Đêm châu thổ*, *Tình ca nơi cuối đất*,…; trong đó có những bài thơ nổi tiếng được phổ nhạc, như *Con đường có lá me bay*, *Mùa chim én bay*, *Màu cờ tôi yêu*.

Về nhạc, ông có *Tuyển tập ca khúc Diệp Minh Tuyền* và hai album *Cánh hoa lưu ly*, *Chỉ một mình em*, trong đó, có nhiều ca khúc đã đi vào lòng người, như *Cánh hoa lưu ly*, *Bài ca tạm biệt*, *Bài ca người lính*, *Vì nhân dân quên mình*, *Tiến bước dưới quân kỳ*, đặc biệt, ca khúc *Hát mãi khúc quân hành* đã nhận được giải thưởng năm 1995 của Tổng cục Chính trị Quân đội Nhân dân Việt Nam.

Những sáng tác của ông xoay quanh chủ đề ca ngợi đất nước, cuộc chiến đấu chống ngoại xâm hào hùng của dân tộc, anh bộ đội Cụ Hồ và tình yêu thủy chung, trong sáng. Ông cho biết: "Thời gian cứ trôi qua, tôi đã trải qua biết bao thăng trầm của cuộc đời, của dân tộc; và tôi cũng đã lắng nghe được biết bao thanh âm, khi trầm hùng, sôi nổi, khi tha thiết, dịu dàng của bài ca đất nước. Trong những khoảnh khắc đáng ghi nhớ đó, tôi đã chộp bắt được những thanh âm đầy quyến rũ ấy để biến chúng thành những khúc hát của lòng tôi, ghi dấu trong tim mình về một thời đã sống, một thời không thể nào quên".

Ông được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Quyết thắng hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Ba. Năm 1997, ông mất tại Thành phố Hồ Chí Minh sau một cơn bạo bệnh. Mộ của ông hiện tọa lạc tại khu vườn của gia đình ở đường Trần Nguyên Hãn, Phường 8, thành phố Mỹ Tho. Tên ông được đặt tên đường ở thành

phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang; thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông đã để lại cho đời sau những khúc tráng ca bất hủ, những bài thơ hay và những bài phê bình văn học có giá trị, góp phần tích cực vào sự phát triển của nền thi ca nước nhà.

Đường Diệp Minh Tuyền có điểm đầu: giáp đường Thái Sanh Hạnh; điểm cuối: giao với đường Nguyễn Văn Nguyễn; chiều dài: 0,450 km; chiều rộng: 6,0 m.

6. Đường Dương Khuy

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Dương Khuy).

Tiểu sử danh nhân:

DƯƠNG KHUY

(1910 – 1946)

Dương Khuy sinh năm 1910 tại làng An Thạnh Thủy, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã An Thạnh Thủy, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình Nho học yêu nước.

Từ thuở thiếu niên, được các nhà yêu nước tiền bối, như Nguyễn An Ninh, Nguyễn Văn Nguyễn, Trần Vĩnh Hoài (Hương trưởng Hoài) hết lòng chăm sóc, giáo dục, nên ông sớm có ý thức đấu tranh chống áp bức, bóc lột, giành độc lập, tự do cho đất nước và đồng bào. Vì thế, ông đã từng tham gia tổ chức Thanh niên Cao vọng do nhà yêu nước Nguyễn An Ninh sáng lập.

Năm 1930, ông giác ngộ chủ nghĩa cộng sản, được tổ chức phân công hoạt động ở huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Tại đây, ông đã tích cực tham gia cuộc đấu tranh của nhân dân huyện Giồng Trôm trong Cao trào cách mạng 1930 - 1931. Tháng 4 - 1932, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam); hoạt động tại các xã Lương Quới, Bình Hòa, Bình Thành thuộc huyện Giồng Trôm.

Năm 1933, ông bị địch bắt trên đường công tác tại Châu Bình. Tòa án thực dân kết án ông 4 năm tù và 10 năm biệt xứ. Trong thời gian bị giam cầm, ông vẫn một lòng một dạ trung thành với lý tưởng giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp của Đảng.

Cuối năm 1936, mãn hạn tù, ông đến cư trú và hoạt động tại làng Long Hưng, một địa phương có phong trào cách mạng phát triển rất mạnh của huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho. Nhưng chỉ một năm sau, ông bị địch bắt trở lại; và phải chịu án 2 năm tù. Không khuất phục được ý chí kiên cường của người chiến sĩ cộng sản, đến cuối năm 1939, địch buộc phải thả ông ra tù. Ngay sau đó, ông tìm cách móc nối với các cơ sở cách mạng, hoạt động trở lại.

Năm 1940, để chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa Nam kì, ông được Tỉnh ủy Mỹ Tho phân công làm Trưởng ban Khởi nghĩa huyện Chợ Gạo. Đến trước cuộc khởi nghĩa nổ ra, ông bị địch bắt lần thứ ba; và lần này, chính quyền thực dân đày ông lên Tà Lài, chốn

rừng thiêng nước độc thuộc vùng Đồng Nai Thượng, tỉnh Biên Hòa. Tại đây, ông sinh hoạt trong chi bộ Đảng của nhà tù, cùng với các nhà cách mạng nổi tiếng, như Trần Văn Giàu, Dương Quang Đông, Tô Ký,…

Cuối năm 1941, để gầy dựng lại cơ sở cách mạng ở các địa phương sau cuộc khủng bố trắng của thực dân Pháp, ông cùng với hai người khác được chi bộ nhà tù tổ chức vượt ngục. Cuộc vượt ngục, tuy trải qua nhiều gian nan, nguy hiểm, nhưng đã thành công. Ông lại trở về Mỹ Tho, bám dân và bắt tay vào việc xây dựng lực lượng cách mạng.

Đầu năm 1943, ông được cấp trên chỉ định làm Bí thư Tỉnh ủy Mỹ Tho; và đến tháng 5-1943, làm Bí thư Liên tỉnh ủy miền Trung Nam bộ (gồm các tỉnh Mỹ Tho, Gò Công, Tân An, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long). Tháng 10-1943, theo đề nghị của ông, hội nghị bầu Ban cán sự Xứ ủy Nam kỳ được tổ chức tại xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho. Hội nghị đề ra phương hướng hành động trước mắt và chuẩn bị tư thế để khi nhận được nghị quyết và tài liệu của Trung ương thì có hành động nhất quán. Tại hội nghị, ông được bầu làm Xứ ủy viên. Với cương vị là Bí thư Liên tỉnh ủy và trực tiếp phụ trách tỉnh Mỹ Tho, ông đã lãnh đạo và chỉ đạo việc khôi phục và phát triển phong trào cách mạng ở các tỉnh thuộc vùng trách nhiệm của mình, nhất là các cơ sở cách mạng trên địa bàn tỉnh Mỹ Tho.

Sau ngày Nhật đảo chính Pháp (9-3-1945), quán triệt Chỉ thị "*Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*" của Ban Thường vụ Trung ương Đảng, ông đã triệu tập Ban Cán sự Tỉnh ủy Mỹ Tho nhằm đề ra những chủ trương cần kíp trong việc phát động nhân dân khởi nghĩa giành chính quyền. Ngày 15-5-1945, tại Hội nghị Tỉnh ủy được tổ chức ở xã Trung An (nay thuộc TP Mỹ Tho), ông được bầu lại làm Bí thư Tỉnh ủy. Tại hội nghị, Tỉnh ủy chủ trương tập trung khôi phục nhanh các cơ sở Đảng, tích cực chuẩn bị mọi mặt, sẵn sàng đón thời cơ và chớp thời cơ giành chính quyền về tay nhân dân.

Ngày 17-8-1945, ông chủ trì Hội nghị Tỉnh ủy về việc phát động nhân dân đứng lên khởi nghĩa giành chính quyền. Hội nghị nhất trí nhận định thời cơ cách mạng đã chín muồi và quyết định phát lệnh khởi nghĩa với phương châm nơi nào có lực lượng mạnh, địch yếu thì khởi nghĩa trước, nơi nào lực lượng ta còn yếu thì khởi nghĩa sau, quyết phải giành cho được chính quyền về tay nhân dân.

Ở thị xã Mỹ Tho, các điều kiện khởi nghĩa có nhiều thuận lợi hơn các nơi khác, lại là nơi đầu não chính trị của địch trong toàn tỉnh, nên Tỉnh ủy quyết định chọn thị xã Mỹ Tho khởi nghĩa trước để lấy đà và tạo điệu kiện thuận lợi cho các quận khởi nghĩa. Tỉnh ủy trực tiếp chỉ đạo khởi nghĩa ở Mỹ Tho, lấy lực lượng của trường quân sự tại đình An Vĩnh, xã Long An làm lực lượng chủ công. Lúc bấy giờ, trường quân sự tỉnh sắp mãn khóa 2 với gần 100 học viên, được biên chế thành 3 trung đội do đồng chí Phan Lương Trực chỉ huy. Nhiệm vụ được Tỉnh ủy giao là phải phối hợp chặt chẽ với lực lượng nội ô đánh chiếm bằng được các cơ sở trọng yếu. 4 giờ sáng ngày 18-8-1945, lực lượng chủ công tiến vào thị xã bằng 2 chiếc xe đò hiệu Hữu Lợi. Đến đường Bourdais (nay là

đường Hùng Vương) tách làm 2 cánh, một cánh do đồng chí Phan Lương Trực chỉ huy tiến chiếm trại lính người Việt; một cánh do đồng chí Hàng Nhật Nguyên chỉ huy tiến chiếm sở mật thám và sở cảnh sát. Các cánh quân đều được sự tiếp ứng của lực lượng tại chỗ và sự hướng dẫn của cơ sở nội ứng nên đã nhanh chóng làm chủ các mục tiêu đã định. Sau đó, quần chúng đánh chiếm các công sở còn lại, bao gồm Tòa bố (dinh tỉnh trưởng), Tòa án, Kho bạc,…Đến trưa cùng ngày, cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Mỹ Tho đã toàn thắng. Sau khi chiếm được Tòa bố và làm chủ các công sở, ông cùng với tập thể Tỉnh ủy xúc tiến việc thành lập Ủy ban nhân dân tỉnh và chuẩn bị tổ chức cuộc mít tinh lớn chào mừng cách mạng thành công. Ngay sau khởi nghĩa thắng lợi tại thị xã Mỹ Tho, các huyện trong tỉnh lần lượt giành được chính quyền.

Đêm 24-8-1945, ông chủ trì cuộc họp Tỉnh ủy được tổ chức tại Tòa bố Mỹ Tho để xác định cơ cấu chính quyền nhân dân của tỉnh, triển khai ngay việc tổ chức mit-tinh lớn tại sân vận động Mỹ Tho (nay là Tòa nhà Shophouse Vincom Mỹ Tho) để chào mừng thắng lợi của cách mạng và ra mắt chính quyền của nhân dân. Sáng ngày 25-8, một cuộc mít tinh lớn gồm hơn 30.000 người từ các địa phương đổ về sân vận động Mỹ Tho để chào mừng cách thắng lợi và chứng kiến lễ ra mắt của Ủy ban Nhân dân tỉnh.

Ngày 23-9-1945, thực dân Pháp gây hấn ở Sài Gòn, mở đầu cho cuộc xâm lược Việt Nam lần thứ hai của bọn chúng. Đầu tháng 10-1945, quân Pháp đánh chiếm Mỹ Tho, ông rút vào hoạt động bí mật và cùng với Tỉnh ủy lãnh đạo và chỉ đạo nhân dân tỉnh Mỹ Tho tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, như củng cố cơ sở Đảng, tổ chức và phát triển lực lượng vũ trang, xây dựng vùng căn cứ,…

Tháng 9-1946, quân Pháp hành quân càn quét vào xã Tân Bình Thạnh, huyện Chợ Gạo; và do có mật thám chỉ điểm, nên bọn chúng đã bắt được ông trong lúc ông đang triển khai Nghị quyết của Tỉnh ủy tại Chợ Gạo.

Biết ông là cán bộ lãnh đạo của Tỉnh ủy, nhà cầm quyền Pháp vừa bày trò mua chuộc, dụ dỗ; vừa tra tấn, đánh đập dã man hòng làm ông nhụt chí. Thế nhưng, ông vẫn giữ vững ý chí kiên cường, bất khuất của một chiến sĩ cộng sản chân chính. Trước sau, ông chỉ nhận mình là nhà báo với tên giả là Trần Văn Khá. Tỉnh ủy Mỹ Tho đã nhiều lần tổ chức giải thoát cho ông; nhưng đều không thành. Nhận thấy không thể khuất phục được ông; nên vào cuối năm 1946, giặc Pháp đã hèn hạ xử bắn ông tại xã Thanh Bình, huyện Chợ Gạo. Ông đã hy sinh anh dũng vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, để lại bao niềm tiếc thương cho đồng bào, đồng chí. Tên ông được đặt tên đường ở thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo và thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đường Dương Khuy có điểm đầu: giáp đường Lê Thị Hồng Gấm; điểm cuối: giao với đường Lý Thường Kiệt; chiều dài: 0,500 km; chiều rộng: 6,0 m.

7. Đường Đặng Minh Nhuận

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Đặng Minh Nhuận).

Tiểu sử danh nhân:

ĐẶNG MINH NHUẬN

(1932 – 1963)

Đặng Minh Nhuận, còn có tên là Đoàn Triết Minh, Nguyễn Bảy, sinh năm 1932 tại làng Long Châu, quận Châu Thành, tỉnh Vĩnh Long (nay là Phường 3, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) trong một gia đình sinh sống bằng nghề công thương.

Được người chú ruột là Đặng Văn Thiềng giáo dục, giác ngộ lý tưởng cách mạng, năm 1948, lúc mới 16 tuổi, ông tham gia lực lượng võ trang chống Pháp, chiến đấu trên chiến trường Vĩnh Long và lập được nhiều chiến tích xuất sắc.Vì thế, năm 1949, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam).

Năm 1954, ông tập kết ra Bắc; và sau đó, được cấp trên bố trí vào học trường Sĩ quan lục quân. Sau khi hoàn thành khóa học với loại Xuất sắc, năm 1958, ông làm công tác biên phòng tại vùng biên giới Việt - Trung.

Năm 1962, mặc dù có vợ và ba con còn nhỏ dại, nhưng xuất phát từ lòng nung nấu giải phóng miền Nam, ông đã gạt bỏ tình riêng, đặt lợi ích của Tổ quốc lên trên hết, tình nguyện vượt Trường Sơn, trở về miền Nam chiến đấu. Trên đường đi, tuy trải qua nhiều gian khổ, nhưng ông vẫn luôn lạc quan, viết nhật ký và làm thơ, phản ảnh phẩm chất anh hùng và tinh thần lãng mạn cách mạng của " Anh bộ đội Cụ Hồ".

Cuối năm 1962, ông nhận nhiệm vụ tại chiến trường Khu Trung Nam bộ (Khu 8) với quân hàm trung úy, đại đội trưởng đại đội 1 tiểu đoàn 261 chủ lực Quân khu 8.

Ngày 01 - 01 - 1963, ông chỉ huy bộ đội hành quân về Ấp Bắc (nay thuộc xã Tân Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang) để chuẩn bị tấn công ấp chiến lược Giồng Dứa (nay thuộc xã Long Định, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang).

Dò biết hoạt động của quân ta, ngày 02 - 01 - 1963, địch mở cuộc càn mang tên "Đức Thắng 1/63", huy động một lực lượng hùng hậu, với trang bị hiện đại, đông hơn bộ đội ta gấp hàng chục lần, gồm 3 tiểu đoàn của sư đoàn 7, 1 chiến đoàn Bảo an tỉnh Định Tường, 1 tiểu đoàn Dù thuộc lực lượng tổng trù bị chiến lược của Bộ Tổng Tham mưu quân đội Sài Gòn, một số đại đội biệt kích, dân vệ, 3 tàu chiến, 1 chi đoàn xe thiết giáp M.113, 15 máy bay trực thăng đổ quân, 5 máy bay trực thăng chiến đấu, 8 máy bay ném bom, 7 máy bay vận tải, 4 máy bay L.19 thám thính và chỉ huy, 10 khẩu pháo hạng nặng mở cuộc tấn công với quy mô lớn vào Ấp Bắc. Lúc bấy giờ, Mỹ đang cho thực hiện chiến thuật tân kì "*trực thăng vận*" và "*thiết xa vận*" ở miền Nam, nhằm "*bao vây hợp điểm*", "*bủa lưới phóng lao*" để tiêu diệt bộ đội và du kích của ta. Trong thực tiễn chiến đấu, với chiến thuật này, quân đội Sài Gòn đã gây cho ta không ít khó khăn.

Trong ngày này, địch điên cuồng mở 5 cuộc tấn công hết sức ác liệt vào trận địa của đại đội1 trấn giữ. Nhưng, dưới sự chỉ huy tài giỏi và dũng cảm của ông, bộ đội ta đã đánh bại tất cả các đợt xung phong của địch. Đến 18 giờ cùng ngày, địch buộc phải rút lui.

Với việc chỉ huy bộ đội trụ lại, bám địch và đánh bọn chúng suốt cả ngày, ông và các chiến sĩ giải phóng quân đã sáng tạo ra một chiến thuật mới là "*Cắm cọc phá lưới, bám trụ bẻ lao*" nhằm đối phó có hiệu quả chiến thuật "*Bủa lưới phóng lao*" của địch.

Chiến thắng Ấp Bắc đã làm phá sản chiến thuật "*trực thăng vận*" và "*thiết xa vận*", con át chủ bài trong chiến lược "*chiến tranh đặc biệt*" của Mĩ ở miền Nam, tạo điều kiện cho phong trào du kích chiến tranh của nhân dân miền Nam được phát triển mạnh mẽ; và nói như Lê Duẩn – cố Tổng Bí thư Đảng Cộng sản VN – thì "*kể từ trận Ấp Bắc, Mỹ đã thấy không thể thắng được ta trong chiến tranh đặc biệt*". Tại trận Ấp Bắc, ta diệt và làm bị thương 450 tên địch, trong đó có 9 cố vấn Mỹ; bắn cháy 3 xe M.113; bắn rơi 3 chiếc trực thăng và bắn hỏng 10 chiếc khác.

Sau chiến công vang dội này, ông còn chỉ huy đơn vị đánh thắng nhiều trận khác trên địa bàn tỉnh Mỹ Tho, khiến cho quân địch vô cùng khiếp đảm. Ngày 30 - 8 - 1963, ông chỉ huy bộ đội tiến công và tiêu diệt đồn Thạnh Nhựt (nay thuộc huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang). Nhưng thật không may, ông bị thương nặng và đã anh dũng hy sinh. Trước lúc lìa trần, ông đã nói lời cuối cùng vô cùng cảm động với đồng đội: "*Cho tôi gởi lời thăm đến Bác Hồ. Chúc các đồng chí ở lại mạnh khỏe. Các con, ba đã làm tròn nhiệm vụ*".

Ngày 20-12-1994, ông được Nhà nước truy tặng danh hiệu "Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân". Hiện nay, phần mộ của ông tọa lạc tại Nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh Tiền Giang. Tên ông được đặt tên đường ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đường Đặng Minh Nhuận có điểm đầu: giáp với đường Lê Văn Nghề; điểm cuối: giao với khu dân cư; chiều dài: 0,400 km; chiều rộng: 13,5 m.

8. Đường Đinh Bộ Lĩnh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Đinh Bộ Lĩnh).

Tiểu sử danh nhân:

ĐINH BỘ LĨNH

(924 – 979)

Đinh Bộ Lĩnh sinh năm 924, người động Hoa Lư, thôn Kim Lư, làng Đại Hữu, châu Đại Hoàng (nay thuộc xã Gia Phương, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình).

Thuở nhỏ, ông thường cùng các bạn đồng trang lứa chăn trâu, chơi trò tập trận, khiêng kiệu, lấy bông lau làm cờ, kết bạn rất thân với Đinh Điền, Nguyễn Bặc, Lưu Cơ và Trịnh Tú. Lớn lên, ông đầu quân trong đạo binh của sứ quân Trần Lãm ở Bố Hải Khẩu (nay thuộc tỉnh Thái Bình). Ít lâu, được Trần Lãm mến tài gả con gái cho. Sau khi Trần Lãm mất, ông đem quân về giữ Hoa Lư, chiêu mộ hào kiệt, hùng cứ một phương, chống nhà Ngô và các sứ quân khác.

Là người có tài, lại được nhân dân nhiều địa phương giúp sức, ủng hộ, đánh đâu thắng đó, được tôn là Vạn Thắng Vương. Năm 968, đất nước thống nhất, ông lên ngôi Hoàng đế, tự xưng là Đại Thắng Minh Hoàng đế, nên được Sử gọi là Đinh Tiên Hoàng, đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt, đóng đô ở Hoa Lư. Ông cho xây dựng cung điện, đúc tiền để tiêu dùng trong nước gọi là tiền đồng "Thái Bình",…

Năm 979, ông mất, được an táng ở sơn lăng Trường Yên, kinh đô Hoa Lư. Ông là người có công đánh dẹp cục diện 12 sứ quân, thống nhất đất nước. Tên ông được đặt tên đường, tên trường học ở nhiều tỉnh thành trên cả nước.

Đường Đinh Bộ Lĩnh có điểm đầu: giáp với cầu Quay; điểm cuối: giao với Quốc lộ 50; chiều dài: 1,88 km; chiều rộng: 12,0 m.

9. Đường Đoàn Giỏi

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Đoàn Giỏi).

Tiểu sử danh nhân:

ĐOÀN GIỎI

(1925 – 1989)

Đoàn Giỏi còn có tên là Đoàn Văn Hòa, bút danh Nguyễn Hoài, Nguyễn Phú Lễ, Huyền Tư, sinh năm 1925 tại làng Tân Hiệp, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho (nay là thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu thành, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình địa chủ yêu nước.

Sau khi có bằng Thành chung của Collège de Mytho (nay là Trường Trung học phổ thông Nguyễn Đình Chiểu, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang), ông lên Sài Gòn học hội họa tại Trường Mỹ thuật Gia Định. Ông sáng tác văn chương từ rất sớm. Năm 1943, lúc mới 18 tuổi, ông đã có truyện ngắn Nhớ cố hương đăng trên tờ Nam kỳ tuần báo do Hồ Biểu Chánh làm chủ bút.

Năm 1945, ông tham gia cách mạng ở quê nhà. Năm 1947, ông làm Trưởng Công an, phụ trách mười xã của huyện Châu Thành. Năm 1948, ông được đề bạt làm Trưởng ban Trinh sát Công an huyện; rồi Phó Trưởng ty Tuyên truyền tỉnh Mỹ Tho, phụ trách Phòng Văn nghệ kiêm Chủ bút báo Tiền Phong, cơ quan của Mặt trận Việt Minh tỉnh Mỹ Tho.

Năm 1950, ông được phân công xuống Rạch Giá, đảm nhiệm chức vụ Phó Trưởng ty Thông tin. Năm 1951, ông được bầu làm Ủy viên thường vụ Ban Chấp hành Hội Văn nghệ Nam bộ kiêm Phó Trưởng phòng Văn nghệ thuộc Sở Thông tin Nam bộ và là Ủy viên biên tập tạp chí Lá Lúa.

Về mặt văn chương, trong thời kỳ 1946 - 1954, ông viết nhiều thể loại khác nhau, như ký sự lịch sử có Khí hùng đất nước, Những dòng chữ máu, Nam kỳ năm 40; truyện ngắn có Đường về gia hương; kịch thơ có Người Nam thà chết không hàng, Chiến sĩ Tháp Mười; tập thơ có Giữ vững niềm tin.

Năm 1954, tập kết ra Bắc, ông công tác tại Đài Phát thanh Tiếng nói Việt Nam rồi Hội Văn nghệ Việt Nam. Ông là hội viên sáng lập Hội Nhà văn Việt Nam, năm 1957, đồng thời, còn là Ủy viên Ban Chấp hành Hội Nhà văn các khóa I, II, III. Thời kỳ này, ông tập trung bút lực sáng tác văn xuôi; và có những tác phẩm nổi tiếng, phản ánh tính cách và cuộc chiến đấu chống Mỹ hào hùng của nhân dân Nam bộ, tiêu biểu là các tác phẩm Giòng máu Việt Nam phải lưu thông, Cây đước Cà Mau, Ngọn Tầm vông, Cá bống mú, Hoa hướng dương, Trần Văn Ơn, Rừng đêm xào xạc, Cuộc truy tìm kho vũ khí; Đất rừng phương Nam. Đặc biệt, quyển Đất rừng phương Nam được bạn đọc trong và ngoài nước đón nhận nồng nhiệt. Đây là quyển truyện viết cho lứa tuổi thiếu nhi rất thành công và nổi tiếng của ông. Truyện đã được dịch ra nhiều tiếng nước ngoài, tái bản nhiều lần, được dựng thành phim và in trong Tủ Sách Vàng của Nhà xuất bản Kim Đồng.

Đồng thời, ông còn sáng tác thơ và có ba tập thơ nổi tiếng: *Giữ vững niềm tin*, *Bến nước mười hai*, *Truyện thằng Cồi*. Ông còn viết kịch bản sân khấu, như các vở Ánh lửa, Trong cuộc khởi nghĩa Nam kỳ, Bất tử, Ba lần dũng sĩ; trong đó, hai vở Bất tử, Ba lần dũng sĩ viết chung với Hoài Anh.

Sau năm 1975, ông trở về miền Nam, công tác tại Hội Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh. Vẫn chủ đề về Nam bộ, ông có các quyển Người thủy thủ già trên hòn đảo lưu đày viết về Bác Tôn Đức Thắng, Từ đất Tiền Giang viết về cán bộ cách mạng lão thành Nguyễn Thị Thập, Tiếng gọi ngàn và Các con vật trên rừng dưới biển. Ông còn viết nhiều bài ký sự lịch sử về những người phụ nữ Nam bộ "thành đồng Tổ quốc" và hàng loạt bài về thổ sản của Đồng bằng sông Cửu Long với sự hiểu biết sâu sắc. Về biên khảo, ông có hai tác phẩm: *Những chuyện lạ về cá*, *Tê giác giữa ngàn xanh*.

Ngoài ra, ông cũng đem hết tâm huyết và kinh nghiệm trong việc góp phần đào tạo, bồi dưỡng giới nhà văn trẻ ở vùng đồng bằng sông Cửu Long. Bên cạnh đó, ông đã hoàn thành việc sưu tập một khối lượng lớn tư liệu để chuẩn bị viết quyển Núi cả cây ngàn, nói về thuở hồng hoang và những trang sử thi của vùng đất mới phương Nam. Đề cương của tác phẩm này gồm 10 chương đã được ông viết xong; và dự định đến cuối năm 1989 sẽ hoàn tất bản thảo.

Đầu tháng 4 - 1989, ông từ trần tại Thành phố Hồ Chí Minh. Đánh giá về sự nghiệp văn chương của ông, nhà văn Anh Đức nhận định: "Với một đời văn trên bốn mươi năm, nhà văn Đoàn Giỏi đã để lại cho đời những dòng đẹp đẽ đậm sắc thái và đầy sinh thú về quê hương, đất nước, con người ở vùng đất Nam bộ thân yêu của Tổ quốc ta. Văn của nhà văn Đoàn Giỏi vừa mang chất trữ tình lại vừa mang tính chất lạ kỳ, sôi động". Nhà thơ Chế Lan Viên nhận xét: "Văn của Đoàn Giỏi luôn ngồn ngộn nguồn tư liệu và vốn sống mà tác giả chắt lọc. Là một nhà văn chịu khó tìm tòi nghiên cứu mọi chuyện một cách ngọn ngành, nên trang viết của ông thường rất góc cạnh, gồ ghề nhưng cũng đậm đặc chân tình như quê hương ông, miền đất hoang sơ và hào phóng miền Tây Nam bộ. Đoàn Giỏi là một trong những người đầu tiên truyền bá ngôn ngữ Nam bộ hiện đại qua những tác phẩm của mình".

Do có công lao to lớn đối với nền văn học nước nhà, ông được truy tặng Giải thưởng Nhà nước về Văn học Nghệ thuật đợt 1 (2001). Tên ông được đặt tên trường trung học cơ sở ở thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang; tên đường ở quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh và ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đường Đoàn Giỏi có điểm đầu: giáp với đường Phùng Há; điểm cuối: giao với đường Phạm Hùng; chiều dài: 0,550 km; chiều rộng: 14,2 m.

10. Đường Đoàn Thị Nghiệp

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Đoàn Thị Nghiệp).

Tiểu sử danh nhân:

ĐOÀN THỊ NGHIỆP

(1925 – 1972)

Đoàn Thị Nghiệp sinh năm 1925 tại làng Hội Cư, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Hội Cư, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang). Khi lập gia đình, bà về quê chồng tại làng Bình Phú, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Bình Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang). Chồng bà là ông Bùi Văn Thô sinh năm 1924, nguyên là Trung tá Quân đội nhân dân Việt Nam. Bà có hai con là Bùi Văn Thưởng và Bùi Văn Tấn đều hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Năm 1946, bà tham gia cách mạng tại Bình Phú, làm công tác phụ nữ, lãnh đạo và vận động chị em tham gia các phong trào cách mạng ở địa phương, như đóng góp lương thực, thực phẩm thuốc men cho bộ đội, đi dân công phục vụ chiến trường,...

Sau năm 1954, bà vẫn tiếp tục bám trụ ở địa bàn công tác cũ, lãnh đạo nhân dân đấu tranh chính trị. Do có thành tích trong công tác, bà được bầu làm Huyện uỷ viên huyện Cai Lậy. Trong những năm 1959 - 1960, mặc dù phong trào cách mạng ở địa phương bị địch đánh phá ác liệt, nhưng bà vẫn kiên cường bám chặt địa bàn cơ sở và cùng Huyện ủy ra sức củng cố xây dựng các chi bộ Đảng, phát động phong trào quần chúng và tổ chức lực lượng vũ trang của huyện. Sau đó, do yêu cầu của tổ chức, bà được điều sang An Giang công tác.

Năm 1967, bà được điều về Mỹ Tho và công tác tại Mặt trận vành đai diệt Mỹ Bình Đức (huyện Châu Thành). Tại đây, bà đã lập kế hoạch bắt sống được một sĩ quan Mỹ. Đồng thời, bà còn tham gia nhiều trận đánh vào căn cứ Đồng Tâm do sư đoàn 9 Mỹ chiếm đóng. Năm 1968, Bà được phân công phụ trách Mãng 4 Cai Lậy Bắc. Thực hiện nghiêm túc và sáng tạo chủ trương "Bám trụ đánh địch" của Tỉnh đội, bà đã thành lập "Mặt trận chống phá bình định", mà lực lượng chủ yếu là các cơ quan của Tỉnh đội và du kích các xã trong khu vực, nhằm kiên quyết bẻ gẫy các cuộc hành quân càn quét của địch, giữ vững địa bàn đứng chân.

Ngày 22-4-1972, địch huy động hai tiểu đoàn đánh phá ác liệt vào cơ quan Huyện đội Cai Lậy Bắc đóng ở xã Phú Nhuận (Cai Lậy). Lúc này, do các đơn vị đều đi tác chiến ở các chiến trường trong tỉnh, nên tại cơ quan Tỉnh đội chỉ còn 5 chiến sĩ và 8 du kích xã. Với cương vị là Tỉnh đội phó, bà đã nhanh chóng tổ chức và chỉ huy chiến đấu. Ỷ vào quân đông, địch liên tục mở nhiều đợt đột kích, nhưng đều bị quân ta đánh bật ra. Tuy nhiên, do có sự chênh lệch rất lớn về quân số và vũ khí, đến 12 giờ trưa cùng ngày, địch mới tiến vào vòng ngoài khu căn cứ. Lúc bấy giờ, bà bị thương nặng và sa vào tay địch. Biết bà giữ chức vụ quan trọng của Tỉnh đội Mỹ Tho, địch vừa mua chuộc, dụ dỗ, vừa tra tấn dã man nhằm buộc bà phải khai báo, đầu hàng; nhưng bà đã không chịu khuất phục và anh dũng hy sinh lúc 22 giờ ngày 22-4-1972, hưởng dương 47 tuổi.

Bà đã được tặng thưởng 1 Huân chương Quân công giải phóng hạng Ba, 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng Nhất. Ngày 6-11-1978, bà được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Năm 1994, bà được truy tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam anh hùng vì có hai người con đã anh dũng hy sinh trong chiến đấu. Tên bà được đặt tên trường trung học cơ sở của xã Bình Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang và trường tiểu học ở xã Mỹ Hội, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, tên đường tại thị xã Cai Lậy và thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Cuộc đời chiến đấu oanh liệt của bà được khắc họa qua bộ phim truyện "Rặng trâm bầu" do Hãng phim Phương Đông TP Hồ Chí Minh, Phát hành phim quân đội, Đài Phát thanh - Truyền hình Tiền Giang hợp tác sản xuất 2004 và vở kịch "Rặng trâm đầu" do Sân khấu Trịnh Kim Chi thực hiện năm 2018. Phần mộ của bà đặt tại nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Tiền Giang.

Đường Đoàn Thị Nghiệp có điểm đầu: giáp với đường Lý Thường Kiệt; điểm cuối: giao với Đường tỉnh 870; chiều dài: 2,9 km; chiều rộng: 3,50 m.

11. Đường Đỗ Quang

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Đỗ Quang).

Tiểu sử danh nhân:

ĐỖ QUANG

(1807 – 1866)

Đỗ Quang có tên thật là Đỗ Tông Quang; nhưng sau đó, bỏ tên lót Tông vì kỵ húy tên của hoàng tử Nguyễn Phúc Miên Tông, tức vua Thiệu Trị. Ông sinh năm 1807 trong một gia đình khoa bảng ở xã Phương Điếm, tổng Hội Xuyên, huyện Gia Lộc, phủ Ninh Giang, tỉnh Hải Dương (nay là thôn Phương Điếm, thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương).

Năm 1828, ông thi đỗ cử nhân lúc 21 tuổi, được sung chức Hành tẩu Bộ Binh. Năm 1832, ông thi đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân, được bổ làm Tri phủ Diễn Châu (tỉnh Nghệ An); sau đó, làm Lang trung Bộ Công, rồi Án sát tỉnh Quảng Trị. Năm 1841, ông được thăng lên làm Thị lang Bộ Công và lần lượt trải qua các chức Trực học

sĩ viện Hàn lâm, Toản tu Quốc sử quán. Năm 1845, ông chuyển qua Bộ Lại, giữ chức Thị lang, rồi Tham tri Bộ Lễ. Năm 1848, ông được triều đình điều động vào Nam, giữ chức thự Tuần phủ tỉnh Định Tường (nay là tỉnh Tiền Giang).

Sau đó, vì để xảy ra việc tàu buôn nước ngoài lậu thuế, nên ông bị triều đình cách chức và phải bồi thường thiệt hại. Theo Đại Nam liệt truyện, lúc ông rời nhiệm sở, dân chúng ở tỉnh Định Tường "khóc như mưa". Vua Tự Đức cho rằng: "nếu không phải ngày thường được lòng dân thì sao có như thế". Việc bồi thường thiệt hại, do được tổng đốc Tôn Thất Cáp dâng sớ nói ông là người liêm chính, nên được nhà vua miễn thứ.

Sau đó, ông được triều đình bổ nhiệm trở lại, lần lượt giữ các chức Hàn lâm viện trước tác, Án sát tỉnh Nghệ An, Hồng lô tự khanh, Bố chính tỉnh Nghệ An, Bố chính tỉnh Nam Định, Quang lộc tự khanh, Biện lý Bộ Lại, Kinh duyên nhật giảng quan, Thị lang Bộ Lại. Tháng 02-1859, thực dân Pháp chiếm thành Gia Định. Trước tình hình đó, năm 1860, triều đình cử ông vào Nam lần thứ hai, giữ chức thự Tuần phủ tỉnh Gia Định (vùng Gò Công lúc đó thuộc tỉnh Gia Định) để hợp cùng với Thống đốc quân vụ Nguyễn Tri Phương và Tham tán đại thần Phạm Thế Hiển chỉ huy quân dân đắp đại đồn Chí Hòa, tích cực chuẩn bị vũ khí và lương thực nhằm đối phó với thực dân Pháp.

Tháng 02-1861, mặt trận đại đồn Chí Hòa bị quân Pháp chọc thủng, tỉnh Gia Định bị thất thủ. Ông rút quân về tỉnh thành Biên Hòa. Tuy vậy, ông vẫn bí mật cử người tới vận động các hào mục và sĩ dân ở Gia Định, khuyên họ đứng ra tuyển mộ quân để chờ đợi thời cơ. Tháng 12-1861, quân Pháp đánh chiếm thành Biên Hòa, ông bèn dẫn quân di chuyển xuống Tân Hòa (Gò Công) để cùng với Phó lãnh binh Trương Định chiêu mộ nghĩa quân, tích trữ lương thực, rèn đúc vũ khí, luyện tập binh lính, mưu tính cuộc kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp xâm lược. Từ đó cho đến tháng 6-1862, ông tham mưu cho Trương Định chỉ huy nghĩa quân tiến hành nhiều trận đánh dũng mãnh nhằm vào quân Pháp, gây cho bọn chúng nhiều thiệt hại nặng nề.

Trong lúc nhân dân Nam Kỳ đang chiến đấu quyết liệt chống giặc ngoại xâm thì ngày 05-6-1862, triều đình nhà Nguyễn ký hòa ước với Pháp, thuận giao cho bọn thực dân xâm lược ba tỉnh Biên Hòa, Gia Định, Định Tường và đảo Côn Lôn. Sau sự kiện đó, ông được triều đình triệu về kinh, bổ làm Tuần phủ tỉnh Nam Định. Tuy nhiên, với lòng tự trọng, ông đã khẳng khái dâng sớ từ chối: *"Hôm thần về (kinh), sĩ dân đứng che kín cả đường nói: Nay cha bỏ con, quan bỏ dân. Quan về thì quan lại làm quan, nhưng dân ở lại thì dân không còn được làm dân của triều đình nữa. Tiếng khóc đầy đường, thần cũng phải gạt nước mắt mà đi. Trộm nghĩ, thần tài hèn sức mọn, nhưng từ trước tới nay vẫn xum vầy với dân, chưa từng tính đến ngày bỏ dân mà về. Nay thần được gọi về, mà nghĩa dân từ trước từng vì triều đình mà dốc hết sức người sức của, giờ chẳng biết bỏ thân nơi nào. Như thế là thần, ở trên thì phụ với triều đình, ở dưới thì phụ trăm họ, tội không thể chối được. Giờ nếu thần lại lạm dự chức ở Nam Định thì biết ăn nói thế nào với sĩ dân Gia Định? Biết trả lời thế nào với công luận trong nước? Thần vẫn còn có chút lòng, quả là rất hổ thẹn. Vả chăng, thần vốn là kẻ có kiến thức nông cạn và hạn hẹp, nếu cứ gắng gượng mà làm việc mãi cũng chẳng thể gọi là báo*

bổ. Vậy, xin bệ hạ hãy thu sắc mệnh, cho thần được bãi chức về với làng với ruộng, hầu làm nguôi bớt lòng oán giận của sĩ dân, và cũng để giữ tiết liêm sĩ của thần vậy".

Năm 1863, vua Tự Đức triệu ông vào kinh đô Huế và động viên ông nhận chức quan. Trong tình thế đó, ông buộc phải làm Hữu tham tri Bộ Hộ. Năm 1864, ông làm thự Tuần phủ tỉnh Bắc Ninh. Sau đó, ông trải qua các chức vụ thự Tham tri Bộ Binh, Hữu phó đô ngự sử ở Viện Đô sát, Tham tán quân vụ quân thứ Hải An, thự Tuần phủ Lạng Bình. Năm 1866, ông được điều động trở lại Bắc Ninh, làm Tuần phủ tỉnh này, nhưng it lâu sau, do bị bệnh nặng, ông xin từ quan về quê để chữa bệnh, nhưng không qua khỏi, mất cùng năm.

Nhận tin ông qua đời, vua Tự Đức vô cùng thương tiếc, cho rằng: *"Đỗ Quang ra làm quan 30 năm có lẻ, thanh bạch, trung chính, chăm chỉ, cẩn thận, được tiếng trong ngoài, trước đây ở Nam Kỳ dẫu gặp gian nan vẫn giữ một tiết, kịp làm Tham tán quân vụ ở Hải An có công lao. Hằng năm tới nay nhân ngoài biên có báo động, nên đặc cách khởi phục, còn trong khi có bệnh để vỗ yên nơi trọng khẩn, không ngờ bệnh ngày nặng thêm, bèn cho nghỉ việc về làng. Ta vẫn nghĩ tới người đương lúc cần dùng, không may vội chết, thực là đau xót".*

Đồng thời, nhà vua còn truy tặng ông chức Lễ Bộ thượng thư, ban tên thuỵ là Trang Lượng và cho thờ ông trong đền Hiền Lương tại kinh đô Huế.

Kính trọng tài đức và công trạng của ông, nhân dân Phương Điếm đã lập bài vị thờ ông ở đình làng và suy tôn là Thành hoàng bản xã. Dù ở cương vị nào, với tấm lòng yêu nước, thương dân, ông đều đem hết tài năng ra phục vụ đất nước và nhân dân, được nhân dân kính trọng và thương yêu. Đối với Gò Công, ông có công lao trong việc hợp cùng với Trương Định tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược nhằm bảo vệ quê hương.

Hiện nay, tại thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, thành phố Hà Nội, thành phố Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh đều có đường mang tên Đỗ Quang. Năm 1989, đình Phương Điếm và lăng mộ của ông được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia.

Đỗ Quang học giỏi, đỗ cao, tham gia quan trường theo đạo của người quân tử: trị quốc - an dân. Thời bình thì chăm lo xây dựng văn hóa, giáo dục, khi đất nước có ngoại xâm thì cùng dân kiên cường kháng chiến, ông đã đứng về phía nhân dân, vì quyền lợi của nhân dân, của đất nước. Ông xứng đáng tiêu biểu cho những danh sĩ hàng đầu Việt Nam trong thế kỷ XIX.

Đường Đỗ Quang có điểm đầu: giáp với đường Trần Ngọc Giải; điểm cuối: giao với Hẽm Khu phố 8, Phường 6; chiều dài: 0,400 km; chiều rộng: 6,0 m.

12. Đường Đỗ Văn Thống

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Đỗ Văn Thống).

Tiểu sử danh nhân:

ĐỖ VĂN THỐNG

(1837 -)

Đỗ Văn Thống còn có tên là Trần Xuân Sanh, sinh năm 1837 tại thôn Bình Quơn, tổng Hòa Hảo, huyện Kiến Hòa, tỉnh Định Tường (nay là xã Quơn Long, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang).

Năm 1875, ông tham gia cuộc khởi nghĩa Thủ khoa Huân ở Chợ Gạo, được giữ chức Đội trưởng rồi lên Phó Thống Quản. Cuộc khởi nghĩa bị thực dân Pháp đàn áp. Để tránh né sự truy lùng của giặc, ông di chuyển đến ngụ cư và làm ruộng tại làng Tân Thuận Đông, tổng Bình Trị Hạ, tỉnh Gia Định (nay là phường Tân Thuận Đông, Quân 7, Thành phố Hồ Chí Minh). Tuy vậy, ông vẫn thường xuyên liên lạc với những nhà yêu nước ở Trung kỳ, như Lê Công Chánh, Nguyễn Đăng Giai, Tống Hưng Nho,… để chờ thời cơ hoạt động trở lại.

Cuối tháng 9-1893, ông tham gia vào ban lãnh đạo của cuộc vận động khởi nghĩa Cần vương ở Nam kỳ với chức vụ Nam kỳ hiệp thống. Được biết, ban lãnh đạo, ngoài ông ra, còn có các ông Nguyễn Đăng Giai làm Chưởng lãnh lưỡng kỳ (Trung kỳ và Nam kỳ), Nguyễn Văn Lễ làm Nam kỳ tổng thống, Lê Công Chánh làm Nam kỳ chánh hội quân vụ.

Đầu tháng 10-1893, ông đã cùng với ban lãnh đạo phát hịch kêu gọi nhân dân tích cực quyên góp tiền bạc, sắm sửa vũ khí, đứng lên đánh đổ ách thống trị tàn bạo của thực dân Pháp. Bài hịch có đoạn:

"Chúng tôi, Chánh hội biện quân vụ Lê (Công Chánh), Nam kỳ chánh Tổng thống Nguyễn (Văn Lễ) và Hiệp thống Trần (Xuân Sanh, tức Đỗ Văn Thống), thảo thông cáo này để các cấp quan lại cùng rõ:

Hồi chúng tôi còn cai quản bốn tỉnh Vĩnh Long, Định Tường, An Giang, Hà Tiên, chúng tôi có gặp ông Hiệp biện Đào Công Thoại (tức Đào Công Bửu). Chúng tôi cùng nhận thấy trong dân gian ai ai cũng đều tha thiết nổi dậy, người góp tiền của, người giúp tuyển quân, nhằm khôi phục quốc gia (…).

Nay chúng tôi cử quan Hộ đốc quân vụ Huỳnh Văn Cơ đến 6 tỉnh yêu cầu các quan mang tiền quyên góp và ấn triện đến trình nộp và lập danh sách nghĩa binh…"

Ngay sau đó, ông trở về Mỹ Tho chiêu tập nghĩa sĩ và gầy dựng lực lượng. Đến cuối năm 1893, tại vùng Chợ Gạo, Gò Công - vốn là những nơi có truyền thống đấu tranh mạnh mẽ - đã có hàng trăm cơ sở, sẵn sàng nổi lên khởi nghĩa chống Pháp.

Tháng 01-1894, cuộc vận động Cần vương bị thực dân Pháp phát hiện. Bọn chúng tổ chức truy lùng ráo riết các yếu nhân của phong trào. Tháng 02-1894, ông bị giặc bắt và giam tại nhà lao Mỹ Tho. Tuy bị tra tấn dã man, nhưng ông vẫn giữ vững lập trường yêu

nước, không đầu hàng giặc. Vì thế, đến tháng 4-1894, chính quyền thực dân đày ông ra Côn Đảo. Ông mất tại chốn "địa ngục trần gian" này, nhưng chưa rõ mất vào năm nào.

Đỗ Văn Thống là nhà yêu nước kiên trì đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc. Từ năm 1861, thực dân Pháp đã thiết lập bộ máy cai trị trên địa bàn tỉnh Định Tường. Tuy nhiên, ông vẫn nung nấu ý chí quật khởi, vận động nhân dân chống chính quyền đô hộ và đã anh dũng hy sinh trong nhà tù của thực dân Pháp xâm lược. Tên ông được đặt tên đường ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đường Đỗ Văn Thống có điểm đầu: giáp với Quốc lộ 1; điểm cuối: giao với Khu dân cư; chiều dài: 0,280 km; chiều rộng: 10,0 m.

13. Đường Đốc Binh Kiều

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Chức vụ và tên danh nhân (Đốc binh Kiều).

Tiểu sử danh nhân:

ĐỐC BINH KIỀU

(- 1866)

Đốc binh Kiều tên thật là Nguyễn Tấn Kiều, còn gọi là Lê Công Kiều, Quan lớn thượng, chưa rõ năm sinh, nguyên quán miền Trung, di cư vào huyện Kiến Đăng, tỉnh Định Tường (nay là vùng Cái Bè - Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang).

Năm 1861, thực dân Pháp xâm chiếm Định Tường, ông chiêu mộ nghĩa dũng nổi lên chống giặc ở vùng Rạch Ruộng (Cái Bè). Sau đó, ông mang nghĩa quân thuộc quyền gia nhập lực lượng kháng chiến do Võ Duy Dương (Thiên hộ Dương) lãnh đạo. Do có tài thao lược, tinh thần chiến đấu dũng cảm và chỉ huy nghĩa quân lập được nhiều chiến công; nên ông được Võ Duy Dương phong chức Đốc binh, nên được người đời gọi là Đốc binh Kiều.

Năm 1864, để chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài, Võ Duy Dương rút quân vào vùng bưng biền Đồng Tháp Mười, thành lập căn cứ kháng chiến chống Pháp. Lúc bấy giờ, ông được Võ Duy Dương tin tưởng giao nhiệm vụ làm Phó tướng, trực tiếp chỉ huy xây dựng căn cứ Đồng Tháp Mười.

Bằng nhãn quan quân sự sắc sảo, ông cho xây dựng đại bản doanh của nghĩa quân ở Gò Tháp, thường được gọi là đồn Trung; và ba đồn khác bao quanh là đồn Tiền (hướng Cái Nứa), đồn Tả (hướng Gò Bắc Chiêng), đồn Hữu (hướng Cần Lố), để tạo thế chân vạc, bảo vệ đồn Trung.

Các đồn này đều có lũy đất chung quanh, cao khoảng 2,5 mét, thân lũy có trổ cửa và lỗ châu mai, ngoài lũy có những hàng cừ bằng cây sao nhằm chống địch tiếp cận đồn. Mỗi đồn có từ 200 - 300 nghĩa quân, được trang bị khoảng 10 khẩu súng thần công các loại và 40 - 50 khẩu súng bắn đá.

Ngoài ra, ông còn cho xây dựng nhiều đồn nhỏ (có khoảng 100 - 150 nghĩa quân) và trạm canh (có khoảng 10 nghĩa quân), tạo thành tuyến bảo vệ vòng ngoài cho căn cứ chính, trong đó quan trọng nhất là các đồn Cái Nứa (Hậu Thành, Cái Bè), Cái Thia (Mỹ Đức Đông, Cái Bè), Thủ Ngữ, Đất Sét, Quản Oai, Rạch Ruộng (Hậu Mỹ, Cái Bè), Mỹ Thạnh (Phú Nhuận, Cai Lậy), Trường Tháp (Mỹ Thành Bắc, Cai Lậy),…

Từ căn cứ Đồng Tháp Mười, dưới sự chỉ huy của ông và chủ tướng Võ Duy Dương, nghĩa quân đã liên tục tấn công các vị trí đóng quân của giặc Pháp, tạo nên những chiến thắng oai hùng, tiêu biểu là hai lần tấn công đồn Mỹ Trà (Cao Lãnh) vào giữa và cuối năm 1865, gây cho địch những tổn thất nặng nề. Có lần, ông đã chỉ huy nghĩa quân táo bạo tấn công đồn Cai Lậy.

Trước sự phát triển mạnh mẽ của lực lượng nghĩa quân, đầu tháng 4- 1866, thực dân Pháp huy động khoảng 1.000 quân tấn công căn cứ Đồng Tháp Mười. Để đối phó với quân giặc, được sự phân công của Bộ chỉ huy nghĩa quân và chủ tướng Võ Duy Dương, ông và Lãnh binh Nguyễn Văn Cẩn nhận lãnh trọng trách chỉ huy đồn Trung nhằm bảo vệ đại bản doanh và chi viện cho các đồn khác, trong đó có đồn Tả do Võ Duy Dương chỉ huy.

Sau những trận đánh thăm dò, ngày 14-4-1866, quân Pháp chia ra làm ba cánh đồng loạt tấn công Đồng Tháp Mười. Nghĩa quân trú đóng trong các đồn đã kiên cường chống trả, khiến quân Pháp bị tiêu hao khá nhiều. Thế nhưng, do quân đông, hỏa lực mạnh, địch lần lượt chiếm đồn Tả (ngày 16-4), đồn Tiền và đồn Hữu (ngày 17-4).

Trước tình hình đó, ông đốc thúc nghĩa quân từ đồn Trung xông ra ứng chiến nhằm giải vây cho Võ Duy Dương và các toán nghĩa quân từ các nơi đổ về. Chiến sự diễn ra vô cùng ác liệt. Cuối cùng, trong một trận đánh giáp lá cà với quân địch, ông đã anh dũng đền nợ nước ngày 18-4-1866. Có tài liệu chép, lúc lên đài quan sát, ông bị trúng đạn, được đưa về gò Giồng Dung điều trị và sau đó vài ngày thì mất. Thi hài ông được an táng tại nền đồn Trung ở Gò Tháp, đồng thời, nghĩa quân cũng làm vài ngôi mộ giả để nghi trang. Hiện nay, ở Gò Tháp có đền thờ chung, thờ ông và chủ tướng Võ Duy Dương. Ngày 14 tháng 11 âm lịch hàng năm là ngày giỗ chung hai ông. Lễ giỗ này được chính quyền và nhân dân địa phương tổ chức rất trang nghiêm, thu hút đông đảo nhân dân đến chiêm bái và cúng kiếng.

Người đời sau có bài thơ ca ngợi ông như sau:

Vì nước quên mình bởi chữ trung,

Thương dân chi sá chốn sình bùn.

Mấy năm Đồng Tháp danh vang dội,

Cọp sống ngoài truông cáo hãi hùng.

Hai thước im lìm nơi thạch động,

Đồng bào tưởng nhớ đứng thờ chung.

Nỗi lòng nghĩ đến nhiều năm trước,

Hương lửa đều không cảnh lạnh lùng.

Hiện nay, đền thờ của ông và Võ Duy Dương tọa lạc ở Gò Tháp, xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Đây là một trong những di tích nằm trong cụm Di tích quốc gia đặc biệt Gò Tháp (được công nhận năm 2012). Nhân dân còn lập Miếu thờ ông ở thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An. Tên và chức vụ của ông (Đốc binh Kiều) được đặt tên đường ở thành phố Mỹ Tho; tên trường trung học phổ thông ở thị xã Cai Lậy (tỉnh Tiền Giang), tên trường trung học phổ thông và tên xã ở huyện Tháp Mười (tỉnh Đồng Tháp).

Đường Đốc Binh Kiều có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn An Ninh; điểm cuối: giao với đường Hoàng Hoa Thám; chiều dài: 0,650 km; chiều rộng: 6,0 m.

14. Đường Đống Đa

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Địa danh lịch sử (Đống Đa).

Địa danh lịch sử:

Cuối năm 1788, lợi dụng việc Lê Chiêu Thống cầu viện, vau Càn Long nhà Đại Thanh (Trung Quốc) đã cử Tổng đốc Lưỡng Quảng Tôn Sĩ Nghị chỉ huy 29 vạn quân, tiến vào nước ta nhằm xâm chiếm Đại Việt.

Trước tình hình cấp bách thù trong, giặc ngoài, Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ đã làm lễ lên ngôi Hoàng đế tại Phú Xuân, lấy niên hiệu là Quang Trung, ra lệnh tiến quân ra Bắc.

Ngày 30 tháng Chạp năm Mậu Thân (1788), Hoàng đế Quang Trung khao quân ăn Tết sớm và hẹn với ba quân sẽ ăn Tết tại Kinh thành Thăng Long vào ngày mùng 7 Tết Kỷ Dậu (1789).

Quân Tây Sơn chia làm 5 đạo, đạo quân chủ lực do Hoàng đế Quang Trung chỉ huy đánh vào mặt chính Nam đã vượt sông Gián Thuỷ, mở màn cuộc đại phá quân Thanh. Các đồn tiền tiêu của địch như Gián Khẩu, Thanh Quyết, Nhật Tảo,... lần lượt bị tiêu diệt.

Nửa đêm mùng 3 Tết Kỷ Dậu (tức ngày 28-1-1789), quân Tây Sơn đã bao vây tiến đánh đồn Hà Hồi, bắt sống hàng vạn quân Thanh.

Sáng mùng 5 Tết Kỷ Dậu (tức ngày 30-1-1789), tại hướng Nam thành Thăng Long, quân Tây Sơn do Hoàng đế Quang Trung chỉ huy tấn công và tiêu diệt đồn Ngọc Hồi. Tướng chỉ huy đồn là Hứa Thế Hanh tử trận.

Tại hướng Tây, đạo quân Tây Sơn do Đô đốc Đặng Tiến Đông chỉ huy cũng đồng thời mở cuộc tiến công vào đồn Khương Thượng. Đồn quân Thanh bị tan vỡ. Tướng chỉ huy đồn là Sầm Nghi Đống thắt cổ tự tử. Tại khu vực Khương Thượng và xung quanh,

do xác quân Thanh chết quá nhiều, sau chất thành 12 gò cao, có cây đa mọc um tùm nên gọi là gò Đống Đa. Trận diệt đồng Khương Thượng cũng còn gọi là trận Đống Đa.

Từ hai hướng Ngọc Hồi và Khương Thượng (Đống Đa), quân Tây Sơn tiếp tục thế tiến công, tiêu diệt các đồn Yên Quyết, Nam Đồng,… rồi nhanh chóng giải phóng kinh thành Thăng Long.

Trưa mùng 5 Tết Kỷ Dậu (tức ngày 30/1/1789), Hoàng đế Quang Trung với áo bào xạm đen khói súng đã ngự trên lưng voi, dẫn đầu đại quân tiến vào Kinh thành Thăng Long trong sự vui mừng của nhân dân.

Chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa là sự hội tụ, kết tinh sâu sắc truyền thống yêu nước, yêu độc lập - tự do ngàn đời của nhân dân ta; khẳng định tinh thần đoàn kết, dũng cảm, ý chí quật cường, là bản anh hùng ca bất hủ trong lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước vĩ đại của dân tộc.

Nhân kỷ niệm 200 năm chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa, năm 1989, thành phố Hà Nội đã xây dựng tại đây Công viên văn hoá Gò Đống Đa (thuộc phường Quang Trung, quận Đống Đa, Hà Nội) với tổng diện tích khoảng 21.000 m². Nơi đây có Tượng đài Hoàng đế Quang Trung cùng hai bức phù điêu mô tả lại diễn biến chiến thắng Đống Đa, nhà trưng bày,… Năm 1990, một tấm bia nặng 8 tấn đã được dựng lên trên đỉnh gò. Trên bia có khắc lại lời hịch của Hoàng đế Quang Trung để khích lệ tinh thần binh sĩ trước mỗi trận đánh. Lễ hội Gò Đống Đa diễn ra vào ngày mùng 5 tháng 1 Âm lịch hàng năm. Đây là dịp để mọi người tới dâng hương và tưởng nhớ những chiến công lừng lẫy, huy hoàng của Hoàng đế Quang Trung, nghĩa quân Tây Sơn và Nhân dân Bắc Hà trong trận chiến Ngọc Hồi - Đống Đa năm xưa. Không chỉ người dân thủ đô mà người dân ở khắp mọi nơi đều đổ về đây dâng hương tạo ra không khí vô cùng náo nhiệt, hân hoan vả tự hào. Gò Đống Đa được Thành phố Hà Nội công nhận là Di tích Lịch sử - Văn hoá trong đợt đầu tiên: tháng 4/1962.

Đường Đống Đa có điểm đầu: giáp với đường Lý Thường Kiệt; điểm cuối: giao với đường Ấp Bắc; chiều dài: 1,0 km; chiều rộng: 5,0 m.

15. Đường Gò Cát

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Địa hình thiên nhiên (Gò: Khoảng đất nổi cao lên giữa nơi bằng phẳng) + Vật liệu dạng hạt (Cát).

Gò Cát rộng khoảng 150 ha tọa lạc tại xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho. Đây là địa danh được ghi chép trong các sách cổ là *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức và *Đại Nam nhất thống chí* của Quốc sử quán triều Nguyễn với đặc sản rượu Gò Cát (Sa tửu). Gò Cát cũng là nơi sản xuất gạo Gò Cát rất ngon, được dùng làm bánh hủ tiếu để tạo nên món hủ tiếu Mỹ Tho vang danh khắp nơi.

Đường Gò Cát có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn Trung Trực; điểm cuối: giao với đường Nguyễn Trung Trực; chiều dài: 0,400 km; chiều rộng: 30,0m.

16. Đường Giồng Dứa

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Địa danh lịch sử (Giồng Dứa).

Địa danh lịch sử:

Giồng Dứa là địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Giồng) + Thực vật (Cây Dứa gai): Giồng đất cao có nhiều cây dứa gai mọc hoang um tùm.

Thời xưa, đây là vùng đất hoang vu, hiểm trở, nên có câu ca dao:

Ai về Giồng Dứa qua truông,

Gió lay bông sậy để buồn cho em.

Địa danh Giồng Dứa gắn liền với một chiến công oanh liệt của quân dân tỉnh Mỹ Tho (nay là tỉnh Tiền Giang) - Chiến thắng Giồng Dứa.

Vào ngày 25 hàng tháng, Bộ Chỉ huy quân Pháp ở Nam bộ thường tổ chức một đoàn xe tiếp tế vũ khí, lương thực cho binh lính của bọn chúng ở các tỉnh miền Tây. Nắm được quy luật đó, Bộ Chỉ huy Khu 8 của ta quyết định tấn công đoàn xe này. Đúng 10 giờ ngày 25/4/1947, đoàn xe quân sự của địch lọt vào trận địa phục kích. Bộ đội ta anh dũng nổ súng tiến công. Bị đánh phủ đầu một cách bất ngờ, toàn bộ quân địch nhanh chóng tan rã. Sau 10 phút chiến đấu, ta giành thắng lợi hoàn toàn, phá hủy 14 xe quân sự; tịch thu nhiều vũ khí, đạn dược, quân trang, quân dụng; diệt nhiều tên địch, trong đó có những sĩ quan cao cấp của quân đội thực dân Pháp.

Chiến thắng Giồng Dứa đã gây chấn động lớn trong dư luận trong và ngoài nước, chứng tỏ bộ đội ta ngày càng lớn mạnh, hoàn toàn có khả năng đánh bại lực lượng địch đông hơn gấp nhiều lần và được trang bị hiện đại; đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho phong trào du kích chiến tranh phát triển mạnh mẽ ở chiến trường Khu 8. Chiến thắng này đã khiến cho quân địch càng hoang mang, dao động. Từ đây, địch buộc phải bố trí lực lượng cơ giới đi hộ tống các đoàn xe chở quân, vũ khí, lương thực; và không dám rút bớt quân để tăng viện cho chiến trường chính miền Bắc.

Để ghi dấu chiến công hiển hách này, năm 1985, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Tiền Giang tiến hành xây dựng tượng đài Chiến thắng Giồng Dứa trong khuôn viên Trường Quân sự Tiền Giang tại ấp Đông, xã Long Định. Năm 2000, do nhu cầu mở rộng Quốc lộ 1, tượng đài đã được quy hoạch tôn tạo và di dời vào phía bên trong, cách vị trí cũ 40 m, trên diện tích gần 9.000 m^2 với các hạng mục: công viên, vườn hoa, cây cảnh, hồ cảnh bao bọc chung quanh. Tượng đài cao 7 m và phù điêu dài 24 m, được tạo tác bằng chất liệu bê tông cốt thép. Ngày 27/11/2003, Bộ Văn hóa - Thông tin đã có Quyết định công nhận Di tích Chiến thắng Giồng Dứa là Di tích Lịch sử cấp quốc gia.

Đường Giồng Dứa có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn Trãi; điểm cuối: giao với đường Nguyễn Tri Phương; chiều dài: 0,300 km; chiều rộng: 6,0 m.

17. Đường Hoàng Hoa Thám

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Hoàng Hoa Thám).

Tiểu sử danh nhân:

HOÀNG HOA THÁM

(1858 – 1913)

Hoàng Hoa Thám, tên khai sinh là Trương Văn Thám, tên lúc nhỏ là Trương Văn Nghĩa, sinh năm 1858, quê ở xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên.

Năm 16 tuổi, ông tham gia khởi nghĩa của Đại Trận (1870-1875). Khi Pháp chiếm Bắc Ninh (3-1884), ông gia nhập nghĩa binh của Trần Quang Loan, lãnh binh Bắc Ninh, rồi nghĩa quân của Hoàng Đình Kinh (1882-1888), sau đó ông đứng dưới cờ nghĩa Lương Văn Nắm (tức Đề Nắm) ở Yên Thế (Bắc Ninh) và trở thành một tướng lĩnh có tài. Tháng 4-1892, Đề Nắm bị thủ hạ là Đề Sặt sát hại, ông trở thành thủ lĩnh tối cao của phong trào Yên Thế.

Trong ba năm (1893-1895) giặc Pháp đã tập trung lực lượng đàn áp cuộc khởi nghĩa do ông chỉ huy, chúng không từ một thủ đoạn nào, từ phủ dụ đến bao vây tàn sát. Tuy nhiên, bằng chiến thuật du kích tài tình, ông đã tránh được mũi nhọn của giặc và gây cho chúng những tổn thất nặng nề.

Thấy chưa thể dập tắt được phong trào Yên Thế, giặc Pháp đã yêu cầu giảng hòa. Ông cũng muốn tranh thủ thời gian để chuẩn bị thêm lực lượng, nên đồng ý hòa hoãn. Nhưng chỉ vài tháng sau (đến 10-1895), giặc Pháp đã bội ước, chúng huy động lực lượng mở những cuộc tấn công trên quy mô lớn vào Yên Thế. Chúng treo giải thưởng 30.000 Francs cho kẻ nào bắt được ông. Lần ra quân này của giặc Pháp cũng không đàn áp được phong trào nông dân Yên Thế. Chúng yêu cầu giảng hòa lần thứ 2.

Trong hơn 10 năm hòa hoãn (từ 12-1897 đến 29-1-1909), nghĩa quân Yên Thế đã có những bước phát triển mới: Địa bàn hoạt động được mở rộng từ trung du đến đồng bằng, kể cả Hà Nội. Ông tổ chức ra "đảng Nghĩa Hưng" và "Trung chân ứng nghĩa đạo" làm nòng cốt. Đặc biệt, ông đã chỉ đạo cuộc khởi nghĩa ngày 27-6-1908 của binh lính yêu nước ở Hà Nội (gọi là vụ Hà thành đầu độc). Sự kiện này làm chấn động khắp cả nước.

Ngày 29-1-1909, Thống sứ Bắc kỳ đã huy động 15.000 quân chính quy và khố xanh, 400 lính dõng là một lực lượng lớn nhất từ trước tới lúc đó do tên đại tá Ba-tay và tên Việt gian Lê Hoan chỉ huy. Chúng mở cuộc tổng tấn công vào căn cứ Yên Thế. Cuộc chiến đấu không cân sức này đã làm cho nghĩa quân tổn thất nặng nề.

Ngày 10/2/1913, ông bị giặc sát hại. Tên ông được đặt tên đường, tên trường học ở nhiều tỉnh thành trên cả nước.

Đường Hoàng Hoa Thám có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn Văn Giác; điểm cuối: giao với đường Phan Thanh Giản; chiều dài: 0,620 km; chiều rộng: 6,0 m.

18. Đường Hoàng Việt

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Nghệ danh của danh nhân (Hoàng Việt).

Tiểu sử danh nhân:

HOÀNG VIỆT

(1928 – 1967)

Hoàng Việt, tên thật là Lê Chí Trực, ngoài ra còn có các bút danh Lê Trực và Lê Quỳnh, sinh năm 1928 tại Chợ Lớn (nay thuộc Thành phố Hồ Chí Minh), quê nội ở Bà Rịa (nay thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu); nhưng sinh sống và lớn lên ở quê ngoại tại làng An Hữu, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã An Hữu, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang).

Có năng khiếu và đam mê âm nhạc, ông sáng tác từ rất sớm. Khoảng năm 1944 - 1945, ông có các ca khúc "Chí cả", "Biệt đô thành", "Tiếng còi trong sương đêm" được nhiều người yêu thích.

Ngày 23 - 9 - 1945, thực dân Pháp quay trở lại xâm lược Nam bộ. Với lòng yêu nước nồng nàn và tinh thần giác ngộ cách mạng, ông "xếp bút nghiên" lên đường tham gia kháng chiến. Lúc đầu, ông công tác ở Ty Công an Bà Rịa. Đến cuối năm 1946, ông chuyển về Đoàn Văn công Khu 8 đóng ở vùng Thiên Hộ - Hậu Mỹ (Cái Bè) giáp với Đồng Tháp Mười. Trong khoảng thời gian này, ông sáng tác các ca khúc "Thành đồng Tổ quốc", "Lá xanh", "Ai nghe chiến dịch mùa xuân".

Năm 1951, ông được phân công về Đoàn Văn công Phân Liên khu miền Đông Nam bộ. Lúc bấy giờ, cuộc sống của cán bộ, chiến sĩ ở đây vô cùng gian khổ. Tuy vậy, với tinh thần lạc quan cách mạng, ông đã vượt qua những khó khăn đó; và hòa mình vào cuộc kháng chiến của nhân dân miền Đông "gian lao mà anh dũng". Ngoài việc theo đoàn văn công đi biểu diễn, phục vụ chiến sĩ và nhân dân; ông còn tập trung bút lực và tâm huyết sáng tác nhiều ca khúc hay, phản ánh cuộc kháng chiến hào hùng và niềm tin tất thắng của nhân dân miền Nam "Thành đồng Tổ quốc". Đó là các ca khúc "Tin tưởng", "Đêm mưa dầm", "Lửa sáng", "Nhạc rừng", "Mùa lúa chín", "Lên ngàn",…

Năm 1954, ông tập kết ra Bắc. Năm 1956, ông học âm nhạc tại Nhạc viện Hà Nội. Sống trong cảnh "ngày Bắc đêm Nam", từ trong niềm xúc cảm thương nhớ về quê hương miền Nam thân yêu, ông sáng tác hai ca khúc "Tình ca" và "Quê mẹ" với những giai điệu trữ tình, sâu lắng; nhưng cũng không kém phần sôi động, hùng tráng về một miền Nam đau thương, kiên trung và bất khuất, đang quật khởi vùng lên.

Năm 1958, ông được Nhà nước cử sang Bulgarie học ở Nhạc viện Sophia. Được sự hướng dẫn tận tình của Giáo sư nổi tiếng Goléminoff, ông lao vào viết khí nhạc; và trở thành người viết nhạc giao hưởng đầu tiên của giới nhạc sĩ Việt Nam với bản giao hưởng

"Quê hương". Trong bản giao hưởng này, với bút pháp tài hoa, ông đã sử dụng chất liệu của 9 ca khúc cách mạng và 2 bài dân ca để xây dựng nội dung tư tưởng và ngôn ngữ nghệ thuật. Qua 4 chương của tác phẩm, ông đã nêu bật truyền thống đấu tranh bất khuất của dân tộc và hiện thực cách mạng sôi nổi của miền Nam trong những năm đầu chiến đấu chống ngoại bang và bọn tay sai bán nước. Với bản giao hưởng "Quê hương", ông đã nhận được tấm bằng đỏ (hạng Ưu) của Nhạc viện Sophia.

Năm 1964, ông về nước, công tác tại Nhạc viện Hà Nội. Ít lâu sau, ông xin về miền Nam chiến đấu. Sau những ngày vượt Trường Sơn vô cùng gian khổ, năm 1966, ông về đến căn cứ Trung ương Cục miền Nam đóng ở miền Đông Nam bộ và công tác tại Đoàn Văn công Giải phóng. Với trình độ âm nhạc uyên bác, ông tận tình hướng dẫn, giúp đỡ các nhạc sĩ trẻ sáng tác ca khúc. Thời kỳ này, ông viết ca khúc "Bài ca thanh niên miền Nam thành đồng" và hợp tác với hai nhạc sĩ Lưu Hữu Phước, Nguyễn Vũ viết vở nhạc kịch "Bông sen".

Đầu tháng 12 - 1967, từ Đông Nam bộ, vượt qua nhiều chặng đường nguy hiểm, ông về đến quê ngoại Cái Bè với ý định là tìm cảm xúc để viết bài giao hưởng số 2 về cuộc sống, chiến đấu của đồng bào vùng sông nước Cửu Long. Lúc bấy giờ, chiến trường Cái Bè hết sức ác liệt. Do đó, điều kiện làm việc của ông gặp rất nhiều khó khăn. Hầu như mọi sinh hoạt đều diễn ra dưới hầm trú ẩn. Mặc dù vậy, ông vẫn hăng say sáng tác. Đề cương của bản giao hưởng số 2 có tựa đề "Cửu Long" đã được hoàn thành dưới ánh đèn dầu tù mù và trong mưa bom, bão đạn của quân thù.

Sáng ngày 31 - 12 - 1967, một đoàn trực thăng Mỹ bay vào vùng căn cứ Mỹ Thiện (Cái Bè) phóng hỏa tiễn hủy diệt địa hình. Hầm trú ẩn của ông bị trúng đạn; và ông đã anh dũng hy sinh.

Nhận xét về sự nghiệp của ông, nhạc sĩ Xuân Hồng, Phó Tổng thư ký Hội Nhạc sĩ Việt Nam, Tổng thư ký Hội Âm nhạc TP Hồ Chí Minh, viết: "Sự nghiệp của Hoàng Việt để lại cho đời những gì? Là một nhạc sĩ tất nhiên anh để lại tác phẩm, nhưng theo tôi, có một cái thật là cao cả, đó là lý tưởng và ý chí của một người nghệ sĩ chân chính, được thể hiện bằng một câu nói bất hủ của anh mà hiện nay vẫn còn bút tích: "Cho đến chết mới hết sáng tác cho đời". Tác phẩm của anh để lại là những viên đá, là những cây cột lõi vững chắc góp phần xây dựng cho toà nhà âm nhạc cách mạng Việt Nam hiện đại".

Do có những đóng góp to lớn vào nền âm nhạc nước nhà và sự nghiệp giải phóng miền Nam, ông được Nhà nước truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh (1996). Nghệ danh Hoàng Việt của ông được đặt tên đường ở thị trấn Cái Bè, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh; tên trường tiểu học - trung học cơ sở - trung học phổ thông ở thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đường Hoàng Việt có điểm đầu: giáp với đường Ấp Bắc; điểm cuối: giao với đường Lý Thường Kiệt; chiều dài: 0,85 km; chiều rộng: 3,50 m.

19. Đường Học Lạc

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Ngạch học sinh và tên danh nhân (Học Lạc).

Tiểu sử danh nhân:

HỌC LẠC

(1842 – 1915)

Học Lạc, tên thật là Nguyễn Văn Lạc, hiệu Sầm Giang, sinh năm 1842 tại thôn Mỹ Chánh, huyện Kiến Hưng, tỉnh Định Tường (nay thuộc Phường 8 và xã Tân Mỹ Chánh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang).

Thuở nhỏ, ông theo học tại trường tỉnh tọa lạc ở thôn Bình Tạo (nay là phường 4 và phường 6, thành phố Mỹ Tho). Mặc dù gia cảnh gặp khó khăn; nhưng do thông minh lại chuyên cần, nên ông học rất giỏi, được hưởng học bổng của triều đình và xếp vào ngạch Học sinh. Vì thế, ông được mọi người gọi là Học sinh Lạc. Về sau, mất chữ "sinh", chỉ còn hai chữ "Học Lạc" mà thôi.

Năm 1859, thực dân Pháp đánh chiếm thành Gia Định, ông gác lại chuyện thi cử. Năm 1861, giặc Pháp đánh chiếm thành Định Tường, ông lánh về ở ẩn tại chợ Thuộc Nhiêu (nay thuộc xã Dưỡng Điềm, huyện Châu Thành), tỏ thái độ bất hợp tác với nhà cầm quyền Pháp.

Tại đây, ông mở trường dạy chữ Nho nhằm mở mang dân trí và hun đúc tinh thần yêu nước, thương nhà cho lớp trẻ. Đồng thời, ông còn làm nghề thuốc Nam, chữa bệnh cho dân nghèo.

Vốn giỏi thơ văn lại có tính cương trực, khẳng khái, ông đã sáng tác nhiều bài thơ châm biếm, trào phúng nhằm đả kích chế độ thực dân thối nát và những kẻ phản dân hại nước, cúi đầu làm tay sai cho ngoại bang, những kẻ hãnh tiến, huyênh hoang, lố bịch và bọn xu thời hợm hĩnh. Qua đó, ông tỏ lòng đau xót trước cảnh nước mất nhà tan; cũng như, tinh thần yêu nước, ý chí đấu tranh bất khuất của người trí thức chân chính.

Các bài thơ tiêu biểu của ông là *Ăn tiêu lâu*, *Tức cảnh Mỹ Tho*, *Tức cảnh Thuộc Nhiêu*, *Thơ ông làng (của hát Bội)*, *Con trâu*, *Con tôm*, *Chó chết trôi*, *Cặp gà*, *Tạ hương đăng*, *Tức cảnh buổi chiều*, *Ngồi trăng*,…

Trong khuynh hướng thi văn, nhiều nhà nghiên cứu văn học xếp ông vào các nhà thơ có khuynh hướng trào phúng và châm biếm như Chu Mạnh Trinh, Trần Tế Xương, Nguyễn Khuyến... Có tác giả cho rằng, ông xứng đáng nối gót hai nhà thơ yêu nước nổi tiếng là Nguyễn Đình Chiểu và Phan Văn Trị.

Ông mất năm 1915 tại Thuộc Nhiêu. Biệt danh Học Lạc của ông được đặt đặt đường và tên trường trung học cơ sở ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang; tên đường ở Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh; tên thật của ông được đặt tên đường ở quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đường Học Lạc có điểm đầu: giáp với đường Phan Thanh Giản; điểm cuối: giao với đường Thái Sanh Hạnh; chiều dài: 1,370 km; chiều rộng: 8 m.

20. Đường Hồ Bé

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Hồ Bé).

Tiểu sử danh nhân:

HỒ BÉ

(1942 – 2014)

Hồ Bé hay Hồ Văn Bé tên thật là Võ Văn Lý, bí danh Hồng Hải, sinh năm 1942 tại làng Lương Hòa Lạc, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang).

Ông tham gia cách mạng năm 1962, là chiến sĩ bộ đội địa phương huyện Chợ Gạo. Năm 1963, ông là Chi ủy viên; Trung đội bậc phó rồi Trung đội bậc trưởng Đặc công, bộ đội địa phương huyện Chợ Gạo.

Năm 1967, ông được đề bạt làm Chính trị viên phó Đại đội Đặc công tỉnh Mỹ Tho. Năm 1968, ông được tham gia Đoàn Anh hùng dũng sĩ miền Nam ra miền Bắc báo công. Tại Hà Nội, ông vinh dự được ba lần gặp Bác Hồ; từng được túc trực bên linh cữu của Người ngày Bác đi xa. Sau đó, ông được học Trung cấp Chính trị tại tỉnh Vĩnh Phúc.

Năm 1970, ông trở về miền Nam, tiếp tục chiến đấu. Năm 1971, ông là Bí thư Đảng ủy, Chính trị viên phó Tiểu đoàn 281 Đặc công Quân khu 8. Năm 1973, ông đảm trách nhiệm vụ là Bí thư Đảng ủy, Chính trị viên Tiểu đoàn 269 rồi Tiểu đoàn 678 Đặc công Quân khu 8.

Trong quá trình hoạt động cách mạng, ông đã tham gia chiến đấu tất cả 57 trận, đánh sập và phá hỏng 11 cầu giao thông, phá hủy 5 xe quân sự, diệt 29 và làm bị thương 19 lính địch. Tiêu biểu là các trận đánh sau đây:

Ngày 8-4-1964, ông cải trang thành người đi bắt ếch, trà trộn trong số dân đi làm ruộng, khéo léo gài mìn trên lộ Hòa Tịnh (huyện Chợ Gạo) và kiên trì phục chờ đến 16 giờ. Bỏ qua các xe chở lính đi trước, chờ cho 2 chiếc xe jeep chạy tới, ông cho nổ mìn, diệt 9 sĩ quan, trong đó có 2 cố vấn Mỹ, tiêu hủy 2 chiếc xe.

Ngày 24-4-1964, ông bí mật gài mìn trên lộ Phú Kiết (huyện Chợ Gạo), chờ cho xe chở cảnh sát và lính bảo vệ đi qua, ông cho nổ mìn vào chiếc xe chở bọn chỉ huy, diệt 3 sĩ quan cấp tá, 2 cố vấn Mỹ, trong đó có trung tá Trần Hoàng Quân, tỉnh trưởng kiêm tiểu khu trưởng Tiểu khu Định Tường.

Sau ngày thống nhất đất nước (30-4-1975), năm 1976, ông được bầu làm Đại biểu Quốc hội Khóa VI đơn vị tỉnh Tiền Giang. Năm 1977, ông mang quân hàm đại úy, Phó Chính ủy Trung đoàn 77, Sư đoàn 8, Quân khu 9. Năm 1981, ông là Thiếu tá, Trung

đoàn trưởng Trung đoàn 867 rồi Trung đoàn 506, Sư đoàn 868, QK9. Năm 1983, ông được thăng quân hàm Trung tá, Học viên Học viện Quân sự cấp cao. Năm 1985, ông là Bí thư Đảng ủy, Phó Tham mưu trưởng Sư đoàn 868, Quân khu 9. Năm 1986, ông là Đảng ủy viên, Phó Hiệu trưởng Trường Văn hóa Quân khu 9. Năm 1987, ông là Bí thư Đảng ủy, Chủ nhiệm Hậu cần Sư đoàn 868, Quân khu 9. Năm 1988, ông được thăng quân hàm Thượng tá. Năm 1993, ông là Đại tá, Đảng ủy viên, Phó Sư đoàn trưởng Sư đoàn 868, Quân khu 9. Năm 1994, ông là Đảng ủy viên, Phó Sư đoàn trưởng Sư đoàn 8, Quân khu 9. Năm 1999, ông được Đảng, Nhà nước, Quân đội cho nghỉ hưu.

Mặc dù được nghỉ hưu, nhưng ông vẫn tham gia công tác xã hội. Năm 2002, ông là Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Kinh tế đời sống Hội Cựu chiến binh tỉnh Tiền Giang. Năm 2006, ông là Chủ tịch Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin tỉnh Tiền Giang. Ở cương vị này, ông tích cực kiện toàn tổ chức Hội, tuyên truyền, vận động các cấp, các ngành và mọi tầng lớp nhân dân hưởng ứng vụ kiện đòi công lý cho nạn nhân chất độc da cam/đi-ô-xin với tinh thần "Tiếp sức cho các nạn nhân chất độc da cam Việt Nam đấu tranh đòi công lý", chăm sóc giúp đỡ nạn nhân chất độc da cam/đi-ô-xin về tinh thần và vật chất,... Năm 2014, ông bị bệnh qua đời.

Do những công lao đóng góp to lớn cho sự nghiệp cách mạng, ông được Đảng, Nhà nước tặng thưởng: Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng; Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất; Huân chương Chiến công hạng Nhất; Huân chương Quân công hạng Ba; Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng Nhất, Nhì, Ba; Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng Nhất; Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất, Nhì, Ba; Huy chương Quân kỳ Quyết thắng; danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Đường Hồ Bé có điểm đầu: giáp với đường Phan Lương Trực; điểm cuối: giao với đường Vũ Mạnh; chiều dài: 0,917 km; chiều rộng: 8,0 m.

21. Đường Hồ Văn Nhánh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Hồ Văn Nhánh).

Tiểu sử danh nhân:

HỒ VĂN NHÁNH

(1955 – 1969)

Hồ Văn Nhánh sinh năm 1955 tại xã Long Hưng, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân.

Thuở nhỏ, ông học hành rất chăm chỉ và cần cù lao động phụ giúp gia đình. Căm thù giặc Mỹ và bọn tay sai đã đốt phá xóm làng; lại được giáo dục, giác ngộ lý tưởng cách mạng, nên khi mới 13 tuổi (1968), ông đã tình nguyện xin vào Đội du kích mật của xã Long Hưng để góp phần công sức của mình vào sự nghiệp giải phóng quê hương.

Sau năm 1968, do địch phản kích quyết liệt, chiến trường bị chia cắt, nên hầu như địa phương nào, trong đó có xã Long Hưng, cũng đều gặp khó khăn về vũ khí và đạn dược. Trước tình hình đó, ông quyết định đột nhập vào căn cứ Đồng Tâm của Sư đoàn 9 Mỹ để gỡ mìn, lấy vũ khí địch đánh lại địch. Cứ thế, ngày qua ngày, sau khi đi học về, ông lại bí mật luồn qua các vòng rào dây thép gai, vào căn cứ của địch tiến hành việc gỡ mìn. Đây là một công tác cực kỳ nguy hiểm; nhưng do thông minh, cẩn thận và dũng cảm, ông đã gỡ được hàng ngàn quả mìn các loại, cung cấp cho bộ đội và du kích các xã chế tạo vũ khí đánh địch. Từ sáng kiến của ông, Đội du kích của các xã xung quanh căn cứ Đồng Tâm và Ban Chỉ huy Mặt trận vành đai diệt Mỹ Bình Đức đã thành lập các tổ chuyên trách gỡ mìn; và số mìn thu được ngày càng nhiều.

Ngày 15-9-1969, trong một lần gỡ mìn ở vòng rào thứ 3 của căn cứ Đồng Tâm, ông đã anh dũng hy sinh. Chỉ trong một năm công tác, ông đã 131 lần đột nhập vào căn cứ Mỹ, trực tiếp gỡ hơn 4.500 quả mìn các loại, hướng dẫn cho bộ đội và du kích gỡ được hơn 1.100 quả, phục vụ cho bộ đội và du kích đánh trên 300 trận, tiêu diệt hàng trăm tên địch.

Ông được tặng thường 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng Nhất. Ngày 6-11-1978, ông được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Tên ông được đặt tên đường và tên trường tiểu học ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đường Hồ Văn Nhánh có điểm đầu: giáp với đường Ấp Bắc; điểm cuối: giao với Quốc lộ 60; chiều dài: 0,90 km; chiều rộng: 3,5 m.

22. Đường Hùng Vương

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Quốc tổ của dân tộc Việt Nam (Hùng Vương).

Quốc tổ:

HÙNG VƯƠNG

Thời đại các vị vua Hùng gắn liền với nước Văn Lang là giai đoạn lịch sử mở đầu cho dân tộc ta cách nay hàng mấy chục thế kỷ, mở ra một thời đại lịch sử mới - thời đại dựng nước và giữ nước đầu tiên của dân tộc.

Về sự ra đời của quốc gia Văn Lang, xét trên phương diện kinh tế, vào khoảng nửa đầu thiên niên kỷ I trước công nguyên (TCN), công cụ lao động bằng đồng thau đã trở nên phổ biến và bắt đầu có công cụ bằng sắt. Nhờ vậy, cư dân đã khai phá và biến vùng châu thổ sông Hồng, sông Mã, sông Cả thành những cánh đồng màu mỡ với nền nông nghiệp trồng lúa nước, dùng cày với sức kéo của trâu, bò. Đồng thời, sự phân công giữa nông nghiệp và thủ công nghiệp cũng được hình thành.

Sự phát triển kinh tế đã dẫn đến sự chuyển biến xã hội. Sự phân hóa giàu nghèo ngày càng rõ rệt. Công xã thị tộc tan vỡ, thay vào đó là công xã nông thôn và gia đình phụ hệ.

Sự chuyển biến về kinh tế, xã hội đã đặt ra những yêu cầu mới của xã hội lúc bấy giờ là: làm thủy lợi và trị thủy để phục vụ cho nền nông nghiệp trồng lúa nước; quản lý xã hội nhằm đảm bảo trật tự và ổn định đời sống dân cư; chống giặc ngoại xâm để bảo vệ lãnh thổ. Chính những yêu cầu đó đã đẩy mạnh quá trình hình thành nhà nước. Trên cơ sở đó, quốc gia Văn Lang đã được ra đời vào khoảng thế kỷ VII TCN

Tổ chức nhà nước Văn Lang còn đơn giản, sơ khai. Đứng đầu là vua Hùng; giúp việc có các Lạc hầu, Lạc tướng. Cả nước chia làm 15 bộ do Lạc tướng đứng đầu. Dưới bộ là các làng do là Bồ chính cai quản. Vua Hùng đóng đô ở Bạch Hạc (nay thuộc TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ). Cương vực nước Văn Lang bao gồm một vùng lãnh thổ từ khoảng Quảng Bình hiện nay trở ra đến giáp biên giới Việt - Trung, biên giới Việt - Lào; trong đó, biên giới phía Bắc có thể bao gồm một phần tỉnh Quảng Đông và tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc) hiện nay.

Sự ra đời của quốc gia Văn Lang và thời đại của các vị vua Hùng là có thực trong lịch sử dựng nước và giữ nước của nhân dân ta. Đó là thời đại mà đất nước ta có cương vực, tên nước, chế độ xã hội, phong tục tập quán, lễ hội, tín ngưỡng riêng. Tất cả những cái đó là nền móng và trở thành ý thức, bản sắc và truyền thống của dân tộc Việt Nam.

Để tưởng nhớ các vị vua Hùng đã "có công dựng nước" (lời Chủ tịch Hồ Chí Minh), ngày mùng 10 tháng 3 âm lịch hàng năm, toàn dân ta đều long trọng tổ chức ngày Giỗ Tổ rất trọng thể và trang nghiêm; nếu ai có điều kiện thì thực hiện cuộc hành hương về cội nguồn dân tộc ở Đền Hùng tọa lạc trên núi Nghĩa Lĩnh, xã Hy Cương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Trên thế giới, có lẽ duy nhất chỉ có dân tộc ta mới có ngày Quốc giỗ và cuộc hành hương về cội nguồn dân tộc.

Ngày 02/4/2007, Quốc Hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã phê chuẩn sửa đổi, bổ sung Điều 73 của Luật Lao động cho người lao động được nghỉ làm việc, hưởng nguyên lương ngày Giỗ Tổ Hùng Vương (10/3 âm lịch). Kể từ đây, ngày 10/3 âm lịch hàng năm đã trở thành ngày lễ lớn - QUỐC LỄ mang ý nghĩa bản sắc văn hóa dân tộc. Ngày 6/12/2012, Tổ chức giáo dục, khoa học và văn hóa Liên hiệp quốc (UNESCO) đã chính thức công nhận "Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương ở Phú Thọ" là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

Thời đại và Giỗ Tổ Hùng Vương - Lễ hội Đền Hùng là dịp để giáo dục truyền thống "Uống nước nhớ nguồn", lòng biết ơn sâu sắc các Vua Hùng đã có công dựng nước và các bậc tiền nhân kiên cường chống giặc ngoại xâm giữ nước, đồng thời còn là dịp quan trọng để chúng ta quảng bá ra thế giới về một Di sản vô cùng giá trị, độc đáo, đã tồn tại hàng nghìn năm, ăn sâu vào tâm hồn, tình cảm, trở thành đạo lý truyền thống của đồng bào cả nước, kiều bào ta ở nước ngoài, là ngày để toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta cùng nguyện một lòng mãi mãi khắc ghi lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Các Vua Hùng đã có công dựng nước - Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước".

Đường Hùng Vương có điểm đầu: giáp với đường Rạch Gầm; điểm cuối: giao với Quốc lộ 50; chiều dài: 2,800 km; chiều rộng: 26,0 m.

23. Đường Huyện Thoại

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Chức vụ và tên danh nhân (Huyện Thoại).

Tiểu sử danh nhân:

HUYỆN THOẠI

(1816 – 1861)

Huyện Thoại tên thật là Đỗ Trình Thoại sinh năm 1816, người thôn Yên Luông Đông, tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường (nay là ấp Kim Liên, xã Long Hòa, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang).

Thuở nhỏ, ông nổi tiếng thông minh và học giỏi. Năm 1843, ông thi đỗ Cử nhân tại trường thi Gia Định; được triều đình bổ làm Tri huyện Tân Hòa, tỉnh Gia Định (bao gồm khu vực Gò Công thuộc tỉnh Tiền Giang ngày nay); nên được mọi người quen gọi là Huyện Thoại.

Năm 1859, giặc Pháp tấn công thành Gia Định. Với lòng yêu nước nồng nàn của một trí thức chân chính và với trách nhiệm của một viên quan đứng đầu một huyện thuộc tỉnh Gia Định, ông tham gia công cuộc chống Pháp ở mặt trận Chí Hòa (Gia Định, nay là thành phố Hồ Chí Minh).

Tháng 02-1861, đại đồn Chí Hòa bị thất thủ, ông trở về Tân Hòa (Gò Công), mộ nghĩa dũng và kết hợp với Trương Định nổi lên kháng chiến chống bọn thực dân xâm lược.

Sau khi hạ thành Mỹ Tho vào trung tuần tháng 4-1861, quân Pháp tiến đánh Gò Công; sau đó, bọn chúng đã cho thiết lập nhiều đồn bót ở đây nhằm kiểm soát và bình định vùng đất vừa mới chiếm được.

Với quyết tâm đánh đuổi quân xâm lược ra khỏi đất nước và bảo vệ chủ quyền dân tộc, ông đã chỉ huy nghĩa quân tiến hành nhiều trận tập kích táo bạo vào các vị trí chiếm đóng của quân viễn chinh Pháp ở Gò Công, gây cho chúng những thiệt hại đáng kể.

Tiêu biểu là trận tập kích đồn Gò Công ngày 22-6-1861. Vào lúc tờ mờ sáng, ông trực tiếp điều động 600 nghĩa quân bất ngờ mở cuộc tấn công. Với cương vị là tướng chỉ huy, ông đã dũng cảm xông lên phía trước, bất chấp hiểm nguy mặc dù súng của địch từ trong đồn bắn ra hết sức dữ dội.

Sau khi vượt qua những vòng rào phòng thủ kiên cố, nghĩa quân đã đột nhập được vào bên trong đồn. Một trận giáp chiến kịch liệt giữa quân ta và quân Pháp đã diễn ra. Hàng ngũ của quân địch trở nên rối loạn. Bằng võ nghệ cao cường, ông đã dùng gươm giết chết tên lính thủy quân lục chiến Bodiez và làm trọng thương tên trung úy Paulin Vial, Trưởng đồn kiêm Giám đốc bản xứ sự vụ Gò Công.

Nhưng, thật không may, ông bị trúng đạn và hy sinh cùng với 12 nghĩa sĩ, hưởng dương 45 tuổi. Sau khi mất, ông được triều đình nhà Nguyễn cho lập đền thờ. Từ một sĩ

phu và quan lại yêu nước, ông đã trở thành lãnh tụ nghĩa quân, trực tiếp xông pha nơi trận mạc, kiên cường chiến đấu chống lại kẻ thù và đã anh dũng đền nợ nước, để lại bao niềm thương tiếc của sĩ dân Gò Công.

Phần mộ của ông tọa lạc tại ấp Kim Liên, xã Long Hòa, thị xã Gò Công đã được công nhận Di tích lịch sử - văn hoá cấp quốc gia năm 2016.

Tên ông được đặt tên đường ở thị xã Gò Công, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang; thành phố Tân An, tỉnh Long An; Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; tên trường tiểu học ở xã Yên Luông, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Đường Huyện Thoại có điểm đầu: giáp với đường 30 tháng 4; điểm cuối: giao với đường Rạch Gầm; chiều dài: 0,200 km; chiều rộng: 7,0 m.

24. Đường Huỳnh Tịnh Của

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Huỳnh Tịnh Của).

Tiểu sử danh nhân:

HUỲNH TỊNH CỦA

(1834 – 1907)

Huỳnh Tịnh Của, sinh năm 1834 tại làng Phước Thọ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa (nay là huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu).

Ông theo học Trường Công giáo Puylo - Pinang ở Malaysia từ khi còn nhỏ. Sớm tiếp thu phương pháp nghiên cứu và học thuật phương Tây lại tinh thông chữ Hán, chữ Nôm và tiếng Pháp, ông chủ trương học tập kỹ năng và phương pháp nghiên cứu khoa học của phương Tây; nhưng vẫn bảo tồn và phát triển những nét đặc sắc của văn hóa dân tộc để canh tân đất nước, giữ gìn độc lập dân tộc trên cơ sở tự lực, tự cường.

Năm 1861, tuy làm Đốc phủ sứ, Giám đốc Ty Phiên dịch Văn án ở Soái phủ Sài Gòn, nhưng ông vẫn dành nhiều thời gian nghiên cứu và truyền bá chữ quốc ngữ. Ông đã gửi bản điều trần lên vua Tự Đức đề nghị dùng chữ quốc ngữ thay thế chữ Hán, yêu cầu phổ cập giáo dục và cho xuất bản sách báo bằng chữ quốc ngữ, sử dụng chữ quốc ngữ làm văn tự chính thống. Bản điều trần của ông không được vua Tự Đức chấp nhận, nhưng đã tạo điều kiện để thúc đẩy quá trình phát triển và phổ cập chữ quốc ngữ ở Việt Nam, nhất là các tỉnh, thành Nam Bộ.

Năm 1865, ông tham gia sáng lập tờ báo quốc ngữ *Gia Định Báo* - tờ báo Việt ngữ đầu tiên ở Việt Nam - do Trương Vĩnh Ký làm chủ bút. Sau khi Trương Vĩnh Ký qua đời (1898), ông thay làm chủ bút.

Sự nghiệp nghiên cứu và sáng tác của ông rất đồ sộ, bao gồm các thể loại văn, thơ, nghiên cứu, biên khảo, ngôn ngữ, phong tục tập quán, thơ ca, tục ngữ,…

Trong số các tác phẩm sáng tác, nghiên cứu, biên khảo của ông, tác phẩm *Đại Nam quốc âm tự vị* là công trình khoa học lớn, có giá trị đối với các nhà nghiên cứu ngôn ngữ cũng như quá trình phát triển của Tiếng Việt hiện đại. Quyển sách này được in lần đầu năm 1895-1896 tại Sài Gòn, sau đó tái bản nhiều lần. Năm 1998, Nhà xuất bản Trẻ in thành hai tập, tổng số 1.210 trang sách.

Ông mất năm 1907. Với những đóng góp to lớn của mình, tên ông được nhiều địa phương đặt tên đường, trường học.

Đường Huỳnh Tịnh Của có điểm đầu: giáp với đường Ngô Quyền; điểm cuối: giao với đường Trương Vĩnh Ký; chiều dài: 0,210 km; chiều rộng: 6,0 m.

25. Đường Kè sông Tiền

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Công trình xây dựng (Kè: là dạng công trình bảo vệ bờ sông, bờ biển khỏi tác động xói lở gây ra bởi dòng chảy gay sóng) + Địa hình thiên nhiên (Sông Tiền).

Trước năm 2010, khu vực dọc sông Tiền đoạn qua thành phố Mỹ Tho từ Phường 6 đến Công ty Cấp nước Tiền Giang chưa đảm bảo mỹ quan đô thị. Nhiều hộ dân lấn bãi bồi để xây dựng nhà sàn; một số cơ sở sản xuất, hộ dân xây dựng kè tạm thời với nhiều hình thức và kết cấu vật liệu khác nhau, gây tác động xấu đến kết cấu dòng chảy, lòng dẫn, môi trường ven sông, ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường phát triển du lịch của thành phố.

Để góp phần hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại 1 và bảo vệ bờ sông, các công trình trên bờ trước tình trạng sạt lở nghiêm trọng dọc bờ sông, Ủy ban Nhân dân thành phố Mỹ Tho đã lập Dự án Đầu tư xây dựng công trình Đường và kè sông Tiền khu vực thành phố Mỹ Tho trình ủy ban Nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt và bố trí vốn thực hiện. Công trình Đường và kè sông Tiền có tổng chiều dài 2.625 m với các hạng mục: Kè, đường, hệ thống chiếu sáng, đèn trang trí; tổng mức đầu tư 389,9 tỷ đồng từ vốn trái phiếu Chính phủ.

Công trình được triển khai thi công từ năm 2011 và hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2015. Công trình Đường và kè sông Tiền khu vực thành phố Mỹ Tho hoàn thành, ngoài mục tiêu bảo vệ, chống sạt lở bờ sông Tiền do tác động của dòng chảy, công trình cũng góp phần chỉnh trang đô thị, phát triển khu dân cư, phát triển ngành Du lịch, là điểm nhấn của thành phố Mỹ Tho.

Đường Kè sông Tiền có điểm đầu: giáp với đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa; điểm cuối: giao với kênh Xáng Cụt; chiều dài: 2,625 km; chiều rộng: 12,0 m.

26. Đường Ký Con

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Biệt danh (Ký Con).

Tiểu sử danh nhân:

KÝ CON

(1908 – 1931)

Ký Con tên thật là Đoàn Trần Nghiệp sinh năm 1908 tại làng Khúc Thuỷ, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây (nay là xã Cự Khê, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội).

Năm 1926, ông làm thư ký cho Hãng Godard ở Hà Nội. Năm 1928, ông gia nhập Việt Nam Quốc Dân Đảng và được giao việc trông coi sổ sách cho khách sạn Việt Nam - một cơ sở do Đảng này thành lập ở số nhà 38, phố Hàng Bông, Hà Nội. Ông nhỏ người, trắng trẻo như thư sinh, trong Việt Nam Quốc Dân Đảng ông nhỏ tuổi nhất, lại làm thư ký nên mọi người gọi thân mật là Ký Con.

Là một nhân vật tích cực của Việt Nam Quốc dân Đảng thời kỳ 1928 - 1930, ông từng giữ chức Trưởng ban ám sát của đảng này. Chính ông đã trừng trị một số tên mật thám và bọn phản bội.

Ngày 10/2/1930, cuộc khởi nghĩa do Việt Nam Quốc dân Đảng lãnh đạo bùng nổ, ông chỉ huy cảm tử quân tấn công vào một số vị trí trong thành phố Hà Nội. Ngày 8/5/1930, ông sa vào tay giặc tại Nam Định, bị Hội đồng đề hình của chính quyền thực dân Pháp mở từ ngày 5 - 9/8/1930 kết án tử hình cùng 11 chiến sĩ Việt Nam Quốc dân Đảng. Ngày 9/3/1931, ông bị hành hình tại nhà lao Hoả Lò (Hà Nội).

Đường Ký Con có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn An Ninh; điểm cuối: giao với đường Nguyễn Huỳnh Đức; chiều dài: 0,300 km; chiều rộng: 6,0 m.

27. Đường Lãnh Binh Cẩn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Chức vụ và tên danh nhân (Lãnh binh Cẩn).

Tiểu sử danh nhân:

LÃNH BINH CẨN

(1802 – 1902)

Lãnh binh Cẩn tên thật là Nguyễn Văn Cẩn, sinh năm 1802 tại thôn Mỹ Lợi, huyện Kiến Đăng, trấn Định Tường (nay là xã Mỹ Lợi A, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang).

Ngay sau khi thực dân Pháp đánh chiếm tỉnh Định Tường (1861), ông gia nhập lực lượng kháng chiến do Võ Duy Dương lãnh đạo. Do có nhiều thành tích trong chiến đấu, ông được Chủ tướng phong chức Lãnh binh.

Năm 1864, Võ Duy Dương thành lập căn cứ kháng chiến Đồng Tháp Mười. Lúc bấy giờ, ông được Bộ Tham mưu nghĩa quân tin tưởng giao cho nhiệm vụ chỉ huy đại bản doanh, còn được gọi là đồn Trung, cùng với Phó tướng Nguyễn Tấn Kiều.

Ngày 14-4-1866, Thủy sư đô đốc De Lagrandière huy động khoảng 1.000 quân thủy bộ cùng với nhiều tàu chiến và đại bác, chia làm ba cánh, ồ ạt tấn công căn cứ Đồng

Tháp Mười. Nghĩa quân đã kiên cường chống trả. Nhưng, do thế giặc quá mạnh, các đồn Tiền, đồn Tả, đồn Hữu đều lần lượt bị thất thủ.

Trước tình hình vô cùng nguy ngập đó, để giải vây cho Chủ tướng Võ Duy Dương và nghĩa quân, ông và Phó tướng Nguyễn Tấn Kiều chỉ huy lực lượng ở đồn Trung đánh mạnh vào các cánh quân của giặc Pháp.

Sau khi hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ giải nguy cho Chủ tướng, ông rút quân về cố thủ ở đồn Trung.Trước hỏa lực mạnh mẽ của đại bác Pháp, đồn Trung bị vỡ. Phó tướng Nguyễn Tấn Kiều anh dũng đền nợ nước. Còn ông rút quân về Hồng Ngự (nay thuộc tỉnh Đồng Tháp) tiếp tục chiến đấu.

Thực dân Pháp ra lệnh cho Trần Bá Lộc mang quân truy kích. Ông chỉ huy nghĩa quân đánh một trận mở đường máu; rồi sau đó, di chuyển đến Châu Đốc. Tại đây, sau khi gầy dựng lại lực lượng, ông chỉ huy nghĩa quân tấn công quân Pháp ở nhiều nơi, gây cho địch nhiều thiệt hại nặng nề; tiêu biểu nhất là trận hạ đồn Châu Đốc.

Quyết tiêu diệt nghĩa quân, giặc Pháp tung lực lượng hùng hậu đàn áp. Trong một trận đánh không cân sức tại núi Sập, nghĩa quân tan rã. Trước tình hình đó, ông đến chùa Tây An gặp gỡ các nhà sư yêu nước để bàn bạc kế sách chống giặc. Tại đây, để che mắt địch, ông quy y đầu Phật với pháp danh là Minh Mai và pháp hiệu là Phương Danh. Cuối năm 1870, ông trở về Cái Bè trùng tu chùa Thắng Quang ở làng Hòa Hưng (nay là xã Hòa Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang). Hoằng pháp nơi đây ổn định, ông trở lại chiến trường Đồng Tháp Mười, khai sơn chùa Gò Tháp, lập bàn thờ Thiên hộ Dương, Đốc binh Kiều và những nghĩa sĩ đã vì nước hy sinh. Ngôi chùa này được xem là điểm tựa tâm linh cho những nhà yêu nước và nghĩa binh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược trong nửa sau thế kỷ XIX. Sau đó, do bị tên Việt gian Trần Bá Lộc theo dõi truy bắt nên ông bí mật lẻn về Mỹ Lợi (Cái Bè) sinh sống và dựng một ngôi chùa, mang tên là chùa Phước Quang, nhằm thực hiện việc cứu đời, cứu người theo giáo lý nhà Phật.

Ông mất ngày 23-01-1902 (nhằm ngày 25 tháng Chạp năm Nhâm Dần) tại quê nhà, nay là xã Mỹ Lợi A, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Mộ của ông được công nhận là Di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh (2014). Tên và chức vụ của ông được đặt cho một con đường ở TP Mỹ Tho và huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Đường Lãnh Binh Cẩn có điểm đầu: giáp với đường Rạch Gầm; điểm cuối: giao với đường Thủ Khoa Huân; chiều dài: 1,150 km; chiều rộng: 6,0 m.

28. Đường Lê Chân

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Lê Chân).

Tiểu sử danh nhân:

LÊ CHÂN

(20 – 43)

Lê Chân sinh năm 20, quê ở làng An Biên (tên cổ là làng Vẻn), Đông Triều, phủ Kinh Môn, trấn Hải Dương (nay thuộc thôn An Biên, xã Thuỷ An, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh).

Khi lớn lên, bà là người có nhan sắc, giỏi võ nghệ lại có tài thơ phú nên tiếng đồn đến tai Thái thú nhà Hán là Tô Định. Tô Định toan lấy bà làm thiếp nhưng bị cha mẹ bà cự tuyệt. Vì thế, họ đã bị Thái thú Tô Định sát hại. Do đó, bà phải rời bỏ quê theo đường sông xuôi xuống phía Nam, đến vùng An Dương, cửa sông Cấm. Thấy địa hình, đất đai thuận lợi, bà dừng lại lập trại khai phá, phát triển nghề trồng dâu, nuôi tằm và đánh bắt thủy hải sản, tạo nên một vùng đất trù phú. Nhớ cội nguồn, bà đặt tên vùng này là An Biên trang.

Cùng với phát triển sản xuất, bà còn chiêu mộ trai tráng để luyện binh. Binh sĩ của bà có sở trường về thủy trận. Năm 40, Hai Bà Trưng dấy binh khởi nghĩa, bà đã gia nhập quân khởi nghĩa do Hai Bà Trưng lãnh đạo. Trong các trận đánh, bà thường được cử làm nữ tướng quân tiên phong, lập nhiều chiến công. Khởi nghĩa thành công, bà được Trưng Vương phong là Thánh Chân công chúa, giữ chức Chưởng quản binh quyền, đứng ra tổ chức, luyện tập quân sĩ, tăng gia sản xuất.

Được phép của Trưng Vương, bà đem quân trở về vùng đất An Biên trang, mở thêm trại, ấp, khai khẩn đất hoang dọc ven sông Tam Bạc thành đồng ruộng cấy lúa, trồng dâu xanh tốt. Chỉ trong thời gian ngắn, ở vùng đất này, dân cư đã đông đúc, kinh tế phát triển.

Năm 43, tướng nhà Hán là Mã Viện đưa quân sang xâm lược nước ta. Đội quân thường trực phòng thủ ven biển Đông Bắc do bà chỉ huy đã ra quân kịp thời chặn đánh quyết liệt đoàn thuyền binh đông đảo của giặc ngay từ cửa sông Bạch Đằng.

Suốt dọc sông Bạch Đằng, Đá Bạc, Lê Chân cho dựng chướng ngại vật trên sông, dùng những chiếc thuyền chiến nhỏ, nhẹ, dễ cơ động tập kích vào mạn sườn đoàn thuyền to lớn, nặng nề của giặc, làm chúng tổn thất không ít. Song do quá chênh lệch về lực lượng, trang bị, vũ khí so với địch nên bà phải lui quân.

Theo đường sông Bạch Đằng - Kinh Thầy - sông Đuống, thủy quân của bà tập kết về vùng Hồ Tây, Hoàng Mai (nay thuộc Hà Nội) bên bờ hữu sông Hồng. Tại đây, bà gấp rút củng cố lực lượng, tuyển thêm binh sĩ, đóng thêm thuyền chiến, sẵn sàng đánh địch.

Nhưng do giặc quá mạnh, quân Hai Bà Trưng chống cự không nổi phải lui về Cấm Khê (Hà Nội). Để giữ khí tiết, Hai Bà đã tự vẫn. Trước tình hình đó, bà đem quân về lập căn cứ địa ở Lạt Sơn (nay thuộc huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam) nhằm chờ thời cơ khôi phục cơ đồ. Căn cứ vừa hình thành chưa được bao lâu thì Mã Viện đem lực lượng lớn tới tấn công, nghĩa quân chống trả quyết liệt nhưng không bảo toàn được lực lượng. Cuối cùng, bà đã lên núi Giát Dâu gieo mình tự vẫn quyết không sa vào tay giặc. Năm ấy bà vừa 23 tuổi.

Các vua đời sau cũng có chiếu phong bà là Thượng đẳng Phúc thần công chúa. Để nhớ công ơn khai khẩn của bà, Hải Phòng đặt tên một quận mang tên bà và dựng tượng bà tại gần trung tâm thành phố; đồng thời, tên của bà được đặt tên cho giải thưởng "Nữ tướng Lê Chân" để trao cho những phụ nữ có thành tích xuất sắc của thành phố Hải Phòng. Tên của bà được đặt tên công trình công cộng ở nhiều tỉnh, thành trên cả nước.

Đường Lê Chân có điểm đầu tại Số 1 Lê Chân; điểm cuối tại số 131 Lê Chân; chiều dài: 2,0 km; chiều rộng: 4,0 m.

29. Đường Lê Đại Hành

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Lê Đại Hành).

Tiểu sử danh nhân:

LÊ ĐẠI HÀNH

(941 – 1005)

Lê Đại Hành tên thật là Lê Hoàn, sinh năm 941, quê Ái Châu (nay là tỉnh Thanh Hóa).

Ông là người trí dũng nên được sứ quân Đinh Bộ Lĩnh tin tưởng, giao cho trông coi hàng ngàn binh sĩ. Năm 968, sau khi dẹp loạn 12 sứ quân, Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi Hoàng đế, xưng đế hiệu là Đinh Tiên Hoàng, bắt đầu xây dựng nhà nước Đại Cồ Việt. Vua Đinh Tiên Hoàng phong cho ông chức Thập đạo tướng quân, Điện tiền đô chỉ huy sứ, cai quản quân đội của Đại Cồ Việt, trực tiếp chỉ huy đội quân cấm vệ của triều đình. Tháng 10/979, vua Đinh Tiên Hoàng bị viên quan hầu Đỗ Thích giết hại, triều đình tôn Vệ vương Đinh Toàn mới 6 tuổi lên ngôi vua. Lê Hoàn làm Nhiếp chính trong một tình thế đầy khó khăn.

Đầu năm 981, vua Tống (Trung Quốc) phát quân xâm lược Đại Cồ Việt, đường bộ đi theo ngả Lạng Sơn, đường thủy thì tiến vào sông Bạch Đằng. Trước khi bước vào cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược, Thái hậu Dương Vân Nga cùng triều thần đã đồng lòng tôn Lê Hoàn lên ngôi vua, chính danh chỉ huy quân dân ta chống giặc ngoại xâm.

Nghe tin quân giặc đến sông Bạch Đằng, ông tự làm tướng, sai quân cắm cọc nhọn trên sông, chờ thủy triều lên đem thuyền ra dụ địch. Khi thủy triều xuống, quân ta quay thuyền chặn đánh quyết liệt khiến cho thủy quân Tống bị thất bại thảm hại. Trên đường bộ, tướng giặc là Tôn Toàn Hưng dừng quân chần chừ không dám tiến. Hầu Nhân Bảo dẫn quân tiến theo sông Thương, kéo đến Chi Lăng. Tại đây, ông chỉ huy phục binh đổ ra đánh dữ dội, tiêu diệt quá nửa quân Tống. Hầu Nhân Bảo bị chết trận. Quân giặc hoảng loạn, vội vàng rút chạy về nước. Vua Tống Thái Tông buộc phải ra lệnh rút quân, từ bỏ dã tâm xâm lược Đại Cồ Việt. Chiến công đó mãi mãi là niềm tự hào trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc ta. Sau đó, ông còn chỉ huy quân dân Đại Cồ Việt đánh bại các cuộc xâm phạm biên giới phía Nam của quân Champa.

Năm 1005, ông mất. Những chiến công của quân dân ta dưới sự lãnh đạo của ông mãi mãi là niềm tự hào trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc ta; bảo vệ vững chắc nền nền độc lập dân tộc.

Về danh xưng "Lê Đại Hành" thì chữ "đại hành" vốn dùng cho đế, hậu sau khi qua đời mà chưa đưa vào lăng tẩm; vì chưa có miếu hiệu, thụy hiệu nên tạm gọi là "đại hành hoàng đế", "đại hành hoàng hậu". Lê Hoàn qua đời, con là Lê Long Đĩnh nối ngôi nhưng không đặt thụy hiệu cho cha. Từ đó, chữ "đại hành" vốn là thụy hiệu tạm thời lại được dùng vĩnh viễn cho đến ngày nay.

Đường Lê Đại Hành có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn Huệ; điểm cuối: giao với đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa; chiều dài: 0,660 km; chiều rộng: 6,0 m.

30. Đường Lê Lợi

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Lê Lợi).

Tiểu sử danh nhân:

LÊ LỢI

(1385 – 1433)

Lê Lợi sinh năm 1385 tại làng Lam Giang hay Lam Sơn, huyện Lương Giang, phủ Thanh Hóa (nay là thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa) xuất thân trong một gia đình hào trưởng giàu có.

Trước ách thống trị tàn bạo của nhà Minh (Trung Quốc) trên đất nước ta, năm 1416, ông cùng với 18 người bạn tâm giao, cùng chí hướng tham gia hội thề Lũng Nhai (Lam Sơn, Thanh Hóa) nguyện đánh quân Minh cứu nước. Hay tin ông dựng cờ nghĩa, anh hùng hào kiệt từ bốn phương kéo về đất Lam Sơn tụ nghĩa. Sau một thời gian chuẩn bị, đầu năm 1418, ông xưng là Bình Định Vương phát động cuộc khởi nghĩa Lam Sơn và truyền hịch đi khắp nơi, kêu gọi nhân dân đứng lên đánh giặc cứu nước. Ông là linh hồn và là lãnh tụ tối cao của cuộc khởi nghĩa.

Trong suốt 10 năm đấu tranh gian khổ, tuy phải nếm mật nằm gai, nhiều lần bị địch bao vây, thiếu thốn lương thực; nhưng ông đã tổ chức xây dựng lực lượng, tổ chức nhiều trận đánh lớn, cuối cùng đã đánh thắng giặc Minh xâm lược, buộc chúng phải cầu hòa, rút quân về nước. Năm 1427, cuộc khởi nghĩa Lam Sơn toàn thắng. Nếu Ngô Quyền với chiến thắng trên sông Bạch Đằng năm 938 đã chấm dứt thời kỳ 1.000 năm mất nước, mở ra thời kỳ độc lập mới của dân tộc thì Lê Lợi với sự thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn đã kết thúc 20 năm thống trị của giặc Minh, khôi phục nền độc lập lâu dài cho Tổ quốc, mở ra một kỷ nguyên mới trong việc xây dựng và phát triển của đất nước.

Năm 1428, ông lên ngôi vua với đế hiệu là Lê Thái Tổ, tiến hành xây dựng lại đất nước, chăm lo phục hồi phát triển kinh tế, văn hóa, mở mang giáo dục, củng cố nền độc lập của dân tộc.

Năm 1433, ông qua đời và được an táng tại Vĩnh Lăng (Lam Sơn). Văn bia tại mộ ông do Nguyễn Trãi viết đã ghi lại công lao và sự nghiệp của Lê Lợi - vị vua khai sáng của triều đại nhà Lê, vị Anh hùng dân tộc Việt Nam. Tên ông được đặt tên đường, tên trường học ở nhiều tỉnh thành trên cả nước.

Đường Lê Lợi có điểm đầu: giáp với đường 30 tháng 4; điểm cuối: giao với đường Nguyễn Tri Phương; chiều dài: 1,17 km; chiều rộng: 10 m.

31. Đường Lê Thị Hồng Gấm

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Lê Thị Hồng Gấm).

Tiểu sử danh nhân:

LÊ THỊ HỒNG GẤM

(1951 – 1970)

Lê Thị Hồng Gấm sinh năm 1951 tại làng Long Hưng, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân.

Tháng 12-1967, bà tham gia cách mạng, làm giao liên xã. Đây là công tác vô cùng khó khăn, nguy hiểm; bởi vì, xã Long Hưng nằm cận kề với căn cứ Đồng Tâm của sư đoàn 9 Mỹ, địch thường xuyên đánh phá hết sức ác liệt.

Năm 1968, địch tăng cường lực lượng, điên cuồng phản kích nhằm đẩy quân giải phóng và du kích ra khỏi địa bàn đứng chân. Tình hình trở nên rất căng thẳng. Tuy vậy, bà vẫn dũng cảm bám chặt địa bàn và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Bất kể bom pháo và địch càn quét hay phục kích; hàng ngày, bà như "con thoi" chuyển công văn, chỉ thị đến các nơi tuyệt đối an toàn. Có lúc cao điểm, mỗi ngày, bà đi từ 7 đến 10 chuyến. Nhiều khi gặp địch kiểm soát gắt gao, bà giả dạng dân thường, bình tĩnh, mưu trí, vượt qua.

Tháng 12-1968, bà được cấp trên chỉ định làm Xã đội phó xã Long Hưng. Bà đã cùng với Ban Chỉ huy Xã đội chỉ huy đội du kích xã đánh 49 trận, diệt và làm bị thương 217 lính địch (trong đó có 22 lính Mỹ). Tháng 8-1969, bà là Trung đội phó du kích vành đai liên xã. Ở cương vị mới, bà đã phối hợp với các Xã đội, Xã đoàn xây dựng được 5 trung đội dân quân tự vệ, 5 tổ du kích xã của các xã thuộc Mặt trận vành đai diệt Mỹ Bình Đức. Tính đến tháng 3-1970, bà cùng đồng đội trực tiếp chiến đấu trên 10 trận, diệt 63 lính địch, bắn rơi 01 máy bay trực thăng.

Ngày 18-4-1970, bà cùng 2 đồng đội đi công tác. Khi ra đến cánh đồng, cả 3 bị 2 chiếc máy bay trực thăng của địch phát hiện. Từ trên máy bay, địch vừa bắn uy hiếp, vừa

gọi hàng. Thế nhưng, bà vẫn bình tỉnh và dũng cảm bắn trả nhằm thu hút hỏa lực của địch về phía mình, tạo điều kiện cho đồng đội chạy thoát. Sau một lúc chiến đấu, bà bắn rơi một chiếc trực thăng; chiếc còn lại nã đại liên dữ dội về nơi người nữ du kích kiên cường đang ẩn nấp và bay ra xa đổ quân bao vây. Mặc dù quân địch rất đông và bản thân lại bị thương nặng, song bà không hề nao núng, dựa vào bờ ruộng đánh bật các đợt xung phong của bọn chúng, tiêu diệt thêm một số lính địch. Cuối cùng, khẩu súng của bà hết đạn. Quyết không để vũ khí lọt vào tay địch, bà lấy hết sức mình đập gãy khẩu carbine. Một loạt đạn từ phía quân địch vang lên; và bà đã anh dũng hy sinh.

Bà được tặng thưởng 3 bằng Dũng sĩ diệt Mỹ, 1 bằng Dũng sĩ diệt máy bay,1 Huân chương Chiến công hạng II, 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng Nhì. Ngày 20-9-1971, bà được Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam truy tặng Huân chương Quân công giải phóng hạng Ba và danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng.

Tấm gương chiến đấu kiên cường, dũng cảm, bất khuất của bà là nguồn cảm hứng để nhạc sĩ Phạm Tuyên sáng tác ca khúc *Những cánh chim Hồng Gấm*. Xưởng phim tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh đã sản xuất bộ phim truyện có tựa đề *Lê Thị Hồng Gấm* của hai nhà biên kịch Võ Trần Nhã và Lê Văn Duy nhằm ca ngợi cuộc đời chiến đấu oanh liệt của bà. Tên bà được đặt tên cho một đại đội nữ chiến sĩ quân giải phóng - đại đội nữ Lê Thị Hồng Gấm - được thành lập ngày 22-2-1972 tại dốc Ba Hầm thuộc ranh giới huyện Ba Tơ và huyện Đức Phổ (tỉnh Quảng Ngãi). Đây là đại đội nữ quân giải phóng đầu tiên thành lập ở miền Nam trong thời kỳ chống giặc ngoại xâm. Sau năm 1975, tên bà được đặt tên trường học, tên đường ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang và nhiều địa phương khác tên cả nước.

Đường Lê Thị Hồng Gấm có điểm đầu: giáp với đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa và đường 30 tháng 4; điểm cuối: giáp cầu Bình Đức; chiều dài: 2,5 km; chiều rộng: 8,0 m.

32. Đường Lê Thị Phỉ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Lê Thị Phỉ).

Tiểu sử danh nhân:

LÊ THỊ PHỈ

(1907 – 1954)

Lê Thị Phỉ, nghệ danh là Năm Phỉ, sinh năm 1907 tại làng Điều Hòa, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho (nay thuộc các Phường 1, 2, 3, 4, 7, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình trí thức. Bà có các anh chị em là những nghệ sĩ cải lương nổi tiếng, như Ba Danh, Nghệ sĩ Nhân dân Bảy Nam, Chín Bia, Mười Truyền và là dì ruột của Nghệ sĩ Nhân dân Kim Cương.

Ngay từ nhỏ, bà đã có giọng ca thiên bẩm. Người đầu tiên phát hiện ra bà là một thợ bạc ở cùng dãy phố với nhà của bà. Do đam mê nghệ thuật cải lương, nên năm 1920,

người thợ bạc đó đã vận động giới thợ bạc ở Mỹ Tho đóng góp tiền bạc thành lập gánh hát Nam Đồng Ban. Đào chánh của gánh là Năm Phỉ; và sự nghiệp cải lương của bà bắt đầu từ đó.

Năm 1921, gánh Nam Đồng Ban phải giải tán vì kép chánh Hai Giỏi (con trai của người thợ bạc lập gánh) bị bệnh mất; cho nên , bà cộng tác với gánh Tái Đồng Ban của bà Tư Sự. Năm 1926, gánh này giải thể, bà đi hát cho gánh Văn Hý Ban của ông Huỳnh Văn Vui; và tiếp đến là gánh Phước Cương với vai trò đào chánh.

Năm 1931, gánh Phước Cương mang vở "Xử án Bàng Quý Phi" sang Pháp trình diễn. Trong vai Bàng Quý Phi, bà được công chúng ở Pháp, nhất là bà con Việt kiều tán thưởng nồng nhiệt. Với vai này, bà đã được trao tặng 4 huy chương, nhận được 186 bức thư và 1009 tấm danh thiếp của khán giả mến mộ, 167 kiểu ảnh, 42 bài báo ca ngợi và 230.000 đồng tiền thù lao (trị giá hàng trăm lượng vàng). Riêng ở trong nước, báo *Phụ nữ tân văn* số 91 ngày 6 - 7 - 1931 trong bài *Đem chuông đi đánh nước người* viết: "Quả là cô Năm Phỉ đã không làm hổ danh nước Việt Nam".

Vinh dự đó, như bà phát biểu, không chỉ thuộc về cá nhân bà, mà còn là vinh dự của nghệ thuật cải lương và của đất nước. Từ khi xuất hiện nghệ thuật cải lương (1918) đến khi bà còn chói sáng trên bầu trời sân khấu cải lương thì chưa có vở diễn nào đạt nhiều kỷ lục như vở *Xử án Bàng Quý Phi*. Vai diễn Bàng Quý Phi của bà đã trở thành huyền thoại nên sau này những diễn viên khác đóng vai Bàng Quý Phi thì khán giả không còn cảm giác "hỉ, nộ, ái, ố" như trước.

Ngoài ra, bà còn nổi tiếng với vai Lan trong vở *Lan và Điệp* của soạn giả Trần Hữu Trang. Đây là một thành công rực rỡ khác của bà. Vai Lan do bà đóng, theo những soạn giả và nghệ sĩ cải lương lão thành, thì không có một nghệ sĩ nào vượt qua nổi, dù sau đó, xuất hiện nhiều tài danh sân khấu cải lương. Thậm chí, có nhiều ký giả kịch trường đoan quyết rằng, vai Lan là vai diễn độc quyền của bà. Bà diễn vai này thành công đến độ thân mẫu của bà, dù đã xem vở "Lan và Điệp" rất nhiều lần, nhưng mỗi khi xem lại thì bà cụ đều xúc động, khóc nức nở.

Sở dĩ bà đạt được kỳ tích ấy, ngoài yếu bố thiên bẩm, còn là do sự trau dồi, rèn dũa không ngừng nghề nghiệp của mình vì công chúng, vì nghệ thuật. Bà thường nói: "Hễ bước ra sân khấu thì phải hát hết mình, sống trọn vẹn với vai tuồng của nhân vật mà mình thể hiện; phải hát cho thật hay, chứ không phải làm điệu bộ huê dạng để làm đẹp, để mua tiếng vỗ tay của khán giả".

Năm 1954, bà bị bệnh mất. Một nghệ sĩ được xem là Đệ nhất tài hoa cải lương với nhiều vai diễn xuất sắc đã không còn nữa, để lại cho giới nghệ sĩ và quần chúng hâm mộ niềm tiếc thương vô hạn. Tên bà được đặt tên đường ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đường Lê Thị Phỉ có điểm đầu: giáp với đường Trưng Trắc; điểm cuối: giao với đường Lê Lợi; chiều dài: 0,140 km; chiều rộng: 8,0 m.

33. Đường Lê Văn Duyệt

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Lê Văn Duyệt).

Tiểu sử danh nhân:

LÊ VĂN DUYỆT

(1763 – 1832)

Lê Văn Duyệt sinh năm 1763 tại thôn Long Hưng, huyện Kiến Hưng, đạo Trường Đồn (nay là xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang).

Năm 1780, ông theo phò chúa Nguyễn Phúc Ánh, được phong chức Cai cơ. Trong hai năm 1784 và 1785, ông hộ giá Nguyễn Phúc Ánh sang Xiêm (Thái Lan) lánh nạn. Năm 1788, ông là người góp công lớn trong việc giúp Nguyễn Phúc Ánh chiếm được đất Gia Định. Năm 1800, ông chỉ huy quân chúa Nguyễn đánh chiếm cửa Thị Nại và thành Quy Nhơn (Bình Định).

Năm 1802, ông được vua Gia Long (tức Nguyễn Phúc Ánh) phong Khâm sai Chưởng tả quân dinh Bình Tây tướng quân, tước Quận công. Sau đó, ông cùng với Trung quân Nguyễn Văn Thành và Hậu quân Lê Chất được lệnh mang quân bình định miền Bắc; rồi lãnh chức Kinh lược sứ Thanh - Nghệ.

Năm 1813, ông được vua Gia Long cử làm Tổng trấn Gia Định thành, trông coi mọi việc ở vùng đất Nam Bộ, gồm năm trấn Biên Hòa, Gia Định, Định Tường, Vĩnh Long và Hà Tiên. Năm 1815, ông được triệu về Kinh. Năm 1820, ông được vua Minh Mạng cử làm Tổng trấn Gia Định thành lần thứ 2; và tại vị cho đến lúc mất vào năm 1832, thọ 69 tuổi.

Trong thời gian trấn nhậm Nam Bộ, ông có công lao to lớn trên các phương diện: giữ vững an ninh vùng biên giới tây nam của đất nước; tổ chức đào kênh Vĩnh Tế - một con kênh có giá trị về nhiều mặt ở miền tây Nam Bộ; khuyến khích dân chúng đẩy mạnh việc khẩn hoang để mở mang diện tích ruộng đất canh tác nông nghiệp; biết trọng dụng nhân tài; kiên quyết trừng trị bọn tham quan ô lại; có chính sách hợp lý đối với Thiên chúa giáo; mở cửa, thông thương với bên ngoài, nhất là đối với một số nước phương Tây; có chính sách đối ngoại khôn khéo, vừa mềm dẻo, vừa cương quyết,…

Ông là một đại công thần của triều Nguyễn. Cựu Thủ tướng Võ Văn Kiệt, trong buổi "Tọa đàm về nhân vật Lê Văn Duyệt" được tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 7-8-2000, đã có nhận xét: "Lê Văn Duyệt là một tài năng lớn về chính trị, kinh tế và quân sự" (Trích từ tạp chí Xưa và Nay số 78B/8-2000).

Năm 1833, người con nuôi của ông là Lê Văn Khôi đã khởi binh chống lại triều đình. Hai năm sau, cuộc khởi binh bị đàn áp đẫm máu. Vốn có tỵ hiềm với ông, vua Minh Mạng ra lệnh san bằng phần mộ của ông và dựng lên đó tấm bia có ghi tám chữ: "Quyền yêm Lê Văn Duyệt phục pháp xứ" (Đây là nơi tên yêm hoạn Lê Văn Duyệt chịu phép nước). Nỗi oan khuất của ông mãi đến năm 1848 mới được vua Tự Đức giải tỏa.

Hiện nay, lăng mộ của ông - mà nhân dân quen gọi là Lăng Thượng công, Lăng Đức Tả quân hay Lăng Ông Bà Chiểu - tọa lạc tại vùng Bà Chiểu, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Hằng năm, đến ngày giỗ kỵ của ông (30 tháng 7 âm lịch), nhân dân thường đến đây lễ bái rất đông. Ở Long Hưng (Châu Thành, Tiền Giang) cũng có phần mộ của ông và được nhân dân quanh năm hương khói. Tên ông được đặt tên đường ở nhiều địa phương trên cả nước.

Đường Lê Văn Duyệt có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn Huệ; điểm cuối: giao với đường Trương Định; chiều dài: 0,160 km; chiều rộng: 8,0 m.

34. Đường Lê Văn Nghề

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Lê Văn Nghề).

Tiểu sử danh nhân:

LÊ VĂN NGHỀ

(1946 – 1968)

Lê Văn Nghề, bí danh Năm Lăng, sinh năm 1946 tại làng Mỹ Phong, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang).

Vốn là một thợ may rất giỏi, năm 1963, khi mới 17 tuổi, ông giác ngộ cách mạng và lên Sài Gòn. Tại đây, bằng vỏ bọc là thợ may của tiệm may Tiến Đạt Phương trên đường Trương Minh Giảng, Quận 3 (nay là đường Trần Quốc Thảo), ông là thanh viên của Đội võ trang tuyên truyền thuộc Khu Đoàn Sài Gòn - Gia Định.

Thuộc thành phần công nhân trong Đội võ trang tuyên truyền, ông được giao phụ trách xây dựng cơ sở, lực lượng trong giới học sinh, nhất là các trường trung học, để tuyên truyền cách mạng. Ông đã tham gia nhiều trận đánh diệt ác ôn và nhiều cuộc tuyên truyền, phô trương thanh thế cách mạng ngay giữa trung tâm Sài Gòn. Có thể nói, ông chính là một trong những người "phát quang, dọn đường" để học sinh Sài Gòn giác ngộ cách mạng, tạo tiền đề cho những cuộc đấu tranh, xuống đường rực lửa chống Mỹ và xhi1nh quyền Sài Gòn. Cũng từ đây, ông đã giới thiệu và xây dựng nhiều cá nhân xuất sắc cho tổ chức.

Những trận đánh và những cuộc tuyên truyền của ông được thực hiện trong điều kiện vũ khí và phương tiện hỗ trợ hết sức khó khăn. Chỉ có súng Colt 45, di chuyển bằng xe đạp và không có nhiều sự yểm trợ của đồng đội. Điều đặc biệt hơn, những trận đánh đó đều diễn ra một cách công khai giữa nội đô Sài Gòn, ngay trước mắt quân thù. Đây chính là điểm mấu chốt khiến các trận đánh và tuyên truyền này gây được tiếng vang lớn, nâng cao thanh thế của cách mạng, góp phần thúc đẩy phong trào học sinh và quần chúng ủng hộ cách mạng ở Sài Gòn.

Từ năm 1964 đến năm 1968, ông đã thực hiện nhiều trận đánh và những cuộc tuyên truyền, phô trương thanh thế cách mạng ngay giữa nội đô, làm nức lòng quần chúng,

khiến địch phải hoảng vía. Trong thời gian này, ông đã trực tiếp thực hiện bốn trận đánh, diệt bốn tên mật vụ, ác ôn vốn những kẻ đã chỉ điểm, phá hoại phong trào học sinh. Những trận đánh này không chỉ làm các tên ác ôn hoảng sợ mà còn cất lên tiếng nói mạnh mẽ của phong trào trong những buổi đầu tiên. Học sinh Sài Gòn bị bớt thế kềm kẹp và được tiếp thêm động lực rất lớn để đấu tranh.

Dấu ấn lớn trong thời gian hoạt động cách mạng của ông là đã thực hiện nhiều cuộc tuyên truyền, phô trương khí thế của các mạng trong học sinh và quần chúng. Được giao nhiệm vụ phụ trách địa bàn Tân Định, cùng với các đồng chí của mình, ông đã thực hiện những cuộc tuyên truyền tại rất nhiều trường trung học tư thục như Tân Thạnh, Việt Nam Học Đường, Huỳnh Khương Ninh, Huỳnh Thị Ngà, Văn Hiến,… Bằng phương thức vào trực tiếp các trường trong giờ dạy và học, ông và các đồng đội đã bình tĩnh, mưu trí thực hiện những cuộc tuyên truyền, vận động học sinh ủng hộ, tham gia cách mạng, thậm chí bày cả phương pháp tháo lắp súng ngay tại lớp học cho học sinh mà địch không kịp trở tay.

Không chỉ tại trường học, ông còn tham gia tuyên truyền tại nhiều khu dân cư giữa nội thành. Một trong những lần tiêu biểu nhất là bất ngờ có mặt ở khu vực Cống Bà Xếp (khu vực đường Nguyễn Thông ngày nay) tuyên truyền về cách mạng và bắt cả hai tên cảnh sát khi chúng có mặt ở đây.

Những lần tuyên truyền công khai đó đã làm cho hình ảnh cách mạng đi sâu vào lòng học sinh Sài Gòn. Từ chỗ còn ít nhiều hồ nghi vì luận điệu xuyên tạc của địch, học sinh Sài Gòn đã đặt niềm tin lớn vào cách mạng, nhiều bộ phận học sinh từ đó đã theo cách mạng, bổ sung một lực lượng đáng kể vào cuộc đấu tranh của dân tộc. Những đợt tuyên truyền này đã làm cho địch cay cú nhưng rất hoang mang và không kiểm soát nổi tinh thần đấu tranh của phong trào học sinh nói riêng và người dân Sài Gòn nói chung.

Vai trò "dọn đường, phát quang", diệt ác, phá kềm cho phong trào học sinh Sài Gòn giai đoạn 1963 - 1968 của ông là cực kỳ to lớn. Với những năm tháng hoạt động này đồng chí đã mưu trí, dũng cảm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ gầy dựng cơ sở cách mạng, đưa ý chí cách mạng đi sâu vào một bộ phận học sinh và quần chúng Sài Gòn, phô trương thanh thế cách mạng và làm địch lung lạc tinh thần của địch. Đây chính là tiền đề để phong trào học sinh Sài Gòn lớn mạnh, góp công sức vào cuộc đấu tranh chống Mỹ - Ngụy của cả dân tộc.

Tháng 5 - 1968, trong đợt 2 của cuộc tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968, ông đã hy sinh anh dũng khi bị địch bao vây. Trận đánh đó ông đã dùng hỏa lực cản lực lượng của địch để hai đồng đội là Mười Thu (Nguyễn Thị Cúc) và Tư Yến (Võ Anh Khanh) rút lui an toàn.

Ngày 27-4-2012, ông được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Tên ông được đặt tên đường và tên trường tiểu học - trung học cơ sở ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đường Lê Văn Nghề có điểm đầu: giáp với Đường tỉnh 879; điểm cuối: giao với Cầu Thạnh Trị; chiều dài: 0,950 km; chiều rộng: 3,5 m.

35. Đường Lê Văn Phẩm

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Lê Văn Phẩm).

Tiểu sử danh nhân:

LÊ VĂN PHẨM

(1922 – 1990)

Lê Văn Phẩm, bí danh Chín Hải, sinh năm 1922 tại làng Mỹ Phước Tây, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Mỹ Phước Tây, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân có truyền thống yêu nước.

Ông sớm giác ngộ cách mạng, đi giao liên, rải truyền đơn và tham gia cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ (tháng 11-1940) ở quê nhà. Cuộc khởi nghĩa bị thực dân Pháp đàn áp dã man, ông di chuyển đến Mộc Hoá (nay thuộc tỉnh Long An) lao động sinh sống. Sau đó, ông trở về xã Mỹ Phước Tây tiếp tục hoạt động cách mạng. Tháng 3-1945, ông vinh dự được đứng vào hàng ngũ Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam) và được cấp trên tin tưởng cử làm Trung đội trưởng kiêm Chính trị viên trung đội du kích xã Mỹ Phước Tây.

Tháng 8-1945, ông chỉ huy trung đội du kích tham gia khởi nghĩa giành chính quyền ở xã Mỹ Phước Tây nói riêng và huyện Cai Lậy nói chung. Khi thực dân Pháp quay trở lại xâm lược Nam Bộ (23-9-1945), ông bám trụ tại xã nhà, tiếp tục xây dựng cơ sở cách mạng, phát động phong trào nhân dân tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Tháng 11-1946, ông được đề bạt làm Phó bí thư chi bộ xã Mỹ Phước Tây. Táng 3-1947, được chỉ định làm Bí thư Chi bộ xã Mỹ Phước Tây kiêm Phó Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính xã và Chính trị viên Xã đội. Bằng sự năng nỗ, nhiệt tình, ông đã góp công to lớn trong việc đẩy mạnh phong trào kháng chiến của xã nhà ngày càng phát triển vững chắc. Năm 1953, ông là một trong hai đồng chí Bí thư xã được bầu vào Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Cai Lậy, phụ trách liên xã 3, gồm 6 xã là Tân Phú, Tân Bình, Mỹ Hạnh Trung, Mỹ Hạnh Đông, Mỹ Phước Tây, Hội Mỹ (Tân Hội và Nhị Mỹ).

Sau khi Hiệp định Genève được ký kết (1954), ông được phân công ở lại miền Nam, phụ trách xây dựng cơ sở cách mạng ở huyện Cai Lậy. Tháng 10-1955, ông được đề cử vào Thường vụ Huyện ủy Cai Lậy, phụ trách công tác binh vận. Tháng 7-1957, ông được Tỉnh ủy Mỹ Tho cử làm Phó Bí thư Huyện ủy Châu Thành. Tháng 8-1957, ông làm Bí thư Huyện ủy Châu Thành. Tháng 3-1959, ông được cử vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Mỹ Tho. Mặc dù phong trào cách mạng trong thời kỳ này gặp khó khăn nghiêm trọng, cơ sở Đảng bị vỡ lỡ, một số cán bộ, theo sự phân công của tổ chức, phải đi "điều lắng"; nhưng ông vẫn kiên cường bám trụ, cùng với Huyện ủy lãnh đạo nhân dân tiến hành đấu tranh chính trị, nhằm bảo vệ Đảng, cán bộ cách mạng trước sự đánh phá khốc

liệt của địch, đòi các quyền dân sinh dân chủ, chống âm mưu chia cắt đất nước, khủng bố, đàn áp của địch,… Bên cạnh đó, ông còn ra sức xây dựng lực lượng vũ trang ở địa phương để làm đòn bẩy cho phong trào tiến lên.

Tháng 3-1960, ông được phân công phụ trách hai Huyện ủy Gò Công và Hoà Đồng (nay là các huyện Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phú Đông và thị xã Gò Công), trực tiếp làm Trưởng ban Cán sự Đảng huyện Hoà Đồng. Tại đây, ông đã góp phần quan trọng trong việc lãnh đạo, chỉ đạo phong trào cách mạng ở huyện Hòa Đồng phát triển mạnh mẽ. Tính đến cuối năm 1961, ở huyện Hòa Đồng, ta đã giải phóng hoàn toàn 3 xã (Long Hựu, Thành Công, Bình Long), làm chủ 3 xã (Bình Phú Đông, Tân Thới, Bình Thạnh Đông). Do đó, tại Hội nghị tổng kết phong trào du kích chiến tranh toàn tỉnh Mỹ Tho được tổ chức cuối năm 1961, huyện Hòa Đồng được đánh giá là địa phương có phong trào du kích chiến tranh phát triển mạnh. Năm 1962, lực lượng cách mạng huyện Hòa Đồng vẫn làm chủ tình hình, du kích các xã vẫn tiếp tục bao vây đồn bót, tổ chức những trận đánh phục kích táo bạo, bộ đội, du kích và nhân dân phối hợp chặt chẽ chống phá mưu đồ gom dân, lập ấp chiến lược của địch.

Tháng 10-1962, ông được Tỉnh ủy bổ sung vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy Mỹ Tho, phụ trách an ninh, kiêm Chính trị viên phó Tỉnh đội. Ở cương vị này, ông đã góp phần làm cho lực lượng vũ trang của tỉnh nhà, với ba thứ quân bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích, có sự tiến triển vượt bậc cả về số lượng lẫn chất lượng, nhất là phong trào du kích chiến tranh có sự phát triển mạnh mẽ.

Cuối năm 1967, ông là Chính trị viên Tỉnh đội Mỹ Tho. Tháng 6-1968, ông được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy Mỹ Tho. Lúc này, tình hình trên chiến trường diễn ra rất căng thẳng. Địch điên cuồng phản kích và tiến hành bình định vùng nông thôn, khiến cho ta gặp nhiều khó khăn. Trước tình hình đó, ông đã cùng với tập thể Tỉnh ủy đề ra những chủ trương và biện pháp đúng đắn, sáng tạo, lãnh đạo và chỉ đạo quân dân tỉnh nhà tiếp tục đẩy mạnh thế chiến lược tiến công, tạo nên những thắng lợi to lớn trên chiến trường. Tháng 6-1971, ông là Khu ủy viên Khu 8, Bí thư Tỉnh ủy Mỹ Tho. Phong trào cách mạng của tỉnh Mỹ Tho trong thời gian này tiếp tục phát triển mạnh mẽ, góp phần cùng với toàn Miền đánh bại chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của Mỹ và chính quyền Sài Gòn, buộc bọn chúng phải ký kết hiệp định Paris năm 1973.

Tháng 2-1974, ông được đề bạt làm Ủy viên Thường vụ Khu ủy Khu 8, trực tiếp chỉ đạo thắng lợi việc mở mãng chuyển vùng Khu vực 3 bao gồm Gò Công - nam Long An và huyện Chợ Gạo trong chiến dịch Mùa khô 1974 - 1975, tạo điều kiện thuận lợi để Quân khu 8 mở cuộc tấn công quyết định vào Sài Gòn từ phía tây nam trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất nước nhà. Giữa tháng 4-1975, trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, ông là Tư lệnh phó Mặt trận Nam Sài Gòn.

Từ năm 1976-1986, ông là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa 4 và Khóa 5, Bí thư Tỉnh ủy Tiền Giang. Là Bí thư Tỉnh ủy, ông đã cùng với tập thể Tỉnh ủy ra sức lãnh đạo, chỉ đạo công tác khắc phục hậu quả chiến tranh, phục hoá, khai hoang, ổn

định chính trị - xã hội, giữ vững an ninh - quốc phòng, phát triển kinh tế, văn hoá - giáo dục, khuyếch trương các ngành nghề, mở mang đường xá, trường học, bệnh xá, cải thiện đời sống nhân dân; trong đó có những công trình mang dấu ấn thế kỷ gắn liền với trí tuệ, tâm huyết, công sức của đồng chí là chương trình vùng lúa năng suất cao, khai hoang Đồng Tháp Mười, dự án ngọt hoá Gò Công, xây dựng tuyến đường xuyên cù lao Lợi Quan (Tân Phú Đông),… Năm 1986, ông nghỉ hưu sau hơn 40 năm hoạt động cách mạng không mệt mõi. Năm 1990, ông lâm trọng bệnh qua đời.

Trong quá trình hoạt động cách mạng, ông được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Kháng chiến chống Pháp hạng Ba, Huân chương Kháng chiến chống Mỹ, cứu nước hạng Nhất, Huân chương Quyết thắng hạng Nhất, Huân chương Lao động quên mình do Chính phủ Liên Xô tặng và nhiều huân, huy chương khác.

Dù ở bất cứ cương vị nào, ông cũng đều gắn bó mật thiết với nhân dân, có nhiều đóng góp quan trọng cho Tiền Giang trong công cuộc giải phóng dân tộc cũng như trong thời bình xây dựng đất nước. Tên ông được đặt tên đường ở thành phố Mỹ Tho; tên đường và tên trường trung học phổ thông ở thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Đường Lê Văn Phẩm có điểm đầu: giáp với đường Lý Thường Kiệt; điểm cuối: giao với đường Nguyễn Thị Thập; chiều dài: 1,4 km; chiều rộng: 12,0 m.

36. Đường Lê Văn Thạnh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Lê Văn Thạnh).

Tiểu sử danh nhân:

LÊ VĂN THẠNH

(1830 – 1899)

Họ và tên chính xác của ông là Đặng Văn Thạnh. Ông sinh năm 1830, người thôn Trà Tân, huyện Kiến Đăng, trấn Định Tường (nay là xã Long Trung, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang), trong một gia đình nhà Nho.

Năm 1855, ông đỗ cử nhân hạng tư tại trường thi Gia Định; nên thường được gọi là Cử Thạnh. Sau đó, ông được triều đình bổ làm Huấn đạo Kiến Hòa, tỉnh Định Tường (nay là tỉnh Tiền Giang). Mấy năm sau, ông lần lượt trải qua các chức vụ Kinh lịch, Thông phán, Tri huyện Phong Thạnh, tỉnh An Giang. Đầu năm 1861, khi thực dân Pháp đánh chiếm ba tỉnh miền Đông Nam kỳ là Gia Định, Định Tường và Biên Hòa, ông chuyển ra làm Tri huyện Tuy Phong, rồi Bố Chính tỉnh Bình Thuận.

Cuối năm 1861, với lòng yêu nước nhiệt thành, ông xin từ quan và tập hợp một số người thân tín theo đường biển đi về Nam tham gia kháng chiến chống giặc ngoại xâm. Nhưng khi đi ngang vùng biển Cần Giờ, ông bị hải quân Pháp bắt.

Biết ông là người nổi tiếng và có ảnh hưởng sâu rộng trong giới quan lại, trí thức yêu nước và nhân dân, giặc Pháp giao ông cho Đỗ Hữu Phương quản thúc để dễ bề mua chuộc, dụ dỗ. Song, ông đã khẳng khái từ chối mọi sự hợp tác với chính quyền thực dân và lên án Đỗ Hữu Phương là kẻ bán nước cầu vinh.

Sau đó, ông trốn thoát khỏi nhà Đỗ Hữu Phương ở Chợ Lớn và đi về Mỹ Tho tìm cách bắt liên lạc với phong trào kháng chiến do Nguyễn Hữu Huân lãnh đạo. Thế nhưng, một lần nữa, ông lại bị địch bắt. Bọn chúng giam lỏng ông ở nhà Trần Bá Lộc ở Cái Bè. Sống trong cảnh "*cá chậu chim lồng*", ông phát sinh tâm bệnh. Do đó, ông được trả về quê nhà. Tại đây, ông dồn hết tâm huyết và trí lực sáng tác thơ văn và câu đối để tỏ rõ khí tiết của mình, châm biếm bọn Việt gian và tố cáo chế độ thực dân Pháp; đồng thời, ông còn mở lớp dạy học nhằm góp phần mở mang dân trí cho địa phương và rèn đúc tinh thần yeu nước cho môn sinh.

Năm 1899, ông lâm trọng bệnh và từ trần. Trước lúc mất, ông sáng tác bài thơ *Khuê oán* để giãi bài tâm sự của mình:

Trương phu vạn lý ngụ sơn khê,

Tứ vọng du du nguyệt ảnh tê.

Nhất nẫm kiều hoành "Thất tịch" thước,

Tam thu lệ vĩnh, ngũ canh khê.

Bá thiên âm tín song tương trở.

Thốn xích công tư, bán bất tề.

Lục hiệp hốt lai, xuân cửu thập,

Nhập song đối thoại, nhị quyên đề.

Bản dịch trong quyển *Địa chí Cai Lậy* (2010):

Trượng phu muôn dặm ngụ sơn khê,

Bốn phía mênh mông bóng nguyệt tây.

Một nhịp cầu ngang, qua Thất tịch,

Ba thu tuôn lệ, gà năm canh.

Bặt tăm tin tức, hai ngăn cách,

Tấc thước công tư, nữa chẳng kề.

Lục hiệp bổng sang, xuân chín chục.

Vào song đối thoại, cặp quyên đề.

Phần mộ của ông tọa lạc tại xã Long Trung, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Ông là một chí sĩ nặng lòng với đất nước và có những đóng góp tích cực cho nền giáo dục cũng

như văn học của nước nhà trong nửa sau thế kỷ XIX. Tên ông được đặt tên đường ở thành phố Mỹ Tho và thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Đường Lê (Đặng) Văn Thạnh có điểm đầu: giáp với đường Phan Hiển Đạo; điểm cuối: giao với đường Nguyễn Tri Phương; chiều dài: 0,250 km; chiều rộng: 6,0 m.

37. Đường Lê Việt Thắng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Lê Việt Thắng).

Tiểu sử danh nhân:

LÊ VIỆT THẮNG

(1921 – 2006)

Lê Văn Nhung, tên thường dùng là Lê Việt Thắng, bí danh Thành, Hai, 204, sinh năm 1921 tại làng Long Hưng, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang).

Năm 1936, ông giác ngộ cách mạng, tham gia phong trào thanh niên tương tế, sau làm Trưởng đoàn Thanh niên tương tế xã Long Hưng. Năm 1940, ông tham gia khởi nghĩa ở xã Long Hưng trong cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ. Tháng 8-1945, ông tham gia khởi nghĩa giành chính quyền tại xã nhà. Sau tháng 8-1945, ông là Thư ký Ủy ban Hành chính xã. Tháng 6-1946, ông vinh dự được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam). Cuối năm 1946 đến 7-1947, ông là Phó Chủ nhiệm Thôn bộ Việt Minh và Bí thư xã. Năm 1947, ông là Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Châu Thành. Năm 1949, ông là Tỉnh ủy viên tỉnh Mỹ Tho. Năm 1954, ông là Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch UBKCHC tỉnh Mỹ Tho.

Sau Hiệp định Genève (7-1954), ông được phân công ở lại miền Nam hoạt động, là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Mỹ Tho. Năm 1957, ông đảm nhận nhiệm vụ Bí thư Tỉnh ủy Mỹ Tho. Lúc này, chính quyền Sài Gòn đẩy mạnh thực hiện chiến dịch "tố cộng, "diệt cộng", tăng cường đánh phá cơ sở Đảng và các tổ chức quần chúng. Vì thế, phong trào cách mạng của nhân dân miền Nam nói chung và nhân dân tỉnh Mỹ Tho nói riêng bị thiệt hại nặng nề. Trước tình hình đó, ông cùng với tập thể Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức học tập quán triệt Nghị quyết Bộ Chính trị, bản đề cương "Đường lối cách mạng miền Nam" và Nghị quyết của Xứ ủy; lãnh đạo quần chúng đấu tranh chống "tố cộng", "diệt cộng", chống bắt lính, chống âm mưu cải cách điền địa của địch; đề ra phương châm: lấy đấu tranh chính trị là chủ yếu nhưng đồng thời phải xây dựng lực lượng vũ trang tuyên truyền để hoạt động hỗ trợ, đẩy mạnh công tác phá kềm; xây dựng, củng cố tổ chức đảng phải tinh gọn, thường xuyên xây dựng lập trường, khí tiết cho cán bộ, đảng viên. Nhờ đó, Đảng bám trụ được và tồn tại trong quần chúng, uy tín và ảnh hưởng của Đảng ngày càng lan rộng trong các tầng lớp nhân dân, đội ngũ cán bộ, đảng viên được sàng lọc trưởng thành, tin tưởng vào thắng lợi, phong trào đấu tranh chính trị của quần

chúng được duy trì và có xu hướng ngày càng phát triển mạnh mẽ; hoạt động vũ trang tuyên truyền bắt đầu được đẩy mạnh.

Năm 1960, với cương vị Bí thư Tỉnh ủy, ông chủ trì các hội nghị của Tỉnh ủy nhằm quán triệt Nghị quyết Trung ương Đảng lần thứ 15, Nghị quyết của Xứ ủy Nam Bộ và Nghị quyết của Khu ủy Khu 8 về việc đẩy mạnh hoạt động vũ trang tuyên truyền hỗ trợ phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng, phát động phong trào "Đồng khởi", kiên quyết đánh đổ chính quyền địch ở cơ sở, làm chủ nông thôn. Từ đó, dưới sự lãnh chỉ đạo của Tỉnh ủy, quân dân Mỹ Tho đã nổi dậy mạnh mẽ, liên tục tiến công địch bằng thế trận chiến tranh nhân dân, góp phần quan trọng vào thắng lợi của phong trào "Đồng khởi" trên toàn miền Nam.

Năm 1961, ông được đề bạt Khu ủy viên Khu 8 (Khu Trung Nam Bộ). Năm 1967, ông là Phó Bí thư Khu ủy Khu 8 kiêm Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cách mạng Khu 8.

Sau ngày giải phóng miền Nam (30-4-1975), ông giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban Quân quản thành phố Mỹ Tho, tập trung vào các công việc, như củng cố chính quyền Nhân dân, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; mở chiến dịch thu gom, truy quét tàn quân và những phần tử chống đối cách mạng, thành lập các tổ an ninh nhân dân; phát động phong trào "nhường cơm, sẻ áo" trong nhân dân nhằm giúp đỡ các gia đình nghèo đói, cơ nhỡ, song song với việc sắp xếp việc làm trong nhân dân; nhanh chóng, khôi phục ổn định hoạt động của một số ngành then chốt như điện lực, cấp thoát nước, thương nghiệp, giáo dục, y tế, giao thông vận tải,….; phát động phong trào khai hoang phục hóa, thủy lợi nội đồng; phát triển kinh tế, ổn định đời sống nhân dân.

Cuối 1975, ông được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy An Giang. Tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV (1976) và lần thứ V (1982), ông được bầu là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy An Giang. Năm 1986, ông được Đảng, Nhà nước cho nghỉ hưu trí. Năm 2006, do tuổi cao sức yếu, ông từ trần. Tên ông được đặt tên đường ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đường Lê Việt Thắng có điểm đầu: giáp với đường Ấp Bắc; điểm cuối: giao với đường Ấp Bắc; chiều dài: 1,450 km; chiều rộng: 3,5 m.

38. Đường Lý Công Uẩn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Lý Công Uẩn).

Tiểu sử danh nhân:

LÝ CÔNG UẨN

(974 – 1028)

Lý Công Uẩn sinh năm 974, người châu Cổ Pháp, lộ Bắc Giang (nay là tỉnh Bắc Ninh).

Từ nhỏ, ông nổi tiếng thông minh và chăm học; lại được sự nuôi dạy của hai nhà trí thức lớn đương thời là Nhà sư Lý Khánh Văn và Thiền sư Đạo Hạnh. Năm 20 tuổi, ông được các nhà sư tiến cử vào triều đình nhà Tiền Lê làm một chức quan võ. Vốn là người có chí lớn, ông ngày càng được tin cậy trong triều, về sau làm tới chức Điện tiền chỉ huy sứ (chỉ huy quân đội) và trở thành trụ cột của nhà Tiền Lê.

Vì vậy, ngay sau khi vua Lê Long Đĩnh mất (1009), do nhận thấy ông là người khoan hoà, nhân thứ và được lòng dân nên triều thần đồng lòng tôn ông lên ngôi vua với đế hiệu là Lý Thái Tổ, thành lập ra triều Lý. Cuộc chuyển giao triều đại từ họ Lê sang họ Lý đã diễn ra một cách hoà bình, êm thấm.

Trong gần 20 năm làm vua (1010 - 1028), ngoài những công lao to lớn đối với đất nước trên phương diện kinh tế, văn hoá, củng cố tư thế độc lập, tự chủ dân tộc, ông đã có một đóng góp nổi bật mang ý nghĩa lịch sử; đó là công cuộc dời đô từ Hoa Lư (Ninh Bình) ra Thăng Long (Hà Nội ngày nay), mở đầu cho một giai đoạn mới có ý nghĩa quyết định với vận mệnh dân tộc và sự phát triển đất nước. Ông mất năm 1028.

Đường Lý Công Uẩn có điểm đầu: giáp với đường Trưng Trắc; điểm cuối: giao với đường Lê Lợi; chiều dài: 0,130 km; chiều rộng: 6,0 m.

39. Đường Lý Thường Kiệt

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Lý Thường Kiệt).

Tiểu sử danh nhân:

LÝ THƯỜNG KIỆT

(1019 – 1105)

Lý Thường Kiệt, tên thật là Ngô Tuấn, tự là Thường Kiệt, sinh năm 1019, quê ở phường Thái Hoà, thành Thăng Long (Hà Nội). Từ nhỏ, ông đã có chí hướng, ham đọc sách, say sưa nghiên cứu binh thư, luyện tập võ nghệ. Ông có tài văn, võ. Năm 23 tuổi, ông được bổ nhiệm làm quan theo hầu vua Lý Thái Tông. Trải qua 3 triều vua: Lý Thái Tông, Lý Thánh Tông, Lý Nhân Tông, ông có nhiều công lao trong việc chống giặc ngoại xâm, góp phần xây dựng đất nước phồn vinh.

Năm 1061, một số tù trưởng ở miền Thanh Hoá, Nghệ An nổi lên quấy rối, chống lại triều đình. Vua Lý Thánh Tông cử ông giữ chức Kinh phòng sứ, sau một thời gian ông đã đem lại trật tự yên vui cho vùng đất này. Vua rất quý ông và ban cho Quốc tính. Từ đó, ông mang họ Lý.

Năm 1072, vua Lý Thánh Tông mất, thái tử Lý Càn Đức lên ngôi kế vị, lúc đó nhà vua mới được 7 tuổi. Vốn sẵn dã tâm xâm lược, giặc phương Bắc xem đây là cơ hội tốt và ráo riết tiến hành mưu đồ tiến đánh nước ta. Khi ấy, Nguyên phi Ỷ Lan buông rèm nhiếp chính, ông với cương vị như Tể tướng nắm toàn quyền cả văn lẫn võ. Gánh vác trách nhiệm lớn và nặng nề với vận mệnh giang sơn xã tắc, ông nhận sứ mệnh thiêng

liêng, trực tiếp tổ chức và lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược. Năm 1075, ông chủ trương tấn công các châu Khâm, Liêm, Ung của nhà Tống (Trung Quốc) để ngăn chặn trước cuộc xâm lược của kẻ địch. Chủ trương ấy đã giành thắng lợi rực rỡ.

Tháng 4/1076, ông rút quân về lập phòng tuyến sông Cầu nhằm ngăn chặn 10 vạn quân Tống do Quách Quỳ chỉ huy tràn sang xâm lược nước ta. Tại khúc sông Như Nguyệt thuộc phòng tuyến này, giữa lúc trận chiến diễn ra vô cùng gay go, quyết liệt, vào một đêm, ông cho người tâm phúc đọc vang bài thơ thần "Nam Quốc Sơn Hà" trong đền thờ Trương Hống, Trương Hát:

"Nam quốc sơn hà Nam đế cư,

Tiệt nhiên định phận tại thiên thư,

Như hà nghịch lỗ, lai xâm phạm,

Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư".

Dịch:

"Sông núi nước Nam, vua Nam ở,

Rành rành đã định tại sách trời,

Cớ sao lũ giặc sang xâm phạm,

Chúng bay sẽ bị đánh tơi bời".

Bài "thơ thần" truyền đi đã có một sức mạnh kỳ lạ, làm nao núng tinh thần quân địch, làm tăng nhuệ khí và sức chiến đấu cho quân ta, trực tiếp góp phần làm xoay chuyển cục diện cuộc chiến, tạo điều kiện cho cuộc phản công chiến lược của quân ta giành thắng lợi quyết định. Bài thơ đã đi vào lịch sử của dân tộc ta như một Bản tuyên ngôn độc lập lần thứ nhất. Sau đó, ông gửi thư cho Quách Quỳ mở đường giảng hòa để giặc giữ thể diện rút lui về nước.

Đối với công cuộc bảo vệ vùng đất biên giới phía Nam của đất nước, ông có những đóng góp to lớn, tham gia hoặc chỉ huy các chiến trận đánh bại các cuộc xâm lấn của quân Champa vào những năm 1069, 1075, 1104.

Năm 1105, ông mất, thọ 86 tuổi, được truy tặng tước Kiểm hiệu Thái Uý Việt Quốc Công. Ông được lịch sử ghi nhận là anh hùng dân tộc kiệt xuất, một con người đã hiến dâng trí tuệ, tâm hồn, sức lực và tài năng cho sự nghiệp bảo vệ nền độc lập của Tổ quốc. Tên ông được đặt tên cho nhiều công trình công cộng trên cả nước.

Đường Lý Thường Kiệt có điểm đầu: giáp với đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa; điểm cuối: giao với đường Ấp Bắc; chiều dài: 2,3 km; chiều rộng: 10 đến 12 m.

40. Đường Mỹ Chánh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Địa danh lịch sử (Mỹ Chánh).

Địa danh lịch sử:

Năm 1679, một nhóm người Minh hương do Dương Ngạn Địch chỉ huy, được sự cho phép của chúa Nguyễn, đã vào Mỹ Tho lập nghiệp. Ở vùng đất mới, được sự bảo trợ của chính quyền chúa Nguyễn và sự cưu mang, đùm bọc của người Việt, số người Minh hương này chuyên về hoạt động thương mại. Trên cơ sở đó, Mỹ Tho đại phố tức chợ phố lớn Mỹ Tho được thành lập ở thôn Mỹ Chánh, huyện Kiến Hòa . Lúc bấy giờ, Mỹ Tho đại phố là một trong hai trung tâm kinh tế - thương mãi lớn nhất ở Nam Bộ. Trịnh Hoài Đức trong quyển *Gia Định thành thông chí* mô tả sự phồn thịnh của Mỹ Tho đại phố như sau: "*Mỹ Tho đại phố có nhà ngói cột chạm, đình cao, chùa rộng.... ghe thuyền sông biển ở các ngả đến đậu đông đúc, làm thành một chốn đại đô hội, phồn hoa huyên náo...*" và "*phàm thuyền buôn các nơi qua lại phải đậu nghỉ ở sông Mỹ Tho, hóng mát, xem trăng, đợi con nước lên, thuận dòng lên tây hay xuống đông*".

Sự sung thịnh của chợ phố lớn Mỹ Tho chứng tỏ sản xuất nông nghiệp và nền kinh tế hàng hóa ở đây đã có những bước phát triển đáng kể. Nông sản không chỉ đủ dùng cho nhu cầu của cư dân địa phương, mà còn dư ra với số lượng lớn, trở thành hàng hóa được buôn bán trên thị trường cả nước và xuất khẩu ra nước ngoài. Như vậy, thế mạnh vượt trội của Mỹ Tho đại phố là thương mãi; và thương mãi ở đây đã vươn ra tầm thế giới. Thế mạnh đó bắt nguồn từ sự gắn kết giữa sản xuất nông nghiệp với chế biến và xuất khẩu nông sản, nhất là thóc gạo, cau khô và thủy sản.

Trên cơ sở đó, năm 1781, lỵ sở của dinh Trấn Định từ giồng Kiến Định (nay là thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu Thành) được dời về thôn Mỹ Chánh - chợ phố lớn Mỹ Tho (nay thuộc Phường 2 và Phường 8, TP Mỹ Tho). Từ đó, thôn Mỹ Chánh - chợ phố lớn Mỹ Tho là trị sở của của dinh Trấn Định (1781-1808) và của trấn Định Tường (1808-1826), là trung tâm chánh trị, kinh tế và văn hóa của cả một vùng đất rộng lớn, mà ngày nay là tỉnh Tiền Giang.

Năm 1792, cũng ngay tại trị sở - thôn Mỹ Chánh - của dinh Trấn Định, vâng mệnh chúa Nguyễn Phúc Ánh (vua Gia Long sau này), Trần Văn Học vẽ họa đồ thành Mỹ Tho. Sách *Đại Nam liệt truyện, phần chính biên* chép: "*Học dâng bản đồ (thành Mỹ Tho), cách thức, Học vẽ giỏi, phàm làm đồn luỹ, đo đường sá, vẽ bản đồ, nêu dấu, đều do tay Học làm*". Trịnh Hoài Đức mô tả thành Mỹ Tho trong *Gia Định thành thông chí* như sau: "*Thành có dạng hình vuông, chu vi 998 tầm* (khoảng 2.000 mét)*, có mở hai cửa ở phía tả và phía hữu, nơi cửa có xây cầu bắc qua hào, hào rộng 8 tầm* (khoảng 16 mét), *sâu 1 tầm* (khoảng 2 mét)*, dưới cầu có cửa cống nhỏ để lưu thông với sông lớn* (sông Tiền), *ngoài hào có đắp lũy đất, có cạnh góc lồi ra lõm vào như hình hoa mai, chân lũy mặt tiền 30 tầm* (khoảng 60 mét) *thì đến sông lớn. Trong thành có những kho gạo, kho thuốc đạn, trại quân và súng lớn, tích trữ đầy đủ, nghiêm chỉnh*". Phỏng đoán thành này tọa lạc giữa các con đường Đinh Bộ Lĩnh (phía Nam), Học Lạc (phía Bắc), Thái Sanh Hạnh (phía Đông), Nguyễn Huỳnh Đức (phía Tây) hiện nay.

Thành Mỹ Tho có ba mặt giáp sông, rạch, kinh, được xem như những hào lũy tự nhiên: phía Nam giáp sông Tiền (tường thành nay là đường Đinh Bộ Lĩnh), nơi đây có

một địa điểm để tắm ngựa, nay còn địa danh bến Tắm Ngựa; phía Đông giáp kinh Bảo Định (tường thành nay là đường Thái Sanh Hạnh); phía Tây giáp một con rạch tự nhiên (đường Nguyễn Huỳnh Đức ngày nay lúc đó là con rạch nối sông Tiền với kinh Bảo Định tại cầu Vỹ; con rạch này được lấp khoảng năm 1934-1935 theo kế hoạch chỉnh trang đô thị của chính quyền thực dân Pháp). Lúc bấy giờ, cả Nam bộ chỉ có hai thành được xây dựng với quy mô lớn là thành Mỹ Tho và thành Gia Định (xây dựng năm 1790 cũng do Trần Văn Học vẽ thiết kế). Như vậy, đến cuối thế kỷ XVIII, do đã có phố chợ buôn bán náo nhiệt (Mỹ Tho đại phố); đã có hệ thống hành chánh hoàn chỉnh (dinh Trấn Định) và đã có ngôi thành kiên cố (thành Mỹ Tho) với đội quân thường trực bảo vệ thì Mỹ Tho đã trở thành một đô thị đích thực. Mãi đến năm 1826, Tổng trấn Gia Định Thành Lê Văn Duyệt mới cho dời trị sở của trấn Định Tường và thành Mỹ Tho từ thôn Mỹ Chánh sang hai thôn Điều Hòa và Bình Tạo.

Đường Mỹ Chánh có điểm đầu: giáp với đường Đinh Bộ Lĩnh; điểm cuối: giao với Cảng cá Mỹ Tho; chiều dài: 0,940 km; chiều rộng: 20,0 m.

41. Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Sự kiện lịch sử (Nam Kỳ Khởi Nghĩa).

Sự kiện lịch sử:

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ Bảy (khóa I) diễn ra từ ngày 06 đến ngày 08/11/1939 tại Bà Điểm (Hóc Môn, Gia Định) nhận định: Nhật sẽ xâm chiếm Đông Dương và Pháp sẽ đầu hàng Nhật, cách mạng Đông Dương sẽ bùng nổ; do vậy, phải đoàn kết thực hiện bằng được nhiệm vụ đánh đổ đế quốc, giải phóng dân tộc; chủ trương thành lập Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương, đoàn kết rộng rãi các tầng lớp, giai cấp, dân tộc và các cá nhân yêu nước.

Tháng 3/1940, Ban Thường vụ Xứ ủy Nam Kỳ do đồng chí Võ Văn Tần làm Bí thư soạn thảo Đề cương chuẩn bị bạo động. Đến giữa tháng 11/1940, Xứ ủy Nam Kỳ quyết định phát động toàn Nam Kỳ nổi dậy đánh đổ chính quyền thuộc địa, giành chính quyền về tay Nhân dân. Ngày 21/11/1940, Thường vụ Xứ ủy ra thông báo cho các cấp bộ Đảng và Nhân dân đồng loạt nổi dậy khởi nghĩa vào lúc 24 giờ ngày 22, rạng sáng ngày 23/11/1940.

Trong một thời gian ngắn từ khi Thường vụ Xứ ủy ra Đề cương chuẩn bị bạo động (tháng 3/1940), công tác chuẩn bị khởi nghĩa được triển khai rất khẩn trương; các tổ chức phản đế xuất hiện nhiều nơi, nhất là ở vùng nông thôn. Mít tinh, biểu tình liên tiếp nổ ra. Nhiều nơi địch đến đánh phá, Nhân dân nổi trống mõ, uy hiếp địch, bảo vệ cán bộ. Các đội tự vệ, du kích phát triển ngay trong những xí nghiệp lớn ở Sài Gòn như Ba Son, nhà máy đèn Chợ Quán, trường Bách Nghệ,... Ở nông thôn, phần lớn các xã đều có từ một tiểu đội đến một trung đội du kích. Các cơ sở sản xuất vũ khí làm việc suốt ngày đêm. Phong trào chống chiến tranh, chống bắt lính với khẩu hiệu "không một đồng xu, không một người lính cho đế quốc chiến tranh" ngày càng lan rộng. Công tác

binh vận được tổ chức ráo riết, phần lớn trong số 15.000 binh lính người Việt trong quân đội Pháp đóng ở Sài Gòn sẵn sàng phối hợp nổi dậy.

Đêm ngày 22, rạng sáng ngày 23/11/1940, khởi nghĩa bùng nổ đồng loạt tại hầu hết các tỉnh Nam Kỳ, mạnh nhất là ở Gia Định, Mỹ Tho, Vĩnh Long,... Lực lượng vũ trang và quần chúng đã nổi dậy tiến công địch ở các xã, tập kích nhiều đồn bốt, tiến đánh một số quận lỵ, phá hỏng nhiều cầu, đường... Tại một số xã, quận, chính quyền địch hoang mang, tan rã, chính quyền cách mạng được thành lập. Lần đầu tiên cờ đỏ sao vàng xuất hiện ở những nơi đã thành lập chính quyền cách mạng và trong nhiều cuộc biểu tình. Bọn phản cách mạng bị xét xử. Ruộng, thóc của địa chủ phản động được chia cho dân cày nghèo. Lần đầu tiên, lá cờ đỏ sao vàng xuất hiện tại đình Long Hưng (huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho).

Trước tình hình đó, thực dân Pháp đã thẳng tay đàn áp, tiến hành khủng bố trắng, dìm cuộc khởi nghĩa vào biển máu. Theo các báo cáo của chính quyền thuộc địa, tính đến hết ngày 31-1-1941, Pháp đã bắt 7.048 người. Hàng nghìn người bị xử tử, chết trong tù, bị đày ra Côn Đảo và bị giam trong các trại tập trung Bà Rá, Tà Lài,...

Tháng 12/1940, Xứ ủy Nam Kỳ họp ở Bà Quẹo (Gia Định) quyết định dừng cuộc khởi nghĩa để tránh tổn thất, đưa lực lượng còn lại xây dựng căn cứ U Minh và Đồng Tháp Mười. Cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ bị dập tắt. Thực dân Pháp nhân cơ hội này xử bắn nhiều đồng chí cán bộ kiên trung của Đảng bị bắt từ trước khởi nghĩa, như: Nguyễn Văn Cừ, Hà Huy Tập, Nguyễn Thị Minh Khai, Võ Văn Tần, Nguyễn Hữu Tiến, Phan Đăng Lưu,...

Khởi nghĩa Nam Kỳ có ý nghĩa lịch sử rất lớn lao. Cuộc khởi nghĩa đã góp phần minh chứng tính chính xác và đúng đắn của Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 6, tạm gác khẩu hiệu ruộng đất, tích cực chuẩn bị lực lượng chuyển sang đấu tranh vũ trang giành lấy chính quyền cách mạng về tay Nhân dân. Đồng thời, khởi nghĩa Nam Kỳ đã chứng minh rằng muốn lật đổ ách thống trị của thực dân đế quốc để giành độc lập, tự do cho dân tộc, nhất thiết phải bằng khởi nghĩa cách mạng, bạo lực vũ trang của toàn dân, chứ không chỉ bằng đấu tranh chính trị đơn thuần.

Ngày 28-1-1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước, trực tiếp chỉ đạo phong trào cách mạng. Người triệu tập Hội nghị Trung ương 8 tháng 5/1941 tại Pắc Bó (Cao Bằng). Hội nghị đã kết luận sự chỉ đạo chuyển hướng chiến lược của Hội nghị Trung ương 6 là hoàn toàn đúng đắn. Đồng thời khi tổng kết kinh nghiệm của các cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Đô Lương và Nam Kỳ, Hội nghị cho rằng: "Mặc dù sự đàn áp của giặc Pháp rất dữ dội mà dân ta vẫn không lùi. Nhưng cuộc khởi nghĩa lại gây một ảnh hưởng rộng lớn toàn quốc. Đó là những tiếng súng báo hiệu cho cuộc khởi nghĩa toàn quốc, là bước đấu tranh bằng võ lực của các dân tộc ở một nước Đông Dương".

Cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ mang tính chất của một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, tính chất Nhân dân rộng rãi, sâu sắc. Các tầng lớp, giai cấp, dân tộc, tôn giáo trong xã hội đều tham gia khởi nghĩa trên quy mô rộng lớn khắp Nam Kỳ. Từ thực tiễn của

cuộc khởi nghĩa ở Nam Kỳ, Đảng ta đúc rút nhiều kinh nghiệm, bài học quý báu vận dụng trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, dẫn đến thành công của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa có điểm đầu: giáp với đường Ấp Bắc; điểm cuối: giáp với sông Tiền; chiều dài: 1,04 km; chiều rộng: 13,0 m.

42. Đường Ngô Gia Tự

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Ngô Gia Tự).

Tiểu sử danh nhân:

NGÔ GIA TỰ

(1908 – 1934)

Ngô Gia Tự sinh năm 1908 tại làng Tam Sơn, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh (nay là xã Tam Sơn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh).

Kế thừa truyền thống hiếu học của gia đình và quê hương, lại vốn thông minh, chăm chỉ, ông đã trở thành học sinh giỏi ngay từ bậc sơ học. Năm 1922, sau khi tốt nghiệp bậc tiểu học, ông thi đậu vào Lycée du Protectorat (Trường Trung học Bảo hộ, quen gọi là Trường Bưởi, nay là Trường Trung học phổ thông chuyên Chu Văn An, Hà Nội). Tại đây, ông đã được đọc báo "Người cùng khổ", tác phẩm "Bản án chế độ thực dân Pháp" của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc (Hồ Chí Minh). Cuối năm 1925, đầu năm 1926, sau khi tham gia phong trào đấu tranh của cả nước đòi thực dân Pháp thả nhà yêu nước Phan Bội Châu và để tang nhà yêu nước Phan Châu Trinh, ông bị chính quyền thực dân Pháp buộc thôi học.

Trở lại quê nhà, ông vừa lao động, vừa tự học và tham gia hoạt động cách mạng. Cuối năm 1926, ông được kết nạp vào tổ chức Hội Việt Nam cách mạng thanh niên. Đầu năm 1927, ông được cử sang Quảng Châu (Trung Quốc) dự lớp huấn luyện của Tổng bộ Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên, do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trực tiếp phụ trách và là giảng viên chính. Sau hai tháng huấn luyện, ông trở về xây dựng phong trào cách mạng ở Bắc Ninh và Bắc Giang. Giữa năm 1927, Tỉnh bộ Hội Việt Nam cách mạng thanh niên tỉnh Bắc Ninh được thành lập, ông được chỉ định là Ủy viên Tỉnh bộ. Giữa năm 1928, ông giữ chức vụ Bí thư Tỉnh bộ Bắc Ninh. Tháng 9-1928, ông được bầu làm Ủy viên Kỳ bộ Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên Bắc Kỳ. Tại Hội nghị Kỳ bộ Bắc Kỳ, ông cùng với ông Nguyễn Đức Cảnh đề nghị tăng cường thâm nhập vào quần chúng công nông. Từ đó, hội nghị đã quyết định đưa hội viên đi "vô sản hóa", tức là đưa hội viên vào làm công nhân ở các hầm mỏ, nhà máy, đồn điền để cùng sinh hoạt và lao động với công nhân nhằm tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lê nin, vận động cách mạng, nâng cao ý thức chính trị cho giai cấp công nhân. Qua đó, thúc đẩy phong trào công nhân phát triển, trở thành nòng cốt của phong trào đấu tranh trong cả nước.

Đồng thời, ông cùng với các hội viên tiên tiến khác trong Hội Việt Nam cách mạng thanh niên tích cực tuyên truyền vận động, chuẩn bị cho việc thành lập chính đảng của giai cấp công nhân Việt Nam. Tháng 3-1929, ông tham gia thành lập chi bộ Cộng sản đầu tiên ở Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo của chi bộ Cộng sản, Đại hội Kỳ bộ Hội Việt Nam cách mạng thanh niên Bắc Kỳ họp ngày 28-3-1929 đã nhất trí tán thành chủ trương thành lập Đảng Cộng sản. Ngày 1-5-1929, Đại hội toàn quốc của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên họp ở Hương Cảng (Trung Quốc). Tại Đại hội, Đoàn đại biểu Kỳ bộ Hội Việt Nam cách mạng thanh niên Bắc Kỳ, trong đó ông đóng vai trò quan trọng, đã đưa ra đề nghị giải tán Hội Việt Nam cách mạng thanh niên, thành lập Đảng Cộng sản. Tuy nhiên, đề nghị đó không được Đại hội chấp nhận. Đoàn đại biểu Bắc kỳ đã bỏ Đại hội ra về.

Ngày 17-6-1929, những thành viên tiên tiến của Kỳ bộ Hội Việt Nam cách mạng thanh niên Bắc Kỳ thành lập Đông Dương Cộng sản Đảng. Ông đã tham gia Ban Chấp hành Trung ương lâm thời. Theo sự phân công của Trung ương Đông Dương Cộng sản Đảng, cuối tháng 7-1929, ông vào Nam Kỳ, phụ trách công tác xây dựng cơ sở Đảng. Tại Sài Gòn, ông đi "vô sản hóa" ở bến cảng Nhà Rồng và sống cùng anh em lao động ở Xóm Chiếu. Ông đặc biệt chú trọng xây dựng cơ sở cách mạng trong công nhân, góp phần xây dựng nhiều tổ chức Công hội ở Sài Gòn - Chợ Lớn, các chi bộ của Đông Dương Cộng sản Đảng ở nhà máy Ba Son, đồn điền cao su Phú Riềng và xã Vĩnh Kim (tỉnh Mỹ Tho). Sự ra đời và phát triển của Đông Dương Cộng sản Đảng đã có ảnh hưởng lớn đến phong trào cách mạng trong nước. Chỉ trong thời gian ngắn đã có thêm hai tổ chức Cộng sản được thành lập trên đất nước ta là An Nam Cộng Đảng và Đông Dương Cộng sản Liên đoàn. Sau Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03-02-1930); Hội nghị thống nhất các tổ chức Cộng sản ở Nam Kỳ thành lập Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam Nam Kỳ và cử ông làm Bí thư cấp ủy lâm thời Đảng bộ Nam Kỳ.

Giữa lúc phong trào cách mạng đang dâng cao thì ông bị địch bắt vào cuối năm 1930 tại Sài Gòn. Biết ông là một nhân vật quan trọng của Đảng Cộng sản Việt Nam, chính quyền thực dân tìm mọi cách dụ dỗ, mua chuộc, giam cầm tại nhiều nhà tù, tra tấn dã man, nhưng không khuất phục được trước ý chí sắt đá và tinh thần dũng cảm của ông. Sau hơn 2 năm bị giam giữ, ngày 02-5-1933, thực dân Pháp đưa ông và nhiều đảng viên cộng sản khác ra phiên tòa "đại hình đặc biệt", đày ra Côn Đảo vào tháng 5 năm 1933. Cuối năm 1934, Đảng bộ nhà tù Côn đảo quyết định tổ chức cho ông và một số người tù cộng sản khác vượt ngục trở về đất liền. Cuộc vượt ngục nguy hiểm đó đã không thành công. Chiếc thuyền đã bị chìm. Ông mất giữa biển khơi.

Ông là một tấm gương, một hình mẫu và tài năng, khí phách của một người cách mạng yêu nước, yêu dân tộc, kiên cường, bất khuất, một chiến sĩ cộng sản lỗi lạc của cách mạng Việt Nam. Tên ông được đặt tên công trình công cộng ở nhiều tỉnh, thành trên cả nước.

Đường Ngô Gia Tự có điểm đầu: giáp với Cầu Bình Đức; điểm cuối: giao với Đường tỉnh 870; chiều dài: 3,046 km; chiều rộng: 14,0 m.

43. Đường Ngô Quyền

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Ngô Quyền).

Tiểu sử danh nhân:

NGÔ QUYỀN

(897 – 944)

Ngô Quyền sinh năm 897 ở làng Đường Lâm, Ba Vì (nay là xã Đường Lâm, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội).

Năm 931, ông theo Dương Đình Nghệ đánh chiếm thành Đại La, đánh đuổi quân Nam Hán (Trung Quốc) ra khỏi bờ cõi. Khi Dương Đình Nghệ lên cầm quyền, xưng là Tiết độ sứ, giao cho ông cai quản vùng Châu Ái (tỉnh Thanh Hóa ngày nay).

Năm 937, Dương Đình Nghệ bị Kiều Công Tiễn giết chết để đoạt ngôi. Từ Châu Ái, ông kéo quân ra Bắc trị tội Kiều Công Tiễn và tên này đã hèn hạ cầu viện vua Nam Hán. Thấy đây là cơ hội xâm lược nước ta, vua Nam Hán sai con trai là Lưu Hoằng Thao đem thủy quân sang xâm lược nước ta. Nền độc lập của dân tộc vừa mới giành được bị đe dọa nghiêm trọng.

Trước tình thế đó, mùa đông năm 938, ông chỉ huy quân lính tấn công thành Đại La, giết chết Kiều Công Tiễn, diệt trừ bọn nội phản. Đối với quân Nam Hán xâm lược, ông dự đoán quân giặc sẽ tiến công vào nước ta theo cửa sông Bạch Đằng. Từ đó, ông đề ra một kế hoạch quân sự tài tình là lợi dụng quy luật thủy triều để đánh giặc. Ông cho vót nhọn đầu những cọc gỗ lớn, bịt sắt, cắm xuống lòng sông như những bàn chông sắc nhọn chờ giặc. Khi thủy triều lên, Hoằng Thao cho chiến thuyền kéo vào cửa sông Bạch Đằng, ông bèn cử tướng chỉ huy một đội thuyền khiêu chiến, nhử địch vào sâu bên trong bãi cọc. Chờ khi thủy triều xuống, ông trực tiếp chỉ huy quân từ ba phía đánh ập vào các thuyền địch. Quân giặc bị tấn công bất ngờ định quay đầu chạy ra biển nhưng không kịp, thủy triều rút đã làm các cọc nhọn nhô đầu đâm vào thuyền địch. Cửa sông Bạch Đằng trở thành mồ chôn quân xâm lược. Tướng giặc Hoằng Thao tử trận. Vua Nam Hán sợ hãi rút quân khỏi biên giới nước ta và từ bỏ giấc mộng xâm lăng. Chiến thắng Bạch Đằng năm 938 mở ra trang sử chói lọi của dân tộc, vĩnh viễn chấm dứt ách đô hộ của phong kiến phương Bắc. Đất nước giành được độc lập, tự chủ hoàn toàn.

Mùa xuân năm 939, ông bãi bỏ chức Tiết độ sứ, lên ngôi vua, xưng là Ngô vương. Ông tiến hành xây dựng nhà nước độc lập, tự chủ, đóng đô ở Cổ Loa (nay thuộc huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội). Năm 944, ông lâm bệnh rồi mất. Trong lịch sử dân tộc, ông được xem là người đã mở ra một kỷ nguyên độc lập, tự chủ lâu dài của đất nước, chấm dứt hơn 1.000 năm bị ngoại bang thống trị .

Đường Ngô Quyền có điểm đầu: giáp với đường Trưng Trắc; điểm cuối: giao với đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa; chiều dài: 0,710 km; chiều rộng: 8,0 m.

44. Đường Nguyễn An Ninh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn An Ninh).

Tiểu sử danh nhân:

NGUYỄN AN NINH

(1900 – 1943)

Nguyễn An Ninh sinh năm 1900 tại làng Long Thượng, quận Cần Giuộc, tỉnh Chợ Lớn (nay là xã Long Thượng, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An) trong một gia đình trí thức yêu nước.

Thuở nhỏ, ông rất thông minh, hiếu học và học giỏi. Ông được cha dạy chữ Hán trước khi cắp sách đến trường. Năm 1910, ông học tiểu học ở Trường dòng Lasan Taberd ở Sài Gòn; sau đó học trung học ở Collège de Mytho (nay là Trường Trung học phổ thông Nguyễn Đình Chiểu, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang) và Collège Chasseloup-Laubat (nay là Trường Trung học phổ thông Lê Quý Đôn, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh), tốt nghiệp hạng Ưu năm 1916.

Được miễn chuẩn bằng tú tài, ông ra Hà Nội học Trường Cao đẳng Y Dược thuộc Đại học Đông Dương. Học được nửa năm, ông nhận ra y dược không phải là sở nguyện của mình nên xin chuyển sang học luật tại Trường Cao đẳng Pháp chính thuộc Đại học Đông Dương. Năm 1918, ông dừng việc học tại Hà Nội và sang Pháp, thi đỗ vào khoa Luật của Đại học Sorbonne, Paris. Đây là ngôi trường danh tiếng của nước Pháp, đào tạo ra các chính khách, các nhà khoa học và văn hóa lớn. Sau hai năm học tập, ông đã hoàn thành chương trình học 4 năm và được cấp bằng Cử nhân Luật hạng xuất sắc.

Cũng chính trong thời gian sinh sống và học tập ở Pháp, ông bắt đầu tham gia và hoạt động tích cực trong phong trào yêu nước của người Việt Nam tại Pháp. Ông tham gia "*Nhóm ngũ long*" (gồm có Phan Chu Trinh, Phan Văn Trường, Nguyễn Thế Truyền, Nguyễn Tất Thành/Nguyễn Ái Quốc/Hồ Chí Minh và Nguyễn An Ninh). Ông là bạn và là người cộng sự đắc lực của Nguyễn Ái Quốc, cùng tham gia sáng lập Hội Liên hiệp Các dân tộc thuộc địa, cùng viết bài và quảng bá cho báo *Le Paria* (Người cùng khổ). Ngoài ra, Nguyễn An Ninh còn dành thời gian nghiên cứu các học thuyết cách mạng trên thế giới. Ông cũng kết giao rộng rãi với các nhà hoạt động cánh tả, cộng sản ở Pháp và một số nước khác ở châu Âu.

Năm 1923, ông về nước, bắt đầu dấn thân vào hoạt động yêu nước và cách mạng chống lại chính quyền thực dân Pháp. Tại Sài Gòn, ông đã có hai lần diễn thuyết trước công chúng và tạo nên tiếng vang lớn. Thống đốc Nam Kỳ Cognacq và chánh mật thám Arnoux đã triệu tập ông đến Dinh Thống đốc để đe dọa và tuyên bố cấm ông diễn thuyết tại các nơi công cộng.

Sự đe dọa của chính quyền thực dân không làm Nguyễn An Ninh sờn lòng, chùn bước, mà trái lại càng làm cho ông kiên quyết tiến lên trên con đường đã chọn. Ngày

10/12/1923, ông lập ra tờ báo *La Cloche Fêleé* (Chuông rè) bằng tiếng Pháp, phát hành công khai ở Sài Gòn. Đây là một trong những tờ báo đầu tiên thuộc dòng báo chí công khai trực tiếp phê phán mạnh mẽ chính quyền thực dân Pháp, đồng thời giới thiệu quảng bá cho các tư tưởng cách mạng, đặc biệt là tư tưởng cách mạng Pháp, Ấn Độ và chủ nghĩa Mác. Nguyễn An Ninh còn đăng lại trên *La Cloche Fêleé* một số bài của Nguyễn Ái Quốc đã đăng trên báo *Le Paria*. Để đàn áp tờ báo, chính quyền thực dân đã cấm các nhà in và Sở Bưu điện không cho họ nhận in và phát hành, vận chuyển báo *La Cloche Fêleé*. Ông liền bán hết gia sản để lập xưởng in riêng. Sau đó, ông để đầu trần, xõa tóc, mặc đồ bà ba, đi guốc gỗ, tự mình rao bán báo *La Cloche fêleé* trên đường phố Sài Gòn. Hành động yêu nước bất khuất của ông đã được các tầng lớp nhân dân Sài Gòn và Nam Kỳ rất ngưỡng mộ và ủng hộ. Qua đó, ông đã đóng góp to lớn vào sự hình thành phát triển mạnh mẽ của cao trào đấu tranh quần chúng trong những năm 1925 - 1926.

Năm 1926, ông bị chính quyền thực dân bỏ tù 2 năm. Sau khi ra tù, ông đã sáng lập ra *Thanh niên Cao vọng Đảng*, một tổ chức yêu nước hoạt động theo nguyên tắc hội kín ở Nam Kỳ. Ông còn phối hợp với các cán bộ của Hội Việt Nam cách mệnh Thanh niên trong vận động quần chúng và phát triển tổ chức của Hội. Ông lại bị thực dân Pháp bỏ tù vào cuối năm 1928.

Sau khi ra tù lần thứ hai (1931), ông lại hăng hái tham gia các hoạt động yêu nước và cách mạng, sát cánh cùng với cách chiến sĩ cộng sản và yêu nước đấu tranh gìn giữ và phục hồi phong trào sau khi Cao trào cách mạng 1930 – 1931 bị thực dân Pháp đàn áp. Cùng với chiến sĩ cộng sản Nguyễn Văn Tạo, cuối tháng 4/1932, ông đã lập ra tờ báo công khai bằng tiếng Pháp *La Lutte* (Tranh đấu). Đây là tờ báo cách mạng rất có uy tín ở Sài Gòn và Nam Kỳ. Cùng với những người cộng sản, Nguyễn An Ninh đã tích cực tham gia vận động trong các cuộc tranh cử vào Hội đồng Quản hạt Nam Kỳ trong năm 1933. Đây là lần đầu tiên các chiến sĩ cộng sản và yêu nước tổ chức thành công các cuộc đấu tranh công khai sôi nổi của quần chúng.

Tháng 6/1936, Chính phủ Mặt trận Bình dân Pháp được thành lập do Léon Blum đứng đầu, tuyên bố sẽ cử phái đoàn thanh tra sang khảo sát tình hình các xứ thuộc địa của nước Pháp, trong đó có Đông Dương. Nhân cơ hội đó, một số phần tử cơ hội trong giai cấp địa chủ và tư sản Nam Kỳ định tranh thủ nhân danh "dân chúng bản xứ" trình cho Chính phủ Bình dân các yêu sách của họ. Trong khi đó, cơ sở của Đảng Cộng sản Đông Dương còn chưa kịp khôi phục và Đảng cũng chưa có chủ trương cụ thể về vấn đề này. Trước tình hình đó, ông đã hết sức nhạy bén đứng ra phát động phong trào *"Đông Dương đại hội"*, một phong trào đấu tranh mang tính chất quần chúng rộng rãi. Sáng kiến của Nguyễn An Ninh nhanh chóng được Đảng Cộng sản Đông Dương ủng hộ mạnh mẽ. Chỉ trong vòng 2 tuần cuối tháng 9/1936, khoảng 600 Ủy ban hành động đã được thành lập ở Sài Gòn và Nam Kỳ, phần lớn do các Đảng viên cộng sản lãnh đạo, sôi nổi vận động thu thập dân nguyện và thức tỉnh quần chúng.

Phong trào Đông Dương đại hội đã mở đầu cho cao trào vận động đòi các quyền dân sinh, dân chủ của quần chúng diễn ra sôi nổi trên toàn cõi Việt Nam từ năm 1936 đến năm 1939. Cao trào này được coi như *"cuộc tổng diễn tập lần thứ hai*" cho thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám sau này. Trong suốt thời kỳ đó, Nguyễn An Ninh luôn luôn sát cánh cùng với các chiến sĩ cộng sản lăn lộn vận động trong các phong trào đấu tranh của quần chúng, đặc biệt là trên mặt trận tư tưởng, văn hoá, báo chí và trong các cuộc vận động tranh cử.

Ở Sài Gòn và Nam Kỳ lúc đó các phần tử Trotskits và Lập hiến cũng ráo riết hoạt động để tranh giành ảnh hưởng với Đảng Cộng sản Đông Dương. Tuy không có cơ sở sâu rộng trong quần chúng; nhưng họ phần lớn lại là những trí thức Tây học khá nổi tiếng, vì vậy, cuộc đấu tranh chống lại những luận điểm tuyên truyền của họ không dễ dàng. Trong bối cảnh đó, với tư cách là một lãnh tụ, một trí thức được nhân dân hết sức tin yêu, ông đã đứng về phía những người cộng sản, đấu tranh không khoan nhượng với hai nhóm người trên. Ông là bạn tâm giao tin cậy của Tổng Bí thư Hà Huy Tập và của các chiến sĩ cộng sản khác như Nguyễn Văn Tạo, Nguyễn Văn Nguyễn, Nguyễn Văn Trấn, Dương Bạch Mai,…

Tháng 9/1939, Thế chiến II bùng nổ ở châu Âu. Ở Đông Dương, thực dân Pháp liền tuyên bố thiết quân luật, xiết chặt ách thống trị tàn bạo của chúng hòng ngăn ngừa nhân dân ta vùng lên tự giải phóng mình. Chúng ráo riết truy lùng, bắt bớ và sát hại các chiến sĩ yêu nước và cách mạng. Ngày 4/10/1939, ông lại bị thực dân Pháp bắt. Sau đó, ông bị kết án 5 năm tù và 10 năm lưu đày biệt xứ. Chúng đưa ông ra giam giữ và tra tấn dã man tại nhà tù Côn Đảo. Ông hy sinh ngày 14/8/1943, hai năm trước khi nước nhà giành lại được độc lập. Tên ông được đặt tên công trình công cộng ở nhiều địa phương trên cả nước.

Đường Nguyễn An Ninh có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn Văn Giác; điểm cuối: giao với đường Phan Thanh Giản; chiều dài: 1,10 km; chiều rộng: 8,0 m.

45. Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Bỉnh Khiêm).

Tiểu sử danh nhân:

NGUYỄN BỈNH KHIÊM

(1491 – 1585)

Nguyễn Bỉnh Khiêm có tên khai sinh là Nguyễn Văn Đạt, tự là Hạnh Phủ, hiệu là Bạch vân am cư sĩ, sinh năm 1491 tại làng Trung Am, huyện Vĩnh Lại, phủ Hạ Hồng, trấn Hải Dương (nay thuộc xã Lý Học, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng), trong gia đình có truyền thống hiếu học.

Tử thuở nhỏ, ông nổi tiếng thông minh, chăm học và học giỏi. Năm 1534, ông đỗ đầu kỳ thi Hương. Năm 1535, ông đỗ đầu kỳ thi Hội, gọi là Hội nguyên và đỗ đầu kỳ thi

Đình, gọi là Trạng nguyên. Ông từng được vua Mạc bổ nhiệm làm nhiều chức vụ quan trọng và phong tước Trình Tuyên Hầu nên được người đời gọi là Trạng Trình.

Năm 1542, nhận thấy quyền thần lũng đoạn triều chính, ông dâng sớ đòi chém 18 viên quan to cậy thế làm càn; nhưng không được vua chấp nhận. Từ đó, ông từ quan, về quê dạy học. Học trò của ông rất đông và rất nhiều người trở thành nhân tài của đất nước như Trạng nguyên Giáp Hải, Phùng Khắc Khoan,... Dù đã về quê; nhưng các vua nhà Mạc rất kính trọng, xem ông là thầy và thường xuyên sai sứ đến hỏi kế sách trị nước.

Tương truyền, ông còn là một nhà tiên tri, tác giả của nhiều lời sấm. Nhà Mạc, nhà Trịnh, nhà Nguyễn đều đến xin lời khuyên của ông để dựng nghiệp. Ông còn là nhà thơ nổi tiếng, để lại cho hậu thế những tác phẩm văn thơ có giá trị như: *Bạch Vân am thi tập* (gồm hàng trăm bài thơ chữ Hán) và *Bạch Vân quốc ngữ thi* (với hàng trăm bài thơ chữ Nôm). Năm 1585, ông tạ thế tại quê nhà.

Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm có điểm đầu: giáp với đường Trưng Trắc; điểm cuối: giao với đường Trương Định; chiều dài: 0,240 km; chiều rộng: 6,0 m.

46. Đường Nguyễn Công Bình

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Công Bình).

Tiểu sử danh nhân:

NGUYỄN CÔNG BÌNH

(1922 – 2014)

Nguyễn Công Bình tên thật là Nguyễn Văn Mè, thường gọi Sáu Bình, sinh ngày 12-3-1922 tại làng Bình Phú, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Bình Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang).

Tháng 11-1940, ông tham gia cách mạng, là nhân viên giao liên bí mật cho Chi bộ xã Bình Phú, huyện Cai Lậy. Tháng 5-1945, ông là Đội trưởng Thanh niên tiền phong xã Bình Phú, tham gia khởi nghĩa giành chính quyền ở xã nhà. Sau Cách mạng tháng Tám 1945, ông làm Chánh Thư ký Hội Nông dân cứu quốc xã Bình Phú. Do có nhiều thành tích trong công tác, ngày 19-5-1947, ông vinh dự được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam).

Sau khi Hiệp định Genève được ký kết (7-1954), ông được phân công ở lại miền Nam, hoạt động tại xã nhà, làm Bí thư chi bộ xã Bình Phú. Lúc này, chính quyền địch tiến hành chiến dịch "tố cộng", "diệt cộng" rất ác liệt, nhưng ông vẫn kiên cường bám đất, bám dân, xây dựng cơ sở cách mạng. Tháng 11-1958, theo chỉ đạo của cấp trên, ông đi điều lắng tại huyện Bến Cát, tỉnh Thủ Dầu Một (nay là tỉnh Bình Dương). Tháng 10-1959, với tinh thần cách mạng tiến công, ông trở về huyện Cai Lậy công tác, làm Huyện ủy viên rồi Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Cai Lậy, phụ trách liên xã.

Từ tháng 11-1961 đến tháng 6-1966, ông được điều động làm cán bộ rồi Ủy viên Ban An ninh Khu 8 (Khu Trung Nam Bộ). Từ tháng 6-1966 đến tháng 8-1969, ông đảm nhận chức vụ Phó ban An ninh rồi Tỉnh ủy viên, Trưởng ban An ninh tỉnh Mỹ Tho. Ở Cương vị này, ông cùng với tập thể lãnh đạo Ban An ninh tỉnh Mỹ Tho chỉ đạo lực lượng an ninh đánh bại các cuộc càn quét của quân địch; bảo vệ căn cứ cách mạng, cấp ủy Đảng, tài sản và tính mạng của nhân dân trong vùng giải phóng; diệt ác, trừ gian; phá vỡ nhiều mạng lưới mật báo viên của địch; góp phần quan trọng vào sự phát triển của phong trào cách mạng toàn tỉnh.

Tháng 9-1969, ông là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh Mỹ Tho. Tháng 6-1972, ông được phân công làm Phó ban thường trực Ban An ninh Khu 8. Tháng 7-1974, ông là Bí thư Tỉnh ủy Mỹ Tho. Là người đứng đầu Tỉnh ủy, ông cùng với Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo cuộc đấu tranh của quân dân tỉnh Mỹ Tho trên cả ba mặt chính trị, quân sự, binh vận ngày càng phát triển mạnh mẽ, thực hiện thắng lợi công cuộc giải phóng hoàn toàn tỉnh Mỹ Tho ngày 30-4-1975, cùng với quân dân toàn miền giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Sau ngày đất nước hòa bình, thống nhất (30-4-1975), ông tiếp tục giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy Mỹ Tho. Trong thời kỳ tỉnh nhà mới được giải phóng, ông đã cùng với Ban Thường vụ Tỉnh ủy tập trung chỉ đạo công tác khắc phục hậu quả chiến tranh, khai hoang phục hóa, ổn định chính trị - xã hội, giữ vững an ninh - quốc phòng, phát triển kinh tế, văn hóa - giáo dục, chăm lo đời sống nhân dân.

Tháng 3-1976, khi tỉnh Tiền Giang được thành lập trên cơ sở hợp nhất tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công và thành phố Mỹ Tho, ông là Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang, Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội khóa VI và khóa VII đơn vị tỉnh Tiền Giang. Ở cương vị này, ông đã có những đóng góp quan trọng cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Tiền Giang, như khai hoang Đồng Tháp Mười, Ngọt hóa Gò Công, vùng lúa cao sản,…

Năm 1986, ông được Đảng và Nhà nước cho nghỉ hưu theo chế độ. Từ khi nghỉ hưu đến năm 2000, ông vẫn tiếp tục làm việc với chức vụ Chủ tịch Hội Luật gia tỉnh Tiền Giang. Năm 2014, do tuổi cao sức yếu, ông qua đời.

Trong quá trình hoạt động cách mạng, ông đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng, Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng, Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng, Huy hiệu 65 năm tuổi Đảng, Huân chương Độc lập hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến chống Pháp hạng Ba, Huân chương Quyết thắng hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất, Huân chương Chiến công hạng Nhất và nhiều Huy chương, Kỷ niệm chương, Bằng khen của Trung ương và địa phương. Tên ông được đặt tên đường ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đường Nguyễn Công Bình có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn Thị Thập; điểm cuối: giao với đường Phạm Hùng; chiều dài: 1,496 km; chiều rộng: 12,0m.

47. Đường Nguyễn Huệ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Huệ).

Tiểu sử danh nhân:

NGUYỄN HUỆ

(1753 – 1792)

Nguyễn Huệ sinh năm 1753 ra tại thôn Kiên Mỹ, ấp Kiên Thành, huyện Hoài Nhơn, phủ Quy Nhơn (nay thuộc xã Bình Thành, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định).

Năm 1771, ông dựng cờ khởi nghĩa, trở thành một trong ba lãnh tụ cao nhất của phong trào Tây Sơn (Nguyễn Nhạc , Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ).

Năm 1775, ông chỉ huy đánh chiếm Phú Yên, tạo ra bước ngoặt quan trọng cho toàn bộ quá trình phát triển mạnh mẽ sau đó của phong trào.

Năm 1777, ông chỉ huy cuộc tấn công vào Gia Định lần thứ hai, lật đổ cơ đồ thống trị của dòng họ chúa Nguyễn ở Đàng Trong.

Năm 1782, ông chỉ huy cuộc tấn công vào Gia Định lần thứ tư, đánh cho Nguyễn Ánh đại bại.

Năm 1783, ông chỉ huy cuộc tấn công vào Gia Định lần thứ năm, đánh đuổi tập đoàn Nguyễn Ánh ra khỏi bờ cõi.

Năm 1785, ông chỉ huy trận Rạch Gầm - Xoài Mút, đánh tan 5 vạn quân Xiêm xâm lược.

Năm 1786, ông chỉ huy các đợt tấn công tiêu diệt chính quyền chúa Trịnh ở Đàng Ngoài.

Ngày 22/12/1788, ông lên ngôi Hoàng đế tại Núi Bân (Phú Xuân - Huế). Niên hiệu vua Quang Trung bắt đầu xuất hiện từ đây.

Năm 1789, ông chỉ huy trận Ngọc Hồi - Đống Đa, quét sạch 29 vạn quân Thanh và bè lũ tay sai phản quốc Lê Chiêu Thống ra khỏi bờ cõi.

Từ năm 1789 đến năm 1792, ông ban bố Chiếu khuyến nông, Chiếu lập học, tiến hành những cải cách tích cực nhằm phát triển đất nước.

Ngày 15/9/1792, ông đột ngột qua đời. Ông xứng danh là vị Anh hùng dân tộc, có công lớn trong việc thống nhất đất nước và bảo vệ nền độc lập dân tộc. Tên ông được đặt tên công trình công cộng ở nhiều tỉnh, thành trên cả nước.

Đường Nguyễn Huệ có điểm đầu: giáp với đường Lý Công Uẩn; điểm cuối: giao với đường Nguyễn Tri Phương; chiều dài: 0,680 km; chiều rộng: 9,0 m.

48. Đường Nguyễn Huỳnh Đức

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Huỳnh Đức).

Tiểu sử danh nhân:

NGUYỄN HUỲNH ĐỨC

(1748 – 1819)

Nguyễn Huỳnh Đức, nguyên họ Huỳnh, tên là Huỳnh Tường Đức, nhưng có công lớn đối với nhà Nguyễn nên ông được mang quốc tính (họ của nhà vua), sinh năm 1748 tại thôn Trường Khánh, huyện Kiến Hưng, tỉnh Định Tường (nay là xã Khánh Hậu, TP Tân An, tỉnh Long An).

Thuở nhỏ, ông có sức mạnh hơn người, nên được người đương thời gọi là "*Hổ tướng*". Năm 1781, ông theo chúa Nguyễn Phúc Ánh. Năm 1783, trong một trận đánh, ông bị quân Tây Sơn bắt; nhưng sau đó, trốn thoát được và sang Xiêm (Thái Lan) tìm gặp Nguyễn Phúc Ánh.

Sau khi Nguyễn Phúc Ánh trở về thu phục đất Gia Định (1788), ông được phong chức Trung dinh giám quân chưởng cơ; rồi được thăng làm Hữu quân Bình Tây tướng quân. Năm 1791, ông chỉ huy quân Nguyễn đánh chiếm cửa Thị Nại và hạ thành Quy Nhơn.

Sau khi Nguyễn Phúc Ánh lên ngôi vua, xưng là Gia Long (1802), ông được phong tước Quận công và giữ chức Trấn thủ trấn Bình Định. Năm 1810, ông làm Tổng trấn Bắc Thành, cai quản các địa phương toàn miền Bắc. Năm 1816, ông được điều về Nam, làm Tổng trấn Gia Định thành, cai quản cả năm trấn ở miền Nam là Gia Định, Định Tường, Biên Hòa, Vĩnh Long và Hà Tiên.

Năm 1819, do tuổi cao sức yếu, ông qua đời thọ 71 tuổi, an táng tại quê nhà. Là một công thần của nhà Nguyễn, ông được triều đình truy tặng hàm Phụ quốc thượng tướng quân, Thượng trụ quốc, Thái phó quận công; bài vị được thờ chính ở miếu Trung Hưng công thần, thờ phụ tại Thế miếu (nơi thờ các vị chúa Nguyễn). Đến đời vua Minh Mạng, ông được truy tặng hàm Kiến xương quận công.

Hiện nay, lăng mộ của ông được Nhà nước xếp hạng Di tích văn hóa – lịch sử cấp quốc gia (1993), tọa lạc tại xã Khánh hậu, thành phố Tân An, tỉnh Long An. Tên ông được đặt tên đường ở thành phố Mỹ Tho (tỉnh Tiền Giang), thành phố Tân An (tỉnh Long An), thành phố Rạch Giá (tỉnh Kiên Giang), thành phố Vĩnh Long (tỉnh Vĩnh Long).

Đường Nguyễn Huỳnh Đức có điểm đầu: giáp với đường Trần Nguyên Hãn; điểm cuối: giao với đường Thái Văn Đẩu; chiều dài: 0,900 km; chiều rộng: 8,0 m.

49. Đường Nguyễn Hữu Trí

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Hữu Trí).

Tiểu sử danh nhân:

NGUYỄN HỮU TRÍ

(1926 – 1993)

Nguyễn Hữu Trí còn có tên là Nguyễn Văn Bốn sinh năm 1926 tại làng Vĩnh Lợi, tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công (nay là thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình có truyền thống cách mạng.

Hòa trong khí thế hào hùng của nhân dân Gò Công trong cuộc tổng khởi nghĩa tháng 8-1945, ông giác ngộ và tham gia cách mạng ở quê nhà. Tháng 10-1945, ông tham gia lực lượng Cộng hòa vệ binh ở địa phương, góp phần vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp khi bọn chúng quay trở lại xâm lược Gò Công. Sau đó, ông lần lượt làm trinh sát viên ở Khu 7, tổ trưởng trinh sát thuộc Phòng Tham mưu Khu 8, trung đội trưởng trinh sát thuộc Phòng Tham mưu Khu 9. Năm 1949, ông được cấp trên phân công vào các đô thị ở vùng tạm chiếm với nhiệm vụ quan trọng là tổ chức mua những mặt hàng cần thiết cho kháng chiến, như thuốc tây, hóa chất, thuốc nổ, điện đài,… để bí mật vận chuyển ra vùng căn cứ Khu 9. Đồng thời, ông còn xây dựng được nhiều cơ sở cách mạng ở nội thành Sài Gòn và trực tiếp đưa thư từ, tài liệu vận động cách mạng tới một số vị nhân sĩ, trí thức.

Năm 1951, ông được đề bạt làm cán bộ Phòng Tham mưu Khu 8. Sau đó ít lâu, trên đường đi công tác, ông bị địch bắt. Trải qua nhiều nhà tù và mặc dù bị tra tấn hết sức dã man, nhưng ông vẫn một lòng trung thành với Đảng và nhân dân, kiên cường giữ vững khí tiết của người chiến sĩ cộng sản. Do không tìm ra chứng cớ để kết tội nên địch buộc phải trả tự do cho ông. Ngay sau đó, ông trở ra vùng giải phóng tiếp tục công tác. Năm 1953, ông làm Trưởng ban Hành chính - Quản trị thuộc Bộ Tư lệnh Phân liên khu miền Tây Nam Bộ.

Năm 1954, ông tập kết ra miền Bắc, làm Trưởng ban Hành chính của Trung đoàn 78, sau đó được cử đi học Trường Sĩ quan Lục quân. Năm 1959, ông tốt nghiệp, được phong quân hàm trung úy, công tác tại Cục Tình báo. Liên tục trong hai năm 1960 và 1961, ông được Cục Tình báo bồi dưỡng về chính trị và được huấn luyện nghiệp vụ tình báo. Đầu năm 1963, trên một chiếc tàu không số, ông theo đường biển trở vào miền Nam công tác, làm tổ trưởng điệp báo Cụm A20, có nhiệm vụ tạo lập bình phong, chỗ đứng chân, từng bước hợp pháp hóa tại địa bàn Sài Gòn.

Tại Sài Gòn, dựa vào người thân trong gia đình, ông đã nhanh chóng tạo được nơi ăn ở, làm được giấy tờ tùy thân hợp pháp, có nghề nghiệp phù hợp, tạo được nơi cất giấu và sử dụng điện đài an toàn, thuận tiện, thậm chí giữa năm 1964, khi nhu cầu liên lạc tăng cao, ông còn đón điện đài viên từ chiến khu vào, làm việc an toàn, có hiệu quả cho tới khi cán bộ này được rút về vào tháng 11-1965.

Trên cơ sở đó, với tất cả sự cẩn trọng, chặt chẽ, năng động, mưu trí và dũng cảm, ông đã xây dựng được mạng lưới tình báo chiến lược quân sự, hoạt động ngay trong lòng địch, trong đó có cả công chức, sĩ quan của chính quyền và quân đội Sài Gòn hoặc cài cắm người của ta vào làm việc trong bộ máy của chính quyền địch. Bên cạnh đó, ông còn

chủ động mở rộng, đi sâu quan hệ với một số sĩ quan cao cấp và nhân vật tên tuổi trong các giới để thu thập tin tức.

Dưới sự tổ chức và chỉ đạo tài tình của ông, mạng lưới tình báo do ông làm tổ trưởng hoạt động rất có hiệu quả, thu được nhiều thông tin và tài liệu có ý nghĩa chiến lược từ phía Mỹ, chính quyền và quân đội Sài Gòn, được Cục Tình báo đánh giá cao, phục vụ đắc lực cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của quân dân cả nước. Từ năm 1963 đến năm 1970, mạng lưới điệp báo của ông có vai trò như là một trong vài mạng lưới chủ chốt của tình báo chiến lược quân sự. Đặc biệt, tuy số lượng điệp viên, quan hệ và cơ sở điệp báo,… của mạng lưới là khá lớn và nhiều người được xây dựng thông qua quan hệ "bắc cầu"; nhưng ông vẫn bảo đảm tốt yêu cầu cự ly, đơn tuyến trong lưới, giữ vững an toàn tuyệt đối, khiến cho cơ quan tình báo CIA của Mỹ và Phủ Đặc ủy trung ương tình báo của chính quyền Sài Gòn không tài nào phát hiện.

Năm 1970, sau khi hoàn thành nhiệm vụ do cấp trên giao phó, ông được điều ra vùng giải phóng. Năm 1971, ông được bổ nhiệm làm Phó phòng Tình báo chiến lược Miền (J22). Đầu năm 1973, ông được cử phụ trách Ban Tình báo ngoại giao của Phòng Tình báo chiến lược Miền và tham gia Đoàn đại biểu quân sự của Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam vào làm việc tại trại David ở Sài Gòn trong khuôn khổ của hiệp định Paris.

Giữa năm 1973, theo sự điều động của tổ chức, ông trở về vùng giải phóng, làm Phó phòng; từ tháng 4/1974, làm Quyền Trưởng phòng Tình báo chiến lược Miền. Tháng 12/1974, khi Phòng Tình báo chiến lược Miền được chuyển thành Đoàn Tình báo 22 thuộc Bộ Tham mưu Miền, ông được chỉ định làm Quyền Đoàn trưởng. Trên những cương vị ấy, ông đã lãnh đạo, chỉ huy lực lượng tình báo chiến lược Miền hoàn thành tốt nhiệm vụ nắm tình hình địch, phục vụ cho công tác chỉ đạo chiến lược, chiến dịch của cấp trên và điều tra mục tiêu, chuẩn bị cho bộ đội tác chiến trong những năm tháng cuối cùng của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Sau ngày đất nước hòa bình, thống nhất (30-4-1975), ông tiếp tục công tác trong quân đội, là Phó Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 1986, ông nghỉ hưu. Năm 1993, ông mất tại thành phố Hồ Chí Minh.

Là nhà tình báo chiến lược quân sự xuất sắc, ông có nhiều đóng góp quan trọng trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Ông được tặng thưởng 4 Huân chương Chiến công (2 hạng Nhất, 2 hạng Nhì). Ngày 20-9-1971, ông được Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam phong tặng ông danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng. Tên của ông được đặt tên đường ở Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Mỹ Tho và huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, tên trường tiểu học ở thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Đường Nguyễn Hữu Trí có điểm đầu: giáp với đường Lê Văn Nghề; điểm cuối: giao với Khu dân cư; chiều dài: 0,200 km; chiều rộng: 10,5 m.

50. Đường Nguyễn Minh Đường

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Minh Đường).

Tiểu sử danh nhân:

NGUYỄN MINH ĐƯỜNG

(1919 – 2002)

Nguyễn Minh Đường, tên thật là Nguyễn Văn Mùi thường gọi là Sáu Đường, bí danh Lê Mẫn, Lê An, bí số 206, sinh năm 1919 tại làng Phước Vân, quận Cần Đước, tỉnh Tân An (nay là xã Phước Vân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An). Sớm giác ngộ cách mạng, ông tham gia phong trào Mặt trận Dân chủ Đông Dương, thường viết bài cho báo Dân Chúng và báo Lao Động. Năm 1937, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương.

Năm 1940, ông tham gia khởi nghĩa Nam kỳ ở địa phương. Sau đó, ông tham gia xây dựng cơ sở Đảng trong quần chúng ở Cần Đước. Tháng 8-1945, ông tham gia lãnh đạo giành chính quyền ở quận Cần Đước, được bầu làm Bí thư, rồi Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện Cần Đước. Năm 1948, làm Phó bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Chợ Lớn, rồi Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Tân An (1949), Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Đồng Tháp (1950).

Năm 1951-1954, sau khi có chủ trương của Xứ ủy và Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ sáp nhập các tỉnh ở Nam Bộ thành đơn vị hành chính mới để phù hợp việc chỉ đạo trong tình hình mới, ông được cử làm Bí thư Tỉnh ủy kiêm Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Mỹ Tho còn gọi là tỉnh Tân Mỹ Gò (Tân An, Mỹ Tho và Gò Công). Trong giai đoạn này, ông đã chủ trì nhiều hội nghị Tỉnh ủy, đề ra chủ trương, biện pháp đúng đắn, phù hợp với tình hình thực tiễn nhằm thúc đẩy phong trào cách mạng ở toàn tỉnh tiến lên. Riêng ở Gò Công, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy do ông làm Bí thư, Đảng bộ và nhân dân địa phương đã kiên cường chiến đấu, giữ vững niềm tin vào thắng lợi cuối cùng của dân tộc, phá tan hệ thống đồn bót, làm thất bại âm mưu bình định của địch, đưa Gò Công trở thành một huyện có phong trào chiến tranh du kích mạnh, góp phần tích cực vào chiến thắng Đông Xuân 1953 - 1954 trên toàn quốc, đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta đi đến thắng lợi hoàn toàn, xứng đáng được Trung ương Đảng, Chính phủ tặng thưởng Huân chương Quân công hạng ba và Phân Liên khu miền Đông Nam bộ trao tặng giải thưởng trong phong trào thi đua hai năm 1953 - 1954.

Sau năm 1954, ông được phân công ở lại hoạt động tại miền Nam. Năm 1958, ông là Ủy viên Xứ ủy Nam Bộ, Bí thư Khu ủy 8. Tháng 01-1961, khi Trung ương Cục miền Nam được thành lập thay cho Xứ ủy Nam Bộ, ông được cử làm Ủy viên Trung ương Cục, Trưởng ban Dân vận Trung ương Cục miền Nam.

Sau ngày đất nước thống nhất, năm 1976, ông là Phó trưởng ban Dân vận Trung ương, Ủy viên Đảng đoàn, Ủy viên Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc

Việt Nam. Năm 1984, ông về hưu. Năm 2002, ông mất tại Thành phố Hồ Chí Minh, thọ 93 tuổi. Được biết, ông là phu quân của bà Nguyễn Ngọc Việt, nguyên Bí thư Tỉnh ủy Gò Công.

Trong quá trình hoạt động cách mạng, ông luôn tỏ rõ là một cán bộ lãnh đạo kiên trung, năng nỗ, có nhiều đóng góp quan trọng trong công cuộc giải phóng dân tộc, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Kháng chiến chống Pháp hạng nhất, Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng nhất, Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng và nhiều bằng khen. Tên ông được đặt tên đường tại thành phố Mỹ Tho (tỉnh Tiền Giang) và thành phố Tân An (tỉnh Long An).

Đường Nguyễn Minh Đường có điểm đầu: giáp với đường xã Đạo Thạnh; điểm cuối: giao với Quốc lộ 50; chiều dài: 1,0 km; chiều rộng: 8,0 m.

51. Đường Nguyễn Ngọc Ba

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Ngọc Ba).

Tiểu sử danh nhân:

NGUYỄN NGỌC BA

(1906 – 1997)

Nguyễn Ngọc Ba sinh năm 1906 tại Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Tháng 7-1926, ông được tổ chức yêu nước Hưng Nam ở Trung Kỳ cử sang Quảng Châu (Trung Quốc) học lớp huấn luyện chính trị và phương pháp hoạt động cách mạng của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên do Lý Thụy (Nguyễn Ái Quốc/Hồ Chí Minh) phụ trách. Đây là lớp huấn luyện cách mạng đầu tiên cho các chiến sĩ từ Việt Nam sang, được khai giảng tháng 8-1926 tại ngôi nhà ở đường Văn Minh thành phố Quảng Châu (Trung Quốc). Học viên lớp này khoảng 20 người, trong đó có Trần Phú, Nguyễn Công Thu, Nguyễn Danh Thọ, Nguyễn Ngọc Ba, Phan Trọng Quảng, Phan Trọng Bình, Nguyễn Văn Lợi,… Những học viên này được giao nhiệm vụ trở về ba miền Bắc, Trung, Nam để gieo mầm hạt giống cách mạng, gây dựng những cơ sở đầu tiên của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên ở trong nước

Năm 1927, sau khi mãn khóa học, ông về nước, lựa chọn một số thanh niên ưu tú ở Vinh để xuất dương dự học các lớp huấn luyện tiếp theo. Tháng 7-1927, ông được phân công vào Nam Kỳ phụ trách nhóm trí thức, học sinh ở Trường Trung học Cần Thơ (Collège de Cantho), tỉnh Cần Thơ.

Tháng 5-1928, ông được cử về tỉnh Mỹ Tho hoạt động. Tháng 8-1929, ông là Bí thư Tỉnh ủy An Nam Cộng sản Đảng tỉnh Mỹ Tho. Với cương vị của mình, ông đã đi về cơ sở, vận động cách mạng, thành lập các chi bộ An Nam Cộng sản Đảng ở tỉnh Gò Công, thị xã Mỹ Tho, các huyện An Hóa (nay thuộc tỉnh Bến Tre), Châu Thành. Ngoài ra, ông còn đến các huyện Chợ Gạo, Cai Lậy, Cái Bè lựa chọn những người nòng cốt trong tổ

chức Hội Việt Nam cách mạng thanh niên để kết nạp vào An Nam Cộng sản Đảng. Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy An Nam Cộng sản Đảng tỉnh Mỹ Tho, do ông làm Bí thư, phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân tỉnh Mỹ Tho phát triển ngày càng mạnh mẽ.

Trước tình hình đó, thực dân Pháp và bọn tay sai ra sức đàn áp, khủng bố phong trào quần chúng. Ngày 28-10-1929, ông bị thực dân Pháp bắt đày đi Côn Đảo. Ở trong tù, ông giữ vững khí tiết của người chiến sĩ cộng sản, kiên quyết không khai báo, một lòng trung thành với Tổ quốc và nhân dân. Tháng 9-1945, sau khi Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, ông được Đảng đón về đất liền, tiếp tục hoạt động cách mạng. Sau khi Hiệp định Genève được ký kết (7-1954), ông tập kết ra miền Bắc, được Đảng và Nhà nước cho nghỉ hưu theo chế độ cán bộ lão thành cách mạng.

Năm 1997, do tuổi cao sức yếu, ông từ trần. Tên ông được đặt tên đường ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đường Nguyễn Ngọc Ba có điểm đầu: giáp với đường Lê Thị Hồng Gấm; điểm cuối: giáp kinh Xáng Cụt; chiều dài: 0,450 km; chiều rộng: 3,5 m.

52. Đường Nguyễn Thị Thập

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Thị Thập).

Tiểu sử danh nhân:

NGUYỄN THỊ THẬP

(1908 – 1996)

Nguyễn Thị Thập tên thật là Nguyễn Thị Ngọc Tốt, sinh năm 1908 tại làng Long Hưng, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang).

Năm 1928, bà tham gia Nông hội đỏ tại địa phương với nhiệm vụ thông tin liên lạc. Ba năm sau, bà thoát ly gia đình, lên Sài Gòn hoạt động cách mạng, thâm nhập cuộc sống công nhân, thợ thuyền, những người lao động nghèo khổ để tuyên truyền giác ngộ, xây dựng cơ sở cách mạng ở thành phố Sài Gòn và các tỉnh: Mỹ Tho, Tân An, Bến Tre và bà được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam). Từ đây bà lấy bí danh là Mười Thập.

Tháng 4-1935, bà được bầu làm Ủy viên Xứ ủy Nam kỳ. Sau đó không lâu bà bị thực dân Pháp bắt giam tại Khám Lớn Sài Gòn. Sự tù đày, tra tấn dã man của kẻ thù vẫn không làm lay chuyển được ý chí gang thép của người nữ chiến sĩ cộng sản. Trong những năm 1935 - 1936, ở nước Pháp, Mặt trận Bình dân lên nắm chính quyền, chế độ dân chủ được mở rộng, sự hà khắc đối với các nước thuộc địa cũng được nới lỏng hơn, bà và một số tù nhân chính trị chưa thành án được trả tự do.

Theo sự điều động của cấp trên, bà trở về quê hương tiếp tục tuyên truyền, giáo dục xóa bỏ hủ tục mê tín dị đoan, lề thói lạc hậu ở nông thôn, tuyên truyền lý tưởng

cách mạng, qua đó xây dựng cơ sở cách mạng ở khắp các tỉnh Mỹ Tho, Tân An, Bến Tre, Bạc Liêu, Vĩnh Long, Sa Đéc….

Ở Mỹ Tho, bà cùng với ông Nguyễn Văn Cảnh (Tám Cảnh - anh ruột) và ông Lê Văn Giác (một người bạn thân, sau trở thành chồng bà, là Tỉnh ủy viên Mỹ Tho) thường xuyên tập hợp anh chị em thanh niên trong xã Long Hưng để tuyên truyền lý tưởng cách mạng, vạch tội ác thực dân Pháp, bọn cường hào ác bá và gầy dựng, phát triển lực lượng cách mạng. Xã Long Hưng trở thành nơi lực lượng cách mạng phát triển mạnh nhất của tỉnh Mỹ Tho.

Năm 1937, bà lãnh đạo nhân dân Long Hưng đấu tranh chống thuế thân. Cuộc đấu tranh diễn ra rất quyết liệt, địch tập trung đàn áp, bà bị chúng bắt giam 6 tháng tại khám đường Mỹ Tho. Ra tù, bà tiếp tục công tác vận động quần chúng, củng cố và phát triển cơ sở. Năm này, ông Lê Văn Giác được thả khỏi nhà tù Côn Đảo, 2 người kết hôn, sau đó không lâu ông Lê Văn Giác bị địch bắt trở lại và đày biệt xứ ở Bạc Liêu.

Năm 1939, chiến tranh thế giới lần thứ II bùng nổ, thực dân Pháp ra sức vơ vét nhân lực, tài lực phục vụ chiến tranh. Sưu cao thuế nặng, vật giá leo thang, nhân dân ngày càng khốn khổ. Ở Mỹ Tho, chúng cấm các tổ chức quần chúng hoạt động, ruồng bắt thanh niên đưa sang Pháp hoặc đưa ra biên giới đánh quân Xiêm. Nhân dân vô cùng căm tức bọn thực dân và tay sai, chỉ mong có cuộc nổi dậy.

Nắm được nguyện vọng của quần chúng, bà ngày đêm tuyên truyền, vận động quần chúng ủng hộ cách mạng và tham gia nổi dậy. Truyền đơn của Đảng kêu gọi đồng bào đoàn kết dưới ngọn cờ của Mặt trận Thống nhất Dân tộc Phản đế Đông Dương đứng lên cứu lấy Tổ quốc, được bà chuyển từ tay người này đến người khác, từ xóm ấp này đến xóm ấp khác.

Trong một lần rải truyền đơn, quyên góp lương thực, tài chính để hoạt động và mua vũ khí bà bị địch bắt. Khi biết sự việc này, hàng trăm người dân xã Long Hưng tay mác, tay giáo xông tới đòi bắt tên cò mật thám Trần Chánh, tên này và đám lính bỏ chạy, bà được giải thoát.

Năm 1940, địch ra sức khủng bố, nhân dân đòi bạo động đánh Pháp. Tỉnh ủy Mỹ Tho quyết định lấy rừng Ba U làm căn cứ, tổ chức nhiều cuộc hội nghị ở nhiều nơi khác nhau trong tỉnh bàn việc chuẩn bị khởi nghĩa ở Mỹ Tho, thành lập Ủy ban khởi nghĩa. Bà được giao nhiệm vụ phụ trách lực lượng vũ trang của tỉnh.

Từ tháng 8 đến tháng 11-1940, bà tích cực tổ chức các địa phương trong tỉnh luyện tập, chuẩn bị cho một cuộc khởi nghĩa lớn. Khi có lệnh khởi nghĩa của Xứ ủy, lực lượng vũ trang và nhân dân Mỹ Tho làm một cuộc "tiến công lên trời", cờ đỏ sao vàng (sau này trở thành Quốc kỳ của nước ta) lần đầu tiên được xuất hiện ở đình Long Hưng – nơi được chọn làm tổng hành dinh cách mạng của cuộc khởi nghĩa ở Mỹ Tho.

Cuộc khởi nghĩa thành lập được chính quyền công – nông, tuy là chính quyền tự quản và tồn tại không lâu do thực dân Pháp trở lại đàn áp khốc liệt, nhưng chính quyền đã thực thi chính sách đại đoàn kết dân tộc, khắc sâu dấu ấn đặc biệt trong ký ức của

người dân Mỹ Tho và hình ảnh người đảng viên Nguyễn Thị Thập bụng mang dạ chửa gần ngày sinh nở vẫn thắt khăn nịt bụng chỉ huy lực lượng vũ trang xông vào chiếm đồn bót, trương biểu ngữ, trương cờ. Bị kẻ thù tập nã, niêm yết khắp nơi, kèm nhiều tiền thưởng cho ai bắt được bà, nhưng bà đã được cán bộ, nhân dân Mỹ Tho và Nam bộ yêu thương, che chở an toàn.

Sau cuộc khởi nghĩa Nam kỳ, địch ra tay đàn áp nhân dân, ruồng bố, bắt giam hàng ngàn người yêu nước. Chồng bà - ông Lê Văn Giác một lần nữa bị địch bắt và bị xử tử hình. Nén đau thương, bà trở lại quê nhà Long Hưng – cái nôi của cuộc khởi nghĩa để gầy dựng lại cơ sở cách mạng và tiếp tục xây dựng cơ sở quần chúng ở các tỉnh miền Tây Nam bộ.

Cuối năm 1944, bà cùng với nhiều cán bộ trong tỉnh Mỹ Tho và các tỉnh bạn xúc tiến việc khôi phục lại Tỉnh ủy Mỹ Tho và Xứ ủy Nam kỳ (tỉnh Mỹ Tho lúc bấy giờ có 2 Tỉnh ủy: Tỉnh ủy Tiền Phong và Tỉnh ủy Giải Phóng; Xứ ủy Nam kỳ cũng có 2 Xứ ủy: Xứ ủy Tiền Phong và Xứ ủy Giải Phóng).

Đầu tháng 8-1945, bà được cử đi dự Đại hội Quốc dân, họp ở Khu căn cứ Tân Trào (Tuyên Quang). Do đường sá xa xôi nên khi tới Hà Nội thì Đại hội đã kết thúc và cuộc tổng khởi nghĩa tháng Tám giành được thắng lợi. Bà trở lại thủ đô gặp Trung ương Đảng và được Tổng Bí thư Trường Chinh giao trọng trách cùng với phái viên Trung ương tiến hành việc thống nhất Đảng bộ Nam bộ.

Cuối tháng 8-1945, bà về đến Mỹ Tho, thực hiện thành công việc thống nhất tổ chức Đảng bộ Nam bộ. Trong Cuộc bầu cử Quốc hội ngày 6-1-1946, bà trúng cử đại biểu Quốc hội, đơn vị tỉnh Mỹ Tho, được dự cuộc họp Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Tháng 11-1946, bà trở về Nam bộ với nhiệm vụ do Chủ tịch Hồ Chí Minh giao phó là tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng và củng cố Đảng bộ Nam bộ vững mạnh. Với tấm lòng trong sáng, vô tư, vì sự nghiệp cao cả của Đảng, bà đã đề ra nhiều biện pháp hợp tình hợp lý trong việc chấn chỉnh tổ chức Đảng ở Nam Bộ, kết quả là Xứ ủy Nam Bộ và Tỉnh ủy các tỉnh được củng cố về nhiều mặt.

Từ năm 1947 đến năm 1952, bà là Hội trưởng Hội Phụ nữ cứu quốc Nam bộ, là một tổ chức quy tụ và phát huy sức mạnh của hàng triệu phụ nữ Nam bộ. Với nhiều phong trào cứu quốc, phụ nữ Nam bộ đã góp phần quan trọng vào thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta. Năm 1953 bà được Trung ương điều ra Việt Bắc. Sau khi Hiệp định Genève (ngày 20-7-1954) được ký kết, bà được cử vào miền Nam phổ biến việc thi hành Hiệp định đình chiến.

Sau khi tập kết ra miền Bắc (1954), bà được bầu là Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam (1956-1974). Năm 1955, bà được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam) cho đến khi nghỉ hưu (năm 1980). Bà còn được Đảng và Nhà nước Việt Nam giao nhiều chức vụ quan trọng như: Bí thư Đảng đoàn phụ nữ kiêm Trưởng ban phụ vận Trung ương Đảng.

Gần 60 năm tham gia hoạt động cách mạng, được Đảng và Nhà nước giao nhiều trọng trách quan trọng, bà luôn khắc phục và vượt mọi khó khăn, nguy hiểm, không sợ gian khổ, hy sinh để hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ mà Đảng và Nhân dân giao phó.

Trên cương vị là Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, bà cùng với tập thể lãnh đạo đề ra những chủ trương chỉ đạo sáng tạo, phù hợp với tình hình của đất nước, tổ chức nhiều hoạt động, nhiều phong trào thi đua sôi nổi của phụ nữ thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà, đặc biệt là phong trào phụ nữ "Năm tốt" và phong trào "Ba đảm đang" có sức lôi cuốn toàn thể phụ nữ từ thành thị đến nông thôn hăng hái tham gia.

Trong thời gian giữ trọng trách là Phó Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đại biểu Quốc hội, bà đã đóng góp tiếng nói của Hội phụ nữ - đại điện cho giới nữ vào việc sửa đổi Hiến pháp (1959) và xây dựng một số văn bản luật trong thời kỳ này. Đồng thời, bà đã kiến nghị với Đảng và Nhà nước xây dựng Luật Hôn nhân và Gia đình.

Liên tục từ khóa I đến khóa VI (1946-1981), bà được bầu vào Quốc hội và giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội từ khóa III đến khóa VI (1964-1981). Năm 1985, bà được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Sao Vàng - Huân chương cao quý nhất của Nhà nước Việt Nam và danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" vì có chồng và hai người con trai đã anh dũng hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Bà mất năm 1996 tại TP Hồ Chí Minh, hưởng thọ 88 tuổi.

Trong Điếu văn do Chủ tịch Quốc hội Nông Đức Mạnh đọc tại lễ tang của bà, đã nhấn mạnh: "Gần 70 năm tham gia cách mạng, hơn 60 năm chiến đấu liên tục trong đội ngũ của Đảng, được Đảng và Nhà nước giao nhiều trọng trách, bà là một cán bộ có nhiều cống hiến xuất sắc đối với phong trào cách mạng, phong trào phụ nữ Việt Nam và phong trào phụ nữ thế giới. Bà là một cán bộ gương mẫu với nhiều phẩm chất cao quý: Trung thực, thẳng thắn, sống giản dị, tiết kiệm, thương yêu, gần gũi đồng chí, đồng bào". Tên bà được đặt tên đường, tên trường học ở nhiều địa phương trên cả nước.

Đường Nguyễn Thị Thập có điểm đầu: giáp với đường Ấp Bắc; điểm cuối: cầu Rạch Miễu; chiều dài: 2,2 km; chiều rộng: 22,0 m.

53. Đường Nguyễn Quân

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Quân).

Tiểu sử danh nhân:

NGUYỄN QUÂN

(1925 – 1972)

Nguyễn Quân sinh năm 1925 tại xã Tường Đa, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Ông là Tỉnh đội trưởng Tỉnh đội Bến Tre rồi Trưởng phòng Dân quân, Bộ Tham mưu Quân khu 8. Tháng 6-1968, Quân khu quyết định điều ông về thành phố Mỹ Tho, nhận nhiệm vụ Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Thành đội trưởng Thành đội Mỹ Tho. Dưới sự chỉ huy của ông, lực lượng Thành đội đã tổ chức nhiều trận đánh vào các căn cứ quân sự của địch, tiêu diệt sinh lực địch, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh, bảo vệ vững chắc vùng giải phóng ở các xã ven và các lõm du kích trong nội thành.

Tháng 02-1972, ông anh dũng hy sinh trong một trận chống địch hành quân càn quét tại ấp Phước Thuận, xã Phước Thạnh, huyện Châu Thành Nam (nay là xã Phước Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang). Tên ông được đặt tên đường ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đường Nguyễn Quân có điểm đầu: giáp với đường Ấp Bắc; điểm cuối: cầu Đạo Thạnh giáp sông Bảo Định; chiều dài: 0,400 km; chiều rộng: 5,0 m.

54. Đường Nguyễn Sáng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Sáng).

Tiểu sử danh nhân:

NGUYỄN SÁNG

(1923 – 1988)

Nguyễn Sáng sinh năm 1923 tại làng Điều Hòa, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho (nay là các Phường 1, 2, 3, 4, 7, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang trong một gia đình trí thức trung lưu.

Sau khi học hết bậc trung học ở Trường Collège de Mytho (nay là Trường Trung học phổ thông Nguyễn Đình Chiểu, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang) và Trường Lycée de Pétrus Ký (nay là Trường Trung học phổ thông chuyên Lê Hồng Phong, Thành Phố Hồ Chí Minh), ông thi đậu vào Trường Mỹ thuật Gia Định (1936 - 1938) rồi Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương ở Hà Nội (1941 - 1945). Trong thời gian học ở đây, ông được đánh giá là một sinh viên đầy cá tính, có năng khiếu và năng lực sáng tạo nghệ thuật.

Tháng 8 - 1945, ông tốt nghiệp trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương. Đó cũng là lúc cuộc Cách mạng tháng Tám bùng nổ. Với lòng yêu nước nồng nàn, ông tham gia lực lượng khởi nghĩa, tấn công Phủ Khâm sai (Hà Nội). Sau đó, ông vẽ tranh tuyên truyền, cổ động cho cách mạng; đồng thời, tham gia vẽ mẫu giấy bạc cho Bộ Tài chính của chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu.

Cuối tháng 12 - 1946, cùng với nhiều văn nghệ sĩ khác, ông lên chiến khu Việt Bắc tham gia cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Nhận thức được giá trị của nghệ thuật trong cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc; nên ông đã dồn hết tâm huyết, trí tuệ và sức lực của mình cho hội họa nhằm phục vụ cuộc kháng chiến của dân tộc. Vì vậy, ông được

đánh giá là một trong số những họa sĩ sớm giác ngộ cách mạng và đi đầu trong lĩnh vực văn hóa - tư tưởng. Ông là hội viên ngành hội họa thuộc Hội Mỹ thuật Việt Nam từ 1957; Ủy viên Ban Chấp hành Hội Mỹ thuật Việt Nam khoá 1 (1957 - 1983); hoạ sĩ Tổ sáng tác Hội Mỹ thuật Việt Nam

Tranh của ông gồm nhiều thể loại; và hầu như ở thể loại nào, ông cũng đều thành công.

Về thể loại thiết kế tem, ông chính là người có vinh dự thiết kế bộ tem bưu chính đầu tiên của nước Việt Nam độc lập, phát hành năm 1946, thể hiện chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh, người Công dân số 1, vị Chủ tịch đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đây là lần đầu tiên con tem thuần chất của nước ta mang trên mình hai chữ "Việt Nam" cùng với hình ảnh vị lãnh tụ đã sáng lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Vì thế, con tem này có ý nghĩa về nhiều mặt: chính trị, văn hóa, nghệ thuật, kinh tế, xã hội,... đánh dấu một mốc lớn đối với ngành Bưu điện Việt Nam nói riêng, đối với đất nước nói chung. Sau khi con tem được phát hành, ở các bưu cục trong cả nước, người mua tem thư "Cụ Hồ" rất nhiều. Đặc biệt, ở Hà Nội đã xuất hiện "Chợ tem" tại Vườn hoa Chí Linh, người chơi tem chen nhau mua tem "Cụ Hồ".

Tiếp sau đó, vào năm 1949, trong thời kỳ kháng chiến cực kỳ gian khổ ở núi rừng Việt Bắc, nhằm đáp ứng yêu cầu kháng chiến, Nguyễn Sáng lại được giao thiết kế bộ tem thứ hai - "Kỷ niệm lần thứ 59 ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh", thể hiện chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh ở tư thế ngồi hơi nghiêng, vẻ mặt trầm tư, sâu lắng, đĩnh đạc và đầy kiên nghị, phản ánh được phong thái của Người trong những ngày kháng chiến ở thời kỳ quyết liệt. Tem in typo trên giấy dó gồm 2 mẫu với 2 màu: nâu vàng đất và đỏ gạch mộc mạc, khiêm tốn, giản dị. Đây là bộ tem độc đáo của Việt Nam bởi được in trên giấy dó - một loại giấy được sản xuất thủ công chuyên dùng để in tranh dân gian ở miền Bắc Việt Nam và nó nhanh chóng trở thành bộ tem quý hiếm.

Đánh giá về những mẫu tem do ông thiết kế, họa sĩ Phan Kế An, Trưởng bộ môn Đồ họa - Hội Nghệ sĩ tạo hình Việt Nam, người chuyên vẽ Bác Hồ đã viết: *Nguyễn Sáng khi sáng tác hội họa là một tác giả có bút pháp phóng khoáng, có thể nói là tung hoành nữa, nhưng khi vẽ tem, vẽ giấy bạc lại là một nhà đồ họa vững vàng, tỉ mỉ, chính xác, biết tìm những biện pháp tối ưu, thích hợp với kỹ thuật thô sơ của thuở sơ khai... Con tem đầu tay của anh vẽ chân dung "Cụ Hồ" là con tem chững chạc, vẽ với tinh thần trách nhiệm cao, với tình cảm sâu đậm, hình ảnh Bác được mô tả đúng tinh thần, toàn thể con tem trang trọng.*

Về thể loại chiến tranh cách mạng, trong cuộc kháng chiến chống Pháp, ông có các tác phẩm Giặc đốt làng tôi, Kết nạp Đảng trong chiến hào Điện Biên Phủ, Bộ đội trú mưa, Bộ đội nghỉ trưa trên đồi; trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, ông có tác phẩm *Thành đồng Tổ quốc*. Các bức tranh đó, tuy kích thước không thật lớn, nhưng với những hình thể chắc nịch, gan góc, bố cục vừa chặt chẽ vừa thoáng đãng và với những đường nét dọc ngang mạnh mẽ, đã đọng lại mãi mãi trong người xem về hai cuộc kháng chiến hào hùng của dân tộc ta.Với thể loại này, ông là một họa sĩ xuất sắc của trường phái nghệ

thuật hiện thực xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Đặc biệt, bức tranh *Kết nạp Đảng trong chiến hào Điện Biên Phủ* là một tác phẩm tràn đầy cảm hứng chân thực, giàu chất sử thi, toát lên sức mạnh và sự hùng tráng của các nhân vật trong tranh. Bức tranh được đánh giá là một trong những tác phẩm sáng tác về Đảng và cách mạng thành công nhất. Được biết, năm 2004, bức tranh này khi mang ra nước ngoài triển lãm, Ban tổ chức đã mua bảo hiểm lên đến 1 triệu đô la.

Ông còn vẽ chân dung của một số bạn bè văn nghệ sĩ thân thiết, như Tô Hoài, Nguyễn Tuân, Nguyễn Tiến Chung, Bùi Xuân Phái, Dương Bích Liên…; trong đó phải kể đến hai bức *Tự họa* và *Không gian* đầy ấn tượng của ông. Có thể nói, ông là bậc thầy về mô tả, làm nổi bật cả tính cách lẫn đặc điểm của nhân vật.

Ngoài ra, ông còn vẽ tranh theo nhiều đề tài khác nhau, như phụ nữ và hoa (*Thiếu nữ bên hoa sen*), cảnh đẹp vừa cổ kính vừa lộng lẫy của chùa chiền (tác phẩm *Tháp Phổ Minh*), cảnh núi rừng thâm u mà hùng vĩ (tác phẩm *Pắc Bó*), cảnh nông thôn bình dị, hiền hòa (tác phẩm *Thiếu nữ trong vườn chuối*), cảnh ghi lại những trò chơi dân gian (các tác phẩm *Chọi trâu, Đấu vật*), cảnh sinh hoạt của động vật, như mèo, hổ, ngựa, gà,…

Về mặt nghệ thuật, ông đã làm cuộc cách tân đáng kể trong lĩnh vực sơn dầu và nhất là sơn mài. Về vấn đề này, có tác giả cho rằng: "*Cùng với họa sĩ Nguyễn Gia Trí, Nguyễn Sáng đã góp phần đưa vị thế tranh sơn mài từ chất liệu mang nặng tính thủ công mỹ nghệ trở thành tác phẩm sơn mài mang tính nghệ thuật cao. Ông cố tránh những khâu kỹ thuật nan giải, hạn chế tối đa cách vẽ nhiều màu chồng lên nhau. Ông đã đẩy sơn mài trở về sự chân phác, thực chất nhất, thuần túy nhất của chất liệu và tạo hình*". Đồng thời, ông cũng đã khai thác thành công hội họa hiện đại châu Âu nhưng vẫn không xa rời nghệ thuật dân gian cổ truyền Việt Nam. Nghệ thuật của ông là sự kết hợp hài hòa giữa tính hiện đại và tinh hoa cổ truyền của dân tộc.

Năm 1988, ông mất tại thành phố Hồ Chí Minh. Với một cuộc đời lao động nghệ thuật bền bỉ, đầy nghị lực và sáng tạo; bằng những tác phẩm trứ danh, ông đã cắm một cột mốc quan trọng cho sự phát triển của nền mỹ thuật Việt Nam thời hiện đại.

Trong quá trình sáng tạo nghệ thuật, ông vinh dự được trao tặng nhiều giải thưởng và huân, huy chương, như Giải Nhất triển lãm Mỹ thuật toàn quốc 1954, Huân chương Độc lập hạng Ba; Huy chương Vì sự nghiệp Văn học Nghệ thuật Việt Nam; Huy chương Vì sự nghiệp Mỹ thuật Việt Nam, Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học Nghệ thuật đợt 1 (1996) cho các tác phẩm: *Giặc đốt làng tôi* - Sơn dầu (1954); *Kết nạp Đảng trong chiến hào Điện Biên Phủ* - Sơn mài (1963); *Bộ đội trú mưa* - Sơn mài (1970), *Thiếu nữ bên hoa sen* - Sơn dầu (1972), *Thành đồng Tổ quốc* - Sơn mài (1978); trong đó bức tranh *Kết nạp Đảng trong chiến hào Điện Biên Phủ* được Thủ tướng Chính phủ công nhận Bảo vật quốc gia năm 2013. Tên tuổi của ông được ghi trong "*Bách khoa toàn thư từ điển Larousse*" ở Pháp. Tên ông được đặt tên đường ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang; quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đường Nguyễn Sáng có điểm đầu: giáp với đường Trần Hưng Đạo; điểm cuối giao với đường Hoàng Việt; chiều dài: 0,380 km; chiều rộng: 3,5 m.

55. Đường Nguyễn Trãi

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Trãi).

Tiểu sử danh nhân:

NGUYỄN TRÃI

(1380 – 1442)

Nguyễn Trãi hiệu là Ức Trai, sinh năm 1380, quê ở làng Chi Ngại (nay thuộc Chí Linh, Hải Dương) sau rời về làng Ngọc Ổi (nay thuộc xã Nhị Khê, huyện Thường Tín, Hà Nội). Cha là Nguyễn Phi Khanh, một học trò nghèo, học giỏi, đỗ Thái học sinh. Mẹ là Trần Thị Thái, con quan tư đồ Trần Nguyên Đán, dòng dõi quí tộc.

Ông thi đỗ Thái học sinh năm 1400 và từng làm quan dưới triều Hồ. Sau khi đất nước bị rơi vào ách thống trị của nhà Minh (Trung Quốc), năm 1418, ông tham gia cuộc khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo và trở thành mưu sĩ của nghĩa quân Lam Sơn trong việc bày tính mưu kế cũng như soạn thảo các văn thư ngoại giao với quân Minh.

Ông là bậc khai quốc công thần và là văn thần có uy tín ở thời đầu nhà Hậu Lê. Tuy nhiên, năm 1442, toàn thể gia đình của ông bị tru di tam tộc trong vụ án Lệ Chi Viên. Ngày 01 tháng 9 năm 1442, sau khi vua Lê Thái Tông đi duyệt binh ở Chí Linh, đã vào Côn Sơn thăm Nguyễn Trãi. Khi vua rời Côn Sơn, về đến Trại Vải (Lệ Chi Viên, Bắc Ninh) bị chết đột ngột. Lúc chết có Nguyễn Thị Lộ, người thiếp của Nguyễn Trãi, lúc ấy phụ trách dạy dỗ các cung nữ (chức Lễ nghi học sĩ) hầu bên cạnh. Bọn triều thần bấy lâu nay muốn hãm hại Nguyễn Trãi, nhân cơ hội này liền vu cho ông cùng Nguyễn Thị Lộ mưu giết vua, khiến ông phải nhận án tru di tam tộc (bị giết cả ba họ). Năm 1464, vua Lê Thánh Tông xuống chiếu giải oan cho ông.

Các tác phẩm của ông: *Đại cáo bình Ngô* xứng đáng là áng "Hùng văn muôn thuở", được xem là bản Tuyên độc lần thứ hai của nước ta, bộ *Quốc âm thi tập* là tập thơ tiếng Việt (chữ Nôm) sớm nhất có giá trị lớn còn lại đến ngày nay. Ông đã góp phần xây đắp nền móng vững chắc cho nền văn học dân tộc. Năm 1980, ông được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá của Liên hợp quốc (UNESCO) công nhận là Danh nhân văn hoá thế giới và tổ chức kỷ niệm 600 năm năm sinh của ông.

Đường Nguyễn Trãi có điểm đầu: giáp với đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa; điểm cuối: cầu Nguyễn Trãi; chiều dài: 0,800 km; chiều rộng: 9,0 m.

56. Đường Nguyễn Tri Phương

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Tri Phương).

Tiểu sử danh nhân:

NGUYỄN TRI PHƯƠNG

(1800 – 1873)

Nguyễn Tri Phương tên thật là Nguyễn Văn Chương, sinh năm 1800 tại thôn Đường Long, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên (nay là xã Phong Chương, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên - Huế); tên Nguyễn Tri Phương là do vua Tự Đức đặt năm 1850, hàm ý nói về con người nghĩa dũng, nhiều mưu chước.

Xuất thân trong một gia đình nông dân, không được qua trường lớp, nhưng nhờ trí thông minh và ý chí tự học, tự lập cao, đã làm nên sự nghiệp lớn. Bắt đầu từ chức thư lại ở cấp huyện, do tài năng mà được tiến cử lên triều đình Minh Mạng, được thu dụng và lần lượt giữ nhiều chức vụ trọng yếu suốt ba triều Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức.

Năm 1823, ông làm Điển bộ (bí thư ở nội điện), năm sau thăng Tu soạn, rồi Thừa chỉ ở Nội các, hai năm sau thăng Thị độc, Thị giảng học sĩ (1827), rồi Hồng lô tự khanh (1831). Năm 1832, sung phái bộ sang Trung Quốc thương lượng về quan hệ thương mại. Năm 1835, được cử vào Gia Định cùng Trương Minh Giảng tổ chức lại việc khẩn hoang. Năm 1840, được bổ Tuần phủ Nam – Ngãi trông coi việc bố phòng cửa biển Đà Nẵng, thăng Tham tri bộ Công. Năm 1844, vua Thiệu Trị cử ông làm Tổng đốc An - Hà (An Giang và Hà Tiên), rồi Tổng đốc Long - Tường (Vĩnh Long và Định Tường). Năm 1853, làm Kinh lược sứ Nam Kỳ.

Ngày 01/9/1858, tàu chiến Pháp - Tây Ban Nha dưới quyền chỉ huy của Rigault de Genouilly nổ súng, tấn công Đà Nẵng. Quân và dân ta đã anh dũng chiến đấu, ngăn bước tiến của giặc. Đô thống Lê Đình Lý trúng đạn, sau đó hy sinh. Vua Tự Đức điều ông đang làm Kinh lược sứ Nam Kỳ ra làm Tổng thống quân thứ Quảng Nam. Ông đã bố trí lại lực lượng phòng thủ và đề ra phương thức tác chiến phù hợp với tương quan lực lượng giữa ta và địch lúc bấy giờ. Ông chủ trương tránh những mũi tiến công chính diện của địch, mà bao vây, đánh chặn địch ở mé ngoài, liên tục phục kích tiêu hao địch, làm vườn không nhà trống, cô lập địch với dân.

Thực tế những diễn biến tình hình quân sự ở Đà Nẵng sau đó đã minh chứng tài thao lược và chiến thuật đánh địch của ông là hợp lý, đúng đắn. Đầu tháng 2/1859, Rigault de Genouilly buộc phải chuyển hướng tiến công vào Gia Định. Tháng 7/1860, ông lại được sung chức Gia Định quân thứ, Thống đốc quân vụ. Trong trận đánh ngày 25/10/1861, người em ruột của ông là Tán lý Nguyễn Duy tử trận, còn ông bị thương, đại đồn Chí Hòa thất thủ. Ông bị giáng chức xuống làm Tham tri, sau đó được Tự Đức cho khôi phục hàm Binh bộ Thượng thư Đổng nhung quân vụ Biên Hòa.

Năm 1862, ông được cử ra làm Tổng thống quân vụ Hải An. Năm 1871, được điều về kinh, giữ chức Lại bộ Thượng thư. Tháng 7/1872, vì ở Bắc Kỳ, giặc giã quấy nhiễu nhiều nơi, vị tướng tài ba này một lần nữa lại được cử làm Bắc Kỳ Khâm mạng Tuyên sát đổng sức đại thần thay vua để xử lý việc quân.

Ngày 19/11/1873, đại úy Pháp Francis Garnier theo lệnh của Soái phủ Nam Kỳ đánh úp thành Hà Nội và chỉ sau mấy giờ thì hạ được thành. Con trai ông, phò mã

Nguyễn Lâm, trúng đạn chết tại trận, còn ông bị trọng thương. Giặc Pháp đưa ông xuống tàu để cứu chữa, nhưng ông khẳng khái từ chối. Chúng đem thuốc băng bó, ông giật đi, vứt bỏ, chúng đưa thức ăn vào miệng, ông đều phun ra, không chịu nuốt, mà nói rằng: "Bây giờ nếu ta chỉ gắng lây lất mà sống, sao bằng thong dong mà chết vì việc nghĩa". Sau đó, ông tuyệt thực gần một tháng và mất ngày 1 tháng 11 năm Quý Dậu (20/12/1873). Tên ông được đặt tên nhiều công trình công cộng trên cả nước.

Đường Nguyễn Tri Phương có điểm đầu: giáp chợ Thạnh Trị nối với đường Ấp Bắc; điểm cuối: giao với đường Ngô Quyền; chiều dài: 1,400 km; chiều rộng: 6,0 m.

57. Đường Nguyễn Trung Trực

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Trung Trực).

Tiểu sử danh nhân:

NGUYỄN TRUNG TRỰC

(1838 – 1868)

Nguyễn Trung Trực tên thật là Nguyễn Văn Lịch, sinh năm 1838 tại thôn Bình Nhật, huyện Cửu An, phủ Tân An, tỉnh Gia Định (nay là xã Bình Đức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An).

Lớn lên trong hoàn cảnh đất nước bị thực dân Pháp xâm lược, ông tham gia và lãnh đạo nghĩa quân chống Pháp. Ngày 10/12/1861, ông chỉ huy nghĩa quân lập nên chiến công vang dội, đốt cháy tàu Espérance của giặc Pháp trên vàm sông Nhật Tảo, tiêu diệt nhiều tên địch. Sau chiến công này, ông được được triều đình phong chức Quản cơ, đây là bậc võ quan được xếp vào hàng chánh tứ phẩm.

Cuối tháng 6/1867, thực dân Pháp chiếm Vĩnh Long, tiếp đó là các tỉnh An Giang và Hà Tiên. Lúc này, ông chỉ huy nghĩa quân xây dựng căn cứ ở Hòn Chông (nay thuộc xã Bình An, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang), tiếp tục cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Rạng sáng ngày 16/6/1868, ông chỉ huy nghĩa quân tấn công đồn Kiên Giang, toàn bộ quân Pháp và lính giữ đồn bị tiêu diệt.

Trước những chiến công vang dội của nghĩa quân Nguyễn Trung Trực, giặc Pháp và tay sai điên cuồng truy tìm ông, chúng treo giải thưởng cao cho ai bắt hoặc giết được ông. Độc ác hơn, chúng bắt giữ mẹ ông hòng gây áp lực, buộc ông đầu hàng; đồng thời chúng tăng cường lực lượng trấn áp nghĩa quân.

Không khuất phục kẻ thù xâm lược, ông chỉ huy nghĩa quân rút ra đảo Phú Quốc để bảo toàn lực lượng, xây dựng căn cứ, tiếp tục chống Pháp. Ngày 19/9/1868, giặc Pháp đưa hơn 100 lính Mã tà ra Phú Quốc, tấn công Hàm Ninh; sau đó chúng tăng cường thêm viện binh tấn công Dương Đông. Chúng bao vây, khủng bố, khống chế gắt gao nhân dân trên đảo hòng cô lập và triệt hạ nghĩa quân. Trước cảnh đồng bào bị đàn

áp, khảo tra, vũ khí, lương thực của nghĩa quân cạn kiệt, thế giặc lại mạnh, ông đã quyết định hy sinh bản thân mình để bảo toàn tính mạng cho nghĩa quân và đồng bào.

Để làm phân tán lực lượng địch, ông đã tuyển chọn một số nghĩa quân trung kiên và dũng cảm cùng ông đánh trận cuối. Trong trận chiến đấu vô cùng ác liệt, ông cố tình kéo địch ra xa vùng căn cứ. Thật không may, ông bị trọng thương, ngất đi và sa vào tay giặc.

Sau đó, giặc Pháp đưa ông về Sài Gòn, giam tại Khám lớn. Chúng ra sức mua chuộc, dụ dỗ ông theo chúng để được hưởng chức tước, lợi lộc, nhưng ông cương quyết từ chối. Trước mặt kẻ thù, ông hiên ngang nói: "Tôi chỉ muốn làm một chức thôi, chức gì có quyền chặt đầu tất cả bọn Tây" và "Bao giờ người Tây nhổ hết cỏ nước Nam mới hết người Nam đánh Tây".

Biết không thể khuất phục được vị lãnh tụ nghĩa quân, ngày 27/10/1868, thực dân Pháp đã xử chém ông tại chợ Rạch Giá (Kiên Giang). Nhà thơ Huỳnh Mẫn Đạt đã sáng tác bài thơ điếu bày tỏ lòng tự hào và tiếc thương vô hạn đối với ông:

Điếu Nguyễn Trung Trực

Thắng phụ nhung trường bất túc luân
Đồi ba chỉ trụ ức ngư dân
Hỏa hồng Nhật Tảo oanh thiên địa
Kiếm bạt Kiên Giang khấp quỷ thần
Nhất đán phi thường tiêu tiết nghĩa
Lưỡng toàn vô úy báo quân thân
Anh hùng cường cảnh phương danh thọ
Tu sát đê đầu vị tử nhân.

Bản dịch của Thái Bạch:

Thắng bại chi bàn việc tướng quân
Người chài trụ đá khúc gian truân
Lửa bừng Nhật Tảo rêm trời đất
Kiếm tuốt Kiên Giang rợn quỷ thần
Một sớm nhẹ mình nêu tiết nghĩa
Đôi đường trọn chữ báo quân thân
Anh hùng cứng cổ danh thơm mãi
Lũ sống khom lưng chết thẹn dần.

Ông được nhân dân lập đền thờ ở nhiều nơi, nhất là ở tỉnh Kiên Giang. Tên ông được đặt tên đường, tên trường học ở nhiều địa phương trên cả nước.

Đường Nguyễn Trung Trực có điểm đầu: giáp với đường Trần Nguyên Hãn; điểm cuối: giáp với xã Lương Hòa Lạc; chiều dài: 2,100 km; chiều rộng: 8,0m.

58. Đường Nguyễn Tử Vân

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Tử Vân).

Tiểu sử danh nhân:

NGUYỄN TỬ VÂN

(1870 – 1943)

Nguyễn Tử Vân, tên thật là Nguyễn Kim Thinh, tức Bộ Dân, sinh năm 1870 tại làng Mỹ Phong, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang).

Ông làm nghề bốc thuốc Nam và dạy chữ Nho cho học sinh trong vùng, nhưng có tinh thần yêu nước, đã từng tham gia hoạt động chống Pháp.

Tháng 7 - 1910, chính quyền thực dân đưa nhà yêu nước Phan Châu Trinh từ Côn Đảo về quản thúc ở Mỹ Tho. Cụ Phan được bố trí cư trú tại nhà của Chánh tổng Thạnh Phong là Đoàn Hữu Đức (có tài liệu viết là Đoàn Hữu Chung). Ông Đức là em vợ của ông. Vì mến mộ ý chí, đức độ và tài năng của vị lãnh tụ phong trào Duy Tân, bất chấp sự rình rập, theo dõi của bọn mật thám, ông đã đề nghị và được Đoàn Hữu Đức đồng ý cho rước cụ Phan về sinh sống tại nhà của mình ở gần cầu Vỹ, làng Mỹ Phong. Tại đây, cụ Phan thường cùng với bạn bè thân hữu ở Mỹ Tho xướng họa thi ca. Những bài thơ nổi tiếng, như *Khóc ông Tú Chiểu, Họa thơ Nguyễn Đình Chiểu, Khóc Trương Định, Họa thơ Tôn Thọ Tường, Tức cảnh Mỹ Tho* đều được cụ Phan sáng tác trong thời gian này. Những bài thơ đó có sức động viên rất lớn tinh thần yêu nước và ý chí đấu tranh bất khuất cho nhân dân ta.

Mặc dù luôn bị bọn mật thám theo dõi chặt chẽ, nhưng nhờ vào sự giúp đỡ và bảo mật của Nguyễn Tử Vân, nên Phan Châu Trinh đã có những cuộc tiếp xúc bí mật với những nhà yêu nước ở địa phương và những nơi khác. Tác giả Lê Thị Kinh (Phan Thị Minh), trong quyển *Phan Châu Trinh - Qua những tư liệu mới*, viết: "*Trong thời gian 9 tháng về an trí ở Mỹ Tho, với sự giúp đỡ hết sức tích cực của những người yêu nước tại chỗ, mà đại diện là gia đình ông Nguyễn Tử Vân, tức là ông Bộ Vân, chắc chắn các lực lượng yêu nước còn tồn tại ở khắp nơi đã tìm cách liên hệ với cụ Phan Châu Trinh*".

Tại đây, ông đã hết lòng chăm sóc cụ Phan, giúp cho Cụ dần dần hồi phục sức khỏe sau những năm tháng bị hành hạ trong nhà tù thực dân. Đồng thời, ông còn bố trí cho cụ Phan gặp gỡ các nhà yêu nước, đặc biệt nhất là cuộc gặp giữa cụ Phan với Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc (thân sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh).

Theo quyển *Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc* do Nguyễn Đắc Hiền chủ biên, sau khi đến Long An, qua sự giới thiệu của nhân sĩ Đỗ Tường Ninh, cụ Nguyễn Sinh Sắc đến làng Tân Thuận Bình (huyện Chợ Gạo) gặp Hương trưởng Hoài (Trần Vĩnh Hoài), Hương hào Ngươn và Võ Văn Ký, vốn là những trí thức yêu nước ở địa phương, để luận bàn việc nước.

Sau mấy tháng ở nhà Hương trưởng Hoài, Nguyễn Sinh Sắc đi tìm gặp Phan Văn Viễn, cháu gọi Phan Đình Phùng, người lãnh đạo cuộc khởi Hương Khê (Hà Tĩnh), bằng bác ruột. Phan Văn Viễn bị thực dân Pháp đày vào Nam ở Châu Đốc, Trà Vinh rồi cầu Vỹ, làng Mỹ Phong. Tại cầu Vỹ, Phan Văn Viễn lấy biệt hiệu là Tòng Am, mở lớp dạy chữ Nho, thu hút rất đông học trò.

Do bị mật thám theo dõi nên Phan Văn Viễn giới thiệu cụ Nguyễn Sinh Sắc đến cư trú tại nhà Nguyễn Tử Vân. Tại đây, cụ Nguyễn Sinh Sắc được Nguyễn Tử Vân tiếp đãi rất trọng thị và thân tình. Biết sự hiện diện của Nguyễn Sinh Sắc tại nhà của Nguyễn Tử Vân, viên Chủ tỉnh Mỹ Tho lại cử Đoàn Hữu Đức đến theo dõi, như đã từng theo dõi Phan Châu Trinh. Lấy danh nghĩa là em vợ, Đoàn Hữu Đức đã nhiều lần đến nhà anh rể để dò xét hành trạng của cụ Nguyễn Sinh Sắc. Ngoài ra, viên Thống đốc Nam kỳ còn điều một mật thám từ Sài Gòn xuống Mỹ Tho để theo dõi cụ Nguyễn Sinh Sắc. Nhưng người mật thám này đã từng chịu ơn Nguyễn Tử Vân nên mọi việc đều diễn ra bình thường.

Nguyễn Tử Vân có người anh em bạn rể là Trần Năng Liễu, còn gọi là Bái Liễu, quê ở làng Vĩnh Kim (nay thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang). Qua Nguyễn Tử Vân, Trần Năng Liễu có dịp gặp gỡ, bàn luận thơ văn và công cuộc cứu nước với cụ Nguyễn Sinh Sắc. Sau đó, Nguyễn Tử Vân và Trần Năng Liễu đã mời Nguyễn Sinh Sắc về thăm Vĩnh Kim, một làng quê miệt vườn trù phú, có truyền thống cách mạng, nổi tiếng hiếu học, giỏi thơ văn và âm nhạc. Tại Vĩnh Kim, Nguyễn Sinh Sắc được đón tiếp rất nồng nhiệt, thể hiện tấm lòng quý trọng của giới trí thức đất phương Nam đối với vị đại khoa đất Bắc vì yêu nước, thương dân, chống Pháp mà phải ly hương, xa gia đình.

Năm 1943, Nguyễn Tử Vân từ trần tại quê nhà. Ông là nhân sĩ yêu nước, được nhân dân trọng thị và yêu mến. Tên ông được đặt tên đường tại thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đường Nguyễn Tử Vân có điểm đầu: giáp với đường Ấp Bắc; điểm cuối: giáp với Trường Mẫu giáo Sen Hồng; chiều dài: 0,200 km; chiều rộng: 10 m.

59. Đường Nguyễn Văn Nguyễn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Văn Nguyễn).

Tiểu sử danh nhân:

NGUYỄN VĂN NGUYỄN

(1910 – 1953)

Nguyễn Văn Nguyễn có bút danh là Ngũ Yến, sinh năm 1910 trong một gia đình trí thức ở làng Điều Hòa, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho (nay là các Phường 1, 2, 3, 4, 7, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang).

Sau khi đỗ bằng Thành chung tại Collège de Mytho (nay là Trường Trung học phổ thông Nguyễn Đình Chiểu, thành phố Mỹ Tho), ông được cấp học bổng học Trường Sư phạm Sài Gòn.

Vốn là một thanh niên trí thức yêu nước, ông tích cực tham gia phong trào đấu tranh đòi nhà cầm quyền Pháp phải trả tự do cụ Phan Bội Châu (1925) và dự lễ truy điệu cụ Phan Châu Trinh (1926). Vì thế, ông bị chính quyền thực dân buộc thôi học.

Sau đó, ông làm việc tại Công ty Hỏa xa Đông Dương, để vừa kiếm sống, vừa bí mật tìm bắt liên lạc với các nhà hoạt động cách mạng. Nhờ sự dìu dắt của một số hội viên Hội Việt Nam cách mạng thanh niên, ông giác ngộ chủ nghĩa Mác - Lênin; và đến năm 1928, ông được kết nạp vào tổ chức cách mạng này. Năm 1930, ông trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam và hoạt động ở Sài Gòn.

Tháng 7 - 1930, ông bị địch bắt; nhưng không có đủ chứng cớ, nên buộc phải thả sau khi kết án ông ba tháng tù treo. Tháng 6 - 1931, ông bị bắt ở Trà Vinh. Lần này, địch vừa ra sức mua chuộc, vừa tra tấn dã man, hòng khuất phục ông. Mặc dù vậy, ông vẫn giữ vững khí tiết, kiên quyết không đầu hàng địch. Bất lực trước ý chí gang thép của một chiến sĩ cộng sản trẻ tuổi, tháng 4 - 1932, địch đày ông ra Côn Đảo. Tại hòn đảo địa ngục này, ông bị giam ở banh (bagne) 1 hơn một năm; rồi ra làm lao động khổ sai ở làng An Hải.

Tuy bị địch luôn khủng bố và đàn áp; nhưng ông vẫn tích cực tham gia các hoạt động đấu tranh trong nhà tù do Chi bộ Đảng lãnh đạo, như chống khuynh hướng cách mạng quốc gia tư sản của Việt Nam Quốc dân đảng và lôi kéo, cảm hóa những đảng viên chân chính của tổ chức này đi theo con đường cách mạng vô sản; đòi cải thiện chế độ lao tù; viết báo, dạy chữ, soạn kịch và cải lương, sinh hoạt văn nghệ,… nhằm góp phần tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản cho quần chúng công nông ở trong tù.

Tháng 8 - 1934, ông mãn hạn tù, trở về Sài Gòn tiếp tục hoạt động. Lúc bấy giờ, ông viết nhiều bài báo có giá trị đăng trên các báo La Lutte (Tranh Đấu), Dân Quyền, Mai, Việt Nam ở Sài Gòn, Đông Phương ở Mỹ Tho, trong đó, nổi bật nhất là loạt bài phóng sự về Côn đảo đăng nhiều kì trên tờ La Lutte.

Đầu năm 1935, theo chỉ thị của Đảng, ông ứng cử vào Hội đồng Quản hạt Nam Kỳ; nhưng không được chính quyền Pháp chấp nhận. Ngày 1 - 5 - 1935, đề phòng ông cổ súy quần chúng đấu tranh nhân ngày Quốc tế lao động, chính quyền thực dân Pháp bắt giam ông mấy ngày rồi mới thả ra. Đầu năm 1936, ông hăng hái tham gia phong trào Đông Dương đại hội do Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam) phát động. Với danh nghĩa là một nhà báo, ông ra sức tuyên truyền, giáo dục quần chúng lao động và vận động, tranh thủ giới trí thức.

Đồng thời, ông còn diễn thuyết và viết bài tranh luận với những phần tử Trôxkít nhằm vạch trần bộ mặt khiêu khích, chống phá cách mạng của nhóm này. Tháng 5 - 1937, ông đảm nhiệm trọng trách là Thư ký tòa soạn của báo tiếng Pháp L'avant Garde. Đây là cơ quan ngôn luận của Đảng Cộng sản Đông Dương do chính Tổng Bí thư Đảng Hà Huy Tập trực tiếp chỉ đạo.

Ngay sau đó, chính quyền Pháp tìm mọi cách tấn công vào tờ báo của Đảng; mà việc đầu tiên là nhắm vào ông. Ngày 19 - 7 - 1937, vu cho ông là người lãnh đạo cuộc biểu tình ở quận Càng Long (tỉnh Trà Vinh), địch bắt và xử ông hai năm tù giam và năm năm biệt xứ.

Việc nhà cầm quyền Pháp vô cớ xử tù ông đã gây nên một làn sóng phản đối mạnh mẽ ở trong và ngoài nước. Tuy vậy, mãi đến đầu năm 1939, ông mới được trả tự do. Nhưng chỉ khoảng hơn nửa tháng sau, địch lại bắt ông và đày ra Côn Đảo lần thứ hai. Cuối năm 1944, địch chuyển ông về giam ở Tà Lài, tỉnh Biên Hòa (nay là xã Tà Lài, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai), vốn là chốn "rừng thiêng nước độc". Ở trong nhà tù đế quốc, ông vẫn tiếp tục đấu tranh, xứng đáng là một chiến sĩ cộng sản trung kiên.

Sau ngày Nhật đảo chính Pháp ở Đông Dương (9 - 3 - 1945), ông vượt ngục; và đến tháng 8 - 1945, tham gia lãnh đạo cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền ở Sài Gòn. Tháng 9 - 1945, ông được cử làm Xứ ủy viên Nam bộ, Chủ tịch Mặt trận Việt Minh Nam bộ. Ngày 6 - 1 - 1946, ông trúng cử đại biểu Quốc hội khóa I của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đơn vị tỉnh Mỹ Tho. Sau đó, ông ra Hà Nội, dự 2 kỳ họp Quốc hội. Tại Kỳ họp thứ nhất diễn ra vào tháng 3-1946, ông cùng với các đại biểu bỏ phiếu công nhận Chính phủ Liên hiệp kháng chiến do lãnh tụ Hồ Chí Minh làm Chủ tịch, bầu ra Ban Thường trực Quốc hội và Ban Dự thảo Hiến pháp. Tại Kỳ họp thứ hai diễn ra vào tháng 11-1946, ông và các đại biểu đã thảo luận, biểu quyết thông qua bản Hiến pháp đầu tiên của nước ta và 01 Dự án Luật.

Từ sau ngày toàn quốc kháng chiến (19-12-1946), ông trở về Nam bộ lúc này đang chiến đấu oanh liệt chống lại sự xâm lược của quân đội Pháp. Bấy giờ, ông được Xứ ủy Nam bộ giao nhiều nhiệm vụ quan trọng, như Ủy viên Ủy ban Kháng chiến Hành chánh Nam bộ, Ủy viên Ban Tuyên huấn Xứ ủy, Giám đốc Sở Thông tin Nam bộ, Chủ bút báo "Cứu Quốc Nam bộ", Giám đốc Đài phát thanh Tiếng nói Nam bộ, Chủ tịch Phân Hội Hữu nghị Việt - Xô (Việt Nam - Liên Xô) Nam bộ. Riêng đối với Đài phát thanh Tiếng nói Nam bộ, ông thường xuyên viết bài Tiếng Pháp để phục vụ cho buổi phát thanh Tiếng Pháp của Đài.

Với trách nhiệm của người lãnh đạo, người quản lý một bộ phận quan trọng trên lĩnh vực chính trị, văn hóa và tư tưởng, ông đã mang hết trí tuệ, tài năng và sức lực ra cống hiến; và có nhiều đóng góp quan trọng cho Nam bộ trong một chặng đường lịch sử hào hùng. Có thể nói rằng, ông là nhà chính trị, nhà lý luận, nhà báo, nhà văn đầy tài năng.

Đầu năm 1953, theo sự điều động của Trung ương, ông lên đường ra chiến khu Việt Bắc để nhận trọng trách mới. Nhưng, mới đến Bình Định, ông bị bệnh sốt thương hàn và từ trần vào tháng 3 - 1953. Hai mươi ngày sau khi ông qua đời, báo "Nhân dân miền Nam" số ra ngày 20-4-1953, đã dành một trang báo đưa tin và tiểu sử, tỏ lòng thương tiếc một tài năng lớn đã mất, trong đó có nhận định: "Đồng chí Nguyễn Văn Nguyễn là một chiến sĩ cốt cán, một nhà viết báo có tài, nhà văn nghệ nhân dân".

Ông mất đi, nhưng đã để lại cho đời hàng trăm bài viết có giá trị tư tưởng và văn chương sâu sắc. Có tác giả cho rằng: "Ông có lẽ là người cộng sản Việt Nam viết nhiều nhất kể từ năm 1953 trở về trước, sau người Thầy vĩ đại là Chủ tịch Hồ Chí Minh". Các tác phẩm chủ yếu của ông là Án mạng đường Barbier (1939), Lá rụng về cội (1940), Cán bộ cách mạng (1946); năm 1987, những bài báo có giá trị của ông được tập hợp lại và in thành sách có tên là "Tháng tám trời mạnh thu", được tái bản năm 2001.

Do có nhiều đóng góp cho công cuộc giải phóng dân tộc và nền văn học, báo chí của nước nhà, năm 1957, ông được Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký quyết định truy tặng Huân chương Độc lập hạng Nhất. Tên ông được đặt tên đường ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang và ở Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; tên trường trung học phổ thông ở huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Đường Nguyễn Văn Nguyễn có điểm đầu: giáp với đường Đinh Bộ Lĩnh; điểm cuối: giao với đường Học Lạc; chiều dài: 0,360 km; chiều rộng: 14,0 m.

60. Đường Nguyễn Văn Giác

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Văn Giác).

Tiểu sử danh nhân:

NGUYỄN VĂN GIÁC

(1902 – 1941)

Ông tên thật là Lê Văn Giác, sinh năm 1902 tại làng Long Hưng, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho (nay xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang). Ông sinh trưởng trong một gia đình nông dân có truyền thống đấu tranh chống áp bức, bất công.

Năm 1930, ông giác ngộ chủ nghĩa Mác - Lênin; và trở thành một cán bộ cách mạng hoạt động năng nổ ở địa phương. Năm 1940, ông là Tỉnh ủy viên Tỉnh ủy Mỹ Tho, tham gia lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Nam kỳ trên địa bàn tỉnh Mỹ Tho vào tháng 11 – 1940. Mặc dù cuộc khởi nghĩa bị thất bại; nhưng ông vẫn kiên cường bám trụ Long Hưng, nơi được xem là "*cái nôi*" của cuộc khởi nghĩa và lúc bấy giờ đang bị địch khủng bố rất ác liệt.

Ngày 4-01-1941, quân Pháp tổ chức một trận càn quét với quy mô lớn vào Long Hưng. Dưới sự chỉ huy của ông, đội du kích ở đây đã kiên cường đánh trả. Nhưng do tương quan lực lượng có sự chênh lệch quá lớn, nên lực lượng cách mạng phải rút vào

Gò Me cố thủ. Đến tờ mờ sáng ngày hôm sau, sau khi bắn đến viên đạn cuối cùng, ông đã cùng với 3 đồng chí của mình quyết định tuẫn tiết để không sa vào tay giặc, bảo vệ cơ sở Đảng và cách mạng.

Tuy nhiên, giữa lúc ông còn đang hấp hối thì lính địch xông vào bắt được và chuyển về Mỹ Tho giam giữ nhằm điều tra và khai thác tin tức. Vừa bị thương tích nặng, vừa bị tra tấn dã man, nhưng ông vẫn giữ vững tấm lòng trung trinh đối với đất nước và dân tộc. Sau đó, ông bị chính quyền thực dân tuyên án tử hình tại Tòa án Binh Sài Gòn. Trong lúc chờ đợi thi hành án, ông bị địch đày ra Côn Đảo. Ngày xuống tàu rời khỏi đất liền, ông vẫn lạc quan làm thơ, tỏ rõ ý chí kiên trung, bất khuất của người chiến sĩ cộng sản và tuyệt đối tin tưởng Đảng sẽ lãnh đạo cách mạng giành được thắng lợi rực rỡ:

Nhắn nhủ cùng ai hỡi ai ơi,

Rèn lòng sắt đá hãy dồi mài.

Gặp cơn sóng gió đừng nao núng,

Phải trận phong ba chớ chuyển lay.

Còn Đảng, còn ta, còn cách mạng,

Hết phường bóc lột, hết độc tài.

Đại đồng thế giới rày trông thấy,

Chủ nghĩa hòa bình ắt chẳng sai.

Giữa năm 1941, ông hy sinh tại Côn Đảo. Được biết, ông là phu quân của nhà cách mạng nổi tiếng Nguyễn Thị Thập. Tên ông được ghi vinh danh trên Bia tưởng niệm Khởi nghĩa Nam Kỳ đặt tại Gò Me, xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Đường Nguyễn Văn Giác có điểm đầu: giáp với cầu Nguyễn Trãi; điểm cuối: giao với đường Nguyễn Trung Trực; chiều dài: 0,700 km; chiều rộng: 8,0 m.

61. Đường Phạm Hùng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Phạm Hùng).

Tiểu sử danh nhân:

PHẠM HÙNG

(1912 – 1988)

Phạm Hùng, tên thật là Phạm Văn Thiện, bí danh Bảy Cường, sinh năm 1912 tại làng Long Hồ, quận Châu Thành, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã Long Phước, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long).

Năm 1927, ông thi đậu và học tại Collège de Mytho (nay là Trường Trung học phổ thông Nguyễn Đình Chiểu, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang). Phải nói rằng vào học được trường này phải là học sinh giỏi, bởi vì việc thi tuyển có yêu cầu rất cao.

Vốn học giỏi, có lòng yêu nước và tinh thần chống áp bức, bất công, lại chịu sự tác động tích cực bởi dư âm của các cuộc đấu tranh trong những năm 1925 - 1926 của học sinh Collège de Mytho và đặc biệt là chịu sự ảnh hưởng sâu sắc bởi sách báo của Nguyễn Ái Quốc, như quyển "Bản án chế độ thực dân Pháp", báo "Người Cùng khổ", báo "Việt Nam Hồn" từ Pháp bí mật chuyển về Việt Nam nên ông bắt đầu tham gia hoạt động cách mạng trong tổ chức "Nam Kỳ học sinh Liên hiệp Hội" rồi "Hội Việt Nam cách mạng thanh niên" và sau đó là "Thanh niên Cộng sản Đoàn", để cuối cùng vào năm 1930 trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

Tháng 4-1930, chấp hành chỉ đạo của Tỉnh ủy Mỹ Tho, ông thành lập Chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam Trường Collège de Mytho. Chi bộ này do đồng chí làm Bí thư. Đây là trường trung học đầu tiên ở nước ta có Chi bộ Đảng Cộng sản và cũng là một trong những chi bộ đầu tiên của Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Mỹ Tho. Từ đây, dưới sự lãnh đạo của chi bộ do ông làm Bí thư, phong trào đấu tranh yêu nước của học sinh trường Collège de Mytho dâng lên rất mạnh mẽ; tiêu biểu là cuộc "làm reo" (grève: bãi công) ngày 06-10-1930 của toàn thể học sinh trong đợt phối hợp với các cuộc đấu tranh sôi nổi của nhân dân tỉnh Mỹ Tho và nhân dân cả nước trong Cao trào cách mạng 1930-1931. Sau sự kiện gây chấn động đó, ông bị chính quyền thực dân Pháp buộc thôi học bởi Quyết định số 2782 ngày 20-10-1930 do Thống đốc Nam kỳ ký. Việc này chứng tỏ, tầm vóc và ảnh hưởng của cuộc đấu tranh đối với thanh niên - học sinh rất to lớn; đồng thời, kẻ địch cũng bắt đầu nể sợ nhà cách mạng trẻ tuổi Phạm Hùng. Rõ ràng, đây là một sự kiện có tác động to lớn đến phong trào đấu tranh của học sinh và nhân dân ta, cho nên việc đuổi học một học sinh trung học phải chính do viên Thống đốc của Nam kỳ ký tên. Sau khi rời khỏi Trường Collège de Mytho, ông vẫn ở lại Mỹ Tho và dấn thân vào con đường hoạt động cách mạng chuyên nghiệp.

Cuộc khủng bố đầu tiên của bọn thực dân không làm ông nao núng, khiếp sợ. Mà ngược lại, ông càng hăng hái hoạt động. Trong không khí hừng hực của những ngày cả tỉnh Mỹ Tho vùng lên chống kẻ thù, ông về vùng nông thôn lãnh đạo bà con nông dân và quần chúng lao khổ, bị áp bức, bóc lột đứng lên đấu tranh quyết liệt, đòi quyền lợi cho chính giai cấp mình và nền độc lập, tự do cho đất nước.

Tháng 4-1931, khi mới 19 tuổi, ông được Xứ ủy Nam kỳ phân công làm Bí thư Tỉnh ủy Mỹ Tho. Với tinh thần cách mạng tiến công, ông cùng với các thành viên khác trong Tỉnh ủy lãnh đạo nhân dân toàn tỉnh Mỹ Tho tiếp tục quật khởi nổi lên đấu tranh. Bằng tất cả sự năng nỗ, nhiệt tình và phong cách đi sâu, đi sát phong trào quần chúng ở cơ sở, ông trực tiếp tổ chức và chỉ đạo nhiều cuộc biểu tình có quy mô lớn. Tiêu biểu là các cuộc biểu tình sau đây:

Ngày 16-01-1931, ông chỉ huy một đoàn biểu tình 200 người, từ gò Ông Cuốc (nay thuộc xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang) kéo ra đồn Chợ Bưng đấu tranh. Nhà cầm quyền Pháp ở Mỹ Tho cho tên đội Dương mang lính đến đàn áp. Để bảo vệ đoàn biểu tình và quần chúng, ông dùng súng bắn trả vào toán lính địch, khiến bọn

chúng hoảng sợ tháo chạy tán loạn. Quần chúng thừa thắng kéo đến Nhà việc xã Thân Cửu Nghĩa đốt hết sổ sách, giấy tờ và rải truyền đơn kêu gọi đấu tranh.

Ngày 01-5-1931, nhân ngày Quốc tế Lao động, ông chỉ huy 3.000 người ở các xã Vĩnh Kim, Nhị Bình, Dưỡng Điềm, Bình Trưng, Song Thuận, Đông Hòa, Tam Hiệp, Thạnh Phú, Phước Thạnh, Long Hưng, Long Định (đều thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang) trương cờ đỏ búa liềm và biểu ngữ tiến về xã Long Định họp mít tinh, đòi chính quyền thực dân giảm tô thuế, giảm giờ làm, thực hiện Luật Lao động, chống khủng bố, đàn áp. Với khí thế sục sôi, quần chúng trừng trị tên tay sai khét tiếng tàn ác và thâm độc là Đặng Văn Châu (Hương quản Trâu) để tạo điều kiện thúc đẩy phong trào đấu tranh tiến lên ngày càng mạnh mẽ và cảnh cáo những tên tay sai khác.

Ngày 01-8-1931, kỷ niệm ngày Quốc tế chống chiến tranh đế quốc và nối tiếp phong trào đấu tranh của nhân dân cả nước, ông chỉ huy cuộc biểu tình tuần hành của hàng ngàn quần chúng từ Nhơn Huề (Chợ Bưng, Tam Hiệp, Châu Thành) tiến ra lộ Đông Dương (nay là Quốc lộ 1). Trước sức mạnh của quần chúng, bọn lính dùng súng bắn thẳng vào đoàn biểu tình tay không để khủng bố, đàn áp. Một số người ngã xuống vì đạn của quân thù. Tình hình diễn ra rất căng thẳng. Để đoàn biểu tình có điều kiện tiến lên, đồng chí dùng súng bắn trả. Bên cạnh đó, hàng ngàn người cũng la hét vang trời hòa với tiếng trống, mõ nổi lên dồn dập. Bọn địch hoảng sợ, phải rút lui. Thừa thế, quần chúng xốc tới vô cùng mãnh liệt.

Sau cuộc biểu tình này, ông bị bọn mật thám ở Mỹ Tho bắt tại Chợ Bưng (Tam Hiệp). Cuối năm 1931, ông bị thực dân Pháp bắt và kết án tử hình, nhưng do phong trào đấu tranh trong nước và ở Pháp nên buộc Pháp phải hạ xuống án chung thân khổ sai và đày đi Côn Đảo. Sau Cách mạng tháng Tám (1945), ông được Đảng rước về đất liền và tiếp tục hoạt động cách mạng, được bầu vào Xứ ủy Nam Bộ. Năm 1946, ông làm Bí thư Xứ ủy lâm thời Nam Bộ. Năm 1951, ông được bầu làm Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Năm 1952, ông đảm nhiệm chức vụ Phó Bí thư Trung ương Cục miền Nam kiêm Bí thư Phân Liên khu uỷ miền Đông Nam Bộ.

Sau Hiệp định Genève (7-1954), ông được cử làm Trưởng đoàn Quân đội Nhân dân Việt Nam (QĐNDVN) trong Ban Liên hiệp đình chiến Nam Bộ. Năm 1955, ông là Trưởng phái đoàn Liên lạc QĐNDVN bên cạnh Ủy ban Quốc tế giám sát và kiểm soát việc thi hành Hiệp định Genève tại Sài Gòn. Từ năm 1956, ông được bầu làm Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng ban Thống nhất Trung ương. Năm 1957, ông là Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Phủ Thủ tướng. Năm 1958, ông là Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng. Tháng 4-1958, ông là là Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Năm 1967, ông trở về miền Nam công tác, giữa chức vụ Bí thư Trung ương Cục miền Nam và Chính ủy các Lực lượng vũ trang Giải phóng miền Nam Việt nam. Năm 1975, ông là Chính ủy Bộ Chỉ huy Chiến dịch Hồ Chí Minh. Năm 1976, ông là Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (Phó Thủ tướng). Năm 1980, ông kiêm thêm chức vụ Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Năm 1986, ông được bầu làm Ủy viên Bộ Chính trị.

Tháng 6-1987, ông được Quốc hội bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (Thủ tướng chính phủ). Ông là Đại biểu Quốc hội các khóa II, III, VI, VII, VIII. Năm 1988, do lâm trọng bệnh, ông mất tại TP Hồ Chí Minh. Tên ông được đặt tên đường ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, thủ đô Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và nhiều địa phương trên cả nước. Ở tỉnh Vĩnh Long có đền thờ ông.

Trong quá trình hoạt động cách mạng, ông được khen thưởng Huân chương Sao vàng và nhiều huân chương khác. Nhà nước Liên Xô tặng Huân chương Cách mạng Tháng Mười, Huân chương Vì sự nghiệp củng cố liên minh chiến đấu; Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Tiệp Khắc tặng Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng Nhất và Huy chương tình anh em chiến đấu; Nhà nước Cộng hòa nhân dân Bungari tặng Huân chương G. Đimitorốp.

Đường Phạm Hùng có điểm đầu: giáp với Quốc lộ 1; điểm cuối: giao với Đường tỉnh 864; chiều dài: 5,700 km; chiều rộng: 12,0 m.

62. Đường Phạm Thanh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Phạm Thanh).

Tiểu sử danh nhân:

PHẠM THANH

(1923 – 2006)

Phạm Thanh, tên khai sinh Phạm Thanh Thế, bí danh Ba Thanh, sinh năm 1923 tại làng Điềm Hy, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Điềm Hy, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang).

Tháng 8-1945, ông tham gia cách mạng, là dân quân tự vệ ấp Thới, xã Điềm Hy. Năm 1946, ông là thư ký và Ủy viên Ban Kinh tế - Tài chính xã. Năm 1947, ông vinh dự được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam). Từ 1948 trở đi, ông lần lượt giữ nhiều chức vụ trong tổ chức Đảng, chính quyền, từ cấp xã đến cấp huyện và tỉnh.

Sau Hiệp định Genève (7-1954), ông được phân công ở lại miền Nam tiếp tục hoạt động cách mạng. Từ năm 1962, ông giữ các chức vụ: Tỉnh ủy viên, Chính trị viên Phó Tỉnh đội Mỹ Tho; Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Mỹ Tho, phụ trách Tuyên huấn - Tổ chức; Tỉnh ủy viên kiêm Bí thư huyện ủy Châu Thành; Phó Bí thư Tỉnh ủy Mỹ Tho, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Cách mạng tỉnh Mỹ Tho.

Tháng 1-1972, ông là Phó Bí thư Tỉnh ủy Mỹ Tho; sau đó là Khu ủy viên Khu 8 (Khu Trung Nam Bộ). Năm 1974, ông giữ chức vụ Bí thư Thành ủy Mỹ Tho trực thuộc Khu 8 (Khu Trung Nam Bộ) kiêm phụ trách phong trào đô thị Khu 8. Với cương vị này, ông cùng với Ban Thường vụ Thành ủy tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các lực lượng vũ trang thành phố đánh địch lấn chiếm, giữ vững và mở rộng vùng giải phóng, đẩy mạnh

xây dựng ba thứ quân (bộ chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích), lực lượng đấu tranh chính trị và binh vận. Nhờ đó, phong trào cách mạng thành phố Mỹ Tho giành được nhiều thắng lợi: tiêu diệt, bức hàng, bức rút hàng loạt đồn bót địch ở các xã ven; diệt và làm tan rã hàng ngàn tên, giải phóng hầu hết vùng ngoại ô, tiến lên giải phóng hoàn toàn thành phố vào ngày 30-4-1975.

Tháng 5-1975, ông là Khu ủy viên Khu 8, Bí thư Thành ủy Mỹ Tho, Phó Chủ tịch Ủy ban quân quản thành phố Mỹ Tho. Năm 1976, ông là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Tiền Giang, Bí thư Thành ủy Mỹ Tho. Là người đứng đầu Thành ủy, ông cùng với Ban Thường vụ Thành ủy tập trung lãnh chỉ đạo công tác hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục sản xuất; nỗ lực xây dựng thành phố có cơ cấu kinh tế công - nông - ngư nghiệp hợp lý, cải tạo quan hệ sản xuất cũ, xây dựng quan hệ sản xuất mới trong tất cả các ngành kinh tế; phát triển văn hóa, xã hội; giữ vững an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội, ổn định đời sống nhân dân. Từ đó, kinh tế thành phố có sự phát triển đáng kể trên các lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và nông nghiệp; lĩnh vực văn hóa, xã hội có nhiều chuyển biến tích cực; an ninh chính trị được đảm bảo; hệ thống quyền được củng cố; tổ chức cơ sở Đảng được phát triển cả về số lượng lẫn chất lượng.

Năm 1983, ông được nghỉ hưu. Năm 2006, do tuổi cao, sức yếu, ông từ trần. Tên ông được tên đường ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Trong quá trình hoạt động cách mạng, ông được tặng thưởng Huân chương Quyết thắng hạng Nhất, Huân chương kháng chiến chống Mỹ, cứu nước hạng Nhất và nhiều huân huy chương khác.

Đường Phạm Thanh có điểm đầu: giáp với đường Lý Thường Kiệt; điểm cuối: giao với đường Nguyễn Thị Thập; chiều dài: 1,400 km; chiều rộng: 7,0 m.

63. Đường Phan Bội Châu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Phan Bội Châu).

Tiểu sử danh nhân:

PHAN BỘI CHÂU

(1867 – 1940)

Phan Bội Châu tên thật là Phan Văn San, tự là Hài Thu, bút hiệu là Sào Nam, Thị Hán, Độc Kinh Tử, Việt Điểu, Hàn Mãn Tử,... sinh năm 1867 tại làng Đan Nhiễm, xã Nam Hòa, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

Thuở nhỏ, ông nổi tiếng học giỏi. Năm 19 tuổi (1885) ông cùng bạn là Trần Văn Lương lập đội nghĩa quân Cần Vương chống Pháp nhưng việc không thành. Năm 1900, ông dự khoa thi Hương ở trường thi Nghệ An và đỗ cử nhân thủ khoa.

Trong vòng 5 năm sau khi đỗ, ông bôn ba khắp nước Việt Nam liên kết với các nhà yêu nước, như Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp, Nguyễn Thượng

Hiền, Nguyễn Hàm (tức Tiểu La Nguyễn Thành), Đặng Nguyên Cẩn, Ngô Đức Kế, Đặng Thái Thân, Hồ Sĩ Kiện, Lê Huân, Nguyễn Quyền, Võ Hoành, Lê Đại để cùng họ chống Pháp. Ông chọn một hoàng thân nhà Nguyễn là Kỳ Ngoại Hầu Cường Để làm lãnh tụ phong trào Cần Vương.

Năm 1904, ông cùng 20 nhà yêu nước họp tại Quảng Nam để thành lập Hội Duy Tân. Năm 1905, ông cùng Tăng Bạt Hổ sang Trung Quốc rồi sang Nhật Bản để gặp gỡ các nhà cách mạng Nhật và Trung Quốc và cầu viện trợ tài chính cho phong trào do ông thành lập. Tại Trung Quốc ông gặp Lương Khải Siêu và được khuyên nên dùng thơ văn để thức tỉnh lòng yêu nước của nhân dân Việt Nam. Từ đó, ông viết nhiều tác phẩm có tác động lớn với sĩ phu trong nước (Việt Nam quốc sử khảo, Ngục trung thư, Lưu Cầu huyết lệ tân thư, Việt Nam vong quốc sử, Việt Nam quốc sử bình diễn ca,…). Cùng thời điểm này chiến thắng của Nhật Bản trong Chiến tranh Nga - Nhật đã tạo nên nhiều lạc quan cho các phong trào chống thực dân ở châu Á. Do đó, các tác phẩm của ông đã tạo nên một làn sóng mới thúc đẩy nhiều thanh niên yêu nước tham gia phong trào Đông Du, xuất ngoại học tập để tìm đường chống Pháp.Ngày 30 tháng 6 năm 1925, ông lại bị Pháp bắt tại Hàng Châu, ông bị dẫn giải về Hà Nội và xử án chung thân khổ sai. Về sau, bản án được đổi lại thành án quản thúc tại gia. Theo Việt Nam Pháp Thuộc Sử, ông được giảm án vì phản ứng mạnh mẽ của toàn dân đối với nhà cầm quyền Pháp.

Từ năm 1926, ông bị đưa về sống ở Bến Ngự, Huế, cho đến khi mất tại Huế vào năm 1940.

Đường Phan Bội Châu có điểm đầu: giáp với đường Học Lạc; điểm cuối: giao với đường Hoàng Hoa Thám; chiều dài: 0,290 km; chiều rộng: 6,0 m.

64. Đường Phan Lương Trực

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Phan Lương Trực).

Tiểu sử danh nhân:

PHAN LƯƠNG TRỰC

(1929 – 2012)

Phan Lương Trực là bí danh hoạt động cách mạng của ông Đỗ Hữu Công, sinh năm 1929 tại làng Bình Đức, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Bình Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang), trong một gia đình tư sản dân tộc có truyền thống cách mạng. Người cha và 8 anh chị em của ông đều tham gia kháng chiến và tất cả đều là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

Năm 1941, sau học hết lớp nhì trường làng, ông lên Sài Gòn học nghề sửa chữa xe ô tô và trở thành thợ giỏi. Cuối năm 1944, ông trở về quê nhà tham gia hoạt động trong tổ chức thanh niên. Thấy ông chỉ mới chỉ 15 tuổi, nên cho ông lên Cái Bè tiếp tục đi học.

Ở Cái Bè, ông được thầy giáo Phan Lương Trực trực tiếp dạy dỗ. Từ cuối năm 1944 đến cuối năm 1945, ông được theo thầy hoạt động cách mạng, đi diễn thuyết khắp nơi trong tỉnh. Từ đó, ông tiếp thu những kiến thức cơ bản về chính trị, quân sự và chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi tấm gương yêu nước, ý chí đấu tranh bất khuất, kiên cường của người thầy giáo thân yêu của mình.

Tháng 5-1946, ông vào bộ đội, khởi đầu binh nghiệp ở tuổi 17 với chiến công đầu tiên là trận diệt đồn Kinh Xáng. Tháng 8-1946, thầy giáo Phan Lương Trực anh dũng hy sinh tại xã Tường Đa, quận An Hóa, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Tường Đa, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre). Tháng 8-1947, kỷ niệm 1 năm ngày thầy giáo - chiến sĩ cách mạng Phan Lương Trực hy sinh vì nước, ông xin phép các đồng chí cấp trên cho lấy tên người thầy kính yêu làm bí danh. Từ đây cái tên Phan Lương Trực gắn bó suốt cuộc đời binh nghiệp của ông.

Ngày 15-8-1948, ông vinh dự được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam). Từ tháng 8-1948 đến tháng 7-1954, ông lần lượt giữ các chức vụ: Tiểu đội trưởng, Chính trị viên trung đội, Chính trị viên đại đội, Phó Bí thư chi bộ kiêm Đại đội trưởng đại đội 2053 của Tiểu đoàn 410 chủ lực Nam Bộ, Phó Trưởng ban Tác huấn của tiểu đoàn 404, quân khu 8.

Sau Hiệp định Genève (7-1954), ông tập kết ra miền Bắc. Năm 1958, ông là học viên khóa 11 Trường Lục quân với quân hàm thượng úy. Từ năm 1961 - 1964, là học viên khóa I của Học viện quân chánh. Sau khi ra trường, ông được thăng quân hàm đại úy, công tác tại Lữ đoàn 338.

Tháng 3-1965, ông được trở về miền Nam chiến đấu, làm cán bộ nghiên cứu Phòng tác chiến, Bộ Tham mưu Miền. Từ năm 1970 đến ngày 30-4-1975, ông làm Trưởng ban tác chiến, Quân khu 8 với quân hàm thiếu tá, góp phần tạo nên những chiến công vang dội của lực lượng vũ trang Quân khu 8.

Từ năm 1975 - 1979, ông là trung tá rồi đại tá, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Tháp. Trong cương vị này, ông cùng với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh thực hiện tốt các nhiệm vụ: chỉ huy lực lượng vũ trang phối hợp dân quân du kích đánh bọn Pôn-Pốt (Khmer đỏ) xâm lấn biên giới nước ta, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ; cưu mang, đùm bọc, đào tạo số cán bộ Campuchia chạy sang Việt Nam lánh nạn diệt chủng để khi có điều kiện đưa họ trở về nước công tác; chủ động đào tạo sĩ quan trẻ cả về văn hóa lẫn quân sự để thay thế số cán bộ lớn tuổi nghỉ hưu hoặc chuyển ngành; thành lập 2 nông trường Đường Thét và Giồng Găng hoạt động có hiệu quả, góp phần xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội - quốc phòng ở vùng Đồng Tháp Mười,…

Năm 1980, ông được thăng quân hàm thiếu tướng, Phó Tư lệnh Quân khu 9, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Tiền Giang. Ở cương vị này, đối với Tiền Giang, ông cùng với Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh hoàn thành tốt nhiệm vụ tuyển quân; huấn luyện, xây dựng lực lượng vũ tranh tỉnh nhà không ngừng lớn mạnh về mọi mặt: xây dựng Đảng, chính trị - tư tưởng, tác chiến, văn hóa - văn nghệ, thể thao,… Trong những năm

làm nghĩa vụ quốc tế ở chiến trường Campuchia, ông hết lòng giúp đỡ, luôn gắn bó, tin tưởng và tôn trọng lực lượng cách mạng của nước bạn; giáo dục cán bộ, chiến sĩ thuộc quyền thấm nhuần quan điểm của Đảng trong thực hiện nhiệm vụ. Trong hai chiến dịch mùa khô 1984 và 1985, là chỉ huy cơ bản, nhưng ông thường xuyên có mặt ở chiến trường Pursat (tỉnh kết nghĩa với tỉnh Tiền Giang), đến tận Rum Lích, Tà Lô,... là những nơi nóng bỏng thời ấy để kiểm tra việc tổ chức và chỉ huy chiến đấu nhằm tiêu diệt bọn tàn quân Pôn - Pốt, góp phần giúp đỡ nhân dân Campuchia hồi sinh, xây dựng đất nước.

Năm 1997, ông nghỉ hưu. Năm 2012, do tuổi cao sức yếu, ông lâm bệnh từ trần. Đánh giá về ông, đại tá Lê Dũng, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh tỉnh Tiền Giang, viết: "Thiếu tướng Phan Lương Trực là vị tướng toàn năng, với phong cách chỉ huy mẫu mực và có tầm nhìn chiến lược".

Với thành tích và công lao cống hiến cho sự nghiệp cách mạng, ông đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huy hiệu 65 năm tuổi Đảng, Huân chương kháng chiến Hạng Nhất, Huân chương Quân công hạng Nhì, hạng Ba và nhiều huy chương, kỷ niệm chương, bằng khen của Trung ương và địa phương. Bí danh của ông được đặt tên đường ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đường Phan Lương Trực có điểm đầu: giáp với đường Lê Văn Phẩm; điểm cuối: giao với đường Lê Thị Hồng Gấm; chiều dài: 1,5 km; chiều rộng: 10,0 m.

65. Đường Phan Hiển Đạo

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Phan Hiển Đạo).

Tiểu sử danh nhân:

PHAN HIỂN ĐẠO

(1822 – 1864)

Phan Hiển Đạo sinh năm 1822 tại thôn Vĩnh Kim Đông, huyện Kiến Hưng, tỉnh Định Tường (nay là xã Vĩnh Kim, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang).

Thuở nhỏ, ông nổi tiếng thông minh, hiếu học và học giỏi. Năm 1847, tại khoa thi Hương được tổ chức ở Gia Định, ông đỗ Cử nhân hạng ba; và là người duy nhất của tỉnh Định Tường được đăng khoa ở khoa thi này.

Sau đó, ông lại khăn gói ra kinh đô Huế tiếp tục dùi mài kinh sử. Tại đây, sau những giờ cần mẫn đèn sách, ông còn cất công đi tìm các thầy dạy nhạc ở chốn cung đình để thọ giáo môn âm nhạc. Vì thế, ông có kiến thức sâu rộng về âm nhạc truyền thống của dân tộc, nhất là âm nhạc bác học và dân gian Huế. Đồng thời, ông còn biết sử dụng nhiều loại nhạc khí; trong đó, điêu luyện nhất là đàn tranh và đàn kìm.

Giữa lúc quan niệm "*xướng ca vô loại*" của Nho giáo đang ngự trị trong xã hội; thì việc học nhạc của ông, vốn là người xuất thân từ cửa Khổng sân Trình, được xem là một hành động cách tân và dũng cảm. Ông đã tiếp nối truyền thống yêu chuộng âm nhạc của

dân tộc nói chung và của nhân dân tỉnh Định Tường nói riêng. (Sách *Đại Nam nhất thống chí*, ở mục Phong tục của tỉnh Định Tường, có ghi rằng: "*Người ở đây hay múa hát làm vui*").

Năm 1856, ông cùng với hàng ngàn sĩ tử của mọi miền đất nước bước vào kì thi Hội được tổ chức tại kinh đô Huế. Kết quả, khoa thi đó, cả nước chỉ có sáu người đỗ Chánh bảng và một người đỗ Phó bảng; trong đó, ông được đăng khoa ở Chánh bảng và nhận học vị Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân.

Sau khi được nhà vua ban áo mão tiến sĩ, ông "*vinh quy bái tổ*" về quê nhà; và được nhân dân tiếp đón nồng hậu; bởi vì, cho đến lúc đó, ông là vị tiến sĩ đầu tiên của tỉnh Định Tường và là một trong số rất ít tiến sĩ của cả Nam kì lục tỉnh hồi nửa đầu thế kỉ XIX.

Sau đó, ông được triều đình bổ chức Đốc học tỉnh Định Tường. Từ đó, ông đã đem hết tâm huyết và năng lực phục vụ sự nghiệp giáo dục của tỉnh nhà. Bên cạnh đó, ông còn ra sức quảng bá âm nhạc truyền thống dân tộc ở địa phương; nhất là ở Vĩnh Kim, để khiến nơi này sau đó trở thành một trong những "*cái nôi*" của nghệ thuật ca nhạc tài tử Nam bộ.

Năm 1861, thực dân Pháp chiếm tỉnh Định Tường. Trước sự thay đổi của thời cuộc, ông lui về ở ẩn tại quê nhà, bất hợp tác với địch; mặc dù, bọn chúng đã nhiều lần sai Tôn Thọ Tường đến Vĩnh Kim Đông, vừa mua chuộc, vừa ép buộc ông phải ra làm việc cho Pháp.

Năm 1864, ông đến Vĩnh Long, xin gặp Khâm sai đại thần Phan Thanh Giản; nhưng không được tiếp và nghi ngờ ông khiếp nhược đầu hàng giặc. Không thể chịu đựng nổi oan ức, ông lặng lẽ trở về quê nhà, uống thuốc độc tự vẫn, hưởng dương 42 tuổi.

Giữa lúc ở Nam kỳ đã xuất hiện những tên tay sai thực dân Pháp, như Trần Bá Lộc, Huỳnh Văn Tấn, Tôn Thọ Tường,…; việc ông không để giặc lợi dụng và tìm đến cái chết là một hành động đáng quý. Nó nói lên sự thanh khiết, lòng yêu nước của một trí thức chân chính.

Sau khi ông mất, một người học trò của ông là Dương Công Đức cùng với các vị bô lão ở Vĩnh Kim Đông có làm một bài văn bia tôn trí tại mộ của ông, trong đó có những đoạn ca ngợi cái chết đầy khí tiết của vị Tiến sĩ họ Phan: "*Công tên thật là Hiển Đạo, họ Phan ... Khi giặc Pháp cướp nước, uẩn ức mà chết. Xử sĩ chọn cái chết bất khuất ... Kẻ sĩ đến lúc cùng mới thấy tiết nghĩa, đến đứa trẻ con cũng nhận biết ai là kẻ thần trung ... Chưa thể tranh hưng để cứu nạn cho nhà vua, lòng Công như có ngàn mũi kim châm. Không cứu được nước thì Công đành tìm đến cái chết ... Liền tự xử mình, trở về trong lòng đất mẹ, an nghỉ đơn sơ, chẳng cầu cạnh chi ai*".

Có bài thơ điếu Phan Hiển Đạo với lời lẽ rất cảm động:

Nối dấu Văn tinh rạng vẻ son,

Rủi ro thời thế tiếng không tròn.

Cõi bờ chủ mới lăm vung quén,

Cờ biển ơn xưa nghĩ héo hon.

Tri kỉ mấy lời ghi bụng nhớ,

Dạ đài một giấc nín hơi ngon.

Khúc đờn Lưu thủy trôi dòng bích,

Mà giọng kìm tranh điệu Huế còn.

Hiện nay, phần mộ ông tọa lạc tại ấp Vĩnh hòa, xã Vĩnh Kim, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Tên ông được đặt tên đường ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đường Phan Hiển Đạo điểm đầu: giáp với đường Lê Lợi; điểm cuối: giao với đường Trần Quốc Toản; chiều dài: 0,550 km; chiều rộng: 6,0 m.

66. Đường Phan Thanh Giản

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Phan Thanh Giản).

Tiểu sử danh nhân:

PHAN THANH GIẢN

(1796 – 1867)

Phan Thanh Giản tự Tĩnh Bá, Đạm Như, hiệu Ước Phu, Lương Khê; sinh năm 1796 tại làng Tân Thạnh, huyện Vĩnh Bình, phủ Định Viễn, tỉnh Vĩnh Long, nay là xã Bảo Thạnh, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Nhà nghèo, mẹ mất sớm, việc học tập của ông gặp nhiều khó khăn; tuy vậy, ông rất hiếu học. Năm 1825, ông thi Hương, đậu cử nhân tại Trường thi Gia Định. Năm 1826, ông thi Hội ở kinh đô Huế, đậu đệ tam giáp đồng tiến sĩ và cũng là vị tiến sĩ đầu tiên của Nam Kỳ.

Ông làm quan trải qua 3 triều, Minh Mạng, Triệu Trị và Tự Đức. Mặc được triều đình trọng dụng, nhưng cuộc đời làm quan của ông cũng không ít long đong. Dưới triều Minh Mạng, ông đã 3 lần bị giáng chức.

Năm 1858, liên quân Pháp - Tây Ban Nha đổ bộ và tấn công cửa biển Đà Nẵng, mở đầu cuộc xâm lược nước ta của bọn thực dân phương Tây. Sau đó, năm 1961, bọn chúng đánh chiếm các tỉnh miền Đông Nam Kỳ là Biên Hòa, Định Tường và Gia Định. Với vai trò là Chánh sứ, ông được cử sang Pháp xin chuộc lại các tỉnh Nam Kỳ đã bị quân Pháp chiếm đóng. Nhưng cuộc điều đình thất bại.

Năm 1865, ông là Hiệp biện đại học sĩ, thượng thư bộ Hộ, Kinh lược sứ 3 tỉnh miền Tây Nam Kỳ là An Giang, Hà Tiên và Vĩnh Long.

Ngày 20/6/1867, thực dân Pháp đánh chiếm tỉnh thành Vĩnh Long, yêu cầu ông gửi mật thư cho các chức quan giữ hai thành An Giang và Hà Tiên buông vũ khí đầu hàng.

Trước sức mạnh áp đảo của Pháp về mặt quân sự, biết thế không thể giữ nổi, nên để tránh đổ máu vô ích, ông đã quyết định trao thành, không kháng cự, với yêu cầu người Pháp phải bảo đảm an toàn cho dân chúng. Thế là chỉ trong 5 ngày (20-24/6/1867), quân Pháp chiếm gọn ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ. Sau khi các tỉnh thành mất, ông tuyệt thực suốt 17 ngày, rồi uống thuốc độc tự tử vào ngày 4/8/1867, hưởng thọ 71 tuổi.

Tên của ông được đặt tên đường, tên trường học ở một số địa phương ở Nam Bộ.

Đường Phan Thanh Giản có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn An Ninh; điểm cuối: giao với đường Hoàng Hoa Thám; chiều dài: 0,750 km; chiều rộng: 8,0 m.

67. Đường Phan Văn Khỏe

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Phan Văn Khỏe).

Tiểu sử danh nhân:

PHAN VĂN KHỎE

(1901 – 1946)

Phan Văn Khoẻ sinh năm 1901 tại làng Mỹ Hạnh Đông, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Mỹ Hạnh Đông, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang) trong gia đình nông dân nghèo.

Năm 1928, ông giác ngộ cách mạng, là hội viên Hội Việt Nam cách mạng thanh niên ở xã Mỹ Hạnh Đông. Đầu năm 1930, khi chi bộ Hội Việt Nam cách mạng thanh niên được phát triển thành chi bộ An Nam cộng sản Đảng thì ông là đảng viên đầu tiên của quận Cai Lậy. Cuối tháng 4-1930, Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Mỹ Tho phân công ông phụ trách hoạt động cách mạng ở Cai Lậy. Đầu năm 1933, ông được bổ sung vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Mỹ Tho. Cuối năm 1933, ông được chỉ định làm Phó Bí thư Tỉnh ủy Mỹ Tho, tập trung thực hiện nhiệm vụ củng cố tổ chức, phát triển lực lượng và chuẩn bị phong trào đấu tranh mới sau khi Cao trào cách mạng 1930-1931 của nhân dân ta bị thực dân Pháp đàn áp dã man.

Ngày 01-5-1936, ông lãnh đạo cuộc đấu tranh của gần 500 đồng bào các xã vùng Mỹ Hạnh Đông kéo ra chợ Cai Lậy đòi dân sinh, dân chủ. Cuộc đấu tranh giành thắng lợi và gây tiếng vang khắp tỉnh Mỹ Tho. Cuối năm 1936, ông là Xứ ủy viên Nam Kỳ, phụ trách phong trào cách mạng các tỉnh Trung Nam Kỳ. Đầu năm 1940, ông là Ủy viên Ban Thường vụ Xứ ủy Nam Kỳ được tăng cường cho tỉnh Mỹ Tho với chức vụ là Bí thư Tỉnh ủy, để duy trì sự ổn định về tổ chức và xây dựng lực lượng chuẩn bị phong trào cách mạng mang tính chất toàn Xứ. Ông là người được Xứ ủy Nam Kỳ trực tiếp giao nhiệm vụ chỉ đạo thiết kế lá cờ Mặt trận (Quốc kỳ nước ta hiện nay). Tháng 7-1940, tại xã Tân Hương, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho, Hội nghị Xứ ủy Nam Kỳ thông qua cờ đỏ sao vàng 5 cánh do chính ông trực tiếp chỉ đạo và tham gia thiết kế. Với vai trò là Ủy viên Ban Thường vụ Xứ ủy Nam kỳ, Bí thư Tỉnh ủy Mỹ Tho, ông trực tiếp chỉ đạo công cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở tỉnh Mỹ Tho.

Đêm 22 rạng 23-11-1940, cuộc khởi nghĩa nổ ra khắp quận Châu Thành và quận Cai Lậy. Ủy ban khởi nghĩa tỉnh Mỹ Tho đặt tại đình Long Hưng xã Long Hưng, quận Châu Thành. Tại đây, Ủy ban Nhân dân lâm thời tỉnh Mỹ Tho được thành lập do ông làm Chủ tịch. Đồng thời, cũng tại sân đình Long Hưng, lần đầu tiên, lá cờ đỏ sao vàng năm cánh được treo trên ngọn cây bàng. Cờ đỏ sao vàng trở thành biểu tượng cho ý chí và mục tiêu khởi nghĩa là giành độc lập cho dân tộc và tự do cho nhân dân. Quốc hiệu "Việt Nam dân chủ chủ cộng hòa quốc" cũng ra đời tại ngôi đình này. Trong 49 ngày làm chủ từ ngày 23-11-1940 đến ngày 12-01-1941, Ủy ban Nhân dân lâm thời tỉnh Mỹ Tho thực hiện được một số việc có ý nghĩa lịch sử, như thành lập chính quyền nhân dân cấp tỉnh, quận, xã; thành lập Tòa án nhân dân tỉnh; thực thi một số chính sách: Xóa bỏ các thứ thuế vô lý, các khoản nợ của nông dân thiếu địa chủ, tịch thu lúa của địa chủ chia dân nghèo, giáo dục và khoan hồng người lầm đường lạc lối... Chế độ dân chủ cộng hòa trở thành hiện thực trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng ta.

Sau cuộc khởi nghĩa, nhiều cơ sở, tổ chức Đảng bị khủng bố tan rã và hàng ngàn đảng viên, cán bộ và quần chúng bị bắt, bị giết hại. Hệ thống tổ chức Đảng từ Xứ ủy xuống Tỉnh ủy, Quận ủy, Chi bộ đứt liên lạc. Tuy nhiên, ông vẫn bám địa bàn, tìm cách móc nối liên lạc từ Xứ ủy đến chi bộ cơ sở. Đầu năm 1941, các cán bộ Xứ ủy còn lại bầu ông giữ chức vụ Bí thư Xứ ủy Nam kỳ. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Xứ ủy do ông đứng đầu, hệ thống tổ chức Đảng được phục hồi. Ngày 11-7-1941, trên đường công tác từ Cai Lậy ra lộ Đông Dương (nay là Quốc lộ 1) để qua Bến Tre, ông bị địch bắt. Trong nhà giam Cai Lậy và Mỹ Tho, mặc dù bị tra tấn dã man, nhưng ông vẫn giữ vững khí tiết của người chiến sĩ cộng sản, một lòng trung thành với Đảng, kiên quyết không đầu hàng, khai báo. Bất lực, chính quyền thực dân Pháp kết án tử hình. Không khuất phục, ông chống án, khiến bọn chúng buộc phải giảm án xuống chung thân và đày đi Côn Đảo.

Tại nhà tù Côn Đảo, ông mang số tù: C.10018. Trong thời gian bị giam cầm, ông nhận được tin Phan Văn Lữ, con trai cả của ông cũng rơi vào tay giặc, bị tra tấn đến chết tại bót cảnh sát Catinat ở Sài Gòn; rồi lại được tin Phan Văn Nam - người em ruột cũng bị bắt ra Côn Đảo, đã vĩnh viễn nằm lại nơi đây. Tuy nhiên, những nỗi đau đó đã không làm ông gục ngã. Dù bị giam cấm cố và bị tra tấn cực hình nhưng ông đã giữ vững khí tiết cách mạng, không ngừng đấu tranh, chống áp bức, khủng bố của kẻ địch ngay trong nhà lao.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, ông trở về tiếp tục công tác ở tỉnh Mỹ Tho. Cuối năm 1945, khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược bùng nổ, lực lượng cách mạng rút vào vùng Đồng Tháp Mười, ông vẫn bám vùng ven kinh Tổng đốc Lộc (nay là kinh Nguyễn Văn Tiếp) nắm tình hình, tập hợp và củng cố lực lượng kháng chiến. Ông liên lạc với các ông Trần Văn Trà, Nguyễn Văn Vịnh,… củng cố lực lượng vũ trang, xây dựng căn cứ Đồng Tháp Mười để tiến hành cuộc kháng chiến lâu dài ở các tỉnh Trung Nam Bộ.

Đầu tháng 3-1946, trên đường công tác từ Cai Lậy đến Cái Bè, ông bị giặc bắt lần thứ hai. Chúng tra tấn ông hết sức dã man. Không thể khuất phục được người cộng sản kiên cường, đêm mùng 7 tháng 3 năm 1946 bọn giặc hèn hạ thủ tiêu ông ở gò Bà Đội Phận - một bãi nghĩa địa hoang vắng ở phía đông chợ Cai Lậy. Ông đã anh dũng đền nợ nước khi vừa tròn 45 tuổi.

Ông đã hiến dâng trọn đời mình cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, là tấm gương đạo đức cách mạng sáng ngời cho các thế hệ noi theo. Với những cống hiến lớn lao cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và Tổ quốc, ông được Đảng và Nhà nước truy tặng Huân chương cao quí - Huân chương Hồ Chí Minh. Tên ông được đặt tên công viên, tên đường ở Thành phố Hồ Chí Minh, tên đường ở thành phố Mỹ Tho và thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Đường Phan Văn Khỏe có điểm đầu: giáp với Lộ Me; điểm cuối: giao với Quốc lộ 50; chiều dài: 1,000 km; chiều rộng: 8,0 m.

68. Đường Phan Văn Trị

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Phan Văn Trị).

Tiểu sử danh nhân:

PHAN VĂN TRỊ

(1830 – 1910)

Phan Văn Trị sinh năm 1830 tại tại thôn Hưng Thạnh, huyện Bảo An, phủ Hoằng An, trấn Vĩnh Thanh (nay là xã Thạnh Phú Đông, huyện Giồng Trôm tỉnh Bến Tre).

Năm 1849, ông thi đỗ Cử nhân tại trường thi Hương Gia Định. Do thi đỗ cử nhân nên nhân dân trong vùng gọi ông là Cử Trị. Với tài học đó, ông có thể ra làm quan, nhưng buồn vì thời cuộc rối ren, ông không tham chính mà sống đạm bạc bằng việc dạy học ở làng Bình Cách (nay thuộc thị xã Tân An, tỉnh Long An).

Khi giặc Pháp xâm chiếm Gia Định (1859), ông cùng các sĩ phu yêu nước đề xướng phong trào "Tỵ địa", chuyển cư đến sinh sống ở Đồng bằng sông Cửu Long khi ấy vẫn còn thuộc quyền kiểm soát của triều đình. Tại đây, ông tích cực hợp tác với Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Thông, Hồ Huấn Nghiệp sáng tác thơ văn yêu nước và cổ động nhân dân ủng hộ lực lượng kháng chiến chống giặc Pháp. Đến lúc giặc Pháp chiếm miền Tây (1868), ông dời về Phong Điền, Cần Thơ ở ẩn dạy học, giao du với một số trí thức yêu nước, như Huỳnh Mẫn Đạt, Bùi Hữu Nghĩa, cảm hóa Cai tổng Lê Quang Chiểu bỏ quan, giữ tiết tháo trong thời mất nước.

Ông sáng tác nhiều tác phẩm thơ văn nổi tiếng. Thơ văn ông còn lưu truyền đến nay rất nhiều, đầy tính chiến đấu, thanh cao, có khí tiết. Lòng yêu nước của ông chan chứa trong bài phú "Thất thủ Gia Định" và bài thơ "Thất thủ Vĩnh Long". Sôi nổi nhất là bài thơ họa với Tôn Thọ Tường nhằm lên án bọn người vong bản, cam tâm làm tay

sai cho thực dân Pháp. Ông là nhà thơ lớn đóng vai trò quan trọng trong dòng văn học yêu nước ở Nam Bộ nửa sau thế kỉ XIX.

Ông mất năm 1910 tại làng Nhơn Ái, tổng Định Bảo, quận Châu Thành, tỉnh Cần Thơ (nay là xã Nhơn Ái, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ). Tên ông được đặt tên đường, tên trường học ở nhiều địa phương trên cả nước.

Đường Phan Văn Trị có điểm đầu: giáp với đường Trịnh Hoài Đức; điểm cuối: giao với đường Phan Thanh Giản; chiều dài: 0,800 km; chiều rộng: 6,0 m.

69. Đường Phùng Há

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Phùng Há).

Tiểu sử danh nhân:

PHÙNG HÁ

(1911 – 2009)

Phùng Há tên thật là Trương Phụng Hảo sinh năm 1911 tại làng Điều Hòa, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho (nay thuộc thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang).

Thuở nhỏ, bà đã sớm bộc lộ năng khiếu ca hát. Năm 1924, lúc mới 13 tuổi, do gia cảnh khó khăn, nên bà phải xin làm nhân công trong một xưởng sản xuất gạch. Tại đây, bà được các nhân công làm thay phần việc của mình, đổi lại bà phải hát cho mọi người nghe. Cũng trong năm này, bà được ông bầu gánh cải lương Tái Đồng Ban mời về hát đào chánh với nghệ danh Phùng Há. Tại đây, bà được thầy tuồng (đạo diễn kiêm soạn giả) Nguyễn Công Mạnh, nghệ sĩ Năm Châu (Nghệ sĩ Nhân dân/NSND Nguyễn Thành Châu) và nhạc sĩ Tư Chơi (Huỳnh Thủ Trung) hết lòng hướng dẫn, dìu dắt nên khả năng ca diễn ngày càng tiến bộ.

Vai diễn đầu tiên đánh dấu cuộc đời hoạt động nghệ thuật của bà là vai Giả Thị trong vở cải lương *Hoàng Phi Hổ quy Châu* của Nguyễn Công Mạnh. Vai đào chánh đầu tiên mà bà đảm nhận là Thúy Kiều trong vở *Kim Vân Kiều* của soạn giả Trương Duy Toản. Sau đó, bà đóng vai đào chánh trong các vở *Thôi Tử thí Tề quân*, *Mổ tim Tỷ Can*, *Anh hùng náo Tam Môn Nhai* của Năm Châu; *Khúc oan vô lượng*; *Tội của ai* của Tư Chơi,... Thời gian này, bà đóng cặp với nghệ sĩ Năm Châu và được công chúng rất yêu thích.

Năm 1926, bà cùng các nghệ sĩ Năm Châu, Tư Chơi, Ba Du gia nhập gánh hát Trần Đắc của ông bầu Trần Đắc Nghĩa. Năm 1929, khi mới 18 tuổi, bà vừa là đào chánh, vừa là bầu gánh cải lương Huỳnh Kỳ do chồng bà là ông Lê Công Phước (còn gọi là Bạch công tử) thành lập. Đây là gánh cải lương có quy mô lớn, quy tụ được rất nhiều đào kép nổi tiếng thời bấy giờ, như Phùng Há, Ba Vân, Năm Phỉ, Tám Du, Năm Thiện, Ba Thâu, Ba Đồng, Chín Móm, Năm Kiệt, Hai Sự, Hai Nữ, Tư Bé, Tư

Hélènne,... Vở tuồng ăn khách nhất của gánh Huỳnh Kỳ là *Giọt máu chung tình*, do Năm Thiện đóng vai chánh Võ Đông Sơ và bà đóng vai chánh Bạch Thu Hà.

Năm 1935, bà hợp cùng nghệ sĩ Năm Phỉ (Lê Thị Phỉ) thành lập gánh cải lương Phi Phụng; rồi năm sau lại lập tiếp gánh cải lương Phụng Hảo. Bà còn hợp tác với các nghệ sĩ Năm Châu, Ba Vân (NSND Lê Long Vân) thành lập nhiều gánh cải lương khác.

Nhân vật mà bà hóa thân mang nhiều tính cách và diện mạo. Khi thì bà khoác áo võ tướng, lúc lại đắm mình vào khúc oan nghiệt của Lan và Điệp hay đau đớn đoạn tuyệt. Bà từng chia sẻ: "*Vai diễn nào tôi cũng thích, dù lớn hay nhỏ, chính hay phụ. Là diễn viên phải diễn tròn vai và hết khả năng, nhiệt tình để gởi đến khán giả*".

Gần một thế kỷ gắn liền với nghệ thuật cải lương, bà đã để lại những vai diễn gây ấn tượng sâu đậm trong lòng người hâm mộ như: Lữ Bố trong vở *Phụng Nghi Đình*, Dương Quý Phi trong vở *Tình sử Dương Quý Phi*, An Lộc Sơn trong vở *Đường Minh Hoàng du nguyệt điện*, Nguyệt trong vở *Tô Ánh Nguyệt*, Lựu trong vở *Đời cô Lựu*,...

Để đạt được kết quả như vậy, ngoài năng khiếu bẩm sinh, bà đã phải dày công khổ luyện, tiêu biểu là vai Lữ Bố đã theo bà suốt mấy chục năm. Bà cho biết: "*Ngày trước, gánh Phụng Hảo của tôi thiếu người đóng kép, thế là tôi mạnh dạn tiến thân vào. Bắt đầu từ vở Phụng Nghi Đình, tôi vào vai Lữ Bố. Nhiều khán giả từng xem tôi diễn đào thương đã không nhận ra tôi khi mặc đồ võ vào, thật uy nghiêm hùng mạnh. Chỉ khi tôi cất tiếng hát thì họ mới ồ lên. Có khi vì vai diễn giả trai mà làm cho tôi ê ẩm suốt mấy ngày liền không bước đi nổi*".

Không chỉ nổi tiếng với giọng hát xuất sắc, lối diễn xuất tinh tế, tài hoa, bà còn góp phần to lớn trong sự nghiệp đào tạo những thế hệ nghệ sĩ cải lương của Việt Nam. Từ năm 1963, bà tham gia giảng dạy tại Khoa diễn viên cải lương, Trường Quốc gia âm nhạc và kịch nghệ Sài Gòn (nay là Nhạc viện Thành phố Hồ Chí Minh). Trong số những học trò của bà có nhiều nghệ sĩ tài danh như Nghệ sĩ ưu tú (NSƯT) Thanh Nga, NSND Bạch Tuyết, NSƯT Thanh Sang, NSƯT Nam Hùng, NSƯT Tô Kim Hồng, nghệ sĩ Thanh Thanh Hoa,... Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất (30-4-1975), bà cùng NSND Nguyễn Thành Châu, NSND Ba Vân làm cố vấn cho Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang và tham gia giảng dạy, đào tạo nên nhiều nghệ sĩ trẻ có tên tuổi trong làng cải lương.

Hầu hết tất cả các thế hệ nghệ sĩ được bà đào tạo đều rất yêu quý và xem bà như người mẹ thứ hai của mình. Sự xuất hiện của bà ở bất cứ nơi đâu luôn là nguồn động viên cho lớp trẻ mạnh dạn hơn trên con đường nghệ thuật của họ. Bản thân họ cũng học hỏi được ở người nghệ sĩ gạo cội này nhiều bài học. Đó là sự linh hoạt, sáng tạo khi gặp các tình huống khó, bất ngờ, hay sự chu đáo, tận tâm, trách nhiệm với nghề.

Là tấm gương sáng về lao động nghệ thuật, bà còn là một hình mẫu về việc chăm lo đến đời sống tinh thần và vật chất của các đồng nghiệp có hoàn cảnh khó khăn. Bà là người sáng lập Hội Ái hữu nghệ sĩ, Viện Dưỡng lão nghệ sĩ ở Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là nơi chăm lo, nuôi dưỡng các nghệ sĩ già yếu, không nơi nương tựa. Đồng

thời, bà còn đóng góp, sáng lập nên Chùa Nghệ sĩ và Nghĩa trang Nghệ sĩ tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Mặc dù tuổi cao, nhưng mỗi khi Chùa Nghệ sĩ tổ chức các chuyến đi hoạt động từ thiện, bà đều nhiệt tình tham gia.

Trước hình ảnh của một "cây đại thụ" của nghệ thuật cải lương làm việc không biết mệt mỏi, "ông vua vọng cổ" - NSND Viễn Châu đã tặng bà những vần thơ:

Tuổi già lụm cụm thấy mà thương,

Đâu quản gần xa mấy chặng đường.

Quà tặng trao tay người khốn khổ,

Đẹp đời nghệ sĩ, đẹp quê hương.

Năm 1984, bà được Nhà nước phong tặng danh hiệu cao quý Nghệ sĩ Nhân dân trong đợt đầu. Năm 2009, do tuổi cao sức yếu, bà qua đời, để lại một khoảng trống khó thể lấp đầy trên sân khấu Việt Nam nói chung và cải lương Nam bộ nói riêng. Bà là người có công lớn trong việc làm nên lịch sử sân khấu cải lương Việt Nam. Nghệ danh của bà được đặt tên đường ở Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đường Phùng Há có điểm đầu: giáp với đường Ngô Gia Tự; điểm cuối: giao với đường nhánh N1; chiều dài: 0,900 km; chiều rộng: 16,0 m.

70. Đường Rạch Gầm

* Nguồn gốc địa danh Rạch Gầm

- Rạch: là dòng nước tự nhiên, nhỏ hơn sông, ghe thuyền đi lại được. Ở Trung Bộ và Bắc Bộ hoàn toàn vắng mặt từ này. Còn ở Nam Bộ, nó hết sức phổ biến[18].

Theo Lê Trung Hoa, rạch là tiếng Việt gốc Khmer *Prêk*, có nghĩa là *Dòng sông nhỏ*. Về ngữ âm, *prêk* có thể chuyển hóa thành *rạch*. Trong tiếng Việt, hiện tượng tổ hợp phụ âm đầu có âm lỏng "r" bị rụng âm "r" là điều rất phổ biến, như crème thành kem, frein thành phanh (thắng xe), fromage thành phó mát hay phô mai, (tấm) drap thành (tấm) ra: tấm trải giường, grève - (làm) reo: biểu tình. Như vậy, ***Pr*** hoàn toàn có khả năng chuyển thành ***R***. Âm tiết ***êk*** có thể chuyển thành ách, như méc - mách, (cù) léc - (cù) nách, vêk mục (tiếng Khmer) - vạch mặt[19].

- Về từ "Gầm" có nhiều cách giải thích khác nhau:

+ Cách thứ nhất: Ngày xưa, Rạch Gầm là một vùng đất hoang vu. Thuở đó, khi những người Việt tiền phong đến đây khẩn đất, lập điền, thì chỉ thấy toàn là rừng rậm, cây cối mịt mùng, còn dã thú nhiều không sao kể, nhất là cọp. Tiếng rống của cọp vang

[18] Lê Trung Hoa (2012), *Từ địa phương chỉ địa hình trong địa danh Nam Bộ*, Tạp chí Ngôn ngữ số 4, 2012, trang 37.

[19] Lê Trung Hoa (1991), *Địa danh Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Khoa học xã hội, trang 87.

dậy cả một vùng, nên những người đi khai hoang đặt tên là rạch Cọp Gầm, rồi về sau, gọi trại thành Rạch Gầm.

Theo cách giải thích này, Rạch Gầm là địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Âm thanh của động vật (Cọp Gầm).

- Cách thứ hai: Thuở xưa, tại vùng đất Rạch Gầm ở bên bờ tả ngạn sông Tiền và Phú Túc ở bên bờ hữu ngạn (nay thuộc tỉnh Bến Tre), trời đất tối tăm, mịt mù. Bỗng một đêm nọ, trời mưa như trút nước, sấm chớp nổi lên đùng đùng. Bất chợt, có tiếng gầm từ bờ bên này vang sang bờ bên kia; rồi sau đó, có tiếng hét dội lại, như đối đáp nhau. Đến sáng ra, trời quanh mây tạnh, phong cảnh sáng sủa, tươi tốt. Nhờ vậy, dân chúng làm ăn ngày càng khấm khá, phát đạt. Để ghi lại chuyện này, nhân dân đặt tên cho con rạch ở bờ tả ngạn là rạch Ông Gầm, sau đó gọi tắt là Rạch Gầm, còn con rạch ở bờ hữu ngạn đối diện thuộc cù lao Phú Túc là rạch Bà Hét.

Theo cách giải thích này, Rạch Gầm là địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Âm thanh của người đàn ông (Ông Gầm).

Với cách giải thích thứ nhất và thứ hai, rạch Gầm là địa danh gọi tắt từ rạch Cọp Gầm hay rạch ông Gầm mà ra. Như vậy, rạch Cọp Gầm hay rạch Ông Gầm là địa danh có ba âm tiết. Các địa danh loại này được lược bỏ âm tiết ở giữa là hiện tượng thường xảy ra, như cầu Xóm Kiệu - cầu Kiệu (Thành phố Hồ Chí Minh), sông Ông Đốc - sông Đốc (Cà Mau),…

- Cách thứ ba: Lê Trung Hoa trong quyển *Địa danh ở Thành phố Hồ Chí Minh*, có dẫn tư liệu từ quyển *Dictionnaire Vietnamien - Chinois – Français* (*Từ điển Việt Nam - Trung Hoa - Pháp*) của E.Gouin, cho biết "Gầm" là biến âm của "gằm" là tên cây. Cũng theo Lê Trung Hoa thì "không biết đó là loại cây gì, bởi vì không thấy tự điển nào định nghĩa"[20]. Riêng chúng tôi đã nhiều lần đi điền dã vùng Rạch Gầm, được gặp và hỏi nhiều vị bô lão về cây Gằm (?), nhưng không ai biết cả.

Theo cách giải thích này, Rạch Gầm là địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Thực vật (Cây gằm).

- Cách thứ tư: Theo tác giả Việt Tuấn trong bài "Rạch Gầm – Xoài Mút" được in trong quyển *Các di tích lịch sử - văn hóa quốc gia tại tỉnh Tiền Giang*, Rạch Gầm có xuất xứ từ tiếng Khmer: Ca Răm, có nghĩa là Con Cọp. Ca Răm gọi trại thành Gầm[21].

Theo cách giải thích này, Rạch Gầm là địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Động vật (Ca Răm: Con Cọp).

* Sự kiện lịch sử có liên quan đến Rạch Gầm

[20] Lê Trung Hoa (1991), *Địa danh ở Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Khoa học xã hội, trang 43.
[21] Nhiều tác giả (2000), *Các di tích lịch sử - văn hóa quốc gia tại tỉnh Tiền Giang*, Sở Văn hóa - Thông tin Tiền Giang, trang 45.

Địa danh Rạch Gầm có liên quan đến chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút (20/01/1785) của nghĩa quân Tây Sơn dưới sự chỉ huy của Nguyễn Huệ, tiêu diệt 5 vạn quân Xiêm và 300 chiến thuyền, bảo vệ vững chắc lãnh thổ phía Nam của Tổ quốc.

Đường Rạch Gầm có điểm đầu: giáp với đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa; điểm cuối: giao với đường Trưng Trắc giáp sông Bảo Định; chiều dài: 0,700 km; chiều rộng: 10 m.

71. Đường Sơn Nam

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Sơn Nam).

Tiểu sử danh nhân:

SƠN NAM

(1926 – 2008)

Sơn Nam tên thật là Phạm Minh Tài, sinh năm 1926 tại làng Đông Thái, quận An Biên, tỉnh Rạch Giá (nay là xã Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Thuở nhỏ, ông học tại quê nhà rồi học trung học tại Collège de Cantho (nay là Trường Trung học phổ thông Châu Văn Liêm, Thành phố Cần Thơ). Năm 1945, ông tham gia phong trào Thanh niên tiền phong, rồi lần lượt công tác ở Hội Văn hóa cứu quốc tỉnh Rạch Giá, Phòng Chính trị Quân khu 8, Phòng Văn nghệ Ban Tuyên huấn Xứ ủy Nam Bộ.

Ông khởi nghiệp sáng tác văn chương bằng hai tập thơ *Lúa reo* (1948) và *Cho lòng em vui* (1950 - viết về công tác địch vận) do Hội Văn hóa kháng chiến Kiên Giang xuất bản ở chiến khu. Sau đó, ông chuyển sang viết văn xuôi. Năm 1951-1952, ông đoạt giải Nhất với hai truyện ngắn *Bên rừng cù lao Dung* và *Tây đầu đỏ* trong cuộc thi do Ủy ban Kháng chiến - Hành chính Nam Bộ tổ chức.

Sau Hiệp định Genève (1954), từ Rạch Giá, ông lên Sài Gòn cộng tác với các báo *Nhân loại, Công Lý, Ánh sáng, Tiếng chuông, Lẽ sống,...* Năm 1960 - 1961, ông bị chính quyền Sài Gòn bắt, giam ở nhà tù Phú Lợi vì những bài viết của ông cổ súy lòng yêu nước và chống chính quyền tay sai thân Mỹ. Ra tù, ông tiếp tục làm báo, viết văn và khảo cứu về Nam Bộ. Những sáng tác của ông đều mang hơi thở của thiên nhiên, của văn hóa và con người Nam Bộ. Vì có công sáng tác, khảo cứu và sưu tầm văn hóa vùng đất Nam Bộ nên ông được mệnh danh là "Ông già Nam Bộ", "Pho từ điển sống về miền Nam" hay là "Nhà Nam Bộ học".

Sau năm 1975, ông tiếp tục hoạt động trên lĩnh vực văn hóa - văn nghệ. Ông là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Cuối năm 2002, toàn bộ các tác phẩm của ông được Nhà xuất bản Trẻ tại thành phố Hồ Chí Minh mua tác quyền trọn đời.

Năm 2008, ông lâm trọng bệnh, qua đời tại Thành phố Hồ Chí Minh. Bút danh của ông được đặt tên đường ở một số tỉnh, thành. Nhà lưu niệm ông được người thân trong gia đình xây dựng ở xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đường Sơn Nam có điểm đầu: giáp với Đường tỉnh 879; điểm cuối: giao với Khu dân cư; chiều dài: 0,370 km; chiều rộng: 18 m.

72. Đường Tết Mậu Thân

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Sự kiện lịch sử (Tết Mậu Thân).

Sự kiện lịch sử:

Phát huy những thắng lợi to lớn của cách mạng miền Nam, nhất là từ sau thắng lợi mùa khô 1966 - 1967, tháng 5-1967, Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương chủ trương: "Gấp rút chuẩn bị mọi mặt, kịp thời nắm lấy thời cơ để giành thắng lợi, buộc Mỹ phải chịu thua về quân sự".

Tháng 12-1967, Bộ Chính trị họp và ra Nghị quyết: Động viên những nỗ lực lớn nhất của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ở cả hai miền, đưa cuộc chiến tranh cách mạng của ta lên một bước phát triển cao nhất, dùng phương pháp tổng công kích, tổng khởi nghĩa giành thắng lợi quyết định; kết hợp tiến công quân sự với tiến công chính trị và tiến công ngoại giao, trong đó, cuộc tiến công của các lực lượng vũ trang trên các chiến trường lớn và sự nổi dậy của nhân dân ở các đô thị lớn là hai mũi tiến công chính.

Thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị (12-1967) và Nghị quyết hội nghị lần thứ 14 (01-1968) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Tỉnh ủy Mỹ Tho, Thành ủy Mỹ Tho, Phân ban Tỉnh ủy Gò Công tổ chức và triển khai cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968 với phương châm vừa xây dựng lực lượng, vừa tấn công địch để tạo ra thế và lực mới. Thành phố Mỹ Tho được Khu ủy Khu 8 chọn làm trọng điểm chính trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy. Mục tiêu chủ yếu là thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, các huyện tự lực giải phóng.

Thắng lợi của quân và dân ta trong năm 1967 đã đẩy quân địch vào thế bị động, nhưng lực lượng của chúng vẫn còn đông. Tỉnh ủy Mỹ Tho và Thành ủy Mỹ Tho gấp rút xây dựng lực lượng, chuẩn bị mọi mặt cho cuộc tiến công và nổi dậy. Đảng bộ chú trọng xây dựng và phát triển lực lượng 3 thứ quân, bao gồm bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và du kích; đồng thời, ra sức xây dựng lực lượng chính trị của quần chúng. Phân ban Tỉnh ủy Gò Công tập trung phát động quần chúng xây dựng các cơ sở Đảng, nhất là chi bộ; phát triển các ban, ngành, đoàn thể và lực lượng vũ trang nhằm tấn công tiêu diệt, tiêu hao quân địch, phá rã thế kềm kẹp, bình định của địch.

24 giờ đêm Mùng 1 Tết Mậu Thân (tức đêm 29-01-1968), cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân bắt đầu.

Trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, quân dân Mỹ Tho và Gò Công đã tiêu diệt nhiều sinh lực địch, phá hủy hàng chục đồn bót, căn cứ quân sự và nhiều phương tiện chiến tranh của bọn chúng.

Cuộc tiến công và nổi dậy của quân dân Mỹ Tho - Gò Công trong Tết Mậu Thân năm 1968 đã góp phần vào thắng lợi chung của cả nước. Ta đã tiêu diệt một bộ phận

quan trọng sinh lực của địch, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh, làm đảo lộn thế bố trí chiến lược của chúng. Đồng thời, ta đã tấn công quyết liệt vào các cơ quan đầu não của địch ở thị xã, thị trấn và hệ thống ấp chiến lược trong tỉnh, giải phóng một vùng nông thôn rộng lớn, tạo ra bước ngoặt quyết định cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc ta.

Thắng lợi của cuộc tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968 ở tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công và thành phố Mỹ Tho góp phần cùng cả nước làm thất bại chiến lược "Chiến tranh cục bộ", làm lung lay ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, buộc Chính phủ Mỹ phải nhận rằng không thể dùng lực lượng quân đội viễn chinh Mỹ để thắng trong chiến tranh ở Việt Nam; đồng thời, buộc Mỹ phải xuống thang chiến tranh; chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền bắc; ngồi vào bàn đàm phán với ta ở Paris (Pháp) và sau đó phải rút quân Mỹ về nước, mở ra một cục diện mới trong công cuộc giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Đường Tết Mậu Thân có điểm đầu: giáp với đường Lê Thị Hồng Gấm; điểm cuối: giao với đường Ấp Bắc; chiều dài: 1,100 km; chiều rộng: 6,0 m.

73. Đường Thái Sanh Hạnh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Thái Sanh Hạnh).

Tiểu sử danh nhân:

THÁI SANH HẠNH

(1925 – 1960)

Thái Sanh Hạnh, bí danh là Trần Chí Nam, sinh năm 1925 tại làng Đăng Hưng Phước, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Đăng Hưng Phước, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân có truyền thống yêu nước.

Sớm giác ngộ cách mạng, từ sau ngày Nhật đảo chính Pháp (9 - 3 - 1945), ông gia nhập lực lượng Thanh niên tiền phong và hoạt động sôi nổi trong phong trào học sinh trường Collège de Mytho (nay là Trường trung học phổ thông Nguyễn Đình Chiểu). Tháng 8 - 1945, ông tham gia khởi nghĩa giành chính quyền ở Mỹ Tho; và sau đó gia nhập bộ đội đánh quân Pháp khi bọn chúng quay trở lại xâm lược Nam bộ.

Năm 1946, ông được phân công trở vào nội ô Mỹ Tho xây dựng phong trào đấu tranh của giới tư sản, trí thức yêu nước và thanh niên - học sinh. Năm 1950, ông bị địch bắt giam tại nhà tù Mỹ Tho. Mặc dù bị nhục hình tra tấn; nhưng ông vẫn giữ kín bí mật của tổ chức. Cuối cùng, do không đủ chứng cớ để buộc tội, địch phải trả tự do cho ông. Lúc này, do đã bị lộ, nên ông rút vào hoạt động bí mật, đảm nhận chức vụ Thị ủy viên thị xã Mỹ Tho, phụ trách quân sự. Dưới sự chỉ đạo của ông, lực lượng vũ trang thị xã Mỹ Tho đã tiến hành nhiều trận đánh táo bạo ở trong nội ô, khiến cho địch vô cùng hoang mang, lo sợ.

Sau năm 1954, ông được Đảng phân công ở lại miền Nam hoạt động. Năm 1957, ông được chỉ định là Bí thư Thị xã ủy Mỹ Tho. Đây cũng là thời điểm mà phong trào cách mạng đang gặp khó khăn nghiêm trọng. Tuy vậy, ông vẫn bám sát địa bàn, lãnh đạo và chỉ đạo phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng cũng như xây dựng cơ sở cách mạng trong đội ngũ trí thức, công thương gia, thanh niên - học sinh,…

Năm 1958, ông được đề bạt làm Tỉnh ủy viên, phụ trách thị xã Mỹ Tho. Đầu năm 1960, ông được phân công phụ trách thêm huyện Chợ Gạo. Lúc bấy giờ, phong trào cách mạng ở Chợ Gạo bị thiệt hại nặng nề do địch đánh phá rất ác liệt. Tuy vậy, ông đã cùng với Ban Cán sự Huyện ra sức củng cố cơ sở Đảng, các tổ chức quần chúng và xây dựng lực lượng vũ trang. Nhờ thế, Huyện ủy Chợ Gạo được tái lập và phong trào nổi dậy của nhân dân trong sáu tháng đầu năm 1960 phát triển rất mạnh mẽ.

Đêm 31-8-1960, từ căn cứ của Tỉnh ủy đặt tại Tân Hòa Đông (nay là xã Tân Hòa Đông, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang), ông vượt Lộ 4 (nay là Quốc lộ 1) để về Chợ Gạo chỉ đạo đợt nổi dậy 23 tháng 9; nhưng khi đi đến Tân Lý Đông (huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang), ông bị lọt vào ổ phục kích của địch; và đã anh dũng hy sinh sau khi chiến đấu đến viên đạn cuối cùng. Tên ông được đặt tên trường tiểu học và tên đường ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang).

Đường Thái Sanh Hạnh có điểm đầu: giáp với đường Trần Nguyên Hãn; điểm cuối: giao với đường Đinh Bộ Lĩnh; chiều dài: 1,200 km; chiều rộng: 8,0 m.

74. Đường Thái Văn Đẩu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Thái Văn Đẩu).

Tiểu sử danh nhân:

THÁI VĂN ĐẨU

(1901 – 1942)

Thái Văn Đẩu sinh năm 1901 tại làng Long Hưng, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang).

Cuối năm 1927, ông giác ngộ cách mạng, gia nhập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên. Đầu năm 1930, ông vinh dự được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam. Sau đó, ông tham gia tổ chức nhiều cuộc biểu tình, gây được tiếng vang trong tỉnh. Cuối năm 1931, ông là quyền Bí thư Tỉnh ủy Mỹ Tho. Năm 1932, ông là Bí thư Tỉnh ủy Mỹ Tho. Với cương vị này, ông cùng với Ban Thường vụ Tỉnh ủy tập trung lãnh chỉ đạo công tác củng cố cơ sở Đảng; xây dựng các đoàn thể quần chúng, nhất là Nông hội; đấu tranh khôi phục và phát triển phong trào cách mạng; lãnh đạo nhân dân đấu tranh đòi các quyền dân sinh, dân chủ, trong đó có việc đấu tranh đòi bỏ hẳn thuế thân; xuất bản tờ báo *Phấn đấu* để tuyên truyền, giáo dục đường lối, chính sách của Đảng, nâng cao lòng yêu nước, nâng cao lập trường giai cấp cho toàn Đảng bộ và quần chúng trong tỉnh,… Nhờ đó, hệ thống tổ chức Đảng từ tỉnh đến cơ sở được phục hồi và phát triển thêm; các tổ chức quần chúng

dưới các hình thức bí mật, hợp pháp, bán hợp pháp phát triển, thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia; phong trào đấu tranh của nhân dân dần dần được khôi phục tạo tiền đề cho cao trào cách mạng mới.

Từ năm 1936 đến năm 1939, ông là Xứ ủy viên Xứ ủy Nam Kỳ, hoạt động cho phong trào Đông Dương đại hội. Tháng 9-1940, ông là Xứ ủy viên Xứ ủy Nam Kỳ, Bí thư Liên Tỉnh ủy Cần Thơ kiêm Bí thư Tỉnh ủy Vĩnh Long. Với trọng trách được phân công, ông đã cùng với Ban Thường vụ Liên Tỉnh ủy Cần Thơ và Ban Thường vụ Tỉnh ủy Vĩnh Long lãnh chỉ đạo công tác chuẩn bị khởi nghĩa và tiến hành khởi nghĩa Nam Kỳ ở hai tỉnh Cần Thơ và Vĩnh Long; trong đó cuộc khởi nghĩa ở tỉnh Vĩnh Long được xem là một trong những cuộc khởi nghĩa diễn ra sôi nổi và mạnh mẽ nhất ở Nam Kỳ.

Sau khi cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ 23-11-1940 bị thực dân Pháp đàn áp dã man, ông mất liên lạc với cơ sở, trở về Mỹ Tho củng cố lực lượng, chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa tiếp theo. Tuy nhiên, tháng 1-1941, ông bị chính quyền thực dân bắt, đày ra Côn Đảo. Tại chốn "địa ngục trần gian" này, mặc dù bị tra tấn cực hình, nhưng ông vẫn kiên cường giữ vững khí tiết của người chiến sĩ cộng sản, không ngừng đấu tranh, chống áp bức, khủng bố của kẻ địch ngay trong nhà lao. Do bị bọn cai ngục đánh đập tàn nhẫn và chế độ lao tù vô cùng khắc nghiệt, ông đã anh dũng hy sinh tại đây năm 1942. Tên ông được đặt tên đường ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đường Thái Văn Đẩu có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn Huỳnh Đức; điểm cuối: giao với đường Trịnh Hoài Đức; chiều dài: 0,320 km; chiều rộng: 4,0 m.

75. Đường Thiên Hộ Dương

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Chức vụ và tên danh nhân (Thiện hộ Dương).

Tiểu sử danh nhân:

THIÊN HỘ DƯƠNG

(1827 – 1866)

Thiên hộ Dương tên thật là Võ Duy Dương sinh năm 1827 tại thôn Cù Lâm Nam, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định (nay là thôn Nam Tương, xã Nhơn Tân, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định) trong một gia đình nông dân nghèo, cần cù; nhưng hiếu học.

Thuở thiếu thời, ông rất chăm học, có sức khỏe hơn người và tinh thông võ nghệ, được mọi người gọi là "Ngũ linh Dương", bởi vì cùng một lúc, ông cử nổi năm quả tạ (người Bình Định gọi quả tạ là "linh"), mỗi quả nặng 60 cân ta. Trong khoảng năm 1857 - 1858, ông chiêu mộ dân nghèo vào khai hoang lập ấp ở vùng Ba Giồng thuộc tỉnh Định Tường (nay là tỉnh Tiền Giang), góp phần quan trọng trong việc phát triển kinh tế, xã hội và ổn định đời sống dân cư ở khu vực này.

Tháng 02-1859, thực dân Pháp chiếm thành Gia Định. Trước cảnh nước mất nhà tan, ông đã cùng với Nguyễn Hữu Huân chiêu tập nghĩa sĩ, phất cờ khởi nghĩa, chống

giặc ngoại xâm. Do có những thành tích xuất sắc trong chiến đấu, tháng 5-1859, ông được triều đình phong chức Chánh quản đạo.

Sau đó, ông trở về kinh đô Huế, dâng kế sách chống giặc Pháp lên nhà vua. Lúc bấy giờ, ở Quảng Ngãi có giặc Đá Vách nổi lên làm loạn; quan quân địa phương không tài nào trị được. Biết ông là người dũng trí toàn tài, nên vua Tự Đức giao cho ông nhiệm vụ đánh dẹp; và ông đã hoàn thành mỹ mãn trọng trách được giao phó. Năm 1860, để tưởng thưởng công lao, triều đình đã phong ông chức Chánh thất phẩm Thiên hộ. Tên gọi Thiên hộ Dương có từ đó.

Tháng 5-1861, ông trở lại Ba Giồng chỉ huy cuộc kháng chiến chống Pháp. Tại đây, ông đã chiêu mộ hơn 1000 quân nghĩa dũng, nên được triều đình phong chức Quản cơ vào tháng 9-1861, cùng lúc với Trương Định. Nhận thấy Ba Giồng là nơi đông dân, nhiều của; lại là cửa ngõ đi vào vùng đồng bằng sông Cửu Long; hơn nữa, nhân dân ở đây rất quyết tâm chống giặc; nên ông đã xây dựng nơi đây thành một trung tâm kháng chiến mạnh mẽ, tồn tại đồng thời với trung tâm kháng chiến Tân Hòa (Gò Công) của Trương Định.

Cuộc kháng chiến do ông lãnh đạo đã thu hút được mọi tầng lớp nhân dân tham gia: nông dân, dân binh đồn điền, quan lại, địa chủ, phú hào yêu nước,… Nghĩa quân hoạt động trên một địa bàn rất rộng: từ phía nam sông Vàm Cỏ Tây, dọc theo kênh Bảo Định và sông Tiền, đến tận Cai Lậy và Cái Bè. Đồng thời, ông còn thiết lập mối quan hệ chặt chẽ với các lãnh tụ Trương Định ở Gò Công, Trần Xuân Hòa ở Cai Lậy, Bùi Quang Diệu ở Long An,… nhằm phối hợp trong chiến đấu.

Dưới sự chỉ huy của ông, nghĩa quân đã tiến hành những trận đánh dũng mãnh và thu được những thắng lợi vang dội, điển hình là trận tấn công đồn Bourdais (04-9-1861), trận Cái Thia (14-10-1861), trận Cai Lậy (15-10-1861), trận Kỳ Hôn (22-10-1861), trận Rạch Gầm (tháng 11- 1861),… Bên cạnh đó, nghĩa quân còn đẩy mạnh công tác diệt ác trừ gian, như ngày 17-10-1861, nghĩa quân đột nhập vào đồn Cai Lậy, diệt 1 tên đội; trong các ngày 22, 23, 24-11-1861, nghĩa quân len lỗi vào vùng địch tạm chiếm, diệt các tên xã trưởng của các xã Mỹ Quý, Trung Lương, Tân Lý, Mỹ An,…

Trước tình hình đó, thực dân Pháp tập trung lực lượng đàn áp cuộc khởi nghĩa. Để bảo toàn lực lượng, cuối năm 1864, ông rút quân vào Đồng Tháp Mười, xây dựng căn cứ mới, tiếp tục cuộc kháng chiến chống Pháp.

Tại đây, dưới sự chỉ huy của ông, nghĩa quân đã thực hiện chiến thuật du kích, đánh vào các đồn nhỏ và những toán quân tuần tiễu của địch, khiến bọn chúng đối phó vô cùng vất vả. Đến giữa năm 1865, lực lượng được hồi phục, ông ra lệnh cho nghĩa quân đánh kỳ tập vào các vị trí quân sự trọng yếu của địch, gây cho quân Pháp những thiệt hại nặng nề, tiêu biểu là hai trận tấn công đồn Mỹ Trà vào tháng 7 và cuối năm 1865, trận Cái Nứa vào tháng 3-1866.

Lo sợ ảnh hưởng ngày càng tỏa rộng của nghĩa quân, tháng 4-1866, thực dân Pháp huy động 1.000 quân thiện chiến mở cuộc tấn công đại quy mô vào căn cứ Đồng Tháp

Mười. Nghĩa quân đã anh dũng chống trả. Cuộc chiến đấu không cân sức diễn ra rất ác liệt. Do sức giặc quá mạnh, ông buộc phải rút quân lên vùng Đức Hòa (Long An) để liên minh với nghĩa quân Trương Quyền và nghĩa quân Campuchia do Pukombô lãnh đạo nhằm tiếp tục chống giặc Pháp xâm lược. Tháng 10-1866, Võ Duy Dương đi đường biển ra Bình Thuận nhằm vận động các tỉnh nam Trung kỳ giúp đỡ tiền bạc, lương thực, vũ khí cho các cuộc kháng chiến của nhân dân Nam kỳ. Nhưng không may, khi đến cửa biển Thần Mẫu (nay thuộc Cần Giờ, thành phố Hồ Chí Minh), ông bị bọn cướp biển giết hại, để lại bao niềm thương tiếc cho nhân dân và nghĩa sĩ.

Để tưởng nhớ Võ Duy Dương, tại Gò Tháp (xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp), người dân đã lập đền thờ ông cùng với Phó tướng Nguyễn Tấn Kiều (Đốc binh Kiều). Đây là một trong những di tích nằm trong cụm Di tích quốc gia đặc biệt Gò Tháp (được công nhận năm 2012). Tại nơi ông sinh ra (xã Nhơn Tân, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định), năm 1997, dòng họ đã góp tiền xây dựng đền thờ và hàng năm tổ chức tế lễ. Năm 2007, Hội Khoa học lịch sử Việt Nam trao tặng cho đền thờ Võ Duy Dương tại xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn một tượng đồng phác họa chân dung ông.

Tại đền thờ ông và Nguyễn Tấn Kiều (Đốc binh Kiều) ở Gò Tháp có câu đối:

Sử sách sáng chói danh Thiên Hộ

Bia miệng lưu truyền tiếng Đốc binh.

Ở đây cũng còn lưu truyền câu ca dao:

Chiều chiều mây giục gió vần

Cảm thương Thiên Hộ xả thân cứu đời!

Ngày 14 tháng 11 âm lịch hàng năm là ngày giỗ chung hai ông. Tên ông được đặt tên đường ở thị trấn Cái Bè, tên trường trung học phổ thông và chợ ở huyện Cái Bè; tên trường tiểu học và tên đường ở TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Ngoài ra, nhiều địa phương trên cả nước cũng có tên đường mang tên Võ Duy Dương hay Thiên hộ Dương.

Đường Thiên Hộ Dương có điểm đầu: giáp với đường Trưng Trắc; điểm cuối: giao với đường Trương Định; chiều dài: 0,250 km; chiều rộng: 6,0 m.

76. Đường Thủ Khoa Huân

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Danh hiệu đứng đầu khoa thi và tên danh nhân (thủ khoa Huân).

Tiểu sử danh nhân:

THỦ KHOA HUÂN

(1830 – 1875)

Thủ khoa Huân tên thật là Nguyễn Hữu Huân, sinh năm 1830[22] tại thôn Lợi Thạnh, tổng Hưng Xương, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường (nay là ấp Hòa Quới, xã Hòa Tịnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang).

Thuở nhỏ, ông nổi tiếng hiếu học và học giỏi. Năm 1852, ông đỗ thủ khoa kỳ thi tại trường thi Hương Gia Định, nên được gọi là Thủ khoa Huân. Sau đó, ông ra làm quan, được bổ làm Giáo thọ phủ Kiến An.

Sau khi giặc Pháp hạ thành Gia Định (tháng 2-1859); giữa năm 1859, ông hợp lực với Võ Duy Dương chiêu mộ nghĩa dũng, phất cờ khởi nghĩa. Lúc bấy giờ, ông được triều đình phong chức Phó Quản đạo.

Tháng 7-1862, ông đến căn cứ Tân Hòa (Gò Công) bàn việc thống nhất lực lượng nghĩa quân với Trương Định nhằm nâng cao sức mạnh chiến đấu chống giặc Pháp xâm lược. Tại đây, ông nhận chức Phó Đề đốc do vua Tự Đức ban cho.

Tháng 2-1863, sau khi căn cứ Tân Hòa thất thủ, ông về Chợ Gạo, xây dựng căn cứ Bình Cách (nay là xã Tân Bình Thạnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang). Từ căn cứ này, dưới sự chỉ huy của ông, nghĩa quân đã tỏa ra đánh quân Pháp ở Mỹ Quý (nay thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang), Thuộc Nhiêu (nay thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang), Mỹ Tho, Chợ Gạo,…

Giữa năm 1863, giặc Pháp tấn công căn cứ Bình Cách. Nghĩa quân đã chiến đấu vô cùng anh dũng, khiến bọn chúng phải khó khăn lắm mới phá vỡ được căn cứ này. Để bảo toàn lực lượng, ông cho nghĩa quân rút qua Thuộc Nhiêu, tiếp tục cuộc chiến đấu. Nghĩa quân đã liên tiếp mở nhiều cuộc tấn công vào Cái Thia, Cái Bè, Cai Lậy, Rạch Gầm, Trung Lương, Tân Lý (nay thuộc tỉnh Tiền Giang),…

Cuối năm 1863, thực dân Pháp huy động lực lượng lớn tấn công Thuộc Nhiêu. Nghĩa quân phải rút vào Đồng Tháp Mười, xây dựng căn cứ mới. Theo sự phân công giữa ông với Võ Duy Dương; ông sang An Giang - nơi còn thuộc quyền kiểm soát của triều đình - để tuyển mộ nghĩa quân và vận động nhân dân, kể cả triều đình, ủng hộ, đóng góp tiền của, vũ khí, lương thực cho cuộc kháng chiến.

Thế nhưng, do áp lực của thực dân Pháp, tháng 7-1864, quan Tổng đốc An Giang là Phan Khắc Thận đã nhu nhược bắt ông giao nộp cho quân giặc. Một tháng sau, ông bị chính quyền thực dân kết án 10 năm tù, đày đi Cayenne,Trung Mỹ (có tài liệu viết ông bị đày ở đảo Réunion, đông nam châu Phi)

Tháng 2-1869, sau 5 năm bị giam trong ngục tù ở hải ngoại, ông được thả về nước và bị quản thúc tại nhà của Đỗ Hữu Phương ở Chợ Lớn. Tại đây, Đỗ Hữu Phương vâng lệnh quan thầy ra sức mua chuộc, dụ dỗ ông. Nhưng, ông vẫn một lòng một dạ trung thành với đất nước và nhân dân. Không những thế, ông còn tìm cách liên lạc với những người yêu nước và mưu tính phát động một cuộc khởi nghĩa mới.

---

[22] Trong quyển *Nguyễn Hữu Huân: nhà yêu nước kiên cường, nhà thơ bất khuất* của Phạm Thiều - Cao Tự Thanh - Lê Minh Đức, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1986, ghi năm sinh của ông là năm 1816.

Năm 1872, ông trốn thoát về Mỹ Tho, Chợ Gạo; cùng với Âu Dương Lân nổi lên khởi nghĩa với lực lượng nghĩa quân lên đến 3.000 người. Từ đây, phong trào chống Pháp do ông đứng đầu lan tỏa mạnh mẽ khắp vùng Mỹ Tho, Chợ Gạo, Cai Lậy, Tân An (nay thuộc tỉnh Long An), Chợ Lớn (nay thuộc TP Hồ Chí Minh),… Thủ lĩnh ở nhiều nơi cũng tham gia phong trào, như Nguyễn Văn Chất ở Vĩnh Long, Lê Công Thành, Phan Văn Đồng, Lâm Lễ ở Cần Thơ, Long Xuyên (nay thuộc tỉnh An Giang),… Một hệ thống chính quyền kháng chiến được xây dựng tại nhiều thôn xã, nhất là ở Mỹ Tho và Chợ Gạo.

Trước sự lớn mạnh của nghĩa quân, cuối năm 1874, thực dân Pháp huy động một lực lượng hùng hậu, từ nhiều hướng tấn công căn cứ Bình Cách. Nghĩa quân kháng cự vô cùng quyết liệt; nhưng do thế giặc quá mạnh, sau đó phải tan rã. Ông bị sa vào tay giặc. Bọn chúng giam ông ở nhà ngục Mỹ Tho; hết tra tấn dã man lại giở trò mua chuộc; nhưng vẫn không làm lung lay khí tiết của một đấng trượng phu anh hùng.

Tên Chánh tham biện Mỹ Tho là De Gailland chiêu hàng không thành, đã kết án và tử hình ông ngày 15-4 năm Ất Hợi (19-5-1875) tại chợ Tịnh Hà (nay thuộc xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo). Trước lúc hy sinh vì nghĩa lớn của dân tộc, ông vẫn lạc quan sáng tác một bài thơ tuyệt mạng, tỏ rõ ý chí kiên cường, bất khuất của mình, đó là bài *Hãn mã gian quan*:

Hãn mã gian quan báo quốc cừu,
Chỉ nhân binh bãi trí thân hưu.
Anh hùng mạc bả doanh thâu luận,
Vũ trụ trường khan tiết nghĩa lưu.
Đản đắc tử kinh Hồ lỗ phách,
Bất cam sinh đoạn tướng quân đầu.
Đương kim Tho thủy ba lưu huyết,
Long đảo thu phong khởi mộ sầu[23].

Nhà yêu nước Phan Bội Châu dịch:

Ruổi rong gió ngựa báo thù chung,
Binh bãi cho nên mạng mới cùng.
Tiết nghĩa vẫn lưu cùng vũ trụ,
Hơn thua sá kể với anh hùng.

[23] Trong quyển *Nguyễn Hữu Huân: nhà yêu nước kiên cường, nhà thơ bất khuất*, các tác giả Phạm Thiều - Cao Tự Thanh - Lê Minh Đức, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1986, cho rằng bài thơ *Hãn mã gian quan* không phải là thơ tuyệt mạng của Thủ khoa Huân, rất có thể do Thủ khoa Huân sáng tác để ca ngợi Thị độc học sĩ sung Binh bị Trần Xuân Hòa (Phủ Cậu) vào khoảng đầu mùa thu năm 1864, khi ông này bị quân Pháp bắt và giải ngang qua sông Mỹ Tho.

Nổi xung mất vía quân Hồ lỗ,

Quyết thác không hàng rạng núi sông.

Tho thủy ngày rày pha máu đỏ,

Đảo Rồng hiu hắt ngọn thu phong.

Đồng thời, ông còn làm hai câu Liễn tuyệt mạng:

Hữu chí nan thân, không uổng bách niên chiêu vật nghị,

Tuy công bất tựu, diệc tương nhất tử báo quân ân.

Nhà nghiên cứu Cao Tự Thanh dịch:

Việc lớn không thành, báo chúa cũng đành liều một chết,

Lòng ngay khó tỏ, miệng đời luống để luận trăm năm.

Nghĩa nước tình dân, Nguyễn Hữu Huân đã trả xong khi ông vừa tròn 45 tuổi. Tấm gương sáng ngời của ông vẫn được lưu giữ mãi trong ký ức của nhân dân và của hồn thiêng sông núi; đúng như một câu ca dao ở địa phương đã ca ngợi:

Một lòng đền nợ nước non,

Ngàn năm vẫn đỏ tim son anh hùng.

Hiện nay, đền thờ và lăng mộ của ông đã được công nhận Di tích lịch sử cấp quốc gia năm 1987, tọa lạc tại xã Hòa Tịnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Nơi ông thọ án chém tại chợ Tịnh Hà (xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo) cũng được xây bia tưởng niệm. Tượng đài của ông được tạc bằng đá hoa cương, tọa lạc tại công viên Lạc Hồng, Phường 1, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Cuộc đời và sự nghiệp của ông đã được khắc họa trên sân khấu qua vở cải lương "Trăng soi dòng Bảo Định" của Nghệ nhân ưu tú Huỳnh Anh. Tên Nguyễn Hữu Huân (hay Thủ khoa Huân) được đặt tên công trình công cộng tại nhiều tỉnh thành trên cả nước.

Đường Thủ Khoa Huân có điểm đầu: giáp với cầu Quay; điểm cuối: giao với đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa; chiều dài: 0,780 km; chiều rộng: 9,0 - 12,0 m.

77. Đường Trần Hưng Đạo

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tước hiệu danh nhân (Trần Hưng Đạo).

Tiểu sử danh nhân:

TRẦN HƯNG ĐẠO

(1228 - 1300)

Trần Hưng Đạo tên thật là Trần Quốc Tuấn, sinh năm 1288 tại hương Tức Mặc, phủ Thiên Trường (nay thuộc phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định).

Ông thuộc dòng dõi hoàng tộc nhà Trần, là nhà quân sự và văn hóa kiệt xuất, giữ chức Quốc công tiết chế, chỉ huy quân đội nhà Trần cùng với nhân dân Đại Việt ba lần đánh thắng quân Nguyên Mông xâm lược vào các năm 1258, 1285, 1288, bảo vệ vững chắc nền độc lập của Tổ quốc.

Năm 1300, trước lúc lâm chung, ông vẫn còn dâng vua Trần Anh Tông kế sách giữ nước, rằng: "Quân giặc cậy vào trường trận, quân ta cậy vào đoản binh, đem đoản binh đánh lại trường trận là việc thường trong binh pháp. Nhưng cần phải xét: Nếu thấy quân giặc tràn sang như gió như lửa, thì thế giặc có thể dễ dàng chống cự được; nếu giặc dùng cách chiếm cứ dần, như tằm ăn dâu, không vơ vét của dân, không mong đánh được ngay, thì ta phải dùng tướng giỏi, phải xem xét tình thế biến chuyển như người đánh cờ tùy thời cơ mà ứng biến cho đúng, làm thế nào thu hút được binh sĩ, như cha con một nhà mới có thể dùng để chiến thắng được. Phải khoan thư sức dân để làm cái kế sâu rễ bền gốc, đó là thượng sách giữ nước vậy".

Do có công lao to lớn, ông được vua Trần Nhân Tông phong là Quốc Công Tiết Chế Nhân Vũ Hưng Đạo Đại Vương hay là Đức Thượng Từ. Vua Trần Anh Tông phong ông là Đức Thượng Phụ Thượng Quốc Công Bình Bắc đại nguyên soái Quốc công Tiết chế Hưng Đạo Đại Vương.

Các tác phẩm của ông:

- Hịch tướng sĩ.

- Binh thư yếu lược.

- Vạn Kiếp tông bí truyền thư.

Năm 2013, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Việt Nam đã ghi tên ông trong danh sách 14 vị anh hùng tiêu biểu nhất trong lịch sử Việt Nam. Ông được nhân dân phong Thánh. Nhiều tỉnh thành trên cả nước có tên đường, tên trường học, tượng đài và đền thờ ông.

Đường Trần Hưng Đạo có điểm đầu: đường Ấp Bắc; điểm cuối: giao với đường Bờ kè sông Tiền; chiều dài: 1,400 km; chiều rộng: 10,0 m.

78. Đường Trần Ngọc Giải

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Trần Ngọc Giải).

Tiểu sử danh nhân:

TRẦN NGỌC GIẢI

(1904 – 1931)

Trần Ngọc Giải, bí danh là Thuận Hòa, sinh năm 1904 tại làng Thới Thuận, quận An Hóa, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Thới Thuận, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre).

Năm 1922, ông được Tôn Đức Thắng giác ngộ cách mạng và được phân công làm công tác vận động công nhân tại đồn điền cao su Dầu Tiếng. Từ đó, tổ chức Công hội đỏ ở đồn điền này được ra đời do ông làm Thư ký.

Năm 1926, ông là hội viên Hội Việt Nam cách mạng thanh niên (HVNCMTN) và được cử sang Quảng Châu (Trung Quốc) dự lớp đào tạo cán bộ cách mạng do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc (Hồ Chí Minh) trực tiếp huấn luyện.

Cuối năm 1927, ông được phân công về nước hoạt động và chịu trách nhiệm xây dựng cơ sở cách mạng ở tỉnh Mỹ Tho. Từ đó, Tỉnh bộ HVNCMTN tỉnh Mỹ Tho được thành lập do ông làm Bí thư. Trong thời gian này, ông đã chỉ đạo thành lập gánh cải lương Đồng Nữ Ban ở Vĩnh Kim nhằm tuyên truyền cách mạng và tạo nguồn tài chính cho hoạt động của Tỉnh bộ.

Đồng thời, ông còn kiêm nhiệm việc mở rộng hoạt động của HVNCMTN sang các tỉnh Bến Tre, Trà Vinh, Rạch Giá, Cà Mau. Cuối năm 1928, thực hiện chủ trương "vô sản hóa" của Trung ương HVNCMTN, ông chuyển về hoạt động ở địa bàn nông thôn. Tháng 8-1929, ông là cán bộ chủ chốt của tổ chức An Nam Cộng sản Đảng (ANCSĐ) tỉnh Mỹ Tho.

Tháng 2-1930, với tư cách là người đại diện nhóm ANCSĐ tỉnh Mỹ Tho, ông cùng với các ông Nguyễn Thiệu (Ủy viên Lâm thời Xứ ủy Nam kỳ, người dự Hội nghị hợp nhất Đảng ngày 03/02/1930 tại Hương Cảng, Trung Quốc), Trần Văn Vi tức Dân Tôn Tử (đại diện tổ chức Đông Dương Cộng sản Đảng tỉnh Mỹ Tho) tiến hành hợp nhất các cơ sở đảng của ANCSĐ và ĐDCSĐ tỉnh Mỹ Tho; và trên cơ sở đó, thành lập Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Mỹ Tho trực thuộc Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

Tháng 10-1930, được sự phân công của cấp trên, ông về xã Thới Thuận xây dựng Chi bộ Đảng đầu tiên của xã này. Sau đó, ông được Xứ ủy Nam kỳ điều động đi xây dựng cơ sở Đảng ở khắp nơi; nhất là địa bàn Sài Gòn, Mỹ Tho và vùng Hậu Giang.

Tháng 4-1931, trên đường công tác từ Mỹ Tho đi Sài Gòn, ông bị địch bắt. Biết ông là cán bộ trọng yếu của Đảng, địch giam ông ở bót mật thám Catinat (Sài Gòn) và tra tấn hết sức dã man nhằm buộc ông phải khai báo cơ sở cách mạng. Nhưng trước sau, ông vẫn một lòng trung thành với Đảng, kiên cường chịu đựng đòn roi tra tấn của bọn thực dân, quyết giữ vững tinh thần chiến đấu bất khuất của người chiến sĩ cộng sản.

Cuối cùng, do bị đánh đập dã man, ông đã anh dũng hy sinh tại nhà thương Chợ Quán. Ông là một những cán bộ cách mạng đầu tiên ở tỉnh Mỹ Tho, có công xây dựng Đảng bộ tỉnh Mỹ Tho và cơ sở Đảng tại một số tỉnh ở Nam Kỳ trong những năm Đảng Cộng sản Việt Nam mới đươc thành lập. Tên ông được đặt tên đường ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đường Trần Ngọc Giải có điểm đầu: giáp với đường Lý Thường Kiệt; điểm cuối: giao với Quốc lộ 60; chiều dài: 1,800 km; chiều rộng: 5,0 m.

79. Đường Trần Nguyên Hãn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Trần Nguyễn Hãn).

Tiểu sử danh nhân:

TRẦN NGUYÊN HÃN

(1390 - 1429)

Trần Nguyên Hãn sinh năm 1390, dòng dõi quan Tư đồ Trần Nguyên Đán thời nhà Trần, quê ở hương Tức Mặc, phủ Thiên Trường (nay thuộc phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định), nhưng định cư tại thôn Sơn Đông, huyện Lập Thạch, Vĩnh Phúc (nay là xã Sơn Đông, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc).

Khi giặc Minh (Trung Quốc) xâm lược và thống trị đất nước ta, cuối năm 1417, ông vào Lam Sơn (Thanh Hóa) tham gia cuộc khởi nghĩa do Lê Lợi lãnh đạo, được giữ chức quan Tư đồ. Trong suốt 10 năm kháng chiến chống quân Minh (1418- 1427), ông lập được những chiến công oanh liệt. Tháng 8-1425, ông đem quân vào giải phóng xứ Tân Bình - Thuận Hóa (nay vùng đất từ phía bắc tỉnh Quảng Bình đến tỉnh Thừa Thiên - Huế). Tại đây, vâng mệnh Lê Lợi, ông lập căn cứ, tuyển binh lính, chuẩn bị cho công cuộc tiến quân ra đồng bằng Bắc bộ.

Tháng 11-1426, ông chỉ huy hơn 100 chiến thuyền, tiến đánh quân Minh ở phía bắc thành Đông Quan (Thăng Long - Hà Nội) khiến quân địch phải rút vào thành cố thủ. Sau trận này, ông được phong chức Thái úy, là chức quan đứng đầu hàng quan võ.

Tháng 10-1427, để cô lập thành Đông Quan với viện binh do tướng Liễu Thăng chỉ huy, cùng với các tướng Lê Sát, Lê Lý, ông chỉ huy quân ta đánh chiếm thành Xương Giang. Ngay sau đó, ông cùng tướng Lê Sát tổ chức phục binh ở Chi Lăng, góp công lớn trong việc chém tướng nhà Minh Liễu Thăng và đánh tan đạo quân chi viện của nhà Minh.

Đất nước hết bóng giặc ngoại xâm, trở lại thanh bình, tháng 4-1428, ông được vua Lê Thái Tổ (Lê Lợi) phong chức Tả Tướng quốc (Hữu Tướng quốc là Thái tử Tư Tề, con trưởng của nhà vua). Sau đó, ông xin về hưu, trở về quê sinh sống. Nhưng có kẻ vu cho ông mưu phản. Vua Lê Thái Tổ sai người về bắt ông. Tháng 3-1429, thuyền của ông trên đường về kinh thành Thăng Long; đến bến Đông Hồ thì bị chìm, ông chết theo thuyền. Năm 1455, vua Lê Nhân Tông xét rõ nỗi oan của ông, mới ra lệnh trả lại ruộng đất, nhà cửa, tha cho những người trong gia tộc còn sống sót. Ông được xây tượng đài ở Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, đền thờ ở xã Sơn Đông, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc. Tên ông được đặt tên công trình công cộng ở nhiều địa phương trên cả nước.

Đường Trần Nguyên Hãn có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn Trung Trực; điểm cuối: giáp với cầu Gò Cát, xã Mỹ Phong; chiều dài: 2,0 km; chiều rộng: 7,0 m.

80. Đường Trần Quốc Toản

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Trần Quốc Toản).

Tiểu sử danh nhân:

TRẦN QUỐC TOẢN

(1267 – 1285)

Trần Quốc Toản sinh năm 1267 thuộc dõng dõi hoàng tộc triều Trần. Cha mất sớm, ông ở với mẹ và được chú là Chiêu thành vương Trần Thông dạy dỗ chu đáo. Ngay từ nhỏ, ông đã bộc lộ năng khiếu võ nghệ và lòng quả cảm hơn người, rất ham đọc sách quân sự và có chí lớn. Ông được phong tước Hoài văn hầu khi mới 15 tuổi.

Năm 1282, vua Trần Nhân Tông tổ chức Hội nghị quân sự cấp cao gồm các vương hầu và tướng lĩnh tại bến Bình Than để bàn kế sách chống giặc Mông - Nguyên. Ông xin dự hội nghị; nhưng vì còn ít tuổi nên không được tham dự. Để động viên, vua Trần Nhân Tông ban cho ông quả cam. Trước sự việc đó, ông đã bóp nát quả cam trong tay lúc nào không biết.

Không nản lòng, ông đã tập hợp những người thân thuộc và trai tráng trong vùng thành đạo quân hơn 1.000 người tự sắm sửa vũ khí, chiến thuyền và cùng nhau ngày đêm luyện võ, tập trận chờ thời cơ đánh giặc. Đội quân trẻ tuổi của ông giương cao lá cờ thêu sáu chữ vàng *"Phá cường địch, báo hoàng ân"* ("Phá giặc mạnh, đền ơn vua").

Năm 1285, quân Mông - Nguyên tràn vào xâm lược nước ta lần thứ hai (lần thứ nhất vào năm 1258). Lá cờ thêu sáu chữ vàng của ông xuất hiện trên nhiều mặt trận. Ông đã trực tiếp chỉ huy đội quân hơn 1.000 người sát cánh chiến đấu với quân chủ lực của triều đình góp phần làm nên những chiến thắng vang dội ở Hàm Tử, Tây Kết, Chương Dương. Do bị đại bại, giặc Mông - Nguyên phải bỏ Thăng Long, chạy về Kinh Bắc (Bắc Ninh) để tìm đường về nước. Ông được lệnh điều quân đến mai phục chặn đánh địch ở vùng sông Như Nguyệt. Trong trận đánh quyết liệt đó, giặc thua to nhưng không may ông đã hy sinh anh dũng khi mới 18 tuổi. Được tin ông đã vì nước vong thân, vua Trần Nhân Tông vô cùng thương tiếc. Nhà vua cho cử hành tang lễ trọng thể, đích thân làm văn tế và truy tặng ông tước Hoài Văn Vương.

Chủ tịch Hồ Chí Minh trong tác phẩm *"Lịch sử nước ta"* ca ngợi ông như sau:

"Thật là một đấng anh hùng

Trẻ con Nam Việt nên cùng noi theo"

Tên của ông được đặt tên cho nhiều công trình công cộng ở các tỉnh, thành trên cả nước.

Đường Trần Quốc Toản có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn Trãi; điểm cuối: giao với đường Nguyễn Tri Phương; chiều dài: 0,210 km; chiều rộng: 7,0 m.

81. Đường Trần Thị Sanh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Trần Thị Sanh).

Tiểu sử danh nhân:

TRẦN THỊ SANH

(1820 – 1882)

Trần Thị Sanh sinh năm 1820, người thôn Thuận Ngãi, huyện Kiến Hòa, trấn Định Tường (nay thuộc phường 1, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang). Bà được xếp vào hàng Ngoại thích của Hoàng gia, vì bà là cháu gọi Đức Quốc công Phạm Đăng Hưng (thông gia vua Minh Mạng, cha vợ vua Thiệu Trị, ông ngoại vua Tự Đức) là cậu ruột, là em cô cậu ruột với Thái hậu Từ Dụ (ái nữ của Phạm Đăng Hưng, thân mẫu của vua Tự Đức) và là dì của vua Tự Đức.

Bà là một người rất giàu có, sở hữu hàng trăm mẫu ruộng, cho nên dân gian mới có câu:

Gò Công có bốn tổng giàu,

Mà riêng có một bà Hầu giàu to.

Bà là vợ của ông Dương Tấn Bổn, một hào phú ở địa phương; nhưng không may, ông Bổn mất sớm, bà thay chồng nuôi dạy người con gái là Dương Thị Hương nên người.

Khoảng năm 1861, bà tái giá với Trương Định. Theo lời truyền tụng của dòng họ Trần, cuộc hôn nhân này là do sự sắp xếp của Thái hậu Từ Dụ, nhằm sử dụng tiền bạc của bà để giúp Trương Định chiêu mộ nghĩa quân, mua vũ khí, lương thực, gây thanh thế đánh giặc Pháp, bảo vệ vùng đất Gò Công - quê hương bên ngoại của vua Tự Đức.

Khi Trương Định phất cờ khởi nghĩa chống thực dân Pháp ở Gò Công, để tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc chiến đấu của nghĩa quân, với tư cách là "như phu nhân" (vợ thứ) của Bình Tây Đại tướng quân, bà đã đóng góp tài sản của mình cho phong trào kháng chiến; mà không toan tính thiệt hơn. Điều đó đã góp phần quan trọng trong việc tạo nên những chiến công vang dội của nghĩa quân Trương Định.

Sau khi Trương Định đền nợ nước (20/8/1864), bà đã đấu tranh quyết liệt với địch, đòi bọn chúng phải cho bà mang thi hài của chồng mình về an táng ngay tại trung tâm Gò Công. Bà đã khéo léo ứng phó, khiến giặc không có cớ để gây khó khăn trong việc an táng Trương Định.

Sau đó, bà tiến hành việc xây mộ Trương Định. Mộ được làm bằng hồ ô dước. Bia mộ ghi: "*Đại Nam An Hà Lãnh binh kiêm Bình Tây Đại tướng quân, Trương công húy Định chi mộ*". Thế nhưng, thực dân Pháp biết được, ra lệnh cho bọn thuộc hạ đục hàng chữ "*Bình Tây Đại tướng quân*" và phạt bà 10.000 quan tiền vì tội lập bia mộ trái phép.

Liên tiếp trong hai năm 1873 và 1874, bà đã nhiều lần làm đơn đề nghị Thống đốc Nam kỳ cho phép bà xây lại lăng mộ Trương Định. Do áp lực của quần chúng và cho

rằng ảnh hưởng của Trương Định đã không còn trong nhân dân, nên chính quyền thực dân chấp thuận cho bà xây dựng lăng mộ cho ông. Ngôi mộ mới của Trương Định được làm bằng đá hoa cương, rất chắn chắn và kiên cố. Đồng thời, bà còn cho làm bia mộ, các bức hoành phi và trụ đá ghi lại thân thế và ca ngợi sự nghiệp hào hùng của Trương Định.

Trước việc ấy, một lần nữa, thực dân Pháp ở Nam kỳ lại ra lệnh cho bọn tay sai ở Gò Công đục xóa bia mộ và phá hủy các bức hoành phi, trụ đá được tôn trí tại mộ của Trương Định.

Như vậy, sau khi Trương Định mất, với tấm lòng ngưỡng phục, thương tiếc người chồng đã vì nước quên thân, bà đã làm tròn bổn phận của người vợ đối với chồng. Đặc biệt, thông qua việc xây mộ cho Trương Định, bà muốn nhắc nhở người đương thời lẫn hậu thế hãy noi theo tấm gương kiên cường, bất khuất của vị Anh hùng dân tộc mà xốc tới chiến đấu một mất một còn với kẻ thù nhằm giành lại nền độc lập, tự do cho đất nước.

Ngoài những việc trên, bà còn có hành động trả thù cho chồng bằng việc mua toàn bộ điền sản của Huỳnh Văn Tấn, kẻ đã hại chết Trương Định, khi y ta do ăn chơi lâm vào cảnh nợ nần, khánh kiệt.

Năm 1882, bà mất, thọ 62 tuổi. Mộ của bà được xây bằng đá hoa cương do người con gái duy nhất Dương Thị Hương lập. Bia mộ ghi: "*Sa môn thọ giới Trần đại đạo thị quy phạm ích viết từ tề thục thận nhụ nhân chi mộ*" (nghĩa là "*Đây là mộ của người quy y Phật pháp, rũ sạch mọi ham muốn cuộc đời, từ mẫu nhu thuận, hiền từ, đoan chính*"). Ngôi mộ hiện tọa lạc tại Phường 5, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang và được công nhận Di tích lịch sử văn hoá cấp tỉnh năm 2016. Tên bà được đặt tên đường ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Bà là một phụ nữ có chí khí, yêu nước, thương dân, làm điều nghĩa, việc thiện, góp công lớn trong cuộc khởi nghĩa Trương Định; đồng thời, thực hiện trọn vẹn đạo nghĩa vợ chồng với Bình Tây đại tướng quân Trương Định.

Đường Trần Thị Sanh có điểm đầu: giáp với đường Đinh Bộ Lĩnh; điểm cuối: giao với Sông Tiền; chiều dài: 0,300 km; chiều rộng: 14 m.

82. Đường Trần Thị Thơm

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Trần Thị Thơm).

Tiểu sử danh nhân:

TRẦN THỊ THƠM

(1933 – 1970)

Trần Thị Thơm sinh năm 1933 tại làng Điều Hòa, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho (nay là các Phường 1, 2, 3, 4, 7, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình lao động nghèo.

Năm 1950, bà giác ngộ cách mạng, tham gia tổ chức công đoàn, vận động quần chúng đấu tranh chống địch tăng thuế, chống mua bán ép giá,… tại khu vựa chợ Mỹ Tho.

Năm 1954, bà lãnh đạo quần chúng lao động kết hợp với học sinh Trường trung học Nguyễn Đình Chiểu đấu tranh yêu cầu chính quyền Ngô Đình Diệm thi hành hiệp định Genève, đòi các quyền dân sinh dân chủ, chống bắt quân dịch, chống quân sự hóa học đường,…

Năm 1958, do địch ráo riết truy lùng cán bộ cách mạng, nên bà được cấp trên điều lắng đi Sài Gòn. Sau đó, cơ sở cách mạng bị lộ, bà được Tỉnh ủy Mỹ Tho rút về căn cứ và được giao nhiệm vụ làm công tác dân vận, trực tiếp phụ trách lớp huấn luyện cán bộ nông - thanh - phụ vận.

Năm 1960, bất chấp nguy hiểm, bà trở vào nội ô thị xã Mỹ Tho hoạt động nhằm gầy dựng lại phong trào đang hồi bị địch đánh phá ác liệt. Năm 1962, bà là ủy viên Thị xã ủy Mỹ Tho.

Năm 1967, bà được bầu làm Thành ủy viên Thành ủy Mỹ Tho kiêm Trưởng ban Cán sự Khu II (nay là khu vực Chợ Cũ thuộc các phường 2, 3, 8, 9, thành phố Mỹ Tho). Để chuẩn bị cho cuộc tiến công chiến lược Tết Mậu Thân (1968), ở Khu II, bà đã xây dựng được 2 chi bộ mạnh và 1 đội biệt động vũ trang. Đồng thời, qua gia đình binh sĩ, bà đã móc nối được nhiều binh lính của quân đội Sài Gòn hoạt động cho ta. Khu II, do bà phụ trách, được đánh giá là một trong những nơi có phong trào cách mạng mạnh nhất của thành phố Mỹ Tho.

Trong cuộc tiến công chiến lược Tết Mậu Thân (1968), bà là Chỉ huy trưởng của Mặt trận phía đông đánh vào trại lính Mãnh hổ, Khám đường, cầu Quay,… gây cho địch những thiệt hại nặng nề. Năm 1969, bà được đề bạt làm Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, phụ trách công tác đô thị.

Tháng 3-1970, trên đường công tác từ Khu 8 về, do có chỉ điểm, bà bị địch bắt tại bến đò Quới Sơn (nay thuộc xã Quới Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre). Ngay lập tức, địch đã chuyển bà về Trung tâm thẩm vấn Mỹ Tho để khai thác. Tại đây, mặc dù bị tra tấn rất dã man, nhưng bà vẫn giữ vững khí tiết cách mạng, kiên quyết không khai báo. Bà bị địch đánh đập cho đến chết ngày 17 - 3 - 1970. Tên bà được đặt tên đường ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đường Trần Thị Thơm có điểm đầu: giáp với đường Thái Sanh Hạnh; điểm cuối: cầu Bình Phong, xã Mỹ Phong; chiều dài: 1,300 km; chiều rộng: 3,5 m.

83. Đường Trần Văn Dược

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Trần Văn Dược).

Tiểu sử danh nhân:

TRẦN VĂN DƯỢC

(1929 – 1988)

Trần Văn Dược sinh năm 1929 tại làng Tuyên Thạnh, quận Mộc Hóa, tỉnh Tân An (nay là xã Tuyên Thạnh, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An).

Ngay từ nhỏ, ông đã học nghề bắt rắn và tìm hiểu cách lấy nọc rắn, cách chữa trị khi rắn cắn bằng những cây thuốc, lá cỏ trong dân gian. Đến khi tham gia kháng chiến chống Pháp, làm công tác Quân y, ông càng có thêm cơ hội tìm hiểu nghiên cứu về nọc độc của rắn nhằm chữa trị cho bộ đội, nhân dân trong vùng Đồng Tháp Mười.

Năm 1954, ông tập kết ra Bắc. Khi ra đến Hải Phòng không bao lâu, ông được tổ chức phân công về Nam công tác tại Huyện ủy Cái Bè. Sau đó, ông chuyển sang Quân y, tổ chức cứu chữa thương bệnh binh và nhân dân và tham gia đánh địch bảo vệ căn cứ.

Sau ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước (30-4-1975), trong điều kiện thiếu thốn về thuốc chữa bệnh, được sự phân công của cấp trên, ông cùng với hai cán bộ của Phòng Quân y Quân khu 9 đến căn cứ Đồng Tâm của Sư đoàn 7 quân đội Sài Gòn chọn một địa điểm để tiến hành sản xuất, nuôi trồng dược liệu. Ngày 27-10-1977, Đội Nuôi trồng dược liệu thuộc Cục Hậu cần Quân khu 9 được thành lập do ông làm Đội trưởng. Đến năm 1978, đơn vị đã trồng hơn 60 loại cây thuốc, ươm hàng ngàn cây giống cung cấp cho gần 20 đơn vị cả quân y và dân y phục vụ xây dựng và phát triển vườn thuốc Nam cấp đại đội, tiểu đoàn, Trạm y tế xã, Bệnh xá Tỉnh đội góp phần đưa phong trào thuốc Nam phát triển mạnh mẽ ở các đơn vị quân đội và các tỉnh Tiền Giang, Long An, Bến Tre.

Đồng thời, ngay từ những ngày đầu thành lập, ông cũng xác định việc cấp cứu và điều trị rắn độc cắn là một nhiệm vụ trọng yếu. Với phương châm "Nuôi rắn phải trị được rắn cắn", ông cùng với cán bộ, chiến sĩ của đơn vị ra sức xây dựng nơi đây thành trung tâm nuôi dưỡng, nghiên cứu rắn và điều trị rắn độc cắn lớn nhất ở Việt Nam.

Sau đó, với quân hàm đại tá, bác sĩ, ông được phân công làm Giám đốc Xí nghiệp 408 được phát triển từ Đội Nuôi trồng dược liệu. Với tên gọi mới, Xí nghiệp có nhiệm vụ bảo tồn các nguồn dược liệu quý; sản xuất thuốc y học dân tộc; cấp cứu và điều trị rắn độc cắn cho quân và dân các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long.

Với cương vị Giám đốc Xí nghiệp 408, ông đã chủ trì việc nghiên cứu và thử nghiệm thành công việc nuôi rắn sinh sản tự nhiên với quy mô lớn và bằng nhiều hình thức rất đa dạng; chế biến nhiều sản phẩm từ rắn phục vụ chữa bệnh và xuất khẩu rắng sống ra nước ngoài; nghiên cứu thành công thuốc điều trị rắn độc cắn, lập ra phác đồ cấp cứu và điều trị rắn độc cắn rất hiệu quả, được phổ biến trong toàn quân; chỉ huy với cán bộ, chiến sĩ của đơn vị điều trị thành công hàng ngàn trường hợp bộ đội và nhân dân bị rắn độc cắn. Ngoài ra, ông còn chỉ đạo và tham gia nuôi trăn, kỳ đà, gấu, cá sấu,… và trồng nhiều loại dược thảo quý để cung cấp nguyên liệu chế biến 19 loại dược phẩm chữa bệnh. Đồng thời, ông đã tích cực truyền đạt kinh nghiệm và góp phần đào tạo đội ngũ cán bộ quân y kế tiếp có chất lượng cao, xây dựng đơn vị ngày càng phát triển, đóng góp nhiều công trình trong nghiên cứu y học của toàn quân.

Do có thành tích trong công tác, ông được đề bạt làm Phó Chủ nhiệm Phòng Quân y Quân khu 9. Năm 1988, ông lâm trọng bệnh và qua đời.

Trong quá trình hoạt động cách mạng và lao động sáng tạo trong ngành Quân y, ông được tặng thưởng 08 Huân chương các loại; 01 Huy hiệu và Bằng Sáng tạo của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam; danh hiệu Thầy thuốc Nhân dân. Năm 1989, ông được truy tặng danh hiệu Anh hùng Lao động. Tên ông được đặt tên đường ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đường Trần Văn Dược có điểm đầu: giáp với đường Lê Thị Hồng Gấm; điểm cuối: Đường Kè sông Tiền; chiều dài: 0,200 km; chiều rộng: 13 m.

84. Đường Trần Văn Hiển

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Trần Văn Hiển).

Tiểu sử danh nhân:

TRẦN VĂN HIỂN

(1900 – 1945)

Trần Văn Hiển còn được gọi là Trần Vinh Hiển, sinh năm 1900 tại làng Tân Thuận Bình, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang).

Ông xuất thân trong một gia đình nhân sĩ yêu nước nổi tiếng. Thân sinh của ông là Trần Văn Hoài (Hương trưởng Hoài) vừa trực tiếp tham gia vừa có nhiều đóng góp to lớn cho cách mạng.

Năm 1925, ông sang Pháp du học. Lúc ấy, cha của ông có sáng tác một bài thơ, nhắn nhủ ông hãy làm tròn trách nhiệm của người trí thức yêu nước đối với Tổ quốc:

Ba bảy muôn trùng lướt dặm khơi,

Đưa con đi học dặn đôi lời.

Bạc đầu chẳng tiếc công dời núi,

Xanh tóc đừng nao sức vá trời.

Đến nước thôi thời liều với nước,

Ở đời ai nỡ phú cho đời.

Đã sanh trách nhiệm làm nam tử,

Gánh vác cho đời há phải chơi.

Ở Pháp, ông tích cực hoạt động trong phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và trí thức, nên được kết nạp vào Đảng Cộng sản Pháp vào năm 1926.

Năm 1935, ông trở về nước; rồi lập ra nhà hàng "*Đêm Thanh*", nhằm hoạt động, xây dựng cơ sở cách mạng và kinh doanh, tạo nguồn tài chính cho Đảng.

Năm 1940, ông tham gia chỉ huy cuộc khởi nghĩa Nam kỳ ở huyện Chợ Gạo; và nghĩa quân đã chiếm được một số xã. Nhưng sau đó, thực dân pháp tiến hành đàn áp khốc liệt và cuộc khởi nghĩa bị thất bại. Vì thế, ông rút vào hoạt động bí mật tại Sài Gòn và Mỹ Tho.

Năm 1943, tại hội nghị Xứ ủy Nam kỳ được tổ chức tại nhà của cha ông ở Tân Thuận Bình (Chợ Gạo), ông được bầu là Ủy viên Xứ ủy Nam Kỳ. Từ đây, ông cùng với tập thể Xứ ủy ra sức hoạt động nhằm khôi phục phong trào cách mạng ở Nam kỳ.

Tháng 8 - 1945, ông cùng với các vị trong Tỉnh ủy Mỹ Tho lãnh đạo cuộc khởi nghĩa trên địa bàn toàn tỉnh giành được thắng lợi rực rỡ. Sau đó, ông được bầu làm Chủ tịch Ủy ban Cách mạng lâm thời đầu tiên của tỉnh Mỹ Tho. Ở cương vị này, ông tích cực chỉ đạo công cuộc xây dựng chính quyền cách mạng, phát triển kinh tế - xã hội, ổn định đời sống nhân dân và chuẩn bị lực lượng về mọi mặt để bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Ngày 24 - 10 - 1945, ông đã anh dũng hy sinh khi thực dân Pháp xua quân tấn công trụ sở Ủy ban Cách mạng tỉnh. Ông được Nhà nước truy tặng Huân chương Hồ Chí Minh và Huân chương Độc lập. Tên ông được đặt tên đường ở thành phố Mỹ Tho và huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Đường Trần Văn Hiển có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn Thị Thập; điểm cuối: giao với đường Phạm Hùng; chiều dài: 0,175 km; chiều rộng: 5.0 m.

85. Đường Trịnh Hoài Đức

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Trịnh Hoài Đức).

Tiểu sử danh nhân:

TRỊNH HOÀI ĐỨC

(1765 – 1825)

Trịnh Hoài Đức có tên gọi khác là An, tên tự Chỉ Sơn, hiệu Cấn Trai; sinh năm 1765, quê ở Trấn Biên (nay là thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai ngày nay). Năm 1775, sau khi cha mất, ông mới 10 tuổi theo mẹ dời vào Phiên Trấn (Gia Định - Thành phố Hồ Chí Minh ngày nay). Tại đây, ông theo học Xử sĩ Võ Trường Toản.

Năm Mậu Thân (1788), khi Nguyễn Ánh chiếm Gia Định, ông cùng nhóm Lê Quang Định ra ứng cử, được bổ làm Hàn lâm viện Chế cáo. Năm 1789, ông nhậm chức Điền Tuấn sứ huyện Tân Bình. Sau đó, ông đổi qua bộ Hình, kế nhiệm chức Thị giảng Đông cung. Năm 1794, ông được bổ làm Ký lục dinh Trấn Định (Tiền Giang ngày nay) (1). Năm 1801, ông làm Tham tri bộ Hộ.

Năm 1802, ông được thăng Thượng thư bộ Hộ, làm Chánh sứ sang Trung Quốc. Năm 1804, ông hộ giá vua Gia Long về Phú Xuân, vẫn đảm nhiệm chức Thượng thư bộ Hộ.

Năm 1802, ông được cử làm Hiệp Lưu trấn Gia Định. Năm 1808, Gia Định trấn được đổi thành Gia Định thành, Trịnh Hoài Đức được bổ làm Hiệp Tổng trấn.

Năm 1812, ông được triệu về kinh, giữ chức Thượng thư bộ Lễ, kiêm quản Khâm Thiên giám. Năm sau (1813), ông được chuyển sang làm Thượng thư bộ Lại. Đến năm 1816, ông lại được nhiệm chức Hiệp Tổng trấn Gia Định thành. Năm 1819, ông tham gia chỉ huy công trình nạo vét và mở rộng kênh Bảo Định ở trấn Định Tường.

Năm 1820, thời Minh Mạng, ông lãnh chức Tổng trấn Gia Định thành, sau đó được triệu về kinh, lãnh chức Thượng thư bộ Lại.

Năm 1821, ông được thăng hàm Hiệp biện Đại học sĩ, lãnh Thượng thư bộ Lại kiêm Thượng thư bộ Binh.

Tháng 3 năm 1822, ông được sung làm Chánh Chủ khảo trường thi Hội tại kinh đô Huế; tháng 11, ông kiêm lãnh Thượng thư bộ Lễ.

Tháng 7 năm 1823, ông xin về Gia Định nghỉ vì sức khỏe kém. Đến tháng 9 cùng năm, ông trở lại kinh lãnh chức Thượng thư bộ Lại và bộ Lễ. Tháng 10 cùng năm, ông trở về Gia Định. Tháng 3-1824, trở ra kinh, ông lãnh chức Thượng thư bộ Lại kiêm quản Lễ bộ sự vụ. Tháng 7 cùng năm, ông được sung chức Tổng tài và quyền lãnh công việc ở ty Thương Bạc. Chẳng bao lâu, do bệnh nặng, tuổi cao, ông từ trần tại Quỳ Viên vào tháng 3-1825.

Khi ông mất, triều đình cho bãi triều ba ngày, truy tặng ông làm Thái bảo, Cần Chánh điện Đại học sĩ (hàm Chánh nhất phẩm), đặt tên thụy là Văn Khác. Thi hài ông được đưa về chôn tại quê nhà - thôn Bình Trước, huyện Phước Chánh, phủ Phước Long (nay là phường Trung Dũng, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai). Khu mộ của ông đã được công nhận Di tích lịch sử cấp Quốc gia năm 1990.

Tác phẩm của Trịnh Hoài Đức gồm có:

- *Cấn Trai thi tập* gồm 3 tập: *Thối thực truy biên tập, Quan quang tập, Khả dĩ tập*.

- *Gia Định Thành thông chí*.

- *Bắc sứ thi tập* (có ý kiến cho rằng *Bắc sứ thi tập* chính là *Quan quang tập* trong *Cấn Trai thi tập*.

- *Lịch đại kỷ nguyên*.

- *Khang tế lục*.

- *Gia Định tam gia thi tập*: chung với Lê Quang Định, Ngô Nhơn Tĩnh.

Đương thời, ông cùng với Lê Quang Định và Ngô Nhơn Tĩnh được mọi người tôn làm Gia Định tam gia. Tên ông được đặt tên công trình công cộng ở nhiều địa phương trên cả nước.

Đường Trịnh Hoài Đức có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn An Ninh; điểm cuối: giao với đường Học Lạc; chiều dài: 0,500 km; chiều rộng: 6,0 m.

86. Đường Trừ Văn Thố

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Trừ Văn Thố).

Tiểu sử danh nhân:

TRỪ VĂN THỐ

(1937 – 1963)

Trừ Văn Thố sinh năm 1937 tại làng Thanh Hòa, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là Phường 2, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân có truyền thống yêu nước.

Năm 1961, ông vào du kích xã. Trong một trận đánh địch càn quét, mặc dù bị thương khá nặng, nhưng ông vẫn không rời trận địa và cùng với đồng đội chiến đấu, đánh bại quân địch.

Tháng 4-1962, ông gia nhập bộ đội, được bổ sung về Trung đoàn 2, Công trường 9 bộ đội chủ lực Miền, chiến đấu ở miền Đông Nam bộ và tham gia đánh hàng chục trận lớn, nhỏ. Tháng 4-1963, ông được cử đi học trinh sát; rồi sau đó, được phân công về đơn vị Q 272. Đây là đơn vị đặc công đặc biệt tinh nhuệ thuộc Trung đoàn 2, Công trường 9 bộ đội chủ lực Miền. Ở đơn vị mới, ông được giao nhiệm vụ trinh sát đồn Cây Trường ở khu Dinh điền Văn Hữu (Hiếu Văn 1; Hiếu Văn 2) thuộc huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Đồn này rất kiên cố và có vị trí chiến lược cực kì quan trọng; bởi vì nó án ngữ đường số 13 và khu tam giác Dinh Điền - Căm Xe - Văn Hữu. Do vậy, địch bố trí một lực lượng mạnh để phòng thủ nơi đây. Trong hơn một tháng, ông đã dũng cảm vượt qua mọi gian lao, nguy hiểm; bí mật thâm nhập vào trinh sát đồn Cây Trường; nhằm giúp đơn vị nắm vững các vị trí bố phòng của địch; và trên cơ sở đó, xây dựng phương án chiến đấu, tiêu diệt căn cứ này.

Ngày 18-10-1963, đơn vị Q 272 nổ súng tấn công đồn Cây Trường. Ông được phân công phụ trách một tổ 3 người; và cùng với một số tổ khác đánh vào lô cốt cố thủ chính của địch. Sau khi tổ của ông dùng mìn mở được đột phá khẩu và đánh sập một lô cốt ở tiền duyên; thì các chiến sĩ Q 272, được hỏa lực súng cối chi viện, ồ ạt xung phong.

Thế nhưng, từ trong lô cốt chính, địch dùng súng đại liên bắn xối xả vào đội hình tiến công của bộ đội. Một số chiến sĩ đã gục ngã trên đường hành tiến, trong đó có 2 tổ viên của ông. Với quyết tâm giành thắng lợi, ông đã bí mật ôm bộc phá bò về phía lô cốt của địch.

Phát hiện ra ông, địch tập trung các cỡ súng bắn cấp tập vào nơi ông đang vận động. Một loạt đạn đã làm ông bị thương nặng ở chân. Tuy vậy, ông nén đau đớn, nhanh chóng tiếp cận lô cốt của địch đặt bộc phá và giật nụ xòe. Một chớp lửa bùng sáng và kèm theo là một tiếng nổ lớn vang lên. Tiếng súng địch tạm ngưng trong giây lát; nhưng sau đó lại rộ lên. Thêm một số chiến sĩ nữa đã hy sinh.

Lúc bấy giờ, từ một vị trí kín đáo, ông dùng thủ pháo ném về phía lô cốt của địch; nhưng không đạt kết quả. Trước tình hình gay go đó, ông trườn dần lên. Khi đến sát lô cốt của địch, ông bất ngờ bật dậy, dùng thân mình bịt lỗ châu mai. Tiếng đại liên của địch câm bặc. Chỉ chờ có thế, toàn đơn vị của ông đồng loạt xung phong; và đồn Cây Trường bị tiêu diệt hoàn toàn. Thế nhưng, người chiến sĩ trinh sát kiên cường và dũng cảm đã anh dũng hy sinh.

Ngày 5-8-1965, ông được Ủy ban Trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam truy tặng Huân chương Quân công giải phóng hạng Ba và danh hiệu "Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng". Tên ông được đặt cho một xã thuộc huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương; tên trường trung học cơ sở tại huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương và thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang; tên đường ở thị xã Cai Lậy và thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đường Trừ Văn Thố có điểm đầu: giáp với đường Hoàng Việt; điểm cuối: giao với đường Lý Thường Kiệt; chiều dài: 0,200 km; chiều rộng: 3,5 m.

87. Đường Trưng Trắc

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Trưng Trắc).

Tiểu sử danh nhân:

TRƯNG TRẮC

(14 – 43)

Trưng Trắc sinh năm 14 sau công nguyên, là con gái Lạc tướng huyện Mê Linh (nay là huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội) thuộc dòng dõi Hùng Vương. Bà là một phụ nữ đảm đang, dũng cảm, giàu lòng yêu nước. Chồng bà là Thi Sách, con trai Lạc tướng huyện Châu Diên (nay thuộc hai tỉnh Nam Định và Hà Nam) cũng là một người yêu nước và có chí khí quật cường.

Dưới ách thống trị của nhà Hán (Trung Quốc), nhân dân ta bị đàn áp và bóc lột tàn bạo. Trước tình hình đó, hai gia đình Lạc tướng Mê Linh và Châu Diên với sự ủng hộ của nhân dân cùng nhau liên kết với các thủ lĩnh khác chuẩn bị khởi nghĩa. Đúng lúc đó, Thi Sách bị Thái thú Tô Định giết chết. Hành vi bạo ngược của Tô Định không làm bà nhụt chí; mà ngược lại, bà càng quyết tâm tiến hành cuộc khởi nghĩa để đền nợ nước, trả thù nhà, giành lại nền độc lập cho đất nước

Tháng 3 năm 40, bà cùng em là Trưng Nhị phát động khởi nghĩa ở cửa sông Hát (nay thuộc xã Hát Môn, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội). Nghĩa quân nhanh chóng làm chủ Mê Linh. Từ Mê Linh, nghĩa quân tiến đánh Cổ Loa (nay thuộc huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội); rồi từ đó tiến về Luy Lâu (nay thuộc huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh), trung tâm của chính quyền đô hộ.

Dưới sự lãnh đạo của Hai Bà Trưng, các cuộc khởi nghĩa ở bốn quận: Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố đã thống nhất thành một phong trào nổi dậy rộng lớn cả nước. Bị đòn bất ngờ, chính quyền đô hộ tan rã và sụp đổ nhanh chóng. Quân Hán hoảng sợ bỏ hết của cải, vũ khí, chạy tháo thân về nước. Tô Định phải cắt tóc, cạo râu, mặc giả thường dân, lẩn vào đám tàn quân trốn về Trung Quốc. Chỉ trong vòng không đầy một tháng, cuộc khởi nghĩa hoàn toàn thắng lợi, giành lại nền độc lập dân tộc sau hơn hai thế kỷ bị phong kiến nước ngoài đô hộ. Trưng Trắc được suy tôn lên làm vua (Trưng Vương) và đóng đô ở Mê Linh.

Năm 42, nhà Hán sai Mã Viện đem 2 vạn quân và 2 ngàn xe thuyền sang xâm lược nước ta. Trong cuộc chiến đấu chống giặc ở Lãng Bạc (nay là khu vực Hồ Tây thuộc quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội), quân của Hai Bà bị thiệt hại nặng, phải lui về Cổ Loa, rồi Cấm Khê (nay thuộc huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội) lập căn cứ chống giữ. Sau một năm chiến đấu quyết liệt, Hai Bà đã anh dũng hy sinh vào mùa hè năm 43.

Trưng Trắc và Trưng Nhị là hai nữ anh hùng dân tộc đầu tiên trong lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc Việt Nam.

Đường Trưng Trắc có điểm đầu: giáp với đường 30 tháng 4; điểm cuối: giao với đường Nguyễn Trãi; chiều dài: 0,800 km; chiều rộng: 8,0 m.

88. Đường Trưng Nhị

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Trưng Nhị).

Tiểu sử danh nhân:

TRƯNG NHỊ

(14 – 43)

Trưng Nhị sinh năm 14 sau công nguyên, là con gái Lạc tướng huyện Mê Linh (nay là huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội) thuộc dòng dõi Hùng Vương. Tương truyền, bà là em sinh đôi với Trưng Trắc, có tính cách mạnh mẽ giống như chị.

Dưới ách thống trị của nhà Hán (Trung Quốc), nhân dân ta bị đàn áp và bóc lột tàn bạo. Trước tình hình đó, hai gia đình Lạc tướng Mê Linh và Châu Diên với sự ủng hộ của nhân dân cùng nhau liên kết với các thủ lĩnh khác chuẩn bị khởi nghĩa. Đúng lúc đó, Thi Sách là anh rể của bà bị Thái thú Tô Định giết chết.

Trước tình hình đó, tháng 3 năm 40, bà cùng chị là Trưng Trắc phát động khởi nghĩa ở cửa sông Hát (nay thuộc xã Hát Môn, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà

Nội). Nghĩa quân nhanh chóng làm chủ Mê Linh. Từ Mê Linh, nghĩa quân tiến đánh Cổ Loa (nay thuộc huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội); rồi từ đó tiến về Luy Lâu (nay thuộc huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh), trung tâm của chính quyền đô hộ.

Dưới sự lãnh đạo của Hai Bà Trưng, các cuộc khởi nghĩa ở bốn quận: Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố đã thống nhất thành một phong trào nổi dậy rộng lớn cả nước. Bị đòn bất ngờ, chính quyền đô hộ tan rã và sụp đổ nhanh chóng. Quân Hán hoảng sợ bỏ hết của cải, vũ khí, chạy tháo thân về nước. Tô Định phải cắt tóc, cạo râu, mặc giả thường dân, lẩn vào đám tàn quân trốn về Trung Quốc. Chỉ trong vòng không đầy một tháng, cuộc khởi nghĩa hoàn toàn thắng lợi, giành lại nền độc lập dân tộc sau hơn hai thế kỷ bị phong kiến nước ngoài đô hộ. Trưng Trắc được suy tôn lên làm vua (Trưng Vương), Trưng Nhị là Phó vương.

Năm 42, nhà Hán sai Mã Viện đem 2 vạn quân và 2 ngàn xe thuyền sang xâm lược nước ta. Trong cuộc chiến đấu chống giặc ở Lãng Bạc (nay là khu vực Hồ Tây thuộc quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội), quân của Hai Bà bị thiệt hại nặng, phải lui về Cổ Loa, rồi Cấm Khê (nay thuộc huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội) lập căn cứ chống giữ. Sau một năm chiến đấu quyết liệt, Hai Bà đã anh dũng hy sinh vào mùa hè năm 43.

Trưng Trắc và Trưng Nhị là hai nữ anh hùng dân tộc đầu tiên trong lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc Việt Nam.

Đường Trưng Nhị có điểm đầu tại Số 2, đường Trưng Nhị; điểm cuối tại số 460, đường Trưng Nhị thuộc phường Tân Long; chiều dài: 2,800 km; chiều rộng: 2,7 m.

89. Đường Trương Định

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Trương Định).

Tiểu sử danh nhân:

TRƯƠNG ĐỊNH

(1820 – 1864)

Trương Định sinh năm 1820 tại xã Tư Cung, huyện Bình Sơn, phủ Tư Nghĩa, trấn Quảng Ngãi (nay là xã Tịnh Khê, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi) trong một gia đình quan chức yêu nước.

Theo Nguyễn Thông trong *Lãnh binh Trương Định truyện*, ông có "*trang mạo khôi ngô, thông hiểu binh thư và bắn giỏi*". Sách *Đại Nam liệt truyện* của Quốc sử quán triều Nguyễn chép: "(*Trương*) *Định am hiểu võ nghệ, dũng cảm, mưu lược*". Paulin François Alexandre Vial, nguyên Trưởng đồn kiêm Giám đốc bản xứ sự vụ Gò Công, Giám đốc Nội vụ Nam Kỳ, trong quyển *Những năm đầu tiên ở Nam Kỳ* cho biết, ông cao lớn, nước da trắng, dáng người thanh tú.

Năm 1844, cha của ông là Trương Cầm vào tỉnh Gia Định nhận chức Lãnh binh. Ông được đi theo và sau đó, kết hôn với Lê Thị Thưởng, vốn là con gái của một hào phú

ở Tân Hòa (Gò Công). Năm 1854, nhờ sự trợ giúp của gia đình bên vợ, ông xuất tiền của, mộ dân lập đồn điền Gia Thuận (nay thuộc huyện Gò Công Đông, Tiền Giang) để khai hoang vùng đất này. Vì thế, ông được triều đình phong chức Phó quản cơ.

Năm 1859, quân Pháp hạ thành Gia Định. Với lòng yêu nước nồng nàn, ông đã chỉ huy dân quân đồn điền Gia Thuận phối hợp với quân triều đình tiến đánh quân địch ở vùng Thuận Kiều và lập được nhiều chiến công. Vì vậy, đến tháng 10-1860, ông và nghĩa sĩ, bao gồm 50 người, được vua Tự Đức "*thưởng cho gia trật hoặc kỷ lục, ngân tiền*". Chiến công nổi bật đầu tiên của Trương Định và nghĩa quân là trận phục kích tiêu diệt tên đại úy thủy quân lục chiến Barbé tại chùa Khải Tường (vị trí chùa nay là Bảo tàng Chứng tích chiến tranh, số 28, đường Võ Văn Tần, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh) ngày 07-12-1860.

Tháng 4-1861, quân Pháp lần lượt đánh chiếm Mỹ Tho và Gò Công. Với quyết tâm chống quân xâm lược, Trương Định đã chiêu mộ 6.000 nghĩa sĩ dựng cờ khởi nghĩa. Vì thế, ông được triều đình phong chức Quản Cơ rồi thăng lên Phó Lãnh binh tỉnh Gia Định. Bên cạnh đó, ông còn ra sức xây dựng căn cứ kháng chiến Tân Hòa ở Gò Công. Ngoài ra, Trương Định còn cho xây dựng đồn trại ở Gia Thuận, vốn là đồn điền do ông lập ra năm 1854.

Cuộc khởi nghĩa do Trương Định lãnh đạo có sự liên kết chặt chẽ với nhiều cuộc khởi nghĩa khác, như khởi nghĩa Nguyễn Trung Trực ở Tân An, Trần Xuân Hòa, Võ Duy Dương và Nguyễn Hữu Huân ở Ba Giồng,...

Ngày 22-6-1861, nghĩa quân Đỗ Trình Thoại tấn công quân Pháp ở đồn Gò Công. Cuộc tập kích này đã làm tên lính thủy Bodiez phải tử trận, tên trung úy Vial bị đâm trọng thương. Thế nhưng, thủ lãnh Đỗ Trình Thoại đã anh dũng đền nợ nước. Qua ngày hôm sau, để trả thù cho Đỗ Trình Thoại, Trương Định chỉ huy nghĩa quân đánh vào đồn Gò Công, gây cho địch nhiều thiệt hại.

Trong tháng 9-1861, ông chỉ huy nghĩa quân tiến hành trừng trị những tên tay sai chỉ điểm cho giặc, tiêu biểu là vụ bắt bá hộ Huy ở Đồng Sơn (nay thuộc huyện Gò Công Tây, Tiền Giang) phải đền tội phản quốc.

Sau đó, hoạt động quân sự của nghĩa quân Trương Định đã diễn ra liên tục. Ngày 30-12-1861, tấn công đồn Kỳ Hôn (nay thuộc TP Mỹ Tho, TG). Ngày 10-01-1862, tấn công đồn Gia Thạnh (nay thuộc huyện Chợ Gạo, TG); ngày hôm sau, với 10 chiến thuyền, nghĩa quân lại đánh đồn Rạch Gầm (nay thuộc huyện Châu Thành, TG). Từ ngày 22-01-1862 đến ngày 28-02-1862, nghĩa quân Trương Định mở 3 cuộc tấn công vào đồn Kỳ Hôn, có lần giặc Pháp phải bỏ đồn tháo chạy, bị nghĩa quân truy kích ráo riết.

Do bị tấn công liên tục, đô đốc Bonard ra lệnh cho quân Pháp rút khỏi đồn Gò Công ngày 01-3-1862. Cũng trong khoảng thời gian này, ông nhận được vũ khí do triều đình cấp phát, gồm 20 cỗ Quá sơn, 300 cân hỏa dược, 20 viên đạn thép, 80 trường thương. Trên cơ sở đó, đêm 06-4-1862, Trương Định chỉ huy nghĩa quân táo bạo đột kích Chợ

Lớn (nay thuộc Thành phố Hồ Chí Minh). Trận đánh này đã khiến nhân dân rất phấn khởi; còn quân giặc thì hoang mang cực độ.

Để thực thi hiệp ước ký với Pháp năm 1862, vua Tự Đức ra lệnh giải binh ở ba tỉnh miền đông Nam kỳ (Định Tường, Gia Định, Biên Hòa); trong đó có việc buộc Trương Định phải giải tán nghĩa quân và đi An Giang nhận chức Lãnh binh. Tuy nhiên, với tước vị Bình Tây đại tướng quân, ông đã dũng cảm và sáng suốt ở lại Gò Công, lãnh đạo nhân dân tiếp tục cuộc kháng chiến.

Tháng 11-1862, Trương Định cử các đội trinh sát đi hoạt động ở khắp nơi. Ngày 06-12-1862, nghĩa quân Trương Định tấn công một chiến thuyền của quân Pháp trên sông Vàm Cỏ ở gần Trảng Bàng (Tây Ninh). Ngày 17 và ngày 18-12-1862, Trương Định ra lệnh cho nghĩa quân đồng loạt mở cuộc tổng công kích vào các vị trí chiếm đóng của quân Pháp ở ba tỉnh miền đông Nam kỳ.

Trước tình hình đó, đầu năm 1863, quân Pháp tổ chức những cuộc hành quân càn quét vào căn cứ Tân Hòa (Gò Công) của nghĩa quân Trương Định. Ngày 16-02-1863, đô đốc Bonard, tổng chỉ huy quân Pháp ở Nam kỳ, đến Gò Công, trực tiếp chỉ huy cuộc tấn công. Do thế giặc quá mạnh nên Trương Định vừa cho nghĩa quân mật phục đánh địch liên tục, vừa ra lệnh cho đại bộ phận nghĩa quân rút đi nơi khác để bảo toàn lực lượng cho cuộc chiến đấu lâu dài.

Sau đó, Trương Định di chuyển về khu vực "Đám lá tối trời" ở Gia Thuận để gầy dựng lại lực lượng. Thực dân Pháp tung bọn mật thám, bọn phản bội chỉ điểm ráo riết theo dõi mọi hoạt động của nghĩa quân. Theo đó, Huỳnh Văn Tấn (Đội Tấn) được lệnh truy lùng nơi ở của Trương Định. Ngày 20-8-1864, Đội Tấn chỉ huy bọn thuộc hạ bất ngờ đột kích vào nơi trú ngụ của ông tại Kiểng Phước (nay thuộc huyện Gò Công Đông, TG). Trận chiến không cân sức đã diễn ra; và cuối cùng, Trương Định đã anh dũng hy sinh vì đại nghĩa cứu nước, cứu dân, hưởng dương 44 tuổi, để lại bao niềm tiếc thương trong lòng người dân Gò Công và Nam bộ:

Trời Bến Nghé mây mưa sùi sụt, thương đấng anh hùng gặp bước gian truân;

Đất Gò Công cây cỏ ủ ê, cám niềm thần tử hết lòng trung ái.

Xưa còn làm tướng, dốc rạng dồi hai chữ Bình Tây,

Nay thác theo thần, xin dâng hộ một câu phục thái.

(*Văn tế Trương Định* - Nguyễn Đình Chiểu)

Tuy nhiên, sự nghiệp của ông luôn sống mãi với hồn thiêng sông núi và gắn liền với những chiến công hiển hách:

Trong Nam tên họ nổi như cồn,

Mấy trận Gò Công để tiếng đồn.

Dấu đạn hãy rêm tàu bạch quỷ,

Hơi gươm thêm rạng thể hoàng môn.

(*Thơ điếu Trương Định* - Nguyễn Đình Chiểu)

và:

"*Vì nước tấm thân đã nấy, còn mất cũng cam.*

Giúp đời cái nghĩa đáng làm, nên hư nào nại.

Rạch Lá, Gò Công mấy trận, giặc thấy đã kinh,

Cửa Khâu, Trại Cá mấy nơi, ai nghe chẳng hãi".

(*Văn tế Trương Định* - Nguyễn Đình Chiểu)

Sau khi ông mất, nhà yêu nước Nguyễn Đình Chiểu đã làm bài văn tế và mười hai bài thơ điếu Trương Định, ca ngợi cuộc đời chiến đấu hào hùng và cái chết lẫm liệt của ông. Một *Tờ tấu* trong danh mục *Châu bản triều Nguyễn* nhận xét về ông như sau: "Cố Trương Định mộ nghĩa ở Gò Công, chấn động thôn dân, đánh lấy được thảy đều vui mừng, cùng nhau báo cáo. Hoặc cùng nộp đưa tiền bạc, lúa gạo, lấy đó làm quân lương; hoặc quyên nộp đồng sắt, hỏa dược, cứu tế quân nhu. Già trẻ khỏe mạnh ở nhà đều ứng mộ, lòng ham muốn nhanh chóng được giết giặc Tây di". Con ông là Trương Quyền noi chí cha, tiếp tục phất cao cờ khởi nghĩa chống thực dân Pháp xâm lược và hy sinh anh dũng vào năm 1867.

Tên ông được đặt tên công trình công cộng ở nhiều địa phương khác trên cả nước. Lăng mộ và đền thờ của ông ở thị xã Gò Công được Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận là Di tích lịch sử Quốc gia năm 1989. Đền thờ của ông ở xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông được Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận là Di tích lịch sử Quốc gia năm 2004. Đền thờ ông tại xã Tịnh Khê, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là Di tích lịch sử Quốc gia năm 2023.

Ngoài ra, đền thờ ông còn có ở một số nơi khác, như Tân Phước, Tân Tây, Tân Hòa (huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang), Bửu Hòa, Phước Hòa (thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai),...

Năm 1995, tượng đài ông được tạo tác bằng đá hoa cương, cao 8 m, bệ bằng bê tông ốp đá cao 4 m. Đến năm 2006, tượng được thay bằng chất liệu đồng, tọa lạc tại phường 2, thị xã Gò Công, là di tích Lịch sử - Văn hóa cấp tỉnh.

Cuộc đời và sự nghiệp của ông đã được khắc họa trên sân khấu và điện ảnh, như hai vở cải lương *Bình Tây Đại nguyên soái* của Nghệ sĩ Nhân dân Nguyễn Thành Châu (1978), *Cờ nghĩa giồng Sơn Quy* của Nghệ nhân ưu tú Huỳnh Anh (vở này đạt Huy chương Bạc tại Hội diễn sân khấu toàn quốc năm 2010), bộ phim *Bình Tây Đại nguyên soái* của Nhà biên kịch Phạm Thùy Nhân do Hãng phim Cửu Long sản xuất năm 2013.

Lễ hội tưởng niệm ông diễn ra trong các ngày 17 và 18/8 hàng năm tại xã Tịnh Khê, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi và trong các ngày 19 và 20/8 tại lăng mộ và đền thờ

của ông ở thị xã Gò Công cũng như tại đền thờ ở xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Đường Trương Định có điểm đầu: giáp với đường 30 tháng 4; điểm cuối: giao với đường Lê Văn Duyệt; chiều dài: 0,650 km; chiều rộng: 8,0 m.

90. Đường Trương Thành Công

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Trương Thành Công).

Tiểu sử danh nhân:

TRƯƠNG THÀNH CÔNG

(1952 – 1973)

Trương Thành Công sinh năm 1952 tại xã Quơn Long, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Quơn Long, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân có truyền thống cách mạng.

Sớm giác ngộ cách mạng, năm 1969, ông tham gia lực lượng An ninh vũ trang huyện Chợ Gạo. Tháng 8-1970, ông được cấp trên điều về Đội An ninh vũ trang chuyên trách bảo vệ Tỉnh ủy thuộc Ban An ninh tỉnh Mỹ Tho. Ông đã cùng đồng đội dũng cảm, mưu trí đánh bại nhiều cuộc hành quân càn quét ác liệt của địch vào căn cứ của Tỉnh ủy Mỹ Tho đặt tại xã Long Tiên (huyện Cai Lậy), bảo vệ tuyệt đối an toàn cán bộ và cơ quan Tỉnh ủy.

Tháng 5-1971, địch tung 8 đại đội địa phương quân thuộc Tiểu khu Định Tường và 1 tiểu đoàn thuộc Sư đoàn 7, có phi pháo, máy bay yểm trợ, tấn công vào căn cứ Tỉnh ủy. Trước tình hình đó, ông cùng với đơn vị liên tục đánh chặn các mũi tiến công của quân địch. Sau 10 ngày đêm không thực hiện được ý định, địch buộc phải rút quân.

Tháng 7-1971, địch sử dụng 1 tiểu đoàn đánh vào căn cứ Tỉnh ủy. Đơn vị nhanh chóng đưa cán bộ Tỉnh ủy đi sơ tán. Theo sự phân công của cấp trên, ông cùng 2 đồng đội ở lại bám trụ đánh địch. Suốt 23 ngày đêm, tổ chiến đấu do ông chỉ huy diệt 83 tên địch, riêng ông diệt và làm bị thương 45 tên, bẻ gãy cuộc tấn công của địch.

Tháng 12-1971, địch đưa 1 tiểu đoàn thuộc Sư đoàn 7, có chỉ điểm dẫn đường, bất ngờ tấn công vào căn cứ Tỉnh ủy. Ông và cùng với đơn vị anh dũng chiến đấu suốt 1 tháng, đánh bại các cuộc tấn công của địch, diệt 14 tên.

Tháng 4-1973, địch càn vào căn cứ, ông và đơn vị chiến đấu, diệt gần 100 tên, bảo vệ an toàn cho cán bộ và giữ vững địa bàn.

Ngày 9-5-1973, trong một trận đánh quyết liệt với địch, ông bị thương nặng và không may sa vào tay giặc. Địch tra tấn ông rất dã man hòng khai thác tin tức. Nhưng, ông vẫn giữ vững khí tiết của một chiến sĩ cộng sản kiên trung, bất khuất, quyết giữ bí mật của tổ chức. Bất lực, địch đã giết hại ông.

Trong quá trình công tác và chiến đấu, ông được khen thưởng 1 Huân chương Quân công giải phóng hạng Nhì, 1 Huy chương Giải phóng hạng Nhì, 1 giấy chứng nhận Dũng sĩ Quyết thắng hạng Nhì và nhiều bằng khen, giấy khen. Ngày 24-1-1976, ông được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Tên ông được đặt tên đường ở thành phố Mỹ Tho và thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Đường Trương Thành Công có điểm đầu: giáp với đường Hoàng Việt; điểm cuối: giao với đường Lý Thường Kiệt; chiều dài: 0,500 km; chiều rộng: 6 m.

91. Đường Trương Vĩnh Ký

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Trương Vĩnh Ký).

Tiểu sử danh nhân:

TRƯƠNG VĨNH KÝ

(1837 – 1898)

Trương Vĩnh Ký tên thật là Trương Chánh Ký, hiệu Sĩ Tải, sinh năm 1837 tại thôn Vĩnh Thành, tổng Minh Lệ, huyện Tân Minh, phủ Hoằng An, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã Vĩnh Thành, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre). Do theo đạo Thiên chúa nên ông có tên là thánh là Jean - Baptiste Pétrus Trương Vĩnh Ký, gọi tắt là Pétrus Ký.

Ông là người am tường nhiều ngoại ngữ và có cống hiến lớn trên lĩnh vực văn hóa Đông Tây, nên được kết nạp làm thành viên thứ 18 của Hội Savants du Monde (Hội những nhà bác học trên thế giới), bao gồm nhiều nhà khoa học và văn học Pháp. Ông để lại hơn 100 tác phẩm về văn học, lịch sử, địa lý, từ điển và dịch thuật,... Riêng đối với báo chí viết chữ Quốc ngữ tại Việt Nam, ông được coi là người tiên phong vì đã sáng lập và là Tổng biên tập tờ báo viết chữ Quốc ngữ đầu tiên mang tên là "Gia Định báo".

Năm 1898, ông mất tại Chợ Quán, Sài Gòn (nay thuộc Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh). Tên ông được đặt tên công trình công cộng tại một số địa phương ở nước ta.

Đường Trương Vĩnh Ký có điểm đầu: giáp với đường Hùng Vương; điểm cuối: giao với đường Nguyễn Tri Phương; chiều dài: 0,350 km; chiều rộng: 6,0 m.

92. Đường Võ Tánh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Võ Tánh).

Tiểu sử danh nhân:

VÕ TÁNH

(1768 – 1801)

Võ Tánh sinh năm 1768, quê gốc ở thôn Phước Tỉnh, huyện Phước An, dinh Trấn Biên (nay là xã Phước Tỉnh, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu), sau dời về huyện Bình Dương, tỉnh Gia Định (nay thuộc thành phố Hồ Chí Minh).

Từ năm 1783 đến năm 1788, ông dấy binh chống quân Tây Sơn ở Phù Viên (Vườn Trầu, nay thuộc vùng Bà Điểm - Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh). Nhưng sau đó, nhận thấy nơi đây đất đai bằng phẳng, không thích hợp cho việc dụng võ, nên ông di chuyển đến Gò Tre thuộc huyện Kiến Hòa, dinh Trấn Định (nay thuộc xã Long Thuận, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang).

Tại căn cứ mới, ông tự xưng Tổng nhung; xây thành Vạn Thắng; tiếp tục chiêu mộ quân lính, tổ chức thành năm chi, năm hiệu, gọi là đạo quân Kiến Hòa với 1 vạn quân và khai phá đất đai, mở mang ruộng đất, tích trữ quân lương. Thấy lực lượng của ông ngày càng lớn mạnh, thủ lãnh quân Tây Sơn là Nguyễn Nhạc sai tướng đem quân tới Gò Tre tiễu phạt; nhưng bị ông đánh tan. Từ đó, thanh thế của ông càng lừng lẫy. Người bấy giờ xưng tụng ông là một trong "*Gia Định tam hùng*" (hai người kia là Đỗ Thanh Nhơn và Châu Văn Tiếp).

Năm 1788, chúa Nguyễn Phúc Ánh cử người đến Gò Tre mời ông hợp tác. Ông nhận lời, mang các tướng thuộc quyền là Võ Văn Lượng, Nguyễn Văn Hiếu, Mạc Văn Tô, Trần Văn Tín, Mai Tấn Huệ và toàn bộ binh lính theo về với Nguyễn Phúc Ánh. Dưới trướng của Nguyễn Phúc Ánh, ông lập được nhiều chiến công. Vì thế, ông được phong làm Khâm sai Tổng nhung Chưởng cơ dinh Tiền quân. Đồng thời, ông lại được Nguyễn Phúc Ánh gả em gái cho là Trưởng công chúa Ngọc Du, trở thành phò mã của nhà Nguyễn.

Năm 1790, vâng lệnh Nguyễn Phúc Ánh, ông mang quân đánh chiếm thành Diên Khánh (nay thuộc tỉnh Khánh Hòa). Năm 1792, ông được lệnh cùng với Tôn Thất Hội giữ thành Gia Định trong khi Nguyễn Phúc Ánh thân chinh dẫn quân đánh thành Quy Nhơn. Năm 1793, ông được thăng Khâm sai chưởng hậu quân, Bình Tây tham thắng tướng quân hộ giá. Năm 1794, ông được thăng lên Đại tướng quân, tước Quận công.

Năm 1797, ông theo Nguyễn Phúc Ánh tiến quân đến sông Mỹ Khê (Quảng Ngãi). Tháng 1799, sau khi chiếm được thành Quy Nhơn và đổi tên Quy Nhơn thành Bình Định, Nguyễn Phúc Ánh giao cho ông cùng với Lễ bộ tham tri Ngô Tùng Châu giữ ngôi thành này.

Tháng 02-1800, hai tướng của vương triều Cảnh Thịnh là Trần Quang Diệu và Võ Văn Dũng mang quân từ Phú Xuân vào tấn công và bao vây thành Bình Định. Ông ra lệnh cho binh sĩ cố thủ giữ thành. Tháng 4/1800, Nguyễn Phúc Ánh cho quân thủy bộ từ Gia Định ra cứu viện; nhưng không thành công. Tháng 02-1801, Nguyễn Phúc Ánh lại kéo ra quân nhằm giải nguy cho thành Bình Định. Thủy quân Nguyễn Phúc Ánh đánh thắng thủy quân Tây Sơn tại cửa Thị Nại. nhưng vẫn không giải vây được, thành Bình Định vẫn bị quân của vương triều Cảnh Thịnh vây chặt.

Trước tình hình đó, ông và Ngô Tùng Châu sai người lén đem mật thư ra cho Nguyễn Phúc Ánh; khuyên Nguyễn Phúc Ánh nên kéo quân ra đánh Phú Xuân, và khi đó, sẽ dễ dàng giành được thắng lợi, vì đại bộ phận quân Cảnh Thịnh đang đang tập trung tại mặt trận Bình Định; lực lượng ở Phú Xuân rất yếu. Đồng thời, bức mật thư cũng nói rõ, ông cùng Ngô Tùng Châu sẽ cố giữ thành nhằm cầm chân đối phương. Nghe theo lời khuyên hợp lý của ông và Ngô Tùng Châu, Nguyễn Phúc Ánh cho quân tấn công và chiếm được được Phú Xuân vào tháng 6-1801.

Hai tướng Cảnh Thịnh là Trần Quang Diệu và Võ Văn Dũng nghe tin Phú Xuân mất về tay Nguyễn Phúc Ánh, liền chia quân ra cứu. Quân cứu viện Cảnh Thịnh ra tới Quảng Nam thì bị quân Nguyễn chận đánh nên phải quay trở lại Bình Định. Không có cách nào khác, Trần Quang Diệu ra lệnh quân lính ráo riết công kích thành Bình Định. Trước nguy cơ thành bị thất thủ, có người khuyên ông nên lẻn trốn ra ngoài; nhưng ông đã cự tuyệt, cương quyết ở lại với thành. Tình thế ngày càng khốn quẫn, thấy không thể giữ thành lâu hơn được nữa, ông viết thư cho Trần Quang Diệu đề nghị sau khi chiếm được thành thì quân Tây Sơn không giết hại binh lính của ông.

Ngày 5-7-1801, Ngô Tùng Châu uống thuốc độc tự tử. Ngày 7-7-1801 (nhằm này 27 tháng 5 năm Tân Dậu), ông tự thiêu mà chết tại lầu bát giác ở trong thành nội.

Trần Quang Diệu dẫn quân vào thành, rất xúc động trước cái chết của ông, nên cho quân lính mai táng tử tế thi hài của ông. Đồng thời, vị tướng này cũng không giết hại bất cứ người lính nào trong thành.

Năm 1802, sau khi đánh thắng vương triều Cảnh Thịnh, Nguyễn Phúc Ánh lên ngôi vua, xưng là Gia Long. Tưởng nhớ đến công lao của ông, nhà vua truy tặng ông tước Dực vận công thần, Đặc tiến Phụ quốc Thượng tướng quân, Thượng trụ quốc, Thái úy, Quốc công, tên thụy là Trung Liệt; sai Cai bạ là Đinh Công Khiêm, Cai đội là Tôn Thất Bính mang áo mũ gấm lụa đến thành Bình Định thu liệm hài cốt còn lại để đưa về chôn ở Gia Định. Năm 1804, trong lúc kinh đô Huế chưa được xây dựng xong, ông được thờ ở gian chính giữa đền Hiển Trung ở thành Gia Định, triều đình cấp cho tự dân, tự điền, mộ phu, sai con là Khánh coi việc giữ thờ tự. Năm 1805, cho phụ tế vào Thái miếu. Năm 1810, đổi cho phụ tế vào Thế miếu. Năm thứ 1813, ông được truy tặng là Tá vận công thần, Đặc tiến Tráng vũ Đại tướng quân, Hậu quân Đô thống phủ chưởng phủ sự, Thái sư, vẫn tên thụy là Trung Liệt, tước là Hoài Quốc công. Ông được xem là bậc trung thần khai sáng nhà Nguyễn.

Trước cái chết của ông, người dân Bình Định đã lưu truyền câu ca dao:

Ngó lên ngọn tháp Cánh Tiên,

Cảm thương quan Hậu thủ thiềng (thành) ba năm!

Hiền thê của ông là Trưởng công chúa Ngọc Du khóc ông bằng bài thơ đầy nước mắt:

Những tưởng ra tay giúp nước nhà

Ai dè binh địa nổi phong ba.

Xót người vị quốc liều thân ngọc,

Khiến thiếp cô phòng ủ mặt hoa.

Gối mộng mơ màng duyên nợ cũ,

Đài mây xiêu lạc phách hồn xa.

Lửa trung đốt đỏ gương hào kiệt,

Nóng ruột thuyền quyên giọt lệ sa!

Đồng thời, vua Gia Long cũng cho xây lăng mộ ông tại nơi ông tuẫn tiết: thành Bình Định. Ngoài ra, nhà vua còn sai lập một khu lăng mộ nữa cho ông ở Phú Nhuận, tỉnh Gia Định, nay tọa lạc tại số 19, đường Hồ Văn Huê, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Gò Công, ông được thờ ở nhiều nơi, như miếu Võ quốc công (xã Long Thuận, thị xã Gò Công, được công nhận là di tích Lịch sử - Văn hóa cấp tỉnh), Đình Trung (thị xã Gò Công), dinh quan Hậu quân (xã Thạnh Nhựt, huyện Gò Công Tây), đình thần xã Long Bình (huyện Gò Công Tây), đình thần và miếu Tân Long xã Bình Nghị (huyện Gò Công Đông), đình thần và Lăng Ông Hiệp Thành hội xã Tân Thành (huyện Gò Công Đông), chùa Ông xã Long Vĩnh (huyện Gò Công Tây), Lăng Ông xã Tăng Hòa (huyện Gò Công Đông), Miếu Ông xã Phước Trung (huyện Gò Công Đông),... Tại thành phố Mỹ Tho (tỉnh Tiền Giang) có một con đường mang tên ông.

Đường Võ Tánh có điểm đầu là đường Trưng Trắc; điểm cuối: giao với đường Nguyễn Huệ; chiều dài: 0,160 km; chiều rộng: 8,0 m.

93. Đường Vũ Mạnh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Vũ Mạnh).

Tiểu sử danh nhân:

VŨ MẠNH

(1925 – 1968)

Vũ Mạnh sinh năm 1925 tại thị xã Thanh Hóa (nay là thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa) trong một gia đình công chức nhỏ, được cha mẹ cho học hết bậc trung học.

Năm 1940, ông cùng với gia đình sang Lào làm ăn. Tháng 8-1945, ông giác ngộ chủ nghĩa Mác - Lênin và tham gia cách mạng ở nước bạn Lào. Tháng 10-1945, khi thực dân Pháp quay trở lại xâm lược Lào, ông gia nhập bộ đội, hoạt động ở phía nam thủ đô Viên Chăn. Tháng 2-1946, ông là đội viên của chi đội Hải ngoại Việt Nam ở Lào.

Theo lời kêu gọi của Tổ quốc, tháng 2-1947, ông cùng với chi đội Hải ngoại về nước, tham gia đánh giặc Pháp, giải phóng quê hương. Sau đó, ông được phân công về

chiến đấu ở chiến trường Mỹ Tho, lần lượt đảm nhiệm các chức vụ trung đội trưởng, đại đội trưởng, tiểu đoàn phó thuộc Trung đoàn 115, Trung đoàn 105 và Tiểu đoàn 309 của Quân khu 8.

Ông đã chỉ huy đơn vị tham gia nhiều trận đánh lớn, giành được những chiến công vang dội, tiêu biểu là các trận Đồng Tháp Mười tháng 6-1949, tập kích Trung tâm huấn luyện Bình Đức (Châu Thành) tháng 5-1952, Gò Lách (Cái Bè) tháng 6-1949, Mũi Nhíp (Cai Lậy) tháng 2-1953, kinh Bùi (Cai Lậy) tháng 6-1953, Trung Hòa - Vĩnh Công (Chợ Gạo - Long An) tháng 2-1954, An Thạnh Thủy (Chợ Gạo) tháng 6-1954,… Bên cạnh đó, đơn vị của ông còn làm tốt công tác tăng gia sản xuất, vận động quần chúng, hỗ trợ phong trào chiến tranh du kích, tiêu diệt nhiều đồn bót địch, góp phần mở rộng vùng giải phóng ở Cái Bè, Cai Lậy, Chợ Gạo và Gò Công.

Năm 1954, ông tập kết ra Bắc và được Bộ Tổng Tham mưu cử đi học tại Học viện Quân sự Trung Quốc. Cuối 1955, sau khi hoàn thành khóa học, ông trở về nước, công tác tại Sư đoàn 330 rồi Bộ Tổng Tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam.

Cuối năm 1964, ông được lệnh trở về miền Nam chiến đấu và được phân công về chiến trường quen thuộc Khu 8. Tại đây, ông được giao nhiệm vụ làm Chiến đoàn phó Chiến đoàn Quân khu 8, phụ trách địa bàn Mỹ Tho.

Đầu năm 1966, ông được điều về tỉnh Mỹ Tho, làm Tỉnh ủy viên kiêm Tỉnh đội trưởng. Với kiến thức quân sự vững chắc và kinh nghiệm chiến trường dày dặn, ông đã có công lớn trong việc xây dựng, huấn luyện lực lượng vũ trang tỉnh nhà, nhất là Tiểu đoàn 514 của tỉnh, cách đánh kết hợp giữa du kích chiến với vận động chiến, giữa đánh nhỏ, đánh vừa với đánh lớn.

Nhờ thế, trong năm 1966, lực lượng vũ trang Mỹ Tho - Gò Công không chỉ giành thắng lợi trong các trận chống càn, mà còn chủ động tập kích vào đồn bót và căn cứ quân sự của địch, khiến cho bọn chúng bị thiệt hại nặng nề, như các trận tấn công vào Trung tâm huấn luyện Tân Hiệp (Châu Thành) diệt 2 đại đội, căn cứ Đồng Tâm (Châu Thành) diệt 1 đại đội, căn cứ Thẻ 25 (Cái Bè) diệt 1 trung đội,…

Cuối năm 1966, khi Mỹ đổ quân xuống căn cứ Đồng Tâm, ông thường xuyên đi nghiên cứu thực địa, khảo sát chiến trường. Từ đó, với cương vị là người chỉ huy quân sự của tỉnh, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, ông đã chỉ đạo thành lập Mặt trận vành đai diệt Mỹ Bình Đức, nhằm tấn công quân địch ngay tại sào huyệt của bọn chúng, thể hiện quyết tâm đánh Mỹ và tư tưởng chiến lược tiến công của quân dân ta.

Tháng 8-1967, ông được Quân khu 8 đề bạt làm Trung đoàn trưởng Trung đoàn 1 chủ lực của quân khu để chuẩn bị cho cuộc tiến công chiến lược Xuân Mậu Thân 1968.

Ngày 9-01-1968, ông trở lại Mỹ Tho nghiên cứu chiến trường. Ngày 31-01-1968, ông chỉ huy trung đoàn đồng loạt nổ súng tấn công thị xã Mỹ Tho, vốn được quân khu chọn làm chiến trường trọng điểm của Khu 8. Cùng với các lực lượng khác, trung đoàn của ông đã chiến đấu vô cùng anh dũng ở trong nội ô Mỹ Tho, tiêu diệt nhiều sinh lực

địch, gây cho quân Mỹ và quân ngụy bao nỗi khiếp đảm, kinh hoàng. Sau đó, ông chỉ huy trung đoàn đánh địch phản kích, bảo vệ vùng giải phóng.

Giữa lúc đó, ngày 10-10-1968, trong khi đang làm việc với Tỉnh đội Mỹ Tho ở Bình Phú (huyện Cai Lậy), ông bị pháo địch bắn trúng và anh dũng hy sinh. Tuy không sinh trưởng ở Tiền Giang, nhưng ông luôn xem Tiền Giang là quê hương của mình vì ông đã lập gia đình ở đây và gần như cả cuộc đời gắn bó chặt chẽ với Tiền Giang, ngay cả lúc hy sinh cũng trên mảnh đất này. Tên ông được đặt tên đường ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đường Vũ Mạnh có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn Thị Thập; điểm cuối: giao với đường Hồ Bé; chiều dài: 0,400 km; chiều rộng: 8,0 m.

94. Đường Xóm Dầu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Thực vật (Cây dầu).

- Xóm: là nơi quần tụ những hộ gia đình sinh sống gần nhau, có hoặc không có mối quan hệ họ hàng với nhau.

- Cây dầu: là cây gỗ lớn, thân tròn, thẳng, cao 40 – 50 m, cây thường trồng ngoài trời làm bóng mát, là nguyên liệu cho ngành sơn, vẹc ni, gỗ dùng để đóng đồ nội thất thông thường.

Xóm Dầu là nơi có trồng nhiều cây dầu và người dân ở đây làm nghề nấu dầu. Xóm nghề này được Trịnh Hoài Đức nhắc đến trong bài thơ "Mưa đêm ở Mỹ Tho" khi ông giữ chức Ký lục dinh Trấn Định (Tiền Giang ngày nay) năm 1794. Tháng 9-1929, tại Xóm Dầu, Chi bộ An Nam Cộng sản Đảng được thành lập, gồm các đồng chí Nguyễn Văn Nguyễn, Nguyễn Thanh Phong, Nguyễn Văn Hồng,… do đồng chí Nguyễn Văn Nguyễn làm Bí thư. Đây là một trong những chi bộ cộng sản đầu tiên ở tỉnh Mỹ Tho. Xóm Dầu ngày nay là Khu phố 7, Phường 3, thành phố Mỹ Tho, có diện tích khoảng 33 ha.

Đường Xóm Dầu có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn Văn Giác; điểm cuối giao với đường Nguyễn Trung Trực; chiều dài: 0,900 km; chiều rộng: 3,5 m.

95. Đường Yersin

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân nhân người Pháp (Yersin).

Tiểu sử danh nhân:

YERSIN

(1863 – 1943)

Alexandre Émile Jean Yersin sinh năm 1863 tại Thụy Sĩ, mất năm 1943 tại Nha Trang, Việt Nam, là bác sĩ y khoa, nhà vi khuẩn học và nhà thám hiểm người Pháp gốc

Thụy Sĩ. Ông là người khám phá Cao nguyên Lâm Viên (tỉnh Lâm Đồng), vạch ra một con đường bộ từ Trung Bộ, Việt Nam sang Campuchia, là người thành lập và là hiệu trưởng đầu tiên của Trường Y khoa thuộc Viện Đại học Đông Dương (tiền thân của Đại học Y Hà Nội hiện nay), đặt nền móng xây dựng Viện Pasteur Nha Trang và Trại nông nghiệp Suối Dầu (Nha Trang). Đặc biệt, ông đã tìm ra trực khuẩn gây bệnh dịch hạch, sau này được đặt theo tên ông: Yersinia pestis.

Đường Yersin có điểm đầu: giáp với đường Lê Thị Hồng Gấm; điểm cuối: giao với đường Ấp Bắc; chiều dài: 1,100 km; chiều rộng: 6,0 m.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên cầu ở thành phố Mỹ Tho:**

Khái niệm Cầu

Cầu là một công trình giao thông được bắc qua các chướng ngại nước, như rãnh nước, dòng suối, dòng sông, dòng kênh/kinh, dòng rạch, hồ, biển hay các chướng ngại khác, như đường bộ, đường sắt,… đảm bảo cho giao thông được liên tục.

Trên Đường tỉnh 864:

1. Cầu Bình Đức

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Xã Bình Đức)

- Vị trí: Km 0+030, Phường 6 và xã Trung An, TP Mỹ Tho, trên Đường tỉnh 864.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Xáng Cụt

- Quy mô: 3 nhịp dài 42,75m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 12m; 9 dầm I.700; Htt: +3.00

- Tải trọng (Tấn): 25

- Năm đưa vào sử dụng: 1992

2. Cầu Xoài Mút

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Thực vật (Cây xoài mút).

- Vị trí: Km 3+015, xã Bình Đức, TP Mỹ Tho, trên Đường tỉnh 864.

- Cầu bắc qua: Rạch Xoài Mút

- Quy mô: 3 nhịp dài 43,6m (2x12,5+18,6)– Mặt BTCT rộng 7m; khổ cầu 10m

- Tải trọng (Tấn): 25

- Năm đưa vào sử dụng: 1998

Trên Đường tỉnh 870B:

1. Cầu Trung An 1

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Xã Trung An) + Chữ số (1).

- Vị trí: Km 2+573, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, nằm trên Đường tỉnh 870B

- Cầu bắc qua: Rạch Xoài Hột

- Quy mô: 3 nhịp dài 33,34m; mặt BTCT rộng 11m; khổ cầu 11,5m; 6 dầm BTDƯL (nhịp chính); Htt: +2.00

- Tải trọng (Tấn): 30

- Năm đưa vào sử dụng: 2003

2. Cầu Trung An 2

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Xã Trung An) + Chữ số (2).

- Vị trí: Km, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, nằm trên Đường tỉnh 870B

- Cầu bắc qua: Nhánh rạch Xoài Hột

- Quy mô: 1 nhịp dài 25,24m; mặt BTCT rộng 11m; khổ cầu 11,5m; 6 dầm BTDƯL; Htt: +2.00

- Tải trọng (Tấn): 30

- Năm đưa vào sử dụng: 2003

Trên Đường tỉnh 874:

Cầu Long Hòa

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính xưa (Thôn Long Hòa).

- Vị trí: Km 3+008, xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho, trên Đường tỉnh 874

- Cầu bắc qua: Rạch Hóc Đùn - rạch Bà Ngọt

- Quy mô: 3 nhịp dài 37m; mặt BTCT rộng 7m; khổ cầu 9,5m; 5 dầm BTDƯL; Htt: +3.00

- Tải trọng (Tấn): 30

- Năm đưa vào sử dụng: 2005

Trên Đường tỉnh 879B:

Cầu Gò Cát

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa hình thiên nhiên (Gò) + Vật liệu (Cát).

- Vị trí: Km 1+713, xã Mỹ Phong, TP. Mỹ Tho, trên Đường tỉnh 879B

- Cầu bắc qua: Rạch Gò Cát

- Quy mô: 3 nhịp dài 44m; mặt BTCT rộng 6m; khổ cầu 6,5m; 6 dầm BTTA; Htt: +3.50

- Tải trọng: 13

- Năm đưa vào sử dụng: 2009

Trên Đường tỉnh 879C:

Cầu Vỉ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Danh từ (Vỉ: vật được đan bằng tre). Trước đây, cầu có mặt cầu được làm từ những tấm vỉ tre nên người dân gọi là Cầu Vỉ. Sau này, cầu được xây mới bằng bê tông cốt thép, nhưng vẫn giữa tên gọi cũ.

- Vị trí: Km 0+719, xã Mỹ Phong, TP. Mỹ Tho, trên Đường tỉnh 879C

- Cầu bắc qua: Rạch Gò Cát

- Quy mô: 3 nhịp dài 56m; mặt BTCT rộng 10m; khổ cầu 10,5m; dầm BTDƯL; móng cọc ống BTCTDƯL.

- Tải trọng (Tấn): HL93[24]

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

Trên Quốc lộ 50:

1. Cầu Cống Đập Bảo Định

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Cống Đập) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh Bảo Định)

- Vị trí: km88+286

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Bảo Định

- Số nhịp: 5

- Tải trọng (Tấn): 30

- Năm đưa vào sử dụng: 2005

- Chiều dài: 66,54 m

- Chiều rộng: 11 m

2. Cầu Mỹ Phong

[24] HL93 được viết tắt từ Tiếng Anh: **H**ighway **L**oad accepted in 19**93** (Tải trọng trên đường cao tốc được chấp nhận vào năm 1993), tải trọng HL93 tương đương 40 tấn.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Xã Mỹ Phong).

- Vị trí: km82+994
- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Bảo Định
- Số nhịp: 3
- Tải trọng (Tấn): 30
- Năm đưa vào sử dụng: 2004
- Chiều dài: 50,34 m
- Chiều rộng: 11 m

3. Cầu Thạnh Hưng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính xưa (Thôn Thạnh Hưng).

- Vị trí: km84+919
- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Bảo Định
- Số nhịp: 3
- Tải trọng (Tấn): 30
- Năm đưa vào sử dụng: 2004
- Chiều dài: 50,34 m
- Chiều rộng: 11 m

Trên Quốc lộ 60:

1. Cầu Đỏ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Màu sắc (Đỏ).

- Vị trí: km02+055
- Cầu bắc qua: Rạch Đỏ
- Số nhịp: 01
- Tải trọng (Tấn): HL93
- Năm đưa vào sử dụng: 2011
- Chiều dài: 12,50 m
- Chiều rộng: 28 m

2. Cầu K120

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Ký hiệu của Bệnh viện Quân đội K120

- Vị trí: km03+409
- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Dân Sinh
- Số nhịp: 01
- Tải trọng (Tấn): HL93
- Năm đưa vào sử dụng: 2011
- Chiều dài: 24,54 m
- Chiều rộng: 28 m

3. Cầu Rạch Miễu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Công trình xây dựng mang yếu tố tín ngưỡng, tôn giáo (Miễu).

- Vị trí: Nối hai tỉnh Tiền Giang và Bến Tre.
- Cầu bắc qua: 2 nhánh sông Tiền và cù lao Thới Sơn.
- Số nhịp:

+ Cầu số 1 dài 1.878 m gồm: 3 nhịp chính là cầu dây văng chiều dài 510m, nhịp giữa 270 m có chiều cao thông thuyền 37,5m (như cầu Mỹ Thuận) cho tàu 1 vạn tấn đi qua. Phần còn lại là các nhịp dầm dẫn bê tông cốt thép dự ứng lực, chiều dài mỗi nhịp 40m.

+ Cầu số 2 dài 990 m gồm các nhịp có chiều dài tới 90 m để thông thuyền với chiều cao 7 m. Các nhịp cầu dẫn là nhịp dầm bê tông cốt thép dự ứng lực chiều dài mỗi nhịp 40m.

- Tải trọng (Tấn): 60 tấn
- Năm đưa vào sử dụng: 2009
- Chiều dài: 2.868 m
- Chiều rộng: 15 m
- Đây là cầu dây văng thứ ba ở Đồng bằng sông Cửu Long (sau cầu Mỹ Thuận do Úc thiết kế và cầu Cần Thơ do Nhật Bản thiết kế) và là cây cầu đầu tiên do chính các kỹ sư Việt Nam thiết kế và thi công theo công nghệ mới.

4. Cầu Trung Lương

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính xưa (Thôn Trung Lương).

- Vị trí: km0+531,55

- Cầu bắc qua: Rạch Trung Lương

- Số nhịp: 01

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2011

- Chiều dài: 37,40 m

- Chiều rộng: 28 m

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn địa danh Cống, Đập, Đê**

Cống:

- Khái niệm

Cống là công trình thủy nông, để lấy nước, tiêu nước, giữ nước hay điều tiết dòng chảy theo yêu cầu. Cống gồm có cửa vào, thân cống và cửa ra. Tùy theo quy mô, nhiệm vụ và thể loại, cống được xây dựng bằng những vật liệu thích hợp, như đá, gạch, gỗ, bê tông, bê tông cốt thép,…

- Phân loại cống

Theo Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số Điều của Luật Thủy lợi như sau:

- Cống đầu mối: Là hạng mục công trình thuỷ lợi ở vị trí khởi đầu của hệ thống dẫn, thoát nước; làm chức năng cấp hoặc thoát nước, điều tiết, khống chế và phân phối nước.

- Cống lớn: Đối với vùng đồng bằng sông Cửu Long, cống lớn là cống có tổng chiều rộng thoát nước từ 30 m trở lên;

- Cống vừa: Đối với vùng đồng bằng sông Cửu Long, cống vừa là cống có tổng chiều rộng thoát nước từ 10 m đến dưới 30 m;

- Cống nhỏ: Đối với vùng đồng bằng sông Cửu Long, cống nhỏ là cống có tổng chiều rộng thoát nước dưới 10 m.

Cống đầu mối:

1. Cống Bảo Định

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa danh Hán Việt (Bảo Định).

Cống ở Phường 10 và xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho, được xây dựng năm 2004; là loại cống hở, số cửa 3, chiều rộng 10,5 m, sâu 4,2 m, diện tích phục vụ 10.300 ha.

2. Cống Gò Cát

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Gò: Khoảng đất nổi cao lên giữa nơi bằng phẳng) + Vật liệu dạng hạt (Cát).

Cống ở Phường 3, xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho, được xây dựng năm 1999; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 8 m, sâu 3 m, diện tích phục vụ 2.400 ha.

Cống vừa và nhỏ:

Cống Cái Ngang

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Cái: do từ sông Cái gọi tắt, là sông lớn, có nhiều chi lưu đổ vào.) + Vị trí (Ngang).

Địa danh Xứ Cái Ngang ở thôn Trung Lương, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường đã được ghi chép trong *Địa bạ Minh Mạng năm 1836*. Theo *Địa phương chí tỉnh Mỹ Tho năm 1902*, Cái Ngang là tên chợ; và khi mới lập chợ, người ta đã tụ tập thành từng nhóm, bày hàng hóa mua bán ở ngang giữa con đường, làm tắt nghẽn giao thông đi lại[25]. Chợ này hiện nay vẫn còn, mang tên là chợ Trung Lương, nằm sát Quốc lộ 1, gần vòng xoay Trung Lương, thuộc xã Trung An, thành phố Mỹ Tho.

Cống ở Phường 10 và xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, được xây dựng năm 2006; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 5 m, sâu 2 m, diện tích phục vụ 120 ha.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên bến xe, bến đò, bến phà:**

Bến xe:

Theo quy định của Bộ Giao thông - Vận tải có 2 loại bến xe là bến xe khách và bến xe hàng. Trong phạm vi đề tài, tập trung nghiên cứu về địa danh bến xe khách trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Khái niệm bến xe khách:

Theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách - Sửa đổi lần 1 năm 2015, Bến xe khách là công trình thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thực hiện chức năng phục vụ xe ô tô đón, trả hành khách và các dịch vụ hỗ trợ vận tải hành khách công cộng được xây dựng trên một thửa đất hoặc nhiều thửa đất liền kề.

Cũng theo Thông tư nêu trên, Bến xe khách được phân thành 6 loại. Quy định về các hạng mục công trình tương ứng với từng loại bến xe khách như trong Bảng sau:

TT	Tiêu chí phân loại	Đơn vị tính	Loại bến xe khách					
			Loại 1	Loại 2	Loại	Loại	Loại	Loại

[25] Société des Études Indochinoises (1902), *Monographie de la province de Mỷ-Tho*, Imprimerie L. Ménard, Saigon, p. 65.

					3	4	5	6
1	Diện tích mặt bằng (tối thiểu)	m^2	15.000	10.000	5.000	2.500	1.500	500
2	Diện tích bãi đỗ xe ôtô chờ vào vị trí đón khách (tối thiểu)	m^2	5.000	3.000	1.000	500	160	80
3	Diện tích bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác	m^2	2.000	1.500	900	400	30	20
4	Diện tích tối thiểu phòng chờ cho hành khách (có thể phân thành nhiều khu vực trong bến)	m^2	500	300	150	100	50	30
5	Số vị trí đón, trả khách (tối thiểu)	vị trí	50	40	30	20	10	6
6	Số chỗ ngồi tối thiểu khu vực phòng chờ cho hành khách	chỗ	100	60	30	20	10	10

7	Hệ thống điều hòa, quạt điện khu vực phòng chờ cho hành khách (tối thiểu)	-	Đảm bảo nhiệt độ không vượt quá 30°C	Quạt điện	Quạt điện	Quạt điện	Quạt điện	Quạt điện
8	Diện tích khu vực làm việc	-	Bình quân 4,5 m^2/người					
9	Diện tích văn phòng dành cho Y tế	-	Tối thiểu 10 m^2					
10	Diện tích khu vệ sinh	-	> 1 % tổng diện tích xây dựng bến (Có nơi vệ sinh phục vụ người khuyết tật theo QCVN 10:2014/BXD)					
11	Diện tích dành cho cây xanh, thảm cỏ	-	Tỷ lệ diện tích đất dành cho cây xanh, thảm cỏ tối thiểu 2% tổng diện tích					
12	Đường xe ra, vào bến	-	riêng biệt			chung (rộng tối thiểu 7,5 m)		
13	Đường dẫn từ phòng chờ cho hành khách đến các vị trí đón, trả khách	-	Có mái che					
14	Kết cấu mặt	-	Mặt đường nhựa hoặc bê tông xi măng					

	đường ra, vào bến xe và sân bến				
15	Hệ thống cung cấp thông tin	-	Có hệ thống phát thanh, có hệ thống bảng chỉ dẫn bằng điện tử, có thiết bị tra cứu thông tin tự động	Có hệ thống phát thanh, có hệ thống bảng chỉ dẫn	
16	Hệ thống kiểm soát xe ra vào bến	-	Có phần mềm quản lý bến xe và trang bị hệ thống camera giám sát xe ra vào bến	Có phần mềm quản lý bến xe	

Bến xe Tiền Giang

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến xe) + Địa danh hành chính (Tỉnh Tiền Giang).

Bến xe Tiền Giang, mã số (63)31, tọa lạc tại số 42, đường Ấp Bắc, Phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, diện tích 15.601 m², điện thoại: (0273)3855429, xếp loại 1.

*** Bến đò:**

Khái niệm

Bến đò là bến đỗ trên các bờ sông để đò dừng nhằm tiếp nhận hoặc trao trả hành khách, hàng hóa trong quá trình chuyên chở.

1. Bến đò Phường 1 - Tân Long

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến đò) + Địa danh hành chính (Phường 1 - phường Tân Long).

Bến đò Phường 1 - Tân Long bờ phải (Phường 1) nằm trên kinh/kênh Bảo Định, bờ trái (phường Tân Long) nằm trên sông Mỹ Tho thuộc sông Tiền, nối Phường 1 với phường Tân Long (và ngược lại) thuộc thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

2. Bến đò Phường 2 - Tân Long

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến đò) + Địa danh hành chính (Phường 2 - phường Tân Long).

Bến đò Phường 2 - Tân Long bờ phải và bờ trái đều nằm trên sông Mỹ Tho thuộc sông Tiền, nối Phường 2, thành phố Mỹ Tho với phường Tân Long, cùng thành phố (và ngược lại), tỉnh Tiền Giang.

3. Bến đò Lộ Vàm

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến đò) + Công trình xây dựng (Lộ: đường) + Địa hình thiên nhiên (Vàm).

Bến đò Lộ Vàm bờ phải và bờ trái đều nằm trên sông Mỹ Tho thuộc sông Tiền, nối xã Song Bình, huyện Chợ Gạo với xã Xuân Đông, cùng huyện (và ngược lại), tỉnh Tiền Giang.

* **Bến phà:**

Khái niệm

Bến phà là nơi đón, trả khách qua sông bằng phà.

Bến phà Rạch Miễu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến phà) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Công trình xây dựng mang yếu tố tín ngưỡng (Miễu).

Bến phà Rạch Miễu được lập vào những năm đầu thế kỷ 20. Năm 1909, bến phà này được nhắc đến trong quyển *Nam Kỳ phong tục nhơn vật diễn ca* của Nguyễn Liên Phong:

Qua sông Rạch Miễu có đò

Mỗi ngày hai chuyến vô ra hoài hoài.

Khi đó, phà là một chiếc sà lan do người chèo. Mỗi ngày có hai chuyến qua lại. Khoảng năm 1924, chiếc sà lan chèo mới được thay thế bằng những chiếc phà vận hành bằng động cơ.

Bến phà nằm trên dòng sông Tiền, bờ phải thuộc làng Tân Thạch, quận An Hóa, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Tân Thạch, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre), bờ trái ở đầu đường Général de Castelneu, làng Điều Hòa, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho (nay là đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang).

Năm 1981, bến phà bên bờ trái được dời đến chợ Thanh Bình, đường Lê Thị Hồng Gấm, Phường 6, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang; bờ phải vẫn thuộc địa điểm cũ. Năm 2009, khi cầu Rạch Miễu được khánh thành, bến phà dừng hoạt động. Tuy nhiên, ngày 27/01/2021, bến phà Rạch Miễu được khôi phục trở lại với tên gọi mới: bến phà tạm Rạch Miễu, nhằm hỗ trợ giải quyết ùn tắc giao thông qua cầu Rạch Miễu, góp phần "chia lửa" với cầu Rạch Miễu đang bị quá tải vào thời điểm lễ, Tết hay các ngày thứ bảy và chủ nhật. Bến phà tạm cách bến phà cũ khoảng 10 km về phía thượng lưu, bờ trái tọa lạc tại xã Song Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang; bờ phải nằm trên địa bàn xã Phú Túc, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên bệnh viện (tỉnh, khu vực, huyện, quân đội):**

Khái niệm

Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO): Bệnh viện là một bộ phận của một tổ chức mang tính chất y học và xã hội, có chức năng đảm bảo cho nhân dân được săn sóc toàn diện về y tế cả chữa bệnh và phòng bệnh.

Trước đây bệnh viện chỉ được coi là một cơ sở khám và điều trị bệnh nhân đơn thuần. Bước sang thế kỷ XXI, cách mạng khoa học kỹ thuật - công nghệ trên thế giới đã phát triển như vũ bão và đạt được nhiều thành tựu rực rỡ, tác động sâu sắc làm thay đổi quan niệm về bệnh viện. Bệnh viện không chỉ đơn thuần làm công tác khám và điều trị mà còn thực hiện những chức năng khác trong chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, như giáo dục sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe tại nhà và đồng thời còn là trung tâm đào tạo cán bộ y tế và tiến hành các nghiên cứu y học về khám chữa bệnh và phòng bệnh.

Bệnh viện cấp tỉnh:

1. Bệnh viện đa khoa tỉnh Tiền Giang

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng mang tính chất chăm sóc sức khỏe (Bệnh viện) + Tính từ (Đa khoa: có nhiều khoa) + Địa danh hành chính (Tỉnh Tiền Giang).

- Khái quát Bệnh viện đa khoa tỉnh Tiền Giang

+ Địa chỉ:

Trước đây, Bệnh viện đa khoa Tiền Giang tọa lạc tại số 02, Hùng Vương, Phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Năm 2023, bệnh viện di dời đến Quốc lộ 1, ấp Long Hưng, xã Phước Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

+ Điện thoại: 0273.3872.363

+ Trang thông tin điện tử: http://benhvientiengiang.vn

+ Email: khthbvtg@gmail.com

+ Cơ quan chủ quản: Sở Y tế tỉnh Tiền Giang.

+ Tổng diện tích:

100.000 m^2; diện tích sử dụng: 22.983,5 $m^{2.}$

+ Tổng số cán bộ, viên chức: 1.061; trong đó nam: 368; nữ: 693.

Bệnh viện Đa khoa Trung tâm Tiền Giang được chính quyền Pháp xây dựng năm 1921 và khánh thành năm 1925 bởi sự chủ trì và đôn đốc của ông Đốc phủ sứ Đoàn Hữu Chung và tỉnh trưởng tỉnh Mỹ Tho Henri Caillard. Trước năm 1975, bệnh viện có tên là Trung tâm Y tế toàn khoa Định Tường. Sau khi đất nước thống nhất, ngày 20/12/1978,

Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh ký quyết định số 1577/QĐ-UB thành lập Bệnh viện Đa khoa Trung tâm Tiền Giang nằm trong khuôn viên có diện tích 27.493 m^2 tại số 2, đường Hùng Vương, Phường 1, thành phố Mỹ Tho.

Năm 2000, bệnh viện thành lập nhiều khoa mới, như Ngoại thần kinh, Nội thần kinh, Tim mạch - Lão khoa, Ung bướu, Hồi sức tích cực - Chống độc, Hồi sức tích cực - Chống độc Nhi, Nội tiết,…

Năm 2005, thực hiện chủ trương của Bộ Y tế về thành lập các bệnh viện chuyên khoa nếu đủ điều kiện; do vậy, các khoa Lao, Tâm thần, Mắt và Phụ sản được tách ra để thành lập bệnh viện chuyên khoa.

Tháng 7/2014, thực hiện chủ trương xã hội hóa công tác y tế, bệnh viện đã liên kết với Công ty trách nhiệm hữu hạn Thuận Phú xây dựng và thành lập Khu điều trị theo yêu cầu và kỹ thuật cao.

Ngày 07/2/2018, bệnh viện được xây mới tại Quốc lộ 1, ấp Long Hưng, xã Phước Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang; hoàn thành vào tháng 7/2022; khánh thành ngày 25/2/2023 với tên Bệnh viện Đa khoa Tiền Giang,

Bệnh viện Đa khoa Tiền Giang có quy mô 1.000 giường bệnh với tổng mức đầu tư trên 2.300 tỷ đồng, là dự án thuộc nhóm A, công trình Bệnh viện cấp I. Bệnh viện được xây dựng trên khu đất có tổng diện tích khoảng 100.000m^2 (10 ha), trong đó tổng diện tích xây dựng là 23.258m^2. Các hạng mục công trình của Bệnh viện bao gồm: 04 khối nhà chức năng chính, quy mô công trình cao từ 01 đến 10 tầng (Khối nhà chính N1, Khối nhà dinh dưỡng N2, Khối nhà truyền nhiễm N3 và Khối nhà tang lễ N4) và các hạng mục phụ trợ.

Khối nhà chính cao 10 tầng nổi và 01 tầng hầm được phân bố các Khoa Cấp cứu người lớn, Khoa Cấp cứu nhi, Khoa Hồi sức tích cực - chống độc người lớn và trẻ em, Phòng mổ (Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức), các Khoa lâm sàng nội trú, Khoa cận lâm sàng (xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh), Khoa Dược, Khoa Khám bệnh ngoại trú, Khu Cấp phát thuốc bảo hiểm, nhà giữ xe tầng hầm và các Phòng chức năng, hành chánh…

Khối nhà dinh dưỡng, dịch vụ cao 03 tầng, gồm: Khoa Dinh dưỡng, Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn và bếp ăn cho bệnh nhân, người nhà người bệnh và nhân viên y tế. Khối nhà truyền nhiễm cao 04 tầng, đây là khối nhà thuộc Khoa Nhiễm phụ trách, thiết kế tách ra riêng biệt với các khoa, phòng khác nhằm đảm bảo vấn đề phòng, chống lây nhiễm.

Còn lại là Khối nhà tang lễ cao 01 tầng và các công trình phụ trợ quy mô đơn giản gồm các nhà bảo vệ, nhà khí y tế và nồi hơi, trạm điện, nhà lưu rác thải, khối nhà xử lý nước thải, các cổng, tường rào. Các hạng mục khác gồm sân vườn, hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà khác, chiếu sáng ngoài nhà, phòng chống mối, chống sét, camera, âm thanh công cộng, thông tin liên lạc, thông gió và điều hòa không khí, khí y tế.

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tiền Giang là bệnh viện tuyến cuối trong hệ điều trị của tỉnh Tiền Giang. Việc xây dựng mới bệnh viện đã tạo điều kiện để người dân tỉnh Tiền Giang được hưởng dịch vụ tiện ích hiện đại trong chăm sóc sức khỏe.

Bệnh viện có chức năng, nhiệm vụ:

* Cấp cứu - khám bệnh - chữa bệnh:

Tiếp nhận tất cả các trường hợp người bệnh được chuyển đến để cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh nội trú và ngoại trú.

Tổ chức khám sức khoẻ và chứng nhận sức khoẻ theo quy định của Nhà nước.

Có trách nhiệm giải quyết toàn bộ bệnh tật từ các nơi chuyển đến cũng như tại địa phương nơi bệnh viện đóng. Tổ chức khám giám định sức khoẻ khi hội đồng giám định y khoa trung ương hoặc tỉnh, thành phố trưng cầu; khám giám định pháp y khi cơ quan bảo vệ pháp luật trưng cầu.

* Đào tạo cán bộ y tế:

Bệnh viện là cơ sở thực hành đào tạo cán bộ y tế bậc Đại học, trung học, đào tạo tại chỗ cho nhân viên bệnh viện và tuyến dưới nâng cao trình độ chuyên môn.

* Nghiên cứu khoa học về y học:

Tổ chức thực hiện các đề tài nghiên cứu về y học và ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật y học ở cấp Nhà nước, cấp bộ, cấp Cơ sở, chú trọng nghiên cứu y học cổ truyền kết hợp với y học hiện đại và các phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc.

Kết hợp với các bệnh viện chuyên khoa đầu ngành để phát triển kỹ thuật của Bệnh viện.

Nghiên cứu dịch tễ học cộng đồng trong công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu…

* Chỉ đạo tuyến dưới về chuyên môn kỹ thuật:

Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện chỉ đạo các Bệnh viện tuyến dưới phát triển kỹ thuật chuyên môn nâng cao chất lượng chuẩn đoán và điều trị.

Kết hợp với các Bệnh viện tuyến dưới thực hiện chương trình và kế hoạch chăm sóc sức khoẻ ban đầu trong khu vực.

* Phòng bệnh:

Tuyên truyền, giáo dục sức khoẻ cho cộng đồng.

Phối hợp với các cơ sở y tế phòng thực hiện thường xuyên nhiệm vụ phòng bệnh, phòng dịch.

* Hợp tác quốc tế:

Hợp tác với các tổ chức hoặc cá nhân ở ngoài nước theo đúng quy định của Nhà nước.

* Quản lý kinh tế y tế:

Có kế hoạch sử dụng hiệu quả nguồn thu của bệnh viện.

Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của Nhà nước về thu, chi ngân sách của Bệnh viện. Từng bước hạch toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh.

Tạo thêm nguồn kinh phí từ các dịch vụ y tế: Viện phí, bảo hiểm y tế, đầu tư của nước ngoài và các tổ chức kinh tế khác.

Năm 2022, Đảng bộ bệnh viện có 25 chi bộ trực thuộc với 305 đảng viên; lãnh đạo đơn vị có 01 giám đốc, 03 phó giám đốc; Công đoàn cơ sở có 33 tổ công đoàn với 1.046 công đoàn viên; Đoàn thanh niên có 09 chi đoàn với 147 đoàn viên.

Bệnh viện được xếp hạng 1, có 09 phòng chức năng: Phòng Kế hoạch tổng hợp, Phòng Trang thiết bị, Phòng Điều dưỡng, Phòng Tổ chức cán bộ, Phòng Hành chính quản trị, Phòng Tài chính kế toán, Phòng Công tác xã hội, Phòng Quản lý chất lượng, Phòng Công nghệ thông tin; 01 tổ (Tổ Kiểm toán nội bộ); 28 khoa: Lâm sàng: Khám bệnh, Cấp cứu, Hồi sức tích cực chống độc, Nội A, Y học cổ truyền, Nội B, Lão, Nội tim mạch, Nội thần kinh, Nội tiết và Đái tháo đường, Ngoại tổng quát, Chấn thương chỉnh hình, Ung bướu, Phẫu thuật gây mê hồi sức, Ngoại thần kinh, Phẫu thuật tạo hình - Bỏng - Da liễu, Nhi, Hồi sức tích cực chống độc Nhi, Nhiễm, Tai mũi họng, Răng hàm mặt, Phục hồi chức năng; Cận lâm sàng: Chẩn đoán hình ảnh, Xét nghiệm, Dược, Giải phẫu bệnh, Kiểm soát nhiễm khuẩn, Dinh dưỡng.

Về trình độ chuyên môn, năm 2022, bệnh viện có: Giáo sư: 01; Tiến sĩ: 06; Thạc sĩ: 37; Bác sĩ chuyên khoa 1: 40; Bác sĩ chuyên khoa 2: 20; Bác sĩ đa khoa: 191; Cử nhân điều dưỡng: 126; Trình độ khác: 95.

Với những thành tích đạt được, bệnh viện Đa khoa Tiền Giang đã được trao tặng nhiều phần thưởng cao quý: Huân chương Lao động hạng Ba (1987), Huân chương Lao động hạng Nhì (1993), Huân chương Lao động hạng Nhất (2003); nhiều bằng khen, giấy khen của Chính phủ, Bộ Y tế, Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

2. Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Tiền Giang

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng mang tính chất chăm sóc sức khỏe (Bệnh viện) + Bệnh lý (Bệnh lao: là một bệnh truyền nhiễm do vi trùng lao gây nên) + Bệnh lý (Bệnh phổi: là các cơn rối loạn ảnh hưởng đến phổi, cơ quan giúp con người thở) + Tên tỉnh (Tiền Giang).

- Khái quát Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Tiền Giang

+ Địa chỉ: 504/1A, ấp Long Hưng, xã Phước Thạnh, thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang.

+ Điện thoại: 0273.3855443 Fax: 0273.3856851

+ Trang thông tin điện tử: bvlaovabenhphoi.soytetiengiang.gov.vn

+ Email: syt.bvlp@tiengiang.gov.vn

+ Cơ quan chủ quản: Sở Y tế tỉnh Tiền Giang

+ Tổng diện tích: 9274,3 m^2; diện tích sử dụng: 3.039 m^2

+ Tổng số cán bộ, viên chức (2022): 55 người.

Bệnh viện Lao và Bệnh phổi được thành lập theo Quyết định số 1443/QĐ-UB ngày 13/5/2002 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang, có chức năng, nhiệm vụ như sau:

+ Giúp Giám đốc Sở Y tế chỉ đạo, xây dựng mạng lưới thực hiện công tác phòng chống Lao trên địa bàn tỉnh; tổ chức khám, điều trị chuyên khoa và bệnh phổi cho bệnh nhân trên địa bàn tỉnh.

+ Đào tạo, tập huấn quản lý chương trình chống lao cho tuyến huyện và xã, xây dựng kế hoạch hàng năm và dài hạn về thực hiện nhiệm vụ chống lao theo chương trình chống lao Quốc gia.

+ Tổ chức xây dựng mạng lưới, chỉ đạo chuyên môn, kỹ thuật, kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả hoạt động chống Lao trên địa bàn tỉnh, khám và điều trị nội trú cho bệnh nhân lao và bệnh phổi, kiểm tra giám sát hoạt điều trị lao ngoại trú tại các huyện, thị, thành.

Năm 2022, Chi bộ Bệnh viện có 32 đảng viên. Lãnh đạo đơn vị gồm 01 Giám đốc, 02 Phó Giám đốc. Công đoàn cơ sở có 55 công đoàn viên. Chi đoàn thanh niên có 17 đoàn viên.

Bệnh viện xếp hạng 3 với 60 giường bệnh; có 04 phòng chức năng: Phòng Tổ chức - Hành chính, Phòng Kế hoạch tổng hợp, Phòng Điều Dưỡng, Phòng Tài chính kế toán; 07 khoa chuyên môn, gồm: 03 khoa kâm sàng: Khoa Khám bệnh - Hồi sức cấp cứu, Khoa Bệnh phổi, Khoa Lao/HIV, 04 khoa cận lâm sàng: Khoa Cận lâm sàng, Khoa Dược, Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn, Khoa Dinh dưỡng.

Về trình độ chuyên môn, năm 2022, Bệnh viện có: Thạc sĩ: 02; Bác sĩ chuyên khoa 2: 04; Bác sĩ chuyên khoa 1: 03; Cử nhân đại học: 30; Cử nhân cao đẳng: 04; Trình độ khác: 12.

3. Bệnh viện Mắt Tiền Giang

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng mang tính chất chăm sóc sức khỏe (Bệnh viện) + Cơ quan thị giác (Mắt: là cơ quan thị giác thực hiện chức năng nhìn, quan sát, thu nhận lại hình ảnh của sự vật, màu sắc để chuyển vào não xử lý và lưu trữ) + Tên tỉnh (Tiền Giang).

- Khái quát Bệnh viện Mắt Tiền Giang

+ Địa chỉ: Số 44, Phan Hiển Đạo, Phường 7, TP Mỹ tho, tỉnh Tiền Giang.

+ Điện thoại: 0273.3884028

+ Trang thông tin điện tử: benhvienmat.soytetiengiang.gov.vn

+ Email: bvmtgfhf@yahoo.com.vn

+ Cơ quan chủ quản: Sở Y tế tỉnh Tiền Giang

+ Tổng diện tích: 779,8 m² ; diện tích sử dụng: 779,8m²

+ Tổng số cán bộ, viên chức: 57 ; Trong đó nam: 23; nữ: 34

Bệnh viện Mắt Tiền Giang được thành lập theo Quyết định số 1445/QĐ-UB ngày 13/5/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang, có chức năng, nhiệm vụ như sau:

+ Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn kỹ thuật: khám bệnh, chữa bệnh, phòng các bệnh về mắt trên cơ sở của chương trình y tế Quốc gia và thực tế ở địa phương.

+ Cấp cứu, Khám bệnh, Chữa bệnh.

+ Chỉ đạo tuyến dưới về chuyên môn, kỹ thuật.

+ Đào tạo cán bộ y tế.

+ Về phòng bệnh: phối hợp với Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh thực hiện hoạt động tuyên truyền, giáo dục về công tác phòng, chống mù lòa và các bệnh về mắt.

+ Hợp tác quốc tế: hợp tác với các tổ chức hoặc cá nhân ở trong và ngoài nước theo đúng quy định của Nhà nước.

Năm 2022, Chi bộ Bệnh viện có 15 đảng viên; Lãnh đạo đơn vị có 01 Giám đốc, 02 Phó Giám đốc; Công đoàn cơ sở có 04 tổ công đoàn với 57 công đoàn viên; Chi đoàn thanh niên có 23 đoàn viên.

Bệnh viện xếp hạng 3, với 50 giường bệnh, có 03 phòng chức năng: Phòng Tổ chức hành chánh - Quản trị và Tài vụ; Phòng chỉ đạo tuyến; Phòng Kế hoạch tổng hợp; 04 khoa chuyên môn: Khoa khám bệnh và chẩn đoán chức năng; Khoa điều trị; Khoa Dược; Khoa Giải phẫu - chăm sóc hậu phẫu và kiểm soát nhiễm khuẩn.

Về trình độ chuyên môn, năm 2022, bệnh viện có: Thạc sĩ: 03; Bác sĩ chuyên khoa 2: 02; Bác sĩ chuyên khoa 1: 08; Bác sĩ đại học: 04; Dược sĩ đại học: 04; Cử nhân cao đẳng: 02; Trình độ khác: 28

4. Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng mang tính chất chăm sóc sức khỏe (Bệnh viện) + Giới tính (Phụ: Phụ nữ) + Động từ (Sinh sản: là quá trình tạo ra những cá thể mới, đảm bảo sự phát triển liên tục của loài) + Địa danh hành chính (Tỉnh Tiền Giang).

- Khái quát Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang

+ Địa chỉ: 04A, Hùng Vương, Phường 1, thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang.

+ Điện thoại: (073) 3 887160, Fax: (073) 3 887160

+ Trang thông tin điện tử: bvps.soytetiengiang.gov.vn

+ Email: bvphusantg@gmail.com

+ Cơ quan chủ quản: Sở Y tế tỉnh Tiền Giang

+ Tổng diện tích: 14.460 m^2; diện tích sử dụng: 7.232 m^2

+ Tổng số cán bộ, viên chức (2022): 178 người.

Bệnh viện được thành lập năm 2003 theo Quyết định số 2417/QĐUB ngày 01/7/2003 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang, có chức năng, nhiệm vụ: cấp cứu - khám bệnh (sản phụ khoa) - chữa bệnh và đỡ sinh; đào tạo cán bộ; nghiên cứu khoa học về y học; chỉ đạo tuyến dưới về chuyên môn kỹ thuật; phối hợp với các cơ sở y tế dự phòng và thực hiện thường xuyên công tác phòng bệnh, phòng dịch; hợp tác với các tổ chức hoặc cá nhân ngoài nước theo quy định của Nhà nước; quản lý bệnh viện: quản lý kinh tế y tế, công tác thu viện phí, bảo hiểm y tế, trang thiết bị; công tác dược.

Năm 2022, Đảng bộ bệnh viện có 08 chi bộ với 79 đảng viên; lãnh đạo đơn vị: 01 Giám đốc và 02 Phó Giám đốc; Công đoàn cơ sở có 187 công đoàn viên; Chi đoàn thanh niên có 28 đoàn viên.

Bệnh viện xếp hạng 2, có 200 giường bệnh; 04 phòng chức năng: Phòng Tổ chức - Hành chính, Phòng Kế hoạch tổng hợp, Phòng Điều dưỡng, Phòng Tài chính kế toán; 08 khoa chuyên môn: Lâm sàng (05 khoa): Khoa khám và Dinh dưỡng, Khoa Sản - Cấp cứu, Khoa Gây mê hồi sức và Sơ sinh, Khoa Hậu sản - Hậu phẫu, Khoa Phụ và Hiếm muộn, Vô sinh; Cận lâm sàng (03 khoa): Khoa Dược, Khoa Xét nghiệm, Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn.

Về trình độ chuyên môn, năm 2022, bệnh viện có: Thạc sĩ: 06; Bác sĩ chuyên khoa 1: 09; Bác sĩ chuyên khoa 2: 04; Cử nhân đại học: 35; Cử nhân cao đẳng: 46; Trình độ khác: 78.

5. Bệnh viện Y học cổ truyền Tiền Giang

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng mang tính chất chăm sóc sức khỏe (Bệnh viện) + Loại hình bệnh viện (Y học cổ truyền: là ngành Đông y có nguồn gốc xuất phát từ Việt Nam (và Trung Hoa). Dựa trên nền tảng của Âm Dương - Ngũ Hành, y học cổ truyền Việt Nam đã hình thành từ rất sớm trong lịch sử) + Địa danh hành chính (Tỉnh Tiền Giang).

- Khái quát Bệnh viện Y học cổ truyền Tiền Giang

+ Địa chỉ: 03, Thủ Khoa Huân, Phường 1, thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang

+ Điện thoại: (073)3872379, Fax: (073)3872379

+ Email: syt.bvyhct@tiengiang.gov.vn

+ Trang thông tin điện tử: Syt-bvyhct@tiengiang.gov.vn

+ Cơ quan chủ quản: Sở Y tế tỉnh Tiền Giang

+ Tổng diện tích: 6.275,8 m^2; diện tích sử dụng: 6.275,8 m^2

+ Tổng số cán bộ, viên chức (năm 2022): 72 người; trong đó nam: 23 người; nữ: 49 người.

Bệnh viện được thành lập theo Quyết định số 644/QĐ-UB ngày 26/05/1978 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang với tên gọi Bệnh viện Y học dân tộc Tiền Giang và được đổi tên thành Bệnh viện Y học cổ truyền Tiền Giang theo Quyết định số 1921/QĐ-UB ngày 06/7/1999 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Bệnh viện xếp hạng 3, là tuyến khám bệnh, chữa bệnh bằng y dược cổ truyền cao nhất của tỉnh; có chức năng, nhiệm vụ thực hiện khám bệnh, chữa bệnh đa khoa và phục hồi chức năng bằng Y học cổ truyền kết hợp với Y học hiện đại; nghiên cứu khoa học, bảo tồn và phát triển y, dược cổ truyền; đào tạo, chỉ đạo tuyến về chuyên môn kỹ thuật và là cơ sở thực hành về y, dược cổ truyền của các cơ sở đào tạo y, dược và các đơn vị có nhu cầu.

Năm 2022, Chi bộ Bệnh viện có 32 đảng viên; lãnh đạo đơn vị có 01 Giám đốc và 02 Phó giám đốc; Công đoàn cơ sở có 74 công đoàn viên; Đoàn thanh niên có 26 đoàn viên.

Bệnh viện có 120 giường bệnh; 03 phòng chức năng: Phòng Kế hoạch tổng hợp, Phòng Tài chính - Kế toán, Phòng Tổ chức - Hành chính; 05 khoa chuyên môn: Khoa Khám bệnh, Khoa Châm cứu, dưỡng sinh và phục hồi chức năng, Khoa Nội, Khoa Ngoại, Khoa Dược.

Về trình độ chuyên môn, năm 2022, bệnh viện có: Bác sĩ chuyên khoa 1: 09, Cử nhân đại học: 28, Cử nhân cao đẳng: 07, Trình độ khác: 28.

***Y tế tuyến huyện:**

Trung tâm Y tế thành phố Mỹ Tho

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng mang tính chất chăm sóc sức khỏe (Trung tâm y tế) + Địa danh hành chính (Thành phố Mỹ Tho).

- Khái quát Trung tâm Y tế thành phố Mỹ Tho

+ Địa chỉ: số 57, Hùng Vương, phường 7, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

+ Điện thoại: 02733 873 776; Fax: 02733 885 981

+ Trang thông tin điện tử: www.trungtamytethanhphomytho.com

+ Email: trungtamytethanhphomytho@gmail.com

+ Cơ quan chủ quản: Sở Y tế tỉnh Tiền Giang

+ Tổng diện tích: 2.682,1m^2; diện tích sử dụng: 2.682,1m^2.

+ Tổng số cán bộ viên chức (2022): 258 người; trong đó nam: 82; nữ: 176

Trung tâm Y tế thành phố Mỹ Tho được thành lập theo Quyết định số 2328/QĐ-TTYT ngày 02 tháng 7 năm 2009 của Uỷ ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang, trên cơ sở hợp nhất Bệnh viện đa khoa thành phố Mỹ Tho và Trung tâm Y tế dự phòng thành phố Mỹ Tho.

Trung tâm Y tế thành phố Mỹ Tho có chức năng, nhiệm vụ: tham mưu Thành ủy, UBND thành phố thực hiện công tác chăm sóc bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân trên địa bàn thành phố Mỹ Tho; thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn kỹ thuật về khám chữa bệnh, kiểm soát dịch bệnh; phòng chống HIV/AIDS; Quản lý điều trị bệnh xã hội; An toàn vệ sinh thực phẩm; Chăm sóc sức khoẻ sinh sản; Dân số - Kế hoạch hóa gia đình; Truyền thông giáo dục sức khỏe và quản lý toàn diện các Trạm Y tế

Năm 2022, Đảng bộ Trung tâm Y tế thành phố Mỹ Tho có 03 chi bộ trực thuộc với 59 đảng viên; Ban Giám đốc có 01Giám đốc và 03 Phó Giám đốc; Công đoàn cơ sở có 256 công đoàn viên; Chi đoàn thanh niên có 21 đoàn viên.

Trung tâm có 04 phòng chức năng: Phòng Tổ chức hành chính, Phòng Kế hoạch tổng hợp, Phòng Tài chính kế toán, Phòng Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe; 09 khoa chuyên môn: Lâm sàng (07 khoa): Khoa Khám bệnh - Cấp cứu, Khoa Nội - Nhi - Nhiễm, Khoa Phụ sản, Khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng, Khoa Liên chuyên khoa, Khoa Kiểm soát bệnh tật, Khoa Y tế công cộng - An toàn thực phẩm; Cận lâm sàng (02): Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh, Khoa Dược. Bệnh viện đa khoa thuộc Trung tâm được xếp hạng 3 với 50 giường bệnh.

Trung tâm có 17 Trạm Y tế phường, xã: Phường 1, 2 ,3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, Tân Long; xã Tân Mỹ Chánh, Mỹ Phong, Trung An, Đạo Thạnh, Phước Thạnh, Thới Sơn.

Về trình độ chuyên môn, năm 2022, Trung tâm có: Thạc sĩ: 04; Bác sĩ: 40; Bác sĩ chuyên khoa 1: 18; Dược sĩ đại học: 10; Dược sĩ chuyên khoa 1: 02; Cử nhân đại học: 34; Cử nhân cao đẳng: 45; Trình độ khác: 105.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên tượng đài, bia lưu niệm (nghiên cứu, biên soạn thêm bia tưởng niệm, khu tưởng niệm, bia căm thù, bia mộ):**

Tượng đài:

Tượng đài là công trình xây dựng nhằm phục vụ yêu cầu ghi nhớ, tưởng niệm các sự kiện, các nhân vật lịch sử, được thể hiện bằng nghệ thuật điêu khắc kết hợp với nghệ thuật kiến trúc, ở những nơi công cộng, bằng các chất liệu bền vững, như đá, kim loại không gỉ, bê tông,…

1.Tượng đài Chiến thắng Tết Mậu Thân

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Tượng đài) + Sự kiện lịch sử (Tết Mậu Thân).

Sự kiện lịch sử:

Phát huy những thắng lợi to lớn của cách mạng miền Nam, nhất là từ sau thắng lợi mùa khô 1966 - 1967, tháng 5-1967, Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương chủ trương: "Gấp rút chuẩn bị mọi mặt, kịp thời nắm lấy thời cơ để giành thắng lợi, buộc Mỹ phải chịu thua về quân sự".

Tháng 12-1967, Bộ Chính trị họp và ra Nghị quyết: Động viên những nỗ lực lớn nhất của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ở cả hai miền, đưa cuộc chiến tranh cách mạng của ta lên một bước phát triển cao nhất, dùng phương pháp tổng công kích, tổng khởi nghĩa giành thắng lợi quyết định; kết hợp tiến công quân sự với tiến công chính trị và tiến công ngoại giao, trong đó, cuộc tiến công của các lực lượng vũ trang trên các chiến trường lớn và sự nổi dậy của nhân dân ở các đô thị lớn là hai mũi tiến công chính.

Thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị (12-1967) và Nghị quyết hội nghị lần thứ 14 (01-1968) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Tỉnh ủy Mỹ Tho, Thành ủy Mỹ Tho, Phân ban Tỉnh ủy Gò Công tổ chức và triển khai cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968 với phương châm vừa xây dựng lực lượng, vừa tấn công địch để tạo ra thế và lực mới. Thành phố Mỹ Tho được Khu ủy Khu 8 chọn làm trọng điểm chính trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy. Mục tiêu chủ yếu là thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, các huyện tự lực giải phóng.

Thắng lợi của quân và dân ta trong năm 1967 đã đẩy quân địch vào thế bị động, nhưng lực lượng của chúng vẫn còn đông. Tỉnh ủy Mỹ Tho và Thành ủy Mỹ Tho gấp rút xây dựng lực lượng, chuẩn bị mọi mặt cho cuộc tiến công và nổi dậy. Đảng bộ chú trọng xây dựng và phát triển lực lượng 3 thứ quân, bao gồm bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và du kích; đồng thời, ra sức xây dựng lực lượng chính trị của quần chúng. Phân ban Tỉnh ủy Gò Công tập trung phát động quần chúng xây dựng các cơ sở Đảng, nhất là chi bộ; phát triển các ban, ngành, đoàn thể và lực lượng vũ trang nhằm tấn công tiêu diệt, tiêu hao quân địch, phá rã thế kềm kẹp, bình định của địch.

24 giờ đêm Mùng 1 Tết Mậu Thân (tức đêm 29-01-1968), cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân bắt đầu.

Trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, quân dân Mỹ Tho và Gò Công đã tiêu diệt nhiều sinh lực địch, phá hủy hàng chục đồn bót, căn cứ quân sự và nhiều phương tiện chiến tranh của bọn chúng.

Cuộc tiến công và nổi dậy của quân dân Mỹ Tho - Gò Công trong Tết Mậu Thân năm 1968 đã góp phần vào thắng lợi chung của cả nước. Ta đã tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực của địch, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh, làm đảo lộn thế bố trí chiến lược của chúng. Đồng thời, ta đã tấn công quyết liệt vào các cơ quan đầu não của địch ở thị xã, thị trấn và hệ thống ấp chiến lược trong tỉnh, giải phóng một vùng nông thôn rộng lớn, tạo ra bước ngoặt quyết định cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc ta.

Thắng lợi của cuộc tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968 ở tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công và thành phố Mỹ Tho góp phần cùng cả nước làm thất bại chiến lược

"Chiến tranh cục bộ", làm lung lay ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, buộc Chính phủ Mỹ phải nhận rằng không thể dùng lực lượng quân đội viễn chinh Mỹ để thắng trong chiến tranh ở Việt Nam; đồng thời, buộc Mỹ phải xuống thang chiến tranh; chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền bắc; ngồi vào bàn đàm phán với ta ở Paris (Pháp) và sau đó phải rút quân Mỹ về nước, mở ra một cục diện mới trong công cuộc giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Tượng đài Tết Mậu Thân được khánh thành năm 1993 nằm trong Khuôn viên của Công viên Tết Mậu Thân (Giếng Nước), với diện tích hơn 50.000 m^2, tọa lạc tại nơi giao nhau giữa ba con đường Ấp Bắc, Tết Mậu Thân và Yersin ở Phường 4, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Tượng đài cao 13 m, rộng 4 m, đặt trên nền cao 1 m. Tượng được ghép bằng 15 tảng sa thạch có kích thước khác nhau (tảng lớn nhất có chiều dài 2 m, ngang 1,8 m, cao 1,7 m; tảng nhỏ nhất dài 0,5 m, ngang 0,6 m, cao 1,2 m). Tượng mô tả hình ảnh các chiến sĩ giải phóng quân, các chiến sĩ biệt động nội thành đang tiến công đánh chiếm thành phố Mỹ Tho trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân Tết Mậu Thân năm 1968.

Tượng có 3 mặt: Mặt trước tạc hình một chiến sĩ tay giương cao ngọn cờ hiên ngang trước hàng quân, thể hiện tinh thần dũng cảm tiên phong của lực lượng chủ lực của ta. Mặt bên phải thể hiện hình ảnh một chiến sĩ một tay cầm súng, một tay ném quả lựu vào quân địch, thể hiện sức mạnh chiến đấu và tính mưu trí khi đối diện với kẻ thù. Mặt bên trái thể hiện hình ảnh một chiến sĩ đang bị thương và được một chiến sĩ khác dìu đỡ, thể hiện ý trí sắt thép của người chiến sĩ dù mất mát, đau thương, khó khăn, gian khổ vẫn đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau vượt qua, một lòng chiến đấu để hoàn thành nhiệm vụ chung.

Tượng đài Chiến thắng Tết Mậu Thân được Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15/02/2000.

2. Tượng đài Nguyễn Hữu Huân

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Tượng đài) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Hữu Huân).

Tiểu sử danh nhân:

Nguyễn Hữu Huân, còn gọi là Thủ khoa Huân, sinh năm 1830 tại thôn Tịnh Giang, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường (nay là xã Hòa Tịnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang).

Thuở nhỏ, ông nổi tiếng hiếu học và học giỏi. Năm 1852, ông đỗ thủ khoa kỳ thi tại trường thi Hương Gia Định, nên được gọi là Thủ khoa Huân. Sau đó, ông ra làm quan, được bổ làm Giáo thọ (chức quan trông coi giáo dục ở cấp "phủ") phủ Kiến An.

Sau khi giặc Pháp hạ thành Gia Định (tháng 2-1859); giữa năm 1859, ông hợp lực với Võ Duy Dương chiêu mộ nghĩa dũng, phất cờ khởi nghĩa. Lúc bấy giờ, ông được triều đình phong chức Phó Quản đạo.

Tháng 7-1862, ông đến căn cứ Tân Hòa (Gò Công) bàn việc thống nhất lực lượng nghĩa quân với Trương Định nhằm nâng cao sức mạnh chiến đấu chống giặc Pháp xâm lược. Tại đây, ông nhận chức Phó Đề đốc do vua Tự Đức ban cho.

Tháng 2-1863, sau khi căn cứ Tân Hòa thất thủ, ông về Chợ Gạo, xây dựng căn cứ Bình Cách (nay là xã Tân Bình Thạnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang). Từ căn cứ này, dưới sự chỉ huy của ông, nghĩa quân đã tỏa ra đánh quân Pháp ở Mỹ Quý (nay thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang), Thuộc Nhiêu (nay thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang), Mỹ Tho, Chợ Gạo,…

Giữa năm 1863, giặc Pháp tấn công căn cứ Bình Cách. Nghĩa quân đã chiến đấu vô cùng anh dũng, khiến bọn chúng phải khó khăn lắm mới phá vỡ được căn cứ này. Để bảo toàn lực lượng, ông cho nghĩa quân rút qua Thuộc Nhiêu, tiếp tục cuộc chiến đấu. Nghĩa quân đã liên tiếp mở nhiều cuộc tấn công vào Cái Thia, Cái Bè, Cai Lậy, Rạch Gầm, Trung Lương, Tân Lý (nay thuộc tỉnh Tiền Giang),…

Cuối năm 1863, thực dân Pháp huy động lực lượng lớn tấn công Thuộc Nhiêu. Nghĩa quân phải rút vào Đồng Tháp Mười, xây dựng căn cứ mới. Theo sự phân công giữa ông với Võ Duy Dương; ông sang An Giang - nơi còn thuộc quyền kiểm soát của triều đình - để tuyển mộ nghĩa quân và vận động nhân dân, kể cả triều đình, ủng hộ, đóng góp tiền của, vũ khí, lương thực cho cuộc kháng chiến.

Thế nhưng, do áp lực của thực dân Pháp, tháng 7-1864, quan Tổng đốc An Giang là Phan Khắc Thận đã nhu nhược bắt ông giao nộp cho quân giặc. Một tháng sau, ông bị chính quyền thực dân kết án 10 năm tù, đày đi Cayenne,Trung Mỹ (có tài liệu viết ông bị đày ở đảo Réunion, đông nam châu Phi)

Tháng 2-1869, sau 5 năm bị giam trong ngục tù ở hải ngoại, ông được thả về nước và bị quản thúc tại nhà của Đỗ Hữu Phương ở Chợ Lớn. Tại đây, Đỗ Hữu Phương vâng lệnh quan thầy ra sức mua chuộc, dụ dỗ ông. Nhưng, ông vẫn một lòng một dạ trung thành với đất nước và nhân dân. Không những thế, ông còn tìm cách liên lạc với những người yêu nước và mưu tính phát động một cuộc khởi nghĩa mới.

Năm 1872, ông trốn thoát về Mỹ Tho, Chợ Gạo; cùng với Âu Dương Lân nổi lên khởi nghĩa với lực lượng nghĩa quân lên đến 3.000 người. Từ đây, phong trào chống Pháp do ông đứng đầu lan tỏa mạnh mẽ khắp vùng Mỹ Tho, Chợ Gạo, Cai Lậy, Tân An (nay thuộc tỉnh Long An), Chợ Lớn (nay thuộc TP Hồ Chí Minh),… Thủ lĩnh ở nhiều nơi cũng tham gia phong trào, như Nguyễn Văn Chất ở Vĩnh Long, Lê Công Thành, Phan Văn Đồng, Lâm Lễ ở Cần Thơ, Long Xuyên (nay thuộc tỉnh An Giang),… Một hệ thống chính quyền kháng chiến được xây dựng tại nhiều thôn xã, nhất là ở Mỹ Tho và Chợ Gạo.

Trước sự lớn mạnh của nghĩa quân, cuối năm 1874, thực dân Pháp huy động một lực lượng hùng hậu, từ nhiều hướng tấn công căn cứ Bình Cách. Nghĩa quân kháng cự vô cùng quyết liệt; nhưng do thế giặc quá mạnh, sau đó phải tan rã. Ông bị sa vào tay giặc. Bọn chúng giam ông ở nhà ngục Mỹ Tho; hết tra tấn dã man lại giở trò mua chuộc; nhưng vẫn không làm lung lay khí tiết của một đấng trượng phu anh hùng.

Tên Chánh tham biện Mỹ Tho là De Gailland chiêu hàng không thành, đã kết án và tử hình ông ngày 15-4 năm Ất Hợi (19-5-1875) tại chợ Tịnh Hà (nay thuộc xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo). Trước lúc hy sinh vì nghĩa lớn của dân tộc, ông vẫn lạc quan sáng tác thơ và hai câu liễn tuyệt mạng, tỏ rõ ý chí kiên cường, bất khuất của mình.

Hiện nay, đền thờ và lăng mộ của ông đã được công nhận Di tích lịch sử cấp quốc gia năm 1987, tọa lạc tại xã Hòa Tịnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Tên Nguyễn Hữu Huân (hay Thủ khoa Huân) được đặt tên đường phố và trường học tại nhiều tỉnh, thành trên cả nước.

Tượng đài Nguyễn Hữu Huân được khánh thành năm 1985, do nhà điêu khắc Nguyễn Hải tạo mẫu, chủ đề của bức tượng phản ánh tư thế hiên ngang, bất khuất, lẫm liệt của nhà yêu nước Nguyễn Hữu Huân, phần đế cao 3 m được làm bằng bê tông cốt thép ốp đá, diện tích đế 64m², phần tượng cao 10 m được tạc bằng đá hoa cương, tọa lạc tại công viên Lạc Hồng, góc đường 30 tháng 4 và đường Trưng Trắc, Phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Tượng đài Nguyễn Hữu Huân được xếp hạng Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15/02/2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

*** Bia lưu niệm (Nghiên cứu, biên soạn thêm: Bia tưởng niệm, Khu tưởng niệm, bia căm thù, bia mộ):**

Bia lưu niệm/tưởng niệm:

Bia lưu niệm/tưởng niệm là vật được tạo tác dạng hình phiến dẹp có mặt phẳng, thường được làm bằng đá, kim loại, gỗ, bê tông cốt thép,… với kích thước thường có chiều cao lớn hơn chiều rộng, được dựng lên để lưu niệm/tưởng niệm danh nhân, sự kiện lịch sử, tổ chức chính trị - xã hội,…

1. Bia lưu niệm căn cứ Thành đội Mỹ Tho

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bia lưu niệm) + Địa danh lịch sử (căn cứ Thành đội Mỹ Tho).

Địa danh lịch sử:

Trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Ban chỉ huy Thành đội Mỹ Tho đã xây dựng căn cứ "lòng dân" ở Ấp 5, xã Đạo Thạnh. Căn cứ Thành đội được nhân dân đùm bọc, che chở và đã lập nên những chiến công vang dội. Năm 1994, quân dân thành phố Mỹ Tho được Nhà nước phong tặng danh hiệu "Anh hùng lực lượng vũ trang".

Bia lưu niệm căn cứ Thành đội Mỹ Tho, do nghệ nhân ưu tú Trần Văn Trầm tạo mẫu, được xây dựng tại địa phận Ấp 5, xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang vào năm 1995. Bia lưu niệm Thành đội Mỹ Tho được xây dựng trong khuôn viên khoảng 3.400 m², trên nền cao khoảng 1 m. Cấu trúc bia có hình ảnh nòng súng và mũi gươm nhọn, cao hơn 5 m chỉ thẳng lên trời, trên nền cờ đỏ sao vàng, tượng trưng cho sức mạnh chiến của quân và dân thành phố Mỹ Tho trong công cuộc giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Trên nền lá cờ cách điệu có dòng chữ "Bia Lưu niệm căn cứ của Thành đội Mỹ Tho".

Bia lưu niệm căn cứ Thành đội Mỹ Tho nằm trong khuôn viên Di tích Căn cứ Thành đội Mỹ Tho được Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15/02/2000.

2. Bia lưu niệm căn cứ Thành ủy Mỹ Tho

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bia lưu niệm) + Địa danh lịch sử (Căn cứ Thành ủy Mỹ Tho).

Địa danh lịch sử:

Hóc Đùng là địa danh xưa, nay thuộc xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho. Theo tác giả Lê Trung Hoa trong quyển Địa danh ở Thành phố Hồ Chí Minh, hóc là dạng cổ của từ "hói", là "dòng nước nhỏ"; là con rạch nhỏ, hẻm hóc. Đùng: có nghĩa là dồn lại, ngoằn ngoèo. Hóc Đùng có tên chữ Hán được ghi trong quyển Gia Định thành thông chí của Trịnh Hoài Đức là "Húc Đồng". Tại đây, có một con rạch đổ ra kinh Bảo Định, tạo nên một vùng nước xoáy, đùn lại với nhau, nên từ đó có địa danh Hóc Đùng và rạch Hóc Đùng.

Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975), từ cuối năm 1967, Hóc Đùng là căn cứ của Thành ủy Mỹ Tho. Căn cứ Hóc Đùng được bao bọc, che chở bởi những vườn cây um tùm, mà nhiều nhất là mận Hồng Đào. Tại đây, đội kích xã Đạo Thạnh đã đào hào chiến đấu; gài lựu đạn, mìn; bố trí hầm chông, dựng bảng tử địa,… để bảo vệ căn cứ. Căn cứ Hóc Đùng còn là nơi đứng chân của lực lượng vũ trang tỉnh Mỹ Tho (tiểu đoàn 514), của Quân khu 8 (hai trung đoàn 24 và 88; ba tiểu đoàn 261A, 261B và 263; đội đặc công 70B).

Do đó, Hóc Đùng được xem là "vùng oanh kích tự do" của quân đội Sài Gòn. Các lực lượng của địch đã nhiều tấn công vào đây, nhưng tất cả đều bị đánh bại bởi Nhân dân xã Đạo Thạnh, vốn có lòng yêu nước nồng nàn, tinh thần đấu tranh bất khuất, đã một lòng đi theo Đảng và cách mạng, ra sức bảo vệ căn cứ, nuôi giấu, đùm bọc, che chở cán bộ, đảng viên Thành ủy Mỹ Tho.

Hóc Đùng là bàn đạp chiến lược để từ đây những đoàn quân giải phóng xuất kích tấn công vào tận hang ổ kẻ thù trên địa bàn thành phố Mỹ Tho trong cuộc tổng tấn công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 và trong Chiến dịch Hồ Chí Minh mùa Xuân 1975, góp phần giải phóng miền Nam, thống nhất nhất đất nước. Hiện nay, tại đây, có Bia lưu niệm căn cứ Thành ủy Mỹ Tho và Bia lưu niệm Thành đội Mỹ Tho ghi dấu một thời oanh liệt của Hóc Đùng trong kháng chiến để giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước.

Bia lưu niệm căn cứ Thành ủy Mỹ Tho thời chống Mỹ, do nghệ nhân ưu tú Trần Văn Trầm tạo mẫu, được xây dựng tại Ấp 3A, xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang vào năm 1994. Bia được xây dựng trong khuôn viên khoảng 1.400 m², trên nền cao khoảng 1 m. Cấu trúc bia có hình ảnh thanh gươm cao hơn 5 m chỉ thẳng lên trời đã tượng trưng cho sức mạnh hào hùng chiến đấu của quân dân thành phố. Phía sau thanh gươm là hình lá cờ Đảng đỏ thắm. Trên nền lá cờ có in dòng chữ "Bia lưu niệm căn cứ của Thành ủy Mỹ Tho thời kỳ chống Mỹ". Bên dưới lưỡi gươm là họa tiết chạm khắc chùm mận hồng đào, vốn là loại trái cây đặc sản của địa phương trước đây; và những chiếc hầm lớn nhỏ đã bảo vệ những chiến sĩ trong khi chiến đấu chống lại kẻ thù.

Văn bia của Bia lưu niệm căn cứ Thành ủy Mỹ Tho có ghi chi tiết: "*Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước, nơi đây là căn cứ của Thành ủy Mỹ Tho. Được sự yêu thương, giúp đỡ và đùm bọc của nhân dân, lực lương An ninh vũ trang kết hợp với bộ đội địa phương và dân quân tự vệ đã mưu trí, dũng cảm chiến đấu bảo vệ an toàn căn cứ của Thành ủy Mỹ Tho. Dưới sự lãnh đạo của Thành ủy Mỹ Tho, quân và dân thành phố Mỹ tho đã anh dũng tiến công địch bằng ba mũi giáp công: chính trị, quân sự, binh vận để mở mảng chuyển vùng, tạo thế đứng chân cho bộ đội chủ lực tiến công giải phóng thành phố Mỹ Tho, góp phần giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước".*

Bia lưu niệm căn cứ Thành ủy Mỹ Tho nằm trong khuôn viên Di tích Căn cứ Thành ủy Mỹ Tho được Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15/02/2000.

3. Bia lưu niệm "Trận đánh Bờ Cộ"

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bia lưu niệm) + Sự kiện lịch sử (Trận đánh Bờ Cộ). Bờ là đường đi hẹp, bằng đất, dọc theo bờ ruộng; Cộ là xe không có bánh, do trâu bò kéo, trượt trên đất phẳng hay trên bùn ướt để vận chuyển nông sản hoặc nông cụ.

Bia lưu niệm "Trận đánh Bờ Cộ" tọa lạc tại xã Phước Thạnh, thành phố Mỹ Tho.

10 giờ sáng ngày 07/02/1968, Lữ đoàn 2 thuộc Sư đoàn 9 Mỹ được hai chi đoàn xe bọc thép M.113 (khoảng 20 chiếc), không quân (máy bay trực thăng và máy bay cường kích), pháo binh yểm trợ ồ ạt tấn công vào nơi đóng quân của hai tiểu đoàn 263 và 265 quân giải phóng tại Bờ Cộ (nay thuộc ấp Long Hưng, xã Phước Thạnh, thành phố Mỹ Tho).

Mặc dù cường độ hỏa lực của địch từ máy bay, xe bọc thép, pháo binh và bộ binh rất mạnh mẽ, nhưng các chiến quân giải phóng đã bình tĩnh, kiên cường bám trụ, dũng cảm, mưu trí đánh địch, giữ vững trận địa, gây cho chúng nhiều thiệt hại. Bị tổn thất nặng nề, địch điên cuồng cho máy bay cường kích ném bom xăng, bom hơi ngạt và nhiều loại bom khác có tính sát thương cao vào ven vườn cặp theo rạch Bến Chùa gây thiệt hại nặng về người và nhà ở của nhân dân (tử vong 11 người, cháy và sập 18 căn nhà). Đến chiều tối cùng ngày, do bị thất bại, địch buộc phải rút quân.

Với trận đánh Bờ Cộ, bộ đội ta đã bắn cháy, bắn hư 7 xe bọc thép M.113, bắn rơi 2 máy bay trực thăng, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, làm chùn bước các cuộc hành quân phản kích của địch trong khi lực lượng vũ trang cách mạng đang bám vùng ven thành phố Mỹ Tho.

Nhằm tưởng nhớ đến công lao của bộ đội hy sinh và nhân dân tử nạn trong trận đánh, hằng năm, cứ vào ngày mùng 10 tháng giêng âm lịch, nhân dân tại khu vực Bờ Cộ, ấp Long Hưng tự vận động, đóng góp tổ chức giỗ hội rất trang trọng nhằm tri ân các liệt sĩ đã vì nước hy sinh trong công cuộc giải phóng miền Nam.

Địa điểm trận đánh Bờ Cộ được Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 2271/QĐ-UBND, ngày 17/7/2019.

Bia lưu niệm "Trận đánh Bờ Cộ" cao khoảng 3 m, rộng khoảng 2 m, đế bia được làm bằng đá hoa cương, thân bia làm bằng xi măng cốt thép chạm nổi hình ảnh 3 chiến sĩ quân giải phóng trong tư thế chiến đấu (1 chiến sĩ cầm cờ đỏ sao vàng, 1 chiến sĩ cầm súng tiểu liên AK47 và lựu đạn, 1 chiến sĩ cầm súng chống tăng B40), phía dưới chân các chiến sĩ là hình ảnh lính Mỹ bị tiêu diệt, xe bọc thép, máy bay trực thăng địch bị bắn cháy.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên công viên/vườn hoa, rạp hát:**

Công viên/Vườn hoa:

Khái niệm:

- Công viên là khu vực được trồng cây xanh tập trung trong một diện tích đất lớn nhằm mục đích phục vụ công cộng, là nơi sinh hoạt ngoài trời, nghỉ ngơi, thư giãn, vui chơi, giải trí, tập luyện thể dục, nơi tổ chức các hoạt động văn hóa - xã hội đáp ứng nhu cầu của nhân dân. Ngoài cây xanh, công viên còn có các công trình kiến trúc và công trình hạ tầng kỹ thuật đồng bộ. Phạm vi quản lý một công viên bao gồm diện tích bên trong công viên và vỉa hè của công viên đó.

- Vườn hoa: Loại công viên hoặc vườn nhỏ ở đô thị trong đó có trồng nhiều hoa. Có thể đứng độc lập hoặc gắn với công trình kiến trúc, có tác dụng tăng thẩm mỹ cho cảnh quan đô thị.

Thành phố Mỹ Tho:

1. Công viên Căn cứ Thành đội Mỹ Tho

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Công viên) + Địa danh lịch sử (Căn cứ Thành đội Mỹ Tho).

Công viên được khánh thành năm 1995, cải tạo năm 2018, tọa lạc tại Ấp 5, xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, có diện tích khoảng 3.400 m².

Công viên có nền cỏ lá gừng, hoa và các loại cây lá màu; cây trồng chậu; vỉa hè, lối đi lát gạch Tezzaro; thiết bị tập thể dục, ghế đá, đèn trang trí, hệ thống điện nước; bia lưu niệm căn cứ Thành đội Mỹ Tho[26].

2. Công viên Căn cứ Thành ủy Mỹ Tho

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Công viên) + Địa danh lịch sử (Căn cứ Thành ủy Mỹ Tho).

Công viên được khánh thành năm 1994, cải tạo năm 2018, tọa lạc tại Ấp 3A, xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, có diện tích khoảng 1.400 m².

Công viên có nền cỏ lá gừng, hoa và các loại cây lá màu; cây trồng chậu; vỉa hè, lối đi lát gạch Tezzaro; thiết bị tập thể dục, ghế đá, đèn trang trí, hệ thống điện nước; bia lưu niệm căn cứ Thành ủy Mỹ Tho[27].

3. Công viên/Vườn hoa Lạc Hồng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Công viên/Vườn hoa) + Truyền thuyết về nguồn gốc của dân tộc (Lạc Hồng).

Về khái niệm "Lạc", theo sách *Lĩnh Nam chích quái* (tác giả: Trần Thế Pháp; nhuận chính: Vũ Quỳnh - Kiều Phú; phiên dịch: Đinh Gia Khánh - Nguyễn Ngọc San, NXB Trẻ và NXB Hồng Bàng ấn hành năm 2016), cháu ba đời họ Viêm Đế Thần Nông là Đế Minh. Đế Minh sinh ra Đế Nghi. Sau đó, Đế Minh đi tuần thú phương Nam, tới miền Ngũ Lĩnh, gặp con gái bà Vụ Tiên, đem lòng yêu thích, lấy về, sinh ra Lộc Tục có dung mạo đoan chính, sớm tỏ ra thông minh, nhanh nhẹn. Đế Minh thấy thế lấy làm lạ, cho nối ngôi vua, nhưng Lộc Tục nhường cho anh là Đế Nghi, không dám vâng mệnh. Đế Minh vì vậy lập Đế Nghi thay mình cai trị đất Bắc, phong cho Lộc Tục làm Kinh Dương Vương cai trị phương Nam, lấy hiệu nước là Xích Quỷ. Kinh Dương Vương lấy con gái của Động Đình Quân là Long Nữ, sinh ra Sùng Lãm, ấy là Lạc Long Quân, thay cha trị nước. Lạc Long Quân kết hôn với Âu Cơ. Như vậy, Rồng chỉ Lạc Long Quân và Tiên chỉ Âu Cơ.

Về khái niệm "Hồng", vẫn theo sách *Lĩnh Nam chích quái*, trong truyện Hồng Bàng thị (họ Hồng Bàng) giải thích, người Việt chúng ta thuộc họ ấy. Chữ Hồng xuất phát từ Hồng Bàng.

Như vậy, theo truyền thuyết, khái niệm "Lạc Hồng" là để chỉ người Việt thuộc dòng dõi Lạc Long Quân và Âu Cơ. Từ đó, có thành ngữ "Con Lạc cháu Hồng" với hàm nghĩa lòng yêu nước và niềm tự hào dân tộc.

---

[26] Xin xem mục từ: Bia lưu niệm căn cứ Thành đội Mỹ Tho tại Nội dung 8. Công việc 27: Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên tượng đài, bia lưu niệm.

[27] Xin xem mục từ: Bia lưu niệm căn cứ Thành ủy Mỹ Tho tại Nội dung 8. Công việc 27: Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên tượng đài, bia lưu niệm.

Công viên/Vườn hoa Lạc Hồng được hình thành năm 1958, sau khi ga xe lửa Mỹ Tho bị dỡ bỏ, sát bờ sông Tiền. Trong quá trình phát triển, công viên/vườn hoa Lạc Hồng là một trong những cảnh đẹp của Mỹ Tho, được thi ca mô tả:

Mỹ Tho có bến Lạc Hồng,

Hoa xinh người đẹp, mặn mà phô duyên.

Ngẩn ngơ du khách triền miên,

Tưởng chừng lạc bước Đào Nguyên[28] *thuở nào.*

Không chỉ thế, công viên vườn hoa Lạc Hồng còn có ý nghĩa sâu xa về tinh thần đấu tranh bất khuất, kiên cường của các vị tiền nhân và tương lai sáng ngời của dân tộc về một Việt Nam hùng cường và trường tồn cùng với hồn thiêng sông núi:

Viếng thăm vườn cảnh Lạc Hồng,

Màu hoa thắm đượm say lòng.

Sông nước Cửu Long hừng chí,

Cồn Rồng gợi nhớ Thủ khoa Huân.

Rạch Miễu gương trong Mai[29] *ẩn sĩ,*

Về đây bạn, dạo chơi đất Mỹ.

Ngắm Lạc Hồng, chạnh nghĩ nước non ta,

Dòng Tiên Rồng, nòi Hồng Lạc cao xa.

Nền văn hiến, bốn ngàn năm chói rạng,

Về đây bạn, Lạc Hồng vườn hoa thắm.

Ủ ấp lòng say đắm mộng phi đằng,

Thanh niên vượt tiến, hùng cường.

Vinh quang nòi Việt, trường tồn non sông.

Hiện nay, công viên/vườn hoa Lạc Hồng có diện tích khoảng 6.200 m², tọa lạc tại đường 30 tháng 4, Phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang; hệ thực vật gồm có cây thân gỗ (bằng lăng, phượng vỹ, đa, dương, lim xẹt,…); cây tạo hình và hoa (cau kiểng, hoa giấy,…); các loại cây lá màu và thảm cỏ,… Đồng thời, công viên còn có ghế

[28] Điển tích văn học *Đào Nguyên* hay *Đào Hoa Nguyên*, lấy từ tác phẩm văn học *Đào hoa nguyên ký* của Đào Tiềm (? - 427), một nhà thơ lớn của Trung Quốc, chỉ nơi cảnh đẹp.

[29] Mai ẩn sĩ: Chỉ chiến sĩ cộng sản Mai Văn Ngọc, còn gọi là Mai Bạch Ngọc (1882-1932), quê ở xã Vĩnh Kim, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Ông nổi tiếng là người yêu nước, có chí khí, thông thái, có tài văn chương và không màng danh lợi, được nhiều người kính nể, cung hiến toàn bộ tài sản, kể cả sinh mạng của mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc.

đá; thiết bị tập thể dục; đèn trang trí; hệ thống điện nước; vỉa hè,… Tại đây còn có tượng đài Thủ khoa Nguyễn Hữu Huân được tạo tác bằng đá hoa cương[30].

4. Công viên Khu dân cư Mỹ Thạnh Hưng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Công viên) + Tên địa bàn cư trú mang yếu tố Hán Việt (Khu dân cư Mỹ Thạnh Hưng: Mỹ: 美: Tốt, đẹp; Thạnh: 盛: Thịnh vượng, tươi tốt, phồn vinh; Hưng: 興: Hưng thịnh).

Công viên khánh thành năm 2004 tọa lạc tại Khu dân cư Mỹ Thạnh Hưng, Phường 6, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Công viên có nền cỏ lá gừng, hoa và các loại cây lá màu; cây thân gỗ có xà cừ, dương, bằng lăng, phượng; vỉa hè, lối đi lát gạch Tezzaro; thiết bị tập thể dục, ghế đá, đèn trang trí, hệ thống điện nước;…

5. Công viên Bờ kè sông Tiền

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Công viên) + Công trình xây dựng và địa hình thiên nhiên (Bờ kè) + Địa hình thiên nhiên (Sông Tiền).

Công viên được khánh thành năm 2011, cải tạo năm 2018, nằm dọc theo bờ kè sông Tiền thuộc Phường 4 và Phường 6, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Công viên có nền cỏ lá gừng, hoa và các loại cây lá màu; cây thân gỗ có xà cừ, dương, sao, bằng lăng, phượng vỹ; vỉa hè, lối đi lát gạch Tezzaro; thiết bị tập thể dục, ghế đá, đài phun nước, đèn trang trí, hệ thống điện nước;… Tại đây còn có Cảng du thuyền Mỹ Tho.

6. Công viên Tết Mậu Thân

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Công viên) + Sự kiện lịch sử (Tết Mậu Thân[31]).

Công viên được khánh thành năm 1985 nhân kỷ niệm 10 năm giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, cải tạo năm 1999 và năm 2021, có diện tích khoảng 50.000 m^2, tọa lạc giữa các đường Ấp Bắc, Tết Mậu Thân, Lý Thường Kiệt, Lê Thị Hồng Gấm, Yersin ở Phường 4, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Công viên có nền cỏ lá gừng, hoa và cây lá màu các loại; cây tạo dáng có cau kiểng, sứ trắng, trúc, tre,…; cây thân gỗ có xà cừ, dương, bằng lăng, phượng vỹ, đa, si, hoa sữa, me tây,…; vỉa hè, lối đi lát gạch Tezzaro; thiết bị tập thể dục, ghế đá, đèn trang trí, đài

[30] Xin xem Nội dung 8. Công việc 27: Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên tượng đài, bia lưu niệm.

[31] Xin xem mục từ: Tượng đài Tết Mậu Thân tại Nội dung 8. Công việc 27: Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên tượng đài, bia lưu niệm.

phun nước, hệ thống điện nước,… Đặc biệt, tại đây có Nhà bia liệt sĩ, Giếng Nước Lớn, Giếng nước nhỏ[32] và tượng đài Tết Mậu Thân[33].

*** Rạp hát:**

Khái niệm:

Rạp hát là nơi để biểu diễn các tác phẩm âm nhạc, sân khấu (kịch, cải lương, chèo, tuồng,…), điện ảnh,…

1. Rạp Cinestar Mỹ Tho

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Rạp hát) + Danh từ Tiếng Anh (Cinestar: Rạp chiếu phim) + Địa danh Việt gốc Khmer (Mê so: gọi trại thành Mỹ Tho, có nghĩa là "Cô gái trắng trẻo").

Nguồn gốc của rạp này là rạp hát cải lương Huỳnh Kỳ của Lê Công Phước (còn gọi là George Phước hay Bạch Công Tử). Ông là con trai của Đốc phủ Lê Công Sủng, người làng Điều Hòa, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho (nay là các Phường 1, 2, 4, 7, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang), từng đi du học tại Pháp.

Ông là người rất đam mê nghệ thuật cải lương. Vì thế, khoảng năm 1926, sau khi học ở Pháp về, ông cùng với ông Nguyễn Ngọc Cương lập gánh hát Phước Cương (tên ghép của hai người). Gánh hát quy tụ được rất nhiều đào kép nổi tiếng thời bấy giờ như Năm Phỉ, Tám Danh, Tám Mẹo,... Nhưng chỉ một năm sau, ông tách ra và xuất vốn, quy tụ diễn viên, thành lập gánh cải lương Huỳnh Kỳ. Sau đó, đổi tên là Huỳnh Kỳ - Phùng Há. Gánh bao gồm những diễn viên nổi tiếng, như Phùng Há, Năm Thiện, Ba Thiện, Ba Thâu, Ba Duy, Ba Đồng, Chín Móm, Năm Kiệt, Hai Sự, Tư Long, Hai Nữ, Tư Bé, Tư Hélène,… Đây là gánh cải lương có quy mô lớn với cô đào nổi tiếng Phùng Há cũng chính là vợ của ông.

Đồng thời, ông cũng cho xây dựng một rạp hát, cũng có tên Huỳnh Kỳ, để làm nơi gánh biểu diễn thường trực. Rạp hát này nằm ở bên cạnh ngôi nhà của ông tại khu vực Chợ Cũ Mỹ Tho. Ông còn sắm ba chiếc ghe máy được trang bị đầy đủ để làm phương tiện di chuyển cho gánh mỗi khi gánh đi lưu diễn; trong đó, chiếc ghe đi đầu chở ông và người vợ là Phùng Há, có lầu, phía trước có cột cờ và treo cờ vàng, biểu tượng của gánh Huỳnh Kỳ; chiếc ghe thứ hai chở đào kép (diễn viên), được ngăn thành nhiều phòng, nhiều ô cửa sổ, có bếp ăn, chỗ vệ sinh; chiếc ghe thứ ba chở thầy đờn, nhân viên phục vụ và cả một đội bóng đá. Mỗi lần ba chiếc ghe tách bến, để tạo khí thế, ông cho trương cờ hiệu của gánh cải lương có màu vàng (huỳnh kỳ) lên; rồi cho đốt pháo vang dội. Tiếp theo, tiếng còi của ba chiếc ghe rúc lên inh ỏi; và ông bắn chỉ thiên vài phát súng lục, ra lệnh cho toàn gánh khởi hành.

---

[32] Xin xem mục từ Giếng Nước tại Nội dung 5. Công việc 1: Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn địa danh ao, bãi tắm, bàu, bến, bưng, hồ/giếng nước.

[33] Xin xem mục từ: Tượng đài Tết Mậu Thân tại Nội dung 8. Công việc 27: Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên tượng đài, bia lưu niệm.

Sau khi đến địa điểm biểu diễn, ông cho đào kép từ dưới ghe lên bờ đứng xếp hàng và bắt tay xã giao với chính quyền sở tại. Sau đó, các đào kép hát bản Đoàn ca, cờ vàng được kéo lên và ông lại lấy súng lục ra đưa lên trời nổ liền mấy phát. Tiếp theo, trong lúc đào kép lo chuẩn bị cho đêm diễn thì đội bóng đá thi đấu giao hữu với đội bóng đá của địa phương, với mục đích quảng cáo, thu hút khán giả đến tối đi xem hát. Nhờ lưu diễn bằng ghe nên gánh cải lương Huỳnh Kỳ có điều kiện đến những quê xa xôi để biểu diễn, phục vụ công chúng. Và khi gánh dời đi nơi khác, ông lại cho kéo cờ vàng, đốt pháo và rút súng lục ra bắn. Khán giả đứng chen trên bờ vẫy tay chào tạm biệt.

Vở diễn nổi tiếng của gánh là vở cải lương thuộc chủ đề dã sử Trung Hoa (tuồng Tàu) mang tên "*Giọt máu chung tình*" của soạn giả Nguyễn Công Mạnh. Trong vở này, Phùng Há thủ vai Bạch Thu Hà, Năm Thiên thủ vai Võ Đông Sơ, Ba Thâu thủ vai Triệu Tuấn. Kịch bản hay cộng với tài diễn xuất của các diễn viên, nên gánh Huỳnh Kỳ đã tạo nên không khí sôi động ở những nơi gánh biểu diễn, nhất là ở Sài Gòn. Trong hồi ký *Nổi trôi trong ánh đèn màu*, nghệ sĩ Bảy Nhiêu cho biết: "*Đến 3 giờ chiều, vé các hạng của gánh Huỳnh Kỳ đều hết. Nhiều người thất vọng đón buổi tối để mua cho được vé đêm mai*". Ngoài ra, gánh còn có những vở khác, không kém nổi tiếng thuộc đề tài lịch sử Việt Nam, như *Trần Hưng Đạo bình Nguyên, Võ Tánh tử tiết,…*

Năm 1930, cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới xảy ra và tác động sâu sắc đến xã hội Việt Nam. Đời sống của nhân dân trở nên hết sức khó khăn. Nhiều gánh cải lương khó lòng đứng vững, phải giải tán. Gánh Huỳnh Kỳ cũng nằm trong tình cảnh đó. Sau đó, đến khoảng năm 1935, ông cho lập lại gánh; nhưng không gây được tiếng vang, chỉ hoạt động trong một khoảng thời gian ngắn rồi phải giải thể.

Do bị phá sản, ông bán ngôi nhà và rạp hát cho ông Lê Ngọc Chiếu, một thương gia giàu có ở Mỹ Tho. Vì vậy, rạp Huỳnh Kỳ được đổi tên thành Lê Ngọc. Năm 1963, ông Chiếu bán rạp hát lại cho người khác. Rạp Lê Ngọc được đổi tên thành rạp Viễn Trường, rồi Tân Viễn Trường. Rạp vừa là rạp hát cải lương, vừa là rạp chiếu phim.

Đến đầu thập niên 1980, rạp được đổi tên thành Mỹ Tho. Sau đó, vào giữa thập niên 1990, do nghệ thuật cải lương ngày càng ít khán giả và phim vidéo gia đình trở nên phổ biến, rạp phải dừng hoạt động và xuống cấp trầm trọng. Năm 2006, doanh nghiệp Thành Nghĩa thuê đất, phá bỏ rạp hát và xây mới thành siêu thị sách Thành Nghĩa.

Năm 2019, doanh nghiệp Cinestar thuê đất, dỡ bỏ siêu thị sách, xây dựng thành rạp chiếu phim mang tên Cinestar Mỹ Tho. Rạp này nằm ở đường Đinh Bộ Lĩnh, Phường 2, thành phố Mỹ Tho, được xây dựng với tiêu chuẩn rạp Hollywood (Hoa Kỳ), chuẩn âm thanh Dolby 7.1, màn hình lớn, sắc nét, với 5 rạp chiếu phim đạt tiêu chuẩn quốc tế có sức chứa trên 800 chỗ ngồi (trong đó, có 1 phòng chiếu VIP cao cấp), chiếu đầy đủ các định dạng phim 2D/3D. Ngoài ra, Cinestar Mỹ Tho còn có khu vui chơi dành cho trẻ em và nhà hàng ẩm thực có tên Món ngon Mỹ Tho.

2. Rạp Định Tường

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Rạp hát) + Địa danh hành chính (Trấn Định Tường: 1808-1832, tỉnh Định Tường: 1832-1861, tỉnh Định Tường: cách gọi của chính quyền Sài Gòn từ năm 1955 đến ngày 30/4/1975).

Rạp Định Tường được ra đời vào cuối thập niên 1950, chuyên chiếu phim, tọa lạc trên đường Trưng Trắc, Phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Hiện nay, do sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ viễn thông và Internet, rạp hoạt động không thường xuyên.

3. Rạp hát Thầy Năm Tú

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Rạp hát) + Danh xưng chỉ người có học thức vào đầu thế kỷ XX (Thầy) + Thứ và tên người (Năm Tú).

Thầy Năm Tú hay Pierre Tú tên thật là Châu Văn Tú, chưa rõ năm sinh năm mất, người làng Vĩnh Kim, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Vĩnh Kim, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang). Ông xuất thân từ một gia đình hào phú, là người Việt đầu tiên mua xe hơi ở nước ta (1907).

Vốn sinh ra ở vùng đất có truyền thống âm nhạc, nên ông rất say mê nghệ thuật. Năm 1905, ông xây dựng tại chợ Mỹ Tho rạp chiếu phim có tên gọi là Cinéma Théâtra (hiện nay tọa lạc ở ngả ba đường Lý Công Uẩn và đường Nguyễn Huệ, Phường 1, thành phố Mỹ Tho). Năm 1917, ông xuất tiền mua lại gánh "Xiếc và Ca ra bộ An Nam Trẻ" của André Thận do ông này kinh doanh nghệ thuật bị thua lỗ; và thành lập gánh hát thầy Năm Tú.

Để gánh hát có quy mô lớn, ông đã tuyển thêm đào kép mới, thuê họa sĩ vẽ tranh phong cảnh để làm phông (fond), phỏng theo lối trang trí của các rạp hát Tây ở Sài Gòn và mua sắm y phục đẹp cho đào kép. Đồng thời, ông còn mời Trương Duy Toản, một nhà Nho yêu nước, từng hoạt động trong phong trào Duy Tân, soạn tuồng. Ông cũng cho cải tạo lại rạp Cinéma Théâtra để gánh biểu diễn. Ngày 15/3/1918, nhân ngày sinh của mình, ông cho khai trương bảng hiệu "Gánh hát Thầy Năm Tú Mỹ Tho". Gánh biểu diễn vở cải lương đầu tiên được mang tên "Kim Vân Kiều" của soạn giả Trương Duy Toản. Đồng thời, ông đổi tên rạp Cinéma Théâtra thành rạp hát Thầy Năm Tú. Đây là rạp hát cải lương đầu tiên của nước ta. Trước đó, các gánh hát thường biểu diễn ở đình, miếu hoặc che dựng tạm thời, hát xong dỡ bỏ.

Rạp hát Thầy Năm Tú có sân khấu rộng và cao; bố trí hệ thống ròng rọc để thay đổi phông màn; hai bên sân khấu có treo nhiều lớp cánh gà; có hệ thống ánh sáng theo sự điều khiển hàng đêm của thầy tuồng. Rạp có diện tích 732 m², 03 tầng: tầng trệt với 800 ghế, gác lửng 200 ghế và gác áp mái làm nơi ở cho nhân viên của rạp hát. Ghế chia theo thứ hạng, đặc biệt trên lầu cạnh hai bên sân khấu được chia thành từng "lô" dành cho các vị khách quan trọng. Mỗi tối trước khi khai diễn, ông bày ra tiết mục "tableau vivant" nhằm giúp khán giả nhìn mặt toàn thể diễn viên của gánh sẽ diễn trong đêm hát. Vở cải lương đầu tiên được biểu diễn trong ngày khai trương rạp hát Thầy Năm Tú 15-3-1918 là vở Kim Vân Kiều của soạn giả Trương Duy Toản.

Đến giữa thập niên 1950, rạp được bán cho chủ tiệm vàng Phước Tín có cửa hàng đối diện với rạp hát. Người chủ mới đổi tên thành Hí viện Vĩnh Lợi. Lúc bấy giờ, Hí viện Vĩnh Lợi vừa là rạp hát cho các đoàn cải lương "đại ban" như "Dạ Lý Hương", "Hương Mùa Thu", "Kim Chung", "Kim Chưởng",… về biểu diễn các vở cải lương; vừa là rạp chiếu phim phục vụ công chúng.

Năm 1981, rạp được đổi tên thành rạp Tiền Giang. Khoảng từ năm 1995, nghệ thuật cải lương đã bắt đầu suy thoái, sân khấu cải lương vắng khách, rạp hát đành phải dừng hoạt động.

Năm 2010, sau khi được trùng tu, rạp được mang tên lúc mới được xây dựng: rạp hát Thầy Năm Tú. Ngày 4-6-2012, rạp hát Thầy Năm Tú được Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang ra Quyết định công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh. Từ năm 2013 đến nay, hàng tuần, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Tiền Giang đều tổ chức chiếu phim màn ảnh rộng, biểu diễn đờn ca tài tử, trích đoạn các vở cải lương nổi tiếng và tổ chức một số sự kiện văn hóa của tỉnh. Năm 2022, rạp được Tổ chức Kỷ lục Việt Nam (VietKings) công nhận đạt Kỷ lục Bất biến Việt Nam.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên chợ:**

Chợ

- Theo Hoàng Phê trong *Từ điển Tiếng Việt*, "Chợ là nơi công cộng, để đông người đến mua và bán trong những buổi, ngày nhất định"[34].

- *Từ điển Bách khoa Việt Nam* ghi: "Chợ là nơi gặp nhau giữa nơi cung và cầu các hàng hóa, dịch vụ, vốn; là nơi tập trung mua bán hàng hóa giữa người sản xuất, người mua bán và người tiêu dùng"[35].

- Trong quyển *Gốc và Nghĩa của Từ Việt thông dụng*, Vũ Xuân Phái định nghĩa: "Chợ là nơi tụ họp buôn bán"; "chợ búa là nơi tụ họp bày bán hàng hóa, để buôn bán trong làng, xóm (thời xưa) hay cái chợ là nơi quy định mua bán"[36].

- Theo Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, "Chợ là loại hình kinh doanh thương mại được hình thành và phát triển mang tính truyền thống, được tổ chức tại một địa điểm theo quy hoạch, đáp ứng nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hoá và nhu cầu tiêu dùng của khu vực dân cư"[37].

Chợ đầu mối

Theo Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, "Chợ đầu mối: là chợ có vai trò chủ yếu thu hút, tập trung lượng hàng hóa

---

[34] Hoàng Phê (2000), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng, tr.165.
[35] *Từ điển Bách khoa Việt Nam (2003),* NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội, tr.22.
[36] Vũ Xuân Phái *(2009), Gốc và Nghĩa của Từ Việt thông dụng*, NXB Trẻ, tr.162.
[37] Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1.

lớn từ các nguồn sản xuất, kinh doanh của khu vực kinh tế hoặc của ngành hàng để tiếp tục phân phối tới các chợ và các kênh lưu thông khác"[38].

Phân loại chợ

Tùy vào mục đích và tiêu chí, người ta phân loại chợ theo nhiều cách khác nhau: Phân loại chợ theo điều kiện môi sinh; Phân loại chợ theo số lượng hộ kinh doanh, vị trí và mặt bằng của chợ (theo quy mô: chợ loại I, chợ loại II và chợ loại III); Phân loại chợ theo tính chất mua bán (chợ bán buôn và chợ bán lẻ); Phân loại chợ theo đặc điểm mặt hàng kinh doanh (chợ tổng hợp và chợ chuyêndoanh); Theo địa giới hành chính (chợ đô thị và chợ nông thôn); Phân loại theo tính chất và quy mô xây dựng (chợ kiên cố, chợ bán kiên cố, chợ tạm).

- Trong công trình nghiên cứu "Chợ nổi đồng bằng sông Cửu Long từ góc nhìn văn hóa học", Đặng Thị Hạnh đã lập bảng phân loại chợ như sau[39]:

STT	TIÊU CHÍ PHÂN LOẠI	LOẠI HÌNH CHỢ
1	Theo thời gian họp chợ	- Chợ sáng - Chợ hôm - Chợ chiều - Chợ đêm - Chợ phiên
2	Theo lịch sử	- Chợ truyền thống - Chợ hiện đại (siêu thị)
3	Theo khu vực địa lý	- Chợ quê - Chợ ven đô - Chợ đô thị - Chợ đồng bằng - Chợ miền núi
4	Theo quy mô hành chánh	- Chợ làng - Chợ xã (liên làng) - Chợ huyện (liên xã)

[38] Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1.

[39] Đặng Thị Hạnh (2012), *Chợ nổi đồng bằng sông Cửu Long từ góc nhìn văn hóa học*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh, tr.41.

		- Chợ thị trấn - Chợ thị xã
5	Theo tính chất, quy mô trao đổi hàng hóa	- Chợ đầu mối - Chợ bán lẻ - Chợ chuyên doanh - Chợ tổng hợp
6	Theo loại hình hàng hóa bán chủ yếu tại chợ	- Chợ vải - Chợ trâu - Chợ trái cây - Chợ hải sản
7	Theo quy mô xây dựng	- Chợ kiên cố - Chợ bán kiên cố - Chợ tạm

- Trong quyển *Chợ quê trong quá trình biến đổi*, Lê Thị Mai đã phân chia chợ ra thành nhiều loại hình khác nhau, với những tiêu chí khác nhau như sau[40]:

+ Thời gian hợp chợ có: Chợ sáng, chợ hôm, chợ chiều, chợ đêm, chợ phiên

+ Theo khu vực, địa vực có: chợ quê, chợ đô thị, chợ ven đô, chợ đồng bằng, chợ trung du, chợ miền biển…

+ Theo quy mô hành chánh có: Chợ làng, chợ xã (liên làng), chợ huyện (liên xã), chợ thị trấn, chợ thị xã,...

+ Theo tính chất, quy mô trao đổi hàng hóa có: Chợ đầu mối, chợ bán lẻ,

chợ chuyên doanh, chợ tổng hợp,…

+ Theo loại hình hàng hóa bán tại chợ có: chợ vải, chợ trâu, chợ lụa, chợ trái cây, chợ nông sản,…

[40] Lê Thị Mai (2004), *Chợ quê trong quá trình chuyển đổi*, NXB Thế Giới, tr.41.

Trong đề tài này, nhóm tác giả chọn cách phân loại chợ theo Nghị định 02/2003/NĐ - CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ[41]:

- *Chợ loại 1:* Là chợ có trên 400 điểm kinh doanh chợ, được đầu tư xây dựng kiên cố, hiện đại theo quy hoạch; được đặt ở các vị trí trung tâm kinh tế thương mại quan trọng của tỉnh, thành phố hoặc là chợ đầu mối của ngành hàng, của khu vực kinh tế và được tổ chức họp thường xuyên; có mặt bằng phạm vi chợ phù hợp với quy mô hoạt động của chợ và tổ chức đầy đủ các dịch vụ tại chợ: trông giữ xe, bốc xếp hàng hóa, kho bảo quản hàng hóa, dịch vụ đo lường, dịch vụ kiểm tra chất lượng hàng hóa, vệ sinh an toàn thực phẩm và các dịch vụ khác.

- *Chợ loại 2:* Là chợ có trên 200 điểm kinh doanh, được đầu tư xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố theo quy hoạch; được đặt ở trung tâm giao lưu kinh tế của khu vực và được tổ chức họp thường xuyên hay không thường xuyên; có mặt bằng phạm vi chợ phù hợp với quy mô hoạt động chợ và tổ chức các dịch vụ tối thiểu tại chợ: trông giữ xe, bốc xếp hàng hóa, kho bảo quản hàng hóa, dịch vụ đo lường.

- *Chợ loại 3:* Là các chợ có dưới 200 điểm kinh doanh hoặc các chợ chưa được đầu tư xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố. Chủ yếu phục vụ nhu cầu mua bán hàng hóa của nhân dân trong xã, phường và địa bàn phụ cận.

*** Quy mô chợ**

Theo Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, có chợ kiên cố và chợ bán kiên cố[42]:

- Chợ kiên cố: là chợ được xây dựng bảo đảm có thời gian sử dụng trên 10 năm.

- Chợ bán kiên cố: là chợ được xây dựng bảo đảm có thời gian sử dụng từ 5 đến 10 năm.

Chợ ở thành phố Mỹ Tho:

1. Chợ Bảo Định

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh Hán Việt (Bảo: 保 : gánh vác, giữ gìn; Định: 定 : Yên ổn).

Tên chợ được đặt theo tên kênh/kinh Bảo Định được đào năm 1705. Chợ được xây dựng năm 1962. Năm 2022, chợ được xếp loại 3, có diện tích 1.272 m², tọa lạc ở Phường 10, với 132 hộ kinh doanh, hàng hóa buôn bán tại chợ lương thực, thực phẩm, quần áo, tạp hóa,…

---

[41] Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ,* Hà Nội, tr.1.

[42] Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ,* Hà Nội, tr.1.

2. Chợ Cá

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Động vật (Cá).

Chợ được xây dựng vào đầu thế kỷ XX. Năm 2022, chợ được xếp loại 3, có diện tích 540 m², tọa lạc ở Phường 1, với 50 hộ kinh doanh, hàng hóa buôn bán tại chợ: thủy sản tươi, khô các loại, rau, củ, trái cây,…

3. Chợ Cũ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Tính chất (Cũ).

Chợ được xây dựng năm 1679 với tên gọi Mỹ Tho đại phố ở thôn Mỹ Chánh (nay thuộc Phường 8). Năm 1785, chợ trở nên tiêu điều vì bị quân Xiêm tàn phá. Năm 1788, mặc dù được khôi phục dần, nhưng chợ không còn nhộn nhịp như trước. Năm 1792, thêm một chợ Mỹ Tho nữa được hình thành. Chợ do ông Dương Văn Tuyên lập, tọa lạc ở thôn Điều Hòa, nằm ở giữa bờ hữu ngạn của vàm bên trái và bờ tả ngạn của vàm bên phải rạch Mỹ Tho (thuộc Phường 2 hiện nay). Vì thế, chợ Mỹ Tho được lập năm 1679 được gọi là chợ Cũ.

Năm 2022, chợ được xếp chợ loại 1, có diện tích 4.832 m², tọa lạc ở Phường 8, với 465 hộ kinh doanh, hàng hóa buôn bán tại chợ: lương thực, thực phẩm, bánh kẹo, kim khí, điện máy,…

4. Chợ Đêm Phường 1

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Tính chất (Đêm) + Địa danh hành chính (Phường 1).

Năm 2022, chợ được xếp loại 3, có diện tích 1.150 m², tọa lạc ở Phường 1, với 120 hộ kinh doanh ẩm thực.

5. Chợ Đêm Phường 6

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Tính chất (Đêm) + Địa danh hành chính (Phường 6).

Chợ được thành lập năm 2009. Năm 2022, chợ được xếp loại 3, có diện tích 1.496 m², tọa lạc ở Phường 6, với 130 hộ kinh doanh quần áo, giày dép, phụ kiện (mắt kiếng, dây nịch, đồ trang sức, đồng hồ,…).

6. Chợ Hàng Bông

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa hình thiên nhiên (Hàng cây) + Thực vật (Bông).

Hàng Bông là tên chợ, chuyên buôn bán trái cây, rau củ, bông hoa,…; những mặt hàng nông sản đó, dân gian quen gọi là "đồ hàng bông", nên có tên chợ hàng Bông. Chợ có từ đầu thế kỷ XX.

Năm 2022, chợ được xếp loại 3, có diện tích 561 m², tọa lạc ở Phường 1, với 195 hộ kinh doanh rau, củ, trái cây, thủy sản,…

7. Chợ Hàng Còng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa hình thiên nhiên (Hàng cây) + Thực vật (Cây còng: là loại cây gỗ cực lớn, cao từ 15-25 m, thậm chí cao đến 50 m, tán rất rộng, làm cây che bóng mát, cây cảnh quan, chế biến đồ gỗ mỹ nghệ, cung cấp thực phẩm cho gia súc (dê, bò,...), một số bộ phận cây cũng có tác dụng làm thuốc,…).

Hàng Còng là nơi có nhiều cây còng, là tên của một chợ nhỏ, được thành lập năm 1964, nằm trên theo đường Tết Mậu Thân, dọc theo một phần bờ tây của Giếng Nước Lớn và Giếng Nước Nhỏ; đến khoảng năm 1980, dời vào một con hẽm nằm trên đường Lý Thường Kiệt thuộc Phường 4, thành phố Mỹ Tho.

Năm 2022, chợ được xếp loại 3, có diện tích 960 m², với 119 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, quần áo, tạp hóa,…

8. Chợ Mỹ Phong (chợ Gò Cát)

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính mang yếu tố Hán Việt (xã Mỹ Phong).

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa hình thiên nhiên (Gò) + Vật liệu dạng hạt (Cát). Chợ tọa lạc trên Gò Cát.

Năm 2022, chợ được thành lập từ năm 1957, xếp loại 3, diện tích 1.822 m², tọa lạc ở xã Mỹ Phong, với 116 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,… Đặc biệt, nơi đây có đặc sản rượu Gò Cát nổi tiếng xưa nay.

9. Chợ Mỹ Tho (chợ Thành)

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh Việt gốc Khmer (Mỹ Tho).

Địa danh Mỹ Tho là do tiếng Khmer "Mêso" nói trại mà ra, có nghĩa là "Cô gái trắng trẻo".

Tên Mỹ Tho viết bằng chữ Quốc ngữ xuất hiện lần đầu tiên vào năm 1747: "MI THO" trong quyển *Lịch sử truyền giáo xứ Nam Kỳ* của Launay.

Mê có thể biến thành **Mi** được, bởi vì trong tiếng Việt, âm **ê** có thể biến đổi thành âm **i** (b**ê**nh vực – b**i**nh vực). **So** có thể biến thành **Tho**, bởi vì âm **s** có thể biến đổi thành **th** (**s**up lạy - **th**up lạy, **s**ụt lùi - **th**ụt lùi). Từ đó, Mêso được gọi trại thành Mi Tho, về sau thành Mỹ Tho.

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Công trình xây dựng (Thành)

Năm 1826, Tổng trấn Gia Định thành Lê Văn Duyệt cho dời lỵ sở trấn Định Tường từ thôn Mỹ Chánh (nay thuộc các Phường 2, 8, thành phố Mỹ Tho) sang hai thôn Điều

Hòa và Bình Tạo (nay thuộc các Phường 1, 4, thành phố Mỹ Tho). Theo đó, thành Định Tường được xây dựng năm 1792 ở thôn Mỹ Chánh bị phá bỏ; thay vào đó là thành Định Tường được xây dựng năm 1826 ở lỵ sở mới. Cùng năm, một ngôi chợ gần thành Định Tường cũng được thành lập, dân gian gọi là chợ Thành.

Dưới thời Pháp thuộc, ngôi chợ này đóng vai trò quan trọng bậc nhất trong nền thương mãi của tỉnh Mỹ Tho lúc bấy giờ, như câu ca dao xưa: "*Đèn nào cao bằng đèn chợ Mỹ/Lộ nào kỷ bằng lộ Cần Thơ*". *Địa phương chí tỉnh Mỹ Tho năm 1902* viết: *"Vị trí của chợ Mỹ Tho thật tuyệt diệu. Nó tọa lạc tại nơi qua lại của các loại ghe chài từ miền Tây đến và đi về Chợ Lớn qua kênh Bảo Định và kênh Chợ Gạo... Việc buôn bán còn được tiến hành bằng đường sắt. Đường sắt cho phép ta đến Sài Gòn trong hai tiếng đồng hồ"*.

Hoạt động buôn bán ở chợ Mỹ Tho diễn ra rất tấp nập, với cảnh "trên bến dưới thuyền". Tác giả Nguyễn Liêng Phong viết trong cuốn *Nam kỳ phong tục nhơn vật diễn ca* như sau:

Mỹ Tho nguyên tỉnh Định Tường,

Phía tiền một dãy, phố phường quá đông.

Trên bờ hàng hóa thạnh sung,

Dưới sông ghe đậu chật cùng ngoài trong.

Nông sản, nhất là thóc gạo, là mặt hàng được buôn bán chủ yếu tại chợ Mỹ Tho. *Địa phương chí tỉnh Mỹ Tho năm 1902* cho biết: *"Việc thương mãi tổng quát của chợ, trước hết là việc xuất cảng lúa gạo. Lúa gạo được sơ chế; và sau đó, được chuyển về địa chỉ của các nhà máy xay xát gạo ở Sài Gòn và Chợ Lớn. Tại đó, gạo được chà sạch; rồi vận chuyển ra Trung kỳ hay Cambốt (Campuchia). Những loại trái cây, lá trầu rang cũng được xuất lên Cambốt"* .

Phạm Quỳnh trong quyển *Một tháng ở Nam Kỳ*, khi đến chợ Mỹ Tho, bắt gặp cảnh: *"Trên bến dưới thuyền, nhà cửa đông đúc, phố xá rộng rãi. Buổi chiều đứng trên nhà lầu trông xuống dưới bến, thuyền bè đậu san sát, đèn lửa nhấp nhô, tiếng hát dưới đò, giọng ca trên bến, không gì vui bằng (...) Cứ coi cái cảnh tượng sáng sủa, vui vẻ, mỹ miều mà khả ái của một chốn nhà quê đó, đủ biết xứ Nam Kỳ giàu có trù mật là dường nào"*[43].

Năm 2005, chợ Mỹ Tho được xây mới. Năm 2022, chợ được xếp loại 2, tọa lạc ở Phường 1, thành phố Mỹ Tho, diện tích 2.666 m², với 350 hộ kinh doanh quần áo may sẵn, giày dép, túi xách da, đồ gia dụng (sành sứ, nhựa, nhôm, inox,...), bách hoá tổng hợp, trang sức xi mạ, vàng bạc đá quí, lương thực, thực phẩm, trà, cà phê, các loại thủy sản khô,…

10. Chợ Tân Mỹ Chánh

[43] Phạm Thị Thúy Vinh, *Du lịch đồng bằng sông Cửu Long thời hội nhập - từ góc nhìn của các nhà du ký nửa đầu thế kỷ XX"*, Viện Văn học - Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Nguồn: http://www.saigonact.edu.vn.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Tân Mỹ Chánh).

Năm 2022, chợ được xếp loại 3, có diện tích 5.591 m², tọa lạc ở xã Tân Mỹ Chánh, thành phố Mỹ Tho, với 76 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

11. Chợ Thạnh Trị

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính xưa: làng Thạnh Trị (1877-1932), Thạnh: 盛 Thạnh: Thịnh vượng, tươi tốt, phồn vinh; Trị: 治: Trị an.

Chợ được thành lập năm 1975; xây dựng mới năm 2014. Năm 2022, chợ được xếp loại 3, có diện tích 2.020 m², tọa lạc ở Phường 4, thành phố Mỹ Tho, với 531 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, thủy hải sản, trái cây, bông hoa, tạp hóa, quần áo, giày dép, vải, bánh kẹo, ăn uống,…

12. Chợ Trái cây

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Thực vật (trái cây).

Năm 2022, chợ được xếp loại 3, có diện tích 1.941 m², tọa lạc ở Phường 4, thành phố Mỹ Tho, với 130 hộ kinh doanh trái cây (sầu riêng, mít, măng cụt, chuối, chôm chôm, xoài, thanh long, nhãn, mãng cầu, nhãn, bưởi, cam, quýt, chanh,…). Đây là chợ đầu mối lớn chuyên cung cấp trái cây cho các địa phương trong và ngoài tỉnh, kể cả xuất khẩu.

13. Chợ Trung An

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Trung An).

Năm 2022, chợ được xếp loại 3, có diện tích 606 m², tọa lạc ở xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, với 66 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

14. Chợ Trung Lương

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính xưa: làng Trung Lương (1808-1925), Trung: 忠: Trung thành, trung nghĩa; Lương: 良: Lương thiện, hiền lành (*Địa chí Tiền Giang* -2, trang 507).

Chợ được thành lập vào đầu thế kỷ XIX. Năm 2022, chợ được xếp loại 3, có diện tích 4.308 m², tọa lạc ở Phường 10, thành phố Mỹ Tho, với 120 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, bánh kẹo, tạp hóa,…

15. Chợ Vòng Nhỏ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Công trình xây dựng (Vòng Nhỏ: Khoảng cuối thế kỷ XIX, để phòng thủ trung tâm Mỹ Tho, về phía

Tây, chính quyền thực dân Pháp hạt tham biện Mỹ Tho cho xây dựng 2 con đường vành đai: 1. Đường vành đai thứ nhất, gọi là lộ Vòng Lớn - Grand tour d'Inspection, nay là Quốc lộ 60, đoạn từ ngã ba Quốc lộ 60 - đường Ấp Bắc đến cầu Rạch Miễu; 2. Đường vành đai thứ hai, gọi là lộ Vòng Nhỏ - Petit tour d'Inspection, nay là đường Trần Hưng Đạo).

Chợ Vòng Nhỏ được xây dựng 1956, tọa lạc tại chỗ giao nhau giữa đường Vòng Nhỏ (trước năm 1975, gọi là đường Pasteur; sau năm 1975, gọi là đường Trần Hưng Đạo) với đường Ngô Tùng Châu (trước năm 1975), sau năm 1975 là đường Lê Thị Hồng Gấm.

Khoảng năm 1985, chợ Vòng Nhỏ được dời đến địa điểm hiện nay nằm trên đường Lê Thị Hồng Gấm, cách vị trí cũ 300 m. Năm 1998, chợ được xây mới. Năm 2022, chợ được xếp loại 3, có diện tích 4.235 m², tọa lạc ở Phường 10, thành phố Mỹ Tho, với 124 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, quần áo, đồ gia dụng, bánh kẹo, tạp hóa,…

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên khu công nghiệp, kho, trạm:**

Khu công nghiệp:

Khu công nghiệp là khu vực có ranh giới địa lý xác định, chuyên sản xuất hàng công nghiệp và thực hiện dịch vụ cho sản xuất công nghiệp, được thành lập theo điều kiện, trình tự và thủ tục quy định tại Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ.

Khu công nghiệp Mỹ Tho

* Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Khu công nghiệp) + Địa danh Việt gốc Khmer (Mê so gọi trại thành Mỹ Tho, có nghĩa là "Cô gái trắng trẻo").

* Khái quát Khu công nghiệp Mỹ Tho:

Khu công nghiệp Mỹ Tho được thành lập theo Quyết định số 782/TTG ngày 20/9/1997 của Thủ tướng Chính phủ.

Chủ đầu tư: Công ty Phát triển hạ tầng các Khu công nghiệp Tiền Giang.

Tình trạng: Đã lắp đầy 100%.

Địa chỉ: xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Điện thoại : (+842733) 953 007 Fax: (+842733) 953 009

Tổng vốn đầu tư: 176,058 tỷ đồng.

Diện tích: 79,14 ha.

Địa đểm: nằm dọc sông Tiền và Đường tỉnh 864, với chiều dài khoảng 2,4 km, cách trung tâm thành phố Mỹ Tho 3 km về hướng Tây, cách Thành phố Hồ Chí Minh 72 km về hướng Tây Nam, cách Quốc lộ 1 4 km về hướng Nam.

Khu công nghiệp Mỹ Tho có cơ sở hạ tầng và tiện ích công cộng hiện đại:

- Hệ thống Giao thông: Hệ thống trục chính: rộng 26 m, dãy phân cách: 2 m, 6 làn đường: rộng 27 m, dãy phân cách: 3 m, 6 làn đường giao thông nội bộ: đường rộng 16m, dãy cây xanh giữa 3 m, cây xanh 2 bên vỉa hè 15 m.

- Điện: Hiện nay sử dụng lưới điện 110/220 kv

- Nước: do Công ty cấp thoát nước Tiền Giang cung cấp trực tiếp cho từng doanh nghiệp.

- Xử lý nước thải: Tiêu chuẩn nhà máy: xử lý vi sinh đạt cột A TCVN 40: 2011/BTNMT. Công suất xử lý tối đa: 3.500 m^3/ngày

- Hệ thống cứu hỏa: Cột nước cứu hỏa được lắp dọc theo các tuyến đường trong khu công nghiệp, mỗi trụ cách 150 m

- Thông tin liên lạc: Internet: cáp quang (VNPT và Viettel)

Các lĩnh vực hoạt động chủ yếu: Chế biến thức ăn gia súc; Chế biến thủy, hải sản xuất khẩu; Sản xuất bao bì PP; Chế biến nông sản; Dịch vụ kho lạnh; Sản xuất kinh doanh, gia công hàng may mặc; Sản xuất bánh tráng; các loại nước giải khát,…

Đến năm 2022, có 28 doanh nghiệp đang hoạt động tại Khu Công nghiệp Mỹ Tho.

Kho:

Kho là một tòa nhà được xây dựng trên một địa điểm đạt các điều kiện nhất định để sử dụng cho việc chứa và lưu trữ lương thực, hàng hoá,...

Kho Việt Nguyên

* Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kho) + Từ Hán Việt (Việt: 越: Nước Việt; Nguyên: 源: Nguồn gốc).

* Khái quát Kho Việt Nguyên:

- Địa chỉ: Khu công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

- Điện thoại: 02733.853.036

- Năm thành lập: 1996

- Hoạt động chính: Chế biến, kinh doanh lương thực tiêu dùng nội địa và xuất khẩu.

- Diện tích: 42.349 m2

- Diện tích chứa - bảo quản tốt hàng hóa: 18.639 m2

- Tổng tích lượng quy gạo: 25.000 tấn

- Năng lực xay xát, chế biến lúa, gạo:

+ Sấy lúa: 180 tấn/ngày

+ Xay xát, bóc vỏ lúa: 15 tấn/giờ

+ Xát trắng và lau bóng: 34 tấn/giờ

- Máy móc thiết bị:

+ Xát - Lau bóng:

Dây 1: 16 tấn/giờ

Dây 2: 08 tấn/giờ

+ Lau bóng:

Dây 3: 12 - 16 tấn/giờ

+ Máy tách màu:

Dây 1: 14 tấn/giờ

Dây 2: 10 - 14 tấn/giờ

Dây 3: 07 tấn/giờ

Dây 4: 10 - 14 tấn/giờ

+ Trộn gạo trắng:

Dây trộn cân 1: 60 tấn/giờ

Dây trộn cân 2: 60 tấn/giờ

- Năng lực chế biến: 80.000 tấn/năm

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn trường học:**

Trường đại học, cao đẳng:

Trường đại học:

Trường Đại học Tiền Giang

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Đại học) + Địa danh hành chính (Tỉnh Tiền Giang).

Địa chỉ: Số 119, đường Ấp Bắc, Phường 5, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 872 624

Trang thông tin điện tử: http://www.tgu.edu.vn

Email: truongdaihoc@tiengiang.gov.vn

Trường Đại học Tiền Giang được thành lập theo Quyết định số 132/QĐ-TTg ngày 06 tháng 6 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở hợp nhất Trường Cao đẳng sư phạm Tiền Giang và Trường Cao đẳng cộng đồng Tiền Giang. Tiền thân của hai ngôi trường này là Viện Đại học cộng đồng Tiền Giang (1971-1975), Trường Dự bị Đại học Tiền Giang (1975-1981), Cơ sở II Trường Đại học Cần Thơ (1981-1984), Trung tâm Đào

tạo và Bồi dưỡng tại chức liên tỉnh Tiền Giang - Long An - Bến Tre hệ đại học (1984-2000), Trường Công nhân kỹ thuật Tiền Giang và các Trường Sư phạm của tỉnh thành lập sau ngày đất nước thống nhất. Trường vinh dự được trao tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (2013), Cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ (2015 và 2017).

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Tỉnh Tiền Giang.

Năm 2023, Đảng bộ nhả trường có 221 đảng viên; nam: 104; nữ: 117. Ban Chấp hành Đảng bộ: 15; nam: 10; nữ: 05. Ban Thường vụ Đảng ủy: 05; nam: 04; nữ: 01. Số lượng chi bộ: 12. Hội đồng trường: 24; nam: 22; nữ: 02. Ban Giám hiệu: 03 người; nam: 03; nữ: 00. Công đoàn cơ sở: 381 công đoàn viên; nam: 182; nữ: 199. Đoàn thanh niên: 4.142 Đoàn viên; nam: 1.495; nữ: 2.647

Sứ mạng, tầm nhìn, phương châm, chức năng, nhiệm vụ:

a) Sứ mạng của trường

"Trường Đại học Tiền Giang đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao và nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững vùng đồng bằng Sông Cửu Long, mang đến cho người học cơ hội nghề nghiệp để thăng tiến".

b) Tầm nhìn

Trường Đại học Tiền Giang là cơ sở giáo dục đại học theo hướng ứng dụng. Đạt chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học theo quy định của Bộ GD&ĐT. Là trung tâm đào tạo nguồn nhân lực, nghiên cứu khoa học, chuyển giao sản phẩm khoa học công nghệ và cung ứng dịch vụ có uy tín, chất lượng; đảm bảo cho người học sau khi tốt nghiệp có trình độ và kỹ năng đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của xã hội.

Đến năm 2025, Trường là cơ sở đào tạo tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong hoạt động về tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính, đào tạo theo Luật Giáo dục đại học.

c) Phương châm: Thiết thực - Hiệu quả - Hài hòa

d) Chức năng của Trường

Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; nghiên cứu khoa học, chuyển giao sản phẩm khoa học công nghệ; thực hiện các hoạt động tư vấn, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phù hợp với chức năng nhiệm vụ và quy định của pháp luật.

đ) Nhiệm vụ

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển Trường qua từng giai đoạn, kế hoạch hoạt động hàng năm phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế xã hội tỉnh Tiền Giang và đất nước.

- Triển khai hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế, bảo đảm chất lượng giáo dục đại học.

- Tuyển sinh và phát triển các chương trình đào tạo theo mục tiêu xác định; bảo đảm sự liên thông giữa các chương trình và trình độ đào tạo.

- Tổ chức bộ máy; tuyển dụng, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, viên chức quản lý, viên chức, người lao động trên cơ sở chiến lược và quy hoạch phát triển Nhà trường.

- Quản lý người học; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của giảng viên, viên chức, nhân viên, viên chức quản lý và người học; dành kinh phí để thực hiện chính sách xã hội đối với đối tượng được hưởng chính sách xã hội, đối tượng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; bảo đảm môi trường sư phạm tốt nhất cho hoạt động giáo dục đào tạo.

- Tự đánh giá chất lượng đào tạo và chịu sự kiểm định chất lượng giáo dục.

- Được nhà nước giao hoặc cho thuê đất, cơ sở vật chất; được miễn, giảm thuế theo quy định của pháp luật.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực; xây dựng và tăng cường cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị.

- Hợp tác với các tổ chức kinh tế, giáo dục, văn hóa, thể dục, thể thao, y tế, nghiên cứu khoa học trong nước và nước ngoài.

- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và chịu sự kiểm tra, thanh tra của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang và các cơ quan quản lý nhà nước.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang giao theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện quyền tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Tổng số cán bộ, viên chức: 383; nam: 184; nữ: 199

Tổng số giảng viên: 235; nam: 113; nữ: 122

Khoa, Phòng, Ban, Trung tâm, trại:

- 05 khoa: Khoa Kinh tế - Luật, Khoa Nông nghiệp và Công nghệ thực phẩm, Khoa Sư phạm và Khoa học cơ bản, Khoa Lý luận chính trị - Giáo dục quốc phòng và Thể chất, Khoa Kỹ thuật - Công nghệ.

- 07 phòng: Phòng Tổ chức - Hành chính, Phòng Quản lý đào tạo, Phòng Kế hoạch - Tài chính, Phòng Quản lý khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế, Phòng Thanh tra - Pháp chế, Phòng Quản trị - Thiết bị, Phòng Công tác sinh viên.

- 04 Trung tâm: Trung tâm Khảo thí và Đản bảo chất lượng giáo dục, Trung tâm Tư vấn tuyển sinh và Quan hệ doanh nghiệp, Trung tâm Đào tạo bồi dưỡng thường xuyên - Tin học và Ngoại ngữ, Trung tâm Thông tin - Thư viện.

- 01 Trại thực nhiệm

Trình độ chuyên môn: Phó Giáo sư Tiến sĩ: 01; nam: 01; nữ: 00. Tiến sĩ: 33; nam: 21; nữ: 12. Thạc sĩ: 252; nam: 111; nữ: 141. Cử nhân đại học: 63; nam: 28; nữ: 35.

Tổng số sinh viên: 4.357; nam: 1737; nữ: 2620

Tổng diện tích: 302.500 m^2; Diện tích sử dụng: 80.457,425 m^2

Trong đó:

- Cơ sở chính (Số 119, đường Ấp Bắc, Phường 5, thành phố Mỹ Tho: Diện tích 20.015,500 m^2; Diện tích sử dụng: 25.205,600 m^2

- Cơ sở Thân Cửu Nghĩa (Xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành): Diện tích 282.484,500 m^2; Diện tích sử dụng: 55.251,825 m^2

Cơ sở vật chất

- Phòng làm việc: 68

- Phòng họp: 15

- Phòng Y tế: 02

- Phòng học: 146

- Phòng thí nghiệm, thực hành : 33

- Phòng nghe nhìn: 02

- Phòng máy tính: 09

- Thư viện trung tâm: 01

- Sân phục vụ tập luyện thể thao: 12

- Kho lưu trữ: 16

- Nhà vệ sinh: 67

- Hội trường, Giảng đường: 07

- Bãi thực hành xây dựng: 01

Trường cao đẳng:

1. Trường Cao đẳng Tiền Giang

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Cao đẳng) + Địa danh hành chính (Tỉnh Tiền Giang).

Địa chỉ trụ sở chính: Số 11B/17, đường Học Lạc, Phường 8, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại trực hành chính: 0273.3851.588

Trang thông tin điện tử: http://tgc.edu.vn

Email: caodangtiengiang@gmail.com

Trường Cao đẳng Tiền Giang được thành lập năm 2002 với tên gọi đầu tiên là Trường Dạy nghề Tiền Giang theo Quyết định số 635/QĐUB ngày 07/3/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Năm 2007, Trường Dạy nghề Tiền Giang được nâng cấp thành Trường Trung cấp Nghề Tiền Giang theo Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 23/01/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Năm 2010, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội có Quyết định số 799/QĐ-LĐTBXH ngày 28/6/2010 thành lập Trường Cao đẳng Nghề Tiền Giang trên cơ sở nâng cấp Trường Trung cấp Nghề Tiền Giang.

Năm 2018, Trường Cao đẳng Nghề Tiền Giang được đổi tên thành Trường Cao đẳng Tiền Giang theo Quyết định số 1614/QĐ-LĐTBXH ngày 13/11/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Ngày 13 tháng 3 năm 2019, Ủy Ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang có Quyết định số 740/QĐ-UBND sáp nhập Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Tiền Giang, Trường Trung cấp Nghề Giao thông vận tải Tiền Giang và Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật Tiền Giang vào Trường Cao đẳng Tiền Giang.

Các cơ sở đào tạo tiền thân của Trường Cao đẳng Tiền Giang gồm Trường Cao đẳng Nghề Tiền Giang (2002-2018), Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Tiền Giang (1990-2019); Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật Tiền Giang (1980-2019), Trường Trung cấp Nghề Giao thông vận tải Tiền Giang (1981-2019).

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Tỉnh Tiền Giang.

Trường có Sứ mạng, tầm nhìn, phương châm, chức năng, nhiệm vụ như sau:

- Sứ mạng: Trường Cao đẳng Tiền Giang đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng; nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ cho các ngành sản xuất công nghiệp, dịch vụ của tỉnh Tiền Giang và vùng Đồng bằng sông Cửu Long; mang đến cho người học cơ hội nghề nghiệp và cơ hội học tiếp lên trình độ cao hơn.

- Tầm nhìn: Trường Cao đẳng Tiền Giang đầu tư nâng cao năng lực, chất lượng đào tạo để đạt tiêu chuẩn trường Cao đẳng chất lượng cao vào năm 2040; giữ vai trò đầu tàu trong hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp của tỉnh Tiền Giang và là một trong những cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo nghề chất lượng cao của Vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

- Phương châm và giá trị cốt lõi: Chuẩn mực - Chất lượng - Hiệu quả.

Chuẩn mực: Chuẩn mực trong giao tiếp, trong tổ chức, quản lý; chuẩn mực dạy - học, chuẩn mực trong đánh giá kết quả.

Chất lượng: Công tác quản lý điều hành các mặt hoạt động, nhất là hoạt động đào tạo nghề tiếp cận mục tiêu chất lượng. Văn hóa chất lượng trong tổ chức quản lý và trong dạy - học luôn được đề cao.

Hiệu quả: Sản phẩm đào tạo, sản phẩm dịch vụ của Trường được doanh nghiệp và xã hội chấp nhận. Người học và phụ huynh hài lòng về nội dung, phương pháp và

phương thức đào tạo của Trường. Hoạt động đào tạo và dịch vụ của trường bù đắp đủ chi phí bỏ ra để từng bước thực hiện lộ trình tự chủ.

- Chức năng: (1) Đào tạo nhân lực cho các lĩnh vực sản xuất kinh doanh và dịch vụ; văn hóa, nghệ thuật và du lịch ở 03 cấp trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp; (2) Đào tạo nghề thường xuyên theo đơn đặt hàng của các doanh nghiệp và cơ sở sản xuất; (3) Tư vấn hướng nghiệp và dạy nghề phổ thông; (d) Liên kết với các trường đại học tổ chức đào tạo liên thông cao đẳng, đại học các ngành nghề trường đào tạo.

- Nhiệm vụ:

(1) Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển Trường;

(2) Xây dựng kế hoạch tuyển sinh, tổ chức tuyển sinh đào nhân lực trực tiếp cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; văn hóa, nghệ thuật và du lịch trình độ cao đẳng trở xuống theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp và Điều lệ trường Cao đẳng;

(3) Tổ chức biên soạn hoặc lựa chọn, phê duyệt và thực hiện các chương trình, giáo trình đào tạo đối với từng ngành, nghề được Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp phép đào tạo;

(4) Tư vấn về đào tạo, tư vấn việc làm miễn phí cho người học;

(5) Tổ chức các hoạt động đào tạo, kiểm tra đánh giá, xét công nhận tốt nghiệp; tổ chức quản lý việc cấp phát văn bằng, chứng chỉ đào tạo theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; tổ chức cho người học thực hành thực tập tại doanh nghiệp và tổ chức xã hội - nghề nghiệp khác;

(6) Phối hợp với doanh nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, cá nhân, gia đình người học trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp;

(7) Thực hiện dân chủ, công khai trong các nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng các kết quả nghiên cứu, chuyển giao công nghệ vào thực tiễn sản xuất, đời sống và hoạt động tài chính; hệ thống văn bằng, chứng chỉ của cơ sở giáo dục nghề nghiệp; vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp và các biện pháp kiểm tra, giám sát chất lượng đào đạo;

(8) Có cơ chế để người học tham gia đánh giá hoạt động đào tạo, nhà giáo tham gia đánh giá cán bộ quản lý, viên chức và người lao động của Trường;

(9) Thực hiện kiểm định và bảo đảm chất lượng đào tạo theo quy định. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và chịu sự giám sát, thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

(10) Quản lý, sử dụng đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị và tài chính của Trường theo quy định của pháp luật;

(11) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Năm 2023, Đảng bộ nhà trường có 122 đảng viên; nam: 86, nữ: 36; Ban Chấp hành Đảng bộ: 15 thành viên; nam: 12, nữ: 03. Ban Thường vụ: 05 thành viên; trong đó nam: 04, nữ: 01. Số lượng chi bộ: 08 chi bộ trực thuộc.

Hội đồng trường: 17 thành viên; nam: 14, nữ: 03.

Ban Giám hiệu: 03 thành viên; nam: 03, nữ: 00.

Công đoàn: 208 công đoàn viên; nam: 149, nữ: 60.

Đoàn thanh niên: 550 đoàn viên; nam: 389, nữ: 161;

Tổng số cán bộ, viên chức: 215 người; nam: 155, nữ: 60.

Tổng số giảng viên: 176 người; nam: 134, nữ: 42.

Khoa, Phòng, Trung tâm:

(1) Phòng chức năng: (7) Phòng Tổ chức - Hành chính và Pháp chế; Phòng Quản lý đào tạo; Phòng Công tác chính trị và Học sinh, Sinh viên; Phòng Quản trị - Thiết bị; Phòng Kế toán - Tài chính; Phòng Quản lý khoa học, Khảo thí và Đảm bảo chất lượng;

(2) Khoa chuyên môn: (4) Khoa Cơ bản; Khoa Kinh tế - Tổng hợp; Khoa Điện - Điện tử; Khoa Cơ khí - Xây dựng;

(3) Trung tâm Đào tạo: (1) Trung tâm Đào tạo và Sát hạch giao thông thủy bộ.

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ: 01, nam: 01, nữ: 00. Thạc sĩ: 47; nam: 40, nữ: 07. Cử nhân/Kỹ sư: 116; nam: 74, nữ: 42.

Lưu lượng HSSV/năm: 2.200 HSSV (nam chiếm tỉ lệ 80%, nữ: 20%)

Ngành nghề đào tạo: 22 ngành nghề thuộc 3 khối: Kinh tế - Công nghệ, Cơ khí - Xây dựng, Điện - Điện tử, Văn hóa nghệ thuật và Du lịch.

Tổng diện tích và Cơ sở vật chất:

(1) Diện tích khuôn viên đất: 50.987 m^2

(Tọa lạc tại 3 cơ sở: Cơ sở 1 ở Phường 8 TPMT, Cơ sở 2 ở Phường 9 TPMT và Cơ sở 3 ở Phường 6 TPMT).

(2) Cơ sở vật chất:

Phòng chuyên môn: 42 phòng

Phòng học lý thuyết: 32 phòng.

Xưởng, phòng thực hành: 50 phòng.

Bãi tập lái xe: 02

Hội trường đa phương tiện: 02 (250 chỗ máy lạnh và 400 chỗ máy lạnh)

Giảng đường 200 chỗ: 02

Hội trường học và sát hạch lái xe: 03

Thư viện được trang bị máy vi tính và máy lạnh: 150 m^2.

Phòng y tế: 02 (tại 02 cơ sở)

Căn tin : 02 (140 m^2 và 133 m^2)

Nhà khách: 08 phòng ở

Ký túc xá : có 75 phòng ở

Bãi giữ xe cho HSSV: 02 (1500 m^2 và 700m^2).

2. Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Cao đẳng) + Loại hình trường (Y tế) + Địa danh hành chính (Tỉnh Tiền Giang).

Địa chỉ: số 83 Thái Sanh Hạnh, Phường 9, thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang

Số điện thoại: 02733.872970

Trang thông tin điện tử: www.caodangytetg.edu.vn

Email: caodangytetg@tiengiang.gov.vn

Tiền thân của trường là Trường Y sĩ dân y Khu 8 ra đời vào cuối năm 1965. Ngày 23 tháng 9 năm 1978, Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang ra quyết định thành lập Trường Trung học Y tế Tiền Giang. Ngày 30 tháng 9 năm 2007, Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định thành lập Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang. Năm 2019, trường vinh dự được trao tặng Huân chương Lao động hạng Nhất theo Quyết định số 387/QĐ-CTN ngày 11/3/2019 của Chủ tịch nước.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Tỉnh Tiền Giang.

Năm 2023, Đảng bộ nhà trường có 51 đảng viên, nam: 26, nữ: 25); Ban Chấp hành đảng bộ: 08, nam: 05, nữ: 03; Ban Thường vụ: 03. nam: 03, nữ: 00; số lượng chi bộ: 05.

Sứ mạng: Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang là nơi đào tạo và đào tạo liên tục đội ngũ cán bộ y tế có chất lượng trong tỉnh Tiền Giang và khu vực, không ngừng phấn đấu vì sức khỏe con người thông qua những nỗ lực nâng cao chất lượng trong đào tạo nguồn nhân lực y tế, trong nghiên cứu khoa học, góp phần nâng cao sức khỏe và cải thiện chất lượng cuộc sống của nhân dân trong tỉnh Tiền Giang và các tỉnh lân cận.

- Chức năng, nhiệm vụ: Đào tạo và liên kết đào tạo nhân lực y tế trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp và sơ cấp đảm bảo nguồn nhân lực y tế phục vụ địa phương và các tỉnh có đầy đủ phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có kiến thức và năng lực chuyên môn, kỹ năng thực hành nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Hội đồng trường: 19 thành viên, nam: 12, nữ: 07.

Công đoàn: 92 công đoàn viên, nam: 40, nữ: 52.

Đoàn Thanh niên: 718 đoàn viên, nam: 228, nữ: 490.

Tổng số cán bộ, viên chức: 92 , nam: 40, nữ: 52).

Tổng số giảng viên: 63, nam: 38, nữ: 25.

Phòng, Khoa:

- Phòng (05): Phòng Tổ chức - Hành chính, Phòng Đào tạo - Nghiên cứu khoa học, Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng, Phòng Công tác Học sinh - Sinh viên, Phòng Tài chính - Kế toán.

- Khoa (04): Khoa Y, Khoa Điều dưỡng - Kỹ thuật y học, Khoa Dược, Khoa Khoa học cơ bản.

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ: 02, nam: 02, nữ: 00); Thạc sĩ: 33, nam: 10, nữ: 23); Chuyên khoa cấp I: 04, nam: 00, nữ: 04); Đại học: 36, nam: 13, nữ: 23; Cao đẳng, nam: 00, nữ: 02; Trung cấp:05, nam: 04, nữ: 01); trình độ khác: 10, nam: 05, nữ: 05.

Tổng số sinh viên: 1009 (Nam: 237, Nữ: 772).

Tổng diện tích: 18.228 m^2; diện tích sử dụng: 16.200 m^2.

Cơ sở vật chất: Phòng làm việc: 09; Phòng học: 23; Hội trường: 01; Phòng thí nghiệm: 22; Phòng nghe nhìn: 02; Phòng máy tính: 03; Thư viện: 01; Sân chơi: 01; Khu thể thao: 01 nhà đa năng, 01 hồ bơi; Ký túc xá: 01; Nhà vệ sinh: 52.

Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang:

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Loại hình trường (Chính trị) + Địa danh hành chính (Tỉnh Tiền Giang).

Địa chỉ: 584 Lê Thị Hồng Gấm, Phường 6, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

Số điện thoại: 0273 3 873 112

Email: t-chinhtri@tiengiang.gov.vn

Tháng 8/1949, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Mỹ Tho quyết định thành lập Trường Đảng tỉnh Mỹ Tho, lấy tên là Trường Dương Khuy, sau đổi tên thành Trường Lê Duẩn, Trường Đảng Mỹ Tho. Thực hiện Quyết định số 88 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, tháng 9/1994, Trường Hành chính, Trường Đảng tỉnh và các trường khối Đoàn thể hợp nhất thành Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang. Năm 2004, Trường vinh dự được trao tặng Huân chương Lao động hạng Nhì của Chủ tịch nước; nhiều Bằng Khen, Cờ thi đua của Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh và Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Tỉnh Tiền Giang.

Năm 2023, Đảng bộ nhà trường có 41 đảng viên; nam: 20; nữ: 21. Ban Chấp hành Đảng bộ: 08; nam: 05; nữ: 03. Số lượng chi bộ: 04. Ban Giám hiệu: 03; nam: 03; nữ: 00. Công đoàn: 51 công đoàn viên; nam: 25; nữ: 26. Đoàn Thanh niên: 05 đoàn viên; nam: 03; nữ: 02

Trường Chính trị có chức năng tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý của hệ thống chính trị cấp cơ sở, cán bộ, công chức, viên chức ở địa phương về lý luận chính trị - hành chính; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; kiến thức và chuyên môn, nghiệp vụ về công tác xây dựng Đảng, Chính quyền,

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; kiến thức về một số lĩnh vực khác; tham gia tổng kết thực tiễn, nghiên cứu khoa học về xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị ở địa phương.

Trường Chính trị có các nhiệm vụ:

- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý của Đảng, chính quyền, các đoàn thể chính trị - xã hội cấp cơ sở (xã, phường, thị trấn và các đơn vị tương đương); trưởng, phó phòng ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cấp huyện và tương đương; trưởng, phó phòng của sở, ban, ngành, đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh và tương đương; cán bộ được quy hoạch vào các chức danh trên; cán bộ, công chức, viên chức cấp cơ sở và một số đối tượng khác về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; kiến thức về một số lĩnh vực khác.

- Đào tạo trung cấp lý luận chính trị - hành chính theo tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương.

- Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước cho các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương; kiến thức quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch cán sự và tương đương, ngạch chuyên viên và tương đương, ngạch chuyên viên chính và tương đương.

- Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ cho các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý; cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ của các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội cấp cơ sở. Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã, cấp huyện.

- Bồi dưỡng các chương trình khác do cấp có thẩm quyền giao.

- Phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy và các cơ quan liên quan hướng dẫn và bồi dưỡng nghiệp vụ, phương pháp giảng dạy cho đội ngũ giảng viên của trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện.

- Tham gia tổng kết thực tiễn ở địa phương, cơ sở, tổ chức nghiên cứu khoa học phục vụ giảng dạy, học tập.

- Đào tạo, bồi dưỡng cho các đối tượng khác theo chỉ đạo của Tỉnh ủy.

Năm 2022, Trường có 03 khoa (Khoa Lý luận cơ sở, Khoa Xây dựng Đảng, Khoa Nhà nước và pháp luật); 02 phòng (Phòng Tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu; Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học)

Tổng số cán bộ, viên chức: 51; nam: 25; nữ: 26. Tổng số giảng viên: 24; nam: 11; nữ: 13. Tiến sĩ: 02; nam: 01; nữ: 01. Thạc sĩ: 24; nam: 12; nữ: 12. Cử nhân: 13; nam: 06; nữ: 07.

Tổng số học viên: 1.106.

Tổng diện tích: 23.011 m^2; diện tích sử dụng: 23.011 m^2

Phòng làm việc: 21; Phòng học: 10; Hội trường: 01; Thư viện: 01; Sân chơi: 01; Khu thể thao: 01; Nhà vệ sinh: 13; Căn tin: 01, Ký túc xá: 01, phòng nghỉ giảng viên thỉnh viên: 06.

*** Trường trung học phổ thông, trường trung học cơ sở - trung học phổ thông:**

Trường trung học phổ thông:

1. Trường Trung học phổ thông tư thục Ấp Bắc

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học phổ thông) + Loại hình trường (Tư thục) + Sự kiện lịch sử (Chiến thắng Ấp Bắc).

Địa chỉ: Số 555, đường Ấp Bắc, Khu phố 8, Phường 5, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733.887.322.

Trang thông tin điện tử: Apbac.edu.vn

Email: C3dlapbac.tiengiang@moet.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường Trung học phổ thông dân lập Ấp Bắc được thành lập năm 1990 theo Giấy phép số 11/GP.UB ngày 08/8/1990 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang. Năm 2007, trường được đổi tên thành Trường Trung học phổ thông tư thục Ấp Bắc theo Quyết định số 1271/QĐ-UBND ngày 02/04/2007 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Sự kiện lịch sử được đặt tên trường:

Ngày 01/01/1963, các đơn vị bộ đội của ta tập hợp tại Ấp Bắc để chuẩn bị tấn công ấp chiến lược Giồng Dứa (xã Long Định, huyện Châu Thành). Dò biết hoạt động của quân ta, ngày 02/01/1963, địch mở trận càn mang tên "Đức Thắng 01 - 63", do Sư đoàn 7 ngụy và chiến đoàn bảo an thuộc Tiểu khu Định Tường đảm trách.

Sau một ngày kiên cường chiến đấu chống địch càn quét, bắt đầu từ 5 giờ sáng và kéo dài liên tục đến 20 giờ, ta đã giành được thắng lợi vang dội: diệt và làm bị thương 450 tên, trong đó có 3 tên Mỹ và hàng chục sĩ quan ngụy, bắn rơi và bắn hỏng 16 máy bay trực thăng, bắn cháy 3 xe thiết giáp M.113, 2 tàu chiến.

Chiến thắng Ấp Bắc đã làm thất bại chiến thuật "trực thăng vận, thiết xa vận" của địch, mở đầu cho phong trào đánh bại chiến thuật mới của địch trên toàn chiến trường miền Nam. Đó là chiến công đặc biệt quan trọng, mở ra cục diện mới, tạo ra điển hình mới, đem lại lòng tin cho chiến sĩ và nhân dân ta ở miền Nam có khả năng đánh thắng Mỹ về quân sự trong "Chiến tranh đặc biệt".

Chiến thắng Ấp Bắc có ý nghĩa chiến lược làm đảo lộn các chiến thuật và chiến lược của đế quốc Mỹ; làm nhụt ý chí xâm lược của kẻ thù, làm lung lay chế độ tay sai Ngô Đình Diệm, gây tiếng vang lớn trên trường quốc tế. Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp

hành Trung ương Đảng lần thứ chín, tháng 12/1963, đã chỉ rõ: "Sau những thất bại nặng nề của kế hoạch Xtalây - Taylo, nhất là sau Chiến thắng Ấp Bắc của quân và dân miền Nam, đế quốc Mỹ đã bắt đầu không tin là chúng sẽ thắng, và đã công khai nói lên sự mất tin tưởng đó". Tổng bí thư Đảng Lê Duẩn cho rằng: "Với chiến thắng Ấp Bắc, Mỹ thấy không thể thắng ta trong chiến lược chiến tranh đặc biệt".

Năm 2023, nhà trường chưa có chi bộ Đảng. Ban Giám hiệu: 01, nam: 01; nữ: 00. Công đoàn: 16 công đoàn viên; nam: 06; nữ: 10. Đoàn thanh niên: 217 đoàn viên.

Tổng số viên chức: 38, nam: 09; nữ: 29. Thạc sĩ: 02; Cử nhân (đại học): 34; Trình độ khác: 02. Tổng số học sinh: 545; nam: 265; nữ: 280.

Tổng diện tích: 1.870,9 m^2; diện tích sử dụng: 1.870,9 m^2. Trường có 02 khu: Khu A: 04 tầng, khu B: 03 tầng. Phòng làm việc: 06; Phòng học 14 (toàn bộ phòng học đều được trang bị máy lạnh); Phòng thí nghiệm: 02; Phòng nghe nhìn: 00; Phòng máy tính: 01; Thư viện: 01; Sân chơi: 01; Khu thể thao: 00; Nhà vệ sinh: 05 nhà vệ sinh nam, 05 nhà vệ sinh nữ.

2. Trường Trung học phổ thông Chuyên Tiền Giang

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học phổ thông) + Loại hình trường (Chuyên: Theo khoản 1 Điều 62 Luật Giáo dục năm 2019, trường chuyên là trường được thành lập ở cấp trung học phổ thông dành cho học sinh đạt kết quả xuất sắc trong học tập nhằm phát triển năng khiếu về một số môn học trên cơ sở bảo đảm giáo dục phổ thông toàn diện, tạo nguồn đào tạo nhân tài, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước) + Địa danh hành chính (Tỉnh Tiền Giang).

Địa chỉ: Ấp Bình Tạo, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang;

Số điện thoại: 02733 877 609

Trang thông tin điện tử:

Email: c3chuyentiengiang.tiengiang@moet.edu.vn

Trường Trung học phổ thông Chuyên Tiền Giang được thành lập năm 1995 theo Quyết định số: 1663/QĐ.UB ngày 20/10/1995 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 36 đảng viên; nam: 15; nữ: 21; Chi ủy: 06; nam: 02; nữ: 04. Ban Giám hiệu: 03; nam: 02; nữ: 01. Công đoàn: 77 công đoàn viên, nam: 33; nữ: 44. Đoàn thanh niên: 1.011 đoàn viên, nam: 441; nữ: 570.

Tổng số viên chức: 71, nam: 29; nữ: 42. Tổng số giáo viên: 63; nam: 27; nữ: 36. Tiến sĩ: 02; Thạc sĩ: 45; Cử nhân (đại học): 24. Tổng số học sinh: 1.012, nam: 441; nữ: 571;

Tổng diện tích: 32.000m^2 . Diện tích sử dụng: 32.000m^2

Trường có 04 dãy lầu, mỗi dãy có 3 tầng; phòng làm việc: 26; phòng học: 33; phòng thí nghiệm: 09; phòng nghe nhìn: (ngoại ngữ): 02; phòng máy tính: 03; thư viện: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 04; nhà vệ sinh: 08; phòng truyền thống: 01; phòng tư vấn học

đường: 01; phòng y tế: 01; ký túc xá: 84 phòng, tổ chức cho 500 học sinh ở bán trú, nội trú.

3. Trường Trung học phổ thông Nguyễn Đình Chiểu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học phổ thông) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Đình Chiểu).

Địa chỉ: số 8 bis Hùng Vương, Phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

Số điện thoại: 0273.3872315

Trang thông tin điệntử: www.ndc.edu.vn

Email: c3nguyendinhchieu.tiengiang@moet.edu.vn

Trường được thành lập ngày 17/3/1879 theo Giấy xác nhận số 123/SGDĐT của Sở Giáo dục và Đào tạo Tiền Giang ngày 25/12/2007. Tên trường lúc mới thành lập là Collège de Mitho. Năm 1942, đổi tên là Collège Le Myre de Vilers. Năm 1953, là Trường Trung học Nguyễn Đình Chiểu. Sau ngày 30-4-1975, Trường có tên là Trường Cấp 3 Nguyễn Đình Chiểu. Năm 1978, là Trường Phổ thông trung học Nguyễn Đình Chiểu. Năm 1997, trường có tên là Trường Trung học phổ thông Nguyễn Đình Chiểu. Đây là một trong những ngôi trường trung học công lập lâu đời nhất ở Việt Nam, đào tạo nhiều nhân tài cho đất nước, nổi tiếng với truyền thống "Cách mạng – Dạy giỏi – Học giỏi". Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục, vinh dự được trao tặng Huân chương Lao động các hạng Nhất, Nhì, Ba và danh hiệu cao quý "Anh hùng Lao động thời kỳ Đổi Mới".

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

(1822 - 1888)

Nguyễn Đình Chiểu tự Mạnh Trạch, hiệu Trọng Phủ, Hối Trai. Sinh ngày 1 tháng 7 năm 1822, tại làng Tân Khánh , phủ Tân Bình, huyện Bình Dương, tỉnh Gia Định (thuộc Thành phố Hồ Chí Minh ngày nay).
Năm 1833, Lê Văn Khôi nổi lên chống triều Nguyễn, chiếm Gia Định, ông theo cha về Thừa Thiên tránh loạn và học tập. Năm 1843 ông đỗ Tú tài ở trường thi Gia Định, đúng vào năm 21 tuổi.

Năm 1847, ông ra Huế học để chờ thi khoa Kỷ Dậu 1849. Nhưng chưa kịp thi thì được tin mẹ mất tại Sài Gòn (1849). Trên đường trở về chịu tang mẹ, vì thời tiết thất thường, vất vả và khóc thương nhiều nên ông bị bệnh rồi mù cả đôi mắt. Trong thời gian nghỉ lại Quảng Nam chữa bệnh, tuy bệnh không hết, nhưng ông đã được một vị danh y truyền dạy nghề thuốc. Ông mở trường dạy học, học trò rất đông.

Thời gian này, ông viết *Dương Từ - Hà Mậu*, nội dung cuốn sách nhằm bênh vực Nho giáo chân chính, chống bọn giả đạo đức, tham danh lợi. Khoảng năm 1850, ông viết truyện thơ *Lục Vân Tiên*, tỏ rõ lòng yêu chính nghĩa, ghét gian tà của mình. Quyển

sách mang tính "tự truyện" này có tính chất nhân dân, có tác dụng giáo dục đạo đức rất lớn đối với quần chúng.

Ngày 17 tháng 2 năm 1859, Pháp chiếm thành Gia Định. Ông cùng gia đình chạy về quê vợ ở làng Thanh Ba, huyện Cần Giuộc. Cũng tại nơi đây, ông đã sáng tác *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*, được nhiều người đánh giá cao.

Khi 3 tỉnh miền Đông rơi vào tay quân Pháp, không chịu sống trong vùng bị chiếm đóng, Nguyễn Đình Chiểu cùng gia đình xuôi thuyền về làng An Đức, tổng Bảo An, tỉnh Vĩnh Long (nay là huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre). Tại đây, ông tiếp tục dạy học, bốc thuốc, đồng thời vẫn giữ mối liên hệ với những sĩ phu yêu nước như Phan Văn Trị, Nguyễn Thông và các lực lượng kháng chiến; từ chối trước mọi cám dỗ của đối phương. Thời gian này, ông sáng tác nhiều thơ văn bi tráng nhất, tiếc thương những đồng bào, bạn bè, nghĩa sĩ đã mất vì nước.

Ngày 3 tháng 7 năm 1888, ông cũng qua đời tại Ba Tri, thọ 66 tuổi. Người ta kể lại rằng ngày đưa đi an táng, cả cánh đồng An Bình Đông, nay là An Đức, trắng xóa khăn tang của những người mến mộ ông. Ông được an táng cạnh mộ vợ, nay thuộc ấp 3, xã An Đức, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Tên ông được đặt tên trường học, đường phố, công trình công cộng trên cả nước.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 40; nam: 16 nữ: 24. Công đoàn: 101 công đoàn viên; Nam: 36, Nữ: 65. Đoàn Thanh niên: 2.208 đoàn viên; Nam: 1.024, Nữ: 1.184.

Tổng số cán bộ, viên chức: 101; Nam: 36 ,Nữ: 65. Tổng số giáo viên: 96 ; Nam 34, Nữ: 61. Tiến sĩ: 01; Thạcsĩ: 28; Cử nhân (Đại học): 70; Trung học chuyên nghiệp: 02.

Tổng số học sinh: 2.357; Nam: 1.012, Nữ: 1.345.

Tổng diện tích: 39.378,2m^2 , diện tích sử dụng: 39.378,2m^2

Từ tháng 5/2012 đến tháng 5/2017, trường xây mới kiến trúc 01 trệt, 03 lầu, với trang thiết bị hiện đại:

+ Khu A - Khối hành chánh, 01 hội trường lớn có 350 chỗ ngồi, 01 thư viện.

+ Khu B - Khối 40 phòng học và 04 phòng giáo viên.

+ Khu C - Khối 05 phòng học, phòng bộ môn và 12 phòng thực hành - thí nghiệm.

+ Khu E - Khối thể dục, thể thao: gồm nhà thể thao đa môn, 01 hồ bơi, 02 sân tenis, 01 sân bóng đá mini và khu thể thao ngoài trời.

Để bảo tồn di tích của Collège de Mitho, nhà trường đã cho di dời và phục dựng lại 01 nhà Giáo sư và 02 phòng học được xây dựng từ những năm 1879; đồng thời giữ lại và cho trùng tu 01 biệt thự dành cho hiệu trưởng và dãy lầu Bắc được xây dựng 1918.

4. Trường Trung học phổ thông Phước Thạnh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học phổ thông) + Địa danh hành chính (Xã Phước Thạnh).

Địa chỉ: Ấp Phước Hòa, xã Phước Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733.618.218

Trang thông tin điện tử: http://thptphuocthanh.tiengiang.edu.vn

Email: c3phuocthanh.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 2010, Phân hiệu Phước Thạnh thuộc Trường Trung học phổ thông Nguyễn Đình Chiểu được thành lập. Năm 2011, trên cơ sở Phân hiệu, Trường Trung học phổ thông Phước Thạnh được thành lập theo Quyết định số 1902/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo đơn vị hành chính: Xã Phước Thạnh.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 18 đảng viên; nam: 10, nữ: 08; Chi ủy: 03; nam: 02, nữ: 01. Ban giám hiệu: 03; nam: 02, nữ: 01. Công đoàn: 51 công đoàn viên; nam: 18, nữ: 33. Đoàn Thanh niên: 461 đoàn viên; nam: 210, nữ: 251.

Tổng số viên chức: 51; nam: 18, nữ: 33.

Tổng số giáo viên: 44; nam: 15, nữ: 29. Thạc sĩ: 07; Cử nhân (Đại học): 40; trình độ khác: 04.

Tổng số học sinh: 1.043; nam: 456, nữ: 587.

Tổng diện tích: 11.055,9 m^2; diện tích sử dụng: 1.981 m^2.

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu; Phòng làm việc: 16; Phòng học: 24; Phòng thí nghiệm: 03; Phòng nghe nhìn: 00; Phòng máy tính: 03; Thư viện: 01; Sân chơi: 2.874,23 m^2; Khu thể thao: 450 m^2; Nhà vệ sinh: 04 khu; căn tin, nhà xe.

5. Trường Trung học phổ thông Trần Hưng Đạo

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học phổ thông) + Tước vị và họ danh nhân (Hưng Đạo đại vương Trần Quốc Tuấn gọi tắt là trần Hưng Đạo)

Địa chỉ: 199, đường Trần Hưng Đạo, Phường 6, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733873308.

Trang thông tin điện tử: http://thpttranhungdao.tiengiang.edu.vn

Email: c3tranhungdao.tiengiang@moet.edu.vn

Tuền thân của trường là Trường Bán công Trương Công Định được thành lập 1963. Năm 1968, trường được đổi tên thành Trường Bán công Thiên Hộ Dương. Ít lâu sau, trường đổi tên thành Trường Bán công Mỹ Tho. Năm 1976, trường đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Phường 6B. Năm 1991, trường đổi sang tên mới là Trường

Trung học cơ sở Trần Hưng Đạo. Năm 1993, theo Quyết định số 841/QĐ-UB ngày 26 tháng 8 năm 1993 của ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang, trường hợp nhất với Trường Phổ thông trung học bán công Nguyễn Công Trứ, lấy tên là Trường Phổ thông trung học bán công Trần Hưng Đạo. Năm 2008, theo Quyết định số 2722/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2008 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang, trường được chuyển đổi từ Trường Trung học phổ thông bán công Trần Hưng Đạo thành Trường Trung học phổ thông Trần Hưng Đạo.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

TRẦN HƯNG ĐẠO

(1228 -1300)

Trần Hưng Đạo tên thật là Trần Quốc Tuấn, sinh năm 1228 tại hương Tức Mặc, phủ Thiên Trường (nay thuộc phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định).

Ông thuộc dòng dõi hoàng tộc nhà Trần, là nhà quân sự và văn hóa kiệt xuất, giữ chức Quốc công tiết chế, chỉ huy quân đội nhà Trần cùng với nhân dân Đại Việt ba lần đánh thắng quân Nguyên Mông xâm lược vào các năm 1258, 1285, 1288, bảo vệ vững chắc nền độc lập của Tổ quốc.

Năm 1300, trước lúc lâm chung, ông vẫn còn dâng vua Trần Anh Tông kế sách giữ nước, rằng: "Quân giặc cậy vào trường trận, quân ta cậy vào đoản binh, đem đoản binh đánh lại trường trận là việc thường trong binh pháp. Nhưng cần phải xét: Nếu thấy quân giặc tràn sang như gió như lửa, thì thế giặc có thể dễ dàng chống cự được; nếu giặc dùng cách chiếm cứ dần, như tằm ăn dâu, không vơ vét của dân, không mong đánh được ngay, thì ta phải dùng tướng giỏi, phải xem xét tình thế biến chuyển như người đánh cờ tùy thời cơ mà ứng biến cho đúng, làm thế nào thu hút được binh sĩ, như cha con một nhà mới có thể dùng để chiến thắng được. Phải khoan thư sức dân để làm cái kế sâu rễ bền gốc, đó là thượng sách giữ nước vậy".

Do có công lao to lớn, ông được vua Trần Nhân Tông phong là Quốc Công Tiết Chế Nhân Vũ Hưng Đạo Đại Vương hay là Đức Thượng Từ. Vua Trần Anh Tông phong ông là Đức Thượng Phụ Thượng Quốc Công Bình Bắc đại nguyên soái Quốc công Tiết chế Hưng Đạo Đại Vương.

Các tác phẩm của ông:

- Hịch tướng sĩ.

- Binh thư yếu lược.

- Vạn Kiếp tông bí truyền thư.

Năm 2013, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Việt Nam đã ghi tên ông trong danh sách 14 vị anh hùng tiêu biểu nhất trong lịch sử Việt Nam. Ông được nhân dân phong

Thánh. Nhiều tỉnh thành trên cả nước có tên đường, tên trường học, tượng đài và đền thờ ông.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 29 đảng viên; nam: 10, nữ: 19. Chi ủy: 05; nam: 03, nữ: 02. Ban giám hiệu: 03; nam: 01, nữ: 02. Công đoàn: 99 công đoàn viên; nam: 29, nữ: 70. Đoàn Thanh niên: 1.011 đoàn viên; nam: 387, nữ: 624.

Tổng số viên chức: 95; nam: 27, nữ: 68. Tổng số giáo viên: 89; nam: 26, nữ: 63. Thạc sĩ: 16; Cử nhân (đại học): 78; Cử nhân (Cao đẳng): 01.

Tổng số học sinh: 1659; nam:749, nữ: 910.

Tổng diện tích: 4.048m^2; diện tích sử dụng: 3.966,6 m^2

Trường có 04 dãy lầu (dãy A: 4 tầng; dãy B: 3 tầng; dãy C: 3 tầng; dãy D: 2 tầng); Phòng làm việc: 13; Phòng học: 29; Phòng thí nghiệm: 03; Phòng nghe nhìn: 00; Phòng máy tính: 04; Thư viện: 01; Sân chơi: 01; Khu thể thao: 00; Nhà vệ sinh: 06 (02 nhà vệ sinh dành cho nam học sinh, 02 nhà vệ sinh dành cho nữ học sinh, 02 nhà vệ sinh dành cho giáo viên); Căn tin; Nhà xe.

***Trường Trung học cơ sở:**

Thành phố Mỹ Tho:

1. Trường Trung học cơ sở Bảo Định

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Địa danh Hán Việt (Bảo Định).

Địa chỉ: 784, đường Ấp Bắc, Khu phố 3, Phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnhTiền Giang.

Số điện thoại: 02733 855 477

Trang thông tin điện tử: http://thcsbaodinh.tiengiang.edu.vn

Email: c2baodinhmytho.tiengiang@moet.edu.vn

Trường được thành lập theo Quyết định số 1113/QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 1989 của Ủy ban Nhân dân thành phố Mỹ Tho.

Trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên công trình nhân tạo: Kinh/Kênh Bảo Định

Lịch sử kinh/kênh Bảo Định:

Đây là con kênh được đào đầu tiên ở Nam bộ. Trước khi có con kênh này, tại đây đã có rạch Vũng Cù ở về phía đông bắc, chảy từ sông Vàm Cỏ Tây đến quán Thị Cai (nay thuộc thành phố Tân An, tỉnh Long An); và rạch Mỹ Tho ở về phía nam, chảy từ chợ Lương Phú (nay thuộc xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang) ra sông Tiền. Khoảng giữa bắc – nam, tức là từ quán Thị Cai đến chợ Lương Phú là ruộng vườn liên tiếp.

Năm 1705, vâng lệnh Quốc chúa Nguyễn Phúc Chu, Chính thống Vân trường hầu Nguyễn Cửu Vân đem quân đánh dẹp quân Cao Miên ở khu vực này khi bọn chúng xâm phạm biên cảnh. Để đề phòng quân giặc tập kích, Nguyễn Cửu Vân cho đắp một phòng tuyến kéo dài từ quán Thị Cai đến chợ Lương Phú. Bên ngoài phòng tuyến, ông cho đào một con mương hào nối liền rạch Vũng Cù và rạch Mỹ Tho. Sau đó, nhân đường nước đã lưu thông, người ta đào sâu thêm, thành ra đường kênh, ghe thuyền đi lại được. Lúc bấy giờ, để tiện cho việc nhắm hướng đào mở, người ta có dựng một cái thang cao, tục gọi là thang trông; và về sau trở thành địa danh: chợ Thang Trông ở xã Phú Kiết, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Do đoạn kênh tại Thang Trông có giáp nước, nên kênh thường bị bùn lầy làm cho nông cạn. Vì thế, năm 1819, vua Gia Long ra lệnh cho các viên quan đứng đầu thành Gia Định và trấn Định Tường huy động dân phu nạo vét và mở rộng kênh từ Thang Trông đến Húc Đồng (Hóc Đùn) – bến Mỹ Tho dài 40 dặm rưỡi (khoảng 14 km).

Công trình cải tạo kênh được tiến hành trong khoảng 3 tháng; khởi công ngày 28 tháng Giêng năm Kỷ Mão (23–2–1819); kết thúc theo ghi chép của *Gia Định thành thông chí* là ngày 4 tháng 4 nhuận năm Kỷ Mão (28–5–1819).

Sau khi công trình đã được hoàn thành mỹ mãn, vua Gia Long cho tạc sự kiện này vào bia đá dựng tại Thang Trông để "*truyền mãi về sau*"; và đặt tên cho kênh là Bảo Định. Lúc này, kênh có bề ngang 15 tầm (khoảng 32 mét), sâu 9 thước (khoảng 4 mét), hai bên bờ kênh có đường quan lộ được đắp bằng đất, rộng 6 tầm (khoảng 13 mét). Dưới thời Thiệu Trị (1841 – 1847), kênh Bảo Định được đổi tên là An Định; rồi Trí Tường.

Trong lịch sử kháng chiến chống ngoại xâm, kênh Bảo Định gắn liền với chiến công của quân dân ta vào năm 1861. Đó là việc trung tá hải quân Buộc - đe (Bourdais), chỉ huy trưởng cuộc hành quân tấn công Mỹ Tho, bị bắn chết tại Thang Trông (Phú Kiết, Chợ Gạo) ngày 17-3-1861. Đây là viên sĩ quan cao cấp đầu tiên của thực dân Pháp bị đền tội khi bọn chúng xâm lược nước ta.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 11 đảng viên; nam: 01, nữ: 10 ; Chi uỷ: 03; nam: 00; nữ: 03. Ban giám hiệu: 01; nam: 00; nữ: 01. Công đoàn: 26 công đoàn viên; nam: 06; nữ: 20. Đoàn thanh niên: 33 đoàn viên; nam: 14; nữ: 19. Đội thiếu niên: 396 đội viên; nam: 204; nữ: 192.

Tổng số cán bộ, viên chức: 26; nam: 06; nữ: 20. Tổng số giáo viên: 24; nam: 06; nữ: 18. Cử nhân (đại học): 24 ; Cử nhân (cao đẳng): 02.

Tổng số học sinh: 427; nam: 217; nữ: 210.

Tổng diện tích: 3.341,7 m^2; diện tích sử dụng: 3.341,7 m^2.

Trường có 01 dãy lầu, gồm 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 03; phòng học: 06; phòng thí nghiệm: 03; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 02; sân chơi: 01; khu thể thao: 00; khu vệ sinh: 02.

2. Trường Trung học cơ sở Bình Đức

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Bình Đức).

Địa chỉ: Ấp Bình Tạo A, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0733853229

Trang thông tin điện tử: http://thcsbinhduc.tiengiang.edu.vn

Email: c2binhducmt.tiengiang@moet.edu.vn.

Tiền thân của trường là Trường Trung học Tỉnh hạt Học Lạc được thành lập năm 1972. Sau ngày 30-4-1975, trường đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Bình Đức B. Năm 1987, hai Trường Phổ thông cơ sở Bình Đức A và Trường Phổ thông cơ sở Bình Đức B hợp nhất thành Trường Phổ thông cấp II Bình Đức. Năm 1990, trường đổi tên là Trường Trung học cơ sở Bình Đức. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Bình Đức.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 14 đảng viên; nam: 05, nữ: 09; Chi uỷ: 03; nam: 00; nữ: 03. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 44 công đoàn viên; nam: 16; nữ: 28. Đoàn thanh niên: 29 đoàn viên; nam: 15; nữ: 14. Đội thiếu niên: 840; nam: 438; nữ: 402.

Tổng số cán bộ, viên chức: 44; nam: 16; nữ: 28. Tổng số giáo viên: 40; nam: 14; nữ: 26. Thạc sĩ: 03; Cử nhân (đại học): 31; Cử nhân (cao đẳng): 09; Trung học phổ thông: 01.

Tổng số học sinh: 856; nam: 448; nữ: 408.

Tổng diện tích: 8.436,1m^2; diện tích sử dụng: 3.463,8 m^2.

Trường có 02 dãy lầu (dãy hành chánh và dãy phòng học), mỗi dãy có 1 trệt, 03 lầu; phòng làm việc: 10; phòng học:15; phòng thí nghiệm: 04; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 02; khu vệ sinh: 04.

3. Trường Trung học cơ sở Học Lạc

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Ngạch học sinh và tên danh nhân (Học Lạc).

Địa chỉ: Số 23, đường Diệp Minh Tuyền, Phường 8, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733958121

Trang thông tin điện tử: http://thcshoclac.tiengiang.edu.vn

Email: c2hoclacmytho.tiengiang@moet.edu.vn

Trường Trung học cơ sở Học Lạc được thành lập năm 1989. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

HỌC LẠC

(1842 – 1915)

Học Lạc, tên thật là Nguyễn Văn Lạc, hiệu Sầm Giang, sinh năm 1842 tại thôn Mỹ Chánh, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường (nay thuộc Phường 8 và xã Tân Mỹ Chánh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang).

Thuở nhỏ, ông theo học tại trường tỉnh tọa lạc ở thôn Bình Tạo (nay là Phường 4 và Phường 6, thành phố Mỹ Tho). Mặc dù gia cảnh gặp khó khăn; nhưng do thông minh lại chuyên cần, nên ông học rất giỏi, được hưởng học bổng của triều đình và xếp vào ngạch Học sinh. Vì thế, ông được mọi người gọi là Học sinh Lạc. Về sau, mất chữ "sinh", chỉ còn hai chữ "Học Lạc" mà thôi.

Năm 1859, thực dân Pháp đánh chiếm thành Gia Định, ông gác lại chuyện thi cử. Năm 1861, giặc Pháp đánh chiếm thành Định Tường, ông lánh về ở ẩn tại chợ Thuộc Nhiêu (nay thuộc xã Dưỡng Điềm, huyện Châu Thành), tỏ thái độ bất hợp tác với nhà cầm quyền Pháp.

Tại đây, ông mở trường dạy chữ Nho nhằm mở mang dân trí và hun đúc tinh thần yêu nước, thương nhà cho lớp trẻ. Đồng thời, ông còn làm nghề thuốc Nam, chữa bệnh cho dân nghèo.

Vốn giỏi thơ văn lại có tính cương trực, khẳng khái, ông đã sáng tác nhiều bài thơ châm biếm, trào phúng nhằm đả kích chế độ thực dân thối nát và những kẻ phản dân hại nước, cúi đầu làm tay sai cho ngoại bang, những kẻ hãnh tiến, huyênh hoang, lố bịch và bọn xu thời hợm hĩnh. Qua đó, ông tỏ lòng đau xót trước cảnh nước mất nhà tan; cũng như, tinh thần yêu nước, ý chí đấu tranh bất khuất của người trí thức chân chính.

Các bài thơ tiêu biểu của ông là *Ăn tiêu lâu, Tức cảnh Mỹ Tho, Tức cảnh Thuộc Nhiêu, Thơ ông làng (của hát Bội), Con trâu, Con tôm, Chó chết trôi, Cặp gà, Tạ hương đăng, Tức cảnh buổi chiều, Ngồi trăng,…*

Trong khuynh hướng thi văn, nhiều nhà nghiên cứu văn học xếp ông vào các nhà thơ có khuynh hướng trào phúng và châm biếm như Chu Mạnh Trinh, Trần Tế Xương, Nguyễn Khuyến,... Có tác giả cho rằng, ông xứng đáng nối gót hai nhà thơ yêu nước nổi tiếng là Nguyễn Đình Chiểu và Phan Văn Trị.

Ông mất năm 1915 tại Thuộc Nhiêu. Biệt danh Học Lạc của ông được đặt đặt đường và tên trường trung học cơ sở ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang; tên đường ở Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh; tên thật của ông được đặt tên đường ở quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 17 đảng viên; nam: 02, nữ: 15; Chi uỷ: 03; nam: 02; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 33; nam: 08; nữ: 25. Đoàn

thanh niên: 29 đoàn viên; nam: 14; nữ: 15. Đội thiếu niên: 528 đội viên; nam: 282; nữ: 246.

Tổng số cán bộ, viên chức: 33; nam: 08; nữ: 25. Tổng số giáo viên: 28; nam: 06; nữ: 22. Cử nhân (đại học): 29; Cử nhân (cao đẳng): 02; Trung học sư phạm: 02. .

Tổng số học sinh: 540 nam: 290; nữ: 250. .

Tổng diện tích: 10.284,6 m^2; diện tích sử dụng: 1.828,59 m^2

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 02 tầng, nhà đa năng: 01, phòng làm việc: 09; phòng học: 16; phòng thí nghiệm: 02; phòng nghe nhìn: 02; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 03; khu thể thao: 03; khu vệ sinh: 03.

4. Trường Trung học cơ sở Lê Ngọc Hân

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Họ và tên danh nhân (Lê Ngọc Hân).

Địa chỉ: Số 2, Ngô Quyền, Phường 1, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang

Số điện thoại: 0273.3872.319

Trang thông tin điện tử: http://lengochan.tiengiang.edu.vn

Email: c2lengochanmytho.tiengiang@moet.edu.vn

Trường được thành lập năm 1957 với tên gọi là Trường Nữ trung học Mỹ Tho. Năm 1964, trường đổi tên thành Trường Trung học Lê Ngọc Hân. Sau ngày 30-4-1975, là Trường Phổ thông cơ sở Lê Ngọc Hân. Năm 1979, trường đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở phường 7B. Năm 1981, là Trường Phổ thông cấp I, II phường 7B. Năm 1989, trường đổi tên thành Trường Phổ thông cấp II Lê Ngọc Hân. Năm 1997, là Trường Trung học cơ sở Lê Ngọc Hân. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia, được Chủ tịch nước phong tặng Huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì và Ba, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

LÊ NGỌC HÂN

(1770-1799)

Lê Ngọc Hân còn gọi Ngọc Hân công chúa hay Bắc Cung Hoàng hậu là công chúa thứ 21 của vua Lê Hiển Tông, vợ của vua Quang Trung (Nguyễn Huệ).

Công chúa thông minh từ bé, diện mạo thanh tú, xinh xắn, bản tính thùy mị dịu dàng, được vua cha yêu quí đặt tên là Chúa Tiên và truyền cho nữ quan Lễ sư vào cung rèn dạy chữ nghĩa và các môn cầm, kỳ, thi, họa cho công chúa,. Do đó, công chúa đã thuộc làu kinh điển, thông thạo âm luật, giỏi thơ văn cả Hán lẫn Nôm, nhưng có sở trường về văn thơ Nôm. Càng lớn, công chúa càng xinh đẹp nết na, duyên dáng đức hạnh, được tiếng thơm khắp hoàng cung; mọi người đều quí trọng.

Năm 1786, Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ đem quân tiến ra Bắc với danh nghĩa "Phù Lê diệt Trịnh", được vua Lê Hiển Tông phong tước "Phù chính dực Vũ uy Quốc Công" và gả công chúa Ngọc Hân cho ông. Sau đó, công chúa theo chồng về Phú Xuân, ở phủ Bắc Bình Vương.

Năm 1788, Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng đế lấy hiệu Quang Trung, phong Ngọc Hân là Bắc cung Hoàng hậu, còn gọi Hữu cung Hoàng hậu.

Năm 1792, vua Quang Trung đột ngột qua đời. Sau tang lễ, Ngọc Hân đau xé lòng khóc chồng bằng bài "Ai tư vãn". Đây là tiếng nói chân tình của bà đối với chồng, người anh hùng dân tộc Quang Trung (Nguyễn Huệ)

Hoàng hậu Ngọc Hân bị bệnh mất ở Phú Xuân năm Kỷ Tỵ (1799). Bà mất sau vua Quang Trung 7 năm, được tôn Miếu hiệu là Nhu Ý Trang Thận Trinh Nhất Vũ Hoàng Hậu. Tên bà được đặt tên đường, tên trường học ở nhiều tỉnh thành trên cả nước.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 59 đảng viên; nam: 17, nữ: 42 ; Chi uỷ: 07; nam: 03; nữ: 04. Ban giám hiệu: 03; nam: 01; nữ: 02. Công đoàn: 162 công đoàn viên; nam: 61 ; nữ: 101. Đoàn thanh niên: 25 đoàn viên; nam: 08 ; nữ: 17; Đội thiếu niên: 3.249 đội viên; nam: 1.648; nữ: 1.601.

Tổng số cán bộ, viên chức: 162; nam: 61; nữ: 101. Tổng số giáo viên: 147; nam: 52; nữ: 95. Thạc sĩ: 09; Cử nhân (đại học):125; Cử nhân (cao đẳng): 18 ; Trung học sư phạm: 02; Trung cấp: 08. .

Tổng số học sinh: 3.249; nam: 1.648; nữ: 1.601 .

Tổng diện tích: 15.128,3 m^2; diện tích sử dụng: 15.128,3 m^2

Trường có 04 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 03 tầng lầu, phòng làm việc: 07; phòng học: 54; phòng thí nghiệm: 07; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 04; thư viện: 02; sân chơi: 02; khu thể thao: 02; khu vệ sinh: 16.

5. Trường Trung học cơ sở Nam Định

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Tỉnh Nam Định)

Địa chỉ: Khu phố 1, Lê Thị Hồng Gấm, Phường 6, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733875876

Trang thông tin điện tử: http://thcsnamdinh.tiengiang.edu.vn

Email: thcsnamdinh@gmail.com

Trường được thành lập năm 2013 theo Quyết định số 3269/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban Nhân dân thành phố Mỹ Tho. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên tỉnh kết nghĩa với tỉnh Tiền Giang: Tỉnh Nam Định

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 14 đảng viên; nam: 04, nữ: 10; Chi uỷ: 03; nam: 01; nữ: 02. Ban Giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 48; nam: 10; nữ: 38. Đoàn thanh niên: 10 đoàn viên; nam: 02; nữ: 08; Đội thiếu niên: 817 đội viên; nam: 449; nữ: 368.

Tổng số cán bộ, viên chức: 48; nam: 10; nữ: 38. Tổng số giáo viên: 39; nam: 07; nữ: 32. Thạc sĩ: 02; Cử nhân (đại học): 38; Cử nhân (cao đẳng): 03; Trung cấp và trung học phổ thông: 05.

Tổng số học sinh: 817; nam: 449; nữ: 368. .

Tổng diện tích: 10.252,5 m^2; diện tích sử dụng: 4.217m^2

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 02 tầng, phòng làm việc: 04; phòng học: 19; phòng thí nghiệm: 02; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; nhà đa năng: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02; các loại hình khác: 07.

6. Trường Trung học cơ sở Phú Thạnh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Thạnh Phú và xã Phước Thạnh ghép lại thành Phú Thạnh)

Địa chỉ: Ấp Phước Hòa, xã Phước Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733893081

Trang thông tin điện tử: http://thcsphuthanh.tiengiang.edu.vn

Email: c2phuthanhmt.tiengiang@moet.edu.vn

Trường Trung học cơ sở Phú Thạnh được thành lập năm 1990 trên cơ sở tách bậc trung học cơ sở của Trường Phổ thông cơ sở Phước Thạnh và Trường Phổ thông cơ sở Thạnh Phú. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên ghép của 02 đơn vị hành chính: Xã Thạnh **Phú** và xã Phước **Thạnh.**

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 19 đảng viên; nam: 05, nữ: 14; Chi uỷ: 01; nam: 01; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 56 công đoàn viên; nam: 19; nữ: 37. Đoàn thanh niên: 07 đoàn viên; nam: 01; nữ: 06; Đội thiếu niên: 1.046 đội viên; nam: 534; nữ: 512.

Tổng số cán bộ, viên chức: 56; nam: 19; nữ: 37. Tổng số giáo viên: 51; nam: 1; nữ: 34. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (đại học): 40; Cử nhân (cao đẳng): 10; Trung cấp và trung học phổ thông: 05.

Tổng số học sinh: 1.046; nam: 534; nữ: 512.

Tổng diện tích: 8.831m^2; diện tích sử dụng: 6.287m^2

Trường có 03 dãy lầu 2 tầng và 01 dãy lầu 1 tầng; phòng làm việc: 05; phòng học: 26; phòng thí nghiệm: 03; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao 01; khu vệ sinh: 03.

7. Trường Trung học cơ sở Tân Mỹ Chánh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Tân Mỹ Chánh).

Địa chỉ: Ấp Phong Thuận, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733850134.

Trang thông tin điện tử: http://thcstanmychanh.tiengiang.edu.vn

Email: c2tanmychanhmytho.tiengiang@moet.edu.vn.

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I, II Tân Mỹ Chánh được thành lập. Năm 1984, tách các lớp Cấp II của Trường Phổ thông cấp I, II Tân Mỹ Chánh để thành lập Trường Phổ thông cấp II Tân Mỹ Chánh. Năm 1990, trường được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Tân Mỹ Chánh. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Tân Mỹ Chánh.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 18 đảng viên; nam: 09, nữ: 09; Chi uỷ: 03; nam: 01; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 35 công đoàn viên; nam: 16; nữ: 19. Đoàn thanh niên: 04 đoàn viên; nam: 02; nữ: 02; Đội thiếu niên: 640 đội viên; nam: 349; nữ: 291.

Tổng số cán bộ, viên chức: 35; nam: 16; nữ: 19. Tổng số giáo viên: 28; nam: 11; nữ: 17. Cử nhân (đại học): 25; Cử nhân (cao đẳng): 03; Trung cấp và Trung học phổ thông: 07.

Tổng số học sinh: 640; nam: 349; nữ: 291.

Tổng diện tích: 3.930m^2; diện tích sử dụng: 3.930m^2.

Trường có 04 dãy lầu; 01 dãy có 02 lầu, 03 dãy có 01 lầu; phòng làm việc: 06; phòng học: 08; phòng thí nghiệm: 06; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; nhà đa năng: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao:01; khu vệ sinh: 05.

8. Trường Trung học cơ sở Trịnh Hoài Đức

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Họ và tên danh nhân (Trịnh Hoài Đức).

Địa chỉ: Số 65, đường Trịnh Hoài Đức, Phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733.975 422

Trang thông tin điện tử: http://thcstrinhhoaiduc.tiengiang.edu.vn

Email: c2trinhhoaiducmt.tiengiang@moet.edu.vn

Trường Trung học cơ sở Trịnh Hoài Đức được thành lập tại cơ sở mà trước ngày 30 tháng 4 năm 1975 là Trường Tiểu học Tân Dân. Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, trường có tên là Trường Phổ thông cấp II Phường 2. Năm 1993, cơ sở được giao cho Trường Công nhân kỹ thuật giao thông Tiền Giang quản lý. Năm 2003, cơ sở được giao cho Trường Trung học cơ sở Học Lạc sử dụng tạm thời. Năm 2007, cơ sở được giao cho Trường Trung học cơ sở Xuân Diệu quản lý để thành lập Cơ sở 2. Năm 2008, Cơ sở 2 của Trường Trung học cơ sở Xuân Diệu được tách ra để thành lập Trường Trung học cơ sở Phường 2 theo Quyết định số 4715/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban Nhân dân thành phố Mỹ Tho. Năm 2009, trường được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Trịnh Hoài Đức theo Quyết định số 2503/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2009 của Ủy ban Nhân dân thành phố Mỹ Tho.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

TRỊNH HOÀI ĐỨC

(1765-1825)

Trịnh Hoài Đức có tên gọi khác là An, tên tự Chỉ Sơn, hiệu Cấn Trai; quê ở Trấn Biên (nay là thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai ngày nay). Năm 1775, sau khi cha mất, ông mới 10 tuổi theo mẹ dời vào Phiên Trấn (Gia Định - Thành phố Hồ Chí Minh ngày nay). Tại đây, ông theo học Xử sĩ Võ Trường Toản.

Năm Mậu Thân (1788), khi Nguyễn Ánh chiếm Gia Định, ông cùng nhóm Lê Quang Định ra ứng cử, được bổ làm Hàn lâm viện Chế cáo. Năm 1789, ông nhậm chức Điền tuấn sứ huyện Tân Bình. Sau đó, ông đổi qua bộ Hình, kế nhiệm chức Thị giảng Đông cung. Năm 1794, ông được bổ làm Ký lục dinh Trấn Định (Tiền Giang ngày nay). Năm 1801, ông làm Tham tri bộ Hộ.

Năm 1802, ông được thăng Thượng thư bộ Hộ, làm Chánh sứ sang Trung Quốc. Năm 1804, ông hộ giá vua Gia Long về Phú Xuân, vẫn đảm nhiệm chức Thượng thư bộ Hộ.

Năm 1802, ông được cử làm Hiệp Lưu trấn Gia Định. Năm 1808, Gia Định trấn được đổi thành Gia Định thành, Trịnh Hoài Đức được bổ làm Hiệp Tổng trấn.

Năm 1812, ông được triệu về kinh, giữ chức Thượng thư bộ Lễ, kiêm quản Khâm Thiên giám. Năm sau (1813), ông được chuyển sang làm Thượng thư bộ Lại. Đến năm 1816, ông lại được nhiệm chức Hiệp Tổng trấn Gia Định thành. Năm 1819, ông tham gia chỉ huy công trình nạo vét và mở rộng kênh Bảo Định ở trấn Định Tường.

Năm 1820, thời Minh Mạng, ông lãnh chức Tổng trấn Gia Định thành, sau đó được triệu về kinh, lãnh chức Thượng thư bộ Lại. Năm 1821, ông được thăng hàm Hiệp

biện Đại học sĩ, lãnh Thượng thư bộ Lại kiêm Thượng thư bộ Binh. Tháng 3 năm 1822, ông được sung làm Chánh Chủ khảo trường thi Hội tại kinh đô Huế; tháng 11, ông kiêm lãnh Thượng thư bộ Lễ.

Tháng 7 năm 1823, ông xin về Gia Định nghỉ vì sức khỏe kém. Đến tháng 9 cùng năm, ông trở lại kinh lãnh chức Thượng thư bộ Lại và bộ Lễ. Tháng 10 cùng năm, ông trở về Gia Định. Tháng 3-1824, trở ra kinh, ông lãnh chức Thượng thư bộ Lại kiêm quản Lễ bộ sự vụ. Tháng 7 cùng năm, ông được sung chức Tổng tài và quyền lãnh công việc ở ty Thương Bạc. Chẳng bao lâu, do bệnh nặng, tuổi cao, ông từ trần tại Quỳ Viên (3-1825), thọ 61 tuổi.

Khi ông mất, triều đình cho bãi triều ba ngày, truy tặng ông làm Thái bảo, Cần Chánh điện Đại học sĩ (hàm Chánh nhất phẩm), đặt tên thụy là Văn Khác. Thi hài ông được đưa về chôn tại quê nhà - thôn Bình Trước, huyện Phước Chánh, phủ Phước Long (nay là phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai). Khu mộ của ông đã được công nhận Di tích lịch sử cấp Quốc gia năm 1990.

Tác phẩm của Trịnh Hoài Đức gồm có:

- *Cấn Trai thi tập* gồm 3 tập: *Thối thực truy biên tập, Quan quang tập, Khả dĩ tập*.

- *Gia Định Thành thông chí*.

- *Bắc sứ thi tập* (có ý kiến cho rằng *Bắc sứ thi tập* chính là *Quan quang tập* trong *Cấn Trai thi tập*.

- *Lịch đại kỷ nguyên*.

- *Khang tế lục*.

- *Gia Định tam gia thi tập*: chung với Lê Quang Định, Ngô Nhơn Tĩnh.

Đương thời, ông cùng với Lê Quang Định và Ngô Nhơn Tĩnh được mọi người tôn làm Gia Định tam gia.

Tên ông được đặt tên công trình công cộng ở nhiều tỉnh, thành trên cả nước; riêng ở thành phố Mỹ Tho, tên ông được đặt tên đường và tên trường trung học cơ sở.

Năm 2013, Chi bộ nhà trường có 11 đảng viên; nam: 04, nữ: 07; Chi uỷ: 03; nam: 01; nữ: 02. Ban giám hiệu: 01; nam: 00; nữ: 01. Công đoàn: 29 công đoàn viên; nam: 11; nữ: 18. Đoàn thanh niên: 18 đoàn viên; nam: 09; nữ: 09. Đội thiếu niên: 448 đội viên; nam: 242; nữ: 206.

Tổng số cán bộ, viên chức: 29; nam: 11; nữ: 18. Tổng số giáo viên: 23; nam: 09; nữ: 14. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (đại học): 18; Cử nhân (cao đẳng): 04; Trung cấp và Trung học phổ thông: 03. .

Tổng số học sinh: 461; nam: 247; nữ: 214. .

Tổng diện tích: 3.882,7 m^2; diện tích sử dụng: 2682.7m^2

Trường có 03 dãy lầu, dãy phía Nam có 03 tầng, dãy phía Bắc có 03 tầng, dãy giữa có 03 tầng; phòng làm việc: 06; phòng học: 13; phòng thí nghiệm: 06; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 02; khu thể thao 01; khu vệ sinh: 16.

9. Trường Trung học cơ sở Trung An

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Trung An).

Địa chỉ: Số 1, Ấp 4, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733857097

Trang thông tin điện tử: thcstrungan.tiengiang.edu.vn

Email: c2trunganmytho.tiengiang@moet.edu.vn

Trường được thành lập năm 1986 với tên gọi là Trường Phổ thông cơ sở Trung An, gồm có 02 cấp học là trung học cơ sở và tiểu học. Năm 1990, trường được tách ra thành Trường Trung học cơ sở Trung An và Trường Tiểu học Trung An. Năm 2001, Trường Trung học cơ sở Trung An được xác nhận thành lập theo Quyết định số 679/QĐ-UB ngày 10 tháng 09 năm 2001 của Ủy ban Nhân dân thành phố Mỹ Tho. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Trung An

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 13 đảng viên; nam: 05, nữ: 08; Chi uỷ: 03; nam: 02; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 39 công đoàn viên; nam: 11; nữ: 28. Đoàn thanh niên: 17 đoàn viên; nam: 07; nữ: 10. Đội thiếu niên: 680 đội viên; nam: 353; nữ: 327.

Tổng số cán bộ, viên chức: 38; nam: 11; nữ: 27. Tổng số giáo viên: 35; nam: 10; nữ: 25. Cử nhân (đại học): 33; Cử nhân (cao đẳng): 05.

Tổng số học sinh: 692; nam: 360; nữ: 332.

Tổng diện tích: 9.815,5m^2; diện tích sử dụng: 1.744,7m^2

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 02 tầng; phòng làm việc: 10; phòng học: 13; phòng thí nghiệm: 07; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; nhà đa năng: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 04.

10. Trường Trung học cơ sở Xuân Diệu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Họ và tên danh nhân (Xuân Diệu).

Địa chỉ: Số 3 Hùng Vương, phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

Số điện thoại: 0273.3872617

Trang thông tin điện tử: http://xuandieu.tiengiang.edu.vn/

Email: c2xuandieumytho.tiengiang@moet.edu.vn

Trường được thành lập ngày 17-3-1879 với tên gọi là Trường tỉnh. Năm 1926, trường được đổi tên thành Le Groupe Scolaire de My - Tho. Năm 1946, trường có tên là École Primaire Complémentaire du Chef lieu. Năm 1955, trường tách ra làm hai trường: Trường Nam và Trường Nữ (Trường Nữ thoạt đầu lấy tên là Trường Trưng Vương sau đó là Trường Nữ Tiểu học, xây cất tại địa điểm bây giờ là Trường Tiểu học Thủ Khoa Huân). Năm 1956, Trường Nam được đổi tên thành Trường Tiểu học Trương Công Định. Năm 1963, trường được gọi là Trường Nam tiểu học cộng đồng Mỹ Tho. Năm 1968, là Trường Nam tiểu học Mỹ Tho. Năm 1976, trường mang tên Trường Phổ thông cơ sở Phường 1. Năm 1978, trường có tên là Trường Cấp II Phường 1. Năm 1987, trường được đổi tên thành Trường Trung học Cơ sở Xuân Diệu. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục. Trường vinh dự nhận được Bằng khen và Cờ thi đua của Thủ tướng chính phủ; Bằng khen và Cờ thi đua của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

XUÂN DIỆU

(1916 - 1985)

Ông tên thật là Ngô Xuân Diệu, sinh năm 1916, bút danh Xuân Diệu, Trảo Nha, quê cha ở làng Trảo Nha, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, nhưng sinh tại quê mẹ ở Gò Bồi, thôn Tùng Giản, xã Phước Hòa, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

Năm 1927, từ Tuy Phước, ông vào Quy Nhơn học tập. Năm 1936, ông ra Huế học tại Trường Trung học Khải Định. Năm 1937, ông thi đậu Tú tài. Sau đó, ông ra Hà Nội, thi đậu vào Trường Luật thuộc Viện Đại học Đông Dương và tham gia nhóm Tự lực văn đoàn, vốn là một tổ chức văn học bao gồm phần lớn các nhà văn trẻ Việt Nam. Cuối năm 1940, ông làm tham tá thương chánh tại Sở Quan thuế tỉnh Mỹ Tho (nay là tỉnh Tiền Giang).

Năm 1942, ông trở ra Hà Nội, chuyên sáng tác văn chương, nhất là thơ. Năm 1944, ông tham gia cách mạng và cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trên lĩnh vực văn hóa - văn nghệ (1945-1954).

Hòa bình lập lại năm 1954, ông về sống tại Hà Nội, tiếp tục viết báo và sáng tác thơ, là một trong những người sáng lập Đoàn báo chí Việt Nam (nay là Hội Nhà báo Việt Nam), Ủy viên Ban Thường vụ Hội Nhà văn Việt Nam trong nhiều năm, Đại biểu Quốc hội Khóa 1 (1946-1960), Viện sĩ thông tấn Viện Hàn lâm nghệ thuật nước Cộng hòa dân chủ Đức (1983).

Năm 1985, ông qua đời tại Hà Nội. Năm 1996, ông được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh (đợt 1) về Văn học nghệ thuật.

Là cây đại thụ của nền thi ca hiện đại Việt Nam, ông đã để lại khoảng 450 bài thơ , một số truyện ngắn và nhiều bút ký, tiểu luận, phê bình văn học. Bút danh của ông - Xuân Diệu - được đặt tên đường, tên trường ở nhiều tỉnh thành trên cả nước.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 56 đảng viên; nam: 17, nữ: 39; Chi ủy: 07; nam: 03; nữ: 04. Ban giám hiệu: 03; nam: 01; nữ: 02. Công đoàn: 139 công đoàn viên; nam: 47; nữ: 92. Đoàn thanh niên: 169 đoàn viên; nam: 82; nữ: 87; Đội thiếu niên: 2.924 đội viên; nam: 1.479; nữ: 1.445.

Tổng số cán bộ, viên chức: 139; nam: 47; nữ: 92. Tổng số giáo viên: 133; nam: 45; nữ: 88. Thạc sĩ: 05; Cử nhân (đại học): 124; Cử nhân (cao đẳng): 10.

Tổng số học sinh: 3.077; nam: 1.555; nữ: 1.522.

Tổng diện tích đất: 10.990,6 m^2; diện tích sử dụng: 10.990,6 m^2

Trường có 04 dãy lầu (3 dãy có 03 tầng, 1 dãy có 4 tầng); phòng làm việc: 06; phòng học: 44; phòng thí nghiệm: 08; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 03 (02 khu mỗi khu có 3 nhà, 01 khu có 4 nhà); nhà tiền vãng: 01.

Trường tiểu học, trường tiểu học - trung học cơ sở:

1. Trường Tiểu học Âu Dương Lân

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Họ và tên danh nhân (Âu Dương Lân).

Địa chỉ: số 522, đường Đinh Bộ Lĩnh, Khu phố 5, Phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 850 133

Trang thông tin điện tử: thauduonglan.tiengiang.edu.vn

Email: c1auduonglanmytho.tiengiang@moet.edu.vn

Lịch sử trường:

Tiền thân của trường là Trường Tiểu học Tân Mỹ Chánh được thành lập năm 1950. Sau ngày 30/4/1975, trường được đổi tên là Trường Phổ thông cấp 1 Tân Mỹ Chánh. Năm 1976, hợp nhất 3 Trường Phổ thông cấp 1 Tân Mỹ Chánh, Trường Phổ thông cấp 1 Tân Tỉnh và Trường Phổ thông cấp 2 Tân Mỹ Chánh thành Trường Phổ thông cơ sở Tân Mỹ Chánh. Năm 1987, do số lượng học sinh quá đông, Trường Phổ thông cơ sở Tân Mỹ Chánh lại tách ra làm 3 trường như trước: Trường Phổ thông cấp 1 Tân Tỉnh, Trường Phổ thông cấp 1 Tân Mỹ Chánh và Trường Phổ thông cấp 2 Tân Mỹ Chánh. Năm 1997, Trường Phổ thông cấp 1 Tân Mỹ Chánh được đổi tên thành Trường Tiểu học Tân Mỹ Chánh. Ngày 21/8/2006, Ủy ban Nhân dân thành phố Mỹ Tho ra Quyết định số 1045/QĐ-UBND đổi tên Trường Tiểu học Tân Mỹ Chánh thành Trường Tiểu học Âu Dương Lân.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

ÂU DƯƠNG LÂN

(? - 1875)

Âu Dương Lân chưa rõ năm sinh, người thôn Phú An, huyện Kiến Hòa, trấn Định Tường (nay là xã Phú Kiết, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang).

Ông là người thông minh, học giỏi, thi đỗ cử nhân năm 1858 tại trường thi hương Gia Định. Được biết, cha của ông là Âu Dương Xuân cũng từng đỗ cử nhân năm 1842. Sau đó, ông được triều đình bổ làm Tri huyện Kiến Hòa, nên còn được gọi là Huyện Lân.

Khi thực dân Pháp xâm chiếm Nam kỳ (1859), ông tham gia phong trào kháng chiến do Võ Duy Dương và Nguyễn Hữu Huân lãnh đạo. Sau khi Nguyễn Hữu Huân bị giặc bắt và đày sang Cayenne ở Trung Mỹ vào năm 1864; rồi tiếp theo Võ Duy Dương hy sinh vào năm 1866; ông lui về quê nhà, nuôi chí quật khởi và chờ đợi thời cơ. Năm 1867, ông hoạt động trở lại, cùng với một số thủ lãnh nghĩa quân, như Nguyễn Văn Thọ, Lê Quang Vì, Phan Tấn Kỳ, Trần Văn Thành,… tổ chức quyên góp tiền bạc, mua sắm vũ khí và lương thực,… chuẩn bị cho công cuộc đánh Pháp khi có thời cơ.

Năm 1869, Nguyễn Hữu Huân được thả về nước và bị quản thúc tại nhà của Đỗ Hữu Phương (Tổng đốc Phương) ở Chợ Lớn. Năm 1872, Nguyễn Hữu Huân đào thoát khỏi nơi giam giữ, trở về Mỹ Tho chiêu mộ nghĩa sĩ tiếp tục cuộc kháng Pháp. Ngay lập tức, ông đã bắt liên lạc với vị Thủ khoa yêu nước; và được Nguyễn Hữu Huân tin tưởng giao trọng trách làm Phó tướng của cuộc khởi nghĩa. Lực lượng nghĩa quân ngày càng phát triển mạnh mẽ và tỏa ra tấn công quân Pháp ở khắp mọi nơi. Một hệ thống chính quyền kháng chiến đã được thiết lập ở vùng Mỹ Tho, Chợ Gạo.

Trước tình hình đó, thực dân Pháp tập trung lượng hùng hậu đàn áp cuộc khởi nghĩa. Năm 1875, ông bị quân Pháp bắt được. Bọn chúng vừa dụ dỗ, vừa tra tấn ông rất tàn bạo hòng buộc ông phải quy thuận. Nhưng, ông vẫn giữ vững khí tiết của người sĩ phu chân chính.

Mấy tháng sau ngày thực dân Pháp hành hình Nguyễn Hữu Huân (ngày 15 tháng 4 năm Ất Hợi nhằm ngày 19/5/1875), giặc Pháp đã chém đầu ông tại bờ sông Mỹ Tho (nay thuộc khu vực công viên Lạc Hồng, đường 30 tháng 4, Phường 1, thành phố Mỹ Tho). Hiện nay, phần mộ của ông tọa lạc tại ấp Phú Khương A, xã Phú Kiết, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang và đã được công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh (2010). Tên ông được đặt tên đường và tên trường ở Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; tên đường và tên trường tiểu học ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 16 đảng viên; nam: 05, nữ: 11; Chi uỷ: 33; nam: 02; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 28 công đoàn viên; nam: 8; nữ: 20. Đoàn thanh niên: 05 đoàn viên; nam: 02; nữ: 03; Đội thiếu niên: 356 đội viên; nam: 185; nữ: 171

Tổng số cán bộ, viên chức: 28; nam: 08; nữ: 20. Tổng số giáo viên: 22 ; nam: 5 ; nữ: 17. Cử nhân (đại học): 26; Cử nhân (cao đẳng): 02. .

Tổng số học sinh: 563; nam: 293; nữ: 270 .

Tổng diện tích: 3.094,4 m^2; diện tích sử dụng: 1.895 m^2.

Trường có 04 dãy lầu; dãy 1 và 2 có 2 tầng, dãy 3 và 4 có 3 tầng; phòng làm việc: 07 ; phòng học: 21 ; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; hội trường: 01; sân chơi: 1.190m^2; khu thể thao: 1.190m^2 ; khu vệ sinh: 09; nhà ăn: 01.

2. Trường Tiểu học Đạo Thạnh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Đạo Thạnh)

Địa chỉ: Ấp 3A, xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 855 476

Trang thông tin điện tử: http://thdaothanh.tiengiang.edu.vn

Email: c1daothanhamytho.tiengiang@moet.edu.vn

Trường Tiểu học Đạo Thạnh được thành lập theo Quyết định số 2875/QĐ-UBND do Ủy ban Nhân dân thành phố Mỹ Tho cấp ngày 20 tháng 5 năm 2019 trên cở sở hợp nhất Trường Tiểu học Đạo Thạnh A và Trường Tiểu học Long Hòa. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Đạo Thạnh.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 14 đảng viên; nam: 03, nữ:11; Chi uỷ: 03; nam: 01; nữ: 02. Ban giám hiệu: 03; nam: 00; nữ: 03. Công đoàn: 45 công đoàn viên; nam: 11; nữ: 34. Đoàn thanh niên: 07 đoàn viên; nam: 04; nữ: 03; Đội thiếu niên: 558 đội viên; nam: 292 ; nữ: 266.

Tổng số cán bộ, viên chức: 45; nam: 11; nữ: 34. Tổng số giáo viên: 35; nam: 08; nữ: 27. Cử nhân (đại học): 34 ; Cử nhân (cao đẳng): 08 ; Trung học sư phạm: 03.

Tổng số học sinh: 934 ; nam: 474; nữ: 460.

Tổng diện tích: 10.664 m^2; diện tích sử dụng: 3.801 m^2

Trường có 02 dãy lầu; 01 dãy lầu có 3 tầng, 01 dãy lầu có 1 tầng lầu; phòng làm việc: 06; phòng học: 30; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 02 ; thư viện: 5; sân chơi: 02 ; khu thể thao: 02; khu vệ sinh: 02.

3. Trường Tiểu học Đinh Bộ Lĩnh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Họ và tên danh nhân (Đinh Bộ Lĩnh)

Địa chỉ: Số 55, đường Diệp Minh Tuyền, Phường 8, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273 3872890

Trang thông tin điện tử: thdinhbolinh.tiengiang.edu.vn

Email: c1dinhbolinhmt.tiengiang@moet.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường Tiểu học Mỹ Phúc được thành lập trước năm 1975. Sau ngày 30/4/1975, là Trường Phổ thông cơ sở Phường 8. Năm 1990, trường được tách ra thành trường Trường Tiểu học Đinh Bộ Lĩnh. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

ĐINH BỘ LĨNH

(924 – 979)

Đinh Bộ Lĩnh sinh năm 924, người động Hoa Lư, thôn Kim Lư, làng Đại Hữu, châu Đại Hoàng (nay thuộc xã Gia Phương, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình).

Thuở nhỏ, ông thường cùng các bạn đồng trang lứa chăn trâu, chơi trò tập trận, khiêng kiệu, lấy bông lau làm cờ, kết bạn rất thân với Đinh Điền, Nguyễn Bặc, Lưu Cơ và Trịnh Tú. Lớn lên, ông đầu quân trong đạo binh của sứ quân Trần Lâm ở Bố Hải Khẩu (nay thuộc tỉnh Thái Bình). Ít lâu, được Trần Lâm mến tài gả con gái cho. Sau khi Trần Lâm mất, ông đem quân về giữ Hoa Lư, chiêu mộ hào kiệt, hùng cứ một phương, chống nhà Ngô và các sứ quân khác.

Là người có tài, lại được nhân dân nhiều địa phương giúp sức, ủng hộ, đánh đâu thắng đó, được tôn là Vạn Thắng Vương. Năm 968, đất nước thống nhất, ông lên ngôi Hoàng đế, tự xưng là Đại Thắng Minh Hoàng đế, nên được Sử gọi là Đinh Tiên Hoàng, đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt, đóng đô ở Hoa Lư. Ông cho xây dựng cung điện, đúc tiền để tiêu dùng trong nước gọi là tiền đồng "Thái Bình",…

Năm 979, ông mất, được an táng ở sơn lăng Trường Yên, kinh đô Hoa Lư. Ông là người có công đánh dẹp cục diện 12 sứ quân, thống nhất đất nước. Tên ông được đặt tên đường, tên trường học ở nhiều tỉnh thành trên cả nước.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 17 đảng viên; nam: 04, nữ: 13; Chi uỷ: 05; nam: 02; nữ: 03. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 31 công đoàn viên; nam: 07; nữ: 24. Đoàn thanh niên: 05 đoàn viên; nam: 01; nữ: 04. Đội thiếu niên: 372 đội viên; nam: 179; nữ: 193

Tổng số cán bộ, viên chức: 31; nam: 07; nữ: 24. Tổng số giáo viên: 26; nam: 05; nữ: 21. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (đại học): 27; Cử nhân (cao đẳng): 03.

Tổng số học sinh: 621; nam: 314; nữ: 307 .

Tổng diện tích: 5.208 m^2; diện tích sử dụng: 5.208 m^2

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng; phòng làm việc: 03; phòng học: 22; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 2.000 m^2; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 03.

4. Trường Tiểu học Hồ Văn Nhánh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Họ và tên danh nhân (Hồ Văn Nhánh).

Địa chỉ: 103, đường Trịnh Hoài Đức, Phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 872 891

Trang thông tin điện tử: Chưa có.

Email: c1hovannhanhmytho.tiengiang@moet.edu.vn

Trường được thành lập năm 1989 và được xác nhận theo Quyết định số 5127/QĐ-QĐUB ngày 09 tháng 8 năm 2018 của ủy ban Nhân dân thành phố Mỹ Tho. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

HỒ VĂN NHÁNH

(1955 – 1969)

Hồ Văn Nhánh sinh năm 1955 tại xã Long Hưng, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân.

Thuở nhỏ, ông học hành rất chăm chỉ và cần cù lao động phụ giúp gia đình. Căm thù giặc Mỹ và bọn tay sai đã đốt phá xóm làng; lại được giáo dục, giác ngộ lý tưởng cách mạng, nên khi mới 13 tuổi (1968), ông đã tình nguyện xin vào Đội du kích mật của xã Long Hưng để góp phần công sức của mình vào sự nghiệp giải phóng quê hương.

Sau năm 1968, do địch phản kích quyết liệt, chiến trường bị chia cắt, nên hầu như địa phương nào, trong đó có xã Long Hưng, cũng đều gặp khó khăn về vũ khí và đạn dược. Trước tình hình đó, ông quyết định đột nhập vào căn cứ Đồng Tâm của Sư đoàn 9 Mỹ để gỡ mìn, lấy vũ khí địch đánh lại địch. Cứ thế, ngày qua ngày, sau khi đi học về, ông lại bí mật luồn qua các vòng rào dây thép gai, vào căn cứ của địch tiến hành việc gỡ mìn. Đây là một công tác cực kỳ nguy hiểm; nhưng do thông minh, cẩn thận và dũng cảm, ông đã gỡ được hàng ngàn quả mìn các loại, cung cấp cho bộ đội và du kích các xã chế tạo vũ khí đánh địch. Từ sáng kiến của ông, Đội du kích của các xã xung quanh căn cứ Đồng Tâm và Ban Chỉ huy Mặt trận vành đai diệt Mỹ Bình Đức đã thành lập các tổ chuyên trách gỡ mìn; và số mìn thu được ngày càng nhiều.

Ngày 15-9-1969, trong một lần gỡ mìn ở vòng rào thứ 3 của căn cứ Đồng Tâm, ông đã anh dũng hy sinh. Chỉ trong một năm công tác, ông đã 131 lần đột nhập vào căn cứ Mỹ, trực tiếp gỡ hơn 4.500 quả mìn các loại, hướng dẫn cho bộ đội và du kích gỡ được hơn 1.100 quả, phục vụ cho bộ đội và du kích đánh trên 300 trận, tiêu diệt hàng trăm tên địch.

Ông được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng Nhất. Ngày 6-11-1978, ông được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Tên ông được đặt tên đường và tên trường tiểu học ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 15 đảng viên; nam: 05, nữ: 10; Chi uỷ: 03; nam: 01; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02 ; nam: 00; nữ: 02. Công đoàn: 29 công đoàn viên; nam: 7; nữ: 22. Đoàn thanh niên: 12 đoàn viên; nam: 03; nữ: 09; Đội thiếu niên: 318 đội viên; nam: 161; nữ: 157.

Tổng số cán bộ, viên chức: 29 ; nam: 7; nữ: 22. Tổng số giáo viên: 25; nam: 6 ; nữ: 19. Cử nhân (đại học): 27; Cử nhân (cao đẳng): 02. .

Tổng số học sinh: 558; nam: 302; nữ: 256. .

Tổng diện tích: 7.358 m^2; diện tích sử dụng: 7.358 m^2.

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 02 tầng; phòng làm việc: 09; phòng học: 17; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 06; phòng máy tính: 04 ; thư viện: 04; phòng thiết bị: 02; sân chơi: 02; khu thể thao: 02; khu vệ sinh: 04.

5. Trường Tiểu học Hoàng Hoa Thám

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Họ và tên danh nhân (Hoàng Hoa Thám)

Địa chỉ: Số ¼, đường Hoàng Hoa Thám, Phường 3, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733. 872.888

Trang thông tin điện tử: http://thhoanghoatham.tiengiang.edu.vn

Email: c1hoanghoathammytho.tiengiang@moet.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường Tư thục Trí Nhơn được thành lập năm 1970. Năm 1976, trường đổi tên thành Trường Trí Nhơn. Năm 1978, trường được đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Phường 3. Năm 1987, trường tách ra thành 2 trường: Trường Phổ thông cấp II Chu Văn An và Trường Phổ thông cấp I Hoàng Hoa Thám. Năm 1990, Trường Phổ thông cấp I Hoàng Hoa Thám đổi tên thành Trường Tiểu học Hoàng Hoa Thám. Trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

HOÀNG HOA THÁM

(1858 – 1913)

Hoàng Hoa Thám, tên khai sinh là Trương Văn Thám, tên lúc nhỏ là Trương Văn Nghĩa, sinh năm 1858, quê ở xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên.

Năm 16 tuổi, ông tham gia khởi nghĩa của Đại Trận (1870-1875). Khi Pháp chiếm Bắc Ninh (3-1884), ông gia nhập nghĩa binh của Trần Quang Loan, lãnh binh Bắc Ninh, rồi nghĩa quân của Hoàng Đình Kinh (1882-1888), sau đó ông đứng dưới cờ nghĩa Lương Văn Nắm (tức Đề Nắm) ở Yên Thế (Bắc Ninh) và trở thành một tướng lĩnh có tài. Tháng 4-1892, Đề Nắm bị thủ hạ là Đề Sặt sát hại, ông trở thành thủ lĩnh tối cao của phong trào Yên Thế.

Trong ba năm (1893-1895) giặc Pháp đã tập trung lực lượng đàn áp cuộc khởi nghĩa do ông chỉ huy, chúng không từ một thủ đoạn nào, từ phủ dụ đến bao vây tàn sát. Tuy nhiên, bằng chiến thuật du kích tài tình, ông đã tránh được mũi nhọn của giặc và gây cho chúng những tổn thất nặng nề.

Thấy chưa thể dập tắt được phong trào Yên Thế, giặc Pháp đã yêu cầu giảng hòa. Ông cũng muốn tranh thủ thời gian để chuẩn bị thêm lực lượng, nên đồng ý hòa hoãn. Nhưng chỉ vài tháng sau (đến 10-1895), giặc Pháp đã bội ước, chúng huy động lực lượng mở những cuộc tấn công trên quy mô lớn vào Yên Thế. Chúng treo giải thưởng 30.000 Francs cho kẻ nào bắt được ông. Lần ra quân này của giặc Pháp cũng không đàn áp được phong trào nông dân Yên Thế. Chúng yêu cầu giảng hòa lần thứ 2.

Trong hơn 10 năm hòa hoãn (từ 12-1897 đến 29-1-1909), nghĩa quân Yên Thế đã có những bước phát triển mới: Địa bàn hoạt động được mở rộng từ trung du đến đồng bằng, kể cả Hà Nội. Ông tổ chức ra "đảng Nghĩa Hưng" và "Trung chân ứng nghĩa đạo" làm nòng cốt. Đặc biệt, ông đã chỉ đạo cuộc khởi nghĩa ngày 27-6-1908 của binh lính yêu nước ở Hà Nội (gọi là vụ Hà thành đầu độc). Sự kiện này làm chấn động khắp cả nước.

Ngày 29-1-1909, Thống sứ Bắc kỳ đã huy động 15.000 quân chính quy và khố xanh, 400 lính dõng là một lực lượng lớn nhất từ trước tới lúc đó do tên đại tá Ba-tay và tên Việt gian Lê Hoan chỉ huy. Chúng mở cuộc tổng tấn công vào căn cứ Yên Thế. Cuộc chiến đấu không cân sức này đã làm cho nghĩa quân tổn thất nặng nề.

Ngày 10/2/1913, ông bị giặc sát hại. Tên ông được đặt tên đường, tên trường học ở nhiều tỉnh thành trên cả nước.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 12 đảng viên; nam: 03, nữ: 09; Chi uỷ: 03; nam: 01; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 21 công đoàn viên; nam: 05 ; nữ: 16. Đoàn thanh niên: 03 đoàn viên; nam: 00; nữ: 03; Đội thiếu niên: 236 đội viên; nam: 115; nữ:121.

Tổng số cán bộ, viên chức: 21; nam: 05; nữ: 16. Tổng số giáo viên: 14; nam: 02 ; nữ: 12. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (đại học): 12; Cử nhân (cao đẳng): 05. Trung cấp: 02; Trung học phổ thông: 02.

Tổng số học sinh: 394; nam: 212; nữ: 182.

Tổng diện tích: 1.250 m^2; diện tích sử dụng: 1.250 m^2.

Trường có 02 dãy lầu; mỗi dãy gồm 01 tầng trệt và 03 tầng lầu phòng làm việc: 07; phòng học: 16; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01 ; thư viện: 01; phòng thiết bị: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 08; nhà bếp: 01.

6. Trường Tiểu học Kim Đồng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Họ và tên danh nhân (Kim Đồng).

Địa chỉ: 89/2C, đường Lê Thị Hồng Gấm, Phường 6, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 873307.

Trang thông tin điện tử: https://thkimdongmytho.edu.vn

Email: c1kimdongmytho.tiengiang@moet.edu.vn

Trường được thành lập sau năm 1975 với tên gọi là Trường Phổ thông cấp I Kim Đồng. Năm 1990, trường được đổi tên thành Trường Tiểu học Kim Đồng. Trường được xác nhận thành lập theo Quyết định số 7238/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân thành phố Mỹ Tho ngày 18/11/2019. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

KIM ĐỒNG

(1928 – 1943)

Kim Đồng, tên thật là Nông Văn Dền, sinh năm 1928, dân tộc Nùng, tại bản Nà Mạ, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng.

Sinh ra và lớn lên trong chiếc nôi của chiến khu cách mạng, khi còn nhỏ, ông đã sớm được cán bộ Việt Minh giáo dục, giác ngộ. Ông đã vận động các bạn cùng lứa tuổi trong bản làm nhiệm vụ liên lạc, chuyển công văn, tài liệu, đưa đón cán bộ, trinh sát nắm tình hình địch để cung cấp cho cán bộ.

Tháng 5 năm 1941, Trung ương Đảng quyết định thành lập Đội Nhi đồng Cứu quốc. Ông là một trong số năm đội viên đầu tiên và được bầu làm đội trưởng Đội Nhi đồng Cứu quốc. Được rèn luyện thử thách, ông luôn thể hiện trí thông minh, lòng dũng cảm, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Rạng sáng ngày 15 tháng 2 năm 1943, ông được giao nhiệm vụ canh gác, bảo vệ cuộc họp bí mật của Trung ương Đảng. Địch phát hiện và cho một lực lượng khá lớn bao vây hòng bắt sống các đồng chí lãnh đạo của Đảng. Trước tình thế nguy hiểm, ông đã mưu trí đánh lạc hướng, lừa địch tập trung lực lượng và hoả lực về phía mình, đồng thời phát tín hiệu cho các đồng chí cán bộ rút lui an toàn. Ông đã anh dũng hy sinh khi anh vừa tròn 15 tuổi, nêu tấm gương sáng chói cho các thế hệ thanh, thiếu niên Việt Nam noi theo.

Ngày 23 tháng 9 năm 1997, ông được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân. Tên ông được đặt tên trường học ở nhiều tỉnh thành trên cả nước.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 12 đảng viên; nam: 03, nữ: 09; Chi uỷ: 03; nam: 02; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 28 công đoàn viên; nam: 07; nữ: 21. Đoàn thanh niên: 11 đoàn viên; nam: 00; nữ: 11. Đội thiếu niên: 327 đội viên; nam: 169; nữ: 158.

Tổng số cán bộ, viên chức: 28; nam: 07; nữ: 21. Tổng số giáo viên: 21 ; nam: 03; nữ: 18. Cử nhân (đại học): 22; Trung học sư phạm: 02; Trung cấp: 02; Trung học phổ thông: 02. .

Tổng số học sinh: 532; nam: 277; nữ: 255.

Tổng diện tích: 3.440 m^2; diện tích sử dụng: 3.440 m^2.

Trường có 2 dãy lầu, mỗi dãy có 1 tầng lầu; phòng làm việc: 08; phòng học: 16; phòng thí nghiệm: 00; phòng thiết bị: 01; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; phòng âm nhạc: 01; phòng mỹ thuật: 01; phòng ngoại ngữ: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 05; bếp ăn bán trú: 01; nhà ăn bán trú: 01.

7. Trường Tiểu học Lê Quý Đôn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Họ và tên danh nhân (Lê Quý Đôn).

Địa chỉ: 205, đường Tết Mậu Thân, Phường 4, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273 3978397

Trang thông tin điện tử: thlequydon.tiengiang.edu.vn

Email: c1LeQuyDonmt.tiengiang@moet.edu.vn

Trường được thành lập theo Quyết định số 3031/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2011 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Mỹ Tho. Trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục và được trao tặng nhiều Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Tiểu sử danh nhân được đặt trên trường:

LÊ QUÝ ĐÔN

(1726 - 1784)

Lê Quý Đôn nguyên là Lê Danh Phương, tự Doãn Hậu, hiệu Quế Đường, sinh năm 1726, trong một gia đình khoa bảng; quê tại làng Diên Hà, trấn Sơn Nam Hạ, nay là thôn Phú Hiếu, xã Độc Lập, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Ngay từ nhỏ, ông đã nổi tiếng thông minh, chăm học. Năm 14 tuổi, ông theo cha lên học ở kinh đô Thăng Long. Năm 17 tuổi, ông thi Hương, đỗ Giải nguyên. Năm 27 tuổi, đỗ Hội nguyên, rồi đỗ Đình Nguyên Bảng nhãn.

Sau khi đã đỗ đạt, ông được bổ làm quan và từng giữ nhiều chức vụ quan trọng của triều Lê - Trịnh, như: Hàn lâm thừa chỉ sung Toản tu quốc sử quán (năm 1754), Hàn lâm viện thị giảng (năm 1757), Đốc đồng xứ Kinh Bắc (năm 1764), Thị thư kiêm Tư nghiệp Quốc tử Giám (năm 1767), Tán lý quân vụ, Thự phó đô ngự sử (năm 1768), Công bộ hữu thị lang (năm 1769), Bồi tụng (năm 1773), Lại bộ tả thị lang kiêm Tổng tài quốc sử quán (năm 1775), Hiệp trấn tham tán quân cơ Trấn phủ Thuận Hóa (năm 1776), Hiệp trấn Nghệ An (năm 1783), Công bộ thượng thư (năm 1784).

Tác phẩm của ông có tới 40 bộ, bao gồm hàng trăm quyển, nhưng một số bị thất lạc. Những tác phẩm tiêu biểu của ông còn giữ được có thể kể ra như sau:

- Quần thư khảo biện.

- Vân đài loại ngữ.

- Đại Việt thông sử.

- Phủ biên tạp lục.

- Toàn Việt thi lục.

Ông mất năm 1784. Nhận xét về ông, Giáo sư Sử học Văn Tân trong bài *Kỷ niệm 250 năm ngày sinh Lê Quý Đôn* viết: "Lê Quý Đôn đã nắm được tất cả các tri thức mà con người Việt Nam hồi thế kỷ XVIII có thể có được. Có thể nói, Lê Quý Đôn là cái tủ sách tổng hợp biết nói của nước Việt Nam hồi thế kỷ XVIII. Trên thì thiên văn, dưới thì địa lý, giữa là con người, không gì Lê Quý Đôn không biết. Hiểu biết của ông rất rộng, lại rất sâu".

Tại quê hương ông còn có Khu lưu niệm danh nhân văn hóa Lê Quý Đôn được công nhận là Khu di tích lịch sử văn hóa quốc gia (Quyết định 235 VH/QĐ ngày 12-12-1986 của Bộ Văn hóa Thông tin). Tên ông được đặt tên đường, tên trường học ở nhiều tỉnh thành trên cả nước.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 30 đảng viên; nam: 11, nữ: 19; Chi uỷ: 05 ; nam: 00 ; nữ: 05. Ban giám hiệu: 03; nam: 00; nữ: 03. Công đoàn: 72 công đoàn viên; nam: 18; nữ: 54. Đoàn thanh niên: 15; nam: 03; nữ: 12; Đội thiếu niên: 1.034 đội viên; nam: 531; nữ: 503.

Tổng số cán bộ, viên chức: 72; nam: 18; nữ: 54. Tổng số giáo viên: 61; nam: 14; nữ: 47. Cử nhân (đại học): 56; Cử nhân (cao đẳng): 06; Trung học sư phạm: 03; Trung cấp: 03; trung học phổ thông: 04.

Tổng số học sinh: 1.617; nam: 821; nữ: 796

Tổng diện tích: 2.879,4 m^2; diện tích sử dụng: 2.879,4 m^2.

Nhà trường có 4 dãy phòng học và phòng chức năng.

- Dãy phía Bắc có: 03 lầu, 1 trệt

- Dãy phía Đông có: 03 lầu, 1 triệt

- Dãy phía Tây có: 03 lầu, 1 triệt

- Dãy phía Nam có: 02 lầu, 1 triệt

Phòng làm việc: 08; phòng học: 38; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 10; nhà kho: 01; nhà bếp: 01; nhà ăn: 01.

8. Trường Tiểu học Mỹ Phong

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Mỹ Phong).

Địa chỉ: Ấp Mỹ Lợi, xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273 3989026

Trang thông tin điện tử: thmyphong.tiengiang.edu.vn

Email: c1myphongmytho.tiengiang@moet.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường Sơ học Mỹ Phong được thành lập năm 1947. Sau năm 1954, trường đổi tên thành Trường Tiểu học Mỹ Phong. Sau ngày 30/4/1975, trường được đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở cấp 1, 2 Mỹ Phong. Năm 1986, trường được tách ra thành Trường Phổ thông cơ sở cấp 2 Mỹ Phong và Trường Phổ thông cơ sở cấp 1 Mỹ Phong theo Quyết định số 864/QĐ-UBND ngày 22/9/1986 của Ủy ban Nhân dân thành phố Mỹ Tho. Năm 1989, Trường Phổ thông cơ sở cấp 1 Mỹ Phong được đổi tên thành Trường Tiểu học Mỹ Phong. Năm 2019, thực hiện Quyết định số 2876/QĐ-UBND ngày 20/5/2019 của Ủy ban Nhân dân thành phố Mỹ Tho, Trường Tiểu học Mỹ Hưng và Trường Tiểu học Mỹ Phong hợp nhất thành Trường Tiểu học Mỹ Phong. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Mỹ Phong.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 16 đảng viên; nam: 07, nữ: 09; Chi uỷ: 03; nam: 01; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 00; nữ: 02. Công đoàn: 35 công đoàn viên; nam: 13; nữ: 22. Đoàn thanh niên: 10 đoàn viên; nam: 02; nữ: 08. Đội thiếu niên: 345 đội viên; nam: 228; nữ: 117.

Tổng số cán bộ, viên chức: 35; nam: 13; nữ: 22. Tổng số giáo viên: 28; nam:11; nữ: 17. Cử nhân (đại học): 27; Cử nhân (cao đẳng): 02; Trung học sư phạm: 02; Trung cấp: 02; Trung học phổ thông: 02. .

Tổng số học sinh: 575; nam: 317 ; nữ: 258.

- Tổng diện tích: 9.733,3 m^2; diện tích sử dụng: 9.733,3 m^2.

+ Cơ sở 1

Có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 01 trệt 02 lầu, phòng làm việc: 06; phòng học: 11; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01 ; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 06.

+ Cơ sở 2

Có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 trệt 01 lầu, phòng làm việc: 06; phòng học: 10; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01 ; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 04.

9. Trường Tiểu học Nguyễn Huệ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Huệ).

Địa chỉ: Số 8, Trịnh Văn Quảng, Phường 6, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Điện thoại: 0273.3873306.

Trang thông tin điện tử: http://www.thnguyenhue.edu.vn

Email: c1nguyenhuemytho.tiengiang@moet.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường Tiểu học Vòng Nhỏ được thành lập năm 1959. Năm 1969, Trường Tiểu học Vòng Nhỏ được đổi tên thành Trường Tiểu học cộng đồng Nguyễn Huệ. Sau ngày 30-4-1975, là Trường Phổ thông cấp 1, 2 Phường 6A. Năm 1989, trường được đổi tên thành Trường Tiểu học Nguyễn Huệ. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục, được trao tặng nhiều Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

NGUYỄN HUỆ

(1753 – 1792)

Nguyễn Huệ sinh năm 1753 ra tại thôn Kiên Mỹ, ấp Kiên Thành, huyện Hoài Nhơn, phủ Quy Nhơn (nay thuộc xã Bình Thành, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định).

Năm 1771, ông dựng cờ khởi nghĩa, trở thành một trong ba lãnh tụ cao nhất của phong trào Tây Sơn (Nguyễn Nhạc , Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ).

Năm 1775, ông chỉ huy đánh chiếm Phú Yên, tạo ra bước ngoặt quan trọng cho toàn bộ quá trình phát triển mạnh mẽ sau đó của phong trào.

Năm 1777, ông chỉ huy cuộc tấn công vào Gia Định lần thứ hai, lật đổ cơ đồ thống trị của dòng họ chúa Nguyễn ở Đàng Trong.

Năm 1782, ông chỉ huy cuộc tấn công vào Gia Định lần thứ tư, đánh cho Nguyễn Ánh đại bại.

Năm 1783, ông chỉ huy cuộc tấn công vào Gia Định lần thứ năm, đánh đuổi tập đoàn Nguyễn Ánh ra khỏi bờ cõi.

Năm 1785, ông chỉ huy trận Rạch Gầm - Xoài Mút, đánh tan 5 vạn quân Xiêm xâm lược.

Năm 1786, ông chỉ huy các đợt tấn công tiêu diệt chính quyền chúa Trịnh ở Đàng Ngoài.

Ngày 22/12/1788, ông lên ngôi Hoàng đế tại Núi Bân (Phú Xuân - Huế). Niên hiệu vua Quang Trung bắt đầu xuất hiện từ đây.

Năm 1789, ông chỉ huy trận Ngọc Hồi - Đống Đa, quét sạch 29 vạn quân Thanh và bè lũ tay sai phản quốc Lê Chiêu Thống ra khỏi bờ cõi.

Từ năm 1789 đến năm 1792, ông ban bố Chiếu khuyến nông, Chiếu lập học, tiến hành những cải cách tích cực nhằm phát triển đất nước.

Ngày 15/9/1792, ông đột ngột qua đời. Ông xứng danh là vị Anh hùng dân tộc, có công lớn trong việc thống nhất đất nước và bảo vệ nền độc lập dân tộc.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 18 đảng viên; nam: 05, nữ: 13; Chi uỷ: 05; nam: 02; nữ: 03. Ban giám hiệu: 03; nam: 02; nữ: 01. Công đoàn: 53 công đoàn viên; nam: 12; nữ: 41. Đoàn thanh niên: 14 đoàn viên; nam: 01; nữ: 13; Đội thiếu niên: 685 đội viên; nam: 361; nữ: 324.

Tổng số cán bộ, viên chức: 52; nam: 11; nữ: 41. Tổng số giáo viên: 47; nam: 08; nữ: 39. Thạc sĩ: 03; Cử nhân (đại học): 44; Cử nhân (cao đẳng): 03; Trung học sư phạm: 01; Trung cấp : 01. .

Tổng số học sinh: 1.081; nam: 551; nữ: 530. .

Tổng diện tích: 9.878,8 m^2; diện tích sử dụng: 9.878,8 m^2.

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 02 tầng; phòng làm việc: 09; phòng học: 31; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao 01; khu vệ sinh: 04.

10. Trường Tiểu học Nguyễn Trãi

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Trãi).

Địa chỉ: Số 11, đường Hùng Vương, Phường 7, thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang.

Số điện thoại:0273 3872322

Trang thông tin điện tử: http://thnguyentrai.tiengiang.edu.vn

Email: c1nguyentraimytho.tiengiang@moet.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường Tư thục Việt Tú được thành lập năm 1970. Sau ngày 30-4-1975, trường được đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Phường 7A. Năm 1990, các

lớp từ lớp 6 đến lớp 9 của Trường Phổ thông cơ sở Phường 7A được tách ra, các lớp từ lớp 1 đến lớp 5 được giữ lại và hình thành Trường Tiểu học Nguyễn Trãi. Trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục và được trao tặng Huân chương Lao động hạng Ba của Chủ tịch Nước và Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

NGUYỄN TRÃI

(1380 – 1442)

Nguyễn Trãi hiệu là Ức Trai, sinh năm 1380, quê ở làng Chi Ngại (nay thuộc Chí Linh, Hải Dương) sau rời về làng Ngọc Ổi (nay thuộc xã Nhị Khê, huyện Thường Tín, Hà Nội). Cha là Nguyễn Phi Khanh, một học trò nghèo, học giỏi, đỗ Thái học sinh. Mẹ là Trần Thị Thái, con quan tư đồ Trần Nguyên Đán, dòng dõi quí tộc.

Ông thi đỗ Thái học sinh năm 1400 và từng làm quan dưới triều Hồ. Sau khi đất nước bị rơi vào ách thống trị của nhà Minh (Trung Quốc), năm 1418, ông tham gia cuộc khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo và trở thành mưu sĩ của nghĩa quân Lam Sơn trong việc bày tính mưu kế cũng như soạn thảo các văn thư ngoại giao với quân Minh.

Ông là bậc khai quốc công thần và là văn thần có uy tín ở thời đầu nhà Hậu Lê. Tuy nhiên, năm 1442, toàn thể gia đình của ông bị tru di tam tộc trong vụ án Lệ Chi Viên. Ngày 01 tháng 9 năm 1442, sau khi vua Lê Thái Tông đi duyệt binh ở Chí Linh, đã vào Côn Sơn thăm Nguyễn Trãi. Khi vua rời Côn Sơn, về đến Trại Vải (Lệ Chi Viên, Bắc Ninh) bị chết đột ngột. Lúc chết có Nguyễn Thị Lộ, người thiếp của Nguyễn Trãi, lúc ấy phụ trách dạy dỗ các cung nữ (chức Lễ nghi học sĩ) hầu bên cạnh. Bọn triều thần bấy lâu nay muốn hãm hại Nguyễn Trãi, nhân cơ hội này liền vu cho ông cùng Nguyễn Thị Lộ mưu giết vua, khiến ông phải nhận án tru di tam tộc (bị giết cả ba họ). Năm 1464, vua Lê Thánh Tông xuống chiếu giải oan cho ông.

Các tác phẩm của ông: *Đại cáo bình Ngô* xứng đáng là áng "Hùng văn muôn thuở", được xem là bản Tuyên độc lần thứ hai của nước ta, bộ *Quốc âm thi tập* là tập thơ tiếng Việt (chữ Nôm) sớm nhất có giá trị lớn còn lại đến ngày nay. Ông đã góp phần xây đắp nền móng vững chắc cho nền văn học dân tộc. Năm 1980, ông được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá của Liên hợp quốc (UNESCO) công nhận là Danh nhân văn hoá thế giới và tổ chức kỷ niệm 600 năm năm sinh của ông.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 19 đảng viên; nam: 03; nữ: 16; Chi ủy: 05; nam: 01; nữ: 04. Ban Giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 50 công đoàn viên; nam: 09; nữ: 41. Đoàn thanh niên: 08 đoàn viên; nam: 01; nữ: 07. Đội thiếu niên: 697 đội viên; nam: 361; nữ: 336.

Tổng số cán bộ, viên chức: 50; nam: 09; nữ: 41. Tổng số giáo viên: 44; nam: 06; nữ: 38. Thạc sĩ: 02; Cử nhân (đại học): 47; Cử nhân (cao đẳng): 00; Trung học sư phạm: 01.

Tổng số học sinh: 1.028; nam: 550; nữ: 478.

Tổng diện tích: 7.546,7m²; diện tích sử dụng: 7.546,7m².

Trường có 03 dãy lầu, trong đó 02 dãy có 02 tầng, 01 dãy 01 tầng; phòng làm việc: 19; phòng học: 30; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 02; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; nhà vệ sinh 12.

11. Trường Tiểu học Phước Thạnh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Phước Thạnh).

Địa chỉ: Ấp Phước Hòa, xã Phước Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733.893078

Trang thông tin điện tử: http://thphuocthanh.tiengiang.edu.vn

Email: c1PhuocThanhmt.tiengiang@moet.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường Trung học Tỉnh hạt Phước Thạnh, được thành lập vào năm 1965. Sau năm 1975 là Trường Phổ thông cơ sở Phước Thạnh. Cuối năm 1990, thực hiện chủ trương của Bộ Giáo Dục và Đào tạo về việc tách bậc học Tiểu học và bậc học Trung học cơ sở ra khỏi bậc Phổ thông cơ sở, từ năm 1991 đến nay là Trường Tiểu học Phước Thạnh. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Phước Thạnh.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường 13 đảng viên; nam: 02, nữ: 11; Chi uỷ: 03; nam: 00; nữ: 03. Ban giám hiệu: 02; nam: 00; nữ: 02. Công đoàn: 38 công đoàn viên; nam: 12; nữ: 26. Đoàn thanh niên: 06 đoàn viên; nam: 02; nữ: 04; Đội thiếu niên: 680 đội viên; nam: 435; nữ: 245.

Tổng số cán bộ, viên chức: 38; nam: 12; nữ: 26. Tổng số giáo viên: 32; nam: 10; nữ: 22. Cử nhân (đại học): 32 ; Cử nhân (cao đẳng): 03; Trung học sư phạm: 01; Trung học phổ thông: 02. .

Tổng số học sinh: 909; nam: 484; nữ: 425.

Tổng diện tích: 9.077,8m²; diện tích sử dụng: 9.077,8m².

Diện tích các điểm trường:

- Cơ sở 1: 668,5m²

- Cơ sở 2: 4.409,3m²

- Cơ sở 3: 4000m²

Cơ sở vật chất:

* Cơ sở 1 (điểm chính - ấp Phước Hòa): gồm 01 nhà ăn, 01 nhà đa năng; 02 nhà vệ sinh; 01 nhà để xe; 01 nhà phòng cháy chữa cháy, 01 phòng bảo vệ; 03 dãy:

- Dãy 1: 01 trệt, 02 lầu gồm 05 phòng làm việc; 01 phòng họp; 01 phòng giáo viên; 01 phòng đa năng.

- Dãy 2: 01 trệt, 01 lầu gồm 01 phòng thư viện; 01 phòng thiết bị; 01 kho; 03 lớp học.

- Dãy 3: 01 trệt, 02 lầu gồm 02 kho; 15 lớp học.

* Cơ sở 2 (điểm trường ấp Giáp Nước): gồm 01 dãy: 01 trệt, 01 lầu

- Tầng trệt: 01 nhà để xe; 01 phòng bảo vệ; 01 phòng nghỉ giáo viên; 02 khu vệ sinh; 03 phòng học.

- Lầu 1: 03 phòng học.

* Cơ sở 3 (điểm trường ấp Long Hưng): gồm 01 nhà ăn, 01 bếp ăn; 01 nhà vệ sinh; 02 nhà để xe; 01 nhà phòng cháy chữa cháy, 01 phòng bảo vệ; 03 dãy:

- Dãy 1: 01 trệt gồm 01 phòng máy vi tính; 05 phòng làm việc, 01 phòng họp, 02 khu vệ sinh

- Dãy 2: 01 trệt, 02 lầu gồm 12 phòng học, 03 khu vệ sinh; 02 phòng đọc sách

- Dãy 3: 01 trệt, 01 lầu gồm 01 phòng giáo viên, 02 phòng học, 01 phòng làm việc, 01 nhà đa năng.

12. Trường Tiểu học Tân Long

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Tân Long).

Địa chỉ: 123, đườngTrưngNhị, khu phố Tân Hòa, phường Tân Long, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273 3852 546

Trang thông tin điện tử: http://thtanlong.tiengiang.edu.vn

Email: c1tanlongmytho.tiengiang@moet.edu.vn

Trường Tiểu học Tân Long được thành lập trước năm 1975. Sau ngày 30-4-1975, là Trường Phổ thông cơ sở Tân Long với hai cấp học: tiểu học và trung học cơ sở. Năm 1993, trường được tách ra, cấp tiểu học là Trường Tiểu học Tân Long.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Phường Tân Long.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 05 đảng viên; nam: 01, nữ: 04. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 13 công đoàn viên; nam: 03; nữ: 10. Đoàn thanh niên: 05 đoàn viên; nam: 00; nữ: 05. Đội thiếu niên: 107 đội viên; nam: 57; nữ: 50.

Tổng số cán bộ, viên chức: 13; nam: 03; nữ: 10. Tổng số giáo viên: 10; nam: 02; nữ: 08. Cử nhân (đại học): 12; Cử nhân (cao đẳng): 01.

Tổng số học sinh: 174; nam: 85; nữ: 89.

Tổng diện tích: 1.681,7m^2; diện tích sử dụng: 1.681,7m^2.

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 03 tầng, gồm 01 trệt, 02 tầng); phòng làm việc: 03; phòng học: 10; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao 01; khu vệ sinh: 02.

13. Trường Tiểu học Tân Tỉnh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính xưa (Thôn Tân Tĩnh).

Địa chỉ: 986, Quốc lộ 50, ấp Tân Tỉnh A, xã Tân Mỹ Chánh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733850135

Trang thông tin điện tử: thtantinh.tiegiang.edu.vn

Email:c1tantinhmytho.tiengiang@moet.edu.vn

Trường được thành lập sau năm 1975.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Ấp Tân Tỉnh.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 11 đảng viên; nam: 02, nữ: 09; Chi uỷ: 03; nam: 02; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02 ; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 27 công đoàn viên; nam: 10; nữ: 17. Đoàn thanh niên: 04 đoàn viên; nam: 01; nữ: 03; Đội thiếu niên: 279 đội viên; nam: 139; nữ: 140.

Tổng số cán bộ, viên chức: 27; nam: 10; nữ: 17. Tổng số giáo viên: 22; nam: 08; nữ: 14. Cử nhân (đại học): 21; Cử nhân (cao đẳng): 01; Trung học sư phạm: 03; Trung học phổ thông: 02.

Tổng số học sinh: 480; nam: 251; nữ: 229. .

Tổng diện tích: 4.280,9 m^2; diện tích sử dụng: 4.280,9 m^2.

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; phòng làm việc: 07; phòng học: 15; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 516 m^2; khu thể thao: 513 m^2; khu vệ sinh:

14. Trường Tiểu học Thái Sanh Hạnh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Họ và tên danh nhân (Thái Sanh Hạnh).

Địa chỉ: Số 786, đường Ấp Bắc, Khu phố 3, Phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 855615

Trang thông tin điện tử: ththaisanhhanh.tiegiang.edu.vn

Email: c1thaisanhhanhmt@gmail.com

Trường Tiểu học Đạo Thạnh được thành lập năm 1989 tách từ Trường Phổ thôn cơ sở Đạo Thạnh B theo Quyết định số 1112/QĐ-UB ngày 04 tháng 10 năm 1989 của Ủy ban Nhân dân thành phố Mỹ Tho. Năm 2009, trường được đổi tên thành Trường Tiểu học Thái Sanh Hạnh theo Quyết định số 2502/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2009 của Ủy ban Nhân dân thành phố Mỹ Tho.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

THÁI SANH HẠNH

(1925 – 1960)

Thái Sanh Hạnh, bí danh là Trần Chí Nam, sinh năm 1925 tại làng Đăng Hưng Phước, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Đăng Hưng Phước, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân có truyền thống yêu nước.

Sớm giác ngộ cách mạng, từ sau ngày Nhật đảo chính Pháp (9 - 3 - 1945), ông gia nhập lực lượng Thanh niên tiền phong và hoạt động sôi nổi trong phong trào học sinh trường Collège de Mytho (nay là Trường trung học phổ thông Nguyễn Đình Chiểu). Tháng 8 - 1945, ông tham gia khởi nghĩa giành chính quyền ở Mỹ Tho; và sau đó gia nhập bộ đội đánh quân Pháp khi bọn chúng quay trở lại xâm lược Nam bộ.

Năm 1946, ông được phân công trở vào nội ô Mỹ Tho xây dựng phong trào đấu tranh của giới tư sản, trí thức yêu nước và thanh niên - học sinh. Năm 1950, ông bị địch bắt giam tại nhà tù Mỹ Tho. Mặc dù bị nhục hình tra tấn; nhưng ông vẫn giữ kín bí mật của tổ chức. Cuối cùng, do không đủ chứng cớ để buộc tội, địch phải trả tự do cho ông. Lúc này, do đã bị lộ, nên ông rút vào hoạt động bí mật, đảm nhận chức vụ Thị ủy viên thị xã Mỹ Tho, phụ trách quân sự. Dưới sự chỉ đạo của ông, lực lượng vũ trang thị xã Mỹ Tho đã tiến hành nhiều trận đánh táo bạo ở trong nội ô, khiến cho địch vô cùng hoang mang, lo sợ.

Sau năm 1954, ông được Đảng phân công ở lại miền Nam hoạt động. Năm 1957, ông được chỉ định là Bí thư Thị xã ủy Mỹ Tho. Đây cũng là thời điểm mà phong trào cách mạng đang gặp khó khăn nghiêm trọng. Tuy vậy, ông vẫn bám sát địa bàn, lãnh đạo và chỉ đạo phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng cũng như xây dựng cơ sở cách mạng trong đội ngũ trí thức, công thương gia, thanh niên - học sinh,…

Năm 1958, ông được đề bạt làm Tỉnh ủy viên, phụ trách thị xã Mỹ Tho. Đầu năm 1960, ông được phân công phụ trách thêm huyện Chợ Gạo. Lúc bấy giờ, phong trào cách mạng ở Chợ Gạo bị thiệt hại nặng nề do địch đánh phá rất ác liệt. Tuy vậy, ông đã cùng với Ban Cán sự Huyện ra sức củng cố cơ sở Đảng, các tổ chức quần chúng và xây dựng lực lượng vũ trang. Nhờ thế, Huyện ủy Chợ Gạo được tái lập và phong trào nổi dậy của nhân dân trong sáu tháng đầu năm 1960 phát triển rất mạnh mẽ.

Đêm 31-8-1960, từ căn cứ của Tỉnh ủy đặt tại Tân Hòa Đông (nay thuộc huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang), ông vượt Lộ 4 (nay là Quốc lộ 1) để về Chợ Gạo chỉ đạo đợt nổi dậy 23 tháng 9; nhưng khi đi đến Tân Lý Đông (huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang), ông bị lọt vào ổ phục kích của địch; và đã anh dũng hy sinh sau khi chiến đấu đến viên đạn cuối cùng. Tên ông được đặt tên trường tiểu học và tên đường ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang).

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 16 đảng viên; nam: 04, nữ: 12; Chi uỷ: 03; nam: 00; nữ: 03. Ban giám hiệu: 02; nam: 00; nữ: 02. Công đoàn: 32 công đoàn viên; nam: 08; nữ: 24. Đoàn thanh niên: 04 đoàn viên; nam: 00; nữ: 04. Đội thiếu niên: 424 đội viên; nam: 233 ; nữ: 191.

Tổng số cán bộ, viên chức: 32; nam: 08; nữ: 24. Tổng số giáo viên: 26; nam: 07; nữ: 19. Cử nhân (đại học): 21; Cử nhân (cao đẳng): 4; Trung học sư phạm: 01. .

Tổng số học sinh: 701; nam: 346; nữ: 355. .

Tổng diện tích: 5.033,9 m^2; diện tích sử dụng: 5.033,9 m^2.

Trường có 01 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; phòng làm việc: 2 ; phòng học: 19; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

15. Trường Tiểu học Thạnh Trị

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính xưa (Thôn Thạnh Trị).

Địa chỉ: 204, đường Lê Văn Nghề, ấp Mỹ Thạnh, xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733.989.345

Trang thông tin điện tử: http://ththanhtri.tiengiang.edu.vn/

Email: c1thanhtrimytho.tiengiang@moet.edu.vn

Trường được xây dựng năm 1958 với tên gọi là Trường Sơ Cấp Thạnh Trị. Năm 1961, trường đổi tên là Trường Tiểu học Thạnh Trị. Sau ngày 30-4-1975, là Trường Cấp I Thạnh Trị. Năm 1990, Trường đổi tên thành Trường Tiểu học Thạnh Trị. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính thời xưa: Xã Thạnh Trị,

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 13 đảng viên; nam: 05, nữ 08; Chi uỷ: 03, nam: 01, nữ: 02. Ban Giám hiệu: 02; nam: 01, nữ: 01. Công đoàn: 27 công đoàn viên; nam: 08, nữ: 19. Đội thiếu niên: 347 đội viên; nam: 181, nữ: 166.

Tổng số cán bộ, viên chức: 25, nam: 07, nữ: 18. Tổng số giáo viên: 21; nam: 06, nữ: 15. Thạc sĩ: 02 ; Cử nhân (đại học): 21 ; Cử nhân (cao đẳng): 02 .

Tổng số học sinh: 514; nam: 274, nữ: 243.

Tổng diện tích: 2.394,8m^2; diện tích sử dụng: 1.968,3m^2.

Trường có 03 dãy lầu, dãy 1, 3 có 2 tầng, dãy 2 có 3 tầng; phòng làm việc: 05; phòng học: 14; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 05.

16. Trường Tiểu học Thiên Hộ Dương

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Tước vị và tên danh nhân (Thiên hộ Dương).

Địa chỉ:

Cơ sở 1: 198B Ấp Bắc, Phường 5, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- Cơ sở 2: 171B Ấp Bắc, Phường 5, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại:0273.3872614

Trang thông tin điện tử: http://www.ththienhoduong.tiengiang.edu.vn

Email: c1thienhoduongmytho.tiengiang@moet.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường Tiểu học Tin Lành được thành lập năm 1967. Năm học 1975-1976, trường được đổi tên là Trường Cấp I, II Phường 5. Năm 1988, trường được tách ra thành Trường Cấp I Phường 5 và Trường Cấp II Phường 5. Năm 1989, Trường Cấp 1 Phường 5 được mang tên Trường Tiểu học Thiên Hộ Dương. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục, vinh dự được trao tặng Huân chương Lao động hạng Ba, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

THIÊN HỘ DƯƠNG

(1827 - 1866)

Thiên hộ Dương tên thật là Võ Duy Dương, sinh năm 1827 tại thôn Cù Lâm Nam, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định (nay là thôn Nam Tương, xã Nhơn Tân, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định) trong một gia đình nông dân nghèo, cần cù; nhưng hiếu học.

Thuở thiếu thời, ông rất chăm học, có sức khỏe hơn người và tinh thông võ nghệ, được mọi người gọi là "Ngũ linh Dương", bởi vì cùng một lúc, ông cử nổi năm quả tạ (người Bình Định gọi quả tạ là "linh"), mỗi quả nặng 60 cân ta. Trong khoảng năm 1857 - 1858, ông chiêu mộ dân nghèo vào khai hoang lập ấp ở vùng Ba Giồng thuộc tỉnh Định Tường (nay là tỉnh Tiền Giang), góp phần quan trọng trong việc phát triển kinh tế, xã hội và ổn định đời sống dân cư ở khu vực này.

Tháng 02-1859, thực dân Pháp chiếm thành Gia Định. Trước cảnh nước mất nhà tan, ông đã cùng với Nguyễn Hữu Huân chiêu tập nghĩa sĩ, phất cờ khởi nghĩa, chống giặc ngoại xâm. Do có những thành tích xuất sắc trong chiến đấu, tháng 5-1859, ông được triều đình phong chức Chánh quản đạo.

Sau đó, ông trở về kinh đô Huế, dâng kế sách chống giặc Pháp lên nhà vua. Lúc bấy giờ, ở Quảng Ngãi có giặc Đá Vách nổi lên làm loạn; quan quân địa phương không tài nào trị được. Biết ông là người dũng trí toàn tài, nên vua Tự Đức giao cho ông nhiệm vụ đánh dẹp; và ông đã hoàn thành mỹ mãn trọng trách được giao phó. Năm 1860, để tưởng thưởng công lao, triều đình đã phong ông chức Chánh thất phẩm Thiên hộ. Tên gọi Thiên hộ Dương có từ đó.

Tháng 5-1861, ông trở lại Ba Giồng chỉ huy cuộc kháng chiến chống Pháp. Tại đây, ông đã chiêu mộ hơn 1000 quân nghĩa dũng, nên được triều đình phong chức Quản cơ vào tháng 9-1861, cùng lúc với Trương Định. Nhận thấy Ba Giồng là nơi đông dân, nhiều của; lại là cửa ngõ đi vào vùng đồng bằng sông Cửu Long; hơn nữa, nhân dân ở đây rất quyết tâm chống giặc; nên ông đã xây dựng nơi đây thành một trung tâm kháng chiến mạnh mẽ, tồn tại đồng thời với trung tâm kháng chiến Tân Hòa (Gò Công) của Trương Định.

Cuộc kháng chiến do ông lãnh đạo đã thu hút được mọi tầng lớp nhân dân tham gia: nông dân, dân binh đồn điền, quan lại, địa chủ, phú hào yêu nước,… Nghĩa quân hoạt động trên một địa bàn rất rộng: từ phía nam sông Vàm Cỏ Tây, dọc theo kênh Bảo Định và sông Tiền, đến tận Cai Lậy và Cái Bè. Đồng thời, ông còn thiết lập mối quan hệ chặt chẽ với các lãnh tụ Trương Định ở Gò Công, Trần Xuân Hòa ở Cai Lậy, Bùi Quang Diệu ở Long An,… nhằm phối hợp trong chiến đấu.

Dưới sự chỉ huy của ông, nghĩa quân đã tiến hành những trận đánh dũng mãnh và thu được những thắng lợi vang dội, điển hình là trận tấn công đồn Bourdais (04-9-1861), trận Cái Thia (14-10-1861), trận Cai Lậy (15-10-1861), trận Kỳ Hôn (22-10-1861), trận Rạch Gầm (tháng 11- 1861),… Bên cạnh đó, nghĩa quân còn đẩy mạnh công tác diệt ác trừ gian, như ngày 17-10-1861, nghĩa quân đột nhập vào đồn Cai Lậy, diệt 1 tên đội; trong các ngày 22, 23, 24-11-1861, nghĩa quân len lõi vào vùng địch tạm chiếm, diệt các tên xã trưởng của các xã Mỹ Quý, Trung Lương, Tân Lý, Mỹ An,…

Trước tình hình đó, thực dân Pháp tập trung lực lượng đàn áp cuộc khởi nghĩa. Để bảo toàn lực lượng, cuối năm 1864, ông rút quân vào Đồng Tháp Mười, xây dựng căn cứ mới, tiếp tục cuộc kháng chiến chống Pháp.

Tại đây, dưới sự chỉ huy của ông, nghĩa quân đã thực hiện chiến thuật du kích, đánh vào các đồn nhỏ và những toán quân tuần tiểu của địch, khiến bọn chúng đối phó vô cùng vất vả. Đến giữa năm 1865, lực lượng được hồi phục, ông ra lệnh cho nghĩa quân đánh kỳ tập vào các vị trí quân sự trọng yếu của địch, gây cho quân Pháp những thiệt hại nặng nề, tiêu biểu là hai trận tấn công đồn Mỹ Trà vào tháng 7 và cuối năm 1865, trận Cái Nứa vào tháng 3-1866.

Lo sợ ảnh hưởng ngày càng tỏa rộng của nghĩa quân, tháng 4-1866, thực dân Pháp huy động 1.000 quân thiện chiến mở cuộc tấn công đại quy mô vào căn cứ Đồng Tháp Mười. Nghĩa quân đã anh dũng chống trả. Cuộc chiến đấu không cân sức diễn ra rất ác liệt. Do sức giặc quá mạnh, ông buộc phải rút quân lên vùng Đức Hòa (Long An) để liên

minh với nghĩa quân Trương Quyền và nghĩa quân Campuchia do Pukombô lãnh đạo nhằm tiếp tục chống giặc Pháp xâm lược. Tháng 10-1866, Võ Duy Dương đi đường biển ra Bình Thuận nhằm vận động các tỉnh nam Trung kỳ giúp đỡ tiền bạc, lương thực, vũ khí cho các cuộc kháng chiến của nhân dân Nam kỳ. Nhưng không may, khi đến cửa biển Thần Mẫu (nay thuộc Cần Giờ, thành phố Hồ Chí Minh), ông bị bọn cướp biển giết hại, để lại bao niềm thương tiếc cho nhân dân và nghĩa sĩ.

Để tưởng nhớ Võ Duy Dương, tại Gò Tháp (xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp), người dân đã lập đền thờ ông cùng với Phó tướng Nguyễn Tấn Kiều (Đốc binh Kiều). Đây là một trong những di tích nằm trong cụm Di tích quốc gia đặc biệt Gò Tháp (được công nhận năm 2012). Tại nơi ông sinh ra (xã Nhơn Tân, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định), năm 1997, dòng họ đã góp tiền xây dựng đền thờ và hàng năm tổ chức tế lễ. Năm 2007, Hội Khoa học lịch sử Việt Nam trao tặng cho đền thờ Võ Duy Dương tại xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn một tượng đồng phác họa chân dung ông.

Tại đền thờ ông và Nguyễn Tấn Kiều (Đốc binh Kiều) ở Gò Tháp có câu đối:

Sử sách sáng chói danh Thiên Hộ

Bia miệng lưu truyền tiếng Đốc binh.

Ở đây cũng còn lưu truyền câu ca dao:

Chiều chiều mây giục gió vần

Cảm thương Thiên Hộ xả thân cứu đời!

Ngày 14 tháng 11 âm lịch hàng năm là ngày giỗ chung hai ông. Tên ông được đặt tên trường trung học phổ thông và chợ ở huyện Cái Bè; tên trường tiểu học và tên đường ở TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Ngoài ra, nhiều địa phương trên cả nước cũng có tên đường mang tên Võ Duy Dương hay Thiên hộ Dương.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 31 đảng viên; nam: 10, nữ: 21; Chi uỷ: 05; nam: 02; nữ: 03. Ban giám hiệu: 3; nam: 00; nữ: 03. Công đoàn: 157 công đoàn viên; nam: 31; nữ: 126. Đội thiếu niên: 1475; nam: 770; nữ: 705.

Tổng số cán bộ, viên chức: 87; nam: 20; nữ: 67. Tổng số giáo viên: 81; nam: 20; nữ: 61. Thạc sĩ: 02; Cử nhân (đại học): 72; Cử nhân (cao đẳng): 07.

Tổng số học sinh: 2.434; nam: 1.274; nữ: 1.160.

Tổng diện tích: 8.775 m^2; diện tích sử dụng: 8.775 m^2.

Trường có 3 dãy lầu 3 tầng (tính luôn tầng trệt), 3 dãy lầu 2 tầng (tính luôn tầng trệt), phòng làm việc: 6; phòng học: 53; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 03; thư viện: 02; sân chơi: 02; khu thể thao: 02; khu vệ sinh: 10; nhà bếp: 01; nhà ăn: 01.

17. Trường Tiểu học Thủ Khoa Huân

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Danh xưng đứng đầu khoa thi và tên danh nhân (Thủ khoa Huân).

Địa chỉ: 54, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733872621; 02733872627.

Trang thông tin điện tử: http://thukhoahuan.tiengiang.edu.vn

Email: c1thukhoahuanmytho.tiengiang@moet.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường Tỉnh được thành lập năm 1879. Năm 1926, trường được đổi tên thành Groupe Scolaire de Mitho. Năm 1946, trường có tên là École Primaire Complémentaire du Chef lieu. Năm 1955, trường tách ra hai: Trường Nam và Trường Nữ. Năm 1956, Trường Nữ được đổi tên thành Trường Tiểu học Trưng Vương. Năm 1963, trường được gọi là Trường Nữ tiểu học cộng đồng Mỹ Tho. Năm 1968, là Trường Nữ tiểu học Mỹ Tho. Sau ngày 30-4-1975, là Trường Phổ thông cơ sở Phường 4, bao gồm hai cấp học: Cấp I (từ lớp 1 đến lớp 5), Cấp II (từ lớp 6 đến lớp 9). Năm 1989, tách Cấp II để thành lập Trường Tiểu học Thủ Khoa Huân theo Quyết định số 1106/QĐ-UB ngày 04 tháng 10 năm 1989 của Ủy ban Nhân dân thành phố Mỹ Tho. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia. Trường vinh dự nhận được Cờ thi đua của Chính phủ; nhiều Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

THỦ KHOA HUÂN

(1830 - 1875)

Thủ khoa Huân tên thật là Nguyễn Hữu Huân, là, sinh năm 1830 tại thôn Lợi Thạnh, tổng Hưng Xương, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường (nay là ấp Hòa Quới, xã Hòa Tịnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang).

Thuở nhỏ, ông nổi tiếng hiếu học và học giỏi. Năm 1852, ông đỗ thủ khoa kỳ thi tại trường thi Hương Gia Định, nên được gọi là Thủ khoa Huân. Sau đó, ông ra làm quan, được bổ làm Giáo thọ phủ Kiến An.

Sau khi giặc Pháp hạ thành Gia Định (tháng 2-1859); giữa năm 1859, ông hợp lực với Võ Duy Dương chiêu mộ nghĩa dũng, phất cờ khởi nghĩa. Lúc bấy giờ, ông được triều đình phong chức Phó Quản đạo.

Tháng 7-1862, ông đến căn cứ Tân Hòa (Gò Công) bàn việc thống nhất lực lượng nghĩa quân với Trương Định nhằm nâng cao sức mạnh chiến đấu chống giặc Pháp xâm lược. Tại đây, ông nhận chức Phó Đề đốc do vua Tự Đức ban cho.

Tháng 2-1863, sau khi căn cứ Tân Hòa thất thủ, ông về Chợ Gạo, xây dựng căn cứ Bình Cách (nay là xã Tân Bình Thạnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang). Từ căn cứ này, dưới sự chỉ huy của ông, nghĩa quân đã tỏa ra đánh quân Pháp ở Mỹ Quý (nay thuộc

huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang), Thuộc Nhiêu (nay thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang), Mỹ Tho, Chợ Gạo,…

Giữa năm 1863, giặc Pháp tấn công căn cứ Bình Cách. Nghĩa quân đã chiến đấu vô cùng anh dũng, khiến bọn chúng phải khó khăn lắm mới phá vỡ được căn cứ này. Để bảo toàn lực lượng, ông cho nghĩa quân rút qua Thuộc Nhiêu, tiếp tục cuộc chiến đấu. Nghĩa quân đã liên tiếp mở nhiều cuộc tấn công vào Cái Thia, Cái Bè, Cai Lậy, Rạch Gầm, Trung Lương, Tân Lý (nay thuộc tỉnh Tiền Giang),…

Cuối năm 1863, thực dân Pháp huy động lực lượng lớn tấn công Thuộc Nhiêu. Nghĩa quân phải rút vào Đồng Tháp Mười, xây dựng căn cứ mới. Theo sự phân công giữa ông với Võ Duy Dương; ông sang An Giang - nơi còn thuộc quyền kiểm soát của triều đình - để tuyển mộ nghĩa quân và vận động nhân dân, kể cả triều đình, ủng hộ, đóng góp tiền của, vũ khí, lương thực cho cuộc kháng chiến.

Thế nhưng, do áp lực của thực dân Pháp, tháng 7-1864, quan Tổng đốc An Giang là Phan Khắc Thận đã nhu nhược bắt ông giao nộp cho quân giặc. Một tháng sau, ông bị chính quyền thực dân kết án 10 năm tù, đày đi Cayenne,Trung Mỹ (có tài liệu viết ông bị đày ở đảo Réunion, đông nam châu Phi)

Tháng 2-1869, sau 5 năm bị giam trong ngục tù ở hải ngoại, ông được thả về nước và bị quản thúc tại nhà của Đỗ Hữu Phương ở Chợ Lớn. Tại đây, Đỗ Hữu Phương vâng lệnh quan thầy ra sức mua chuộc, dụ dỗ ông. Nhưng, ông vẫn một lòng một dạ trung thành với đất nước và nhân dân. Không những thế, ông còn tìm cách liên lạc với những người yêu nước và mưu tính phát động một cuộc khởi nghĩa mới.

Năm 1872, ông trốn thoát về Mỹ Tho, Chợ Gạo; cùng với Âu Dương Lân nổi lên khởi nghĩa với lực lượng nghĩa quân lên đến 3.000 người. Từ đây, phong trào chống Pháp do ông đứng đầu lan tỏa mạnh mẽ khắp vùng Mỹ Tho, Chợ Gạo, Cai Lậy, Tân An (nay thuộc tỉnh Long An), Chợ Lớn (nay thuộc TP Hồ Chí Minh),… Thủ lĩnh ở nhiều nơi cũng tham gia phong trào, như Nguyễn Văn Chất ở Vĩnh Long, Lê Công Thành, Phan Văn Đồng, Lâm Lễ ở Cần Thơ, Long Xuyên (nay thuộc tỉnh An Giang),… Một hệ thống chính quyền kháng chiến được xây dựng tại nhiều thôn xã, nhất là ở Mỹ Tho và Chợ Gạo.

Trước sự lớn mạnh của nghĩa quân, cuối năm 1874, thực dân Pháp huy động một lực lượng hùng hậu, từ nhiều hướng tấn công căn cứ Bình Cách. Nghĩa quân kháng cự vô cùng quyết liệt; nhưng do thế giặc quá mạnh, sau đó phải tan rã. Ông bị sa vào tay giặc. Bọn chúng giam ông ở nhà ngục Mỹ Tho; hết tra tấn dã man lại giở trò mua chuộc; nhưng vẫn không làm lung lay khí tiết của một đấng trượng phu anh hùng.

Tên Chánh tham biện Mỹ Tho là De Gailland chiêu hàng không thành, đã kết án và tử hình ông ngày 15-4 năm Ất Hợi (19-5-1875) tại chợ Tịnh Hà (nay thuộc xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo). Trước lúc hy sinh vì nghĩa lớn của dân tộc, ông vẫn lạc quan sáng tác một bài thơ tuyệt mạng, tỏ rõ ý chí kiên cường, bất khuất của mình:

Hãn mã gian quan báo quốc cừu,

Chỉ nhân binh bãi trí thân hưu.

Anh hùng mạc bả doanh thâu luận,

Vũ trụ trường khan tiết nghĩa lưu.

Đản đắc tử kinh Hồ lỗ phách,

Bất cam sinh đoạn tướng quân đầu.

Đương kim Tho thủy ba lưu huyết,

Long đảo thu phong khởi mộ sầu.

Nhà yêu nước Phan Bội Châu dịch:

Ruổi rong gió ngựa báo thù chung,

Binh bãi cho nên mạng mới cùng.

Tiết nghĩa vẫn lưu cùng vũ trụ,

Hơn thua sá kể với anh hùng.

Nổi xung mất vía quân Hồ lỗ,

Quyết thác không hàng rạng núi sông.

Tho thủy ngày rày pha máu đỏ,

Đảo Rồng hiu hắt ngọn thu phong.

Đồng thời, ông còn làm hai câu Liễn tuyệt mạng:

Hữu chí nan thân, không uổng bách niên chiêu vật nghị,

Tuy công bất tựu, diệc tương nhất tử báo quân ân.

Nhà nghiên cứu Cao Tự Thanh dịch:

Việc lớn không thành, báo chúa cũng đành liều một chết,

Lòng ngay khó tỏ, miệng đời luống để luận trăm năm.

Nghĩa nước tình dân, Nguyễn Hữu Huân đã trả xong khi ông vừa tròn 45 tuổi. Tấm gương sáng ngời của ông vẫn được lưu giữ mãi trong ký ức của nhân dân và của hồn thiêng sông núi; đúng như một câu ca dao ở địa phương đã ca ngợi:

Một lòng đền nợ nước non,

Ngàn năm vẫn đỏ tim son anh hùng.

Hiện nay, đền thờ và lăng mộ của ông đã được công nhận Di tích lịch sử cấp quốc gia năm 1987, tọa lạc tại xã Hòa Tịnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Nơi ông thọ án chém tại chợ Tịnh Hà (xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo) cũng được xây bia tưởng niệm. Tượng đài của ông được tạc bằng đá hoa cương, tọa lạc tại công viên Lạc Hồng, Phường 1, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Cuộc đời và sự nghiệp của ông đã được khắc họa trên

sân khấu qua vở cải lương "Trăng soi dòng Bảo Định" của Nghệ nhân ưu tú Huỳnh Anh. Tên Nguyễn Hữu Huân (hay Thủ khoa Huân) được đặt tên đường phố và trường học tại nhiều tỉnh thành trên cả nước.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 19 đảng viên; nam: 03, nữ: 16; Chi ủy: 05; nam: 01; nữ: 04. Ban giám hiệu: 03; nam: 01; nữ: 02. Công đoàn: 60 công đoàn viên; nam: 09; nữ: 51. Đoàn thanh niên: 08; nam: 00; nữ: 08; Đội thiếu niên: 802 đội viên; nam: 384; nữ: 418.

Tổng số cán bộ, viên chức: 58; nam: 08; nữ: 50. Tổng số giáo viên: 53; nam: 07; nữ: 46. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (Đại học): 50 ; Cử nhân (Cao đẳng): 01; Trung học sư phạm: 01.

Tổng số học sinh: 1267; nam: 618; nữ: 649.

Tổng diện tích: 4.827,5 m^2; diện tích sử dụng: 4.827,5 m^2.

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 4 tầng; phòng làm việc: 08; phòng học: 35; phòng máy tính: 02; phòng âm nhạc: 01; phòng mỹ thuật: 01; phòng ngoại ngữ: 91; phòng y tế: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 12; nhà bếp: 01; nhà ăn: 01.

18. Trường Tiểu học Trung An

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Trung An).

Địa chỉ: Phạm Hùng, Ấp 1, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273 386 9010.

Trang thông tin điện tử: http://thtrungan.tiengiang.edu.vn

Email: c1trunganmytho.tiengiang@moet.edu.vn

Trường được thành lập năm 1986 với tên gọi là Trường Phổ thông cơ sở Trung An, gồm có 02 cấp học là trung học cơ sở và tiểu học. Năm 1990, tách trung học cơ sở ra còn lại cấp tiểu học, từ đó trường mang tên là Trường Tiểu học Trung An theo Quyết định số 448/QĐ-UB ngày 04 tháng 9 năm 1990 của ủy ban Nhân dân thành phố Mỹ Tho. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Trung An.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 31 đảng viên; nam: 04, nữ: 27; Chi uỷ: 07; nam: 02; nữ: 05. Ban giám hiệu: 03; nam: 01; nữ: 02. Công đoàn: 80 công đoàn viên; nam: 18; nữ: 62. Đoàn thanh niên: 16 đoàn viên; nam: 02; nữ: 14; Đội thiếu niên: 1.126 đội viên; nam: 563; nữ: 563.

Tổng số cán bộ, viên chức: 80; nam: 18; nữ: 62. Tổng số giáo viên: 72; nam: 16; nữ: 56. Cử nhân (đại học): 64; Cử nhân (cao đẳng): 08; Trung học sư phạm: 06.

Tổng số học sinh: 1870; nam: 975; nữ: 895.

Tổng diện tích: 12.237,3 m^2:

+ Cơ sở 1: 7.306,7 m^2.

+ Cơ sở 2: 4.930,6 m^2.

Mỗi cơ sở có 2 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 02 tầng lầu; phòng làm việc: 05; phòng học: 45; phòng máy tính: 02; phòng ngoại ngữ: 01; phòng đa chức năng: 02; phòng thư viện: 01; phòng thiết bị giáo dục: 01; phòng tư vấn học đường và hỗ trợ học sinh hòa nhập: 01;phòng truyền thống: 01; phòng Đội thiếu niên: 01; phòng họp: 01; phòng y tế: 02; nhà kho: 02; nhà ăn: 01; nhà bếp: 02; khu vệ sinh: 09; sân chơi: 3.353 m^2; khu thể thao: 958 m^2.

19. Trường Tiểu học - Trung học cơ sở Lê Văn Nghề

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học - Trung học cơ sở) + Họ và tên danh nhân (Lê Văn Nghề).

Địa chỉ: Ấp Mỹ Hòa, xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 899 291

Trang thông tin điện tử:thcsmyphong.tiengiang.edu.vn

Email: c2myphongmytho.tiengiang@moet.edu.vn

Trường Tiểu học - Trung học cơ sở Mỹ Phong được thành lập theo Quyết định số 2873/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban Nhân dân thành phố Mỹ Tho trên cơ sở hợp nhất Trường Trung học cơ sở Mỹ Phong và Trường Tiểu học Mỹ Hòa. Năm 2019, trường được đổi tên thành Trường Tiểu học - Trung học cơ sở Lê Văn Nghề. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

LÊ VĂN NGHỀ

(1946 – 1968)

Lê Văn Nghề, bí danh Năm Lăng, sinh năm 1946 tại làng Mỹ Phong, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang).

Vốn là một thợ may rất giỏi, năm 1963, khi mới 17 tuổi, ông giác ngộ cách mạng và lên Sài Gòn hoạt động. Tại đây, bằng vỏ bọc là thợ may của tiệm may Tiến Đạt Phương trên đường Trương Minh Giảng, Quận 3 (nay là đường Trần Quốc Thảo), ông là thanh viên của Đội võ trang tuyên truyền thuộc Khu Đoàn Sài Gòn - Gia Định.

Thuộc thành phần công nhân trong Đội võ trang tuyên truyền, ông được giao phụ trách xây dựng cơ sở, lực lượng trong giới học sinh, nhất là các trường trung học, để tuyên truyền cách mạng. Ông đã tham gia nhiều trận đánh diệt ác ôn và nhiều cuộc tuyên truyền, phô trương thanh thế cách mạng ngay giữa trung tâm Sài Gòn. Có thể nói, ông chính là một trong những người "phát quang, dọn đường" để học sinh Sài Gòn giác ngộ cách mạng, tạo tiền đề cho những cuộc đấu tranh, xuống đường rực lửa chống Mỹ và

xhi1nh quyền Sài Gòn. Cũng từ đây, ông đã giới thiệu và xây dựng nhiều cá nhân xuất sắc cho tổ chức.

Những trận đánh và những cuộc tuyên truyền của ông được thực hiện trong điều kiện vũ khí và phương tiện hỗ trợ hết sức khó khăn. Chỉ có súng Colt 45, di chuyển bằng xe đạp và không có nhiều sự yểm trợ của đồng đội. Điều đặc biệt hơn, những trận đánh đó đều diễn ra một cách công khai giữa nội đô Sài Gòn, ngay trước mắt quân thù. Đây chính là điểm mấu chốt khiến các trận đánh và tuyên truyền này gây được tiếng vang lớn, nâng cao thanh thế của cách mạng, góp phần thúc đẩy phong trào học sinh và quần chúng ủng hộ cách mạng ở Sài Gòn.

Từ năm 1964 đến năm 1968, ông đã thực hiện nhiều trận đánh và những cuộc tuyên truyền, phô trương thanh thế cách mạng ngay giữa nội đô, làm nức lòng quần chúng, khiến địch phải hoảng vía. Trong thời gian này, ông đã trực tiếp thực hiện bốn trận đánh, diệt bốn tên mật vụ, ác ôn vốn những kẻ đã chỉ điểm, phá hoại phong trào học sinh. Những trận đánh này không chỉ làm các tên ác ôn hoảng sợ mà còn cất lên tiếng nói mạnh mẽ của phong trào trong những buổi đầu tiên. Học sinh Sài Gòn bị bớt thế kềm kẹp và được tiếp thêm động lực rất lớn để đấu tranh.

Dấu ấn lớn trong thời gian hoạt động cách mạng của ông là đã thực hiện nhiều cuộc tuyên truyền, phô trương khí thế của các mạng trong học sinh và quần chúng. Được giao nhiệm vụ phụ trách địa bàn Tân Định, cùng với các đồng chí của mình, ông đã thực hiện những cuộc tuyên truyền tại rất nhiều trường trung học tư thục như Tân Thạnh, Việt Nam Học Đường, Huỳnh Khương Ninh, Huỳnh Thị Ngà, Văn Hiến,… Bằng phương thức vào trực tiếp các trường trong giờ dạy và học, ông và các đồng đội đã bình tĩnh, mưu trí thực hiện những cuộc tuyên truyền, vận động học sinh ủng hộ, tham gia cách mạng, thậm chí bày cả phương pháp tháo lắp súng ngay tại lớp học cho học sinh mà địch không kịp trở tay.

Không chỉ tại trường học, ông còn tham gia tuyên truyền tại nhiều khu dân cư giữa nội thành. Một trong những lần tiêu biểu nhất là bất ngờ có mặt ở khu vực Cống Bà Xếp (khu vực đường Nguyễn Thông ngày nay) tuyên truyền về cách mạng và bắt cả hai tên cảnh sát khi chúng có mặt ở đây.

Những lần tuyên truyền công khai đó đã làm cho hình ảnh cách mạng đi sâu vào lòng học sinh Sài Gòn. Từ chỗ còn ít nhiều hồ nghi vì luận điệu xuyên tạc của địch, học sinh Sài Gòn đã đặt niềm tin lớn vào cách mạng, nhiều bộ phận học sinh từ đó đã theo cách mạng, bổ sung một lực lượng đáng kể vào cuộc đấu tranh của dân tộc. Những đợt tuyên truyền này đã làm cho địch cay cú nhưng rất hoang mang và không kiểm soát nổi tinh thần đấu tranh của phong trào học sinh nói riêng và người dân Sài Gòn nói chung.

Vai trò "dọn đường, phát quang", diệt ác, phá kềm cho phong trào học sinh Sài Gòn giai đoạn 1963 - 1968 của ông là cực kỳ to lớn. Với những năm tháng hoạt động này đồng chí đã mưu trí, dũng cảm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ gầy dựng cơ sở cách mạng, đưa ý chí cách mạng đi sâu vào một bộ phận học sinh và quần chúng Sài Gòn, phô

trương thanh thế cách mạng và làm địch lung lạc tinh thần của địch. Đây chính là tiền đề để phong trào học sinh Sài Gòn lớn mạnh, góp công sức vào cuộc đấu tranh chống Mỹ - Ngụy của cả dân tộc.

Tháng 5 - 1968, trong đợt 2 của cuộc tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968, ông đã hy sinh anh dũng khi bị địch bao vây. Trận đánh đó ông đã dùng hỏa lực cản lực lượng của địch để hai đồng đội là Mười Thu (Nguyễn Thị Cúc) và Tư Yến (Võ Anh Khanh) rút lui an toàn.

Ngày 27-4-2012, ông được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Tên ông được đặt tên đường và tên trường tiểu học - trung học cơ sở ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2013, Chi bộ nhà trường có 21 đảng viên; nam: 09, nữ: 12; Chi uỷ: 05; nam: 04; nữ: 01. Ban giám hiệu: 03; nam: 02; nữ: 01. Công đoàn: 56 công đoàn viên; nam: 22; nữ: 34. Đoàn thanh niên: 33 đoàn viên; nam: 15; nữ: 18; Đội thiếu niên: 793 đội viên; nam: 412 ; nữ: 381.

Tổng số cán bộ, viên chức: 52; nam: 20 nữ: 32. Tổng số giáo viên: 46; nam: 17; nữ: 29. Cử nhân (đại học): 44; Cử nhân (cao đẳng): 07; Trung học sư phạm: 01.

Tổng số học sinh: 920 ; nam: 470 ; nữ: 450.

Tổng diện tích: 7.410 m^2; diện tích sử dụng: 7.410 m^2

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 06; phòng học: 34; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 03; thư viện: 01; sân chơi: 02 ; khu thể thao: 00 ; khu vệ sinh: 06; nhà đa năng: 01.

20. Trường Tiểu học - Trung học cơ sở Thới Sơn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học - Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Thới Sơn).

Địa chỉ: Ấp Thới Bình, xã Thới Sơn, Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733895307

Trang thông tin điện tử: http://thcsthoison.tiengiang.edu.vn/

Email: c2thoisonmt.tiengiang@moet.edu.vn

Trường được thành lập theo Quyết định số 2874/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban Nhân dân thành phố Mỹ Tho trên cơ sở hợp nhất Trường Tiểu học Thới sơn và Trường Trung học cơ sở Thới Sơn.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Thới Sơn.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 27 đảng viên; nam 16, nữ 11: Chi ủy: 05; nam: 04, nữ: 01. Ban giám hiệu: 03, nam: 02, nữ: 01. Công đoàn: 42 công đoàn viên, nam: 25, nữ: 17. Đoàn thanh niên: 24 đoàn viên, nam: 13 , nữ: 11. Đội thiếu niên: 464 đội viên, nam: 240, nữ: 224.

Tổng số cán bộ viên chức: 42, nam: 25, nữ: 17. Tổng số giáo viên: 36, nam: 23, nữ: 13. Cử nhân (đại học): 34, Cử nhân (cao đẳng): 02, Trung cấp: 06.

Tổng số học sinh: 626; nam: 331, nữ: 295.

Tổng diện tích đất: 8.602,3m^2; diện tích sử dụng: 8.602,3m^2.

Cơ sở vật chất:

+ Cơ sở 1 (Trung học cơ sở) Lầu: 02 dãy, dãy 1: có 1 trệt 2 lầu, dãy 2: có 1 trệt 1 lầu, phòng làm việc: 09, phòng học: 08 phòng, phòng thí nghiệm: 04, phòng nghe nhìn: 01, phòng máy tính: 01, thư viện: 01, sân chơi: 01, khu thể thao: 01, khu vệ sinh: 02.

+ Cơ sở 2 (Tiểu học) Lầu: 02 dãy, mỗi dãy có 1 trệt 2 lầu, phòng làm việc: 06, phòng học: 15 phòng, phòng thí nghiệm: 01, phòng nghe nhìn: 01, phòng máy tính: 01, thư viện: 01, sân chơi: 01, khu thể thao: 01, khu vệ sinh: 02.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn địa danh Kinh/Kênh:**

Khái niệm

Kinh/Kênh là dòng dẫn nước do con người tạo ra, nhằm vào nhiều mục đích, trong đó có hai mục đích chính là thủy lợi và giao thông thủy.

1. Kinh/Kênh Bảo Định

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Địa danh Hán Việt (Bảo: 保 : gánh vác, giữ gìn; Định: 定: Yên ổn).

Đây là con kênh được đào đầu tiên ở Nam bộ. Trước khi có con kênh này, tại đây đã có rạch Vũng Cù ở về phía đông bắc, chảy từ sông Vàm Cỏ Tây đến quán Thị Cai (nay thuộc thành phố Tân An, tỉnh Long An); và rạch Mỹ Tho ở về phía nam, chảy từ chợ Lương Phú (nay thuộc xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang) ra sông Tiền. Khoảng giữa bắc – nam, tức là từ quán Thị Cai đến chợ Lương Phú là ruộng vườn liên tiếp.

Năm 1705, vâng lệnh Quốc chúa Nguyễn Phúc Chu, Chính thống Vân trường hầu Nguyễn Cửu Vân đem quân đánh dẹp quân Cao Miên ở khu vực này khi bọn chúng xâm phạm biên cảnh. Để đề phòng quân giặc tập kích, Nguyễn Cửu Vân cho đắp một phòng tuyến kéo dài từ quán Thị Cai đến chợ Lương Phú. Bên ngoài phòng tuyến, ông cho đào một con mương hào nối liền rạch Vũng Cù và rạch Mỹ Tho. Sau đó, nhân đường nước đã lưu thông, người ta đào sâu thêm, thành ra đường kênh, ghe thuyền đi lại được. Lúc bấy giờ, để tiện cho việc nhắm hướng đào mở, người ta có dựng một cái thang cao, tục gọi là thang trông; và về sau trở thành địa danh: chợ Thang Trông ở xã Phú Kiết, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Về việc này, sách *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức ghi chép như sau: "*Thuở xưa, phía đông bắc từ sông nhỏ Vũng Cù chảy đến quán Thị Cai là hết, phía tây từ sông nhỏ Mỹ Tho cũng xuống đông đến chợ Lương Phú là hết, khoảng giữa thì ruộng*

đất liên tiếp từ nam đến bắc. Năm Ất dậu (1705), *đời vua Hiển tông Hiếu minh hoàng đế thứ 15* (tức Quốc chúa Nguyễn Phúc Chu), *sai Chính thống Vân trường hầu qua đánh Cao Miên. Quân địch thường ra chỗ này quấy nhiễu quân ta. Sau Vân trường hầu bèn đắp lũy dài từ quán Thị Cai đến chợ Lương Phú, đào hai đầu tận cửa sông Vũng Cù và sông Mỹ Tho dẫn nước chảy đến làm hào mương ngòi lũy để củng cố cuộc phòng ngự. Sau nhân đường nước đã lưu thông, lại đào sâu thêm thành ra đường kinh đi ghe thuyền được*".

Sách *Đại Nam nhất thống chí* của Sử quán triều Nguyễn cũng ghi tương tự: "*Năm Ất Dậu* (1705*), đời Hiển tông, Chánh thống suất Nguyễn Cửu Vân đem quân đi đánh Cao Miên, cho đắp lũy dài từ quán Thị Cai đến chợ Lương Phú ở chỗ tận cùng hai đầu nguồn rạch Vũng Cù và Mỹ Tho, lấy nước làm hào vòng quanh lũy, để việc phòng thủ được vững vàng; sau đó, nhân đường nước lưu thông, đào sâu mãi xuống thành ra đường kinh thuận tiện cho thuyền bè*".

Do đoạn kênh tại Thang Trông có giáp nước, nên kênh thường bị bùn lầy làm cho nông cạn. Vì thế, năm 1819, vua Gia Long ra lệnh cho các viên quan đứng đầu thành Gia Định và trấn Định Tường huy động dân phu nạo vét và mở rộng kênh từ Thang Trông đến Húc Đồng (Hóc Đùn) – bến Mỹ Tho dài 40 dặm rưỡi (khoảng 14 km).

Sự việc này được sách *Gia Định thành thông chí* viết như sau: "*... đường sông từ đông đến tây xa cách, nên đến chỗ Vọng Thê (tục gọi là Thang Trông, là chỗ khi đầu dựng cái thang cao để đứng nhắm địa thế đào mở, nhân đó gọi thành địa danh) nước thủy triều giao hội làm chỗ giáp nước, thế nước lênh đênh, khi lên, khi xuống, chảy mạnh, lại nhiều chỗ quanh quẹo hẹp nhỏ, vậy nên bùn cỏ tích tụ, càng ngày càng bị cạn lấp, thuyền lớn đi đến đây phải đợi nước lên cho đầy thì mới đi được. Năm Kỷ mão niên hiệu Gia Long thứ 18* (1819), *vua xuống chỉ dụ sai đo thẳng từ chỗ Thang Trông đến Húc Đồng* (tức Hóc Đùn, nay thuộc xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang), *sai Trấn thủ Định Tường là Bửu thiện hầu Nguyễn Văn Phong đem dân phu trong trấn thay phiên đào mở*".

Bia *Phụng khai tân cảng ký* (còn gọi là Bia đào kênh Bảo Định), do vua Gia Long cho dựng năm 1819 tại Thang Trông, ghi : "*Đường sông này vốn có nhiều khúc quanh co, nhiều chỗ sâu cạn, nên ghe thuyền các loại khó đi lại*".

Sách *Đại Nam nhất thống chí* cho biết: "*Về phía đông nam, đường nước khá dài; cho nên khi chảy đến địa phận Vọng Thê* (tức Thang Trông) *thì hợp với nước thủy triều; đây là chỗ hai ngọn nước giao nhau nên gọi là Giao đầu thủy. Sở dĩ gọi là Vọng Thê là vì lúc mới bắt đầu đào sông, người ta phải trèo lên thang nhìn nhận những chỗ cần phải đo đạc kinh dinh, tục gọi là Thang Trông. Tuy thế, sông này nhiều chỗ quanh co nhỏ hẹp, mỗi ngày một nông cạn dần, nên năm Gia Long thứ 18* (1819) *sai Trấn thủ Định Tường là Nguyễn Văn Phong bắt hơn 9.000 dân phu đào từ Vọng Thê* (tức Thang Trông) *đến Húc Đồng* (tức Hóc Đùn), *cũng có chỗ đào kinh mới cho liên lạc với sông*".

Đây là công trình lớn, nên có đến 3 vị quan cao cấp của Gia Định thành và 2 vị quan đứng đầu của trấn Định Tường cùng tham gia chỉ huy, gồm :

- Gia Định thành Phó Tổng trấn - Thị trung Tả Thống chế Lý văn hầu Huỳnh Công Lý. Viên quan này có trách nhiệm chỉ huy toàn bộ công trình.

- Hiệp Tổng trấn, Lại bộ Thượng thư An toàn hầu Trịnh Hoài Đức.

- Tổng đốc Chưởng tiền quân - Bình Tây tướng quân - Đức quận công Nguyễn Huỳnh Đức.

- Trấn thủ Định Tường - Bửu Thiện hầu Nguyễn Văn Phong. Vị này có nhiệm vụ chỉ huy dân phu tại công trình.

- Chưởng cơ Lãnh binh - Nhiệm tín hầu (chưa rõ họ, tên). Vị này có nhiệm vụ huy động dân phu.

Về số lượng dân phu, sách *Gia Định thành thông chí* cho biết có 9.679 người; sách *Đại Nam nhất thống chí* ghi có hơn 9.000 người; trong khi đó, bia *Phụng khai tân cảng ký* ghi chỉ có 3.225 người. Thực ra, ghi chép của các tài liệu đó không mâu thuẫn nhau. Sách *Gia Định thành thông chí* cho biết: "*... đem 9.679 dân phu chia làm 3 phiên, thay nhau đào mở*". Như vậy, con số 3.225 dân phu được ghi trong bia *Phụng khai tân cảng ký* là số lượng dân phu của một phiên trong ba phiên đào mở của toàn bộ 9.679 dân phu mà *Gia Định thành thông chí* đã ghi chép. Dân phu tại công trình, theo sách *Gia Định thành thông chí*, mỗi người được cấp tiền và gạo; bia *Phụng khai tân cảng ký* cho biết cụ thể hơn: mỗi người được chính quyền địa phương cấp cho 1 quan tiền, 1 phương gạo.

Công việc chính của dân phu là nạo vét, mở rộng tuyến kênh đã có và đào sửa cho thẳng những đoạn kênh khúc khuỷu. Sách *Gia Định thành thông chí* chép: "*hoặc nhân theo đường sông cũ uốn nắn mà đào sâu rộng thêm; hoặc mở kênh mới để cho liên lạc*"; bia *Phụng khai tân cảng ký* cũng ghi tương tự: "*hoặc đào thẳng qua ruộng bằng phẳng, hoặc sửa những chỗ nông sâu*".

Công trình cải tạo kênh được tiến hành trong khoảng 3 tháng; khởi công ngày 28 tháng Giêng năm Kỷ Mão (23–2–1819); kết thúc theo ghi chép của *Gia Định thành thông chí* là ngày 4 tháng 4 nhuận năm Kỹ Mão (28–5–1819); theo ghi chép của bia *Phụng khai tân cảng ký* là ngày 10 tháng 4 nhuận năm Kỷ Mão (3–6–1819).

Sau khi công trình đã được hoàn thành mỹ mãn, vua Gia Long cho tạc sự kiện này vào bia đá dựng tại Thang Trông để "*truyền mãi về sau*"; và đặt tên cho kênh là Bảo Định. Lúc này, kênh có bề ngang 15 tầm (khoảng 32 mét), sâu 9 thước (khoảng 4 mét), hai bên bờ kênh có đường quan lộ được đắp bằng đất, rộng 6 tầm (khoảng 13 mét). Ngay khi ấy, Trịnh Hoài Đức có sáng tác bài thơ nói về tác dụng của kênh Bảo Định và cuộc sống sung túc của người dân ở dọc theo tuyến kênh:

TÂN KINH THẦN MỤC

Lạc nguyệt đề ô náo cửu cai,

Tân kinh mục tử[44] *trục tương lai.*

Địch xuy lô quản xâm yên tố,

Ngưu đạp vân căn[45] *nhập thủy ôi.*

Thảo dụ bình điền hồ khả lạp,

Tang âm lục dã lộ kham môi.

Phong niên tiếu ngạo Hy Hoàng[46] *thế,*

Túy ngọa hoa tùng bất thoát soa.

Bản dịch thơ của Hoài Anh:

SỚM CHĂN TRÂU Ở TÂN KINH

Trăng lặn quạ kêu rộn khoảng không,

Tân kinh mục tử ruỗi trên đồng.

Sáo bằng ống sậy vút trời thẳm,

Trâu dẫm đá chìm tới khuỷu sông.

Cỏ tốt bãi bằng, săn cáo tiện,

Dâu xanh bóng mát họp cò đông.

Được mùa ngạo thuở Hy Hoàng nhé,

Để áo, nằm say cạnh khóm hồng

Dưới thời Thiệu Trị (1841 – 1847), kênh Bảo Định được đổi tên là An Định; rồi Trí Tường.

Kênh Bảo Định, ngoài việc nối với sông Vàm Cỏ Tây ở phía bắc và sông Mỹ Tho ở phía nam; còn thông lưu với 19 con rạch tự nhiên ở phía tây và phía đông, tạo nên một hệ thống kinh rạch tương đối dày đặc. Do đó, ngoài tác dụng về an ninh – quốc phòng, kênh Bảo Định còn có giá trị to lớn về khai hoang, thủy lợi và giao thông thủy đối với vùng đất mới phương Nam. Điều đó thể hiện tầm nhìn chiến lược của Quốc chúa Nguyễn Phúc Chu và vua Gia Long trong việc khai đào và mở rộng con kênh được xem là đầu tiên ở Nam bộ.

Trong lịch sử kháng chiến chống ngoại xâm, kênh Bảo Định gắn liền với chiến công của quân dân ta vào năm 1861. Lúc bấy giờ, Định Tường là một tỉnh đông dân, nhiều

---

[44] Mục tử: Trẻ chăn trâu.

[45] Vân căn: Gốc rễ của mây, tức là đá. Thơ thời nhà Tống có câu: "*Đồn yên nhiễu phong nguyệt, tích thủy nịch vân căn*", nghĩa là: *Khói dồn lại làm rối loạn hang gió, nước tụ lại làm chìm đá núi*.

[46] Hy Hoàng: là hai vị vua Phục Hy và Hoàng Đế thời cổ đại ở Trung Quốc. Dưới thời hai vị vua này, xã hội ổn định, thạnh trị, ý chỉ sự thái bình.

của; lại là "cửa ngõ" của vùng đồng bằng sông Cửu Long. Cho nên, thực dân Pháp sau khi hạ đại đồn Chí Hoà ở Gia Định (2-1861) đã tính đến việc tiến đánh Định Tường, mà mục tiêu đầu tiên là thành Mỹ Tho.

Ngày 17-3-1861, tàu chiến Pháp đánh chiếm Vũng Gù (nay thuộc thành phố Tân An, tỉnh Long An) và cửa Tiểu (Gò Công) nhằm thực thi kế hoạch tấn công thành Mỹ Tho từ hai hướng: hướng thứ nhất, theo đường kênh Bảo Định

Riêng tại mặt trận kênh Bảo Định, từ Vũng Gù đến Mỹ Tho, quân dân Định Tường đã đắp 9 cản hàn sông và xây dựng 5 đồn quân kiên cố nhằm đối phó với quân địch[47].

Ngày 5-4-1861, liên quân Pháp - Tây Ban Nha với 1 chiến thuyền lớn và 5 pháo hạm được trang bị nhiều đại bác bắt đầu tiến vào kênh Bảo Định. Trên đường hành tiến, quân giặc đã bị quân dân Định Tường chận đánh liên tục. Mãi đến chiều ngày 09-4-1861, mặc dù phải chịu nhiều tổn thất, nhưng với phương tiện chiến tranh và vũ khí vượt trội, đoàn tàu chiến của địch mới tiến đến được một địa điểm ở gần Mỹ Tho.

Trong buổi sáng ngày 10-4-1861, thực hiện mệnh lệnh của viên chỉ huy liên quân là đại tá thủy quân lục chiến Đuy-ki-lô (Duquilo), đại úy pháo binh Sốp-phô (Chauffaut) chỉ huy một toán quân gồm bộ binh Tây Ban Nha, 01 đại đội bộ binh và 01 đại đội thủy quân lục chiến người Pháp, làm nhiệm vụ trinh sát thực địa, chuẩn bị cho việc tấn công thành Mỹ Tho. Toán quân này đi dọc theo bờ hữu ngạn kênh Bảo Định hướng vào trung tâm Mỹ Tho. Trên đường đi, quân giặc bị một quả đạn súng thần công do quân ta bắn rơi vào đội hình. Quả đạn, tuy không làm ai bị thiệt mạng hay bị thương; nhưng đã khiến cho bọn chúng hết sức hoang mang, hỗn loạn, vì không biết rõ đích xác quả đạn từ đâu bắn tới. Trước sự việc đó, quân giặc phải bỏ dỡ cuộc hành quân trinh sát, quay trở về, rút xuống tàu chiến và các pháo hạm đang neo đậu ở giữa dòng kênh Bảo Định.

Đến 15 giờ cùng ngày, mặc dù chưa rõ tình hình bố phòng của quân ta, nhưng với bản chất hung hăng, kiêu ngạo, xem thường đối phương của một tên sĩ quan thực dân, đại tá thủy quân lục chiến Đuy-ki-lô (Duquilo) ra lệnh cho trung tá hải quân Buộc-đe (Bourdais) chỉ huy 03 đại đội bộ binh, thủy quân lục chiến với 300 binh lính và 4 pháo hạm mang số hiệu 16, 18, 22, 31, trong đó pháo hạm số 18 là pháo hạm chỉ huy, nhổ neo, xuôi dòng Bảo Định, tiến về thành Mỹ Tho.

Đoàn pháo hạm của địch tiến đến Bến Chùa[48] gần Trung Lương[49] thì xảy ra trận đấu súng quyết liệt giữa súng thần công của quân ta và đại bác của quân địch. Khi phát hiện đồn của quân ta, các pháo hạm của quân Pháp bắt đầu khai hỏa. Lập tức, quân ta bắn trả rất mãnh liệt. Chiếc pháo hạm chỉ huy số 18 bị bắn trúng ba quả đạn thần công, trong đó có 01 quả đạn đã khiến cho trung tá hải quân Buộc-đe (Bourdais) chết ngay tại chỗ. Đây

---

[47] Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Anh Tuấn (chủ biên), *Địa chí Tiền Giang (tập 1)*, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân tỉnh Tiền Giang - Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, 2005, trang 326.

[48] Nay thuộc xã Long An, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

[49] Nay thuộc Phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

là một tổn thất lớn đối với liên quân Pháp - Tây Ban Nha. Bọn binh lính xâm lược ngày càng hoang mang, dao động.

Dòng kinh/kênh Bảo Định vốn hiền hòa nhưng đã nổi sóng căm hờn trước sự xâm lược của quân Pháp, tạo nên một chiến công oanh liệt của quân dân Định Tường trong buổi đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Trung tá hải quân Buộc-đe (Bourdais) đã phải đền tội trên dòng Bảo Định lịch sử. Đây là viên sĩ quan thực dân đầu tiên bị chết trận trong quá trình xâm lược nước ta của thực dân Pháp. Lịch sử Việt Nam ghi nhận chiến thắng Cầu Giấy (Hà Nội) lần thứ 1 năm 1873 với cái chết của đại úy Phơ-răng-xi Gạc-ni-ê (Francis Garnier), chiến thắng Cầu Giấy (Hà Nội) lần thứ 2 năm 1883 với cái chết của tên thiếu tá hải quân Hăng-ri Ri-vi-e (Henri Rivière) thì chiến công của quân dân Định Tường (nay là tỉnh Tiền Giang) năm 1861 trên dòng Bảo Định sống mãi với non sông gấm vóc Việt Nam.

Dưới thời thuộc Pháp, năm 1867, giới cầm quyền Pháp ở Mỹ Tho đã sử dụng xáng múc (tàu cuốc) để nạo vét kênh Bảo Định. Lúc bấy giờ, chiếc xáng múc to như một chiến hạm, hoạt động bằng máy hơi nước, có công suất khoảng vài trăm mã lực, xúc đất bằng những chiếc gàu sắt đặt liền nhau theo hình đường tròn như kiểu guồng đạp nước, có khả năng đào sâu khoảng 5 – 6 mét. Sau khi công việc hoàn tất, kênh có chiều dài 28 km, nối liền hai tỉnh lỵ Tân An và Mỹ Tho. *Địa phương chí tỉnh Mỹ Tho năm 1902* cho biết: "*Con kênh này được ghe thuyền của người bản xứ xuôi ngược tấp nập*".

Trước khi có kênh Chợ Gạo (1877), ngoài tác dụng thuỷ lợi, kênh Bảo Định là thuỷ lộ quan trọng để vận chuyển nông sản, hàng hóa, văn thư… từ Sài Gòn đi Đồng bằng sông Cửu Long và ngược lại, nên chính quyền thực dân Pháp mới đặt tên là kênh Bưu Điện (Arroyo de la Poste).

Năm 1974, cống Tân An đã được xây tại đầu phía Bắc của kênh (gần thành phố Tân An) nhằm ngăn nước mặn từ sông Vàm Cỏ Tây xâm nhập vào ruộng, vườn. Năm 2004, cống Bảo Định với chức năng tương tự cũng đã được xây ở đoạn kênh phía Nam trên Quốc lộ 50 tại xã Đạo Thạnh (TP Mỹ Tho). Vào mùa nước mặn hai cống ở phía bắc và phía nam đóng cửa, vai trò giao thông thủy của kênh hiện nay không như trước đây.

Kênh Bảo Định có thể nói là một phần không thể thiếu được của thành phố Mỹ Tho. Nhà thơ Xuân Diệu đã viết về điều này như sau:

Mỹ Tho bóng mát đường cây,
Nước sông Bảo Định dồn mây với thuyền.
Cầu Quay phố xá đôi bên,
Ta không buôn bán, chỉ ghiền văn thơ.
Gió sông mát rượi hồn thanh,
Con đò Rạch Miễu chạy quanh đảo Rồng.

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các Phường 1, 2, 3, 7, 10, xã Mỹ Phong thuộc thành phố Mỹ Tho; các xã Long An, Thân Cửu Nghĩa thuộc huyện Châu Thành; các xã Lương Hòa Lạc, Mỹ Tịnh An, Hòa Tịnh, Trung Hòa thuộc huyện Chợ Gạo; điểm đầu nối với sông Tiền tại Phường 1, thành phố Mỹ Tho, điểm cuối nối với rạch Bà Lý, xã Trung Hòa, huyện Chợ Gạo, dài 19,8 km, bề ngang từ 40 - 60 m, sâu 4 m, diện tích phục vụ 10.300 ha.

2. Kinh/Kênh Lộ Ngang

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Công trình xây dựng mang yếu tố Hán Việt (Lộ: 塘 : Đường) + Vị trí (Ngang).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho; các xã Thanh Bình, Tân Bình Thạnh thuộc huyện Chợ Gạo; điểm đầu nối với rạch Gò Cát, điểm cuối nối với rạch Bà Lý, dài 11,8 km, bề ngang 11 - 13 m, sâu 1,5 - 2,0 m, diện tích phục vụ 825 ha.

3. Kinh/Kênh Lộ Xoài

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Công trình xây dựng mang yếu tố Hán Việt (Lộ: 塘 : Đường) + Thực vật (Xoài).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua xã Tân Mỹ Chánh, thành phố Mỹ Tho, xã Song Bình, huyện Chợ Gạo; điểm đầu nối với Vàm Kỳ Hôn, điểm cuối nối với rạch Gò Cát, dài 3,1 km, bề ngang 11 m, sâu 1 m, diện tích phục vụ 220 ha.

Nghiên cứu địa danh tín ngưỡng, tôn giáo:

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên Đình:**

Khái niệm Đình (chữ Hán: 亭): là công trình trong tổng thể kiến trúc làng Việt Nam.

Đình Số thứ tự làng là nơi thờ Thành hoàng làng (là người thành lập làng hay có công với làng), đồng thời là nơi hội họp, bàn việc của dân làng. Đình được coi là trung tâm sinh hoạt văn hóa gắn bó với một cộng đồng cư dân và mang đặc trưng của nền văn minh lúa nước Việt Nam.

1. Đình An Đức Đông

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính xưa (Thôn An Đức Đông).

Đình An Đức Đông tọa lạc tại Ấp 1, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho.

Đình được xây dựng vào giữa thế kỷ XIX. Do là căn cứ cách mạng, đình bị quân Pháp và quân đội Sài Gòn đốt phá nhiều lần. Vì vậy, nhân dân địa phương góp công sức, tiền của tiến hành tu sửa nhỏ để có nơi cúng kiếng, thờ phụng. Năm 2007, đình được

trùng tu với quy mô lớn nên khá khang trang. Đình có tổng diện tích 1.500 m², diện tích xây dựng 420 m².

Đình thờ thần Thành hoàng bổn cảnh, các vị tiền hiền, hậu hiền.

Đình được xây dựng theo kiểu chữ tam (≡), gồm ba phần: vỏ ca, vỏ quy và chánh điện. Vỏ ca là ngôi nhà xây dựng theo kiểu tứ trụ, mái hình bánh ú lợp Fibrô xi măng. Vỏ quy là ngôi nhà nối liền vỏ ca và chánh điện, cột bê tông mái lợp Fibrô xi măng. Qua vỏ quy là chánh điện được xây dựng theo kiểu tứ trụ, mái bánh ú lợp Fibrô xi măng. Trên 4 cột cái của chánh điện đắp nổi 4 con rồng bằng xi măng.

Hằng năm, đình có 2 lễ cúng: Hạ điền ngày 15,16 tháng 2 âm lịch; Thượng điền ngày 15,16 tháng 12 âm lịch.

Đình An Đức Đông được UNND tỉnh Tiền Giang công nhận Di tích lịch sử - văn há cấp tỉnh theo Quyết định số 5044/QĐ-UBND ngày 24/12/2009.

2. Đình Điều Hòa

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính xưa (Thôn Điều Hòa).

Đình Điều Hòa tọa lạc tại số 101, đường Trịnh Hoài Đức, Phường 2, thành phố Mỹ Tho.

Đình được xây dựng cuối thế kỷ 18. Lúc bấy giờ, đình tọa lạc gần bờ sông Tiền. Năm 1904, do ảnh hưởng của cơn bão Giáp Thìn, đình bị xuống cấp nặng nề. Trước tình trạng đó, các hương chức cùng với nhân dân làng Điều Hòa thống nhất dời đình đến gần miếu thờ Thần Nông nằm trên khu ruộng tịch điền. Năm 1913, đình được di dời về chỗ mới và giữ nguyên cho đến ngày nay. Năm 1967, đình được trùng tu, xây nhà khách, nhà khói và cổng tam quan. Năm 2005, đình được tu bổ mái ngói. Thời gian sau này thường xuyên được sửa chữa, tu bổ và bảo quản tốt nên đình rất khang trang.

Đình thờ thần Thành hoàng bổn cảnh, các vị thần linh do nhân dân tín ngưỡng, những người có công lập ra thôn Điều Hòa như Tiền hiền cầm địa Nguyễn Văn Kiên, Tiền hiền khai khẩn Nguyễn Văn Trước và Trương Văn Ân,....

Đình được xây dựng theo lối chữ "Tam" (≡), gồm có vỏ ca, vỏ quy và chánh điện. Ngoài ra, đình còn có nhà khách, nhà khói. Đình có tổng diện tích 1.605,98 m²; diện tích xây dựng 750 m².

Hiện trong đình còn lưu giữ, bảo quản các sưu tập lư, đỉnh đồng, binh khí thờ và nhiều cổ vật gốm sứ của Trung Quốc thế kỷ 19. Vào trong chánh điện, gian giữa với các bộ bao lam thếp vàng *"Long Phụng tranh châu"*, *"Bát tiên cỡi thú"*; phía trên bao lam là những khuôn chạm tứ quý, tứ linh, mai điểu, tùng lộc, liên áp (vịt - sen) và trên cùng là tấm hoành phi được sơn son thếp vàng rực rỡ và chạm Tứ linh. Trên hai cột là đôi liễn chạm hai lớp câu đối có nội dung:

Miếu mạo nguy nga tân cựu tôn ty triêm thánh đức

Oai linh hách diệu sỹ nông công mãi mộc thần ân.

Trên hai hàng cột hai bên chánh điện trang trí hoành phi, bao lam chạm trổ sơn son thếp vàng với họa tiết trang trí tứ quý, tứ linh, mai lan cúc trúc, hoa trái,... Đặc biệt, ở hàng cột ngoài cùng trong chánh điện, có đôi liễn chạm khắc hai câu đối của Thượng thư Bộ Học Cao Xuân Dục khi ông đến thăm đình năm 1907:

"Tứ hải bổn đồng phùng Thuận trị

Nhất thôn phong hóa hảo Điều Hòa"

Hàng năm cứ đến lệ kỳ, nhân dân trong vùng lại tề tựu về đình để tổ chức cúng Kỳ yên (vào các ngày 16-17-18 tháng 02 âm lịch và 16-17-18 tháng 10 âm lịch) đúng theo nghi thức truyền thống, thu hút đông đảo người dân tham dự. Nhân dân đã đến cầu an cho sự yên bình của làng xóm và tổ chức các hội thi làm bánh, đồ xôi, chưng nghi (bằng những loại trái cây của địa phương). Hội đình kéo dài 3 ngày 3 đêm, mỗi đêm đều có rước đoàn hát về hát bội các tuồng có nội dung phản ánh các điển tích xưa, thu hút hàng ngàn nhân dân đến xem hát để giải trí.

Đình Điều Hòa được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia theo Quyết định số 313/QĐ-BVHTTDL ngày 22/01/2009.

3. Đình Mỹ Chánh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính xưa (Thôn Mỹ Chánh).

Đình Mỹ Chánh tọa lạc tại Phường 8, thành phố Mỹ Tho.

Đình được xây dựng vào đầu thế kỷ 19, được trùng tu, tôn tạo qua các năm 1959, 1980, 2018-2019. Với tổng diện tích 750 m², diện tích xây dựng 450 m², đình có kiến trúc theo hình chữ tam (≡), gồm: vỏ ca, vỏ quy và chánh điện.

Đình thờ thần Thành hoàng bổn cảnh, các vị tiền hiền, hậu hiền. Mỗi năm, đình có 3 lễ cúng: Hạ điền ngày 10,11 tháng 3 âm lịch; thần Thành hoàng ngày 10,11 tháng 5 âm lịch; Thượng điền ngày 11,12 tháng 11 âm lịch.

Hiện nay, đình còn lưu giữ nhiều di vật được tạo tác bằng gỗ, như khám thờ, hành phi, liễn, bao lam,... được chạm trổ họa tiết về tứ linh, tứ quý, hoa trái, chim thú,... hàm ý cầu mong cho quê hương đất nước, con người được an lành, hạnh phúc.

Đình Mỹ Chánh được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 3418/QĐ-UBND ngày 01/12/2010.

4.Đình Mỹ Phong

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính (Xã Mỹ Phong).

Đình Mỹ Phong tọa lạc tại ấp Hội Gia, xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho.

Đình được xây dựng vào đầu thế kỷ XIX, đã trải qua các lần trùng tu, tôn tạo vào các năm 1935, 1942, 1946, 1959, 1980, 1985, 1990, 2006. Hiện nay, đình khá khang trang.

Đình có lối kiến trúc hình chữ tam (≡), gồm có vỏ ca, chánh điện và nhà khói, có tổng diện tích 1.500 m², diện tích xây dựng 450 m².

Đình thờ thần Thành hoàng bổ cảnh, thần Nông, Bạch mã thái giám, Ngũ phương thổ công, các vị tiền hiền, hậu hiền. Hiện nay, đình còn lưu giữ các sắc phong của vua Thiệu Trị (năm 1845), vua Tự Đức (năm 1850).

Hằng năm, đình có 03 lễ cúng: Kỳ yên (17/3 âm lịch), Hạ điền (17/5 âm lịch), Thượng điền (17/1 âm lịch).

Đình là cơ sở cách mạng quan tọng của địa phương trong hai thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

Đình Mỹ Phong được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 1301/QĐ-UBND ngày 04/06/2012.

5. Đình Phú Hội

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính xưa (Thôn Phú Hội).

Đình Phú Hội tọa lạc tại Phường 8, thành phố Mỹ Tho.

Đình được xây dựng vào đầu thế kỷ 19, được trùng tu vào các năm 1912, 1973, 2013, 2018-2019 với tổng diện tích trên 300 m²; diện tích xây dựng 291 m², theo kiến trúc hình chữ tam (≡), gồm vỏ ca, chánh điện và nhà khói.

Đình thờ thần Thành hoàng bổn cảnh, thần Nông, Chúa Xứ nương nương, các vị tiền hiền, hậu hiền.

Hiện nay, đình còn lưu giữ các bàn thờ, hoành phi, liễn, bao lam,… được sơn son thếp vàng, chạm trỗ rất công phu, tinh xảo với họa tiết tứ linh (long, lân, quy, phụng), tứ quý (xuân, hạ, thu, đông), hoa lan, hoa cúc, chim trĩ, chim phụng, chum nho, sóc, cá,…

Hằng năm, đình có 2 lễ cúng: Hạ điền ngày 15,16 tháng 3 âm lịch; Thượng điền ngày 15,16 tháng 11 âm lịch.

Đình Phú Hội được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số: 3418/QĐ-UBND ngày 01/12/2010.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên Miếu:**

Khái niệm Miếu

Miếu là một dạng di tích văn hóa trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam có quy mô nhỏ hơn đền. Đối tượng được thờ ở miếu rất đa dạng, thể hiện ở tên gọi của miếu - tên gọi theo đối tượng được thờ thường phiếm chỉ và tượng trưng. Ví dụ: miếu Cô, miếu Cậu, miếu thờ

thần núi gọi là miếu Sơn thần, miếu thờ thần nước gọi là miếu Hà Bá hoặc miếu Thủy thần, miếu thờ thần đất gọi là miếu thổ thần.

Miếu Cây Vông

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Miếu) + Địa danh chỉ thực vật (Cây vông).

Miếu Cây Vông tọa lạc tại Ấp 4, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho.

Miếu được xây dựng vào cuối thế kỷ 18, do nằm bên cạnh cây vông to, nên được gọi là miếu Cây Vông. Năm 1849, được xây dựng lại. Năm 1996, miếu được trùng tu khang trang. Năm 2016, nhà khách, nhà bếp và nhà hậu được tu bổ.

Miếu có tổng diện tích 1.000 m^2, diện tích xây dựng 157 m^2, được xây dựng theo kiểu chữ nhị (=), gồm: vỏ ca, chánh điện, nhà khách, nhà hậu, nhà bếp. Tại chánh điện có 5 nghi thờ: nghi giữa thờ Thổ Thần, nghi bên phải thờ Bà Chúa Xứ, nghi bên trái thờ Ngũ Hành, nghi hai bên hông vách thờ Tiền Hiền và Hậu Hiền.

Miếu là cơ sở cách mạng quan trọng của xã Trung An và thành phố Mỹ Tho trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1945-1975).

Miếu Cây Vông được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh tại Quyết định số 2651/QĐ-UBND ngày 04/11/2013.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên Chùa:**

Khái niệm Chùa

Chùa là cơ sở hoạt động và truyền bá Phật giáo, là nơi tập trung sinh hoạt, tu hành và thuyết giảng đạo Phật của các nhà sư, tăng, ni. Mọi người kể cả tín đồ hay người không theo đạo đều có thể đến thăm viếng, nghe giảng kinh hay thực hành các nghi lễ Phật giáo.

1. Chùa Bửu Lâm

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chùa) + Từ Hán Việt (Bửu Lâm).

Chùa Bửu Lâm tọa lạc tại số 162B, đường Nguyễn Văn Giác, Phường 3, thành phố Mỹ Tho.

Vào những năm cuối thế kỷ XVIII, lưu dân người Việt từ các tỉnh miền Trung vào miền Nam khai khẩn đất hoang để lập làng định cư, sinh sống. Trong đoàn người ấy có một vị Ni cô (không rõ tên) am hiểu về cây thuốc Nam đã đến xóm Dầu (nơi này ngày xưa nhân dân sống bằng nghề ép dầu mù u) lập am nhỏ để tu niệm và trồng cây thuốc chữa bệnh cho nhân dân quanh vùng. Sau khi Ni cô qua đời, không người kế vị, những cây thuốc quý mặc không người chăm sóc nhưng vẫn sinh sôi, nảy nở.

Năm Gia Long thứ 2 (1803), bà Phạm Thị Đạt là một Phật tử giàu có và mộ đạo nhất trong vùng đã rước Hòa thượng Tiên Thiện tự Từ Lâm từ chùa Đức Lâm về trụ trì. Bà bỏ tiền ra xây dựng lại ngôi chùa bằng các loại gỗ quý, có quy mô lớn và tồn tại đến ngày nay. Để tưởng nhớ đến công đức của vị Ni cô sáng lập ra Chùa đầu tiên và thấy nhiều cây thuốc quý mọc quanh chùa, Hòa thượng Tiên Thiện đặt tên chùa là "Bửu Lâm" với ngụ ý "báu vật nhiều như cây trong rừng".

Về kiến trúc: Ban đầu khi thành lập, chùa Bửu Lâm được xây dựng theo lối kiến trúc "Nội Công Ngoại Quốc"[50]. Chùa được xây dựng gồm 3 phần: Tiền đường, Chánh điện và Hậu Tổ, tất cả nằm trên nền cao 1 m, có diện tích 987 m². Mái lợp ngói hình vảy cá gồm 2 lớp mái cách khoảng. Mặt dựng được trang trí hoa văn rất đẹp. Các cây cột được làm bằng gỗ căm xe và cà chắt; kèo chạm võ đậu; đòn tay, rui, mè bằng gỗ thau lau; mái lợp ngói âm dương; nền đúc cao 1m, lát gạch tàu.

Trải qua 12 đời truyền thừa và hơn 200 năm tồn tại, với nhiều lần trùng tu nhưng chùa Bửu Lâm vẫn còn giữ được nét kiến trúc cổ kính thuở ban đầu. Lần trùng tu đầu tiên là năm 1803, nhưng đáng kể nhất là lần trùng tu sau cơn bão năm Giáp Thìn 1904 do Hòa thượng Như Lý tự Thiên Trường chủ xướng. Lần trùng tu tôn tạo lớn vào năm 1994 do Hòa thượng Thích Huệ Thông thực hiện. Năm này, Hòa thượng trụ trì cho sửa lại mặt tiền Chùa và tiếp tục tôn tạo ngôi chùa cổ khang trang và đẹp hẳn lên như hiện nay. Năm 2007, Đại đức trụ trì Thích Lệ Hiếu cho xây dựng tượng Quan Âm lộ thiên phía trước sân chùa. Năm 2008, cho kiến tạo khu vườn tượng Lâm-tỳ-ni, dựng Đại tượng Phật Di Lặc, Phật Thích Ca nhập Niết-bàn, xây mới cổng Tam quan và chỉnh trang lại toàn bộ khuôn viên chùa thêm thoáng mát, thanh nhã. Tiếp theo những năm sau, Đại đức trụ trì tiến hành xây dựng nhà khách Tăng, Giảng đường để cho Phật tử về tham dự khóa tu định kỳ mỗi tháng có nơi thính pháp và học hỏi giáo lý Đức Phật.

Hiện nay, chùa Bửu Lâm thờ theo phong cách Phật giáo Bắc truyền dòng Lâm Tế Chánh Tông ở Nam bộ. Trên bệ thờ của ngôi Chánh điện được tôn trí tượng Phật A Di Đà ngồi, gương mặt nhân hậu, xung quanh còn có các pho tượng Phật, Bồ Tát, La Hán lớn nhỏ làm bằng nhiều loại vật liệu với các dáng vẻ khác nhau. Gian Chánh điện được trang trí 9 bộ bao lam với những họa tiết và đường nét tinh xảo. Bộ bao lam trước bàn thờ chánh điện chạm lộng công phu với bộ "Cửu Long phún thủy" và đôi long trụ "Cá hóa rồng" sơn son thếp vàng óng ánh. Các bộ bao lam còn lại được chạm khắc mai điểu, song phụng chầu cuốn thư, mẫu đơn, chim trĩ và các họa tiết tứ linh, tứ quí, sen,... Bên cạnh đó, nghệ thuật chạm khắc gỗ còn được thể hiện trên 12 tấm hoành phi nền là một tấm gỗ dày 20cm, trên chạm 2 đến 3 lớp với hoa văn được thể hiện công phu, sinh động, xung quanh chạm tứ linh, lưỡng long tranh châu,... Đó là những tác phẩm khắc chữ nổi rất độc đáo, thực hiện bởi các đôi tay tài hoa, khéo léo của những nghệ nhân chạm trổ cách đây trên 100 năm.

[50] Mô hình kiến trúc Nội công ngoại quốc là cách gọi theo lối chiết tự từ chữ Hán, "Nội công" là dạng mặt bằng hình chữ công (工), còn "Ngoại quốc" (国) là chiết tự từ đường bao của chữ Quốc (□) .

Lối xuống nhà Hậu Tổ có 3 khuôn cửa lam chạm trổ tinh tế. Ngôi Chánh điện và Hậu Tổ được nối với nhau bằng hai dãi nhà với khoảng trống thông thoáng của sân thiên tĩnh được tôn trí tượng Bồ Tát Quán Thế Âm. Hậu Tổ tôn trí ban thờ Bồ Tát Chuẩn Đề, khám thờ long vị chư Hòa thượng Tổ sư khai sơn, truyền thừa tại chùa Bửu Lâm, tất cả đều được sơn son thếp vàng rất đẹp. Phía sau ngôi Hậu Tổ là khu vườn Tháp - nơi an trí nhục thân chư Hòa thượng trụ trì qua các thời đại.

Chùa Bửu Lâm là một trong những công trình kiến trúc chùa cổ tiêu biểu nhất thế kỷ 19 ở Đồng bằng sông Cửu Long. Về mặt lịch sử chùa còn là cơ sở cách mạng vững chắc của Thị ủy Mỹ Tho trong hai cuộc kháng chiến vệ quốc. Từ năm 1926 đến năm 1945, chùa Bửu Lâm là nơi tụ họp của các nhà yêu nước, trong đó có các cụ Nguyễn Sinh Sắc (thân sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh), Phan Châu Trinh, Mai Bạch Ngọc, Nguyễn Văn Nguyễn, Xích Hồng,… Hòa thượng Như Lý tự Thiên Trường là bạn thâm giao của cụ Phan Châu Trinh. Có lần vì công việc được giao khá quan trọng nên Hòa thượng phải thức sáng đêm để tìm phương pháp giải quyết, Cụ Phan nhìn cây đèn sáp leo loét bên phòng nên đã xuất khẩu thành thơ, tặng Hòa thượng Như Lý, trong đó có hai câu: *"Mở cửa vì dân nên gió lọt, Trót đêm nhỏ giọt tỏ cùng ai".* Chùa cũng là nơi thành lập chi bộ Xóm Dầu, một trong những chi bộ Đảng đầu tiên của tỉnh Tiền Giang, vào đầu năm 1930. Năm 1945, chiếc đại hồng chung cổ của chùa được Hòa thượng hiến cho cách mạng để sản xuất vũ khí, góp phần vào cuộc kháng chiến giành độc lập của dân tộc ta.

Chùa Bửu Lâm còn là nơi được Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Tiền Giang dùng làm nơi mở nhiều khóa An cư Kiết hạ, tổ chức Đại Giới Đàn và là Trường Phật học đào tạo được nhiều vị Tăng tài đức, góp phần xiển dương Phật pháp.

Chùa Bửu Lâm được công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia theo Quyết định số 61/1999/QĐ-BVHTT ngày 13/9/2009 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

2. Chùa Ông

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chùa) + Nhân vật lịch sử (Quan Thánh Đế Quân còn gọi là Quan Đế, Quan Công, Ông).

Chùa Ông tọa lạc tại Phường 8, thành phố Mỹ Tho.

Đây là một trong những công trình kiến trúc văn hóa của cộng đồng người Hoa ở Mỹ Tho, được xây dựng vào năm 1679, được trùng tu 1925. Chùa Ông trước đây còn có tên là Toàn Bửu hội quán là trụ sở của người Minh Hương. Năm 1925, Toàn Bửu hội quán được trùng tu lại và đổi tên là Quan Đế Cổ Miếu là hội quán của người Hoa có nguồn gốc từ hai bang Phước Kiến và Triều Châu. Về sau, nhân dân gọi là Chùa Ông. Lúc đầu, chùa chỉ là một miếu nhỏ, qua nhiều lần tu bổ, ngày nay có tổng diện tích 908,72 m^2. Chùa gồm có tiền sảnh và chánh điện. Chùa thờ Quan Thánh Đế tức Quan Vân Trường và hai tùy tướng Quan Bình, Châu Thương biểu tượng cho sự trung nghĩa.

Đây là một công trình kiến trúc rất độc đáo còn bảo tồn nhiều di vật quý hiếm của cộng đồng người Hoa ở Tiền Giang. Nhìn chung, trang trí của chùa Ông mang đậm bản sắc văn

hóa Người Hoa được thể hiện rõ nét ở các hình tượng trang trí trên các bao lam, các khám thờ, trên kèo, cột.

Chùa Ông được công nhận là Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp tỉnh theo Quyết định số 5044/QĐ-UBND ngày 24/12/2009 của UBND tỉnh Tiền Giang.

3. Chùa Ông Quan Đế

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chùa) + Nhân vật lịch sử (Quan Thánh Đế Quân còn gọi là Quan Đế, Quan Công, Ông) + Địa danh hành chí (Xã Đạo Thạnh).

Chùa Ông Quan Đế tọa lạc tại ấp 5, xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho.

Chùa Ông Quan Đế hay được xây dựng vào năm 1802 để thờ Quan Thánh Đế tức Quan Vân Trường và hai tùy tướng Quan Bình, Châu Thương biểu tượng cho sự trung nghĩa và các vị thần, phật phù hộ thôn ấp, làng xã.

Chùa trải qua các lần trùng tu tôn tạo vào các năm 1969, 1975, 1995, 2005, 2007, 2016; có tổng diện tích 3.000 m^2, diện tích xây dựng khoảng 500 m^2, bao gồm: cổng chùa, sân, vỏ ca, tiền điện, chánh điện, đền thờ Bác Hồ, nhà khách,...

Chùa là cơ sở cách mạng quan trọng của xã và thành phố Mỹ Tho trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Đặc biệt, sau năm 1975, nhà chùa đã cắt khoảng 3.000 m^2/6.000 m^2 đất chùa cho 6 gia đình liệt sĩ và gia đình gặp hoàn cảnh khó khăn làm nhà ở.

Chùa Ông Quan Đế - Đạo Thạnh được công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 27/01/2016 của UBND tỉnh Tiền Giang.

4. Chùa Quan Đế

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chùa) + Nhân vật lịch sử (Quan Thánh Đế Quân còn gọi là Quan Đế, Quan Công, Ông).

Chùa Quan Đế tọa lạc tại Phường 3, thành phố Mỹ Tho.

Chùa Quan Đế trước đây được gọi là Quỳnh Phủ Hội Quán do người Hoa Hải Nam (đảo Hải Nam, Trung Quốc) sinh sống và làm ăn ở Tiền Giang thành lập vào năm 1890. Chùa trải qua quá trình trùng tu tôn tạo vào các năm 1900, 1969, 1975. Hiện nay, chùa có diện mạo khá khang trang.

Chùa thờ Quan Thánh Đế tức Quan Vân Trường và hai tùy tướng Quan Bình, Châu Thương biểu tượng cho sự trung nghĩa. Ngoài ra, chùa còn thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu, còn gọi là bà Thiên Hậu (vị thần bảo trợ của ngư phủ và người đi biển, tượng trưng cho sự cứu khổ, cứu nạn) và Quán Âm Bồ Tát còn gọi là Quan Âm Bồ Tát (cũng tượng trưng cho sự cứu khổ, cứu nạn)

Chùa có kiến trúc mang đậm dấu ấn kiến trúc của người Hoa, gồm cổng chùa, sân, tiền điện và điện thờ có tổng diện tích khoảng 300 m^2. Chùa Quan Đế đã được các nghệ nhân

dân gian tài hoa chạm trổ, trang trí các đề tài mang tính nghệ thuật cao. Các đề tài chạm trổ, trang trí đều tượng trưng cho sự hạnh phúc, phồn vinh tước lộc, công hầu theo tục lệ của người Hoa cũng như của người Việt.

Chùa Quan Đế được công nhận là Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp tỉnh theo Quyết định số 1301/QĐ-UBND ngày 04/06/2012 của UBND tỉnh Tiền Giang.

5. Chùa Vĩnh Tràng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chùa) + Từ Hán Việt (Vĩnh Tràng).

Chùa Vĩnh Tràng tọa lạc tại xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho.

Chùa Vĩnh Tràng là ngôi chùa cổ nổi tiếng ở tỉnh Tiền Giang, được xây dựng vào khoảng đầu thế kỷ 19 bởi ông, bà Bùi Công Đạt. Lúc đó, chùa được xây cất đơn giản, chủ yếu bằng gỗ, tre, lá dừa nước.

Cũng trong thời gian này, Hòa thượng Minh Khiêm tự Hoằng Ân là một vị danh tăng từ chùa Giác Lâm ở Gia Định về Đồng bằng sông Cửu Long hóa đạo. Đến Mỹ Tho, ngài được Hòa thượng Từ Lâm, trụ trì chùa Bửu Lâm, mời về chùa cầu pháp và thuyết giảng Phật pháp cho phật tử. Vợ chồng ông Bùi Công Đạt xin quy y, làm phật tử tại gia và thỉnh Hòa thượng viếng thăm ngôi chùa của mình.

Được Hòa thượng Minh Khiêm giới thiệu, ông bà Bùi Công Đạt lên chùa Giác Lâm thỉnh Hòa thượng Huệ Đăng về trụ trì ngôi chùa của mình. Năm 1849, Hòa thượng Thích Huệ Đăng vận động tín đồ xây dựng thành ngôi đại tự, theo lối kiến trúc của chùa Giác Lâm, nhưng to lớn hơn, với 178 cây cột, 2 sân thiên tỉnh, 5 lớp nhà, với tên Vĩnh Trường, xuất phát từ hai câu đối: *"Vĩnh cửu đối sơn hà/ Trường tồn tề thiên địa"*. Về sau, người dân trong vùng gọi trại âm thành chùa Vĩnh Tràng. Người kế vị Hòa thượng Huệ Đăng là Hòa thượng Minh Đằng nối tiếp công việc trùng tu ngôi chùa.

Năm 1890, Phật tử đến chùa Sắc Tứ Linh Thứu thỉnh Hòa thượng Trà Chánh Hậu tự Quảng Ân về trụ trì chùa Vĩnh Tràng. Năm 1895, Hòa thượng Chánh Hậu cùng bổn đạo trùng tu toàn bộ ngôi chùa. Đến năm 1904, do một trận bão lớn, chùa lại bị tàn phá, vì vậy mà 3 năm sau (năm 1907) công việc trùng tu mới hoàn thành. Hòa thượng còn cho xây dựng lại bảo tháp Tổ Huệ Đăng và phần mộ của ông bà Bùi Công Đạt để tưởng niệm công ơn các bậc tiền bối. Trong những thập niên 30 của thế kỷ 20, chùa được trùng tu theo lối kiến trúc châu Âu.

Về tổng thể, chùa được xây dựng theo dạng chữ "Quốc" (国) của Hán tự, với những hoa văn theo kiểu thời Phục Hưng, vòm cửa theo kiểu La Mã, bông sắt theo phong cách Pháp, nền lót gạch men Nhật Bản. Nhìn tổng quan bên ngoài, kiến trúc chùa là sự giao thoa giữa Á và Âu một cách lạ mắt nhưng hài hòa. Tuy nhiên, kiến trúc bên trong chùa vẫn mang đậm lối kiến trúc và điêu khắc truyền thống Việt Nam.

Ngôi chùa gồm có bốn hạng mục nối tiếp nhau (tiền đường, chánh điện, nhà tổ, nhà hậu), có diện tích 1.400 m², vách tường xung quanh được xây bằng xi măng, toàn bộ cột được làm bằng gỗ quý, nền đúc cao 1m. Riêng mặt trước của tiền đường thì được xây dựng theo lối kiến trúc hài hòa Âu – Á với những hàng cột thanh mảnh, vòm cong và hoa văn nhiều màu sắc. Đáng chú ý hơn cả là những đôi long trụ trong ngôi chánh điện, đó là những cây cột tròn to, bằng gỗ quý kiến trúc theo kiểu "thượng thu hạ cách".

Phía trong ngôi chính điện và nhà tổ làm theo kiểu kiến trúc truyền thống Việt Nam. Nối hai ngôi này là hai dãy Đông lang, Tây lang và một giếng trời có hòn non bộ ở giữa. Đứng trên hòn non bộ nhìn về mặt sau ngôi chánh điện, hai bên nhà cầu, mặt trước nhà tổ, ta sẽ thấy lối kiến trúc Rôma với những hàng đá hoa màu sắc sặc sỡ kiểu Pháp được trang trí trên thành nóc, trên những cột xây bằng xi măng kiểu cách.

Chùa Vĩnh Tràng còn có các cột, bao lam, hoành phi, câu đối... chạm khắc gỗ độc đáo. Cổng tam quan được nghệ nhân xây gạch vươn cao như hai tòa lâu đài cổ. Nét độc đáo của cổng tam quan chùa Vĩnh Tràng thể hiện ở nghệ thuật ghép mảnh sành, mảnh sứ để tạo nên những bức tranh với nhiều màu sắc hài hòa, minh họa những sự tích nhà Phật, những truyện tích dân gian và những đề tài: Tứ quý, tứ linh, hoa lá… Tầng lầu thượng của cổng tam quan có vòm cửa rộng.

Chùa còn bảo tồn 60 tượng quý, được tạo tác bằng đồng, gỗ, đất nung, tất cả đều được thếp vàng rực rỡ; trong đó có giá trị nghệ thuật nhất là bộ tượng 18 vị La Hán nằm ở hai bên tường chánh điện được tạc từ gỗ mít vào đầu thế kỷ XX. Trong chùa hiện còn hơn 20 bức tranh sơn thủy rất giá trị, mang đậm nét dân gian Việt Nam, in hình mai, lan, cúc, trúc, hình phong cảnh Việt Nam rất nên thơ.

Chùa có 3 tượng đồng (A Di Đà, cao 98 cm, Quan Âm và Thế Chí cao 93cm) được tạo tác giữa thế kỷ 19; bảy bộ bao lam tuyệt đẹp thếp vàng chạm hình Bát tiên, thần Mặt trời và thần Mặt trăng. Tất cả đều được các nghệ nhân địa phương chạm trổ công phu vào khoảng 1907-1908. Ngoài ra, còn có chiếc đại hồng chung mang tên Pháp Bảo Chuông cao 1,2m, nặng khoảng 150kg được đúc giữa tháng 5 năm 1854 trên thân có khắc chữ "Vĩnh Trường Tự".

Xung quanh chùa là những vườn cây cảnh trồng nhiều loại hoa thơm cỏ lạ, những hồ nước thơm ngát hương sen và những cây cổ thụ che trùm bóng mát, tạo nên sự hài hòa tuyệt vời giữa khung cảnh thiên nhiên với không gian kiến trúc, làm chùa thêm cổ kính, thâm nghiêm. Gần đây, chùa đã xây dựng thêm 3 tượng Phật lớn: tượng Phật đứng, Phật ngồi và Phật nằm trong khuôn viên chùa, trông rất trang nghiêm, thanh tĩnh.

Vĩnh Tràng được xem là ngôi chùa cổ danh tiếng và là một công trình kiến trúc đặc sắc. Theo các chuyên gia văn hóa, vẻ đẹp của chùa Vĩnh Tràng tập trung ở nghệ thuật tạo hình và có thể xem ngôi chùa này là sự phản ánh lịch sử mỹ thuật của đất Tiền Giang.

Theo Nội San Đất Phật Định Tường số 18, trước năm 1975 thì chùa được "Liệt hạng di tích thắng cảnh của quốc gia". Ngày 30-8-1984, chùa được xếp hạng Di tích lịch sử - văn

hóa cấp quốc gia Theo Quyết định số 114/VHQĐ ngày 30/8/1984 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

Năm 2007, chùa Vĩnh Tràng được sách Kỷ lục Guinness Việt Nam công nhận là "Ngôi chùa đầu tiên ở Việt Nam có các kiến trúc kết hợp giữa phương Đông và phương Tây". Năm 2013, Liên hiệp Các hội UNESCO Việt Nam công nhận chùa Vĩnh Tràng là Điểm du lịch văn hóa tâm linh trong Chương trình Việt Nam - Những điểm đến ấn tượng.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên Nhà thờ:**

Khái niệm Nhà thờ và Hạt (đạo Thiên Chúa):

- Nhà thờ (đạo Thiên Chúa) là địa điểm để các vị linh mục và giáo dân cử hành các nghi lễ thờ phượng Thiên Chúa.

- Hạt (đạo Thiên Chúa) là một cấp quản lý của đạo Thiên Chúa, bao gồm nhiều nhà thờ nằm chung trên một khu vực địa lý.

- Hạt Mỹ Tho: 20 địa danh

1. Nhà thờ An Đức

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Nhà thờ) + Địa danh Hán Việt (An: 安: yên tĩnh, yên lành, Đức: 德: đạo đức, thiện).

Nhà thờ tọa lạc tại ấp Chợ, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, được thành lập năm 1884. Nhà thờ trải qua một số lần trùng tu; được xây dựng mới từ năm 2012-2015.

2. Nhà thờ Bình Tạo

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Nhà thờ) + Địa danh hành chính xưa (thôn Bình Tạo).

Nhà thờ tọa lạc tại số 90/4, đường Lê Hồng Gấm, Phường 6, thành phố Mỹ Tho, được xây dựng năm 1935; tu sửa vào các năm 1979, 2007.

3. Nhà thờ Chánh Tòa

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Nhà thờ) + Địa danh liên quan đến đạo Thiên chúa (Chánh tòa).

Ngày 24/11/1960, Giáo hoàng Gioan XXIII ban hành Sắc chỉ Venerabilium Nostrorum thành lập Hàng Giáo Phẩm Việt Nam, đồng thời tổ chức lại các giáo phận cũ và mới, trong đó có việc thiết lập Giáo phận Mỹ Tho tách ra từ Giáo phận Sài Gòn. Kể từ đây, nhà thờ Mỹ Tho được nâng lên thành Nhà thờ Chánh tòa.

Nhà thờ tọa lạc tại số 32, đường Hùng Vương, Phường 7, thành phố Mỹ Tho; được xây dựng năm 1906; trùng tu vào các năm 1960, 2006, 2009.

4. Nhà thờ Chợ Cũ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Nhà thờ) + Công trình xây dựng (Chợ) + Tính từ (Cũ).

Nhà thờ tọa lạc tại số 23/14, đường Học Lạc, Phường 8, thành phố Mỹ Tho, được xây dựng từ năm 1962-1963; xây dựng mới tử năm 2007-2012.

5. Nhà thờ Cồn Bà

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Nhà thờ) + Địa danh chỉ địa hình tự nhiên và giới tính (Cồn Bà: bà Nguyễn Thị Nở cùng gia đình từ Phú Yên vào khai khẩn vùng đất mà ngày nay là Cồn Bà. Bà qua đời năm 1919. Cồn này từ đó mang tên cồn Bà Nở, vì dân chúng theo thói quen kỵ huý nên đã không gọi tên của Bà Nở mà chỉ gọi là Cồn Bà).

Nhà thờ tọa lạc tại ấp Tân Thành 2, xã Tân Thạnh, huyện Tân Phú Đông, được xây dựng từ năm 1930 - 1933; xây dựng mới từ năm 2008 - 2010.

6. Nhà thờ Hòa Bình

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Nhà thờ) + Địa danh hành chính xưa (thôn Hòa Bình).

Nhà thờ tọa lạc tại ấp Khương Ninh, xã Long Bình, huyện Gò Công Tây, được xây dựng năm 1895; xây dựng lại năm 1926; tu sửa, tôn tạo năm 2009.

7. Nhà thờ Hòa Định

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Nhà thờ) + Địa danh hành chính (xã Hòa Định).

Nhà thờ tọa lạc tại ấp Hòa Lạc Trung, xã Hòa Định, huyện Chợ Gạo, được xây dựng năm 1920; bị hư hại nhiều trong thời kỳ từ năm 1960-1975; xây dựng mới từ năm 2009-2010.

8. Nhà thờ Hòa Đồng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Nhà thờ) + Địa danh hành chính xưa (thôn/tổng/quận Hòa Đồng).

Nhà thờ tọa lạc tại ấp Hạ, thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, được xây dựng năm 1958; xây dựng lại năm 1963.

9. Nhà thờ Nữ Vương Hòa Bình

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Nhà thờ) + Tên nhân vật tôn giáo (Nữ Vương Hòa Bình). Đức Mẹ Hòa Bình (hoặc Mẹ của Hòa Bình, Nữ Vương Hòa Bình) là một danh hiệu dành cho Mẹ Maria trong Giáo hội Công giáo Rôma. Trong nghệ thuật, hình tượng Đức Mẹ Hòa Bình được thể hiện trong dáng vẻ một người phụ nữ giữ một con chim bồ câu và một cành ô liu, biểu tượng của hòa bình.

Nhà thờ trải qua một số lần di đời địa đểm; đến năm 1994, được xây dựng mới, tọa lạc tại số 23, đường Lý Thường Kiệt, Phường 6, thành phố Mỹ Tho.

10. Nhà thờ Rạch Cầu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Nhà thờ) + Địa danh chỉ địa hình tự nhiên (Rạch) + Công trình xây dựng (Cầu).

Nhà thờ tọa lạc tại ấp Tân Định, xã Tân Thới, huyện Tân Phú Đông, được xây dựng khoảng đầu thế kỷ 20; xây dựng lại bằng bê tông và mái ngói năm 1953; xây dựng mới năm 1999; tu sửa, tôn tạo hai lần: từ năm 2005 - 2006, từ năm 2008

11. Nhà thờ Tân Long

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Nhà thờ) + Địa danh hành chính (phường Tân Long).

Nhà thờ tọa lạc tại số 580, khu phố Tân Hoà, phường Tân Long, thành phố Mỹ Tho, được xây dựng năm 1975.

12. Nhà thờ Tân Phước

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Nhà thờ) + Địa danh hành chính (xã Tân Phước).

Nhà thờ tọa lạc tại Ấp 7, xã Tân Phước, huyện Gò Công Đông, được xây dựng năm 1891, tu sửa năm 1911; xây dựng lại từ năm 1936 - 1937; tu sửa và tôn tạo vào những năm đầu thế kỷ 21.

13 Nhà thờ Thánh Antôn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Nhà thờ) + Danh nhân đạo Thiên chúa (Thánh Antôn). Antôn thành Padova hoặc Antôn thành Lisboa là một linh mục Công giáo người Bồ Đào Nha và là tu sĩ Dòng Phanxicô. Ông sinh ra và lớn lên trong một gia đình giàu có ở Lisboa, Bồ Đào Nha nhưng mất tại Padova tại Ý.

Nhà thờ tọa lạc tại số 227/4, đường Đinh Bộ Lĩnh, Phường 2, thành phố Mỹ Tho, được xây dựng năm 1964; bị sụp đổ năm 1972; xây dựng mới từ năm 1972 - 1974; xây dựng lại từ năm 2009 - 2010.

14. Nhà thờ Thánh Giuse

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Nhà thờ) + Tên vị thánh của đạo Thiên chúa (Thánh Giuse). Thánh Giuse là một vị thánh của đạo Tiên chúa. Những ghi chép về Thánh Giuse xuất hiện đầu tiên trong các bản Phúc Âm Luca và Matthew. Tuy các thông tin đề cập trong hai sách trên không hoàn toàn thống nhất với nhau; nhưng cùng mô tả Giuse là bạn thanh sạch của Maria và cha về mặt pháp lý của chúa Giêsu.

Nhà thờ tọa lạc tại Khu phố 3, Phường 2, thị xã Gò Công, được xây dựng năm 1973; xây dựng mới năm 1982; trùng tu, tôn tạo vào các năm 1987, 2007.

15. Nhà thờ Thánh Tâm

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Nhà thờ) + Tên truyền thống thực hành tôn giáo phổ biến trong Công giáo (Thánh Tâm). Thánh Tâm là một truyền thống thực hành tôn giáo phổ biến trong Giáo hội Công giáo Rôma, qua việc liên tưởng trái tim vật lý của Chúa Giêsu chính là hiện thân về tình yêu của Thiên Chúa dành cho nhân loại.

Nhà thờ tọa lạc tại số 49, đường Nguyễn Trãi, Phường 2, thị xã Gò Công, được xây dựng từ năm 1940 - 1942, tu sửa năm 2005.

16. Nhà thờ Thới Sơn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Nhà thờ) + Địa danh hành chính (xã Thới Sơn).

Nhà thờ tọa lạc tại ấp Thới Thuận, xã Thới Sơn, thành phố Mỹ Tho, được xây dựng khoảng năm 1890; xây dựng lại năm 1938; từ năm 1960-1975, do chiến tranh, nhà thờ bị sụp đổ hoàn toàn; sau năm 1975, nhà thờ được dựng bằng cây lá; từ năm 1991-1992, nhà thờ được tu sửa; năm 2008, nhà thờ được xây dựng mới.

17. Nhà thờ Thủ Ngữ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Nhà thờ) + Chức quan võ hoặc thu thuế dưới thời nhà Nguyễn (Thủ) + Tên người (Ngữ).

Nhà thờ tọa lạc tại ấp Tân Ninh, xã Xuân Đông, huyện Chợ Gạo; được xây dựng năm 1896; tu sửa, tôn tạo năm 1969; xây dựng mới từ năm 1998 - 2000. trùng tu năm 2008.

18. Nhà thờ Trinh Vương

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Nhà thờ) + Hiệu của một vị nữ thánh của đạo Thiên chúa (Trinh Vương: Đức bà Maria. Theo kinh Tân ước, bà là mẹ của chúa Giêsu).

Nhà thờ tọa lạc tại ấp Vàm Kinh, xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông, được xây dựng năm 1973; tu sửa năm 1998.

19. Nhà thờ Trung Lương

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Nhà thờ) + Địa danh hành chính xưa (thôn Trung Lương).

Nhà thờ tọa lạc tại Khu phố 2, Phường 10, thành phố Mỹ Tho, được xây dựng từ năm 1971-1972; xây dựng mới từ năm 1992-1993.

20. Nhà thờ Vĩnh Hựu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Nhà thờ) + Địa danh hành chính (xã Vĩnh Hựu).

Nhà thờ tọa lạc tại ấp Thạnh Thới, xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, được xây dựng năm 1896; xây dựng lại năm 1942; bị bom pháo làm sụp đổ năm 1961; xây dựng lại năm 1976; xây dựng mới năm 1991.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên thánh thất:**

Khái niệm:

Thánh thất: là nhà thờ Đức Chí Tôn (Đấng Cao Đài) và các vị Thần, Thánh, Tiên, Phật. Hay còn gọi là ngôi nhà của chư thánh. Tại mỗi Tộc đạo (Họ đạo) đều phải xây dựng một Thánh thất để làm đền thờ Đức Chí Tôn và làm nơi tín ngưỡng cho bổn đạo địa phương.

Thánh thất Mỹ Tho

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (thành phố Mỹ Tho).

Thánh thất Mỹ Tho được xây dựng vào năm 1930, trùng tu năm 1972, tọa lạc tại Phường 4, thành phố Mỹ Tho.

Nghiên cứu địa danh chỉ vùng:

*** Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên xóm:**

Khái niệm:

Xóm: là nơi quần tụ những hộ gia đình sinh sống gần nhau, có hoặc không có mối quan hệ họ hàng với nhau.

1. Xóm Bánh Tét

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Tên một loại bánh dân gian (Bánh tét).

Xóm Bánh Tét là nơi có nhiều hộ dân sản xuất bánh tét, thuộc xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho.

Mỗi ngày, Xóm sản xuất từ 3.000 đến 5.000 đòn bánh tét, dịp Tết Nguyên đán thì nhiều hơn, bán lẻ ở khắp các tỉnh thành Nam Bộ, nhiều nhất là Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Xóm Bún

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Thực phẩm (Bún).

Xóm Bún là xóm có nghề làm bún. Ở tỉnh Tiền Giang có 02 địa danh Xóm Bún, gồm

- Xóm Bún (huyện Châu Thành): Có khoảng 10 lò bún; tọa lạc tại xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành.

- Xóm Bún (thành phố Mỹ Tho): Có khoảng 30 lò bún; tọa lạc tại xã Tân Mỹ Chánh, thành phố Mỹ Tho.

3. Xóm Cá Ngoài và Xóm Cá Trong

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Động vật (Cá) + Vị trí (Ngoài và Trong).

Thuở xưa, rạch Mỹ Tho có 02 vàm: vàm ở phía trên có hình dáng ngay thẳng, rộng để ghe thuyền neo đậu khi đến buôn bán tại chợ Mỹ Tho mới (còn gọi là chợ Thành được lập năm 1826); vàm ở phía dưới có hình dáng cong, hẹp để ghe thuyền neo đậu khi đến buôn bán tại Mỹ Tho đại phố (chợ cũ được lập năm 1679). Tại vàm rạch Mỹ Tho phía trên giao với sông Tiền có một xóm nhà chuyên nghề đánh cá, được gọi là xóm Cá Ngoài; nay thuộc Phường 2, thành phố Mỹ Tho. Tại vàm rạch Mỹ Tho phía dưới có một xóm nhà cũng sinh sống bằng nghề đánh cá, được gọi là xóm Cá Trong; nay thuộc Phường 8, thành phố Mỹ Tho.

4. Xóm Cây Trôm

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Thực vật (cây trôm).

- Cây trôm: Trôm là tiếng Việt gốc Khmer: Tham rôn, gọi trại mà ra, là cây thân gỗ, cao từ 15 - 20 m. Gỗ dùng trong xây dựng, xẻ ván, đóng đồ mộc. Vỏ làm thuốc lợi tiểu và có chất nhầy làm săn da; lá làm thuốc kháng sinh, tiêu viêm, nhuận tràng. Hạt có dầu béo, màu vàng nhạt, dịu, có tác dụng nhuận tràng, lợi trung tiện, chữa ghẻ, thắp sáng, có thể ăn được và xay bột làm nhân bánh. Đặc biệt, nhựa trôm (mủ trôm) có dạng keo, dễ tan trong nước, chứa nhiều chất bổ dưỡng dùng để chế các loại nước giải khát, giải nhiệt. Ngoài ra, trôm còn được trồng trên đường phố, trong công viên để tạo cảnh quan và bóng mát..

Xóm Cây Trôm là xóm có một cây trôm cổ thụ. Đến năm 2000, cây trôm này bị đốn bỏ khi xây dựng Thư viện tỉnh Tiền Giang. Xóm Cây Trôm tọa lạc tại khu vực Đài Phát thanh - Truyền hình Tiền Giang và Thư viện Tiền Giang trên đường Lê Thị Hồng Gấm, thuộc Phường 4, thành phố Mỹ Tho.

5. Xóm Dầu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Thực vật (Cây dầu).

Xóm Dầu là nơi có trồng nhiều cây dầu và người dân ở đây làm nghề nấu dầu. Xóm nghề này được Trịnh Hoài Đức nhắc đến trong bài thơ "Mưa đêm ở Mỹ Tho" khi ông giữ chức Ký lục dinh Trấn Định (Tiền Giang ngày nay) năm 1794. Tháng 9/1929, tại Xóm Dầu, Chi bộ An Nam Cộng sản Đảng được thành lập, gồm các đồng chí Nguyễn Văn Nguyễn, Nguyễn Thanh Phong, Nguyễn Văn Hồng,… do đồng chí Nguyễn Văn Nguyễn làm Bí thư. Đây là một trong những chi bộ cộng sản đầu tiên ở tỉnh Mỹ Tho. Xóm Dầu ngày nay là Khu phố 7, Phường 3, thành phố Mỹ Tho.

6. Xóm Hát Bội

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Một loại hình nghệ thuật (Hát Bội).

Xóm Hát Bội là xóm có nhiều hộ gia đình theo lĩnh vực nghệ thuật Hát Bội, thuộc Phường 5, thành phố Mỹ Tho.

Xóm Hát Bội được hình thành những năm 40 của thế kỷ 20. Trước đây, xóm là khu đất vườn của một bà Đốc; và khi thành lập Đoàn hát bội Tấn Lộc Thành, ông bầu Tửng mới mời các nghệ sĩ Ba Kiên, Ba Quốc, Chín Hiếu, Ngọc An,… về thuê đất dựng nhà ở chung xóm để tiện bề tập tuồng, đi hát. Từ đó, tên gọi Xóm Hát Bội ra đời và tồn tại cho đến ngày nay. Hiện tại, Xóm Hát Bội có 2 đoàn: Đoàn Bảo Ân và Đoàn Hiệp Lợi, chuyên biểu diễn tại các đình vào dịp lễ hội cúng đình, tập trung vào các tháng giêng, tháng hai, tháng ba, tháng mười và tháng mười một hằng năm.

7. Xóm Lò Gạch

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Địa danh chỉ công trình xây dựng (Lò gạch).

Xóm Lò Gạch là xóm nhà tọa lạc chung quanh lò gạch. Ở tỉnh Tiền Giang có 02 địa danh xóm Lò Gạch, gồm:

- Xóm Lò Gạch (Huyện Gò Công Đông): Hiện nay là ấp Lò Gạch 1 và ấp Lò Gạch 2, thị trấn Tân Hòa, huyện Gò Công Đông.

Tại ấp Lò Gạch 1 có miếu thờ và nhà lưu niệm ông Trương Công Luận, một viên tướng của Bình Tây đại tướng quân Trương Định (tiểu sử của ông Trương Công Luận xin xem mục từ Xóm Gò).

- Xóm Lò Gạch (Thành phố Mỹ Tho): Tọa lạc tại Phường 4 và Phường 5, thành phố Mỹ Tho. Lò gạch do ông Bang Hoạch (người Hoa) dựng lên vào khoảng đầu thế kỷ 20. Lò gạch có vị trí đầu tiên nay là chợ Thạnh Trị (Phường 4), đất để nung làm gạch được đào dọc theo kênh Bảo Định, đoạn từ cầu Bạch Nha đến cầu Đạo Ngạn (Phường 5). Gạch, ngói của những ngôi nhà tường lợp ngói ở Mỹ Tho thời bấy giờ phần lớn được mua từ lò gạch này. Nghệ sĩ Nhân dân Phùng Há khởi đầu nghiệp cầm ca vào cuối thập niên 20 của thế kỷ trước cũng từ lò gạch của ông Bang Hoạch. Năm 1957, lò gạch ngưng hoạt động. Khu vực này trở thành bến xe Mỹ Tho; đến năm 1988, bến xe di dời, nơi đây thành chợ Thạnh Trị.

8. Xóm Lộ Ma

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Địa danh chỉ công trình xây dựng (Lộ Ma).

Xóm Lộ Ma là xóm nhà nằm dọc theo đường Lộ Ma xưa, nay là đường Thái Sanh Hạnh, thuộc Phường 8 và Phường 9, thành phố Mỹ Tho.

Địa danh này có liên quan đến Lộ Ma. Năm 1792, thành Mỹ Tho được xây dựng, tọa tại thôn Mỹ Chánh. Năm 1826, thành Mỹ Tho (mới) được xây dựng tại thôn Điều

Hòa và Bình Tạo. Thành Mỹ Tho được xây dựng năm 1792 bị bỏ hoang. Lúc đó, chính quyền nhà Nguyễn sử dụng một góc thành làm pháp trường. Đồng thời, người dân còn dựng một ngôi miếu thờ cô hồn, gọi là miếu Cây Gạo. Pháp trường, ngôi miếu cộng với sự hoang vắng trong khu vực nên người dân nơi đây gọi con đường này là đường Lộ Ma. Hiện nay, đường Lộ Ma xưa đã trở thành đường Thái Sanh Hạnh rất khang trang, chạy ngang qua Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang, Trường Cao đẳng Tiền Giang và Công an Tiền Giang

9. Xóm Phước Hải

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Tên hiệu của hãng sản xuất gạch bông (Phước Hải).

Xóm Phước Hải là xóm nhà nằm xung quanh hang gạch bộng có bảng hiệu Phước Hải. Hãng gạch này được thầy giáo Trần Văn Diệp (thầy Ba Diệp) xây dựng vào thập niên 50 của thế kỷ trước; ngừng hoạt động năm 1970. Địa điểm Hãng gạch Phước Hải nay là Trường Mẫu giáo Phường 6, thành phố Mỹ Tho.

10. Xóm Tre

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Thực vật (Cây tre).

Xóm Tre là xóm nhà có nhiều bụi tre. Ở tỉnh Tiền Giang có 02 địa danh Xóm Tre, gồm:

- Xóm Tre (Thành phố Mỹ Tho): Tọa lạc tại Phường 5, thành phố Mỹ Tho. Nơi đây là căn cứ lõm (căn cứ cách mạng nằm sâu trong vùng địch tạm chiếm, có quy mô nhỏ) của lực lượng du kích Phường 5 trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975).

- Xóm Tre (Huyện Cai Lậy): Tọa lạc tại xã Long Tiên, huyện Cai Lậy. Tại đây, đêm 24 rạng sáng ngày 25/7/1967, Tiểu đoàn 514 Tỉnh đội Mỹ Tho tập kích Sở chỉ huy hành quân của Tiểu đoàn 2 thuộc Sư đoàn 9 Mỹ, tiêu diệt hơn 100 lính Mỹ, thu 160 súng các loại, 03 máy truyền tin PRC25 và thu hồi toàn bộ số súng mà địch lấy được của Tiểu đoàn 263 (chủ lực Quân khu 8) ngày 23/7/1967. Đây là trận đánh trực tiếp với lính Mỹ giành được thắng lợi giòn giã nhất của Tiểu đoàn 514 trên chiến trường Mỹ Tho năm 1967.

11. Xứ Cái Ngang

Xứ Cái Ngang là địa danh xưa, được ghi trong *Địa bạ Minh Mạng năm 1836*, tọa lạc ở thôn Đạo Ngạn, tổng Thuận Trị, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường, nay thuộc Phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xứ) + Địa hình tự nhiên (rạch Cái Ngang)

Theo *Địa phương chí tỉnh Mỹ Tho năm 1902*, Cái Ngang là tên chợ; và khi mới lập chợ, người ta đã tụ tập thành từng nhóm, bày hàng hóa mua bán ở ngang giữa con đường, làm tắt nghẽn giao thông đi lại[51]. Chợ này hiện nay vẫn còn, mang tên là chợ Trung Lương, nằm sát Quốc lộ 1, gần vòng xoay Trung Lương, thuộc xã Trung An, thành phố Mỹ Tho.

Rạch Cái Ngang là rạch chảy ngang qua chợ Cái Ngang, dài 1,6 km, có điểm đầu nối vào kênh/kinh Bảo Định ở xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho, điểm cuối tại cầu Chùa Lương Phước (xã Trung An, cùng thành phố).

Xứ Cái Ngang là vùng đất nằm dọc theo rạch Cái Ngang (còn gọi là rạch Trung Lương).

12. Xứ Lò Gạch

Xứ Lò Gạch là địa danh xưa, được ghi trong *Địa bạ Minh Mạng năm 1836*, tọa lạc ở thôn Mỹ Hóa, tổng Thạnh Phong, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường, nay thuộc xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xứ) + Công trình xây dựng và vật liệu (Lò gạch).

Xứ Lò Gạch là vùng đất có lò sản xuất gạch.

13. Xứ Tôn Châu

Xứ Tôn Châu là địa danh xưa, được ghi trong *Địa bạ Minh Mạng năm 1836*, tọa lạc ở thôn Thới Sơn (cù lao Tôn), tổng Thuận Trị, huyện Kiến Hưng, phủ Tân An, tỉnh Định Tường, nay thuộc xã Thới Sơn, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xứ) + Địa danh chỉ địa hình tự nhiên (Tôn Châu: tên Hán Việt chỉ cù lao Tôn hay cù lao Thới Sơn).

Cù lao Thới Sơn còn gọi là cù lao Tôn, còn có tục danh là cù lao Hộ hay cù lao Lân, 1 trong 4 cù lao được xem là "tứ linh" trên sông Tiền gồm: Long, Lân, Quy, Phụng. Đây là cù lao có diện tích lớn nhất trong nhóm tứ linh. Làng Thới Sơn được thành lập trong khoảng cuối thế kỷ XVIII. Trước đây, cù lao Thới Sơn thuộc huyện Châu Thành, nhưng sau này thuộc thành phố Mỹ Tho.

Thới Sơn là vùng đất ghi nhiều dấu ấn lịch sử. Cù lao này có liên quan đến chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút phá tan 5 vạn quân Xiêm và 300 chiến thuyền (1785). Trong thời kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975), cù lao này lại ghi dấu với thế trận lòng dân bao quanh căn cứ Đồng Tâm của Sư đoàn 9 Mỹ và sau đó là Sư đoàn 7

[51] Société des Études Indochinoises (1902), *Monographie de la province de Mỷ-Tho*, Imprimerie L. Ménard, Saigon, p. 65.

quân đội Sài Gòn. Vì thế, xã Thới Sơn được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang vào năm 1978. Đây là xã có thế mạnh kinh tế vườn và du lịch sinh thái.

*** Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên khu:**

Khái niệm:

Khu là khoảng đất được giới hạn với những đặc điểm hoặc chức năng riêng, khác với xung quanh.

Khu du lịch sinh thái miệt vườn Thới Sơn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Khu) + Loại hình du lịch (Du lịch sinh thái miệt vườn) + Địa danh hành chính (Xã Thới Sơn).

Khu du lịch sinh thái miệt vườn Thới Sơn tọa lạc tại ấp Thới Hòa, Xã Thới Sơn, thành phố Mỹ Tho. Được biết, Thới Sơn là cù lao, còn được gọi là Cồn Lân, để cùng với ba cồn khác là Cồn Long (Cồn Rồng, xã Tân Long, thành phố Mỹ Tho), Cồn Quy (xã Quới Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre) và Cồn Phụng (xã Tân Thạch, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre) hợp thành nhóm tứ linh trên sông Tiền.

Sách *Gia Định thành thông chí* mô tả: *"Cù lao này ở phía Tây đại giang Mỹ Tho, chu vi năm dặm, đất bồi khí vượng"*[52].

Đây là khu du lịch nổi tiếng ở Đồng bằng sông Cửu Long, thu hút hơn hàng trăm ngàn lượt khách tham quan hằng năm. Đến đây, trong không khí xanh mát, trong lành của miệt vườn, du khách sẽ được thưởng thức rất nhiều các loại trái cây thơm ngon, uống trà mật ong và các món ăn đặc sản; trải nghiệm các hoạt động vui chơi giải trí dân dã như: tát mương bắt cá, đi cầu khỉ, làm bánh phồng, kẹo dừa; thả hồn với giai điệu mượt mà của nghệ thuật đờn ca tài tử; tham quan kênh rạch trên xuồng ba lá, đi xe ngựa trên đường làng,...

*** Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên địa điểm:**

Khái niệm:

Địa điểm là nơi chốn cụ thể tiến hành một hoạt động hoặc phản ánh một sự kiện, một sự việc nào đó.

Điểm du lịch vườn lan Thảo Nguyên

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Điểm) + Loại hình du lịch (Du lịch vườn lan) + Tên điểm du lịch (Thảo Nguyên).

Điểm du lịch vườn lan Thảo Nguyên tọa lạc tại xã Thới Sơn, thành phố Mỹ Tho.

---

[52] Trịnh Hoài Đức (1998), *Gia Định thành thông chí*, Đỗ Mộng Khương, Nguyễn Ngọc Tỉnh dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, Nxb Giáo Dục, trang 43.

Đây là điểm du lịch OCOP đầu tiên của thành phố Mỹ Tho. Điểm du lịch này có cảnh quan tươi đẹp, bao gồm vườn trồng hoa lan, các loại hoa kiểng và các hoạt động dịch vụ du lịch, như có hẳn một không gian rộng lớn trưng bày, quảng bá các sản phẩm OCOP của tỉnh, làm cho du khách, nhất là du khách quốc tế rất thích thú khám phá trải nghiệm quy trình từ trồng cây nguyên liệu, đến chế biến và thưởng thức các sản vật địa phương tại chỗ.

G. HUYỆN CHỢ GẠO

*** Sưu tầm, thống kê, phân loại, nghiên cứu, biên soạn địa danh Gò:**

1. Gò Thành

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Công trình xây dựng (Thành).

Gò Thành là di chỉ khảo cổ học thuộc nền văn hóa Óc Eo ở Đồng bằng sông Cửu Long, tọa lạc tại xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo được L.Malleret, một nhà nghiên cứu người Pháp, phát hiện năm 1941.

Di tích nằm trên một gò đất sét pha cát, có chiều cao 3 m so với mực nước biển. Diện tích rộng khoảng 10.000 m^2. Các năm 1988, 1989 và 1990, qua 2 đợt khai quật đã phát hiện 3 loại di chỉ khác nhau, gồm: di chỉ cư trú, di chỉ kiến trúc và di chỉ mộ táng. Do dân gian lầm tưởng, khu di tích này là thành thời xưa, lại nằm trên gò, nên gọi là Gò Thành.

Ngày 12/12/1994, di tích khảo cổ Gò Thành được Bộ Văn hoá - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch) công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa Quốc gia.

2. Gò Xương Rồng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Thực vật (Xương rồng: là loại thực vật ở vùng đất khô cằn, nóng bức, không có lá, mà thay vào đó là các gai nhọn. Thân xương rồng xanh lục, rất mọng nước. Xương rồng thường được sử dụng làm hàng rào, cây cảnh. Theo y học, chiết xuất từ cây và hoa xương rồng có một số lợi ích cho sức khỏe, như làm giảm căng thẳng, làm đẹp da,…).

Gò Xương Rồng là gò có nhiều cây xương rồng hoang mọc, rộng khoảng 0,2 ha, thuộc xã Bình Phục Nhứt, huyện Chợ Gạo.

Theo truyện tích dân gian ở địa phương, vào cuối thế kỷ XIX, gò Xương Rồng là sào huyệt của tên tướng cướp Bảy Búa (tên này thứ bảy và thường sử dụng hung khí là búa hoặc sử dụng đến bảy chiếc búa khi gây án). Bọn cướp này rất hung hãn, cướp bóc vô cùng tàn bạo, gây nhiều nỗi khiếp sợ cho dân lành; trong khi đó, chính quyền thực dân gần như bất lực.

Trước tình hình đó, có một thanh niên trong vùng là Phan Văn Ngọ dám một mình đương đầu với bọn cướp. Lúc bấy giờ, Phan Văn Ngọ mới 21 tuổi, rất khỏe mạnh, cường tráng và giỏi võ nghệ, là con trai thứ của Phó Lãnh binh Phan Văn Dõng, vị tướng của lãnh tụ nghĩa quân Trương Định, đã bị thực dân Pháp bắt và xử án chém.

Người thanh niên dũng cảm Phan Văn Ngọ đã một mình vào gò Xương Rồng thách đấu với tên tướng cướp Bảy Búa. Tên Bảy Búa chấp nhận thách đấu. Cuộc tỉ

thí ác liệt, một mất, một còn đã diễn ra. Bằng ngón roi sở trường do cha mình truyền lại, Phan Văn Ngọ đã đánh hạ tên Bảy Búa. Nhưng với tính cách hào hiệp, mã thượng, Phan Văn Ngọ đã tha chết tên này với lời khuyên chân thành là nên kiếm nghề lương thiện để mưu sinh, không được cướp bóc, giết hại thường dân.

Tuy nhiên, với bản tính ngang ngược cố hữu, tên cướp này chẳng những không chịu "cải tà quy chánh" mà còn ngạo nghễ tuyên bố sẽ thách đấu phục thù vì chưa "tâm phục, khẩu phục". Nhận được tin, vào một đêm trăng sáng, Phan Văn Ngọ tiềm nhập vào gò Xương Rồng, bắt trói tên Bảy Búa và mang ra ngoài. Sau đó, ông ném tên tướng cướp này vào Gò Hùm ở gần đó. Không biết, Bảy Búa có bị cọp ăn thịt hay không hay là được đám đệ tử cứu thoát; nhưng sau đó, bọn cướp này giải tán. Kể từ đó, dân cư ở trong vùng trở lại cuộc sống an lành, yên ổn làm ăn, không bị bọn cướp quấy phá nữa.

*** Địa hình thiên nhiên, thực vật:**

Lộ Xoài (xã Song Bình, huyện Chợ Gạo)

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Lộ) + Thực vật (Cây xoài).

Lộ Xoài là con đường mà trước kia có một cây xoài to ở tại đầu đường hoặc có hàng cây xoài mọc dọc theo hai đường, thuộc xã Song Bình, huyện Chợ Gạo, dài khoảng 3,5 km, nối Quốc lộ 50 với nơi giáp ranh thành phố Mỹ Tho, gần Quảng trường trung tâm tỉnh.

*** Địa hình thiên nhiên, động vật:**

Cầu Cựa Gà

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Bộ phận sau chân của con gà (Cựa gà).

Cầu Cựa Gà nằm trên Đường huyện 6, xã Đăng Hưng Phước, huyện Chợ Gạo, được xây dựng năm 1996, dài 24m, kết cấu bê tông cốt thép, được bắc qua rạch Cựa Gà.

*** Địa danh chỉ đơn vị hành chính:**

1. Tỉnh Định Tường (1832 - 1867)

省 Tỉnh

定 Định: Yên ổn, không thay đổi

祥 Tường: Tốt, lành

定祥省: Định Tường Tỉnh

Năm Đinh Mão (1831), vua Minh Mạng đổi đơn vị **trấn** thành đơn vị **tỉnh** trực thuộc chính quyền trung ương, xóa bỏ cấp trung gian "thành" (Gia Định Thành). Ở Nam Kỳ, năm 1832, chính quyền thành lập 6 tỉnh (quen gọi Nam Kỳ lục

tỉnh), bao gồm ba tỉnh *kiêm nhiếp* (Chữ "Nhiếp": 攝 có nghĩa "Thay quyền để thống trị, kiêm quyền") và ba tỉnh *phân hạt* (tỉnh nhỏ):

+ Tỉnh Gia Định kiêm nhiếp tỉnh Biên Hòa (phân hạt).

+ Tỉnh Vĩnh Long kiêm nhiếp tỉnh Định Tường (phân hạt).

+ Tỉnh An Giang kiêm nhiếp tỉnh Hà Tiên (phân hạt).

Thống nhiếp hai tỉnh Vĩnh Long và Định Tường có Tổng đốc Long Tường, thường kiêm hàm Binh Bộ Thượng thư hoặc Đô Sát viện hữu Đô Ngự sử. Đứng đầu tỉnh Định Tường có Tuần phủ, giúp việc có Bố chánh, Án sát, Lãnh binh.

Tuần phủ là một quan văn nhưng có hàm Đô đốc. Bố Chánh là một quan văn làm nhiệm vụ hành chánh. Án Sát là một quan văn trông coi việc luật pháp, chấn hưng phong hóa. Lãnh binh là một quan võ, phụ trách việc quân sự.

Giúp việc Tuần phủ có hai ty chuyên trách:

+ Ty Bố chánh (Ty Phiên): phụ trách hành chính.

+ Ty Án sát (Ty Niết): phụ trách việc hình án từ tụng, chấn hưng phong hóa.

Ngoài ra, tại tỉnh còn 3 ty khác:

+ Ty Lễ sinh: phụ trách quản lý và phụ tế các đền miếu.

+ Ty Chiêm hậu: chuyên việc xem thiên tượng và làm lịch.

+ Ty Lương y: chuyên việc chữa trị bệnh tật.

Riêng về giáo dục, theo truyền thống của nước ta từ xưa, các việc giảng dạy đều do tư nhân đảm trách. Ở cấp tỉnh, nhà Nguyễn chỉ lập nhà Tỉnh học, cử một Đốc học; cấp phủ lập nhà Phủ học, cử một Giáo thọ; cấp huyện lập nhà Huyện học, cử một Huấn đạo. Các chức quan này vừa làm nhiệm vụ giảng dạy, vừa kiểm tra chất lượng giáo dục tư nhân, giới thiệu học trò đi thi.

Mỗi phủ có một chức Tri phủ, mỗi huyện có một chức Tri huyện.

Do địa bàn quá rộng, giao thông bất tiện nên vào năm Nhâm Thìn (1832), vùng Gò Công được tách rời khỏi tỉnh Định Tường và nhập vào tỉnh Gia Định. Theo đó, tổng Hòa Bình (vùng Gò Công) được tách ra khỏi tỉnh Định Tường và hợp nhất với một phần tổng Thuận Đạo thuộc tỉnh Gia Định để lập huyện Tân Hòa, thuộc phủ Tân An, tỉnh Gia Định. Lỵ sở huyện Tân Hòa đầu tiên đặt tại thôn Thanh Xuân Đông, tổng Thạnh Mục (nay thuộc huyện Vàm Cỏ, tỉnh Long An, giáp với xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang).

Theo *Địa bạ tỉnh Định Tường năm 1836*, tỉnh Định Tường có 1 phủ (Kiến An), 3 huyện (Kiến Hưng, Kiến Hòa, Kiến Đăng), 15 tổng và thôn. Cụ thể như sau:

- Phủ Kiến An

- Ba huyện (Kiến Hưng, Kiến Hòa, Kiến Đăng):

+ Huyện Kiến Hưng: Huyện Kiến Hưng do phủ Kiến An kiêm nhiếp, lỵ sở ở thôn Tân Hiệp (nay là thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu Thành), có 5 tổng, 75 thôn, gồm:

- Tổng Thuận Trị có 19 thôn (An Đức, An Đức Đông, An Hòa, An Thành, An Vĩnh, Bình Tạo, Cửu Viễn, Đạo Ngạn, Điều Hòa, Long Hội, Long Hội Tây, Ngãi Hữu, Nhơn Hòa, Phú Đức Đông, Phú Đức Tây, Tân Thuận, Thân Nhơn, Thới Sơn, Trung Lương).

- Tổng Thuận Bình có 17 thôn (An Phước, An Thạnh, Bình Đông, Bình Sơn, Bình Thuyên Đông, Hữu Đạo, Long Hưng, Long Thạnh, Mỹ Thuận Đông, Mỹ Thuận Tây, Tân Đức Đông, Tân Đức Tây, Tân Phú Đông, Vĩnh Kim Đông, Vĩnh Kim Tây, Thạnh Phú).

- Tổng Hưng Nhơn có 12 thôn (Dương Hòa, Định Hòa, Hưng Thạnh, Long Định, Mỹ Điền, Nhị Bình, Phú Mỹ, Phước An, Tân Hội Đông, Tân Hội Tây, Tân Lý Đông, Tân Lý Tây).

- Tổng Hưng Nhượng có 13 thôn (Bình An Đông, Bình Cư, Bình Quân, Hòa Mỹ, Lợi Thạnh, Nhơn Hậu, Nhơn Lý Tây, Nhơn Nhương, Tân Hiệp, Tân Hương Tây, Tường Khánh, Xuân Sanh, Tân Hương).

- Tổng Hưng Long có 14 thôn (Bình An, Bình Long Đông, Chánh Đông, Đông An, Ngãi Lợi, Phú Khương, Phú Thượng, Tân Đông, Thân Hòa Đông, Thân Hòa Tây, Thủy Đông, Trường Thạnh, Tuyên Thạnh, Vĩnh Thạnh, Mỹ Phước).

+ Huyện Kiến Hòa: lỵ sở đóng ở thôn Tân Hóa (nay thuộc xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo), có 5 tổng, 78 thôn, gồm:

- Tổng Hòa Hảo có 12 thôn (An Định, Bình Phục Đông, Bình Phục Nhứt, Bình Phương (Phan), Bình Thủy, Mỹ Hảo, Tân Hóa, Toàn Thạnh, Vĩnh An, Bình Quang, Hòa Bình, Hòa Thạnh).

- Tổng Hòa Hằng có 20 thôn (Bình Đại, Châu Hưng, Hằng Thạnh, Hòa Thới, Lộc Thuận, Phú Thành, Phú Thạnh Đông, Phú Thuận, Phú Vinh, Phước An Đông, Quới Sơn, Tân Phong, Thạch Hồ, Thạnh Hội, Từ Linh, Vinh (Vang) Quới, Giao Hòa, Giao Long, Long Phụng, Tân Định).

- Tổng Hòa Thinh (Hòa Thanh) có 17 thôn (An Hòa Tân, Lộc Tân, Lương Thạnh, Minh Đức, Phú Hữu, Phú Ngãi, Phú Nhơn, Phú Thạnh, Phước Định, Phước Hậu, Phước Hòa, Phước Thới, Phước Thuận, Phước Toàn, Thọ Phú, Thới Lai, Thới Thuận).

- Tổng Thạnh Phong có 14 thôn (Bình Đăng, Bình Hài, Bình Hạnh, Bình Phong, Bình Thời, Điền Trang, Long Hựu, Mỹ Chánh, Mỹ Hóa, Phong Thuận, Phú Hội, Tân Tĩnh, Tân Tĩnh Đông, Thạnh Lợi).

- Tổng Thạnh Quơn (Thạnh Quang) có 15 thôn (An Khương, An Lạc, Bình Cách, Bình Dương, Long Hòa, Lương Phú, Mỹ Trung, Phú Kiết, Phú Hòa, Song Thạnh, Thanh Xuân, Trung Lộc, Vĩnh Phước, Hưng Ngãi, Nhựt Tân).

+ Huyện Kiến Đăng: lỵ sở đóng tại thôn Mỹ Trang (nay thuộc thị xã Cai Lậy), có 5 tổng, 80 thôn:

- Tổng Lợi Trinh có 19 thôn (An Mỹ, Bình Chánh Tây, Bình Phú, Cẩm Sơn, Giai Mỹ, Hòa Sơn, Hòa Thuận, Hội Sơn, Lợi An, Mỹ Hạnh Đông, Mỹ Hạnh Tây, Mỹ Hạnh Trung, Mỹ Trang, Mỹ Tường, Phú Nhuận, Phú Thuận Đông, Tân Hòa, Tân Hội, Xuân Sơn).

- Tổng Lợi Trường có 21 thôn (An Thủy Đông, An Thủy Tây, Bàn Long, Bình Chánh, Bình Chánh Đông, Hòa An, Kim Sơn, Long Điền, Long Phú, Mỹ An, Mỹ Ân, Mỹ Đông, Mỹ Đông Thượng, Mỹ Đông Trung, Mỹ Hòa, Mỹ Quới, Mỹ Trinh, Phú Long, Phú Phong, Tân Sơn, Trà Tân, Bình Chánh Trung).

- Tổng Phong Hòa có 12 thôn (An Bình Đông, An Bình Tây, An Thành, An Cư, Hiệp Hòa, Hòa Khánh, Mỹ Đức Đông, Mỹ Hòa, Mỹ Thạnh, Mỹ Thiện, Phú Sơn, Tân Đức).

- Tổng Phong Phú có 17 thôn (An Thới Đông, An Thới Tây, An Thới Trung, Bình Hàn Tây, Bình Hàn Trung, Hòa Lộc, Mỹ An Đông, Mỹ An Tây, Mỹ Đức Tây, Mỹ Hưng, Mỹ Long, Mỹ Lợi, Mỹ Lương, Mỹ Thuận, Mỹ Toàn, Mỹ Xương, Thanh Hưng).

- Tổng Phong Thạnh có 11 thôn (An Bình, An Long, An Phong, Mỹ Đảo, Mỹ Ngãi, Mỹ Trà, Nhị Mỹ, Phong Mỹ, Tân An, Tân Phú, Tân Thạnh)[1].

Năm 1838, chính quyền nhà Nguyễn nâng hai tổng Phong Phú và Phong Thạnh của huyện Kiến Đăng thành ba tổng Phong Phú, Phong Thạnh và Phong Nẫm thuộc huyện Kiến Phong mới lập, trực thuộc phủ Kiến Tường mới lập. Phủ Kiến Tường đóng lỵ sở tại thôn Mỹ Trà (nay thuộc TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp) kiêm lý huyện Kiến Phong.

Riêng về huyện Tân Hòa (vùng Gò Công) thuộc phủ Tân An, tỉnh Gia Định có những chuyển biến hành chánh như sau:

Lỵ sở huyện Tân Hòa đầu tiên đặt tại thôn Thanh Xuân Đông, tổng Thạnh Mục (nay thuộc huyện Vàm Cỏ, tỉnh Long An, giáp với xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang).

Theo Địa bạ Minh Mạng năm 1836, huyện Tân Hòa có 4 tổng:

+ Tổng Hòa Đồng có 16 thôn.

+ Tổng Hòa Lạc có 17 thôn.

---

[1] Nguyễn Đình Đầu, *Nghiên cứu Địa bạ triều Nguyễn: Định Tường*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1994, trang 157-165.

+ Tổng Thạnh Hội có 16 thôn.

+ Tổng Thạnh Mục có 16 thôn.

Trong 4 tổng nêu trên, hai tổng Hòa Đồng và Hòa Lạc thuộc vùng Gò Công (nay thuộc địa phận huyện Gò Công Tây, thị xã Gò Công, huyện Gò Công Đông và huyện Tân Phú Đông); còn hai tổng Thạnh Hội và Thạnh Mục thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Long An ngày nay. Số thôn của hai tổng Hòa Đồng và Hòa Lạc như sau:

+ Tổng Hòa Đồng có 16 thôn: Bình Công, Bình Hưng, Bình Long, Bình Long Tây, Bình Phú Đông, Bình Phú Tây, Bình Phục Nhị/Nhì, Bình Xuân Đông, Dương Phước, Đồng Sơn, Long Chánh, Tân Cang/Cương, Tân Nhựt, Vĩnh Hựu, Vĩnh Lợi, Vĩnh Thạnh.

+ Tổng Hòa Lạc có 17 thôn: An Long Đông/Yên Luông Đông, An Long Tây/Yên Luông Tây, Bình Ân, Bình Nghị, Bình Thạnh Đông, Bình Thạnh Tây, Bình Xuân, Mỹ Xuân, Tân Duân Đông, Tân Duân Trung, Tân Niên Đông, Tân Niên Tây, Tân Niên Trung, Tân Phước, Tăng Hòa, Thuận Ngãi (Bình Thuận Đông cũ), Thuận Tắc (Bình Thuận Tây cũ); và 1 phường: Toàn Phước.

Năm 1841, vua Thiệu Trị chia huyện Tân Hòa thành hai huyện: vùng ven sông Vàm Cỏ lập huyện Tân Thạnh; vùng Gò Công lập huyện Tân Hòa. Riêng huyện Tân Hoà có 4 tổng: Hòa Đồng Thượng, Hòa Đồng Hạ, Hòa Lạc Thượng và Hòa Lạc Hạ.

Lúc đó, huyện Tân Thạnh và huyện Tân Hòa thuộc phủ Hòa Thạnh, tỉnh Gia Định. Lỵ sở phủ Hòa Thạnh đặt tại Đồng Sơn.

Năm 1852, vua Tự Đức cho sáp nhập hai huyện Tân Thạnh và Tân Hòa để thành lập huyện mới lấy tên là huyện Tân Hòa vẫn thuộc tỉnh Gia Định. Huyện Tân Hòa (mới) có 8 tổng: Thạnh Hội Thượng, Thạnh Hội Hạ, Thạnh Mục Thượng, Thạnh Mục Hạ, Hòa Đồng Thượng, Hòa Đồng Hạ, Hòa Lạc Thượng và Hòa Lạc Hạ. Lỵ sở của huyện đóng tại thôn Thuận Ngãi, tổng Hòa Lạc Hạ (nay thuộc thị xã Gò Công).

Như vậy, vào năm 1852, vùng Gò Công thuộc huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định, có 4 tổng, 37 thôn, phường:

- Tổng Hòa Đồng Thượng: có 8 thôn: Bình Hưng, Bình Phú Đông, Bình Phú Tây, Bình Phục Nhì, Bình Phước, Đồng Sơn, Tân Nhựt, Trường Xuân.

- Tổng Hòa Đồng Hạ: có 9 thôn: Bình Công, Bình Hòa, Bình Luông Đông, Bình Luông Tây, Long Chánh, Tân Cương, Vĩnh Hựu, Vĩnh Lợi, Vĩnh Thạnh.

- Hòa Lạc Thượng: có 8 thôn: Bình Thạnh Đông, Bình Thạnh Tây, Bình Xuân, Mỹ Xuân, Tân Niên Đông, Tân Niên Tây, Tân Niên Trung, Tân Phước và 1 phường: Toàn Phước

- Tổng Hòa Lạc Hạ: có 11 thôn: An Long Đông/Yên Luông Đông, An Long Tây/Yên Luông Tây, Bình Ân, Bình Nghị, Dương Phước, Kiểng Phước (do phường Toàn Phước đổi thành), Tăng Hòa, Tân Duân Đông, Tân Duân Trung, Thuận Ngãi, Thuận Tắc.

2. Hạt Thanh tra (Inspection: 1867-1871)

Năm 1867, sau chiếm toàn bộ Nam kỳ, thực dân Pháp xóa bỏ Nam kỳ lục tỉnh của nhà Nguyễn, chia Nam kỳ ra nhiều hạt Thanh tra (Inspection), đứng đầu mỗi hạt Thanh Tra là một viên Thanh tra công việc nội chính bản xứ (Inspecteur des affaires Indigènes) do các sĩ quan Hải quân đảm nhiệm. Địa bàn các hạt Thanh tra tính theo đơn vị phủ, huyện cũ.

Theo đó, trên địa bàn tỉnh Tiền Giang ngày nay có 6 hạt Thanh tra:

- Hạt Thanh tra Mỹ Tho:

Phủ Kiến An kiêm lý huyện Kiến Hưng nên gọi là hạt Thanh tra Kiến An hay Kiến Hưng. Khi hạt Thanh tra này dời về Mỹ Tho thì gọi là hạt Thanh tra Mỹ Tho, coi huyện Kiến Hưng (cũ).

- Hạt Thanh tra Chợ Gạo:

Địa bàn huyện Kiến Hòa trở thành hạt Thanh tra Kiến Hòa; sau đó, dời về Chợ Gạo nên gọi là hạt Thanh tra Chợ Gạo, coi huyện Kiến Hòa (cũ).

- Hạt Thanh tra Cai Lậy

Địa bàn huyện Kiến Đăng trở thành hạt Thanh tra Kiến Đăng, vì đóng tại Cai Lậy nên được gọi là hạt Thanh tra Cai Lậy, coi huyện Kiến Đăng (cũ).

- Hạt Thanh tra Cần Lố:

Địa bàn phủ Kiến Tường kiêm lý huyện Kiến Phong trở thành hạt Thanh tra Kiến Tường, nhưng vì đóng tại Cần Lố nên được gọi là hạt Thanh tra Cần Lố, coi huyện Kiến Phong (cũ).

- Hạt Thanh tra Tân An:

Toàn bộ tổng Hưng Long của huyện Kiến Hưng và 9 thôn của tổng Hưng Nhơn cùng huyện nằm dọc theo bờ sông Vàm Cỏ và kênh Bưu Điện (kênh Bảo Định) được tách khỏi huyện Kiến Hưng để thành lập hạt Thanh tra Tân An.

- Hạt Thanh tra Gò Công:

Trông coi huyện Tân Hòa (cũ).

Ngày 5/12/1868, giải thể hạt Thanh tra Cai Lậy nhập vào hạt Thanh tra Mỹ Tho. Tiếp theo, ngày 23/12/1868, giải thể hạt Thanh Tra Chợ Gạo nhập vào hạt Thanh tra Mỹ Tho. Nhưng đến ngày 20/10/1869, hạt Thanh tra Cai Lậy được lập lại theo địa bàn cũ; đến ngày 8/9/1870, dời trụ sở về Cái Bè, nên gọi là hạt Thanh tra Cái Bè. Ngày 20/9/1870, giải thể hạt Thanh tra Cần Lố, đưa hai tổng Phong Hòa và Phong Phú của hạt Thanh tra Cần Lố vào hạt Thanh Tra Cái Bè, đồng thời

đưa hai tổng còn lại là Phong Nẫm và Phong Thạnh qua hạt Thanh tra Sa Đéc. Ngày 5/6/1871, giải thể hạt Thanh tra Cái Bè nhập vào địa bàn hạt Thanh tra Mỹ Tho.

3. Tỉnh Mỹ Tho (Province de Mytho: 1900-1954)

Ngày 20/12/1899, Toàn quyền Đông dương ban hành Nghị định đổi các Tiểu khu hành chính thành tỉnh (Province) kể từ ngày 01/01/1900. Theo đó, Nam kỳ có 21 tỉnh. Mỹ Tho và Gò Công là hai tỉnh riêng biệt.

Theo *Địa phương chính tỉnh Mỹ Tho năm 1902*, tỉnh Mỹ Tho có diện tích là 223.660 hecta, dân số là 233.802 người, bao gồm 231.276 người Việt, 2.381 người Hoa, 103 người Âu, 42 người Ấn. Tỉnh lỵ đặt tại Mỹ Tho.

Toàn tỉnh có 15 tổng, 202 làng.

- Tổng Thuận Trị:

Có 19 làng: Điều Hòa, Thạnh Trị, Đạo Ngạn, An Vĩnh, Ngãi Hữu, Cửu Viễn, Thân Nhơn, Nhơn Hòa, Long Hội Tây, An Hội, Long Hội, Trung Lương, An Đức Đông, Bình Tạo, An Đức, Tân Thuận, Thới Sơn, Phú Đức, Phú Túc.

- Tổng Thuận Bình:

Có 15 làng: An Thạnh, An Phước, Thạnh Phú, Long Hưng, Mỹ Thuận Tây, Mỹ Thuận Đông, Vĩnh Kim Tây, Vĩnh Kim Đông, Bình Hòa Đông, Phong Trưng, Hữu Đạo, Điềm Hy, Dưỡng Điềm.

- Tổng Lợi Trường:

Có 12 làng: Mỹ Quý, Mỹ Quý Đông, Mỹ Phú, Mỹ Quý Tây, Long Điền, Mỹ Hậu, Bàn Long, Kim Sơn, Phú Phong, Bình Chánh Trung, Bình Chánh Đông, Bình Chánh.

- Tổng Lợi Mỹ:

Có 08 làng: Phú Long, Mỹ Khánh, Mỹ Đông Thượng, Mỹ Đông, Mỹ Đông Trung, Tân Thới, Trà Tân, Ngũ Hiệp.

- Tổng Lợi Trinh:

Có 15 làng: Long Phước, Mỹ Hạnh Tây, Bình Chánh Tây, Mỹ Hạnh Trung, Mỹ Hạnh Đông, Tân Phú Đông, Tân Hội, Mỹ Tường, Tân Long, Tân An, Hòa Sơn, Thanh Sơn, Mỹ Trang, Hòa Thuận, Cẩm Sơn.

- Tổng Hưng Nhơn:

Có 13 làng: Phú Mỹ, Hưng Thạnh, Mỹ Điền, Phước Lộc, Nhị Bình, Long Định, Định Hòa, Tân Lập, Tân Lý Đông, Tân Thành, Dương Hòa, Tân Hội Tây, Tân Hội Đông.

- Tổng Hưng Nhượng:

Có 06 làng: Tân Hương, Tân Hương Tây, Tân Lý Tây, Tân Hiệp, Hòa Mỹ, Tịnh Giang.

- Tổng Thạnh Quơn:

Có 13 làng: Tịnh Hà, An Khương, Trung Hòa, Song Thạnh, Bình Cách, Nhựt Tân, Mỹ Trung, Phú Kiết, Lương Phú, An Lạc, Long Hòa, Thanh Xuân, Bình Dương.

- Tổng Thạnh Phong:

Có 16 làng: Hưng Ngãi, Bình Đăng, Vĩnh Phước, Điền Trang, Bình Hài, Mỹ Phong, Phú Hội, Mỹ Chánh, Phong Thuận, Bình Phong, Bình Thạnh, Bình Hạnh, Long Thạnh, Tân Tĩnh Đông, Tân Xuân, Tân Tĩnh.

- Tổng Hòa Hảo:

Có 15 làng: Bình Long, Bình Phục Tây, Bình Quơn, Thuận Hòa, Bình Phục Đông, Tân Hóa, Hòa Thạnh, An Định, Hòa Bình, Hòa Ninh, Hòa An, Mỹ Thạnh, Bình Thủy, Bình Phan, Bình Trị.

- Tổng Hòa Quới:

Có 24 làng: An Hồ, Tân Thạch, Quới Sơn, Phú Thạnh, Giao Long, Giao Hòa, Nguyệt Thạnh, Long Phụng, Phú Thuận, Vang Quới, Phú Vang, Thới Lai, Châu Hưng, Tân Hưng, An Hóa, Phước Hậu, Phước Thới, Phước Hòa, Phú Ngãi, Phú Nhơn, Phước Khánh, Phước Thiện, Phước Định, Phú Thạnh.

- Tổng Hòa Thinh:

Có 11 làng: Lộc Thuận, Phú Long, Tân Định, Bình Trung, Bình Đại, Lộc Tân, Thạnh Lộc, Phước Thuận, Thọ Phú, Thừa Đức, Thới Thuận.

- Tổng Lợi Thuận:

Có 15 làng: Mỹ Thạnh, Đại Phú, Giai Mỹ, Phú Thuận Đông, Bình Phú, Phú Hưng, Phú Nhuận, Lợi Thành, Lợi An, An Mỹ, Phú Sơn, Hiệp Hòa, Tân Đức, Xuân Sơn, Hội Sơn.

- Tổng Phong Hòa:

Có 11 làng: Mỹ Đức Tây, Mỹ Thiện, Hậu Mỹ, Mỹ Hội, An Cư, Hậu Thành, An Bình Đông, Phú Hòa, An Hiệp, Hòa Khánh, Mỹ Đức Đông.

- Tổng Phong Phú:

Có 09 làng: Mỹ Lợi, Thanh Hưng, An Thái Đông, An Thái Trung, Mỹ Lương, Hòa Lộc, Mỹ Hưng, An Hữu, Mỹ Thuận[2].

[2] Theo quyển *Địa phương chí tỉnh Mỹ Tho năm 1902* (*Monographie de la province de Mytho, 1902*).

Sau thời gian thực hiện chính sách trực trị (tỉnh - tổng - làng) không thành công, ở tỉnh Mỹ Tho, thực dân Pháp bắt buộc phải lập cấp quận làm trung gian giữa tỉnh và tổng, làng.

4. Quận Bến Tranh:

Quận Bến Tranh được lập ngày 9-02-1913, đầu tiên có 3 tổng Thạnh Quơn (13 làng), Hưng Nhơn (12 làng) và Hưng Nhượng (6 làng).

Ngày 01-01-1928, giải thể quận Bến Tranh. Các làng thuộc 3 tổng được nhập vào quận Chợ Gạo và quận Châu Thành.

5. Quận Chợ Gạo

Quận Chợ Gạo thành lập ngày 22-3-1912. Đầu tiên có 2 tổng: Hòa Hảo (7 làng), Thạnh Phong (6 làng). Ngày 01-01-1928, nhập thêm tổng Thạnh Quơn (7 làng).

6. Tỉnh Định Tường (Chính quyền Sài Gòn: 1954-1975)

Về phía chính quyền Sài Gòn, theo Sắc lệnh 143-NV ngày 22-10-1956 của Tổng thống chính quyền Sài Gòn Ngô Đình Diệm về việc "thay đổi địa giới và tên Đô thành Sài Gòn - Chợ Lớn cùng các tỉnh và tỉnh lỵ tại Việt Nam", tỉnh Định Tường được thành lập trên phần đất tỉnh Mỹ Tho và tỉnh Gò Công cũ. Tỉnh lỵ tỉnh Định Tường đặt tại Mỹ Tho, về mặt hành chánh thuộc xã Điều Hòa, quận Châu Thành.

Theo sự phân định hành chính của chính quyền Sài Gòn, Định Tường là một trong 22 tỉnh của Nam Phần lúc đó, bắc giáp tỉnh Kiến Tường, đông bắc giáp tỉnh Long An, đông giáp biển Đông, tây nam và nam giáp hai tỉnh Vĩnh Long và Kiến Hòa, tây giáp tỉnh Kiến Phong, tây nam giáp tỉnh Sa Đéc. Ranh giới phía nam của tỉnh Định Tường là sông Tiền Giang (đoạn này còn gọi là sông Mỹ Tho).

Ngày 24-4-1957, chính quyền Sài Gòn ấn định các đơn vị hành chính trực thuộc tỉnh. Tỉnh Định Tường có tỉnh lỵ đặt tại Mỹ Tho, bao gồm 7 quận, 15 tổng, 123 xã. Cụ thể như sau:

(1) Quận Châu Thành (quận lỵ: xã Điều Hòa), có 2 tổng, 22 xã.

- Tổng Thuận Trị, gồm 09 xã: Bình Đức, Đạo Thạnh, Điều Hòa, Long An, Tam Hiệp, Thạnh Phú, Thới Sơn, Trung An, Phước Thạnh.

- Tổng Thuận Bình, gồm 13 xã: Bàn Long, Bình Trưng, Dưỡng Điềm, Đông Hòa, Điềm Hy, Hữu Đạo, Kim Sơn, Long Định, Long Hưng, Nhị Bình, Phú Phong, Song Thuận, Vĩnh Kim.

(2) Quận Bến Tranh (quận lỵ: xã Lương Hòa Lạc), có 2 tổng, 16 xã.

- Tổng Hưng Nhơn, gồm 09 xã: Hưng Thạnh Mỹ, Tân Hội Đông, Tân Lý Tây, Tân Lý Đông, Tân Hương, Tân Hiệp, Thân Cửu Nghĩa, Tân Hòa Thành, Phú Mỹ.

- Tổng Thạnh Quơn, gồm 07 xã: Lương Hòa Lạc, Hoà Tịnh, Mỹ Tịnh An, Phú Kiết, Tân Bình Thạnh, Trung Hòa, Thanh Bình

(3) Quận Chợ Gạo (quận lỵ: xã Bình Phan), có 2 tổng, 13 xã.

- Tổng Thạnh Phong, gồm 06 xã: Đăng Hưng Phước, Long Bình Điền, Mỹ Phong, Song Bình, Tân Mỹ Chánh, Xuân Đông.

- Tổng Hòa Hảo, gồm 07 xã: An Thanh Thủy, Bình Ninh, Bình Phan, Bình Phục Nhứt, Quơn Long, Hoà Định, Tân Thuận Bình

(4) Quận Cái Bè (quận lỵ: xã Đông Hoà Hiệp), có 2 tổng, 16 xã.

- Tổng Phong Hòa, gồm 08 xã: Đông Hòa Hiệp, Hội Cư, Hòa Khánh, Hậu Thành, Hậu Mỹ, Mỹ Thiện, Mỹ Đức Đông, Mỹ Đức Tây.

- Tổng Phong Phú, gồm 08 xã: An Hữu, Hưng Thuận (cù lao Quy), An Thái Đông, An Thái Trung, Thanh Hưng, Hòa Lộc, Mỹ Lợi, Mỹ Lương.

(5) Quận Cai Lậy (quận lỵ: xã Thanh Hòa), có 3 tổng, 25 xã.

- Tổng Lợi Trinh, gồm 09 xã: Thanh Hoà, Nhị Mỹ, Mỹ Hạnh Trung, Mỹ Phước Tây, Cẩm Sơn, Tân Phú Đông, Mỹ Hạnh Đông, Tân Bình, Tân Hội.

- Tổng Lợi Hoà, gồm 08 xã: Long Trung, Long Khánh, Tam Bình, Ngũ Hiệp, Mỹ Long, Long Tiên, Phú Quý, Nhị Quý.

- Tổng Lợi Thuận, gồm 08 xã: Phú An, Phú Nhuận Đông, Bình Phú, Thạnh Phú, Hiệp Đức, Hội Sơn, Xuân Sơn, Mỹ Thành.

(6) Quận Gò Công (quận lỵ: xã Long Thuận), có 2 tổng, 15 xã.

- Tổng Hòa Lạc Thượng, gồm 08 xã: Bình Thạnh Đông, Bình Xuân, Gia Thuận, Kiểng Phước, Tân Niên Đông, Tân Niên Tây, Tân Niên Trung, Tân Phước.

- Tổng Hòa Lạc Hạ, gồm 07: xã An Hòa, Bình An, Long Thuận, Phước Trung, Tân Bình Điền, Tăng Hòa, Tân Thành.

(7). Quận Hòa Đồng (quận lỵ: xã Đồng Sơn), có 2 tổng, 16 xã.

- Tổng Hòa Đồng Thượng, gồm 09 xã: Vĩnh Bình (Vĩnh Lợi và Bình Phú Tây cũ), Đồng Sơn, Bình Phú Đông, Thành Công (Bình Thành và Bình Công cũ), Thạnh Trị (Vĩnh Thạnh và Vĩnh Trị cũ), Bình Phục Nhì, Thạnh Nhựt, Vĩnh Viễn và Vĩnh Hựu.

- Tổng Hòa Đồng Hạ, gồm 07 xã: Long Hựu, Bình Luông Đông, Tân Thới, Phú Thạnh Đông, Bình Long (Bình Luông Tây và Long Thạnh cũ), Yên Luông (Yên Luông Đông và Yên Luông Tây cũ), Bình Tân (Bình Luông Trung và Tân Cương cũ).

Ngày 05-12-1957, chính quyền Sài Gòn dời quận lỵ quận Bến Tranh từ xã Lương Hòa Lạc đến xã Tân Hiệp.

Ngày 08-11-1960, quận Châu Thành đổi tên thành quận Long Định, đồng thời dời quận lỵ từ xã Điều Hòa tới xã Long Định. Ngày 09-8-1961, tách một phần đất thuộc quận Cái Bè lập một quận mới, lấy tên là quận Giáo Đức, quận lỵ đặt tại xã An Hữu, gồm 2 tổng Phong Phú và An Phú (mới lập). Quận Cái Bè đổi tên thành quận Sùng Hiếu. Quận Cai Lậy đổi tên thành quận Khiêm Ích.

Ngày 20-12-1963, chính quyền Sài Gòn tách hai quận Gò Công và Hòa Đồng ra khỏi tỉnh Định Tường để tái lập tỉnh Gò Công.

Ngày 23-5-1964, chia quận Long Định thành 2 quận: Châu Thành và Long Định. Quận Châu Thành có 2 tổng Thuận Trị và Thuận Hòa (mới lập), quận lỵ đặt tại xã Trung An, Quận Long Định có 2 tổng Thuận Bình và Lợi Trường, quận lỵ dời từ xã Long Định đến xã Vĩnh Kim.

Ngày 10-11-1964, đổi lại tên quận Sùng Hiếu thành quận Cái Bè, quận Khiêm Ích thành quận Cai Lậy như cũ. Sau năm 1965, chính quyền Sài Gòn giải thể cấp tổng; từ đó, các xã trực thuộc cấp quận. Ngày 24-3-1969, chính quyền Sài Gòn đổi tên quận Long Định thành quận Sầm Giang.

Ngày 30-9-1970, Thủ tướng chính quyền Sài Gòn ban hành Sắc lệnh số 114/SL-NV cải biến xã Điều Hòa thuộc quận Châu Thành thành thị xã Mỹ Tho, là thị xã tự trị trực thuộc chính quyền trung ương, đồng thời kiêm tỉnh lỵ tỉnh Định Tường. Lúc đó, tỉnh Định Tường có 01 thị xã, 07 quận, 92 xã, diện tích 1.686 km², dân số 453.562 người, tỉnh lỵ đặt tại thị xã Mỹ Tho. Cụ thể như sau:

TT	TÊN THỊ XÃ/TÊN QUẬN/ TÊN XÃ	DIỆN TÍCH (km²)	DÂN SỐ (Người)
I	**Thị xã Mỹ Tho**	**8,0**	**109.975**
II	**Quận Bến Tranh: 15 xã, quận lỵ đặt tại xã Tân Hiệp**	**225,7**	**67.531**
1	Hòa Tịnh	7,7	2.604
2	Lương Hòa Lạc	15,0	6.464
3	Mỹ Tịnh An	12,1	3.230
4	Phú Kiết	11,5	3.306
5	Phú Mỹ	46,8	5.612

6	Tân Bình Thành	12,5	2.458
7	Tân Hiệp	1,0	4.571
8	Tân Hòa Thành	20,1	3.309
9	Tân Hội Đông	8,4	4.118
10	Tân Hương	13,3	8.060
11	Tân Lý Đông	40.4	4.903
12	Tân Lý Tây	4,5	5.368
13	Thanh Bình	12,3	2.079
14	Thân Cửu Nghĩa	9,6	9.326
15	Trung Hòa	10,5	2.123
III	**Quận Cái Bè: 11 xã, quận lỵ đặt tại xã Đông Hòa Hiệp**	**278,4**	**79.124**
16	Đông Hòa Hiệp	17,0	27.197
17	Hậu Mỹ	60,9	10.474
18	Hậu Thành	10,6	8.130
19	Hiệp Đức	11,4	625
20	Hòa Khánh	25,5	10.311
21	Hội Cư	23,1	5.304
22	Hội Sơn	4,3	170
23	Mỹ Thành	40,6	8.273
24	Mỹ Thiện	64,7	3.742
25	Phú An	14,2	4.523
26	Xuân Sơn	6,1	375
IV	**Quận Cai Lậy: 20 xã, quận lỵ đặt tại xã Thanh Hòa**	**363,5**	**101.017**

27	Bình Phú	19,3	6.863
28	Cẩm Sơn	13,9	300
29	Long Khánh	17,9	5.024
30	Long Tiên	14,0	3.861
31	Long Trung	19,4	3.772
32	Mỹ Hạnh Đông	30,1	2.000
33	Mỹ Hạnh Trung	10,2	4.152
34	Mỹ Long	11,5	1.103
35	Mỹ Phước Tây	39,1	7.041
36	Ngũ Hiệp	27,3	6.039
37	Nhị Mỹ	12,5	5.823
38	Nhị Quý	11,8	7.344
39	Phú Nhuận Đông	15,6	4.980
40	Phú Quý	9,3	2.814
41	Tam Bình	16,9	4.885
42	Tân Bình	13,0	6.724
43	Tân Hội	10,9	3.519
44	Tân Phú Đông	5,3	675
45	Thanh Hòa	9,9	21.588
46	Thạnh Phú	55,6	2.510
V	**Quận Châu Thành: 11 xã, quận lỵ đặt tại xã Trung An**	**107,3**	**52.208**
47	Bình Đức	11,8	11.237
48	Đạo Thạnh	6,7	6.645

49	Long An	13,6	5.254
50	Mỹ Phong	11,1	5.456
51	Phước Thạnh	11,5	3.125
52	Tam Hiệp	13,6	2.749
53	Tân Long	4,9	7.208
54	Tân Mỹ Chánh	6,9	3.974
55	Thạnh Phú	7,9	2.183
56	Thới Sơn	13,8	2.148
57	Trung An	5,5	2.209
VI	**Quận Chợ Gạo: 11 xã, quận lỵ đặt tại xã Bình Phan**	**163,1**	**52.664**
58	An Thạnh Thủy	17,1	4.915
59	Bình Ninh	20,0	3.575
60	Bình Phan	9,0	5.903
61	Bình Phục Nhứt	18,3	5.786
62	Đăng Hưng Phước	14,5	6.257
63	Hòa Định	22,0	2.700
64	Long Bình Điền	12,1	4.331
65	Quơn Long	14,2	4.778
66	Song Bình	12,1	4.260
67	Tân Thuận Bình	14,9	5.579
68	Xuân Đông	8,9	4.580
VII	**Quận Giáo Đức: 10 xã, quận lỵ đặt tại xã An Hữu**	**226,5**	**58.791**
69	An Hữu	15,0	12.047

70	An Thới Đông	7,3	6.458
71	An Thới Trung	16,1	5.576
72	Hòa Lộc	5,1	1.214
73	Hưng Thuận	15,9	6.551
74	Mỹ Đức Đông	8,0	2.454
75	Mỹ Đức Tây	68,2	8.716
76	Mỹ Lợi	42,7	1.052
77	Mỹ Lương	13,6	5.404
78	Thanh Hưng	34,6	9.319
VIII	**Quận Sầm Giang: 14 xã, quận lỵ đặt tại xã Vĩnh Kim**	**321,5**	**42.227**
79	Bàn Long	10,2	385
80	Bình Trưng	6,5	1.146
81	Điềm Hy	4,6	1.762
82	Dưỡng Điềm	7,0	3.384
83	Đông Hòa	95,5	6.057
84	Hữu Đạo	4,6	941
85	Hưng Thạnh Mỹ	85,9	Không có số liệu
86	Kim Sơn	12,6	2.884
87	Long Định	22,6	7.599
88	Long Hưng	14,0	1.460
89	Nhị Bình	32,9	7.409
90	Phú Phong	10,9	1.338
91	Song Thuận	9,0	1.968

92	Vĩnh Kim	5,2	5.894

Ngày 12-7-1974, chính quyền Sài Gòn lập quận mới Hậu Mỹ, quận lỵ đặt tại xã Hậu Mỹ, quận này bao gồm một phần đất của các quận Cái Bè, Giáo Đức, Cai Lậy cùng tỉnh, của quận Kiến Bình (tỉnh Kiến Tường) và của quận Mỹ An (tỉnh Kiến Phong). Các đơn vị hành chính của quận Hậu Mỹ chưa sắp xếp xong thì miền Nam được giải phóng (30-4-1975).

7. Tỉnh Tiền Giang

Diễn tiến hành chính

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta đã hoàn toàn thắng lợi vào ngày 30-4-1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Ngày 20-9-1975, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 245-NQ/TƯ về việc giải thể cấp khu, hợp nhất tỉnh trong toàn quốc "nhằm xây dựng các tỉnh thành những đơn vị kinh tế, kế hoạch và đơn vị hành chính có khả năng giải quyết đến mức cao nhất những yêu cầu về đẩy mạnh sản xuất, tổ chức đời sống vật chất, văn hóa của nhân dân, về củng cố quốc phòng, bảo vệ trị an, và có khả năng đóng góp tốt nhất vào sự nghiệp chung của cả nước". Theo Nghị quyết này, 4 tỉnh Mỹ Tho, Gò Công, Long An, Bến Tre sẽ hợp lại thành một tỉnh, tên gọi sẽ do địa phương đề nghị lên. Nhưng ngày 20-12-1975, Bộ Chính trị lại ra Nghị quyết số 19/NQ điều chỉnh lại việc hợp tỉnh ở miền Nam Việt Nam cho sát với tình hình thực tế, theo đó tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công và thành phố Mỹ Tho hợp lại thành một tỉnh. Ngày 24-2-1976, Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ban hành Nghị quyết số 03-NQ/1976 về việc giải thể khu, hợp nhất tỉnh ở miền Nam Việt Nam. Theo Nghị quyết này tại miền Nam có 21 đơn vị trực thuộc Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, trong đó có tỉnh Tiền Giang do nhập tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công và thành phố Mỹ Tho.

Tỉnh Tiền Giang bấy giờ có 6 đơn vị hành chính trực thuộc là các huyện: Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công và thành phố Mỹ Tho. Tỉnh lỵ là thành phố Mỹ Tho, được công nhận là đô thị loại 3 trực thuộc tỉnh.

Sau đó, trên địa bàn tỉnh Tiền Giang có những sự điều chỉnh về hành chính như sau:

Ngày 26-3-1977, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 77-CP về việc chuyển thị xã Gò Công thuộc tỉnh Tiền Giang thành thị trấn Gò Công thuộc huyện Gò Công cùng tỉnh.

Ngày 12-4-1979, trên địa bàn huyện Cai Lậy, xã Thạnh Phú chia thành 2 xã mới Thạnh Lộc và Phú Cường, hợp nhất 2 xã Hội Sơn, Xuân Sơn thành xã Hội Xuân; trên địa bàn huyện Cái Bè, chia xã Hậu Mỹ Nam thành 2 xã Hậu Mỹ Phú, Hậu Mỹ Trinh; chia xã Hậu Mỹ Bắc thành 2 xã Hậu Mỹ Bắc A, Hậu Mỹ Bắc B;

chia xã Mỹ Thiện thành 2 xã Thiện Trí, Thiện Trung; chia xã Thanh Hưng thành 2 xã Tân Thanh, Tân Hưng; chia xã Mỹ Lợi thành 2 xã Mỹ Lợi A, Mỹ Lợi B.

Ngày 13-4-1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 155-CP về việc chia huyện Gò Công thành huyện Gò Công Đông và huyện Gò Công Tây.

Như vậy, đến tháng 4-1979, tỉnh Tiền Giang có 7 đơn vị hành chính trực thuộc là các huyện: Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây và thành phố Mỹ Tho.

Ngày 13-2-1987, giải thể xã Tăng Hòa để thành lập thị trấn Tân Hòa là thị trấn huyện lỵ Gò Công Đông.

Ngày 16-2-1987, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 37-HĐBT về việc thành lập thị xã Gò Công trực thuộc tỉnh Tiền Giang trên cơ sở thị trấn Gò Công cũ và 1 phần diện tích và dân số của 2 huyện Gò Công Đông, Gò Công Tây.

Như vậy, đến tháng 2-1987, tỉnh Tiền Giang có 8 đơn vị hành chính trực thuộc là: thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây.

Ngày 23-11-1990, lập xã mới Mỹ Tân thuộc huyện Cái Bè trên cơ sở các phần đất và dân số tách từ các xã Mỹ Trung, Mỹ Lợi B, Mỹ Đức Tây và Nông trường Ngô Văn Nhạc.

Ngày 9-3-1992, trích 1 phần diện tích và dân số xã Phú Đông, huyện Gò Công Đông để thành lập xã Phú Tân.

Ngày 11-7-1994, Chính phủ ban hành Nghị định số 68-CP về việc thành lập huyện Tân Phước trên cơ sở tách một phần diện tích và dân số của của 2 huyện Cai Lậy và Châu Thành.

Như vậy, đến tháng 7-1994, tỉnh Tiền Giang có 9 đơn vị hành chính trực thuộc là: thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phước.

Ngày 14-1-2002, lập xã mới Tân Thạnh thuộc huyện Gò Công Tây trên cơ sở các phần đất tách từ các xã Tân Phú, Tân Thới và Phú Thạnh; tái lập xã Tăng Hòa thuộc huyện Gò Công Đông trên cơ sở phần đất và dân số tách từ thị trấn Tân Hòa.

Ngày 9-12-2003, lập phường Tân Long thuộc thành phố Mỹ Tho do cải biến xã Tân Long; lập phường 9 do tách một phần đất và dân số từ xã Tân Mỹ Chánh; lập phường 10 do tách một phần đất và dân số từ 2 xã Đạo Thạnh và Trung An; lập phường 5 thuộc thị xã Gò Công do tách một phần đất và dân số từ xã Long Hòa; chia xã Hội Cư của huyện Cái Bè thành 2 xã An Cư và Mỹ Hội.

Ngày 07-10-2005, Thủ tướng chính phủ ban hành Quyết định số 248/2005/QĐ-TTg về việc công nhận thành phố Mỹ Tho là đô thị loại 2 trực thuộc tỉnh.

Ngày 21-01-2008, Chính phủ ban hành Nghị định số 09/2008/NĐ-CP, về việc

điều chỉnh địa giới hành chính huyện Gò Công Đông và Gò Công Tây để mở rộng thị xã Gò Công và thành lập huyện Tân Phú Đông. Theo đó, huyện Tân Phú Đông bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên và nhân khẩu của các xã: Tân Thới, Tân Phú, Phú Thạnh, Tân Thạnh của huyện Gò Công Tây và toàn bộ diện tích tự nhiên và nhân khẩu của xã Phú Đông và xã Phú Tân của huyện Gò Công Đông.

Như vậy, đến tháng 01-2008, tỉnh Tiền Giang có 10 đơn vị hành chính trực thuộc là: thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phước và Tân Phú Đông.

Ngày 29-6-2009, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 28/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Châu Thành, huyện Chợ Gạo để mở rộng địa giới hành chính thành phố Mỹ Tho; điều chỉnh địa giới hành chính xã, thành lập xã thuộc thành phố Mỹ Tho, huyện Châu Thành, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 30-9-2010, thành lập thị trấn Vàm Láng thuộc huyện Gò Công Đông.

Ngày 26-12-2013, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 130/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Cai Lậy để thành lập thị xã Cai Lậy và huyện Cai Lậy.

Như vậy, đến tháng 12-2013, tỉnh Tiền Giang diện tích là 250.830,36 ha, dân số có 1.712.547 người, gồm 01 thành phố (Mỹ Tho), 02 thị xã (Cai Lậy và Gò Công), 08 huyện (Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phú Đông và Tân Phước), 157 xã, phường, thị trấn (128 xã, 22 phường, 7 thị trấn). Cụ thể như sau:

TT	**Xã, phường, thị trấn**	**Diện tích (ha) (Dấu , là ngàn; dấu . là số lẻ)**	**Dân số (người)**
I	**Huyện Cái Bè**	**42,089.82**	**291,627**
1	Thị trấn Cái Bè	426.26	16,856
2	An Thái Đông	728.12	9,834
3	Hậu Mỹ Phú	1,120.44	7,306
4	An Cư	1,142.82	14,211

5	Hậu Thành	1,163.09	14,354
6	Mỹ Đức Đông	1,208.66	9,445
7	Thiện Trí	1,314.59	9,210
8	Mỹ Hội	1,377.24	8,383
9	An Hữu	1,411.36	17,263
10	Hoà Hưng	1,540.34	15,335
11	Mỹ Lương	1,608.97	10,370
12	Tân Thanh	1,634.06	10,427
13	Mỹ Tân	1,736.26	4,893
14	Mỹ Lợi A	1,747.61	10,298
15	Đông Hoà Hiệp	1,781.23	14,023
16	Tân Hưng	1,888.60	12,282
17	An Thái Trung	1,911.87	14,901
18	Mỹ Lợi B	1,912.95	7,414
19	Mỹ Đức Tây	1,975.46	13,965
20	Hậu Mỹ Bắc B	1,977.17	10,480

21	Thiện Trung	2,018.96	8,991
22	Hoà Khánh	2,253.21	20,142
23	Mỹ Trung	2,416.47	8,347
24	Hậu Mỹ Bắc A	2,626.04	12,787
25	Hậu Mỹ Trinh	3,168.04	10,110
II	**Huyện Cai Lậy**	**29,599.36**	**186,583**
1	Hiệp Đức	1,013.78	5,977
2	Mỹ Thành Bắc	1,748.73	8,075
3	Cẩm Sơn	1,241.58	8,009
4	Hội Xuân	1,168.68	8,880
5	Mỹ Long	1,280.75	9,158
6	Phú Nhuận	1,363.58	9,206
7	Thạnh Lộc	2,384.06	11,298
8	Long Tiên	1,644.10	12,001
9	Long Trung	1,511.30	12,141
10	Phú Cường	3,259.79	12,733

11	Mỹ Thành Nam	2,179.25	12,652
12	Tân Phong	2,469.99	12,594
13	Phú An	1,577.08	15,149
14	Ngũ Hiệp	2,780.00	16,117
15	Tam Bình	2,081.75	16,383
16	Bình Phú	1,894.94	16,210
III	**Thị xã Cai Lậy**	**14,018.95**	**123,775**
1	Phường 1	220.53	11,427
2	Phường 2	349.19	5,416
3	Phường 3	335.75	3,323
4	Phường 4	203.74	6,039
5	Phường 5	255.62	7,499
6	Phường Nhị Mỹ	553.84	4,586
7	Thanh Hoà	672.58	5,061
8	Tân Phú	826.44	5,410
9	Phú Quí	835.34	6,405

10	Mỹ Hạnh Trung	996.26	7,251
11	Mỹ Hạnh Đông	1,609.86	8,617
12	Nhị Quí	787.70	10,422
13	Tân Bình	900.93	5,669
14	Tân Hội	1,375.81	11,029
15	Mỹ Phước Tây	2,029.64	13,200
16	Long Khánh	2,065.72	12,421
IV	**Huyện Châu Thành**	**22,991.09**	**242,757**
1	Thị trấn Tân Hiệp	74.49	4,995
2	Dưỡng Điềm	341.58	6,192
3	Hữu Đạo	469.64	4,570
4	Tân Lý Tây	509.46	11,148
5	Thạnh Phú	733.81	9,686
6	Đông Hoà	758.96	9,530
7	Song Thuận	783.92	6,442
8	Bình Trưng	893.71	9,140

9	Phú Phong	900.03	6,980
10	Tân Hội Đông	913.62	7,589
11	Long An	591.85	9,258
12	Bàn Long	925.63	8,352
13	Tân Hương	1,103.29	15,170
14	Bình Đức	755.29	13,215
15	Kim Sơn	1,169.09	10,085
16	Thân Cửu Nghĩa	1,244.81	19,201
17	Điềm Hy	1,429.48	9,020
18	Long Hưng	1,475.67	12,355
19	Tân Lý Đông	1,555.24	14,275
20	Long Định	1,779.10	14,359
21	Nhị Bình	1,889.68	16,930
22	Tam Hiệp	2,121.40	14,015
23	Vĩnh Kim	571.34	10,250
V	**Huyện Tân Phước**	**33,321.74**	**57,561**

1	Thị trấn Mỹ Phước	279.40	2,792
2	Phú Mỹ	1,340.10	7,862
3	Tân Lập 2	1,647.54	2,278
4	Tân Hoà Thành	1,747.22	9,847
5	Thạnh Hoà	2,533.85	842
6	Tân Hoà Đông	2,677.93	1,593
7	Thạnh Mỹ	2,832.35	2,134
8	Tân Lập 1	2,870.98	5,549
9	Thạnh Tân	3,319.80	1,892
10	Hưng Thạnh	3,348.75	6,836
11	Tân Hoà Tây	3,352.21	4,257
12	Phước Lập	3,475.54	8,936
13	Mỹ Phước	3,896.07	2,743
VI	**Thành phố Mỹ Tho**	**8,154.10**	**220,014**
1	Phường 1	77.71	7,994
2	Phường 2	70.81	13,743

3	Phường 3	54.11	10,452
4	Phường 4	79.36	16,570
5	Phường 5	271.77	20,653
6	Phường 6	311.30	23,448
7	Phường 7	40.15	9,128
8	Phường 8	69.70	11,954
9	Phường 9	237.57	7,116
10	Phường 10	282.90	10,477
11	Phường Tân Long	272.79	3,470
12	Đạo Thạnh	1,031.47	15,866
13	Trung An	1,063.03	21,667
14	Tân Mỹ Chánh	931.59	12,271
15	Mỹ Phong	1,130.60	16,534
16	Phước Thạnh	1,017.60	12,291
17	Thới Sơn	1,211.64	6,380
VII	**Huyện Chợ Gạo**	**23,256.81**	**178,803**

1	Thị trấn Chợ Gạo	307.67	7,525
2	Hoà Tịnh	704.65	6,286
3	Bình Phan	1,059.00	7,039
4	Tân Bình Thạnh	1,126.85	7,555
5	Trung Hoà	1,077.76	6,452
6	Song Bình	932.58	8,055
7	Phú Kiết	1,154.46	9,942
8	Đăng Hưng Phước	1,476.48	11,151
9	Tân Thuận Bình	1,225.72	10,323
10	Long Bình Điền	1,192.33	11,875
11	Mỹ Tịnh An	1,143.39	8,782
12	Quơn Long	1,330.55	9,538
13	Thanh Bình	1,399.60	9,535
14	Hoà Định	1,359.25	8,136
15	Lương Hoà Lạc	1,007.99	12,477
16	Xuân Đông	1,514.64	8,666

17	An Thạnh Thuỷ	1,573.59	12,503
18	Bình Phục Nhứt	1,805.76	12,358
19	Bình Ninh	1,864.54	10,605
VIII	**Huyện Gò Công Tây**	**18,220.53**	**131,252**
1	Thành Công	810.52	5,934
2	Yên Luông	1,049.62	8,347
3	Bình Phú	1,321.53	7,569
4	Long Vĩnh	1,221.50	7,455
5	Đồng Sơn	1,483.55	8,844
6	Thạnh Trị	1,426.25	9,676
7	Bình Tân	1,669.13	10,368
8	Bình Nhì	1,375.49	11,750
9	Đồng Thạnh	1,567.52	10,351
10	Vĩnh Hựu	1,908.62	11,450
11	Thạnh Nhựt	1,783.72	12,821
12	Long Bình	1,839.67	15,055

13	Thị Trấn Vĩnh Bình	763.41	11,632
IX	**Huyện Gò Công Đông**	**26,768.16**	**142,797**
1	Thị trấn Tân Hoà	325.01	6,830
2	Tân Điền	2,002.19	7,182
3	Tăng Hoà	1,745.67	9,836
4	Phước Trung	2,103.03	10,201
5	Bình Ân	1,337.50	9,855
6	Tân Đông	1,137.91	10,002
7	Bình Nghị	1,319.05	11,176
8	Gia Thuận	1,912.06	6,066
9	Kiểng Phước	4,038.74	15,178
10	Tân Phước	2,194.76	13,857
11	Tân Thành	6,618.98	13,976
12	Thị trấn Vàm Láng	600.00	14,302
13	Tân Tây	1,433.26	14,336
X	**Thị xã Gò Công**	**10,198.49**	**96,877**

1	Phường 1	45.35	5,625
2	Phường 2	71.33	7,673
3	Phường 3	109.71	5,656
4	Phường 4	137.66	6,507
5	Phường 5	160.00	4,623
6	Long Hưng	657.22	5,241
7	Long Hoà	642.64	6,211
8	Long Chánh	768.26	5,584
9	Long Thuận	615.32	6,553
10	Bình Đông	2,244.87	13,776
11	Bình Xuân	2,786.41	16,056
12	Tân Trung	1,959.72	13,372
XI	**Huyện Tân Phú Đông**	**22,211.31**	**40,501**
1	Phú Thạnh	2,232.10	7,769
2	Tân Thới	2,138.26	10,248
3	Tân Phú	2,025.49	8,708

4	Tân Thạnh	2,237.03	4,374
5	Phú Tân	10,629.13	3,472
6	Phú Đông	2,949.30	5,930

Nguồn: Cổng Thông tin điện tử tỉnh Tiền Giang

Ngày 05-02-2016, Thủ tướng chính phủ ban hành Quyết định số 242/QĐ-TTg về việc công nhận thành phố Mỹ Tho là đô thị loại 1 trực thuộc tỉnh Tiền Giang.

Theo thống kê năm 2018, Tiền Giang có diện tích 2.087,315 km^2; dân số 1.763.237 người; 11 đơn vị hành chính cấp huyện (01 thành phố, 02 thị xã, 08 huyện), 173 đơn vị hành chính cấp xã (07 thị trấn, 22 phường và 144 xã).

Đơn vị hành chính	**TP Mỹ Tho**	**TX Cai Lậy**	**TX Gò Công**	**H. Cái Bè**	**H. Cai Lậy**	**H. Châu Thành**
Diện tích (km^2)	81,541	140,189	101,985	420,898	295,993	229,910
Dân số (người)	270.704	23.775	96.877	291.627	242.757	186.583
Mật độ dân (người/km^2)	3320	883	950	693	630	1056

Đơn vị hành chính	**H. Chợ Gạo**	**H. Gò Công Đông**	**H. Gò Công Tây**	**H. Tân Phú Đông**	**H. Tân Phước**
Diện tích (km^2)	232,568	267,681	182,205	222,113	333,217
Dân số (người)	178.803	142.797	131.252	40.501	57.561
Mật độ dân	769	533	720	182	172

(người/km^2)					

Nguồn: Cổng Thông tin điện tử tỉnh Tiền Giang

Năm 2021, tỉnh Tiền Giang có 11 đơn vị hành chính cấp huyện (01 thành phố (Mỹ Tho, đô thị loại 1), 02 thị xã (Cai Lậy và Gò Công, đều đô thị loại 3) và 8 huyện (Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Tân Phước, Chợ Gạo, Gò Công Tây, Gò Công Đông và Tân Phú Đông) với 172 đơn vị hành chính cấp xã (07 thị trấn, 22 phường và 143 xã).

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tính đến ngày 01-8-2021, dân số toàn tỉnh đạt 1.783.165 người, mật độ dân số đạt 710 người/km². Trong đó dân số sống tại thành thị đạt 247.742 người, chiếm 14% dân số toàn tỉnh, dân số sống tại nông thôn đạt 1.516.443 người, chiếm 86% dân số. Dân số nam đạt 865.821 người, trong khi đó nữ đạt 898.364 người. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 15%.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn địa danh huyện, xã, thị trấn thuộc huyện Chợ Gạo:**

1. Huyện Chợ Gạo

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Chợ Gạo vốn bắt nguồn tại một ngôi chợ đóng ở thôn Bình Phan (gọi trại từ Bình Phương), do ông Trần Văn Nguyệt thành lập vào thời vua Lê Hiển Tông, niên hiệu Cảnh Hưng (1740-1787). Theo *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn, vào cuối thế kỷ thứ XVIII, Chợ Gạo là chợ chuyên kinh doanh gạo nổi tiếng trong vùng. Các thương lái tập trung đổ về đây để mua gạo, theo đường thủy ra sông Tiền rồi đưa lên Sài Gòn để bán đi khắp nơi. Tên gọi Chợ Gạo hình thành từ đó.

Vị trí địa lý:

Huyện Chợ Gạo nằm về phía Đông tỉnh Tiền Giang, cách thành phố Mỹ Tho - trung tâm tỉnh Tiền Giang 10 km là cửa ngõ đi về các huyện phía Đông và ra biển, có kênh Chợ Gạo là tuyến giao thông thủy quan trọng nối liền Thành phố Hồ Chí Minh với các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long. Ranh giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Đông: giáp huyện Gò Công Tây.

- Phía Tây: giáp thành phố Mỹ Tho, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Phía Nam: giáp tỉnh Bến Tre.

- Phía Bắc: giáp huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Diện tích tự nhiên: 22.943,39 ha.

Đơn vị hành chính:

Toàn huyện có 19 đơn vị hành chính cấp xã (18 xã: An Thạnh Thủy, Bình Ninh, Đăng Hưng Phước, Hòa Định, Hòa Tịnh, Long Bình Điền, Lương Hòa Lạc,

Mỹ Tịnh An, Bình Phan, Bình Phục Nhứt, Phú Kiết, Quơn Long, Song Bình, Tân Bình Thạnh, Tân Thuận Bình, Thanh Bình, Trung Hòa, Xuân Đông; 01 thị trấn: thị trấn Chợ Gạo), với 131 ấp, khu phố (128 ấp, 03 khu phố). Huyện lỵ là thị trấn Chợ Gạo.

Lịch sử hình thành:

Trong các thế kỷ XVII - XVIII, vùng đất Chợ Gạo lúc đó lần lượt thuộc đạo Trường Đồn (1772); dinh Trường Đồn (1779); dinh Trấn Định (1781).

Năm 1808, dưới đời vua Gia Long, vùng đất Chợ Gạo được đặt tên là tổng Kiến Thạnh, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, dưới đời vua Minh Mạng, vùng đất này là bốn tổng Hòa Hảo, Hòa Hằng, Thạnh Phong và Thạnh Quơn, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường. Huyện lỵ đặt tại thôn Tân Hóa (nay thuộc xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo). Năm 1857, dưới đời vua Tự Đức, do kiêng húy thái hậu Từ Dũ (tên thật là Phạm Thị Hằng) nên đổi tên tổng Hòa Hằng thành tổng Hòa Quới.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị, năm 1867, vùng đất Chợ Gạo thuộc hạt Thanh tra Chợ Gạo. Năm 1871, thuộc hạt Tham biện Mỹ Tho. Năm 1876, thuộc Trung tâm hành chính Chợ Gạo, Tiểu khu hành chính Mỹ Tho. Năm 1902, vùng đất Chợ Gạo bao gồm ba tổng Hòa Hảo, Thanh Phong và Thạnh Quơn thuộc tỉnh Mỹ Tho.

Năm 1912, quận Chợ Gạo được thành lập, có 2 tổng: Hòa Hảo (7 làng), Thạnh Phong (6 làng).

Năm 1913, quận Bến Tranh được thành lập, có 3 tổng Thạnh Quơn (13 làng), Hưng Nhơn (12 làng) và Hưng Nhượng (6 làng). Năm 1928, quận Bến Tranh giải thể. Trong đó, tổng Thạnh Quơn (13 làng) và làng Hòa Tịnh (thuộc tổng Hưng Nhượng) được nhập vào quận Chợ Gạo. Quận lỵ Chợ Gạo đặt tại làng Bình Phan (tổng Hòa Hảo).

Sau nhiều lần sáp nhập và thành lập các làng mới, từ năm 1933 - 1954, quận Chợ Gạo có 20 làng trực thuộc với các tên gọi mới như sau:

- Tổng Hòa Hảo gồm có 07 làng: Hòa Định (hợp nhất Hòa Thạnh và An Định), Bình Ninh (hợp nhất Hòa Bình và Hòa Ninh), An Thạnh Thủy (hợp nhất Hòa An, Mỹ Thạnh và Bình Thủy), Bình Phan, Tân Thuận Bình (hợp nhất Tân Hòa, Thuận Hòa và Bình Phục Đông), Quơn Long (hợp nhất Bình Quơn và Bình Long), Bình Phục Nhứt (hợp nhất Bình Phục Tây và Bình Trị).

- Tổng Thạnh Phong gồm có 06 làng: Xuân Đông (hợp nhất Tân Xuân, Tân Tĩnh và Tân Tĩnh Đông), Song Bình (hợp nhất Bình Thạnh và Bình Hài), Long Bình Điền (hợp nhất Long Hựu, Bình Hạnh và Điền Trang), Đăng Hưng Phước (hợp nhất Bình Đăng, Hưng Ngãi và Vĩnh Phước), Mỹ Phong, Tân Hội Mỹ (hợp nhất 4 làng: Phú Hội, Mỹ Chánh, Bình Phong và Phong Thuận).

- Tổng Thạnh Quơn gồm có 07 làng: Lương Hòa Lạc (hợp nhất Lương Phú, Long Hòa và An Lạc), Thanh Bình (hợp nhất Thanh Xuân và Bình Dương), Phú Kiết, Mỹ Tịnh An (hợp nhất Mỹ Trung, Tịnh Hà và An Khương), Tân Bình Thạnh (hợp nhất Nhựt Tân, Bình Cách và Song Thạnh), Hòa Tịnh (hợp nhất Hòa Mỹ và Tịnh Giang), Trung Hòa.

Về phía chính quyền cách mạng, từ năm 1945-1954, không gọi quận Chợ Gạo, mà là huyện Chợ Gạo; không có đơn vị hành chính cấp "tổng"; không gọi "làng" mà là "xã" với 20 xã mà tên gọi như cách gọi thuộc quận Chợ Gạo.

Từ năm 1954 - 1975, về phía chính quyền Sài Gòn, năm 1956, chính quyền Sài Gòn đặt quận Chợ Gạo thuộc tỉnh Định Tường. Quận lỵ đặt tại xã Bình Phan. Các làng trở thành xã; trả tổng Thạnh Quơn (gồm 7 xã: Lương Hoà Lạc, Hoà Tịnh, Mỹ Tịnh An, Phú Kiết, Tân Bình Thạnh, Thanh Bình, Trung Hoà) cho quận Bến Tranh (được tái lập năm 1956) quản lý. Quận lỵ Bến Tranh ban đầu vẫn đặt tại xã Lương Hòa Lạc. Tuy nhiên, năm 1957, chính quyền Sài Gòn cho dời quận lỵ quận Bến Tranh từ xã Lương Hòa Lạc tới xã Tân Hiệp (ngày nay là thị trấn Tân Hiệp thuộc huyện Châu Thành); đồng thời, đổi tên xã Tân Hội Mỹ thành xã Tân Mỹ Chánh.

Năm 1964, dời quận lỵ Chợ Gạo từ xã Bình Phan tới xã Tân Thuận Bình. Cũng trong năm này, các xã Mỹ Phong và Tân Mỹ Chánh của quận Chợ Gạo được giao về cho quận Châu Thành quản lý. Sau năm 1965, các tổng bị giải thể.

Kể từ đó cho đến năm 1975, quận Chợ Gạo thuộc tỉnh Định Tường do chính quyền Sài Gòn sắp xếp hành chính có 11 xã, gồm: An Thạnh Thủy, Bình Ninh, Bình Phan, Bình Phục Nhứt, Hòa Định, Long Bình Điền, Đăng Hưng Phước, Quơn Long, Tân Thuận Bình, Xuân Đông, Song Bình. Quận lỵ đặt tại xã Tân Thuận Bình.

Về phía chính quyền Cách mạng, địa giới hành chính của huyện Chợ Gạo thuộc tỉnh Mỹ Tho vẫn được duy trì như trước năm 1954, bao gồm 18 xã: An Thạnh Thủy, Bình Ninh, Bình Phan, Bình Phục Nhứt, Hòa Định, Long Bình Điền, Đăng Hưng Phước, Quơn Long, Tân Thuận Bình, Xuân Đông, Song Bình Lương Hoà Lạc, Hoà Tịnh, Mỹ Tịnh An, Phú Kiết, Tân Bình Thạnh, Thanh Bình, Trung Hòa.

Sau ngày 30/4/1975, chính quyền Cách mạng đặt huyện Chợ Gạo thuộc tỉnh Mỹ Tho. Huyện lỵ là thị trấn Chợ Gạo, được thành lập do tách một phần diện tích tự nhiên và dân số từ các xã Bình Phan, Hòa Định, Tân Thuận Bình.

Tháng 3/1976, Chợ Gạo trở thành huyện của tỉnh Tiền Giang, bao gồm 19 đơn vị hành chính là thị trấn Chợ Gạo và 18 xã: An Thạnh Thủy, Bình Ninh, Đăng Hưng Phước, Hòa Định, Hòa Tịnh, Long Bình Điền, Lương Hòa Lạc, Mỹ Tịnh An, Bình Phan, Bình Phục Nhứt, Phú Kiết, Quơn Long, Song Bình, Tân Bình Thạnh, Tân Thuận Bình, Thanh Bình, Trung Hòa, Xuân Đông.

Năm 2009, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 28/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Châu Thành, huyện Chợ Gạo, để mở rộng địa giới hành chính thành phố Mỹ Tho; điều chỉnh địa giới hành chính xã, thành lập xã thuộc thành phố Mỹ Tho, huyện Châu Thành, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Theo đó, điều chỉnh 709,51 ha diện tích tự nhiên và 6.917 nhân khẩu của huyện Chợ Gạo (bao gồm 502,33 ha diện tích tự nhiên và 4.986 nhân khẩu của xã Lương Hòa Lạc; 207,18 ha diện tích tự nhiên và 1.931 nhân khẩu của xã Song Bình) về thành phố Mỹ Tho quản lý. Trong đó, phần diện tích và dân số của xã Lương Hòa Lạc nhập vào xã Đạo Thạnh; phần diện tích và dân số của xã Song Bình nhập vào xã Tân Mỹ Chánh.

Sau khi điều chỉnh (2009), huyện Chợ Gạo còn lại 22.943,39 ha diện tích tự nhiên và 183.241 nhân khẩu, có 19 đơn vị hành chính trực thuộc, bao gồm: thị trấn Chợ Gạo và các xã: An Thạnh Thủy, Bình Ninh, Đăng Hưng Phước, Hòa Định, Hòa Tịnh, Long Bình Điền, Lương Hòa Lạc, Mỹ Tịnh An, Bình Phan, Bình Phục Nhứt, Phú Kiết, Quơn Long, Song Bình, Tân Bình Thạnh, Tân Thuận Bình, Thanh Bình, Trung Hòa, Xuân Đông.

Năm 2020, huyện được công nhận đạt chuẩn Huyện Nông thôn mới. Tính đến năm 2021, huyện Chợ Gạo có 18/18 xã (100%) được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

Đặc sản: trái thanh long tươi, thanh long sấy dẻo, nếp bè,...

Dân số: 189.335 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 60,1 triệu đồng/người/năm (2021).

Kinh tế:

Chợ Gạo thuộc nhóm vùng kinh tế - đô thị trung tâm của tỉnh Tiền Giang (gồm thành phố Mỹ tho, huyện Châu Thành và Chợ Gạo), với diện tích tự nhiên 23.089,6 ha. Là huyện nông nghiệp, với gần 80% hộ dân sinh sống ở khu vực nông thôn.

Về nông nghiệp, Chợ Gạo có 700 ha lúa, nếp Bè; gần 6.600 ha cây thanh long; 6.500 ha vườn dừa; đàn gia súc trên 140.000 con, cùng với trên 6,6 triệu con gia cầm. Trong đó, cây lúa, nếp Bè và thanh long ngày càng có chỗ đứng trên thị trường nông sản.

Sản xuất nông nghiệp, địa bàn huyện được chia làm 02 vùng gồm:

- Vùng thuộc hệ Ngọt hóa Gò Công: gồm 07 đơn vị - xã Xuân Đông, Hòa Định, Bình Ninh, An Thạnh Thủy, Bình Phan, Bình Phục Nhứt và thị trấn Chợ Gạo. Vùng này chủ yếu sản xuất các loại lúa thơm phục vụ xuất khẩu, sản xuất rau màu và cũng là khu vực trồng tập trung các loại cây công nghiệp như dừa - khoảng 4.000 ha, ca cao.

- Các xã thuộc hệ Bảo Định: gồm 12 đơn vị - xã Hòa Tịnh, Phú Kiết, Lương Hòa Lạc, Trung Hòa, Mỹ Tịnh An, Tân Bình Thạnh, Thanh Bình, Song Bình, Long Bình Điền, Đăng Hưng Phước, Tân Thuận Bình, Quơn Long là vùng thực hiện đề án phát triển cây thanh long (diện tích 5.000 ha), cây bưởi da xanh (diện tích 1.000 ha) và rau màu.

Thanh long và nếp Bè là 02 sản phẩm của huyện đã được Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa. Trên cơ sở đó, huyện đã thành lập Hợp tác xã để sản xuất, kinh doanh và quảng bá thương hiệu cho 02 loại sản phẩm này. Hiện các sản phẩm đang từng bước thâm nhập thị trường một số nước châu Âu. Để đáp ứng cho việc phát triển thương hiệu, sử dụng có hiệu quả lợi thế so sánh đối với 02 sản phẩm này, huyện đang triển khai chương trình sản xuất theo tiêu chuẩn Viêt GAP và Global GAP, góp phần tiêu thụ hàng hóa nông sản, đồng thời tạo điều kiện để khai thác tốt các thương hiệu hàng hóa đã được công nhận.

Cùng với phát triển cây thanh long, cây lúa, chăn nuôi gia súc, gia cầm cũng được đầu tư phát triển theo hướng bán công nghiệp với quy mô trang trại vừa và nhỏ, ngành chăn nuôi chiếm tỷ trọng cao trong nền kinh tế của huyện với khoảng 102.000 con heo, 39.000 con bò và 6,6 triệu con gia cầm lấy trứng và thịt mỗi năm; công tác ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất có nhiều tiến bộ, góp phần đưa sản xuất nông nghiệp của huyện phát triển theo hướng tập trung và bền vững. Chợ Gạo là một trong những địa phương có diện tích thanh long lớn và cho hiệu quả kinh tế cao ở Đồng bằng sông Cửu Long.

Ngoài ra, huyện Chợ Gạo cũng có tiềm năng lớn về phát triển sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - đặc biệt là công nghệ sau thu hoạch.

Huyện có thế mạnh chăn nuôi gia súc, gia cầm cũng được đầu tư phát triển theo hướng bán công nghiệp với quy mô trang trại vừa và nhỏ và chiếm tỷ trọng cao trong nền kinh tế của huyện, với khoảng 50.000 con heo, 51.300 con bò và 8,6 triệu con gia cầm lấy trứng và thịt mỗi năm; công tác ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất có nhiều tiến bộ, góp phần đưa sản xuất nông nghiệp của huyện phát triển theo hướng tập trung và bền vững.

Ngoài ra, huyện Chợ Gạo cũng có tiềm năng lớn về phát triển sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - đặc biệt là công nghệ sau thu hoạch; phát triển du lịch sinh thái gắn với vùng sông nước ở xã Xuân Đông, các di tích lịch sử, văn hóa (Khu di tích Óc Eo, Đền thờ Nguyễn Hữu Huân...) và du lịch nhà vườn Thanh long (trái cây đặc sản địa phương).

Mục tiêu đến năm 2025 của huyện phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng hợp lý gắn với vùng kinh tế trung tâm của tỉnh nhằm phát triển bền vững. Chú trọng tăng trưởng chất lượng, bền vững, hiệu quả và sáng tạo; nâng cao năng suất lao động; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, năng lực cạnh tranh. Đẩy mạnh thực hiện các khâu đột phá chiến lược, cơ cấu lại nền kinh tế và các ngành, lĩnh vực; phát

huy đổi mới, sáng tạo và đẩy mạnh khởi nghiệp nhằm tận dụng các cơ hội phát triển của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, bảo vệ môi trường và cải thiện đời sống nhân dân. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng, lãng phí. Củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh, ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU, Nghị quyết số 11-NQ/TU, Nghị quyết 07-NQ/TU của Tỉnh ủy,... tăng cường liên kết đầu tư, nhằm khai thác, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của huyện, nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các ngành tỉnh, các địa phương. Cùng với tỉnh và các đơn vị trong vùng kinh tế trung tâm của tỉnh triển khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của huyện cùng với liên kết chung của vùng theo kế hoạch.

Giáo dục:

Trên địa bàn các xã có 47 trường công lập, gồm: 18 trường mầm non, 18 trường tiểu học và 11 trường trung học cơ sở. Ngoài ra, còn có 01 trường mầm non ngoài công lập, 15 nhóm trẻ tư thục. Với hệ thống trường, lớp học được tăng cường đầu tư theo hướng đạt chuẩn quốc gia, nên đã góp phần quan trọng vào công tác đào tạo nguồn nhân lực, cũng như phát triển văn hóa, xã hội của địa phương.

Từ năm 2011 đến năm 2020, bằng nhiều nguồn kinh phí, Ủy ban nhân dân huyện, Phòng Giáo dục và Đào tạo và các trường đã thực hiện nâng cấp, sửa chữa và xây dựng mới các công trình ở 39 trường học, với 268 phòng học, tổng kinh phí 281,1 tỷ đồng (gồm có 18 trường Mầm non, với 145 phòng học; 13 trường Tiểu học, với 50 phòng học và 08 trường Trung học cơ sở, với 73 phòng học); trong đó kinh phí xây mới là 250,7 tỷ đồng, kinh phí sửa chữa và mua sắm thiết bị giáo dục là 30,3 tỷ đồng.

Năm 2020, trên địa bàn các xã của huyện có 50 trường học, chia ra: mầm non 19 trường, tiểu học: 19 trường, trung học cơ sở: 12 trường. Có 47/50 trường mầm non, tiểu học và trung học cơ sở đạt chuẩn về cơ sở vật chất và thiết bị dạy học, chiếm tỷ lệ 94% so tổng số trường trong huyện. Có 24 trường học đạt chuẩn quốc gia. Các xã, thị trấn có trường học từ mầm non, tiểu học, trung học cơ sở đều nằm ở trung tâm xã, thị trấn tạo điều kiện thuận lợi cho con em đến trường.

Y tế:

Mạng lưới cơ sở y tế phát triển toàn diện. Đội ngũ thầy thuốc và cán bộ, nhân viên y tế phát triển cả về số lượng và chất lượng. Ngân sách nhà nước và nguồn lực xã hội đầu tư cho bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân ngày càng tăng. Chính sách tài chính y tế có nhiều đổi mới; diện bao phủ bảo hiểm y tế ngày càng được mở rộng, ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành y tế mở rộng và phủ khắp từ huyện đến xã.

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế của 18 xã, thị trấn trên địa bàn huyện năm 2021 đạt 95,11%.

- Năm 2020, toàn huyện có 100% Trạm y tế có bác sĩ khám chữa bệnh cho nhân dân trong xã, 100% Trạm y tế đạt Bộ Tiêu chí quốc gia y tế xã giai đoạn 2011 - 2020.

Giao thông:

- Phát triển cơ sở hạ tầng giao thông nông thôn luôn được quan tâm đầu tư, mở rộng nhằm từng bước thay đổi bộ mặt nông thôn. Với phương châm *"Nhà nước và Nhân dân cùng làm"* đã phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và người dân. Đặc biệt, người dân đã nhận thức rõ trách nhiệm, quyền lợi của mình và chủ động tham gia tích cực, thực hiện xây dựng nông thôn mới.

Ngoài nguồn vốn hỗ trợ của Chương trình, hàng năm huyện đều hỗ trợ một phần kinh phí, cùng với vốn đóng góp của nhân dân để xây dựng các tuyến đường trục xã, trục ấp, ngõ xóm. Trong giai đoạn 2011 - 2020, đã huy động nguồn lực để đầu tư, nâng cấp các tuyến đường giao thông cấp xã quản lý, với tổng kinh phí 344,1 tỷ đồng *(trong đó vốn ngân sách 296,1 tỷ đồng, vốn nhân dân đóng góp 48 tỷ đồng)*, cụ thể:

+ Đường xã: đã đầu tư mới và nâng cấp mở rộng 70 tuyến, dài 136 km, nâng tổng số đến nay 126/126 tuyến đường xã đạt chuẩn, tổng chiều dài 261/261 km. Trong đó, đường nhựa 117 tuyến, chiều dài 250,3km; đường bê tông xi măng 9 tuyến, chiều dài 11,4km, đạt 100% so với quy định, tăng 125% so với năm 2011 với tổng vốn đầu tư 248 tỷ đồng.

+ Đường ấp và đường liên ấp: đã đầu tư mới và nâng cấp mở rộng 68 tuyến, dài 75,6 km, nâng tổng số đến nay là 120/142 tuyến đạt chuẩn; tổng chiều dài 144/166 km. Trong đó: đường nhựa 49 tuyến, chiều dài 58,98km; đường bê tông xi măng 52 tuyến, chiều dài 52,9km; đường đá dăm cấp phối 41 tuyến, chiều dài 54,36km, đạt 87%, tăng 156 % so với năm 2011, với tổng vốn đầu tư 86,4 tỷ đồng.

+ Đường ngõ xóm: đã đầu tư mới và nâng cấp đến nay đạt (208/208 tuyến đường) không lầy lội vào mùa mưa; đã đầu tư cứng hóa đạt chuẩn 105 tuyến, dài 86 km, nâng tổng số đến nay là 166/208 tuyến đường ngõ, xóm, tổng chiều dài 113/143 km. Trong đó: đường nhựa 01 tuyến, chiều dài 1,8km; đường bê tông xi măng 112 tuyến, chiều dài 74,5km; đường đá dăm cấp phối 95 tuyến, chiều dài 66,7km. đạt 79%, tăng 172% so với năm 2011; với tổng vốn đầu tư 9,7 tỷ đồng.

- Hệ thống thủy lợi huyện Chợ Gạo nằm trong vùng dự án Bảo Định và dự án Ngọt hóa Gò Công nên hệ thống công trình (kênh, đê, cống, …) liên xã được xây dựng phù hợp với quy hoạch thủy lợi đã được phê duyệt.

Trên địa bàn huyện có 42 tuyến kênh trục chính và 279 tuyến kênh nội đồng, với tổng chiều dài 560,4 km, thuộc dự án Bảo Định và dự án Ngọt hóa Gò Công. Trong đó:

+ Kênh cấp I: gồm 11 tuyến, tổng chiều dài 63,4 km.

+ Kênh cấp II: gồm 31 tuyến, tổng chiều dài 124,8 km.

+ Kênh cấp III và nội đồng: 279 tuyến, tổng chiều dài 372,2 km.

Trên địa bàn huyện hệ thống thủy lợi được xây dựng phù hợp với quy hoạch hệ thống thủy lợi của tỉnh. Có phương án duy tu, bảo dưỡng, bảo vệ công trình theo quy định. Việc quản lý khai thác các công trình thủy lợi liên xã do Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện tổ chức quản lý, vận hành, khai thác đảm bảo theo đúng kế hoạch được duyệt. Hệ thống cống được vận hành chủ động phục vụ phát triển sản xuất.

Từ năm 2011 đến năm 2020, huyện và xã đã tổ chức thi công 282 công trình bằng cơ giới, tổng chiều dài 350,3 km, với tổng kinh phí 44,7 tỷ đồng. Hiện nay, hệ thống công trình thủy lợi của huyện đã hoàn chỉnh, đảm bảo phục vụ tưới, tiêu chủ động cho 19.412/19.412 ha *(đạt 100%)* diện tích sản xuất nông nghiệp của huyện.

Các xã đều có phương án sử dụng nguồn nước, trong đó bao gồm nguồn nước từ các công trình thủy lợi, nguồn nước ngầm; đẩy mạnh tuyên truyền việc sử dụng nước hợp lý, bảo vệ an toàn các công trình thủy lợi, tập trung tuyên truyền: Luật Thủy lợi năm 2017; Nghị định 104/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều và Nghị định 65/2019/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định 104/2017/NĐ-CP.

Văn hóa:

Thực hiện Quyết định số 1041/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2020 của UBND tỉnh Tiền Giang, về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang đến năm 2030 và định hướng đến năm 2045; Quyết định số 1138/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2020 của UBND tỉnh Tiền Giang, ban hành Quy định quản lý theo Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang đến năm 2030 và định hướng đến năm 2045. Theo đó huyện Chợ Gạo được quy hoạch như sau:

- Vùng I - phía Nam (gồm các xã Xuân Đông - Hòa Định - An Thạnh Thủy - Bình Ninh - Bình Phan - Bình Phục Nhứt).

- Vùng II - (gồm các xã: Long Bình Điền - Trung Hòa - Tân Thuận Bình - Bình Phan - Quơn Long- Song Bình).

- Vùng III - phía Tây Bắc (gồm các xã: Lương Hòa Lạc (đô thị Bến Tranh) - Trung Hòa - Tân Bình Thạnh - Mỹ Tịnh An - Hòa Tịnh - Phú Kiết - Thanh Bình).

Bảo tồn cảnh quan thiên nhiên dọc sông Tiền, sông Bảo Định và kênh Chợ Gạo.

Bảo tồn các khu di tích - văn hóa: Khu di tích khảo cổ Óc Eo, Gò Thành (Tân Thuận Bình), Đền thờ Anh hùng dân tộc Nguyễn Hữu Huân (Hòa Tịnh). Một số công trình văn hóa lịch sử gắn liền với đời sống văn hóa của người dân Chợ Gạo như: chùa Bà Kết (xã Bình Phan), mộ Anh hùng dân tộc Âu Dương Lân (xã Phú Kiết), Bia căm thù (Bình Ninh), Bia tưởng niệm 8 dân công tải đạn (Song Bình), Bia tưởng niệm Bảy dũng sĩ Xóm ao (Thanh Bình),...

Du lịch:

Phát huy giá trị du lịch sinh thái vườn gắn với vùng sông nước, hình thành vùng phát triển du lịch sinh thái xã Xuân Đông gắn với sông nước kênh Chợ Gạo và sông Tiền gắn với điểm du lịch Làng mai vàng, Niệm Phật đường Liên hoa xã Xuân Đông.

Mô hình Khu du lịch sinh thái Hồ Gia Trang (ấp Song Thạnh, xã Tân Bình Thạnh, huyện Chợ Gạo), đây là loại hình dịch vụ bao gồm: Phòng Hội thảo - hội nghị, nhà nghỉ, câu cá giải trí, khu vui chơi trượt cỏ, bóng nước, bắt cá, chèo thuyền ba lá, tắm hồ bơi,… (điểm du lịch Hồ Gia Trang ấp Song Thạnh, xã Tân Bình Thạnh, huyện Chợ Gạo được Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang công nhận tại Quyết định số 310/QĐ-UBND ngày 11/02/2020).

Theo định hướng phát triển du lịch, huyện sẽ đẩy mạnh hơn nữa việc phối hợp với các doanh nghiệp trong và ngoài nước tổ chức đưa đón khách đến tham quan Khu di tích Óc Eo - Gò Thành (Tân Thuận Bình), kết hợp tham quan du lịch vườn Thanh Long xã Quơn Long; tham quan vườn bưởi da xanh kết hợp viếng Khu di tích Bia 8 Dân công tải đạn (xã Song Bình); tham quan Nhà lưu niệm Cố soạn giả Trần Hữu Trang và mộ Anh hùng dân tộc Âu Dương Lân (Phú Kiết); tham quan Đền thờ Anh hùng dân tộc Nguyễn Hữu Huân (Hòa Tịnh), Nhà hương Trưởng Hoài (thị trấn Chợ Gạo); tham quan làng nghề bó chổi (xã Hoà Định), chùa Long Phan (xã Bình Phan), Vườn mai vàng (xã Xuân Đông),….

Thể thao:

Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện được đầu tư đạt chuẩn, hoạt động có hiệu quả, kết nối được hoạt động của các xã, thị trấn; 18/18 xã có Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã và 27 Nhà văn hóa liên ấp phục vụ cho 72/131 ấp; còn lại 59 ấp ở gần trung tâm xã sinh hoạt ghép với Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã; 131/131 ấp có điểm sinh hoạt cộng đồng, khu thể thao, được trang bị một số thiết bị cần thiết phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí cho người dân.

Toàn huyện hiện có 114 thiết chế về thể dục, thể thao phục vụ nhu cầu tập luyện thể dục thể thao của người dân. Trong đó:

- Cấp huyện có 06 thiết chế về thể dục thể thao gồm: 01 Sân vận động huyện, 01 nhà tập luyện đa năng, 03 sân quần vợt, 01 hồ bơi.

- Cấp xã có 108 thiết chế về thể dục thể thao gồm: 02 nhà thi đấu đa năng, 04 nhà luyện tập đa năng, 12 sân bóng đá lớn, 14 sân bóng đá mini tự nhiên, 01 sân

bóng đá mi ni cỏ nhân tạo, 38 sân bóng chuyền, 03 sân bóng rổ, 2 sân bóng bàn, 30 sân cầu lông ngoài trời và 02 bể bơi.

Trong những năm qua huyện được tỉnh bố trí vốn đầu tư xây dựng 5 sân bóng đá ở các xã Phú Kiết, Thanh Bình, Tân Thuận Bình, Long Bình Điền, Bình Phục Nhứt và sân vận động huyện với tổng kinh phí gần 10 tỷ đồng.

Tổng số liệt sĩ:

Toàn huyện có 3.412 liệt sĩ.

Tổng số bà mẹ Việt Nam anh hùng: 874 Bà mẹ.

2. Thị trấn Chợ Gạo

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Đơn vị hành chính trung tâm của huyện Chợ Gạo: thị trấn Chợ Gạo.

Vị trí địa lý:

Thị trấn Chợ Gạo chỉ cách trung tâm thành phố Mỹ Tho khoảng 10 km, có vị trí "đòn gánh" giữa thành phố Mỹ Tho và thị xã Gò Công. Là đầu mối nối tỉnh Tiền Giang với tỉnh Long An qua đường Quốc lộ 50, Đường tỉnh 879C,…

Ranh giới khu vực được xác định như sau:

- Phía Đông: giáp xã Bình Phan và xã An Thạnh Thủy.

- Phía Tây: giáp xã Long Bình Điền.

- Phía Nam: giáp xã Hòa Định.

- Phía Bắc: giáp xã Tân Thuận Bình, xã Bình Phan.

Diện tích tự nhiên: 304,84 ha.

Hành chính:

Thị trấn có 03 khu phố: Khu phố 1, Khu phố 2, Khu phố 3.

Lịch sử hình thành:

Dưới thời nhà Nguyễn (trong nửa đầu thế kỷ XIX), địa bàn thị trấn Chợ Gạo hiện nay thuộc địa phận các thôn Bình Phương (nay là xã Bình Phan), An Định và Hòa Thạnh (nay là xã Hòa Định), Tân Hóa, Thuận Hòa và Bình Phục Đông (nay là xã Tân Thuận Bình), tổng Hòa Hảo, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường).

Dưới thời thực dân Pháp thống trị (nửa sau thế kỷ XIX - 1945), thị trấn Chợ Gạo hiện nay thuộc địa phận hành chính của các xã Bình Phan, Hoà Định, Tân Thuận Bình.

Trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng chưa có đơn vị hành chính thị trấn Chợ Gạo mà vẫn là các xã Bình Phan, Hòa Định, Tân

Thuận Bình; chính quyền thực dân Pháp gọi là xã Bình Phan, xã Hòa Định, xã Tân Thuận Bình thuộc tổng Hòa Hảo, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng gọi là thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn vẫn gọi là xã Bình Phan, xã Hòa Định, xã Tân Thuận Bình thuộc quận Chợ Gạo, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, thị trấn Chợ Gạo thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Dân số: 7.675 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 64.800.000đ/người/năm (2020).

Kinh tế:

Kinh tế địa phương phát triển chủ yếu bằng nghề tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ,….

Giáo dục:

Thị trấn có 05 trường: Trường mầm non thị trấn; Trường tiểu học thi trấn; Trường trung học cơ sở thị trấn; Trường trung học phổ thông Chợ Gạo, Trường trung học phổ thông Trần Văn Hoài.

Thị trấn đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trên địa bàn có 01 trạm y tế đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 08 biên chế: 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng.

Tất cả các khu phố đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 99% (2020).

Giao thông:

Thị trấn có 25 tuyến đường đã được nhựa và bê tông hóa.

Văn hóa:

Thị trấn Chợ Gạo đạt chuẩn Văn minh đô thị năm 2013; có Nhà văn hóa thị trấn, 03 Nhà văn hóa khu phố, 03 khu phố văn hóa, 07 con đường văn hóa, 01 chợ văn hóa, 02 công viên văn hóa, 06 cơ sở thờ tự văn hóa.

Du lịch:

Không có điểm du lịch.

Thể thao:

Thị trấn có 01 sân vận động, 04 sân bóng đá mi ni, 01 sân bóng chuyền, 01 hồ bơi, 01 nhà thi đấu đa năng,...

Tổng số liệt sĩ: 79 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ VN anh hùng: Không.

3. Xã An Thạnh Thủy

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

安 An: Bình an, an toàn, yên ổn

盛 Thịnh (Thạnh): Thịnh vượng, tươi tốt, phồn vinh

始 Thủy: bắt đầu, mới

安盛始社 An Thạnh Thủy Xã

Vị trí địa lý:

Xã An Thạnh Thủy nằm về phía Đông của huyện Chợ Gạo, phía Đông giáp xã Thạnh Nhựt, Gò Công Tây; phía Tây giáp xã Hòa Định; phía Nam giáp xã Bình Ninh; phía Bắc giáp xã Bình Phục Nhứt, xã Bình Phan, thị trấn Chợ Gạo.

Diện tích tự nhiên:

Tổng diện tích tự nhiên: 1.515,72 ha.

Hành chính:

Địa bàn xã có 10 ấp: An Khương, Thạnh Kiết, Thạnh An, Thạnh Hòa, Thạnh Hiệp, Bình Thủy, Thạnh Thới, An Phú, An Quới, An Thọ.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có các thôn Vĩnh An, Toàn Thạnh và Bình Thủy thuộc tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, có các thôn Bình Thủy, Mỹ Hảo, Toàn Thạnh, Vĩnh An, thuộc tổng Hòa Hảo, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, có ba làng[3] Hòa An, Mỹ Thạnh và Bình Thủy, thuộc tổng Hòa Hảo, tỉnh Mỹ Tho; năm 1912, ba làng Hòa An, Mỹ Thạnh và Bình Thủy, thuộc tổng Hòa Hảo, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; năm 1923, hai làng Mỹ Thạnh và Bình Thủy hợp nhất lấy tên là làng Thạnh Thủy; năm 1932, hai làng Hòa An và Thạnh Thủy hợp nhất lấy tên là làng An Thạnh Thủy, thuộc tổng Hòa Hảo, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã An Thạnh Thủy thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng An Thạnh Thủy thuộc tổng Hòa Hảo, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

[3] Từ năm 1876, chính quyền thực dân Pháp cho đổi đơn vị hành chính "thôn" thành "làng".

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã An Thạnh Thủy thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn đặt xã An Thạnh Thủy thuộc quận Chợ Gạo, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã An Thạnh Thủy thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Năm 2017 , xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

Dân số: Có 12.396 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 60 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Kinh tế của xã chủ yếu là sảng xuất nông nghiệp.

Giáo dục:

Xã có 1 trường mầm non, 1 trường tiểu học và 1 trường trung học cơ sở.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp) đạt 99,9%.

Y tế:

Năm 2020, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế của xã đạt 99,8%

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng. Tất cả các ấp đều có Tổ y tế.

Giao thông:

- Có Quốc Lộ 50, Đường tỉnh 877, Đường tỉnh 877B đi qua.

- Đường xã: có 05/05 tuyến dài 14.623 mét, được láng nhựa đạt cấp kỹ thuật theo TCVN 10380:2014, đạt tỷ lệ 100% so Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Đường ấp: có 08/08 tuyến dài 13.326 mét, được bê tông hóa đạt cấp kỹ thuật theo TCVN 10380: 2014, đạt tỷ lệ 100% so Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới (chỉ tiêu là 50%).

- Đường ngõ xóm: có 25 tuyến dài 17.545 mét được cán bê tông xi măng và trải đá 0 - 4 đạt 100%. Bao gồm: 20 tuyến cán bê tông xi măng dài 14.769 mét; 05 tuyến trải đá 0 - 4 là dài 2.776 mét.

Trong đó: Đường xây dựng đạt cấp kỹ thuật theo TCVN 10380:2014 là 08 tuyến dài 5.896 mét, đạt tỷ lệ 33,61% so Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới (chỉ tiêu là 30%).

Văn hóa:

Xã có Nhà văn hóa xã, 10 nhà văn hóa ấp, 10/10 ấp đạt danh hiệu Ấp văn hóa, chiếm tỷ lệ 100%.

Du lịch:

Xã không có điểm du lịch.

Thể thao:

Xã có một số sân bóng đá mini của tư nhân thu hút nhiều thanh thiếu và nhân dân tham gia luyện tập thể dục thể thao.

Tổng số liệt sĩ: 272 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ VN anh hùng: 69 Bà mẹ.

4. Xã Bình Ninh

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

平: Bình: Hoà bình, bình đẳng, yên ổn

宁: Ninh: Yên ổn, an ninh

平宁社 Bình Ninh Xã

Vị trí địa lý:

Xã Bình Ninh nằm ở phía Nam huyện, phía Đông giáp xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây; phía Tây giáp xã An Thạnh Thuỷ, huyện Chợ Gạo; phía Nam giáp sông Tiền; phía Bắc giáp xã Hoà Định, huyện Chợ Gạo.

Diện tích tự nhiên:

Tổng diện tích tự nhiên của xã là 1.900 ha.

Hành chính:

Xã Bình Ninh có 12 ấp, gồm: Bình Hưng Thượng; Bình Hưng Hạ; Bình Long; Hòa Thạnh; Hòa Phú; Hòa Mỹ; Hòa Quới; Hòa Lạc; Hòa Lợi Tiểu; Bình Phú; Bình Quới Hạ; Bình Quới Thượng.

Lịch sử hình thành:

Năm 1836, đời vua Minh Mạng, có thôn Hòa Bình, thuộc tổng Hòa Hảo, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, có hai làng Hòa Bình và Hòa Ninh, thuộc tổng Hòa Hảo, tỉnh Mỹ Tho; năm 1912, hai làng Hòa Bình và Hòa Ninh thuộc tổng Hòa Hảo, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; năm 1923, hai làng Hòa Bình và Hòa Ninh hợp nhất lấy tên là làng Bình Ninh, thuộc tổng Hòa Hảo, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Bình Ninh thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Bình Ninh thuộc tổng Hòa Hảo, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Bình Ninh thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn đặt xã Bình Ninh thuộc quận Chợ Gạo, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Bình Ninh thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Năm 2019, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới. Năm 2022, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao.

Dân số: 11.166 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 55,37 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Phần lớn người dân sống bằng nông nghiệp, chăn nuôi. Do có vị trí địa lý nằm cặp sông Tiền và Đường tỉnh 877 đi qua, nên công nghiệp phát triển mạnh, với 02 công ty có vốn đầu tư nước ngoài, 02 công ty vốn trong nước, góp phần giải quyết việc làm cho 1.500 lao động tại xã.

Giáo dục:

Được đầu tư cơ sở, vật chất đáp ứng nhu cầu dạy và học. Trên địa bàn xã có 03 trường học (trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở) đều đạt chuẩn quốc gia. Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 99,30% (2020).

Giao thông:

Xã có Đường tỉnh 877 và 877B, Đường huyện 23B đi qua. Ngoài ra, các tuyến đường xã quản lý được nhựa hóa, bê tông hóa; các tuyến đường, ngõ xóm, liên xóm được trãi đá đảm bảo nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa của người dân. Xã có tuyến đường thủy quan trọng là sông Tiền chảy ngang qua phía nam xã.

Văn hóa:

Xã 01 Nhà văn hóa xã, 02 nhà văn hóa liên ấp và 12 trụ sở ấp văn hóa phục vụ nhu cầu sinh hoạt, văn nghệ,… của người dân trên địa bàn xã.

Du lịch:

Không có điểm du lịch.

Thể thao:

Phát triển mạnh các môn thể thao bóng đá, bóng chuyền, cầu lông,… Trên địa bàn xã có 01 sân bóng đá ở ấp Hòa Thạnh, 01 sân cầu lông tại Nhà văn hóa xã. Ngoài ra, có 02 sân bóng đá nhân tạo và 04 sân bóng chuyền do nhân dân đầu tư xây dựng.

Tổng số liệt sĩ: 235 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ VN anh hùng: 109 Bà mẹ.

5. Xã Bình Phan

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

平 Bình: Hoà bình, bình đẳng, yên ổn

芳 Phương (Phan): Hương thơm

平芳社 Bình Phan Xã

Vị trí địa lý:

Xã Bình Phan nằm ở phía đông bắc huyện; phía Đông giáp xã Bình Phục Nhứt; phía Tây giáp xã Tân Thuận Bình; phía Nam giáp xã An Thạnh Thủy; phía Bắc giáp xã Bình Phục Nhứt.

Diện tích tự nhiên:

Diện tích tự nhiên của xã là 964,96 ha.

Hành chính:

Xã có 06 ấp: Bình Thọ Trung, Bình Thọ Thượng, Tân Thạnh, Bình Hưng, Bình Ninh và Bình Thọ Đông.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Bình Phương thuộc tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn Bình Phương thuộc tổng Hòa Hảo, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, có làng Bình Phan, thuộc tổng Hòa Hảo, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1912, làng Bình Phan thuộc tổng Hòa Hảo, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Bình Phan thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Bình Phan thuộc tổng Hòa Hảo, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Bình Phan thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn đặt xã Bình Phan thuộc quận Chợ Gạo, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Bình Phan thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Năm 2019, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

Dân số: 8.354 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 54,15 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Mặc dù cơ cấu kinh tế của xã đã có sự chuyển dịch theo chiều hướng tích cực, tăng dần tỷ trọng các ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ - thương mại, từng bước giảm dần tỷ trọng ngành nông nghiệp, nhưng tốc độ chuyển dịch còn chậm so với tiềm năng và yêu cầu phát triển. Đến năm 2021, kinh tế của xã cơ bản vẫn là nông nghiệp nên thu nhập bình quân đầu người còn thấp so với mặt bằng chung của huyện.

Giáo dục:

Trên địa bàn xã Bình Phan có 02 trường học gồm: 01 trường mầm non và 01 trường tiểu học (đều đã được công nhận đạt chuẩn Quốc gia).

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 99% (2020).

Giao thông:

Mạng lưới giao thông đường bộ của xã hiện khá phát triển, hầu hết các tuyến đường chính được láng nhựa, trải đá 0x4, tạo điều kiện thuận lợi trong việc đi lại, vận chuyển hàng hóa, thông thương, giao lưu văn hóa giữa xã và các vùng phụ cận. Trong những năm qua thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm" hệ thống giao thông của xã đã cơ bản đáp ứng được nhu cầu đi lại của người dân trong xã. Diện tích đất giao thông là 21,88 ha, chiếm 20,78% diện tích đất phát triển hạ tầng.

Hệ thống giao thông trên địa bàn xã Bình Phan bao gồm:

Đường huyện:

Xã Bình Phan có 02 tuyến: Đường huyện 22 và Đường huyện 25B cũ (nay là đường Đông nam kênh Chợ Gạo) đi qua xã, riêng đường Đông nam kênh Chợ Gạo

hiện nay đang xuống cấp nghiêm trọng và nằm trong khu vực mở rộng kênh Chợ Gạo giai đoạn 2 (đang thực hiện).

Theo Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND ngày 10/7/2019 của ủy ban nhân dân huyện Chợ Gạo về Ban hành tên đường đối với hệ thống đường bộ do xã quản lý, UBND xã Bình Phan quản lý 16 tuyến đường gồm:

Đường trục xã:

- Đường Bình Thọ Đông - Bình Hưng: Chiều dài 2,98 km; (nhựa 5m).
- Đường Bình Thọ Đông - Bình Ninh: Chiều dài 2,494 km; (nhựa 3,5 m).
- Đường 26/3: Chiều dài 3,21 km; (nhựa 5m).

Đường trục ấp, liên ấp:

- Đường Bình Ninh: Chiều dài 0,652 km; (nhựa 3,5 m).
- Đường Tham Thu: Chiều dài 3,332 km; (nhựa 3,5 m).
- Đường Nghĩa Trang Bình Phan: Chiều dài 1,976 km; (nhựa 3,5 m).
- Đường Lộ chùa Gò Kết : Chiều dài 1,84 km; (nhựa 3,5 m).
- Đường Gò Mã Đông 1: Chiều dài 1,021 km; (đá 0x4 -3m).
- Đường Gò Mã Đông 2: Chiều dài 0,7 km; (đá 0x4 -3m).
- Đường Bình Ninh - Bình Hưng: Chiều dài 0,605 km; (nhựa 3m).
- Đường Lộ Đình: Chiều dài 1,051 km; (nhựa 3m).
- Đường Bình Thọ Trung: Chiều dài 1,4 km; (nhựa 3,5m).
- Đường Bình Thọ Trung- Tân Thạnh: Chiều dài 1,375 km; (nhựa 3,5 m).
- Đường Cộng Đồng: Chiều dài 1,045 km; (nhựa 3,5m).
- Đường Bình Thọ Thượng 1: Chiều dài 1,36 km; (nhựa 3,5 m).
- Đường Bình Thọ Thượng 2: Chiều dài 0,816 km; (nhựa 3m).

Về giao thông thủy, xã có tuyến kênh/kinh Chợ Gạo chạy ngang qua.

Văn hóa:

- Trên địa bàn xã có 01 Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã; 01 Nhà văn hóa liên ấp và có 05 trụ sở ấp văn hóa đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt văn hóa , vui chơi giải trí và họp hội của nhân dân trên địa bàn xã

- Xã có 03 cơ sở thờ tự văn hóa gồm có: Chùa Long Phan cổ tự tại ấp Bình Hưng; chùa Trường Bình tại ấp Bình Thọ Đông; chùa Khai Minh tại ấp Bình Ninh (Trong đó Chùa Long Phan cổ tự được tỉnh công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh năm 2010)

Thể thao:

Xã có quy hoạch sân bóng đá tại trung tâm hành chính của xã, nhưng chưa có kinh phí xây dựng.

Tổng số liệt sĩ: 115 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ VN anh hùng: 22 Bà mẹ.

6. Xã Bình Phục Nhứt

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

平 Bình: Hoà bình, bình đẳng, yên ổn

服 Phục: Tin phục

一 Nhất (Nhứt): Thứ nhất

平服一社 Bình Phục Nhứt Xã

Vị trí địa lý:

Xã Bình Phục Nhứt nằm ở phía Đông Bắc huyện Chợ Gạo; phía Đông giáp xã Bình Nhì, huyện Gò Công Tây; phía Tây giáp xã Bình Phan, huyện Chợ Gạo; phía Nam giáp xã An Thanh Thuỷ, huyện Chợ Gạo; phía Bắc giáp kênh Chợ Gạo.

Diện tích tự nhiên: 1.795,7ha.

Hành chính:

Xã có 07 ấp: Bình Khương 1, Bình Khương 2, Bình Ninh, Bình Phú, Bình Quới, Bình Thọ 1, Bình Thọ 2.

Lịch sử hình thành:

Thôn Bình Phục Nhứt lập năm 1743. Năm 1808, đời vua Gia Long, có các thôn Bình Phục Nhứt và Bình Phục Nhứt Đông thuộc tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, hai thôn Bình Phục Nhứt và Bình Phục Nhứt Đông hợp nhất thành thôn Bình Phục Nhứt, thuộc tổng Hòa Hảo, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; năm 1865, thôn Bình Phục Nhứt tách ra thành hai thôn Bình Trị và Bình Long; từ năm 1900, có ba làng Bình Trị, Bình Long và Bình Phục Tây, thuộc tổng Hòa Hảo, tỉnh Mỹ Tho; năm 1912, ba làng Bình Trị, Bình Long và Bình Phục Tây, thuộc tổng Hòa Hảo, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; năm 1923, ba làng Bình Trị, Bình Long và Bình Phục Tây hợp nhất lấy tên là làng Bình Phục Nhứt, thuộc tổng Hòa Hảo, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Bình Phục Nhứt thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Bình Phục Nhứt thuộc tổng Hòa Hảo, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Bình Phục Nhứt thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn đặt xã Bình Phục Nhứt thuộc quận Chợ Gạo, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Bình Phục Nhứt thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Năm 2019, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

Dân số: 12.414 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 56,43 triệu đồng/người/năm (2020)

Kinh tế:

Kinh tế của xã chủ yếu là sản xuất nông nghiệp xã tập trung thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp với trọng tâm là vận động nhân dân mạnh dạn đầu tư phát triển các cây trồng, vật nuôi chủ lực có giá trị kinh tế cao và có lợi thế của xã, như: cây màu, thanh long, bò thịt, gà thả vườn,...

Xã chú trọng đến công tác tổ chức liên kết sản xuất theo hướng GAP, xây dựng các tổ hợp tác, hợp tác xã nhằm tìm kiếm thị trường, tiêu thụ sản phẩm trái thanh long, ổn định đầu ra cho các hộ trồng thanh long.

Năm 2021, trên địa bàn xã có 05 tổ hợp tác nước, 02 hợp tác xã: HTX tín dụng và 01 HTX nông nghiệp Bình Phục Nhứt.

Giáo dục:

Xã Bình Phục Nhứt có 04 trường học: Trường trung học phổ thông Bình Phục Nhứt (đạt chuẩn quốc gia), Trường trung học cơ sở Bình Phục Nhứt (đạt chuẩn quốc gia), Trường tiểu học Bình Phục Nhứt, Trường mầm non Bình Phục Nhứt (đạt chuẩn quốc gia vào năm 2020).

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 08 biên chế: 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 99,57% (2020).

Giao thông:

Về giao thông: xã có khoảng 4,2 km đường nhựa thuộc Đường tỉnh 877E đi qua, 07 tuyến đường liên xã, 14 tuyến đường liên ấp, 28 tuyến đường vào xóm, ấp. Hầu hết các tuyến đường liên xã, liên ấp đều đã được trải nhựa hoặc bê tông hóa đạt 100%, mặt đường rộng từ 3m đến 5m, đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của xã.

Về giao thông thủy, xã có tuyến kênh/kinh Chợ Gạo chạy ngang qua.

Văn hóa:

Nhà văn hóa xã đã xây dựng tại khu đất công Ủy ban nhân dân xã, với tổng diện tích 850 m^2, hội trường có 200 chỗ ngồi, có 3 phòng chức năng (Phòng Hành chánh; Phòng Đọc sách, báo và thư viện; Phòng Thông tin - Truyền thanh) thuộc ấp Bình Khương 2.

Xã có 02 Nhà văn hóa liên ấp (Nhà Văn hóa liên ấp Bình Phú - Bình Quới - Bình Khương, Nhà văn hóa liên ấp Bình Thọ 1 - Bình Thọ 2), 07 Ấp văn hóa, mỗi ấp đều có trụ sở làm việc khang trang.

Du lịch:

Không có điểm du lịch.

Thể thao:

+ 01 sân vận động, diện tích 1.100m^2. Địa điểm tại ấp Bình Ninh.

+ 02 sân đóng đá mini, địa điểm ấp Bình Ninh và Bình Khương 1.

+ 05 điểm luyện tập thi đấu thể thao. Địa điểm tại Trung tâm Văn hóa – Thể thao xã, 02 nhà văn hóa liên ấp, sân trường THPT Bình Phục Nhứt và trường THCS Bình Phục Nhứt.

- Có hồ bơi nhân tạo đặt tại Trường tiểu học Bình Phục Nhứt. Mỗi năm học tổ chức nhiều lớp học bơi cho các em cấp I.

Tổng số liệt sĩ: 258.

Tổng số Bà mẹ VN anh hùng: 41 Bà mẹ.

7. Xã Đăng Hưng Phước

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

登 Đăng: Lên, chín tốt

Hưng 興: Hưng thịnh

福 Phước: Tốt lành, hạnh phúc

登興福社 Đăng Hưng Phước Xã

Vị trí địa lý:

Xã Đăng Hưng Phước là xã nằm về phía Tây của huyện Chợ Gạo, phía Đông giáp xã Tân Thuận Bình; phía Tây giáp xã Song Bình và Thanh Bình; phía Nam giáp xã Long Bình Điền; phía Bắc giáp xã Long Trì, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Diện tích tự nhiên: 1.438 ha.

Hành chính:

Xã có 09 ấp: Bình An, Bình Thành, Bình Phú Quới, Hưng Ngãi, Đăng Phong Dưới, Đăng Phong Trên, Đăng Nẵm, Vĩnh Phước, Bình Ninh.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có các thôn Bình Đăng, Hưng Ngãi và Vĩnh Phước thuộc tổng Kiến Thạnh, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn Bình Đăng thuộc tổng Thạnh Phong, hai thôn Vĩnh Phước và Hưng Nghĩa thuộc tổng Thạnh Quơn; các thôn và tổng này đều thuộc huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, ba làng Bình Đăng, Hưng Ngãi và Vĩnh Phước thuộc tổng Thạnh Phong, tỉnh Mỹ Tho; năm 1929, ba làng Bình Đăng, Hưng Ngãi và Vĩnh Phước hợp nhất lấy tên là làng Đăng Hưng Phước, thuộc tổng Thạnh Phong, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Đăng Hưng Phước thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Đăng Hưng Phước thuộc tổng Thạnh Phong, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Đăng Hưng Phước thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn đặt xã Đăng Hưng Phước thuộc quận Chợ Gạo, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Đăng Hưng Phước thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Năm 2018, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

Dân số: 11.186 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 61 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Toàn xã có 85% hộ dân sinh sống bằng sản xuất nông nghiệp và 15% hộ dân sinh sống bằng nghề tiểu thủ công nghiệp, kinh doanh dịch vụ.

Giáo dục:

Xã có 1 trường trung học cơ sở, 1 trường tiểu học, 1 trường mầm non.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 09 biên chế: 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng, 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 99% (2020).

Giao thông:

Địa bàn xã có 13 tuyến đường cấp huyện và cấp xã được láng nhựa và tráng bê tông; có 56 tuyến đường đan liên xóm tạo thuận lợi cho việc sinh hoạt đi lại, phục vụ phát triển kinh tế xã hội cho nhân dân trên đại bàn xã; đến nay cơ bản trên 90% các tuyến đường do xã quản lý được tráng nhựa, láng nhựa và tráng bê tông.

Văn hóa:

- Xã có 9/9 Ấp văn hóa, có Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, mỗi ấp có trụ sở; có 2 nhà văn hóa liên ấp. Xã được công nhận Xã văn hóa nông thôn mới.

Du lịch:

Xã có 01 di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh là Đình thần Bình Đăng, thu hút đông đảo du khách khắp nơi đến tham quan, cúng viếng.

Thể thao:

Xã có 01 sân bóng đá với diện tích 8.193m^2, diện tích đất quy hoạch khu thể thao (chưa tính diện tích sân bóng đá của xã) với tổng diện tích 1.500 m^2. Địa điểm toạ lạc tại ấp Bình Thành. Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, trường trung học cơ sở và 2 ấp có điểm luyện tập thể thao, đáp ứng được nhu cầu luyện tập thể dục thể thao cho mọi người.

Phong trào thể dục - thể thao được tổ chức thường xuyên, xã có 9 đội bóng đá, 9 đội bóng chuyền, mỗi năm đều tổ chức từ 2 - 3 lần thi đấu bóng đá và bóng chuyền. Đây là lực lượng nòng cốt cho phong trào ở cơ sở, cùng với sự nhận thức của nhân dân về lợi ích việc rèn luyện thân thể nên ngày càng có nhiều người tham gia luyện tập thể thao, có 4182/11.933 người chiếm 35% và 730 hộ gia đình tham gia luyện tập thể dục thể thao thường xuyên chiếm 25,43%.

Tổng số liệt sĩ: 335 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ VN anh hùng: 47 Bà mẹ.

8. Xã Hòa Định

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

和 Hòa: Hoà hợp, hoà thuận

定 Định: Ổn định, yên ổn

和定社 Hòa Định Xã

Vị trí địa lý:

Xã Hòa Định nằm ở phía Nam huyện Chợ Gạo, phía Đông giáp hai xã Bình Ninh, An Thạnh Thủy; phía Tây giáp xã Xuân Đông; phía Bắc giáp với thị trấn Chợ Gạo và một đoạn giáp kênh Chợ Gạo; phía Nam giáp sông Tiền.

Diện tích tự nhiên: 1.438 ha.

Hành chính:

Xã có 06 ấp: An cư, Nhơn Hòa, Hòa Thành, Hòa Lạc Trung, Mỹ Thạnh, Long Hòa.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn An Định thuộc tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, có thôn An Định và thôn Hòa Thạnh thuộc tổng Hòa Hảo, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, hai làng An Định và Hòa Thạnh thuộc tổng Hòa Hảo, tỉnh Mỹ Tho; năm 1923, hai làng An Định và Hòa Thạnh hợp nhất lấy tên là làng Hòa Định, thuộc tổng Hòa Hảo, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Hòa Định thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Hòa Định thuộc tổng Hòa Hảo, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Hòa Định thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn đặt xã Hòa Định thuộc quận Chợ Gạo, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Hòa Định thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Năm 2019, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

Dân số: 9.486 người (2020).

Thu nhập bình quân: 60.000.000 đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

- 60% người dân sống bằng nông nghiệp, 20% người dân làm tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ mua bán nhỏ lẻ, 20% người dân làm công ty, xí nghiệp…

- Tiểu thủ công nghiệp: bó chổi, đan lát, lục bình…

- Nông nghiệp: chăn nuôi heo, bò, gà, vịt, trồng các loại cây dừa, nhản, thanh long,…

Giáo dục:

Xã có 02 trường học: Trường tiểu học Hòa Định (đạt chuẩn Quốc gia) và Trường mầm non Hòa Định.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 99% (2020).

Giao thông:

Đường xã và ấp do xã quản lý 23 tuyến chiều dài 31,544 km; đã nhựa hóa, bê tông hóa đạt 90%.

Văn hóa:

- Xã đạt chuẩn văn hóa năm 2018; 6/6 ấp được công nhận Ấp văn hóa; 96% số hộ đạt chuẩn gia đình văn hóa.

- Xã có 1 Trung tâm Văn hóa - Thể thao, phục vụ tốt nhu cầu thụ hưởng văn hóa của nhân dân.

Du lịch:

Xã có 2 điểm du lịch ở hai ấp Nhơn Hòa và An Cư.

Thể thao:

- Xã có 1 Trung tâm Văn hóa - Thể thao, 1 phòng luyện tập thể thao, 2 sân cầu lông, 1 sân bóng chuyền,1 câu lạc bộ đa môn 50 thành viên, 3 câu lạc bộ 1 môn như: bóng đá, bóng chuyền, cầu lông.

- Số người luyện lập thể thao thường xuyên 3.330/9846, chiếm tỷ lệ 35% (2020).

- Số gia đình luyện tập thể thao thường xuyên 684/2694, chiếm tỷ lệ 25,4% (2020).

Tổng số Liệt sĩ: 153 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 31 Bà mẹ.

9. Xã Hòa Tịnh

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

和 Hòa: Hoà hợp, hoà thuận

靖 Tịnh: Yên ổn, yên lặng

和靖社 Hòa Tịnh Xã

Vị trí địa lý:

Xã Hòa Tịnh nằm ở phía Tây huyện, phía Đông giáp xã Mỹ Tịnh An, xã Trung Hòa, huyện Chợ Gạo; phía Tây giáp xã Tân Lý Tây, huyện Châu Thành;

phía Nam giáp xã Phú Kiết, huyện Chợ gạo, xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành; phía Bắc giáp xã Tân Hương, huyện Châu Thành.

Diện tích tự nhiên: 711,65 ha.

Hành chính:

Xã có 04 ấp: Hòa Ninh, Hòa Bình, Hòa Phú, Hòa Quới.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Hòa Mỹ thuộc tổng Hưng Xương, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn này thuộc tổng Hưng Nhượng, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường. Năm 1841, đời vua Thiệu Trị, thôn Tịnh Giang được thành lập trên cơ sở điều chỉnh diện tích và dân số của thôn Lợi Thạnh; thôn Tịnh Giang thuộc tổng Hưng Nhượng, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, hai làng Hòa Mỹ và Tịnh Giang thuộc tổng Thạnh Quơn, tỉnh Mỹ Tho; năm 1928, hai làng này hợp nhất lấy tên là làng Hòa Tịnh, thuộc tổngThạnh Quơn, quận Bến Tranh, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Hòa Tịnh thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Hòa Tịnh thuộc tổng Thạnh Quơn, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Hòa Tịnh thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn đặt xã Hòa Tịnh thuộc quận Bến Tranh, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Hòa Tịnh thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Năm 2019, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

Dân số: 7.272 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 52,72 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Kinh tế của xã chủ yếu là sản xuất nông nghiệp; xã tập trung thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp với trọng tâm là vận động nhân dân mạnh dạn đầu tư phát triển các cây trồng, vật nuôi chủ lực có giá trị kinh tế cao và có lợi thế của xã, như: thanh long, heo, bò sữa, bò thịt, dê, gà....

Xã Hòa Tịnh chú trọng đến công tác tổ chức liên kết sản xuất theo hướng GAP, xây dựng các tổ hợp tác, hợp tác xã nhằm tìm kiếm thị trường, tiêu thụ sản phẩm trái thanh long, ổn định đầu ra cho các nông hộ trồng thanh long.

Năm 2021, trên địa bàn xã có 06 tổ hợp tác nước và 01 hợp tác xã nông nghiệp; sản phẩm là chuyên cung cấp dừa trái uống nước và dừa giống.

Giáo dục:

Xã có 02 trường học: Trường tiểu học Hòa Tịnh (đạt chuẩn Quốc gia) và Trường mầm non Hòa Tịnh. Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 90% (2020).

Giao thông:

Xã có Đường tỉnh 878b đi qua; Đường huyện 30b nằm trục giữa xã.

Đường xã: Trên địa bàn toàn xã có 2 tuyến, dài 3,250 km; đã đầu tư nhựa hóa đạt 100%.

Đường ấp: Xã có 4 tuyến dài 5,45 km đã đạt chuẩn (đạt 100%).

Đường dân sinh: Xã có 16 tuyến dài 11,052 km đã đạt chuẩn (đạt 100%).

Văn hóa:

Nhà văn hóa xã đã xây dựng tại khu đất công Ủy ban nhân dân xã, với tổng diện tích 1.500 m^2, hội trường có 200 chỗ ngồi, có 3 phòng chức năng (Phòng Hành chánh; Phòng Đọc sách, báo, thư viện; Phòng Thông tin - Truyền thanh) thuộc ấp Hòa Phú.

Xã có 4 Ấp văn hóa, 02 Nhà văn hóa liên ấp (Nhà văn hóa liên ấp Hòa Ninh - Hòa Bình, Nhà văn hóa liên ấp Hòa Phú - Hòa Quới).

Du lịch:

Xã có 01 Di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia là Đền thờ Thủ khoa Nguyễn Hữu Huân, có diện tích hơn 5000m^2. Hàng năm thu hút hàng ngàn lượt khách du lịch đến tham quan; cũng là nơi giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ.

Thể thao:

- 01 sân bóng đá mini, diện tích 1.500m^2. Địa điểm tại ấp Hòa Quới.

- 02 điểm luyện tập thi đấu thể thao. Địa điểm tại ấp Hòa Quới và ấp Hòa Bình.

- Hồ bơi nhân tạo do Trường trung học cơ sở Tịnh Hà hợp đồng với cơ sở tư nhân đặt tại Ủy ban nhân dân xã.

Tổng số liệt sĩ: 92 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ VN anh hùng: 17 Bà mẹ.

10. Xã Long Bình Điền

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

隆 Long: Hưng thịnh

平 Bình: Hoà bình, bình đẳng

田 Điền: Ruộng đồng

隆平田社 Long Bình Điền Xã

Vị trí địa lý:

Xã Long Bình Điền nằm về phía Tây huyện Chợ Gạo, phía Đông giáp thị trấn Chợ Gạo và xã Tân Thuận Bình; phía Tây giáp xã Song Bình; phía Nam giáp xã Xuân Đông và Hòa Định; phía Bắc giáp xã Đăng Hưng Phước.

Diện tích tự nhiên: 1.249,61 ha.

Hành chính:

Xã có 08 ấp: Điền Thạnh, Điền Lợi, Tân Bình, Bình Hạnh, Long Thạnh, Thạnh Lợi, Bình Hòa và Điền Mỹ.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có ba thôn Long Hựu, Bình Hạnh và Điền Trang thuộc tổng Kiến Thạnh, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, ba thôn này thuộc tổng Thạnh Phong, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, ba làng Long Thạnh (do Long Hựu đổi tên), Bình Hạnh và Điền Trang thuộc tổng Thạnh Phong, tỉnh Mỹ Tho; năm 1923, ba làng này hợp nhất lấy tên là làng Long Bình Điền, thuộc tổng Thạnh Phong, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Long Bình Điền thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Long Bình Điền thuộc tổng Thạnh Phong, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Long Bình Điền thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn đặt xã Long Bình Điền thuộc quận Chợ Gạo, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Long Bình Điền thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Năm 2019, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

Dân số: 12.823 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 61,2 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Có trên 80% người dân địa phương sinh sống nhờ vào sản xuất nông nghiệp, còn lại hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tiểu - thủ công nghiệp và các dịch vụ mua bán.

Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội trên địa bàn xã thuận lợi cho phát triển sản xuất nông nghiệp nói chung và chăn nuôi gia súc, gia cầm nói riêng. Lĩnh vực trồng trọt phát triển cây bưởi, thanh long, cây dừa,...

Giáo dục:

Trên địa bàn xã có 03 trường học: Trường trung học cơ sở Long Bình Điền, Trường tiểu học Long Bình Điền (cả hai trường đều đạt chuẩn quốc gia) và Trường mầm non Long Bình Điền.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 96% (2020).

Giao thông:

- Đường xã : có 10 tuyến, chiều dài 16,3 km.

- Đường trục ấp có 8 tuyến, chiều dài 11,4km đều được cứng hóa.

- Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa: đạt 100% cứng hóa.

- Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm.

Văn hóa:

- Năm 2014, xã Long Bình Điền vinh dự được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu "Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân".

- Năm 2018, xã được công nhận Xã văn hóa nông thôn mới và Xã nông thôn mới năm 2019.

- Xã có 08 Ấp văn hóa, 04 cơ sở thờ tự văn hóa, 02 chợ văn hóa, 02 con đường văn hóa, 01 Trung tâm Văn hóa - Thể thao và 01 Nhà Văn hóa liên ấp đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần cho nhân dân trên địa bàn xã.

Du lịch:

Chưa có điểm tham quan, du lịch.

Thể thao:

Xã có 01 sân vận động bóng đá với diện tích trên 9.005m^2 .

Trung tâm văn hóa thể thao xã có đủ các trang thiết bị.

Tổng số liệt sĩ: 195 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ VN anh hùng: 34 Bà mẹ.

11. Xã Lương Hòa Lạc

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

良Lương: Thiện, tốt

和 Hòa: Hoà hợp, hoà thuận

樂 Lạc: Lạc quan, vui mừng

良和樂社 Lương Hòa Lạc Xã

Vị trí địa lý:

Xã Lương Hòa Lạc nằm về phía Tây huyện Chợ Gạo, phía Đông giáp xã Thanh Bình, huyện Chợ Gạo; phía Tây giáp xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành; phía Nam giáp xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho; phía Bắc giáp xã Phú Kiết, huyện Chợ Gạo.

Diện tích tự nhiên: 958,1 ha.

Hành chính:

Xã có 05 ấp: Lương Phú A; Lương Phú B; Lương Phú C; An Lạc A; An Lạc B.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có ba thôn Lương Phú, Long Hòa và An Lạc thuộc tổng Kiến Thạnh, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, ba thôn này thuộc tổng Thạnh Quơn, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, ba làng Lương Phú, Long Hòa và An Lạc thuộc tổng Thạnh Quơn, tỉnh Mỹ Tho; năm 1913, ba làng này thuộc tổng Thạnh Quơn, quận Bến Tranh, tỉnh Mỹ Tho; năm 1932, ba làng Lương Phú, Long Hòa và An Lạc hợp nhất lấy tên là làng Lương Hòa Lạc, thuộc tổng Thạnh Quơn, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; năm 1933, làng Lương Hòa Lạc thuộc tổng Thạnh Quơn, quận Bến Tranh, tỉnh Mỹ Tho

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Lương Hòa Lạc thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Lương Hòa Lạc thuộc tổng Thạnh Quơn, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Lương Hòa Lạc thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn đặt xã Lương Hòa Lạc thuộc quận Bến Tranh, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Lương Hòa Lạc thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Năm 2016, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

Dân số: 10.874 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 57,69 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Về nông nghiệp, xã có thế mạnh về trồng lúa, vườn cây ăn trái (các loại cây chủ lực là dừa, mận an phước, thanh long), rau màu và chăn nuôi gia súc, gia cầm.

Có chợ Bến Tranh và khu phố là trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa của xã và các vùng lân cận.

Năm 2021, làng nghề chạm khắc gỗ của xã có 12 cơ sở chạm (189 hộ tham gia, với tổng số 485 lao động.

Giáo dục:

Xã có 01 trường mầm non, 01 trường tiểu học, 01 trường trung học cơ sở.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 08 biên chế: 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 96% (2020).

Giao thông:

Có 02 đường giao thông bộ đi qua xã, gồm Đường tỉnh 879, Đường huyện 28; đường thuỷ có sông Bảo Định. Cả đường bộ và đường thủy đều thuận tiện cho việc vận chuyển hàng hoá và đi lại của nhân dân.

Đường xã: Toàn xã có 11/11 tuyến đường được bêtông và nhựa hóa với tổng chiều dài 16.335/16.335 mét, đạt chuẩn theo quy định của Bộ Giao thông vận tải (BGTVT) và Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới, đạt 100%.

Đường ấp: Có 03/03 tuyến đường được bêtông hóa, với tổng chiều dài 3.256/3.256 mét, đạt chuẩn theo quy định của Bộ GTVT và Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới, đạt 100%.

Đường ngõ xóm: Có 32 tuyến đường được bêtông hóa với tổng chiều dài 23.610 mét, đạt chuẩn theo quy định của Bộ GTVT và Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới, đạt 100%.

Toàn xã có 26 tuyến kênh/kinh (2 tuyến cấp 1 gồm kênh/kinh Bảo Định và kênh/kinh Hóc Đùng; 4 tuyến cấp 2 gồm kênh/kinh Nhỏ, kênh/kinh Lộ Tổng, kênh/kinh Bàu Đụng và Kênh/Kinh Nổi; 18 tuyến cấp 3 và 9 cống điều tiết) với tổng chiều dài 33.395m, tất cả đều được phân cấp quản lý.

Văn hóa:

Xã có 05/05 ấp đạt chuẩn Ấp văn hóa, đạt 100%; 7 cơ sở thờ tự văn hóa; 01 Nhà văn hóa xã, diện tích 2.353 m2, bao gồm hội trường và 5 phòng chức năng (Phòng Hành chính, Phòng Thông tin, Phòng Đọc sách báo, Phòng truyền thanh); 02 Nhà văn hóa liên ấp Lương Phú A - Lương Phú B và An Lạc A - An Lạc B.

Thể thao:

Xã có 01 sân vận động với diện tích 6.500 m^2. Năm 2021, mô hình Khu liên hợp thể thao với diện tích 8.070 m^2 tại ấp Lương Phú A đã được UBND huyện thông qua với mục tiêu phục vụ nhu cầu vui chơi giải trí của nhân dân trong khu vực.

Phong trào thể dục - thể thao trên địa bàn xã luôn được duy trì và phát triển với nhiều hình thức, hàng năm tham gia thi đấu tại huyện đều đạt giải cao.

Tổng số liệt sĩ: 229 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 01 Mẹ.

12. Xã Mỹ Tịnh An

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

美 Mỹ: Tốt đẹp

靖 Tịnh: Yên ổn, yên lặng

安 An: Bình an, an toàn, yên ổn

美靖安社 Mỹ Tịnh An Xã

Vị trí địa lý:

Xã Mỹ Tịnh An nằm về phía Tây Bắc huyện Chợ Gạo, phía Đông giáp xã Trung Hòa và xã Tân Bình Thạnh; phía Tây giáp xã Phú Kiết và xã Hòa Tịnh; phía Nam giáp xã Phú Kiết và xã Thanh Bình; phía Bắc giáp xã Trung Hòa.

Diện tích tự nhiên: 1.146,5 ha.

Hành chính:

Xã có 7 ấp: An Thị, An Khương, Mỹ Trường, Mỹ Thọ, Mỹ Khương, Mỹ An A, Mỹ An B.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có hai thôn Mỹ Trung và An Khương thuộc tổng Kiến Thạnh, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, hai thôn này thuộc tổng Thạnh Quơn, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường. Năm 1841, đời vua Thiệu Trị, thôn Tịnh Hà được thành lập trên cơ sở điều chỉnh diện tích và dân số của thôn Lợi Thạnh; thôn Tịnh Hà thuộc tổng Thạnh Quơn, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, ba làng Mỹ Trung, Tịnh Hà và An Khương thuộc tổng Thạnh Quơn, tỉnh Mỹ Tho; năm 1925, ba làng này hợp nhất lấy tên là làng Mỹ Tịnh An, thuộc tổngThạnh Quơn, quận Bến Tranh, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Mỹ Tịnh An thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Mỹ Tịnh An thuộc tổng Thạnh Quơn, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Mỹ Tịnh An thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn đặt xã Mỹ Tịnh An thuộc quận Bến Tranh, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Mỹ Tịnh An thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Năm 2019, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới. Năm 2022, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao.

Dân số: 9.855 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 61 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Đời sống kinh tế của nhân dân chủ yếu là sản xuất nông nghiệp (trồng trọt và chăn nuôi), số người dân tham gia các lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ chiếm tỷ lệ thấp.

Giáo dục:

Trên địa bàn xã có 4 trường học: Trường mầm non Mỹ Tịnh An; Trường tiểu học Mỹ Tịnh An và Trường trung học cơ sở Tịnh Hà, Trường trung học phổ thông Thủ Khoa Huân. Xã đã được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 08 biên chế: 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 97% (2020).

Giao thông:

- Xã có 2 tuyến Đường tỉnh 878B và 879; 2 tuyến Đường huyện 28B, 28C.

- Đường xã: Trên địa bàn toàn xã có 5 tuyến, dài 10,530km; đã đầu tư xây dựng mặt đường láng nhựa đạt tiêu chuẩn cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải, đạt tỷ lệ 100% so Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Đường ấp: Xã có 7 tuyến dài 10,340km đã đạt tiêu chuẩn kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải, đạt tỷ lệ 100%.

- Đường dân sinh: Xã có 10 tuyến dài 9,100 km đã đạt chuẩn, tỷ lệ 100%.

Các tuyến đường đã được kết nối thông suốt trên địa bàn xã và với các địa phương khác, tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội.

Xã còn có các trục kênh chính, gồm kênh/kinh Bảo Định, rạch Ông Đăng, kênh/kinh Miếu Điền và kênh/kinh Cầu Giữa,... thuận lợi cho việc tưới tiêu và chống ngập úng trong mùa lũ, đảm bảo phục vụ sản xuất nông nghiệp và giao thông thủy.

Văn hóa:

Xã có 07 Ấp văn hóa và được công nhận Xã văn hóa nông thôn mới vào năm 2019, hàng năm có 100% gia đình đăng ký gia đình văn hóa, qua bình xét có từ 95% hộ trở lên đạt tiêu chuẩn.

Du lịch:

Xã có một số di tích lịch sử, như đình thần Mỹ Tịnh An (thờ Anh hùng dân tộc Nguyễn Hữu Huân), nơi thực dân Pháp xử án chém Nguyễn Hữu Huân, mộ bà Lê Thị Lộc (phu nhân của Nguyễn Hữu Huân),… thu hút đông đảo du khách đến tham quan, thăm viếng.

Thể thao:

Phong trào thể dục - thể thao của xã tập trung vào bóng đá, bóng chuyền, cầu lông và đi bộ.

Tổng số liệt sĩ: 220 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ VN anh hùng: 39 Bà mẹ.

13. Xã Phú Kiết

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

富 Phú: Giàu có

吉 Cát (Kiết): Tốt lành

富吉社 Phú Kiết Xã

Vị trí địa lý:

Xã Phú Kiết nằm về phía Tây Bắc huyện Chợ Gạo, phía Đông giáp xã Thanh Bình và một phần của xã Mỹ Tịnh An; phía Tây giáp xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành; phía Nam giáp xã Lương Hòa Lạc; phía Bắc giáp xã Hòa Tịnh và một phần của xã Mỹ Tịnh An.

Diện tích đất tự nhiên: 1.142,19 ha.

Hành chính:

Xã có 08 ấp: Phú Lợi A, Phú Lợi B, Phú Lợi C, Phú Khương A, Phú Khương B, Phú Khương C, Phú Thạnh A và Phú Thạnh.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Phú An thuộc tổng Kiến Thạnh, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn Phú An được đổi thành thôn Phú Kiết thuộc tổng Thạnh Quơn, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, làng Phú Kiết thuộc tổng Thạnh Quơn, tỉnh Mỹ Tho; năm 1913, làng Phú Kiết thuộc tổngThạnh Quơn, quận Bến Tranh, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Phú Kiết thuộc tổng Thạnh Quơn, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Phú Kiết thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn đặt xã Phú Kiết thuộc quận Bến Tranh, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Phú Kiết thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Năm 2015 , xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới. Năm 2020, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao.

Dân số: 11.409 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 58,18 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Là xã nông nghiệp, với trên 50% dân số sinh sống chủ yếu bằng hoạt động sản xuất nông nghiệp, số còn lại hoạt động trong lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ mua bán khác, vì thế, xã Phú Kiết luôn quan tâm thực hiện tái cơ cấu ngành Nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu kinh tế trong sản xuất nông nghiệp cho phù hợp với thế mạnh của địa phương theo hướng "Vườn, màu, chăn nuôi". Năm 2021, xã Phú Kiết có diện tích vườn 871ha, trong đó, thanh long 24ha (có 16 ha thực hiện theo mô hình VietGAP), bưởi 24ha, dừa 578ha, chanh trên 23ha.

Trên địa bàn xã có 146 cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, các cơ sở này hoạt động rất có hiệu quả, kịp thời đáp ứng nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hóa

trong nhân dân. Nếu như năm 2015, xã Phú Kiết chỉ có 01 hợp tác xã (HTX) thì đến nay đã có 02 HTX là HTX Nước sinh hoạt nông thôn Phú Lợi A và HTX Chăn nuôi cút Tấn Lực với 1.200 thành viên, có những đóng góp tích cực, góp phần thúc đẩy kinh tế phát triển, tạo việc làm cho hàng trăm lao động.

Giáo dục:

Xã có 02 trường: Trường tiểu học Phú Kiết và Trường mầm non Phú Kiết. Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 93% (2020).

Giao thông:

- Đường xã: có 10 tuyến với chiều dài 20.375 m, đã được cứng hóa 100%.

- Đường ấp và đường liên ấp: có 05 tuyến đường ấp với tổng chiều dài 4.640 m. Đã được cứng hóa đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.

- Đường dân sinh: có 16 tuyến đường dân sinh với tổng chiều dài 11.200/11.200 m, không lầy lội vào mùa mưa, trong đó cứng hóa đạt chuẩn 100%.

Văn hóa:

Xã đã xây dựng Nhà văn hóa đa năng với diện tích trên 500 m^2 địa điểm tại ấp Phú Lợi A. Hội trường nhà văn hóa đa năng: có sức chứa trên 200 chỗ ngồi.

Nhà văn hóa xã, nhà văn hóa ấp, liên ấp được cung cấp và trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, như bàn, ghế, tượng Bác, bục phát biểu, phông màn, loa máy, sách báo, bàn bóng bàn,… Các thiết chế văn hóa của xã hoạt động có hiệu quả đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa, tập luyện thể dục thể thao cho người dân trên địa bàn.

Du lịch:

Xã có Bia đào kênh/kinh Bảo Định được tạo tác năm 1819 dưới thời vua Gia Long nên thu hút các nhà nghiên cứu và những người yêu thích lịch sử đến tham quan.

Thể thao:

Diện tích đất quy hoạch khu thể thao (chưa tính diện tích sân bóng đá của xã) với tổng diện tích 1.500m^2: gồm sân bóng chuyền, cầu lông, sân bóng đá mini, sân tập thể dục dưỡng sinh tại Nhà văn hóa xã và Nhà văn hóa các ấp. Trung tâm văn hóa thể thao xã có đủ dụng cụ tập luyện thể dục thể thao. Xã có 1 sân bóng đá lớn diện tích là 7.350m^2 ; địa điểm tại ấp Phú Lợi A.

Tổng số liệt sĩ: 251 người.

Tổng số Bà mẹ VN anh hùng: 47 Bà mẹ.

14. Xã Quơn Long

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

光 Quang (Quơn): Sáng đẹp, rực rỡ

隆 Long: Hưng thịnh

光隆社 Quơn Long Xã

Vị trí địa lý:

Xã Quơn Long nằm về phía Đông Bắc huyện Chợ Gạo, phía Đông giáp xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây; phía Tây giáp xã Tân Thuận Bình; phía Nam giáp kênh/kinh Chợ Gạo; phía Bắc giáp với tỉnh Long An.

Diện tích tự nhiên: 1.330,22ha.

Hành chính:

Xã có 8 ấp: Quang Thọ, Quang Phú, Quang Ninh, Quang Khương, Long An, Long Hòa, Long Hiệp.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Bình Quơn thuộc tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn này thuộc tổng Hòa Hảo, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; năm 1878, làng Bình Long được thành lập trên cơ sở điều chỉnh một phần diện tích và dân số của làng Bình Phục Nhứt; từ năm 1900, hai làng Bình Quơn và Bình Long thuộc tổng Hòa Hảo, tỉnh Mỹ Tho; năm 1912, hai làng Bình Quơn và Bình Long thuộc tổng Hòa Hảo, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; năm 1923, hợp nhất hai làng Bình Quơn và Bình Long lấy tên là làng Quơn Long, thuộc tổng Hòa Hảo, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Quơn Long thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Quơn Long thuộc tổng Hòa Hảo, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Quơn Long thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn đặt xã Quơn Long thuộc quận Chợ Gạo, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Quơn Long thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Năm 2019, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

Dân số: 10.415 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 60 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Chủ yếu là nông nghiệp: Trồng chuyên canh cây thanh long. Năm 2021, toàn xã có 1.987 hộ dân trồng thanh long với diện tích là 1.057 ha, trong đó có 352,57 ha được chứng nhận theo tiêu chuẩn VietGAP.

Giáo dục:

Xã có 03 trường: Trường trung học cơ sở Quơn Long, Trường tiểu học Quơn Long và Trường mầm non Quơn Long. Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 93% (2020).

Giao thông:

Đi qua xã có Đường tỉnh 879D, Đường huyện 25, Đường huyện 26/3, Đường huyện 26C. Các tuyến đường xã, đường liên ấp đã được nhựa hóa, bê-tông hóa đạt 100%.

Trên địa bàn xã có 40 tuyến kênh chiều dài 51,107 km trong đó 03 tuyến kênh cấp 2 do huyện quản lý.

Văn hóa:

Xã có Trung tâm văn hóa - thể thao xã đạt chuẩn quy định; 08/08 ấp đạt danh hiệu Ấp văn hóa hàng năm; có 02 cơ sở thờ tự văn hóa (Thánh thất cao đài chơn lý Quơn Long, Đình văn hóa Quơn Long); có 2 con đường văn hóa (đường văn hóa trung tâm ấp Long Hiệp, đường văn hóa trung tâm ấp Long An). Hàng năm, tỷ lệ gia đình văn hóa đạt từ 90% trở lên.

Du lịch:

Xã có Di tích cách mạng Đài vô tuyến điện Xứ ủy Nam Bộ, tọa lạc tại ấp Quang Thọ. Hàng năm, di tích thu hút du khách đến tham quan.

Thể thao:

Toàn xã hiện có 01 khu thể thao tại Trung tâm văn hóa - thể thao xã, tọa lạc tại ấp Long Thạnh. Xã có 01 đội bóng đá, 01 đội bóng chuyền, 01 câu lạc bộ cờ tướng, 8/8 ấp đều có đội bóng đá, bóng chuyền,... Năm 2020, số người luyện tập thể dục thể thao thường xuyên là 4.116/10.415 đạt 39,52%, số gia đình luyện tập thể dục thể thao thường xuyên là 837/2.929 đạt 28,58%.

Tổng số liệt sĩ: 265 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ VN anh hùng: 69 Bà mẹ.

15. Xã Song Bình

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

双 Song : Song song

平 Bình: Hoà bình, bình đẳng

双平社 Song Bình Xã

Vị trí địa lý:

Xã Song Bình nằm về phía Tây huyện Chợ Gạo, phía Đông giáp xã Long Bình Điền, xã Đăng Hưng Phước; phía Tây giáp xã Tân Mỹ Chánh, thành phố Mỹ Tho; phía Nam giáp kênh/kinh Chợ Gạo; phía Bắc giáp xã Mỹ Phong, xã Thanh Bình.

Diện tích tự nhiên: 1.230,54 ha.

Hình chính:

Xã Song Bình có 7 ấp: Bình Long, Bình An, Bình Thuận, Bình Hòa A, Bình Hiệp, Bình Hòa B và Tân Tỉnh.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có hai thôn Bình Hài và Bình Thời thuộc tổng Kiến Thạnh, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, hai thôn này thuộc tổng Thạnh Phong, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường. Năm 1848, đời vua Tự Đức, thôn Bình Thời được đổi tên thành thôn Bình Thạnh vì kỵ úy của vua Tự Đức: Nguyễn Phúc Thời (Nguyễn Phúc Hồng Nhậm).

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, hai làng Bình Hài và Bình Thạnh thuộc tổng Thạnh Phong, tỉnh Mỹ Tho; năm 1912, hai làng này thuộc tổng Thạnh Phong, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; năm 1923, hợp nhất hai làng Bình Hài và Bình Thạnh lấy tên là làng Song Bình, thuộc tổng Thạnh Phong, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Song Bình thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Song Bình thuộc tổng Thạnh Phong, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Song Bình thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn đặt xã Song Bình thuộc quận Chợ Gạo, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Song Bình thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Năm 2019, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

Dân số : 8.116 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 60,62 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Là xã thuần nông, xã Song Bình quan tâm phát huy thế mạnh trồng trọt theo hướng chuyển mạnh mẽ cây trồng, vật nuôi, tạo cơ cấu phù hợp, định hình những vùng sản xuất chuyên canh, giúp nông dân tăng thu nhập, ổn định cuộc sống và xây dựng nông thôn mới thành công. Từ định hướng trên, năm 2020, địa phương đã xây dựng được vùng trồng thanh long xuất khẩu gần 100 ha, trên 317 ha dừa chuyên canh và gần 200 ha bưởi da xanh. Đây là những cây trồng đặc sản được thị trường ưa chuộng và mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Giáo dục:

Xã có 02 trường học: Trường tiểu học Song Bình và Trường mầm non Song Bình đều đạt chuẩn quốc gia. Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 09 biên chế: 01 bác sĩ, 05 y sĩ, 02 dược sĩ, 01 điều dưỡng. Tất cả các ấp đều có tổ y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 91%.

Giao thông:

Chủ yếu là giao thông đường bộ kết nối với các tuyến Quốc lộ, Đường tỉnh, Đường huyện và các tuyến Đường xã, liên ấp, tạo nên hệ thống giao thông xuyên suốt, hoàn chỉnh. Năm 2020, toàn xã có 24,3 km tuyến đường giao thông nông thôn được trải nhựa, đổ đá xanh, bê tông dài 11,4 km, đảm bảo tốt việc đi lại và vận chuyển hàng hóa của nhân dân.

Văn hóa:

Năm 2018, xã Song Bình đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; có 01 Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã và Nhà văn hóa các ấp, 01 ngôi đình, 2 chùa, 1 thánh thất, 1 chi hội đạo Tin lành, 1 ngôi miếu, 1 di tích lịch sử cấp tỉnh là Bia tưởng niệm 8 dân công tải đạn. Hàng năm, có trên 98% số gia đình đạt danh hiệu "Gia đình văn hóa".

Du lịch:

Xã có 1 di tích lịch sử cấp tỉnh là Bia tưởng niệm 8 dân công tải đạn xã Song Bình, thu hút đông đảo du khách, học sinh, sinh viên đến tham quan.

Thể thao:

Xã có trung tâm văn hóa - thể thao với các sân bóng chuyền, cầu lông, các sân bóng đá mini của tư nhân, đảm bảo nhu cầu tập luyện thể thao cho nhân dân.

Tổng số liệt sĩ: 326 liệt sĩ

Tổng số Bà mẹ Việt Nam Anh hùng : 34 Bà mẹ.

16. Xã Tân Bình Thạnh

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

新 Tân: Mới mẻ

平 Bình: Hoà bình, bình đẳng

盛 Thịnh (Thạnh): Thịnh vượng, tươi tốt, phồn vinh

新平盛社 Tân Bình Thạnh Xã

Vị trí địa lý:

Xã Tân Bình Thạnh nằm về phía Tây Bắc huyện Chợ Gạo, phía Đông giáp tỉnh Long An; phía Tây giáp xã Trung Hòa và xã Mỹ Tịnh An; phía Nam giáp xã Mỹ Tịnh An và tỉnh Long An; phía Bắc giáp xã Trung Hòa và tỉnh Long An.

Diện tích tự nhiên: 1126,85 ha.

Hành chính:

Xã có 4 ấp: Tân Mỹ, Nhựt Tân, Bình Cách và Song Thạnh.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có bốn thôn Tân Thạnh, Bình Cách, Thạnh Mỹ và Nhựt Tân, thuộc tổng Kiến Thạnh, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, có ba thôn Song Thạnh (do hai thôn Tân Thạnh và Thạnh Mỹ hợp nhất), Bình Cách và Nhựt Tân, thuộc tổng Thạnh Quơn, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, ba làng Song Thạnh, Bình Cách và Nhựt Tân thuộc tổng Thạnh Quơn, tỉnh Mỹ Tho; năm 1925, hai làng Bình Cách và Song Thạnh hợp nhất lấy tên là làng Bình Thạnh, thuộc tổng Thạnh Quơn, quận Bến Tranh, tỉnh Mỹ Tho; năm 1932, sáp nhập hai làng Nhựt Tân và Bình Thạnh lấy tên làng Tân Bình Thạnh thuộc tổng Thạnh Quơn, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Tân Bình Thạnh thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Tân Bình Thạnh thuộc tổng Thạnh Quơn, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Tân Bình Thạnh thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn đặt xã Tân Bình Thạnh thuộc quận Bến Tranh, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Tân Bình Thạnh thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Năm 2018, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

Dân số: 8.014 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 55 triệu/người/năm (2020).

Kinh tế:

Đời sống kinh tế của nhân dân chủ yếu là sản xuất nông nghiệp (trồng trọt và chăn nuôi), tỷ lệ nhân dân tham gia các lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ còn ít, nhưng cũng không hoàn toàn thoát khỏi sản xuất nông nghiệp.

Giáo dục:

Xã có 03 trường học: Trường mầm non Tân Bình Thạnh, Trường tiểu học Tân Bình Thạnh và Trường trung học cơ sở Tân Bình Thạnh. Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 08 biên chế: 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 96% (2020).

Giao thông:

Xã Tân Bình Thạnh có 2 tuyến Đường tỉnh 878B và 879B đi qua, có 4 tuyến đường xã với tổng chiều dài 9,055 km, 13 tuyến đường ấp với tổng chiều dài 18,5 km được đầu tư xây dựng mặt đường láng nhựa, 7 tuyến đường dân sinh dài 6,3 km được cán bê tông xi măng đạt 100%.

Văn hóa:

Xã có 01 Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã và Nhà văn hóa các ấp; có 4/4 Ấp văn hóa và được công nhận xã văn hóa nông thôn mới vào năm 2015, hàng năm có 100% gia đình đăng ký gia đình văn hóa, qua bình xét có từ 95% hộ trở lên đạt tiêu chuẩn.

Du lịch:

Xã chưa có khu du lịch.

Thể thao:

Xã có trung tâm văn hóa - thể thao với các sân bóng chuyền, cầu lông, các sân bóng đá mini của tư nhân, đảm bảo nhu cầu tập luyện thể thao cho nhân dân.

Tổng số liệt sĩ: 249 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ VN anh hùng: 62 Bà mẹ.

17. Xã Tân Thuận Bình

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

新 Tân: Mới mẻ

順 Thuận: Thuận theo, suôn sẻ

平 Bình: Hoà bình, bình đẳng

新順平社 Tân Thuận Bình Xã

Vị trí địa lý:

Xã Tân Thuận Bình nằm về phía Bắc của huyện Chợ Gạo, phía Đông giáp xã Quơn Long, phía Tây giáp xã Đăng Hưng Phước, phía Nam giáp kênh/kinh Chợ Gạo, phía Bắc giáp xã An Lục Long, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Diện tích tự nhiên: 1.225,72 ha.

Hành chính:

Xã có 10 ấp: Tân Hòa, Tân Thành, Tân Đông, Tân Thắng, Tân Hưng, Tân Phú 1, Tân Phú 2, Tân Bình 1, Tân Bình 2A và Tân Bình 2B.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có hai thôn Tân Hóa và Thuận Hòa thuộc tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, có ba thôn Tân Hòa, Thuận Hòa và Bình Phục Đông, thuộc tổng Hòa Hảo, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, ba làng Tân Hóa, Thuận Hòa và Bình Phục Đông thuộc tổng Hòa Hảo, tỉnh Mỹ Tho; năm 1923, ba làng này hợp nhất lấy tên là làng Tân Thuận Bình, thuộc tổng Hòa Hảo, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Tân Thuận Bình thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Tân Thuận Bình thuộc tổng Hòa Hảo, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Tân Thuận Bình thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn đặt xã Tân Thuận Bình thuộc quận Chợ Gạo, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Tân Thuận Bình thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Năm 2018, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới. Năm 2021, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao.

Dân số: 11.081 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 62,30 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Kinh tế của xã chủ yếu là sản xuất nông nghiệp; xã tập trung thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp với trọng tâm là vận động nhân dân đầu tư sản xuất nông nghiệp, phát triển các cây trồng, vật nuôi chủ lực có giá trị kinh tế cao và có lợi thế của xã. Từ năm 2010, người dân trong xã đã chuyển từ trồng nếp bè sang cây thanh long. Năm 2021, diện tích cây thanh long trên địa bàn xã hiện có là 712 ha, được công nhận tiêu chuẩn VIETGAP là 289,66 ha.

Giáo dục:

Xã có 03 trường học: Trường mầm non Tân Thuận Bình (đạt chuẩn Quốc gia), Trường tiểu học Tân Thuận Bình (đạt chuẩn Quốc gia) và Trường trung học cơ sở Tân Thuận Bình.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 95,5% (2020).

Giao thông:

Địa bàn xã có tuyến tránh Quốc lộ 50, Đường tỉnh 879D và tuyến kênh Chợ Gạo đi qua rất thuận lợi cho giao thương, hàng hóa phát triển kinh tế địa phương. Năm 2021, toàn xã có 10 tuyến đường xã với tổng chiều dài 24,237 km, 04 tuyến đường ấp với tổng chiều dài 4,070 km được đầu tư xây dựng mặt đường láng nhựa đạt tiêu chuẩn cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải, đạt tỷ lệ 100% so Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới và có 10 tuyến đường dân sinh dài 2,543 mét, được trải bê tông, đạt 72,4% so Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Văn hóa:

Năm 2018 xã được đầu tư xây dựng 01 Trung tâm văn hóa - thể thao đặt tại Ủy ban Nhân dân xã và 02 Nhà văn hóa liên ấp đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu hưởng thu văn hóa của nhân dân.

Du lịch:

Di tích Gò Thành thuộc nền văn hóa Óc Eo, tọa lạc tại ấp Tân Thành, xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, cách thành phố Mỹ Tho khoảng 10km về hướng Đông - Đông Bắc.

Năm 1994, di tích khảo cổ Gò Thành được Bộ Văn hoá - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia, thu hút du khách trong và ngoài nước đến tham quan.

Thể thao:

Phong trào thể dục - thể thao được nhân dân thực hiện thường xuyên, vào các dịp lễ như Quốc khánh 02/9, 30/4,... đều có tổ chức thi đấu thể thao, đồng thời vào các dịp Tết Nguyên đán đều có đăng ký tham gia các môn thể thao do huyện tổ chức.

Xã có sân bóng đá diện tích 4.800m^2 tọa lạc tại ấp Tân Thành, đảm bảo phục vụ nhu cầu thể dục thể thao của nhân dân trên địa bàn xã.

Tổng số liệt sĩ: 228 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ VN anh hùng: 45 Bà mẹ.

18. Xã Thanh Bình

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

清 Thanh: Trong sạch

平 Bình: Hoà bình, bình đẳng

清平社 Thanh Bình Xã

Vị trí địa lý:

Xã Thanh Bình nằm về phía Tây huyện Chợ Gạo, phía Đông giáp xã Đăng Hưng Phước, huyện Chợ Gạo; xã Long Trì, huyện Châu Thành, tỉnh Long An; phía Tây giáp xã Phú Kiết, xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo; phía Nam giáp xã Song Bình, huyện Chợ Gạo, xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho; phía Bắc giáp xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo.

Diện tích tự nhiên: 1.399,60 ha.

Hành chính:

Xã có 06 ấp: Trường Xuân A, Bình Phú, Bình Long, Trường Xuân B, Đăng Phong, Thạnh Đăng.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có hai thôn Thanh Xuân và Bình Dương thuộc tổng Kiến Thạnh, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, hai thôn này thuộc tổng Thạnh Quơn, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, hai làng Thanh Xuân và Bình Dương thuộc tổng Thạnh Quơn, tỉnh Mỹ Tho; năm 1923, hai làng này hợp nhất lấy tên là làng Thanh Bình, thuộc tổng Thạnh Quơn, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Thanh Bình thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Thanh Bình thuộc tổng Thạnh Quơn, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Thanh Bình thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn đặt xã Thanh Bình thuộc quận Chợ Gạo, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Thanh Bình thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Xã được tuyên dương danh hiệu cao quý: Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Năm 2015, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

Dân số: 10.078 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 48 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Xã Thanh Bình vận động nhân dân chuyển đổi cây trồng, vật nuôi, ứng dụng khoa học, kỹ thuật mới trong sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả; trong đó, tập trung chuyển đổi từ trồng lúa và nếp sang trồng cây thanh long, dừa và các loại rau màu,… cho thu nhập cao hơn cây lúa, nếp từ 2 đến 3 lần. Ngoài ra, xã còn chú trọng phát triển tiểu thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ.

Giáo dục:

Xã có 03 trường học: Trường mầm non Thanh Bình, Trường tiểu học Thanh Bình, Trường trung học cơ sở Thanh Bình (cả trường đều đạt chuẩn Quốc gia).

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 96% (2020).

Giao thông:

Trên địa bàn xã có 18 tuyến đường giao thông do xã quản lý, chiều dài 27,501 km được nhựa hóa toàn bộ, đạt tỷ lệ 100%.

Văn hóa:

Xã có Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã đạt chuẩn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Phong trào xây dựng đời sống văn hóa mới ở khu dân cư được các tầng lớp nhân dân tích cực hưởng ứng. Xã được công nhận Xã văn hóa, 6/6 ấp được công nhận Ấp văn hóa; 96% hộ được công nhận gia đình văn hóa (2020).

Du lịch:

Xã có các di tích lịch sử, như Chiến thắng ở Ruộng Gò, chiến thắng Bảy Dũng sĩ xóm Ao... thu hút du khách, nhất là học sinh, sinh viên, đến tham quan dưới hình thức du lịch "Về nguồn".

Thể thao:

Xã có Trung tâm Văn hóa - Thể thao đạt chuẩn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Phong trào toàn dân tham gia tập luyện thể dục - thể thao ngày càng phát triển.

Tổng số liệt sĩ: 487 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ VN anh hùng: 74 Bà mẹ.

19. Xã Trung Hòa

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

忠 Trung: Trung thành

和 Hòa: Hòa hợp, hòa thuận

忠和社 Trung Hòa Xã

Vị trí địa lý:

Xã Trung Hòa có vị trí nằm về phía Tây Bắc của huyện Chợ Gạo, phía Đông giáp xã Tân Bình Thạnh, huyện Chợ Gạo; phía Tây giáp xã Hòa Tịnh, huyện Chợ Gạo, xã Tân Hương, huyện Châu Thành; phía Nam giáp xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo; phía Bắc giáp xã An Vĩnh Ngãi, thành phố Tân An, tỉnh Long An và xã Hoà Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Diện tích tự nhiên: 1.079,35 ha.

Hành chính:

Xã có 05 ấp: Trung Lợi, Trung Chánh, Phú Hòa, Trung Hòa và Trung Thạnh.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có hai thôn Bình Trung và Phú Hòa thuộc tổng Kiến Thạnh, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, có hai thôn Trung Lộc (do Bình Trung đổi tên) và Phú Hòa thuộc tổng Thạnh Quơn, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường. Năm 1848, đời vua

Tự Đức, hai thôn Trung Lộc và Phú Hòa hợp nhất thành thôn Trung Hòa thuộc tổng Thạnh Quơn, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, làng Trung Hòa thuộc tổng Thạnh Quơn, tỉnh Mỹ Tho; năm 1912, làng này thuộc tổng Thạnh Quơn, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Trung Hòa thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Trung Hòa thuộc tổng Thạnh Quơn, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Trung Hòa thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn đặt xã Trung Hòa thuộc quận Chợ Gạo, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Trung Hòa thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Năm 2017, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới. Năm 2021, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao.

Dân số: 7.338 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 61,2 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Có trên 80% người dân sinh sống nhờ vào sản xuất nông nghiệp (trồng lúa, cây thanh long, cây dừa, cây ăn trái (bưởi, chanh),… chăn nuôi gia súc, gia cầm); còn lại hoạt động trong lĩnh vực tiểu - thủ công nghiệp và các dịch vụ mua bán theo hướng nhỏ lẻ.

Giáo dục:

Xã có 02 trường học: Trường mầm non Trung Hòa, Trường tiểu học Trung Hòa (đạt chuẩn Quốc gia).

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 92% (2020)..

Giao thông:

Qua xã có Đường tỉnh 878B và 879, Đường huyện 29 và 30.

Đường xã có 08 tuyến, được trải nhựa, chiều dài 11,7 km.

Đường trục ấp có 10 tuyến, chiều dài 13,4km, đều được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.

Đường ngõ, xóm có 04 tuyến dài 4,3km , sạch và không lầy lội vào mùa mưa: đạt 100% cứng hóa.

Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm

Văn hóa:

Xã có Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã đạt chuẩn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Phong trào xây dựng đời sống văn hóa mới ở khu dân cư được các tầng lớp nhân dân tích cực hưởng ứng. Xã được công nhận Xã văn hóa, 5/5 ấp được công nhận Ấp văn hóa; 95,5% hộ được công nhận gia đình văn hóa (2020).

Du lịch:

Xã thuộc vùng nông thôn nên về du lịch chưa phát triển.

Thể thao:

- Xã có 01 sân vận động với diện tích trên 5.000m^2, 02 sân bóng mi ni.

- Trung tâm văn hóa - thể thao xã có đủ các trang thiết bị tập luyện thể dục – thể thao.

Tổng số liệt sĩ: 195 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ VN anh hùng: 39 Bà mẹ.

20. Xã Xuân Đông

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

春 Xuân: Mùa xuân

東 Đông: Phía đông.

春東社 Xuân Đông Xã

Vị trí địa lý:

Xã Xuân Đông nằm về phía Nam của huyện Chợ Gạo; phía đông giáp xã Hòa Định; phía Tây và phía Nam giáp sông Tiền; phía Bắc giáp kênh/kinh Chợ Gạo.

Diện tích tự nhiên: 1.514,64 ha.

Hành chính:

Xã có 6 ấp: Tân Thạnh, Tân Thuận, Tân Ninh, Tân Hòa, An Lạc Trung, An Lạc Thượng

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có hai thôn Tân Xuân và Tân Tĩnh thuộc tổng Kiến Thạnh, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, có ba thôn Tân Xuân, Tân Tĩnh và Tân Tĩnh Đông thuộc tổng Thạnh Phong, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, ba làng Tân Xuân, Tân Tĩnh và Tân Tĩnh Đông thuộc tổng Thạnh Phong, tỉnh Mỹ Tho; năm 1912, ba làng này thuộc tổng Thạnh Phong, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; năm 1923, ba làng Tân Xuân, Tân Tĩnh và Tân Tĩnh Đông hợp nhất lấy tên là làng Xuân Đông, thuộc tổng Thạnh Phong, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Xuân Đông thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Xuân Đông thuộc tổng Thạnh Phong, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Xuân Đông thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn đặt xã Xuân Đông thuộc quận Chợ Gạo, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Xuân Đông thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Năm 2019, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

Dân số: 8.977 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 57,76 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Có trên 80% người dân sinh sống nhờ vào sản xuất nông nghiệp (chủ lực là cây dừa và cây mai vàng,… chăn nuôi gia súc, gia cầm); số người làm tiểu - thủ công nghiệp và các dịch vụ mua bán chiếm tỷ lệ nhỏ.

Giáo dục:

Xã có 03 trường học: Trường mầm non Xuân Đông, Trường tiểu học Xuân Đông, Trường trung học cơ sở Xuân Đông.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 95% (2020).

Giao thông:

Xã Xuân Đông nằm trên các trục giao thông thủy bộ quan trọng của huyện như: Đường huyện 24, kênh Chợ Gạo thuận lợi trong việc đi lại và giao thương hàng hóa.

Xã có 5 tuyến đường xã, chiều dài 9,6km được đầu tư xây dựng mặt đường láng nhựa, bê tông xi măng đạt tiêu chuẩn cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải; 7 tuyến đường ấp, chiều dài trên 11km cũng được đầu tư xây dựng mặt đường láng

nhựa, bê tông xi măng, cấp phối đá dăm; 12 tuyến đường dân sinh, chiều dài trên 8km được cán xi măng và trải.

Văn hóa:

Xã có Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã đạt chuẩn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Tỷ lệ ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng đạt 100%. Năm 2021, xã có 2.452/2.562 hộ được công nhận gia đình văn hóa, đạt 95,7%. Có 6 ấp được công nhận đạt tiêu chí văn hóa và giữ vững danh hiệu "Ấp văn hóa" liên tục từ 05 năm trở lên, chiếm tỷ lệ 100%.

Du lịch:

Định hướng phát triển du lịch vườn mai và du lịch tâm linh trên địa bàn xã với Niệm Phật đường Liên Hoa - Quan âm Phật đài,…

Thể thao:

Xã có nhà văn hóa, có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định, tỷ lệ ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng đạt 100%.

Tổng số liệt sĩ: 109 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ VN anh hùng: 18 Bà mẹ.

* **Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn quốc lộ, đường cao tốc, đường tỉnh:**

Quốc lộ 50, đoạn ngang qua tỉnh Tiền Giang

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng mang yếu tố Hán Việt (Quốc: 國: Nước; Lộ: 路: Đường) + Số hiệu (50).

Quốc lộ 50 là tuyến đường nối liền từ Thành phố Hồ Chí Minh qua tỉnh Long An đến tỉnh Tiền Giang, bắt đầu từ cầu Nhị Thiên Đường, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, theo hướng nam đi qua huyện Bình Chánh (Thành phố Hồ Chí Minh), sang hai huyện Cần Giuộc và Cần Đước, tỉnh Long An, đến thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Tại trung tâm thị xã Gò Công, con đường rẽ sang hướng tây qua hai huyện Gò Công Tây, Chợ Gạo và kết thúc tại thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, với tổng chiều khoảng dài 95 km.

Quốc lộ 50 đoạn ngang qua tỉnh Tiền Giang bắt đầu từ km 41 tại cầu Mỹ Lợi, xã Bình Đông, thị xã Gò Công, xuyên qua thị xã Gò Công, hai huyện Gò Công Tây, Chợ Gạo và kết thúc tại km 95, ngã ba Trung Lương, Phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, dài 54 km.

*** Tỉnh lộ:**

1. Đường tỉnh 877

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (877).

Đường tỉnh 877, có số hiệu đường bộ ĐT.877; điểm đầu: Đường tỉnh 862 (Phường 5 và xã Long Hòa, thị xã Gò Công); điểm cuối: Kênh Chợ Gạo - Bến đò Quơn Long (xã Bình Phục Nhứt, huyện Chợ Gạo); chiều dài: 29,734 km.

2. Đường tỉnh 877B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (877B).

Đường tỉnh 877B, có số hiệu đường bộ ĐT.877B; điểm đầu: Quốc lộ 50 (Ngã ba xã An Thạnh Thủy, huyện Chợ Gạo); điểm cuối: Giáp Biển Đông (xã Phú Tân, huyện Tân Phú Đông); chiều dài: 39,258 km.

3. Đường tỉnh 878B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (878B).

Đường tỉnh 878B, có số hiệu đường bộ ĐT.878B; điểm đầu: Quốc lộ 1 (Ngã ba Hòa Tịnh - xã Tân Lý Tây và xã Tân Hương, huyện Châu Thành); điểm cuối: ĐT.879B (xã Tân Bình Thạnh, huyện Chợ Gạo); chiều dài: 8,700 km.

4. Đường tỉnh 878C

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (878C).

Đường tỉnh 878C, có số hiệu đường bộ ĐT.878C; điểm đầu: Quốc lộ 1 (Ngã tư Lương Phú, xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành); điểm cuối: ĐT.879 (Chợ Bến Tranh, xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo); chiều dài: 1,293 km.

5. Đường tỉnh 879

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (879).

Đường tỉnh 879, có số hiệu đường bộ ĐT.879; điểm đầu: Đường Nguyễn Văn Giác (thành phố Mỹ Tho); điểm cuối: Giáp ranh tỉnh Long An (xã Trung Hòa, huyện Chợ Gạo); chiều dài: 15,358 km.

6. Đường tỉnh 879B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (879B).

Đường tỉnh 879B, có số hiệu đường bộ ĐT.879B; điểm đầu: Đường Nguyễn Trung Trực (thành phố Mỹ Tho); điểm cuối: Giáp ranh tỉnh Long An (xã Tân Bình Thạnh, huyện Chợ Gạo); chiều dài: 13,434 km.

7. Đường tỉnh 879C

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (879C).

Đường tỉnh 879C, có số hiệu đường bộ ĐT.879C; điểm đầu: Quốc lộ 50 (xã Long Bình Điền, huyện Chợ Gạo); điểm cuối: Giáp ranh tỉnh Long An (xã Đăng Hưng Phước, huyện Chợ Gạo); chiều dài: 6,590 km.

8. Đường tỉnh 879D

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (879D).

Đường tỉnh 879D, có số hiệu đường bộ ĐT.879D; điểm đầu: Quốc lộ 50 (xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo); điểm cuối: Giáp ranh tỉnh Long An (cầu Rạch Tràm, xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây); chiều dài: 10,648 km.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn đường huyện, đường phố ở huyện Chợ Gạo:**

Đường huyện:

1. Đường huyện 22

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (22).

Đường huyện 22 có số hiệu đường bộ ĐH.22; điểm đầu: Quốc lộ 50 (Đường 30 tháng 4, thị trấn Chợ Gạo); điểm cuối: Đường tỉnh 877E (xã Bình Phục Nhứt); chiều dài: 6,179 km.

2. Đường huyện 23

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (23).

Đường huyện 23 có số hiệu đường bộ ĐH.23; điểm đầu: Quốc lộ 50 (Đường 30 tháng 4, thị trấn Chợ Gạo); điểm cuối: Cầu Hòa Định - kênh Xuân Hòa (xã Hòa Định); chiều dài: 3,450 km.

3. Đường huyện 23B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (23) + Chữ cái La tinh (B).

Đường huyện 23B có số hiệu đường bộ ĐH.23B; điểm đầu: Đường huyện 23 (xã Hòa Định); điểm cuối: Cầu Ngang Thạnh Nhựt, ranh huyện Chợ Gạo và huyện Gò Công Tây; chiều dài: 7,685 km.

4. Đường huyện 23C

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (23) + Chữ cái La tinh (C).

Đường huyện 23C có số hiệu đường bộ ĐH.23C; điểm đầu: Cầu Hòa Định (xã Hòa Định); điểm cuối: cống Vàm Giồng, xã Bình Ninh); chiều dài: 10,369 km.

5. Đường huyện 24

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (24).

Đường huyện 24 có số hiệu đường bộ ĐH.24; điểm đầu: Đường huyện 23 (xã Hòa Định); điểm cuối: Đường Lộ Vàm (xã Xuân Đông); chiều dài: 6,722 km.

6. Đường huyện 24B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (24) + Chữ cái La tinh (B).

Đường huyện 24B có số hiệu đường bộ ĐH.24B; điểm đầu: Quốc lộ 50 (xã Song Bình); điểm cuối: Giáp ranh thành phố Mỹ Tho (xã Song Bình); chiều dài: 6,722 km.

7. Đường huyện 24C

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (24C) + Chữ cái La tinh (C).

Đường huyện 24C có số hiệu đường bộ ĐH.24C; điểm đầu: Công viên Chợ Gạo (thị trấn Chợ Gạo); điểm cuối: Quốc lộ 50 (xã Long Bình Điền); chiều dài: 3,456 km.

8. Đường huyện 25

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (25).

Đường huyện 25 có số hiệu đường bộ ĐH.25; điểm đầu: Đường Dương Văn Khoa (thị trấn Chợ Gạo); điểm cuối: Ranh xã Đồng Sơn (xã Quơn Long); chiều dài: 9,014 km.

9. Đường huyện 25C

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (25) + Chữ cái La tinh (C).

Đường huyện 25C có số hiệu đường bộ ĐH.25C; điểm đầu: Quốc lộ 50 (xã Tân Thuận Bình); điểm cuối: Đường huyện 26 (xã Tân Thuận Bình); chiều dài: 3,475 km.

10. Đường huyện 26

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (26) .

Đường huyện 26 có số hiệu đường bộ ĐH.26; điểm đầu: Đường tỉnh 879C (xã Đăng Hưng Phước); điểm cuối: Đường tỉnh 879D (xã Quơn Long); chiều dài: 7,769 km.

11. Đường huyện 26B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (26) + Chữ cái La tinh (B).

Đường huyện 26B có số hiệu đường bộ ĐH.26B; điểm đầu: Đường tỉnh 879C (xã Đăng Hưng Phước); điểm cuối: Giáp ranh thành phố Mỹ Tho (xã Song Bình); chiều dài: 5,136 km.

12. Đường huyện 26C

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (26) + Chữ cái La tinh (C).

Đường huyện 26C có số hiệu đường bộ ĐH.26C; điểm đầu: Đường huyện 25 (xã Tân Thuận Bình); điểm cuối: Đường tỉnh 879D (xã Quơn Long); chiều dài: 5,136 km.

13. Đường huyện 27

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (27).

Đường huyện 27 có số hiệu đường bộ ĐH.27; điểm đầu: Đường tỉnh 879C (xã Đăng Hưng Phước); điểm cuối: Đường tỉnh 879B (xã Thanh Bình); chiều dài: 4,350 km.

14. Đường huyện 27B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (27) + Chữ cái La tinh (B).

Đường huyện 27B có số hiệu đường bộ ĐH.27B; điểm đầu: Quốc lộ 50 (xã Long Bình Điền); điểm cuối: Đường huyện 27 (xã Đăng Hưng Phước); chiều dài: 6,276 km.

15.Đường huyện 27C

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (27) + Chữ cái La tinh (C).

Đường huyện 27C có số hiệu đường bộ ĐH.27C; điểm đầu: Đường tỉnh 879C (xã Đăng Hưng Phước); điểm cuối: Đường huyện 24B (xã Song Bình); chiều dài: 5,189 km.

16. Đường huyện 27D

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (27) + Chữ cái La tinh (D).

Đường huyện 27D có số hiệu đường bộ ĐH.27D; điểm đầu: Đường huyện 27 (xã Đăng Hưng Phước); điểm cuối: Đường huyện 24B (xã Song Bình); chiều dài: 4,650 km.

17. Đường huyện 27E

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (27) + Chữ cái La tinh (E).

Đường huyện 27E có số hiệu đường bộ ĐH.27E; điểm đầu: Đường huyện 27 (xã Đăng Hưng Phước); điểm cuối: 24B (xã Song Bình); chiều dài: 5,443 km.

18. Đường huyện 28

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (28).

Đường huyện 28 có số hiệu đường bộ ĐH.28; điểm đầu: Đường tỉnh 879B (xã Thanh Bình); điểm cuối: Đường tỉnh 879 (xã Lương Hòa Lạc); chiều dài: 5,633 km.

19. Đường huyện 28B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (28) + Chữ cái La tinh (B).

Đường huyện 28B có số hiệu đường bộ ĐH.28B; điểm đầu: Đường tỉnh 879B (xã Thanh Bình); điểm cuối: Đường tỉnh 879 (xã Phú Kiết); chiều dài: 6,559 km.

20. Đường huyện 28C

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (28) + Chữ cái La tinh (C).

Đường huyện 28C có số hiệu đường bộ ĐH.28C; điểm đầu: Đường tỉnh 879B (xã Mỹ Tịnh An); điểm cuối: Cầu Bà Thẻ (xã Mỹ Tịnh An); chiều dài: 5,500 km.

21. Đường huyện 29

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (29).

Đường huyện 29 có số hiệu đường bộ ĐH.29; điểm đầu: Đường tỉnh 878B (xã Tân Bình Thạnh); điểm cuối: Cầu Phú Trung (xã Trung Hòa); chiều dài: 3,610 km.

22. Đường huyện 30

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (30).

Đường huyện 30 có số hiệu đường bộ ĐH.30; điểm đầu: Đường tỉnh 879B (xã Tân Bình Thạnh); điểm cuối: Đường tỉnh 879 (xã Trung Hòa); chiều dài: 7,641 km.

23. Đường huyện 30B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (30) + Chữ cái La tinh (B).

Đường huyện 30B có số hiệu đường bộ ĐH.30B; điểm đầu: Đường đan đội 2, ấp Hòa Quới (xã Hòa Tịnh); điểm cuối: Cầu Hộ Tài, ranh huyện Châu Thành (xã Hòa Tịnh); chiều dài: 5,678 km.

24. Đường huyện 12

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (12).

Đường huyện 12 có số hiệu đường bộ ĐH.12; điểm đầu: Cầu Ngang Thạnh Nhựt, ranh huyện Gò Công Tây (xã Bình Ninh); điểm cuối: Đường tỉnh 877 (xã Bình Ninh); chiều dài: 0,858 km (nối Đường huyện12 Gò Công Tây).

Đường phố:

Tại Khoản 9, Điều 3, Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định: Đường phố là đường đô thị, gồm lòng đường và hè phố.

Theo định nghĩa trên thì có thể hiểu đường phố là phần đất được sử dụng cho việc đi lại của người dân và kết cấu hạ tầng công cộng, như cây xanh, đèn chiếu sáng, hệ thống đèn tín hiệu giao thông, hệ thống thoát nước, lòng đường cho xe di chuyển. Đường phố có vai trò quan trọng đối với những hoạt động đời sống của con người.

1. Đường 3-2

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Sự kiện lịch sử (3-2).

Sự kiện lịch sử:

Từ ngày 06/01 đến ngày 07/02/1930, Nguyễn Ái Quốc (Hồ Chí Minh) đã chủ động tổ chức và chủ trì Hội nghị hợp nhất Đảng tại Hương Cảng, Trung Quốc

Hội nghị đã quyết định hợp nhất các tổ chức Đảng (Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng, Đông Dương Cộng sản Liên đoàn) thành Đảng Cộng sản Việt Nam. Hội nghị thảo luận và thông qua các văn kiện do Nguyễn Ái Quốc (Hồ Chí Minh) soạn thảo: Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt và Điều lệ vắn tắt của Đảng Cộng sản. Hội nghị thông qua lời kêu gọi của Nguyễn Ái Quốc (Hồ Chí Minh) thay mặt Quốc tế Cộng sản và Đảng Cộng sản Việt Nam gửi đến đồng bào, đồng chí trong cả nước nhân dịp thành lập Đảng.

Hội nghị hợp nhất các tổ chức Cộng sản có ý nghĩa như là một Đại hội thành lập Đảng. Những văn kiện được thông qua tại Hội nghị hợp nhất chính là Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng đã quyết nghị lấy ngày 3 tháng 2 dương lịch hằng năm làm ngày kỷ niệm thành lập Đảng.

Hội nghị hợp nhất các tổ chức đảng cộng sản ở Việt Nam thành một Đảng Cộng sản duy nhất - Đảng Cộng sản Việt Nam - theo một đường lối chính trị đúng đắn, tạo nên sự thống nhất về tư tưởng, chính trị và hành động của phong trào cách mạng cả nước, hướng tới mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp, là sự khẳng định vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân Việt Nam và hệ tư tưởng Mác-Lênin đối với cách mạng Việt Nam. Sự kiện Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sự kiện lịch sử cực kỳ trọng đại, một bước ngoặt vô cùng quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam, đánh dấu một mốc son chói lọi trên con đường phát triển của dân tộc ta.

Sự ra đời của Đảng là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác-Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước của nhân dân Việt Nam, là sự kiện gắn liền với tên tuổi của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh.

Sự kiện thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và việc ngay từ khi ra đời, Đảng đã có Cương lĩnh chính trị xác định đúng đắn con đường cách mạng là giải phóng dân tộc theo phương hướng cách mạng vô sản, chính là cơ sở để Đảng Cộng sản Việt Nam vừa ra đời đã nắm được ngọn cờ lãnh đạo phong trào cách mạng Việt Nam; giải quyết được tình trạng khủng hoảng về đường lối cách mạng, về giai cấp lãnh đạo cách mạng diễn ra đầu thế kỷ XX, mở ra con đường và phương hướng phát triển mới cho đất nước Việt Nam. Chính đường lối này là cơ sở đảm bảo cho sự tập hợp lực lượng và sự đoàn kết, thống nhất của toàn dân tộc cùng chung tư tưởng và hành động để tiến hành cuộc cách mạng vĩ đại giành những thắng lợi to lớn sau này.

Đường 3-2 có điểm đầu: Ngã năm vòng xoay; điểm cuối: cầu Chợ Gạo (dây văng); chiều dài: 1,650 km; chiều rộng: 22,5 m.

2. Đường 30 - 4

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Sự kiện lịch sử (30-4).

Sự kiện lịch sử:

Ngày 30/4/1975, thường được gọi là Ngày 30 tháng 4 - Ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Đây là sự kiện chấm dứt cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam khi quân giải phóng tiến vào dinh "Độc Lập", tổng thống chính quyền Sài Gòn Dương Văn Minh cùng nội các tuyên bố đầu hàng vô điều kiện Quân giải phóng miền Nam Việt Nam vào trưa ngày 30/4/1975. Chiến thắng ngày 30/4/1975 đã chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc và chế độ quân chủ ở nước ta, giải phóng miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thống nhất đất nước; đồng thời, mở ra một kỷ nguyên mới của lịch sử dân tộc - kỷ nguyên cả nước bước vào thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Chiến thắng này đã đi vào lịch sử nước ta và của thế giới như một trang sử chói lọi ở những năm 70 của thế kỷ XX, mang tầm vóc quốc tế và ý nghĩa thời đại sâu sắc.

Đường 30 - 4 có điểm đầu: cầu Chợ Gạo (dây văng); điểm cuối: cầu sắt Bình Phan; chiều dài: 1,842 km; chiều rộng: 22,5 m.

3. Đường Lê Thị Lệ Chi

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Lê Thị Lệ Chi)

Tiểu sử danh nhân:

LÊ THỊ LỆ CHI

(1941 – 1972)

Lê Thị Lệ Chi sinh năm 1941 tại làng Bình Ninh, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Bình Ninh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình truyền thống cách mạng.

Căm thù bọn giặc dày xéo quê hương và giết chết người chồng thân yêu, năm 1961, bà tham gia cách mạng; và tuy con hãy còn nhỏ, nhưng bà vẫn hăng hái đi đầu trong các cuộc đấu tranh chính trị, tải đạn, tải thương,... Sau đó, bà được tổ chức cho đi học cứu thương rồi y tá, công tác tại trạm y tế xã. Với sự chăm chỉ, cần cù, tay nghề của bà ngày càng tiến bộ, phục vụ tốt việc điều trị cho thương binh và chữa bệnh cho nhân dân trong xã và các vùng phụ cận. Ngoài ra, bà còn trực tiếp đào nhiều hầm bí mật để che giấu thương binh, tránh sự phát hiện của địch.

Cuối năm 1969, bà được cấp trên cử đi học y sĩ ở vùng căn cứ giáp giới Campuchia thuộc tỉnh An Giang. Cuối năm 1971, mãn khóa học, bà trở về tỉnh nhà chờ phân công nhiệm vụ. Lúc này, người cha của bà đang công tác tại cơ quan hậu cần Tỉnh đội đã lớn tuổi, hai người em trai, một mới vừa hy sinh, một bị thương nặng; hơn nữa, chiến trường Chợ Gạo đang hồi rất gay go, địch đánh phá vô cùng ác liệt; nên tổ chức định điều bà về công tác ở Bệnh xá quân y tỉnh. Thế nhưng, với tinh thần tiến công cách mạng không ngừng, bà vẫn nhất quyết xin về huyện nhà công tác, dù biết sẽ gặp nhiều khó khăn, nguy hiểm.

Trở về Chợ Gạo, bà được cấp trên tin tưởng giao nhiệm vụ phụ trách Trạm xá dân y huyện đặt tại lõm du kích thuộc khu vực giáp ranh ba xã An Thạnh Thủy, Bình Ninh và Hòa Định. Tại đây, trong điều kiện thuốc men, y cụ còn nhiều thiếu thốn, đội ngũ thầy thuốc ít ỏi, mật độ bom pháo dầy đặc và địch thường xuyên càn quét; nhưng bà đã cùng với một đồng đội là nữ y tá Lê Thị Ngọc Tiến ra sức khắc phục khó khăn, hết lòng điều trị, chăm sóc hàng chục thương binh từ các chiến trường chuyển về.

Sáng ngày 15-4-1972, lực lượng bảo an ngụy ở chi khu Chợ Gạo càn quét vào địa hình của khu vực trạm xá. Sau khi cõng thương binh xuống hầm bí mật và bố trí bãi lựu đạn bảo vệ trạm xá, bà mới cùng người đồng đội của mình xuống hầm trú ẩn. Địch dùng thuổng sắt xom đất tìm hầm. Do hầm của bà mới làm, đất còn yếu, nên bị địch phát hiện. Bọn chúng đã đã dùng mọi cỡ súng bắn phá nắp hầm và bắt được hai bà.

Biết là nơi có thương binh, nên địch tra tấn hai bà rất dã man để mong hai bà khai báo. Nhưng, bọn chúng đã vấp phải tinh thần chiến đấu dũng cảm, kiên cường, bất khuất, gữ vững khí tiết của hai nữ chiến sĩ quân y cách mạng. Đánh đập suốt cả buổi chiều và trọn đêm, địch vẫn không khai thác được gì; nên đến rạng sáng ngày 16- 4-1972, bọn chúng đã dã man mổ bụng, giết chết hai bà.

Sau khi hai bà hy sinh, với lòng khâm phục và tiếc thương vô hạn, nhân dân đã lập miếu thờ hai nữ chiến sĩ cách mạng kiên cường đã vì nước quên thân tại lộ Thầy Sang thuộc xã Hòa Định. Ngày 23-5-2005, bà được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Tên bà được đặt tên đường ở thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Đường có điểm đầu: giao với đường 30-4; điểm cuối: giao với đường Nguyễn Đắc Thắng; chiều dài: 0,445 km; chiều rộng: 16 m.

4. Đường Trương Thành Công

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Trương Thành Công).

Tiểu sử danh nhân:

TRƯƠNG THÀNH CÔNG

(1952 – 1973)

Trương Thành Công, tên thật là Trương Thành Chơi, sinh năm 1952 tại xã Quơn Long, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Quơn Long, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân có truyền thống cách mạng.

Sớm giác ngộ cách mạng, năm 1969, ông tham gia lực lượng An ninh vũ trang huyện Chợ Gạo. Tháng 8-1970, ông được cấp trên điều về Đội An ninh vũ trang chuyên trách bảo vệ Tỉnh ủy thuộc Ban An ninh tỉnh Mỹ Tho. Ông đã cùng đồng đội dũng cảm, mưu trí đánh bại nhiều cuộc hành quân càn quét ác liệt của địch vào căn cứ của Tỉnh ủy Mỹ Tho đặt tại Long Tiên (huyện Cai Lậy), bảo vệ tuyệt đối an toàn cán bộ và cơ quan Tỉnh ủy.

Tháng 5-1971, địch tung 8 đại đội địa phương quân thuộc Tiểu khu Định Tường và 1 tiểu đoàn thuộc Sư đoàn 7, có phi pháo, máy bay yểm trợ, tấn công vào căn cứ Tỉnh ủy. Trước tình hình đó, ông cùng với đơn vị liên tục đánh chặn các mũi tiến công của quân địch. Sau 10 ngày đêm không thực hiện được ý định, địch buộc phải rút quân.

Tháng 7-1971, địch sử dụng 1 tiểu đoàn đánh vào căn cứ Tỉnh ủy. Đơn vị nhanh chóng đưa cán bộ Tỉnh ủy đi sơ tán. Theo sự phân công của cấp trên, ông cùng 2 đồng đội ở lại bám trụ đánh địch. Suốt 23 ngày đêm, tổ chiến đấu do ông chỉ huy diệt 83 tên địch, riêng ông diệt và làm bị thương 45 tên, bẻ gãy cuộc tấn công của địch.

Tháng 12-1971, địch đưa 1 tiểu đoàn thuộc Sư đoàn 7, có chỉ điểm dẫn đường, bất ngờ tấn công vào căn cứ Tỉnh ủy. Ông và cùng với đơn vị anh dũng chiến đấu suốt 1 tháng, đánh bại các cuộc tấn công của địch, diệt 14 tên.

Tháng 4-1973, địch càn vào căn cứ, ông và đơn vị chiến đấu, diệt gần 100 tên, bảo vệ an toàn cho cán bộ và giữ vững địa bàn.

Ngày 9-5-1973, trong một trận đánh quyết liệt với địch, ông bị thương nặng và không may sa vào tay giặc. Địch tra tấn ông rất dã man hòng khai thác tin tức. Nhưng, ông vẫn giữ vững khí tiết của một chiến sĩ cộng sản kiên trung, bất khuất, quyết giữ bí mật của tổ chức. Bất lực, địch đã giết hại ông.

Trong quá trình công tác và chiến đấu, ông được khen thưởng 1 Huân chương Quân công giải phóng hạng Nhì, 1 Huy chương Giải phóng hạng Nhì, 1 giấy chứng nhận Dũng sĩ Quyết thắng hạng Nhì và nhiều bằng khen, giấy khen. Ngày 24-1-1976, ông được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Tên ông - Trương Thành Công - được đặt tên đường ở thành phố Mỹ Tho và thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Đường Trương Thành Công có điểm đầu: giao với đường Trần Văn Ưng; điểm cuối: Cuối khu dân cư; chiều dài: 0,520 km; chiều rộng: 12 m.

5. Đường Trần Văn Hiển

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Trần Văn Hiển).

Tiểu sử danh nhân:

TRẦN VĂN HIỂN

(1900 – 1945)

Trần Văn Hiển còn được gọi là Trần Vinh Hiển, sinh năm 1900 tại làng Tân Thuận Bình, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang).

Ông xuất thân trong một gia đình nhân sĩ yêu nước nổi tiếng. Thân sinh của ông là Trần Văn Hoài (Hương trưởng Hoài) vừa trực tiếp tham gia vừa có nhiều đóng góp to lớn cho cách mạng.

Năm 1925, ông sang Pháp du học. Lúc ấy, cha của ông có sáng tác một bài thơ, nhắn nhủ ông hãy làm tròn trách nhiệm của người trí thức yêu nước đối với Tổ quốc:

Ba bảy muôn trùng lướt dặm khơi,

Đưa con đi học dặn đôi lời.

Bạc đầu chẳng tiếc công dời núi,

Xanh tóc đừng nao sức vá trời.

Đến nước thôi thời liều với nước,

Ở đời ai nỡ phú cho đời.

Đã sanh trách nhiệm làm nam tử,

Gánh vác cho đời há phải chơi.

Ở Pháp, ông tích cực hoạt động trong phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và trí thức, nên được kết nạp vào Đảng Cộng sản Pháp vào năm 1926.

Năm 1935, ông trở về nước; rồi lập ra nhà hàng "*Đêm Thanh*", nhằm hoạt động, xây dựng cơ sở cách mạng và kinh doanh, tạo nguồn tài chính cho Đảng.

Năm 1940, ông tham gia chỉ huy cuộc khởi nghĩa Nam kỳ ở huyện Chợ Gạo; và nghĩa quân đã chiếm được một số xã. Nhưng sau đó, thực dân pháp tiến hành đàn áp khốc liệt và cuộc khởi nghĩa bị thất bại. Vì thế, ông rút vào hoạt động bí mật tại Sài Gòn và Mỹ Tho.

Năm 1943, tại hội nghị Xứ ủy Nam kỳ được tổ chức tại nhà của cha ông ở Tân Thuận Bình (Chợ Gạo), ông được bầu là Ủy viên Xứ ủy Nam Kỳ. Từ đây, ông cùng với tập thể Xứ ủy ra sức hoạt động nhằm khôi phục phong trào cách mạng ở Nam kỳ.

Tháng 8 - 1945, ông cùng với các vị trong Tỉnh ủy Mỹ Tho lãnh đạo cuộc khởi nghĩa trên địa bàn toàn tỉnh giành được thắng lợi rực rỡ. Sau đó, ông được bầu làm Chủ tịch Ủy ban Cách mạng lâm thời đầu tiên của tỉnh Mỹ Tho. Ở cương vị này, ông tích cực chỉ đạo công cuộc xây dựng chính quyền cách mạng, phát triển kinh tế - xã hội, ổn định đời sống nhân dân và chuẩn bị lực lượng về mọi mặt để bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Ngày 24 - 10 - 1945, ông đã anh dũng hy sinh khi thực dân Pháp xua quân tấn công trụ sở Ủy ban Cách mạng tỉnh. Ông được Nhà nước truy tặng Huân chương Hồ Chí Minh và Huân chương Độc lập. Tên ông được đặt tên đường ở thành phố Mỹ Tho và thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Đường Trần Văn Hiển có điểm đầu: giao với đường Nguyễn Hữu Huân; điểm cuối: giao với đường Dương; chiều dài: 0,800 km; chiều rộng: 16 m.

6. Đường Nguyễn Hữu Huân

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Hữu Huân).

Tiểu sử danh nhân:

NGUYỄN HỮU HUÂN

(1830- 1875)

Nguyễn Hữu Huân, sinh năm 1830 tại thôn Lợi Thạnh, tổng Hưng Xương, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường (nay là ấp Hòa Quới, xã Hòa Tịnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang).

Thuở nhỏ, ông nổi tiếng hiếu học và học giỏi. Năm 1852, ông đỗ thủ khoa kỳ thi tại trường thi Hương Gia Định, nên được gọi là Thủ khoa Huân. Sau đó, ông ra làm quan, được bổ làm Giáo thọ phủ Kiến An.

Sau khi giặc Pháp hạ thành Gia Định (tháng 2-1859); giữa năm 1859, ông hợp lực với Võ Duy Dương chiêu mộ nghĩa dũng, phất cờ khởi nghĩa. Lúc bấy giờ, ông được triều đình phong chức Phó Quản đạo.

Tháng 7-1862, ông đến căn cứ Tân Hòa (Gò Công) bàn việc thống nhất lực lượng nghĩa quân với Trương Định nhằm nâng cao sức mạnh chiến đấu chống giặc Pháp xâm lược. Tại đây, ông nhận chức Phó Đề đốc do vua Tự Đức ban cho.

Tháng 2-1863, sau khi căn cứ Tân Hòa thất thủ, ông về Chợ Gạo, xây dựng căn cứ Bình Cách (nay là xã Tân Bình Thạnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang). Từ căn cứ này, dưới sự chỉ huy của ông, nghĩa quân đã tỏa ra đánh quân Pháp ở Mỹ Quý (nay thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang), Thuộc Nhiêu (nay thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang), Mỹ Tho, Chợ Gạo,…

Giữa năm 1863, giặc Pháp tấn công căn cứ Bình Cách. Nghĩa quân đã chiến đấu vô cùng anh dũng, khiến bọn chúng phải khó khăn lắm mới phá vỡ được căn cứ này. Để bảo toàn lực lượng, ông cho nghĩa quân rút qua Thuộc Nhiêu, tiếp tục cuộc chiến đấu. Nghĩa quân đã liên tiếp mở nhiều cuộc tấn công vào Cái Thia, Cái Bè, Cai Lậy, Rạch Gầm, Trung Lương, Tân Lý (nay thuộc tỉnh Tiền Giang),…

Cuối năm 1863, thực dân Pháp huy động lực lượng lớn tấn công Thuộc Nhiêu. Nghĩa quân phải rút vào Đồng Tháp Mười, xây dựng căn cứ mới. Theo sự phân công giữa ông với Võ Duy Dương; ông sang An Giang - nơi còn thuộc quyền kiểm soát của triều đình - để tuyển mộ nghĩa quân và vận động nhân dân, kể cả triều đình, ủng hộ, đóng góp tiền của, vũ khí, lương thực cho cuộc kháng chiến.

Thế nhưng, do áp lực của thực dân Pháp, tháng 7-1864, quan Tổng đốc An Giang là Phan Khắc Thận đã nhu nhược bắt ông giao nộp cho quân giặc. Một tháng sau, ông bị chính quyền thực dân kết án 10 năm tù, đày đi Cayenne,Trung Mỹ (có tài liệu viết ông bị đày ở đảo Réunion, đông nam châu Phi)

Tháng 2-1869, sau 5 năm bị giam trong ngục tù ở hải ngoại, ông được thả về nước và bị quản thúc tại nhà của Đỗ Hữu Phương ở Chợ Lớn. Tại đây, Đỗ Hữu Phương vâng lệnh quan thầy ra sức mua chuộc, dụ dỗ ông. Nhưng, ông vẫn một lòng một dạ trung thành với đất nước và nhân dân. Không những thế, ông còn tìm cách liên lạc với những người yêu nước và mưu tính phát động một cuộc khởi nghĩa mới.

Năm 1872, ông trốn thoát về Mỹ Tho, Chợ Gạo; cùng với Âu Dương Lân nổi lên khởi nghĩa với lực lượng nghĩa quân lên đến 3.000 người. Từ đây, phong trào chống Pháp do ông đứng đầu lan tỏa mạnh mẽ khắp vùng Mỹ Tho, Chợ Gạo, Cai Lậy, Tân An (nay thuộc tỉnh Long An), Chợ Lớn (nay thuộc TP Hồ Chí Minh),… Thủ lĩnh ở nhiều nơi cũng tham gia phong trào, như Nguyễn Văn Chất ở Vĩnh Long, Lê Công Thành, Phan Văn Đồng, Lâm Lễ ở Cần Thơ, Long Xuyên (nay

thuộc tỉnh An Giang),… Một hệ thống chính quyền kháng chiến được xây dựng tại nhiều thôn xã, nhất là ở Mỹ Tho và Chợ Gạo.

Trước sự lớn mạnh của nghĩa quân, cuối năm 1874, thực dân Pháp huy động một lực lượng hùng hậu, từ nhiều hướng tấn công căn cứ Bình Cách. Nghĩa quân kháng cự vô cùng quyết liệt; nhưng do thế giặc quá mạnh, sau đó phải tan rã. Ông bị sa vào tay giặc. Bọn chúng giam ông ở nhà ngục Mỹ Tho; hết tra tấn dã man lại giở trò mua chuộc; nhưng vẫn không làm lung lay khí tiết của một đấng trượng phu anh hùng.

Tên Chánh tham biện Mỹ Tho là De Gailland chiêu hàng không thành, đã kết án và tử hình ông ngày 15-4 năm Ất Hợi (19-5-1875) tại chợ Tịnh Hà (nay thuộc xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo). Trước lúc hy sinh vì nghĩa lớn của dân tộc, ông vẫn lạc quan sáng tác một bài thơ tuyệt mạng, tỏ rõ ý chí kiên cường, bất khuất của mình:

Hãn mã gian quan báo quốc cừu,

Chỉ nhân binh bãi trí thân hưu.

Anh hùng mạc bả doanh thâu luận,

Vũ trụ trường khan tiết nghĩa lưu.

Đản đắc tử kinh Hồ lỗ phách,

Bất cam sinh đoạn tướng quân đầu.

Đương kim Tho thủy ba lưu huyết,

Long đảo thu phong khởi mộ sầu.

Nhà yêu nước Phan Bội Châu dịch:

Ruổi rong gió ngựa báo thù chung,

Binh bãi cho nên mạng mới cùng.

Tiết nghĩa vẫn lưu cùng vũ trụ,

Hơn thua sá kể với anh hùng.

Nổi xung mất vía quân Hồ lỗ,

Quyết thác không hàng rạng núi sông.

Tho thủy ngày rày pha máu đỏ,

Đảo Rồng hiu hắt ngọn thu phong.

Đồng thời, ông còn làm hai câu Liễn tuyệt mạng:

Hữu chí nan thân, không uổng bách niên chiêu vật nghị,

Tuy công bất tựu, diệc tương nhất tử báo quân ân.

Nhà nghiên cứu Cao Tự Thanh dịch:

Việc lớn không thành, báo chúa cũng đành liều một chết,

Lòng ngay khó tỏ, miệng đời luống để luận trăm năm.

Nghĩa nước tình dân, Nguyễn Hữu Huân đã trả xong khi ông vừa tròn 45 tuổi. Tấm gương sáng ngời của ông vẫn được lưu giữ mãi trong ký ức của nhân dân và của hồn thiêng sông núi; đúng như một câu ca dao ở địa phương đã ca ngợi:

Một lòng đền nợ nước non,

Ngàn năm vẫn đỏ tim son anh hùng.

Hiện nay, đền thờ và lăng mộ của ông đã được công nhận Di tích lịch sử cấp quốc gia năm 1987, tọa lạc tại xã Hòa Tịnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Nơi ông thọ án chém tại chợ Tịnh Hà (xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo) cũng được xây bia tưởng niệm. Tượng đài của ông được tạc bằng đá hoa cương, tọa lạc tại công viên Lạc Hồng, Phường 1, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Cuộc đời và sự nghiệp của ông đã được khắc họa trên sân khấu qua vở cải lương "Trăng soi dòng Bảo Định" của Nghệ nhân ưu tú Huỳnh Anh. Tên Nguyễn Hữu Huân (hay Thủ khoa Huân) được đặt tên đường phố và trường học tại nhiều tỉnh thành trên cả nước.

Đường Nguyễn Hữu Huân có điểm đầu: Ngã năm vòng xoay; điểm cuối: cầu Bình Phan; chiều dài: 3,7 km; chiều rộng: 46 m.

7. Đường Nghĩa Hưng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Địa danh Hán Việt (Nghĩa: 义: Nghĩa khí, lẽ phải, việc làm vì lợi ích chung ; Hưng: 興: Hưng thịnh).

Đường Nghĩa Hưng có điểm đầu: giao với đường Trần Văn Ưng; điểm cuối: Giáp cuối khu dân cư; chiều dài: 0,300 km; chiều rộng: 12 m.

8. Đường Dương Khuy

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Dương Khuy).

Tiểu sử danh nhân:

DƯƠNG KHUY

(1910 – 1946)

Dương Khuy sinh năm 1910 tại làng An Thạnh Thủy, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã An Thạnh Thủy, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình Nho học yêu nước.

Từ thuở thiếu niên, được các nhà yêu nước tiền bối, như Nguyễn An Ninh, Nguyễn Văn Nguyễn, Trần Vĩnh Hoài (Hương trưởng Hoài) hết lòng chăm sóc, giáo dục, nên ông sớm có ý thức đấu tranh chống áp bức, bóc lột, giành độc lập, tự

do cho đất nước và đồng bào. Vì thế, ông đã từng tham gia tổ chức Thanh niên Cao vọng do nhà yêu nước Nguyễn An Ninh sáng lập.

Năm 1930, ông giác ngộ chủ nghĩa cộng sản, được tổ chức phân công hoạt động ở huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Tại đây, ông đã tích cực tham gia cuộc đấu tranh của nhân dân huyện Giồng Trôm trong Cao trào cách mạng 1930 - 1931. Tháng 4 - 1932, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam); hoạt động tại các xã Lương Quới, Bình Hòa, Bình Thành thuộc huyện Giồng Trôm.

Năm 1933, ông bị địch bắt trên đường công tác tại Châu Bình. Tòa án thực dân kết án ông 4 năm tù và 10 năm biệt xứ. Trong thời gian bị giam cầm, ông vẫn một lòng một dạ trung thành với lý tưởng giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp của Đảng.

Cuối năm 1936, mãn hạn tù, ông đến cư trú và hoạt động tại làng Long Hưng, một địa phương có phong trào cách mạng phát triển rất mạnh của huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho. Nhưng chỉ một năm sau, ông bị địch bắt trở lại; và phải chịu án 2 năm tù. Không khuất phục được ý chí kiên cường của người chiến sĩ cộng sản, đến cuối năm 1939, địch buộc phải thả ông ra tù. Ngay sau đó, ông tìm cách móc nối với các cơ sở cách mạng, hoạt động trở lại.

Năm 1940, để chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa Nam kì, ông được Tỉnh ủy Mỹ Tho phân công làm Trưởng ban Khởi nghĩa huyện Chợ Gạo. Đến trước cuộc khởi nghĩa nổ ra, ông bị địch bắt lần thứ ba; và lần này, chính quyền thực dân đày ông lên Tà Lài, chốn rừng thiêng nước độc thuộc vùng Đồng Nai Thượng, tỉnh Biên Hòa. Tại đây, ông sinh hoạt trong chi bộ Đảng của nhà tù, cùng với các nhà cách mạng nổi tiếng, như Trần Văn Giàu, Dương Quang Đông, Tô Ký,…

Cuối năm 1941, để gầy dựng lại cơ sở cách mạng ở các địa phương sau cuộc khủng bố trắng của thực dân Pháp, ông cùng với hai người khác được chi bộ nhà tù tổ chức vượt ngục. Cuộc vượt ngục, tuy trải qua nhiều gian nan, nguy hiểm, nhưng đã thành công. Ông lại trở về Mỹ Tho, bám dân và bắt tay vào việc xây dựng lực lượng cách mạng.

Đầu năm 1943, ông được cấp trên chỉ định làm Bí thư Tỉnh ủy Mỹ Tho; và đến tháng 5-1943, làm Bí thư Liên tỉnh ủy miền Trung Nam bộ (gồm các tỉnh Mỹ Tho, Gò Công, Tân An, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long). Tháng 10-1943, theo đề nghị của ông, hội nghị bầu Ban cán sự Xứ ủy Nam kỳ được tổ chức tại xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho. Hội nghị đề ra phương hướng hành động trước mắt và chuẩn bị tư thế để khi nhận được nghị quyết và tài liệu của Trung ương thì có hành động nhất quán. Tại hội nghị, ông được bầu làm Xứ ủy viên. Với cương vị là Bí thư Liên tỉnh ủy và trực tiếp phụ trách tỉnh Mỹ Tho, ông đã lãnh đạo và chỉ đạo việc khôi phục và phát triển phong trào cách mạng ở các tỉnh thuộc vùng trách nhiệm của mình, nhất là các cơ sở cách mạng trên địa bàn tỉnh Mỹ Tho.

Sau ngày Nhật đảo chính Pháp (9-3-1945), quán triệt Chỉ thị "*Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*" của Ban Thường vụ Trung ương Đảng, ông đã triệu tập Ban Cán sự Tỉnh ủy Mỹ Tho nhằm đề ra những chủ trương cần kíp trong việc phát động nhân dân khởi nghĩa giành chính quyền. Ngày 15-5-1945, tại Hội nghị Tỉnh ủy được tổ chức ở xã Trung An (nay thuộc TP Mỹ Tho), ông được bầu lại làm Bí thư Tỉnh ủy. Tại hội nghị, Tỉnh ủy chủ trương tập trung khôi phục nhanh các cơ sở Đảng, tích cực chuẩn bị mọi mặt, sẵn sàng đón thời cơ và chớp thời cơ giành chính quyền về tay nhân dân.

Ngày 17-8-1945, ông chủ trì Hội nghị Tỉnh ủy về việc phát động nhân dân đứng lên khởi nghĩa giành chính quyền. Hội nghị nhất trí nhận định thời cơ cách mạng đã chín muồi và quyết định phát lệnh khởi nghĩa với phương châm nơi nào có lực lượng mạnh, địch yếu thì khởi nghĩa trước, nơi nào lực lượng ta còn yếu thì khởi nghĩa sau, quyết phải giành cho được chính quyền về tay nhân dân.

Ở thị xã Mỹ Tho, các điều kiện khởi nghĩa có nhiều thuận lợi hơn các nơi khác, lại là nơi đầu não chính trị của địch trong toàn tỉnh, nên Tỉnh ủy quyết định chọn thị xã Mỹ Tho khởi nghĩa trước để lấy đà và tạo điệu kiện thuận lợi cho các quận khởi nghĩa. Tỉnh ủy trực tiếp chỉ đạo khởi nghĩa ở Mỹ Tho, lấy lực lượng của trường quân sự tại đình An Vĩnh, xã Long An làm lực lượng chủ công. Lúc bấy giờ, trường quân sự tỉnh sắp mãn khóa 2 với gần 100 học viên, được biên chế thành 3 trung đội do đồng chí Phan Lương Trực chỉ huy. Nhiệm vụ được Tỉnh ủy giao là phải phối hợp chặt chẽ với lực lượng nội ô đánh chiếm bằng được các cơ sở trọng yếu. 4 giờ sáng ngày 18-8-1945, lực lượng chủ công tiến vào thị xã bằng 2 chiếc xe đò hiệu Hữu Lợi. Đến đường Bourdais (nay là đường Hùng Vương) tách làm 2 cánh, một cánh do đồng chí Phan Lương Trực chỉ huy tiến chiếm trại lính người Việt; một cánh do đồng chí Hàng Nhật Nguyên chỉ huy tiến chiếm sở mật thám và sở cảnh sát. Các cánh quân đều được sự tiếp ứng của lực lượng tại chỗ và sự hướng dẫn của cơ sở nội ứng nên đã nhanh chóng làm chủ các mục tiêu đã định. Sau đó, quần chúng đánh chiếm các công sở còn lại, bao gồm Tòa bố (dinh tỉnh trưởng), Tòa án, Kho bạc,…Đến trưa cùng ngày, cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Mỹ Tho đã toàn thắng. Sau khi chiếm được Tòa bố và làm chủ các công sở, ông cùng với tập thể Tỉnh ủy xúc tiến việc thành lập Ủy ban nhân dân tỉnh và chuẩn bị tổ chức cuộc mít tinh lớn chào mừng cách mạng thành công. Ngay sau khởi nghĩa thắng lợi tại thị xã Mỹ Tho, các huyện trong tỉnh lần lượt giành được chính quyền.

Đêm 24-8-1945, ông chủ trì cuộc họp Tỉnh ủy được tổ chức tại Tòa bố Mỹ Tho để xác định cơ cấu chính quyền nhân dân của tỉnh, triển khai ngay việc tổ chức mit-tinh lớn tại sân vận động Mỹ Tho (nay là Tòa nhà Shophouse Vincom Mỹ Tho) để chào mừng thắng lợi của cách mạng và ra mắt chính quyền của nhân dân. Sáng ngày 25-8, một cuộc mít tinh lớn gồm hơn 30.000 người từ các địa phương đổ về sân vận động Mỹ Tho để chào mừng cách thắng lợi và chứng kiến lễ ra mắt của Ủy ban Nhân dân tỉnh.

Ngày 23-9-1945, thực dân Pháp gây hấn ở Sài Gòn, mở đầu cho cuộc xâm lược Việt Nam lần thứ hai của bọn chúng. Đầu tháng 10-1945, quân Pháp đánh chiếm Mỹ Tho, ông rút vào hoạt động bí mật và cùng với Tỉnh ủy lãnh đạo và chỉ đạo nhân dân tỉnh Mỹ Tho tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, như củng cố cơ sở Đảng, tổ chức và phát triển lực lượng vũ trang, xây dựng vùng căn cứ,…

Tháng 9-1946, quân Pháp hành quân càn quét vào xã Tân Bình Thạnh, huyện Chợ Gạo; và do có mật thám chỉ điểm, nên bọn chúng đã bắt được ông trong lúc ông đang triển khai Nghị quyết của Tỉnh ủy tại Chợ Gạo.

Biết ông là cán bộ lãnh đạo của Tỉnh ủy, nhà cầm quyền Pháp vừa bày trò mua chuộc, dụ dỗ; vừa tra tấn, đánh đập dã man hòng làm ông nhụt chí. Thế nhưng, ông vẫn giữ vững ý chí kiên cường, bất khuất của một chiến sĩ cộng sản chân chính. Trước sau, ông chỉ nhận mình là nhà báo với tên giả là Trần Văn Khá. Tỉnh ủy Mỹ Tho đã nhiều lần tổ chức giải thoát cho ông; nhưng đều không thành. Nhận thấy không thể khuất phục được ông; nên vào cuối năm 1946, giặc Pháp đã hèn hạ xử bắn ông tại xã Thanh Bình, huyện Chợ Gạo. Ông đã hy sinh anh dũng vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, để lại bao niềm tiếc thương cho đồng bào, đồng chí. Tên ông được đặt tên đường ở thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo và thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đường Dương Khuy có điểm đầu: giao với đường Nguyễn Hữu Huân; điểm cuối: giáp với ranh xã Long Bình Điền; chiều dài: 1,150 km; chiều rộng: 16 m.

9. Đường Nguyễn Đắc Thắng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Đắc Thắng).

Tiểu sử danh nhân:

NGUYỄN ĐẮC THẮNG

(1924 – 1983)

Nguyễn Đắc Thắng tên thật là Nguyễn Văn Tấn, bí danh là Nguyễn Chí Tâm, sinh năm 1924 tại làng Mỹ Phong, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang).

Ông tham gia cách mạng vào tháng 8-1945 tại Mỹ Phong trong lực lượng thanh niên tiền phong. Từ năm 1946, ông hoạt động trong phong trào thanh niên, giữ chức Xã đoàn phó rồi Xã đoàn trưởng xã Mỹ Phong. Năm 1949, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam). Từ năm 1950-1954, ông lần lượt giữ nhiều chức vụ trong Đảng, quân đội, chính quyền từ cấp huyện đến tỉnh.

Sau năm 1954, ông ở lại miền Nam công tác. Năm 1965, ông được Tỉnh ủy Mỹ Tho chỉ định giữ chức vụ Trưởng ban An ninh tỉnh (nay là Công an Tiền

Giang). Dưới sự chỉ đạo của ông, các đơn vị nghiệp vụ trực thuộc An ninh tỉnh được củng cố, bổ sung; đồng thời, công tác phân công cán bộ cũng được chỉnh đốn, các bộ phận điệp báo, bảo vệ chính trị được nâng chất. Ngoài việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và chiến đấu trên địa bàn tỉnh nhà, theo yêu cầu của An ninh Trung ương Cục miền Nam, ông và ban lãnh đạo an ninh tỉnh đã trích xuất, đưa về trên 2 đại đội an ninh vũ trang, góp phần xây dựng lực lượng an ninh vũ trang toàn Miền ngày càng lớn mạnh.

Giữa năm 1966, ông được Tỉnh ủy phân công về hoạt động ở Gò Công. Lúc bấy giờ, phong trào cách mạng ở Gò Công bị địch đánh phá vô cùng ác liệt. Tuy nhiên, ông vẫn kiên trì bám chặt cơ sở, xây dựng mạng lưới an ninh, góp phần quan trọng vào thắng lợi của công tác chống phá bình định mà địch đang ráo riết tiến hành ở địa bàn này.

Tháng 8-1968, Tỉnh ủy Gò Công chính thức được tái lập, ông được cử làm Phó bí thư Tỉnh ủy. Tháng 6-1969, ông được Khu ủy Khu 8 chỉ định làm Bí thư Tỉnh ủy Gò Công. Sau đó, ông chủ trì nhiều hội nghị Tỉnh ủy nhằm đề ra các phương châm, phương thức công tác phù hợp với từng vùng địa bàn. Theo đó, Tỉnh ủy chỉ đạo các Huyện ủy, chi bộ tổ chức bám trụ địa bàn; cán bộ, du kích bám trụ trong dân, xây dựng thế tiến công mới, sẵn sàng thực hiện các đợt tấn công theo kế hoạch hiệp đồng của cấp trên. Nhờ vậy, cuộc chiến đấu của quân dân Gò Công vượt qua những khó khăn, thử thách, đánh bại kế hoạch bình định của địch.

Tháng 8-1971, ông chủ trì hội nghị quán triệt Chỉ thị 01/71 của Trung ương Cục do Tỉnh ủy tổ chức, nhằm chuyển hướng phương châm, phương thức tổ chức hoạt động, xúc tích chuẩn bị lực lượng, tiếp tục chống phá kế hoạch bình định mới của địch. Từ đó, ông và Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã mở lớp huấn luyện Võ Duy Linh để đào tạo chi ủy viên cho các chi bộ cơ sở; đồng thời, chấn chỉnh lại bộ máy lãnh đạo, tổ chức thành 4 ban cán sự vùng và ban cán sự thị xã để đảm bảo tính gọn nhẹ, chỉ đạo cơ sở được sâu sát và kịp thời.

Liên tục trong hai tháng 3 và tháng 4-1972, dưới sự chủ trì của ông, Tỉnh ủy Gò Công tổ chức học tập Chỉ thị 13/71 và Chỉ thị 01/72 của Trung ương Cục, quán triệt quyết tâm tiến công địch, chống phá bình định cho tất cả cán bộ, đảng viên, lực lượng vũ trang và quần chúng nòng cốt trong toàn tỉnh. Dưới sự lãnh chỉ đạo của Tỉnh ủy, quân dân Gò Công anh dũng tiến công địch, giành được nhiều thắng lợi vang dội, tiêu biểu là chiến thắng Đồng Sơn ngày 26 và 27-7-1972.

Sau khi hiệp định Paris được ký kết (27-01-1973), ông và Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ thị cho lực lượng vũ trang của tỉnh kiên quyết đánh bại các cuộc hành quân lấn chiếm vùng giải phóng của quân đội Sài Gòn. Cuối tháng 8 đầu tháng 9/1973, ông chủ trì hội nghị của Tỉnh ủy về việc học tập và thảo luận nghị quyết, chỉ thị mới của Trung ương Cục và của Khu ủy. Từ đó, nâng cao quyết tâm tiến công địch trên các mặt chính trị, quân sự, binh vận, kinh tế cho cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và quần chúng trong tình hình mới. Nhờ vậy, phong trào cách mạng ở Gò Công phát triển thuận lợi và mạnh mẽ.

Đầu tháng 4-1975, tình hình cách mạng miền Nam có chuyển biến mới vô cùng thuận lợi. Ngày 15-4-1975, ông chủ trì hội nghị Tỉnh ủy mở rộng. Tại hội nghị, ông đã báo cáo tình hình phát triển nhảy vọt của cách mạng, thời cơ để giải phóng miền Nam đã trở bên chín muồi hơn bao giờ hết; đồng thời, ông cũng nhấn mạnh đến nhiệm vụ tự lực giải phóng quê hương của Gò Công; và nhiệm vụ này được tiến hành theo phương châm tổng công kích, tổng khởi nghĩa, tiến tới xã giải phóng xã, huyện giải phóng huyện, tỉnh giải phóng tỉnh bằng thực lực của lực lượng vũ trang tại chỗ và phát động nhân dân nổi dậy khởi nghĩa. Với chức trách Bí thư Tỉnh ủy, ông và ông Tỉnh đội trưởng chịu trách nhiệm chỉ huy thống nhất trên toàn chiến trường Gò Công.

Chiều ngày 29-4-1975, ông di chuyển sang mảng bắc Gò Công, họp với ban chỉ huy mảng để đẩy mạnh tiến công vào mục tiêu số 1: thị xã Gò Công. 11 giờ 30 phút ngày 30-4-1975, ngay sau khi tổng thống chính quyền Sài Gòn Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng cách mạng không điều kiện, ông đã kịp thời ra lệnh cho các lực lượng vũ trang và chính trị tiến thẳng vào chiếm các điểm then chốt của địch, nhanh chóng giải phóng quê hương. 15 giờ cùng ngày, lá cờ cách mạng tung bay trên cột cờ trước dinh tỉnh trưởng và tòa hành chánh tỉnh Gò Công, báo hiệu tỉnh Gò Công đã được hoàn toàn giải phóng.

Sau ngày toàn thắng 30-4-1975, ông đã cùng với tập thể Ban Thường vụ và Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gò Công ra sức lãnh và chỉ đạo công cuộc hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, ổn định an ninh chính trị, trật tự xã hội và đời sống nhân dân trên địa bàn toàn tỉnh. Năm 1976, hai tỉnh Mỹ Tho, Gò Công và TP Mỹ Tho hợp nhất thành tỉnh Tiền Giang. Lúc bấy giờ, ông được bầu làm Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Năm 1983, ông lâm trọng bệnh và qua đời. Trong quá trình hoạt động cách mạng, ông luôn luôn thể hiện ý chí tiến công cách mạng, nỗ lực vượt qua mọi khó khăn, gian khổ; mưu trí, sáng tạo, năng động, linh hoạt trong công tác lãnh đạo, góp phần quan trọng vào việc thúc đẩy phong trào cách mạng ở Gò Công phát triển mạnh mẽ, tiến lên giải phóng hoàn toàn tỉnh Gò Công, cùng với toàn miền tạo nên chiến thắng ngày 30-4-1975, giải phóng miền Nam, thực hiện hòa bình, thống nhất Tổ quốc. Tên ông được đặt tên trường trung học cơ sở ở xã Thạnh Nhựt, huyện Gò Công Tây; tên đường ở thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Đường Nguyễn Đắc Thắng có điểm đầu: giao với đường 30-4 ; điểm cuối: giáp với kinh/kênh Chợ Gạo; chiều dài: 0,600 km; chiều rộng: 16 m.

10. Đường Vương Đình Thống

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Vương Đình Thống).

Tiểu sử danh nhân:

VƯƠNG ĐÌNH THỐNG

(1916 – 1959)

Vương Đình Thống, bí danh là Chánh Lý, sinh năm 1916 tại làng Hòa Định, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Hòa Định, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình có truyền thống yêu nước và cách mạng.

Sớm giác ngộ chủ nghĩa cộng sản, ông tham gia hoạt động cách mạng từ trước Cách mạng tháng Tám (1945) ở Sài Gòn - Chợ Lớn. Đến tháng 8 - 1945, ông tham gia khởi nghĩa giành chính quyền; và được cấp trên phân công làm Trưởng Công an khu Chợ Thiết (nay thuộc Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh), chỉ huy các cuộc chiến đấu chống quân Pháp xâm lược và diệt ác trừ gian ở khu vực này.

Đầu năm 1946, ông bị chính quyền thực dân Pháp bắt. Tại bót mật thám Catinat (Sài Gòn), mặc dù bị tra tấn dã man, nhưng ông vẫn giữ vững ý chí cách mạng, một lòng trung thành với Đảng, cương quyết giữ bí mật của tổ chức.

Sau đó, địch đày ông lên Nhà giam tù binh Cẩm Giang (Tây Ninh). Nhà giam này nguyên là kho chứa cao su được khai thác từ các đồn điền có từ trước năm 1945. Sau đó, thực dân Pháp cải tạo lại và biến thành trại giam tù binh, gồm có 5 trại, mỗi trại chứa khoảng 400 tù binh. Đây là vùng "sơn lam chướng khí" sát với biên giới Campuchia. Mục đích của bọn chúng là lợi dụng điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, ăn uống thiếu thốn, nhất là bệnh sốt rét, để tận diệt tù binh.

Trong nhà giam, ông vẫn một mực trung kiên với cách mạng. Ít lâu sau, ông cùng với một số tù binh tổ chức vượt ngục. Cuộc vượt ngục trải qua nhiều gian khổ hiểm nguy. Ông và những người bạn tù phải chịu đựng những ngày dài đói khát, lạnh lẻo trong rừng sâu, lại phải đối đầu với cọp, voi, rắn rít,… và nhất là phải trốn lánh các toán lính đang truy lùng gắt gao. Nhưng cuối cùng, cuộc vượt ngục thành công. Ông lại tiếp tục hoạt động tại chiến khu Đ ở miền Đông Nam bộ. Tại đây, ông được phân công làm Tổ trưởng tổ sản xuất vũ khí ở Binh công xưởng 48 Lý Chính Thắng.

Sau năm 1954, ông được điều động về công tác tại quê nhà. Để tạo thế hợp pháp trong hoạt động, ông làm nghề dạy học; và được các bậc cha mẹ học sinh hết lòng yêu mến, tin cậy.

Năm 1955, ông là Bí thư Chi đoàn xã Xuân Đông. Trong thời kỳ này, địch tăng cường đánh phá phong trào cách mạng ở huyện Chợ Gạo rất ác liệt. Tuy nhiên, ông vẫn bám chặt địa bàn và cơ sở quần chúng, cùng với nhân dân đấu tranh đòi chính quyền Sài Gòn thi hành hiệp định Genève và các quyền dân sinh dân chủ. Đồng thời, ông còn tổ chức lực lượng tự vệ mật, tiến hành công tác diệt ác trừ gian để bảo vệ quần chúng và răn đe bọn ác ôn.

Sau đó, do có chỉ điểm, ông bị địch bắt. Tại khám Chợ Gạo, bọn thẩm vấn đánh đập ông hết sức tàn bạo nhằm buộc ông phải khai báo cơ sở cách mạng; nhưng cuối cùng, bọn chúng đành phải thất bại trước ý chí gang thép của ông. Một lần nữa, ông tổ chức vượt ngục; nhưng bị lính canh phát hiện bắn gãy chân; và bị bắt trở lại.

Năm 1957, địch chuyển ông lên giam ở khám Chí Hòa (Sài Gòn). Lúc này, chính quyền Ngô Đình Diệm đang triển khai chiến dịch "tố cộng, diệt cộng" rất tàn độc trên toàn miền Nam. Trong trại giam, tù chính trị bị buộc phải xác định rõ lập trường của mình theo hai hướng: Một là đi theo con đường cách mạng do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Hai là chấp nhận "ly khai cộng sản". Tuy nhiên, đồng chí và tất cả tù chính trị đều chống ly khai, bảo vệ lập trường và khí tiết cách mạng. Lập tức, địch ở khám Chí Hòa áp dụng chế độ tra tấn, cấm cố hà khắc. Tất cả các phòng đều chật cứng tù nhân, cúp nước, không cho tắm rửa, khẩu phần ăn ngày càng tồi tệ và sử dụng mọi cực hình tra tấn. Đỉnh điểm là bọn chúng cắt toàn bộ rau, đồ tươi, gạo đỏ, ép ăn gạo mốc trắng, tù nhân bắt đầu bị sưng nướu chân răng, kiết lỵ, tiêu chảy, phù thủng,… Kẻ địch quyết tâm giết chết tù chính trị, lấy cái chết để tác động tư tưởng, ép ly khai. Thâm độc hơn, khi phát hiện tù nhân gần chết, địch sẽ dụ dỗ ly khai để được chữa bệnh,…

Vượt lên trên tất cả những đày ải khổ cực, ông cũng như tất cả tù vẫn giữ vững khối đoàn kết. Ngoài thời gian dành cho việc trao đổi bàn bạc kế hoạch đối phó với địch, ông và các tù chính trị khác dành thời gian cho việc học tập và tu dưỡng bản thân. Đối với các chiến sĩ cách mạng, khám Chí Hòa thực sự là một trường học lớn, mà bài học lớn nhất là sự thử thách tình yêu đối với Tổ quốc, sự kiên trung đối với Đảng và khí tiết cách mạng. Ông đã vượt qua nỗi đau về thể xác, kiên cường chịu đựng và tích cực tham gia học tập lý luận chủ nghĩa Mác - Lê nin, đường lối cách mạng của Đảng, lý tưởng cách mạng vô sản. Ông luôn luôn tỏ rõ lập trường kiên định cách mạng, kiên quyết không khai báo, không học "tố cộng", không chào cờ chính quyền Sài Gòn, không hô các khẩu hiệu phản động, không tuyên bố ly khai Đảng và Bác Hồ.

Bất lực trước ý chí đấu tranh bất khuất của một chiến sĩ cách mạng kiên trung, bọn địch đã mang ông ra xử án chém theo Luật phát xít 10/59 tại sân vận động Chợ Gạo vào ngày 23-7-1959. Vì nước, vì dân, ông đã anh dũng hy sinh. Tên ông được đặt tên đường ở thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Đường Vương Đình Thống có điểm đầu: giao với đường Trần Văn Ưng; điểm cuối: giáp kinh/kênh Chợ Gạo; chiều dài: 0,300 km; chiều rộng: 12 m.

11. Đường Lê Thị Ngọc Tiến

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (lê Thị ngọc Tiến).

Tiểu sử danh nhân:

LÊ THỊ NGỌC TIẾN

(1951 – 1972)

Lê Thị Ngọc Tiến sinh năm 1951 tại xã Quơn Long, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Quơn Long, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân có truyền thống yêu nước.

Năm 1967, bà tham gia cách mạng ở địa phương; sau đó, được cấp trên cử đi học lớp đào tạo y tá. Trong thời gian học, bà ra sức trau dồi chuyên môn và rèn luyện tay nghề, để khi ra trường, làm tốt công tác điều trị bệnh nhân.

Năm 1969, bà được phân công về Trạm xá Dân y huyện Chợ Gạo đặt tại lõm du kích thuộc khu vực giáp ranh ba xã An Thạnh Thủy, Bình Ninh và Hòa Định. Trạm có nhiệm vụ điều trị, chăm sóc thương bệnh binh của huyện.

Lúc này, tình hình trên chiến trường Chợ Gạo diễn ra rất ác liệt; địch liên tục bắn pháo, ném bom, rải chất độc hóa học, đóng đồn bót và hành quân càn quét vào vùng địa hình của ta. Vì thế, vào khoảng tháng 3 – 1970, Trạm xá Dân y huyện buộc phải mở hướng sang xã Vang Quới, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre để xây dựng cơ sở điều trị và nuôi dưỡng thương bệnh binh.

Với cương vị là Phó trạm, bà đã cùng với Trưởng trạm và 3 y tá khác vừa xây dựng lán trại, ổn định nơi ăn chốn ở; vừa tổ chức cho 30 thương binh nặng vượt vòng vây của địch trên sông Tiền qua trạm điều trị. Mấy tháng sau, Trạm trưởng hy sinh, bà lên thay, điều hành công tác chiến đấu bảo vệ trạm, mua sắm thuốc men, lương thực, thực phẩm và chữa trị, chăm sóc thương bệnh binh. Dù trong hoàn cảnh cực kỳ khó khăn, gian khổ, bà vẫn luôn phấn đấu vượt qua, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, xứng đáng với danh hiệu "*Lương y như từ mẫu*" của người thầy thuốc cách mạng.

Sau trạm Vang Quới, bà mở thêm một trạm xá nữa ở rừng Cây Giá thuộc xã Thừa Đức, huyện Bình Đại, để chăm sóc và nuôi dưỡng thương binh nặng, không còn khả năng chiến đấu, công tác. Dù hai trạm cách nhau đến 7 km, đường đi trên sông Tiền thường xuyên bị tàu địch tuần tra, kiểm soát gắt gao; nhưng bà vẫn lo chu toàn công việc của cả hai trạm, được cấp trên và thương bệnh binh tin tưởng, khen ngợi.

Đầu năm 1972, do vùng giải phóng ở Chợ Gạo được phục hồi và mở rộng, thực hiện sự chỉ đạo của Huyện ủy, bà chỉ huy việc dời hai trạm Vang Quới và Thừa Đức từ Bình Đại, Bến Tre về Hòa Định, Chợ Gạo một cách an toàn. Trạm xá tiếp tục đón nhận và chăm sóc, chữa trị tốt thương bệnh binh từ các chiến trường chuyển về.

Sáng ngày 15-4-1972, lực lượng bảo an ngụy ở chi khu Chợ Gạo càn quét vào địa hình của khu vực trạm xá. Sau khi cùng với trưởng trạm là y sĩ Lê Thị Lệ Chi cõng thương binh xuống hầm bí mật và bố trí bãi lựu đạn bảo vệ trạm xá, hai bà xuống hầm trú ẩn. Địch dùng thuổng sắt xom đất tìm hầm. Do hầm của hai bà mới làm, đất còn yếu, nên bị địch phát hiện. Bọn chúng đã đã dùng mọi cỡ súng bắn phá nắp hầm và bắt được hai bà.

Biết là nơi có thương binh, nên địch tra tấn hai bà rất dã man để mong hai bà khai báo. Nhưng, bọn chúng đã vấp phải tinh thần chiến đấu dũng cảm, kiên cường, bất khuất của hai nữ chiến sĩ quân y cách mạng. Đánh đập suốt cả buổi

chiều và trọn đêm, địch vẫn không khai thác được gì; nên đến rạng sáng ngày 16-4-1972, bọn chúng đã dã man mổ bụng, giết chết hai bà.

Sau khi hai bà hy sinh, với lòng khâm phục và tiếc thương vô hạn, nhân dân đã lập miếu thờ hai nữ chiến sĩ cách mạng kiên cường đã vì nước quên thân tại lộ Thầy Sang thuộc xã Hòa Định. Ngày 23-5-2005, bà được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Tên bà được đặt tên đường ở thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Đường Lê Thị Ngọc Tiến có điểm đầu: giao với đường Lê Thị Lệ Chi; điểm cuối: giao với đường Nguyễn Minh Giác; chiều dài: 0,300 km; chiều rộng: 12 m.

12. Đường Nguyễn Văn Thường

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Văn Thường).

Tiểu sử danh nhân:

NGUYỄN VĂN THƯỜNG

(1929 – 1971)

Nguyễn Văn Thường, bí danh là Tấn Thành, sinh năm 1929 tại làng Mỹ Tịnh An, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân có truyền thống cách mạng.

Năm 1950, ông tham gia hoạt động cách mạng tại địa phương, làm công tác giao liên, rải truyền đơn,… Năm 1954, ông vận động nhân dân xã Mỹ Tịnh An đấu tranh đòi các quyền dân sinh dân chủ, chống chính quyền địch vi phạm hiệp định Genève.

Sau đó, do bị địch truy bắt gắt gao, ông chuyển địa bàn công tác lên Sài Gòn. Hoạt động được một thời gian, ông bị địch phát hiện; nên phải rút về căn cứ của Tỉnh ủy Mỹ Tho đóng ở Tân Hòa Đông (nay thuộc huyện Tân Phước). Tại đây, ông được bố trí vào lực lượng vũ trang tập trung của tỉnh.

Năm 1960, ông về Chợ Gạo, thành lập lực lượng vũ trang của huyện; và được phân công phụ trách khu vực Tây Bắc Chợ Gạo, gồm có 7 xã. Năm 1963, ông là Huyện ủy viên Huyện ủy Chợ Gạo kiêm Chính trị viên phó Huyện đội.

Là một cán bộ mưu trí, dũng cảm, năng nổ, luôn bám chặt cơ sở, gần gũi nhân dân, ông có nhiều kinh nghiệm trong việc vận động quần chúng kết hợp với lực lượng vũ trang đánh phá các ấp chiến lược của địch; và từ đó, xây dựng thành xã, ấp chiến đấu của ta; điển hình là địa bàn Cựa Gà ở xã Mỹ Tịnh An. Nhờ vậy, phong trào cách mạng ở huyện Chợ Gạo phát triển ngày càng mạnh mẽ.

Năm 1968, trong cuộc tập kích chiến lược Xuân Mậu Thân, với cương vị là Chính trị viên Huyện đội, ông đã chỉ huy bộ đội địa phương huyện và du kích các xã tiến công địch ở khắp nơi trên địa bàn huyện. Sau đó, địch tiến hành phản kích quyết liệt; nhưng ông vẫn kiên cường bám trụ, lãnh đạo nhân dân đấu trang chống

địch càn quét.

Năm 1969, ông được đề bạt làm Bí thư Huyện ủy Chợ Gạo. Năm 1970, ông được bầu làm Tỉnh ủy viên Tỉnh ủy Mỹ Tho. Trong thời gian này, địch tiến hành chương trình bình định và đánh phá cơ sở cách mạng ở huyện Chợ Gạo rất ác liệt. Tuy vậy, ông vẫn cùng với Huyện ủy lãnh đạo cuộc chiến đấu oanh liệt của nhân dân, giữ vững phong trào.

Ngày 4-12-1971, trong lúc đi làm nhiệm vụ vận động quần chúng, ông vướng phải lựu đạn gài của địch và đã anh dũng hy sinh. Tên ông được đặt tên đường ở thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Đường Nguyễn Văn Thường có điểm đầu: giao với đường 30-4; điểm cuối: giáp cầu Hòa An; chiều dài: 0550 km; chiều rộng: 16 m.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên cầu ở huyện Chợ Gạo:**

Khái niệm Cầu

Cầu là một công trình giao thông được bắc qua các chướng ngại nước, như rãnh nước, dòng suối, dòng sông, dòng kênh/kinh, dòng rạch, hồ, biển hay các chướng ngại khác, như đường bộ, đường sắt,… đảm bảo cho giao thông được liên tục.

Trên Đường tỉnh 877:

1. Cầu Bình Phục Nhứt

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Xã Bình Phục Nhứt).

- Vị trí: Km 25+399, xã Bình Phụt Nhứt, huyện Chợ Gạo, trên Đường tỉnh 877
- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Bình Phục Nhứt
- Quy mô: Dài 30 m; mặt BTCT rộng 4m; khổ cầu 6m
- Tải trọng (Tấn): 8
- Năm đưa vào sử dụng: 2005

2. Cầu 3-2

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Sự kiện lịch sử (3-2: Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam).

- Vị trí: Km 28+971, xã Bình Phục Nhứt, huyện Chợ Gạo, trên Đường tỉnh 877
- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Đào
- Quy mô: dài 30 m; mặt BTCT rộng 4m; khổ cầu 6m
- Tải trọng (Tấn): 8
- Năm đưa vào sử dụng: 2014

Trên Đường tỉnh 878B:

1. Cầu An Thạnh Thủy

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Xã An Thạnh Thủy).

- Vị trí: Km 3+009, xã An Thạnh Thủy, huyện Chợ Gạo, trên Đường tỉnh 877B

- Cầu bắc qua: rạch Cầu Ngang

- Quy mô: 3 nhịp dài 44m; mặt BTCT rộng 7,7m; khổ cầu 8,5m; dầm BTTA; Htt: +3.50

- Tải trọng (Tấn): 11

- Năm đưa vào sử dụng: 2011

2. Cầu Bình Thủy

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Ấp Bình Thủy).

- Vị trí: Km 21+783, xã An Thạnh Thủy, huyện Chợ Gạo, trên Đường tỉnh 877

- Cầu bắc qua: Rạch Đình

- Quy mô: 3 nhịp dài 56m; mặt BTCT rộng 7m; khổ cầu 8m

- Tải trọng (Tấn): 16

- Năm đưa vào sử dụng: 2011

3. Cầu Hòa Tịnh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Xã Hòa Tịnh).

- Vị trí: Km 2+898, xã Hòa Tịnh, huyện Chợ Gạo, trên Đường tỉnh 878B

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Bảo Định

- Quy mô: 3 nhịp dài 62m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; dầm BTDƯL; Htt: +3.85

- Tải trọng (Tấn): HL93[4]

- Năm đưa vào sử dụng: 2019

Trên Đường tỉnh 879:

1. Cầu Kinh/Kênh Nhỏ

[4] HL93 được viết tắt từ Tiếng Anh: **H**ighway **L**oad accepted in 19**93** (Tải trọng trên đường cao tốc được chấp nhận vào năm 1993), tải trọng HL93 tương đương 40 tấn.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Tính từ (Nhỏ).

- Vị trí: Km 8+273, xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo, trên Đường tỉnh 879

- Cầu bắc qua: Kênh/Kinh Nhỏ

- Quy mô: Cầu dài 19m; mặt thép rộng 4m; khổ cầu 6m; Htt: +2.00

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2019

2. Cầu Mỹ Tịnh An

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Xã Mỹ Tịnh An).

- Vị trí: Km 13+071, xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo, trên Đường tỉnh 879.

- Cầu bắc qua: Rạch Ông Đăng

- Quy mô: 1 nhịp dài 10m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; dầm bản đổ liền khối; CĐdc: +2,8m; Bthông nước = 7,5m; cầu giao thông kết hợp cống thủy lợi.

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2020

3. Cầu Bà Thể

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Giới tính và tên người (Bà Thể).

- Vị trí: Km 11+65, xã Phú Kiết – xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo, trên Đường tỉnh 879

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Bảo Định

- Quy mô: 1 nhịp dài 9m; mặt gỗ rộng 3m; khổ cầu 3,3m; 4 dầm I 500; Htt: +2.00

- Tải trọng (Tấn): 16

- Năm đưa vào sử dụng: 1982

4. Cầu Phú Kiết

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Xã Phú Kiết).

- Vị trí: Km 10+080, xã Phú Kiết, huyện Chợ Gạo, trên Đường tỉnh 879

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Mới

- Quy mô: 1 nhịp dài 19m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; 11 dầm BTTA; Htt: +2.00

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2017

5. Cầu Bún

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Thực phẩm (Bún).

- Vị trí: Km 14+617, xã Trung Hòa, huyện Chợ Gạo, trên Đường tỉnh 879

- Cầu bắc qua: Rạch Bà Lăng

- Quy mô: 1 nhịp dài 19m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; 11 dầm BTTA; Htt: +2.00

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2017

Trên Đường tỉnh 879B:

1. Cầu Mô

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa hình thiên nhiên (Mô đất).

- Vị trí: Km 10+812, xã Tân Bình Thạnh, huyện Chợ Gạo, trên Đường tỉnh 879B

- Cầu bắc qua: Kênh Nội Đồng

- Quy mô: 1 nhịp dài 13m; mặt BTCT rộng 10m; khổ cầu 10,5m; dầm BTDƯL; Htt: +2.00

- Tải trọng (Tấn): 30

- Năm đưa vào sử dụng: 2004

2. Cầu Thanh Bình

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Xã Thanh Bình).

- Vị trí: Km 7+672, xã Thanh Bình, huyện Chợ Gạo, trên Đường tỉnh 879B

- Cầu bắc qua: Kênh Ngang

- Quy mô: 1 nhịp dài 19m; mặt BTCT rộng 10m; khổ cầu 10,5m; dầm BTDƯL; Htt: +2.00

- Tải trọng (Tấn): 30

- Năm đưa vào sử dụng: 2009

Trên Đường tỉnh 879C:

1. Cầu Ông Văn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Giới tính và tên người (Ông Văn).

- Vị trí: Km 4+003, xã Đăng Hưng Phước, huyện Chợ Gạo, trên Đường tỉnh 879C

- Cầu bắc qua: Rạch Hóc Lựu

- Quy mô: 3 nhịp dài 38m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; 6 dầm BTTA 24,25m nhịp giữa; dầm bản BTCT nhịp biên; Htt: +3.80

- Tải trọng (Tấn): 25

- Năm đưa vào sử dụng: 2007

2. Cầu Thạnh Lợi

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Ấp Thạnh Lợi).

- Vị trí: Km 1+316, xã Long Bình Điền, huyện Chợ Gạo, trên Đường tỉnh 879C

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Đào

- Quy mô: 3 nhịp dài 27m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; dầm BTDƯL; Htt: +1.70

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2011

Trên Đường tỉnh 879D:

1. Cầu 20-7

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Sự kiện lịch sử (20-7: Ngày Thương binh - Liệt sĩ)

- Vị trí: Km 8+470, xã Quơn Long, huyện Chợ Gạo, trên Đường tỉnh 879D

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Đào

- Quy mô: 3 nhịp dài 38m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; dầm BTTA 11 dầm/ nhịp; Htt: +1.50

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2014

2. Cầu Kinh/Kênh 4

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Chữ số (4).

- Vị trí: Km 3+839, xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo, trên Đường tỉnh 879D

- Cầu bắc qua: Kênh Tư

- Quy mô: 3 nhịp dài 55m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; dầm BTTA 6 dầm/ nhịp; Htt: +1.60

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2014

Trên Quốc lộ 50:

1. Cầu Bình Phan Mới

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Xã Bình Phan) + Tính từ (Mới: Cầu Bình Phan được xây dựng trước năm 1975 trong nội ô thị trấn Chợ Gạo. Năm 2013, trên Quốc lộ 50, cầu Bình Phan Mới được xây dựng cách cầu cũ khoảng 500 m).

- Vị trí: km70+712

- Cầu bắc qua: Rạch Bình Phan

- Số nhịp: 3

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2013

- Chiều dài: 70,2 m

- Chiều rộng: 12 m

2. Cầu Chợ Gạo Mới

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Thị trấn/Huyện Chợ Gạo) + Tính từ (Mới: Cầu Chợ Gạo được khánh thành năm 1972. Năm 2013, cầu được tháo dỡ để xây dựng cầu Chợ Gạo Mới cách cầu cũ khoảng 500 m).

- Vị trí: km72+290

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Chợ Gạo

- Số nhịp: 11

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2013

- Chiều dài: 595 m

- Chiều rộng: 12 m

3. Cầu Kinh/Kênh Ngang

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Vị trí (Ngang).

- Vị trí: km73+480

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Ngang

- Số nhịp: 3

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2013

- Chiều dài: 55 m

- Chiều rộng: 12 m

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn địa danh Cống, Đập, Đê**

Cống:

1. Cống Xuân Hòa

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa danh Hán Việt (Xuân: 春: Mùa xuân; Hòa: 和: Hoà hợp, hoà thuận).

Cống ở xã Xuân Đông, huyện Chợ Gạo, được xây dựng năm 1978; là loại cống hở, số cửa 4, chiều rộng 8 m, sâu 3,5 m, diện tích phục vụ 34.000 ha.

2. Cống Bình Phan

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa danh hành chính (xã Bình Phan).

Cống ở xã Bình Phan, huyện Chợ Gạo, được xây dựng năm 2000; là loại cống hở, số cửa 2, chiều rộng 2,2 m, sâu 2,36 m, diện tích phục vụ 950 ha.

* **Cống vừa và nhỏ:**

1. Cống Ba Đại

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Thứ và tên người (Ba Đại).

Cống ở xã Bình Ninh, huyện Chợ Gạo, được xây dựng năm 2017; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 2 m, sâu 2 m, diện tích phục vụ 130 ha.

2. Cống Ba Nhành

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Thứ và tên người (Ba nhành).

Cống ở xã Bình Ninh, huyện Chợ Gạo, được xây dựng năm 1994; là loại cống tròn, số cửa 1, chiều rộng Φ 100 m, sâu 0,9 m, diện tích phục vụ 58 ha.

3. Cống Bà Lọ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Giới tính và tên người (Bà Lọ).

Cống ở xã Hòa Định, huyện Chợ Gạo, được xây dựng năm 2003; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 2 m, sâu 2,5 m, diện tích phục vụ 100 ha.

4. Cống Bà Xồm

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Giới tính và tên người (Bà Xồm).

Cống ở xã Xuân Đông, huyện Chợ Gạo, được xây dựng năm 2008; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 2,0 m, sâu 2,5 m, diện tích phục vụ 200 ha.

5. Cống Bàu Sấu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Bàu) + Động vật (Cá sấu).

Cống ở xã Hòa Định, huyện Chợ Gạo, được xây dựng năm 1990; là loại cống hộp, số cửa 1, chiều rộng 4 m, sâu 2 m, diện tích phục vụ 250 ha.

6. Cống Bình Long

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa danh Hán Việt (Bình: 平: Hoà bình, bình đẳng; Long: 隆: Hưng thịnh, long trọng).

Cống ở xã Bình Ninh, huyện Chợ Gạo, được xây dựng năm 1994; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 2 m, sâu 1,7 m, diện tích phục vụ 200 ha.

7. Cống Hai Chớ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Thứ và tên người (Hai Chớ).

Cống ở xã Bình Ninh, huyện Chợ Gạo, được xây dựng năm 1994; là loại cống tròn, số cửa 2, chiều rộng Φ 100 m, sâu 1,5 m, diện tích phục vụ 10 ha.

8. Cống Hai Do

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Thứ và tên người (Hai Do).

Cống ở xã Bình Ninh, huyện Chợ Gạo, được xây dựng năm 2017; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 2 m, sâu 2 m, diện tích phục vụ 160 ha.

9. Cống Kinh/Kênh Huyện

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Đơn vị hành chính (Cấp huyện).

Cống ở xã Hòa Định, huyện Chợ Gạo, được xây dựng năm 1990; là loại cống hộp, số cửa 1, chiều rộng 4 m, sâu 2 m, diện tích phục vụ 300 ha.

10. Cống Kinh/Kênh Ngang

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Vị trí (Ngang).

Cống ở Khu 2, thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, được xây dựng năm 1994; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 2,0 m, sâu 2,5 m, diện tích phục vụ 1.004 ha.

11. Cống Long Hiệp

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa danh Hán Việt (Long Hiệp).

Cống ở xã Quơn Long, huyện Chợ Gạo, được xây dựng năm 1989; là loại cống hộp, số cửa 2, chiều rộng 3 m, sâu 2,5 m, diện tích phục vụ 903 ha.

12. Cống Lộ Xoài

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Công trình xây dựng mang yếu tố Hán Việt (Lộ: Đường) + Thực vật (Cây xoài).

Cống ở xã Song Bình, huyện Chợ Gạo, được xây dựng năm 2010; là loại cống hộp, số cửa 1, chiều rộng 4 m, sâu 1,7 m, diện tích phục vụ 200 ha.

13. Cống Lộ Tổng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Công trình xây dựng mang yếu tố Hán Việt (Lộ: Đường) + Đơn vị hành chính thời xưa (Tổng: Cấp hành chính trên xã, dưới huyện).

Cống ở xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo, được xây dựng năm 2016; là loại cống hở, số cửa 2, chiều rộng 3,2 m, sâu 1,5 m, diện tích phục vụ 200 ha.

14. Cống Muôn Nghiệp

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa danh Hán Việt (Muôn Nghiệp).

Cống ở xã Bình Đông, huyện Chợ Gạo, được xây dựng năm 1998; là loại cống tròn, số cửa 1, chiều rộng Φ 150 m, sâu 2 m, diện tích phục vụ 200 ha.

15. Cống Mười Đen

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Thứ và tên người (Mười Đen).

Cống ở xã Bình Ninh, huyện Chợ Gạo, được xây dựng năm 2017; là loại cống tròn, số cửa 1, chiều rộng Φ 100 m, sâu 1,1 m, diện tích phục vụ 53 ha.

16. Cống Mười Sùng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Thứ và tên người (Mười Sùng).

Cống ở xã Bình Ninh, huyện Chợ Gạo, được xây dựng năm 2017; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 2 m, sâu 1,8 m, diện tích phục vụ 302 ha.

17. Cống Năm Le

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Thứ và tên người (Năm Le).

Cống ở xã Bình Ninh, huyện Chợ Gạo, được xây dựng năm 2017; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 1,5 m, sâu 2 m, diện tích phục vụ 75 ha.

18. Cống Nghị Tĩnh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa danh Hán Việt (Nghị Tĩnh).

Cống ở xã Quơn Long, huyện Chợ Gạo, được xây dựng năm 1998; là loại cống hở, số cửa 2, chiều rộng 0,8 m, sâu 1,3 m, diện tích phục vụ 450 ha.

19. Cống Nghị Tĩnh Mới

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa danh Hán Việt (Nghị Tĩnh) + Tính chất (Mới).

Cống ở xã Quơn Long, huyện Chợ Gạo, được xây dựng năm 2012; là loại cống hộp, số cửa 2, chiều rộng 4 m, sâu 1,32 m, diện tích phục vụ 300 ha.

20. Cống Ông Văn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Giới tính và tên người (Ông Văn: ông tên là Dương Văn Văn có công lập chợ Ông Văn vào đầu thế kỷ XIX ở xã Đăng Hưng Phước, huyện Chợ Gạo).

Cống ở thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, được xây dựng năm 2015; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 5 m, sâu 2 m, diện tích phục vụ 1541 ha.

21. Cống Rạch Chợ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Công trình xây dựng (Chợ).

Cống ở xã Hòa Định, huyện Chợ Gạo, được xây dựng năm 1980; là loại cống hộp, số cửa 3, chiều rộng 5 m, sâu 2,2 m, diện tích phục vụ 850 ha.

22. Cống Rạch Chợ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Công trình xây dựng (Chợ).

Cống ở xã Xuân Đông, huyện Chợ Gạo, được xây dựng năm 2017; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 5 m, sâu 2 m, diện tích phục vụ 200 ha.

23. Cống Số 1 Sông Tra

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Số hiệu (Số 1) + Địa hình thiên nhiên (Sông) + Thực vật (Cây tra).

Cống ở xã Bình Phục Nhứt, huyện Chợ Gạo, được xây dựng năm 1989; là loại cống hộp, số cửa 2, chiều rộng 4 m, sâu 2m, diện tích phục vụ 200 ha.

24. Cống Số 2 Sông Tra

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Số hiệu (Số 2) + Địa hình thiên nhiên (Sông) + Thực vật (Cây tra).

Cống ở xã Đồng Sơn, huyện Chợ Gạo, được xây dựng năm 1983; là loại cống hộp, số cửa 2, chiều rộng 4 m, sâu 2 m, diện tích phục vụ 1.400 ha.

25. Cống Số 7 Long Bình Điền

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Số hiệu (Số 7) + Địa danh hành chính (Xã Long Bình Điền).

Cống ở xã Long Bình Điền, huyện Chợ Gạo, được xây dựng năm 2011; là loại cống hộp, số cửa 1, chiều rộng 4 m, sâu 2 m, diện tích phục vụ 250 ha.

26. Cống Tân Thuận Bình

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa danh hành chính (Xã Tân Thuận Bình).

Cống ở xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo, được xây dựng năm 2008; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 5,5 m, sâu 3,2 m, diện tích phục vụ 1.700 ha.

27. Cống Thợ Tiện

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Nghề nghiệp (Thợ tiện: là người làm việc với máy tiện để cắt gọt một khối kim loại thành chi tiết hoàn chỉnh).

Cống ở xã Xuân Đông, huyện Chợ Gạo, được xây dựng năm 2008; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 2,0 m, sâu 2,5 m, diện tích phục vụ 120 ha.

28. Cống Thủ Ngữ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Chức quan võ hoặc thu thuế dưới thời nhà Nguyễn (Thủ) + Tên người (Ngữ).

Cống ở xã Xuân Đông, huyện Chợ Gạo, được xây dựng năm 2017; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 10 m, sâu 3,2 m, diện tích phục vụ 300 ha.

29. Cống Tư Lớn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Thứ và tên người (Tư Lớn).

Cống ở xã Bình Ninh, huyện Chợ Gạo, được xây dựng năm 1994; là loại cống tròn, số cửa 2, chiều rộng Φ 100 m, sâu 0,6 m, diện tích phục vụ 10 ha.

*** Đê:**

1. Đê Bình Ninh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đê) + Địa danh hành chính (Xã Bình Ninh).

Đê kéo dài qua các xã Hòa Định, Bình Ninh, huyện Chợ Gạo, có điểm đầu: Cầu Hòa Định, điểm cuối: Cống Vàm Giồng, được xây dựng năm 1994; toàn bộ

mặt đê đã bê tông hóa, nhựa hóa với chiều dài 10.800 m, chiều rộng 3,5 m - 6 m, cao trình 2,7 m.

2. Đê Rạch Tràm - Ninh Đồng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đê) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Thực vật (Cây tràm) - Địa danh Hán Việt (Ninh Đồng).

Đê kéo dài qua các xã Tân Thuận Bình, Quơn Long, huyện Chợ Gạo; xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, có điểm đầu: Cầu Đôi, điểm cuối: Đê Tây kinh/kênh Chợ Gạo, được xây dựng năm 1994; toàn bộ mặt đê đã bê tông hóa, nhựa hóa với chiều dài 8.745 m, chiều rộng 4 m, cao trình 2,20 m - 2,35 m.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên bến xe, bến đò, bến phà:**

Bến xe:

Theo quy định của Bộ Giao thông - Vận tải có 2 loại bến xe là bến xe khách và bến xe hàng. Trong phạm vi đề tài, tập trung nghiên cứu về địa danh bến xe khách trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Khái niệm bến xe khách:

Theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách - Sửa đổi lần 1 năm 2015, Bến xe khách là công trình thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thực hiện chức năng phục vụ xe ô tô đón, trả hành khách và các dịch vụ hỗ trợ vận tải hành khách công cộng được xây dựng trên một thửa đất hoặc nhiều thửa đất liền kề.

Cũng theo Thông tư nêu trên, Bến xe khách được phân thành 6 loại. Quy định về các hạng mục công trình tương ứng với từng loại bến xe khách như trong Bảng sau:

TT	Tiêu chí phân loại	Đơn vị tính	Loại bến xe khách					
			Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4	Loại 5	Loại 6
1	Diện tích mặt bằng (tối thiểu)	m^2	15.000	10.000	5.000	2.500	1.500	500
2	Diện tích bãi đỗ xe ôtô chờ vào vị trí đón khách	m^2	5.000	3.000	1.000	500	160	80

	(tối thiểu)							
3	Diện tích bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác	m^2	2.000	1.500	900	400	30	20
4	Diện tích tối thiểu phòng chờ cho hành khách (có thể phân thành nhiều khu vực trong bến)	m^2	500	300	150	100	50	30
5	Số vị trí đón, trả khách (tối thiểu)	vị trí	50	40	30	20	10	6
6	Số chỗ ngồi tối thiểu khu vực phòng chờ cho hành khách	chỗ	100	60	30	20	10	10
7	Hệ thống điều hòa, quạt điện khu vực phòng chờ cho hành khách (tối thiểu)	-	Đảm bảo nhiệt độ không vượt quá 30°C	Quạt điện	Quạt điện	Quạt điện	Quạt điện	Quạt điện
8	Diện tích khu vực	-	Bình quân 4,5 m^2/người					

	làm việc				
9	Diện tích văn phòng dành cho Y tế	-	Tối thiểu 10 m^2		
10	Diện tích khu vệ sinh	-	> 1 % tổng diện tích xây dựng bến (Có nơi vệ sinh phục vụ người khuyết tật theo QCVN 10:2014/BXD)		
11	Diện tích dành cho cây xanh, thảm cỏ	-	Tỷ lệ diện tích đất dành cho cây xanh, thảm cỏ tối thiểu 2% tổng diện tích		
12	Đường xe ra, vào bến	-	riêng biệt	chung (rộng tối thiểu 7,5 m)	
13	Đường dẫn từ phòng chờ cho hành khách đến các vị trí đón, trả khách	-	Có mái che		
14	Kết cấu mặt đường ra, vào bến xe và sân bến	-	Mặt đường nhựa hoặc bê tông xi măng		
15	Hệ thống cung cấp thông tin	-	Có hệ thống phát thanh, có hệ thống bảng chỉ dẫn bằng điện tử, có thiết bị tra cứu thông tin tự động	Có hệ thống phát thanh, có hệ thống bảng chỉ dẫn	
16	Hệ thống	-	Có phần mềm	Có phần mềm	

	kiểm soát xe ra vào bến		quản lý bến xe và trang bị hệ thống camera giám sát xe ra vào bến	quản lý bến xe	

Bến xe Chợ Gạo

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến xe) + Địa danh hành chính (Huyện Chợ Gạo).

Bến xe Chợ Gạo, mã số (63)15, tọa lạc tại Khu 2, thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, diện tích 1.104 m², điện thoại: (0273)3835455, xếp loại 6.

*** Bến đò:**

Khái niệm

Bến đò là bến đỗ trên các bờ sông để đò dừng nhằm tiếp nhận hoặc trao trả hành khách, hàng hóa trong quá trình chuyên chở.

1.Bến đò Ba Cà

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến đò) + Thứ và tên người (Ba Cà).

Bến đò Ba Cà bờ phải và bờ trái đều nằm trên kinh/kênh Chợ Gạo, nối xã Bình Phan, huyện Chợ Gạo với xã Quơn Long, cùng huyện (và ngược lại), tỉnh Tiền Giang.

2. Bến đò Giữa

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến đò) + Vị trí (Giữa).

Bến đò Giữa bờ phải và bờ trái đều nằm trên kinh/kênh Chợ Gạo, nối xã Bình Phục Nhứt, huyện Chợ Gạo với xã Quơn Long, cùng huyện (và ngược lại), tỉnh Tiền Giang.

3. Bến đò Lộ Vàm

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến đò) + Công trình xây dựng (Lộ: đường) + Địa hình thiên nhiên (Vàm).

Bến đò Lộ Vàm bờ phải và bờ trái đều nằm trên sông Mỹ Tho thuộc sông Tiền, nối xã Song Bình, huyện Chợ Gạo với xã Xuân Đông, cùng huyện (và ngược lại), tỉnh Tiền Giang.

4. Bến đò Nhà Thờ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến đò) + Công trình xây dựng mang yếu tố tôn giáo (nhà thờ đạo Thiên chúa).

Bến đò Nhà Thờ bờ phải và bờ trái đều nằm trên rạch Kỳ Hôn, nối xã Long Bình Điền, huyện Chợ Gạo với xã Xuân Đông, cùng huyện (và ngược lại), tỉnh Tiền Giang.

5. Bến đò Quơn Long

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến đò) + Địa danh hành chính (Xã Quơn Long).

Bến đò Quơn Long bờ phải và bờ trái đều nằm trên kinh/kênh Chợ Gạo, nối xã Bình Phục Nhứt, huyện Chợ Gạo với xã Quơn Long, cùng huyện (và ngược lại), tỉnh Tiền Giang.

6. Bến đò Tám Bống

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến đò) + Thứ và tên người (Tám Bống).

Bến đò Tám Bống bờ phải và bờ trái đều nằm trên kinh/kênh Chợ Gạo, nối xã Bình Phan, huyện Chợ Gạo với xã Tân Thuận Bình, cùng huyện (và ngược lại), tỉnh Tiền Giang.

*** Bến phà:**

Khái niệm

Bến phà là nơi đón, trả khách qua sông bằng phà.

1. Bến phà Bình Ninh - Tân Thới

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến phà) + Địa danh hành chính (Xã Bình Ninh - Xã Tân Thới).

Bến phà Bình Ninh - Tân Thới bờ phải và bờ trái đều nằm trên nhánh sông Cửa Tiểu thuộc sông Tiền, nối xã Bình Ninh, huyện Chợ Gạo với xã Tân Thới, huyện Tân Phú Đông (và ngược lại), tỉnh Tiền Giang.

2. Bến phà Cồn Tàu (1)

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến đò) + Địa hình thiên nhiên (Cồn) + Phương tiện giao thông thủy (Tàu).

Về nguồn gốc địa danh Cồn Tàu có 2 cách giải thích:

- Cù lao giống hình chiếc tàu thủy nên gọi là cù lao Tàu.

- Xưa kia, có một chiếc tàu buôn vào ăn hàng bị chìm tại đây. Về sau, phù sa bồi tụ lại thành cồn, từ đó có tên gọi Cồn Tàu.

Bến phà Cồn Tàu (1) bờ phải và bờ trái đều nằm trên sông Tiền, nối xã Hòa Định, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang với xã Tam Hiệp, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

***Y tế tuyến huyện:**

Trung tâm Y tế huyện Chợ Gạo.

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng mang tính chất chăm sóc sức khỏe (Trung tâm y tế) + Địa danh hành chính (Huyện Chợ Gạo).

- Khái quát Trung tâm Y tế huyện Chợ Gạo

+ Địa chỉ: Số 1, Ấp Bình Hạnh, xã Long Bình Điền, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

+ Số điện thoại: 02733835229

+ Trang thông tin điện tử: http://ttytchogao.soytetiengiang.gov.vn

+ Email: ttythuyenchogao@yahoo.com

+ Cơ quan chủ quản: Sở Y tế tỉnh Tiền Giang

+ Tổng diện tích: 18,700m^2; diện tích sử dụng: 4,767m^2.

+ Tổng số cán bộ, viên chức (năm 2022): 298; trong đó nam: 93; nữ: 205.

Năm 2009, Trung tâm Y tế huyện Chợ Gạo được thành lập theo Quyết định số 2331/QĐ-UBND ngày 02/7/2009 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang, có chức năng, nhiệm vụ như sau:

+ Trung tâm Y tế Chợ Gạo có chức năng cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về y tế dự phòng, khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng, dân số - kế hoạch hoá gia đình và các dịch vụ y tế khác theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện các hoạt động phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm, HIV/AIDS, bệnh không lây nhiễm, bệnh chưa rõ nguyên nhân; tiêm chủng phòng bệnh; y tế trường học; phòng, chống các yếu tố nguy cơ tác động lên sức khoẻ, phát sinh, lây lan dịch, bệnh; quản lý và nâng cao sức khoẻ cho người dân trên địa bàn.

+ Thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường đối với các cơ sở y tế; vệ sinh và sức khoẻ lao động, phòng, chống bệnh nghề nghiệp, tai nạn thương tích; vệ sinh trong hoạt động mai táng, hoả táng; giám sát chất lượng nước dùng cho ăn uống, sinh hoạt và dinh dưỡng cộng đồng.

+ Thực hiện các hoạt động phòng, chống ngộ độc thực phẩm trên địa bàn huyện; tham gia thẩm định cơ sở đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn theo phân cấp; tham gia thanh tra, kiểm tra, giám sát công tác phòng chống ngộ độc thực phẩm, phòng chống bệnh truyền qua thực phẩm; hướng dẫn, giám sát cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, ăn uống trong việc đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật và theo phân công, phân cấp

+ Sơ cứu, cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng theo quy định của cấp có thẩm quyền và giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh cho các trường hợp bệnh nhân tự đến, bệnh nhân được chuyển tuyến, bệnh nhân do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến trên chuyển về để tiếp tục theo dõi điều trị, chăm sóc, phục hồi chức năng, thực hiện các kỹ thuật, thủ thuật, chuyển tuyến theo quy định của pháp luật; khám sức khoẻ và chứng nhận sức khoẻ theo quy định; tham gia khám giám định y khoa, khám giám định pháp y khi được trưng cầu.

+ Thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khoẻ sinh sản và cải thiện tình trạng dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em; phối hợp thực hiện công tác dân số, kế hoạch hoá gia đình theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện các xét nghiệm, chuẩn đoán hình ảnh phục vụ cho hoạt động chuyên môn, kỹ thuật theo chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Y tế và nhu cầu của người dân; tổ chức thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn sinh học tại phòng xét nghiệm và an toàn bức xạ theo quy định.

+ Thực hiện tuyên truyền, cung cấp thông tin về chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước về y tế; tổ chức các hoạt động truyền thông, giá dục sức khoẻ về y tế, chăm sóc sức khoẻ trên địa bàn.

+ Chỉ đạo tuyến, hướng dẫn về chuyên môn kỹ thuật đối với các trạm y tế xã, y tế ấp và các cơ sở y tế thuộc cơ quan, trường học, xí nghiệp, cơ sở sản xuất trên địa bàn.

+ Thực hiện đào tạo liên tục cho đội ngũ viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định; tập huấn, bồi dưỡng cập nhật kiến thức chuyên môn nghiệp vụ thuộc lĩnh vực phụ trách cho đội ngũ nhân viên y tế và các đối tượng khác theo phân công, phân cấp của Sở Y tế tỉnh Tiền Giang; là cơ sở để thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe và hướng dẫn thực hành để cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện việc cung ứng, bảo quản, cấp phát, sử dụng và tiếp nhận thuốc, vắc xin, sinh phẩm y tế, hoá chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn theo phân cấp của Sở Y tế tỉnh Tiền Giang và quy định của pháp luật.

+ Triển khai thực hiện các dự án, chương trình y tế ở địa phương theo phân công, phân cấp của Sở Y tế; tổ chức điều trị nghiện chất bằng thuốc thay thế theo quy định của pháp luật; thực hiện kết hợp quân - dân y theo tình hình thực tế địa phương.

+ Thực hiện ký hợp đồng với cơ quan bảo hiểm xã hội để tổ chức khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế tại Trung tâm Y tế và các đơn vị y tế thuộc Trung tâm Y tế theo quy định của pháp luật.

+ Nghiên cứu và tham gia nghiên cứu khoa học, ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật về lĩnh vực liên quan.

Năm 2022, Đảng bộ Trung tâm Y tế có 04 chi bộ trực thuộc, với 61 đảng viên; Ban Giám đốc gồm 01 Giám đốc và 02 Phó Giám đốc; Công đoàn cơ sở có 32 tổ công đoàn với 298 công đoàn viên; Đoàn Thanh niên có 2 chi đoàn với 27 đoàn viên.

Trung tâm có 04 phòng chức năng: Phòng Tổ chức - Hành chính, Phòng Tài chính - Kế toán, Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ, Phòng Dân số - Truyền thông giáo dục sức khỏe; 02 khoa thuộc hệ y học dự phòng: Khoa Kiểm soát bệnh tật, Khoa Y tế công cộng - An toàn thực phẩm; 05 khoa lâm sàng: Khoa Hồi sức cấp cứu, khoa Khám bệnh, khoa Nhi, khoa Nội - Nhiễm, khoa Ngoại - Sản; 02 khoa cận lâm sàng: Khoa Xét nghiệm và Chẩn đoán hình ảnh. Bệnh viện thuộc Trung tâm được xếp hạng 3 với 110 giường bệnh.

Trung tâm có 01 Phòng khám đa khoa khu vực Tịnh Hà (xã Mỹ Tịnh An) và 19 trạm y tế xã, thị trấn trực thuộc: Trạm Y tế thị trấn Chợ Gạo, Trạm Y tế các xã Song Bình, Bình Ninh, Tân Thuận Bình, Tân Bình Thạnh, Hòa Tịnh, Mỹ Tịnh An, Long Bình Điền, Bình Phan, Đăng Hưng Phước, Trung Hòa, Quơn Long, Bình Phục Nhứt, Lương Hòa Lạc, Thanh Bình, Xuân Đông, Hòa Định, xã Phú Kiết, An Thạnh Thuỷ.

Về trình độ chuyên môn, năm 2022, Trung tâm có: Thạc sĩ: 01; Bác sĩ chuyên khoa 1: 16; Bác sĩ chuyên khoa 2: 02; Cử nhân đại học: 21; Cử nhân cao đẳng: 25; Trình độ khác: 204.

*** Bia lưu niệm (Nghiên cứu, biên soạn thêm: Bia tưởng niệm, Khu tưởng niệm, bia căm thù, bia mộ):**

Bia lưu niệm/tưởng niệm:

Bia lưu niệm/tưởng niệm là vật được tạo tác dạng hình phiến dẹp có mặt phẳng, thường được làm bằng đá, kim loại, gỗ, bê tông cốt thép,… với kích thước thường có chiều cao lớn hơn chiều rộng, được dựng lên để lưu niệm/tưởng niệm danh nhân, sự kiện lịch sử, tổ chức chính trị - xã hội,…

Bia lưu niệm Đào kinh/kênh Bảo Định

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bia lưu niệm) + Sự kiện lịch sử (Đào kinh/kênh Bảo Định).

Bia tọa lạc tại xã Phú Kiết, huyện Chợ Gạo.

Trước khi có kinh Bảo Định, tại đây đã có rạch Vũng Cù ở về phía đông bắc, chảy từ sông Vàm Cỏ Tây đến quán Thị Cai (nay thuộc thành phố Tân An, tỉnh Long An); và rạch Mỹ Tho ở về phía nam, chảy từ chợ Lương Phú (nay thuộc xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang) ra sông Tiền. Khoảng giữa bắc - nam, tức là từ quán Thị Cai đến chợ Lương Phú là ruộng vườn liên tiếp.

Năm 1705, vâng lệnh Quốc chúa Nguyễn Phúc Chu, Chính thống Vân trường hầu Nguyễn Cửu Vân đem quân đánh dẹp quân Cao Miên ở khu vực này khi bọn

chúng xâm lược nước ta. Để đề phòng quân giặc tập kích, Nguyễn Cửu Vân cho đắp một phòng tuyến kéo dài từ quán Thị Cai đến chợ Lương Phú. Bên ngoài phòng tuyến, ông cho đào một con mương hào nối liền rạch Vũng Cù và rạch Mỹ Tho. Sau đó, nhân đường nước đã lưu thông, người ta đào sâu thêm, thành ra đường kinh/kênh, ghe thuyền đi lại được. Lúc bấy giờ, để tiện cho việc nhắm hướng đào mở, người ta có dựng một cái thang cao, tục gọi là thang trông; và về sau trở thành địa danh: chợ Thang Trông ở xã Phú Kiết, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Do đoạn kinh/kênh tại Thang Trông có giáp nước, nên kinh/kênh thường bị bùn lầy làm cho nông cạn. Vì thế, năm 1819, vua Gia Long ra lệnh cho các viên quan đứng đầu thành Gia Định và trấn Định Tường huy động dân phu nạo vét và mở rộng kinh từ Thang Trông đến Húc Đồng (Hóc Đùn) - bến Mỹ Tho dài 40 dặm rưỡi (khoảng 14 km).

Đây là công trình lớn, nên theo Bia *Phụng khai tân cảng ký* (còn gọi là *Bia đào kinh/kênh Bảo Định*), có đến 3 vị quan cao cấp của Gia Định thành và 2 vị quan đứng đầu của trấn Định Tường cùng tham gia chỉ huy, gồm :

- Gia Định thành Phó Tổng trấn, Thị trung Tả Thống chế Lý văn hầu Huỳnh Công Lý. Viên quan này có trách nhiệm chỉ huy toàn bộ công trình.

- Hiệp Tổng trấn, Lại bộ Thượng thư An toàn hầu Trịnh Hoài Đức.

- Tổng đốc Chưởng tiền quân, Bình Tây tướng quân, Đức quận công Nguyễn Huỳnh Đức.

- Trấn thủ Định Tường, Bửu Thiện hầu Nguyễn Văn Phong. Vị này có nhiệm vụ chỉ huy trực tiếp dân phu tại công trường.

- Chưởng cơ Lãnh binh, Nhiệm tín hầu (chưa rõ họ, tên). Vị này có nhiệm vụ huy động dân phu.

Công trình cải tạo kinh/kênh được tiến hành gần 4 tháng; khởi công ngày 28 tháng Giêng năm Kỹ Mão (23/2/1819); kết thúc ngày 10 tháng 4 nhuận năm Kỷ Mão (3/6/1819).

Sau khi công trình đã được hoàn thành mỹ mãn, vua Gia Long cho tạc sự kiện này vào bia đá dựng tại Thang Trông để "*truyền mãi về sau*"; và đặt tên cho kinh là Bảo Định. Lúc này, kinh có bề ngang 15 tầm (khoảng 32 mét), sâu 9 thước (khoảng 4 mét), hai bên bờ kinh có đường quan lộ được đắp bằng đất, rộng 6 tầm (khoảng 13 mét). Dưới thời Thiệu Trị (1841 – 1847), kinh Bảo Định được đổi tên là An Định; rồi Trí Tường.

Đặc biệt, một trong những viên quan chỉ huy công trình là An toàn hầu Trịnh Hoài Đức đã sáng tác một bài thơ ca ngợi cảnh đẹp và giá trị kinh tế của kinh Bảo Định:

TÂN KINH THẦN MỤC

Lạc nguyệt đề ô náo cửu cai,

Tân kinh mục tử[5] trục tương lai.

Địch xuy lô quản xâm yên tố,

Ngưu đạp vân căn[6] nhập thủy ôi.

Thảo dụ bình điền hồ khả lạp,

Tang âm lục dã lộ kham môi.

Phong niên tiếu ngạo Hy Hoàng[7] thế,

Túy ngọa hoa tùng bất thoát soa.

Bản dịch thơ của Hoài Anh:

SỚM CHĂN TRÂU Ở TÂN KINH

Trăng lặn quạ kêu rộn khoảng không,

Tân kinh mục tử ruỗi trên đồng.

Sáo bằng ống sậy vút trời thẳm,

Trâu dẫm đá chìm tới khuỷu sông.

Cỏ tốt bãi bằng, săn cáo tiện,

Dâu xanh bóng mát họp cò đông.

Được mùa ngạo thuở Hy Hoàng nhé,

Để áo, nằm say cạnh khóm hồng.

Bia đào kinh Bảo Định (Phụng khai tân cảng ký) được tạo tác bằng đá sa thạch, có kích thước 40cm x 60cm. Chữ khắc trên bia là khắc chìm (âm nét). Chung quanh bia trang trí hoa văn. Bia được đặt trên một đế bằng đá. Toàn bộ bia được để trong miếu có nền cao 01 m; diện tích miếu 1,4 m x 1,4 m; mái lợp ngói móc; đế chung quanh diện tích 2,5 m x 2,5 m.

Nội dung bia đào kinh Bảo Định (Bản dịch của Cử nhân Hán học Nguyễn Năm):

"*Tháng chạp năm Mậu Dần.*

Công đồng truyền khâm phụng.

---

[5] Mục tử: Trẻ chăn trâu.

[6] Vân căn: Gốc rễ của mây, tức là đá. Thơ thời nhà Tống có câu: "Đồn yên nhiễu phong nguyệt, tích thủy nịch vân căn", nghĩa là: Khói dồn lại làm rối loạn hang gió, nước tụ lại làm chìm đá núi.

[7] Hy Hoàng: là hai vị vua Phục Hy và Hoàng Đế thời cổ đại ở Trung Quốc. Dưới thời hai vị vua này, xã hội ổn định, thạnh trị, ý chỉ sự thái bình.

Sắc lệnh đến mùa xuân tới sẽ khai mở cảng sông Định Tường.

Đến tháng giêng năm nay Kỹ Mão (1819) thực thi công trình.

- Trấn Định Tường cung cấp 3225 dân phu.

- Khâm sai Chưởng cơ lãnh binh Nhiệm tín hầu lãnh nhiệm vụ.

- Khâm sai trấn thủ Định Tường, Bửu thiện hầu có nhiệm vụ đốc thúc dân phu.

- Khâm sai Gia Định thành phó tổng trấn, Thị trung tả thống chế Lý văn Hầu đốc thúc nơi công trình.

- Khâm sai Tổng đốc Chưởng tiền quân, Bình tây Đức quận công.

- Khâm sai Hiệp tổng trấn Lại bộ thượng thư An toàn hầu.

cùng hiệp tâm cấp phát lương hướng: mỗi người 1 quan tiền, 1 phương gạo. Đến ngày 28 tháng giêng khởi công từ chợ Lung (Thang trông - Phú Kiết) đến bến Mỹ Tho - hoặc đào thẳng qua ruộng bằng phẳng - hoặc sửa những chỗ nông, sâu đắp hai bờ sông thành đê phẳng. Làm như thế đến ngày 10 tháng tư nhuận thì thông ra bến cảng.

Ngưỡng mong thánh thượng chứng giám cho sự khai sáng tốt đẹp này.

Đường sông này vốn có nhiều khúc quanh co, nhiều chỗ sâu, cạn nên ghe thuyền các loại khó đi lại, lao khổ không nên kéo dài, ăn uống không nên tạm bợ, tiêu xài không nên vay mượn.

Công sức ngày tháng đã bỏ ra để ngàn vạn năm tiện lợi, mưa nắng thuận hòa, công sức của muôn dân đã thành đạt, con đường giao thông được sửa chữa.

Xin sơ lược tỏ bày mọi sự với năm tháng tạc vào bia đá truyền mãi về sau.

Năm Gia Long thứ 18, ngày 10 tháng tư nhuận Kỷ Mão (1819)".

*** * Bia lưu niệm (Nghiên cứu, biên soạn thêm: Bia tưởng niệm, Khu tưởng niệm, bia căm thù, bia mộ):**

Bia lưu niệm/tưởng niệm:

Bia lưu niệm/tưởng niệm là vật được tạo tác dạng hình phiến dẹp có mặt phẳng, thường được làm bằng đá, kim loại, gỗ, bê tông cốt thép,… với kích thước thường có chiều cao lớn hơn chiều rộng, được dựng lên để lưu niệm/tưởng niệm danh nhân, sự kiện lịch sử, tổ chức chính trị - xã hội,…

1. Bia tưởng niệm "02 nữ liệt sĩ - Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân Lê Thị Lệ Chi và Lê Thị Ngọc Tiến hy sinh"

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bia tưởng niệm) + Sự kiện lịch sử (02 nữ liệt sĩ - Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân Lê Thị Lệ Chi và Nguyễn Thị Ngọc Tiến hy sinh).

Lê Thị Lệ Chi sinh năm 1941 tại làng Bình Ninh, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Bình Ninh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình truyền thống cách mạng.

Căm thù bọn giặc dày xéo quê hương và giết chết người chồng thân yêu, năm 1961, bà tham gia cách mạng; và tuy con hãy còn nhỏ, nhưng bà vẫn hăng hái đi đầu trong các cuộc đấu tranh chính trị, tải đạn, tải thương,... Sau đó, bà được tổ chức cho đi học cứu thương rồi y tá, công tác tại trạm y tế xã. Với sự chăm chỉ, cần cù, tay nghề của bà ngày càng tiến bộ, phục vụ tốt việc điều trị cho thương binh và chữa bệnh cho nhân dân trong xã và các vùng phụ cận. Ngoài ra, bà còn trực tiếp đào nhiều hầm bí mật để che giấu thương binh, tránh sự phát hiện của địch.

Cuối năm 1969, bà được cấp trên cử đi học y sĩ ở vùng căn cứ giáp giới Campuchia thuộc tỉnh An Giang. Cuối năm 1971, mãn khóa học, bà trở về tỉnh nhà chờ phân công nhiệm vụ. Lúc này, người cha của bà đang công tác tại cơ quan hậu cần Tỉnh đội đã lớn tuổi, hai người em trai, một mới vừa hy sinh, một bị thương nặng; hơn nữa, chiến trường Chợ Gạo đang hồi rất gay go, địch đánh phá vô cùng ác liệt; nên tổ chức định điều bà về công tác ở Bệnh xá quân y tỉnh. Thế nhưng, với tinh thần tiến công cách mạng không ngừng, bà vẫn nhất quyết xin về huyện nhà công tác, dù biết sẽ gặp nhiều khó khăn, nguy hiểm.

Trở về Chợ Gạo, bà được cấp trên tin tưởng giao nhiệm vụ là Phó Ban Dân y kiêm Trưởng Bệnh xá Dân y huyện Chợ Gạo. Lúc đó, Bệnh xá Dân y huyện đặt tại lõm du kích thuộc khu vực giáp ranh ba xã An Thạnh Thủy, Bình Ninh và Hòa Định. Tại đây, trong điều kiện thuốc men, y cụ còn nhiều thiếu thốn, đội ngũ thầy thuốc ít ỏi, mật độ bom pháo dầy đặc và địch thường xuyên càn quét; nhưng bà đã cùng với đồng đội là nữ y tá Lê Thị Ngọc Tiến ra sức khắc phục khó khăn, hết lòng điều trị, chăm sóc hàng chục thương binh từ các chiến trường chuyển về.

Lê Thị Ngọc Tiến sinh năm 1951 tại xã Quơn Long, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Quơn Long, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân có truyền thống yêu nước.

Năm 1967, bà tham gia cách mạng ở địa phương; sau đó, được cấp trên cử đi học lớp đào tạo y tá. Trong thời gian học, bà ra sức trau dồi chuyên môn và rèn luyện tay nghề, để khi ra trường, làm tốt công tác điều trị bệnh nhân.

Năm 1969, bà được phân công về Trạm xá Dân y huyện Chợ Gạo đặt tại lõm du kích thuộc khu vực giáp ranh ba xã An Thạnh Thủy, Bình Ninh và Hòa Định. Trạm có nhiệm vụ điều trị, chăm sóc thương bệnh binh của huyện.

Lúc này, tình hình trên chiến trường Chợ Gạo diễn ra rất ác liệt; địch liên tục bắn pháo, ném bom, rải chất độc hóa học, đóng đồn bót và hành quân càn quét vào vùng địa hình của ta. Vì thế, vào khoảng tháng 3/1970, Trạm xá Dân y huyện buộc phải mở hướng sang xã Vang Quới, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre để xây dựng cơ sở điều trị và nuôi dưỡng thương bệnh binh.

Với cương vị là Phó trạm, bà đã cùng với Trưởng trạm và 3 y tá khác vừa xây dựng lán trại, ổn định nơi ăn chốn ở; vừa tổ chức cho 30 thương binh nặng vượt vòng vây của địch trên sông Tiền qua trạm điều trị. Mấy tháng sau, Trạm trưởng hy sinh, bà lên thay, điều hành công tác chiến đấu bảo vệ trạm, mua sắm thuốc men, lương thực, thực phẩm và chữa trị, chăm sóc thương bệnh binh. Dù trong hoàn cảnh cực kỳ khó khăn, gian khổ, bà vẫn luôn phấn đấu vượt qua, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, xứng đáng với danh hiệu "*Lương y như từ mẫu*" của người thầy thuốc cách mạng.

Sau trạm Vang Quới, bà mở thêm một trạm xá nữa ở rừng Cây Giá thuộc xã Thừa Đức, huyện Bình Đại, để chăm sóc và nuôi dưỡng thương binh nặng, không còn khả năng chiến đấu, công tác. Dù hai trạm cách nhau đến 7 km, đường đi trên sông Tiền thường xuyên bị tàu địch tuần tra, kiểm soát gắt gao; nhưng bà vẫn lo chu toàn công việc của cả hai trạm, được cấp trên và thương bệnh binh tin tưởng, khen ngợi.

Đầu năm 1972, do vùng giải phóng ở Chợ Gạo được phục hồi và mở rộng, thực hiện sự chỉ đạo của Huyện ủy, bà cho dời hai trạm Vang Quới và Thừa Đức từ Bình Đại, Bến Tre về Hòa Định, Chợ Gạo một cách an toàn. Trạm xá tiếp tục đón nhận và chăm sóc, chữa trị tốt thương bệnh binh từ các chiến trường chuyển về.

Sáng ngày 15-4-1972, lực lượng bảo an ngụy ở chi khu Chợ Gạo càn quét vào khu vực Trạm xá Dân y huyện Chợ Gạo. Sau khi cõng thương binh xuống hầm bí mật và bố trí bãi lựu đạn bảo vệ trạm xá, Trưởng Bệnh xá Lê Thị Lệ Chi và nữ y tá Lê Thị Ngọc Tiến xuống hầm trú ẩn. Địch dùng thuổng sắt xom đất tìm hầm. Do hầm của hai bà mới làm, đất còn yếu, nên bị địch phát hiện. Bọn chúng đã đã dùng mọi cỡ súng bắn phá nắp hầm và bắt được hai bà.

Biết là nơi có thương binh, nên địch tra tấn hai bà rất dã man để mong hai bà khai báo. Nhưng, bọn chúng đã vấp phải tinh thần chiến đấu dũng cảm, kiên cường, bất khuất, giữ vững khí tiết của hai nữ chiến sĩ quân y cách mạng. Đánh đập suốt cả buổi chiều và trọn đêm, địch vẫn không khai thác được gì; nên đến sáng ngày 16- 4-1972, bọn chúng đã dã man mổ bụng, giết chết hai bà.

Sau khi hai bà hy sinh, với lòng khâm phục và tiếc thương vô hạn, nhân dân đã lập miếu thờ hai nữ chiến sĩ cách mạng kiên cường đã vì nước quên thân tại lộ Thầy Sang thuộc xã Hòa Định. Ngày 23-5-2005, hai bà được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân. Tên của hai bà Lê Thị Lệ Chi và Lê Thị Ngọc Tiến được đặt tên hai tuyến đường ở thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Bia tưởng niệm "02 nữ liệt sĩ - Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân Lê Thị Lệ Chi và Lê Thị Ngọc Tiến hy sinh" nằm trong khuôn viên 1.000 m², tọa lạc tại xã Hòa Định, huyện Chợ Gạo, được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định so613781/QĐ-UBND ngày 19/12/2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Bia được tạo tác bằng đá hoa cương, cao 3 m, rộng 2 m, đặt trên bệ cao 1 m. Trước bia có tôn trí hai bức tượng chân dung của 02 nữ liệt sĩ. Nội dung được ghi trên bia như sau:

"Nơi đây vào ngày 16/4/1972, lực lượng Bảo an địch đánh vào Trạm xá huyện Chợ Gạo. Sau khi đưa thương binh xuống hầm ngụy trang và gài lựu đạn xong, đồng chí Lê Thị Lệ Chi - Phó Ban Dân y kiêm Trưởng Bệnh xá Dân y huyện Chợ Gạo và đồng chí Lê Thị Ngọc Tiến - Y tá thuộc Bệnh xá Dân y huyện Chợ Gạo bị địch bắt và tra tấn dã man nhưng 2 đồng chí vẫn cương quyết không khai hầm ẩn giấu thương binh.

Đồng chí Lê Thị Lệ Chi và đồng chí Lê Thị Ngọc Tiến đã anh dung hy sinh, bảo vệ an toàn cho 18 thương binh, để lại tấm gương dũng cảm của người đảng viên Cộng sản, không khuất phục trước bạo lực của kẻ thù.

Ngày 23/5/2005, đồng chí Lê Thị Lệ Chi và Lê Thị Ngọc Tiến được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

Ngày 19/12/2007, UBND tỉnh Tiền Giang quyết định xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh".

2. Bia tưởng niệm "8 dân công tải đạn hy sinh"

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bia tưởng niệm) + Sự kiện lịch sử (8 dân công tải đạn hy sinh).

Bia tọa lạc tại xã Song Bình, huyện Chợ Gạo.

Ngày 03/02/1975 (23 tháng Chạp năm Giáp Dần), ông Nguyễn Văn Võ, tiểu đội phó, khung huấn luyện Huyện đội Chợ Gạo phụ trách dân công cùng ông Nguyễn Văn Chiêm hướng dẫn 18 dân công tải đạn từ nhà ông Ba Tổng, cán bộ hậu cần Huyện đội ở ấp Bình Hòa B, xã Song Bình đến điểm tập kết tại xã Tân Thuận Bình (cùng huyện Chợ Gạo). Trong số 18 dân công này chỉ có một nam là Nguyễn Văn Chí , còn lại là nữ. Chị Nguyễn Thị Sáu là người lớn tuổi nhất - 19 tuổi, chị Nguyễn Thị Kim là người nhỏ tuổi nhất - 13 tuổi, đang ngồi ghế nhà trường, tranh thủ thời gian nghỉ Tết tham gia cùng anh chị em tải đạn phục vụ chiến trường. Đạn dược vận chuyển trong đêm hôm đó, gồm các loại: mìn định hướng ĐH10, đạn B40, lựu đạn và một ít đạn nhọn.

Theo kế hoạch đã định là vận chuyển đêm 02/02/1975, nhưng gặp trở ngại không thực hiện được nên phải dời lại sang đêm 03/02/1975. Chiều tối ngày 03/02/1975, đoàn dân công từ nhà ông Sáu Phiểu (xã Long Bình Điền) ra đi, trong số đó có 5 chị đi trễ do bận chuyển đất đắp đài chiến sĩ xã Long Bình Điền. Khoảng 19 giờ cùng ngày, đoàn đến nhà ông Ba Tổng nhận hàng và lập tức lên đường. Độ khoảng 30 phút sau, khi đoàn tải đạn đến khu vực nhà bà Nguyễn Thị Ba thuộc ấp Bình Hiệp, xã Song Bình thì đạn phát nổ do va chạm. Vụ nổ làm 08 người hy sinh và 05 người bị thương.

Bia tưởng niệm do nhà điêu khắc Trần Văn Trầm tạo mẫu, được tạo tác bằng đá hoa cương tạc hình 8 liệt sĩ, khánh thành năm 2016 cùng với các hạng mục kèm theo như: nhà bia, sân bãi, hàng rào, cây xanh, hệ thống đèn chiếu sáng,… trên diện tích 1.000 m².

Địa điểm xây dựng bia tưởng niệm 08 dân công tải đạn hy sinh được Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 2711/QĐ-UBND ngày 30/10/2014.

3. Bia tưởng niệm "Thủ khoa Huân hy sinh"

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bia tưởng niệm) + Sự kiện lịch sử (Thủ khoa Huân hy sinh).

Bia tọa lạc tại cầu Tịnh Hà, xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo.

Bia nằm trong khuôn viên rộng 70m², được xây dựng bằng đá hoa cương, cao 1,8 m, ngang 1,5 m với nội dung được ghi trên bia như sau:

"Nơi đây ngày 19/5/1875 (nhằm ngày 14/4 năm Ất Hợi)

Thực dân Pháp trảm Anh hùng dân tộc

Thủ khoa Nguyễn Hữu Huân (1830 - 1875)"

Bia được Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15/02/2000.

Bia căm thù:

Bia căm thù là vật được tạo tác dạng hình phiến dẹp có mặt phẳng, thường được làm bằng đá, kim loại, gỗ, bê tông cốt thép,… với kích thước thường có chiều cao lớn hơn chiều rộng, trên bia ghi lại ngày tháng năm, địa điểm, số người bị giết hại trong các cuộc càn quét, tàn sát của kẻ địch đối với nhân dân ta.

Bia căm thù "Nhân dân Bình Ninh bị Mỹ - ngụy thảm sát"

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bia) + Tính từ (Căm thù) + Sự kiện lịch sử (Nhân dân Bình Ninh bị Mỹ - ngụy thảm sát).

Bia tọa lạc tại xã Bình Ninh, huyện Chợ Gạo.

Khoảng 2 giờ chiều ngày 17/4/1961, bọn lính ở quận Hòa Đồng (nay là huyện Gò Công Tây) do tổng Long chỉ huy phối hợp bọn lính ở quận Chợ Gạo do thiếu úy Pho chỉ huy, mở trận càn vào Bình Ninh để truy kích lực lượng ta. Bọn địch càn đến, bắt được 34 người đem ra bắn tại chỗ (trong đó có 17 người ở xã Bình Ninh thuộc huyện Chợ Gạo, 17 người xã ở Bình Phục Nhì thuộc huyện Gò Công Tây).

Bia do nhà điêu khắc Trần Văn Trầm tạo mẫu, được xây dựng năm 1993 trên diện tích 420 m². Bia cao 4,2 m, cấu trúc bê tông cốt thép, có hình ngọn lửa đang cháy và phù điêu chạm nổi hình ảnh cán bộ, chiến sĩ và nhân dân ta dũng cảm cầm súng chiến đấu. Phía bên phải bia có ghi dòng chữ: "Vào lúc 2 giờ chiều

ngày 17 tháng 4 năm 1961, Mỹ, ngụy đã gây ra cuộc thảm sát 34 người dân vô tội của Bình Ninh và Bình Phục Nhì".

Bia nằm trong khuôn viên Di tích Nơi giặc gây tội ác. Di tích được Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15/02/2000.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên công viên/vườn hoa, rạp hát:**

Công viên/Vườn hoa:

Khái niệm:

- Công viên là khu vực được trồng cây xanh tập trung trong một diện tích đất lớn nhằm mục đích phục vụ công cộng, là nơi sinh hoạt ngoài trời, nghỉ ngơi, thư giãn, vui chơi, giải trí, tập luyện thể dục, nơi tổ chức các hoạt động văn hóa - xã hội đáp ứng nhu cầu của nhân dân. Ngoài cây xanh, công viên còn có các công trình kiến trúc và công trình hạ tầng kỹ thuật đồng bộ. Phạm vi quản lý một công viên bao gồm diện tích bên trong công viên và vỉa hè của công viên đó.

- Vườn hoa: Loại công viên hoặc vườn nhỏ ở đô thị trong đó có trồng nhiều hoa. Có thể đứng độc lập hoặc gắn với công trình kiến trúc, có tác dụng tăng thẩm mỹ cho cảnh quan đô thị.

Huyện Chợ Gạo:

Công viên huyện Chợ Gạo

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Công viên) + Địa danh hành chính (Huyện Chợ Gạo).

Công viên được hình thành năm 1998, cải tạo và nâng cấp năm 2018, nằm trong khuôn viên của Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện Chợ Gạo, tọa lạc tại thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, diện tích 3.600 m², hệ thực vật gồm có cây thân gỗ (bằng lăng, sao, lim,…); cây tạo dáng (cau kiểng, dương, sứ trắng,..), cây lá màu và thảm cỏ; hồ nước và đài phun nước, dụng cụ tập thể dục ngoài trời, đèn chiếu sáng, ghế đá, hệ thống điện nước,…

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên chợ:**

Chợ

- Theo Hoàng Phê trong *Từ điển Tiếng Việt*, "Chợ là nơi công cộng, để đông người đến mua và bán trong những buổi, ngày nhất định"[8].

- *Từ điển Bách khoa Việt Nam* ghi: "Chợ là nơi gặp nhau giữa nơi cung và cầu các hàng hóa, dịch vụ, vốn; là nơi tập trung mua bán hàng hóa giữa người sản xuất, người mua bán và người tiêu dùng"[9].

---

[8] Hoàng Phê (2000), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng, tr.165.

- Trong quyển *Gốc và Nghĩa của Từ Việt thông dụng*, Vũ Xuân Phái định nghĩa: "Chợ là nơi tụ họp buôn bán"; "chợ búa là nơi tụ họp bày bán hàng hóa, để buôn bán trong làng, xóm (thời xưa) hay cái chợ là nơi quy định mua bán"[10].

- Theo Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, "Chợ là loại hình kinh doanh thương mại được hình thành và phát triển mang tính truyền thống, được tổ chức tại một địa điểm theo quy hoạch, đáp ứng nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hoá và nhu cầu tiêu dùng của khu vực dân cư"[11].

Chợ đầu mối

Theo Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, "Chợ đầu mối: là chợ có vai trò chủ yếu thu hút, tập trung lượng hàng hóa lớn từ các nguồn sản xuất, kinh doanh của khu vực kinh tế hoặc của ngành hàng để tiếp tục phân phối tới các chợ và các kênh lưu thông khác"[12].

Phân loại chợ

Tùy vào mục đích và tiêu chí, người ta phân loại chợ theo nhiều cách khác nhau: Phân loại chợ theo điều kiện môi sinh; Phân loại chợ theo số lượng hộ kinh doanh, vị trí và mặt bằng của chợ (theo quy mô: chợ loại I, chợ loại II và chợ loại III); Phân loại chợ theo tính chất mua bán (chợ bán buôn và chợ bán lẻ); Phân loại chợ theo đặc điểm mặt hàng kinh doanh (chợ tổng hợp và chợ chuyêndoanh); Theo địa giới hành chính (chợ đô thị và chợ nông thôn); Phân loại theo tính chất và quy mô xây dựng (chợ kiên cố, chợ bán kiên cố, chợ tạm).

- Trong công trình nghiên cứu "Chợ nổi đồng bằng sông Cửu Long từ góc nhìn văn hóa học", Đặng Thị Hạnh đã lập bảng phân loại chợ như sau[13]:

STT	TIÊU CHÍ PHÂN LOẠI	LOẠI HÌNH CHỢ
1	Theo thời gian họp chợ	- Chợ sáng - Chợ hôm - Chợ chiều - Chợ đêm - Chợ phiên

[9] *Từ điển Bách khoa Việt Nam (2003)*, NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội, tr.22.
[10] Vũ Xuân Phái *(2009)*, *Gốc và Nghĩa của Từ Việt thông dụng*, NXB Trẻ, tr.162.
[11] Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1.
[12] Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1.
[13] Đặng Thị Hạnh (2012), *Chợ nổi đồng bằng sông Cửu Long từ góc nhìn văn hóa học*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh, tr.41.

2	Theo lịch sử	- Chợ truyền thống - Chợ hiện đại (siêu thị)
3	Theo khu vực địa lý	- Chợ quê - Chợ ven đô - Chợ đô thị - Chợ đồng bằng - Chợ miền núi
4	Theo quy mô hành chánh	- Chợ làng - Chợ xã (liên làng) - Chợ huyện (liên xã) - Chợ thị trấn - Chợ thị xã
5	Theo tính chất, quy mô trao đổi hàng hóa	- Chợ đầu mối - Chợ bán lẻ - Chợ chuyên doanh - Chợ tổng hợp
6	Theo loại hình hàng hóa bán chủ yếu tại chợ	- Chợ vải - Chợ trâu - Chợ trái cây - Chợ hải sản
7	Theo quy mô xây dựng	- Chợ kiên cố - Chợ bán kiên cố - Chợ tạm

- Trong quyển *Chợ quê trong quá trình biến đổi*, Lê Thị Mai đã phân chia chợ ra thành nhiều loại hình khác nhau, với những tiêu chí khác nhau như sau[14]:

+ Thời gian họp chợ có: Chợ sáng, chợ hôm, chợ chiều, chợ đêm, chợ phiên

[14] Lê Thị Mai (2004), *Chợ quê trong quá trình chuyển đổi*, NXB Thế Giới, tr.41.

+ Theo khu vực, địa vực có: chợ quê, chợ đô thị, chợ ven đô, chợ đồng bằng, chợ trung du, chợ miền biển…

+ Theo quy mô hành chánh có: Chợ làng, chợ xã (liên làng), chợ huyện (liên xã), chợ thị trấn, chợ thị xã,...

+ Theo tính chất, quy mô trao đổi hàng hóa có: Chợ đầu mối, chợ bán lẻ, chợ chuyên doanh, chợ tổng hợp,…

+ Theo loại hình hàng hóa bán tại chợ có: chợ vải, chợ trâu, chợ lụa, chợ trái cây, chợ nông sản,…

Trong đề tài này, nhóm tác giả chọn cách phân loại chợ theo Nghị định 02/2003/NĐ - CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ[15]:

- *Chợ loại 1:* Là chợ có trên 400 điểm kinh doanh chợ, được đầu tư xây dựng kiên cố, hiện đại theo quy hoạch; được đặt ở các vị trí trung tâm kinh tế thương mại quan trọng của tỉnh, thành phố hoặc là chợ đầu mối của ngành hàng, của khu vực kinh tế và được tổ chức họp thường xuyên; có mặt bằng phạm vi chợ phù hợp với quy mô hoạt động của chợ và tổ chức đầy đủ các dịch vụ tại chợ: trông giữ xe, bốc xếp hàng hóa, kho bảo quản hàng hóa, dịch vụ đo lường, dịch vụ kiểm tra chất lượng hàng hóa, vệ sinh an toàn thực phẩm và các dịch vụ khác.

- *Chợ loại 2:* Là chợ có trên 200 điểm kinh doanh, được đầu tư xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố theo quy hoạch; được đặt ở trung tâm giao lưu kinh tế của khu vực và được tổ chức họp thường xuyên hay không thường xuyên; có mặt bằng phạm vi chợ phù hợp với quy mô hoạt động chợ và tổ chức các dịch vụ tối thiểu tại chợ: trông giữ xe, bốc xếp hàng hóa, kho bảo quản hàng hóa, dịch vụ đo lường.

- *Chợ loại 3:* Là các chợ có dưới 200 điểm kinh doanh hoặc các chợ chưa được đầu tư xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố. Chủ yếu phục vụ nhu cầu mua bán hàng hóa của nhân dân trong xã, phường và địa bàn phụ cận.

Quy mô chợ

Theo Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, có chợ kiên cố và chợ bán kiên cố[16]:

- Chợ kiên cố: là chợ được xây dựng bảo đảm có thời gian sử dụng trên 10 năm.

- Chợ bán kiên cố: là chợ được xây dựng bảo đảm có thời gian sử dụng từ 5 đến 10 năm.

Chợ ở huyện Chợ Gạo:

---

[15] Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1.

[16] Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1.

1. Chợ An Khương

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh Hán Việt (An: 安: Bình an, an toàn, yên ổn; Khương: 康: Yên ổn, bình an, giàu có, mạnh khỏe.

Chợ loại 3, ở xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo, diện tích 760 m², có 60 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, đồ gia dụng, tạp hóa,…

2. Chợ An Thạnh Thủy

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã An Thạnh Thủy).

Chợ loại 3, ở xã An Thạnh Thủy, huyện Chợ Gạo, diện tích 2.000 m², có 90 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, quần áo, giày dép, kim khí điện máy, đồ gia dụng, tạp hóa,…

3. Chợ Bến Tranh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa hình nhân tạo (Bến: là chỗ bờ sông, người ta thường xây bậc lên xuống để lấy nước, tắm giặt, xếp dỡ hàng hoá, như bến đò, bến tàu,… Sau đó, bến còn bao gồm luôn cả bến xe trên đường bộ.) + Thực vật (Cỏ tranh).

Chợ loại 2, ở xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo, diện tích 2.000 m², có 267 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, quần áo, giày dép, kim khí điện máy, nữ trang, nông cụ, đồ gia dụng, tạp hóa,…

4. Chợ Bình Ninh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Bình Ninh).

Chợ loại 3, ở xã Bình Ninh, huyện Chợ Gạo, diện tích 500 m², có 59 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, đồ gia dụng, tạp hóa,…

5. Chợ Bình Phục Nhứt

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Bình Phục Nhứt).

Chợ loại 2, ở xã Bình Phục Nhứt, huyện Chợ Gạo, diện tích 2.500 m², có 223 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, quần áo, giày dép, kim khí điện máy, nữ trang, nông cụ, đồ gia dụng, tạp hóa,…

6. Chợ Cầu Đúc

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Công trình xây dựng (Cầu) và Động từ (Đúc: Ý nói cầu đúc bằng xi măng bắc qua sông, kênh/kinh, rạch).

Chợ loại 3, ở xã Xuân Đông, huyện Chợ Gạo, diện tích 760 m², có 55 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, đồ gia dụng, tạp hóa,…

7. Chợ Điền Mỹ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh Hán Việt (Điền: 佃: Ruộng đồng; Mỹ: 美: Tốt, đẹp).

Chợ loại 3, ở xã Long Bình Điền, huyện Chợ Gạo, diện tích 2.000 m², có 35 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, tạp hóa,…

8. Chợ Gạo

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Lương thực (Gạo).

Chợ Gạo vốn bắt nguồn tại một ngôi chợ đóng ở thôn Bình Phan (gọi trại từ Bình Phương), do ông Trần Văn Nguyệt thành lập vào thời vua Lê Hiển Tông, niên hiệu Cảnh Hưng (1740-1787). Theo *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn, vào cuối thế kỷ thứ XVIII, Chợ Gạo là chợ chuyên kinh doanh gạo nổi tiếng trong vùng. Các thương lái tập trung đổ về đây để mua gạo, theo đường thủy ra sông Tiền rồi đưa lên Sài Gòn để bán đi khắp nơi. Tên gọi Chợ Gạo hình thành từ đó.

Cuốn *Địa phương chí Chợ Gạo* cho biết: "Chợ được xây năm 1918, cột gạch, sườn cây, lợp ngói, 6 căn dài 20 thước, ngang 7 thước rưỡi, nền lót gạch tàu, cao ráo sạch sẽ".

Chợ loại 1, thuộc thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, diện tích 8.400 m², có 694 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, quần áo, giày dép, túi xách, kim khí điện máy, nữ trang, nông cụ, đồ gia dụng, tạp hóa,…

9. Chợ Hòa Định

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Hòa Định).

Chợ loại 3, ở xã Hòa Định, huyện Chợ Gạo, diện tích 400 m², có 24 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, tạp hóa,…

10. Chợ Khu 3

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (Khu phố 3).

Chợ loại 3, ở thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, diện tích 500 m², có 80 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, quần áo, giày dép, đồ gia dụng, tạp hóa,…

11. Chợ Long Bình Điền

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Long Bình Điền).

Chợ loại 3, ở xã Long Bình Điền, huyện Chợ Gạo, diện tích 2.000 m², có 50 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, đồ gia dụng, tạp hóa,…

12. Chợ Ông Văn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Giới tính (Ông) + Tên người (Dương Văn Văn). Chợ do Ông Văn lập ra.

Chợ loại 3, ở xã Đăng Hưng Phước, huyện Chợ Gạo, diện tích 4.000 m², có 180 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, quần áo, giày dép, kim khí điện máy, đồ gia dụng, tạp hóa,…

13. Chợ Phú Kiết (Chợ Thang Trông)

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Phú Kiết).

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Vật dụng (Thang: Đồ dùng để trèo lên cao, được làm bằng những thanh gỗ hoặc tre,... xếp song song hoặc hơi choãi ở chân và nối với nhau bằng nhiều thanh ngang dùng làm bậc) + Hướng nhìn (Trông). Năm 1819, khi tiến hành nạo vét kênh/kinh Bảo Định, tại ngã ba giáp nước ở thôn Phú Kiết, người ta cho dựng một cây thang cao để trông hướng đào mở, gọi là thang trông. Về sau, trở thành địa danh: Thang Trông.

Chợ loại 3, ở xã Phú Kiết, huyện Chợ Gạo, diện tích 500 m², có 59 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, đồ gia dụng, tạp hóa,…

14. Chợ Quơn Long

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Quơn Long).

Chợ loại 3, ở xã Quơn Long, huyện Chợ Gạo, diện tích 2.000 m², có 50 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, đồ gia dụng, tạp hóa,…

15. Chợ Song Bình

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Song Bình).

Chợ loại 3, ở xã Song Bình, huyện Chợ Gạo, diện tích 2.794 m², có 80 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, đồ gia dụng, tạp hóa,…

16. Chợ Tân Bình Thạnh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Tân Bình Thạnh).

Chợ loại 3, ở xã Tân Bình Thạnh, huyện Chợ Gạo, diện tích 500 m², có 36 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, tạp hóa,…

17. Chợ Tân Thuận Bình

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Tân Thuận Bình).

Chợ loại 3, ở xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo, diện tích 2.000 m², có 15 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

18. Chợ Thanh Bình

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Thanh Bình).

Chợ loại 3, ở xã Thanh Bình, huyện Chợ Gạo, diện tích 4.000 m², có 95 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, quần áo, giày dép, đồ gia dụng, kim khí điện máy, tạp hóa,…

19. Chợ Tịnh Hà

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính xưa (thôn Tịnh: 靜: Yên ổn, yên lặng; Hà: 河: Sông) (*Địa chí Tiền Giang* 2, trang 293).

Chợ loại 3, ở xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo, diện tích 2.000 m², có 73 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, quần áo, giày dép, đồ gia dụng, tạp hóa,…

20. Chợ Trung Hòa

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Trung Hòa).

Chợ loại 3, ở xã Trung Hòa, huyện Chợ Gạo, diện tích 500 m², có 38 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, tạp hóa,…

Trạm:

Trạm bơm Bình Phan

* Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trạm bơm: là công trình thủy công; trong đó trang bị các loại máy bơm nhằm đảm bảo lấy nước từ nguồn vận chuyển và bơm nước đến nơi cần tưới tiêu hay cần thoát nước) + Địa danh hành chính (Xã Bình Phan).

* Khái quát Trạm bơm Bình Phan:

- Địa chỉ: Xã Bình Phan, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang

- Điện thoại: 02733 838 424

- Tổng diện tích: 8.049,5 m^2; diện tích sử dụng: 322,36m^2

Trạm bơm Bình Phan được xây dựng năm 1978 với qui mô: 01 nhà máy bơm với công suất 32.000 m^3/giờ (gồm 08 máy, công suất 4.000m^3/giờ/máy); 01 nhà máy bơm Tham Thu (04 máy, công suất 2.500m^3/giờ) và 01 dãy nhà quản lý (07 phòng), được đầu tư từ nguồn kinh phí của Ngân hàng phát triển châu Á,

phục vụ cho khu vực các xã Bình Phan, Bình Phục Nhứt, huyện Chợ Gạo và các xã Bình Nhì, Thạnh Nhựt, Đồng Sơn huyện Gò Công Tây với khoảng 8.000 ha sản xuất.

Tuy nhiên, Trạm bơm Bình Phan có một số nhược điểm là không đủ nước để bơm đưa đi; thứ hai là khi bơm, nước không chảy xuống Gò Công mà chảy tràn nên khu vực ở gần trạm bơm bị ngập. Sau nhiều năm sử dụng, trạm bơm đã xuống cấp nghiêm trọng và không còn hoạt động.

Năm 2000, tại vị trí đầu kênh/kinh Tham Thu, tỉnh đã đầu tư xây dựng Cống Bình Phan, thay thế cho Trạm bơm Bình Phan, nhằm tiếp nước vào kênh/kinh Tham Thu, đảm bảo nước cho tưới tiêu, sản xuất, sinh hoạt cho Nhân dân trong khu vực.

Năm 2020, Trạm bơm được sửa chữa, thay thế 04 động cơ để phục vụ bơm chống hạn và chính thức vận hành 06 tổ máy từ 08 giờ ngày 09/01/2020.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn trường học:**

Trường trung học phổ thông, trường trung học cơ sở - trung học phổ thông:

Trường trung học phổ thông:

1. Trường Trung học phổ thông Bình Phục Nhứt

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học phổ thông) + Địa danh hành chính (Xã Bình Phục Nhứt).

Địa chỉ: Ấp Bình Khương 2, xã Bình Phục Nhứt, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733897636

Trang thông tin điện tử: thptbinhphucnhut.edu.vn

Email:c3binhphucnhut.tiengiang@moet.edu.vn

Trường Trung học phổ thông Bình Phục Nhứt được thành lập theo Quyết định số 3941/QĐ-UBND ngày 23/10/2006 của Chủ tịch Uỷ ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo đơn vị hành chính: Xã Bình Phục Nhứt.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 24 đảng viên; nam:14 ; nữ: 10 ; Chi ủy: 05 ; nam: 04; nữ: 01. Ban Giám hiệu: 03; nam: 03; nữ: 00. Công đoàn: 52 công đoàn viên; nam: 29; nữ: 23. Đoàn Thanh niên: 520; nam: 222; nữ: 298.

Tổng số viên chức: 52; nam: 29; nữ: 23. Tổng số giáo viên: 43; trong đó nam: 22; nữ: 21. Thạc sĩ: 09; Cử nhân (Đại học): 37; Trình độ khác: 06

Tổng số học sinh: 943; nam:489 ; nữ: 454.

Tổng diện tích: 17.063 m^2 ; diện tích sử dụng: 4.569 m^2

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy 02 tầng; phòng làm việc: 12; phòng học: 28; phòng thí nghiệm: 04; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 01; nhà vệ sinh: 03; các loại hình khác: căn tin (02), nhà xe.

2. Trường Trung học phổ thông Chợ Gạo

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học phổ thông) + Địa danh hành chính (Huyện Chợ Gạo).

Địa chỉ: Ô 3, Khu 1, thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733.835.219

Trang thông tin điện tử: https://www.facebook.com/CTT.THPTChoGao

Email: c3chogao.tiengiang@moet.edu.vn

Trường Trung học phổ thông Chợ Gạo có tiền thân từ Trường Trung học Chợ Gạo, được thành lập từ năm 1961. Đến năm 1975, là trường trung học toàn cấp, có đủ lớp từ lớp 6 đến lớp 12. Năm 1977, các lớp cấp II (từ lớp 6 đến lớp 9) được tách khỏi trường để thành lập Trường Trung học cơ sở thị trấn Chợ Gạo, còn trường được đặt tên mới là Trường Trung học phổ thông Chợ Gạo. Năm 2011, trường nhận được Quyết định thành lập số 1229/ QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2011 của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang. Hiện nay (2021), Trường Trung học phổ thông Chợ Gạo là một trong những ngôi trường khang trang, hiện đại trong tỉnh. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt tên theo đơn vị hành chính: Huyện Chợ Gạo.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 33 đảng viên; nam: 15; nữ: 18; Chi ủy: 05; nam: 04; nữ: 01. Ban Giám hiệu: 04; nam: 04, nữ: 00. Công đoàn: 94 công đoàn viên; nam: 37; nữ: 57. Đoàn thanh niên: 1.550; nam: 680; nữ: 870.

Tổng số viên chức: 94 ; trong đó nam: 37; nữ: 57. Tổng số giáo viên: 87; nam: 34; nữ: 53. Thạc sĩ: 05; Cử nhân (Đại học): 85; Trình độ khác: 04.

Tổng số học sinh: 1.995; nam: 766; nữ: 1.229.

Tổng diện tích:18.055 m^2; diện tích sử dụng: 4.423 m^2

Trường có 3 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 02 tầng lầu; Phòng làm việc: 20; Phòng học: 45; Phòng thí nghiệm: 06 ; Phòng máy tính: 03; Thư viện: 01; Sân chơi: 03; Khu thể thao (nhà đa năng): 01; Khu vệ sinh: 04.

3. Trường Trung học phổ thông Thủ Khoa Huân

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học phổ thông) + Danh xưng đứng đầu khoa thi và tên danh nhân (Thủ khoa Huân).

Địa chỉ: Ấp An Thị, xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273.3.665.082

Trang thông tin: Website: http://thptthukhoahuan.tiengiang.edu.vn

Email: c3thukhoahuan.tiengiang@moet.edu.vn

Trường Trung học phổ thông Thủ Khoa Huân khai giảng khóa đầu tiên vào ngày 05/9/1983. Năm 1988, trường được thành lập theo Quyết định số 351/QĐ-BGDĐT ngày 30/5/1988 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

THỦ KHOA HUÂN

(1830 - 1875)

Thủ khoa Huân tên thật là Nguyễn Hữu Huân, sinh năm 1830 tại thôn Lợi Thạnh, tổng Hưng Xương, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường (nay là ấp Hòa Quới, xã Hòa Tịnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang).

Thuở nhỏ, ông nổi tiếng hiếu học và học giỏi. Năm 1852, ông đỗ thủ khoa kỳ thi tại trường thi Hương Gia Định, nên được gọi là Thủ khoa Huân. Sau đó, ông ra làm quan, được bổ làm Giáo thọ phủ Kiến An.

Sau khi giặc Pháp hạ thành Gia Định (tháng 2-1859); giữa năm 1859, ông hợp lực với Võ Duy Dương chiêu mộ nghĩa dũng, phất cờ khởi nghĩa. Lúc bấy giờ, ông được triều đình phong chức Phó Quản đạo.

Tháng 7-1862, ông đến căn cứ Tân Hòa (Gò Công) bàn việc thống nhất lực lượng nghĩa quân với Trương Định nhằm nâng cao sức mạnh chiến đấu chống giặc Pháp xâm lược. Tại đây, ông nhận chức Phó Đề đốc do vua Tự Đức ban cho.

Tháng 2-1863, sau khi căn cứ Tân Hòa thất thủ, ông về Chợ Gạo, xây dựng căn cứ Bình Cách (nay là xã Tân Bình Thạnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang). Từ căn cứ này, dưới sự chỉ huy của ông, nghĩa quân đã tỏa ra đánh quân Pháp ở Mỹ Quý (nay thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang), Thuộc Nhiêu (nay thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang), Mỹ Tho, Chợ Gạo,…

Giữa năm 1863, giặc Pháp tấn công căn cứ Bình Cách. Nghĩa quân đã chiến đấu vô cùng anh dũng, khiến bọn chúng phải khó khăn lắm mới phá vỡ được căn cứ này. Để bảo toàn lực lượng, ông cho nghĩa quân rút qua Thuộc Nhiêu, tiếp tục cuộc chiến đấu. Nghĩa quân đã liên tiếp mở nhiều cuộc tấn công vào Cái Thia, Cái Bè, Cai Lậy, Rạch Gầm, Trung Lương, Tân Lý (nay thuộc tỉnh Tiền Giang),…

Cuối năm 1863, thực dân Pháp huy động lực lượng lớn tấn công Thuộc Nhiêu. Nghĩa quân phải rút vào Đồng Tháp Mười, xây dựng căn cứ mới. Theo sự phân công giữa ông với Võ Duy Dương; ông sang An Giang - nơi còn thuộc quyền kiểm soát của triều đình - để tuyển mộ nghĩa quân và vận động nhân dân, kể cả triều đình, ủng hộ, đóng góp tiền của, vũ khí, lương thực cho cuộc kháng chiến.

Thế nhưng, do áp lực của thực dân Pháp, tháng 7-1864, quan Tổng đốc An Giang là Phan Khắc Thận đã nhu nhược bắt ông giao nộp cho quân giặc. Một tháng sau, ông bị chính quyền thực dân kết án 10 năm tù, đày ra nước ngoài.

Tháng 2-1869, sau 5 năm bị giam trong ngục tù ở hải ngoại, ông được thả về nước và bị quản thúc tại nhà của Đỗ Hữu Phương ở Chợ Lớn. Tại đây, Đỗ Hữu Phương vâng lệnh quan thầy ra sức mua chuộc, dụ dỗ ông. Nhưng, ông vẫn một lòng một dạ trung thành với đất nước và nhân dân. Không những thế, ông còn tìm cách liên lạc với những người yêu nước và mưu tính phát động một cuộc khởi nghĩa mới.

Năm 1872, ông trốn thoát về Mỹ Tho, Chợ Gạo; cùng với Âu Dương Lân nổi lên khởi nghĩa với lực lượng nghĩa quân lên đến 3.000 người. Từ đây, phong trào chống Pháp do ông đứng đầu lan tỏa mạnh mẽ khắp vùng Mỹ Tho, Chợ Gạo, Cai Lậy, Tân An (nay thuộc tỉnh Long An), Chợ Lớn (nay thuộc TP Hồ Chí Minh),… Thủ lĩnh ở nhiều nơi cũng tham gia phong trào, như Nguyễn Văn Chất ở Vĩnh Long, Lê Công Thành, Phan Văn Đồng, Lâm Lễ ở Cần Thơ, Long Xuyên (nay thuộc tỉnh An Giang),… Một hệ thống chính quyền kháng chiến được xây dựng tại nhiều thôn xã, nhất là ở Mỹ Tho và Chợ Gạo.

Trước sự lớn mạnh của nghĩa quân, cuối năm 1874, thực dân Pháp huy động một lực lượng hùng hậu, từ nhiều hướng tấn công căn cứ Bình Cách. Nghĩa quân kháng cự vô cùng quyết liệt; nhưng do thế giặc quá mạnh, sau đó phải tan rã. Ông bị sa vào tay giặc. Bọn chúng giam ông ở nhà ngục Mỹ Tho; hết tra tấn dã man lại giở trò mua chuộc; nhưng vẫn không làm lung lay khí tiết của một đấng trượng phu anh hùng.

Tên Chánh tham biện Mỹ Tho là De Gailland chiêu hàng không thành, đã kết án và tử hình ông ngày 15-4 năm Ất Hợi (19-5-1875) tại chợ Tịnh Hà (nay thuộc xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo). Trước lúc hy sinh vì nghĩa lớn của dân tộc, ông vẫn lạc quan sáng tác một bài thơ tuyệt mạng, tỏ rõ ý chí kiên cường, bất khuất của mình:

Hãn mã gian quan báo quốc cừu,

Chỉ nhân binh bãi trí thân hưu.

Anh hùng mạc bả doanh thâu luận,

Vũ trụ trường khan tiết nghĩa lưu.

Đản đắc tử kinh Hồ lỗ phách,

Bất cam sinh đoạn tướng quân đầu.

Đương kim Tho thủy ba lưu huyết,

Long đảo thu phong khởi mộ sầu.

Nhà yêu nước Phan Bội Châu dịch:

Ruổi rong gió ngựa báo thù chung,

Binh bãi cho nên mạng mới cùng.

Tiết nghĩa vẫn lưu cùng vũ trụ,

Hơn thua sá kể với anh hùng.

Nổi xung mất vía quân Hồ lỗ,

Quyết thác không hàng rạng núi sông.

Tho thủy ngày rày pha máu đỏ,

Đảo Rồng hiu hắt ngọn thu phong.

Đồng thời, ông còn làm hai câu Liễn tuyệt mạng:

Hữu chí nan thân, không uổng bách niên chiêu vật nghị,

Tuy công bất tựu, diệc tương nhất tử báo quân ân.

Nhà nghiên cứu Cao Tự Thanh dịch:

Việc lớn không thành, báo chúa cũng đành liều một chết,

Lòng ngay khó tỏ, miệng đời luống để luận trăm năm.

Nghĩa nước tình dân, Nguyễn Hữu Huân đã trả xong khi ông vừa tròn 45 tuổi. Tấm gương sáng ngời của ông vẫn được lưu giữ mãi trong ký ức của nhân dân và của hồn thiêng sông núi; đúng như một câu ca dao ở địa phương đã ca ngợi:

Một lòng đền nợ nước non,

Ngàn năm vẫn đỏ tim son anh hùng.

Hiện nay, đền thờ và lăng mộ của ông đã được công nhận Di tích lịch sử cấp quốc gia năm 1987, tọa lạc tại xã Hòa Tịnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Nơi ông thọ án chém tại chợ Tịnh Hà (xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo) cũng được xây bia tưởng niệm. Tượng đài của ông được tạc bằng đá hoa cương, tọa lạc tại công viên Lạc Hồng, Phường 1, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Cuộc đời và sự nghiệp của ông đã được khắc họa trên sân khấu qua vở cải lương "Trăng soi dòng Bảo Định" của Nghệ nhân ưu tú Huỳnh Anh. Tên Nguyễn Hữu Huân (hay Thủ khoa Huân) được đặt tên đường phố và trường học tại nhiều tỉnh thành trên cả nước.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 34 đảng viên; nam: 14; nữ: 20; Chi ủy: 04; nam: 04; nữ: 00. Ban giám hiệu: 02; trong đó nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 70 công đoàn viên; nam: 27; nữ: 43. Đoàn thanh niên: 1.248 ; nam: 607; nữ: 641.

Tổng số viên chức: 70; nam 27 ; nữ: 43. Tổng số giáo viên: 60; nam 22 ; nữ: 38. Thạc sĩ: 08; Cử nhân (Đại học): 55; Cử nhân (Cao đẳng): 02; Trình độ khác: 01

Tổng số học sinh: 1476; nam: 647; nữ: 829.

Tổng diện tích: 15.762,7 m^2 ; diện tích sử dụng: 3.288 m^2

Trường có 03 dãy lầu (dãy B có 03 lầu; dãy C có 01 lầu; dãy D có 02 lầu); Phòng làm việc: 09; Phòng học: 36 phòng; Phòng thí nghiệm: 03; Phòng nghe nhìn: 02; Phòng máy tính: 03; Thư viện: 01; Sân chơi: 01; Khu thể thao: có 1 sân bóng đá mi ni, 01 hồ bơi; Nhà vệ sinh: 05 khu; Căn tin; Nhà xe.

4. Trường Trung học phổ thông Trần Văn Hoài

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học phổ thông) + Họ và tên danh nhân (Trần Văn Hoài).

Địa chỉ: Ô 3, Khu I, thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, Tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733835231.

Trang thông tin điện tử: thpttranvanhoai.tiengiang.edu.vn

Email: c3tranvanhoai.tiengiang@moet.edu.vn

Trường được thành lập ngày 26/8/1993 mang tên Trường Trung học phổ thông bán công Chợ Gạo. Năm 2008, theo Quyết định số 3471/QĐ-UBND ngày 05/11/2008 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang, trường được chuyển đổi loại hình từ bán công sang công lập và mang tên Trường Trung học phổ thông Trần Văn Hoài.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

TRẦN VĂN HOÀI

(1871 – 1947)

Trần Văn Hoài, còn gọi là Hương trưởng Hoài, sinh năm 1871 tại làng Bình Ninh, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Bình Ninh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang). Sau khi lập gia đình, ông về cư trú tại quê vợ ở xã Tân Thuận Bình cùng huyện.

Ông là người nhiệt thành yêu nước, từng tham gia các phong trào chống Pháp, như Thiên địa hội, Duy tân hội, hội kín Nguyễn An Ninh,… Ông còn bán ruộng đất, góp tiền ủng hộ phong trào Đông Du do nhà yêu nước Phan Bội Châu khởi xướng.

Năm 1927, ông giác ngộ chủ nghĩa Mác - Lênin và tham gia tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Năm 1928, ông bị thực dân Pháp bắt giam ba năm vì lưu giữ báo chí cách mạng ở trong nhà.

Năm 1931, sau khi ra tù, ông tham gia Hội Khuyến học Nam Kỳ, tổ chức cho nhiều thanh niên ra nước ngoài học tập chủ nghĩa Mác - Lênin. Đồng thời, ông còn bỏ vốn lập đoàn ghe chài và vựa trái cây ở chợ cầu Ông Lãnh (Sài Gòn) để làm công tác liên lạc và gây quỹ tài chánh cho Đảng. Cũng trong năm 1931, đồng chí Cộng (Nguyễn Văn Ngự - Tỉnh ủy viên) thay mặt Tỉnh ủy Mỹ Tho xuống Chợ Gạo tổ chức cuộc họp - cũng tại nhà ông Hương trưởng Hoài để củng cố, thành lập cơ sở Đảng đầu tiên của huyện Chợ Gạo. Chi bộ đầu tiên của huyện Chợ Gạo có 7

đảng viên: Trần Văn Hoài, Võ Trọng Phụng, Dương Khuy, thầy giáo Thiện (Nguyễn Đăng Duy), Dương Văn Nguơn, Trần Thị Hồng Liên, Trần Văn Hiển (con của ông). Đồng chí Võ Trọng Phụng được chỉ định làm Bí thư chi bộ.

Năm 1940, ông tham gia cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ ở Chợ Gạo. Cuộc khởi nghĩa bị thất bại, ông bị thực dân Pháp bắt giam lần thứ hai. Ở trong tù, dù bị đày ải, hành hạ đến cùng cực, nhưng ông vẫn một lòng trung thành với cách mạng.

Năm 1943, sau khi mãn hạn tù, ông lại tiếp tục hoạt động cách mạng. Ngôi nhà của ông chính là nơi diễn ra hội nghị thành lập Xứ ủy Lâm thời Nam Kỳ (10-1943) do ông Trần Văn Giàu làm Bí thư. Tháng 5 - 1945, cũng ở tại nhà ông, Xứ ủy Nam Kỳ triệu tập hội nghị toàn Xứ, nhằm đề ra các hoạt động chuẩn bị cho cuộc tổng khởi nghĩa tháng 8 - 1945.

Sau khi thực dân Pháp quay trở lại xâm lược Nam Bộ (9-1945), ngôi nhà to lớn của ông ở Tân Thuận Bình (Chợ Gạo) bị giặc Pháp đốt tan hoang. Nén nỗi đau riêng và bất kể tuổi cao sức yếu, ông và các con cháu trong gia đình đều đi kháng chiến. Việc ông tham gia cách mạng đã có tác động to lớn đối với tinh thần yêu nước và hướng về kháng chiến của giới nhân sĩ trí thức đương thời.

Ngày mùng 10 tháng 5 năm Đinh Hợi (nhằm ngày 28-6-1947), ông có chuyến công tác đặc biệt vượt qua lộ Đông Dương (nay là Quốc lộ 1), đoạn thuộc xã Long Định, huyện Châu thành, tỉnh Tiền Giang, nhưng bị địch phục kích; và ông đã hy sinh anh dũng. Tên ông được đặt tên trường trung học phổ thông tại thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường co đảng viên; nam 13; Nữ: 17 Chi ủy: 04, nam: 04; nữ: 00. Ban giám hiệu: 03, nam: 03, nữ: 00. Công đoàn: 59 công đoàn viên; nam: 29; nữ: 30. Đoàn thanh niên: 980 đoàn viên; nam: 460; nữ: 520.

Tổng số viên chức: 59; nam 27; nữ: 32. Tổng số giáo viên: 57; nam 27; nữ: 30. Thạc sĩ: 04; Cử nhân (đại học): 53.

Tổng số học sinh: 1.295; nam: 712; nữ: 583.

Tổng diện tích: 6.323 m^2, diện tích sử dụng: 6.323 m^2.

Trường có 02 dãy lầu (dãy A: 01 trệt, 02 lầu; dãy B: 01 trệt; 03 lầu) và 02 dãy nhà trệt; Phòng học: 30; Phòng làm việc: 09; Thư viện: 01; Phòng nghe nhìn: 01; Phòng máy tính: 02; Phòng thí nghiệm: 03; Phòng Thiết bị: 01; Nhà vệ sinh: 06 khu; Sân chơi: 01; Khu thể thao: 00; Căn tin; Nhà xe.

Trường Trung học cơ sở:

1. Trường Trung học cơ sở An Thạnh Thủy

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã An Thạnh Thủy).

Địa chỉ: Ấp Thạnh Hòa, xã An Thạnh Thủy, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733837031

Trang thông tin điện tử: thcsanthanhthuy.tiengiang.edu.vn

Email: c2anthanhthuycg@tiengiang.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường Phổ thông cấp II An Thạnh Thủy được thành lập năm 1976. Năm 1979, Trường Phổ thông cấp I An Thạnh Thủy và Trường Phổ thông cấp II An Thạnh Thủy sáp nhập lại và được đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở An Thạnh Thủy. Năm 1992, bộ phận cấp I của trường tách ra, trường còn lại cấp II và mang tên Trường Phổ thông cơ sở cấp II An Thạnh Thủy. Năm 1995, trường được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở An Thạnh Thủy. Năm 2000, trường được xác nhận thành lập theo Quyết định số 26/2000/QĐ.UB ngày 18 tháng 9 năm 2000 của Ủy ban Nhân dân huyện Chợ Gạo.

Trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã An Thạnh Thủy.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 11 đảng viên; nam: 03; nữ: 08; Chi ủy: 03; nam: 01; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 30 công đoàn viên; nam: 12; nữ:18. Đoàn thanh niên: 05 đoàn viên; nam: 01; nữ: 04. Đội thiếu niên: 434 đội viên; nam: 228; nữ: 206.

Tổng số cán bộ, viên chức: 28; nam:11; nữ: 17. Tổng số giáo viên: 25; nam: 10; nữ: 16. Cử nhân (đại học): 18; Cử nhân (cao đẳng): 07.

Tổng số học sinh: 434; nam: 228; nữ: 206.

Tổng diện tích: 5.104 m^2; diện tích sử dụng: 5104 m^2.

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; phòng làm việc: 06; phòng học: 10; phòng thí nghiệm: 02; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

2. Trường Trung học cơ sở Bình Ninh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Bình Ninh).

Địa chỉ: Ấp Bình Phú, xã Bình Ninh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733990132

Trang thông tin điện tử: http://thcsbinhninh.pgdchogao.edu.vn

Email: c2binhninhcg@tiengiang.edu.vn

Năm 1992, Trường Phổ thông cơ sở cấp II Bình Ninh được thành lập. Năm 1995, trường được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Bình Ninh. Năm 2014, trường được xác nhận thành lập theo Quyết định số 1808/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban Nhân dân huyện Chợ Gạo.

Trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Bình Ninh.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 15 đảng viên; nam: 07; nữ: 08; Chi ủy: 03; nam: 02 ; nữ: 01. Ban Giám hiệu: 02; nam: 02 ; nữ: 00. Công đoàn: 41 công đoàn viên; nam: 13; nữ: 28. Đoàn thanh niên: 08 đoàn viên; nam: 02; nữ: 06. Đội thiếu niên: 954 đội viên; nam: 482 ; nữ: 472.

Tổng số cán bộ, viên chức: 41; nam: 13; nữ: 28. Tổng số giáo viên: 40; nam:13; nữ: 27. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (đại học): 35; Cử nhân (cao đẳng): 05;

Tổng số học sinh: 954 ; nam:482 ; nữ: 472.

Tổng diện tích: 6.616 m^2; diện tích sử dụng: 6.000 m^2.

Trường có 03 dãy lầu, trong đó có 02 dãy 01 tầng, 01 dãy có 03 tầng; phòng làm việc: 04; phòng học: 16; phòng thí nghiệm: 03; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 00; khu vệ sinh: 02.

3. Trường Trung học cơ sở Bình Phục Nhứt

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Bình Phục Nhứt).

Địa chỉ: Ấp Bình Ninh, xã Bình Phục Nhứt, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Trang thông tin điện tử: thcsbinhphucnhut.pgdchogao.edu.vn

Email: C2binhphucnhutcg@tiengiang.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường Phổ thông cấp II Bình Phục Nhứt được thành lập năm 1976. Năm 1979, Trường Phổ thông cấp I Bình Phục Nhứt và Trường Phổ thông cấp II Bình Phục Nhứt sáp nhập lại và được đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Bình Phục Nhứt. Năm 1992, bộ phận cấp I của trường tách ra, trường còn lại cấp II và mang tên Trường Phổ thông cơ sở cấp II Bình Phục Nhứt. Năm 1995, trường được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Bình Phục Nhứt. Năm 2017, trường được xác nhận tư cách pháp nhân theo Quyết định số 1672/UBND-VX ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân huyện Chợ Gạo.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Bình Phục Nhứt.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 18 đảng viên, nam: 10; nữ: 08; Chi ủy: 03, nam: 01; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 00; nữ: 02. Công đoàn: 40; nam: 13; nữ: 25. Đoàn thanh niên: 22 đoàn viên; nam: 10; nữ: 12. Đội thiếu niên: 830 đội viên; nam: 409; nữ: 421.

Tổng số cán bộ, viên chức: 40; nam: 15; nữ: 25. Tổng số giáo viên: 36; nam: 14; nữ: 12. Cử nhân (Đại học): 33; Cử nhân (Cao đẳng): 06; Trung cấp: 01.

Tổng số học sinh: 846; nam: 417; nữ 429.

Tổng diện tích: 8.265m^2; diện tích sử dụng: 8.265m^2.

Trường có 03 dãy lầu; 01 dãy có 02 tầng và 02 dãy có 01 tầng; phòng làm việc: 07; phòng học: 21; phòng thí nghiệm: 03; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 03.

4. Trường Trung học cơ sở Đăng Hưng Phước

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Đăng Hưng Phước).

Địa chỉ: Ấp Bình An, xã Đăng Hưng Phước, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 073656243

Trang thông tin điện tử: http://thcsdanghungphuoc.pgdchogao.edu.vn

Email: c2danghungphuoccg@tiengiang.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường Trung học tỉnh hạt Đăng Hưng Phước được thành lập năm 1972. Năm 1976, trường được đổi tên Trường Phổ thông cấp II Đăng Hưng Phước. Năm 1979, Trường Phổ thông cấp I Đăng Hưng Phước và Trường Phổ thông cấp II Đăng Hưng Phước sáp nhập lại và được đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Đăng Hưng Phước. Năm 1992, bộ phận cấp I của trường tách ra, trường còn lại cấp II và mang tên Trường Phổ thông cơ sở cấp II Đăng Hưng Phước. Năm 1995, trường được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Đăng Hưng Phước. Năm 2017, trường được xác nhận tư cách pháp nhân theo Quyết định số 1672/UBND-VX ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân huyện Chợ Gạo.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Đăng Hưng Phước.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 15 đảng viên, nam: 08, nữ: 07. Chi ủy: 05; nam: 03, nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công Đoàn: 40 công đoàn viên; nam: 16; nữ: 24. Đoàn thanh niên: 51 đoàn viên; nam: 35; nữ: 16. Đội thiếu niên: 729 đội viên; nam: 379; nữ: 351.

Tổng số cán bộ, viên chức: 39; nam: 15; nữ: 24. Tổng số giáo viên: 37; nam: 15; nữ: 22. Cử nhân (Đại học): 33; Cử nhân (Cao đẳng): 04.

Tổng số học sinh: 780 ; nam: 413; nữ: 367.

Tổng diện tích: 12.090 m^2; diện tích sử dụng: 12.090m^2.

Trường có 2 dãy lầu (dãy lầu hành chính có 1 tầng trệt, 1 tầng lầu; dãy phòng học có 1 tầng trệt, 2 tầng lầu); phòng làm việc: 09, phòng học: 24; phòng thí nghiệm: 03; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02; nhà đa môn: 01.

5. Trường Trung học cơ sở Long Bình Điền

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Long Bình Điền).

Địa chỉ: Ấp Điền Thạnh, xã Long Bình Điền, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733835499

Trang thông tin điện tử: thcslongbinhdien.pgdchogao.edu.vn

Email: c2longbinhdiencg@tiengiang.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp II Long Bình Điền được thành lập. Năm 1979, Trường Phổ thông cấp I Long Bình Điền và Trường Phổ thông cấp II Long Bình Điền sáp nhập lại và được đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Long Bình Điền. Năm 1991, bộ phận cấp I của trường tách ra, trường còn lại cấp II và mang tên Trường Phổ thông cơ sở cấp II Long Bình Điền theo Quyết định số 35/QĐ.UB ngày 05 tháng 7 năm 1991 của Ủy ban Nhân dân huyện Chợ Gạo. Năm 1995, trường được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Long Bình Điền.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Long Bình Điền.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 15 đảng viên; nam: 07; nữ: 08; Chi ủy: 03; nam: 01; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 39 công đoàn viên; nam: 16; nữ: 23. Đoàn thanh niên: 05 đoàn viên; nam: 00; nữ: 05. Đội thiếu niên: 924 đội viên; nam: 485; nữ: 439.

Tổng số cán bộ, viên chức: 39; nam: 16; nữ: 23. Tổng số giáo viên: 37; nam: 15; nữ: 22. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (đại học): 31; Cử nhân (cao đẳng): 06.

Tổng số học sinh: 924; nam: 485; nữ: 439.

Tổng diện tích: 13.331 m^2; diện tích sử dụng: 8.762 m^2.

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 03 tầng; phòng làm việc: 08; phòng thí nghiệm: 03; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 00; khu vệ sinh: 02.

6. Trường Trung học cơ sở Lương Hòa Lạc

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Lương Hòa Lạc).

Địa chỉ: Ấp Lương Phú A, xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733845046

Trang thông tin điện tử: thcsluonghoalac.pgdchogao.edu.vn

Email: c2luonghoalacgtiengiang.edu.vn

Năm 2017, trường được xác nhận tư cách pháp nhân theo Quyết định số 1672/UBND-VX ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân huyện Chợ Gạo.

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp II Lương Hòa Lạc được thành lập. Năm 1979, Trường Phổ thông cấp I Lương Hòa Lạc và Trường Phổ thông cấp II Lương Hòa Lạc sáp nhập lại và được đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Lương Hòa Lạc. Năm 1992, bộ phận cấp I của trường tách ra, trường còn lại cấp II và mang tên Trường Phổ thông cơ sở cấp II Lương Hòa Lạc. Năm 1995, trường được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Long Bình Điền. Năm 2017, trường được xác nhận tư cách pháp nhân theo Quyết định số 1672/UBND-VX ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân huyện Chợ Gạo.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Lương Hòa Lạc.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 13 đảng viên; nam: 07; nữ: 06; Chi ủy: 03; nam: 02; nữ: 01. Ban Giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 35 công đoàn viên; nam: 12; nữ: 23. Đoàn thanh niên: 88 đoàn viên; nam: 27; nữ: 61. Đội thiếu niên: 639 đội viên; nam: 326; nữ: 313.

Tổng số cán bộ, viên chức: 35; nam: 12; nữ: 23. Tổng số giáo viên: 34; nam: 12; nữ: 22. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (đại học): 32; Cử nhân (cao đẳng): 02.

Tổng số học sinh: 718; nam: 352; nữ: 366.

Tổng diện tích: 8.666 m^2; diện tích sử dụng: 1.436 m^2.

Trường có 02 dãy lầu; dãy phòng học gồm 01 tầng trệt và 02 tầng lầu, dãy phòng hành chánh gồm 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 04; phòng học: 12; phòng thí nghiệm: 02; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 01 sân bóng chuyền, 01 sân bóng đá, 01 sân bóng rổ; khu vệ sinh: 01 khu vệ sinh dành cho học sinh và 02 khu vệ sinh dành cho giáo viên; phòng thiết bị: 01, phòng y tế: 01, phòng bộ môn Âm nhạc: 01.

7. Trường Trung học cơ sở Quơn Long

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Quơn Long).

Địa chỉ: Ấp Quang Phú, xã Quơn Long, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 991 090

Trang thông tin điện tử: http://www.thcsquonlong.pgdchogao.edu.vn

Email: c2quonlongcg@tiengiang.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp II Quơn Long được thành lập. Năm 1979, Trường Phổ thông cấp I Quơn Long và Trường Phổ thông cấp II Quơn Long sáp nhập lại và được đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Quơn Long. Năm 1992, bộ phận cấp I của trường tách ra, trường còn lại cấp II và mang tên Trường Phổ thông cơ sở cấp II Quơn Long. Năm 1996, trường được đổi tên thành Trường Trung học

cơ sở Quơn Long theo Quyết định số 178/ QĐ.UB ngày 01 tháng 11 năm 1996 của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Gạo.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Quơn Long.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 17 đảng viên; nam: 08; nữ: 09; Chi ủy: 03; nam: 01; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 00; nữ: 02. Công đoàn: 40 công đoàn viên; nam: 19; nữ 21. Đoàn thanh niên: 54 đoàn viên; nam: 17; nữ: 37. Đội thiếu niên: 859 đội viên; nam: 497; nữ: 392.

Tổng số cán bộ, viên chức: 40; nam: 19; nữ 21. Tổng số giáo viên: 38; nam: 18; nữ: 20. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (đại học): 28; Cử nhân (Cao đẳng): 09.

Tổng số học sinh: 902; nam: 480; nữ 422.

Tổng diện tích: 3.680m^2; diện tích sử dụng: 3.680m^2.

Trường có 03 dãy lầu; trong đó có 02 dãy gồm 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; 01 dãy gồm 01 tầng trệt 03 tầng lầu; phòng làm việc: 06; phòng học: 17; phòng thí nghiệm, thực hành: 02; phòng máy tính: 02; thư viện: 01, phòng thiết bị: 01; sân chơi: 01; khu vệ sinh: 02.

8. Trường Trung học cơ sở Thanh Bình

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Thanh Bình).

Địa chỉ: Ấp Bình Long, xã Thanh Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733898004

Trang thông tin điện tử: http://thcsthanhbinh.tiengiang.edu.vn/

Email: c2thanhbinhcg@tiengiang.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp II Quơn Long được thành lập. Năm 1979, Trường Phổ thông cấp I Quơn Long và Trường Phổ thông cấp II Quơn Long sáp nhập lại và được đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Quơn Long. Năm 1992, bộ phận cấp I của trường tách ra, trường còn lại cấp II và mang tên Trường Phổ thông cơ sở cấp II Quơn Long. Năm 1995, trường được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Quơn Long. Năm 2017, trường được xác nhận tư cách pháp nhân theo Quyết định số 1672/UBND-VX ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân huyện Chợ Gạo.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Quơn Long.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 12 đảng viên; nam: 07; nữ: 05; Chi ủy: 03; nam: 02; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 29 công đoàn viên; nam: 11; nữ: 18. Đoàn thanh niên: 56 đoàn viên; nam: 25; nữ: 31; Đội thiếu niên: 563 đội viên; nam: 259; nữ: 304.

Tổng số cán bộ, viên chức: 29; nam: 11; nữ: 18. Tổng số giáo viên: 28; nam: 11; nữ: 17. Cử nhân (đại học): 23; Cử nhân (cao đẳng): 06.

Tổng số học sinh: 614; nam: 330; nữ: 284.

Tổng diện tích: 6.614,6 m^2; diện tích sử dụng: 6.614,6 m^2.

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 02 tầng, phòng làm việc: 06; phòng học: 16; phòng thí nghiệm: 04; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; phòng thiết bị: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

9. Trường Trung học cơ sở Tân Bình Thạnh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Tân Bình Thạnh).

Địa chỉ: Ấp Nhựt Tân, xã Tân Bình Thạnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733.836513

Trang thông tin điện tử: http://thcstanbinhthanh.pgdchogao.edu.vn

Email: c2tanbinhthanhcg@tiengiang.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp II Tân Bình Thạnh được thành lập. Năm 1979, Trường Phổ thông cấp I Tân Bình Thạnh và Trường Phổ thông cấp II Tân Bình Thạnh sáp nhập lại và được đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Tân Bình Thạnh. Năm 1992, bộ phận cấp I của trường tách ra, trường còn lại cấp II và mang tên Trường Phổ thông cơ sở cấp II Tân Bình Thạnh. Năm 1997, trường được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Tân Bình Thạnh 179/QĐ.UB ngày 28 tháng 8 năm 1997 của Ủy ban Nhân dân huyện Chợ Gạo.

Trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Tân Bình Thạnh.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 20 đảng viên; nam: 12; nữ: 08; Chi ủy: 05: nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 30 công đoàn viên; nam: 18; nữ 12. Đoàn thanh niên: 03 đoàn viên; nam: 02; nữ: 01; Đội thiếu niên: 480 đội viên; nam: 238; nữ: 242.

Tổng số cán bộ, viên chức: 30; nam: 18; nữ: 12. Tổng số giáo viên: 28; nam: 17; nữ: 11. Cử nhân (đại học): 18; Cử nhân (cao đẳng): 12.

Tổng số học sinh: 480; nam: 238; nữ: 242.

Tổng diện tích: 4.834 m^2, diện tích sử dụng: 1.344 m^2.

Trường có 03 dãy lầu; mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 07; phòng học: 12; phòng thí nghiệm: 02; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 00; khu vệ sinh: 02; phòng thiết bị: 01.

10. Trường Trung học cơ sở Tịnh Hà

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính xưa (Thôn Tịnh Hà).

Địa chỉ: Ấp An Thị, xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 836 328

Trang thông tin điện tử: thcstinhha.pgdchogao.edu.vn

Email: c2tinhhacg@tiengiang.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp II Tịnh Hà được thành lập. Năm 1979, Trường Phổ thông cấp I Mỹ Tịnh An và Trường Phổ thông cấp II Tịnh Hà sáp nhập lại và được đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Mỹ Tịnh An. Năm 1993, bộ phận cấp I của trường tách ra, trường còn lại cấp II và mang tên Trường Phổ thông cơ sở cấp II Tịnh Hà theo Quyết định số 265/QĐ-UB ngày 03/11/1993 của Ủy ban Nhân dân huyện Chợ Gạo. Năm 1995, trường được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Tịnh Hà.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 23 đảng viên; nam: 08; nữ: 15; Chi ủy: 05; nam: 01; nữ: 04. Ban giám hiệu: 03; nam: 01; nữ: 02. Công đoàn: 64 công đoàn viên; nam: 26; nữ: 38. Đoàn thanh niên: 06 đoàn viên; nam: 03, nữ 03. Đội thiếu niên: 1.537 đội viên; nam: 816; nữ: 721.

Tổng số cán bộ, viên chức: 64; nam: 26; nữ: 38. Tổng số giáo viên: 61; nam: 23; nữ: 38. Cử nhân (đại học): 52; Cử nhân (cao đẳng): 09.

Tổng số học sinh: 1.537; nam: 816; nữ: 721.

Tổng diện tích: 11.512,7 m^2; diện tích sử dụng: 4.833,73 m^2.

Trường có 03 dãy lầu; mỗi dãy có 01 tầng trệt và 03 tầng lầu; phòng làm việc: 07; phòng học: 38; phòng thí nghiệm: 02; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 05; phòng thiết bị: 01.

11. Trường Trung học cơ sở thị trấn Chợ Gạo

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Thị trấn Chợ Gạo).

Địa chỉ: Ô 4, Khu I, thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733653653

Trang thông tin điện tử: thcsthitranchogao.edu.vn.

Email:c2ttchogaocg@tiengiang.edu.vn.

Năm 1994, Trường Trung học cơ sở Hòa Định được thành lập theo Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 1994 của Ủy ban Nhân dân huyện Chợ Gạo. Ngày 31 tháng 7 năm 2017, trường dời địa điểm về Ô 4, Khu I, thị trấn Chợ Gạo và được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở thị trấn Chợ Gạo theo

Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân huyện Chợ Gạo.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Thị trấn Chợ Gạo.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 23 đảng viên; nam: 08; nữ: 15; Chi ủy: 05, nam: 02, nữ: 03. Ban giám hiệu: 03; nam: 02; nữ: 01. Công đoàn: 74 công đoàn viên; nam: 30, nữ: 44. Đoàn thanh niên: 52 đoàn viên; nam: 23; nữ 29. Đội thiếu niên:1.789 đội viên, nam: 908, nữ: 881.

Tổng số cán bộ, viên chức: 74; nam: 30, nữ 44. Tổng số giáo viên: 68, nam: 28, nữ: 40. Cử nhân (đại học): 47; Cử nhân (cao đẳng): 27.

Tổng số học sinh: 1.789, nam: 908, nữ: 881.

Tổng diện tích: 13.372,8 m^2, diện tích sử dụng: 13.372,8 m^2.

Trường có 03 dãy lầu, 02 dãy có 03 tầng, 01 dãy có 01 tầng, phòng làm việc: 06; phòng học: 30; phòng thí nghiệm: 04; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; phòng thiết bị: 01; sân chơi: 01, khu thể thao: 01, khu vệ sinh: 03.

12. Trường Trung học cơ sở Xuân Đông

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Xuân Đông).

Địa chỉ: Ấp Tân Thuận, xã Xuân Đông, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733892059

Trang thông tin điện tử: thcsxuandong.tiengiang.edu.vn.cms

Email: C2xuandongcg@tiengiang.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp II Xuân Đông được thành lập. Năm 1979, Trường Phổ thông cấp I Xuân Đông và Trường Phổ thông cấp II Xuân Đông sáp nhập lại và được đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Xuân Đông. Năm 1992, bộ phận cấp I của trường tách ra, trường còn lại cấp II và mang tên Trường Phổ thông cơ sở cấp II Xuân Đông. Năm 1997, trường được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Xuân Đông theo Quyết định số 97/1999/QĐ-UB ngày 03 tháng 11 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân huyện Chợ Gạo.

Trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Xuân Đông.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 07 đảng viên; nam: 02; nữ: 05. Ban Giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 21 công đoàn viên; nam: 10; nữ: 11. Đội thiếu niên: 440 đội viên; nam: 231; nữ: 209.

Tổng số cán bộ, viên chức: 21; nam: 10; nữ: 11. Tổng số giáo viên: 18; nam: 08; nữ: 10. Cử nhân (Đại học): 17; cử nhân(Cao đẳng): 04.

Tổng số học sinh: 440; nam: 231; nữ: 209.

Tổng diện tích: 2.720 m²; diện tích sử dụng: 1.000 m²

Trường có 01 dãy lầu, có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 04; phòng học: 11; phòng thí nghiệm: 02; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; phòng thiết bị: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

Trường tiểu học, trường tiểu học - trung học cơ sở:

1. Trường Tiểu học An Thạnh Thủy

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã An Thạnh Thủy).

Địa chỉ: Ấp Thạnh Hòa, xã An Thạnh Thủy, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273.3835821

Trang thông tin điện tử: http://thanthanhthuy.pgdchogao.edu.vn

Email: c1anthanhthuycg@tiengiang.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I An Thạnh Thủy được thành lập. Năm 1979, Trường Phổ thông cấp I An Thạnh Thủy và Trường Phổ thông cấp II An Thạnh Thủy sáp nhập lại và được đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở An Thạnh Thủy. Năm 1992, bộ phận Cấp II của trường tách ra, trường chỉ còn lại cấp I và được chia thành hai trường là Trường Phổ thông cơ sở cấp I An Thạnh Thủy và Trường Phổ thông cơ sở cấp I Thạnh Hòa . Năm 1995, hai trường được đổi tên thành Trường Tiểu học An Thạnh Thủy và Trường Tiểu học Thạnh Hòa. Năm 2019, sáp nhập Trường Tiểu học An Thạnh Thủy và Trường Tiểu học Thạnh Hòa thành Trường Tiểu học An Thạnh Thủy theo Quyết định số 3701/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban Nhân dân huyện Chợ Gạo. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã An Thạnh Thủy.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 18 đảng viên; nam: 06; nữ 12; Chi ủy: 05 đồng chí; nam: 02; nữ: 03. Ban Giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 39 công đoàn viên; nam: 13; nữ: 26. Đoàn thanh niên: 06 đoàn viên; nam: 02; nữ: 04. Đội Thiếu niên: 539 đội viên; nam: 278; nữ: 261.

Tổng số cán bộ, viên chức: 39; nam: 13; nữ: 26. Tổng số giáo viên: 35; nam: 10; nữ: 25. Cử nhân (đại học): 32; Cử nhân (cao đẳng): 03; Trung học sư phạm: 04.

Tổng số học sinh: 857; nam: 441; nữ: 416.

Tổng diện tích: 10.928,7 m²; diện tích sử dụng: 5.644m²

Trường có 04 dãy lầu, dãy lầu có 1 tầng: 02 dãy; dãy lầu có 2 tầng: 02 dãy; phòng làm việc: 05; phòng học: 25; phòng nghe nhìn gữ):01phòng; phòng máy

tính: 02phòng; thư viện: 01; thiết bị: 02; sân chơi: 02; khu thể thao: 02; khu vệ sinh: 04.

2. Trường Tiểu học Bình Ninh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Bình Ninh).

Địa chỉ: Ấp Hòa Lợi Tiểu, xã Bình Ninh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 990131; 02733 990 157

Trang thông tin điện tử: thbinhninh.pgdchogao.edu.vn

Email: c1binhninhcg@tiengiang.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường Phổ thông cấp I Bình Ninh và Trường Phổ thông cấp I Phú Hòa đều được thành lập năm 1976. Năm 2010, hai trường hợp nhất thành Trường Tiểu học Bình Ninh theo Quyết định số 2413/QĐ-UBND ngày 09 tháng 09 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân huyện Chợ Gạo.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Bình Ninh.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 18 đảng viên; nam: 06; nữ: 12; Chi ủy: 05; nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 42 công đoàn viên; nam 13; nữ: 29. Đoàn thanh niên: 05 đoàn viên; nam: 01; nữ: 04; Đội thiếu niên: 496 đội viên; nam: 242; nữ: 254.

Tổng số cán bộ, viên chức: 42; nam: 13; nữ: 29. Tổng số giáo viên: 37; nam: 11; nữ: 26. Cử nhân (Đại học): 33; Cử nhân (Cao đẳng): 05; Trung học sư phạm: 03; Trung học phổ thông: 01 (nhân viên bảo vệ)

Tổng số học sinh: 832; nam: 450; nữ: 382

Tổng diện tích: 7.706,7m^2; diện tích sử dụng: 7.706,7 m^2

Trường có 02 dãy lầu (dãy hành chính gồm 01 trệt và 01 lầu; dãy lớp học gồm 01 trệt và 02 lầu), phòng làm việc: 06; phòng học: 24; phòng thí nghiệm: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 03.

3. Trường Tiểu học Bình Phan

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Bình Phan).

Địa chỉ: Ấp Bình Thọ Trung, xã Bình Phan, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733837032

Trang thông tin điện tử: thbinhphan.pgdchogao.edu.vn

Email: C1binhphancg@tiengiang.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Bình Phan được thành lập. Năm 1979, Trường Phổ thông cấp I Bình Phan và Trường Phổ thông cấp II Bình Phan sáp nhập lại và được đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Bình Phan. Năm 1992, bộ phận cấp 2 của trường tách ra, trường chỉ còn lại cấp 1 và mang tên Trường Phổ thông cơ sở cấp I Bình Phan. Năm 1995, trường được đổi tên thành Trường Tiểu học Bình Phan. Năm 2014, trường được xác nhận tư cách pháp nhân theo Quyết định số 1455/UBND-VX ngày 16 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban Nhân dân huyện Chợ Gạo.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Bình Phan.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 12 đảng viên; nam: 03; nữ: 09; Chi ủy: 03; nam: 01; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 00; nữ: 02. Công đoàn: 19 công đoàn viên; nam: 06; nữ: 13. Đoàn thanh niên: 07; nam: 00; nữ: 07; Đội thiếu niên: 198 đội viên; nam: 102; nữ: 86. Tổng số cán bộ, viên chức: 18; nam: 05; nữ: 13. Tổng số giáo viên: 15; nam: 05; nữ 10. Cử nhân (đại học): 13; Cử nhân (Cao đẳng): 05.

Tổng số học sinh: 354; nam: 190 ; nữ: 164.

Tổng diện tích: 5.230m^2; diện tích sử dụng: 2.340m^2 ;

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 2 tầng; phòng làm việc: 08; phòng học: 12; phòng công nghệ: 01; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; phòng thiết bị: 01; nhà đa năng: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02; phòng đa chức năng: 01; kho: 01.

4. Trường Tiểu học Bình Phục Nhứt

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Bình Phục Nhứt).

Địa chỉ: Trường có 02 điểm trường đều thuộc ấp BìnhKhương 1, xã Bình Phục Nhứt, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733897072

Trang thông tin điệntử: thbinhphucnhut.pgdchogao.edu.vn

Email: c1binhphucnhutcg@tiengiang.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Bình Phục Nhứt được thành lập. Năm 1979, Trường Phổ thông cấp I Bình Phục Nhứt và Trường Phổ thông cấp II Bình Phục Nhứt sáp nhập lại và được đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Bình Phục Nhứt. Năm 1992, bộ phận cấp 2 của trường tách ra, trường chỉ còn lại cấp 1 và được chia thành hai trường là Trường Phổ thông cơ sở cấp I Bình Phục Nhứt và Trường Phổ thông cơ sở cấp I Bình Khương. Năm 1995, hai trường được đổi tên thành Trường Tiểu học Bình Phục Nhứt và Trường Tiểu học Bình Khương. Năm 2019, hai trường hợp nhất thành Trường Tiểu học Bình Phục Nhứt theo Quyết

định số 3699/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban Nhân dân huyện Chợ Gạo.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Bình Phục Nhứt.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 14 đảng viên; nam: 03; nữ: 11; Chi ủy: 03; nam: 00; nữ: 03. Ban giám hiệu: 03; nam: 00; nữ: 03. Công đoàn: 48 công đoàn viên nam 09; nữ: 39. Đoàn thanh niên: 17 đoàn viên; nam: 03; nữ: 14. Đội thiếu niên: 601 đội viên; nam: 308; nữ: 293.

Tổng số cán bộ, viên chức: 46; nam: 07; nữ: 39. Tổng số giáo viên: 41 người; nam: 07; nữ: 34. Cử nhân (đại học): 39; Cử nhân (cao đẳng): 04; Trung học sư phạm: 02; Trung cấp thư viện: 01.

Tổng số học sinh: 983; nam: 511; nữ: 472.

Tổng số diện tích: 8.597 m^2; diện tích sử dụng: 8.597 m^2.

Trường có 4 dãy lầu; 03 dãy có 01 tầngvà 01 dãy có 02 tầng; phòng làm việc: 07; phòng học: 28; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sânchơi: 02; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 06; phòng công nghệ: 01 phòng; phòng đa chức năng: 01; phòng nghe nhìn: 01; phòng âm nhạc: 01; phòng mĩ thuật: 01; phòng truyền thống: 01.

5. Trường Tiểu học Đăng Hưng Phước

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Đăng Hưng Phước).

Địa chỉ: ấp Bình An, xã Đăng Hưng Phước, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang

Số diện thoại: 0273 3656 297

Trang thông tin điện tử: Email: thdanghungphuoc@gmail.com.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Đăng Hưng Phước được thành lập. Năm 1979, Trường Phổ thông cấp I Đăng Hưng Phước và Trường Phổ thông cấp II Đăng Hưng Phước sáp nhập lại và được đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Đăng Hưng Phước. Năm 1992, bộ phận cấp 2 của trường tách ra, trường chỉ còn lại cấp 1 và được chia thành hai trường là Trường Phổ thông cơ sở cấp I Đăng Hưng Phước và Trường Phổ thông cơ sở cấp I Vĩnh Phước. Năm 1995, hai trường được đổi tên thành Trường Tiểu học Đăng Hưng Phước và Trường Tiểu học Vĩnh Phước. Năm 2019, hai trường hợp nhất thành Trường Tiểu học Bình Phục Nhứt theo Quyết định số 3699/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban Nhân dân huyện Chợ Gạo. Năm 2011, Trường Tiểu học Đăng Hưng Phước hợp nhất với Trường Tiểu học Vĩnh Phước thành Trường Tiểu học Đăng Hưng Phước theo Quyết định số 2180/QĐ-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban Nhân dân huyện Chợ Gạo. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia, vinh dự được trao tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; Cờ thi đua và nhiều Bằng khen của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Đăng Hưng Phước.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 07 đảng viên, nam: 02, nữ 05. Ban giám hiệu: 03; nam 01; nữ 02. Công đoàn: 48 công đoàn viên; nam: 12; nữ: 36. Đoàn thanh niên: 09 đoàn viên; nam 01; nữ: 08. Đội thiếu niên: 592 đội viên; nam: 284; nữ: 308.

Tổng số cán bộ, viên chức: 48; nam: 12; nữ: 36. Tổng số giáo viên: 41; nam: 11; nữ: 30. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (đại học): 41; Trung học sư phạm: 04; Trung cấp: 02.

Tổng số học sinh: 1.012; nam 498; nữ: 515.

Tổng diện tích: 12.797 m^2; diện tích sử dụng: 2.130 m^2

Trường có 02 dãy lầu: 01 trệt, 01 lầu; phòng làm việc: 08; phòng học 29; phòng máy vi tính: 02; thư viện: 01; phòng thiết bị: 01; phòng giáo dục trẻ khuyết tật: 01; sân chơi: 1200 m^2; khu thể thao: 800 m^2; khu vệ sinh: 02.

6. Trường Tiểu học Hòa Định

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Hòa Định).

Địa chỉ: Ấp Mỹ Thạnh, xã Hòa Định, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 835707

Trang thông tin điện tử: thhoadinh.pgdchogao.edu.vn

Email: thhoadinh@gmail.com

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Hòa Định được thành lập. Năm 1979, Trường Phổ thông cấp I Hòa Định và Trường Phổ thông cấp II Hòa Định sáp nhập lại và được đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Hòa Định. Năm 1992, bộ phận cấp 2 của trường tách ra, trường chỉ còn lại cấp 1 và mang tên Trường Phổ thông cơ sở cấp I Hòa Định. Năm 1995, trường được đổi tên thành Trường Tiểu học Hòa Định. Năm 2011, Trường được xác nhận tư các pháp nhân theo Quyết định số 29/UBND ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban Nhân dân Chợ Gạo.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Hòa Định.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 22 đảng viên, nam: 08; nữ 14; Chi ủy: 05; nam: 04; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02: nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 35 công đoàn viên; nam: 10; nữ: 25. Đoàn thanh niên: 10 đoàn viên; nam: 0 ; nữ: 10. Đội thiếu niên: 475; nam: 255; nữ: 220.

Tổng số cán bộ, viên chức: 35; nam: 10; nữ: 25. Tổng số giáo viên: 34; nam: 10; nữ: 24. Cử nhân (đại học): 29 ; Cử nhân (cao đẳng): 05 ; Trung học sư phạm: 01.

Tổng số học sinh: 755; nam: 390; nữ: 365.

Tổng diện tích: 6.707,2 m^2; diện tích sử dụng: 6.707,2 m^2.

Trường có 04 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; phòng làm việc: 06; phòng học: 22; phòng máy vi tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 01 khu vệ sinh: 06 khu.

7. Trường Tiểu học Hòa Tịnh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Hòa Tịnh).

Địa chỉ: Ấp Hòa Phú, xã Hòa Tịnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 836 508

Trang thông tin điện tử: thhoatinh.pgdchogao.edu.vn

Email: tieuhochoatinhcg@gmail.com

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Hòa Tịnh được thành lập. Năm 1979, Trường Phổ thông cấp I Hòa Tịnh và Trường Phổ thông cấp II Hòa Tịnh sáp nhập lại và được đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Hòa Tịnh. Năm 1992, bộ phận cấp 2 của trường tách ra, trường chỉ còn lại cấp 1 và mang tên Trường Phổ thông cơ sở cấp I Hòa Tịnh. Năm 1995, trường được đổi tên thành Trường Tiểu học Hòa Tịnh. Năm 2011, Trường được xác nhận tư cách pháp nhân theo Quyết định số 53/UBND-VX ngày 12/01/2018 của Ủy ban Nhân huyện Chợ Gạo.

Trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Hòa Tịnh.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có13 đảng viên; nam: 04; nữ: 09; Chi ủy: 03; nam: 01; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 24 công đoàn viên; nam: 08; nữ: 16. Đoàn thanh niên: 12; nam: 03; nữ: 0. Đội thiếu niên: 286 đội viên; nam:158; nữ: 128.

Tổng số cán bộ viên chức: 22; nam: 7; nữ: 15. Tổng số giáo viên: 20; nam: 6; nữ 14. Cử nhân (đại học): 20; Cử nhân (cao đẳng): 00; Trung học sư phạm: 02.

Tổng số học sinh: 529; nam: 281; nữ 248.

Tổng diện tích: 3.179m^2 ; diện tích sử dụng: 3.179m^2

Trường có 02 dãy lầu; dãy phía bắc: 1 trệt, 1 lầu), dãy phía tây: 1 trệt, 2 lầu); phòng làm việc: 05; phòng học: 15; phòng thí nghiệm: 00; Phòng nghe nhìn: 01; phòng máy vi tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

8. Trường Tiểu học Long Bình Điền

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Long Bình Điền).

Địa chỉ: Ấp Điền Lợi, xã Long Bình Điền, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 837 033

Trang thông tin điện tử: thlongbinhdien.pgdchogao.edu.vn

Email: c1longbinhdiencg@tiengiang.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Long Bình Điền được thành lập. Năm 1979, Trường Phổ thông cấp I Long Bình Điền và Trường Phổ thông cấp II Long Bình Điền sáp nhập lại và được đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Long Bình Điền. Năm 1992, bộ phận cấp 2 của trường tách ra, trường chỉ còn lại cấp 1 và mang tên Trường Phổ thông cơ sở cấp I Long Bình Điền. Năm 1995, trường được đổi tên thành Trường Tiểu học Long Bình Điền. Năm 2009, Trường được xác nhận thành lập theo Quyết định số 2135/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban Nhân dân huyện Chợ Gạo.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Long Bình Điền.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 12 đảng viên; nam: 05, nữ: 07 ; Chi ủy: 03, nam: 02, nữ: 01. Ban giám hiệu: 02, nam: 01, nữ: 01. Công đoàn: 38 công đoàn viên; nam: 08, nữ: 30. Đoàn thanh niên: 05 đoàn viên; nam: 02, nữ: 03. Đội thiếu niên: 501 đội viên, nam: 270, nữ: 231.

Tổng số cán bộ, viên chức: 38, nam: 8, nữ: 30. Tổng số giáo viên: 34, nam: 7, nữ: 27. Cử nhân (đại học): 30; Cử nhân (cao đẳng): 04.

Tổng số học sinh: 791, nam: 422, nữ: 369.

Tổng diện tích: 8.191m^2; diện tích sử dụng: 8.191m^2.

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 03 tầng; phòng làm việc: 10, phòng học: 26; phòng thí nghiệm: 00, phòng nghe nhìn: 01, phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 02, khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

9. Trường Tiểu học Lương Phú

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính xưa (Thôn Lương Phú).

Địa chỉ: Ấp Lương Phú A, xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang

Số điện thoại: 02733 845 161

Trang thông tin điện tử: http://thluongphu.pgdchogao.edu.vn

Email: c1luongphucg@tiengiang.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Lương Phú được thành lập. Năm 1979, Trường Phổ thông cấp I Lương Phú và Trường Phổ thông cấp II Lương Hòa Lạc sáp nhập lại và được đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Lương Hòa Lạc. Năm 1992, bộ phận cấp 2 của trường tách ra, trường chỉ còn lại cấp 1 và mang tên Trường Phổ thông cơ sở cấp I Lương Phú. Năm 1995, trường được đổi tên thành Trường Tiểu học Lương Phú. Năm 2014, Trường được xác nhận tư cách pháp nhân theo Quyết định số 1808/UBND-VX ngày 05 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban Nhân dân huyện Chợ Gạo.

Trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Thôn Lương Phú (xưa). Ấp Lương Phú (nay).

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 11 đảng viên; nam: 01; nữ: 10; Chi ủy: 03; Nam: 00; Nữ: 03. Ban Giám Hiệu: 01; Nam: 00; Nữ: 01. Công đoàn: 37 công đoàn viên, Nam: 10; Nữ: 27. Đoàn thanh niên: 09 đoàn viên; Nam: 02 ; Nữ: 07; Đội thiếu niên: 520 đội viên; Nam: 268; Nữ: 252.

Tổng số cán bộ, viên chức: 37. Nam: 10; Nữ: 27. Tổng số giáo viên: 34. Nam: 10; Nữ: 24. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (đại học): 28; Cử nhân (Cao đẳng): 01; Trung học sư phạm: 07.

Tổng số học sinh: 829; Nam: 426; Nữ: 403.

Tổng diện tích: 5.305,9 m^2; diện tích sử dụng: 5.305,9 m^2

Trường có 03 dãy lầu; mỗi dãy có 1 trệt, 1 lầu; phòng làm việc: 05; phòng học: 24; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 02; sân chơi: 01; khu thể thao: 00; khu vệ sinh: 02.

10. Trường Tiểu học Mỹ Tịnh An

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Mỹ Tịnh An).

Địa chỉ: ấp Mỹ Trường, xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 836 395

Trang thông tin điện tử: http://thmytinhan.pgdchogao.edu.vn/

Email: C1MyTinhAncg@tiengiang.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Mỹ Tịnh An được thành lập. Năm 1979, Trường Phổ thông cấp I Mỹ Tịnh An và Trường Phổ thông cấp II Mỹ Tịnh An sáp nhập lại và được đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Mỹ Tịnh An. Năm 1992, bộ phận cấp 2 của trường tách ra, trường chỉ còn lại cấp 1 và mang tên Trường Phổ thông cơ sở cấp I Mỹ Tịnh An. Năm 1995, trường được đổi tên thành Trường Tiểu

học Mỹ Tịnh An. Năm 2017, Trường được xác nhận tư cách pháp nhân theo Quyết định số 1672/UBND-VX ngày 10/10/2017 của Ủy ban Nhân dân huyện Chợ Gạo.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Mỹ Tịnh An.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 12 đảng viên; nam: 04; nữ 08; Chi ủy: 03; nam: 02, nữ: 01. Ban Giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 37 công đoàn viên; nam: 11; nữ: 26. Đoàn thanh niên: 03 đoàn viên; nam: 00; nữ: 03. Đội thiếu niên: 508 đội viên; nam: 284; nữ: 224.

Tổng số cán bộ, viên chức: 37; nam: 11; nữ: 26. Tổng số giáo viên: 35; nam: 10; nữ: 25. Cử nhân (Đại học) 26; Cử nhân (Cao đẳng) 07; Trung học sư phạm: 04.

Tổng số học sinh: 825; nam: 473; nữ: 352.

Tổng diện tích: 5.015 m^2 diện tích sử dụng: 5.015 m^2.

Trường có 01 dãy lầu; gồm 01 tầng trệt, 03 tầng lầu; phòng làm việc: 05; phòng học: 22; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 00; khu vệ sinh: 05.

11. Trường Tiểu học Phú Kiết

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Phú Kiết).

Địa chỉ: Ấp Phú Khương A, xã Phú Kiết, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733836483

Trang thông tin điện: thphukiet.pgdchogao.edu.vn

Email: c1phukietcg@tiengiang.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Phú Kiết được thành lập. Năm 1979, Trường Phổ thông cấp I Phú Kiết và Trường Phổ thông cấp II Phú Kiết sáp nhập lại và được đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Phú Kiết. Năm 1992, bộ phận cấp 2 của trường tách ra, trường chỉ còn lại cấp 1 và mang tên Trường Phổ thông cơ sở cấp I Phú Kiết. Năm 1993, trường được đổi tên thành Trường Tiểu học Phú Kiết theo Quyết định số 241/QĐ-UBND ngày 5 tháng 10 năm 1993 của Ủy ban Nhân dân huyện Chợ Gạo.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Mỹ Tịnh An.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 15 đảng viên; nam: 06; nữ: 09; Chi ủy: 03; nam: 02; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02; nam: 02, nữ: 00. Công đoàn: 33 công đoàn viên; nam: 08; nữ: 25. Đoàn thanh niên: 15 đoàn viên; nam: 01; nữ: 14; Đội thiếu niên: 497 đội viên; nam: 248; nữ: 249.

Tổng số cán bộ, viên chức: 33; nam: 08; nữ: 25. Tổng số giáo viên: 30; nam: 06; nữ: 24. Cử nhân (đại học): 24; Cử nhân (cao đẳng): 07; Trung học sư phạm: 02.

Tổng số học sinh: 832; nam: 427; nữ: 405.

Tổng diện tích: 6.906,5m^2; diện tích sử dụng: 6.906,5 m^2

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 3 tầng; phòng làm việc: 08; phòng học: 23; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02; phòng bảo vệ: 01.

12. Trường Tiểu học Quơn Long

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Quơn Long).

Địa chỉ: Ấp Quang Ninh, xã Quơn Long, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273 3991 111

Trang thông tin điện tử: thquonlong.pgdchogao.edu.vn

Email: truongthql@gmail.com

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Quơn Long và Trường Phổ thông cấp I Long Thạnh được thành lập. Năm 1979, Trường Phổ thông cấp I Quơn Long, Trường Phổ thông cấp I Long Thạnh và Trường Phổ thông cấp II Quơn Long hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Quơn Long. Năm 1989, bộ phận Cấp I tách ra, thành lập hai trường là Trường Tiểu học Quơn Long và Trường Tiểu học Long Thạnh. Năm 2019, Trường Tiểu học Quơn Long và Trường Tiểu học Long Thạnh hợp nhất thành Trường Tiểu học Quơn Long theo Quyết định số 3700/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban Nhân dân huyện Chợ Gạo. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Quơn Long.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 12 đảng viên; nam: 03; nữ: 09; Chi ủy: 03; nam: 00; nữ: 03. Ban giám hiệu: 02; nam: 00; nữ: 02. Công đoàn: 34 công đoàn viên; nam: 11; nữ: 23. Đoàn thanh niên: 08 đoàn viên; nam: 01; nữ: 07. Đội thiếu niên: 490; nam: 236; nữ: 254.

Tổng số cán bộ, viên chức: 34; nam: 11; nữ: 23. Tổng số giáo viên: 28; nam: 09; nữ 19. Cử nhân (đại học): 21; Cử nhân (Cao đẳng): 05; Trung học sư phạm: 03.

Tổng số học sinh: 830; nam: 410 ; nữ: 420.

Tổng diện tích: 7.625 m^2; diện tích sử dụng: 4.125 m^2.

Phòng làm việc: 11; phòng học: 25; phòng thí nghiệm (Công nghệ): 01; phòng nghe nhìn (Anh văn): 01; phòng máy tính: 02; phòng Âm nhạc: 01; thư viện: 02; thiết bị: 01; sân chơi: 02; Khu thể thao: 01; Khu vệ sinh: 02; phòng đa chức năng: 01; kho: 01.

13). Trường Tiểu học Song Bình

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Song Bình).

Địa chỉ: Ấp Bình Long, xã Song Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang

Số điện thoại: 02733835513

Email: c1songbinhcg@tiengiang.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Song Bình được thành lập. Năm 1979, Trường Phổ thông cấp I Song Bình và Trường Phổ thông cấp II Song Bình sáp nhập lại và được đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Song Bình. Năm 1992, bộ phận cấp 2 của trường tách ra, trường chỉ còn lại cấp 1 và mang tên Trường Phổ thông cơ sở cấp I Song Bình. Năm 1995, trường được đổi tên thành Trường Tiểu học Song Bình. Năm 2018, Trường được xác nhận tư cách pháp nhân theo Quyết định số 53/UBND-VX ngày 12 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban Nhân dân huyện Chợ Gạo. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Song Bình.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 09 đảng viên; nam: 04; nữ: 05. Ban Giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 22 công đoàn viên; nam: 05; nữ: 17. Đoàn thanh niên: 02 đoàn viên; nam: 00; nữ: 02; Đội thiếu niên: 178 đội viên, nam: 96; nữ: 82.

Tổng số cán bộ, viên chức: 22; nam: 05; nữ: 17. Tổng số giáo viên: 19; nam: 03; nữ 16. Cử nhân (Đại học): 18; Cử nhân cao đẳng: 04.

Tổng số học sinh: 441; nam: 229 ; nữ: 212.

Tổng diện tích: 5.405m^2 ; diện tích sử dụng: 5.405m^2

Trường có 03 dãy lầu; 02 dãy có 03 tầng; 01 dãy có 02 tầng; phòng làm việc: 05; phòng học: 15; phòng máy vi tính: 01; thư viện: 01; phòng thiết bị: 01; phòng khoa học cộng nghệ: 01; phòng mỹ thuật: 01; phòng ngoại ngữ: 01; phòng âm nhạc: 01; phòng tư vấn học đường: 01; phòng Đội thiếu niên: 01; phòng truyền thống: 01; phòng họp: 01; phòng y tế: 01; nhà ăn học sinh: 01; nhà đa chức năng: 01; nhà kho: 01; nhà bảo vệ: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

14. Trường Tiểu học Thanh Bình

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Thanh Bình).

Địa chỉ: Ấp Đăng Phong, xã Thanh Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733898008

Trang thông tin điện tử: ththanhbinh.pgdchogao.edu.vn

Email: truongththanhbinh@gmail.com

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Thanh Bình được thành lập. Năm 1979, Trường Phổ thông cấp I Thanh Bình và Trường Phổ thông cấp II Thanh Bình sáp nhập lại và được đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Thanh Bình. Năm 1992, bộ phận cấp 2 của trường tách ra, trường chỉ còn lại cấp 1 và mang tên Trường Phổ thông cơ sở cấp I Thanh Bình. Năm 1995, trường được đổi tên thành Trường Tiểu học Thanh Bình.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Thanh Bình.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 21 đảng viên; nam: 10; nữ: 11; Chi ủy: 05; nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 38; nam: 17; nữ: 21. Đoàn thanh niên: 03 đoàn viên; nam: 00; nữ: 03 ; Đội thiếu niên: 509 đội viên; nam: 254; nữ: 255.

Tổng số cán bộ, viên chức: 38; nam: 17; nữ: 21. Tổng số giáo viên: 34; nam: 14; nữ: 20. Cử nhân (đại học): 34; Cử nhân (cao đẳng): 01; Trung cấp: 01.

Tổng số học sinh: 816; nam: 410 ; nữ: 406.

Tổng diện tích: 6.145 m^2; diện tích xây dựng: 1.510 m^2

Trường có 03 dãy lầu; mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 06; phòng học: 29; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 02; thư viện: 02; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

15. Trường Tiểu học Tân Bình Thạnh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Tân Bình Thạnh).

Địa chỉ: Ấp Bình Cách, xã Tân Bình Thạnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733836509

Trang thông tin điện tử: thtanbinhthanh.pgdchogao.edu.vn

Email: C1tanbinhthanhcg@tiengiang.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Tân Bình Thạnh được thành lập. Năm 1979, Trường Phổ thông cấp I Tân Bình Thạnh và Trường Phổ thông cấp II Tân Bình Thạnh sáp nhập lại và được đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Tân Bình Thạnh. Năm 1992, bộ phận cấp 2 của trường tách ra, trường chỉ còn lại cấp 1 và mang tên Trường Phổ thông cơ sở cấp I Tân Bình Thạnh. Năm 1995, trường được đổi tên thành Trường Tiểu học Thanh Bình. năm 2013, trường được xác nhận tư cách pháp nhân theo Quyết định số 1675/UBND-VX ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban Nhân dân huyện Chợ Gạo.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Tân Bình Thạnh.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 10 đảng viên; nam: 03; nữ: 07. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 17 công đoàn viên; nam: 07 nam; nữ: 10. Đoàn thanh niên: 03 đoàn viên; nam: 01; nữ: 02. Đội thiếu niên: 127 đội viên.

Tổng số cán bộ, viên chức: 17 nam: 07; nữ: 10. Tổng số giáo viên: 13; nam: 06; nữ: 07. Cử nhân (đại học): 15; Cử nhân (cao đẳng): 02.

Tổng số học sinh: 320; nam: 152; nữ: 168.

Tổng diện tích: 4.677 m^2; diện tích sử dụng: 2.584 m^2

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 2 tầng; phòng làm việc: 03; phòng học: 13; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

16. Trường Tiểu học Trung Hòa

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Trung Hòa).

Địa chỉ: Ấp Trung Thạnh, xã Trung Hòa, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733836510

Trang thông tin điện tử: http://thtrunghoa.pgdchogao.edu.vn/

Email: c1trunghoa@tiengiang.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Trung Hòa được thành lập. Năm 1979, Trường Phổ thông cấp I Trung Hòa và Trường Phổ thông cấp II Trung Hòa sáp nhập lại và được đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Trung Hòa. Năm 1992, bộ phận cấp 2 của trường tách ra, trường chỉ còn lại cấp 1 và mang tên Trường Phổ thông cơ sở cấp I Trung Hòa. Năm 1995, trường được đổi tên thành Trường Tiểu học Trung Hòa. Năm 2013, trường được xác nhận tư cách pháp nhân theo Quyết định số 1808/UBND-VX của Ủy ban Nhân dân huyện Chợ Gạo.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Trung Hòa.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 18 đảng viên; nam: 06; nữ: 12; Chi ủy: 05; nam: 03; nữ: 02. Ban Giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 21 công đoàn viên; nam: 08; nữ: 13. Đoàn thanh niên: 00. Đội thiếu niên: 264 đội viên; nam: 134; nữ:130.

Tổng số cán bộ, viên chức: 21; nam: 08; nữ: 13. Tổng số giáo viên: 19; nam: 07; nữ: 12. Cử nhân (đại học): 19; Cử nhân (cao đẳng): 02.

Tổng số học sinh: 446; nam: 226; nữ: 220.

Tổng diện tích: 8.793,2 m^2 ; diện tích sử dụng: 1.002 m^2

Trường có 01 dãy lầu 2 tầng, phòng làm việc: 4; phòng học: 15; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

17. Trường Tiểu học thị trấn Chợ Gạo

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Thị trấn Chợ Gạo).

Địa chỉ: Ô 3, khu 1, Thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 03733835316

Trang thông tin điện tử: http://thttcg.pgdchogao.edu.vn

Email: c1ttchogaocg@tiengiang.edu.vn

Trường được thành lập vào khoảng năm 1949. Trước năm 1975, trường có tên là Trường Tiểu học cộng đồng Chợ Gạo. Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng (30-4-1975), trường được đổi tên là Trường Phổ thông cấp I Khu 1 thị trấn Chợ Gạo. Năm 1979, Trường Phổ thông cấp I Khu 1 thị trấn Chợ Gạo và Trường Phổ thông cấp II thị trấn Chợ Gạo sáp nhập lại và được đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở thị trấn Chợ Gạo. Năm 1992, bộ phận cấp II của trường tách ra, trường chỉ còn lại cấp I và mang tên Trường Phổ thông cơ sở cấp I thị trấn Chợ Gạo. Năm 1995, trường được đổi tên thành Trường Tiểu học thị trấn Chợ Gạo. Năm 2017, trường được xác nhận tư cách pháp nhân theo Quyết định số 1672/UBND-VX ngày 10/10/2017 của Ủy ban Nhân dân huyện Chợ Gạo.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Thị trấn Chợ Gạo.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 21 đảng viên; nam: 03; nữ: 18; Chi ủy: 05; nam: 02; nữ: 03. Ban Giám hiệu: 03; nam: 01; nữ 02. Công đoàn: 52 công đoàn viên; nam 10; nữ: 42. Đoàn thanh niên: 10 đoàn viên; nam: 01; nữ: 09. Đội thiếu niên: 654 đội viên; nam: 322; nữ: 332.

Tổng số cán bộ, viên chức: 52; nam: 10; nữ: 42. Tổng số giáo viên: 44; nam: 08; nữ: 36. Cử nhân (đại học): 38; Cử nhân (cao đẳng): 06.

Tổng số học sinh: 1.113; nam: 589; nữ: 524.

Tổng diện tích: 10.866,1 m^2; diện tích sử dụng: 10.866,1 m^2.

Trường có 02 dãy lầu, 01 dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu, 01 dãy có 01 tầng trệt và 02 tầng lầu; phòng làm việc: 08; phòng học: 31; phòng thí nghiệm 00; phòng nghe nghìn: 00; phòng máy vi tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 04.

18. Trường Trường Tiểu học Tân Thuận Bình

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Tân Thuận Bình).

Địa chỉ: Ấp Tân Bình 1, xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733835156

Trang thông tin điện tử: http://thtanthuanbinh.pgdchogao.edu.vn

Email: truongthtanthuanbinh2@gmail.com

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Tân Thuận Bình được thành lập. Năm 1979, Trường Phổ thông cấp I Tân Thuận Bình và Trường Phổ thông cấp II Tân Thuận Bình sáp nhập lại và được đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Tân Thuận Bình. Năm 1992, bộ phận cấp 2 của trường tách ra, trường chỉ còn lại cấp 1 và mang tên Trường Phổ thông cơ sở cấp I Tân Thuận Bình. Năm 1995, trường được đổi tên thành Trường Tiểu học Tân Thuận Bình. Năm 2019, Trường Tiểu học Tân Hòa và Trường Tiểu học Tân Thuận Bình hợp nhất thành Trường Tiểu học Tân Thuận Bình theo Quyết định số 3698/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban Nhân dân huyện Chợ Gạo.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Tân Thuận Bình.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 17 đảng viên; nam: 07; nữ: 10; Chi ủy 05; nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 40 công đoàn viên; nam: 17; nữ: 23. Đoàn thanh niên: 03 đoàn viên; nam: 01; nữ: 02; Đội thiếu niên: 314 đội viên; nam: 170; nữ: 144.

Tổng số cán bộ, viên chức: 40; nam: 17; nữ: 23. Tổng số giáo viên: 34; nam: 14; nữ: 20. Cử nhân (đại học): 31; Cử nhân (cao đẳng): 04; Trung học sư phạm: 3.

Tổng số học sinh: 671; nam: 368; nữ: 303.

Tổng diện tích: 9.332 m^2; diện tích sử dụng: 1.536 m^2.

Trường có 04 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 1 tầng lầu; phòng làm việc: 05; phòng học: 24; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 02; thư viện: 02; sân chơi: 02; khu thể thao: 02; khu vệ sinh: 04.

19. Trường Tiểu học Xuân Đông

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Xuân Đông).

Địa chỉ: Ấp Tân Thuận, xã Xuân Đông, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 892 027

Trang thông tin điện tử: c1xuandongcg@tiengiang.edu.vn

Email: thxuandong@gmail.com

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Xuân Đông được thành lập. Năm 1979, Trường Phổ thông cấp I Xuân Đông và Trường Phổ thông cấp II Xuân Đông sáp

nhập lại và được đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Xuân Đông. Năm 1992, bộ phận cấp 2 của trường tách ra, trường chỉ còn lại cấp 1 và mang tên Trường Phổ thông cơ sở cấp I Xuân Đông. Năm 1995, trường được đổi tên thành Trường Tiểu học Xuân Đông. Trường được xác nhận thành lập theo Quyết định số 98/1999/QĐ.UB ngày 03/11/1999 của Ủy ban Nhân dân huyện Chợ Gạo.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Xuân Đông.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 11 đảng viên; nam: 05, nữ: 06; Chi ủy: 03; nam: 01; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 00; nữ 02. Công đoàn: 29 công đoàn viên; nam: 14; nữ: 15. Đoàn thanh niên: 00. Đội thiếu niên: 332 đội viên; nam: 171; nữ; 161.

Tổng số cán bộ, viên chức: 29; nam: 14; nữ: 15. Tổng số giáo viên: 24; nam: 14; nữ: 10. Cử nhân (đại học): 19; Cử nhân (cao đẳng): 06; Trung cấp: 03. Trung học phổ thông: 01.

Tổng số học sinh: 569; nam: 295; nữ: 274.

Tổng diện tích: 9.873 m^2; diện tích sử dụng: 9.873 m^2.

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy 02 tầng; phòng làm việc: 06; phòng học: 20; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 02; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 04.

* **Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn địa danh Kinh/Kênh:**

Khái niệm

Kinh/Kênh là dòng dẫn nước do con người tạo ra, nhằm vào nhiều mục đích, trong đó có hai mục đích chính là thủy lợi và giao thông thủy.

1. Kinh/Kênh Bảo Định

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Địa danh Hán Việt (Bảo: 保 : gánh vác, giữ gìn; Định: 定: Yên ổn).

Đây là con kênh được đào đầu tiên ở Nam bộ. Trước khi có con kênh này, tại đây đã có rạch Vũng Cù ở về phía đông bắc, chảy từ sông Vàm Cỏ Tây đến quán Thị Cai (nay thuộc thành phố Tân An, tỉnh Long An); và rạch Mỹ Tho ở về phía nam, chảy từ chợ Lương Phú (nay thuộc xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang) ra sông Tiền. Khoảng giữa bắc – nam, tức là từ quán Thị Cai đến chợ Lương Phú là ruộng vườn liên tiếp.

Năm 1705, vâng lệnh Quốc chúa Nguyễn Phúc Chu, Chính thống Vân trường hầu Nguyễn Cửu Vân đem quân đánh dẹp quân Cao Miên ở khu vực này khi bọn chúng xâm phạm biên cảnh. Để đề phòng quân giặc tập kích, Nguyễn Cửu Vân cho đắp một phòng tuyến kéo dài từ quán Thị Cai đến chợ Lương Phú. Bên ngoài

phòng tuyến, ông cho đào một con mương hào nối liền rạch Vũng Cù và rạch Mỹ Tho. Sau đó, nhân đường nước đã lưu thông, người ta đào sâu thêm, thành ra đường kênh, ghe thuyền đi lại được. Lúc bấy giờ, để tiện cho việc nhắm hướng đào mở, người ta có dựng một cái thang cao, tục gọi là thang trông; và về sau trở thành địa danh: chợ Thang Trông ở xã Phú Kiết, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Về việc này, sách *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức ghi chép như sau: "*Thuở xưa, phía đông bắc từ sông nhỏ Vũng Cù chảy đến quán Thị Cai là hết, phía tây từ sông nhỏ Mỹ Tho cũng xuống đông đến chợ Lương Phú là hết, khoảng giữa thì ruộng đất liên tiếp từ nam đến bắc. Năm Ất dậu* (1705), *đời vua Hiển tông Hiếu minh hoàng đế thứ 15* (tức Quốc chúa Nguyễn Phúc Chu), *sai Chính thống Vân trường hầu qua đánh Cao Miên. Quân địch thường ra chỗ này quấy nhiễu quân ta. Sau Vân trường hầu bèn đắp lũy dài từ quán Thị Cai đến chợ Lương Phú, đào hai đầu tận cửa sông Vũng Cù và sông Mỹ Tho dẫn nước chảy đến làm hào mương ngồi lũy để củng cố cuộc phòng ngự. Sau nhân đường nước đã lưu thông, lại đào sâu thêm thành ra đường kinh đi ghe thuyền được*".

Sách *Đại Nam nhất thống chí* của Sử quán triều Nguyễn cũng ghi tương tự: "*Năm Ất Dậu* (1705*), đời Hiển tông, Chánh thống suất Nguyễn Cửu Vân đem quân đi đánh Cao Miên, cho đắp lũy dài từ quán Thị Cai đến chợ Lương Phú ở chỗ tận cùng hai đầu nguồn rạch Vũng Cù và Mỹ Tho, lấy nước làm hào vòng quanh lũy, để việc phòng thủ được vững vàng; sau đó, nhân đường nước lưu thông, đào sâu mãi xuống thành ra đường kinh thuận tiện cho thuyền bè*".

Do đoạn kênh tại Thang Trông có giáp nước, nên kênh thường bị bùn lầy làm cho nông cạn. Vì thế, năm 1819, vua Gia Long ra lệnh cho các viên quan đứng đầu thành Gia Định và trấn Định Tường huy động dân phu nạo vét và mở rộng kênh từ Thang Trông đến Húc Đồng (Hóc Đùn) – bến Mỹ Tho dài 40 dặm rưỡi (khoảng 14 km).

Sự việc này được sách *Gia Định thành thông chí* viết như sau: "*... đường sông từ đông đến tây xa cách, nên đến chỗ Vọng Thê (tục gọi là Thang Trông, là chỗ khi đầu dựng cái thang cao để đứng nhắm địa thế đào mở, nhân đó gọi thành địa danh) nước thủy triều giao hội làm chỗ giáp nước, thế nước lênh đênh, khi lên, khi xuống, chảy mạnh, lại nhiều chỗ quanh quẹo hẹp nhỏ, vậy nên bùn cỏ tích tụ, càng ngày càng bị cạn lấp, thuyền lớn đi đến đây phải đợi nước lên cho đầy thì mới đi được. Năm Kỷ mão niên hiệu Gia Long thứ 18* (1819), *vua xuống chỉ dụ sai đo thẳng từ chỗ Thang Trông đến Húc Đồng* (tức Hóc Đùn, nay thuộc xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang), *sai Trấn thủ Định Tường là Bửu thiện hầu Nguyễn Văn Phong đem dân phu trong trấn thay phiên đào mở*".

Bia *Phụng khai tân cảng ký* (còn gọi là Bia đào kênh Bảo Định), do vua Gia Long cho dựng năm 1819 tại Thang Trông, ghi : "*Đường sông này vốn có nhiều khúc quanh co, nhiều chỗ sâu cạn, nên ghe thuyền các loại khó đi lại*".

Sách *Đại Nam nhất thống chí* cho biết: "*Về phía đông nam, đường nước khá dài; cho nên khi chảy đến địa phận Vọng Thê* (tức Thang Trông) *thì hợp với nước thủy triều; đây là chỗ hai ngọn nước giao nhau nên gọi là Giao đầu thủy. Sở dĩ gọi là Vọng Thê là vì lúc mới bắt đầu đào sông, người ta phải trèo lên thang nhìn nhận những chỗ cần phải đo đạc kinh dinh, tục gọi là Thang Trông. Tuy thế, sông này nhiều chỗ quanh co nhỏ hẹp, mỗi ngày một nông cạn dần, nên năm Gia Long thứ 18* (1819) *sai Trấn thủ Định Tường là Nguyễn Văn Phong bắt hơn 9.000 dân phu đào từ Vọng Thê* (tức Thang Trông) *đến Húc Đồng* (tức Hóc Đùn), *cũng có chỗ đào kinh mới cho liên lạc với sông*".

Đây là công trình lớn, nên có đến 3 vị quan cao cấp của Gia Định thành và 2 vị quan đứng đầu của trấn Định Tường cùng tham gia chỉ huy, gồm :

- Gia Định thành Phó Tổng trấn - Thị trung Tả Thống chế Lý văn hầu Huỳnh Công Lý. Viên quan này có trách nhiệm chỉ huy toàn bộ công trình.

- Hiệp Tổng trấn, Lại bộ Thượng thư An toàn hầu Trịnh Hoài Đức.

- Tổng đốc Chưởng tiền quân - Bình Tây tướng quân - Đức quận công Nguyễn Huỳnh Đức.

- Trấn thủ Định Tường - Bửu Thiện hầu Nguyễn Văn Phong. Vị này có nhiệm vụ chỉ huy dân phu tại công trình.

- Chưởng cơ Lãnh binh - Nhiệm tín hầu (chưa rõ họ, tên). Vị này có nhiệm vụ huy động dân phu.

Về số lượng dân phu, sách *Gia Định thành thông chí* cho biết có 9.679 người; sách *Đại Nam nhất thống chí* ghi có hơn 9.000 người; trong khi đó, bia *Phụng khai tân cảng ký* ghi chỉ có 3.225 người. Thực ra, ghi chép của các tài liệu đó không mâu thuẫn nhau. Sách *Gia Định thành thông chí* cho biết: "*... đem 9.679 dân phu chia làm 3 phiên, thay nhau đào mở*". Như vậy, con số 3.225 dân phu được ghi trong bia *Phụng khai tân cảng ký* là số lượng dân phu của một phiên trong ba phiên đào mở của toàn bộ 9.679 dân phu mà *Gia Định thành thông chí* đã ghi chép. Dân phu tại công trình, theo sách *Gia Định thành thông chí*, mỗi người được cấp tiền và gạo; bia *Phụng khai tân cảng ký* cho biết cụ thể hơn: mỗi người được chính quyền địa phương cấp cho 1 quan tiền, 1 phương gạo.

Công việc chính của dân phu là nạo vét, mở rộng tuyến kênh đã có và đào sửa cho thẳng những đoạn kênh khúc khuỷu. Sách *Gia Định thành thông chí* chép: "*hoặc nhân theo đường sông cũ uốn nắn mà đào sâu rộng thêm; hoặc mở kênh mới để cho liên lạc*"; bia *Phụng khai tân cảng ký* cũng ghi tương tự: "*hoặc đào thẳng qua ruộng bằng phẳng, hoặc sửa những chỗ nông sâu*".

Công trình cải tạo kênh được tiến hành trong khoảng 3 tháng; khởi công ngày 28 tháng Giêng năm Kỷ Mão (23–2–1819); kết thúc theo ghi chép của *Gia Định thành thông chí* là ngày 4 tháng 4 nhuận năm Kỹ Mão (28–5–1819); theo ghi chép

của bia *Phụng khai tân cảng ký* là ngày 10 tháng 4 nhuận năm Kỷ Mão (3–6–1819).

Sau khi công trình đã được hoàn thành mỹ mãn, vua Gia Long cho tạc sự kiện này vào bia đá dựng tại Thang Trông để "*truyền mãi về sau*"; và đặt tên cho kênh là Bảo Định. Lúc này, kênh có bề ngang 15 tầm (khoảng 32 mét), sâu 9 thước (khoảng 4 mét), hai bên bờ kênh có đường quan lộ được đắp bằng đất, rộng 6 tầm (khoảng 13 mét). Ngay khi ấy, Trịnh Hoài Đức có sáng tác bài thơ nói về tác dụng của kênh Bảo Định và cuộc sống sung túc của người dân ở dọc theo tuyến kênh:

TÂN KINH THẦN MỤC

Lạc nguyệt đề ô náo cửu cai,

Tân kinh mục tử[17] *trục tương lai.*

Địch xuy lô quản xâm yên tố,

Ngưu đạp vân căn[18] *nhập thủy ôi.*

Thảo dụ bình điền hồ khả lạp,

Tang âm lục dã lộ kham môi.

Phong niên tiếu ngạo Hy Hoàng[19] *thế,*

Túy ngọa hoa tùng bất thoát soa.

Bản dịch thơ của Hoài Anh:

SỚM CHĂN TRÂU Ở TÂN KINH

Trăng lặn quạ kêu rộn khoảng không,

Tân kinh mục tử ruỗi trên đồng.

Sáo bằng ống sậy vút trời thẳm,

Trâu dẫm đá chìm tới khuỷu sông.

Cỏ tốt bãi bằng, săn cáo tiện,

Dâu xanh bóng mát họp cò đông.

Được mùa ngạo thuở Hy Hoàng nhé,

Để áo, nằm say cạnh khóm hồng

Dưới thời Thiệu Trị (1841 – 1847), kênh Bảo Định được đổi tên là An Định; rồi Trí Tường.

---

[17] Mục tử: Trẻ chăn trâu.

[18] Vân căn: Gốc rễ của mây, tức là đá. Thơ thời nhà Tống có câu: "*Đồn yên nhiễu phong nguyệt, tích thủy nịch vân căn*", nghĩa là: *Khói dồn lại làm rối loạn hang gió, nước tụ lại làm chìm đá núi*.

[19] Hy Hoàng: là hai vị vua Phục Hy và Hoàng Đế thời cổ đại ở Trung Quốc. Dưới thời hai vị vua này, xã hội ổn định, thạnh trị, ý chỉ sự thái bình.

Kênh Bảo Định, ngoài việc nối với sông Vàm Cỏ Tây ở phía bắc và sông Mỹ Tho ở phía nam; còn thông lưu với 19 con rạch tự nhiên ở phía tây và phía đông, tạo nên một hệ thống kinh rạch tương đối dày đặc. Do đó, ngoài tác dụng về an ninh – quốc phòng, kênh Bảo Định còn có giá trị to lớn về khai hoang, thủy lợi và giao thông thủy đối với vùng đất mới phương Nam. Điều đó thể hiện tầm nhìn chiến lược của Quốc chúa Nguyễn Phúc Chu và vua Gia Long trong việc khai đào và mở rộng con kênh được xem là đầu tiên ở Nam bộ.

Trong lịch sử kháng chiến chống ngoại xâm, kênh Bảo Định gắn liền với chiến công cùa quân dân ta vào năm 1861. Lúc bấy giờ, Định Tường là một tỉnh đông dân, nhiều của; lại là "cửa ngõ" của vùng đồng bằng sông Cửu Long. Cho nên, thực dân Pháp sau khi hạ đại đồn Chí Hoà ở Gia Định (2-1861) đã tính đến việc tiến đánh Định Tường, mà mục tiêu đầu tiên là thành Mỹ Tho.

Ngày 17-3-1861, tàu chiến Pháp đánh chiếm Vũng Gù (nay thuộc thành phố Tân An, tỉnh Long An) và cửa Tiểu (Gò Công) nhằm thực thi kế hoạch tấn công thành Mỹ Tho từ hai hướng: hướng thứ nhất, theo đường kênh Bảo Định

Riêng tại mặt trận kênh Bảo Định, từ Vũng Gù đến Mỹ Tho, quân dân Định Tường đã đắp 9 cản hàn sông và xây dựng 5 đồn quân kiên cố nhằm đối phó với quân địch[20].

Ngày 5-4-1861, liên quân Pháp - Tây Ban Nha với 1 chiến thuyền lớn và 5 pháo hạm được trang bị nhiều đại bác bắt đầu tiến vào kênh Bảo Định. Trên đường hành tiến, quân giặc đã bị quân dân Định Tường chận đánh liên tục. Mãi đến chiều ngày 09-4-1861, mặc dù phải chịu nhiều tổn thất, nhưng với phương tiện chiến tranh và vũ khí vượt trội, đoàn tàu chiến của địch mới tiến đến được một địa điểm ở gần Mỹ Tho.

Trong buổi sáng ngày 10-4-1861, thực hiện mệnh lệnh của viên chỉ huy liên quân là đại tá thủy quân lục chiến Đuy-ki-lô (Duquilo), đại úy pháo binh Sốp-phô (Chauffaut) chỉ huy một toán quân gồm bộ binh Tây Ban Nha, 01 đại đội bộ binh và 01 đại đội thủy quân lục chiến người Pháp, làm nhiệm vụ trinh sát thực địa, chuẩn bị cho việc tấn công thành Mỹ Tho. Toán quân này đi dọc theo bờ hữu ngạn kênh Bảo Định hướng vào trung tâm Mỹ Tho. Trên đường đi, quân giặc bị một quả đạn súng thần công do quân ta bắn rơi vào đội hình. Quả đạn, tuy không làm ai bị thiệt mạng hay bị thương; nhưng đã khiến cho bọn chúng hết sức hoang mang, hỗn loạn, vì không biết rõ đích xác quả đạn từ đâu bắn tới. Trước sự việc đó, quân giặc phải bỏ dỡ cuộc hành quân trinh sát, quay trở về, rút xuống tàu chiến và các pháo hạm đang neo đậu ở giữa dòng kênh Bảo Định.

Đến 15 giờ cùng ngày, mặc dù chưa rõ tình hình bố phòng của quân ta, nhưng với bản chất hung hăng, kiêu ngạo, xem thường đối phương của một tên sĩ quan thực dân, đại tá thủy quân lục chiến Đuy-ki-lô (Duquilo) ra lệnh cho trung tá hải

[20] Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Anh Tuấn (chủ biên), *Địa chí Tiền Giang (tập 1)*, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân tỉnh Tiền Giang - Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, 2005, trang 326.

quân Buộc-đe (Bourdais) chỉ huy 03 đại đội bộ binh, thủy quân lục chiến với 300 binh lính và 4 pháo hạm mang số hiệu 16, 18, 22, 31, trong đó pháo hạm số 18 là pháo hạm chỉ huy, nhổ neo, xuôi dòng Bảo Định, tiến về thành Mỹ Tho.

Đoàn pháo hạm của địch tiến đến Bến Chùa[21] gần Trung Lương[22] thì xảy ra trận đấu súng quyết liệt giữa súng thần công của quân ta và đại bác của quân địch. Khi phát hiện đồn của quân ta, các pháo hạm của quân Pháp bắt đầu khai hỏa. Lập tức, quân ta bắn trả rất mãnh liệt. Chiếc pháo hạm chỉ huy số 18 bị bắn trúng ba quả đạn thần công, trong đó có 01 quả đạn đã khiến cho trung tá hải quân Buộc-đe (Bourdais) chết ngay tại chỗ. Đây là một tổn thất lớn đối với liên quân Pháp - Tây Ban Nha. Bọn binh lính xâm lược ngày càng hoang mang, dao động.

Dòng kinh/kênh Bảo Định vốn hiền hòa nhưng đã nổi sóng căm hờn trước sự xâm lược của quân Pháp, tạo nên một chiến công oanh liệt của quân dân Định Tường trong buổi đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Trung tá hải quân Buộc-đe (Bourdais) đã phải đền tội trên dòng Bảo Định lịch sử. Đây là viên sĩ quan thực dân đầu tiên bị chết trận trong quá trình xâm lược nước ta của thực dân Pháp. Lịch sử Việt Nam ghi nhận chiến thắng Cầu Giấy (Hà Nội) lần thứ 1 năm 1873 với cái chết của đại úy Phơ-răng-xi Gạc-ni-ê (Francis Garnier), chiến thắng Cầu Giấy (Hà Nội) lần thứ 2 năm 1883 với cái chết của tên thiếu tá hải quân Hăng-ri Ri-vi-e (Henri Rivière) thì chiến công của quân dân Định Tường (nay là tỉnh Tiền Giang) năm 1861 trên dòng Bảo Định sống mãi với non sông gấm vóc Việt Nam.

Dưới thời thuộc Pháp, năm 1867, giới cầm quyền Pháp ở Mỹ Tho đã sử dụng xáng múc (tàu cuốc) để nạo vét kênh Bảo Định. Lúc bấy giờ, chiếc xáng múc to như một chiến hạm, hoạt động bằng máy hơi nước, có công suất khoảng vài trăm mã lực, xúc đất bằng những chiếc gàu sắt đặt liền nhau theo hình đường tròn như kiểu guồng đạp nước, có khả năng đào sâu khoảng 5 – 6 mét. Sau khi công việc hoàn tất, kênh có chiều dài 28 km, nối liền hai tỉnh lỵ Tân An và Mỹ Tho. *Địa phương chí tỉnh Mỹ Tho năm 1902* cho biết: "*Con kênh này được ghe thuyền của người bản xứ xuôi ngược tấp nập*".

Trước khi có kênh Chợ Gạo (1877), ngoài tác dụng thuỷ lợi, kênh Bảo Định là thuỷ lộ quan trọng để vận chuyển nông sản, hàng hóa, văn thư… từ Sài Gòn đi Đồng bằng sông Cửu Long và ngược lại, nên chính quyền thực dân Pháp mới đặt tên là kênh Bưu Điện (Arroyo de la Poste).

Năm 1974, cống Tân An đã được xây tại đầu phía Bắc của kênh (gần thành phố Tân An) nhằm ngăn nước mặn từ sông Vàm Cỏ Tây xâm nhập vào ruộng, vườn. Năm 2004, cống Bảo Định với chức năng tương tự cũng đã được xây ở đoạn kênh phía Nam trên Quốc lộ 50 tại xã Đạo Thạnh (TP Mỹ Tho). Vào mùa nước mặn hai cống ở phía bắc và phía nam đóng cửa, vai trò giao thông thủy của kênh hiện nay không như trước đây.

---

[21] Nay thuộc xã Long An, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.
[22] Nay thuộc Phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Kênh Bảo Định có thể nói là một phần không thể thiếu được của thành phố Mỹ Tho. Nhà thơ Xuân Diệu đã viết về điều này như sau:

Mỹ Tho bóng mát đường cây,

Nước sông Bảo Định dồn mây với thuyền.

Cầu Quay phố xá đôi bên,

Ta không buôn bán, chỉ ghiền văn thơ.

Gió sông mát rượi hồn thanh,

Con đò Rạch Miễu chạy quanh đảo Rồng.

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các Phường 1, 2, 3, 7, 10, xã Mỹ Phong thuộc thành phố Mỹ Tho; các xã Long An, Thân Cửu Nghĩa thuộc huyện Châu Thành; các xã Lương Hòa Lạc, Mỹ Tịnh An, Hòa Tịnh, Trung Hòa thuộc huyện Chợ Gạo; điểm đầu nối với sông Tiền tại Phường 1, thành phố Mỹ Tho, điểm cuối nối với rạch Bà Lý, xã Trung Hòa, huyện Chợ Gạo, dài 19,8 km, bề ngang từ 40 - 60 m, sâu 4 m, diện tích phục vụ 10.300 ha.

2. Kinh/Kênh Chợ Gạo

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh) + Công trình xây dựng (Chợ) + Lương thực (Gạo).

Kinh/Kênh Chợ Gạo nối rạch Kỳ Hôn với sông Tra là một nhánh ngắn của sông Vàm Cỏ, chảy qua địa bàn huyện Chợ Gạo và xã Đồng Sơn (huyện Gò Công Tây).

Kinh/Kênh Chợ Gạo được chính quyền thực dân Pháp cho đào vào năm 1877 bằng phương tiện thủ công theo đề án của đô đốc, chánh tham biện hạt Mỹ Tho Duperrré nên gọi là kinh/kênh Duperré; nhưng dân gian quen gọi là kinh/kênh Chợ Gạo.

Việc đào kinh/kênh của chính quyền thực dân Pháp ở Nam Kỳ nhằm tạo ra con đường thủy cho tàu thuyền vận chuyển lúa gạo từ miền Tây Nam Kỳ về Sài Gòn để xuất cảng. Mặc khác, việc đào kinh/kênh theo lối thủ công còn nhằm mục đích kềm giữ thanh niên trong độ tuổi lao động, đề phòng họ tham gia các cuộc khởi nghĩa chống Pháp.

Kinh/kênh được nạo vét lại nhiều lần, lần có quy mô lớn nhất là vào năm 1892, cũng bằng thủ công. Đến giai đoạn 1906 - 1910, kinh/kênh được cải tạo bằng cơ giới nên to và rộng hơn. Quyển *Địa phương chí tỉnh Mỹ Tho* (1902) ghi nhận: "Đây là con kinh/kênh được tàu bè của người bản xứ và các tàu hơi nước của các hãng đường sông qua lại tấp nập. Nó thường tràn ngập bởi những chiếc ghe đủ các loại trọng tải". Kinh/Kênh trở thành con đường thủy quan trọng giữa Sài Gòn và các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.

Toàn tuyến kinh/kênh Chợ Gạo đi qua huyện Châu Thành (tỉnh Long An), thị xã Gò Công, huyện Gò Công Tây, huyện Chợ Gạo, thành phố Mỹ Tho (tỉnh Tiền Giang). Hiện nay, kinh Chợ Gạo sâu 5-7m, rộng trung bình 100m, dài 28 km. Đây là tuyến giao thông thuỷ quan trọng nối sông Tiền và sông Vàm Cỏ, góp phần đắc lực vào việc phát triển kinh tế - xã hội của khu vực Nam Bộ.

3. Kinh/Kênh Lộ Ngang

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Công trình xây dựng mang yếu tố Hán Việt (Lộ: 塘 : Đường) + Vị trí (Ngang).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho; các xã Thanh Bình, Tân Bình Thạnh thuộc huyện Chợ Gạo; điểm đầu nối với rạch Gò Cát, điểm cuối nối với rạch Bà Lý, dài 11,8 km, bề ngang 11 - 13 m, sâu 1,5 - 2,0 m, diện tích phục vụ 825 ha.

4. Kinh/Kênh Lộ Tổng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Công trình xây dựng mang yếu tố Hán Việt (Lộ: 塘 : Đường) + Đơn vị hành chính thời xưa (Tổng: Cấp hành chính dưới "huyện", trên "xã"; Trong ngữ cảnh này chỉ tổng Thạnh Quơn, huyện Chợ Gạo)

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Thanh Bình, Lương Hòa Lạc thuộc huyện Chợ Gạo; điểm đầu nối với rạch Hóc Đùn, điểm cuối nối với kinh/kênh Lộ Ngang, dài 6,75 km, bề ngang 9 - 11 m, sâu 1,0 - 1,2 m, diện tích phục vụ 330 ha.

5. Kinh/Kênh Nhỏ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Tính từ (Nhỏ).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua Lương Hòa Lạc, Phú Kiết, Thanh Bình thuộc huyện Chợ Gạo; điểm đầu nối với kinh/kênh Bảo Định, điểm cuối nối với kinh/kênh Lộ Ngang, dài 6,66 km, bề ngang 12 - 16 m, sâu 1,55 - 2,60 m, diện tích phục vụ 880 ha.

6. Kinh/Kênh Tham Thu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Chức vụ thời xưa (Tham: gọi tắt của chức tham tán, là chức quan văn giúp coi việc quân dưới một viên tướng thời phong kiến[23] + Tên người (Thu).

Kinh/Kênh Tham Thu chạy song song với Quốc lộ 50). Kinh/Kênh được đào vào đầu thập niên 1970 để dẫn nước được bơm từ trạm bơm Tham Thu (phía Tây; nguồn nước lấy từ rạch Cà Hôn hay Kỳ Hôn) đến ao trữ của Nhà máy nước thị xã

[23] Lê Trung Hoa (2003), *Nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu địa danh (Địa danh Thành phố Hồ Chí Minh)*, NXB Khoa học xã hội, trang 63.

Gò Công (phía Đông, cũng gọi là ao Tham Thu), đồng thời tưới cho một phần diện tích canh tác dọc kinh/kênh.

Vào năm 1976 - 1977, trạm bơm Bình Phan với lưu lượng thiết kế lớn hơn đã được xây dựng kề bên trạm Tham Thu nhằm mở rộng diện tích tưới và tăng lượng nước cấp cho thị xã Gò Công. Năm 1978, kinh/kênh Tham Thu được đào rộng ra với bề rộng đáy là 13 m, bề rộng mặt trung bình 22 m. Lúc đầu, đáy kinh chỉ sâu trung bình 1,50 m dưới mặt đất tự nhiên, 2 bờ kinh được đắp cao khoảng 2 m trên mặt đất tự nhiên để khi bơm có thể nâng mực nước trong kinh cao hơn mặt ruộng từ 1 m đến 1,50 m (kinh nổi), đủ sức tưới chảy tràn cho các ruộng xa qua các kinh nhánh và cống điều tiết đầu kinh mà không cần sử dụng thêm bơm nhỏ.

Sau này kinh/kênh Tham Thu lần lượt được vét sâu thành kinh/kênh chìm: Vào các năm 1993, 2004 vét đoạn từ cống Đồng Sơn (dưới lộ Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây) đến ao Tham Thu, năm 1999 vét đoạn từ trạm bơm Bình Phan đến lộ Đồng Sơn, cả hai đều vét sâu đến 3 m. Năm 2001 xây cống điều tiết Bình Phan tại vị trí gần trạm bơm, từ đây trạm bơm ngưng hoạt động, nước vào kinh Tham Thu qua cống này, dân tự sử dụng bơm nhỏ để đưa nước vào ruộng. Năm 2017, kinh/kênh được nạo vét toàn tuyến.

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Bình Phan, An Thạnh Thủy, Bình Phục Nhứt thuộc huyện Chợ Gạo; các xã Thạnh Nhựt, Bình Nhì, Đồng Thạnh, Thành Công, Thạnh Trị, Yên Luông thuộc huyện Gò Công Tây; xã Long Chánh, thị xã Gò Công; điểm đầu nối với Trạm bơm Bình Phan, huyện Chợ Gạo, điểm cuối nối với Ao cấp thủy, thị xã Gò Công, dài 19,3 km, bề ngang 20 m, sâu 2,2 - 2,7 m, diện tích phục vụ 10.000 ha.

7. Kinh/Kênh Xuân Hòa

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Địa danh Hán Việt (Xuân: 春: Mùa xuân; Hòa: 和: Hoà hợp, hoà thuận).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Xuân Đông, Hòa Định, An Thạnh Thủy, Bình Ninh thuộc huyện Chợ Gạo; điểm đầu nối với cống Xuân Hòa, điểm cuối nối với rạch Cầu Ngang, dài 10 km, bề ngang 35 m, sâu 3,5 - 4,0 m, diện tích phục vụ 33.000 ha, nạo vét năm 2010.

8. Kinh/Kênh 20 tháng 7

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Sự kiện lịch sử (20 tháng 7: Ngày ký Hiệp định Genève - 20/7/1954).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Tân Thuận Bình, Quơn Long thuộc huyện Chợ Gạo; điểm đầu nối với rạch Hóc Lựu, điểm cuối nối với cống Long Hiệp, dài 7.5 km, bề ngang 14 - 16 m, sâu 1,5 - 2 m, diện tích phục vụ 1.240 ha.

Nghiên cứu địa danh tín ngưỡng, tôn giáo:

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên Đình:**

Khái niệm Đình (chữ Hán: 亭): là công trình trong tổng thể kiến trúc làng Việt Nam.

Đình Số thứ tự làng là nơi thờ Thành hoàng làng (là người thành lập làng hay có công với làng), đồng thời là nơi hội họp, bàn việc của dân làng. Đình được coi là trung tâm sinh hoạt văn hóa gắn bó với một cộng đồng cư dân và mang đặc trưng của nền văn minh lúa nước Việt Nam.

1. Đình Phú Kiết

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính (Xã Phú Kiết)

Đình Phú Kiết tọa lạc tại ấp Phú Lợi A, xã Phú Kiết, huyện Chợ Gạo.

Đình được xây dựng vào đầu thế kỷ 19, diện tích đất 2.135 m^2, diện tích xây dựng 515 m^2.

Sau nhiều lần dời địa điểm và trùng tu (1841, 1941, 1961, 1969, 2005), đình có kiến trúc hình chữ tam (≡) gồm vỏ ca, vỏ quy, chánh điện. Đình lợp bằng ngói âm dương, bó nền bằng đá tàng ong, nền móng kè cao 80 cm. Bên trong chánh điện, có nhiều bức hoành phi, câu đối được chạm trỗ tinh xảo mang tính nghệ thuật cao.

Đình thờ thần Thành hoàng bổn cảnh, Đại càn (Cá Ông), Ngũ hành, tiền hiền, hậu hiền. Hiện nay, đình có 6 sắc phong được bảo quản và lưu giữ cẩn thận, gồm: 4 sắc phong vào năm Thiệu Trị thứ năm (1845) và 2 sắc phong vào năm Tự Đức thứ ba (1850); trong đó có 3 sắc phong Đại càn Quốc gia Nam Hải và 3 sắc phong Bảo An Thành hoàng.

Hàng năm, đình có 2 lệ cúng: cúng hạ điền (16, 17 tháng 6 âm lịch), cúng thượng điền (16, 17 tháng 12 âm lịch).

Đình Phú Kiết được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 1301/QĐ-UBND ngày 04/6/2012.

2. Đình Bình Đăng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính xưa (Thôn Bình Đăng)

Đình Bình Đăng tọa lạc tại ấp Bình Phú Quới, xã Đăng Hưng Phước, huyện Chợ Gạo, được xây dựng đầu thế kỷ 19, diện tích đất 3.188 m^2, diện tích xây dựng 732 m^2. Qua nhiều lần sửa chữa và trùng tu (1921, 1989, 1996, 1997, 1998, 2003, 2005, 2007, 2012), đình có kiến trúc hình chữ quốc (国), gồm 05 hạng mục: thảo bạt, chánh điện, sân thiên tĩnh, nhà tổ và nhà khói.

Hiện đình còn lưu giữ 13 bộ bao lam, 08 hoành phi, long trụ được chạm khắc rất tinh xảo và 16 câu đối có niên đại thế kỷ XIX và thế kỷ XX. Đình được xem là một trong những ngôi đình lớn có kiến trúc đẹp và độc đáo ở huyện Chợ Gạo.

Hằng năm, đình có 02 lễ cúng: lễ cúng thượng điền vào ngày 11 tháng 12 âm lịch, lệ cúng hạ điền vào ngày 16 tháng 6 âm lịch.

Đình Phú Kiết được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận Di tích kiến trúc - nghệ thuật cấp tỉnh theo Quyết định số 2651/QĐ-UBND ngày 04/11/2013.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên Miếu:**

Khái niệm Miếu

Miếu là một dạng di tích văn hóa trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam có quy mô nhỏ hơn đền. Đối tượng được thờ ở miếu rất đa dạng, thể hiện ở tên gọi của miếu - tên gọi theo đối tượng được thờ thường phiếm chỉ và tượng trưng. Ví dụ: miếu Cô, miếu Cậu, miếu thờ thần núi gọi là miếu Sơn thần, miếu thờ thần nước gọi là miếu Hà Bá hoặc miếu Thủy thần, miếu thờ thần đất gọi là miếu thổ thần.

Miếu Điền

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Miếu) + Tên Hán Việt (Điền: Ruộng).

Miếu Điền tọa lạc tại ấp Mỹ Khương, xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo, được xây dựng vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, mái lợp ngói âm dương, cất theo kiểu sắp đọi, gồm 3 gian, cột tròn. Do bị giặc Pháp đốt phá nhiều lần nên vào năm 2005, miếu được xây dựng lại bằng bê tông cốt thép, mái lợp fibro xi măng, diện tích xây dựng 230 m^2, gồm vỏ ca và chánh điện.

Miếu thờ Thần Nông nên được gọi là Miếu Điền. Hằng năm, miếu có 03 lễ cúng chính: Lễ đưa khách vào ngày 16/3 âm lịch; Lễ Hạ điền vào ngày 20/6 âm lịch; Lễ Cầu bông vào ngày 20/9 âm lịch. Ngoài ra, chính quyền địa phương còn tổ chức lễ giỗ tưởng niệm các chiến sĩ Quốc vệ đội hy sinh trong trận đánh lính Cao Đài và quân Pháp tại cầu Ông Hậu vào ngày 19/01/1948.

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, miếu là cơ sở cách mạng quan trọng của xã Mỹ Tịnh An và huyện Chợ Gạo.

Miếu Điền được công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15/02/2000 của UBND tỉnh Tiền Giang.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên Đền thờ**

Khái niệm Đền thờ

Đền thờ là công trình kiến trúc mang tính chất tín ngưỡng để thờ cúng một vị thần hoặc một danh nhân quá cố.

Mộ và Đền thờ Nguyễn Hữu Huân

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Mộ và Đền thờ) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Hữu Huân).

Đền thờ Nguyễn Hữu Huân tọa lạc tại xã Hòa Tịnh, huyện Chợ Gạo.

Nguyễn Hữu Huân, sinh năm 1830[24] tại thôn Lợi Thạnh, tổng Hưng Xương, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường (nay là ấp Hòa Quới, xã Hòa Tịnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang).

Thuở nhỏ, ông nổi tiếng hiếu học và học giỏi. Năm 1852, ông đỗ thủ khoa kỳ thi tại trường thi Hương Gia Định, nên được gọi là Thủ khoa Huân. Sau đó, ông ra làm quan, được bổ làm Giáo thọ phủ Kiến An.

Sau khi giặc Pháp hạ thành Gia Định (tháng 2-1859); giữa năm 1859, ông hợp lực với Võ Duy Dương chiêu mộ nghĩa dũng, phất cờ khởi nghĩa. Lúc bấy giờ, ông được triều đình phong chức Phó Quản đạo.

Tháng 7-1862, ông đến căn cứ Tân Hòa (Gò Công) bàn việc thống nhất lực lượng nghĩa quân với Trương Định nhằm nâng cao sức mạnh chiến đấu chống giặc Pháp xâm lược. Tại đây, ông nhận chức Phó Đề đốc do vua Tự Đức ban cho.

Tháng 2-1863, sau khi căn cứ Tân Hòa thất thủ, ông về Chợ Gạo, xây dựng căn cứ Bình Cách (nay là xã Tân Bình Thạnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang). Từ căn cứ này, dưới sự chỉ huy của ông, nghĩa quân đã tỏa ra đánh quân Pháp ở Mỹ Quý (nay thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang), Thuộc Nhiêu (nay thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang), Mỹ Tho, Chợ Gạo,…

Giữa năm 1863, giặc Pháp tấn công căn cứ Bình Cách. Nghĩa quân đã chiến đấu vô cùng anh dũng, khiến bọn chúng phải khó khăn lắm mới phá vỡ được căn cứ này. Để bảo toàn lực lượng, ông cho nghĩa quân rút qua Thuộc Nhiêu, tiếp tục cuộc chiến đấu. Nghĩa quân đã liên tiếp mở nhiều cuộc tấn công vào Cái Thia, Cái Bè, Cai Lậy, Rạch Gầm, Trung Lương, Tân Lý (nay thuộc tỉnh Tiền Giang),…

Cuối năm 1863, thực dân Pháp huy động lực lượng lớn tấn công Thuộc Nhiêu. Nghĩa quân phải rút vào Đồng Tháp Mười, xây dựng căn cứ mới. Theo sự phân công giữa ông với Võ Duy Dương; ông sang An Giang - nơi còn thuộc quyền kiểm soát của triều đình - để tuyển mộ nghĩa quân và vận động nhân dân, kể cả triều đình, ủng hộ, đóng góp tiền của, vũ khí, lương thực cho cuộc kháng chiến.

Thế nhưng, do áp lực của thực dân Pháp, tháng 7-1864, quan Tổng đốc An Giang là Phan Khắc Thận đã nhu nhược bắt ông giao nộp cho quân giặc. Một tháng sau, ông bị chính quyền thực dân kết án 10 năm tù, đày đi Cayenne,Trung Mỹ (có tài liệu viết ông bị đày ở đảo Réunion, đông nam châu Phi)

Tháng 2-1869, sau 5 năm bị giam trong ngục tù ở hải ngoại, ông được thả về nước và bị quản thúc tại nhà của Đỗ Hữu Phương ở Chợ Lớn. Tại đây, Đỗ Hữu Phương vâng lệnh quan thầy ra sức mua chuộc, dụ dỗ ông. Nhưng, ông vẫn một lòng một dạ trung thành với đất nước và nhân dân. Không những thế, ông còn tìm

[24] Trong quyển *Nguyễn Hữu Huân: nhà yêu nước kiên cường, nhà thơ bất khuất* của Phạm Thiều - Cao Tự Thanh - Lê Minh Đức, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1986, ghi năm sinh của ông là năm 1816.

cách liên lạc với những người yêu nước và mưu tính phát động một cuộc khởi nghĩa mới.

Năm 1872, ông trốn thoát về Mỹ Tho, Chợ Gạo; cùng với Âu Dương Lân nổi lên khởi nghĩa với lực lượng nghĩa quân lên đến 3.000 người. Từ đây, phong trào chống Pháp do ông đứng đầu lan tỏa mạnh mẽ khắp vùng Mỹ Tho, Chợ Gạo, Cai Lậy, Tân An (nay thuộc tỉnh Long An), Chợ Lớn (nay thuộc TP Hồ Chí Minh),… Thủ lĩnh ở nhiều nơi cũng tham gia phong trào, như Nguyễn Văn Chất ở Vĩnh Long, Lê Công Thành, Phan Văn Đồng, Lâm Lễ ở Cần Thơ, Long Xuyên (nay thuộc tỉnh An Giang),… Một hệ thống chính quyền kháng chiến được xây dựng tại nhiều thôn xã, nhất là ở Mỹ Tho và Chợ Gạo.

Trước sự lớn mạnh của nghĩa quân, cuối năm 1874, thực dân Pháp huy động một lực lượng hùng hậu, từ nhiều hướng tấn công căn cứ Bình Cách. Nghĩa quân kháng cự vô cùng quyết liệt; nhưng do thế giặc quá mạnh, sau đó phải tan rã. Ông bị sa vào tay giặc. Bọn chúng giam ông ở nhà ngục Mỹ Tho; hết tra tấn dã man lại giở trò mua chuộc; nhưng vẫn không làm lung lay khí tiết của một đấng trượng phu anh hùng.

Tên Chánh tham biện Mỹ Tho là De Gailland chiêu hàng không thành, đã kết án và tử hình ông ngày 15-4 năm Ất Hợi (19-5-1875) tại chợ Tịnh Hà (nay thuộc xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo). Trước lúc hy sinh vì nghĩa lớn của dân tộc, ông vẫn lạc quan sáng tác một bài thơ tuyệt mạng, tỏ rõ ý chí kiên cường, bất khuất của mình:

Hãn mã gian quan báo quốc cừu,

Chỉ nhân binh bãi trí thân hưu.

Anh hùng mạc bả doanh thâu luận,

Vũ trụ trường khan tiết nghĩa lưu.

Đản đắc tử kinh Hồ lỗ phách,

Bất cam sinh đoạn tướng quân đầu.

Đương kim Tho thủy ba lưu huyết,

Long đảo thu phong khởi mộ sầu[25].

Nhà yêu nước Phan Bội Châu dịch:

Ruổi rong gió ngựa báo thù chung,

Binh bãi cho nên mạng mới cùng.

[25] Trong quyển *Nguyễn Hữu Huân: nhà yêu nước kiên cường, nhà thơ bất khuất*, các tác giả Phạm Thiều - Cao Tự Thanh - Lê Minh Đức, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1986, cho rằng bài thơ *Hãn mã gian quan* không phải là thơ tuyệt mạng của Thủ khoa Huân, rất có thể do Thủ khoa Huân sáng tác để ca ngợi Thị độc học sĩ sung Binh bị Trần Xuân Hòa (Phủ Cậu) vào khoảng đầu mùa thu năm 1864, khi ông này bị quân Pháp bắt và giải ngang qua sông Mỹ Tho.

Tiết nghĩa vẫn lưu cùng vũ trụ,

Hơn thua sá kể với anh hùng.

Nổi xung mất vía quân Hồ lỗ,

Quyết thác không hàng rạng núi sông.

Tho thủy ngày rày pha máu đỏ,

Đảo Rồng hiu hắt ngọn thu phong.

Đồng thời, ông còn làm hai câu Liễn tuyệt mạng:

Hữu chí nan thân, không uổng bách niên chiêu vật nghị,

Tuy công bất tựu, diệc tương nhất tử báo quân ân.

Nhà nghiên cứu Cao Tự Thanh dịch:

Việc lớn không thành, báo chúa cũng đành liều một chết,

Lòng ngay khó tỏ, miệng đời luống để luận trăm năm.

Nghĩa nước tình dân, Nguyễn Hữu Huân đã trả xong khi ông vừa tròn 45 tuổi. Tấm gương sáng ngời của ông vẫn được lưu giữ mãi trong ký ức của nhân dân và của hồn thiêng sông núi; đúng như một câu ca dao ở địa phương đã ca ngợi:

Một lòng đền nợ nước non,

Ngàn năm vẫn đỏ tim son anh hùng.

Sau khi ông mất, để tỏ lòng tôn kính, nhân dân địa phương đã lập đền thờ cách nơi ông bị xử trảm 100 m (ngay Trường Tiểu học Mỹ Tịnh An ngày nay). Năm 1995, được sự đồng ý của Tỉnh ủy, Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang, đền thờ được dời về cạnh mộ ông và xây mới hoàn toàn.

Ngôi đền có diện tích 3.500 m^2. Khuôn viên đền thờ được thiết kế như một công viên với các loại hoa kiểng ở địa phương được bố trí hài hòa, đẹp mắt. Ngôi đền được xây dựng theo lối kiến trúc truyền thống, theo kiểu đòn dông dọc, gồm vỏ ca, chính điện và nhà khói. Bên trong chính điện có bàn thờ, tượng đồng khắc họa chân dung Nguyễn Hữu Huân; lư hương và các bộ binh khí bằng đồng, Bằng công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia.

Ngôi mộ lúc đầu được đắp bằng đất, đến năm 1927, con cháu ông và nhân dân địa phương xây dựng lại bằng đá xanh gồm hai phần: nấm mộ và bia mộ. Theo các vị bô lão địa phương, mộ được xây theo kiểu "voi phục" vì trông giống như con voi đang nằm áp bụng xuống đất. Nền mộ là những viên đá dày 30cm, rộng 40cm, dài 120cm ghép lại với nhau thành nền để đặt núm mộ với diện tích phần nền bằng đá 4,042m^2. Núm mộ gồm 2 tảng đá xanh có hình dáng mô hai đầu cao 70cm, phần giữa lõm xuống cong như lưng voi, phía trước có hoa văn khắc ô chữ nhật xoáy vòng, phía sau hoa văn là những vòng gợn và uốn xoáy lại ở cuối đã được ghép bằng xi măng theo chiều dài.

Bia mộ nối liền với núm mộ gồm 3 phần: chân bia, thân bia và mái bia. Chân bia là một khối đá hình chữ nhật có chạm hoa văn hình lá. Thân bia để viết chữ dày 40cm, cao 72cm rộng 100cm. Mái che bằng đá xanh cao 32cm, rộng 38cm. Mái che giả ngói chia làm 8 rãnh, cuối đầu mỗi rãnh có chạm hoa sen, hai đầu chạm 2 con dơi quay mặt ra ngoài tư thế đang bay trông rất sinh động.

Tại đây, các ngành chức năng đã thành lập Ban bảo vệ đền thờ, hàng ngày có người trông nom, chăm sóc khu di tích và đón tiếp khách tham quan. Hằng năm, vào ngày 15-4 (âm lịch) lễ tưởng niệm ông được tổ chức tại đền thờ rất trọng thể.

Đền thờ Nguyễn Hữu Huân được Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia theo Quyết định số 112/VHQĐ ngày 15/6/1987.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên Chùa:**

Khái niệm Chùa

Chùa là cơ sở hoạt động và truyền bá Phật giáo, là nơi tập trung sinh hoạt, tu hành và thuyết giảng đạo Phật của các nhà sư, tăng, ni. Mọi người kể cả tín đồ hay người không theo đạo đều có thể đến thăm viếng, nghe giảng kinh hay thực hành các nghi lễ Phật giáo.

Chùa Bà Kết

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chùa) + Giới tính và tên người (Bà Kết).

Chùa Bà Kết, còn gọi là chùa Long Phan, tọa lạc tại ấp Bình Hưng, xã Bình Phan, huyện Chợ Gạo, được xây dựng vào khoảng thế kỷ đầu thế kỷ 19. Theo dân gian, ở địa phương có một người phụ nữ từng làm nhiều việc công đức, phước thiện tên là Bà Kết đã xây dựng nên ngôi chùa. Do bị giặc Pháp nhiều lần đốt cháy và bom đạn giặc Mỹ tàn phá nên sau ngày 30/4/1975, chùa trở nên tiêu điều, xuống cấp nặng nề; thậm chí có lúc, chùa không ai ở, mà chủ yếu người dân tự động đến cúng kiếng. Mãi đến năm 2007, chư tôn, đức tăng, ni trong và ngoài tỉnh cùng các phật tử gần xa đóng góp kinh phí để trùng tu lại ngôi chùa. Cụ thể, năm 2007 trùng tu chánh điện; năm 2009 xây đài Quan Âm, miếu ngũ hành; năm 2010 xây dựng hậu tổ, giảng đường để phật tử có điều kiện tu học. Hiện tại, ngôi chùa khá khang trang, phật tử khắp nơi đến thăm viếng, lễ Phật ngày càng đông.

Chùa còn là di tích khảo cổ thuộc nền văn hóa Óc Eo. Tại đây, các nhà khảo cổ đã tìm thấy nhiều di vật, như tượng thần Vishnu (chỉ còn đầu và tay), bình gốm, gạch có kích thước 25cm x 15cm x 8cm,… có niên đại từ thế kỷ thứ IV- VIII tương ứng với thời gian tồn tại của vương quốc Phù Nam.

Chùa Bà Kết được công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ-UB ngày 15/02/2000 của UBND tỉnh Tiền Giang.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên thánh thất:**

Khái niệm:

Thánh thất: là nhà thờ Đức Chí Tôn (Đấng Cao Đài) và các vị Thần, Thánh, Tiên, Phật. Hay còn gọi là ngôi nhà của chư thánh. Tại mỗi Tộc đạo (Họ đạo) đều phải xây dựng một Thánh thất để làm đền thờ Đức Chí Tôn và làm nơi tín ngưỡng cho bổn đạo địa phương.

1. Thánh thất An Thạnh Thủy

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã An Thạnh Thủy).

Thánh thất Chợ Gạo được xây dựng năm 1956, tọa lạc tại ấp An Khương, xã An Thạnh Thủy, huyện Chợ Gạo.

2. Thánh thất Bến Tranh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính xưa (quận Bến Tranh).

Thánh thất Bến Tranh, được xây dựng trước năm 1975, tọa lạc tại xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo.

3. Thánh thất Bình Phục Nhứt

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Bình Phục Nhứt).

Thánh thất Bình Phục Nhứt được xây dựng trước năm 1975, tọa lạc tại ấp Bình Khương, xã Bình Phục Nhứt, huyện Chợ Gạo.

4. Thánh thất Chợ Gạo

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (thị trấn Chợ Gạo).

Thánh thất Chợ Gạo được xây dựng năm 1955, xây dựng mới năm 2018, tọa lạc tại Khu 2, thị Trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo.

5. Thánh thất Hòa Tịnh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Hòa Tịnh).

Thánh thất Hòa Tịnh được xây dựng trước năm 1975, tọa lạc tại xã Hòa Tịnh, huyện Chợ Gạo.

6. Thánh thất Lương Hòa Lạc

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Lương Hòa Lạc).

Thánh thất Lương Hòa Lạc được xây dựng trước năm 1975, tọa lạc tại xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo.

7. Thánh thất Phú Kiết

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Phú Kiết).

Thánh thất Phú Kiết được xây dựng trước năm 1975, tọa lạc tại ấp Phú Lợi A, xã Phú Kiết, huyện Chợ Gạo.

8. Thánh thất Quơn Long

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Quơn Long).

Thánh thất Quơn Long được xây dựng trước năm 1975, tọa lạc tại ấp Long Thạnh, xã Quơn Long, huyện Chợ Gạo.

9. Thánh thất Song Bình

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Song Bình).

Thánh thất Song Bình được xây dựng năm 2004 và trùng tu 2009, tọa lạc tại ấp Tân Bình 1, xã Song Bình, huyện Chợ Gạo.

10. Thánh thất Thanh Bình

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Thanh Bình).

Thánh thất Thanh Bình được xây dựng trước năm 1972 và trùng tu 2011, tọa lạc tại ấp Tân Bình 1, xã Thanh Bình, huyện Chợ Gạo.

11. Thánh thất Tân Thuận Bình

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Tân Thuận Bình).

Thánh thất Tân Thuận Bình được xây dựng trước năm 1975, tọa lạc tại ấp Tân Bình 1, xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo.

Nghiên cứu địa danh chỉ vùng:

*** Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên xóm:**

Khái niệm:

Xóm: là nơi quần tụ những hộ gia đình sinh sống gần nhau, có hoặc không có mối quan hệ họ hàng với nhau.

1. Xóm Ao

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Công trình xây dựng (Ao: hồ nước nhân tạo, được đào sâu để chứa nước).

Xóm Ao là xóm nhà tọa lạc xung quanh một cái ao, thuộc xã Thanh Bình, huyện Chợ Gạo.

Địa danh này có liên quan đến chiến thắng "Bảy dũng sĩ Xóm Ao". Ngày 15/11/1965, tại Xóm Ao, 07 chiến sĩ quân giải phóng đã kiên cường, anh dũng, mưu trí đánh bại cuộc hành quân càn quét của 3 đại đội bảo an địch, có máy bay và pháo binh yểm trợ, diệt hàng trăm binh lính địch. Từ chiến thắng đó, bà con xã Thanh Bình đặt cho cái tên "Bảy dũng sĩ Xóm Ao" và đã trở thành một địa danh lịch sử.

2. Xóm Cũ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Tính từ (Cũ).

Xóm Cũ tọa lạc tại xã Đăng Hưng Phước, huyện Chợ Gạo. Địa danh này liên quan đến trận đánh ngày 06/12/1947 của Trung đoàn 120 chủ lực Nam Bộ trước cuộc càn quét của trên 1.000 lính Âu - Phi của quân đội viễn chính Pháp có pháo binh và máy bay yểm trợ mạnh mẽ. Với trận đánh này, ta tiêu diệt và làm bị thương khoảng 200 tên địch. Đây là trận chống càn ác liệt, bộ đội ta kiên cường bám trụ đánh địch giữ làng, tạo thế phá vây, bảo toàn lực lượng và bảo vệ Nhân dân.

*** Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên xứ:**

Khái niệm:

Theo *Từ điển Tiếng Việt phổ thông* của Viện Ngôn ngữ học, Xứ là khu vực địa lý có chung một số đặc điểm tự nhiên hoặc xã hội nào đó.

1. Xứ Bến Tranh

Xứ Bến Tranh là địa danh xưa, được ghi trong *Địa bạ Minh Mạng năm 1836*, tọa lạc ở thôn Ngãi Hữu và thôn Lương Phú, tổng Thuận Trị, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường, nay thuộc xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành và xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xứ) + Công trình xây dựng (Bến) + Thực vật (Cỏ tranh)

Xứ Bến Tranh là xứ có bến mà tại đó có nhiều cỏ tranh.

2. Xứ Bến Tre

Xứ Bến Tre là địa danh xưa, được ghi trong *Địa bạ Minh Mạng năm 1836*, tọa lạc ở thôn Bình Hạnh, tổng Thạnh Phong, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường, nay thuộc xã Song Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xứ) + Công trình xây dựng (Bến) + Thực vật (Cây tre).

Xứ Bến Tre là vùng đất có bến mà tại đó có nhiều cây tre hay buôn bán tre.

3. Xứ Cai Lộc

Xứ Cai Lộc là địa danh xưa, được ghi trong *Địa bạ Minh Mạng năm 1836*, tọa lạc ở thôn An Khương, tổng Thạnh Quơn (Quang), huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường, nay thuộc xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xứ) + Chức vụ thời xưa và tên người (Cai Lộc).

Xứ Cai Lộc là vùng đất do ông Cai đội Phạm Hoằng Lộc quy tụ nhân dân khai khẩn vào cuối thế kỷ 18.

4. Xứ Cái Chốt

Xứ Cái Chốt là địa danh xưa, được ghi trong *Địa bạ Minh Mạng năm 1836*, tọa lạc ở thôn Vĩnh An, tổng Hòa Hảo, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường, nay thuộc xã An Thạnh Thủy, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xứ) + Địa hình tự nhiên (Sông cái) + Động vật (Cá chốt).

Xứ Cái Chốt là vùng đất nằm dọc theo rạch Cái Chốt (rạch có nhiều cá chốt).

5. Xứ Đồng Mới

Xứ Đồng Mới là địa danh xưa, được ghi trong *Địa bạ Minh Mạng năm 1836*, tọa lạc ở thôn Bình Dương, tổng Thạnh Quơn (Quang), huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường, nay thuộc xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xứ) + Địa danh chỉ công trình xây dựng (Đồng Mới).

Xứ Đồng Mới là vùng đất mới được người dân khai phá.

6. **Xứ Gò Kết**

Xứ Gò Kết là địa danh xưa, được ghi trong *Địa bạ Minh Mạng năm 1836*, tọa lạc ở thôn Bình Phan, tổng Hòa Hảo, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường, nay thuộc xã Bình Phan, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xứ) + Địa hình tự nhiên (Gò) + Tên người (Bà Kết).

Xứ Gò Kết là vùng đất nằm trên một gò cát mang tên Bà Kết. Ở đây còn có chùa Bà Kết.

7. Xứ Gò Nổi

Xứ Gò Nổi là địa danh xưa, được ghi trong *Địa bạ Minh Mạng năm 1836*, tọa lạc ở thôn Bình Phục Nhứt, tổng Hòa Hảo, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường, nay thuộc xã Bình Phục Nhứt, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xứ) + Địa hình tự nhiên (Gò) + Danh từ (Nổi: Nhô lên).

Xứ Gò Nổi là vùng đất nằm trên một gò cát cao.

8. Xứ Gò Tre

Xứ Gò Tre là địa danh xưa, được ghi trong *Địa bạ Minh Mạng năm 1836*, tọa lạc ở thôn Bình Thời, tổng Thạnh Phong, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường, nay thuộc xã Long Bình Điền, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xứ) + Địa hình tự nhiên (Gò) + Thực vật (Cây tre).

Xứ Gò Tre là vùng đất nằm trên một gò cát có nhiều tre.

9. Xứ Tầm Vu

Xứ Tầm Vu là địa danh xưa, được ghi trong *Địa bạ Minh Mạng năm 1836*, tọa lạc ở thôn Bình Cách, tổng Thạnh Quơn (Quang), huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường, nay thuộc xã Tân Bình Thạnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xứ) + Địa danh Việt gốc Khmer (Tầm Vu: do từ Khmer Lam Pu (cây bần) gọi trại mà ra).

Xứ Tầm Vu là vùng đất có nhiều cây bần.

10. Xứ Thang Trông

Xứ Thang Trông là địa danh xưa, được ghi trong *Địa bạ Minh Mạng năm 1836*, tọa lạc ở thôn Phú Kiết, tổng Thạnh Quơn (Quang), huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường, nay thuộc xã Phú Kiết, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xứ) + Dụng cụ trông phương hướng (Thang trông).

Năm 1819, vua Gia Long cho nạo vét và mở rộng kinh/kênh Bảo Định. Viên quan chỉ huy công trình là Nguyễn Văn Phong, trấn thủ trấn Định Tường, cho dựng một cái thang cao để trông hướng trong việc thi công. Từ đó, trở thành địa danh: xứ Thang Trông. Chợ Phú Kiết hiện nay thời xưa có tên là chợ Thang Trông.

*** Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên khu:**

Khái niệm:

Khu là khoảng đất được giới hạn với những đặc điểm hoặc chức năng riêng, khác với xung quanh.

1. Khu căn cứ Huyện ủy Chợ Gạo

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Khu căn cứ) + Tổ chức Đảng (Huyện ủy) + Địa danh hành chính (Huyện Chợ Gạo).

Khu căn cứ Huyện ủy Chợ Gạo tọa lạc tại xã Trung Hòa, huyện Chợ Gạo, với diện tích 2.350m^2; phục dựng tái hiện cảnh trí lịch sử di tích với 10 phân khu chức năng, như: Ủy ban Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam huyện Chợ Gạo; Phòng hội họp Quân đội; Bộ phận tự túc lương thực - thực phẩm; Nhà công binh xưởng;

Văn phòng Huyện ủy Chợ Gạo; Phòng Dân y; Bộ phận giao liên; Hầm bí mật; Phòng Dân vận - Tuyên truyền; Phòng An ninh.

Khu căn cứ Huyện ủy Chợ Gạo được Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 3781/QĐ-UBND ngày 19/12/2017.

2. Khu mộ Âu Dương Lân

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Khu) + Địa danh chỉ công trình xây dựng (Mộ) + Nhân vật lịch sử (Âu Dương Lân).

Âu Dương Lân chưa rõ năm sinh, người thôn Phú An, huyện Kiến Hòa, trấn Định Tường (nay là xã Phú Kiết, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang).

Ông là người thông minh, học giỏi, thi đỗ cử nhân năm 1858 tại trường thi hương Gia Định. Được biết, cha của ông là Âu Dương Xuân cũng từng đỗ cử nhân năm 1842. Sau đó, ông được triều đình bổ làm Tri huyện Kiến Hòa, nên còn được gọi là Huyện Lân.

Khi thực dân Pháp xâm chiếm Nam kỳ (1859), ông tham gia phong trào kháng chiến do Võ Duy Dương và Nguyễn Hữu Huân lãnh đạo. Sau khi Nguyễn Hữu Huân bị giặc bắt và đày sang Cayenne ở Trung Mỹ vào năm 1864; rồi tiếp theo Võ Duy Dương hy sinh vào năm 1866; ông lui về quê nhà, nuôi chí quật khởi và chờ đợi thời cơ. Năm 1867, ông hoạt động trở lại, cùng với một số thủ lãnh nghĩa quân, như Nguyễn Văn Thọ, Lê Quang Vì, Phan Tấn Kỳ, Trần Văn Thành,… tổ chức quyên góp tiền bạc, mua sắm vũ khí và lương thực,… chuẩn bị cho công cuộc đánh Pháp khi có thời cơ.

Năm 1869, Nguyễn Hữu Huân được thả về nước và bị quản thúc tại nhà của Đỗ Hữu Phương (Tổng đốc Phương) ở Chợ Lớn. Năm 1872, Nguyễn Hữu Huân đào thoát khỏi nơi giam giữ và lẻn về Mỹ Tho chiêu mộ nghĩa sĩ tiếp tục cuộc kháng Pháp. Ngay lập tức, ông đã bắt liên lạc với vị Thủ khoa yêu nước; và được Nguyễn Hữu Huân tin tưởng giao trọng trách làm Phó tướng của cuộc khởi nghĩa. Lực lượng nghĩa quân ngày càng phát triển mạnh mẽ và tỏa ra tấn công quân Pháp ở khắp mọi nơi. Một hệ thống chính quyền kháng chiến đã được thiết lập ở vùng Mỹ Tho, Chợ Gạo.

Trước tình hình đó, thực dân Pháp tập trung lượng hùng hậu đàn áp cuộc khởi nghĩa. Năm 1875, ông bị quân Pháp bắt được. Bọn chúng vừa dụ dỗ, vừa tra tấn ông rất tàn bạo hòng buộc ông phải quy thuận. Nhưng, ông vẫn giữ vững khí tiết của người sĩ phu chân chính.

Cuối cùng, ngày 12 tháng 7 năm Ất Hợi (12/8/1875), giặc Pháp đã chém đầu ông tại bờ sông Mỹ Tho (nay thuộc khu vực công viên Lạc Hồng, đường 30 tháng 4, Phường 1, thành phố Mỹ Tho).

Hiện nay, khu mộ của ông tọa lạc tại ấp Phú Khương A, xã Phú Kiết, huyện Chợ Gạo, được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15 tháng 2 năm 2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

*** Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên địa điểm:**

Khái niệm:

Địa điểm là nơi chốn cụ thể tiến hành một hoạt động hoặc phản ánh một sự kiện, một sự việc nào đó.

1. Địa điểm Bảy dũng sĩ Xóm Ao

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Địa điểm) + Số lượng (Bảy) + Danh từ (Dũng sĩ: Người có lòng dũng cảm, dám đương đầu với những hiểm nguy, lm nên những việc phi thường) + Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Địa danh chỉ công trình xây dựng (Ao).

Địa điểm Bảy dũng sĩ Xóm Ao tọa lạc tại Ấp 6, xã Thanh Bình, huyện Chợ Gạo.

Ngày 15/11/1965, tại Xóm Ao, 07 chiến sĩ quân giải phóng đã kiên cường, anh dũng, mưu trí đánh bại cuộc hành quân càn quét của 3 đại đội bảo an địch, có máy bay và pháo binh yểm trợ, diệt hàng trăm binh lính địch. Từ chiến thắng đó, Nhân dân xã Thanh Bình đặt cho cái tên "Bảy dũng sĩ Xóm Ao" và đã trở thành một địa danh lịch sử.

Địa điểm Bảy dũng sĩ Xóm Ao là một công viên rộng 1.200m^2, trong đó Bia Chiến thắng cao 7 m, được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15 tháng 2 năm 2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

2. Địa điểm ghi dấu trận đánh của Đoàn cán bộ Cách mạng mùa Thu năm 1962

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Địa điểm) + Sự kiện lịch sử (Ghi dấu trận đánh của Đoàn cán bộ Cách mạng mùa Thu năm 1962).

Địa điểm ghi dấu trận đánh của Đoàn cán bộ Cách mạng mùa Thu năm 1962 tọa lạc tại ấp Long An, xã Quơn Long, huyện Chợ Gạo.

Ngày 17/6/1962, tiểu đoàn bảo an của tỉnh Định Tường và đại đội bảo an của quận Chợ Gạo thuộc quân đội Sài Gòn có xe thiết giáp M.113, máy bay trực thăng, pháo binh yểm trợ tấn công vào trạm giao liên xã Quơn Long. Tại đây, đoàn công tác của các đồng chí cán bộ Trung ương tập kết trở về tăng cường chi viện cho miền Nam (còn gọi là Đoàn cán bộ Cách mạng mùa Thu) đang trú đóng tại trạm đã tổ chức chiến đấu chống càn. Trận đánh diễn ra rất quyết liệt giữa ta và địch. Do tương quan lực lượng quá chênh lệch về phía địch, mặc dù chiến đấu vô cùng dũng cảm; nhưng 37 đồng chí cán bộ của ta đã hy sinh oanh liệt.

Cuộc chống càn của Đoàn cán bộ Cách mạng mùa Thu năm 1962 tại xã Quơn Long là một trong những sự kiện tiêu biểu trong lịch sử đấu tranh của quân và dân Tiền Giang. Sự hy sinh của các đồng chí đã thể hiện tinh thần "Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh" và là tấm gương sáng ngời của chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam, có tác dụng to lớn trong việc cổ vũ, động viên quân dân ta tiến lên đánh thắng cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ và bọn tay sai, giải phóng miền Nam, thực hiện hòa bình và thống nhất nước nhà.

Địa điểm ghi dấu trận đánh của Đoàn cán bộ Cách mạng mùa Thu năm 1962 được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 2289/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

3. Địa điểm khảo cổ chùa Bà Kết

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Địa điểm) + Một chuyên ngành của Khoa học lịch sử (khảo cổ) + Địa danh chỉ công trình xây dựng (Chùa) + Giới tính và tên người (Bà Kết).

Địa điểm khảo cổ chùa Bà Kết tọa lạc tại ấp Bình Hưng, xã Bình Phan, huyện Chợ Gạo. Tại đây, các nhà khảo cổ đã tìm thấy nhiều di vật, như tượng thần Vishnu (chỉ còn đầu và tay), bình gốm, gạch có kích thước 25cm x 15cm x 8cm,… có niên đại từ thế kỷ thứ 4 - thế kỷ 8 thuộc Văn hóa Óc Eo.

Địa điểm khảo cổ Chùa Bà Kết được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15 tháng 2 năm 2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

4. Địa điểm khảo cổ Giồng Dài

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Địa điểm) + Một chuyên ngành của Khoa học lịch sử (khảo cổ) + Địa hình tự nhiên (Giồng) + Kích thước (Dài).

Địa điểm khảo cổ Giồng Dài tọa lạc tại ấp Trường Xuân A, xã Thanh Binh, huyện Chợ Gạo. Tại đây đã tìm thấy bình gốm, tượng thần Ganesa[26]; bình gốm và một số mảnh gốm vỡ, thuộc Văn hóa Óc Eo, có niên đại từ thế kỷ 7 - thế kỷ 8.

Địa điểm khảo cổ Giồng dài được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15 tháng 2 năm 2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

5. Địa điểm khảo cổ Gò Thành

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Địa điểm) + Một chuyên ngành của Khoa học lịch sử (khảo cổ) + Địa hình tự nhiên (Gò) + Địa danh chỉ công trình xây dựng (Thành). Tên gọi Gò Thành xuất hiện khi những

[26] Là một vị thần của Ấn Độ giáo, được thể hiện đầu voi mình người, tượng trưng cho tài trí, hạnh phúc và thành công.

người Việt đầu tiên đến khai phá vùng đất này thấy trên gò có nhiều gạch, cho đó là vết tích của một thành xưa nên đặt tên là Gò Thành.

Địa điểm khảo cổ Gò Thành tọa lạc tại ấp Tân Thành, xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo, có niên đại từ thế kỷ 4 - thế kỷ 8 thuộc Văn hóa óc Eo.

Đây là một địa điểm khảo cổ đặc biệt vì nơi đây còn lưu giữ khá nguyên vẹn và phong phú với 3 loại di chỉ khác nhau: di chỉ cư trú, di chỉ kiến trúc và di chỉ mộ táng. Nhất là di chỉ kiến trúc với nhiều đền tháp ở cạnh nhau có quy mô khác nhau, rất hoành tráng, tuy chỉ còn phần nền.

Sau các đợt khai quật, trùng tu và tôn tạo di tích, các nhà khảo cổ đã nhận thấy ở phía ruộng thấp về phía tây và tây nam của gò cao là di chỉ cư trú. Ở độ sâu khoảng 1,5 đến 3 m, phát hiện có nhiều gốm cổ bị vỡ; nhiều vòi bình; nhiều di cốt trâu bò, heo và xương cá; nhiều dấu vết tro, than, vỏ trái cây, lá dừa nước; cùng với vài cọc gỗ có dấu vết gia công.

Ở trung tâm gò cao là những đền tháp bằng gạch được xây dựng cạnh nhau, hiện chỉ còn phần nền. Chính giữa các đền tháp là những hố thờ dạng giếng hình vuông với nhiều kiểu dáng khác nhau, có độ sâu từ 1,5 đến 3 m. Phía đáy hố thi thoảng có các mảnh vàng hình vuông hoặc hình tròn cắt hình cánh sen, có khắc hình các con vật, chủ yếu là hình voi, một ít tro, các thanh gỗ hình vuông cạnh khoảng 40 cm được chồng lên nhau theo hình vuông, các lớp cát vàng và các lớp cuội xen kẽ. Nền tháp được xây dựng kiên cố với những lớp gạch có kích thước đa dạng.

Đồng thời, tại đây đã phát hiện có 12 hố thờ và mộ có dạng hình giếng nằm rải rác trên mặt gò. Đây là di chỉ mộ táng. Trong các hố thờ và mộ táng, có đến hơn 100 hiện vật bằng vàng vừa nguyên dạng vừa bị vỡ, trong đó có cả vòng đeo gắn hình lá cây, hạt chuỗi hình trái xoan, hình bông mai 6 cánh, hình tứ giác có khắc hình voi… Có 6 hiện vật bằng đồng, trong đó có 2 nhẫn, 1 xập xoã, 1 ống đồng nhỏ và 2 mảnh đồng hình thang,…

Tại nhà trưng bày có hàng chục hiện vật, trong đó đáng chú ý là 01 tượng thần Vishnu bằng đá (thần Bảo tồn) còn nguyên dạng, 1 tượng nữ thần và 1 tượng nam thần đều chỉ còn phần thân; 1 mảnh đá nhỏ có minh văn Phạn ngữ (chữ Phạn cổ) còn rất ít nét; mô hình sinh thực khí nữ (yoni), nam (linga) riêng biệt và sự kết hợp của cả hai - biểu trưng cho nguồn gốc phát triển nhân loại; 02 hạt đá quý màu tím xanh và trắng trong, nhiều mảnh bình, nhiều gốm thô, mịn có tô màu đỏ hoặc nâu, hoa văn trang trí, và vài lá đề bằng gốm…

Địa điểm khảo cổ Gò Thành được Bộ Văn hoá - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia theo Quyết định số 3211/QĐBT ngày 12/12/1994.

6. Miệt vườn thanh long Chợ Gạo

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Miệt) + Loại hình sản xuất nông nghiệp (Vườn) + Trái cây (Thanh long) + Địa danh hành chính (Huyện Chợ Gạo).

Thanh long được trồng tại Chợ Gạo từ cách đây hơn 65 năm. Với đặc tính chịu khô hạn, sinh trưởng tốt trên đất cát pha, cây thanh long Tiền Giang cho năng suất khá cao, quả lại ngọt, vỏ mỏng, mẫu mã đẹp. Nắm bắt lợi thế này, khoảng 20 năm trở lại đây, huyện Chợ Gạo đã phát triển cây thanh long theo hướng cây trồng hàng hóa và nhân rộng diện tích trồng.

Năm 2023, huyện Chợ Gạo có khoảng 7.000 ha thanh long, sản lượng đạt khoảng 100.000 tấn mỗi năm. Thanh long được trồng ở hầu khắp các xã trên địa bàn huyện; nhưng tập trung nhiều tại 15 xã: Quơn Long, Thanh Bình, Tân Thuận Bình, Bình Phục Nhứt, Thanh Bình, Đăng Hưng Phước, Tân Bình Thạnh, Phú Kiết, Mỹ Tịnh An, Hòa Tịnh, Long Bình Điền, Song Bình, Bình Phan, Trung Hòa, Lương Hòa Lạc,… Các xã trên địa bàn huyện đã có hợp tác xã sản xuất và tiêu thụ thanh long. Huyện còn có 73 cơ sở chuyên thu mua, sơ chế thanh long, trong đó có 26 cơ sở có kho lạnh để bảo quản thanh long. Huyện cũng đã đăng ký và được cấp 15 mã vùng trồng xuất khẩu thanh long của huyện Chợ Gạo sang Trung Quốc cho 15 xã trồng thanh long và 135 mã số cơ sở đóng gói thanh long của huyện Chợ Gạo xuất khẩu sang Trung Quốc phục vụ truy xuất nguồn gốc nông sản.

Hai giống thanh long chính được trồng tại đây là thanh long ruột đỏ và thanh long ruột trắng. Trong đó, thanh long ruột đỏ là giống cây đã được Viện nghiên cứu cây ăn quả miền Nam trồng thử nghiệm thành công đầu tiên tại Chợ Gạo, từ đó mới nhân rộng khắp vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Thanh long là loại trái cây bổ dưỡng, được tiêu thụ tại thị trường nội địa và xuất khẩu sang một số nước, nhất là Trung Quốc.

H. HUYỆN GÒ CÔNG TÂY

*** Sưu tầm, thống kê, phân loại, nghiên cứu, biên soạn địa danh Giồng:**

Giồng Ông Huê

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Giồng) + Giới tính (Ông) + Tên người (Huê).

- Giồng: Xin xem mục từ Ba Giồng.

- Ông Huê: Khoảng nửa sau thế kỷ XVIII có ông Trần Văn Huê cùng hơn 40 người đến lập nghiệp. Họ tích cực khai hoang những vùng đất cao, ông Huê là người giỏi giang, biết hốt thuốc, sống đức độ được bà con trong vùng quý mến. Năm 1808 (năm Mậu Thìn), khi lập thôn Vĩnh Lợi (lúc đó thuộc tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, trấn Định Tường), ông Huê là thành viên trong Ban Hương chức của thôn, sửa sang ngôi miễu có từ trước thành đình thôn Vĩnh Lợi để thờ Thành hoàng. Năm 1815 (năm Ất Hợi), ông Huê lập chợ Vĩnh Lợi, dân trong vùng quen gọi là chợ Giồng. Khi ông Huê qua đời, giồng đất này được gọi là giồng Ông Huê và chợ Vĩnh Lợi cũng được gọi là chợ Giồng Ông Huê[1].

Tên chữ Hán của giồng Ông Huê được ghi chép trong *Gia Định thành thông chí* và *Đại Nam nhất thống chí* là Hoa cương. Địa danh này được nhắc đến trong nhiều quyển tiểu thuyết của nhà văn Hồ Biểu Chánh. Còn địa danh chợ Giồng Ông Huê nổi tiếng với đặc sản ẩm thực bánh giá (vá) Chợ Giồng và món ăn này đã đi vào ca dao:

- Một mai em gái theo chồng,
Còn đâu bánh giá Chợ Giồng mời anh
- Anh ơi về tới Hòa Đồng,
Nhớ mua bánh giá Chợ Giồng tặng em.

Hiện nay, Giồng Ông Huê tọa lạc tại thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây.

*** Sưu tầm, thống kê, phân loại, nghiên cứu, biên soạn địa danh Gò:**

*** Khái niệm Gò:**

Gò: Khoảng đất nổi cao lên giữa nơi bằng phẳng.

1. Gò Bầu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Thực vật (Cây trâm bầu: là cây bụi hoặc cây gỗ nhỏ, có chiều cao từ 2 - 10m, sống rất

[1] Phòng Quản lý văn hóa, *Lễ hội Kỳ yên - Đình Vĩnh Bình*, Trang thông tin điện tử Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Tiền Giang.

dẽo dai, thường được sử dụng để trị giun sán, tiêu chảy, phong thấp, sốt rét rừng, lợi mật, kháng khuẩn, lợi tiểu[2]).

Gò Bầu tức là Gò Trâm Bầu, thuộc xã Bình Nhì, huyện Gò Công Tây. Đó là nơi có nhiều gò đất cao liên kết với nhau. Cây trâm bầu mọc lên dày đặc. Lúc đầu, gò có tên gọi là Gò Trâm Bầu. Sau đó, dân gian gọi tắt thành Gò Bầu.

Gò Bầu gắn liền với công cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của quân dân Gò Công trong nửa sau thế kỷ XIX: "Thời Pháp chiếm Định Tường (1862) tìm đường bộ kéo binh từ Chợ Gạo đến Thạnh Nhựt xuống Gò Bầu. Trương Định đem quân nghênh chiến, nhờ địa thế hiểm trở, gò nổng ngang dọc, cây cối um tùm, sẵn có nhiều nơi phục binh. Pháp chưa thuộc đường nên bị thất bại nặng nề. Gò Bầu là tiền đồn phía Tây, mấy lần giết giặc Pháp.

Gò Công giữ vững được ít lâu. Sau đó, tên bá hộ Huy (người Đồng Sơn) tư thông với Pháp, vẽ đường, chỉ lối nơi phục binh của ta. Giặc pháp đánh chiếm những nơi hiểm yếu, rồi đánh thẳng Gò Công. Bá hộ Huy lên chức Tri huyện. Tướng quân Trương Định hay tin Gò Công bị thất thủ, bèn đem quân chiếm lại. Bá hộ Huy bị giết chết, đuổi tàn binh Pháp chạy về phía Gò Bầu. Nghĩa quân mai phục đánh thêm một trận tơi bời."[3].

Sau khi Gò Công bị thất thủ, Trương Định tuẫn tiết (20/8/1864), có bài thơ xưa nhắc lại địa danh Gò Bầu:

*Gò Công mấy trận thắng **Gò Bầu**.*
Địa điểm Trương Công dựng võ mầu.
Quốc biến, loạn thần cùng loạn giặc,
Một trung hai nịnh[4] khó đương đầu[5].

2. Gò Công

Có nhiều tài liệu viết về địa danh Gò Công như: *Gia Định Thành Thông Chí* của Trịnh Hoài Đức, *Gò Công xưa* của Huỳnh Minh, *Gò Công cảnh cũ người xưa* của Việt Cúc, *Tự vị tiếng nói miền Nam của* Vương Hồng Sển,... Nhưng vẫn còn nhiều tranh luận về địa danh Gò Công.

- Quyển *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức viết "Gò Công là Khổng Tước Nguyên"[6].

---

[2] Nguyễn Thị Phương Thảo (2019), *Cây trâm bầu*, Trang thông tin điện tử Tinh hoa cây thuốc Việt (Trung tâm Nghiên cứu và Nuôi trồng dược liệu Quốc gia), ngày 09/12/2019.

[3] Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Quang Ân (2007), *Địa chí Tiền Giang (tập 2),* Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tiền Giang và Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, trang 572.

[4] Một trung hai nịnh: một trung chỉ Trương Định; hai nịnh chỉ hai tên phản bội là bá hộ Huy và Huỳnh Văn Tấn.

[5] Việt Cúc (1999), *Gò Công cảnh cũ người xưa*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, trang 102.

- Quyển *Gò Công xưa* của Huỳnh Minh đưa ra hai giả thuyết: "Thuyết thứ nhất, vào thời chúa Nguyễn Phúc Tần định cuộc di dân nam tiến thì người dân Việt Nam mới vào định cư vùng này. Lúc này Gò Công là nơi rừng rậm chưa có người ở. Đặc biệt tại xứ này có một cái gò cao và có nhiều giống chim Công nên được gọi là Gò Công từ đó. Trong sử có ghi chép một đoạn về danh từ các tỉnh như sau. Khi vua Minh Mạng ra lệnh cho các quan địa phương đổi tên Nôm các tỉnh thành chữ Nho cho tao nhã thì Gò Công có tên là Khổng Tước Nguyên (Khổng Tước: là con công, Nguyên: là gò), Đồng Nai đổi thành Lộc Dã, Bến Tre đổi thành Trúc Giang, Sóc Trăng đổi thành Nguyệt Giang,…

Thuyết thứ hai, lần đầu tiên tại xứ này có một bà tên là Thị Công đến lập quán bán thức ăn cho dân khai thác đồn điền. Lần hồi, thấy Gò Công là nơi dễ sinh sống nên dân chúng thành lập làng mạc. Số người ở ngày càng đông do đó dân địa phương quen gọi là quán Bà Công đến sau trở thành một địa danh vắn tắt là Gò Công"[7].

- Quyển *Gò Công cảnh cũ người xưa* của Việt Cúc: "Gò Công thuở xưa như một bán đảo hoang, bao bọc bởi rừng cây và sông to bể cả, ba phía. Trung tâm của tỉnh là một gò đất cao ráo, nằm kề bên ngọn rạch rẽ nhánh chia đôi ra làm hai khu vực: Nam và Bắc. Thuở chưa khai phá, vùng đất này rậm rạp nhiều gai chông. Loài chim công chiếm cứ làm tổ rất êm nên gọi là Khổng Tước Nguyên, tức là gò Chim Công"[8].

- Quyển *Tự vị tiếng nói miền Nam* của Vương Hồng Sển cũng viết: có hai thuyết về Gò Công, người Khmer gọi là Srok kompong kakol. Quyển Lexique Francais Cambodgien A. Pannentier thì Pháp gọi chim công là paon, Khmer gọi là "kâ ngôk" chưa đúng là "kaoh". Tự điển Khmer Pháp J.B.Bernard không có chữ "kaol", lại có chữ "dòm kâko": cây mun mà Gò Công có trước đây rất nhiều. Nhưng đồng thời, tác giả cũng ghi nhận Gò Công là "Khổng Tước Nguyên"[9].

- Quyển *Địa chí Tiền Giang* lý giải về địa danh Gò Công như sau: "Gò Công tên chữ là Khổng tước nguyên, có nghĩa là gò chim công. Có người cho rằng, Gò Công là vùng đồng bằng thì làm gì có loại chim công - loài chim chỉ sống vùng rừng núi. Có thể Gò Công gốc là một địa danh ở Trao Trảo (Thủ Đức) đưa xuống (tương tự như trường hợp dân đánh cá đã đem địa danh Gò Công đặt cho một con sông gần mũi Cà Mau). Do vậy, giới thương hồ ngày xưa có thói quen phân biệt Gò Công - Trao Trảo (Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh) với Gò Công - Rạch Lá (Gò Công, tỉnh Tiền Giang)"[10].

---

[6] Trịnh Hoài Đức (1998), *Gia Định thành Thông chí*, Đỗ Mộng Khương, Nguyễn Ngọc Tỉnh dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, Nxb Giáo Dục, trang 43.

[7] Huỳnh Minh (2001), *Gò Công xưa*, Nxb Thanh Niên, trang 9.

[8] Việt Cúc (1999), *Gò Công cảnh cũ người xưa*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, trang 17.

[9] Vương Hồng Sển (1999), *Tự vị tiếng nói miền Nam*, Nxb Trẻ, 1999, trang 337 - 338.

[10] Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Quang Ân (2007), *Địa chí Tiền Giang (tập 2)*, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tiền Giang và Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, trang 573.

Qua các dữ liệu trên, chúng tôi nhận thấy đa số các tác giả đều nghiêng về thuyết: Gò Công là gò Chim Công mà dân gian đã nói tắt thành Gò Công, tên chữ Hán Nôm là Khổng Tước Nguyên. Theo cách giải thích này, địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Động vật (Chim công: là loài chim thuộc họ Trĩ, chi Công, tên chữ Hán Nôm là Khổng tước, chim công đực có màu sắc rất đẹp).

Về hành chính, năm 1820, toàn bộ vùng đất Gò Công ngày nay thuộc huyện Kiến Hòa, trấn Định Tường. Năm 1831, thuộc huyện Kiến Hòa, tỉnh Định Tường. Năm 1841, thuộc huyện Tân Hòa, tỉnh Gia Định.

Năm 1864, thuộc hạt thanh tra Tân Hòa. Năm 1867, đổi tên thành hạt thanh tra Gò Công. Năm 1876, thuộc hạt tham biện Gò Công. Năm 1900, tỉnh Gò Công được thành lập. Năm 1913, giải thể tỉnh Gò Công, trở thành quận Gò Công thuộc tỉnh Mỹ Tho. Năm 1924, tái lập tỉnh Gò Công. Năm 1956, sáp nhập tỉnh Gò Công vào tỉnh Định Tường. Năm 1963, tái lập tỉnh Gò Công, tồn tại đến năm 1975.

Về phía chính quyền cách mạng, năm 1951, Ủy ban Kháng chiến Hành chánh Nam Bộ ra Quyết định sáp nhập 3 tỉnh: Mỹ Tho, Tân An, Gò Công thành một tỉnh có tên là tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công trở thành huyện Gò Công. Sau năm 1954, lại trả về 3 tỉnh như cũ, trong đó có tỉnh Gò Công. Năm 1957, sáp nhập tỉnh Gò Công vào tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công thành huyện Gò Công. Năm 1968, tái lập tỉnh Gò Công, tồn tại đến năm 1975.

Năm 1976, hợp nhất tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công, thành phố Mỹ Tho thành tỉnh Tiền Giang, tỉnh Gò Công thành huyện Gò Công. Năm 1979, tách huyện Gò Công thành huyện Gò Công Đông và huyện Gò Công Tây. Năm 1987, tái lập thị xã Gò Công. Năm 2008, tách một số xã của huyện Gò Công Đông và huyện Gò Công Tây thành lập huyện Tân Phú Đông. Như vậy, kể từ năm 2008, vùng đất Gò Công xưa có 4 đơn vị hành chính là thị xã Gò Công, huyện Gò Công Đông, huyện Gò Công Tây và huyện Tân Phú Đông.

3. Gò Dừa

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Thực vật (Cây dừa).

Gò Dừa là gò có cây dừa cao hoặc có nhiều cây dừa, rộng khoảng 5 ha, là tên của một chợ nhỏ thuộc xã Thành Công, huyện Gò Công Tây.

*** Địa hình thiên nhiên, thực vật:**

1. Cầu Cây Me (xã Tân Phú, huyện Gò Công Tây)

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Thực vật (Cây me).

Cầu Cây Me nằm trên Đường tỉnh 877B, dài 18 m, ngang 5 m, kết cấu bê tông cốt thép, được xây dựng năm 1982, bắc qua rạch Cây Me (rạch có cây me to), xã Tân Phú, huyện Gò Công Tây.

2. Truông Cóc

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình tự nhiên (Truông) + Thực vật (Cây cóc).

Truông Cóc là con đường mòn xuyên qua rừng cây cóc và nhiều loại cây tạp khác, thuộc xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây.

Địa danh này được phản ảnh qua truyện tích dân gian "Ông Móm ở Truông Cóc":

Truông Cóc thuở xưa, là con đường mòn xuyên qua rừng cây cóc và chà là ở Gò Công (Tiền Giang). Khu rừng này khá rộng: Phía tây giáp Rạch Lá, phía đông nối liền Mỹ Xuyên chạy dài tới Tân Niên Trung, phía nam từ Cả Nhơn giáp Bình Xuân.

Trong rừng có nhiều rạch nhỏ thông ra sông Tra. Lòng rạch sâu, kín đáo là nơi sinh sống của cá sấu. Giữa rừng, trên những gò nổi cao ráo thì cọp, báo, heo rừng, nai, khỉ tùy địa thế mà mỗi loại chiếm cứ làm sào huyệt riêng.

Dọc theo đường truông, người xưa phát cỏ dọn cây, mở rộng ra hai bên thành những khoảnh đất trống để cấy lúa. Phía bên ngoài truông, có vài ba lều tranh của mấy người thợ rừng. Vách lều bện bằng cây chà là và hàng rào dựng bằng cây cóc bao bọc bên ngoài rất kiên cố để chống thú dữ.

Tuy chỉ có mấy cái nhà cheo leo, năm mươi người ở, nhưng cái xóm nhỏ ban đầu này rất đoàn kết. Họ bảo bọc và chia cơm xẻ áo cho nhau.

Thường ngày, từ sáng, khi cơm nước xong, năm ba người lớn tuổi, kẻ rìu, người búa, người vác cuốc, người xách phảng kéo vào truông đốn củi, phát rẫy. Họ cặm cụi làm đến xế chiều mới về.

Hôm nọ, khi còn đang làm việc thì thình lình có hai con cọp trong rừng rón rén đi ra, nhắm phía sau lưng một người đang đốn củi tiến đến. Một người trong bọn thấy cọp la lên:

- Cọp! Cọp! Nó rình sau lưng anh Móm kìa. Chạy! Chạy!

Trong nháy mắt, con cọp đi đầu nhảy phủ lên đầu ông Móm đè ông xuống đất. Nhưng ngay khi đó, ông Móm cong tay lên gạt mạnh vào cổ cọp làm nó hổng cả hai chân trước lên. Ông lách mình qua một bên, co chân thúc một gối vào hông cọp. Cọp ta liểng xiểng. Con cọp ở phía sau nhảy vồ ông. Ông lại bước chân bỏ bộ né. Cọp lỡ đà té xuống đất. Sẵn trớn ông tống vào vai cọp một đấm và bồi cho nó đạp vào be sườn.

Ông thụt lùi đến chỗ cũ nhặt cái rìu lên, tháo bỏ phần lưỡi, cầm cán rìu đứng thủ thế. Hai con cọp đang hăng máu liền nhảy vào tấn công ông một lượt. Ông hươi rìu lúc bên này, lúc bên kia: nện vào đầu, nện vào lưng cọp hết đòn này đến đòn khác. Chúng bị thương nhảy lùi ra xa, rồi tháo chạy vào rừng.

Lúc đó, ông mới gọi to:

- Anh em ơi! Cọp chạy rồi!

Nghe tiếng kêu, ba bốn người chạy trốn ngoài truông vội vã chạy vào. Nhìn cây cỏ bị giày xéo, bị dấu chân cọp loang lổ một vùng, ai nấy đều lắc đầu và phục tài ông Móm. Bấy giờ, họ mới tin lời trước kia ông Móm căn dặn họ là khi nào gặp cọp thì mạnh ai nấy lo trốn, để một mình ông chống cự.

Vốn là người có nhiều kinh nghiệm, ông Móm bảo:

- Lũ cọp này hay thù oán lắm! Bị đánh đau mà chưa chết nó còn tìm cách trả thù. Kỳ sau tôi đem theo đoản côn thì chúng sẽ biết tay.

Mấy ngày sau, ông Móm rủ đồng bạn đi truông, nhưng chỉ có một người bạo dạn dám theo ông mà thôi. Còn những người khác vì sợ cọp báo thù, không ai dám vào đốn củi chỗ hôm trước.

Lần này hai người vừa lom khom đốn cây, chặt cành vừa đảo mắt xem chừng và cẩn thận giữ mình. Quả nhiên, không bao lâu, ông Móm thấy bóng cọp từ nhiều phía trong rừng sâu đi ra, tiến đến gần nơi ông. Ông bảo người kia tránh ra ngoài truông còn ông cầm lấy đoản côn thủ thế đứng chờ.

Trong bầy có một con to lớn nhất dẫn đầu và đám cọp sắp hàng ngang dồn mắt vào ông xông tới. Con cọp đầu đàn nhảy bổ vào, hai chân trước giương vuốt vớ vào cổ ông. Ông Móm nhanh như chớp sụp chân xuống tấn, chống đoản côn chĩa nghịch vào hàm cọp làm nó dội ngược mất trớn. Ông bỏ bộ ngang xoay người né qua một bên, thu lại đoản côn, giáng một đòn vào ngang tam tinh cọp và bồi thêm một roi vào hai chân trước của nó. Cọp đầu đàn khập khễnh tháo lui liền bị đòn côn bồi liên tiếp vào chân khiến không sao đứng được nữa phải vội vã nhảy ra.

Ba con cọp kia liền áp lại vây chặt quanh người ông tấn công. Nhưng ông Móm vẫn bình tĩnh múa côn đánh bên tả, đập bên hữu, lúc tiến lúc thoái, giáng những đòn côn điêu luyện mạnh mẽ vào lũ cọp làm chúng không sao xáp lại gần ông được. Chúng dang xa, đứng ngó lườm lườm đối thủ và hầm hè coi bộ giận dữ lắm. Rồi một lát sau chúng hè nhau rút vào rừng.

Từ đó về sau vùng rừng Truông Cóc yên tĩnh hẳn, không còn thấy bóng cọp ẩn nấp nơi truông phá hại như trước. Do vậy, người tứ phương đến ở đông đúc dần. Làng xóm được hình thành từ đó. Rừng hoang dần được khai phá thành ruộng rẫy thạnh mậu.

Thỉnh thoảng, gặp lúc ông Móm bận việc không đi truông hoặc khi bạn củi muốn mở mang khai phá nơi rừng sâu sầm uất, họ mượn cái áo cánh và cái quần đùi của ông treo trên cây, gần chỗ làm, tự nhiên vùng ấy không có bóng cọp beo nào dám héo lánh đến.

Ông Móm là bậc tiền hiền khai khẩn vùng này. Công nghiệp của ông đối với người đời sau rất lớn. Nhưng về sau ruộng đất do ông đổ mồ hôi khai khẩn được bị mất dần về tay địa chủ và con cháu ông cũng chịu chung số phận cũng cực như bao người lao động củi lục làm ăn trong xã hội cũ. Do vậy, đời sau ở đây truyền tụng câu ca dao:

Ruộng cò bay dặm dài Truông Cóc,

Cháu con ông Móm lăn lóc cơ hàn.

Ai xui khiến cảnh cơ hàn,

Mồ ông con đó, họ hàng chẳng thấy viếng thăm?

Khi thực dân Pháp chiếm ba tỉnh miền Đông Nam kỳ. Truông Cóc là một trong những nơi nghĩa quân Trương Định từng hoạt động. Trong mười hai bài thơ liên hoàn Điếu Trương tướng quân, nhà thơ yêu nước Nguyễn Đình Chiểu có viết:

...Trên trại Đồn Điền hoa khóc chủ,

Dưới vàm Bao Ngược sóng kêu quan.

Mây giăng Truông Cóc đường quan vắng,

Trăng xế Gò Rùa tiếng đẩu tan.

Mấy dặm non sông đều xửng vửng,

Nạn nhân ách nước để ai toan.

Truông Cóc từ khi ông Móm phá rừng đuổi cọp, lập xóm lập làng đến những năm cuối thế kỷ XIX, hẳn có nhiều thay đổi, nhưng tinh thần bất khuất của người dân ở đây là một phẩm chất càng thử thách càng kỳ vĩ hơn[11].

*** Địa hình thiên nhiên, động vật:**

1. Chợ Cá Chốt

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Động vật (Cá Chốt: là một loại cá da trơn, có đặc điểm đầu nhỏ, miệng tù với 4 đôi râu, trên thân có nhiều ngạnh rất nhọn, khi chích vào tay gây đau nhức. Người ta có thể chế biến cá chốt thành nhiều món ăn dân dã rất ngon và bổ dưỡng).

[11] Theo Huỳnh Ngọc Trảng - Trương Ngọc Tường (1992), *Nghìn năm bia miệng*, Nxb TP Hồ Chí Minh, trang 164.

Tại đây có rạch Cá Chốt, là con rạch có nhiều cá chốt. Bên rạch, có chợ Cá Chốt ở xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây.

2. Đường Trâu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Đường (Trong ngữ cảnh này chỉ dòng nước) + Động vật (Trong ngữ cảnh này là trâu rừng).

Thời xưa, đường do trâu rừng thường xuyên đi lại tạo thành rạch, ở xã Thạnh Nhựt, huyện Gò Công Tây.

*** Địa danh chỉ đơn vị hành chính:**

1. Tỉnh Tiền Giang

Diễn tiến hành chính

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta đã hoàn toàn thắng lợi vào ngày 30-4-1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Ngày 20-9-1975, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 245-NQ/TƯ về việc giải thể cấp khu, hợp nhất tỉnh trong toàn quốc "nhằm xây dựng các tỉnh thành những đơn vị kinh tế, kế hoạch và đơn vị hành chính có khả năng giải quyết đến mức cao nhất những yêu cầu về đẩy mạnh sản xuất, tổ chức đời sống vật chất, văn hóa của nhân dân, về củng cố quốc phòng, bảo vệ trị an, và có khả năng đóng góp tốt nhất vào sự nghiệp chung của cả nước". Theo Nghị quyết này, 4 tỉnh Mỹ Tho, Gò Công, Long An, Bến Tre sẽ hợp lại thành một tỉnh, tên gọi sẽ do địa phương đề nghị lên. Nhưng ngày 20-12-1975, Bộ Chính trị lại ra Nghị quyết số 19/NQ điều chỉnh lại việc hợp tỉnh ở miền Nam Việt Nam cho sát với tình hình thực tế, theo đó tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công và thành phố Mỹ Tho hợp lại thành một tỉnh. Ngày 24-2-1976, Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ban hành Nghị quyết số 03-NQ/1976 về việc giải thể khu, hợp nhất tỉnh ở miền Nam Việt Nam. Theo Nghị quyết này tại miền Nam có 21 đơn vị trực thuộc Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, trong đó có tỉnh Tiền Giang do nhập tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công và thành phố Mỹ Tho.

Tỉnh Tiền Giang bấy giờ có 6 đơn vị hành chính trực thuộc là các huyện: Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công và thành phố Mỹ Tho. Tỉnh lỵ là thành phố Mỹ Tho, được công nhận là đô thị loại 3 trực thuộc tỉnh.

Sau đó, trên địa bàn tỉnh Tiền Giang có những sự điều chỉnh về hành chính như sau:

Ngày 26-3-1977, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 77-CP về việc chuyển thị xã Gò Công thuộc tỉnh Tiền Giang thành thị trấn Gò Công thuộc huyện Gò Công cùng tỉnh.

Ngày 12-4-1979, trên địa bàn huyện Cai Lậy, xã Thạnh Phú chia thành 2 xã mới Thạnh Lộc và Phú Cường, hợp nhất 2 xã Hội Sơn, Xuân Sơn thành xã Hội

Xuân; trên địa bàn huyện Cái Bè, chia xã Hậu Mỹ Nam thành 2 xã Hậu Mỹ Phú, Hậu Mỹ Trinh; chia xã Hậu Mỹ Bắc thành 2 xã Hậu Mỹ Bắc A, Hậu Mỹ Bắc B; chia xã Mỹ Thiện thành 2 xã Thiện Trí, Thiện Trung; chia xã Thanh Hưng thành 2 xã Tân Thanh, Tân Hưng; chia xã Mỹ Lợi thành 2 xã Mỹ Lợi A, Mỹ Lợi B.

Ngày 13-4-1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 155-CP về việc chia huyện Gò Công thành huyện Gò Công Đông và huyện Gò Công Tây.

Như vậy, đến tháng 4-1979, tỉnh Tiền Giang có 7 đơn vị hành chính trực thuộc là các huyện: Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây và thành phố Mỹ Tho.

Ngày 13-2-1987, giải thể xã Tăng Hòa để thành lập thị trấn Tân Hòa là thị trấn huyện lỵ Gò Công Đông.

Ngày 16-2-1987, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 37-HĐBT về việc thành lập thị xã Gò Công trực thuộc tỉnh Tiền Giang trên cơ sở thị trấn Gò Công cũ và 1 phần diện tích và dân số của 2 huyện Gò Công Đông, Gò Công Tây.

Như vậy, đến tháng 2-1987, tỉnh Tiền Giang có 8 đơn vị hành chính trực thuộc là: thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây.

Ngày 23-11-1990, lập xã mới Mỹ Tân thuộc huyện Cái Bè trên cơ sở các phần đất và dân số tách từ các xã Mỹ Trung, Mỹ Lợi B, Mỹ Đức Tây và Nông trường Ngô Văn Nhạc.

Ngày 9-3-1992, trích 1 phần diện tích và dân số xã Phú Đông, huyện Gò Công Đông để thành lập xã Phú Tân.

Ngày 11-7-1994, Chính phủ ban hành Nghị định số 68-CP về việc thành lập huyện Tân Phước trên cơ sở tách một phần diện tích và dân số của của 2 huyện Cai Lậy và Châu Thành.

Như vậy, đến tháng 7-1994, tỉnh Tiền Giang có 9 đơn vị hành chính trực thuộc là: thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phước.

Ngày 14-1-2002, lập xã mới Tân Thạnh thuộc huyện Gò Công Tây trên cơ sở các phần đất tách từ các xã Tân Phú, Tân Thới và Phú Thạnh; tái lập xã Tăng Hòa thuộc huyện Gò Công Đông trên cơ sở phần đất và dân số tách từ thị trấn Tân Hòa.

Ngày 9-12-2003, lập phường Tân Long thuộc thành phố Mỹ Tho do cải biến xã Tân Long; lập phường 9 do tách một phần đất và dân số từ xã Tân Mỹ Chánh; lập phường 10 do tách một phần đất và dân số từ 2 xã Đạo Thạnh và Trung An; lập phường 5 thuộc thị xã Gò Công do tách một phần đất và dân số từ xã Long Hòa; chia xã Hội Cư của huyện Cái Bè thành 2 xã An Cư và Mỹ Hội.

Ngày 07-10-2005, Thủ tướng chính phủ ban hành Quyết định số 248/2005/QĐ-TTg về việc công nhận thành phố Mỹ Tho là đô thị loại 2 trực thuộc tỉnh.

Ngày 21-01-2008, Chính phủ ban hành Nghị định số 09/2008/NĐ-CP, về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Gò Công Đông và Gò Công Tây để mở rộng thị xã Gò Công và thành lập huyện Tân Phú Đông. Theo đó, huyện Tân Phú Đông bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên và nhân khẩu của các xã: Tân Thới, Tân Phú, Phú Thạnh, Tân Thạnh của huyện Gò Công Tây và toàn bộ diện tích tự nhiên và nhân khẩu của xã Phú Đông và xã Phú Tân của huyện Gò Công Đông.

Như vậy, đến tháng 01-2008, tỉnh Tiền Giang có 10 đơn vị hành chính trực thuộc là: thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phước và Tân Phú Đông.

Ngày 29-6-2009, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 28/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Châu Thành, huyện Chợ Gạo để mở rộng địa giới hành chính thành phố Mỹ Tho; điều chỉnh địa giới hành chính xã, thành lập xã thuộc thành phố Mỹ Tho, huyện Châu Thành, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 30-9-2010, thành lập thị trấn Vàm Láng thuộc huyện Gò Công Đông.

Ngày 26-12-2013, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 130/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Cai Lậy để thành lập thị xã Cai Lậy và huyện Cai Lậy.

Như vậy, đến tháng 12-2013, tỉnh Tiền Giang diện tích là 250.830,36 ha, dân số có 1.712.547 người, gồm 01 thành phố (Mỹ Tho), 02 thị xã (Cai Lậy và Gò Công), 08 huyện (Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phú Đông và Tân Phước), 157 xã, phường, thị trấn (128 xã, 22 phường, 7 thị trấn). Cụ thể như sau:

TT	Xã, phường, thị trấn	Diện tích (ha) (Dấu , là ngàn; dấu . là số lẻ)	Dân số (người)
I	**Huyện Cái Bè**	**42,089.82**	**291,627**
1	Thị trấn Cái Bè	426.26	16,856

2	An Thái Đông	728.12	9,834
3	Hậu Mỹ Phú	1,120.44	7,306
4	An Cư	1,142.82	14,211
5	Hậu Thành	1,163.09	14,354
6	Mỹ Đức Đông	1,208.66	9,445
7	Thiện Trí	1,314.59	9,210
8	Mỹ Hội	1,377.24	8,383
9	An Hữu	1,411.36	17,263
10	Hoà Hưng	1,540.34	15,335
11	Mỹ Lương	1,608.97	10,370
12	Tân Thanh	1,634.06	10,427
13	Mỹ Tân	1,736.26	4,893
14	Mỹ Lợi A	1,747.61	10,298
15	Đông Hoà Hiệp	1,781.23	14,023
16	Tân Hưng	1,888.60	12,282
17	An Thái Trung	1,911.87	14,901

18	Mỹ Lợi B	1,912.95	7,414
19	Mỹ Đức Tây	1,975.46	13,965
20	Hậu Mỹ Bắc B	1,977.17	10,480
21	Thiện Trung	2,018.96	8,991
22	Hoà Khánh	2,253.21	20,142
23	Mỹ Trung	2,416.47	8,347
24	Hậu Mỹ Bắc A	2,626.04	12,787
25	Hậu Mỹ Trinh	3,168.04	10,110
II	**Huyện Cai Lậy**	**29,599.36**	**186,583**
1	Hiệp Đức	1,013.78	5,977
2	Mỹ Thành Bắc	1,748.73	8,075
3	Cẩm Sơn	1,241.58	8,009
4	Hội Xuân	1,168.68	8,880
5	Mỹ Long	1,280.75	9,158
6	Phú Nhuận	1,363.58	9,206
7	Thạnh Lộc	2,384.06	11,298

8	Long Tiên	1,644.10	12,001
9	Long Trung	1,511.30	12,141
10	Phú Cường	3,259.79	12,733
11	Mỹ Thành Nam	2,179.25	12,652
12	Tân Phong	2,469.99	12,594
13	Phú An	1,577.08	15,149
14	Ngũ Hiệp	2,780.00	16,117
15	Tam Bình	2,081.75	16,383
16	Bình Phú	1,894.94	16,210
III	**Thị xã Cai Lậy**	**14,018.95**	**123,775**
1	Phường 1	220.53	11,427
2	Phường 2	349.19	5,416
3	Phường 3	335.75	3,323
4	Phường 4	203.74	6,039
5	Phường 5	255.62	7,499
6	Phường Nhị Mỹ	553.84	4,586

7	Thanh Hoà	672.58	5,061
8	Tân Phú	826.44	5,410
9	Phú Quí	835.34	6,405
10	Mỹ Hạnh Trung	996.26	7,251
11	Mỹ Hạnh Đông	1,609.86	8,617
12	Nhị Quí	787.70	10,422
13	Tân Bình	900.93	5,669
14	Tân Hội	1,375.81	11,029
15	Mỹ Phước Tây	2,029.64	13,200
16	Long Khánh	2,065.72	12,421
IV	**Huyện Châu Thành**	**22,991.09**	**242,757**
1	Thị trấn Tân Hiệp	74.49	4,995
2	Dưỡng Điềm	341.58	6,192
3	Hữu Đạo	469.64	4,570
4	Tân Lý Tây	509.46	11,148
5	Thạnh Phú	733.81	9,686

6	Đông Hoà	758.96	9,530
7	Song Thuận	783.92	6,442
8	Bình Trưng	893.71	9,140
9	Phú Phong	900.03	6,980
10	Tân Hội Đông	913.62	7,589
11	Long An	591.85	9,258
12	Bàn Long	925.63	8,352
13	Tân Hương	1,103.29	15,170
14	Bình Đức	755.29	13,215
15	Kim Sơn	1,169.09	10,085
16	Thân Cửu Nghĩa	1,244.81	19,201
17	Điềm Hy	1,429.48	9,020
18	Long Hưng	1,475.67	12,355
19	Tân Lý Đông	1,555.24	14,275
20	Long Định	1,779.10	14,359
21	Nhị Bình	1,889.68	16,930

22	Tam Hiệp	2,121.40	14,015
23	Vĩnh Kim	571.34	10,250
V	**Huyện Tân Phước**	**33,321.74**	**57,561**
1	Thị trấn Mỹ Phước	279.40	2,792
2	Phú Mỹ	1,340.10	7,862
3	Tân Lập 2	1,647.54	2,278
4	Tân Hoà Thành	1,747.22	9,847
5	Thạnh Hoà	2,533.85	842
6	Tân Hoà Đông	2,677.93	1,593
7	Thạnh Mỹ	2,832.35	2,134
8	Tân Lập 1	2,870.98	5,549
9	Thạnh Tân	3,319.80	1,892
10	Hưng Thạnh	3,348.75	6,836
11	Tân Hoà Tây	3,352.21	4,257
12	Phước Lập	3,475.54	8,936
13	Mỹ Phước	3,896.07	2,743

VI	**Thành phố Mỹ Tho**	**8,154.10**	**220,014**
1	Phường 1	77.71	7,994
2	Phường 2	70.81	13,743
3	Phường 3	54.11	10,452
4	Phường 4	79.36	16,570
5	Phường 5	271.77	20,653
6	Phường 6	311.30	23,448
7	Phường 7	40.15	9,128
8	Phường 8	69.70	11,954
9	Phường 9	237.57	7,116
10	Phường 10	282.90	10,477
11	Phường Tân Long	272.79	3,470
12	Đạo Thạnh	1,031.47	15,866
13	Trung An	1,063.03	21,667
14	Tân Mỹ Chánh	931.59	12,271
15	Mỹ Phong	1,130.60	16,534

16	Phước Thạnh	1,017.60	12,291
17	Thới Sơn	1,211.64	6,380
VII	**Huyện Chợ Gạo**	**23,256.81**	**178,803**
1	Thị trấn Chợ Gạo	307.67	7,525
2	Hoà Tịnh	704.65	6,286
3	Bình Phan	1,059.00	7,039
4	Tân Bình Thạnh	1,126.85	7,555
5	Trung Hoà	1,077.76	6,452
6	Song Bình	932.58	8,055
7	Phú Kiết	1,154.46	9,942
8	Đăng Hưng Phước	1,476.48	11,151
9	Tân Thuận Bình	1,225.72	10,323
10	Long Bình Điền	1,192.33	11,875
11	Mỹ Tịnh An	1,143.39	8,782
12	Quơn Long	1,330.55	9,538
13	Thanh Bình	1,399.60	9,535

14	Hoà Định	1,359.25	8,136
15	Lương Hoà Lạc	1,007.99	12,477
16	Xuân Đông	1,514.64	8,666
17	An Thạnh Thuỷ	1,573.59	12,503
18	Bình Phục Nhứt	1,805.76	12,358
19	Bình Ninh	1,864.54	10,605
VIII	**Huyện Gò Công Tây**	**18,220.53**	**131,252**
1	Thành Công	810.52	5,934
2	Yên Luông	1,049.62	8,347
3	Bình Phú	1,321.53	7,569
4	Long Vĩnh	1,221.50	7,455
5	Đồng Sơn	1,483.55	8,844
6	Thạnh Trị	1,426.25	9,676
7	Bình Tân	1,669.13	10,368
8	Bình Nhì	1,375.49	11,750
9	Đồng Thạnh	1,567.52	10,351

10	Vĩnh Hựu	1,908.62	11,450
11	Thạnh Nhựt	1,783.72	12,821
12	Long Bình	1,839.67	15,055
13	Thị Trấn Vĩnh Bình	763.41	11,632
IX	**Huyện Gò Công Đông**	**26,768.16**	**142,797**
1	Thị trấn Tân Hoà	325.01	6,830
2	Tân Điền	2,002.19	7,182
3	Tăng Hoà	1,745.67	9,836
4	Phước Trung	2,103.03	10,201
5	Bình Ân	1,337.50	9,855
6	Tân Đông	1,137.91	10,002
7	Bình Nghị	1,319.05	11,176
8	Gia Thuận	1,912.06	6,066
9	Kiểng Phước	4,038.74	15,178
10	Tân Phước	2,194.76	13,857
11	Tân Thành	6,618.98	13,976

12	Thị trấn Vàm Láng	600.00	14,302
13	Tân Tây	1,433.26	14,336
X	**Thị xã Gò Công**	**10,198.49**	**96,877**
1	Phường 1	45.35	5,625
2	Phường 2	71.33	7,673
3	Phường 3	109.71	5,656
4	Phường 4	137.66	6,507
5	Phường 5	160.00	4,623
6	Long Hưng	657.22	5,241
7	Long Hoà	642.64	6,211
8	Long Chánh	768.26	5,584
9	Long Thuận	615.32	6,553
10	Bình Đông	2,244.87	13,776
11	Bình Xuân	2,786.41	16,056
12	Tân Trung	1,959.72	13,372
XI	**Huyện Tân Phú Đông**	**22,211.31**	**40,501**

1	Phú Thạnh	2,232.10	7,769
2	Tân Thới	2,138.26	10,248
3	Tân Phú	2,025.49	8,708
4	Tân Thạnh	2,237.03	4,374
5	Phú Tân	10,629.13	3,472
6	Phú Đông	2,949.30	5,930

Nguồn: Cổng Thông tin điện tử tỉnh Tiền Giang

Ngày 05-02-2016, Thủ tướng chính phủ ban hành Quyết định số 242/QĐ-TTg về việc công nhận thành phố Mỹ Tho là đô thị loại 1 trực thuộc tỉnh Tiền Giang.

Theo thống kê năm 2018, Tiền Giang có diện tích 2.087,315 km^2; dân số 1.763.237 người; 11 đơn vị hành chính cấp huyện (01 thành phố, 02 thị xã, 08 huyện), 173 đơn vị hành chính cấp xã (07 thị trấn, 22 phường và 144 xã).

Đơn vị hành chính	**TP Mỹ Tho**	**TX Cai Lậy**	**TX Gò Công**	**H. Cái Bè**	**H. Cai Lậy**	**H. Châu Thành**
Diện tích (km^2)	81,541	140,189	101,985	420,898	295,993	229,910
Dân số (người)	270.704	23.775	96.877	291.627	242.757	186.583
Mật độ dân (người/km^2)	3320	883	950	693	630	1056

Đơn vị hành	**H. Chợ**	**H. Gò Công**	**H. Gò Công**	**H. Tân Phú**	**H. Tân**

chính	Gạo	Đông	Tây	Đông	Phước
Diện tích (km^2)	232,568	267,681	182,205	222,113	333,217
Dân số (người)	178.803	142.797	131.252	40.501	57.561
Mật độ dân (người/km^2)	769	533	720	182	172

Nguồn: Cổng Thông tin điện tử tỉnh Tiền Giang

Năm 2021, tỉnh Tiền Giang có 11 đơn vị hành chính cấp huyện (01 thành phố (Mỹ Tho, đô thị loại 1), 02 thị xã (Cai Lậy và Gò Công, đều đô thị loại 3) và 8 huyện (Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Tân Phước, Chợ Gạo, Gò Công Tây, Gò Công Đông và Tân Phú Đông) với 172 đơn vị hành chính cấp xã (07 thị trấn, 22 phường và 143 xã).

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tính đến ngày 01-8-2021, dân số toàn tỉnh đạt 1.783.165 người, mật độ dân số đạt 710 người/km². Trong đó dân số sống tại thành thị đạt 247.742 người, chiếm 14% dân số toàn tỉnh, dân số sống tại nông thôn đạt 1.516.443 người, chiếm 86% dân số. Dân số nam đạt 865.821 người, trong khi đó nữ đạt 898.364 người. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 15%.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn địa danh huyện, xã, thị trấn thuộc huyện Gò Công Tây:**

1. Huyện Gò Công Tây

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Gò Công có 03 cách giải thích:

- Thứ nhất: Tên gọi Gò Công do nơi này vào lúc người Việt đến khai khẩn (thế kỷ XVII) là vùng đất gò có nhiều chim công, tên chữ Hán là Khổng Tước nguyên.

- Thứ hai: Đây là vùng đất gò có quán bán tạp hóa của bà Công, nên có tên gọi là gò Bà Công; về sau, gọi tắt thành Gò Công.

- Thứ ba: Ở xã Ân Hữu, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định có địa danh núi Gò Công cao 198 m. Có thể, vào thế kỷ XVII, cư dân ở vùng núi Gò Công chuyển cư đến sinh sống và khai khẩn vùng đất mới. Tại đây, họ đã lấy tên Gò Công, vốn là quê hương bản quán, đặt tên cho nơi ở mới. Đây là trường hợp dịch chuyển địa danh do hiện tượng di dân.

Trong 03 cách giải thích nêu trên, cách giải thích thứ nhất được nhiều người chấp nhận nhất.

Huyện Gò Công Tây nằm ở phía Tây của vùng đất Gò Công (nên có tên gọi là Gò Công Tây).

Vị trí địa lý:

Huyện nằm ở phía Đông tỉnh Tiền Giang, phía Đông giáp huyện Gò Công Đông và thị xã Gò Công, phía Tây giáp huyện Chợ Gạo, phía Nam giáp huyện Tân Phú Đông qua sông Cửa Tiểu, phía Bắc giáp huyện Châu Thành, tỉnh Long An qua sông Tra.

Diện tích tự nhiên: 18.447,61 ha.

Hành chính:

Huyện Gò Công Tây bao gồm 01 thị trấn (Vĩnh Bình) và 12 xã (Đồng Sơn, Bình Phú, Đồng Thạnh, Thành Công, Bình Nhì, Yên Luông, Thạnh Trị, Thạnh Nhựt, Long Vĩnh, Bình Tân, Vĩnh Hựu, Long Bình).

Lịch sử hình thành:

Huyện Gò Công Tây là vùng đất được khai phá sớm ở Tiền Giang. Trong các thế kỷ XVII - XVIII, vùng đất Gò Công Tây lúc đó lần lượt thuộc đạo Trường Đồn (1772); dinh Trường Đồn (1779); dinh Trấn Định (1781).

Năm 1808, dưới đời vua Gia Long, vùng đất Gò Công Tây thuộc tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, dưới đời vua Minh Mạng, vùng đất này thuộc tổng Hòa Đồng, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định. Năm 1841, dưới đời vua Thiệu Trị, thuộc hai tổng Hòa Đồng Thượng và Hòa Đồng Hạ, huyện Tân Hòa, phủ Hòa Thạnh, tỉnh Gia Định. Năm 1852, dưới đời vua Tự Đức, vẫn thuộc hai tổng Hòa Đồng Thượng và Hòa Đồng Hạ, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị, năm 1867, vùng đất Gò Công Tây thuộc hai tổng Hòa Đồng Thượng và Hòa Đồng Hạ, hạt Thanh tra Gò Công. Năm 1871, vẫn thuộc hai tổng trên, hạt Tham biện Gò Công. Năm 1876, thuộc tổng Hòa Đồng Thượng và tổng Hòa Đồng Hạ, Tiểu khu hành chính Gò Công. Năm 1900, thuộc hai tổng Hòa Đồng Thượng và Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công. Năm 1910, vùng đất Gò Công Đông vẫn thuộc hai tổng Hòa Đồng Thượng và Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công. Cụ thể như sau:

- Tổng Hòa Đồng Thượng có 5 làng: Bình Phú Đông, Bình Phú Tây, Bình Phục Nhì, Đồng Sơn, Thạnh Nhựt.

- Tổng Hòa Đồng Hạ có 16 làng: An Long Đông/Yên Luông Đông, An Long Tây/Yên Luông Tây, Bình Công, Bình Luông Đông, Bình Luông Tây, Bình Luông Trung, Long Chánh, Long Hựu, Long Thạnh, Phú Thạnh Đông, Tân Cương, Tân Thới, Vĩnh Hựu, Vĩnh Lợi, Vĩnh Thạnh, Vĩnh Trị.

Năm 1913, tỉnh Gò Công giải thể để thành lập quận Gò Công thuộc tỉnh Mỹ Tho. Vùng đất Gò Công Tây có ba tổng (thuộc quận Gò Công) là:

- Tổng Hòa Đồng Thượng có 6 làng: Bình Phú Đông, Bình Phú Tây, Bình Phục Nhì, Đồng Sơn, Thạnh Nhựt, Bình Thành.

- Tổng Hòa Đồng Hạ có 8 làng: Bình Luông Đông, Bình Luông Tây, Bình Luông Trung, Long Hựu, Long Thạnh, Phú Thạnh Đông, Tân Cương, Tân Thới.

- Tổng Hòa Đồng Trung có 9 làng: Bình Công, Long Chánh, Vĩnh Hựu, Vĩnh Thạnh, Vĩnh Trị, Vĩnh Lợi, Vĩnh Viễn, Yên Luông Đông và Yên Luông Tây.

Năm 1924, tỉnh Gò Công được tái lập. Từ đó đến năm 1954, vùng đất Gò Công Tây có ba tổng Hòa Đồng Thượng, Hòa Đồng Trung và Hòa Đồng Hạ với số làng như năm 1913.

Về phía chính quyền Cách mạng, từ năm 1945-1951, xóa cấp "tổng", và đổi tên làng thành "xã", vùng đất Gò Công Tây có 23 xã (như năm 1913) thuộc tỉnh Gò Công; năm 1951, khi tỉnh Mỹ Tho (mới) được thành lập, còn gọi là tỉnh Mỹ Tân Gò, vùng đất Gò Công Tây thuộc huyện Gò Công.

Từ năm 1954-1975, về phía chính quyền Sài Gòn, tháng 4-1955, vùng đất Gò Công Tây là quận Hòa Đồng, tỉnh Gò Công với 3 tổng: tổng Hòa Đồng Hạ có 8 làng, tổng Hòa Đồng Trung có 9 làng, tổng Hòa Đồng Thượng có 9 làng. Quận lỵ: làng Đồng Sơn.

Tháng 11/1956, hợp nhất tỉnh Gò Công và tỉnh Mỹ Tho để thành lập tỉnh Định Tường; đổi tên gọi "làng" thành "xã", vùng đất Gò Công Tây là quận Hòa Đồng thuộc tỉnh Định Tường, quận lỵ đặt tại xã Đồng Sơn, chia ra như sau:

- Tổng Hòa Đồng Thượng, gồm 09 xã: Vĩnh Bình (Vĩnh Lợi và Bình Phú Tây cũ), Đồng Sơn, Bình Phú Đông, Thành Công (Bình Thành và Bình Công cũ), Thạnh Trị (Vĩnh Thạnh và Vĩnh Trị cũ), Bình Phục Nhì, Thạnh Nhựt, Vĩnh Viễn và Vĩnh Hựu.

- Tổng Hòa Đồng Hạ, gồm 07 xã: Long Hựu, Bình Luông Đông, Tân Thới, Phú Thạnh Đông, Bình Long (Bình Luông Tây và Long Thạnh cũ), Yên Luông (Yên Luông Đông và Yên Luông Tây cũ), Bình Tân (Bình Luông Trung và Tân Cương cũ).

Năm 1963, tỉnh Gò Công tái lập, Năm 1965, giải thể cấp "tổng"; quận Hòa Đồng (nay tương ứng với vùng đất Gò Công Tây) được chia thành 2 quận: quận Hòa Đồng, quận lỵ tại xã Vĩnh Bình với 8 xã; quận Hòa Bình, quận lỵ đặt tại xã Bình Long/Luông Đông với 5 xã.

Năm 1970, vùng đất Gò Công Tây tương ứng với 2 quận Hòa Đồng và Hòa Bình. Cụ thể như sau:

- Quận Hòa Đồng, quận lỵ đặt tại xã Vĩnh Bình với 8 xã: Bình Phú Đông, Bình Phục Nhì, Đồng Sơn, Thạnh Nhựt, Thạnh Trị, Vĩnh Bình, Vĩnh Hựu, Vĩnh Viễn.

- Quận Hòa Bình, quận lỵ tại xã Bình Long/Luông Đông với 5 xã: Bình Long, Bình Long/Luông Đông, Long Hựu, Phú Thạnh Đông, Tân Thới.

Các đơn vị hành chính này tồn tại đến năm 1975.

Về phía chính quyền cách mạng, từ 1957-1968, vùng đất Gò Công Tây thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho. Năm 1968, tỉnh Gò Công được tái lập, vùng đất Gò Công Tây thuộc huyện Tây, tỉnh Gò Công. Năm 1972, tỉnh Gò Công được chia lại các đơn vị hành chính để phù hợp với tình hình thực tiễn trên chiến trường. Theo đó, vùng đất Gò Công Tây gồm có Vùng 1 (tương ứng với quận Hòa Đồng theo cách đặt của chính quyền Sài Gòn) và Vùng 3 (tương ứng với quận Hòa Bình theo cách đặt của chính quyền Sài Gòn). Các đơn vị hành chính này tồn tại đến ngày 30/4/1975.

Sau ngày 30/4/1975, chính quyền Cách mạng đặt lại huyện Tây thuộc tỉnh Gò Công. Năm 1976, tỉnh Gò Công hợp nhất với tỉnh Mỹ Tho và thành phố Mỹ Tho để thành lập tỉnh Tiền Giang. Lúc này, huyện Tây sáp nhập với huyện Đông thành huyện Gò Công thuộc tỉnh Tiền Giang.

Ngày 26/3/1977, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 77-CP. Theo đó, chuyển thị xã Gò Công thành thị trấn Gò Công, là thị trấn huyện lỵ huyện Gò Công. Ngày 13/4/1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 155-CP. Theo đó, chia huyện Gò Công thành hai huyện Gò Công Tây và Gò Công Đông. Huyện Gò Công Tây gồm thị trấn Vĩnh Bình và 15 xã: Bình Nhì, Bình Phú, Bình Tân, Đồng Sơn, Đồng Thạnh, Long Bình, Long Vĩnh, Phú Thạnh, Tân Phú, Tân Thới, Thành Công, Thạnh Nhựt, Thạnh Trị, Vĩnh Hựu, Yên Luông.

Ngày 16/2/1987, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 37-HĐBT. Theo đó, điều chỉnh một phần diện tích, dân số của hai xã Thành Công, Yên Luông thuộc huyện Gò Công Tây để tái lập thị xã Gò Công.

Ngày 14/1/2002, thành lập xã Tân Thạnh trên cơ sở 1.134,32 ha diện tích tự nhiên và 2.836 người của xã Tân Phú; 550,2 ha diện tích tự nhiên và 1.769 người của xã Tân Thới; 552,51 ha diện tích tự nhiên và 358 người của xã Phú Thạnh.

Cuối năm 2007, huyện Gò Công Tây có 17 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm thị trấn Vĩnh Bình và 16 xã: Bình Nhì, Bình Phú, Bình Tân, Đồng Sơn, Đồng Thạnh, Long Bình, Long Vĩnh, Phú Thạnh, Tân Phú, Tân Thạnh, Tân Thới, Thành Công, Thạnh Nhựt, Thạnh Trị, Vĩnh Hựu, Yên Luông.

Ngày 21/1/2008, Chính phủ ban hành Nghị định 09/2008/NĐ-CP. Theo đó, điều chỉnh một phần diện tích và dân số của xã Thành Công về xã Bình Xuân, thị xã Gò Công quản lý. Tách 4 xã: Tân Thới, Tân Phú, Phú Thạnh, Tân Thạnh để

thành lập huyện Tân Phú Đông. Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính, huyện Gò Công Tây có 13 đơn vị hành chính gồm: 01 thị trấn và 12 xã. Năm 2020, huyện được công nhận đạt chuẩn Huyện Nông thôn mới.

Đặc sản: bánh giá/vá Chợ Giồng, vọp Thành Công, mắm tôm chua,...

Thu nhập bình quân đầu người: 55 triệu đồng/người/năm (2020).

Dân số: 141.252 người (2020).

Kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân *(theo giá so sánh 2010)* là 7,56%/năm, trong đó: Khu vực 1 (Nông-lâm-ngư nghiệp) tăng 4,19%/năm; khu vực 2 (Công nghiệp-xây dựng) tăng 12,81%/năm; khu vực 3 (Thương mại-dịch vụ) tăng 13,22%/năm.

- Cơ cấu kinh tế theo giá trị sản xuất *(theo giá hiện hành)*: Khu vực 1 đạt 59,20%*;* khu vực 2 đạt 17,97%*;* khu vực 3 đạt 22,83%.

- Thu nhập bình quân đầu người đến cuối năm 2020 là 55 triệu đồng, tương đương 2.365 USD, tăng 2,19 lần so với năm 2015.

- Tổng thu ngân sách đạt 3.220,83 tỷ đồng, trong đó tổng thu từ kinh tế địa phương 318,7 tỷ đồng, đạt 130,08%. Tổng chi ngân sách 2.286,90 tỷ đồng, đạt 86,77% .

- Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội là 9.171,49 tỷ đồng.

- Tốc độ tăng dân số bình quân đến năm 2020 còn 0,75%; giảm tỉ lệ sinh bình quân 0,03%.

- 100% trạm y tế xã, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về Y tế xã. Đến năm 2020 tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 92%; có 3,5 Bác sĩ/1 vạn dân và 07 giường bệnh/1 vạn dân.

- Hàng năm tạo việc làm mới cho 615 lao động. Tỷ lệ lao động được đào tạo 35%.

- Tỷ lệ hộ nghèo còn 1,99%.

- Tỷ lệ hộ nông thôn sử dụng điện là 100%.

- Tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%. Chất thải rắn được xử lý đúng quy định đạt 90%*;* tỷ lệ rác thải y tế được thu gom và xử lý 98%và tỷ lệ nước thải y tế được thu gom và xử lý 76%.

- Huy động đạt 10% cháu từ 24-36 tháng tuổi vào nhà trẻ*;* Bậc mẫu giáo đạt 85%, riêng trẻ 5 tuổi đạt 100%*;* Tiểu học 100%; Trung học cơ sở 98%; Trung học phổ thông trên 60%.

- Tiếp tục phát huy dự án ngọt hóa Gò Công, từ năm 2015-2020, huyện đã đầu tư nạo vét 161 kênh nội đồng và cống điều tiết nước khép kín cho từng khu vực, với tổng vốn là 46,498 tỷ đồng. Tổ chức trục vớt lục bình, khơi thông dòng chảy cho 09 tuyến kênh cấp 01dài là 55,26 km; 214 tuyến kênh cấp 02 dài là 395,39 km, kinh phí thực hiện hàng năm 1,023 tỷ đồng, nên hệ thống kênh nội đồng hoàn chỉnh, phục vụ tốt yêu cầu sản xuất, sinh hoạt của nhân dân.

Đã hình thành hai tiểu vùng sản xuất nông nghiệp: Bắc Quốc lộ 50, đã chuyển đổi nhanh và thành công cây thanh long, luân canh cây màu dưới chân ruộng,...; phía Nam Quốc lộ 50 chủ yếu còn giữ đất sản xuất lúa thơm đặc sản, chất lượng cao, một số xã đã tập trung vận động chuyển đổi cơ cấu cây trồng nhanh sang dừa cao sản, dừa xiêm, bưởi da xanh, mãng cầu xiêm, thanh long, ... *(như Thạnh Nhựt, Vĩnh Hựu, thị trấn Vĩnh Bình, Long Vĩnh)* và một số xã chuyển sang cây màu chuyên canh *(như Yên Luông, Bình Tân, Thạnh Trị, Long Bình, Vĩnh Hựu)*. Việc chuyển đổi đó đã mang lại hiệu quả kinh tế cao gấp nhiều lần so với trồng lúa trước đó. Bên cạnh đó, tận dụng lợi thế ven đê Sông Tra, Sông Cửa Tiểu cũng đã phát triển mạnh diện tích nuôi tôm thâm canh nước lợ, mang lại hiệu quả kinh tế cao cho người dân.Thực hiện tốt việc liên kết vùng kinh tế phía Đông của tỉnh, giai đoạn đầu đã liên kết sản xuất theo mùa vụ, tiêu thụ sản phẩm, xây dựng nhãn hiệu gạo Gò Công, mai chiếu thủy nu Gò Công, nước Đông trùng hạ thảo, tinh dầu sả.

Đến cuối năm 2020, huyện có 12/12 xã đạt chuẩn nông thôn mới; 01 xã nông thôn mới nâng cao (Thạnh Nhựt); huyện đạt 7/9 tiêu chí huyện nông thôn mới.

- Phát triển các ngành kinh tế chủ lực:

+ *Sản xuất nông-ngư nghiệp*

Đến năm 2020, huyện đã chuyển đổi 8.302,32 ha đất trồng lúa sang trồng cây có giá trị kinh tế cao, dần dần hình thành những vùng sản xuất hàng hóa tập trung, công nghệ cao nên diện tích gieo trồng lúa giảm dần *(giảm 3,56%/năm)*, do áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nên chất lượng và năng suất tăng, lợi nhuận bình quân đạt khá khoảng 50 triệu đồng/ha/năm. Hình thành nhiều cánh đồng lớn với tổng quy mô 3.000 ha/9.222,39 ha, chiếm 32,53% diện tích đất lúa.

Diện tích trồng màu các loại đạt 5.300 ha, sản lượng 119.650 tấn, tăng bình quân 7,42%/năm,có 05 tổ chức được chứng nhận VietGAP, với diện tích là 29,14 ha, sản lượng bình quân đạt 565,32 tấn. Diện tích cây lâu năm đạt 4.198,85 ha, tăng bình quân 6,45%/ năm, sản lượng 61.680 tấn, tăng bình quân 13,70%/năm, trong đó diện tích vườn dừa đạt 2.475,68 ha, sản lượng 28.000 tấn.

Thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh, chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học; sử dụng giống tốt có chất lượng thịt cao góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm ngành chăn nuôi, đáp ứng tốt yêu cầu thị trường. Tuy nhiên gần đây đã xuất hiện bệnh dịch tả lợn Châu Phi đã gây thiệt hại nặng cho người chăn

nuôi, khả năng khó tái đàn trở lại vì chưa có vaccin phòng bệnh. Tổng đàn heo là 63.263 con; bò 29.150 con; đàn gia cầm 1.648.870 con.

Diện tích nuôi thủy sản đạt 950 ha, tăng bình quân 0,63%/năm; sản lượng nuôi và khai thác đạt 8.201 tấn/năm, tăng bình quân 6,35%/năm.

+ Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; cụm công nghiệp và công tác mời gọi đầu tư

Đến năm 2020, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của huyện tiếp tục phát triển, góp phần giải quyết việc làm thường xuyên cho người lao động, nâng cao thu nhập và đời sống của người dân, tăng tích lũy và cung cấp nhiều thiết bị, công cụ cho ngành nông nghiệp, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Tổng giá trị sản xuất toàn ngành *(theo giá so sánh 2010)* là 1.855,35 tỷ đồng, tăng bình quân hàng năm 12,14%.

Triển khai quy hoạch chi tiết 1/500 Cụm Công nghiệp Long Bình, với diện tích 20 ha. Đã mời gọi được 07 dự án, giải quyết khoảng 3.000 lao động khi các dự án này đi vào hoạt động ổn định. Ngoài ra huyện cũng đã gặp gỡ, cung cấp các tài liệu có liên quan về đầu tư cho các nhà đầu tư tìm hiểu và quan tâm tham gia 06 dự án, trong đó có 04 dự án trong danh mục kêu gọi đầu tư và 02 dự án nhà đầu tư tự chuyển nhượng đất dân để triển khai thực hiện, với tổng vốn đăng ký trên 900 tỷ đồng.

+ Thương mại - Dịch vụ

Đến năm 2020, toàn huyện hiện có 24 chợ (18 chợ đã được phân hạng và 06 chợ tự phát), bình quân chợ theo xã – phường là 1,61 cao hơn bình quân chung của toàn tỉnh là 1,01. Hầu hết các chợ đang hoạt động với quy mô vừa và nhỏ, chủ yếu là kinh doanh các mặt hàng nhu yếu phẩm, các mặt hàng tự sản xuất. Nguồn kinh phí của huyện còn nhỏ, nên đầu tư phát triển chợ còn hạn chế.

Ngành thương mại trên địa bàn có khoảng 1.656 cơ sở trong tổng số 3.376 cơ sở kinh doanh cá thể phi nông nghiệp (chiếm 49%). Nhìn chung, hoạt động thương mại- dịch vụ phát triển ổn định. Các mặt hàng xuất ra khỏi địa bàn huyện là lương thực, dừa, trái cây các loại, thịt gia súc gia cầm, thủy sản, nước chấm, hàng thủ công. Các mặt hàng nhập vào huyện là hàng thực phẩm công nghiệp, đồ dùng công nghiệp, vật tư máy móc cho sản xuất nông ngư nghiệp, gỗ sắt thép cho xây dựng.

Các hoạt động dịch vụ du lịch, vận tải, bưu chính viễn thông... có nhiều đổi mới và phát triển, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu sản xuất kinh doanh và đời sống nhân dân:

- Dịch vụ vận tải tuy gặp khó khăn do giá nhiên liệu liên tục tăng, nhưng khối lượng vận tải tăng khá, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế và nhu cầu xã hội.

- Dịch vụ bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin được đẩy mạnh, tiếp

tục phát triển ổn định, thực hiện đa dạng hóa loại hình dịch vụ, nâng cao chất lượng, góp phần phát triển kinh tế-xã hội, nhất là ở khu vực nông thôn.

- Các dịch vụ khác như ứng dụng tin học, thiết kế xây dựng, y tế, giáo dục, tư vấn pháp luật,...hoạt động tương đối ổn định.

Giáo dục:

Mạng lưới trường lớp:

- Giáo dục mầm non: có 17 trường (trong đó 15 trường công lập, 02 trường mầm non tư thục).

- Giáo dục phổ thông: có 16 trường tiểu học, 06 trường trung học cơ sở, 03 trường trung học phổ thông (Trường THPT Vĩnh Bình, Trường THPT Nguyễn Văn Thìn, Trường THPT Đoàn Trần Nghiệp).

- Trường đạt chuẩn Quốc gia: có 29/37 trường đạt chuẩn Quốc gia, tỉ lệ: 78,37%; trong đó: Mầm non đạt 11/15 trường, tỉ lệ:73,33%; Tiểu học đạt 16/16 trường, tỉ lệ: 100%; Trung học cơ sở đạt 2/6 trường, tỉ lệ: 33.33%.

Kết quả công tác phổ cập giáo dục - chống mù chữ:

Trong năm học 2019 – 2020, ngành giáo dục huyện Gò Công Tây tiếp tục thực hiện Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định về điều kiện bảo đảm về nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

Huyện đã tiến hành kiểm tra công nhận 13/13 đơn vị xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ vào tháng 11/2019 và tỉnh thẩm định công nhận vào tháng 01/2020 (08/01/2020). Kết luận kiểm tra:

+ Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi tiếp tục đạt chuẩn và được tái công nhận năm 2019.

+ Xóa mù chữ: 13/13 xã, thị trấn đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2, tỷ lệ đạt 100% xã.

+ Phổ cập giáo dục tiểu học: 13/13 xã, thị trấn đạt chuẩn Quốc gia mức độ 3, tỷ lệ 100%.

+ Phổ cập giáo dục trung học cơ sở: 8/13 xã, thị trấn đạt chuẩn Quốc gia mức độ 3, tỷ lệ 61,53%; 5/13 xã, thị trấn đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 , tỷ lệ: 38,47%. Tổng cộng, đạt tỷ lệ 100%.

Đội ngũ nhà giáo:

- Số lượng giáo viên các cấp:

Bậc học	Chỉ tiêu UBND giao	Số lượng hiện có
Mầm non	311	272
Tiểu học	615	573
Trung học cơ sở	319	273
Phòng giáo dục và sự nghiệp giáo dục	7+2	6+2
Tổng cộng	1.254	1.126

- Trình độ giáo viên (Đạt chuẩn, chưa chuẩn, trên chuẩn):

Bậc học	Số lượng giáo viên tính đến tháng 12-2020	Đạt và trên chuẩn (%)	Trong đó trên chuẩn (%)	Chưa chuẩn (%)
Mẫu giáo	272	100	62,6	0
Tiểu học	573	100	77,3	0
THCS	273	100	53,9	0
Tổng	1118	100	64,4	0
Nhân sự Phòng GD&ĐT	08	100	100	0

Y tế:

- Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân được quan tâm đúng mức, cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế từ Trung tâm Y tế huyện đến Trạm Y tế xã được đầu tư, trang bị đầy đủ hơn, đáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh cho nhân dân; đồng thời khống chế tốt các loại dịch bệnh, không để dịch lớn xảy ra; thực hiện tốt các Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số. Công tác đào tạo, bồi dưỡng được quan tâm, trình độ chuyên môn, y đức và thái độ phục vụ của y, bác sĩ ngày được nâng lên. Có 13/13 Trạm Y tế được công nhận đạt tiêu chí Quốc gia về Y tế xã giai đoạn 2015-2020.

- Công tác tuyên truyền về bảo hiểm y tế đã đi vào chiều sâu. Người tham gia bảo hiểm y tế đã được quan tâm trong tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ y tế ngay từ tuyến y tế cơ sở. Đến cuối năm 2020 tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 93%. Công tác truyền thông giáo dục sức khoẻ và dân số, kế hoạch hoá gia đình tiếp tục được quan tâm thực hiện; từ đó đã làm chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức của các tầng lớp Nhân dân; hệ thống dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đảm bảo chất lượng, an toàn; tốc độ tăng dân số trung bình còn 0,75%.

- Trung tâm y tế gồm: Bệnh viện đa khoa: 01; Y tế dự phòng: 01; Trạm y tế xã: 13; Tổng số giường bệnh: 157 (Giường Bệnh viện: 92, Giường Trạm y tế: 65); Số Trạm y tế có bác sĩ: 5/13 đạt tỷ lệ 38,46 %; Số trạm y tế có bác sĩ khám chữa bệnh: 100%; 100% số ấp có nhân viên y tế hoạt động; Tổng số nhân viên y tế ấp: 114/66 ấp, tromh đó, trên 70 % có trình độ chuyên môn y, dược từ sơ học trở lên, số còn lại là nhân viên sức khỏe cộng đồng.

- Nhân lực y tế năm 2020:

Tổng số nhân lực được giao toàn Trung tâm y tế là 234 biên chế; trong đó, tuyến huyện: 143, tuyến xã: 91.

+ Tuyến huyện: 143 biên chế, gồm:

* Bác sĩ: 25; trong đó BS: 10, Bác sĩ chuyên khoa 1: 12, Bác sĩ chuyên khoa 2: 01, BS chính: 02.

* Số bác sĩ /10.000 dân: 3,86 BS/10.000 dân.

* Số Dược sĩ đại học/ 10.000 dân: 0,31 Dược sĩ đại học/ 10.000 dân.

* Điều dưỡng: 55.

* Tỷ lệ cán bộ y tế/giường bệnh: 1.47%.

+ Tuyến xã: 91 biên chế, còn thiếu biên chế chủ yếu là bác sĩ.

Giao thông:

Giao thông đường bộ:

Địa bàn huyện Gò Công Tây có 01 tuyến Quốc lộ 50 đi qua đã được Trung ương đầu tư nâng cấp vào năm 2009, 05 tuyến đường tỉnh đi qua: 872, 872B, 873, 877, 879D; 17 tuyến đường huyện tổng chiều dài 78,578 km; 39,38 km đường đô thị; 93,11 km đường liên xã; 271,82 km đường thôn, xóm. Cụ thể hóa các quan điểm, định hướng chỉ đạo của Đảng về phát triển hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại; trong những năm qua, hạ tầng giao thông đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, nhiều công trình giao thông đã và đang từng bước được đầu tư xây dựng, góp phần tạo diện mạo mới cho huyện Gò Công Tây, kết quả đạt được như sau: Đường huyện đạt cấp III đồng bằng: 01/17 tuyến (ĐH.18) với chiều dài 6,3km, đạt cấp V đồng bằng: 4/17 tuyến (ĐH.13, ĐH.13B, ĐH.16, ĐH.16C) với chiều dài

23,485 km; đạt cấp VI đồng bằng 12/17 tuyến còn lại với chiều dài 48,793km. Tuyến đường xã, liên xã 21 tuyến chiều dài 49,359 km đã được nhựa hóa 47,859 km đạt tỷ lệ 97% ; 354 tuyến đường ấp, đường dân sinh với chiều dài 342,198 km đã được đầu tư nhựa, bê tông xi măng, đá 4 x 4 đạt 338,388 km, tỷ lệ 98,8%.

Giao thông thủy:

Địa bàn huyện Gò Công Tây giáp với 2 trục giao thông thủy quan trọng là sông Cửa Tiểu (sông Tiền đi qua địa bàn 23km) và sông Tra dài 8,4 km. Do đó, giao thông thủy ở huyện Gò Công Tây khá phát triển về mặt vận tải hàng hóa lẫn hành khách.

Về giao thông nội vùng, nhìn chung ít phát triển do phần lớn các kênh rạch nhỏ đều được đóng cống phục vụ điều tiết ngọt hóa.

Văn hóa:

Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" đã được các tầng lớp nhân dân đồng tình hưởng ứng, đã và đang trở thành hành động tự giác của mọi người.

Huyện có Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn theo quy định. 13/13 xã có Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã. Việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội có sự chuyển biến rõ rệt, được sự đồng thuận cao trong nhân dân; hoạt động lễ hội được tổ chức đúng quy định, hiệu quả; công tác bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa luôn được quan tâm (Huyện có 01 di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia; 09 di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh). Đặc biệt, huyện có Lễ hội Kỳ yên đình Vĩnh Bình, được xem là lễ hội Kỳ yên lớn nhất tỉnh.

Giai đoạn 2015-2020, có 07 xã đạt chuẩn văn hóa; 14 danh hiệu cơ sở thờ tự văn hóa; 26 con đường văn hóa; 04 chợ văn hóa; 02 công viên văn hóa (công viên Nguyễn Văn Côn, công viên Nguyễn Thị Bảy), 66/66 ấp, khu phố văn hóa hàng năm được tái công nhận lại; danh hiệu gia đình văn hóa được bầu chọn hàng năm ngày càng đi vào thực chất, bình quân mỗi năm đạt 96%.

Du lịch:

Huyện có 01 di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia; 09 di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh và Lễ hội Kỳ yên đình Vĩnh Bình thu hút đông đảo du khách đến tham quan, cúng bái.

Thể thao:

Phong trào thể thao và rèn luyện thân thể được cơ quan, đoàn thể, lực lượng vũ trang, trường học và nhân dân quan. Toàn huyện, có 30,6% dân số và 23,7% hộ gia đình luyện tập thể dục, thể thao thường xuyên; có các công trình thể dục thể thao như: sân vận động; nhà thi đấu đa môn và các sân quần vợt, sân cầu lông, sân

bóng chuyền, bóng bàn, sân bóng đá mini bằng cỏ nhân tạo, sân tập luyện các bộ môn khác… tại Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện xã và thị trấn, thu hút đông đảo thanh niên, học sinh, cán bộ công chức, viên chức, người dân và vận động viên đến tập luyện.

Tổng số liệt sĩ: 2.036 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 320 Bà mẹ.

2. Thị trấn Vĩnh Bình

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

永 Vĩnh: Lâu dài, mãi mãi, vĩnh viễn

平 Bình: Hoà bình, bình đẳng

市鎮 Thị trấn

永平市鎮 Vĩnh Bình thị trấn

Vị trí địa lý:

Thị trấn Vĩnh Bình là trung tâm kinh tế - văn hóa - chính trị của huyện Gò Công Tây; phía Bắc giáp hai xã Bình Nhì và Đồng Thạnh; phía Tây giáp xã Thạnh Nhựt; phía Đông giáp xã Thạnh Trị; phía Nam giáp hai xã Vĩnh Hựu và Long Vĩnh.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Vĩnh Lợi thuộc tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, ngoài thôn Vĩnh Lợi còn có thêm thôn Bình Phú Tây (mới lập); cả hai thôn này thuộc tổng Hòa Đồng, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định. Năm 1852, đời vua Tự Đức, thôn Vĩnh Lợi thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định; thôn Bình Phú Tây thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, làng[12] Vĩnh Lợi thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công; làng Bình Phú Tây thuộc tổng Hòa ĐồngThượng, tỉnh Gò Công; từ năm 1913, làng Vĩnh Lợi thuộc tổng Hòa Đồng Trung, quận Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; làng Bình Phú Tây thuộc tổng Hòa ĐồngThượng, quận Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1924, làng Vĩnh Lợi thuộc tổng Hòa Đồng Trung, tỉnh Gò Công; làng Bình Phú Tây thuộc tổng Hòa ĐồngThượng, tỉnh Gò Công.

[12] Từ năm 1876, chính quyền thực dân Pháp cho đổi đơn vị hành chính "thôn" thành "làng".

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, từ năm 1945-1951, gọi là xã Vĩnh Lợi, tổng Hòa Đồng Trung, tỉnh Gò Công; xã Bình Phú Tây, tổng Hòa ĐồngThượng, tỉnh Gò Công; từ năm 1951-1954, xã Vĩnh Lợi và xã Bình Phú Tây thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Vĩnh Lợi thuộc tổng Hòa Đồng Trung, tỉnh Gò Công; làng Bình Phú Tây thuộc tổng Hòa ĐồngThượng, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1968, là xã Vĩnh Lợi và xã Bình Phú Tây, từ năm 1957, gọi là xã Vĩnh Bình (xã Vĩnh Lợi hợp nhất với xã Bình Phú Tây), huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho, từ năm 1968-1972, xã Vĩnh Bình thuộc huyện Tây, tỉnh Gò Công, từ năm 1972-1975, xã thuộc Vùng 1, tỉnh Gò Công; chính quyền Sài Gòn, từ năm 1954-1956, xã Vĩnh Lợi thuộc tổng Hòa Đồng Trung, quận Hòa Đồng, tỉnh Gò Công và xã Bình Phú Tây thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, quận Hòa Đồng, tỉnh Gò Công; từ năm 1956-1963, xã Vĩnh Lợi và xã Bình Phú Tây hợp nhất thành xã Vĩnh Bình, thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, quận Hòa Đồng, tỉnh Định Tường; từ năm 1963-1975, xã Vĩnh Bình thuộc quận Hòa Đồng, tỉnh Gò Công, là quận lỵ của quận Hòa Đồng.

Sau năm 1975, xã Vĩnh Bình thuộc huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Năm 1979, xã Vĩnh Bình được nâng lên thành thị trấn Vĩnh Bình, thuộc huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Thị trấn Vĩnh Bình được công nhận đạt chuẩn Văn minh đô thị năm 2020.

Diện tích tự nhiên: 1.053,95 ha.

Hành chính:

Thị trấn Vĩnh Bình có 06 khu phố: Khu phố 01, Khu phố 02, Khu phố 03, Khu phố 04, Khu phố 05, Khu phố 06.

Dân số: 11.347 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 63,8 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Nhân dân sống chủ yếu bằng kinh doanh, dịch vụ buôn bán nhỏ và một số ít làm nghề nông.

Giáo dục:

Thị trấn có 07 trường học: Trường mầm non Măng Non, Trường mầm non Vĩnh Bình, Trường mầm non Ánh Dương, Trường tiểu học Nguyễn Hữu Trí, Trường tiểu học Bùi Thanh Liêm, Trường trung học cơ sở Nguyễn Văn Thiều, Trường trung học phổ thông Vĩnh Bình. Tất cả các trường đều đạt chuẩn Quốc gia.

Thị trấn đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và công tác xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm Y tế thị trấn được xây dựng khang trang, đạt chuẩn Quốc gia về y tế cơ sở, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng.

Tất cả các khu phố đều có Tổ y tế.

Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 91% (2020).

Giao thông:

Thị trấn Vĩnh Bình nằm trên trục giao thông thuỷ, bộ quan trọng (quốc lộ 50 và hệ thống rạch Vàm Giồng – kênh/kinh Vĩnh Lợi). Hệ thống đường giao thông của thị trấn được tráng nhựa, đổ bê tông hoặc lót đan chiếm tỷ lệ 98%.

Văn hóa:

Thị trấn có Nhà văn hóa với hội trường có sức chứa 250 chỗ ngồi. Tất cả các khu phố đều được công nhận Khu phố văn hóa, có trụ sở làm việc kiêm điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng khang trang.

Thị trấn có Lễ hội Kỳ Yên diễn ra tại đình Vĩnh Bình được xem là lễ hội Kỳ yên lớn nhất tỉnh.

Thị trấn có 7 cơ sở thờ tự văn hóa, 3 con đường văn hóa, 2 công viên văn hóa (công viên Nguyễn Văn Côn và công viên Nguyễn Thị Bảy), 3 di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh (Mộ ông Huê ở Khu phố 1, chùa Vạn Bửu Phật Đường ở Khu phố 2, đình Vĩnh Bình ở Khu phố 2)

Về gia đình văn hóa, năm 2020, toàn thị trấn có 3.440 hộ đăng ký đạt 100%, qua bình xét cuối năm có 3.248/3.440 hộ được công nhận gia đình văn hóa, đạt 94,4%,

Các khu phố đều có tổ chức Câu lạc bộ (CLB) như: CLB Ông bà cháu; CLB Gia đình hạnh phúc, phát triển bền vững; CLB Pháp luật,…

Du lịch:

Lễ hội Kỳ Yên gắn với đình Vĩnh Bình thu hút đông đảo Nhân dân trong và ngoài tỉnh đến tham quan, chiêm bái.

Thể thao:

Các khu phố đều có CLB Dưỡng sinh. Năm 2020, số người tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên là 3.951/11.293 người đạt 34,9% và số hộ đạt "Gia đình thể thao" là 1340/3440 hộ, đạt 38,9%.

Thị trấn có các đội bóng đá, bóng chuyền và cầu lông.

Tổng số liệt sĩ: 85 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 12 Bà mẹ.

3. Xã Bình Nhì

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

平 Bình: Hoà bình, bình đẳng

二 Nhì: Thứ hai

平二社 Bình Nhì Xã

Vị trí địa lý:

Xã Bình Nhì nằm về phía Tây Bắc của huyện Gò Công Tây, phía Đông giáp xã Đồng Thạnh, phía Tây giáp xã Thạnh Nhựt, phía Nam giáp thị trấn Vĩnh Bình và xã Thạnh Nhựt, phía Bắc giáp xã Đồng Sơn và xã Bình Phục Nhứt (huyện Chợ Gạo).

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Bình Phục Nhì thuộc tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn Bình Phục Nhì thuộc tổng Hòa Đồng, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định. Năm 1852, đời vua Tự Đức, thôn Bình Phục Nhì thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, làng Bình Phục Nhì thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công; từ năm 1913, làng Bình Phục Nhì thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, quận Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1924, làng Bình Phục Nhì thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, từ năm 1945-1948, gọi là xã Bình Phục Nhì, tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công; từ năm 1948-1951, 07 ấp ở phía Nam của xã nhập với một số ấp của xã Thạnh Nhựt thành xã Bình Thạnh Nam; 06 ấp ở phía Bắc của xã nhập với một số ấp còn lại của xã Thạnh Nhựt và 03 ấp của xã Bình Phú Tây thành xã Bình Thạnh Bắc, hai xã này thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công; từ năm 1951-1954, hai xã Bình Thạnh Nam và Bình Thạnh Bắc thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Bình Phục Nhì thuộc tổng Hòa ĐồngThượng, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1968, tái lập xã Bình Phục Nhì, thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho, từ năm 1968-1972, xã Bình Phục Nhì thuộc huyện Tây, tỉnh Gò Công, từ năm 1972-1975, xã thuộc Vùng 1, tỉnh Gò Công; chính quyền Sài Gòn, từ năm 1954-1956, xã Bình Phục Nhì thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, quận Hòa Đồng, tỉnh Gò Công; từ năm 1956-1963, xã Bình Phục Nhì thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, quận Hòa Đồng, tỉnh

Định Tường; từ năm 1963-1975, xã Bình Phục Nhì thuộc quận Hòa Đồng, tỉnh Gò Công.

Sau năm 1975, xã Bình Phục Nhì hợp nhất với xã Thạnh Nhựt thành xã Bình Thạnh thuộc huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Năm 1979, xã Bình Thạnh được tách ra thành hai xã như trước. Xã Bình Phục Nhì được đổi tên thành xã Bình Nhì thuộc huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Năm 2015, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới. Năm 2022, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao.

Diện tích tự nhiên: 1.375,49 ha.

Hành chính:

Xã có 03 ấp: Bình Hòa Long, Bình Đông Trung, Bình Hòa Đông.

Dân số: 11.347 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 55 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Kinh tế chủ yếu của xã là nông nghiệp với nghề chính là trồng lúa. Ngoài ra, người dân còn trồng cây ăn trái, rau màu, chăn nuôi gia súc, giá cầm với quy mô hộ gia đình. Đồng thời, một số hộ dân kinh doanh, buôn bán nhỏ.

Giáo dục:

Xã có 02 trường học: Trường mầm non Bình Nhì, Trường tiểu học Huỳnh Văn Mảnh. Cả hai trường đều đạt chuẩn Quốc gia.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và xóa mù chữ.

Y tế:

Xã có trạm y tế thị trấn đạt chuẩn Quốc gia về y tế cơ sở, có 08 biên chế: 06 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh.

Tất cả các khu phố đều có Tổ y tế.

Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 90% (2020).

Giao thông:

Ngang qua xã có Quốc lộ 50. Hệ thống đường giao thông nông thôn của xã đều được trải nhựa và bê tông.

Văn hóa:

Xã có nhà văn hóa. Tất cả các ấp đều được công nhận Ấp văn hóa, có nhà văn hóa ấp khang trang.

Về gia đình văn hóa năm 2020 có 100 % hộ đăng ký, qua bình xét cuối năm có 95% số hộ được công nhận gia đình văn hóa.

Xã có các Câu lạc bộ (CLB) như: CLB Ông bà cháu; CLB Gia đình hạnh phúc, phát triển bền vững; CLB Đờn ca tài tử,…

Du lịch: Chưa có địa điểm du lịch.

Thể thao:

Năm 2020, số người tập luyện thể dục thể thao thường xuyên của xã đạt 33% và số hộ đạt "Gia đình thể thao" có tỷ lệ 37%.

Xã có các đội bóng đá, bóng chuyền và cầu lông.

Tổng số liệt sĩ: 143 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 22 Bà mẹ.

4. Xã Bình Phú

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

平 Bình: Hoà bình, bình đẳng

富 Phú: Giàu có

平富社 Bình Phú Xã

Vị trí địa lý:

Xã Bình Phú nằm về phía Bắc của huyện Gò Công Tây; phía Đông giáp xã Bình Xuân, thị xã Gò Công, phía Tây giáp xã Đồng Thạnh và xã Đồng Sơn; phía Nam giáp xã Thành Công và một phần xã Đồng Thạnh; phía Bắc giáp huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Diện tích tự nhiên: 1.321,53 ha.

Hành chính:

Xã có 04 ấp: Thọ Khương, Bình Phú, Bình Khánh, Bình Ninh.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có hai thôn Bình Phú Đông và Bình Hưng thuộc tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, hai thôn này thuộc tổng Hòa Đồng, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định. Năm 1852, đời vua Tự Đức, thôn Bình Hưng đổi tên thành thôn Bình Lạc; hai thôn Bình Phú Đông và Bình Lạc thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; năm 1885, làng Phú Xuân (được lập năm 1873) nhập vào làng Bình Phú Đông; năm 1886, làng Bình Lạc nhập vào làng Bình Phú Đông; từ năm 1900, làng Bình Phú Đông thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công; từ năm 1913, làng Bình Phú Đông thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, quận Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1924, làng Bình Phú Đông thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, từ năm 1945-1951, gọi là xã Bình Phú Đông, tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công; từ năm 1951-1954, xã Bình Phú Đông thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Bình Phú Đông thuộc tổng Hòa ĐồngThượng, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1968, là xã Bình Phú Đông, huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho, từ năm 1968-1972, xã Bình Phú Đông thuộc huyện Tây, tỉnh Gò Công; từ năm 1972-1975, xã thuộc Vùng 1, tỉnh Gò Công; chính quyền Sài Gòn; từ năm 1954-1956, xã Bình Phú Đông thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, quận Hòa Đồng, tỉnh Gò Công; từ năm 1956-1963, xã Bình Phú Đông thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, quận Hòa Đồng, tỉnh Định Tường; từ năm 1963-1975, xã Bình Phú Đông thuộc quận Hòa Đồng, tỉnh Gò Công.

Sau năm 1975, xã Bình Phú Đông được đổi tên thành xã Bình Phú thuộc huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Năm 1979, xã Bình Phú thuộc huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Năm 2020, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

Dân số: 8.700 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 55,2 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Bình Phú là xã nông nghiệp, nhân dân trồng các loại giống lúa thơm như: OM 4900, OM 5451, OM 7347, Nàng hoa 9,… cho năng suất bình quân từ 5,5 tấn/ha/vụ - 6 tấn/ha/vụ. Người dân còn chăn nuôi bò, dê, gà công nghiệp theo hướng kinh tế trang trại.

Ngoài ra, xã có 01 tổ may gia công, 01 tổ đan lát.

Giáo dục:

Xã có 02 trường đều đạt chuẩn quốc gia: Trường mầm non Bình Phú, Trường tiểu học Đỗ Văn Châu.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã; có 08 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh, 03 điều dưỡng.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 90% (2020).

Giao thông:

Đi ngang qua xã có các tuyến Đường huyện 13, 13B, 13C, sông Tra, Kênh/Kinh N8.

Hệ thống giao thông nông thôn có 02 tuyến đường xã, chiều dài 8.640 m; 05 tuyến đường ấp, liên ấp, chiều dài 8.690 m, 10 tuyến đường ngõ, xóm, chiều dài 16.464 m; 04 tuyến đường nối các khu vực sản xuất, chiều dài 3.062 m. Tất cả các tuyến đường đều được trải nhựa và bê tông.

Văn hóa:

Xã có nhà văn hóa của xã và 3 nhà văn hóa ấp (Bình Khánh, Bình Ninh, Thọ Khương). Còn lại ấp Bình Phú liên kết với nhà văn hóa của xã.

Tất cả 05 ấp đều đạt danh hiệu Ấp văn hóa, đã xây dựng hoàn chỉnh trụ sở.

Hằng năm có 100% hộ dân đăng ký gia đình văn hóa, bình xét có 96% hộ đạt 03 tiêu chí gia đình văn hóa. Xã có 01 câu lạc bộ Hát với nhau, 01 câu lạc bộ Đờn ca tài tử.

Du lịch: Chưa có địa điểm tham quan du lịch.

Thể thao:

Xã có 01 sân bóng đá, 01 sân bóng chuyền, 4 đội bóng đá, 03 câu lạc bộ: cầu lông, dưỡng sinh, cờ tướng.

Tổng số liệt sĩ: 164 liệt sĩ.

Tổng số bà mẹ VN anh hùng: 25 Bà mẹ.

5. Xã Bình Tân

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

平 Bình: Hoà bình, bình đẳng

新 Tân: Mới mẻ

平新社 Bình Tân Xã

Vị trí địa lý:

Xã Bình Tân nằm ở phía Đông Nam của huyện; phía Đông giáp xã Bình Nghị, huyện Gò Công Đông; phía Tây giáp xã Long Bình; phía Nam giáp sông Cửa Tiểu; phía Bắc giáp xã Long Hòa, thị xã Gò Công.

Diện tích tự nhiên: 1.669,13 ha.

Hành chính:

Xã có 05 ấp: Thuận Trị, Hòa Thành, Thạnh Lợi, Lợi An, Xóm Thủ.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có hai thôn Tân Long và Tân Cương thuộc tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, hai thôn này thuộc tổng Hòa Đồng, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định. Năm 1852, đời vua Tự Đức, hai thôn Tân Long và Tân Cương thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; năm 1873, làng Bình Luông Trung được thành lập trên cơ sở điều chỉnh diện tích và dân số của hai làng Bình Luông Tây và Bình Luông Đông. Năm 1885, làng Tân Long nhập vào Bình Luông Trung. Đến lúc này, có hai làng Tân Cương và Bình Luông Trung. Từ năm 1900, hai làng Tân Cương và Bình Luông Trung thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công. Từ năm 1913, hai làng Tân Cương và Bình Luông Trung thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, quận Gò Công, tỉnh Mỹ Tho. Từ năm 1924, hai làng Tân Cương và Bình Luông Trung thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, từ năm 1945-1951, gọi là xã Tân Cương và xã Bình Luông Trung, tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công; từ năm 1951-1954, hai xã này thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt hai làng Tân Cương và Bình Luông Trung thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1956, gọi là xã Tân Cương và xã Bình Luông Trung, huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1956-1968, hai xã Tân Cương và Bình Luông Trung hợp nhất thành xã Bình Tân, thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1968-1972, xã Bình Tân thuộc huyện Tây, tỉnh Gò Công; từ năm 1972-1975, xã Bình Tân thuộc Vùng 4, tỉnh Gò Công; chính quyền Sài Gòn, từ năm 1954-1956, hai xã Tân Cương và Bình Luông Trung thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, quận Hòa Đồng, tỉnh Gò Công; từ năm 1956-1963, hai xã Tân Cương và Bình Luông Trung hợp nhất thành xã Bình Tân thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, quận Hòa Đồng, tỉnh Định Tường; từ năm 1963-1975, xã Bình Tân thuộc quận Hòa Lạc, tỉnh Gò Công.

Sau năm 1975, xã Bình Tân thuộc huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Năm 1979, xã Bình Tân thuộc huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Năm 2020, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

Dân số: 10.841 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 50,15 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Kinh tế chủ yếu của xã là sản xuất nông nghiệp (trồng lúa, rau màu, chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản,...)

Xã có 2 hợp tác xã đang hoạt động ổn định: HTX Cơ khí thủ công mỹ nghệ Bình Tân và HTX Dịch vụ nông nghiệp tổng hợp Hòa Thạnh.

Giáo dục:

Xã có 03 trường: Trường mầm non Bình Tân (đạt chuẩn Quốc gia), Trường tiểu học Nguyễn Văn Trừ (đạt chuẩn Quốc gia), Trường trung học cơ sở Huỳnh Xuân Việt.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã; có 06 biên chế: 03 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng kiêm cán bộ dân số.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 93,39% (2020).

Giao thông:

Ngang qua xã có các Đường tỉnh 877 và 872B; các Đường huyện 11, và 19. Từ trung tâm xã đến đường tỉnh, đường huyện đều được nhựa hóa 100%.

Xã có 4 tuyến đường liên ấp với chiều dài 4.345m, đến năm 2020, thực hiện được 3/4 tuyến, dài 3.345 m, đạt 76,98%, đã được trải nhựa và bê tông; 27 tuyến đường ngõ, xóm với chiều dài 13.748m, năm 2020, đã thực hiện 23/27 tuyến, dài 10.891m, đảm bảo không lầy lội vào mùa mưa; 7 tuyến đường nối các khu vực sản xuất, dài 15.000m, năm 2020, đã thực hiện 5/7 tuyến, dài 10.100m, đạt 67,33%; đã được trải nhựa và bê tông, phục vụ cho vận chuyển hàng hóa nông sản của nông dân.

Văn hóa:

Xã có 5/5 ấp được công nhận Ấp văn hóa; 01/04 chùa được công nhận cơ sở thờ tự văn hóa.

Xã có nhà văn hóa với hội trường đa năng có 250 chỗ ngồi, tổng diện tích quy hoạch 14.988,6m^2, diện tích xây dựng 472,86m^2 và 03 phòng chức năng (phòng hành chính, phòng thông tin - truyền thông, phòng đọc sách), đảm bảo phục vụ nhu

cầu sinh hoạt văn hóa, thể thao toàn xã; có 03/05 ấp có nhà văn hóa sinh hoạt cộng đồng (Lợi An, Hòa Thạnh, Xóm Thủ)

Hằng năm có 100% hộ dân đăng ký gia đình văn hóa, bình xét có 97% hộ đạt 03 tiêu chí gia đình văn hóa.

Xã có 01 di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh: Mộ và đền thờ Chưởng cơ Mai Tấn Huệ.

Du lịch:

Mộ và đền thờ Chưởng cơ Mai Tấn Huệ được công nhận di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh, thu hút đông đảo du khách đến tham quan và cúng bái.

Thể thao:

Xã có sân thể dục, thể thao diện tích 1,9 ha; có các đội bóng đá, bóng chuyền và cầu lông.

Tổng số liệt sĩ: 140 liệt sĩ.

Tổng số bà mẹ VN anh hùng: 19 Bà mẹ.

6. Xã Đồng Sơn

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

仝 Đồng: đồng lòng

山 Sơn: Núi

仝山社 Đồng Sơn Xã

Vị trí địa lý:

Xã Đồng Sơn nằm về phía Bắc của huyện Gò Công Tây; phía Đông giáp xã Bình Phú; phía Tây giáp xã Bình Phục Nhứt và xã Quơn Long (huyện Chợ Gạo); phía Nam giáp xã Đồng Thạnh và xã Bình Nhì; phía Bắc giáp xã Thanh Vĩnh Đông (huyện Châu Thành, tỉnh Long An).

Lịch sử hình thành:

Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn Đồng Sơn thuộc tổng Hòa Đồng, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định. Năm 1852, đời vua Tự Đức, ngoài thôn Đồng Sơn còn có thôn Trường Xuân; cả hai thôn này đều thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; năm 1885, làng Trường Xuân nhập vào làng Đồng Sơn. Từ năm 1900, làng Đồng Sơn thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công. Từ năm 1913, làng Đồng Sơn thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, quận Gò

Công, tỉnh Mỹ Tho. Từ năm 1924, làng Đồng Sơn thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, từ năm 1945-1951, gọi là xã Đồng Sơn, tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công; từ năm 1951-1954, xã này thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Đồng Sơn thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1968, xã Đồng Sơn, thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1968-1972, xã Đồng Sơn thuộc huyện Tây, tỉnh Gò Công; từ năm 1972-1975, xã Đồng Sơn thuộc Vùng 1, tỉnh Gò Công; chính quyền Sài Gòn, từ năm 1954-1963, xã Đồng Sơn thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, quận Hòa Đồng, tỉnh Định Tường; từ năm 1963-1975, xã Đồng Sơn thuộc quận Hòa Đồng, tỉnh Gò Công.

Sau năm 1975, xã Đồng Sơn thuộc huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Năm 1979, xã Đồng Sơn thuộc huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Năm 2020, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

Diện tích tự nhiên: 1483,55 ha.

Hành Chính:

Xã có 04 ấp: Bình Trinh, Khương Thọ, Ninh Đồng, Thạnh Thới.

Dân số: 9.320 người.

Thu nhập bình quân đầu người: đạt 55,21triệu/người/năm.

Kinh tế:

Nhân dân trong xã có trên 70% làm nông nghiệp, số còn lại buôn bán nhỏ lẻ và làm tiểu thủ công nghiệp.

Giáo dục:

Xã có 03 trường học: Trường mẫu giáo Đồng Sơn (đạt chuẩn Quốc gia), Trường tiểu học Huỳnh Văn Phèn (đạt chuẩn Quốc gia), Trường trung học cơ sở Võ Đăng Được.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia về Y tế xã, có 08 biên chế: 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng, 01 cán bộ dân số.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 92% (2020).

Giao thông:

Xã có đường thủy sông Tra nối ra sông Vàm Cỏ và Đường huyện 18 nối với Quốc lộ 50, là đầu mối giao thông thủy bộ quan trọng của địa phương.

Tất cả tuyến đường giao thông nông thôn, đường liên ấp, đường từ trung tâm xã đến đường huyện đều được trải nhựa hoặc trải bê tông hóa, bảo đảm ô tô đi lại thuận tiện và không lầy lội vào mùa mưa.

Văn hóa:

Xã được công nhận Xã văn hóa, có Nhà văn hóa với đầy đủ trang thiết bị phục vụ nhu cầu sinh hoạt văn hóa của Nhân dân.

Tất cả các ấp đều được công nhận Ấp văn hóa, có 04/04 ấp có Nhà văn hóa.

Hàng năm có 100% hộ dân đăng ký gia đình văn hóa, bình xét có 96,5% hộ được công nhận gia đình văn hóa.

Xã có 02 di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh: Bia Chiến thắng Đồng Sơn, Khu lưu niệm Căn cứ Tỉnh đội Gò Công.

Du lịch:

02 di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh: Bia Chiến thắng Đồng Sơn, Khu lưu niệm Căn cứ Tỉnh đội Gò Công thu hút học sinh - sinh viên trong và ngoài xã đến tham quan dưới hình thức du lịch về nguồn.

Thể thao:

Nhà văn hóa xã có các dụng cụ tập thể thao đơn giản phục vụ nhu cầu tập luyện thể dục-thể thao của nhân dân.

Xã có sân vận động, các đội bóng đá, bóng chuyền, cầu lông.

Tổng số liệt sĩ: 207 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 41 Bà mẹ.

7. Xã Đồng Thạnh

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

仝 Đồng: đồng lòng

盛 Thịnh (Thạnh): Thịnh vượng, tươi tốt, phồn vinh

仝盛社 Đồng Thạnh Xã

Vị trí địa lý:

Xã Đồng Thạnh nằm về phía Bắc của huyện Gò Công Tây; phía Bắc giáp xã Bình Phú và xã Đồng Sơn; phía Đông giáp xã Thành Công; phía Tây giáp xã Bình Nhì; phía Nam giáp xã Thạnh Trị và thị trấn Vĩnh Bình.

Lịch sử hình thành:

Xã Đồng Thạnh được thành lập năm 1979 thuộc huyện Gò Công Tây trên cơ sở điều chỉnh diện tích tư nhiên và dân số các ấp Đồng Hanh, Đồng Ngươn (Nguyên), Lợi An, Đồng An, Đồng Lợi thuộc xã Đồng Sơn; một phần ấp Bình Lạc, xóm Bà Thới thuộc xã Bình Phú; xóm Bà Gõ, ấp Bình Tứ, ấp Vĩnh Thới, ấp Vĩnh Hưng, một phần ấp Bình Nhứt và ấp Vĩnh Phong thuộc xã Thạnh Trị. Năm 2019, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

Diện tích tự nhiên: 1.567,49 ha.

Hành Chính:

Xã có 06 ấp: Hòa Bình, Hòa Thạnh, Thạnh Lạc, Thạnh Phú, Thạnh Hưng, Lợi An.

Dân số: 12.955 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: đạt 60 triệu/người/năm (2020).

Kinh tế:

Kinh tế chủ yếu của xã là sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, người dân còn làm các ngành nghề thuộc lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp và buôn bán nhỏ.

Giáo dục:

Xã có 03 trường học: Trường mẫu giáo Đồng Thạnh, Trường tiểu học Đồng Thạnh, Trường trung học cơ sở Đồng Thạnh. Tất cả các trường đều đạt chuẩn Quốc gia.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia về Y tế xã, có 08 biên chế: 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng kiêm cán bộ dân số.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 92% (2020).

Giao thông:

Xã có đường thủy sông Tra nối ra sông Vàm Cỏ và Đường huyện 18 nối với Quốc lộ 50.

Tất cả tuyến đường giao thông nông thôn, đường liên ấp, đường từ trung tâm xã đến đường huyện đều được trải nhựa hoặc trải bê tông, bảo đảm ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và không lầy lội vào mùa mưa.

Văn hóa:

Xã được công nhận xã đạt chuẩn văn hóa; có nhà văn hóa xã với đầy đủ trang thiết bị phục vụ nhu cầu sinh hoạt văn hóa của nhân dân. Xã có 01 di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia: Đình Đồng Thạnh.

Tất cả các ấp đều được công nhận Ấp văn hóa, có 03/06 ấp có nhà văn hóa.

Hằng năm có 100% hộ dân đăng ký gia đình văn hóa, bình xét có 95% hộ được công nhận gia đình văn hóa.

Thể thao:

Xã có sân vận động. Nhà văn hóa xã có sân bóng chuyền, sân cầu lông và các dụng cụ tập thể thao đơn giản phục vụ nhu cầu tập luyện thể dục - thể thao của nhân dân. Xã có đội bóng đá, bóng chuyền và cầu lông.

Năm 2020, có 06/66 ấp được công nhận ấp có phong trào rèn luyện thể dục - thể thao.

Du lịch:

Đình Đồng Thạnh là di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia, thu hút đông đảo du khách khắp nơi đến tham quan, cúng bái.

Tổng số liệt sĩ: 153 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 17 Bà mẹ.

8. Xã Long Bình

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

隆 Long: Hưng thịnh, long trọng

平 Bình: Hoà bình, bình đẳng

隆平社 Long Bình Xã

Vị trí địa lý:

Xã Long Bình nằm về phía Đông Nam của huyện Gò Công Tây, phía Đông giáp xã Bình Tân, phía Tây giáp xã Long Vĩnh, phía Bắc giáp xã Thạnh Trị và xã Yên Luông, phía Nam giáp sông Cửa Tiểu và huyện Tân Phú Đông.

Diện tích tự nhiên: 1839,67 ha.

Hành chính:

Xã có 08 ấp: Long Thới, Ninh Quới, Phú Trung, Thới Hòa, Khương Ninh, Hòa Phú, Quới An và Long Hải.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có hai thôn Bình Long và Bình Long Tây thuộc tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, hai thôn này thuộc tổng Hòa Đồng, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định. Năm 1852, đời vua Tự Đức, hai thôn Bình Long Đông và Bình Long Tây thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; năm 1873, làng Bình Long Tây cắt một phần diện tích và dân số để lập làng Long Thạnh Từ năm 1900, ba làng Bình Long Đông, Bình Long Tây và Long Thạnh thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công; từ năm 1913, ba làng này thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, quận Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1924, ba làng Bình Long Đông, Bình Long Tây và Long Thạnh thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, từ năm 1945-1951, gọi là xã Bình Long Đông, xã Bình Long Tây, xã Long Thạnh, tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công; từ năm 1951-1954, ba xã này thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Bình Long Đông, làng Bình Long Tây và làng Long Thạnh thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1956, gọi là xã Bình Long Đông, xã Bình Long Tây và xã Long Thạnh, huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1956-1968, là xã Bình Long Đông và xã Bình Long (do xã Bình Long Tây hợp nhất với xã Long Thạnh năm 1956), huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1968-1972, xã Bình Long Đông và xã Bình Long thuộc huyện Tây, tỉnh Gò Công; từ năm 1972-1975, hai xã này thuộc Vùng 3, tỉnh Gò Công; chính quyền Sài Gòn, từ năm 1954-1956, xã Bình Long Đông, xã Bình Long Tây và xã Long Thạnh thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, quận Hòa Đồng, tỉnh Định Tường; từ năm 1956-1963, là xã Bình Long Đông và xã Bình Long (do xã Bình Long Tây hợp nhất với xã Long Thạnh năm 1956), tổng Hòa Đồng Hạ, quận Hòa Đồng, tỉnh Định Tường; từ năm 1963-1975, xã Bình Long Đông và xã Bình Long thuộc quận Hòa Bình, tỉnh Gò Công.

Sau năm 1975, xã Bình Long Đông và xã Bình Long hợp nhất, lấy tên là xã Long Bình, thuộc huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Năm 1979, xã Long Bình thuộc huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Năm 2020, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

Dân số: 14.824 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 53,5 triệu/người/năm (2020).

Kinh tế:

Người dân sống chủ yếu bằng nghề trồng trọt như lúa, cây ăn trái (thanh long, dừa, mãng cầu xiêm), rau màu (bắp, ớt, dưa lê,...), chăn nuôi gia súc, gia cầm (năm

2020, heo 1.200 con, bò 1.750 con, dê 1.150 con, gia cầm 60.000 con), thủy sản,... Xã có 01 HTX nông nghiệp tổng hợp hoạt động ổn định.

Xã có 01 cơ sở chế biến xơ dừa, 01 tổ dán hoa vải, 03 tổ gia công hàng may mặc, 02 tổ đan lục bình, 04 chợ (01 chợ trung tâm; chợ Long Bình và 03 chợ trên địa bàn ấp.

Giáo dục:

Xã có 03 trường học: Trường mầm non Long Bình (đạt chuẩn Quốc gia), Trường tiểu học Long Bình (đạt chuẩn Quốc gia), Trường trung học cơ sở - trung học phổ thông Long Bình.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia về Y tế xã, có 08 biên chế: 03 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng, 01 cán bộ dân số.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 91% (2020).

Giao thông:

Ngang qua xã có 02 tuyến đường tỉnh (877A; 877B), 02 tuyến đường huyện (11, 16). Xã có 23 tuyến giao thông nông thôn với tổng chiều dài 24,819 km được trải nhựa hoa75c bê tông, đảm bảo nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa của người dân.

Văn hoá :

Xã có 01 Nhà văn hóa đạt chuẩn theo quy định, 08 câu lạc bộ Đờn ca tài tử; 01 câu lạc bộ Hát với nhau, 04 con đường văn hóa; 01 cơ sở thờ tự văn hóa và 01 chợ văn hóa (chợ Long Bình).

Tất cả các ấp đều được công nhận danh hiệu Ấp văn hóa và có nhà văn hóa ấp, có 100% hộ đăng ký xây dựng gia đình văn hóa, trong đó có trên 90% hộ được xét đạt chuẩn gia đình văn hóa.

Thể thao:

Xã có 01 sân bóng đá lớn, 01 sân bóng đá mini, 08 sân bóng chuyền, 01 câu lạc bộ thể hình, 01 câu lạc bộ taekwondo.

Du lịch: Xã chưa có địa điểm du lịch.

Tổng số liệt sĩ: 147 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh Hùng: 18 Bà mẹ.

9. Xã Long Vĩnh

Ý nghĩa tên cơ quan hành chính:

Địa danh Hán Việt:

隆 Long: Hưng thịnh, long trọng

永 Vĩnh: Lâu dài, mãi mãi, vĩnh viễn

隆永社 Long Vĩnh Xã

Vị trí địa lý:

Xã Long Vĩnh nằm ở phía Đông Nam huyện Gò Công Tây, phía Đông giáp xã Long Bình, phía Tây giáp xã Vĩnh Hựu, phía Bắc giáp thị trấn Vĩnh Bình và xã Thạnh Trị, phía Nam giáp sông Cửa Tiểu.

Diện tích tự nhiên: 1.279,93 ha.

Hành Chính:

Xã Long Vĩnh có 5 ấp: Hưng Hòa, Thới An A, Thới An B, Vĩnh Quới, Phú Quới

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Vĩnh Hựu thuộc tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn này thuộc tổng Hòa Đồng, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định. Năm 1852, đời vua Tự Đức, thôn Vĩnh Hựu thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, làng Vĩnh Hựu thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công; từ năm 1913, làng này thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, quận Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; năm 1916, làng Vĩnh Hựu được điều chỉnh một phần diện tích và dân số để lập làng Vĩnh Viễn (tiền thân của xã Long Vĩnh hiện nay); từ năm 1924, làng Vĩnh Viễn thuộc tổng Hòa Đồng Trung, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, từ năm 1945-1951, gọi là xã Vĩnh Viễn, tổng Hòa Đồng Trung, tỉnh Gò Công; từ năm 1951-1954, xã này thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Vĩnh Viễn thuộc tổng Hòa Đồng Trung, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1968, gọi là xã Vĩnh Viễn, huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1968-1972, xã Vĩnh Viễn thuộc huyện Tây, tỉnh Gò Công; từ năm 1972-1975, xã này thuộc Vùng 1, tỉnh Gò Công; chính quyền Sài Gòn, từ năm 1954-1963, xã Vĩnh Viễn thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, quận Hòa Đồng, tỉnh Định Tường; từ năm 1963-1975, xã Vĩnh Viễn thuộc quận Hòa Đồng, tỉnh Gò Công.

Sau năm 1975, xã Vĩnh Viễn được đổi tên thành xã Long Vĩnh, thuộc huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Năm 1979, xã Long Vĩnh thuộc huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Năm 2019, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới. Năm 2021, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao. Năm 2022, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới kiểu mẫu.

Dân số: 8.349 người (2010).

Thu nhập bình quân: 61,26 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Kinh tế chủ yếu của xã là sản xuất nông nghiệp, nông như trồng lúa, cây ăn trái (bưởi, dừa xiêm, mãng cầu xiêm, bơ, lài,...), cây kiểng (mai nu), rau màu, chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi chim yến và nuôi trồng thủy sản. Từ năm 2019, mỗi vụ lúa đều có ít nhất 50 ha tham gia mô hình cánh đồng mẫu lớn. Từ năm 2020, phát triển thêm mô hình sản xuất lúa công nghệ cao, mỗi vụ có hơn 150 ha thực hiện mô hình.

Xã có 140 hộ kinh doanh, dịch vụ với quy mô vừa và nhỏ, 03 doanh nghiệp và 01 Hợp tác xã hoạt động đều có lãi, đã góp phần giải quyết một phần công ăn việc làm cho lao động tại xã.

Giáo dục:

Xã có 02 trường học: Trường mầm non Long Vĩnh, Trường tiểu học Nguyễn Văn Quyên. Cả hai trường đều đạt chuẩn Quốc gia.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 06 biên chế: 02 y sĩ, 01 nữ hộ sinh, 01 dược sĩ, 01 điều dưỡng, 01 cán bộ dân số.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 92% (2020).

Giao thông:

Ngang qua xã có Đường tỉnh 872, Đường tỉnh 877; Đường huyện 16C, Đường huyện 16A, Đường huyện 11.

Hệ thống giao thông nông thôn của xã có: đường liên xã (02 tuyến, dài 4.900 m); đường ấp (14 tuyến, dài 21.000 m); đường dân sinh (12 tuyến, dài 8.300 m); đường nối với các khu sản xuất (01 tuyến, 2.000 m). Tất cả tuyến đường này đều được trải nhựa hoặc bê tông.

Văn hóa:

Xã có 01 Nhà văn hóa đạt chuẩn theo quy định, 02 câu lạc bộ Hát với nhau, 04 con đường văn hóa; 01 cơ sở thờ tự văn hóa (Tịnh thất Phước Chơn), 01 câu lạc bộ Sinh vật cảnh

Tất cả các ấp đều được công nhận danh hiệu Ấp văn hóa và có Nhà văn hóa ấp. Hàng năm, có 100% hộ đăng ký xây dựng gia đình văn hóa, trong đó bình quân có 93% hộ được xét đạt chuẩn gia đình văn hóa.

Xã có 01 di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh: Đài chiến sĩ.

Du lịch:

Đài chiến sĩ là di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh, được chọn là một trong những địa điểm du lịch "Về nguồn" của huyện.

Thể thao:

Xã có 01 sân bóng đá mini, 01 sân bóng chuyền, 01 sân cầu lông, 03 bộ dụng cụ thể thao đơn giản tại nhà văn hoá xã, 01 câu lạc bộ Võ cổ truyền, 01 câu lạc bộ Bóng đá, 01 câu lạc bộ Bóng chuyền, 01 Câu lạc bộ cầu lông.

Tổng số liệt sĩ: 156 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 33 Bà mẹ.

10. Xã Thành Công

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

成 Thành

功 Công

成功社 Thành Công Xã

Vị trí địa lý:

Xã Thành Công nằm ở phía đông bắc huyện Gò Công Tây, phía Đông giáp xã Bình Xuân và xã Long Chánh (đều thuộc thị xã Gò Công), phía Tây giáp xã Đồng Thạnh và xã Thạnh Trị, phía Nam giáp xã Thạnh Trị và xã Yên Luông, phía Bắc giáp xã Bình Phú và xã Bình Xuân (thị xã Gò Công).

Diện tích tự nhiên: 810,52 ha.

Hành chính:

Xã có 03 ấp: Bình Lạc, Bình Hưng, Bình Nhựt.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Bình Công thuộc tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn

này thuộc tổng Hòa Đồng, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định. Năm 1852, đời vua Tự Đức, ngoài thôn Bình Công còn có thêm thôn Bình Hòa; cả hai thôn này đều thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; năm 1885, làng Bình Hòa nhập vào làng Bình Công; từ năm 1900, làng Bình Công thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công; từ năm 1913, làng Bình Công thuộc tổng Hòa Đồng Trung, quận Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1924, ngoài làng Bình Công thuộc tổng Hòa Đồng Trung, tỉnh Gò Công còn có làng Bình Thành thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, từ năm 1945-1951, gọi là xã Bình Công (tổng Hòa Đồng Trung, tỉnh Gò Công) và xã Bình Thành (tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công); từ năm 1951-1954, hai xã này thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Bình Công thuộc tổng Hòa Đồng Trung, tỉnh Gò Công và làng Bình Thành thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1968, hai xã Bình Công và Bình Thành hợp nhất thành xã Thành Công (1957) thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1968-1972, xã Thành Công thuộc huyện Tây, tỉnh Gò Công; từ năm 1972-1975, xã này thuộc Vùng 2, tỉnh Gò Công; chính quyền Sài Gòn, từ năm 1954-1963, hai xã Bình Công và Bình Thành hợp nhất thành xã Thành Công (1957) thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, quận Hòa Đồng, tỉnh Định Tường; từ năm 1963-1975, xã Thành Công thuộc quận Hòa Tân, tỉnh Gò Công.

Sau năm 1975, xã Thành Công thuộc huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Năm 1979, xã Thành Công thuộc huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Năm 2017, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới. Năm 2022, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao.

Dân số: 5.320 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 56 triệu/người/năm (2020).

Kinh tế:

Kinh tế chủ yếu của xã là sản xuất nông nghiệp, như trồng lúa, các loại rau màu, chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi cá nước ngọt. Ngoài ra, xã còn có một số hộ kinh doanh, buôn bán nhỏ.

Giáo dục:

Xã có 03 trường học: Trường mầm non Thành Công, Trường tiểu học Thành Công (đạt chuẩn Quốc gia), Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Đoàn Trần Nghiệp.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia về Y tế xã, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 nữ hộ sinh; 01 dược sĩ, 01 điều dưỡng; 01 cán bộ dân số.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 92% (2020).

Giao thông:

Ngang qua xã có Đường tỉnh 873 và Đường huyện 13. Tất cả tuyến đường giao thông nông thôn, đường xã, liên ấp, đường từ trung tâm xã đến đường huyện, đường tỉnh đều được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, bảo đảm ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và không lầy lội vào mùa mưa.

Văn hóa:

Xã được công nhận xã văn hóa, có 01 Nhà văn hóa đạt chuẩn theo quy định, 01 câu lạc bộ Hát với nhau, 01 câu lạc bộ Đờn ca tài tử.

Tất cả các ấp đều được công nhận danh hiệu Ấp văn hóa và có nhà văn hóa ấp, có 100% hộ đăng ký xây dựng gia đình văn hóa, trong đó có 95% hộ được xét đạt chuẩn gia đình văn hóa.

Du lịch: Xã chưa có địa điểm du lịch.

Thể thao:

Xã có sân bóng chuyền, sân cầu lông, các bộ dụng cụ thể thao đơn giản tại Nhà văn hóa xã, 01 đội bóng đá, 01 đội bóng chuyền, 01 đội cầu lông.

Tổng số liệt sĩ: 109 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 20 Bà mẹ.

11. Xã Thạnh Nhựt

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

盛 Thịnh (Thạnh): Thịnh vượng, tươi tốt, phồn vinh

日 Nhựt: Mặt trời, ngày

盛日社 Thạnh Nhựt Xã

Vị trí địa lý:

Xã Thạnh Nhựt nằm về phía Tây của huyện Gò Công Tây; phía Đông giáp thị trấn Vĩnh Bình; phía Tây giáp xã An Thạnh Thủy (huyện Chợ Gạo); phía Nam

giáp xã Bình Ninh (huyện Chợ Gạo), xã Vĩnh Hựu (huyện Gò Công Tây); phía Bắc giáp xã Bình Nhì (huyện Gò Công Tây), xã Bình Phục Nhứt (huyện Chợ Gạo).

Diện tích tự nhiên: 1.783,72 ha.

Hành chính:

Xã có 05 ấp: Bình Tây, Bình Đông, Bình Trung, Tân Thạnh và Thạnh Lạc Đông.

Lịch sử hình thành:

Năm 1836, đời vua Minh Mạng, có thôn Tân Nhựt này thuộc tổng Hòa Đồng, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định. Năm 1852, đời vua Tự Đức, thôn Tân Nhựt thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, làng Tân Nhựt được đổi tên thành làng Thạnh Nhựt thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công; từ năm 1913, làng Thạnh Nhựt thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, quận Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1924, làng Thạnh Nhựt thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, từ năm 1945-1951, gọi là xã Thạnh Nhựt thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công; từ năm 1951-1954, xã này thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Thạnh Nhựt thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1968, xã Thạnh Nhựt thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1968-1972, xã Thạnh Nhựt thuộc huyện Tây, tỉnh Gò Công; từ năm 1972-1975, xã này thuộc Vùng 1, tỉnh Gò Công; chính quyền Sài Gòn, từ năm 1954-1963, xã Thạnh Nhựt thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, quận Hòa Đồng, tỉnh Định Tường; từ năm 1963-1975, xã Thạnh Nhựt thuộc quận Hòa Đồng, tỉnh Gò Công.

Sau năm 1975, xã Thành Công thuộc huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Năm 1979, xã Thành Công thuộc huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Năm 2017, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới. Năm 2020, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới. nâng cao.

Dân số: 12.803 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 60,25 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Trong phát triển kinh tế, người dân đã mạnh dạn chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ đất lúa kém hiệu quả sang các loại cây trồng khác như: Bưởi da xanh, thanh long, dừa và đặc biệt mai chiếu thuỷ nu Gò Cô

Bên cạnh kinh tế nông nghiệp, các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp xã Thạnh Nhựt cũng phát triển mạnh như: Nghề làm nhang, đan lục bình, may,…

Xã có 306 cơ sở kinh doanh, dịch vụ với quy mô vừa và nhỏ; 01 tổ hợp tác nước và 03 hợp tác xã cung cấp nước sinh hoạt; 03 chợ: Bình Đông, Thạnh Lạc Đông, Bình Tây.

Giáo dục:

Xã có 03 trường học: Trường mầm non Thạnh Nhựt (đạt chuẩn Quốc gia), Trường tiểu học Thạnh Nhựt (đạt chuẩn Quốc gia), Trường trung học cơ sở Thạnh Nhựt.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia về Y tế xã, có 08 biên chế: 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 01 nữ hộ sinh; 01 dược sĩ, 01 điều dưỡng; 01 chuyên trách dân số.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 94% (2020).

Giao thông:

Ngang qua xã có Quốc lộ 50, Đường huyện 16A và Đường huyện 15A. Tất cả tuyến đường giao thông nông thôn, đường xã, liên ấp, đường từ trung tâm xã đến Quốc lộ 5, đường huyện đều được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, bảo đảm ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và không lầy lội vào mùa mưa.

Văn hóa:

Xã được công nhận xã văn hóa, có 01 nhà văn hóa đạt chuẩn theo quy định, 01 câu lạc bộ (CLB) Đờn ca tài tử, 01 CLB Hát với nhau, 01 CLB Thơ (có tên "Hừng Sáng"), 5 CLB Gia đình phát triển bền vững, 05 đội văn nghệ, 01 bưu điện văn hóa. Đặc biệt, Chi hội Sinh vật cảnh Thạnh Nhựt. Xã Thạnh Nhựt là điểm phát xuất, tạo thương hiệu cho giống "Mai nu Thạnh Nhựt". Gọi tên theo đặc điểm chung là "Mai chiếu thủy", còn phân biệt "Mai nu" bởi khi cây được nhiều năm sẽ nổi những u nần cỡ hột nhãn quanh thân.

Tất cả các ấp đều được công nhận danh hiệu Ấp văn hóa và có nhà văn hóa ấp, có 100% hộ đăng ký xây dựng gia đình văn hóa, trong đó có 92% hộ được xét đạt chuẩn gia đình văn hóa.

Du lịch: Xã chưa có địa điểm du lịch.

Thể thao:

Xã có 02 sân bóng đá mini, 01 sân bóng chuyền, 01 sân bóng chuyền hơi, 01 câu lạc bộ dưỡng sinh, , 01 sân cầu lông, các đội bóng đá, bóng chuyền, cầu lông.

Tổng số liệt sĩ: 199 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 43 Bà mẹ.

12. Xã Thạnh Trị

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

盛 Thịnh (Thạnh): Thịnh vượng, tươi tốt, phồn vinh

治 Trị: Trị an

盛治社 Thạnh Trị Xã

Vị trí địa lý:

Xã Thạnh Trị nằm ở phía Đông của huyện Gò Công Tây; phía Đông giáp xã Yên Luông; phía Tây giáp thị trấn Vĩnh Bình; phía Nam giáp xã Long Vĩnh, xã Long Bình; phía Bắc giáp xã Đồng Thạnh và xã Thành Công.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Vĩnh Thạnh thuộc tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn này thuộc tổng Hòa Đồng, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định. Năm 1852, đời vua Tự Đức, thôn Vĩnh Thạnh thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; năm 1883, làng Vĩnh Trị được thành lập trên cơ sở điều chỉnh một phần diện tích và dân số của làng Vĩnh Hựu; từ năm 1900, hai làng Vĩnh Thạnh và Vĩnh Trị thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công; từ năm 1913, hai làng Vĩnh Thạnh và Vĩnh Trị thuộc tổng Hòa Đồng Trung, quận Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1924, hai làng này thuộc tổng Hòa Đồng Trung, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, từ năm 1945-1951, gọi là xã Vĩnh Thạnh và xã Vĩnh Trị thuộc tổng Hòa Đồng Trung, tỉnh Gò Công; từ năm 1951-1954, hai xã này thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Vĩnh Thạnh và làng Vĩnh Trị thuộc tổng Hòa Đồng Trung, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1968, hai xã Vĩnh Thạnh và Vĩnh Trị hợp nhất thành xã Thạnh Trị thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1968-1972, xã Thạnh Trị thuộc huyện Tây, tỉnh Gò Công; từ năm 1972-1975, xã này thuộc Vùng 1, tỉnh Gò Công; chính quyền Sài Gòn, từ năm 1954-1963, hai xã Vĩnh Thạnh và Vĩnh Trị hợp nhất là xã Thạnh Trị (1956) thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, quận Hòa Đồng, tỉnh Định Tường; từ năm 1963-1975, xã Thạnh Trị thuộc quận Hòa Đồng, tỉnh Gò Công.

Sau năm 1975, xã Thạnh Trị thuộc huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Năm 1979, xã Thạnh Trị thuộc huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Năm 2018, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới.

Diện tích tự nhiên: 1.426,25 ha.

Hành Chính:

Xã có 08 ấp: Thạnh Bình, Thạnh An, Thạnh Hòa Đông, Thạnh Hòa Tây, Thạnh Phú, Thạnh Hưng, Thạnh Yên.

Dân số: 9.533 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 50,3 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Kinh tế chủ yếu của xã là sản xuất nông nghiệp, như trồng lúa (nghề chính), trồng cây ăn trái, rau màu, chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi cá nước ngọt,... Ngoài ra, còn có một số hộ dân làm nghề sửa chữa cơ khí nhỏ và buôn bán nhỏ, lẻ.

Giáo dục:

Xã có 3 trường: Trường mầm non Thạnh Trị (đạt chuẩn Quốc gia), Trường tiểu học Thạnh Trị (đạt chuẩn Quốc gia), Trường trung học cơ sở Thạnh Trị.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia về Y tế xã, 07 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 nữ hộ sinh; 01 dược sĩ, 01 điều dưỡng; 01 cán bộ dân số.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 94% (2020).

Giao thông:

Ngang qua xã có Quốc lộ 50, Đường huyện 16A và Đường huyện 15A. 100% đường giao thông nông thôn: đường xã, liên ấp, đường từ trung tâm xã đến Quốc lộ 50, đường huyện, đều được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, bảo đảm ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và không lầy lội vào mùa mưa.

Văn hóa:

Xã được công nhận xã văn hóa, có 01 nhà văn hóa đạt chuẩn theo quy định, 01 câu lạc bộ (CLB) Đờn ca tài tử, 01 CLB Hát với nhau, 08 CLB Gia đình phát triển bền vững, 04 cơ sở thờ tự văn hóa, 02 con đường văn hóa.

Tất cả các ấp đều được công nhận danh hiệu Ấp văn hóa và có nhà văn hóa ấp, có 100% hộ đăng ký xây dựng gia đình văn hóa, trong đó có 95% hộ được xét đạt chuẩn gia đình văn hóa.

Du lịch: Xã chưa có địa điểm du lịch.

Thể thao:

Xã có 01 sân bóng đá mini, 01 sân bóng chuyền, 01 sân cầu lông, 01 câu lạc bộ dưỡng sinh, các đội bóng đá, bóng chuyền, cầu lông.

Tổng số liệt sĩ trên địa bàn xã : 117 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 11 Bà mẹ.

13. Xã Vĩnh Hựu

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

永 Vĩnh: Lâu dài, mãi mãi, vĩnh viễn

祐 Hựu: Bảo hộ, che chở, phúc lành

永祐社 Vĩnh Hựu Xã

Vị trí địa lý:

Xã Vĩnh Hựu nằm về phía Tây Nam huyện Gò Công Tây; phía Bắc giáp xã Thạnh Nhựt, thị trấn Vĩnh Bình; phía Nam giáp xã Tân Thới (huyện Tân Phú Đông); phía Tây giáp xã Bình Ninh (huyện Chợ Gạo); phía Đông giáp xã Long Vĩnh.

Diện tích tự nhiên: 1.908,62 ha.

Hành chính:

Xã có 05 ấp: Ấp Phú Quý, Bình An, Thạnh Thới, An Ninh, Hòa Bình

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Vĩnh Hựu thuộc tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn này thuộc tổng Hòa Đồng, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định. Năm 1852, đời vua Tự Đức, thôn Vĩnh Hựu thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, làng Vĩnh Hựu thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công; năm 1883, làng Vĩnh Hựu cắt một phần diện tích và dân số để lập làng Vĩnh Trị; từ năm 1913, làng Vĩnh Hựu thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, quận Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; năm 1916, làng Vĩnh Hựu cắt một phần diện tích

và dân số để lập làng Vĩnh Viễn (tiền thân của xã Long Vĩnh hiện nay); từ năm 1924, làng Vĩnh Hựu thuộc tổng Hòa Đồng Trung, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, từ năm 1945-1951, gọi là xã Vĩnh Hựu, tổng Hòa Đồng Trung, tỉnh Gò Công; từ năm 1951-1954, xã này thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Vĩnh Hựu thuộc tổng Hòa Đồng Trung, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1968, gọi là xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1968-1972, xã Vĩnh Hựu thuộc huyện Tây, tỉnh Gò Công; từ năm 1972-1975, xã này thuộc Vùng 1, tỉnh Gò Công; chính quyền Sài Gòn, từ năm 1954-1963, xã Vĩnh Hựu thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, quận Hòa Đồng, tỉnh Định Tường; từ năm 1963-1975, xã Vĩnh Hựu thuộc quận Hòa Đồng, tỉnh Gò Công.

Sau năm 1975, xã Vĩnh Hựu thuộc huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Năm 1979, xã Vĩnh Hựu thuộc huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Năm 2016, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

Dân số: 11.232 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 59 triệu đồng/1 người/năm (2020).

Kinh tế:

Vĩnh Hựu là xã nông nghiệp, như trồng lúa, trồng cây dừa, cây ca cao xen cây dừa, chăn nuôi gia súc, gia cầm, chim yến và nuôi cá nước ngọt. Về tiểu thủ công nghiệp, xã có Làng nghề truyền thống bó chổi. Đồng thời, còn có một số hộ dân làm nghề sửa chữa cơ khí nhỏ và buôn bán nhỏ, lẻ.

Giáo dục:

Xã có 03 trường: Trường mầm non Vĩnh Hựu (đạt chuẩn Quốc gia), Trường tiểu học Nguyễn Thị Tốt (đạt chuẩn Quốc gia), Trường trung học cơ sở Nguyễn Thị Bảy.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia về Y tế xã, có 06 biên chế: 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 01 điều dưỡng kiêm cán bộ dân số, 01 nữ hộ sinh.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 94% (2020).

Giao thông:

Xã có vị trí thuận lợi về giao thông thủy bộ như: 02 tuyến đường tỉnh 872, 877, 03 tuyến đường huyện 16C, 15A, 15B, sông Cửa Tiểu, sông Vàm Giồng và

Kênh/Kinh 14 đi ngang qua địa bàn xã, tạo nhiều thuận lợi cho việc giao lưu, vận chuyển hàng hóa và đi lại của người dân địa phương và vùng lân cận.

Xã có 41/41 tuyến đường giao thông nông thôn: đường xã, liên ấp, đường từ trung tâm xã đến đường tỉnh, đường huyện đều được trải nhựa hoặc trải bê tông.

Văn hóa:

Xã có 01 di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh: Khu kháng chiến Vĩnh Hựu.

Xã được công nhận xã văn hóa, có 01 Nhà văn hóa đạt chuẩn theo quy định, 01 câu lạc bộ (CLB) Đờn ca tài tử, 01 CLB Hát với nhau, 01 chi hội Hoa kiểng.

Tất cả các ấp đều được công nhận danh hiệu Ấp văn hóa và có 03/05 ấp có Nhà văn hóa. Hàng năm, xã có 100% hộ đăng ký xây dựng gia đình văn hóa, trong đó bình quân có 96% hộ được xét đạt chuẩn gia đình văn hóa.

Du lịch:

Khu kháng chiến Vĩnh Hựu là di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh, thu hút đông đảo sinh viên - học sinh đến tham quan theo hình thức du lịch "Về nguồn".

Thể thao:

Xã có 01 sân bóng đá, 01 sân bóng chuyền, 01 sân cầu lông, 01 câu lạc bộ dưỡng sinh, 01 câu lạc bộ Võ cổ truyền, các đội bóng đá, bóng chuyền, cầu lông.

Tổng số liệt sĩ: 317 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 42 Bà mẹ.

14. Xã Yên Luông

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

安 An (Yên): Bình an, an toàn, yên ổn

隆 Long (Luông): Hưng thịnh, long trọng

安 隆 社 Yên Luông Xã

Vị trí địa lý:

Xã Yên Luông nằm về phía Đông huyện Gò Công Tây, phía Đông giáp xã Long Chánh và xã Long Hòa (thị xã Gò Công), phía Tây giáp xã Thạnh Trị, phía Nam giáp xã Bình Tân và Long Bình, phía Bắc giáp xã Thành Công.

Diện tích tự nhiên: 1.049,62 ha.

Hành chính:

Xã Yên Luông có 04 ấp: Phú Quới, Long Bình, Thạnh Phong và Bình Cách.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có hai thôn Yên Luông Đông và Yên Luông Tây thuộc tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, hai thôn này thuộc tổng Hòa Lạc, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định. Năm 1852, đời vua Tự Đức, thôn Yên Luông Đông và thôn Yên Luông Tây thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, làng Yên Luông Đông và làng Yên Luông Tây thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công; từ năm 1913, hai làng Yên Luông Đông và Yên Luông Tây thuộc tổng Hòa Đồng Trung, quận Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1924, hai làng Yên Luông Đông và Yên Luông Tây thuộc tổng Hòa Đồng Trung, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, từ năm 1945-1951, gọi là xã Yên Luông Đông và xã Yên Luông Tây, tổng Hòa Đồng Trung, tỉnh Gò Công; từ năm 1951-1954, hai xã này thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Yên Luông Đông và làng Yên Luông Tây thuộc tổng Hòa Đồng Trung, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1968, hai xã Yên Luông Đông và Yên Luông Tây hợp nhất thành xã Yên Luông (1956) thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1968-1972, xã Yên Luông thuộc huyện Tây, tỉnh Gò Công; từ năm 1972-1975, xã này thuộc Vùng 1, tỉnh Gò Công; chính quyền Sài Gòn, từ năm 1954-1963, hai xã Yên Luông Đông và Yên Luông Tây hợp nhất thành xã Yên Luông (1956) thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, quận Hòa Đồng, tỉnh Định Tường; từ năm 1963-1975, xã Yên Luông thuộc quận Hòa Đồng, tỉnh Gò Công.

Sau năm 1975, xã Yên Luông thuộc huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Năm 1979, xã Yên Luông thuộc huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Năm 2019, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

Dân số: 6.650 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 55 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Kinh tế chủ yếu xã chủ yếu là nông nghiệp, như trồng lúa đặc sản, rau màu (dưa hấu, cà, bí, ớt, rau xanh, đậu, bắp,…), chăn nuôi gia súc, gia cầm với mô hình chăn nuôi trang trại kỹ thuật cao.

Ngoài ra, xã có có nhiều cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ, giải quyết việc làm ổn định cho hơn 1000 lao động.

Giáo dục:

Xã có 03 trường: Trường mầm non Yên Luông (đạt chuẩn Quốc gia), Trường tiểu học Đỗ Trình Thoại (đạt chuẩn Quốc gia), Trường trung học cơ sở Nguyễn Văn Thiều.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia về Y tế xã, 07 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 nữ hộ sinh; 01 dược sĩ, 01 điều dưỡng; 01 cán bộ dân số.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 93% (2020).

Giao thông:

Ngang qua xã có Quốc lộ 50, Đường huyện 15A và Đường huyện 16B.

Tất cả tuyến đường giao thông nông thôn: đường xã, liên ấp, đường từ trung tâm xã đến Quốc lộ 50, đường huyện đều được trải nhựa hoặc trải bê tông.

Văn hóa:

Xã có 01 nhà văn hóa đạt chuẩn theo quy định, 04 câu lạc bộ đờn ca tài tử, 04 đội lân.

Tất cả các ấp đều được công nhận danh hiệu Ấp văn hóa và có nhà văn hóa, có 100% hộ đăng ký xây dựng gia đình văn hóa, trong đó có 95% hộ được xét đạt chuẩn gia đình văn hóa.

Du lịch: Chưa có địa điểm du lịch.

Thể thao:

Xã có 01 sân bóng chuyền, 01 sân cầu lông, 01 câu lạc bộ dưỡng sinh, các đội bóng đá, bóng chuyền, cầu lông.

Tổng số liệt sĩ: 99 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 17 Bà mẹ.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn quốc lộ, đường cao tốc, đường tỉnh:**

Quốc lộ 50, đoạn ngang qua tỉnh Tiền Giang

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng mang yếu tố Hán Việt (Quốc: 國: Nước; Lộ: 路: Đường) + Số hiệu (50).

Quốc lộ 50 là tuyến đường nối liền từ Thành phố Hồ Chí Minh qua tỉnh Long An đến tỉnh Tiền Giang, bắt đầu từ cầu Nhị Thiên Đường, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, theo hướng nam đi qua huyện Bình Chánh (Thành phố Hồ Chí Minh),

sang hai huyện Cần Giuộc và Cần Đước, tỉnh Long An, đến thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Tại trung tâm thị xã Gò Công, con đường rẽ sang hướng tây qua hai huyện Gò Công Tây, Chợ Gạo và kết thúc tại thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, với tổng chiều khoảng dài 95 km.

Quốc lộ 50 đoạn ngang qua tỉnh Tiền Giang bắt đầu từ km 41 tại cầu Mỹ Lợi, xã Bình Đông, thị xã Gò Công, xuyên qua thị xã Gò Công, hai huyện Gò Công Tây, Chợ Gạo và kết thúc tại km 95, ngã ba Trung Lương, Phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, dài 54 km.

Đường tỉnh:

1. Đường tỉnh 872

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (872).

Đường tỉnh 872, có số hiệu đường bộ ĐT.872; điểm đầu: Quốc lộ 50 (Ngã ba Hòa Đồng, thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây); điểm cuối: ĐT.877 (Ngã ba Bến đò Cá Chốt, xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây); chiều dài: 7,363 km.

2. Đường tỉnh 872B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (872B).

Đường tỉnh 872B, có số hiệu đường bộ ĐT.872B; điểm đầu: Quốc lộ 50 (xã Yên Luông, huyện Gò Công Tây); điểm cuối: Đường tỉnh 877B (xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông); chiều dài: 10,717 km.

3. Đường tỉnh 879D

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (879D).

Đường tỉnh 879D, có số hiệu đường bộ ĐT.879D; điểm đầu: Quốc lộ 50 (xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo); điểm cuối: Giáp ranh tỉnh Long An (cầu Rạch Tràm, xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây); chiều dài: 10,648 km.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn đường huyện, đường phố ở huyện Gò Công Tây:**

Đường huyện:

1. Đường huyện 11

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (11).

Đường huyện 11, có số hiệu đường bộ ĐH.11; điểm đầu: Đường tỉnh 877; điểm cuối: Đường Thới An A; chiều dài: 7,750 km; chiều rộng: 4,5 m.

2. Đường huyện 11B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (11) + Chữ cái la tinh (B).

Đường huyện 11B, có số hiệu đường bộ ĐH.11B; điểm đầu: Đường tỉnh 877; điểm cuối: Đường huyện 11; chiều dài: 1,540 km; chiều rộng: 3,5 m.

3. Đường huyện 12

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (12).

Đường huyện 12, có số hiệu đường bộ ĐH.12; điểm đầu: Quốc lộ 50; điểm cuối: Cầu Thạnh Nhựt; chiều dài: 3,217 km; chiều rộng: 4,5 m.

4. Đường huyện 12B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (12) + Chữ cái la tinh (B).

Đường huyện 11, có số hiệu đường bộ ĐH.12B; điểm đầu: Đường Nguyễn Hữu Trí; điểm cuối: Đường huyện 12; chiều dài: 4,705 km; chiều rộng: 4,5 m.

5. Đường huyện 12C

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (12) + Chữ cái la tinh (C).

Đường huyện 12C, có số hiệu đường bộ ĐH.12C; điểm đầu: Đường Cầu Ván; điểm cuối: Ranh Chợ Gạo; chiều dài: 3,500 km; chiều rộng: 3,5 m.

6. Đường huyện 12D

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (12) + Chữ cái la tinh (D).

Đường huyện 12D, có số hiệu đường bộ ĐH.12D; điểm đầu: Cầu Thạnh Nhựt; điểm cuối: Đường Cầu Ván; chiều dài: 1,000 km; chiều rộng: 3,5 m.

7. Đường huyện 13

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (13).

Đường huyện 13, có số hiệu đường bộ ĐH.13; điểm đầu: Đường tỉnh 873; điểm cuối: Đường huyện 18; chiều dài: 6,900; chiều rộng: 5,5 m.

8. Đường huyện 13B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (13) + Chữ cái la tinh (B).

Đường huyện 13B, có số hiệu đường bộ ĐH.13B; điểm đầu: Đường huyện 13; điểm cuối: Đê Sông Tra; chiều dài: 3,900 km; chiều rộng: 5,5 m.

9. Đường huyện 15

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (15).

Đường huyện 15, có số hiệu đường bộ ĐH.15; điểm đầu: Đường tỉnh 877; điểm cuối: Ranh thị xã Gò Công; chiều dài: 15,731 km; chiều rộng: 4,5 m.

10. Đường huyện 15B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (15) + Chữ cái la tinh (B).

Đường huyện 15B, có số hiệu đường bộ ĐH.15B; điểm đầu: Đường tỉnh 877; điểm cuối: Phà Vàm Giồng; chiều dài: 0,350 km; chiều rộng: 4,5 m.

11. Đường huyện 15C

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (15) + Chữ cái la tinh (C).

Đường huyện 15C, có số hiệu đường bộ ĐH.15C; điểm đầu: Đường tỉnh 877; điểm cuối: Đường huyện 15; chiều dài: 1,200 km; chiều rộng: 4,5 m.

12. Đường huyện 16

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (16).

Đường huyện 16, có số hiệu đường bộ ĐH.16; điểm đầu: Quốc lộ 50; điểm cuối: Đường tỉnh 877; chiều dài: 8,285 km; chiều rộng: 5,5 m.

13. Đường huyện 16C

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (16) + Chữ cái la tinh (C).

Đường huyện 16C, có số hiệu đường bộ ĐH.16C; điểm đầu: Đường tỉnh 877; điểm cuối: Đường huyện 16; chiều dài: 4,400 km; chiều rộng: 5,5 m.

14. Đường huyện 18

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (18).

Đường huyện 18, có số hiệu đường bộ ĐH.18; điểm đầu: Quốc lộ 50; điểm cuối: Bến đò Đồng Sơn; chiều dài: 6,300 km; chiều rộng: 7 m.

15. Đường huyện 19

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (19).

Đường huyện 19, có số hiệu đường bộ ĐH.19; điểm đầu: Đường tỉnh 877; điểm cuối: Cầu Việt Hùng; chiều dài: 3,600 km; chiều rộng: 4,5 m.

16. Đường huyện 19B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (19) + Chữ cái la tinh (B).

Đường huyện 19B, có số hiệu đường bộ ĐH.19B; điểm đầu: Đường huyện 19 ; điểm cuối: Cống Rạch Già; chiều dài: 0,900 km; chiều rộng: 4 m.

17. Đường huyện 20

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (20).

Đường huyện 20, có số hiệu đường bộ ĐH.20; điểm đầu: Đường huyện 18; điểm cuối: Ranh Chợ Gạo; chiều dài: 5,300 km; chiều rộng: 4,5 m.

Đường phố:

1. Đường Nguyễn Thị Bảy

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân.

Tiểu sử danh nhân:

NGUYỄN THỊ BẢY

(1908 – 1941)

Nguyễn Thị Bảy, tên thật là Nguyễn Thị Lục, thường gọi là Bảy Lục, còn có tên khác là Nguyễn Thị Lụa, sinh năm 1908 tại làng Vĩnh Hựu, tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công (nay là xã Long Vĩnh, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân.

Tuy gia đình nghèo và cha mẹ mất sớm; nhưng do có tư chất thông minh và hiếu học, nên bà được sư Thiện Chiếu ở chùa Linh Tuyền (Vĩnh Hựu) dạy chữ Nho và chữ Quốc ngữ. Lúc bấy giờ, làng Vĩnh Hựu là địa phương có phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp diễn ra rất sôi nổi, lại được sự giáo dục của nhà sư yêu nước Thiện Chiếu, nên bà tham gia tổ chức cách mạng Cộng hòa hội do Đặng Vương Tá làm Hội trưởng.

Sau đó, do tổ chức Cộng hòa hội bị thực dân Pháp đàn áp, nên bà di chuyển đến Rạch Giá lao động sinh sống. Một thời gian sau, để tránh sự truy bức của chính quyền thực dân, bà lại chuyển cư đến sinh sống tại làng Phước Vĩnh Đông, quận

Cần Giuộc, tỉnh Chợ Lớn (nay là xã Phước Vĩnh Đông, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An). Tại đây, bà lập gia đình với ông Nguyễn Văn Ớt là đảng viên cộng sản.

Được chồng giáo dục, giác ngộ chủ nghĩa Mác - Lênin, năm 1932, bà tham gia cách mạng tại Cần Giuộc với nhiệm vụ là làm giao liên, rải truyền đơn,… Do đạt được thành tích xuất sắc trong công tác, bà vinh dự được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam) và được cấp trên tin tưởng giao cho phụ trách ba xã của huyện Cần Giuộc là Phước Vĩnh Đông, Phước Lại và Long Hậu Tây. Với sự năng nỗ, nhiệt tình, bà đã xây dựng được nhiều cơ sở cách mạng ở ba xã này; đưa ba xã từ chỗ yếu kém vươn lên thành nơi có phong trào đấu tranh cách mạng mạnh nhất của huyện Cần Giuộc, khiến chính quyền thực dân vô cùng lo ngại, gọi đó là "khu vực Đỏ".

Năm 1934, bà được cấp trên chỉ định vào Ban Chấp hành Huyện ủy Cần Giuộc. Lúc bấy giờ, địch tăng cường, đàn áp và khủng bố phong trào cách mạng ở địa phương. Tuy nhiên, bà vẫn không sợ hy sinh, gian khổ, chịu khó đi khắp vùng nông thôn huyện Cần Giuộc, cùng ăn, cùng ở, cùng làm với quần chúng lao khổ nhằm tuyên truyền cách mạng, xây dựng cơ sở trong giới dân cày và phụ nữ và lãnh đạo nhân dân đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ, như giảm thuế, giảm giờ làm, tăng tiền ngày công,...

Năm 1936, bà được Tỉnh ủy Chợ Lớn chỉ định làm Bí thư Huyện ủy Cần Giuộc. Chấp hành chủ trương của Đảng Cộng sản Đông Dương và chỉ đạo của Tỉnh ủy Chợ Lớn, bà chỉ đạo thành lập các Ủy ban Hành động cấp huyện và cấp xã để vận động nhân dân đấu tranh đòi các quyền tự do, dân sinh, dân chủ; tiêu biểu là cuộc đấu tranh "Đòi quyền lợi cho nông dân" diễn ra rất sôi nổi vào giữa năm 1936.

Năm 1937, bà được cấp trên phân công hoạt động ở Thủ Dầu Một (nay là tỉnh Bình Dương). Nhưng, ít lâu sau, bà bị địch bắt; nhưng do không có đủ chứng cớ để buộc tội, nên bọn chúng đành phải thả ra. Bà trở về Cần Giuộc tiếp tục hoạt động. Năm 1939, bà được bầu làm Tỉnh ủy viên tỉnh Chợ Lớn, Bí thư Huyện ủy Cần Giuộc.

Đầu năm 1940, bà trực tiếp tổ chức và chỉ huy một cuộc biểu tình lớn ở huyện lỵ Cần Giuộc với sự tham gia của 500 quần chúng, đòi thực dân Pháp không được bắt thanh niên Việt Nam đi lính và phản đối đưa binh lính người Việt ra mặt trận trong cuộc chiến tranh giữa thực dân Pháp ở Đông Dương với nhà cầm quyền quân phiệt Thái Lan. Cuộc biểu tình đã giành được thắng lợi, gây tiếng vang lớn trong tỉnh Chợ Lớn và các tỉnh lân cận, tạo được niềm tin cho quần chúng về sức mạnh đấu tranh của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Ngày 23-11-1940, trong cuộc khởi nghĩa Nam kỳ, bà được phân công làm Trưởng ban Khởi nghĩa huyện Cần Giuộc. Bấy giờ, trụ sở của Ban Khởi nghĩa đặt tại đình xã Phước Lại. Tại đây, bà đã chỉ huy cuộc khởi nghĩa nổ ra rất mãnh liệt ở

trong toàn huyện, khiến cho chính quyền cơ sở của thực dân Pháp ở nhiều xã bị tê liệt, những tên địa chủ, hội tề ác ôn, có nợ máu với quân chúng nhân dân bị trừng trị.

Nhưng sau đó ba ngày, thực dân Pháp tung lực lực lượng hùng hậu đàn áp dã man cuộc khởi nghĩa. Binh lính địch tiến vào xã Phước Lại và nhiều xã khác đốt phá, cướp của, bắt và xử bắn nhiều người nhằm khủng bố tinh thần của nhân dân ta. Tuy vậy, bà và cùng với tập thể Ban Khởi nghĩa vẫn kiên cường bám trụ địa bàn, tiếp tục chỉ huy nghĩa quân chiến đấu chống giặc, gây cho chúng nhiều thiệt hại.

Trong khi lực lượng nghĩa quân ngày càng hao hụt do hy sinh trong khi đối mặt với kẻ thù, lại thiếu thốn vũ khí, lương thực; thì quân địch lại được tiếp viện đông đảo. Trước tình thế khó khăn đó, ngày 08-12-1940, bà ra lệnh cho nghĩa quân rút vào rừng Sác để bảo toàn lực lượng, chờ thời cơ mới. Nhưng khi đến Rạch Gần, nghĩa quân đã mưu trí phục kích và bắt sống chiếc ghe tuần tra của địch do Hương quản Tuấn và Hương hào Ngà chỉ huy, tịch thu được một khẩu súng. Có thêm vũ khí, bà quyết định tổ chức cho nghĩa quân quay trở lại tiếp tục chiến đấu.

Ngày 14-12-1940, bà cùng với một đồng chí đi công tác ngang qua bến đò Long Đức Đông, cách thị trấn Cần Giuộc khoảng 1 km. Lúc bấy giờ, bọn lính lê dương cũng vừa triển khai lực lượng đi càn quét. Gặp địch, bà và đồng đội không còn cách nào khác là nổ súng chiến đấu. Do quân địch giữ thế áp đảo, nên đồng chí đi cùng đã anh dũng hy sinh; còn bà thì sau khi tiêu hủy hết tài liệu đã bị bọn chúng bắt được.

Sau đó, bà bị địch giam giữ tại nhà tù Cần Giuộc rồi trại giam Pô lô, một chi nhánh của trại giam lớn nhất Nam kỳ Catina (Sài Gòn). Tại trại giam Pô lô, dù bị tra tấn dã man, nhưng bà luôn tỏ thái độ hiên ngang, kiên cường, bất khuất, dũng cảm trước kẻ thù. Do đó, bọn cai ngục ở đây rất nể sợ, đặt biệt hiệu cho bà là "Bà Hoàng hậu". Tiếp theo, thực dân Pháp đưa bà vào khám lớn Sài Gòn, giam chung với Bí thư Thành ủy Sài Gòn Nguyễn Thị Minh Khai. Tại đây, dưới sự chỉ đạo của bà Nguyễn Thị Minh Khai, bà đã tổ chức cho nữ tù chính trị đấu tranh đòi địch phải cải thiện chế độ lao tù. Khi bà Nguyễn Thị Minh Khai bị biệt giam, bà đã chỉ đạo thành lập Ban Trật tự nhà lao nhằm động viên, giáo dục nữ tù chính trị giữ vững khí tiết cách mạng, đoàn kết đấu tranh chống địch tra tấn, khủng bố, bảo vệ lẫn nhau. Tuy bị bọn cai ngục hành hạ, đánh đập dã man, nhưng bà luôn lạc quan, tin tưởng ngày mai tươi sáng của cách mạng.

Khiếp sợ trước ý chí gang thép của của người nữ chiến sĩ cộng sản, ngày 04-5-1941, thực dân Pháp đưa bà ra xử bắn tại sân banh huyện Cần Giuộc (nay là công viên Nguyễn Thị Bảy) cùng với 4 đồng chí khác trong sự tiếc thương và khâm phục của đồng bào huyện nhà. Trước phút ngã xuống vì nước, vì dân, bà đã hô vang khẩu hiệu:

- Đả đảo đế quốc Pháp.

- Đảng Cộng sản Đông Dương muôn năm.

- Việt Nam độc lập muôn năm.

Bà đã vì nước hy sinh khi vừa tròn 33 tuổi. Ngày 23-2-2010, bà được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Ngày 05/6/2015, bà được nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

Tên bà được đặt tên cho công viên, trường trung học cơ sở và một con đường tại thị trấn Cần Giuộc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An; tên đường ở TP Tân An, tỉnh Long An; tên đường tại thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Đường Nguyễn Thị Bảy có điểm đầu: Đường Nguyễn Hữu Trí; điểm cuối: Đường tránh phía Đông; chiều dài: 1,5 km; chiều rộng: 4,5 m.

2. Đường Nguyễn Thị Bờ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân.

Tiểu sử danh nhân:

NGUYỄN THỊ BỜ

(1926 – 1969)

Nguyễn Thị Bờ, bí danh Hai Liêm, thường gọi Hai Bờ, sinh năm 1926 tại làng Phú Thạnh Đông, tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công (nay là xã Phú Đông, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân nghèo, có truyền thống đấu tranh bất khuất.

Năm 1949, bà tham gia cách mạng với nhiệm vụ làm giao liên hợp pháp, chỉ huy Ban chấp hành Hội phụ nữ xã đã có nhiều đóng góp trong vận động chị em phụ nữ gây dựng phong trào ở địa phương, mưu trí, dũng cảm lọt qua mắt giặc, đưa công văn, chỉ thị của Đảng đến nơi an toàn, kịp lúc. Năm 1950, mặc dù mong muốn được trực tiếp chiến đấu chống kẻ thù, nhưng khi được cử đi học lớp Cô đỡ ở Đồng Tháp Mười, bà đã khắc phục khó khăn, gởi con nhỏ cho gia đình chăm sóc, chấp hành sự phân công của tổ chức, lên đường nhập học đúng thời gian quy định. Sau khi hoàn thành khóa học, bà trở về địa phương, tiếp tục công tác phụ nữ, vừa giúp chị em trong việc sinh đẻ, vừa lấy nghề cô đỡ làm điều kiện tiếp xúc với quần chúng, xây dựng cơ sở cách mạng và giác ngộ, động viên nhiều gia đình cho con em tham gia cách mạng. Nhờ đó, năm 1951-1952, xã Phú Thạnh Đông có hơn 100 hội viên phụ nữ. Đây là một trong những xã có phong trào phụ nữ mạnh nhất huyện. Năm 1951, bà được kết nạp vào Đảng Lao động Việt Nam (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam). Năm 1952, bà là chi ủy viên chi bộ xã Phú Thạnh Đông.

Năm 1954, sau khi tiễn người chồng thân yêu tập kết ra miền Bắc, bà ở lại quê nhà, vừa lo nuôi cha mẹ già và 2 con nhỏ, vừa làm Bí thư chi bộ mật xã Phú Thạnh Đông với nhiệm vụ chính là lãnh đạo chi bộ vượt qua thời kỳ khó khăn nhất của cách mạng. Tháng 11-1954, bà tổ chức cuộc mít tinh mừng hòa bình và đòi chính quyền địch thực hiện hiệp định Genève với sự tham gia của hàng ngàn quần chúng. Cuối 1956, bà bị địch bắt. Mặc dù bị tra tấn dã man, nhưng bà vẫn giữ vững khí tiết; đồng thời, động viên đồng đội kiên quyết không khai báo. Sau ba tháng ở trại giam Gò Công, không khai thác được gì, địch chuyển bà lên nhà lao Thủ Đức, đưa vào trại biệt giam dành cho thành phần nguy hiểm. Ở đây, bà đã phát động đấu tranh chống chế độ nhà tù hà khắc, lãnh đạo chị em tù chính trị phản đối việc hô khẩu hiệu chống cách mạng. Trả đũa, bọn giám ngục bắt bà đưa xuống hầm tối, đầy nước, rác, đỉa và xác súc vật. Khi được kéo lên bà đã bị bất tỉnh. Tuy nhiên, vừa tỉnh lại, bà vẫn không khuất phục trước cường quyền bạo lực. Thấy bà bị đánh đập triền miên, một số nữ tù khuyên nên bớt đấu tranh, dưỡng sức để chiến đấu lâu dài với địch. Tuy nhiên, với ý chí tiến công của một chiến sĩ cách mạng trung kiên, bà đã khẳng khái nói: "Các chị cứ theo nội quy nhà tù, còn đấu tranh cứ để tôi. Tôi phải xứng đáng là đảng viên cộng sản".

Tháng 11-1958, bà được thả. Trải qua hai năm trong nhà tù của bọn đế quốc và tay sai, bà đã được trui rèn trong lửa đỏ, tỏ rõ chí kiên cường của một người cộng sản, là hạt nhân của cuộc đấu tranh, là người đi đầu trong mọi gian lao nguy hiểm. Khi bà trở về địa phương thì cơ sở cách mạng bị địch đánh phá ác liệt và gần như tan vỡ hoàn toàn. Với tinh thần vượt khó cao độ, bất chấp gian khổ, hy sinh, bà lao vào công tác, hoạt động đơn tuyến, gầy dựng lại phong trào. Năm 1961 - 1962, bà được cấp trên cử đi học khóa y sĩ. Năm 1963, sau khi hoàn tất khóa học, bà được điều về làm Phó ban Dân y huyện Tây. Từ 1965 - 1969, Gò Công bị bình định trắng, địch đánh phá liên tục, số thương binh ở trạm dân y do bà phụ trách có lúc lên đến 70-80 người, tiền bạc, lương thực, thuốc men cạn kiệt. Nhưng bà đã không ngại khó khăn, nguy hiểm, tìm về cơ sở gặp hội phụ nữ các xã để vận động quyên góp được hàng trăm kí gạo và một số tiền lớn, tổ chức đường dây mua thuốc, dụng cụ y tế ở Mỹ Tho, Sài Gòn để cứu chữa thương binh.

Năm 1968, bà được đề bạt làm Trưởng ban Dân y huyện. Đầu năm 1969, một tin đau thương đến với bà: cả 2 con trai bà đều anh dũng hy sinh trên chiến trường. Nén nỗi đau thương mất mát, bà hăng say công tác với quyết tâm chiến đấu giải phóng quê hương, trả thù cho bao đồng đội, đồng chí và cả hai người con thân yêu của mình đã "vì nước quên thân".

Tháng 10-1969, địch càn vào trạm dân y huyện. Trước tình hình khẩn cấp lúc đó, bà cùng với các cán bộ của trạm đã nhanh chóng chuyển toàn bộ thương binh đến nơi trú ẩn an toàn. Sau đó, bà cùng với hai nữ đồng chí xuống hầm bí mật. Do có chỉ điểm, nên bọn địch phát hiện hầm của bà và liên tục gọi hàng. Một lúc sau, thấy gọi hàng không kết quả, chúng dùng súng bắn cấp tập xuống hầm. Kiên quyết

không để bị địch bắt, bà và đồng đội bật nắp hầm, tung lựu đạn, đánh trả địch. Tuy nhiên, do quân địch đông và hỏa lực mạnh, nên bà và đồng đội đã anh dũng hy sinh ngay tại miệng hầm. Về phía địch, có 1 tên đền tội và 3 tên khác bị thương. Trước lúc hy sinh, bà đã xé nát, đập bể tất cả tiền bạc, giấy tờ, dụng cụ, thuốc men, quyết không để lọt vào tay giặc. Sự hy sinh oanh liệt của bà và đồng đội đã làm cho bọn địch khiếp đảm. Về phía ta, gần 100 thương binh và cán bộ, chiến sĩ đơn vị được an toàn.

Bà đã hy sinh vì nước năm 43 tuổi. Ngày 5-12-2007, bà được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Bà cũng được Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Tên bà được đặt tên đường ở thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Đường Nguyễn Thị Bờ có điểm đầu: Đường Nguyễn Thìn; điểm cuối: Đường Đặng Vương Tá; chiều dài: 0,800 km; chiều rộng: 4,5 m.

3. Đường Phan Bội Châu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân.

Tiểu sử danh nhân:

PHAN BỘI CHÂU

(1867 – 1940)

Phan Bội Châu tên thật là Phan Văn San, tự là Hài Thu, bút hiệu là Sào Nam, Thị Hán, Độc Kinh Tử, Việt Điểu, Hàn Mãn Tử,... sinh năm 1867 tại làng Đan Nhiễm, xã Nam Hòa, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

Thuở nhỏ, ông nổi tiếng học giỏi. Năm 19 tuổi (1885) ông cùng bạn là Trần Văn Lương lập đội nghĩa quân Cần Vương chống Pháp nhưng việc không thành. Năm 1900, ông dự khoa thi Hương ở trường thi Nghệ An và đỗ cử nhân thủ khoa.

Trong vòng 5 năm sau khi đỗ, ông bôn ba khắp nước Việt Nam liên kết với các nhà yêu nước, như Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp, Nguyễn Thượng Hiền, Nguyễn Hàm (tức Tiểu La Nguyễn Thành), Đặng Nguyên Cẩn, Ngô Đức Kế, Đặng Thái Thân, Hồ Sĩ Kiện, Lê Huân, Nguyễn Quyền, Võ Hoành, Lê Đại để cùng họ chống Pháp. Ông chọn một hoàng thân nhà Nguyễn là Kỳ Ngoại Hầu Cường Để làm lãnh tụ phong trào Cần Vương.

Năm 1904, ông cùng 20 nhà yêu nước họp tại Quảng Nam để thành lập Hội Duy Tân. Năm 1905, ông cùng Tăng Bạt Hổ sang Trung Quốc rồi sang Nhật Bản để gặp gỡ các nhà cách mạng Nhật và Trung Quốc và cầu viện trợ tài chính cho phong trào do ông thành lập. Tại Trung Quốc ông gặp Lương Khải Siêu và được khuyên nên dùng thơ văn để thức tỉnh lòng yêu nước của nhân dân Việt Nam. Từ đó, ông viết nhiều tác phẩm có tác động lớn với sĩ phu trong nước (Việt Nam quốc

sử khảo, Ngục trung thư, Lưu Cầu huyết lệ tân thư, Việt Nam vong quốc sử, Việt Nam quốc sử bình diễn ca,…). Cùng thời điểm này chiến thắng của Nhật Bản trong Chiến tranh Nga - Nhật đã tạo nên nhiều lạc quan cho các phong trào chống thực dân ở châu Á. Do đó, các tác phẩm của ông đã tạo nên một làn sóng mới thúc đẩy nhiều thanh niên yêu nước tham gia phong trào Đông Du, xuất ngoại học tập để tìm đường chống Pháp.Ngày 30 tháng 6 năm 1925, ông lại bị Pháp bắt tại Hàng Châu, ông bị dẫn giải về Hà Nội và xử án chung thân khổ sai. Về sau, bản án được đổi lại thành án quản thúc tại gia. Theo Việt Nam Pháp Thuộc Sử, ông được giảm án vì phản ứng mạnh mẽ của toàn dân đối với nhà cầm quyền Pháp.

Từ năm 1926, ông bị đưa về sống ở Bến Ngự, Huế, cho đến khi mất tại Huế vào năm 1940.

Đường Phan Bội Châu có điểm đầu: Đường Đặng Khánh Tình; điểm cuối: Đường Trần Quốc Toản; chiều dài: 0,160 km; chiều rộng: 5,4 m.

4. Đường Sư Thiện Chiếu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân.

Tiểu sử danh nhân:

SƯ THIỆN CHIẾU

(1898 – 1974)

Sư Thiện Chiếu có tên là Nguyễn Văn Giảng và Nguyễn Văn Tài, bút hiệu là Xích Liên, sinh năm 1898 tại làng Vĩnh Hựu, tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công (nay là xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình có truyền thống đạo Phật.

Từ thuở nhỏ, ông đã xuất gia tu hành tại chùa Linh Tuyền (Vĩnh Hựu). Được ông nội là Hòa thượng Huệ Tịnh hết lòng dạy dỗ; nên ông vừa tinh thông đạo pháp vừa có trình độ học vấn khá cao. Trong thời gian này, ông cũng có dịp tiếp xúc với nhiều nhà trí thức yêu nước khi các vị này đến chùa Linh Tuyền bàn việc quốc sự với sư trụ trì. Đặc biệt, ông còn được tiếp kiến và nhận được lời chỉ bảo chí tình của cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc (thân sinh Hồ Chí Minh). Cụ Nguyễn có tặng ông quyển Tự điển Pháp - Việt và lời căn dặn: "*Muốn đánh đuổi được giặc thì phải hiểu giặc, tuổi còn trẻ cố học cho giỏi Pháp văn*". Tinh thần yêu nước thương dân của ông đã được hình thành từ khi ấy.

Năm 1923, ông được Phật tử ở Sài Gòn mời về trụ trì chùa Linh Sơn (Cầu Muối, nay thuộc Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh). Tại đây; ông vừa mở lớp dạy học và thuyết giảng giáo lí đạo Phật, vừa cổ súy phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc trong giới Tăng ni, Phật tử. Ông viết quyển "*Phật hóa tân thanh niên*" nhằm kêu gọi giới trẻ xuất gia và Phật tử cần phải nắm vững Phật học (nội điển) và

xã hội học (ngoại điển) để làm tròn nghĩa vụ của mình đối với nhà Phật và đất nước; đồng thời, chủ trương canh tân Phật giáo với nội dung chính là phát huy tinh thần độc lập, dân chủ, chống làm tay sai cho bè lũ thực dân.

Lo sợ trước những hoạt động yêu nước của ông, chính quyền thực dân Pháp ở Sài Gòn ra lệnh trục xuất ông khỏi chùa Linh Sơn. Sau đó, ông đến chùa Phước Thọ ở khu vực Xóm Thuốc, Gò Vấp (nay thuộc quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh); nhưng chùa này đang bị lấy đất để xây dựng sân bay Tân Sơn Nhất, nên ông phải chuyển tới chùa Hanh Thông Tây ở gần đó để mở lớp Triết học, lớp Hán văn và thuyết giảng kinh pháp. Đông đảo Phật tử, cư sĩ khắp các vùng Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định đến đây nghe ông thuyết pháp về lòng tin, quyền tự chủ, tinh thần yêu quê hương, yêu dân tộc và sự trong sáng của chánh pháp.

Lo ngại uy tín của ông ngày càng lan rộng, Chủ tỉnh Gia Định đã ra lệnh trục xuất ông khỏi ngôi chùa này; do vậy, ông về trụ trì chùa Hưng Long ở khu vực ngã sáu Sài Gòn. Một thời gian không lâu sau đó, ông tiếp tục bị nhà cầm quyền Pháp trục xuất khỏi ngôi chùa này. Mặc dù vậy, ông vẫn không hề khiếp sợ, tiếp tục dạy học, thuyết pháp, viết sách và tranh luận với một số học giả về mối liên quan giữa đạo với đời trên báo *Tân Phong* và một số tờ báo khác.

Năm 1926, ông và một số nhà sư cấp tiến tổ chức lễ truy điệu chí sĩ Phan Chu Trinh trong giới tăng ni, Phật tử Nam kỳ. Sau đó, ông cùng với các Hòa thượng Khánh Hòa (Bến Tre), Từ Nhẫn (Long An), Chân Huệ (Mỹ Tho), Trí Thiền (Rạch Giá) thành lập Hội Nghiên cứu Phật học và Hội Chấn hưng Phật giáo Nam kỳ. Đồng thời, ông còn là người sáng lập và là cây bút chủ lực của tờ báo *Tiến Hóa* - một tờ báo tiến bộ của giới Phật giáo Nam kỳ.

Năm 1927, ông được Hội cử ra miền Bắc để thảo luận với các nhà lãnh đạo Phật giáo Bắc kỳ trong việc xúc tiến thành lập Hội Phật giáo Thống nhất cho cả nước. Bên cạnh đó, ông cũng đã có những cuộc tiếp xúc với những yếu nhân của nhóm Nam Đồng thư xã, như Nguyễn Thái Học, Phạm Tuấn Tài,... Sau đó, ông trở về Nam, dồn hết trí tuệ và công sức cho Hội Chấn hưng Phật giáo Nam kỳ. Nhờ thế, Hội hoạt động khá mạnh; và phong trào đấu tranh yêu nước của giới tăng ni, Phật tử ngày càng dâng cao. Trước tình hình đó, chính quyền thực dân cho bọn mật thám theo dõi ráo riết và chờ cơ hội để ám hại ông.

Năm 1928, ông giác ngộ chủ nghĩa Mác - Lênin và được kết nạp vào Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Năm 1930, ông trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Là nhà sư đầu tiên ở nước ta được đứng vào hàng ngũ của Đảng - đội tiên phong của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn dân tộc - và với tư cách của một chiến sĩ cộng sản; từ đây, cuộc chiến đấu của ông, không chỉ vì công cuộc chấn hưng Phật giáo theo tinh thần chánh pháp, mà còn nhằm mục đích giải phóng dân tộc, giành độc lập, tự do cho đất nước theo con đường cách mạng vô sản. Sau đó, ông đi khắp Nam kỳ xây dựng cơ sở Đảng trong các nhà chùa.

Năm 1934, ông chuyển sang hoạt động bí mật và là cán bộ của Xứ ủy Nam kì. Năm 1936, ông được Đảng phân công về Rạch Giá hoạt động. Tại đây, ông cùng với Hòa thượng Trí Thiền - trụ trì chùa Tam Bảo - thành lập Hội Phật học kiêm tế; và cho tái bản báo *Tiến Hóa* nhằm tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối giải phóng dân tộc của Đảng và giáo dục, giác ngộ cách mạng cho quần chúng. Hội cũng cho thành lập cô nhi viện đặt tại chùa Tam Bảo, nuôi dưỡng khoảng từ 200 - 300 trẻ em có hoàn cảnh bất hạnh; để qua đó, làm nơi liên lạc cho các cơ sở cách mạng và đào tạo cán bộ cho Đảng.

Năm 1940, ông cùng với nhiều nhà sư yêu nước khác vận động đồng bào Phật tử nổi dậy, hưởng ứng cuộc khởi nghĩa Nam kỳ. Sau đó, với tinh thần "*Từ bi có thể sát sanh để độ chúng sanh*", ông tổ chức xưởng sản xuất vũ khí tại chùa Tam Bảo. Mật thám Pháp ở Rạch Giá phát hiện được, bắt bớ một số nhà sư; riêng ông trốn thoát được và chuyển về Sài Gòn hoạt động. Đầu năm 1943, ông bị địch bắt và bọn chúng đày ông ra Côn Đảo.

Sau khi Cách mạng tháng Tám (1945) thành công, ông được Đảng rước về đất liền; làm Phó Chủ tịch Ủy ban Hành chánh - Kháng chiến tỉnh Gò Công. Năm 1947, ông vào Chiến khu 7, làm công tác biên tập báo *Tiền Đạo*. Sau đó, ông được điều về Chiến khu 8 rồi Chiến khu 9 làm công tác tuyên huấn.

Năm 1954, ông tập kết ra miền Bắc. Năm 1956, ông được Nhà nước cử sang Trung Quốc làm chuyên gia khảo cứu, công tác tại Nhà xuất bản Ngoại văn Bắc Kinh với chức vụ Trưởng ban dịch thuật Văn hóa Trung - Việt. Năm 1961, ông trở về nước làm chuyên viên nghiên cứu Triết học tại Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam. Năm 1965, do tuổi cao sức yếu, ông được Đảng và Nhà nước cho nghỉ hưu. Năm 1974, ông qua đời tại Hà Nội.

Về văn học Phật Giáo, ông đã để lại một số tác phẩm, như *Chân lý của Tiểu thừa và Đại thừa Phật giáo*, *Tại sao tôi đã cám ơn đạo Phật*, *Phật học vấn đáp*, *Tranh biện*, *Phật hóa tân thanh niên*, *Cái thang học Phật*, *Phật Pháp là Phật Pháp*,... Ngoài ra, ông còn dịch các bộ kinh *Lăng Nghiêm*, *Pháp Cú*, quyển *Phật học tổng yếu*, quyển *Phật giáo vô thần luận* của Thiền sư Thái Hư và một số tác phẩm nổi tiếng của nền văn học và kịch nghệ Liên Xô, như *Họ đã chiến đấu vì Tổ quốc* của M. Sholokhov, *Tính cách Nga* của A.Tolstoi, *Ông già của* V.Grossman, *Tiền tuyến* (kịch) của A.E. Korneichuk.

Năm 1993, thể theo nguyện vọng của giới tăng ni, Phật tử và được sự chấp thuận của Nhà nước, Giáo hội Phật giáo thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành việc bốc hài cốt của ông từ nghĩa trang Văn Điển (Hà Nội) về hỏa thiêu và tôn trí tại chùa Pháp Hoa, số 229/24B, đường Thích Quảng Đức, quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh. Hiện nay, ở Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh và thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang có đường mang tên Sư Thiện Chiếu.

Đường Sư Thiện Chiếu có điểm đầu: Đường Nguyễn Văn Côn; điểm cuối: Ranh Vĩnh Hựu; chiều dài: 0,450 km; chiều rộng: 3 m.

5. Đường Nguyễn Văn Côn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân.

Tiểu sử danh nhân:

NGUYỄN VĂN CÔN

(1894 – 1982)

Nguyễn Văn Côn, tên thật là Nguyễn Hoài Ngọc, bí danh Thành Vĩnh, sinh năm 1894 tại làng Vĩnh Hựu, tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công (nay là xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình trung nông có truyền thống yêu nước. Ông nội của ông là Nguyễn Văn Chung, một trong những thủ lãnh nghĩa quân trong cuộc khởi nghĩa Trương Định.

Năm 1908, khi mới 14 tuổi, ông gia nhập Việt Nam Quang phục hội - một tổ chức yêu nước có cơ sở ở Gò Công. Năm 1910, được sự cố vấn của một số nhà yêu nước, ông thành lập Cộng hòa hội, nhằm tập hợp thanh niên và tuyên truyền ý thức đấu tranh chống áp bức, bất công.

Sau đó, ông lên Sài Gòn, làm công nhân cho hãng Faci. Tại đây, ông giác ngộ chủ nghĩa Mác - Lênin và tích cực tham gia phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân. Năm 1921, ông gia nhập Công hội đỏ. Đây là tổ chức cách mạng đầu tiên của công nhân Sài Gòn hoạt động theo con đường cách mạng vô sản do Tôn Đức Thắng thành lập và làm Hội trưởng. Do tinh thần kiên định cách mạng và năng nổ trong công tác nên ông được hội viên tín nhiệm bầu làm Phó Hội trưởng.

Năm 1924, ông được Ban Lãnh đạo Công hội đỏ phân công về Gò Công xây dựng phong trào. Tại đây, ông tiến hành củng cố và mở rộng tổ chức Cộng hòa hội do ông thành lập trước đó. Để tạo thế hợp pháp, tổ chức này được đổi tên thành Hội cúng thánh Khổng Tử, gọi tắt là Hội Thánh. Hội có nhiệm vụ truyền bá sách báo tiến bộ, dạy chữ quốc ngữ, quyên góp tiền bạc giúp các nhà yêu nước hoạt động chống chính quyền thực dân, đặc biệt là giúp kinh phí cho những người xuất dương học làm cách mạng. Trong thời kỳ này, ông có dịp tiếp xúc với nhiều nhà yêu nước nổi tiếng, như Nguyễn Sinh Sắc (thân sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh), Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Mai Văn Ngọc,…

Giữa năm 1925, Hồ Chí Minh thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên (HVNCMTN) ở Quảng Châu (Trung Quốc). Cuối năm 1926, do bắt liên lạc được với một số cán bộ của HVNCMTN, ông cử những thanh niên ưu tú ở Gò Công và Cần Thơ sang Quảng Châu (Trung Quốc) dự các lớp huấn luyện do HVNCMTN tổ chức nhằm đào tạo cán bộ cho cách mạng.

Năm 1927, ông được bầu làm Bí thư Tỉnh hội HVNCMTN tỉnh Gò Công. Đầu năm 1929, ông là Kỳ ủy viên của Kỳ bộ HVNCMTN Nam Kỳ; và được phân công xây dựng phong trào ở các tỉnh Gò Công, Long Xuyên, Sa Đéc, Cần Thơ, Vĩnh Long và Trà Vinh.

Tháng 8-1929, ông được kết nạp vào An Nam Cộng sản đảng; và thành lập Chi bộ Cộng sản đầu tiên ở Gò Công do ông làm Bí thư. Nhưng chỉ một tháng sau, ông bị địch bắt, kết án 5 năm tù và đày ra Côn Đảo. Ở trong tù, ông giữ vững khí tiết của người chiến sĩ cộng sản chân chính. Đồng thời, ông ra sức học tập lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin để nâng cao trình độ chính trị và lập trường giai cấp.

Năm 1934, sau khi ra tù, mặc dù chưa bắt liên lạc được với tổ chức Đảng, nhưng ông vẫn hăng hái hoạt động, gầy dựng được nhiều cơ sở cách mạng và kết nạp một số đảng viên mới ở Gò Công. Do vậy, tháng 5-1940, ông lại bị địch quản thúc; và đến cuối tháng 11-1940, ông bị địch bắt giam khi cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ nổ ra. Tuy vậy, trước đó, ông đã chỉ đạo các cơ sở cách mạng ở Gò Công có những hoạt động hưởng ứng cuộc khởi nghĩa, như treo cờ đỏ búa liềm, rải truyền đơn, phá đường giao thông, xô ngã cột điện,…

Cuối năm 1942, ông được trả tự do và nối liên lạc với Đảng. Tháng 10-1943, tại Hội nghị Xứ ủy Nam kỳ lâm thời được tổ chức tại Chợ Gạo, ông được bầu làm Xứ ủy viên. Với tinh thần tiến công cách mạng không ngừng, ông hoạt động không mệt mỏi cho phong trào. Ông đi khắp nơi để vận động cách mạng, phát triển đảng viên, chuẩn bị đón thời cơ mới.

Sau ngày phát xít Nhật đảo chính thực dân Pháp (09-3-1945), khi tình thế cách mạng trực tiếp đã xuất hiện, ông và các đảng viên cộng sản ở Gò Công ráo riết xúc tiến công tác chuẩn bị giành chính quyền về tay nhân dân.

Tháng 7-1945, ông chỉ đạo thành lập lực lượng Thanh niên tiền phong ở Gò Công. Giữa tháng 8-1945, ông được bầu làm Chủ tịch Ủy ban dân tộc giải phóng lâm thời tỉnh Gò Công. Ngày 21-8-1945, nhân dân làng An Thạnh Thủy (thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho) biểu tình kéo xuống làng Thạnh Nhựt (thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công) lấy mộc của làng, tước súng của hương quản. Sự việc này làm cho chính quyền tay sai Pháp - Nhật ở Gò Công lâm vào tình thế lúng túng. Tỉnh trưởng Gò Công là Trần Hưng Ký phải mời ông với tư cách là đại diện Việt Minh đến gặp tại dinh tỉnh trưởng và khẩn thiết nhờ giải quyết. Nhận thấy thời cơ khởi nghĩa đã chín muồi, ngay trong đêm 21-8-1945, ông triệu tập cuộc họp bất thường của Ủy ban dân tộc giải phóng tỉnh Gò Công. Các đại biểu dự họp nhận định đã đến thời điểm Mặt trận Việt Minh tỉnh Gò Công ra công khai hoạt động; đồng thời đi đến quyết định là phải dùng sức mạnh đấu tranh của quần chúng buộc tỉnh trưởng Gò Công từ chức, giao quyền cho Ủy ban dân tộc giải phóng lâm thời tỉnh Gò Công.

Ngày 24-8-1945, một cuộc mít tinh lớn được tổ chức ở thị xã theo quyết định của Ủy ban dân tộc giải phóng lâm thời Gò Công để mừng cách mạng giành được thắng lợi rực rỡ và chào mừng chính quyền cách mạng của tỉnh ra mắt nhân dân. Hơn 20.000 người bao gồm đủ các thành phần, từ 40 làng nô nức tuần hành đổ về sân vận động tỉnh. Trong buổi mít tinh, ông thay mặt Ủy ban dân tộc giải phóng lâm thời tỉnh Gò Công, long trọng tuyên bố chính quyền đã thuộc về tay nhân dân, công bố 10 chính sách của Mặt trận Việt Minh.

Sau khi thực dân Pháp quay trở lại xâm lược Gò Công vào tháng 10-1945, ông nhận lãnh trọng trách là Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Gò Công và cùng với tập thể Tỉnh ủy, Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh lãnh đạo cuộc kháng chiến của nhân dân Gò Công chống thực dân Pháp xâm lược. Trong cuộc tổng tuyển cử ngày 06/01/1946, ông được nhân dân Gò Công tín nhiệm bầu làm Đại biểu Quốc hội khóa 1 của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Sau đó, ông ra Hà Nội, dự 2 kỳ họp Quốc hội. Tại Kỳ họp thứ nhất diễn ra vào tháng 3-1946, ông cùng với các đại biểu bỏ phiếu công nhận Chính phủ Liên hiệp kháng chiến do lãnh tụ Hồ Chí Minh làm Chủ tịch, bầu ra Ban Thường trực Quốc hội và Ban Dự thảo Hiến pháp. Tại Kỳ họp thứ hai diễn ra vào tháng 11-1946, ông và các đại biểu đã thảo luận, biểu quyết thông qua bản Hiến pháp đầu tiên của nước ta và 01 Dự án Luật.

Từ sau ngày toàn quốc kháng chiến (19-12-1946), ông trở về Nam bộ tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp. Cuối tháng 4-1947, ông là Chủ nhiệm đầu tiên của Mặt trận Liên Việt tỉnh Gò Công, nêu cao tấm gương đại đoàn kết dân tộc trong công cuộc giải phóng đất nước.

Năm 1949, ông bị giặc Pháp bắt và bị đày ra Côn Đảo lần thứ hai. Mặc dù bị tra tấn dã man, nhưng ông vẫn nêu cao khí tiết của người chiến sĩ cộng sản kiên cường, không khuất phục kẻ thù.

Năm 1954, cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi, ông được Đảng và Nhà nước đón về và tập kết ra miền Bắc. Tuy sức khỏe có suy giảm vì những năm tháng ở trong lao tù bị giam cầm, hành hạ, nhưng ông vẫn miệt mài làm việc, được nhân dân tín nhiệm bầu làm Đại biểu Quốc hội các khóa 2, 3, 4, 5; đồng thời là cộng tác viên Bảo tàng Cách mạng Việt Nam. Ông là một trong những cán bộ cách mạng lão thành có uy tín lớn, nên được Chủ tịch Hồ Chí Minh, Chủ tịch Tôn Đức Thắng và Thủ tướng Phạm Văn Đồng thường đến nhà riêng ở tại Hà Nội để thăm hỏi.

Sau năm 1975, ông trở về quê nhà sinh sống trong sự kính trọng và thương yêu của nhân dân Gò Công. Năm 1982, ông mất tại xã Bình Nghị, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Ông được tặng thưởng nhiều huân huy chương, trong đó cao quý nhất là Huân chương Hồ Chí Minh. Ông là nhà cách mạng lão thành tiêu biểu nhất của Gò Công, được nhân dân và các thế hệ cán bộ cách mạng ở địa

phương vô cùng kính trọng và ngưỡng mộ.

Tên của ông được đặt tên đường tại thị xã Gò Công, thị trấn Tân Hòa (huyện Gò Công Đông) và thị trấn Vĩnh Bình (huyện Gò Công Tây); tên trường trung học phổ thông ở huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Đường Nguyễn Văn Côn có điểm đầu: Quốc lộ 50; điểm cuối: Cống Ba Lùn; chiều dài: 2,269 km; chiều rộng: 8 m.

6. Đường Trương Định

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân.

Tiểu sử danh nhân:

TRƯƠNG ĐỊNH

(1820 – 1864)

Trương Định sinh năm 1820 tại xã Tư Cung, huyện Bình Sơn, phủ Tư Nghĩa, trấn Quảng Ngãi (nay là xã Tịnh Khê, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi) trong một gia đình quan chức yêu nước.

Theo Nguyễn Thông trong *Lãnh binh Trương Định truyện*, ông có "*trang mạo khôi ngô, thông hiểu binh thư và bắn giỏi*". Sách *Đại Nam liệt truyện* của Quốc sử quán triều Nguyễn chép: "(*Trương*) *Định am hiểu võ nghệ, dũng cảm, mưu lược*". Paulin François Alexandre Vial, nguyên Trưởng đồn kiêm Giám đốc bản xứ sự vụ Gò Công, Giám đốc Nội vụ Nam kỳ, trong quyển *Những năm đầu tiên ở Nam kỳ* cho biết, ông cao lớn, nước da trắng, dáng người thanh tú.

Năm 1844, cha của ông là Trương Cầm vào tỉnh Gia Định nhận chức Lãnh binh. Ông được đi theo và sau đó, kết hôn với Lê Thị Thưởng, vốn là con gái của một hào phú ở Tân Hòa (Gò Công). Năm 1854, nhờ sự trợ giúp của gia đình bên vợ, ông xuất tiền của, mộ dân lập đồn điền Gia Thuận (nay thuộc huyện Gò Công Đông, Tiền Giang) để khai hoang vùng đất này. Vì thế, ông được triều đình phong chức Phó quản cơ.

Năm 1859, quân Pháp hạ thành Gia Định. Với lòng yêu nước nồng nàn, ông đã chỉ huy dân quân đồn điền Gia Thuận phối hợp với quân triều đình tiến đánh quân địch ở vùng Thuận Kiều và lập được nhiều chiến công. Vì vậy, đến tháng 10-1860, ông và nghĩa sĩ, bao gồm 50 người, được vua Tự Đức "*thưởng cho gia trật hoặc kỷ lục, ngân tiền*". Chiến công nổi bật đầu tiên của Trương Định và nghĩa quân là trận phục kích tiêu diệt tên đại úy thủy quân lục chiến Barbé tại chùa Khải Tường (vị trí chùa nay là Bảo tàng Chứng tích chiến tranh, số 28, đường Võ Văn Tần, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh) ngày 07-12-1860.

Tháng 4-1861, quân Pháp lần lượt đánh chiếm Mỹ Tho và Gò Công. Với quyết tâm chống quân xâm lược, Trương Định đã chiêu mộ 6.000 nghĩa sĩ dựng cờ

khởi nghĩa. Vì thế, ông được triều đình phong chức Quản Cơ rồi thăng lên Phó Lãnh binh tỉnh Gia Định. Bên cạnh đó, ông còn ra sức xây dựng căn cứ kháng chiến Tân Hòa ở Gò Công. Ngoài ra, Trương Định còn cho xây dựng đồn trại ở Gia Thuận, vốn là đồn điền do ông lập ra năm 1854.

Cuộc khởi nghĩa do Trương Định lãnh đạo có sự liên kết chặt chẽ với nhiều cuộc khởi nghĩa khác, như khởi nghĩa Nguyễn Trung Trực ở Tân An, Trần Xuân Hòa, Võ Duy Dương và Nguyễn Hữu Huân ở Ba Giồng,...

Ngày 22-6-1861, nghĩa quân Đỗ Trình Thoại tấn công quân Pháp ở đồn Gò Công. Cuộc tập kích này đã làm tên lính thủy Bodiez phải tử trận, tên trung úy Vial bị đâm trọng thương. Thế nhưng, thủ lãnh Đỗ Trình Thoại đã anh dũng đền nợ nước. Qua ngày hôm sau, để trả thù cho Đỗ Trình Thoại, Trương Định chỉ huy nghĩa quân đánh vào đồn Gò Công, gây cho địch nhiều thiệt hại.

Trong tháng 9-1861, ông chỉ huy nghĩa quân tiến hành trừng trị những tên tay sai chỉ điểm cho giặc, tiêu biểu là vụ bắt bá hộ Huy ở Đồng Sơn (nay thuộc huyện Gò Công Tây, Tiền Giang) phải đền tội phản quốc.

Sau đó, hoạt động quân sự của nghĩa quân Trương Định đã diễn ra liên tục. Ngày 30-12-1861, tấn công đồn Kỳ Hôn (nay thuộc TP Mỹ Tho, TG). Ngày 10-01-1862, tấn công đồn Gia Thạnh (nay thuộc huyện Chợ Gạo, TG); ngày hôm sau, với 10 chiến thuyền, nghĩa quân lại đánh đồn Rạch Gầm (nay thuộc huyện Châu Thành, TG). Từ ngày 22-01-1862 đến ngày 28-02-1862, nghĩa quân Trương Định mở 3 cuộc tấn công vào đồn Kỳ Hôn, có lần giặc Pháp phải bỏ đồn tháo chạy, bị nghĩa quân truy kích ráo riết.

Do bị tấn công liên tục, đô đốc Bonard ra lệnh cho quân Pháp rút khỏi đồn Gò Công ngày 01-3-1862. Cũng trong khoảng thời gian này, ông nhận được vũ khí do triều đình cấp phát, gồm 20 cỗ Quá sơn, 300 cân hỏa dược, 20 viên đạn thép, 80 trường thương. Trên cơ sở đó, đêm 06-4-1862, Trương Định chỉ huy nghĩa quân táo bạo đột kích Chợ Lớn (nay thuộc Thành phố Hồ Chí Minh). Trận đánh này đã khiến nhân dân rất phấn khởi; còn quân giặc thì hoang mang cực độ.

Để thực thi hiệp ước ký với Pháp năm 1862, vua Tự Đức ra lệnh giải binh ở ba tỉnh miền đông Nam kỳ (Định Tường, Gia Định, Biên Hòa); trong đó có việc buộc Trương Định phải giải tán nghĩa quân và đi An Giang nhận chức Lãnh binh. Tuy nhiên, với tước vị Bình Tây đại tướng quân, ông đã dũng cảm và sáng suốt ở lại Gò Công, lãnh đạo nhân dân tiếp tục cuộc kháng chiến.

Tháng 11-1862, Trương Định cử các đội trinh sát đi hoạt động ở khắp nơi. Ngày 06-12-1862, nghĩa quân Trương Định tấn công một chiến thuyền của quân Pháp trên sông Vàm Cỏ ở gần Trảng Bàng (Tây Ninh). Ngày 17 và ngày 18-12-1862, Trương Định ra lệnh cho nghĩa quân đồng loạt mở cuộc tổng công kích vào các vị trí chiếm đóng của quân Pháp ở ba tỉnh miền đông Nam kỳ.

Trước tình hình đó, đầu năm 1863, quân Pháp tổ chức những cuộc hành quân càn quét vào căn cứ Tân Hòa (Gò Công) của nghĩa quân Trương Định. Ngày 16-02-1863, đô đốc Bonard, tổng chỉ huy quân Pháp ở Nam kỳ, đến Gò Công, trực tiếp chỉ huy cuộc tấn công. Do thế giặc quá mạnh nên Trương Định vừa cho nghĩa quân mật phục đánh địch liên tục, vừa ra lệnh cho đại bộ phận nghĩa quân rút đi nơi khác để bảo toàn lực lượng cho cuộc chiến đấu lâu dài.

Sau đó, Trương Định di chuyển về khu vực "Đám lá tối trời" ở Gia Thuận để gầy dựng lại lực lượng. Thực dân Pháp tung bọn mật thám, bọn phản bội chỉ điểm ráo riết theo dõi mọi hoạt động của nghĩa quân. Theo đó, Huỳnh Văn Tấn (Đội Tấn) được lệnh truy lùng nơi ở của Trương Định. Ngày 20-8-1864, Đội Tấn chỉ huy bọn thuộc hạ bất ngờ đột kích vào nơi trú ngụ của ông tại Kiểng Phước (nay thuộc huyện Gò Công Đông, TG). Trận chiến không cân sức đã diễn ra; và cuối cùng, Trương Định đã anh dũng hy sinh vì đại nghĩa cứu nước, cứu dân, hưởng dương 44 tuổi, để lại bao niềm tiếc thương trong lòng người dân Gò Công và Nam bộ.

Sau khi ông mất, nhà yêu nước Nguyễn Đình Chiểu đã làm bài văn tế và mười hai bài thơ điếu Trương Định, ca ngợi cuộc đời chiến đấu hào hùng và cái chết lẫm liệt của ông. Một *Tờ tấu* trong danh mục *Châu bản triều Nguyễn* nhận xét về ông như sau: "Cố Trương Định mộ nghĩa ở Gò Công, chấn động thôn dân, đánh lấy được thảy đều vui mừng, cùng nhau báo cáo. Hoặc cùng nộp đưa tiền bạc, lúa gạo, lấy đó làm quân lương; hoặc quyên nộp đồng sắt, hỏa dược, cứu tế quân nhu. Già trẻ khỏe mạnh ở nhà đều ứng mộ, lòng ham muốn nhanh chóng được giết giặc Tây di". Con ông là Trương Quyền noi chí cha, tiếp tục phất cao cờ khởi nghĩa chống thực dân Pháp xâm lược và hy sinh anh dũng vào năm 1867.

Hiện nay, ở thị xã Gò Công, huyện Gò Công Đông, huyện Gò Công Tây, thành phố Mỹ Tho (tỉnh Tiền Giang), thành phố Quảng Ngãi (tỉnh Quảng Ngãi), Thành phố Hồ Chí Minh, thủ đô Hà Nội,… và nhiều tỉnh, thành khác đều có đường phố mang tên ông. Đồng thời, tên ông còn được đặt cho một trường trung học phổ thông ở thị xã Gò Công.

Lăng mộ và đền thờ của ông ở thị xã Gò Công được Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận là Di tích lịch sử cấp quốc gia năm 1989. Đền thờ của ông ở xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông cũng được Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận là Di tích lịch sử quốc gia năm 2004.

Đường Trương Định có điểm đầu: Đường Nguyễn Văn Côn; điểm cuối: Đường Nguyễn Trung Trực; chiều dài: 0,060 km; chiều rộng: 5,4 m.

7. Đường tránh phía Đông

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Vị trí (Tránh) + Phương hướng (Phía Đông).

Đường tránh phía Đông giáp ranh xã Thạnh Trị; chiều dài: 0,905 km; rộng: 4 m.

8. Đường Nguyễn Thái Học

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân.

Tiểu sử danh nhân:

NGUYỄN THÁI HỌC

(1902 – 1930)

Nguyễn Thái Học sinh năm 1902 tại làng Thổ Tang, tổng Lương Điền, phủ Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Yên (nay là thị trấn Thổ Tang, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc).

Năm 19 tuổi (1921), ông thi đậu vào Trường Cao đẳng sư phạm thuộc Viện Đại học Đông Dương đặt tại Hà Nội. Do tính tình cương trực và không khuất phục lối giáo dục của người Pháp, ông bỏ học vào năm thứ ba. Sau đó, ông thi đậu vào Trường Cao đẳng Thương mại cũng thuộc Viện Đại học Đông Dương (1925-1927). Trong thời gian này, ông tham gia thành lập Nam Đồng thư xã ở Hà Nội. Đây là một tiệm sách và cơ sở ấn loát chuyên in và phổ biến sách có nội dung cổ vũ tinh thần yêu nước.

Sau một thời gian vận động, năm 1927, các thành viên của Nam Đồng thư xã thành lập Việt Nam Quốc dân Đảng. Nguyễn Thái Học được bầu làm Chủ tịch. Việt Nam Quốc dân Đảng theo chủ nghĩa Tam dân của Tôn Dật Tiên. Tức là phấn đấu: Dân tộc độc lập - Dân quyền tự do - Dân sinh hạnh phúc. Đường lối chiến lược của Đảng là: Trước làm cách mạng quốc gia, sau làm cách mạng thế giới. Đảng lấy lực lượng trí thức tiểu tư sản, tư sản dân tộc làm nòng cốt. Chỉ trong một thời gian ngắn Việt Nam Quốc dân Đảng đã phát triển mạnh mẽ lan rộng khắp các tỉnh ở Bắc kỳ.

Tuy nhiên, do tổ chức thiếu chặt chẽ, kỷ luật không nghiêm, lộ bí mật, nhiều tay chân mật thám của Pháp trà trộn trong Đảng, nên cuộc vận động quần chúng của Việt Nam Quốc dân Đảng gặp nhiều trở ngại. Trước tình hình đó, Nguyễn Thái Học cùng các thành viên chủ chốt của Việt Nam Quốc dân Đảng chủ trương khởi nghĩa với phương châm: "Không thành công thì thành nhân".

Dưới sự lãnh đạo của Việt Nam Quốc dân Đảng đứng đầu là lãnh tụ Nguyễn Thái Học, phong trào bạo động chống Pháp ở các tỉnh đã nổ ra, mà đỉnh cao là khởi nghĩa Yên Bái vào đêm 10, rạng ngày 11/2/1930. Cuộc bạo động đã không thành công. Việt Nam Quốc dân Đảng và khởi nghĩa Yên Bái bị thực dân Pháp dìm trong bể máu. Nguyễn Thái Học cùng các đồng chí của ông bị giặc Pháp bắt và

hành hình vào ngày 17/6/1930 tại Yên Bái. Tên ông được đặt tên công trình công cộng ở nhiều địa phương trên cả nước.

Đường Nguyễn Thái Học có điểm đầu: Đường Phan Bội Châu; điểm cuối: Đường Đặng Khánh Tình; chiều dài: 0,240 km; rộng: 4,7 m.

9. Đường Phạm Đăng Hưng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân.

Tiểu sử danh nhân:

PHẠM ĐĂNG HƯNG

(1764 – 1825)

Phạm Đăng Hưng sinh năm 1764 tại giồng Sơn Quy, thôn Tân Niên Đông, tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, trấn Định Tường (nay thuộc xã Long Hưng, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang).

Ông lúc còn nhỏ thông minh nhanh nhẹn, lúc lớn ham học hỏi. Được cha là nhà nho Phạm Đăng Long hết lòng dạy dỗ, nên ông học rất giỏi, thi đỗ khoa thi năm 1796, được chúa Nguyễn Phúc Ánh bổ dụng làm Lễ sinh ở phủ, rồi làm Diễn luân thị thảo ở Cống sĩ viện, thường cùng bàn việc với các quan thị thư. Sau đó, ông được thăng làm Tham luận ở Vệ phấn võ, được theo chúa Nguyễn Phúc Ánh sang Xiêm (Thái Lan) giúp quân Xiêm chống quân Miến Điện (nay là Myanmar). Năm 1799, ông trở về nước, được thăng làm Tham tri bộ Lại, chuyên trách công việc bổ dụng, điều chuyển quan lại và công văn giấy tờ. Đồng thời, ông còn tham gia vào các cuộc tiến công của quân Nguyễn Phúc Ánh ra miền Trung và miền Bắc trong cuộc tranh chấp với vương triều Cảnh Thịnh.

Năm 1802, chúa Nguyễn Phúc Ánh lên ngôi vua, lấy niên hiệu là Gia Long. Lúc bấy giờ, ông được nhà vua cho giữ chức Chưởng trường đà, trông coi công tác vận tải đường thủy trên cả nước. Năm 1807, ông được giữ chức Đề điệu có nhiệm vụ thanh tra tại Trường thi Hương ở trấn Kinh Bắc (nay là tỉnh Bắc Ninh). Năm 1813, ông giữ chức Thượng thư bộ Lễ. Năm 1816, ông đề nghị với vua Gia Long lập Xã thương (kho gạo) ở các địa phương trong toàn quốc nhằm cứu đói cho dân khi không may xảy ra thiên tai, mất mùa. Cũng trong năm 1816, ông được giao thêm việc quản lý Khâm thiên giám (cơ quan trông nom về thiên văn và làm lịch của triều đình).

Năm 1819, vua Gia Long bị bệnh nặng, ông vâng mệnh phụng thảo di chiếu; và tiếp đó, cùng với Lê Văn Duyệt thực hiện di chiếu, lập hoàng tử Nguyễn Phúc Đảm lên ngôi, có niên hiệu là Minh Mạng. Năm 1820, cùng với Tôn Thất Dịch, ông được sung làm *Giám tu ngọc phả*, trông coi việc biên soạn gia phả cho hoàng

gia. Đây là công việc mới mẻ, có rất nhiều khó khăn; và ông là một trong hai người đầu tiên đặt nền móng cho công tác biên soạn này.

Năm 1821, ông được sung làm Phó Tổng tài của Quốc sử quán, góp phần quan trọng trong việc biên soạn bộ *Đại Nam thực lục* (bộ sử biên niên đồ sộ của triều Nguyễn). Nhưng sau đó, do bị gièm pha, ông bị giáng hai cấp. Sau đó, ông được bổ làm Học sĩ Viện Hàn lâm, rồi thăng làm Tả tham tri bộ Lại kiêm quản Viện Hàn lâm. Ít lâu sau nữa, ông được phục hồi chức Phó tổng tài Quốc sử quán, kiêm Ấn vụ bộ Lại. Đến năm 1824, ông được phục chức, làm Thượng thư bộ Lễ như trước.

Mùa hạ năm 1825, vua Minh Mạng đi công cán tỉnh Quảng Nam, giao quyền cai quản kinh đô Huế cho ông. Cùng năm, ông bị bệnh mất tại Huế, thọ 61 tuổi. Vua Minh Mạng rất tiếc thương, ban nhiều tiền bạc, gấm vóc và sai quan lo việc tang chu đáo.

Do có công lao to lớn đối với nhà Nguyễn, ông được vua Minh Mạng là thông gia truy tặng hàm Vinh Lộc đại phu, Trụ quốc, Hiệp biện Đại học sĩ, thụy là Trung Nhã. Năm 1849, ông được vua Tự Đức là cháu ngoại truy thăng hàm Đặc tấn Vinh lộc đại phu, Thái bảo, Cần chánh điện đại học sĩ, tước Đức Quốc công. Năm 1852, nhận thấy "Ông ở lúc mới khai sáng, giúp việc quân nhung, sau khi đại định, giúp đỡ mọi việc, công liệt rõ rệt, trước sau vẹn tiết, liệt vào nơi thờ to tát là phải lễ" (Đại Nam chính biên liệt truyện), nên ông được vua Tự Đức cho thờ ở miếu Trung Hưng công thần. Năm 1858, ông được thờ ở đền Hiền Lương. Đồng thời, nhà vua còn cho dựng đền thờ ông và phu nhân, gọi là Đức Quốc công từ ở Kim Long (nằm trên đường Kim Long, phường Kim Long, TP Huế, tỉnh Thừa Thiên - Huế hiện nay). Cũng trong năm 1858, tiểu sử và công đức của ông được vua Tự Đức cho chạm khắc vào bia đá. Bài văn bia này do Phan Thanh Giản và Trương Quốc Dụng hợp soạn.

Ông có người con gái là Phạm Thị Hằng được tiến cung, là vợ của vua Thiệu Trị (Nguyễn Phúc Miên Tông), tức hoàng thái hậu Từ Dụ (thường được gọi là Từ Dũ), thân mẫu của vua Tự Đức; và người con trai thứ Phạm Đăng Thuật là chồng của công chúa Nguyễn Phúc Vĩnh Trinh, hiệu là Nguyệt Đình. Cả vua Thiệu Trị và công chúa Nguyễn Phúc Vĩnh Trinh đều là con của vua Minh Mạng. Như vậy, ông là thông gia với vua Minh Mạng.

Lăng mộ của ông, thường được gọi là lăng Hoàng Gia, tọa lạc tại giồng Sơn Quy, xã Long Hưng, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Tại thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây có con đường mang tên ông.

Đường Phạm Đăng Hưng có điểm đầu: Đường Nguyễn Văn Côn; điểm cuối: Đường Nguyễn Hữu Trí; chiều dài: 1,300 km; chiều rộng: 4,5 m.

10. Đường Cô Giang

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân.

Tiểu sử danh nhân:

CÔ GIANG

(1906 – 1930)

Cô Giang tên thật là Nguyễn Thị Giang, sinh năm 1906 tại thị xã Phủ Lạng Thương, tỉnh Bắc Giang.

Năm 1927, bà tham gia Việt Nam Quốc Dân Đảng và được cử làm Tổng thư ký. Đêm 10 rạng ngày 11/2/1930, Việt Nam Quốc Dân Đảng phát động cuộc khởi nghĩa ở Yên Bái và một số địa phương khác ở Bắc Kỳ. Cuộc khởi nghĩa bị thực dân Pháp đàn áp dã man. Lãnh tụ Nguyễn Thái Học cùng nhiều thành viên nòng cốt của Việt Nam Quốc Dân Đảng bị thực dân Pháp bắt được. Khi cuộc khởi Nghĩa Yên Bái thất bại, ngày 17/6/1930, bà từ Hà Nội lên Yên Bái đến tận pháp trường chứng kiến cái chết anh dũng của Đảng trưởng Nguyễn Thái Học, đồng thời cũng là vị hôn phu của mình cùng với 12 đồng chí khác.

Tờ mờ sáng ngày 18/6/1930, bà về quê nhà của Nguyễn Thái Học ở làng Thổ Tang, tổng Lương Điền, phủ Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Yên (nay là thị trấn Thổ Tang, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc) lạy tạ bố mẹ chồng, tháo chiếc đồng hồ có khắc chữ "G" tặng cho Nguyễn Văn Lâm, em trai Nguyễn Thái Học và từ giã mọi người. Trên đường đi ra, bà ghé quán trà bên gốc cây đề, thuộc Xóm Mới, làng Đông Vệ, cách làng Thổ Tang ước chừng một cây số.

Sau khi uống bát nước trà xanh, bà đến đứng dưới gốc cây đề, mắt nhìn về hướng làng Thổ Tang và tự kết liễu đời mình bằng khẩu súng lục mà Nguyễn Thái Học đã tặng bà trước đó ở đền các vị Vua Hùng (tỉnh Phú Tho). Tên của bà được đặt tên một trường trung học phổ thông ở huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, tên phường Cô Giang ở Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, tên bà cũng được tên đường ở một số tỉnh trên cả nước, trong đó có thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Đường Cô Giang có điểm đầu: Đường Đặng Khánh Tình; điểm cuối: Đường Trần Quốc Toản; chiều dài: 0,160 km; chiều rộng: 4,5 m.

11. Đường Phan Thanh Giản

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân.

Tiểu sử danh nhân:

PHAN THANH GIẢN

(1796 – 1867)

Phan Thanh Giản tự Tĩnh Bá, Đạm Như, hiệu Ước Phu, Lương Khê; sinh năm 1796 tại làng Tân Thạnh, huyện Vĩnh Bình, phủ Định Viễn, tỉnh Vĩnh Long, nay là xã Bảo Thạnh, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Nhà nghèo, mẹ mất sớm, việc học tập của ông gặp nhiều khó khăn; tuy vậy, ông rất hiếu học. Năm 1825, ông thi Hương, đậu cử nhân tại Trường thi Gia Định. Năm 1826, ông thi Hội ở kinh đô Huế, đậu đệ tam giáp đồng tiến sĩ và cũng là vị tiến sĩ đầu tiên của Nam Kỳ.

Ông làm quan trải qua 3 triều, Minh Mạng, Triệu Trị và Tự Đức. Mặc được triều đình trọng dụng, nhưng cuộc đời làm quan của ông cũng không ít long đong. Dưới triều Minh Mạng, ông đã 3 lần bị giáng chức.

Năm 1858, liên quân Pháp - Tây Ban Nha đổ bộ và tấn công cửa biển Đà Nẵng, mở đầu cuộc xâm lược nước ta của bọn thực dân phương Tây. Sau đó, năm 1961, bọn chúng đánh chiếm các tỉnh miền Đông Nam Kỳ là Biên Hòa, Định Tường và Gia Định. Với vai trò là Chánh sứ, ông được cử sang Pháp xin chuộc lại các tỉnh Nam Kỳ đã bị quân Pháp chiếm đóng. Nhưng cuộc điều đình thất bại.

Năm 1865, ông là Hiệp biện đại học sĩ, thượng thư bộ Hộ, Kinh lược sứ 3 tỉnh miền Tây Nam Kỳ là An Giang, Hà Tiên và Vĩnh Long.

Ngày 20/6/1867, thực dân Pháp đánh chiếm tỉnh thành Vĩnh Long, yêu cầu ông gửi mật thư cho các chức quan giữ hai thành An Giang và Hà Tiên buông vũ khí đầu hàng. Trước sức mạnh áp đảo của Pháp về mặt quân sự, biết thế không thể giữ nổi, nên để tránh đổ máu vô ích, ông đã quyết định trao thành, không kháng cự, với yêu cầu người Pháp phải bảo đảm an toàn cho dân chúng. Thế là chỉ trong 5 ngày (20-24/6/1867), quân Pháp chiếm gọn ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ. Sau khi các tỉnh thành mất, ông tuyệt thực suốt 17 ngày, rồi uống thuốc độc tự tử vào ngày 4/8/1867, hưởng thọ 71 tuổi.

Tên của ông được đặt tên đường, tên trường ở một số địa phương ở Nam Bộ, trong đó có thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang

Đường Phan Thanh Giản có điểm đầu: Đường Nguyễn Trung Trực; điểm cuối: Rạch Vàm Giồng; chiều dài: 0,350 km; chiều rộng: 4,7 m.

12. Đường Đằng Giao

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân.

Tiểu sử danh nhân:

ĐẰNG GIAO

(1929 – 2004)

Đằng Giao, tên thật là Dương Tấn Hương, sinh năm 1929 tại làng Vĩnh Lợi, tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công (nay là thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang).

Tháng 8-1945, ông giác ngộ cách mạng; và sau đó, tham gia cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tại quê nhà. Vốn có năng khiếu và say mê nghệ thuật, ông hoạt động trên lĩnh vực âm nhạc và thơ ca.

Năm 1954, ông tập kết ra Bắc, cùng với các nhạc sĩ nổi tiếng, như Trần Kiết Tường, Phan Nhân, Tăng Minh Thành, Dương Hưng Bang,... phụ trách dàn dựng các chương trình ca nhạc của Đài Phát thanh Giải phóng 2 đặt ở Hà Nội. Năm 1957, ông cùng với nhạc sĩ Hoàng Hiệp sáng tác phần lời bài hát *Câu hò bên bờ Hiền Lương*. Đây là một ca khúc vượt thời gian, nói lên niềm khát khao và quyết tâm chiến đấu vì sự nghiệp thống nhất tổ quốc của cả dân tộc trước âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta của đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn. Ca khúc này đã từng được biểu diễn tại Nhà hát lớn Hà Nội, có Chủ tịch Hồ Chí Minh đến dự khán, tạo nên sự xúc động to lớn trong lòng người xem nói riêng và nhân dân hai miền Nam Bắc nói chung. Tại buổi biểu diễn văn nghệ đó có rất nhiều tiết mục, nhưng chỉ có ca khúc này là được khán giả yêu cầu ca sĩ hát lần thứ hai.

Ngoài ra , ông còn sáng tác nhiều ca khúc, thơ và lời mới cho dân ca.

Sau ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng (30-4-1975), ông lần lượt làm việc tại Đài Phát thanh Giải Phóng, Đài Tiếng nói Việt Nam (cơ sở 2, Thành phố Hồ Chí Minh), Đài Tiếng nói Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Là người phụ trách văn nghệ của Đài, ông lăn lộn với phong trào văn nghệ ở các địa phương, phát hiện, dàn dựng, giới thiệu hàng trăm tiết mục,… Đặc biệt, ông yêu dân ca, nhất là dân ca, âm nhạc cổ truyền, ca nhạc tài tử cải lương Nam bộ. Ông cho rằng, nếu cải tiến, cải biên vô lối, sẽ làm mất đi tính độc đáo, đặc sắc của dân ca, âm nhạc dân tộc, khi đã định hình thành nếp sống, nếp nghĩ của quần chúng nhân dân.

Năm 2004, ông bị bệnh mất tại thành phố Hồ Chí Minh. Là một nhạc sĩ - nhà thơ cách mạng, ông đã lao động nghệ thuật nghiêm túc, bền bỉ và sáng tạo, có những cống hiến quan trọng cho nền âm nhạc và thi ca của nước nhà, phục vụ đắc lực cho công cuộc giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc và xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Ông được Đảng, Nhà nước trao tặng Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng, Huân chương Kháng chiến chống Mỹ, cứu nước hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến chống Pháp hạng Ba, Huy chương "Vì sự nghiệp sân khấu", Huy chương "Vì sự nghiệp phát thanh - truyền hình", Huy chương "Vì sự nghiệp báo chí Việt Nam". Tại thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, có một con đường mang tên nghệ danh Đằng Giao.

Đường Đằng Giao có điểm đầu: Đường Nguyễn Văn Côn; điểm cuối: Trại Giam huyện Gò Công Tây; chiều dài: 0,250 km; chiều rộng: 4 m.

13. Đường Phan Đình Phùng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân.

Tiểu sử danh nhân:

PHAN ĐÌNH PHÙNG

(1847 – 1895)

Phan Đình Phùng hiệu là Châu Phong, sinh năm 1847 tại làng Đông Thái, xã Yên Hạ, tổng Việt Yên, huyện La Sơn, phủ Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh (nay là xã Tùng Ảnh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh).

Năm 1877, ông đậu Đình nguyên Tiến sĩ lúc 34 tuổi, được bổ làm tri huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, nổi tiếng vì tính thẳng thắn và liêm khiết, sau đó được triệu về kinh làm Ngự sử ở Đô sát viện.

Năm 1883, ông đã can gián đại thần Tôn Thất Thuyết về việc không tuân theo di chiếu của vua Tự Đức mà tự tiện phế bỏ vua Dục Đức, nên bị bắt giam vào ngục Cẩm y rồi bị cách chức đuổi về làng. Lúc này, đất nước đang rơi vào họa ngoại xâm, triều đình Huế chia thành hai phe chủ chiến và chủ hoà, phái chủ chiến do Tôn Thất Thuyết cầm đầu tổ chức cuộc tấn công vào vào đồn binh của quân Pháp tại Mang Cá, kinh thành Huế ngày 4-5-1885; nhưng thất bại. Vua Hàm Nghi rời khỏi kinh thành và ban Chiếu Cần Vương.

Tháng 9/1885, khi vua Hàm Nghi ra đến Sơn phòng Hà Tĩnh ở Hương Khê, Phan Đình Phùng và một số văn thân đã đến yết kiến vua và Tôn Thất Thuyết tại căn cứ Vụ Quang - Ngàn Trươi (nay thuộc huyện Vũ Quang, tĩnh Hà Tĩnh). Ông được nhà vua giao cho chức Thống đốc quân vụ đại thần để lãnh đạo phong trào chống Pháp ở 4 tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, đại bản doanh đặt tại căn cứ Vụ Quang - Ngàn Trươi. Tại đây, nghĩa quân đã đánh bại nhiều cuộc hành quân càn quét của quân Pháp vào vùng căn cứ kháng chiến.

Đầu năm 1887, nhận thấy nếu chỉ chiến đấu đơn độc thì phong trào sẽ đi vào chỗ thất bại, nên ông giao nhiệm vụ chỉ huy cho Cao Thắng rồi ra Bắc vận động sĩ phu và nhân dân cùng nổi dậy chống Pháp. Sau khi vua Hàm Nghi bị bắt, năm 1889, ông từ ngoài Bắc trở về, lúc này phong trào Cần Vương ở bốn tỉnh Bắc Trung Kỳ đã được dấy lên đều khắp, khá mạnh mẽ và quy về một mối do ông lãnh đạo. Lực lượng nghĩa quân đã lập được một số chiến công oanh liệt; tiêu biểu là chiến thắng Vụ Quang ngày 26/10/1895, tiêu diệt hơn 100 tên vừa lính Pháp vừa lính triều đình, trong đó có 3 sĩ quan Pháp.

Sau 10 năm kiên cường chiến đấu, ông lâm bệnh và qua đời ngày 28/12/ 1895 tại núi Quạt. Có tài liệu cho rằng, trong một trận giao chiến ác liệt với địch ở núi Quạt ngày 28/12/1895, ông bị thương nặng và đã anh dũng hy sinh.

Tên của ông được đặt tên cho nhiều công cộng ở các tỉnh, thành trên cả nước, trong đó có tên đường ở thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Đường Phan Đình Phùng có điểm đầu: Đường Nguyễn Trung Trực; điểm cuối: Đường Phan Châu Trinh; chiều dài: 0,100 km; chiều rộng: 4,7 m.

14. Đường Đặng Vương Tá

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân.

Tiểu sử danh nhân:

ĐẶNG VƯƠNG TÁ

(-)

Đặng Vương Tá chưa rõ năm sinh năm mất, người người thôn Vĩnh Hựu, tổng Hòa Đồng, huyện Tân Hòa, tỉnh Định Tường (nay thuộc xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang).

Vốn là một thanh niên trí thức yêu nước, năm 1905, ông tham gia phong trào Đông Du do Phan Bội Châu lãnh đạo. Năm 1908, ông sang Nhật gặp Phan Bội Châu và Cường Để (Hội chủ Duy Tân Hội được thành lập năm 1904 tại Quảng Nam), nhận nhiệm vụ trở về nước, quyên góp tiền bạc ủng hộ phong trào và cử thanh niên yêu nước sang Nhật du học.

Năm 1912, ông gia nhập tổ chức Việt Nam Quang phục hội do Phan Bội Châu thành lập. Tổ chức này ra đời vào tháng 02/1912, tại từ đường nhà Lưu Vĩnh Phúc ở Sa Hà, thành phố Quảng Châu, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc. Tôn chỉ, mục đích của Việt Nam Quang phục hội là: "Đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục nước Việt Nam, thành lập Cộng hòa Dân quốc Việt Nam".

Nhận lãnh trách nhiệm do cụ Phan giao phó, ông thành lập cơ sở của tổ chức này ở Gò Công mang tên là Cộng hòa hội do ông làm Hội trưởng. Cộng hòa hội phát triển nhanh chóng, thu hút được đông đảo thanh niên yêu nước tham gia. Ông đã bí mật mở các lớp huấn luyện quân sự và chính trị cho những cán bộ cốt cán và xây dựng cơ sở ở nhiều nơi, chuẩn bị cho công cuộc bạo động vũ trang theo đường lối của Việt Nam Quang phục hội. Một số nhà yêu nước ở các nơi cũng thường về Gò Công, gặp gỡ ông để bàn việc khởi nghĩa, trong đó có cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, thân sinh của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc (Hồ Chí Minh).

Năm 1916, hoạt động của Cộng hòa hội bị thực dân Pháp phát hiện. Cũng ngay lúc đó, ông bị chính quyền thực dân bắt, đày đi Côn Đảo và mất ở đó, nêu cao tấm gương kiên trung, bất khuất cho hậu thế noi theo. Tại thị trấn Vĩnh Bình (huyện Gò Công Tây) có con đường mang tên ông.

Đường Đặng Vương Tá có điểm đầu: Đường Nguyễn Hữu Trí; điểm cuối: Ranh Thạnh Nhựt; chiều dài: 1,050 km; chiều rộng: 3 m.

15. Đường Võ Tánh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân.

Tiểu sử danh nhân:

VÕ TÁNH

(1768 – 1801)

Võ Tánh sinh năm 1768, quê gốc ở thôn Phước Tỉnh, huyện Phước An, dinh Trấn Biên (nay là xã Phước Tỉnh, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu), sau dời về huyện Bình Dương, tỉnh Gia Định (nay thuộc thành phố Hồ Chí Minh).

Từ năm 1783 đến năm 1788, ông dấy binh chống quân Tây Sơn ở Phù Viên (Vườn Trầu, nay thuộc vùng Bà Điểm - Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh). Nhưng sau đó, nhận thấy nơi đây đất đai bằng phẳng, không thích hợp cho việc dụng võ, nên ông di chuyển đến Gò Tre thuộc huyện Kiến Hòa, dinh Trấn Định (nay thuộc xã Long Thuận, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang).

Tại căn cứ mới, ông tự xưng Tổng nhung; xây thành Vạn Thắng; tiếp tục chiêu mộ quân lính, tổ chức thành năm chi, năm hiệu, gọi là đạo quân Kiến Hòa với 1 vạn quân và khai phá đất đai, mở mang ruộng đất, tích trữ quân lương. Thấy lực lượng của ông ngày càng lớn mạnh, thủ lãnh quân Tây Sơn là Nguyễn Nhạc sai tướng đem quân tới Gò Tre tiễu phạt; nhưng bị ông đánh tan. Từ đó, thanh thế của ông càng lừng lẫy. Người bấy giờ xưng tụng ông là một trong "*Gia Định tam hùng*" (hai người kia là Đỗ Thanh Nhơn và Châu Văn Tiếp).

Năm 1788, chúa Nguyễn Phúc Ánh cử người đến Gò Tre mời ông hợp tác. Ông nhận lời, mang các tướng thuộc quyền là Võ Văn Lượng, Nguyễn Văn Hiếu, Mạc Văn Tô, Trần Văn Tín, Mai Tấn Huệ và toàn bộ binh lính theo về với Nguyễn Phúc Ánh. Dưới trướng của Nguyễn Phúc Ánh, ông lập được nhiều chiến công. Vì thế, ông được phong làm Khâm sai Tổng nhung Chưởng cơ dinh Tiền quân. Đồng thời, ông lại được Nguyễn Phúc Ánh gả em gái cho là Trưởng công chúa Ngọc Du, trở thành phò mã của nhà Nguyễn.

Năm 1790, vâng lệnh Nguyễn Phúc Ánh, ông mang quân đánh chiếm thành Diên Khánh (nay thuộc tỉnh Khánh Hòa). Năm 1792, ông được lệnh cùng với Tông Thất Hội giữ thành Gia Định trong khi Nguyễn Phúc Ánh thân chinh dẫn quân đánh thành Quy Nhơn. Năm 1793, ông được thăng Khâm sai chưởng hậu quân, Bình Tây tham thắng tướng quân hộ giá. Năm 1794, ông được thăng lên Đại tướng quân, tước Quận công.

Năm 1797, ông theo Nguyễn Phúc Ánh tiến quân đến sông Mỹ Khê (Quảng Ngãi). Tháng 1799, sau khi chiếm được thành Quy Nhơn và đổi tên Quy Nhơn

thành Bình Định, Nguyễn Phúc Ánh giao cho ông cùng với Lễ bộ tham tri Ngô Tùng Châu giữ ngôi thành này.

Tháng 02-1800, hai tướng của vương triều Cảnh Thịnh là Trần Quang Diệu và Võ Văn Dũng mang quân từ Phú Xuân vào tấn công và bao vây thành Bình Định. Ông ra lệnh cho binh sĩ cố thủ giữ thành. Tháng 4/1800, Nguyễn Phúc Ánh cho quân thủy bộ từ Gia Định ra cứu viện; nhưng không thành công. Tháng 02-1801, Nguyễn Phúc Ánh lại kéo ra quân nhằm giải nguy cho thành Bình Định. Thủy quân Nguyễn Phúc Ánh đánh thắng thủy quân Tây Sơn tại cửa Thị Nại. nhưng vẫn không giải vây được, thành Bình Định vẫn bị quân của vương triều Cảnh Thịnh vây chặt.

Trước tình hình đó, ông và Ngô Tùng Châu sai người lén đem mật thư ra cho Nguyễn Phúc Ánh; khuyên Nguyễn Phúc Ánh nên kéo quân ra đánh Phú Xuân, và khi đó, sẽ dễ dàng giành được thắng lợi, vì đại bộ phận quân Cảnh Thịnh đang đang tập trung tại mặt trận Bình Định; lực lượng ở Phú Xuân rất yếu. Đồng thời, bức mật thư cũng nói rõ, ông cùng Ngô Tùng Châu sẽ cố giữ thành nhằm cầm chân đối phương. Nghe theo lời khuyên hợp lý của ông và Ngô Tùng Châu, Nguyễn Phúc Ánh cho quân tấn công và chiếm được được Phú Xuân vào tháng 6-1801.

Hai tướng Cảnh Thịnh là Trần Quang Diệu và Võ Văn Dũng nghe tin Phú Xuân mất về tay Nguyễn Phúc Ánh, liền chia quân ra cứu. Quân cứu viện Cảnh Thịnh ra tới Quảng Nam thì bị quân Nguyễn chận đánh nên phải quay trở lại Bình Định. Không có cách nào khác, Trần Quang Diệu ra lệnh quân lính ráo riết công kích thành Bình Định. Trước nguy cơ thành bị thất thủ, có người khuyên ông nên lẻn trốn ra ngoài; nhưng ông đã cự tuyệt, cương quyết ở lại với thành. Tình thế ngày càng khốn quẫn, thấy không thể giữ thành lâu hơn được nữa, ông viết thư cho Trần Quang Diệu đề nghị sau khi chiếm được thành thì quân Tây Sơn không giết hại binh lính của ông.

Ngày 5-7-1801, Ngô Tùng Châu uống thuốc độc tự tử. Ngày 7-7-1801 (nhằm này 27 tháng 5 năm Tân Dậu), ông tự thiêu mà chết tại lầu bát giác ở trong thành nội.

Trần Quang Diệu dẫn quân vào thành, rất xúc động trước cái chết của ông, nên cho quân lính mai táng tử tế thi hài của ông. Đồng thời, vị tướng này cũng không giết hại bất cứ người lính nào trong thành.

Năm 1802, sau khi đánh thắng vương triều Cảnh Thịnh, Nguyễn Phúc Ánh lên ngôi vua, xưng là Gia Long. Tưởng nhớ đến công lao của ông, nhà vua truy tặng ông tước Dực vận công thần, Đặc tiến Phụ quốc Thượng tướng quân, Thượng trụ quốc, Thái úy, Quốc công, tên thụy là Trung Liệt; sai Cai bạ là Đinh Công Khiêm, Cai đội là Tôn Thất Bính mang áo mũ gấm lụa đến thành Bình Định thu liệm hài cốt còn lại để đưa về chôn ở Gia Định. Năm 1804, trong lúc

kinh đô Huế chưa được xây dựng xong, ông được thờ ở gian chính giữa đền Hiển Trung ở thành Gia Định, triều đình cấp cho tự dân, tự điền, mộ phu, sai con là Khánh coi việc giữ thờ tự. Năm 1805, cho phụ tế vào Thái miếu. Năm 1810, đổi cho phụ tế vào Thế miếu. Năm thứ 1813, ông được truy tặng là Tá vận công thần, Đặc tiến Tráng vũ Đại tướng quân, Hậu quân Đô thống phủ chưởng phủ sự, Thái sư, vẫn tên thụy là Trung Liệt, tước là Hoài Quốc công. Ông được xem là bậc trung thần khai lập nhà Nguyễn.

Tên ông được đặt tên đường ở nhiều tỉnh thành trên cả nước, trong đó có tên đường thành phố Mỹ Tho và thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Đường Võ Tánh có điểm đầu: Đường Nguyễn Văn Côn; điểm cuối: Ranh xã Thạnh Trị; chiều dài: 1,200 km; chiều rộng: 3 m.

16. Đường Đặng Khánh Tình

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân.

Tiểu sử danh nhân:

ĐẶNG KHÁNH TÌNH

(-)

Đặng Khánh Tình chưa rõ năm sinh năm mất, người thôn Vĩnh Lợi, tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường (nay thuộc xã Long Vĩnh, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang).

Năm 1859, khi Trương Định phất cờ khởi nghĩa, ông gia nhập nghĩa quân, đầu tiên giữ chức Đội. Về sau, do có chiến tích nên được thăng lên làm Đốc binh.

Sau khi Trương Định mất (1864), ông trở về quê nhà, chiêu tập nghĩa sĩ , sắm sửa lương thực, vũ khí, lập căn cứ , tiếp tục cuộc kháng chiến chống Pháp. Để có danh nghĩa và uy tín tập hợp, chỉ huy nghĩa quân, ông tự xưng là Phó Lãnh binh và được nhân dân quen gọi là Phó Lãnh binh Tình. Ông có một người phụ tá rất đắc lực là Nguyễn Văn Chung. Được biết, ông Nguyễn Văn Chung là ông nội của nhà cách mạng nổi tiếng ở Gò Công là Nguyễn Văn Côn. Giữa hai vị thủ lĩnh nghĩa quân này có tình bạn chiến đấu rất gắn bó với nhau. Cho nên, ở địa phương có câu ca:

Chừng nào hạc nọ xa đình,

Hạc xa hương án, Chung - Tình mới xa.

Và:

Vĩnh Hựu Tình - Chung, chân chánh khí,

Tân Niên Hòa - Quới, thị anh hùng.

Nghĩa là:

Ở làng Vĩnh Hựu có ông Tình và ông Chung là người thực sự có chánh khí,

Ở làng Tân Niên Trung có ông Hòa và ông Quới đúng là bậc anh hùng.

Dưới sự chỉ huy của ông, hoạt động của nghĩa quân dần dần được mở rộng. Lo sợ ảnh hưởng của phong trào kháng chiến ngày càng sâu đậm trong nhân dân, thực dân Pháp ra lệnh cho Huỳnh Văn Tấn huy động lực lượng mạnh tấn công vào căn cứ Vĩnh Hựu. Sau ba ngày bao vây, quân giặc đồng loạt mở cuộc tiến công. Ông chỉ huy nghĩa quân kiên quyết đánh trả; nhưng do thế yếu, ông bị địch bắt.

Sau đó, bọn chúng giam giữ ông ở khám đường Gò Công. Tại đây, bọn cai ngục vừa giở trò mua chuộc, dụ dỗ; vừa tra tấn hết sức dã man nhằm buộc ông phải đầu hàng. Nhưng, ông vẫn giữ vững khí tiết, thà chết chứ không cam chịu làm tay sai cho kẻ thù ngoại bang.

Cuối cùng, thực dân Pháp đã hèn hạ xử chém ông tại chợ Gò Công. Tàn bạo hơn, bọn chúng đã cho bêu thủ cấp của ông trong nhiều ngày để đe dọa nhân dân. Nhưng chính điều đó đã khiến cho quần chúng càng thêm căm thù thực dân Pháp và cảm thương vị anh hùng đã vì nước quên thân.

Hiện nay, phần mộ của ông ở ấp Vĩnh Quới, xã Long Vĩnh, huyện Gò Công Tây. Tại thị trấn Vĩnh Bình (huyện Gò Công Tây) có con đường mang tên ông.

Đường Đặng Khánh Tình có điểm đầu: Đường Phan Thanh Giản; điểm cuối: Đường tránh phía Đông; chiều dài: 0,840 km; chiều rộng: 4,5 m.

17. Đường Nguyễn Thìn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân.

Tiểu sử danh nhân:

NGUYỄN THÌN

(1904 - 1930)

Nguyễn Thìn, có các bí danh là Bảy Phòng, Phong và Công, sinh năm 1904 tại làng Vĩnh Hựu, tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công (nay là xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nho học có truyền thống yêu nước.

Năm 1924, ông tham gia hoạt động trong Hội Thánh - một tổ chức yêu nước tiến bộ ở Gò Công - do Nguyễn Văn Côn đứng đầu. Trong thời gian này, ông thường xuyên tiếp xúc với các nhóm thanh niên yêu nước ở Mỹ Tho, Tân An, Bến Tre, Cần Thơ,… Đồng thời, ông còn tổ chức cho một số thanh niên tiến bộ ở Gò Công lên Sài Gòn nghe các nhà yêu nước Phan Châu Trinh và Nguyễn An Ninh diễn thuyết.

Đầu năm 1927, ông được Hội Thánh đưa sang Quảng Châu (Trung Quốc) dự lớp huấn luyện về con đường giải phóng dân tộc theo khuynh hướng cách mạng vô sản của tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (HVNCMTN) do Hồ Chí Minh thành lập. Ông là chiến sĩ cách mạng đầu tiên và duy nhất ở Gò Công được huấn luyện bài bản ở Quảng Châu; được gặp và trực tiếp nghe Hồ Chí Minh giảng bài.

Sau khi mãn khóa học, tháng 9-1927, ông trở về Gò Công, tuyên truyền cách mạng, kết nạp nhiều thanh niên tiên tiến vào tổ chức HVNCMTN; và trên cơ sở đó, thành lập Tỉnh hội HVNCMTN tỉnh Gò Công. Đồng thời, ông còn phụ trách việc giao thông liên lạc của Kỳ ủy HVNCMTN Nam Kỳ. Tháng 5-1928, ông là Kỳ ủy viên chính thức của Kỳ ủy Nam Kỳ. Đến cuối năm 1928, ông làm công tác vận động phong trào công nhân ở Nam kỳ.

Tháng 5-1929, ông cùng với Bí thư Kỳ ủy Phạm Văn Đồng và Kỳ ủy viên Châu Văn Liêm thay mặt Kỳ ủy HVNCMTN Nam Kỳ đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc của HVNCMTN được tổ chức ở Hương Cảng (Trung Quốc). Tại Đại hội, ông có bài tham luận ủng hộ đề nghị của đoàn đại biểu Kỳ ủy HVNCMTN Bắc Kỳ là nên gấp rút xúc tiến việc thành lập Đảng Cộng sản nhằm thúc đẩy phong trào cách mạng ở Việt Nam tiến lên. Tuy nhiên, đề nghị trên không được Đại hội chấp thuận, nên đoàn đại biểu Bắc Kỳ trở về nước và thành lập Đông Dương Cộng sản Đảng (ĐDCSĐ) vào tháng 6-1929. Đánh giá cao sự ủng hộ của ông, những người lãnh đạo ĐDCSĐ đã đề cử ông vào Ban Chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng; đồng thời, ghi nhận ông là một trong những người thành lập ĐDCSĐ.

Trước sự chuyển biến mới của tình hình cách mạng ngày càng sôi nổi trên toàn quốc, Kỳ ủy HVNCMTN Nam Kỳ ráo riết công tác chuẩn bị thành lập Đảng Cộng sản. Nhưng giữa lúc đó, nhiều cán bộ trọng yếu của Kỳ ủy bị thực dân Pháp bắt. Để củng cố lực lượng cách mạng, ông đã cùng với một số cán bộ có uy tín còn lại của Kỳ ủy gặp gỡ đại diện của ĐDCSĐ ở Nam Kỳ bàn việc thống nhất các tổ chức Đảng.

Thế nhưng, cuộc thảo luận đó không đạt được sự nhất trí. Không thể chần chờ được nữa, ông cùng với Phan Trọng Bình, nguyên Bí thư Kỳ ủy, Châu Văn Liêm, Kỳ ủy viên,… thành lập An Nam Cộng sản Đảng vào tháng 8-1929.

Sau đó, vào giữa tháng 8-1929, ông bị chính quyền thực dân bắt tại Sài Gòn. Ở trong tù, mặc dù bị tra tấn vô cùng dã man, nhưng ông vẫn giữ tròn khí tiết của một chiến sĩ cộng sản chân chính. Ở trong nhà tù của đế quốc, tháng 02-1930, ông vô cùng phấn khởi và tự hào khi nhận được tin Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập. Ước vọng cao đẹp của ông đã trở thành hiện thực. Từ đây, cách mạng Việt Nam đã được đặt dưới sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh, đứng đầu là vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc Hồ Chí Minh.

Đến tháng 8-1930, ông bị tòa án thực dân kết án tử hình. Hai mươi sáu tuổi đời, ông đã cống hiến trọn tuổi thanh xuân của mình vì sự nghiệp giải phóng dân tộc. Tên ông được đặt tên trường trung học phổ thông ở huyện Gò Công Tây; tên đường ở thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây và ở thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Đường Nguyễn Thìn có điểm đầu: Ranh xã Thạnh Nhựt; điểm cuối: Ranh xã Thạnh Trị; chiều dài: 2,675 km; chiều rộng: 3,5 m.

18. Đường Trần Quốc Toản

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân.

Tiểu sử danh nhân:

TRẦN QUỐC TOẢN

(1267 – 1285)

Trần Quốc Toản sinh năm 1267 thuộc dõng dõi hoàng tộc triều Trần. Cha mất sớm, ông ở với mẹ và được chú là Chiêu thành vương Trần Thông dạy dỗ chu đáo. Ngay từ nhỏ, ông đã bộc lộ năng khiếu võ nghệ và lòng quả cảm hơn người, rất ham đọc sách quân sự và có chí lớn. Ông được phong tước Hoài văn hầu khi mới 15 tuổi.

Năm 1282, vua Trần Nhân Tông tổ chức Hội nghị quân sự cấp cao gồm các vương hầu và tướng lĩnh tại bến Bình Than để bàn kế sách chống giặc Mông - Nguyên. Ông xin dự hội nghị; nhưng vì còn ít tuổi nên không được tham dự. Để động viên, vua Trần Nhân Tông ban cho ông quả cam. Trước sự việc đó, ông đã bóp nát quả cam trong tay lúc nào không biết.

Không nản lòng, ông đã tập hợp những người thân thuộc và trai tráng trong vùng thành đạo quân hơn 1.000 người tự sắm sửa vũ khí, chiến thuyền và cùng nhau ngày đêm luyện võ, tập trận chờ thời cơ đánh giặc. Đội quân trẻ tuổi của ông giương cao lá cờ thêu sáu chữ vàng *"Phá cường địch, báo hoàng ân"* ("Phá giặc mạnh, đền ơn vua").

Năm 1285, quân Mông - Nguyên tràn vào xâm lược nước ta lần thứ hai (lần thứ nhất vào năm 1258). Lá cờ thêu sáu chữ vàng của ông xuất hiện trên nhiều mặt trận. Ông đã trực tiếp chỉ huy đội quân hơn 1.000 người sát cánh chiến đấu với quân chủ lực của triều đình góp phần làm nên những chiến thắng vang dội ở Hàm Tử, Tây Kết, Chương Dương. Do bị đại bại, giặc Mông - Nguyên phải bỏ Thăng Long, chạy về Kinh Bắc (Bắc Ninh) để tìm đường về nước. Ông được lệnh điều quân đến mai phục chặn đánh địch ở vùng sông Như Nguyệt. Trong trận đánh quyết liệt đó, giặc thua to nhưng không may ông đã hy sinh anh dũng khi mới 18 tuổi. Được tin ông đã vì nước hy sinh, vua Trần Nhân Tông vô cùng thương tiếc.

Nhà vua cho cử hành tang lễ trọng thể, đích thân làm văn tế và truy tặng ông tước Hoài Văn Vương.

Chủ tịch Hồ Chí Minh trong tác phẩm *"Lịch sử nước ta"* ca ngợi ông như sau:

"Thật là một đấng anh hùng

Trẻ con Nam Việt nên cùng noi theo"

Tên của ông được đặt tên cho nhiều công trình công cộng ở các tỉnh, thành trên cả nước, trong đó có tên đường ở thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Đường Trần Quốc Toản có điểm đầu: Đường Nguyễn Trung Trực; điểm cuối: Đường Nguyễn Hữu Trí (nối dài) ; chiều dài: 0,490 km; chiều rộng: 5,4 m.

19. Đường Nguyễn Hữu Trí

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân.

Tiểu sử danh nhân:

NGUYỄN HỮU TRÍ

(1926 – 1993)

Nguyễn Hữu Trí còn có tên là Nguyễn Văn Bốn sinh năm 1926 tại làng Vĩnh Lợi, tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công (nay là thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình có truyền thống cách mạng.

Hòa trong khí thế hào hùng của nhân dân Gò Công trong cuộc tổng khởi nghĩa tháng 8-1945, ông giác ngộ và tham gia cách mạng ở quê nhà. Tháng 10-1945, ông tham gia lực lượng Cộng hòa vệ binh ở địa phương, góp phần vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp khi bọn chúng quay trở lại xâm lược Gò Công. Sau đó, ông lần lượt làm trinh sát viên ở Khu 7, tổ trưởng trinh sát thuộc Phòng Tham mưu Khu 8, trung đội trưởng trinh sát thuộc Phòng Tham mưu Khu 9. Năm 1949, ông được cấp trên phân công vào các đô thị ở vùng tạm chiếm với nhiệm vụ quan trọng là tổ chức mua những mặt hàng cần thiết cho kháng chiến, như thuốc tây, hóa chất, thuốc nổ, điện đài,… để bí mật vận chuyển ra vùng căn cứ Khu 9. Đồng thời, ông còn xây dựng được nhiều cơ sở cách mạng ở nội thành Sài Gòn và trực tiếp đưa thư từ, tài liệu vận động cách mạng tới một số vị nhân sĩ, trí thức.

Năm 1951, ông được đề bạt làm cán bộ Phòng Tham mưu Khu 8. Sau đó ít lâu, trên đường đi công tác, ông bị địch bắt. Trải qua nhiều nhà tù và mặc dù bị tra tấn hết sức dã man, nhưng ông vẫn một lòng trung thành với Đảng và nhân dân, kiên cường giữ vững khí tiết của người chiến sĩ cộng sản. Do không tìm ra chứng cớ để kết tội nên địch buộc phải trả tự do cho ông. Ngay sau đó, ông trở ra vùng

giải phóng tiếp tục công tác. Năm 1953, ông làm Trưởng ban Hành chính - Quản trị thuộc Bộ Tư lệnh Phân liên khu miền Tây Nam Bộ.

Năm 1954, ông tập kết ra miền Bắc, làm Trưởng ban Hành chính của Trung đoàn 78, sau đó được cử đi học Trường Sĩ quan Lục quân. Năm 1959, ông tốt nghiệp, được phong quân hàm trung úy, công tác tại Cục Tình báo. Liên tục trong hai năm 1960 và 1961, ông được Cục Tình báo bồi dưỡng về chính trị và được huấn luyện nghiệp vụ tình báo. Đầu năm 1963, trên một chiếc tàu không số, ông theo đường biển trở vào miền Nam công tác, làm tổ trưởng điệp báo Cụm A20, có nhiệm vụ tạo lập bình phong, chỗ đứng chân, từng bước hợp pháp hóa tại địa bàn Sài Gòn.

Tại Sài Gòn, dựa vào người thân trong gia đình, ông đã nhanh chóng tạo được nơi ăn ở, làm được giấy tờ tùy thân hợp pháp, có nghề nghiệp phù hợp, tạo được nơi cất giấu và sử dụng điện đài an toàn, thuận tiện, thậm chí giữa năm 1964, khi nhu cầu liên lạc tăng cao, ông còn đón điện đài viên từ chiến khu vào, làm việc an toàn, có hiệu quả cho tới khi cán bộ này được rút về vào tháng 11-1965.

Trên cơ sở đó, với tất cả sự cẩn trọng, chặt chẽ, năng động, mưu trí và dũng cảm, ông đã xây dựng được mạng lưới tình báo chiến lược quân sự, hoạt động ngay trong lòng địch, trong đó có cả công chức, sĩ quan của chính quyền và quân đội Sài Gòn hoặc cài cắm người của ta vào làm việc trong bộ máy của chính quyền địch. Bên cạnh đó, ông còn chủ động mở rộng, đi sâu quan hệ với một số sĩ quan cao cấp và nhân vật tên tuổi trong các giới để thu thập tin tức.

Dưới sự tổ chức và chỉ đạo tài tình của ông, mạng lưới tình báo do ông làm tổ trưởng hoạt động rất có hiệu quả, thu được nhiều thông tin và tài liệu có ý nghĩa chiến lược từ phía Mỹ, chính quyền và quân đội Sài Gòn, được Cục Tình báo đánh giá cao, phục vụ đắc lực cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của quân dân cả nước. Từ năm 1963 đến năm 1970, mạng lưới điệp báo của ông có vai trò như là một trong vài mạng lưới chủ chốt của tình báo chiến lược quân sự. Đặc biệt, tuy số lượng điệp viên, quan hệ và cơ sở điệp báo,… của mạng lưới là khá lớn và nhiều người được xây dựng thông qua quan hệ "bắc cầu"; nhưng ông vẫn bảo đảm tốt yêu cầu cự ly, đơn tuyến trong lưới, giữ vững an toàn tuyệt đối, khiến cho cơ quan tình báo CIA của Mỹ và Phủ Đặc ủy trung ương tình báo của chính quyền Sài Gòn không tài nào phát hiện.

Năm 1970, sau khi hoàn thành nhiệm vụ do cấp trên giao phó, ông được điều ra vùng giải phóng. Năm 1971, ông được bổ nhiệm làm Phó phòng Tình báo chiến lược Miền (J22). Đầu năm 1973, ông được cử phụ trách Ban Tình báo ngoại giao của Phòng Tình báo chiến lược Miền và tham gia Đoàn đại biểu quân sự của Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam vào làm việc tại trại David ở Sài Gòn trong khuôn khổ của hiệp định Paris.

Giữa năm 1973, theo sự điều động của tổ chức, ông trở về vùng giải phóng, làm Phó phòng; từ tháng 4/1974, làm Quyền Trưởng phòng Tình báo chiến lược Miền. Tháng 12/1974, khi Phòng Tình báo chiến lược Miền được chuyển thành Đoàn Tình báo 22 thuộc Bộ Tham mưu Miền, ông được chỉ định làm Quyền Đoàn trưởng. Trên những cương vị ấy, ông đã lãnh đạo, chỉ huy lực lượng tình báo chiến lược Miền hoàn thành tốt nhiệm vụ nắm tình hình địch, phục vụ cho công tác chỉ đạo chiến lược, chiến dịch của cấp trên và điều tra mục tiêu, chuẩn bị cho bộ đội tác chiến trong những năm tháng cuối cùng của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Sau ngày đất nước hòa bình, thống nhất (30-4-1975), ông tiếp tục công tác trong quân đội, là Phó Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 1986, ông nghỉ hưu. Năm 1993, ông mất tại thành phố Hồ Chí Minh.

Là nhà tình báo chiến lược quân sự xuất sắc, ông có nhiều đóng góp quan trọng trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Ông được tặng thưởng 4 Huân chương Chiến công (2 hạng Nhất, 2 hạng Nhì). Ngày 20-9-1971, ông được Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam phong tặng ông danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng. Tên của ông được đặt tên đường ở thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Mỹ Tho và thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Đường Nguyễn Hữu Trí có điểm đầu: Quốc lộ 50; điểm cuối: Cầu Nguyễn Hữu Trí; chiều dài: 1,710 km; chiều rộng: 4,5 m.

20. Đường Phan Châu Trinh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân.

Tiểu sử danh nhân:

PHAN CHÂU TRINH

(1872 – 1926)

Phan Châu Trinh, tự là Tử Cán, hiệu Tây Hồ, Hy Mã, sinh năm 1872 tại làng Tây Lộc, huyện Hà Đông, nay thuộc xã Tam Lộc, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

Thuở nhỏ, ông nổi tiếng thông minh, học giỏi, đỗ cử nhân (1900), đỗ phó bảng (1901). Năm 1903, ông được bổ làm Thừa biện bộ Lễ. Chính vào thời gian làm việc ở kinh đô Huế, ông có dịp tiếp xúc với tân thư của Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu, sách của các nhà cách mạng dân chủ Âu Tây cùng những kế sách của Nguyễn Lộ Trạch, Nguyễn Trường Tộ.

Từ đó, ông bước đầu nhận thức ra con đường cứu nước mới, nên ông đã từ quan, đi tìm một phương sách cứu nước. Năm 1904, ông cùng hai người bạn đồng

hương và cũng là đồng chí (Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp) phát động phong trào Duy tân ở Quảng Nam.

Đầu năm 1906, ông ra Bắc bàn với nhân sĩ Bắc Kỳ về phong trào Duy tân, tham gia giảng dạy ở Đông Kinh nghĩa thục Hà Nội. Ông còn lên tận Phồn Xương thuộc chiến khu Yên Thế, gặp Hoàng Hoa Thám, rồi tìm đường sang Trung Quốc, Nhật Bản gặp Phan Bội Châu để quan sát tìm hiểu, nghiên cứu đường lối duy tân, tự cường của Nhật. Cuối năm này, ông về nước, viết "Đầu Pháp chính phủ thư" (thường gọi là Thư gửi Chính phủ Pháp), trình bày những nỗi khổ cực, bần hàn của dân ta dưới chế độ bảo hộ. Bằng sự khôn khéo của mình, ông đã vận động được một người Pháp cấp tiến, lúc bấy giờ đang làm chủ nhiệm tờ "Đại Việt tân báo" dịch từ bản chữ Hán sang Pháp văn và đăng trên Tập san nghiên cứu của Trường Viễn Đông Bác cổ Pháp ở Hà Nội. Bài viết được bất ngờ tung ra, gây thành dư luận xôn xao trong tầng lớp trí thức, viên chức Pháp, Việt và được coi như là tuyên ngôn của phong trào Duy Tân.

Năm 1908, khi phong trào chống thuế, đòi giảm sưu bùng phát ở Quảng Nam, rồi lan nhanh ra 10 tỉnh Trung Kỳ, thực dân Pháp đã thẳng tay đàn áp. Lúc này, Phan Châu Trinh đang làm báo ở Hà Nội, nhưng thực dân Pháp viện cớ cho ông là người khởi xướng, bắt ông giải về Huế, giao cho Nam triều kết án, đày đi Côn Đảo.

Nhờ Hội Nhân quyền ở Pháp can thiệp, nên đến cuối năm 1911, chính quyền thực dân buộc phải trả tự do cho ông, nhưng đưa về quản thúc ở Mỹ Tho. Ông phản đối quyết liệt, gửi thư cho Chính phủ Pháp yêu cầu hoặc trả ông về Côn Lôn, hoặc để ông tự do sang Pháp. Thực dân Pháp cuối cùng đành chấp nhận để ông sang Pháp với người con trai là Phan Châu Dật.

Trong thời gian sống ở Pháp (1911-1925), Phan Châu Trinh đã phải tự lao động để sống, nhiều khi đói lạnh, cơ cực, nhưng không quên nhiệm vụ vận động cứu nước. Ông có nhiều quan hệ gắn bó với Nguyễn Tất Thành (Nguyễn Ái Quốc/Hồ Chí Minh), thường giao du mật thiết với Phan Văn Trường, Nguyễn An Ninh. Nguyễn Tất Thành gọi ông là "Nghi bá" (người bác kết nghĩa với cha mình) hoặc là bác và tự xưng là cháu, hoặc "cuồng điệt" (đứa cháu hăng say).

Năm 1914, chiến tranh Pháp - Đức bùng nổ, ông bị vu cáo là làm gián điệp cho Đức và bị bắt giam ở ngục Santé gần một năm. Thời gian ở Pháp, ông đã viết "Trung Kỳ dân biến thỉ mạt ký" (nói rõ nguyên nhân dẫn đến các cuộc biểu tình năm 1908 và minh oan cho các nhân sĩ bị Pháp bắt, tù đày, đặc biệt ông đã vạch trần bản án gian trá giết chết tiến sĩ Trần Quý Cáp).

Cũng trong thời gian ở Pháp, ông viết các tác phẩm: Tỉnh quốc hồn ca I và II; Santé thi tập. Đặc biệt tác phẩm cuối cùng là Thư thất điều gởi cho vua Khải Định khi ông vua bù nhìn này sang thăm nước Pháp.

Tháng 6-1925, ông được Chính phủ chấp thuận cho về nước. Do làm việc quá sức, bệnh cũ tái phát, ông lâm bệnh nặng và mất tại Sài Gòn ngày 24-3-1926. Đám tang ông đã trở thành một quốc tang (Deuil national), được cử hành trọng thể ở Sài Gòn. Hơn 140.000 người tham dự cuộc tiễn đưa ông về nơi an nghỉ cuối cùng. Đước biết, dân số Sài Gòn thời ấy chưa đến nửa triệu người.

Học giả Hoàng Xuân Hãn nhận xét đám tang Phan Châu Trinh là một cuộc biểu dương lực lượng vĩ đại tinh thần yêu nước chống thực dân Pháp không phải chỉ của mười mấy vạn người ở Sài Gòn, mà là của hàng triệu đồng bào cả nước. Tên ông được đặt tên cho nhiều công trình công cộng trên cả nước.

Đường Phan Châu Trinh có điểm đầu: Đường Đặng Khánh Tình; điểm cuối: Đường Trần Quốc Toản; chiều dài: 0,160 km; chiều rộng: 5,4 m.

21. Đường Nguyễn Trung Trực

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân.

Tiểu sử danh nhân:

NGUYỄN TRUNG TRỰC

(1838 – 1868)

Nguyễn Trung Trực tên thật là Nguyễn Văn Lịch, sinh năm 1838 tại Xóm Nghề, thôn Bình Nhựt, tổng Cửu Cư Hạ, huyện Cửu An, phủ Tân An, tỉnh Gia Định (nay thuộc Ấp 1, xã Thạnh Đức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An).

Năm 1860, ông tham gia cuộc khởi nghĩa chống thực dân Pháp xâm lược do Trương Định chỉ huy, được phong chức Quản binh đạo. Sáng ngày 10/12/1861, ông chỉ huy nghĩa quân tổ chức đám cưới giả, phục kích đốt cháy chiến hạm L' Espérance tại vàm sông Nhựt Tảo (nay thuộc xã An Nhựt Tân, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An).

Sau khi quân Pháp chiếm ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ là Biên Hòa, Định Tường và Gia Định (năm 1862), ông di chuyển sang ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ là An Giang, Hà Tiên và Vĩnh Long tiếp tục chiến đấu. Rạng sáng ngày 19/6/1868, ông chỉ huy nghĩa quân bất ngờ đánh úp đồn Kiên Giang, tiêu diệt 5 viên sĩ quan Pháp, 67 lính, thu trên 100 khẩu súng cùng nhiều đạn dược và làm chủ tình hình được 5 ngày liền.

Sau đó, thực dân Pháp huy động lực lượng hùng hậu đàn áp nghĩa quân. Trước tình hình đó, ông chuyển quân ra đảo Phú Quốc, lập căn cứ kháng chiến mới. Ngày 19/9/1868, ông bị địch bắt. Bọn chúng giở trò mua chuộc, hứa sẽ ban cho ông bổng lộc, chức tước; nhưng ông nhất quyết cự tuyệt. Ngày 27/10/1868, thực dân Pháp đã hèn hạ xử chém ông tại chợ Rạch Giá. Trước lúc hy sinh vì đại

nghĩa cứu nước, cứu dân, ông đã có một câu nói lưu danh truyền đời: "Bao giờ người Tây nhổ hết cỏ nước Nam thì nước Nam mới hết người đánh Tây".

Tên ông được đặt tên trường, tên đường ở nhiều tỉnh, thành trên cả nước; trong đó có tên đường ở thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Đường Nguyễn Trung Trực có điểm đầu: Đường Nguyễn Văn Côn; điểm cuối: Đường Đặng Khánh Tình; chiều dài: 0,350 km; chiều rộng: 5,4 m.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên cầu ở huyện Gò Công Tây:**

Khái niệm Cầu

Cầu là một công trình giao thông được bắc qua các chướng ngại nước, như rãnh nước, dòng suối, dòng sông, dòng kênh/kinh, dòng rạch, hồ, biển hay các chướng ngại khác, như đường bộ, đường sắt,… đảm bảo cho giao thông được liên tục.

Trên Đường tỉnh 872:

1. Cầu Nguyễn Văn Côn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Văn Côn).

Tiểu sử danh nhân:

Nguyễn Văn Côn, tên thật là Nguyễn Hoài Ngọc, bí danh Thành Vĩnh, sinh năm 1893 tại làng Vĩnh Hựu, tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công (nay là xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình trung nông có truyền thống yêu nước. Ông nội của ông là Nguyễn Văn Chung, một trong những thủ lãnh nghĩa quân trong cuộc khởi nghĩa Trương Định.

Năm 1908, khi mới 14 tuổi, ông gia nhập Việt Nam Quang phục hội - một tổ chức yêu nước có cơ sở ở Gò Công. Năm 1910, được sự cố vấn của một số nhà yêu nước, ông thành lập Cộng hòa hội, nhằm tập hợp thanh niên và tuyên truyền ý thức đấu tranh chống áp bức, bất công.

Sau đó, ông lên Sài Gòn, làm công nhân cho hãng Faci. Tại đây, ông giác ngộ chủ nghĩa Mác - Lênin và tích cực tham gia phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân. Năm 1921, ông gia nhập Công hội đỏ. Đây là tổ chức cách mạng đầu tiên của công nhân Sài Gòn hoạt động theo con đường cách mạng vô sản do Tôn Đức Thắng thành lập và làm Hội trưởng. Do tinh thần kiên định cách mạng và năng nổ trong công tác nên ông được hội viên tín nhiệm bầu làm Phó Hội trưởng.

Năm 1924, ông được Ban Lãnh đạo Công hội đỏ phân công về Gò Công xây dựng phong trào. Tại đây, ông tiến hành củng cố và mở rộng tổ chức Cộng hòa hội do ông thành lập trước đó. Để tạo thế hợp pháp, tổ chức này được đổi tên thành Hội cúng thánh Khổng Tử, gọi tắt là Hội Thánh. Hội có nhiệm vụ truyền bá sách

báo tiến bộ, dạy chữ quốc ngữ, quyên góp tiền bạc giúp các nhà yêu nước hoạt động chống chính quyền thực dân, đặc biệt là giúp kinh phí cho những người xuất dương học làm cách mạng. Trong thời kỳ này, ông có dịp tiếp xúc với nhiều nhà yêu nước nổi tiếng, như Nguyễn Sinh Sắc (thân sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh), Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Mai Văn Ngọc,…

Giữa năm 1925, Hồ Chí Minh thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên (HVNCMTN) ở Quảng Châu (Trung Quốc). Cuối năm 1926, do bắt liên lạc được với một số cán bộ của HVNCMTN, ông cử những thanh niên ưu tú ở Gò Công và Cần Thơ sang Quảng Châu (Trung Quốc) dự các lớp huấn luyện do HVNCMTN tổ chức nhằm đào tạo cán bộ cho cách mạng.

Năm 1927, ông được bầu làm Bí thư Tỉnh hội HVNCMTN tỉnh Gò Công. Đầu năm 1929, ông là Kỳ ủy viên của Kỳ bộ HVNCMTN Nam Kỳ; và được phân công xây dựng phong trào ở các tỉnh Gò Công, Long Xuyên, Sa Đéc, Cần Thơ, Vĩnh Long và Trà Vinh.

Tháng 8-1929, ông được kết nạp vào An Nam Cộng sản đảng; và thành lập Chi bộ Cộng sản đầu tiên ở Gò Công do ông làm Bí thư. Nhưng chỉ một tháng sau, ông bị địch bắt, kết án 5 năm tù và đày ra Côn Đảo. Ở trong tù, ông giữ vững khí tiết của người chiến sĩ cộng sản chân chính. Đồng thời, ông ra sức học tập lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin để nâng cao trình độ chính trị và lập trường giai cấp.

Năm 1934, sau khi ra tù, mặc dù chưa bắt liên lạc được với tổ chức Đảng, nhưng ông vẫn hăng hái hoạt động, gầy dựng được nhiều cơ sở cách mạng và kết nạp một số đảng viên mới ở Gò Công. Do vậy, tháng 5-1940, ông lại bị địch quản thúc; và đến cuối tháng 11-1940, ông bị địch bắt giam khi cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ nổ ra. Tuy vậy, trước đó, ông đã chỉ đạo các cơ sở cách mạng ở Gò Công có những hoạt động hưởng ứng cuộc khởi nghĩa, như treo cờ đỏ búa liềm, rải truyền đơn, phá đường giao thông, xô ngã cột điện,…

Cuối năm 1942, ông được trả tự do và nối liên lạc với Đảng. Tháng 10-1943, tại Hội nghị Xứ ủy Nam kỳ lâm thời được tổ chức tại Chợ Gạo, ông được bầu làm Xứ ủy viên. Với tinh thần tiến công cách mạng không ngừng, ông hoạt động không mệt mỏi cho phong trào. Ông đi khắp nơi để vận động cách mạng, phát triển đảng viên, chuẩn bị đón thời cơ mới.

Sau ngày phát xít Nhật đảo chính thực dân Pháp (09-3-1945), khi tình thế cách mạng trực tiếp đã xuất hiện, ông và các đảng viên cộng sản ở Gò Công ráo riết xúc tiến công tác chuẩn bị giành chính quyền về tay nhân dân.

Tháng 5-1945, ông được cử làm Bí thư Tỉnh ủy Gò Công. Tháng 7-1945, ông chỉ đạo thành lập lực lượng Thanh niên tiền phong ở Gò Công. Giữa tháng 8-1945, ông được bầu làm Chủ tịch Ủy ban dân tộc giải phóng lâm thời tỉnh Gò Công. Ngày 21-8-1945, nhân dân làng An Thạnh Thủy (thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho) biểu tình kéo xuống làng Thạnh Nhựt (thuộc tổng Hòa Đồng

Thượng, tỉnh Gò Công) lấy mộc của làng, tước súng của hương quản. Sự việc này làm cho chính quyền tay sai Pháp - Nhật ở Gò Công lâm vào tình thế lúng túng. Tỉnh trưởng Gò Công là Trần Hưng Ký phải mời ông với tư cách là đại diện Việt Minh đến gặp tại dinh tỉnh trưởng và khẩn thiết nhờ giải quyết. Nhận thấy thời cơ khởi nghĩa đã chín muồi, ngay trong đêm 21-8-1945, ông triệu tập cuộc họp bất thường của Ủy ban dân tộc giải phóng tỉnh Gò Công. Các đại biểu dự họp nhận định đã đến thời điểm Mặt trận Việt Minh tỉnh Gò Công ra công khai hoạt động; đồng thời đi đến quyết định là phải dùng sức mạnh đấu tranh của quần chúng buộc tỉnh trưởng Gò Công từ chức, giao quyền cho Ủy ban dân tộc giải phóng lâm thời tỉnh Gò Công.

Ngày 24-8-1945, một cuộc mít tinh lớn được tổ chức ở thị xã theo quyết định của Ủy ban dân tộc giải phóng lâm thời Gò Công để mừng cách mạng giành được thắng lợi rực rỡ và chào mừng chính quyền cách mạng của tỉnh ra mắt nhân dân. Hơn 20.000 người bao gồm đủ các thành phần, từ 40 làng nô nức tuần hành đổ về sân vận động tỉnh. Trong buổi mít tinh, ông thay mặt Ủy ban dân tộc giải phóng lâm thời tỉnh Gò Công, long trọng tuyên bố chính quyền đã thuộc về tay nhân dân, công bố 10 chính sách của Mặt trận Việt Minh.

Sau khi thực dân Pháp quay trở lại xâm lược Gò Công vào tháng 10-1945, ông nhận lãnh trọng trách là Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Gò Công và cùng với tập thể Tỉnh ủy, Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh lãnh đạo cuộc kháng chiến của nhân dân Gò Công chống thực dân Pháp xâm lược. Trong cuộc tổng tuyển cử ngày 06/01/1946, ông được nhân dân Gò Công tín nhiệm bầu làm Đại biểu Quốc hội khóa 1 của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Sau đó, ông ra Hà Nội, dự 2 kỳ họp Quốc hội. Tại Kỳ họp thứ nhất diễn ra vào tháng 3-1946, ông cùng với các đại biểu bỏ phiếu công nhận Chính phủ Liên hiệp kháng chiến do lãnh tụ Hồ Chí Minh làm Chủ tịch, bầu ra Ban Thường trực Quốc hội và Ban Dự thảo Hiến pháp. Tại Kỳ họp thứ hai diễn ra vào tháng 11-1946, ông và các đại biểu đã thảo luận, biểu quyết thông qua bản Hiến pháp đầu tiên của nước ta và 01 Dự án Luật.

Từ sau ngày toàn quốc kháng chiến (19-12-1946), ông trở về Nam bộ tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp. Cuối tháng 4-1947, ông là Chủ nhiệm đầu tiên của Mặt trận Liên Việt tỉnh Gò Công, nêu cao tấm gương đại đoàn kết dân tộc trong công cuộc giải phóng đất nước.

Năm 1949, ông bị giặc Pháp bắt và bị đày ra Côn Đảo lần thứ hai. Mặc dù bị tra tấn dã man, nhưng ông vẫn nêu cao khí tiết của người chiến sĩ cộng sản kiên cường, không khuất phục kẻ thù.

Năm 1954, cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi, ông được Đảng và Nhà nước đón về và tập kết ra miền Bắc. Tuy sức khỏe có suy giảm vì những năm tháng ở trong lao tù bị giam cầm, hành hạ, nhưng ông vẫn miệt mài làm việc, được

nhân dân tín nhiệm bầu làm Đại biểu Quốc hội các khóa 2, 3, 4, 5; đồng thời là cộng tác viên Bảo tàng Cách mạng Việt Nam. Ông là một trong những cán bộ cách mạng lão thành có uy tín lớn, nên được Chủ tịch Hồ Chí Minh, Chủ tịch Tôn Đức Thắng và Thủ tướng Phạm Văn Đồng thường đến nhà riêng ở tại Hà Nội để thăm hỏi.

Sau năm 1975, ông trở về quê nhà sinh sống trong sự kính trọng và thương yêu của nhân dân Gò Công. Năm 1982, ông mất tại xã Bình Nghị, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Ông được tặng thưởng nhiều huân huy chương, trong đó cao quý nhất là Huân chương Hồ Chí Minh. Ông là nhà cách mạng lão thành tiêu biểu nhất của Gò Công, được nhân dân và các thế hệ cán bộ cách mạng ở địa phương vô cùng kính trọng và ngưỡng mộ.

Tên của ông được đặt tên đường, tên cầu tại thị xã Gò Công, thị trấn Tân Hòa (huyện Gò Công Đông) và thị trấn Vĩnh Bình (huyện Gò Công Tây); tên trường trung học phổ thông ở huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Vị trí: Km 1+519, thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, trên Đường tỉnh 872.

- Cầu bắc qua: Rạch Vàm Giồng.

- Quy mô: 1 nhịp dài 19,3m; mặt BTCT rộng 9,4m (Bxe chạy 8m + lề bộ hành 0,7m/bên); 9 dầm BTTA; Htt: +3.00

- Tải trọng ép (Tấn): 30

- Năm đưa vào sử dụng: 1989, sửa chữa năm 2014

2. Cầu Kinh/Kênh 14

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Chữ số (14).

- Vị trí: Km 5+576, xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, trên Đường tỉnh 872.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh 14

- Quy mô: 3 nhịp dài 57,78m (3x18,6); mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; dầm BTTA 11 dầm/nhịp; Htt: +3.30

- Tải trọng (Tấn): HL93[13]

- Năm đưa vào sử dụng: 2015

Trên Đường tỉnh 872B:

1. Cầu Kinh/Kênh 14

[13] HL93 được viết tắt từ Tiếng Anh: **H**ighway **L**oad accepted in 19**93** (Tải trọng trên đường cao tốc được chấp nhận vào năm 1993), tải trọng HL93 tương đương 40 tấn.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Chữ số (14).

- Vị trí: Km 3+135, xã Bình Tân, huyện Gò Công Tây, trên Đường tỉnh 872B.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh 14

- Quy mô: 3 nhịp dài 56,7m; mặt BTCT rộng 9m đồng mức; khổ cầu 10m; dầm BTDƯL 6 dầm/nhịp; CĐdc: +3.30

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2020

2. Cầu Bà Giảng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Giới tính và tên người (Bà Giảng)

- Vị trí: Km 3+374, xã Bình Tân, huyện Gò Công Tây, trên Đường tỉnh 872B.

- Cầu bắc qua: Rạch Bà Giảng

- Quy mô: 3 nhịp dài 39,28m; mặt BTCT rộng 9m đồng mức; khổ cầu 10m; dầm BTDƯL 6 dầm/nhịp; CĐdc: +2.00

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2020

3. Cầu Kinh/Kênh Thủy Lợi

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Danh từ (Thủy lợi: Tại Khoản 1, Điều 2 Luật Thủy lợi năm 2017 định nghĩa thủy lợi như sau: "Thủy lợi là tổng hợp các giải pháp nhằm tích trữ, điều hòa, chuyển, phân phối, cấp, tưới, tiêu và thoát nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, sản xuất muối; kết hợp cấp, tiêu, thoát nước cho sinh hoạt và các ngành kinh tế khác; góp phần phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo đảm an ninh nguồn nước".

- Vị trí: Km 8+984, xã Bình Tân và xã Long Bình, huyện Gò Công Tây, trên Đường tỉnh 872B.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Thủy Lợi.

- Quy mô: 3 nhịp dài 29,5m; mặt BTCT rộng 9m đồng mức; khổ cầu 10m; dầm BTDƯL; CĐdc: +2.20

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

4. Cầu Yên Luông

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Xã Yên Luông).

- Vị trí: Km 0+589, xã Yên Luông, huyện Gò Công Tây, trên Đường tỉnh 872B.

- Cầu bắc qua: Rạch Vàm Giồng

- Quy mô: 3 nhịp dài 45,14m (2x12,5+18,6); mặt BTCT rộng 9m đồng mức; khổ cầu 10m; dầm BTDƯL 6 dầm/nhịp; CĐdc: +3.30

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2020

Trên Đường tỉnh 873:

Cầu Thành Công

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Xã Thành Công).

- Vị trí: Km 0+250, xã Thành Công, huyện Gò Công Tây, trên Đường tỉnh 873.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Tham Thu

- Quy mô: 1 nhịp dài 19,6m; mặt BTCT rộng 9m lề đồng mức; khổ cầu 10m; dầm BTDƯL; Htt: +2.50

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2020

Trên Đường tỉnh 874:

Cầu Đập Vàm Giồng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Đập) + Địa hình thiên nhiên (Vàm) + Địa hình thiên nhiên (Giồng).

- Vị trí: Km 17+830, xã Bình Ninh (huyện Chợ Gạo) + xã Vĩnh Hựu (huyện Gò Công Tây), trên Đường tỉnh 874

- Cầu bắc qua: Rạch Vàm Giồng

- Quy mô: Dài 42m; mặt BTCT 4m; 3 dầm BTCT 20x80

- Tải trọng (Tấn): 8

- Năm đưa vào sử dụng: 1983

Trên Đường tỉnh 879:

Cầu Long Bình

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Xã Long Bình).

- Vị trí: Km 8+450, xã Long Bình, huyện Gò Công Tây, trên Đường tỉnh 879

- Cầu bắc qua: Rạch Sáu Thòn

- Quy mô: 4 nhịp dài 98m; mặt BTCT rộng 5,5m; khổ cầu 6,3m; dầm BTTA; Htt: +4.50

- Tải trọng (Tấn): 13

- Năm đưa vào sử dụng: 2003.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn địa danh Cống, Đập, Đê**

Cống:

Cống Vàm Giồng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Vàm: Theo Vương Hồng Sển, Vàm là biến âm từ Khmer "pàm" hoặc "piam" nghĩa là cửa sông"[14]. Theo Lê Trung Hoa, Vàm là tiếng Việt gốc Khmer: piăm, là nơi con rạch đổ ra sông lớn[15]) + Địa hình thiên nhiên (Giồng: âm trại của "vồng", là khoảng đất nổi cao lên giữa nơi bằng phẳng, tương đối rộng, có nhiều cát, thích hợp cho việc trồng các loại cây ăn trái và các loại hoa màu, như khoai, đậu, bắp, thuốc lá,…[16]).

Cống ở xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, được xây dựng năm 1989; là loại cống hở, số cửa 2, chiều rộng 8 m, sâu 3,5 m, diện tích phục vụ 17.000 ha.

Cống lớn:

1. Cống Số 3 Sông Tra

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Số hiệu (Số 3) + Địa hình tự nhiên (Sông) + Thực vật (Cây tra)[17].

Cống ở xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, được xây dựng năm 1986; là loại cống hở, số cửa 5, chiều rộng 2,5 m, sâu 2,12 m, diện tích phục vụ 1.425 ha.

2. Cống Số 4 Sông Tra

---

[14] Vương Hồng Sển (1998), *Tự vị tiếng nói miền Nam*, Nxb Trẻ, trang 476.
[15] Lê Trung Hoa (1991), *Địa danh ở thành phố Hồ Chí Minh*. Nxb Khoa học xã hội, trang 120.
[16] Lê Trung Hoa (1991), *Địa danh Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Khoa học xã hội, trang 91.
[17] Cây tra là một loài cây gỗ lớn thuộc họ rau răm, bộ rau răm. Cây có nguồn gốc từ Trung Mỹ. Cây gỗ lớn, cao từ 10-20m, thân cong queo, phân cành thấp. Tán lá rộng, lá đơn mọc cách, bóng, phiến tròn, gốc hình tim kích thước 12-15cm. Cây được trồng rộng rãi ở các nước nhiệt đới.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Số hiệu (Số 4) + Địa hình tự nhiên (Sông) + Thực vật (Cây tra).

Cống ở xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, được xây dựng năm 1984; là loại cống hở, số cửa 3, chiều rộng 2,5 m, sâu 2 m, diện tích phục vụ 952 ha.

3. Cống Bầu Điền

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Danh xưng (Bầu) + Tên người (Bầu).

- Bầu: có nguồn gốc từ tiếng Chăm: Pràu. Người Chăm gọi ghe là Pràu[18]. Người Việt gọi trại thành Bàu, bởi vì người Việt ít khi phát âm được âm rung: Pràu thành Pàu (ví dụ: crème đọc thành kem hay cà rem, fromage đọc thành phô mai hay phó mát); người Việt lại phát âm không phân biệt /P/ và /B/ (ví dụ: (đèn) Pile đọc thành (đèn) Bin; do đó, Pàu được phát âm thành Bàu. Rồi Bàu được đọc thành Bầu, vì trong Tiếng Việt âm "à" và âm "ầ" có thể được chuyển hóa với nhau (ví dụ: màu (nhiệm) đọc thành mầu (nhiệm), màu (mỡ) đọc thành mầu (mỡ),… Vào thế kỷ XVII, người Việt từ miền Trung đi vào miền Nam khai hoang trên những chiếc ghe bầu. Theo quyển *Địa chí Long An*, ghe bầu là loại ghe có tải trọng lớn, chạy buồm, có nhiều chèo để đi sông và đi biển dài ngày[19]. Người chỉ huy chiếc ghe bầu được gọi là "Ông Bầu". Sau đó, Ông Bầu được chỉ chung cho những người có uy tín, tư duy tổ chức và tiềm lực tài chính bảo trợ những hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao,…

- Ông Điền: tên thật là Trâu Văn Điền. Nhân vật này có liên quan đến sự kiện như sau:

Lúc trốn chạy quân Tây Sơn, chúa Nguyễn Phúc Ánh được Lê Phước Tang ở thôn Hòa Thuận (nay là xã Long Khánh, huyện Cai Lậy), giúp đỡ. 109auk hi ông Tang mất, hai người con của ông là Lê Phước Tánh và Lê Phước Khảo (tục gọi là cậu Gương, cậu Sen) có lời nói và việc làm châm biếm Nguyễn Phúc Ánh. Năm 1802, Nguyễn Phúc Ánh lên ngôi vua, xưng đế hiệu là Gia Long. Nhà vua cử quan về thôn Hòa Thuận để trả công cho dòng họ Lê Phước. Tuy nhiên, chuyện năm xưa của hai cậu công tử được báo cho quan; và viên quan này về kinh đô Huế trình lên nhà vua. Nghe thế, vua Gia Long rất tức giận, ra lệnh xử trảm những người trong dòng họ này và tịch thu toàn bộ 200 mẫu ruộng của Lê Phước Tang. Số ruộng này được ban thưởng cho tiền quân Tôn Thất Hội, một công thần của nhà Nguyễn.

[18] Nguyễn Bội Liên - Trần Văn An - Nguyễn Văn Phi (1991), "Ghe bầu Hội An - xứ Quảng", Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế *Đô thị cổ Hội An*, Nxb Khoa học xã hội, trang 141.
[19] Thạch Phương - Đoàn Tứ chủ biên (1990), *Địa chí Long An*, Nxb Khoa học xã hội, trang 401.

Lúc bấy giờ, ở vùng Ba Dừa (nay thuộc xã Long Trung, huyện Cai Lậy) có một người con gái xinh đẹp, dòng họ Trâu, gốc người Minh Hương[20], được tuyển làm cung phi. Chính người cung phi này đã tác động để cho người cháu gọi mình bằng cô ruột là Trâu Văn Điền được quản lý số ruộng của tiền quân Tôn Thất Hội vì vị quan này ở tận ngoài Huế. Tại đây, ông Điền cho người dân mướn lại để canh tác và nộp lúa ruộng. Hằng năm, số hoa lợi này được ghe bầu chở về Huế nộp. Do đó, ông được gọi là Bầu Điền.

Sau khi thiết lập ách thống trị trên đất Mỹ Tho (1861), thực dân Pháp tiến hành tổng kiểm kê ruộng đất để thực hiện việc thu thuế. Nhân cơ hội này, Bầu Điền đã nhận mình là chủ 200 mẫu ruộng của Tôn Thất Hội và được chính quyền thực dân công nhận quyền sở hữu hợp pháp. Từ đó, ông trở thành đại địa chủ, rất giàu có.

Hiện nay, mồ mả và hậu duệ của Trâu Văn Điền vẫn còn ở tại địa phương, nhưng con cháu sau này đã đổi họ Trâu thành họ Trần vì họ cho rằng, họ Trâu không có ý nghĩa tốt đẹp, đến lúc mất mới trở lại họ cũ để giữ cội nguồn tổ tiên.

Cống ở xã Long Trung, huyện Cai Lậy, được xây dựng năm 2013; là loại cống hở, số cửa 2, chiều rộng 10 m, sâu 2,7 m, diện tích phục vụ 500 ha.

Cống lớn:

Cống Đồng Sơn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa danh hành chính (xã Đồng Sơn).

Cống ở xã Bình Nhì, huyện Gò Công Tây, được xây dựng năm 1978; là loại cống hộp, số cửa 3, chiều rộng 3 m, sâu 1,09 m, diện tích phục vụ 850 ha.

Cống vừa và nhỏ:

1. Cống Ba Thừa

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Thứ và tên người (Ba Thừa).

---

[20] Minh Hương là tên gọi của một bộ phận người Hoa di cư đến Nam Bộ vào cuối thế kỷ XVII, đầu thế kỷ XVIII. Năm 1644, người Mãn lật đổ nhà Minh của người Hán, lập ra nhà Thanh. Một số người Hoa chạy sang Nam Bộ xin tỵ nạn. Ở quê hương mới, để nhắc nhớ nguồn gốc, họ xưng là người Minh Hương, với nghĩa là con cháu của nhà Minh. Trải qua nhiều đời, người Minh Hương đã hòa huyết với người Việt, ngày nay con cháu của người Minh Hương là phần lớn đã là người Việt, chỉ nói tiếng Việt, theo văn hóa Việt, khác nhiều với bộ phận người Hoa đến Việt Nam từ cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX.

Cống ở xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, được xây dựng năm 2006; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 1 m, sâu 2 m, diện tích phục vụ 161 ha.

2. Cống Bà Cò

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Giới tính và tên người (Bà Cò).

Cống ở xã Bình Tân, huyện Gò Công Tây, được xây dựng năm 1992; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 1,8 m, sâu 1,8 m, diện tích phục vụ 120 ha.

3. Cống Bà Giảng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Giới tính và tên người (Bà Giảng).

Cống ở xã Bình Tân, huyện Gò Đông Tây, được xây dựng năm 1973; là loại cống hộp, số cửa 4, chiều rộng 3 m, sâu 1,9 m, diện tích phục vụ 120 ha.

4. Cống Chủ Chớ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Chức vụ làng xã thời xưa (Hương chủ, gọi tắt là Chủ: hương chức đứng thứ hai trong làng xã, sau Hương cả) + Tên người (Chớ).

Cống ở xã Long Vĩnh, huyện Gò Công Tây, được xây dựng năm 2009; là loại cống tròn, số cửa 2, chiều rộng Φ 100 m, sâu 1,5 m, diện tích phục vụ 40 ha.

5. Cống Đá

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Vật liệu (Đá).

Cống ở xã Bình Tân, huyện Gò Công Tây, được xây dựng năm 1998; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 1,5 m, sâu 1,5 m, diện tích phục vụ 100 ha.

6. Cống Gò Gừa

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Gò) + Thực vật (Cây gừa).

Cống ở xã Thành Công, huyện Gò Công Tây, được xây dựng năm 1974; là loại cống hộp, số cửa 3, chiều rộng 4 m, sâu 1,45 m, diện tích phục vụ 450 ha.

7. Cống Hai Năng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Thứ và tên người (Hai Năng).

Cống ở xã Long Vĩnh, huyện Gò Công Tây, được xây dựng năm 2010; là loại cống tròn, số cửa 1, chiều rộng Φ 100 m, sâu 1,5 m, diện tích phục vụ 20 ha.

8. Cống Hòa Phú

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa danh Hán Việt (Hòa Phú).

Cống ở xã Long Bình, huyện Gò Công Tây, được xây dựng năm 2017; là loại cống tròn, số cửa 1, chiều rộng Φ 150 m, sâu 1,5 m, diện tích phục vụ 100 ha.

9. Cống Huyện lộ 6

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Công trình xây dựng (Huyện lộ/Đường huyện) + Số hiệu (6).

Cống ở xã Long Bình, huyện Gò Công Tây, được xây dựng năm 1994; là loại cống hộp, số cửa 1, chiều rộng 3 m, sâu 1,5 m, diện tích phục vụ 850 ha.

10. Cống Khương Ninh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa danh Hán Việt (Khương Ninh)

Cống ở xã Long Bình, huyện Gò Công Tây, được xây dựng năm 2009; là loại cống tròn, số cửa 1, chiều rộng Φ 100 m, sâu 1,28 m, diện tích phục vụ 5 ha.

11. Cống Khương Thọ 1

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa danh Hán Việt (Khương Thọ) + Số hiệu (1).

Cống ở xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, được xây dựng năm 1985; là loại cống hở, số cửa 2, chiều rộng 2,6 m, sâu 2 m, diện tích phục vụ 315 ha.

12. Cống Khương Thọ 2

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa danh Hán Việt (Khương Thọ) + Số hiệu (2).

Cống ở xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, được xây dựng năm 2008; là loại cống hộp, số cửa 1, chiều rộng 1,2 m, sâu 2 m, diện tích phục vụ 100 ha.

13. Cống Long Hải

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa danh Hán Việt (Long Hải).

Cống ở xã Long Bình, huyện Gò Công Tây, được xây dựng năm 1995; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 5 m, sâu 2,1 m, diện tích phục vụ 820 ha.

14. Cống Năm Út

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Thứ và tên người (Năm Út).

Cống ở xã Long Vĩnh, huyện Gò Công Tây, được xây dựng năm 2006; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 2,5 m, sâu 2,5 m, diện tích phục vụ 546 ha.

15. Cống Ninh Đồng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa danh Hán Việt (Ninh Đồng)

Cống ở xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, được xây dựng năm 2004; là loại cống tròn, số cửa 1, chiều rộng Φ 150 m, sâu 1,6 m, diện tích phục vụ 100 ha.

16. Cống N8

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Chữ cái la tinh (N) + Số hiệu (8).

Cống ở xã Thành Công, huyện Gò Công Tây, được xây dựng năm 1995; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 2,8 m, sâu 2,6 m, diện tích phục vụ 425 ha.

17. Cống Rạch Đào

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Động từ (Đào).

Cống ở xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, được xây dựng năm 2003; là loại cống tròn, số cửa 1, chiều rộng Φ 150 m, sâu 1,6 m, diện tích phục vụ 100 ha.

18. Cống Rạch Mả

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Công trình xây dựng (Mả: nơi chôn người chết, còn gọi là mộ).

Cống ở xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, được xây dựng năm 2003; là loại cống tròn, số cửa 1, chiều rộng Φ 100 m, sâu 1,6 m, diện tích phục vụ 35 ha.

19. Cống Rạch Sâu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Tính từ chỉ độ sâu (Sâu).

Cống ở xã Bình Phú, huyện Gò Công Tây, được xây dựng năm 1996; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 1,5 m, sâu 2,2 m, diện tích phục vụ 104 ha.

20. Cống Rạch Vách

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Thực vật (Vách: là loại cây thân gỗ, tương tự như cây đa).

Cống ở xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, được xây dựng năm 2006; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 2,5 m, sâu 2,5 m, diện tích phục vụ 546 ha.

21. Cống Sáu Thoàn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Thứ và tên người (Sáu Thoàn).

Cống ở xã Long Bình, huyện Gò Công Tây, được xây dựng năm 1989; là loại cống hộp, số cửa 2, chiều rộng 4 m, sâu 2,20 m, diện tích phục vụ 200 ha.

22. Cống Thạnh Lợi

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa danh Hán Việt (Thạnh Lợi).

Cống ở xã Bình Tân, huyện Gò Công Tây, được xây dựng năm 2017; là loại cống tròn, số cửa 1, chiều rộng Φ 150 m, sâu 1,5 m, diện tích phục vụ 100 ha.

23. Cống Xóm Bến

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Đơn vị cư trú (Xóm: là nơi quần tụ những hộ gia đình sinh sống gần nhau, có hoặc không có mối quan hệ họ hàng với nhau) + Công trình xây dựng (Bến).

Cống ở xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, được xây dựng năm 2009; là loại cống tròn, số cửa 2, chiều rộng Φ 150 m, sâu 1,64 m, diện tích phục vụ 100 ha.

24. Cống 862

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Số hiệu Đường tỉnh 862.

Cống ở xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, được xây dựng năm 1993; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 2,8 m, sâu 2,6 m, diện tích phục vụ 425 ha.

*** Đê:**

1. Đê Hòa Thạnh - Thuận Trị

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đê) + Địa danh Hán Việt (Hòa Thạnh - Thuận Trị).

Đê ở xã Bình Tân, huyện Gò Công Tây, có điểm đầu: Đường tỉnh 877, điểm cuối: Đường tỉnh 877, được xây dựng năm 1994; toàn bộ mặt đê đã bê tông hóa, nhựa hóa với chiều dài 3.700 m, chiều rộng 3 m, cao trình 2,3 m - 2,5 m.

2. Đê Long Hải

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đê) + Địa danh Hán Việt (Long Hải).

Đê kéo dài qua các xã Long Bình, Bình Tân, huyện Gò Công Tây, có điểm đầu: Cống Sáu Thoàn, điểm cuối: Đường tỉnh 877, được xây dựng năm 1994; toàn bộ mặt đê đã bê tông hóa, nhựa hóa với chiều dài 9.880 m, chiều rộng 3,5 - 5 m, cao trình 2,5 m - 2,65 m.

3. Đê Sông Tra

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đê) + Địa hình thiên nhiên (Sông) + Thực vật (Cây tra).

Đê ở xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, có điểm đầu: Bến đò Ninh Đồng, điểm cuối: cống Gò Dừa, được xây dựng năm 1984; toàn bộ mặt đê đã bê tông hóa, nhựa hóa với chiều dài 5.070 m, chiều rộng 4 m, cao trình 2,65 m.

4. Đê Tả sông Cửa Tiểu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đê) + Từ Hán Việt chỉ phương hướng (Tả: phía trái) + Địa hình thiên nhiên (Sông) + Địa hình thiên nhiên (Cửa biển) + Từ Hán Việt chỉ kích thước (Tiểu: Nhỏ).

Đê kéo dài qua các xã Bình Tân, huyện Gò Công Tây, Phước Trung, huyện Gò Công Đông, có điểm đầu: Đường tỉnh 877, điểm cuối: Cửa rạch Long Uông, được xây dựng năm 11.220 m; toàn bộ mặt đê đã bê tông hóa, nhựa hóa với chiều dài 11.220 m, chiều rộng 4 m - 6 m, cao trình 2,22 m - 2,65 m.

5. Đê Tây Rạch Gò Công

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đê) + Phương hướng (Phía tây) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Địa hình thiên nhiên (Gò) + Động vật (Chim công).

Đê kéo dài qua các xã Đồng Sơn, Bình Phú, huyện Gò Công Tây; xã Bình Xuân, thị xã Gò Công, có điểm đầu: Cống số 4, điểm cuối: Gò Dừa, được xây dựng năm 1996; toàn bộ mặt đê đã bê tông hóa, nhựa hóa với chiều dài 15.683 m, chiều rộng 3 m - 4 m, cao trình 2,50 m - 2,65 m.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên bến xe, bến đò, bến phà:**

Bến xe:

Theo quy định của Bộ Giao thông - Vận tải có 2 loại bến xe là bến xe khách và bến xe hàng. Trong phạm vi đề tài, tập trung nghiên cứu về địa danh bến xe khách trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Khái niệm bến xe khách:

Theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách - Sửa đổi lần 1 năm 2015, Bến xe khách là công trình thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thực hiện chức năng phục vụ xe ô tô đón, trả hành khách và các dịch vụ hỗ trợ vận tải hành khách công cộng được xây dựng trên một thửa đất hoặc nhiều thửa đất liền kề.

Cũng theo Thông tư nêu trên, Bến xe khách được phân thành 6 loại. Quy định về các hạng mục công trình tương ứng với từng loại bến xe khách như trong Bảng sau:

TT	Tiêu chí phân loại	Đơn vị tính	Loại bến xe khách					
			Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4	Loại 5	Loại 6
1	Diện tích mặt bằng (tối thiểu)	m^2	15.000	10.000	5.000	2.500	1.500	500
2	Diện tích bãi đỗ xe ôtô chờ vào vị trí đón khách (tối thiểu)	m^2	5.000	3.000	1.000	500	160	80
3	Diện tích bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác	m^2	2.000	1.500	900	400	30	20
4	Diện tích tối thiểu phòng chờ cho hành khách (có thể phân thành nhiều khu vực trong bến)	m^2	500	300	150	100	50	30
5	Số vị trí đón, trả khách (tối thiểu)	vị trí	50	40	30	20	10	6

6	Số chỗ ngồi tối thiểu khu vực phòng chờ cho hành khách	chỗ	100	60	30	20	10	10
7	Hệ thống điều hòa, quạt điện khu vực phòng chờ cho hành khách (tối thiểu)	-	Đảm bảo nhiệt độ không vượt quá 30°C	Quạt điện	Quạt điện	Quạt điện	Quạt điện	Quạt điện
8	Diện tích khu vực làm việc	-	Bình quân 4,5 m^2/người					
9	Diện tích văn phòng dành cho Y tế	-	Tối thiểu 10 m^2					
10	Diện tích khu vệ sinh	-	> 1 % tổng diện tích xây dựng bến (Có nơi vệ sinh phục vụ người khuyết tật theo QCVN 10:2014/BXD)					
11	Diện tích dành cho cây xanh, thảm cỏ	-	Tỷ lệ diện tích đất dành cho cây xanh, thảm cỏ tối thiểu 2% tổng diện tích					
12	Đường xe ra, vào bến	-	riêng biệt			chung (rộng tối thiểu 7,5 m)		
13	Đường dẫn từ phòng chờ	-	Có mái che					

	cho hành khách đến các vị trí đón, trả khách				
14	Kết cấu mặt đường ra, vào bến xe và sân bến	-	Mặt đường nhựa hoặc bê tông xi măng		
15	Hệ thống cung cấp thông tin	-	Có hệ thống phát thanh, có hệ thống bảng chỉ dẫn bằng điện tử, có thiết bị tra cứu thông tin tự động	Có hệ thống phát thanh, có hệ thống bảng chỉ dẫn	
16	Hệ thống kiểm soát xe ra vào bến	-	Có phần mềm quản lý bến xe và trang bị hệ thống camera giám sát xe ra vào bến	Có phần mềm quản lý bến xe	

Bến xe Gò Công Tây

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến xe) + Địa danh hành chính (Huyện Gò Công Tây).

Bến xe Gò Công Tây, mã số (63)26, tọa lạc tại xã Bình Nhì, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, diện tích 2.900 m², điện thoại: (0273)3510555, xếp loại 4.

*** Bến đò:**

Khái niệm

Bến đò là bến đỗ trên các bờ sông để đò dừng nhằm tiếp nhận hoặc trao trả hành khách, hàng hóa trong quá trình chuyên chở.

1. Bến đò Đồng Sơn - Thanh Vĩnh Đông

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến đò) + Địa danh hành chính (Xã Đồng Sơn - Xã Thanh Vĩnh Đông).

Bến đò Đồng Sơn - Thanh Vĩnh Đông bờ phải và bờ trái đều nằm trên Rạch Lá, nối xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang với xã Thanh Vĩnh Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Long An (và ngược lại).

2. Bến đò Tân Phú - Long Bình

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến đò) + Địa danh hành chính (Xã Tân Phú - Xã Long Bình).

Bến đò Tân Phú - Long Bình bờ phải và bờ trái đều nằm trên nhánh sông Cửa Tiểu thuộc sông Tiền, nối xã Tân Phú, huyện Tân Phú Đông với xã Long Bình, huyện Gò Công Tây (và ngược lại), tỉnh Tiền Giang.

* **Bến phà:**

Khái niệm

Bến phà là nơi đón, trả khách qua sông bằng phà.

1. Bến phà Ninh Đồng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến phà) + Địa danh hành chính (Ấp Ninh Đồng).

Bến phà Ninh Đồng bờ phải và bờ trái đều nằm trên kinh/kênh Chợ Gạo, nối ấp Ninh Đồng A với ấp Ninh Đồng B (và ngược lại), thuộc xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

2. Bến phà Rạch Vách

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến phà) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Thực vật (Vách: là loại cây thân gỗ, tương tự như cây đa).

Bến phà Rạch Vách bờ phải và bờ trái đều nằm trên nhánh sông Cửa Tiểu thuộc sông Tiền, nối xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây với xã Tân Phú, huyện Tân Phú Đông (và ngược lại), tỉnh Tiền Giang.

3. Bến phà Tân Long

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến phà) + Địa danh Hán Việt (Tân Long).

Bến phà Tân Long bờ phải và bờ trái đều nằm trên nhánh sông Cửa Tiểu thuộc sông Tiền, nối xã Long Bình, huyện Gò Công Tây với xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông (và ngược lại), tỉnh Tiền Giang.

4. Bến phà Vàm Giồng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến phà) + Địa hình thiên nhiên (Vàm) + Địa hình thiên nhiên (Giồng).

Bến phà Vàm Giồng bờ phải và bờ trái đều nằm trên nhánh sông Cửa Tiểu thuộc sông Tiền, nối xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây với xã Tân Thới, huyện Tân Phú Đông (và ngược lại), tỉnh Tiền Giang.

***Y tế tuyến huyện:**

Trung tâm Y tế huyện Gò Công Tây

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng mang tính chất chăm sóc sức khỏe (Trung tâm y tế) + Địa danh hành chính (Huyện Gò Công Tây).

- Khái quát Trung tâm Y tế huyện Gò Công Tây

+ Địa chỉ: Số 09A, đường Nguyễn Văn Côn, Khu phố 2, thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

+ Điện thoại: 0733 838 355; fax: 0733 838 355.

+ Trang thông tin điện tử: http://ttytgocongtay.soytetiengiang.gov.vn

+ Email: ttytgocongtay@gmail.com

+ Cơ quan chủ quản: Sở Y tế tỉnh Tiền Giang.

+ Tổng diện tích: 19.001,9 m²; diện tích sử dụng: 19.001,9 m².

+ Tổng số cán bộ, viên chức, người lao động: 243; trong đó: nam 84, nữ 159.

Trung tâm Y tế huyện Gò Công Tây được thành lập năm 1979, qua nhiều lần chia tách, sáp nhập, đến năm 2009 Trung tâm Y tế Gò Công Tây được thành lập theo Quyết định số 2330/QĐ-UBND ngày 02/7/2009 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Trung tâm có chức năng, nhiệm vụ như sau:

+ Thực hiện các hoạt động cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về y tế dự phòng.

+ Thực hiện các hoạt động cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng.

+ Thực hiện các hoạt động cung cấp dịch vụ về chuyên môn, kỹ thuật về chăm sóc sức khỏe sinh sản.

+ Thực hiện các hoạt động cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về an toàn thực phẩm.

+ Thực hiện các hoạt động cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về dân số.

+ Thực hiện các xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh và thăm dò chức năng phục vụ cho hoạt động chuyên môn, kỹ thuật theo chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm và nhu cầu của người dân.

+ Thực hiện các hoạt động dịch vụ y tế trong phòng, chống khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa và đáp ứng tình trạng khẩn cấp về y tế.

+ Tuyên truyền, cung cấp thông tin về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và tổ chức các hoạt động tư vấn, giáo dục, truyền thông, vận động nhân dân tham gia các hoạt động bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe, công tác dân số và phát triển trên địa bàn.

+ Quản lý, đào tạo, bồi dưỡng, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ.

Thực hiện việc tiếp nhận, cung ứng, bảo quản, cấp phát, sử dụng thuốc, phương tiện tránh thai, vắc xin, sinh phẩm y tế, hóa chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn theo quy định của cấp có thẩm quyền ở địa phương và quy định của pháp luật.

+ Triển khai thực hiện các dự án, chương trình y tế, dân số theo quy định của cấp có thẩm quyền ở địa phương; thực hiện kết hợp quân - dân y theo đặc điểm, tình hình thực tế và theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện ký hợp đồng với cơ quan bảo hiểm xã hội để tổ chức khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế tại Trung tâm Y tế huyện và các đơn vị y tế thuộc Trung tâm Y tế huyện theo quy định của pháp luật.

+ Nghiên cứu và tham gia nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; ứng dụng phát triển khoa học kỹ thuật trong hoạt động chuyên môn.

Năm 2022, Đảng bộ Trung tâm Y tế có 05 chi bộ trực thuộc, với 98 đảng viên; Ban Giám đốc gồm 01 Giám đốc và 03 Phó Giám đốc; Công đoàn cơ sở có 28 tổ công đoàn với 240 công đoàn viên; Đoàn Thanh niên có 2 chi đoàn với 41 đoàn viên.

Trung tâm y tế có 04 phòng chức năng: Phòng Tổ chức - Hành chính, Phòng Kế hoạch tổng hợp, Phòng Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe, Phòng Tài chính - Kế toán; 09 khoa chuyên môn: Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS, Khoa Y tế công cộng - An toàn thực phẩm, Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản, Khoa Khám bệnh, Khoa Cấp cứu (gồm Cấp cứu hồi sức, Ngoại, Nhiễm, Thận nhân tạo), Khoa Nội - Nhi, Khoa Dược; Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng, Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh. Bệnh viện thuộc Trung tâm xếp hạng III với 92 giường bệnh.

Trung tâm có 13 trạm y tế xã, thị trấn trực thuộc: Trạm Y tế thị trấn Vĩnh Bình, Trạm Y tế các xã Bình Nhì, Bình Phú, Bình Tân, Đồng Sơn, Đồng Thạnh, Long Bình, Long Vĩnh, Thành Công, Thạnh Nhựt, Thạnh Trị, Vĩnh Hựu, Yên Luông.

Về trình độ chuyên môn, năm 2022, Trung tâm có: Thạc sĩ: 03, Bác sĩ chuyên khoa 1: 13, Bác sĩ chuyên khoa 2: 02, Cử nhân đại học: 23, Cử nhân cao đẳng: 14, trình độ khác: 188.

*** Bia lưu niệm (Nghiên cứu, biên soạn thêm: Bia tưởng niệm, Khu tưởng niệm, bia căm thù, bia mộ):**

Bia lưu niệm/tưởng niệm:

Bia lưu niệm/tưởng niệm là vật được tạo tác dạng hình phiến dẹp có mặt phẳng, thường được làm bằng đá, kim loại, gỗ, bê tông cốt thép,… với kích thước thường có chiều cao lớn hơn chiều rộng, được dựng lên để lưu niệm/tưởng niệm danh nhân, sự kiện lịch sử, tổ chức chính trị - xã hội,…

1. Bia lưu niệm căn cứ Tỉnh đội Gò Công

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựn (Bia lưu Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bia lưu niệm) + Địa danh lịch sử (Căn cứ Tỉnh đội Gò Công).

Địa danh lịch sử:

Xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây là địa phương có truyền thống cách mạng, nhân dân tin tưởng và một lòng đi theo Đảng, lại có địa thế hiểm trở với những vườn cây rậm rạp và hệ thống kênh, rạch chằng chịt. Đây còn là hành lang vận chuyển vũ khí và chuyển quân từ Quân khu về tỉnh Gò Công. Tại đây, quân và dân Đồng Sơn đã kiên cường bám trụ, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân trong toàn xã, làm chỗ dựa vững chắc cho cách mạng. Xã có 01 trung đội du kích. Mỗi ấp của xã đều có 01 tiểu đội du kích chiến đấu. Lực lượng du kích xã, ấp liên tục đánh địch bằng nhiều hình thức và cùng với lực lượng vũ trang của của huyện, tỉnh, khu đánh trên 320 trận, loại khỏi vòng chiến đấu trên 200 tên địch, thu 55 súng các loại, bắn rơi 01 máy bay trực thăng, xây dựng 13 ấp chiến đấu, đào hàng ngàn hầm chông và các bãi lựu đạn bảo vệ căn cứ, tổ chức trên 120 lần đấu tranh chính trị với hơn hàng chục ngàn người tham gia, chống gom dân lập ấp chiến lược, chống địch bắn phá xóm ấp, vận động rã ngũ 55 lính ở 02 đồn, thu 20 súng, 04 trưởng ấp bỏ việc. Đội vận tải của xã thường xuyên có từ 80 - 100 người vận chuyển hàng trăm tấn vũ khí phục vụ bộ đội chiến đấu.

Trên cơ sở đó, được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Tỉnh đội Gò Công đã xây dựng nơi đây thành căn cứ của Tỉnh đội. Đây là căn cứ "trong lòng dân", được nhân dân đùm bọc, che chở, có vai trò quan trọng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của tỉnh Gò Công. Tại đây, Ban Chỉ huy Tỉnh đội Gò Công đã thực hiện công tác lãnh đạo, chỉ đạo về mặt quân sự đối với cuộc kháng chiến của quân dân Gò Công giành được nhiều thắng lợi vang dội, góp phần tiến tới giải phóng hoàn toàn tỉnh nhà vào ngày 30/4/1975.

Bia lưu niệm căn cứ Tỉnh đội Gò Công, do Nghệ nhân ưu tú Trần Văn Trầm tạo mẫu, được xây dựng trong khuôn viên có diện tích 144 m^2, trên nền cao khoảng 1 m. Bia được làm bằng bê tông cốt thép, ốp đá hoa cương màu đen, tạo dáng thành hình tượng nòng súng và lưỡi lê cao hơn 5m chỉ thẳng lên, trên nền cờ đỏ sao vàng tượng trưng cho tinh thần quyết chiến quyết thắng của lực lượng vũ trang cách mạng trong kháng chiến. Trên nền lá cờ cách điệu có dòng chữ: "Bia Lưu niệm căn cứ của Tỉnh đội Gò Công". Đế bia có diện tích 7 m^2, nền cao 0,5 m so với nền khuôn viên di tích. Chân đế ốp đá hoa cương màu đen. Xung quanh bia là khoảng sân rộng bằng bê tông lát gạch men. Khuôn viên được bao bọc bởi hàng rào được làm bằng sắt, cột trụ bằng bê tông. Bia tọa lạc tại ấp Khương Thọ, xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Bia lưu niệm căn cứ Tỉnh đội Gò Công nằm trong khuôn viên Di tích Căn cứ Tỉnh đội Gò Công được Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15/02/2000.

2. Bia lưu niệm Chiến thắng Đồng Sơn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bia lưu niệm) + Sự kiện lịch sử (Chiến thắng Đồng Sơn).

Bia lưu niệm Chiến thắng Đồng Sơn tọa lạc tại xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây.

Sáng ngày 26/7/1972, địch ở chi khu quận Hòa Đồng (huyện Gò Công Tây ngày nay) đã huy động 3 liên đội (tương đương 3 tiểu đoàn) địa phương quân bao vây tiểu đoàn 514B của ta đang đóng ở đập Cây Đước thuộc ấp Đồng Thọ, xã Đồng Sơn. Đồng thời, bọn chúng cho pháo binh bắn phá hủy diệt địa hình.

15 giờ cùng ngày, nhân lúc địch hết đạn pháo, toàn tiểu đoàn 514B được lệnh xuất kích. Lúc đầu, địch còn lợi dụng các bờ mẫu cao chống trả. Nhưng khi nhìn thấy bộ đội mặc đồng phục ka ki màu xanh dũng mãnh xông ra thì lính địch hốt hoảng tháo chạy, vứt cả súng, máy thông tin PRC25, chạy lẫn vào dân đang lao động ở ngoài đồng.

Bộ đội ta truy kích ráo riết, tiêu diệt nhiều sinh lực địch. 17 giờ cùng ngày, bộ đội được lệnh dừng truy kích, thu quân và thu chiến lợi phẩm.

Sáng ngày hôm sau 27/7/1972, địch tổ chức hành quân giải tỏa. Ta bố trí đội hình phục kích. Vào lúc 8 giờ, chi khu Hòa Đồng bắn pháo vào trận địa và cho 1 liên đội địa phương quân do Phó Quận trưởng Hòa Đồng chỉ huy bắt đầu đánh vào trận địa phục kích của bộ đội 514B. Ta đã đánh bật nhiều đợt xung phong của địch.

13 giờ, bộ đội ta tập trung hỏa lực đánh xuất kích, rượt đuổi địch ra tận Tỉnh lộ 24 (nay là Quốc lộ 50). Đến 13 giờ 30 phút, Phó Tỉnh trưởng Gò Công và trung

tá Mỹ Rudolph Kaiser, cố vấn trưởng tỉnh Gò Công chỉ huy liên đội đặc nhiệm số 5 theo Lộ 21 tiến vào trận địa.

Phát hiện bộ đội ta đã rời công sự xuất kích nên binh lính địch nhanh chóng chiếm công sự, cắt đường lui về của bộ đội. Thế nhưng, khi bộ đội quay lại đã dũng mãnh đánh địch, khiến liên đội đặc nhiệm bỏ chạy, trung tá cố vấn Mỹ tử trận. Đến 18 giờ, ta làm chủ trận địa. Trận đánh ngày 27/7/1972, ta đánh tiêu hao nặng 01 liên đội địa phương quân quận Hòa Đồng và 01 liên đội đặc nhiệm tỉnh Gò Công, thu nhiều vũ khí, bức rút 2 đồn. 21 giờ cùng ngày, tiểu đoàn 514B rút lui về căn cứ an toàn.

Chiến thắng Đồng Sơn là chiến thắng lớn của quân và dân tỉnh Gò Công nói chung, xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây nói riêng trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, đánh dấu sự trưởng thành vượt bậc về bản lĩnh chính trị và trình độ tác chiến của quân và dân ta. Trận chiến này đã củng cố thêm niềm tin của nhân dân ta vào sự thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Bia lưu niệm chiến thắng Đồng Sơn do nhà điêu khắc Trần Văn Trầm tạo mẫu, nằm trong khuôn viên rộng khoảng 160 m², gồm bia lưu niệm, hoa kiểng, hệ thống chiếu sáng và tường rào. Chân bia hình bát giác cao 1,2 m. Thân bia hình khẩu súng cao 5 m. Phía trên nòng súng là lá cờ đỏ sao vàng, trên nền cờ đắp nổi 04 chữ màu vàng: CHIẾN THẮNG ĐỒNG SƠN.

Di tích Chiến thắng Đồng Sơn được Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang xếp hạng Di tích lịch sử cấp tỉnh theo Quyết định số :09/2000/QĐ.UB ngày 15/02/2000.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên công viên/vườn hoa, rạp hát:**

Công viên/Vườn hoa:

Khái niệm:

- Công viên là khu vực được trồng cây xanh tập trung trong một diện tích đất lớn nhằm mục đích phục vụ công cộng, là nơi sinh hoạt ngoài trời, nghỉ ngơi, thư giãn, vui chơi, giải trí, tập luyện thể dục, nơi tổ chức các hoạt động văn hóa - xã hội đáp ứng nhu cầu của nhân dân. Ngoài cây xanh, công viên còn có các công trình kiến trúc và công trình hạ tầng kỹ thuật đồng bộ. Phạm vi quản lý một công viên bao gồm diện tích bên trong công viên và vỉa hè của công viên đó.

- Vườn hoa: Loại công viên hoặc vườn nhỏ ở đô thị trong đó có trồng nhiều hoa. Có thể đứng độc lập hoặc gắn với công trình kiến trúc, có tác dụng tăng thẩm mỹ cho cảnh quan đô thị.

Huyện Gò Công Tây:

1. Công viên Nguyễn Văn Côn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Công viên) + Danh nhân (Nguyễn Văn Côn).

Tiểu sử danh nhân:

Nguyễn Văn Côn, tên thật là Nguyễn Hoài Ngọc, bí danh Thành Vĩnh, sinh năm 1894 tại làng Vĩnh Hựu, tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công (nay là xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình trung nông có truyền thống yêu nước. Ông nội của ông là Nguyễn Văn Chung, một trong những thủ lãnh nghĩa quân trong cuộc khởi nghĩa Trương Định.

Năm 1908, khi mới 14 tuổi, ông gia nhập Việt Nam Quang phục hội - một tổ chức yêu nước có cơ sở ở Gò Công. Năm 1910, được sự cố vấn của một số nhà yêu nước, ông thành lập Cộng hòa hội, nhằm tập hợp thanh niên và tuyên truyền ý thức đấu tranh chống áp bức, bất công.

Sau đó, ông lên Sài Gòn, làm công nhân cho hãng Faci. Tại đây, ông giác ngộ chủ nghĩa Mác - Lênin và tích cực tham gia phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân. Năm 1921, ông gia nhập Công hội đỏ. Đây là tổ chức cách mạng đầu tiên của công nhân Sài Gòn hoạt động theo con đường cách mạng vô sản do Tôn Đức Thắng thành lập và làm Hội trưởng. Do tinh thần kiên định cách mạng và năng nổ trong công tác nên ông được hội viên tín nhiệm bầu làm Phó Hội trưởng.

Năm 1924, ông được Ban Lãnh đạo Công hội đỏ phân công về Gò Công xây dựng phong trào. Tại đây, ông tiến hành củng cố và mở rộng tổ chức Cộng hòa hội do ông thành lập trước đó. Để tạo thế hợp pháp, tổ chức này được đổi tên thành Hội cúng thánh Khổng Tử, gọi tắt là Hội Thánh. Hội có nhiệm vụ truyền bá sách báo tiến bộ, dạy chữ quốc ngữ, quyên góp tiền bạc giúp các nhà yêu nước hoạt động chống chính quyền thực dân, đặc biệt là giúp kinh phí cho những người xuất dương học làm cách mạng. Trong thời kỳ này, ông có dịp tiếp xúc với nhiều nhà yêu nước nổi tiếng, như Nguyễn Sinh Sắc (thân sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh), Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Mai Văn Ngọc,…

Giữa năm 1925, Hồ Chí Minh thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên (HVNCMTN) ở Quảng Châu (Trung Quốc). Cuối năm 1926, do bắt liên lạc được với một số cán bộ của HVNCMTN, ông cử những thanh niên ưu tú ở Gò Công và Cần Thơ sang Quảng Châu (Trung Quốc) dự các lớp huấn luyện do HVNCMTN tổ chức nhằm đào tạo cán bộ cho cách mạng.

Năm 1927, ông được bầu làm Bí thư Tỉnh hội HVNCMTN tỉnh Gò Công. Đầu năm 1929, ông là Kỳ ủy viên của Kỳ bộ HVNCMTN Nam Kỳ; và được phân công xây dựng phong trào ở các tỉnh Gò Công, Long Xuyên, Sa Đéc, Cần Thơ, Vĩnh Long và Trà Vinh.

Tháng 8-1929, ông được kết nạp vào An Nam Cộng sản đảng; và thành lập Chi bộ Cộng sản đầu tiên ở Gò Công do ông làm Bí thư. Nhưng chỉ một tháng sau, ông bị địch bắt, kết án 5 năm tù và đày ra Côn Đảo. Ở trong tù, ông giữ vững khí tiết của người chiến sĩ cộng sản chân chính. Đồng thời, ông ra sức học tập lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin để nâng cao trình độ chính trị và lập trường giai cấp.

Năm 1934, sau khi ra tù, mặc dù chưa bắt liên lạc được với tổ chức Đảng, nhưng ông vẫn hăng hái hoạt động, gầy dựng được nhiều cơ sở cách mạng và kết nạp một số đảng viên mới ở Gò Công. Do vậy, tháng 5-1940, ông lại bị địch quản thúc; và đến cuối tháng 11-1940, ông bị địch bắt giam khi cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ nổ ra. Tuy vậy, trước đó, ông đã chỉ đạo các cơ sở cách mạng ở Gò Công có những hoạt động hưởng ứng cuộc khởi nghĩa, như treo cờ đỏ búa liềm, rải truyền đơn, phá đường giao thông, xô ngã cột điện,…

Cuối năm 1942, ông được trả tự do và nối liên lạc với Đảng. Tháng 10-1943, tại Hội nghị Xứ ủy Nam kỳ lâm thời được tổ chức tại Chợ Gạo, ông được bầu làm Xứ ủy viên. Với tinh thần tiến công cách mạng không ngừng, ông hoạt động không mệt mỏi cho phong trào. Ông đi khắp nơi để vận động cách mạng, phát triển đảng viên, chuẩn bị đón thời cơ mới.

Sau ngày phát xít Nhật đảo chính thực dân Pháp (09-3-1945), khi tình thế cách mạng trực tiếp đã xuất hiện, ông và các đảng viên cộng sản ở Gò Công ráo riết xúc tiến công tác chuẩn bị giành chính quyền về tay nhân dân.

Tháng 7-1945, ông chỉ đạo thành lập lực lượng Thanh niên tiền phong ở Gò Công. Giữa tháng 8-1945, ông được bầu làm Chủ tịch Ủy ban dân tộc giải phóng lâm thời tỉnh Gò Công. Ngày 21-8-1945, nhân dân làng An Thạnh Thủy (thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho) biểu tình kéo xuống làng Thạnh Nhựt (thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công) lấy mộc của làng, tước súng của hương quản. Sự việc này làm cho chính quyền tay sai Pháp - Nhật ở Gò Công lâm vào tình thế lúng túng. Tỉnh trưởng Gò Công là Trần Hưng Ký phải mời ông với tư cách là đại diện Việt Minh đến gặp tại dinh tỉnh trưởng và khẩn thiết nhờ giải quyết. Nhận thấy thời cơ khởi nghĩa đã chín muồi, ngay trong đêm 21-8-1945, ông triệu tập cuộc họp bất thường của Ủy ban dân tộc giải phóng tỉnh Gò Công. Các đại biểu dự họp nhận định đã đến thời điểm Mặt trận Việt Minh tỉnh Gò Công ra công khai hoạt động; đồng thời đi đến quyết định là phải dùng sức mạnh đấu tranh của quần chúng buộc tỉnh trưởng Gò Công từ chức, giao quyền cho Ủy ban dân tộc giải phóng lâm thời tỉnh Gò Công.

Ngày 24-8-1945, một cuộc mít tinh lớn được tổ chức ở thị xã theo quyết định của Ủy ban dân tộc giải phóng lâm thời Gò Công để mừng cách mạng giành được thắng lợi rực rỡ và chào mừng chính quyền cách mạng của tỉnh ra mắt nhân dân. Hơn 20.000 người bao gồm đủ các thành phần, từ 40 làng nô nức tuần hành đổ về sân vận động tỉnh. Trong buổi mít tinh, ông thay mặt Ủy ban dân tộc giải

phóng lâm thời tỉnh Gò Công, long trọng tuyên bố chính quyền đã thuộc về tay nhân dân, công bố 10 chính sách của Mặt trận Việt Minh.

Sau khi thực dân Pháp quay trở lại xâm lược Gò Công vào tháng 10-1945, ông nhận lãnh trọng trách là Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Gò Công và cùng với tập thể Tỉnh ủy, Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh lãnh đạo cuộc kháng chiến của nhân dân Gò Công chống thực dân Pháp xâm lược. Trong cuộc tổng tuyển cử ngày 06-01-1946, ông được nhân dân Gò Công tín nhiệm bầu làm Đại biểu Quốc hội khóa 1 của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Sau đó, ông ra Hà Nội, dự 2 kỳ họp Quốc hội. Tại Kỳ họp thứ nhất diễn ra vào tháng 3-1946, ông cùng với các đại biểu bỏ phiếu công nhận Chính phủ Liên hiệp kháng chiến do lãnh tụ Hồ Chí Minh làm Chủ tịch, bầu ra Ban Thường trực Quốc hội và Ban Dự thảo Hiến pháp. Tại Kỳ họp thứ hai diễn ra vào tháng 11-1946, ông và các đại biểu đã thảo luận, biểu quyết thông qua bản Hiến pháp đầu tiên của nước ta và 01 Dự án Luật.

Từ sau ngày toàn quốc kháng chiến (19-12-1946), ông trở về Nam bộ tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp. Cuối tháng 4-1947, ông là Chủ nhiệm đầu tiên của Mặt trận Liên Việt tỉnh Gò Công, nêu cao tấm gương đại đoàn kết dân tộc trong công cuộc giải phóng đất nước.

Năm 1949, ông bị giặc Pháp bắt và bị đày ra Côn Đảo lần thứ hai. Mặc dù bị tra tấn dã man, nhưng ông vẫn nêu cao khí tiết của người chiến sĩ cộng sản kiên cường, không khuất phục kẻ thù.

Năm 1954, cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi, ông được Đảng và Nhà nước đón về và tập kết ra miền Bắc. Tuy sức khỏe có suy giảm vì những năm tháng ở trong lao tù bị giam cầm, hành hạ, nhưng ông vẫn miệt mài làm việc, được nhân dân tín nhiệm bầu làm Đại biểu Quốc hội các khóa 2, 3, 4, 5; đồng thời là cộng tác viên Bảo tàng Cách mạng Việt Nam. Ông là một trong những cán bộ cách mạng lão thành có uy tín lớn, nên được Chủ tịch Hồ Chí Minh, Chủ tịch Tôn Đức Thắng và Thủ tướng Phạm Văn Đồng thường đến nhà riêng ở tại Hà Nội để thăm hỏi.

Sau năm 1975, ông trở về quê nhà sinh sống trong sự kính trọng và thương yêu của nhân dân Gò Công. Năm 1982, ông mất tại xã Bình Nghị, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Ông được tặng thưởng nhiều huân huy chương, trong đó cao quý nhất là Huân chương Hồ Chí Minh. Ông là nhà cách mạng lão thành tiêu biểu nhất của Gò Công, được nhân dân và các thế hệ cán bộ cách mạng ở địa phương vô cùng kính trọng và ngưỡng mộ.

Tên của ông được đặt tên đường tại thị xã Gò Công, thị trấn Tân Hòa (huyện Gò Công Đông) và thị trấn Vĩnh Bình (huyện Gò Công Tây); tên công viên ở thị trấn Vĩnh Bình (huyện Gò Công Tây); tên trường trung học phổ thông ở huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Công viên được khánh thành năm 2000, cải tạo và nâng cấp năm 2017, tọa lạc tại thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, diện tích 2.857 m², hệ thực vật gồm có cây thân gỗ (bằng lăng, lộc vừng,…); cây tạo dáng (cau vua, sứ trắng, hoa giấy,...), cây lá màu và thảm cỏ; tượng danh nhân Nguyễn Văn Côn, hồ nước và hệ thống phun nước, thiết bị tập thể dục ngoài trời, đèn chiếu sáng, ghế đá, hệ thống điện nước, đường nội bộ được lát gạch Terrazzo,…

2. Công viên Thị trấn Vĩnh Bình

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Công viên) + Địa danh hành chính (Thị trấn Vĩnh Bình).

Công viên được khánh thành năm 2015, tọa lạc tại thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, diện tích 2.500 m², hệ thực vật gồm có cây thân gỗ (bằng lăng, lộc vừng, dương,…); cây tạo dáng (cau vua, dương,...), các loại cây lá màu và thảm cỏ; đèn chiếu sáng, ghế đá, hệ thống điện nước, đường nội bộ được lát gạch Tezzaro,…

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên chợ:**

*** Chợ**

- Theo Hoàng Phê trong *Từ điển Tiếng Việt*, "Chợ là nơi công cộng, để đông người đến mua và bán trong những buổi, ngày nhất định"[21].

- *Từ điển Bách khoa Việt Nam* ghi: "Chợ là nơi gặp nhau giữa nơi cung và cầu các hàng hóa, dịch vụ, vốn; là nơi tập trung mua bán hàng hóa giữa người sản xuất, người mua bán và người tiêu dùng"[22].

- Trong quyển *Gốc và Nghĩa của Từ Việt thông dụng*, Vũ Xuân Phái định nghĩa: "Chợ là nơi tụ họp buôn bán"; "chợ búa là nơi tụ họp bày bán hàng hóa, để buôn bán trong làng, xóm (thời xưa) hay cái chợ là nơi quy định mua bán"[23].

- Theo Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, "Chợ là loại hình kinh doanh thương mại được hình thành và phát triển mang tính truyền thống, được tổ chức tại một địa điểm theo quy hoạch,

---

[21] Hoàng Phê (2000), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng, tr.165.
[22] *Từ điển Bách khoa Việt Nam (2003)*, NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội, tr.22.
[23] Vũ Xuân Phái *(2009), Gốc và Nghĩa của Từ Việt thông dụng*, NXB Trẻ, tr.162.

đáp ứng nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hoá và nhu cầu tiêu dùng của khu vực dân cư"[24].

*** Chợ đầu mối**

Theo Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, "Chợ đầu mối: là chợ có vai trò chủ yếu thu hút, tập trung lượng hàng hóa lớn từ các nguồn sản xuất, kinh doanh của khu vực kinh tế hoặc của ngành hàng để tiếp tục phân phối tới các chợ và các kênh lưu thông khác"[25].

*** Phân loại chợ**

Tùy vào mục đích và tiêu chí, người ta phân loại chợ theo nhiều cách khác nhau: Phân loại chợ theo điều kiện môi sinh; Phân loại chợ theo số lượng hộ kinh doanh, vị trí và mặt bằng của chợ (theo quy mô: chợ loại I, chợ loại II và chợ loại III); Phân loại chợ theo tính chất mua bán (chợ bán buôn và chợ bán lẻ); Phân loại chợ theo đặc điểm mặt hàng kinh doanh (chợ tổng hợp và chợ chuyêndoanh); Theo địa giới hành chính (chợ đô thị và chợ nông thôn); Phân loại theo tính chất và quy mô xây dựng (chợ kiên cố, chợ bán kiên cố, chợ tạm).

- Trong công trình nghiên cứu "Chợ nổi đồng bằng sông Cửu Long từ góc nhìn văn hóa học", Đặng Thị Hạnh đã lập bảng phân loại chợ như sau[26]:

STT	TIÊU CHÍ PHÂN LOẠI	LOẠI HÌNH CHỢ
1	Theo thời gian họp chợ	- Chợ sáng - Chợ hôm - Chợ chiều - Chợ đêm - Chợ phiên
2	Theo lịch sử	- Chợ truyền thống - Chợ hiện đại (siêu thị)
3	Theo khu vực địa lý	- Chợ quê - Chợ ven đô

[24] Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1.
[25] Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1.
[26] Đặng Thị Hạnh (2012), *Chợ nổi đồng bằng sông Cửu Long từ góc nhìn văn hóa học*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh, tr.41.

		- Chợ đô thị - Chợ đồng bằng - Chợ miền núi
4	Theo quy mô hành chánh	- Chợ làng - Chợ xã (liên làng) - Chợ huyện (liên xã) - Chợ thị trấn - Chợ thị xã
5	Theo tính chất, quy mô trao đổi hàng hóa	- Chợ đầu mối - Chợ bán lẻ - Chợ chuyên doanh - Chợ tổng hợp
6	Theo loại hình hàng hóa bán chủ yếu tại chợ	- Chợ vải - Chợ trâu - Chợ trái cây - Chợ hải sản
7	Theo quy mô xây dựng	- Chợ kiên cố - Chợ bán kiên cố - Chợ tạm

- Trong quyển *Chợ quê trong quá trình biến đổi*, Lê Thị Mai đã phân chia chợ ra thành nhiều loại hình khác nhau, với những tiêu chí khác nhau như sau[27]:

+ Thời gian hợp chợ có: Chợ sáng, chợ hôm, chợ chiều, chợ đêm, chợ phiên

+ Theo khu vực, địa vực có: chợ quê, chợ đô thị, chợ ven đô, chợ đồng bằng, chợ trung du, chợ miền biển…

+ Theo quy mô hành chánh có: Chợ làng, chợ xã (liên làng), chợ huyện (liên xã), chợ thị trấn, chợ thị xã,...

[27] Lê Thị Mai (2004), *Chợ quê trong quá trình chuyển đổi*, NXB Thế Giới, tr.41.

+ Theo tính chất, quy mô trao đổi hàng hóa có: Chợ đầu mối, chợ bán lẻ, chợ chuyên doanh, chợ tổng hợp,…

+ Theo loại hình hàng hóa bán tại chợ có: chợ vải, chợ trâu, chợ lụa, chợ trái cây, chợ nông sản,…

Trong đề tài này, nhóm tác giả chọn cách phân loại chợ theo Nghị định 02/2003/NĐ - CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ[28]:

- *Chợ loại 1:* Là chợ có trên 400 điểm kinh doanh chợ, được đầu tư xây dựng kiên cố, hiện đại theo quy hoạch; được đặt ở các vị trí trung tâm kinh tế thương mại quan trọng của tỉnh, thành phố hoặc là chợ đầu mối của ngành hàng, của khu vực kinh tế và được tổ chức họp thường xuyên; có mặt bằng phạm vi chợ phù hợp với quy mô hoạt động của chợ và tổ chức đầy đủ các dịch vụ tại chợ: trông giữ xe, bốc xếp hàng hóa, kho bảo quản hàng hóa, dịch vụ đo lường, dịch vụ kiểm tra chất lượng hàng hóa, vệ sinh an toàn thực phẩm và các dịch vụ khác.

- *Chợ loại 2:* Là chợ có trên 200 điểm kinh doanh, được đầu tư xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố theo quy hoạch; được đặt ở trung tâm giao lưu kinh tế của khu vực và được tổ chức họp thường xuyên hay không thường xuyên; có mặt bằng phạm vi chợ phù hợp với quy mô hoạt động chợ và tổ chức các dịch vụ tối thiểu tại chợ: trông giữ xe, bốc xếp hàng hóa, kho bảo quản hàng hóa, dịch vụ đo lường.

- *Chợ loại 3:* Là các chợ có dưới 200 điểm kinh doanh hoặc các chợ chưa được đầu tư xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố. Chủ yếu phục vụ nhu cầu mua bán hàng hóa của nhân dân trong xã, phường và địa bàn phụ cận.

*** Quy mô chợ**

Theo Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, có chợ kiên cố và chợ bán kiên cố[29]:

- Chợ kiên cố: là chợ được xây dựng bảo đảm có thời gian sử dụng trên 10 năm.

- Chợ bán kiên cố: là chợ được xây dựng bảo đảm có thời gian sử dụng từ 5 đến 10 năm.

Chợ ở huyện Gò Công Tây:

1. Chợ Bình Đông

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh Hán Việt (Bình: 平: Hoà bình, yên bình; Đông: 東: Đông (Phía đông).

---

[28] Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1.

[29] Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1.

Chợ loại 3, ở xã Thạnh Nhựt, huyện Gò Công Tây, diện tích 600 m², có 90 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, đồ gia dụng, quần áo, giày dép, tạp hóa,…

2. Chợ Bình Nhì

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Bình Nhì).

Chợ loại 3, ở xã Bình Nhì, huyện Gò Công Tây, diện tích 1.000 m², có 80 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, đồ gia dụng, quần áo, giày dép, tạp hóa,…

3. Chợ Bình Phú

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Bình Phú).

Chợ loại 3, ở xã Bình Phú, huyện Gò Công Tây, diện tích 1.022 m², có 50 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, đồ gia dụng, quần áo, giày dép, tạp hóa,…

4. Chợ Bình Tân

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Bình Tân).

Chợ loại 3, ở xã Bình Tân, huyện Gò Công Tây, diện tích 2.645 m², có 120 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, đồ gia dụng, quần áo, giày dép, kim khí điện máy, tạp hóa,…

5. Chợ Bình Tây

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh Hán Việt (Bình: 平: Hoà bình, yên bình; Tây: 西: Phía Tây).

Chợ loại 2, ở xã Thạnh Nhựt, huyện Gò Công Tây, diện tích 2.244 m², có 220 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, đồ gia dụng, quần áo, giày dép, kim khí điện máy, nữ trang, nông cụ, tạp hóa,…

6. Chợ Cá Chốt

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Động vật (Cá chốt). Chợ được xây cất bên cạnh rạch Cá Chốt (rạch có nhiều cá chốt).

Chợ loại 3, ở xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, diện tích 670 m², có 15 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, tạp hóa,…

7. Chợ Dinh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Công trình xây dựng (Dinh).

Vào khoảng giữa thế kỷ XIX, lỵ sở của huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định đặt tại thôn Đồng Sơn. Tại đây, chính quyền nhà Nguyễn cho cất một số dinh thự để làm công sở. Do đó, chợ Đồng Sơn còn được gọi là Chợ Dinh.

Chợ loại 2, ở xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, diện tích 1.800 m², có 230 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, đồ gia dụng, quần áo, giày dép, kim khí điện máy, nữ trang, nông cụ, tạp hóa,…

8. Chợ Đồng Thạnh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Đồng Thạnh).

Chợ loại 3, ở xã Đồng Thạnh, huyện Gò Công Tây, diện tích 1.000 m², có 60 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, tạp hóa,…

9. Chợ Kênh/Kinh 14

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Công trình xây dựng và chữ số (Kênh/Kinh 14) .

Chợ loại 3, ở xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, diện tích 3.025 m², có 70 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, đồ gia dụng, quần áo, giày dép, tạp hóa,…

10. Chợ Long Bình

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Long Bình).

Chợ loại 2, ở xã Long Bình, huyện Gò Công Tây, diện tích 1.500 m², có 250 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, đồ gia dụng, quần áo, giày dép, kim khí điện máy, nữ trang, nông cụ, tạp hóa,…

11. Chợ Long Vĩnh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Long Vĩnh).

Chợ loại 3, ở xã Long Vĩnh, huyện Gò Công Tây, diện tích 1.000 m², có 30 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, tạp hóa,…

12. Chợ Thạnh An

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh Hán Việt (Thạnh: 盛: Thịnh vượng, tươi tốt, phồn vinh; An: 安: Bình an, an toàn, yên ổn).

Chợ loại 3, ở xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, diện tích 1.000 m², có 60 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, quần áo, giày dép, tạp hóa,…

13. Chợ Thành Công

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Thành Công).

Chợ loại 3, ở xã Thành Công, huyện Gò Công Tây, diện tích 350 m², có 50 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, đồ gia dụng, tạp hóa,…

14. Chợ Thạnh Lạc Đông

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh Hán Việt (Thạnh: 盛: Thịnh vượng, tươi tốt, phồn vinh; Lạc: 樂: Lạc quan, vui mừng; Đông: 東: Phía đông).

Chợ loại 3, ở xã Thạnh Nhựt, huyện Gò Công Tây, diện tích 1.000 m², có 60 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, quần áo, giày dép, tạp hóa,…

15. Chợ Thạnh Yên

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh Hán Việt (Thạnh: 盛: Thịnh vượng, tươi tốt, phồn vinh; Yên/An: 安: Bình an, an toàn, yên ổn).

Chợ loại 3, ở xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, diện tích 1.000 m², có 110 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, quần áo, giày dép, đồ gia dụng, tạp hóa,…

16. Chợ Vĩnh Bình (Chợ Giồng Ông Huê)

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (thị trấn Vĩnh Bình).

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Định hình tự nhiên (Giồng: âm trại của "vồng", là khoảng đất nổi cao lên giữa nơi bằng phẳng, tương đối rộng, có nhiều cát, thích hợp cho việc trồng các loại cây ăn trái và các loại hoa màu, như khoai, đậu, bắp, thuốc lá,…[30]) + Giới tính và tên người (Ông Huê: ông Trần Văn Huê có công quy tập dân chúng khai khẩn khu vực giồng cát ở đây vào đầu thế kỷ XIX, dân gian gọi là giồng Ông Huê).

Chợ loại 2, ở thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, diện tích 5.500 m², có 392 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, đồ gia dụng, quần áo, giày dép, kim khí điện máy, nữ trang, nông cụ, tạp hóa, đặc sản bánh giá Chợ Giồng,…

17. Chợ Xóm Thủ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa bàn cư trú (Xóm: điểm quần cư nhỏ nhất ở nông thôn) + Vị tí đứng đầu (Thủ: ý chỉ

[30] Lê Trung Hoa (1991), *Địa danh Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Khoa học xã hội, trang 91.

năm 1791, Ngô Tùng Châu, người cư trú ở đây, thi đậu thủ khoa khoa thi năm Tân Hợi ở Trường thi Gia Định). Xóm Thủ là nơi cư trú của thủ khoa Ngô Tùng Châu.

Chợ loại 3, ở xã Bình Tân, huyện Gò Công Tây, diện tích 1.000 m², có 60 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, đồ gia dụng, tạp hóa,…

18. Chợ Yên Luông

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Yên Luông).

Chợ loại 3, ở xã Yên Luông, huyện Gò Công Tây, diện tích 1.000 m², có 50 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, đồ gia dụng, tạp hóa,…

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn trường học:**

Trường trung học phổ thông, trường trung học cơ sở - trung học phổ thông:

Trường trung học phổ thông:

1. Trường Trung học phổ thông Nguyễn Văn Thìn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học phổ thông) + Họ và tên danh nhân (NguyễnVăn Thìn).

Địa chỉ: Khu phố 5, thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733535360

Trang thông tin điện tử:http://nguyenvanthin.tiengiang.edu.vn/trang-chu

Email: c3nguyenvanthin.tiengiang@moet.edu.com.vn

Năm 1989, Trường Phổ thông trung học dân lập Vĩnh Bình được thành lập theo Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 1989 của Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây. Năm 1993, trường được thay đổi loại hình thành Trường Phổ thông trung học bán công Vĩnh Bình.

Năm 2008, trường chuyển đổi từ loại hình trường bán công thành trường công theo Quyết định số 3473/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2008 của Ủy ban Nhân dân tỉnh với tên gọi là Trường Trung học phổ thông Nguyễn Văn Thìn. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

NGUYỄN VĂN THÌN

(1904 – 1930)

Nguyễn Văn Thìn, có các bí danh là Bảy Phòng, Phong và Công, sinh năm 1904 tại làng Vĩnh Hựu, tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công (nay là xã Vĩnh

Hựu, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nho học có truyền thống yêu nước.

Năm 1924, ông tham gia hoạt động trong Hội Thánh - một tổ chức yêu nước tiến bộ ở Gò Công - do Nguyễn Văn Côn đứng đầu. Trong thời gian này, ông thường xuyên tiếp xúc với các nhóm thanh niên yêu nước ở Mỹ Tho, Tân An, Bến Tre, Cần Thơ,… Đồng thời, ông còn tổ chức cho một số thanh niên tiến bộ ở Gò Công lên Sài Gòn nghe các nhà yêu nước Phan Châu Trinh và Nguyễn An Ninh diễn thuyết.

Đầu năm 1927, ông được Hội Thánh đưa sang Quảng Châu (Trung Quốc) dự lớp huấn luyện về con đường giải phóng dân tộc theo khuynh hướng cách mạng vô sản của tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (HVNCMTN) do Hồ Chí Minh thành lập. Ông là chiến sĩ cách mạng đầu tiên và duy nhất ở Gò Công được huấn luyện bài bản ở Quảng Châu; được gặp và trực tiếp nghe Hồ Chí Minh giảng bài.

Sau khi mãn khóa học, tháng 9-1927, ông trở về Gò Công, tuyên truyền cách mạng, kết nạp nhiều thanh niên tiên tiến vào tổ chức HVNCMTN; và trên cơ sở đó, thành lập Tỉnh hội HVNCMTN tỉnh Gò Công. Đồng thời, ông còn phụ trách việc giao thông liên lạc của Kỳ ủy HVNCMTN Nam Kỳ. Tháng 5-1928, ông là Kỳ ủy viên chính thức của Kỳ ủy Nam Kỳ. Đến cuối năm 1928, ông làm công tác vận động phong trào công nhân ở Nam kỳ.

Tháng 5-1929, ông cùng với Bí thư Kỳ ủy Phạm Văn Đồng và Kỳ ủy viên Châu Văn Liêm thay mặt Kỳ ủy HVNCMTN Nam Kỳ đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc của HVNCMTN được tổ chức ở Hương Cảng (Trung Quốc). Tại Đại hội, ông có bài tham luận ủng hộ đề nghị của đoàn đại biểu Kỳ ủy HVNCMTN Bắc Kỳ là nên gấp rút xúc tiến việc thành lập Đảng Cộng sản nhằm thúc đẩy phong trào cách mạng ở Việt Nam tiến lên. Tuy nhiên, đề nghị trên không được Đại hội chấp thuận, nên đoàn đại biểu Bắc Kỳ trở về nước và thành lập Đông Dương Cộng sản Đảng (ĐDCSĐ) vào tháng 6-1929. Đánh giá cao sự ủng hộ của ông, những người lãnh đạo ĐDCSĐ đã đề cử ông vào Ban Chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng; đồng thời, ghi nhận ông là một trong những người thành lập ĐDCSĐ.

Trước sự chuyển biến mới của tình hình cách mạng ngày càng sôi nổi trên toàn quốc, Kỳ ủy HVNCMTN Nam Kỳ ráo riết công tác chuẩn bị thành lập Đảng Cộng sản. Nhưng giữa lúc đó, nhiều cán bộ trọng yếu của Kỳ ủy bị thực dân Pháp bắt. Để củng cố lực lượng cách mạng, ông đã cùng với một số cán bộ có uy tín còn lại của Kỳ ủy gặp gỡ đại diện của ĐDCSĐ ở Nam Kỳ bàn việc thống nhất các tổ chức Đảng.

Thế nhưng, cuộc thảo luận đó không đạt được sự nhất trí. Không thể chần chờ được nữa, ông cùng với Phan Trọng Bình, nguyên Bí thư Kỳ ủy, Châu Văn Liêm, Kỳ ủy viên,… thành lập An Nam Cộng sản Đảng vào tháng 8-1929.

Sau đó, vào giữa tháng 8-1929, ông bị chính quyền thực dân bắt tại Sài Gòn. Ở trong tù, mặc dù bị tra tấn vô cùng dã man, nhưng ông vẫn giữ tròn khí tiết của một chiến sĩ cộng sản chân chính. Ở trong nhà tù của đế quốc, tháng 02-1930, ông vô cùng phấn khởi và tự hào khi nhận được tin Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập. Ước vọng cao đẹp của ông đã trở thành hiện thực. Từ đây, cách mạng Việt Nam đã được đặt dưới sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh, đứng đầu là vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc Hồ Chí Minh.

Đến tháng 8-1930, ông bị tòa án thực dân kết án tử hình. Hai mươi sáu tuổi đời, ông đã cống hiến trọn tuổi thanh xuân của mình vì sự nghiệp giải phóng dân tộc. Tên ông được đặt tên trường trung học phổ thông ở huyện Gò Công Tây; tên đường ở thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây và ở thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 14 đảng viên, nam: 08, nữ: 06; Chi ủy: 03, nam: 03, nữ: 00. Ban Giám hiệu: 02, nam: 02, nữ: 00. Công đoàn: 35 viên, nam: 18, nữ: 17. Đoàn thanh niên: 395 đoàn viên, nam: 190, nữ: 205.

Tổng số viên chức: 35; nam: 18, nữ: 17. Tổng số giáo viên: 30; nam: 13; nữ: 17. Thạc sĩ: 02; Cử nhân (đại học): 28; Trình độ khác 05

Tổng số học sinh: 684; nam: 346; nữ: 338.

Tổng diện tích: 12.130 m^2; diện tích sử dụng: 7.088 m^2

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 02 tầng lầu, Phòng làm việc 12; Phòng học 18; Phòng thí nghiệm 03; Phòng nghe nhìn: 01; Phòng máy tính: 01; Thư viện: 01; Sân chơi: 01; Khu thể thao: 01 nhà đa năng; Nhà vệ sinh: 24 phòng; căn tin, nhà xe.

2. Trường Trung học phổ thông Vĩnh Bình

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học phổ thông) + Địa danh hành chính (Thị trấn Vĩnh Bình).

Địa chỉ: Ấp Thạnh Hưng, xã Đồng Thạnh, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 838 342

Trang thông tin điện tử: http://thptvinhbinh.tiengiang.edu.vn/

Email: c3vinhbinh.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1962, Trường Trung học công lập Hòa Đồng được thành lập. Năm học 1975-1976, năm học đầu tiên sau Ngày giải phóng miền nam (30/4/1975), khối cấp 3 (lớp 10, 11, 12) và một số giáo viên đã tách về Trường Cấp 3 Trương Định (thị xã Gò Công), khối cấp 2 (từ lớp 6 lớp 9) ở lại và trường được mang tên là Trường Cấp 2 Vĩnh Bình. Năm học 1976-1977, khối cấp 3 được tái lập, trường

được mang tên là Trường Cấp 3 Vĩnh Bình. Năm 1992, Trường Trung học cơ sở Vĩnh Bình I được sáp nhập vào vào Trường Phổ thông trung học Vĩnh Bình. Theo Quyết định số 1229/QĐ-UBND ngày 10/5/2011 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang, Trường Phổ thông trung học Vĩnh Bình được đổi tên thành Trường Trung học phổ thông Vĩnh Bình.

Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục;; được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba năm 2005, Huân chương Lao động hạng Nhì năm 2011; Chính phủ 3 lần tặng Cờ thi đua năm học 2008-2009, 2009-2010, 2011-2012.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Thị trấn Vĩnh Bình.

Năm 2023, Đảng bộ nhà trường có 49 đảng viên; nam: 27, nữ: 22; Đảng ủy: 07; nam: 05, nữ: 02. Ban Giám hiệu: 03; nam: 02, nữ: 01. Công đoàn: 95 công đoàn viên; nam: 47, nữ: 48. Đoàn thanh niên: 1.352 đoàn viên, nam: 491, nữ: 861.

Tổng số viên chức: 86; nam: 42, nữ: 44. Tổng số giáo viên: 82, nam: 41, nữ: 41. Thạc sĩ: 10. Đại học: 73. Cao đẳng: 01. Trung cấp: 02. Lao động phổ thông (Bảo vệ, tạp vụ): 09

Tổng số học sinh: 1.845; nam: 731, nữ:1.114

Tổng diện tích: 37.469 m^2 Diện tích sử dụng: 37.469 m^2

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy 04 tầng; Phòng làm việc: 21; Phòng học bộ môn: 16, Phòng học truyền thống: 32; Phòng thí nghiệm: 03; Phòng nghe nhìn: 00; Phòng máy tính: 03; Thư viện: 01; Sân chơi: 03; Khu thể thao: 04 (sân bóng đá lớn, sân bóng đá mini, sân bóng chuyền, sân tenis), 01 nhà đa năng, hồ bơi; Nhà vệ sinh: 12 khu.

Trường trung học cơ sở - trung học phổ thông:

1.Trường Trung học cơ sở - Trung học phổ thông Đoàn Trần Nghiệp

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở và Trung học phổ thông) + Họ và tên danh nhân (Đoàn Trần Nghiệp)

Địa chỉ: Ấp Bình Lạc, xã Thành Công, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 891058

Trang thông tin điện tử: doantrannghiep.tiengiang.edu.vn

Email: c23phuthanhgct.tiengiang@moet.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường Trung học cơ sở Phú Thành được thành lập theo Quyết định số 128/QĐ-UB ngày 28/6/1993 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Tây. Năm 2019, Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông

Phú Thành được thành lập theo Quyết định số 930/QĐ-UBND ngày 27/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh. Năm 2021, Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Phú Thành được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Đoàn Trần Nghiệp theo Quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 26/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

ĐOÀN TRẦN NGHIỆP

(1932 – 2005)

Đoàn Trần Nghiệp, tên thật là Đoàn Văn Bộ, sinh năm 1932 tại làng Bình Ninh, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Bình Ninh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang).

Tháng 8-1845, ông tham gia cách mạng, là chiến sĩ liên lạc; sau đó, ông được đề bạt làm Đội trưởng Giao thông liên lạc thuộc Ban Quân báo tỉnh Gò Công. Do đạt được nhiều thành tích trong công tác, năm 1949, ông vinh dự được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam). Năm 1951, ông bị chính quyền thực dân Pháp bắt giam ở Khám số 7 Mỹ Tho. Ở trong tù, mặc dù bị hành hạ cực hình, nhưng ông vẫn giữ vững khí tiết của người chiến sĩ cộng sản. Cuối năm 1952, ông được trả tự do và tiếp tục hoạt động cách mạng. Năm 1953, ông được phân công làm Tổ trưởng tổ Đảng, Xã đội phó Xã đội Tân Thới.

Sau Hiệp định Genève (7-1954), ông được phân công ở lại miền Nam hoạt động. Năm 1955, ông là Chi ủy viên Chi bộ xã Tân Thới, Bí thư Xã đoàn, Phó ban Tuyên huấn xã. Năm 1956, mặc dù chính quyền Sài Gòn tăng cường đánh phá cách mạng, nhưng với cương vị là Bí thư Chi bộ xã Tân Thới, ông đã kiên cường bám trụ, ra sức xây dựng cơ sở Đảng và chỉ đạo phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng. Năm 1959, thi hành Luật 10/59, chính quyền Sài Gòn đẩy mạnh việc lùng bắt cán bộ cách mạng ở cơ sở, nên ông phải đi điều lắng ở xã Ngãi Giao, huyện Châu Thành, tỉnh Bà Rịa (nay là tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu). Cuối năm 1960, ông trở về quê, tham gia phong trào Đồng Khởi ở xã Tân Thới, huyện Hòa Đồng (nay là huyện Gò Công Tây).

Tháng 1-1961, ông được chỉ định làm Bí thư Chi bộ xã Tân Thới. Tháng 3-1961, ông là Huyện ủy viên phụ trách Quân sự huyện Hòa Đồng. Năm 1962, ông là Phó Bí thư Huyện ủy Hòa Đồng. Năm 1965, ông là Bí thư Huyện ủy kiêm Chính trị viên Huyện đội Hòa Đồng. Năm 1970, ông là Tỉnh ủy viên dự khuyết tỉnh Gò Công, Bí thư Huyện ủy Hòa Đồng. Trong thời gian này, ở tỉnh Gò Công nói chung, huyện Hòa Đồng nói riêng, địch tạm thời chiếm được đất, nắm được dân, bắt được lính, xây dựng và củng cố bộ máy kìm kẹp, ra sức vơ vét để phục vụ cho kế hoạch bình định.

Trước tình hình đó, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, ông và Ban Thường vụ Huyện ủy tập trung vào việc tiếp tục củng cố tư tưởng cho cán bộ, đảng viên chống chiêu hồi, chiêu hàng, ra sức khắc phục khó khăn, kiên trì bám trụ, nắm cơ sở nòng cốt, phát triển cơ sở binh vận, hướng dẫn quần chúng đấu tranh để giữ thế hợp pháp, đồng thời tổ chức quần chúng đấu tranh chống bắt lính, chống bắt dân đi đốn phá địa hình,… Nhờ vậy, lực lượng vũ trang của huyện kết hợp với các xã tổ chức đánh bọn bình định, giải tán phòng vệ dân sự, phá lỏng bộ máy kìm kẹp, vũ trang tuyên truyền, thu tài chính, tạo thế và lực cho cách mạng, tiến lên tấn công địch trong chiến dịch Nguyễn Huệ trong dịp xuân hè năm 1972, gây cho địch nhiều thiệt hại

Năm 1973, ông là Tỉnh ủy viên tỉnh Gò Công, Bí thư Thị ủy Gò Công. Ở cương vị này, ông và Ban Thường vụ Thị ủy ra sức xây dựng lực lượng chính trị, đẩy mạnh đấu tranh đòi địch thi hành Hiệp định Paris, đòi quyền lợi thiết thân cho quần chúng; đồng thời, đẩy mạnh đấu tranh binh vận, sử dụng mọi lực lượng và mọi hình thức giáo dục, tuyên truyền cho binh sĩ địch nhằm phá hỏng, phá rã về mặt tư tưởng, tổ chức của địch. Từ đó, phong trào các mạng ở thị xã Gò Công được phục hồi và ngày càng phát triển.

Năm 1974, ông được cử đi học Trường Nguyễn Ái Quốc rồi đi chữa bệnh tại Hà Nội và Cộng hòa dân chủ Đức. Năm 1976, ông trở về nước, đảm nhận chức vụ Tỉnh ủy viên tỉnh Tiền Giang, Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công (bao gồm thị xã Gò Công, các huyện Gò Công Đông, Gò Công Tây và Tân Phú Đông ngày nay). Năm 1979, khi huyện Gò Công Tây được thành lập, ông là Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Gò Công Tây. Năm 1980, ông là Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Thủy sản Tiền Giang. Năm 1987, ông là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Giám đốc Công ty liên hiệp xuất - nhập khẩu Tiền Giang; sau là Giám độc Sở Thương nghiệp - xuất nhập khẩu Tiền Giang. Năm 1989, ông là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Kinh tế đối ngoại Tỉnh ủy.

Năm 1991, ông được nghỉ hưu trí. Năm 1995, do lâm trọng bệnh, ông qua đời tại quê nhà. Tên ông - Đoàn Trần Nghiệp - được đặt tên trường trung học cơ sở và trung học phổ thông ở huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 15 đảng viên; Chi ủy: 05, nam: 03, nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ 01. Công đoàn: 50 công đoàn viên; nam: 22; nữ: 28. Đoàn thanh niên: 865; nam: 440; nữ: 425.

Tổng số viên chức: 50; nam: 22; nữ: 28. Tổng số giáo viên: 44; nam: 19; nữ: 25. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (đại học): 38; Cử nhân (cao đẳng): 09; Trình độ khác: 03.

Tổng số học sinh: 1.196; nam: 383, nữ: 613.

Tổng diện tích: 18.229,9m^2; diện tích sử dụng: 7.134,0m^2

Trường có 2 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu; Phòng làm việc: 10; Phòng học: 32; Phòng thí nghiệm: 04; Phòng nghe nhìn: 01; Phòng máy tính: 01; Thư viện: 01; Sân chơi: 05; Khu thể thao: 01; Nhà vệ sinh: 03 khu. Căn tin và nhà xe.

2.Trường Trung học cơ sở - Trung học phổ thông Long Bình

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở và Trung học phổ thông) + Địa danh hành chính (Xã Long Bình).

Địa chỉ: Ấp Thới Hòa, xã Long Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 830 050

Trang thông tin điện tử: http: //longbinh.tiengiang.edu.vn

Email: c3longbinh.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cơ sở Long Bình và Phổ thông trung học Long Bình được thành lập. Năm 1990, hai trường này được hợp nhất thành Trường Trung học phổ thông Long Bình. Năm 2015, Trường Trung học phổ thông Long Bình được tách thành hai trường: Trường Trung học cơ sở Long Bình và Trường Trung học phổ thông Long Bình. Năm 2018, hai trường lại được hợp nhất thành Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Long Bình.

Tên trường được đặt theo đơn vị hành chính: Xã Long Bình.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 36 đảng viên; nam: 13; nữ: 23; Chi ủy: 05; nam: 01; nữ: 04. Ban Giám hiệu: 03; nam: 01; nữ: 02. Công đoàn: 76 công đoàn viên; nam: 33; nữ: 43. Đoàn thanh niên: 301 đoàn viên; nam: 122; nữ: 179. Đội Thiếu niên: 682 đội viên; nam: 348; nữ: 334.

Tổng số viên chức: 76; nam: 33; nữ: 43. Tổng số giáo viên: 69; nam: 31; nữ: 38. Thạc sĩ: 03; Cử nhân (đại học): 52; Cử nhân (cao đẳng): 14. Tổng số học sinh: 1.465; nam: 705; nữ: 760.

Tổng diện tích: 32.617 m^2 (tại ấp Thới Hòa 20.056 m^2, tại ấp Khương Ninh 12.561 m^2); diện tích sử dụng: 26.617m^2 (tại ấp Thới Hòa 16.056 m^2, tại ấp Khương Ninh 10.561 m^2)

Cơ sở vật chất:

* Điểm tại ấp Thới Hòa

Có 02 dãy lầu; mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu, Phòng làm việc: 07; Phòng học: 20; Phòng thí nghiệm: 06 ; Phòng nghe nhìn: 00; Phòng máy tính: 01; Thư viện: 01; Sân chơi: 01; Khu thể thao: 01; Nhà vệ sinh: 10 phòng.

* Điểm tại ấp Khương Ninh

Có 01 dãy lầu gồm 01 tầng trệt và 01 tầng Lầu: 01, Phòng làm việc: 07; Phòng học: 18; Phòng thí nghiệm: 03; Phòng nghe nhìn: 00; Phòng máy tính: 02; Thư viện: 01; Sân chơi: 01; Khu thể thao: 01; Nhà vệ sinh: 06 phòng.

Trường Trung học cơ sở:

1. Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Bảy

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Thị Bảy).

Địa chỉ: ấp Bình An, xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733545413

Email: c2vinhhuugocongtay.tiengiang@moet.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường Trung học cơ sở Vĩnh Hựu được thành lập sau năm 1975. Năm 2019, trường được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Bảy theo Quyết định số 5148/QĐ-UBND ngày 04/12/2019 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Tây. Trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử của danh nhân được đặt tên trường:

NGUYỄN THỊ BẢY

(1908 - 1941)

Nguyễn Thị Bảy, tên thật là Nguyễn Thị Lục, thường gọi là Bảy Lục, còn có tên khác là Nguyễn Thị Lụa, sinh năm 1908 tại làng Vĩnh Hựu, tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công (nay là xã Long Vĩnh, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân.

Tuy gia đình nghèo và cha mẹ mất sớm; nhưng do có tư chất thông minh và hiếu học, nên bà được sư Thiện Chiếu ở chùa Linh Tuyền (Vĩnh Hựu) dạy chữ Nho và chữ Quốc ngữ. Lúc bấy giờ, làng Vĩnh Hựu là địa phương có phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp diễn ra rất sôi nổi, lại được sự giáo dục của nhà sư yêu nước Thiện Chiếu, nên bà tham gia tổ chức cách mạng Cộng hòa hội do Đặng Vương Tá làm Hội trưởng.

Sau đó, do tổ chức Cộng hòa hội bị thực dân Pháp đàn áp, nên bà di chuyển đến Rạch Giá lao động sinh sống. Một thời gian sau, để tránh sự truy bức của chính quyền thực dân, bà lại chuyển cư đến sinh sống tại làng Phước Vĩnh Đông, quận Cần Giuộc, tỉnh Chợ Lớn (nay là xã Phước Vĩnh Đông, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An). Tại đây, bà lập gia đình với ông Nguyễn Văn Ớt là đảng viên cộng sản.

Được chồng giáo dục, giác ngộ chủ nghĩa Mác - Lênin, năm 1932, bà tham gia cách mạng tại Cần Giuộc với nhiệm vụ là làm giao liên, rải truyền đơn,… Do đạt được thành tích xuất sắc trong công tác, bà vinh dự được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam) và được cấp trên tin tưởng giao cho phụ trách ba xã của huyện Cần Giuộc là Phước Vĩnh Đông, Phước

Lại và Long Hậu Tây. Với sự năng nỗ, nhiệt tình, bà đã xây dựng được nhiều cơ sở cách mạng ở ba xã này; đưa ba xã từ chỗ yếu kém vươn lên thành nơi có phong trào đấu tranh cách mạng mạnh nhất của huyện Cần Giuộc, khiến chính quyền thực dân vô cùng lo ngại, gọi đó là "khu vực Đỏ".

Năm 1934, bà được cấp trên chỉ định vào Ban Chấp hành Huyện ủy Cần Giuộc. Lúc bấy giờ, địch tăng cường, đàn áp và khủng bố phong trào cách mạng ở địa phương. Tuy nhiên, bà vẫn không sợ hy sinh, gian khổ, chịu khó đi khắp vùng nông thôn huyện Cần Giuộc, cùng ăn, cùng ở, cùng làm với quần chúng lao khổ nhằm tuyên truyền cách mạng, xây dựng cơ sở trong giới dân cày và phụ nữ và lãnh đạo nhân dân đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ, như giảm thuế, giảm giờ làm, tăng tiền ngày công,...

Năm 1936, bà được Tỉnh ủy Chợ Lớn chỉ định làm Bí thư Huyện ủy Cần Giuộc. Chấp hành chủ trương của Đảng Cộng sản Đông Dương và chỉ đạo của Tỉnh ủy Chợ Lớn, bà chỉ đạo thành lập các Ủy ban Hành động cấp huyện và cấp xã để vận động nhân dân đấu tranh đòi các quyền tự do, dân sinh, dân chủ; tiêu biểu là cuộc đấu tranh "Đòi quyền lợi cho nông dân" diễn ra rất sôi nổi vào giữa năm 1936.

Năm 1937, bà được cấp trên phân công hoạt động ở Thủ Dầu Một (nay là tỉnh Bình Dương). Nhưng, ít lâu sau, bà bị địch bắt; nhưng do không có đủ chứng cớ để buộc tội, nên bọn chúng đành phải thả ra. Bà trở về Cần Giuộc tiếp tục hoạt động. Năm 1939, bà được bầu làm Tỉnh ủy viên tỉnh Chợ Lớn, Bí thư Huyện ủy Cần Giuộc.

Đầu năm 1940, bà trực tiếp tổ chức và chỉ huy một cuộc biểu tình lớn ở huyện lỵ Cần Giuộc với sự tham gia của 500 quần chúng, đòi thực dân Pháp không được bắt thanh niên Việt Nam đi lính và phản đối đưa binh lính người Việt ra mặt trận trong cuộc chiến tranh giữa thực dân Pháp ở Đông Dương với nhà cầm quyền quân phiệt Thái Lan. Cuộc biểu tình đã giành được thắng lợi, gây tiếng vang lớn trong tỉnh Chợ Lớn và các tỉnh lân cận, tạo được niềm tin cho quần chúng về sức mạnh đấu tranh của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Ngày 23-11-1940, trong cuộc khởi nghĩa Nam kỳ, bà được phân công làm Trưởng ban Khởi nghĩa huyện Cần Giuộc. Bấy giờ, trụ sở của Ban Khởi nghĩa đặt tại đình xã Phước Lại. Tại đây, bà đã chỉ huy cuộc khởi nghĩa nổ ra rất mãnh liệt ở trong toàn huyện, khiến cho chính quyền cơ sở của thực dân Pháp ở nhiều xã bị tê liệt, những tên địa chủ, hội tề ác ôn, có nợ máu với quân chúng nhân dân bị trừng trị.

Nhưng sau đó ba ngày, thực dân Pháp tung lực lực lượng hùng hậu đàn áp dã man cuộc khởi nghĩa. Binh lính địch tiến vào xã Phước Lại và nhiều xã khác đốt phá, cướp của, bắt và xử bắn nhiều người nhằm khủng bố tinh thần của nhân dân ta. Tuy vậy, bà và cùng với tập thể Ban Khởi nghĩa vẫn kiên cường bám trụ địa

bàn, tiếp tục chỉ huy nghĩa quân chiến đấu chống giặc, gây cho chúng nhiều thiệt hại.

Trong khi lực lượng nghĩa quân ngày càng hao hụt do hy sinh trong khi đối mặt với kẻ thù, lại thiếu thốn vũ khí, lương thực; thì quân địch lại được tiếp viện đông đảo. Trước tình thế khó khăn đó, ngày 08-12-1940, bà ra lệnh cho nghĩa quân rút vào rừng Sác để bảo toàn lực lượng, chờ thời cơ mới. Nhưng khi đến Rạch Gần, nghĩa quân đã mưu trí phục kích và bắt sống chiếc ghe tuần tra của địch do Hương quản Tuấn và Hương hào Ngà chỉ huy, tịch thu được một khẩu súng. Có thêm vũ khí, bà quyết định tổ chức cho nghĩa quân quay trở lại tiếp tục chiến đấu.

Ngày 14-12-1940, bà cùng với một đồng chí đi công tác ngang qua bến đò Long Đức Đông, cách thị trấn Cần Giuộc khoảng 1 km. Lúc bấy giờ, bọn lính lê dương cũng vừa triển khai lực lượng đi càn quét. Gặp địch, bà và đồng đội không còn cách nào khác là nổ súng chiến đấu. Do quân địch giữ thế áp đảo, nên đồng chí đi cùng đã anh dũng hy sinh; còn bà thì sau khi tiêu hủy hết tài liệu đã bị bọn chúng bắt được.

Sau đó, bà bị địch giam giữ tại nhà tù Cần Giuộc rồi trại giam Pô lô, một chi nhánh của trại giam lớn nhất Nam kỳ Catina (Sài Gòn). Tại trại giam Pô lô, dù bị tra tấn dã man, nhưng bà luôn tỏ thái độ hiên ngang, kiên cường, bất khuất, dũng cảm trước kẻ thù. Do đó, bọn cai ngục ở đây rất nể sợ, đặt biệt hiệu cho bà là "Bà Hoàng hậu". Tiếp theo, thực dân Pháp đưa bà vào khám lớn Sài Gòn, giam chung với Bí thư Thành ủy Sài Gòn Nguyễn Thị Minh Khai. Tại đây, dưới sự chỉ đạo của bà Nguyễn Thị Minh Khai, bà đã tổ chức cho nữ tù chính trị đấu tranh đòi địch phải cải thiện chế độ lao tù. Khi bà Nguyễn Thị Minh Khai bị biệt giam, bà đã chỉ đạo thành lập Ban Trật tự nhà lao nhằm động viên, giáo dục nữ tù chính trị giữ vững khí tiết cách mạng, đoàn kết đấu tranh chống địch tra tấn, khủng bố, bảo vệ lẫn nhau. Tuy bị bọn cai ngục hành hạ, đánh đập dã man, nhưng bà luôn lạc quan, tin tưởng ngày mai tươi sáng của cách mạng.

Khiếp sợ trước ý chí gang thép của của người nữ chiến sĩ cộng sản, ngày 04-5-1941, thực dân Pháp đưa bà ra xử bắn tại sân banh huyện Cần Giuộc (nay là công viên Nguyễn Thị Bảy) cùng với 4 đồng chí khác trong sự tiếc thương và khâm phục của đồng bào huyện nhà. Trước phút ngã xuống vì nước, vì dân, bà đã hô vang khẩu hiệu:

- Đả đảo đế quốc Pháp.

- Đảng Cộng sản Đông Dương muôn năm.

- Việt Nam độc lập muôn năm.

Bà đã vị quốc vong thân khi vừa tròn 33 tuổi. Ngày 23-2-2010, bà được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Ngày 05/6/2015, bà được nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Bà là một cán bộ

cách mạng trung kiên, bất khuất, suốt đời chiến đấu cho lý tưởng giải phóng dân tộc, đón nhận cái chết vì nước, vì dân nhẹ tợ lông hồng, gieo niềm tin về sự tất thắng của cách mạng cho hậu thế.

Tên bà được đặt tên cho công viên, trường trung học cơ sở và một con đường tại thị trấn Cần Giuộc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An; tên đường ở thành phố Tân An, tỉnh Long An; tên trường tiểu học ở xã Vĩnh Hựu và tên đường tại thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2021, Chi bộ nhà trường có 19 đảng viên; trong đó nam: 07; nữ: 12; chi ủy: 05; trong đó nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02, trong đó nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 40 công đoàn viên. Đoàn thanh niên: 05 đoàn viên. Đội thiếu niên: 750 đội viên.

Tổng số giáo viên: 40, trong đó nam: 14; nữ: 26. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (đại học): 20; Cử nhân (Cao đẳng): 19.

Tổng số học sinh: 750; trong đó nam: 375; nữ: 375.

Tổng diện tích: 7.641,9 m²; diện tích sử dụng: 1.088 m². Trường có lầu; phòng làm việc: 02; phòng học: 11; phòng thí nghiệm: 02; phòng nghe nhìn (ngoại ngữ): 01; Phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 1.300 m²; khu thể thao: 500 m²; nhà vệ sinh: 02 khu.

2. Trường Trung học cơ sở Võ Đăng Được

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Họ và tên danh nhân (Võ Đăng Được).

Địa chỉ: Ấp Lợi An, xã Đồng Thạnh, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733.996 077

Trang thông tin điện tử: http://thcsdongthanh.pgdgocongtay.edu.vn

Email: c2dongthanhgocongtay.tiengiang@moet.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường Tiểu học cộng đồng Đồng Sơn được thành lập khoảng thập niên 1960. Năm 1970, trường đổi tên thành Trường Trung - Tiểu học Đồng Sơn, Sau năm 1975, trường được gọi là Trường Phổ thông cơ sở Đồng Thạnh. Năm 1989, trường được đổi tên thành Trường Phổ thông cấp 2 Đồng Thạnh. Năm 1994, trường được gọi là Trường Trung học cơ sở Đồng Thạnh. Năm 2019, trường được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Võ Đăng Được theo Quyết định số 5150a/QĐ-UBND ngày 04/12/2019 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Tây. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử của danh nhân được đặt tên trường:

VÕ ĐĂNG ĐƯỢC

(? - 1863)

Võ Đăng Được chưa rõ năm sinh, người thôn Đồng Sơn, tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường (nay là xã Đồng Thạnh, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang).

Năm 1859, ông tham gia cuộc khởi nghĩa Trương Định, từng theo Chủ tướng đánh nhiều trận với quân đội viễn chinh Pháp. Trong một trận đánh ác liệt ở Tân An (Long An), do quân địch có hỏa lực mạnh nên nghĩa quân tạm thời rút lui. Lúc đó, tuân theo mệnh lệnh của Trương Định, ông chỉ huy một cánh quân lui về Đồng Sơn, củng cố lực lượng, xây dựng căn cứ, tích trữ lương thực và vũ khí nhằm tạo thành một phòng tuyến, bảo vệ căn cứ Gò Công từ hướng tây bắc.

Tháng 02/1863, thực dân Pháp huy động lực lượng thủy quân lục chiến người Pháp, lính Tagal (lính đánh thuê người Philippines), lính phu người Trung Quốc, pháo binh, công binh dưới sự yểm trợ của pháo hạm L'Européen mở cuộc tiến công đại quy mô vào chiến lũy Đồng Sơn. Mặc dù có sự chênh lệch lớn về quân số và vũ khí, nhưng ông đã cùng với nghĩa quân chiến đấu rất kiên cường, dũng cảm, nhằm chặn bước tiến của địch. Sau đó, quân giặc phải sử dụng pháo hạng nặng để công phá. Cuối cùng, căn cứ bị tan vỡ; và ông đã anh dũng hy sinh tại trận tiền.

Ngưỡng phục và kính thương người anh hùng nông dân đã ngã xuống vì đại nghĩa, nhân dân địa phương và gia đình của ông đã lập một ngôi miếu thờ ông, được gọi là Dinh Ông. Đồng thời, đồng bào ở trong vùng cũng kiêng kỵ không gọi tên của ông, từ "Được" được gọi trại thành "Đặng".

Hiện nay, phần mộ và dinh Ông tọa lạc tại xã Đồng Thạnh, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Trước cửa dinh có khắc hai câu đối:

Tạc gia đúc mộ cha vừa ý.

Tạo núi xây thành chẳng xứng công.

Tên ông được đặt tên trường trung học học cơ sở ở xã Đồng Thạnh, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2021, Chi bộ nhà trường có 26 đảng viên; trong đó nam: 13; nữ: 13; chi ủy: 05; trong đó nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02, trong đó nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 49 công đàn viên. Đoàn thanh niên: 44 đoàn viên. Đội thiếu niên: 1.042 đội viên.

Tổng số giáo viên: 45; trong đó nam: 22; nữ: 23. Cử nhân (đại học): 22; Cử nhân (cao đẳng): 23. Tổng số học sinh: 1.079l; trong đó nam: 572; nữ: 507.

Tổng diện tích: 8.551 m^2; diện tích sử dụng: 8.551 m^2. Trường có lầu; phòng làm việc: 08; phòng học: 18; phòng thí nghiệm: 05; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 02; nhà vệ sinh: 03 khu.

3. Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thanh Sơn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Thanh Sơn).

Địa chỉ: Ấp Thạnh Yên, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733838587

Trang thông tin điện tử: thcsthanhtri.tiengiang.edu.vn

Email:c2thanhtrigocongtay.tiengiang@moet.edu.vn

6. Lịch sử trường:

Tiền thân của trường là Trường Phổ thông cơ sở Thạnh Trị 1 và Trường Phổ thông cơ sở Thạnh Trị 2 được thành lập sau năm 1975. Năm 1991, hai trường hợp nhất thành Trường Trung học cơ sở Thạnh Trị. Năm 2019, trường được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thanh Sơn. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử của danh nhân được đặt tên trường:

NGUYỄN THANH SƠN
(1927 - 2006)

Nguyễn Thanh Sơn (Ba Sơn), tên thật là Nguyễn Tấn Phước, sinh năm 1927, tại xã Tân Quy Tây, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, trong một gia đình nông dân nghèo.

Tháng 8/1945, ông tham gia cách mạng; sau đó, ông thoát ly gia đình, làm đội viên đội du kích Yên Bái, tỉnh Sa Đéc, rồi lần lượt trải qua các nhiệm vụ như: phân đội trưởng thanh niên Cứu quốc, tiểu đội trưởng du kích xã Tân Quy Tây. Tháng 7/1947, ông gia nhập bộ đội địa phương tỉnh Sa Đéc. Năm 1949, do đạt được nhiều thành tích xuất sắc trong chiến đấu, ông vinh dự được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam). Năm 1950, ông được cấp trên cử đi học lớp bổ túc Trung đội trưởng khóa 9 do Quân khu 8 tổ chức. Từ năm 1950 đến năm 1952, ông là Trung đội trưởng thuộc Đại đội 981, Quân khu 8 tham gia chiến đấu trên chiến trường Mộc Hóa.

Năm 1954, ông tập kết ra Bắc, là Chính trị viên phó Đại đội 2, Tiểu đoàn 5, Trung đoàn 2 thuộc Sư đoàn 338. Năm 1960, ông làm Chính trị viên Đại đội sản xuất, rồi làm Quản đốc Nông trường sản xuất của Quân đội. Năm 1963, ông tình nguyện trở về miền Nam chiến đấu và được phong quân hàm Thượng úy, lần lượt giữ các chức vụ Tham mưu phó rồi Tham mưu trưởng tỉnh Kiến Tường (nay thuộc tỉnh Long An). Tháng 8/1968, sau khi tham gia lớp học Quân sự trung cấp, ông được cử làm Tỉnh đội phó Tỉnh đội Gò Công. Năm 1971, ông là quyền Tỉnh đội trưởng. Năm 1972, ông được thăng quân hàm đại úy, giữ chức vụ Tỉnh đội trưởng Tỉnh đội Gò Công. Từ năm 1973 đến năm 1974, ông tham gia học lớp quân sự trung cao cấp do Trung ương Cục miền Nam tổ chức. Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân năm 1975, ông cùng với Ban Chỉ huy Tỉnh đội chỉ huy lực lượng vũ trang tỉnh Gò Công mạnh mẽ tiến công địch, góp phần giải phóng hoàn toàn tỉnh Gò Công vào trưa ngày 30/4/1975.

Sau 30/4/1975, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Gò Công và tỉnh Mỹ Tho được hợp nhất thành tỉnh Tiền Giang, ông được cử làm làm Chính trị viên Huyện đội Gò

Công. Năm 1976, ông được thăng quân hàm thiếu tá, đảm nhận chức vụ Phó Chỉ huy trưởng kiêm Tham mưu trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Tiền Giang. Năm 1979, ông tham gia chỉ huy lực lượng vũ trang tỉnh Tiền Giang chiến đấu bảo vệ biên giới Tây Nam, rồi làm nghĩa vụ quốc tế giúp bạn Campuchia ở hai tỉnh Tà Keo và Pua Sát. Năm 1981, sau khi hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, ông được cấp trên điều về nước và phong quân hàm trung tá, Phó Chỉ huy trưởng kiêm Tham mưu trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Tiền Giang. Năm 1987, ông nghỉ hưu trí. Năm 2006, ông lâm trọng bệnh và qua đời.

Trong quá trình chiến đấu, ông đã được Đảng, Nhà nước và Quân đội tặng thưởng Huân chương Quân công hạng II, Huân chương Độc lập hạng III, Huân chương Chiến công hạng I, Huân chương Giải phóng hạng I, Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng I, Huân chương Chiến thắng hạng III, Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng I, II, III, Huy chương Giải phóng hạng I, II, III, Huy chương Quân kỳ Quyết thắng, Huy hiệu Thành Đồng Tổ quốc, Huy hiệu 40 năm và 50 năm tuổi Đảng. Tên ông được tên trường trung học cơ sở ở xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2021, Chi bộ nhà trường có 26 đảng viên; trong đó nam: 10; nữ: 16; chi ủy: 05; trong đó nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02, trong đó nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 38 công đoàn viên. Đoàn thanh niên: 08 đoàn viên. Đội thiếu niên: 791 đội viên.

Tổng số giáo viên: 35, trong đó nam: 15; nữ: 20. Cử nhân (đại học): 21; Cử nhân (cao đẳng): 14. Tổng số học sinh: 791 trong đó nam: 386; nữ: 405

Tổng diện tích: 5.500 m²; diện tích sử dụng: 5.500 m². Trường có lầu, phòng làm việc: 02, phòng học: 10, phòng thí nghiệm: 3, phòng nghe nhìn: 01, phòng máy tính: 03 ; thư viện: 01, sân chơi: 01; nhà vệ sinh: 02 khu.

4. Trường Trung học cơ sở Nguyễn Đắc Thắng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Đắc Thắng).

Địa chỉ: Ấp Tân Thạnh, xã Thạnh Nhựt, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 997 066

Email: c2thanhnhutgocongtay.tiengiang@moet.edu.vn

Trường được thành lập sau năm 1975 với tên gọi là Trường Phổ thông cơ sở Thạnh Nhựt. Năm 1991, trường được tách ra thành hai cấp tiểu học và trung học học cơ sở. Cấp trung học cơ sở là Trường Trung học cơ sở Thạnh Nhựt. Năm 2019, trường được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Nguyễn Đắc Thắng. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử của danh nhân được đặt tên trường:

NGUYỄN ĐẮC THẮNG

(1924 – 1983)

Nguyễn Đắc Thắng có tên khai sinh là Nguyễn Văn Tấn, bí danh là Nguyễn Chí Tâm, sinh năm 1924 tại làng Mỹ Phong, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang).

Ông tham gia cách mạng vào tháng 8-1945 tại Mỹ Phong trong lực lượng thanh niên tiền phong. Từ năm 1946, ông hoạt động trong phong trào thanh niên, giữ chức Xã đoàn phó rồi Xã đoàn trưởng xã Mỹ Phong. Năm 1949, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam). Từ năm 1950-1954, ông lần lượt giữ nhiều chức vụ trong Đảng, quân đội, chính quyền từ cấp huyện đến tỉnh.

Sau năm 1954, ông ở lại miền Nam công tác. Năm 1965, ông được Tỉnh ủy Mỹ Tho chỉ định giữ chức vụ Trưởng ban An ninh tỉnh (nay là Công an Tiền Giang). Dưới sự chỉ đạo của ông, các đơn vị nghiệp vụ trực thuộc An ninh tỉnh được củng cố, bổ sung; đồng thời, công tác phân công cán bộ cũng được chỉnh đốn, các bộ phận điệp báo, bảo vệ chính trị được nâng chất. Ngoài việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và chiến đấu trên địa bàn tỉnh nhà, theo yêu cầu của An ninh Trung ương Cục miền Nam, ông và ban lãnh đạo an ninh tỉnh đã trích xuất, đưa về trên 2 đại đội an ninh vũ trang, góp phần xây dựng lực lượng an ninh vũ trang toàn Miền ngày càng lớn mạnh.

Giữa năm 1966, ông được Tỉnh ủy phân công về hoạt động ở Gò Công. Lúc bấy giờ, phong trào cách mạng ở Gò Công bị địch đánh phá vô cùng ác liệt. Tuy nhiên, ông vẫn kiên trì bám chặt cơ sở, xây dựng mạng lưới an ninh, góp phần quan trọng vào thắng lợi của công tác chống phá bình định mà địch đang ráo riết tiến hành ở địa bàn này.

Tháng 8-1968, Tỉnh ủy Gò Công chính thức được tái lập, ông được cử làm Phó bí thư Tỉnh ủy. Tháng 6-1969, ông được Khu ủy Khu 8 chỉ định làm Bí thư Tỉnh ủy Gò Công. Sau đó, ông chủ trì nhiều hội nghị Tỉnh ủy nhằm đề ra các phương châm, phương thức công tác phù hợp với từng vùng địa bàn. Theo đó, Tỉnh ủy chỉ đạo các Huyện ủy, chi bộ tổ chức bám trụ địa bàn; cán bộ, du kích bám trụ trong dân, xây dựng thế tiến công mới, sẵn sàng thực hiện các đợt tấn công theo kế hoạch hiệp đồng của cấp trên. Nhờ vậy, cuộc chiến đấu của quân dân Gò Công vượt qua những khó khăn, thử thách, đánh bại kế hoạch bình định của địch.

Tháng 8-1971, ông chủ trì hội nghị quán triệt Chỉ thị 01/71 của Trung ương Cục do Tỉnh ủy tổ chức, nhằm chuyển hướng phương châm, phương thức tổ chức hoạt động, xúc tích chuẩn bị lực lượng, tiếp tục chống phá kế hoạch bình định mới của địch. Từ đó, ông và Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã mở lớp huấn luyện Võ Duy Linh để đào tạo chi ủy viên cho các chi bộ cơ sở; đồng thời, chấn chỉnh lại bộ máy

lãnh đạo, tổ chức thành 4 ban cán sự vùng và ban cán sự thị xã để đảm bảo tính gọn nhẹ, chỉ đạo cơ sở được sâu sát và kịp thời.

Liên tục trong hai tháng 3 và tháng 4-1972, dưới sự chủ trì của ông, Tỉnh ủy Gò Công tổ chức học tập Chỉ thị 13/71 và Chỉ thị 01/72 của Trung ương Cục, quán triệt quyết tâm tiến công địch, chống phá bình định cho tất cả cán bộ, đảng viên, lực lượng vũ trang và quần chúng nòng cốt trong toàn tỉnh. Dưới sự lãnh chỉ đạo của Tỉnh ủy, quân dân Gò Công anh dũng tiến công địch, giành được nhiều thắng lợi vang dội, tiêu biểu là chiến thắng Đồng Sơn ngày 26 và 27-7-1972.

Sau khi hiệp định Paris được ký kết (27-01-1973), ông và Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ thị cho lực lượng vũ trang của tỉnh kiên quyết đánh bại các cuộc hành quân lấn chiếm vùng giải phóng của quân đội Sài Gòn. Cuối tháng 8 đầu tháng 9/1973, ông chủ trì hội nghị của Tỉnh ủy về việc học tập và thảo luận nghị quyết, chỉ thị mới của Trung ương Cục và của Khu ủy. Từ đó, nâng cao quyết tâm tiến công địch trên các mặt chính trị, quân sự, binh vận, kinh tế cho cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và quần chúng trong tình hình mới. Nhờ vậy, phong trào cách mạng ở Gò Công phát triển thuận lợi và mạnh mẽ.

Đầu tháng 4-1975, tình hình cách mạng miền Nam có chuyển biến mới vô cùng thuận lợi. Ngày 15-4-1975, ông chủ trì hội nghị Tỉnh ủy mở rộng. Tại hội nghị, ông đã báo cáo tình hình phát triển nhảy vọt của cách mạng, thời cơ để giải phóng miền Nam đã trở bên chín muồi hơn bao giờ hết; đồng thời, ông cũng nhấn mạnh đến nhiệm vụ tự lực giải phóng quê hương của Gò Công; và nhiệm vụ này được tiến hành theo phương châm tổng công kích, tổng khởi nghĩa, tiến tới xã giải phóng xã, huyện giải phóng huyện, tỉnh giải phóng tỉnh bằng thực lực của lực lượng vũ trang tại chỗ và phát động nhân dân nổi dậy khởi nghĩa. Với chức trách Bí thư Tỉnh ủy, ông và ông Tỉnh đội trưởng chịu trách nhiệm chỉ huy thống nhất trên toàn chiến trường Gò Công.

Chiều ngày 29-4-1975, ông di chuyển sang mảng bắc Gò Công, họp với ban chỉ huy mảng để đẩy mạnh tiến công vào mục tiêu số 1: thị xã Gò Công. 11 giờ 30 phút ngày 30-4-1975, ngay sau khi tổng thống chính quyền Sài Gòn Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng cách mạng không điều kiện, ông đã kịp thời ra lệnh cho các lực lượng vũ trang và chính trị tiến thẳng vào chiếm các điểm then chốt của địch, nhanh chóng giải phóng quê hương. 15 giờ cùng ngày, lá cờ cách mạng tung bay trên cột cờ trước dinh tỉnh trưởng và tòa hành chánh tỉnh Gò Công, báo hiệu tỉnh Gò Công đã được hoàn toàn giải phóng.

Sau ngày toàn thắng 30-4-1975, ông đã cùng với tập thể Ban Thường vụ và Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gò Công ra sức lãnh và chỉ đạo công cuộc hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, ổn định an ninh chính trị, trật tự xã hội và đời sống nhân dân trên địa bàn tỉnh Gò Công. Năm 1976, tỉnh Mỹ Tho, Gò Công và TP Mỹ Tho hợp nhất thành tỉnh Tiền Giang. Lúc bấy giờ, ông

được bầu làm Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Năm 1983, ông lâm trọng bệnh và qua đời. Trong quá trình hoạt động cách mạng, ông luôn luôn thể hiện ý chí tiến công cách mạng, nỗ lực vượt qua mọi khó khăn, gian khổ; mưu trí, sáng tạo, năng động, linh hoạt trong công tác lãnh đạo, góp phần quan trọng vào việc thúc đẩy phong trào cách mạng ở Gò Công phát triển mạnh mẽ, tiến lên giải phóng hoàn toàn tỉnh Gò Công, cùng với toàn miền tạo nên chiến thắng ngày 30-4-1975, giải phóng miền Nam, thực hiện hòa bình, thống nhất Tổ quốc. Tên ông được đặt tên trường trung học cơ sở ở xã Thạnh Nhựt, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2021, Chi bộ nhà trường có 24 đảng viên; trong đó nam: 10; nữ: 14; chi ủy: 05; trong đó nam: 04; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02, trong đó nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 45 công đoàn viên. Đoàn thanh niên: 05 đoàn viên. Đội thiếu niên: 1.035 đội viên.

Tổng số giáo viên: 44, trong đó nam: 16; nữ: 28. Cử nhân (đại học): 22; Cử nhân (cao đẳng): 22.

Tổng số học sinh: 1.035, trong đó nam: 540; nữ: 495.

Tổng diện tích: 22.000 m^2; diện tích sử dụng: 4.000 m^2. Trường có lầu; phòng làm việc: 05; phòng học: 16 ; phòng thí nghiệm: 04; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; nhà vệ sinh: 10.

5. Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Thiều

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Văn Thiều).

Địa chỉ: khu phố 2, thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733.838.108

Trang thông tin điện tử: thcsvinhbinh.tiengiang.edu.vn

Email:c2vinhbinhgocongtay.tiengiang@moet.edu.vn

Trường được thành lập tháng 9/1977 với tên gọi là Trường Cấp 2 Vĩnh Bình. Tháng 9/1978, trường hợp nhất với Trường Cấp 1 Vĩnh Bình 2 thành Trường Phổ thông cơ sở Vĩnh Bình 2. Năm 1987, trường tách ra thành Trường Trung học cơ sở Vĩnh Bình. Năm 2019, trường được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Thiều. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử của danh nhân được đặt tên trường:

NGUYỄN VĂN THIỀU

(1907 – 1991)

Nguyễn Văn Thiều có tên khai sinh là Nguyễn Thành Tú, sinh năm 1907, tại làng Vĩnh Viễn, tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công (nay là xã Long Vĩnh, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang).

Năm 1936, ông tham gia cách mạng, là cán bộ Mặt trận Dân chủ Đông Dương rồi Mặt trận Thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương tại quê nhà. Tháng 12-1939, ông vinh dự được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam). Năm 1944, ông được cử làm Bí thư chi bộ xã Vĩnh Viễn. Tháng 8/1946, ông là Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy; Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến - Hành chính huyện Tây, tỉnh Gò Công. Tháng 8-1949, ông là Phó Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến - Hành chính, Bí thư Đảng đoàn, Thường vụ Liên Chi ủy chính quyền tỉnh Gò Công.

Đầu năm 1951, ba tỉnh Mỹ Tho, Tân An, Gò Công hợp nhất thành tỉnh Mỹ Tho (còn gọi là tỉnh Mỹ Tân Gò). Từ tháng 3-1951 đến tháng 12-1954, ông lần lượt giữ các chức vụ: Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Mỹ Tho, Thường vụ Liên Chi ủy, Phó Ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Trưởng Ban Tập kết cán bộ Dân chính Đảng tỉnh Mỹ Tho.

Tháng 12/1954, ông tập kết ra miền Bắc, công tác tại Ban Tổ chức Trung ương. Năm 1960, ông công tác tại Trường Cán bộ thống kê Trung ương, giữ chức vụ Phó Bí thư Đảng ủy, Trưởng ban Bảo vệ Đảng, Trưởng phòng Tổ chức. Năm 1964, ông được Đảng và Nhà nước cho nghỉ hưu trí. Năm 1991. vì tuổi cao sức yếu, ông đã từ trần tại xã Long Vĩnh, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Trong quá trình công tác, ông được tặng thưởng Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng, Huân chương Kháng chiến hạng Nhì; Huy hiệu Thành đồng Tổ quốc. Tên ông được đặt tên trường trung học cơ sở ở thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2021, Chi bộ nhà trường có 32 đảng viên; trong đó nam: 10; nữ: 22; chi ủy: 05; trong đó nam: 01; nữ: 04. Ban giám hiệu: 03, trong đó; nam: 01; nữ: 02. Công đoàn: 62 công đoàn viên. Đoàn thanh niên: 171 đoàn viên. Đội thiếu niên: 1.421 đội viên.

Tổng số giáo viên: 62, trong đó nam: 20; nữ: 42. Cử nhân (đại học): 37; Cử nhân (cao đẳng): 25. Tổng số học sinh: 1.421, trong đó nam: 693; nữ: 728.

Tổng diện tích: 10.264 m²; diện tích sử dụng: 10.264 m². Trường có lầu; phòng làm việc: 04; phòng học: 19; phòng thí nghiệm: 03; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 01; nhà vệ sinh: 02 khu.

6. Trường Trung học cơ sở Huỳnh Xuân Việt

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Họ và tên danh nhân (Huỳnh Xuân Việt).

Địa chỉ: Ấp Thuận Trị, xã Bình Tân, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733830268
Trang thông tin điện tử: www.thcsbinhtan.tiengiang.edu.vn
Email: c2binhtangocongtay.tiengiang@moet.edu.vn

Trường được xây dựng sau năm 1975, có tên là Trường THCS Bình Tân. Năm 2019, được đổi tên là Trường THCS Huỳnh Xuân Việt theo Quyết định số 4398/QĐ-UBND ngày 23/11/2019 của UBND huyện Gò Công Tây. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử của danh nhân được đặt tên trường:

HUỲNH XUÂN VIỆT

(1950 – 2002)

Huỳnh Xuân Việt, tên thật là Huỳnh Văn Việt, sinh năm 1950 tại làng Đồng Sơn, tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công (nay là xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình có truyền thống yêu nước và cách mạng.

Năm 1964, ông giác ngộ tham gia cách mạng, làm nhân viên cứu thương; rồi được cử đi học lớp y tá do Quân y tỉnh Mỹ tho mở. Sau khi hoàn thành khóa học, ông trở về Gò Công, công tác tại Quân y huyện Đông. Lúc bấy giờ, Gò Công là chiến trường rất ác liệt; nhưng ông vẫn dũng cảm bám trụ địa bàn, cùng với bộ đội tham gia nhiều trận đánh với vai trò y tá chiến trường, trực tiếp cứu chữa hàng trăm thương binh lẫn quần chúng là nạn nhân chiến cuộc. Năm 1969, ông được điều chuyển về làm y tá cho Văn phòng Huyện ủy huyện Đông.

Năm 1970, ông chuyển ngành, làm cán bộ cơ yếu cho Tỉnh ủy Gò Công. Được biết, công tác cơ yếu là công tác cơ mật đặc biệt, thuộc lĩnh vực an ninh, sử dụng nghiệp vụ mật mã, kỹ thuật mật mã và các giải pháp có liên quan để bảo vệ thông tin bí mật của cách mạng. Với đức tính cẩn thận, siêng năng, bảo mật, tuyệt đối trung thành với Đảng và nhân dân, ông đã liên tục hoạt động trên lĩnh vực này trong suốt 5 năm và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đảm bảo thông tin bí mật được thông suốt từ Khu ủy xuống Tỉnh ủy và từ Tỉnh ủy xuống các Huyện ủy. Đầu năm 1975, ông được cấp trên điều động sang Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy Gò Công.

Tháng 4-1976, ông đảm nhận nhiệm vụ Thị ủy viên dự khuyết Thị ủy Gò Công, Bí thư Thị đoàn Gò Công. Tháng 3-1977, ông là Huyện ủy viên viên huyện Gò Công, Bí thư Huyện đoàn Gò Công. Lúc ấy, huyện Gò Công rất lớn, tương đương tỉnh Gò Công trước năm 1975. Với tư cách là Bí thư Huyện đoàn, ông đã cùng với tập thể Ban Chấp hành Huyện đoàn lãnh và chỉ đạo phong trào Đoàn và Thanh niên toàn huyện Gò Công thực hiện tốt nhiệm vụ hàn gắn vết thương chiến tranh, ổn định đời sống, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội cho huyện nhà.

Tháng 3-1978, ông được cử đi học cao cấp chính trị tại Trường Đảng Nguyễn Ái Quốc cơ sở II tại TP Hồ Chí Minh. Tháng 8-1980, ông hoàn tất khóa học, trở về địa phương công tác. Lúc này, huyện Gò Công được tách thành hai huyện: Gò

Công Đông và Gò Công Tây. Ông giữ chức vụ Huyện ủy viên, Bí thư Huyện đoàn Gò Công Đông. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của ông, huyện Gò Công Đông là một trong những địa phương trong tỉnh có phong trào Đoàn và thanh niên phát triển mạnh nhất, tiêu biểu là các phong trào vận động thanh niên thi hành nghĩa vụ quân sự, làm thủy lợi, tăng gia sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thực hiện nếp sống văn hóa mới, hỗ trợ vay vốn phát triển kinh tế gia đình,…

Tháng 2-1982, ông được bầu làm Huyện ủy viên, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thị trấn Gò Công (sau này là thị xã Gò Công) thuộc huyện Gò Công Đông. Tháng 3-1983, ông là ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Trưởng ban Kiểm tra Huyện ủy Gò Công Đông. Tháng 11-1984, là ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Bí thư Đảng ủy thị trấn Gò Công thuộc huyện Gò Công Đông. Trong thời gian này, ông cùng với tập thể Đảng ủy tập trung công tác lãnh và chỉ đạo việc xây dựng thị trấn Gò Công phát triển vững mạnh về mọi mặt nhằm chuẩn bị cho việc thị trấn phấn đấu nâng cấp lên thị xã. Tháng 10-1986, ông được bầu làm Phó Bí thư Huyện ủy Gò Công Đông. Tháng 2-1987, thị trấn Gò Công được nâng cấp lên thành thị xã Gò Công. Tháng 3-1987, ông trúng cử Bí thư Thị ủy Gò Công.

Tháng 12-1991, với tư cách là Tỉnh ủy viên, ông được điều động đến công tác tại Liên đoàn lao động tỉnh. Tháng 2-1992, ông được Ban Chấp hành Liên đoàn lao động tỉnh bầu làm Phó Chủ tịch Liên đoàn lao động tỉnh. Tháng 6-1993, tại Đại hội đại biểu Liên đoàn lao động tỉnh lần thứ V, ông được bầu làm Chủ tịch Liên đoàn lao động tỉnh nhiệm kỳ 5 (1993 – 1998) kiêm Tỉnh ủy viên. Tháng 5-1996, ông được bầu làm ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, đồng thời vẫn là Chủ tịch Liên đoàn lao động tỉnh.

Trong nhiệm kỳ 5 của Liên đoàn lao động tỉnh, ông và tập thể Ban Chấp hành đã tập trung đổi mới phương thức hoạt động của công đoàn; ra sức xây dựng, đào tạo đội ngũ cán bộ công đoàn có trình độ, năng lực, năng động sáng tạo, nhạy bén, có bản lĩnh và nhiệt tình với phong trào. Nhờ đó, phong trào công nhân, viên chức và hoạt động công đoàn tỉnh không ngừng đi lên. Hoạt động công đoàn giảm bớt tính quan liêu, hành chánh; mạnh dạn đi vào thực tiễn cuộc sống, gần gũi, sâu sát với công nhân, viên chức, người lao động. Tổ chức công đoàn đã phát triển mạnh ra các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh; đồng thời, tiến hành xây dựng các công cụ hỗ trợ cho hoạt động công đoàn, như tư vấn pháp luật, giới thiệu việc làm, quỹ trợ vốn công nhân và người lao động nghèo,…

Tháng 12-1999, ông được đề bạt Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh. Tháng 6-2001, Thủ tướng chính phủ ký quyết định bổ nhiệm ông làm Quyền Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh. Tháng 2-2002, ông bị bệnh mất. Trong quá trình công tác, ông được khen thưởng Huân chương Quyết thắng hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến chống Mỹ, cứu nước hạng Nhì, Huy chương Giải phóng hạng Nhất và hạng Nhì. Tên ông được đặt tên trường trung học cơ sở ở xã Bình Tân, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2021, Chi bộ nhà trường có 15 đảng viên; trong đó nam: 04 ; nữ: 11; chi ủy: 05; trong đó nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02, trong đó nam: 02 ; nữ: 00. Công đoàn: 29 công đoàn viên. Đoàn thanh niên: 06 đoàn viên. Đội thiếu niên: 443 đội viên.

Tổng số giáo viên: 27, trong đó nam: 09, nữ: 18. Cử nhân (đại học): 13; Cử nhân (cao đẳng): 14.

Tổng số học sinh: 443, trong đó nam: 219; nữ: 224.

Tổng diện tích: 3.997 m²; diện tích sử dụng: 3.997 m². Trường có lầu; phòng làm việc: 01 ; phòng học: 09; phòng thí nghiệm: 02; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 00; Nhà vệ sinh: 02 khu.

Trường tiểu học, trường tiểu học - trung học cơ sở:

1. Trường Tiểu học Hồ Biểu Chánh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Họ và tên danh nhân (Hồ Biểu Chánh).

Địa chỉ: Ấp Bình Hưng, xã Thành Công, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733891057

Email:Cthanhconggocongtay.tiengiang@moet.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường Tiểu học Thành Công được xây dựng trước năm 1975, năm 2019 đổi tên thành Trường Tiểu học Hồ Biểu Chánh theo Quyết định số 5158/QĐ-UBND ngày 04/12/2019 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Tây. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử của danh nhân được đặt tên trường:

HỒ BIỂU CHÁNH

(1885 – 1958)

Hồ Biểu Chánh, tên thật là Hồ Văn Trung, tự là Thứ Tiên, sinh năm 1885 (có tài liệu ghi năm 1884) tại làng Bình Thành, tổng Hòa Lạc Thượng, tỉnh Gò Công (nay là xã Bình Xuân, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang).

Năm lên 8 tuổi, ông theo học chữ Nho tại trường làng Bình Thành. Năm 13 tuổi, cha mẹ ông rời quê đến chợ Giồng (tức giồng Ông Huê) sinh sống. Lúc này, ông chuyển sang học chữ Quốc ngữ và Pháp văn tại trường tổng Hòa Đồng Hạ đặt tại làng Vĩnh Lợi (nay là thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang). Sau đó, ông chuyển xuống trung tâm tỉnh lỵ Gò Công, học tại Trường Quan (tức Trường Nam tiểu học Gò Công/École primaire de garçon de Gocong, nay là Trường Trung học cơ sở Phướng 1, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang). Năm 1902, ông thi đậu vào Trường Collège de Mytho (nay là Trường Trung học phổ thông Nguyễn Đình Chiểu, thành phố Mỹ Tho) và nhận được học bổng. Năm

1904, do học lực xuất sắc, ông được cấp học bổng để vào học tiếp chương trình trung học tại Trường Collège de Chasseloup-Laubat ở Sài Gòn (nay là Trường Trung học cơ sở Lê Quý Đôn, Thành phố Hồ Chí Minh).

Năm 1905, ông thi đỗ Thành chung (Diplôme). Năm sau, ông thi đỗ ngạch Thư ký Hành chính và làm việc tại dinh Hiệp lý. Từ năm 1910, ông được bổ làm Thông phán tại nhiều nơi ở Nam kỳ, như Bạc Liêu, Cà Mau, Long Xuyên, Gia Định,… Năm 1920, ông làm việc tại văn phòng Thống Đốc Nam kỳ. Năm 1921, ông đỗ đầu kỳ thi Tri huyện, làm Chủ quận các quận Càng Long (tỉnh Trà Vinh), Ô Môn, Phụng Hiệp (tỉnh Cần Thơ),… Năm 1936, ông được thăng Đốc phủ sứ. Năm 1938, ông xin về hưu. Năm 1941, ông bị chính quyền thực dân Pháp ép ra làm việc trở lại, tham gia Hội đồng Liên bang Đông Dương, Hội đồng thành phố Sài Gòn kiêm chức Phó Đốc lí, phụ trách việc hộ tịch.

Năm 1945, Cách mạng tháng Tám thành công, ông lui về ở ẩn. Đầu năm 1946, sau khi tái chiếm Nam bộ, thực dân Pháp cưỡng buộc ông làm cố vấn cho chính phủ bù nhìn thân Pháp Nguyễn Văn Thinh. Vài tháng sau, chính phủ này đổ, ông lại lui về ở ẩn cho đến lúc cuối đời. Về cuộc đời "ông quan" Hồ Văn Trung, người đời sau thống nhất nhau ở một điểm: đây là ông quan thanh liêm, noi theo nếp sống thanh bạch của người xưa và xem đó là chuẩn mực để hun đúc tinh thần đạo nghĩa phương Đông.

Thế nhưng, nhân dân Nam Bộ lại biết ông với tư cách là nhà văn hơn là một viên chức. Với bút danh là Hồ Biểu Chánh, ông đến với văn chương từ rất sớm. Năm 1910, ông viết truyện thơ đầu tay *U tình lục*, tiếp theo là 5 tác phẩm nữa. Từ năm 1921 - 1941, ông cho ra đời 44 tác phẩm. Từ năm 1943 - 1945, ông sáng tác sung mãn nhất: 48 tác phẩm gồm nhiều thể loại. Từ năm 1953 - 1958, ông cho xuất bản 22 tác phẩm. Trong quãng đời cầm bút, ông đã để lại một khối lượng tác phẩm đồ sộ, gồm: 64 tiểu thuyết, 3 truyện ngắn, 7 đoản thiên, 2 tập thơ, 5 hài kịch, 4 vở hát bội, 3 vở cải lương, 5 tác phẩm tùy bút và phê bình, 6 tập hồi ức, 8 bài diễn thuyết, 23 tác phẩm khảo cứu và văn học. Tác phẩm của ông được nhiều thế hệ độc giả ở Nam bộ mến chuộng. Nhiều quyển được tái bản nhiều lần và được dựng thành phim. Đi sâu phân tích tác phẩm của ông, Giáo sư - Tiến sĩ khoa học Lê Ngọc Trà viết:

"*Cái độc đáo nhất và giá trị nhất của tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh nhằm chủ yếu không phải ở chỗ nó mô tả phong tục hay tuyên truyền đạo lí mà ở chỗ nó thông qua mô tả phong tục kết hợp với tư tưởng là chủ nghĩa hiện thực. Chỉ riêng mô tả phong tục không thôi, văn học dễ biến thành dân tộc học. Còn chỉ tuyên truyền đạo đức không thôi, văn học sẽ thành luân lý. Vã lại, văn học đạo lý trước Hồ Biểu Chánh đã có Nguyễn Đình Chiểu là người thành công trên lĩnh vực này. Cái mới và cái hay của Hồ Biểu Chánh là ông nói đạo lý đi kèm với nói chuyện đời, kể lại những cảnh đời khác nhau có thể là không gắn gì với các biến động*

chính trị, kinh tế, xã hội; nhưng lại gắn chặt với đời người, lại là nội dung của đời sống hàng ngày".

Về sự nghiệp văn chương của ông, Giáo sư - Nhà giáo nhân dân - Anh hùng lao động Trần Văn Giàu đã phát biểu tổng kết tại Hội thảo về cuộc đời và văn nghiệp của Hồ Biểu Chánh được tổ chức ở Tiền Giang trong hai ngày 17 và 18-11-1988 như sau: "*Tôi thấy rằng, việc dạy văn Hồ Biểu Chánh - được, từ Đại học, cấp 3, cấp 2, nhất là cấp 1. Sách Hồ Biểu Chánh được nhân dân tán thưởng, có nhiều lý do - không những tại văn ông hay mà còn ở chỗ cái văn không phải là văn. Cái văn không văn đó mới hay. Hay ở chỗ, nói lại tiếng nói của dân, cái tấm lòng của dân, còn hay ở chỗ đạo đức, luân lý. Ở trong sách của Hồ Biểu Chánh có đạo đức luân lý Nho giáo, Phật giáo; mà đó là của dân tộc chúng ta*".

Nhìn chung, ông là một trong những nhà văn tiền phong, có những đóng góp quan trọng vào nền văn học nước nhà, nhất là thời kỳ văn học đầu thế kỉ XX. Phó Giáo sư - Tiến sĩ Hồ Sĩ Hiệp nhận định: "*Tiếp thu kĩ thuật xây dựng tiểu thuyết phương Tây, Hồ Biểu Chánh đã góp phần cách tân thể loại tiểu thuyết về các mặt xây dựng cốt truyện, tình tiết, bố cục tác phẩm, tính cách, tâm lý nhân vật cho đến ngôn ngữ văn chương. Cỗ xe chở tư tưởng là chữ quốc ngữ trước đó nặng nề, ì ạch; đến đây đã được đẩy đi một cách nhẹ nhàng, phăng phăng lướt trên những dặm đường văn học mới. Đó là công lao của anh phu xe tiền phong Hồ Biểu Chánh*".

Ngoài ra, ông còn làm báo. Từ năm 1910 - 1941, ông là người sáng lập ra các tờ *Đại Việt tạp chí*, *Tribune Indigène* (tạm dịch *Diễn đàn bản xứ*), *Quốc dân diễn đàn*, *Nam Kỳ tuần báo*.

Ông mất năm 1958 tại quận Phú Nhuận, Sài Gòn (nay là Thành phố Hồ Chí Minh), thọ 73 tuổi. Lấy tên những tác phẩm tiêu biểu của ông, hai nhà thơ Đông Hồ và Mộng Tuyết đã sáng tác hai câu đối độc đáo đến viếng ông trong lễ tang:

Cay đắng mùi đời, Con nhà nghèo, Con nhà giàu, tiểu thuyết viết sáu mươi ba thiên, ***Vì nghĩa vì tình, Ngọn cỏ gió đùa, Tỉnh mộng***, mấy ***Ai làm được***?

Cang thường nặng gánh, cơn ***Khóc thầm***, cơn ***Cười gượng***, thanh cần trải bảy mươi bốn tuổi, ***Thiệt giả giả thiệt***, ***Vườn văn xưa ghé mắt***, ***Đoạn tình*** còn ***Ở theo thời***.

Hiện nay, phần mộ ông tọa lạc tại khu vườn của gia đình có tên là An Tất viên, số 30/21, đường số 8, phường 11, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Bút danh của ông - Hồ Biểu Chánh - được đặt tên đường ở quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh và thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang, tên trường tiểu học ở xã Thành Công, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2021, Chi bộ nhà trường có 16 đảng viên; trong đó nam: 5; nữ: 11; chi ủy: 03; trong đó nam: 02; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02; trong đó nam: 02 ; nữ: 00.

Công đoàn: 26 công đoàn viên; trong đó nam: 08; nữ: 16. Đoàn thanh niên: 06 đoàn viên; Đội thiếu niên: 264.

Tổng số giáo viên: 23; trong đó nam: 07; nữ: 16. Cử nhân (đại học): 12; Cử nhân (cao đẳng): 09; trung học sư phạm: 02. Tổng số học sinh: 429, trong đó nam: 347; nữ: 182.

Tổng diện tích: 6.904,7 m²; diện tích sử dụng: 1.359 m². Trường có lầu; phòng làm việc: 05 phòng; phòng học: 18 phòng; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn (ngoại ngữ): 01 phòng; phòng máy tính: 01 phòng; thư viện: 01; sân chơi: 2696 m^2; khu thể thao:100 m^2 ; nhà vệ sinh: 03 khu.

2. Trường Tiểu học Đỗ Văn Châu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Họ và tên danh nhân (Đỗ Văn Châu).

Địa chỉ: Ấp Bình Phú, xã Bình Phú, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang

Số điện thoại: 0273 3532093

Email: c1binhphugocongtay.tiengiang@moet.edu.vn

Tiền thân của Trường Tiểu học Đỗ Văn Châu là Trường Sơ cấp Bình Phú. Sau năm 1975, trường đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Bình Phú. Năm 1989, đổi tên là Trường Tiểu học Bình Phú. Năm 2019, đổi tên là Trường Tiểu học Đỗ Văn Châu theo Quyết định số 5158/QĐ-UBND ngày 04/12/2019 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Tây. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử của danh nhân được đặt tên trường:

ĐỖ VĂN CHÂU

(1911 - 1959)

Đỗ Văn Châu sinh năm 1911 tại làng Bình Phú Đông, tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công (nay là xã Bình Phú, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang).

Tháng 3-1945, ông gia nhập lực lượng Thanh niên tiền phong. Tháng 8-1945, ông làm công tác giao liên và tham gia cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền ở quê nhà. Tháng 10-1945, ông gia nhập Đội du kích xã chiến đấu chống quân Pháp khi bọn chúng quay trở lại xâm chiếm Gò Công. Năm 1946, do có thành tích xuất sắc trong chiến đấu, chỉ huy chiến đấu và xây dựng lực lượng, ông được giao nhiệm vụ làm Trưởng ban Quân sự xã Bình Phú. Dưới sự chỉ huy của ông, Đội du kích xã đã chiến đấu ngoan cường, gây cho quân địch nhiều thiệt hại.

Năm 1953, Chi bộ xã Bình Phú được thành lập. Năm 1955, ông là Bí thư Chi bộ xã Bình Phú. Lúc này, mặc dù phong trào cách mạng ở địa phương bị địch đánh

phá ác liệt, nhưng ông vẫn kiên cường bám trụ, ra sức xây dựng cơ sở và lực lượng cách mạng nhằm thúc đẩy phong trào đấu tranh của quần chúng tiến lên.

Trước tình hình đó, bọn tề ngụy tổ chức truy bắt ông rất gắt gao. Năm 1956, trên đường đi công tác vận động cách mạng, ông bị địch bắt giữ và đưa đi biệt giam tại nhà tù Gia Định. Sau đó, bọn chúng chuyển ông đến nhà tù Tây Ninh. Tại đây, ông cùng với các chiến sĩ cách mạng trong tù tổ chức phá trại vượt ngục, nhiều chiến sĩ đã trốn thoát, riêng ông bị địch bắt trở lại và đày ra Côn Đảo, nơi được mệnh danh là "địa ngục trần gian". Trong tù, mặc dù bị tra tấn dã man; nhưng ông vẫn một lòng giữ vững lý tưởng và khí tiết của người chiến sĩ cách mạng, kiên quyết không khai báo, không chào cờ chính quyền tay sai, không xé cờ Đảng và cờ Tổ quốc, không ly khai Đảng. Năm 1959, bất lực trước ý chí gang thép của người chiến sĩ cộng sản kiên cường, bọn cai ngục đã hèn hạ thủ tiêu ông tại nhà tù Côn Đảo. Tên ông được đặt tên trường tiểu học ở xã Bình Phú, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2021, Chi bộ nhà trường có 21 đảng viên; trong đó nam: 11; nữ: 10; Chi ủy: 05; trong đó nam: 02; nữ: 03. Ban giám hiệu: 02, trong đó nam:01; nữ: 01. Công đoàn: 34 công đoàn viên. Đoàn thanh niên: 06 đoàn viên. Đội thiếu niên: 300 đội viên.

Tổng số giáo viên: 30, trong đó nam: 12; nữ: 18. Cử nhân (đại học): 10; Cử nhân (cao đẳng): 07; trung học sư phạm: 13. Tổng số học sinh:521, trong đó nam: 256; nữ: 265.

Tổng diện tích: 9.433 m²; diện tích sử dụng: 9.433 m². Trường có lầu, 19 phòng học, 01 phòng máy tính, 03 phòng làm việc, 01 phòng giáo dục nghệ thuật, 01 phòng thiết bị, 01 phòng truyền thống Đội và 02 phòng Thư viện, diện tích sân chơi: 4.754 m², khu thể thao: 800 m² ; nhà vệ sinh: 03 khu.

3. Trường Tiểu học Phan Thế Dõng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Họ và tên danh nhân (Phan Thế Dõng).

Địa chỉ: Ấp Thạnh An, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273.3839082

Email: c1thanhtri2gocongtay.tiengiang@moet.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường Tiểu học Thạnh Trị 1 và Trường Tiểu học Thạnh Trị 2 được thành lập sau năm 1975. Năm 2018, trường được hợp nhất là Trường Tiểu học Thạnh Trị. Năm 2019, trường được đổi tên thành Trường Tiểu học Phan Thế Dõng theo Quyết định số 5157a/QĐ-UBND ngày 04/12/2019 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Tây. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử của danh nhân được đặt tên trường:

PHAN THẾ DÕNG

(1927 – 2005)

Phan Thế Dõng, có nghệ danh là Nguyệt Hải, Trần Nhu, sinh năm 1927 tại làng Thạnh Trị, tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công (nay là xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang).

Năm 1947, ông gia nhập bộ đội, tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Lúc bấy giờ, ông công tác tại bộ phận tuyên truyền thuộc Trung đoàn 115 tỉnh Sa Đéc. Năm 1949, với nghệ danh Nguyệt Hải, ông được điều động về Tổ Nhiếp - Điện ảnh thuộc Khu 8; và là một trong những người có công khai sinh ra nền điện ảnh kháng chiến Nam bộ. Ông là nhà quay phim chiến trường trên đất Nam bộ cùng thời với Mai Lộc, Khương Mễ, Vũ Sơn suốt thời kỳ kháng chiến chống Pháp.

Năm 1954, ông tập kết ra Bắc, được phân công về Phòng Văn nghệ quân đội thuộc Tổng cục Chính trị Quân đội Nhân dân Việt Nam. Năm 1956, ông chuyển ngành, công tác tại Xưởng Phim tài liệu trung ương. Trong khoảng thời gian này, ông được tham gia lớp đào tạo quay phim đầu tiên của nền điện ảnh nước nhà cùng với những tên tuổi khác như Hải Ninh, Bùi Đình Hạc, Vương Hồng Sến,...

Tháng 4-1961, ông xung phong trở lại chiến trường miền Nam, tham gia chiến đấu trên mặt trận điện ảnh vì sự nghiệp giải phóng miền Nam thân yêu, thống nhất nước nhà.

Năm 1962, Xưởng phim Giải phóng được thành lập, ông là một trong những trụ cột của xưởng phim này. Với bản chất cao đẹp của "anh bộ đội Cụ Hồ", ông không ngại hy sinh, gian khổ, xông xáo thâm nhập chiến trường và quay được những bộ phim có giá trị to lớn về nội dung và nghệ thuật nhằm ca ngợi và động viên tinh thần chiến đấu anh dũng, hào hùng của quân dân miền Nam trên tuyến đầu chống Mỹ.

Ông là nhà quay phim đầu tiên vượt Trường Sơn trở về miền Nam lúc Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam mới ra đời; là một trong những người sáng lập Xưởng phim Giải Phóng, người thầy đào tạo lực lượng điện ảnh miền Tây Nam bộ thời chống Mỹ; là nghệ sĩ điện ảnh có mặt ở chiến trường đất thép Củ Chi, ở miền hạ Long An, vùng ven Sài Gòn, có mặt trên vùng Tam Giác Sắt đầy máu lửa; đồng thời, là một trong những đạo diễn có mặt tại thành phố Sài Gòn trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 với những thước phim rực lửa.

Những bộ phim do ông quay đều đoạt được những giải thưởng có uy tín ở trong nước và quốc tế, như *Chiến thắng Gò Quao* (Giải thưởng Nguyễn Đình Chiểu của Hội Văn nghệ Giải phóng năm 1965), *Du kích Củ Chi* (Huy chương vàng Liên hoan phim quốc tế Matxcơva - Liên Xô năm 1967, Giải Bồ câu bạc Liên hoan phim quốc tế Laixích - Cộng hòa Dân chủ Đức năm 1967, giải Bông sen vàng Liên hoan phim Việt Nam năm 1970; hiện nay, bộ phim này hàng ngày vẫn được chiếu cho du khách xem tại Khu di tích địa đạo Củ Chi - TP Hồ Chí Minh), *Đội*

nữ pháo binh Long An (Giải Bông sen vàng Liên hoan phim Việt Nam năm 1970), *Hạt lúa vành đai* (Giải Bông sen bạc Liên hoan phim Việt Nam năm 1970).

Sau ngày miền Nam hoàn toàn được giải phóng (30-4-1975), ông tiếp tục lao động nghệ thuật tại Hãng phim Giải phóng, TP Hồ Chí Minh. Ông được Nhà nước phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ ưu tú. Năm 2005, ông từ trần sau một cơn tai biến huyết áp. Ông là một trong những người có công khai sinh ra nền điện ảnh kháng chiến Nam bộ và có nhiều đóng góp quan trọng cho nền điện ảnh nước nhà. Tên ông được đặt tên trường tiểu học ở xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2021, Chi bộ nhà trường có 32 đảng viên; trong đó nam: 12; nữ: 20; chi ủy: 05; trong đó nam: 04; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02, trong đó nam: 01; nữ: 01. Côngđoàn: 41 công đoàn viên. Đoàn thanh niên: 15 đoàn viên. Đội thiếu niên: 434 đội viên.

Tổng số giáo viên: 41, trong đó nam: 12; nữ: 29. Cử nhân (đại học): 25; Cử nhân (cao đẳng): 11; trung học sư phạm: 05. Tổng số học sinh: 728, trong đó nam: 375; nữ: 353.

Tổng diện tích: 8.231 m²; diện tích sử dụng: 8.231 m². Trường có lầu; phòng làm việc: 05 ; phòng học: 24; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 02; thư viện: 02; sân chơi: 6.092 m^2 ; nhà vệ sinh: 02 nhà vệ sinh giáo viên, 05 nhà vệ sinh học sinh.

4. Trường Tiểu học Lê Minh Hương

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Họ và tên danh nhân (Lê Minh Hương).

Địa chỉ: Ấp Thạnh Thới, xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 996044

Email: c1dongson1gocongtay.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1978, trường được thành lập, có tên là Trường tiểu học Đồng Sơn 1. Năm 2019, được đổi tên là Trường Tiểu học Lê Minh Hương. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử của danh nhân được đặt tên trường:

LÊ MINH HƯƠNG

(1920 - 1972)

Lê Minh Hương sinh năm 1920 tại làng Đồng Sơn, tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công (nay là xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang).

Tháng 3-1945, ông giác ngộ cách mạng, gia nhập lực lượng Thanh niên tiền phong. Tháng 8-1945, ông tham gia cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền tại quê nhà. Sau đó, ông chuyên làm công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục thanh niên tham gia cách mạng.

Liên tục công tác đến năm 1960, với nhiều thành tích, kinh nghiệm trong hoạt động, ông được phân công nhiệm vụ Bí thư Chi bộ xã Đồng Sơn. Thời kỳ này, ông cùng với Chi ủy đã tổ chức, xây dựng cơ sở cách mạng; lãnh đạo phong trào đấu tranh của Nhân dân trong Cao trào Đồng Khởi 1960, chống địch càn quét, bắn phá, khủng bố, gom dân vào Ấp chiến lược, bảo vệ tài sản, tính mạng của quần chúng và căn cứ cách mạng. Năm 1965, ông được cấp trên điều động về Huyện tham gia công tác Binh vận của huyện. Năm 1969, ông được cử đi học lớp bồi dưỡng chính trị do Trung ương Cục miền Nam tổ chức.

Sau khi hoàn thành khóa học, ông trở về Gò Công, công tác tại Ban Nông hội tỉnh, tham gia công tác mở mãng, chuyển vùng của lực lượng cách mạng và chống phá kế hoạch bình định của địch trên địa bàn tỉnh Gò Công.

Năm 1970, ông được chỉ định làm Tỉnh ủy viên, Trưởng Ban Nông hội tỉnh Gò Công, tiếp tục tham gia chỉ đạo công tác mở mãng, chuyển vùng trên địa bàn tỉnh và vận động nông dân ủng hộ tài chính cũng như tham gia cách mạng. Lúc này, địch đánh phá Gò Công rất ác liệt, nhất là vùng căn cứ cách mạng. Tuy nhiên, ông vẫn kiên cường bám trụ tại căn cứ Đồng Sơn để kịp thời chỉ đạo phong trào. Tháng 9-1972, trên đường đi công tác, ông bị địch phục kích và đã anh dũng hy sinh. Tên ông được đặt tên trường tiểu học ở xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2021, Chi bộ nhà trường có 16 đảng viên; trong đó nam: 03 ; nữ: 13 ; chi ủy: 03 ; trong đó nam: 00 ; nữ: 03. Ban giám hiệu: 02, trong đó nam: 00 ; nữ: 02. Công đoàn: 21 công đoàn viên. Đoàn thanh niên: 15 đoàn viên. Đội thiếu niên: 159 đội viên.

Tổng số giáo viên: 21, trong đó nam: 07 ; nữ: 14. Cử nhân (đại học): 09; Cử nhân (cao đẳng): 10; trung học sư phạm: 02

Tổng số học sinh: 292, trong đó nam: 154; nữ: 138.

Tổng diện tích: 4.781 m²; diện tích sử dụng: 4.781 m². Trường có lầu; phòng làm việc: 03; phòng học: 10; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; nhà vệ sinh: 02 khu.

5. Trường Tiểu học Bùi Thanh Liêm

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Họ và tên danh nhân (Bủi Thanh Liêm).

Địa chỉ: Khu phố 5; thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 838 388

Email: c1vinhbinh1gocongtay.tiengiang@moet.edu.vn

Tiền thân của Trường Tiểu học Bùi Thanh Liêm là Trường Tiểu học Bình Phú Tây trước năm 1975. Sau năm 1975, trường đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Vĩnh Bình 1, năm 1991 đổi tên thành Trường Tiểu học Vĩnh Bình 1, đến năm 2019 đổi tên thành Trường Tiểu học Bùi Thanh Liêm theo Quyết định số:

5153a/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Tây. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử của danh nhân được đặt tên trường:

BÙI THANH LIÊM

(1939 – 2008)

Bùi Thanh Liêm tên khai sinh là Bùi Văn Hổ, bí danh là Quyết Thắng, sinh năm1939, tại làng Vĩnh Hựu, tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công (nay là xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang

Tháng 4-1954, ông giác ngộ và tham gia cách mạng, làm chiến sĩ bảo vệ kiêm nhân viên ấn loát Ty Công an tỉnh Gò Công. Năm 1961, ông là Phó Bí thư Chi đoàn và tham gia Đội du kích mật xã Vĩnh Hựu. Năm 1962, ông vinh dự được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam. Năm 1963, do có nhiều thành tích trong công tác đánh phá chính quyền địch ở địa phương, ông được phân công làm Xã đội trưởng kiêm công tác an ninh xã Vĩnh Hựu. Năm 1968, ông học viên khóa Quân chính do Quân khu 8 (Quân khu Trung Nam Bộ) mở. Năm 1970, ông được phong quân thiếu úy, làm nhiệm vụ Thường trực Ban Công tác cán bộ thuộc Phòng Chính trị và là trợ lý Đảng ủy liên chi Phòng tham mưu, Quân khu 8. Năm 1972, ông là Bí thư Chi bộ, Chính trị viên Thị đội Gò Công; đến giữa tháng 4-1975, ông tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh, giải phóng tỉnh Gò Công.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng (30-4-1975), ông công tác tại Thị đội Gò Công. Tháng 4-1976, ông là Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thị xã Gò Công. Tháng 8-1976, ông được cử đi học và là học viên Trường Ái Quốc (Hà Nội). Tháng 8-1977, ông giữ chức vụ Quyền Chủ tịch UBND huyện Gò Công. Tháng 4-1979, khi huyện Gò Công được tách thành hai huyện Gò Công Đông và Gò Công Tây, ông được phân công làm Phó Bí thư, Chủ tịch UBND huyện Gò Công Tây. Năm 1986, ông được bầu làm Tỉnh ủy viên, Bí thư huyện ủy Gò Công Tây.

Năm 1987, ông là Tỉnh ủy viên, Giám đốc Xí nghiệp liên hiệp thủy sản tỉnh Tiền Giang. Năm 1989, ông giữ chức vụ Phó Bí thư, Tổng Giám đốc Xí nghiệp liên hiệp thủy sản tỉnh Tiền Giang. Năm 1991, do điều kiện sức khỏe, ông được nghỉ công tác trong thời gian chờ đợi giải quyết chế độ hưu trí. Năm 1992, ông được nghỉ hưu trí. Năm 2008, ông từ trần. Tên ông được đặt tên trường tiểu học tại thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

Năm 2021, Chi bộ nhà trường có 24 đảng viên; trong đó nam: 07; nữ: 17; chi ủy: 05; trong đó nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; trong đó nam: 01 ; nữ: 01. Công đoàn: 38 công đoàn viên. Đoàn thanh niên:13 đoàn viên. Đội thiếu niên: 402 đội viên.

Tổng số giáo viên: 38, trong đó nam: 08; nữ: 30; Cử nhân (đại học): 26; Cử nhân (cao đẳng): 08; trung học sư phạm: 04. Tổng số học sinh: 674; trong đó nam: 340; nữ: 334

Tổng diện tích: 6.780,8 m²; diện tích sử dụng: 6.780,8 m². Trường có lầu; phòng làm việc: 08; phòng học: 20; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn (ngoại ngữ): 01; Phòng máy tính: 01; thư viện: 02; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; nhà vệ sinh: 02 khu.

6. Trường Tiểu học Huỳnh Văn Mảnh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Họ và tên danh nhân (Huỳnh Văn Mảnh).

Địa chỉ: Quốc lộ 50, ấp Bình Hòa Đông, xã Bình Nhì, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273.3839076

Email: c1binhnhi1gocongtay.tiengiang@moet.edu.vn

Tiền thân của Trường Tiểu học Huỳnh Văn Mảnh là Trường Tiểu học Bình Nhì 1 và Trường Tiểu học Bình Nhì 2 được thành lập theo Quyết định số 01/GD-GCT ngày 28/01/1981 của Ban Giáo dục huyện Gò Công Tây. Trường Tiểu học Huỳnh Văn Mảnh được thành lập theo Quyết định số 4409/QĐ-UBND ngày 23/10/2019 của UBND huyện Gò Công Tây trên cơ sở hợp nhất Trường Tiểu học Bình Nhì 1 và Trường Tiểu học Bình Nhì 2. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử của danh nhân được đặt tên trường:

HUỲNH VĂN MẢNH

(1937 - 1966)

Huỳnh Văn Mảnh, sinh năm 1937 tại làng Bình Phục Nhì, tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công (nay là xã Bình Nhì, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang).

Năm 1960, ông tham gia cách mạng tại xã nhà. Ngày 26-12-1963, ông cùng du kích xã phục kích chặn đánh địch đi lùng sục ở ấp Thới Thuận Tây, tiêu diệt được tên chỉ huy, bắn bị thương 02 tên khác. Từ năm 1964 - 1965, ông cùng với Ban binh vận đã vận chuyển hàng trăm tấn hàng từ những chuyến tàu không số chuyển vào Bến Tre, Gò Công.

Ngày 8-2-1966, ông trên đường đi thu thuế ở An Hòa Long đã lọt vào ổ phục kích của trung đội biệt kích quận Hòa Đồng do tên Chín Bông chỉ huy tại cầu Miễu. Sau một lúc giao tranh, ông bị thương, biết ông là Trưởng ban Tài chính, nên bọn địch tranh nhau chạy đến giành giật ba lô để lấy tiền. Quyết không để lọt vào tay kẻ thù, lợi dụng lúc bọn chúng mất cảnh giác, ông đã rút chốt lựu đạn, quay lại ôm chặt tên Chín Bông rồi cho nổ quả lựu đạn. Ông đã anh dũng hy sinh, còn tên chín Bông chết tại chỗ, một vài tên khác bị thương. Để trả thù, bọn địch đã kéo thi hài ông về đồn treo lên cây lim ba ngày để thị uy dân chúng. Trước khi chôn

xác, bọn chúng còn gài 16 trái lựu đạn quanh người ông để trả thù khi lực lượng của ta đến lấy xác. Hành động dũng cảm của ông đã được Huyện ủy nêu gương học tập trong toàn huyện. Nhạc sĩ Anh Vũ đã sáng tác bài hát "Nhớ tên anh" để đồng đội và nhân dân huyện nhà ghi nhớ tấm gương dũng cảm của ông.

Ông được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba. Ngày 9-10-2014, ông được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Tên ông được đặt tên trường tiểu học ở xã Bình Nhì, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2021, Chi bộ nhà trường có 35 đảng viên ; trong đó nam: 11; nữ: 24; chi ủy: 05; trong đó nam: 04; nữ: 01. Ban giám hiệu: 03, trong đó nam: 03; nữ: 00. Công đoàn: 51 công đoàn viên. Đoàn thanh niên: 07 đoàn viên. Đội thiếu niên: 383 đội viên.

Tổng số giáo viên: 51, trong đó nam: 16; nữ: 35. Cử nhân (đại học): 31; Cử nhân (cao đẳng): 13; trung học sư phạm: 07. Tổng số học sinh: 842, trong đó nam: 432 ; nữ: 410.

Tổng diện tích: 11.639 m²; diện tích sử dụng: 11.639 m². Trường có lầu, phòng làm việc: 09; phòng học: 30; phòng thí nghiệm: 02; phòng nghe nhìn (ngoại ngữ): 02; phòng máy tính: 02; thư viện: 02; sân chơi: 5.797 m^2 ; khu thể thao: 2.776 m^2; nhà vệ sinh: riêng biệt cho GV và HS nam - nữ, tổng diện tích 144 m^2.

7. Trường Tiểu học Nguyễn Văn Nhiều

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Văn Nhiều).

Địa chỉ: Ấp Long Thới, xã Long Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733830168

Email: c1longbinh2gocongtay.tiengiang@moet.com

Tiền thân của trường là Trường Tiểu học Long Bình 2 được thành lập năm 1992. Năm 2020, trường được đổi tên Trường tiểu học Nguyễn Văn Nhiều. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử của danh nhân được đặt tên trường:

NGUYỄN VĂN NHIỀU

(1935 - 1967)

Nguyễn Văn Nhiều sinh năm 1935 tại làng Bình Long Đông, tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công (nay xã Long Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang).

Năm 1960, ông tham gia cách mạng tại địa phương với nhiệm vụ là cán bộ Tuyên Văn Giáo. Năm 1963, ông được cử làm Trưởng ban Tuyên Văn Giáo xã Bình Long. Trong thời gian từ năm 1960 - 1963, ông đã cùng với đồng đội tuyên truyền vận động; xây dựng được nhiều cơ sở cách mạng trên địa bàn toàn xã.

Năm 1964, ông là Trưởng ban Tài chánh xã. Năm 1965, ông được phân công giữ nhiệm vụ Bí thư chi bộ xã Bình Long. Lúc này, địch thành lập quận Hòa Bình, tổ chức càn quét, đánh phá ác liệt nhằm tiêu diệt phong trào cách mạng ở địa phương. Trước tình hình đó, ông đã kiên cường bám trụ, lãnh đạo và chỉ đạo phong trào đấu tranh của nhân dân chống địch càn quét, bảo vệ cơ sở và căn cứ cách mạng.

Năm 1967, trên đường đi công tác, ông bị địch phục kích bắn và anh dũng hy sinh. Tên ông được đặt tên trường tiểu học ở xã Long Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2021, Chi bộ nhà trường có 17 đảng viên; trong đó nam: 06; nữ: 11; chi ủy: 03; trong đó nam: 01; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02, trong đó nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 27 công đoàn viên. Đoàn thanh niên: 06 đoàn viên. Đội thiếu niên: 226 đội viên.

Tổng số giáo viên: 26, trong đó nam: 7; nữ: 19. Cử nhân (đại học): 15; Cử nhân (cao đẳng): 4; trung học sư phạm: 7

Tổng số học sinh: 367, trong đó nam: 209 ; nữ: 158.

Tổng diện tích: 6.944,8 m²; diện tích sử dụng: 4.944,8 m². Trường có lầu; phòng làm việc: 05, phòng học: 10, phòng nghe nhìn:01, phòng máy tính: 01; thư viện: 01, sân chơi: 2.600 m²; khu thể thao: 1200 m²; nhà vệ sinh: 02 khu.

8. Trường Tiểu học Huỳnh Văn Phèn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Họ và tên danh nhân (Huỳnh Văn Phèn).

Địa chỉ: Ấp Ninh Đồng, xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273 3996 256

Email: c1dongson2gocongtay.tiengiang@moet.edu.vn

Trường được thành lập năm 1987, tiền thân là Trường Phổ thông cơ sở Đồng Sơn. Năm 1994, trường được tách ra thành Trường Tiểu học Đồng Sơn 2. Năm 2020, Trường được đổi tên thành Trường Tiểu học Huỳnh Văn Phèn. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử của danh nhân được đặt tên trường:

HUỲNH VĂN PHÈN

(1019 - 1965)

Huỳnh Văn Phèn, bí danh Huỳnh Văn A, Hai Vân, sinh năm 1919, tại làng Đồng Sơn, tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công (nay là xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang).

Ông giác ngộ cách mạng và tham gia cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền ở quê nhà vào tháng 8-1945. Khi thực dân Pháp quay trở lại xâm chiếm Gò Công (tháng 10-1945), ông công tác trong Ủy ban Hành chính - Kháng chiến xã Đồng Sơn.

Năm 1946, ông bị giặc Pháp bắt giam. Trong nhà tù, mặc dù bị tra tấn dã man, nhưng ông vẫn một mực trung thành với Tổ quốc và Nhân dân, kiên quyết không khai báo. Năm 1947, ông vượt ngục trở về địa phương tiếp tục công tác. Năm 1948, ông được tổ chức phân công nhiệm vụ Bí thư Chi bộ xã Đồng Sơn. Với cương vị này, ông đã cùng tập thể chi bộ lãnh đạo phong trào cách mạng ở địa phương ngày càng phát triển. Đồng thời, ông tổ chức xây dựng căn cứ tại ấp Ninh Đồng B (xã Đồng Sơn), xã Quơn Long thuộc huyện Chợ Gạo và xã Thanh Vĩnh Đông thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Long An làm địa bàn đứng chân cho lực lượng vũ trang cấp trên về trú đóng.

Cuối năm 1949, ông bị giặc Pháp bắt và đày ra nhà tù Côn Đảo. Tại đây, với ý chí kiên cường của người chiến sĩ cộng sản, ông đã vượt qua những trận đòn tra tấn dã man của bọn cai ngục, nhất quyết không khai báo, bảo vệ Đảng và cơ sở cách mạng. Năm 1951, ông cùng với đồng đội tổ chức vượt ngục về đất liền, tiếp tục hoạt động cách mạng ở vùng Gò Công. Sau khi hợp nhất ba tỉnh Mỹ Tho, Gò Công và Tân An thành tỉnh Mỹ Tho (còn gọi là tỉnh Mỹ Tân Gò), từ năm 1952 - 1954, ông là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Mỹ Tho, phụ trách xây dựng lực lượng kháng chiến chống thực dân Pháp ở huyện Tây (nay là huyện Gò Công Tây và huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang).

Sau khi Hiệp định Genève được ký kết (20-7-1954), ông được lệnh tập kết ra Bắc. Sau khi tập trung tại vùng Đồng Tháp Mười, nhưng do yêu cầu cấp bách của tình hình cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới, ông được cấp trên phân công ở lại miền Nam, tham gia làm Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Mỹ Tho.

Năm 1959, trên đường đi công tác, ông bị địch vây bắt tại xã Thanh Vĩnh Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. Chúng đưa ông về lầu Bà Tám (nay thuộc ấp Lợi An, xã Đồng Thạnh, huyện Gò Công Tây) tra tấn dã man nhằm khai thác tin tức và khủng bố tinh thần đấu tranh của quần chúng. Nhưng, ông vẫn giữ vững khí tiết, chịu đựng cực hình, một mực không khai báo. Sau đó, địch đày ông ra nhà tù Côn Đảo. Trong nhà tù, mặc dù bị bọn cai ngục kềm kẹp, kiểm soát gắt giao và thường xuyên bị đánh đập tàn bạo, ông vẫn tích cực tham gia các cuộc đấu tranh chống địch tra tấn, chống chào cờ chính quyền Sài Gòn, chống ly khai Đảng; đòi cải thiện chế độ lao tù. Năm 1961, một lần nữa, ông cùng đồng đội vượt ngục thành công, trở về đất liền tiếp tục công tác.

Năm 1962, ông được phân công làm Phó Ban Tổ chức Khu ủy Khu 8 (Khu Trung Nam Bộ). Tháng 12-1965, trong chuyến công tác về Gò Công, ông bị bọn mật thám theo dõi, chỉ điểm. Bọn chúng dẫn lính truy lùng, khui nấp hầm nơi ông

và 06 đồng chí khác cùng trong tổ công tác đang trú ẩn. Quyết không để địch bắt, ông đã cùng đồng đội anh dũng chiến đấu và hy sinh oanh liệt.

Trong quá trình công tác, ông được tặng Huân chương Kháng chiến hạng Nhất, Huân chương Quyết thắng hạng Nhất. Tên ông được đặt tên trường tiểu học ở xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2021, Chi bộ nhà trường có 16 đảng viên; trong đó có 13 nữ và 03 nam; Chi ủy: 03, trong đó có 02 nam và 01 nữ. Ban giám hiệu: 02, trong đó có 01 nữ và 01 nam. Công đoàn: 29 công đoàn viên. Đoàn thanh niên: 07 đoàn viên. Đội Thiếu niên: 226 đội viên.

Tổng số giáo viên: 29, trong đó: 23 nữ và 06 nam, Cử nhân (đại học): 05, Cử nhân (cao đẳng): 14, Trung học sư phạm: 10. Tổng số học sinh: 514.

Tổng diện tích: 6.799 m^2; diện tích sử dụng: 1.000 m^2. Trường có lầu; phòng làm việc: 04, phòng thiết bị: 01, thư viện: 01, phòng máy tính: 01, sân chơi: 01, nhà vệ sinh: 04 khu.

9. Trường Tiểu học Nguyễn Văn Quyên

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Văn Quyên).

Địa chỉ: Ấp Hưng Hòa, xã Long Vĩnh, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại:02733839175

Trang thông tin điện tử:http://thlongvinh.tiengiang.edu.vn

Email:c1longvinhgocongtay.tiengiang@moet.edu.vn

Tiền thân của Trường là Trường Tiểu học cộng đồng Vĩnh Viễn được thành lập năm 1968. Sau năm 1975, trường đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Long Vĩnh. Năm 1989, trường đổi tên là Trường Tiểu học Long Vĩnh. Năm 2019, trường đổi tên là Trường Tiểu học Nguyễn Văn Quyên. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử của danh nhân được đặt tên trường:

NGUYỄN VĂN QUYÊN

(1921 - 1952)

Nguyễn Văn Quyên, Bí danh Đoàn Công Chuẩn, sinh năm 1921 tại làng Bình Luông Đông, quận Gò Công, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Long Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang).

Tháng 7/1945, không cam chịu ách áp bức, bất công của chế độ thực dân và tay sai, ông giác ngộ chủ nghĩa cộng sản, thoát ly gia đình, tham gia cách mạng. Ông hoạt động trong tổ chức Thanh niên tiền phong tại làng Bình Luông Đông với

nhiệm vụ tập hợp, giáo dục thanh niên ở địa phương về lòng yêu nước, về ý thức đấu tranh cách mạng giành độc lập, tự do cho đất nước. Tháng 8/1945, ông tham gia cuộc khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân tại quê nhà. Sau đó, ông tham gia cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp khi bọn chúng quay trở lại xâm lược Gò Công vào tháng 10/1945.

Năm 1947, ông được cấp trên điều động làm cán bộ của Huyện ủy Huyện Tây, tỉnh Gò Công; rồi được chỉ định bổ sung vào Ban Chấp hành Huyện ủy.

Năm 1950, với trách nhiệm là Huyện ủy viên, ông được phân công phụ trách liên xã Long Thạnh, Bình Luông Đông, Bình Luông Tây (nay là các xã Long Bình, Long Vĩnh và Yên Luông, huyện Gò Công Tây) nhằm xây dựng, củng cố tổ chức Đảng, tăng cường vai trò lãnh đạo của chi bộ, phát động phong trào quần chúng nhân dân đấu tranh chống lại sự đàn áp dã man của bọn tay sai thực dân Pháp ở địa phương.

Nhờ vậy, phong trào cách mạng ở những xã do ông phụ trách phát triển ngày càng mạnh mẽ. Điều đó đã khiến cho bọn hương chức hội tề vô cùng hoang mang, lo sợ. Bọn chúng đã tăng cường đánh phá, càn quét để tiêu diệt lực lượng cách mạng, trong đó việc truy tìm, lùng bắt ông là tâm điểm.

Ngày 25-5-1952, sau khi dự cuộc họp tại Huyện ủy Huyện Tây, ông trở về địa bàn phụ trách để triển khai nhiệm vụ theo chỉ đạo của Huyện ủy. Bọn mật báo viên của địch phát hiện, theo dõi và bắn ông bị thương tại địa bàn ấp Long Phú. Chúng không cho băng bó vết thương, bắt dân khiêng ông về đồn Long Thạnh. Trên đường đi, chúng tra khảo buộc ông phải khai báo cơ sở cách mạng và đồng chí, đồng đội của mình. Tuy nhiên, với tinh thần dũng cảm, kiên cường, bất khuất của người chiến sĩ cộng sản, ông kiên quyết không khai, một lòng trung thành với Đảng và Nhân dân. Thấy không thể khai thác được, bọn địch đã hèn hạ bắn chết ông. Vì nước, vì dân, ông đã anh dũng hy sinh khi vừa mới 31 tuổi. tên ông được đặt tên trường tiểu học ở xã Long Vĩnh, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2021, Chi bộ nhà trường có 16 đảng viên; trong đó nam: 08; nữ: 08; chi ủy: 03; trong đó nam: 02 ; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02; trong đó nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 30 công đoàn viên. Đoàn thanh niên: 16 đoàn viên. Đội thiếu niên: 146 đội viên.

Tổng số giáo viên: 30; trong đó nam: 13; nữ: 17. Cử nhân (đại học): 17; Cử nhân (cao đẳng): 06; Trung học sư phạm: 07. Tổng số học sinh: 402; trong đó nam: 236; nữ: 166.

Tổng diện tích: 9.795 m²; diện tích sử dụng: 2.183 m². Trường có lầu; phòng làm việc: 10 ; phòng học: 15; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 02; Sân chơi: 02; khu thể thao: 02; nhà vệ sinh: 12.

10. Trường Tiểu học Lê Thành Tắng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Họ và tên danh nhân (Lê Thành Tắng).

Địa chỉ: Ấp Hòa Phú, xã Long Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733830151

Email: c1longbinh3gocongtay.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1979, Trường Phổ thông cơ sở Long Bình được thành lập. Năm 1992, trường được tách ra thành trường tiểu học có tên là Trường Tiểu học Long Bình 3. Năm 2020, trường được đổi tên thànhTrường Tiểu học Lê Thành Tắng theo Quyết định số 615/QĐ-UBND ngày 23/6/năm 2020 Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Tây. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử của danh nhân được đặt tên trường:

LÊ THÀNH TẮNG

(1927 - 1951)

Lê Thành Tắng, bí danh Khải Hoàn, sinh năm 1927 tại làng Bình Luông Đông, tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công (nay là xã Long Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang).

Tháng 3-1945, ông giác ngộ cách mạng, gia nhập lực lượng Thanh niên tiền phong. Tháng 8-1945, ông tập hợp thanh niên địa phương tham gia tổng khởi nghĩa giành chính quyền ở quê nhà.

Do lập được nhiều thành tích trong chiến đấu, xây dựng cơ sở cách mạng và công tác vận động quần chúng, năm 1946, ông được cấp trên phân công phụ trách phong trào cách mạng tại địa bàn hai xã Vĩnh Hựu và Tân Thới. Năm 1951, ông được cử làm Bí thư Huyện ủy huyện Tây (tương ứng với huyện Gò Công Tây và huyện Tân Phú Đông hiện nay). Tháng 5-1951, trên đường đi công tác ở xã Tân Thới (nay thuộc huyện Tân Phú Đông), khi đang trú trong hầm bí mật tại nhà của một cơ sở cách mạng, Tổ công tác do ông dẫn đầu bị địch phát hiện, bao vây. Biết không thể thoát khỏi vòng vây của địch, ông đã dũng cảm tốc nắp hầm, thoát ra ngoài, ném lựu đạn làm bị thương nhiều tên địch, tạo điều kiện cho toàn bộ Tổ công tác chạy thoát.

Ngày 05-11-1951, tại ấp Cai Lễ (nay là ấp Tân Phú, xã Tân Thới, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang), ông bị địch phục kích và anh dũng hy sinh. Tên ông được đặt tên trường tiểu học ở xã Long Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2021, Chi bộ nhà trường có 19 đảng viên; trong đó nam: 06; nữ:13; chi ủy: 4; trong đó nam: 02; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02, trong đó nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 37 công đoàn viên. Đoàn thanh niên: 05 đoàn viên. Đội thiếu niên: 369 đội viên.

Tổng số giáo viên: 35, trong đó nam: 9; nữ: 26. Cử nhân (đại học): 25; Cử nhân (cao đẳng): 03; trung học sư phạm: 07.

Tổng số học sinh: 657, trong đó nam: 342; nữ: 315.

Tổng diện tích: 10.052 m²; diện tích sử dụng: 10.052 m². Trường có lầu; phòng làm việc: 08; phòng học: 21; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 02; nhà vệ sinh: 05.

11. Trường Tiểu học Trần Văn Thiện

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Họ và tên danh nhân (Trần Văn Thiện).

Địa chỉ: Ấp Lợi An, xã Đồng Thạnh, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733996117

Trang thông tin điện tử: thdongthanh.pgdgocongtay

Email: C1dongthanh2gocongtay.tiengiang@moet.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường Tiểu học Đồng Thạnh 1 được thành lập năm 1989. Năm 2013, Trường Tiểu học Đồng Thạnh 1 hợp nhất với Trường Tiểu học Đồng Thạnh 2 thành Trường Tiểu học Đồng Thạnh. Năm 2020, trường được đổi tên là Trường Tiểu học Trần Văn Thiện. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử của danh nhân được đặt tên trường:

TRẦN VĂN THIỆN

(? - 1875)

Trần Văn Thiện, chưa rõ năm sinh, người thôn Đồng Sơn, tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường (nay là xã Đồng Thạnh, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang).

Năm 1859, ông tham gia cuộc khởi nghĩa Trương Định, được Bộ Chỉ huy nghĩa quân phong chức Phòng, nên còn được gọi là Phòng Thiện. Do có chiến tích nên ông được Trương Định tin tưởng giao cho nhiệm vụ trấn giữ chiến lũy Đồng Sơn. Chiến lũy này nằm dọc theo rạch Lá (sông Tra) nhằm kiểm soát con đường thủy từ Sài Gòn xuống Gò Công qua sông Vàm Cỏ Tây.

Sau khi Trương Định bị giặc Pháp sát hại (1864), ông vẫn chiêu mộ nghĩa sĩ, tích trữ quân lương, tiếp tục cuộc kháng chiến chống bọn thực dân xâm lược.

Để buộc ông phải ra hàng, địch giở thủ đoạn hèn mạt là bắt thân phụ của ông tra tấn rất dã man. Nhưng thân phụ của ông chẳng thà chịu cảnh tù đày, chứ nhất định không gọi ông ra đầu thú.

Nghĩa quân của ông hoạt động đến năm 1875 thì mới bị quân Pháp tiêu diệt hẳn. Ông bị địch bắt tại Thạnh Nhựt (nay thuộc huyện Gò Công Tây) và nhận án tử hình một cách ung dung. Trước lúc lên đoạn đầu đài, ông vẫn lạc quan bày tỏ lòng yêu nước và nói câu: "*Ninh thọ tử bất ninh thọ nhục*"; nghĩa là "*Thà chịu chết chứ không chịu nhục*". Giặc Pháp đã chém đầu ông tại lầu Bà Tám Huê - Chín Đào (nay thuộc ấp Lợi An, xã Đồng Thạnh). Tên ông được đặt tên trường tiểu học ở xã Đồng Thạnh, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2021, Chi bộ nhà trường có 25 đảng viên; trong đó nam:10; nữ: 15; chi ủy: 05; trong đó nam: 04; nữ: 01. Ban giám hiệu: 03, trong đó nam: 02; nữ: 01. Công đoàn: 50 công đoàn viên. Đoàn thanh niên: 19 đoàn viên. Đội thiếu niên: 368 đội viên.

Tổng số giáo viên: 47, trong đó nam: 15; nữ: 32. Cử nhân (đại học): 35; Cử nhân (cao đẳng): 06; trung học sư phạm: 06. Tổng số học sinh: 710, trong đó nam: 345; nữ: 365.

Tổng diện tích: 10.251 m²; diện tích sử dụng: 10.251 m². Trường có lầu; phòng làm việc: 05; phòng học: 24; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 5.200 m²; khu thể thao: 2.400 m²; nhà vệ sinh: 07.

12. Trường Tiểu học Đỗ Trình Thoại

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Họ và tên danh nhân (Đỗ Trình Thoại).

Địa chỉ: Ấp Long Bình, xã Yên Luông, huyện Gò Công Tây

Số điện thoại: 02733523056

Email: c1yenluonggocongtay.tiengiang@moet.edu.vn

Trước đây trường mang tên Trường Tiểu học Yên Luông được xây dựng trước năm 1975. Năm 2019, trường được đổi tên thành Trường Tiểu học Đỗ Trình Thoại theo Quyết định số 5158/QĐ-UBND ngày 04/12/2019 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Tây. Trường đạt Chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử của danh nhân được đặt tên trường:

ĐỖ TRÌNH THOẠI

(1816 - 1861)

Đỗ Trình Thoại sinh năm 1816, người thôn Yên Luông Đông, tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường (nay là ấp Kim Liên, xã Long Hòa, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang).

Thuở nhỏ, ông nổi tiếng thông minh và học giỏi. Năm 1843, ông thi đỗ Cử nhân tại trường thi Gia Định; được triều đình bổ làm Tri huyện Tân Hòa, tỉnh Gia

Định (bao gồm khu vực Gò Công thuộc tỉnh Tiền Giang ngày nay); nên được mọi người quen gọi là Huyện Thoại.

Năm 1859, giặc Pháp tấn công thành Gia Định. Với lòng yêu nước nồng nàn của một trí thức chân chính và với trách nhiệm của một viên quan đứng đầu một huyện thuộc tỉnh Gia Định, ông tham gia công cuộc chống Pháp ở mặt trận Chí Hòa (Gia Định, nay là thành phố Hồ Chí Minh).

Tháng 02/1861, đại đồn Chí Hòa bị thất thủ, ông trở về Tân Hòa (Gò Công), mộ nghĩa dũng và kết hợp với Trương Định nổi lên kháng chiến chống bọn thực dân xâm lược.

Sau khi hạ thành Mỹ Tho vào trung tuần tháng 4/1861, quân Pháp tiến đánh Gò Công; sau đó, bọn chúng đã cho thiết lập nhiều đồn bót ở đây nhằm kiểm soát và bình định vùng đất vừa mới chiếm được.

Với quyết tâm đánh đuổi quân xâm lược ra khỏi đất nước và bảo vệ chủ quyền dân tộc, ông đã chỉ huy nghĩa quân tiến hành nhiều trận tập kích táo bạo vào các vị trí chiếm đóng của quân viễn chinh Pháp ở Gò Công, gây cho chúng những thiệt hại đáng kể.

Tiêu biểu là trận tập kích đồn Gò Công ngày 22/6/1861. Vào lúc tờ mờ sáng, ông trực tiếp điều động 600 nghĩa quân bất ngờ mở cuộc tấn công. Với cương vị là tướng chỉ huy, ông đã dũng cảm xông lên phía trước, bất chấp hiểm nguy mặc dù súng của địch từ trong đồn bắn ra hết sức dữ dội.

Sau khi vượt qua những vòng rào phòng thủ kiên cố, nghĩa quân đã đột nhập được vào bên trong đồn. Một trận giáp chiến kịch liệt giữa quân ta và quân Pháp đã diễn ra. Hàng ngũ của quân địch trở nên rối loạn. Bằng võ nghệ cao cường, ông đã dùng gươm giết chết tên lính thủy quân lục chiến Bodiez và làm trọng thương tên trung úy Paulin Vial, Trưởng đồn kiêm Giám đốc bản xứ sự vụ Gò Công.

Nhưng, thật không may, ông bị trúng đạn và hy sinh cùng với 12 nghĩa sĩ, hưởng dương 45 tuổi. Sau khi mất, ông được triều đình nhà Nguyễn cho lập đền thờ. Từ một sĩ phu và quan lại yêu nước, ông đã trở thành lãnh tụ nghĩa quân, trực tiếp xông pha nơi trận mạc, kiên cường chiến đấu chống lại kẻ thù và đã anh dũng đền nợ nước, để lại bao niềm thương tiếc của sĩ dân Gò Công.

Khu lăng mộ Đỗ Trình Thoại tọa lạc tại ấp Kim Liên, xã Long Hòa, thị xã Gò Công. Trước đây, khu lăng mộ được đắp bằng đất và hằng năm vào ngày tảo mộ được con cháu bồi đắp thêm. Hiện nay, khu lăng mộ của ông được sửa chữa, trùng tu khang trang, sạch đẹp. Nền ngôi mộ xây xi măng, kích thước vòng thành 505 cm x 403 cm x 20 cm và núm mộ cao 50 cm. Bia mộ cao 180 cm, ngang 125 cm bằng đá hoa cương. Bia mộ có hai câu đối:

Khoa bảng chí trì An Long cử nhơn lưu danh rạng.

Trận tiền quyết tử Tân Hòa tri huyện tạc bia son.

Ngày 27 tháng 01 năm 2016, Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành Quyết định số 238/QĐ-UBND công nhận Khu lăng mộ Đỗ Trình Thoại là Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh.

Tên ông được đặt tên đường ở thị xã Gò Công, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang; thành phố Tân An, tỉnh Long An; Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; tên trường tiểu học ở xã Yên Luông, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2021, Chi bộ nhà trường có: 16 đảng viên; trong đó nam: 05; nữ: 09; chi ủy: 03 ; trong đó nam: 01; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02 trong đó nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 21 công đoàn viên. Đoàn thanh niên: 08 đoàn viên. Đội thiếu niên: 102 đội viên.

Tổng số giáo viên: 19, trong đó nam: 06 ; nữ: 13. Cử nhân (đại học): 12 ; Cử nhân (cao đẳng): 03; trung học sư phạm: 04. Tổng số học sinh: 271; trong đó nam: 128 ; nữ: 143.

Tổng diện tích: 3.211,8 m^2; diện tích sử dụng: 3.2118 m^2. Trường có lầu, phòng làm việc: 02, phòng học: 10, phòng nghe nhìn: 01, phòng máy tính: 01, thư viện: 01, sân chơi: 1224.0 m^2, khu thể thao: 00, nhà vệ sinh: 02 khu.

13. Trường Tiểu học Nguyễn Thị Tốt

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Thị Tốt).

Địa chỉ: Ấp An Ninh, xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733545414

Email: c1vinhhuu1gocongtay.tiengiang@moet.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường Tiểu học Vĩnh Hựu 1 và Trường Tiểu học Vĩnh Hựu 2 được thành lập sau năm 1975. Năm 2018, hai trường hợp nhất, có tên là Trường Tiểu học Vĩnh Hựu. Năm 2019 được đổi tên là Trường Tiểu học Nguyễn Thị Tốt. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử của danh nhân được đặt tên trường:

NGUYỄN THỊ TỐT

(1935 - 1969)

Nguyễn Thị Tốt sinh năm 1935, tại ấp Thạnh Thới, xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Năm 1951, bà thoát ly gia đình tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp ở Gò Công. Sau Hiệp định Genève (20/7/1954), bà ở lại miền Nam tham gia công tác theo sự phân công của tổ chức. Từ năm 1961 - 1964, bà tham gia công tác bán hợp pháp tại Gò Công. Năm 1964, bà chuyển công tác tại cơ quan Huyện ủy Hòa Đồng. Đến khi tỉnh Gò Công sáp nhập về tỉnh Mỹ Tho (1964), địa bàn Gò Công chia thành hai huyện là huyện Đông và huyện Tây, bà là cán bộ Huyện ủy huyện

Tây. Năm 1968, tỉnh Gò Công được tái lập, bà được phân công công tác tại Thị ủy thị xã Gò Công với chức vụ Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban Tuyên huấn Thị ủy Gò Công.

Tháng 5/1968, bà đi học Trường Đảng Trần Phú. Tháng 12/1968, sau khi hoàn tất khóa học, bà trở về địa bàn Gò Công tiếp tục công tác với chức vụ Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban Tuyên huấn Thị ủy Gò Công.

Ngày 03/01/1969, trong lúc đang đi công tác tại ấp Phú Quý, xã Vĩnh Hựu, huyện Tây (nay là Khu phố 3, thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây), bà bị địch phát hiện. Với tinh thần cách mạng tiến công, bà cùng với các đồng chí đã kiên cường chiến đấu chống địch. Tuy nhiên, do tương quan lực lượng quá chênh lệch về phía địch, nên bà đã anh dũng hy sinh, nêu cao tấm gương sáng ngời về chủ nghĩa anh hùng cách mạng và tinh thần tận trung với Đảng, tận hiếu với nhân dân. Tên bà được đặt tên trường tiểu học ở xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Được biết, chồng của bà là ông Nguyễn Nhựt Ánh, cán bộ Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy Gò Công, đã anh dũng hy sinh ngày 12/12/1967 tại ấp Rạch Bùn, xã Tân Điền, huyện Đông (nay là huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang).

Chi bộ nhà trường có 25 đảng viên; trong đó nam: 03; nữ: 22; chi ủy: 05; trong đó nam: 03, nữ: 02. Ban giám hiệu: 02, trong đó nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 41 công đoàn viên. Đoàn thanh niên: 00. Đội thiếu niên: 398 đội viên.

Tổng số giáo viên: 36, trong đó nam: 08; nữ: 28. Cử nhân (đại học): 16; Cử nhân (cao đẳng): 10; trung học sư phạm: 10.

Tổng số học sinh: 592, trong đó nam: 304; nữ: 288.

Tổng diện tích: 9.047,7 m²; diện tích sử dụng: 9.047,7 m². Trường có lầu, phòng làm việc: 04, phòng học: 23, phòng nghe nhìn: 01, phòng máy tính: 02, thư viện: 02, sân chơi: 03, khu thể thao: 03; nhà vệ sinh: 05 khu.

14. Trường Tiểu học Nguyễn Hữu Trí

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Hữu Trí).

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273 838 107

Trang thông tin điện tử: http://thvinhbinh3.pgdgocongtay.edu.vn

Email: C1vinhbinh3gocongtay.tiengiang@moet.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường tiểu học Vĩnh Lợi. Sau năm 1975, là Trường Tiểu học Vĩnh Bình rồi Trường Phổ thông cơ sở Vĩnh Bình 2. Năm 1987, trường có tên là Trường Tiểu học Vĩnh Bình 3. Năm 2019, trường được đổi tên thành Trường Tiểu học Nguyễn Hữu Trí. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử của danh nhân được đặt tên trường:

NGUYỄN HỮU TRÍ

(1926 – 1993)

Nguyễn Hữu Trí còn có tên là Nguyễn Văn Bốn sinh năm 1926 tại làng Vĩnh Lợi, tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công (nay là thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình có truyền thống cách mạng.

Hòa trong khí thế hào hùng của nhân dân Gò Công trong cuộc tổng khởi nghĩa tháng 8-1945, ông giác ngộ và tham gia cách mạng ở quê nhà. Tháng 10-1945, ông tham gia lực lượng Cộng hòa vệ binh ở địa phương, góp phần vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp khi bọn chúng quay trở lại xâm lược Gò Công. Sau đó, ông lần lượt làm trinh sát viên ở Khu 7, tổ trưởng trinh sát thuộc Phòng Tham mưu Khu 8, trung đội trưởng trinh sát thuộc Phòng Tham mưu Khu 9. Năm 1949, ông được cấp trên phân công vào các đô thị ở vùng tạm chiếm với nhiệm vụ quan trọng là tổ chức mua những mặt hàng cần thiết cho kháng chiến, như thuốc tây, hóa chất, thuốc nổ, điện đài,… để bí mật vận chuyển ra vùng căn cứ Khu 9. Đồng thời, ông còn xây dựng được nhiều cơ sở cách mạng ở nội thành Sài Gòn và trực tiếp đưa thư từ, tài liệu vận động cách mạng tới một số vị nhân sĩ, trí thức.

Năm 1951, ông được đề bạt làm cán bộ Phòng Tham mưu Khu 8. Sau đó ít lâu, trên đường đi công tác, ông bị địch bắt. Trải qua nhiều nhà tù và mặc dù bị tra tấn hết sức dã man, nhưng ông vẫn một lòng trung thành với Đảng và nhân dân, kiên cường giữ vững khí tiết của người chiến sĩ cộng sản. Do không tìm ra chứng cớ để kết tội nên địch buộc phải trả tự do cho ông. Ngay sau đó, ông trở ra vùng giải phóng tiếp tục công tác. Năm 1953, ông làm Trưởng ban Hành chính - Quản trị thuộc Bộ Tư lệnh Phân liên khu miền Tây Nam Bộ.

Năm 1954, ông tập kết ra miền Bắc, làm Trưởng ban Hành chính của Trung đoàn 78, sau đó được cử đi học Trường Sĩ quan Lục quân. Năm 1959, ông tốt nghiệp, được phong quân hàm trung úy, công tác tại Cục Tình báo. Liên tục trong hai năm 1960 và 1961, ông được Cục Tình báo bồi dưỡng về chính trị và được huấn luyện nghiệp vụ tình báo. Đầu năm 1963, trên một chiếc tàu không số, ông theo đường biển trở vào miền Nam công tác, làm tổ trưởng điệp báo Cụm A20, có nhiệm vụ tạo lập bình phong, chỗ đứng chân, từng bước hợp pháp hóa tại địa bàn Sài Gòn.

Tại Sài Gòn, dựa vào người thân trong gia đình, ông đã nhanh chóng tạo được nơi ăn ở, làm được giấy tờ tùy thân hợp pháp, có nghề nghiệp phù hợp, tạo được nơi cất giấu và sử dụng điện đài an toàn, thuận tiện, thậm chí giữa năm 1964, khi nhu cầu liên lạc tăng cao, ông còn đón điện đài viên từ chiến khu vào, làm việc an toàn, có hiệu quả cho tới khi cán bộ này được rút về vào tháng 11-1965.

Trên cơ sở đó, với tất cả sự cẩn trọng, chặt chẽ, năng động, mưu trí và dũng cảm, ông đã xây dựng được mạng lưới tình báo chiến lược quân sự, hoạt động ngay trong lòng địch, trong đó có cả công chức, sĩ quan của chính quyền và quân

đội Sài Gòn hoặc cài cắm người của ta vào làm việc trong bộ máy của chính quyền địch. Bên cạnh đó, ông còn chủ động mở rộng, đi sâu quan hệ với một số sĩ quan cao cấp và nhân vật tên tuổi trong các giới để thu thập tin tức.

Dưới sự tổ chức và chỉ đạo tài tình của ông, mạng lưới tình báo do ông làm tổ trưởng hoạt động rất có hiệu quả, thu được nhiều thông tin và tài liệu có ý nghĩa chiến lược từ phía Mỹ, chính quyền và quân đội Sài Gòn, được Cục Tình báo đánh giá cao, phục vụ đắc lực cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của quân dân cả nước. Từ năm 1963 đến năm 1970, mạng lưới điệp báo của ông có vai trò như là một trong vài mạng lưới chủ chốt của tình báo chiến lược quân sự. Đặc biệt, tuy số lượng điệp viên, quan hệ và cơ sở điệp báo,… của mạng lưới là khá lớn và nhiều người được xây dựng thông qua quan hệ "bắc cầu"; nhưng ông vẫn bảo đảm tốt yêu cầu cự ly, đơn tuyến trong lưới, giữ vững an toàn tuyệt đối, khiến cho cơ quan tình báo CIA của Mỹ và Phủ Đặc ủy trung ương tình báo của chính quyền Sài Gòn không tài nào phát hiện.

Năm 1970, sau khi hoàn thành nhiệm vụ do cấp trên giao phó, ông được điều ra vùng giải phóng. Năm 1971, ông được bổ nhiệm làm Phó phòng Tình báo chiến lược Miền (J22). Đầu năm 1973, ông được cử phụ trách Ban Tình báo ngoại giao của Phòng Tình báo chiến lược Miền và tham gia Đoàn đại biểu quân sự của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam vào làm việc tại trại David ở Sài Gòn trong khuôn khổ của Hiệp định Paris.

Giữa năm 1973, theo sự điều động của tổ chức, ông trở về vùng giải phóng, làm Phó phòng; từ tháng 4/1974, làm Quyền Trưởng phòng Tình báo chiến lược Miền. Tháng 12/1974, khi Phòng Tình báo chiến lược Miền được chuyển thành Đoàn Tình báo 22 thuộc Bộ Tham mưu Miền, ông được chỉ định làm Quyền Đoàn trưởng. Trên những cương vị ấy, ông đã lãnh đạo, chỉ huy lực lượng tình báo chiến lược Miền hoàn thành tốt nhiệm vụ nắm tình hình địch, phục vụ cho công tác chỉ đạo chiến lược, chiến dịch của cấp trên và điều tra mục tiêu, chuẩn bị cho bộ đội tác chiến trong những năm tháng cuối cùng của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Sau ngày đất nước hòa bình, thống nhất (30-4-1975), ông tiếp tục công tác trong quân đội, là Phó Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 1986, ông nghỉ hưu. Năm 1993, ông mất tại thành phố Hồ Chí Minh.

Là nhà tình báo chiến lược quân sự xuất sắc, ông có nhiều đóng góp quan trọng trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Ông được tặng thưởng 4 Huân chương Chiến công (2 hạng Nhất, 2 hạng Nhì). Ngày 20-9-1971, ông được Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam phong tặng ông danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng. Tên của ông được đặt tên đường ở Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Mỹ Tho và

huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang; tên trường tiểu học ở thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2021, Chi bộ nhà trường có 30 đảng viên, trong đó nam: 06, nữ: 24; Chi ủy: 05, trong đó nam: 03, nữ: 02. Ban giám hiệu: 02, trong đó nam: 02, nữ: 00. Công đoàn: 47 công đoàn viên, Đoàn thanh niên: 14 đoàn viên. Đội thiếu niên: 546 đội viên.

Tổng số giáo viên: 46, trong đó nam: 13, nữ: 33. Cử nhân (đại học): 33; Cử nhân (cao đẳng): 09; trung học sư phạm: 04.

Tổng số học sinh: 923, trong đó nam: 501, nữ: 422.

Tổng diện tích: 5.750 m²; diện tích sử dụng: 1.750 m². Trường có lầu, phòng làm việc: 07, phòng học: 26, phòng thiết bị: 01, phòng nghe nhìn: 01, phòng máy tính: 01, thư viện: 01, sân chơi: 01, khu thể thao: 01; nhà vệ sinh: 02 khu.

15. Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trừ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Văn Trừ).

Địa chỉ: Ấp Thuận Trị, xã Bình Tân, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273 3830267

Email: c1binhtan1gocongtay.tiengiang@moet.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường Tiểu học Bình Tân 1 và Trường Tiểu học Bình Tân 2 được thành lập sau năm 1975. Năm 2018, hai trường được hợp nhất thành Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trừ theo Quyết định số 3612/QĐ-UBND ngày 27/8/2018 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Tây. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử của danh nhân được đặt tên trường:

NGUYỄN VĂN TRỪ

(1922 - 2008)

Nguyễn Văn Trừ sinh năm 1922 tại làng Vĩnh Viễn, tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công (nay là xã Long Vĩnh, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang).

Tháng 01-1947, ông giác ngộ và tham gia cách mạng với nhiệm vụ Thư ký Ủy ban Hành chính - Kháng chiến xã Bình Long (nay là xã Long Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang). Tháng 6-1947, ông được phân công làm cán bộ Tài chính xã. Năm 1948, ông được cấp trên cử làm Trưởng Công an xã Bình Long. Năm 1949, ông được điều chuyển về xã Vĩnh Viễn (nay là xã Long Vĩnh, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang) và giữ nhiệm vụ Bí thư Chi bộ xã kiêm Trưởng Công an xã. Tháng 9-1949, trong lúc đang đi công tác, ông bị quân đội Cao Đài bắt và đưa đi tù ở tỉnh Tây Ninh. Ở trong tù, ông kiên quyết không khai báo, giữ vững khí tiết

của người chiến sĩ cộng sản. Tháng 01-1952, ông ra tù, làm Bí thư Chi bộ kiêm Trưởng Công an xã Bình Long.

Sau khi Hiệp định Genève được ký kết (20-7-1954), ông được phân công ở lại miền Nam hoạt động; vẫn làm Bí thư Chi bộ kiêm Trưởng Công an xã Bình Long. Lúc này, địch tập trung lực lượng, tăng cường đánh phá phong trào cách mạng ở Gò Công rất ác liệt. Tuy nhiên, ông vẫn bám chặt địa bàn, tổ chức các cuộc đấu tranh của quần chúng, đòi các quyền tự do, dân chủ, đòi thi hành Hiệp định Genève; chống "tố cộng", "diệt cộng".

Tháng 12-1955, ông lại bị địch bắt, chúng giam giữ ông ở các khám Gò Công, Thủ Đức rồi đày ra Côn Đảo. Năm 1960, do điều tra, khai thác không đủ chứng cớ, địch buộc phải trả tự do cho ông. Trở về địa phương, ông tiếp tục công tác. Tháng 10-1960, ông làm cán bộ An ninh huyện Tây. Năm 1964, ông được đề bạt làm Phó Ban An ninh huyện. Năm 1965, ông được cấp trên điều động lên tỉnh công tác, với nhiệm vụ là cán bộ Chấp pháp An ninh tỉnh Mỹ Tho. Năm 1966, tỉnh phân công ông trở lại huyện Tây với nhiệm vụ là Huyện ủy viên, Trưởng An ninh huyện, sau đó làm Trưởng Ban Binh vận huyện.

Năm 1971, ông được phân công Trưởng ban Cán sự Vùng 4 tỉnh Gò Công. Năm 1973, chuyển sang làm Trưởng ban Cán sự Vùng 3, tỉnh Gò Công. Đầu năm 1974, ông được cử đi học Trường Đảng Trần Phú do Trung ương Cục miền Nam mở tại Tây Ninh. Cuối năm 1974, sau khi hoàn thành khóa học, ông trở về địa phương công tác, được bầu làm Tỉnh ủy viên, Trưởng Ty An ninh tỉnh Gò Công.

Sau ngày giải phóng miền Nam (30-4-1975), ông được phong hàm thiếu tá, Trưởng Công an huyện Gò Công. Năm 1980, ông được Đảng, Nhà nước cho nghỉ hưu trí. Năm 2008, do tuổi cao sức yếu, ông từ trần.

Trong quá trình hoạt động cách mạng, ông được trao tặng Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng, Huân chương Độc lập hạng Ba, Huân chương Kháng chiến hạng Nhất, Huân chương Chiến công hạng Nhất, Huân chương Quyết thắng hạng Nhất, Huân chương Chiến sĩ vẻ vang, Kỷ niệm chương chiến sĩ bị địch bắt tù đày và nhiều huy hiệu, kỷ niệm chương khác. Tên ông được đặt tên trường tiểu học ở xã Bình Tân, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2021, Chi bộ nhà trường có 19 đảng viên; trong đó nam: 05; nữ: 14; chi ủy: 05; trong đó nam: 01; nữ: 04. Ban giám hiệu: 02, trong đó nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 42 công đoàn viên. Đoàn thanh niên: 08 công đoàn viên. Đội thiếu niên: 387 đội viên.

Tổng số giáo viên: 40, trong đó nam: 10; nữ: 30. Cử nhân (đại học): 28; Cử nhân (cao đẳng): 06; trung học sư phạm: 06. Tổng số học sinh: 665, trong đó nam: 337; nữ: 328.

Tổng diện tích: 10.452 m²; diện tích sử dụng: 10.452 m². Trường có lầu; phòng làm việc: 10; phòng học: 29; phòng thiết bị: 01; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 5000 m²; khu thể thao ngoài trời: 02; nhà vệ sinh: 04 khu.

16. Trường Tiểu học Nguyễn Văn Tươi

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Văn Tươi).

Địa chỉ: Ấp Bình Tây, xã Thạnh Nhựt, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 997174

Email: c1thanhnhut1gocongtay.tiengiang@moet.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường Tiểu học Thạnh Nhựt 1 được thành lập năm 1989. Năm 2018, Trường Tiểu học Thạnh Nhựt 1 và Trường Tiểu học Thạnh Nhựt 2 hợp nhất thành Trường Tiểu học Thạnh Nhựt theo Quyết định số 3611/QĐ-UBND ngày 27/8/2018 Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Tây. Năm 2019, trường được đổi tên thành Trường Tiểu học Nguyễn Văn Tươi theo Quyết định số 5163A/QĐ-UBND ngày 04/12/2019 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Tây. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử của danh nhân được đặt tên trường:

NGUYỄN VĂN TƯƠI

(1938 – 2015)

Nguyễn Văn Tươi sinh năm 1938, tại làng Vĩnh Hựu, tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công (nay là xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang).

Năm 1962, ông tham gia cách mạng, làm chiến sĩ du kích xã Vĩnh Hựu. Năm 1963, do có thành tích xuất sắc trong chiến đấu, ông vinh dự được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam, là Tổ trưởng Tổ Đảng ấp Thạnh Thới, Phó Bí thư Xã đoàn xã Vĩnh Hựu. Năm 1965, ông được điều động về làm cán bộ Huấn học Trường Đảng huyện. Năm 1966, ông được bầu làm Phó Bí thư Chi bộ, Phó Ban Tuyên huấn, Phó Ban Thi đua huyện Hòa Đồng (nay là huyện Gò Công Tây).

Năm 1968, ông được bầu làm làm Bí thư Chi bộ, Chánh Văn phòng Huyện ủy huyện Tây (do huyện Hòa Đồng đổi tên), tỉnh Gò Công. Năm 1972, ông làm trợ lý Tuyên huấn Ban Cán sự Vùng 1, Đội phó Đội võ trang tuyên truyền tỉnh Gò Công. Năm 1973, ông làm cán bộ Huấn học Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy Gò Công. Năm 1974, ông là Bí thư Chi bộ, Phó Chánh Văn phòng rồi Chánh Văn phòng Tỉnh ủy Gò Công. Tháng 02-1975, ông được cử đi học Trường Đảng Trần Phú do Trung ương Cục miền Nam tổ chức tại Tây Ninh. Nhưng chưa mãn khóa, được lệnh của cấp trên, ông trở về Gò Công, tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Sau ngày giải phóng miền Nam, khi tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công và thành phố Mỹ Tho hợp nhất thành tỉnh Tiền Giang (1976), ông được phân công là Huyện ủy viên, Chánh Văn phòng Huyện ủy Gò Công. Năm 1977, ông là Huyện ủy viên, Trưởng Phòng Công nghiệp huyện Gò Công. Năm 1979, khi huyện Gò Công được tách thành 2 huyện Gò Công Đông và Gò Công Tây, ông là Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Trưởng Ban Tuyên huấn Huyện ủy Gò Công Tây. Năm 1983, ông là Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Tây. Năm 1985, ông được bầu làm Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Tây. Năm 1988, ông được bầu làm Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Gò Công Tây.

Năm 1992, ông là Tỉnh ủy viên, Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam tỉnh Tiền Giang. Năm 1998, ông được nghỉ hưu trí. Năm 2015, do tuổi cao sức yếu, ông từ trần. tên ông được tên trường tiểu học tại xã Thạnh Nhựt, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2021, Chi bộ nhà trường có: 24 đảng viên; trong đó nam: 09; nữ: 1; chi ủy: 05; trong đó nam: 04; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02, trong đó nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 47 công đoàn viên. Đoàn thanh niên: 00. Đội thiếu niên: 380 đội viên.

Tổng số giáo viên: 42, trong đó nam: 12; nữ: 30. Cử nhân (đại học): 27; Cử nhân (cao đẳng): 3; trung học sư phạm: 12. Tổng số học sinh: 649, trong đó nam: 323; nữ: 326.

Tổng diện tích: 12.260 m²; diện tích sử dụng: 12.260 m². Trường có lầu; phòng làm việc: 08; phòng học: 25; phòng nghe nhìn: 02; phòng máy tính: 03; thư viện: 02, sân chơi: 4 (6500m^2); khu thể thao: 2; nhà vệ sinh: 5 khu.

* **Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn địa danh Kinh/Kênh:**

*** Khái niệm**

Kinh/Kênh là dòng dẫn nước do con người tạo ra, nhằm vào nhiều mục đích, trong đó có hai mục đích chính là thủy lợi và giao thông thủy.

1. Kinh/Kênh Cặp Đê

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Xin xem mục từ Kinh/Kênh Cặp Đê ở xã Phước Trung.

Kinh/Kênh chảy xuyên qua xã Bình Phú, huyện Gò Công Tây; xã Bình Xuân, thị xã Gò Công; điểm đầu nối với Cống số 4, điểm cuối nối với Đường tỉnh 873, dài 15,6 km, bề ngang 18 m, sâu 1,9 m, diện tích phục vụ 400 ha, nạo vét năm 2012 và năm 2014.

2. Kinh/Kênh Chợ Gạo

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh) + Công trình xây dựng (Chợ) + Lương thực (Gạo).

Kinh/Kênh Chợ Gạo nối rạch Kỳ Hôn với sông Tra là một nhánh ngắn của sông Vàm Cỏ, chảy qua địa bàn huyện Chợ Gạo và xã Đồng Sơn (huyện Gò Công Tây).

Kinh/Kênh Chợ Gạo được chính quyền thực dân Pháp cho đào vào năm 1877 bằng phương tiện thủ công theo đề án của đô đốc, chánh tham biện hạt Mỹ Tho Duperrré nên gọi là kinh/kênh Duperré; nhưng dân gian quen gọi là kinh/kênh Chợ Gạo.

Việc đào kinh/kênh của chính quyền thực dân Pháp ở Nam Kỳ nhằm tạo ra con đường thủy cho tàu thuyền vận chuyển lúa gạo từ miền Tây Nam Kỳ về Sài Gòn để xuất cảng. Mặc khác, việc đào kinh/kênh theo lối thủ công còn nhằm mục đích kềm giữ thanh niên trong độ tuổi lao động, đề phòng họ tham gia các cuộc khởi nghĩa chống Pháp.

Kinh/kênh được nạo vét lại nhiều lần, lần có quy mô lớn nhất là vào năm 1892, cũng bằng thủ công. Đến giai đoạn 1906 - 1910, kinh/kênh được cải tạo bằng cơ giới nên to và rộng hơn. Quyển *Địa phương chí tỉnh Mỹ Tho* (1902) ghi nhận: "Đây là con kinh/kênh được tàu bè của người bản xứ và các tàu hơi nước của các hãng đường sông qua lại tấp nập. Nó thường tràn ngập bởi những chiếc ghe đủ các loại trọng tải". Kinh/Kênh trở thành con đường thủy quan trọng giữa Sài Gòn và các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.

Toàn tuyến kinh/kênh Chợ Gạo đi qua huyện Châu Thành (tỉnh Long An), thị xã Gò Công, huyện Gò Công Tây, huyện Chợ Gạo, thành phố Mỹ Tho (tỉnh Tiền Giang). Hiện nay, kinh Chợ Gạo sâu 5-7m, rộng trung bình 100m, dài 28 km. Đây là tuyến giao thông thuỷ quan trọng nối sông Tiền và sông Vàm Cỏ, góp phần đắc lực vào việc phát triển kinh tế - xã hội của khu vực Nam Bộ.

3. Kinh/Kênh Long Bình - Bình Tân

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Địa danh Hán Việt (xã Long Bình và xã Bình Tân).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua xã Long Bình và xã Bình Tân, huyện Gò Công Tây; điểm đầu nối với Kinh/Kênh 14, điểm cuối nối với cống Long Hải, dài 6,75 km, bề ngang 15 m, sâu 1,5 - 3,0 m, diện tích phục vụ 500 ha, nạo vét năm 2016.

4. Kinh/Kênh N8

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh) + Chữ cái la tinh và chữ số (N8).

Kinh/Kênh này gồm 3 đoạn liền nhau: đoạn đầu là Rạch Lớn từ Kinh/Kênh 14 thông qua rạch Vàm Giồng nối với kinh/kênh Tham Thu; đoạn giữa và đoạn cuối là Kinh/Kênh N8, được đào vào năm 1991. Cả ba hợp thành một tuyến dẫn nước từ Kinh/Kênh 14 ở phía nam cấp cho phần đất phía bắc Quốc lộ 50 từ lộ Đồng Sơn

đến rạch Gò Công. Kinh/Kênh cắt ngang Quốc lộ 50 tại cống Thạnh Trị. Toàn tuyến Kinh/Kênh N8 dài 13,4 km; bề ngang 9 m, sâu 3 m, diện tích phục vụ 1.700 ha. Đầu kinh/kênh phía bắc tại gần chỗ thông với rạch Gò Công đã xây cống ngăn mặn vào năm 1996.

5. Kinh/Kênh Tham Thu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Chức vụ thời xưa (Tham: gọi tắt của chức tham tán, là chức quan văn giúp coi việc quân dưới một viên tướng thời phong kiến[31] + Tên người (Thu).

Kinh/Kênh Tham Thu chạy song song với Quốc lộ 50). Kinh/Kênh được đào vào đầu thập niên 1970 để dẫn nước được bơm từ trạm bơm Tham Thu (phía Tây; nguồn nước lấy từ rạch Cà Hôn hay Kỳ Hôn) đến ao trữ của Nhà máy nước thị xã Gò Công (phía Đông, cũng gọi là ao Tham Thu), đồng thời tưới cho một phần diện tích canh tác dọc kinh/kênh.

Vào năm 1976 - 1977, trạm bơm Bình Phan với lưu lượng thiết kế lớn hơn đã được xây dựng kề bên trạm Tham Thu nhằm mở rộng diện tích tưới và tăng lượng nước cấp cho thị xã Gò Công. Năm 1978, kinh/kênh Tham Thu được đào rộng ra với bề rộng đáy là 13 m, bề rộng mặt trung bình 22 m. Lúc đầu, đáy kinh chỉ sâu trung bình 1,50 m dưới mặt đất tự nhiên, 2 bờ kinh được đắp cao khoảng 2 m trên mặt đất tự nhiên để khi bơm có thể nâng mực nước trong kinh cao hơn mặt ruộng từ 1 m đến 1,50 m (kinh nổi), đủ sức tưới chảy tràn cho các ruộng xa qua các kinh nhánh và cống điều tiết đầu kinh mà không cần sử dụng thêm bơm nhỏ.

Sau này kinh/kênh Tham Thu lần lượt được vét sâu thành kinh/kênh chìm: Vào các năm 1993, 2004 vét đoạn từ cống Đồng Sơn (dưới lộ Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây) đến ao Tham Thu, năm 1999 vét đoạn từ trạm bơm Bình Phan đến lộ Đồng Sơn, cả hai đều vét sâu đến 3 m. Năm 2001 xây cống điều tiết Bình Phan tại vị trí gần trạm bơm, từ đây trạm bơm ngưng hoạt động, nước vào kinh Tham Thu qua cống này, dân tự sử dụng bơm nhỏ để đưa nước vào ruộng. Năm 2017, kinh/kênh được nạo vét toàn tuyến.

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Bình Phan, An Thạnh Thủy, Bình Phục Nhứt thuộc huyện Chợ Gạo; các xã Thạnh Nhựt, Bình Nhì, Đồng Thạnh, Thành Công, Thạnh Trị, Yên Luông thuộc huyện Gò Công Tây; xã Long Chánh, thị xã Gò Công; điểm đầu nối với Trạm bơm Bình Phan, huyện Chợ Gạo, điểm cuối nối với Ao cấp thủy, thị xã Gò Công, dài 19,3 km, bề ngang 20 m, sâu 2,2 - 2,7 m, diện tích phục vụ 10.000 ha.

6. Kinh/Kênh 14

---

[31] Lê Trung Hoa (2003), *Nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu địa danh (Địa danh Thành phố Hồ Chí Minh)*, NXB Khoa học xãhội, trang 63.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Số hiệu (14).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Vĩnh Hựu, Long Vĩnh, Long Bình, Bình Tân, Yên Luông thuộc huyện Gò Công Tây; xã Long Hòa thuộc thị xã Gò Công; điểm đầu nối với cống Vàm Giồng, điểm cuối nối với kinh/kênh Salicetti, dài 16,2 km, bề ngang 30 m, sâu 2,5 - 3,5 m, diện tích phục vụ 2.844 ha, nạo vét năm 2014.

Nghiên cứu địa danh tín ngưỡng, tôn giáo:

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên Đình:**

Khái niệm Đình (chữ Hán: 亭): là công trình trong tổng thể kiến trúc làng Việt Nam.

Đình Số thứ tự làng là nơi thờ Thành hoàng làng (là người thành lập làng hay có công với làng), đồng thời là nơi hội họp, bàn việc của dân làng. Đình được coi là trung tâm sinh hoạt văn hóa gắn bó với một cộng đồng cư dân và mang đặc trưng của nền văn minh lúa nước Việt Nam.

1. Đình Đồng Thạnh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + địa danh hánh chính (Xã Đồng Thạnh).

Đình Đồng Thạnh tọa lạc ấp Lợi An, xã Đồng Thạnh, huyện Gò Công Tậy, được xây dựng vào cuối thế kỷ thứ XIX.

Khi mới xây dựng, đình có quy mô nhỏ, bằng tre lá; về sau, đình được xây dựng lại đình bằng gỗ, lợp mái ngói. Từ năm 1900 - 1914, đình được trùng tu với quy mô lớn: cột gỗ căm xe, vách gỗ, lợp mái ngói Tây. Từ 1960 - 1963, đình là cơ sở cách mạng, đặc biệt, nơi đây diễn ra phong trào Đồng khởi rất mạnh mẽ, nên đình bị quân đội Sài Gòn đốt cháy phần chánh điện. Đến năm 1970, nhân dân địa phương và Hội đình đứng ra quyên góp tiền của xây lại chánh điện như ngày nay.

Đình có tổng diện tích 2.118 m², diện tích xây dựng 787 m², theo lối kiến trúc chữ Tam (≡), bao gồm: vỏ ca, vỏ quy, chánh điện. Ngoài ra, đình còn có nhà việc, nhà khách và nhà khói. Nét đặc sắc của ngôi đình này là nghệ thuật chạm khắc, trang trí hoa văn, tranh đắp nổi trên tường và tượng gốm trang trí cả trong và bên ngoài đình. Đặc biệt là những hoa văn chạm trổ công phu, họa tiết trang trí ở đình được hình tượng hóa qua tứ linh, tứ quý, bát tiên, cá hóa long, các loại trái cây, sản vật ở địa phương; các biểu tượng hàm ý sự giàu sang, phú quý, mong cho hạnh phúc tràn đầy, mưa thuận, gió hòa... Trong đó, nhà vỏ ca là một công trình kiến trúc gỗ khá lớn, được kết cấu theo kiểu nhà rường. Trên con lươn bờ nóc vỏ ca có trang trí rồng được tạo hình bằng những mảnh sứ, mảnh gốm ghép lại.

Đình Đồng Thạnh thờ thần Thành hoàng bổ cảnh, Đại Càn tứ vị nương vương (thờ bốn vị thần phù hộ người đi biển), thần Nông, các vị tiền hiền, hậu hiền. Mỗi năm, đình có 02 lễ cúng: ngày 16, 17 tháng 3 âm lịch cúng Hạ điền; ngày 16, 17 tháng 11 âm lịch cúng Thượng điền.

Đình Đồng Thạnh được công nhận Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Quốc gia theo Quyết định số 313/QĐ-BVHTTDL ngày 22/01/2009 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Đình Vĩnh Bình

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính (Thị trấn Vĩnh Bình).

Đình Vĩnh Bình tọa lạc tại Khu phố 1, thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây.

Đình Vĩnh Bình được ông Trần Văn Huê xây dựng vào những năm đầu thế kỷ 19 bằng các vật liệu truyền thống (gỗ, đá, gạch, ngói âm dương). Qua nhiều lần trùng tu, hiện đình có lối kiến trúc theo lối nhà dọc. Chánh điện được xây bằng chất liệu bê tông cốt thép, mái lợp ngói móc (ngói Tây), nền lót gạch tráng men. Hệ thống kèo, cột, xiên, trính theo kiểu nhà thả đòn dông dọc. Cửa đình quay về hướng Bắc. Năm 1979, đình tạm dời về miễu Bà *(miễu thờ Thánh Mẫu Thiên Y A NA).* Năm 1994, đình được xây dựng mới và hoàn thành năm 1995. Đình xây theo trục Bắc – Nam, gồm: bàn Thần Nông, Chánh điện và nhà kho.

Đình Vĩnh Bình thờ thần Thành hoàng bổ cảnh, Tiền hiền khai khẩn và Hậu hiền khai cơ. Ở sân đình có bàn thờ Thần Nông, Thần Xã Tắc. Nơi đây còn lập "Đàn tràng" cầu an cho những người chết trong trận bão lụt năm Giáp Thìn 1904, là nét riêng của đình Vĩnh Bình mà nhiều đình khác không có.

Về phần hội, Ban hương chức của đình còn tổ chức nhiều trò chơi dân gian kéo dài suốt 3 ngày (đẩy cây, nhảy bao bố, bịt mắt đập nồi, bắt vịt trên sông, ngâm thơ, múa lân, hò, vè, múa bóng rỗi…) và múa lân, múa rồng, hát bội. Ngoài ra, hằng năm, vào dịp cận Tết Nguyên đán, huyện Gò Công Tây tổ chức Hội Xuân với nhiều trò chơi giải trí, các cuộc hội thi múa lân, múa rồng; hội thi giới thiệu, trưng bày những tác phẩm hoa kiểng cổ, bon-sai; triển lãm thành tựu kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh của địa phương. Các đêm đều có biểu diễn nghệ thuật: xiếc, mô tô bay, ca nhạc.

Đình là nơi che giấu, hội họp, phát tán truyền đơn của lực lượng cách mạng trong suốt thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

Đình Vĩnh Bình được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 3570/QĐ-UBND ngày 25/11/2016.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên Chùa:**

Khái niệm Chùa

Chùa là cơ sở hoạt động và truyền bá Phật giáo, là nơi tập trung sinh hoạt, tu hành và thuyết giảng đạo Phật của các nhà sư, tăng, ni. Mọi người kể cả tín đồ hay người không theo đạo đều có thể đến thăm viếng, nghe giảng kinh hay thực hành các nghi lễ Phật giáo.

Chùa Ông Lão

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chùa) + Tên nhân vật lịch sử (Ông Lão).

Chùa Ông Lão, còn gọi là Vạn Bửu Phật Đường, tọa lạc tại thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây.

Chùa được xây dựng vào cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20. Năm 1965 - 1975, chùa được xây dựng lại. Chùa Ông Lão gọi tên theo tục danh của ông Đinh Văn Chương (Lão sư Đinh Đạo Ninh) sáng lập và trụ trì vào cuối thế kỷ 19.

Chùa có tổng diện tích 13.041,4 m^2; diện tích xây dựng 522,2 m^2, gồm chánh điện, nhà đông, nhà tây, nhà khách, nhà khói. Phía trước chánh điện là sân trồng hoa kiểng, tượng đức Quán thế âm lộ thiên. Bên trong chánh điện, chùa còn lưu giữ nhiều di vật, như đầu đao, hoành phi, bao lam, liễn, cột,… được tạo tác bằng gỗ, sơn son thếp vàng và chạm trỗ tinh xảo. Khuôn viên đất chùa đã xây tường rào 02 mặt, trên các khoảng rào mặt trước đều đắp nổi chữ "Vạn".

Trong kháng chiến chống Pháp, chùa còn là nơi lui tới hội họp của những nhà trí thức yêu nước như: Đặng Vương Tá, Đinh Văn Chương (ông Lão Bảy), Nguyễn Văn Thạnh,... Đặc biệt, nơi đây còn là nơi Chi bộ An Nam Cộng sản Đảng đầu tiên của tỉnh Gò Công được thành lập do đồng chí Nguyễn Văn Côn làm Bí thư.

Chùa được công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ-UB ngày 15/02/2000 của UBND tỉnh Tiền Giang.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên thánh thất:**

Khái niệm:

Thánh thất: là nhà thờ Đức Chí Tôn (Đấng Cao Đài) và các vị Thần, Thánh, Tiên, Phật. Hay còn gọi là ngôi nhà của chư thánh. Tại mỗi Tộc đạo (Họ đạo) đều phải xây dựng một Thánh thất để làm đền thờ Đức Chí Tôn và làm nơi tín ngưỡng cho bổn đạo địa phương.

1.Thánh thất Bình Phục Nhì

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Bình Phục Nhì).

Thánh thất Bình Phục Nhì được xây dựng năm 1955, tọa lạc tại ấp Bình Hòa Long, xã Bình Phục Nhì, huyện Gò Công Tây.

2. Thánh thất Đồng Sơn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Đồng Sơn).

Thánh thất Đồng Sơn được xây dựng năm 1955, tọa lạc tại ấp Đồng Thọ, xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây.

3. Thánh thất Long Bình

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Long Bình).

Thánh thất Long Bình được xây dựng năm 1965, tọa lạc tại ấp Hòa Phú, xã Long Bình, huyện Gò Công Tây.

4. Thánh thất Thạnh Trị

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Thạnh Trị).

Thánh thất Thạnh Trị được xây dựng năm 1965, tọa lạc tại ấp Thanh Hiệp, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây.

5. Thánh thất Vĩnh Bình

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (thị trấn Vĩnh Bình).

Thánh thất Vĩnh Bình được xây dựng trước năm 1975, tọa lạc tại ấp Đông, thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây.

Nghiên cứu địa danh chỉ vùng:

*** Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên xóm:**

Khái niệm:

Xóm: là nơi quần tụ những hộ gia đình sinh sống gần nhau, có hoặc không có mối quan hệ họ hàng với nhau.

1. Xóm Thủ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Người đứng đầu (Thủ).

Xóm Thủ tọa lạc tại xã Yên Luông, huyện Gò Công Tây, là xóm nhà có vị Thủ khoa Ngô Tùng Châu từng sinh sống.

Ngô Tùng Châu sinh năm 1752 tại thôn Thái Định, huyện Phù Ly, phủ Quy Nhơn (nay là thôn Thái Thuận, xã Cát Tài, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định).

Năm 1764, cha của ông là Ngô Tùng Trang đang giữ chức Thủ lại phủ Quy Nhơn được thăng chức Tri điền tuấn sự, được lệnh của chúa Nguyễn dẫn theo 100 dân đinh vào khai khẩn vùng đất Yên Luông (Gò Công). Lúc này, ông mới 12 tuổi

cũng được theo cha vào vùng đất mới. Sau đó, ông được gởi lên Gia Định để học tập. Tại đây, ông theo học nhà giáo nổi tiếng nhất đất Gia Định là Sùng Đức tiên sinh Võ Trường Toản. Trong quá trình theo nghiệp bút nghiên, ông luôn cần mẫn dùi mài kinh sử và là một trong những học trò xuất sắc nhất của cụ Võ Trường Toản.

Năm 1770, ông gặp gỡ và kết nghĩa anh em với Võ Tánh, một hào kiệt đất Gò Công. Năm 1772, ông kết hôn với em gái của Võ Tánh là Võ Thị Lội tại Gò Tre (nay thuộc xã Long Thuận, thị xã Gò Công). Năm 1783, ông tham gia cuộc khởi binh của Võ Tánh tại Gò Tre. Năm 1788, ông cùng với đạo quân Kiến Hòa của Võ Tánh theo phục vụ chúa Nguyễn Phúc Ánh.

Do là một nhà Nho học kiệt xuất, nên ông được Nguyễn Phúc Ánh tin dùng, lần lượt giữ các chức Chế cáo Viện Hàn lâm năm 1788, Điền tuấn sứ năm 1789 (quan trông coi việc khai khẩn, canh tác nông nghiệp, xác định điền thổ và quân lương).

Năm 1790, ông cùng với Bộ Tham mưu của chúa Nguyễn Phúc Ánh tiến quân ra miền Trung. Năm 1791, ông trở về Gia Định và thi đậu thủ khoa khoa thi năm Tân Hợi. Đây là khoa thi đầu tiên mà chúa Nguyễn Phúc Ánh cho tổ chức ở Nam Bộ. Ngay sau đó, ông được thăng làm Tham tri bộ Lễ; đồng thời, ông được chúa Nguyễn Phúc Ánh tin tưởng cử làm Phụ đạo Đông cung (thầy dạy học Đông cung hoàng tử Nguyễn Phúc Cảnh).

Năm 1799, sau khi đánh tan quân của vương triều Cảnh Thịnh tại thành Quy Nhơn, chúa Phúc Nguyễn Ánh đổi cho tên thành này ra thành Bình Định và cử ông cùng với Võ Tánh trấn giữ. Tháng 2/1800, hai tướng của vương triều Cảnh Thịnh là Trần Quang Diệu và Võ Văn Dũng mang quân từ Phú Xuân (Huế) vào tấn công thành Bình Định. Ông cùng với Võ Tánh chỉ huy quân cố thủ.

Quyết không để mất thành, chúa Nguyễn Phúc Ánh đã hai lần mang quân tới giải vây thành Bình Định vào tháng 4-1800 và tháng 2-1801; nhưng đều bị quân Cảnh Thịnh chặn đứng. Thành Bình Định vẫn bị bao vây chặt chẽ. Trước tình hình đó, ông và Võ Tánh sai người lén đem mật thư ra cho Nguyễn Phúc Ánh; khuyên vị chúa Nguyễn nên kéo quân ra đánh Phú Xuân; và khi đó, sẽ dễ dàng giành được thắng lợi, vì đại bộ phận quân Cảnh Thịnh đang bị thu hút ở mặt trận Bình Định; lực lượng ở Phú Xuân rất yếu. Đồng thời, bức mật thư cũng nói rõ, ông và Võ Tánh sẽ cố giữ thành nhằm cầm chân quân Cảnh Thịnh. Nghe theo lời khuyên hợp lý của ông và Võ Tánh, Nguyễn Phúc Ánh cho quân tấn công và chiếm được được Phú Xuân vào tháng 6-1801.

Hai tướng Trần Quang Diệu và Võ Văn Dũng nghe tin Phú Xuân mất về tay Nguyễn Phúc Ánh, liền chia quân ra cứu. Quân cứu viện Cảnh Thịnh ra tới Quảng Nam thì bị quân chúa Nguyễn chận đánh nên phải quay trở lại Bình Định. Không có cách nào khác, Trần Quang Diệu ra lệnh quân lính ráo riết công

kích thành Bình Định. Trước nguy cơ thành bị thất thủ, có người khuyên ông và Võ Tánh nên lẻn trốn ra ngoài; nhưng hai ông đã cự tuyệt, cương quyết ở lại với thành. Tình thế ngày càng khốn quẫn, thấy không thể giữ thành lâu hơn được nữa, Võ Tánh viết thư cho Trần Quang Diệu đề nghị sau khi chiếm được thành thì không giết hại binh lính của ông.

Để không bị bắt, ngày 05-7-1801 (nhằm này 25 tháng 5 năm Tân Dậu), ông uống thuốc độc tự tử. Ngày 07-7-1801 (nhằm này 27 tháng 5 năm Tân Dậu), Võ Tánh tiếp nối ông, tự thiêu mà chết tại lầu bát giác.

Năm 1802, sau khi đánh thắng vương triều Cảnh Thịnh, Nguyễn Phúc Ánh lên ngôi vua, lấy niên hiệu là Gia Long. Ông được nhà vua truy tặng là Tán trị công thần, Đặc tiến Kim tử Vinh lộc đại phu, Trụ quốc, Thái tử thái sư, Quận công, tên thụy là Trung Ý, được thờ ở đền Chiêu Trung. Năm 1804, ông được thờ tại đền Hiển Trung ở Gia Định, lại được cấp tự điền, tự dân, mộ phu, sai Tùng Hoảng là con nuôi thừa tự phụng thờ. Năm 1805, cho phụ tế ở Thái miếu. Năm1810, liệt vào thờ ở miếu Trung Hưng công thần. Năm 1824, đổi cho phụ tế ở Thế miếu. Năm 1831, vua Minh Mạng truy tặng ông tước Tá vận Công thần, Đặc tiến Vinh lộc đại phu, Hiệp biện đại học sĩ, Thiếu sư, kiêm Thái tử Thái sư, đổi tên thụy là Trung Mẫn, phong là Ninh Hòa quận công.

2. Xóm Trại

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Công trình xây dựng (Trại).

Xóm Trại tọa lạc tại xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông.

Năm 1854, hưởng ứng chính sách lập đồn điền của vua Tự Đức, Trương Định đã chiêu mộ dân nghèo lập trại đồn điền Gia Thuận thuộc tỉnh Gia Định. Từ đó, xóm nhà ở trại đồn điền được gọi là Xóm Trại.

*** Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên khu:**

Khái niệm:

Khu là khoảng đất được giới hạn với những đặc điểm hoặc chức năng riêng, khác với xung quanh.

1. Khu căn cứ cách mạng Vĩnh Hựu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Khu căn cứ cách mạng) + Địa danh hành chính (Xã Vĩnh Hựu).

Khu căn cứ cách mạng Vĩnh Hựu là nơi làm việc của lãnh đạo Tỉnh ủy Gò Công trong 2 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Tại đây, Tỉnh ủy đã đề ra những chủ trương quan trọng, đưa phong trào cách mạng tỉnh nhà đi đến thắng lợi. Tại đây, Nhân dân một lòng theo cách mạng, nhiệt tình đóng góp tài lực, vật lực cho công cuộc giải phóng dân tộc. Do vậy, căn cứ cách mạng Vĩnh

Hựu và các cơ quan lãnh đạo kháng chiến từ tỉnh xuống huyện được bảo vệ an toàn. Đảng bộ, dân và quân xã Vĩnh Hựu giữ vững căn cứ kháng chiến, bảo vệ được các tổ chức cách mạng, duy trì hoạt động đấu tranh chính trị và vũ trang là thành tích có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong tiến trình cách mạng của địa phương.

Khu căn cứ cách mạng Vĩnh Hựu trước ngày 30/4/1975 có địa bàn rộng, gồm nhiều ấp của xã Vĩnh Hựu, bao trùm khu vườn dừa có diện tích khoảng khoảng 500 ha, có hàng rào chiến đấu, hầm bí mật, hầm tránh bom pháo, các ngôi nhà bằng vật liệu tre lá làm cơ quan huyện đóng và làm việc. Sau ngày 30/4/1975, vào năm 1996, Huyện ủy, Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Tây đã tiến hành xây dựng một Bia Lưu niệm và Nhà Bia liệt sĩ xã.

Bia Lưu niệm căn cứ Huyện ủy và Huyện đội với hình tượng khẩu súng trường và tầm vông vạt nhọn - biểu tượng của sự kháng chiến trường kỳ và chính nghĩa của nhân dân ta. Bia được xây dựng bằng bê tông cốt thép có chiều cao: 6m; đế có kích thước: 7,5 m x 7,5 m, diện tích 56,25 m^2

Nhà Bia liệt sĩ xây dựng theo kiểu tứ trụ 7,5m x 7,5m, cột bê tông giả gỗ mái chồng thêm lớp ngói vảy cá, các bờ nóc có trang trí rồng bằng sứ. Bên trong có đài ghi danh liệt sĩ được tạt trên các phiến đá hoa cương màu đen.

Hai công trình Bia Lưu niệm và Nhà bia liệt sĩ tọa lạc trong khuôn viên có rào bao quanh 13m x 15m. Chung quanh trồng cây cảnh, phía sau và hai bên là vườn cây ăn trái của nhân dân và của Huyện đội.

Khu căn cứ cách mạng Vĩnh Hựu được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 3521/QĐ.UB, ngày 13/9/2002 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

2. Khu di tích Chiến thắng Đồng Sơn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Khu di tích) + Tên sự kiện lịch sử (Chiến thắng Đồng Sơn).

Khu di tích Chiến thắng Đồng Sơn tọa lạc tại ấp Đồng Trinh, xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây.

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, Tỉnh đội Gò Công, nơi đây, vào ngày 26, 27 tháng 7 năm 1972, Tiểu đoàn 514B kết hợp với lực lượng vũ trang huyện, xã đã anh dũng chiến đấu, truy kích tiêu diệt địch giữa ban ngày, bẻ gãy cuộc càn quy mô lớn của địch.

Chiến thắng Đồng Sơn là chiến thắng lớn của quân và dân tỉnh Gò Công nói chung, xã Đồng Sơn nói riêng trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, đánh dấu sự trưởng thành vượt bậc về bản lĩnh chính trị và trình độ tác chiến của quân và dân ta. Chiến thắng này đã củng cố thêm niềm tin cho nhân dân ta vào

thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước dưới sự lãnh đạo của Đảng; là trận mở màn cho chiến dịch mở mảng vùng trọng điểm Gò Công, tạo thế chủ động cho lực lượng vũ trang Gò Công bám trụ, tiêu diệt nhiều đồn bót địch, giành quyền làm chủ trong năm 1972.

Khu di tích Chiến thắng Đồng Sơn được xây dựng vào thập niên 90 thế kỷ 20, có diện tích khoảng hơn 500 m^2 gồm Bia chiến thắng và công viên. Bia có diện tích 162 m^2. Chân bia hình bát giác cao 120 cm.Thân bia hình khẩu súng cao 5 m. Phía trên nòng súng là lá cờ đỏ sao vàng, trên nền cờ đắp nổi 04 chữ màu vàng: Chiến thắng Đồng Sơn. Công viên trồng nhiều loại hoa, kiểng, đèn chiếu sáng, tạo nên cảnh quan tươi đẹp.

Khu di tích Chiến thắng Đồng Sơn được xếp hạng Di tích lịch sử cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15/02/2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

3. Khu mộ Trần Văn Huê

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Khu) + Địa danh chỉ công trình xây dựng (Mộ) + Nhân vật lịch sử (Trần Văn Huê: gọi tắt là Ông Huê).

Khu mộ Trần Văn Huê tọa lạc tại ấp Đông, thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, có diện tích 40,5 m^2 trong khuôn viên đất 150 m^2.

Ông Trần Văn Huê là người có công khai hoang lập làng Vĩnh Bình vào cuối thế kỷ XVIII. Do đó, Nhân dân ở địa phương xem ông là bậc tiền hiền, thờ cúng ở đình Vĩnh Bình. Tên ông được đặt tên cho một giồng cát: giồng Ông Huê (được ghi chép trong sách Gia Định thành thông chí là Hoa cương) và một ngôi chợ: chợ Giồng Ông Huê, gọi tắt là Chợ Giồng với đặc sản bánh giá Chợ Giồng nổi tiếng.

Sau khi mất, Khu mộ của ông được nhân dân và gia đình xây dựng bằng đá ong, 04 phía chung quanh tấn đá ong dày 30 cm, 04 góc có 04 trụ đá cao 40 cm, đầu mỗi trụ là hình tượng bông sen nhưng do thời gian, hồ ô dước đã bong tróc nên chỉ còn là trụ tròn trơn. Phía cuối là bia mộ không còn đọc được chữ bởi bong lớp vôi vữa bên ngoài. Núm mộ đắp bằng đất chung quanh chỉ còn phía trước một bệ đá vuông 01m x 01m – là nơi để con cháu để vật cúng tế khi viếng mộ. Phía sau là 02 ngôi mộ con trai và con dâu của ông được xây dựng kiên cố có tường rào bao bọc chung quanh.

Khu mộ Trần Văn Huê được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 3521/QĐ.UB ngày 13/9/2002 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

4. Khu mộ và đập Ông Chưởng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Khu) + Địa danh chỉ công trình xây dựng (Mộ và Đập) + Nhân vật lịch sử (Ông Chưởng: Chưởngcơ Mai Tấn Huệ).

Mai Tấn Huệ chưa rõ năm sinh, người thôn Bình Luông Tây, tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường (nay là xã Bình Tân, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang).

Đầu tiên, ông theo Võ Tánh dấy binh ở Gò Tre (Gò Công). Sau đó, ông cùng với chủ tướng đầu quân chúa Nguyễn Phúc Ánh. Năm 1794, ông được chúa Nguyễn Phúc Ánh phong chức Khâm sai thống binh Cai cơ, Chánh vệ của vệ Hùng Phong thuộc dinh Hậu Quân, có trách nhiệm giữ thành Diên Khánh[32] (nay thuộc tỉnh Khánh Hòa). Năm 1796, ông được thăng Chánh trưởng chi Trung chi. Năm 1802, ông là Khâm sai Cai cơ, giữ chức Lưu thủ thành Bình Định. Năm 1805, ông được thăng làm Khâm sai Chưởng cơ, giữ chức Trấn thủ trấn Bình Định. Đồng thời, ông cũng là một trong những người được vua Gia Long (tức Nguyễn Phúc Ánh) tín nhiệm giao cho việc quản lý công trình xây dựng kinh thành Huế.

Năm 1807, do sức khỏe kém, ông dâng biểu cáo quan, xin trở về nguyên quán, được vua ban rượu ngon tỏ lòng luyến tiếc, các quan ở triều đình đưa tiễn 100 dặm. Tại quê nhà, ông mở trường dạy chữ Nho và võ thuật, thu hút đông đảo thanh niên đến học tập và rèn luyện. Đồng thời, ông cũng xướng xuất việc đắp đập ở ngọn rạch Già nhằm điều tiết nguồn nước ngọt cho các địa phương trong vùng, phục vụ đắc lực cho sản xuất nông nghiệp và nhu cầu dân sinh của nhân dân. Để ghi nhớ công lao của ông, nhân dân gọi đó là đập Ông Chưởng. Hiện nay, đập Ông Chưởng không còn nữa, thay vào đó, chính quyền huyện Gò Công Tây đã xây dựng cầu Bình Tân để bắc qua ngọn Rạch Già (vị trí cầu Bình Tân là vị trí đập ông Chưởng xưa kia).

Khi ông qua đời vào năm 1843, xét thấy ông là một bậc công thần; nên triều đình cho quan lại từ Huế vào lo việc chôn cất và xây dựng phần mộ cho ông. Mộ

---

[32] Nội dung Chiếu ngày 27/9 năm Cảnh Hưng thứ 55 (1794) của chúa Nguyễn Phúc Ánh như sau: "Chiếu: sai Mai Tấn Huệ, tức Huệ Đức hầu. lảnh chức Khâm sai thống binh Cai cơ, làm Chánh vệ của vệ Hùng Phong thuộc dinh Hậu Quân. Là người ôm lòng địch khái, chí nóng cần vương. Nay đem viên quân bổn vệ theo binh quan ra giữ thành Diên Khánh và chịu quyền sai bát đánh giặc. Phải lo dạy dỗ quân gia, lập nên công trận. Nếu kỷ luật không kiêng đã có nghiêm điều định sẵn. Khâm sai. Ngày 27 tháng 9 năm Cảnh Hưng thứ 55 (1794)". Chiếu này được đóng Bảo ấn truyền quốc: "Đại Việt quốc Nguyễn chúa Vĩnh ấn chi bảo". Hiện tại, Chiếu đang được lưu trữ tại Thư viện Bảo tàng Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh, Hồ sơ tư liệu số 12, Văn bản số 3306.

Chưởng cơ Mai Tấn Huệ hiện nằm trên phần đất của gia đình ông Huỳnh Văn Tèo, ấp Thuận Trị, xã Bình Tân, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Tổng thể khuôn viên mộ có diện tích 29,11 m^2. Lúc đầu, mộ chỉ có 4 trụ và tấm bình phong được làm bằng đá ong nguyên khối, chính giữa khỏa bằng. Đến năm 1999, nhân dân xây dựng thêm núm mộ nhô lên hình "Ngưu miên" bằng bê tông và tấm bia mới bằng bê tông nằm phía sau tấm bình phong cũ (tấm bình phong cũ không còn nhìn thấy chữ). Năm 1943, nhân dân địa phương lập lăng và *"Long An hội"* lo việc thờ phụng, hương khói để tỏ lòng tri ân ông trong công tác dân sinh.

Năm 2012, nhân dân ấp Thuận Trị đóng góp tiền của, công sức xây dựng cổng lăng; tại cổng lăng có ghi Lăng thờ thần Mai Tấn Huệ và chạm khắc hai câu đối:

Bình địa dân cư an lạc nghiệp.

Tân trang vinh thụ hưởng thái bình.

Ông là công thần khai sáng nhà Nguyễn, là một vị quan tận tụy chăm lo cuộc sống của nhân dân, được nhân dân kính trọng, tôn thờ như một vị thần. Khu Mộ và Đập Ông Chưởng được Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15 tháng 2 năm 2000.

*** Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên địa điểm:**

Khái niệm:

Địa điểm là nơi chốn cụ thể tiến hành một hoạt động hoặc phản ánh một sự kiện, một sự việc nào đó.

Điểm du lịch dược liệu xanh Thiên Ân

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Điểm) + Loại hình du lịch (Du lịch dược liệu xanh) + Tên điểm du lịch (Thiên Ân).

Điểm du lịch dược liệu xanh Thiên Ân tọa lạc tại xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây.

Điểm du lịch được xây dựng trên khu vườn có điện tích khảng 5.000 m^2 tập trung hơn 100 loại cây thuốc, dược liệu, có tác dụng trong việc điều trị và chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng; đồng thời, cung cấp rau xanh, thảo dược để chế biến món ăn, nước uống phục vụ du khách và cũng là nơi cho du khách trải nghiệm thực tế.

Điểm du lịch này còn là không gian trưng bày các sản phẩm OCOP (One Commune one product, được hiểu là "mỗi xã/phường có một sản phẩm") của công ty được chế biến từ đông trùng hạ thảo để du khách có thể thưởng thức và mua về làm quà tặng.

Ngoài ra, các dịch vụ phục vụ nhu cầu của du khách rất đa dạng, gồm tham quan vườn cây thuốc, dược liệu, hoạt động sản xuất nhang, quy trình nuôi cấy nấm đông trùng hạ thảo, tham quan hầm rượu đông trùng hạ thảo; tham gia các hoạt động trải nghiệm thực tế như làm bánh quy, làm nhang, cấy lúa, các trò chơi dân gian,...

*** Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên miệt:**

Khái niệm:

Miệt để chỉ vùng, miền, nhưng có không gian địa lý nhỏ hơn.

1. Miệt bánh giá Chợ Giồng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Miệt) + Loại hình bánh (Bánh giá) + Địa danh chỉ công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh chỉ địa hình thiên nhiên (Giồng)

Bánh giá Chợ Giồng là món ăn đặc sản ở Chợ Giồng thuộc thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây. Chợ Giồng là nơi có nghề làm bánh giá rất nổi tiếng. Theo lời truyền miệng của cư dân, nghề này xuất hiện cùng lúc với quá trình khai hoang lập ấp của người Việt ở vùng đất này vào thế kỷ XVII.

Nguyên liệu để làm bánh bao gồm thịt heo (lợn) nạc, tôm đất, giá, nấm rơm, nấm mèo (mộc nhĩ), cải bắc thảo, bột gạo, bột đậu nành, óc heo, dầu thực vật hoặc mỡ heo. Để bánh được ngon, giòn, xốp, người ta trộn chung bột gạo với bột đậu nành theo tỉ lệ 1/1 và óc heo, rồi đem ủ khoảng 2 – 3 giờ, sau đó mới đem chiên. Khi làm bánh, người ta cho dầu thực vật hoặc mỡ nước vào chảo, đun lên cho thật sôi. Kế tiếp, cho các nguyên liệu đã chuẩn bị sẵn vào vá và múc bột cho ngập các loại nguyên liệu nói trên rồi nhúng vá ấy vào chảo, đến khi chiếc bánh có màu vàng sậm là vừa chín tới, mang ra ăn nóng kèm với rau thơm, nước mắm tỏi ớt và bún.

Bánh giá Chợ Giồng không chỉ là món ăn bình dân mà còn được hiện diện trang trọng trong các bữa tiệc thịnh soạn (cưới hỏi, tân gia, giỗ chạp,…) ở vùng Gò Công. Nhà văn nổi tiếng Hồ Biểu Chánh thường nhắc đến món này trong các quyển tiểu thuyết của mình.

Hiện nay, điều quan trọng là làm sao cho món bánh giá Chợ Giồng được lan rộng ra khắp nơi, nhằm phát triển một ngành nghề truyền thống của xứ Gò Công, bởi vì, xét về chất lượng, bánh giá Chợ Giồng hoàn toàn được sánh ngang với bánh tôm Hồ Tây - một món ăn đặc sản của Hà Nội[33].

2. Miệt bó chổi que dừa Vĩnh Hựu

[33] Nguyễn Phúc Nghiệp, "Nơi có nghề làm bánh giá ngon nhất ở Tiền Giang", http://www.tiengiang.gov.vn/xemtin.asp?idcha=6097&cap=2&id=6120.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Miệt) + Ngành nghề tiểu thủ công nghiệp (Bó chổi que dừa) + Địa danh hành chính (Xã Vĩnh Hựu).

Nghề bó chổi que dừa phát triển mạnh ở xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, tập trung chủ yếu ở các ấp Phú Quý, Bình An, Thạnh Thới với gần 60 hộ sản xuất và 100 thợ làm nghề. Theo lời của nhiều cụ cao niên ở địa phương, nghề bó chổi xuất hiện ở đây từ khoảng thập niên 70 của thế kỷ XX. Lúc đầu, cây chổi còn đơn giản, người ta dùng cây ráng mọc dọc theo các con mương để làm chổi. Dần dần nguồn nguyên liệu cây ráng khan hiếm, người ta chuyển sang làm chổi bằng tàu mo cau. Sau đó, ở địa phương không còn nhiều cau để bó chổi nữa nên người dân chuyển dần sang bó chổi bằng que lá dừa.

Trung bình một người thạo nghề có thể kết được khoảng 30 - 40 cây chổi/ngày. Thị trường tiêu thụ không chỉ trong tỉnh mà còn ở nhiều tỉnh, thành trong cả nước, chủ yếu tập trung các tỉnh Tây Nam bộ, Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai. Hằng tuần, các cơ sở bó chổi xuất bán đi ở các tỉnh, thành khoảng 1.000 cây chổi.

Chổi Vĩnh Hựu đã trở thành thương hiệu có tiếng trên thị trường trong và ngoài tỉnh. Việc duy trì và phát triển nghề bó chổi không chỉ góp phần bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống, mà còn giúp giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân, góp phần trong xây dựng nông thôn mới ở xã Vĩnh Hựu.

I. THÀNH PHỐ GÒ CÔNG

*** Sưu tầm, thống kê, phân loại, nghiên cứu, biên soạn địa danh Giồng:**

Khái niệm Giồng

Giồng: âm trại của "vồng", là khoảng đất nổi cao lên giữa nơi bằng phẳng, tương đối rộng, có nhiều cát, thích hợp cho việc trồng các loại cây ăn trái và các loại hoa màu, như khoai, đậu, bắp, thuốc lá,…[1]

1. Giồng Cát

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Giồng) + Vật liệu dạng hạt (Cát).

Giồng Cát là rộng khoảng 80 ha tọa lạc tại xã Long Hòa, thị xã Gò Công. Địa danh có liên quan đến Giồng Cát là ấp Giồng Cát.

2. Giồng Sơn Quy

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Giồng) + Địa hình thiên nhiên (Sơn: 山: Núi) + Động vật (Quy: 黿: Rùa).

Giồng Sơn Quy cách huyện lỵ Tân Hòa (thị xã Gò Công ngày nay) khoảng 3 km về hướng Tây Bắc, thuộc làng Tân Niên Trung, nay là xã Long Hưng, thị xã Gò Công). Giồng kéo dài từ vàm Sơn Quy, Xóm Mới ở phía Nam đến Láng Chim ở phía Bắc giáp sông Vàm Cỏ.

Giồng Sơn Quy, nguyên có tên là Quy Nguyên 黿坂, có nghĩa là Gò Rùa, bởi vì nơi đây, thuở lưu dân người Việt đến khai phá, có rất nhiều rùa sinh sống; cũng có thuyết cho rằng, giồng có hình vòng tròn và dài, giữa lại cao lên giống như một con rùa nằm, nên gọi là Gò Rùa.

Đây là tổ quán của đức Thái Hậu Từ Dụ (Từ Dũ). Vào giữa thế kỷ thứ XVIII, ông Phạm Đăng Long theo cha vào vùng Gò Công vốn hãy còn hoang vu. Là người giỏi Nho học, tinh thông phong thủy, địa lý, ông đi nhiều nơi tìm thế đất tốt để định cư, mong con cháu sau này phát tích, hưng vượng. Lúc ông đến Gò Rùa, thấy thế đất ở đây rất đẹp và có giếng nước ngọt, trong khi đó, toàn vùng Gò Công, giếng nước ngọt rất hiếm. Do đó, ông đã quy tập mồ mả 3 đời về đây và xây nhà ở gò đất này[2]. Ông Phạm Đăng Long kết hôn với bà Phan Thị Tánh sinh ra Phạm Đăng Hưng, sau này trở thành đại công thần của triều Nguyễn. Phạm Đăng Hưng là thân phụ của bà Từ Dụ (Từ Dũ), hoàng phi của vua Thiệu Trị, hoàng mẫu của vua Tự Đức.

---

[1] Lê Trung Hoa (1991), *Địa danh Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Khoa học xã hội, trang 91.

[2] Phòng Quản lý du lịch, *Lăng mộ Hoàng gia*, Trang thông tin điện tử Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Tiền Giang.

Do Gò Rùa (Quy Nguyên) là quê ngoại của nhà vua, nên vua Tự Đức thay chữ Quy Nguyên thành Sơn Quy tức là Gò Rùa thành ra Núi Rùa, ý muốn nói nơi phát tích bên ngoại được vững bền như núi; rùa là một linh vật trong bộ tứ Linh (Long - Lân - Qui - Phụng) sống lâu lại hợp với Núi càng vững bền thêm mãi. Tại đây, vua Thiệu Trị rồi vua Tự Đức cho xây dựng ngôi Từ đường thích lý (bên ngoại của nhà vua) và cấp ruộng đất để phục vụ việc thờ phụng.

Giữa Giồng Sơn Quy có khu lăng Hoàng Gia, là nơi có lăng mộ và đền thờ Đức Quốc công Phạm Đăng Hưng và một số ngôi mộ khác trong họ tộc Phạm Đăng.

Giồng Sơn Quy có liên quan đến cuộc khởi nghĩa do Trương Định lãnh đạo. Tại đây, ông cho xây dựng một chiến lũy, gọi là lũy Sơn Quy. Lũy này được đắp bằng đất, cao khoảng 1 m, nằm dọc theo rạch Sơn Quy. Ngoài ra, nghĩa quân còn đắp một chiến lũy nữa, gọi là lũy Dung Giang. Lũy này nằm về phía Tây giồng Sơn Quy, gồm có nhiều đoạn, bắt đầu từ Xóm Mới ở cuối Giồng Sơn Quy chạy dọc theo rạch Gò Công, tạo thành hình vòng cung bảo vệ giồng Sơn Quy.

Tại ngã ba rạch Sơn Quy và rạch Gò Công là điểm xung yếu, nên lũy ở đoạn này được đắp kiên cố, dài 300 mét, cao khoảng 2 m. Về phía bắc giồng Sơn Quy, tại ngã ba làng Tân Niên Trung (xã Tân Trung ngày nay) còn có một lũy khác, gần đồn chính có một gò đất cao, gọi là gò Thổ Sơn, được dùng làm nơi các tướng lĩnh nghĩa quân quan sát, chỉ huy trận địa. Đặc biệt, Trương Định còn được phép sử dụng ngôi Từ đường thích lý họ Phạm làm đại bản doanh của cuộc khởi nghĩa, bởi vì vợ thứ của ông là Trần Thị Sanh, gọi Đức Quốc công Phạm Đăng Hưng bằng cậu ruột, nhận được ý chỉ của Thái hậu Từ Dụ (Từ Dũ) là phải ủng hộ cuộc khởi nghĩa Trương Định.

Sau khi Trương Định tuẫn tiết (20/8/1864), nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu có sáng tác 10 bài thơ điếu Trương Định, trong đó bài điếu thứ bảy có nhắc Gò Rùa:

Mây giăng Truông Cóc, đường quan[3] *vắng,*

Trăng xế Gò Rùa, tiếng đẩu[4] *tan.*

Địa danh giồng Sơn Quy được phản ảnh qua nghệ thuật cải lương với vở *Cờ nghĩa giồng Sơn Quy*, đề cập đến cuộc khởi nghĩa Trương Định, do soạn giả, Nghệ nhân ưu tú Huỳnh Anh sáng tác. Vở cải lương này được Đoàn Nghệ thuật tổng hợp Tiền Giang dàn dựng tham gia Hội diễn sân khấu cải lương chuyên nghiệp toàn quốc năm 2009 đã xuất sắc giành được 5 huy chương, bao gồm 1 Huy chương Bạc dành cho vở diễn, 2 Huy chương Vàng và 2 Huy chương Bạc cho cá nhân.

*** Sưu tầm, thống kê, phân loại, nghiên cứu, biên soạn địa danh gò:**

Khái niệm:

[3] Đường quan: là đường cái quan (giống như quốc lộ bây giờ) từ Gia Định xuống Gò Công.
[4] Tiếng đẩu: tiếng mõ điểm canh trong đêm.

Gò: Khoảng đất nổi cao lên giữa nơi bằng phẳng.

1. Gò Công

Có nhiều tài liệu viết về địa danh Gò Công như: *Gia Định Thành Thông Chí* của Trịnh Hoài Đức, *Gò Công xưa* của Huỳnh Minh, *Gò Công cảnh cũ người xưa* của Việt Cúc, *Tự vị tiếng nói miền Nam của* Vương Hồng Sển,… Nhưng vẫn còn nhiều tranh luận về địa danh Gò Công.

- Quyển *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức viết "Gò Công là Khổng Tước Nguyên"[5].

- Quyển *Gò Công xưa* của Huỳnh Minh đưa ra hai giả thuyết: "Thuyết thứ nhất, vào thời chúa Nguyễn Phúc Tần định cuộc di dân nam tiến thì người dân Việt Nam mới vào định cư vùng này. Lúc này Gò Công là nơi rừng rậm chưa có người ở. Đặc biệt tại xứ này có một cái gò cao và có nhiều giống chim Công nên được gọi là Gò Công từ đó. Trong sử có ghi chép một đoạn về danh từ các tỉnh như sau. Khi vua Minh Mạng ra lệnh cho các quan địa phương đổi tên Nôm các tỉnh thành chữ Nho cho tao nhã thì Gò Công có tên là Khổng Tước Nguyên (Khổng Tước: là con công, Nguyên: là gò), Đồng Nai đổi thành Lộc Dã, Bến Tre đổi thành Trúc Giang, Sóc Trăng đổi thành Nguyệt Giang,…

Thuyết thứ hai, lần đầu tiên tại xứ này có một bà tên là Thị Công đến lập quán bán thức ăn cho dân khai thác đồn điền. Lần hồi, thấy Gò Công là nơi dễ sinh sống nên dân chúng thành lập làng mạc. Số người ở ngày càng đông do đó dân địa phương quen gọi là quán Bà Công đến sau trở thành một địa danh vắn tắt là Gò Công"[6].

- Quyển *Gò Công cảnh cũ người xưa* của Việt Cúc: "Gò Công thuở xưa như một bán đảo hoang, bao bọc bởi rừng cây và sông to bể cả, ba phía. Trung tâm của tỉnh là một gò đất cao ráo, nằm kề bên ngọn rạch rẽ nhánh chia đôi ra làm hai khu vực: Nam và Bắc. Thuở chưa khai phá, vùng đất này rậm rạp nhiều gai chông. Loài chim công chiếm cứ làm tổ rất êm nên gọi là Khổng Tước Nguyên, tức là gò Chim Công"[7].

- Quyển *Tự vị tiếng nói miền Nam* của Vương Hồng Sển cũng viết: có hai thuyết về Gò Công, người Khmer gọi là Srok kompong kakol. Quyển Lexique Francais Cambodgien A. Pannentier thì Pháp gọi chim công là paon, Khmer gọi là "kâ ngôk" chưa đúng là "kaoh". Tự điển Khmer Pháp J.B.Bernard không có chữ "kaol", lại có chữ "dòm kâko": cây mun mà Gò Công có trước đây rất nhiều. Nhưng đồng thời, tác giả cũng ghi nhận Gò Công là "Khổng Tước Nguyên"[8].

---

[5] Trịnh Hoài Đức (1998), *Gia Định thành Thông chí*, Đỗ Mộng Khương, Nguyễn Ngọc Tỉnh dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, Nxb Giáo Dục, trang 43.
[6] Huỳnh Minh (2001), *Gò Công xưa*, Nxb Thanh Niên, trang 9.
[7] Việt Cúc (1999), *Gò Công cảnh cũ người xưa*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, trang 17.
[8] Vương Hồng Sển (1999), *Tự vị tiếng nói miền Nam*, Nxb Trẻ, 1999, trang 337 - 338.

- Quyển *Địa chí Tiền Giang* lý giải về địa danh Gò Công như sau: "Gò Công tên chữ là Khổng tước nguyên, có nghĩa là gò chim công. Có người cho rằng, Gò Công là vùng đồng bằng thì làm gì có loại chim công - loài chim chỉ sống vùng rừng núi. Có thể Gò Công gốc là một địa danh ở Trao Trảo (Thủ Đức) đưa xuống (tương tự như trường hợp dân đánh cá đã đem địa danh Gò Công đặt cho một con sông gần mũi Cà Mau). Do vậy, giới thương hồ ngày xưa có thói quen phân biệt Gò Công - Trao Trảo (Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh) với Gò Công - Rạch Lá (Gò Công, tỉnh Tiền Giang)"[9].

Qua các dữ liệu trên, chúng tôi nhận thấy đa số các tác giả đều nghiêng về thuyết: Gò Công là gò Chim Công mà dân gian đã nói tắt thành Gò Công, tên chữ Hán Nôm là Khổng Tước Nguyên. Theo cách giải thích này, địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Động vật (Chim công: là loài chim thuộc họ Trĩ, chi Công, tên chữ Hán Nôm là Khổng tước, chim công đực có màu sắc rất đẹp).

Về hành chính, năm 1820, toàn bộ vùng đất Gò Công ngày nay thuộc huyện Kiến Hòa, trấn Định Tường. Năm 1831, thuộc huyện Kiến Hòa, tỉnh Định Tường. Năm 1841, thuộc huyện Tân Hòa, tỉnh Gia Định.

Năm 1864, thuộc hạt thanh tra Tân Hòa. Năm 1867, đổi tên thành hạt thanh tra Gò Công. Năm 1876, thuộc hạt tham biện Gò Công. Năm 1900, tỉnh Gò Công được thành lập. Năm 1913, giải thể tỉnh Gò Công, trở thành quận Gò Công thuộc tỉnh Mỹ Tho. Năm 1924, tái lập tỉnh Gò Công. Năm 1956, sáp nhập tỉnh Gò Công vào tỉnh Định Tường. Năm 1963, tái lập tỉnh Gò Công, tồn tại đến năm 1975.

Về phía chính quyền cách mạng, năm 1951, Ủy ban Kháng chiến Hành chánh Nam Bộ ra Quyết định sáp nhập 3 tỉnh: Mỹ Tho, Tân An, Gò Công thành một tỉnh có tên là tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công trở thành huyện Gò Công. Sau năm 1954, lại trả về 3 tỉnh như cũ, trong đó có tỉnh Gò Công. Năm 1957, sáp nhập tỉnh Gò Công vào tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công thành huyện Gò Công. Năm 1968, tái lập tỉnh Gò Công, tồn tại đến năm 1975.

Năm 1976, hợp nhất tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công, thành phố Mỹ Tho thành tỉnh Tiền Giang, tỉnh Gò Công thành huyện Gò Công. Năm 1979, tách huyện Gò Công thành huyện Gò Công Đông và huyện Gò Công Tây. Năm 1987, tái lập thị xã Gò Công. Năm 2008, tách một số xã của huyện Gò Công Đông và huyện Gò Công Tây thành lập huyện Tân Phú Đông. Như vậy, kể từ năm 2008, vùng đất Gò Công xưa có 4 đơn vị hành chính là thị xã Gò Công, huyện Gò Công Đông, huyện Gò Công Tây và huyện Tân Phú Đông.

2. Gò Tre

[9] Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Quang Ân (2007), *Địa chí Tiền Giang (tập 2)*, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tiền Giang và Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, trang 573.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Thực vật (Cây tre: là cây thân gỗ lâu năm, rỗng ruột và mang rễ chùm. Thân tre chia thành các đốt. Cây tre trong tự nhiên có thể mọc thành cụm hoặc mọc dài thành lũy (lũy tre). Cây tre là một phần trong văn hóa của người Việt, có nhiều công dụng: vật liệu xây dựng, ẩm thực, làm một số vật dụng,…).

Gò Tre là gò có lũy tre mọc dày đặc, rộng khoảng 5 ha, nay là tên ấp, thuộc xã Long Thuận, thị xã Gò Công.

Gò Tre gắn liền với sự kiện Võ Tánh tụ binh ở đây và Đền thờ ông dưới tên gọi Võ Quốc công miếu.

Năm 1788, Võ Tánh từ Mười tám thôn Vườn Trầu (nay thuộc huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh) kéo binh đến Gò Tre. Tại đây, dựa vào những lũy tre mọc ken dày, rậm rạp, vững chãi, chắc chắn, ông xây dựng căn cứ, tập hợp hào kiệt khắp nơi, lập ra đạo quân Kiến Hòa, dựng cờ "Khổng Tước Nguyên Võ". Ông có công trong việc giúp nhân dân địa phương khai hoang lập ấp và "diệt gian trừ bạo", bảo vệ cuộc sống yên lành cho người dân. Về sau, ông mang đạo quân của mình gia nhập lực lượng của chúa Nguyễn Phúc Ánh, lập được nhiều chiến tích.

Năm 1801, ông mất trong khi giữ thành Bình Định. Tại Gò Tre, nhân dân sở tại đã xây dựng miếu thờ ông. Trải qua nhiều lần trùng tu, năm 2017, được Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang quan tâm, cấp kinh phí, đền thờ ông được khánh thành rất khang trang, tươi đẹp và nghiêm kính. Hiện nay, đền thờ ông tọa lạc tại đường Nguyễn Thìn, ấp Gò Tre, xã Long Thuận, thị xã Gò Công.

*** Địa danh Việt gốc Pháp :**

Thành Săng Đá

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng quân sự (Thành: là công trình được xây đắp kiên cố để phòng thủ) + Tên Tiếng Pháp mang tính chất quân sự (Săng Đá: gọi trại từ tiếng Pháp Soldat (đọc theo Tiếng Việt: Xon-đa): binh lính).

Thành Săng Đá là thành lính, được chính quyền thực dân Pháp xây dựng kiên cố năm 1886 tại thị xã Gò Công. Thành này có lính Pháp và lính da đen trấn giữ. Phía sau thành là khu quân sự rất rộng, gồm có Trại lính khố xanh, Sở Tạo tác và các cơ sở hành chánh. Phía trước thành là một con rạch, có cầu bắc ngang qua, gọi là cầu Quan, vì cầu này dẫn đến dinh quan Chánh tham biện hạt Gò Công.

Sau năm 1954, thành được cải tạo làm trường học; đó là Trường Nam tiểu học tỉnh Gò Công; hiện là Trường Tiểu học Phường 1, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

*** Địa hình thiên nhiên, thực vật:**

1. Ấp Giồng Cát

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Địa hình thiên nhiên (Giồng) + Vậy liệu dạng hạt (Cát).

Ấp Giồng Cát thuộc xã Long Hòa, thị xã Gò Công, là tổ chức dân cư mà ở đó giồng được cấu tạo hoàn toàn bằng cát.

Ấp Giồng Cát đông giáp ấp Kim Liên, cùng xã, tây giáp ấp Phú Quới, xã Yên Luông, bắc giáp ấp Chợ Mới, cùng xã, nam giáp ấp Xóm Thủ, xã Bình Tân; diện tích tự nhiên 130 ha; dân số (năm 2019): 1.126 người, nam 529, nữ 597; được công nhận ấp văn hóa.

2. Ấp Gò Tre

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Địa hình thiên nhiên (Gò) + Thực vật (Tre).

Ấp Gò Tre thuộc xã Long Thuận, thị xã Gò Công, là tổ chức dân cư mà xưa kia nơi đây là cái gò có nhiều bụi tre.

Ấp Gò Tre đông giáp ấp Xóm Dinh, cùng xã, tây giáp xã Long Hưng, bắc giáp xã Tân Đông, nam giáp ấp Thuận Hòa và ấp Thuận An, cùng xã; diện tích tự nhiên 200 ha; dân số (năm 2019): 2.176 người, nam 967, nữ 1.209; được công nhận ấp văn hóa.

*** Địa danh chỉ đơn vị hành chính:**

1. Hạt Tham biện Gò Công (Arrondissement de Gocong: 1871-1876)

Hạt Tham biện Gò Công cũng được thành lập năm 1871, lỵ sở đặt tại Gò Công (địa phận hai làng Thuận Ngãi và Thuận Tắc), gồm 4 tổng, 39 làng:

- Tổng Hòa Đồng Thượng có 7 làng.
- Tổng Hòa Đồng Hạ có 11 làng.
- Tổng Hòa Lạc Thượng có 9 làng.
- Tổng Hòa Lạc Hạ có 12 làng.

Ngày 25/4/1871, cù lao Lợi Quan được sáp nhập vào hạt Tham biện Gò Công.

Năm 1872, theo Niên giám Nam Kỳ (Annuaire de la Cochinchine), hạt Tham biện Gò Công có 4 tổng với 45 làng; cụ thể như sau:

- Tổng Hòa Đồng Thượng có 8 làng.
- Tổng Hòa Đồng Hạ có 15 làng.
- Tổng Hòa Lạc Thượng có 10 làng.
- Tổng Hòa Lạc Hạ có 12 làng.

Theo Nghị định năm 1876, hạt Tham biện Gò Công có 4 tổng, 40 làng:

- Tổng Hòa Đồng Thượng có 8 làng.

- Tổng Hòa Đồng Hạ có 10 làng.

- Tổng Hòa Lạc Thượng có 10 làng.

- Tổng Hòa Lạc Hạ có 12 làng.

2. Khu vực hành chính Gò Công (Circonscription administratives de Gocong: 1876-1899)

Do địa bàn hẹp nên Khu vực hành chính Gò Công không có các Trung tâm hành chính mà chỉ có 4 tổng trực thuộc với 40 làng:

- Tổng Hòa Đồng Thượng có 8 làng.

- Tổng Hòa Đồng Hạ có 10 làng.

- Tổng Hòa Lạc Thượng có 10 làng.

- Tổng Hòa Lạc Hạ có 12 làng.

3. Quận Gò Công

Ngày 09-02-1913, tỉnh Gò Công được giải thể để thành lập quận Gò Công thuộc tỉnh Mỹ Tho.

Ngày 13/12/1913, 7 làng Bình Công, Long Chánh, Vĩnh Thạnh, Vĩnh Trị, Vĩnh Lợi, Yên Luông Đông và Yên Luông Tây của tổng Hòa Đồng Hạ được tách ra để thành lập thêm tổng Hòa Đồng Trung. Như vậy, vào cuối năm 1913, quận Gò Công có 5 tổng, 38 làng:

- Tổng Hòa Đồng Thượng có 5 làng: Bình Phú Đông, Bình Phú Tây, Bình Phục Nhì, Đồng Sơn, Thạnh Nhựt.

- Tổng Hòa Đồng Hạ có 9 làng: Bình Luông Đông, Bình Luông Tây, Bình Luông Trung, Long Hựu, Long Thạnh, Phú Thạnh Đông, Tân Cương, Tân Thới, Vĩnh Hựu.

- Tổng Hòa Đồng Trung có 7 làng: Bình Công, Long Chánh, Vĩnh Thạnh, Vĩnh Trị, Vĩnh Lợi, Yên Luông Đông và Yên Luông Tây.

- Tổng Hòa Lạc Thượng có 7 làng: Bình Thạnh, Bình Thạnh Đông, Bình Xuân, Tân Niên Đông, Tân Niên Tây, Tân Niên Trung, Tân Phước.

- Tổng Hòa Lạc Hạ có 10 làng: Bình Ân, Dương Phước, Hòa Nghị, Kiểng Phước, Tân Bình Điền, Tân Duân Đông, Tân Duân Trung, Tân Hòa, Tân Thành, Thành Phố.

Đến ngày 20/02/1924, Gò Công được tái lập tỉnh. Như vậy, từ năm 1924, Gò Công không còn thuộc tỉnh Mỹ Tho.

4. Tỉnh Gò Công (Province de Gocong: 1900-1913; 1924-1954)

Khi mới thành lập (1900), tỉnh Gò Công diện tích 58.400 hecta, có 4 tổng, 40 làng:

- Tổng Hòa Đồng Thượng có 8 làng.

- Tổng Hòa Đồng Hạ có 10 làng.

- Tổng Hòa Lạc Thượng có 10 làng

- Tổng Hòa Lạc Hạ có 12 làng.

Năm 1910, tỉnh Gò Công có 4 tổng, 38 làng:

- Tổng Hòa Đồng Thượng có 5 làng: Bình Phú Đông, Bình Phú Tây, Bình Phục Nhì, Đồng Sơn, Thạnh Nhựt.

- Tổng Hòa Đồng Hạ có 16 làng: An Long Đông/Yên Luông Đông, An Long Tây/Yên Luông Tây, Bình Công, Bình Luông Đông, Bình Luông Tây, Bình Luông Trung, Long Chánh, Long Hựu, Long Thạnh, Phú Thạnh Đông, Tân Cương, Tân Thới, Vĩnh Hựu, Vĩnh Lợi, Vĩnh Thạnh, Vĩnh Trị.

- Tổng Hòa Lạc Thượng có 7 làng: Bình Thạnh, Bình Thạnh Đông, Bình Xuân, Tân Niên Đông, Tân Niên Tây, Tân Niên Trung, Tân Phước.

- Tổng Hòa Lạc Hạ có 10 làng: Bình Ân, Dương Phước, Hòa Nghị, Kiểng Phước, Tân Bình Điền, Tân Duân Đông, Tân Duân Trung, Tăng Hòa, Tân Thành, Thành Phố.

Ngày 09/02/1913, Thống đốc Nam kỳ cho giải thể tỉnh Gò Công để thành lập quận Gò Công thuộc tỉnh Mỹ Tho.

Đến ngày 20/02/1924, Gò Công được tái lập tỉnh, có 5 tổng và 40 làng:

- Tổng Hòa Đồng Thượng có 6 làng: Bình Phú Đông, Bình Phú Tây, Bình Phục Nhì, Đồng Sơn, Thạnh Nhựt, Bình Thành.

- Tổng Hòa Đồng Hạ có 8 làng: Bình Luông Đông, Bình Luông Tây, Bình Luông Trung, Long Hựu, Long Thạnh, Phú Thạnh Đông, Tân Cương, Tân Thới.

- Tổng Hòa Đồng Trung có 9 làng: Bình Công, Long Chánh, Vĩnh Hựu, Vĩnh Thạnh, Vĩnh Trị, Vĩnh Lợi, Vĩnh Viễn, Yên Luông Đông và Yên Luông Tây.

- Tổng Hòa Lạc Thượng có 7 làng: Bình Thạnh Đông, Bình Xuân, Gia Thuận, Tân Niên Đông, Tân Niên Tây, Tân Niên Trung, Tân Phước.

- Tổng Hòa Lạc Hạ có 10 làng: Bình Ân, Dương Phước, Hòa Nghị, Kiểng Phước, Tân Bình Điền, Tân Duân Đông, Tân Duân Trung, Tăng Hòa, Tân Thành, Thành Phố.

Đặc biệt, tỉnh Gò Công không có đơn vị hành chánh cấp quận. Tỉnh lỵ đặt tại làng Thành Phố, vốn là hai làng Thuận Tắc và Thuận Ngãi nhập lại.

5. Tỉnh Gò Công (Chính quyền cách mạng: 1968-1975)

Về phía chính quyền cách mạng, tỉnh Gò Công được tái lập năm tháng 8-1968, gồm có thị xã Gò Công, hai huyện Đông và Tây. Năm 1972, tỉnh Gò Công được chia lại các đơn vị hành chính để phù hợp với tình hình thực tiễn trên chiến trường, bao gồm thị xã Gò Công, Vùng 1 (tương ứng với quận Hòa Đồng theo cách đặt của chính quyền Sài Gòn), Vùng 2 (tương ứng với quận Hòa Tân theo cách đặt của chính quyền Sài Gòn), Vùng 3 (tương ứng với quận Hòa Bình theo cách đặt của chính quyền Sài Gòn), Vùng 4 (tương ứng với quận Hòa Lạc theo cách đặt của chính quyền Sài Gòn). Các đơn vị hành chính này tồn tại đến ngày 30-4-1975.

6. Tỉnh Gò Công (Chính quyền Sài Gòn: 1954-1956; 1963-1975)

Tháng 4-1955, tỉnh Gò Công vẫn được duy trì với hai quận mới lập là quận Châu Thành và quận Hòa Đồng, 43 làng:

- Quận Châu Thành có 2 tổng: tổng Hòa Lạc Thượng có 7 làng, tổng Hòa Lạc Hạ có 10 làng. Quận lỵ: làng Thành phố;

- Quận Hòa Đồng có 3 tổng: tổng Hòa Đồng Hạ có 8 làng, tổng Hòa Đồng Trung có 9 làng, tổng Hòa Đồng Thượng có 9 làng. Quận lỵ: làng Đồng Sơn.

Đầu năm 1956, tỉnh Gò Công có diện tích là 584 km², dân số là 135.330 người. Riêng ở tỉnh lỵ Gò Công (tức địa bàn làng Thành phố), dân số là 7.570 người. Cũng sau năm 1956, các làng gọi là xã; làng Thành phố đổi tên thành xã Long Thuận và là nơi đặt quận lỵ của quận Gò Công.

Tháng 11/1956, chính quyền Sài Gòn hợp nhất tỉnh Gò Công và tỉnh Mỹ Tho để thành lập tỉnh Định Tường; giữ nguyên quận Hòa Đồng và quận Châu Thành được đổi tên thành quận Gò Công:

- Quận Hòa Đồng có 2 tổng, 16 xã; quận lỵ đặt tại xã Đồng Sơn; chia ra như sau:

+ Tổng Hòa Đồng Thượng: có 09 xã: Vĩnh Bình (Vĩnh Lợi và Bình Phú Tây cũ), Đồng Sơn, Bình Phú Đông, Thành Công (Bình Thành và Bình Công cũ), Thạnh Trị (Vĩnh Thạnh và Vĩnh Trị cũ), Bình Phục Nhì, Thạnh Nhựt, Vĩnh Viễn và Vĩnh Hựu.

+ Tổng Hòa Đồng Hạ: có 07 xã: Long Hựu, Bình Luông Đông, Tân Thới, Phú Thạnh Đông, Bình Long (Bình Luông Tây và Long Thạnh cũ), Yên Luông (Yên Luông Đông và Yên Luông Tây cũ), Bình Tân (Bình Luông Trung và Tân Cương cũ).

- Quận Gò Công có 2 tổng, 15 xã, quận lỵ đặt tại xã Long Thuận, chia ra như sau:

+ Tổng Hòa Lạc Thượng: có 08 xã: Bình Thạnh Đông, Bình Xuân, Gia Thuận, Tân Niên Đông, Tân Niên Tây, Tân Niên Trung, Tân Phước, Kiểng Phước.

+ Tổng Hòa Lạc Hạ: có 07 xã: Bình Ân, Phước Trung (Dương Phước và Tân Duân Trung cũ), An Hòa (Hòa Nghị và Tân Duân Đông), Tân Bình Điền, Tăng Hòa, Tân Thành, Long Thuận (Thành Phố và Long Chánh cũ).

Ngày 20-12-1963, chính quyền Sài Gòn cho tái lập tỉnh Gò Công, phía bắc với giáp hai tỉnh Long An và Gia Định (nay thuộc TP Hồ Chí Minh), phía đông giáp Biển Đông, phía nam giáp tỉnh Kiến Hòa (nay là tỉnh Bến Tre), phía tây giáp tỉnh Định Tường (nay là tỉnh Tiền Giang). Ranh giới phía nam của Gò Công là sông Cửa Tiểu, ranh giới phía bắc là sông Vàm Cỏ Tây, còn ranh giới phía đông bắc là sông Nhà Bè đổ ra cửa Xoài Rạp.

Ngày 31-12-1963, dời quận lỵ quận Hòa Đồng từ xã Đồng Sơn đến xã Vĩnh Bình.

Ngày 6-4-1965, chia quận Gò Công thành 2 quận: quận Hòa Tân, quận lỵ đặt tại xã Tân Niên Tây với 9 xã; quận Hòa Lạc, quận lỵ tại xã Tăng Hòa với 9 xã; chia quận Hòa Đồng thành 2 quận: quận Hòa Đồng, quận lỵ tại xã Vĩnh Bình với 8 xã; quận Hòa Bình, quận lỵ đặt tại xã Bình Long Đông với 5 xã. Như vậy, tỉnh Gò Công có 4 quận. Cũng từ thời điểm này trở đi, cấp tổng bị giải thể, không còn tồn tại nữa.

Năm 1970, tỉnh Gò Công có 4 quận, 32 xã, diện tích 570 km², dân số 189.473 người, tỉnh lỵ đặt tại xã Long Thuận. Cụ thể như sau:

TT	TÊN QUẬN / TÊN XÃ	DIỆN TÍCH (km²)	DÂN SỐ (Người)
I	**Quận Hòa Tân: 10 xã, quận lỵ đặt tại xã Tân Niên Tây**	**158,7**	**49.463**
1	Bình Thạnh Đông	23,5	6.704
2	Bình Xuân	18,9	4.700
3	Gia Thuận	11,3	815
4	Kiểng Phước	23,6	5.603
5	Tân Niên Đông	15,3	4.405
6	Tân Niên Tây	13,7	7.437
7	Tân Niên Trung	15,4	5.040
8	Tân Phước	17,4	7.689
9	Thành Công	7,6	1.257
10	Vàm Láng	12,0	5.813
II	**Quận Hòa Lạc: 9 xã, quận lỵ đặt**	**158,2**	**75.032**

	tại xã Tăng Hòa		
11	An Hòa	10,2	5.357
12	Bình Ân	19,5	5.655
13	Bình Tân	8,9	2.508
14	Long Thuận	15,6	36.410
15	Phước Trung	17,1	5.252
16	Tăng Hòa	20,0	5.705
17	Tân Bình Điền	15,8	2.197
18	Tân Thành	40,0	6.059
19	Yên Luông	11,1	5.889
III	**Quận Hòa Bình: 5 xã, quận lỵ đặt tại xã Bình Long/Luông Đông**	**126,7**	**28.824**
20	Bình Long	15,5	3.291
21	Bình Long/Luông Đông	13,1	4.656
22	Long Hựu	8,0	2.183
23	Phú Thạnh Đông	57,2	5.317
24	Tân Thới	32,9	9.447
IV	**Quận Hòa Đồng: 8 xã, quận lỵ đặt tại xã Vĩnh Bình**	**126,4**	**40.154**
25	Bình Phú Đông	19,8	4.277
26	Bình Phục Nhì	19,1	5.980
27	Đồng Sơn	23,7	6.933
28	Thạnh Nhựt	8,2	2.666
29	Thạnh Trị	20,9	6.826
30	Vĩnh Bình	12,6	9.061
31	Vĩnh Hựu	12,0	1.929
32	Vĩnh Viễn	10,1	2.555

Các cấp hành chánh này tồn tại cho đến ngày 30/4/1975.

7. Tỉnh Tiền Giang

*** Diễn tiến hành chính**

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta đã hoàn toàn thắng lợi vào ngày 30-4-1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Ngày 20-9-1975, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 245-NQ/TƯ về việc giải thể cấp khu, hợp nhất tỉnh trong toàn quốc "nhằm xây dựng các tỉnh thành những đơn vị kinh tế, kế hoạch và đơn vị hành chính có khả năng giải quyết đến mức cao nhất những yêu cầu về đẩy mạnh sản xuất, tổ chức đời sống vật chất, văn hóa của nhân dân, về củng cố quốc phòng, bảo vệ trị an, và có khả năng đóng góp tốt nhất vào sự nghiệp chung của cả nước". Theo Nghị quyết này, 4 tỉnh Mỹ Tho, Gò Công, Long An, Bến Tre sẽ hợp lại thành một tỉnh, tên gọi sẽ do địa phương đề nghị lên. Nhưng ngày 20-12-1975, Bộ Chính trị lại ra Nghị quyết số 19/NQ điều chỉnh lại việc hợp tỉnh ở miền Nam Việt Nam cho sát với tình hình thực tế, theo đó tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công và thành phố Mỹ Tho hợp lại thành một tỉnh. Ngày 24-2-1976, Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ban hành Nghị quyết số 03-NQ/1976 về việc giải thể khu, hợp nhất tỉnh ở miền Nam Việt Nam. Theo Nghị quyết này tại miền Nam có 21 đơn vị trực thuộc Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, trong đó có tỉnh Tiền Giang do nhập tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công và thành phố Mỹ Tho.

Tỉnh Tiền Giang bấy giờ có 6 đơn vị hành chính trực thuộc là các huyện: Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công và thành phố Mỹ Tho. Tỉnh lỵ là thành phố Mỹ Tho, được công nhận là đô thị loại 3 trực thuộc tỉnh.

Sau đó, trên địa bàn tỉnh Tiền Giang có những sự điều chỉnh về hành chính như sau:

Ngày 26-3-1977, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 77-CP về việc chuyển thị xã Gò Công thuộc tỉnh Tiền Giang thành thị trấn Gò Công thuộc huyện Gò Công cùng tỉnh.

Ngày 12-4-1979, trên địa bàn huyện Cai Lậy, xã Thạnh Phú chia thành 2 xã mới Thạnh Lộc và Phú Cường, hợp nhất 2 xã Hội Sơn, Xuân Sơn thành xã Hội Xuân; trên địa bàn huyện Cái Bè, chia xã Hậu Mỹ Nam thành 2 xã Hậu Mỹ Phú, Hậu Mỹ Trinh; chia xã Hậu Mỹ Bắc thành 2 xã Hậu Mỹ Bắc A, Hậu Mỹ Bắc B; chia xã Mỹ Thiện thành 2 xã Thiện Trí, Thiện Trung; chia xã Thanh Hưng thành 2 xã Tân Thanh, Tân Hưng; chia xã Mỹ Lợi thành 2 xã Mỹ Lợi A, Mỹ Lợi B.

Ngày 13-4-1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 155-CP về việc chia huyện Gò Công thành huyện Gò Công Đông và huyện Gò Công Tây.

Như vậy, đến tháng 4-1979, tỉnh Tiền Giang có 7 đơn vị hành chính trực thuộc là các huyện: Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây và thành phố Mỹ Tho.

Ngày 13-2-1987, giải thể xã Tăng Hòa để thành lập thị trấn Tân Hòa là thị trấn huyện lỵ Gò Công Đông.

Ngày 16-2-1987, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 37-HĐBT về việc thành lập thị xã Gò Công trực thuộc tỉnh Tiền Giang trên cơ sở thị trấn Gò Công cũ và 1 phần diện tích và dân số của 2 huyện Gò Công Đông, Gò Công Tây.

Như vậy, đến tháng 2-1987, tỉnh Tiền Giang có 8 đơn vị hành chính trực thuộc là: thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây.

Ngày 23-11-1990, lập xã mới Mỹ Tân thuộc huyện Cái Bè trên cơ sở các phần đất và dân số tách từ các xã Mỹ Trung, Mỹ Lợi B, Mỹ Đức Tây và Nông trường Ngô Văn Nhạc.

Ngày 9-3-1992, trích 1 phần diện tích và dân số xã Phú Đông, huyện Gò Công Đông để thành lập xã Phú Tân.

Ngày 11-7-1994, Chính phủ ban hành Nghị định số 68-CP về việc thành lập huyện Tân Phước trên cơ sở tách một phần diện tích và dân số của của 2 huyện Cai Lậy và Châu Thành.

Như vậy, đến tháng 7-1994, tỉnh Tiền Giang có 9 đơn vị hành chính trực thuộc là: thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phước.

Ngày 14-1-2002, lập xã mới Tân Thạnh thuộc huyện Gò Công Tây trên cơ sở các phần đất tách từ các xã Tân Phú, Tân Thới và Phú Thạnh; tái lập xã Tăng Hòa thuộc huyện Gò Công Đông trên cơ sở phần đất và dân số tách từ thị trấn Tân Hòa.

Ngày 9-12-2003, lập phường Tân Long thuộc thành phố Mỹ Tho do cải biến xã Tân Long; lập phường 9 do tách một phần đất và dân số từ xã Tân Mỹ Chánh; lập phường 10 do tách một phần đất và dân số từ 2 xã Đạo Thạnh và Trung An; lập phường 5 thuộc thị xã Gò Công do tách một phần đất và dân số từ xã Long Hòa; chia xã Hội Cư của huyện Cái Bè thành 2 xã An Cư và Mỹ Hội.

Ngày 07-10-2005, Thủ tướng chính phủ ban hành Quyết định số 248/2005/QĐ-TTg về việc công nhận thành phố Mỹ Tho là đô thị loại 2 trực thuộc tỉnh.

Ngày 21-01-2008, Chính phủ ban hành Nghị định số 09/2008/NĐ-CP, về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Gò Công Đông và Gò Công Tây để mở rộng thị xã Gò Công và thành lập huyện Tân Phú Đông. Theo đó, huyện Tân Phú Đông bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên và nhân khẩu của các xã: Tân Thới, Tân Phú, Phú Thạnh, Tân Thạnh của huyện Gò Công Tây và toàn bộ diện tích tự nhiên và nhân khẩu của xã Phú Đông và xã Phú Tân của huyện Gò Công Đông.

Như vậy, đến tháng 01-2008, tỉnh Tiền Giang có 10 đơn vị hành chính trực thuộc là: thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phước và Tân Phú Đông.

Ngày 29-6-2009, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 28/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Châu Thành, huyện Chợ Gạo để mở rộng địa giới hành chính thành phố Mỹ Tho; điều chỉnh địa giới hành chính xã, thành lập xã thuộc thành phố Mỹ Tho, huyện Châu Thành, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 30-9-2010, thành lập thị trấn Vàm Láng thuộc huyện Gò Công Đông.

Ngày 26-12-2013, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 130/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Cai Lậy để thành lập thị xã Cai Lậy và huyện Cai Lậy.

Như vậy, đến tháng 12-2013, tỉnh Tiền Giang diện tích là 250.830,36 ha, dân số có 1.712.547 người, gồm 01 thành phố (Mỹ Tho), 02 thị xã (Cai Lậy và Gò Công), 08 huyện (Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phú Đông và Tân Phước), 157 xã, phường, thị trấn (128 xã, 22 phường, 7 thị trấn). Cụ thể như sau:

TT	Xã, phường, thị trấn	Diện tích (ha) (Dấu , là ngàn; dấu . là số lẻ)	Dân số (người)
I	**Huyện Cái Bè**	**42,089.82**	**291,627**
1	Thị trấn Cái Bè	426.26	16,856
2	An Thái Đông	728.12	9,834
3	Hậu Mỹ Phú	1,120.44	7,306
4	An Cư	1,142.82	14,211
5	Hậu Thành	1,163.09	14,354
6	Mỹ Đức Đông	1,208.66	9,445
7	Thiện Trí	1,314.59	9,210
8	Mỹ Hội	1,377.24	8,383
9	An Hữu	1,411.36	17,263

10	Hoà Hưng	1,540.34	15,335
11	Mỹ Lương	1,608.97	10,370
12	Tân Thanh	1,634.06	10,427
13	Mỹ Tân	1,736.26	4,893
14	Mỹ Lợi A	1,747.61	10,298
15	Đông Hoà Hiệp	1,781.23	14,023
16	Tân Hưng	1,888.60	12,282
17	An Thái Trung	1,911.87	14,901
18	Mỹ Lợi B	1,912.95	7,414
19	Mỹ Đức Tây	1,975.46	13,965
20	Hậu Mỹ Bắc B	1,977.17	10,480
21	Thiện Trung	2,018.96	8,991
22	Hoà Khánh	2,253.21	20,142
23	Mỹ Trung	2,416.47	8,347
24	Hậu Mỹ Bắc A	2,626.04	12,787
25	Hậu Mỹ Trinh	3,168.04	10,110
II	**Huyện Cai Lậy**	**29,599.36**	**186,583**
1	Hiệp Đức	1,013.78	5,977
2	Mỹ Thành Bắc	1,748.73	8,075

3	Cẩm Sơn	1,241.58	8,009
4	Hội Xuân	1,168.68	8,880
5	Mỹ Long	1,280.75	9,158
6	Phú Nhuận	1,363.58	9,206
7	Thạnh Lộc	2,384.06	11,298
8	Long Tiên	1,644.10	12,001
9	Long Trung	1,511.30	12,141
10	Phú Cường	3,259.79	12,733
11	Mỹ Thành Nam	2,179.25	12,652
12	Tân Phong	2,469.99	12,594
13	Phú An	1,577.08	15,149
14	Ngũ Hiệp	2,780.00	16,117
15	Tam Bình	2,081.75	16,383
16	Bình Phú	1,894.94	16,210
III	**Thị xã Cai Lậy**	**14,018.95**	**123,775**
1	Phường 1	220.53	11,427
2	Phường 2	349.19	5,416
3	Phường 3	335.75	3,323
4	Phường 4	203.74	6,039

5	Phường 5	255.62	7,499
6	Phường Nhị Mỹ	553.84	4,586
7	Thanh Hoà	672.58	5,061
8	Tân Phú	826.44	5,410
9	Phú Quí	835.34	6,405
10	Mỹ Hạnh Trung	996.26	7,251
11	Mỹ Hạnh Đông	1,609.86	8,617
12	Nhị Quí	787.70	10,422
13	Tân Bình	900.93	5,669
14	Tân Hội	1,375.81	11,029
15	Mỹ Phước Tây	2,029.64	13,200
16	Long Khánh	2,065.72	12,421
IV	**Huyện Châu Thành**	**22,991.09**	**242,757**
1	Thị trấn Tân Hiệp	74.49	4,995
2	Dưỡng Điềm	341.58	6,192
3	Hữu Đạo	469.64	4,570
4	Tân Lý Tây	509.46	11,148
5	Thạnh Phú	733.81	9,686
6	Đông Hoà	758.96	9,530

7	Song Thuận	783.92	6,442
8	Bình Trưng	893.71	9,140
9	Phú Phong	900.03	6,980
10	Tân Hội Đông	913.62	7,589
11	Long An	591.85	9,258
12	Bàn Long	925.63	8,352
13	Tân Hương	1,103.29	15,170
14	Bình Đức	755.29	13,215
15	Kim Sơn	1,169.09	10,085
16	Thân Cửu Nghĩa	1,244.81	19,201
17	Điềm Hy	1,429.48	9,020
18	Long Hưng	1,475.67	12,355
19	Tân Lý Đông	1,555.24	14,275
20	Long Định	1,779.10	14,359
21	Nhị Bình	1,889.68	16,930
22	Tam Hiệp	2,121.40	14,015
23	Vĩnh Kim	571.34	10,250
V	**Huyện Tân Phước**	**33,321.74**	**57,561**
1	Thị trấn Mỹ Phước	279.40	2,792

2	Phú Mỹ	1,340.10	7,862
3	Tân Lập 2	1,647.54	2,278
4	Tân Hoà Thành	1,747.22	9,847
5	Thạnh Hoà	2,533.85	842
6	Tân Hoà Đông	2,677.93	1,593
7	Thạnh Mỹ	2,832.35	2,134
8	Tân Lập 1	2,870.98	5,549
9	Thạnh Tân	3,319.80	1,892
10	Hưng Thạnh	3,348.75	6,836
11	Tân Hoà Tây	3,352.21	4,257
12	Phước Lập	3,475.54	8,936
13	Mỹ Phước	3,896.07	2,743
VI	**Thành phố Mỹ Tho**	**8,154.10**	**220,014**
1	Phường 1	77.71	7,994
2	Phường 2	70.81	13,743
3	Phường 3	54.11	10,452
4	Phường 4	79.36	16,570
5	Phường 5	271.77	20,653
6	Phường 6	311.30	23,448

7	Phường 7	40.15	9,128
8	Phường 8	69.70	11,954
9	Phường 9	237.57	7,116
10	Phường 10	282.90	10,477
11	Phường Tân Long	272.79	3,470
12	Đạo Thạnh	1,031.47	15,866
13	Trung An	1,063.03	21,667
14	Tân Mỹ Chánh	931.59	12,271
15	Mỹ Phong	1,130.60	16,534
16	Phước Thạnh	1,017.60	12,291
17	Thới Sơn	1,211.64	6,380
VII	**Huyện Chợ Gạo**	**23,256.81**	**178,803**
1	Thị trấn Chợ Gạo	307.67	7,525
2	Hoà Tịnh	704.65	6,286
3	Bình Phan	1,059.00	7,039
4	Tân Bình Thạnh	1,126.85	7,555
5	Trung Hoà	1,077.76	6,452
6	Song Bình	932.58	8,055
7	Phú Kiết	1,154.46	9,942

8	Đăng Hưng Phước	1,476.48	11,151
9	Tân Thuận Bình	1,225.72	10,323
10	Long Bình Điền	1,192.33	11,875
11	Mỹ Tịnh An	1,143.39	8,782
12	Quơn Long	1,330.55	9,538
13	Thanh Bình	1,399.60	9,535
14	Hoà Định	1,359.25	8,136
15	Lương Hoà Lạc	1,007.99	12,477
16	Xuân Đông	1,514.64	8,666
17	An Thạnh Thuỷ	1,573.59	12,503
18	Bình Phục Nhứt	1,805.76	12,358
19	Bình Ninh	1,864.54	10,605
VIII	**Huyện Gò Công Tây**	**18,220.53**	**131,252**
1	Thành Công	810.52	5,934
2	Yên Luông	1,049.62	8,347
3	Bình Phú	1,321.53	7,569
4	Long Vĩnh	1,221.50	7,455
5	Đồng Sơn	1,483.55	8,844
6	Thạnh Trị	1,426.25	9,676

7	Bình Tân	1,669.13	10,368
8	Bình Nhì	1,375.49	11,750
9	Đồng Thạnh	1,567.52	10,351
10	Vĩnh Hựu	1,908.62	11,450
11	Thạnh Nhựt	1,783.72	12,821
12	Long Bình	1,839.67	15,055
13	Thị Trấn Vĩnh Bình	763.41	11,632
IX	**Huyện Gò Công Đông**	**26,768.16**	**142,797**
1	Thị trấn Tân Hoà	325.01	6,830
2	Tân Điền	2,002.19	7,182
3	Tăng Hoà	1,745.67	9,836
4	Phước Trung	2,103.03	10,201
5	Bình Ân	1,337.50	9,855
6	Tân Đông	1,137.91	10,002
7	Bình Nghị	1,319.05	11,176
8	Gia Thuận	1,912.06	6,066
9	Kiểng Phước	4,038.74	15,178
10	Tân Phước	2,194.76	13,857
11	Tân Thành	6,618.98	13,976

12	Thị trấn Vàm Láng	600.00	14,302
13	Tân Tây	1,433.26	14,336
X	**Thị xã Gò Công**	**10,198.49**	**96,877**
1	Phường 1	45.35	5,625
2	Phường 2	71.33	7,673
3	Phường 3	109.71	5,656
4	Phường 4	137.66	6,507
5	Phường 5	160.00	4,623
6	Long Hưng	657.22	5,241
7	Long Hoà	642.64	6,211
8	Long Chánh	768.26	5,584
9	Long Thuận	615.32	6,553
10	Bình Đông	2,244.87	13,776
11	Bình Xuân	2,786.41	16,056
12	Tân Trung	1,959.72	13,372
XI	**Huyện Tân Phú Đông**	**22,211.31**	**40,501**
1	Phú Thạnh	2,232.10	7,769
2	Tân Thới	2,138.26	10,248
3	Tân Phú	2,025.49	8,708

4	Tân Thạnh	2,237.03	4,374
5	Phú Tân	10,629.13	3,472
6	Phú Đông	2,949.30	5,930

Nguồn: Cổng Thông tin điện tử tỉnh Tiền Giang

Ngày 05-02-2016, Thủ tướng chính phủ ban hành Quyết định số 242/QĐ-TTg về việc công nhận thành phố Mỹ Tho là đô thị loại 1 trực thuộc tỉnh Tiền Giang.

Theo thống kê năm 2018, Tiền Giang có diện tích 2.087,315 km^2; dân số 1.763.237 người; 11 đơn vị hành chính cấp huyện (01 thành phố, 02 thị xã, 08 huyện), 173 đơn vị hành chính cấp xã (07 thị trấn, 22 phường và 144 xã).

Đơn vị hành chính	**TP Mỹ Tho**	**TX Cai Lậy**	**TX Gò Công**	**H. Cái Bè**	**H. Cai Lậy**	**H. Châu Thành**
Diện tích (km^2)	81,541	140,189	101,985	420,898	295,993	229,910
Dân số (người)	270.704	23.775	96.877	291.627	242.757	186.583
Mật độ dân (người/km^2)	3320	883	950	693	630	1056

Đơn vị hành chính	**H. Chợ Gạo**	**H. Gò Công Đông**	**H. Gò Công Tây**	**H. Tân Phú Đông**	**H. Tân Phước**
Diện tích (km^2)	232,568	267,681	182,205	222,113	333,217
Dân số (người)	178.803	142.797	131.252	40.501	57.561
Mật độ dân (người/km^2)	769	533	720	182	172

Nguồn: Cổng Thông tin điện tử tỉnh Tiền Giang

Năm 2021, tỉnh Tiền Giang có 11 đơn vị hành chính cấp huyện (01 thành phố (Mỹ Tho, đô thị loại 1), 02 thị xã (Cai Lậy và Gò Công, đều đô thị loại 3) và 8 huyện

(Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Tân Phước, Chợ Gạo, Gò Công Tây, Gò Công Đông và Tân Phú Đông) với 172 đơn vị hành chính cấp xã (07 thị trấn, 22 phường và 143 xã).

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tính đến ngày 01-8-2021, dân số toàn tỉnh đạt 1.783.165 người, mật độ dân số đạt 710 người/km². Trong đó dân số sống tại thành thị đạt 247.742 người, chiếm 14% dân số toàn tỉnh, dân số sống tại nông thôn đạt 1.516.443 người, chiếm 86% dân số. Dân số nam đạt 865.821 người, trong khi đó nữ đạt 898.364 người. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 15%.

*** Địa danh thị xã, xã, phường thuộc thị xã Gò Công: 13 địa danh**

1. Thị xã Gò Công

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính

Địa danh Gò Công có 03 cách giải thích:

- Thứ nhất: Tên gọi Gò Công do nơi này vào lúc người Việt đến khai khẩn (thế kỷ XVII) là vùng đất gò có nhiều chim công, tên chữ Hán là Khổng Tước nguyên.

- Thứ hai: Đây là vùng đất gò có quán bán tạp hóa của bà Công, nên có tên gọi là gò Bà Công; về sau, gọi tắt thành Gò Công.

- Thứ ba: Ở xã Ân Hữu, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định có địa danh núi Gò Công cao 198 m. Có thể, vào thế kỷ XVII, cư dân ở vùng núi Gò Công chuyển cư đến sinh sống và khai khẩn vùng đất mới. Tại đây, họ đã lấy tên Gò Công, vốn là quê hương bản quán, đặt tên cho nơi ở mới. Đây là trường hợp dịch chuyển địa danh do hiện tượng di dân.

Trong 03 cách giải thích nêu trên, cách giải thích thứ nhất được nhiều người chấp nhận nhất.

Vị trí địa lý:

Nằm ở phía Đông của tỉnh Tiền Giang; phía Đông giáp huyện Gò Công Đông; phía Tây giáp huyện Gò Công Tây; phía Bắc giáp tỉnh Long An; phía Nam giáp huyện Gò Công Tây và huyện Gò Công Đông.

Diện tích tự nhiên: 10.198,48 ha.

Hành chính:

Năm 2020, thị xã Gò Công có 12 đơn vị hành chính xã, phường, gồm:

- Phường 1, Phường 2, Phường 3, Phường 4, Phường 5.

- Xã Long Hưng, Long Thuận, Long Hòa, Long Chánh, Tân Trung, Bình Đông, Bình Xuân.

Lịch sử hình thành:

Thị xã Gò Công Đông là vùng đất được khai phá sớm ở Tiền Giang. Trong các thế kỷ XVII – XVIII, vùng đất thị xã Gò Công lúc đó lần lượt thuộc đạo Trường Đồn (1772); dinh Trường Đồn (1779); dinh Trấn Định (1781).

Năm 1808, dưới đời vua Gia Long, trung tâm thị xã Gò Công là thôn Bình Thuận Đông và thôn Bình Thuận Tây đông dân cư; phía bắc là thôn Tân Niên Trung, Bình Xuân, Bình Thạnh Đông vẫn còn là vùng rừng rộng lớn, ít dân cư, thuộc tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, trấn Định Tường.

Năm 1836, dưới đời vua Minh Mạng, vùng phía nam là hai thôn Bình Thuận Đông và thôn Bình Thuận Tây được đổi tên thành thôn Thuận Tắc và thôn Thuận Ngãi, vùng phía bắc là các thôn Bình Xuân, Bình Thạnh Đông, Bình Thạnh Tây, Mỹ Lợi, Mỹ Xuân và Tân Niên Trung; các thôn này thuộc tổng Hòa Lạc, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định. Năm 1841, dưới đời vua Thiệu Trị, thuộc hai tổng Hòa Lạc Thượng và Hòa Lạc Hạ, huyện Tân Hòa, phủ Hòa Thạnh, tỉnh Gia Định. Năm 1852, dưới đời vua Tự Đức, vẫn thuộc hai tổng Hòa Lạc Thượng và Hòa Lạc Hạ, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị, năm 1867, vùng đất thị xã Gò Công thuộc hai tổng Hòa Lạc Thượng và Hòa Lạc Hạ, hạt Thanh tra Gò Công. Năm 1871, vẫn thuộc hai tổng trên, hạt Tham biện Gò Công. Năm 1876, thuộc tổng Hòa Lạc Thượng và tổng Hòa Lạc Hạ, Tiểu khu hành chính Gò Công. Năm 1900, thuộc hai tổng Hòa Lạc Thượng và Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công.

Năm 1910, làng Bình Xuân, làng Tân Niên Trung vẫn ổn định, ba làng Bình Thạnh Tây, Mỹ Lợi, Mỹ Xuân nhập vào làng Bình Thạnh Đông, thuộc tổng Hòa Lạc Thượng; hai làng Thuận Tắc và Thuận Ngãi nhập lại thành làng Thành Phố thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công.

Năm 1913 -1923, tỉnh Gò Công và tỉnh Mỹ Tho hợp nhất lấy tên là tỉnh Mỹ Tho. Năm 1924, tỉnh Gò Công được tái lập, gồm 5 tổng, 40 làng. Làng Thành Phố là tỉnh ly.

Về phía chính quyền Cách mạng, sau khi Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, tỉnh Gò Công có 5 khu vực hành chính gồm: Tân Niên Tây, Tăng Hòa, Bình Luông Đông, Đồng Sơn và Thị xã Gò Công. Năm 1951, khi tỉnh Mỹ Tho (mới) được thành lập, còn gọi là tỉnh Mỹ Tân Gò, vùng đất thị xã Gò Công thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho.

Sau Hiệp định Genève (1954) đến cuối năm 1956, chính quyền Sài Gòn nhập tỉnh Gò Công và tỉnh Mỹ Tho thành tỉnh Định Tường. Gò Công chia thành 2 quận: Gò Công và Hòa Đồng. Tại quận Gò Công, làng Thành Phố và làng Long Chánh nhập lại, thành xã Long Thuận. Quận lỵ Gò Công đóng tại xã Long Thuận.

Năm 1963, tái lập tỉnh Gò Công gồm 2 quận: Gò Công và Hòa Đồng. Tỉnh lỵ Gò Công đóng tại xã Long Thuận.

Năm 1965, tỉnh Gò Công lập bốn quận: Hòa Lạc, Hòa Tân, Hòa Bình, Hòa Đồng, tỉnh lỵ vẫn đóng tại xã Long Thuận (quận Hòa Lạc) cho tới ngày 30/4/1975.

Về phía chính quyền Cách mạng, từ tháng 8-1954 đến cuối năm 1956, tỉnh Gò Công có huyện Đông, huyện Tây và thị xã Gò Công.

Từ năm 1957 đến năm 1967, tỉnh Gò Công hợp nhất với tỉnh Mỹ Tho thành tỉnh Mỹ Tho. Khu vực Gò Công có hai huyện Gò Công và Hòa Đồng; vùng đất thị xã Gò Công ngày nay thuộc huyện Gò Công.

Năm 1968, tỉnh Gò Công được tái lập, gồm có huyện Gò Công, huyện Hòa Đồng và thị xã Gò Công. Năm 1972, tỉnh Gò Công được chia lại các đơn vị hành chính để phù hợp với tình hình thực tiễn trên chiến trường. Theo đó, vùng đất thị xã Gò Công có một số xã thuộc Vùng 2 (tương ứng với quận Hòa Tân theo cách đặt của chính quyền Sài Gòn) và một số xã thuộc Vùng 4 (tương ứng với quận Hòa Lạc theo cách đặt của chính quyền Sài Gòn). Các đơn vị hành chính này tồn tại đến ngày 30/4/1975.

Sau ngày 30/4/1975, vào năm 1976, tỉnh Gò Công hợp nhất với tỉnh Mỹ Tho và thành phố Mỹ Tho để thành lập tỉnh Tiền Giang. Lúc này, huyện Đông sáp nhập với huyện Tây thành huyện Gò Công thuộc tỉnh Tiền Giang.

Năm 1977, Chính phủ ra Quyết định số 77-CP chuyển thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang thành thị trấn Gò Công thuộc huyện Gò Công cùng tỉnh. Thị trấn Gò Công là trung tâm của huyện Gò Công, có diện tích 16 km^2, dân số 34.000 người, tổ chức thành 5 phường với 21 khóm.

Ngày 16/2/1987, Hội đồng Bộ trưởng ra quyết định số 37/HĐBT về việc thành lập thị xã Gò Công, thuộc tỉnh Tiền Giang. Thị xã Gò Công được thành lập trên cơ sở thị trấn Gò Công, với một phần diện tích và dân số huyện Gò Công Đông, một phần dân số và diện tích huyện Gò Công Tây. Thị xã gồm 2 phường, 4 xã, có diện tích tự nhiên 31 km^2 với 48.043 nhân khẩu.

Ngày 21/01/2008 Chính phủ ra Nghị định số 08/2008/NĐ-CP về việc điều chỉnh địa giới Gò Công Đông và Gò Công Tây để mở rộng địa giới thị xã Gò Công và thành lập huyện Tân Phú Đông. Theo đó, điều chỉnh 6.419, 28 ha diện tích tự nhiên và 39.949 nhân khẩu của huyện Gò Công Đông (bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên và nhân khẩu của các xã: Bình Đông, Bình Xuân và Tân Trung), 580,72 ha diện tích tự nhiên và 2.238 nhân khẩu của xã Thành Công thuộc huyện Gò Công Tây về thị xã Gò Công quản lý.

Sau khi điều chỉnh, thị xã Gò Công có 10.198,48 ha diện tích tự nhiên và 97.709 nhân khẩu, có 12 đơn vị hành chính trực thuộc, bao gồm 5 phường: 1, 2, 3, 4, 5 và 7 xã: Long Hoà, Long Thuận, Long Hưng, Long Chánh, Tân Trung, Bình Đông và Bình Xuân. Năm 2020, thị xã Gò Công được công nhận hoàn thành xây dựng Nông

thôn mới (7/7 xã được công nhận xã đạt chuẩn Nông thôn mới) và đạt chuẩn văn minh đô thị.

Đặc sản của thị xã Gò Công là mắm tôm chà, mắm tôm chua, mắm còng, bún suông vịt, trái sơ ri tươi, mứt sơ ri,…

Dân số: Khoảng 104.000 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 60,1 triệu đồng/người/năm (2021).

Kinh tế:

Phát triển ổn định theo hướng "Thương mại- dịch vụ, công nghiệp và nông nghiệp" phù hợp với tiềm năng và lợi thế của địa phương.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm đạt 6,72%. Cơ cấu kinh tế: khu vực I chiếm 31,7%; khu vực II chiếm 31,08%; khu vực III chiếm 37,22%.

Việc chỉnh trang đô thị đã tạo nên những nét đổi mới ở đô thị, hoạt động thương mại-dịch vụ được thuận lợi hơn; có siêu thị Coopmark (Phường 5), siêu thị Chợ Lớn (xã Long Hưng), Điện máy Xanh (Phường 2), Bách Hóa Xanh (Phường 4, Phường 5, xã Long Thuận) thường xuyên hoạt động, góp phần giải quyết việc làm, tăng thêm thu nhập, cải thiện đời sống cho người dân.

Giáo dục:

Mạng lưới cơ sở giáo dục thị xã ngày càng mở rộng về quy mô và nâng lên về chất lượng. Trên địa bàn hiện có 03 trường trung học phổ thông trực thuộc Sở Giáo dục - Đào tạo tỉnh (THPT Trương Định, THPT Gò Công và THPT Bình Đông); có Trường trung cấp Gò Công trực thuộc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh; đồng thời có 07 Trường trung học cơ sở (THCS Phường 1, Phường 2, Phường 3, Phường 5, xã Tân Trung, Bình Đông, Bình Xuân) và 10 Trường tiểu học trực thuộc Phòng Giáo dục - Đào tạo thị xã (Tiểu học Phường 1, Phường 2, xã Long Hòa, Long Chánh, Long Hưng, Long Thuận, Tân Trung, Bình Đông 1, Bình Xuân 1, Bình Xuân 2).

Các trường triển khai thực hiện có hiệu quả các cuộc vận động, phong trào thi đua do ngành giáo dục phát động; nền nếp, kỷ cương dạy và học được giữ vững; tỷ lệ huy động học sinh ở các bậc học ra lớp khá cao; tăng cường quản lý dạy thêm, học thêm; thực hiện tốt việc định hướng phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở; thực hiện đổi mới chương trình giáo dục, phương pháp giảng dạy theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI, Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; chú trọng nâng chất đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn theo quy định; cơ sở trường lớp được quan tâm đầu tư, nâng cấp theo chuẩn quốc gia. Toàn thị xã có gần 70% cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia và kiểm định chất lượng giáo dục.

Công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn cũng được quan tâm thực hiện lồng ghép với các đề án hỗ trợ đào tạo nghề, tạo việc làm cho thanh niên, phụ nữ.

Y tế:

Mạng lưới y tế trên địa bàn thị xã gồm có: Bệnh viện Đa khoa khu vực Gò Công (tuyến tỉnh); Trung tâm y tế thị xã (tuyến thị xã); 12 trạm y tế và 62 tổ y tế và 02 phòng khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền tại Phường 2 và Phường 4 (tuyến cơ sở) thường xuyên được quan tâm, củng cố kiện toàn, hoạt động ngày càng hiệu quả. Bên cạnh hệ thống y tế công lập, trên địa bàn thị xã có 153 cơ sở hành nghề y, dược tư nhân, đảm bảo công tác khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân;

Hàng năm đã tập trung thực hiện tốt các chương trình y tế quốc gia và các chương trình y tế trọng tâm của tỉnh và thị xã; tổ chức thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh, không để dịch lớn, tử vong xảy ra; tỷ lệ tiêm miễn dịch cơ bản cho trẻ dưới 1 tuổi hàng năm đạt trên 98%, tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy duy dưỡng giảm còn 4,6%; bảo hiểm y tế toàn dân tăng dần qua từng năm; trang thiết bị, cơ sở vật chất được đầu tư, bổ sung đầy đủ; Đội ngũ cán bộ y tế từng bước được bồi dưỡng đào tạo nâng cao trình độ; tinh thần thái độ phục vụ người bệnh tại các cơ sở điều trị được chấn chỉnh. Cải cách thủ tục hành chính được quan tâm thực hiện; bệnh nhân được hướng dẫn tận tình, tránh phiền hà và tăng sự hài lòng của người bệnh. Ngành y tế luôn tạo mọi điều kiện để người dân tiếp cận dễ dàng với các dịch vụ y tế, đảm bảo sự công bằng trong khám, chữa bệnh, đã thu hút được người dân đến các cơ sở điều trị trên địa bàn. Công tác quản lý y dược tư nhân và công tác đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm được tăng cường.

Giao thông:

Hệ giao thông hạ tầng kỹ thuật cơ bản hoàn chỉnh, đảm bảo để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, tạo điều kiện thuận lợi cho việc khơi thông nguồn lực liên kết giữa các huyện, thị trong vùng phía Đông của tỉnh, gồm:

- 01 tuyến Quốc lộ 50 dài 16,05km.

- 07 tuyến đường tỉnh (ĐT) dài 28,73km gồm: Đường tỉnh (ĐT) 862, ĐT 873, ĐT 873B, ĐT 877, ĐT 871B, ĐT 871C.

- 16 tuyến đường huyện (ĐH) dài 79,725km gồm: Đường huyện (ĐH) 19, ĐH 99, ĐH 99B, ĐH 99C, ĐH 99D, ĐH 99E, ĐH 96B, ĐH 14, ĐH 97B, ĐH 97, ĐH 15, ĐH 98, ĐH 98B, ĐH 98C, ĐH 98D, ĐH 96.

- 55 tuyến đường nội thị dài 28,568 km. Trong đó có 34 tuyến đường chính

Văn hóa:

Năm 2020, thị xã Gò Công có 62 ấp, khu phố văn hóa, 12/12 xã, phường được công nhận và tái công nhận xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới, phường đạt chuẩn văn

minh đô thị; có 03 chợ văn hóa, 03 công viên văn hóa, 91 con đường văn hóa và 41 cơ sở thờ tự văn hóa. trên 95% số hộ gia đình, 98% cơ quan đạt danh hiệu văn hóa. Thị xã đã đạt chuẩn văn minh đô thị và được công nhận đô thị loại III, có 7/7 xã nông thôn mới, trong đó có 01 xã đạt các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao.

Hàng năm, trên địa bàn thị xã diễn ra nhiều lễ hội truyền thống đậm đà bản sắc dân tộc như: Lễ giỗ ngày Anh hùng dân tộc Trương Định tuẫn tiết được tổ chức qui mô, hoành tráng (được công nhận lễ hội cấp quốc gia); bên cạnh đó còn có lễ hội Kỳ Yên Đình Trung, lễ hội người Hoa cúng Quan Công Thánh Đế; ngoài ra, các câu hò, làn điệu dân ca, ca nhạc tài tử, ẩm thực, tín ngưỡng dân gian địa phương cũng đã tạo ra sắc thái văn hóa phi vật thể riêng biệt của thị xã được bảo tồn và phát huy.

Thị xã Gò Công còn là nơi có truyền thống hiếu học, nhiều người đỗ đạt cao trong các kỳ thi xưa, rồi làm quan dưới các triều vua nhà Nguyễn. Ông Phạm Đăng Hưng đã từng làm quan Thượng thư dưới 3 triều vua Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị. Con gái ông là bà Phạm Thị Hằng là vợ vua Thiệu Trị, là mẹ vua Tự Đức tức Thái hậu Từ Dũ (Từ Dụ) nổi tiếng trong lịch sử. Đây cũng là quê hương của nhà văn Hồ Biểu Chánh, nhà văn Sơn Vương,...

Trong những năm 1925-1930, tại đây đã có nhà xuất bản Nữ lưu thơ quán của Phan Thị Bạch Vân nổi tiếng toàn quốc, tập hợp nhiều cây bút tiến bộ đương thời cổ động cho nữ giới mở mang học vấn và bảo vệ luân lý đạo đức. Đây cũng lả quê hương của nữ thi sĩ Nguyễn Thị Kiêm (nữ sĩ Manh Manh), của bà Cao Thị Khanh, chủ bút tờ Phụ nữ tân văn, của nhạc sĩ Hoàng Phương với bài hát nổi tiếng "Đi trên bãi biển Gò Công",…

Du lịch:

Thị xã Gò Công là vùng đất có nhiều tiềm năng để phát triển du lịch với nhiều di sản văn hóa vật thể vô cùng quý giá được bảo tồn, được công nhận di tích lịch sử cấp quốc gia như: Lăng Hoàng Gia - đền thờ Đức Quốc Công Phạm Đăng Hưng thân sinh bà Thái Hậu Từ Dũ tại ấp Lăng Hoàng Gia xã Long Hưng. Mộ và Đền thờ Anh hùng dân tộc Trương Định, di tích kiến trúc nhà Đốc Phủ Hải tại phường 1), di tích cấp tỉnh (Quần thể di tích Khu căn cứ Tỉnh ủy Gò Công, Chiến thắng Ao Vông, mộ nhân vật lịch sử Đỗ Trình Thoại, Trần Thị Sanh, Võ Tánh,…) và nhiều di tích đình, chùa, miếu, nhà thờ, nhà cổ rải rác khắp địa bàn.

Thị xã Gò Công còn có các đặc sản nổi tiếng: sơ ri, gà ta Gò Công, mắm tôm chà, mắm tôm chua và những ngành nghề truyền thống, như tủ thờ Gò Công, thảm cói, chiếu cói, thảm lục bình,...

Thông qua việc tổ chức các lễ hội hàng năm, thị xã đã thu hút rất nhiều khách từ các tỉnh lân cận và Thành phố Hồ Chí Minh đến tham quan, cúng viếng.

Hướng tới, thị xã sẽ phát triển du lịch sinh thái, nhất là khu vực sông nước dọc theo sông Vàm Cỏ, tập trung khai thác thế mạnh của vùng đất có bề dầy về lịch sử, văn hóa

để phát triển du lịch; phấn đấu là trung tâm kết nối các tuyến du lịch của tỉnh.

Thể thao:

Thị xã Gò Công và toàn vùng Gò Công có truyền thống võ thuật nổi tiếng lâu đời, tiêu biểu là Võ đường Triệu Tử Long đã đào tạo nhiều võ sĩ lừng danh trước năm 1975.

Phong trào thể dục, thể thao phát triển ổn định trong các trường học, trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, đoàn viên, hội viên và trong quần chúng nhân dân. Toàn thị xã, có 31,2% dân số và 24,98% hộ gia đình luyện tập thể dục, thể thao thường xuyên; có các công trình thể dục thể thao như: sân vận động thị xã được xây dựng mới từ năm 2017 với các hạng mục công trình rất qui mô; có hồ bơi thị xã được đầu tư xây dựng năm 2020 với kinh phí 20 tỷ đồng; có nhà thi đấu đa môn và các sân quần vợt, sân cầu lông, bóng chuyền, bóng bàn, sân bóng đá mini bằng cỏ nhân tạo, sân tập luyện các bộ môn khác,… tại trung tâm văn hóa - thể thao thị xã và xã, phường duy trì hoạt động thường xuyên, thu hút nhiều vận động viên tham gia tập luyện.

Ngoài ra, còn có các thiết chế của tư nhân đầu tư phục vụ thể dục thể thao như: Hồ bơi Ánh Dương ấp Gò Tre, xã Long Thuận, Sân bóng đá Phường 4, các sân bóng đá mini cỏ nhân tạo ở xã Long Chánh, Bình Đông, Phường 2, xã Long Thuận, sân bóng đá cỏ nhân tạo Phường 3 và nhiều câu lạc bộ thể dục thể thao như cầu lông, bóng chuyền, quần vợt, thể dục thẩm mỹ, gym,…được hình thành, tạo điều kiện cho mọi người tham gia tập luyện thể dục, thể thao, phát triển phong trào thể dục, thể thao quần chúng ngày càng rộng khắp và lan tỏa.

Các môn thể thao có thế mạnh tại thị xã gồm có: bóng đá, võ Taekwondo, đẩy gậy, vật tay, cầu lông... tham dự nhiều hội thao, các giải thi đấu khu vực luôn đạt huy chương. Trong đó có một số vận động viên đạt thành tích cao như:

- Nguyễn Quốc Minh, Nguyễn An Khương, Huỳnh Phúc Hiệp (môn bóng đá).

- Nguyễn Phú Hội, Huỳnh Cao Chu An, Phạm Huỳnh Minh Thắng, Lê Thu Nga (môn võ Taekwondo).

- Trương Minh Tâm, Trương Minh Sang, Phan Thị Tặng, Huỳnh Thị Ngàn (môn đẩy gậy).

- Lê Thị Kim Thanh (môn vật tay).

- Nguyễn Gia Kiệt (môn cầu lông).

Đặc biệt, có một số vận động viên đã trưởng thành qua các giải thi đấu ở cấp tỉnh và khu vực Đông Nam Á, Châu Á, hiện nay là huấn luyện viên các đội tuyển quốc gia như: Trương Quốc Bảo - huấn luyện viên môn quần vợt; Huỳnh Ngọc Minh Tiến - huấn luyện viên môn Pencaksilat.

Tổng số liệt sĩ: 1.269 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ VN anh hùng: 217 Bà mẹ.

2. Xã Bình Đông

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính

Địa danh Hán Việt:

平 Bình: Hoà bình, bình đẳng

東 Đông: Phía đông

平東社 Bình Đông Xã

Vị trí địa lý:

Xã Bình Đông nằm ở phía Bắc thị xã Gò Công, phía Đông giáp xã Long Hựu (Huyện Cần Đước, tỉnh Long An), phía Tây giáp xã Bình Xuân (thị xã Gò Công), phía Nam giáp xã Tân Trung (thị xã Gò Công), phía Bắc giáp xã Phước Đông (Huyện Cần Đước, tỉnh Long An).

Diện tích tự nhiên: 222.4,62 ha.

Hành chính:

Xã có 7 ấp gồm: ấp Cộng Lạc, Hòa Thân, Muôn Nghiệp, Năm Châu, Hồng Rạng, Lạc Hòa, Trí Đồ.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, xã Bình Đông hiện nay có hai thôn Bình Thạnh Đông và Bình Thạnh thuộc tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, có 2 thôn Bình Thạnh Đông và Bình Thạnh Tây thuộc tổng Hòa Lạc, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định. Năm 1848, đời vua Tự Đức, ngoài hai thôn đã có, xã Bình Đông hiện nay có thêm hai thôn Mỹ Lợi và Mỹ Xuân.

Năm 1913, dưới thời thực dân Pháp thống trị, ba làng[10] Bình Thạnh Đông, Bình Thạnh Tây và Mỹ Lợi hợp nhất, lấy tên là làng Bình Thạnh Đông, thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, tỉnh Gò Công; còn làng Mỹ Xuân được sáp nhập vào làng Tân Niên Trung.

Trước Cách mạng tháng Tám (1945), xã Bình Đông hiện nay có tên là làng Bình Thạnh Đông, thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, tỉnh Gò Công. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là xã Bình Thạnh Đông, thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, tỉnh Gò Công; chính quyền thực dân gọi là làng Bình Thạnh Đông, thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, tỉnh Gò Công.

[10] Từ năm 1876, chính quyền thực dân Pháp cho đổi đơn vị hành chính "thôn" thành "làng".

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng; từ năm 1954-1968, gọi là xã Bình Thạnh Đông, huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1968-1972, gọi là xã Bình Thạnh Đông, huyện Đông, tỉnh Gò Công; từ năm 1972-1975, là xã Bình Thạnh Đông, Vùng 2, tỉnh Gò Công; chính quyền Sài Gòn gọi là xã Bình Thạnh Đông, quận Hòa Tân, tỉnh Gò Công.

Sau năm 1975, xã Bình Thạnh Đông được đổi tên thành Bình Đông, là một xã thuộc huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Năm 1979, khi huyện Gò Công được chia thành huyện Gò Công Đông và huyện Gò Công Tây thì xã Bình Đông thuộc huyện Gò Công Đông. Năm 2008, xã Bình Đông thuộc thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Năm 2020, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

Dân số: 19.292 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 55,39 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Phát triển theo hướng Nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ, trong đó nông nghiệp là chủ yếu (71,79%). Những năm gần đây kinh tế của xã tăng trưởng khá.

Việc xây cầu Mỹ Lợi đã tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động thương mại-dịch vụ phát triển, góp phần cải thiện đời sống của nhân dân, có chợ Phạm Văn Kiệt ấp Trí Đồ, chợ Năm Châu, chợ Cộng Lạc - Hòa Thân.

Giáo dục:

Năm 2020, xã có 04 trường học:

- Trường trung học phổ thông Bình Đông

- Trường trung học cơ sở Bình Đông:

- Trường tiểu học Bình Đông

- Trường mẫu giáo Bình Đông (1 điểm trường chính tại ấp Trí Đồ và 4 điểm trường phụ tại ấp Hòa Thân, Muôn Nghiệp và Cộng Lạc.)

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã, có 08 biên chế: 01 bác sĩ, 04 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 hộ sinh, 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình; có 07 tổ y tế trên địa bàn 07 ấp, tỷ lệ bảo hiểm y tế trên địa bàn đạt trên 90% (2020).

Giao thông:

Xã Bình Đông nằm trên tuyến Quốc lộ 50, qua cầu Mỹ Lợi đi Thành phố Hồ Chí Minh và Đường tỉnh 873, đảm bảo phương tiện lưu thông qua lại an toàn, các

trục đường chính của xã và các đường liên ấp được đầu tư bê tông, cốt thép gồm 6 tuyến tổng chiều dài 8.954 km, mặt đường rộng 2 đến 3m, tạo điều kiện đi lại và lưu thông hàng hóa thuận lợi hơn, đáp ứng nhu cầu cuộc sống của nhân dân trên địa bàn xã; có đê bao dài 11,9 Km, sông Soài Rạp giáp phía Đông và phía Bắc của xã, có cầu Móng Sắt, cầu Mỹ Lợi, cống Rạch Băng, cống Rạch Giá và cống Bình Đông.

Văn hóa:

- 7/7 ấp được công nhận ấp văn hóa;

- Xã được công nhận đạt "Xã văn hóa nông thôn mới";

- Có 06 Cơ sở thờ tự văn hóa" (gồm chùa Thiền Huệ ấp Năm Châu; chùa Phước Vân ấp Trí Đồ; miếu Ông Kiển ấp Muôn Nghiệp; miếu Bà ở khu B ấp Hòa Thân và miếu An Hòa ở khu A ấp Hòa Thân)

Hàng năm có 100% số hộ đăng ký xây dựng gia đình văn hoá, tỷ lệ hộ đạt 03 tiêu chuẩn gia đình văn hoá bình quân đạt trên 96%.

Trên địa bàn xã hiện có 01 Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, 02 Nhà văn hóa liên ấp (gồm Nhà văn hóa liên ấp Cộng Lạc - Hòa Thân; nhà văn hóa liên ấp Năm Châu - Muôn Nghiệp) và 07 Trụ sở ấp. Sức chứa bình quân của hội trường Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã là trên 250 chỗ ngồi, sức chứa của hội trường 02 nhà văn hóa liên ấp là 100 chỗ ngồi cho mỗi Nhà văn hóa; đảm bảo nhu cầu hội họp, họp mặt, vui chơi giải trí, văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao của cán bộ và nhân dân trên địa bàn.

Du lịch:

Có tiềm năng về du lịch sinh thái với ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, các món ăn vùng sông nước và Câu lạc bộ Đờn ca tài tử, thu hút nhiều khách đến tham quan thường xuyên.

Thể thao:

Có Trung tâm Văn hóa - Thể thao của xã và 02 sân bóng đá mini của tư nhân (tại ấp Năm Châu và Muôn Nghiệp) thu hút nhiều thanh thiếu và nhân dân tham gia luyện tập thể dục, thể thao. Toàn xã có 1.114 / 3.874 hộ gia đình tham gia luyện tập thể dục, thể thao thường xuyên chiếm 28,75% và 5.694/19.292 người tham gia luyện tập thể dục, thể thao thường xuyên, chiếm 29,53%. 07/07 ấp của xã đều được công nhận ấp có phong trào rèn luyện thân thể và xã cũng được tái công nhận xã có phong trào rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại.

Tổng số liệt sĩ: 367 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 52 Bà mẹ.

3. Xã Bình Xuân

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính

Địa danh Hán Việt:

平 Bình: Hoà bình, bình đẳng

春 Xuân: Mùa xuân

平春社 Bình Xuân Xã

Vị trí địa lý:

Xã Bình Xuân cách trung tâm thị xã Gò Công 13,3 km; phía Đông giáp xã Bình Đông, một phần xã Long Chánh, thị xã Gò Công; phía Tây giáp tuyến sông Vàm Cỏ, xã Thanh Vĩnh Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Long An; phía Nam giáp một phần xã Bình Phú, huyện Gò Công Tây, xã Thành Công, huyện Gò Công Tây; phía Bắc giáp sông Vàm Cỏ, xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

Diện tích tự nhiên: 2654,73 ha.

Hành chính:

Xã có 9 ấp: gồm ấp 1,2,3,4,5,6,7, Thành Nhứt, Thành Nhì.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, Bình Xuân là thôn thuộc tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn Bình Xuân thuộc tổng Hòa Lạc, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định. 1841, đời vua Thiệu Trị, thôn này thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định.

Năm 1873, dưới thời thực dân Pháp thống trị, làng Bình Xuân được trích ra một phần đất để lập làng mới Bình Thành. Trước Cách mạng tháng Tám (1945), làng Bình Xuân thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là xã Bình Xuân, thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, tỉnh Gò Công; chính quyền thực dân gọi là làng Bình Xuân, thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng; từ năm 1954-1968, gọi là xã Bình Xuân, huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1968-1972, gọi là xã Bình Xuân, huyện Đông, tỉnh Gò Công; từ năm 1972-1975, là xã Bình Xuân, Vùng 2, tỉnh Gò Công; chính quyền Sài Gòn gọi là xã Bình Xuân, quận Hòa Tân, tỉnh Gò Công.

Sau năm 1975, xã Bình Xuân thuộc huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Năm 1979, khi huyện Gò Công được chia thành huyện Gò Công Đông và huyện Gò Công Tây thì xã Bình Xuân thuộc huyện Gò Công Đông. Năm 2008, xã Bình Xuân thuộc thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Năm 2020, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

Dân số: 16.788 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 56.348.000đồng/người/năm (2020).

Kinh tế: Chuyển dịch theo cơ cấu "nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ", trong đó nông nghiệp là chủ yếu (70%).

Giáo dục:

Năm 2020, trên địa bàn xã có 04 trường học, gồm:

- Trường mẫu giáo Bình Xuân,

- Trường tiểu học Bình Xuân 1,

- Trường tiểu học Bình Xuân 2,

- Trường trung học cơ sở Bình Xuân.

Các trường đều được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia. Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 hộ sinh, 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình; có 09 tổ y tế trên địa bàn 09 ấp; tỷ lệ bảo hiểm y tế trên địa bàn đạt 90% (2020).

Giao thông:

Địa bàn xã có trục Đường tỉnh 873, Đường huyện 14, Đường huyện 99, Đường huyện 99c, sông Vàm Cỏ, sông Gò Công đi ngang qua tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại, trao đổi hàng hóa cũng như phát triển kinh tế xã hội, năm 2020 nhà nước đầu tư xây dựng cầu Bình Xuân nối hai bờ sông Gò Công làm cho trục Đướng tỉnh 873 thông suốt, tạo nên tuyến giao thông mới giúp người dân thuận tiện hơn trong việc trao đổi hàng hóa cũng như đi lại trong địa bàn.

Văn hóa:

- 9/9 ấp được công nhận ấp văn hóa;

- Xã được công nhận đạt "Xã văn hóa nông thôn mới";

- Có 04 Cơ sở thờ tự văn hóa" (chùa Bửu Hưng, thánh thất Cao Đài, đình Bình Thành, miếu Bà Chúa Xứ).

Hàng năm có 100% số hộ đăng ký xây dựng gia đình văn hoá, tỷ lệ hộ đạt 03 tiêu chuẩn gia đình văn hoá bình quân đạt trên 96%.

Trên địa bàn xã hiện có 01 Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, 03 Nhà văn hóa liên ấp (gồm Nhà văn hóa liên ấp 2- ấp 3; Nhà văn hóa liên ấp 1 và Thành Nhất, Thành Nhì; Nhà văn hóa liên ấp 4- ấp 5- ấp 6), có 09 Trụ sở ấp. Sức chứa bình quân của hội trường Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã là trên 200 chỗ ngồi, sức chứa của hội trường 03 nhà văn hóa liên ấp là 100 chỗ ngồi cho mỗi Nhà văn hóa; đảm bảo

nhu cầu hội họp, họp mặt, vui chơi giải trí, văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao của cán bộ và nhân dân trên địa bàn.

Du lịch:

Có tiềm năng về du lịch sinh thái với các món ăn vùng sông nước và Câu lạc bộ Đờn ca tài tử, thu hút nhiều khách đến tham quan thường xuyên.

Thể thao:

Có Trung tâm Văn hóa - Thể thao của xã và các điểm luyện tập thể dục, thể thao tại các trường, trụ sở ấp thu hút đông đảo thanh thiếu và nhân dân tham gia luyện tập. Năm 2020, toàn xã có 25,2% hộ gia đình và 30,03% người tham gia luyện tập thể dục, thể thao thường xuyên. 09/09 ấp của xã đều được công nhận ấp có phong trào rèn luyện thân thể và xã cũng được tái công nhận xã có phong trào rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại.

Tổng số liệt sĩ: 339 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng : 47 Bà mẹ.

4. Xã Long Chánh

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính

Địa danh Hán Việt:

隆 Long: Hưng thịnh, long trọng

政 Chánh: ngay thẳng, chính trực

隆政社 Long Chánh Xã

Vị trí địa lý

Xã Long Chánh nằm về phía Tây của thị xã Gò Công. Về địa giới hành chính: Phía Bắc giáp xã Bình Xuân, thị xã Gò Công; phía Nam, giáp xã Long Hòa, thị xã Gò Công và 1 phần xã Yên Luông huyện Gò Công Tây; phía Đông giáp Phường 4, Thị xã Gò Công; phía Tây, giáp xã Thành Công huyện Gò Công Tây.

Diện tích tự nhiên: 787.07 ha.

Hành chính:

Xã Long Chánh gồm có 4 ấp: Long Bình, Long Hưng, Long Mỹ, Long Phước.

Lịch sử hình thành

Năm 1808, đời vua Gia Long, xã Long Chánh hiện nay nguyên là thôn Tân Long thuộc tổng Kiến Thạnh, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn Tân Long được đổi thành thôn Long Chánh, tổng Hòa Đồng, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định. Năm 1852, đời vua Tự Đức, thôn Long Chánh thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định.

Trước Cách mạng tháng Tám (1945), làng Long Chánh thuộc tổng Hòa Đồng Trung, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là xã Long Thuận (xã Long Chánh và làng Thành Phố gộp lại), tỉnh Gò Công; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Long Thuận, tổng Hòa Đồng Trung, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975); chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1968, gọi là xã Long Thuận, huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1968-1972, gọi là xã Long Thuận, huyện Đông, tỉnh Gò Công; từ năm 1972-1975, là xã Long Thuận, Vùng 4, tỉnh Gò Công; chính quyền Sài Gòn gọi là xã Long Thuận, quận Hòa Lạc, tỉnh Gò Công.

Sau năm 1975, xã Long Chánh được tái lập trên cơ sở một phần đất của xã Long Thuận, thuộc thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Năm 1994, một phần diện tích của xã được tách ra để thành lập Phường 4, thị xã Gò Công. Năm 2019, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới. Năm 2022, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao.

Dân số: 6.815 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 56,03 triệu/người/năm (2020)

Kinh tế:

Chuyển dịch theo cơ cấu nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, trong đó nông nghiệp là chủ yếu (70%).

Trong thời gian qua, nhờ những chủ trương, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế của các ngành, các cấp nên tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương ngày một phát triển. Đời sống và sinh hoạt của nhân dân được nâng lên.

Trên địa bàn xã Long Chánh có 01 hợp tác xã và 3 tổ hợp tác gồm: Hợp tác xã nông nghiệp Long Chánh; tổ hợp tác chăn nuôi dê; tổ hội nghề nghiệp chăn nuôi dê; tổ hợp tác nuôi ếch thương phẩm an toàn sinh học… đảm bảo được chất lượng sản phẩm, nâng cao hiệu quả cạnh tranh thị trường, đem lại lợi nhuận bền vững.

Giáo dục:

Năm 2020, trên địa bàn xã có 02 trường học, gồm: Trường mẫu giáo Long Chánh (trực thuộc Trường mầm non Phường 4) và Trường tiểu học Long Chánh. Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 hộ sinh, 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình; có 04 tổ y tế trên địa bàn 04 ấp; tỷ lệ bảo hiểm y tế trên địa bàn đạt trên 90% (2020).

Giao thông:

Xã Long Chánh có 02 trục đường chính đi qua, là Quốc lộ 50 và Đường tỉnh 873, Đường tỉnh 873B nối liền xã Long Chánh với các xã của huyện Gò Công Tây; có các Đường huyện 98, 98B, 98C và 98D (thị xã quản lý) đi qua nối liền xã Long Chánh với các xã, phường khác của thị xã Gò Công.

Trên địa bàn xã còn có 18 tuyến đường giao thông của xã được đầu tư nâng cấp trải nhựa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm đến trung tâm xã; có 18 tuyến dân sinh cũng được tráng bê tông đảm bảo thông suốt, thuận tiện việc lưu thông, vận chuyển hàng hóa. Các công trình trên đường gồm cầu, cống đảm bảo khả năng khai thác đồng bộ với đường.

Văn hóa:

- 4/4 ấp được công nhận ấp văn hóa hàng năm.

- Xã được công nhận đạt xã văn hóa nông thôn mới.

- Có 3 cơ sở thờ tự văn hóa (chùa Tân Bửu, miếu Cây Sộp, miếu Long Mỹ).

- 10 tuyến đường văn hóa (đường Xóm Tròn - ấp Long Phước, đường kênh Tham Thu - ấp Long Hưng, Đường hẽm 10 - ấp Long Hưng, Đường hẽm số 5 - ấp Long Hưng, đường chùa Tân Bửu - ấp Long Hưng, đường kênh Bảy Vĩnh - ấp Long Mỹ, đường cổng ấp Văn hóa Long Bình, đường hẻm số 1, số 3, số 6 - ấp Long Bình).

Trên địa bàn xã hiện có 01 Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã diện tích là 252m^2, đảm bảo 200 chỗ ngồi, 02 nhà văn hóa liên ấp (Long Bình - Long Phước, Long Hưng - Long Mỹ), 04 trụ sở ấp đáp ứng nhu cầu hội họp, vui chơi, sinh hoạt văn hóa.

Du lịch:

Chưa có địa điểm du lịch.

Thể thao:

Có 07 điểm hoạt động thể dục, thể thao cộng đồng. Các sân bãi của Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, các trường học và các điểm luyện tập trên địa bàn thu hút nhiều người dân tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao ở cộng đồng. Toàn xã có 2.293/6.815 người thường xuyên tham gia tập thể dục, thể thao đạt 33,64% so với dân số. Hàng năm được công nhận 4/4 ấp và xã có phong trào "*Rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại*".

Tổng số liệt sĩ: 74 liệt sĩ

Tổng số bà mẹ Việt Nam anh hùng: 17 Bà mẹ.

5. Xã Long Hòa

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

隆 Long: Hưng thịnh, long trọng

和 Hòa: Hoà hợp, hoà thuận

隆和社 Long Hòa Xã

Vị trí địa lý:

Xã Long Hòa cách trung tâm thị xã 2 km về hướng Nam. Về địa giới hành chính: phía Bắc giáp xã Long Chánh và phường 5; phía Nam giáp xã Bình Tân, huyện Gò Công Tây và xã Bình Nghị, huyện Gò Công Đông; phía Đông giáp xã Long Thuận, phía Tây giáp xã Yên Luông, huyện Gò Công Tây.

Diện tích tự nhiên: 642,64 ha.

Hành chính:

Xã có 05 ấp, bao gồm: Chợ Mới, Giồng Cát, Kim Liên, Tân Xã, Việt Hùng.

Lịch sử hình thành:

Xã Long Hòa (thị xã Gò Công) được thành lập năm 1987 trên cơ sở một phần diện tích của xã Yên Luông, huyện Gò Công Tây, một phần diện tích của xã Bình Nghị, huyện Gò Công Đông và Khóm 8 của thị trấn Gò Công. Năm 2003, một phần diện tích của xã được tách ra để thành lập Phường 5, thị xã Gò Công. Năm 2017, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới. Năm 2020, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao.

Dân số: 6.963 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 60,265 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Phát triển theo cơ cấu "nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp-công nghiệp và dịch vụ". Trong đó, nông nghiệp luôn chiếm tỷ trọng cao.

Giáo dục:

Năm 2020, trên địa bàn xã có duy nhất 01 trường học là Trường tiểu học Long Hòa. Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã, có 06 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 hộ sinh, 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình; có 05 tổ y tế trên địa bàn 05 ấp; tỷ lệ bảo hiểm y tế trên địa bàn đạt trên 90% (2020).

Giao thông:

Có 02 tuyến Đường tỉnh 862, 877 và 03 tuyến Đường huyện 15, 19, 96B đi qua xã về các huyện Gò Công Đông và Gò Công Tây; 01 tuyến đường xã, dài 1.310m; 12 tuyến đường ấp, dài 16.410m và 45 tuyến đường dân sinh dài 13.855m được nhựa, bê

tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm. Tuyến đường này có hệ thống điện chiếu sáng công cộng 1.310m/1.310m, đạt 100%.

Văn hóa:

- 5/5 ấp được công nhận ấp văn hóa.

- Xã được công nhận đạt Xã văn hóa Nông thôn mới nâng cao.

- Có 12 tuyến đường văn hóa, trong đó:

+ 01 tuyến đường do thị xã quản lý (đường Thủ Khoa Huân nối dài ấp Việt Hùng và Tân Xã).

+ 11 tuyến đường do xã quản lý (Đường số 1 - ấp Việt Hùng, đường Giồng Cát, Đường lô 1 - ấp Kim Liên, Đường lô 2 - ấp Kim Liên, Đường tổ 3 - ấp Kim Liên, Đường lô 4 - ấp Kim Liên, Đường tổ 2 - ấp Việt Hùng, Đường tổ 6 - ấp Việt Hùng, Đường tổ 10- ấp Kim Liên, Đường số 1 - tổ 4 ấp Tân Xã, Đường Nam kênh 14 - ấp Việt Hùng).

Trên địa bàn xã hiện có 01 Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, 02 Nhà văn hóa liên ấp (gồm Nhà văn hóa liên ấp Kim Liên - Giồng Cát và Nhà văn hóa liên ấp Việt Hùng - Tân Xã) và 05 Trụ sở ấp. Sức chứa bình quân của hội trường Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã là trên 200 chỗ ngồi; sức chứa của hội trường 02 nhà văn hóa liên ấp là 100 chỗ ngồi cho mỗi Nhà văn hóa, đảm bảo nhu cầu hội họp, họp mặt,vui chơi giải trí, văn hóa văn nghệ -thể dục thể thao của cán bộ và nhân dân trên địa bàn.

Hàng năm có 100% số hộ đăng ký xây dựng gia đình văn hoá, tỷ lệ hộ đạt 03 tiêu chuẩn gia đình văn hoá bình quân đạt trên 96%.

Du lịch:

Có 01 Di tích lịch sử cấp tỉnh là Mộ Ông Đỗ Trình Thoại, phục vụ giáo dục truyền thống và nhân dân đến tham quan thường xuyên.

Thể thao:

Có 06 điểm tập thể dục, thể thao thu hút nhiều thanh, thiếu niên và nhân dân tham gia luyện tập, hiện có 2.643/7.691 người thường xuyên tham gia tập thể dục thể thao đạt 34,36% so với dân số, hàng năm, ấp và xã đều được công nhận có phong trào "*rèn luyện thể thao theo gương Bác Hồ vĩ đại*".

Tổng số liệt sĩ: 64 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 08 Bà mẹ.

6. Xã Long Hưng

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

隆 Long: Hưng thịnh, long trọng

興 Hưng: Hưng thịnh

隆興社 Long Hưng Xã

Vị trí địa lý:

Xã Long Hưng nằm về phía Bắc của thị xã Gò Công; phía Đông giáp xã Tân Đông, huyện Gò Công Đông; phía Tây giáp Phường 4; phía Nam giáp Phường 3, Phường 4 và xã Long Thuận, thị xã Gò Công; phía Bắc giáp xã Tân Trung.

Diện tích tự nhiên: 651,34 ha.

Hành chính:

Xã Long Hưng có 04 ấp: ấp Hưng Phú, ấp Hưng Hòa, ấp Hưng Thạnh, ấp Lăng Hoàng Gia.

Lịch sử hình thành:

Xã Long Hưng (thị xã Gò Công) được thành lập năm 1987 trên cơ sở một phần diện tích của ấp Bờ Kinh và một phần diện tích của ấp Bà Trà thuộc xã Tân Đông, huyện Gò Công Đông; một phần diện tích Khóm 11 và một phần diện tích Khóm 12 thuộc thị trấn Gò Công. Năm 1994, một phần diện tích của xã được tách ra để thành lập Phường 3, thị xã Gò Công. Năm 2018, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới. Năm 2021, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao.

Dân số: 6.579 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 61.401.000 đồng/người/năm (2021).

Kinh tế:

Chuyển dịch theo cơ cấu nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ, trong đó nông nghiệp luôn chiếm tỷ trọng cao với 60%.

Giáo dục:

Năm 2020, xã Long Hưng có 02 trường học, gồm: Trường mầm non Long Hưng và Trường tiểu học Long Hưng. Cả 02 trường đều đạt chuẩn quốc gia. Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 hộ sinh, 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình; có 04 tổ y tế trên địa bàn 04 ấp; tỷ lệ bảo hiểm y tế trên địa bàn đạt trên 90% (2020).

Giao thông:

Long Hưng có Quốc lộ 50 dài 3km, Đường tỉnh 871 dài 2,5km có các đường Trần Hưng Đạo (đường thị xã) nối dài Đường tỉnh dài 5km (Quốc lộ 50; bến xe

khách nằm trên địa bàn ấp Hưng Hòa…); có sông Gò Công dài 4km, sông Sơn Quy dài 1,3km đi qua; có các kênh/kinh, rạch: Rạch Lá dài 750m, kênh/kinh Hòa Thạnh dài 1,2km, kênh/kinh cầu Sơn Qui, kênh/kinh Cầu, Kênh/Kinh 3 tháng2, kênh/kinh Hưng Hòa; kênh/kinh Bảy Dân.

Ngoài ra, trên địa bàn xã còn có các tuyến đường chính khác, như: tuyến đường Từ Dũ/Từ Dụ và tuyến đường Hồ Biểu Chánh (Quốc lộ 50); tuyến đường Mạc Văn Thành; toàn xã có 12 tuyến đường liên ấp được bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện, có 26 tuyến đường ngỏ xóm được bê tông hóa, đảm bảo theo tiêu chí của Bộ Giao thông; có 22 hệ thống kênh mương đảm bảo phục vụ tưới tiêu và sinh hoạt.

Văn hóa:

- 4/4 ấp được công nhận ấp văn hóa hàng năm.

- Xã được công nhận đạt xã văn hóa nông thôn mới.

- Có 01 cơ sở thờ tự văn hóa (Miếu Cây Giá, ấp Lăng Hoàng Gia).

- 11 tuyến đường văn hóa, trong đó:

+ 02 tuyến đường do thị xã quản lý (đường Từ Dũ, đường Hồ Biểu Chánh)

+ 09 tuyến đường do xã quản lý (đường Xương Sống, Hòa Phú ở ấp Hưng Phú; đường tổ 3, tổ 12, Hòa Phú ở ấp Hưng Hòa; đường trước Ao Làng, sau Ao Làng ở ấp Hưng Thạnh; đường Lăng Hoàng Gia, Kênh sườn - nhóm 2 ở ấp Lăng Hoàng Gia).

Trên địa bàn xã hiện có 01 Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã đạt chuẩn theo qui định với 250 chỗ ngồi; có 02 Nhà văn hóa liên ấp (Hưng Thạnh - Lăng Hoàng Gia và Hưng Hòa - Hưng Phú), mỗi nhà văn hóa có 100 chỗ ngồi bảo đảm đạt chuẩn sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể thao phục vụ cộng đồng dân cư. Trong thời gian qua, các thiết chế văn hóa luôn các cấp quan tâm đầu tư xây dựng và sửa chữa, nhằm phục vụ tốt các hoạt động giao lưu, họp mặt, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ.

Xã Long Hưng có 1 thánh thất, 2 miễu, người dân hầu hết theo tín ngưỡng thờ cúng ông, bà; một số rất ít là người theo đạo Công giáo, Cao đài và các đạo khác; có Di tích lịch sử cấp Quốc gia Lăng Hoàng Gia.

Du lịch:

Xã có Di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia Lăng Hoàng Gia thu hút người dân trong và ngoài thị xã đến tham quan thường xuyên.

Thể thao:

Trên địa bàn xã Long Hưng có sân vận động thị xã đạt chuẩn được trồng cỏ; 01 hồ bơi đạt chuẩn trong khuôn viên sân vận động thị xã; 02 sân bóng chuyền và sân cầu lông tại Trung tâm Văn hóa - Thể thao của xã và tại 02 nhà văn hóa liên ấp (Hưng Thạnh - Lăng Hoàng Gia; Hưng Hòa - Hưng Phú), thu hút nhiều người thường xuyên tham gia tập thể dục, thể thao. Xã có 01 Câu Lạc bộ bóng chuyền thường

xuyên giao hữu với các đội trong và ngoài thị xã; có 2.065 người tham gia luyện tập thể dục thể thao thường xuyên, đạt 32,24% so với dân số của xã.

Hàng năm, ấp và xã đều được công nhận có phong trào "*rèn luyện thể thao theo gương Bác Hồ vĩ đại*".

Tổng số liệt sĩ: 50 liệt sĩ

Tổng số Bà mẹ VN anh hùng: 04 Bà mẹ.

7. Xã Long Thuận

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

隆 Long: Hưng thịnh, long trọng

順 Thuận: Thuận theo, hoà thuận, suôn sẻ

隆順社 Long Thuận Xã

Vị trí địa lý:

Xã Long Thuận nằm về phía Đông của thị xã Gò Công; phía Bắc giáp xã Long Hưng, thị xã Gò Công; phía Nam giáp Phường 5, xã Long Hòa, thị xã Gò Công và xã Bình Nghị, huyện Gò Công Đông; phía Đông giáp xã Bình Ân, xã Tân Đông, huyện Gò Công Đông; phía Tây giáp Phường 2, Phường 3, thị xã Gò Công.

Diện tích tự nhiên: 615,32 ha.

Hành chính:

Xã Long Thuận có 04 ấp: Thuận An, Gò Tre, Thuận Hòa, Xóm Dinh.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, xã Long Thuận hiện nay là hai thôn Bình Thuận Đông và Bình Thuận Tây thuộc tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, hai thôn Bình Thuận Đông và Bình Thuận Tây được đổi tên thành Thuận Ngãi và Thuận Tắc, thuộc tổng Hòa Lạc, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định. Năm 1841, đời vua Thiệu trị, hai thôn này thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định. Năm 1852, đời vua Tự Đức, thôn Thuận Ngãi là huyện lỵ của huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị, năm 1885, hai làng Thuận Ngãi và Thuận Tắc hợp nhất thành làng Thành Phố, thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, hạt tham biện Gò Công. Năm 1900, làng Thành Phố thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công và là tỉnh lỵ của tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là xã Long Thuận, tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công; chính quyền thực dân gọi là làng Long

Thuận, tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công. Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1968, gọi là xã Long Thuận, huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1968-1972, gọi là xã Long Thuận, huyện Đông, tỉnh Gò Công; từ năm 1972-1975, là xã Long Thuận, Vùng 4, tỉnh Gò Công; chính quyền Sài Gòn gọi là xã Long Thuận, quận Hòa Lạc, tỉnh Gò Công.

Sau năm 1975, xã Long Thuận thuộc huyện Gò Công; năm 1979, thuộc huyện Gò Công Đông; năm 1987, một phần diện tích của xã được tách ra để thành lập Phường 1 và Phường 2, thị xã Gò Công. Xã Long Thuận thuộc thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Năm 2018, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới. Năm 2021, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao.

Dân số: Có 7.594 người (năm 2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 62,751 triệu đồng/người/năm (2021).

Kinh tế:

Chuyển dịch theo cơ cấu nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, trong đó nông nghiệp là chủ yếu.

Giáo dục:

Năm 2020, xã có 02 trường học:

- Trường tiểu học Long Thuận (ấp Thuận An).

- Trường mẫu giáo Sao Mai (ấp Thuận An).

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã, có 06 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 hộ sinh, 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình; có 04 tổ y tế trên địa bàn 04 ấp; tỷ lệ bảo hiểm y tế trên địa bàn đạt trên 90% (năm 2020).

Giao thông:

Xã Long Thuận có 02 trục đường chính đi qua, là Đường tỉnh 871 (đường Mạc Văn Thành) và Đường tỉnh 8710C (đường Nguyễn Thìn) nối liền xã Long Thuận với các xã của huyện Gò Công Đông;

Ngoài ra, trên địa bàn xã còn có 19 tuyến đường của xã và ấp được quan tâm đầu tư nâng cấp trải nhựa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm; có 37 tuyến dân sinh được tráng bê tông đảm bảo thông suốt, thuận tiện việc lưu thông, vận chuyển hàng hóa.

Văn hóa:

- 4/4 ấp được công nhận ấp văn hóa.

- Xã được công nhận đạt xã văn hóa nông thôn mới.

- Có 4/4 cơ sở thờ tự văn hóa (gồm chùa Thanh Trước (ấp Thuận An), đền thờ Võ Tánh (ấp Gò Tre), đình Thuận Ngãi (ấp Gò Tre), chùa Tịnh xá Ngọc Quang (ấp Thuận An).

- 07 tuyến đường văn hóa (đường Lăng Ông, đường cặp hông Chùa Thanh Trước, ấp Gò Tre; đường Bờ Cái, đường kênh Đìa Tra, ấp Xóm Dinh; đường Xóm Rạch, ấp Thuận Hòa; đường Chùa Linh Châu, ấp Thuận An, đưởng liên ấp Thuận An-Gò Tre)

Trên địa bàn xã hiện có 01 Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, 02 Nhà văn hóa liên ấp (gồm Nhà văn hóa liên ấpThuận An - Gò Tre và Nhà văn hóa liên ấp Thuận Hòa - Xóm Dinh), có 04 Trụ sở ấp với tổng diện tích là 3.536,5 m2. Sức chứa bình quân của hội trường Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã là trên 200 chỗ ngồi, sức chứa của hội trường 02 nhà văn hóa liên ấp là 100 chỗ ngồi cho mỗi Nhà văn hóa; đảm bảo nhu cầu hội họp, họp mặt,vui chơi giải trí, Văn hóa Văn nghệ - Thể dục thể thao của cán bộ và nhân dân trên địa bàn.

Xã có 05 Câu lạc bộ (CLB) Đờn ca tài tử (trong đó: có 01 CLB Đờn ca tài tử xã và 04 CLB Đờn ca tài tử ở 04 ấp). Các CLB đều duy trì, hoạt động thường xuyên theo định kỳ hàng tháng tại Trung tâm Văn hóa – Thể thao xã, Nhà văn hóa liên ấp Thuận An – Gò Tre và Nhà văn hóa Thuận Hòa – Xóm Dinh. Có 01 CLB khiêu vũ, hàng tháng sinh hoạt 01 lần tại Trung tâm Văn hóa -Thể thao xã.

Du lịch:

Xã có tiềm năng về chuỗi du lịch miệt vườn (tham quan vườn sơ ri) gắn với tham quan các di tích lịch sử, văn hóa trên địa bàn thị xã và xã (Lăng Hoàng gia, Đền thờ Trương Định, Đền thờ Võ Tánh,…). Hàng năm, có trên 1.000 lượt người dân trong và ngoài xã tham gia.

Thể thao:

Có 03 điểm hoạt động thể dục, thể thao cộng đồng (tại trung tâm văn hóa xã 01 sân bóng đá mini; 01 điểm tập thể dục, thể thao tại Nhà văn hóa liên ấp Thuận Hòa - Xóm Dinh và 01 điểm tập thể dục, thể thao tại Nhà văn hóa liên ấp Gò Tre - Thuận An). Các sân bãi của Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã và các Nhà văn hóa liên ấp trên địa bàn, thu hút trên 50% số người dân tham gia các hoạt động văn hóa - thể thao ở cộng đồng. Năm 2020, toàn xã, có 2.875/8.881 người luyện tập thể dục thể thao thường xuyên, đạt 32,3% so với dân số của xã. Hàng năm, 4/4 ấp và xã được công nhận có phong trào "*Rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại*".

Tổng số liệt sĩ: 89 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 13 Bà mẹ.

8. Xã Tân Trung

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

新 Tân: Mới mẻ.

忠 Trung: Trung thành

新忠社 Tân Trung Xã

Vị trí địa lý:

Xã Tân Trung nằm về phía Đông Bắc thị xã Gò Công; phía Đông giáp xã Tân Tây, Tân Đông, Tân Phước, huyện Gò Công Đông; phía Tây giáp xã Bình Xuân, Bình Đông, thị xã Gò Công; phía Nam giáp xã Long Hưng, xã Long Chánh, thị xã Gò Công; phía Bắc giáp tỉnh Long An qua ranh giới tự nhiên là sông Vàm Cỏ.

Diện tích tự nhiên: 2019,74 ha.

Hành chính:

Xã có 7 ấp: Mỹ Xuân, Gò Xoài, Xã Lới, Ông Cai, Ông Non, Sơn Quy A và Sơn Quy B.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, xã Tân Trung hiện nay nguyên là thôn Tân Niên Trung thuộc tổng Hòa Bình, Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn Tân Niên trung thuộc tổng Hòa Lạc, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị, chính quyền thực dân, sau năm 1862, cắt làng Mỹ Xuân ra lập làng Trường Cóc (Truông Cóc). Năm 1872, làng Trường Cóc đổi tên là Tân Xuân. Năm 1885, hai làng Tân Xuân và Mỹ Xuân nhập vào làng Tân Niên Trung. Năm 1900, làng Tân Niên Trung thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là xã Tân Niên Trung, tổng Hòa Lạc Thượng, tỉnh Gò Công; chính quyền thực dân gọi là làng Tân Niên Trung, tổng Hòa Lạc Thượng, tỉnh Gò Công. Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1968, gọi là xã Tân Niên Trung, huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1968-1972, gọi là xã Tân Niên Trung, huyện Đông, tỉnh Gò Công; từ năm 1972-1975, là xã Tân Niên Trung, Vùng 2, tỉnh Gò Công; chính quyền Sài Gòn gọi là xã Tân Niên Trung, quận Hòa Tân, tỉnh Gò Công.

Sau năm 1975, xã Tân Niên Trung được đổi tên thành xã Tân Trung thuộc huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Năm 1979, xã Tân Trung thuộc thuộc huyện Gò Công Đông. Năm 2008, xã Tân Trung thuộc thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Năm 2016, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

Dân số: 14.497 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 55 triệu đồng/người/năm (2021).

Kinh tế:

Chuyển dịch theo cơ cấu "nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ", trong đó nông nghiệp chiếm tỷ trọng cao (70%). Ngành nghề chủ yếu là trồng lúa, nghề phụ là đóng tủ thờ với thương hiệu nổi tiếng "Tủ thờ Gò Công", trồng hoa màu.

Giáo dục:

Năm 2020, trên địa bàn có 03 trường học: Trường mẫu giáo Tân Trung, Trường tiểu học Tân Trung và Trường trung học cơ sở Tân Trung. Cả 3 trường đều được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia. Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã; có 07 tổ y tế trên địa bàn 07 ấp; tỷ lệ bảo hiểm y tế trên địa bàn đạt 80,44% (2020).

Giao thông:

Có tuyến Quốc lộ 50 và Đường tỉnh 873B đi qua địa bàn xã; có sông Gò Công và sông Vàm Cỏ ngang qua địa bàn xã nên rất thuận lợi cho việc lưu thông trao đổi hàng hóa trên địa bàn xã và các vùng lân cận cả đường bộ lẫn đường thủy; các tuyến đường giao thông nông thôn của xã có tổng chiều dài 65.275m, đều được nhựa, bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm. Tuyến đường này có hệ thống điện chiếu sáng công cộng đạt 100%.

Văn hóa:

- 7/7 ấp được công nhận ấp văn hóa.

- Xã được công nhận đạt "Xã văn hóa nông thôn mới".

- Có 08 cơ sở thờ tự văn hóa (miễu Tân Thạnh, ấp Sơn Qui A; miễu Tân Thạnh, ấp Sơn Qui B; miễu Bà Chúa xứ, xóm Ông Sư, ấp Ông Non; miễu Cây Sộp, ấp Ông Cai; miễu Sơn Linh, ấp Gò Xoài; miễu bà Chúa xứ, Xóm Trong, ấp Xã Lới; miễu Ao Đình, ấp Mỹ Xuân; Thánh thất Cao Đài, ấp Ông Non).

Hàng năm có 100% số hộ đăng ký xây dựng gia đình văn hoá, tỷ lệ hộ đạt 03 tiêu chuẩn gia đình văn hoá bình quân đạt trên 96%.

Trên địa bàn xã hiện có 01 Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, 02 Nhà văn hóa liên ấp (gồm Nhà văn hóa liên ấp Sơn Qui A - Sơn Qui B và Nhà văn hóa liên ấp Mỹ Xuân - Gò Xoài)), có 07 trụ sở ấp. Sức chứa bình quân của hội trường Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã là trên 200 chỗ ngồi, sức chứa của hội trường 02 nhà văn hóa liên ấp là trên 100 chỗ ngồi cho mỗi nhà văn hóa; đảm bảo nhu cầu hội họp, họp mặt,

vui chơi giải trí, văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao của cán bộ và nhân dân trên địa bàn.

Du lịch:

Có tiềm năng về du lịch sinh thái với Làng nghề mộc tủ thờ truyền thống Gò Công, các món ăn vùng sông nước và Câu lạc bộ Đờn ca tài tử, thu hút nhiều du khách đến tham quan thường xuyên.

Thể thao:

Có Trung tâm Văn hóa - Thể thao của xã và các điểm luyện tập thể dục, thể thao tư nhân thu hút đông đảo thanh thiếu và nhân dân tham gia luyện tập, toàn xã có 1.065/3.488 hộ gia đình tham gia luyện tập thể dục thể thao thường xuyên chiếm 30,53% và 4.547/15.560 người tham gia luyện tập thể dục, thể thao thường xuyên, chiếm 29,22%. 07/07 ấp của xã đều được công nhận ấp có phong trào rèn luyện thân thể và xã cũng được tái công nhận xã có phong trào rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại.

Tổng số liệt sĩ: 226 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 38 Bà mẹ.

9. Phường 1

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Tên đơn vị hành chính được đặt theo đơn vị cấp phường và số từ (1)

Vị trí địa lý:

Phường 1 nằm ở trung tâm của thị xã Gò Công, phía Bắc giáp Phường 3, phía Đông giáp Phường 2, phía Nam giáp Phường 5, phía Tây giáp Phường 4.

Diện tích tự nhiên: 49 ha.

Hành chính:

Phường có 04 khu phố gồm: Khu phố 1, Khu phố 2, Khu phố 3 và Khu phố 4.

Lịch sử hình thành:

Ngày 16/02/1987, Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra Quyết định số 37- QĐ/HĐBT thành lập thị xã Gò Công, đơn vị hành chính Phường 1 chính thức được thành lập, trên cơ sở một phần diện tích và dân số của xã Long Thuận. Phường đã được công nhận đạt chuẩn Văn minh đô thị giai đoạn 2016 - 2020.

Dân số: 4.826 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 94 triệu đồng/1 người/năm (2021).

Kinh tế:

Phát triển theo cơ cấu Thương mại, dịch vụ, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp; trong đó, thương mại, dịch vụ là chủ yếu.

Chợ thị xã cũ nằm tại phía Bắc khu phố 1, buôn bán các loại hàng hóa nông sản, thủy sản, thực phẩm, tạp hóa; chợ thị xã mới được xây dựng năm 2004 nằm ở phía Tây khu phố 1, chuyên kinh doanh các mặt hàng trang trí nội thất, may mặc, giày dép,...

Giáo dục:

Năm 2020, trên địa bàn Phường có 03 trường học, gồm:

- Trường tiểu học Phường 1.

- Trường trung học cơ sở Phường 1.

- Trường mẫu giáo Hướng Dương.

Phường đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế phường đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã, có 06 biên chế: 03 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 hộ sinh, 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các khu phố đều có tổ y tế, tỷ lệ bảo hiểm y tế trên địa bàn đạt 92% (2020).

Giao thông:

Địa bàn Phường 1 có các tuyến đường giao thông chính như đường Hai Bà Trưng, Lý Tự Trọng, Lê Lợi, Lưu Thị Dung, Trương Định, Rạch Gầm, Trần Hưng Đạo, Võ Duy Linh, Nguyễn Huệ, Nguyễn Thái Học. Qua địa bàn phường còn có sông Gò Công dài 1 km, có cầu Long Chánh trọng tải 25 tấn.

Các tuyến đường giao thông trên toàn địa bàn Phường 1 toàn bộ đã được nhựa và bê tông hóa thuận tiện phục vụ cho quá trình sản xuất phát triển kinh tế-xã hội và nhu cầu đi lại của người dân. Phường cũng có 29/29 hẻm đều được tráng bê tông hoặc tráng nhựa, bảo đảm giao thông rất thuận tiện.

Văn hóa:

- 4/4 khu phố được công nhận khu phố văn hóa.

- Phường được công nhận đạt chuẩn văn minh đô thị.

- Có 8 cơ sở thờ tự văn hóa, gồm 2 chùa (chùa Thiên Liên, chùa An Sơn); 05 Công sở người Hoa (Công sở Hẹ, Công sở Quảng Đông, Công sở Triều Châu, Công sở Phước Châu, Phước Kiến) và miễu Bà Thủy Long.

- Có 14 tuyến đường đạt tiêu chuẩn văn hóa; trong đó:

+ 12 đường nội thị do thị xã quản lý (các đường Hai Bà Trưng, Lê Lợi, Phan Chu Trinh, Nguyễn Tùng Châu, Nguyễn Thái Học, Lý Tự Trọng, Trần Hưng Đạo, Lê Thị Hồng Gấm, Lý Thường Kiệt, Phan Bội Châu, Nguyễn Đình Chiểu, Phạm Ngũ Lão);

+ 02 đường hẻm do phường quản lý (hẻm Nguyễn Huệ ở Khu phố 4, hẻm Võ Duy Linh ở Khu phố 3).

- Có Trung tâm Văn hóa - Thể thao của Phường với sức chứa 200 chỗ ngồi và 4/4 khu phố của phường đều có điểm sinh hoạt văn hóa phù hợp với điều kiện kinh tế của địa phương, đáp ứng được nhu cầu cơ bản về sinh hoạt, giao lưu văn hóa, văn nghệ của Nhân dân trên địa bàn.

- Phong trào "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"* phát triển mạnh ở các khu phố, Nhân dân đăng ký thực hiện gia đình văn hóa hàng năm đạt 100%; thực hiện 05 tiêu chuẩn phường "*Văn minh đô thị*", 05 tiêu chuẩn khu phố văn hóa.

Du lịch:

Phường 1 có 02 Di tích Lịch sử - Văn hóa cấp Quốc gia: Đền thờ và lăng mộ Anh hùng dân tộc Trương Định, Di tích Nhà Đốc Phủ Hải; 01 Di tích Lịch sử - Văn hóa cấp tỉnh: Đình Trung. Các di tích này luôn thu hút khách thập phương từ nơi xa trong và ngoài nước đến tham quan du lịch, góp phần quảng bá hình ảnh đẹp của vùng đất, con người Gò Công nói chung và Phường 1 nói riêng.

Thể thao:

Phường có 03 điểm hoạt động thể dục thể thao cộng đồng. Các điểm hoạt động thể dục thể thao cộng đồng và các sân bãi của các trường học trên địa bàn, thu hút trên 70% số người dân tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao ở cộng đồng. Hàng năm, 4/4 khu phố và phường được công nhận có phong trào "*Rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại*".

Tổng số liệt sĩ: 62 liệt sĩ.

Tổng số bà mẹ Việt Nam anh hùng: 04.

10. Phường 2

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Tên đơn vị hành chính được đặt theo đơn vị cấp phường và số từ (2).

Vị trí địa lý:

Phường 2 nằm về phía Nam khu vực trung tâm của thị xã Gò Công. Phía Bắc giáp với Phường 3; phía Nam giáp với Phường 5; phía Đông giáp với xã Long Thuận; phía Tây giáp với Phường 1.

Diện tích tự nhiên: 71,38 ha.

Hành chính :

Phường có 05 khu phố, gồm khu phố 1, 2, 3, 4 và 5.

Lịch sử hình thành:

Ngày 16/02/1987, Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra Quyết định số 37- QĐ/HĐBT thành lập thị xã Gò Công, đơn vị hành chính Phường 1 chính thức được thành lập, trên cơ sở một phần diện tích và dân số của xã Long Thuận. Phường đã được công nhận đạt chuẩn Văn minh đô thị giai đoạn 2016-2020.

Dân số: 7.180 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 73,09 triệu đồng/người/năm (2021).

Kinh tế:

Định hướng phát triển kinh tế theo cơ cấu Thương mại, dịch vụ và tiểu thủ công nghiệp.

Giáo dục:

Năm 2020, trên địa bàn Phường 2 có 06 trường học, gồm:

- Trường trung học phổ thông Trương Định.
- Trường trung học cơ sở Phường 2.
- Trường tiểu học Phường 2.
- Trường mẫu giáo Bình Minh.
- Trường mẫu giáo tư thục Hoa Lan.
- Trường mẫu giáo Hướng Dương.

Phường đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế phường đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã, có 06 biên chế: 03 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 hộ sinh, 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các khu phố đều có tổ y tế, tỷ lệ bảo hiểm y tế trên địa bàn đạt 91% (2020).

Giao thông:

Địa bàn Phường 2 có các tuyến đường giao thông chính như đường Thủ Khoa Huân, Nguyễn Văn Côn, Nguyễn Trọng Dân, Trần Hưng Đạo, Trương Định, Hai Bà Trưng, Phan Bội Châu, Nguyễn Thái Học, Lưu Thị Dung cùng với 06 tuyến đường nội thị khác được thị xã quan tâm đầu tư nâng cấp trải nhựa, bó vỉa hè hoàn chỉnh, đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao lưu, vận chuyển, mua bán trao đổi hàng hóa giữa Phường 2 và các xã, phường khác trong thị xã Gò Công. Phường cũng có 43/43 hẻm đều được tráng bê tông hoặc tráng nhựa, bảo đảm giao thông rất thuận tiện.

Văn hóa:

- 5/5 khu phố được công nhận khu phố văn hóa.

- Phường được công nhận đạt chuẩn văn minh đô thị.

- 5/7 cơ sở thờ tự văn hóa (Hưng Thành tự, Tịnh xá Ngọc Hiệp, vhùa Thiên Quang, chùa Giác Phước, Nhà thờ Giuse).

- Có 19 con đường văn hóa; trong đó:

+ 13 con đường nội thị do thị xã quản lý (các đường Trương Định, Nguyễn Văn Côn, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trọng Dân, Nguyễn Trãi, Phan Đình Phùng, Lưu Thị Dung, Phan Bội Châu, Phạm Ngũ Lão, Phan Chu Trinh, Thủ Khoa Huân, Hai Bà Trưng và Nguyễn Thái Học).

+ 06 đường hẻm do phường quản lý (Hẻm số 1 ở Khu phố 1, hẻm Nguyễn Văn Côn - Nguyễn Trãi ở Khu phố 2, hẻm Thủ Khoa Huân ở Khu phố 4, Hẻm số 11 ở Khu phố 5; Hẻm số 6 ở Khu phố 3 và hẻm số 12 ở Khu phố 5).

+ 01 Công viên văn hóa Tết Mậu Thân.

- Có Trung tâm Văn hóa - Thể thao của Phường với sức chứa 200 chỗ ngồi và 5/5 khu phố của phường đều có điểm sinh hoạt văn hóa phù hợp với điều kiện kinh tế của địa phương, đáp ứng được nhu cầu cơ bản về sinh hoạt, giao lưu văn hóa, văn nghệ của Nhân dân trên địa bàn.

Du lịch:

Trên địa bàn phường có 02 Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh: Tượng đài Anh hùng dân tộc Trương Định (đường Trương Định) và Dinh tỉnh Trưởng (đường Nguyễn Văn Côn), thu hút khách đến tham quan, tìm hiểu.

Thể thao:

Có 17 điểm hoạt động thể dục thể thao cộng đồng. Các sân bãi của Trung tâm Văn hóa - Thể thao thị xã và các trường học trên địa bàn, thu hút trên 60% số người dân tham gia các hoạt động văn hóa thể thao ở cộng đồng. Hàng năm được công nhận 5/5 khu phố và phường có phong trào "*Rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại*".

Tổng số liệt sĩ: 47 liệt sĩ.

Tổng số Bà Mẹ Việt Nam anh hùng: 01 Bà mẹ.

11. Phường 3

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính

Tên đơn vị hành chính được đặt theo đơn vị cấp phường và số từ (3).

Vị trí địa lý

Phường 3 nằm ở hướng Đông bắc, là cửa ngõ tiếp giáp trung tâm thị xã Gò Công, phía Đông giáp Xã Long Hưng; phía Tây giáp Phường 1, Phường 4 (qua sông Gò Công); phía Nam giáp xã Long Thuận, Phường 2; phía Bắc giáp xã Long Hưng.

Diện tích tự nhiên: 109,7 ha.

Hành chính:

- Phường có 4 khu phố, gồm Khu phố 1, 2, 3 và 4.

Lịch sử hình thành:

Phường 3 được thành lập theo Nghị định 69/NĐ-CP ngày 11/7/1994 của Chính phủ "Về việc thành lập Phường 3 thuộc thị xã Gò Công trên cơ sở một phần diện tích và nhân khẩu của xã Long Hưng". Phường đã được công nhận đạt chuẩn Văn minh đô thị giai đoạn 2016-2020.

Dân số: 5.172 người (2020)

Thu nhập bình quân đầu người: 63.400.000 đồng/người/năm (2021).

Kinh tế:

Phát triển theo cơ cấu thương mại, dịch vụ và tiểu thủ công nghiệp; trong đó thương mại, dịch vụ chiếm tỷ trọng cao.

Việc chỉnh trang đô thị đã tạo nên diện mạo mới của phường; hoạt động thương mại-dịch vụ được thuận lợi hơn, vì vậy kinh tế của phường trong những năm gần đây tăng trưởng khá.

Giáo dục:

Trên địa bàn Phường 3 có 01 cơ sở giáo dục là Trường trung học cơ sở Phường 3.

Phường đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế phường đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã, có 06 biên chế: 03 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 hộ sinh, 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các khu phố đều có tổ y tế, tỷ lệ bảo hiểm y tế trên địa bàn đạt 85% (2020).

Giao thông:

Địa bàn Phường 3 có 8 tuyến đường giao thông chính như đường Nguyễn Trãi nối dài; Nguyễn Văn Côn, Mạc Văn Thành, Nguyễn Trọng Dân, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Huệ, Hai Bà Trưng, đường Ao Thiếc (hẻm 25, Mã Cả Trượng). Toàn bộ các tuyến đường giao thông đã được nhựa, bê tông hóa phục vụ cho quá trình sản xuất phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu đi lại của người dân. Phường cũng có 40 hẻm đều được tráng bê tông hoặc tráng nhựa, bảo đảm giao thông rất thuận tiện.

Văn hóa:

- 4/4 khu phố được công nhận khu phố văn hóa.

- Phường được công nhận đạt chuẩn văn minh đô thị.

- Có 05 cơ sở thờ tự văn hóa (chùa Duy Khánh, chùa Phật Huệ, Thánh tịnh Long Đức Quy Châu, miễu Thổ Trì (khu phố 2), miễu Minh Đức (khu phố 3).

- 05 tuyến đường văn hóa (các đường Mạc Văn Thành, Tết Mậu Thân, Ao Thiếc, Nguyễn Trọng Dân và đường Nguyễn Trãi nối dài).

- Có Trung tâm Văn hóa - Thể thao của Phường với sức chứa 200 chỗ ngồi và 4/4 khu phố của phường đều có điểm sinh hoạt văn hóa phù hợp với điều kiện kinh tế của địa phương, đáp ứng được nhu cầu cơ bản về sinh hoạt, giao lưu văn hóa, văn nghệ của Nhân dân trên địa bàn.

Du lịch:

Trên địa bàn phường có Công viên Ao Thiếc (đường Nguyễn Trọng Dân nối dài) mới được chỉnh trang và mở rộng, thu hút du khách đến tham quan.

Thể thao:

Có 05 điểm hoạt động thể dục, thể thao cộng đồng, thu hút 311 hộ và 2.574 người tham gia luyện tập thể dục thể thao thường xuyên, chiếm 21,99% số hộ và 41,46% số dân.

Hàng năm, 4/4 khu phố và phường được công nhận có phong trào "*Rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại*".

Tổng số liệt sĩ: 29 liệt sĩ.

Tổng số Bà Mẹ Việt Nam anh hùng: 02 Bà mẹ.

12. Phường 4

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Tên đơn vị hành chính được đặt theo đơn vị cấp phường và số từ (4).

Vị trí địa lý:

Phường 4 nằm về phía Tây của thị xã Gò Công; phía Đông giáp Phường 1, Phường 3; phía Tây và Bắc giáp xã Long Chánh; phía Nam giáp Phường 1, Phường 5.

Diện tích tự nhiên: 134 ha.

Hành chính:

Lịch sử hình thành:

Phường 4 được thành lập theo Nghị định 69/NĐ-CP ngày 11/7/1994 của Chính phủ "Về việc thành lập Phường 4 thuộc thị xã Gò Công trên cơ sở một phần diện tích và nhân khẩu của xã Long Chánh". Phường đã được công nhận đạt chuẩn Văn minh đô thị giai đoạn 2016-2020.

Dân số: 7.224 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 53 triệu đồng/người/năm (2021).

Kinh tế:

Chuyển dịch theo cơ cấu thương mại - dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp, trong đó thương mại - dịch vụ giữ vai trò chủ yếu.

Giáo dục:

Năm 2020, trên địa bàn có 02 trường học: Trường tiểu học Phường 4 và Trường mầm non Phường 4.

Phường đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế phường đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã, có 06 biên chế: 03 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 hộ sinh, 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các khu phố đều có tổ y tế, tỷ lệ bảo hiểm y tế trên địa bàn đạt 90% (2020).

Giao thông:

Địa bàn Phường 4 thuận lợi về giao thông đường bộ, có trục đường Quốc lộ 50 tỏa đi hướng thành phố Mỹ Tho và hướng đi Thành Phố Hồ Chí Minh sau khi thị xã mở rộng vành đai phía Nam. Ngoài hai trục đường chính còn có các đường liên khu phố được trãi nhựa và bê tông, ngoài ra còn có con sông Gò Công thông ra sông Vàm Cỏ, sông Soài Rạp và sông Vàm Giồng.

Văn hóa:

- 5/5 khu phố được công nhận khu phố văn hóa.

- Phường được công nhận đạt chuẩn văn minh đô thị.

- 02 cơ sở thờ tự văn hóa (Thánh thất Cao Đài, Điện thờ phật mẫu).

- Có 02 con đường văn hóa do thị xã quản lý (các đường Đồng Khởi, Phan Thị Bạch Vân).

- Có Trung tâm Văn hóa - Thể thao của Phường với sức chứa 200 chỗ ngồi, và 5/5 khu phố của phường đều có điểm sinh hoạt văn hóa phù hợp với điều kiện kinh tế của địa phương, đáp ứng được nhu cầu cơ bản về sinh hoạt, giao lưu văn hóa, văn nghệ của Nhân dân trên địa bàn.

- Các khu phố duy trì được phong trào sinh hoạt câu lạc bộ, đội nhóm sở thích, phong trào văn hóa, văn nghệ và thể thao quần chúng. Mỗi khu phố có 1 đội văn nghệ duy trì hoạt động thường xuyên.

Du lịch:

Do trên địa bàn phường không có các di tích lịch sử - văn hóa nổi tiếng nên du lịch có phần nào hạn chế.

Thể thao:

Có 25 điểm hoạt động thể dục, thể thao cộng đồng thu hút 2.466 người tham gia các luyện tập thể dục, thể thao, đạt 34,05%. Hàng năm, 5/5 khu phố và phường được công nhận có phong trào "*Rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại*".

Tổng số liệt sĩ: 51 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 07 Bà mẹ.

13. Phường 5

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính: Phường 5

Tên đơn vị hành chính được đặt theo đơn vị cấp phường và số từ (5).

Vị trí địa lý:

Phường 5 nằm về phía Nam của thị xã Gò Công, các phía Đông, Tây và Nam đều giáp xã Long Hòa; phía Bắc giáp các Phường 1, 2 và 4 của thị xã Gò Công.

Diện tích tự nhiên: 166,35ha.

Hành chính:

Phường 5 có 4 khu phố, gồm khu phố 1, 2, 3 và 4.

Lịch sử hình thành:

Theo Nghị Định 154/2003/NĐ-CP về việc thành lập phường, xã thuộc thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công và huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Theo đó, tại Điều 4: Thành lập Phường 5 thuộc thị xã Gò Công trên cơ sở 160 ha diện tích tự nhiên và 7.740 nhân khẩu của xã Long Hòa. Phường đã được công nhận đạt chuẩn Văn minh đô thị giai đoạn 2016-2020.

Dân số: 5.507người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 70,20 triệu đồng/người/năm (2021).

Kinh tế:

Chuyển dịch theo cơ cấu kinh tế là thương mại - dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp. Trên địa bàn phường có Siêu thị CoopMart, Bách hóa Xanh, đã giải quyết tốt nhu cầu lao động, việc làm, góp phần cải thiện nâng cao đời sống của Nhân dân.

Giáo dục:

Năm 2020, trên địa bàn Phường 5 có 04 trường học:

- Trường trung học phổ thông Gò Công.

- Trường mẫu giáo Phường 5.

- Trường trung học cơ sở Phường 5.

- Trường mẫu giáo tư thục Phường 5.

Phường đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế phường đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã, có 06 biên chế: 03 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 hộ sinh, 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các khu phố đều có tổ y tế, tỷ lệ bảo hiểm y tế trên địa bàn đạt 90% (2020).

Giao thông:

Qua địa bàn Phường 5 có Đường tỉnh 862 và đường vành đai phía Nam thị xã đến ấp Việt Hùng, xã Long Hòa; có các tuyến đường giao thông chính như các đường Thủ Khoa Huân, Trần Công Tường, Võ Văn Kiết, Võ Duy Linh, Hoàng Tuyển, Đỗ Trình Thoại, cùng với các tuyến đường trong khu dân cư Trương Định tạo cho Phường 5 có nhiều thuận lợi trong việc giao lưu, vận chuyển, mua bán trao đổi hàng hóa giữa Phường 5 và các xã, phường khác trong thị xã Gò Công.

Văn hóa:

- 4/4 khu phố được công nhận khu phố văn hóa;

- Phường được công nhận đạt chuẩn văn minh đô thị;

- Có 03 cơ sở thờ tự văn hóa (Chùa Huệ Quang, chùa Bửu Minh và Phú Vạn miếu);

- Có 16 con đường văn hóa; trong đó:

+ 13 con đường nội thị do thị xã quản lý (các đường Hoàng Tuyển, Đỗ Trình Thoại, Võ Duy Linh, Trương Định, Đường số 1, Đường số 3, Đường số 10, Đường số 12, Đường số 12A, Đường số 12B, Đường số 5, Đường số 6 và đường Thủ Khoa Huân*);*

+ 03 đường hẻm do phường quản lý (Hẻm 1 ở Khu phố 1, Hẻm 1 ở Khu phố 2 và Hẻm 1 ở Khu phố 4).

- Hàng năm, toàn phường có trên 97% hộ gia đình được công nhận gia đình văn hóa.

- Có Trung tâm Văn hóa - Thể thao của Phường với sức chứa 200 chỗ ngồi và 4/4 khu phố của phường đều có điểm sinh hoạt văn hóa phù hợp với điều kiện kinh tế của địa phương, đáp ứng được nhu cầu cơ bản về sinh hoạt, giao lưu văn hóa, văn nghệ của Nhân dân trên địa bàn.

Du lịch:

Trên địa bàn phường có Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh là Mộ Bà Trần Thị Sanh (ở Khu phố 2), là một trong nhiều di tích thu hút khách trong và ngoài địa phương đến tham quan, tìm hiểu.

Thể thao:

Phường có 14 điểm hoạt động thể dục, thể thao cộng đồng, phù hợp với điều kiện kinh tế của địa phương. Các sân bãi của Trung tâm Văn hóa - Thể thao phường, trường học và các điểm hoạt động thể dục thể thao trên địa bàn, thu hút nhiều người dân tham gia luyện tập. Toàn phường có 356 hộ gia đình và 1.791 người thường xuyên tham gia tập thể dục, thể thao, chiếm tỷ lệ 24,36% so với tổng số hộ và 32,52% so với dân số. Hàng năm, 4/4 khu phố và phường đều được công nhận có phong trào "*Rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại*".

Tổng số liệt sĩ: 37 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ VN anh hùng: 10 Bà mẹ.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn quốc lộ, đường cao tốc, đường tỉnh:**

+ Quốc lộ 50, đoạn ngang qua tỉnh Tiền Giang

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng mang yếu tố Hán Việt (Quốc: 國: Nước; Lộ: 路: Đường) + Số hiệu (50).

Quốc lộ 50 là tuyến đường nối liền từ Thành phố Hồ Chí Minh qua tỉnh Long An đến tỉnh Tiền Giang, bắt đầu từ cầu Nhị Thiên Đường, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, theo hướng nam đi qua huyện Bình Chánh (Thành phố Hồ Chí Minh), sang hai huyện Cần Giuộc và Cần Đước, tỉnh Long An, đến thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Tại trung tâm thị xã Gò Công, con đường rẽ sang hướng tây qua hai huyện Gò Công Tây, Chợ Gạo và kết thúc tại thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, với tổng chiều khoảng dài 95 km.

Quốc lộ 50 đoạn ngang qua tỉnh Tiền Giang bắt đầu từ km 41 tại cầu Mỹ Lợi, xã Bình Đông, thị xã Gò Công, xuyên qua thị xã Gò Công, hai huyện Gò Công Tây, Chợ Gạo và kết thúc tại km 95, ngã ba Trung Lương, Phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, dài 54 km.

Đường tỉnh:

1. **Đường tỉnh 862**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (862).

Đường tỉnh 862, có số hiệu đường bộ ĐT.862; điểm đầu: Quốc lộ 50 (xã Long Chánh, cạnh Bến xe thị xã Gò Công); điểm cuối: Đèn đỏ (xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông); chiều dài: 21,140 km.

2. Đường tỉnh 871

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (871).

Đường tỉnh 871, có số hiệu đường bộ ĐT.871; điểm đầu: Ngã tư Nguyễn Văn Côn (Phường 3, thị xã Gò Công); điểm cuối: Cảng cá Vàm Láng (thị trấn Vàm Láng, huyện Gò Công Đông); chiều dài: 13,236 km

3. Đường tỉnh 871B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (871B).

Đường tỉnh 871B, có số hiệu đường bộ ĐT.871B; điểm đầu: Quốc lộ 50 (xã Tân Trung, thị xã Gò Công); điểm cuối: Tiếp giáp Cụm công nghiệp Gia Thuận 1, huyện Gò Công Đông; chiều dài: 7,840 km.

4. Đường tỉnh 871C

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (871C).

Đường tỉnh 871C, có số hiệu đường bộ ĐT.871C; điểm đầu: Ngã tư Bình Ân (xã Long Thuận, thị xã Gò Công); điểm cuối: Đê biển xã Tân Điền (huyện Gò Công Đông); chiều dài: 11,180 km.

5. Đường tỉnh 873

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (873).

Đường tỉnh 873, có số hiệu đường bộ ĐT.873; điểm đầu: Quốc lộ 50 (Ngã ba xã Thành Công, huyện Gò Công Tây và xã Long Chánh, thị xã Gò Công); điểm cuối: Quốc lộ 50 (xã Bình Đông, thị xã Gò Công); chiều dài: 13,942 km.

6. Đường tỉnh 873B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (873B).

Đường tỉnh 873B, có số hiệu đường bộ ĐT.873B; điểm đầu: Quốc lộ 50 (xã Long Chánh, thị xã Gò Công); điểm cuối: Đường đê sông Vàm Cỏ (xã Tân Phước, huyện Gò Công Đông); chiều dài: 17,558 km.

7. Đường tỉnh 877

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (877).

Đường tỉnh 877, có số hiệu đường bộ ĐT.877; điểm đầu: Đường tỉnh 862 (Phường 5 và xã Long Hòa, thị xã Gò Công); điểm cuối: Kênh Chợ Gạo - Bến đò Quơn Long (xã Bình Phục Nhứt, huyện Chợ Gạo); chiều dài: 29,734 km.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn đường huyện, đường phố ở thị xã Gò Công: 50 địa danh.**

Đường huyện: 16 địa danh.

1. Đường huyện 14

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (14).

Đường huyện 14 có số hiệu đường bộ ĐH.14; điểm đầu: Cầu Bình Thành - Đường tỉnh 873 (xã Bình Xuân); điểm cuối: Đường đê - Bến đò Cả Nhồi cũ (xã Bình Xuân); chiều dài: 2,605 km, chiều rộng: 7 m.

2. Đường huyện 15

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (15).

Đường huyện 15 có số hiệu đường bộ ĐH.15; điểm đầu: Đường tỉnh 862 (Đường Trần Công Tường, xã Long Hòa); điểm cuối: Giáp ranh huyện Gò Công Tây (xã Long Hòa); chiều dài: 1,700 km, chiều rộng: 7 m.

3. Đường huyện 19

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (19).

Đường huyện 19 có số hiệu đường bộ ĐH.19; điểm đầu: Đường tỉnh 862 (xã Long Hòa); điểm cuối: Cầu Lợi An (xã Long Hòa); chiều dài: 1,650 km, chiều rộng: 7 m.

4. Đường huyện 96

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (96).

Đường huyện 96 có số hiệu đường bộ ĐH.96; điểm đầu: Đường tỉnh 862 (Đường Trần Công Tường, Phường 5); điểm cuối: Cầu Tân Cương (xã Long Hòa); chiều dài: 1,660 km, chiều rộng: 7 m.

5. Đường huyện 96B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (96) + Chữ cái La tinh (B).

Đường huyện 96B có số hiệu đường bộ ĐH.96B; điểm đầu: Đường tỉnh 862 (Đ.Thủ Khoa Huân, Phường 5 - xã Long Hòa); điểm cuối: Đường huyện 19 (Đường Việt Hùng, xã Long Hòa); chiều dài: 1,830 km, chiều rộng: 7 m.

6. Đường huyện 97

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (97)

Đường huyện 97 có số hiệu đường bộ ĐH.97; điểm đầu: Đường tỉnh 871C (xã Long Thuận); điểm cuối: Quốc lộ 50 (Đường Hồ Biểu Chánh, xã Long Hưng); chiều dài: 7,490 km, chiều rộng: 7 m.

7. Đường huyện 97B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (97) + Chữ cái La tinh (B), chiều rộng: 7 m.

Đường huyện 97B có số hiệu đường bộ ĐH.97B; điểm đầu: Đường Từ Dũ (xã Long Hưng); điểm cuối: Đường tỉnh 871 (Đường Mạc Văn Thành, xã Long Hưng); chiều dài: 2,120 km, chiều rộng: 7 m.

8. Đường huyện 98

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (98).

Đường huyện 98 có số hiệu đường bộ ĐH.98; điểm đầu: Đường tỉnh 873 (xã Long Chánh); điểm cuối: Đường tỉnh 873 (xã Long Chánh); chiều dài: 1,800 km, chiều rộng: 7 m.

9. Đường huyện 98B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (98) + Chữ cái La tinh (B).

Đường huyện 98B có số hiệu đường bộ ĐH.98B; điểm đầu: Đường Đồng Khởi (Phường 4); điểm cuối: Đường tỉnh 873B (đường Phùng Thanh Vân, xã Long Chánh); chiều dài: 3,080 km, chiều rộng: 7 m.

10. Đường huyện 98C

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (98) + Chữ cái La tinh (C).

Đường huyện 98C có số hiệu đường bộ ĐH.98C; điểm đầu: Đường tỉnh 873B (xã Long Chánh); điểm cuối: Đường huyện 98B (xã Long Chánh); chiều dài: 1,410 km, chiều rộng: 7 m.

11. Đường huyện 98D

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (98) + Chữ cái La tinh (D).

Đường huyện 98D có số hiệu đường bộ ĐH.98D; điểm đầu: Đường tỉnh 873B (xã Long Chánh); điểm cuối: Đường tỉnh 873 (xã Long Chánh); chiều dài: 2,740 km, chiều rộng: 7 m.

12. Đường huyện 99

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (99).

Đường huyện 99 có số hiệu đường bộ ĐH.99; điểm đầu: Đường tỉnh 873 (xã Bình Xuân); điểm cuối: Đường tỉnh 873B (xã Tân Trung); chiều dài: 2,950 km, chiều rộng: 7 m.

13. Đường huyện 99B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (99) + Chữ cái La tinh (B).

Đường huyện 99B có số hiệu đường bộ ĐH.99B; điểm đầu: Cống Vàm Tháp, giáp Huyện Gò Công Đông (xã Tân Trung); điểm cuối: Đường tỉnh 873B (xã Tân Trung); chiều dài: 33,360 km, chiều rộng: 7 m.

14. Đường huyện 99C

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (99) + Chữ cái La tinh (C).

Đường huyện 99C có số hiệu đường bộ ĐH.99C; điểm đầu: Cống Rạch Sâu, giáp Huyện Gò Công Tây (xã Bình Xuân); điểm cuối: Đường tỉnh 873 (xã Bình Xuân); chiều dài: 12,330 km, chiều rộng: 7 m.

15. Đường huyện 99D

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (99) + Chữ cái La tinh (D).

Đường huyện 99D có số hiệu đường bộ ĐH.99D; điểm đầu: Đường tỉnh 873B (xã Tân Trung); điểm cuối: Đường tỉnh 873 (xã Bình Xuân); chiều dài: 0,650 km, chiều rộng: 7 m.

16. Đường huyện 99E

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (99) + Chữ cái La tinh (E).

Đường huyện 99E có số hiệu đường bộ ĐH.99E; điểm đầu: Quốc lộ 50 (xã Tân Trung); điểm cuối: Cầu Vàm Tháp (xã Tân Trung); chiều dài: 2,890 km, chiều rộng: 7 m.

*** Đường phố: 34 địa danh.**

1. Đường Ao Thiếc

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + + Công trình xây dựng (Ao: hồ nước nhân tạo, được đào sâu để chứa nước) + Kim loại (Thiếc). Thuở xưa, ở đây có một xóm nhà làm đồ gia dụng bằng thiếc. Xóm nhà này ở gần cái ao to, nên có địa danh Ao Thiếc. Đường Ao Thiếc là tuyến đường chay ngang qua Ao Thiếc.

Đường Ao Thiếc có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn Trọng Dân; điểm cuối: giáp với Trung tâm Thú y TX. Gò Công; chiều dài: 0,490 km; chiều rộng: 7 m.

2. Đường Bạch Đằng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Đia danh lịch sử (Bạch Đằng).

Địa danh lịch sử:

Sông Bạch Đằng hay Bạch Đằng Giang (Sông rừng) là một con sông chảy giữa thị xã Quảng Yên (tỉnh Quảng Ninh) và huyện Thủy Nguyên (thành phố Hải Phòng). Điểm đầu của sông là phà Rừng, Hải Phòng (ranh giới Hải Phòng và Quảng Ninh), điểm cuối là cửa Nam Triệu, Hải Phòng. Sông có chiều dài 32 km.

Sông Bạch Đằng gắn liền với ba chiến thắng nổi tiếng của nhân dân Việt Nam trong lịch sử:

- Chiến thắng Bạch Đằng lần 1 năm 938

Chiến thắng Bạch Đằng năm 938 là trận đánh của Ngô Quyền đập tan âm mưu xâm lược của quân Nam Hán (Trung Quốc), mở ra thời kỳ độc lập, tự chủ lâu dài của dân tộc ta.

- Chiến thắng Bạch Đằng lần 2 năm 981

Chiến thắng Bạch Đằng năm 981 gắn với tên tuổi nhà cầm quân tài ba vua Lê Hoàn (Lê Đại Hành), đánh bại cuộc xâm lược của nhà Tống (Trung Quốc) đối với đất nước ta.

- Chiến thắng Bạch Đằng lần 3 năm 1288

Đây là chiến thắng vẻ vang của quân Đại Việt do Quốc công Tiết chế Trần Hưng Đạo cùng với Thái thượng hoàng Trần Thánh Tông và vua Trần Nhân Tông chỉ huy trước quân xâm lược hung hãn Nguyên Mông (Trung Quốc). Đại thắng trên sông Bạch Đằng lần 3 được xem là trận thủy chiến lớn nhất trong lịch sử Việt Nam

và là thắng lợi tiêu biểu nhất của quân dân ta trong ba cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên Mông.

Đường Bạch Đằng có điểm đầu: giáp với đường Hai Bà Trưng; điểm cuối: giáp với Sông Gò Công; chiều dài: 0,170 km; chiều rộng: 5 m.

3. Đường Phan Bội Châu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Phan Bội Châu).

Tiểu sử danh nhân:

PHAN BỘI CHÂU

(1867 – 1940)

Phan Bội Châu tên thật là Phan Văn San, tự là Hài Thu, bút hiệu là Sào Nam, Thị Hán, Độc Kinh Tử, Việt Điểu, Hàn Mãn Tử,... sinh năm 1867 tại làng Đan Nhiễm, xã Nam Hòa, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

Thuở nhỏ, ông nổi tiếng học giỏi. Năm 19 tuổi (1885) ông cùng bạn là Trần Văn Lương lập đội nghĩa quân Cần Vương chống Pháp nhưng việc không thành. Năm 1900, ông dự khoa thi Hương ở trường thi Nghệ An và đỗ cử nhân thủ khoa.

Trong vòng 5 năm sau khi đỗ, ông bôn ba khắp nước Việt Nam liên kết với các nhà yêu nước, như Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp, Nguyễn Thượng Hiền, Nguyễn Hàm (tức Tiểu La Nguyễn Thành), Đặng Nguyên Cẩn, Ngô Đức Kế, Đặng Thái Thân, Hồ Sĩ Kiện, Lê Huân, Nguyễn Quyền, Võ Hoành, Lê Đại để cùng họ chống Pháp. Ông chọn một hoàng thân nhà Nguyễn là Kỳ Ngoại Hầu Cường Để làm lãnh tụ phong trào Cần Vương.

Năm 1904, ông cùng 20 nhà yêu nước họp tại Quảng Nam để thành lập Hội Duy Tân. Năm 1905, ông cùng Tăng Bạt Hổ sang Trung Quốc rồi sang Nhật Bản để gặp gỡ các nhà cách mạng Nhật và Trung Quốc và cầu viện trợ tài chính cho phong trào do ông thành lập. Tại Trung Quốc ông gặp Lương Khải Siêu và được khuyên nên dùng thơ văn để thức tỉnh lòng yêu nước của nhân dân Việt Nam. Từ đó, ông viết nhiều tác phẩm có tác động lớn với sĩ phu trong nước (Việt Nam quốc sử khảo, Ngục trung thư, Lưu Cầu huyết lệ tân thư, Việt Nam vong quốc sử, Việt Nam quốc sử bình diễn ca,…). Cùng thời điểm này chiến thắng của Nhật Bản trong Chiến tranh Nga - Nhật đã tạo nên nhiều lạc quan cho các phong trào chống thực dân ở châu Á. Do đó, các tác phẩm của ông đã tạo nên một làn sóng mới thúc đẩy nhiều thanh niên yêu nước tham gia phong trào Đông Du, xuất ngoại học tập để tìm đường chống Pháp.Ngày 30 tháng 6 năm 1925, ông lại bị Pháp bắt tại Hàng Châu, ông bị dẫn giải về Hà Nội và xử án chung thân khổ sai. Về sau, bản án được đổi lại thành án quản thúc tại gia. Theo Việt Nam Pháp Thuộc Sử, ông được giảm án vì phản ứng mạnh mẽ của toàn dân đối với nhà cầm quyền Pháp.

Từ năm 1926, ông bị đưa về sống ở Bến Ngự, Huế, cho đến khi mất tại Huế vào năm 1940.

Đường Phan Bội Châu có điểm đầu: giáp với đường Trương Định; điểm cuối: giáp với đường Nguyễn Trãi; chiều dài: 0,516 km; chiều rộng: 7 m.

4. Đường Nguyễn Đình Chiểu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Đình Chiểu).

Tiểu sử danh nhân:

NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

(1822 - 1888)

Nguyễn Đình Chiểu tự Mạnh Trạch, hiệu Trọng Phủ, Hối Trai. Sinh ngày 1 tháng 7 năm 1822, tại làng Tân Khánh , phủ Tân Bình, huyện Bình Dương, tỉnh Gia Định (thuộc Thành phố Hồ Chí Minh ngày nay). Năm 1833, Lê Văn Khôi nổi lên chống triều Nguyễn, chiếm Gia Định, ông theo cha về Thừa Thiên tránh loạn và học tập. Năm 1843 ông đỗ Tú tài ở trường thi Gia Định, đúng vào năm 21 tuổi.

Năm 1847, ông ra Huế học để chờ thi khoa Kỷ Dậu 1849. Nhưng chưa kịp thi thì được tin mẹ mất tại Sài Gòn (1849). Trên đường trở về chịu tang mẹ, vì thời tiết thất thường, vất vả và khóc thương nhiều nên ông bị bệnh rồi mù cả đôi mắt. Trong thời gian nghỉ lại Quảng Nam chữa bệnh, tuy bệnh không hết, nhưng ông đã được một vị danh y truyền dạy nghề thuốc. Ông mở trường dạy học, học trò rất đông.

Thời gian này, ông viết *Dương Từ - Hà Mậu*, nội dung cuốn sách nhằm bênh vực Nho giáo chân chính, chống bọn giả đạo đức, tham danh lợi. Khoảng năm 1850, ông viết truyện thơ *Lục Vân Tiên*, tỏ rõ lòng yêu chính nghĩa, ghét gian tà của mình. Quyển sách mang tính "tự truyện" này có tính chất nhân dân, có tác dụng giáo dục đạo đức rất lớn đối với quần chúng.

Ngày 17 tháng 2 năm 1859, Pháp chiếm thành Gia Định. Ông cùng gia đình chạy về quê vợ ở làng Thanh Ba, huyện Cần Giuộc. Cũng tại nơi đây, ông đã sáng tác *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*, được nhiều người đánh giá cao.

Khi 3 tỉnh miền Đông rơi vào tay quân Pháp, không chịu sống trong vùng bị chiếm đóng, Nguyễn Đình Chiểu cùng gia đình xuôi thuyền về làng An Đức, tổng Bảo An, tỉnh Vĩnh Long (nay là huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre). Tại đây, ông tiếp tục dạy học, bốc thuốc, đồng thời vẫn giữ mối liên hệ với những sĩ phu yêu nước như Phan Văn Trị, Nguyễn Thông và các lực lượng kháng chiến; từ chối trước mọi cám dỗ của đối phương. Thời gian này, ông sáng tác nhiều thơ văn bi tráng nhất, tiếc thương những đồng bào, bạn bè, nghĩa sĩ đã mất vì nước.

Ngày 3 tháng 7 năm 1888, ông cũng qua đời tại Ba Tri, thọ 66 tuổi. Người ta kể lại rằng ngày đưa đi an táng, cả cánh đồng An Bình Đông, nay là An Đức, trắng xóa khăn tang của những người mến mộ ông. Ông được an táng cạnh mộ vợ, nay thuộc ấp 3, xã An Đức, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Tên ông được đặt tên trường học, đường phố, công trình công cộng trên cả nước.

Đường Nguyễn Đình Chiểu có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn Huệ; điểm cuối: giáp với đường Nguyễn Huệ; chiều dài: 0,255 km; chiều rộng: 7 m.

5. Đường Nguyễn Văn Côn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Văn Côn).

Tiểu sử danh nhân:

NGUYỄN VĂN CÔN

(1893 – 1981)

Nguyễn Văn Côn, bí danh Thành Vĩnh, sinh năm 1893 tại làng Vĩnh Hựu, tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công (nay là xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình trung nông có truyền thống yêu nước. Ông nội của ông là Nguyễn Văn Chung, một trong những thủ lãnh nghĩa quân trong cuộc khởi nghĩa Trương Định.

Năm 1908, khi mới 14 tuổi, ông gia nhập Việt Nam Quang phục hội - một tổ chức yêu nước có cơ sở ở Gò Công. Năm 1910, được sự cố vấn của một số nhà yêu nước, ông thành lập Cộng hòa hội, nhằm tập hợp thanh niên và tuyên truyền ý thức đấu tranh chống áp bức, bất công.

Sau đó, ông lên Sài Gòn, làm công nhân cho hãng Faci. Tại đây, ông giác ngộ chủ nghĩa Mác - Lênin và tích cực tham gia phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân. Năm 1921, ông gia nhập Công hội đỏ. Đây là tổ chức cách mạng đầu tiên của công nhân Sài Gòn hoạt động theo con đường cách mạng vô sản do Tôn Đức Thắng thành lập và làm Hội trưởng. Do tinh thần kiên định cách mạng và năng nỗ trong công tác nên ông được hội viên tín nhiệm bầu làm Phó Hội trưởng.

Năm 1924, ông được Ban Lãnh đạo Công hội đỏ phân công về Gò Công xây dựng phong trào. Tại đây, ông tiến hành củng cố và mở rộng tổ chức Cộng hòa hội do ông thành lập trước đó. Để tạo thế hợp pháp, tổ chức này được đổi tên thành Hội cúng thánh Khổng Tử, gọi tắt là Hội Thánh. Hội có nhiệm vụ truyền bá sách báo tiến bộ, dạy chữ quốc ngữ, quyên góp tiền bạc giúp các nhà yêu nước hoạt động chống chính quyền thực dân, đặc biệt là giúp kinh phí cho những người xuất dương học làm cách mạng. Trong thời kỳ này, ông có dịp tiếp xúc với nhiều nhà yêu nước nổi tiếng, như Nguyễn Sinh Sắc (thân sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh), Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Mai Văn Ngọc,…

Giữa năm 1925, Hồ Chí Minh thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên (HVNCMTN) ở Quảng Châu (Trung Quốc). Cuối năm 1926, do bắt liên lạc được với một số cán bộ của HVNCMTN, ông cử những thanh niên ưu tú ở Gò Công và Cần Thơ sang Quảng Châu (Trung Quốc) dự các lớp huấn luyện do HVNCMTN tổ chức nhằm đào tạo cán bộ cho cách mạng.

Năm 1927, ông được bầu làm Bí thư Tỉnh hội HVNCMTN tỉnh Gò Công. Đầu năm 1929, ông là Kỳ ủy viên của Kỳ bộ HVNCMTN Nam Kỳ; và được phân công xây dựng phong trào ở các tỉnh Gò Công, Long Xuyên, Sa Đéc, Cần Thơ, Vĩnh Long và Trà Vinh.

Tháng 8-1929, ông được kết nạp vào An Nam Cộng sản đảng; và thành lập Chi bộ Cộng sản đầu tiên ở Gò Công do ông làm Bí thư. Nhưng chỉ một tháng sau, ông bị địch bắt, kết án 5 năm tù và đày ra Côn Đảo. Ở trong tù, ông giữ vững khí tiết của người chiến sĩ cộng sản chân chính. Đồng thời, ông ra sức học tập lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin để nâng cao trình độ chính trị và lập trường giai cấp.

Năm 1934, sau khi ra tù, mặc dù chưa bắt liên lạc được với tổ chức Đảng, nhưng ông vẫn hăng hái hoạt động, gầy dựng được nhiều cơ sở cách mạng và kết nạp một số đảng viên mới ở Gò Công. Do vậy, tháng 5-1940, ông lại bị địch quản thúc; và đến cuối tháng 11-1940, ông bị địch bắt giam khi cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ nổ ra. Tuy vậy, trước đó, ông đã chỉ đạo các cơ sở cách mạng ở Gò Công có những hoạt động hưởng ứng cuộc khởi nghĩa, như treo cờ đỏ búa liềm, rải truyền đơn, phá đường giao thông, xô ngã cột điện,…

Cuối năm 1942, ông được trả tự do và nối liên lạc với Đảng. Tháng 10-1943, tại Hội nghị Xứ ủy Nam kỳ lâm thời được tổ chức tại Chợ Gạo, ông được bầu làm Xứ ủy viên. Với tinh thần tiến công cách mạng không ngừng, ông hoạt động không mệt mỏi cho phong trào. Ông đi khắp nơi để vận động cách mạng, phát triển đảng viên, chuẩn bị đón thời cơ mới.

Sau ngày phát xít Nhật đảo chính thực dân Pháp (09-3-1945), khi tình thế cách mạng trực tiếp đã xuất hiện, ông và các đảng viên cộng sản ở Gò Công ráo riết xúc tiến công tác chuẩn bị giành chính quyền về tay nhân dân.

Tháng 5-1945, ông được cử làm Bí thư Tỉnh ủy Gò Công. Tháng 7-1945, ông chỉ đạo thành lập lực lượng Thanh niên tiền phong ở Gò Công. Giữa tháng 8-1945, ông được bầu làm Chủ tịch Ủy ban dân tộc giải phóng lâm thời tỉnh Gò Công. Ngày 21-8-1945, nhân dân làng An Thạnh Thủy (thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho) biểu tình kéo xuống làng Thạnh Nhựt (thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công) lấy mộc của làng, tước súng của hương quản. Sự việc này làm cho chính quyền tay sai Pháp - Nhật ở Gò Công lâm vào tình thế lúng túng. Tỉnh trưởng Gò Công là Trần Hưng Ký phải mời ông với tư cách là đại diện Việt Minh đến gặp tại dinh tỉnh trưởng và khẩn thiết nhờ giải quyết. Nhận thấy thời cơ khởi nghĩa đã chín muồi, ngay trong đêm 21-8-1945, ông triệu tập cuộc họp bất thường của Ủy ban dân

tộc giải phóng tỉnh Gò Công. Các đại biểu dự họp nhận định đã đến thời điểm Mặt trận Việt Minh tỉnh Gò Công ra công khai hoạt động; đồng thời đi đến quyết định là phải dùng sức mạnh đấu tranh của quần chúng buộc tỉnh trưởng Gò Công từ chức, giao quyền cho Ủy ban dân tộc giải phóng lâm thời tỉnh Gò Công.

Ngày 24-8-1945, một cuộc mít tinh lớn được tổ chức ở thị xã theo quyết định của Ủy ban dân tộc giải phóng lâm thời Gò Công để mừng cách mạng giành được thắng lợi rực rỡ và chào mừng chính quyền cách mạng của tỉnh ra mắt nhân dân. Hơn 20.000 người bao gồm đủ các thành phần, từ 40 làng nô nức tuần hành đổ về sân vận động tỉnh. Trong buổi mít tinh, ông thay mặt Ủy ban dân tộc giải phóng lâm thời tỉnh Gò Công, long trọng tuyên bố chính quyền đã thuộc về tay nhân dân, công bố 10 chính sách của Mặt trận Việt Minh.

Sau khi thực dân Pháp quay trở lại xâm lược Gò Công vào tháng 10-1945, ông nhận lãnh trọng trách là Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Gò Công và cùng với tập thể Tỉnh ủy, Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh lãnh đạo cuộc kháng chiến của nhân dân Gò Công chống thực dân Pháp xâm lược. Trong cuộc tổng tuyển cử ngày 06/01/1946, ông được nhân dân Gò Công tín nhiệm bầu làm Đại biểu Quốc hội khóa 1 của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Sau đó, ông ra Hà Nội, dự 2 kỳ họp Quốc hội. Tại Kỳ họp thứ nhất diễn ra vào tháng 3-1946, ông cùng với các đại biểu bỏ phiếu công nhận Chính phủ Liên hiệp kháng chiến do lãnh tụ Hồ Chí Minh làm Chủ tịch, bầu ra Ban Thường trực Quốc hội và Ban Dự thảo Hiến pháp. Tại Kỳ họp thứ hai diễn ra vào tháng 11-1946, ông và các đại biểu đã thảo luận, biểu quyết thông qua bản Hiến pháp đầu tiên của nước ta và 01 Dự án Luật.

Từ sau ngày toàn quốc kháng chiến (19-12-1946), ông trở về Nam bộ tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp. Cuối tháng 4-1947, ông là Chủ nhiệm đầu tiên của Mặt trận Liên Việt tỉnh Gò Công, nêu cao tấm gương đại đoàn kết dân tộc trong công cuộc giải phóng đất nước.

Năm 1949, ông bị giặc Pháp bắt và bị đày ra Côn Đảo lần thứ hai. Mặc dù bị tra tấn dã man, nhưng ông vẫn nêu cao khí tiết của người chiến sĩ cộng sản kiên cường, không khuất phục kẻ thù.

Năm 1954, cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi, ông được Đảng và Nhà nước đón về và tập kết ra miền Bắc. Tuy sức khỏe có suy giảm vì những năm tháng ở trong lao tù bị giam cầm, hành hạ, nhưng ông vẫn miệt mài làm việc, được nhân dân tín nhiệm bầu làm Đại biểu Quốc hội các khóa 2, 3, 4, 5; đồng thời là cộng tác viên Bảo tàng Cách mạng Việt Nam. Ông là một trong những cán bộ cách mạng lão thành có uy tín lớn, nên được Chủ tịch Hồ Chí Minh, Chủ tịch Tôn Đức Thắng và Thủ tướng Phạm Văn Đồng thường đến nhà riêng ở tại Hà Nội để thăm hỏi.

Sau năm 1975, ông trở về quê nhà sinh sống trong sự kính trọng và thương yêu của nhân dân Gò Công. Năm 1981, ông mất tại xã Bình Nghị, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Ông được tặng thưởng nhiều huân huy chương, trong đó cao quý

nhất là Huân chương Hồ Chí Minh. Ông là nhà cách mạng lão thành tiêu biểu nhất của Gò Công, được nhân dân và các thế hệ cán bộ cách mạng ở địa phương vô cùng kính trọng và ngưỡng mộ.

Tên của ông được đặt tên các công trình công cộng ở thị xã Gò Công, thị trấn Tân Hòa (huyện Gò Công Đông) và thị trấn Vĩnh Bình (huyện Gò Công Tây).

Đường Nguyễn Văn Côn có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn Huệ; điểm cuối: giáp với đường Trần Hưng Đạo; chiều dài: 1,040 km; chiều rộng: 12 m.

6. Đường Nguyễn Trọng Dân

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Trọng Dân).

Tiểu sử danh nhân:

NGUYỄN TRỌNG DÂN

(1917 – 1971)

Nguyễn Trọng Dân, bí danh Tư Hiệu, Bảy Dân, sinh năm 1917 tại làng Bình Nghị, tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công (nay là xã Bình Nghị, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân có truyền thống đấu tranh chống áp bức, bóc lột.

Tháng 8-1945, ông giác ngộ cách mạng, tham gia khởi nghĩa giành chính quyền ở quê nhà. Tháng 10-1945, ông gia nhập đội du kích xã chiến đấu chống thực dân Pháp khi bọn này quay trở lại xâm chiếm Gò Công. Sau đó, ông lần lượt giữ các vụ Xã đội trưởng, Bí thư xã Bình Nghị, Huyện ủy viên huyện Gò Công.

Sau hiệp định Genève (tháng 7-1954), ông được tổ chức phân công ở lại miền Nam hoạt động. Tuy bị địch theo dõi ráo riết, nhưng ông vẫn kiên cường bám trụ, xây dựng cơ sở cách mạng ở các xã ven biển của huyện và lãnh đạo quần chúng ở những nơi đó đấu tranh đòi các quyền tự do dân chủ, đòi chính quyền Diệm thi hành hiệp định Genève, đòi hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất nước nhà.

Năm 1958, địch tăng cường đánh phá phong trào cách mạng ở Gò Công vô cùng ác liệt. Do đó, theo sự phân công của cấp trên, ông đi "điều lắng" ở Sài Gòn và Tây Ninh. Nhưng chỉ một năm sau, mặc dù tình hình cách mạng ở địa phương còn gặp rất nhiều khó khăn, nhưng ông vẫn trở về Gò Công hoạt động, gầy dựng lại cơ sở cách mạng và tham gia lãnh đạo phong trào "Đồng Khởi" ở huyện nhà.

Năm 1961, ông được bầu làm Huyện ủy viên huyện Gò Công. Dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, phong trào nổi dậy, tiến công, phá ấp chiến lược và chiến tranh du kích của huyện tiếp tục được đẩy mạnh.

Năm 1969, ông là Tỉnh ủy viên tỉnh Gò Công, Bí thư Thị xã ủy Gò Công. Đây là thời kỳ địch tập trung lực lượng, tiến hành phản kích ở khắp nơi trong tỉnh với

mức độ ngày càng khốc liệt. Tại thị xã Gò Công, nhiều cơ sở cách mạng bị vỡ lở và không ít cán bộ đã anh dũng hy sinh trong khi làm nhiệm vụ.

Tuy vậy, ông vẫn bám trụ tại nhà của một cơ sở ở bến xe thuộc nội ô thị xã để tiện việc lãnh đạo phong trào cách mạng ở một địa bàn vô cùng trọng yếu đối với ta cũng như đối với địch ở tỉnh Gò Công. Dưới sự lãnh đạo của Thị xã ủy, phong trào cách mạng ở thị xã vẫn được giữ vững và ngày càng phát triển. Được sự chỉ đạo trực tiếp của ông, Thị xã ủy đã tổ chức hàng trăm cuộc mít tinh với sự tham gia của hàng chục ngàn quần chúng, đấu tranh chống địch cào nhà, càn quét, bắt lính, cướp bóc, hãm hiếp phụ nữ, chống bắt gia đình cách mạng "đi học nội trú", đòi trở về quê cũ làm ăn,… Phong trào binh vận phát triển mạnh, ta đã động viên, giáo dục hàng trăm gia đình binh sĩ học tập chủ trương của cách mạng, xây dựng cơ sở nội tuyến cách mạng trong hàng ngũ binh lính, vận động nhiều binh sĩ bỏ ngũ, hợp tác với cách mạng, cung cấp vũ khí, tin tức hoặc đấu tranh không đôn quân, không đổi đi nơi khác, tạo thuận lợi cho các cuộc đấu tranh của nhân dân. Phong trào diệt ác phá kềm được đẩy mạnh, ta đã diệt hàng chục tên công an, tề ấp, cảnh cáo, giáo dục hàng trăm tên khác, khiến cho nhiều tên phải bỏ trốn, nghỉ việc,… Những cuộc đấu tranh chính trị của nhân dân, phong trào binh vận, diệt ác phá kềm chứng tỏ cơ sở Đảng và cách mạng bất chấp sự đánh phá điên cuồng của địch, vẫn tồn tại vững chắc trong nội ô thị xã; đồng thời, nó đã hỗ trợ tích cực cho các cuộc tiến công quân sự nhằm tiêu diệt địch của lực lượng vũ trang tỉnh nhà.

Sáng ngày 20-01-1971, ông bị địch bắt. Mặc dù bị tra tấn rất dã man, nhưng ông vẫn giữ vững tinh thần và khí tiết, nhất quyết không khai báo, thậm chí, không để cho địch trói. Bất lực trước ý chí gang thép của người chiến sĩ cộng sản chân chính, bọn địch đã hèn hạ bắn chết ông ngay tại chỗ. Ông đã anh dũng hy sinh trong niềm tiếc thương, mến phục của đồng bào thị xã Gò Công. Mặc dù, chính quyền địch ra sức bưng bít, o ép, đe dọa, nhưng đám tang của ông có hàng ngàn người đến dự và đưa tiễn linh cửu đến nơi yên nghỉ cuối cùng tại xã Bình Nghị.

Ông là một cán bộ cách mạng trung kiên, bất khuất, không sợ hy sinh, gian khổ, luôn bám sát cơ sở, lãnh chỉ đạo phong trào cách mạng ở thị xã Gò Công trong thời kỳ khó khăn, ác liệt, góp phần quan trọng vào sự phát triển mạnh mẽ của phong trào đấu tranh cách mạng trên địa bàn toàn tỉnh.

Tên ông được đặt tên đường ở thị xã Gò Công và tên trường trung học cơ sở ở xã Bình Nghị, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Đường Nguyễn Trọng Dân có điểm đầu: giáp với đường Trần Hưng Đạo; điểm cuối: giáp với kênh Bến Xe; chiều dài: 0,850 km; chiều rộng: 8 m.

7. Đường Lưu Thị Dung

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Lưu Thị Dung).

Tiểu sử danh nhân:

LƯU THỊ DUNG

(1928 – 1969)

Lưu Thị Dung sinh năm 1928 tại làng Long Thuận, tổng Hòa Lạc Thượng, tỉnh Gò Công (nay là xã Long Thuận, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang).

Năm 1945, bà tham gia cách mạng ở địa phương. Sau năm 1954, bà được phân công ở lại miền Nam hoạt động bí mật. Tháng 3-1957, bà giữ chức vụ Phó Bí thư Huyện ủy Hòa Đồng. Lúc bấy giờ, phong trào cách mạng ở địa phương bị địch đánh phá ác liệt. Tuy vậy, bà vẫn kiên cường bám trụ và cùng với tập thể Huyện ủy lãnh, chỉ đạo quân dân huyện Hòa Đồng đấu tranh chống chiến dịch tố cộng, diệt cộng của địch với nhiều hình thức phong phú, như diệt ác, trừ gian; viết thư cảnh cáo, giáo dục những người lầm đường, lạc lối, làm tay sai cho địch; chống bắt bớ, đánh đập; đòi giải tán các lớp "tố cộng", "diệt cộng" và các quyền dân sinh, dân chủ, v.v…

Tháng 7-1958, bà được cấp trên điều lắng lên Sài Gòn làm thợ may. Tháng 1/1959, bà được phổ biến Nghị quyết mới của Tỉnh ủy về việc đưa cán bộ và huyện ủy ra hoạt động theo phương châm "bí mật, hợp pháp"; đồng thời, bà cũng được Tỉnh ủy dự kiến đưa về hoạt động ở Chợ Gạo với vỏ bọc là thợ may. Tuy nhiên, dự kiến của Tỉnh ủy chưa được thực hiện thì bà bị địch bắt. Trải qua nhiều nhà tù, mặc dù bị tra tấn dã man, nhưng bà vẫn một lòng trung thành với Đảng và nhân dân, kiên quyết không khai báo, giữ vững bí mật của tổ chức. Sau đó, do không có đủ chứng cớ để buộc tội, địch đành phải trả tự do cho bà.

Trở về địa bàn Gò Công, bà ra sức xây dựng cơ sở cách mạng, tiếp tục hoạt động. Tháng 8-1968, khi Tỉnh ủy Gò Công được chính thức thành lập, bà được cử làm Bí thư Thị xã ủy Gò Công. Lúc này, phong trào cách mạng ở tỉnh Gò Công bị địch đánh phá hết sức ác liệt. Bọn chúng đẩy mạnh bắt lính, mở rộng nhiều cuộc càn quét, tấn công vào hạ tầng cơ sở của ta ở nông thôn, tăng cường bom pháo, rải chất độc hóa học vào vùng căn cứ, triển khai kế hoạch bình định nhằm đánh bật lực lượng của ta ra khỏi địa bàn.

Mặc dù tình hình rất căng thẳng; nhưng bà vẫn kiên cường bám đất, bám dân; và cùng với tập thể thị xã ủy lãnh đạo quân dân thị xã đẩy mạnh phong trào đấu tranh cách mạng theo phương châm "hai chân, ba mũi" (vũ trang - chính trị, quân sự - chính trị - binh vận); nhất là tổ chức học tập, củng cố tư tưởng, tinh thần đấu tranh, xây dựng, rèn luyện khí tiết cho cán bộ, đảng viên. Đối phó với kế hoạch bình định và tuyên truyền phản động của địch, bà chỉ đạo cho cán bộ, đảng viên tăng cường giáo dục, động viên quần chúng tin tưởng vào cách mạng, không khai báo với địch; đồng thời, hướng dẫn lý lẽ đấu tranh cho quần chúng. Đối với việc địch tăng cường bắt lính, bà yêu cầu các đoàn thể giáo dục lòng yêu nước, truyền thống cách mạng cho thanh niên, bố trí thanh niên trong gia đình cách mạng vào hàng ngũ địch; từ đó, xây dựng cơ sở nội tuyến trong lòng địch.

Giữa lúc phong trào đấu tranh cách mạng ở thị xã Gò Công đang có chiều hướng dâng cao; thì trong một trận chống địch càn quét ở xã Thạnh Vĩnh Đông (nay là xã Long Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long An), bà đã bị trúng đạn, anh dũng hy sinh năm 1969.

Trong cuộc đời hoạt động cách mạng, bà luôn kiên trì bám đất, bám dân, tù đày không nao núng, khiếp sợ, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc và nhân dân, sáng tạo và mưu trí trong mọi lĩnh vực công tác và anh dũng đền nợ nước. Hiện nay, tại thị xã Gò Công có một con đường mang tên của bà.

Đường Lưu Thị Dung có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn Huệ; điểm cuối: giáp với đường Nguyễn Văn Côn; chiều dài: 0,550 km; chiều rộng: 7 m

8. Đường Từ Dũ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Từ Dũ).

Tiểu sử danh nhân:

TỪ DŨ

(1810 - 1902)

Từ Dũ/Từ Dụ tên thật là Phạm Thị Hằng, sinh năm 1810 tại giồng Sơn Quy, thôn Tân Niên Đông, tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, trấn Định Tường (nay thuộc xã Long Hưng, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang).

Năm 1824, lúc 14 tuổi, bà được tiến cung; và trở thành vợ của hoàng tử trưởng Nguyễn Phúc Miên Tông. Theo sách *Đại Nam liệt truyện*, sở dĩ bà được Thuận Thiên Cao hoàng hậu, vợ thứ hai của vua Gia Long, mẹ của vua Minh Mạng, bà nội của hoàng tử trưởng Nguyễn Phúc Miên Tông (con của vua Minh Mạng), chọn làm cháu dâu là do:

- Bà "*thích đọc sách, thông nghĩa lớn kinh sử, có đức hiền*"; đồng thời, "*có đức trang kính, giữ nết thuận tòng*" và "*lại thông minh nhớ lâu, hết thảy việc cũ và nghe tuyên đọc các sách, giấy tờ gì, là hiểu ngay, không đợi mở xem*".

- Bà là ái nữ của Thượng thư bộ Lễ Phạm Đăng Hưng - một đại công thần của triều Nguyễn, mà lúc bấy giờ, hoàng gia thường chọn vợ cho vua từ con gái của các vị quan lại cao cấp trong triều.

Năm 1825, khi được 15 tuổi, bà sinh con gái đầu lòng là công chúa Nguyễn Phúc Tĩnh Hảo (Diên Phước). Năm sau, bà lại sinh công chúa thứ hai là công chúa Nguyễn Phúc Uyên Ý; nhưng đến 3 tuổi thì lại mất sớm. Năm 1829, bà sinh người con thứ ba là hoàng tử, đặt tên là Nguyễn Phúc Thì, sau đổi tên thành Nguyễn Phúc Hồng Nhậm.

Năm 1841, khi hoàng tử trưởng Nguyễn Phúc Miên Tông lên ngôi vua, lấy niên hiệu là Thiệu Trị, bà được phong Cung tần. Năm 1842, bà được vua Thiệu Trị cho theo hầu khi nhà vua ngự giá Bắc tuần. Do siêng năng, cẩn thận, chu đáo, bà được nhà vua tin tưởng giao cho việc giữ ấn tín và những vật quan trọng. Sau chuyến vi hành này, bà được giữ chức Thượng nghi có nhiệm vụ coi sóc Lục thường. Đó là sáu công việc hầu hạ vua ở trong cung gồm: thường quan (mão), thường y (áo), thường thực (ăn), thường mộc (tắm), thường tịch (chiếu), thường thư (sách). Năm 1843, bà được phong Thành phi. Sắc phong của nhà vua ghi: "*Cung tần làm Phạm thị, văn phép vốn nếp nhà dòng dõi, phong tư như chất ngọc trắng trong, kính sửa túi khăn, khi tiềm để đã lâu tin tức tốt, đông nhiều con cháu, chốn khuê phòng đều mát mẻ gió hòa. Đoan trang nối sánh tiếng hay, chăm kính thêm dày nết tốt. Kịp khi trẫm lên ngôi báu, gây khuôn mẫu cho phong hóa buổi đầu tiên; đến nay định lại cung giai, cần nêu khen người đức hiền thêm rạng rỡ. Đã xét điển cũ, ban cho trật tôn. Nay tấn phong nàng làm Thành phi, nàng nên lấy xưng hiệu mới vẻ vang, chăm lo công việc trong khuê khổn. Kính theo khuôn phép, nhớ trong lòng chớ sai, lâu chịu ơn vinh, mãi về sau không hết*".

Năm 1846, vua Thiệu Trị cử các quan đại thần là Vũ Quân Cẩn và Tạ Quang Cự mang sách vàng đến tuyên phong bà làm Quý phi. Sắc phong ghi: "*Trẫm nghĩ, nguồn gốc cây nên phong hóa, trị nước cốt ở nghiêm sửa trong nhà, triều đình ban xuống ân vinh, trước người nhà sau mới đến người khác. Ngày tốt đã hợp, sắc phong ban ra. Nghĩ nay Thành phi Phạm thị, nghi lễ nhà dòng, đoan trang nết tốt, như ngọc trong sáng, nên khuôn hòa kính, cung giai chín bậc đứng đầu, đông nhiều con cháu, đầm ấm khí hòa. Phụng dưỡng giữ đạo trong khuê khổn, hòa vui hả dạ cung Từ Ninh, tuổi hoa bốn chục xanh tươi, phần hưởng thụ còn nhiều phúc lớn, đức tốt sáu cung tiêu biểu, điển bao phong xứng vẽ áo thêu. Đã xét điển thường, ban cho danh tốt. Nay tấn phong nàng làm Quý phi. Nàng nên kính vâng ân mệnh, giữ đạo cung vi, để dạ chớ quên, đức hòa nhu dùng làm khuôn mẫu, hưởng phúc không chán, ơn bao vinh rộng mãi lâu dài*".

Trong thời gia trị vì từ năm 1841 - 1847, vua Thiệu Trị rất tin tưởng bà, mỗi khi thiết triều ở điện Khâm Văn, nhà vua đều cho phép bà được ngồi phía sau bức tường để nghe lời vua huấn thị và các quan tâu việc. Ở trong cung, bà hết lòng nuôi dưỡng, dạy dỗ tất cả các hoàng tử, hoàng nữ, không phân biệt con của mình hay con của các phi tần khác. Vì thế, nhà vua thường khen bà: "*Phi tính hạnh đoan cẩn, nuôi nấng các con như con của mình đẻ ra, có đức tất có phúc, con cháu hẳn được nhờ ơn*".

Năm 1847, vua Thiệu Trị băng hà, con trai của bà với nhà vua là hoàng tử Nguyễn Phúc Hồng Nhậm nối ngôi, lấy niên hiệu là Tự Đức. Nhà vua nhiều lần ngỏ ý định tấn tôn cho mẹ, nhưng bà nhất định chối từ. Mãi đến năm 1849, nhân dịp khánh thành cung Gia Thọ, bà mới đồng ý nhận Kim bảo (sách vàng và ấn vàng) và tôn hiệu là Hoàng Thái hậu.

Năm 1883, vua Tự Đức mất, để di chiếu tôn bà làm Từ Dụ Thái hoàng thái hậu (Từ: lòng nhân từ, thương yêu, Dụ: rộng rãi. Từ Dụ là rộng lòng nhân từ, thương yêu). Nhưng lúc bấy giờ, việc nước rất rối ren, cho nên đến năm 1885, vua Hàm Nghi mới có dịp làm lễ tấn tôn cho bà theo di chiếu. Cũng trong năm đó, sau lễ tấn tôn, kinh đô Huế bị quân Pháp đánh chiếm, bà cùng với hai bà vợ của vua Tự Đức theo vua Hàm Nghi xuất cung, chạy ra đến Quảng Trị. Sau đó, chuẩn lời tâu xin của nhà vua, bà và hai người con dâu mới trở lại Huế.

Năm 1887, vua Đồng Khánh tấn tôn mỹ hiệu cho bà là Từ Dụ Bác huệ thái hoàng thái hậu. Năm 1889, vua Thành Thái, nhân dịp mừng bà thọ 80 tuổi, tấn tôn mỹ hiệu bà là Từ Dụ Bác huệ khang thọ thái thái hoàng thái hậu.

Vốn là người thông tuệ, bà rất chú trọng đến việc giáo dục vua Tự Đức, nhất là đạo làm vua, đạo làm người. Những lời dạy của bà được nhà vua ghi chép thành một cuốn sách, gọi là "*Từ huấn lục*". Công lao sinh thành, dưỡng dục của bà đối với vua Tự Đức tựa như trời biển. Nhà vua thường nói: "*Nuôi con là mẹ, dạy con cũng là mẹ, mẹ là thầy vậy. Sinh ra con là mẹ, biết con cũng là mẹ, mẹ là trời vậy*".

Trong việc dùng người của vua Tự Đức, bà thường nhắc nhà vua phải trọng dụng những người có đức, có tài, mẫn cán tận tụy, hết lòng vì nước vì dân. Bà thường nêu gương, khen ngợi những người trung nghĩa, như Nguyễn Tri Phương, Vũ Trọng Bình; và ước ao: "*Nếu được nhiều người như thế, bổ đi mỗi tỉnh một người, thì ta không phải lo sớm tối quên ăn nữa*".

Đối với những trường hợp vua Tự Đức xử trị oan trái những người khẳng khái, trung trực, bà buộc nhà vua phải sửa sai. Bà răn dạy vua Tự Đức rất nghiêm khắc. Có lần, nhà vua đi săn bắn, nước dâng lên bất ngờ, nên không về kịp để ngự triều, khiến các quan phải ra về. Bà hay chuyện, gọi nhà vua đến cung phạt roi; mọi người ra sức can khuyên, bà mới nguôi giận, nhưng cấm nhà vua không được tự tiện đi săn bắn nữa.

Mặc dù ở ngôi cao, nhưng bà là một phụ nữ rất khiêm tốn. Bà luôn tìm cách từ chối những danh hiệu và nghi lễ tôn vinh dành riêng cho mình. Các lễ chúc thọ ngũ tuần (50 tuổi), lục tuần (60 tuổi); lấy lý do mùa màng thất bát, dân còn nghèo khổ, bà không cho triều đình tổ chức.

Bà còn là người chuộng sự tiết kiệm, ghét thói lãng phí, xa xỉ. Đồ dùng sinh hoạt hàng ngày của bà thường mộc mạc, bình dân. Quần áo, đồ trang sức cũng rất đỗi đơn giản, không cầu kỳ, xa hoa. Bà thường răn dạy các hoàng tử, công chúa tính cần kiệm.

Nghiêm khắc với bản thân và con cái, nhưng bà lại rất thương dân. Năm 1898, do thiên tai nên dân ở nhiều nơi bị đói kém. Cảm thông với nỗi khổ của dân, bà đứng ra xin miễn, giảm thuế cho họ. Hiện nay, ở Huế còn lưu truyền bài vè dài đến 700 câu ca ngợi công đức đó của bà.

Điều đặc biệt là, bà không hề có ý định tham chính, nhất là từ sau khi vua Tự Đức mất (1883), triều đình nhà Nguyễn lâm vào tình trạng rối ren. Có đại thần chính thức đề nghị bà chủ trì công việc của triều đình. Nhưng, bà từ chối và bảo rằng: "*Phép nhà nước ta, từ trước không có phép hoàng hậu ngồi trong nhà mành nghe chính sự*".

Năm 1902, bà mất tại kinh thành Huế, thọ 92 tuổi. Triều thần tôn thụy bà là "Nghi thiên tán thánh Từ Dụ Bác huệ trai túc huệ đạt thọ đức nhân công chương hoàng hậu", gọi tắt là "Từ Dụ Nghi thiên chương hoàng hậu". Bà xứng đáng là bậc "mẫu nghi thiên hạ".

Lăng của bà được gọi là lăng Xương Thọ, tọa lạc ở bờ bắc sông Hương, thuộc xã Thủy Bằng, huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên - Huế, gần với lăng của vua vua Thiệu Trị (Xương lăng) và lăng vua Tự Đức (Khiêm lăng), cách TP Huế khoảng 8 km. Bài vị của bà được thờ ở điện Biểu Đức trong Xương lăng và ở Thế miếu trong Hoàng thành Huế. Ở thị xã Gò Công có một con đường mang tên bà. Ở Thành phố Hồ Chí Minh có một bệnh viện phụ sản lớn mang tên Từ Dũ (thực ra là Từ Dụ).

Đường Từ Dũ/Từ Dụ có điểm đầu: giáp với đường Hồ Biểu Chánh; điểm cuối: giáp với Bến xe Long Hưng; chiều dài: 1,173 km; chiều rộng: 9 m.

9. Đường Trần Hưng Đạo

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Trần Hưng Đạo).

Tiểu sử danh nhân:

TRẦN HƯNG ĐẠO

(1228 - 1300)

Trần Hưng Đạo tên thật là Trần Quốc Tuấn, sinh năm 1288 tại hương Tức Mặc, phủ Thiên Trường (nay thuộc phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định).

Ông thuộc dòng dõi hoàng tộc nhà Trần, là nhà quân sự và văn hóa kiệt xuất, giữ chức Quốc công tiết chế, chỉ huy quân đội nhà Trần cùng với nhân dân Đại Việt ba lần đánh thắng quân Nguyên Mông xâm lược vào các năm 1258, 1285, 1288, bảo vệ vững chắc nền độc lập của Tổ quốc.

Năm 1300, trước lúc lâm chung, ông vẫn còn dâng vua Trần Anh Tông kế sách giữ nước, rằng: "Quân giặc cậy vào trường trận, quân ta cậy vào đoản binh, đem đoản binh đánh lại trường trận là việc thường trong binh pháp. Nhưng cần phải xét: Nếu thấy quân giặc tràn sang như gió như lửa, thì thế giặc có thể dễ dàng chống cự được; nếu giặc dùng cách chiếm cứ dần, như tằm ăn dâu, không vơ vét của dân, không mong đánh được ngay, thì ta phải dùng tướng giỏi, phải xem xét tình thế biến chuyển như người đánh cờ tùy thời cơ mà ứng biến cho đúng, làm thế nào thu hút

được binh sĩ, như cha con một nhà mới có thể dùng để chiến thắng được. Phải khoan thư sức dân để làm cái kế sâu rễ bền gốc, đó là thượng sách giữ nước vậy".

Do có công lao to lớn, ông được vua Trần Nhân Tông phong là Quốc Công Tiết Chế Nhân Vũ Hưng Đạo Đại Vương hay là Đức Thượng Từ. Vua Trần Anh Tông phong ông là Đức Thượng Phụ Thượng Quốc Công Bình Bắc đại nguyên soái Quốc công Tiết chế Hưng Đạo Đại Vương.

Các tác phẩm của ông:

- Hịch tướng sĩ.

- Binh thư yếu lược.

- Vạn Kiếp tông bí truyền thư.

Năm 2013, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Việt Nam đã ghi tên ông trong danh sách 14 vị anh hùng tiêu biểu nhất trong lịch sử Việt Nam. Ông được nhân dân phong Thánh. Nhiều tỉnh thành trên cả nước có tên đường, tên trường học, tượng đài và đền thờ ông.

Đường Trần Hưng Đạo có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn Huệ; điểm cuối: giáp với đường Nguyễn Văn Côn; chiều dài: 0,535 km; chiều rộng: 7,0 m.

10. Đường Trương Định

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Trương Định).

Tiểu sử danh nhân:

TRƯƠNG ĐỊNH

(1820 – 1864)

Trương Định sinh năm 1820 tại xã Tư Cung, huyện Bình Sơn, phủ Tư Nghĩa, trấn Quảng Ngãi (nay là xã Tịnh Khê, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi) trong một gia đình quan chức yêu nước.

Theo Nguyễn Thông trong *Lãnh binh Trương Định truyện*, ông có "*trang mạo khôi ngô, thông hiểu binh thư và bắn giỏi*". Sách *Đại Nam liệt truyện* của Quốc sử quán triều Nguyễn chép: "(*Trương*) *Định am hiểu võ nghệ, dũng cảm, mưu lược*". Paulin François Alexandre Vial, nguyên Trưởng đồn kiêm Giám đốc bản xứ sự vụ Gò Công, Giám đốc Nội vụ Nam Kỳ, trong quyển *Những năm đầu tiên ở Nam Kỳ* cho biết, ông cao lớn, nước da trắng, dáng người thanh tú.

Năm 1844, cha của ông là Trương Cầm vào tỉnh Gia Định nhận chức Lãnh binh. Ông được đi theo và sau đó, kết hôn với Lê Thị Thưởng, vốn là con gái của một hào phú ở Tân Hòa (Gò Công). Năm 1854, nhờ sự trợ giúp của gia đình bên vợ, ông xuất tiền của, mộ dân lập đồn điền Gia Thuận (nay thuộc huyện Gò Công Đông, Tiền

Giang) để khai hoang vùng đất này. Vì thế, ông được triều đình phong chức Phó quản cơ.

Năm 1859, quân Pháp hạ thành Gia Định. Với lòng yêu nước nồng nàn, ông đã chỉ huy dân quân đồn điền Gia Thuận phối hợp với quân triều đình tiến đánh quân địch ở vùng Thuận Kiều và lập được nhiều chiến công. Vì vậy, đến tháng 10-1860, ông và nghĩa sĩ, bao gồm 50 người, được vua Tự Đức "*thưởng cho gia trật hoặc kỷ lục, ngân tiền*". Chiến công nổi bật đầu tiên của Trương Định và nghĩa quân là trận phục kích tiêu diệt tên đại úy thủy quân lục chiến Barbé tại chùa Khải Tường (vị trí chùa nay là Bảo tàng Chứng tích chiến tranh, số 28, đường Võ Văn Tần, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh) ngày 07-12-1860.

Tháng 4-1861, quân Pháp lần lượt đánh chiếm Mỹ Tho và Gò Công. Với quyết tâm chống quân xâm lược, Trương Định đã chiêu mộ 6.000 nghĩa sĩ dựng cờ khởi nghĩa. Vì thế, ông được triều đình phong chức Quản Cơ rồi thăng lên Phó Lãnh binh tỉnh Gia Định. Bên cạnh đó, ông còn ra sức xây dựng căn cứ kháng chiến Tân Hòa ở Gò Công. Ngoài ra, Trương Định còn cho xây dựng đồn trại ở Gia Thuận, vốn là đồn điền do ông lập ra năm 1854.

Cuộc khởi nghĩa do Trương Định lãnh đạo có sự liên kết chặt chẽ với nhiều cuộc khởi nghĩa khác, như khởi nghĩa Nguyễn Trung Trực ở Tân An, Trần Xuân Hòa, Võ Duy Dương và Nguyễn Hữu Huân ở Ba Giồng,...

Ngày 22-6-1861, nghĩa quân Đỗ Trình Thoại tấn công quân Pháp ở đồn Gò Công. Cuộc tập kích này đã làm tên lính thủy Bodiez phải tử trận, tên trung úy Vial bị đâm trọng thương. Thế nhưng, thủ lãnh Đỗ Trình Thoại đã anh dũng đền nợ nước. Qua ngày hôm sau, để trả thù cho Đỗ Trình Thoại, Trương Định chỉ huy nghĩa quân đánh vào đồn Gò Công, gây cho địch nhiều thiệt hại.

Trong tháng 9-1861, ông chỉ huy nghĩa quân tiến hành trừng trị những tên tay sai chỉ điểm cho giặc, tiêu biểu là vụ bắt bá hộ Huy ở Đồng Sơn (nay thuộc huyện Gò Công Tây, Tiền Giang) phải đền tội phản quốc.

Sau đó, hoạt động quân sự của nghĩa quân Trương Định đã diễn ra liên tục. Ngày 30-12-1861, tấn công đồn Kỳ Hôn (nay thuộc TP Mỹ Tho, TG). Ngày 10-01-1862, tấn công đồn Gia Thạnh (nay thuộc huyện Chợ Gạo, TG); ngày hôm sau, với 10 chiến thuyền, nghĩa quân lại đánh đồn Rạch Gầm (nay thuộc huyện Châu Thành, TG). Từ ngày 22-01-1862 đến ngày 28-02-1862, nghĩa quân Trương Định mở 3 cuộc tấn công vào đồn Kỳ Hôn, có lần giặc Pháp phải bỏ đồn tháo chạy, bị nghĩa quân truy kích ráo riết.

Do bị tấn công liên tục, đô đốc Bonard ra lệnh cho quân Pháp rút khỏi đồn Gò Công ngày 01-3-1862. Cũng trong khoảng thời gian này, ông nhận được vũ khí do triều đình cấp phát, gồm 20 cỗ Quá sơn, 300 cân hỏa dược, 20 viên đạn thép, 80 trường thương. Trên cơ sở đó, đêm 06-4-1862, Trương Định chỉ huy nghĩa quân táo

bạo đột kích Chợ Lớn (nay thuộc Thành phố Hồ Chí Minh). Trận đánh này đã khiến nhân dân rất phấn khởi; còn quân giặc thì hoang mang cực độ.

Để thực thi hiệp ước ký với Pháp năm 1862, vua Tự Đức ra lệnh giải binh ở ba tỉnh miền đông Nam kỳ (Định Tường, Gia Định, Biên Hòa); trong đó có việc buộc Trương Định phải giải tán nghĩa quân và đi An Giang nhận chức Lãnh binh. Tuy nhiên, với tước vị Bình Tây đại tướng quân, ông đã dũng cảm và sáng suốt ở lại Gò Công, lãnh đạo nhân dân tiếp tục cuộc kháng chiến.

Tháng 11-1862, Trương Định cử các đội trinh sát đi hoạt động ở khắp nơi. Ngày 06-12-1862, nghĩa quân Trương Định tấn công một chiến thuyền của quân Pháp trên sông Vàm Cỏ ở gần Trảng Bàng (Tây Ninh). Ngày 17 và ngày 18-12-1862, Trương Định ra lệnh cho nghĩa quân đồng loạt mở cuộc tổng công kích vào các vị trí chiếm đóng của quân Pháp ở ba tỉnh miền đông Nam kỳ.

Trước tình hình đó, đầu năm 1863, quân Pháp tổ chức những cuộc hành quân càn quét vào căn cứ Tân Hòa (Gò Công) của nghĩa quân Trương Định. Ngày 16-02-1863, đô đốc Bonard, tổng chỉ huy quân Pháp ở Nam kỳ, đến Gò Công, trực tiếp chỉ huy cuộc tấn công. Do thế giặc quá mạnh nên Trương Định vừa cho nghĩa quân mật phục đánh địch liên tục, vừa ra lệnh cho đại bộ phận nghĩa quân rút đi nơi khác để bảo toàn lực lượng cho cuộc chiến đấu lâu dài.

Sau đó, Trương Định di chuyển về khu vực "Đám lá tối trời" ở Gia Thuận để gầy dựng lại lực lượng. Thực dân Pháp tung bọn mật thám, bọn phản bội chỉ điểm ráo riết theo dõi mọi hoạt động của nghĩa quân. Theo đó, Huỳnh Văn Tấn (Đội Tấn) được lệnh truy lùng nơi ở của Trương Định. Ngày 20-8-1864, Đội Tấn chỉ huy bọn thuộc hạ bất ngờ đột kích vào nơi trú ngụ của ông tại Kiểng Phước (nay thuộc huyện Gò Công Đông, TG). Trận chiến không cân sức đã diễn ra; và cuối cùng, Trương Định đã anh dũng hy sinh vì đại nghĩa cứu nước, cứu dân, hưởng dương 44 tuổi, để lại bao niềm tiếc thương trong lòng người dân Gò Công và Nam bộ:

Trời Bến Nghé mây mưa sùi sụt, thương đấng anh hùng gặp bước gian truân;

Đất Gò Công cây cỏ ủ ê, cám niềm thần tử hết lòng trung ái.

Xưa còn làm tướng, dốc rạng dồi hai chữ Bình Tây,

Nay thác theo thần, xin dâng hộ một câu phục thái.

(*Văn tế Trương Định* - Nguyễn Đình Chiểu)

Tuy nhiên, sự nghiệp của ông luôn sống mãi với hồn thiêng sông núi và gắn liền với những chiến công hiển hách:

Trong Nam tên họ nổi như cồn,

Mấy trận Gò Công để tiếng đồn.

Dấu đạn hãy rêm tàu bạch quỷ,

Hơi gươm thêm rạng thể hoàng môn.

(*Thơ điếu Trương Định* - Nguyễn Đình Chiểu)

và:

"*Vì nước tấm thân đã nấy, còn mất cũng cam.*

Giúp đời cái nghĩa đáng làm, nên hư nào nại.

Rạch Lá, Gò Công mấy trận, giặc thấy đã kinh,

Cửa Khâu, Trại Cá mấy nơi, ai nghe chẳng hãi".

(*Văn tế Trương Định* - Nguyễn Đình Chiểu)

Sau khi ông mất, nhà yêu nước Nguyễn Đình Chiểu đã làm bài văn tế và mười hai bài thơ điếu Trương Định, ca ngợi cuộc đời chiến đấu hào hùng và cái chết lẫm liệt của ông. Một *Tờ tấu* trong danh mục *Châu bản triều Nguyễn* nhận xét về ông như sau: "Cố Trương Định mộ nghĩa ở Gò Công, chấn động thôn dân, đánh lấy được thảy đều vui mừng, cùng nhau báo cáo. Hoặc cùng nộp đưa tiền bạc, lúa gạo, lấy đó làm quân lương; hoặc quyên nộp đồng sắt, hỏa dược, cứu tế quân nhu. Già trẻ khỏe mạnh ở nhà đều ứng mộ, lòng ham muốn nhanh chóng được giết giặc Tây di". Con ông là Trương Quyền noi chí cha, tiếp tục phất cao cờ khởi nghĩa chống thực dân Pháp xâm lược và hy sinh anh dũng vào năm 1867.

Tên ông được đặt tên công trình công cộng ở nhiều địa phương khác trên cả nước. Lăng mộ và đền thờ của ông ở thị xã Gò Công được Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận là Di tích lịch sử Quốc gia năm 1989. Đền thờ của ông ở xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông được Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận là Di tích lịch sử Quốc gia năm 2004. Đền thờ ông tại xã Tịnh Khê, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là Di tích lịch sử Quốc gia năm 2023.

Ngoài ra, đền thờ ông còn có ở một số nơi khác, như Tân Phước, Tân Tây, Tân Hòa (huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang), Bửu Hòa, Phước Hòa (thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai),...

Năm 1995, tượng đài ông được tạo tác bằng đá hoa cương, cao 8 m, bệ bằng bê tông ốp đá cao 4 m. Đến năm 2006, tượng được thay bằng chất liệu đồng, tọa lạc tại phường 2, thị xã Gò Công, là di tích Lịch sử - Văn hóa cấp tỉnh.

Cuộc đời và sự nghiệp của ông đã được khắc họa trên sân khấu và điện ảnh, như hai vở cải lương *Bình Tây Đại nguyên soái* của Nghệ sĩ Nhân dân Nguyễn Thành Châu (1978), *Cờ nghĩa giồng Sơn Quy* của Nghệ nhân ưu tú Huỳnh Anh (vở này đạt Huy chương Bạc tại Hội diễn sân khấu toàn quốc năm 2010), bộ phim *Bình Tây Đại nguyên soái* của Nhà biên kịch Phạm Thùy Nhân do Hãng phim Cửu Long sản xuất năm 2013.

Lễ hội tưởng niệm ông diễn ra trong các ngày 17 và 18/8 hàng năm tại xã Tịnh Khê, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi và trong các ngày 19 và 20/8 tại lăng mộ và đền thờ của ông ở thị xã Gò Công cũng như tại đền thờ ở xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Đường Trương Định có điểm đầu: giáp với đường Hai Bà Trưng; điểm cuối: giáp với đường Trần Công Tường; chiều dài: 0,915 km; chiều rộng: 20 m.

11. Đường Nguyễn Thái Học

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Thái Học).

Tiểu sử danh nhân:

NGUYỄN THÁI HỌC

(1902 – 1930)

Nguyễn Thái Học sinh năm 1902 tại làng Thổ Tang, tổng Lương Điền, phủ Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Yên (nay là thị trấn Thổ Tang, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc).

Năm 19 tuổi (1921), ông thi đậu vào Trường Cao đẳng sư phạm thuộc Viện Đại học Đông Dương đặt tại Hà Nội. Do tính tình cương trực và không khuất phục lối giáo dục của người Pháp, ông bỏ học vào năm thứ ba. Sau đó, ông thi đậu vào Trường Cao đẳng Thương mại cũng thuộc Viện Đại học Đông Dương (1925-1927). Trong thời gian này, ông tham gia thành lập Nam Đồng thư xã ở Hà Nội. Đây là một tiệm sách và cơ sở ấn loát chuyên in và phổ biến sách có nội dung cổ vũ tinh thần yêu nước.

Sau một thời gian vận động, năm 1927, các thành viên của Nam Đồng thư xã thành lập Việt Nam Quốc dân Đảng. Nguyễn Thái Học được bầu làm Chủ tịch. Việt Nam Quốc dân Đảng theo chủ nghĩa Tam dân của Tôn Dật Tiên. Tức là phấn đấu: Dân tộc độc lập - Dân quyền tự do - Dân sinh hạnh phúc. Đường lối chiến lược của Đảng là: Trước làm cách mạng quốc gia, sau làm cách mạng thế giới. Đảng lấy lực lượng trí thức tiểu tư sản, tư sản dân tộc làm nòng cốt. Chỉ trong một thời gian ngắn Việt Nam Quốc dân Đảng đã phát triển mạnh mẽ lan rộng khắp các tỉnh ở Bắc kỳ.

Tuy nhiên, do tổ chức thiếu chặt chẽ, kỷ luật không nghiêm, lộ bí mật, nhiều tay chân mật thám của Pháp trà trộn trong Đảng, nên cuộc vận động quần chúng của Việt Nam Quốc dân Đảng gặp nhiều trở ngại. Trước tình hình đó, Nguyễn Thái Học cùng các thành viên chủ chốt của Việt Nam Quốc dân Đảng chủ trương khởi nghĩa với phương châm: "Không thành công thì thành nhân".

Dưới sự lãnh đạo của Việt Nam Quốc dân Đảng đứng đầu là lãnh tụ Nguyễn Thái Học, phong trào bạo động chống Pháp ở các tỉnh đã nổ ra, mà đỉnh cao là khởi nghĩa Yên Bái vào đêm 10, rạng ngày 11/2/1930. Cuộc bạo động đã không thành

công. Việt Nam Quốc dân Đảng và khởi nghĩa Yên Bái bị thực dân Pháp dìm trong bể máu. Nguyễn Thái Học cùng các đồng chí của ông bị giặc Pháp bắt và hành hình vào ngày 17/6/1930 tại Yên Bái. Tên ông được đặt tên công trình công cộng ở nhiều địa phương trên cả nước.

Đường Nguyễn Thái Học có điểm đầu: giáp với đường Võ Duy Linh; điểm cuối: giáp với đường Thủ Khoa Huân; chiều dài: 1,017 km; chiều rộng: 7 m.

12. Đường Thủ Khoa Huân

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Thủ Khoa Huân).

Tiểu sử danh nhân:

THỦ KHOA HUÂN

(1830 – 1875)

Thủ khoa Huân tên thật là Nguyễn Hữu Huân, sinh năm 1830 tại thôn Lợi Thạnh, tổng Hưng Xương, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường (nay là ấp Hòa Quới, xã Hòa Tịnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang).

Thuở nhỏ, ông nổi tiếng hiếu học và học giỏi. Năm 1852, ông đỗ thủ khoa kỳ thi tại trường thi Hương Gia Định, nên được gọi là Thủ khoa Huân. Sau đó, ông ra làm quan, được bổ làm Giáo thọ phủ Kiến An.

Sau khi giặc Pháp hạ thành Gia Định (tháng 2-1859); giữa năm 1859, ông hợp lực với Võ Duy Dương chiêu mộ nghĩa dũng, phất cờ khởi nghĩa. Lúc bấy giờ, ông được triều đình phong chức Phó Quản đạo.

Tháng 7-1862, ông đến căn cứ Tân Hòa (Gò Công) bàn việc thống nhất lực lượng nghĩa quân với Trương Định nhằm nâng cao sức mạnh chiến đấu chống giặc Pháp xâm lược. Tại đây, ông nhận chức Phó Đề đốc do vua Tự Đức ban cho.

Tháng 2-1863, sau khi căn cứ Tân Hòa thất thủ, ông về Chợ Gạo, xây dựng căn cứ Bình Cách (nay là xã Tân Bình Thạnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang). Từ căn cứ này, dưới sự chỉ huy của ông, nghĩa quân đã tỏa ra đánh quân Pháp ở Mỹ Quý (nay thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang), Thuộc Nhiêu (nay thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang), Mỹ Tho, Chợ Gạo,…

Giữa năm 1863, giặc Pháp tấn công căn cứ Bình Cách. Nghĩa quân đã chiến đấu vô cùng anh dũng, khiến bọn chúng phải khó khăn lắm mới phá vỡ được căn cứ này. Để bảo toàn lực lượng, ông cho nghĩa quân rút qua Thuộc Nhiêu, tiếp tục cuộc chiến đấu. Nghĩa quân đã liên tiếp mở nhiều cuộc tấn công vào Cái Thia, Cái Bè, Cai Lậy, Rạch Gầm, Trung Lương, Tân Lý (nay thuộc tỉnh Tiền Giang),…

Cuối năm 1863, thực dân Pháp huy động lực lượng lớn tấn công Thuộc Nhiêu. Nghĩa quân phải rút vào Đồng Tháp Mười, xây dựng căn cứ mới. Theo sự phân công

giữa ông với Võ Duy Dương; ông sang An Giang - nơi còn thuộc quyền kiểm soát của triều đình - để tuyển mộ nghĩa quân và vận động nhân dân, kể cả triều đình, ủng hộ, đóng góp tiền của, vũ khí, lương thực cho cuộc kháng chiến.

Thế nhưng, do áp lực của thực dân Pháp, tháng 7-1864, quan Tổng đốc An Giang là Phan Khắc Thận đã nhu nhược bắt ông giao nộp cho quân giặc. Một tháng sau, ông bị chính quyền thực dân kết án 10 năm tù, đày đi Cayenne,Trung Mỹ (có tài liệu viết ông bị đày ở đảo Réunion, đông nam châu Phi)

Tháng 2-1869, sau 5 năm bị giam trong ngục tù ở hải ngoại, ông được thả về nước và bị quản thúc tại nhà của Đỗ Hữu Phương ở Chợ Lớn. Tại đây, Đỗ Hữu Phương vâng lệnh quan thầy ra sức mua chuộc, dụ dỗ ông. Nhưng, ông vẫn một lòng một dạ trung thành với đất nước và nhân dân. Không những thế, ông còn tìm cách liên lạc với những người yêu nước và mưu tính phát động một cuộc khởi nghĩa mới.

Năm 1872, ông trốn thoát về Mỹ Tho, Chợ Gạo; cùng với Âu Dương Lân nổi lên khởi nghĩa với lực lượng nghĩa quân lên đến 3.000 người. Từ đây, phong trào chống Pháp do ông đứng đầu lan tỏa mạnh mẽ khắp vùng Mỹ Tho, Chợ Gạo, Cai Lậy, Tân An (nay thuộc tỉnh Long An), Chợ Lớn (nay thuộc TP Hồ Chí Minh),… Thủ lĩnh ở nhiều nơi cũng tham gia phong trào, như Nguyễn Văn Chất ở Vĩnh Long, Lê Công Thành, Phan Văn Đồng, Lâm Lễ ở Cần Thơ, Long Xuyên (nay thuộc tỉnh An Giang),… Một hệ thống chính quyền kháng chiến được xây dựng tại nhiều thôn xã, nhất là ở Mỹ Tho và Chợ Gạo.

Trước sự lớn mạnh của nghĩa quân, cuối năm 1874, thực dân Pháp huy động một lực lượng hùng hậu, từ nhiều hướng tấn công căn cứ Bình Cách. Nghĩa quân kháng cự vô cùng quyết liệt; nhưng do thế giặc quá mạnh, sau đó phải tan rã. Ông bị sa vào tay giặc. Bọn chúng giam ông ở nhà ngục Mỹ Tho; hết tra tấn dã man lại giở trò mua chuộc; nhưng vẫn không làm lung lay khí tiết của một đấng trượng phu anh hùng.

Tên Chánh tham biện Mỹ Tho là De Gailland chiêu hàng không thành, đã kết án và tử hình ông ngày 15-4 năm Ất Hợi (19-5-1875) tại chợ Tịnh Hà (nay thuộc xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo). Trước lúc hy sinh vì nghĩa lớn của dân tộc, ông vẫn lạc quan sáng tác một bài thơ tuyệt mạng, tỏ rõ ý chí kiên cường, bất khuất của mình:

Hãn mã gian quan báo quốc cừu,

Chỉ nhân binh bãi trí thân hưu.

Anh hùng mạc bả doanh thâu luận,

Vũ trụ trường khan tiết nghĩa lưu.

Đản đắc tử kinh Hồ lỗ phách,

Bất cam sinh đoạn tướng quân đầu.

Đương kim Tho thủy ba lưu huyết,

Long đảo thu phong khởi mộ sầu.

Nhà yêu nước Phan Bội Châu dịch:

Ruổi rong gió ngựa báo thù chung,

Binh bãi cho nên mạng mới cùng.

Tiết nghĩa vẫn lưu cùng vũ trụ,

Hơn thua sá kể với anh hùng.

Nổi xung mất vía quân Hồ lỗ,

Quyết thác không hàng rạng núi sông.

Tho thủy ngày rày pha máu đỏ,

Đảo Rồng hiu hắt ngọn thu phong.

Đồng thời, ông còn làm hai câu Liễn tuyệt mạng:

Hữu chí nan thân, không uổng bách niên chiêu vật nghị,

Tuy công bất tựu, diệc tương nhất tử báo quân ân.

Nhà nghiên cứu Cao Tự Thanh dịch:

Việc lớn không thành, báo chúa cũng đành liều một chết,

Lòng ngay khó tỏ, miệng đời luống để luận trăm năm.

Nghĩa nước tình dân, Nguyễn Hữu Huân đã trả xong khi ông vừa tròn 45 tuổi. Tấm gương sáng ngời của ông vẫn được lưu giữ mãi trong ký ức của nhân dân và của hồn thiêng sông núi; đúng như một câu ca dao ở địa phương đã ca ngợi:

Một lòng đền nợ nước non,

Ngàn năm vẫn đỏ tim son anh hùng.

Hiện nay, đền thờ và lăng mộ của ông đã được công nhận Di tích lịch sử cấp quốc gia năm 1987, tọa lạc tại xã Hòa Tịnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Nơi ông thọ án chém tại chợ Tịnh Hà (xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo) cũng được xây bia tưởng niệm. Tượng đài của ông được tạc bằng đá hoa cương, tọa lạc tại công viên Lạc Hồng, Phường 1, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Cuộc đời và sự nghiệp của ông đã được khắc họa trên sân khấu qua vở cải lương "Trăng soi dòng Bảo Định" của Nghệ nhân ưu tú Huỳnh Anh. Tên Nguyễn Hữu Huân (hay Thủ khoa Huân) được đặt tên công trình công cộng tại nhiều tỉnh thành trên cả nước.

Đường Thủ Khoa Huân có điểm đầu: giáp với đường Hai Bà Trưng; điểm cuối: giáp với đường Trương Định; chiều dài: 0,820 km; chiều rộng: 7 m.

13. Đường Nguyễn Huệ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Huệ).

Tiểu sử danh nhân:

NGUYỄN HUỆ

(1753 – 1792)

Nguyễn Huệ sinh năm 1753 ra tại thôn Kiên Mỹ, ấp Kiên Thành, huyện Hoài Nhơn, phủ Quy Nhơn (nay thuộc xã Bình Thành, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định).

Năm 1771, ông dựng cờ khởi nghĩa, trở thành một trong ba lãnh tụ cao nhất của phong trào Tây Sơn (Nguyễn Nhạc , Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ).

Năm 1775, ông chỉ huy đánh chiếm Phú Yên, tạo ra bước ngoặt quan trọng cho toàn bộ quá trình phát triển mạnh mẽ sau đó của phong trào.

Năm 1777, ông chỉ huy cuộc tấn công vào Gia Định lần thứ hai, lật đổ cơ đồ thống trị của dòng họ chúa Nguyễn ở Đàng Trong.

Năm 1782, ông chỉ huy cuộc tấn công vào Gia Định lần thứ tư, đánh cho Nguyễn Ánh đại bại.

Năm 1783, ông chỉ huy cuộc tấn công vào Gia Định lần thứ năm, đánh đuổi tập đoàn Nguyễn Ánh ra khỏi bờ cõi.

Năm 1785, ông chỉ huy trận Rạch Gầm - Xoài Mút, đánh tan 5 vạn quân Xiêm xâm lược.

Năm 1786, ông chỉ huy các đợt tấn công tiêu diệt chính quyền chúa Trịnh ở Đàng Ngoài.

Ngày 22/12/1788, ông lên ngôi Hoàng đế tại Núi Bân (Phú Xuân - Huế). Niên hiệu vua Quang Trung bắt đầu xuất hiện từ đây.

Năm 1789, ông chỉ huy trận Ngọc Hồi - Đống Đa, quét sạch 29 vạn quân Thanh và bè lũ tay sai phản quốc Lê Chiêu Thống ra khỏi bờ cõi.

Từ năm 1789 đến năm 1792, ông ban bố Chiếu khuyến nông, Chiếu lập học, tiến hành những cải cách tích cực nhằm phát triển đất nước.

Ngày 15/9/1792, ông đột ngột qua đời. Ông xứng danh là vị Anh hùng dân tộc, có công lớn trong việc thống nhất đất nước và bảo vệ nền độc lập dân tộc. Tên ông được đặt tên công trình công cộng ở nhiều tỉnh, thành trên cả nước.

Đường Nguyễn Huệ có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn Văn Côn; điểm cuối: giáp với đường Võ Duy Linh; chiều dài: 1,340 km; chiều rộng: 7 m.

14. Đường Lê Thị Hồng Gấm

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Lê Thị Hồng Gấm).

Tiểu sử danh nhân:

LÊ THỊ HỒNG GẤM

(1951 – 1970)

Lê Thị Hồng Gấm sinh năm 1951 tại làng Long Hưng, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân.

Tháng 12-1967, bà tham gia cách mạng, làm giao liên xã. Đây là công tác vô cùng khó khăn, nguy hiểm; bởi vì, xã Long Hưng nằm cận kề với căn cứ Đồng Tâm của sư đoàn 9 Mỹ, địch thường xuyên đánh phá hết sức ác liệt.

Năm 1968, địch tăng cường lực lượng, điên cuồng phản kích nhằm đẩy quân giải phóng và du kích ra khỏi địa bàn đứng chân. Tình hình trở nên rất căng thẳng. Tuy vậy, bà vẫn dũng cảm bám chặt địa bàn và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Bất kể bom pháo và địch càn quét hay phục kích; hàng ngày, bà như "con thoi" chuyển công văn, chỉ thị đến các nơi tuyệt đối an toàn. Có lúc cao điểm, mỗi ngày, bà đi từ 7 đến 10 chuyến. Nhiều khi gặp địch kiểm soát gắt gao, bà giả dạng dân thường, bình tỉnh, mưu trí, vượt qua.

Tháng 12-1968, bà được cấp trên chỉ định làm Xã đội phó xã Long Hưng. Bà đã cùng với Ban Chỉ huy Xã đội chỉ huy đội du kích xã đánh 49 trận, diệt và làm bị thương 217 lính địch (trong đó có 22 lính Mỹ). Tháng 8-1969, bà là Trung đội phó du kích vành đai liên xã. Ở cương vị mới, bà đã phối hợp với các Xã đội, Xã đoàn xây dựng được 5 trung đội dân quân tự vệ, 5 tổ du kích xã của các xã thuộc Mặt trận vành đai diệt Mỹ Bình Đức. Tính đến tháng 3-1970, bà cùng đồng đội trực tiếp chiến đấu trên 10 trận, diệt 63 lính địch, bắn rơi 01 máy bay trực thăng.

Ngày 18-4-1970, bà cùng 2 đồng đội đi công tác. Khi ra đến cánh đồng, cả 3 bị 2 chiếc máy bay trực thăng của địch phát hiện. Từ trên máy bay, địch vừa bắn uy hiếp, vừa gọi hàng. Thế nhưng, bà vẫn bình tỉnh và dũng cảm bắn trả nhằm thu hút hỏa lực của địch về phía mình, tạo điều kiện cho đồng đội chạy thoát. Sau một lúc chiến đấu, bà bắn rơi một chiếc trực thăng; chiếc còn lại nã đại liên dữ dội về nơi người nữ du kích kiên cường đang ẩn nấp và bay ra xa đổ quân bao vây. Mặc dù quân địch rất đông và bản thân lại bị thương nặng, song bà không hề nao núng, dựa vào bờ ruộng đánh bật các đợt xung phong của bọn chúng, tiêu diệt thêm một số lính địch. Cuối cùng, khẩu súng của bà hết đạn. Quyết không để vũ khí lọt vào tay địch, bà lấy hết sức mình đập gãy khẩu carbine. Một loạt đạn từ phía quân địch vang lên; và bà đã anh dũng hy sinh.

Bà được tặng thưởng 3 bằng Dũng sĩ diệt Mỹ, 1 bằng Dũng sĩ diệt máy bay,1 Huân chương Chiến công hạng II, 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng Nhì.

Ngày 20-9-1971, bà được Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam truy tặng Huân chương Quân công giải phóng hạng Ba và danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng.

Tấm gương chiến đấu kiên cường, dũng cảm, bất khuất của bà là nguồn cảm hứng để nhạc sĩ Phạm Tuyên sáng tác ca khúc *Những cánh chim Hồng Gấm*. Xưởng phim tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh đã sản xuất bộ phim truyện có tựa đề *Lê Thị Hồng Gấm* của hai nhà biên kịch Võ Trần Nhã và Lê Văn Duy nhằm ca ngợi cuộc đời chiến đấu oanh liệt của bà. Tên bà được đặt tên cho một đại đội nữ chiến sĩ quân giải phóng - đại đội nữ Lê Thị Hồng Gấm - được thành lập ngày 22-2-1972 tại dốc Ba Hầm thuộc ranh giới huyện Ba Tơ và huyện Đức Phổ (tỉnh Quảng Ngãi). Đây là đại đội nữ quân giải phóng đầu tiên thành lập ở miền Nam trong thời kỳ chống giặc ngoại xâm.

Sau năm 1975, tên bà được đặt tên trường học, tên đường ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang và nhiều địa phương khác tên cả nước.

Đường Lê Thị Hồng Gấm có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn Huệ; điểm cuối: giáp với đường Hai Bà Trưng; chiều dài: 0,324 km; chiều rộng: 12 m.

15. Đường Rạch Gầm

* Nguồn gốc địa danh Rạch Gầm

- Rạch: là dòng nước tự nhiên, nhỏ hơn sông, ghe thuyền đi lại được. Ở Trung Bộ và Bắc Bộ hoàn toàn vắng mặt từ này. Còn ở Nam Bộ, nó hết sức phổ biến[11].

Theo Lê Trung Hoa, rạch là tiếng Việt gốc Khmer *Prêk*, có nghĩa là *Dòng sông nhỏ*. Về ngữ âm, *prêk* có thể chuyển hóa thành *rạch*. Trong tiếng Việt, hiện tượng tổ hợp phụ âm đầu có âm lỏng "r" bị rụng âm "r" là điều rất phổ biến, như crème thành kem, frein thành phanh (thắng xe), fromage thành phó mát hay phô mai, (tấm) drap thành (tấm) ra: tấm trải giường, grève - (làm) reo: biểu tình. Như vậy, ***Pr*** hoàn toàn có khả năng chuyển thành ***R***. Âm tiết ***êk*** có thể chuyển thành ách, như méc - mách, (cù) léc - (cù) nách, vêk mục (tiếng Khmer) - vạch mặt[12].

- Về từ "Gầm" có nhiều cách giải thích khác nhau:

+ Cách thứ nhất: Ngày xưa, Rạch Gầm là một vùng đất hoang vu. Thuở đó, khi những người Việt tiền phong đến đây khẩn đất, lập điền, thì chỉ thấy toàn là rừng rậm, cây cối mịt mùng, còn dã thú nhiều không sao kể, nhất là cọp. Tiếng rống của cọp vang dậy cả một vùng, nên những người đi khai hoang đặt tên là rạch Cọp Gầm, rồi về sau, gọi trại thành Rạch Gầm.

---

[11] Lê Trung Hoa (2012), *Từ địa phương chỉ địa hình trong địa danh Nam Bộ*, Tạp chí Ngôn ngữ số 4, 2012, trang 37.

[12] Lê Trung Hoa (1991), *Địa danh Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Khoa học xã hội, trang 87.

Theo cách giải thích này, Rạch Gầm là địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Âm thanh của động vật (Cọp Gầm).

- Cách thứ hai: Thuở xưa, tại vùng đất Rạch Gầm ở bên bờ tả ngạn sông Tiền và Phú Túc ở bên bờ hữu ngạn (nay thuộc tỉnh Bến Tre), trời đất tối tăm, mịt mù. Bỗng một đêm nọ, trời mưa như trút nước, sấm chớp nổi lên đùng đùng. Bất chợt, có tiếng gầm từ bờ bên này vang sang bờ bên kia; rồi sau đó, có tiếng hét dội lại, như đối đáp nhau. Đến sáng ra, trời quanh mây tạnh, phong cảnh sáng sủa, tươi tốt. Nhờ vậy, dân chúng làm ăn ngày càng khấm khá, phát đạt. Để ghi lại chuyện này, nhân dân đặt tên cho con rạch ở bờ tả ngạn là rạch Ông Gầm, sau đó gọi tắt là Rạch Gầm, còn con rạch ở bờ hữu ngạn đối diện thuộc cù lao Phú Túc là rạch Bà Hét.

Theo cách giải thích này, Rạch Gầm là địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Âm thanh của người đàn ông (Ông Gầm).

Với cách giải thích thứ nhất và thứ hai, rạch Gầm là địa danh gọi tắt từ rạch Cọp Gầm hay rạch ông Gầm mà ra. Như vậy, rạch Cọp Gầm hay rạch Ông Gầm là địa danh có ba âm tiết. Các địa danh loại này được lược bỏ âm tiết ở giữa là hiện tượng thường xảy ra, như cầu Xóm Kiệu - cầu Kiệu (Thành phố Hồ Chí Minh), sông Ông Đốc - sông Đốc (Cà Mau),…

- Cách thứ ba: Lê Trung Hoa trong quyển *Địa danh ở Thành phố Hồ Chí Minh*, có dẫn tư liệu từ quyển *Dictionnaire Vietnamien - Chinois – Français* (*Từ điển Việt Nam - Trung Hoa - Pháp*) của E.Gouin, cho biết "Gầm" là biến âm của "gằm" là tên cây. Cũng theo Lê Trung Hoa thì "không biết đó là loại cây gì, bởi vì không thấy tự điển nào định nghĩa"[13]. Riêng chúng tôi đã nhiều lần đi điền dã vùng Rạch Gầm, được gặp và hỏi nhiều vị bô lão về cây Gằm (?), nhưng không ai biết cả.

Theo cách giải thích này, Rạch Gầm là địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Thực vật (Cây gằm).

- Cách thứ tư: Theo tác giả Việt Tuấn trong bài "Rạch Gầm – Xoài Mút" được in trong quyển *Các di tích lịch sử - văn hóa quốc gia tại tỉnh Tiền Giang*, Rạch Gầm có xuất xứ từ tiếng Khmer: Ca Răm, có nghĩa là Con Cọp. Ca Răm gọi trại thành Gầm[14].

Theo cách giải thích này, Rạch Gầm là địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Động vật (Ca Răm: Con Cọp).

* Sự kiện lịch sử có liên quan đến Rạch Gầm

Địa danh Rạch Gầm có liên quan đến chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút (20/01/1785) của nghĩa quân Tây Sơn dưới sự chỉ huy của Nguyễn Huệ, tiêu diệt 5

[13] Lê Trung Hoa (1991), *Địa danh ở Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Khoa học xã hội, trang 43.
[14] Nhiều tác giả (2000), *Các di tích lịch sử - văn hóa quốc gia tại tỉnh Tiền Giang*, Sở Văn hóa - Thông tin Tiền Giang, trang 45.

vạn quân Xiêm và 300 chiến thuyền, bảo vệ vững chắc lãnh thổ phía Nam của Tổ quốc.

Đường Rạch Gầm có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn Huệ; điểm cuối: giáp với đường Hai Bà Trưng; chiều dài: 0,302 km; chiều rộng: 7 m.

16. Đường Lý Thường Kiệt

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Lý Thường Kiệt).

Tiểu sử danh nhân:

LÝ THƯỜNG KIỆT

(1019 – 1105)

Lý Thường Kiệt, tên thật là Ngô Tuấn, tự là Thường Kiệt, sinh năm 1019, quê ở phường Thái Hoà, thành Thăng Long (Hà Nội). Từ nhỏ, ông đã có chí hướng, ham đọc sách, say sưa nghiên cứu binh thư, luyện tập võ nghệ. Ông có tài văn, võ. Năm 23 tuổi, ông được bổ nhiệm làm quan theo hầu vua Lý Thái Tông. Trải qua 3 triều vua: Lý Thái Tông, Lý Thánh Tông, Lý Nhân Tông, ông có nhiều công lao trong việc chống giặc ngoại xâm, góp phần xây dựng đất nước phồn vinh.

Năm 1061, một số tù trưởng ở miền Thanh Hoá, Nghệ An nổi lên quấy rối, chống lại triều đình. Vua Lý Thánh Tông cử ông giữ chức Kinh phòng sứ, sau một thời gian ông đã đem lại trật tự yên vui cho vùng đất này. Vua rất quý ông và ban cho Quốc tính. Từ đó, ông mang họ Lý.

Năm 1072, vua Lý Thánh Tông mất, thái tử Lý Càn Đức lên ngôi kế vị, lúc đó nhà vua mới được 7 tuổi. Vốn sẵn dã tâm xâm lược, giặc phương Bắc xem đây là cơ hội tốt và ráo riết tiến hành mưu đồ tiến đánh nước ta. Khi ấy, Nguyên Phi Ỷ Lan buông rèm nhiếp chính, ông với cương vị như Tể tướng nắm toàn quyền cả văn lẫn võ. Gánh vác trách nhiệm lớn và nặng nề với vận mệnh giang sơn xã tắc, ông nhận sứ mệnh thiêng liêng, trực tiếp tổ chức và lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược. Năm 1075, ông chủ trương tấn công các châu Khâm, Liêm, Ung của nhà Tống (Trung Quốc) để ngăn chặn trước cuộc xâm lược của kẻ địch. Chủ trương ấy đã giành thắng lợi rực rỡ.

Tháng 4/1076, ông rút quân về lập phòng tuyến sông Cầu nhằm ngăn chặn 10 vạn quân Tống do Quách Quỳ chỉ huy tràn sang xâm lược nước ta. Tại khúc sông Như Nguyệt thuộc phòng tuyến này, giữa lúc trận chiến diễn ra vô cùng gay go, quyết liệt, vào một đêm, ông cho người tâm phúc đọc vang bài thơ thần "Nam Quốc Sơn Hà" trong đền thờ Trương Hống, Trương Hát:

"Nam quốc sơn hà Nam đế cư,

Tiệt nhiên định phận tại thiên thư,

Như hà nghịch lỗ, lai xâm phạm,

Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư".

Dịch:

"Sông núi nước Nam, vua Nam ở,

Rành rành đã định tại sách trời,

Cớ sao lũ giặc sang xâm phạm,

Chúng bay sẽ bị đánh tơi bời".

Bài "thơ thần" truyền đi đã có một sức mạnh kỳ lạ, làm nao núng tinh thần quân địch, làm tăng nhuệ khí và sức chiến đấu cho quân ta, trực tiếp góp phần làm xoay chuyển cục diện cuộc chiến, tạo điều kiện cho cuộc phản công chiến lược của quân ta giành thắng lợi quyết định. Bài thơ đã đi vào lịch sử của dân tộc ta như một Bản tuyên ngôn độc lập lần thứ nhất.

Sau đó, ông gửi thư cho Quách Quỳ mở đường giảng hòa để giặc giữ thể diện rút lui về nước.

Năm 1105, ông mất, thọ 86 tuổi, được truy tặng tước Kiểm hiệu Thái Uý Việt Quốc Công. Ông được lịch sử ghi nhận là anh hùng dân tộc kiệt xuất, một con người đã hiến dâng trí tuệ, tâm hồn, sức lực và tài năng cho sự nghiệp bảo vệ nền độc lập của Tổ quốc. Tên ông được đặt tên cho nhiều công trình công cộng trên cả nước.

Đường Lý Thường Kiệt có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn Văn Côn; điểm cuối: giáp với đường Hai Bà Trưng; chiều dài: 0,104 km; chiều rộng: 7 m.

17. Đường Đồng Khởi

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Sự kiện lịch sử (Đồng Khởi).

Sự kiện lịch sử:

Dưới ánh sáng của Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 15 (1/1959), từ cuối 1959 đến năm 1960, nhân dân miền Nam vùng lên khởi nghĩa đồng loạt để giành chính quyền. Tiêu biểu là cuộc nổi dậy của nhân dân huyện Bắc Ái, tỉnh Ninh Thuận (ngày 7/2/1959 đến cuối năm 1959); cuộc khởi nghĩa Trà Bồng, Quảng Ngãi (28/8/1959); cuộc đồng khởi của nhân dân tỉnh Bến Tre (17/1/1960); cuộc nổi dậy đồng loạt của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên (20/10/1960),...

Tính đến cuối năm 1960, phong trào Đồng khởi của nhân dân miền Nam đã căn bản làm tan rã cơ cấu chính quyền cơ sở địch ở nông thôn. Trong 2.627 xã toàn miền Nam, nhân dân đã lập chính quyền tự quản ở 1.383 xã, đồng thời làm tê liệt chính quyền Mỹ-Diệm ở hầu hết các xã khác. Dân số vùng giải phóng toàn miền Nam có khoảng 5,6 triệu người. Kế hoạch lập khu trù mật của địch bị phá sản.

Chính sách "cải cách điền địa"của địch bị thất bại nặng. Hai phần ba số ruộng đất bị Mỹ-Diệm cướp (khoảng 17 vạn héc ta) đã trở về tay nhân dân. Phong trào Đồng khởi ở nông thôn thúc đẩy mạnh mẽ phong trào đấu tranh chính trị ở đô thị.

Phong trào Đồng khởi đã chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công, đã giáng một đòn bất ngờ vào chiến lược Aixenhao (Tổng thống Mỹ), làm thất bại cuộc chiến tranh đơn phương của Mỹ ở miền Nam. Đây là một mốc mới rất quan trọng của cách mạng miền Nam, tạo cơ sở vững chắc để nhân dân miền Nam Việt Nam đánh thắng "chiến lược chiến tranh đặc biệt" của Mỹ và chính quyền Sài Gòn.

Đường Đồng Khởi có điểm đầu: giáp với cầu Long Chánh; điểm cuối: giáp với đường Hồ Biểu Chánh; chiều dài: 0,900 km; chiều rộng: 7 m.

18. Đường Phạm Ngũ Lão

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Phạm Ngũ Lão).

Tiểu sử danh nhân:

PHẠM NGŨ LÃO

(1255 - 1320)

Phạm Ngũ Lão sinh năm 1255 tại làng Phù Ủng, huyện Đường Hào, phủ Hải Dương (nay là xã Phù Ủng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên).

Ông là người có chí khí và nghị lực. Phạm Đình Hổ trong tác phẩm "Vũ trung tùy bút" có kể lại chuyện ông ra mắt Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn đại ý như sau: Hưng Đạo Vương cùng tuỳ tùng đi ngang qua Đường Hào thấy Phạm Ngũ Lão ngồi bên vệ đường đan sọt. Quân lính kéo đến, dẹp lối đi. Ông vẫn ngồi thản nhiên, như không để ý đến ai cả. Quân lính cầm giáo đâm vào đùi chảy máu mà ông vẫn không cử động, thấy vậy Hưng Đạo Vương dừng lại hỏi, bấy giờ ông mới trả lời rằng đang nghĩ một câu trong binh thư nên không để ý. Biết người có tài, Hưng Đạo Vương cho ông ngồi cùng kiệu đưa về kinh sư. Từ đó, ông trở thành của gia tướng của Hưng Đạo Vương.

Trong các cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên Mông (Trung Quốc), ông lập được nhiều chiến công. Năm 1285, trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông lần thứ hai (1285), ông cùng với Thượng tướng Trần Quang Khải tiến đánh Chương Dương (nay là xã Chương Dương, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội), Hàm Tử (nay là xã Hàm Tử, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng yên), đập tan đội binh thuyền của giặc và diệt quân Nguyễn Mông chiếm đóng Thăng Long. Sau đó, ông được lệnh mang 3 vạn quân phục kích đánh địch ở Vạn Kiếp (nay thuộc xã Hưng Đạo, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương), chặn đường

địch rút chạy lên biên giới phía bắc và diệt được hai phó tướng địch là Lý Quán và Lý Hằng.

Trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông lần thứ ba (1288), dưới sự chỉ huy của Hưng Đạo Vương, ông cùng các tướng bày trận phục kích đường rút lui của giặc trên sông Bạch Đằng, trong trận này quân ta bắt sống các tướng chỉ huy của quân Nguyên Mông là Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp, Áo Lỗ Xích. Sau đó, ông nhận lệnh mang quân truy kích cánh quân chủ lực của địch do Thoát Hoan chỉ huy rút chạy trên đường bộ.

Năm 1290, vua Trần Nhân Tông giao cho ông cai quản quân Thánh Dực (còn gọi là quân Cấm Vệ), phong chức Hữu Kim ngô Đại tướng quân. Đến đời vua Trần Anh Tông, ông được thăng chức Điện súy Thượng tướng quân, tước Quan nội hầu. Ông đã ba lần chỉ huy quân đội nhà Trần đánh tan các cuộc xâm lấn biên giới phía Tây của quân Ai Lao vào các năm 1294, 1297 và 1301; hai lần đánh thắng quân Chiêm Thành quấy rối biên giới phía Nam vào các năm 1312 và 1318, bảo vệ vững chắc sự toàn vẹn lãnh thổ của nước ta.

Không chỉ có tài về quân sự, mà ông còn để lại nhiều bài thơ về chí trai, lòng yêu nước. Hiện nay, tác phẩm của ông chỉ còn lại hai bài là "Thuật Hoài" ("Tỏ lòng") và "Vãn Thượng tướng quốc công Hưng Đạo Đại Vương" ("Viếng Thượng tướng quốc công Hưng Đạo Đại Vương").

Ông mất năm 1320, hưởng thọ 66 tuổi. Vua Trần Minh Tông ra lệnh nghỉ chầu 5 ngày để tỏ lòng thương tiếc ông. Sách "Đại việt sử ký toàn thư" viết: "*Ngũ Lão xuất thân trong hàng quân ngũ nhưng rất thích đọc sách, là người phóng khoáng, có chí lớn, thích ngâm thơ, tựa như không để ý đến việc võ binh. Nhưng quân ông chỉ huy, thực là đội quân phụ tử, hễ đánh là thắng. Ông huấn luyện quân đội rất có kỷ luật, đối đãi tướng hiệu tựa như người nhà, cùng đồng cam cộng khổ với binh sĩ, là bậc danh tướng của một thời vậy*". Nhân dân xã Phù Ủng dựng đền thờ ngay trên nền nhà cũ của ông. Ông cũng được phối thờ tại đền Kiếp Bạc, Chí Linh, Hải Dương tại đền thờ Trần Hưng Đạo. Hàng năm, lễ hội truyền thống đền Phù Ủng được tổ chức từ ngày 25 tháng chạp, chính hội được tổ chức vào ngày 11 tháng giêng âm lịch, thu hút đông đảo nhân dân khắp nơi đế chiêm bái, tham quan. Tên ông được đặt tên công trình công cộng ở nhiều địa phương trên cả nước.

Đường Phạm Ngũ Lão có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn Huệ; điểm cuối: giáp với đường Nguyễn Thái Học; chiều dài: 0,300 km; chiều rộng: 7 m.

19. Đường Võ Duy Linh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Võ Duy Linh).

Tiểu sử danh nhân:

VÕ DUY LINH

(1919 - 1968)

Võ Duy Linh là bí danh, tên thật Võ Văn Di, sinh năm 1919 tại làng Bình Ân, tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công (nay là xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân có truyền thống đấu tranh chống áp bức, bóc lột.

Năm 1945, ông giác ngộ cách mạng, tham gia đội du kích xã, rồi lần lượt giữ các chức vụ Xã đội trưởng, Huyện ủy viên kiêm Bí thư xã.

Sau khi hiệp định Genève (1954) được ký kết, ông tiếp tục làm Huyện ủy viên huyện Gò Công và được tổ chức phân công ở lại miền Nam hoạt động. Đây là thời kỳ chính quyền Ngô Đình Diệm được Mỹ giật dây thẳng tay khủng bố, đàn áp quần chúng. Vì thế, phong trào cách mạng ở Gò Công bị tổn thất nghiêm trọng, hàng loạt cán bộ hoặc bị địch bắt bớ, giết hại hoặc theo chủ trương của cấp trên phải "điều lắng" tạm lánh đi nơi khác.

Năm 1957, chấp hành mệnh lệnh của tổ chức, ông chuyển đổi địa bàn hoạt động lên Sài Gòn. Nhưng, với tinh thần tiến công cách mạng cao độ, không sợ hy sinh, gian khổ, chỉ một năm sau (1958), ông trở về Gò Công đang bị địch bình định trắng, kiên trì bám đất, bám dân, gầy dựng lại cơ sở cách mạng, phát động quần chúng đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ, hòa bình, chống tố cộng, diệt cộng.

Ngày 21-01-1960, ông đại diện cho Huyện ủy Gò Công dự hội nghị triển khai Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng do Tỉnh ủy Mỹ Tho triệu tập. Tại hội nghị quan trọng này, ông được phân công nhiệm vụ phát động cuộc "Đồng khởi" ở hai huyện Gò Công (nay là huyện Gò Công Đông và thị xã Gò Công) và Hòa Đồng (nay là huyện Gò Công Tây và huyện Tân Phú Đông).

Tháng 2-1960, ông trở về căn cứ Rừng Sác, thành lập Ban Cán sự Đảng hai huyện Gò Công và Hòa Đồng; trong đó Ban Cán sự Đảng huyện Gò Công do ông làm Bí thư. Cùng với tập thể Ban Cán sự, ông đã ra sức xây dựng lực lượng chính trị của quần chúng và lực lượng vũ trang cách mạng; đồng thời, lãnh chỉ đạo hai lực lượng này thực hiện liên tục các cuộc tấn công và nổi dậy trong suốt năm 1960, phá vỡ từng mảng lớn bộ máy chính quyền địch ở cơ sở, chấm dứt thời kỳ thoái trào của Gò Công, mở ra bước phát triển mới của phong trào cách mạng ở địa phương, tiến cùng nhịp độ phát triển trong toàn tỉnh.

Tháng 6-1961, ông được bầu làm Tỉnh ủy viên tỉnh Mỹ Tho, Bí thư Huyện ủy Gò Công. Với trách nhiệm của mình, ông đã chỉ đạo xây dựng các cơ quan Huyện ủy, cơ sở Đảng từ huyện xuống tận xã, ấp, lực lượng chính trị của quần chúng và lực lượng vũ trang huyện. Từ năm 1961- 1963, dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, phong trào du kích chiến tranh, phá "Ấp chiến lược", đấu tranh chính trị và công tác binh vận ở huyện Gò Công phát triển vô cùng mạnh mẽ, được Tỉnh ủy công nhận và tuyên dương là huyện có phong trào phát triển mạnh và vững chắc ở trong toàn tỉnh.

Đầu năm 1963, ông được cấp trên cử đi học; rồi được điều lên tỉnh, giữ chức vụ Tỉnh ủy viên tỉnh Mỹ Tho, Trưởng ban An ninh tỉnh Mỹ Tho. Dưới sự chỉ đạo của ông, Ban An ninh tỉnh và các huyện được kiện toàn; và đã đập tan âm mưu chống phá cách mạng của địch bằng phương thức tình báo, gián điệp mà chúng đang ráo riết triển khai để thực hiện kế hoạch gom dân, lập ấp chiến lược.

Đầu năm 1964, ông được Tỉnh ủy cử trở lại Gò Công với nhiệm vụ là Tỉnh ủy viên tỉnh Mỹ Tho, Bí thư Huyện ủy. Trong thời kỳ ông làm Bí thư Huyện ủy, hệ thống cơ sở Đảng vẫn được giữ vững, cán bộ bám chặt trong dân, vùng giải phóng được củng cố, phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng, hoạt động vũ trang của bộ đội địa phương và du kích xã, ấp tiếp tục tiến lên mạnh mẽ mặc dù địch tăng cường đánh phá rất ác liệt nhằm thực hiện âm mưu biến nơi đây thành mô hình bình định kiểu mẫu của bọn chúng.

Tháng 10-1967, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy Gò Công (vừa mới được tái lập theo quyết định của Khu ủy Khu 8), ông và tập thể Huyện ủy ráo riết lãnh chỉ đạo quân dân huyện nhà chuẩn bị lực lượng về mọi mặt, nhất là lực lượng vũ trang, tuyển quân, hậu cần, dân công, sẵn sàng thực hiện lệnh nổi dậy và tiến công của cấp trên.

Đúng 2 giờ ngày Mùng 2 Tết Mậu Thân (ngày 01-02-1968), theo kế hoạch của Tỉnh ủy, ông phát lệnh cho bộ đội địa phương và du kích các xã thuộc huyện Gò Công nổ súng tiến công địch trên địa bàn toàn huyện; đồng thời, chi viện cho bộ đội tỉnh tiến công vào thị xã Gò Công. Cuộc tiến công của quân dân ta nổ ra rất mãnh liệt, khiến địch bị tổn thất nặng nề, phần lớn đồn bót, tháp canh của bọn chúng đều bị ta bị tiêu diệt, các xã trên địa bàn huyện, như Tân Thành, Tân Bình Điền, Bình Ân, Bình Xuân, Phước Trung đã thành lập Ủy ban nhân dân giải phóng cấp xã.

Sau đó, ông chỉ huy lực lượng vũ trang huyện đánh địch phản kích. Ngày 16-02-1968, trên đường đi công tác từ vùng C về vùng A, ông bị địch phục kích, anh dũng đền nợ nước tại ấp Gò Một, xã Tân Niên Đông. Được biết, ông có người em ruột là Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Võ Văn Kiết.

Sau năm 1975, ông được Nhà nước truy tặng Huân chương Độc lập. Bí danh của ông - Võ Duy Linh - được đặt tên đường ở thị xã Gò Công và huyện Gò Công Đông; tên trường trung học cơ sở ở xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Đường Võ Duy Linh có điểm đầu: giáp với đường Hai Bà Trưng; điểm cuối: giáp với đường Trần Công Tường; chiều dài: 0,678 km; chiều rộng: 12 m.

20. Đường Võ Thị Lớ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Võ Thị Lớ).

Tiểu sử danh nhân:

VÕ THỊ LỚ

(1950 – 1969)

Võ Thị Lớ sinh năm 1950 tại làng Tăng Hòa, tổng Hòa Lạc Thượng, tỉnh Gò Công (nay là xã Tăng Hòa, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân có truyền thống cách mạng.

Năm 1968, bà giác ngộ cách mạng; và được cấp trên phân công làm giao liên cho Ban An ninh thị xã Gò Công. Dưới vỏ bọc hợp pháp là một thợ may ở thị xã Gò Công, bà luôn hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được cấp trên giao phó, mặc dù điều kiện công tác rất nguy hiểm, bởi vì, lúc bấy giờ, Gò Công là địa bàn bình định trọng điểm của địch, cơ sở cách mạng bị đánh phá vô cùng ác liệt.

Đầu năm 1969, mạng lưới giao liên của Ban An ninh thị xã bị địch phát hiện. Vì thế, bà được chuyển sang làm giao liên bán công khai. Đây là công tác khó khăn và nguy hiểm hơn gấp nhiều lần so với việc làm giao liên hợp pháp khi bà mới vừa tham gia cách mạng. Tuy các ngả đường ở Gò Công khi ấy giăng đầy cảnh sát, mật thám, chỉ điểm; nhưng bà đã chuyển tuyệt đối an toàn tài liệu, vũ khí từ căn cứ của Tỉnh ủy Gò Công đóng ở Đồng Ninh B (còn gọi là Đồng Sơn Xép, nay thuộc huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang) vào thị xã Gò Công và ngược lại.

Sáng sớm ngày 5-8-1969, địch huy động lực lượng Sư đoàn 7 và các tiểu đoàn địa phương quân thuộc Tiểu khu Gò Công ồ ạt tấn công vào căn cứ Tỉnh ủy Gò Công ở xã Đồng Sơn. Mới tờ mờ sáng, máy bay và pháo binh của địch đã thi nhau ném bom, bắn phá ác liệt vào ấp Đồng Ninh B. Khi đó, chỉ huy việc bảo vệ căn cứ là ông Trần Thanh Tâm, Trưởng ban An ninh thị xã, ra lệnh cho các chiến sĩ trong Đội An ninh võ trang hướng dẫn các vị lãnh đạo xuống hầm bí mật tránh địch. Bà ẩn nấp trong căn hầm thứ hai cùng với hai người nữa.

Ngay sau khi bom pháo vừa dứt, địch chia nhiều cánh quân hùng hổ tràn vào; trong đó có một cánh quân tiến ngay vào nơi có các hầm bí mật. Do có chỉ điểm nên địch phát hiện được căn hầm thứ nhất và căn hầm thứ hai. Sau khi phát loa gọi hàng không kết quả, bọn lính tập trung hỏa lực các cỡ bắn xối xả vào nắp hai căn hầm.

Trước tình thế đã bị lộ, các chiến sĩ của ta lập tức xông lên chiến đấu; nhưng đều anh dũng hi sinh. Riêng bà bị bắt sống. Thấy bà còn trẻ, địch hy vọng có thể đe dọa, mua chuộc hoặc trấn áp tinh thần để khai ra vị trí hầm của lãnh đạo, chỉ huy. Chúng bắn 2 đồng đội của bà ngay bên miệng hầm để uy hiếp tinh thần. Uy hiếp tinh thần không được, chúng chuyển sang dụ dỗ, rồi đến tra tấn dã man.

Tuy bị địch đánh đập rất tàn bạo, nhưng với tinh thần kiên trung, bất khuất và ý thức bảo vệ đồng chí, đồng đội; bà vẫn một lòng giữ vững khí tiết, chỉ nói có một câu duy nhất: "Tôi có chỉ huy, nhưng chỉ huy của tôi ở đâu tôi không biết". Đến 11 giờ cùng ngày, biết không thể lay chuyển được ý chí của người nữ chiến sĩ gang thép, bọn địch đã hèn hạ bắn chết bà. Người nữ chiến sĩ an ninh đã anh dũng hy sinh, nêu

cao tinh thần chiến đấu ngoan cường, không sợ hy sinh, gian khổ, tuyệt đối trung thành với cách mạng. Tuy còn trẻ, nhưng bà đã tỏ rõ là một cán bộ cách mạng kiên trung, bất khuất, dũng cảm và mưu trí, chấp nhận hy sinh tính mạng để bảo vệ đồng chí, đồng đội được an toàn. Tấm gương ngời sáng của bà là nguồn sức mạnh để lực lượng An ninh thị xã Gò Công chiến đấu, góp phần vào chiến thắng của quê hương, đất nước.

Ngày 3-8-1995, bà được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng võ trang nhân dân. Tên bà được đặt tên trường tiểu học ở xã Tăng Hòa, huyện Gò Công Đông; tên đường ở thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Đường Võ Thị Lớ có điểm đầu: giáp với đường Đồng Khởi; điểm cuối: giáp với đường Hồ Biểu Chánh; chiều dài: 0,630 km; chiều rộng: 7 m.

21. Đường Lê Lợi

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Phan Chu Trinh).

Tiểu sử danh nhân:

LÊ LỢI

(1385 – 1433)

Lê Lợi sinh năm 1385 tại làng Lam Giang hay Lam Sơn, huyện Lương Giang, phủ Thanh Hóa (nay là thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa) xuất thân trong một gia đình hào trưởng giàu có.

Trước ách thống trị tàn bạo của nhà Minh (Trung Quốc) trên đất nước ta, năm 1416, ông cùng với 18 người bạn tâm giao, cùng chí hướng tham gia hội thề Lũng Nhai (Lam Sơn, Thanh Hóa) nguyện đánh quân Minh cứu nước. Hay tin ông dựng cờ nghĩa, anh hùng hào kiệt từ bốn phương kéo về đất Lam Sơn tụ nghĩa. Sau một thời gian chuẩn bị, đầu năm 1418, ông xưng là Bình Định Vương phát động cuộc khởi nghĩa Lam Sơn và truyền hịch đi khắp nơi, kêu gọi nhân dân đứng lên đánh giặc cứu nước. Ông là linh hồn và là lãnh tụ tối cao của cuộc khởi nghĩa.

Trong suốt 10 năm đấu tranh gian khổ, tuy phải nếm mật nằm gai, nhiều lần bị địch bao vây, thiếu thốn lương thực; nhưng ông đã tổ chức xây dựng lực lượng, tổ chức nhiều trận đánh lớn, cuối cùng đã đánh thắng giặc Minh xâm lược, buộc chúng phải cầu hòa, rút quân về nước. Năm 1427, cuộc khởi nghĩa Lam Sơn toàn thắng. Nếu Ngô Quyền với chiến thắng trên sông Bạch Đằng năm 938 đã chấm dứt thời kỳ 1.000 năm mất nước, mở ra thời kỳ độc lập mới của dân tộc thì Lê Lợi với sự thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn đã kết thúc 20 năm thống trị của giặc Minh, khôi phục nền độc lập lâu dài cho Tổ quốc, mở ra một kỷ nguyên mới trong việc xây dựng và phát triển của đất nước.

Năm 1428, ông lên ngôi vua với đế hiệu là Lê Thái Tổ, tiến hành xây dựng lại đất nước, chăm lo phục hồi phát triển kinh tế, văn hóa, mở mang giáo dục, củng cố nền độc lập của dân tộc.

Năm 1433, ông qua đời và được an táng tại Vĩnh Lăng (Lam Sơn). Văn bia tại mộ ông do Nguyễn Trãi viết đã ghi lại công lao và sự nghiệp của Lê Lợi - vị vua khai sáng của triều đại nhà Lê, vị Anh hùng dân tộc Việt Nam. Tên ông được đặt tên đường, tên trường học ở nhiều tỉnh thành trên cả nước.

Đường Lê Lợi có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn Huệ; điểm cuối: giáp với đường Hai Bà Trưng; chiều dài: 0,320 km; chiều rộng: 12 m.

22. Đường Trương Công Luận

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Trương Công Luận).

Tiểu sử danh nhân:

TRƯƠNG CÔNG LUẬN

(- 1865)

Trương Công Luận chưa rõ năm sinh, tên thật là Bùi Luận, nguyên quán ở Quảng Ngãi, vào huyện Kiến Hòa, trấn Định Tường (nay là Gò Công, Tiền Giang) lập nghiệp.

Năm 1861, ông tham gia cuộc khởi nghĩa Trương Định, có thừa tài trí và lòng dũng cảm, lập được nhiều công trạng trong chiến đấu. Do đó, ông được đổi thành họ Trương là họ của chủ tướng Bình Tây đại tướng quân Trương Định.

Sau khi Trương Định hy sinh (20/8/1864), ông rút quân về Rạch Bùn, Tân Bình Điền (nay là xã Tân Điền, huyện Gò Công Đông). Theo quyển *Gò Công; cảnh cũ - người xưa* của Việt Cúc, đây là vùng đất có "*rừng cây rất sâu rộng ... thông lên Rạch Cùng (Tân Thành) nhờ rừng Giá và lùm bụi sầm uất, cây cối dầy đặc hiểm trở*".

Theo truyền thuyết dân gian, để có "danh chánh ngôn thuận" cho cuộc kháng chiến, ông tự xưng là Bình Tây phó tướng. Tại Rạch Bùn, dựa vào địa thế hoang hiểm, ông lập căn cứ mới, chiêu mộ thêm nghĩa dũng, vận động nhân dân quyên góp lương thực và tiền bạc, rèn đúc vũ khí, tiếp tục cuộc chiến đấu chống quân Pháp. Với lối đánh du kích, nay ẩn mai hiện, nghĩa quân do ông chỉ huy đã tiến hành các trận đánh phục kích nhằm vào những toán lính địch đi càn quét và gây cho bọn chúng nhiều thiệt hại.

Sau đó, thực dân Pháp tổ chức bao vây, phong tỏa, lùng sục và đàn áp nghĩa quân. Cuối cùng, ông sa vào tay giặc. Dụ hàng không được, ngày 06/5/1865, bọn chúng đã hèn hạ xử trảm ông tại bến sông Gò Công (nay là khu chợ trái cây ở thị xã Gò Công). Cảm thương vị anh hùng đã vị quốc quên thân, dân làng Tăng Hòa đã mang thi thể ông an táng tại xóm Gò; đồng thời, các vị bô lão còn lập ngôi miếu thờ

tại xóm Lò Gạch, hằng năm, cứ đến ngày mùng 7 tháng 6 âm lịch, tổ chức cúng tế rất long trọng.

Hiện nay, mộ, miếu thờ và nhà lưu niệm của ông đã được trùng tu khang trang, tọa lạc tại xóm Gò và xóm Lò Gạch thuộc thị trấn Tân Hòa, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Mộ của ông được công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh. Bia mộ có chạm khắc câu đối ca ngợi nghĩa khí của ông:

Dũng tướng hầu nguyên soái.

Kiên trung dũng Trương công.

Tên ông được đặt tên đường ở thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Đường Trương Công Luận có điểm đầu: giáp với đường Thủ Khoa Huân; điểm cuối: giáp với đường Nguyễn Huệ; chiều dài: 0,215 km; chiều rộng: 7 m.

23. Đường Mả Cả Trượng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Công trình xây dựng (Mả hay Mộ) + Chức vụ làng xã thời xưa và tên người (Cả Trượng).

Đường Mả Cả Trượng có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn Trọng Dân; điểm cuối: giáp với mả Cả Trượng; chiều dài: 0,400 km; chiều rộng: 7 m.

24. Đường Phan Đình Phùng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Phan Đình Phùng).

Tiểu sử danh nhân:

PHAN ĐÌNH PHÙNG

(1847 – 1895)

Phan Đình Phùng hiệu là Châu Phong, sinh năm 1847 tại làng Đông Thái, xã Yên Hạ, tổng Việt Yên, huyện La Sơn, phủ Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh (nay là xã Tùng Ảnh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh).

Năm 1877, ông đậu Đình nguyên Tiến sĩ lúc 34 tuổi, được bổ làm tri huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, nổi tiếng vì tính thẳng thắn và liêm khiết, sau đó được triệu về kinh làm Ngự sử ở Đô sát viện.

Năm 1883, ông đã can gián đại thần Tôn Thất Thuyết về việc không tuân theo di chiếu của vua Tự Đức mà tự tiện phế bỏ vua Dục Đức, nên bị bắt giam vào ngục Cẩm y rồi bị cách chức đuổi về làng. Lúc này, đất nước đang rơi vào họa ngoại xâm, triều đình Huế chia thành hai phe chủ chiến và chủ hoà, phái chủ chiến do Tôn Thất Thuyết cầm đầu tổ chức cuộc tấn công vào vào đồn binh của quân Pháp tại Mang Cá, kinh thành Huế ngày 4-5-1885; nhưng thất bại. Vua Hàm Nghi rời khỏi kinh thành và ban Chiếu Cần Vương.

Tháng 9/1885, khi vua Hàm Nghi ra đến Sơn phòng Hà Tĩnh ở Hương Khê, Phan Đình Phùng và một số văn thân đã đến yết kiến vua và Tôn Thất Thuyết tại căn cứ Vụ Quang - Ngàn Trươi (nay thuộc huyện Vũ Quang, tĩnh Hà Tĩnh). Ông được nhà vua giao cho chức Thống đốc quân vụ đại thần để lãnh đạo phong trào chống Pháp ở 4 tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, đại bản doanh đặt tại căn cứ Vụ Quang - Ngàn Trươi. Tại đây, nghĩa quân đã đánh bại nhiều cuộc hành quân càn quét của quân Pháp vào vùng căn cứ kháng chiến.

Đầu năm 1887, nhận thấy nếu chỉ chiến đấu đơn độc thì phong trào sẽ đi vào chỗ thất bại, nên ông giao nhiệm vụ chỉ huy cho Cao Thắng rồi ra Bắc vận động sĩ phu và nhân dân cùng nổi dậy chống Pháp. Sau khi vua Hàm Nghi bị bắt, năm 1889, ông từ ngoài Bắc trở về, lúc này phong trào Cần Vương ở bốn tỉnh Bắc Trung Kỳ đã được dấy lên đều khắp, khá mạnh mẽ và quy về một mối do ông lãnh đạo. Lực lượng nghĩa quân đã lập được một số chiến công oanh liệt; tiêu biểu là chiến thắng Vụ Quang ngày 26/10/1895, tiêu diệt hơn 100 tên vừa lính Pháp vừa lính triều đình, trong đó có 3 sĩ quan Pháp.

Sau 10 năm kiên cường chiến đấu, ông lâm bệnh và qua đời ngày 28/12/ 1895 tại núi Quạt. Có tài liệu cho rằng, trong một trận giao chiến ác liệt với địch ở núi Quạt ngày 28/12/1895, ông bị thương nặng và đã anh dũng hy sinh. Tên của ông được đặt tên cho nhiều công trình công cộng ở các tỉnh, thành trên cả nước.

Đường Phan Đình Phùng có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn Huệ; điểm cuối: giáp với đường Trương Định; chiều dài: 0,135 km; chiều rộng: 7 m.

25. Đường Nguyễn Tri Phương

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Tri Phương).

Tiểu sử danh nhân:

NGUYỄN TRI PHƯƠNG

(1800 – 1873)

Nguyễn Tri Phương tên thật là Nguyễn Văn Chương, sinh năm 1800 tại thôn Đường Long, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên (nay là xã Phong Chương, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên - Huế); tên Nguyễn Tri Phương là do vua Tự Đức đặt năm 1850, hàm ý nói về con người nghĩa dũng, nhiều mưu chước.

Xuất thân trong một gia đình nông dân, không được qua trường lớp, nhưng nhờ trí thông minh và ý chí tự học, tự lập cao, đã làm nên sự nghiệp lớn. Bắt đầu từ chức thư lại ở cấp huyện, do tài năng mà được tiến cử lên triều đình Minh Mạng, được thu dụng và lần lượt giữ nhiều chức vụ trọng yếu suốt ba triều Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức.

Năm 1823, ông làm Điển bộ (bí thư ở nội điện), năm sau thăng Tu soạn, rồi Thừa chỉ ở Nội các, hai năm sau thăng Thị độc, Thị giảng học sĩ (1827), rồi Hồng lô tự khanh (1831). Năm 1832, sung phái bộ sang Trung Quốc thương lượng về quan hệ thương mại. Năm 1835, được cử vào Gia Định cùng Trương Minh Giảng tổ chức lại việc khẩn hoang. Năm 1840, được bổ Tuần phủ Nam – Ngãi trông coi việc bố phòng cửa biển Đà Nẵng, thăng Tham tri bộ Công. Năm 1844, vua Thiệu Trị cử ông làm Tổng đốc An - Hà (An Giang và Hà Tiên), rồi Tổng đốc Long - Tường (Vĩnh Long và Định Tường). Năm 1853, làm Kinh lược sứ Nam Kỳ.

Ngày 01/9/1858, tàu chiến Pháp - Tây Ban Nha dưới quyền chỉ huy của Rigault de Genouilly nổ súng, tấn công Đà Nẵng. Quân và dân ta đã anh dũng chiến đấu, ngăn bước tiến của giặc. Đô thống Lê Đình Lý trúng đạn, sau đó hy sinh. Vua Tự Đức điều ông đang làm Kinh lược sứ Nam Kỳ ra làm Tổng thống quân thứ Quảng Nam. Ông đã bố trí lại lực lượng phòng thủ và đề ra phương thức tác chiến phù hợp với tương quan lực lượng giữa ta và địch lúc bấy giờ. Ông chủ trương tránh những mũi tiến công chính diện của địch, mà bao vây, đánh chặn địch ở mé ngoài, liên tục phục kích tiêu hao địch, làm vườn không nhà trống, cô lập địch với dân.

Thực tế những diễn biến tình hình quân sự ở Đà Nẵng sau đó đã minh chứng tài thao lược và chiến thuật đánh địch của ông là hợp lý, đúng đắn. Đầu tháng 2/1859, Rigault de Genouilly buộc phải chuyển hướng tiến công vào Gia Định. Tháng 7/1860, ông lại được sung chức Gia Định quân thứ, Thống đốc quân vụ. Trong trận đánh ngày 25/10/1861, người em ruột của ông là Tán lý Nguyễn Duy tử trận, còn ông bị thương, đại đồn Chí Hòa thất thủ. Ông bị giáng chức xuống làm Tham tri, sau đó được Tự Đức cho khôi phục hàm Binh bộ Thượng thư Đồng nhung quân vụ Biên Hòa.

Năm 1862, ông được cử ra làm Tổng thống quân vụ Hải An. Năm 1871, được điều về kinh, giữ chức Lại bộ Thượng thư. Tháng 7/1872, vì ở Bắc Kỳ, giặc giã quấy nhiễu nhiều nơi, vị tướng tài ba này một lần nữa lại được cử làm Bắc Kỳ Khâm mạng Tuyên sát đồng sức đại thần thay vua để xử lý việc quân.

Ngày 19/11/1873, đại úy Pháp Francis Garnier theo lệnh của Soái phủ Nam Kỳ đánh úp thành Hà Nội và chỉ sau mấy giờ thì hạ được thành. Con trai ông, phò mã Nguyễn Lâm, trúng đạn chết tại trận, còn ông bị trọng thương. Giặc Pháp đưa ông xuống tàu để cứu chữa, nhưng ông khẳng khái từ chối. Chúng đem thuốc băng bó, ông giật đi, vứt bỏ, chúng đưa thức ăn vào miệng, ông đều phun ra, không chịu nuốt, mà nói rằng: "Bây giờ nếu ta chỉ gắng lây lất mà sống, sao bằng thong dong mà chết vì việc nghĩa". Sau đó, ông tuyệt thực gần một tháng và mất ngày 1 tháng 11 năm Quý Dậu (20/12/1873). Tên ông được đặt tên nhiều công trình công cộng trên cả nước.

Đường Nguyễn Tri Phương có điểm đầu: giáp với đường Trần Hưng Đạo; điểm cuối: giáp với đường Lưu Thị Dung; chiều dài: 0,082 km; chiều rộng: 7 m.

26. Đường Tết Mậu Thân

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Sự kiện lịch sử (Tết Mậu Thân).

Sự kiện lịch sử:

Phát huy những thắng lợi to lớn của cách mạng miền Nam, nhất là từ sau thắng lợi mùa khô 1966 - 1967, tháng 5-1967, Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương chủ trương: "Gấp rút chuẩn bị mọi mặt, kịp thời nắm lấy thời cơ để giành thắng lợi, buộc Mỹ phải chịu thua về quân sự".

Tháng 12-1967, Bộ Chính trị họp và ra Nghị quyết: Động viên những nỗ lực lớn nhất của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ở cả hai miền, đưa cuộc chiến tranh cách mạng của ta lên một bước phát triển cao nhất, dùng phương pháp tổng công kích, tổng khởi nghĩa giành thắng lợi quyết định; kết hợp tiến công quân sự với tiến công chính trị và tiến công ngoại giao, trong đó, cuộc tiến công của các lực lượng vũ trang trên các chiến trường lớn và sự nổi dậy của nhân dân ở các đô thị lớn là hai mũi tiến công chính.

Thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị (12-1967) và Nghị quyết hội nghị lần thứ 14 (01-1968) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Tỉnh ủy Mỹ Tho, Thành ủy Mỹ Tho, Phân ban Tỉnh ủy Gò Công tổ chức và triển khai cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968 với phương châm vừa xây dựng lực lượng, vừa tấn công địch để tạo ra thế và lực mới. Thành phố Mỹ Tho được Khu ủy Khu 8 chọn làm trọng điểm chính trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy. Mục tiêu chủ yếu là thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, các huyện tự lực giải phóng.

Thắng lợi của quân và dân ta trong năm 1967 đã đẩy quân địch vào thế bị động, nhưng lực lượng của chúng vẫn còn đông. Tỉnh ủy Mỹ Tho và Thành ủy Mỹ Tho gấp rút xây dựng lực lượng, chuẩn bị mọi mặt cho cuộc tiến công và nổi dậy. Đảng bộ chú trọng xây dựng và phát triển lực lượng 3 thứ quân, bao gồm bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và du kích; đồng thời, ra sức xây dựng lực lượng chính trị của quần chúng. Phân ban Tỉnh ủy Gò Công tập trung phát động quần chúng xây dựng các cơ sở Đảng, nhất là chi bộ; phát triển các ban, ngành, đoàn thể và lực lượng vũ trang nhằm tấn công tiêu diệt, tiêu hao quân địch, phá rã thế kềm kẹp, bình định của địch.

24 giờ đêm Mùng 1 Tết Mậu Thân (tức đêm 29-01-1968), cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân bắt đầu.

Trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, quân dân Mỹ Tho và Gò Công đã tiêu diệt nhiều sinh lực địch, phá hủy hàng chục đồn bót, căn cứ quân sự và nhiều phương tiện chiến tranh của bọn chúng.

Cuộc tiến công và nổi dậy của quân dân Mỹ Tho - Gò Công trong Tết Mậu Thân năm 1968 đã góp phần vào thắng lợi chung của cả nước. Ta đã tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực của địch, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh, làm đảo lộn thế

bố trí chiến lược của chúng. Đồng thời, ta đã tấn công quyết liệt vào các cơ quan đầu não của địch ở thị xã, thị trấn và hệ thống ấp chiến lược trong tỉnh, giải phóng một vùng nông thôn rộng lớn, tạo ra bước ngoặt quyết định cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc ta.

Thắng lợi của cuộc tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968 ở tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công và thành phố Mỹ Tho góp phần cùng cả nước làm thất bại chiến lược "Chiến tranh cục bộ", làm lung lay ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, buộc Chính phủ Mỹ phải nhận rằng không thể dùng lực lượng quân đội viễn chinh Mỹ để thắng trong chiến tranh ở Việt Nam; đồng thời, buộc Mỹ phải xuống thang chiến tranh; chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền bắc; ngồi vào bàn đàm phán với ta ở Paris (Pháp) và sau đó phải rút quân Mỹ về nước, mở ra một cục diện mới trong công cuộc giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Đường Tết Mậu Thân có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn Văn Côn; điểm cuối: giáp với Quốc lộ 50; chiều dài: 0,430 km; chiều rộng: 7 m.

27. Đường Đỗ Trình Thoại

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Đỗ Trình Thoại).

Tiểu sử danh nhân:

ĐỖ TRÌNH THOẠI

(1816 – 1861)

Đỗ Trình Thoại sinh năm 1816, người thôn Yên Luông Đông, tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường (nay là ấp Kim Liên, xã Long Hòa, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang).

Thuở nhỏ, ông nổi tiếng thông minh và học giỏi. Năm 1843, ông thi đỗ Cử nhân tại trường thi Gia Định; được triều đình bổ làm Tri huyện Tân Hòa, tỉnh Gia Định (bao gồm khu vực Gò Công thuộc tỉnh Tiền Giang ngày nay); nên được mọi người quen gọi là Huyện Thoại.

Năm 1859, giặc Pháp tấn công thành Gia Định. Với lòng yêu nước nồng nàn của một trí thức chân chính và với trách nhiệm của một viên quan đứng đầu một huyện thuộc tỉnh Gia Định, ông tham gia công cuộc chống Pháp ở mặt trận Chí Hòa (Gia Định, nay là thành phố Hồ Chí Minh).

Tháng 02-1861, đại đồn Chí Hòa bị thất thủ, ông trở về Tân Hòa (Gò Công), mộ nghĩa dũng và kết hợp với Trương Định nổi lên kháng chiến chống bọn thực dân xâm lược.

Sau khi hạ thành Mỹ Tho vào trung tuần tháng 4-1861, quân Pháp tiến đánh Gò Công; sau đó, bọn chúng đã cho thiết lập nhiều đồn bót ở đây nhằm kiểm soát và bình định vùng đất vừa mới chiếm được.

Với quyết tâm đánh đuổi quân xâm lược ra khỏi đất nước và bảo vệ chủ quyền dân tộc, ông đã chỉ huy nghĩa quân tiến hành nhiều trận tập kích táo bạo vào các vị trí chiếm đóng của quân viễn chinh Pháp ở Gò Công, gây cho chúng những thiệt hại đáng kể.

Tiêu biểu là trận tập kích đồn Gò Công ngày 22-6-1861. Vào lúc tờ mờ sáng, ông trực tiếp điều động 600 nghĩa quân bất ngờ mở cuộc tấn công. Với cương vị là tướng chỉ huy, ông đã dũng cảm xông lên phía trước, bất chấp hiểm nguy mặc dù súng của địch từ trong đồn bắn ra hết sức dữ dội.

Sau khi vượt qua những vòng rào phòng thủ kiên cố, nghĩa quân đã đột nhập được vào bên trong đồn. Một trận giáp chiến kịch liệt giữa quân ta và quân Pháp đã diễn ra. Hàng ngũ của quân địch trở nên rối loạn. Bằng võ nghệ cao cường, ông đã dùng gươm giết chết tên lính thủy quân lục chiến Bodiez và làm trọng thương tên trung úy Paulin Vial, Trưởng đồn kiêm Giám đốc bản xứ sự vụ Gò Công.

Nhưng, thật không may, ông bị trúng đạn và hy sinh cùng với 12 nghĩa sĩ, hưởng dương 45 tuổi. Sau khi mất, ông được triều đình nhà Nguyễn cho lập đền thờ. Từ một sĩ phu và quan lại yêu nước, ông đã trở thành lãnh tụ nghĩa quân, trực tiếp xông pha nơi trận mạc, kiên cường chiến đấu chống lại kẻ thù và đã anh dũng đền nợ nước, để lại bao niềm thương tiếc của sĩ dân Gò Công. Phần mộ của ông tọa lạc tại ấp Kim Liên, xã Long Hòa, thị xã Gò Công đã được công nhận Di tích lịch sử - văn hoá cấp quốc gia năm 2016.

Đường Đỗ Trình Thoại có điểm đầu: giáp với đường Trần Công Tường; điểm cuối: giáp với đường Hoàng Tuyển; chiều dài: 0,260 km; chiều rộng: 7 m.

28. Đường Nguyễn Trường Tộ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Trường Tộ).

Tiểu sử danh nhân:

NGUYỄN TRƯỜNG TỘ

(1830 – 1871)

Nguyễn Trường Tộ sinh năm 1830 tại làng Bùi Chu, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An (nay thuộc xã Hưng Trung, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An).

Thuở nhỏ, ông nổi tiếng thông minh và học hành chăm chỉ. Năm 1855, ông được mời dạy chữ Hán cho Tu viện Xã Đoài (nay thuộc xã Nghi Diên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An). Đồng thời, tại đây, ông cũng được học Tiếng Pháp. Sau đó, ông được linh mục Gautier (tên Tiếng Việt là Ngô Gia Hậu) đưa sang Singapore, Hồng Kông, Roma (Italia) và Paris (Pháp) để học các môn khoa học thường thức, thực nghiệm,… Đương thời, ông là một trong những trí thức người Việt hiếm hoi được tiếp xúc trực tiếp, chứng kiến nhiều thành tựu văn minh, kỹ nghệ phương Tây.

Chính những điều đó đã tác động mạnh mẽ đến tư tưởng của ông. Khi bước vào tuổi 30, ông đã có một vốn kiến thức rộng và sâu cả về chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật; có hoài bão lớn, khát khao canh tân đất nước.

Năm 1861, ông về Sài Gòn lúc thực dân Pháp đã chiếm Gia Định. Trong một thời gian ngắn, ông đóng vai trò phiên dịch giữa triều Nguyễn và Pháp cốt để góp phần vào việc giảng hòa. Sau đó, ông ra Huế làm việc trong triều đình dưới thời vua Tự Đức. Từ năm 1861 đến năm 1868, ông đã trình lên nhà vua 58 bản điều trần, đề nghị cải cách trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa, giáo dục, ngoại giao,… nhằm phát triển đất nước. Tuy nhiên, những đề nghị của ông đều không được triều đình sử dụng.

Năm 1871, ông mất tại quê nhà. Tên ông được đặt tên công trình công cộng ở nhiều tỉnh, thành trên cả nước.

Đường Nguyễn Trường Tộ có điểm đầu: giáp với đường Trần Hưng Đạo; điểm cuối: giáp với đường Lý Thường Kiệt; chiều dài: 0,079 km; chiều rộng: 7 m.

29. Đường Nguyễn Trãi

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Trãi).

Tiểu sử danh nhân:

NGUYỄN TRÃI

(1380 – 1442)

Nguyễn Trãi hiệu là Ức Trai, sinh năm 1380, quê ở làng Chi Ngại (nay thuộc Chí Linh, Hải Dương) sau rời về làng Ngọc Ổi (nay thuộc xã Nhị Khê, huyện Thường Tín, Hà Nội). Cha là Nguyễn Phi Khanh, một học trò nghèo, học giỏi, đỗ Thái học sinh. Mẹ là Trần Thị Thái, con quan tư đồ Trần Nguyên Đán, dòng dõi quí tộc.

Ông thi đỗ Thái học sinh năm 1400 và từng làm quan dưới triều Hồ. Sau khi đất nước bị rơi vào ách thống trị của nhà Minh (Trung Quốc), năm 1418, ông tham gia cuộc khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo và trở thành mưu sĩ của nghĩa quân Lam Sơn trong việc bày tính mưu kế cũng như soạn thảo các văn thư ngoại giao với quân Minh.

Ông là bậc khai quốc công thần và là văn thần có uy tín ở thời đầu nhà Hậu Lê. Tuy nhiên, năm 1442, toàn thể gia đình của ông bị tru di tam tộc trong vụ án Lệ Chi Viên. Ngày 01 tháng 9 năm 1442, sau khi vua Lê Thái Tông đi duyệt binh ở Chí Linh, đã vào Côn Sơn thăm Nguyễn Trãi. Khi vua rời Côn Sơn, về đến Trại Vải (Lệ Chi Viên, Bắc Ninh) bị chết đột ngột. Lúc chết có Nguyễn Thị Lộ, người thiếp của Nguyễn Trãi, lúc ấy phụ trách dạy dỗ các cung nữ (chức Lễ nghi học sĩ) hầu bên cạnh. Bọn triều thần bấy lâu nay muốn hãm hại Nguyễn Trãi, nhân cơ hội này liền

vu cho ông cùng Nguyễn Thị Lộ mưu giết vua, khiến ông phải nhận án tru di tam tộc (bị giết cả ba họ). Năm 1464, vua Lê Thánh Tông xuống chiếu giải oan cho ông.

Các tác phẩm của ông: *Đại cáo bình Ngô* xứng đáng là áng "Hùng văn muôn thuở", được xem là bản Tuyên độc lần thứ hai của nước ta, bộ *Quốc âm thi tập* là tập thơ tiếng Việt (chữ Nôm) sớm nhất có giá trị lớn còn lại đến ngày nay. Ông đã góp phần xây đắp nền móng vững chắc cho nền văn học dân tộc. Năm 1980, ông được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá của Liên hợp quốc (UNESCO) công nhận là Danh nhân văn hoá thế giới và tổ chức kỷ niệm 600 năm năm sinh của ông.

Đường Nguyễn Trãi có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn Trọng Dân; điểm cuối: giáp với đường Nguyễn Huệ; chiều dài: 0,840 km; chiều rộng: 9 m.

30. Đường Phan Châu Trinh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Phan Châu Trinh).

Tiểu sử danh nhân:

PHAN CHÂU TRINH

(1872 – 1926)

Phan Châu Trinh, tự là Tử Cán, hiệu Tây Hồ, Hy Mã, sinh năm 1872 tại làng Tây Lộc, huyện Hà Đông, nay thuộc xã Tam Lộc, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

Thuở nhỏ, ông nổi tiếng thông minh, học giỏi, đỗ cử nhân (1900), đỗ phó bảng (1901). Năm 1903, ông được bổ làm Thừa biện bộ Lễ. Chính vào thời gian làm việc ở kinh đô Huế, ông có dịp tiếp xúc với tân thư của Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu, sách của các nhà cách mạng dân chủ Âu Tây cùng những kế sách của Nguyễn Lộ Trạch, Nguyễn Trường Tộ.

Từ đó, ông bước đầu nhận thức ra con đường cứu nước mới, nên ông đã từ quan, đi tìm một phương sách cứu nước. Năm 1904, ông cùng hai người bạn đồng hương và cũng là đồng chí (Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp) phát động phong trào Duy tân ở Quảng Nam.

Đầu năm 1906, ông ra Bắc bàn với nhân sĩ Bắc Kỳ về phong trào Duy tân, tham gia giảng dạy ở Đông Kinh nghĩa thục Hà Nội. Ông còn lên tận Phồn Xương thuộc chiến khu Yên Thế, gặp Hoàng Hoa Thám, rồi tìm đường sang Trung Quốc, Nhật Bản gặp Phan Bội Châu để quan sát tìm hiểu, nghiên cứu đường lối duy tân, tự cường của Nhật. Cuối năm này, ông về nước, viết "Đầu Pháp chính phủ thư" (thường gọi là Thư gửi Chính phủ Pháp), trình bày những nỗi khổ cực, bần hàn của dân ta dưới chế độ bảo hộ. Bằng sự khôn khéo của mình, ông đã vận động được một người Pháp cấp tiến, lúc bấy giờ đang làm chủ nhiệm tờ "Đại Việt tân báo" dịch từ bản chữ Hán sang Pháp văn và đăng trên Tập san nghiên cứu của Trường Viễn Đông Bác cổ Pháp ở Hà

Nội. Bài viết được bất ngờ tung ra, gây thành dư luận xôn xao trong tầng lớp trí thức, viên chức Pháp, Việt và được coi như là tuyên ngôn của phong trào Duy Tân.

Năm 1908, khi phong trào chống thuế, đòi giảm sưu bùng phát ở Quảng Nam, rồi lan nhanh ra 10 tỉnh Trung Kỳ, thực dân Pháp đã thẳng tay đàn áp. Lúc này, Phan Châu Trinh đang làm báo ở Hà Nội, nhưng thực dân Pháp viện cớ cho ông là người khởi xướng, bắt ông giải về Huế, giao cho Nam triều kết án, đày đi Côn Đảo.

Nhờ Hội Nhân quyền ở Pháp can thiệp, nên đến cuối năm 1911, chính quyền thực dân buộc phải trả tự do cho ông, nhưng đưa về quản thúc ở Mỹ Tho. Ông phản đối quyết liệt, gửi thư cho Chính phủ Pháp yêu cầu hoặc trả ông về Côn Lôn, hoặc để ông tự do sang Pháp. Thực dân Pháp cuối cùng đành chấp nhận để ông sang Pháp với người con trai là Phan Châu Dật.

Trong thời gian sống ở Pháp (1911-1925), Phan Châu Trinh đã phải tự lao động để sống, nhiều khi đói lạnh, cơ cực, nhưng không quên nhiệm vụ vận động cứu nước. Ông có nhiều quan hệ gắn bó với Nguyễn Tất Thành (Nguyễn Ái Quốc/Hồ Chí Minh), thường giao du mật thiết với Phan Văn Trường, Nguyễn An Ninh. Nguyễn Tất Thành gọi ông là "Nghi bá" (người bác kết nghĩa với cha mình) hoặc là bác và tự xưng là cháu, hoặc "cuồng điệt" (đứa cháu hăng say).

Năm 1914, chiến tranh Pháp - Đức bùng nổ, ông bị vu cáo là làm gián điệp cho Đức và bị bắt giam ở ngục Santé gần một năm. Thời gian ở Pháp, ông đã viết "Trung Kỳ dân biến thỉ mạt ký" (nói rõ nguyên nhân dẫn đến các cuộc biểu tình năm 1908 và minh oan cho các nhân sĩ bị Pháp bắt, tù đày, đặc biệt ông đã vạch trần bản án gian trá giết chết tiến sĩ Trần Quý Cáp).

Cũng trong thời gian ở Pháp, ông viết các tác phẩm: Tỉnh quốc hồn ca I và II; Santé thi tập. Đặc biệt tác phẩm cuối cùng là Thư thất điều gởi cho vua Khải Định khi ông vua bù nhìn này sang thăm nước Pháp.

Tháng 6-1925, ông được Chính phủ chấp thuận cho về nước. Do làm việc quá sức, bệnh cũ tái phát, ông lâm bệnh nặng và mất tại Sài Gòn ngày 24-3-1926. Đám tang ông đã trở thành một quốc tang (Deuil national), được cử hành trọng thể ở Sài Gòn. Hơn 140.000 người tham dự cuộc tiễn đưa ông về nơi an nghỉ cuối cùng. Đước biết, dân số Sài Gòn thời ấy chưa đến nửa triệu người.

Học giả Hoàng Xuân Hãn nhận xét đám tang Phan Châu Trinh là một cuộc biểu dương lực lượng vĩ đại tinh thần yêu nước chống thực dân Pháp không phải chỉ của mười mấy vạn người ở Sài Gòn, mà là của hàng triệu đồng bào cả nước. Tên ông được đặt tên cho nhiều công trình công cộng trên cả nước.

Đường Phan Châu Trinh có điểm đầu: giáp với đường Lưu Thị Dung; điểm cuối: giáp với đường Phan Đình Phùng; chiều dài: 0,340 km; chiều rộng: 7 m.

31. Đường Lý Tự Trọng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Lý Tự Trọng).

Tiểu sử danh nhân:

LÝ TỰ TRỌNG

(1914 – 1931)

Lý Tự Trọng tên thật là Lê Hữu Trọng sinh năm 1914 tại Bản Mạy, tỉnh Nakhon, Thái Lan; nguyên quán làng Việt Xuyên, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Do không chịu nổi cảnh áp bức, bóc lột của thực dân phong kiến, gia đình của ông cùng bà con rời quê hương sang Thái Lan sinh sống và tham gia hoạt động yêu nước. Gia đình Lê Hữu Trọng là một trong những cơ sở cách mạng, đây là nơi bồi dưỡng cán bộ và là trường quốc ngữ của Hội Việt kiều. Lớn lên, ông được gia đình cho đi học tại ngôi trường trong Trại Cày do cụ Đặng Thúc Hứa - một sỹ phu yêu nước tổ chức dạy văn hóa. Vốn có tư chất thông minh, ông tiếp thu nhanh, đặc biệt thuộc và say mê văn thơ yêu nước của cụ Phan Bội Châu.

Sau đó, ông được gia đình đưa vào học tại "Hoa Anh học hiệu" - đây là trường chuyên dạy tiếng Trung và tiếng Anh. Ông là học sinh giỏi của Trường, nói tốt tiếng Trung, tiếng Anh, tiếng Thái Lan.

Mùa hè năm 1926, thực hiện ý kiến của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, đồng chí Hồ Tùng Mậu - thành viên của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đến Thái Lan gặp cụ Đặng Thúc Hứa, truyền đạt yêu cầu của đồng chí Nguyễn Ái Quốc về việc chọn một số con em gia đình Việt kiều yêu nước đưa sang Quảng Châu đào tạo lâu dài để chuẩn bị xây dựng tổ chức cộng sản ở Việt Nam, ông là một trong số các thiếu niên được lựa chọn. Đến Quảng Châu, nhóm thiếu niên này được gặp lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc (lúc này mang tên Lý Thụy). Để đảm bảo bí mật, các thiếu niên đều mang họ Lý coi như người trong một gia tộc, do đó Lê Hữu Trọng đổi tên thành Lý Tự Trọng.

Năm 1929, các tổ chức cộng sản ở Việt Nam lần lượt ra đời, ông được cử về nước hoạt động tại Sài Gòn - Chợ Lớn, đảm nhận nhiệm vụ liên lạc trong và ngoài nước cho Xứ ủy Nam Kỳ và Trung ương Đảng, đồng thời được giao nhiệm vụ đặc biệt: vận động tập hợp thanh niên trong các nhà máy, trường học để chuẩn bị thành lập Đoàn Thanh niên Cộng sản trong nước.

Nhân dịp kỷ niệm một năm cuộc khởi nghĩa Yên Bái (1930-1931), Xứ ủy Nam Kỳ quyết định tổ chức một đợt tuyên truyền tố cáo tội ác của thực dân Pháp và kêu gọi quần chúng đấu tranh. Ngày 08/02/1931, lợi dụng lúc bà con đi xem bóng đá ở sân vận động Sài Gòn, các chiến sĩ cách mạng tổ chức một cuộc mít tinh chớp nhoáng, cờ đỏ búa liềm giương cao, một đồng chí đứng lên diễn thuyết kêu gọi quần chúng đánh đổ thực dân Pháp. Giữa lúc ấy tên thanh tra mật thám Pháp Le Grand và bọn cảnh sát đi cùng ập tới. Không còn cách nào khác, để cứu đồng chí mình, ông đã

rút súng tiêu diệt tên thanh tra mật thám cứu thoát đồng chí diễn thuyết. Bị vây hãm ráo riết, ông đã bị bắt.

Một tên phản bội khai ra tên anh là "Trọng con" và làm công tác liên lạc quan trọng, địch đã dùng nhiều đòn tra tấn dã man với ông, nhưng bằng tinh thần thép và ý chí cách mạng kiên cường, ông đã thản nhiên chịu đựng tất cả đòn roi của kẻ địch. Giam cầm, tra tấn ở khám lớn Sài Gòn một thời gian không thu được kết quả, địch đưa anh về xử án, chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương đã mở một phiên tòa đại hình để xử một chiến sĩ cộng sản Việt Nam chưa đầy 18 tuổi. ông đã bị kết án tử hình.

Đứng trước cái chết, ông không hề run sợ, chủ động biến phiên tòa của đế quốc thành một diễn đàn của người chiến sĩ cộng sản. Khi luật sư bào chữa xin bọn thực dân "mở lượng khoan hồng" vì ông chưa đến tuổi trưởng thành và "hành động thiếu suy nghĩ", ông đã gạt phắt đi và dõng dạc nói: "Tôi hành động có suy nghĩ, tôi hiểu việc tôi làm, tôi làm vì mục đích cách mạng. Tôi chưa đến tuổi thành niên thật, nhưng tôi đủ trí khôn để hiểu rằng con đường của thanh niên chỉ có thể là con đường cách mạng và không thể là con đường nào khác". Ý chí và hành động của ông là minh chứng hùng hồn về bản lĩnh kiên cường, lòng trung thành, tinh thần bất khuất của người cộng sản, đồng thời là bức thông điệp báo trước sự sụp đổ của thực dân phong kiến và sự tất thắng của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Thực dân Pháp không dám thi hành án công khai, lợi dụng lúc nửa đêm về sáng ngày 21/11/1931 chúng đã hèn hạ dựng máy chém ở ngay khám lớn Sài Gòn hòng giết ông trong im lặng, nhưng tấm gương đấu tranh kiên cường, anh dũng và những tiếng hô của ông: "Đả đảo thực dân Pháp", "Đảng Cộng sản Đông Dương muôn năm", "Cách mạng Việt Nam thành công muôn năm" đã cổ vũ mạnh mẽ, tạo một làn sóng phản đối tội ác của thực dân Pháp, tinh thần cách mạng bất khuất của ông đã làm cho kẻ thù khiếp sợ và đã động viên, cổ vũ mạnh mẽ phong trào cách mạng trong cả nước lúc bấy giờ và là tấm gương cho các thế hệ thanh niên noi theo.

Đường Lý Tự Trọng có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn Huệ; điểm cuối: giáp với đường Trương Định; chiều dài: 0,210 km; chiều rộng: 12 m.

32. Đường Hai Bà Trưng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Hai Bà Trưng).

Tiểu sử danh nhân:

HAI BÀ TRƯNG

Hai Bà Trưng là danh xưng của bà Trưng Trắc và bà Trưng Nhị.

Trưng Trắc sinh năm 14 sau công nguyên, là con gái Lạc tướng huyện Mê Linh (nay là huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội) thuộc dòng dõi Hùng Vương. Bà là

một phụ nữ đảm đang, dũng cảm, giàu lòng yêu nước. Chồng bà là Thi Sách, con trai Lạc tướng huyện Châu Diên (nay thuộc hai tỉnh Nam Định và Hà Nam) cũng là một người yêu nước và có chí khí quật cường.

Trưng Nhị sinh năm 14 sau công nguyên. Tương truyền, bà là em sinh đôi với Trưng Trắc, có tính cách mạnh mẽ giống như chị.

Dưới ách thống trị của nhà Hán (Trung Quốc), nhân dân ta bị đàn áp và bóc lột tàn bạo. Trước tình hình đó, hai gia đình Lạc tướng Mê Linh và Châu Diên với sự ủng hộ của nhân dân cùng nhau liên kết với các thủ lĩnh khác chuẩn bị khởi nghĩa. Đúng lúc đó, Thi Sách bị Thái thú Tô Định giết chết. Hành vi bạo ngược của Tô Định không làm bà nhụt chí; mà ngược lại, bà càng quyết tâm tiến hành cuộc khởi nghĩa để đền nợ nước, trả thù nhà, giành lại nền độc lập cho đất nước

Tháng 3 năm 40, bà Trưng Trắc cùng em là bà Trưng Nhị phát động khởi nghĩa ở cửa sông Hát (nay thuộc xã Hát Môn, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội). Nghĩa quân nhanh chóng làm chủ Mê Linh. Từ Mê Linh, nghĩa quân tiến đánh Cổ Loa (nay thuộc huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội); rồi từ đó tiến về Luy Lâu (nay thuộc huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh), trung tâm của chính quyền đô hộ.

Dưới sự lãnh đạo của Hai Bà Trưng, các cuộc khởi nghĩa ở bốn quận: Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố đã thống nhất thành một phong trào nổi dậy rộng lớn cả nước. Bị đòn bất ngờ, chính quyền đô hộ tan rã và sụp đổ nhanh chóng. Quân Hán hoảng sợ bỏ hết của cải, vũ khí, chạy tháo thân về nước. Tô Định phải cắt tóc, cạo râu, mặc giả thường dân, lẩn vào đám tàn quân trốn về Trung Quốc. Chỉ trong vòng không đầy một tháng, cuộc khởi nghĩa hoàn toàn thắng lợi, giành lại nền độc lập dân tộc sau hơn hai thế kỷ bị phong kiến nước ngoài đô hộ. Bà Trưng Trắc được suy tôn lên làm vua (Trưng Vương) và đóng đô ở Mê Linh.

Năm 42, nhà Hán sai Mã Viện đem 2 vạn quân và 2 ngàn xe thuyền sang xâm lược nước ta. Trong cuộc chiến đấu chống giặc ở Lãng Bạc (nay là khu vực Hồ Tây thuộc quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội), quân của Hai Bà Trưng bị thiệt hại nặng, phải lui về Cổ Loa, rồi Cấm Khê (nay thuộc huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội) lập căn cứ chống giữ. Sau một năm chiến đấu quyết liệt, Hai Bà Trưng đã anh dũng hy sinh vào mùa hè năm 43.

Trưng Trắc và Trưng Nhị là hai nữ anh hùng dân tộc đầu tiên trong lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc Việt Nam.

Đường Hai Bà Trưng có điểm đầu: giáp với đường Võ Duy Linh; điểm cuối: giáp với đường Thủ Khoa Huân; chiều dài: 0,560 km; chiều rộng: 7 m.

33. Đường Hoàng Tuyển

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Hoàng Tuyển).

Tiểu sử danh nhân:

HOÀNG TUYỂN

(1912 – 1999)

Hoàng Tuyển, có tên thật là Chung Kim Tiền, sinh năm 1912 tại làng Tân Niên Trung, tổng Hòa Lạc Thượng, tỉnh Gò Công (nay là xã Tân Trung, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân.

Do có năng khiếu hội học, ông được gia đình cho đi học vẽ với ông Nguyễn Thanh Dương, một họa sĩ học từ Pháp về, ở làng Đồng Sơn (nay là xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang). Sau đó, được sự giới thiệu của thầy, ông học vẽ với họa sĩ Huỳnh Phan, cũng học từ Pháp về. Được các gánh cải lương ở Nam kỳ mời, ông cùng với họa sĩ Huỳnh Phan chuyển sang chuyên vẽ phông màn và trang trí sân khấu.

Khoảng năm 1932 - 1933, do tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, nhiều gánh cải lương bị giải tán, ông được một người làm thầu khoán xây dựng tên là René Được nhận vào làm nghề trang trí nội thất. Được một thời gian, ông thầu khoán này kinh doanh bị thất bại, ông chuyển đến gánh cải lương Hề Lập với nhiệm vụ vẽ phông màn và trang trí sân khấu.

Từ đây, ông mở rộng mối quan hệ làm ăn với các gánh cải lương danh tiếng (đại ban) ở Sài Gòn, như Hoa Sen, Tiến Hóa, Tô Huệ, Phụng Hảo, v.v… Trong thời kỳ này, tài năng của ông bắt đầu nở rộ. Tuy chuyên vẽ phông màn và trang trí sân khấu cho những gánh cải lương lớn, nhưng những gánh cải lương nhỏ, hát ở các tỉnh, nhờ ông vẽ phông màn, ông cũng không từ chối. Biết những gánh này nghèo, nên ông đã sáng tạo ra cách vẽ phông màn mới, chỉ cần có một tấm mà dùng được cho nhiều cảnh bằng cách vẽ lộn đầu đuôi vẫn dựng được. Các phông đó để chiều này là vườn hoa, xoay ngược lại là cảnh rừng núi, có suối chảy, có mây bay; hoặc như nội thất thì để xuôi là cảnh nhà giàu, xoay ngang ra lại là cảnh nhà nghèo, tường long, vách lở, chỉ thay đổi đôi chút trang trí bàn ghế là đạt yêu cầu. Còn đối với những gánh hát giàu có, ông lại có cách vẽ khác là làm sao thật rực rỡ, chiếu đèn vô trông lung linh, nhìn không chán mắt. Cách vẽ này được các bầu gánh và khán giả hoan nghinh nhiệt liệt.

Tháng 8-1945, ông tham gia cách mạng tại quê nhà. Đầu tháng 10/1945, ông trích tay lấy máu vẽ chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh. Bức tranh được trưng bày tại cuộc triển lãm được tổ chức ở đình Trung, thị xã Gò Công; và được ông Trương Văn Huyên - một nhân sĩ ở làng Tân Duân Đông (nay là xã Bình Nghị, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang) mua với giá 15.000 đồng. Đó là một số tiền rất lớn, tương đương mấy ngàn giạ lúa. Số tiền đó đã được nộp vào Quỹ "Tuần lễ vàng" để giúp cho cách mạng có kinh phí hoạt động.

Bằng tác phẩm nghệ thuật độc đáo đó, ông là họa sĩ đầu tiên ở nước ta vẽ chân dung Bác Hồ bằng máu của chính mình; thể hiện lòng tôn kính của người nghệ sĩ; và qua đó, của nhân dân Nam bộ đối với vị Lãnh tụ anh minh của dân tộc. Ông đã để lại một dấu ấn đặc biệt của nền hội họa hiện đại Việt Nam. Tiếc rằng, bức tranh bằng máu vô giá này không còn nữa, vì sự tàn phá khốc liệt của chiến tranh.

Cuối tháng 10-1945, sau khi giặc Pháp tái chiếm Gò Công, ông cùng với lực lượng bộ đội chuyển quân đến căn cứ Rừng Sác - Lý Nhơn (nay thuộc huyện Cần Giờ, TP Hồ Chí Minh) tiếp tục kháng chiến. Giữa năm 1946, ông được điều động về Phòng Chính trị thuộc Bộ Tư lệnh Quân khu 8 đóng ở chiến khu Đồng Tháp Mười làm công tác văn nghệ, tuyên truyền.

Năm 1947, ông được cấp trên phân công thiết kế Nhà triển lãm tại Thiên Hộ (nay thuộc xã Hậu Mỹ Bắc B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang) nhân Đại lễ kỷ niệm hai năm ngày Quốc khánh nước ta (02/9/1945 – 02/9/1947) do Ủy ban Kháng chiến Nam bộ tổ chức. Nhà triển lãm được hoàn thành chỉ trong vòng một tháng, rất hoành tráng, rực rỡ và tuyệt đẹp.

Mùa nước nổi năm 1948, trong điều kiện hết sức khó khăn, chỉ trong vòng một tháng, ông đã hoàn thành việc vẽ 12 bức tranh chân dung Hồ Chủ tịch, khổ 1m x 1,2m, theo yêu cầu của cấp trên để làm phần thưởng cho các đơn vị đạt được thành tích xuất sắc trong chiến đấu của quân khu. Với những tác phẩm hội họa này, ông đã được bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, Chủ tịch Ủy ban Hành chánh - Kháng chiến Đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn, gởi thư khen: "… Tôi cùng với phái đoàn Nam Bộ vừa đi họp Hội nghị từ Trung ương mới về tới. Đâu đâu, phái đoàn chúng tôi cũng được chính quyền và đồng bào địa phương chào mừng, đón tiếp trọng thể… Tôi đã được chính quyền và đồng bào địa phương tặng cho một tấm hình chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đây là một bức vẽ rất đẹp, rất giống… Tôi đã đưa về cơ quan lồng kiếng và treo ngay văn phòng, để ngày nào tôi cũng được trông thấy và tưởng như Người đang ở trước mặt mình… Được biết chân dung này do họa sĩ Hoàng Tuyển thuộc Phòng Chính trị Quân khu 8 tạo nên. Tôi gởi thư này tỏ lòng khen ngợi người nghệ sĩ đã đem tài năng mình cống hiến cho cách mạng…".

Cũng trong thời gian này, ông đã thiết kế mỹ thuật cho tất cả các vở cải lương và kịch nói do Đoàn Văn công Nam bộ trình diễn. Những sân khấu do ông thiết kế đều lộng lẫy, mặc dù vật liệu chủ yếu vẫn là tre nứa và đệm bàng.

Năm 1954, ông tập kết ra Bắc, công tác tại Đoàn cải lương Nam bộ, phụ trách công việc trang trí sân khấu và thiết kế phục trang. Đặc biệt, tại Hội diễn sân khấu toàn quốc năm 1956, với vở Quang Trung do Đoàn tuồng cổ Liên khu V trình diễn, ông được trao tặng Huy chương Vàng về thiết kế sân khấu và phục trang.

Sau đó, ông được mời thiết kết trang phục cho Đoàn ca múa Việt Nam đi dự Đại hội Liên hoan thanh niên và sinh viên thế giới được tổ chức tại thủ đô Viên (Vienne) của nước Áo; sau đó, sẽ đi biểu diễn tiếp ở Liên Xô, các nước XHCN Đông Âu, Ấn

Độ và Miến Điện (nay là Myanmar). Với tinh thần trách nhiệm cao độ, ông đã miệt mài lao động nghệ thuật sáng tạo trong suốt sáu tháng để cho ra đời hơn một trăm phác thảo trang phục cho 12 tiết mục ca, múa của đoàn, chủ yếu là múa nón, múa quạt, múa bướm, múa cồng chiêng, múa dưới trăng… Những phác thảo đó đã được Hội đồng nghệ thuật nhất trí thông qua.

Trước ngày lên đường, với tư cách là Phó Bí thư chi bộ và phụ trách nội bộ của đoàn, ông cùng với toàn thể diễn viên được vào Phủ Chủ tịch biểu diễn báo cáo; nhất là được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh động viên, dặn dò Đoàn khi lần đầu tiên đi biểu diễn ở nước ngoài.

Sau ngày đất nước được hòa bình, thống nhất (năm 1975), ông trở về miền Nam, sinh sống và công tác ở thành phố Hồ Chí Minh. Năm 1992, mặc dù tuổi cao sức yếu, ông vẫn cùng với người học trò giỏi của mình là nhà điêu khắc Diệp Minh Châu miệt mài lao động nghệ thuật, sáng tác tượng đài Trương Định đặt tại trung tâm thị xã Gò Công; và xem đó là nghĩa vụ của người con Gò Công đối với quê hương của mình.

Năm 1993, ông được Nhà nước trao tặng danh hiệu cao quý: Nghệ sĩ Nhân dân. Tuy đã về hưu, nhưng ông vẫn sống lạc quan và tiếp tục sáng tác, phục vụ đất nước và nghệ thuật. Vì thế, nghệ sĩ lão thành Hồ Bông đã có bài thơ ca ngợi ông:

Mạch máu tim tuôn thắm đỏ dòng,
Suốt đời gạn đục để khơi trong…
Chim bằng tung cánh bay chưa mỏi…
Ngang dọc trời xanh trải tấm lòng.
Bát ngát mênh mông một chữ tình.
Dẫu đà trắng tóc, mộng luôn xanh…
Rỏ máu tưới hoa, tô cuộc sống
Rút ruột tặng đời, dệt gấm tranh.
Bóng xế… đường xa… vẫn đón Xuân,
Xuân đi, xuân đến, đã bao lần?!
Mạch đời tiếp nối, mừng Xuân mới,
Gởi Anh lời chúc:"VẠN HỒI XUÂN!

Ông mất năm 1999 tại thành phố Hồ Chí Minh. Ông đã có công lao to lớn trong sự nghiệp giải phóng dân tộc và nền nghệ thuật nước nhà. Tên ông được đặt tên đường ở thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Đường Hoàng Tuyển có điểm đầu: giáp với đường Võ Văn Kiết; điểm cuối: giáp với đường Võ Duy Linh nối dài; chiều dài: 0,630 km; chiều rộng: 8 m.

34. Đường Phan Thị Bạch Vân

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Phan Thị Bạch Vân).

Tiểu sử danh nhân:

PHAN THỊ BẠCH VÂN

(1903 – 1980)

Phan Thị Bạch Vân, tên thật là Phan Thị Mai, bút danh Hoàng Thị Tuyết Hoa, sinh năm 1903, tại làng Bình Trước, quận Châu Thành, tỉnh Biên Hòa (nay là phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).

Bà kết hôn với ông Võ Đình Dần, chủ một nhà thuốc gia truyền nổi tiếng ở Gò Công. Năm 1928, bà theo chồng về Gò Công sinh sống. Được sự tài trợ của chồng, bà lập nhà in và nhà xuất bản mang tên Nữ lưu thơ quán đặt tại số 24-26, đường Chủ Phước (nay là đường Rạch Gầm, thị xã Gò Công), làng Thành Phố, tổng Hòa lạc Hạ, tỉnh Gò Công với mục đích không chỉ đơn thuần là công việc kinh doanh; mà còn nhằm truyền bá những tác phẩm tiến bộ, đặc sắc của nền văn học thế giới và nền văn học Việt Nam cho nhân dân ta, nhất là giới phụ nữ, để góp phần giáo dục đạo đức, luân lý và nâng cao trình độ hiểu biết cho mọi người.

Còn nhà văn Nguyễn Vỹ cho rằng, vào đầu thế kỷ XX, sách của Nữ lưu thơ quán ở Gò Công cùng với sách của Nam Đồng thư xã ở Hà Nội và sách của Quan Hải tùng thư ở Huế đã "*đào tạo cho thanh niên một tinh thần cách mạng và bồi dưỡng lòng ái quốc hăng say*", là "*sách để đầu giường*" của thanh niên - học sinh.

Chính vì thế, bà đã quy tụ được nhiều nhà văn có uy tín ở trong nước lúc bấy giờ để dịch thuật những bộ truyện hay, những tác phẩm nổi tiếng của Trung Quốc, Ấn Độ, Pháp và Việt Nam nhằm giới thiệu rộng rãi cho độc giả trong nước.

Từ đó, các tác phẩm danh tiếng của Việt Nam và trên thế giới đã lần lượt được xuất bản và được phát hành trên cả nước, như *Nữ tài tử*, *Tây sương ký*, *Hồng lâu mộng* (Trung Quốc), *Tiểu sử nhà cách mạng Gandhi* (Ấn Độ), *Truyền kỳ mạn lục*, *Chinh phụ ngâm*, *Kim Vân Kiều*, *Vân Tiên truyện* (Việt Nam), những bộ tiểu thuyết của các nhà văn Pháp, như Victor Hugo (*Nhà thờ Đức bà Paris*, *Những người khốn khổ)*, René de Balzac (một số quyển trong bộ *Tấn trò đời*), Anatole France (*Những khát vọng của Jean Servier*, *Lò quay của hoàng hậu Pédauque*, *Sự nổi loạn của những vị thiên thần*), Alexandre Dumas cha (*Ba chàng ngự lâm pháo thủ*, *Hầu tước Monte Cristo*), Alexandre Dumas con (*Trà hoa nữ*, *Giới thương lưu*), Émile Zola (*Quán rượu*, *Ba thành phố nhỏ*), sách khoa học, triết học, chính trị, như *Sản dục giám*, *Mỹ quốc cách mạng sử*, *Học thuyết lược khảo* (dịch của nhà cách mạng Trung Quốc Lương Khải Siêu), nhất là do Nữ lưu thơ quán xuất bản, v.v…

Theo tác giả David Marr trong quyển *Truyền thống Việt Nam trước thử thách: 1920 - 1945*, đến năm 1929, Nữ lưu thơ quán đã xuất bản được 16 đầu sách và chuẩn bị xuất bản thêm 9 đầu sách tiếp theo; đồng thời, đại diện của nhà in và nhà xuất bản Nữ lưu thơ quán cũng được đặt tại 7 địa điểm trên cả nước; thậm chí còn có 2 điểm bán sách cho sinh viên ở Paris (Pháp).

Năm 1930, chính quyền thực dân buộc Nữ lưu thơ quán phải giải thể vì những hoạt động có tính cách "quốc sự" của nhà in và nhà xuất bản này. Với những việc làm kể trên, bà đã góp phần tích cực vào công cuộc chấn hưng nền học thuật của nước nhà; cũng như khêu gợi lòng yêu nước và tinh thần tự hào dân tộc cho nhân dân trong những thập niên đầu thế kỷ XX. Trong cuốn *Văn học quốc ngữ Nam Kỳ 1865 - 1930*, tác giả Bằng Giang đã ghi nhận sự xuất hiện của Nữ lưu thơ quán trong tiến trình cải cách tư tưởng người dân Nam kỳ như sau: "… *Nội dung sách luân lý từ cuối thế kỷ XIX (chủ yếu là sách dịch) đến đầu thế kỷ XX lần hồi cũng có thay đổi (sách biên soạn) tuy chậm. Mãi đến gần cuối thập kỷ 20 mới thấy hai tác phẩm ngay ở tên sách đã như là một tiếng trống báo hiệu một giai đoạn mới đã chín muồi trong tiến trình xã hội và văn học: Nam nữ bình quyền (1928) và Phụ nữ dự gia đình (1929)*".

Nhận xét về bà và Nữ lưu thơ quán, tác giả Lê Thị Thanh Tâm trong bài *Phan Thị Bạch Vân và tinh thần phụ nữ* viết: "*Sự hình thành một "tinh thần phụ nữ" có màu sắc riêng của thơ quán Gò Công nằm trong chuỗi hình thành tinh thần thời đại mà giới trí thức Việt Nam lúc bấy giờ đang nỗ lực xây dựng cách này hay cách khác; trong đó nổi lên hai vấn đề lớn là luân lý và quốc học. Tinh thần quốc học theo Lê Dư bao gồm cả quốc văn, quốc sử và quốc túy. Việc giới thiệu sử truyện và học thuyết dân chủ, khoa học của người Pháp trong hoạt động của thư quán chứng tỏ người chủ nhiệm thư quán ý thức rất rõ con đường quốc sử và quốc túy thông qua quốc văn – dùng chữ quốc ngữ để dịch và giới thiệu các tư tưởng mới. Sự thu hút rất hiệu quả các cây bút sáng tác có tiếng lúc bấy giờ vào hoạt động chung của thư quán cũng là một đóng góp lớn của Phan Thị Bạch Vân trong việc tạo ra một hiệu ứng tinh thần quốc học từ các cây bút nữ lưu Nam và Trung kỳ … Chúng ta có thể hình dung tư tưởng tiến bộ ở tầm cao của người sáng lập và phụ trách mô hình Nữ lưu thơ quán. Với tôn chỉ và mô hình hoạt động của mình, Nữ lưu thơ quán Gò Công trở thành một trong những hiện tượng phụ nữ làm văn hóa độc đáo nhất trong lịch sử văn hóa văn học Nam bộ đầu thế kỷ XX*".

Ngoài việc thành lập Nữ lưu thơ quán, bà còn nhà báo khi đảm nhận nhiệm vụ trợ bút cho *Đông Pháp thời báo*, chuyên phụ trách mục "Phụ trương phụ nữ và nhi đồng" và là tác giả của nhiều bài xã thuyết sâu sắc. Đồng thời, bà cũng là nhà văn. Bà viết xã thuyết, truyện ngắn hay tiểu thuyết đều nhắm đến việc giác ngộ, tuyên truyền tinh thần yêu nước cho nhân dân và nhấn mạnh đến vai trò to lớn của phụ nữ trong công cuộc giải phóng dân tộc.

Đánh giá về vai trò của bà đối với phong trào yêu nước và hoạt động văn hóa, văn học, tác giả Nguyễn Kim Anh đã viết trong quyển *Tiểu thuyết Nam bộ cuối thế*

kỷ XIX đầu thế kỷ XX như sau: "*Một điều gần như chắc chắn, bà là người phụ nữ đầu tiên trong thế kỷ XX ở Nam bộ nói riêng và trong cả nước nói chung biết kết hợp song song những hoạt động thương mại và hoạt động truyền bá văn hóa, văn học một cách tài tình và hiệu quả*".

Tác giả Lê Thị Thanh Tâm cũng có ý kiến tương tự: "*Từ nội dung luân lý và quốc học như đã nêu, Nữ lưu thơ quán Gò Công là sự xuất hiện đột phá của nữ giới Nam kỳ trong tiến trình hiện đại hóa ý thức văn học đầu thế kỷ XX. Với nhãn quan tiến bộ về lịch sử xã hội, với khả năng quản lý kinh tế tốt và tiềm năng học thuật cao, Phan Thị Bạch Vân là trụ cột tinh thần cho Nữ lưu thơ quán Gò Công từ năm 1928 đến năm 1930 – một trong những hoạt động đầu tiên của phụ nữ Nam kỳ thể hiện bước chuyển mình chín muồi của thời đại đối với các vấn đề canh tân và chống đối ý thức hệ thực dân*".

Bà mất năm 1980 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Di cốt của bà được thờ tại chùa Giác Ngộ, đường Nguyễn Chí Thanh, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Tên bà được đặt tên đường ở thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Đường Phan Thị Bạch Vân có điểm đầu: giáp với sông Gò Công; điểm cuối: giáp với đường Hồ Biểu Chánh; chiều dài: 1,170 km; chiều rộng: 7 m.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên cầu ở thị xã Gò Công:**

Khái niệm Cầu

Cầu là một công trình giao thông được bắc qua các chướng ngại nước, như rãnh nước, dòng suối, dòng sông, dòng kênh/kinh, dòng rạch, hồ, biển hay các chướng ngại khác, như đường bộ, đường sắt,… đảm bảo cho giao thông được liên tục.

Trên Đường tỉnh 862: 02 địa danh

1. Cầu Nguyễn Văn Côn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Họ và tên nhân vật lịch sử (Nguyễn Văn Côn).

Tiểu sử nhân vật lịch sử:

Nguyễn Văn Côn, tên thật là Nguyễn Hoài Ngọc, bí danh Thành Vĩnh, sinh năm 1893 tại làng Vĩnh Hựu, tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công (nay là xã

Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình trung nông có truyền thống yêu nước. Ông nội của ông là Nguyễn Văn Chung, một trong những thủ lãnh nghĩa quân trong cuộc khởi nghĩa Trương Định.

Năm 1908, khi mới 14 tuổi, ông gia nhập Việt Nam Quang phục hội - một tổ chức yêu nước có cơ sở ở Gò Công. Năm 1910, được sự cố vấn của một số nhà yêu nước, ông thành lập Cộng hòa hội, nhằm tập hợp thanh niên và tuyên truyền ý thức đấu tranh chống áp bức, bất công.

Sau đó, ông lên Sài Gòn, làm công nhân cho hãng Faci. Tại đây, ông giác ngộ chủ nghĩa Mác - Lênin và tích cực tham gia phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân. Năm 1921, ông gia nhập Công hội đỏ. Đây là tổ chức cách mạng đầu tiên của công nhân Sài Gòn hoạt động theo con đường cách mạng vô sản do Tôn Đức Thắng thành lập và làm Hội trưởng. Do tinh thần kiên định cách mạng và năng nỗ trong công tác nên ông được hội viên tín nhiệm bầu làm Phó Hội trưởng.

Năm 1924, ông được Ban Lãnh đạo Công hội đỏ phân công về Gò Công xây dựng phong trào. Tại đây, ông tiến hành củng cố và mở rộng tổ chức Cộng hòa hội do ông thành lập trước đó. Để tạo thế hợp pháp, tổ chức này được đổi tên thành Hội cúng thánh Khổng Tử, gọi tắt là Hội Thánh. Hội có nhiệm vụ truyền bá sách báo tiến bộ, dạy chữ quốc ngữ, quyên góp tiền bạc giúp các nhà yêu nước hoạt động chống chính quyền thực dân, đặc biệt là giúp kinh phí cho những người xuất dương học làm cách mạng. Trong thời kỳ này, ông có dịp tiếp xúc với nhiều nhà yêu nước nổi tiếng, như Nguyễn Sinh Sắc (thân sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh), Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Mai Văn Ngọc,…

Giữa năm 1925, Hồ Chí Minh thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên (HVNCMTN) ở Quảng Châu (Trung Quốc). Cuối năm 1926, do bắt liên lạc được với một số cán bộ của HVNCMTN, ông cử những thanh niên ưu tú ở Gò Công và Cần

Thơ sang Quảng Châu (Trung Quốc) dự các lớp huấn luyện do HVNCMTN tổ chức nhằm đào tạo cán bộ cho cách mạng.

Năm 1927, ông được bầu làm Bí thư Tỉnh hội HVNCMTN tỉnh Gò Công. Đầu năm 1929, ông là Kỳ ủy viên của Kỳ bộ HVNCMTN Nam Kỳ; và được phân công xây dựng phong trào ở các tỉnh Gò Công, Long Xuyên, Sa Đéc, Cần Thơ, Vĩnh Long và Trà Vinh.

Tháng 8-1929, ông được kết nạp vào An Nam Cộng sản đảng; và thành lập Chi bộ Cộng sản đầu tiên ở Gò Công do ông làm Bí thư. Nhưng chỉ một tháng sau, ông bị địch bắt, kết án 5 năm tù và đày ra Côn Đảo. Ở trong tù, ông giữ vững khí tiết của người chiến sĩ cộng sản chân chính. Đồng thời, ông ra sức học tập lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin để nâng cao trình độ chính trị và lập trường giai cấp.

Năm 1934, sau khi ra tù, mặc dù chưa bắt liên lạc được với tổ chức Đảng, nhưng ông vẫn hăng hái hoạt động, gầy dựng được nhiều cơ sở cách mạng và kết nạp một số đảng viên mới ở Gò Công. Do vậy, tháng 5-1940, ông lại bị địch quản thúc; và đến cuối tháng 11-1940, ông bị địch bắt giam khi cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ nổ ra. Tuy vậy, trước đó, ông đã chỉ đạo các cơ sở cách mạng ở Gò Công có những hoạt động hưởng ứng cuộc khởi nghĩa, như treo cờ đỏ búa liềm, rải truyền đơn, phá đường giao thông, xô ngã cột điện,…

Cuối năm 1942, ông được trả tự do và nối liên lạc với Đảng. Tháng 10-1943, tại Hội nghị Xứ ủy Nam kỳ lâm thời được tổ chức tại Chợ Gạo, ông được bầu làm Xứ ủy viên. Với tinh thần tiến công cách mạng không ngừng, ông hoạt động không mệt mỏi cho phong trào. Ông đi khắp nơi để vận động cách mạng, phát triển đảng viên, chuẩn bị đón thời cơ mới.

Sau ngày phát xít Nhật đảo chính thực dân Pháp (09-3-1945), khi tình thế cách mạng trực tiếp đã xuất hiện, ông và các đảng viên cộng sản ở Gò Công ráo riết xúc tiến công tác chuẩn bị giành chính quyền về tay nhân dân.

Tháng 5 năm 1945, ông được cử làm Bí thư Tỉnh ủy Gò Công.Tháng 7-1945, ông chỉ đạo thành lập lực lượng Thanh niên tiền phong ở Gò Công. Giữa tháng 8-1945, ông được bầu làm Chủ tịch Ủy ban dân tộc giải phóng lâm thời tỉnh Gò Công. Ngày 21-8-1945, nhân dân làng An Thạnh Thủy (thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho) biểu tình kéo xuống làng Thạnh Nhựt (thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công) lấy mộc của làng, tước súng của hương quản. Sự việc này làm cho chính quyền tay sai Pháp - Nhật ở Gò Công lâm vào tình thế lúng túng. Tỉnh trưởng Gò Công là Trần Hưng Ký phải mời ông với tư cách là đại diện Việt Minh đến gặp tại dinh tỉnh trưởng và khẩn thiết nhờ giải quyết. Nhận thấy thời cơ khởi nghĩa đã chín muồi, ngay trong đêm 21-8-1945, ông triệu tập cuộc họp bất thường của Ủy ban dân tộc giải phóng tỉnh Gò Công. Các đại biểu dự họp nhận định đã đến thời điểm Mặt trận Việt Minh tỉnh Gò Công ra công khai hoạt động; đồng thời đi đến quyết định là phải dùng sức mạnh đấu tranh của quần chúng buộc tỉnh trưởng Gò Công từ chức, giao quyền cho Ủy ban dân tộc giải phóng lâm thời tỉnh Gò Công.

Ngày 24-8-1945, một cuộc mít tinh lớn được tổ chức ở thị xã theo quyết định của Ủy ban dân tộc giải phóng lâm thời Gò Công để mừng cách mạng giành được thắng lợi rực rỡ và chào mừng chính quyền cách mạng của tỉnh ra mắt nhân dân. Hơn 20.000 người bao gồm đủ các thành phần, từ 40 làng nô nức tuần hành đổ về sân vận động tỉnh. Trong buổi mít tinh, ông thay mặt Ủy ban dân tộc giải phóng lâm thời tỉnh Gò Công, long trọng tuyên bố chính quyền đã thuộc về tay nhân dân, công bố 10 chính sách của Mặt trận Việt Minh.

Sau khi thực dân Pháp quay trở lại xâm lược Gò Công vào tháng 10-1945, ông nhận lãnh trọng trách là Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Gò Công và cùng với tập thể Tỉnh ủy, Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh lãnh đạo cuộc kháng chiến của nhân dân Gò Công chống thực dân Pháp xâm lược. Trong cuộc tổng tuyển cử ngày 06/01/1946, ông được nhân dân Gò Công tín nhiệm bầu làm Đại biểu Quốc hội khóa 1 của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Sau đó, ông ra Hà Nội, dự 2 kỳ họp Quốc hội. Tại Kỳ họp thứ nhất diễn ra vào tháng 3-1946, ông cùng với các

đại biểu bỏ phiếu công nhận Chính phủ Liên hiệp kháng chiến do lãnh tụ Hồ Chí Minh làm Chủ tịch, bầu ra Ban Thường trực Quốc hội và Ban Dự thảo Hiến pháp. Tại Kỳ họp thứ hai diễn ra vào tháng 11-1946, ông và các đại biểu đã thảo luận, biểu quyết thông qua bản Hiến pháp đầu tiên của nước ta và 01 Dự án Luật.

Từ sau ngày toàn quốc kháng chiến (19-12-1946), ông trở về Nam bộ tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp. Cuối tháng 4-1947, ông là Chủ nhiệm đầu tiên của Mặt trận Liên Việt tỉnh Gò Công, nêu cao tấm gương đại đoàn kết dân tộc trong công cuộc giải phóng đất nước.

Năm 1949, ông bị giặc Pháp bắt và bị đày ra Côn Đảo lần thứ hai. Mặc dù bị tra tấn dã man, nhưng ông vẫn nêu cao khí tiết của người chiến sĩ cộng sản kiên cường, không khuất phục kẻ thù.

Năm 1954, cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi, ông được Đảng và Nhà nước đón về và tập kết ra miền Bắc. Tuy sức khỏe có suy giảm vì những năm tháng ở trong lao tù bị giam cầm, hành hạ, nhưng ông vẫn miệt mài làm việc, được nhân dân tín nhiệm bầu làm Đại biểu Quốc hội các khóa 2, 3, 4, 5; đồng thời là cộng tác viên Bảo tàng Cách mạng Việt Nam. Ông là một trong những cán bộ cách mạng lão thành có uy tín lớn, nên được Chủ tịch Hồ Chí Minh, Chủ tịch Tôn Đức Thắng và Thủ tướng Phạm Văn Đồng thường đến nhà riêng ở tại Hà Nội để thăm hỏi.

Sau năm 1975, ông trở về quê nhà sinh sống trong sự kính trọng và thương yêu của nhân dân Gò Công. Năm 1982, ông mất tại xã Bình Nghị, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Ông được tặng thưởng nhiều huân huy chương, trong đó cao quý nhất là Huân chương Hồ Chí Minh. Ông là nhà cách mạng lão thành tiêu biểu nhất của Gò Công, được nhân dân và các thế hệ cán bộ cách mạng ở địa phương vô cùng kính trọng và ngưỡng mộ.

Tên của ông được đặt tên đường, tên cầu tại thị xã Gò Công, thị trấn Tân Hòa (huyện Gò Công Đông) và thị trấn Vĩnh Bình (huyện Gò Công Tây); tên trường trung học phổ thông ở huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Vị trí: Km 0+366, thị xã Gò Công, nằm trên Đường tỉnh 862.

- Cầu bắc qua: Nhánh sông Gò Công

- Quy mô: 3 nhịp dài 56,6m; mặt BTCT 7m; khổ cầu 10m; 12 dầm BTTA 18,6m; Htt: +3.00

- Tải trọng (Tấn): 30

- Năm đưa vào sử dụng: 2004

2. Cầu Kinh/Kênh 16

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Chữ số (16).

- Vị trí: Km 3+636, xã Long Hòa và xã Long Thuận, thị xã Gò Công, nằm trên Đường tỉnh 862.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh 16

- Quy mô: 3 nhịp dài 45m (3x15); mặt BTCT 7m; khổ cầu 9,6m (1,3+7+1,3); Dầm BTCT 15m; Htt: +3.50

- Tải trọng (Tấn): 16

- Năm đưa vào sử dụng: 1989

Trên Đường tỉnh 871C: 01 địa danh

Cầu Xóm Sọc

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Động từ (Sọc: đường chạy ngang hay dọc).

- Vị trí: Km 3+487, xã Long Thuận, thị xã Gò Công, trên Đường tỉnh 871C.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Xóm Sọc.

- Quy mô: 3 nhịp dài 36,6m; mặt BTCT rộng 7m; khổ cầu 10m; Dầm thép

- Tải trọng (Tấn): 13

- Năm đưa vào sử dụng:

Trên Đường tỉnh 873: 03 địa danh

1. Cầu Bình Thành

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính xưa (Làng Bình Thành).

- Vị trí: Km 5+000, xã Bình Xuân, thị xã Gò Công, trên Đường tỉnh 873.

- Cầu bắc qua: Nhánh sông Gò Công.

- Quy mô: 5 nhịp dài 111,86m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; dầm BTTA gồm 6dầm/nhịp; Htt: +2.80

- Tải trọng (Tấn): HL93[15]

- Năm đưa vào sử dụng: 2017

2. Cầu Bình Xuân

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chí (Xã Bình Xuân).

- Vị trí: Km 9+427, xã Bình Xuân, thị xã Gò Công, trên Đường tỉnh 873.

- Cầu bắc qua: Sông Gò Công.

[15] HL93 được viết tắt từ Tiếng Anh: **H**ighway **L**oad accepted in 19**93** (Tải trọng trên đường cao tốc được chấp nhận vào năm 1993), tải trọng HL93 tương đương 40 tấn.

- Quy mô: 7 nhịp dài 290,7m; mặt BTCT rộng 9m lề đồng mức; khổ cầu 10m; dầm Supper T BTDƯL gồm 4dầm/nhịp; (BxH)= 30x5m; CĐdc: +2.80

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2020

3. Cầu Rạch Băng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa hình thiên nhiên (Rạch Băng).

- Vị trí: Km 11+752, xã Bình Xuân, thị xã Gò Công, trên Đường tỉnh 873.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Tiếp nước Bình Đông

- Quy mô: 5 nhịp dài 75m (5x15); mặt BTCT rộng 4m; khổ cầu 4,5m; dầm BTDƯL loại GTNT

- Tải trọng (Tấn): 8

- Năm đưa vào sử dụng: 2005

Trên Đường tỉnh 873B: 02 địa danh

1. Cầu Cống Đập

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Cống) + Công trình xây dựng (Đập).

- Vị trí: Km 3+328, xã Long Chánh, thị xã Gò Công, trên Đường tỉnh 873B

- Cầu bắc qua: sông Gò Công

- Quy mô: 3 nhịp dài 30m (2x9+12); mặt BTCT rộng 3,6m; khổ cầu 4m; dầm BTCT

- Tải trọng (Tấn): 8

- Năm đưa vào sử dụng: 2005

2. Cầu Tân Trung

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + D8i5a danh hành chính (Xã Tân Trung).

- Vị trí: Km 6+266, xã Tân Trung, thị xã Gò Công, trên Đường tỉnh 873B

- Cầu bắc qua: Rạch Láng Nứa

- Quy mô: 3 nhịp dài 30m; mặt BTCT rộng 4m; khổ cầu 6,3m; dầm BTCT; Htt: +3.50

- Tải trọng (Tấn): 30

- Năm đưa vào sử dụng: 2020

- Đèn chiếu sáng cầu: có

Trên Đường tỉnh 877: 02 địa danh

1. Cầu Bình Tân

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Xã Bình Tân).

- Vị trí: Km 4+939, xã Bình Tân, thị xã Gò Công, trên Đường tỉnh 877

- Cầu bắc qua: Rạch Ông Hưng

- Quy mô: 3 nhịp dài 56m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; dầm BTDƯL 11 dầm/nhịp; Htt: +3.10

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2017

2. Cầu Xóm Thủ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Người đứng đầu (Thủ).

Xóm Thủ tọa lạc tại xã Yên Luông, huyện Gò Công Tây, là xóm nhà có vị Thủ khoa Ngô Tùng Châu từng sinh sống.

Ngô Tùng Châu sinh năm 1752 tại thôn Thái Định, huyện Phù Ly, phủ Quy Nhơn (nay là thôn Thái Thuận, xã Cát Tài, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định).

Năm 1764, cha của ông là Ngô Tùng Trang đang giữ chức Thủ lại phủ Quy Nhơn được thăng chức Tri điền tuấn sự, được lệnh của chúa Nguyễn dẫn theo 100 dân đinh vào khai khẩn vùng đất Yên Luông (Gò Công). Lúc này, ông mới 12 tuổi cũng được theo cha vào vùng đất mới. Sau đó, ông được gởi lên Gia Định để học tập. Tại đây, ông theo học nhà giáo nổi tiếng nhất đất Gia Định là Sùng Đức tiên sinh Võ Trường Toản. Trong quá trình theo nghiệp bút nghiên, ông luôn cần mẫn dùi mài kinh sử và là một trong những học trò xuất sắc nhất của cụ Võ Trường Toản.

Năm 1770, ông gặp gỡ và kết nghĩa anh em với Võ Tánh, một hào kiệt đất Gò Công. Năm 1772, ông kết hôn với em gái của Võ Tánh là Võ Thị Lội tại Gò Tre (nay thuộc xã Long Thuận, thị xã Gò Công). Năm 1783, ông tham gia cuộc khởi binh của Võ Tánh tại Gò Tre. Năm 1788, ông cùng với đạo quân Kiến Hòa của Võ Tánh theo phục vụ chúa Nguyễn Phúc Ánh.

Do là một nhà Nho học kiệt xuất, nên ông được Nguyễn Phúc Ánh tin dùng, lần lượt giữ các chức Chế cáo Viện Hàn lâm năm 1788, Điền tuấn sứ năm 1789 (quan trông coi việc khai khẩn, canh tác nông nghiệp, xác định điền thổ và quân lương).

Năm 1790, ông cùng với Bộ Tham mưu của chúa Nguyễn Phúc Ánh tiến quân ra miền Trung. Năm 1791, ông trở về Gia Định và thi đậu thủ khoa khoa thi năm Tân Hợi. Đây là khoa thi đầu tiên mà chúa Nguyễn Phúc Ánh cho tổ chức ở Nam Bộ. Ngay sau đó, ông được thăng làm Tham tri bộ Lễ; đồng thời, ông được chúa Nguyễn Phúc Ánh tin tưởng cử làm Phụ đạo Đông cung (thầy dạy học Đông cung hoàng tử Nguyễn Phúc Cảnh).

Năm 1799, sau khi đánh tan quân của vương triều Cảnh Thịnh tại thành Quy Nhơn, chúa Phúc Nguyễn Ánh đổi cho tên thành này ra thành Bình Định và cử ông cùng với Võ Tánh trấn giữ. Tháng 2/1800, hai tướng của vương triều Cảnh Thịnh là Trần Quang Diệu và Võ Văn Dũng mang quân từ Phú Xuân (Huế) vào tấn công thành Bình Định. Ông cùng với Võ Tánh chỉ huy quân cố thủ.

Quyết không để mất thành, chúa Nguyễn Phúc Ánh đã hai lần mang quân tới giải vây thành Bình Định vào tháng 4-1800 và tháng 2-1801; nhưng đều bị quân Cảnh Thịnh chặn đứng. Thành Bình Định vẫn bị bao vây chặt chẽ. Trước tình hình đó, ông và Võ Tánh sai người lén đem mật thư ra cho Nguyễn Phúc Ánh; khuyên vị chúa Nguyễn nên kéo quân ra đánh Phú Xuân; và khi đó, sẽ dễ dàng giành được thắng lợi, vì đại bộ phận quân Cảnh Thịnh đang bị thu hút ở mặt trận Bình Định; lực lượng ở Phú Xuân rất yếu. Đồng thời, bức mật thư cũng nói rõ, ông và Võ Tánh sẽ cố giữ thành nhằm cầm chân quân Cảnh Thịnh. Nghe theo lời khuyên hợp lý của ông và Võ Tánh, Nguyễn Phúc Ánh cho quân tấn công và chiếm được được Phú Xuân vào tháng 6-1801.

Hai tướng Trần Quang Diệu và Võ Văn Dũng nghe tin Phú Xuân mất về tay Nguyễn Phúc Ánh, liền chia quân ra cứu. Quân cứu viện Cảnh Thịnh ra tới Quảng Nam thì bị quân chúa Nguyễn chận đánh nên phải quay trở lại Bình Định. Không có cách nào khác, Trần Quang Diệu ra lệnh quân lính ráo riết công kích thành Bình Định. Trước nguy cơ thành bị thất thủ, có người khuyên ông và Võ Tánh nên lẻn trốn ra ngoài; nhưng hai ông đã cự tuyệt, cương quyết ở lại với thành. Tình thế

ngày càng khốn quẫn, thấy không thể giữ thành lâu hơn được nữa, Võ Tánh viết thư cho Trần Quang Diệu đề nghị sau khi chiếm được thành thì không giết hại binh lính của ông.

Để không bị bắt, ngày 05-7-1801 (nhằm này 25 tháng 5 năm Tân Dậu), ông uống thuốc độc tự tử. Ngày 07-7-1801 (nhằm này 27 tháng 5 năm Tân Dậu), Võ Tánh tiếp nối ông, tự thiêu mà chết tại lầu bát giác.

Năm 1802, sau khi đánh thắng vương triều Cảnh Thịnh, Nguyễn Phúc Ánh lên ngôi vua, lấy niên hiệu là Gia Long. Ông được nhà vua truy tặng là Tán trị công thần, Đặc tiến Kim tử Vinh lộc đại phu, Trụ quốc, Thái tử thái sư, Quận công, tên thụy là Trung Ý, được thờ ở đền Chiêu Trung. Năm 1804, ông được thờ tại đền Hiển Trung ở Gia Định, lại được cấp tự điền, tự dân, mộ phu, sai Tùng Hoảng là con nuôi thừa tự phụng thờ. Năm 1805, cho phụ tế ở Thái miếu. Năm1810, liệt vào thờ ở miếu Trung Hưng công thần. Năm 1824, đổi cho phụ tế ở Thế miếu. Năm 1831, vua Minh Mạng truy tặng ông tước Tá vận Công thần, Đặc tiến Vinh lộc đại phu, Hiệp biện đại học sĩ, Thiếu sư, kiêm Thái tử Thái sư, đổi tên thụy là Trung Mẫn, phong là Ninh Hòa quận công.

- Vị trí: Km 2+100, xã Long Hòa - Bình Tân, thị xã Gò Công, trên Đường tỉnh 877

- Cầu bắc qua: Rạch Xóm Thủ

- Quy mô: 3 nhịp dài 57m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; dầm BTDƯL; CĐdc: +3.30

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2017

Trên Quốc lộ 50: 02 địa danh

1. Cầu Gò Công

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa hình thiên nhiên (Gò) + Động vật (Chim công).

- Vị trí: km 48+972

- Cầu bắc qua: Rạch Gò Công

- Số nhịp: 3

- Tải trọng (Tấn): 30

- Năm đưa vào sử dụng: 2004

- Chiều dài: 81,42 m

- Chiều rộng: 11 m

2. Cầu Mỹ Lợi

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính xưa (Làng Mỹ Lợi).

- Vị trí: km 33+650, nối thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang với huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

- Cầu bắc qua: Sông Vàm Cỏ

- Số nhịp: 5

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2015

- Chiều dài: 1.422 m

- Chiều rộng: 12 m

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn địa danh Cống, Đập, Đê**

Cống:

1. Cống Gò Công

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Gò) + Động vật (Chim công).

Cống ở xã Long Chánh, thị xã Gò Công, được xây dựng năm 1988; là loại cống hở, số cửa 2, chiều rộng 8 m, sâu 3,5 m, diện tích phục vụ 6.000 ha.

2. Cống Bình Đông

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa danh Hán Việt (Bình: 平: Hoà bình, bình đẳng; Đông: 東: Phía đông).

Cống ở xã Tân Trung, thị xã Gò Công, được xây dựng năm 2009; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 3 m, sâu 2 m, diện tích phục vụ 1.500 ha.

Cống vừa và nhỏ:

1. **Cống Bà Mụ**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Giới tính và tên người (Bà Mụ).

Cống ở xã Long Chánh, thị xã Gò Công, được xây dựng năm 1997; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 2,5 m, sâu 2,2 m, diện tích phục vụ 95 ha.

2. Cống Bình Đông 1

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa danh hành chính (Xã Bình Đông) + Số hiệu (1).

Cống ở xã Bình Đông, thị xã Gò Công, được xây dựng năm 1998; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 1,5 m, sâu 2,2 m, diện tích phục vụ 150 ha.

3. Cống Bình Xuân

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa danh hành chính (Xã Bình Xuân)

Cống ở xã Bình Xuân, thị xã Gò Công, được xây dựng năm 2010; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 1,5 m, sâu 2,2 m, diện tích phục vụ 120 ha.

4. Cống Công Lương

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa danh Hán Việt (Công: 功: Công lao, thành công; Lương: 良: Lương thiện)

Cống ở xã Tân Trung, thị xã Gò Công, được xây dựng năm 1998; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 1,5 m, sâu 2,2 m, diện tích phục vụ 145 ha.

5. Cống Rạch Băng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Rạch: là dòng nước tự nhiên, nhỏ hơn sông, ghe thuyền đi lại được[16]) + Động từ (Băng: nhanh và thẳng một mạch).

Cống ở xã Bình Đông, thị xã Gò Công, được xây dựng năm 1997; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 3,5 m, sâu 2,6 m, diện tích phục vụ 429 ha.

6. Cống Rạch Đung

[16] Lê Trung Hoa (2012), *Từ địa phương chỉ địa hình trong địa danh Nam Bộ*, Tạp chí Ngôn ngữ số 4, 2012, trang 37.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Động từ (Đung: Đúng ra là "Đun" với nghĩa là "đốt lửa để nhằm mục đích nào đó, như nấu nướng, đốt rác, đun nước,…". Theo dân gian, ngày trước, vào khoảng tháng 2, tháng 3, trước khi vào vụ mùa chính, ở khu vực Rạch Đung, nông dân đốt rơm rạ trên đồng rất nhiều để giải phóng nhanh mặt bằng đồng ruộng, chuẩn bị vào vụ mới; tiêu diệt một số côn trùng, mầm bệnh, cỏ dại; bổ sung nguồn phân bón cho đồng ruộng. Do đó, người dân gọi là Rạch Đun; nhưng do phát âm của người dân địa phương thành Rạch Đung).

Cống ở xã Bình Xuân, thị xã Gò Công, được xây dựng năm 1995; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 3,4 m, sâu 2,5 m, diện tích phục vụ 750 ha.

7. Cống Rạch Giá

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Thực vật (Giá: là cây thân gỗ, thích nghi ở vùng rừng ngập mặn, cao từ 15 - 20 m; lá khi gần rụng chuyển sang màu đỏ, chứ không chuyển sang màu vàng như hầu hết các loại cây; rễ cây đan xen chằng chịt, có tác dụng giữ đất, chống xói lỡ; gỗ được hầm than, làm diêm quẹt, giấy,…)

Cống ở xã Tân Trung, thị xã Gò Công, được xây dựng năm 1997; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 5,5 m, sâu 2,7 m, diện tích phục vụ 715 ha.

8. Cống Rạch Nâu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Thực vật (Cây ngâu - nói trại thành Nâu: là cây thân gỗ, dạng bụi nhỏ, sống lâu năm có chiều cao khoảng 1 - 6 m, được trồng làm cây cảnh, hoa ngâu dùng để ướp trà và bào chế các vị thuốc trị bệnh như tăng huyết áp, đau bụng, hen suyễn, giảm sưng,…).

Cống ở xã Bình Xuân, thị xã Gò Công, được xây dựng năm 1996; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 1,5 m, sâu 2,2 m, diện tích phục vụ 95 ha.

9. Cống Rạch Rơm

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Thực vật (Rơm: là phần trên của thân cây lúa sau khi đập hết hạt và khô).

Cống ở xã Bình Xuân, thị xã Gò Công, được xây dựng năm 1996; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 1,5 m, sâu 2,2 m, diện tích phục vụ 60 ha.

10. Cống Rạch Tắc

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Địa hình thiên nhiên hoặc nhân tạo (Tắc: Tắt là đường nước nhân tạo hoặc tự nhiên, có kích thước nhỏ, nối liền hai dòng chảy (kênh/kinh hoặc rạch) để đi tắt từ dòng nước này đến dòng nước khác cho nhanh thay vì phải đi vòng. Tắt là tính từ được chuyển hóa thành danh từ, thường viết nhầm, đọc trại thành tắc).

Cống ở xã Bình Xuân, thị xã Gò Công, được xây dựng năm 1996; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 1,5 m, sâu 2,2 m, diện tích phục vụ 105 ha.

11. Cống Rạch Trăn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Động vật (Con trăn).

Cống ở xã Bình Đông, thị xã Gò Công, được xây dựng năm 1997; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 1,5 m, sâu 2,2 m, diện tích phục vụ 145 ha.

12. Cống Rầm Vé

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Âm thanh của động vật (Rầm: do "Gầm" gọi trại, là tiếng hổ/cọp gầm; Vé: do "Ré" gọi trại, là tiếng voi ré).

Địa danh Rầm Vé do Gầm Ré gọi trại, vào thời xưa, lúc đất đai còn hoang hóa, có nhiều dã thú sinh sống, nhất là hổ/cọp và voi; tiếng gầm của hổ/cọp và tiếng ré của voi vang dội cả một vùng; từ đó mà thành địa danh.

Cống ở xã Bình Xuân, thị xã Gò Công, được xây dựng năm 1996; là loại cống hở, số cửa 1 , chiều rộng 55 m, sâu 2,2 m, diện tích phục vụ 850 ha.

13. Cống Sơn Quy

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa danh Hán Việt (Sơn Quy).

Cống ở xã Long Hưng, thị xã Gò Công, được xây dựng năm 1996; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 1,5 m, sâu 2,2 m, diện tích phục vụ 60 ha.

*** Đê:**

1. **Đê Đông Rạch Gò Công**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đê) + Phương hướng (Phía đông) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Địa hình thiên nhiên (Gò) + Động vật (Chim công).

Đê kéo dài qua các xã Tân Trung, Bình Đông, Bình Xuân của thị xã Gò Công, có điểm đầu: cống Gò Công, điểm cuối: vàm Gò Công, được xây dựng năm 1998; toàn bộ mặt đê đã bê tông hóa, nhựa hóa với chiều dài 12.500 m, chiều rộng 4 m - 6 m, cao trình 2 m - 2,65 m.

2. Đê Long Chánh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đê) + Địa danh hành chính (Xã Long Chánh).

Đê ở xã Long Chánh, thị xã Gò Công, có điểm đầu: cống Gò Dừa, điểm cuối: cống Gò Công, được xây dựng năm 1997; toàn bộ mặt đê đã bê tông hóa, nhựa hóa với chiều dài 2.836 m, chiều rộng 4 m - 5 m, cao trình 2,10 m - 2,65 m.

3. Đê Tây Rạch Gò Công

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đê) + Phương hướng (Phía tây) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Địa hình thiên nhiên (Gò) + Động vật (Chim công).

Đê kéo dài qua các xã Đồng Sơn, Bình Phú, huyện Gò Công Tây; xã Bình Xuân, thị xã Gò Công, có điểm đầu: Cống số 4, điểm cuối: Gò Dừa, được xây dựng năm 1996; toàn bộ mặt đê đã bê tông hóa, nhựa hóa với chiều dài 15.683 m, chiều rộng 3 m - 4 m, cao trình 2,50 m - 2,65 m.

4. Đê Xoài Rạp

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đê) + Địa danh Việt gốc Khmer (Xoài Rạp: gọi trại từ tiếng Khmer: Prêk Crôy Phkăm, có nghĩa là Rạch Mũi Đất).

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đê biển) + Thực vật (Cây xoài) + Tính từ (Rậm rạp).

Đê kéo dài qua các xã Bình Xuân, Bình Đông, Tân Trung, thị xã Gò Công, có điểm đầu: Vàm Gò Công, điểm cuối: Cống Vàm Tháp, được xây dựng năm 1994; toàn bộ mặt đê đã bê tông hóa, nhựa hóa với chiều dài 18.941 m, chiều rộng 4 m - 6 m, cao trình 2,50 m - 2,65 m.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên bến xe, bến đò, bến phà:**

Bến xe:

Theo quy định của Bộ Giao thông - Vận tải có 2 loại bến xe là bến xe khách và bến xe hàng. Trong phạm vi đề tài, tập trung nghiên cứu về địa danh bến xe khách trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Khái niệm bến xe khách:

Theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách - Sửa đổi lần 1 năm 2015, Bến xe khách là công trình thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thực hiện chức năng phục vụ xe ô tô đón, trả hành khách và các dịch vụ hỗ trợ vận tải hành khách công cộng được xây dựng trên một thửa đất hoặc nhiều thửa đất liền kề.

Cũng theo Thông tư nêu trên, Bến xe khách được phân thành 6 loại. Quy định về các hạng mục công trình tương ứng với từng loại bến xe khách như trong Bảng sau:

TT	Tiêu chí phân loại	Đơn vị tính	Loại bến xe khách					
			Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4	Loại 5	Loại 6
1	Diện tích mặt bằng (tối thiểu)	m^2	15.000	10.000	5.000	2.500	1.500	500
2	Diện tích bãi đỗ xe ôtô chờ	m^2	5.000	3.000	1.000	500	160	80

	vào vị trí đón khách (tối thiểu)							
3	Diện tích bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác	m^2	2.000	1.500	900	400	30	20
4	Diện tích tối thiểu phòng chờ cho hành khách (có thể phân thành nhiều khu vực trong bến)	m^2	500	300	150	100	50	30
5	Số vị trí đón, trả khách (tối thiểu)	vị trí	50	40	30	20	10	6
6	Số chỗ ngồi tối thiểu khu vực phòng chờ cho	chỗ	100	60	30	20	10	10

	hành khách							
7	Hệ thống điều hòa, quạt điện khu vực phòng chờ cho hành khách (tối thiểu)	-	Đảm bảo nhiệt độ không vượt quá 30°C	Quạt điện	Quạt điện	Quạt điện	Quạt điện	Quạt điện
8	Diện tích khu vực làm việc	-	Bình quân 4,5 m^2/người					
9	Diện tích văn phòng dành cho Y tế	-	Tối thiểu 10 m^2					
10	Diện tích khu vệ sinh	-	> 1 % tổng diện tích xây dựng bến (Có nơi vệ sinh phục vụ người khuyết tật theo QCVN 10:2014/BXD)					
11	Diện tích dành cho cây xanh, thảm cỏ	-	Tỷ lệ diện tích đất dành cho cây xanh, thảm cỏ tối thiểu 2% tổng diện tích					
12	Đường xe ra, vào bến	-	riêng biệt			chung (rộng tối thiểu 7,5 m)		

13	Đường dẫn từ phòng chờ cho hành khách đến các vị trí đón, trả khách	-	Có mái che		
14	Kết cấu mặt đường ra, vào bến xe và sân bến	-	Mặt đường nhựa hoặc bê tông xi măng		
15	Hệ thống cung cấp thông tin	-	Có hệ thống phát thanh, có hệ thống bảng chỉ dẫn bằng điện tử, có thiết bị tra cứu thông tin tự động	Có hệ thống phát thanh, có hệ thống bảng chỉ dẫn	
16	Hệ thống kiểm soát xe ra vào bến	-	Có phần mềm quản lý bến xe và trang bị hệ thống camera giám sát xe ra vào bến	Có phần mềm quản lý bến xe	

Bến xe Gò Công

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến xe) + Địa danh hành chính (Thị xã Gò Công).

Bến xe Gò Công, mã số (63)16, tọa lạc tại đường Đồng Khởi, Phường 4, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang, diện tích 5.091 m², điện thoại: (0273)3841278, xếp loại 4.

*** Bến phà:**

Khái niệm

Bến phà là nơi đón, trả khách qua sông bằng phà

1. Bến phà Bình Xuân

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến phà) + Địa danh hành chính (Xã Bình Xuân).

Bến phà Bình Xuân bờ phải và bờ trái đều nằm trên sông Vàm Cỏ, nối Ấp 4 với Ấp 5 (và ngược lại) xã Bình Xuân, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

2. Bến phà Tân Trung - Long Hựu Đông

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến phà) + Địa danh hành chính (Xã Tân Trung, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang - Xã Long Hựu Đông, huyện Cần Đước, tỉnh Long An).

Bến phà Tân Trung - Long Hựu Đông bờ phải và bờ trái đều nằm trên sông Vàm Cỏ, nối xã Tân Trung, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang với xã Long Hựu Đông, huyện Cần Đước, tỉnh Long An (và ngược lại).

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên bệnh viện (tỉnh, khu vực, huyện, quân đội):**

Khái niệm

Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO): Bệnh viện là một bộ phận của một tổ chức mang tính chất y học và xã hội, có chức năng đảm bảo cho nhân dân được săn sóc toàn diện về y tế cả chữa bệnh và phòng bệnh.

Trước đây bệnh viện chỉ được coi là một cơ sở khám và điều trị bệnh nhân đơn thuần. Bước sang thế kỷ XXI, cách mạng khoa học kỹ thuật - công nghệ trên thế giới đã phát triển như vũ bão và đạt được nhiều thành tựu rực rỡ, tác động sâu sắc làm thay đổi quan niệm về bệnh viện. Bệnh viện không chỉ đơn thuần làm công tác khám và điều trị mà còn thực hiện những chức năng khác trong chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, như giáo dục sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe tại nhà và đồng thời còn là trung tâm đào tạo cán bộ y tế và tiến hành các nghiên cứu y học về khám chữa bệnh và phòng bệnh.

Bệnh viện Đa khoa khu vực Gò Công

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng mang tính chất chăm sóc sức khỏe (Bệnh viện) + Tính từ (Đa khoa: có nhiều khoa) + Danh từ (Khu vực: là khái niệm thuộc lĩnh vực địa lý, chỉ vùng đất có giới hạn nhất định, phân biệt với những vùng đất khác) + Địa danh hành chính (Gò Công).

- Khái quát Bệnh viện đa khoa khu vực Gò Công

+ Địa chỉ: số 93, Thủ Khoa Huân, khu phố 4, phường 5, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

+ Điện thoại: 02733841617

+ Trang thông tin điện tử: http://bvdkgocong.soytetiengiang.gov.vn

+ Email: txgocong.bvdkkv@tiengiang.gov.vn

+ Cơ quan chủ quản: Sở Y tế tỉnh Tiền Giang

+ Tổng diện tích: 23.185,9 m²; diện tích sử dụng: 11.292,66 m²

+ Tổng số viên chức: 284 người; trong đó nam: 92; nữ: 192.

Năm 1987, Bệnh viện đa khoa khu vực Gò Công được thành lập theo Quyết định số 1295/QĐ-UB ngày 04 tháng 12 năm 1987 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang, có chức năng, nhiệm vụ:

+ Cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh:

Tiếp nhận mọi trường hợp người bệnh đến khám bệnh, chữa bệnh nội trú và ngoại trú;

Giải quyết hầu hết các bệnh thuộc chuyên khoa ở địa phương;

Tổ chức khám sức khỏe và chứng nhận sức khỏe theo quy định của Nhà nước;

Tham gia khám giám định sức khoẻ và khám giám định pháp y khi hội đồng giám định y khoa Trung ương hoặc cơ quan bảo vệ pháp luật trưng cầu.

+ Đào tạo cán bộ y tế:

Bệnh viện là cơ sở thực hành để đào tạo cán bộ y tế, đồng thời tham gia giảng dạy ở bậc sau đại học, bậc đại học, cao đẳng và trung học;

Tổ chức đào tạo liên tục cho đội ngũ nhân viên y tế của bệnh viện và tuyến dưới.

+ Nghiên cứu khoa học về y học:

Tổ chức thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật về chuyên khoa ở cấp Nhà nước, cấp Bộ cà cấp Cơ sở, chú trọng nghiên cứu y học cổ truyền kết hợp với y học hiện đại và các phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc;

Nghiên cứu triển khai dịch tễ học cộng đồng thuộc lĩnh vực chuyên khoa để phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu.

+ Chỉ đạo tuyến dưới về chuyên môn kỹ thuật:

Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện việc chỉ đạo chuyên khoa tuyến dưới và những người hành nghề tư về chuyên khoa trong địa bàn được Sở Y tế phân công để phát triển kỹ thuật chuyên khoa và nâng cao chất lượng cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh;

Kết hợp với các cơ sở y tế thực hiện chương trình và kế hoạch chăm sóc sức khoẻ tại cộng đồng trong khu vực được phân công.

+ Phòng bệnh: Phối hợp với các cơ sở y tế dự phòng và thực hiện thường xuyên công tác phòng bệnh, phòng dịch.

+ Hợp tác quốc tế: Hợp tác với các tổ chức hoặc cá nhân ngoài nước theo quy định của Nhà nước.

Đảng bộ Bệnh viện có 04 chi bộ trực thuộc với 98 đảng viên; lãnh đạo đơn vị có 01 Giám đốc và 02 Phó Giám đốc; Công đoàn cơ sở có 284 công đoàn viên; Đoàn thanh niên có 79 đoàn viên.

Bệnh viện được xếp hạng II; số giường được giao theo kế hoạch: 300; số giường thực kê: 376; có 05 phòng chức năng: Phòng Kế hoạch Tổng hợp, Phòng Điều Dưỡng. Phòng Tài chính Kế toán, Phòng Tổ chức hành chính, Phòng Vật tư - Thiết bị y tế; 15 khoa chuyên môn: 10 khoa Lâm sàng: Khoa Khám bệnh, Khoa Nội tổng hợp, Khoa Ngoại, Khoa Sản, Khoa Nhi, Khoa Nhiễm, Khoa Hồi sức cấp cứu, Khoa Nội Tim mạch - Lão học, Khoa Phẫu thuật - Gây mê hồi sức, Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng - Tổ Đông y; 05 khoa Cận Lâm sàng: Khoa Dược, Khoa Chẩn đoán hình ảnh, Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn, Khoa Xét nghiệm, Khoa Dinh dưỡng.

Về trình độ chuyên môn, năm 2022, bệnh viện có: Bác sĩ chuyên khoa 2: 05; Bác sĩ chuyên khoa 1: 18; Dược sĩ chuyên khoa 1: 02; Cử nhân đại học: 107; Cử nhân cao đẳng: 65; Trình độ khác: 87.

*** Y tế tuyến huyện:**

Trung tâm Y tế thị xã Gò Công

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng mang tính chất chăm sóc sức khỏe (Trung tâm y tế) + Địa danh hành chính (Thị xã Gò Công).

- Khái quát Trung tâm Y tế thị xã Gò Công

+ Địa chỉ: đường Nguyễn Văn Côn, khu phố 1, Phường 3, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang

+ Số điện thoại: 0273 3841 648

+ Trang thông tin điện tử: http://trungtamytethixagocong.com.vn/

+ Email: trungtamytethixagocong@gmail.com

+ Cơ quan chủ quản: Sở Y tế tỉnh Tiền Giang

+ Tổng diện tích sử dụng: 1,28 ha.

+ Tổng số cán bộ viên chức (năm 2022): 168, trong đó: nam: 44, nữ: 124

Trung tâm được thành lập năm 2009 theo Quyết định số 2397/QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang,

Trung tâm có chức năng, nhiệm vụ như sau:

+ Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, kỹ thuật về khám, chữa bệnh; y tế dự phòng, phòng, chống HIV/AIDS; phòng, chống bệnh xã hội; an toàn vệ sinh thực phẩm; chăm sóc sức khỏe sinh sản (SKSS) và truyền thông

giáo dục sức khỏe (GDSK) trên cơ sở kế hoạch của tỉnh và tình hình thực tế trên địa bàn thị xã trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Tổ chức thực hiện cấp cứu, khám, chữa bệnh; triển khai các hoạt động chuyên môn, kỹ thuật về phòng, chống dịch bệnh, HIV/AIDS, các bệnh xã hội, tai nạn thương tích, sức khỏe lao động và bệnh nghề nghiệp, chăm sóc SKSS, sức khỏe môi trường, sức khỏe trường học, dinh dưỡng cộng đồng, an toàn vệ sinh thực phẩm, truyền thông GDSK theo phân cấp và theo quy định của pháp luật.

+ Hướng dẫn và giám sát chuyên môn, kỹ thuật về các hoạt động thuộc lĩnh vực phụ trách đối với trạm y tế xã, phường và các cơ sở y tế trên địa bàn.

+ Tham gia đào tạo, đào tạo lại, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực phụ trách cho cán bộ y tế; là cơ sở thực hành cho học sinh, sinh viên trường y tế.

+ Nghiên cứu và tham gia nghiên cứu khoa học về y tế cộng đồng và dịch tễ học; nghiên cứu áp dụng y học cổ truyền và các phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc; ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật về lĩnh vực liên quan.

+ Chỉ đạo tuyến dưới về chuyên môn kỹ thuật; lập kế hoạch và chỉ đạo tuyến dưới thực hiện các phát đồ chẩn đoán và điều trị; chăm sóc sức khỏe ban đầu.

+ Quản lý và tổ chức triển khai thực hiện các dự án thuộc chương trình mục tiêu y tế quốc gia và các dự án khác được Sở Y tế phân công.

Năm 2022, Đảng bộ Trung tâm Y tế có 03 Chi bộ với 43 đảng viên; Ban Giám đốc gồm 01 Giám đốc và 02 Phó Giám đốc, trong đó Giám đốc là Bí thư Đảng bộ Trung tâm Y tế; Công Đoàn có 163 công đoàn viên; Đoàn thanh niên có 16 đoàn viên.

Trung tâm có 03 phòng chức năng: Phòng Tổ chức - Hành chính, Phòng Kế hoạch tổng hợp, Phòng Tài chính kế toán; 07 khoa chuyên môn: Khoa Khám bệnh - cấp cứu, Khoa Nội - Nhi - Nhiễm, Khoa Phụ sản - Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh, Khoa Kiểm soát bệnh tật - Chẩn đoán hình ảnh, Khoa Dược - Vật tư y tế, Khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng. Bệnh viện đa khoa thuộc Trung tâm được xếp hạng 3 với 50 giường bệnh.

Trung tâm có 12 trạm y tế xã, phường trực thuộc, gồm: Trạm Y tế các Phường 1, Phường 2, Phường 3, Phường 4, Phường 5; Trạm Y tế các xã Long Chánh, Long Hòa, Long Hưng, Long Thuận, Tân Trung, Bình Đông, Bình Xuân.

Về trình độ chuyên môn, năm 2022, Trung tâm có: Thạc sĩ: 01, Bác sĩ chuyên khoa 1: 12, Dược sĩ chuyên khoa 2: 01, Cử nhân đại học: 40, Cử nhân cao đẳng: 56, Trung học: 48, trình độ khác: 10

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên tượng đài, bia lưu niệm (nghiên cứu, biên soạn thêm bia tưởng niệm, khu tưởng niệm, bia căm thù, bia mộ):**

Tượng đài:

Tượng đài là công trình xây dựng nhằm phục vụ yêu cầu ghi nhớ, tưởng niệm các sự kiện, các nhân vật lịch sử, được thể hiện bằng nghệ thuật điêu khắc kết hợp với nghệ thuật kiến trúc, ở những nơi công cộng, bằng các chất liệu bền vững, như đá, kim loại không gỉ, bê tông,…

1.Tượng đài Chiến tích giải phóng Khám Lớn Gò Công

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Tượng đài) + Sự kiện lịch sử (Chiến tích giải phóng Khám Lớn Gò Công).

Sự kiện lịch sử:

Thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị (tháng 12-1967), Nghị quyết Hội nghị lần thứ 14 (tháng 1-1968) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, chỉ đạo của Trung ương Cục miền Nam, phối hợp với chiến trường toàn miền Nam, Tỉnh ủy Mỹ Tho, Thành ủy Mỹ Tho và Phân ban Tỉnh ủy Gò Công phát lệnh mở cuộc tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968.

Ở chiến trường Gò Công, đêm Mùng 3 Tết Mậu thân (tức đêm 1-2-1968), ta mở đợt tấn công vào thị xã. Lực lượng ta gồm có Tiểu đoàn 514B, Đại đội 206 (có khoảng 70 đồng chí), trung đội biệt động thị xã (có khoảng 30 đồng chí) đã phối hợp cùng lực lượng quần chúng nổi dậy tiến công địch, phá nhà tù giải thoát cho hơn 200 đồng chí đang bị địch giam giữ; tiến công vào dinh Tỉnh trưởng, tên Tỉnh trưởng bỏ chạy; lực lượng ta phát triển thêm một số điểm, ngày hôm sau rút ra đánh địch phản kích ven thị xã.

Tượng đài Chiến tích giải phóng Khám Lớn Gò Công tọa lạc tại Công viên có cùng tên nằm giữa 4 trục đường trong nội ô thị xã: Hai Bà Trưng - Trần Hưng Đạo - Lưu Thị Dung - đường nội bộ, thuộc Phường 1 thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Nền tượng đài được làm bằng bê tông, hình vuông, cao 0,5m, chiều dài mỗi cạnh 8 m, diện tích 64 m^2, có 3 bậc tam cấp tạo lối đi lên nền tượng đài, mặt nền được lót đá Granite xám.

Trên nền tượng đài là bệ tượng được xây bằng bê tông cốt thép, bề mặt lót đá Granite màu nâu nhạt, bệ tượng được thiết kế dạng hình thang chiều cao 4 m, chiều dài của mỗi cạnh 4,4 m. Mặt trước bệ tượng có bản nội dung chữ chạm âm nét, màu vàng, trên nền đá Granite xám:

"Đài Chiến tích

Giải phóng khám lớn Gò Công

(Tết Mậu Thân 1968)".

Mặt sau bệ tượng có nội dung được chạm âm nét, màu vàng:

"Công trình khởi công 1/7/1998.

Khánh thành Mùng 6 tết - Canh Thìn năm 2000

Nhà điêu khắc Lương Văn Thạnh"

Trên bệ tượng là khối tượng cao 8 m, được làm chất liệu bê tông cốt thép giả đá. Khối tượng mô tả hình ảnh các chiến sĩ giải phóng quân trong tư thế tiến công giải phóng khám lớn Gò Công trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, thể hiện 3 nhân vật: giữa là chiến sĩ giải phóng quân đầu đội nón tai bèo, hai tay cầm súng thể hiện sự chiến đấu; bên phải là hình ảnh 1 chiến sĩ tay bứt tung xiềng xích, gông cùm của địch và bên còn lại là hình ảnh chiến sĩ trong tư thế hai tay nắm chặt, người hướng về phía trước thể hiện sự căm thù trước sự tàn ác trong nhà tù, trại giam của địch.

2. Tượng đài Trương Định

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Tượng đài) + Họ và tên danh nhân (Trương Định).

Tiểu sử danh nhân:

Trương Định sinh năm 1820 tại xã Tư Cung, huyện Bình Sơn, phủ Tư Nghĩa, trấn Quảng Ngãi (nay là xã Tịnh Khê, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi) trong một gia đình quan chức yêu nước.

Theo Nguyễn Thông trong *Lãnh binh Trương Định truyện*, ông có "*trang mạo khôi ngô, thông hiểu binh thư và bắn giỏi*". Sách *Đại Nam liệt truyện* của Quốc sử quán triều Nguyễn chép: "(*Trương*) *Định am hiểu võ nghệ, dũng cảm, mưu lược*". Paulin François Alexandre Vial, nguyên Trưởng đồn kiêm Giám đốc bản xứ sự vụ

Gò Công, Giám đốc Nội vụ Nam kỳ, trong quyển *Những năm đầu tiên ở Nam kỳ* cho biết, ông cao lớn, nước da trắng, dáng người thanh tú.

Năm 1844, cha của ông là Trương Cầm vào tỉnh Gia Định nhận chức Lãnh binh. Ông được đi theo và sau đó, kết hôn với Lê Thị Thưởng, vốn là con gái của một hào phú ở Tân Hòa (Gò Công). Năm 1854, nhờ sự trợ giúp của gia đình bên vợ, ông xuất tiền của, mộ dân lập đồn điền Gia Thuận (nay thuộc huyện Gò Công Đông, Tiền Giang) để khai hoang vùng đất này. Vì thế, ông được triều đình phong chức Phó quản cơ.

Năm 1859, quân Pháp hạ thành Gia Định. Với lòng yêu nước nồng nàn, ông đã chỉ huy dân quân đồn điền Gia Thuận phối hợp với quân triều đình tiến đánh quân địch ở vùng Thuận Kiều và lập được nhiều chiến công. Vì vậy, đến tháng 10-1860, ông và nghĩa sĩ, bao gồm 50 người, được vua Tự Đức "*thưởng cho gia trật hoặc kỷ lục, ngân tiền*". Chiến công nổi bật đầu tiên của Trương Định và nghĩa quân là trận phục kích tiêu diệt tên đại úy thủy quân lục chiến Barbé tại chùa Khải Tường (vị trí chùa nay là Bảo tàng Chứng tích chiến tranh, số 28, đường Võ Văn Tần, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh) ngày 07-12-1860.

Tháng 4-1861, quân Pháp lần lượt đánh chiếm Mỹ Tho và Gò Công. Với quyết tâm chống quân xâm lược, Trương Định đã chiêu mộ 6.000 nghĩa sĩ dựng cờ khởi nghĩa. Vì thế, ông được triều đình phong chức Quản Cơ rồi thăng lên Phó Lãnh binh tỉnh Gia Định. Bên cạnh đó, ông còn ra sức xây dựng căn cứ kháng chiến Tân Hòa ở Gò Công. Ngoài ra, Trương Định còn cho xây dựng đồn trại ở Gia Thuận, vốn là đồn điền do ông lập ra năm 1854.

Cuộc khởi nghĩa do Trương Định lãnh đạo có sự liên kết chặt chẽ với nhiều cuộc khởi nghĩa khác, như khởi nghĩa Nguyễn Trung Trực ở Tân An, Trần Xuân Hòa, Võ Duy Dương và Nguyễn Hữu Huân ở Ba Giồng,...

Ngày 22-6-1861, nghĩa quân Đỗ Trình Thoại tấn công quân Pháp ở đồn Gò Công. Cuộc tập kích này đã làm tên lính thủy Bodiez phải tử trận, tên trung úy Vial

bị đâm trọng thương. Thế nhưng, thủ lãnh Đỗ Trình Thoại đã anh dũng đền nợ nước. Qua ngày hôm sau, để trả thù cho Đỗ Trình Thoại, Trương Định chỉ huy nghĩa quân đánh vào đồn Gò Công, gây cho địch nhiều thiệt hại.

Trong tháng 9-1861, ông chỉ huy nghĩa quân tiến hành trừng trị những tên tay sai chỉ điểm cho giặc, tiêu biểu là vụ bắt bá hộ Huy ở Đồng Sơn (nay thuộc huyện Gò Công Tây, Tiền Giang) phải đền tội phản quốc.

Sau đó, hoạt động quân sự của nghĩa quân Trương Định đã diễn ra liên tục. Ngày 30-12-1861, tấn công đồn Kỳ Hôn (nay thuộc TP Mỹ Tho, TG). Ngày 10-01-1862, tấn công đồn Gia Thạnh (nay thuộc huyện Chợ Gạo, TG); ngày hôm sau, với 10 chiến thuyền, nghĩa quân lại đánh đồn Rạch Gầm (nay thuộc huyện Châu Thành, TG). Từ ngày 22-01-1862 đến ngày 28-02-1862, nghĩa quân Trương Định mở 3 cuộc tấn công vào đồn Kỳ Hôn, có lần giặc Pháp phải bỏ đồn tháo chạy, bị nghĩa quân truy kích ráo riết.

Do bị tấn công liên tục, đô đốc Bonard ra lệnh cho quân Pháp rút khỏi đồn Gò Công ngày 01-3-1862. Cũng trong khoảng thời gian này, ông nhận được vũ khí do triều đình cấp phát, gồm 20 cỗ Quá sơn, 300 cân hỏa dược, 20 viên đạn thép, 80 trường thương. Trên cơ sở đó, đêm 06-4-1862, Trương Định chỉ huy nghĩa quân táo bạo đột kích Chợ Lớn (nay thuộc Thành phố Hồ Chí Minh). Trận đánh này đã khiến nhân dân rất phấn khởi; còn quân giặc thì hoang mang cực độ.

Để thực thi hiệp ước ký với Pháp năm 1862, vua Tự Đức ra lệnh giải binh ở ba tỉnh miền đông Nam kỳ (Định Tường, Gia Định, Biên Hòa); trong đó có việc buộc Trương Định phải giải tán nghĩa quân và đi An Giang nhận chức Lãnh binh. Tuy nhiên, với tước vị Bình Tây đại tướng quân, ông đã dũng cảm và sáng suốt ở lại Gò Công, lãnh đạo nhân dân tiếp tục cuộc kháng chiến.

Tháng 11-1862, Trương Định cử các đội trinh sát đi hoạt động ở khắp nơi. Ngày 06-12-1862, nghĩa quân Trương Định tấn công một chiến thuyền của quân Pháp trên sông Vàm Cỏ ở gần Trảng Bàng (Tây Ninh). Ngày 17 và ngày 18-12-1862, Trương

Định ra lệnh cho nghĩa quân đồng loạt mở cuộc tổng công kích vào các vị trí chiếm đóng của quân Pháp ở ba tỉnh miền đông Nam kỳ.

Trước tình hình đó, đầu năm 1863, quân Pháp tổ chức những cuộc hành quân càn quét vào căn cứ Tân Hòa (Gò Công) của nghĩa quân Trương Định. Ngày 16-02-1863, đô đốc Bonard, tổng chỉ huy quân Pháp ở Nam kỳ, đến Gò Công, trực tiếp chỉ huy cuộc tấn công. Do thế giặc quá mạnh nên Trương Định vừa cho nghĩa quân mật phục đánh địch liên tục, vừa ra lệnh cho đại bộ phận nghĩa quân rút đi nơi khác để bảo toàn lực lượng cho cuộc chiến đấu lâu dài.

Sau đó, Trương Định di chuyển về khu vực "Đám lá tối trời" ở Gia Thuận để gầy dựng lại lực lượng. Thực dân Pháp tung bọn mật thám, bọn phản bội chỉ điểm ráo riết theo dõi mọi hoạt động của nghĩa quân. Theo đó, Huỳnh Văn Tấn (Đội Tấn) được lệnh truy lùng nơi ở của Trương Định. Ngày 20-8-1864, Đội Tấn chỉ huy bọn thuộc hạ bất ngờ đột kích vào nơi trú ngụ của ông tại Kiểng Phước (nay thuộc huyện Gò Công Đông, TG). Trận chiến không cân sức đã diễn ra; và cuối cùng, Trương Định đã anh dũng hy sinh vì đại nghĩa cứu nước, cứu dân, hưởng dương 44 tuổi, để lại bao niềm tiếc thương trong lòng người dân Gò Công và Nam bộ.

Sau khi ông mất, nhà yêu nước Nguyễn Đình Chiểu đã làm bài văn tế và mười hai bài thơ điếu Trương Định, ca ngợi cuộc đời chiến đấu hào hùng và cái chết lẫm liệt của ông. Một *Tờ tấu* trong danh mục *Châu bản triều Nguyễn* nhận xét về ông như sau: "Cố Trương Định mộ nghĩa ở Gò Công, chấn động thôn dân, đánh lấy được thảy đều vui mừng, cùng nhau báo cáo. Hoặc cùng nộp đưa tiền bạc, lúa gạo, lấy đó làm quân lương; hoặc quyên nộp đồng sắt, hỏa dược, cứu tế quân nhu. Già trẻ khỏe mạnh ở nhà đều ứng mộ, lòng ham muốn nhanh chóng được giết giặc Tây di". Con ông là Trương Quyền noi chí cha, tiếp tục phất cao cờ khởi nghĩa chống thực dân Pháp xâm lược và hy sinh anh dũng vào năm 1867.

Hiện nay, ở thị xã Gò Công, huyện Gò Công Đông, huyện Gò Công Tây, thành phố Mỹ Tho (tỉnh Tiền Giang), thành phố Quảng Ngãi (tỉnh Quảng Ngãi), Thành phố Hồ Chí Minh, thủ đô Hà Nội,… và nhiều tỉnh, thành khác đều có đường phố mang

tên ông. Đồng thời, tên ông còn được đặt cho một trường trung học phổ thông ở thị xã Gò Công.

Lăng mộ và đền thờ của ông ở thị xã Gò Công được Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận là Di tích lịch sử cấp quốc gia năm 1989. Đền thờ của ông ở xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông cũng được Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận là Di tích lịch sử quốc gia năm 2004.

Tượng đài Trương Định khánh thành năm 1995, phần bệ đá cao 4,5 m, phần tượng được tạo tác bằng đá hoa cương, cao 8 m, do nhà điêu khắc Diệp Minh Châu tạo mẫu, mô tả Trương Định với thế đứng uy nghiêm, đặt tay vào đốc gươm trông rất hùng dũng, cương nghị. Đến năm 2006, tượng được thay bằng chất liệu đồng, tọa lạc tại Phường 2, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Tượng đài Trương Định được xếp hạng Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15 tháng 2 năm 2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

*** Bia lưu niệm (Nghiên cứu, biên soạn thêm: Bia tưởng niệm, Khu tưởng niệm, bia căm thù, bia mộ):**

Bia lưu niệm/tưởng niệm:

Bia lưu niệm/tưởng niệm là vật được tạo tác dạng hình phiến dẹp có mặt phẳng, thường được làm bằng đá, kim loại, gỗ, bê tông cốt thép,… với kích thước thường có chiều cao lớn hơn chiều rộng, được dựng lên để lưu niệm/tưởng niệm danh nhân, sự kiện lịch sử, tổ chức chính trị - xã hội,…

Bia lưu niệm căn cứ Tỉnh ủy Gò Công

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bia lưu niệm) + Địa danh lịch sử (Căn cứ Tỉnh ủy Gò Công).

Địa danh lịch sử:

Gò Công là vùng trọng điểm trong chiến lược bình định của địch ở khu vực nam Sài Gòn trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Vì thế, Tỉnh ủy Gò Công quyết định chọn Bình Xuân làm căn cứ cách mạng. Nơi đây có địa hình kinh rạch chằng chịt rất thuận lợi cho việc chỉ đạo tấn công vào thị xã Gò Công và liên lạc các mảng căn cứ cách mạng khác.

Do đó, địch đã tập trung đánh phá Bình Xuân rất ác liệt. Trong 21 năm chiến tranh (1954-1975), trung bình mỗi người dân ở Bình Xuân đã phải hứng chịu 2,5 tấn bom đạn, riêng 3 ấp Nhứt, ấp 6 và ấp 7, mỗi người phải chịu trên 3 tấn. Ngoài bom pháo, Bình Xuân còn là nơi đầu tiên ở Gò Công mà địch sử dụng chất độc hóa học để hủy diệt địa hình và nhân dân ta.

Trong thời kỳ này, Tỉnh ủy Gò Công đã lãnh đạo lực lượng vũ trang và quân dân xã Bình Xuân vượt qua muôn vàn khó khăn, vận dụng sáng tạo nhiều hình thức chiến đấu phù hợp với địa bàn xã, làm thất bại ý đồ bình định của địch, góp phần thắng lợi vào cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc. Xã Bình Xuân được phong tặng danh hiệu "Anh hùng lực lượng vũ trang" vào ngày 22-6-1994.

Bia lưu niệm căn cứ Tỉnh ủy Gò Công thời chống Mỹ, do nghệ nhân ưu tú Trần Văn Trầm tạo mẫu, được xây dựng tại xã Bình Xuân, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang vào năm 2000, trong khuôn viên 1.000 m², trên nền cao khoảng 1 m. Cấu trúc bia có hình ảnh thanh gươm cao hơn 5 m chỉ thẳng lên trời đã tượng trưng cho sức mạnh chiến đấu của quân dân Gò Công. Phía sau thanh gươm là hình lá cờ Đảng đỏ thắm được cách điệu như chiếc thuyền buồm căng gió lao lên phía trước. Trên nền lá cờ có in dòng chữ "Bia lưu niệm Tỉnh ủy Gò Công thời chống Mỹ". Phía dưới lá cờ và thanh gươm là thiết kế nhằm tái hiện lại những chiếc hầm lớn nhỏ, để làm nơi bảo vệ những chiến sĩ trong khi chiến đấu chống lại kẻ địch. Trên nóc hầm là hình 10 vòng tròn

biểu tượng cho những thân cây đã kiên cường chịu đựng và vượt qua bom đạn, khói lửa chiến tranh.

Bia lưu niệm căn cứ Tỉnh ủy Gò Công nằm trong khuôn viên Di tích Căn cứ Tỉnh ủy Gò Công được Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15/02/2000.

Bia mộ:

Bia mộ là phần được tạo tác bằng đá, xây trước mộ. Trên bia mộ có ghi một số thông tin như: họ tên, ngày/tháng/năm sinh, ngày/tháng/năm mất của người quá cố, ghi chép tóm tắt tiểu sử và công trạng của người mất.

Bia mộ Phạm Đăng Hưng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bia mộ) + Nhân vật lịch sử (Phạm Đăng Hưng).

Phạm Đăng Hưng (1764 - 1825), quê quán tại giồng Sơn Quy (Gò Rùa), thôn Tân Niên Đông, huyện Kiến Hòa, đạo Trường Đồn (nay là ấp Lăng, xã Long Hưng, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang).

Ông là đại công thần của triều Nguyễn, từng giữ chức thượng thư Bộ Lễ dưới hai triều vua Gia Long và Minh Mạng, có người con gái là Phạm Thị Hằng, tức thái hậu Từ Dụ (1810-1902), nhưng dân gian quen gọi Từ Dũ, được gả cho hoàng tử trưởng Nguyễn Phúc Miên Tông, tức vua Thiệu Trị (1807-1847) và người con trai là Phạm Đăng Thuật (?-1861, em trai bà Từ Dụ) kết hôn với công chúa Nguyễn Phúc Vĩnh Trinh (1824-1892, em gái vua Thiệu Trị). Cả vua Thiệu Trị và công chúa Nguyễn Phúc Vĩnh Trinh đều là con của vua Minh Mạng. Như vậy, Phạm Đăng Hưng là thông gia với vua Minh Mạng, cha vợ vua Thiệu Trị, cha chồng công chúa Nguyễn Phúc Vĩnh Trinh, ông ngoại vua Tự Đức (tên húy là Nguyễn Phúc Hồng Nhậm). Do đó, dòng dõi Phạm Đăng được xếp vào hàng Thích lý, tức bên ngoại của hoàng gia.

Năm 1825, ông bị bệnh mất tại kinh đô Huế, thọ 61 tuổi. Do có công lao to lớn đối với nhà Nguyễn, ông được vua Minh Mạng là thông gia truy tặng hàm Vinh Lộc Đại Phu, Trụ Quốc, Hiệp Biện Đại Học Sĩ, thụy là Trung Nhã. Năm 1848, ông được vua Tự Đức là cháu ngoại truy thăng hàm Đặc Tiến Vinh Lộc Đại Phu, Thái Bảo, Cần Chánh Điện Đại Học Sĩ, tước Đức Quốc Công và được thờ ở miếu Trung Hưng Công Thần, tên được ghi ở đền Hiền Lương. Đồng thời, nhà vua còn cho dựng đền thờ ông và phu nhân, gọi là Đức Quốc công từ ở Kim Long (nằm trên đường Kim Long, phường Kim Long, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên - Huế hiện nay).

Năm 1858, tiểu sử và công đức của ông được vua Tự Đức cho chạm khắc vào bia đá. Tấm bia được làm bằng đá cẩm thạch trắng có xuất xứ ở Quảng Nam, cao 2,2 mét. Bài văn bia này do Phan Thanh Giản và Trương Quốc Dụng hợp soạn năm 1857.

Về bia mộ của ông diễn tiến ly kỳ như sau:

Năm 1859, thuyền chở tấm bia từ kinh đô Huế về Gò Công, khi đi ngang qua cửa Cần Giờ (có tài liệu viết cửa Ô Cấp - Vũng Tàu) thì bị thực dân Pháp chận bắt và đưa về đưa về chùa Khải Tường (hiện nay là Bảo tàng Chứng tích chiến tranh, số 28, đường Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh) cất giữ. Tháng 12/1860, đại úy thủy quân lục chiến Pháp Barbé bị nghĩa quân Trương Định giết chết gần chùa Khải Tường (Sài Gòn), sẵn có tấm bia lớn, thực dân Pháp cho tạc vào đó những dòng chữ tưởng niệm viên sĩ quan này, rồi dựng trước mộ của Barbé tại nghĩa địa Tây ở Sài Gòn (nay là Thành phố Hồ Chí Minh).

Do tấm bia bị quân Pháp cướp mất, nên năm 1899, theo ý chỉ của bà Từ Dụ, vua Thành Thái cho làm một tấm bia khác bằng đá hoa cương, có nội dung như tấm bia năm 1858, mang về Gò Công và cho tôn trí ở phía bên phải lăng mộ Phạm Đăng Hưng.

Trở lại số phận của tấm bia năm 1858, vào năm 1983, nghĩa địa Tây (về sau được gọi là nghĩa trang Mạc Đĩnh Chi) bị giải tỏa để xây dựng công viên. Tấm bia được chuyển đến lưu giữ tại Bảo tàng Cách mạng Thành phố Hồ Chí Minh. Năm

1998, tấm bia được chuyển về tỉnh Tiền Giang và được tôn trí trong Nhà bia ở phía trái lăng mộ của Phạm Đăng Hưng tại lăng Hoàng Gia thuộc xã Long Hưng, thị xã Gò Công.

Như vậy, hiện nay, tại Lăng Hoàng Gia, trước lăng mộ của Phạm Đăng Hưng có 2 tấm bia: bia năm 1858 ở bên trái và bia năm 1899 ở bên phải, có nội dung giống nhau, đều ca ngợi công đức của Phạm Đăng Hưng.

Nội dung bài văn bia như sau (bản dịch của Tiến sĩ Văn học Võ Phước Lộc):

"Ông Thái Bảo Đức Quốc là công thần thời Trung Hưng, mất tại chức năm Minh Mạng thứ sáu, đưa về chôn tại Gò Rùa (tức giồng Sơn Quy) ở quê nhà. Nay kính truy tôn đức cũ, thuật lại nguồn xưa, vua sai chúng tôi là Phan Thanh Giản và Trương Quốc Dụng tìm tòi hành trạng của ông, đem khắc nêu ra để cho khỏi mất mát.

Chúng tôi trộm nghe:

Từ xưa các bậc đế vương chịu mệnh trời và các bậc vua chúa nối dõi sự nghiệp đời trước, tuy trong mình đã có đức dồi dào, nhưng cũng phải nhờ họ hàng bên ngoài giúp đỡ, cho nên cần khen thưởng để được hiển vinh. Quốc triều ta vốn có điều lệ phép tắc rõ ràng tốt đẹp, như các ông Quy Quốc, Thọ Quốc, Phúc Quốc đều trung nghĩa giúp vua, có công với xã tắc, cho nên dùng chức cao lễ lớn để đền đáp nguyên huân chứ đâu chỉ dành riêng cho hàng thân thuộc. Ông gặp buổi trung hưng, tham gia quân đội, vừa trí vừa dũng, lập được công lao, nay nêu rõ ban khen thì cũng hợp nghĩa vậy.

Ông tên húy Đăng Hưng, tên chữ Khiết Cũ, người huyện Tân Hòa, tỉnh Gia Định, đời trước là một họ lớn. Ông sơ húy Đăng Khoa, học rộng có tiếng văn chương, trong khoảng niên hiệu Chính Trị (1558 – 1571) đời Lê (tức vua Lê Anh Tông), ông giận họ Trịnh ngang ngược, không ra làm quan, gặp lúc Đức Thái Tổ Gia Dụ hoàng đế ta (tức Nguyễn Hoàng) dựng nghiệp ở Thuận Hóa, ông đem cả họ vào

Nam, ban đầu ngụ tại Ái Tử (Quảng Trị), sau dời đến Phú Xuân (Huế). Ấy là tổ thiên cư trước hết vậy. Ông cố húy Đăng Tiên, lấy văn học bổ Huấn đạo (chức quan trông coi về giáo dục) phủ Tư Nghĩa (Quảng Ngãi), nhân đó dời nhà đến Mỹ Khê. Ông nội húy Đăng Dinh, thông thạo cả Nho lẫn Y, tự lấy hiệu là Huyền Thông Đạo Nhân, vì yêu cảnh núi sông xứ Gia Định, nên chọn đến ở thôn Tân Niên Đông, huyện Tân Hòa (Gò Công), từ đó mới thành người Gia Định. Ông thân húy Đăng Long, nổi tiếng về văn học và đức hạnh, ở ẩn dạy học trò, hạng trí thức trong vùng ấy gọi là Kiến Hòa tiên sinh. Vì các đời đều có ân đức, nên ai cũng sống lâu, một nhà phước thọ, người quân tử đoán thế nào cũng phát lớn vậy.

Ông (Phạm Đăng Hưng) bẩm sinh đĩnh ngộ khác thường mà lại thuần hậu, tinh thần khoáng đạt. Thuở bé, ông học ở nhà, lớn lên nhờ thầy giỏi giảng dạy rộng khắp nên ông hiểu biết nhiều, không gì không nghiên cứu. Bấy giờ Đức Thế Tổ Cao Hoàng đế (Nguyễn Phúc Ánh-Gia Long) ta mở mang đất nước, đóng tại Nam Kỳ, kẻ sĩ có chí khí và tài năng tập hợp dưới xe như rừng. Lại bộ Nguyễn Hữu Trí, xử sĩ Võ Trường Toản, đức hạnh và văn chương làm mẫu mực cho đời. Cái cơ mưu làm việc nước, điều cốt yếu để lập thân, ông đều đã đạt được.

Gặp buổi khó khăn, ông mang tấm lòng trung ái, chí toan lập công, dựng việc, cứu khổ phò nguy, bèn dự thi khoa Bính Thìn (1796), đỗ tam trường, được cho làm lễ sinh ở phủ, rồi bổ chức Diễn luân thị thảo ở Cống sĩ viện, thường cùng bàn việc với các quan thị thư. Ít lâu, đổi làm Tham luận phấn võ vệ. Những điều khoản kỷ luật trong quân, những giấy tờ kê báo, không sót thứ gì. Đây chỉ là thử thách nhỏ.

Chợt Xiêm La bị Miến Điện vây đánh, gửi thư xin cứu giúp. Ông vâng mệnh theo đại đội quan binh vượt biển sang tiếp viện. Tiếng vang tới trước giặc đã sờn lòng, lập tức mở vòng vây chạy trốn. Oai trời chấn động, nước nhỏ tôn sùng. Quân đội trở về, ông được thăng vượt bậc lên Tham tri bộ Lại.

Bấy giờ đã đặt lục khanh, phân chia chức vụ, nhưng công việc chung của quan lại đều do ông nắm giữ. Đến như chương sớ trong ngoài, bổ thăng văn võ cũng nơi ông cả, cho nên rất bận rộn. Ông siêng năng, cẩn trọng, tỉ mỉ, rõ ràng, tùy việc mà giải quyết, trong Bộ không hề bị ách tắc.

Đến mùa gió Nồm thổi mạnh, binh thuyền trấy ra hạ thành Diên Khánh (Khánh Hòa) dẹp loạn. Trận đốt tan hạm đội giặc ở Thị Nại (Quy Nhơn), trận bức hàng giặc tại Quy Nhơn, cho đến hồi thu phục kinh sư (Huế), dẹp yên Bắc Hà, binh trời đến đâu thắng đấy. Đang lúc ấy, tướng mạnh quân hay, gió mây gặp dịp, lớn lao đẹp đẽ, rạng rỡ nhất đời. Riêng ông, không nơi nguy hiểm nào không trải qua, không trận đánh nào không theo sát, bàn mưu kế ở trong màn trướng mà quyết cơ chiến thắng ngoài ngàn dặm, tính toán rõ ràng, công ông thật lớn vậy!

Đầu đời Gia Long (1802-1819), ở chốn đô hội của non sông, nhân dân đông hàng muôn vạn, nam bắc thông thương, hải trình trở ngại. Đến khi ông vâng mệnh coi việc trường đà (thuyền vận tải), phàm kỳ hạn đi về, cách thức lui tới, tiêu chuẩn chở chuyên, bàn bạc thực hành thấy đều thỏa đáng. Hàng năm, tiền gạo, sản vật chứa đến hàng chục vạn, cung cấp đầy đủ, mà các hộ ghe thuyền đều vui lòng làm việc.

Tiếp đó, ông được thăng Thượng thư bộ Lễ, kiêm coi việc Khâm thiên giám (cơ quan trông coi việc làm lịch, thời tiết, thiên văn,...). Giữ chức quan thanh bạch, làm nhiệm vụ thanh cao, ngày đêm chăm chỉ tìm tòi, xem xét rõ đường lợi hại, thêm sửa nhiều điều, đưa về nguyên gốc. Những công việc rảnh rang, Đức Thế Tổ Cao Hoàng Đế (Gia Long) cùng các quan thong thả bàn về cái đạo trị nước của các bậc đế vương xưa. Ông nói rằng: cái học của đế vương rất hệ trong, cho nên phép trị của đế vương rất tinh thuần. Thần trộm thấy một quyển Đại học diễn nghĩa thu góp tinh hoa đạo đức tính mệnh thánh hiền, lượm nhặt vết tích trị loạn an nguy xưa nay, thật là rộng rãi sâu sắc. Quả thật ý nghĩa những lời tế nhị dạy đời của ông Khổng, ông

Mạnh sáng tỏ biết bao: cái đạo cốt yếu của bậc trị dân, Châu Đức Tú đời Tống bàn đã rõ ràng. Xưa Đức Tú có cái học chân chính của nhà Nho, mà không thi hành được ở lúc nhà Tống suy tàn. Nay bọn thần không có cái gì học của Đức Tú mà may mắn được sống trong triều đại thánh minh.

Rồi ông đem sách dâng lên, vua rất vui lòng. Vì thế, lễ văn chế độ cho quốc triều ta, việc gì cũng khoan hậu mà rõ ràng đầy đủ. Thật là bậc lão thành có nhiều công sức vậy. Ông lại xin đặt kho xã thương, để phòng khẩn cấp khi mất mùa. Vua phán rằng tuy đó là việc hay, nhưng phải bao giờ cũng được người tốt, sợ nhiễu dân nên không chuẩn. Song đã biết không thể không nói ra, có yêu mến hơn cả. Thế gọi là nhóm tinh hoa, hợp tâm thần, vua tôi tương đắc nhường nào, đủ thấy đời ấy ra sao rồi.

Triều đình thong thả, vua tôi tin cậy nhau, hòa hợp với thần minh, chứa chan nguồn đức độ, đúng là nghìn năm mới gặp một lần. Năm thứ mười tám (1819), Thế Tổ Cao Hoàng đế sắp sửa về trời, để lại ngôi báu, đặc biệt triệu ông vào cùng Lê Văn Duyệt chịu cố mạng, mà di chiếu thì chính do ông ứa lệ tự tay viết ra. Sự truy ngộ ủy thác há chẳng trân trọng ư?

Đức Minh Mạng mới lên ngôi, trên thì vua sáng nối nền, dưới thì tôi hiền đòi đức, lại có cựu thần giúp việc, tuy ung dung chốn miếu đường mà thiên hạ ai chẳng ngóng trông phong thái. Riêng ông chăm chỉ đến từng việc nhỏ, không hề biết về ngày đêm, tấm lòng sốt sắng, tuy già mà vẫn giữ mỗi lúc đảm đương nhiệm vụ. Ông từng nghĩ rằng, miễn cho cơ nghiệp lâu bền, thì trước cần tỏ rõ niềm tin rồi về sau mới xa dài được.

Minh Mạng nguyên niên (1820) ông sung Giám tu ngọc phả (chức quan trông coi việc ghi chép, chỉnh sửa gia phả của hoàng gia). Việc lúc ban đầu, nghĩa còn mới mẻ, đặt ra thể lệ, biên chép khó khăn. Ông xem xét, xin định làm tiền kỳ (thời chúa), chính biên (thời vua), phụ lục mỗi thứ đều có quy cách, sau đó, nội dung công việc

mới rõ ràng, tuân theo không đổi. Năm thứ hai sung Phó Tổng tài Quốc sử quán (cơ quan trông coi việc biên soạn lịch sử của triều đình), kính soạn Liệt thánh thực lục. Sau cơn binh lửa sách vở thiếu nhiều, ông tìm tòi lượm lặt, ngẫm nghĩ không thôi đến cả ngay trong giấc ngủ. Hai triều huân công, trung cẩn một lòng, việc nước nhọc nhằn, thân chưa từng nghỉ.

Chợt năm thứ sáu, ông lâm bệnh. Đến lúc không gượng dậy được, ông tự nghĩ: Làm sách thực lục là để cho đời sau biết công trình gầy dựng của triều ta, ngày xưa, kế mưu hay giỏi, cuốn mở muôn hình. Nhưng từ năm Đinh Mùi (1787) trở về trước, các việc biên chép còn thiếu sót. Chỉ từ năm Mậu Thân đến năm Tân Dậu (1788 – 1801), trong khoảng 14 năm, bản thảo ghi sơ lược còn có bộ lại, chính mắt ta được trông thấy hơn trăm tập, trong ấy có thể nhiều điều thu nhặt. Nay không nói để người đời sau không biết được. Đó là trách nhiệm của ta. Ông liền dâng sớ, xin kiểm điểm lại, gởi qua sử quán để giúp ít nhiều cho việc biên chép mới. Lòng tận tụy của ông có thể thấy ở những chuyện đại loại như vậy.

Đến ngày 14 năm Minh Mạng thứ sáu (1825), ông mất, hưởng thọ được sáu mươi mốt tuổi. Lúc ông đang ốm, vua sai quan ngự y đến chăm sóc, ngày ông mất, vua rất thương sót, ban cấp nhiều gấm lụa, tặng Vinh Lộc Đại Phu, Trụ Quốc, Hiệp Biện Đại Học Sĩ, cho tên thụy là Trung Nhã, sai quan lo việc tang, đưa về chôn tại làng cũ Tân Niên Đông. Ông dốc lòng trung nghĩa, gặp bậc thánh minh, lại thêm bản chất tinh thuần, cùng với nếp nhà hiền đức, nảy sinh năm trước, phát mãi điềm lành. Nay Đức Thánh Từ Hoàng Thái Hậu (bà Từ Dụ) là con gái cả của ông. Đồ Sơn giúp nhà Hạ, Sầu Tư hưng nhà Chu góp nhóm phúc lành về sau còn mãi.

Đức Hoàng thượng ta (tức vua Tự Đức) nối ngôi, năm thứ hai (1849) đặc sai tham khảo điếu tế, gia tặng ông (Phạm Đăng Hưng) Đặc Tiến Vinh Lộc Đại Phu, Thái Bảo, Cần Chính Điện Đại Học Sĩ, phong tước Đức Quốc Công, vẫn thụy Trung

Nhã. Bà họ Phạm (Phạm Thị Dụ, vợ của Phạm Đăng Hưng) tặng phong nhất phẩm Đức quốc phu nhân. Dựng nhà thờ riêng ở kinh sư.

Lại báo phong các đời để truy tôn đức trước. Ông thân (cha của Phạm Đăng Hưng là Phạm Đăng Long) tặng Từ Thiện Đại Phu, Lại Bộ Thượng Thư, Phước Yên Hầu, thụy Trung Nghị, bà họ Phan (Phan Thị Tánh, vợ của Phạm Đăng Long) tặng Đoan Khiết Phu nhân. Ông nội (Phạm Đăng Dinh) tặng Gia Nghị Đại Phu, Hàn Lâm Viện Chưởng viện học sĩ, Bình Thạnh Bá, thụy Cẩn Lượng, bà họ Trương (vợ của Phạm Đăng Dinh) tặng Đoan Hòa thục nhân. Ông cố (Phạm Đăng Tiên) tặng Trung Thuận Đại Phu, Hàn Lâm viện Thị Đại Học Sĩ Mỹ Khánh Tử, thụy Đoan Ý, bà họ Bùi (vợ của Phạm Đăng Tiên) tặng Đoan Cung nhân. Ông sơ (Phạm Đăng Khoa) tặng Trung Thuận Đại Phu, Hàn Lâm viện Thị Đại Học Sĩ Mỹ Khánh Trung Thuận Đại Phu, Thiêm Sự Phủ Thiếu Thiêm Sư, thụy Hòa Mẫn, bà họ Nguyễn (vợ của Phạm Đăng Khoa) tặng Đoan thục Cung nhân. Các vị thứ riêng ở Tích Thiện từ, tỏ rõ sự báo đáp tốt đẹp.

Năm Tự Đức thứ năm (1852) bàn bạc bổ sung điển thờ công thần, chúng tôi cho rằng ông buổi đầu dựng nước giúp việc quân cơ, sau lúc bình yên, tham gia chính trị, công lớn rõ ràng, trước sau trọn tiết, xếp vào thờ hàng đầu cũng đúng với lễ nghi báo đáp. Cho nên ông cùng Trịnh Hoài Đức, Lê Quang Định được đưa vào thờ ở miếu Trung Hưng công thần.

Ôi! Đức là chủ, công là thêm. Sùng Đức báo công là để khuyến khích điều lành. Công thì thờ, có đức thì phong, lấy "tích thiện" (chứa điều lành) mà đặt tên nhà thờ, cũng là để khuyên răn, chẳng đã rõ ràng đây sao?

Ông có bốn con trai, Đăng Tuấn tặng Lang Trung, Đăng Tá tặng Viên Ngoại Lang, Đăng Thiệu tập ấm hàm Cai đội, Đăng Thuật làm quan Lang trung bộ Lễ lấy công chúa (tức công chúa Nguyễn Phúc Vĩnh Trinh), tiến phong Phò mã Đô úy, phụng triều chính. Cháu đích tôn Đăng Đạt tập ấm hàm Cai đội. Phái đích tôn Đăng

Đạt tập ấm Quản cơ, cháu thứ Đăng Truyền tập ấm Phó Quản cơ, Đăng Nghi, Đăng Đệ đều tập ấm Cai Đội. Phái đích, con Đăng Trừ tập ấm Quản cơ, Đăng Oai tập ấm Chánh đội trưởng, cháu Đăng Phương tập ấm Cai đội. Hiện nay (1857) Đăng Đạt trong coi nhà thờ và phần mộ.

Mộ ông và bà đều ở tại Gò Rùa, cách nhau độ vài trăm bước.

Ôi! Phước đức trung nghĩa của ông như thế mà chưa khắc vào bia đá là một thiếu sót!

Nay vâng mệnh làm ra để tỏ lòng đời sau vậy:

Minh rằng:

Ngự Long đặt họ, vốn tự Đào Đường

Thương Chu lập nước, thờ cúng phép thường

Đền thờ Hạ Tấn họ Phạm tỏ tường

Ấy đời hưng thạnh, truyền lại miên trường

Từ Bắc vào Nam, nhiều đời chở đức.

Sinh bậc triết nhân, ôn cùng phép tắc

Kiến thức bao la luận bàn sâu sắc

Thiên phận đã cao, học hành càng chắc.

Nhạc thần sinh xuống, Mão tú chứa tình

Đưa rồng vinh phượng, phúc nước tốt lành.

Gói mây tụ hợp, nhật nguyệt quang minh

Dẹp tan tăm tối, đem lại thái bình

Bốn bể sạch không, võ công đạt đỉnh,

Trước xứng thi thư, tỏ hay nghĩa kinh

Nghi lễ sửa sang, văn chương hiệu đính,

Chế độ điển chương, dồi dào hưng thịnh.

Thế tổ cao xa, lớn lao mệnh chính.

Nhân tổ lên ngôi, thánh nhân nối thánh

Nhân thâm đất trời, muôn loài hợp tính.

Đường đường nguyệt lão, kính cẩn đêm ngày

Hai triều rạng vẻ, đức độ không thay

Biên tu một chức, hôm sớm liền tay

Lâm chung để biểu, chẳng chút riêng tây

Trung thành son sắc ai cũng tôn thầy.

Yêu mến hòa vui, nổi lòng khương tỉ

Mãi mãi sáng ngời, vun bồi phước chỉ

Rộng lớn khoa nguyên, nhân chung càng thỉ

Trường lạc tươi xuân, Dao trì tuyệt mỹ

Thư loan lại xuống, dung rộng suy cao

Khảo xem di điển, thấy rõ công lao

Vẻ vang phong tước, huân lớn ơn đào

Nghĩ đến gia thành, tùng thu rợp bóng

Sóng trước quanh co, gò sau lồng lộng

Chất chứa tinh anh, tạo nên gò đống.

Dựa chốn linh thiêng, bởi ông đức trọng

Ngọc đá khắc bia, nghìn đời tưởng vọng.

Ngày tốt tháng Chạp năm Tự Đức thứ 10 (1857)

Phan Thanh Giản, Hiệp Biện Đại Học Sĩ, lãnh Lễ Bộ Thượng thư

Trương Quốc Dụng, Hình bộ Thượng thư vâng mệnh soạn

Kính khắc".

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên công viên/vườn hoa, rạp hát:**

Công viên/Vườn hoa:

Khái niệm:

- Công viên là khu vực được trồng cây xanh tập trung trong một diện tích đất lớn nhằm mục đích phục vụ công cộng, là nơi sinh hoạt ngoài trời, nghỉ ngơi, thư giãn, vui chơi, giải trí, tập luyện thể dục, nơi tổ chức các hoạt động văn hóa - xã hội đáp ứng nhu cầu của nhân dân. Ngoài cây xanh, công viên còn có các công trình kiến trúc và công trình hạ tầng kỹ thuật đồng bộ. Phạm vi quản lý một công viên bao gồm diện tích bên trong công viên và vỉa hè của công viên đó.

- Vườn hoa: Loại công viên hoặc vườn nhỏ ở đô thị trong đó có trồng nhiều hoa. Có thể đứng độc lập hoặc gắn với công trình kiến trúc, có tác dụng tăng thẩm mỹ cho cảnh quan đô thị.

Thị xã Gò Công: 05 địa danh

1. Công viên Ao Thiếc

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Công viên) + Công trình xây dựng (Ao: hồ nước nhân tạo, được đào sâu để chứa nước) + Kim loại (Thiếc). Thuở xưa, ở đây có một xóm nhà làm đồ gia dụng bằng thiếc. Xóm nhà này ở gần cái ao to, nên có địa danh Ao Thiếc.

Công viên được khánh thành diện tích 2.055 m², tọa lạc trên đường Nguyễn Văn Côn thuộc Phường 3, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang, hệ thực vật gồm có cây thân gỗ (xà cừ, bằng lăng, lộc vừng, si, sanh, lim, me tây, kèn hồng, hoàng hậu,…); cây tạo hình và hoa (hồng lộc, sứ, hoa giấy,…); các loại cây lá màu và thảm cỏ với những đường viền bằng cây ắc ó,… Đồng thời, công viên còn có ghế đá; thiết bị tập thể dục; đèn trang trí (01 hệ thống đèn led trang trí nghệ thuật và 40 trụ đèn nghệ thuật xung quanh khuôn viên); hệ thống điện nước; vỉa hè,…

2. Công viên Đền thờ liệt sĩ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Công viên) + Công trình xây dựng (Đền thờ: là nơi thờ cúng thần linh, những người đã hy sinh vì đất nước, danh nhân quá cố) + Những người đã hy sinh vì sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế hoặc vì lợi ích của Nhà nước, của nhân dân được Nhà nước truy tặng Bằng "Tổ quốc ghi công" (Liệt sĩ).

Công viên được khánh thành năm 2015, nằm trên đường Lưu Thị Dung, Phường 2, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang, diện tích 5.500 m². Hệ thực vật gồm: cây thân gỗ (lộc vừng, giáng hương, dương, sanh,…); cây tạo hình (hồng lộc, chuỗi ngọc Thái, nguyệt quế,…); cây và hoa trồng chậu (mai, trúc, sen, sứ,…); các thảm cỏ lá màu,… Đồng thời, công viên còn có đền thờ chính, nhà quản đền, đài phun nước, đèn trang trí, bãi xe, ghế đá, hệ thống điện nước, đường đi nội bộ,…

3. Công viên Khu dân cư Phường 5

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Công viên) + Nơi nhân dân, hộ gia đình cư trú tập trung trong một khu vực nhất định (Khu dân cư) + Địa danh hành chính (Phường 5).

Công viên được khánh thành năm 2008, nằm trên đường Trương Định, thuộc Phường 5 thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang, diện tích 4.584 m². Hệ thực vật gồm: cây thân gỗ (lộc vừng, lim xẹt, sanh,…); cây tạo hình (hoa giấy, nguyệt quế,…); các thảm cỏ lá màu với những đường viền bằng cây ắc ó,… Đồng thời, công viên còn có ghế đá; thiết bị tập thể dục; các trụ đèn nghệ thuật; hệ thống điện nước; vỉa hè,…

4. Công viên Trương Định

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Công viên) + Danh nhân (Trương Định[17]).

Công viên được khánh thành năm 1995, nằm trên đường Trương Định, thuộc Phường 1 thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang, diện tích 1.882 m². Hệ thực vật chủ yếu là cây kiểng và hoa trồng chậu (cau cảnh, hoa giấy, sanh, gừa,…) và thảm cỏ hoàng lạc. Tại đây, có tượng đài Trương Định[18], ghế đá, đèn trang trí, hệ thống điện nước,…

5. Công viên Tượng đài chiến tích giải phóng Khám Lớn Gò Công

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Công viên) + Công trình xây dựng (Tượng đài) + Sự kiện lịch sử (Chiến tích giải phóng Khám Lớn Gò Công).

Công viên được khánh thành năm 2000, nằm giữa 4 trục đường: Hai Bà Trưng - Trần Hưng Đạo - Lưu Thị Dung - đường nội bộ, thuộc Phường 1 thị xã Gò Công,

[17] Tiểu sử Trương Định, xin xem mục từ: Tượng đài Trương Định tại Nội dung 8. Công việc 27: Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên tượng đài, bia lưu niệm.

[18] Xin xem mục từ: Tượng đài Trương Định tại Nội dung 8. Công việc 27: Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên tượng đài, bia lưu niệm.

tỉnh Tiền Giang, diện tích 1.218 m². Hệ thực vật gồm: cây thân gỗ (lộc vừng, giáng hương, dương, sanh, cau vua,…); cây tạo hình (hồng lộc, nguyệt quế, chuỗi ngọc Thái); các thảm cỏ lá màu với những đường viền bằng cây ắc ó,… Đồng thời, công viên còn có ghế đá; thiết bị tập thể dục; 12 trụ đèn nghệ thuật; hệ thống điện nước; vỉa hè,… Đặc biệt, công viên có 01 tảng đá nghệ thuật được làm bằng đá granit xám và 01 tượng đài cao 8 m, mô tả hình ảnh các chiến sĩ giải phóng quân trong tư thế tiến công giải phóng khám lớn Gò Công trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968[19].

*** Rạp hát:**

Khái niệm:

Rạp hát là nơi để biểu diễn các tác phẩm âm nhạc, sân khấu (kịch, cải lương, chèo, tuồng,…), điện ảnh,…

Rạp Chiến Thắng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Rạp hát) + Địa danh gốc Hán Việt (Chiến: 戰: Chiến tranh, chiến đấu; Thắng: 勝: Thắng lợi, tốt đẹp, cảnh đẹp).

Rạp được xây dựng vào khoảng cuối thập niên 1920, có tên là Bình An, 500 chỗ ngồi; chuyên biểu diễn nghệ thuật cải lương. Từ năm 1954 - 1975, rạp Bình An vừa là rạp chiếu phim vừa là rạp hát cải lương. Sau năm 1975, rạp được đổi tên thành Chiến Thắng nhằm kỷ niệm ngày chiến thắng 30/4/1975. Rạp tọa lạc trên đường Trương Định, Phường 1, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Năm 2012, với sự xuất hiện nhiều loại hình giải trí thông qua mạng viễn thông và công nghệ số, rạp tạm

[19] Xin xem mục từ: Tượng đài chiến tích giải phóng Khám Lớn Gò Công tại Nội dung 8. Công việc 27: Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên tượng đài, bia lưu niệm.

dừng hoạt động và được Công ty cổ phần Sách và Dịch vụ văn hóa Long An thuê làm Nhà sách Gò Công.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên chợ:**

*** Chợ**

- Theo Hoàng Phê trong *Từ điển Tiếng Việt*, "Chợ là nơi công cộng, để đông người đến mua và bán trong những buổi, ngày nhất định"[20].

- *Từ điển Bách khoa Việt Nam* ghi: "Chợ là nơi gặp nhau giữa nơi cung và cầu các hàng hóa, dịch vụ, vốn; là nơi tập trung mua bán hàng hóa giữa người sản xuất, người mua bán và người tiêu dùng"[21].

- Trong quyển *Gốc và Nghĩa của Từ Việt thông dụng*, Vũ Xuân Phái định nghĩa: "Chợ là nơi tụ họp buôn bán"; "chợ búa là nơi tụ họp bày bán hàng hóa, để buôn bán trong làng, xóm (thời xưa) hay cái chợ là nơi quy định mua bán"[22].

- Theo Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, "Chợ là loại hình kinh doanh thương mại được hình thành và phát triển mang tính truyền thống, được tổ chức tại một địa điểm theo quy hoạch, đáp ứng nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hoá và nhu cầu tiêu dùng của khu vực dân cư"[23].

*** Chợ đầu mối**

Theo Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, "Chợ đầu mối: là chợ có vai trò chủ yếu thu hút, tập trung lượng

---

[20] Hoàng Phê (2000), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng, tr.165.

[21] *Từ điển Bách khoa Việt Nam (2003)*, NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội, tr.22.
[22] Vũ Xuân Phái *(2009)*, *Gốc và Nghĩa của Từ Việt thông dụng*, NXB Trẻ, tr.162.
[23] Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1.

hàng hóa lớn từ các nguồn sản xuất, kinh doanh của khu vực kinh tế hoặc của ngành hàng để tiếp tục phân phối tới các chợ và các kênh lưu thông khác"[24].

*** Phân loại chợ**

Tùy vào mục đích và tiêu chí, người ta phân loại chợ theo nhiều cách khác nhau: Phân loại chợ theo điều kiện môi sinh; Phân loại chợ theo số lượng hộ kinh doanh, vị trí và mặt bằng của chợ (theo quy mô: chợ loại I, chợ loại II và chợ loại III); Phân loại chợ theo tính chất mua bán (chợ bán buôn và chợ bán lẻ); Phân loại chợ theo đặc điểm mặt hàng kinh doanh (chợ tổng hợp và chợ chuyêndoanh); Theo địa giới hành chính (chợ đô thị và chợ nông thôn); Phân loại theo tính chất và quy mô xây dựng (chợ kiên cố, chợ bán kiên cố, chợ tạm).

- Trong công trình nghiên cứu "Chợ nổi đồng bằng sông Cửu Long từ góc nhìn văn hóa học", Đặng Thị Hạnh đã lập bảng phân loại chợ như sau[25]:

STT	TIÊU CHÍ PHÂN LOẠI	LOẠI HÌNH CHỢ
1	Theo thời gian họp chợ	- Chợ sáng - Chợ hôm - Chợ chiều - Chợ đêm - Chợ phiên
2	Theo lịch sử	- Chợ truyền thống

[24] Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1.

[25] Đặng Thị Hạnh (2012), *Chợ nổi đồng bằng sông Cửu Long từ góc nhìn văn hóa học,* Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh, tr.41.

		- Chợ hiện đại (siêu thị)
3	Theo khu vực địa lý	- Chợ quê - Chợ ven đô - Chợ đô thị - Chợ đồng bằng - Chợ miền núi
4	Theo quy mô hành chánh	- Chợ làng - Chợ xã (liên làng) - Chợ huyện (liên xã) - Chợ thị trấn - Chợ thị xã
5	Theo tình chất, quy mô trao đổi hàng hóa	- Chợ đầu mối - Chợ bán lẻ - Chợ chuyên doanh - Chợ tổng hợp
6	Theo loại hình hàng hóa bán chủ yếu tại chợ	- Chợ vải - Chợ trâu - Chợ trái cây - Chợ hải sản

7	Theo quy mô xây dựng	- Chợ kiên cố - Chợ bán kiên cố - Chợ tạm

- Trong quyển *Chợ quê trong quá trình biến đổi*, Lê Thị Mai đã phân chia chợ ra thành nhiều loại hình khác nhau, với những tiêu chí khác nhau như sau[26]:

+ Thời gian hợp chợ có: Chợ sáng, chợ hôm, chợ chiều, chợ đêm, chợ phiên

+ Theo khu vực, địa vực có: chợ quê, chợ đô thị, chợ ven đô, chợ đồng bằng, chợ trung du, chợ miền biển…

+ Theo quy mô hành chánh có: Chợ làng, chợ xã (liên làng), chợ huyện (liên xã), chợ thị trấn, chợ thị xã,...

+ Theo tính chất, quy mô trao đổi hàng hóa có: Chợ đầu mối, chợ bán lẻ,

chợ chuyên doanh, chợ tổng hợp,…

+ Theo loại hình hàng hóa bán tại chợ có: chợ vải, chợ trâu, chợ lụa, chợ trái cây, chợ nông sản,…

Trong đề tài này, nhóm tác giả chọn cách phân loại chợ theo Nghị định 02/2003/NĐ - CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ[27]:

- *Chợ loại 1:* Là chợ có trên 400 điểm kinh doanh chợ, được đầu tư xây dựng kiên cố, hiện đại theo quy hoạch; được đặt ở các vị trí trung tâm kinh tế thương mại quan trọng của tỉnh, thành phố hoặc là chợ đầu mối của ngành hàng, của khu vực

[26] Lê Thị Mai (2004), *Chợ quê trong quá trình chuyển đổi*, NXB Thế Giới, tr.41.
[27] Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1.

kinh tế và được tổ chức họp thường xuyên; có mặt bằng phạm vi chợ phù hợp với quy mô hoạt động của chợ và tổ chức đầy đủ các dịch vụ tại chợ: trông giữ xe, bốc xếp hàng hóa, kho bảo quản hàng hóa, dịch vụ đo lường, dịch vụ kiểm tra chất lượng hàng hóa, vệ sinh an toàn thực phẩm và các dịch vụ khác.

- *Chợ loại 2:* Là chợ có trên 200 điểm kinh doanh, được đầu tư xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố theo quy hoạch; được đặt ở trung tâm giao lưu kinh tế của khu vực và được tổ chức họp thường xuyên hay không thường xuyên; có mặt bằng phạm vi chợ phù hợp với quy mô hoạt động chợ và tổ chức các dịch vụ tối thiểu tại chợ: trông giữ xe, bốc xếp hàng hóa, kho bảo quản hàng hóa, dịch vụ đo lường.

- *Chợ loại 3:* Là các chợ có dưới 200 điểm kinh doanh hoặc các chợ chưa được đầu tư xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố. Chủ yếu phục vụ nhu cầu mua bán hàng hóa của nhân dân trong xã, phường và địa bàn phụ cận.

*** Quy mô chợ**

Theo Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, có chợ kiên cố và chợ bán kiên cố[28]:

- Chợ kiên cố: là chợ được xây dựng bảo đảm có thời gian sử dụng trên 10 năm.

- Chợ bán kiên cố: là chợ được xây dựng bảo đảm có thời gian sử dụng từ 5 đến 10 năm.

Chợ ở thị xã Gò Công: 13 địa danh

1. Chợ Ấp 2

[28] Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (Ấp 2).

Năm 2022, chợ được xếp loại 3, có diện tích 504 m², tọa lạc ở xã Bình Xuân, thị xã Gò Công, với 30 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

2. Chợ Ấp 7

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (Ấp 7).

Năm 2022, chợ được xếp loại 3, có diện tích 100 m², tọa lạc ở xã Bình Xuân, thị xã Gò Công, với 20 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

3. Chợ Gia Cầm Long Hưng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Động vật (Gia cầm) + Địa danh hành chính (xã Long Hưng).

Năm 2022, chợ được xếp loại 3, có diện tích 1.000 m², tọa lạc ở xã Long Hưng, thị xã Gò Công, với 20 hộ kinh doanh gà, vịt,…

4. Chợ Gò Công

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa hình thiên nhiên (Gò: Khoảng đất nổi cao lên giữa nơi bằng phẳng) + Động vật (Chim Công) hoặc Tên người (Bà Công) hoặc Dịch chuyển địa danh (Núi Gò Công). Cụ thể như sau:

Địa danh Gò Công có 03 cách giải thích:

- Thứ nhất: Tên gọi Gò Công do nơi này vào lúc người Việt đến khai khẩn (thế kỷ XVII) là vùng đất gò có nhiều chim công, tên chữ Hán là Khổng Tước nguyên.

- Thứ hai: Đây là vùng đất gò có quán bán tạp hóa của bà Công, nên có tên gọi là gò Bà Công; về sau, gọi tắt thành Gò Công.

- Thứ ba: Ở xã Ân Hữu, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định có địa danh núi Gò Công cao 198 m. Có thể, vào thế kỷ XVII, cư dân ở vùng núi Gò Công chuyển cư đến sinh sống và khai khẩn vùng đất mới. Tại đây, họ đã lấy tên Gò Công, vốn là quê hương bản quán, đặt tên cho nơi ở mới. Đây là trường hợp dịch chuyển địa danh do hiện tượng di dân.

Trong 03 cách giải thích nêu trên, cách giải thích thứ nhất được nhiều người chấp nhận nhất.

Chợ được lập năm 1916. Quyển *La Cochinchine et Photo Nadal* (*Nam Kỳ và Hình ảnh của Nadal*) xuất bản năm 1926 viết: "*Chợ Gò Công có hai nhà lồng, được cất khá chắc với cột sắt và được lợp ngói móc. Đây là trung tâm thương mãi cho cả khu vực*".

Trong những năm 80 của thế kỷ XX, chợ được cải tạo, nâng cấp. Năm 2004, chính quyền thị xã Gò Công cho xây dựng chợ Gò Công mới, cách chợ Gò Công cũ khoảng 600 m.

Chợ loại 1, ở Phường 1, thị xã Gò Công. Cả hai chợ Gò Công cũ và mới có tổng diện tích 8.700 m², với 641 hộ kinh doanh. Chợ Gò Công cũ chuyên bán các mặt hàng "ướt", như mắm, tôm, cá, rau, thịt, các loại thực phẩm, đặc biệt, nổi tiếng với các loại mắm: mắm tôm chua, mắm tôm chà, mắm còng, mắm ruốc, mắm nha, mắm ba khía, mắm cá cơm, mắm nhum,... Chợ Gò Công mới chuyên bán các mặt hàng "khô", như quần áo, giày dép, túi xách, nữ trang, kim khí điện máy, đồ lưu niệm, đồ chơi trẻ em,…

5. Chợ Hòa Thân

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh Hán Việt (Hoà: 和: Hoà hợp, hoà thuận; Thân: 親: Thơm, Ruột thịt, thương yêu, đáng tin cậy) (Theo *Địa bạ Định Tường*, trang 162).

Chợ loại 3, ở xã Bình Đông, thị xã Gò Công, diện tích 500 m², có 30 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

6. Chợ Long Chánh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Long Chánh).

Chợ loại 3, ở xã Long Chánh, thị xã Gò Công, diện tích 520 m², có 36 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

7. Chợ Long Thuận

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Long Thuận).

Chợ loại 3, ở xã Long Thuận, thị xã Gò Công, diện tích 4.960 m², có 53 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

8. Chợ Năm Châu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Thứ trong gia đình (Năm) + Tên người (Châu).

Chợ loại 3, ở xã Bình Đông, thị xã Gò Công, diện tích 300 m², có 10 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

9. Chợ Mỹ Lợi

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh Hán Việt (Mỹ 美: Tốt, đẹp; Lợi: 利: Lợi ích).

Chợ loại 3, ở xã Bình Đông, thị xã Gò Công, diện tích 500 m², có 20 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

10. Chợ Phường 4

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (Phường 4).

Chợ loại 3, ở Phường 4, thị xã Gò Công, diện tích 225 m², có 35 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

11. Chợ Phường 5

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (Phường 5).

Chợ loại 3, ở Phường 5, thị xã Gò Công, diện tích 1.074 m², có 50 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

12. Chợ Tân Trung

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Tân Trung).

Chợ loại 3, ở xã Tân Trung, thị xã Gò Công, diện tích 1.200 m², có 50 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

13. Chợ Xã Lới

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Thành viên trong Hội đồng hương chức ở làng xã thời xưa (Xã) + Tên người (Lới).

Chợ loại 3, ở xã Tân Trung, thị xã Gò Công, diện tích 1.530 m², có 35 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

*** Trường trung học phổ thông, trường trung học cơ sở - trung học phổ thông:**

Trường trung học phổ thông:

1.Trường Trung học phổ thông Bình Đông

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học phổ thông) + Địa danh hành chính (Xã Bình Đông).

Địa chỉ: Quốc lộ 50, ấp Muôn Nghiệp, xã Bình Đông, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733.945.168

Trang thông tin điện tử: binhdong.tiengiang.edu.vn

Email: c3binhdong.tiengiang@moet.edu.vn

Trường Trung học phổ thông Bình Đông được thành lập theo quyết đinh số 2806/QĐ-UB ngày 16 tháng 7 năm 2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang. Trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo đơn vị hành chính: Xã Bình Đông.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 21 đảng viên; nam:10; nữ:11; Chi ủy: 05; nam: 03; nữ 02. Ban giám hiệu: 03; nam: 02; nữ: 01. Công đoàn: 40 công đoàn viên; nam: 17; nữ: 23. Đoàn thanh niên: 562; nam:201 ; nữ: 361.

Tổng số viên chức: 40; nam:17 ; nữ:23. Tổng số giáo viên: 33; nam: 12; nữ: 21. Thạc sĩ: 07; Cử nhân (đại học): 32 ; Trình độ khác: 04;

Tổng số học sinh: 743 ; nam: 284; nữ: 459.

Tổng diện tích: 13.599,5 m^2; diện tích sử dụng: 13.599,5 m^2

Trường có 02 dãy lầu 03 tầng và 01 dãy lầu 02 tầng; Phòng làm việc: 10 ; Phòng học: 25; Phòng thí nghiệm: 04; Phòng nghe nhìn: 01; Phòng máy tính: 02; Thư viện: 01; Khu thể thao: 01 nhà đa năng, sân tập; Nhà vệ sinh: có 08 khu vệ sinh cho giáo viên và học sinh được bố trí ở mỗi dãy; Các loại hình khác: vườn sinh học, căn tin, nhà xe.

2. Trường Trung học phổ thông Gò Công

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học phổ thông) + Địa danh hành chính (Thị xã Gò Công).

Địa chỉ: Đường Trần Công Tường, Phường 5, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733.514.314

Trang thông tin điện tử: http://thptgocong.tiengiang.edu.vn

Email: c3gocong.tiengiang@moet.edu.vn

Sau giải phóng 1975, Trường Bổ túc văn hóa cán bộ số 1 (bao gồm cấp 1: từ lớp 1 - lớp 5 và cấp 2: từ lớp 6 - lớp 9) ở thị xã Gò Công được thành lập. Năm 1985, trường mở thêm cấp 3: từ lớp 10 - lớp 11.

Năm 1990, Trường Phổ thông trung học bán công thị xã Gò Công được thành lập theo quyết định 17/QĐ-UB ngày 28/8/1990 của Ủy ban Nhân dân thị xã Gò Công.

Năm 2008, trường chuyển đổi từ loại hình trường bán công thành trường công theo Quyết định số 3470/QĐ-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2008 Ủy ban Nhân dân tỉnh với tên gọi là Trường Trung học phổ thông Gò Công.

Tên trường được đặt theo đơn vị hành chính: Thị xã Gò Công.

Năm 2013, Chi bộ nhà trường có 26 đảng viên; nam: 12; nữ: 14 ; Chi ủy: 5; nam: 02 ; nữ: 03. Ban Giám hiệu: 03; nam: 02; nữ: 01. Công đoàn: 49 công đoàn viên; nam: 21, nữ: 28. Đoàn thanh niên: 524 đoàn viên; nam: 224, nữ: 300.

Tổng số viên chức : 49, nam: 21; nữ: 28. Tổng số giáo viên: 39, nam: 18, nữ: 21. Thạc sĩ: 08; Cử nhân (đại học): 35 ; Cử nhân (cao đẳng): 02; Trung cấp: 01. Tổng số học sinh: 895; ó nam: 468; nữ: 427.

Tổng diện tích: 7.308,69m². Trường có 2 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu; Phòng làm việc: 06; Phòng học: 20; Phòng thí nghiệm: 03; Phòng nghe nhìn: 00; Phòng máy tính: 02; Thư viện: 01; sân chơi: 01; Nhà vệ sinh: 10 phòng vệ sinh học sinh, 02 phòng vệ sinh giáo viên.

3. Trường Trung học phổ thông Trương Định

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học phổ thông) + Họ và tên danh nhân (Trương Định).

Địa chỉ: Số 10, đường Nguyễn Văn Côn, Khu phố 2, Phường 2, thị xã Gò Công, Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733.841614

Trang thông tin điện tử: www.truongdinh.tiengiang.edu.vn

Email: c3truongdinh.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1955, Trường Trung học Gò Công chính thức được thành lập theo Thông tư số 9673 GD/HV ngày 30 tháng 9 năm 1955 của Bộ Quốc gia giáo dục. Sau năm 1975, trường có tên là Trường Phổ thông trung học Trương Định theo Quyết định số 141-GD/GC ngày 20/10/1975 của Ty Giáo dục tỉnh Gò Công. Năm học 1999, trường

mang tên là Trường Trung học phổ thông Trương Định. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục; được tặng Huân chương Lao động hạng Ba (2003), hạng Nhì (2008), hạng Nhất (2015); hai lần nhận Cờ thi đua của Chính phủ (năm học 2007-2008, năm học 2013-2014); Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (năm học 1999-2000).

Tiểu sử của danh nhân được đặt tên trường:

TRƯƠNG ĐỊNH

(1820-1864)

Trương Định sinh năm 1820 tại xã Tư Cung, huyện Bình Sơn, phủ Tư Nghĩa, trấn Quảng Ngãi (nay là xã Tịnh Khê, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi) trong một gia đình quan chức yêu nước.

Theo Nguyễn Thông trong *Lãnh binh Trương Định truyện*, ông có "*trang mạo khôi ngô, thông hiểu binh thư và bắn giỏi*". Sách *Đại Nam liệt truyện* của Quốc sử quán triều Nguyễn chép: "(*Trương*) *Định am hiểu võ nghệ, dũng cảm, mưu lược*". Paulin François Alexandre Vial, nguyên Trưởng đồn kiêm Giám đốc bản xứ sự vụ Gò Công, Giám đốc Nội vụ Nam Kỳ, trong quyển *Những năm đầu tiên ở Nam Kỳ* cho biết, ông cao lớn, nước da trắng, dáng người thanh tú.

Năm 1844, cha của ông là Trương Cầm vào tỉnh Gia Định nhận chức Lãnh binh. Ông được đi theo và sau đó, kết hôn với Lê Thị Thưởng, vốn là con gái của một hào phú ở Tân Hòa (Gò Công). Năm 1854, nhờ sự trợ giúp của gia đình bên vợ, ông xuất tiền của, mộ dân lập đồn điền Gia Thuận (nay thuộc huyện Gò Công Đông, Tiền Giang) để khai hoang vùng đất này. Vì thế, ông được triều đình phong chức Phó quản cơ.

Năm 1859, quân Pháp hạ thành Gia Định. Với lòng yêu nước nồng nàn, ông đã chỉ huy dân quân đồn điền Gia Thuận phối hợp với quân triều đình tiến đánh quân

địch ở vùng Thuận Kiều và lập được nhiều chiến công. Vì vậy, đến tháng 10-1860, ông và nghĩa sĩ, bao gồm 50 người, được vua Tự Đức "*thưởng cho gia trật hoặc kỷ lục, ngân tiền*". Chiến công nổi bật đầu tiên của Trương Định và nghĩa quân là trận phục kích tiêu diệt tên đại úy thủy quân lục chiến Barbé tại chùa Khải Tường (vị trí chùa nay là Bảo tàng Chứng tích chiến tranh, số 28, đường Võ Văn Tần, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh) ngày 07-12-1860.

Tháng 4-1861, quân Pháp lần lượt đánh chiếm Mỹ Tho và Gò Công. Với quyết tâm chống quân xâm lược, Trương Định đã chiêu mộ 6.000 nghĩa sĩ dựng cờ khởi nghĩa. Vì thế, ông được triều đình phong chức Quản Cơ rồi thăng lên Phó Lãnh binh tỉnh Gia Định. Bên cạnh đó, ông còn ra sức xây dựng căn cứ kháng chiến Tân Hòa ở Gò Công. Ngoài ra, Trương Định còn cho xây dựng đồn trại ở Gia Thuận, vốn là đồn điền do ông lập ra năm 1854.

Cuộc khởi nghĩa do Trương Định lãnh đạo có sự liên kết chặt chẽ với nhiều cuộc khởi nghĩa khác, như khởi nghĩa Nguyễn Trung Trực ở Tân An, Trần Xuân Hòa, Võ Duy Dương và Nguyễn Hữu Huân ở Ba Giồng,...

Ngày 22-6-1861, nghĩa quân Đỗ Trình Thoại tấn công quân Pháp ở đồn Gò Công. Cuộc tập kích này đã làm tên lính thủy Bodiez phải tử trận, tên trung úy Vial bị đâm trọng thương. Thế nhưng, thủ lãnh Đỗ Trình Thoại đã anh dũng đền nợ nước. Qua ngày hôm sau, để trả thù cho Đỗ Trình Thoại, Trương Định chỉ huy nghĩa quân đánh vào đồn Gò Công, gây cho địch nhiều thiệt hại.

Trong tháng 9-1861, ông chỉ huy nghĩa quân tiến hành trừng trị những tên tay sai chỉ điểm cho giặc, tiêu biểu là vụ bắt bá hộ Huy ở Đồng Sơn (nay thuộc huyện Gò Công Tây, Tiền Giang) phải đền tội phản quốc.

Sau đó, hoạt động quân sự của nghĩa quân Trương Định đã diễn ra liên tục. Ngày 30-12-1861, tấn công đồn Kỳ Hôn (nay thuộc TP Mỹ Tho, TG). Ngày 10-01-1862, tấn công đồn Gia Thạnh (nay thuộc huyện Chợ Gạo, TG); ngày hôm sau, với 10 chiến thuyền, nghĩa quân lại đánh đồn Rạch Gầm (nay thuộc huyện Châu Thành, TG). Từ ngày 22-01-1862 đến ngày 28-02-1862, nghĩa quân Trương Định mở 3 cuộc

tấn công vào đồn Kỳ Hôn, có lần giặc Pháp phải bỏ đồn tháo chạy, bị nghĩa quân truy kích ráo riết.

Do bị tấn công liên tục, đô đốc Bonard ra lệnh cho quân Pháp rút khỏi đồn Gò Công ngày 01-3-1862. Cũng trong khoảng thời gian này, ông nhận được vũ khí do triều đình cấp phát, gồm 20 cỗ Quá sơn, 300 cân hỏa dược, 20 viên đạn thép, 80 trường thương. Trên cơ sở đó, đêm 06-4-1862, Trương Định chỉ huy nghĩa quân táo bạo đột kích Chợ Lớn (nay thuộc Thành phố Hồ Chí Minh). Trận đánh này đã khiến nhân dân rất phấn khởi; còn quân giặc thì hoang mang cực độ.

Để thực thi hiệp ước ký với Pháp năm 1862, vua Tự Đức ra lệnh giải binh ở ba tỉnh miền đông Nam kỳ (Định Tường, Gia Định, Biên Hòa); trong đó có việc buộc Trương Định phải giải tán nghĩa quân và đi An Giang nhận chức Lãnh binh. Tuy nhiên, với tước vị Bình Tây đại tướng quân, ông đã dũng cảm và sáng suốt ở lại Gò Công, lãnh đạo nhân dân tiếp tục cuộc kháng chiến.

Tháng 11-1862, Trương Định cử các đội trinh sát đi hoạt động ở khắp nơi. Ngày 06-12-1862, nghĩa quân Trương Định tấn công một chiến thuyền của quân Pháp trên sông Vàm Cỏ ở gần Trảng Bàng (Tây Ninh). Ngày 17 và ngày 18-12-1862, Trương Định ra lệnh cho nghĩa quân đồng loạt mở cuộc tổng công kích vào các vị trí chiếm đóng của quân Pháp ở ba tỉnh miền đông Nam kỳ.

Trước tình hình đó, đầu năm 1863, quân Pháp tổ chức những cuộc hành quân càn quét vào căn cứ Tân Hòa (Gò Công) của nghĩa quân Trương Định. Ngày 16-02-1863, đô đốc Bonard, tổng chỉ huy quân Pháp ở Nam kỳ, đến Gò Công, trực tiếp chỉ huy cuộc tấn công. Do thế giặc quá mạnh nên Trương Định vừa cho nghĩa quân mật phục đánh địch liên tục, vừa ra lệnh cho đại bộ phận nghĩa quân rút đi nơi khác để bảo toàn lực lượng cho cuộc chiến đấu lâu dài.

Sau đó, Trương Định di chuyển về khu vực "Đám lá tối trời" ở Gia Thuận để gầy dựng lại lực lượng. Thực dân Pháp tung bọn mật thám, bọn phản bội chỉ điểm ráo riết theo dõi mọi hoạt động của nghĩa quân. Theo đó, Huỳnh Văn Tấn (Đội Tấn) được lệnh truy lùng nơi ở của Trương Định. Ngày 20-8-1864, Đội Tấn chỉ huy bọn

thuộc hạ bất ngờ đột kích vào nơi trú ngụ của ông tại Kiểng Phước (nay thuộc huyện Gò Công Đông, TG). Trận chiến không cân sức đã diễn ra; và cuối cùng, Trương Định đã anh dũng hy sinh vì đại nghĩa cứu nước, cứu dân, hưởng dương 44 tuổi, để lại bao niềm tiếc thương trong lòng người dân Gò Công và Nam bộ:

Trời Bến Nghé mây mưa sùi sụt, thương đấng anh hùng gặp bước gian truân;
Đất Gò Công cây cỏ ủ ê, cám niềm thần tử hết lòng trung ái.
Xưa còn làm tướng, dốc rạng dồi hai chữ Bình Tây,
Nay thác theo thần, xin dâng hộ một câu phục thái.
(*Văn tế Trương Định* - Nguyễn Đình Chiểu)

Tuy nhiên, sự nghiệp của ông luôn sống mãi với hồn thiêng sông núi và gắn liền với những chiến công hiển hách:

Trong Nam tên họ nổi như cồn,
Mấy trận Gò Công để tiếng đồn.
Dấu đạn hãy rêm tàu bạch quỷ,
Hơi gươm thêm rạng thể hoàng môn.
(*Thơ điếu Trương Định* - Nguyễn Đình Chiểu)
và:
"*Vì nước tấm thân đã nấy, còn mất cũng cam.*
Giúp đời cái nghĩa đáng làm, nên hư nào nại.
Rạch Lá, Gò Công mấy trận, giặc thấy đã kinh,
Cửa Khâu, Trại Cá mấy nơi, ai nghe chẳng hãi".
(*Văn tế Trương Định* - Nguyễn Đình Chiểu)

Sau khi ông mất, nhà yêu nước Nguyễn Đình Chiểu đã làm bài văn tế và mười hai bài thơ điếu Trương Định, ca ngợi cuộc đời chiến đấu hào hùng và cái chết lẫm liệt của ông. Một *Tờ tấu* trong danh mục *Châu bản triều Nguyễn* nhận xét về ông như sau: "Cố Trương Định mộ nghĩa ở Gò Công, chấn động thôn dân, đánh lấy được thảy đều vui mừng, cùng nhau báo cáo. Hoặc cùng nộp đưa tiền bạc, lúa gạo, lấy đó làm quân lương; hoặc quyên nộp đồng sắt, hỏa dược, cứu tế quân nhu. Già trẻ khỏe mạnh

ở nhà đều ứng mộ, lòng ham muốn nhanh chóng được giết giặc Tây di". Con ông là Trương Quyền noi chí cha, tiếp tục phất cao cờ khởi nghĩa chống thực dân Pháp xâm lược và hy sinh anh dũng vào năm 1867.

Hiện nay, ở thị xã Gò Công, huyện Gò Công Đông, thành phố Mỹ Tho (tỉnh Tiền Giang), thành phố Quảng Ngãi (tỉnh Quảng Ngãi), Thành phố Hồ Chí Minh, thủ đô Hà Nội,… và nhiều tỉnh, thành khác đều có đường phố mang tên ông. Đồng thời, tên ông còn được đặt tên trường trung học phổ thông ở thị xã Gò Công và nhiều địa phương khác trên cả nước.

Lăng mộ và đền thờ của ông ở thị xã Gò Công được Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận là Di tích lịch sử Quốc gia năm 1989. Đền thờ của ông ở xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông được Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận là Di tích lịch sử Quốc gia năm 2004. Đền thờ ông tại xã Tịnh Khê, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là Di tích lịch sử Quốc gia năm 2023.

Ngoài ra, đền thờ ông còn có ở một số nơi khác, như Tân Phước, Tân Tây, Tân Hòa (huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang), Bửu Hòa, Phước Hòa (thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai),...

Năm 1995, tượng đài ông được tạo tác bằng đá hoa cương, cao 8 m, bệ bằng bê tông ốp đá cao 4 m. Đến năm 2006, tượng được thay bằng chất liệu đồng, tọa lạc tại phường 2, thị xã Gò Công, là di tích Lịch sử - Văn hóa cấp tỉnh.

Cuộc đời và sự nghiệp của ông đã được khắc họa trên sân khấu và điện ảnh, như hai vở cải lương *Bình Tây Đại nguyên soái* của Nghệ sĩ Nhân dân Nguyễn Thành Châu (1978), *Cờ nghĩa giồng Sơn Quy* của Nghệ nhân ưu tú Huỳnh Anh (vở này đạt Huy chương Bạc tại Hội diễn sân khấu toàn quốc năm 2010), bộ phim *Bình Tây Đại nguyên soái* của Nhà biên kịch Phạm Thùy Nhân do Hãng phim Cửu Long sản xuất năm 2013.

Lễ hội tưởng niệm ông diễn ra trong các ngày 17 và 18/8 hàng năm tại xã Tịnh Khê, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi và trong các ngày 19 và 20/8 tại lăng mộ và đền thờ của ông ở thị xã Gò Công cũng như tại đền thờ ở xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2023, Đảng bộ nhà trường có 42 đảng viên; nam: 14; nữ: 28; Đảng ủy: 09; nam: 04; nữ: 05. Ban giám hiệu: 03; nam: 02, nữ : 01. Công đoàn: 82 công đoàn viên; nam: 30, nữ 52. Đoàn thanh niên: 1.673; nam: 815 nữ: 858.

Tổng số viên chức: 82; nam: 30, nữ 52. Tổng số giáo viên: 78, nam: 30 , nữ : 48. Thạc sĩ: 25 ; Cử nhân (đại học): 54; Cử nhân (cao đẳng): 02; Trình độ khác: 01.

Tổng số học sinh: 1.731; nam: 665 nữ: 1.066

Tổng diện tích: 12.617 m^2; diện tích sử dụng: 8.798 m^2

Trường có 05 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu; Phòng làm việc: 05; Phòng học: 39; Phòng thí nghiệm: 01; Phòng nghe nhìn: 01; Phòng máy tính: 02; Thư viện: 01; Sân chơi: 02; Khu thể thao: 01; Nhà vệ sinh: 10; Căn tin; Nhà xe.

Trường Trung học cơ sở:

1. Trường trung học cơ sở Bình Đông

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Bình Đông).

Địa chỉ: Ấp Muôn Nghiệp, xã Bình Đông, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733945730

Email: c2binhdongtxgc@tiengiang.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp II Bình Đông được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Bình Đông và Trường Phổ thông cấp II Bình Đông hợp nhất

thành Trường Phổ thông cơ sở Bình Đông. Năm 1992, bộ phận Cấp II được tách ra, thành lập Trường Trung học cơ sở Bình Đông theo Quyết định số 26/QĐ.UB ngày 26 tháng 8 năm 1992 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông. Trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Bình Đông.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có17 đảng viên; nam: 09; nữ: 08; Chi uỷ: 05; nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 41công đoàn viên; nam:19; nữ: 22. Đoàn thanh niên: 11 đoàn viên; nam: 04; nữ: 07. Đội thiếu niên: 830 đội viên; nam: 406; nữ: 424.

Tổng số cán bộ, viên chức: 41; nam:19; nữ: 22. Tổng số giáo viên: 37; nam: 17; nữ: 20. Cử nhân (đại học): 32; Cử nhân (cao đẳng): 08; Trung cấp: 01.

Tổng số học sinh: 830; nam: 406; nữ: 424.

Tổng diện tích: 4.508,0 m^2, diện tích sử dụng: 1.725,0 m^2.

Trường có 03 dãy lầu, 01 dãy có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu; 02 dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; phòng làm việc: 06; phòng học: 12; phòng âm nhạc: 01; phòng thí nghiệm: 03; phòng tin học: 01; thư viện: 01, phòng thiết bị: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

2. Trường Trung học cơ sở Bình Xuân

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Bình Xuân).

Địa chỉ: Ấp 7, xã Bình Xuân, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 945 307

Email: c2binhxuantxgc@tiengiang.edu.vn

Năm 2004, Trường Trung học cơ sở Bình Xuân được thành lập theo Quyết định số 456/QĐ.UB của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông trên cơ sở tách từ Trường Trung học cơ sở Bình Đông. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Bình Xuân.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 16 đảng viên; nam: 10; nữ: 06; Chi uỷ: 05; nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 41 công đoàn viên; nam: 13; nữ: 28. Đoàn thanh niên: 13 đoàn viên; nam: 02; nữ: 11. Đội thiếu niên: 789 đội viên; nam: 400; nữ: 389.

Tổng số cán bộ, viên chức: 41; nam: 13; nữ: 28. Tổng số giáo viên: 37; nam: 11; nữ: 26. Cử nhân (đại học): 33; Cử nhân (cao đẳng): 08.

Tổng số học sinh: 789; nam: 400; nữ: 389

Tổng diện tích: 9.397 m^2, diện tích sử dụng: 2.679 m^2.

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt; 02 tầng lầu; phòng làm việc: 08; phòng học: 12; phòng âm nhạc: 01; phòng thí nghiệm: 03; phòng tin học: 01, phòng nghe nhìn: 00; thư viện: 01; phòng thiết bị: 01; sân chơi: 01, khu thể thao: 01, khu vệ sinh: 03.

3. Trường Trung học cơ sở Phường 1

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Phướng 1).

Địa chỉ: Số 1, đường Nguyễn Văn Côn, Khu phố 2, Phường 1, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733841271

Email: c2phuong1txgc@tiengiang.edu.vn

Trường có từ trước năm 1945, nhưng không có tên, chỉ có một số lớp thuộc cấp tiểu học. Năm 1966, trường chính thức mang tên Trường Tiểu học Thái Lập Thành. Năm 1977, trường mang tên Trường Phổ thông cơ sở số 2 Thị trấn. Năm 1986, là Trường Phổ thông cơ sở số 6 Thị trấn. Năm 1988, trường đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở số 2 Phường 1. Năm 1995, là Trường Phổ thông cơ sở cấp II Phường 1. Năm 1996, trường đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Phường 1. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Phường 1.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 43 đảng viên; nam: 16; nữ: 27; Chi uỷ: 05; nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 03; nam: 03; nữ: 00. Công đoàn: 60 công đoàn viên; nam: 21; nữ: 39. Đoàn thanh niên: 09 đoàn viên; nam: 02; nữ: 07. Đội thiếu niên: 1.123 đội viên; nam: 518; nữ: 605.

Tổng số cán bộ, viên chức: 60; nam: 21; nữ: 39. Tổng số giáo viên: 55; nam: 18; nữ: 37. Cử nhân (đại học): 50; Cử nhân (cao đẳng): 10.

Tổng số học sinh: 1.123 đội viên; nam: 518; nữ: 605.

Tổng diện tích: 2.571 m^2, diện tích sử dụng: 2.571 m^2.

Trường có 03 dãy lầu; 02 dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; 01 dãy có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu; phòng làm việc: 07; phòng học: 14; phòng thí nghiệm: 02; phòng tin học: 02; thư viện: 01; phòng thiết bị: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

4. Trường Trung học cơ sở Phường 2

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Phường 2).

Địa chỉ: Số 50, đường Nguyễn Trãi, Khu phố 2, Phường 2, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733841481

Email: c2phuong2txgc@tiengiang.edu.vn

Trường được thành lập năm 1959 với tên gọi là Trường Trung học Bán công Gò Công. Sau ngày 30/4/1975, trường có tên là Trường phổ thông cấp I - II Trương Định B. Năm 1979, trường được đổi tên Trường Phổ thông cơ sở số 2 thị trấn Gò Công. Năm 1987, bộ phận Cấp I tách ra, thành lập Trường Trung học cơ sở Phường 2 theo Quyết định số 55/QĐ.UB ngày 08 tháng 07 năm 1987 của Ủy ban Nhân dân thị xã Gò Công. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Phường 2.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 28 đảng viên; nam: 12; nữ: 16; Chi uỷ: 05; nam: 04; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 49 công đoàn viên; nam: 20; nữ: 29. Đoàn thanh niên: 16 đoàn viên; nam: 05; nữ: 11. Đội thiếu niên: 852 đội viên; nam: 428; nữ: 424.

Tổng số cán bộ, viên chức: 49; nam: 20; nữ: 29. Tổng số giáo viên: 45; nam: 18; nữ: 27. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (đại học): 30; Cử nhân (cao đẳng): 17; Trung cấp: 01.

Tổng số học sinh: 852; nam: 428; nữ: 424.

Tổng diện tích: 10.894,6 m^2, diện tích sử dụng: 10.894,6 m^2.

Trường có 03 dãy lầu; 02 dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; 01 dãy có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu; phòng làm việc: 08; phòng học: 17; phòng âm nhạc: 01; phòng thí nghiệm: 03; phòng mỹ thuật: 01; phòng tin học: 02, phòng đa chức năng: 01; thư viện: 01; phòng thiết bị: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 02; khu vệ sinh: 05.

5. Trường Trung học cơ sở Phường 3

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Phường 3),

Địa chỉ: Đường Nguyễn Trọng Dân, Phường 3, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733841284

Trang thông tin điện tử: http://thcsp3txgc.tiengiang.edu.vn

Email: c2phuong3txgc@tiengiang.edu.vn

Trường được thành lập năm 1970, là Phân hiệu của Trường Trung học Gò Công. Sau ngày 30-4-975, trường mang tên là Trường Phổ thông cấp II Trương Định A. Năm 1985, trường đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Long Hưng. Năm 1996, bộ phận Cấp II của trường tách ra, thành lập Trường Trung học cơ sở Phường 3 theo Quyết định số 210/QĐ.UB ngày 10 tháng 10 năm 1996 của Ủy ban Nhân dân thị xã Gò Công. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Phường 3.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 17 đảng viên; nam: 06; nữ: 11; Chi uỷ: 05; nam: 02; nữ: 03. Ban giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 31 công đoàn viên; nam: 11; nữ: 20. Đoàn thanh niên: 06 đoàn viên; nam: 02; nữ: 04. Đội thiếu niên: 536 đội viên; nam: 284; nữ: 252.

Tổng số cán bộ, viên chức: 29; nam: 10; nữ: 19. Tổng số giáo viên: 26; nam: 19; nữ: 16. Cử nhân (đại học): 23; Cử nhân (cao đẳng): 04; Trung cấp: 02.

Tổng số học sinh: 536; nam: 284; nữ: 252.

Tổng diện tích: 5.317 m^2, diện tích sử dụng: 1.775 m^2.

Trường có 02 dãy lầu; mỗi dãy có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu; phòng làm việc: 04; phòng học: 14; phòng âm nhạc: 01; phòng mỹ thuật: 01; phòng thí nghiệm: 04; phòng nghe nhìn: 01; phòng tin học: 02; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 08.

6. Trường Trung học cơ sở Phường 5

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Phường 5).

Địa chỉ: Đường Võ Văn Kiết, Khu phố 1, Phường 5, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733841366

Email: c2phuong5txgc@tiengiang.edu.vn

Trường Trung học cơ sở Long Hòa được thành lập năm 1987 khi thị xã Gò Công được tái lập. Năm 2004, xã Long Hòa được tách ra thành hai đơn vị hành chính là xã Long Hòa (mới) và Phường 5. Do Trường Trung học cơ sở Long Hòa nằm trên địa bàn Phường 5, nên được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Phường 5 theo Quyết định số 04/QĐ.UB Đến ngày 09 tháng 7 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân thị xã Gò Công. Năm 2018, Trường Trung học cơ sở Phường 5 hợp nhất với Trường Trung học cơ sở Long Chánh lấy tên là Trường Trung học cơ sở Phường 5 theo Quyết định số 460/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban Nhân dân thị xã Gò Công.

Trường được công nhận đạt chuẩn Kiểm định chất lượng giáo dục Mức độ 1 năm 2017.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Phường 5.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 26 đảng viên; nam: 10; nữ: 06; Chi uỷ: 05; nam: 01; nữ: 04. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 47 công đoàn viên; nam: 18; nữ: 29. Đoàn thanh niên: 12 đoàn viên; nam: 02; nữ: 10. Đội thiếu niên: 849 đội viên; nam: 418 ; nữ: 431.

Tổng số cán bộ, viên chức: 47; nam: 18; nữ: 29. Tổng số giáo viên: 45; nam: 17; nữ: 28. Cử nhân (đại học): 36; Cử nhân (cao đẳng): 11.

Tổng số học sinh: 849; nam: 418; nữ: 431.

Tổng diện tích: 6.321,5.m^2, diện tích sử dụng: 6.321,5 m^2.

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 02 tầng lầu; phòng làm việc: 06; phòng học: 15; phòng thí nghiệm: 02; phòng tin học: 01; thư viện: 01; phòng thiết bị: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 03.

7. Trường Trung học cơ sở Tân Trung

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Tân Trung).

Địa chỉ: Quốc lộ 50, ấp Ông Non, xã Tân Trung, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733555078

Email: c2tantrungtxgc@tiengiang.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường Tiểu học Tân Trung được thành lập sau ngày 30/4/1975. Năm 1979, Trường Phổ thông cơ sở Tân Trung được thành lập theo Quyết định số 326-QĐ.UB ngày 01 tháng 10 năm 1979 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông. Năm 1983, trường được tách thành Trường Phổ thông cơ sở Tân Trung 1 và Trường Phổ thông cơ sở Tân Trung 2. Năm 1989, chỉ còn một trường là

Trường Phổ thông cơ sở Tân Trung 1. Năm 1992, trường sáp nhập với Trường Trung học cơ sở Bình Đông. Năm 2000, Trường Trung học cơ sở Tân Trung được thành lập theo Quyết định số 586/QĐ.UB ngày 17 tháng 7 năm 2000 của Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Tân Trung.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 26 đảng viên; nam: 14; nữ: 12; Chi uỷ: 05; nam: 02; nữ: 03. Ban giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 40 công đoàn viên; nam: 22; nữ: 18. Đoàn thanh niên: 14 đoàn viên; nam: 07; nữ: 07. Đội thiếu niên: 762 đội viên; nam: 377; nữ: 385.

Tổng số cán bộ, viên chức: 40; nam: 22; nữ: 18. Tổng số giáo viên: 38; nam: 22; nữ: 16. Cử nhân (đại học): 29; Cử nhân (cao đẳng): 10; Trung cấp: 01.

Tổng số học sinh: 762 ; nam: 377; nữ: 385.

Tổng diện tích: 10.025 m^2, diện tích sử dụng:10.025 m^2.

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 02 tầng lầu; phòng làm việc: 09; phòng học:12 ; phòng âm nhạc: 01, phòng mỹ thuật: 01; phòng thí nghiệm: 04; phòng tin học: 0; phòng nghe nhìn: 02; phòng đa chức năng: 01; thư viện: 01; phòng thiết bị: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 06.

Trường tiểu học, trường tiểu học - trung học cơ sở:

1. Trường Tiểu học Bình Đông

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Bình Đông).

Địa chỉ: Ấp Muôn Nghiệp, xã Bình Đông, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273.3.945.877

Email: c1binhdong2txgc@tiengiang.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Bình Đông được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Bình Đông và Trường Phổ thông cấp II Bình Đông hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Bình Đông. Năm 1992, bộ phận Cấp I được tách ra, thành lập hai trường là Trường Tiểu học Bình Đông 1 và Trường Tiểu học Bình Đông 2. Năm 2019, hai trường hợp nhất thành Trường Tiểu học Bình Đông theo Quyết định số 343/QĐ-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Nhân dân thị xã Gò Công.

Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục mức 1.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Bình Đông.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 23 đảng viên; nam: 06; nữ: 17; Chi uỷ: 05; nam: 04; nữ: 01. Ban giám hiệu: 03; nam: 03; nữ: 00. Công đoàn: 55 công đoàn viên; nam: 12; nữ: 43. Đoàn thanh niên: 17 đoàn viên; nam: 03; nữ: 14. Đội thiếu niên: 776 đội viên; nam: 403 ; nữ: 373.

Tổng số cán bộ, viên chức: 55; nam: 12; nữ: 43.

Tổng số giáo viên: 51; nam: 09; nữ: 42. Cử nhân (đại học): 46; Cử nhân (cao đẳng): 02; Trung học sư phạm: 03.

Tổng số học sinh: 1335; nam: 706; nữ: 629

Tổng diện tích: 10.999 m^2, diện tích sử dụng: 10.306,7m^2.

Trường có 04 dãy lầu, điểm Trí Đồ có 02 dãy, mỗi dãy có 1 tầng trệt và 01 tầng lầu; điểm Muôn Nghiệp có 02 dãy, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 02 tầng lầu; phòng làm việc: 07; phòng học: 37; phòng tin học: 02; phòng nghe nhìn: 01; thư viện: 01; phòng thiết bị: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 06.

2. Trường Tiểu Học Bình Xuân 1

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Bình Xuân) + Chữ số (1).

Địa chỉ: Đường 873, Ấp 7, xã Bình Xuân, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733.945.840

Email: c1binhxuan1txgc@tiengiang.edu.vn

Sau ngày 30/4/1975, Trường Phổ thông cấp 1 Bình Xuân được thành lập. Năm 1984, trường đổi tên thành Trường Phổ thông cấp 1 Đông Xuân 2 (Bình Đông và Bình Xuân). Năm 1992, trường tách thành Trường Tiểu học số 1 Bình Xuân và Trường Tiểu học số 2 Bình Xuân. Năm 1998, trường đổi tên thành Trường Tiểu học Bình Xuân l theo Quyết định số 580/QĐ.UB ngày 14 tháng 10 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông.

Năm học 2022-2023 trường nhận bằng chứng nhận đạt chuẩn Quốc gia Mức độ 2, đạt Kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Bình Xuân.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 18 đảng viên; nam: 4; nữ: 14; Chi uỷ: 05; nam: 02; nữ: 03. Ban giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 33 công đoàn viên; nam: 05; nữ: 28. Đoàn thanh niên: 20 đoàn viên; nam: 01; nữ: 19. Đội thiếu niên: 450 đội viên; nam: 245; nữ: 205.

Tổng số cán bộ, viên chức: 33; nam: 05; nữ: 28. Tổng số giáo viên: 30; nam: 03; nữ: 27. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (đại học): 30; Cử nhân (cao đẳng): 01; Trung học sư phạm: 01.

Tổng số học sinh: 723; nam: 391; nữ: 332.

Tổng diện tích:11.189,5 m^2, diện tích sử dụng: 2.784 m^2.

Trường có 04 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 09; phòng học: 22; phòng âm nhạc: 01; phòng mỹ thuật: 01; phòng bộ môn khoa học công nghệ: 01; phòng tin học: 01; phòng nghe nhìn: 01; phòng đa chức năng: 01; thư viện: 01; phòng thiết bị: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 02; khu vệ sinh: 05.

3. Trường Tiểu học Bình Xuân 2

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Bình Xuân) + Chữ số (1).

Địa chỉ: Ấp Thành Nhứt, xã Bình Xuân, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 996 467

Email: c1binhxuan2txgc@tiengiang.edu.vn

Sau ngày 30/4/1975, Trường Phổ thông cấp 1 Bình Xuân được thành lập. Năm 1984, trường đổi tên thành Trường Phổ thông cấp 1 Đông Xuân (Bình Đông và Bình Xuân). Năm 1992, trường tách thành Trường Tiểu học số 1 Bình Xuân và Trường Tiểu học số 2 Bình Xuân. Năm 1998, trường đổi tên thành Trường Tiểu học Bình Xuân 2 theo Quyết định số 580/QĐ.UB ngày 14 tháng 10 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông.

Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 và Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 tại thời điểm tháng 8 năm 2022.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Bình Xuân.

Năm 2023, Chi bộ trường có 24 đảng viên; nam: 13; nữ: 11; Chi uỷ: 05; nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 38 công đoàn viên; nam:

12; nữ: 26. Đoàn thanh niên: 09 đoàn viên; nam: 02; nữ: 07. Đội thiếu niên: 421 đội viên; nam: 235; nữ: 186.

Tổng số cán bộ, viên chức: 38; nam: 12; nữ: 26. Tổng số giáo viên: 35; nam: 11; nữ: 24. Cử nhân (đại học): 31; Cử nhân (cao đẳng): 04; Trung học sư phạm: 03.

Tổng số học sinh: 676; nam: 350; nữ: 326.

Tổng diện tích: 6.979,1 m^2, diện tích sử dụng: 6.979,1 m^2.

Trường có 01 dãy lầu, gồm 01 tầng trệt và 02 tầng lầu; phòng làm việc: 07; phòng học: 22; phòng âm nhạc: 01; phòng mỹ thuật: 01; phòng tin học: 02, phòng nghe nhìn: 01; thư viện: 01; phòng thiết bị: 01; sân chơi: 03; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 05.

4. Trường Tiểu học Long Chánh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Long Chánh).

Địa chỉ: Ấp Long Hưng, xã Long Chánh, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273 3841272

Email: c1longchanhtxgc@tiengiang.edu.vn

Sau ngày 30/4/1975, Trường Phổ thông cấp I Trương Định 4 được thành lập. Năm 1977, là Trường Phổ thông cơ sở số 4 thị trấn. Năm 1987, là Trường Phổ thông cơ sở xã Long Chánh. Năm 1988, bộ phận Cấp I tách ra, thành lập Trường Tiểu học Long Chánh. Năm 1995, Trường Tiểu học Long Chánh được tách ra thành hai trường Trường Tiểu học Long Chánh và Trường Tiểu học Phường 4 theo Quyết định số 235/QĐ.UB ngày 26/10/1995 của Ủy ban Nhân dân thị xã Gò Công.

Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia lần 1 theo Quyết định số 1888/QĐ-UBND ngày 17/08/2012 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang và được tái công nhận (lần 2) trường chuẩn Quốc gia và đạt Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Long Chánh.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 10 đảng viên; nam: 04; nữ: 06; Chi uỷ: 03; nam: 01; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 0. Công đoàn: 22 công đoàn viên; nam: 06; nữ: 16. Đoàn thanh niên: 09 đoàn viên; nam: 02; nữ: 07. Đội thiếu niên: 197 đội viên; nam: 101; nữ: 96.

Tổng số cán bộ, viên chức: 22; nam: 06; nữ: 16. Tổng số giáo viên: 18; nam: 05; nữ: 13. Cử nhân (đại học): 11; Cử nhân (cao đẳng): 6; Trung học sư phạm: 4; Trung cấp: 01; khác: 0.

Tổng số học sinh: 311; nam: 161; nữ: 150

Tổng diện tích: 8.120,2 m^2, diện tích sử dụng: 5.420,2m^2.

Trường có 02 lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 05; phòng học: 11; phòng âm nhạc: 01, phòng mỹ thuật: 01; phòng tin học: 01, phòng nghe nhìn: 01; thư viện: 01, phòng thiết bị: 01; sân chơi: 01, khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 04.

5. Trường Trường Tiểu học Long Hòa

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Long Hòa).

Địa chỉ: Ấp Chợ Mới, xã Long Hòa, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0733 842 251

Email: c1longhoatxgc@tiengiang.edu.vn

Sau ngày 30/4/1975, Trường Phổ thông cơ sở Long Hòa được thành lập. Năm 1992, bộ phận Cấp I được tách ra, thành lập Trường Tiểu học Long Hòa theo Quyết định số 240/QĐ.UB ngày 11 tháng 8 năm 1992 của Ủy ban Nhân dân thị xã Gò Công.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Long Hòa.

Năm 2023, Chi bộ trường có 24 đảng viên; nam: 07; nữ: 17; Chi ủy: 05; nam: 01; nữ: 04. Ban Giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 38 công đoàn viên; nam: 11; nữ: 27. Đoàn thanh niên: 14 đoàn viên; nam: 03; nữ: 11. Đội thiếu niên: 521 đội viên; nam: 254; nữ: 267.

Tổng số cán bộ, viên chức: 38; nam: 11; nữ: 27. Tổng số giáo viên: 35; nam: 10; nữ: 25. Cử nhân (đại học): 33; Cử nhân (cao đẳng): 04; Trung cấp: 01.

Tổng số học sinh: 811; nam: 386; nữ: 425.

Tổng diện tích: 8.957 m 2 , diện tích sử dụng: 8.957 m 2 .

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu; phòng làm việc: 09; phòng học: 25; phòng âm nhạc: 01; phòng mỹ thuật: 01; phòng bộ môn khoa học công nghệ: 01; phòng tin học: 02; phòng nghe nhìn: 02, phòng đa chức năng: 01; thư viện: 01; phòng thiết bị: 01; sân chơi: 04; khu thể thao: 04, khu vệ sinh: 05.

6. Trường Tiểu học Long Hưng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Long Hưng).

Địa chỉ: Đường Từ Dũ, ấp Hưng Hoà, xã Long Hưng, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733842246

Email:c1longhungtxgc@tiengiang.edu.vn

Sau ngày 30/4/1975, Trường Phổ thông cơ sở Long Hưng được thành lập. Năm 1992, bộ phận Cấp I được tách ra, thành lập Trường Tiểu học Long Hưng theo Quyết định số 239/QĐ.UB ngày 11 tháng 8 năm 1992 của Ủy ban Nhân dân thị xã Gò Công. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Long Hưng.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 16 đảng viên; nam:06; nữ: 10; Chi uỷ: 03 thành viên; nam: 01; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 24 công đoàn viên; nam: 06; nữ: 18. Đoàn thanh niên: 09 đoàn viên; nam:03; nữ: 06. Đội thiếu niên: 243 đội viên; nam: 117; nữ: 126.

Tổng số cán bộ, viên chức:24; nam: 06; nữ: 18. Tổng số giáo viên: 20; nam: 05; nữ: 15. Thạc sĩ: 02; Đại học: 18; Trung cấp: 02.

Tổng số học sinh: 568; nam: 303; nữ: 265.

Tổng diện tích: 8.201,2 m^2, diện tích sử dụng:8.201,2 m^2.

Trường có 2 dãy lầu, mỗi dãy có 1 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 05; phòng học: 15; phòng tin học: 01; thư viện: 01; phòng thiết bị: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

7. Trường Tiểu học Phường 1

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Phường 1).

Địa chỉ: Khu phố 1, Phường 2 , thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273 3841 292

Email: C1phuong1txgc@tiengiang.edu.vn

Trường được thành lập năm 1864. Trước năm 1975, có tên gọi là Trường Nam. Năm 1976, đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở 1. Năm 1990, đổi tên thành Trường Tiểu học Phường 1 theo Quyết định số 203/QĐ.UB ngày 25 tháng 7 năm 1990 của Ủy ban Nhân dân thị xã Gò Công.

Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 và Kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 1.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Phường 1.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 27 đảng viên; nam: 08; nữ: 19; Chi uỷ: 05; nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 03; nam: 03; nữ: 00. Công đoàn: 49 công đoàn viên; nam: 15 ; nữ: 34. Đoàn thanh niên: 09 đoàn viên; nam: 03; nữ: 06. Đội thiếu niên: 716 đội viên; nam: 357 ; nữ: 359.

Tổng số cán bộ, viên chức: 49; nam: 15; nữ: 34. Tổng số giáo viên: 43; nam: 11; nữ: 32. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (đại học): 36; Cử nhân (cao đẳng): 04; Trung cấp: 08.

Tổng số học sinh: 1.085; nam: 550; nữ: 535.

Tổng diện tích: 4.499m^2, diện tích sử dụng: 3.411m^2.

Trường có 04 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 08; phòng học: 31; phòng tin học: 01; phòng nghe nhìn: 01; thư viện: 01 phòng thiết bị: 01; sân chơi: 01, khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 03.

8. Trường Tiểu học Phường 2

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Phường 2).

Địa chỉ: Số 5, đường Thủ Khoa Huân, KP5, Phường 2, thị xã Gò Công

Số điện thoại: 02733842250

Email:C1phuong2txgc@tiengiang.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường Tiểu học Cô Giang được thành lập năm 1968. Sau ngày 30/4/1976, là Trường Phổ thông cơ sở số 2 thị trấn. Năm 1989, trường đổi tên thành Trường Phổ thông cấp I Phường 2 theo Quyết định số 208/QĐ.UB ngày 25 tháng 7 năm 1989 của ủy ban Nhân dân thị xã Gò Công. Năm 2015, trường đổi tên thành Trường Tiểu học Phường 2.

Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 và Kiểm định chất lượng giáo dục: mức 1.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Phường 2.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 20 đảng viên; nam: 05; nữ 15; Chi uỷ: 05; nam: 01; nữ: 04. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 30 công đoàn viên; nam: 05 ; nữ: 25. Đoàn thanh niên: 10 đoàn viên; nam: 04; nữ: 06. Đội thiếu niên: 286 đội viên; nam 135 ; nữ: 151.

Tổng số cán bộ, viên chức: 30; nam: 05; nữ: 25. Tổng số giáo viên: 24; nam: 04; nữ: 20. Cử nhân (đại học): 25; Cử nhân (cao đẳng): 01; Trung học sư phạm: 02; Trung cấp: 02.

Tổng số học sinh: 715; nam: 343; nữ: 372.

Tổng diện tích: 3.633,8m^2, diện tích sử dụng: 3.633,8 m^2.

Trường có 04 dãy lầu; 03 dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; 01 dãy có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu; phòng làm việc: 07; phòng học: 20; phòng mỹ thuật: 01; phòng tin học: 01; phòng nghe nhìn: 01; thư viện: 01; phòng thiết bị: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 03.

9. Trường Tiểu học Phường 4

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Phường 4).

Địa chỉ: Số 100B, đường Nguyễn Trọng Hợp, Khu phố 5, Phường 4, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273 3842249

Email: c1phuong4txgc@tiengiang.edu.vn

Sau ngày 30/4/1975, Trường Phổ thông cấp I Trương Định 4 được thành lập. Năm 1977, là Trường Phổ thông cơ sở số 4 thị trấn. Năm 1987, là Trường Phổ thông cơ sở xã Long Chánh. Năm 1988, bộ phận Cấp I tách ra, thành lập Trường Tiểu học Long Chánh. Năm 1995, Trường Tiểu học Long Chánh được tách ra thành hai trường Trường Tiểu học Long Chánh và Trường Tiểu học Phường 4 theo Quyết định số 235/QĐ.UB ngày 26/10/1995 của Ủy ban Nhân dân thị xã Gò Công. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Phường 4.

Năm 2023, Chi bộ trường có 16 đảng viên; nam: 05; nữ: 11; Chi uỷ: 05; nam: 02; nữ: 03. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 28 công đoàn viên; nam: 08; nữ: 20. Đoàn thanh niên: 10 đoàn viên; nam: 03; nữ: 07. Đội thiếu niên: 364 đội viên; nam: 230; nữ: 134.

Tổng số cán bộ, viên chức: 28; nam: 08; nữ: 20. Tổng số giáo viên: 25; nam: 07; nữ: 18. Cử nhân (đại học): 19; Cử nhân (cao đẳng): 02; Trung học sư phạm: 06; Trung cấp: 01.

Tổng số học sinh: 593; nam: 291; nữ: 302.

Tổng diện tích: 5.577.m^2, diện tích sử dụng: 5.577.m^2.

Trường có 03 dãy lầu, 02 dãy có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu; 01 dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; phòng làm việc: 05; phònghọc: 18; phòng âm nhạc: 01; phòng mỹ thuật: 01; phòng tin học: 01, phòng nghe nhìn: 01; thư viện: 01; phòng thiết bị: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01, khu vệ sinh: 03.

10. Trường Tiểu học Tân Trung

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Tân Trung).

Địa chỉ: Ấp Ông Non, xã Tân Trung, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733555005

Email:c1tantrung2txgc@tiengiang.edu.vn

Năm 1979, Trường Phổ thông cơ sở Tân Trung được thành lập. Năm 1983, trường được tách thành hai trường là Trường Phổ thông cơ sở số 1 Tân Trung và Trường Phổ thông cơ sở số 2 Tân Trung. Năm 1992, Trường Phổ thông cơ sở số 1 Tân Trung đổi tên thành Trường Tiểu học số 1 Tân Trung, Trường Phổ thông cơ sở số 2 Tân Trung đổi tên thành Trường Tiểu học số 2 Tân Trung. Năm 1998, Trường Tiểu học số 1 Tân Trung được đổi tên thành Trường Tiểu học Tân Trung 1 và Trường Tiểu học số 2 Tân Trung được đổi tên thành Trường Tiểu học Tân Trung 2. Năm 2020, hai trường hợp nhất thành Trường Tiểu học Tân Trung theo Quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 24/7/2020 của Ủy ban Nhân dân thị xã Gò Công. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Tân Trung.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 32 đảng viên; nam: 13; nữ: 19; Chi uỷ: 05; nam: 02; nữ: 03. Ban giám hiệu: 03; nam: 02; nữ: 01. Công đoàn: 56 công đoàn viên;

nam: 19; nữ: 37. Đoàn thanh niên: 30 đoàn viên; nam: 05; nữ: 25. Đội thiếu niên: 699 đội viên; nam: 376; nữ: 323.

Tổng số cán bộ, viên chức: 56; nam: 19; nữ: 37. Tổng số giáo viên: 50; nam: 16; nữ: 34. Cử nhân (đại học): 45; Cử nhân (cao đẳng): 06; Trung học sư phạm: 05.

Tổng số học sinh:1.126; nam: 595; nữ: 531.

Tổng diện tích: 17.822 m^2, diện tích sử dụng:17.822 m^2.

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy 01 tầng trệt, 01 tầng lầu); phòng làm việc: 07; phòng học: 34; phòng tin học: 02; phòng nghe nhìn: 01; thư viện: 01; phòng thiết bị: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 02, khu vệ sinh: 10.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn địa danh Kinh/Kênh:**

*** Khái niệm**

Kinh/Kênh là dòng dẫn nước do con người tạo ra, nhằm vào nhiều mục đích, trong đó có hai mục đích chính là thủy lợi và giao thông thủy.

1. Kinh/Kênh Bình Đông

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Địa danh hành chính (xã Bình Đông).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Tân Trung, Bình Đông thuộc thị xã Gò Công; điểm đầu nối với rạch Sơn Quy, điểm cuối nối với Rạch Băng, dài 8,28 km, bề ngang 15 m, sâu 1,5 - 2.0 m, diện tích phục vụ 2.000 ha, nạo vét 2011.

2. Kinh/Kênh Bình Đông B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Địa danh hành chính (xã Bình Đông) + Chữ cái (B).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Bình Đông, Bình Xuân, thị xã Gò Công; điểm đầu nối với Rạch Băng, điểm cuối nối với kinh/kênh Cặp Đê (ấp Bình Xuân lộ

Tẻ), dài 4,13 km, bề ngang 10 m, sâu 0,85 - 1,5 m, diện tích phục vụ 200 ha, nạo vét năm 2011.

3. Kinh/Kênh Cặp Đê

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Xin xem mục từ Kinh/Kênh Cặp Đê ở xã Phước Trung.

Kinh/Kênh chảy xuyên qua xã Tân Phước, huyện Gò Công Đông; các xã Tân Trung, Bình Đông thuộc thị xã Gò Công; điểm đầu nối với cống Vàm Tháp, điểm cuối nối với Quốc lộ 50, dài 11,63 km, bề ngang 12 m, sâu 2,0 m, diện tích phục vụ 400 ha, nạo vét năm 2017.

4. Kinh/Kênh Cặp Đê

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Xin xem mục từ Kinh/Kênh Cặp Đê ở xã Phước Trung.

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Bình Đông, Bình Xuân, Tân Trung thuộc thị xã Gò Công; điểm đầu nối với Quốc lộ 50, điểm cuối nối với cống Gò Công, dài 18.85 km, bề ngang 12 m, sâu 0,75 - 1,85 m, diện tích phục vụ 400 ha, nạo vét năm 2015.

5. Kinh/Kênh Cặp Đê

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Xin xem mục từ Kinh/Kênh Cặp Đê ở xã Phước Trung.

Kinh/Kênh chảy xuyên qua xã Bình Phú, huyện Gò Công Tây; xã Bình Xuân, thị xã Gò Công; điểm đầu nối với Cống số 4, điểm cuối nối với Đường tỉnh 873, dài 15,6 km, bề ngang 18 m, sâu 1,9 m, diện tích phục vụ 400 ha, nạo vét năm 2012 và năm 2014.

6. Kinh/Kênh Gò Xoài - Năm Châu

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Địa hình thiên nhiên (Gò) + Thực vật (Xoài).

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Thứ và tên người (Năm Châu).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua hai xã Tân Trung, Bình Đông, thị xã Gò Công; điểm đầu nối với rạch Láng Nứa, điểm cuối nối với kinh/kênh Cặp Đê (ngay cống Bình Đông 2), dài 9.38 km, bề ngang 13 m, sâu 1,0 - 1,7 m, diện tích phục vụ 1.500 ha, nạo vét năm 2014.

7. Kinh/Kênh Salicetti

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Tên người (Salicetti - đọc theo phiên âm Tiếng Việt là Xa-li-xét-ti).

Tiểu sử của Salicetti như sau:

Năm 1868, Salicetti làm Chánh tham biện hạt Tham biện Gò Công. Năm 1870, làm Chánh tham biện hạt Tham biện Tân An. Năm 1872, làm Chánh tham biện hạt Tham biện Vĩnh Long. Cũng trong năm này, trong khi đàn áp cuộc khởi nghĩa của nhân dân huyện Vũng Liêm (tỉnh Vĩnh Long), Salicetti đã bị nghĩa quân trừng trị. Sau đó, để trả thù cho Salicetti, vâng lệnh của chính quyền thực dân Pháp, tên đại Việt gian Trần Bá Lộc đã chỉ huy quân lính tiến hành cuộc thảm sát đẫm máu đối với nghĩa quân và nhân dân huyện Vũng Liêm. Quyển *Địa phương chí tỉnh Vĩnh Long năm 1911* cho biết:

"Năm 1872, được sự xúi giục của một số quan lại ở Huế, vốn chỉ thuần phục chính quyền Pháp ở ngoài mặt, nhiều băng nhóm võ trang đã rải khắp Trà Vinh, đặc biệt là những vùng xung quanh chợ lớn Vũng Liêm (Vĩnh Long). Bọn chúng đụng đâu cướp đó trên đường. Thanh tra Salicetti - đại úy thủy quân lục chiến - đã khinh suất đi kiểm tra vùng này với chỉ vài lính cận vệ. Kết cuộc, viên đại úy này đã bị một nhóm phiến quân phục kích và giết chết. Viên Đốc phủ Cái Bè là ông Trần Bá Lộc, nổi tiếng bởi sự sáng trí, lòng trung thành và dũng cảm đối với sự nghiệp của chúng ta, đã nhận lãnh nhiệm vụ trừng trị những kẻ sát nhân. Bằng một cuộc hành quân chớp nhoáng, ông ta đã tấn công bọn chúng ở cánh đồng Láng Thé (Trà Vinh) và buộc bọn chúng phải tháo chạy sau một trận giao tranh đẫm máu kéo dài đến tận một

ngày. Sau đó, cuộc bố ráp của ông Trần Bá Lộc diễn ra thật khủng khiếp. Cuối cùng, thi thể của viên đại úy bất hạnh cũng được tìm thấy trong một bụi cây và được Trần Bá Lộc đưa về Vĩnh Long để mai táng".

Như vậy, Salicetti là tên thực dân mà hành trạng của nhân vật này gắn liền với sự xâm lược hung hăng và tàn bạo của thực dân Pháp đối với đất nước ta. Chính vì lẽ đó, kinh/kênh Salicetti ở Gò Công nhất thiết phải được đổi tên.

Kinh/Kênh được đào năm 1869 chảy xuyên qua các Phường 1, 2, 5, các xã Long Hòa, Long Thuận thuộc thị xã Gò Công; các xã Bình Nghị, Phước Trung, thị trấn Tân Hòa thuộc huyện Gò Công Đông; điểm đầu nối với Rạch Vàm Giồng, điểm cuối nối với cống Long Uông, dài 7,95 km, bề ngang 30 m, sâu 3,5 m, diện tích phục vụ 790 ha.

8. Kinh/Kênh Tham Thu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Chức vụ thời xưa (Tham: gọi tắt của chức tham tán, là chức quan văn giúp coi việc quân dưới một viên tướng thời phong kiến[29] + Tên người (Thu).

Kinh/Kênh Tham Thu chạy song song với Quốc lộ 50. Kinh/Kênh được đào vào đầu thập niên 1970 để dẫn nước được bơm từ trạm bơm Tham Thu (phía Tây; nguồn nước lấy từ rạch Cà Hôn hay Kỳ Hôn) đến ao trữ của Nhà máy nước thị xã Gò Công (phía Đông, cũng gọi là ao Tham Thu), đồng thời tưới cho một phần diện tích canh tác dọc kinh/kênh.

Vào năm 1976 - 1977, trạm bơm Bình Phan với lưu lượng thiết kế lớn hơn đã được xây dựng kề bên trạm Tham Thu nhằm mở rộng diện tích tưới và tăng lượng nước cấp cho thị xã Gò Công. Năm 1978, kinh/kênh Tham Thu được đào rộng ra với bề rộng đáy là 13 m, bề rộng mặt trung bình 22 m. Lúc đầu, đáy kinh chỉ sâu trung bình 1,50 m dưới mặt đất tự nhiên, 2 bờ kinh được đắp cao khoảng 2 m trên mặt đất tự nhiên để khi bơm

[29] Lê Trung Hoa (2003), *Nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu địa danh (Địa danh Thành phố Hồ Chí Minh)*, NXB Khoa học xã hội, trang 63.

có thể nâng mực nước trong kinh cao hơn mặt ruộng từ 1 m đến 1,50 m (kinh nổi), đủ sức tưới chảy tràn cho các ruộng xa qua các kinh nhánh và cống điều tiết đầu kinh mà không cần sử dụng thêm bơm nhỏ.

Sau này kinh/kênh Tham Thu lần lượt được vét sâu thành kinh/kênh chìm: Vào các năm 1993, 2004 vét đoạn từ cống Đồng Sơn (dưới lộ Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây) đến ao Tham Thu, năm 1999 vét đoạn từ trạm bơm Bình Phan đến lộ Đồng Sơn, cả hai đều vét sâu đến 3 m. Năm 2001 xây cống điều tiết Bình Phan tại vị trí gần trạm bơm, từ đây trạm bơm ngưng hoạt động, nước vào kinh Tham Thu qua cống này, dân tự sử dụng bơm nhỏ để đưa nước vào ruộng. Năm 2017, kinh/kênh được nạo vét toàn tuyến.

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Bình Phan, An Thạnh Thủy, Bình Phục Nhứt thuộc huyện Chợ Gạo; các xã Thạnh Nhựt, Bình Nhì, Đồng Thạnh, Thành Công, Thạnh Trị, Yên Luông thuộc huyện Gò Công Tây; xã Long Chánh, thị xã Gò Công; điểm đầu nối với Trạm bơm Bình Phan, huyện Chợ Gạo, điểm cuối nối với Ao cấp thủy, thị xã Gò Công, dài 19,3 km, bề ngang 20 m, sâu 2,2 - 2,7 m, diện tích phục vụ 10.000 ha.

Nghiên cứu địa danh tín ngưỡng, tôn giáo:

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên Đình:**

Khái niệm Đình (chữ Hán: 亭): là công trình trong tổng thể kiến trúc làng Việt Nam.

Đình Số thứ tự làng là nơi thờ Thành hoàng làng (là người thành lập làng hay có công với làng), đồng thời là nơi hội họp, bàn việc của dân làng. Đình được coi là trung tâm sinh hoạt văn hóa gắn bó với một cộng đồng cư dân và mang đặc trưng của nền văn minh lúa nước Việt Nam.

Đình Trung

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh chỉ vị trí (Trung).

Đình Trung tọa lạc tại Phường 1, thị xã Gò Công.

Đình có tên Đình Trung vì nằm ở trung tâm của Gò Công xưa, được xây dựng cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20. Từ năm 2001 - 2004, đình được trùng tu, sửa lại mái ngói, sơn lại hoàn toàn, bên trong nhiều bàn thờ được làm mới. Tuy nhiên, việc trùng tu vẫn giữ được nguyên gốc của di tích.

Đình Trung là công trình kiến trúc mang phong các Á – Âu nhưng đậm nét dân tộc, được thể hiện qua kết cấu vật liệu và các họa tiết trang trí như: rồng, phụng, tứ linh, tứ quý,... Đình được xây kiểu chữ Tam (≡) gồm ba dãy nhà: võ ca, vỏ quy, chánh điện nối tiếp nhau trên một nền cao 1 m, có diện tích 797 m², bó nền phía dưới bằng đá xanh cẩn kiểu da quy, bên trên xây một lớp gạch đại 25cm x 15cm x 10cm, mặt nền lót gạch tàu 40cm x 40cm.

Đình Trung được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận di tích cấp tỉnh theo Quyết định số 2699/QĐ-UBND ngày 25/7/2005.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên Đền thờ**

Khái niệm Đền thờ

Đền thờ là công trình kiến trúc mang tính chất tín ngưỡng để thờ cúng một vị thần hoặc một danh nhân quá cố.

1. Mộ và đền thờ Trương Định

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Mộ và đền thờ) + Họ và tên danh nhân (Trương Định).

Mộ và đền thờ Trương Định tọa lạc tại Phường 1, thị xã Gò Công.

Trong khuôn viên Đền thờ anh hùng dân tộc Trương Định rộng khoảng 3.000 m² có mộ của ông cùng một cổng tam quan xưa cũ, ghi: "Mộ anh hùng Trương Định".

Sau khi Trương Định tuẫn tiết (ngày 20/8/1864), bà Trần Thị Sanh - người vợ thứ của Trương Định - đã nhận thi hài của ông mang về an táng trọng thể tại trung tâm huyện lỵ, mộ làm bằng hồ ô dước; nhưng nhà cầm quyền Pháp ở Gò Công đã cho phá bỏ.

Năm 1874, bà Trần Thị Sanh đứng đơn xin lập lại mộ cho Trương Định. Dự kiến mộ sẽ được xây bằng đá hoa cương. Nhưng, chính quyền thực dân Pháp ở Gò Công không chấp thuận.

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, Nhân dân địa phương trùng tu lại ngôi mộ. Năm 1964, ngôi mộ được tu bổ khang trang.

Mộ được xây bằng đá ong với hồ ô dước (hỗn hợp vôi, đường mật và nhựa cây ô dước). Diện tích toàn ngôi mộ 67,263m^2, chiều dài 9,95 m, ngang 6,75 m, vòng tường ngoài có 04 trụ cao 1,16 m mỗi cạnh 54 cm, trên 04 trụ ở bốn góc mộ có trang trí 04 hoa sen. Vòng tường cao 70 cm xây bằng đá xanh. Mộ có 02 bia: 01 phía trước mộ, 01 phía cuối mộ. Mỗi bia đều có mái che hình thức màu như ngói nhưng bằng vôi, cát.

Tấm bia trước mộ bằng đá cẩm thạch trắng, trang trí chung quanh rèm bia là hoa văn hoa lá mềm mại và ngay giữa có câu: "Đại Nam Thần Dõng, Đại Tướng Quân, Truy Tặng Ngũ Quân, Ngũ Quận Công, Trương Công Định chi mộ", hai bên mặt bia, phía bên phải có dòng chữ "Tốt Ư Giáp Tý, Thất nguyệt Thập bát nhật" (tức chết ngày 18 tháng 7 năm Giáp Tý), phía bên trái có dòng chữ "Trần Thị Sanh lập thạch" (tức Trần Thị Sanh lập bia).

Bia cuối mộ cũng có mái che trên bia khắc hai chữ "Trung Nghĩa".

Trước mộ có đôi câu liễn:

"Sơn hà thu chính khí

Nhật nguyệt chiếu đan tâm"

(Núi sông thâu chính khí

Nhật nguyệt chói lòng son)

Đền thờ được xây dựng năm 1972, khánh thành năm 1973 và giữ nguyên hiện trạng cho tới ngày nay. Cổng đền thờ có cặp liễn đối ca ngợi công đức của Trương Định: "Trái chúa thuận lòng dân sự nghiệp sáng choang cờ đại soái; Quên thân trừ giặc nước cơ đồ hồng thắm chí Trương công".

Hai bên vách trong đền có treo bốn tấm biển được tạo tác bằng đá hoa cương. Các tấm biển đều ghi những lời tuyên bố hào hùng của Trương Định:

- "Triều đình Huế không nhìn nhận chúng ta, nhưng chúng ta cứ bảo vệ Tổ quốc chúng ta" (Trích thư trả lời của Trương Định trước thư dụ hàng của thiếu tướng Pháp Bonard vào cuối năm 1862).

- "Muốn trở lại y như thuở xưa, dân chúng ba tỉnh yêu cầu chúng tôi đứng đầu khởi nghĩa, chúng tôi không thể làm gì khác. Chúng tôi chuẩn bị chiến đấu và hướng đông cũng như hướng tây, chúng tôi chống đối và chiến đấu. Chúng tôi sẽ đánh ngã giặc cướp" (Trích thư Trương Định gởi các quan ở Vĩnh Long tuyên bố ly khai Nam triều, tháng 2/1863).

- "Chúng ta thề sẽ đánh mãi và đánh không ngừng. Khi ta thiếu tất cả ta sẽ bẻ nhánh cây làm cờ, lấy gậy gộc làm võ khí cho quân lính ta" (Trích Tuyên bố của Trương Định nhân danh toàn thể dân chúng Gò Công gởi cho giặc Pháp tháng 2/1863).

- "Lòng dân đã muốn ta lên làm nguyên nhung ba tỉnh, ta trông vào lòng dân yêu thương không phai lạt của mọi người đối với ta. Thế là xong bất dung tha giặc cướp" (trích Hịch Trương Định, tháng 8/1864).

Trong đền thờ, ngoài bàn thờ có tôn trí ảnh chân dung Trương Định còn có quyển sách gỗ độc bản "Tiểu sử Trương Định" viết bằng ba thứ tiếng: Việt, Anh, Pháp, được Tổ chức Kỷ lục Việt Nam tôn vinh giá trị kỷ lục.

Mộ và đền thờ Trương Định ở thị xã Gò Công được Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia theo Quyết định số 114/VHQĐ ngày 30/8/1984.

2. Đền thờ Võ Tánh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đền thờ) + Họ và tên danh nhân (Võ Tánh).

Đền thờ Võ Tánh tọa lạc tại ấp Gò Tre, xã Long Thuận, thị xã Gò Công.

Võ Tánh chưa rõ năm sinh (1) quê gốc ở thôn Phước Tỉnh, huyện Phước An, dinh Trấn Biên (nay là xã Phước Tỉnh, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu), sau dời về huyện Bình Dương, tỉnh Gia Định (nay thuộc thành phố Hồ Chí Minh).

Từ năm 1783 đến năm 1788, ông dấy binh chống quân Tây Sơn ở Phù Viên (Vườn Trầu, nay thuộc vùng Bà Điểm – Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh). Nhưng sau đó, nhận thấy nơi đây đất đai bằng phẳng, không thích hợp cho việc dụng võ, nên ông di chuyển đến Gò Tre thuộc huyện Kiến Hòa, dinh Trấn Định (nay thuộc xã Long Thuận, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang).

Tại căn cứ mới, ông tự xưng Tổng nhung; xây thành Vạn Thắng; tiếp tục chiêu mộ quân lính, tổ chức thành năm đạo, gọi là đạo quân Kiến Hòa và khai phá đất đai, mở mang ruộng đất, tích trữ quân lương. Thấy lực lượng của ông ngày càng lớn mạnh, thủ lãnh quân Tây Sơn là Nguyễn Nhạc sai tướng tên là Nguyên đem quân tới Gò Tre tiễu phạt; nhưng bị ông đánh tan. Từ đó, thanh thế của ông càng lừng lẫy.

Người bấy giờ xưng tụng ông là một trong "*Gia Định tam hùng*" (hai người kia là Đỗ Thanh Nhơn và Châu Văn Tiếp).

Năm 1788, chúa Nguyễn Phúc Ánh cử Nguyễn Đức Xuyên đến Gò Tre mời ông hợp tác. Ông nhận lời, mang các tướng thuộc quyền là Võ Văn Lượng, Nguyễn Văn Hiếu, Mạc Văn Tô, Trần Văn Tín, Mai Tấn Huệ và toàn bộ binh lính theo về với Nguyễn Phúc Ánh. Vì thế, ông được phong làm Khâm sai Tổng nhung Chưởng cơ dinh Tiền quân. Đồng thời, ông lại được Nguyễn Phúc Ánh gả em gái cho là Trưởng công chúa Ngọc Du, trở thành phò mã của nhà Nguyễn.

Năm 1790, vâng lệnh Nguyễn Phúc Ánh, ông tiến đánh thành Diên Khánh (nay thuộc tỉnh Khánh Hòa), chiếm được phủ thành, đánh bại tướng Tây Sơn là Đào Văn Hồ. Năm 1793, do lập được nhiều chiến công, ông được thăng Khâm sai chưởng hậu quân, Bình Tây tham thắng tướng quân hộ giá. Năm 1794, khi đang giữ chức Trấn thủ thành Diên Khánh, ông đánh bại cuộc tấn công của quân Tây Sơn vào thành, nên được thăng lên Đại tướng quân, tước Quận công.

Năm 1797, ông theo Nguyễn Phúc Ánh đánh bại đô đốc Tây Sơn Nguyễn Văn Giáp tại sông Mỹ Khê (Quảng Ngãi). Thừa thắng, ông tiến quân đến tận Quảng Nam.

Tháng 4/1799, Nguyễn Phúc Ánh lại cử đại binh ra đánh Quy Nhơn, vào cửa Thị Nại, sai ông và Nguyễn Huỳnh Đức đem quân lên bộ đóng ở núi Hàm Long thuộc Tuy Phước. Hàm Long là một độc sơn tuy thấp bé nhưng lại có thế dụng binh. Tại đây, ông đã đánh thắng tướng Tây Sơn Võ Đình Tú.

Đầu tháng 5/1799, Nguyễn Phúc Ánh kéo quân lên vây thành Quy Nhơn. Ở Hàm Long, ông và Nguyễn Huỳnh Đức kéo binh đánh đồn Trấp Xá ở Quán Chẹt. Tướng giữ đồn là Trương Tấn Túy chống cự không nổi, bỏ đồn chạy về Quy Nhơn.

Quân của ông kéo đánh tiếp đồn tháp Tri Thiện tục gọi là tháp Bánh Ít. Tướng giữ đồn là Lê Văn Thiệt bị trúng đạn chết trên bành voi. Ông thừa thắng kéo quân ra Ngạc Đầm tục gọi là Bàu Sấu ở thôn Thiết Trụ thuộc An Nhơn. Trên núi Kim Đồng

ở phía đông Bàu Sấu có bảy đồn lính canh bảo vệ cho mặt sau thành Quy Nhơn. Bảy đồn này rất kiên cố có thế núi, thế sông che chở. Quyết công phá mặt sau thành Quy Nhơn, ông cho quân liên tục tấn vào bảy đồn tiền tiêu của quân Tây Sơn, nhưng bất thành. Cuối cùng, ông phải đóng quân dưới chân núi ở phía tây Bàu Sấu. Trong khi đó, Nguyễn Phúc Ánh đánh thành Quy Nhơn mấy ngày liền mà vẫn không lay chuyển. Tướng Tây Sơn giữ thành là Lê Văn Thành đóng cửa cầm cự chờ viện binh. Tuy nhiên, quân cứu viện do Trần Quang Diệu và Võ Văn Dũng chỉ huy bị chặn lại tại Thạch Tân (Quảng Ngãi). Không thấy viện binh đến ứng cứu, trong thành lại hết lương thực, nên Lê Văn Thành đành phải mở cổng thành ra hàng. Một tướng Tây Sơn khác là Nguyễn Quang Huy nghe tin thành Quy Nhơn thất thủ bèn kéo binh từ Phú Yên ra đánh chiếm lại, song bị thất bại.

Sau khi chiếm được thành Quy Nhơn và đổi tên Quy Nhơn thành Bình Định, Nguyễn Phúc Ánh giao cho ông cùng với Lễ bộ tham tri Ngô Tùng Châu giữ ngôi thành này.

Lúc bấy giờ, ở Phú Xuân - Huế, tướng Tây Sơn là Thiếu phó Trần Quang Diệu bàn với Tư đồ Võ Văn Dũng phương cách thu phục thành Bình Định: "*Ta nghe tiếng Võ Tánh đã lâu, các tướng không ai địch nổi, nay giữ thành trơ trọi một mình, tiến lui không có quân cứu viện, ta đem quân bộ đến đánh, đem thủy quân chặn cửa biển Thị Nại, ngăn quân cứu viện ở Gia Định, hẳn là lấy được*". Tháng 2/1800, Trần Quang Diệu và Võ Văn Dũng mang quân Tây Sơn từ Phú Xuân vào tấn công thành Bình Định, trong đó Trần Quang Diệu sai đắp lũy chung quanh thành và chia quân bao vây bốn mặt trên bộ, còn Võ Văn Dũng thì chỉ huy thủy quân phòng giữ cửa Thị Nại.

Tháng 4/1800, Nguyễn Phúc Ánh mang thủy bộ binh ra cứu viện. Cả hai đều bị quân Tây Sơn chặn đánh không tiếp cứu nhau được, đành phải đóng quân tại chỗ, tới tháng 12 cùng năm đồng rút quân về Gia Định. Tháng 2/1801, Nguyễn Phúc Ánh lại kéo ra quân nhằm giải nguy cho thành Bình Định. Thủy quân Nguyễn Phúc

Ánh đánh thắng thủy quân Tây Sơn tại cửa Thị Nại. Đây là trận thủy chiến lớn nhất của cuộc chiến tranh chúa Nguyễn - Tây Sơn. Tuy quân của chúa Nguyễn thắng trận, tiêu diệt thủy quân Tây Sơn; nhưng không giải vây được trên bộ, thành Bình Định vẫn bị quân Tây Sơn vây chặt.

Trước tình hình đó, ông và Ngô Tùng Châu sai người lén đem mật thư ra cho Nguyễn Phúc Ánh; khuyên Nguyễn Phúc Ánh nên kéo quân ra đánh Phú Xuân, và khi đó, sẽ dễ dàng giành được thắng lợi, vì đại bộ phận quân Tây Sơn đang đang tập trung tại mặt trận Bình Định; lực lượng ở Phú Xuân rất yếu. Đồng thời, bức mật thư cũng nói rõ, ông cùng Ngô Tùng Châu sẽ cố giữ thành nhằm cầm chân quân Tây Sơn. Nghe theo lời khuyên hợp lý của ông và Ngô Tùng Châu, Nguyễn Phúc Ánh cho quân tấn công và chiếm được được Phú Xuân vào tháng 6/1801.

Hai tướng Tây Sơn Trần Quang Diệu và Võ Văn Dũng nghe tin Phú Xuân mất về tay Nguyễn Phúc Ánh, liền chia quân ra cứu. Quân cứu viện Tây Sơn ra tới Quảng Nam thì bị quân Nguyễn chận đánh nên phải quay trở lại Bình Định. Không có cách nào khác, Trần Quang Diệu ra lệnh quân lính ráo riết công kích thành Bình Định. Trước nguy cơ thành bị thất thủ, có người khuyên ông nên lẻn trốn ra ngoài; nhưng ông đã cự tuyệt, cương quyết ở lại với thành và nói rằng: "*Ta vâng mệnh giữ thành, phải cùng còn mất với thành, nay bỏ thành mà cầu lấy sống thì còn mặt mũi nào nhìn thấy chúa thượng nữa*". Tình thế ngày càng khốn quẫn, thấy không thể giữ thành lâu hơn được nữa, ông viết thư cho Trần Quang Diệu đề nghị sau khi chiếm được thành thì quân Tây Sơn không giết hại binh lính của ông.

Ngày 5/7/1801, Ngô Tùng Châu uống thuốc độc tự tử. Hay tin, ông ngậm ngùi than: "*Ngô quân đã hơn ta một nước rồi!*". Ngày 7/7/1801 (nhằm này 27 tháng 5 năm Tân Dậu), ông nói với các tướng rằng: "*Uống thuốc độc thì chết, nhảy vào lửa cũng chết, nhưng chết bằng thuốc độc, quân địch còn trông thấy mặt, ta không nỡ để cho địch trông thấy ta, ta chết bằng lửa vậy*"; rồi tự thiêu mà chết tại lầu bát giác.

Trần Quang Diệu dẫn quân vào thành, rất xúc động trước cái chết trung dũng, đầy khí phách của ông, nên cho quân lính mai táng tử tế thi hài của ông. Đồng thời, vị tướng Tây Sơn này cũng không giết hại bất cứ người lính nào trong thành.

Năm 1802, sau khi đánh thắng nhà Tây Sơn, Nguyễn Phúc Ánh lên ngôi vua, lấy niên hiệu là Gia Long. Nhà vua truy tặng ông là Dực vận công thần Thái úy Quốc công. Năm 1831, vua Minh Mạng truy phong ông là Hoài Quốc công.

Trước cái chết anh dũng của ông, người dân Bình Định đã lưu truyền câu ca dao:

Ngó lên ngọn tháp Cánh Tiên,

Cảm thương quan Hậu thủ thiềng (thành) ba năm!

Hiền thê của ông là Trưởng công chúa Ngọc Du khóc ông bằng bài thơ đầy nước mắt:

Những tưởng ra tay giúp nước nhà

Ai dè binh địa nổi phong ba.

Xót người vị quốc liều thân ngọc,

Khiến thiếp cô phòng ủ mặt hoa.

Gối mộng mơ màng duyên nợ cũ,

Đài mây xiêu lạc phách hồn xa.

Lửa trung đốt đỏ gương hào kiệt,

Nóng ruột thuyền quyên giọt lệ sa!

Đồng thời, vua Gia Long cũng cho xây lăng mộ ông tại nơi ông tuẫn tiết: thành Bình Định. Hiện nay, di tích thành Bình Định nằm ở phía bắc huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định, tọa lạc trên đất của các thôn Nam Tân, Bắc Thuận và Bả Canh thuộc xã

Nhơn Hậu, cách thành phố Quy Nhơn 27 km về hướng bắc. Ngoài ra, nhà vua còn sai lập một khu lăng mộ nữa cho ông ở Phú Nhuận, tỉnh Gia Định, nay tọa lạc tại số 19, đường Hồ Văn Huê, quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh.

Cảm động trước tấm lòng trung nghĩa của một vị võ tướng, năm 1802, người dân ở Gò Tre (Gò Công) dựng miếu thờ ông, gọi là Lăng Ông. Năm 1940, nhân dân lập "Tập Nghĩa hội", xây miếu dạng đình, thờ Võ Quốc Công và đến năm 1943, được vua Bảo Đại sắc phong "Thượng đẳng thần"(3).

Năm 1956, miếu thờ ông được xây dựng ở Gò Tre, nơi ông dấy binh thuở xưa (nay thuộc xã Long Thuận, thị xã Gò Công) với tên gọi là Võ quốc công miếu. Miếu thờ được xây cất theo kiểu nhà rường, ba gian, mái lợp ngói âm dương, cột gỗ. Mặt trước của miếu có khắc hai cặp liễn Hán Việt do nhà giáo Nguyễn Huỳnh Mai xuất bút:

- Cặp liễn thứ nhất ở gian chính:

Tân Hòa huyện bảo dân Vạn Thắng trấn chí kim lưu chánh khí.

Bình Định thành hoàn tiết Bát giác lầu tự cổ hiển trung tâm.

- Cặp liễn thứ hai ở hai bên phải và trái:

Khổng Tước thành vạn cổ nghĩa tham thiên.

Kỳ Lân các thiên thu danh bổng nhựt.

Từ năm 2016-2017, miếu thờ được xây mới hoàn toàn trên diện tích 5000 m² với tên gọi Đền thờ Hoài quốc công Võ Tánh, gồm cổng tam quan, chánh điện, nhà hội, sân, hồ nước, đường đi, hàng rào, tường kè, nhà vệ sinh, hệ thống thoát nước,…

Ở lần xây dựng này, ngoài hai cặp liễn đã có từ trước được khắc ở chánh điện còn có thêm hai cặp liễn được chạm khắc ở cổng tam quan. Hai cặp liễn được do Nhà giáo ưu tú Phan Thanh Sắc viết bằng chữ Nôm Việt:

- Cặp liễn thứ nhất ở cổng chánh:

Cờ Khổng Tước nguyên (4) *Võ đưa Gò Công vào quốc sử.*

Miếu Hoài Quốc Công Tánh, nhắc Long Thuận nhớ tích xưa.

- Cặp liễn thứ hai ở cổng nhỏ hai bên phải và trái:

Kiến Hòa đạo phát tích cứu nạn dân.

Bình Định thành lửa hồng un hồn nước.

Hằng năm, vào các ngày 26 và 27 tháng 5 âm lịch, người dân địa phương tổ chức Lễ cúng giỗ ông rất trang trọng. Năm 2005, miếu thờ được Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 2699/QĐ-UBND ngày 25-7-2005.

---

(1) Có tài liệu ghi, ông sinh năm 1768.
(2) Có tài liệu viết đó là nữ tướng Nguyễn Thị Hào.
(3) Sắc phong được phiên âm chữ Hán Việt như sau:

Gò Công tỉnh, Hòa Lạc Hạ tổng, Thành Phố thôn, Tập Nghĩa hội, Phụng sự Chưởng Hậu quân Võ Tánh tôn thần, hộ quốc tí dân, nẩm trứ linh ứng, tứ lệnh phỉ thừa cảnh mạng miễn niệm thần hưu phong tặng: Trác vĩ Dực bảo Trung hưng Thượng đẳng thần. Chuẩn kỳ phụng sự, thứ cơ thần kỳ, tương hữu bảo ngã lê dân. Khâm tai!

Bảo Đại thập bát niên, bát nguyệt, thập ngũ nhật.

Dịch nghĩa:

Tỉnh Gò Công, tổng Hòa Lạc Hạ, thôn Thành Phố, hội Tập Nghĩa, phụng thờ Chưởng Hậu quân Võ Tánh được tôn thành thần, bảo vệ đất nước, che chở nhân dân, thần từng rất linh ứng, nay ta vâng thừa mệnh lớn, nghĩ đến công lao của thần, vậy bên phong tặng cho là: Trác vĩ Dực bảo Trung hưng Thượng đẳng thần. Chuẩn cho phụng thờ. Thần hay giúp đỡ bảo vệ con dân của trẫm. Kính thay!

Ngày 15 tháng 8 Bảo Đại năm thứ 18.

(4) Khổng Tước nguyên là tên chữ Hán của địa danh Gò Công rút gọn từ gò Chim Công.

Hằng năm, tại đền thờ, Nhân dân địa phương tổ chức cúng lệ 2 kỳ: Kỳ thứ nhất vào ngày 24, 25 tháng 5 (âm lịch) là lễ giỗ Võ Tánh; kỳ thứ hai vào ngày 11, 12-2 (dương lịch) là cúng lệ Kỳ yên.

Đền thờ Võ Tánh được UBND tỉnh Tiền Giang xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 2699/QĐ-UBND ngày 25/7/2005.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên thánh thất:**

Khái niệm:

Thánh thất: là nhà thờ Đức Chí Tôn (Đấng Cao Đài) và các vị Thần, Thánh, Tiên, Phật. Hay còn gọi là ngôi nhà của chư thánh. Tại mỗi Tộc đạo (Họ đạo) đều phải xây dựng một Thánh thất để làm đền thờ Đức Chí Tôn và làm nơi tín ngưỡng cho bổn đạo địa phương.

1. Thánh thất Bình Xuân

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Bình Xuân).

Thánh thất Bình Xuân được xây dựng năm 1946, tọa lạc tại xã Bình Xuân, thị xã Gò Công.

2. Thánh thất Gò Công

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (thị xã Gò Công).

Thánh thất Gò Công được xây dựng năm 1935, tọa lạc tại Phường 4, thị xã Gò Công.

3. Thánh thất Long Hưng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Long Hưng).

Thánh thất Long Hưng được xây dựng trước năm 1975, tọa lạc tại ấp Hưng Hòa, xã Long Hưng, thị xã Gò Công.

4. Thánh thất Tân Trung

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Tân Trung).

Thánh thất Tân Trung được xây dựng năm 1932, tọa lạc tại xã Tân Trung, thị xã Gò Công.

5. Thánh thất Thành Công

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Thành Công).

Thánh thất Thành Công được xây dựng trước năm 1975, tọa lạc tại ấp Thành Nhì, xã Thành Công, thị xã Gò Công.

*** Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên xóm:**

Khái niệm:

Xóm: là nơi quần tụ những hộ gia đình sinh sống gần nhau, có hoặc không có mối quan hệ họ hàng với nhau.

1. Xóm Lạp Xưởng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Thực phẩm (Lạp xưởng).

Xóm Lạp Xưởng là xóm nhà chuyên sản xuất lạp xưởng, thuộc xã Bình Đông, thị xã Gò Công.

Nơi đây có 4 cơ sở sản xuất lạp xưởng có đăng ký kinh doanh và một số hộ nhỏ lẻ khác. Lạp xưởng Bình Đông có mùi vị thơm ngon, đặc trưng nên sản phẩm được nhiều nơi ưa chuộng.

2. Xóm Ông Non

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Giới tính và tên người (Ông Non).

Theo lời truyền dân gian, vào khoảng thế kỷ 17, ông Non từ miền Trung vào khai khẩn đất hoang, quy tụ dân chúng lập thành xóm mang tên của ông – xóm Ông Non. Hiện nay, Xóm Ông Non là tên ấp thuộc xã Tân Trung, thị xã Gò Công.

Xóm Ông Non có bề dày hình thành, phát triển hơn 100 năm của Tủ thờ Gò Công, một thương hiệu nổi tiếng trên cả nước và một số nước trên thế giới.

Địa danh này liên quan đến trận đánh phòng ngự ngày 07/02/1968 của Tiểu đoàn 514B Tỉnh đội Gò Công và 2 trung đội 206, 207 thị xã Gò Công trước sự tấn công ác liệt của địch, gồm Tiểu đoàn 4 thuộc Trung đoàn 12, Sư đoàn 7, 01 Liên đoàn địa phương quân Gò Công, 12 xe thiết giáp M.113 của quân đội Sài Gòn có

không quân và pháo binh yểm trợ. Trận này ta diệt khoảng 120 lính địch, bắn cháy 01 xe M.113. Chiến thắng Xóm Ông Non đã bảo vệ vững chắc căn cứ cách mạng Gò Công, tạo điều kiện thuận lợi cho lực lượng vũ trang địa phương ngày càng lớn mạnh.

*** Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên khu:**

Khái niệm:

Khu là khoảng đất được giới hạn với những đặc điểm hoặc chức năng riêng, khác với xung quanh.

1. Khu lăng mộ Hoàng gia

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Khu) + Địa danh chỉ công trình xây dựng (Lăng: công trình xây dựng thường có quy mô lớn, làm nơi cất giữ di hài của vua chúa hoặc của vĩ nhân) + Địa danh chỉ công trình xây dựng (Mộ) + Danh từ (Hoàng gia: Những người có họ hàng với nhà vua).

Khu lăng mộ Hoàng gia được xây dựng năm 1826, gồm lăng mộ và đền thờ ông Phạm Đăng Hưng, nay tọa lạc tại ấp Lăng Hoàng Gia, xã Long Hưng, thị xã Gò Công.

Ông Phạm Đăng Hưng sinh năm 1764 tại giồng Sơn Quy, thôn Tân Niên Đông, tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, trấn Định Tường (nay thuộc ấp Lăng Hoàng Gia, xã Long Hưng, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang).

Lúc còn nhỏ, ông thông minh nhanh nhẹn, lúc lớn ham học hỏi. Được cha là nhà nho Phạm Đăng Long hết lòng dạy dỗ, nên ông học rất giỏi, thi đỗ khoa thi năm 1796, được chúa Nguyễn Phúc Ánh bổ dụng làm Lễ sinh ở phủ, rồi làm Diễn luân thị thảo ở Cống sĩ viện, thường cùng bàn việc với các quan thị thư. Sau đó, ông được thăng làm Tham luận ở Vệ phấn võ, được theo chúa Nguyễn Phúc Ánh sang Xiêm (Thái Lan) giúp quân Xiêm chống quân Miến Điện (nay là Myanmar). Năm 1799,

ông trở về nước, được thăng làm Tham tri bộ Lại, chuyên trách công việc bổ dụng, điều chuyển quan lại và công văn giấy tờ. Đồng thời, ông còn tham gia vào các cuộc tiến công của quân Nguyễn Phúc Ánh ra miền Trung và miền Bắc trong cuộc tranh chấp với vương triều Cảnh Thịnh.

Năm 1802, chúa Nguyễn Phúc Ánh lên ngôi vua, lấy niên hiệu là Gia Long. Lúc bấy giờ, ông được nhà vua cho giữ chức Chưởng trường đà, trông coi công tác vận tải đường thủy trên cả nước. Năm 1807, ông được giữ chức Đề điệu có nhiệm vụ thanh tra tại Trường thi Hương ở trấn Kinh Bắc (nay là tỉnh Bắc Ninh). Năm 1813, ông giữ chức Thượng thư bộ Lễ. Năm 1816, ông đề nghị với vua Gia Long lập Xã thương (kho gạo) ở các địa phương trong toàn quốc nhằm cứu đói cho dân khi không may xảy ra thiên tai, mất mùa. Cũng trong năm 1816, ông được giao thêm việc quản lý Khâm thiên giám (cơ quan trông nom về thiên văn và làm lịch của triều đình).

Năm 1819, vua Gia Long bị bệnh nặng, ông vâng mệnh phụng thảo di chiếu; và tiếp đó, cùng với Lê Văn Duyệt thực hiện di chiếu, lập hoàng tử Nguyễn Phúc Đảm lên ngôi với đế hiệu là Minh Mạng. Năm 1820, cùng với Tôn Thất Dịch, ông được sung làm *Giám tu ngọc phả*, trông coi việc biên soạn gia phả cho hoàng gia. Đây là công việc mới mẻ, có rất nhiều khó khăn; và ông là một trong hai người đầu tiên đặt nền móng cho công tác biên soạn này.

Năm 1821, ông được sung làm Phó Tổng tài của Quốc sử quán, góp phần quan trọng trong việc biên soạn bộ *Đại Nam thực lục* (bộ sử biên niên đồ sộ của triều Nguyễn). Nhưng sau đó, do bị gièm pha, ông bị giáng hai cấp. Sau đó, ông được bổ làm Học sĩ Viện Hàn lâm, rồi thăng làm Tả tham tri bộ Lại kiêm quản Viện Hàn lâm. Ít lâu sau nữa, ông được phục hồi chức Phó tổng tài Quốc sử quán, kiêm Ấn vụ bộ Lại. Đến năm 1824, ông được phục chức, làm Thượng thư bộ Lễ như trước.

Mùa hạ năm 1825, vua Minh Mạng đi công cán tỉnh Quảng Nam, giao quyền cai quản kinh đô Huế cho ông. Cùng năm, ông bị bệnh mất tại Huế, thọ 61 tuổi. Vua

Minh Mạng rất tiếc thương, ban nhiều tiền bạc, gấm vóc và sai quan lo việc tang chu đáo.

Do có công lao to lớn đối với nhà Nguyễn, ông được vua Minh Mạng là thông gia truy tặng hàm Vinh Lộc đại phu, Trụ quốc, Hiệp biện Đại học sĩ, thụy là Trung Nhã. Năm 1849, ông được vua Tự Đức là cháu ngoại truy thăng hàm Đặc tấn Vinh lộc đại phu, Thái bảo, Cần chánh điện đại học sĩ, tước Đức Quốc công. Năm 1852, nhận thấy "Ông ở lúc mới khai sáng, giúp việc quân nhung, sau khi đại định, giúp đỡ mọi việc, công liệt rõ rệt, trước sau vẹn tiết, liệt vào nơi thờ to tát là phải lễ" (Đại Nam chính biên liệt truyện), nên ông được vua Tự Đức cho thờ ở miếu Trung Hưng công thần. Năm 1858, ông được thờ ở đền Hiền Lương. Đồng thời, nhà vua còn cho dựng đền thờ ông và phu nhân, gọi là Đức Quốc công từ ở Kim Long (nằm trên đường Kim Long, phường Kim Long, TP Huế, tỉnh Thừa Thiên - Huế hiện nay). Cũng trong năm 1858, tiểu sử và công đức của ông được vua Tự Đức cho chạm khắc vào bia đá. Bài văn bia này do Phan Thanh Giản và Trương Quốc Dụng hợp soạn.

Ông có người con gái là Phạm Thị Hằng được tiến cung, là hoàng phi của vua Thiệu Trị (Nguyễn Phúc Miên Tông), tức hoàng thái hậu Từ Dụ (thường được gọi là Từ Dũ) là hoàng mẫu của vua Tự Đức; và người con trai thứ Phạm Đăng Thuật là chồng của công chúa Nguyễn Phúc Vĩnh Trinh, hiệu là Nguyệt Đình. Cả vua Thiệu Trị và công chúa Nguyễn Phúc Vĩnh Trinh đều là con của vua Minh Mạng. Như vậy, ông là thông gia với vua Minh Mạng.

Lăng mộ Phạm Đăng Hưng nằm trên gò cao có hình dáng mai rùa. Mộ xây theo kiểu kiểu dáng "đỉnh trụ" hình bát giác, trông vừa như chiếc nón lá vừa như búp sen. Mặt sau mộ, xây bình phong hình bán nguyệt, trên có chạm 4 con rồng, dưới có 5 con kỳ lân với tích "Ngũ đại thành xương - Tường lân ống hiện" (Năm đời danh giá tốt đẹp - Điềm lành kỳ lân hiện ra). Vòng quanh mộ ông có một số phù điêu trang trí như búp sen, cá hóa long,…

Về gia phả, ông Phạm Đăng Hưng là con của ông Phạm Đăng Long. Ông Phạm Đăng Long sinh năm 1740 tại thôn Tư Cung, huyện Tư Nghĩa, trấn Quảng Ngãi trong

một gia đình trí thức khoa bảng. Ông cố của ông là tiến sĩ Phạm Đăng Khoa, vào giữa thế kỷ XVI, từ Thăng Long theo chúa Nguyễn Hoàng vào Ái Tử (Quảng Trị) lập nghiệp; rồi sau đó, đi tiếp vào Phú Xuân - Huế. Con trai của Phạm Đăng Khoa là Phạm Đăng Tiên rất giỏi Nho học, được triều đình chúa Nguyễn tin dùng, cho giữ chức Huấn đạo, trông coi việc giáo dục huyện Tư Nghĩa (Quảng Ngãi). Ông Phạm Đăng Tiên có người con trai là Phạm Đăng Dinh, tự hiệu là Huyền Thông đạo nhân, vốn có sở học uyên bác, giỏi Nho học và y thuật, di cư vào Gò Công sinh sống. Tại đây, ông Phạm Đăng Dinh đi nhiều nơi tìm thế đất tốt để định cư, mong con cháu phát tích. Lúc ông đến Gò Rùa (Sơn Quy), thấy thế đất rất đẹp lại có mạch nước ngầm. đào được giếng có nước ngọt, trong khi đó toàn vùng Gò Công lúc bấy giờ bị nhiễm mặn nặng nề. Do đó, ông quyết định xây nhà ở gò đất này.

Ông Phạm Đăng Dinh có người cn là là Phạm Đăng Long. Ông là người thông minh, ham học và học giỏi. Khi ấy, Gò Công thuộc huyện Kiến Hòa là vùng đất mới được khai phá, công tác giáo dục chưa phát triển, trường sở còn rất ít ỏi, trong khi nhân dân, nhất là thanh thiếu niên, rất hiếu học. Nhận thức được tầm quan trọng của giáo dục đối với việc giáo hóa người dân và phát triển địa phương, ông đã mở trường dạy học, thu nhận đông đảo môn sinh đến theo học; vì thế, được người đời xưng tụng là "Kiến Hòa tiên sinh". Ông là thầy dạy nhiều thanh niên ưu tú ở Gò Công, như Phạm Đăng Hưng (con trai), Phạm Văn Trường, Huỳnh Văn Tứ, Mạc Văn Tô, Nguyễn Văn Hiếu, Nguyễn Hoài Quỳnh, Nguyễn Phương Giao,… mà sau đó, các vị này đều là những công thần của nhà Nguyễn. Năm 1808, ông mất tại Gò Công, thọ 68 tuổi, được vua Gia Long truy tặng tước Phước An hầu. Phần mộ của ông tọa lạc tại Khu lăng mộ của dòng họ Phạm Đăng ở giồng Sơn Quy mà dân gian thường gọi là Khu lăng Hoàng gia.

Khu lăng mộ và đền thờ Hoàng gia do ông Phạm Đăng Tá, con trai trưởng của Phạm Đăng Hưng, xây dựng trên phần đất rộng 3.000 m², ngay trên nền nhà cũ của dòng họ Phạm Đăng. Các nghệ nhân tài hoa bậc nhất chuyên xây dựng lăng tẩm,

cung đình từ kinh đô Huế được đưa vào cùng với nghệ nhân địa phương xây dựng nên công trình kiến trúc độc đáo, mang đậm phong cách cung đình Huế.

Năm 1849, sau khi truy phong Phạm Đăng Hưng tước Đức Quốc công, vua Tự Đức là cháu ngoại đã cho trùng tu, mở rộng nhà thờ, xây thêm tam cấp, cổng tam quan, ban thần vị theo nghi thức cung đình. Tại từ đường, nơi chính giữa thờ Đức Quốc công Phạm Đăng Hưng; bên trái thờ Phước An hầu Phạm Đăng Long, là cha của Phạm Đăng Hưng; bên phải thờ Bình Thạnh bá Phạm Đăng Dinh, ông nội của Phạm Đăng Hưng; căn chót bên trái thờ Mỵ Khánh tử Phạm Đăng Tiên, ông cố Phạm Đăng Hưng và bên phải thờ Thiềm sự phủ Phạm Đăng Khoa, là ông sơ Phạm Đăng Hưng.

Năm 1888, sau khi lên ngôi, chuẩn bị vào viếng Lăng, vua Thành Thái cho trùng tu khu Lăng Hoàng gia. Năm 1921, dưới thời vua Khải Định, lăng được trùng tu một lần nữa. Năm 1998, chính quyền tỉnh Tiền Giang cho đại trùng tu ngôi nhà thờ, phục hồi những nét kiến trúc xưa, nguyên bản dành cho Hoàng tộc tại xứ Gò nổi tiếng. Hiện nay, ngôi nhà bao gồm một nhà thờ, nhà khách, nhà kho và công trình phụ. Mười trụ cột chính giữa, lớn nhất được thiết kế thành hai hàng song song như những đôi bàn tay khổng lồ vươn lên chống đỡ toàn bộ lăng. Những đường hoành, rui, mè đều được thiết kế sắc sảo, độc đáo, vững chắc bởi các loại gỗ nâu quý được vận chuyển từ Huế vào. Trong nhà thờ có một tấm bia gỗ sơn son thiếp vàng chép lại nội dung bia dựng trước mộ Phạm Đăng Hưng.

Khu lăng mộ Hoàng gia được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia theo Quyết định số 3959-VH/QĐ ngày 02/12/1992 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

2. Khu lăng mộ Trần Thị Sanh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Khu) + Địa danh chỉ công trình xây dựng (Lăng mộ) + Nhân vật lịch sử (Trần Thị Sanh).

Trần Thị Sanh sinh năm 1820, người thôn Thuận Ngãi, huyện Kiến Hòa, trấn Định Tường (nay thuộc phường 1, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang). Bà được xếp vào hàng Ngoại thích của Hoàng gia, vì bà là cháu gọi Đức Quốc công Phạm Đăng Hưng (thông gia vua Minh Mạng, cha vợ vua Thiệu Trị, ông ngoại vua Tự Đức) là cậu ruột, là em cô cậu ruột với Thái hậu Từ Dụ (ái nữ của Phạm Đăng Hưng, thân mẫu của vua Tự Đức) và là dì của vua Tự Đức.

Bà là một người rất giàu có, sở hữu hàng trăm mẫu ruộng, cho nên dân gian mới có câu:

Gò Công có bốn tổng giàu,

Mà riêng có một bà Hầu giàu to.

Bà là vợ của ông Dương Tấn Bổn, một hào phú ở địa phương; nhưng không may, ông Bổn mất sớm, bà thay chồng nuôi dạy người con gái là Dương Thị Hương nên người.

Khoảng năm 1861, bà tái giá với Trương Định. Theo lời truyền tụng của dòng họ Trần, cuộc hôn nhân này là do sự sắp xếp của Thái hậu Từ Dụ, nhằm sử dụng tiền bạc của bà để giúp Trương Định chiêu mộ nghĩa quân, mua vũ khí, lương thực, gây thanh thế đánh giặc Pháp, bảo vệ vùng đất Gò Công - quê hương bên ngoại của vua Tự Đức.

Khi Trương Định phất cờ khởi nghĩa chống thực dân Pháp ở Gò Công, để tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc chiến đấu của nghĩa quân, với tư cách là "như phu nhân" (vợ thứ) của Bình Tây Đại tướng quân, bà đã đóng góp tài sản của mình cho phong trào kháng chiến; mà không toan tính thiệt hơn. Điều đó đã góp phần quan trọng trong việc tạo nên những chiến công vang dội của nghĩa quân Trương Định.

Sau khi Trương Định đền nợ nước (20/8/1864), bà đã đấu tranh quyết liệt với địch, đòi bọn chúng phải cho bà mang thi hài của chồng mình về an táng ngay tại

trung tâm Gò Công. Bà đã khéo léo ứng phó, khiến giặc không có cớ để gây khó khăn trong việc an táng Trương Định.

Sau đó, bà tiến hành việc xây mộ Trương Định. Mộ được làm bằng hồ ô dước. Bia mộ ghi: "*Đại Nam An Hà Lãnh binh kiêm Bình Tây Đại tướng quân, Trương công húy Định chi mộ*". Thế nhưng, thực dân Pháp biết được, ra lệnh cho bọn thuộc hạ đục hàng chữ "*Bình Tây Đại tướng quân*" và phạt bà 10.000 quan tiền vì tội lập bia mộ trái phép.

Liên tiếp trong hai năm 1873 và 1874, bà đã nhiều lần làm đơn đề nghị Thống đốc Nam kỳ cho phép bà xây lại lăng mộ Trương Định. Do áp lực của quần chúng và cho rằng ảnh hưởng của Trương Định đã không còn trong nhân dân, nên chính quyền thực dân chấp thuận cho bà xây dựng lăng mộ cho ông. Ngôi mộ mới của Trương Định được làm bằng đá hoa cương, rất chắn chắn và kiên cố. Đồng thời, bà còn cho làm bia mộ, các bức hoành phi và trụ đá ghi lại thân thế và ca ngợi sự nghiệp hào hùng của Trương Định.

Trước việc ấy, một lần nữa, thực dân Pháp ở Nam kỳ lại ra lệnh cho bọn tay sai ở Gò Công đục xóa bia mộ và phá hủy các bức hoành phi, trụ đá được tôn trí tại mộ của Trương Định.

Như vậy, sau khi Trương Định mất, với tấm lòng ngưỡng phục, thương tiếc người chồng đã vì nước quên thân, bà đã làm tròn bổn phận của người vợ đối với chồng. Đặc biệt, thông qua việc xây mộ cho Trương Định, bà muốn nhắc nhở người đương thời lẫn hậu thế hãy noi theo tấm gương kiên cường, bất khuất của vị Anh hùng dân tộc mà xốc tới chiến đấu một mất một còn với kẻ thù nhằm giành lại nền độc lập, tự do cho đất nước.

Ngoài những việc trên, bà còn có hành động trả thù cho chồng bằng việc mua toàn bộ điền sản của Huỳnh Văn Tấn, kẻ đã hại chết Trương Định, khi y ta do ăn chơi lâm vào cảnh nợ nần, khánh kiệt.

Năm 1882, bà mất, thọ 62 tuổi. Mộ của bà được xây bằng đá hoa cương do người con gái duy nhất Dương Thị Hương lập. Bia mộ ghi: "*Sa môn thọ giới Trần đại đạo thị quy phạm ích viết từ tề thục thận nhụ nhân chi mộ*" (nghĩa là "*Đây là mộ của người quy y Phật pháp, rũ sạch mọi ham muốn cuộc đời, từ mẫu nhu thuận, hiền từ, đoan chính*").

Hiện nay, khu lăng mộ của bà được sửa chữa, trùng tu khang trang, tọa lạc tại Phường 5, thị xã Gò Công. Ngày 27 tháng 01 năm 2016, Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành Quyết định số 238/QĐ-UBND công nhận Khu lăng mộ Trần Thị Sanh là Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh.

3. Khu lăng mộ Đỗ Trình Thoại

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Khu) + Địa danh chỉ công trình xây dựng (Lăng mộ) + Nhân vật lịch sử (Đỗ Trình Thoại).

Đỗ Trình Thoại sinh năm 1816, người thôn Yên Luông Đông, tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường (nay là ấp Kim Liên, xã Long Hòa, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang).

Thuở nhỏ, ông nổi tiếng thông minh và học giỏi. Năm 1843, ông thi đỗ Cử nhân tại trường thi Gia Định; được triều đình bổ làm Tri huyện Tân Hòa, tỉnh Gia Định (bao gồm khu vực Gò Công thuộc tỉnh Tiền Giang ngày nay); nên được mọi người quen gọi là Huyện Thoại.

Năm 1859, giặc Pháp tấn công thành Gia Định. Với lòng yêu nước nồng nàn của một trí thức chân chính và với trách nhiệm của một viên quan đứng đầu một huyện thuộc tỉnh Gia Định, ông tham gia công cuộc chống Pháp ở mặt trận Chí Hòa (Gia Định, nay là thành phố Hồ Chí Minh).

Tháng 02/1861, đại đồn Chí Hòa bị thất thủ, ông trở về Tân Hòa (Gò Công), mộ nghĩa dũng và kết hợp với Trương Định nổi lên kháng chiến chống bọn thực dân xâm lược.

Sau khi hạ thành Mỹ Tho vào trung tuần tháng 4/1861, quân Pháp tiến đánh Gò Công; sau đó, bọn chúng đã cho thiết lập nhiều đồn bót ở đây nhằm kiểm soát và bình định vùng đất vừa mới chiếm được.

Với quyết tâm đánh đuổi quân xâm lược ra khỏi đất nước và bảo vệ chủ quyền dân tộc, ông đã chỉ huy nghĩa quân tiến hành nhiều trận tập kích táo bạo vào các vị trí chiếm đóng của quân viễn chinh Pháp ở Gò Công, gây cho chúng những thiệt hại đáng kể.

Tiêu biểu là trận tập kích đồn Gò Công ngày 22/6/1861. Vào lúc tờ mờ sáng, ông trực tiếp điều động 600 nghĩa quân bất ngờ mở cuộc tấn công. Với cương vị là tướng chỉ huy, ông đã dũng cảm xông lên phía trước, bất chấp hiểm nguy mặc dù súng của địch từ trong đồn bắn ra hết sức dữ dội.

Sau khi vượt qua những vòng rào phòng thủ kiên cố, nghĩa quân đã đột nhập được vào bên trong đồn. Một trận giáp chiến kịch liệt giữa quân ta và quân Pháp đã diễn ra. Hàng ngũ của quân địch trở nên rối loạn. Bằng võ nghệ cao cường, ông đã dùng gươm giết chết tên lính thủy quân lục chiến Bodiez và làm trọng thương tên trung úy Paulin Vial, Trưởng đồn kiêm Giám đốc bản xứ sự vụ Gò Công.

Nhưng, thật không may, ông bị trúng đạn và hy sinh cùng với 12 nghĩa sĩ, hưởng dương 45 tuổi. Sau khi mất, ông được triều đình nhà Nguyễn cho lập đền thờ. Từ một sĩ phu và quan lại yêu nước, ông đã trở thành lãnh tụ nghĩa quân, trực tiếp xông pha nơi trận mạc, kiên cường chiến đấu chống lại kẻ thù và đã anh dũng đền nợ nước, để lại bao niềm thương tiếc của sĩ dân Gò Công.

Khu lăng mộ Đỗ Trình Thoại tọa lạc tại ấp Kim Liên, xã Long Hòa, thị xã Gò Công. Trước đây, khu mộ được đắp bằng đất và hằng năm vào ngày tảo mộ được con cháu bồi đắp thêm. Hiện nay, khu lăng mộ của ông được sửa chữa, trùng tu khang trang, sạch đẹp. Nền ngôi mộ xây xi măng, kích thước vòng thành 505 cm x 403 cm x 20 cm và núm mộ cao 50 cm. Bia mộ cao 180 cm, ngang 125 cm bằng đá hoa cương. Bia mộ có hai câu đối:

Khoa bảng chí trì An Long cử nhơn lưu danh rạng.

Trận tiền quyết tử Tân Hòa tri huyện tạc bia son.

Ngày 27 tháng 01 năm 2016, Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành Quyết định số 238/QĐ-UBND công nhận Khu lăng mộ Đỗ Trình Thoại là Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh.

*** Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên miệt:**

Khái niệm:

Miệt để chỉ vùng, miền, nhưng có không gian địa lý nhỏ hơn.

1. Miệt mắm tôm chà, mắm tôm chua Gò Công

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Miệt) + Loại hình mắm (Mắm tôm chà, mắm tôn chua) + Địa danh hành chính (Gò Công).

Vùng đất Gò Công giáp biển, có hệ sinh thái nước lợ và nước mặn nên có nhiều loài tôm sinh sống. Đây chính là nguồn nguyên liệu phong phú để làm nên mắm tôm chà và mắm tôm chua nổi tiếng.

Tương tự như mắm còng, mắm ruốc, *mắm tôm chà* chính là loại nước chấm đậm đặc làm từ thịt tôm.

Muốn có được một mẻ mắm tôm chà thực sự thì người làm mắm phải tốn nhiều công phu. Tôm làm mắm phải là tôm tươi, thân còn trong bóng, rửa sạch rồi ngâm vào rượu trắng. Lúc tôm đã thấm rượu (khoảng 5 ngày), lấy ra cắt bỏ hai mắt

rồi rửa sạch, để thật ráo mới bỏ vào cối giã nhuyễn, trộn với muối, tỏi, ớt chín đỏ cũng đâm nhuyễn và đem phơi đúng ba nắng. Sau đó, đem tôm bỏ vào rây chà lấy bột thịt tôm, bỏ phần xác (vỏ, chân tôm, xác tỏi, ớt) và tiếp tục đem phơi thêm 7 nắng cho sánh lại, dậy màu đỏ thắm và mùi thơm dịu là mắm chín[30].

Một mẻ mắm tôm chà làm phải mất 15 ngày và phải chọn thời kì nắng tốt để mắm không bị hư, trong quá trình phơi phải đảo mắm liên tục nên tốn rất nhiều công sức.

Mắm tôm chà là loại nước chấm rất đậm đà, màu đỏ thắm, mùi thơm và vị chua ngọt, có thể pha chế thêm với nước chanh, tỏi, ớt, đường để dùng với bún, thịt heo luộc và rau sống.

Khác với mắm tôm chà, ở *mắm tôm chua* thì con tôm được để nguyên, chỉ cắt bỏ đầu và râu. Trong cách làm mắm tôm chua, giai đoạn đầu cũng giống như cách làm mắm tôm chua, nghĩa là cũng ngâm tôm trong rượu trắng khoảng 5 ngày. Sau đó người ta vớt tôm ra, để ráo; thắn nước mắm pha đường cho kẹo lại, để nguội; củ riềng, ớt xắt sợi, tỏi xắt lát mỏng. Trộn các loại gia vị cùng với tôm rồi cho vào keo nhỏ, dùng cọng lá chùm ruột gài cho tôm sát xuống rồi đổ nước mắm đường vào cho ngập tôm, đậy nắp keo lại và phơi nắng khoảng 3 ngày là dùng được.

Mắm tôm chua có màu đỏ tươi, con tôm dai, săn chắc, có mùi thơm, vị chua ngọt và cay rất hấp dẫn. Người ta thường bào đu đủ sống (hoặc củ cải, dưa leo) thành sợi, bóp chua trộn với mắm tôm chua và khóm xắt mỏng, nêm lại để ăn cùng với bún, thịt heo luộc và rau sống.

2. Miệt sơ ri Gò Công

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Miệt) + Trái cây (sơ ri) + Địa danh hành chính (Gò Công).

[30] *Địa chí Tiền Giang*, tập 2, tr.940.

Theo các bậc lão niên cố cựu ở Gò Công, cây sơ ri được trồng sớm nhất là tại xóm Bà Chài ở làng Bình Nghị vào đầu thế kỷ XX.

Ở Nam bộ, cây sơ ri được trồng ở một số địa phương, nhất là ở những nơi ven biển. Nhưng, ngon nhất là sơ ri được trồng ở Gò Công, bởi vì thổ nhưỡng ở đây đặc biệt thích hợp cho giống cây này. Cây sơ ri có độ cao khoảng 2 m – 2,5 m, tán tròn, cành lá rậm rạp, ít khi bị sâu đục thân. Mỗi năm, sơ ri có hai vụ chính: vụ thứ nhất, thu hoạch từ giữa tháng 6 đến đầu tháng 7; vụ thứ hai, thu hoạch vào tháng 9. Trong những năm gần đây, do chương trình "Ngọt hóa" Gò Công đã được hoàn thành và phát huy tác dụng, nên nông dân tăng cường việc tưới nước cho sơ ri vào mùa khô; và vì thế, sơ ri sẽ cho thu hoạch vào tháng 3. Nhờ đó, nông dân có thu nhập cao hơn so với vụ thu hoạch chính.

Sơ ri Gò Công cho trái sai và lớn, màu sắc đẹp (đỏ rực khi chín), cơm dày, hột nhỏ và tỏa hương thơm dìu dịu. Hàm lượng vitamin C của trái sơ ri rất cao. Vì thế, nó được xem là loại trái cây dược phẩm, có công dụng tăng sức đề kháng cho cơ thể con người, hỗ trợ trong việc chữa trị bệnh cảm cúm, mệt mỏi. Hiện tại, diện tích sơ ri ở Tiền Giang đạt khoảng 800 ha, trong đó, huyện Gò Công Đông có khoảng 600 ha, tập trung nhiều nhất tại ba xã Bình Ân, Bình Nghị và Tân Đông; thị xã Gò Công có khoảng 200 ha. Năng suất khoảng 20 tấn/ha/năm. Sơ ri Gò Công đã được đăng ký nhãn hiệu hàng hóa.

Sơ ri Gò Công rất được ưa chuộng ở thị trường trong nước, nhất là ở thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời, nó cũng được tiêu thụ mạnh ở thị trường nước ngoài, nhất là ở thị trường Nhật Bản. Năm 2004, công ty Thịnh Phát ở thị xã Gò Công đã xuất sang thị trường nước này 4.000 tấn sơ ri nguyên liệu; chiếm 30 % thị phần ở Nhật Bản. Công ty cũng đã đầu tư 25 tỷ đồng để trang bị hệ thống thiết bị tự động của châu Âu nhằm tăng năng suất và chất lượng sản phẩm chế biến. Điều này cho phép công ty tăng sản lượng thu mua, từ 15 tấn lên đến 25 tấn/ngày đối với sơ ri loại I để

phục vụ xuất khẩu. Bên cạnh đó, công ty còn trang bị dây chuyền ép nước sơ ri đóng hộp, nên có thể thu mua sơ ri với nhiều loại khác nhau. Sơ ri Gò Công đã đạt được chứng nhận VietGAP (Vietnamese Good Agricultural Practices: Thực hành sản xuất nông nghiệp tốt ở Việt Nam).

J. HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG

*** Sưu tầm, thống kê, phân loại, nghiên cứu, biên soạn địa danh sông:**

Khái niệm:

Sông: là dòng nước tự nhiên, chảy thường xuyên, có lưu lượng lớn và nguồn nước được cung cấp chủ yếu là từ các con suối hay từ các con sông nhỏ, vốn là những nơi có độ cao hơn dòng chính; lòng sông rộng, tàu thuyền lớn di chuyển dễ dàng.

Sông Vàm Cỏ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Sông) + Địa hình thiên nhiên (Vàm) + Thực vật (Cỏ).

Với nghĩa này, sông Vàm Cỏ là con sông mà hai bên bờ sông mọc nhiều cỏ nên gọi là Vàm Cỏ.

Hoặc:

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Sông) + Động tác (Tiếng Khmer: Vai: Lùa) + Động vật (Tiếng Khmer: Co: Con bò)

Vàm Cỏ: Các tài liệu của Pháp gọi sông Vàm Cỏ là "Vaïco". "Vaïco" bắt nguồn từ tiếng Khmer "pàm/piam/piăm vaïco", nghĩa là "vàm lùa bò". Tử đó, dân gian đọc trại thành Vàm Cỏ.

So với sông Mê Kông, sông Vàm Cỏ chỉ là sông nhỏ và có rất nhiều đoạn uốn khúc. Nước từ thượng nguồn đổ về theo 2 nhánh Vàm Cỏ Đông và Vàm Cỏ Tây, đến gần Cần Đước (tỉnh Long An) 2 nhánh nhập một rồi đổ ra Biển Đông qua cửa Soài Rạp.

Vàm Cỏ là con sông lớn thứ hai chảy qua địa phận Tiền Giang ở phía Bắc với chiều dài khoảng 39 km.

Sông không có lưu vực riêng, lượng dòng chảy trên sông chủ yếu từ sông Tiền chuyển qua, sông quanh co uốn khúc, độ dốc đáy sông nhỏ làm cho việc tiêu thoát nước gặp nhiều khó khăn. Hướng chảy cơ bản Tây Bắc - Đông Nam. Phần lớn chiều dài sông Vàm Cỏ thuộc tỉnh Long An, riêng đoạn dài 39 km từ vàm Sông Tra[1] đến cửa Soài Rạp là ranh giới tự nhiên giáp biển giữa 2 tỉnh Tiền Giang và Long An. Ở đoạn sông này, nơi rộng nhất khoảng 3.100 m tại ngay nơi hợp lưu với sông Nhà Bè, nơi hẹp nhất khoảng 420 m gần vàm sông Tra. Lượng nước chảy qua

[1] Sông Tra là một nhánh của sông Vàm Cỏ. Vàm Sông Tra tọa lạc tại xã Bình Xuân, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

sông vào mùa lũ tại Tân An trung bình từ 1.000 đến 1.200 m^3/s, cao nhất khoảng 2.300 m^3/s.

Sông Vàm Cỏ chỉ có ảnh hưởng đến khoảng 8% diện tích ở phần cực Bắc của tỉnh Tiền Giang. So với sông Tiền, nước ở sông Vàm Cỏ kém hẳn về chất lượng, ít phù sa. Trong mùa lũ, một phần lượng nước từ sông Tiền chảy tràn vào Đồng Tháp Mười và thoát ra biển qua sông Vàm Cỏ Tây nhưng khả năng thoát lũ của sông này rất kém vì có quá nhiều đoạn uốn khúc. Nước đổ về vào đầu và giữa mùa lũ thường là nước nhiễm phèn vì chảy qua Đồng Tháp Mười.

Vào mùa cạn, hầu như toàn bộ sông Vàm Cỏ hoàn toàn bị thủy triều bán nhật của Biển Đông chi phối, nước biển dễ dàng lấn sâu về phía thượng nguồn. Vào cùng một thời điểm và cùng một khoảng cách đến biển độ mặn nước sông Vàm Cỏ lớn gấp nhiều lần trên sông Tiền.

Cũng như sông Tiền, ở hai bên bờ sông (tả, hữu) của sông Vàm Cỏ có rất nhiều chi lưu. Riêng địa phận Tiền Giang có các chi lưu: rạch Cái Tôm, rạch Láng Cò, rạch Chanh, rạch Cần Đối, rạch Bảo Định, rạch Gò Công, rạch Vàm Tháp.

*** Sưu tầm, thống kê, phân loại, nghiên cứu, biên soạn địa danh giồng:**

Khái niệm:

Giồng: âm trại của "vồng", là khoảng đất nổi cao lên giữa nơi bằng phẳng, tương đối rộng, có nhiều cát, thích hợp cho việc trồng các loại cây ăn trái và các loại hoa màu, như khoai, đậu, bắp, thuốc lá,…[2]

1. Giồng Bà Lẫy

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Giồng) + Giới tính (Bà) + Tên người (Lẫy).

Giồng Bà Lẫy là giồng cát mà nơi đó có một người phụ nữ tên là Lẫy cư trú hoặc có công lao nhất định đối với địa phương, rộng khoảng 30 ha, ở xã Tăng Hòa, huyện Gò Công Đông.

2. Giồng Chùa

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Giồng) + Công trình xây dựng mang yếu tố tôn giáo (Chùa: là nơi thờ Phật, các cơ sở thờ tự của Phật giáo; đồng thời, cũng là chỗ tu học, lễ bái của Tăng Ni và Phật tử).

Giồng Chùa là giồng cát mà trên đó có ngôi chùa mang tên Tăng Quang Tự, rộng khoảng 50 ha; ở xã Tăng Hòa, huyện Gò Công Đông.

3. Giồng Đình

[2] Lê Trung Hoa (1991), *Địa danh Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Khoa học xã hội, trang 91.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Giồng) + Công trình xây dựng mang yếu tố tín ngưỡng (Đình).

- Đình: là một công trình kiến trúc cổ truyền ở làng xã thời xưa, thờ Thành hoàng, những người có công đối với làng xã, những vị thần theo tín ngưỡng dân gian (hiện nay, có số đình thờ liệt sĩ cách mạng), nơi làm việc của Hội đồng hương chức sở tại và là nơi hội họp, thảo luận công việc của người dân trong cộng đồng.

Trên giồng có miếu thờ Võ Tánh, lăng Võ Tánh (đại công thần của nhà Nguyễn, chết tại thành Quy Nhơn năm 1801), miếu thờ Bá Chúa Xứ. Có lẽ vì thế, dân gian gọi là Giồng Đình. Giồng Đình rộng 20 ha, ở xã Tăng Hòa, huyện Gò Công Đông.

4. Giồng Găng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Giồng) + Thực vật (Cây găng).

- Cây găng: là dạng cây thân gỗ nhỏ, có thể cao tới 3 m hoặc 4 m, được trồng làm hàng rào do thân và cành có nhiều gai; lấy gỗ làm trục xe, lược, con quay; quả ngâm hoặc sắc lấy nước dùng gội đầu và giặt quần áo, nhất là những hàng tơ lụa có màu; hỗ trợ điều trị đau nhức xương khớp, tiêu chảy, lỵ, tiểu vàng, đỏ, gắt[3],…

Giồng Găng là một giồng cát mọc toàn cây găng, rộng khoảng 40 ha, nay thuộc xã Tân Tây, huyện Gò Công Đông.

Thuở xưa, vùng này là rừng rậm hoang hiểm, có nhiều cọp. Từ đó, địa danh Giồng Găng được thể hiện trong truyện tích dân gian: Giết cọp ở Giồng Găng.

Chuyện kể rằng: Vào khoảng hai thế kỷ trước, có một số người đến phá rừng khẩn ruộng, lập nên xóm ấp ở giồng đất này.

Hàng ngày, lúc cơm nước xong, chờ mặt trời mọc sáng sủa, những người dân ở đây mới xách rìu, xách rựa ra khỏi nhà để vào rừng chặt cây phát cỏ. Chẳng ai dám ra khỏi nhà sớm vì sợ thú dữ.

Có hai cậu cháu ông Tám Nghề và ông Hai Sến cùng khai phá chung một sở rừng, tiếp giáp với những sở rừng khác của những người trong xóm để khi gặp thú dữ tiện việc tiếp cứu cho nhau.

Một hôm, hai cậu cháu đang đốn củi, thình lình có một con cọp nấp trong bụi rậm nhảy ra vồ ông Hai Sến. Ông Hai Sến kêu cứu. Ông Tám Nghề xách rựa chạy đến. Sẵn lúc bất ngờ, ông Tám Nghề chém một nhát rựa vào lưng cọp. Cọp buông Hai Sến ra, quay lại vồ Tám Nghề. Hai Sến vội ngồi dậy, xách rựa bổ vào đùi sau của cọp. Chân bị thương nặng, cọp quì xuống, cố lết ra rừng.

---

[3] *Cây găng - công dụng và cách dùng làm thuốc*, Trang thông tin điện tử Cây thuốc quý tỉnh Hòa Bình.

Ông Tám đứng dậy, bồi thêm mấy nhát rựa nữa cọp mới chịu chết. Những người đốn củi trong rừng nghe tiếng động vội chạy đến, kẻ lo đưa ông Hai bị thương nặng trên trán về nhà lo thuốc thang, người phụ lo khiêng cọp về xóm. Ít lâu sau, vết thương lành, còn để lại nơi trán ông Hai Sến một cái thẹo lớn. Lúc về già, ông Hai Sến thường bảo cùng con cháu và trai trẻ trong xóm rằng:

- Đừng sợ sệt khi gặp cọp, phải bình tĩnh để tiếp ứng nhau. Nếu lâm nạn mà hốt hoảng là tự mình nộp thịt cho cọp.

Ông chỉ cái thẹo nói:

- Đây này, tao không sợ nó, nên tao mới quăng eo nó đó.

Ai nghe ông nói pha lửng này mà hữu lý đến cười rộ và kính phục[4].

5. Giồng Nâu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Giồng) + Thực vật (Cây ngâu - nói trại thành Nâu: là cây thân gỗ, dạng bụi nhỏ, sống lâu năm có chiều cao khoảng 1 - 6 m, được trồng làm cây cảnh, hoa ngâu dùng để ướp trà và bào chế các vị thuốc trị bệnh như tăng huyết áp, đau bụng, hen suyễn, giảm sưng,…).

Giồng Nâu là nơi trồng nhiều cây ngâu: Giồng Ngâu gọi trại thành Giồng Nâu, nay thuộc xã Bình Nghị, huyện Gò Công Đông.

Theo Huỳnh Minh, Giồng Nâu là tên của một giồng cát "xưa kia ở đây cư dân thưa thớt, trồng toàn là tre xanh và cây cối rậm rạp, nhiều nhất là trồng cây ngâu, một loại cây các cụ hay trồng làm kiểng có nụ li ti như tăm nhang, mọc thành chùm dùng để ướp trà thì thơm ngon lắm,… Loại cây này hiện nay vẫn còn mọc nhiều theo rào, lối ngõ trong lũy tre. Ban đầu người ta gọi là giồng Ngâu, sau đó đọc trại dần ra mất chữ g thành giồng Nâu[5]".

Giồng Nâu nằm dài từ xã Phước Trung (Xóm Kiếng) chạy tới ấp Vạn Thắng thuộc xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông. Trên bản đồ, Giồng Nâu nằm theo hình chữ nhứt: đầu ở tây nam, đuôi ở đông bắc, chiều dài hơn 4 km, rộng khoảng 1 km. Giồng toàn là cát vàng rất hợp với việc trồng tỉa hoa màu.

Liên quan đến địa danh này có truyện tích dân gian có tên "Sự tích bãi Ông Đụng" như sau:

Ngày xưa, tại Giồng Nâu (nay thuộc xã Bình Nghị, huyện Gò Công Đông) có một ông thầy chuyên dạy nghề võ, gia đình có hai người con: cô con gái lớn tên Hương tục gọi là Nàng Hai, cậu con trai thứ tên là Ba Thọ.

---

[4] Huỳnh Ngọc Trảng - Trương Ngọc Tường (1992), *Nghìn năm bia miệng*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, trang 129.

[5] Huỳnh Minh (2001), *Gò Công xưa*, Nxb Thanh niên, trang 17.

Tuy là phận gái, song Nàng Hai có sức mạnh khác người. Phàm những cậu trai nào buông lời ong bướm để chọc ghẹo, cô sẽ dạy cho một bài học nhớ đời.

Vì thế những chàng trai cùng làng, không ai nghĩ tới việc cưới cô làm vợ. Trong số đó, không biết cậu nào cắc cớ viết câu này dán vào gốc đa ở đầu làng:

Trong làng có chị thằng Ba,

Đụng đâu sầu đó ai mà dám thương.

Thuở ấy, làng bên có ông bá hộ Sương, sanh được một trai tên là Hai Đụng. Vốn ỷ cha mẹ có tiền dư của sẵn, nên cậu Hai Đụng tha hồ xài phí, mặc sức ăn chơi, chẳng hề biết tiếc đồng tiền.

Nhìn thấy đứa con hư, ông bà bá hộ lấy làm lo ngại cho sản nghiệp của mình nếu sau này cả hai vợ chồng xa lìa dương thế. Bởi vậy, ông bà đã để tâm tìm một nàng dâu thiệt cao tay ấn, mong kiềm chế bớt sự ăn chơi phung phí vô độ của con trai mình.

Trong xóm ngoài làng chỉ có Nàng Hai là đầy đủ điều kiện mà gia đình này mong ước.

Sau khi cưới Nàng Hai về ít lâu, ông bà bá hộ lần lượt rủ nhau qua đời.

Cậu Hai Đụng quen thói ăn chơi phung phí, đã từng được Nàng Hai dạy cho nhiều bài học đích đáng bằng võ lực, ngoài mặt cậu phải gượng làm vui với cô để che mặt thiên hạ, chớ trong thâm tâm vẫn hằng toan tính phải làm sao trừ khử được nàng.

Thế rồi, một hôm cậu hái sẵn một trái dừa tươi về đem treo lên ngọn dừa bên bờ ao. Chờ đến khi Nàng Hai ra ngồi lặt rau, cậu Hai bèn giật dây cho trái dừa rớt xuống ngay đỉnh đầu nàng. Vợ chàng ngã lăn ra chết không kịp trối.

Hàng xóm hay tin chạy tới, thấy Hai Đụng ngồi khóc thảm thiết bên xác vợ. Mọi người không ai nghĩ gì đều yên trí rằng Nàng Hai bị tai nạn chết bất đắc kì tử.

Thế là Hai Đụng đã rảnh được mối nợ, từ đó mặc tình sống cuộc đời phóng đãng xa hoa.

Với lối sống ngồi không ăn chơi xài phí thì dầu của núi cũng có ngày phải cạn. Bởi thế, chẳng mấy chốc, số tài sản lớn lao của ông bà bá hộ để lại lần lượt về tay người khác, bạn bè trước kia đều ngoảnh mặt xây lưng. Hai Đụng trở thành kẻ trắng tay, rỗng túi, không nơi nương tựa, ngày phải đi xin ăn, đêm phải ngủ ở đầu đường xó chợ.

Hận vì nỗi thói đời đen bạc, thương cho thân phận đói rách cô đơn. Nhất là vụ ám hại Nàng Hai, người vợ tuy nóng tánh nhưng đáng thương, cần có nàng để cáng đáng việc gia đình. Nếu nàng không bị giết hại thì cậu Hai làm gì đến

nông nỗi này.

Lương tâm cắn rứt, giày vò Hai Đụng, cậu sống vất vưởng như kẻ mất trí. Sự hối hận thúc đẩy cậu phải đến nộp mình tại cửa quan để chịu tội đã ám hại vợ.

Mặc dù đã tự thú, song quan trên xét thấy đầy đủ chứng lí, nên Hai Đụng bị kết án mười năm về tội sát thê và bị đày ra Côn Đảo.

Thuở ấy, tù nhân được quyền lập gia đình trong số phạm nhân với nhau. Nhưng Hai Đụng vì quá hối hận và luôn tưởng nhớ đến nàng Hai, nên thà ở độc thân suốt đời, để chứng tỏ lòng chung thuỷ với người bạn vắn số.

Tại Côn Đảo, Hai Đụng cất nhà trên một bãi biển ở mặt sau quần đảo. Chiều chiều, nhìn mây trôi càng động mối thương tâm, nghe sóng vỗ như thầm khóc bạn… Không nhắc đến thì thôi, hễ nhắc đến thì lòng thêm buồn khổ. Thương cho ai và không khỏi trách cho mình, ngập lòng sầu khi tưởng nhớ Nàng Hai.

Ăn năn thì sự đã rồi

Đổ đà hốt lại có đầy được đâu?

Vì sống mãi trong cảnh như vậy, nên chẳng bao lâu Hai Đụng qua đời tại bãi biển này. Và từ đó ở đây được dân đảo gọi là bãi Ông Đụng[6].

6. Giồng Ông Lãnh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Giồng) + Giới tính (Ông) + Tên người (Lãnh).

Giồng Ông Lãnh là giồng cát mà nơi đó có một người đàn ông tên là Lãnh cư trú hoặc có công lao đối với địa phương, rộng khoảng 40 ha, ở xã Tăng Hòa, huyện Gò Công Đông.

7. Giồng Tháp

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Giồng) + Công trình xây dựng (Tháp).

Theo Việt Cúc, thời xưa. nơi đây có một tháp cổ, nên có địa danh Giồng Tháp; hiện nay, không còn dấu tích[7]. Giồng Tháp thuộc xã Tân Tây, huyện Gò Công Đông.

Địa danh này liên quan đến rạch Vàm Tháp và được phản ảnh qua ca dao:

*Khúc sông quanh thuyền qua **Vàm Tháp**,*

[6] Sơn Vương, *Sự tích bãi Ông Đụng*, Tạp chí *Phổ thông,* số 127, 1964.

[7] Việt Cúc (1999), *Gò Công cảnh cũ người xưa*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, trang 47.

Chèo mỏi mê miệng ngáp biếng hò.

Thấy cô cấy rẫy buồn xo,

Cùng anh kết nghĩa chuyện trò được chăng?

8. Giồng Xe

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Giồng) + Phương tiện giao thông (Xe).

Theo Việt Cúc, Giồng Xe có chiều dài khoảng 3 km, chiều ngang khoảng 20 m. Thời xưa, nơi đây là một con đường lớn, có nhiều xe ngựa di chuyển nên gọi là Giồng Xe; nhưng đến năm 1969 trở thành nghĩa địa[8], nay thuộc xã Tân Trung, huyện Gò Công Đông.

Giồng Xe gắn liền với truyện tích dân gian có tên *Giồng xe với chợ Mãnh Ma* như sau:

Có hai chị em người ở xóm chợ, rủ nhau đi thăm nhà một người bà con ở làng Mỹ Xuyên (sau sáp nhập vào Tân Niên Trung, nay là xã Tân Trung, huyện Gò Công Đông). Lúc buổi chiều tính trở về nhà. Nhưng thấy trời còn ánh nắng, nên ở nán lại chơi đợi mát dịu sẽ về.

Vì trì hoãn, đến khi ra về thì mặt trời gần chen lặn, hai chị em đi rất vội vã, đường quá xa ngót năm ngàn thước. Lúc về gần đến Giồng Xe, thì trời tối, nhờ có bóng trăng lờ mờ, nên hai người ráng đi thêm một đỗi nữa. Cảm thấy mệt nhọc và chân quá mỏi, hai người đều ngồi xuống nghỉ mệt, mở gói trầu ra nhai.

Kể khoảng đường về nhà còn xa, chốc lát đứng dậy đi, bất giác khi đi, chị em đi lạc lối, lại vào một cái chợ đêm. Thấy đèn đuốc đốt đỏ, thiên hạ xôn xao, cười nói ồn ào, có kẻ lạ và người quen, đều chen chân mua bán.

Hai chị em vui vẻ vào trong, và dạo chơi theo hàng phố cửa hàng bán buôn như chợ Tết, bánh trà rượu, áo khăn đèn hoa, tạp vật không thiếu món chi. Hai chị em cũng mua một ít bánh quà và đồ vật.

Chợ nhóm đến khua, chị em thấy mệt mỏi quá, chợt ngồi xuống góc chợ để nghỉ chân, rồi ngủ luôn hồi nào không hay.

Đến sáng ngày, mặt trời ló mọc sáng trưng, người chị tỉnh dậy trước, thấy đầu mặt nặng nề loáng choáng, mở bừng mắt ra, trông cảnh lạ lùng, mà người em còn nằm mê man, gối đầu trên gò đất nằm giữa đám tranh nát cỏ khô. Chị đánh thức em tỉnh dậy, để chứng kiến một đêm màn trời chiếu đất, mà hai chị em tưởng mình yên ngủ nơi nhà.

Xem lại bên mình chỉ còn cái gói trầu cau, đã thêm vào một mớ đất cục, lẫn lộn với lá cây đồng cỏ dại. Hai chị em nhìn nhau ngượng cười và nhớ lại đêm rồi,

[8] Việt Cúc (1999), *Gò Công cảnh cũ người xưa*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, trang 47.

chị em đi chợ đêm có mua quà bánh, nên buộc vào gối đây. Rùng mình vội vã bước ra tránh khỏi nơi đây, thế là chị em từ giã xóm mồ hoang cỏ rậm, không còn dám nhìn thấy lần nữa.

Đêm qua ở nơi nhà, chồng con của hai bà tưởng rằng hai bà còn ở chơi nơi nhà bà con, bất ngờ hai chị em đã về rồi, lại đi chợ âm phủ.

Có bài hát này của một ông Đồ Nho, ở Giồng Tháp làm ra thuở ấy được truyền lại:

***Giồng Xe** đường cái lại qua,*

Nghe đâu nhóm chợ Mãnh Ma dị kỳ.

Phố phường hàng quán thiếu chi,

Chen chân mua bán khác gì chợ xuân.

Trong ngoài đèn đuốc sáng trưng,

Người quen gặp gỡ chào mừng hỏi han.

Trà sen rượu đế bày hàng,

Hoa thơm, bánh ngọt, trang hoàng lụa the.

Cơn ám ảnh lúc say mê,

Sống mộng huyễn hoặc như lẽ thế gian.

Gẫm xem thế sự tuần hoàn,

Hư hư thiệt thiệt, mơ màng chiêm bao.

Về sau vì sự đồn đại, thiên hạ phân vân, người thì cho là thật, kẻ gọi là ma ám ảnh. Hàng thức giả luận rằng: Vì hai chị em đi về vội vã lúc chiều tối, khi đến Giồng Xe quá mệt nhọc, lại gặp âm khí nặng nề xâm vào thần kinh, khiến tri giác hai người đều bị hôn mê, rồi phát đi bậy. Đến cái gò có lẽ té xỉu, rồi nằm luôn với một đêm, thần thức bị mê loạn, nên thấy cảnh chợ tết mà mấy bà thường đi như vậy.

Một đêm qua rồi đến sáng, lúc dương khí thạnh, âm khí tan lần, lúc mặt trời lên có khí ấm áp, cho nên họ tỉnh lại khỏi chết và thần thức còn ghi nhớ cảnh mê ấy, thấy đi chợ mà thuật lại chuyện này.

*** Sưu tầm, thống kê, phân loại, nghiên cứu, biên soạn địa danh gò:**

Khái niệm Gò:

Gò: Khoảng đất nổi cao lên giữa nơi bằng phẳng.

1. Gò Bà Lãnh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Giới tính (Bà) + Tên người (Lãnh).

Gò Bà Lãnh là gò cát mang tên bà Lãnh vốn là người có công trạng đối với địa phương, rộng khoảng 20 ha. Địa danh này là tên ấp: ấp Bà Lãnh, xã Tân Đông, huyện Gò Công Đông.

2. Gò Bà Trà

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Giới tính (Bà) + Tên người (Trà).

Gò Bà Trà là gò cát mang tên bà Trà vốn là người có công trạng đối với địa phương, rộng khoảng 15 ha. Địa danh này là tên ấp, tên cầu, tên rạch thuộc xã Tân Đông, huyện Gò Công Đông.

3. Gò Công

Có nhiều tài liệu viết về địa danh Gò Công như: *Gia Định Thành Thông Chí* của Trịnh Hoài Đức, *Gò Công xưa* của Huỳnh Minh, *Gò Công cảnh cũ người xưa* của Việt Cúc, *Tự vị tiếng nói miền Nam của* Vương Hồng Sển,... Nhưng vẫn còn nhiều tranh luận về địa danh Gò Công.

- Quyển *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức viết "Gò Công là Khổng Tước Nguyên"[9].

- Quyển *Gò Công xưa* của Huỳnh Minh đưa ra hai giả thuyết: "Thuyết thứ nhất, vào thời chúa Nguyễn Phúc Tần định cuộc di dân nam tiến thì người dân Việt Nam mới vào định cư vùng này. Lúc này Gò Công là nơi rừng rậm chưa có người ở. Đặc biệt tại xứ này có một cái gò cao và có nhiều giống chim Công nên được gọi là Gò Công từ đó. Trong sử có ghi chép một đoạn về danh từ các tỉnh như sau. Khi vua Minh Mạng ra lệnh cho các quan địa phương đổi tên Nôm các tỉnh thành chữ Nho cho tao nhã thì Gò Công có tên là Khổng Tước Nguyên (Khổng Tước: là con công, Nguyên: là gò), Đồng Nai đổi thành Lộc Dã, Bến Tre đổi thành Trúc Giang, Sóc Trăng đổi thành Nguyệt Giang,…

Thuyết thứ hai, lần đầu tiên tại xứ này có một bà tên là Thị Công đến lập quán bán thức ăn cho dân khai thác đồn điền. Lần hồi, thấy Gò Công là nơi dễ sinh sống nên dân chúng thành lập làng mạc. Số người ở ngày càng đông do đó dân địa phương quen gọi là quán Bà Công đến sau trở thành một địa danh vắn tắt là Gò Công"[10].

- Quyển *Gò Công cảnh cũ người xưa* của Việt Cúc: "Gò Công thuở xưa như một bán đảo hoang, bao bọc bởi rừng cây và sông to bể cả, ba phía. Trung tâm của

[9] Trịnh Hoài Đức (1998), *Gia Định thành Thông chí*, Đỗ Mộng Khương, Nguyễn Ngọc Tỉnh dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, Nxb Giáo Dục, trang 43.
[10] Huỳnh Minh (2001), *Gò Công xưa*, Nxb Thanh Niên, trang 9.

tỉnh là một gò đất cao ráo, nằm kề bên ngọn rạch rẽ nhánh chia đôi ra làm hai khu vực: Nam và Bắc. Thuở chưa khai phá, vùng đất này rậm rạp nhiều gai chông. Loài chim công chiếm cứ làm tổ rất êm nên gọi là Khổng Tước Nguyên, tức là gò Chim Công"[11].

- Quyển *Tự vị tiếng nói miền Nam* của Vương Hồng Sển cũng viết: có hai thuyết về Gò Công, người Khmer gọi là Srok kompong kakol. Quyển Lexique Francais Cambodgien A. Pannentier thì Pháp gọi chim công là paon, Khmer gọi là "kâ ngôk" chưa đúng là "kaoh". Tự điển Khmer Pháp J.B.Bernard không có chữ "kaol", lại có chữ "dòm kâko": cây mun mà Gò Công có trước đây rất nhiều. Nhưng đồng thời, tác giả cũng ghi nhận Gò Công là "Khổng Tước Nguyên"[12].

- Quyển *Địa chí Tiền Giang* lý giải về địa danh Gò Công như sau: "Gò Công tên chữ là Khổng tước nguyên, có nghĩa là gò chim công. Có người cho rằng, Gò Công là vùng đồng bằng thì làm gì có loại chim công - loài chim chỉ sống vùng rừng núi. Có thể Gò Công gốc là một địa danh ở Trao Trảo (Thủ Đức) đưa xuống (tương tự như trường hợp dân đánh cá đã đem địa danh Gò Công đặt cho một con sông gần mũi Cà Mau). Do vậy, giới thương hồ ngày xưa có thói quen phân biệt Gò Công - Trao Trảo (Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh) với Gò Công - Rạch Lá (Gò Công, tỉnh Tiền Giang)"[13].

Qua các dữ liệu trên, chúng tôi nhận thấy đa số các tác giả đều nghiêng về thuyết: Gò Công là gò Chim Công mà dân gian đã nói tắt thành Gò Công, tên chữ Hán Nôm là Khổng Tước Nguyên. Theo cách giải thích này, địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Động vật (Chim công: là loài chim thuộc họ Trĩ, chi Công, tên chữ Hán Nôm là Khổng tước, chim công đực có màu sắc rất đẹp).

Về hành chính, năm 1820, toàn bộ vùng đất Gò Công ngày nay thuộc huyện Kiến Hòa, trấn Định Tường. Năm 1831, thuộc huyện Kiến Hòa, tỉnh Định Tường. Năm 1841, thuộc huyện Tân Hòa, tỉnh Gia Định.

Năm 1864, thuộc hạt thanh tra Tân Hòa. Năm 1867, đổi tên thành hạt thanh tra Gò Công. Năm 1876, thuộc hạt tham biện Gò Công. Năm 1900, tỉnh Gò Công được thành lập. Năm 1913, giải thể tỉnh Gò Công, trở thành quận Gò Công thuộc tỉnh Mỹ Tho. Năm 1924, tái lập tỉnh Gò Công. Năm 1956, sáp nhập tỉnh Gò Công vào tỉnh Định Tường. Năm 1963, tái lập tỉnh Gò Công, tồn tại đến năm 1975.

Về phía chính quyền cách mạng, năm 1951, Ủy ban Kháng chiến Hành chánh Nam Bộ ra Quyết định sáp nhập 3 tỉnh: Mỹ Tho, Tân An, Gò Công thành một tỉnh có tên là tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công trở thành huyện Gò Công. Sau năm 1954, lại trả về 3 tỉnh như cũ, trong đó có tỉnh Gò Công. Năm 1957, sáp nhập tỉnh Gò Công

---

[11] Việt Cúc (1999), *Gò Công cảnh cũ người xưa*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, trang 17.
[12] Vương Hồng Sển (1999), *Tự vị tiếng nói miền Nam*, Nxb Trẻ, 1999, trang 337 - 338.
[13] Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Quang Ân (2007), *Địa chí Tiền Giang (tập 2)*, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tiền Giang và Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, trang 573.

vào tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công thành huyện Gò Công. Năm 1968, tái lập tỉnh Gò Công, tồn tại đến năm 1975.

Năm 1976, hợp nhất tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công, thành phố Mỹ Tho thành tỉnh Tiền Giang, tỉnh Gò Công thành huyện Gò Công. Năm 1979, tách huyện Gò Công thành huyện Gò Công Đông và huyện Gò Công Tây. Năm 1987, tái lập thị xã Gò Công. Năm 2008, tách một số xã của huyện Gò Công Đông và huyện Gò Công Tây thành lập huyện Tân Phú Đông. Như vậy, kể từ năm 2008, vùng đất Gò Công xưa có 4 đơn vị hành chính là thị xã Gò Công, huyện Gò Công Đông, huyện Gò Công Tây và huyện Tân Phú Đông.

4. Gò Dăm

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Phụ phẩm của thực vật (Dăm gỗ).

Gò Dăm nay là vị trí Ngã ba cây sộp, rộng khoảng 5 ha, thuộc xã Tân Trung, huyện Gò Công Đông.

Địa danh này có xuất xứ gắn liền với truyện tích dân gian Ông Hóm ở Gò Dăm. Tác giả Việt Cúc cho biết:

Gò Dăm nằm về phía đông Đường liên tỉnh 50, chỗ ngã ba Cây Sộp, cách Tỉnh lỵ Gò Công chừng bốn cây số.

Tương truyền ngày xưa, trước khi Pháp chiếm Nam kỳ, có một ông lão, không biết quê quán ở đây, đến đây lập nghiệp. Ông sắm nhiều thuyền để mua củi, rào cây, chà là chở về Gò Công bán cho các nhà vựa.

Bạn bè, người làm công nhà ông rất đông. Họ chặt đẽo, cưa bổ cây quanh năm, suốt tháng làm cho nơi đây đầy những dăm gỗ. Do vậy, người đời gọi đây là *Gò Dăm*.

Ngoài việc mua bán củi, ông lại phá rừng làm ruộng, lập vườn. Con cháu của ông, rồi những người dân khác dần dần đến gò đất này khai khẩn rất đông. Về sau trở thành một xóm sung túc.

Tính cách nổi bật của ông là rất thiệt thà và hào phóng. Ông rộng rãi với bạn bè và chòm xóm. Ông sẵn sàng giúp đỡ tiền bạc, thóc lúa và chỉ vẽ công việc làm cho bất cứ ai biết chí thú làm ăn. Vì thế, ông được nhiều người kính phục.

Ông có tính ưa khôi hài. Tuy ít nói, nhưng khi mở miệng là pha trò. Lắm lúc nói chuyện làm ăn nghiêm túc, song người nghe cũng không nhịn được cười. Chính vì vậy người ta thường gọi ông là ông Hóm. Về đời sau lại gọi trại thành ra Hóng.

Hình dạng ông nhỏ thó, mảnh khảnh, da lại đen nhưng ăn nói bặt thiệp, đi đến đâu dễ làm quen và được nhiều người cảm mến.

Ông ít hay đi đâu xa. Hằng ngày quanh quẩn trông nom ruộng vườn, việc mua bán. Một hôm vào cuối tháng chạp, nhân có việc phải đi Gò Công, ông dạo chơi các hàng phố - phần lớn là tiệm buôn của người Hoa.

Gần Tết, cửa tiệm đều trưng bày nhiều hàng hóa để bán Tết. Ông vào tiệm bán đồ sành sứ coi hàng. Thấy trong tiệm trưng nhiều chóe, bình bằng sứ, nạm hình long ẩn, mai trúc, trĩ công đẹp, ông bước vào trong xem hỏi giá. Chủ tiệm thấy khách ăn mặc lèng xèng, tướng tá quê mùa, nghèo hèn, lại chen vào tận bên trong nơi để đồ đắt giá, liền nói gạt ngang:

- Hè, ông già đi ra! Đứng đây lộn xộn đụng bể thì mạng ông bán thường tiền cũng không đủ hà! Thôi đi ra! Đi ra!

Bị chủ tiệm khinh bạc, không dằn được cơn giận, sẵn gậy cầm tay ông quơ đập. Đồ sành, đồ sứ bị vỡ tanh bành. Chủ tiệm la ó. Các chủ tiệm khác chạy lại giành được gậy thì hầu như không còn gì lành lặn.

Người ta cật vấn. Ông bình tĩnh bảo chủ tiệm lấy giấy ra tính tiền hết mọi thứ, rồi ông về nhà lấy tiền bồi thường đầy đủ.

Từ đó, tiếng ông để đời. Đến nay, người ta hay nói "của ông Hóng" và "sẵn kho ông Hóng" để chỉ sự xài phí không tiết kiệm[14].

5. Gò Lân

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Linh vật (Lân).

Gò Lân thuộc xã Tân Đông, huyện Gò Công Đông. Nơi đây là quê hương bên bà nội của bà Từ Dụ (Từ Dũ), vợ vua Thiệu Trị, mẹ vua Tự Đức. Đó là bà Phan Thị Tánh. Bà kết hôn với Phước An hầu Phạm Đăng Long, sinh ra Quốc công Phạm Đăng Hưng, mà Phạm Đăng Hưng là thân phụ của bà Từ Dụ. Vua Thiệu Trị và bà Từ Dụ đã ban tứ tiền bạc và ruộng đất để họ Phan lập đền thờ ở tại đây. Đất này được gọi là Văn Xá với diện tích khoảng 400 mẫu ta (khoảng 130 ha).

Theo Việt Cúc, địa danh Gò Lân có xuất xứ như sau: "Theo truyền thuyết, những ngày linh, tháng tốt, lúc chạng vạng tối: nơi gò nầy xuất hiện một con vật to, dáng như con ngựa, đầu lớn, lưng khum, đuôi dựng đứng lên, chùm lông đuôi buông tua tủa ra như cây chổi phất trần, từ trong cái gò ấy chạy ra rồi biến mất. Nên người dân gọi là Gò Lân. Gò có hình tròn, sơ khai cây cối mọc um tùm"[15].

6. Gò Lức (xã Tân Đông, huyện Gò Công Đông)

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Thực vật (Lức).

---

[14] Việt Cúc (1999), *Gò Công cảnh cũ người xưa*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, trang 98.

[15] Việt Cúc (1999), *Gò Công cảnh cũ người xưa*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, trang 120.

Gò Lức là gò có nhiều bụi cây lức, rộng khoảng 8 ha, ở xã Tân Đông, huyện Gò Công Đông.

7. Gò Me (xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông)

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò: Xin xem mục từ Gò Bầu) + Thực vật (Cây me).

Gò Me là gò có nhiều cây me hoặc có cây me to, rộng khoảng 50 ha. Hiện nay, Gò Me là tên ấp thuộc xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông.

Gò Me là quê của nhà thơ nổi tiếng Hoàng Tố Nguyên (1929 - 1975).

Ông tên thật là Lê Hoằng Mưu, sinh năm 1929 tại Gò Me, làng Bình Ân, tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công (nay là ấp Gò Me, xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang).

Sau khi hoàn tất bậc tiểu học ở Gò Công và bậc trung học ở Trường Collège de Mytho (nay là Trường Trung học phổ thông Nguyễn Đình Chiểu, thành phố Mỹ Tho), ông lên Sài Gòn học Trường Mỹ thuật Gia Định. Ngày 23-9-1945, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Nam bộ bùng nổ. Theo tiếng gọi của non sông, ông gia nhập lực lượng vũ trang chiến đấu ở nội thành Sài gòn, rồi hoạt động văn nghệ và tuyên truyền. Từ năm 1947 - 1949, ông ra vùng kháng chiến, làm Chủ tịch Hội Học sinh mỹ thuật kháng chiến Gia Định. Mặc dù còn rất trẻ, nhưng trong thời gian này, ông đã có thơ đăng trên các báo. Nhận xét về thơ của ông, nhà phê bình văn học Thế Phong, trong quyển *Lược sử văn nghệ Việt Nam - Nhà văn tiền chiến*, viết như sau:

"Về bình diện thi ca miền Nam 1945 - 1950 chỉ có hai nhà thơ điển hình nhất là Vũ Anh Khanh và Hoàng Tố Nguyên. Họ bao trùm các nhà thơ khác, như Ái Lan, Tố Phong, Trúc Khanh, Khổng Dương,… Hoàng Tố Nguyên trội hơn hết, sau Vũ Anh Khanh. Tác giả của nhiều bài thơ đăng rải rác trên báo, mặc dầu chưa in một tác phẩm nào… Những bài như: *Vọng hướng sao rơi*, *Xuân về say ý nhạc*,… đăng trong tuyển tập thi ca *Mùa giải phóng* (5/1949).

Thơ Hoàng Tố Nguyên đi vào thực tiễn cách mạng, kỹ thuật cao, truyền cảm người đọc như *Tha la* của Vũ Anh Khanh. Giống như Vũ Anh Khanh, Hoàng Tố Nguyên nổi tiếng vì thơ có hình tượng sống mới, tiết tấu âm thanh mới, không dùng sáo ngữ, hoặc điển cố, như bài thơ *Sa cơ* của Thẩm Thệ Hà hoặc Hoàng Tấn với *Giang san khói lửa mù bay… Xuân về say ý nhạc* là bài thơ của một đồng đội chiến đấu chống xâm lăng Tây thuộc lần thứ hai; mà tác giả là Hoàng Tố Nguyên, một nhà thơ xuất sắc.

Về bình diện văn nghệ Nam bộ 1945 - 1950, hẳn không thể quên văn Lý Văn Sâm, thơ Vũ Anh Khanh, thơ Hoàng Tố Nguyên,... là những người góp vào nền văn học cực thịnh của Nam bộ".

Từ năm 1950 - 1952, ông là Trưởng ban Tuyên truyền Tỉnh đoàn Thanh niên Cứu quốc Thủ Dầu Một (nay là tỉnh Bình Dương), Ủy viên Ban Chấp hành phân hội văn nghệ liên tỉnh Thủ Biên (Thủ Dầu Một - Biên Hòa). Từ năm 1952 - 1954, ông là cán bộ Sở Thông tin Nam Bộ, biên tập viên báo *Cứu Quốc Nam bộ* rồi báo *Vì Chúa, vì Tổ quốc* của lực lượng Công giáo kháng chiến Nam Bộ.

Năm 1954, ông tập kết ra Bắc, làm Biên tập viên báo *Văn Nghệ*. Năm 1956, ông là Ủy viên Thường trực Ban đại diện Văn nghệ Nam Bộ ở miền Bắc. Năm 1957, ông là hội viên sáng lập Hội Nhà văn Việt Nam và công tác tại Trung ương Hội Nhà văn. Năm 1959, ông trở lại với nghề báo, làm Biên tập viên báo *Độc Lập*. Năm 1969, theo sự phân công của Ủy ban Trung ương các Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật, ông nhận nhiệm vụ xây dựng phong trào văn nghệ ở tỉnh Hà Tây; và sau đó là tỉnh Thái Bình vào năm 1974.

Thời gian này, sống trong cảnh "*ngày Bắc đêm Nam*", ngoài việc tích cực gầy dựng hoạt động văn hóa văn nghệ ở địa phương, ông đã lao vào sáng tác một cách miệt mài và bền bỉ. Các truyện thơ và tập thơ của ông liên tiếp được ra đời, như *Đổi đời* (truyện thơ, 1955), *Cô gái bần nông sông Hồng* (truyện thơ, 1956), *Đất nước* (tập thơ, 1956), *Gò Me* (tập thơ, 1957), *Từ nhớ đến thương* (tập thơ, 1960), *Quê chung* (tập thơ, 1962), *Gởi chiến trường chống Mỹ* (1966).

Nếu như hai tập thơ *Đất nước*, *Gò Me* là tiếng lòng và nỗi nhớ khôn nguôi của ông về quê hương miền Nam thân thương và anh dũng; thì các truyện thơ *Đổi đời*, *Cô gái bần nông sông Hồng* và ba tập thơ *Từ nhớ đến thương*, *Quê chung*, *Gởi chiến trường chống Mỹ* là lời ca tự hào về công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và niềm tin tất thắng của toàn dân tộc trong cuộc trường chinh chống giặc Mỹ xâm lược.

Nhìn chung, thơ của ông có thể gom vào ba chủ đề lớn: thứ nhất, thơ viết về Bác Hồ - vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc; thứ hai, thơ viết về miền Bắc xã hội chủ nghĩa, về những con người đã sản xuất và chiến đấu vì đồng bào miền Nam ruột thịt; thứ ba, thơ viết về miền Nam, trong đó có quê hương Gò Me biết mấy thân thương của ông, đang quật khởi vùng lên, chống ách bạo tàn của bọn giặc ngoại xâm vì sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Tháng 6-1975, ông mất tại Hương Canh, Thái Bình sau một cơn bạo bệnh. Một năm sau, tập thơ *Tên quê hương* của ông được xuất bản. Năm 1980, trong lời đề tựa tập thơ được tái bản *Từ nhớ đến thương*, nhà thơ Chế Lan Viên viết: "… *Tôi nhận được tin anh mất ở Sài Gòn, ngẩn ngơ vì thương tiếc một cây bút, những dòng thơ … Tôi tiếc cho Hoàng Tố Nguyên (Lê Hoằng Mưu) đã có một quê hương Gò Me - Nam bộ lúc ra đi, đã có một quê hương Hương Canh - miền Bắc lúc trở về, có cả một Tổ quốc thống nhất xã hội chủ nghĩa, giữa ngày sắp được đoàn tụ, thế mà không sống đến phút đoàn tụ ấy. Tôi cũng tiếc cho Gò Me, Gò Công quê anh đã không có anh trở về … Trong mấy nhà thơ Nam Bộ tập kết ra Bắc hồi ấy,*

phải nói rằng anh là một trong mấy người có tài hơn cả ... Lần đầu tiên khi thơ anh xuất hiện ở thủ đô, nó đã được nhiều người yêu mến và giới sành thơ trân trọng".

Trong các tập thơ của ông, tập thơ *Gò Me* của ông gồm 13 bài được xuất bản năm 1957 đã gây được tiếng vang lớn. Nội dung tập thơ chủ yếu thể hiện tấm lòng thương nhớ quê hương của tác giả. Trong tập thơ này, bài thơ *Gò Me* viết về quê hương của ông là đặc sắc nhất:

Quê tôi đó! Mặt trông ra bể,
Đóm hải đăng tắt loé đêm đêm.
Con đê cát đỏ cỏ viền,
Leng keng nhạc ngựa ngược lên chợ Gò.
Ruộng vây quanh, bốn mùa gió mát,
Lúa Nàng - keo chói rực mặt trời.
Ao làng trăng tắm, mây bơi,
Nước trong như nước mắt người tôi yêu.
Quê tôi sớm sớm, chiều chiều,
Lao xao vườn mía.
Mái lá khoan thai thở làn khói nhẹ,
Những chị, những em má núng đồng tiền.
Nọc cấy, tay tròn, nghiêng nón làm duyên,
Véo von điệu hát cổ truyền.
Tre thôi khúc khích, mây chìm lắng nghe:
"Hò ơ... Trai Biên Hòa lụy gái Gò Me,
Không vì sắc lịch, mà chỉ vì mê giọng hò".
Ôi, thuở ấu thơ,
Cắt cỏ, chăn bò.
Gối đầu lên áo,
Nằm dưới làn me, nghe tre thổi sáo.
Lòng nghe theo bướm, theo chim,
Mạ non cong vắt lưỡi liềm,
Lá xanh như dải lụa mềm lửng lơ.

Ôi, vui sao những lễ hội đình chùa,
Rước sắc cuối năm, giựt giàn tháng bảy.
Thân áo vá quàng, lại thay vạt mới,
Hẹn hò, đổi guốc trao khăn.
Trống giục thâu đêm, gối bỏ không nằm,
Tóc bạc nghe kinh, tuổi xanh tình tự.
Tôi, sáu tuổi trong lòng bà, hớn hở,
Xem tuồng "Đoạt Võ Trạng Nguyên".
Để ra về mơ mãi chuyện thần tiên,
Moi đất sét nặn quả chùy Nguyên Bá.
Ôi! Những tháng mưa dầm lạnh giá,
Đường làng thụt móng chân trâu.
Tre, cau phờ phạc,
Cánh cò mặt nước đồng sâu.
Hai bên hàng xóm têm trầu,
Áo tơi, nón lá, gọi nhau đổ lờ.
Những trưa nắng thơm mùa gặt hái,
Mái đình cong, cu gáy xa xa.
Con đê nắng đổ chói lòa,
Me xanh tỏa bóng, gió hòa trong cây.
Già phanh áo, gối tay, ríu mắt,
Gái dụm đầu bói Lục Vân Tiên.
Trai làng kính cẩn ngồi yên,
Giọng ông tôi lại cất lên, kể rằng:
"Cửa Cần Giờ vào năm khởi nghĩa,
Sóng Cần Giờ đỏ khé máu tươi!
Gò Công oanh liệt một thời!
Ông Trương "Đám-lá-tối-trời" đánh Tây".
Ruộng Gò Công cò bay thẳng cánh,
Ao Gò Me nước gánh không vơi.

Đất lành màu mỡ sinh sôi,
Nếp than, nấm rạ làng tôi vẫn nghèo.
Trước khi nhắm mắt thân yêu,
Bà tôi dám ước mơ nhiều hơn đâu.
Một vuông khăn đỏ bịt đầu,
Nợ nần truyền kiếp trông vào con thơ.
Ôi! Gò Me,
Các bác, các cô.
Các dì, các cậu,
Mồ hôi muối trắng hai vai áo.
Đêm không đèn húp cháo thay cơm,
Nhặt từng hạt lép trong rơm.
Nhìn bầu sữa cạn, thương con héo gầy.
(Lúa đâu dám phụ người cày
Nhà ai ngói đỏ, lẫm đầy lúa khô!)
Qua đường lưới cá, mò cua,
Ngó con sông bạc mà lo phận nghèo!

***

Quê hương tôi bao nhiêu thay đổi,
Ngọn tầm vông, nón cói buổi đầu.
Trong lòng đất nước khổ đau,
Đứng lên không một sức nào chuyển lay.
Chín năm chúng ruồng, vây, giết, đốt,
Chín năm ta diệt bốt, gài chông.
Máu Trương Công Định anh hùng,
Qua tay Đảng, rót vào lòng nhân dân.
Trên đất Bắc xanh mầm hy vọng,
Đêm như ngày, tôi ngóng từng tin.
Gò Công đẫm máu biểu tình,
Gò Me, tuy vắng trống đình bao năm.

Tắt tiếng hát đêm trăng hò hẹn,
Chỉ còn vang tiếng biển thét gào.
Tôi nằm trên võng mẹ đưa,
Có chim cu gáy giữa trưa hanh nồng.
Tiếng ai vút đầu bông lúa chín,
Gió dìu vương xao xuyến bờ tre:
"Hò ơ... Trai Biên Hòa lụy gái Gò Me
Không vì sắc lịch, mà chỉ vì mê giọng hò!"
Chị tôi má đỏ thẹn thò,
Giã me bên trã canh chua ngọt ngào.
Thơ tôi như chiếc hôn đầu,
Gò Công yêu dấu, đâu nào má em?

8. Gò Ông Gồng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Giới tính (Ông) + Tên người (Gồng).

Gò Ông Gồng là gò cát mang tên ông Gồng vốn là người có công trạng nào đó ở địa phương, rộng khoảng 5 ha, là tên ấp: ấp Ông Gồng, xã Tân Đông, huyện Gò Công Đông.

9. Gò Táo

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Thực vật (Táo: táo rừng, là loại cây nhỏ cao từ 2 - 6 m; rễ phơi khô ngâm rượu dùng để chữa hắc lào, lang ben; lá rừng tươi nấu tắm chữa lỡ ngứa; quả cùng với một số thảo dược ngâm với rượu có tác dụng bổ khí huyết, tăng cường sức khỏe[16]).

Gò Táo là gò có nhiều cây táo, rộng khoảng 7 ha, ở xã Tân Đông, huyện Gò Công Đông.

10. Gò Xoài

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Thực vật (Xoài: Cây to, cao 15-20 m. Quả xoài là một thứ quả ngon có giá trị lớn so với nhiều quả khác. Cơm xoài là thức ăn rất bổ dưỡng cho cơ thể. Xoài còn được dùng chế biến mứt, đóng hộp. Người ta thái quả xoài xanh thành miếng mỏng để ăn sống, phơi hay sấy khô dùng làm nguồn vitamin C thiên nhiên. Theo y học cổ truyền, vỏ thân xoài dùng được chữa thấp khớp, đau răng,…).

[16] Đức Doãn, Táo rừng, Báo điện tử Ninh Thuận, ngày 26/11/2020.

Gò Xoài là gò có nhiều cây xoài hoặc có một cây xoài to, rộng khoảng 5 ha, ở xã Tân Trung, huyện Gò Công Đông.

*** Địa danh có nguồn gốc Khmer, gốc Mã Lai, gốc Pháp :**

*** Địa danh Việt gốc Pháp :**

1. Kênh/Kinh Champeaux (đọc theo Tiếng Việt: Săm-pô)

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kênh/Kinh) + Tên người bằng Tiếng Pháp (Champeaux).

Kênh/kinh Champeaux được đào năm 1870 trong khuôn khổ của chương trình khai thác thuộc địa của thực dân Pháp. Kênh/kinh được đặt tên Champeaux. Ông ta có tên đầy đủ là Palasne de Champeaux, thay Salicetti làm Chánh tham biện hạt tham biện Gò Công từ năm 1870 - năm 1871, Chánh tham biện hạt tham biện Mỹ Tho từ năm 1872 - năm 1876. Trong lúc giữ chức Chánh tham biện Mỹ Tho, Champeaux là người chỉ huy đàn áp cuộc khởi nghĩa do Thủ khoa Nguyễn Hữu Huân lãnh đạo và là người chỉ đạo vụ án tử hình đối với vị Thủ khoa yêu nước. Năm 1876, ông ta đổi về Sài Gòn, làm việc tại Phủ Thống đốc Nam Kỳ, trở thành viên quan cao cấp của thực dân Pháp ở Nam kỳ. Năm 1883, Champeaux tham gia cuộc tấn công kinh đô Huế của thực dân Pháp.

Được biết, sau khi đánh chiếm Nam Kỳ và Bắc Kỳ, đầu năm 1883, thực dân Pháp bắt đầu tính đến việc tấn công kinh đô Huế nhằm thực hiện dã tâm xâm chiếm toàn bộ Việt Nam.

Theo đó, lợi dụng lúc triều đình rối ren vì vua Tự Đức mới qua đời (7/7/1883), thực dân Pháp đã quyết định đánh thẳng vào Huế, hòng buộc triều đình nhà Nguyễn phải đầu hàng.

Sáng 18/8/1883, hạm đội của Pháp tiến vào cửa biển Thuận An. Trên chiếc Soái hạm Le Bayard của Đô đốc Courbet, chỉ huy toàn bộ hạm đội Pháp, có sự hiện diện của viên quan cao cấp Champeaux. Đến 4 giờ chiều hôm đó, quân Pháp bắt đầu nổ súng và công phá các pháo đài của quân dân ta trong suốt 2 ngày liền. Ngày 20/8/1883, chúng đổ bộ lên bờ. Quân dân ta anh dũng chống trả. Đến chiều tối, toàn bộ cửa Thuận An lọt vào tay giặc.

Trước tình thế đó, vua Hiệp Hòa cử quan lại gặp đại diện bọn thực dân xin "cầu hòa". Về việc này, nhà sử học Trần Trọng Kim viết trong quyển *Việt Nam sử lược* như sau:

"Triều đình thấy sự nguy cấp, liền sai quan ra xin hòa. Viên Toàn quyền Harmand bắt quan ta phải giải binh cả mọi nơi, rồi cùng với ông Champeaux lên Huế để nghị hòa. Triều đình sai quan Hiệp biện hưu trí là Trần Đình Túc làm Khâm sai toàn quyền và Nguyễn Trọng Hợp làm phó, để cùng với quan Pháp hội nghị.

Ngày 25/8/1883, tờ hòa ước lập xong, có chữ ký của ông Harmand và ông Champeaux; đồng thời, ông Trần Đình Túc và ông Nguyễn Trọng Hợp cùng ký[17]".

Hòa ước Harmand (còn gọi là hòa ước Quý Mùi), gồm 27 điều khoản, công nhận sự bảo hộ của Pháp trên toàn cõi Việt Nam, nước ta bị mất nền độc lập hoàn toàn. Sau khi hòa ước đã ký xong, được sự chỉ đạo của chính phủ Pháp, Champeaux ở lại Huế làm Khâm sứ đầu tiên tại Trung Kỳ, có quyền quyết định tất cả mọi việc, vua quan nhà Nguyễn chỉ là bù nhìn.

Rõ ràng, Champeaux là tên thực dân mà hành trạng của ông ta gắn liền với sự xâm lược hung hăng và tàn bạo của thực dân Pháp đối với đất nước ta. Chính vì lẽ đó, con kênh/kinh Champeaux ở Gò Công nhất thiết phải được đổi tên.

Theo quyển *Địa phương chí tỉnh Gò Công năm 1936 (Monographie de la province de Gocong - 1936)*, kênh/kinh Champeaux có chiều dài 5.000 m, rộng 15 m, dẫn nước từ kinh Salicetti vào làng Tân Thành (nay là xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông).

2. Kênh/Kinh Salicetti (đọc theo Tiếng Việt: Xa-li-xét-ti)

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kênh/Kinh) + Tên người bằng Tiếng Pháp (Salicetti).

Kênh/kinh được đào năm 1869 trong khuôn khổ của chương trình khai thác thuộc địa của thực dân Pháp. Kênh/kinh được đặt tên Salicetti. Đây là tên của Chánh tham biện hạt Tham biện Gò Công. Năm 1870, Salicetti làm Chánh tham biện hạt Tham biện Tân An. Năm 1872, ông ta là Chánh tham biện hạt Tham biện Vĩnh Long. Cũng trong năm này, trong khi đàn áp cuộc khởi nghĩa của nhân dân huyện Vũng Liêm (tỉnh Vĩnh Long), Salicetti đã bị nghĩa quân trừng trị. Sau đó, để trả thù cho Salicetti, vâng lệnh của chính quyền thực dân Pháp, tên đại Việt gian Trần Bá Lộc đã chỉ huy quân lính tiến hành cuộc thảm sát đẫm máu đối với nghĩa quân và nhân dân huyện Vũng Liêm. Quyển *Địa phương chí tỉnh Vĩnh Long năm 1911* cho biết:

"Năm 1872, được sự xúi giục của một số quan lại ở Huế[18], vốn chỉ thuần phục chính quyền Pháp ở ngoài mặt, nhiều băng nhóm võ trang[19] đã rải khắp Trà Vinh, đặc biệt là những vùng xung quanh chợ lớn Vũng Liêm[20]. Bọn chúng đụng đâu cướp đó trên đường[21]. Thanh tra Salicetti - đại úy thủy quân lục chiến - đã khinh suất đi kiểm tra vùng này với chỉ vài lính cận vệ. Kết cuộc, viên đại úy này đã bị

[17] Trần Trọng Kim (1951), *Việt Nam sử lược*, Nxb Tân Việt, trang 195.

[18] Chỉ phái chủ chiến trong triều đình nhà Nguyễn dưới thời vua Tự Đức (trị vì từ năm 1848 - 1883).

[19] Chỉ lực lượng nghĩa quân chống thực dân Pháp ở Nam Kỳ.

[20] Nay là huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

[21] Dưới góc nhìn của thực dân Pháp, nghĩa quân và hoạt động của nghĩa quân đều bị bọn chúng vu là "giặc cướp".

một nhóm phiến quân phục kích và giết chết. Viên Đốc phủ Cái Bè là ông Trần Bá Lộc, nổi tiếng bởi sự sáng trí, lòng trung thành và dũng cảm đối với sự nghiệp của chúng ta, đã nhận lãnh nhiệm vụ trừng trị những kẻ sát nhân. Bằng một cuộc hành quân chớp nhoáng, ông ta đã tấn công bọn chúng ở cánh đồng Láng Thé[22] và buộc bọn chúng phải tháo chạy sau một trận giao tranh đẫm máu kéo dài đến tận một ngày. Sau đó, cuộc bố ráp của ông Trần Bá Lộc diễn ra thật khủng khiếp. Cuối cùng, thi thể của viên đại úy bất hạnh cũng được tìm thấy trong một bụi cây và được Trần Bá Lộc đưa về Vĩnh Long để mai táng[23]". Do đó, cần thiết phải đổi tên kênh/kinh Salicetti, vì Salicetti đã từng đàn áp khốc liệt các cuộc khởi nghĩa của nhân dân ta.

Kênh/kinh này nối liền rạch Gò Công với rạch Cửa Khâu, một nhánh của sông Cửa Tiểu. Kênh/kinh có chiều dài 6.500 m, rộng 20 m. Theo quyển *Địa phương chí tỉnh Gò Công năm 1936 (Monographie de la province de Gocong - 1936)*, khi thủy triều lên cao ghe thuyền có trọng tải vừa có thể đi lại được trên kênh/kinh; đồng thời, làm tăng độ phì nhiêu cho các làng Hòa Nghị (nay là xã Bình Nghị, huyện Gò Công Đông), Dương Phước (nay là xã Phước Trung, huyện Gò Công Đông) và Tăng Hòa (nay là xã Tăng Hòa, huyện Gò Công Đông).

Hiện tại, hai kênh/kinh Champeaux và Salisetti nối liền nhau và là một đoạn trong trục dẫn nước chính của vùng ngọt hóa Gò Công. Tuyến kênh/kinh chạy song song với Đường tỉnh 862, nối rạch Vàm Giồng ở thị xã Gò Công với xã Tân Thành của huyện Gò Công Đông.

*** Địa hình thiên nhiên, thực vật:**

1. Ấp Bồ Đề

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Thực vật (Cây bồ đề: là cây thân gỗ lớn, cao từ 20 - 30 m; được trồng để tạo bóng mát, làm cây kiểng/cảnh bonsai; thanh lọc không khí, bảo vệ môi trường; gỗ được chế tác thành đồ thủ công mỹ nghệ, đồ nội thất và đồ gỗ gia dụng, nguyên liệu cho công nghiệp sản xuất giấy; nhựa cây được sử dụng trong ngành công nghiệp nước hoa và chiết xuất thành tinh dầu; theo Y học cổ truyền, cây bồ đề là loại thảo dược quý, có tác dụng an thần, giảm đau, lỡ loét ngoài da, hen suyễn, tiêu chảy, tiểu đường,… Đây là cây có ý nghĩa thiêng liêng trong Phật giáo[24]).

Ấp Bồ Đề thuộc xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông, là tổ chức dân cư mà xưa kia nơi đây có nhiều cây bồ đề hoặc có cây bồ đề to.

---

[22] Láng Thé: nay thuộc huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

[23] *Monographie de la province de Vinhlong*, Saigon Imprimerie Commerciale M. Rey, C.Ardin, Successeur, 1911, P. 28-29.

[24] Mơ Kiều (2020), *Cây bồ đề: Tác dụng, ý nghĩa phong thủy, nên trồng cây ở đâu tốt nhất?*, Trang thông tin điện tử Bảo vệ rừng Việt Nam, ngày 24/11/2020.

Ấp Bồ Đề đông giáp ấp Xóm Tựu, cùng xã, tây giáp ấp Xóm Gồng, xã Tân Đông, bắc giáp ấp Xóm Đình, cùng xã, nam giáp ấp Chợ Bế, xã Bình Ân; diện tích tự nhiên 381 ha; dân số (năm 2019): 1.405 người, nam 675, nữ 730; được công nhận ấp văn hóa.

2. Ấp Cây Bàng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Thực vật (Cây bàng: là loại cây thân gỗ lớn, cao vài chục mét, thường được trồng để lấy bóng mát tại các nơi công cộng và được dùng làm dược liệu trong một số bài thuốc y học cổ truyền).

Ấp Cây Bàng thuộc xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông, là tổ chức dân cư mà xưa kia nơi đây có nhiều cây bàng hoặc có cây bàng to.

Ấp Cây Bàng đông giáp Biển Đông, tây giáp ấp Vảm Kinh, xã Tăng Hòa, bắc giáp ấp Bà Canh, cùng xã, nam giáp ấp Đèn Đỏ, cùng xã; diện tích tự nhiên 320 ha; dân số (năm 2019): 1.338 người, nam 590, nữ 748; được công nhận ấp văn hóa.

3. Ấp Cầu Muống

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Công tình xây dựng (Cầu) + Thực vật (rau muống biển: là loại cây thân thảo; mọc bò dài theo những bãi cát ven bờ biển và lan thành từng bãi rộng; hoa màu tím; theo Y học cổ truyền, muống biển chữa trị những bệnh viêm và rối loạn tiêu hóa có tác dụng trừ tê thấp, phù thũng, chân tay đau nhức, mỏi, thấp khớp tạng khớp, khớp xương đau nhức, tiêu viêm, mụn nhọt và viêm mủ da[25],...).

Ấp Cầu Muống thuộc xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông, là tổ chức dân cư mà xưa kia nơi đây có chiếc cầu mà tại đó có nhiều rau muống biển.

Ấp Cầu Muống đông giáp Biển Đông, tây giáp ấp Bà Canh, cùng xã, bắc giáp ấp Tân Phú, cùng xã, nam giáp ấp Cây Bàng, cùng xã; diện tích tự nhiên 288 ha; dân số (năm 2019): 1.778 người, nam 861, nữ 917; được công nhận ấp văn hóa.

4. Ấp Giá Dưới

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Thực vật (Giá: là cây thân gỗ, thích nghi ở vùng rừng ngập mặn, cao từ 15 - 20 m; lá khi gần rụng chuyển sang màu đỏ, chứ không chuyển sang màu vàng như hầu hết các loại cây; rễ cây đan xen chằng chịt, có tác dụng giữ đất, chống xói lỡ; gỗ được hầm than, làm diêm quẹt, giấy,…) + Vị trí (Dưới: vị trí thấp hơn trong không gian so với một vị trí xác định nào đó hay so với các vị trí khác nói chung.).

Ấp Giá Dưới thuộc xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông, là tổ chức dân cư mà xưa kia nơi đây nhiều cây giá và tọa lạc phía dưới ấp Giá Trên.

---

[25] Minh Thùy, *Rau muống biển và những công dụng chữa bệnh*, Báo ảnh điện tử Dân tộc và Miền núi (Cơ quan chủ quản: Thông tấn xã Việt Nam), ngày 17/5/2017.

Ấp Giá Dưới đông giáp ấp Đôi Ma 2, xã Vàm Láng, tây giáp Ấp 2, xã Tân Tây, bắc giáp ấp Xóm Mới, cùng xã, nam giáp ấp Giá Trên, cùng xã; diện tích tự nhiên 264 ha; dân số (năm 2019): 1.348 người, nam 596, nữ 752; được công nhận ấp văn hóa.

5. Ấp Giá Trên

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Thực vật (Giá) + Vị trí (Trên: vị trí cao hơn trong không gian so với một vị trí xác định nào đó hay so với các vị trí khác nói chung).

Ấp Giá Trên thuộc xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông, là tổ chức dân cư mà xưa kia nơi đây nhiều cây giá và tọa lạc phía trên ấp Giá Dưới.

Ấp Giá Trên đông giáp ấp Xóm Lưới, cùng xã, tây giáp Ấp 2, xã Tân Tây, bắc giáp ấp Giá Dưới, cùng xã, nam giáp ấp Xóm Đình, cùng xã; diện tích tự nhiên 156 ha; dân số (năm 2019): 1.073 người, nam 505, nữ 568; được công nhận ấp văn hóa.

6. Ấp Giồng Đình

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Địa hình thiên nhiên (Giồng) + Công trình xây dựng mang yếu tố tín ngưỡng (Đình: là một công trình kiến trúc cổ truyền ở làng xã thời xưa, thờ Thành hoàng, những người có công đối với làng xã, những vị thần theo tín ngưỡng dân gian (hiện nay, có số đình thờ liệt sĩ cách mạng), nơi làm việc của Hội đồng hương chức sở tại và là nơi hội họp, thảo luận công việc của người dân trong cộng đồng).

Trên giồng có miếu thờ Võ Tánh, lăng Võ Tánh (đại công thần của nhà Nguyễn, chết tại thành Quy Nhơn năm 1801), miếu thờ Bá Chúa Xứ. Có lẽ vì thế, dân gian gọi là Giồng Đình.

Ấp Giồng Đình thuộc xã Tăng Hòa, huyện Gò Công Đông, là tổ chức dân cư mang tên Giồng Đình.

Ấp Giồng Đình đông giáp ấp Chợ, xã Tân Thành, tây giáp ấp Giồng Lãnh 1, cùng xã, bắc giáp ấp Bà Lẫy 1, cùng xã, nam giáp ấp Kinh Giữa, xã Tân Thành; diện tích tự nhiên 129 ha; dân số (năm 2019): 1.166 người, nam 440, nữ 726; được công nhận ấp văn hóa.

7. Ấp Giồng Lãnh 1

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Địa hình thiên nhiên (Giồng) + Tên người (Lãnh) + Số từ (1).

Ấp Giồng Lãnh 1 thuộc xã Tăng Hòa, huyện Gò Công Đông, là tổ chức dân cư mà xưa kia nơi đây là giồng cát mang tên ông Lãnh[26]. Ấp Giồng Lãnh 1 là để phân biệt Ấp Giồng Lãnh 2.

Ấp Giồng Lãnh 1 đông giáp ấp Giồng Đình, cùng xã, tây giáp ấp Xóm Gò, cùng xã, bắc giáp ấp Bà Lẫy 2, cùng xã, nam giáp ấp Giồng Lãnh 2, cùng xã; diện tích tự nhiên 149 ha; dân số (năm 2019): 1.360 người, nam 670, nữ 690; được công nhận ấp văn hóa.

8. Ấp Giồng Lãnh 2

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Địa hình thiên nhiên (Giồng) + Tên người (Lãnh) + Số từ (2).

Ấp Giồng Lãnh 2 thuộc xã Tăng Hòa, huyện Gò Công Đông, là tổ chức dân cư mà xưa kia nơi đây là giồng cát mang tên ông Lãnh[27]. Ấp Giồng Lãnh 2 là để phân biệt Ấp Giồng Lãnh 1.

Ấp Giồng Lãnh 2 đông giáp ấp Kinh Giữa, xã Tân Thành, tây giáp ấp Tân Xuân, xã Phước Trung, bắc giáp ấp Giồng Lãnh 1, cùng xã, nam giáp sông Cửa Tiểu; diện tích tự nhiên 324 ha; dân số (năm 2019): 1.117 người, nam 676, nữ 441; được công nhận ấp văn hóa.

9. Ấp Giồng Tân

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Địa hình thiên nhiên (Giồng) + Tên ấp được rút gọn (Tân Xuân thành Tân)

Ấp Giồng Tân thuộc xã Tăng Hòa, huyện Gò Công Đông; trước năm 1975, là ấp Giồng Chùa; sau năm 1975, do Giồng Chùa trải dài từ xã Tăng Hòa đến ấp Tân Xuân, xã Phước Trung, nên được đổi thành Giồng Tân. Tên ấp Giồng Tân có từ đó.

Ấp Giồng Tân đông giáp ấp Trại Ngang, cùng xã, tây giáp ấp Tân Xuân, xã Phước Trung, bắc giáp Khu phố Hòa Thơm 3. thị trấn Tân Hòa, nam giáp ấp Trại Cá, cùng xã; diện tích tự nhiên 167 ha; dân số (năm 2019): 1.162 người, nam 448, nữ 712; được công nhận ấp văn hóa.

10. Ấp Gò Lức

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Địa hình thiên nhiên (Gò) + Thực vật (Cây Lức).

---

[26] Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Quang Ân (2007), *Địa chí Tiền Giang (tập 2)*, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tiền Giang và Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, trang 398.

[27] Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Quang Ân (2007), *Địa chí Tiền Giang (tập 2)*, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tiền Giang và Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, trang 398.

Ấp Gò Lức thuộc xã Tân Đông, huyện Gò Công Đông, là tổ chức dân cư mà xưa kia nơi đây là cái gò có nhiều bụi cây lức.

Ấp Gò Lức đông giáp ấp Gò Táo, cùng xã, tây giáp ấp Cầu Bà Trà, cùng xã, bắc giáp Ấp 1, xã Tân Tây, nam giáp ấp Bờ Kinh, cùng xã; diện tích tự nhiên 210 ha; dân số (năm 2019): 3.095 người, nam 1542, nữ 1.553; được công nhận ấp văn hóa.

11. Ấp Gò Me

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Địa hình thiên nhiên (Gò) + Thực vật (Cây me).

Ấp Gò Me thuộc xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông, là tổ chức dân cư mà xưa kia nơi đây là cái gò có nhiều cây me hoặc có cây me to.

Ấp Gò Me đông giáp ấp Xóm Đen, cùng xã, tây giáp ấp Kinh Trên, cùng xã, bắc giáp ấp Kinh Dưới, cùng xã, nam giáp ấp Ruộng Cạn, cùng xã; diện tích tự nhiên 279 ha; dân số (năm 2019): 3.112 người, nam 1.521; nữ 1.591, được công nhận ấp văn hóa.

12. Ấp Gò Táo

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Địa hình thiên nhiên (Gò) + Thực vật (Táo).

Ấp Gò Táo thuộc xã Tân Đông, huyện Gò Công Đông, là tổ chức dân cư mà xưa kia nơi đây là cái gò có nhiều cây táo dại.

Ấp Gò Táo đông giáp ấp Bà Lãnh, cùng xã, tây giáp ấp Bờ Kinh, cùng xã, bắc giáp ấp Gò Lức, cùng xã, nam giáp ấp Chùa Đất Đỏ, cùng xã; diện tích tự nhiên 192 ha; dân số (năm 2019): 1.779 người, nam 887, nữ 892; được công nhận ấp văn hóa.

13. Ấp Gò Xoài

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Địa hình thiên nhiên (Gò) + Thực vật (Cây xoài).

Ấp Gò Xoài thuộc xã Tân Trung, huyện Gò Công Đông, là tổ chức dân cư mà xưa kia nơi đây là cái gò có nhiều cây xoài hoặc có một cây xoài to.

Ấp Gò Xoài đông giáp xã Tân Tây, tây giáp ấp Mỹ Xuân, cùng xã, bắc giáp xã Tân Phước, nam giáp ấp Ông Non, cùng xã; diện tích tự nhiên 252 ha; dân số (năm 2019): 1.948 người, nam 857, nữ 1.091; được công nhận ấp văn hóa.

14. Ấp Láng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Địa hình thiên nhiên (Láng).

Ấp Láng thuộc xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông, là tổ chức dân cư mà xưa kia nơi đây là vùng đất thấp, ngập nước, có nhiều tôm cá, thực vật, như cỏ lác, năn, đưng, sậy,…

Ấp Láng đông giáp ấp Kinh Ngang, cùng xã, tây giáp ấp Hộ, cùng xã, bắc giáp ấp Hộ, xã Tân Điền, nam giáp ấp chợ, cùng xã; diện tích tự nhiên: 134 ha; dân số (năm 2019): 1.484 người, nam 647, nữ 837; được công nhận ấp văn hóa.

15. Ấp Rạch Bùn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Vật liệu (Bùn).

Ấp Rạch Bùn thuộc xã Tân Điền, huyện Gò Công Đông, là tổ chức dân cư mà xưa kia nơi đây có con rạch chảy ngang qua vùng đất mới được phù sa từ biển Đông bồi đắp nên có nhiều bùn lầy.

Ấp Rạch Bùn đông giáp Biển Đông, tây giáp ấp Trung, cùng xã, bắc giáp ấp Xóm Rẫy, xã Kiểng Phước, nam giáp ấp Hộ, cùng xã; diện tích tự nhiên 319 ha; dân số (năm 2019): 524 người, nam 251, nữ 273; được công nhận ấp văn hóa.

16. Ấp Ruộng Cạn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Một loại hình đất đai (Ruộng: là đất trồng trọt ở ngoài đồng, xung quanh thường có bờ thửa, chủ yếu để trồng lúa) + Tính từ (Cạn: Chỗ không còn nước).

Ấp Ruộng Cạn thuộc xã Bình Nghị, huyện Gò Công Đông, là tổ chức dân cư mà xưa kia nơi đây có nhiều thửa ruộng có địa thế cao, ít nước, dân gian còn gọi là ruộng gò.

Ấp Ruộng Cạn đông giáp ấp Xóm Đen, xã Bình Ân, tây giáp ấp Lò Gạch, thị trấn Tân Hòa, bắc giáp ấp Hiệp Trị, cùng xã, nam giáp ấp Xóm Gò, xã Tăng Hòa; diện tích tự nhiên 215 ha; dân số (năm 2019): 2.238 người, nam 1.069, nữ 1.169; được công nhận ấp văn hóa.

17. Ấp Vàm Kinh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Địa hình thiên nhiên (Vàm) + Công trình xây dựng (Kinh).

Ấp Vàm Kinh thuộc xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông, là tổ chức dân cư mà xưa kia nơi là vàm của một con kinh (kinh Giữa).

Ấp Vàm Kinh đông giáp ấp Đèn Đỏ, cùng xã, tây giáp ấp Giồng Lãnh 2, xã Tăng Hòa, bắc giáp ấp Kinh Giữa, cùng xã, nam giáp sông Cửa Tiểu; diện tích tự nhiên 248 ha; ; dân số (năm 2019): 1.386 người, nam 672, nữ 714; được công nhận ấp văn hóa.

18. Ấp Xóm Đen

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Đơn vị cư trú (Xóm) + Màu sắc (Đen).

Địa danh Xóm Đen nguyên có tên là Xóm Nước Đen. Thời xưa, nơi đây là rừng rậm, lá cây rụng (thực vật) tích lũy lâu ngày kết hợp với những dòng chảy nhỏ trong rừng, tạo thành một vùng nước có màu đen, nên gọi là xóm Nước Đen. Về sau, gọi tắt thành Xóm Đen.

Ấp Xóm Đen thuộc xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông, đông giáp ấp Trung, xã Tân Điền, tây giáp ấp Gò Me, cùng xã, bắc giáp ấp Kinh Dưới, cùng xã, nam giáp ấp Bà Lẩy 2, xã Tăng Hòa; diện tích tự nhiên 235 ha; dân số (năm 2019): 1.471 người, nam 720, nữ 751; được công nhận ấp văn hóa.

19. Ấp Xóm Gò

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Đơn vị cư trú (Xóm) + Địa hình thiên nhiên (Gò).

Ấp Xóm Gò thuộc xã Tăng Hòa, huyện Gò Công Đông, là tổ chức dân cư mà xưa kia nơi đây có một gò cát.

Ấp Xóm Gò đông giáp ấp Giồng Lãnh 1, cùng xã, tây giáp Khu phố 1, thị trấn Tân Hòa, bắc giáp ấp Bà Lẫy 2, cùng xã, nam giáp ấp Trại Ngang, cùng xã; diện tích tự nhiên 173 ha; dân số (năm 2019): 1.023 người, nam 596, nữ 427; được công nhận ấp văn hóa.

20. Ấp Xóm Rẫy

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Đơn vị cư trú (Xóm) + Một loại hình đất đai (Rẫy: là đất trồng các loại hoa màu, như rau, củ, quả,…).

Ấp Xóm Rẫy thuộc xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông, là tổ chức dân cư mà xưa kia nơi đây có xóm nhà làm nghề rẫy.

Ấp Xóm Rẫy đông giáp Biển Đông, tây giáp ấp Xóm Chủ, cùng xã, bắc giáp ấp Đôi Ma 2, xã Vàm Láng, nam giáp ấp Bắc 2, xã Tân Điền; diện tích tự nhiên 368 ha; dân số (năm 2019): 827 người, nam 392, nữ 435; được công nhận ấp văn hóa.

21. Biển Lá

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Biển) + Thực vật (Lá).

- Biển: Ở đây, không phải biển theo nghĩa thông thường, ý nói là là rộng mênh mông, bao la, bát ngát.

- Lá: ý nói là cây dừa nước dùng làm lá lợp nhà, dân gian có tên gọi "nhà lá" là nhà lợp bằng lá dừa nước.

Về địa danh Biển Lá, Việt Cúc giải thích nguồn gốc như sau: "Rạch Tổng Châu chạy dài lên phía bắc, hai bên rạch dừa nước (lá lợp nhà) xen mọc với cây cối rất sầm uất, nên được gọi là Biển Lá[28]". Địa danh này nay thuộc xã Tân Trung, huyện Gò Công Đông.

22. Đám Lá Tối Trời

Đám Lá Tối Trời ở xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông xưa là nơi cô tịch, hoang vắng, vì bao bọc nhiều lớp rừng cây dà, cây cóc, dừa nước, cây bần,… mọc chen chúc, tàng cây cao bóng rợp che khuất ánh sáng. Ban ngày vào vùng ấy như đêm tối nên gọi là "đám lá tối trời".

Năm 1863, quân Pháp chiếm Gò Công. Trương Định cùng nghĩa quân lui về đây làm căn cứ chống giặc vì đây là nơi hiểm yếu. Do bọn thám tử và nội gián chỉ điểm dẫn đường, giặc Pháp vây rừng và thâm nhập Đám lá tối trời định bắt sống Trương Định. Vào lúc nửa đêm, Trương Định phá vòng vây thoát ra ngoài nhưng do trúng đạn, để không rơi vào tay giặc, ông đã tuẫn tiết. Trong *Nam Kỳ phong tục nhơn vật diễn ca*, Nguyễn Liêng Phong viết:

*Tiếng đồn **đám lá tối trời**,*
Có ông Trương Định trải phơi gan vàng.
Hiềm vì cơ chưởng nam minh,
Lưỡi gươm đâm bụng liều mình như chơi.
Nên hư số hệ ở trời,
Khá đem thành bại luận người hùng anh.

23. Khu phố Xóm Gò 1

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Khu phố: là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư có chung địa bàn cư trú ở một xã, phường, thị trấn) + Đơn vị cư trú (Xóm) + Địa hình thiên nhiên (Gò) + Số từ (1).

Khu phố Xóm Gò 1 thuộc thị trấn Tân Hòa, huyện Gò Công Đông, là tổ chức dân cư mà xưa kia nơi đây có một gò cát.

Khu phố Xóm Gò 1 đông giáp ấp Xóm Gò, xã Tăng Hòa, tây giáp hai khu phố Hòa Thơm 1 và 2, cùng thị trấn, bắc giáp khu phố Xóm Gò 2, cùng thị trấn, nam giáp ấp Trại Ngang, xã Tăng Hòa; diện tích tự nhiên 36 ha; dân số (năm 2019): 562 người, nam 284, nữ 278; được công nhận khu phố văn hóa.

24. Khu phố Xóm Gò 2

[28] Việt Cúc (1999), *Gò Công cảnh cũ người xưa*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, trang 79.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Khu phố) + Đơn vị cư trú (Xóm) + Địa hình thiên nhiên (Gò) + Số từ (2).

Khu phố Xóm Gò 2 thuộc thị trấn Tân Hòa, huyện Gò Công Đông, là tổ chức dân cư mà xưa kia nơi đây có một gò cát.

Khu phố Xóm Gò 2 đông giáp ấp Xóm Gò, xã Tăng Hòa, tây giáp hai khu phố Hòa Thơm 1 và 2, cùng thị trấn, bắc giáp ấp Lò Gạch 2, cùng thị trấn, nam giáp khu phố Xóm Gò, cùng thị trấn; diện tích tự nhiên 30 ha; dân số (năm 2019): 612 người, nam 313, nữ 299; được công nhận khu phố văn hóa.

25. Rừng Cóc

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Rừng: Điều 3 Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004, rừng là một hệ sinh thái bao gồm quần thể thực vật rừng, động vật rừng, vi sinh vật rừng, đất rừng và các yếu tố môi trường khác, trong đó cây gỗ, tre nứa hoặc hệ thực vật đặc trưng là thành phần chính có độ che phủ của tán rừng từ 0,1 trở lên. Rừng gồm rừng trồng và rừng tự nhiên trên đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng.) + Thực vật (Cây cóc: là loại thân gỗ nhỏ, cao khoảng 10 m, thuộc họ tràm, vỏ thường được phơi khô để làm thuốc nhuộm, lá được dùng để nấu canh chua hoặc ăn trong những món lẩu).

Về địa danh Rừng Cóc, Việt Cúc giải thích nguồn gốc như sau: "Phía trong và phía ngoài chợ Tổng Châu, xóm ấp rất thưa, mỗi ấp độ hơn mười nhà. Ở phía đông cách chợ lối hai ngàn thước, thì là rừng rậm, toàn là cây cóc và cây dà, nên gọi là Rừng Cóc[29]". Địa danh này nay thuộc xã Tân Tây, huyện Gò Công Đông.

*** Địa hình thiên nhiên, động vật:**

1. Ấp Sơn Quy A

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Địa hình thiên nhiên (Sơn: 山: Núi) + Động vật (Quy: 黿: Rùa) + Chữ (A: ấp Sơn Quy A để phân biệt với ấp Sơn Quy B).

Địa danh Sơn Quy, nguyên có tên là Quy Nguyên 黿坂, có nghĩa là Gò Rùa, bởi vì nơi đây, thuở lưu dân người Việt đến khai phá, có rất nhiều rùa sinh sống; cũng có thuyết cho rằng, giồng có hình vòng tròn và dài, giữa lại cao lên giống như một con rùa nằm, nên gọi là Gò Rùa.

Đây là tổ quán của đức Thái Hậu Từ Dụ (Từ Dũ). Vào giữa thế kỷ thứ XVIII, ông Phạm Đăng Long theo cha vào vùng Gò Công vốn hãy còn hoang vu. Là người giỏi Nho học, tinh thông phong thủy, địa lý, ông đi nhiều nơi tìm thế đất tốt

[29] Việt Cúc (1999), *Gò Công cảnh cũ người xưa*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, trang 79.

để định cư, mong con cháu sau này phát tích, hưng vượng. Lúc ông đến Gò Rùa, thấy thế đất ở đây rất đẹp và có giếng nước ngọt, trong khi đó, toàn vùng Gò Công, giếng nước ngọt rất hiếm. Do đó, ông đã quy tập mồ mả 3 đời về đây và xây nhà ở gò đất này[30]. Ông Phạm Đăng Long kết hôn với bà Phan Thị Tánh sinh ra Phạm Đăng Hưng, sau này trở thành đại công thần của triều Nguyễn. Phạm Đăng Hưng là thân phụ của bà Từ Dụ (Từ Dũ), hoàng phi của vua Thiệu Trị, hoàng mẫu của vua Tự Đức.

Do Gò Rùa (Quy Nguyên) là quê ngoại của nhà vua, nên vua Tự Đức thay chữ Quy Nguyên thành Sơn Quy tức là Gò Rùa thành ra Núi Rùa, ý muốn nói nơi phát tích bên ngoại được vững bền như Núi Rùa, là một loại trong Tứ Linh (Long- Lân- Quy- Phụng) sống lâu lại hợp với Núi càng vững bền thêm mãi. Tại đây, vua Thiệu Trị rồi vua Tự Đức cho xây dựng ngôi Từ đường thích lý (bên ngoại của nhà vua) và cấp ruộng đất để phục vụ việc thờ phụng.

Ấp Sơn Quy A thuộc xã Tân Trung, huyện Gò Công Đông, đông giáp ấp Sơn Quy B, cùng xã, tây giáp ấp Phục Nhứt, xã Thành Công, nam giáp ấp Lăng Hoàng Gia, cùng xã, bắc giáp ấp Ông Cai, cùng xã; diện tích tự nhiên 276 ha; dân số (2019): 2.030 người, nam 934, nữ 1.096; được công nhận Ấp văn hóa.

2. Ấp Sơn Quy B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp: Xin xem mục từ ấp Bà Bèo) + Địa hình thiên nhiên (Sơn: 山: Núi) + Động vật (Quy: 鼈: Rùa) + Chữ (B: ấp Sơn Quy B để phân biệt với ấp Sơn Quy A).

Xuất xứ địa danh Sơn Quy, xin xem mục từ ấp Sơn Quy A.

Ấp Sơn Quy B thuộc xã Tân Trung, huyện Gò Công Đông, đông giáp Ấp 6, xã Tân Tây, tây giáp ấp Sơn Quy A, cùng xã, nam giáp ấp Hưng Thạnh, xã Long Hưng, bắc giáp ấp Ông Non, cùng xã; diện tích tự nhiên 284 ha; dân số (2019): 1.980 người, nam 955, nữ 1.025; được công nhận Ấp văn hóa.

3. Ấp Trại Cá

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Công trình xây dựng (Trại: khu dân cư mới lập ra để khẩn hoang, chăn nuôi,..) + Động vật (Cá).

Ấp Trại Cá là khu dân cư thời xưa chuyên làm nghề đánh bắt và chế biến cá, thuộc xã Tăng Hòa, huyện Gò Công Đông, đông giáp ấp Giồng Lãnh 2, cùng xã, tây giáp ấp Giồng Tân, cùng xã, bắc giáp ấp Trại Ngang, cùng xã, nam giáp sông

[30] Phòng Quản lý du lịch, *Lăng mộ Hoàng gia*, Trang thông tin điện tử Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Tiền Giang.

Cửa Tiểu; diện tích tự nhiên 336 ha; dân số (2019): 1474 người, nam 773, nữ 701; được công nhận Ấp văn hóa.

4. Long Uông

Địa danh Hán Việt được cấu tạo theo phương thức: Linh vật (Long: 龍: Rồng) + Tính từ (Uông: 尪: Yếu đuối).

Long Uông là tên rạch ở xã Tăng Hòa, thị trấn Tân Hòa và tên cống, tên cầu ở xã Phước Trung, huyện Gò Công Đông. Rạch Long Uông có nhiều đoạn uốn khúc, quanh co như rồng. Theo Việt Cúc, thuở xưa, nơi đây là rừng già, cây cối rậm rạp, bùn lầy nước đọng, thú rừng rất nhiều và thường đi vào sông Cửa Tiểu, dấu chân giẫm nát thành một lối đi cong quẹo, lâu ngày nước chảy bùn trôi, theo dấu trũng xuống thành một con rạch. Dân gian xem hình thể như một con rồng yếu ớt nên đặt là Long Uông[31].

5. Trại Cá

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trại) + Động vật (Cá).

Nguồn gốc của địa danh này được phản ảnh qua truyện tích dân gian như sau:

Xưa kia, bãi biển rạch Bùn chạy dài đến rạch Cùng (xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông), phù sa bù đắp mỗi ngày một ít, cỏ tranh, lùm bụi mọc xen dưới rừng cây to, bóng mát. Nhiều rạch nước nhỏ chảy quanh co với các đầm nước đọng. Dưới bãi đất bồi là: sò, hến, cua, ốc.

Ngày ấy, vùng này dân chúng thưa thớt. Vì cá tôm quá nhiều nên mỗi ngày những người làm nghề chài lưới tìm chỗ khô ráo để phơi khô, làm mắm. Mỗi nhà giành một khoảng đất trống để phơi cá, tôm, nhiều nhà hợp lại thành xóm, chuyên nghề vựa cá, xẻ cá phơi khô nên gọi là xóm Trại Cá[32].

Trại Cá gắn liền với chiến công oanh liệt của nghĩa quân Trương Định chống Pháp. Trong bài Văn tế điếu Trương Định, nhà thơ yêu nước Nguyễn Đình Chiểu có viết:

Rạch Lá, Gò Công mấy trận, người đã thấy kinh

Cửa Khâu, Trại Cá các nơi, ai nghe cũng hãi.

Về trận đánh này, truyện tích dân gian ở địa phương cho biết:

---

[31] Việt Cúc (1999), *Gò Công cảnh cũ người xưa*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, trang 32.

[32] Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Quang Ân (2007), *Địa chí Tiền Giang (tập 2)*, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tiền Giang và Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, trang 648.

Thuở đàng cựu chống Pháp, có trận đánh Trại Cá của nghĩa quân Trương Định, làm cho binh Pháp kinh hải và tổn thất nặng nề.

Vì nơi đây là xóm vựa cá tôm, binh Pháp thường ra vào mua cá và khô, cung cấp cho binh sĩ.Thuở ấy vùng này còn rừng rậm sầm uất. Đàng ta thăm dò từ lâu, tìm kế phục binh, để đánh úp một phen. Vào tháng 11 âm lịch, biển lặng sóng êm, Bình Tây Đại tướng quân Trương Định cho trang bị hai chiếc thuyền buồm, với 100 binh sĩ, có cấp đội chỉ huy, khởi sự tại rừng già (Gia Thuận) đi ngã biển Vàm Láng lên Rạch Cùng, đổ bộ lên mé rừng phía trong Trại Cá rồi lẻn ra phục binh sẵn, gần đường lối đi của lính Pháp, thường hay ra vào mua tôm cá nơi đây.

Chờ đến một ngày sau, lính Pháp kéo vào như thường lệ, đang lúc mua khô và cá xong rút ra về. Binh ta nổ súng lịnh, áp ra xáp chiến, dùng gươm đao chém giết, lúc lính Pháp thình lình không đề phòng và trở tay không kịp, nên chết và bị thương gần hết. Chỉ thoát khỏi năm ba tên, nhưng ném cả khí giới và cá khô.

Binh ta đại thắng dọn dẹp chiến trường, lấy được mười hai khẩu súng, mấy chục viên đạn và rất nhiều quân trang khác[33].

Hiện nay, xóm Trại Cá là một xóm dân cư trên những giồng đất cao, vườn cây trái sum xuê, thuộc thuộc xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông.

*** Địa danh chỉ đơn vị hành chính:**

Tỉnh Tiền Giang

Diễn tiến hành chính

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta đã hoàn toàn thắng lợi vào ngày 30-4-1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Ngày 20-9-1975, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 245-NQ/TƯ về việc giải thể cấp khu, hợp nhất tỉnh trong toàn quốc "nhằm xây dựng các tỉnh thành những đơn vị kinh tế, kế hoạch và đơn vị hành chính có khả năng giải quyết đến mức cao nhất những yêu cầu về đẩy mạnh sản xuất, tổ chức đời sống vật chất, văn hóa của nhân dân, về củng cố quốc phòng, bảo vệ trị an, và có khả năng đóng góp tốt nhất vào sự nghiệp chung của cả nước". Theo Nghị quyết này, 4 tỉnh Mỹ Tho, Gò Công, Long An, Bến Tre sẽ hợp lại thành một tỉnh, tên gọi sẽ do địa phương đề nghị lên. Nhưng ngày 20-12-1975, Bộ Chính trị lại ra Nghị quyết số 19/NQ điều chỉnh lại việc hợp tỉnh ở miền Nam Việt Nam cho sát với tình hình thực tế, theo đó tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công và thành phố Mỹ Tho hợp lại thành một tỉnh. Ngày 24-2-1976, Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ban hành Nghị quyết số 03-NQ/1976 về việc giải thể khu, hợp nhất tỉnh ở miền Nam Việt Nam. Theo Nghị quyết này tại miền Nam có 21 đơn vị trực thuộc Chính phủ Cách mạng

[33] Việt Cúc (1999), *Gò Công cảnh cũ người xưa*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, trang 53.

Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, trong đó có tỉnh Tiền Giang do nhập tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công và thành phố Mỹ Tho.

Tỉnh Tiền Giang bấy giờ có 6 đơn vị hành chính trực thuộc là các huyện: Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công và thành phố Mỹ Tho. Tỉnh lỵ là thành phố Mỹ Tho, được công nhận là đô thị loại 3 trực thuộc tỉnh.

Sau đó, trên địa bàn tỉnh Tiền Giang có những sự điều chỉnh về hành chính như sau:

Ngày 26-3-1977, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 77-CP về việc chuyển thị xã Gò Công thuộc tỉnh Tiền Giang thành thị trấn Gò Công thuộc huyện Gò Công cùng tỉnh.

Ngày 12-4-1979, trên địa bàn huyện Cai Lậy, xã Thạnh Phú chia thành 2 xã mới Thạnh Lộc và Phú Cường, hợp nhất 2 xã Hội Sơn, Xuân Sơn thành xã Hội Xuân; trên địa bàn huyện Cái Bè, chia xã Hậu Mỹ Nam thành 2 xã Hậu Mỹ Phú, Hậu Mỹ Trinh; chia xã Hậu Mỹ Bắc thành 2 xã Hậu Mỹ Bắc A, Hậu Mỹ Bắc B; chia xã Mỹ Thiện thành 2 xã Thiện Trí, Thiện Trung; chia xã Thanh Hưng thành 2 xã Tân Thanh, Tân Hưng; chia xã Mỹ Lợi thành 2 xã Mỹ Lợi A, Mỹ Lợi B.

Ngày 13-4-1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 155-CP về việc chia huyện Gò Công thành huyện Gò Công Đông và huyện Gò Công Tây.

Như vậy, đến tháng 4-1979, tỉnh Tiền Giang có 7 đơn vị hành chính trực thuộc là các huyện: Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây và thành phố Mỹ Tho.

Ngày 13-2-1987, giải thể xã Tăng Hòa để thành lập thị trấn Tân Hòa là thị trấn huyện lỵ Gò Công Đông.

Ngày 16-2-1987, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 37-HĐBT về việc thành lập thị xã Gò Công trực thuộc tỉnh Tiền Giang trên cơ sở thị trấn Gò Công cũ và 1 phần diện tích và dân số của 2 huyện Gò Công Đông, Gò Công Tây.

Như vậy, đến tháng 2-1987, tỉnh Tiền Giang có 8 đơn vị hành chính trực thuộc là: thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây.

Ngày 23-11-1990, lập xã mới Mỹ Tân thuộc huyện Cái Bè trên cơ sở các phần đất và dân số tách từ các xã Mỹ Trung, Mỹ Lợi B, Mỹ Đức Tây và Nông trường Ngô Văn Nhạc.

Ngày 9-3-1992, trích 1 phần diện tích và dân số xã Phú Đông, huyện Gò Công Đông để thành lập xã Phú Tân.

Ngày 11-7-1994, Chính phủ ban hành Nghị định số 68-CP về việc thành lập huyện Tân Phước trên cơ sở tách một phần diện tích và dân số của của 2 huyện Cai Lậy và Châu Thành.

Như vậy, đến tháng 7-1994, tỉnh Tiền Giang có 9 đơn vị hành chính trực thuộc là: thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phước.

Ngày 14-1-2002, lập xã mới Tân Thạnh thuộc huyện Gò Công Tây trên cơ sở các phần đất tách từ các xã Tân Phú, Tân Thới và Phú Thạnh; tái lập xã Tăng Hòa thuộc huyện Gò Công Đông trên cơ sở phần đất và dân số tách từ thị trấn Tân Hòa.

Ngày 9-12-2003, lập phường Tân Long thuộc thành phố Mỹ Tho do cải biến xã Tân Long; lập phường 9 do tách một phần đất và dân số từ xã Tân Mỹ Chánh; lập phường 10 do tách một phần đất và dân số từ 2 xã Đạo Thạnh và Trung An; lập phường 5 thuộc thị xã Gò Công do tách một phần đất và dân số từ xã Long Hòa; chia xã Hội Cư của huyện Cái Bè thành 2 xã An Cư và Mỹ Hội.

Ngày 07-10-2005, Thủ tướng chính phủ ban hành Quyết định số 248/2005/QĐ-TTg về việc công nhận thành phố Mỹ Tho là đô thị loại 2 trực thuộc tỉnh.

Ngày 21-01-2008, Chính phủ ban hành Nghị định số 09/2008/NĐ-CP, về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Gò Công Đông và Gò Công Tây để mở rộng thị xã Gò Công và thành lập huyện Tân Phú Đông. Theo đó, huyện Tân Phú Đông bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên và nhân khẩu của các xã: Tân Thới, Tân Phú, Phú Thạnh, Tân Thạnh của huyện Gò Công Tây và toàn bộ diện tích tự nhiên và nhân khẩu của xã Phú Đông và xã Phú Tân của huyện Gò Công Đông.

Như vậy, đến tháng 01-2008, tỉnh Tiền Giang có 10 đơn vị hành chính trực thuộc là: thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phước và Tân Phú Đông.

Ngày 29-6-2009, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 28/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Châu Thành, huyện Chợ Gạo để mở rộng địa giới hành chính thành phố Mỹ Tho; điều chỉnh địa giới hành chính xã, thành lập xã thuộc thành phố Mỹ Tho, huyện Châu Thành, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 30-9-2010, thành lập thị trấn Vàm Láng thuộc huyện Gò Công Đông.

Ngày 26-12-2013, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 130/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Cai Lậy để thành lập thị xã Cai Lậy và huyện Cai Lậy.

Như vậy, đến tháng 12-2013, tỉnh Tiền Giang diện tích là 250.830,36 ha, dân số có 1.712.547 người, gồm 01 thành phố (Mỹ Tho), 02 thị xã (Cai Lậy và Gò Công), 08 huyện (Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phú Đông và Tân Phước), 157 xã, phường, thị trấn (128 xã, 22 phường, 7 thị trấn). Cụ thể như sau:

TT	Xã, phường, thị trấn	Diện tích (ha) (Dấu , là ngàn; dấu . là số lẻ)	Dân số (người)
I	**Huyện Cái Bè**	**42,089.82**	**291,627**
1	Thị trấn Cái Bè	426.26	16,856
2	An Thái Đông	728.12	9,834
3	Hậu Mỹ Phú	1,120.44	7,306
4	An Cư	1,142.82	14,211
5	Hậu Thành	1,163.09	14,354
6	Mỹ Đức Đông	1,208.66	9,445
7	Thiện Trí	1,314.59	9,210
8	Mỹ Hội	1,377.24	8,383
9	An Hữu	1,411.36	17,263
10	Hoà Hưng	1,540.34	15,335
11	Mỹ Lương	1,608.97	10,370
12	Tân Thanh	1,634.06	10,427
13	Mỹ Tân	1,736.26	4,893

14	Mỹ Lợi A	1,747.61	10,298
15	Đông Hoà Hiệp	1,781.23	14,023
16	Tân Hưng	1,888.60	12,282
17	An Thái Trung	1,911.87	14,901
18	Mỹ Lợi B	1,912.95	7,414
19	Mỹ Đức Tây	1,975.46	13,965
20	Hậu Mỹ Bắc B	1,977.17	10,480
21	Thiện Trung	2,018.96	8,991
22	Hoà Khánh	2,253.21	20,142
23	Mỹ Trung	2,416.47	8,347
24	Hậu Mỹ Bắc A	2,626.04	12,787
25	Hậu Mỹ Trinh	3,168.04	10,110
II	**Huyện Cai Lậy**	**29,599.36**	**186,583**
1	Hiệp Đức	1,013.78	5,977
2	Mỹ Thành Bắc	1,748.73	8,075
3	Cẩm Sơn	1,241.58	8,009

4	Hội Xuân	1,168.68	8,880
5	Mỹ Long	1,280.75	9,158
6	Phú Nhuận	1,363.58	9,206
7	Thạnh Lộc	2,384.06	11,298
8	Long Tiên	1,644.10	12,001
9	Long Trung	1,511.30	12,141
10	Phú Cường	3,259.79	12,733
11	Mỹ Thành Nam	2,179.25	12,652
12	Tân Phong	2,469.99	12,594
13	Phú An	1,577.08	15,149
14	Ngũ Hiệp	2,780.00	16,117
15	Tam Bình	2,081.75	16,383
16	Bình Phú	1,894.94	16,210
III	**Thị xã Cai Lậy**	**14,018.95**	**123,775**
1	Phường 1	220.53	11,427
2	Phường 2	349.19	5,416

3	Phường 3	335.75	3,323
4	Phường 4	203.74	6,039
5	Phường 5	255.62	7,499
6	Phường Nhị Mỹ	553.84	4,586
7	Thanh Hoà	672.58	5,061
8	Tân Phú	826.44	5,410
9	Phú Quí	835.34	6,405
10	Mỹ Hạnh Trung	996.26	7,251
11	Mỹ Hạnh Đông	1,609.86	8,617
12	Nhị Quí	787.70	10,422
13	Tân Bình	900.93	5,669
14	Tân Hội	1,375.81	11,029
15	Mỹ Phước Tây	2,029.64	13,200
16	Long Khánh	2,065.72	12,421
IV	**Huyện Châu Thành**	**22,991.09**	**242,757**
1	Thị trấn Tân Hiệp	74.49	4,995

2	Dưỡng Điềm	341.58	6,192
3	Hữu Đạo	469.64	4,570
4	Tân Lý Tây	509.46	11,148
5	Thạnh Phú	733.81	9,686
6	Đông Hoà	758.96	9,530
7	Song Thuận	783.92	6,442
8	Bình Trưng	893.71	9,140
9	Phú Phong	900.03	6,980
10	Tân Hội Đông	913.62	7,589
11	Long An	591.85	9,258
12	Bàn Long	925.63	8,352
13	Tân Hương	1,103.29	15,170
14	Bình Đức	755.29	13,215
15	Kim Sơn	1,169.09	10,085
16	Thân Cửu Nghĩa	1,244.81	19,201
17	Điềm Hy	1,429.48	9,020

18	Long Hưng	1,475.67	12,355
19	Tân Lý Đông	1,555.24	14,275
20	Long Định	1,779.10	14,359
21	Nhị Bình	1,889.68	16,930
22	Tam Hiệp	2,121.40	14,015
23	Vĩnh Kim	571.34	10,250
V	**Huyện Tân Phước**	**33,321.74**	**57,561**
1	Thị trấn Mỹ Phước	279.40	2,792
2	Phú Mỹ	1,340.10	7,862
3	Tân Lập 2	1,647.54	2,278
4	Tân Hoà Thành	1,747.22	9,847
5	Thạnh Hoà	2,533.85	842
6	Tân Hoà Đông	2,677.93	1,593
7	Thạnh Mỹ	2,832.35	2,134
8	Tân Lập 1	2,870.98	5,549
9	Thạnh Tân	3,319.80	1,892

10	Hưng Thạnh	3,348.75	6,836
11	Tân Hoà Tây	3,352.21	4,257
12	Phước Lập	3,475.54	8,936
13	Mỹ Phước	3,896.07	2,743
VI	**Thành phố Mỹ Tho**	**8,154.10**	**220,014**
1	Phường 1	77.71	7,994
2	Phường 2	70.81	13,743
3	Phường 3	54.11	10,452
4	Phường 4	79.36	16,570
5	Phường 5	271.77	20,653
6	Phường 6	311.30	23,448
7	Phường 7	40.15	9,128
8	Phường 8	69.70	11,954
9	Phường 9	237.57	7,116
10	Phường 10	282.90	10,477
11	Phường Tân Long	272.79	3,470

12	Đạo Thạnh	1,031.47	15,866
13	Trung An	1,063.03	21,667
14	Tân Mỹ Chánh	931.59	12,271
15	Mỹ Phong	1,130.60	16,534
16	Phước Thạnh	1,017.60	12,291
17	Thới Sơn	1,211.64	6,380
VII	**Huyện Chợ Gạo**	**23,256.81**	**178,803**
1	Thị trấn Chợ Gạo	307.67	7,525
2	Hoà Tịnh	704.65	6,286
3	Bình Phan	1,059.00	7,039
4	Tân Bình Thạnh	1,126.85	7,555
5	Trung Hoà	1,077.76	6,452
6	Song Bình	932.58	8,055
7	Phú Kiết	1,154.46	9,942
8	Đăng Hưng Phước	1,476.48	11,151
9	Tân Thuận Bình	1,225.72	10,323

10	Long Bình Điền	1,192.33	11,875
11	Mỹ Tịnh An	1,143.39	8,782
12	Quơn Long	1,330.55	9,538
13	Thanh Bình	1,399.60	9,535
14	Hoà Định	1,359.25	8,136
15	Lương Hoà Lạc	1,007.99	12,477
16	Xuân Đông	1,514.64	8,666
17	An Thạnh Thuỷ	1,573.59	12,503
18	Bình Phục Nhứt	1,805.76	12,358
19	Bình Ninh	1,864.54	10,605
VIII	**Huyện Gò Công Tây**	**18,220.53**	**131,252**
1	Thành Công	810.52	5,934
2	Yên Luông	1,049.62	8,347
3	Bình Phú	1,321.53	7,569
4	Long Vĩnh	1,221.50	7,455
5	Đồng Sơn	1,483.55	8,844

6	Thạnh Trị	1,426.25	9,676
7	Bình Tân	1,669.13	10,368
8	Bình Nhì	1,375.49	11,750
9	Đồng Thạnh	1,567.52	10,351
10	Vĩnh Hựu	1,908.62	11,450
11	Thạnh Nhựt	1,783.72	12,821
12	Long Bình	1,839.67	15,055
13	Thị Trấn Vĩnh Bình	763.41	11,632
IX	**Huyện Gò Công Đông**	**26,768.16**	**142,797**
1	Thị trấn Tân Hoà	325.01	6,830
2	Tân Điền	2,002.19	7,182
3	Tăng Hoà	1,745.67	9,836
4	Phước Trung	2,103.03	10,201
5	Bình Ân	1,337.50	9,855
6	Tân Đông	1,137.91	10,002
7	Bình Nghị	1,319.05	11,176

8	Gia Thuận	1,912.06	6,066
9	Kiểng Phước	4,038.74	15,178
10	Tân Phước	2,194.76	13,857
11	Tân Thành	6,618.98	13,976
12	Thị trấn Vàm Láng	600.00	14,302
13	Tân Tây	1,433.26	14,336
X	**Thị xã Gò Công**	**10,198.49**	**96,877**
1	Phường 1	45.35	5,625
2	Phường 2	71.33	7,673
3	Phường 3	109.71	5,656
4	Phường 4	137.66	6,507
5	Phường 5	160.00	4,623
6	Long Hưng	657.22	5,241
7	Long Hoà	642.64	6,211
8	Long Chánh	768.26	5,584
9	Long Thuận	615.32	6,553

10	Bình Đông	2,244.87	13,776
11	Bình Xuân	2,786.41	16,056
12	Tân Trung	1,959.72	13,372
XI	**Huyện Tân Phú Đông**	**22,211.31**	**40,501**
1	Phú Thạnh	2,232.10	7,769
2	Tân Thới	2,138.26	10,248
3	Tân Phú	2,025.49	8,708
4	Tân Thạnh	2,237.03	4,374
5	Phú Tân	10,629.13	3,472
6	Phú Đông	2,949.30	5,930

Nguồn: Cổng Thông tin điện tử tỉnh Tiền Giang

Ngày 05-02-2016, Thủ tướng chính phủ ban hành Quyết định số 242/QĐ-TTg về việc công nhận thành phố Mỹ Tho là đô thị loại 1 trực thuộc tỉnh Tiền Giang.

Theo thống kê năm 2018, Tiền Giang có diện tích 2.087,315 km^2; dân số 1.763.237 người; 11 đơn vị hành chính cấp huyện (01 thành phố, 02 thị xã, 08 huyện), 173 đơn vị hành chính cấp xã (07 thị trấn, 22 phường và 144 xã).

Đơn vị hành chính	**TP Mỹ Tho**	**TX Cai Lậy**	**TX Gò Công**	**H. Cái Bè**	**H. Cai Lậy**	**H. Châu Thành**
Diện tích (km^2)	81,541	140,189	101,985	420,898	295,993	229,910

Dân số (người)	270.704	23.775	96.877	291.627	242.757	186.583
Mật độ dân (người/km^2)	3320	883	950	693	630	1056

Đơn vị hành chính	**H. Chợ Gạo**	**H. Gò Công Đông**	**H. Gò Công Tây**	**H. Tân Phú Đông**	**H. Tân Phước**
Diện tích (km^2)	232,568	267,681	182,205	222,113	333,217
Dân số (người)	178.803	142.797	131.252	40.501	57.561
Mật độ dân (người/km^2)	769	533	720	182	172

Nguồn: Cổng Thông tin điện tử tỉnh Tiền Giang

Năm 2021, tỉnh Tiền Giang có 11 đơn vị hành chính cấp huyện (01 thành phố (Mỹ Tho, đô thị loại 1), 02 thị xã (Cai Lậy và Gò Công, đều đô thị loại 3) và 8 huyện (Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Tân Phước, Chợ Gạo, Gò Công Tây, Gò Công Đông và Tân Phú Đông) với 172 đơn vị hành chính cấp xã (07 thị trấn, 22 phường và 143 xã).

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tính đến ngày 01-8-2021, dân số toàn tỉnh đạt 1.783.165 người, mật độ dân số đạt 710 người/km². Trong đó dân số sống tại thành thị đạt 247.742 người, chiếm 14% dân số toàn tỉnh, dân số sống tại nông thôn đạt 1.516.443 người, chiếm 86% dân số. Dân số nam đạt 865.821 người, trong khi đó nữ đạt 898.364 người. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 15%.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn địa danh huyện, xã, thị trấn thuộc huyện Gò Công Đông:**

1. Huyện Gò Công Đông

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Gò Công có 03 cách giải thích:

- Thứ nhất: Tên gọi Gò Công do nơi này vào lúc người Việt đến khai khẩn (thế kỷ XVII) là vùng đất gò có nhiều chim công, tên chữ Hán là Khổng Tước nguyên.

- Thứ hai: Đây là vùng đất gò có quán bán tạp hóa của bà Công, nên có tên gọi là gò Bà Công; về sau, gọi tắt thành Gò Công.

- Thứ ba: Ở xã Ân Hữu, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định có địa danh núi Gò Công cao 198 m. Có thể, vào thế kỷ XVII, cư dân ở vùng núi Gò Công chuyển cư đến sinh sống và khai khẩn vùng đất mới. Tại đây, họ đã lấy tên Gò Công, vốn là quê hương bản quán, đặt tên cho nơi ở mới. Đây là trường hợp dịch chuyển địa danh do hiện tượng di dân.

Trong 03 cách giải thích nêu trên, cách giải thích thứ nhất được nhiều người chấp nhận nhất.

Huyện Gò Công Đông nằm ở phía Đông của vùng đất Gò Công và tỉnh Tiền Giang, nên có tên gọi là Gò Công Đông.

Vị trí địa lý:

Huyện Gò Công Đông phía Đông giáp Biển Đông; phía Tây giáp huyện Gò Công Tây và thị xã Gò Công; phía Nam giáp huyện Tân Phú Đông qua ranh giới tự nhiên là sông Cửa Tiểu, phía Bắc giáp huyện Cần Đước, tỉnh Long An và Thành phố Hồ Chí Minh (qua sông Vàm Cỏ và sông Soài Rạp).

Diện tích tự nhiên: 30.111,3 ha.

Hành chính:

Toàn huyện có 13 đơn vị hành chính cấp xã, bao gồm 2 thị trấn: Tân Hòa (huyện lỵ), Vàm Láng và 11 xã: Bình Ân, Bình Nghị, Gia Thuận, Kiểng Phước, Phước Trung, Tân Điền, Tân Đông, Tân Phước, Tân Tây, Tân Thành, Tăng Hòa.

Lịch sử hình thành:

Huyện Gò Công Đông là vùng đất được khai phá sớm ở Tiền Giang. Trong các thế kỷ XVII – XVIII, vùng đất Gò Công Đông lúc đó lần lượt thuộc đạo Trường Đồn (1772); dinh Trường Đồn (1779); dinh Trấn Định (1781).

Năm 1808, dưới đời vua Gia Long, vùng đất Gò Công Đông thuộc tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, dưới đời vua Minh Mạng, vùng đất này thuộc tổng Hòa Lạc, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định. Năm 1841, dưới đời vua Thiệu Trị, thuộc hai tổng Hòa Lạc Thượng và Hòa Lạc Hạ, huyện Tân Hòa, phủ Hòa Thạnh, tỉnh Gia Định. Năm 1852, dưới đời vua Tự Đức, vẫn thuộc hai tổng Hòa Lạc Thượng và Hòa Lạc Hạ, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị, năm 1867, vùng đất Gò Công Đông thuộc hai tổng Hòa Lạc Thượng và Hòa Lạc Hạ, hạt Thanh tra Gò Công. Năm 1871, vẫn thuộc hai tổng trên, hạt Tham biện Gò Công. Năm 1876, thuộc tổng Hòa Lạc Thượng và tổng Hòa Lạc Hạ, Tiểu khu hành chính Gò Công. Năm 1900, thuộc hai tổng Hòa Lạc Thượng và Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công. Năm 1910, vùng đất Gò

Công Đông vẫn thuộc hai tổng Hòa Lạc Thượng và Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công. Cụ thể như sau:

- Tổng Hòa Lạc Thượng có 7 làng: Bình Thạnh, Bình Thạnh Đông, Bình Xuân, Tân Niên Đông, Tân Niên Tây, Tân Niên Trung, Tân Phước.

- Tổng Hòa Lạc Hạ có 10 làng: Bình Ân, Dương Phước, Hòa Nghị, Kiểng Phước, Tân Bình Điền, Tân Duân Đông, Tân Duân Trung, Tăng Hòa, Tân Thành, Thành Phố.

Năm 1913, tỉnh Gò Công giải thể để thành lập quận Gò Công thuộc tỉnh Mỹ Tho. Hai tổng Hòa Lạc Thượng và Hòa Lạc Hạ thuộc quận Gò Công, tỉnh Mỹ Tho.

Năm 1924, tỉnh Gò Công được tái lập. Từ đó đến năm 1954, vùng đất Gò Công Đông có hai tổng Hòa Lạc Thượng và Hòa Lạc Hạ thuộc tỉnh Gò Công. Cụ thể như sau:

- Tổng Hòa Lạc Thượng có 7 làng: Bình Thạnh Đông, Bình Xuân, Gia Thuận, Tân Niên Đông, Tân Niên Tây, Tân Niên Trung, Tân Phước.

- Tổng Hòa Lạc Hạ có 10 làng: Bình Ân, Dương Phước, Hòa Nghị, Kiểng Phước, Tân Bình Điền, Tân Duân Đông, Tân Duân Trung, Tăng Hòa, Tân Thành, Thành Phố.

Về phía chính quyền Cách mạng, từ năm 1945-1951, xóa cấp "tổng", và đổi tên "làng" thành "xã", vùng đất Gò Công Đông có 17 xã (như đã nêu trên) thuộc tỉnh Gò Công; năm 1951, khi tỉnh Mỹ Tho (mới) được thành lập, còn gọi là tỉnh Mỹ Tân Gò, vùng đất Gò Công Đông thuộc huyện Gò Công.

Từ năm 1954-1975, về phía chính quyền Sài Gòn, tháng 4-1955, vùng đất Gò Công Đông là quận Châu Thành, tỉnh Gò Công với 2 tổng: tổng Hòa Lạc Thượng có 7 làng, tổng Hòa Lạc Hạ có 10 làng. Quận lỵ là làng Thành phố.

Tháng 11/1956, hợp nhất tỉnh Gò Công và tỉnh Mỹ Tho để thành lập tỉnh Định Tường; quận Châu Thành được đổi tên thành quận Gò Công, có 2 tổng, 15 xã, quận lỵ đặt tại xã Long Thuận, chia ra như sau:

- Tổng Hòa Lạc Thượng: có 08 xã: Bình Thạnh Đông, Bình Xuân, Gia Thuận, Tân Niên Đông, Tân Niên Tây, Tân Niên Trung, Tân Phước, Kiểng Phước.

- Tổng Hòa Lạc Hạ: có 07 xã: Bình Ân, Phước Trung (Dương Phước và Tân Duân Trung cũ), An Hòa (Hòa Nghị và Tân Duân Đông), Tân Bình Điền, Tăng Hòa, Tân Thành, Long Thuận (Thành Phố và Long Chánh cũ).

Năm 1963, tỉnh Gò Công tái lập, Năm 1965, quận Gò Công (nay tương ứng với vùng đất Gò Công Đông) được chia thành 2 quận: Quận Hòa Tân, quận lỵ đặt tại xã Tân Niên Tây với 09 xã; Quận Hòa Lạc, quận lỵ tại xã Tăng Hòa với 09 xã.

Năm 1970, vùng đất Gò Công Đông tương ứng với 2 quận Hòa Tân và Hòa Lạc. Cụ thể như sau:

- Quận Hòa Tân, quận lỵ đặt tại xã Tân Niên Tây với 10 xã: Bình Thạnh Đông, Bình Xuân, Gia Thuận, Kiểng Phước, Tân Niên Đông, Tân Niên Tây, Tân Niên Trung, Tân Phước, Thành Công, Vàm Láng.

- Quận Hòa Lạc, quận lỵ tại xã Tăng Hòa với 9 xã: An Hòa, Bình Ân, Bình Tân, Long Thuận, Phước Trung, Tăng Hòa, Tân Bình Điền, Tân Thành, Yên Luông.

Các đơn vị hành chính này tồn tại đến năm 1975.

Về phía chính quyền cách mạng, từ 1957-1968, vùng đất Gò Công Đông thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho. Năm 1968, tỉnh Gò Công được tái lập, vùng đất Gò Công Đông thuộc huyện Đông, tỉnh Gò Công. Năm 1972, tỉnh Gò Công được chia lại các đơn vị hành chính để phù hợp với tình hình thực tiễn trên chiến trường. Theo đó, vùng đất Gò Công Đông gồm có Vùng 2 (tương ứng với quận Hòa Tân theo cách đặt của chính quyền Sài Gòn) và Vùng 4 (tương ứng với quận Hòa Lạc theo cách đặt của chính quyền Sài Gòn). Các đơn vị hành chính này tồn tại đến ngày 30/4/1975.

Sau ngày 30/4/1975, chính quyền Cách mạng đặt lại huyện Đông thuộc tỉnh Gò Công. Năm 1976, tỉnh Gò Công hợp nhất với tỉnh Mỹ Tho và thành phố Mỹ Tho để thành lập tỉnh Tiền Giang. Lúc này, huyện Đông sáp nhập với huyện Tây thành huyện Gò Công thuộc tỉnh Tiền Giang.

Ngày 26/3/1977, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 77-CP. Theo đó, chuyển thị xã Gò Công thành thị trấn Gò Công, là thị trấn huyện lỵ huyện Gò Công. Ngày 13/4/1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 155-CP. Theo đó, chia huyện Gò Công thành hai huyện Gò Công Đông và Gò Công Tây.

Huyện Gò Công Đông gồm thị trấn Gò Công và 16 xã: Bình Ân, Bình Đông, Bình Nghị, Bình Xuân, Gia Thuận, Kiểng Phước, Phú Đông, Phước Trung, Tăng Hòa, Tân Điền, Tân Đông, Tân Phước, Tân Tây, Tân Thành, Tân Trung, Vàm Láng.

Ngày 13/2/1987, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định 23-HĐBT. Theo đó, giải thể xã Tăng Hòa để thành lập thị trấn Tân Hòa, là thị trấn huyện lỵ huyện Gò Công Đông. Ngày 16/2/1987, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 37-HĐBT. Theo đó, tách thị trấn Gò Công và một phần diện tích, dân số của hai xã Tân Đông, Bình Nghị để tái lập thị xã Gò Công. Huyện Gò Công Đông còn lại 35.942 ha diện tích tự nhiên và 149.845 người với 16 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm 1 thị trấn và 15 xã.

Ngày 9/3/1992, chia xã Phú Đông thành hai xã Phú Đông và Phú Tân. Ngày 14/1/2002, tái lập xã Tăng Hòa trên cơ sở 1.745,67 ha diện tích tự nhiên và 9.568

người của thị trấn Tân Hòa. Cuối năm 2007, huyện Gò Công Đông có 18 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm thị trấn Tân Hòa và 17 xã: Bình Ân, Bình Đông, Bình Nghị, Bình Xuân, Gia Thuận, Kiểng Phước, Phú Đông, Phú Tân, Phước Trung, Tăng Hòa, Tân Điền, Tân Đông, Tân Phước, Tân Tây, Tân Thành, Tân Trung, Vàm Láng.

Ngày 21/1/2008, Chính phủ ban hành Nghị định 09/2008/NĐ-CP. Theo đó: Chuyển 3 xã Bình Đông, Bình Xuân và Tân Trung về thị xã Gò Công quản lý. Tách 2 xã Phú Đông và Phú Tân để thành lập huyện Tân Phú Đông. Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính, huyện Gò Công Đông còn lại 26.768,16 ha diện tích tự nhiên và 143.418 người với có 13 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm 1 thị trấn và 12 xã.

Ngày 30/9/2010, giải thể xã Vàm Láng để thành lập thị trấn Vàm Láng. Huyện Gò Công Đông có 2 thị trấn và 11 xã như hiện nay, bao gồm 2 thị trấn: Tân Hòa (huyện lỵ), Vàm Láng và 11 xã: Bình Ân, Bình Nghị, Gia Thuận, Kiểng Phước, Phước Trung, Tân Điền, Tân Đông, Tân Phước, Tân Tây, Tân Thành, Tăng Hòa. Năm 2020, huyện được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới; 02/02 thị trấn đạt chuẩn Văn minh đô thị.

Đặc sản: Mắm tôm chà, mắm tôm chua, mắm còng, nghêu Tân Thành, mực bò Tân Điền, các loại cá khô Vàm Láng, trái sơ ri tươi, mứt sơ ri, dưa hấu Đền Đỏ (Tân Thành), bánh nghệ Tân Tây,…

Dân số: 139.811 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 55triệu/người/năm (2020).

Kinh tế:

Cơ cấu kinh tế của huyện chuyển dịch theo hướng tích cực, tỷ trọng các ngành công nghiệp, xây dựng, thương mại, dịch vụ tăng, tỷ trọng ngành nông nghiệp giảm.

Tổng giá trị sản xuất các ngành kinh tế chủ yếu tính đến cuối năm 2019 đạt 9.564 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất các ngành kinh tế chủ yếu đạt trung bình 10,8%/năm (giai đoạn 2016-2019), trong đó: Giá trị sản xuất ngành nông - ngư - lâm nghiệp đạt 6.306 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 65,93%), tốc độ tăng đạt 4,19%; giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng đạt 1.820 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 19,03%), tốc độ tăng đạt 16%; giá trị sản xuất ngành thương mại - dịch vụ đạt 1.438 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 15,04%), tốc độ tăng đạt 6,6%. Tổng số vốn đầu tư phát triển toàn xã hội: 2.510 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch. Thu nhập bình quân đầu người của huyện hiện đạt 55,77 triệu đồng người/năm.

Tổng sản lượng thủy sản cả năm 2021 đạt tấn, chiếm tỷ lệ 90,4% so với kế hoạch (tăng 164 tấn so năm 2020), trong đó: sản lượng nuôi được 21.660 tấn, đạt 88,3% so với kế hoạch (tăng 1.164 tấn so với năm 2020), sản lượng khai thác biển

được 55.000 tấn, đạt 91,3% so với kế hoạch (giảm 1.000 tấn so với năm 2020). Nuôi thủy sản với diện tích là 3.314 ha, đạt 98,5% so với kế hoạch (giảm 40 ha so với năm 2020). Trong đó: Nuôi tôm với diện tích là 839 ha, sản lượng được 3.160 tấn; nuôi nghêu với diện tích là 2.200 ha, ước sản lượng được 17.400 tấn; nuôi cá với diện tích là 275 ha, ước sản lượng được 1.100 tấn. Trong năm các mặt hàng thủy sản nuôi (đặc biệt là nghêu) có mức giá rất cao, giúp người nuôi mang về lợi nhuận cao.

Khai thác biển: hiện toàn huyện có khoảng 913 phương tiện đánh bắt thuỷ hải sản (giảm 09 phương tiện so với năm 2020), với tổng công suất là 355.588 CV. Trong đó: tàu đánh bắt xa bờ (từ 15m trở lên) là 690 phương tiện, với tổng công suất 339.988 CV, còn lại là các tàu có công suất nhỏ, đánh bắt gần bờ. Trong năm 2021, tình hình thời tiết tương đối thuận lợi cho hoạt động khai thác biển, đa số các tàu có công suất lớn đều có lãi, nhất là các phương tiện đánh bắt biển xa, nghề lưới. Tuy nhiên, tàu có công suất nhỏ, hoạt động chủ yếu nghề cào te hoạt động kém hiệu quả do nguồn lợi thủy sản ven bờ giảm.

Giáo dục:

Năm 2020, toàn huyện Gò Công Đông có 38 trường học công lập trên địa bàn các xã (11 trường mầm non, 16 trường tiểu học, 09 trường trung học cơ sở, 02 trường trung học phổ thông: Trường THPT Gò Công Đông và Trường THPT Nguyễn Văn Côn) hệ thống trường lớp được tăng cường đầu tư theo hướng đạt chuẩn quốc gia đã góp phần quan trọng vào công tác đào tạo nguồn nhân lực, cũng như phát triển văn hóa – xã hội của huyện. Trong giai đoạn 2011-2020, huyện đã đầu tư cải tạo, nâng cấp được 24 trường (cấp mầm non 08 trường, cấp tiểu học 11 trường, cấp trung học cơ sở 05 trường, cấp trung học phổ thông 02 trường) từ nguồn ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện, chương trình mục tiêu quốc gia cùng các nguồn vận động với tổng kinh phí 297,8 tỷ đồng, cho phép thành lập 04 nhóm trẻ tư thục đáp ứng nhu cầu học tập của con em địa phương. Đến nay, toàn huyện có 31/36 trường đạt chuẩn về vật chất và trang thiết bị dạy học, tỷ lệ 86,1% (09/11 trường Mầm non, 16/16 trường Tiểu học, 06/09 trường THCS) trong đó số trường đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia: 22/36 , tỷ lệ 61,1% (05/11 trường Mầm non, 11/16 trường Tiểu học, 06/09 trường THCS). Các trường học còn lại (Mầm non 02 trường, Trung học cơ sở 03 trường) được UBND huyện, UBND các xã quan tâm tiếp tục đầu tư một số hạng mục để hoàn thành đạt chuẩn về cơ sở vật chất trong giai đoạn 2020 - 2025.

Toàn huyện có 27/41 trường đạt chuẩn quốc gia (gồm 08 trường mầm non, 13 trường tiểu học, 06 trường THCS), đạt tỷ lệ 65,85%, tăng 11,09% so với cùng kỳ. Tỷ lệ trường đạt chuẩn so với tổng số trường của từng bậc học là mầm non 61,54%, tiểu học 72,2%, trung học cơ sở 60%. Công tác chống mù chữ, phổ cập giáo dục tiếp tục được duy trì và thực hiện. Năm 2020, huyện được UBND tỉnh

công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học mức 3, phổ cập giáo dục THCS mức 2, xóa mù chữ mức 2.

Chất lượng giáo dục các cấp học đều được nâng cao qua hằng năm; tỷ lệ trẻ cấp mầm non suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và suy dinh dưỡng thể thấp còi hàng năm đều giảm. Có 100% trẻ 5 tuổi ra lớp mẫu giáo; 100% trẻ ra lớp được khám sức khỏe định kỳ. Hàng năm huy động 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1, không có học sinh cấp tiểu học bỏ học; có trên 99% học sinh hoàn thành chương trình tiểu học, các chỉ số luôn được duy trì, củng cố vững chắc; đặc biệt là công tác bồi dưỡng học sinh giỏi các môn văn hóa, các môn năng khiếu luôn được quan tâm và đã đạt được nhiều thành tích tốt; có trên 98% học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đăng ký tuyển sinh vào lớp 6. Chất lượng hai mặt giáo dục cấp trung học cơ sở ngày càng được củng cố, nâng cao; tỷ lệ học sinh lớp 9 tốt nghiệp trung học cơ sở đạt trên 99% và tỷ lệ thi đỗ vào lớp 10 trung học phổ thông đều đạt trên 80%. Tỷ lệ tốt nghiệp trung học phổ thông, tỷ lệ đỗ đại học, cao đẳng năm sau cao hơn năm trước.

Hiện nay, đa số các trường học trên địa bàn huyện có khuôn viên đủ diện tích theo quy định trường chuẩn quốc gia; có đầy đủ phòng học, phòng học bộ môn, phòng phục vụ học tập, phòng hành chính quản trị, phòng y tế, ...; có đủ bàn ghế phù hợp với học sinh, có bảng, bàn ghế của giáo viên và đều đạt chuẩn; các khu công trình công cộng; hệ thống lưới điện đảm bảo phục vụ hoạt động của nhà trường; các trường đều có hệ thống công nghệ thông tin, có kết nối Internet, có Website riêng; 100% các trường đang sử dụng nước sạch hợp vệ sinh, có hệ thống thoát nước, sân chơi, bãi tập, khu nhà vệ sinh riêng cho học sinh, giáo viên, có tách riêng cho nam, nữ đảm bảo theo quy định; khu sân chơi, bãi tập có cây xanh, bóng mát đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn, cụ thể:

Y tế:

Toàn huyện 13 Trạm Y tế (tất cả đều đạt chuẩn Quốc gia), 02 cơ sở Trung tâm Y tế tuyến huyện với 44 bác sĩ, 61 y sĩ, 27 dược sĩ, 27 nữ hộ sinh. Công tác khám chữa bệnh tại cơ sở trong toàn huyện được nâng chất, tinh thần thái độ phục vụ bệnh nhân ngày càng tốt hơn, tạo được lòng tin trong nhân dân. Trong năm 2021, toàn huyện có 198.655 trường hợp khám chữa bệnh (tính từ ngày 01/01/2021); trong đó trẻ em dưới 05 tuổi là 7.555 trường hợp; khám bảo hiểm y tế 141.532 trường hợp. Công tác tuyên truyền, vận động các cặp vợ chồng trong tuổi sinh đẻ áp dụng các biện pháp kế hoạch hóa gia đình, tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh, sàng lọc trước sinh và sơ sinh được tập trung thực hiện. Kết quả thực hiện: tỷ lệ sàng lọc trước sinh là 68,72% so với chỉ tiêu 62%; tỷ lệ sàng lọc sơ sinh 91,43% so với chỉ tiêu 88%; Tỷ lệ các cặp vợ chồng sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại 78,70 % so với chỉ tiêu 75%.

Đến tháng 5/2020, tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế toàn huyện đạt tỷ lệ 97,04%, trong đó 11/11 xã xây dựng nông thôn mới đều đạt trên 85% (trong đó cao nhất là

03 xã bãi ngang, ven biển: Kiểng Phước, Phước Trung và Gia Thuận, đạt tỷ lệ 100%; thấp nhất là xã Tân Đông, đạt tỷ lệ 85,6%). Chất lượng khám chữa bệnh được nâng lên, 100% Trạm y tế xã đều có bác sĩ; cơ sở vật chất y tế được quan tâm, từng bước hiện đại hóa trang thiết bị, góp phần cải thiện đáng kể các chỉ số sức khỏe cộng đồng. Hết năm 2018 toàn huyện có 11/11 xã đạt bộ tiêu chí Quốc gia về y tế giai đoạn đến năm 2020. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) toàn huyện tính đến tháng 12/2019 là 1.334/9.728 trẻ em (chiếm 13,7%, giảm 6,7% so với năm 2011), 11/11 xã đều có tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng, thể thấp còi dưới 16% (trong đó xã có tỷ lệ thấp nhất là xã Tân Điền, chiếm 9,6%; xã có tỷ lệ cao nhất là xã Kiểng Phước, chiếm 16,0%).

Giao thông:

Hiện nay, trên địa bàn 13 xã thị trấn của huyện có 05 tuyến đường tỉnh (ĐT) đi qua với tổng chiều dài 50,13km: ĐT 862, ĐT 871, ĐT 873B, ĐT 871B, ĐT 871C); tổng số 12 tuyến đường huyện (ĐH): ĐH 01, ĐH 02, ĐH 03, ĐH 04, ĐH 05, ĐH 06, ĐH 07, ĐH 08, ĐH 08B, ĐH 09, ĐH 10, ĐH 11 với tổng chiều dài 89.567m. Năm 2020, toàn bộ 12 tuyến đường huyện đã được nhựa hóa đạt cấp đường tối thiểu loại VI. Đạt tỷ lệ 100% theo quy định (tăng 59,3% so với năm 2011).

Trên toàn hệ thống đường huyện có tổng số 23 cầu và 09 cống được xây dựng với kết cấu bê tông cốt thép kiên cố đảm bảo phù hợp với đường cấp VI theo quy hoạch. Tuy nhiên có một số cầu do được đầu tư xây dựng trước khi xây dựng mở rộng đường nhưng hiện nay còn đảm bảo tải trọng phù hợp với đường cấp VI nên chưa đầu tư xây dựng để sử dụng đồng bộ với đường. Những cầu này trong thời gian tới huyện sẽ chú trọng đầu tư xây dựng mở rộng và nâng tải trọng để sử dụng đồng bộ với đường.

Hàng năm, công tác duy tu sửa chữa các tuyến đường huyện quản lý luôn được chú trọng với kinh phí phân bổ khoảng 3 tỷ đồng/năm. Ủy ban nhân dân huyện giao Phòng Kinh tế tế và Hạ tầng thường xuyên kiểm tra, phát hiện kịp thời các điểm hư hỏng trên các tuyến đường huyện để có biện pháp duy tu dặm vá khắc phục đảm bảo an toàn giao thông và bảo dưỡng công trình giao thông được sử dụng lâu dài.

Hệ thống giao thông thủy trên địa bàn tạo lợi thế lớn trong lưu thông liên thông với Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận như Bến Tre, Long An, Trà Vinh. Huyện Gò Công Đông có trên 20 km giáp biển; có đoạn sông Soài Rạp nối liền với sông Vàm Cỏ và có sông Cửa Tiểu chạy ra sông Tiền. Đồng thời có 2 cửa sông lớn ở 2 đầu Nam, Bắc thông ra Biển Đông. Phía Đông nối liền huyện Cần Giờ, cảng Hiệp Phước, Thành Phố Hồ Chí Minh qua sông Soài Rạp, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu qua Biển Đông.

Trên địa bàn huyện có 03 tuyến thủy nội địa (tuyến sông Cần Lộc, tuyến kênh Hội Đồng Quyền và tuyến sông Long Uông) tổng chiều dài là 7,52 km. Trên 03 tuyến đường thủy nội địa này, trong năm 2019 huyện lắp đặt hoàn chỉnh hệ thống báo hiệu giao thông đường thủy nội địa để các phương tiện thủy lưu thông được thuận lợi và an toàn.

Ngoài ra, trên địa bàn huyện còn có 03 bến khách ngang sông đang hoạt động vận chuyển hành khách và hàng hóa gồm: Bến khách Phước Trung (hiện đã bàn giao cho huyện Tân Phú Đông quản lý), bến khách Vàm Láng và bến khách Gia Thuận; các bến đều có giấy phép hoạt động và đảm bảo các điều kiện an toàn.

Hàng năm, huyện đều xây dựng kế hoạch kiểm tra hoạt động của các tuyến thủy nội địa, các bến khách, xử lý nghiêm đối với các trường hợp vi phạm.

Văn hóa:

Phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao được xã hội hóa phong phú lành mạnh. Công tác thông tin cổ động phục vụ kịp thời yêu cầu nhiệm vụ chính trị địa phương. Tổ chức nhiều hoạt động vui chơi giải trí ngày lễ, tết, ngày hội truyền thống góp phần xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa. Quản lý nhà nước về văn hóa thực hiện chặt chẽ hơn. Hoạt động thư viện, bảo tồn, bảo tàng, di tích được tổ chức thực hiện theo yêu cầu đặt ra. Các di tích lịch sử, lịch sử - văn hóa; chiến tích cách mạng được trùng tu, sữa chửa kịp thời. Các hoạt động thể dục - thể thao được duy trì tập luyện thường xuyên; công tác đào tạo, bồi dưỡng vận động viên thể thao thành tích cao được quan tâm thực hiện. Đài truyền thanh huyện, xã, thị trấn được đầu tư mới, mạng lưới truyền thanh cơ sở được duy trì và phủ sóng đến tận ấp, khu phố tạo điều kiện tiếp cận các nguồn thông tin cho Nhân dân.

Phong trào xây dựng gia đình văn hóa được triển khai tuyên truyền vận động từ năm 1984. Qua quá trình vận động đăng ký xây dựng và tổ chức bình xét danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm có trên 90% hộ đạt 3 tiêu chuẩn Gia đình văn hóa theo quy định.

Xây dựng ấp văn hóa: tháng 6/1998 ấp Gò Táo xã Tân Đông là ấp văn hóa đầu tiên của huyện được công nhận. Đến năm 2012, toàn huyện có 101 ấp, khu phố được công nhận danh hiệu văn hóa, đạt tỉ lệ 100%; đến năm 2020 có 95/95 ấp, khu phố (giảm 6 ấp, khu phố do sáp nhập) văn hóa được công nhận lại, đạt tỉ lệ 100%.

Xây dựng xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị: đến năm 2020 toàn huyện có 11/11 xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới, đạt tỉ lệ 100%; 02/02 thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị, đạt tỉ lệ 100%.

Xây dựng danh hiệu văn hóa công cộng: đến nay huyện đã công nhận 34 cơ sở thờ tự văn hóa, 38 con đường văn hóa, 05 chợ văn hóa và 01 công viên văn hóa.

Quản lý di tích: trên địa bàn huyện có 01 Di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia, 13 Di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh.

Các công trình văn hóa, thể thao được đầu tư xây dựng đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí cho nhân dân; đã xây dựng hoàn chỉnh Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thanh huyện; 12 trung tâm văn hóa - thể thao xã, thị trấn; 34 nhà văn hóa liên ấp.

Du lịch:

Gò Công Đông là một trong hai huyện của tỉnh Tiền Giang giáp Biển Đông với chiều dài là 18,5 km; là đơn vị trọng điểm phát triển kinh tế biển của tỉnh (nuôi trồng, đánh bắt thủy sản, hậu cần nghề cá, du lịch sinh thái). Có khu du lịch biển Tân Thành được Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang phê duyệt khu du lịch sinh thái biển Tân Thành diện tích 80,36 ha; 01 Di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia, 13 Di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh trong đó có 05 di tích du khách thường xuyên đến tham quan.

Năm 2020, trên địa bàn huyện có 01 khu du lịch Biển Tân Thành và 01 điểm du lịch Vườn táo chú 6 Hồi, xã Tân Thành. Hàng năm, huyện đón trên 50.000 lượt khách đến tham quan tại khu du lịch biển Tân Thành và và di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn huyện. Bình quân hàng năm lượng khách du lịch tăng khoảng từ 2 - 3% chủ yếu là lượng khách nội địa, khách quốc tế chiếm khoảng 1% lượng khách đến dụ lịch tại các điểm trên địa bàn huyện.

Bên cạnh đó, còn chú trọng đầu tư, cải tạo cơ sở vật chất phục vụ cho du lịch: Cải tạo và xây dựng mới toàn bộ hệ thống đê và kè chắn sóng khu vực biển Tân Thành; đầu tư mở rộng di tích Đền thờ Anh hùng dân tộc Trương Định và tôn tạo, trùng tu các di tích lịch sử - văn hóa đã được công nhận.

Đầu tư xúc tiến, quảng bá du lịch bằng các hình thức như: thực hiện chương trình "Món ngon Phương Nam" và "Rong ruổi đất Phương Nam"; thực hiện "Ký sự truyền hình qua 9 cửa sông"; chương trình "Một thoáng Gò Công"; thực hiện tập phim "Xứ sở của nghiêu và câu chuyện về xóm Đèn Đỏ"; chương trình Món ngon Phương Nam "Đặc sản Gò Công". Đồng thời, phối hợp với Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn (Saigontourist Group) tổ chức khảo sát sản phẩm du lịch trên địa bàn huyện, để hình thành các tour du lịch, khai thác các thị trường du lịch trong và ngoài nước.

Thể thao:

Xác định đây là lực lượng chính để duy trì và phát triển phong trào thể dục, thể thao địa phương. Do đó các cấp ủy, chính quyền, các đoàn thể quan tâm và tăng cường đẩy mạnh thực hiện phong trào "Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại" gắn với phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" và chương trình xây dựng nông thôn mới, xây dựng đô thị văn minh, đã tác động mạnh mẽ đến nhận thức của nhân dân, hưởng ứng tham gia và lựa chọn các môn thể thao phù hợp để luyện tập, thu hút đông đảo mọi người ở các thành phần, lứa tuổi, giới tính, tham gia tập luyện thường xuyên tại các Câu lạc bộ, Trung

tâm Văn hóa-Thể thao và Truyền thanh huyện, Trung tâm Văn hóa-Thể thao các xã, thị trấn... với nhiều nội dung và hình thức tập luyện ở các môn: bóng đá, bóng chuyền, chạy bộ, võ Taekwondo, võ cổ truyền, thể dục dưỡng sinh,... Hàng năm, Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông đã triển khai kế hoạch phát động tổ chức Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân; Phát động Toàn dân luyện tập môn bơi phòng, chống đuối nước... Qua phát động có 5.950 cán bộ, học sinh và quần chúng tham gia. Đến nay, số người tập luyện thể dục, thể thao đạt 41.89% dân số; đạt 28.5% hộ gia đình tập luyện thể dục, thể thao. Hoạt động thể dục, thể thao trên địa bàn huyện ngày càng phát triển mạnh, tăng cường sức khỏe cho mọi người, mọi giới, tác động đến việc nâng cao hiệu quả và nâng suất trong lao động, sản xuất, học tập, đẩy mạnh tiến độ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội trên địa bàn huyện.

Trong thời gian qua, Ủy ban nhân dân huyện quan tâm tập trung chỉ đạo việc quy hoạch, đầu tư phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, kêu gọi đầu tư, xã hội hóa, xây dựng các thiết chế văn hóa cơ sở đáp ứng nhu cầu của các tầng lớp nhân dân. Cơ sở vật chất tổ chức thi đấu tuyến huyện được củng cố đảm bảo cho thi đấu và phát triển phong trào thể dục, thể thao quần chúng, đến nay có 12/13 xã, thị trấn đã thành lập Trung tâm Văn hóa - Thể thao từng bước hoạt động có hiệu quả, trong đó việc xây dựng củng cố thể dục, thể thao quần chúng ở cơ sở, xã nông thôn mới đã được quy hoạch từng bước theo tiêu chuẩn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Đầu tư xây dựng đưa vào sử dụng 12/13 Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, thị trấn với kinh phí 70 tỷ đồng; 34 Nhà văn hóa liên ấp với kinh phí 45 tỷ đồng; xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thanh huyện với kinh phí 56,3 tỷ đồng nhằm đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu tập luyện thể dục, thể thao cho nhân dân.

Ngoài nhiệm vụ trọng tâm về tăng cường quản lý nhà nước đối với lĩnh vực thể dục, thể thao và phát triển phong trào thể dục, thể thao quần chúng, thể thao thành tích cao thì việc xây dựng cơ sở vật chất thể dục, thể thao được các cấp lãnh đạo tỉnh và huyện đặc biệt quan tâm.

Điều nổi bật trong 10 năm qua là tổ chức thành công 2 lần Đại hội thể dục, thể thao các cấp lần VII và lần VIII; 13/13 xã, thị trấn tổ chức tốt Đại hội Thể dục, thể thao cấp cơ sở, thu hút nhiều vận động viên tham dự so với lần Đại hội trước, số môn thi đấu nhiều hơn, chất lượng chuyên môn được nâng lên một bước, đánh dấu sự phát triển mới của phong trào thực sự là Ngày hội thể thao của toàn dân. Huyện đã tổ chức 40 giải thi đấu cấp huyện với 4.962 vận động viên tham dự. Phát hiện, bồi dưỡng vận động viên trẻ để bổ sung cho lực lượng vận động viên của huyện ở các bộ môn. Tham gia 48 giải cấp tỉnh đạt nhiều thành tích. Các trường đều được quan tâm đầu tư cơ sở vật chất theo yêu cầu của ngành giáo dục và đào tạo, phù hợp với đặc điểm và tình hình thực tế của địa phương, giáo viên thể dục của các trường hiện nay là giáo viên chuyên trách không còn tình trạng kiêm nhiệm.

Ngoài các giải đấu cấp huyện, huyện còn đăng cai tổ chức các giải cấp tỉnh, chào mừng các sự kiện chính trị trọng đại của tỉnh và huyện, qua các giải đăng cai tổ chức và tham gia thi đấu đều được đánh giá cao và góp phần nâng cao uy tín của ngành thể dục, thể thao huyện nhà. Các hoạt động trên đã góp phần tác động và thúc đẩy phong trào thể dục - thể thao thành tích cao trên địa bàn không ngừng phát triển.

Tổng số liệt sĩ: 2.650 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 445 Bà mẹ.

2. Thị trấn Tân Hòa

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

新 Tân: Mới mẻ

和 Hòa: Hoà hợp, hoà thuận

市鎮 Thị trấn: Đơn vị hành chính dưới tỉnh, huyện; trên ấp.

新和市鎮 Tân Hòa thị trấn

Vị trí địa lý:

Thị trấn Tân Hòa là trung tâm của huyện Gò Công Đông; phía Đông giáp xã Tăng Hòa; phía Tây giáp xã Phước Trung; phía Nam giáp xã Tăng Hòa và xã Phước Trung; phía Bắc giáp xã Bình Nghị.

Diện tích tự nhiên: 323,21 ha.

Hành chính:

Toàn thị trấn gồm có 5 khu phố: Dương Phú, Hòa Thơm 1, Hòa Thơm 2, Xóm Gò, Lò Gạch.

Lịch sử hình thành:

Thị trấn Tân Hòa được thành lập năm 1979 trên cơ sở điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên và một phần nhân khẩu của xã Tăng Hòa. Năm 2019, thị trấn được công nhận đạt chuẩn "Văn minh đô thị".

Dân số: 5.675 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 61 triệu/người/năm (2020).

Kinh tế:

Năm 2020, giá trị tổng sản lượng toàn ngành đạt 30,4 tỷ đồng. Thị trấn có 02 nghiệp đoàn, 01 tổ hợp tác.

Hoạt động thương mại - dịch vụ cơ bản đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất và tiêu dùng. Trên địa bàn có 01 chợ trung tâm của huyện, 01 cửa hàng bách hóa xanh, 01 cửa hàng điện máy xanh, 08 doanh nghiệp tư nhân và 593 hộ kinh doanh - dịch vụ cá thể.

Giáo dục

Thị trấn có 03 trường học: Trường mầm non Tân Hòa (đạt chuẩn Quốc gia), Trường tiểu học Tân Hòa (đạt chuẩn Quốc gia), Trường trung học cơ sở Tân Hòa.

Thị trấn đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế thị trấn đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 5 y sĩ. Tất cả các khu phố đều có tổ y tế.

Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 98,5% (2021).

Giao thông:

Tất cả các tuyến đường trong thị trấn đều được trải nhựa và bê tông.

Văn hóa:

Thị trấn có Trung tâm Văn hóa - Thể thao, trong đó nhà văn hóa thị trấn đạt chuẩn quy định. Thị trấn có các câu lạc bộ hát với nhau, câu lạc bộ đờn ca tài tử. Tất cả các khu phố đều đạt danh hiệu khu phố văn hóa. Hàng năm tỷ lệ gia đình văn hóa đạt trên 92% và có trên 85% gia đình được công nhận "Gia đình văn hóa" 3 năm liên tục

Tuyên truyền cổ động trực quan lễ tết dương lịch, lễ tết cổ truyền, các ngày lễ lớn trong năm và Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XV và Đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Du lịch: Chưa có địa điểm du lịch.

Thể thao:

Thị trấn có sân vận động, sân bóng chuyền, sân cầu lông, thường xuyên tổ chức các hoạt động thể dục thể thao. Tham gia giải bóng đá cấp huyện.

Tổng số liệt sĩ: 106 liệt sĩ
Tổng số Bà mẹ Việt nam anh hùng: 12 Bà mẹ.

3. Thị trấn Vàm Láng

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Vàm) + Địa hình thiên nhiên (Láng).

- Vàm: Theo Vương Hồng Sển, Vàm là biến âm từ Khmer "pàm" hoặc "piam" nghĩa là cửa sông"[34]

[34] Vương Hồng Sển (1998), *Tự vị tiếng nói miền Nam*, Nxb Trẻ, trang 476.

Theo Lê Trung Hoa, Vàm là tiếng Việt gốc Khmer: piăm, là nơi con rạch đổ ra sông lớn. Piăm có khả năng biến thành vàm; bởi vì, phụ âm tắc môi - môi "p" chuyển thành phụ âm xát môi - răng "v" là hiện tượng phổ biến: Kam**p**ot (một tỉnh ở Campuchia) - Cần **V**ọt (cách đọc của người Việt); còn âm chính "ă" chuyển đổi với "a" đã có tiền lệ: h**ằ**ng (tháng) - h**à**ng (tháng); (đại) b**à**ng – (cánh) b**ằ**ng,… Do đó, piăm hoàn toàn có thể biến thành vàm[35].

- Láng: là vùng đất thấp khá rộng, ngập nước, có nhiều tôm cá, thực vật, như cỏ lác, đưng,…[36].

Việt Cúc đã giải thích tên Vàm Láng như sau: "Khúc ngoài cửa rạch Cần Lộc giáp với biển khá rộng và sâu, gọi là họng vàm. Cách họng vàm một khoảng rừng cây khuất tịch, phía trên có cái hà lãng ở giữa hơi sâu, chứa nước ngọt, cá lội, hươu nai thường đến uống nước, nên đặt là Láng Lộc:

"Anh đi đóng đáy Bãi Ngang,

Ngó qua láng Lộc thấy nàng lượm tôm".

Sau này, vì vàm sông gần Láng Lộc, người xưa đặt tên chung là Vàm Láng[37]".

Vị trí địa lý:

Thị trấn Vàm Láng nằm về phía Đông Bắc huyện Gò Công Đông, phía Đông giáp sông Xoài Rạp, phía Bắc giáp xã Gia Thuận (huyện Gò Công Đông) và sông Xoài Rạp, phía Tây và phía Nam giáp xã Kiểng Phước (huyện Gò Công Đông).

Diện tích tự nhiên: 751,82 ha.

Hành chính:

Thị trấn hiện có 07 khu phố: khu phố 1, khu phố 2, khu phố Lăng 1, khu phố Lăng 2, khu phố Lăng 3, khu phố Chợ 1, khu phố Chợ 2.

Lịch sử hình thành:

Về phía chính quyền Sài Gòn, năm 1967, xã Vàm Láng được thành lập trên cơ sở điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên và một phần nhân khẩu của xã Kiểng Phước, thuộc quận Hòa Tân, tỉnh Gò Công. Về phía chính quyền cách mạng, từ năm 1968-1972, xã Vàm Láng thuộc huyện Đông, tỉnh Gò Công; từ năm 1972-1975, xã Vàm Láng thuộc Vùng 2, tỉnh Gò Công.

Sau ngày 30/4/1975, tháng 5/1975 xã Vàm Láng có tên là xã Phước Vĩ thuộc huyện Đông, tỉnh Gò Công. Năm 1976, xã Phước Vĩ hợp nhất với xã Kiểng Phước thành xã Kiểng Lễ thuộc huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

---

[35] Lê Trung Hoa (1991), *Địa danh ở thành phố Hồ Chí Minh*. Nxb Khoa học xã hội, trang 120.
[36] T.C, *Lãng, láng, làng…*, Báo điện tử Bạc Liêu, ngày 13/7/2012.
[37] Việt Cúc (1999), *Gò Công cảnh cũ người xưa*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, trang 69.

Tháng 4/1979, xã Kiểng Lễ được tách ra thành 02 xã Kiểng Phước và xã Vàm Láng. Ngày 23/11/1990, xã Vàm Láng được điều chỉnh địa giới. Sau khi điều chỉnh, xã Vàm Láng có 1.743,32 ha và 10.843người.

Tháng 9/2010, xã Vàm Láng được chính phủ phê duyệt điều chỉnh địa giới hành chính, tách 1 phần diện tích và dân số về xã Kiểng Phước để thành lập thị trấn Vàm Láng. Năm 2020, thị trấn được công nhận đạt chuẩn Văn minh đô thị và trở thành đô thị loại IV.

Dân số: 13.508 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 76,04 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Khai thác và chế biến thủy hải sản là kinh tế mũi nhọn của địa phương, năm 2020, thi trấn có 527 phương tiện đánh bắt, 01 Nghiệp đoàn khai thác thủy sản với hơn 300 công đoàn viên, 18 tổ hợp tác khai thác thủy sản (114 hộ - 226 phương tiện), 01 Hợp tác xã khai thác thủy sản (20 hộ - 20 phương tiện, vốn điều lệ là 100 triệu đồng). Tổng sản lượng khai thác đạt 149.300 tấn (2020).

Ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp thị trấn Vàm Láng có sự chuyển biến tích cực. Giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân hàng năm 11,4 %. Năm 2020, trên địa bàn có 117 cơ sở công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; 06 doanh nghiệp, công ty.

Thương mại - dịch vụ có 210 hộ kinh doanh buôn bán sỉ và lẻ, cung ứng lượng hàng hóa lớn cho tàu thuyền. Phát triển thêm nhiều điểm kinh doanh buôn bán, với nhiều ngành nghề, mô hình đa dạng, nhất là dịch vụ phục vụ ngành đánh bắt thủy sản. Duy trì hoạt động bến đò khách đi Đồng Hòa, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, tạo điều kiện thuận lợi cho việc vận chuyển hành khách và hàng hoá, việc mua bán của nhân dân được thuận lợi.

Ngoài ra, bến xe Vàm Láng được đầu tư xây dựng, nâng cấp ngày càng đáp ứng nhu cầu lưu thông hàng hóa và đi lại của nhân dân. Thị trấn có 01 bến cảng và 01 chợ phục vụ thường xuyên ngày và đêm theo thủy triều lên xuống khi thuyền đánh bắt vào bờ. Cảng cá Vàm Láng cung cấp từ 20 – 30 ngàn tấn cá, tôm, mực, ghẹ,… mỗi năm.

Giáo dục:

Toàn thị trấn có 4 trường học: 01 trường trung học cơ sở; 02 trường tiểu học; 01 trường mầm non.

Năm 2020, tỷ lệ học sinh tiểu học hoàn thành chương trình bậc tiểu học đạt 100%, học sinh lớp 9 được công nhận tốt nghiệp đạt 100%, thị trấn đạt chuẩn quốc

gia về phổ cập giáo dục mầm non, tiểu học và trung học cơ sở, đạt chuẩn Quốc gia về xóa mù chữ.

Y tế:

Trên địa bàn có: 01 Trạm y tế tại khu phố Chợ 1, có 10 nhân viên, bao gồm bác sĩ, y sĩ, nữ hộ sinh, cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các khu phố đều có tổ y tế.

Trạm y tế đạt Chuẩn quốc gia về Y tế xã; đơn vị tiên tiến về Y dược cổ truyền, xếp hạng xuất sắc về công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình; công tác phòng chống dịch bệnh được khống chế tốt.

Giao thông

Tất cả các tuyến đường nội thị đều được nhựa hóa và bê tông hóa.

Văn hóa:

Đầu năm 2020, toàn thị trấn có 3.103/3.103 hộ đăng ký gia đình văn hóa đạt 100%. Qua bình xét cuối năm có 2.525/3.103 hộ được công nhận gia đình văn hóa đạt 81,37% tăng 0.29 % so với năm 2019. Trong đó, có trên 70% số hộ gia đình văn hóa được công nhận 3 năm liền liên tục trở lên.

Trên địa bàn thị trấn có 07 khu phố lần lượt được ban chỉ đạo huyện thẩm định và công nhận là khu phố văn hóa từ năm 2010 - 2019. Hàng năm, 100% khu phố văn hóa đều được ban chỉ đạo cấp trên tái công nhận lại.

Tại thị trấn có các điểm sinh hoạt văn hóa - thể thao, đảm bảo phục vụ tốt cho người dân và thu hút trên 60% số người dân tham gia.

Các khu phố đều có câu lạc bộ như câu lạc bộ Ông Bà Cháu, câu lạc bộ gia đình hạnh phúc, phát triển bền vững; câu lạc bộ đờn ca tài tử,… Mỗi khu phố đều có đội thể dục, thể thao đều tham gia và giao lưu tốt các hoạt động của thị trấn tổ chức.

Câu lạc bộ đờn ca tài tử thị trấn hoạt động vào ngày thứ năm hàng tuần, hàng năm, đều có tổ chức giao lưu với các đơn vị trong và ngoài huyện. Mỗi năm, thị trấn đều tổ chức hội thi văn nghệ và tham gia nhiều hoạt động hội thi, hội diễn, liên hoan do cấp huyện tổ chức.

Hoạt động đoàn kết giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc được quan tâm thực hiện; thị trấn có 01 di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh là Lăng Ông Nam Hải thuộc khu phố Lăng 2, 01 bia ghi danh liệt sĩ thuộc khu phố 3, 02 con đường văn hóa, 03 cơ sở thờ tự văn hóa và một số đình, miếu,... Các di tích này đều được bảo vệ và trùng tu hàng năm; các hình thức sinh hoạt văn hóa, thể thao dân gian vẫn được bảo tồn và phát huy có hiệu quả.

Du lịch:

Có 01 di tích cấp tỉnh: Lăng Ông Nam Hải tại khu phố Lăng 2, thị trấn Vàm Láng, thu hút đông đảo du khách đến chiêm bái và tham quan.

Thể thao:

Hàng năm, thị trấn đều tổ chức giải giao lưu, thi đấu bóng đá.

Phong trào "Rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại" được triển khai rộng khắp và được nhân dân hưởng ứng tích cực bằng nhiều hình thức như đi bộ, chạy bộ, chạy xe đạp, tập dưỡng sinh, bóng đá, bóng chuyền… Số người và số hộ gia đình tham gia tập luyện thể thao thường xuyên hàng năm đều tăng từ 1 - 2%. Năm 2020, số người tập luyện TDTT thường xuyên là 4.968/16.024 người đạt 31% và số hộ đạt "Gia đình tập luyện thể dục thể thao" năm 2020 là 948/3.433 hộ đạt 27,61%.

Việc phổ cập bơi phòng, tránh đuối nước cho trẻ trong độ tuổi được các cấp chính quyền đặc biệt quan tâm. Qua điều tra, khảo sát hiện nay trên địa bàn thị trấn có 1.026/2.051 trẻ trong độ tuổi được phổ cập bơi chiếm tỷ lệ 50,02%, chủ yếu học bơi từ gia đình, trường học, các cơ sở hồ bơi ngoài địa bàn thị trấn vì hiện nay trên địa bàn thị trấn không có bể bơi, hồ bơi để phổ cập cho các em.

Tổng số liệt sĩ: 83 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: Không.

4. Xã Bình Ân

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

平 Bình: Hoà bình, bình đẳng

殷 Ân: Thịnh, đầy đủ, phong phú

平殷社: Bình Ân Xã

Vị trí địa lý:

Xã Bình Ân nằm ở trung tâm huyện Gò Công Đông; phía Đông giáp xã Tân Điền; phía Tây giáp xã Tân Đông, xã Bình Nghị và xã Long Thuận (thị xã Gò Công); phía Nam giáp xã Bình Nghị và xã Tăng Hòa; phía Bắc giáp xã Tân Đông và xã Kiểng Phước.

Diện tích tự nhiên: 11.337,57 ha.

Hành chính:

Xã gồm có 5 ấp: Gò Me, Kinh Trên, Kinh Dưới, Chợ Bến và Xóm Đen.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Bình Ân thuộc tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn này thuộc tổng Hòa Lạc, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định. Năm 1852, đời vua Tự Đức, thôn Bình Ân thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, làng[38] Bình Ân thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công; từ năm 1913, làng Bình Ân thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, quận Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1924, làng Bình Ân thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, từ năm 1945-1951, gọi là xã Bình Ân, tỉnh Gò Công, từ năm 1951-1954, xã Bình Ân thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Bình Ân thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1968, là xã Bình Ân, huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho, từ năm 1968-1972, xã Bình Ân thuộc huyện Đông, tỉnh Gò Công, từ năm 1972-1975, xã thuộc Vùng 4, tỉnh Gò Công; chính quyền Sài Gòn, từ năm 1954-1956, xã Bình Ân thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, quận Châu Thành, tỉnh Gò Công; từ năm 1956-1963, xã thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, quận Gò Công, tỉnh Định Tường; từ năm 1963-1975, xã Bình Ân thuộc quận Hòa Lạc, tỉnh Gò Công.

Sau năm 1975, xã Bình Ân thuộc huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Từ năm 1979, xã Bình Ân thuộc huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Năm 2017, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới.

Dân số: 9.693 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 53.970.000 đồng/người/năm (2020).

Kinh tế

Về cơ cấu kinh tế, xã xác định nông nghiệp là chủ yếu. Về cây lúa, diện tích gieo trồng là 817,58 ha. Tổng sản lượng là 13.900 tấn/năm, trong đó có 80% diện tích lúa chất lượng cao. Có xây dựng cánh đồng lớn 50 ha ở ấp Xóm Đen. Diện tích trồng màu là 82,64 ha, chủ yếu gồm rau cải, ớt, ngò, hành,... Diện tích trồng cây lâu năm tăng lên 314,08 ha, chủ lực là Sơri 180,6 ha, Thanh long 9,27 ha và một số loại như mít, ổi, xoài,...

Về chăn nuôi, nhiều hộ dân chuyển từ chăn nuôi nhỏ lẻ sang chăn nuôi chuồng trại quy mô lớn. Năm 2020, đàn heo có 1.700 con, ước sản lượng 352 tấn/năm; đàn dê 2.357 con, ước sản lượng 82 tấn/năm.; đàn bò 405 con, ước sản

[38] Từ năm 1876, chính quyền thực dân Pháp cho đổi đơn vị hành chính "thôn" thành "làng".

lượng 102 tấn/năm; đàn gà 236.600 con, ước sản lượng 355 tấn/năm. Diện tích ao nuôi cá nước ngọt toàn xã là 28,03 ha, chủ yếu phục vụ tiêu dùng tại hộ và xuất bán nhỏ lẻ, ước 185 tấn/năm.

Giáo dục:

Năm học 2020-2021, duy trì sỉ số bậc mẫu giáo đạt 100%, bậc tiểu học đạt 100%, bậc trung học cơ sở đạt 99,5%.

Đạt chuẩn Quốc gia về xóa mù chữ, phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở.

Xã có 03 trường học: Trường mầm non Bình Ân, Trường tiểu học Nguyễn Thị Tư (đạt chuẩn Quốc gia), Trường trung học cơ sở Bình Ân (đạt chuẩn Quốc gia).

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 09 biên chế, bao gồm: 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 02 nữ hộ sinh, 02 dược sĩ, 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các ấp đều có tổ y tế.

Vận động các đối tượng tham gia bảo hiểm y tế đạt 96,44%.

Giao thông:

Tất cả các tuyến đường xã, đường ấp, đường ngõ xóm đều được nhựa hóa, bê tông hóa, cứng hóa, đảm bảo thuận lợi cho việc đi lại của nhân dân và giao thương hàng hóa.

Văn hóa:

Duy trì tốt hoạt động đờn ca tài tử tại nhà văn hóa xã 2 lần/tuần.

Đầu năm 2020, có 2.851/2.851 hộ trong toàn xã đăng ký xây dựng gia đình văn hóa, đạt 100%. Cuối năm bình xét có 2.686/2.851 hộ đạt 3 tiêu chí đạt tỷ lệ 94,21%.

Xã có nhà văn hóa xã đạt chuẩn theo quy định; có 5/5 ấp được công nhận ấp văn hóa và có nhà văn hóa ấp.

Duy trì và nâng chất các câu lạc bộ, đội nhóm về phòng chống bạo lực gia đình, tuyên truyền đạo đức lối sống gia đình Việt Nam, triển khai thực hiện đề án "Tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình Việt Nam".

Du lịch: Không.

Thể thao:

Hoạt động thể dục - thể thao được duy trì, thu hút đông đảo nhân dân, cán bộ công chức, học sinh tham gia. Năm 2020, xã có số người tham gia luyện tập thân

thể thường xuyên 3.254/11.830 người, đạt 27,21%, có 805/2.851 hộ gia đình thể thao, đạt 28,24%.

Năm 2012, xã được Ủy ban Nhân dân huyện công nhận xã có phong trào rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại.

Năm 2020, xã có 05 điểm sinh hoạt thể dục thể thao; trong đó có 3 sân bóng chuyền ở các ấp, 01 sân bóng chuyền xã và 01 sân bóng đá của xã, thành lập 01 đội bóng đá, 01 đội bóng chuyền của xã và các ấp đều có đội bóng đá, bóng chuyền thường xuyên luyện tập và tham gia thi đấu giao hữu, tranh giải cấp xã và cấp huyện.

Tổng số liệt sĩ: 246 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 56 Bà mẹ.

5. Xã Bình Nghị

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

平 Bình: Hoà bình, bình đẳng

誼: Nghị: Hữu nghị

平誼社: Bình Nghị Xã

Vị trí địa lý:

Xã Bình Nghị nằm ở phía Tây của huyện Gò Công Đông, phía Đông giáp xã Tăng Hòa và xã Bình Ân, phía Tây giáp xã Bình Tân, phía Nam giáp thị trấn Tân Hòa và xã Phước Trung, phía Bắc giáp xã Long Hòa và xã Long Thuận.

Diện tích tự nhiên: 1.319,05 ha.

Hành chính:

Xã gồm có 5 ấp: Hòa Bình, Thạnh Hòa, Vạn Thành, Hiệp Trị và Ruộng Cạn.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có hai thôn Bình Nghị và Tân Duân Đông thuộc tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, hai thôn này thuộc tổng Hòa Lạc, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định. Năm 1852, đời vua Tự Đức, hai thôn thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, làng Bình Nghị (năm 1910, được đổi tên thành làng Hòa Nghị) và làng Tân Duân Đông thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công; từ năm 1913, làng Hòa Nghị và làng Tân Duân Đông thuộc tổng

Hòa Lạc Hạ, quận Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1924, hai làng này thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, từ năm 1945-1951, gọi là xã Bình Nghị và xã Tân Duân Đông, tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công, từ năm 1951-1954, hai xã này thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Hòa Nghị và làng Tân Duân Đông thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975); chính quyền Sài Gòn, từ năm 1954-1956, hai xã Hòa Nghị và Tân Duân Đông thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, quận Châu Thành, tỉnh Gò Công; từ năm 1956-1963, hai xã Hòa Nghị và Tân Duân Đông hợp nhất thành xã An Hòa, thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, quận Gò Công, tỉnh Định Tường; từ năm 1963-1975, xã An Hòa thuộc quận Hòa Lạc, tỉnh Gò Công; chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1956, là xã Bình Nghị và xã Tân Duân Đông, huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho, từ năm 1956-1968, là xã An Hòa, huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho, từ năm 1968-1972, xã An Hòa thuộc huyện Đông, tỉnh Gò Công, từ năm 1972-1975, xã thuộc Vùng 4, tỉnh Gò Công.

Sau năm 1975, xã An Hòa được đổi tên thành xã Bình Nghị thuộc huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Từ năm 1979, xã Bình Nghị thuộc huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Năm 1987, một phần diện tích và dân số của xã được điều chỉnh về thị xã Gò Công. Năm 2014, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới. Năm 2021, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới nâng cao.

Dân số: 11.175 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 62.8900.000 đồng/người/năm (2022).

Kinh tế

Kinh tế chủ yếu của xã là sản xuất nông nghiệp, trọng tâm là trồng lúa; năng suất bình quân khoảng 7 - 8 tấn/ha, sản lượng bình quân hàng năm đạt 5.500 tấn. Ngoài ra, người dân còn trồng rau màu, cây ăn trái, cỏ phục vụ chăn nuôi, chăn nuôi gia súc, gia cầm theo hướng trang trại, gia trại và buôn bán nhỏ,...

Giáo dục:

Xã có 03 trường: Trường mầm non Bình Nghị, Trường tiểu học Bình Nghị (đạt chuẩn Quốc gia) và Trường trung học cơ sở Nguyễn Trọng Dân (đạt chuẩn Quốc gia).

Xã đạt chuẩn Quốc gia về chống mù chữ, phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 08 biên chế, bao gồm: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 điều dưỡng, 02 nữ hộ sinh và 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình. Các ấp đều có tổ y tế.

Năm 2020, toàn xã có 10.142/11.222 người dân tham gia BHYT, đạt tỷ lệ 90,38%.

Giao thông:

Tất cả các tuyến đường xã, liên ấp, ngõ xóm đều được trải nhựa, bê tông, tạo sự thuận lợi cho việc đi lại và giao thương hàng hóa của nhân dân.

Văn hóa:

Xã có nhà văn hóa xã đạt chuẩn theo quy định, 02 nhà văn hóa liên ấp, các ấp đều được công nhận Ấp văn hóa, có các câu lạc bộ đờn ca tài tử, hát với nhau, phòng chống bạo lực gia đình,...

Du lịch: Chưa có địa điểm du lịch.

Thể thao:

Xã có các sân bóng đá mini, sân bóng chuyền và sân cầu lông; có câu lạc bộ thể dục dưỡng, đội bóng đá, bóng chuyền của xã thường xuyên thi đấu giao hữu và các giải do huyện tổ chức.

Tổng số liệt sĩ: 246 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 10 Bà mẹ.

6. Xã Gia Thuận

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

嘉 Gia: tốt đẹp, phúc lành

順 Thuận: Thuận theo, hoà thuận, suôn sẻ

嘉順社: Gia Thuận Xã

Vị trí địa lý:

Xã Gia Thuận nằm ven cửa sông Xoài Rạp, ở phía Bắc của huyện Gò Công Đông, phía Đông giáp sông Soài Rạp, phía Tây giáp xã Tân Phước và Tân Tây, phía Nam giáp xã Tân Tây, xã Kiểng Phước, thị trấnVàm Láng, phía Bắc giáp xã Tân Phước và sông Soài Rạp

Diện tích tự nhiên: 2.090,56 ha.

Hành chính:

Xã Gia Thuận có 06 ấp: ấp 1; ấp 2; ấp 3; ấp 4; ấp 5; ấp 6.

Lịch sử hình thành:

Vào đời vua Tự Đức, thôn Gia Thuận nguyên là đồn điền do Trương Định khai khẩn, được thành lập năm 1853 thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị, làng Gia Thuận nhập vào làng Tân Phước. Năm 1924, làng Gia Thuận được tái lập, thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, từ năm 1945-1951, gọi là xã Gia Thuận, tỉnh Gò Công, từ năm 1951-1954, xã này thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Gia Thuận thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1968, là xã Gia Thuận, huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1968-1972, xã Gia Thuận thuộc huyện Đông, tỉnh Gò Công, từ năm 1972-1975, xã thuộc Vùng 2, tỉnh Gò Công; chính quyền Sài Gòn, từ năm 1954-1956, xã Gia Thuận thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, quận Châu Thành, tỉnh Gò Công; từ năm 1956-1963, xã thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, quận Gò Công, tỉnh Định Tường; từ năm 1963-1975, xã Gia Thuận thuộc quận Hòa Tân, tỉnh Gò Công.

Sau năm 1975, xã Gia Thuận thuộc huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Từ năm 1979, xã Gia Thuận thuộc huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Năm 2020, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới.

Dân số: 6.468 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 50,19 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Gia Thuận là một xã nông nghiệp có vị trí thuận lợi về giao thông; từ năm 2010, hạ tầng kinh tế - xã hội của xã phát triển mạnh. Nhân dân làm kinh tế nhờ vào các ngành nghề thuộc lĩnh vực nông nghiệp; trong đó cây lúa, chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi trồng thủy sản, hoa màu chiếm một vị trí quan trọng về diện tích, năng suất và sản lượng trong cơ cấu sản xuất nông nghiệp của xã.

Các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp đa dạng, phong phú. Đặc biệt, xã có Cụm công nghiệp I Gia thuận 50 ha thu hút hàng ngàn lao động.

Giáo dục:

Xã có 01 trường mầm non, 01 trường tiểu học và trung học cơ sở. Tất cả đều đạt chuẩn Quốc gia. Đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Xã có 01 trạm y tế với 07 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh và 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình, đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã; 01 phòng khám y học cổ truyền. Tất cả các ấp đều có tổ y tế.

Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt tỷ lệ 95%.

Giao thông:

Xã Gia Thuận có Đường tỉnh 871B, Đường huyện 02, Đường huyện 06 chạy qua, Ngoài ra, xã còn có các tuyến đường xã, đường liên ấp, đường ngõ xóm đã được nhựa hóa, bê tông hóa và cứng hóa; có 02 bến đò ngang Gia Thuận - Lý Nhơn (huyện Cần Gờ, TP Hồ Chí Minh).

Giao thông đường thủy của xã thuận lợi. Xã có hệ thống kênh mương khá dày đặc với 19 tuyến, gồm 3 tuyến kênh trục, 6 tuyến kênh huyện, 10 tuyến kênh xã; tổng chiều dài 26.077m.

Văn hóa:

Xã có 01 Trung tâm Văn hóa - Thể thao đạt chuẩn quy định, 6 ấp được công nhận ấp Văn hóa, có 01 di tích văn hóa - lịch sử cấp Quốc gia (Đền thờ Anh hùng dân tộc Trương Định), có 02 cơ sở thờ tự văn hóa (Thánh tịnh Vĩnh Sơn Quang, Chùa Hồng Liên).

Du lịch:

Xã có 01 di tích văn hóa - lịch sử cấp Quốc gia (Đền thờ Anh hùng dân tộc Trương Định) thu hút đông đảo du khách khắp nơi đến tham quan, chiêm bái.

Thể thao:

Phong trào tập luyện thể dục - thể thao của xã được nhân dân tích cực hưởng ứng.

Xã có 01 đội bóng đá và 01 đội bóng chuyền, thường xuyên luyện tập và tham gia thi đấu giao hữu, tranh giải cấp xã và cấp huyện.

Tổng số liệt sĩ: 198 liệt sĩ.

Tổng số số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 26 Bà mẹ.

7. Xã Kiểng Phước

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

境 Kiểng (cảnh): Sáng sủa

福 Phước: Tốt lành, hạnh phúc

境福社 Kiểng Phước Xã

Vị trí địa lý:

Xã Kiểng Phước nằm về phía Đông - Đông Bắc của huyện Gò Công Đông, phía Đông giáp thị trấn Vàm Láng và Biển Đông, phía Tây giáp xã Tân Đông và xã Tân Tây, phía Nam giáp xã Bình Ân và xã Tân Điền, phía Bắc giáp xã Gia Thuận.

Diện tích tự nhiên: 4.038,74 ha.

Hành chính:

Xã có 12 ấp: Xóm Mới, Giá Dưới, Giá Trên, Xóm Đình, Bồ Đề, Xóm Tựu, Xóm Chủ, Cầu Xây, Xóm Rẫy, Chợ, Xóm Lưới, Đôi Ma.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long có thôn Toàn Phước thuộc tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn Toàn Phước được đổi thành phường Toàn Phước, thuộc tổng Hòa Lạc, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định. Năm 1841, đời vua Thiệu Trị, phường Toàn Phước được đổi thành thôn Kiểng Phước, thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị, từ năm 1900, làng Kiểng Phước thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công, từ năm 1913, làng này thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, quận Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1924, làng Kiểng Phước thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, từ năm 1945-1951, gọi là xã Kiểng Phước, tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công, từ năm 1951-1954, xã này thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Kiểng Phước thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1968, là xã Kiểng Phước, huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho, từ năm 1968-1972, xã Kiểng Phước thuộc huyện Đông, tỉnh Gò Công, từ năm 1972-1975, xã thuộc Vùng 4, tỉnh Gò Công; chính quyền Sài Gòn, từ năm 1954-1956, xã Kiểng Phước thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, quận Châu Thành, tỉnh Gò Công; từ năm 1956-1963, xã thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, quận Gò Công, tỉnh Định Tường; từ năm 1963-1975, xã Kiểng Phước thuộc quận Hòa Lạc, tỉnh Gò Công.

Sau ngày 30/4/1975, xã Kiểng Phước thuộc huyện Đông, tỉnh Gò Công. Năm 1976, xã Phước Vĩ hợp nhất với xã Kiểng Phước thành xã Kiểng Lễ thuộc huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Tháng 4/1979, xã Kiểng Lễ được tách ra thành 02 xã Kiểng Phước và xã Vàm Láng. Kể từ đó, xã Kiểng Phước thuộc huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Năm 2020, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới.

Dân số: 16.285 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 55,5 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Kinh tế chủ yếu của xã là nông nghiệp; trong đó cây lúa, thanh long chiếm một vị trí quan trọng về diện tích, năng suất và sản lượng trong cơ cấu sản xuất nông nghiệp của xã. Bên cạnh đó, chăn nuôi gia súc, gia cầm với số lượng đàn vật nuôi (bò, heo, dê, gà, vịt,...) ngày càng gia tăng. Ngoài ra, xã có vị trí ven biển nên ngành đánh bắt, nuôi trồng, sơ chế thủy hải sản khá phát triển.

Giáo dục:

Xã có 01 trường mầm non, 02 trường tiểu học, 01 trường trung học cơ sở đều được công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Xã có 01 trạm y tế đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 10 biên chế: 01 bác sĩ, 04 y sĩ, 02 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh và 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình; 01 phòng khám y học dân tộc; đảm bảo tốt công tác khám chữa bệnh cho nhân dân. Tất cả các ấp đều có tổ y tế.

Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 93%.

Giao thông:

Xã Kiểng Phước có Đường tỉnh 871, Đường huyện 02, Đường huyện 07 chạy ngang qua. Đồng thời, xã có các tuyến xã, liên ấp, ngõ xóm đều được nhựa hóa, bê tông hóa và cứng hóa, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại của nhân dân và giao lưu buôn bán giữa xã với các địa phương khác.

Giao thông đường thủy của xã thuận lợi. Xã có hệ thống kênh/kinh rạch khá dày đặc với 37 tuyến, tổng chiều dài 70,567km. Trong đó: tỉnh quản lý 8 tuyến, huyện quản lý 12 tuyến, xã quản lý 17 tuyến.

Văn hóa:

Xã có 01 Trung tâm Văn hóa - Thể thao, tất cả các ấp đều được công nhận ấp Văn hóa và có nhà văn hóa ấp; có 01 di tích văn hóa - lịch sử cấp tỉnh (Đình làng Kiểng Phước), có 02 cơ sở thờ tự văn hóa (Tuệ Tĩnh Đường chùa Phước Quang, Hưng Kiểng Tự).

Du lịch: Xã chưa có khu du lịch.

Thể thao:

Xã có 02 sân bóng đá mini (Hoàng Anh, ấp Xóm Lưới), 01 sân bóng chuyền công cộng ở ấp Cầu Xây, có 01 đội bóng đá nam của xã, 02 đội bóng chuyền da, hơi nam, nữ, có 01 đội thể dục dưỡng sinh, 02 hồ bơi mini di động, 02 đội bóng đá nam tiểu học, 01 đội bóng đá nam trung học cơ sở.

Tổng số liệt sĩ: 299 liệt sĩ.

Tổng số số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 64 Bà mẹ.

8. Xã Phước Trung

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

福 Phước: Tốt lành, hạnh phúc

忠 Trung: Trung thành

福忠社 Phước Trung Xã

Vị trí địa lý:

Xã Phước Trung nằm ở phía Tây Nam của huyện Gò Công Đông, phía Đông giáp thị trấn Tân Hòa và xã Tăng Hòa, phía Tây giáp xã Bình Tân, huyện Gò Công Tây, phía Nam giáp sông Cửa Tiểu và xã Tăng Hòa, phía Bắc giáp xã Bình Nghị và xã Bình Tân, huyện Gò Công Tây.

Diện tích tự nhiên: 2.120,22 ha.

Hành chính:

Xã có 7 ấp: Nghĩa Chí, Tân Xuân, Dương Quới, Dương Hòa, Thanh Nhung 1, Thanh Nhung 2, Hiệp Trị.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Dương Phước, thôn Tân Duân Trung, thuộc tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn Dương Phước thuộc tổng Hòa Đồng, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định; thôn Tân Duân Trung thuộc tổng Hòa Lạc, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định. Năm 1852, đời vua Tự Đức, hai thôn này thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, làng Dương Phước và làng Tân Duân Trung thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công; từ năm 1913, làng Dương Phước và làng Tân Duân Trung thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, quận Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1924, hai làng này thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, từ năm 1945-1951, gọi là xã Dương Phước và xã Tân Duân Trung, tỉnh Gò

Công, từ năm 1951-1954, hai xã này thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Dương Phước và làng Tân Duân Trung thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975); chính quyền Sài Gòn, từ năm 1954-1956, hai xã Dương Phước và Tân Duân Trung thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, quận Châu Thành, tỉnh Gò Công; từ năm 1956-1963, hai xã Dương Phước và Tân Duân Trung hợp nhất thành xã Phước Trung, thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, quận Gò Công, tỉnh Định Tường; từ năm 1963-1975, xã Phước Trung thuộc quận Hòa Lạc, tỉnh Gò Công; chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1956, là xã Dương Phước và xã Tân Duân Trung, huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho, từ năm 1956-1968, là xã Phước Trung, huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho, từ năm 1968-1972, xã Phước Trung thuộc huyện Đông, tỉnh Gò Công, từ năm 1972-1975, xã thuộc Vùng 4, tỉnh Gò Công.

Sau năm 1975, xã Phước Trung thuộc huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Từ năm 1979, xã Phước Trung thuộc huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Năm 2020, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới.

Dân số: 10.201 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 58 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Nông nghiệp là ngành sản xuất chính trong cơ cấu kinh tế của xã. Trong nông nghiệp thì ngành trồng trọt giữ vị trí đặc biệt quan trọng, cây lúa là cây trồng chủ yếu, chiếm hầu hết diện tích canh tác. Năm 2020, diện tích trồng lúa là 1118 ha, năng suất bình quân 5,8 tấn/vụ/ha. Ngoài ra, người dân còn trồng cây màu (khoai, bắp, dưa,,…), rau cải, cây ăn trái (dừa, xoài, nhãn, chanh, bưởi,…).

Giáo dục:

Xã có 03 trường học: Trường mầm non Phước Trung (đạt chuẩn quốc gia), Trường tiểu học Phước Trung (đạt chuẩn quốc gia), Trường trung học cơ sở Phước Trung.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Xã có 1 trạm y tế đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 09 biên chế: 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 02 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh và 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình; 07 tổ y tế ở 07 ấp.

Tỷ lệ người dân tham gia bào hiểm y tế đạt 94%.

Giao thông:

Có 05 tuyến Đường huyện: 03, 04, 09, 08, 08b đi ngang qua xã với chiều dài là 22 km đã được trải nhựa. Đường xã được bê tông hóa, đường ấp được cứng hóa, tổng chều dài 12.907m đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.

Xã có sông Cửa Tiểu chảy ngang qua, kết hợp với hệ thống kênh/kinh rạch trên địa bàn xã, tạo nên sự thuận lợi của mạng lưới giao thông thủy.

Văn hóa:

Xã có 01 trung tâm văn hóa thể thao, đạt chuẩn theo quy định; 03 nhà văn hóa liên ấp (NVH liên ấp Thanh Nhung 1 và Thanh Nhung 2, NVH liên ấp Tân Xuân và Nghĩa Chí, NVH liên ấp Dương hòa và Dương Qưới). Có 07/07 ấp đạt danh hiệu ấp văn hóa.

Du lịch:

Có Khu du lịch sinh thái biển Tân Thành nằm trên tuyến Đường huyện 09, thu hút du khách khắp nơi đến tham quan.

Thể thao:

Xã có 01 Trung tâm văn hóa - thể thao, thu hút nhân dân đến tập luyện thể dục, thể thao. Các nhà văn hóa liên ấp đều có sân bóng chuyền, sân cầu lông, sân tập thể dục,…

Tổng số liệt sĩ: 158 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 32 Bà mẹ.

9. Xã Tăng Hòa

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

增 Tăng: Tăng thêm lên

和 Hòa: Hoà hợp, hoà thuận

增和社 Tăng Hòa Xã

Vị trí địa lý:

Xã Tăng Hòa nằm về phía Đông Nam huyện Gò Công Đông, phía Đông giáp xã Tân Thành, phía Tây giáp thị trấn Tân Hòa và xã Phước Trung, phía Nam giáp sông Cửa Tiểu, phía Bắc giáp xã Bình Ân và xã Tân Điền.

Diện tích tự nhiên: 1.745,67 ha.

Hành chính:

Xã có 09 ấp: Giồng Lãnh 1, Giồng Lãnh 2, Trại Cá, Giồng Tân, Trại Ngang, Giồng Đình, Xóm Gò, Bà Lẫy 1, Bà Lẫy 2.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có hai thôn Tăng Huy và An Hòa, thuộc tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, hai thôn Tăng Huy và An Hòa hợp nhất thành thôn Tăng Hòa, tổng Hòa Lạc, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định. Năm 1852, đời vua Tự Đức, thôn Tăng Hòa, tổng Hòa Lạc Hạ, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, làng Tăng Hòa thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công; từ năm 1913, làng Tăng Hòa thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, quận Gò Công, tỉnh Mỹ Tho, từ năm 1924, làng Tăng Hòa thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, từ năm 1945-1951, gọi là xã Tăng Hòa, tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công, từ năm 1951-1954, xã Tăng Hòa thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Tăng Hòa thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1968, là xã Tăng Hòa, huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho, từ năm 1968-1972, xã Tăng Hòa thuộc huyện Đông, tỉnh Gò Công, từ năm 1972-1975, xã thuộc Vùng 4, tỉnh Gò Công; chính quyền Sài Gòn, từ năm 1954-1956, xã Tăng Hòa thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, quận Châu Thành, tỉnh Gò Công; từ năm 1956-1963, xã thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, quân Gò Công, tỉnh Định Tường; từ năm 1963-1975, xã Tăng Hòa thuộc thuộc quận Hòa Lạc, tỉnh Gò Công.

Sau năm 1975, xã Tăng Hòa thuộc huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Từ năm 1979, sau khi điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên và nhân khẩu để thành lập thị trấn Tân Hòa, xã Tăng Hòa thuộc huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Năm 2019, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới. Năm 2022, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao.

Dân số: 10.214 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 64 triệu đồng/người/năm (2021).

Kinh tế:

Kinh tế trên địa bàn xã chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, trong đó trồng lúa chất lượng cao là chủ lực với tổng sản lượng bình quân hàng năm là 12.600 tấn/năm. Ngoài ra, người dân còn trồng rau màu (rau cải, ớt, ngò, hành,...), trồng cây ăn trái (mãng cầu xiêm, thanh long ruột đỏ, xoài cát chu,…), chăn nuôi theo hướng quy mô vừa và lớn (năm 2020, xã có đàn heo: 718 con, đàn dê: 8.159 con, đàn bò: 879 con, đàn gia cầm: 80.600 con), nuôi cá.

Giáo dục:

Xã có 03 trường học: Trường mầm non Tăng Hòa (đạt chuẩn Quốc gia), Trường tiểu học Võ Thị Lớ (đạt chuẩn Quốc gia), Trường trung học cơ sở Võ Văn Dánh.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về Xóa mù chữ, phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế xã, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh và 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các ấp đều có tổ y tế.

Vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 92,72%.

Giao thông:

Hệ thống giao thông nông thôn cơ bản đáp ứng nhu cầu đi lại và phục vụ sản xuất, sinh hoạt trong nhân dân. Tất cả các tuyến đường trong xã đều được trải nhựa, bê tông và đá xanh.

Văn hóa:

Xã có nhà văn hóa đạt chuẩn quy định, được công nhận xã Văn hóa năm 2019. Tất cả các ấp đều được công nhận Ấp văn hóa. Năm 2020, toàn xã có 2.825/2.991 hộ đạt danh hiệu gia đình văn hóa, tỷ lệ 94,45%, có 04 con đường văn hóa, có 3/4 cơ sở thờ tự văn hóa, có các câu lạc bộ đờn ca tài tử, hát với nhau,…

Du lịch: Xã chưa có địa điểm du lịch.

Thể thao:

Năm 2020, toàn xã có số người tham gia luyện tập thân thể thường xuyên 4.475/10.214 người, đạt 43,81%, có 819/2.991 hộ gia đình thể thao, đạt 27,38%.

Xã có 09 điểm sinh hoạt thể dục, thể thao, trong đó có 03 sân bóng chuyền, 02 sân cầu lông xã. Đã thành lập 01 đội bóng đá, 01 đội bóng chuyền của xã và các ấp đều có đội bóng đá, bóng chuyền thường xuyên luyện tập và tham gia thi đấu giao hữu, tranh giải cấp xã và cấp huyện.

Tổng liệt sĩ: 226 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ VNAH: 33 người Bà mẹ.

10. Xã Tân Điền

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

新 Tân: Mới mẻ

田 Điền: Ruộng đồng

新田社 Tân Điền Xã

Vị trí địa lý:

Xã Tân Điền nằm ở phía Đông Nam huyện, phía Đông giáp Biển Đông, phía Tây giáp xã Bình Ân và xã Kiểng Phước, phía Nam giáp xã Tân Thành và xã Tăng Hòa, phía Bắc giáp xã Kiểng Phước.

Diện tích đất tự nhiên: 2.522,75 ha.

Hành chính:

Xã Tân Điền có 06 ấp: ấp Hộ, ấp Nam, ấp Trung, ấp Bắc 1, ấp Bắc 2 và ấp Rạch Bùn.

Lịch sử hình thành:

Năm 1841, đời vua Thiệu Trị, có hai thôn Bình Điền và An Điền thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; năm 1885, hai làng Bình Điền và An Điền hợp nhất lấy tên là Tân Bình Điền, thuộc tổng Hòa Lạc Hạ. Từ năm 1900, làng Tân Bình Điền thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công; từ năm 1913, làng Tân Bình Điền thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, quận Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1924, làng Tân Bình Điền thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, từ năm 1945-1951, gọi là xã Tân Bình Điền, tỉnh Gò Công, từ năm 1951-1954, xã Tân Bình Điền thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Tân Bình Điền thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1968, là xã Tân Bình Điền, huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho, từ năm 1968-1972, xã Tân Bình Điền thuộc huyện Đông, tỉnh Gò Công, từ năm 1972-1975, xã thuộc Vùng 4, tỉnh Gò Công; chính quyền Sài Gòn, từ năm 1954-1956, xã Tân Bình Điền thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, quận Châu Thành, tỉnh Gò Công; từ năm 1956-1963, xã thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, quận Gò Công, tỉnh Định Tường; từ năm 1963-1975, xã Tân Bình Điền thuộc quận Hòa Lạc, tỉnh Gò Công.

Sau năm 1975, xã Tân Bình Điền được đổi thành xã Tân Điền, thuộc huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Từ năm 1979, xã Tân Điền thuộc huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Năm 2015, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới.

Dân số: 7.226 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 54,950 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Tân Điền là xã có vị trí chiến lược rất quan trọng, nằm trong khu vực phòng thủ của tỉnh, huyện, nên được cấp trên quan tâm, đầu tư phát triển đồng bộ trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội và quốc phòng - an ninh.

Kinh tế chủ yếu của xã kinh tế biển, với diện tích 137 ha mặt nước nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ, nước ngọt,… Trong đó mặt nước sông ngòi là 62 ha, nuôi cá nước ngọt 40 ha, nuôi tôm, cá mặn - lợ là 35 ha.

Xã có tiềm năng nuôi trồng thủy sản và dịch vụ rất lớn. Nguồn lợi thủy sản hàng năm giải quyết từ 250 nghìn đến 300 nghìn ngày công lao động và cho thu nhập đáng kể từ người nuôi đến nhân công lao động.

Giáo dục:

Trên địa bàn xã có 03 Trường học gồm: Trường trung học cơ sở Võ Văn Kiết, Trường tiểu học Tân Điền và Trường mầm non Tân Điền. Cả 03 trường đều được công nhận đạt chuẩn Quốc gia.

Công tác phổ cập giáo dục mần non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ đều đạt chuẩn Quốc gia.

Y tế:

Trạm y tế xã Tân Điền đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 08 biên chế: 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh và 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình.

Mạng lưới y tế ấp phủ đều 6/6 ấp. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 92%.

Giao thông:

Xã Tân Điền có tuyến Đường tỉnh 871C đoạn chạy ngang qua xã dài 3,255km, Đường huyện 07 đoạn chạy ngang qua xã dài 5,310 km.

Toàn xã có 04 tuyến đường ấp, 28 tuyến đường ngõ xóm, 01 tuyến đường kết nối với các tuyến đường trên địa bàn xã. Năm 2020, các tuyến đường này đã được cứng hóa 3.937m/8.368m đạt 47,04% và không còn lầy lội vào mùa mưa.

Văn hóa:

Xã Tân Điền được Ủy ban Nhân dân tỉnh công nhận xã văn hóa. Có 6/6 ấp được công nhận ấp văn hóa.

Xã có 01 Trung tâm Văn hóa - Thể thao với diện tích 1.716 m^2, gồm 01 hội trường sức chứa trên 200 chỗ ngồi, có trang bị đầy đủ âm thanh, ánh sáng, bàn ghế, đảm bảo phục vụ cho các lễ hội văn hóa, văn nghệ quần chúng nhân dân; 01 Trung tâm học tập cộng đồng gắn với Nhà văn hóa xã; 01 Phòng Thông tin - Truyền thông; 01 Phòng Hành chính; 01 Thư viện xã. Ngoài ra, xã có 02 Nhà văn hóa liên ấp và các trụ sở ấp thường xuyên được duy tu, sửa chữa kịp thời để phục vụ cho các hoạt động của cộng đồng.

Xã còn có 01 câu lạc bộ đờn ca tài tử, được duy trì phong trào sinh hoạt, giao lưu. Bên cạnh đó, các ấp thường xuyên tổ chức phong trào văn hóa văn nghệ và thể thao quần chúng nhằm tạo sân chơi văn hóa bổ ích cho người dân trên địa bàn xã.

Thể thao:

Xã có 01 phòng luyện tập thể thao đơn giản, 01 sân bóng chuyền, 01 sân bóng đá mini, 01 sân cầu lông và nhiều khoảng trống khác có thể tập luyện các môn thể thao như đá cầu, đi bộ, thể dục dưỡng sinh,…

Du lịch:

Xã có điểm du lịch, tham quan là Bãi đá ở bãi biển Rạch Bùn.

Tổng số liệt sĩ: 213 liệt sĩ

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 62 Bà mẹ.

11. Xã Tân Đông

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

新 Tân: Mới mẻ

東 Đông: Phía đông

新東社 Tân Đông Xã

Vị trí địa lý:

Xã nằm về phía Đông Nam của huyện; phía Đông giáp xã Kiểng Phước; phía Tây giáp xã Long Hưng, thị xã Gò Công; phía Nam giáp xã Long Thuận, thị xã Gò Công; phía Bắc giáp xã Tân Tây

Diện tích tự nhiên: 1.137,91 ha.

Hành chính:

Xã Tân Đông có 8 ấp: Bờ Kinh, Xóm Dinh, Chùa Đất Đỏ, Cầu Bà Trà, Gò Lức, Gò Táo, Bà Lãnh, Ông Gồng.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Tân Niên Đông thuộc tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn này thuộc tổng Hòa Lạc, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định. Năm 1852, đời vua Tự Đức, thôn Tân Niên Đông thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, làng Tân Niên Đông thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, tỉnh Gò Công; từ năm 1913, làng Tân Niên Đông thuộc

tổng Hòa Lạc Thượng, quận Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1924, làng Tân Niên Đông thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, từ năm 1945-1951, gọi là xã Tân Niên Đông, tỉnh Gò Công, từ năm 1951-1954, xã Tân Niên Đông thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Tân Niên Đông thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1968, là xã Tân Niên Đông, huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho, từ năm 1968-1972, xã Tân Niên Đông thuộc huyện Đông, tỉnh Gò Công, từ năm 1972-1975, xã thuộc Vùng 2, tỉnh Gò Công; chính quyền Sài Gòn, từ năm 1954-1956, xã Tân Niên Đông thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, quận Châu Thành, tỉnh Gò Công; từ năm 1956-1963, xã thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, quận Gò Công, tỉnh Định Tường; từ năm 1963-1975, xã Tân Niên Đông thuộc quận Hòa Tân, tỉnh Gò Công.

Sau năm 1975, xã Tân Niên Đông được đổi thành xã Tân Đông, thuộc huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Từ năm 1979, xã Tân Đông thuộc huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Năm 2016, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới. Tháng 9/2020, xã được Chủ tịch Nước ký quyết định phong tặng danh hiệu xã Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Năm 2020, xã đạt chuẩn xã Nông thôn mới nâng cao.

Dân số: 11.403 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 62,5 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Tân Đông là xã thuần nông có trên 85% hộ dân sống bằng nông nghiệp, số còn lại làm nghề tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ.

Đối với nghề trồng lúa, xã chú trọng ứng dụng chuyển giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật cho nông dân. Nhờ đó, năng suất lúa từ 4 tấn/ha/vụ lên 6 đến 8 tấn/ha/vụ. Xã thành lập hợp tác xã rau an toàn ấp Bờ Kinh và hợp tác xã trái sơ ry Tân Đông. Năm 2020, xã có 03 công ty, 09 doanh nghiệp, 280 cơ sở sản xuất kinh doanh nhỏ trên địa bàn, thu hút khoảng 3.000 lao động.

Giáo dục:

Xã có 03 trường học: trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, tất cả các trường đều đạt chuẩn Quốc gia.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Xã có trạm y tế đạt chuẩn Quốc gia, có 06 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh và 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình Tất cả các ấp đều có tổ y tế.

Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm là 93% (2020).

Giao thông:

Xã có Đường tỉnh 871 đi qua 7km; đường xã và đường liên ấp dài 22km, được trải nhựa hoặc bê tông theo chuẩn nông thôn mới, rất thuận tiện trong việc giao thông đi lại của người dân

Văn hóa:

Đình Tân Đông xây dựng 1907, là di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh, được đầu tư trùng tu sửa chữa khang trang, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa đời sống tâm linh của người dân địa phương, là địa chỉ tham quan du lịch của du khách trong và ngoài tỉnh.

Năm 2014, xã được công nhận xã văn hóa; có trung tâm văn hóa - thể thao đạt chuẩn quy định, các ấp có nhà văn hóa ấp.

Du lịch:

Xã có Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh Đình Tân Đông thu hút người dân trong và ngoài xã đến chiêm bái, tham quan.

Thể thao:

Xã có 1 sân vận động 7.000 m², tại ấp Gò Táo, ngoài ra còn có 3 sân mi ni (sân bóng đá cỏ nhân tạo) tại ấp Gò Táo; ấp Ông Gồng và ấp Chùa Đất Đỏ. Ngoài ra, còn có sân bóng chuyền, sân cầu lông,... tại trung tâm văn hóa - thể thao xã.

Tổng số liệt sĩ: 178 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 25 Bà mẹ.

12. Xã Tân Phước

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

新 Tân: Mới mẻ

福 Phước: Tốt lành, hạnh phúc

新福社 Tân Phước Xã

Vị trí địa lý:

Xã Tân Phước là một xã nằm phía Bắc huyện Gò Công Đông; phía Đông giáp xã Gia Thuận và xã Tân Tây; phía Tây giáp xã Long Hựu Tây, huyện Cần Đước,

tỉnh Long An (cách bởi sông Vàm Cỏ); phía Nam giáp xã Tân Trung, thị xã Gò Công; phía bắc giáp xã Lý Nhơn, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh (cách bởi sông Vàm Cỏ).

Diện tích tự nhiên: 1259 ha.

Hành chính:

Xã có 8 ấp: ấp 2, ấp 3, ấp 4, ấp 5, ấp 6, ấp 7, ấp 8, ấp 9.

Lịch sử hình thành:

Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn Tân Phước thuộc tổng Hòa Lạc, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định. Năm 1841, đời vua Thiệu Trị, thôn Tân Phước thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị, từ năm 1900, làng Tân Phước thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, tỉnh Gò Công; từ năm 1913, làng Tân Phước thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, quận Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1924, làng Tân Phước thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, từ năm 1945-1951, gọi là xã Tân Phước, tỉnh Gò Công, từ năm 1951-1954, xã Tân Phước thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Tân Phước thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1968, là xã Tân Phước, huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho, từ năm 1968-1972, xã Tân Phước thuộc huyện Đông, tỉnh Gò Công, từ năm 1972-1975, xã thuộc Vùng 2, tỉnh Gò Công; chính quyền Sài Gòn, từ năm 1954-1956, xã Tân Phước thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, quận Châu Thành, tỉnh Gò Công; từ năm 1956-1963, xã thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, quận Gò Công, tỉnh Định Tường; từ năm 1963-1975, xã Tân Phước thuộc quận Hòa Tân, tỉnh Gò Công.

Sau năm 1975, xã Tân Phước thuộc huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Từ năm 1979, xã thuộc huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Năm 2018, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới.

Dân số: 13.582 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 56.000.000 đồng/người/năm (2020).

Kinh tế

Xã thực hiện mô hình Cánh đồng lớn với diện tích 50 ha, mang lại hiệu quả kinh tế cao. Chăn nuôi gia súc, gia cầm phát triển theo mô hình kinh tế trang trại, bình quân sản lượng xuất chuồng 50 tấn/năm.

Xác định đánh bắt, nuôi thủy sản là ngành kinh tế mũi nhọn nên xã vận động nhân dân phát triển vùng nuôi thủy sản ở các nơi có điều kiện, duy trì, ổn định

phương tiện đánh bắt. Năm 2020, diện tích nuôi thủy sản 114,69 ha, sản lượng bình quân hàng năm 1.400 tấn; tổng số phương tiện đánh bắt thủy sản 118, trong đó có 66 phương tiện đánh bắt xa bờ, sản lượng đánh bắt bình quân hàng năm 5.126 tấn.

Duy trì diện tích đất rừng 60,95 ha, thực hiện tốt chủ trương giao khoán đất rừng cho 30 hộ dân. Đồng thời hàng năm vận động Nhân dân trồng mới 50.000 cây phân tán.

Năm 2020, xã có 23 doanh nghiệp và có 422 cơ sở sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp.

Giáo dục:

Xã được công nhận chuẩn quốc gia về chống mù chữ, phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở.

Xã có 04 trường học: 01 trường mầm non (đạt chuẩn Quốc gia), 02 trường tiểu học (đạt chuẩn Quốc gia), 01 trường trung học cơ sở.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 08 biên chế: 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh và 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các ấp đều có tổ y tế.

Năm 2020, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 91,85%.

Thực hiện tốt công tác khám chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh và các chương trình mục tiêu Y tế Quốc gia.

Giao thông:

Đường xã, đường liên ấp, đường ngõ xóm đều đã được trải nhựa, bê tông hoặc cứng hóa, thuận lợi cho việc lưu thông và giao thương hàng hóa của nhân dân. Hệ thống kênh/kinh rạch mỗi năm đều được nạo nét, phục vụ tốt cho thủy lợi và giao thông đường thủy.

Văn hóa:

Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" được nhân dân đồng tình hưởng ứng. Hàng năm có 100% hộ dân đăng ký thực hiện và trên 96% hộ đạt các tiêu chuẩn gia đình văn hóa.

Xã có trung tâm văn hóa - thể thao đạt chuẩn quy định, 8/8 ấp được công nhận ấp văn hóa và có nhà văn hóa ấp.

Thể thao:

Phong trào rèn luyện sức khỏe được đông đảo nhân dân tích cực hưởng ứng. Năm 2020, xã có 03 hồ bơi, 03 sân bóng đá mini (sân cát), 07 sân bóng chuyền, 03 sân cầu lông phục vụ tốt cho nhu cầu thể thao của người dân.

Hằng năm, nhân dịp các ngày lễ lớn, nhất là vào dịp Mừng Đảng, Mừng xuân, xã đều tổ chức các giải thi đấu bóng chuyền, cầu lông và các trò chơi dân gian.

Du lịch: Xã chưa có địa điểm du lịch.

Tổng số liệt sĩ: 291 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ VN anh hùng: 39 Bà mẹ.

13. Xã Tân Tây

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

新 Tân: Mới mẻ

西 Tây: Phía tây

新西社 Tân Tây Xã

Vị trí địa lý:

Xã Tân Tây nằm về phía Bắc huyện Gò Công Đông, phía Đông giáp xã Kiểng Phước, phía Tây giáp xã Tân Trung, thị xã Gò Công, phía Nam giáp xã Tân Đông, phía Bắc giáp xã Tân Phước và xã Gia Thuận.

Diện tích tự nhiên: 1.452,79 ha.

Hành chính:

Xã có 7 ấp: ấp 1, ấp 2, ấp 3, ấp 4, ấp 5, ấp 6, ấp 7.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Tân Niên Tây thuộc tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn này thuộc tổng Hòa Lạc, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định. Năm 1852, đời vua Tự Đức, thôn Tân Niên Tây thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, làng Tân Niên Tây thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, tỉnh Gò Công; từ năm 1913, làng Tân Niên Tây thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, quận Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1924, làng Tân Niên Tây thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, từ năm 1945-1951, gọi là xã Tân Niên Tây, tỉnh Gò Công, từ năm 1951-

1954, xã Tân Niên Tây thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Tân Niên Tây thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1968, là xã Tân Niên Tây, huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho, từ năm 1968-1972, xã Tân Niên Tây thuộc huyện Đông, tỉnh Gò Công, từ năm 1972-1975, xã thuộc Vùng 2, tỉnh Gò Công; chính quyền Sài Gòn, từ năm 1954-1956, xã Tân Niên Tây thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, quận Châu Thành, tỉnh Gò Công; từ năm 1956-1963, xã thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, quận Gò Công, tỉnh Định Tường; từ năm 1963-1975, xã Tân Niên Tây thuộc quận Hòa Tân, tỉnh Gò Công.

Sau năm 1975, xã Tân Niên Tây được đổi thành xã Tân Tây, thuộc huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Từ năm 1979, xã Tân Tây thuộc huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Năm 2019, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới. Năm 2021, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới nâng cao.

Dân số: 13.549 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 61,36 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Kinh tế của xã chủ yếu là nông - lâm - ngư nghiệp, chiếm 44,54%; người dân tích cực chuyển đổi mùa vụ, sản xuất từ 3 vụ lúa thành 2 vụ lúa, chuyển đổi từ trồng lúa sang cây ăn trái, rau màu để thích ứng biến đổi khí hậu. Xã có 01 hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp, thu hút trên 100 xã viên. Tỷ trọng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp là 15,18%, thương mại - dịch vụ 40,28%.

Giáo dục:

Toàn xã có 4 trường học: Trường trung học cơ sở Võ Văn Chỉnh; Trường tiểu học Tân Tây 1, Trường tiểu học Tân Tây 2; Trường mầm non Tân Tây.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trên địa bàn xã có: 01 Trạm y tế xã và 01 Trung tâm y tế huyện Gò Công Đông cơ sở Tân Tây do huyện quản lý.

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh và 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các ấp đều có tổ y tế.

Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y đạt 95,35%.

Giao thông:

Tất cả các tuyến đường xã, đường liên ấp, đường ngõ xóm với tổng chiều dài khoảng 11.000 m đều được trải nhựa, bê tông và cứng hóa, thuận lợi cho việc đi lại lưu thông hàng hóa của nhân dân.

Các tuyến kênh/kinh rạch đều được nạo nét hàng năm, phục vụ tốt cho giao thông thủy và thủy lợi.

Văn hóa:

Có 01 Trung tâm Văn hóa - Thể thao; 02 Nhà văn hóa liên ấp; 7/7 ấp đạt danh hiệu ấp văn hóa; 8/13 cơ sở thờ tự văn hóa; 7 Câu lạc bộ đờn ca tài tử; 3592/3592 gia đình đăng ký gia đình văn hóa, đạt 100% đăng ký; có 02 di tích văn hóa - lịch sử cấp tỉnh: Mộ ông Nguyễn Ngọc Chấn ở ấp 7 và Mả Bà Tương ở ấp 5.

Du lịch:

Do xã có 02 di tích văn hóa - lịch sử cấp tỉnh nên thu hút Nhân dân trong và ngoài xã đến chiêm bái, tham quan.

Thể thao:

Các hoạt động thể dục - thể thao diễn ra ở sân Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã và sân 02 Nhà văn hóa liên ấp, có 1 sân vận động và 02 Câu lạc bộ bóng đá.

Tổng số liệt sĩ: 238 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ VN anh hùng: 29 Bà mẹ.

14. Xã Tân Thành

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

新 Tân: Mới mẻ

成 Thành: Thành công

新成社 Tân Thành Xã.

Vị trí địa lý:

Xã Tân Thành nằm ở phía Đông Nam huyện Gò Công Đông, phía Đông giáp Biển Đông, phía Tây giáp xã Tăng Hòa, phía Nam giáp sông Cửa Tiểu, phía Bắc giáp xã Tân Điền.

Diện tích tự nhiên: 8.848,77 ha.

Hành chính:

Xã có 10 ấp: Đèn Đỏ, Vàm Kinh, Cây Bàng, Cầu Muống, Tân Phú, Kinh Ngang, Láng, Bà Canh, Chợ và Kinh Giữa.

Lịch sử hình thành:

Dưới thời thực dân Pháp thống trị, năm 1873, làng Tân Thành được thành lập trên cơ sở điều chỉnh một phần diện tích và dân số hai làng Bình Ân và Tân Hòa, thuộc tổng Hòa Lạc Hạ. Từ năm 1900, làng Tân Thành thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công; từ năm 1913, làng Tân Thành thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, quận Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1924, làng Tân Thành thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, từ năm 1945-1951, gọi là xã Tân Thành, tỉnh Gò Công, từ năm 1951-1954, xã Tân Thành thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Tân Thành thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1968, là xã Tân Thành, huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho, từ năm 1968-1972, xã Tân Thành thuộc huyện Đông, tỉnh Gò Công, từ năm 1972-1975, xã thuộc Vùng 4, tỉnh Gò Công; chính quyền Sài Gòn, từ năm 1954-1956, xã Tân Thành thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, quận Châu Thành, tỉnh Gò Công; từ năm 1956-1963, xã thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, quận Gò Công, tỉnh Định Tường; từ năm 1963-1975, xã Tân Thành thuộc quận Hòa Lạc, tỉnh Gò Công.

Sau năm 1975, xã Tân Thành thuộc huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Năm 1976, xã Tân Thành hợp nhất với xã Tân Bình Điền thành xã Tân Điền. Từ năm 1979, xã Tân Thành được tách ra từ xã Tân Điền, thuộc huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Năm 2017, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới. Năm 2023, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao.

Dân số: 13.281 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 62,79 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Nhân dân chủ yếu sống bằng nghề nông nghiệp (trồng lúa, trồng cây ăn tái, rau màu,…), nuôi trồng, đánh bắt thủy hải sản và các nghề kinh doanh dịch vụ khác.

Giáo dục:

Xã có 4 trường học: Trường trung học cơ sở Võ Duy Linh (đạt chuẩn Quốc gia), Trường tiểu học Tân Thành 1 (đạt chuẩn Quốc gia), Trường tiểu học Tân Thành 2 (đạt chuẩn Quốc gia), Trường mầm non Tân Thành.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Xã có 1 trạm y tế đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 08 biên chế: 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 02 nữ hộ sinh, 01 dược sĩ, 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình, 10/10 ấp có tổ y tế ấp.

Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 94,5%.

Giao thông:

Xã có 01/01 tuyến đường trục xã được nhựa hóa hoặc bê tông tổng chiều dài 2.290m đạt 100%, 07/07 tuyến đường trục ấp được trải nhựa và bê tông, tổng chiều dài 11.665m, có hệ thống chiếu sáng công cộng, có 49/49 tuyến đường ngõ xóm được cứng hóa, tổng chiều dài 15.065m, 01 tuyến đường nối với các khu vực sản xuất được cứng hóa đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa của nhân dân, xe cơ giới đi lại thuận lợi, tổng chiều dài là 3.100/3.100m.

Văn hóa:

Xã có 01 Trung tâm Văn hóa - Thể thao đạt chuẩn với diện tích 1.500 m^2, có hội trường trang bị đầy đủ âm thanh, ánh sáng, bàn ghế, đảm bảo phục vụ cho các lễ hội văn hóa văn nghệ quần chúng nhân dân; 01 Trung tâm học tập cộng đồng, 01 Phòng Thông tin - Truyền thông, 01 Phòng Hành chính. Xã có các câu lạc bộ: Hát với nhau, Đờn ca tài tử.

10/10 ấp đều có trụ sở ấp văn hóa và 04 Nhà văn hóa liên ấp: Nhà văn hóa liên ấp Kinh Ngang - Bà Canh - Tân Phú; Nhà văn hóa liên ấp Chợ - Láng, Nhà văn hóa liên ấp Kinh Giữa - Vàm Kinh và nhà văn hóa liên ấp Cây Bàng - Đèn Đỏ - Cầu Muống.

Du lịch:

Xã có Khu du lịch sinh thái biển Tân Thành, thu hút đông đảo du khách đến tham quan, tắm biển, thưởng thức các món ăn đặc sản biển, nhất là nghêu.

Thể thao:

Tại Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã có sân và 01 phòng luyện tập thể thao đơn giản, có thể tập luyện các môn thể thao, như đá cầu, đi bộ, thể dục dưỡng sinh; xã có 2 sân bóng đá mini sân cát, 02 khu vui chơi trẻ em do tư nhân đầu tư tại ấp chợ ấp Đèn Đỏ, 02 sân bóng chuyền, 02 sân bóng đá ở các điểm trường; sân cầu lông trên 500m^2.

Tổng số liệt sĩ: 237 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ VN anh hùng: 31 Bà mẹ.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn quốc lộ, đường cao tốc, đường tỉnh:**

Đường tỉnh:

1. **Đường tỉnh 862**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (862).

Đường tỉnh 862, có số hiệu đường bộ ĐT.862; điểm đầu: Quốc lộ 50 (xã Long Chánh, cạnh Bến xe thị xã Gò Công); điểm cuối: Đèn đỏ (xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông); chiều dài: 21,140 km.

2. Đường tỉnh 871

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (871).

Đường tỉnh 871, có số hiệu đường bộ ĐT.871; điểm đầu: Ngã tư Nguyễn Văn Côn (Phường 3, thị xã Gò Công); điểm cuối: Cảng cá Vàm Láng (thị trấn Vàm Láng, huyện Gò Công Đông); chiều dài: 13,236 km.

3. Đường tỉnh 871B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (871B).

Đường tỉnh 871B, có số hiệu đường bộ ĐT.871B; điểm đầu: Quốc lộ 50 (xã Tân Trung, thị xã Gò Công); điểm cuối: Tiếp giáp Cụm công nghiệp Gia Thuận 1, huyện Gò Công Đông; chiều dài: 7,840 km.

4. Đường tỉnh 871C

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (871C).

Đường tỉnh 871C, có số hiệu đường bộ ĐT.871C; điểm đầu: Ngã tư Bình Ân (xã Long Thuận, thị xã Gò Công); điểm cuối: Đê biển xã Tân Điền (huyện Gò Công Đông); chiều dài: 11,180 km.

5. Đường tỉnh 873

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (873).

Đường tỉnh 873, có số hiệu đường bộ ĐT.873; điểm đầu: Quốc lộ 50 (Ngã ba xã Thành Công, huyện Gò Công Tây và xã Long Chánh, thị xã Gò Công); điểm cuối: Quốc lộ 50 (xã Bình Đông, thị xã Gò Công); chiều dài: 13,942 km.

6. Đường tỉnh 873B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (873B).

Đường tỉnh 873B, có số hiệu đường bộ ĐT.873B; điểm đầu: Quốc lộ 50 (xã Long Chánh, thị xã Gò Công); điểm cuối: Đường đê sông Vàm Cỏ (xã Tân Phước, huyện Gò Công Đông); chiều dài: 17,558 km.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn đường huyện, đường phố ở huyện Gò Công Đông: 21 địa danh**

Đường huyện: 12 địa danh.

1. Đường huyện 01

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (01).

Đường huyện 01 có số hiệu đường bộ ĐH.01; điểm đầu: Cầu Gò Xoài, giáp ranh thị xã Gò Công (xã Tân Phước); điểm cuối: Chợ Rạch Già (Ngã tư Rạch Già - ĐH.02, xã Tân Phước); chiều dài: 5,160 km; chiều rộng: 3,5 - 5 m.

2. Đường huyện 02

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (02).

Đường huyện 02 có số hiệu đường bộ ĐH.02; điểm đầu: Ngã ba đường Võ Duy Linh - Đường 16/2 (thị trấn Tân Hòa); điểm cuối: Ngã ba giao với ĐH.10 (xã Tân Phước); chiều dài: 17,982 km; chiều rộng: 7 m.

3. Đường huyện 03

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (03).

Đường huyện 03 có số hiệu đường bộ ĐH.03; điểm đầu: Đường tỉnh 862 (thị trấn Tân Hòa); điểm cuối: Đường huyện 09 (xã Phước Trung); chiều dài: 4,710 km; chiều rộng: 3,5 - 5 m.

4. Đường huyện 04

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (04).

Đường huyện 04 có số hiệu đường bộ ĐH.04; điểm đầu: Ngã ba đường Thủ Khoa Huân - đường 30/4 (thị trấn Tân Hòa); điểm cuối: Bến đò Phước Trung (xã Phước Trung); chiều dài: 3,755 km; chiều rộng: 5 m.

5. Đường huyện 05

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (05).

Đường huyện 05 có số hiệu đường bộ ĐH.05; điểm đầu: Đường tỉnh 862 (xã Bình Nghị); điểm cuối: Đường tỉnh 871C (xã Bình Ân); chiều dài: 3,890 km; chiều rộng: 5 - 6 m.

6. Đường huyện 05B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (05) + Chữ cái La tinh (B).

Đường huyện 05B có số hiệu đường bộ ĐH.05B; điểm đầu: Đường huyện 05 (xã Bình Nghị); điểm cuối: Đường tỉnh 862 (xã Tăng Hòa); chiều dài: 5,800 km; chiều rộng: 3,5 - 5 m.

7. Đường huyện 06

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (06).

Đường huyện 06 có số hiệu đường bộ ĐH.06; điểm đầu: Đường tỉnh 873B (xã Tân Phước); điểm cuối: Đường huyện 02 (xã Gia Thuận); chiều dài: 2,450 km; chiều rộng: 4 -5 m.

8. Đường huyện 07

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (07)

Đường huyện 07 có số hiệu đường bộ ĐH.07; điểm đầu: Cống Vàm Kinh, Đường huyện 08 (xã Tân Thành); điểm cuối: Đê biển Gò Công (xã Kiểng Phước); chiều dài: 14,200 km; chiều rộng: 5 - 7 m.

9. Đường huyện 08

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (08).

Đường huyện 08 có số hiệu đường bộ ĐH.08; điểm đầu: Cống Rạch Gốc (xã Tân Thành); điểm cuối: Đường huyện 04 (xã Phước Trung); chiều dài: 5,400 km; chiều rộng: 3,5 m.

10. Đường huyện 08B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (08) + Chữ cái La tinh (B).

Đường huyện 08B có số hiệu đường bộ ĐH.08B; điểm đầu: Đường huyện 04 (xã Phước Trung); điểm cuối: Cống Long Uông (xã Phước Trung); chiều dài: 3,510 km; chiều rộng: 3,5 m.

11. Đường huyện 09

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (09).

Đường huyện 09 có số hiệu đường bộ ĐH.09; điểm đầu: Cống Long Uông (xã Phước Trung); điểm cuối: Công Rạch Già, ranh huyện Gò Công Tây (xã Phước Trung); chiều dài: 7,510 km; chiều rộng: 3,5 m.

12. Đường huyện 10

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (10).

Đường huyện 10 có số hiệu đường bộ ĐH.10; điểm đầu: Đường tỉnh 871 (thị trấn Vàm Láng); điểm cuối: Cống Vàm Tháp (xã Tân Phước); chiều dài: 16,500 km; chiều rộng: 3,5 m.

Đường phố: 09 địa danh.

1. Đường 16 tháng 2

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Sự kiện lịch sử (16 tháng 2)

Sự kiện lịch sử:

Ngày 16/2/1962, địch huy động 2 đại đội bảo an và bọn tề xã tiến hành càn quét, bình định xã Tăng Hòa thuộc huyện Đông, tỉnh Gò Công. Về phía lực lượng cách mạng, ta bố trí đơn vị C206 và đại đội 1 thuộc tiểu đoàn 261 phục kích ở Xóm Gò, xã Tăng Hòa. Bị đánh bất ngờ, địch thiệt hại nặng nề: 2 đại đội bảo an bị diệt gọn, gồm 93 tên, trong đó có tên trung úy Thinh, bắt sống 53 tên, thu 97 súng các loại, phá hủy 03 xe quân sự. Với chiến thắng Xóm Gò, ta đã đánh bại một bước kế hoạch bình định của địch, tạo điều kiện cho phong trào cách mạng ở Gò Công tiến lên mạnh mẽ.

Đường 16 tháng 2 có điểm đầu: Đường tỉnh 862 (ĐT.862); điểm cuối: Đường huyện 02 (ĐH.02); chiều dài: 0,900 km; chiều rộng: 7 m.

2. Đường 30-4

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Sự kiện lịch sử (30-4)

Sự kiện lịch sử:

Ngày 30/4/1975, thường được gọi là Ngày 30 tháng 4 - Ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Đây là sự kiện chấm dứt cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam khi quân giải phóng tiến vào dinh "Độc Lập", tổng thống chính quyền Sài Gòn Dương Văn Minh cùng nội các tuyên bố đầu hàng vô điều kiện Quân giải phóng miền Nam Việt Nam vào trưa ngày 30/4/1975. Chiến thắng ngày 30/4/1975 đã chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc ở nước ta, giải phóng miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thống nhất đất nước; đồng thời, mở ra một kỷ nguyên mới của lịch sử dân tộc - kỷ nguyên cả nước bước vào thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Chiến thắng này đã đi vào lịch sử nước ta và của thế giới như một trang sử chói lọi ở những năm 70 của thế kỷ XX, mang tầm vóc quốc tế và ý nghĩa thời đại sâu sắc.

Đường 30-4 có điểm đầu: ĐT.862; điểm cuối: ĐH.04; chiều dài: 1,630 km; chiều rộng: 8 m.

3. Đường Nguyễn Văn Côn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Văn Côn).

Tiểu sử danh nhân:

NGUYỄN VĂN CÔN

(1893 – 1981)

Nguyễn Văn Côn, tên thật là Nguyễn Hoài Ngọc, bí danh Thành Vĩnh, sinh năm 1893 tại làng Vĩnh Hựu, tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công (nay là xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình trung nông có truyền thống yêu nước. Ông nội của ông là Nguyễn Văn Chung, một trong những thủ lãnh nghĩa quân trong cuộc khởi nghĩa Trương Định.

Năm 1908, khi mới 14 tuổi, ông gia nhập Việt Nam Quang phục hội - một tổ chức yêu nước có cơ sở ở Gò Công. Năm 1910, được sự cố vấn của một số nhà yêu nước, ông thành lập Cộng hòa hội, nhằm tập hợp thanh niên và tuyên truyền ý thức đấu tranh chống áp bức, bất công.

Sau đó, ông lên Sài Gòn, làm công nhân cho hãng Faci. Tại đây, ông giác ngộ chủ nghĩa Mác - Lênin và tích cực tham gia phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân. Năm 1921, ông gia nhập Công hội đỏ. Đây là tổ chức cách mạng đầu tiên của công nhân Sài Gòn hoạt động theo con đường cách mạng vô sản do Tôn Đức Thắng thành lập và làm Hội trưởng. Do tinh thần kiên định cách mạng và năng nổ trong công tác nên ông được hội viên tín nhiệm bầu làm Phó Hội trưởng.

Năm 1924, ông được Ban Lãnh đạo Công hội đỏ phân công về Gò Công xây dựng phong trào. Tại đây, ông tiến hành củng cố và mở rộng tổ chức Cộng hòa hội do ông thành lập trước đó. Để tạo thế hợp pháp, tổ chức này được đổi tên thành Hội cúng thánh Khổng Tử, gọi tắt là Hội Thánh. Hội có nhiệm vụ truyền bá sách báo tiến bộ, dạy chữ quốc ngữ, quyên góp tiền bạc giúp các nhà yêu nước hoạt động chống chính quyền thực dân, đặc biệt là giúp kinh phí cho những người xuất dương học làm cách mạng. Trong thời kỳ này, ông có dịp tiếp xúc với nhiều nhà yêu nước nổi tiếng, như Nguyễn Sinh Sắc (thân sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh), Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Mai Văn Ngọc,…

Giữa năm 1925, Hồ Chí Minh thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên (HVNCMTN) ở Quảng Châu (Trung Quốc). Cuối năm 1926, do bắt liên lạc được với một số cán bộ của HVNCMTN, ông cử những thanh niên ưu tú ở Gò Công và Cần Thơ sang Quảng Châu (Trung Quốc) dự các lớp huấn luyện do HVNCMTN tổ chức nhằm đào tạo cán bộ cho cách mạng.

Năm 1927, ông được bầu làm Bí thư Tỉnh hội HVNCMTN tỉnh Gò Công. Đầu năm 1929, ông là Kỳ ủy viên của Kỳ bộ HVNCMTN Nam Kỳ; và được phân công xây dựng phong trào ở các tỉnh Gò Công, Long Xuyên, Sa Đéc, Cần Thơ, Vĩnh Long và Trà Vinh.

Tháng 8-1929, ông được kết nạp vào An Nam Cộng sản đảng; và thành lập Chi bộ Cộng sản đầu tiên ở Gò Công do ông làm Bí thư. Nhưng chỉ một tháng sau, ông bị địch bắt, kết án 5 năm tù và đày ra Côn Đảo. Ở trong tù, ông giữ vững khí tiết của người chiến sĩ cộng sản chân chính. Đồng thời, ông ra sức học tập lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin để nâng cao trình độ chính trị và lập trường giai cấp.

Năm 1934, sau khi ra tù, mặc dù chưa bắt liên lạc được với tổ chức Đảng, nhưng ông vẫn hăng hái hoạt động, gầy dựng được nhiều cơ sở cách mạng và kết nạp một số đảng viên mới ở Gò Công. Do vậy, tháng 5-1940, ông lại bị địch quản thúc; và đến cuối tháng 11-1940, ông bị địch bắt giam khi cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ nổ ra. Tuy vậy, trước đó, ông đã chỉ đạo các cơ sở cách mạng ở Gò Công có những hoạt động hưởng ứng cuộc khởi nghĩa, như treo cờ đỏ búa liềm, rải truyền đơn, phá đường giao thông, xô ngã cột điện,…

Cuối năm 1942, ông được trả tự do và nối liên lạc với Đảng. Tháng 10-1943, tại Hội nghị Xứ ủy Nam kỳ lâm thời được tổ chức tại Chợ Gạo, ông được bầu làm Xứ ủy viên. Với tinh thần tiến công cách mạng không ngừng, ông hoạt động không mệt mỏi cho phong trào. Ông đi khắp nơi để vận động cách mạng, phát triển đảng viên, chuẩn bị đón thời cơ mới.

Sau ngày phát xít Nhật đảo chính thực dân Pháp (09-3-1945), khi tình thế cách mạng trực tiếp đã xuất hiện, ông và các đảng viên cộng sản ở Gò Công ráo riết xúc tiến công tác chuẩn bị giành chính quyền về tay nhân dân.

Tháng 5-1945, ông được cử làm Bí thư Tỉnh ủy Gò Công. Tháng 7-1945, ông chỉ đạo thành lập lực lượng Thanh niên tiền phong ở Gò Công. Giữa tháng 8-1945, ông được bầu làm Chủ tịch Ủy ban dân tộc giải phóng lâm thời tỉnh Gò Công. Ngày 21-8-1945, nhân dân làng An Thạnh Thủy (thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho) biểu tình kéo xuống làng Thạnh Nhựt (thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công) lấy mộc của làng, tước súng của hương quản. Sự việc này làm cho chính quyền tay sai Pháp - Nhật ở Gò Công lâm vào tình thế lúng túng. Tỉnh trưởng Gò Công là Trần Hưng Ký phải mời ông với tư cách là đại diện Việt Minh đến gặp tại dinh tỉnh trưởng và khẩn thiết nhờ giải quyết. Nhận thấy thời cơ khởi nghĩa đã chín muồi, ngay trong đêm 21-8-1945, ông triệu tập cuộc họp bất thường của Ủy ban dân tộc giải phóng tỉnh Gò Công. Các đại biểu dự họp nhận định đã đến thời điểm Mặt trận Việt Minh tỉnh Gò Công ra công khai hoạt động; đồng thời đi đến quyết định là phải dùng sức mạnh đấu tranh của quần chúng buộc tỉnh trưởng Gò Công từ chức, giao quyền cho Ủy ban dân tộc giải phóng lâm thời tỉnh Gò Công.

Ngày 24-8-1945, một cuộc mít tinh lớn được tổ chức ở thị xã theo quyết định của Ủy ban dân tộc giải phóng lâm thời Gò Công để mừng cách mạng giành được thắng lợi rực rỡ và chào mừng chính quyền cách mạng của tỉnh ra mắt nhân dân. Hơn 20.000 người bao gồm đủ các thành phần, từ 40 làng nô nức tuần hành đổ về sân vận động tỉnh. Trong buổi mít tinh, ông thay mặt Ủy ban dân tộc giải phóng lâm thời tỉnh Gò Công, long trọng tuyên bố chính quyền đã thuộc về tay nhân dân, công bố 10 chính sách của Mặt trận Việt Minh.

Sau khi thực dân Pháp quay trở lại xâm lược Gò Công vào tháng 10-1945, ông nhận lãnh trọng trách là Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Gò Công và cùng với tập thể Tỉnh ủy, Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh lãnh đạo cuộc kháng chiến của nhân dân Gò Công chống thực dân Pháp xâm lược. Trong cuộc tổng tuyển cử ngày 06/01/1946, ông được nhân dân Gò Công tín nhiệm bầu làm Đại biểu Quốc hội khóa 1 của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Sau đó, ông ra Hà Nội, dự 2 kỳ họp Quốc hội. Tại Kỳ họp thứ nhất diễn ra vào tháng 3-1946, ông cùng với các đại biểu bỏ phiếu công nhận Chính phủ Liên hiệp kháng chiến do lãnh tụ Hồ Chí Minh làm Chủ tịch, bầu ra Ban Thường trực Quốc hội và Ban Dự thảo Hiến pháp. Tại Kỳ họp thứ hai diễn ra vào tháng 11-1946, ông và các đại biểu đã thảo luận, biểu quyết thông qua bản Hiến pháp đầu tiên của nước ta và 01 Dự án Luật.

Từ sau ngày toàn quốc kháng chiến (19-12-1946), ông trở về Nam bộ tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp. Cuối tháng 4-1947, ông là Chủ nhiệm đầu tiên của Mặt trận Liên Việt tỉnh Gò Công, nêu cao tấm gương đại đoàn kết dân tộc trong công cuộc giải phóng đất nước.

Năm 1949, ông bị giặc Pháp bắt và bị đày ra Côn Đảo lần thứ hai. Mặc dù bị tra tấn dã man, nhưng ông vẫn nêu cao khí tiết của người chiến sĩ cộng sản kiên cường, không khuất phục kẻ thù.

Năm 1954, cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi, ông được Đảng và Nhà nước đón về và tập kết ra miền Bắc. Tuy sức khỏe có suy giảm vì những năm tháng ở trong lao tù bị giam cầm, hành hạ, nhưng ông vẫn miệt mài làm việc, được nhân dân tín nhiệm bầu làm Đại biểu Quốc hội các khóa 2, 3, 4, 5; đồng thời là cộng tác viên Bảo tàng Cách mạng Việt Nam. Ông là một trong những cán bộ cách mạng lão thành có uy tín lớn, nên được Chủ tịch Hồ Chí Minh, Chủ tịch Tôn Đức Thắng và Thủ tướng Phạm Văn Đồng thường đến nhà riêng ở tại Hà Nội để thăm hỏi.

Sau năm 1975, ông trở về quê nhà sinh sống trong sự kính trọng và thương yêu của nhân dân Gò Công. Năm 1981, ông mất tại xã Bình Nghị, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Ông được tặng thưởng nhiều huân huy chương, trong đó cao quý nhất là Huân chương Hồ Chí Minh. Ông là nhà cách mạng lão thành tiêu biểu nhất của Gò Công, được nhân dân và các thế hệ cán bộ cách mạng ở địa phương vô cùng kính trọng và ngưỡng mộ.

Tên của ông được đặt tên đường tại thị xã Gò Công, thị trấn Tân Hòa (huyện Gò Công Đông) và thị trấn Vĩnh Bình (huyện Gò Công Tây); tên trường trung học phổ thông ở huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Đường Nguyễn Văn Côn có điểm đầu: ĐT.862; điểm cuối: Đường Nguyễn Trãi; chiều dài: 1,540 km; chiều rộng: 10 m.

4. Đường Trương Định

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Trương Định).

Tiểu sử danh nhân:

TRƯƠNG ĐỊNH

(1820 – 1864)

Trương Định sinh năm 1820 tại xã Tư Cung, huyện Bình Sơn, phủ Tư Nghĩa, trấn Quảng Ngãi (nay là xã Tịnh Khê, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi) trong một gia đình quan chức yêu nước.

Theo Nguyễn Thông trong *Lãnh binh Trương Định truyện*, ông có "*trang mạo khôi ngô, thông hiểu binh thư và bắn giỏi*". Sách *Đại Nam liệt truyện* của Quốc sử quán triều Nguyễn chép: "(*Trương*) *Định am hiểu võ nghệ, dũng cảm, mưu lược*". Paulin François Alexandre Vial, nguyên Trưởng đồn kiêm Giám đốc bản xứ sự vụ Gò Công, Giám đốc Nội vụ Nam kỳ, trong quyển *Những năm đầu tiên ở Nam kỳ* cho biết, ông cao lớn, nước da trắng, dáng người thanh tú.

Năm 1844, cha của ông là Trương Cầm vào tỉnh Gia Định nhận chức Lãnh binh. Ông được đi theo và sau đó, kết hôn với Lê Thị Thưởng, vốn là con gái của một hào phú ở Tân Hòa (Gò Công). Năm 1854, nhờ sự trợ giúp của gia đình bên vợ, ông xuất tiền của, mộ dân lập đồn điền Gia Thuận (nay thuộc huyện Gò Công Đông, Tiền Giang) để khai hoang vùng đất này. Vì thế, ông được triều đình phong chức Phó quản cơ.

Năm 1859, quân Pháp hạ thành Gia Định. Với lòng yêu nước nồng nàn, ông đã chỉ huy dân quân đồn điền Gia Thuận phối hợp với quân triều đình tiến đánh quân địch ở vùng Thuận Kiều và lập được nhiều chiến công. Vì vậy, đến tháng 10-1860, ông và nghĩa sĩ, bao gồm 50 người, được vua Tự Đức "*thưởng cho gia trật hoặc kỷ lục, ngân tiền*". Chiến công nổi bật đầu tiên của Trương Định và nghĩa quân là trận phục kích tiêu diệt tên đại úy thủy quân lục chiến Barbé tại chùa Khải Tường (vị trí chùa nay là Bảo tàng Chứng tích chiến tranh, số 28, đường Võ Văn Tần, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh) ngày 07-12-1860.

Tháng 4-1861, quân Pháp lần lượt đánh chiếm Mỹ Tho và Gò Công. Với quyết tâm chống quân xâm lược, Trương Định đã chiêu mộ 6.000 nghĩa sĩ dựng cờ khởi nghĩa. Vì thế, ông được triều đình phong chức Quản Cơ rồi thăng lên Phó

Lãnh binh tỉnh Gia Định. Bên cạnh đó, ông còn ra sức xây dựng căn cứ kháng chiến Tân Hòa ở Gò Công. Ngoài ra, Trương Định còn cho xây dựng đồn trại ở Gia Thuận, vốn là đồn điền do ông lập ra năm 1854.

Cuộc khởi nghĩa do Trương Định lãnh đạo có sự liên kết chặt chẽ với nhiều cuộc khởi nghĩa khác, như khởi nghĩa Nguyễn Trung Trực ở Tân An, Trần Xuân Hòa, Võ Duy Dương và Nguyễn Hữu Huân ở Ba Giồng,...

Ngày 22-6-1861, nghĩa quân Đỗ Trình Thoại tấn công quân Pháp ở đồn Gò Công. Cuộc tập kích này đã làm tên lính thủy Bodiez phải tử trận, tên trung úy Vial bị đâm trọng thương. Thế nhưng, thủ lãnh Đỗ Trình Thoại đã anh dũng đền nợ nước. Qua ngày hôm sau, để trả thù cho Đỗ Trình Thoại, Trương Định chỉ huy nghĩa quân đánh vào đồn Gò Công, gây cho địch nhiều thiệt hại.

Trong tháng 9-1861, ông chỉ huy nghĩa quân tiến hành trừng trị những tên tay sai chỉ điểm cho giặc, tiêu biểu là vụ bắt bá hộ Huy ở Đồng Sơn (nay thuộc huyện Gò Công Tây, Tiền Giang) phải đền tội phản quốc.

Sau đó, hoạt động quân sự của nghĩa quân Trương Định đã diễn ra liên tục. Ngày 30-12-1861, tấn công đồn Kỳ Hôn (nay thuộc TP Mỹ Tho, TG). Ngày 10-01-1862, tấn công đồn Gia Thạnh (nay thuộc huyện Chợ Gạo, TG); ngày hôm sau, với 10 chiến thuyền, nghĩa quân lại đánh đồn Rạch Gầm (nay thuộc huyện Châu Thành, TG). Từ ngày 22-01-1862 đến ngày 28-02-1862, nghĩa quân Trương Định mở 3 cuộc tấn công vào đồn Kỳ Hôn, có lần giặc Pháp phải bỏ đồn tháo chạy, bị nghĩa quân truy kích ráo riết.

Do bị tấn công liên tục, đô đốc Bonard ra lệnh cho quân Pháp rút khỏi đồn Gò Công ngày 01-3-1862. Cũng trong khoảng thời gian này, ông nhận được vũ khí do triều đình cấp phát, gồm 20 cỗ Quá sơn, 300 cân hỏa dược, 20 viên đạn thép, 80 trường thương. Trên cơ sở đó, đêm 06-4-1862, Trương Định chỉ huy nghĩa quân táo bạo đột kích Chợ Lớn (nay thuộc Thành phố Hồ Chí Minh). Trận đánh này đã khiến nhân dân rất phấn khởi; còn quân giặc thì hoang mang cực độ.

Để thực thi hiệp ước ký với Pháp năm 1862, vua Tự Đức ra lệnh giải binh ở ba tỉnh miền đông Nam kỳ (Định Tường, Gia Định, Biên Hòa); trong đó có việc buộc Trương Định phải giải tán nghĩa quân và đi An Giang nhận chức Lãnh binh. Tuy nhiên, với tước vị Bình Tây đại tướng quân, ông đã dũng cảm và sáng suốt ở lại Gò Công, lãnh đạo nhân dân tiếp tục cuộc kháng chiến.

Tháng 11-1862, Trương Định cử các đội trinh sát đi hoạt động ở khắp nơi. Ngày 06-12-1862, nghĩa quân Trương Định tấn công một chiến thuyền của quân Pháp trên sông Vàm Cỏ ở gần Trảng Bàng (Tây Ninh). Ngày 17 và ngày 18-12-1862, Trương Định ra lệnh cho nghĩa quân đồng loạt mở cuộc tổng công kích vào các vị trí chiếm đóng của quân Pháp ở ba tỉnh miền đông Nam kỳ.

Trước tình hình đó, đầu năm 1863, quân Pháp tổ chức những cuộc hành quân

càn quét vào căn cứ Tân Hòa (Gò Công) của nghĩa quân Trương Định. Ngày 16-02-1863, đô đốc Bonard, tổng chỉ huy quân Pháp ở Nam kỳ, đến Gò Công, trực tiếp chỉ huy cuộc tấn công. Do thế giặc quá mạnh nên Trương Định vừa cho nghĩa quân mật phục đánh địch liên tục, vừa ra lệnh cho đại bộ phận nghĩa quân rút đi nơi khác để bảo toàn lực lượng cho cuộc chiến đấu lâu dài.

Sau đó, Trương Định di chuyển về khu vực "Đám lá tối trời" ở Gia Thuận để gầy dựng lại lực lượng. Thực dân Pháp tung bọn mật thám, bọn phản bội chỉ điểm ráo riết theo dõi mọi hoạt động của nghĩa quân. Theo đó, Huỳnh Văn Tấn (Đội Tấn) được lệnh truy lùng nơi ở của Trương Định. Ngày 20-8-1864, Đội Tấn chỉ huy bọn thuộc hạ bất ngờ đột kích vào nơi trú ngụ của ông tại Kiểng Phước (nay thuộc huyện Gò Công Đông, TG). Trận chiến không cân sức đã diễn ra; và cuối cùng, Trương Định đã anh dũng hy sinh vì đại nghĩa cứu nước, cứu dân, hưởng dương 44 tuổi, để lại bao niềm tiếc thương trong lòng người dân Gò Công và Nam bộ.

Sau khi ông mất, nhà yêu nước Nguyễn Đình Chiểu đã làm bài văn tế và mười hai bài thơ điếu Trương Định, ca ngợi cuộc đời chiến đấu hào hùng và cái chết lẫm liệt của ông. Một *Tờ tấu* trong danh mục *Châu bản triều Nguyễn* nhận xét về ông như sau: "Cố Trương Định mộ nghĩa ở Gò Công, chấn động thôn dân, đánh lấy được thảy đều vui mừng, cùng nhau báo cáo. Hoặc cùng nộp đưa tiền bạc, lúa gạo, lấy đó làm quân lương; hoặc quyên nộp đồng sắt, hỏa dược, cứu tế quân nhu. Già trẻ khỏe mạnh ở nhà đều ứng mộ, lòng ham muốn nhanh chóng được giết giặc Tây di". Con ông là Trương Quyền noi chí cha, tiếp tục phất cao cờ khởi nghĩa chống thực dân Pháp xâm lược và hy sinh anh dũng vào năm 1867.

Hiện nay, ở thị xã Gò Công, huyện Gò Công Đông, huyện Gò Công Tây, thành phố Mỹ Tho (tỉnh Tiền Giang), thành phố Quảng Ngãi (tỉnh Quảng Ngãi), Thành phố Hồ Chí Minh, thủ đô Hà Nội,… và nhiều tỉnh, thành khác đều có đường phố mang tên ông. Đồng thời, tên ông còn được đặt cho một trường trung học phổ thông ở thị xã Gò Công.

Lăng mộ và đền thờ của ông ở thị xã Gò Công được Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận là Di tích lịch sử cấp quốc gia năm 1989. Đền thờ của ông ở xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông cũng được Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận là Di tích lịch sử quốc gia năm 2004.

Đường Trương Định có điểm đầu: ĐT.862; điểm cuối: Đường Nguyễn Văn Côn; chiều dài: 0,400 km; chiều rộng: 15 m.

5. Đường Thủ Khoa Huân

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Vị trí đứng đầu khoa thi và tên danh nhân (Thủ Khoa Huân).

Tiểu sử danh nhân:

THỦ KHOA HUÂN

(1830 – 1875)

Thủ khoa Huân tên thật là Nguyễn Hữu Huân sinh năm 1830 tại thôn Tịnh Giang, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường (nay là xã Hòa Tịnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang).

Thuở nhỏ, ông nổi tiếng hiếu học và học giỏi. Năm 1852, ông đỗ thủ khoa kỳ thi tại trường thi Hương Gia Định, nên được gọi là Thủ khoa Huân. Sau đó, ông ra làm quan, được bổ làm Giáo thọ phủ Kiến An.

Sau khi giặc Pháp hạ thành Gia Định (tháng 2-1859); giữa năm 1859, ông hợp lực với Võ Duy Dương chiêu mộ nghĩa dũng, phất cờ khởi nghĩa. Lúc bấy giờ, ông được triều đình phong chức Phó Quản đạo.

Tháng 7-1862, ông đến căn cứ Tân Hòa (Gò Công) bàn việc thống nhất lực lượng nghĩa quân với Trương Định nhằm nâng cao sức mạnh chiến đấu chống giặc Pháp xâm lược. Tại đây, ông nhận chức Phó Đề đốc do vua Tự Đức ban cho.

Tháng 2-1863, sau khi căn cứ Tân Hòa thất thủ, ông về Chợ Gạo, xây dựng căn cứ Bình Cách (nay là xã Tân Bình Thạnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang). Từ căn cứ này, dưới sự chỉ huy của ông, nghĩa quân đã tỏa ra đánh quân Pháp ở Mỹ Quý (nay thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang), Thuộc Nhiêu (nay thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang), Mỹ Tho, Chợ Gạo,…

Giữa năm 1863, giặc Pháp tấn công căn cứ Bình Cách. Nghĩa quân đã chiến đấu vô cùng anh dũng, khiến bọn chúng phải khó khăn lắm mới phá vỡ được căn cứ này. Để bảo toàn lực lượng, ông cho nghĩa quân rút qua Thuộc Nhiêu, tiếp tục cuộc chiến đấu. Nghĩa quân đã liên tiếp mở nhiều cuộc tấn công vào Cái Thia, Cái Bè, Cai Lậy, Rạch Gầm, Trung Lương, Tân Lý (nay thuộc tỉnh Tiền Giang),…

Cuối năm 1863, thực dân Pháp huy động lực lượng lớn tấn công Thuộc Nhiêu. Nghĩa quân phải rút vào Đồng Tháp Mười, xây dựng căn cứ mới. Theo sự phân công giữa ông với Võ Duy Dương; ông sang An Giang - nơi còn thuộc quyền kiểm soát của triều đình - để tuyển mộ nghĩa quân và vận động nhân dân, kể cả triều đình, ủng hộ, đóng góp tiền của, vũ khí, lương thực cho cuộc kháng chiến.

Thế nhưng, do áp lực của thực dân Pháp, tháng 7-1864, quan Tổng đốc An Giang là Phan Khắc Thận đã nhu nhược bắt ông giao nộp cho quân giặc. Một tháng sau, ông bị chính quyền thực dân kết án 10 năm tù, đày đi Cayenne,Trung Mỹ (có tài liệu viết ông bị đày ở đảo Réunion, đông nam châu Phi)

Tháng 2-1869, sau 5 năm bị giam trong ngục tù ở hải ngoại, ông được thả về nước và bị quản thúc tại nhà của Đỗ Hữu Phương ở Chợ Lớn. Tại đây, Đỗ Hữu Phương vâng lệnh quan thầy ra sức mua chuộc, dụ dỗ ông. Nhưng, ông vẫn một

lòng một dạ trung thành với đất nước và nhân dân. Không những thế, ông còn tìm cách liên lạc với những người yêu nước và mưu tính phát động một cuộc khởi nghĩa mới.

Năm 1872, ông trốn thoát về Mỹ Tho, Chợ Gạo; cùng với Âu Dương Lân nổi lên khởi nghĩa với lực lượng nghĩa quân lên đến 3.000 người. Từ đây, phong trào chống Pháp do ông đứng đầu lan tỏa mạnh mẽ khắp vùng Mỹ Tho, Chợ Gạo, Cai Lậy, Tân An (nay thuộc tỉnh Long An), Chợ Lớn (nay thuộc TP Hồ Chí Minh),… Thủ lĩnh ở nhiều nơi cũng tham gia phong trào, như Nguyễn Văn Chất ở Vĩnh Long, Lê Công Thành, Phan Văn Đồng, Lâm Lễ ở Cần Thơ, Long Xuyên (nay thuộc tỉnh An Giang),… Một hệ thống chính quyền kháng chiến được xây dựng tại nhiều thôn xã, nhất là ở Mỹ Tho và Chợ Gạo.

Trước sự lớn mạnh của nghĩa quân, cuối năm 1874, thực dân Pháp huy động một lực lượng hùng hậu, từ nhiều hướng tấn công căn cứ Bình Cách. Nghĩa quân kháng cự vô cùng quyết liệt; nhưng do thế giặc quá mạnh, sau đó phải tan rã. Ông bị sa vào tay giặc. Bọn chúng giam ông ở nhà ngục Mỹ Tho; hết tra tấn dã man lại giở trò mua chuộc; nhưng vẫn không làm lung lay khí tiết của một đấng trượng phu anh hùng.

Tên Chánh tham biện Mỹ Tho là De Gailland chiêu hàng không thành, đã kết án và tử hình ông ngày 15-4 năm Ất Hợi (19-5-1875) tại chợ Tịnh Hà (nay thuộc xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo).

Hiện nay, đền thờ và lăng mộ của ông đã được công nhận Di tích lịch sử cấp quốc gia năm 1987, tọa lạc tại xã Hòa Tịnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Nơi ông thọ án chém tại chợ Tịnh Hà (xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo) cũng được xây bia tưởng niệm. Tượng đài của ông được tạc bằng đá hoa cương, tọa lạc tại công viên Lạc Hồng, Phường 1, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Cuộc đời và sự nghiệp của ông đã được khắc họa trên sân khấu qua vở cải lương "Trăng soi dòng Bảo Định" của Nghệ nhân ưu tú Huỳnh Anh. Tên Nguyễn Hữu Huân (hay Thủ khoa Huân) được đặt tên đường phố và trường học tại nhiều tỉnh thành trên cả nước.

Đường Thủ Khoa Huân có điểm đầu: Đường Nguyễn Trãi; điểm cuối: Đường 30 tháng 4; chiều dài: 0,700 km; chiều rộng: 7 m.

6. Đường Khu dân cư Khối vận

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Địa điểm quần cư (Khu dân cư) + Tổ chức chính trị (Khối vận: viết tắt từ "Khối dân vận", là cơ quan tham mưu trực tiếp và thường xuyên cho cấp ủy các cấp về công tác dân vận của Đảng, công tác tôn giáo, công tác dân tộc,...). Đường chạy ngang qua khu dân cư có cơ quan Khối vận đóng trụ sở.

Đường Khu dân cư Khối vận có điểm đầu: Đường Trương Định; điểm cuối: Đường 30 tháng 4; chiều dài: 0,340 km; chiều rộng: 6 m.

7. Đường Khu Lương Thực cũ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Danh từ (Khu: vùng được giới hạn, với những đặc điểm hoặc chức năng riêng, khác với xung quanh) + Danh từ (Lương thực: là sản phẩm được thu hoạch từ các loại cây lương thực, chủ yếu dùng làm lương thực cho người, là nguồn cung cấp chính về năng lượng và chất bột trong khẩu phần thức ăn) + Tính từ (Cũ). Đường chạy ngang qua khu có kho chứa lương thực nhưng không còn sử dụng (cũ).

Đường Khu Lương Thực cũ có điểm đầu: Đường 16 tháng 2; điểm cuối: Ranh đất của nhân dân; chiều dài: 0, 200 km; chiều rộng: 6 m.

8. Đường Võ Duy Linh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Võ Duy Linh).

Tiểu sử danh nhân:

VÕ DUY LINH

(1919 – 1968)

Võ Duy Linh, tên thật là Võ Văn Di, sinh năm 1919 tại làng Bình Ân, tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công (nay là xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân có truyền thống đấu tranh chống áp bức, bóc lột. Năm 1945, ông giác ngộ cách mạng, tham gia Đội Du kích xã, rồi lần lượt giữ các chức vụ Xã đội trưởng, Huyện ủy viên kiêm Bí thư xã.

Sau khi Hiệp định Genève (năm 1954) được ký kết, ông tiếp tục làm Huyện ủy viên Gò Công, được tổ chức phân công ở lại miền Nam hoạt động. Đây là thời kỳ chính quyền Ngô Đình Diệm được Mỹ giật dây thẳng tay khủng bố, đàn áp quần chúng. Vì thế, phong trào cách mạng ở Gò Công bị tổn thất nghiêm trọng, hàng loạt cán bộ hoặc bị địch bắt bớ, giết hại hoặc theo chủ trương của cấp trên phải "điều lắng" tạm lánh đi nơi khác.

Năm 1957, chấp hành mệnh lệnh của tổ chức, ông chuyển đổi địa bàn hoạt động lên Sài Gòn. Với tinh thần tiến công cách mạng cao độ, không sợ gian khổ, hy sinh, chỉ một năm sau (năm 1958), ông trở về Gò Công đang bị địch bình định trắng, kiên trì bám đất, bám dân, gầy dựng lại cơ sở cách mạng, phát động quần chúng đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ, hòa bình, chống tố cộng, diệt cộng.

Ngày 21-1-1960, ông đại diện cho Huyện ủy Gò Công dự Hội nghị triển khai Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng do Tỉnh ủy Mỹ Tho triệu tập. Tại hội nghị quan trọng này, ông được phân công nhiệm vụ phát động cuộc "Đồng khởi" ở huyện Gò Công (nay là huyện Gò Công Đông và TX. Gò Công) và huyện Hòa Đồng (nay là huyện Gò Công Tây và huyện Tân Phú Đông).

Tháng 2-1960, ông trở về căn cứ Rừng Sác, thành lập Ban Cán sự Đảng hai huyện Gò Công và Hòa Đồng; trong đó Ban Cán sự Đảng huyện Gò Công do ông làm Bí thư. Cùng với tập thể Ban Cán sự, ông đã ra sức xây dựng lực lượng chính trị của quần chúng và lực lượng vũ trang cách mạng; đồng thời, lãnh đạo, chỉ đạo hai lực lượng này thực hiện liên tục các cuộc tấn công và nổi dậy trong suốt năm 1960, phá vỡ từng mảng lớn bộ máy chính quyền địch ở cơ sở, chấm dứt thời kỳ thoái trào ở Gò Công, mở ra bước phát triển mới của phong trào cách mạng ở địa phương, tiến cùng nhịp độ phát triển trong toàn tỉnh.

Tháng 6-1961, ông được bầu làm Tỉnh ủy viên Mỹ Tho, Bí thư Huyện ủy Gò Công. Với trách nhiệm của mình, ông đã chỉ đạo xây dựng các cơ quan Huyện ủy, cơ sở đảng từ huyện xuống tận xã, ấp; xây dựng lực lượng chính trị của quần chúng và lực lượng vũ trang huyện. Từ năm 1961 - 1963, dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, phong trào du kích chiến tranh, phá "Ấp chiến lược", đấu tranh chính trị và công tác binh vận ở huyện Gò Công phát triển mạnh mẽ, được Tỉnh ủy công nhận và tuyên dương là huyện có phong trào phát triển mạnh và vững chắc trong toàn tỉnh.

Đầu năm 1963, ông được cấp trên cử đi học; rồi được điều lên tỉnh, là Tỉnh ủy viên tỉnh Mỹ Tho, Trưởng Ban An ninh tỉnh. Dưới sự chỉ đạo của ông, Ban An ninh tỉnh và các huyện được kiện toàn, đã đập tan âm mưu chống phá cách mạng của địch bằng phương thức tình báo, gián điệp mà chúng đang ráo riết triển khai để thực hiện kế hoạch gom dân, lập ấp chiến lược.

Đầu năm 1964, ông được Tỉnh ủy cử trở lại Gò Công với nhiệm vụ Tỉnh ủy viên tỉnh Mỹ Tho, Bí thư Huyện ủy. Trong thời kỳ ông làm Bí thư Huyện ủy, hệ thống cơ sở đảng vẫn được giữ vững, cán bộ bám chặt trong dân, vùng giải phóng được củng cố, phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng, hoạt động vũ trang của bộ đội địa phương và du kích xã, ấp phát triển mạnh mẽ, mặc dù địch tăng cường đánh phá rất ác liệt nhằm thực hiện âm mưu biến nơi đây thành mô hình bình định kiểu mẫu của bọn chúng.

Tháng 10-1967, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy Gò Công (vừa mới được tái lập theo quyết định của Khu ủy Khu 8), ông cùng tập thể Huyện ủy ráo riết lãnh đạo, chỉ đạo quân và dân huyện nhà chuẩn bị lực lượng về mọi mặt, nhất là lực lượng vũ trang, tuyển quân, hậu cần, dân công, sẵn sàng thực hiện lệnh nổi dậy và tiến công của cấp trên.

Đúng 2 giờ ngày mùng 2 Tết Mậu Thân (ngày 01-02-1968), theo kế hoạch của Tỉnh ủy, ông phát lệnh cho bộ đội địa phương và du kích các xã thuộc huyện Gò Công nổ súng tiến công địch trên địa bàn toàn huyện; đồng thời, chi viện cho bộ đội tỉnh tiến công vào thị xã Gò Công, khiến địch bị tổn thất nặng nề, phần lớn đồn bót, tháp canh của bọn chúng đều bị ta tiêu diệt; các xã trên địa bàn huyện,

như Tân Thành, Tân Bình Điền, Bình Ân, Bình Xuân, Phước Trung thành lập Ủy ban nhân dân giải phóng cấp xã.

Sau đó, ông chỉ huy lực lượng vũ trang huyện đánh địch phản kích. Ngày 16-2-1968, trên đường đi công tác từ vùng C về vùng A, ông bị địch phục kích, đã anh dũng chiến đấu, hy sinh tại ấp Gò Một, xã Tân Niên Đông (nay là xã Tân Đông, huyện Gò Công Đông).

Sau năm 1975, ông được Nhà nước truy tặng Huân chương Độc lập. Bí danh của ông được đặt tên đường ở thị xã Gò Công, huyện Gò Công Đông và tên trường trung học cơ sở ở xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông.

Đường Võ Duy Linh có điểm đầu: ĐT.862; điểm cuối: ĐH.02; chiều dài: 0,750 km; chiều rộng: 8 m.

9. Đường Nguyễn Trãi

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Trãi).

Tiểu sử danh nhân:

NGUYỄN TRÃI

(1380 - 1442)

Nguyễn Trãi (1380 - 1442), quê gốc ở làng Chi Ngại, huyện Phượng Sơn, lộ Lạng Giang (nay thuộc thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương). Ông là con trai của Nguyễn Phi Khanh và bà Trần Thị Thái, là cháu ngoại của Trần Nguyên Đán.

Thi đỗ Thái học sinh năm 1400, Nguyễn Trãi từng làm quan dưới triều Hồ. Sau khi nước ta bị rơi vào ách cai trị của nhà Minh (1407), Nguyễn Trãi tham gia cuộc khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo. Ông trở thành mưu sĩ của nghĩa quân Lam Sơn trong việc bày tính mưu kế cũng như soạn thảo các văn thư ngoại giao với chính quyền đô hộ nhà Minh. Ông là khai quốc công thần và là văn thần có uy tín ở thời đầu nhà Hậu Lê. Tuy nhiên, năm 1442, toàn thể gia đình Nguyễn Trãi bị giết chết trong vụ án Lệ Chi Viên. Năm 1464, vua Lê Thánh Tông xuống chiếu giải oan cho ông.

Nguyễn Trãi cũng là một nhà văn hoá lớn, có đóng góp quan trọng vào sự phát triển của văn học và tư tưởng Việt Nam. Ông được coi là anh hùng dân tộc, danh nhân văn hoá của Việt Nam. Năm 1980, Nguyễn Trãi được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá của Liên hợp quốc (UNESCO) công nhận là Danh nhân văn hoá thế giới.

Đường Nguyễn Trãi có điểm đầu: Công viên Tân Hòa; điểm cuối: Đường Thủ Khoa Huân; chiều dài: 1,500 km; chiều rộng: 7 m.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên cầu ở huyện Gò Công Đông: 13 địa danh.**

Khái niệm Cầu

Cầu là một công trình giao thông được bắc qua các chướng ngại nước, như rãnh nước, dòng suối, dòng sông, dòng kênh/kinh, dòng rạch, hồ, biển hay các chướng ngại khác, như đường bộ, đường sắt,… đảm bảo cho giao thông được liên tục.

Trên Đường tỉnh 862: 02 địa danh

1. Cầu Tân Hòa

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Thị trấn Tân Hòa).

- Vị trí: Km 7+906, thị trấn Tân Hòa, huyện Gò Công Đông, nằm trên Đường tỉnh 862.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Tăng Hòa

- Quy mô: 3 nhịp dài 56,6m; mặt BTCT 7m (1,5+7+1,5); dầm BTTA 18,6m; Htt: +2.50

- Tải trọng (Tấn): 16

- Năm đưa vào sử dụng: 1994

2. Cầu Tân Thành

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Xã Tân Thành).

- Vị trí: Km 12+370, xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông, nằm trên Đường tỉnh 862.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Champeaux

- Quy mô: 1 nhịp dài 25,24m; mặt BTCT 7m; khổ cầu 10m; 5 Dầm BTTA 24,54m; Htt: +3.00

- Tải trọng (Tấn): 25

- Năm đưa vào sử dụng: 2002

Trên Đường tỉnh 871: 01 địa danh

Cầu Xóm Gồng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh chỉ vùng (Xóm: là nơi quần tụ những hộ gia đình sinh sống gần nhau, có hoặc không có mối quan hệ họ hàng với nhau) + Động tác (Gồng: thuật vận nội công trong võ thuật). Xóm Gồng là xóm dân cư nổi tiếng giỏi võ nghệ.

- Vị trí: Km 7+630, xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông, nằm trên Đường tỉnh 871.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Xóm Gồng.

- Quy mô: 3 nhịp dài 26,3m (2x6,5+12,5); mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; nhịp giữa dầm BTTA , nhịp biên bản có sườn BTCTđổ tại chỗ; Htt: +1.60

- Tải trọng (Tấn): HL93[39]

- Năm đưa vào sử dụng: 2011

Trên Đường tỉnh 871B: 03 địa danh

1. Cầu Vàm Tháp

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa hình thiên nhiên (Vàm) + Công trình xây dựng (Tháp).

- Vị trí: Km 2+755, xã Tân Phước, huyện Gò Công Đông, nằm trên Đường tỉnh 871B.

- Cầu bắc qua: Rạch Vàm Tháp

- Quy mô: 3 nhịp dài 56,6m; mặt BTCT rộng 12m; khổ cầu 13m; dầm BTTA 8 dầm/ nhịp; Htt: +3.50

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2017

2. Cầu Xã Sách

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Chức vụ làng xã thời xưa (Xã trưởng gọi tắt là Xã) + Tên người (Sách).

- Vị trí: Km 5+906, xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, nằm trên Đường tỉnh 871B.

- Cầu bắc qua: Rạch Xã Sách.

- Quy mô: 3 nhịp dài 38m); mặt BTCT rộng 12m; khổ cầu 13m; dầm BTTA 8 dầm/ nhịp; Htt: +3.50

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2017

3. Cầu Xóm Gồng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh chỉ vùng (Xóm: là nơi quần tụ những hộ gia đình sinh sống gần nhau, có hoặc

[39] HL93 được viết tắt từ Tiếng Anh: **H**ighway **L**oad accepted in 19**93** (Tải trọng trên đường cao tốc được chấp nhận vào năm 1993), tải trọng HL93 tương đương 40 tấn.

không có mối quan hệ họ hàng với nhau) + Động tác (Gồng: thuật vận nội công trong võ thuật). Xóm Gồng là xóm dân cư nổi tiếng giỏi võ nghệ.

- Vị trí: Km 6+231, xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, nằm trên Đường tỉnh 871B.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Xóm Gồng.

- Quy mô: 3 nhịp dài 38,1m (3x12,5); mặt BTCT rộng12m; khổ cầu 13m; dầm BTTA 8 dầm/ nhịp; Htt: +3.50

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2017

Trên Đường tỉnh 871C: 04 địa danh

1. Cầu Kinh/Kênh Cặp Xóm

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Động từ (Cặp: các vật có liên quan với nhau) + Địa danh chỉ vùng (Xóm). Kinh/Kênh Cặp Xóm là kinh/kênh nằm cạnh xóm dân cư.

- Vị trí: Km 8+817, Xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông, nằm trên Đường tỉnh 871C.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Cặp Xóm

- Quy mô: 1 nhịp dài 9,44m; mặt BTCT rộng 4,4m; dầm BTDƯL.

- Tải trọng (Tấn): 8

- Năm đưa vào sử dụng: 2015

2. Cầu Kinh/Kênh 1

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Chữ số (1).

- Vị trí: Km 9+193, xã Tân Điền, huyện Gò Công Đông, nằm trên Đường tỉnh 871C.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh 1

- Quy mô: 1 nhịp dài 15,44m; mặt BTCT rộng 4,4m; dầm BTDƯL

- Tải trọng (Tấn): 8

- Năm đưa vào sử dụng: 2015

3. Cầu Kinh/Kênh 3

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Chữ số (3).

- Vị trí: Km 10+555, xã Tân Điền, huyện Gò Công Đông, nằm trên Đường tỉnh 871C.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh 3

- Quy mô: 3 nhịp dài 39,44m; mặt BTCT rộng 4,4m; dầm BTDƯL

- Tải trọng (Tấn): 8

- Năm đưa vào sử dụng: 2015

4. Cầu Kinh/Kênh U Du

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Thực vật (Cây U du).

- Vị trí: Km 9+530, xã Tân Điền, huyện Gò Công Đông, nằm trên Đường tỉnh 871C.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh U Du

- Quy mô: 1 nhịp dài 12,44m; mặt BTCT rộng 4,4m; dầm BTDƯL

- Tải trọng (Tấn): 8

- Năm đưa vào sử dụng: 2015

Trên Đường tỉnh 873B: 02 địa danh

1. Cầu Giáo Hộ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Nghề nghiệp (Thầy giáo) + Tên người (Hộ).

- Vị trí: Km 10+917, xã Tân Tây, huyện Gò Công Đông, trên Đường tỉnh 873B

- Cầu bắc qua: Rạch Tổng Châu

- Quy mô: 3 nhịp dài 38m; mặt BTCT rộng 7m; khổ cầu 8m; dầm BTTA; Htt: +2.00

- Tải trọng (Tấn): H.93

- Năm đưa vào sử dụng: 2013

2. Cầu Ông Non

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Giới tính và tên người (Ông Non).

- Vị trí: Km 8+267, xã Tân Trung - xã Tân Tây, huyện Gò Công Đông, trên Đường tỉnh 873B

- Cầu bắc qua: Rạch Láng Nứa

- Quy mô: 3 nhịp dài 74,04m (3x24,68); mặt BTCT rộng 7m; khổ cầu 8m; dầm BTTA; Htt: +2.00

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2014

Trên Quốc lộ 50: 01 địa danh

Cầu Sơn Quy

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa hình thiên nhiên (Sơn: 山: Núi) + Động vật (Quy: 龜: Rùa).

Sơn Quy, nguyên có tên là Quy Nguyên (龜原), có nghĩa là Gò Rùa, bởi vì nơi đây, thuở lưu dân người Việt đến khai phá, có rất nhiều rùa sinh sống; cũng có thuyết cho rằng, giồng có hình vòng tròn và dài, giữa lại cao lên giống như một con rùa nằm, nên gọi là Gò Rùa.

Đây là tổ quán của đức Thái hậu Từ Dụ (Từ Dũ). Vào giữa thế kỷ thứ XVIII, ông Phạm Đăng Long theo cha từ Quảng Ngãi vào vùng Gò Công vốn hãy còn hoang vu để lập nghiệp. Là người giỏi Nho học, tinh thông phong thủy, địa lý, ông đi nhiều nơi tìm thế đất tốt để định cư, mong con cháu sau này phát tích, hưng vượng. Lúc ông đến Gò Rùa, thấy thế đất ở đây rất đẹp và có giếng nước ngọt, trong khi đó, toàn vùng Gò Công, giếng nước ngọt rất hiếm. Do đó, ông đã quy tập mồ mả 3 đời về đây và xây nhà ở gò đất này[40]. Ông Phạm Đăng Long kết hôn với bà Phan Thị Tánh sinh ra Phạm Đăng Hưng, sau này trở thành đại công thần của triều Nguyễn. Phạm Đăng Hưng là thân phụ của bà Từ Dụ (Từ Dũ), hoàng phi của vua Thiệu Trị, hoàng mẫu của vua Tự Đức.

Do Gò Rùa (Quy Nguyên) là quê ngoại của nhà vua, nên vua Tự Đức thay chữ Quy Nguyên thành Sơn Quy tức là Gò Rùa thành ra Núi Rùa, ý muốn nói nơi phát tích bên ngoại được vững bền như Núi Rùa, là một loại trong Tứ Linh (Long - Lân - Qui - Phụng) sống lâu lại hợp với Núi càng vững bền thêm mãi. Tại đây, vua Thiệu Trị rồi vua Tự Đức cho xây dựng ngôi Từ đường thích lý (bên ngoại của nhà vua) và cấp ruộng đất để phục vụ việc thờ phụng.

- Vị trí: km46+624

- Cầu bắc qua: Rạch Sơn Quy

- Số nhịp: 5

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2004

---

[40] Phòng Quản lý du lịch, *Lăng mộ Hoàng gia*, Trang thông tin điện tử Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Tiền Giang.

- Chiều dài: 126,6 m

- Chiều rộng: 10 m

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn địa danh Cống, Đập, Đê**

Cống:

1. Cống Long Uông

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa danh Hán Việt (Long: 龍: Rồng; Uông: 尪: Yếu đuối).

Theo Việt Cúc, thuở xưa, nơi đây là rừng già, cây cối rậm rạp, bùn lầy nước đọng, thú rừng rất nhiều và thường đi vào sông Cửa Tiểu, dấu chân giẫm nát thành một lối đi cong quẹo, lâu ngày nước chảy bùn trôi, theo dấu trũng xuống thành một con rạch. Dân gian xem hình thể như một con rồng yếu ớt nên đặt là Long Uông[41].

Cống ở xã Phước Trung, huyện Gò Công Đông, được xây dựng năm 1989; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 8 m, sâu 3,5 m, diện tích phục vụ 2.400 ha.

2. Cống Rạch Bùn Mới

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Rạch: là dòng nước tự nhiên, nhỏ hơn sông, ghe thuyền đi lại được[42]) + Vật chất (Bùn: là đất lẫn với nước thành một chất sền sệt) + Tính từ (Mới)

Cống ở xã Tân Điền, huyện Gò Công Đông, được xây dựng năm 2011; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 7,5 m, sâu 2,5 m, diện tích phục vụ 2.500 ha.

3. Cống Vàm Kinh/Kênh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Vàm) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh: là dòng dẫn nước do con người tạo ra, nhằm vào nhiều mục đích, trong đó có hai mục đích chính là thủy lợi và giao thông thủy)

Cống ở xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông, được xây dựng năm 1973; là loại cống hộp, số cửa 4 , chiều rộng 2 x 2 m, sâu 2 m, diện tích phục vụ 2.000 ha.

4. Cống Vàm Tháp

---

[41] Việt Cúc (1999), *Gò Công cảnh cũ người xưa*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, trang 32.

[42] Lê Trung Hoa (2012), *Từ địa phương chỉ địa hình trong địa danh Nam Bộ*, Tạp chí Ngôn ngữ số 4, 2012, trang 37.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Vàm) + Công trình xây dựng (Tháp: Theo Việt Cúc, thời xưa, nơi đây có một tháp cổ; hiện nay, không còn dấu tích[43])

Cống ở xã Tân Phước, huyện Gò Công Đông, được xây dựng năm 1998; là loại cống hở, số cửa 2, chiều rộng 4,5 m, sâu 2,7 m, diện tích phục vụ 2.000 ha.

*** Cống lớn:**

Cống Rạch Bùn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Vật chất (Bùn).

Cống ở xã Tân Điền, huyện Gò Công Đông, được xây dựng năm 1974; là loại cống hộp, số cửa 4, chiều rộng 1,8x2 m, sâu 2,32 m, diện tích phục vụ 2.000 ha.

*** Cống vừa và nhỏ:**

1. Cống Bình Đông 2

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa danh hành chính (Xã Bình Đông) + Số hiệu (2).

Cống ở xã Bình Đông, huyện Gò Công Đông, được xây dựng năm 2006; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 1,8 m, sâu 2,2 m, diện tích phục vụ 150 ha.

2. Cống Cầu Kiều

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Loại hình cầu (Cầu kiều là một loại cầu bắc ra giữa hồ nước để làm trò chơi vào dịp đầu xuân xưa kia[44]).

Cống ở xã Phước Trung, huyện Gò Công Đông, được xây dựng năm 1995; là loại cống tròn, số cửa 1, chiều rộng Φ 60 m, sâu 0,6 m, diện tích phục vụ 10 ha.

3. Cống Chủ Khá

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Chức vụ làng xã thời xưa (Hương chủ, gọi tắt là Chủ) + tên người (Khá).

Cống ở xã Phước Trung, huyện Gò Công Đông, được xây dựng năm 2001 ; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 2,3 m, sâu 2,2 m, diện tích phục vụ 150 ha.

4. Cống C1

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Chữ cái la tinh (C) + Số hiệu (1).

---

[43] Việt Cúc (1999), *Gò Công cảnh cũ người xưa*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, trang 47.
[44] Nguyễn Cảnh Phúc, *Một cách hiểu rất lạ về từ "Cầu Kiều"*, Tạp chí Ngôn Ngữ số 12, năm 2012, trang 72.

Cống ở xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, được xây dựng năm 2005; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 2,3 m, sâu 2 m, diện tích phục vụ 300 ha.

5. Cống C2

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Chữ cái la tinh (C) + Số hiệu (2).

Cống ở xã Tân Phước, huyện Gò Công Đông, được xây dựng năm 2005; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 2,3 m, sâu 2 m, diện tích phục vụ 300 ha.

6. Cống Dương Hòa

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa danh Hán Việt (Dương Hòa).

Cống ở xã Phước Trung, huyện Gò Công Đông, được xây dựng năm 2001; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 2,3 m, sâu 2,43 m, diện tích phục vụ 200 ha.

7. Cống Dưới Đê nhánh 2

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Vị trí (Phía dưới) + Công trình xây dựng (Đê) + Danh từ (Nhánh: Cái nhỏ hơn, phân ra từ cái chính, nhưng vẫn nối liền với cái chính) + Số hiệu (2).

Cống ở ấp Rạch Bùn, xã Tân Điền, huyện Gò Công Đông, được xây dựng năm 2012; là loại cống hộp, số cửa 1, chiều rộng 3 m, sâu 1 m, diện tích phục vụ 65 ha.

8. Cống Dưới Đê nhánh 3

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Vị trí (Phía dưới) + Công trình xây dựng (Đê) + Danh từ (Nhánh) + Số hiệu (3).

Cống ở ấp Rạch Bùn, xã Tân Điền, huyện Gò Công Đông, được xây dựng năm 2012; là loại cống hộp, số cửa 1, chiều rộng 3 m, sâu 1 m, diện tích phục vụ 75 ha

9. Cống Gia Thuận

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa danh hành chính (Xã Gia Thuận).

Cống ở xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, được xây dựng năm 1997; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 5,5 m, sâu 2,6 m, diện tích phục vụ 1.200 ha.

10. Cống Nghĩa Chí

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa danh Hán Việt (Nghĩa Chí).

Cống ở xã Phước Trung, huyện Gò Công Đông, được xây dựng năm 2007; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 2,3 m, sâu 2,27 m, diện tích phục vụ 350 ha.

11. Cống Rạch Dà

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Thực vật (Cây dà: là loại cây mọc trong rừng ngập mặn, thân bụi hay nhỡ, có khi cao đến 15 m; gỗ dùng trong xây dựng, làm xuồng ghe, làm than củi cho nhiệt lượng cao; vỏ cây dùng để nhuộm dây câu, lưới, buồm, ăn với trầu, đắp cầm máu vết thương. Rạch Dà còn được gọi là Rạch Già).

Cống ở xã Phước Trung, huyện Gò Công Đông, được xây dựng năm 1993; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 4,5 m, sâu 2 m, diện tích phục vụ 750 ha.

12. Cống Rạch Gốc (Xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông)

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Danh từ (Gốc).

Cống ở xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông, được xây dựng năm 1973; là loại cống hộp, số cửa 3, chiều rộng 1 m, sâu 0,7 m, diện tích phục vụ 300 ha.

13. Cống Rạch Gốc (Thị trấn Vàm Láng, huyện Gò Công Đông)

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) +Danh từ (Gốc).

Cống ở thị trấn Vàm Láng, huyện Gò Công Đông, được xây dựng năm 1994; là loại cống hộp, số cửa 2, chiều rộng 3 m, sâu 2 m, diện tích phục vụ 1.000 ha.

14. Cống Số 1 Vàm Láng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Số hiệu (Số 1) + Địa danh Việt gốc Khmer (Vàm) + Địa hình thiên nhiên (Láng: là vùng đất thấp khá rộng, ngập nước, có nhiều tôm cá, thực vật, như cỏ lác, đưng,…[45]).

Cống ở thị trấn Vàm Láng, huyện Gò Công Đông, được xây dựng năm 1998; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 1,5 m, sâu 2,2 m, diện tích phục vụ 400 ha.

15. Cống Số 2 Bến Chùa

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Công trình xây dựng (Bến: là chỗ bờ sông, người ta thường xây bậc lên xuống để lấy nước, tắm giặt, xếp dỡ hàng hoá, như bến đò, bến tàu,… Sau đó, bến còn bao gồm luôn cả bến xe trên đường bộ) + Công trình xây dựng mang yếu tố tôn giáo (Chùa là nơi thờ Phật, các cơ sở thờ tự của Phật giáo; đồng thời, cũng là chỗ tu học, lễ bái của Tăng Ni và Phật tử).

Cống ở xã Phước Trung, huyện Gò Công Đông, được xây dựng năm 1978; là loại cống hộp, số cửa 1, chiều rộng 3 m, sâu 1 m, diện tích phục vụ 20 ha.

16. Cống Tân Thành

---

[45] T.C, *Lãng, láng, làng…*, Báo điện tử Bạc Liêu, ngày 13/7/2012.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) Địa danh hành chính (Xã Tân Thành).

Cống ở xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông, được xây dựng năm 1999; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 2 m, sâu 1,5 m, diện tích phục vụ 400 ha.

17. Cống Tiêu Rạch Xẽo

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Động từ (Tiêu nước) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Địa hình thiên nhiên (Xẽo: Theo *Đại Nam quấc âm tự vị* của Huình Tịnh Paulus Của, "xẽo là đàng (đường) nước vắn tắt, ngọn rạch nhỏ như cái cựa gà[46]". Xẽo là để chỉ con rạch cùng, nước chảy vào chảy ra chỉ có một đầu. Xẽo có hai loại: xẽo to có công dụng dẫn nước lên ruộng hay vận chuyển lúa; xẽo nhỏ vừa làm ranh giới giữa khu vườn này với khu vườn khác hoặc dùng để dẫn nước phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt, tưới tiêu, làm bến đậu ghe xuồng[47],…

Cống ở ấp Xóm Rẫy, xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông, được xây dựng năm 1994; là loại cống hộp, số cửa 1, chiều rộng 4 m, sâu 2,5 m, diện tích phục vụ 165 ha.

18. Cống Tưới Rạch Xẻo

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Động từ (Tưới nước) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Địa hình thiên nhiên (Xẽo).

Cống ở ấp Xóm Rẫy, xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông, được xây dựng năm 1976; là loại cống hộp, số cửa 3, chiều rộng 5 m, sâu 2,5 m, diện tích phục vụ 265 ha.

19. Cống Xã Sách

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) +

Cống ở xã Tân Phước, huyện Gò Công Đông, được xây dựng năm 1997; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 1,5 m, sâu 2,2 m, diện tích phục vụ 400 ha.

20. Cống Xóm Gồng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Đơn vị cư trú (Xóm: là nơi quần tụ những hộ gia đình sinh sống gần nhau, có hoặc không có mối quan hệ họ hàng với nhau) + Động tác (Gồng: thuật vận nội công trong võ thuật). Xóm Gồng là xóm dân cư nổi tiếng giỏi võ nghệ.

Cống ở xã Tân Phước, huyện Gò Công Đông, được xây dựng năm 1992; là loại cống hộp, số cửa 1, chiều rộng 3 m, sâu 2,15 m, diện tích phục vụ 1.000 ha.

---

[46] Huình Tịnh Paulus Của (tái bản năm 2018), *Đại Nam quấc âm tự vị*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, trang 1190.

[47] Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Quang Ân (2007), *Địa chí Tiền Giang (tập 2)*, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tiền Giang và Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, trang 623.

Đê:

Khái niệm

Theo Điều 3 Luật Đê điều năm 2006:

Đê là công trình ngăn nước lũ của sông hoặc ngăn nước biển, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phân loại, phân cấp theo quy định của pháp luật.

Đê điều là hệ thống công trình bao gồm đê, kè bảo vệ đê, cống qua đê và công trình phụ trợ.

1. Đê biển Gò Công

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đê) + Địa hình thiên nhiên (Gò) + Động vật (Chim công).

Đê Biển Gò Công kéo dài từ thị trấn Vàm Láng đến xã Kiểng Phước, xã Tân Điền, xã Tân Thành của huyện Gò Công Đông, có điểm đầu là Đường tỉnh 871 và điểm cuối cống Rạch Gốc, được xây dựng trước năm 1975.

Từ năm 1998, từ nguồn kinh phí của Trung ương và địa phương, tỉnh Tiền Giang cho đầu tư nâng cấp, cải tạo mặt đê, làm kè chân đê chống xói lở,… Hiện tại (năm 2022), toàn bộ mặt đê biển Gò Công đã bê tông hóa, nhựa hóa với chiều dài 21,200 m, chiều rộng 7,5 m, cao trình 3,5 m - 4 m, có khả năng chống chịu bão cấp 9.

Đê biển Gò Công có vai trò quan trọng trong công tác phòng chống lụt bão và là tuyến giao thông trọng yếu ven biển. Đê biển Gò Công hôm nay, không chỉ là pháo đài khá vững chắc ngăn nước biển dâng tràn mà còn là tuyến đường giao thông ven biển, có khả năng phục vụ phương tiện có tải trọng dưới 10 tấn. Nhờ đó, cuộc sống, sản xuất, sinh hoạt của hàng chục nghìn hộ dân vùng ngọt hóa Gò Công đã được an toàn.

2. Đê Cửa sông Gò Công 1 (Ven sông Cửa Tiểu)

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đê) + Địa hình thiên nhiên (Cửa sông) + Địa hình thiên nhiên (Gò) + Động vật (Chim công) + Số hiệu (1).

Đê kéo dài qua các xã Tân Thành, Phước Trung, Tăng Hòa của huyện Gò Công Đông, có điểm đầu: Đường tỉnh 877, điểm cuối: cửa rạch Long Uông, được xây dựng năm 1997; toàn bộ mặt đê đã bê tông hóa, nhựa hóa với chiều dài 11.220 m, chiều rộng 4 m - 6 m, cao trình 2,22 m - 2,65 m.

3. Đê Cửa sông Gò Công 1 (Ven sông Soài Rạp)

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đê) + Địa hình thiên nhiên (Cửa sông) + Địa hình thiên nhiên (Gò) + Động vật (Chim công) + Số hiệu (1).

Đê kéo dài qua các xã Tân Phước, Gia Thuận, Kiểng Phước, thị trấn Vàm Láng của huyện Gò Công Đông, có điểm đầu: cống Vàm Tháp, điểm cuối: Đường tỉnh 871, được xây dựng năm 1994; toàn bộ mặt đê đã bê tông hóa, nhựa hóa với chiều dài 16.500 m, chiều rộng 4 m - 5 m, cao trình 2,6 m - 3 m.

4. Đê Nhánh 2 (Bờ Bắc kinh/kênh Trần Văn Dõng)

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đê) + Danh từ (Nhánh: cái nhỏ hơn, phân ra từ cái chính, nhưng vẫn nối liền với cái chính + Số hiệu (2).

Đê ở xã Tân Điền, huyện Gò Công Đông, có điểm đầu: đê Dự Phòng, điểm cuối: cống Rạch Bùn Cũ, được xây dựng năm 2013; toàn bộ mặt đê đã bê tông hóa, nhựa hóa với chiều dài 611 m, chiều rộng 4 m, cao trình 2,8 m - 3,8 m.

5. Đê Nhánh 3 (Bờ Nam kinh/kênh Trần Văn Dõng)

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đê) + Danh từ (Nhánh) + Số hiệu (3).

Đê ở xã Tân Điền, huyện Gò Công Đông, có điểm đầu: đê Dự Phòng, điểm cuối: cống Rạch Bùn Cũ, được xây dựng năm 2013; toàn bộ mặt đê đã bê tông hóa, nhựa hóa với chiều dài 593 m, chiều rộng 4 m, cao trình 3 m - 3,9 m.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên bến xe, bến đò, bến phà:**

Bến xe:

Theo quy định của Bộ Giao thông - Vận tải có 2 loại bến xe là bến xe khách và bến xe hàng. Trong phạm vi đề tài, tập trung nghiên cứu về địa danh bến xe khách trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Khái niệm bến xe khách:

Theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách - Sửa đổi lần 1 năm 2015, Bến xe khách là công trình thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thực hiện chức năng phục vụ xe ô tô đón, trả hành khách và các dịch vụ hỗ trợ vận tải hành khách công cộng được xây dựng trên một thửa đất hoặc nhiều thửa đất liền kề.

Cũng theo Thông tư nêu trên, Bến xe khách được phân thành 6 loại. Quy định về các hạng mục công trình tương ứng với từng loại bến xe khách như trong Bảng sau:

TT	Tiêu chí phân loại	Đơn vị tính	Loại bến xe khách					
			Loại 1	Loại 2	Loại	Loại	Loại	Loại

					3	4	5	6
1	Diện tích mặt bằng (tối thiểu)	m^2	15.000	10.000	5.000	2.500	1.500	500
2	Diện tích bãi đỗ xe ôtô chờ vào vị trí đón khách (tối thiểu)	m^2	5.000	3.000	1.000	500	160	80
3	Diện tích bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác	m^2	2.000	1.500	900	400	30	20
4	Diện tích tối thiểu phòng chờ cho hành khách (có thể phân thành nhiều khu vực trong bến)	m^2	500	300	150	100	50	30
5	Số vị trí đón, trả khách (tối thiểu)	vị trí	50	40	30	20	10	6
6	Số chỗ ngồi tối thiểu khu vực phòng chờ cho hành khách	chỗ	100	60	30	20	10	10

7	Hệ thống điều hòa, quạt điện khu vực phòng chờ cho hành khách (tối thiểu)	-	Đảm bảo nhiệt độ không vượt quá 30°C	Quạt điện	Quạt điện	Quạt điện	Quạt điện	Quạt điện
8	Diện tích khu vực làm việc	-	Bình quân 4,5 m^2/người					
9	Diện tích văn phòng dành cho Y tế	-	Tối thiểu 10 m^2					
10	Diện tích khu vệ sinh	-	> 1 % tổng diện tích xây dựng bến (Có nơi vệ sinh phục vụ người khuyết tật theo QCVN 10:2014/BXD)					
11	Diện tích dành cho cây xanh, thảm cỏ	-	Tỷ lệ diện tích đất dành cho cây xanh, thảm cỏ tối thiểu 2% tổng diện tích					
12	Đường xe ra, vào bến	-	riêng biệt			chung (rộng tối thiểu 7,5 m)		
13	Đường dẫn từ phòng chờ cho hành khách đến các vị trí đón, trả khách	-	Có mái che					
14	Kết cấu mặt	-	Mặt đường nhựa hoặc bê tông xi măng					

	đường ra, vào bến xe và sân bến				
15	Hệ thống cung cấp thông tin	-	Có hệ thống phát thanh, có hệ thống bảng chỉ dẫn bằng điện tử, có thiết bị tra cứu thông tin tự động	Có hệ thống phát thanh, có hệ thống bảng chỉ dẫn	
16	Hệ thống kiểm soát xe ra vào bến	-	Có phần mềm quản lý bến xe và trang bị hệ thống camera giám sát xe ra vào bến	Có phần mềm quản lý bến xe	

1. Bến xe Tân Hòa

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến xe) + Địa danh hành chính (Thị trấn Tân Hòa).

Bến xe Tân Hòa, mã số (63)17, tọa lạc tại thị trấn Tân Hòa, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, diện tích 800 m², xếp loại 6.

2. Bến xe Vàm Láng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến xe) + Địa danh hành chính (Thị trấn Vàm Láng).

Bến xe Vàm Láng, mã số (63)27, tọa lạc tại Đường tỉnh 871, xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, diện tích 500 m², xếp loại 6.

***Bến phà:**

Khái niệm

Bến phà là nơi đón, trả khách qua sông bằng phà.

Bến phà Phước Trung - Phú Đông

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến phà) + Địa danh hành chính (Xã Phước Trung - Xã Phú Đông).

Bến phà Phước Trung - Phú Đông bờ phải và bờ trái đều nằm trên nhánh sông Cửa Tiểu thuộc sông Tiền, nối xã Phước Trung, huyện Gò Công Đông với xã Phú Đông, huyện Tân Phú Đông (và ngược lại), tỉnh Tiền Giang.

***Y tế tuyến huyện:**

Trung tâm Y tế huyện Gò Công Đông

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng mang tính chất chăm sóc sức khỏe (Trung tâm y tế) + Địa danh hành chính (Huyện Gò Công Đông).

- Khái quát Trung tâm Y tế huyện Gò Công Đông:

+ Địa chỉ: xã Tân Tây, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

+ Điện thoại: 0273.3571055

+ Trang thông tin điện tử: http://tttytgocongdong.soytetiengiang.gov.vn

+ Email: gocongdong.ttytdp@tiengiang,gov.vn

+ Cơ quan chủ quản: Sở Y tế tỉnh Tiền Giang

+ Tổng diện tích: 11.112,25 m^2; diện tích sử dụng: 3.944,78 m^2

+ Tổng số cán bộ, viên chức: 253; trong đó Nam: 88; Nữ: 165.

Trung tâm Y tế huyện Gò Công Đông được thành lập năm 2009 theo Quyết định số 2333/QĐ-UBND ngày 02/7/2009 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang, có chức năng, nhiệm vụ như sau:

+ Cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về y tế dự phòng, khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng, dân số - kế hoạch hóa gia đình và các dịch vụ y tế khác theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện các hoạt động phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm, HIV/AIDS, bệnh không lây nhiễm, bệnh chưa rõ nguyên nhân; tiêm chủng phòng bệnh; y tế trường học; phòng, chống các yếu tố nguy cơ tác động lên sức khỏe, phát sinh, lây lan dịch, bệnh; quản lý và nâng cao sức khỏe cho người dân trên địa bàn.

+ Thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường đối với các cơ sở y tế; vệ sinh và sức khỏe lao động, phòng, chống bệnh nghề nghiệp, tai nạn thương tích; vệ sinh trong hoạt động mai táng, hỏa táng; giám sát chất lượng nước dùng cho ăn uống, sinh hoạt và dinh dưỡng cộng đồng.

+ Thực hiện các hoạt động phòng, chống ngộ độc thực phẩm trên địa bàn; tham gia thẩm định cơ sở đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn theo phân cấp; tham gia thanh tra, kiểm tra, giám sát công tác phòng, chống ngộ độc thực phẩm, phòng, chống bệnh truyền qua thực phẩm; hướng dẫn, giám sát cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, ăn uống trong việc bảo đảm an toàn thực phẩm

theo quy định của pháp luật và thực hiện các nhiệm vụ khác về an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật và theo phân công, phân cấp.

+ Thực hiện sơ cứu, cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng theo quy định của cấp có thẩm quyền và giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh cho các trường hợp bệnh nhân tự đến, bệnh nhân được chuyển tuyến, bệnh nhân do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến trên chuyển về để tiếp tục theo dõi điều trị, chăm sóc, phục hồi chức năng; thực hiện các kỹ thuật, thủ thuật, chuyển tuyến theo quy định của pháp luật; khám sức khỏe và chứng nhận sức khỏe theo quy định; tham gia khám giám định y khoa, khám giám định pháp y khi được trưng cầu.

+ Thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản và cải thiện tình trạng dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em; phối hợp thực hiện công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện các xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh phục vụ cho hoạt động chuyên môn, kỹ thuật theo chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm và nhu cầu của người dân; tổ chức thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn sinh học tại phòng xét nghiệm và an toàn bức xạ theo quy định.

+ Thực hiện tuyên truyền, cung cấp thông tin về chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước về y tế; tổ chức các hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe về y tế, chăm sóc sức khỏe trên địa bàn.

+ Chỉ đạo tuyến, hướng dẫn về chuyên môn kỹ thuật đối với các trạm y tế xã, y tế ấp và các cơ sở y tế thuộc cơ quan, trường học, xí nghiệp, cơ sở sản xuất trên địa bàn huyện.

+ Thực hiện đào tạo liên tục cho đội ngũ viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định; tập huấn, bồi dưỡng cập nhật kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực phụ trách cho đội ngũ nhân viên y tế ấp và các đối tượng khác theo phân công, phân cấp của Sở Y tế; là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe và hướng dẫn thực hành để cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện việc cung ứng, bảo quản, cấp phát, sử dụng và tiếp nhận thuốc, vắc xin, sinh phẩm y tế, hóa chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn theo phân cấp của Sở Y tế và quy định của pháp luật.

+ Triển khai thực hiện các dự án, chương trình y tế ở địa phương theo phân công, phân cấp của Sở Y tế; tổ chức điều trị nghiện chất bằng thuốc thay thế theo quy định của pháp luật; thực hiện kết hợp quân - dân y theo tình hình thực tế ở địa phương.

+ Thực hiện ký hợp đồng với cơ quan bảo hiểm xã hội để tổ chức khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế tại Trung tâm Y tế và các đơn vị y tế thuộc Trung tâm Y tế theo quy định của pháp luật.

+ Nghiên cứu và tham gia nghiên cứu khoa học, ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật về lĩnh vực liên quan.

+ Về dân số - kế hoạch hoá gia đình và sức khoẻ sinh sản: tổ chức thực hiện các chỉ tiêu, chỉ báo thuộc lĩnh vực dân số - kế hoạch hoá gia đình; chỉ đạo, hướng dẫn các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy trình chuyên môn, nghiệp vụ về các dịch vụ chăm sóc sức khoẻ sinh sản và kế hoạch hoá gia đình cho các bộ phận chuyên môn thuộc Trung tâm và tuyến y tế cơ sở.

Năm 2022, Đảng bộ Trung tâm Y tế huyện Gò Công Đông có 05 chi bộ với 89 đảng viên; lãnh đạo đơn vị gồm 01 giám đốc và 02 phó giám đốc; Công đoàn cơ sở có 25 tổ công đoàn với 268 công đoàn viên; Chi đoàn thanh niên có 25 đoàn viên.

Trung tâm có 05 phòng chức năng: Phòng Tổ chức hành chính, Phòng Kế hoạch tổng hợp, Phòng Tài chính kế toán, Phòng Điều dưỡng, Phòng Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe; 10 khoa chuyên môn: Lâm sàng (06 khoa): Khoa Cấp cứu và Nội tổng hợp, Khoa Khám bệnh, Khoa Phụ sản, Khoa Ngoại, Khoa Nhi, Khoa Y dược học cổ truyền – Phục hồi chức năng; Cận lâm sàng (02 khoa): Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh, Khoa Dược; các khoa thuộc hệ y tế dự phòng (02 khoa): Khoa Y tế công cộng - An toàn thực phẩm, Khoa Kiểm soát bệnh tật. Bệnh viện thuộc Trung tâm được xếp hạng 3 với 150 giường bệnh theo chỉ tiêu, thực kê 171 giường bệnh.

Đồng thời, Trung tâm có 01 phòng khám đa khoa và 13 trạm y tế thị trấn, xã: Phòng khám Đa khoa Tân Hòa, Trạm Y tế thị trấn Tân Hòa, thị trấn Vàm Láng, Trạm Y tế 11 xã: Bình Ân, Bình Nghị, Gia Thuận, Kiểng Phước, Phước Trung, Tân Điền, Tân Đông, Tân Phước, Tân Tây, Tân Thành, Tăng Hòa.

Về trình độ chuyên môn, năm 2022, Trung tâm có: Thạc sĩ: 01; Bác sĩ chuyên khoa 1: 12; Bác sĩ chuyên khoa 2: 01; Cử nhân đại học: 81; Cử nhân cao đẳng: 69; Trung học: 85; Trình độ khác: 04.

*** Bia lưu niệm (Nghiên cứu, biên soạn thêm: Bia tưởng niệm, Khu tưởng niệm, bia căm thù, bia mộ):**

Bia lưu niệm/tưởng niệm:

Bia lưu niệm/tưởng niệm là vật được tạo tác dạng hình phiến dẹp có mặt phẳng, thường được làm bằng đá, kim loại, gỗ, bê tông cốt thép,… với kích thước thường có chiều cao lớn hơn chiều rộng, được dựng lên để lưu niệm/tưởng niệm danh nhân, sự kiện lịch sử, tổ chức chính trị - xã hội,…

Bia lưu niệm Chiến thắng Xóm Gò

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bia lưu niệm) + Sự kiện lịch sử (Chiến thắng Xóm Gò).

Di tích Chiến thắng Xóm Gò tọa lạc tại thị trấn Tân Hòa, huyện Gò Công Đông được xây dựng năm 1990 do nhà điêu khắc Trần Văn Trầm tạo mẫu, gồm Bia Chiến thắng và và vườn hoa kiểng chung quanh, có hàng rào rộng khoảng 240 m². Bia có diện tích xây dựng khoảng 20 m^2, cao 4 m, đế bia cao 1 m (bê tông, đá mài), thân bia được đỡ bởi 06 trụ bê tông cốt thép vuông 20cm, bên trên đắp nổi 04 chữ: "Chiến thắng Xóm Gò" sơn màu đỏ, bên dưới hàng chữ đắp nổi phù điêu diễn biến trận đánh trên nền đỏ. Phù điêu đắp nổi 20 người, 02 chiếc xe của địch bị bắn cháy sơn màu vàng. Diện tích phù điêu khoảng 7,5 m^2.

Bên dưới chân bia là nội dung tóm tắt lịch sử của di tích được khắc âm nét chữ in hoa trên đá hoa cương có nội dung như sau: *"Nơi đây ngày 26-2-1962, Tiểu đoàn 261, lực lượng 206, du kích và nhân dân Gò Công đã tiêu diệt tên Tổng Thinh ác ôn và 02 đại đội địch. Bắt sống 53 tên (trong đó nhiều tên tề có nợ máu với nhân dân). Phá hủy 03 xe quân sự, thu toàn bộ vũ khí và quân trang quân dụng. Trận Xóm Gò đã góp phần ngăn chặn kế hoạch bình định của Mỹ ở Gò Công".*

Di tích lịch sử "Chiến thắng Xóm Gò" được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15/02/2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên công viên/vườn hoa, rạp hát:**

Công viên/Vườn hoa:

Khái niệm:

- Công viên là khu vực được trồng cây xanh tập trung trong một diện tích đất lớn nhằm mục đích phục vụ công cộng, là nơi sinh hoạt ngoài trời, nghỉ ngơi, thư giãn, vui chơi, giải trí, tập luyện thể dục, nơi tổ chức các hoạt động văn hóa - xã hội đáp ứng nhu cầu của nhân dân. Ngoài cây xanh, công viên còn có các công trình kiến trúc và công trình hạ tầng kỹ thuật đồng bộ. Phạm vi quản lý một công viên bao gồm diện tích bên trong công viên và vỉa hè của công viên đó.

- Vườn hoa: Loại công viên hoặc vườn nhỏ ở đô thị trong đó có trồng nhiều hoa. Có thể đứng độc lập hoặc gắn với công trình kiến trúc, có tác dụng tăng thẩm mỹ cho cảnh quan đô thị.

Công viên Thị trấn Tân Hòa

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Công viên) + Địa danh hành chính (Thị trấn Tân Hòa).

Công viên được hình thành năm 2000, cải tạo và nâng cấp năm 2016, tọa lạc tại thị trấn Tân Hòa, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, diện tích 3.585 m², hệ thực vật gồm có cây thân gỗ (bằng lăng, lộc vừng, giáng hương, dương,…); cây tạo dáng (cau vua, sứ trắng, hoa giấy, cây phát tài,...), cây lá màu và thảm cỏ; thiết bị

tập thể dục ngoài trời, đèn chiếu sáng, ghế đá, hệ thống điện nước, đường nội bộ được lát gạch Tezzaro,…

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên chợ:**

*** Chợ**

- Theo Hoàng Phê trong *Từ điển Tiếng Việt*, "Chợ là nơi công cộng, để đông người đến mua và bán trong những buổi, ngày nhất định"[48].

- *Từ điển Bách khoa Việt Nam* ghi: "Chợ là nơi gặp nhau giữa nơi cung và cầu các hàng hóa, dịch vụ, vốn; là nơi tập trung mua bán hàng hóa giữa người sản xuất, người mua bán và người tiêu dùng"[49].

- Trong quyển *Gốc và Nghĩa của Từ Việt thông dụng*, Vũ Xuân Phái định nghĩa: "Chợ là nơi tụ họp buôn bán"; "chợ búa là nơi tụ họp bày bán hàng hóa, để buôn bán trong làng, xóm (thời xưa) hay cái chợ là nơi quy định mua bán"[50].

- Theo Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, "Chợ là loại hình kinh doanh thương mại được hình thành và phát triển mang tính truyền thống, được tổ chức tại một địa điểm theo quy hoạch, đáp ứng nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hoá và nhu cầu tiêu dùng của khu vực dân cư"[51].

*** Chợ đầu mối**

Theo Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, "Chợ đầu mối: là chợ có vai trò chủ yếu thu hút, tập trung lượng hàng hóa lớn từ các nguồn sản xuất, kinh doanh của khu vực kinh tế hoặc của ngành hàng để tiếp tục phân phối tới các chợ và các kênh lưu thông khác"[52].

*** Phân loại chợ**

Tùy vào mục đích và tiêu chí, người ta phân loại chợ theo nhiều cách khác nhau: Phân loại chợ theo điều kiện môi sinh; Phân loại chợ theo số lượng hộ kinh doanh, vị trí và mặt bằng của chợ (theo quy mô: chợ loại I, chợ loại II và chợ loại III); Phân loại chợ theo tính chất mua bán (chợ bán buôn và chợ bán lẻ); Phân loại chợ theo đặc điểm mặt hàng kinh doanh (chợ tổng hợp và chợ chuyêndoanh); Theo địa giới hành chính (chợ đô thị và chợ nông thôn); Phân loại theo tính chất và quy mô xây dựng (chợ kiên cố, chợ bán kiên cố, chợ tạm).

---

[48] Hoàng Phê (2000), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng, tr.165.
[49] *Từ điển Bách khoa Việt Nam (2003),* NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội, tr.22.
[50] Vũ Xuân Phái *(2009), Gốc và Nghĩa của Từ Việt thông dụng*, NXB Trẻ, tr.162.
[51] Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1.
[52] Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1.

- Trong công trình nghiên cứu "Chợ nổi đồng bằng sông Cửu Long từ góc nhìn văn hóa học", Đặng Thị Hạnh đã lập bảng phân loại chợ như sau[53]:

STT	TIÊU CHÍ PHÂN LOẠI	LOẠI HÌNH CHỢ
1	Theo thời gian họp chợ	- Chợ sáng - Chợ hôm - Chợ chiều - Chợ đêm - Chợ phiên
2	Theo lịch sử	- Chợ truyền thống - Chợ hiện đại (siêu thị)
3	Theo khu vực địa lý	- Chợ quê - Chợ ven đô - Chợ đô thị - Chợ đồng bằng - Chợ miền núi
4	Theo quy mô hành chánh	- Chợ làng - Chợ xã (liên làng) - Chợ huyện (liên xã) - Chợ thị trấn - Chợ thị xã
5	Theo tính chất, quy mô trao đổi hàng hóa	- Chợ đầu mối - Chợ bán lẻ - Chợ chuyên doanh - Chợ tổng hợp
6	Theo loại hình hàng hóa bán chủ yếu tại chợ	- Chợ vải - Chợ trâu

[53] Đặng Thị Hạnh (2012), *Chợ nổi đồng bằng sông Cửu Long từ góc nhìn văn hóa học*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh, tr.41.

		- Chợ trái cây - Chợ hải sản
7	Theo quy mô xây dựng	- Chợ kiên cố - Chợ bán kiên cố - Chợ tạm

- Trong quyển *Chợ quê trong quá trình biến đổi*, Lê Thị Mai đã phân chia chợ ra thành nhiều loại hình khác nhau, với những tiêu chí khác nhau như sau[54]:

+ Thời gian hợp chợ có: Chợ sáng, chợ hôm, chợ chiều, chợ đêm, chợ phiên

+ Theo khu vực, địa vực có: chợ quê, chợ đô thị, chợ ven đô, chợ đồng bằng, chợ trung du, chợ miền biển…

+ Theo quy mô hành chánh có: Chợ làng, chợ xã (liên làng), chợ huyện (liên xã), chợ thị trấn, chợ thị xã,...

+ Theo tính chất, quy mô trao đổi hàng hóa có: Chợ đầu mối, chợ bán lẻ, chợ chuyên doanh, chợ tổng hợp,…

+ Theo loại hình hàng hóa bán tại chợ có: chợ vải, chợ trâu, chợ lụa, chợ trái cây, chợ nông sản,…

Trong đề tài này, nhóm tác giả chọn cách phân loại chợ theo Nghị định 02/2003/NĐ - CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ[55]:

- *Chợ loại 1:* Là chợ có trên 400 điểm kinh doanh chợ, được đầu tư xây dựng kiên cố, hiện đại theo quy hoạch; được đặt ở các vị trí trung tâm kinh tế thương mại quan trọng của tỉnh, thành phố hoặc là chợ đầu mối của ngành hàng, của khu vực kinh tế và được tổ chức họp thường xuyên; có mặt bằng phạm vi chợ phù hợp với quy mô hoạt động của chợ và tổ chức đầy đủ các dịch vụ tại chợ: trông giữ xe, bốc xếp hàng hóa, kho bảo quản hàng hóa, dịch vụ đo lường, dịch vụ kiểm tra chất lượng hàng hóa, vệ sinh an toàn thực phẩm và các dịch vụ khác.

- *Chợ loại 2:* Là chợ có trên 200 điểm kinh doanh, được đầu tư xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố theo quy hoạch; được đặt ở trung tâm giao lưu kinh tế của khu vực và được tổ chức họp thường xuyên hay không thường xuyên; có mặt bằng

[54] Lê Thị Mai (2004), *Chợ quê trong quá trình chuyển đổi*, NXB Thế Giới, tr.41.

[55] Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1.

phạm vi chợ phù hợp với quy mô hoạt động chợ và tổ chức các dịch vụ tối thiểu tại chợ: trông giữ xe, bốc xếp hàng hóa, kho bảo quản hàng hóa, dịch vụ đo lường.

- *Chợ loại 3:* Là các chợ có dưới 200 điểm kinh doanh hoặc các chợ chưa được đầu tư xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố. Chủ yếu phục vụ nhu cầu mua bán hàng hóa của nhân dân trong xã, phường và địa bàn phụ cận.

*** Quy mô chợ**

Theo Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, có chợ kiên cố và chợ bán kiên cố[56]:

- Chợ kiên cố: là chợ được xây dựng bảo đảm có thời gian sử dụng trên 10 năm.

- Chợ bán kiên cố: là chợ được xây dựng bảo đảm có thời gian sử dụng từ 5 đến 10 năm.

Chợ ở huyện Gò Công Đông: 16 địa danh

1. Chợ Ấp 2

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (Ấp 2).

Chợ loại 3, ở xã Tân Phước, huyện Gò Công Đông, diện tích 2.500 m², có 15 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

2. Chợ Bình Ân

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Bình Ân).

Chợ loại 3, ở xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông, diện tích 2.281 m², có 55 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, quần áo, giày dép, đồ gia dụng, tạp hóa,…

3. Chợ Bình Nghị

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Bình Nghị).

Chợ loại 3, ở xã Bình Nghị, huyện Gò Công Đông, diện tích 480 m², có 63 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, quần áo, giày dép, đồ gia dụng, tạp hóa,…

4. Chợ Biển Tân Thành

---

[56] Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh tự nhiên (Biển) + Địa danh hành chính (xã Tân Thành).

Chợ loại 3, ở xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông, diện tích 386 m², có 50 hộ kinh doanh thủy hải sản (nghêu, cá, sam biển, ghẹ, cua, tôm,…), ăn uống,...

5. Chợ Đèn Đỏ

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Công trình xây dựng và tính chất (Đèn Đỏ: Ngọn hải đăng được xây dựng dưới thời Pháp, buổi tối được thắp sáng, có ánh sáng màu đỏ, cho tàu thuyền được lưu thông dễ dàng, nay không còn).

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (ấp Đèn Đỏ, xã Tân Thành)

Chợ loại 3, ở xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông, diện tích 1.080 m², có 20 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa, thủy hải sản,…

6. Chợ Gia Thuận

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Gia Thuận).

Chợ loại 3, ở xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, diện tích 445 m², có 25 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, tạp hóa,…

7. Chợ Giồng Tân

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa hình tự nhiên (Giồng: âm trại của "vồng", là khoảng đất nổi cao lên giữa nơi bằng phẳng, tương đối rộng, có nhiều cát, thích hợp cho việc trồng các loại cây ăn trái và các loại hoa màu, như khoai, đậu, bắp, thuốc lá,…[57]) + Tên người (Tân).

Chợ loại 3, ở xã Phước Trung, huyện Gò Công Đông, diện tích 1.800 m², có 22 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, tạp hóa,…

8. Chợ Gò Công Đông

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (huyện Gò Công Đông).

Chợ loại 2, ở thị trấn Tân Hòa, huyện Gò Công Đông, diện tích 1.273 m², có 200 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, quần áo, giày dép, kim khí điện máy, nữ trang, nông cụ, đồ gia dụng, tạp hóa,…

9. Chợ Kiểng Phước

---

[57] Lê Trung Hoa (1991), *Địa danh ở Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Khoa học xã hội, trang 91.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Kiểng Phước).

Chợ loại 3, ở xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông, diện tích 3.080 m², có 138 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, quần áo, giày dép, đồ gia dụng, tạp hóa,…

10. Chợ Tân Điền

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Tân Điền).

Chợ loại 3, ở xã Tân Điền, huyện Gò Công Đông, diện tích 4.372 m², có 38 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, quần áo, giày dép, đồ gia dụng, tạp hóa,…

11. Chợ Tân Phú

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh Hán Việt (Tân: 新: Mới mẻ; Phú: 富: giàu có.

Chợ loại 3, ở xã Tân Tây, huyện Gò Công Đông, diện tích 2.600 m², có 20 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, tạp hóa,…

12. Chợ Tân Phước

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Tân Phước).

Chợ loại 3, ở xã Tân Phước, huyện Gò Công Đông, diện tích 1.125 m², có 41 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, quần áo, giày dép, đồ gia dụng, tạp hóa,…

13. Chợ Tân Thành

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Tân Thành).

Chợ loại 3, ở xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông, diện tích 858 m², có 52 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, quần áo, giày dép, đồ gia dụng, tạp hóa,…

14. Chợ Tân Tây (Chợ Tổng Châu)

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Tân Tây).

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Chức vụ hành chính thời xưa (Cai tổng) + Tên người (Trần Văn Châu). Chợ do Cai tổng Trần Văn Châu (Tổng Châu) lập.

Địa danh chợ Tổng Châu gắn liền với sự tích sau đây:

Cách tỉnh lỵ Gò Công 6 cây số, đến phía dưới miễu Bà Rô một đỗi, có gò đất rộng, gọi là Bà Đình. Nơi đây thuở xưa có lập một cái chợ, với vài căn nhà nho nhỏ lợp lá, khi mới có chợ, mua bán thưa thớt vì dân cư chưa đông.

Sau đó độ năm ba năm, có ông Chánh Tổng Trần Văn Châu và con ông là Tổng kim, dời cái chợ nầy về gần bên rạch, hiện bến chợ bây giờ (1969) gọi là chợ Tổng Châu. Ông có công dời đi, và cất lại nhiều căn, cũng còn lợp lá. Hai bên chợ có hai dãy nhà phố, buôn bán tạp hóa, số người mua bán lần lần đông hơn trước. Những xóm ấp gần chợ, dân chúng đến ở đông hơn các ấp khác.

Phía trong và phía ngoài chợ, xóm ấp rất thưa, mỗi ấp độ hơn mười nhà. Ở phía đông cách chợ lối hai ngàn thước, thì là rừng rậm, toàn là cây cóc và cây dà, nên gọi rừng cóc. Phía tây cách ngăn cái rạch Tổng Châu, rạch chạy dài lên phía bắc, hai bên rạch dừa nước (lá lợp nhà) xen mọc với cây rất sầm uất, gọi là Biển Lá.

Dân các nơi về ở làm ăn, với nghiệp đốn củi và mở ruộng. Đàn bà đi vào rừng đốn cây cóc, cạo lột lấy lớp da cây, phơi khô gánh lên Gò Công bán cho tiệm khách trú (người Hoa); họ mua để làm màu nhuộm và đào củ cỏ cú (hương phụ, một loại dược thảo) bán lấy tiền sanh sống rất dễ dàng[58].

Chợ loại 2, ở xã Tân Tây, huyện Gò Công Đông, diện tích 600 m², có 200 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, quần áo, giày dép, kim khí điện máy, đồ gia dụng, tạp hóa,…

15. Chợ Vạn Thành

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh Hán Việt (Vạn: 萬: Vạn, mười ngàn; Thành: 成: hoàn thành).

Chợ loại 3, ở xã Bình Nghị, huyện Gò Công Đông, diện tích 1.856 m², có 32 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, tạp hóa,…

16. Chợ Vàm Láng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (thị trấn Vàm Láng).

Chợ loại 3, ở thị trấn Vàm Láng, huyện Gò Công Đông, diện tích 1.500 m², có 132 hộ kinh doanh thủy hải sản (nghêu, cá, sam biển, ghẹ, cua, tôm,…), ngư cụ, ăn uống,...

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên khu công nghiệp, kho, trạm:**

*** Khu công nghiệp:**

[58] Việt Cúc (1969), *Gò Công cảnh cũ người xưa, tập 1*, Tác giả xuất bản, trang 72.

Khu công nghiệp là khu vực có ranh giới địa lý xác định, chuyên sản xuất hàng công nghiệp và thực hiện dịch vụ cho sản xuất công nghiệp, được thành lập theo điều kiện, trình tự và thủ tục quy định tại Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ.

Khu công nghiệp dịch vụ dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang

* Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Khu công nghiệp) + Loại hình sản xuất - kinh doanh (Theo Khoản 6, Điều 3 của Luật Dầu khí 1993, Dịch vụ dầu khí là các hoạt động liên quan đến tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu khí do Nhà thầu phụ tiến hành) + Địa danh Việt gốc Khmer (Soài Rạp: gọi trại từ tiếng Khmer: Prêk Crôy Phkăm, có nghĩa là Rạch Mũi Đất) hoặc Địa danh chỉ Thực vật (Cây soài/xoài) và Tính từ (Rậm rạp) + Địa danh hành chính (Tỉnh Tiền Giang).

* Khái quát Khu công nghiệp dịch vụ dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang:

Tiền thân của Khu công nghiệp dịch vụ dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang là Khu công nghiệp tàu thủy Soài Rạp và chủ đầu tư là Tập đoàn Tàu thủy Việt nam (Vinashin). Đến năm 2010, Khu công nghiệp tàu thủy Soài Rạp được Thủ tướng Chính phủ cho chuyển đổi tên và công năng thành Khu công nghiệp dịch vụ dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang với chức năng năng là khu công nghiệp chuyên ngành phục vụ cho ngành dầu khí tại Công văn số 1983/TTg-KTN ngày 01/11/2010 và được Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang cấp quyết định thành lập vào năm 2011 do Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam làm chủ đầu tư.

Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang có diện tích khoảng 285 ha, nằm trên địa bàn xã Gia Thuận và thị trấn Vàm Láng thuộc huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, có vị trí rất thuận tiện trong việc phát triển nền kinh tế biển và đặc biệt cho ngành công nghiệp Dầu khí Việt Nam.

Đây là địa điểm tập trung xây dựng các nhà máy chế tạo phục vụ cho ngành Dầu khí như: Nhà máy chế tạo ống thép Dầu khí (PV Pipe); Nhà máy chế tạo bình bồn Dầu khí; Nhà máy sản xuất kết cấu kim loại dầu khí; Nhà máy sản xuất que hàn Dầu khí; Khu cảng dịch vụ tổng hợp…. Với vị trí nằm trong vành đai phát triển công nghiệp của các tỉnh phía Nam với hệ thống sông ngòi chằng chịt và chịu ảnh hưởng của các khu công nghiệp lân cận như: Khu công nghiệp Bến Lức, Khu công nghiệp Long An, Khu công nghiệp Tân Hương, Khu căn cứ dịch vụ dầu khí Vũng Tàu, Khu công nghiệp dịch vụ dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang sẽ là địa điểm đầu tư mang lại lợi ích bền vững cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Năm 2022, Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang lấp đầy 13,08% diện tích đất công nghiệp với 01 dự án là Nhà máy chế tạo ống thép Dầu khí với vốn đầu tư đăng ký 2.175,595 tỷ đồng.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn trường học:**

Trường trung học phổ thông, trường trung học cơ sở - trung học phổ thông:

Trường trung học phổ thông:

1.Trường Trung học phổ thông Gò Công Đông

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học phổ thông) + Địa danh hành chính (Huyện Gò Công Đông).

Địa chỉ: Tỉnh lộ 871, ấp Gò lức, xã Tân Đông, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273.840441.

Trang thông tin điện tử: http://thptgocongdong.tiengiang.edu.vn/

Email: c3gocongdong.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1982, Phân hiệu Tân Tây trực thuộc Trường Trung học phổ thông Trương Định được thành lập. Năm 1985, trên cơ sở Phân hiệu Tân Tây, Trường Trung học phổ thông Gò Công Đông được thành lập theo Công văn số 429/UB ngày 05/9/1985 của UBND tỉnh Tiền Giang và Quyết định số 11/QĐ-TL ngày 27/9/1985 của UBND huyện Gò Công Đông. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia.

Tên trường được đặt theo đơn vị hành chính: Huyện Gò Công Đông.

Năm 2023, Đảng bộ nhà trường có 40 đảng viên nam: 16; nữ: 24; Đảng ủy: 07; nam: 04; nữ: 03. Ban Giám hiệu: 03; nam: 03; nữ: 00. Công đoàn: 84 công đoàn viên; nam: 29; nữ: 55. Đoàn thanh niên: 1.516; nam: 577; nữ: 939.

Tổng số viên chức: 80; trong đó nam: 27; nữ: 53. Tổng số giáo viên: 73; nam: 22; nữ: 51. Thạc sĩ: 07; Cử nhân (đại học): 71; Cử nhân (cao đẳng): 01; Trung cấp: 01. Tổng số học sinh: 1.818; nam: 735; nữ: 1.083.

Tổng diện tích: 20.629,7 m^2; diện tích sử dụng: 20.629,7m^2.

Trường có 04 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu (trong đó có một phần là 01 tầng trệt và 02 tầng lầu, Phòng làm việc: 12; Phòng học: 42; Phòng thí nghiệm: 03; Phòng nghe nhìn: 00; Phòng máy tính: 03; Thư viện: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: có 01 nhà đa năng; Nhà vệ sinh: 04.

2. Trường Trung học phổ thông Nguyễn Văn Côn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học phổ thông) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Văn Côn).

Địa chỉ: Số 13, đường Nguyễn Văn Côn, khu phố Hòa Thơm, thị trấn Tân Hòa, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273.846150.

Trang thông tin điện tử: thptnguyenvancon.tiengiang.edu.vn

Email: c3nguyenvancon.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1984, Phân hiệu Tân Hòa trực thuộc Trường Trung học phổ thông Trương Định được thành lập. Năm 1987, trên cơ sở Phân hiệu Tân Hòa, Trường Trung học phổ thông Nguyễn Văn Côn được thành lập theo Quyết định số 40/QĐ-UB ngày 17/11/1987 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường :

NGUYỄN VĂN CÔN

(1894 – 1982)

Nguyễn Văn Côn, bí danh Thành Vĩnh, sinh năm 1894 tại làng Vĩnh Hựu, tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công (nay là xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình trung nông có truyền thống yêu nước. Ông nội của ông là Nguyễn Văn Chung, một trong những thủ lãnh nghĩa quân trong cuộc khởi nghĩa Trương Định.

Năm 1908, khi mới 14 tuổi, ông gia nhập Việt Nam Quang phục hội - một tổ chức yêu nước có cơ sở ở Gò Công. Năm 1910, được sự cố vấn của một số nhà yêu nước, ông thành lập Cộng hòa hội, nhằm tập hợp thanh niên và tuyên truyền ý thức đấu tranh chống áp bức, bất công.

Sau đó, ông lên Sài Gòn, làm công nhân cho hãng Faci. Tại đây, ông giác ngộ chủ nghĩa Mác - Lênin và tích cực tham gia phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân. Năm 1921, ông gia nhập Công hội đỏ. Đây là tổ chức cách mạng đầu tiên của công nhân Sài Gòn hoạt động theo con đường cách mạng vô sản do Tôn Đức Thắng thành lập và làm Hội trưởng. Do tinh thần kiên định cách mạng và năng nổ trong công tác nên ông được hội viên tín nhiệm bầu làm Phó Hội trưởng.

Năm 1924, ông được Ban Lãnh đạo Công hội đỏ phân công về Gò Công xây dựng phong trào. Tại đây, ông tiến hành củng cố và mở rộng tổ chức Cộng hòa hội do ông thành lập trước đó. Để tạo thế hợp pháp, tổ chức này được đổi tên thành Hội cúng thánh Khổng Tử, gọi tắt là Hội Thánh. Hội có nhiệm vụ truyền bá sách báo tiến bộ, dạy chữ quốc ngữ, quyên góp tiền bạc giúp các nhà yêu nước hoạt động chống chính quyền thực dân, đặc biệt là giúp kinh phí cho những người xuất dương học làm cách mạng. Trong thời kỳ này, ông có dịp tiếp xúc với nhiều nhà yêu nước nổi tiếng, như Nguyễn Sinh Sắc (thân sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh), Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Mai Văn Ngọc,…

Giữa năm 1925, Hồ Chí Minh thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên (HVNCMTN) ở Quảng Châu (Trung Quốc). Cuối năm 1926, do bắt liên lạc được

với một số cán bộ của HVNCMTN, ông cử những thanh niên ưu tú ở Gò Công và Cần Thơ sang Quảng Châu (Trung Quốc) dự các lớp huấn luyện do HVNCMTN tổ chức nhằm đào tạo cán bộ cho cách mạng.

Năm 1927, ông được bầu làm Bí thư Tỉnh hội HVNCMTN tỉnh Gò Công. Đầu năm 1929, ông là Kỳ ủy viên của Kỳ bộ HVNCMTN Nam Kỳ; và được phân công xây dựng phong trào ở các tỉnh Gò Công, Long Xuyên, Sa Đéc, Cần Thơ, Vĩnh Long và Trà Vinh.

Tháng 8-1929, ông được kết nạp vào An Nam Cộng sản đảng; và thành lập Chi bộ Cộng sản đầu tiên ở Gò Công do ông làm Bí thư. Nhưng chỉ một tháng sau, ông bị địch bắt, kết án 5 năm tù và đày ra Côn Đảo. Ở trong tù, ông giữ vững khí tiết của người chiến sĩ cộng sản chân chính. Đồng thời, ông ra sức học tập lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin để nâng cao trình độ chính trị và lập trường giai cấp.

Năm 1934, sau khi ra tù, mặc dù chưa bắt liên lạc được với tổ chức Đảng, nhưng ông vẫn hăng hái hoạt động, gầy dựng được nhiều cơ sở cách mạng và kết nạp một số đảng viên mới ở Gò Công. Do vậy, tháng 5-1940, ông lại bị địch quản thúc; và đến cuối tháng 11-1940, ông bị địch bắt giam khi cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ nổ ra. Tuy vậy, trước đó, ông đã chỉ đạo các cơ sở cách mạng ở Gò Công có những hoạt động hưởng ứng cuộc khởi nghĩa, như treo cờ đỏ búa liềm, rải truyền đơn, phá đường giao thông, xô ngã cột điện,…

Cuối năm 1942, ông được trả tự do và nối liên lạc với Đảng. Tháng 10-1943, tại Hội nghị Xứ ủy Nam kỳ lâm thời được tổ chức tại Chợ Gạo, ông được bầu làm Xứ ủy viên. Với tinh thần tiến công cách mạng không ngừng, ông hoạt động không mệt mỏi cho phong trào. Ông đi khắp nơi để vận động cách mạng, phát triển đảng viên, chuẩn bị đón thời cơ mới.

Sau ngày phát xít Nhật đảo chính thực dân Pháp (09-3-1945), khi tình thế cách mạng trực tiếp đã xuất hiện, ông và các đảng viên cộng sản ở Gò Công ráo riết xúc tiến công tác chuẩn bị giành chính quyền về tay nhân dân.

Tháng 7-1945, ông chỉ đạo thành lập lực lượng Thanh niên tiền phong ở Gò Công. Giữa tháng 8-1945, ông được bầu làm Chủ tịch Ủy ban dân tộc giải phóng lâm thời tỉnh Gò Công. Ngày 21-8-1945, nhân dân làng An Thạnh Thủy (thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho) biểu tình kéo xuống làng Thạnh Nhựt (thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công) lấy mộc của làng, tước súng của hương quản. Sự việc này làm cho chính quyền tay sai Pháp - Nhật ở Gò Công lâm vào tình thế lúng túng. Tỉnh trưởng Gò Công là Trần Hưng Ký phải mời ông với tư cách là đại diện Việt Minh đến gặp tại dinh tỉnh trưởng và khẩn thiết nhờ giải quyết. Nhận thấy thời cơ khởi nghĩa đã chín muồi, ngay trong đêm 21-8-1945, ông triệu tập cuộc họp bất thường của Ủy ban dân tộc giải phóng tỉnh Gò Công. Các đại biểu dự họp nhận định đã đến thời điểm Mặt trận Việt Minh tỉnh Gò Công ra công khai hoạt động; đồng thời đi đến quyết định là phải dùng sức mạnh đấu tranh của

quần chúng buộc tỉnh trưởng Gò Công từ chức, giao quyền cho Ủy ban dân tộc giải phóng lâm thời tỉnh Gò Công.

Ngày 24-8-1945, một cuộc mít tinh lớn được tổ chức ở thị xã theo quyết định của Ủy ban dân tộc giải phóng lâm thời Gò Công để mừng cách mạng giành được thắng lợi rực rỡ và chào mừng chính quyền cách mạng của tỉnh ra mắt nhân dân. Hơn 20.000 người bao gồm đủ các thành phần, từ 40 làng nô nức tuần hành đổ về sân vận động tỉnh. Trong buổi mít tinh, ông thay mặt Ủy ban dân tộc giải phóng lâm thời tỉnh Gò Công, long trọng tuyên bố chính quyền đã thuộc về tay nhân dân, công bố 10 chính sách của Mặt trận Việt Minh.

Sau khi thực dân Pháp quay trở lại xâm lược Gò Công vào tháng 10-1945, ông nhận lãnh trọng trách là Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Gò Công và cùng với tập thể Tỉnh ủy, Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh lãnh đạo cuộc kháng chiến của nhân dân Gò Công chống thực dân Pháp xâm lược. Trong cuộc tổng tuyển cử ngày 06/01/1946, ông được nhân dân Gò Công tín nhiệm bầu làm Đại biểu Quốc hội khóa 1 của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Sau đó, ông ra Hà Nội, dự 2 kỳ họp Quốc hội. Tại Kỳ họp thứ nhất diễn ra vào tháng 3-1946, ông cùng với các đại biểu bỏ phiếu công nhận Chính phủ Liên hiệp kháng chiến do lãnh tụ Hồ Chí Minh làm Chủ tịch, bầu ra Ban Thường trực Quốc hội và Ban Dự thảo Hiến pháp. Tại Kỳ họp thứ hai diễn ra vào tháng 11-1946, ông và các đại biểu đã thảo luận, biểu quyết thông qua bản Hiến pháp đầu tiên của nước ta và 01 Dự án Luật.

Từ sau ngày toàn quốc kháng chiến (19-12-1946), ông trở về Nam bộ tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp. Cuối tháng 4-1947, ông là Chủ nhiệm đầu tiên của Mặt trận Liên Việt tỉnh Gò Công, nêu cao tấm gương đại đoàn kết dân tộc trong công cuộc giải phóng đất nước.

Năm 1949, ông bị giặc Pháp bắt và bị đày ra Côn Đảo lần thứ hai. Mặc dù bị tra tấn dã man, nhưng ông vẫn nêu cao khí tiết của người chiến sĩ cộng sản kiên cường, không khuất phục kẻ thù.

Năm 1954, cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi, ông được Đảng và Nhà nước đón về và tập kết ra miền Bắc. Tuy sức khỏe có suy giảm vì những năm tháng ở trong lao tù bị giam cầm, hành hạ, nhưng ông vẫn miệt mài làm việc, được nhân dân tín nhiệm bầu làm Đại biểu Quốc hội các khóa 2, 3, 4, 5; đồng thời là cộng tác viên Bảo tàng Cách mạng Việt Nam. Ông là một trong những cán bộ cách mạng lão thành có uy tín lớn, nên được Chủ tịch Hồ Chí Minh, Chủ tịch Tôn Đức Thắng và Thủ tướng Phạm Văn Đồng thường đến nhà riêng ở tại Hà Nội để thăm hỏi.

Sau năm 1975, ông trở về quê nhà sinh sống trong sự kính trọng và thương yêu của nhân dân Gò Công. Năm 1982, ông mất tại xã Bình Nghị, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Ông được tặng thưởng nhiều huân huy chương, trong đó

cao quý nhất là Huân chương Hồ Chí Minh. Ông là nhà cách mạng lão thành tiêu biểu nhất của Gò Công, được nhân dân và các thế hệ cán bộ cách mạng ở địa phương vô cùng kính trọng và ngưỡng mộ.

Tên của ông được đặt tên đường tại thị xã Gò Công, thị trấn Tân Hòa (huyện Gò Công Đông) và thị trấn Vĩnh Bình (huyện Gò Công Tây); tên công viên ở thị trấn Vĩnh Bình (huyện Gò Công Tây); tên trường trung học phổ thông ở huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Tượng của ông cao 3,5 m, trong đó chân dung cao 1,2 m được đúc bằng đồng; đế tượng cao 2,3 m bằng bê tông cốt thép, ốp đá granit, được tôn trí tại chính giữa sân Trường Trung học phổ thông Nguyễn Văn Côn.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 38 đảng viên; nam: 15; nữ: 23; Chi ủy: 09; nam: 07; nữ: 02. Ban Giám hiệu: 03; nam: 03; nữ: 00. Công đoàn: 69 công đoàn viên; nam: 31; nữ: 38. Đoàn thanh niên: 1.049 đoàn viên; nam: 345; nữ: 795.

Tổng số viên chức: 69; nam: 31; nữ: 38. Tổng số giáo viên: 63; nam: 29; nữ: 34. Thạc sĩ: 10; Cử nhân (đại học): 54; trung học: 01; khác: 04.

Tổng số học sinh: 1.459; nam: 582; nữ: 857.

Tổng diện tích: 17.914,8 m²; diện tích sử dụng: 17.914,8m².

Trường có ba dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu, Phòng làm việc: 08; Phòng học: 36; Phòng thí nghiệm: 06; Phòng nghe nhìn: 02; Phòng máy tính: 02; Thư viện: 01; Sân chơi: 01; Khu thể thao: có 01 nhà đa năng, 01 hồ bơi; Nhà vệ sinh: 09 phòng.

Trường Trung học cơ sở:

1. Trường Trung học cơ sở Bình Ân

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Bình Ân).

Địa chỉ: Ấp Kinh Dưới, xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733. 948018

Trang thông tin điện tử: thcsbinhan.tiengiang.edu.vn

Email: c2binhangcd@tiengiang.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp II Bình Ân được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Bình Ân và Trường Phổ thông cấp II Bình Ân hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Bình Ân. Năm 1992, bộ phận Cấp II được tách ra để thành lập Trường Trung học cơ sở Bình Ân theo Quyết định số 28/QĐ.UB ngày 26 tháng 8 năm 1992 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Bình Ân.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 21 đảng viên; nam: 08; nữ: 13; Chi uỷ: 05; nam: 02; nữ: 03. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 29 công đoàn

viên; nam: 12; nữ: 15. Đoàn thanh niên: 69 đoàn viên; nam: 27; nữ: 42. Đội thiếu niên: 445 đội viên; nam: 255; nữ: 190.

Tổng số cán bộ, viên chức: 27; nam: 12; nữ: 15. Tổng số giáo viên: 21; nam: 11; nữ: 10. Cử nhân (Đại học): 18; Cử nhân (Cao đẳng): 08.

Tổng số học sinh: 507; nam: 281; nữ: 226.

Tổng diện tích: 7.000 m^2; diện tích sử dụng: 7.000 m^2.

Trường có 02 dãy lầu, 01 dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; 01 dãy có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu; phòng làm việc: 08; phòng học: 09; phòng thí nghiệm: 03; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 03.

2. Trường Trung học cơ sở Đoàn Hồng Phước

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Họ và tên danh nhân (Đoàn Hồng Phước).

Địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn Vàm Láng, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang

Số điện thoại: 02733847779

Trang thông tin điện tử: Trường THCS Đoàn Hồng Phước

Email: thcsvamlang@gmail.com

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp II Vàm Láng được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Vàm Láng và Trường Phổ thông cấp II Vàm Láng hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Vàm Láng. Năm 1994, bộ phận Cấp II của trường được tách ra, hợp nhất với bộ phận Cấp II của Trường Phổ thông cơ sở Kiểng Phước để hình thành Trường Trung học cơ sở liên xã Kiểng Phước – Vàm Láng. Năm 2008, Trường Trung học cơ sở liên xã Kiểng Phước - Vàm Láng được tách ra, hình thành Trường Trung học cơ sở Vàm Láng. Năm 2018, trường được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Đoàn Hồng Phước theo Quyết định số 1619/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

ĐOÀN HỒNG PHƯỚC

(1914 – 1967)

Đoàn Hồng Phước sinh năm 1914 tại làng Mỹ Lệ, quận Cần Đước, tỉnh Chợ Lớn (nay là xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An).

Tháng 8-1945, ông giác ngộ cách mạng, tham gia khởi nghĩa giành chính quyền ở quê nhà. Sau khi thực dân Pháp quay trở lại xâm lược Nam Bộ (tháng 9-1945), ông gia nhập bộ đội và chiến đấu ở chiến trường Gò Công. Do có thành tích xuất sắc trong chiến đấu và chỉ huy chiến đấu, ông lần lượt trải qua các chức vụ:

năm 1946, Trưởng phân đội vũ trang; năm 1947, Đại đội trưởng Đại đội 889; năm 1948 - 1950, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 305 kiêm Tỉnh đội trưởng Tỉnh đội Gò Công; năm 1951, Chỉ huy trưởng khu vực Gò Công. Trong thời gian giữ những trọng trách này, ông đã góp công lớn trong việc xây dựng lực lượng vũ trang Gò Công từ tỉnh xuống đến tận cơ sở ngày càng vững mạnh trên nền tảng thế trận chiến tranh nhân dân; chỉ huy các đơn vị bộ đội đánh thắng nhiều cuộc hành quân càn quét của địch, làm thất bại kế hoạch bình định của bọn chúng; tạo nên thế và lực của ta có bước tiến vượt bậc trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Năm 1952, sau khi tỉnh Gò Công hợp nhất với tỉnh Mỹ Tho và tỉnh Tân An thành tỉnh Mỹ Tho (còn gọi là tỉnh Mỹ Tân Gò), ông đảm nhận chức vụ Bí thư Huyện ủy Gò Công. Với cương vị này, ông cùng với tập thể Huyện ủy đã lãnh đạo, chỉ đạo phong trào cách mạng ở Gò Công phát triển mạnh mẽ. Đến tháng 3-1954, các cơ quan, ban ngành và bộ đội Gò Công đã giải tán xong bọn tề xã và hội đồng hương chính của chính quyền địch ở trong huyện; hàng loạt đồn bót địch bị bức rút. Do có thành tích xuất sắc, cán bộ, chiến sĩ và nhân dân Gò Công vinh dự được đón rước ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh do Trung ương trao tặng.

Vinh dự lớn ấy đã tạo cho Huyện ủy và nhân dân Gò Công có thêm quyết tâm chiến đấu giành thắng lợi cuối cùng. Dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy do ông làm Bí thư, tháng 4-1954, lực lượng vũ trang huyện đã diệt gọn một tiểu đoàn địch, thu toàn bộ vũ khí. Tháng 5-1954, lực lượng địa phương kết hợp với Tiểu đoàn 309 đánh đoàn xe của địch từ Đồng Sơn đi thị xã Gò Công, tiêu diệt hơn 100 tên lính, tên tỉnh trưởng Gò Công thoát chết chạy thục mạng về thị xã.

Sau khi Hiệp định Genève được ký kết (20-7-1954), ông tập kết ra miền Bắc, công tác trong quân đội. Năm 1961, với quân hàm trung tá, ông được Bộ Quốc phòng bổ nhiệm làm Đoàn trưởng Đoàn 759 theo Quyết định số 97/QP ngày 23-10-1961 do Thứ trưởng Bộ Quốc phòng Hoàng Văn Thái ký. Đoàn 759 được giao nhiệm vụ chi viện vũ khí cho miền Nam bằng đường biển, mở ra Đường Hồ Chí Minh trên biển. Do tính chất, nhiệm vụ đặc biệt nên Đoàn 759 được đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Quân ủy Trung ương.

Ngay sau khi thành lập, ông đã chỉ đạo Đoàn tổ chức cho thủy thủ ở các đội tàu thuộc Đoàn 759 học tập văn hóa, kỹ thuật, chính trị, huấn luyện về hàng hải nhằm nâng cao trình độ mọi mặt, nhất là lý tưởng cách mạng và năng lực đi biển. Cuối năm 1961, ông và Ban Chỉ huy Đoàn đã hoàn thành việc soạn thảo Đề án công tác của Đoàn 759. Đề án đã được Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng thông qua với các nội dung chính như sau:

- Phương tiện vận chuyển: Trước mắt tận dụng những phương tiện thô sơ, nửa hiện đại, tổ chức nghiên cứu để có các đội tàu tương đối hiện đại, trọng tải lớn, có thể hoạt động quanh năm, không phụ thuộc vào thời tiết, gió bão. Khi có thời cơ sẽ

sử dụng những tàu có sức chở từ 200 tấn đến 500 tấn mỗi chiếc để vận chuyển hàng.

- Phương châm hoạt động: Vừa bằng phương thức hợp pháp vừa bất hợp pháp, lấy hoạt động hợp pháp làm phương thức chủ yếu. Quá trình vận chuyển phải chủ động, táo bạo, bất ngờ, hết sức lợi dụng sơ hở của địch để đưa hàng đến bến. Đồng thời phải có sẵn phương án thật mưu trí đối phó với địch khi bị lộ, kiên quyết chiến đấu bảo vệ hàng, nếu cần thì nổ tàu để giữ bí mật.

- Trước khả năng đối phó quyết liệt của địch nên cho phép Đoàn nếu gặp khó khăn có thể đưa 50% số hàng đến nơi cũng là hoàn thành nhiệm vụ.

- Căn cứ khả năng, kinh nghiệm, con người, phương tiện, bài học rút ra từ những chuyến thuyền đi trước, hướng đột phá của Đoàn là Nam Bộ (bao gồm Khu 7 Đông Nam Bộ, Khu 8 Trung Nam Bộ và Khu 9 Tây Nam Bộ), sau đó sẽ phát triển ra Khu 6 Nam Trung Bộ và Khu 5 Trung Trung Bộ.

Trên cơ sở đó, ông và Ban Chỉ huy Đoàn 759 đã tổ chức nhiều đoàn tàu "không số", bí mật vận chuyển hàng trăm ngàn tấn vũ khí, trang bị kỹ thuật, thuốc chữa bệnh và hàng chục ngàn cán bộ, chiến sĩ từ miền Bắc vào miền Nam. Đường Hồ Chí Minh trên biển đã cùng với Đường Hồ Chí Minh trên bộ (Đường Trường Sơn) hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chi viện cho cách mạng miền Nam, góp phần đánh thắng giặc Mỹ xâm lược và bọn tay sai, giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà.

Ngày 17-8-1967, ông từ trần tại Thanh Hóa, để lại niềm tiếc thương cho đồng chí và đồng đội. Trong quá trình công tác, ông vinh dự được Nhà nước trao tặng Huân chương Chiến sĩ hạng Nhì, Huân Chương Độc lập hạng Nhì, Huy hiệu Nam Bộ kháng chiến. Tên ông được đặt tên đường ở phường Hòa Thạnh, quân Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh; tên trường trung học cơ sở ở thị trấn Vàm Láng, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 15 đảng viên; nam: 09; nữ: 06; Chi ủy: 03; nam: 02; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02; nam: 00; nữ: 02. Công đoàn: 31 công đoàn viên; nam: 17; nữ: 14. Đoàn thanh niên: 06 đoàn viên; nam: 03; nữ: 03. Đội thiếu niên: 553 đội viên; nam: 282; nữ: 271.

Tổng số cán bộ, viên chức: 31; nam: 17; nữ: 14. Tổng số giáo viên: 27; nam: 16; nữ: 11. Cử nhân (Đại học): 25; Cử nhân (Cao đẳng): 06.

Tổng số học sinh: 714; nam: 376; nữ: 338.

Tổng diện tích: 8.011,5 m2; Diện tích sử dụng: 5.511,5m^2.

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 02 tầng lầu; phòng làm việc: 05; phòng học: 11 phòng; phòng thí nghiệm: 02; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 03.

3. Trường Trung học cơ sở Lê Quốc Việt

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Họ và tên danh nhân (Lê Quốc Việt).

Địa chỉ: Ấp Bờ Kinh, xã Tân Đông, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733.571.123

Trang thông tin điện tử: http://thcslequocviet.tiengiang.edu.vn

Email: c2lequocvietgcd@tiengiang.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp II Tân Tây được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Tân Tây và Trường Phổ thông cấp II Tân Tây hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Tân Tây. Năm 1993, bộ phận Cấp II của trường được tách ra, thành lập Trường Trung học cơ sở Tân Tây. Năm 2008, một phần của Trường Trung học cơ sở Tân Tây được chia tách thành Trường Trung học cơ sở Tân Đông theo Quyết định số 2230/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông. Năm 2013, Trường Trung học cơ sở Tân Đông được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Lê Quốc Việt theo Quyết định số 1411/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

LÊ QUỐC VIỆT

(1924 – 1952)

Lê Quốc Việt, bí danh Hồ Điệp, sinh năm 1924 tại làng Kiểng Phước, tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công (nay là xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang).

Năm 1944, ông tham gia cách mạng tại xã nhà. Năm 1947, ông là Bí thư Quận ủy Quận 2, tỉnh Gò Công (một phần huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang hiện nay). Năm 1948, ông được đề bạt làm Bí thư Huyện ủy Huyện Đông, tỉnh Gò Công (nay là huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang). Năm 1951, ông là Bí thư Huyện ủy Gò Công, tỉnh Mỹ Tho (nay là thị xã Gò Công, các huyện Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang).

Với cương vị Bí thư Huyện ủy, ông cùng với Ban Thường vụ Huyện ủy lãnh chỉ đạo công tác mở lớp đào tạo cán bộ gồm Chủ tịch, Bí thư, chi ủy viên được tổ chức tại Rừng Sát, có hơn 100 cán bộ, đảng viên đến dự lớp nhằm nâng cao trình độ lý luận và năng lực công tác cho cán bộ, đảng viên; xây dựng cơ sở cách mạng; chống lại âm mưu gián điệp của địch, cần phát hiện các tổ chức phản động và đường dây gián điệp của chúng, dùng biện pháp hành chính để trấn áp, phân loại theo tính chất, mục đích hoạt động, phạm vi hoạt động của các nhóm, các tổ chức phản động để đối xử đúng chính sách; phân chia đại đội địa phương quân huyện làm

hai bộ phận, trong đó một bộ phận thành lực lượng vũ trang tuyên truyền, giáo dục quần chúng, tổ chức binh vận hỗ trợ cán bộ đi công tác và bảo vệ hai khu căn cứ du kích ở Phú Thạnh Đông và Gia Thuận; đẩy mạnh chiến tranh du kích và phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng.

Nhờ đó, phong trào cách mạng ở huyện Gò Công từ chỗ hết sức khó khăn đã dần dần phục hồi, một số địa phương cán bộ đã bám được cơ sở, phá tề, diệt ác, giữ thế phong trào; đã dập tắt được vụ gián điệp vô cùng nguy hiểm, các tổ chức phản động đều bị phát hiện, những tên tay sai, bọn cơ hội, bọn điệp ngầm chui vào các tổ chức cách mạng, cả những người bị địch lợi dụng đều bị phát giác và được xử lý đúng mức.

Tháng 7-1952, ông bị địch phục kích, bắn hy sinh tại xã Tân Thới (nay thuộc huyện Tân Phú Đông). Là một cán bộ cách mạng trung kiên, năng động, ông đã kiên trì bám trụ, chỉ đạo phong trào đấu tranh của nhân dân Gò Công ngày càng phát triển mạnh mẽ. Tên ông được đặt tên trường trung học cơ sở ở xã Tân Đông, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 18 đảng viên; nam: 07; nữ: 11. Chi ủy: 05; nam: 01; nữ: 04. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 32 công đoàn viên; nam: 13; nữ: 19. Đoàn thanh niên: 05 đoàn viên; nam: 01; nữ: 04. Đội thiếu niên: 505 đội viên; nam: 256; nữ: 249.

Tổng số cán bộ, viên chức: 32; nam: 13; nữ: 19. Tổng số giáo viên: 29; nam: 12; nữ: 17. Cử nhân (Đại học): 25; Cử nhân (Cao đẳng): 06; Trung cấp Y sĩ đa khoa: 01.

Tổng số học sinh: 511; nam: 260; nữ: 251.

Tổng diện tích: 9.230,7m^2; diện tích sử dụng: 9.230,7m^2

Trường có 04 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 10; phòng học: 09; phòng thí nghiệm - thực hành: 04; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

4. Trường Trung học cơ sở Nguyễn Trọng Dân

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Trọng Dân).

Địa chỉ: Ấp Vạn Thành, xã Bình Nghị, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang

Số điện thoại: 02733846059

Trang thông tin điện tử: http://thcsnguyentrongdan.tienggiang.edu.vn

Email: C2nguyentrongdangcd@tiengiang.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp II Bình Nghị được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Bình Nghị và Trường Phổ thông cấp II Bình Nghị hợp

nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Bình Nghị. Năm 1992, bộ phận Cấp II của trường được tách ra, thành lập Trường Trung học cơ sở Bình Nghị theo Quyết định số 281/QĐ.UB ngày 26 tháng 8 năm 1992 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông. Năm 2013, Trường Trung học cơ sở Bình Nghị được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Nguyễn Trọng Dân. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

NGUYỄN TRỌNG DÂN

(1917 – 1971)

Nguyễn Trọng Dân, bí danh Tư Hiệu, Bảy Dân, sinh năm 1917 tại làng Bình Nghị, tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công (nay là xã Bình Nghị, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân có truyền thống đấu tranh chống áp bức, bóc lột.

Tháng 8-1945, ông giác ngộ cách mạng, tham gia khởi nghĩa giành chính quyền ở quê nhà. Tháng 10-1945, ông gia nhập đội du kích xã chiến đấu chống thực dân Pháp khi bọn này quay trở lại xâm chiếm Gò Công. Sau đó, ông lần lượt giữ các vụ Xã đội trưởng, Bí thư xã Bình Nghị, Huyện ủy viên huyện Gò Công.

Sau hiệp định Genève (tháng 7-1954), ông được tổ chức phân công ở lại miền Nam hoạt động. Tuy bị địch theo dõi ráo riết, nhưng ông vẫn kiên cường bám trụ, xây dựng cơ sở cách mạng ở các xã ven biển của huyện và lãnh đạo quần chúng ở những nơi đó đấu tranh đòi các quyền tự do dân chủ, đòi chính quyền Diệm thi hành hiệp định Genève, đòi hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất nước nhà.

Năm 1958, địch tăng cường đánh phá phong trào cách mạng ở Gò Công vô cùng ác liệt. Do đó, theo sự phân công của cấp trên, ông đi "điều lắng" ở Sài Gòn và Tây Ninh. Nhưng chỉ một năm sau, mặc dù tình hình cách mạng ở địa phương còn gặp rất nhiều khó khăn, nhưng ông vẫn trở về Gò Công hoạt động, gầy dựng lại cơ sở cách mạng và tham gia lãnh đạo phong trào "Đồng Khởi" ở huyện nhà.

Năm 1961, ông được bầu làm Huyện ủy viên huyện Gò Công. Dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, phong trào nổi dậy, tiến công, phá ấp chiến lược và chiến tranh du kích của huyện tiếp tục được đẩy mạnh.

Năm 1969, ông là Tỉnh ủy viên tỉnh Gò Công, Bí thư Thị xã ủy Gò Công. Đây là thời kỳ địch tập trung lực lượng, tiến hành phản kích ở khắp nơi trong tỉnh với mức độ ngày càng khốc liệt. Tại thị xã Gò Công, nhiều cơ sở cách mạng bị vỡ lở và không ít cán bộ đã anh dũng hy sinh trong khi làm nhiệm vụ.

Tuy vậy, ông vẫn bám trụ tại nhà của một cơ sở ở bến xe thuộc nội ô thị xã để tiện việc lãnh đạo phong trào cách mạng ở một địa bàn vô cùng trọng yếu đối với ta cũng như đối với địch ở tỉnh Gò Công. Dưới sự lãnh đạo của Thị xã ủy, phong trào cách mạng ở thị xã vẫn được giữ vững và ngày càng phát triển. Được sự chỉ

đạo trực tiếp của ông, Thị xã ủy đã tổ chức hàng trăm cuộc mít tinh với sự tham gia của hàng chục ngàn quần chúng, đấu tranh chống địch cào nhà, càn quét, bắt lính, cướp bóc, hãm hiếp phụ nữ, chống bắt gia đình cách mạng "đi học nội trú", đòi trở về quê cũ làm ăn,… Phong trào binh vận phát triển mạnh, ta đã động viên, giáo dục hàng trăm gia đình binh sĩ học tập chủ trương của cách mạng, xây dựng cơ sở nội tuyến cách mạng trong hàng ngũ binh lính, vận động nhiều binh sĩ bỏ ngũ, hợp tác với cách mạng, cung cấp vũ khí, tin tức hoặc đấu tranh không đôn quân, không đổi đi nơi khác, tạo thuận lợi cho các cuộc đấu tranh của nhân dân. Phong trào diệt ác phá kềm được đẩy mạnh, ta đã diệt hàng chục tên công an, tề ấp, cảnh cáo, giáo dục hàng trăm tên khác, khiến cho nhiều tên phải bỏ trốn, nghỉ việc,… Những cuộc đấu tranh chính trị của nhân dân, phong trào binh vận, diệt ác phá kềm chứng tỏ cơ sở Đảng và cách mạng bất chấp sự đánh phá điên cuồng của địch, vẫn tồn tại vững chắc trong nội ô thị xã; đồng thời, nó đã hỗ trợ tích cực cho các cuộc tiến công quân sự nhằm tiêu diệt địch của lực lượng vũ trang tỉnh nhà.

Sáng ngày 20-01-1971, ông bị địch bắt. Mặc dù bị tra tấn rất dã man, nhưng ông vẫn giữ vững tinh thần và khí tiết, nhất quyết không khai báo, thậm chí, không để cho địch trói. Bất lực trước ý chí gang thép của người chiến sĩ cộng sản chân chính, bọn địch đã hèn hạ bắn chết ông ngay tại chỗ. Ông đã anh dũng hy sinh trong niềm tiếc thương, mến phục của đồng bào thị xã Gò Công. Mặc dù, chính quyền địch ra sức bưng bít, o ép, đe dọa, nhưng đám tang của ông có hàng ngàn người đến dự và đưa tiễn linh cửu đến nơi yên nghỉ cuối cùng tại xã Bình Nghị.

Ông là một cán bộ cách mạng trung kiên, bất khuất, không sợ hy sinh, gian khổ, luôn bám sát cơ sở, lãnh chỉ đạo phong trào cách mạng ở thị xã Gò Công trong thời kỳ khó khăn, ác liệt, góp phần quan trọng vào sự phát triển mạnh mẽ của phong trào đấu tranh cách mạng trên địa bàn toàn tỉnh.

Tên ông được đặt tên đường ở thị xã Gò Công và tên trường trung học cơ sở ở xã Bình Nghị, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 19 đảng viên; nam: 04; nữ: 15. Chi ủy: 05; nam: 02; nữ: 03. Ban giám hiệu: 02; nam: 00, nữ: 02. Công đoàn: 28 công đoàn viên; nam 07; nữ: 21. Đoàn thanh niên: 06 đoàn viên; nam 02; nữ: 04. Đội thiếu niên: 416 đội viên; nam: 232; nữ: 184.

Tổng số cán bộ, viên chức: 28, nam: 07, nữ: 21. Tổng số giáo viên: 22; nam: 07; nữ: 15. Cử nhân (đại học): 22; Cử nhân (cao đẳng): 04; Ttrung cấp 02.

Tổng số học sinh: 416; nam: 232; nữ: 184.

Tổng số diện tích: 5.338,2 m^2; diện tích sử dụng: 5.338,2 m^2.

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy gồm 01 tầng trệt, 01 tầng lầu); phòng làm việc: 06; phòng học: 08; phòng thí nghiệm: 04; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

5. Trường Trung học cơ sở Phùng Thanh Vân

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Họ và tên danh nhân (Phùng Thanh Vân).

Địa chỉ: Ấp 8, xã Tân Phước, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733840367.

Trang thông tin điện tử: http://thcsphungthanhvan.tiengiang.edu.vn.

Email: c2phungthanhvangcd@tiengiang.edu.vn.

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp II Tân Phước được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Tân Phước và Trường Phổ thông cấp II Tân Phước hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Tân Phước. Năm 1992, bộ phận Cấp II của trường được tách ra, thành lập Trường Trung học cơ sở Tân Phước theo Quyết định số 31/QĐ.UB ngày 26 tháng 8 năm 1992 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông. Ngày 16/7/2013, Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông ra Quyết định số 1409/QĐ-UBND về việc đổi tên Trường Trung học cơ sở Tân Phước thành Trường Trung học cơ sở Phùng Thanh Vân. Trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

PHÙNG THANH VÂN

(1925 - 1972)

Phùng Thanh Vân sinh năm 1925 tại làng Gia Thuận, tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công (nay là xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang).

Năm 1949, ông tham gia cách mạng tại quê nhà. Năm 1952, ông gia nhập Đoàn dân quân chính liên xã. Sau hiệp định Genève (1954), ông được tổ chức phân công ở lại Gò Công tiếp tục hoạt động cách mạng. Năm 1956, trước sự đánh phá ác liệt của chính quyền Ngô Đình Diệm, với tinh thần cách mạng kiên định, ông cùng với một số đồng chí đến Rừng Sác ở Lý Nhơn (nay thuộc huyện Cần Giờ, TP Hồ Chí Minh) cất chòi cư trú, đốn củi, chài lưới bắt cá bán để sinh sống, chờ đợi thời cơ.

Năm 1960, ông trở về Gò Công, tích cực tham gia phong trào "Đồng Khởi" ở quê nhà. Năm 1961, ông được cử làm Bí thư xã Gia Thuận, trực tiếp lãnh chỉ đạo cuộc nổi dậy phá thế kềm kẹp của nhân dân xã nhà trong phong trào "Đồng khởi" của nhân dân miền Nam. Ngày 17-11-1961, ông chỉ huy đội du kích xã phối hợp với Bộ đội 206 huyện Gò Công và nội ứng tấn công tiêu diệt đồn Gia Thuận; đồng thời, phát động nhân dân vùng lên bắt bọn chủ ấp và tay sai, giải phóng hoàn toàn xã Gia Thuận. Năm 1963, ông được bầu làm Huyện ủy viên, phụ trách các xã Gia Thuận, Tân Phước và Tân Niên Tây. Năm 1965, ông được đề bạt làm Trưởng ban Binh vận huyện Gò Công.

Năm 1969, ông được phân công làm Bí thư Huyện ủy huyện Đông (huyện Gò Công cũ). Lúc bấy giờ, trên địa bàn huyện, địch có hàng ngàn quân với đủ các sắc lính, như dân vệ, biệt kích, bảo an, chủ lực, có cố vấn Mỹ chỉ huy, liên tục mở các cuộc hành quân đánh phá, càn quét, nhất là vào căn cứ của Huyện ủy đóng ở vùng rừng Phú Thạnh Đông, nhằm tiêu diệt lực lượng cách mạng ở địa phương. Tuy nhiên, với tinh thần cách mạng tiến công, quyết vượt qua mọi gian khổ, khó khăn, thử thách, Huyện ủy do ông làm Bí thư vẫn kiên cường bám trụ căn cứ Phú Thạnh Đông để kịp thời lãnh chỉ đạo phong trào cách mạng ở huyện nhà. Nhờ đó, quân dân huyện Đông đã đánh bại nhiều cuộc hành quân càn quét của địch, bảo vệ vững chắc căn cứ Huyện ủy, từng bước làm thất bại mưu đồ bình định của bọn chúng; đặc biệt là hầu hết các cơ quan, đoàn thể của huyện từ các địa phương bạn đã vượt sông Cửa Tiểu hoặc vượt biển trở về hoạt động trên địa bàn huyện.

Qua năm 1970, địch triển khai kế hoạch bình định phát triển ở Gò Công. Theo đó, địch tập trung đánh phá ác liệt các xã Phú Thạnh Đông, Bình Thạnh Đông và Bình Xuân thuộc huyện Đông. Bọn chúng cho các đại đội bảo an kết hợp với lính trong các đồn bót, dân vệ, biệt kích cưỡng bức quần chúng đốn cây, phá địa hình, làm cho lực lượng của gặp nhiều khó khăn về nơi ở và căn cứ.

Mặc dù chiến trường trên địa bàn huyện Đông bị địch đánh phá hết sức ác liệt; nhưng ông vẫn quyết chí bám đất, bám dân, chỉ đạo phong trào đấu tranh cách mạng ở huyện nhà ngày càng phát triển. Tháng 4-1970, trong đợt "A" hưởng ứng chiến dịch tiến công địch trên toàn Miền, đại đội 206 bộ đội địa phương huyện phân chia thành nhiều phân đội nhỏ, gọn, kết hợp với du kích các xã tổ chức nhiều trận đánh tiêu hao, tiêu diệt bọn bình định; giải tán, tước súng bọn phòng vệ dân sự; phát động nhân dân nổi dậy, phá kềm kẹp, diệt bọn chủ ấp, cảnh sát có nợ máu với nhân dân; cảnh cáo bọn gián điệp, mật báo; trừng trị những tên ác ôn trong tổ chức Phượng Hoàng ở xóm ấp. Tháng 6-1970, trong đợt "B" phối hợp tiến công, với tư cách là Bí thư Huyện ủy, ông đã chỉ đạo cho lực lượng vũ trang của huyện tiến hành hoạt động vũ trang tuyên truyền trong một số ấp chiến lược và tấn công các toán phòng vệ dân sự, phát động nhân dân trong các ấp chiến lược đứng lên phá thế kềm kẹp của địch.

Bên cạnh đó, Huyện ủy do ông đứng đầu còn thành lập các tổ binh vận để giáo dục, động viên, vận động gia đình binh sĩ và binh sĩ bỏ ngũ, hợp tác với cách mạng, cung cấp vũ khí, tin tức, đấu tranh không đôn quân, không đổi đi nơi khác. Huyện ủy còn phát động phong trào đấu tranh của nhân dân, chống địch cào nhà, chống càn quét, bắt lính, chống cướp bóc, hãm hiếp phụ nữ, chống bắt gia đình cách mạng đi học nội trú, đòi trở về xóm cũ làm ăn, đòi được làm ruộng ở những nơi gần sát với căn cứ, địa hình của ta.

Để phù hợp với tình hình thực tiễn trên chiến trường, năm 1971, Tỉnh ủy Gò Công cho thành lập 4 ban cán sự vùng và thị xã. Lúc bấy giờ, ông được chỉ định giữ chức vụ Trưởng ban Cán sự thị xã Gò Công. Vào thời điểm này, thị xã Gò

Công là trung tâm chính trị, quân sự và kinh tế của tỉnh Gò Công, nên địch tập trung lực lượng hùng hậu để bảo vệ sào huyệt của bọn chúng.

Tuy vậy, với tinh thần "một tấc không đi, một li không rời", ông đã bám trụ địa bàn, động viên, giáo dục cán bộ, đảng viên kiên định lập trường, giữ vững tinh thần chiến đấu và công tác; đồng thời, cử cán bộ, đảng viên vào nội ô hoạt động, xây dựng cơ sở cách mạng trong quần chúng. Từ tháng 3-1972, phối hợp với cuộc tiến công quân sự trên chiến trường toàn tỉnh trong chiến dịch tổng hợp xuân hè 1972, nhất là từ sau chiến thắng Đồng Sơn của ta vào tháng 7-1972, ông và tập thể Ban Cán sự thị xã đã chỉ đạo cho cán bộ cơ sở và nòng cốt của ta trong nội ô phát động hàng trăm gia đình binh sĩ và hàng ngàn quần chúng kéo đến dinh Tỉnh trưởng và Tiểu khu Gò Công kêu khóc, đòi gặp mặt chồng con, chửi rũa bọn chỉ huy ác ôn đã đẩy binh sĩ vào chỗ chết, đòi bồi thường nhân mạng, chống hành quân, càn quét.

Trong khi phong trào cách mạng ở thị xã Gò Công đang ngày càng phát triển, vào khoảng cuối năm 1972, ông đã anh dũng hy sinh sau một trận ném bom dữ dội của địch trúng vào căn cứ của Ban Cán sự thị xã đặt tại xã Thành Công (nay thuộc huyện Gò Công Tây).

Ông được Nhà nước truy tặng Huân chương Độc lập. Ông là một cán bộ cách mạng trung kiên, không ngại hy sinh, gian khổ, anh dũng bám sát cơ sở, đề ra biện pháp đấu tranh đúng đắn, sáng tạo, góp công lớn trong việc thúc đẩy phong trào cách mạng ở Gò Công tiến lên. Tên ông được đặt tên đường ở thị xã Gò Công, tên trường trung học cơ sở ở xã Tân Phước, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 25 đảng viên; nam: 13; nữ: 12; Chi uỷ: 05; nam: 04; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 46 công đoàn viên; nam 25; nữ: 21. Đoàn thanh niên: 02 đoàn viên; nam: 01; nữ: 01; Đội thiếu niên: 1.101 đội viên; nam: 526; nữ: 575.

Tổng số cán bộ, viên chức: 46; nam: 25; nữ: 21. Tổng số giáo viên: 43; nam: 23; nữ: 20. Cử nhân (Đại học): 37; Cử nhân (Cao đẳng): 09.

Tổng số học sinh: 1.101; nam: 526; nữ: 575.

Tổng diện tích: 4.644 m^2; diện tích sử dụng: 2.840 m^2.

Trường có 02 dãy lầu, 01 dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu, 01 dãy có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu; phòng làm việc: 04; phòng học: 12; phòng thí nghiệm: 01; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; nhà đa năng: 01; khu vệ sinh: 04.

6. Trường Trung học cơ sở Thái Văn Nam

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Họ và tên danh nhân (Thái Văn Nam).

Địa chỉ: Ấp Xóm Lưới, xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0733 847 301

Trang thông tin điện tử: http://thcsthaivannam.tiengiang.edu.vn

Email: truongthcsthaivannam@gmail.com

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp II Kiểng Phước được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Kiểng Phước và Trường Phổ thông cấp II Kiểng Phước hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Kiểng Phước. Năm 1994, bộ phận Cấp II của Trường Phổ thông cơ sở Kiểng Phước được tách ra, hợp nhất với bộ phận Cấp II của Trường Phổ thông cơ sở Vàm Láng để hình thành Trường Trung học cơ sở liên xã Kiểng Phước - Vàm Láng. Năm 2008, Trường Trung học cơ sở liên xã Kiểng Phước - Vàm Láng được tách ra, hình thành Trường Trung học cơ sở Kiểng Phước. Năm 2013, trường được đổi tên thành trường Trung học cơ sở Thái Văn Nam theo Quyết định số 1413/QĐ ngày 16 tháng 07 năm 2013 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông. Trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

THÁI VĂN NAM

(1922 – 1970)

Thái Văn Nam, bí danh Hai Nhân, sinh năm 1922 tại làng Tân Điền, tổng Hòa Lạc Thượng, tỉnh Gò Công (nay là xã Tân Điền, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang).

Tháng 8-1945, ông giác ngộ và tham gia cách mạng tại xã nhà. Sau Hiệp định Genève (7-1954), do sự phân công của tổ chức, ông không đi tập kết ra miền Bắc mà ở lại Gò Công tiếp tục hoạt động. Lúc này, phong trào cách mạng ở Gò Công gặp khó khăn nghiêm trọng do sự đánh phá của chính quyền và quân đội Sài Gòn. Do đó, ông được phân công đi điều lắng ở địa phương khác.

Năm 1960, ông tham gia phong trào Đồng Khởi ở vùng Hưng Thạnh - Tân Hòa Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho (nay thuộc huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang). Sau đó, ông được điều động làm cán bộ Ban Tuyên - Văn - Giáo thuộc Tỉnh ủy Mỹ Tho. Năm 1964, ông là Huyện ủy viên Huyện Gò Công, Bí thư xã Tăng Hòa. Năm 1969, ông là Huyện ủy viên Huyện Đông, tỉnh Gò Công (nay là Huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang), phụ trách các xã Tăng Hòa, Phước Trung và Tân Thành.

Tháng 1-1970, ông là Bí thư Huyện ủy Huyện Đông. Mặc dù bị địch liên tục càn quét, đánh phá vô cùng ác liệt, nhưng ông vẫn kiên trì bám chặt địa bàn, cùng với Ban Thường vụ Huyện ủy lãnh chỉ đạo công tác xây dựng cơ sở cách mạng trong nhân dân, tổ chức đánh diệt bọn bình định, giải tán bọn phòng vệ dân sự, phá

lỏng bộ máy kìm kẹp, vũ trang tuyên truyền, đẩy mạnh đấu tranh chính trị và binh vận, thu tài chính, tạo thế cách mạng cho quần chúng. Nhờ vậy, phong trào cách mạng trên địa bàn huyện Đông dần dần được hồi phục.

Tháng 10-1970, trên đường đi công tác từ xã Phú Thạnh Đông về xã Tăng Hòa, do địch phục kích, ông đã anh dũng hy sinh. Tên ông được đặt tên trường trung học cơ sở ở xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 23 đảng viên; nam: 09; nữ: 14; Chi ủy: 05; nam: 02; nữ: 03. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 35 công đoàn viên; nam: 14; nữ: 21. Đoàn thanh niên: 98 đoàn viên; nam: 47; nữ: 51; Đội thiếu niên: 713 đội viên; nam: 354; nữ: 359.

Tổng số cán bộ, viên chức: 35; nam: 14; nữ: 21. Tổng số giáo viên: 33; nam: 13; nữ: 20. Cử nhân (đại học): 26; Cử nhân (cao đẳng): 09.

Tổng số học sinh: 817; nam: 401; nữ: 416.

Tổng diện tích: 5.131 m^2; diện tích sử dụng: 5.131 m^2.

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt; 01 tầng lầu; phòng làm việc: 06; phòng học: 18; phòng thí nghiệm: 03; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

7. Trường Trung học cơ sở Võ Duy Linh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Họ và tên danh nhân (Võ Duy Linh).

Địa chỉ: Ấp Cầu Muống, xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 946 657

Trang thông tin điện tử: http://thcsvoduylinh.tiengiang.edu.vn/

Email: c2voduylinh@gmai;.com

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp II Tân Thành được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Tân Thành và Trường Phổ thông cấp II Tân Thành hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Tân Thành. Năm 1996, bộ phận Cấp II của Trường Phổ thông cơ sở Tân Thành được tách ra, thành lập Trường Trung học cơ sở Tân Thành theo Quyết định số 100/QĐ.UB ngày 18 tháng 8 năm 1996 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông. Năm 2013, trường đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Võ Duy Linh theo Quyết định số 1047/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

VÕ DUY LINH

(1919 - 1968)

Võ Duy Linh, tên khai sinh là Võ Văn Di, sinh năm 1919 tại làng Bình Ân, tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công (nay là xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân có truyền thống đấu tranh chống áp bức, bóc lột.

Năm 1945, ông giác ngộ cách mạng, tham gia đội du kích xã, rồi lần lượt giữ các chức vụ Xã đội trưởng, Huyện ủy viên kiêm Bí thư xã.

Sau khi hiệp định Genève (1954) được ký kết, ông tiếp tục làm Huyện ủy viên huyện Gò Công và được tổ chức phân công ở lại miền Nam hoạt động. Đây là thời kỳ chính quyền Ngô Đình Diệm được Mỹ giật dây thẳng tay khủng bố, đàn áp quần chúng. Vì thế, phong trào cách mạng ở Gò Công bị tổn thất nghiêm trọng, hàng loạt cán bộ hoặc bị địch bắt bớ, giết hại hoặc theo chủ trương của cấp trên phải "điều lắng" tạm lánh đi nơi khác.

Năm 1957, chấp hành mệnh lệnh của tổ chức, ông chuyển đổi địa bàn hoạt động lên Sài Gòn. Nhưng, với tinh thần tiến công cách mạng cao độ, không sợ hy sinh, gian khổ, chỉ một năm sau (1958), ông trở về Gò Công đang bị địch bình định trắng, kiên trì bám đất, bám dân, gầy dựng lại cơ sở cách mạng, phát động quần chúng đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ, hòa bình, chống tố cộng, diệt cộng.

Ngày 21-01-1960, ông đại diện cho Huyện ủy Gò Công dự hội nghị triển khai Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng do Tỉnh ủy Mỹ Tho triệu tập. Tại hội nghị quan trọng này, ông được phân công nhiệm vụ phát động cuộc "Đồng khởi" ở hai huyện Gò Công (nay là huyện Gò Công Đông và thị xã Gò Công) và Hòa Đồng (nay là huyện Gò Công Tây và huyện Tân Phú Đông).

Tháng 2-1960, ông trở về căn cứ Rừng Sác, thành lập Ban Cán sự Đảng hai huyện Gò Công và Hòa Đồng; trong đó Ban Cán sự Đảng huyện Gò Công do ông làm Bí thư. Cùng với tập thể Ban Cán sự, ông đã ra sức xây dựng lực lượng chính trị của quần chúng và lực lượng vũ trang cách mạng; đồng thời, lãnh chỉ đạo hai lực lượng này thực hiện liên tục các cuộc tấn công và nổi dậy trong suốt năm 1960, phá vỡ từng mảng lớn bộ máy chính quyền địch ở cơ sở, chấm dứt thời kỳ thoái trào của Gò Công, mở ra bước phát triển mới của phong trào cách mạng ở địa phương, tiến cùng nhịp độ phát triển trong toàn tỉnh.

Tháng 6-1961, ông được bầu làm Tỉnh ủy viên tỉnh Mỹ Tho, Bí thư Huyện ủy Gò Công. Với trách nhiệm của mình, ông đã chỉ đạo xây dựng các cơ quan Huyện ủy, cơ sở Đảng từ huyện xuống tận xã, ấp, lực lượng chính trị của quần chúng và lực lượng vũ trang huyện. Từ năm 1961- 1963, dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, phong trào du kích chiến tranh, phá "Ấp chiến lược", đấu tranh chính trị và công tác binh vận ở huyện Gò Công phát triển vô cùng mạnh mẽ, được Tỉnh ủy công nhận và tuyên dương là huyện có phong trào phát triển mạnh và vững chắc ở trong toàn tỉnh.

Đầu năm 1963, ông được cấp trên cử đi học; rồi được điều lên tỉnh, giữ chức vụ Tỉnh ủy viên tỉnh Mỹ Tho, Trưởng ban An ninh tỉnh Mỹ Tho. Dưới sự chỉ đạo của ông, Ban An ninh tỉnh và các huyện được kiện toàn; và đã đập tan âm mưu chống phá cách mạng của địch bằng phương thức tình báo, gián điệp mà chúng đang ráo riết triển khai để thực hiện kế hoạch gom dân, lập ấp chiến lược.

Đầu năm 1964, ông được Tỉnh ủy cử trở lại Gò Công với nhiệm vụ là Tỉnh ủy viên tỉnh Mỹ Tho, Bí thư Huyện ủy. Trong thời kỳ ông làm Bí thư Huyện ủy, hệ thống cơ sở Đảng vẫn được giữ vững, cán bộ bám chặt trong dân, vùng giải phóng được củng cố, phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng, hoạt động vũ trang của bộ đội địa phương và du kích xã, ấp tiếp tục tiến lên mạnh mẽ mặc dù địch tăng cường đánh phá rất ác liệt nhằm thực hiện âm mưu biến nơi đây thành mô hình bình định kiểu mẫu của bọn chúng.

Tháng 10-1967, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy Gò Công (vừa mới được tái lập theo quyết định của Khu ủy Khu 8), ông và tập thể Huyện ủy ráo riết lãnh chỉ đạo quân dân huyện nhà chuẩn bị lực lượng về mọi mặt, nhất là lực lượng vũ trang, tuyển quân, hậu cần, dân công, sẵn sàng thực hiện lệnh nổi dậy và tiến công của cấp trên.

Đúng 2 giờ ngày Mùng 2 Tết Mậu Thân (ngày 01-02-1968), theo kế hoạch của Tỉnh ủy, ông phát lệnh cho bộ đội địa phương và du kích các xã thuộc huyện Gò Công nổ súng tiến công địch trên địa bàn toàn huyện; đồng thời, chi viện cho bộ đội tỉnh tiến công vào thị xã Gò Công. Cuộc tiến công của quân dân ta nổ ra rất mãnh liệt, khiến địch bị tổn thất nặng nề, phần lớn đồn bót, tháp canh của bọn chúng đều bị ta bị tiêu diệt, các xã trên địa bàn huyện, như Tân Thành, Tân Bình Điền, Bình Ân, Bình Xuân, Phước Trung đã thành lập Ủy ban nhân dân giải phóng cấp xã.

Sau đó, ông chỉ huy lực lượng vũ trang huyện đánh địch phản kích. Ngày 16-02-1968, trên đường đi công tác, ông bị địch phục kích, anh dũng đền nợ nước tại ấp Gò Một, xã Tân Niên Đông. Được biết, ông có người em ruột là Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Võ Văn Kiết. Sau năm 1975, ông được Nhà nước truy tặng Huân chương Độc lập. Tên ông được đặt tên đường ở thị xã Gò Công và huyện Gò Công Đông; tên trường trung học cơ sở ở xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 24 đảng viên; nam: 06; nữ 17; Chi ủy: 05; nam: 02; nữ: 03. Ban giám hiệu: 01; nam: 00; nữ: 01. Công đoàn: 36 công đoàn viên; nam: 11; nữ: 25. Đoàn thanh niên:130 đoàn viên; nam: 39; nữ: 91. Đội thiếu niên: 628 đội viên; nam: 342; nữ: 286.

Tổng số cán bộ viên chức: 36; nam: 11; nữ: 25. Tổng số giáo viên: 32; nam: 10; nữ: 22. Cử nhân (đại học): 28; Cử nhân (cao đẳng): 7; Trung cấp Y tế: 01.

Tổng số học sinh: 758; nam: 381; nữ: 377.

Tổng diện tích: 11.046,8 m^2; diện tích sử dụng: 11.046,8 m^2.

Trường có 02 dãy lầu; mỗi dãy có 01 tầng trệt; 02 tầng lầu; phòng làm việc: 09; phòng học: 18; phòng thực hành thí nghiệm: 04; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 02; phòng thiết bị: 01; hội trường: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 03.

8. Trường Trung học cơ sở Võ Văn Chỉnh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Họ và tên danh nhân (Võ văn Chỉnh).

Địa chỉ: Ấp 1, xã Tân Tây, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273.3840.169

Trang thông tin điện tử: thcsvovanchinh.tiengiang.edu.vn.

Email: C2tantaygocongdong.tiengiang@moet.edu.vn.

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp II Tân Tây được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Tân Tây và Trường Phổ thông cấp II Tân Tây hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Tân Tây. Năm 1996, bộ phận Cấp II của Trường Phổ thông cơ sở Tân Tây được tách ra, thành lập Trường Trung học cơ sở Tân Tây. Năm 2013, trường được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Võ Văn Chỉnh theo Quyết định số 1410/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2013 của Uỷ ban Nhân dân huyện Gò Công Đông. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

VÕ VĂN CHỈNH

(1931 – 1968)

Võ Văn Chỉnh, tên thật là Võ Văn Quang, bí danh Sáu Quang, sinh năm 1931 tại làng Tăng Hòa, tổng Hòa Lạc Thượng, tỉnh Gò Công (nay là xã Tăng Hòa, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang).

Tháng 8-1945, ông giác ngộ và tham gia cách mạng ở xã nhà. Sau Hiệp định Genève (7-1954), ông được phân công ở lại Gò Công hoạt động. Cuối năm 1954, ông được phân công đi điều lắng ở Đồng Tháp Mười thuộc xã Tân Nhơn, huyện Mỹ An, tỉnh Kiến Tường (nay thuộc tỉnh Long An). Năm 1959, ông trở về Gò Công tiếp tục hoạt động. Lúc này, chính quyền Sài Gòn tăng cường thực hiện chiến dịch "tố cộng", "diệt cộng" và Luật 10/59 "đặt cộng sản ngoài vòng pháp luật" nên phong trào cách mạng Gò Công gặp khó khăn nghiêm trọng. Tuy nhiên, với bản lĩnh của người chiến sĩ cộng sản trung kiên, bất khuất, ông vẫn bám chặt địa bàn và gầy dựng cơ sở cách mạng ở hai xã Tăng Hòa và Phước Trung (nay thuộc huyện

Gò Công Đông). Sau đó, ông lần lượt trải qua nhiều nhiệm vụ khác nhau, rồi giữ chức vụ Huyện đội trưởng Huyện đội Gò Công.

Tháng 7-1967, ông được điều động về Tỉnh đội Gò Công, tham gia cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 ở tỉnh Gò Công. Sau đó, giữ chức vụ Tỉnh đội phó rồi Tỉnh đội trưởng Tỉnh đội Gò Công. Với cương vị này, ông đã chỉ huy lực lượng vũ trang tỉnh Gò Công liên tục đánh địch phản kích, tiêu diệt, tiêu hao nhiều sinh lực của bọn chúng, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh và làm tan rã bộ máy kìm kẹp của chính quyền Sài Gòn ở cơ sở, góp phần cùng nhân dân miền Nam đánh bại chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ, tạo ra một bước ngoặt mới của cuộc chiến tranh, làm đảo lộn chiến lược quân sự của địch, đẩy địch quay về thế phòng ngự, bị động trên toàn chiến trường.

Giữa năm 1968, ông được chỉ định làm Bí thư Huyện ủy Huyện Đông (nay là huyện Gò Công Đông). Tháng 10-1968, trên đường đi công tác, ông bị địch phục kích bắn hy sinh. Trong quá trình hoạt động cách mạng, ông được tặng thưởng 03 Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng Nhất, hạng Nhì và hạng Ba. Tên ông được đặt tên trường trung học cơ sở ở xã Tân Tây, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có có 21 đảng viên; nam: 08; nữ: 13; Chi ủy: 05; trong đó: nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 50 công đoàn viên; nam: 18; Nữ: 32. Đoàn thanh niên: 06 đoàn viên; nam: 02; nữ: 04. Đội Thiếu niên: 1.177 đội viên; nam: 558; nữ: 619.

Tổng số cán bộ, viên chức: 50; nam: 18; nữ: 32. Tổng số giáo viên 45; nam: 16; nữ: 29. Cử nhân (Đại học): 33; Cử nhân (Cao đẳng): 12.

Tổng số học sinh: 1.177; nam: 558; nữ: 619.

Tổng diện tích: 13.744,9 m^2, diện tích sử dụng: 10.491m^2.

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; phòng làm việc: 06; phòng học: 17; phòng thí nghiệm: 04; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy vi tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; Khu vệ sinh: 05.

9. Trường Trung học cơ sở Võ Văn Dánh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Họ và tên danh nhân (Võ Văn Dánh).

Địa chỉ: ấp Giồng Tân, xã Tăng Hòa, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273.3846003

Trang thông tin điện tử: thcsvovandanh.tiengiang.edu.vn

Email: c2vovandanhgcd@tiengiang.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp II Tân Hòa được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Tân Hòa và Trường Phổ thông cấp II Tân Hòa hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Tân Hòa. Năm 1999, bộ phận Cấp II của Trường Phổ thông cơ sở Tân Hòa được tách ra, thành lập Trường Trung học cơ sở Tân Hòa theo Quyết định số 752/QĐ-UBND ngày 15/6/1999 của UBND huyện Gò Công Đông. Năm 2013, trường được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Võ Văn Dánh theo Quyết định số 1408/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2013 của Uỷ ban Nhân dân huyện Gò Công Đông. Trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

VÕ VĂN DÁNH

(1931 – 1995)

Võ Văn Dánh, bí danh Võ Văn Gò, Tư Hiếu, sinh năm 1931 tại làng Tăng Hòa, tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công (nay là xã Tăng Hòa, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang), trong một gia đình nông dân.

Tháng 8-1945, ông tham gia cách mạng, hoạt động đoàn thể thiếu niên tại địa phương. Năm 1946, khi giặc Pháp quay trở lại xâm lược Gò Công, ông gia nhập lực lượng Vệ Quốc Đoàn, chiến đấu bảo vệ quê hương. Năm 1948, ông là chiến sĩ trinh sát thuộc tiểu đoàn 305. Năm 1950, ông lần lượt đảm nhiệm chức vụ tiểu đội phó rồi tiểu đội trưởng bộ đội địa phương Gò Công. Năm 1952, trong một trận đánh, ông bị địch bắt; bọn chúng đã đem đồng đội và cả em ruột của ông ra bắn trước mặt ông để lung lạc tình thần, song ông vẫn vững vàng, mưu trí trốn thoát. Sau đó, ông liên lạc với tổ chức, được phân công làm trinh sát Tỉnh đội Mỹ Tho (còn gọi tỉnh Mỹ Tân Gò). Năm 1953, ông được đề bạt làm trung đội phó thuộc Tỉnh đội Mỹ Tho.

Sau hiệp định Genève (7-1954), ông được Đảng phân công ở lại miền Nam, phụ trách công tác bảo vệ và xây dựng căn cứ Tỉnh ủy Tân An (nay là tỉnh Long An). Năm 1955, ông được cấp trên tin cẩn giao nhiệm vụ bảo vệ cơ quan và các vị lãnh đạo của Tỉnh uỷ Kiến Phong (nay là tỉnh Đồng Tháp). Trong thế bị địch kìm kẹp, bao vây, lùng sục, ông đã góp phần cùng đồng chí, đồng đội bảo vệ Tỉnh uỷ được an toàn. Năm 1961, ông công tác tại Ban Tuyên huấn tỉnh, phụ trách nhà in Cửu Long với nhiệm vụ in ấn công văn, giấy tờ, bản tin, tài liệu tuyên truyền, phục vụ cho cuộc chiến đấu của quân dân tỉnh Kiến Phong.

Khi đế quốc Mỹ tiến hành chiến lược "chiến tranh cục bộ", năm 1965, ông được điều về lãnh đạo đơn vị C.279 bảo vệ cơ quan Tỉnh uỷ. Cơ quan Tỉnh uỷ là mục tiêu đánh phá số một của địch. Ông vừa giáo dục ý thức bảo mật, tinh thần chiến đấu và chịu đựng gian khổ cho toàn đơn vị, vừa vận động nhân dân đùm bọc, vừa ra sức cải tạo địa hình, địa vật, trồng cây, phát triển gài chông mìn,… để cơ quan Tỉnh uỷ chịu đựng được sự đánh phá ác liệt của địch. Với tư tưởng tấn công,

ông không thụ động chờ địch đến mới đánh, mà chủ động thường xuyên cử đồng đội phối hợp du kích xã bao vây đồn bót xung quanh khu căn cứ Tỉnh ủy.

Năm 1966, trong một trận chống càn, tuy bị thương nặng và hư một mắt, nhưng ông vẫn không rời đơn vị. Căn cứ của Tỉnh uỷ Kiến Phong ở Xẻo Quýt vẫn tồn tại, an toàn trong vòng vây đồn bót, càn quét, đánh phá điên cuồng của địch. Do có thành tích xuất sắc trong chiến đấu và xây dựng đơn vị, cũng trong năm này, ông được đề bạt sơ cấp Đảng, đại đội phó rồi đại đội trưởng đơn vị C.279.

Từ năm 1969 - 1974, ông lần lượt đảm nhiệm các chức vụ, như đại đội bậc trưởng, phụ trách An ninh tỉnh Kiến Phong, Chi ủy viên Ban An ninh Tỉnh ủy, Ủy viên Ban Cán sự, Trưởng tiểu ban An ninh vũ trang tỉnh, Tiểu đoàn bậc phó An ninh vũ trang tỉnh. Trong thời gian này, ông đã chỉ huy đơn vị đánh thắng địch hàng chục trận, bảo vệ an toàn căn cứ và các vị lãnh đạo Tỉnh ủy, tiêu diệt nhiều sinh lực và phương tiện chiến tranh của địch, tiêu biểu là các chiến thắng sau đây:

Ngày 06-01-1969, 1 đại đội quân Mỹ đổ xuống đánh vào cơ quan Tỉnh uỷ đóng ở Bình Hàng Tây. Với tư tưởng "nắm thắt lưng địch mà đánh", ông chờ lính Mỹ vào cách 5m mới ra lệnh nổ súng. Suốt ngày chịu đựng bom pháo ác liệt của quân Mỹ, ông đã chỉ huy đơn vị bám chặt công sự, đánh bật tất cả các đợt tấn công của địch. Đến tối, ông lừa địch vào hướng khác, đưa toàn bộ cơ quan Tỉnh uỷ rút lui an toàn. Trong trận này, đơn vị do ông chỉ huy đã diệt và làm bị thương 30 lính Mỹ, thu 5 khẩu súng, bắn rơi 2 chiếc trực thăng.

Trong tháng 3-1969, ông chỉ huy đơn vị đánh nhiều trận, tổng cộng diệt và làm bị thương 150 lính Mỹ, thu 10 khẩu súng, 17 máy truyền tin PRC25.

Ngày 04-10-1974, ông tổ chức phục kích, lừa địch vào vòng vây rồi mới nổ súng, bẻ gãy ý đồ của địch là đưa 4 đại đội hành quân hòng tái chiếm đồn Gốc Khế (Thanh Mỹ), diệt và bắt hàng 1 đại đội địch, thu 2 khẩu cối 60 li, 8 khẩu 12 li và nhiều quân trang, quân dụng của địch.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng (30-4-1975), ông được đề bạt trung cấp Đảng, Tiểu đoàn phó An ninh vũ trang tỉnh Kiến Phong vào tháng 7-1975. Năm 1976, ông là Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng ty Công an tỉnh Đồng Tháp, góp phần to lớn vào công cuộc đảm bảo an ninh chính trị và trật tự xã hội tỉnh Đồng Tháp trong những năm đầu giải phóng. Năm 1981, ông được bầu làm Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Đồng Tháp. Năm 1992, ông được Đảng và Nhà nước giải quyết chế độ hưu trí. Năm 1995, ông bị bệnh qua đời. Phần mộ của ông tọa lạc tại Nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 6-11-1978, ông được Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam phong tặng danh hiệu: *Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân*. Ông là tấm gương sáng về lòng trung thành, dũng cảm, mưu trí, sáng tạo, lạc quan và tận tụy với mọi nhiệm vụ do cách mạng giao phó. Tên ông được đặt tên trường trung học cơ sở ở xã Tăng Hòa, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 34 đảng viên, nam: 09; nữ: 25; Chi ủy: 05; nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 03; nam: 01; nữ: 02. Công đoàn: 67; nam: 23; nữ: 44. Đoàn thanh niên: 138 đoàn viên; nam: 41; nữ: 97. Đội thiếu niên: 1.392 đội viên; nam: 704; nữ: 688.

Tổng số cán bộ, viên chức: 67; nam: 23; nữ: 44. Tổng số giáo viên: 60; nam: 21; nữ: 39. Cử nhân (đại học): 55; Cử nhân (cao đẳng): 12.

Tổng số học sinh: 1.513; nam: 730; nữ: 783.

Tổng diện tích: 20.714,3 m^2 ; diện tích sử dụng: 11.393 m^2.

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 08; phòng học: 22; phòng khoa học tự nhiên: 02; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 02; phòng khoa học xã hội: 01; phòng âm nhạc: 01; phòng mĩ thuật: 01; phòng công nghệ: 01; thư viện: 01; phòng y tế: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 01; Khu vệ sinh: 06.

10. Trường Trung học cơ sở Võ Văn Kiết

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Họ và tên danh nhân (Võ Văn Kiết).

Địa chỉ: Ấp Trung, xã Tân Điền, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Trang thông tin điện tử:

Email: c2vovankietgcd@tiengiang.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp II Tân Điền được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Tân Điền và Trường Phổ thông cấp II Tân Điền hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Tân Điền. Năm 1999, bộ phận Cấp II của Trường Phổ thông cơ sở Tân Điền được tách ra, thành lập Trường Trung học cơ sở Tân Điền. Năm 2012, trường được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Võ Văn Kiết theo Quyết định số 397/ QĐ-UBND ngày 05 tháng 3 năm 2012 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

VÕ VĂN KIẾT

(1929 – 1968)

Võ Văn Kiết, bí danh Mười Quốc, sinh năm 1929 tại làng Bình Ân, tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công (nay là xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân có truyền thống đấu tranh chống áp bức, bóc lột.

Năm 1946, ông tham gia cách mạng, làm liên lạc và du kích xã. Năm 1950, ông giữ chức Xã đội trưởng. Năm 1952, ông bị địch bắt, đày đi Côn Đảo. Ở trong

tù, ông luôn tỏ rõ khí tiết cao cả của người chiến sĩ cộng sản, không bao giờ chịu khuất phục trước nhục hình tra tấn của địch.

Sau hiệp định Genève (7-1954), ông được trao trả ở Giá Rai (Bạc Liêu); rồi trở về Gò Công hoạt động. Năm 1958, do địch tăng cường đánh phá phong trào cách mạng, theo chủ trương của cấp trên, ông tự "điều lắng" sang Bà Rịa và thành lập ở đây một tổ Đảng, hoạt động bí mật. Tháng 5-1959, ông bị địch bắt; nhưng do bọn chúng sơ hở, nên ông trốn thoát được. Sau đó, ông trở về Gò Công hoạt động đơn tuyến.

Tháng 2-1960, ông bắt liên lạc được với một số cán bộ còn lại của Gò Công, tham gia thành lập Ban Cán sự Đảng hai huyện Gò Công, Hòa Đồng và căn cứ Rừng Sác. Tháng 6-1961, ông được bầu làm Phó Bí thư Huyện ủy Gò Công phụ trách quân sự, tham gia chỉ đạo cao trào "Đồng khởi" của nhân dân huyện nhà.

Đến khi Huyện đội được thành lập, ông nhận thêm nhiệm vụ làm Chính trị viên Huyện đội. Ở cương vị này, ông đã tích cực xây dựng cơ quan Huyện đội, cơ sở quân y, công trường sản xuất vũ khí; tổ chức lực lượng du kích tự vệ xã, ấp và lực lượng quân sự tập trung của huyện (đơn vị 206); phát triển phong trào chiến tranh du kích, tấn công địch giữ vững thế cách mạng, tạo nên những chiến công hiển hách. Đầu năm 1963, ông được bầu làm Bí thư Huyện ủy Gò Công.

Dưới sự lãnh chỉ đạo của Huyện ủy, do ông làm Bí thư, phong trào du kích chiến tranh và phá "Ấp chiến lược" ở Gò Công phát triển rất mạnh mẽ. Đến cuối năm 1963, hầu hết vùng nông thôn ở Gò Công đều thuộc quyền kiểm soát của chính quyền cách mạng; toàn bộ hệ thống ấp chiến lược của địch bị phá banh, phá rã; và trở thành xã, ấp chiến đấu của ta (huyện có 15/15 xã chiến đấu, 75/132 ấp chiến đấu); chính sách bình định của địch bị thất bại nặng nề ở Gò Công. Với thành tích này, tại hội nghị tổng kết đánh phá ấp chiến lược được tổ chức vào tháng 9-1963, Khu ủy Khu 8 đã đánh giá tỉnh Mỹ Tho là lá cờ đầu trong toàn khu, huyện Gò Công là lá cờ đầu trong toàn tỉnh Mỹ Tho. Về phong trào du kích chiến tranh, tại hội nghị tổng kết do Tỉnh ủy tổ chức vào tháng 12-1963, huyện Gò Công được đánh giá lập thành tích xuất sắc; đồng thời, tại hội nghị, các xã Tân Bình Điền, Long Thuận, An Hòa, Kiểng Phước đã được Tỉnh ủy trao tặng Bằng khen.

Do huyện có thành tích nổi bật, với tư cách là Bí thư Huyện ủy, ông vinh dự được thay mặt tỉnh Mỹ Tho, báo cáo kinh nghiệm của Gò Công về phong trào phá "Ấp chiến lược" trong Hội nghị tổng kết phong trào du kích chiến tranh do Trung ương Cục miền Nam tổ chức vào đầu năm 1964. Tại Hội nghị, Quân ủy Miền đã tuyên dương và trao tặng lực lượng vũ trang tỉnh Mỹ Tho Huân chương Quân công hạng nhất. Trong thành tích chung của toàn tỉnh, huyện Gò Công đã có những đóng góp xuất sắc.

Tháng 2-1964, ông được bầu làm Tỉnh ủy viên, Chính trị viên phó Tỉnh đội Mỹ Tho. Năm 1965, ông được cử đi học lớp đào tạo cán bộ quân sự trung cao do

Bộ Chỉ huy Quân sự Miền mở; rồi trở về, làm Tiểu đoàn trưởng kiêm Chính trị viên tiểu đoàn 514 tỉnh. Dưới sự chỉ huy tài ba của ông, tiểu đoàn 514 đã liên tục tiến công địch, giành được những chiến thắng giòn giã trên chiến trường Mỹ Tho; như tháng 6-1966, ông chỉ huy tiểu đoàn tập kích trường huấn luyện hạ sĩ quan quân đội Sài Gòn ở Tân Hiệp (huyện Châu Thành) và Dinh quận Cái Bè, tiêu diệt và làm bị thương khoảng 100 lính địch, trong đó có quận trưởng và 1 cố vấn Mỹ, thu nhiều vũ khí; cuối năm 1966, ông chỉ huy tiểu đoàn đánh diệt 1 trung đội lính Mỹ ở gần căn cứ Đồng Tâm (xã Bình Đức, huyện Châu Thành); sau đó, tiếp tục tập kích, tiêu diệt 1 chi đội xe bọc thép M.113; trên đường trở về căn cứ, đơn vị đụng 1 đại đội biệt kích Mỹ, ông đã bình tỉnh chỉ huy chiến đấu, diệt hàng chục tên; năm 1967, ông chỉ huy tiểu đoàn tập kích Sở chỉ huy Lữ đoàn 2, Sư đoàn 9 Mỹ, diệt và làm bị thương khoảng 200 lính địch; tháng 3-1968, ông chỉ huy đơn vị chống càn ở xã Long Bình Điền (huyện Chợ Gạo), bắn rơi 9 máy bay trực thăng nhất là trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968. Đầu tháng 5-1968, ông được đề bạt làm Trung đoàn phó Trung đoàn 2 Quân khu 8.

Ngày 10-5-1968, ông đã anh dũng hy sinh trong khi đang chỉ huy đơn vị đánh địch phản kích tại xã Phú Kiết, huyện Chợ Gạo. Ông được Nhà nước truy tặng Huân chương Độc lập. Ngày 20-12-1994, ông được truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Tên ông được đặt tên đường ở thị xã Gò Công, thị trấn Tân Hòa, huyện Gò Công Đông; tên trường trung học cơ sở ở xã Tân Điền, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 18 đảng viên; nam: 05; nữ: 13; Chi ủy: 05; nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 24 công đoàn viên; nam: 08; nữ: 16. Đoàn thanh niên: 03 đoàn viên; nam: 01; nữ: 02. Đội thiếu niên: 409 đội viên; nam: 201; nữ: 208.

Tổng số cán bộ, viên chức: 24; nam: 08; nữ: 16. Tổng số giáo viên: 20; nam 06; nữ: 14. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (đại học): 20; cử nhân (cao đẳng): 03.

Tổng số học sinh: 435; nam 216; nữ: 219.

Tổng diện tịch: 5.780 m^2; diện tích sử dụng: 5.780 m^2.

Trường có 02 dãy lầu, 01 dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; 01 dãy có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu' phòng làm việc: 07; phòng học: 10; phòng thí nghiệm: 01; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

Trường tiểu học, trường tiểu học - trung học cơ sở:

1. Trường Tiểu học Bình Nghị

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Bình Nghị).

Địa chỉ: Ấp Hòa Bình, xã Bình Nghị, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733.846105

Trang thông tin điện tử:

Email: c1binhnghigcd@tiengiang.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Bình Nghị được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Bình Nghị và Trường Phổ thông cấp II Bình Nghị hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Bình Nghị. Năm 1987, bộ phận Cấp I được tách ra, thành lập hai trường là Trường Tiểu học Bình Nghị 1 và Trường Tiểu học Bình Nghị 2. Năm 2019, Trường Tiểu học Bình Nghị 1 và Trường Tiểu học Bình Nghị 2 hợp nhất thành Trường Tiểu học Bình Nghị theo Quyết định số 1864/QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Bình Nghị.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 25 đảng viên; nam: 04; nữ: 21; Chi ủy: 05; nam: 00; nữ: 05. Ban giám hiệu : 02; nam: 00; nữ: 02. Công đoàn:30 công đoàn viên; nam: 05; nữ: 25. Đoàn thanh niên: 01 đoàn viên; nam: 01. Đội thiếu niên: 392 đội viên; nam: 211; nữ: 181.

Tổng số cán bộ, viên chức : 30; nam: 05; nữ: 25. Tổng số giáo viên: 28; nam: 05; nữ: 23. Cử nhân (đại học): 25; Cử nhân (cao đẳng): 05.

Tổng số học sinh : 598; nam: 321; nữ: 277.

Tổng diện tích : 7.734,8m^2; diện tích sử dụng : 4.108,8m^2.

Trường có 03 dãy lầu, 02 dãy có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu, 01 dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; phòng làm việc: 08; phòng học: 23; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nghìn: 00; phòng máy tính: 02; thư viện : 01; phòng thiết bị : 02; sân chơi: 02; khu thể thao: 00; khu vệ sinh: 04.

2. Trường Tiểu học Gia Thuận

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Gia Thuận).

Địa chỉ: Ấp 3, xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Điện thoại: 02733840425

Trang thông tin điện tử: http://thgiathuan.pgdgocongdong.edu.vn

Email: c1giathuangcd@tiengiang.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Gia Thuận được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Gia Thuận và Trường Phổ thông cấp II Gia Thuận hợp

nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Gia Thuận. Sau đó, bộ phận Cấp I được tách ra để thành lập Trường Tiểu học Gia Thuận theo Quyết định số 603/QĐ.UB ngày 14 tháng 10 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Gia Thuận.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 19 đảng viên; nam: 09; nữ 10; Chi ủy: 05; nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 28 công đoàn viên; nam: 12; nữ: 16. Đoàn thanh niên: 00. Đội thiếu niên: 362 đội viên; nam: 195; nữ: 167.

Tổng số cán bộ, viên chức: 28; nam: 12; nữ: 16. Tổng số giáo viên: 24; nam: 11, nữ: 13. Cử nhân (đại học): 22; Cử nhân (cao đẳng): 02; Trung học sư phạm: 04.

Tổng số học sinh: 565; nam: 306; nữ: 259.

Tổng diện tích: 12.242,4 m^2; diện tích sử dụng: 5.170,4 m^2.

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc và hỗ trợ: 12; phòng học: 21, gồm: phòng Tin học: 01, phòng Anh văn: 01, phòng Âm nhạc: 01, phòng Khoa học - Công nghệ: 01, phòng Mĩ thuật: 01, phòng học 2 buổi/ngày: 16; sân chơi: 02; khu thể thao: 02; sân bóng mini: 01; khu vệ sinh: 04.

3. Trường Tiểu học Kiểng Phước

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Kiểng Phước).

Địa chỉ: Ấp Chợ, xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733847469

Trang thông tin điện tử:

Email: C1kiengphuoc1gcd@tiengiang.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Kiểng Phước được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Kiểng Phước và Trường Phổ thông cấp II Kiểng Phước hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Kiểng Phước. Năm 1987, bộ phận Cấp I được tách ra, thành lập hai trường là Trường Tiểu học Kiểng Phước 1 và Trường Tiểu học Kiểng Phước 2. Năm 2022, Trường Tiểu học Kiểng Phước 1 và Trường Tiểu học Kiểng Phước 2 hợp nhất thành Trường Tiểu học Kiểng Phước theo Quyết định số 634/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Kiểng Phước.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 33 đảng viên; nam: 09; nữ: 24; Chi ủy: 05; nam: 02; nữ: 03. Ban giám hiệu: 03; nam: 02; nữ: 01. Công đoàn: 54 công đoàn viên; nam: 14; nữ: 41. Đoàn thanh niên: 07 đoàn viên; nam: 03; nữ: 04. Đội thiếu niên: 719 đội viên; nam: 336; nữ: 383.

Tổng số cán bộ, viên chức: 54; nam: 14; nữ: 40. Cử nhân (đại học): 47; Cử nhân (cao đẳng): 04; Trung học sư phạm: 03.

Tổng số học sinh: 1.184; nam: 579; nữ: 605.

Tổng diện tích: 17.228 m^2; diện tích sử dụng: 11.000 m^2

Trường có 05 dãy lầu, gồm 03 dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu, 02 dãy có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu; phòng làm việc: 04; phòng học: 34; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nghìn: 00; phòng máy tính: 03; thư viện: 01; phòng thiết bị: 02 phòng; sân chơi: 02; khu thể thao: 01; Khu vệ sinh: 05.

4. Trường Tiểu học Nguyễn Thị Tư

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Thị Tư).

Địa chỉ: Ấp Chợ Bến, xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733948458

Trang thông tin điện tử:

Email: c1nguyenthitugcd@tiengiang.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Bình Ân được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Bình Ân và Trường Phổ thông cấp II Bình Ân hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Bình Ân. Năm 1992, bộ phận Cấp I được tách ra để thành lập Trường Tiểu học Bình Ân. Năm 2011, trường được đổi tên thành Trường Tiểu học Nguyễn Thị Tư theo Quyết định số 2768/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

NGUYỄN THỊ TƯ

(1925 – 2001)

Nguyễn Thị Tư, bí danh là Nguyễn Thị Hạnh, Nguyễn Thị Hòa (Sáu Hòa), sinh năm 1925 tại làng Bình Ân, tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công (nay là xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình có truyền thống yêu nước.

Tháng 8-1945, bà cùng chồng là ông Trương Văn Đầu tham gia khởi nghĩa giành chính quyền ở Gò Công. Năm 1947, bà giữ chức vụ Phó Hội trưởng Hội Phụ

nữ xã Bình Ân. Sau đó, bà được đề bạt làm Phó Hội trưởng Hội Phụ nữ thị xã Gò Công (tỉnh Gò Công). Năm 1951, tỉnh Gò Công hợp nhất với hai tỉnh Mỹ Tho và Tân An thành tỉnh Mỹ Tân Gò; và khi đó, Gò Công trở thành huyện. Lúc này, bà là Ủy viên Ban Chấp hành Hội Phụ nữ huyện Gò Công.

Năm 1954, sau khi tiễn chồng tập kết ra miền Bắc, bà ở lại quê nhà, vừa nuôi hai mẹ già (mẹ ruột và mẹ chồng) và sáu người con nhỏ, vừa tiếp tục tham gia công tác cách mạng trong sự theo dõi gắt gao của địch. Sau đó, bà được tham dự khóa học Hiệp định Genève (1954) do Huyện ủy tổ chức và được phân công về giữ chức vụ Phó Bí thư Xã ủy xã Bình Ân. Tại đây, bà đã mở tiệm buôn bán nhỏ nhằm mưu sinh và tạo thế hợp pháp, công khai để hoạt động. Đồng thời, bà còn tổ chức các gia đình cơ sở ở Xóm Bến, Xóm Dinh, Gò Me thuộc xã Bình Ân tiến hành đào hầm bí mật, nuôi dưỡng, che giấu cán bộ cách mạng.

Năm 1957, bà bị địch bắt tại Gò Công. Trải qua hai khám đường Gò Công và Mỹ Tho, mặc dù bị địch tra tấn dã man, nhưng bà vẫn giữ vững khí tiết, một mực trung thành với Đảng và nhân dân, kiên quyết không khai báo. Do không có đủ chứng cứ để buộc tội, nên năm 1958, địch buộc phải trả tự do cho bà. Sau khi ra tù, do địch tăng cường khủng bố những gia đình kháng chiến ở Gò Công, nên bà được cấp trên điều về Sài Gòn, làm nhiệm vụ gầy dựng các trạm giao liên để móc nối đường dây liên lạc cho các đồng chí lãnh đạo tỉnh Gò Công. Năm 1959, đường dây giao liên do bà phụ trách bị địch phát hiện, nên bà được tổ chức chuyển giao công tác cho các đơn vị thuộc Khu Sài Gòn - Gia Định. Tại đây, bà được phân công làm nhiệm vụ xây dựng cơ sở cách mạng trong nội ô Sài Gòn và Chợ Lớn.

Năm 1960, do hoạt động bị lộ, bà được bố trí thoát ly vào vùng căn cứ Hố Bò (nay thuộc huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh) cùng với hai người con gái là Trương Mỹ Lệ và Trương Mỹ Hoa. Tại đây, bà công tác tại Hội Liên hiệp học sinh - sinh viên giải phóng Khu Sài Gòn - Gia Định và được phân công làm nhiệm vụ nuôi quân cho các lớp học được tổ chức dành cho cán bộ, cơ sở từ nội thành vào căn cứ học tập, huấn luyện.

Sau đó, bà được điều động về vùng ven thuộc ấp Trảng Lắm, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi phụ trách bộ phận giao liên công khai làm nhiệm vụ đưa, rước cán bộ và cơ sở ra, vào căn cứ; phát hành tài liệu, báo chí, chuyển thư từ, công văn chỉ đạo từ căn cứ vào nội thành và nhận báo cáo từ nội thành vào căn cứ.

Năm 1963, bà được phân công phụ trách căn cứ của bộ phận Tuyên huấn thuộc Hội Thanh niên giải phóng Sài Gòn - Gia Định đóng tại núi Thị Vải, núi Dinh (nay thuộc huyện tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) kiêm Bí thư Chi bộ cơ quan. Địa điểm đóng căn cứ là vùng rừng núi, ít người qua lại, do đó việc xây dựng cơ sở có nhiều khó khăn. Nhưng với quyết tâm cao và làm tốt công tác quần chúng, bà đã xây dựng được các cơ sở giao liên, trong đó có cả người dân địa phương và các sư cô, tu sĩ Phật giáo ở các chùa, am, làm thành mạng lưới bàn đạp chắn chắn

và an toàn, để tổ chức hàng năm 2 lớp học với hàng trăm học viên từ nội thành vào căn cứ học tập, làm việc; đồng thời, chuyển giao thư từ, công văn chỉ đạo công tác, các loại sách báo, tài liệu tuyên truyền, vũ khí,… từ căn cứ vào nội thành. Năm 1964, bà được tổ chức cho đi học lớp đào tạo cán bộ do Khu ủy Sài Gòn - Gia Định tổ chức.

Năm 1965, bà là Ủy viên Ban Quân sự kiêm Trưởng ban Hậu cần thuộc Khu đoàn Sài Gòn - Gia Định. Với trách nhiệm được giao, bà đã tích cực xây dựng lực lượng, giao liên, chiến sĩ biệt động bao gồm hàng trăm cán bộ, cơ sở với các nhóm giao liên, bàn đạp nối liền nội thành với căn cứ; nhóm vận chuyển nhận và giao vũ khí, chất nổ, tổ chức nghi trang che giấu địch; nhóm giữ và quản lý kho.

Theo đó, từ nguồn kinh phí do cấp trên cấp, bà đã mua và sử dụng 13 căn nhà để làm kho vũ khí với bình phong là cơ sở kinh doanh, buôn bán, sản xuất.

Đồng thời, để đưa vũ khí từ căn cứ vào nội thành, tùy theo tình hình cụ thể của từng thời kỳ, bà đã sáng tạo ra nhiều phương thức vận chuyển rất linh hoạt, an toàn và hiệu quả. Nhờ đó, dưới sự chỉ huy dũng cảm, mưu trí và năng động của bà, từ năm 1965 trở đi, Ban Hậu cần thuộc Thành đoàn Sài Gòn - Gia Định đã vận chuyển vào nội thành Sài Gòn một số lượng lớn vũ khí, phục vụ đắc lực cho các trận đánh táo bạo, quyết tử của lực lượng biệt động Thành đoàn và Quân khu Sài Gòn - Gia Định.

Năm 1971, trên đường đi công tác từ căn cứ vào nội thành Sài Gòn, bà bị địch bắt. Ở trong tù, bà bị địch dùng đủ mọi cực hình tra tấn; nhưng cuối cùng, bọn chúng đã bất lực trước ý chí kiên trung, bất khuất của bà, không khai thác được gì. Tháng 5-1973, theo hiệp định Paris, bà được chính quyền Sài Gòn trao trả cho chính quyền Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tại sông Thạch Hãn (tỉnh Quảng Trị). Tháng 6-1973, bà được điều chuyển ra miền Bắc, công tác tại Trạm Tiếp đón T72 ở Sầm Sơn (tỉnh Thanh Hóa). Năm 1974, bà tham gia đoàn cán bộ Quân khu Sài Gòn - Gia Định tổng kết công tác võ trang (đặc công, biệt động) của Quân khu tại thủ đô Hà Nội.

Sau ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước (30-4-1975), bà trở về TP Hồ Chí Minh công tác. Tháng 8-1975, từ Bộ Tư lệnh đặc công, bà được chuyển về Bộ Chỉ huy Quân sự TP Hồ Chí Minh. Sau đó, bà chuyển ngành, công tác tại Ban Tổ chức thuộc Liên đoàn lao động TP Hồ Chí Minh. Với tác phong quần chúng, gần gũi với các tầng lớp nhân dân lao động, bà đã góp phần vận động xây dựng tổ chức công đoàn còn mới mẽ ở cơ sở. Đặc biệt, bà đã tình nguyện xuống huyện Cần Giờ (khi mới sáp nhập về thành phố) để xây dựng phong trào công nhân và tổ chức công đoàn ở vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn.

Năm 1981, bà được nghỉ hưu. Tuy nhiên, bà vẫn không ngừng làm việc. Bà nhiệt tình tham gia các hoạt động xã hội ở Phường 6, Quận 3 (TP Hồ Chí Minh); đồng thời, là thành viên tích cực trong Ban Chủ nhiệm Câu lạc bộ truyền thống

kháng chiến và Câu lạc bộ truyền thống vũ trang biệt động TP Hồ Chí Minh. Bà còn tự mình tổ chức các cơ sở sản xuất để tạo ra sản phẩm cho xã hội, giải quyết việc làm cho thanh niên nghèo, con em gia đình chính sách, bộ đội phục viên và tham gia nhiều công tác xã hội, từ thiện, như cấp học bổng và tặng xe đạp cho học sinh nghèo, nuôi dưỡng con em liệt sĩ, tham gia vận động kinh phí đóng góp xây dựng 5 ngôi trường ở vùng căn cứ kháng chiến cũ, như Củ Chi (TP Hồ Chí Minh), Đức Hòa (tỉnh Long An), Bến Tre,…

Năm 2001, bà bị bệnh mất tại TP Hồ Chí Minh. Trong quá trình hoạt động cách mạng, bà được Đảng và Nhà nước trao tặng nhiều huân, huy chương, như:

- Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng nhất.
- Huân chương Quyết thắng hạng nhất.
- Huân chương Kháng chiến chống Pháp hạng ba.
- Huân chương Chiến công giải phóng hạng ba.
- Huy chương Vì thế hệ trẻ.
- Huy chương Vì sự nghiệp Công đoàn.
- Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng.
- Huy hiệu Thành phố Hồ Chí Minh.

Được biết, cả gia đình bà đều tham gia cách mạng; chồng của bà nhà cách mạng nổi tiếng Trương Văn Đẩu, trong số những người con của bà có bà Trương Mỹ Hoa giữ chức Phó Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam .

Ngày 17-4-2010, bà được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Bà là một nữ cán bộ cách mạng tài đức vẹn toàn, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc và nhân dân; năng nỗ, dũng cảm, sáng tạo, mưu trí, linh hoạt trong công tác; luôn nỗ lực, phấn đấu, vượt qua mọi nguy hiểm, khó khăn, thử thách, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; quan tâm đến đời sống của nhân dân, nhất là người lao động; hiếu thảo với cha mẹ; một lòng chung thủy với chồng; ra sức nuôi dạy, chăm sóc, giáo dục con cái trở thành những cán bộ cách mạng trung kiên; xứng đáng với truyền thống của nữ giới Việt Nam: anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang. Tên bà được đặt tên trường tiểu học ở xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang; tên đường ở Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 21 đảng viên; nam: 06; nữ: 15; Chi ủy: 05; nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 01, nữ: 01. Công đoàn: 35 công đoàn viên; nam: 08; nữ: 27. Đoàn thanh niên: 05 đoàn viên; nam: 00; nữ: 05. Đội thiếu niên: 427 đội viên; nam: 203; nữ: 224.

Tổng số cán bộ, viên chức: 35; nam: 08, nữ: 27. Tổng số giáo viên: 32; nam: 08; nữ: 24. Cử nhân (Đại học): 25; Cử nhân(Cao đẳng): 03; Trung học sư phạm: 04.

Tổng số học sinh: 720; nam: 374; nữ: 346.

Tổng diện tích: 8.422 m^2 ; diện tích sử dụng: 5.821m^2.

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 07; phòng học: 20; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 01; phòng âm nhạc: 01; phòng mỹ thuật: 01; phòng công nghệ: 01; phòng thiết bị: 01; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 03; khu thể thao: 03; khu vệ sinh: 03.

5. Trường Tiểu học Phước Trung

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Phước Trung).

Địa chỉ: Ấp Thanh Nhung, xã Phước Trung, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273.3560729

Trang thông tin điện tử:

Email: c1phuoctrung1gcd@tiengiang.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Phước Trung được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Phước Trung và Trường Phổ thông cấp II Phước Trung hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Phước Trung. Năm 1987, bộ phận Cấp I được tách ra, thành lập hai trường là Trường Tiểu học Phước Trung 1 và Trường Tiểu học Phước Trung 2. Năm 2020, Trường Tiểu học Phước Trung 1 và Trường Tiểu học Phước Trung 2 hợp nhất thành Trường Tiểu học Phước Trung theo Quyết định số 2375/QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Phước Trung.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 31 đảng viên; nam: 10; nữ: 21; Chi ủy: 05; nam: 02; nữ: 03. Ban giám hiệu: 02; nam: 02, nữ: 00. Công đoàn: 42 công đoàn viên; nam: 13; nữ 29. Đoàn thanh niên: 00. Đội thiếu niên: 388 đội viên; nam: 187; nữ: 201.

Tổng số cán bộ, viên chức: 42; nam: 13, nữ: 29. Tổng số giáo viên: 37; nam: 11; nữ: 26. Cử nhân (Đại học): 35; Cử nhân (Cao đẳng): 03; Trung học sư phạm: 02; Trung cấp: 02

Tổng số học sinh: 869; nam: 426; nữ: 443

Tổng diện tích: 11.995,4 m^2 ; diện tích sử dụng: 5.512m^2.

Trường có 04 dãy phòng, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 07; phòng học: 25; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 02; khu vệ sinh: 04.

6. Trường Tiểu học Tân Điền

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Tân Điền).

Địa chỉ: Ấp Trung, xã Tân Điền, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733948019

Trang thông tin điện tử: thtandien.pgdgocongdong.edu.vn

Email: tieuhoctandien@gmail.com

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Tân Điền được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Tân Điền và Trường Phổ thông cấp II Tân Điền hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Tân Điền. Sau đó, bộ phận Cấp I được tách ra để thành lập Trường Tiểu học Tân Điền theo Quyết định số 596/QĐ.UB ngày 14 tháng 10 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Tân Điền.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 19 đảng viên; nam: 07 ;nữ: 12; Chi ủy: 01; nam: 01; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 35 công đoàn viên; nam: 12; nữ: 23. Đoàn thanh niên: 15 đoàn viên; nam: 03; nữ: 12. Đội thiêu niên: 379 đội viên; nam: 186; nữ: 193.

Tổng số cán bộ, viên chức: 33; nam: 11; nữ: 22. Tổng số giáo viên: 28; nam: 09; nữ: 17. Cử nhân (Đại học): 25; Cử nhân (Cao đẳng): 06; Trung học sư phạm: 01; Y sĩ đa khoa: 01.

Tổng số học sinh: 622; nam: 301; nữ: 321.

Tổng diện tích sử dụng: 6.234,4 m^2; diện tích sử dụng: 1.649 m^2.

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 07; phòng học: 19; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 01; phòng tin học: 01; thư viện: 01; phòng thiết bị: 01; sân chơi: 03; khu thể thao: 01; hồ bơi: 01; khu vệ sinh: 02.

7. Trường Tiểu học Tân Đông

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Tân Đông).

Địa chỉ: Ấp Gò Táo, xã Tân Đông, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733840640

Trang thông tin điện tử:

Email: c1tandong1gcd@tiengiang.edu.vn

Năm 1976, trường đổi tên thành Trường Phổ thông cấp I Tân Đông được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Tân Đông và Trường Phổ thông cấp II Tân Đông hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Tân Đông. Năm 1987, bộ phận Cấp I được tách ra, thành lập hai trường là Trường Tiểu học Tân Đông 1 và Trường Tiểu học Tân Đông 2. Năm 2019, Trường Tiểu học Tân Đông 1 và Trường Tiểu học Tân Đông 2 hợp nhất thành Trường Tiểu học Tân Đông theo Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Tân Đông.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 21 đảng viên; nam: 08; nữ: 13; Chi ủy: 05; nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 02, nữ: 00. Công đoàn: 35 công đoàn viên; nam 14; nữ: 21. Đoàn thanh niên: 05 đoàn viên; nam: 00; nữ: 05. Đội thiếu niên: 427 đội viên; nam: 203; nữ: 224.

Tổng số cán bộ, viên chức: 35; nam: 14, nữ: 21. Tổng số giáo viên: 30; nam: 11; nữ: 19. Cử nhân (Đại học): 29; Cử nhân (Cao đẳng): 03; Trung học sư phạm: 01; Trung cấp: 02.

Tổng số học sinh: 684; nam: 329 ; nữ: 355.

Tổng diện tích: 14.447,4 m^2; diện tích sử dụng: 2.512 m^2.

Trường có 05 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 07; phòng học: 23; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 03; thư viện: 02; sân chơi: 03; khu thể thao: 03; khu vệ sinh: 03.

8. Trường Tiểu học Tân Hòa

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Thị trấn Tân Hòa).

Địa chỉ: Khu phố Xóm Gò, thị trấn Tân Hòa, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273 3846105

Trang thông tin điện tử: http://thtanhoa.pgdgcd.edu.vn

Email: c1tanhoagcd@tiengiang.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Tân Hòa được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Tân Hòa và Trường Phổ thông cấp II Tân Hòa hợp nhất

thành Trường Phổ thông cơ sở Tân Hòa. Năm 1987, bộ phận Cấp I được tách ra, thành lập hai trường là Trường Tiểu học Tân Hòa 1 và Trường Tiểu học Tân Hòa 2. Năm 2019, Trường Tiểu học Tân Hòa 1 và Trường Tiểu học Tân Hòa 2 hợp nhất thành Trường Tiểu học Tân Hòa theo Quyết định số 1860/QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Thị trấn Tân Hòa.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 20 đảng viên; nam: 07; nữ: 13; Chi ủy: 05; nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 01, nữ 01. Công đoàn: 36 công đoàn viên; nam: 11; nữ: 25. Đoàn thanh niên: 03 đoàn viên; nam: 01; nữ: 02. Đội thiếu niên: 449 đội viên, nam: 240, nữ: 209.

Tổng số cán bộ, viên chức: 36; nam 11; nữ 25. Tổng số giáo viên: 31; nam: 10; nữ:21. Cử nhân (Đại học): 32; Cử nhân (Cao đẳng): 02; Trung học sư phạm: 01; Trung cấp y tế: 01.

Tổng số học sinh: 726; nam: 380; nữ: 346.

Tổng diện tích: 10.932,6 m^2; diện tích sử dụng: 3.552 m^2

Trường có 04 dãy lầu; mỗi dãy có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu; phòng làm việc: 13; phòng học: 25; phòng bộ môn: 08; nhà đa năng: 01; sân chơi: 02; nhà ăn: 01; nhà bếp: 01; khu vệ sinh: 06.

9. Trường Tiểu học Tân Phước

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Tân Phước).

Địa chỉ: Ấp 5, xã Tân Phước, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0733840756

Trang thông tin điện tử:

Email: c1tanphuoc1gocongdong.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Tân Phước được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Tân Phước và Trường Phổ thông cấp II Tân Phước hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Tân Phước. Năm 1987, bộ phận Cấp I được tách ra, thành lập hai trường là Trường Tiểu học Tân Phước 1 và Trường Tiểu học Tân Phước 2. Năm 2022, Trường Tiểu học Tân Phước 1 và Trường Tiểu học Tân Phước 2 hợp nhất thành Trường Tiểu học Tân Phước theo Quyết định số 1636/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Tân Phước.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 26 đảng viên; nam: 11; nữ: 15; Chi ủy: 06; nam: 03; nữ: 03. Ban Giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 52 công đoàn viên; nam: 24; nữ: 28. Đoàn thanh niên: 07 đoàn viên; nam: 04; nữ: 03; Đội thiếu niên: 742 đội viên; nam: 398; nữ: 344.

Tổng số cán bộ, viên chức: 52; nam 24; nữ: 28. Tổng số giáo viên: 47; nam: 22; nữ: 25. Cử nhân (Đại học): 45; Cử nhân (Cao đẳng): 03; Trung học sư phạm: 02; Trung cấp: 02.

Tổng số học sinh: 1.141; nam: 594; nữ: 547.

Tổng diện tích: 13.022,5 m^2; diện tích sử dụng: 11.669,5 m^2

Trường có 03 dãy lầu, một dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; 02 dãy có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu; phòng làm việc: 18; phòng học: 33; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 02; thư viện: 02; sân chơi: 02; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 06.

10. Trường Tiểu học Tân Tây 1

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Tân Tây) + Chữ số (1).

Địa chỉ : Ấp 5, xã Tân Tây, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại : 02733.846017

Trang thông tin điện tử : thtantay1.pgdgocongdong.edu.vn

Email : c1tantay1.gocongdong.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Tân Tây được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Tân Tây và Trường Phổ thông cấp II Tân Tây hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Tân Tây. Năm 1993, bộ phận Cấp I được tách ra để thành lập Trường Tiểu học số 1 Tân Tây và Trường Tiểu học số 2 Tân Tây theo Quyết định số 18/QĐ.UB ngày 14 tháng 08 năm 1993 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông. Năm 1998, Trường Tiểu học số 1 Tân Tây được đổi tên thành Trường Tiểu học Tân Tây 1 theo Quyết định số 585/QĐ.UB ngày 14 tháng 10 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Tân Tây.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 20 đảng viên; nam: 09; nữ: 11; Chi ủy: 05; nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 37 công đoàn viên; nam: 12; nữ: 25. Đoàn thanh niên: 11 đoàn viên; nam 02; nữ: 09; Đội thiếu niên: 332 đội viên; nam: 162; nữ: 170.

Tổng số cán bộ, viên chức: 37; nam: 12; nữ: 25. Tổng số giáo viên: 32; nam: 10; nữ: 22. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (Đại học): 31; Cử nhân (Cao đẳng): 02; Trung học sư phạm: 01; Trung cấp thư viện: 01; Trung cấp Y tế: 01.

Tổng số học sinh: 737; nam: 363 ; nữ: 374.

Tổng diện tích : 10.385m^2; diện tích sử dụng: 10.385m^2.

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu; phòng làm việc: 03; phòng học: 21; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi : 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

11. Trường Tiểu học Tân Tây 2

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Tân Tây) + Chữ số (2).

Địa chỉ: Ấp 1, xã Tân Tây, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang

Số điện thoại: 0273 3840171

Trang thông tin điện tử: http://thtantay2.pgdgocongdong.edu.vn

Email: c1tantay2gcd@tiengiang.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Tân Tây được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Tân Tây và Trường Phổ thông cấp II Tân Tây hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Tân Tây. Năm 1993, bộ phận Cấp I được tách ra để thành lập Trường Tiểu học số 1 Tân Tây và Trường Tiểu học số 2 Tân Tây theo Quyết định số 18/QĐ.UB ngày 14 tháng 08 năm 1993 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông. Năm 1998, Trường Tiểu học số 2 Tân Tây được đổi tên thành Trường Tiểu học Tân Tây 2 theo Quyết định số 585/QĐ.UB ngày 14 tháng 10 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Tân Tây.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 13 đảng viên; nam: 03; nữ: 10; Chi ủy: 03; nam: 01; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 30 công đoàn viên; nam: 08; nữ: 22. Đoàn thanh niên: 07 đoàn viên; nam: 02 ; nữ: 05. Đội thiếu niên: 384 đội viên; nam: 181; nữ: 203.

Tổng số cán bộ, viên chức: 30; nam: 08 ; nữ: 22. Tổng số giáo viên: 26; nam: 06; nữ: 20. Cử nhân (Đại học): 25; Cử nhân (Cao đẳng): 01; Trung học sư phạm: 04.

Tổng số học sinh: 600; nam: 302; nữ: 298.

Tổng diện tích: 5.529,9 m^2 ; diện tích sử dụng: 1.405,5 m^2

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 05; phòng học: 18; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 01; phòng mỹ thuật:

01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

12. Trường Tiểu học Tân Thành 1

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Tân Thành) + Chữ số (1).

Địa chỉ: Ấp Chợ, xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại:02733943014

Trang thông tin điện tử: http://thtanthanh1.tiengiang.edu.vn

Email: C1tanthanh1gcd@tiengiang.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Tân Thành được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Tân Thành và Trường Phổ thông cấp II Tân Thành hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Tân Thành. Sau đó, bộ phận Cấp I được tách ra để thành lập Trường Tiểu học số 1 Tân Thành và Trường Tiểu học số 2 Tân Thành. Năm 1998, Trường Tiểu học số 1 Tân Thành được đổi tên thành Trường Tiểu học Tân Thành 1 theo Quyết định số 600/QĐ.UB ngày 14 tháng 10 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Tân Thành.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 11 đảng viên; nam: 02; nữ: 09; Chi Ủy: 03; nam: 02; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 21 công đoàn viên; nam: 05; nữ: 16. Đoàn thanh niên: 06 đoàn viên; nam: 00; nữ: 06. Đội thiếu niên: 254 đội viên; nam: 77; nữ: 177.

Tổng số cán bộ, viên chức: 21; nam: 05; nữ: 16. Tổng số giáo viên: 18; nam: 04; nữ: 14. Cử nhân (Đại học): 19; Cử nhân (Cao đẳng): 00; Trung học sư phạm: 02.

Tổng số học sinh: 433; nam: 231; nữ: 202.

Tổng diện tích: 11.229,3 m^2; diện tích sử dụng: 7.422 m^2.

Trường có 02 dãy lầu; mỗi dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; phòng làm việc: 05; phòng học: 14; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 03; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 03.

13. Trường Tiểu học Tân Thành 2

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Tân Thành) + Chữ số (2).

Địa chỉ: Ấp Cầu Muống, xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733946016

Trang thông tin điện tử: thtanthanh2.pgdgocongdong.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Tân Thành được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Tân Thành và Trường Phổ thông cấp II Tân Thành hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Tân Thành. Sau đó, bộ phận Cấp I được tách ra để thành lập Trường Tiểu học số 1 Tân Thành và Trường Tiểu học số 2 Tân Thành. Năm 1998, Trường Tiểu học số 2 Tân Thành được đổi tên thành Trường Tiểu học Tân Thành 2 theo Quyết định số 601/QĐ.UB ngày 14 tháng 10 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Tân Thành.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 16 đảng viên; nam: 07; nữ: 09; Chi ủy: 04; trong đó nam: 02; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 31 công đoàn viên; nam: 11; nữ: 20. Đội Thiếu niên: 428 đội viên; nam: 225; nữ: 203.

Tổng số cán bộ, viên chức: 31; nam: 11; nữ: 20. Tổng số giáo viên: 28; nam: 09; nữ: 19. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (Đại học): 22; Cử nhân (Cao đẳng): 00; Trung học sư phạm: 08.

Tổng số học sinh: 666; nam: 346; nữ: 320.

Tổng diện tích: 10.870 m²; diện tích sử dụng: 10.870 m²

Trường có 02 dãy trệt và 04 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 05; phòng học: 19; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 06.

14. Trường Tiểu học Vàm Láng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Thị trấn Vàm Láng).

Địa chỉ: Khu phố Chợ 1, thị trấn Vàm Láng, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0733840756

Trang thông tin điện tử:

Email:c1vamlanggocongdong.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Vàm Láng được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Vàm Láng và Trường Phổ thông cấp II Vàm Láng hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Vàm Láng. Sau đó, bộ phận Cấp I được tách ra, thành lập hai trường là Trường Tiểu học Vàm Láng 1 và Trường Tiểu học Vàm Láng 2. Năm 2022, Trường Tiểu học Vàm Láng 1 và Trường Tiểu học Vàm Láng 2 hợp nhất thành Trường Tiểu học Vàm Láng theo Quyết định số 635/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Thị trấn Vàm Láng.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 38 đảng viên; nam: 13; nữ: 25; Chi ủy: 06; nam: 05; nữ: 01. Ban giám hiệu: 03; nam: 03; nữ: 00. Công đoàn: 56 công đoàn viên; nam: 21; nữ: 35. Đoàn thanh niên: 19 đoàn viên; nam: 10; nữ: 09. Đội thiếu niên: 759 đội viên; nam: 390; nữ: 369.

Tổng số cán bộ, viên chức: 56; nam: 21; nữ: 35. Tổng số giáo viên: 49; nam: 10; nữ: 39. Cử nhân (Đại học): 40; Cử nhân (Cao đẳng) : 02; Trung học sư phạm: 05; Trung cấp: 02

Tổng số học sinh: 1.192; nam: 540; nữ: 652.

Tổng diện tích: 13.016,5 m^2; diện tích sử dụng: 11.566,5 m^2.

Trường có 03 dãy lầu, 01 dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; 02 dãy, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu; phòng làm việc: 18; phòng học: 36; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 02; thư viện: 02; sân chơi: 02; khu thể thao: 01; khu vệ sinh : 08.

15. Trường Tiểu học Võ Thị Lớ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Họ và tên danh nhân (Võ Thị Lớ).

Địa chỉ: Ấp Giồng Đình, xã Tăng Hoà, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733846069

Trang thông tin điện tử: thvothilo.pgdgocongdong.edu.vn

Email: C1tanghoagocongdong.tiengiang@ moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Tăng Hòa được thành lập. Năm 1979, Trường Phổ thông cấp I Tăng Hòa và Trường Phổ thông cấp II Tăng Hòa hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Tăng Hòa. Năm 1992, trường được đổi tên thành Trường Tiểu học Tân Hoà. Năm 1998, đổi tên thành Trường Tiểu học số 3 Tân Hoà. Năm 2002, đổi tên thành Trường Tiểu học Tăng Hoà. Năm 2013, trường được đổi tên thành Trường Tiểu học Võ Thị Lớ theo Quyết định số 1414/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

VÕ THỊ LỚ

(1950 – 1969)

Võ Thị Lớ sinh năm 1950 tại làng Tăng Hòa, tổng Hòa Lạc Thượng, tỉnh Gò Công (nay là xã Tăng Hòa, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân có truyền thống cách mạng.

Năm 1968, bà giác ngộ cách mạng; và được cấp trên phân công làm giao liên cho Ban An ninh thị xã Gò Công. Dưới vỏ bọc hợp pháp là một thợ may ở thị xã Gò Công, bà luôn hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được cấp trên giao phó, mặc dù điều kiện công tác rất nguy hiểm, bởi vì, lúc bấy giờ, Gò Công là địa bàn bình định trọng điểm của địch, cơ sở cách mạng bị đánh phá vô cùng ác liệt.

Đầu năm 1969, mạng lưới giao liên của Ban An ninh thị xã bị địch phát hiện. Vì thế, bà được chuyển sang làm giao liên bán công khai. Đây là công tác khó khăn và nguy hiểm hơn gấp nhiều lần so với việc làm giao liên hợp pháp khi bà mới vừa tham gia cách mạng. Tuy các ngả đường ở Gò Công khi ấy giăng đầy cảnh sát, mật thám, chỉ điểm; nhưng bà đã chuyển tuyệt đối an toàn tài liệu, vũ khí từ căn cứ của Tỉnh ủy Gò Công đóng ở Đồng Ninh B (còn gọi là Đồng Sơn Xép, nay thuộc huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang) vào thị xã Gò Công và ngược lại.

Sáng sớm ngày 5-8-1969, địch huy động lực lượng Sư đoàn 7 và các tiểu đoàn địa phương quân thuộc Tiểu khu Gò Công ồ ạt tấn công vào căn cứ Tỉnh ủy Gò Công ở xã Đồng Sơn. Mới tờ mờ sáng, máy bay và pháo binh của địch đã thi nhau ném bom, bắn phá ác liệt vào ấp Đồng Ninh B. Khi đó, chỉ huy việc bảo vệ căn cứ là ông Trần Thanh Tâm, Trưởng ban An ninh thị xã, ra lệnh cho các chiến sĩ trong Đội An ninh võ trang hướng dẫn các vị lãnh đạo xuống hầm bí mật tránh địch. Bà ẩn nấp trong căn hầm thứ hai cùng với hai người nữa.

Ngay sau khi bom pháo vừa dứt, địch chia nhiều cánh quân hùng hổ tràn vào; trong đó có một cánh quân tiến ngay vào nơi có các hầm bí mật. Do có chỉ điểm nên địch phát hiện được căn hầm thứ nhất và căn hầm thứ hai. Sau khi phát loa gọi hàng không kết quả, bọn lính tập trung hỏa lực các cỡ bắn xối xả vào nắp hai căn hầm.

Trước tình thế đã bị lộ, các chiến sĩ của ta lập tức xông lên chiến đấu; nhưng đều anh dũng hi sinh. Riêng bà bị bắt sống. Thấy bà còn trẻ, địch hy vọng có thể đe dọa, mua chuộc hoặc trấn áp tinh thần để khai ra vị trí hầm của lãnh đạo, chỉ huy. Chúng bắn 2 đồng đội của bà ngay bên miệng hầm để uy hiếp tinh thần. Uy hiếp tinh thần không được, chúng chuyển sang dụ dỗ, rồi đến tra tấn dã man.

Tuy bị địch đánh đập rất tàn bạo, nhưng với tinh thần kiên trung, bất khuất và ý thức bảo vệ đồng chí, đồng đội; bà vẫn một lòng giữ vững khí tiết, chỉ nói có một câu duy nhất: "Tôi có chỉ huy, nhưng chỉ huy của tôi ở đâu tôi không biết". Đến 11 giờ cùng ngày, biết không thể lay chuyển được ý chí của người nữ chiến sĩ gang thép, bọn địch đã hèn hạ bắn chết bà. Người nữ chiến sĩ an ninh đã anh dũng hy sinh, nêu cao tinh thần chiến đấu ngoan cường, không sợ hy sinh, gian khổ, tuyệt đối trung thành với cách mạng. Tuy còn trẻ, nhưng bà đã tỏ rõ là một cán bộ cách mạng kiên trung, bất khuất, dũng cảm và mưu trí, chấp nhận hy sinh tính mạng để bảo vệ đồng chí, đồng đội được an toàn. Tấm gương ngời sáng của bà là nguồn sức

mạnh để lực lượng An ninh thị xã Gò Công chiến đấu, góp phần vào chiến thắng của quê hương, đất nước.

Ngày 3-8-1995, bà được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng võ trang nhân dân. Tên bà được đặt tên trường tiểu học ở xã Tăng Hòa, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 20 đảng viên; nam 05; nữ 15. Chi uỷ: 05; nam: 02, nữ: 03. Ban giám hiệu: 02, nam: 01, 01 nữ: 01. Công đoàn: 30 công đoàn viên; nam: 08, nữ: 22. Đoàn thanh niên: 00, Đội thiếu niên: 425 đội viên; nam: 220 , nữ: 205.

Tổng số cán bộ, viên chức: 30; nam: 08, nữ: 22. Tổng số giáo viên: 25, nam: 07, nữ: 18. Cử nhân (Đại học): 20; Cử nhân (Cao đẳng): 05; Trung học sư phạm: 04; trung cấp: 01.

Tổng số học sinh: 549; nam: 295 , nữ 254

Tổng diện tích: 6.430 m²; diện tích sử dụng: 1.225 m².

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 06; phòng học: 20; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 03.

* **Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn địa danh Kinh/Kênh:**

*** Khái niệm**

Kinh/Kênh là dòng dẫn nước do con người tạo ra, nhằm vào nhiều mục đích, trong đó có hai mục đích chính là thủy lợi và giao thông thủy.

1. Kinh/Kênh Bảo Châu - Xã Sách

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Địa danh Hán Việt (Bảo: 保: Gánh vác, giữ gìn; Châu: 珠: Châu ngọc).

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Chức vụ ở làng xã thời xưa (Xã) + Tên người (Sách).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Tân Đông, Tân Tây, Gia Thuận, Tân Phước thuộc huyện Gò Công Đông; điểm đầu nối với rạch Tổng Châu, điểm cuối nối với kinh/kênh Cặp Đê, cách cống Xã Sách 100m, dài 12,15 km, bề ngang 10 m, sâu 0,5 - 2,2 m, diện tích phục vụ 750 ha, nạo vét năm 2016 và năm 2018.

2. Kinh/Kênh Bảy Đến

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Thứ và tên người (Bảy Đến).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua thị trấn Tân Hòa, các xã Tăng Hòa, Phước Trung thuộc huyện Gò Công Đông; điểm đầu nối với kinh/kênh Champeaux, điểm cuối nối với kinh/kênh Cặp đê (cách Cống 2 100 m), dài 4,8 km, bề kngang 10 m, sâu 1,5 m, diện tích phục vụ 480 ha, nạo vét năm 2016.

3. Kinh/Kênh Cặp Đê

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Vị trí (Cặp: Hai cá thể hoặc hai sự vật sát bên nhau) + Công trình xây dựng (Đê: công trình xây dựng bằng đất, đá dọc bờ sông hoặc bờ biển để ngăn không cho nước tràn vào đồng ruộng và khu dân cư).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua xã Phước Trung, huyện Gò Công Đông; điểm đầu nối với cống Long Uông, điểm cuối nối với cống Rạch Già, dài 8,5 km, bề ngang 12 m, sâu 1,5 - 2,0 m, diện tích phục vụ 300 ha, nạo vét năm 2014.

4. Kinh/Kênh Cặp Đê

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Xin xem mục từ Kinh/Kênh Cặp Đê ở xã Phước Trung.

Kinh/Kênh chảy xuyên qua xã Tân Phước, huyện Gò Công Đông; các xã Tân Trung, Bình Đông thuộc thị xã Gò Công; điểm đầu nối với cống Vàm Tháp, điểm cuối nối với Quốc lộ 50, dài 11,63 km, bề ngang 12 m, sâu 2,0 m, diện tích phục vụ 400 ha, nạo vét năm 2017.

5. Kinh/Kênh Cặp Đê

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Xin xem mục từ Kinh/Kênh Cặp Đê ở xã Phước Trung.

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Vàm Láng, Gia Thuận, Tân Phước thuộc huyện Gò Công Đông; điểm đầu nối với cống Vàm Tháp, điểm cuối nối với Đường tỉnh 871, dài 16 km, bề ngang 12 m, sâu 1,0 - 1,8 m, diện tích phục vụ 320 ha, nạo vét năm 2014.

6. Kinh/Kênh Cặp Đê

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Xin xem mục từ Kinh/Kênh Cặp Đê ở xã Phước Trung.

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Tân Thành, Tăng Hòa, Phước Trung thuộc huyện Gò Công Đông; điểm đầu nối với cống Rạch Gốc, điểm cuối nối với Đường huyện 04, dài 9 km, bề ngang 12 m, sâu 1,5 m, diện tích phục vụ 1.2000 ha, nạo vét năm 2013.

7. Kinh/Kênh Cầu Kiều

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Loại hình cầu (Cầu kiều là một loại cầu bắc ra giữa hồ nước để làm trò chơi vào dịp đầu xuân xưa kia[59]).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua thị trấn Tân Hòa, các xã Tăng Hòa, Phước Trung thuộc huyện Gò Công Đông; điểm đầu nối với kinh/kênh Champeaux (cũ), điểm cuối nối với cống Cầu Kiều, dài 3,7 km, bề ngang 10 m, sâu 2,0 m, diện tích phục vụ 370 ha, nạo vét năm 2017.

8. Kinh/Kênh Champeaux

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Tên người (Champeaux - đọc theo Tiếng Việt là Săm - pô).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Tăng Hòa, Tân Thành, Bình Nghị và thị trấn Tân Hòa thuộc huyện Gò Công Đông; điểm đầu nối với kinh/kênh Salicetti, điểm cuối nối với cống Tân Thành, dài 8,6 km, bề ngang 15 m, sâu 1,5 m, diện tích phục vụ 860 ha, được nạo vét năm 2018.

9. Kinh/Kênh Champeaux (cũ)

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Tên người (Champeaux). Kinh/Kênh Champeaux (cũ) là tuyến kinh/kênh được đào đầu tiên vào năm 1870.

Tiểu sử của Champeaux như sau:

Champeaux là viên quan thực dân Pháp, giữ chức làm Chánh tham biện hạt tham biện Gò Công từ năm 1870 - năm 1871, Chánh tham biện hạt tham biện Mỹ Tho từ năm 1872 - năm 1876. Trong lúc giữ chức này ở Mỹ Tho, Champeaux là người chỉ huy đàn áp cuộc khởi nghĩa do Thủ khoa Nguyễn Hữu Huân lãnh đạo và là người chỉ đạo vụ án tử hình đối với vị Thủ khoa yêu nước. Năm 1876, ông ta đổi về Sài Gòn, làm việc tại Phủ Thống đốc Nam Kỳ, trở thành viên quan cao cấp của thực dân Pháp ở Nam kỳ. Năm 1883, Champeaux tham gia cuộc tấn công kinh đô Huế của thực dân Pháp.

Được biết, sau khi đánh chiếm Nam Kỳ và Bắc Kỳ, đầu năm 1883, thực dân Pháp bắt đầu tính đến việc tấn công kinh đô Huế nhằm thực hiện dã tâm xâm chiếm toàn bộ Việt Nam.

Theo đó, lợi dụng lúc triều đình rối ren vì vua Tự Đức mới qua đời (7/7/1883), thực dân Pháp đã quyết định đánh thẳng vào Huế, hòng buộc triều đình nhà Nguyễn phải đầu hàng.

Sáng 18/8/1883, hạm đội của Pháp tiến vào cửa biển Thuận An. Trên chiếc Soái hạm Le Bayard của Đô đốc Courbet, chỉ huy toàn bộ hạm đội Pháp, có sự

[59] Nguyễn Cảnh Phức, *Một cách hiểu rất lạ về từ "Cầu Kiều"*, Tạp chí Ngôn Ngữ số 12, năm 2012, trang 72.

hiện diện của viên quan cao cấp Champeaux. Đến 4 giờ chiều hôm đó, quân Pháp bắt đầu nổ súng và công phá các pháo đài của quân dân ta trong suốt 2 ngày liền. Ngày 20/8/1883, chúng đổ bộ lên bờ. Quân dân ta anh dũng chống trả. Đến chiều tối, toàn bộ cửa Thuận An lọt vào tay giặc.

Trước tình thế đó, vua Hiệp Hòa cử quan lại gặp đại diện bọn thực dân xin "cầu hòa". Về việc này, nhà sử học Trần Trọng Kim viết trong quyển *Việt Nam sử lược* như sau:

"Triều đình thấy sự nguy cấp, liền sai quan ra xin hòa. Viên Toàn quyền Harmand bắt quan ta phải giải binh cả mọi nơi, rồi cùng với ông Champeaux lên Huế để nghị hòa. Triều đình sai quan Hiệp biện hưu trí là Trần Đình Túc làm Khâm sai toàn quyền, và Nguyễn Trọng Hợp làm phó, để cùng với quan Pháp hội nghị.

Ngày 25/8/1883, tờ hòa ước lập xong, có chữ ký của ông Harmand và ông Champeaux; đồng thời, ông Trần Đình Túc và ông Nguyễn Trọng Hợp cùng ký".

Hòa ước Harmand (còn gọi là hòa ước Quý Mùi), gồm 27 điều khoản, công nhận sự bảo hộ của Pháp trên toàn cõi Việt Nam, nước ta bị mất nền độc lập hoàn toàn. Sau khi hòa ước đã ký xong, được sự chỉ đạo của chính phủ Pháp, Champeaux ở lại Huế làm Khâm sứ đầu tiên tại Trung Kỳ, có quyền quyết định tất cả mọi việc, vua quan nhà Nguyễn chỉ là bù nhìn.

Rõ ràng, Champeaux là tên thực dân mà hành trạng của nhân vật này gắn liền với sự xâm lược hung hăng và tàn bạo của thực dân Pháp đối với đất nước ta. Chính vì lẽ đó, kinh/kênh Champeaux ở Gò Công nhất thiết phải được đổi tên.

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Tăng Hòa, Tân Thành thuộc huyện Gò Công Đông; điểm đầu nối với kinh/kênh Champeaux, điểm cuối nối với cống Vàm Kênh, dài 4.68 km, bề ngang 20 m, sâu 2,5 m, diện tích phục vụ 300 ha, được nạo vét năm 2009.

10. Kinh/Kênh Láng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Địa hình thiên nhiên (Láng: là vùng đất thấp khá rộng, ngập nước, có nhiều tôm cá, thực vật, như cỏ lác, đưng,…[60]).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Bình Ân, Tân Điền, Kiểng Phước, Tân Đông thuộc huyện Gò Công Đông; điểm đầu nối với kinh/kênh Trần Văn Dõng, điểm cuối nối với Kinh/Kênh 3, dài 4,7 km, bề ngang 11 m, sâu 0,9 - 1.4 m, diện tích phục vụ 450 ha, nạo vét năm 2013.

11. Kinh/Kênh Salicetti

---

60 T.C, *Lãng, láng, làng…*, Báo điện tử Bạc Liêu, ngày 13/7/2012.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Tên người (Salicetti - đọc theo phiên âm Tiếng Việt là Xa-li-xét-ti).

Tiểu sử của Salicetti như sau:

Năm 1868, Salicetti làm Chánh tham biện hạt Tham biện Gò Công. Năm 1870, làm Chánh tham biện hạt Tham biện Tân An. Năm 1872, làm Chánh tham biện hạt Tham biện Vĩnh Long. Cũng trong năm này, trong khi đàn áp cuộc khởi nghĩa của nhân dân huyện Vũng Liêm (tỉnh Vĩnh Long), Salicetti đã bị nghĩa quân trừng trị. Sau đó, để trả thù cho Salicetti, vâng lệnh của chính quyền thực dân Pháp, tên đại Việt gian Trần Bá Lộc đã chỉ huy quân lính tiến hành cuộc thảm sát đẫm máu đối với nghĩa quân và nhân dân huyện Vũng Liêm. Quyển *Địa phương chí tỉnh Vĩnh Long năm 1911* cho biết:

"Năm 1872, được sự xúi giục của một số quan lại ở Huế, vốn chỉ thuần phục chính quyền Pháp ở ngoài mặt, nhiều băng nhóm võ trang đã rải khắp Trà Vinh, đặc biệt là những vùng xung quanh chợ lớn Vũng Liêm (Vĩnh Long). Bọn chúng đụng đâu cướp đó trên đường. Thanh tra Salicetti - đại úy thủy quân lục chiến - đã khinh suất đi kiểm tra vùng này với chỉ vài lính cận vệ. Kết cuộc, viên đại úy này đã bị một nhóm phiến quân phục kích và giết chết. Viên Đốc phủ Cái Bè là ông Trần Bá Lộc, nổi tiếng bởi sự sáng trí, lòng trung thành và dũng cảm đối với sự nghiệp của chúng ta, đã nhận lãnh nhiệm vụ trừng trị những kẻ sát nhân. Bằng một cuộc hành quân chớp nhoáng, ông ta đã tấn công bọn chúng ở cánh đồng Láng Thé (Trà Vinh) và buộc bọn chúng phải tháo chạy sau một trận giao tranh đẫm máu kéo dài đến tận một ngày. Sau đó, cuộc bố ráp của ông Trần Bá Lộc diễn ra thật khủng khiếp. Cuối cùng, thi thể của viên đại úy bất hạnh cũng được tìm thấy trong một bụi cây và được Trần Bá Lộc đưa về Vĩnh Long để mai táng".

Như vậy, Salicetti là tên thực dân mà hành trạng của nhân vật này gắn liền với sự xâm lược hung hăng và tàn bạo của thực dân Pháp đối với đất nước ta. Chính vì lẽ đó, kinh/kênh Salicetti ở Gò Công nhất thiết phải được đổi tên.

Kinh/Kênh được đào năm 1869 chảy xuyên qua các Phường 1, 2, 5, các xã Long Hòa, Long Thuận thuộc thị xã Gò Công; các xã Bình Nghị, Phước Trung, thị trấn Tân Hòa thuộc huyện Gò Công Đông; điểm đầu nối với Rạch Vàm Giồng, điểm cuối nối với cống Long Uông, dài 7,95 km, bề ngang 30 m, sâu 3,5 m, diện tích phục vụ 790 ha.

12. Kinh/Kênh Trần Văn Dõng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Họ và tên người (Trần Văn Dõng: Vào cuối thập niên 1930, ông Trần Văn Dõng, quê ở làng Thành Phố, tỉnh Gò Công (nay là thị xã Gò Công) là nhà thầu đào kinh/kênh này).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Bình Nghị, Bình Ân, Tân Điền, huyện Gò Công Đông; điểm đầu nối với kinh/kênh Salicetti, điểm cuối nối với cống Rạch Bùn, dài 10,45 km, bề ngang 30 m, sâu 2,5 m, diện tích phục vụ 2.120 ha, nạo vét năm 2017.

13. Kinh/Kênh Xóm Gồng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Địa danh chỉ vùng (Xóm: là nơi quần tụ những hộ gia đình sinh sống gần nhau, có hoặc không có mối quan hệ họ hàng với nhau) + Động tác (Gồng: thuật vận nội công trong võ thuật). Xóm Gồng là xóm dân cư nổi tiếng giỏi võ nghệ.

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Bình Ân, Tân Đông, Tân Tây, Kiểng Phước, Gia Thuận, Tân Phước, thị trấn Vàm Láng thuộc huyện Gò Công Đông; điểm đầu nối với kinh/kênh Trần Văn Dõng, điểm cuối nối với cống Xóm Gồng, dài 12,8 km, bề ngang 15 m, sâu 0,7 - 1,6 m, diện tích phục vụ 8.500 ha, được đào năm 1992, nạo vét năm 2014.

14. Kinh/Kênh Xóm Đen

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Địa danh chỉ vùng (Xóm: là nơi quần tụ những hộ gia đình sinh sống gần nhau, có hoặc không có mối quan hệ họ hàng với nhau) + Màu sắc (Đen: Địa danh Xóm Đen nguyên có tên là Xóm Nước Đen. Thời xưa, nơi đây là rừng rậm, lá cây rụng, tích lũy lâu ngày kết hợp với những dòng chảy nhỏ trong rừng, tạo thành một vùng nước có màu đen, nên gọi là xóm Nước Đen. Về sau, gọi tắt thành Xóm Đen).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông; điểm đầu nối với kinh/kênh Trần Văn Dõng, điểm cuối nối với kinh/kênh Champeaux, dài 4.75 km, bề ngang 10 m, sâu 1,0 m, diện tích phục vụ 475 ha, nạo vét năm 2010.

15. Kinh/Kênh 1 (Huyện Gò Công Đông)

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Số hiệu (1).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Tân Thành, Tân Điền thuộc huyện Gò Công Đông; điểm đầu nối với kinh/kênh Trần Văn Dõng, điểm cuối nối với kinh/kênh Champeaux, dài 5,8 km, bề ngang 10 m, sâu 1,2 - 1,5m, diện tích phục vụ 700 ha, nạo vét 2016.

16. Kinh/Kênh 2 (Huyện Gò Công Đông)

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Số hiệu (2).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Tân Thành, Tân Điền thuộc huyện Gò Công Đông; điểm đầu nối với kinh/kênh Trần Văn Dõng, điểm cuối nối với

kinh/kênh Champeaux, dài 6,25 km, bề ngang 8 m, sâu 1,3 - 2.0 m, diện tích phục vụ 800 ha, nạo vét 2016.

17. Kinh/Kênh 3 (Huyện Gò Công Đông)

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Số hiệu (3).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Tân Thành, Tân Điền, Kiểng Phước thuộc huyện Gò Công Đông; điểm đầu nối với kinh/kênh Champeaux, điểm cuối nối với Đường tỉnh 871, dài 14,65 km, bề ngang 13 m, sâu 1,5 – 2,0 m, diện tích phục vụ 1.500 h, nạo vét 2015.

Nghiên cứu địa danh tín ngưỡng, tôn giáo:

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên Đình:**

Khái niệm Đình (chữ Hán: 亭): là công trình trong tổng thể kiến trúc làng Việt Nam.

Đình Số thứ tự làng là nơi thờ Thành hoàng làng (là người thành lập làng hay có công với làng), đồng thời là nơi hội họp, bàn việc của dân làng. Đình được coi là trung tâm sinh hoạt văn hóa gắn bó với một cộng đồng cư dân và mang đặc trưng của nền văn minh lúa nước Việt Nam.

1. Đình Tân Đông

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính (Xã Tân Đông).

Đình Tân Đông còn gọi là đình Gò Táo tọa lạc tại ấp Gò Táo, xã Tân Đông, huyện Gò Công Đông.

Đình được xây dựng vào thế kỷ 19. Trong giai đoạn đầu, đình được xây dựng với quy mô nhỏ, chưa đầy 100 m^2, tại vị trí Miếu Ông ấp Gò Táo hiện nay. Năm 1904, do sức tàn phá của cơn bão năm Thìn, ngôi đình bị hư hại nặng. Đến năm 1905, một vị hào phú trong làng đã hiến đất, tiền của và nhờ sự đóng góp của Nhân dân, ngôi đình đã được dời về địa điểm hiện nay, cách vị trí cũ khoảng 01 km.

Sau hai năm xây dựng, từ 1905 đến năm 1907, đình được xây hoàn chỉnh với diện tích là 538 m^2, theo kiểu chữ tam (≡), gồm vỏ ca, chánh điện và nhà khói. Phần Võ ca gồm hai gian ba chái cột gỗ, mái lợp ngói âm dương. Chánh điện được cất theo kiểu tứ trụ, nhà rường cột cao 5,5 m, trên đó có chữ Thần được viết bằng sơn vàng trên nền đỏ, bốn góc là bốn chữ Tiền vãng, Hậu vãng, hai gian hai bên thờ Tả ban, Hữu ban. Khu vực nhà khói là nơi để nấu ăn mỗi lần diễn ra các dịp cúng đình.

Mặt tiền của Đình là năm cửa vòm theo kiểu châu Âu, gian giữa cửa lớn, các gian bên nhỏ. Vòm cửa giữa được đắp hình cuốn thư nhỏ, đề 1907. Trước Đình

có một bức bình phong cao 1,5m, hai bên có hai miếu thờ Thổ thần và Ngũ hành. Bàn thờ Thần Nông quay mặt vào trong Đình. Đình thờ thần Thành hoàng bổn cảnh, Tả quân Lê Văn Duyệt - một công thần của nhà Nguyễn, các bậc tiền hiền, hậu hiền.

Do ảnh hưởng của chiến tranh nên đình bị hư hại nặng nề. Khoảng năm 1986, khi gian vỏ ca bị hư, để trống một không gian phía trước, lúc này có ba cây bồ đề con, mọc trên mặt trước của đình, hai cây mọc ở hai gốc và một cây mọc ở giữa. Sau đó, những người chơi kiểng cảnh đã bứng lấy đi một cây ở gốc bên phải, còn lại hai cây, lớn rất nhanh, buông rễ chạy dài bám theo vách tường và kèo, cột, góp phần nâng đỡ cho ngôi đình không bị đổ sập. Hai cây bồ đề mọc từ trên xuống, theo năm tháng, buông những chùm rễ lớn nhỏ, tạo thêm nét đẹp cổ kính cho ngôi đình, thu hút nhiều khách thập phương đến chiêm ngưỡng.

Năm 2020, đình Tân Đông được trùng tu, tôn tạo với kinh phí khoảng 2,6 tỷ đồng. Hằng năm, đình có 4 lễ cúng: 16 tháng 2 âm lịch cúng kỳ yên; 16 tháng 5 âm lịch cúng hạ điền; 16 tháng 8 âm lịch cúng thượng điền; 16 tháng 11 âm lịch cúng cầu bông.

Đình Tân Đông được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận Di tích kiến trúc - nghệ thuật cấp tỉnh theo Quyết định số 3418/QĐ-UBND ngày 01/12/2010.

2. Đình Kiểng Phước

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chánh (Xã Kiểng Phước).

Đình Kiểng Phước tọa lạc ấp Xóm Đình, xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông.

Đình được lập vào thời vua Minh Mạng (1820-1840). Khuôn viên đình có diện tích gần 01 ha. Kiến trúc đình có 05 tòa lớn nhỏ từ trước ra sau, mái lợp ngói âm dương. Nhìn trên nóc đình từ trước ra sau, 04 tòa đầu có đầu hồi dằn bản, trang trí hoa văn, lưỡng long chầu nhật mỗi đầu một kiểu uy nghi. Nếu cắt dọc bộ khung, mỗi tòa là xuyên trính, bên trong có 04 hàng cột gỗ vuông, cạnh 2,8 tấc. Kiến trúc nghệ thuật đặc sắc nhất của ngôi đình chắc có lẽ tập trung ở tòa chánh điện. Biểu tượng thiêng liêng tôn thờ là một chữ "Thần" được chạm trổ trên nền hồi văn, đặt trong khám thờ, xung quanh chạm trổ rồng phượng, hoa lá được sơn son thếp vàng lộng lẫy. Phía trước khám thờ đặt một bàn thờ rộng rãi, phía trong đặt hòm đựng sắc phong rồi đến hương án thờ thần. Trên hương án đặt bộ thờ ngũ sự: lư, trầm, bình hương, bộ chân đèn và đông bình tây quả. Trước hương án là cặp hạc đứng trên thân rùa, châu mặt chầu thần. Hai bên hương án là hai giàn lỗ bộ tám cặp gồm: biển "tĩnh túc" và "hồi ty" phủ việt (búa), tay văn, tay võ, gậy đầu rồng, chùy, gươm, giáo. Đây được xem là nghi trượng vừa biểu hiện quyền lực của thần thánh, vừa tạo vẻ uy nghiêm nơi thờ phượng. Hai bên bàn thờ chánh thần theo thứ tự là tả ban, hữu ban, tiền hiền, hậu hiền. Trước hương án và trên cao gần nóc là 03 tấm

hoành phi sơn đen thếp vàng "thần quang phổ chiếu" mang ý nghĩa ánh sáng của thần soi rọi khắp nơi.

Giá trị đặc sắc của đình Kiểng Phước có lẽ nằm ở nghệ thuật chạm khắc gỗ 06 cặp liễn đối và 06 bức hoành phi sơn son thếp vàng rực rỡ. Ý nghĩa của các liễn đối và hoành phi nói lên sự thông hiểu giữa con người và thần thánh.

Mặt tiền của tòa chánh điện là một cặp liễn đối bằng gỗ chạm chữ, nền gỗ sơn son, chữ viết chân phương vàng óng ánh. Nội dung ca ngợi công đức của các bậc thánh nhân. Hai bên cửa chánh điện có một cặp liễn phụng cúng của một bậc túc nho, sử dụng mỗi vế 04 từ láy để tôn cái ý lồng lộng của ngôi đình và ca tụng đức độ của vị thần hoàng bổn cảnh.

Như tá thần công hiển hiển hách hách vạn cổ giang sơn

Trọng tân miếu mạo nguy nguy nga nga trung thiên nhật nguyệt

Tạm dịch: Công đức bậc thánh thần hiển hách luôn bảo vệ đất nước tồn tại mãi ngàn năm. Luôn giữ như mới đền miếu nguy nga giữa bầu trời sáng soi hai vầng nhật nguyệt

Ngoài ra, đình còn có 6 bức hoành phi thờ tự, các bức hoành phi đều có 4 đại tự bao gồm: Chánh trực thông minh, các ty tạo hóa, đức phối càn khôn, thần quang phổ chiếu, thinh linh hích trạc, đạo hiệp thanh ninh. Tất cả đều có dạng hình chữ nhật, kích cỡ khác nhau, được làm bằng gỗ mít, chạm khắc, sơn son thếp vàng. Các bức hoành phi được các vị thân hào hay các chức việc trong ban hội tế phụng cúng vào những thời điểm đáng ghi nhớ nào đó như đình vừa cất xong hay các dịp trùng tu sửa chữa. Đây là lúc người dân tin rằng "thần" đã bảo bọc dân làng.

Năm 1852, dưới thời vua Tự Đức năm thứ 5 (1852), đình được đón nhận 4 sắc phong: Thành hoàng bổn cảnh, Bạch mã tôn thần, Chúa xứ nương nương và Đông nam sát hải nhị đại tướng quân gắn với lễ hội Nghinh ông ở Vàm Láng ngày mùng 10 tháng 3 âm lịch hàng năm.

Hằng năm, đình có 03 lễ cúng: cúng hạ điền vào ngày 16 tháng 5 âm lịch, cúng thượng điền vào ngày 16 tháng chạp âm lịch; cúng kỳ yên vào ngày 15 và 16 tháng hai âm lịch.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, đình là cơ sở cách mạng.

Đình Kiểng Phước được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận Di tích kiến trúc - nghệ thuật cấp tỉnh theo Quyết định số 2651/QĐ-UBND, ngày 04/11/2013.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên Miếu:**

Khái niệm Miếu

Miếu là một dạng di tích văn hóa trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam có quy mô nhỏ hơn đền. Đối tượng được thờ ở miếu rất đa dạng, thể hiện ở tên gọi của miếu -

tên gọi theo đối tượng được thờ thường phiếm chỉ và tượng trưng. Ví dụ: miếu Cô, miếu Cậu, miếu thờ thần núi gọi là miếu Sơn thần, miếu thờ thần nước gọi là miếu Hà Bá hoặc miếu Thủy thần, miếu thờ thần đất gọi là miếu thổ thần.

1. Miếu Ông Nam Hải - Ấp Cây Bàng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Miếu) + Cá voi được thần thánh hóa (Sau khi lên ngôi năm 1802, vua Gia Long đã sắc phong cho cá voi tước hiệu "Nam Hải cự tộc ngọc lân tôn thần", gọi tắt là Ông Nam Hải).

Miếu Ông Nam Hải - Ấp Cây Bàng còn gọi là Lăng Ông Nam Hải - Ấp Cây Bàng tọa lạc tại ấp Cây Bàng, xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông.

Miếu được xây vào năm 1910. Miếu được trùng tu tôn tạo vào các năm: 1942, 1956, 1986, 1989,1997 2009, 2010, 2012.

Miếu có tổng diện tích 6.237 m², diện tích xây dựng 1.140 m², gồm các hạng mục: miếu thờ Tiên sư; vỏ ca, vỏ quy, miếu Bà Chúa Xứ; miếu Ông Nam Hải và miếu Bà Nam Hải. Tất cả được xây dựng theo kiểu hai tầng mái (mái bánh ú), các góc mái uốn cong hình đầu đao.

Miếu là nơi thờ cúng cá Voi/cá Ông và các vị thần linh phù hộ cho ngư dân đi biển Miếu thờ cá Voi/cá Ông. Đây là tín ngưỡng cầu ngư, ngư dân xem cá Voi/cá Ông là vị thần hộ mệnh, cầu cho biển lặng gió hòa, thuận buồm xuôi gió, ngư dân may mắn làm ăn phát đạt, an khang, hạnh phúc. Hằng năm, miếu có lễ cúng Nghinh Ông vào hai ngày 18,19 tháng giêng âm lịch.

Miếu còn là cơ sở cách mạng của huyện Gò Công Đông và xã Tân Thành trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

Miếu Ông Nam Hải - Ấp Cây Bàng được công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 2711/QĐ-UBND ngày 30/10/2014 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

2. Miếu Ông Nam Hải - Ấp Đèn Đỏ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Miếu) + Cá voi được thần thánh hóa (Sau khi lên ngôi (1802), vua Gia Long đã sắc phong cho cá voi tước hiệu "Nam Hải cự tộc ngọc lân tôn thần", gọi tắt là Ông Nam Hải).

Miếu Ông Nam Hải - Ấp Đèn Đỏ còn gọi là Lăng Ông Nam Hải - Ấp Đèn Đỏ tọa lạc tại ấp Đèn Đỏ, xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông.

Miếu được xây vào năm 1903. Trải qua hai lần trùng tu vào năm 1968 và năm 2000, miếu có diện mạo khang trang như hiện nay.

Miếu có tổng diện tích 6.237 m², diện tích xây dựng 1.082 m², gồm cổng lăng, vỏ ca, vỏ quy, chánh điện, nhà khách và nhà khói.

Miếu là nơi thờ cúng cá Voi/cá Ông và các vị thần linh phù hộ cho ngư dân đi biển Miếu thờ cá Voi/cá Ông. Đây là tín ngưỡng cầu ngư, ngư dân xem cá Voi/cá Ông là vị thần hộ mệnh, cầu cho biển lặng gió hòa, thuận buồm xuôi gió, ngư dân may mắn làm ăn phát đạt, an khang, hạnh phúc. Hằng năm, miếu có lễ cúng Nghinh Ông từ ngày 23 đến ngày 25 tháng giêng âm lịch.

Miếu còn là cơ sở cách mạng, là trạm Quân y tiền phương của huyện Gò Công Đông và xã Tân Thành trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

Miếu Ông Nam Hải - Ấp Đèn Đỏ được công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 2711/QĐ-UBND, ngày 30/10/2014 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

3. Miếu Ông Nam Hải - Tân Phước

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Miếu) + Cá voi được thần thánh hóa (Sau khi lên ngôi (1802), vua Gia Long đã sắc phong cho cá voi tước hiệu "Nam Hải cự tộc ngọc lân tôn thần", gọi tắt là Ông Nam Hải).

Miếu Ông Nam Hải - Tân Phước còn gọi là Lăng Ông Nam Hải – Tân Phước tọa lạc tại Ấp 4, xã Tân Phước, huyện Gò Công Đông.

Miếu được xây vào năm 1905. Năm 1991 và năm 2000, lăng được trùng tu xây tường, lợp mái ngói, lát gạch khang trang.

Miếu có tổng diện tích 2.131 m², diện tích xây dựng 824 m², gồm hàng rào xung quanh, cổng lăng, võ ca, chánh điện, nhà khói và kho.

Miếu là nơi thờ cúng cá Voi/cá Ông và các vị thần linh phù hộ cho ngư dân đi biển Miếu thờ cá Voi/cá Ông. Đây là tín ngưỡng cầu ngư, ngư dân xem cá Voi/cá Ông là vị thần hộ mệnh, cầu cho biển lặng gió hòa, thuận buồm xuôi gió, ngư dân may mắn làm ăn phát đạt, an khang, hạnh phúc. Hàng năm, miếu có lễ cúng Nghinh Ông vào rằm tháng 5 âm lịch.

Nơi đây còn là cơ sở cách mạng của huyện Gò Công Đông và xã Tân Phước trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

Miếu Ông Nam Hải - Tân Phước được công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 1301/QĐ-UBND ngày 04/6/2012 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

4. Miếu Ông Nam Hải - Vàm Láng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Miếu) + Cá voi được thần thánh hóa (Sau khi lên ngôi (1802), vua Gia Long đã sắc phong cho cá voi tước hiệu "Nam Hải cự tộc ngọc lân tôn thần", gọi tắt là Ông Nam Hải).

Miếu Ông Nam Hải - Vàm Láng còn gọi là Lăng Ông Nam Hải - Vàm Láng tọa lạc tại khu phố Lăng 2, thị trấn Vàm Láng, huyện Gò Công Đông.

Miếu được xây dựng từ đầu thế kỷ XIX. Năm 1870, miếu được xây dựng lại quy mô lớn hơn, bên trong có thờ bộ "Ngọc cốt", tức xương cá Ông. Năm 1920, miếu được xây mới bằng cột gỗ vuông 20 cm. Năm 1965, miếu được trùng tu. Năm 2012, miếu được tôn tạo, mái được lợp ngói mới, tường và nền lát gạch men. Năm 2014, xây hàng rào bê tông phía trước và nhà nấu ăn.

Miếu có diện tích 850 m², bao gồm các hạng mục: võ ca, võ quy, chánh điện, nhà khách, nhà ăn, sân và hàng rào chung quanh.

Miếu là nơi thờ cúng cá Voi/cá Ông. Đây là tín ngưỡng cầu ngư, ngư dân xem cá Voi/cá Ông là vị thần hộ mệnh, cầu cho biển lặng gió hòa, thuận buồm xuôi gió, ngư dân may mắn làm ăn phát đạt, an khang, hạnh phúc. Hằng năm, miếu có lễ hội Nghinh Ông diễn ra trong hai ngày 9 và 10 tháng 3 âm lịch. Ngoài phần lễ (thỉnh sắc thần, cúng Ông tại miếu và cho tàu ra khơi nghinh Ông), còn có phần hội, bao gồm hát Bội, thi đấu thể thao, trò chơi dân gian như: leo cột mỡ, thả vịt, đua ghe, nhảy bao bố,…

Miếu Ông Nam Hải - Vàm Láng được công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15/02/2000 của UBND tỉnh Tiền Giang.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên Đền thờ**

Khái niệm Đền thờ

Đền thờ là công trình kiến trúc mang tính chất tín ngưỡng để thờ cúng một vị thần hoặc một danh nhân quá cố.

Đền thờ Trương Định

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đền thờ) + Họ và tên danh nhân (Trương Định).

Đền thờ Trương Định tọa lạc tại xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông.

Trương Định sinh năm 1820 tại xã Tư Cung, huyện Bình Sơn, phủ Tư Nghĩa, trấn Quảng Ngãi (nay là xã Tịnh Khê, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi) trong một gia đình quan chức yêu nước.

Theo Nguyễn Thông trong *Lãnh binh Trương Định truyện*, ông có "*trang mạo khôi ngô, thông hiểu binh thư và bắn giỏi*". Sách *Đại Nam liệt truyện* của Quốc sử quán triều Nguyễn chép: "(*Trương*) *Định am hiểu võ nghệ, dũng cảm, mưu lược*". Paulin François Alexandre Vial, nguyên Trưởng đồn kiêm Giám đốc bản xứ sự vụ Gò Công, Giám đốc Nội vụ Nam Kỳ, trong quyển *Những năm đầu tiên ở Nam Kỳ* cho biết, ông cao lớn, nước da trắng, dáng người thanh tú.

Năm 1844, cha của ông là Trương Cầm vào tỉnh Gia Định nhận chức Lãnh binh. Ông được đi theo và sau đó, kết hôn với Lê Thị Thưởng, vốn là con gái của một hào phú ở Tân Hòa (Gò Công). Năm 1854, nhờ sự trợ giúp của gia đình bên vợ, ông xuất tiền của, mộ dân lập đồn điền Gia Thuận (nay thuộc huyện Gò Công Đông, Tiền Giang) để khai hoang vùng đất này. Vì thế, ông được triều đình phong chức Phó quản cơ.

Năm 1859, quân Pháp hạ thành Gia Định. Với lòng yêu nước nồng nàn, ông đã chỉ huy dân quân đồn điền Gia Thuận phối hợp với quân triều đình tiến đánh quân địch ở vùng Thuận Kiều và lập được nhiều chiến công. Vì vậy, đến tháng 10-1860, ông và nghĩa sĩ, bao gồm 50 người, được vua Tự Đức "*thưởng cho gia trật hoặc kỷ lục, ngân tiền*". Chiến công nổi bật đầu tiên của Trương Định và nghĩa quân là trận phục kích tiêu diệt tên đại úy thủy quân lục chiến Barbé tại chùa Khải Tường (vị trí chùa nay là Bảo tàng Chứng tích chiến tranh, số 28, đường Võ Văn Tần, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh) ngày 07-12-1860.

Tháng 4-1861, quân Pháp lần lượt đánh chiếm Mỹ Tho và Gò Công. Với quyết tâm chống quân xâm lược, Trương Định đã chiêu mộ 6.000 nghĩa sĩ dựng cờ khởi nghĩa. Vì thế, ông được triều đình phong chức Quản Cơ rồi thăng lên Phó Lãnh binh tỉnh Gia Định. Bên cạnh đó, ông còn ra sức xây dựng căn cứ kháng chiến Tân Hòa ở Gò Công. Ngoài ra, Trương Định còn cho xây dựng đồn trại ở Gia Thuận, vốn là đồn điền do ông lập ra năm 1854.

Cuộc khởi nghĩa do Trương Định lãnh đạo có sự liên kết chặt chẽ với nhiều cuộc khởi nghĩa khác, như khởi nghĩa Nguyễn Trung Trực ở Tân An, Trần Xuân Hòa, Võ Duy Dương và Nguyễn Hữu Huân ở Ba Giồng,...

Ngày 22-6-1861, nghĩa quân Đỗ Trình Thoại tấn công quân Pháp ở đồn Gò Công. Cuộc tập kích này đã làm tên lính thủy Bodiez phải tử trận, tên trung úy Vial bị đâm trọng thương. Thế nhưng, thủ lãnh Đỗ Trình Thoại đã anh dũng đền nợ nước. Qua ngày hôm sau, để trả thù cho Đỗ Trình Thoại, Trương Định chỉ huy nghĩa quân đánh vào đồn Gò Công, gây cho địch nhiều thiệt hại.

Trong tháng 9-1861, ông chỉ huy nghĩa quân tiến hành trừng trị những tên tay sai chỉ điểm cho giặc, tiêu biểu là vụ bắt bá hộ Huy ở Đồng Sơn (nay thuộc huyện Gò Công Tây, Tiền Giang) phải đền tội phản quốc.

Sau đó, hoạt động quân sự của nghĩa quân Trương Định đã diễn ra liên tục. Ngày 30-12-1861, tấn công đồn Kỳ Hôn (nay thuộc TP Mỹ Tho, TG). Ngày 10-01-1862, tấn công đồn Gia Thạnh (nay thuộc huyện Chợ Gạo, TG); ngày hôm sau, với 10 chiến thuyền, nghĩa quân lại đánh đồn Rạch Gầm (nay thuộc huyện Châu Thành, TG). Từ ngày 22-01-1862 đến ngày 28-02-1862, nghĩa quân Trương Định mở 3 cuộc tấn công vào đồn Kỳ Hôn, có lần giặc Pháp phải bỏ đồn tháo chạy, bị nghĩa quân truy kích ráo riết.

Do bị tấn công liên tục, đô đốc Bonard ra lệnh cho quân Pháp rút khỏi đồn Gò

Công ngày 01-3-1862. Cũng trong khoảng thời gian này, ông nhận được vũ khí do triều đình cấp phát, gồm 20 cỗ Quá sơn, 300 cân hỏa dược, 20 viên đạn thép, 80 trường thương. Trên cơ sở đó, đêm 06-4-1862, Trương Định chỉ huy nghĩa quân táo bạo đột kích Chợ Lớn (nay thuộc Thành phố Hồ Chí Minh). Trận đánh này đã khiến nhân dân rất phấn khởi; còn quân giặc thì hoang mang cực độ.

Để thực thi hiệp ước ký với Pháp năm 1862, vua Tự Đức ra lệnh giải binh ở ba tỉnh miền đông Nam kỳ (Định Tường, Gia Định, Biên Hòa); trong đó có việc buộc Trương Định phải giải tán nghĩa quân và đi An Giang nhận chức Lãnh binh. Tuy nhiên, với tước vị Bình Tây đại tướng quân, ông đã dũng cảm và sáng suốt ở lại Gò Công, lãnh đạo nhân dân tiếp tục cuộc kháng chiến.

Tháng 11-1862, Trương Định cử các đội trinh sát đi hoạt động ở khắp nơi. Ngày 06-12-1862, nghĩa quân Trương Định tấn công một chiến thuyền của quân Pháp trên sông Vàm Cỏ ở gần Trảng Bàng (Tây Ninh). Ngày 17 và ngày 18-12-1862, Trương Định ra lệnh cho nghĩa quân đồng loạt mở cuộc tổng công kích vào các vị trí chiếm đóng của quân Pháp ở ba tỉnh miền đông Nam kỳ.

Trước tình hình đó, đầu năm 1863, quân Pháp tổ chức những cuộc hành quân càn quét vào căn cứ Tân Hòa (Gò Công) của nghĩa quân Trương Định. Ngày 16-02-1863, đô đốc Bonard, tổng chỉ huy quân Pháp ở Nam kỳ, đến Gò Công, trực tiếp chỉ huy cuộc tấn công. Do thế giặc quá mạnh nên Trương Định vừa cho nghĩa quân mật phục đánh địch liên tục, vừa ra lệnh cho đại bộ phận nghĩa quân rút đi nơi khác để bảo toàn lực lượng cho cuộc chiến đấu lâu dài.

Sau đó, Trương Định di chuyển về khu vực "Đám lá tối trời" ở Gia Thuận để gầy dựng lại lực lượng. Thực dân Pháp tung bọn mật thám, bọn phản bội chỉ điểm ráo riết theo dõi mọi hoạt động của nghĩa quân. Theo đó, Huỳnh Văn Tấn (Đội Tấn) được lệnh truy lùng nơi ở của Trương Định. Ngày 20-8-1864, Đội Tấn chỉ huy bọn thuộc hạ bất ngờ đột kích vào nơi trú ngụ của ông tại Kiểng Phước (nay thuộc huyện Gò Công Đông, TG). Trận chiến không cân sức đã diễn ra; và cuối cùng, Trương Định đã anh dũng hy sinh vì đại nghĩa cứu nước, cứu dân, hưởng dương 44 tuổi, để lại bao niềm tiếc thương trong lòng người dân Gò Công và Nam Bộ.

Sau khi Trương Định hy sinh, nhân dân Gia Thuận đã lập miếu bằng tre lá để thờ ông. Vào những năm đầu thế kỷ 20, Nhân dân địa phương đóng góp tiền của xây dựng lại ngôi miếu to rộng hơn. Lúc này không gọi miếu mà gọi là đình: Đình Gia Thuận. Để che mắt chính quyền thực dân Pháp, đình Gia Thuận thờ thần; nhưng thực chất là thờ Trương Định. Khi đó, đình được xây dựng bằng gỗ quí, mái lợp ngói âm dương, kèo cột theo kiểu tứ trụ chồng rường, cột kê trên táng đá xanh, nền lót gạch tàu, bó nền bằng đá tổ ong. Sau năm 1975, đình được trùng tu. Năm 2009, tỉnh Tiền Giang cho xây dựng đền thờ khang trang như hiện nay.

Cổng đền có hai câu đối: "Gò Công Trương chánh khí; Gia Thuận Định trung cang". Khuôn viên đền thờ có trồng nhiều loại hoa kiểng và cây tạo bóng mát. Trước đền có tượng bán thân Trương Định do Tạp chí Xưa và Nay trao tặng vào năm 2009. Bức tượng nặng 120 kg, cao 80 cm do điêu khắc gia Lâm Quang Nới phác thảo dựa vào tư liệu ký họa do Pháp để lại, các nghệ nhân đúc đồng Huế thực hiện khâu kỹ thuật. Ngôi đền được xây dựng theo lối kiến trúc truyền thống, gồm vỏ ca, chính điện và nhà khói. Bên trong chính điện có tủ thờ Gò Công, tranh vẽ chân dung Trương Định; các bộ lư, chân đèn và binh khí bằng đồng, một số di vật của nghĩa quân Trương Định, Bằng công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia.

Hằng năm, tại đền thờ, chính quyền và Nhân dân huyện Gò Công Đông đều tổ chức lễ hội tưởng niệm ngày Trương Định hy sinh rất nghiêm trang và trọng thể trong 2 ngày 19/8 và 20/8.

Năm 2023, tỉnh Tiền Giang đang thực hiện dự án mở rộng đền thờ Trương Định (giai đoạn 2) với tổng diện tích 20.535,6 m^2 và tổng mức đầu tư 41,876 tỷ đồng, gồm các hạng mục: phục dựng đám lá tối trời, khu trồng cây lưu niệm, nhà dịch vụ, nhà trưng bày sản phẩm và giới thiệu làng nghề, chòi nghỉ, phục chế khu căn cứ nghĩa quân, hồ nước, kênh rạch, sân trò chơi dân gian kết hợp trò chơi hiện đại mang tính giáo dục; các hạng đường giao thông nội bộ; hạ tầng kỹ thuật phục vụ dự án và công trình phụ trợ. Dự án nhằm xây dựng cơ sở vật chất phục vụ cho lễ hội Trương Định và các lễ hội khác, giới thiệu các loại hình làng nghề truyền thống tiêu biểu, tổ chức các khu vực vui chơi giải trí phục vụ người dân địa phương và khách du lịch.

Đền thờ Trương Định ở xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông được Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia theo Quyết định số 66/2004/QĐ-BVHTT ngày 14/6/2004.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên thánh thất:**

Khái niệm:

Thánh thất: là nhà thờ Đức Chí Tôn (Đấng Cao Đài) và các vị Thần, Thánh, Tiên, Phật. Hay còn gọi là ngôi nhà của chư thánh. Tại mỗi Tộc đạo (Họ đạo) đều phải xây dựng một Thánh thất để làm đền thờ Đức Chí Tôn và làm nơi tín ngưỡng cho bổn đạo địa phương.

1. Thánh thất Bình Đông

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Bình Đông).

Thánh thất Bình Đông được xây dựng trước năm 1975, tọa lạc tại Ấp 5, xã Bình Đông, huyện Gò Công Đông.

2. Thánh thất Bình Nghị

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Bình Nghị).

Thánh thất Bình Nghị được xây dựng trước năm 1975, tọa lạc tại ấp Bình Hòa, xã Bình Nghị, huyện Gò Công Đông.

3. Thánh thất Bình Xuân

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Bình Xuân).

Thánh thất Bình Xuân được xây dựng trước năm 1975, tọa lạc tại Ấp 5, xã Bình Xuân, huyện Gò Công Đông.

4. Thánh thất Rạch Già

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh chỉ địa hình tự nhiên (Rạch Già).

Thánh thất Rạch Già được xây dựng trước năm 1975, tọa lạc tại Ấp 2, xã Tân Phước, huyện Gò Công Đông.

5. Thánh thất Tân Đông

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Tân Đông).

Thánh thất Tân Đông được xây dựng trước năm 1975, tọa lạc tại ấp Xóm Chùa, xã Tân Đông, huyện Gò Công Đông.

6. Thánh thất Tân Hòa

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (thị trấn Tân Hòa).

Thánh thất Tân Hòa được xây dựng trước năm 1975, tọa lạc tại ấp Hòa Thơm, thị Trấn Tân Hòa, huyện Gò Công Đông.

7. Thánh thất Tân Niên Tây

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chánh xưa (thôn Tân Niên Tây).

Thánh thất Tân Niên Tây được xây dựng năm 1945, tọa lạc tại Ấp 4, xã Tân Tây, huyện Gò Công Đông.

8. Thánh thất Tân Phước

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Tân Phước).

Thánh thất Tân Phước được xây dựng năm 1945, tọa lạc tại Ấp 8, xã Tân Phước, huyện Gò Công Đông.

9. Thánh thất Tân Thành

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Tân Thành).

Thánh thất Tân Thành được xây dựng năm 2000, tọa lạc tại ấp Giồng Đình, xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông.

10. Thánh thất Tân Trung

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Tân Trung).

Thánh thất Tân Trung được xây dựng năm 1945, tọa lạc tại ấp Ông Non, xã Tân Trung, huyện Gò Công Đông.

Nghiên cứu địa danh chỉ vùng:

*** Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên xóm:**

Khái niệm:

Xóm: là nơi quần tụ những hộ gia đình sinh sống gần nhau, có hoặc không có mối quan hệ họ hàng với nhau.

1.Xóm Chủ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Chức vụ thời xưa (Hương chủ gọi tắt là Chủ).

Xóm Chủ là xóm nhà có ông hương chủ cư trú tại đó, hiện nay là tên ấp thuộc xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông.

2. Xóm Chùa

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Công trình xây dựng (Chùa).

Xóm Chùa là xóm nhà có một ngôi chùa cổ có từ thời vương quốc Phù Nam (Thế kỷ 1 - thế kỷ 6) đã bị sụp đổ, tọa lạc tại xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông. Về sau, tại đây có một cây me to, dân gian gọi là cây me bà, nên xóm có tên là Xóm Chùa Cây Me. Đầu thế kỷ 20, cây me được đốn bỏ, tại đây có nhà của bà Trang nên được gọi là Xóm Chùa Bà Trang.

3. Xóm Dinh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Công trình xây dựng (Dinh).

Xóm Dinh là xóm có một dinh thự được xây cất từ thời xưa.

Xóm Dinh ngày trước là khu dân cư được bao bọc bằng nhiều lũy tre gai, tạo hàng rào bảo vệ cán bộ cách mạng, ngăn chặn bước tiến của quân địch và hạn chế sự lùng sục của bọn mật thám, biệt kích.

Do vậy, thế cách mạng là dựa vào lòng dân. Các hộ dân ở đây đa số thuộc thành phần bần cố nông được cách mạng cấp đất và hầu như nhà nào cũng tham gia kháng chiến hoặc nuôi giấu, che chở bộ đội và cán bộ cách mạng. Đây cũng là trạm liên lạc, đường dây giao liên từ huyện về tỉnh, thị xã, vào nội ô…; là cơ sở hoạt động của Ủy ban Kháng chiến – Hành chính thị xã Gò Công, Mặt trận Việt Minh thị xã.

Cũng tại đây, có gia đình họ Trương rất nổi tiếng, tiêu biểu là ông Trương Văn Đẩu (nguyên Giám đốc Công ty Than Hòn Gai, Ủy viên Khu ủy Hồng Quảng, Viện trưởng Viện Cơ khí chế tạo máy Hà Nội, Chánh Văn phòng Bộ Điện và Than, Giám đốc Công ty Điện lực miền Nam, Phó Trưởng Ban Tổ chức Thành ủy TP. Hồ Chí Minh) và vợ là bà Nguyễn Thị Tư (Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân) cùng với người con là bà Trương Mỹ Hoa (nguyên Bí thư Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam).

Xóm Dinh có Đài chiến thắng được công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết Định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15/02/2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Xóm Dinh hiện nay là tên ấp thuộc xã Tân Đông, huyện Gò Công Đông.

4. Xóm Đình

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Công trình xây dựng (Đình).

Xóm Đình là xóm có ngôi đình. Đó là đình Kiểng Phước được xây dựng dưới thời vua Minh Mạng (1820-1840). Đình Kiểng Phước được Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang công nhận Di tích kiến trúc - nghệ thuật cấp tỉnh theo Quyết định số 2651/QĐ-UBND ngày 04/11/2013.

Xóm Đình hiện nay là tên ấp thuộc xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông.

5. Xóm Đen

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Màu sắc (Đen).

Địa danh Xóm Đen nguyên có tên là Xóm Nước Đen. Thời xưa, nơi đây là rừng rậm, lá cây rụng, tích lũy lâu ngày kết hợp với những dòng chảy nhỏ trong rừng, tạo thành một vùng nước có màu đen, nên gọi là xóm Nước Đen. Về sau, gọi tắt thành Xóm Đen.

Xóm Đen hiện nay là tên ấp thuộc xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông.

6. Xóm Gò

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Địa danh chỉ địa hình tự nhiên (Gò)

Xóm Gò là nơi có một gò cát, hiện nay là khu phố Xóm Gò 1 và khu phố Xóm Gò 2, thị trấn Tân Hòa và ấp Xóm Gò, xã Tăng Hòa, huyện Gò Công Đông.

Địa danh này có liên quan đến ngôi mộ của ông Trương Công Luận. Ông chưa rõ năm sinh, tên thật là Bùi Luận, nguyên quán ở Quảng Ngãi, vào huyện Kiến Hòa, trấn Định Tường (nay là Gò Công, Tiền Giang) lập nghiệp.

Năm 1861, ông tham gia cuộc khởi nghĩa Trương Định, có thừa tài trí và lòng dũng cảm, lập được nhiều công trạng trong chiến đấu. Do đó, ông được đổi thành họ Trương là họ của chủ tướng Bình Tây đại tướng quân Trương Định.

Sau khi Trương Định hy sinh (20/8/1864), ông rút quân về Rạch Bùn, Tân Bình Điền (nay là xã Tân Điền, huyện Gò Công Đông). Theo truyền thuyết dân gian, để có "danh chánh ngôn thuận" cho cuộc kháng chiến, ông tự xưng là Bình Tây phó tướng. Tại Rạch Bùn, dựa vào địa thế hoang hiểm, ông lập căn cứ mới, chiêu mộ thêm nghĩa dũng, vận động nhân dân quyên góp lương thực và tiền bạc, rèn đúc vũ khí, tiếp tục cuộc chiến đấu chống quân Pháp. Với lối đánh du kích, nay ẩn mai hiện, nghĩa quân do ông chỉ huy đã tiến hành các trận đánh phục kích nhằm vào những toán lính địch đi càn quét và gây cho bọn chúng nhiều thiệt hại.

Sau đó, thực dân Pháp tổ chức bao vây, phong tỏa, lùng sục và đàn áp nghĩa quân. Cuối cùng, ông sa vào tay giặc. Dụ hàng không được, ngày 06/5/1865, bọn chúng đã hèn hạ xử trảm ông tại bến sông Gò Công (nay là khu chợ trái cây ở thị xã Gò Công). Cảm thương vị anh hùng đã vị quốc quên thân, dân làng Tăng Hòa đã mang thi thể ông an táng tại xóm Gò; đồng thời, các vị bô lão còn lập ngôi miếu thờ tại xóm Lò Gạch, hằng năm, cứ đến ngày mùng 7 tháng 6 âm lịch, tổ chức cúng tế rất long trọng.

Hiện nay, mộ của ông đã được trùng tu khang trang, tọa lạc tại ấp Xóm Gò thuộc thị trấn Tân Hòa, huyện Gò Công Đông. Mộ của ông được công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15/02/2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang. Bia mộ có chạm khắc câu đối ca ngợi nghĩa khí của ông:

Dũng tướng hầu nguyên soái.

Kiên trung dũng Trương công.

Tên ông được đặt tên đường ở thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Ngoài ra, địa danh Xóm Gò còn liên quan đến chiến thắng Xóm Gò. Tại đây, ngày 26/02/1962, Tiểu đoàn 261, lực lượng 206, du kích và nhân dân Gò Công đã tiêu diệt tên Tổng Thinh ác ôn và 02 đại đội địch, bắt sống 53 tên (trong đó nhiều tên

tề có nợ máu với nhân dân); phá hủy 03 xe quân sự, thu toàn bộ vũ khí và quân trang quân dụng. Trận Xóm Gò đã góp phần ngăn chặn kế hoạch bình định của Mỹ và chính quyền Sài Gòn ở Gò Công ở Gò Công.

Di tích lịch sử "Chiến thắng Xóm Gò" được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15/02/2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

7. Xóm Lò Gạch

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Địa danh chỉ công trình xây dựng (Lò gạch).

Xóm Lò Gạch là xóm nhà tọa lạc chung quanh lò gạch. Ở tỉnh Tiền Giang có 02 địa danh xóm Lò Gạch, gồm:

- Xóm Lò Gạch (Huyện Gò Công Đông): Hiện nay là ấp Lò Gạch 1 và ấp Lò Gạch 2, thị trấn Tân Hòa, huyện Gò Công Đông.

Tại ấp Lò Gạch 1 có miếu thờ và nhà lưu niệm ông Trương Công Luận, một viên tướng của Bình Tây đại tướng quân Trương Định (tiểu sử của ông Trương Công Luận xin xem mục từ Xóm Gò).

- Xóm Lò Gạch (Thành phố Mỹ Tho): Tọa lạc tại Phường 4 và Phường 5, thành phố Mỹ Tho. Lò gạch do ông Bang Hoạch (người Hoa) dựng lên vào khoảng đầu thế kỷ 20. Lò gạch có vị trí đầu tiên nay là chợ Thạnh Trị (Phường 4), đất để nung làm gạch được đào dọc theo kênh Bảo Định, đoạn từ cầu Bạch Nha đến cầu Đạo Ngạn (Phường 5). Gạch, ngói của những ngôi nhà tường lợp ngói ở Mỹ Tho thời bấy giờ phần lớn được mua từ lò gạch này. Nghệ sĩ Nhân dân Phùng Há khởi đầu nghiệp cầm ca vào cuối thập niên 20 của thế kỷ trước cũng từ lò gạch của ông Bang Hoạch. Năm 1957, lò gạch ngưng hoạt động. Khu vực này trở thành bến xe Mỹ Tho; đến năm 1988, bến xe di dời, nơi đây thành chợ Thạnh Trị.

8. Xóm Mới

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Tính từ (Mới).

Xóm Mới là xóm nhà mới được thành lập, hiện nay là tên ấp thuộc xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông.

9. Xóm Ông Rèn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Nhân vật và nghề nghiệp của nhân vật (Ông Rèn).

Xóm Ông Rèn là xóm nhà do một người đàn ông làm nghề rèn quy tụ dân nghèo khẩn hoang lập xóm, tọa lạc tại xã Tân Tây, huyện Gò Công Đông.

Theo Việt Cúc trong quyển *Gò Công cảnh cũ người xưa*, lúc mới thành lập, xóm chỉ có khảng 10 hộ gia đình, sau đó lần hồi tăng lên theo năm tháng, người dân ở đây chăm chỉ làm ăn, học hành; cần kiệm trong tiêu xài, sinh hoạt; đoàn kết, tương trợ với nhau nên cuộc sống ngày càng dư giả, không lo thiếu thốn khi gặp thiên tai, địch họa.

10. Xóm Rẫy

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Loại hình đất đai (Rẫy).

- Rẫy: là đất trồng các loại hoa màu, như rau, củ, quả,…

Xóm Rẫy là nơi có xóm nhà làm nghề rẫy, hiện nay là tên ấp thuộc xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông.

11. Xóm Tựu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Động từ (Tựu: tụ họp).

Xóm Tựu là xóm nhà quây quần, tụ họp với nhau, hiện nay là tên ấp thuộc xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông.

12. Xóm Vườn Phượng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Một loại hình canh tác nông nghiệp (Vườn) + Linh vật (Chim phượng).

Đầu thế kỷ 19, sau khi khai phá rừng già và đám lá tối trời, ông Thôn Cựu ở Gia Thuận đã lập ruộng vườn để canh tác. Tại vườn, ông có trồng nhiều cây cau. Đến khi, cau nở hoa, cánh hoa xòe ra nhưng con chim phương đang bay. Từ đó có địa danh Vườn Phượng, Địa danh này ở phía bắc Gò Công hợp cùng với Long Uông ở phía nam, Gò Rùa (Sơn Quy) ở phía đông và Gò Lân ở phía tây thành địa thế phong thủy của vùng đất Gò Công: Long - Lân - Quy - Phượng (Phụng).

Xóm Vườn Phượng là xóm nhà ở xung quanh Vườn Phượng, thuộc xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông.

*** Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên xứ:**

Khái niệm:

Theo *Từ điển Tiếng Việt phổ thông* của Viện Ngôn ngữ học, Xứ là khu vực địa lý có chung một số đặc điểm tự nhiên hoặc xã hội nào đó.

Xứ Đôi Ma

Xứ Đôi Ma là địa danh xưa, được ghi trong *Địa bạ Minh Mạng năm 1836*, tọa lạc ở thôn An Thuận, tổng Lộc Thành Thượng, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định, nay thuộc ấp Đôi Ma, xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xứ) + Truyện tích (Đôi Ma).

Theo ghi chép trong *Đại Nam nhất Thống chí* của Quốc sử quán triều Nguyễn, địa danh này gắn liền với truyện tích dân gian như sau: "Tương truyền xưa có người con gái nhà giàu, đến tuổi cài trâm, thầm yêu một thư sinh vì nhà nghèo, nên dù biết rõ mối tình, vẫn chẳng dám mượn ai mai mối ngõ việc hôn nhân. Cô gái tương tư uất hận mà chết. Cha mẹ nàng rất thương tiếc không muốn chôn ngay. Cất lều ở sau vườn cho quàn linh cữu. Gã thư sinh hay tin liền tìm đến thắt cổ chết bên cạnh.

Người ta quàn cả lại cùng một chỗ, âm khí kết tựu dần thành ma quỷ. Sau cha mẹ cô gái đều buồn rầu và mất đi. Đôi xác trẻ không ai chôn cất. Chốn hoang vu, cây cối mọc thành gò hoang, quỷ khí càng thịnh hành. Dân chúng thường khổ sở vì đó, đặt tên là sông (rạch) Đôi Ma. Sau Tây Sơn đốt phá, tai quái mới dứt".

Trong quyển *Gò Công cảnh cũ người xưa*, Việt Cúc cho biết cụ thể hơn: "Từ Bến Vựa ngoài, đi vào Vàm Láng, nhờ con rạch Cần Lộc thông lưu qua lại. Khoảng giữa đường, có ngọn rạch nhỏ, chảy thông vào các khe, ruộng trong rừng rồi rẽ ra bải cỏ. Kề bên rạch phía ngoài rừng này, khi Pháp mới đắp con lộ chạy vào Vàm Láng, để khai mở miền rừng nầy. Lộ đắp xong rồi dân chúng về lập cuộc cất nhà cửa ở, trên mười nóc gia, nay gọi là xóm Vịnh Đôi Ma. Đôi Ma, theo lời truyền thuyết là cặp giai nhân tài sắc phận đẹp duyên ưa, sanh trong hai cái gia đình giai cấp tương phản. Một là chàng trai con nhà nghèo, có học thức vào hàng trí giả. Hai là nàng gái, con nhà giàu có dư ăn, đều là người sanh trưởng gần vùng Bến Vựa.

Bởi tánh cố chấp và tự kiêu, khiến đôi uyên ương này không chắp cánh liền cành với nhau được. Cha mẹ nàng chê đàng trai không xứng đáng suôi gia, vì không môn đăng hộ đối. Mặc dầu nhà chàng, đã nhiều lần cậy người trong thân, đến cầu xin cha mẹ nàng, nên khoan hồng dung thứ, cho đôi lứa kết hôn, thì ân đức làm cha mẹ rộng lớn sánh lòng trời biển. Vì đôi lứa đã hẹn bể thề non, nếu đoạn tình, gây ngang trái cuộc nhân duyên này, e sau ắt có hậu quả không tốt.

Nhưng rất tiếc, cha mẹ nàng khư khư, chẳng kể lẽ phải, nhất quyết cho rằng: Cha mẹ có quyền "sở sanh sở định". Áo mặc không qua khỏi đầu. Con không phép cãi cha, đặt đâu phải ngồi đó. Đây là cái lý luận làm cha, theo lối chuyên chế tam cang/cương, để đàn áp trong gia đình. Cho nên thuở ấy đàn bà con gái là nạn nhân của chế độ này.

Vì trọng nam khinh nữ, con gái sanh nhằm những cái gia đình ấy, chẳng khác gì con vật, hoặc như rều rác. Nghe câu hát này:

Gió đưa gió đẩy / Về rẫy ăn còng / Về sông ăn cá / Về giồng ăn dưa. Thật là cái đời vô định của đàn bà con gái cũng như thế. Hễ gió đưa đến đâu, thì phải trôi

theo chiều đến đó, thân phận đã phó mặc rủi may, thì không còn cái thân phận gì đáng kể nữa.

Đến khi cha mẹ nàng nhận gả nàng cho một nhà giàu sang danh giá ở khác làng. Đến lúc làm lễ hỏi (sơ vấn). Nàng cảm thấy cuộc đời của nàng sẽ đen tối, phải sống trong cảnh địa ngục trần gian. Nên nàng bỏ ăn mất ngủ, thầm than thân trách phận, không còn hy vọng gì, trông cha mẹ hồi tâm nghĩ đến nỗi đau khổ của nàng.

Một ngày nọ nàng cùng chàng hẹn nơi hội ngộ, hai đàng gặp nhau, nơi chốn rừng sâu, kề bên ngọn rạch. Xiết nỗi thở than với tình tuyệt vọng, khi gặp gỡ, giữa đôi mắt tràn đầy lệ thảm, đọa đày sanh ly, khó tìm lối thoát, để giữ trọn lời thề nguyện.

Lúc hai người trốn nhà ra đi, thì quyết định không trở lại, trước tình cảnh áo não đoạn trường, không còn thiết gì lưu luyến thấy cảnh trần gian. Đêm đã khuya, tâm tình cạn tỏ, hai người đồng nắm tay nhau, nhảy xuống vịnh nước sâu, nhờ giọt nước giải oan, rửa tình u uất.

Nơi trên vịnh này, cách sau thời gian ngắn, người ta thường thấy có bóng uyên ương, nhởn nhơ kề cập nhau lúc trời trưa đứng bóng, hoặc lúc trời chiều chạng vạng tối, có đôi đom đóm lập lòe trên cành cây, mé rạch trên đây.

Khi người ta trông thấy những vật ấy, họ đều nghi là oan hồn của cặp uyên ương, vẫn còn ẩn hiện nơi đây. Vì thế, họ gọi khúc vịnh nầy là vịnh Đôi Ma.

Đời sau ai nghe đến thảm sử này, đều cảm thương ngậm ngùi, nên có bài thi điếu, bằng Hán văn (không biết tác giả):

Nhân duyên bất nguyện, thệ tuyền đường,

Đồng ẩm Tương giang, thủy đoạn trường.

Cố kiết uyên ương du thủy diện,

U tình thiểm điểm, quýnh tà dương.

Dịch ra quốc văn như sau

Nhân duyên oan trái khó giao hòa,

Đành rửa Tương giang uất hận đa.

Tình đoạn nhóm nhen, hồn lửa đóm,

Uyên ương ẩn hiện vịnh Đôi Ma[61]*".*

Tại đây, có rạch Cần Lộc chạy dài đến xã Kiểng Phước, xuyên qua cái vịnh nước chảy rất xiết. Nơi khúc quanh của đoạn rạch Cần Lộc gọi là vịnh Đôi Ma.

[61] Việt Cúc (1999), *Gò Công cảnh cũ người xưa*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, trang 74.

Hiện tại, vịnh chỉ là một khúc rạch uốn cong, lục bình đã mọc kín cả bề mặt, hai bên con rạch rất ít người sinh sống. Ngay vịnh hiện còn miếu thờ, hàng năm người dân xung quanh đều tổ chức lễ cúng.

*** Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên khu:**

Khái niệm:

Khu là khoảng đất được giới hạn với những đặc điểm hoặc chức năng riêng, khác với xung quanh.

1. Khu du lịch biển Tân Thành

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Khu) + Loại hình du lịch (Du lịch biển) + Địa danh hành chính (Xã Tân Thành).

Khu du lịch biển Tân Thành là khu du lịch hấp dẫn, thuộc xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông, cách trung tâm thị xã Gò Công 15 km. Từ thành phố Mỹ Tho, theo Quốc lộ 50 về phía Đông khoảng 50 km thì đến bãi biển Tân Thành.

Sách *Địa chí Tiền Giang* cho biết: "Đây là bãi biển cạn, nằm giữa hai cửa sông Vàm Cỏ (Bắc) và Cửa Tiểu (Nam) nên được cát bồi xa hơn 7 km. Phong cảnh thơ mộng, khí hậu trong lành, giao thông thuận lợi, là nơi duy nhất trong tỉnh có bờ biển khá đẹp với độ dốc thấp, cát biển phù sa, phần lớn do phù sa sông bồi tụ"[62]. Khu du lịch này còn có chiếc cầu Tàu dài hơn 300 m vươn ra biển để du khách có dịp ngắm cảnh trời mây sóng biển bao la.

Vùng biển Tân Thành ít sóng gió, đáy cát pha bùn, nhiều thức ăn, nên thích hợp cho loài nghêu trú ngụ. Thịt nghêu Tân Thành nổi tiếng ngon ngọt lại thơm, được tiêu thụ nhiều. Từ đó, nghề nuôi nghêu ở đây được ra đời; và bãi biển Tân Thành trở thành một trong những vùng nuôi nghêu lớn nhất ở miền Tây Nam Bộ. Đặc biệt, người dân ở đây rất có kinh nghiệm trong việc canh nước để khi thu hoạch, nghêu không bị ngậm cát.

Nhìn ra biển là Cồn Ngang cách bờ khoảng một giờ đi đò máy. Cảnh đẹp của Khu du lịch biển Tân Thành đã đi vào thơ ca:

Trắng nước gió mây cây rủ bóng,

Tân Thành cảnh đẹp như mơ[63].

Và:

Gò Công nhớ biển Tân Thành,

Trăng lồng bãi cát, gió thanh bốn mùa[64].

---

[62] Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Quang Ân (2007), *Địa chí Tiền Giang (tập 2)*, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tiền Giang và Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, trang 539.

[63] Huỳnh Minh (2001), *Gò Công xưa*, Nxb Thanh Niên, trang 215.

2. Khu mộ Nguyễn Ngọc Chấn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Khu) + Địa danh chỉ công trình xây dựng (Mộ) + Nhân vật lịch sử (Nguyễn Ngọc Chấn).

Khu mộ Nguyễn Ngọc Chấn tọa lạc tại Ấp 7, xã Tân Tây, huyện Gò Công Đông.

Nguyễn Ngọc Chấn sinh năm 1831 tại thôn Tân Niên Tây, huyện Kiến Hòa, trấn Định Tường (nay là xã Tân Tây, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang).

Năm 1859, ông tham gia khởi nghĩa Trương Định, lập được nhiều chiến công, nên được phong chức Đốc binh, do đó, mọi người quen gọi là Đốc binh Chấn. Trong quá trình chiến đấu, ông được Trương Định đặc biệt tin cậy và là một trong những cộng sự thân tín nhất của vị Bình Tây Đại tướng quân.

Ngày 20/8/1864, trong trận đánh trả cuộc tập kích bất ngờ của quân địch do Huỳnh Văn Tấn chỉ huy, ông đã cố sức bảo vệ Trương Định; nhưng sự việc không thành; và cuối cùng, vị chủ tướng anh hùng đã ngã xuống trong vòng tay của ông. Bản thân ông cũng bị trọng thương. Giặc Pháp đưa ông về giam giữ ở Gò Công. Bọn chúng giở thủ đoạn vừa mua chuộc, dụ dỗ; vừa đánh đập, tra tấn dã man, hòng buộc ông phải quy hàng. Nhưng, ông vẫn một lòng trung thành với đất nước và dân tộc.

Bất lực trước ý chí kiên cường của vị Đốc binh yêu nước, thực dân Pháp đã đày ông ra Côn Đảo. Mãi chín năm sau, ông mới được trả tự do. Về lại quê nhà, ông mở trường dạy học nhằm truyền dạy tinh thần đấu tranh bất khuất cho môn sinh; đồng thời lập đền thờ hương khói thờ phụng Trương Định và những nghĩa quân đã vì nước quên thân.

Năm 1907, do tuổi cao sức yếu, ông qua đời tại Giồng Tháp (Gò Công), nêu cao tấm gương yêu nước, trung nghĩa, anh dũng cho hậu thế noi theo.

Mộ của ông được con cháu xây dựng năm 1907, trùng tu năm 2020. Mộ của ông được xây bằng gạch, chất kết dính bằng hồ ô dước, theo kiểu voi phục có diện tích 7 m^2.

Khu mộ Nguyễn Ngọc Chấn được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15 tháng 2 năm 2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

3. Khu mộ Đá Ong (Khu mộ Bà Tương)

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Khu) + Địa danh chỉ công trình xây dựng (Mộ) + Vật liệu (Đá ong).

---

[64] Việt Cúc (1999), *Gò Công cảnh cũ người xưa*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, trang 230.

Khu mộ tọa lạc tại xã Tân Tây, huyện Gò Công Đông, có diện tích khoảng 300 m²; được xây khoảng đầu thế kỷ 19, gồm có vòng thành bao quanh bằng đá ong, bức bình phong, phía sau bình phong là hai ngôi mộ được tạo tác bằng đá ong nguyên khối với chất kết dính là hồ ô dước rất chắc chắn. Bia đá của ngôi mộ phía bên trái đã mòn nên không đọc được chữ. Bia đá của ngôi mộ phía bên phải còn đọc được một số chữ, qua đó biết được nơi sinh của người mất là Bình Thuận (nay là tỉnh Bình Thuận). Phía bên ngoài còn có một ngôi mộ cũng được làm bằng đá ong nguyên khối. Chữ trên bia mộ đã mòn, chỉ còn một số chữ ghi năm lập mộ là năm Giáp Tý, đời vua Gia Long thứ 3 (1804).

Theo lời truyền của dân gian, hai ngôi mộ là của vợ chồng Bà Tương, một trong những người đầu tiên đến Gò Công khẩn hoang, lập ấp.

Khu mộ Đá Ong (Khu mộ Bà Tương) được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15 tháng 2 năm 2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

4. Khu mộ Trương Công Luận

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Khu) + Địa danh chỉ công trình xây dựng (Mộ) + Nhân vật lịch sử (Trương Công Luận).

Khu mộ Trương Công Luận thuộc thị trấn Tân Hòa, huyện Gò Công Đông.

Trương Công Luận chưa rõ năm sinh, tên thật là Bùi Luận, nguyên quán ở Quảng Ngãi, vào huyện Kiến Hòa, trấn Định Tường (nay là Gò Công, Tiền Giang) lập nghiệp.

Năm 1861, ông tham gia cuộc khởi nghĩa Trương Định, có thừa tài trí và lòng dũng cảm, lập được nhiều công trạng trong chiến đấu. Do đó, ông được đổi thành họ Trương là họ của chủ tướng Bình Tây đại tướng quân Trương Định.

Sau khi Trương Định hy sinh (20/8/1864), ông rút quân về Rạch Bùn, Tân Bình Điền (nay là xã Tân Điền, huyện Gò Công Đông). Theo quyển *Gò Công; cảnh cũ - người xưa* của Việt Cúc, đây là vùng đất có "*rừng cây rất sâu rộng ... thông lên Rạch Cùng (Tân Thành) nhờ rừng Giá và lùm bụi sầm uất, cây cối dầy đặc hiểm trở*".

Theo truyền thuyết dân gian, để có "danh chánh ngôn thuận" cho cuộc kháng chiến, ông tự xưng là Bình Tây phó tướng. Tại Rạch Bùn, dựa vào địa thế hoang hiểm, ông lập căn cứ mới, chiêu mộ thêm nghĩa dũng, vận động nhân dân quyên góp lương thực và tiền bạc, rèn đúc vũ khí, tiếp tục cuộc chiến đấu chống quân Pháp. Với lối đánh du kích, nay ẩn mai hiện, nghĩa quân do ông chỉ huy đã tiến hành các trận đánh phục kích nhằm vào những toán lính địch đi càn quét và gây cho bọn chúng nhiều thiệt hại.

Sau đó, thực dân Pháp tổ chức bao vây, phong tỏa, lùng sục và đàn áp nghĩa quân. Cuối cùng, ông sa vào tay giặc. Dụ hàng không được, ngày 06/5/1865, bọn chúng đã hèn hạ xử trảm ông tại bến sông Gò Công (nay là khu chợ trái cây ở thị xã Gò Công). Cảm thương vị anh hùng đã vị quốc quên thân, dân làng Tăng Hòa đã mang thi thể ông an táng tại Xóm Gò; đồng thời, các vị bô lão còn lập ngôi miếu thờ tại xóm Lò Gạch, hằng năm, cứ đến ngày mùng 7 tháng 6 âm lịch, tổ chức cúng tế rất long trọng.

Bia mộ của ông có chạm khắc câu đối ca ngợi nghĩa khí của ông:

Dũng tướng hầu nguyên soái.

Kiên trung dũng Trương công.

Khu mộ Trương Công Luận được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15 tháng 2 năm 2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

5. Khu mộ Nghĩa quân Trương Định

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Khu) + Địa danh chỉ công trình xây dựng (Mộ) + Danh từ (Nghĩa quân tham gia cuộc khởi nghĩa do Trương Định khởi xướng).

Khu mộ tọa lạc tại xã Tân Phước, huyện Gò Công Đông.

Ngày 19/8/1864, quyết không để quân Pháp và bọn tay sai bắt, Trương Định tuẫn tiết tại Ao Dinh. Đồng thời quân địch cũng bắt được hai nghĩa quân. Noi theo gương chủ tướng, hai nghĩa quân đã tỏ rõ khí phách anh hùng, kiên cường chịu đựng tra tấn dã man, không đầu hàng giặc. Do đó, hai nghĩa quân đã bị quân Pháp xử tử. Sau đó, cảm thương và ngưỡng phục tấm gương hy sinh anh dũng, bất khuất của hai nghĩa quân, nhân dân địa phương đã xây mộ cho hai ông, gần tại Ao Dinh, trong đó có một nghĩa quân đã xác dịnh được danh tính là Đoàn Văn Chờ.

Khu mộ Nghĩa quân Trương Định được Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15 tháng 2 năm 2000.

*** Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên địa điểm:**

Khái niệm:

Địa điểm là nơi chốn cụ thể tiến hành một hoạt động hoặc phản ánh một sự kiện, một sự việc nào đó.

1. Địa điểm Ao Dinh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Ao) + Công trình xây dựng (Dinh: có nghĩa là dinh cơ, dinh điền, nơi để ở làm ruộng hoặc lập đồn điền để khai hoang làm ruộng[65]).

Địa điểm Ao Dinh tọa lạc tại xã Tân Phước, huyện Gò Công Đông, cách trung tâm thị xã Gò Công 13 km. Ao có dạng hình chữ nhật, diện tích khoảng 2.000 m², sâu 3.5 m. Xung quanh bờ ao được trồng các loại cây, như bình bát, mãng cầu dai,... để chống sạt lỡ. Di tích có hàng rào bao quanh, một tấm bia ghi sự kiện liên quan đến ao. Đồng thời, ngành Văn hóa cũng cử một người lo việc nhang khói, coi sóc di tích.

Từ năm 1844, Trương Định từ Quảng Ngãi vào Gò Công khai khẩn đất, lập đồn điền. Xã Tân Phước xưa có một vuông đất gọi là vuông Dinh, thuộc đất dinh cơ của Trương Định. Để có nước ngọt sử dụng, người dân đã đào ao trên vuông đất đó, gọi là Ao Dinh.

Đây là nơi ghi dấu sự kiện bi tráng: Anh hùng dân tộc đã anh dũng hy sinh vì nghĩa lớn cứu nước, cứu dân. Bài văn bia tại di tích Ao Dinh ghi: Nơi đây, rạng sáng ngày 20 tháng 8 năm 1864, tên Huỳnh Văn Tấn (Đội Tấn) từng hoạt động cùng Trương Định đã phản bội, dẫn giặc Pháp về bao vây hòng bắt sống Trương Định và nghĩa quân thân cận của ông. Trương Định bị thương nặng trong cuộc tử chiến với giặc. Để không cho giặc bắt sống, ông đã rút gươm tuẫn tiết, thể hiện khí phách của người anh hùng.

Có lẽ vì là nơi Trương Định tuẫn tiết, nên Ao Dinh còn được nhân dân địa phương gọi là Ao Vinh với nghĩa "thà chết vinh hơn sống nhục"[66].

Địa điểm Ao Dinh được Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia theo Quyết định số 66/2004/QĐ-BVHTT ngày 14/6/2004.

2. Địa điểm Đám Lá Tối Trời

Đám lá tối trời ở xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông xưa là nơi cô tịch, hoang vắng, vì bao bọc nhiều lớp rừng cây dà, cây cóc, dừa nước, cây bần,… mọc chen chúc, tàng cây cao bóng rợp che khuất ánh sáng. Ban ngày vào vùng ấy như đêm tối nên gọi là "đám lá tối trời".

Năm 1863, quân Pháp chiếm Gò Công. Trương Định cùng nghĩa quân lui về

---

[65] Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Quang Ân (2007), *Địa chí Tiền Giang (tập 2)*, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tiền Giang và Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, trang 1002.

[66] Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Quang Ân (2007), *Địa chí Tiền Giang (tập 2)*, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tiền Giang và Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, trang 1002.

đây làm căn cứ chống giặc vì đây là nơi hiểm yếu. Do bọn thám tử và nội gián chỉ điểm dẫn đường, giặc Pháp vây rừng và thâm nhập Đám lá tối trời định bắt sống Trương Định. Vào lúc nửa đêm, Trương Định phá vòng vây thoát ra ngoài nhưng do trúng đạn, để không rơi vào tay giặc, ông đã tuẫn tiết. Trong *Nam Kỳ phong tục nhơn vật diễn ca*, Nguyễn Liên Phong viết:

Tiếng đồn đám lá tối trời,

Có ông Trương Định trải phơi gan vàng.

Hiềm vì cơ chưởng nam minh,

Lưỡi gươm đâm bụng liều mình như chơi.

Nên hư số hệ ở trời,

Khá đem thành bại luận người hùng anh.

Địa điểm Đám Lá Tối Trời được Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia theo Quyết định số 66/2004/QĐ-BVHTT ngày 14/6/2004.

*** Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên miệt:**

Khái niệm:

Miệt để chỉ vùng, miền, nhưng có không gian địa lý nhỏ hơn.

1. Miệt biển Gò Công

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Miệt) + Địa danh chỉ địa hình thiên nhiên (Biển) + Địa danh hành chính (Gò Công).

Miệt biển Gò Công có chiều dài 32 km bờ biển, uốn cong như hình bán nguyệt, kéo dài từ cửa Xoài Rạp trên sông Xoài Rạp ở phía Bắc đến Cửa Tiểu trên sông Tiền ở phía Nam, thuộc hai huyện Gò Công Đông và Tân Phú Đông.

Ở đây có nhiều tiềm năng về kinh tế biển, như công nghiệp cơ khí, cảng biển và dịch vụ cảng, hậu cần (logistic), khai thác, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản, du lịch sinh thái biển, bảo tồn rừng ngập mặn. Đồng thời, kết hợp phát triển kinh tế với bảo vệ an ninh, quốc phòng vùng biển và ven biển.

2. Miệt dưa cồn Đèn Đỏ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Miệt) + Thực vật (dưa cồn/dưa hấu) + Địa danh hành chính (Ấp Đèn Đỏ).

Theo Lê Hồng Quân trong bài viết *Dưa hấu Gò Công*, trong quá trình giao thương buôn bán với Cần Giờ, người dân ở Đèn Đỏ đã lấy những hạt dưa hấu về trồng trên những giồng cát pha phù sa cùng với nguồn phân cá dồi dào, của vùng quê biển đã tạo ra một đặc sản nổi tiếng ở miệt Đèn Đỏ, huyện Gò Công Đông, đó là dưa hấu, mà dân gian hay gọi "dưa cồn Đèn Đỏ". Với đặc tính ngon ngọt, lớp vỏ

ngoài xanh, mỏng, bóng mướt, ruột đỏ bên trong, ít hạt và nhất là có "cát" nên rất hấp dẫn.

Có lẽ trồng trên đất cát ven biển, hấp thụ mạch nước ngầm và hơi biển mặn mòi và được bón bằng phân cá nên dưa hấu/dưa cồn Đèn Đỏ có vị rất ngọt ngon. Dưa ở đây nổi tiếng hơn dưa ở các địa phương khác bởi vì nhiều người cho rằng chất đất ở Gò Công có chứa nhiều phân lân (kali) đã tạo cho dưa Gò Công có ruột đỏ, ngon, giòn và ngọt. Nếm miếng dưa hấu/dưa cồn Đèn Đỏ, có cảm giác như răng chưa kịp chạm thì dưa hấu đã tan quyện cùng vị ngọt thanh, vị mằn mặn với những "hạt cát dưa" lăn tăn trong miệng, chính hương vị ấy đã làm nên thương hiệu cho dưa hấu/dưa cồn Đèn Đỏ.

3. Miệt rẫy Gò Công

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Miệt) + Loại hình sản xuất nông nghiệp (Rẫy) + Địa danh hành chính (Gò Công).

"Gió đưa gió đẩy, về rẫy ăn còng". Câu hát từ lâu như một lời giới thiệu những đặc sản của miền Tây nói chung và vùng đất Gò Công (tỉnh Tiền Giang) nói riêng, trong đó có món mắm còng rất ngon và độc đáo.

Ở Gò Công, rẫy là tên gọi chung của những miền đất thấp, ven các kinh rạch, hằng năm thường bị nhiễm mặn trong một thời gian, như các xã Bình Đông, Bình Xuân thuộc huyện Gò Công Đông, cặp theo sông Soài Rạp; xã Phú Đông, xã Phú Tân, giữa hai vàm Cửa Tiểu và Cửa Đại của huyện Tân Phú Đông.

Ở đây, mỗi năm bà con chỉ có thể canh tác được một vụ lúa mùa. Bù lại, miệt rẫy lại là quê hương của các loài còng: Vó, lửa, nha... Còng "sinh con đẻ cái, cháu đống con đàn" trên các thửa ruộng quanh năm ngập nước, trong cỏ, trong đám dừa nước, dọc theo các triền kinh rạch hoặc ẩn náu trong những mô đất vào mùa khô bà con hay đắp lên giữa ruộng, nhất là những thửa ruộng gặt hái trễ sau tết. Còng từ các thửa ruộng đã gặt xong, không có chỗ ẩn nấp đổ xô vào sinh sống dưới gốc lúa. Thợ gặt ai cũng thủ sẵn một cái thùng hoặc một cái bao bắt còng bỏ vào, một chốc đã đầy thùng.

Đặc biệt, còng lột vào ngày Đoan Ngọ (mùng 5 tháng 5 âm lịch) là loại ngon nhất. Ở Tiền Giang, mắm tôm chà thì có mọi mùa trong năm, riêng mắm còng lột chỉ có vào 3 tháng. Vào khoảng tháng 5 là vào mùa còng lột, người dân men theo những bờ sông, bờ rạch chọn bắt những con còng còn mềm mang về làm nguyên liệu. Với tài chế biến tinh tế của những bà, những chị, còng lột có thể làm được rất nhiều món ăn ngon như ướp gia vị cho thấm, tẩm bột chiên vàng, hoặc rang me, ăn với bún hay cuốn rau chấm nước mắm chua ngọt, giống như ăn bánh xèo, bánh khọt.

Những lúc còng nhiều không thể sử dụng hết, bà con nghĩ tới việc làm mắm để ăn dần. Có thể nói, mắm còng là đặc sản ngon trứ danh của "miệt rẫy". Mắm còng ở cù lao Tân Thới (huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang) không thua kém bất cứ loại

mắm nổi tiếng nào của Nam bộ. Khi ăn phải cho thêm gia vị: tỏi, ớt, chanh, đường… vào mắm, kèm với thịt nướng, bún. Dĩ nhiên, không thể thiếu rau sống, chuối chát, cà dĩa, tía tô, dấp cá, giá, gừng, ớt… Tất cả những thứ đó được trộn vào nhau, tạo thành một món ăn ngon tuyệt, đậm đà hương vị dân tộc. Thức ăn được chế biến từ còng là niềm tự hào của người dân miệt rẫy.

Mắm còng lột là đặc sản danh bất hư truyền của Miệt rẫy Gò Công. Xưa, dưới thời nhà Nguyễn, mắm còng Gò Công được đưa ra Huế, vào cung đình, những quan, những bà mệnh phụ đều thích. Bà Từ Dũ, mẹ của vua Tự Đức, là người phổ biến mắm còng khắp xứ Huế. Năm nào người Gò Công cũng gửi ra Huế nhiều hũ mắm còng, được người xứ Huế xem là một trong những thức ăn thượng hạng.

4. Miệt sơ ri Gò Công

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Miệt) + Trái cây (sơ ri) + Địa danh hành chính (Gò Công).

Theo các bậc lão niên cố cựu ở Gò Công, cây sơ ri được trồng sớm nhất là tại xóm Bà Chài ở làng Bình Nghị vào đầu thế kỷ XX.

Ở Nam bộ, cây sơ ri được trồng ở một số địa phương, nhất là ở những nơi ven biển. Nhưng, ngon nhất là sơ ri được trồng ở Gò Công, bởi vì thổ nhưỡng ở đây đặc biệt thích hợp cho giống cây này. Cây sơ ri có độ cao khoảng 2 m – 2,5 m, tán tròn, cành lá rậm rạp, ít khi bị sâu đục thân. Mỗi năm, sơ ri có hai vụ chính: vụ thứ nhất, thu hoạch từ giữa tháng 6 đến đầu tháng 7; vụ thứ hai, thu hoạch vào tháng 9. Trong những năm gần đây, do chương trình "Ngọt hóa" Gò Công đã được hoàn thành và phát huy tác dụng, nên nông dân tăng cường việc tưới nước cho sơ ri vào mùa khô; và vì thế, sơ ri sẽ cho thu hoạch vào tháng 3. Nhờ đó, nông dân có thu nhập cao hơn so với vụ thu hoạch chính.

Sơ ri Gò Công cho trái sai và lớn, màu sắc đẹp (đỏ rực khi chín), cơm dày, hột nhỏ và tỏa hương thơm dìu dịu. Hàm lượng vitamin C của trái sơ ri rất cao. Vì thế, nó được xem là loại trái cây dược phẩm, có công dụng tăng sức đề kháng cho cơ thể con người, hỗ trợ trong việc chữa trị bệnh cảm cúm, mệt mỏi. Hiện tại, diện tích sơ ri ở Tiền Giang đạt khoảng 800 ha, trong đó, huyện Gò Công Đông có khoảng 600 ha, tập trung nhiều nhất tại ba xã Bình Ân, Bình Nghị và Tân Đông; thị xã Gò Công có khoảng 200 ha. Năng suất khoảng 20 tấn/ha/năm. Sơ ri Gò Công đã được đăng ký nhãn hiệu hàng hóa.

Sơ ri Gò Công rất được ưa chuộng ở thị trường trong nước, nhất là ở thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời, nó cũng được tiêu thụ mạnh ở thị trường nước ngoài, nhất là ở thị trường Nhật Bản. Năm 2004, công ty Thịnh Phát ở thị xã Gò Công đã xuất sang thị trường nước này 4.000 tấn sơ ri nguyên liệu; chiếm 30 % thị phần ở Nhật Bản. Công ty cũng đã đầu tư 25 tỷ đồng để trang bị hệ thống thiết bị tự động của châu Âu nhằm tăng năng suất và chất lượng sản phẩm chế biến. Điều này cho phép công ty tăng sản lượng thu mua, từ 15 tấn lên đến 25 tấn/ngày đối với sơ ri

loại I để phục vụ xuất khẩu. Bên cạnh đó, công ty còn trang bị dây chuyền ép nước sơ ri đóng hộp, nên có thể thu mua sơ ri với nhiều loại khác nhau. Sơ ri Gò Công đã đạt được chứng nhận VietGAP (Vietnamese Good Agricultural Practices: Thực hành sản xuất nông nghiệp tốt ở Việt Nam).

K. HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG

*** Sưu tầm, thống kê, phân loại, nghiên cứu, biên soạn địa danh sông:**

Khái niệm:

Sông: là dòng nước tự nhiên, chảy thường xuyên, có lưu lượng lớn và nguồn nước được cung cấp chủ yếu là từ các con suối hay từ các con sông nhỏ, vốn là những nơi có độ cao hơn dòng chính; lòng sông rộng, tàu thuyền lớn di chuyển dễ dàng.

1. Sông Cửa Đại

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Sông) + Địa hình thiên nhiên (Cửa biển: Chỗ sông chảy ra biển) + Từ Hán Việt chỉ kích thước (Đại: 大: To, lớn).

Sông Cửa Đại là một phân lưu của sông Tiền, chảy giữa hai tỉnh Tiền Giang và Bến Tre. Sông này được tách ra từ sông Tiền tại địa phận Cồn Tàu (xã Tam Hiệp, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre) cách cầu Rạch Miễu khoảng 10 km về phía hạ lưu, chảy về hướng Đông Nam, đổ ra Biển Đông tại Cửa Đại (tên chữ Hán: Đại Hải Môn). Sách *Gia Định thành thông chí* viết: "Cửa Đại cách trấn lỵ về phía nam 87 dặm, rộng hơn 7 dặm, nước triều lên thì sâu 27 thước, triều xuống thì sâu 23 thước, bùn lầy nhão nhoét, lòng cảng hẹp và quanh co, ghe thuyền ít ra vào[1]".

Sông Cửa Đại làm thành một đoạn ranh giới tự nhiên giữa hai tỉnh Tiền Giang và Bến Tre; phía Bắc sông là xã Phú Tân, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang, phía Nam sông là hai xã Bình Thắng và Thừa Đức của huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Sông Cửa Đại "có chiều dài khoảng 45 km, (trong đó phần thuộc Tiền Giang hơn 28 km), chiều rộng nhất của sông là 2,7 km, chỗ hẹp nhất 0,77 km và độ sâu trung bình từ 8 - 14 m. Sông chịu ảnh hưởng của chế độ bán nhật triều không đều từ Biển Đông, khi triều lên sẽ chảy ngược chiều về phía thượng lưu[2]".

Khu vực này là môi trường thuận lợi cho các loài thủy đặc sản cư ngụ, phát triển phong phú mang tính đa dạng sinh học cao. Đặc biệt, cồn Ông Mão, cồn Vạn Liễu và bãi Vượt án ngữ ngoài cửa sông từ lâu đã trở thành bãi đẻ tự nhiên của nghêu, sò huyết,... tạo điều kiện cho nghề nuôi nhuyễn thể hai mảnh vỏ tại Tiền Giang phát triển, tạo công ăn việc làm và thu nhập cho nông dân miền biển.

2. Sông Cửa Tiểu

---

[1] Trịnh Hoài Đức (1998), *Gia Định thành thông chí*, Đỗ Mộng Khương, Nguyễn Ngọc Tỉnh dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, Nxb Giáo Dục, trang 43.

[2] Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Quang Ân (2007), *Địa chí Tiền Giang (tập 2)*, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tiền Giang và Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, trang 603.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Sông) + Địa hình thiên nhiên (Cửa biển) + Từ Hán Việt chỉ kích thước (Tiểu: 小: Nhỏ).

Sông Cửa Tiểu là một phân lưu của sông Tiền, chảy qua tỉnh Tiền Giang với chiều dài khoảng 35 km, chiều rộng nhất 1,3 km, chỗ hẹp nhất 0,4 km và chiều sâu từ 8 - 12 m.

Sông chảy theo hướng Tây Đông bắt đầu từ Cồn Tàu (xã Tam Hiệp, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre), cách cầu Rạch Miễu khoảng 10 km về phía hạ lưu của sông Tiền, chảy qua các huyện Chợ Gạo, Gò Công Tây, Gò Công Đông, Tân Phú Đông của tỉnh Tiền Giang và đổ vào Biển Đông tại Cửa Tiểu (tên chữ Hán Tiểu Hải Môn), huyện Tân Phú Đông. Sách *Gia Định thành thông chí* viết: "Cửa Tiểu rộng 1 dặm rưỡi, nước triều lên thì sâu 28 thước, nước triều xuống thì sâu 23 thước[3]".

Sông chịu ảnh hưởng của chế độ bán nhật triều không đều từ Biển Đông, khi triều lên sẽ chảy ngược chiều về phía thượng lưu. Tại đây, trước đây có một ngọn hải đăng để cho tàu thuyền di chuyển trên biển vào ban đêm; về sau, do biển xâm thực vào đất liền nên hải đăng bị sạt lỡ, không còn dấu tích; hiện còn địa danh ấp Đèn Đỏ, xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông. Hiện nay, ở đây có khu du lịch biển Tân Thành và cũng là nơi nuôi nghêu nổi tiếng. Ngoài cửa sông có Cồn Ngang và Cồn Cống đã được quy hoạch thành những khu du lịch biển.

3. Sông Cửa Trung

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Sông) + Địa hình thiên nhiên (Cửa biển) + Từ Hán Việt chỉ kích thước (Trung: 中: Ở giữa).

Sông Cửa Trung nằm giữa sông Cửa Đại và sông Cửa Tiểu, dài 23 km, bắc đầu từ sông Cửa Tiểu ở xã Tân Thới, huyện Tân Phú Đông đến sông Cửa Đại tại xã Phú Thạnh cùng huyện.

*** Sưu tầm, thống kê, phân loại, nghiên cứu, biên soạn địa danh giồng:**

Khái niệm:

Giồng: âm trại của "vồng", là khoảng đất nổi cao lên giữa nơi bằng phẳng, tương đối rộng, có nhiều cát, thích hợp cho việc trồng các loại cây ăn trái và các loại hoa màu, như khoai, đậu, bắp, thuốc lá,…[4]

Giồng Keo

---

[3] Trịnh Hoài Đức (1998), *Gia Định thành thông chí*, Đỗ Mộng Khương, Nguyễn Ngọc Tỉnh dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, Nxb Giáo Dục, trang 43.

[4] Lê Trung Hoa (1991), *Địa danh Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Khoa học xã hội, trang 91.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Giồng) + Thực vật (Keo).

- Cây keo: có rất nhiều loại, ở nước ta phổ biến hai loại là keo lá tràm và keo tai tượng.

+ Keo lá tràm hay tràm bông vàng là dạng cây gỗ lớn, chiều cao có thể đạt tới 30 m. Gỗ có thể dùng trong sản xuất giấy, đồ gỗ gia dụng, công nghiệp thuộc da, than củi,…

+ Keo tai tượng là dạng cây gỗ lớn, chiều cao có thể đạt tới 30 m, được trồng rừng với mục đích chủ yếu là cải tạo môi trường sinh thái và sản xuất gỗ nhỏ, gỗ nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến bột giấy, gỗ ván dăm,...

Giồng Keo là giồng cát có nhiều cây keo mọc hoang, rộng khoảng 30 ha, tọa lạc tại xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông.

*** Sưu tầm, thống kê, phân loại, nghiên cứu, biên soạn địa danh gò:**

*** Khái niệm:**

Gò: Khoảng đất nổi cao lên giữa nơi bằng phẳng.

1. Gò Công

Có nhiều tài liệu viết về địa danh Gò Công như: *Gia Định Thành Thông Chí* của Trịnh Hoài Đức, *Gò Công xưa* của Huỳnh Minh, *Gò Công cảnh cũ người xưa* của Việt Cúc, *Tự vị tiếng nói miền Nam của* Vương Hồng Sển,... Nhưng vẫn còn nhiều tranh luận về địa danh Gò Công.

- Quyển *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức viết "Gò Công là Khổng Tước Nguyên"[5].

- Quyển *Gò Công xưa* của Huỳnh Minh đưa ra hai giả thuyết: "Thuyết thứ nhất, vào thời chúa Nguyễn Phúc Tần định cuộc di dân nam tiến thì người dân Việt Nam mới vào định cư vùng này. Lúc này Gò Công là nơi rừng rậm chưa có người ở. Đặc biệt tại xứ này có một cái gò cao và có nhiều giống chim Công nên được gọi là Gò Công từ đó. Trong sử có ghi chép một đoạn về danh từ các tỉnh như sau. Khi vua Minh Mạng ra lệnh cho các quan địa phương đổi tên Nôm các tỉnh thành chữ Nho cho tao nhã thì Gò Công có tên là Khổng Tước Nguyên (Khổng Tước: là con công, Nguyên: là gò), Đồng Nai đổi thành Lộc Dã, Bến Tre đổi thành Trúc Giang, Sóc Trăng đổi thành Nguyệt Giang,…

Thuyết thứ hai, lần đầu tiên tại xứ này có một bà tên là Thị Công đến lập quán bán thức ăn cho dân khai thác đồn điền. Lần hồi, thấy Gò Công là nơi dễ sinh sống nên dân chúng thành lập làng mạc. Số người ở ngày càng đông do đó dân địa

[5] Trịnh Hoài Đức (1998), *Gia Định thành Thông chí*, Đỗ Mộng Khương, Nguyễn Ngọc Tỉnh dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, Nxb Giáo Dục, trang 43.

phương quen gọi là quán Bà Công đến sau trở thành một địa danh vắn tắt là Gò Công"[6].

- Quyển *Gò Công cảnh cũ người xưa* của Việt Cúc: "Gò Công thuở xưa như một bán đảo hoang, bao bọc bởi rừng cây và sông to bể cả, ba phía. Trung tâm của tỉnh là một gò đất cao ráo, nằm kề bên ngọn rạch rẽ nhánh chia đôi ra làm hai khu vực: Nam và Bắc. Thuở chưa khai phá, vùng đất này rậm rạp nhiều gai chông. Loài chim công chiếm cứ làm tổ rất êm nên gọi là Khổng Tước Nguyên, tức là gò Chim Công"[7].

- Quyển *Tự vị tiếng nói miền Nam* của Vương Hồng Sển cũng viết: có hai thuyết về Gò Công, người Khmer gọi là Srok kompong kakol. Quyển Lexique Francais Cambodgien A. Pannentier thì Pháp gọi chim công là paon, Khmer gọi là "kâ ngôk" chưa đúng là "kaoh". Tự điển Khmer Pháp J.B.Bernard không có chữ "kaol", lại có chữ "dòm kâko": cây mun mà Gò Công có trước đây rất nhiều. Nhưng đồng thời, tác giả cũng ghi nhận Gò Công là "Khổng Tước Nguyên"[8].

- Quyển *Địa chí Tiền Giang* lý giải về địa danh Gò Công như sau: "Gò Công tên chữ là Khổng tước nguyên, có nghĩa là gò chim công. Có người cho rằng, Gò Công là vùng đồng bằng thì làm gì có loại chim công - loài chim chỉ sống vùng rừng núi. Có thể Gò Công gốc là một địa danh ở Trao Trảo (Thủ Đức) đưa xuống (tương tự như trường hợp dân đánh cá đã đem địa danh Gò Công đặt cho một con sông gần mũi Cà Mau). Do vậy, giới thương hồ ngày xưa có thói quen phân biệt Gò Công - Trao Trảo (Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh) với Gò Công - Rạch Lá (Gò Công, tỉnh Tiền Giang)"[9].

Qua các dữ liệu trên, chúng tôi nhận thấy đa số các tác giả đều nghiêng về thuyết: Gò Công là gò Chim Công mà dân gian đã nói tắt thành Gò Công, tên chữ Hán Nôm là Khổng Tước Nguyên. Theo cách giải thích này, địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Động vật (Chim công: là loài chim thuộc họ Trĩ, chi Công, tên chữ Hán Nôm là Khổng tước, chim công đực có màu sắc rất đẹp).

Về hành chính, năm 1820, toàn bộ vùng đất Gò Công ngày nay thuộc huyện Kiến Hòa, trấn Định Tường. Năm 1831, thuộc huyện Kiến Hòa, tỉnh Định Tường. Năm 1841, thuộc huyện Tân Hòa, tỉnh Gia Định.

Năm 1864, thuộc hạt thanh tra Tân Hòa. Năm 1867, đổi tên thành hạt thanh tra Gò Công. Năm 1876, thuộc hạt tham biện Gò Công. Năm 1900, tỉnh Gò Công được thành lập. Năm 1913, giải thể tỉnh Gò Công, trở thành quận Gò Công thuộc

---

[6] Huỳnh Minh (2001), *Gò Công xưa*, Nxb Thanh Niên, trang 9.
[7] Việt Cúc (1999), *Gò Công cảnh cũ người xưa*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, trang 17.
[8] Vương Hồng Sển (1999), *Tự vị tiếng nói miền Nam*, Nxb Trẻ, 1999, trang 337 - 338.
[9] Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Quang Ân (2007), *Địa chí Tiền Giang (tập 2)*, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tiền Giang và Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, trang 573.

tỉnh Mỹ Tho. Năm 1924, tái lập tỉnh Gò Công. Năm 1956, sáp nhập tỉnh Gò Công vào tỉnh Định Tường. Năm 1963, tái lập tỉnh Gò Công, tồn tại đến năm 1975.

Về phía chính quyền cách mạng, năm 1951, Ủy ban Kháng chiến Hành chánh Nam Bộ ra Quyết định sáp nhập 3 tỉnh: Mỹ Tho, Tân An, Gò Công thành một tỉnh có tên là tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công trở thành huyện Gò Công. Sau năm 1954, lại trả về 3 tỉnh như cũ, trong đó có tỉnh Gò Công. Năm 1957, sáp nhập tỉnh Gò Công vào tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công thành huyện Gò Công. Năm 1968, tái lập tỉnh Gò Công, tồn tại đến năm 1975.

Năm 1976, hợp nhất tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công, thành phố Mỹ Tho thành tỉnh Tiền Giang, tỉnh Gò Công thành huyện Gò Công. Năm 1979, tách huyện Gò Công thành huyện Gò Công Đông và huyện Gò Công Tây. Năm 1987, tái lập thị xã Gò Công. Năm 2008, tách một số xã của huyện Gò Công Đông và huyện Gò Công Tây thành lập huyện Tân Phú Đông. Như vậy, kể từ năm 2008, vùng đất Gò Công xưa có 4 đơn vị hành chính là thị xã Gò Công, huyện Gò Công Đông, huyện Gò Công Tây và huyện Tân Phú Đông.

*** Địa danh có nguồn gốc Khmer, gốc Mã Lai, gốc Pháp:**

Địa danh Việt có gốc Mã Lai:

Khái niệm Cù lao:

Cù lao: gọi trại từ Tiếng Mã Lai - Pulaw[10], có nghĩa là vùng đất nổi trên sông, trên biển, lớn hơn cồn[11].

Cù lao Lợi Quan

Tên gọi Lợi Quan xuất hiện vào khoảng năm 1850 khi vua Tự Đức cho thiết lập một trạm thu thuế đặt tại đây: Trạm Lợi Quan. Ngoài tên Lợi Quan, cù lao này còn được gọi là cù lao Tân Thới, cù lao Phú Thạnh Đông, tọa lạc tại nơi giáp nhau giữa cửa Tiểu và cửa Đại của sông Tiền đổ ra biển, thuộc huyện Tân Phú Đông. Cù lao có diện tích tự nhiên khoảng 18 km², chiều dài khoảng 35 km, chiều ngang chỗ rộng nhất khoảng 6 km.

*** Địa hình thiên nhiên, thực vật:**

1. Ấp Bãi Bùn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Địa hình thiên nhiên (Bãi) + Vật chất (Bùn: là đất lẫn với nước thành một chất sền sệt).

---

[10] Lê Trung Hoa (2018), *Địa danh học Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, trang 71.

[11] Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Quang Ân (2007), *Địa chí Tiền Giang (tập 2)*, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tiền Giang và Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, trang 551.

Ấp Bãi Bùn thuộc xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông, là tổ chức dân cư mà nơi đây xưa kia có một cái bãi do được phù sa bồi đắp nên đầy bùn sình, lầy lội.

Ấp Bãi Bùn đông giáp ấp Giồng Keo, cùng xã, tây giáp ấp Kinh Nhiếm, cùng xã, bắc giáp ấp Tân Phú, cùng xã, nam giáp sông Cửa Trung; diện tích tự nhiên 183 ha; dân số (năm 2019): 1.110 người, nam 536, nữ 574; được công nhận ấp văn hóa.

2. Ấp Cồn Cống

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Địa hình thiên nhiên (Cồn) + Công trình xây dựng (Cống).

Ấp Cồn Cống thuộc xã Phú Tân, huyện Tân Phú Đông, là tổ chức dân cư mang tên Cồn Cống.

Ấp Cồn Cống đông giáp Biển Đông, tây giáp ấp Phú Hữu, cùng xã, bắc giáp sông Cửa Tiểu, nam giáp sông Cửa Đại; diện tích tự nhiên 760 ha; dân số (năm 2019): 246 người, nam 126, nữ 120; được công nhận ấp văn hóa.

3. Ấp Gảnh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Địa hình thiên nhiên (Gảnh: do từ Gành gọi trại, là tên gọi để chỉ một đoạn của dòng sông mà nơi đáy sông có độ dốc tương đối cao, làm cho nước chảy xiết rất mạnh).

Ấp Gảnh thuộc xã Phú Đông, huyện Tân Phú Đông, là tổ chức dân cư mà tại đây nước của đoạn sông Cửa Tiểu (phía bắc) và sông Cửa Đại (phía nam) chảy rất xiết.

Ấp Gảnh đông giáp ấp Bà Từ, xã Phú Tân, tây giáp ấp Lý Quàn 2, cùng xã, bắc giáp sông Cửa Tiểu, nam giáp sông Cửa Đại; diện tích tự nhiên 372 ha; dân số (năm 2019): 1.172 người, nam 597, nữ 575; được công nhận ấp văn hóa.

4. Ấp Giồng Keo

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Địa hình thiên nhiên (Giồng) + Thực vật (Cây keo).

Ấp Giồng Keo thuộc xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông, là tổ chức dân cư mà xưa kia nơi đây là giồng cát có nhiều cây keo.

Ấp Giồng Keo đông giáp ấp Cả Thu 2, cùng xã, tây giáp ấp Bãi Bùn, cùng xã, bắc giáp ấp Cả Thu 1, cùng xã, nam giáp sông Cửa Trung; diện tích tự nhiên 222 ha; dân số (năm 2019): 1.155 người, nam 557, nữ 598; được công nhận ấp văn hóa.

5. Cầu Tre

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Thực vật (Cây tre: là cây thân gỗ lâu năm, rỗng ruột và mang rễ chùm. Thân tre chia

thành các đốt. Cây tre trong tự nhiên có thể mọc thành cụm hoặc mọc dài thành lũy (lũy tre). Cây tre là một phần trong văn hóa của người Việt, có nhiều công dụng: vật liệu xây dựng, ẩm thực, làm một số vật dụng,…).

Cầu Tre là nơi có nhiều bụi tre, nằm trên Đường huyện 7, dài 39m, ngang 6 m, kết cấu bê tông cốt thép, bắc qua rạch Bà Tiên, thuộc xã Phú Đông, huyện Tân Phú Đông.

6. Cầu Ván (xã Tân Phú, huyện Tân Phú Đông)

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Vật liệu làm cầu (Ván).

Lúc mới xây dựng, cầu được làm bằng ván gỗ. Cầu nằm trên Đường huyện 7, dài 27m, ngang 4 m, kết cấu bê tông cốt thép, bắc qua cặp đê bao Phú Đông, thuộc xã Tân Phú, huyện Tân Phú Đông.

*** Địa hình thiên nhiên, động vật:**

1. Ấp Kinh Nhiếm

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Công trình xây dựng (Kênh/Kinh) + Động vật (Nhiếm: do Nhím gọi trại mà ra, là loài động vật gặm nhấm, lông là những chiếc gai nhọn, khi gặp nguy hiểm, những chiếc gai nhọn này dựng đứng để tự bảo vệ, bao tử nhím khi ngâm rượu là vị thuốc chữa bệnh đau bao tử, lông được dùng làm đồ mỹ nghệ).

Kinh Nhiếm là con kinh chảy qua nơi có nhiều con nhím. Ấp Kinh Nhiếm thuộc xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông, là tổ chức dân cư mang tên Kinh Nhiếm.

Ấp Kinh Nhiếm đông giáp ấp Bãi Bùn, cùng xã, tây giáp ấp Tân An, xã Tân Phú, bắc giáp ấp Láng Biển, cùng xã, cùng xã, nam giáp sông Cửa Trung, bắc giáp sông Cửa Tiểu; diện tích tự nhiên 272 ha; dân số (năm 2019): 1.097 người, nam 534, nữ 563; được công nhận ấp văn hóa.

2. Cầu Cá Thu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Động vật (Cá thu: là một trong các loại cá biển có thịt thơm ngon, dồi dào nguồn đạm và chất béo, rất bổ dưỡng).

Cầu Cá Thu là nơi mua bán cá thu, nằm trên Đường tỉnh 877B, được xây dựng lại năm 1987, dài 16 m, kết cấu bê tông cốt thép, bắc qua rạch Hai Sanh, thuộc xã Phú Tân, huyện Tân Phú Đông.

3. Cầu Rạch Cò

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa hình tự nhiên (Rạch) + Động vật (Cò).

Cầu Rạch Cò là tên gọi cây cầu nằm trên Đường tỉnh 877B, dài 24 m, bắc qua Rạch Cò là nơi có nhiều con cò sinh sống, thuộc xã Tân Thới, huyện Tân Phú Đông, xây dựng vào năm 1982, sau đó xây dựng lại năm 2004 - 2005.

*** Địa danh chỉ đơn vị hành chính:**

Tỉnh Tiền Giang

Diễn tiến hành chính

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta đã hoàn toàn thắng lợi vào ngày 30-4-1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Ngày 20-9-1975, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 245-NQ/TƯ về việc giải thể cấp khu, hợp nhất tỉnh trong toàn quốc "nhằm xây dựng các tỉnh thành những đơn vị kinh tế, kế hoạch và đơn vị hành chính có khả năng giải quyết đến mức cao nhất những yêu cầu về đẩy mạnh sản xuất, tổ chức đời sống vật chất, văn hóa của nhân dân, về củng cố quốc phòng, bảo vệ trị an, và có khả năng đóng góp tốt nhất vào sự nghiệp chung của cả nước". Theo Nghị quyết này, 4 tỉnh Mỹ Tho, Gò Công, Long An, Bến Tre sẽ hợp lại thành một tỉnh, tên gọi sẽ do địa phương đề nghị lên. Nhưng ngày 20-12-1975, Bộ Chính trị lại ra Nghị quyết số 19/NQ điều chỉnh lại việc hợp tỉnh ở miền Nam Việt Nam cho sát với tình hình thực tế, theo đó tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công và thành phố Mỹ Tho hợp lại thành một tỉnh. Ngày 24-2-1976, Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ban hành Nghị quyết số 03-NQ/1976 về việc giải thể khu, hợp nhất tỉnh ở miền Nam Việt Nam. Theo Nghị quyết này tại miền Nam có 21 đơn vị trực thuộc Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, trong đó có tỉnh Tiền Giang do nhập tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công và thành phố Mỹ Tho.

Tỉnh Tiền Giang bấy giờ có 6 đơn vị hành chính trực thuộc là các huyện: Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công và thành phố Mỹ Tho. Tỉnh lỵ là thành phố Mỹ Tho, được công nhận là đô thị loại 3 trực thuộc tỉnh.

Sau đó, trên địa bàn tỉnh Tiền Giang có những sự điều chỉnh về hành chính như sau:

Ngày 26-3-1977, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 77-CP về việc chuyển thị xã Gò Công thuộc tỉnh Tiền Giang thành thị trấn Gò Công thuộc huyện Gò Công cùng tỉnh.

Ngày 12-4-1979, trên địa bàn huyện Cai Lậy, xã Thạnh Phú chia thành 2 xã mới Thạnh Lộc và Phú Cường, hợp nhất 2 xã Hội Sơn, Xuân Sơn thành xã Hội Xuân; trên địa bàn huyện Cái Bè, chia xã Hậu Mỹ Nam thành 2 xã Hậu Mỹ Phú, Hậu Mỹ Trinh; chia xã Hậu Mỹ Bắc thành 2 xã Hậu Mỹ Bắc A, Hậu Mỹ Bắc B; chia xã Mỹ Thiện thành 2 xã Thiện Trí, Thiện Trung; chia xã Thanh Hưng thành 2 xã Tân Thanh, Tân Hưng; chia xã Mỹ Lợi thành 2 xã Mỹ Lợi A, Mỹ Lợi B.

Ngày 13-4-1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 155-CP về việc chia huyện Gò Công thành huyện Gò Công Đông và huyện Gò Công Tây.

Như vậy, đến tháng 4-1979, tỉnh Tiền Giang có 7 đơn vị hành chính trực thuộc là các huyện: Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây và thành phố Mỹ Tho.

Ngày 13-2-1987, giải thể xã Tăng Hòa để thành lập thị trấn Tân Hòa là thị trấn huyện lỵ Gò Công Đông.

Ngày 16-2-1987, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 37-HĐBT về việc thành lập thị xã Gò Công trực thuộc tỉnh Tiền Giang trên cơ sở thị trấn Gò Công cũ và 1 phần diện tích và dân số của 2 huyện Gò Công Đông, Gò Công Tây.

Như vậy, đến tháng 2-1987, tỉnh Tiền Giang có 8 đơn vị hành chính trực thuộc là: thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây.

Ngày 23-11-1990, lập xã mới Mỹ Tân thuộc huyện Cái Bè trên cơ sở các phần đất và dân số tách từ các xã Mỹ Trung, Mỹ Lợi B, Mỹ Đức Tây và Nông trường Ngô Văn Nhạc.

Ngày 9-3-1992, trích 1 phần diện tích và dân số xã Phú Đông, huyện Gò Công Đông để thành lập xã Phú Tân.

Ngày 11-7-1994, Chính phủ ban hành Nghị định số 68-CP về việc thành lập huyện Tân Phước trên cơ sở tách một phần diện tích và dân số của của 2 huyện Cai Lậy và Châu Thành.

Như vậy, đến tháng 7-1994, tỉnh Tiền Giang có 9 đơn vị hành chính trực thuộc là: thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phước.

Ngày 14-1-2002, lập xã mới Tân Thạnh thuộc huyện Gò Công Tây trên cơ sở các phần đất tách từ các xã Tân Phú, Tân Thới và Phú Thạnh; tái lập xã Tăng Hòa thuộc huyện Gò Công Đông trên cơ sở phần đất và dân số tách từ thị trấn Tân Hòa.

Ngày 9-12-2003, lập phường Tân Long thuộc thành phố Mỹ Tho do cải biến xã Tân Long; lập phường 9 do tách một phần đất và dân số từ xã Tân Mỹ Chánh; lập phường 10 do tách một phần đất và dân số từ 2 xã Đạo Thạnh và Trung An; lập phường 5 thuộc thị xã Gò Công do tách một phần đất và dân số từ xã Long Hòa; chia xã Hội Cư của huyện Cái Bè thành 2 xã An Cư và Mỹ Hội.

Ngày 07-10-2005, Thủ tướng chính phủ ban hành Quyết định số 248/2005/QĐ-TTg về việc công nhận thành phố Mỹ Tho là đô thị loại 2 trực thuộc tỉnh.

Ngày 21-01-2008, Chính phủ ban hành Nghị định số 09/2008/NĐ-CP, về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Gò Công Đông và Gò Công Tây để mở rộng

thị xã Gò Công và thành lập huyện Tân Phú Đông. Theo đó, huyện Tân Phú Đông bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên và nhân khẩu của các xã: Tân Thới, Tân Phú, Phú Thạnh, Tân Thạnh của huyện Gò Công Tây và toàn bộ diện tích tự nhiên và nhân khẩu của xã Phú Đông và xã Phú Tân của huyện Gò Công Đông.

Như vậy, đến tháng 01-2008, tỉnh Tiền Giang có 10 đơn vị hành chính trực thuộc là: thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phước và Tân Phú Đông.

Ngày 29-6-2009, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 28/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Châu Thành, huyện Chợ Gạo để mở rộng địa giới hành chính thành phố Mỹ Tho; điều chỉnh địa giới hành chính xã, thành lập xã thuộc thành phố Mỹ Tho, huyện Châu Thành, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 30-9-2010, thành lập thị trấn Vàm Láng thuộc huyện Gò Công Đông.

Ngày 26-12-2013, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 130/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Cai Lậy để thành lập thị xã Cai Lậy và huyện Cai Lậy.

Như vậy, đến tháng 12-2013, tỉnh Tiền Giang diện tích là 250.830,36 ha, dân số có 1.712.547 người, gồm 01 thành phố (Mỹ Tho), 02 thị xã (Cai Lậy và Gò Công), 08 huyện (Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phú Đông và Tân Phước), 157 xã, phường, thị trấn (128 xã, 22 phường, 7 thị trấn). Cụ thể như sau:

TT	Xã, phường, thị trấn	Diện tích (ha) (Dấu , là ngàn; dấu . là số lẻ)	Dân số (người)
I	**Huyện Cái Bè**	**42,089.82**	**291,627**
1	Thị trấn Cái Bè	426.26	16,856
2	An Thái Đông	728.12	9,834
3	Hậu Mỹ Phú	1,120.44	7,306
4	An Cư	1,142.82	14,211

5	Hậu Thành	1,163.09	14,354
6	Mỹ Đức Đông	1,208.66	9,445
7	Thiện Trí	1,314.59	9,210
8	Mỹ Hội	1,377.24	8,383
9	An Hữu	1,411.36	17,263
10	Hoà Hưng	1,540.34	15,335
11	Mỹ Lương	1,608.97	10,370
12	Tân Thanh	1,634.06	10,427
13	Mỹ Tân	1,736.26	4,893
14	Mỹ Lợi A	1,747.61	10,298
15	Đông Hoà Hiệp	1,781.23	14,023
16	Tân Hưng	1,888.60	12,282
17	An Thái Trung	1,911.87	14,901
18	Mỹ Lợi B	1,912.95	7,414
19	Mỹ Đức Tây	1,975.46	13,965
20	Hậu Mỹ Bắc B	1,977.17	10,480

21	Thiện Trung	2,018.96	8,991
22	Hoà Khánh	2,253.21	20,142
23	Mỹ Trung	2,416.47	8,347
24	Hậu Mỹ Bắc A	2,626.04	12,787
25	Hậu Mỹ Trinh	3,168.04	10,110
II	**Huyện Cai Lậy**	**29,599.36**	**186,583**
1	Hiệp Đức	1,013.78	5,977
2	Mỹ Thành Bắc	1,748.73	8,075
3	Cẩm Sơn	1,241.58	8,009
4	Hội Xuân	1,168.68	8,880
5	Mỹ Long	1,280.75	9,158
6	Phú Nhuận	1,363.58	9,206
7	Thạnh Lộc	2,384.06	11,298
8	Long Tiên	1,644.10	12,001
9	Long Trung	1,511.30	12,141
10	Phú Cường	3,259.79	12,733

11	Mỹ Thành Nam	2,179.25	12,652
12	Tân Phong	2,469.99	12,594
13	Phú An	1,577.08	15,149
14	Ngũ Hiệp	2,780.00	16,117
15	Tam Bình	2,081.75	16,383
16	Bình Phú	1,894.94	16,210
III	**Thị xã Cai Lậy**	**14,018.95**	**123,775**
1	Phường 1	220.53	11,427
2	Phường 2	349.19	5,416
3	Phường 3	335.75	3,323
4	Phường 4	203.74	6,039
5	Phường 5	255.62	7,499
6	Phường Nhị Mỹ	553.84	4,586
7	Thanh Hoà	672.58	5,061
8	Tân Phú	826.44	5,410
9	Phú Quí	835.34	6,405

10	Mỹ Hạnh Trung	996.26	7,251
11	Mỹ Hạnh Đông	1,609.86	8,617
12	Nhị Quí	787.70	10,422
13	Tân Bình	900.93	5,669
14	Tân Hội	1,375.81	11,029
15	Mỹ Phước Tây	2,029.64	13,200
16	Long Khánh	2,065.72	12,421
IV	**Huyện Châu Thành**	**22,991.09**	**242,757**
1	Thị trấn Tân Hiệp	74.49	4,995
2	Dưỡng Điềm	341.58	6,192
3	Hữu Đạo	469.64	4,570
4	Tân Lý Tây	509.46	11,148
5	Thạnh Phú	733.81	9,686
6	Đông Hoà	758.96	9,530
7	Song Thuận	783.92	6,442
8	Bình Trưng	893.71	9,140

9	Phú Phong	900.03	6,980
10	Tân Hội Đông	913.62	7,589
11	Long An	591.85	9,258
12	Bàn Long	925.63	8,352
13	Tân Hương	1,103.29	15,170
14	Bình Đức	755.29	13,215
15	Kim Sơn	1,169.09	10,085
16	Thân Cửu Nghĩa	1,244.81	19,201
17	Điềm Hy	1,429.48	9,020
18	Long Hưng	1,475.67	12,355
19	Tân Lý Đông	1,555.24	14,275
20	Long Định	1,779.10	14,359
21	Nhị Bình	1,889.68	16,930
22	Tam Hiệp	2,121.40	14,015
23	Vĩnh Kim	571.34	10,250
V	**Huyện Tân Phước**	**33,321.74**	**57,561**

1	Thị trấn Mỹ Phước	279.40	2,792
2	Phú Mỹ	1,340.10	7,862
3	Tân Lập 2	1,647.54	2,278
4	Tân Hoà Thành	1,747.22	9,847
5	Thạnh Hoà	2,533.85	842
6	Tân Hoà Đông	2,677.93	1,593
7	Thạnh Mỹ	2,832.35	2,134
8	Tân Lập 1	2,870.98	5,549
9	Thạnh Tân	3,319.80	1,892
10	Hưng Thạnh	3,348.75	6,836
11	Tân Hoà Tây	3,352.21	4,257
12	Phước Lập	3,475.54	8,936
13	Mỹ Phước	3,896.07	2,743
VI	**Thành phố Mỹ Tho**	**8,154.10**	**220,014**
1	Phường 1	77.71	7,994
2	Phường 2	70.81	13,743

3	Phường 3	54.11	10,452
4	Phường 4	79.36	16,570
5	Phường 5	271.77	20,653
6	Phường 6	311.30	23,448
7	Phường 7	40.15	9,128
8	Phường 8	69.70	11,954
9	Phường 9	237.57	7,116
10	Phường 10	282.90	10,477
11	Phường Tân Long	272.79	3,470
12	Đạo Thạnh	1,031.47	15,866
13	Trung An	1,063.03	21,667
14	Tân Mỹ Chánh	931.59	12,271
15	Mỹ Phong	1,130.60	16,534
16	Phước Thạnh	1,017.60	12,291
17	Thới Sơn	1,211.64	6,380
VII	**Huyện Chợ Gạo**	**23,256.81**	**178,803**

1	Thị trấn Chợ Gạo	307.67	7,525
2	Hoà Tịnh	704.65	6,286
3	Bình Phan	1,059.00	7,039
4	Tân Bình Thạnh	1,126.85	7,555
5	Trung Hoà	1,077.76	6,452
6	Song Bình	932.58	8,055
7	Phú Kiết	1,154.46	9,942
8	Đăng Hưng Phước	1,476.48	11,151
9	Tân Thuận Bình	1,225.72	10,323
10	Long Bình Điền	1,192.33	11,875
11	Mỹ Tịnh An	1,143.39	8,782
12	Quơn Long	1,330.55	9,538
13	Thanh Bình	1,399.60	9,535
14	Hoà Định	1,359.25	8,136
15	Lương Hoà Lạc	1,007.99	12,477
16	Xuân Đông	1,514.64	8,666

17	An Thạnh Thuỷ	1,573.59	12,503
18	Bình Phục Nhứt	1,805.76	12,358
19	Bình Ninh	1,864.54	10,605
VIII	**Huyện Gò Công Tây**	**18,220.53**	**131,252**
1	Thành Công	810.52	5,934
2	Yên Luông	1,049.62	8,347
3	Bình Phú	1,321.53	7,569
4	Long Vĩnh	1,221.50	7,455
5	Đồng Sơn	1,483.55	8,844
6	Thạnh Trị	1,426.25	9,676
7	Bình Tân	1,669.13	10,368
8	Bình Nhì	1,375.49	11,750
9	Đồng Thạnh	1,567.52	10,351
10	Vĩnh Hựu	1,908.62	11,450
11	Thạnh Nhựt	1,783.72	12,821
12	Long Bình	1,839.67	15,055

13	Thị Trấn Vĩnh Bình	763.41	11,632
IX	**Huyện Gò Công Đông**	**26,768.16**	**142,797**
1	Thị trấn Tân Hoà	325.01	6,830
2	Tân Điền	2,002.19	7,182
3	Tăng Hoà	1,745.67	9,836
4	Phước Trung	2,103.03	10,201
5	Bình Ân	1,337.50	9,855
6	Tân Đông	1,137.91	10,002
7	Bình Nghị	1,319.05	11,176
8	Gia Thuận	1,912.06	6,066
9	Kiểng Phước	4,038.74	15,178
10	Tân Phước	2,194.76	13,857
11	Tân Thành	6,618.98	13,976
12	Thị trấn Vàm Láng	600.00	14,302
13	Tân Tây	1,433.26	14,336
X	**Thị xã Gò Công**	**10,198.49**	**96,877**

1	Phường 1	45.35	5,625
2	Phường 2	71.33	7,673
3	Phường 3	109.71	5,656
4	Phường 4	137.66	6,507
5	Phường 5	160.00	4,623
6	Long Hưng	657.22	5,241
7	Long Hoà	642.64	6,211
8	Long Chánh	768.26	5,584
9	Long Thuận	615.32	6,553
10	Bình Đông	2,244.87	13,776
11	Bình Xuân	2,786.41	16,056
12	Tân Trung	1,959.72	13,372
XI	**Huyện Tân Phú Đông**	**22,211.31**	**40,501**
1	Phú Thạnh	2,232.10	7,769
2	Tân Thới	2,138.26	10,248
3	Tân Phú	2,025.49	8,708

4	Tân Thạnh	2,237.03	4,374
5	Phú Tân	10,629.13	3,472
6	Phú Đông	2,949.30	5,930

Nguồn: Cổng Thông tin điện tử tỉnh Tiền Giang

Ngày 05-02-2016, Thủ tướng chính phủ ban hành Quyết định số 242/QĐ-TTg về việc công nhận thành phố Mỹ Tho là đô thị loại 1 trực thuộc tỉnh Tiền Giang.

Theo thống kê năm 2018, Tiền Giang có diện tích 2.087,315 km^2; dân số 1.763.237 người; 11 đơn vị hành chính cấp huyện (01 thành phố, 02 thị xã, 08 huyện), 173 đơn vị hành chính cấp xã (07 thị trấn, 22 phường và 144 xã).

Đơn vị hành chính	**TP Mỹ Tho**	**TX Cai Lậy**	**TX Gò Công**	**H. Cái Bè**	**H. Cai Lậy**	**H. Châu Thành**
Diện tích (km^2)	81,541	140,189	101,985	420,898	295,993	229,910
Dân số (người)	270.704	23.775	96.877	291.627	242.757	186.583
Mật độ dân (người/km^2)	3320	883	950	693	630	1056

Đơn vị hành chính	**H. Chợ Gạo**	**H. Gò Công Đông**	**H. Gò Công Tây**	**H. Tân Phú Đông**	**H. Tân Phước**
Diện tích (km^2)	232,568	267,681	182,205	222,113	333,217
Dân số (người)	178.803	142.797	131.252	40.501	57.561

Mật độ dân (người/km^2)	769	533	720	182	172

Nguồn: Cổng Thông tin điện tử tỉnh Tiền Giang

Năm 2021, tỉnh Tiền Giang có 11 đơn vị hành chính cấp huyện (01 thành phố (Mỹ Tho, đô thị loại 1), 02 thị xã (Cai Lậy và Gò Công, đều đô thị loại 3) và 8 huyện (Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Tân Phước, Chợ Gạo, Gò Công Tây, Gò Công Đông và Tân Phú Đông) với 172 đơn vị hành chính cấp xã (07 thị trấn, 22 phường và 143 xã).

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tính đến ngày 01-8-2021, dân số toàn tỉnh đạt 1.783.165 người, mật độ dân số đạt 710 người/km². Trong đó dân số sống tại thành thị đạt 247.742 người, chiếm 14% dân số toàn tỉnh, dân số sống tại nông thôn đạt 1.516.443 người, chiếm 86% dân số. Dân số nam đạt 865.821 người, trong khi đó nữ đạt 898.364 người. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 15%.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn địa danh huyện, xã, thị trấn thuộc huyện Tân Phú Đông:**

1. Huyện Tân Phú Đông

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

Tân: 新: Mới mẻ; Phú富: Giàu có; Đông: 東: Phía đông.

新 Tân: Mới mẻ

富 Phú: Giàu có

東 Đông: Phía đông

縣 Huyện: Đơn vị hành chính dưới tỉnh; trên xã. thôn

新富東縣 Tân Phú Đông Huyện

Vị trí địa lý:

Huyện Tân Phú Đông nằm ở phía đông nam tỉnh Tiền Giang, phía Đông giáp Biển Đông; phía Tây và phía Nam giáp huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre; phía Bắc giáp huyện Chợ Gạo, huyện Gò Công Tây và huyện Gò Công Đông.

Diện tích tự nhiên: 22.311,26 ha.

Hành chính:

Huyện có 6 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm các xã: Phú Đông, Phú Tân, Tân Thới, Tân Phú, Tân Thạnh và Phú Thạnh.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, dưới đời vua Gia Long, vùng đất cù lao Lợi Quan hiện nay tương ứng với 4 thôn: Tân Phong, Miễu Ông, Hòa Thới và Phú Thạnh Đông thuộc tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, dưới đời vua Minh Mạng, trên cù lao Lợi Quan có 4 thôn: Tân Phong, Từ Linh (tên cũ là thôn Miễu Ông), Hòa Thới và Phú Thạnh Đông thuộc tổng Hòa Hằng, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường. Năm 1848, đời vua Tự Đức, do kiêng húy thái hậu Từ Dụ/Từ Dũ (Phạm Thị Hằng) nên tổng Hòa Hằng đổi tên thành tổng Hòa Quới.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị, năm 1867, toàn bộ cù lao Lợi Quan thuộc tổng Hòa Quới, hạt Thanh tra Gò Công). Lúc này, ba làng Tân Phong, Từ Linh và Hòa Thới được nhập lại thành một làng mới lấy tên là Tân Thới; làng Phú Thạnh Đông được giữ nguyên. Từ đó, địa phận cù lao Lợi Quan chỉ còn hai là làng là Tân Thới và Phú Thạnh Đông. Năm 1871, hai làng Tân Thới và Phú Thạnh Đông thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, hạt Tham biện Gò Công. Năm 1876, hai làng này thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, Tiểu khu hành chính Gò Công. Năm 1900, hai làng Tân Thới và Phú Thạnh Đông thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công. Năm 1913, hai làng Tân Thới và Phú Thạnh Đông thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, quận Gò Công, tỉnh Mỹ Tho. Từ năm 1924 -1954, hai làng Tân Thới và Phú Thạnh Đông thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công.

Về phía chính quyền Cách mạng, từ năm 1945-1954, "làng" được gọi là "xã"; bãi bỏ cấp "tổng". Theo đó, từ năm 1945-1951, hai xã Tân Thới và Phú Thạnh Đông thuộc tỉnh Gò Công; từ năm 1951-1954, khi tỉnh Mỹ Tho (mới) được thành lập, còn gọi là tỉnh Mỹ Tân Gò, hai xã Tân Thới và Phú Thạnh Đông thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho.

Từ năm 1954-1975, về phía chính quyền Sài Gòn, năm 1955, hai làng Tân Thới và Phú Thạnh Đông thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, quận Hòa Đồng tỉnh Gò Công. Năm 1956, "làng" được gọi là "xã"; tỉnh Gò Công và tỉnh Mỹ Tho được hợp nhất thành tỉnh Định Tường; hai xã Tân Thới và Phú Thạnh Đông thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, quận Hòa Đồng, tỉnh Định Tường. Năm 1963, tỉnh Gò Công được tái lập; hai xã Tân Thới và Phú Thạnh Đông thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, quận Hòa Đồng, tỉnh Gò Công. Năm 1965, chính quyền Sài Gòn bãi bỏ cấp "tổng"; chia tỉnh Gò Công thành 4 quận: Hòa Bình, Hòa Đồng, Hòa Lạc và Hòa Tân; hai xã Tân Thới và Phú Thạnh Đông thuộc quận Hòa Bình, tỉnh Gò Công. Sắp xếp hành chính này tồn tại đến ngày 30/4/1975.

Về phía chính quyền Cách mạng, từ năm 1954-1957, hai xã Tân Thới và Phú Thạnh Đông thuộc tỉnh Gò Công; từ năm 1957-1968, hai xã thuộc huyện Hòa Đồng, tỉnh Mỹ Tho. Năm 1968, tái lập tỉnh Gò Công, hai xã thuộc huyện Tây, tỉnh Gò Công. Năm 1972, hai xã thuộc Vùng 3, tỉnh Gò Công.

Sau ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975), hai xã thuộc huyện Tây, tỉnh Gò Công. Năm 1976, tỉnh Gò Công hợp nhất với tỉnh Mỹ Tho và thành phố Mỹ Tho thành tỉnh Tiền Giang, hai xã thuộc huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Năm 1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 155-CP. Theo đó, chia huyện Gò Công thành hai huyện Gò Công Đông và Gò Công Tây. Hai xã Tân Thới và Phú Thạnh Đông được chia tách thành 6 xã, bao gồm 4 xã Tân Thới, Tân Phú, Phú Thạnh và Tân Thạnh thuộc huyện Gò Công Tây; 2 xã: Phú Đông và Phú Tân thuộc huyện Gò Công Đông.

Năm 2008, Chính phủ ban hành Nghị định 09/2008/NĐ-CP. Theo đó, thành lập huyện Tân Phú Đông, bao gồm 4 xã: Tân Thới, Tân Phú, Phú Thạnh, Tân Thạnh thuộc huyện Gò Công Tây và 2 xã: Phú Đông, Phú Tân thuộc huyện Gò Công Đông. Huyện có 02 xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới: xã Tân Thới (2020) và xã Tân Phú (2021).

Đặc sản: mắm còng, trái mãng cầu Xiêm tươi, trà trái mãng cầu Xiêm, tinh dầu xả,...

Dân số: 42.120 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 34,7 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Huyện có 12 km bờ biển và nằm giữa hai cửa sông Mê Kông là cửa Tiểu và cửa Đại, có nhiều tiềm năng trong phát triển kinh tế biển, đặc biệt là đánh bắt và nuôi trồng thủy sản.

Năm 2020 tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 7,15%. Cơ cấu kinh tế: nông nghiệp chiếm 76%, công nghiệp xây dựng chiếm 10,95%, dịch vụ thương mại 13,05%.

Kinh tế chủ yếu là sản xuất nông nghiệp và đánh bắt, nuôi trồng thuỷ sản. Rừng phòng hộ ven biển 957,5 ha. Diện tích nuôi trồng thủy sản 7,110 ha, sản lượng 27,855 tấn. Có 2.986 ha dừa đang cho trái ổn định; có 2.716 ha sả, sản lượng 42.160 tấn. Cây ăn trái 1.120 ha, sản lượng trên 21.950 tấn.

Giáo dục:

Cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học được tăng cường đầu tư xây dựng, trang bị theo hướng kiên cố hóa, hiện đại hóa. Năm 2020, trên địa bàn huyện có 17 trường học:

- Giáo dục mầm non có 06 trường.

- Giáo dục phổ thông có 11 trường: 05 trường tiểu học, 01 trường tiểu học và trung học cơ sở, 02 trường trung học cơ sở, 03 trường trung học cơ sở và trung học phổ thông.

Toàn huyện có 08 trường đạt chuẩn quốc gia và 03 trường đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục. Có 6/6 xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Huyện có 01 trung tâm y tế huyện và 6/6 xã có trạm y tế (các trạm y tế xã đều đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã). Do là huyện đảo, nên người dân địa phương được hỗ trợ 100% bảo hiểm y tế. Việc chăm sóc sức khỏe, chữa trị bệnh cho nhân dân được thực hiện tốt.

Giao thông:

Huyện có duy nhất tuyến Đường tỉnh 877B, dài 35,3 km chạy dài từ tây sang đông, được láng nhựa theo tiêu chuẩn cấp VI đồng bằng. Các tuyến đường huyện, đường giao thông nông thôn được đầu tư, nâng cấp. Các bến phà, đò phân bổ đều trên địa bàn với 3 bến phà chung và 18 bến đò. Bến phà Tân Long được đầu tư ponton 60 tấn, với tổng kinh phí 50 tỷ đồng.

Huyện có hệ thống sông, kênh/kinh, rạch chằng chịt thuận lợi cho giao thông đường thủy.

Văn hóa:

Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" thực hiện có hiệu quả. Qua bình xét cuối năm 2020, huyện đạt tỷ lệ 95% số hộ đạt danh hiệu Gia đình văn hóa; có 06/06 xã đạt danh hiệu Xã văn hóa; 35/35 ấp đạt danh hiệu Ấp văn hóa, 36 con đường văn hóa, 06 cơ sở thờ tự văn hóa.

Các thiết chế văn hóa được đầu tư nâng cấp, xây dựng. Huyện có 1 Trung tâm Văn hóa - Thể thao, 06/06 Nhà văn hóa xã, 35/35 ấp có trụ sở kiêm điểm sinh hoạt văn hóa, 22 Nhà văn hóa ấp, liên ấp; khoảng 30 câu lạc bộ, đội, nhóm sở thích văn hóa - văn nghệ, gia đình hạnh phúc phát triển bền vững - Đội phòng, chống bạo lực gia đình, 01 di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia (Lũy Pháo Đài).

Du lịch:

Huyện có tiềm năng phát triển du lịch sinh thái ở khu vực Cồn Cống và Cồn Ngang. Ngoài ra, huyện còn có Khu sinh thái Làng Yến với diện tích 99,953 m^2, tổng mức đầu tư trên 150 tỷ đồng với nhiều trò chơi hấp dẫn kết hợp với khu di tích lịch sử Lũy Pháo Đài Trương Định được công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia sẽ tạo thêm sức hấp dẫn cho du khách.

Thể thao:

Số người tập luyện thể dục thể thao của huyện đạt 30%; số hộ tập luyện thể dục thể thao thường xuyên đạt 25%. Huyện có trung tâm văn hóa - thể thao và nhà văn hóa các xã được sử dụng làm nơi tập luyện và thi đấu thể thao; có 01 lớp năng

khiếu võ cổ truyền và các câu lạc bộ bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, cờ tướng, dưỡng sinh,...

Tổng số liệt sĩ: 141 liệt sĩ.

Tổng số bà mẹ Việt nam anh hùng: 1.045 Bà mẹ.

2. Xã Phú Đông

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

富 Phú: Giàu có

東 Đông: Phía đông

新富東社 Phú Đông Xã

Vị trí địa lý:

Xã Phú Đông nằm ở phía Đông Nam của huyện Tân Phú Đông; phía Đông giáp xã Phú Tân; phía Tây giáp xã Phú Thạnh; phía Bắc giáp sông Cửa Tiểu; phía Nam giáp với sông Cửa Đại.

Diện tích tự nhiên: 2.918 ha.

Hành chính:

Xã có 5 ấp: Bà Tiên 1, Bà Tiên 2, Lý Quàn 1, Lý Quàn 2, Gảnh.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Phú Thạnh, tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, có thôn Phú Thạnh Đông thuộc tổng Hòa Hằng, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường. Năm 1841, đời vua Thiệu Trị, thôn Phú Thạnh Đông thuộc tổng Hòa Quới (vì kiêng úy hoàng phi Phạm Thị Hằng/Từ Dụ/Từ Dũ nên Hòa Hằng đổi thành Hòa Quới/Quý) , huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; 1867, làng[12] Phú Thạnh Đông thuộc hạt thanh tra Tân Hòa; từ năm 1900, làng Phú Thạnh Đông thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công; từ năm 1913, làng Phú Thạnh Đông thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, quận Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1924, làng này thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, từ năm 1945-1951, gọi là xã Phú Thạnh Đông, tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò

[12] Từ năm 1876, chính quyền thực dân Pháp cho đổi đơn vị hành chính "thôn" thành "làng".

Công; từ năm 1951-1954, xã này thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Phú Thạnh Đông thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1968, xã Phú Thạnh Đông thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1968-1972, xã Phú Thạnh Đông thuộc huyện Đông, tỉnh Gò Công; từ năm 1972-1975, xã này thuộc Vùng 3, tỉnh Gò Công; chính quyền Sài Gòn, từ năm 1954-1963, xã Phú Thạnh Đông tổng Hòa Đồng Hạ, quận Hòa Đồng, tỉnh Định Tường; từ năm 1963-1975, xã này thuộc quận Hòa Bình, tỉnh Gò Công.

Sau năm 1975, xã Phú Thạnh Đông được đổi tên thành xã Phú Đông thuộc huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Năm 1979, xã Phú Đông thuộc huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Xã Phú Đông được điều chỉnh một phần diện tích và dân số để thành lập xã Phú Thạnh (1979) và xã Phú Tân (1992). Năm 2008, xã Phú Đông thuộc huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Dân số: 8.145 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 40,5 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Kinh tế của xã tập trung vào sản xuất nông - ngư - lâm nghiệp, trong đó ngư nghiệp và nuôi trồng thủy sản là chính yếu.

Giáo dục:

Xã có 02 trường học: Trường mầm non Phú Đông, Trường tiểu học và trung học cơ sở Phú Đông.

Y tế:

Trạm y tế xã Phú Đông đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 07 viên chức: 03 y sĩ, 02 điều dưỡng, 01 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh. Tất cả các ấp đều có tổ y tế. Xã được công nhận là xã đảo nên người dân địa phương được hỗ trợ 100% bảo hiểm y tế.

Giao thông:

Tất cả tuyến đường trong xã đều được trải nhựa, bê tông và đá xanh, đảm bảo việc đi lại và giao thương của nhân dân. Xã có hệ thống sông, kênh/kinh, rạch chằng chịt thuận lợi cho giao thông đường thủy.

Văn hóa:

Năm 2020, có 1.799/1.799 hộ đăng ký danh hiệu Gia đình văn hóa, đạt 100%; qua bình xét có 1.535/1.799 hộ đạt, tỷ lệ 85,32.

Xã có Nhà văn hóa xã đạt chuẩn quy định. Tất cả các ấp đều được công nhận Ấp văn hóa.

Du lịch: Không.

Thể thao:

Có sân bóng chuyền, cầu lông và dụng cụ tập thể dục đơn giản tại nhà văn hóa xã.

Tổng số liệt sĩ: 143 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt nam anh hùng: 08 Bà mẹ.

3. Xã Phú Tân

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

富 Phú: Giàu có

新 Tân: Mới mẻ

富新社 Phú Tân Xã

Vị trí địa lý:

Xã Phú Tân nằm ở phía Đông của huyện Tân Phú Đông; phía Đông giáp Biển Đông; phía Tây giáp xã Phú Đông; phía Nam giáp sông Cửa Đại (xã Bình Thắng, huyện Bình Đại, tỉnh Bến tre); phía bắc giáp sông Cửa Tiểu (xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông).

Diện tích tự nhiên: 1.606,23 ha.

Hành chính:

Xã có 04 ấp: Bà Từ, Pháo Đài, Phú Hữu và Cồn Cống.

Lịch sử hình thành:

Năm 1992, xã Phú Tân được thành lập trên cơ sở điều chỉnh một phần diện tích và dân số của xã Phú Đông, thuộc huyện Gò Công Đông. Năm 2008, xã Phú Tân thuộc huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Dân số: 4.175 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 41,5 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Cơ cấu kinh tế của xã là ngư - nông - lâm - tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, trong đó ngư nghiệp là ngành kinh tế mũi nhọn.

Xã có 01 chợ nông thôn, 01 Công ty chế biến nguyên liệu thức ăn gia súc, 02 đại lý thức ăn nuôi tôm, 11 điểm thu mua thủy sản, 02 trạm xăng dầu, 02 điểm bán vật liệu xây dựng và các điểm kinh doanh tạp hóa phục vụ tốt nhu cầu sản xuất, sinh hoạt và tiêu dùng cho nhân dân.

Có 01 hợp tác xã thủy sản với 1.056 xã viên và 4.044 cổ phần, chủ yếu khai thác nguồn giống nghêu, sò tự nhiên; 01 Tổ hợp tác nông - thủy sản với 31 thành viên, mô hình sản xuất là nuôi 1 vụ tôm, trồng 1 vụ lúa, chủ yếu hoạt động theo mùa vụ với diện tích 167 ha (lúa 58,7 ha).

Giáo dục:

Xã có 01 trường tiểu học - trung học cơ sở, 01 trường mầm non được xây dựng kiên cố, cơ sở vật chất, trang thiết bị cơ bản đáp ứng nhu cầu dạy và học.

Y tế:

Cơ sở vật chất Trạm y tế xã được đầu tư nâng cấp đạt chuẩn Quốc gia, có 08 viên chức: 04 y sĩ, 02 điều dưỡng, 01 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh. Tất cả các ấp đều có tổ y tế. Xã được công nhận là xã đảo nên người dân địa phương được hỗ trợ 100% bảo hiểm y tế.

Giao thông:

Qua địa bàn xã có Đường tỉnh 877B dài khoảng 07km, Đường huyện 85D dài khoảng 04km, cùng hệ thống đường ấp, liên ấp được nhựa hóa hoặc bê tông đảm bảo thuận tiện cho đi lại và vận chuyển hàng hóa. Xã có hệ thống sông, kênh/kinh, rạch chằng chịt thuận lợi cho giao thông đường thủy.

Văn hóa:

Có 01 Nhà văn hóa, 01 Nhà văn hóa liên ấp (Bà Từ - Pháo Đài), tất cả các ấp đều được công nhận Ấp văn hóa.

Du lịch:

Có Khu du lịch sinh thái Làng Yến (10ha) và Khu du lịch Cồn Cống.

Thể thao:

Việc rèn luyện thân thể, nâng cao thể lực cho nhân dân, nhất là thanh thiếu niên có bước phát triển. Cơ sở vật chất phục vụ cho thể dục - thể thao được quan tâm đầu tư và thực hiện xã hội hóa, đáp ứng yêu cầu rèn luyện thể dục thể thao của cán bộ và Nhân dân.

Tổng số liệt sĩ: 132 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ VN anh hùng: 19 Bà mẹ.

4. Xã Phú Thạnh

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

富 Phú: Giàu có

盛 Thịnh (Thạnh): Thịnh vượng, tươi tốt, phồn vinh

富盛社 Phú Thạnh Xã

Vị trí địa lý:

Xã Phú Thạnh nằm ở trung tâm của huyện Tân Phú Đông, phía Đông giáp xã Phú Đông; phía Tây giáp xã Tân Phú; phía nam giáp xã Tân Thạnh qua sông Cửa Trung; phía Bắc giáp huyện Gò Công Tây và huyện Gò Công Đông qua sông Cửa Tiểu.

Diện tích tự nhiên: 2.232,1 ha.

Hành chính:

Xã Phú Thạnh có 07 ấp: Kinh Nhiếm, Bãi Bùn, Tân Phú, Giồng Keo, Cả Thu 1, Cả Thu 2, Bà Lắm.

Lịch sử hình thành:

Năm 1979, xã Phú Thạnh (huyện Gò Công Tây) được thành lập trên cơ sở điều chỉnh một phần diện tích và dân số của xã Phú Đông (Xem lịch sử hình thành xã Phú Đông). Năm 2008, xã Phú Thạnh thuộc huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang. Năm 2022, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

Dân số: 8.054 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 47,6 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Đời sống nhân dân trên địa bàn xã chủ yếu trồng cây sả (diện tích 850 ha, năng suất 8 tấn/ha; năm 2020, có 05 tổ hợp tác cây sả với 80 thành viên, diện tích 60 ha; 01 hợp tác xã cây sả diện tích 43 ha với 23 thành viên.

Bên cạnh đó, người dân còn trồng cây mãng cầu xiêm, cây nhãn, cây dừa; chăn nuôi gia súc, gia cầm (năm 2020, xã có đàn heo 2.600 con; đàn bò 1.400 con, đàn gia cầm 18.200 con); nuôi tôm với 154 hộ (diện tích 255ha).

Về tiểu thủ công nghiệp, xã có các cơ sở xay xát, cơ khí sửa chữa nhỏ, hàn gia công, điện tử, mộc,... Bên cạnh đó, các ngành nghề truyền thống cũng đã góp phần giải quyết việc làm cho nhiều lao động trong xã, tận dụng thời gian nhàn rỗi, như: chằm lá, bó chổi. Một số hộ kinh doanh và buôn bán nhỏ, tập trung chủ yếu ở chợ Phú Thạnh và chợ Cả Thu 1.

Giáo dục:

Xã có 3 trường học: Trường mầm non Phú Thạnh, Trường tiểu học Phú Thạnh, Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Phú Thạnh.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về xóa mù chữ, phổ cập giáo dục mầm non và tiểu học.

Y tế:

Trạm y tế xã có trang thiết bị đầy đủ theo quy định, bao gồm 8 viên chức: 04 y sĩ, 03 điều dưỡng, 01 dược sĩ. Tất cả các ấp đều có tổ y tế. Xã được công nhận là xã đảo nên người dân địa phương được hỗ trợ 100% bảo hiểm y tế.

Giao thông:

Xã có Đường tỉnh 877B chạy dọc qua trung tâm xã dài 5,5km và Đường tỉnh 872B dài 01 km nối từ Bến Phà Tân Long đến Đường tỉnh 877B.

Xã có 03 tuyến đường trục xã với chiều dài 4,91km, đã đạt chuẩn 4,46km, chiếm 90,84%; 26 tuyến đường trục ấp với chiều dài 22,2km đã đạt chuẩn 100%; 11 tuyến đường trục xóm với chiều dài 8.981 m đã đạt chuẩn 100%. Xã có hệ thống sông, kênh/kinh, rạch chằng chịt thuận lợi cho giao thông đường thủy.

Văn hóa:

Xã có 01 Nhà văn hóa xã đạt chuẩn theo quy định và 03 Nhà văn hóa liên ấp, 07 ấp có trụ sở phục vụ hội họp, sinh hoạt của cộng đồng và đều đạt danh hiệu Ấp văn hóa, 01 câu lạc bộ "Hát với nhau", có 01 cơ sở thờ tự văn hóa (chùa Phú Thới - ấp Bãi Bùn) và 08 con đường văn hóa.

Du lịch:

Trên địa bàn xã chưa có phát sinh các loại hình du lịch và cũng như khu du lịch.

Thể thao:

Xã có 01 sân bóng đá với diện tích 5.000m^2 và 05 sân mini. Phong trào luyện tập thể dục thể thao, nâng cao thể lực cho thanh niên và nhân dân cũng diễn ra sôi nổi, nhất là ở các trường học: bóng đá và bóng chuyền là hai môn phổ biến thường được tập luyện và tổ chức thi đấu giao hữu.

Tổng số liệt sĩ: 126 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 20 Bà mẹ.

5. Xã Tân Phú

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

新 Tân: Mới mẻ

富 Phú: Giàu có

新富社 Tân Phú Xã

Vị trí địa lý:

Xã Tân Phú nằm về phía Tây của huyện, phía Đông giáp xã Phú Thạnh, phía Tây giáp xã Tân Thới, phía Bắc giáp sông Cửa Tiểu và phía Nam giáp sông Cửa Trung.

Diện tích tự nhiên: 1.736,34 ha.

Hành chính:

Xã có 05 ấp: Tân Ninh, Tân Thạnh, Tân Xuân, Tân An, Tân Thành.

Lịch sử hình thành:

Năm 1979, xã Tân Phú (huyện Gò Công Tây) được thành lập trên cơ sở điều chỉnh một phần diện tích và dân số của xã Tân Thới (Xin xem Lịch sử hình thành xã Tân Thới). Năm 2008, xã Tân Phú thuộc huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang. Năm 2021, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới.

Dân số: 9.353 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 50,2 triệu đồng/người/năm (2021).

Kinh tế:

Cơ cấu kinh tế của xã là "*ngư - nông - lâm - tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ*", trong đó ngư nghiệp là ngành kinh tế mũi nhọn. Xã luôn tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, cơ sơ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phát triển, xây dựng các mô hình sản xuất hiệu quả, tăng thu nhập cho người dân địa phương. Vận động người dân chuyển đổi diện tích đất sản xuất kém hiệu quả sang trồng cây ăn trái, các loại hoa màu có năng suất, hiệu quả kinh tế cao hơn, chuyển đổi nhiều diện tích ao, đầm từ nuôi cá sang nuôi tôm sú, tôm thẻ chân trắng. Mô hình trang trại, gia trại chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn xã cũng có bước phát triển với quy mô, số lượng ngày càng tăng. Xã có 01 hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp được thành lập tháng 7/2020 với 50 thành viên.

Xã hiện có chợ Rạch Vách có tổng diện tích mặt bằng 1.200,2m^2, có 100 hộ kinh doanh cố định và 20 hộ kinh doanh không cố định, 03 điểm thu mua thủy sản, 01 trạm xăng dầu, 04 điểm bán vật liệu xây dựng và các điểm kinh doanh tạp hóa phục vụ tốt nhu cầu sản xuất, sinh hoạt và tiêu dùng cho nhân dân.

Giáo dục:

Xã có 01 trường mầm non, 01 trường tiểu học, 01 trường trung học cơ sở, trong đó trường mầm non, trường tiểu học đạt chuẩn Quốc gia.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 06 viên chức: 01 nữ hộ sinh, 01 dược sĩ, 03 y sĩ, 01 điều dưỡng.

Xã được công nhận là xã đảo nên người dân địa phương được hỗ trợ 100% bảo hiểm y tế. Tất cả các ấp đều có tổ y tế.

Giao thông:

Về giao thông, chạy ngang qua xã có Đường tỉnh 877B với chiều dài khoảng 7,5 km, Đường huyện 84E với chiều dài khoảng 2,5km.

Xã có 39 tuyến đường giao thông nông thôn, với tổng chiều dài trên 41km, gồm có 19 tuyến đường liên ấp dài gần 19km và 20 tuyến đường dân sinh dài hơn 22km. Trong 19 tuyến đường liên ấp có 15 tuyến xây dựng đạt chuẩn, với tổng chiều dài hơn 13km; xã không còn đường lầy lội vào mùa mưa bão, các công trình giao thông nông thôn đáp ứng nhu cầu giao thông đi lại và vận chuyển hàng hóa của người dân. Xã có hệ thống sông, kênh/kinh, rạch chằng chịt thuận lợi cho giao thông đường thủy.

Xã có 02 bến phà: một bến đi từ xã Tân Phú đến xã Tân Thạnh và một bến đi từ xã Tân Phú đến xã Long Vĩnh, huyện Gò Công Tây.

Văn hóa:

Xã có 01 Nhà văn hóa xã đạt chuẩn quy định và 03 Nhà văn hóa liên ấp; có 5/5 ấp có trụ sở làm việc và đạt chuẩn Ấp văn hóa.

Du lịch:

Trên địa bàn xã không có khu du lịch.

Thể thao:

Xã có 03 sân bóng chuyền và 02 hồ bơi.

Tổng số liệt sĩ: 262 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 20 Bà mẹ.

6. Xã Tân Thạnh

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

新 Tân: Mới mẻ

盛 Thịnh (Thạnh): Thịnh vượng, tươi tốt, phồn vinh

新盛社 Tân Thạnh Xã

Vị trí địa lý:

Xã Tân Thạnh nằm ở phía Đông huyện; phía Đông giáp xã Phú Đông, phía Tây và phía Nam giáp sông Cửa Đại, phía Bắc giáp các xã Tân Thới, Tân Phú và Phú Thạnh.

Diện tích tự nhiên: 2.237,03 ha.

Hành chính:

Xã có 06 ấp: Tân Hòa, Tân Lập, Tân Thành 1, Tân Thành 2, Tân Bình và Tân Đông.

Lịch sử hình thành:

Năm 2002, xã Tân Thạnh được thành lập trên cơ sở điều chỉnh một phần diện tích và dân số của xã Tân Thới (Xem Lịch sử hình thành xã Tân Thới). Năm 2008, xã Tân Thạnh thuộc huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang

Dân số: 4.403 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: 36 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Cơ cấu kinh tế của xã là "- *nông - lâm - ngư nghiệp và dịch vụ"*, trong đó nuối trồng thủy sản và cây ăn trái là ngành kinh tế mũi nhọn.

Xã có chợ trung tâm là chợ Tân Thạnh, 01 cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm, 110 cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể: thực phẩm, vật liệu xây dựng, tạp hóa,...

Giáo dục:

Xã có 02 trường: Trường mầm non Tân Thạnh, Trường tiểu học Tân Thạnh. Cả hai trường đều đạt chuẩn Quốc gia.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm Y tế xã được công nhận đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 07 viên chức: 03 y sĩ, 02 điều dưỡng, 01 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh. Xã được công nhận là xã đảo nên người dân địa phương được hỗ trợ 100% bảo hiểm y tế. Tất cả các ấp đều có tổ y tế.

Giao thông:

Chạy ngang qua xã có Đường huyện 83C dài 17km, Đường huyện 84D dài khoảng 0,2km, Đường huyện 84F dài khoảng 0,3km. Hệ thống đường xã, đường ấp, đường liên ấp được trải nhựa hoặc bê tông, đảm bảo thuận tiện cho đi lại và vận chuyển hàng hóa của nhân dân. Xã có hệ thống sông, kênh/kinh, rạch chằng chịt thuận lợi cho giao thông đường thủy.

Văn hóa:

Xã có 01 Nhà văn hóa xã diện tích 620 m² và 02 Nhà văn hóa liên ấp (Nhà văn hóa liên ấp Tân Hòa - Tân Lập có diện tích trên 100 m², Nhà văn hóa liên ấp Tân Bình - Tân Đông có diện tích trên 100 m²); có 6/6 ấp được công nhận Ấp văn hóa.

Thể thao:

Xã có 02 sân bóng chuyền, 01 sân cầu lông, 01 hồ bơi.

Du lịch: Xã chưa có địa điểm du lịch.

Tổng số liệt sĩ: 41 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ VN anh hùng: 06 Bà mẹ.

7. Xã Tân Thới

Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:

Địa danh Hán Việt:

新 Tân: Mới mẻ

泰: Thái (Thới): Thái bình

新泰社 Tân Thới Xã

Vị trí địa lý:

Xã Tân Thới nằm ở phía Tây của huyện Tân Phú Đông, phía Đông giáp xã Tân Phú, phía Tây giáp sông Cửa Trung, phía Nam giáp xã Tân Thạnh, phía bắc giáp xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây.

Diện tích tự nhiên: 2.112,45 ha

Hành chính:

Xã có 08 ấp: Tân Phú, Tân Quý, Tân Hưng, Tân Lợi, Tân Hiệp, Tân Bình, Tân Hương, Tân Định.

Lịch sử hình thành:

Năm 1808, đời vua Gia Long, có ba thôn Miễu Ông, Tân Phong và Hòa Thới, thuộc tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, có ba thôn Từ Linh (do thôn Miễu Ông đổi tên), Tân Phong và Hòa Thới thuộc tổng Hòa Hằng, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường. Năm 1841, đời vua Thiệu Trị, thôn ba thôn này thuộc tổng Hòa Quới (vì kiêng úy hoàng phi Phạm Thị Hằng/Từ Dụ/Từ Dũ nên Hòa Hằng đổi thành Hòa Quới/Quý) , huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; 1867, ba làng Từ Linh, Tân Phong và Hòa Thới hợp nhất thành làng Tân Thới thuộc hạt thanh tra Tân Hòa; từ năm 1900, làng Tân Thới thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công; từ năm 1913, làng Tân Thới

thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, quận Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1924, làng này thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, từ năm 1945-1951, gọi là xã Tân Thới, tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công; từ năm 1951-1954, xã này thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp đặt làng Tân Thới thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1968, xã Tân Thới thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1968-1972, xã Tân Thới thuộc huyện Tây, tỉnh Gò Công; từ năm 1972-1975, xã này thuộc Vùng 3, tỉnh Gò Công; chính quyền Sài Gòn, từ năm 1954-1963, xã Tân Thới thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, quận Hòa Đồng, tỉnh Định Tường; từ năm 1963-1975, xã này thuộc quận Hòa Bình, tỉnh Gò Công.

Sau năm 1975, xã Tân Thới thuộc huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Năm 1979, xã Tân Thới thuộc huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Xã Tân Thới được điều chỉnh một phần diện tích và dân số để thành lập xã Tân Phú (1979) và xã Tân Thạnh (2002). Năm 2008, xã Phú Đông thuộc huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang. Năm 2020, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới.

Dân số: 10.662 người (2020).

Thu nhập bình quân đầu người: là 51 triệu đồng/người/năm (2020).

Kinh tế:

Kinh tế chủ yếu của xã là trồng trọt (cây dừa, cây mãng cầu Xiêm, cây sả, cỏ dùng trong chăn nuôi,…) và chăn nuôi (dê, heo, bò, gà, vịt, thủy sản,…). Xã có 02 chợ, trong đó 01 chợ Trung tâm của xã và 01 chợ tọa lạc tại ấp Tân Phú.

Giáo dục:

Xã có 03 trường, gồm Trường mầm non Tân Thới (đạt chuẩn Quốc gia), Trường tiểu học Tân Thới (đạt chuẩn Quốc gia), Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Tân Thới.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Y tế:

Trạm Y tế xã được công nhận đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 08 viên chức: 04 y sĩ, 02 điều dưỡng, 01 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh. Xã được công nhận là xã đảo nên người dân địa phương được hỗ trợ 100% bảo hiểm y tế. Tất cả các ấp đều có tổ y tế.

Giao thông:

Chạy ngang qua xã có Đường tỉnh 877B, Đường huyện 84 và Đường huyện 84 F. Tất cả các tuyến đường xã, đường ấp, đường liên ấp được trải nhựa hoặc bê tông, đảm bảo thuận tiện cho đi lại và vận chuyển hàng hóa của nhân dân. Xã có hệ thống sông, kênh/kinh, rạch chằng chịt thuận lợi cho giao thông đường thủy.

Xã có 03 bến phà gồm: bến phà Tân Thới - Tân Thạnh; Tân Thới - Vàm Giồng và bến phà Tân Thới - Bình Ninh.

Văn hóa:

Xã có 01 Nhà văn hóa của xã; 04 Nhà văn hóa liên ấp. Tất cả các ấp đều được công nhận Ấp văn hóa.

Du lịch: Xã chưa có địa điểm du lịch.

Thể thao:

Xã có 03 sân bóng đá mini, mỗi ấp có 01 sân bóng chuyền để phục vụ cho thanh thiếu niên vui chơi, giải trí.

Tổng số liệt sĩ: 341 liệt sĩ.

Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng: 68 Bà mẹ.

*** Đường tỉnh:**

1. Đường tỉnh 872B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (872B).

Đường tỉnh 872B, có số hiệu đường bộ ĐT.872B; điểm đầu: Quốc lộ 50 (xã Yên Luông, huyện Gò Công Tây); điểm cuối: Đường tỉnh 877B (xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông); chiều dài: 10,717 km.

2. Đường tỉnh 877B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (877B).

Đường tỉnh 877B, có số hiệu đường bộ ĐT.877B; điểm đầu: Quốc lộ 50 (Ngã ba xã An Thạnh Thủy, huyện Chợ Gạo); điểm cuối: Giáp Biển Đông (xã Phú Tân, huyện Tân Phú Đông); chiều dài: 39,258 km.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn đường huyện, đường phố ở huyện Tân Phú Đông: 14 địa danh**

Đường huyện: 14 địa danh

Điều 39, Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định: Đường huyện là đường nối trung tâm hành chính của huyện với trung tâm hành chính của xã, cụm

xã hoặc trung tâm hành chính của huyện lân cận; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

1. Đường huyện 83

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (83).

Đường huyện 83 có số hiệu đường bộ ĐH.83; điểm đầu: Rạch Lồ Ồ (xã Tân Phú); điểm cuối: Rạch Bà Từ (xã Phú Đông); chiều dài: 15,600 km.

2. Đường huyện 83B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (83) + Chữ cái la tinh (B).

Đường huyện 83B có số hiệu đường bộ ĐH.83B; điểm đầu: ĐT.877B (xã Phú Thạnh); điểm cuối: ĐH.85C (xã Phú Đông) ; chiều dài: 8,800 km.

3. Đường huyện 83C

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (83) + Chữ cái la tinh (C).

Đường huyện 83C có số hiệu đường bộ ĐH.83C; điểm đầu: Ấp Tân Đông (xã Tân Thạnh); điểm cuối: Ấp Tân Hòa - xã Tân Thạnh; chiều dài: 15,740 km.

4. Đường huyện 83D

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (83) + Chữ cái la tinh (D).

Đường huyện 83D có số hiệu đường bộ ĐH.83D; điểm đầu: ĐH.85 (xã Phú Đông); điểm cuối: ĐH.85C (xã Phú Đông); chiều dài: 3,300 km.

5. Đường huyện 84

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (84).

Đường huyện 84 có số hiệu đường bộ ĐH.84; điểm đầu: Sông Cửa Trung (xã Tân Thới); điểm cuối: ĐT.877B (xã Tân Thới); chiều dài: 2,350 km.

6. Đường huyện 84B

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (84) + Chữ cái la tinh (B).

Đường huyện 84B có số hiệu đường bộ ĐH.84B; điểm đầu: Bến phà Vàm Giồng (xã Tân Thới); điểm cuối: ĐT.877B (xã Tân Thới); chiều dài: 1,200 km.

7. Đường huyện 84C

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (84) + Chữ cái la tinh (C).

Đường huyện 84C có số hiệu đường bộ ĐH.84C; điểm đầu: Bến phà Rạch Vách (xã Tân Phú); điểm cuối: ĐT.877B (xã Tân Phú); chiều dài: 0,420 km.

8. Đường huyện 84D

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (84) + Chữ cái la tinh (D).

Đường huyện 84D có số hiệu đường bộ ĐH.84D; điểm đầu: ĐT.877B (xã Tân Phú); điểm cuối: ĐH.83C (xã Tân Thạnh); chiều dài: 1,650 km.

9. Đường huyện 84E

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (84) + Chữ cái la tinh (E).

Đường huyện 84E có số hiệu đường bộ ĐH.84E; điểm đầu: Bến phà Tân Long (xã Phú Thạnh); điểm cuối: ĐT.877B (xã Phú Thạnh); chiều dài: 1,000 km.

10. Đường huyện 84F

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (84) + Chữ cái la tinh (F).

Đường huyện 84F có số hiệu đường bộ ĐH.84F; điểm đầu: ĐT.877B (xã Tân Thới); điểm cuối: ĐH.83C (xã Tân Thạnh) ; chiều dài: 0,770 km.

11. Đường huyện 85

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (85).

Đường huyện 85 có số hiệu đường bộ ĐH.85; điểm đầu: Bến phà Phú Đông - Phước Trung; điểm cuối: ĐT.877B (xã Phú Đông); chiều dài: 2,980 km.

12. Đường huyện 85C

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (85) + Chữ cái la tinh (C).

Đường huyện 85C có số hiệu đường bộ ĐH.85C; điểm đầu: ĐH.83D (xã Phú Đông); điểm cuối: ĐH.83B (xã Phú Đông); chiều dài: 4,400 km.

13. Đường huyện 85D

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (85) + Chữ cái la tinh (D).

Đường huyện 85D có số hiệu đường bộ ĐH.85D; điểm đầu: Sông Cửa Tiểu (ấp Pháo Đài, xã Phú Tân); điểm cuối: ĐT.877B (ấp Pháo Đài, xã Phú Tân); chiều dài: 3,390 km.

14. Đường huyện 85E

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (85) + Chữ cái la tinh (E).

Đường huyện 85E có số hiệu đường bộ ĐH.85E; điểm đầu: ĐT.877B (xã Phú Đông); điểm cuối: ĐH.83B (xã Phú Đông); chiều dài: 1,080 km.

Đường phố: Chưa có đường phố.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên cầu ở huyện Tân Phú Đông: 17 địa danh**

Khái niệm Cầu

Cầu là một công trình giao thông được bắc qua các chướng ngại nước, như rãnh nước, dòng suối, dòng sông, dòng kênh/kinh, dòng rạch, hồ, biển hay các chướng ngại khác, như đường bộ, đường sắt,… đảm bảo cho giao thông được liên tục.

Trên Đường tỉnh 877B

1. Cầu Bà Lắm

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Giới tính và tên người (Bà Lắm).

- Vị trí: Km 27+334, xã Phú Đông, huyện Tân Phú Đông, trên Đường tỉnh 877B

- Cầu bắc qua: Rạch Bà Lắm

- Quy mô: 3 nhịp dài 38m; mặt BTCT rộng 4m; khổ cầu 4,5m; dầm BTDƯL; Htt: +3.00

- Tải trọng thiết kế (Tấn): H93

- Tải trọng cho phép (Tấn): 16

- Năm đưa vào sử dụng: 2012

2. Cầu Lý Quàn

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Họ và tên người (Lý Quàn); hoặc Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Chức vụ ở nông thôn thời xưa (Lý: Lý trưởng là viên chức phụ tá cho Thôn trưởng và chuyên trách giữ gìn sổ bộ của làng[13]) + Tên người (Quàn).

- Vị trí: Km 29+099, xã Phú Đông, huyện Tân Phú Đông, trên Đường tỉnh 877B

[13] Huyện ủy - Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy (2010), *Địa chí Cai Lậy*, Sở Thông tin - Truyền thông Tiền Giang, trang 96.

- Cầu bắc qua: Rạch Lý Quàn

- Quy mô: 3 nhịp dài 38m; mặt BTCT rộng 4m; khổ cầu 4,5m; dầm BTDƯL; Htt: +3.00

- Tải trọng thiết kế (Tấn): H13

- Tải trọng cho phép (Tấn): 16

- Năm đưa vào sử dụng: 2011

- Đèn chiếu sáng cầu: Không

3. Cầu Bà Từ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Giới tính và tên người (Bà Từ).

- Vị trí: Km 31+970, xã Phú Tân, huyện Tân Phú Đông, trên Đường tỉnh 877B

- Cầu bắc qua: Rạch Bà Từ

- Quy mô: 3 nhịp dài 38m; mặt BTCT rộng 4m; khổ 4,5m; 4 dầm T (BTDƯL)x 3; Htt: +3.00

- Tải trọng thiết kế (Tấn): H13

- Tải trọng cho phép (Tấn): 16

- Năm đưa vào sử dụng: 2011

- Đèn chiếu sáng cầu: Không

4. Cầu Cả Thu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Chức vụ làng xã thời xưa (Hương cả: người đứng đầu Hội đồng hương chức của làng xã thời xưa, gọi tắt là Cả) + Tên người (Thu).

- Vị trí: Km 26+535, xã Phú Tân, huyện Tân Phú Đông, trên Đường tỉnh 877B

- Cầu bắc qua: Rạch Cả Thu

- Quy mô: 1 nhịp dài 19,2 m; mặt BTCT rộng 4m; khổ cầu 4,5m; 4 dầm 18,6m (BTDƯL); Htt: +2.20

- Tải trọng thiết kế (Tấn): H13

- Tải trọng cho phép (Tấn): 16

- Năm đưa vào sử dụng: 2009

- Đèn chiếu sáng cầu: Có

5. Cầu Kinh/Kênh Mới

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Tính từ (Mới).

- Vị trí: Km 33+973, xã Phú Tân, huyện Tân Phú Đông, trên Đường tỉnh 877B

- Cầu bắc qua: kênh Mới

- Quy mô: 3 nhịp dài 38m; mặt BTCT rộng 4m; khổ cầu 4,5m; 4 dầm BTDƯL/nhịp; Htt: +2.50

- Tải trọng thiết kế (Tấn): HL93

- Tải trọng cho phép (Tấn): 16

- Năm đưa vào sử dụng: 2011

- Đèn chiếu sáng cầu: Có

6. Cầu Tư Xuân

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Thứ và tên người (Tư Xuân).

- Vị trí: Km 24+334, xã Phú Tân, huyện Tân Phú Đông, trên Đường tỉnh 877B

- Cầu bắc qua: Rạch Tư Xuân, còn gọi Rạch Quẹo

- Quy mô: 1 nhịp dài 19m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; 6 dầm 18,6m (BTDƯL); Htt: +2.20

- Tải trọng thiết kế (Tấn): HL93

- Tải trọng cho phép (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2020

- Đèn chiếu sáng cầu: Có

7. Cầu Số 1

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Chữ số (Số 1).

- Vị trí: Km 36+974, xã Phú Tân, huyện Tân Phú Đông, trên Đường tỉnh 877B

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Võ Văn Hên

- Quy mô: 3 nhịp dài 44m; mặt BTCT rộng 6m; khổ cầu 6,5m; dầm BTDƯL; Htt: +3.43

- Tải trọng thiết kế (Tấn): H.93

- Tải trọng cho phép (Tấn): 16

- Năm đưa vào sử dụng: 2012

- Đèn chiếu sáng cầu: Có

8. Cầu Số 2

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Chữ số (Số 2).

- Vị trí: Km 37+706, xã Phú Tân, huyện Tân Phú Đông, trên Đường tỉnh 877B

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Khe Luông

- Quy mô: 5 nhịp dài 81m; mặt BTCT rộng 6m; khổ cầu 6,5m; dầm BTDƯL; Htt: +4.12

- Tải trọng thiết kế (Tấn): H.93

- Tải trọng cho phép (Tấn): 16

- Năm đưa vào sử dụng: 2012

- Đèn chiếu sáng cầu: Có

9. Cầu Số 3

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Chữ số (Số 3).

- Vị trí: Km 38+776, xã Phú Tân, huyện Tân Phú Đông, trên Đường tỉnh 877B

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Số 3

- Quy mô: 3 nhịp dài 44m; mặt BTCT rộng 6m; khổ cầu 6,5m; dầm BTDƯL; Htt: +2.62

- Tải trọng thiết kế (Tấn): H.93

- Tải trọng cho phép (Tấn): 16

- Năm đưa vào sử dụng: 2012

- Đèn chiếu sáng cầu: Có

10. Cầu Số 4

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Chữ số (Số 4).

- Vị trí: Km 39+171, xã Phú Tân, huyện Tân Phú Đông, trên Đường tỉnh 877B

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Số 4

- Quy mô: 3 nhịp dài 44m; mặt BTCT rộng 6m; khổ cầu 6,5m; dầm BTDƯL; Htt: +2.62

- Tải trọng thiết kế (Tấn): H.93

- Tải trọng cho phép (Tấn): 16

- Năm đưa vào sử dụng: 2012

- Đèn chiếu sáng cầu: Có

11. Cầu Hai Sanh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Thứ và tên người (Hai Sanh).

- Vị trí: Km 20+262, xã Tân Phú, huyện Tân Phú Đông, trên Đường tỉnh 877B

- Cầu bắc qua: Rạch Hai Sanh

- Quy mô: 2 nhịp dài 18m; mặt BTCT rộng 4m; khổ cầu 4,5m; 5 dầm BTCT; Htk = 0,5m (so MN max)

- Tải trọng thiết kế (Tấn): H8

- Tải trọng cho phép (Tấn): 16

- Năm đưa vào sử dụng: 2005

- Đèn chiếu sáng cầu: Có

12. Cầu Lồ Ồ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Thực vật (Lồ ồ: còn gọi lồ ô, là một loại tre).

- Vị trí: Km 17+416, xã Tân Phú, huyện Tân Phú Đông, trên Đường tỉnh 877B

- Cầu bắc qua: Rạch Lồ Ồ

- Quy mô: 3 nhịp dài 24m; mặt BTCT rộng 4m; khổ cầu 4,5m; 5 dầm BTCT; Htk = 0,5m (so MN max)

- Tải trọng thiết kế (Tấn): H8

- Tải trọng cho phép (Tấn): 16

- Năm đưa vào sử dụng: 2005

- Đèn chiếu sáng cầu: Có

13. Cầu Me

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Thực vật (Cây me).

- Vị trí: Km 19+030, xã Tân Phú, huyện Tân Phú Đông, trên Đường tỉnh 877B

- Cầu bắc qua: Rạch Cây Me

- Quy mô: 2 nhịp dài 18m; mặt BTCT rộng 4m; khổ cầu 4,5m; 5 dầm BTCT; Htk = 1m (so MN max)

- Tải trọng thiết kế (Tấn): H8

- Tải trọng cho phép (Tấn): 16

- Năm đưa vào sử dụng: 2005

- Đèn chiếu sáng cầu: Có.

14. Cầu Rạch Cầu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa hình tự nhiên (Rạch) + Công trình xây dựng (Cầu).

- Vị trí: Km 14+687, xã Tân Phú, huyện Tân Phú Đông, trên Đường tỉnh 877B

- Cầu bắc qua: Rạch Cầu

- Quy mô: 3 nhịp dài 24m; mặt BTCT rộng 4m; khổ cầu 4,5m; 5 dầm BTCT; Htk = 0,5m (so MN max)

- Tải trọng thiết kế (Tấn): H8

- Tải trọng cho phép (Tấn): 16

- Năm đưa vào sử dụng: 2005

- Đèn chiếu sáng cầu: có

15. Cầu Rạch Cò

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa hình tự nhiên (Rạch) + Động vật (Con cò).

- Vị trí: Km 13+939, xã Tân Thới, huyện Tân Phú Đông, trên Đường tỉnh 877B

- Cầu bắc qua: Rạch Cò

- Quy mô: 3 nhịp dài 24m; mặt BTCT rộng 4m; khổ cầu 4,5m; 5 dầm BTCT; Htk =1m (so MN max)

- Tải trọng thiết kế (Tấn): H8

- Tải trọng cho phép (Tấn): 16

- Năm đưa vào sử dụng: 2005

- Đèn chiếu sáng cầu: Có

16. Cầu Rạch Nhiếm

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa hình tự nhiên (Rạch) + Động vật (Con nhím/nhiếm).

- Vị trí: Km 21+695, xã Tân Phú, huyện Tân Phú Đông, trên Đường tỉnh 877B

- Cầu bắc qua: Rạch Nhiếm

- Quy mô: 3 nhịp dài 24m; mặt BTCT rộng 4m; khổ cầu 4,5m; 5 dầm BTCT; Htk = 1m (so MNmax)

- Tải trọng thiết kế (Tấn): HL8

- Tải trọng cho phép (Tấn): 16

- Năm đưa vào sử dụng: 2005

- Đèn chiếu sáng cầu: Có

17. Cầu Rạch Vách

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Thực vật (Cây Vách).

- Vị trí: Km 15+646, xã Tân Phú, huyện Tân Phú Đông, trên Đường tỉnh 877B

- Cầu bắc qua: Rạch Vách

- Quy mô: 3 nhịp dài 30m; mặt BTCT rộng 4m; khổ cầu 4,5m; 5 dầm BTCT; Htk = 1m (so MNmax)

- Tải trọng thiết kế (Tấn): H8

- Tải trọng cho phép (Tấn): 16

- Năm đưa vào sử dụng: 2005

- Đèn chiếu sáng cầu: Có

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn địa danh Cống, Đập, Đê**

Cống lớn:

Cống Lý Quàn

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Họ và tên người (Lý Quàn)

- Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Chức vụ ở nông thôn thời xưa (Lý: Lý trưởng là viên chức phụ tá cho Thôn trưởng và chuyên trách giữ gìn sổ bộ của làng[14]) + Tên người (Quàn).

Cống ở xã Tân Phú, huyện Tân Phú Đông, được xây dựng năm 2014; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 5,3 m, sâu 2 m, diện tích phục vụ 1.800 ha.

Cống vừa và nhỏ:

1. Cống Bà Lắm

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Giới tính và tên người (Bà Lắm).

Cống ở xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông, được xây dựng năm 2000; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 2,3 m, sâu 2,5 m, diện tích phục vụ 450 ha.

[14] Huyện ủy - Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy (2010), *Địa chí Cai Lậy*, Sở Thông tin - Truyền thông Tiền Giang, trang 96.

2. Cống Bà Tài

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Giới tính và tên người (Bà Tài).

Cống ở xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông, được xây dựng năm 2000; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 2,3 m, sâu 2,5 m, diện tích phục vụ 450 ha.

3. Cống Bàu Ranh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Bàu: là nơi đất trũng, mùa mưa nước khá sâu; nhưng mùa nắng chỉ còn những vũng nước nhỏ hay khô hẳn) + Vị trí (Ranh: Chỗ ngăn ra để làm giới hạn).

Cống ở xã Phú Đông, huyện Tân Phú Đông, được xây dựng năm 2002; là loại cống tròn, số cửa 2, chiều rộng Φ 100 m, sâu 1,5 m, diện tích phục vụ 75 ha.

4. Cống CC1

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Hai chữ cái la tinh (CC) + Số hiệu (1).

Cống ở xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông, được xây dựng năm 2004; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 2 m, sâu 2,5 m, diện tích phục vụ 150 ha.

5. Cống Huyện lộ 17

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Công trình xây dựng (Huyện lộ/Đường huyện) + Số hiệu (17).

Cống ở xã Phú Mỹ, huyện Tân Phú Đông, được xây dựng năm 1983; là loại cống hộp, số cửa 1, chiều rộng 4 m, sâu 1,5 m, diện tích phục vụ 256 ha.

6. Cống Kinh/Kênh Ngang

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Vị trí (Ngang).

Cống ở xã Phú Đông, huyện Tân Phú Đông, được xây dựng năm 2005; là loại cống tròn, số cửa 1, chiều rộng Φ 100 m, sâu 1,5 m, diện tích phục vụ 75 ha.

7. Cống Lồ Ô

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Thực vật (Tre lồ ô).

Cống ở xã Tân Phú, huyện Tân Phú Đông, được xây dựng năm 1999; là loại cống tròn, số cửa 1, chiều rộng Φ 150 m, sâu 2 m, diện tích phục vụ 100 ha.

8. Cống Lý Ngươn

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Họ và tên người (Lý Ngươn)

- Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Chức vụ ở nông thôn thời xưa (Lý: Lý trưởng là viên chức phụ tá cho Thôn trưởng và chuyên trách giữ gìn sổ bộ của làng[15]) + Tên người (Ngươn).

Cống ở xã Phú Đông, huyện Tân Phú Đông, được xây dựng năm 2000; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 2,3 m, sâu 2,5 m, diện tích phục vụ 450 ha.

9. Cống Lý Quàn

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Họ và tên người (Lý Quàn).

- Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Chức vụ ở nông thôn thời xưa (Lý: Lý trưởng là viên chức phụ tá cho Thôn trưởng và chuyên trách giữ gìn sổ bộ của làng[16]) + Tên người (Ngươn).

Cống ở xã Phú Đông, huyện Tân Phú Đông, được xây dựng năm 2000; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 2,3 m, sâu 2,5 m, diện tích phục vụ 450 ha.

10. Cống Rạch Mương

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Công trình xây dựng (Mương).

Cống ở xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông, được xây dựng năm 2000; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 4,5 m, sâu 2,5 m, diện tích phục vụ 1.500 ha.

11. Cống Tân Xuân

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa danh Hán Việt (Tân Xuân).

Cống ở xã Tân Phú, huyện Tân Phú Đông, được xây dựng năm 1994; là loại cống tròn, số cửa 1, chiều rộng Φ 150 m, sâu 2 m, diện tích phục vụ 100 ha.

12. Cống 1

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Số hiệu (1).

Cống ở xã Tân Phú, huyện Tân Phú Đông, được xây dựng năm 2017; là loại cống hộp, số cửa 1, chiều rộng 4 m, sâu 1,5 m, diện tích phục vụ 100 ha.

13. Cống 2

---

[15] Huyện ủy - Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy (2010), *Địa chí Cai Lậy*, Sở Thông tin - Truyền thông Tiền Giang, trang 96.

[16] Huyện ủy - Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy (2010), *Địa chí Cai Lậy*, Sở Thông tin - Truyền thông Tiền Giang, trang 96.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Số hiệu (2).

Cống ở xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông, được xây dựng năm 2017; là loại cống hộp, số cửa 1, chiều rộng 4 m, sâu 1,5 m, diện tích phục vụ 100 ha.

*** Đập: 01 địa danh.**

Khái niệm

Đập nước là công trình được xây dựng để ngăn dòng giữ nước từ các con sông, rạch, kinh/kênh,… nhằm khai thác, sử dụng nước một cách hợp lý.

Đập Rạch Nhiếm

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đê) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Động vật (Nhiếm: do Nhím gọi trại mà ra).

Đập ở xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông, được xây dựng năm 2010, chiều dài 177,50 m, chiều rộng 2,5 m, cao trình 2,9 m.

*** Đê:**

1. Đê Cửa sông Gò Công 2

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đê) + Địa hình thiên nhiên (Cửa sông) + Địa hình thiên nhiên (Gò) + Động vật (Chim công) + Số hiệu (2).

Đê kéo dài qua các xã Phú Thạnh, Phú Đông, huyện Tân Phú Đông, có điểm đầu: Cầu tạm Bà Tiên, xã Phú Đông, điểm cuối: Cầu tạm Bà Tiên, xã Phú Đông, được xây dựng năm 1999; toàn bộ mặt đê đã bê tông hóa, nhựa hóa với chiều dài 24.773 m, chiều rộng 4 - 6, cao trình 2,3 m - 4 m.

2. Đê Kinh Nhiếm

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đê) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Động vật (Nhiếm: do Nhím gọi trại mà ra).

Đê ở xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông, có điểm đầu: Đường huyện 84E, điểm cuối: Đường tỉnh 877, được xây dựng năm 2001; toàn bộ mặt đê đã bê tông hóa, nhựa hóa với chiều dài 2.659 m, chiều rộng 4 m, cao trình 2,3 m - 3 m.

3. Đê Tân Xuân - Tân Thạnh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đê) + Địa danh Hán Việt (Tân Xuân - Tân Thạnh).

Đê ở xã Tân Phú, huyện Tân Phú Đông, có điểm đầu: Đường tỉnh 877, điểm cuối: Cống Lồ Ô, được xây dựng năm 2009; toàn bộ mặt đê đã bê tông hóa, nhựa hóa với chiều dài 5.000 m, chiều rộng 4 m, cao trình 2,5 - 3 m.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên bến xe, bến đò, bến phà:**

Bến xe:

Theo quy định của Bộ Giao thông - Vận tải có 2 loại bến xe là bến xe khách và bến xe hàng. Trong phạm vi đề tài, tập trung nghiên cứu về địa danh bến xe khách trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Khái niệm bến xe khách:

Theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách - Sửa đổi lần 1 năm 2015, Bến xe khách là công trình thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thực hiện chức năng phục vụ xe ô tô đón, trả hành khách và các dịch vụ hỗ trợ vận tải hành khách công cộng được xây dựng trên một thửa đất hoặc nhiều thửa đất liền kề.

Cũng theo Thông tư nêu trên, Bến xe khách được phân thành 6 loại. Quy định về các hạng mục công trình tương ứng với từng loại bến xe khách như trong Bảng sau:

TT	Tiêu chí phân loại	Đơn vị tính	Loại bến xe khách					
			Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4	Loại 5	Loại 6
1	Diện tích mặt bằng (tối thiểu)	m^2	15.000	10.000	5.000	2.500	1.500	500
2	Diện tích bãi đỗ xe ôtô chờ vào vị trí đón khách (tối thiểu)	m^2	5.000	3.000	1.000	500	160	80
3	Diện tích bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác	m^2	2.000	1.500	900	400	30	20
4	Diện tích	m^2	500	300	150	100	50	30

	tối thiểu phòng chờ cho hành khách (có thể phân thành nhiều khu vực trong bến)							
5	Số vị trí đón, trả khách (tối thiểu)	vị trí	50	40	30	20	10	6
6	Số chỗ ngồi tối thiểu khu vực phòng chờ cho hành khách	chỗ	100	60	30	20	10	10
7	Hệ thống điều hòa, quạt điện khu vực phòng chờ cho hành khách (tối thiểu)	-	Đảm bảo nhiệt độ không vượt quá 30°C	Quạt điện	Quạt điện	Quạt điện	Quạt điện	Quạt điện
8	Diện tích khu vực làm việc	-	Bình quân 4,5 m^2/người					
9	Diện tích văn phòng dành cho Y tế	-	Tối thiểu 10 m^2					
10	Diện tích	-	> 1 % tổng diện tích xây dựng bến (Có nơi vệ sinh					

	khu vệ sinh		phục vụ người khuyết tật theo QCVN 10:2014/BXD)		
11	Diện tích dành cho cây xanh, thảm cỏ	-	Tỷ lệ diện tích đất dành cho cây xanh, thảm cỏ tối thiểu 2% tổng diện tích		
12	Đường xe ra, vào bến	-	riêng biệt	chung (rộng tối thiểu 7,5 m)	
13	Đường dẫn từ phòng chờ cho hành khách đến các vị trí đón, trả khách	-	Có mái che		
14	Kết cấu mặt đường ra, vào bến xe và sân bến	-	Mặt đường nhựa hoặc bê tông xi măng		
15	Hệ thống cung cấp thông tin	-	Có hệ thống phát thanh, có hệ thống bảng chỉ dẫn bằng điện tử, có thiết bị tra cứu thông tin tự động	Có hệ thống phát thanh, có hệ thống bảng chỉ dẫn	
16	Hệ thống kiểm soát xe ra vào bến	-	Có phần mềm quản lý bến xe và trang bị hệ thống camera giám sát xe ra vào bến	Có phần mềm quản lý bến xe	

Bến xe Tân Phú Đông

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến xe) + Địa danh hành chính (Huyện Tân Phú Đông).

Bến xe Tân Phú Đông, mã số (63)55, tọa lạc tại xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang, diện tích 1.710 m², xếp loại 6.

*** Bến đò:**

Khái niệm

Bến đò là bến đỗ trên các bờ sông để đò dừng nhằm tiếp nhận hoặc trao trả hành khách, hàng hóa trong quá trình chuyên chở.

1. Bến đò Lở

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến đò) + Động từ (Lở: nứt vỡ ra và sụt đổ xuống).

Bến đò Lở bờ phải và bờ trái đều nằm trên nhánh sông Cửa Trung thuộc sông Tiền, nối xã Tân Thạnh, huyện Tân Phú Đông với xã Tân Thới, cùng huyện (và ngược lại), tỉnh Tiền Giang.

2. Bến đò Tân Định

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến đò) + Địa danh hành chính (Ấp Tân Định).

Bến đò Tân Định bờ phải và bờ trái đều nằm trên nhánh sông Cửa Trung thuộc sông Tiền, nối ấp Tân Định, xã Tân Thới, huyện Tân Phú Đông với ấp Tân Lập, xã Tân Thạnh, cùng huyện (và ngược lại), tỉnh Tiền Giang.

3. Bến đò Tân Phú - Long Bình

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến đò) + Địa danh hành chính (Xã Tân Phú - Xã Long Bình).

Bến đò Tân Phú - Long Bình bờ phải và bờ trái đều nằm trên nhánh sông Cửa Tiểu thuộc sông Tiền, nối xã Tân Phú, huyện Tân Phú Đông với xã Long Bình, huyện Gò Công Tây (và ngược lại), tỉnh Tiền Giang.

4. Bến đò Tân Thạnh - Lộc Thuận

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến đò) + Địa danh hành chính (Xã Tân Thạnh - Xã Lộc Thuận).

Bến đò Tân Thạnh - Lộc Thuận bờ phải và bờ trái đều nằm trên nhánh sông Cửa Đại thuộc sông Tiền, nối xã Tân Thạnh, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang với xã Lộc Thuận, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre (và ngược lại).

5. Bến đò Tân Thạnh - Vang Quới

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến đò) + Địa danh hành chính (Xã Tân Thạnh - Xã Vang Quới).

Bến đò Tân Thạnh - Vang Quới bờ phải và bờ trái đều nằm trên nhánh sông Cửa Đại thuộc sông Tiền, nối xã Tân Thạnh, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang với xã Vang Quới, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre (và ngược lại).

***Bến phà:**

Khái niệm

Bến phà là nơi đón, trả khách qua sông bằng phà.

1. Bến phà Cồn Tàu (2)

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến đò) + Địa hình thiên nhiên (Cồn) + Phương tiện giao thông thủy (Tàu).

Về nguồn gốc địa danh Cồn Tàu có 2 cách giải thích:

- Cù lao giống hình chiếc tàu thủy nên gọi là cù lao Tàu.

- Xưa kia, có một chiếc tàu buôn vào ăn hàng bị chìm tại đây. Về sau, phù sa bồi tụ lại thành cồn, từ đó có tên gọi Cồn Tàu.

Bến phà Cồn Tàu (2) bờ phải và bờ trái đều nằm trên nhánh sông Cửa Trung thuộc sông Tiền, nối xã Tân Thới, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang với xã Tam Hiệp, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

2. Bến phà Phước Trung - Phú Đông

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến phà) + Địa danh hành chính (Xã Phước Trung - Xã Phú Đông).

Bến phà Phước Trung - Phú Đông bờ phải và bờ trái đều nằm trên nhánh sông Cửa Tiểu thuộc sông Tiền, nối xã Phước Trung, huyện Gò Công Đông với xã Phú Đông, huyện Tân Phú Đông (và ngược lại), tỉnh Tiền Giang.

3. Bến phà Rạch Vách

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến phà) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Thực vật (Vách: là loại cây thân gỗ, tương tự như cây đa).

Bến phà Rạch Vách bờ phải và bờ trái đều nằm trên nhánh sông Cửa Tiểu thuộc sông Tiền, nối xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây với xã Tân Phú, huyện Tân Phú Đông (và ngược lại), tỉnh Tiền Giang.

4. Bến phà Tân Long

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến phà) + Địa danh Hán Việt (Tân Long).

Bến phà Tân Long bờ phải và bờ trái đều nằm trên nhánh sông Cửa Tiểu thuộc sông Tiền, nối xã Long Bình, huyện Gò Công Tây với xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông (và ngược lại), tỉnh Tiền Giang.

5. Bến phà Tân Thạnh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến phà) + Địa danh hành chính (Xã Tân Thạnh).

Bến phà Tân Thạnh bờ phải và bờ trái đều nằm trên nhánh sông Cửa Trung thuộc sông Tiền, nối xã Tân Thạnh, huyện Tân Phú Đông với xã Tân Thới, cùng huyện (và ngược lại), tỉnh Tiền Giang.

6. Bến phà Vàm Giồng

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến phà) + Địa hình thiên nhiên (Vàm) + Địa hình thiên nhiên (Giồng).

Bến phà Vàm Giồng bờ phải và bờ trái đều nằm trên nhánh sông Cửa Tiểu thuộc sông Tiền, nối xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây với xã Tân Thới, huyện Tân Phú Đông (và ngược lại), tỉnh Tiền Giang.

***Y tế tuyến huyện:**

Trung tâm Y tế huyện Tân Phú Đông

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng mang tính chất chăm sóc sức khỏe (Trung tâm y tế) + Địa danh hành chính (Huyện Tân Phú Đông).

- Khái quát Trung tâm Y tế huyện Tân Phú Đông:

+ Địa chỉ: xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

+ Điện thoại: 0273.3530930

+ Trang thông tin điện tử: ttyttanphudong.vn

+ Email: medictpd@gmail.com

+ Cơ quan chủ quản: Sở Y tế tỉnh Tiền Giang.

+ Tổng diện tích: 21.249 m² ; diện tích sử dụng: 12.828 m²

+ Tổng số cán bộ, viên chức: 132; trong đó nam: 54; Nữ: 78.

Trung tâm Y tế huyện Tân Phú Đông được thành lập năm 2008 theo Quyết định số 2117/QĐ-UBND ngày 17/7/2008 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang, có chức năng, nhiệm vụ như sau:

+Thực hiện các hoạt động phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm, HIV/AIDS, bệnh không lây nhiễm, bệnh chưa rõ nguyên nhân; tiêm chủng phòng bệnh; y tế trường học; phòng, chống các yếu tố nguy cơ tác động lên sức khỏe,

phát sinh, lây lan dịch, bệnh; quản lý và nâng cao sức khỏe cho người dân trên địa bàn.

+ Thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường đối với các cơ sở y tế; vệ sinh và sức khỏe lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp, tai nạn thương tích; vệ sinh trong hoạt động mai táng, hỏa táng; giám sát chất lượng nước dùng cho ăn uống, sinh hoạt và dinh dưỡng cộng đồng.

+ Thực hiện các hoạt động phòng, chống ngộ độc thực phẩm trên địa bàn huyện; tham gia thẩm định cơ sở đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn theo phân cấp; tham gia thanh tra, kiểm tra, giám sát công tác phòng, chống ngộ độc thực phẩm, phòng, chống bệnh truyền qua thực phẩm; hướng dẫn, giám sát cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, ăn uống trong việc bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật và thực hiện các nhiệm vụ khác về an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật và theo phân công, phân cấp.

+ Thực hiện sơ cứu, cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng theo quy định của cấp có thẩm quyền và giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh cho các trường hợp bệnh nhân tự đến, bệnh nhân được chuyển tuyến, bệnh nhân do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến trên chuyển về để tiếp tục theo dõi điều trị, chăm sóc, phục hồi chức năng; thực hiện các kỹ thuật, thủ thuật, chuyển tuyến theo quy định của pháp luật; khám sức khỏe và chứng nhận sức khỏe theo quy định; tham gia khám giám định y khoa, khám giám định pháp y khi được trưng cầu.

+ Thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản và cải thiện tình trạng dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em; phối hợp thực hiện công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện các xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh phục vụ cho hoạt động chuyên môn, kỹ thuật theo chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Y tế và nhu cầu của người dân; tổ chức thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn sinh học tại phòng xét nghiệm và an toàn bức xạ theo quy định.

+ Thực hiện tuyên truyền, cung cấp thông tin về chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước về y tế; tổ chức các hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe về y tế, chăm sóc sức khỏe trên địa bàn.

+ Chỉ đạo tuyến, hướng dẫn về chuyên môn kỹ thuật đối với các trạm y tế xã, y tế ấp và các cơ sở y tế thuộc cơ quan, trường học, xí nghiệp, cơ sở sản xuất trên địa bàn.

+ Thực hiện đào tạo liên tục cho đội ngũ viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định; tập huấn, bồi dưỡng cập nhật kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực phụ trách cho đội ngũ nhân viên y tế ấp và các đối tượng khác theo phân công, phân cấp của Sở Y tế tỉnh Tiền Giang; là cơ sở thực hành trong đào

tạo khối ngành sức khỏe và hướng dẫn thực hành để cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện việc cung ứng, bảo quản, cấp phát, sử dụng và tiếp nhận thuốc, vắc xin, sinh phẩm y tế, hóa chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn theo phân cấp của Sở Y tế Tiền Giang và quy định của pháp luật.

+ Triển khai thực hiện các dự án, chương trình y tế ở địa phương theo phân công, phân cấp của Sở Y tế; tổ chức điều trị nghiện chất bằng thuốc thay thế theo quy định của pháp luật; thực hiện kết hợp quân - dân y theo tình hình thực tế ở địa phương.

+ Thực hiện ký hợp đồng với cơ quan bảo hiểm xã hội để tổ chức khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế tại Trung tâm Y tế và các đơn vị y tế thuộc Trung tâm Y tế theo quy định của pháp luật.

+ Nghiên cứu và tham gia nghiên cứu khoa học, ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật về lĩnh vực liên quan.

+ Về dân số - kế hoạch hóa gia đình và sức khỏe sinh sản: Tổ chức thực hiện các chỉ tiêu, chỉ báo thuộc lĩnh vực dân số - kế hoạch hóa gia đình; chỉ đạo, hướng dẫn các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy trình chuyên môn, nghiệp vụ về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình cho các bộ phận chuyên môn thuộc Trung tâm và tuyến y tế cơ sở.

Năm 2022, Đảng bộ Trung tâm Y tế huyện Tân Phú Đông có 5 chi bộ trực thuộc với 68 đảng viên; Ban Giám đốc gồm 01 Giám đốc và 03 Phó Giám đốc; Công đoàn cơ sở có 18 tổ công đoàn với 132 công đoàn viên; Chi đoàn Thanh niên có 19 đoàn viên.

Trung tâm có 01 phòng chức năng: Phòng Hành chính - Tổng hợp; 05 khoa chuyên môn: Khoa Cấp cứu - Nội tổng hợp; Khoa Dược, Khoa Phụ sản, Khoa Khám bệnh, Khoa Kiểm soát bệnh tật. Bệnh viện thuộc trung tâm xếp hạng 3 với 50 giường bệnh. Đồng thời, Trung tâm còn có 06 trạm y tế xã trực thuộc: Tân Thới, Tân Thạnh, Tân Phú, Phú Thạnh, Phú Đông, Phú Tân.

Về trình độ chuyên môn, năm 2022, Trung tâm Y tế huyện Tân Phú Đông có: Bác sĩ chuyên khoa 1: 10, Bác sĩ đại học: 12; Thạc sĩ: 03; Dược sĩ: 16; Hộ sinh: 9; Điều dưỡng: 20; Y sĩ: 37; Kỹ thuật viên: 2; Y tế công cộng: 7; Trình độ khác: 16.

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên công viên/vườn hoa, rạp hát:**

Công viên/Vườn hoa:

Khái niệm:

- Công viên là khu vực được trồng cây xanh tập trung trong một diện tích đất lớn nhằm mục đích phục vụ công cộng, là nơi sinh hoạt ngoài trời, nghỉ ngơi, thư giãn,

vui chơi, giải trí, tập luyện thể dục, nơi tổ chức các hoạt động văn hóa - xã hội đáp ứng nhu cầu của nhân dân. Ngoài cây xanh, công viên còn có các công trình kiến trúc và công trình hạ tầng kỹ thuật đồng bộ. Phạm vi quản lý một công viên bao gồm diện tích bên trong công viên và vỉa hè của công viên đó.

- Vườn hoa: Loại công viên hoặc vườn nhỏ ở đô thị trong đó có trồng nhiều hoa. Có thể đứng độc lập hoặc gắn với công trình kiến trúc, có tác dụng tăng thẩm mỹ cho cảnh quan đô thị.

Huyện Tân Phú Đông: 01 địa danh

Công viên Tân Phú Đông

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Công viên) + Địa danh hành chính (Huyện Tân Phú Đông).

Công viên được khánh thành năm 2021, nằm ở trước trụ sở Ủy ban Nhân dân huyện, xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang, diện tích 14.400 m², hệ thực vật gồm có cây thân gỗ (bằng lăng, dương, phượng vỹ, sấu, hoa sữa, móng bò,…); cây tạo dáng và hoa (cau kiểng, hoa trang, ắc ó, hoa giấy, trâm ổi,...), các loại cây lá màu và thảm cỏ; đèn chiếu sáng, ghế đá, hệ thống điện nước, thiết bị tập thể dục, đường nội bộ được lát gạch Tezzaro,…

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên chợ:**

Chợ

- Theo Hoàng Phê trong *Từ điển Tiếng Việt*, "Chợ là nơi công cộng, để đông người đến mua và bán trong những buổi, ngày nhất định"[17].

- *Từ điển Bách khoa Việt Nam* ghi: "Chợ là nơi gặp nhau giữa nơi cung và cầu các hàng hóa, dịch vụ, vốn; là nơi tập trung mua bán hàng hóa giữa người sản xuất, người mua bán và người tiêu dùng"[18].

- Trong quyển *Gốc và Nghĩa của Từ Việt thông dụng*, Vũ Xuân Phái định nghĩa: "Chợ là nơi tụ họp buôn bán"; "chợ búa là nơi tụ họp bày bán hàng hóa, để buôn bán trong làng, xóm (thời xưa) hay cái chợ là nơi quy định mua bán"[19].

- Theo Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, "Chợ là loại hình kinh doanh thương mại được hình thành và phát triển mang tính truyền thống, được tổ chức tại một địa điểm theo quy hoạch,

---

[17] Hoàng Phê (2000), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng, tr.165.

[18] *Từ điển Bách khoa Việt Nam (2003),* NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội, tr.22.

[19] Vũ Xuân Phái *(2009)*, *Gốc và Nghĩa của Từ Việt thông dụng,* NXB Trẻ, tr.162.

đáp ứng nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hoá và nhu cầu tiêu dùng của khu vực dân cư"[20].

Chợ đầu mối

Theo Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, "Chợ đầu mối: là chợ có vai trò chủ yếu thu hút, tập trung lượng hàng hóa lớn từ các nguồn sản xuất, kinh doanh của khu vực kinh tế hoặc của ngành hàng để tiếp tục phân phối tới các chợ và các kênh lưu thông khác"[21].

Phân loại chợ

Tùy vào mục đích và tiêu chí, người ta phân loại chợ theo nhiều cách khác nhau: Phân loại chợ theo điều kiện môi sinh; Phân loại chợ theo số lượng hộ kinh doanh, vị trí và mặt bằng của chợ (theo quy mô: chợ loại I, chợ loại II và chợ loại III); Phân loại chợ theo tính chất mua bán (chợ bán buôn và chợ bán lẻ); Phân loại chợ theo đặc điểm mặt hàng kinh doanh (chợ tổng hợp và chợ chuyêndoanh); Theo địa giới hành chính (chợ đô thị và chợ nông thôn); Phân loại theo tính chất và quy mô xây dựng (chợ kiên cố, chợ bán kiên cố, chợ tạm).

- Trong công trình nghiên cứu "Chợ nổi đồng bằng sông Cửu Long từ góc nhìn văn hóa học", Đặng Thị Hạnh đã lập bảng phân loại chợ như sau[22]:

STT	TIÊU CHÍ PHÂN LOẠI	LOẠI HÌNH CHỢ
1	Theo thời gian họp chợ	- Chợ sáng - Chợ hôm - Chợ chiều - Chợ đêm - Chợ phiên
2	Theo lịch sử	- Chợ truyền thống - Chợ hiện đại (siêu thị)
3	Theo khu vực địa lý	- Chợ quê - Chợ ven đô

[20] Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1.

[21] Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1.

[22] Đặng Thị Hạnh (2012), *Chợ nổi đồng bằng sông Cửu Long từ góc nhìn văn hóa học*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh, tr.41.

		- Chợ đô thị - Chợ đồng bằng - Chợ miền núi
4	Theo quy mô hành chánh	- Chợ làng - Chợ xã (liên làng) - Chợ huyện (liên xã) - Chợ thị trấn - Chợ thị xã
5	Theo tình chất, quy mô trao đổi hàng hóa	- Chợ đầu mối - Chợ bán lẻ - Chợ chuyên doanh - Chợ tổng hợp
6	Theo loại hình hàng hóa bán chủ yếu tại chợ	- Chợ vải - Chợ trâu - Chợ trái cây - Chợ hải sản
7	Theo quy mô xây dựng	- Chợ kiên cố - Chợ bán kiên cố - Chợ tạm

- Trong quyển *Chợ quê trong quá trình biến đổi*, Lê Thị Mai đã phân chia chợ ra thành nhiều loại hình khác nhau, với những tiêu chí khác nhau như sau[23]:

+ Thời gian hợp chợ có: Chợ sáng, chợ hôm, chợ chiều, chợ đêm, chợ phiên

+ Theo khu vực, địa vực có: chợ quê, chợ đô thị, chợ ven đô, chợ đồng bằng, chợ trung du, chợ miền biển…

+ Theo quy mô hành chánh có: Chợ làng, chợ xã (liên làng), chợ huyện (liên xã), chợ thị trấn, chợ thị xã,...

+ Theo tính chất, quy mô trao đổi hàng hóa có: Chợ đầu mối, chợ bán lẻ,

[23] Lê Thị Mai (2004), *Chợ quê trong quá trình chuyển đổi*, NXB Thế Giới, tr.41.

chợ chuyên doanh, chợ tổng hợp,…

+ Theo loại hình hàng hóa bán tại chợ có: chợ vải, chợ trâu, chợ lụa, chợ trái cây, chợ nông sản,…

Trong đề tài này, nhóm tác giả chọn cách phân loại chợ theo Nghị định 02/2003/NĐ - CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ[24]:

- *Chợ loại 1:* Là chợ có trên 400 điểm kinh doanh chợ, được đầu tư xây dựng kiên cố, hiện đại theo quy hoạch; được đặt ở các vị trí trung tâm kinh tế thương mại quan trọng của tỉnh, thành phố hoặc là chợ đầu mối của ngành hàng, của khu vực kinh tế và được tổ chức họp thường xuyên; có mặt bằng phạm vi chợ phù hợp với quy mô hoạt động của chợ và tổ chức đầy đủ các dịch vụ tại chợ: trông giữ xe, bốc xếp hàng hóa, kho bảo quản hàng hóa, dịch vụ đo lường, dịch vụ kiểm tra chất lượng hàng hóa, vệ sinh an toàn thực phẩm và các dịch vụ khác.

- *Chợ loại 2:* Là chợ có trên 200 điểm kinh doanh, được đầu tư xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố theo quy hoạch; được đặt ở trung tâm giao lưu kinh tế của khu vực và được tổ chức họp thường xuyên hay không thường xuyên; có mặt bằng phạm vi chợ phù hợp với quy mô hoạt động chợ và tổ chức các dịch vụ tối thiểu tại chợ: trông giữ xe, bốc xếp hàng hóa, kho bảo quản hàng hóa, dịch vụ đo lường.

- *Chợ loại 3:* Là các chợ có dưới 200 điểm kinh doanh hoặc các chợ chưa được đầu tư xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố. Chủ yếu phục vụ nhu cầu mua bán hàng hóa của nhân dân trong xã, phường và địa bàn phụ cận.

Quy mô chợ

Theo Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, có chợ kiên cố và chợ bán kiên cố[25]:

- Chợ kiên cố: là chợ được xây dựng bảo đảm có thời gian sử dụng trên 10 năm.

- Chợ bán kiên cố: là chợ được xây dựng bảo đảm có thời gian sử dụng từ 5 đến 10 năm.

Chợ ở huyện Tân Phú Đông: 08 địa danh

1. Chợ Phú Tân (Chợ Bà Từ)

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Phú Tân).

---

[24] Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1.

[25] Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1.

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Giới tính và tên người (Bà Từ: Theo dân gian, bà là người phụ nữ có công khai khẩn địa phương trong nửa đầu thế kỷ XIX; giỏi canh tác ruộng vườn, chăn nuôi; tinh thông võ nghệ, tương truyền, bà từng đánh cọp để bảo vệ cuộc sống của người dân).

Chợ loại 3, ở xã Phú Tân, huyện Tân Phú Đông, diện tích 1.600 m², có 80 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, quần áo, giày dép, kim khí điện máy, đồ gia dụng, tạp hóa, đặc sản có khô cá bông lau,…

2. Chợ Cả Thu

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Chức vụ làng xã thời xưa (Hương cả gọi tắt là Cả) + Tên người (Thu).

Tác giả Mai Mỹ Duyên cho biết: *"Nghe nói, hồi xưa có ông Hương cả (Hương chức đứng đầu một làng ở Nam Bộ thời Pháp thuộc) của làng Phú Thạnh Đông (nay là xã Phú Thạnh) tên là Thu đứng ra lập chợ. Chợ này nổi tiếng với món mắm còng lột. Ca dao vẫn còn lưu truyền: Anh qua làng Phú Thạnh Đông/Mang hũ mắm còng về kính mẹ cha/Bao giờ sông cạn phù sa/ Thì duyên chồng vợ đôi ta mới thành"*[26].

Chợ loại 3, ở xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông, diện tích 200 m², có 50 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, tạp hóa, hải sản, đặc sản có mắm còng lột,…

3. Chợ Phú Đông

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Phú Đông).

Chợ loại 3, ở xã Phú Đông, huyện Tân Phú Đông, diện tích 1.500 m², có 90 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, quần áo, giày dép, đồ gia dụng, tạp hóa, đặc sản có trái mãng cầu Xiêm và sả,…

4. Chợ Phú Thạnh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Phú Thạnh).

Chợ loại 3, ở xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông, diện tích 2.000 m², có 140 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, quần áo, giày dép, kim khí điện máy, đồ gia dụng, tạp hóa, đặc sản có mắm còng lột,…

5. Chợ Rạch Vách

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa hình thiên nhiên (Rạch: là dòng nước tự nhiên, nhỏ hơn sông, ghe thuyền đi lại

[26] Mai Mỹ Duyên (2007), *Mắm còng lột Phú Thạnh*, Đề tài nghiên cứu khoa học, Sở Khoa học – Công nghệ Tiền Giang, trang 29.

được[27]) + Thực vật (Vách: là loại cây thân gỗ, tương tự như cây đa). Chợ được lập bên cạnh Rạch Vách, là rạch chảy qua nơi có nhiều cây vách.

Chợ loại 3, ở xã Tân Phú, huyện Tân Phú Đông, diện tích 1.800 m², có 80 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, hải sản, quần áo, giày dép, đồ gia dụng, tạp hóa,…

6. Chợ Tân Thạnh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (ấp Tân Thạnh).

Chợ loại 3, ở ấp Phú Thạnh, xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông, diện tích 1.000 m², có 200 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, quần áo, giày dép, kim khí điện máy, đồ gia dụng, tạp hóa, đặc sản có mắm còng lột,…

7. Chợ Tân Thới

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Tân Thới).

Chợ loại 3, ở xã Tân Thới, huyện Tân Phú Đông, diện tích 2.000 m², có 120 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, hải sản, quần áo, giày dép, kim khí điện máy, đồ gia dụng, tạp hóa,…

8. Chợ Tân Xuân

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh Hán Việt (Tân: 新: Mới mẻ; Xuân: 春: Mùa xuân).

Chợ loại 3, ở xã Tân Phú, huyện Tân Phú Đông, diện tích 2.000 m², có 50 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, hải sản, đồ gia dụng, tạp hóa,…

*** Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn trường học:**

Trường Trung học cơ sở - Trung học phổ thông Phú Thạnh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở và Trung học phổ thông) + Địa danh hành chính (Xã Phú Thạnh).

Địa chỉ: Ấp Tân Phú, xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733530069.

Trang thông tin điện tử: phuthanh.tiengiang.edu.vn.

Email: c23phuthanh.tiengiang.edu.vn.

---

[27] Lê Trung Hoa (2012), *Từ địa phương chỉ địa hình trong địa danh Nam Bộ*, Tạp chí Ngôn ngữ số 4, 2012, trang 37.

Năm 2008, Trường THCS và THPT Phú Thạnh được thành lập theo Quyết định số 4495/QĐ-UBND ngày 25/01/2008 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Phú Thạnh.

Trường Trung học cơ sở:

1. Trường Trung học cơ sở Phú Đông

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Phú Đông).

Địa chỉ: Ấp Lý Quàn 1, xã Phú Đông, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Điện thoại: 02733 944775

Email: c2phudong.tpd.tiengiang@moet.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường Phổ thông cơ sở cấp 1 - 2 Phú Đông tọa lạc tại ấp Lý Quàn 2, xã Phú Đông, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2000, theo Quyết định 585/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2000 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông, Trường Trung học cơ sở Phú Đông được thành lập trên cơ sở chia tách Trường Phổ thông cơ sở cấp 1 - 2 Phú Đông.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Phú Đông.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 13 đảng viên; nam: 05; nữ 08; Chi ủy: 03; nam: 01; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ 01. Công đoàn: 23 công đoàn viên; nam: 11; nữ: 13. Đoàn thanh niên: 39 đoàn viên; nam: 14; nữ: 25. Đội viên: 277; nam: 128; nữ: 148.

Tổng số cán bộ, viên chức: 23; nam: 11; nữ: 13. Tổng số giáo viên: 18; nam: 08; nữ: 10. Cử nhân (Đại học): 17; Cử nhân (Cao đẳng): 06.

Tổng số học sinh: 309; nam: 136; nữ: 173.

Tổng diện tích: 8.639 m^2; diện tích sử dụng: 8.639 m^2.

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 trệt, 01 lầu; phòng làm việc: 07; phòng học: 09; phòng thí nghiệm: 02; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; phòng Tiếng Anh: 01; phòng Âm nhạc: 01; phòng Mỹ thuật: 01; phòng thiết bị: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 02; khu vệ sinh: 02.

2. Trường Trung học cơ sở Tân Phú

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Tân Phú).

Địa chỉ: Ấp Tân Thạnh, xã Tân Phú, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Điện thoại: 0273.3890 404;

Trang thông tin điện tử: http://thcstanphu.pgdtanphudong.edu.vn

Địa chỉ email: c2tanphu.tpd.tiengiang@moet.edu.vn;

Năm 1985, Trường Phổ thông cơ sở cấp 2 Tân Phú được thành lập. Năm 1997, Trường được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Tân Phú.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Tân Phú.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 23 đảng viên; nam: 12; nữ: 11; Chi ủy: 05 nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 01, nữ 01. Công đoàn: 31 công đoàn viên; nam: 17, nữ: 14. Đoàn thanh niên: 08 đoàn viên; nam: 03; nữ: 05. Đội viên: 289; nam: 141; nữ: 148.

Tổng số cán bộ, viên chức: 31; nam: 17, nữ 14. Tổng số giáo viên: 28; nam: 15, nữ 13. Cử nhân (Đại hoc): 23. Cử nhân (cao đẳng): 06. Trung học sư phạm: 01. Trình độ khác: 01.

Tổng số học sinh: 431; nam: 205, nữ: 226.

Tổng diện tích: 11.377 m^2; diện tích sử dụng: 11.377 m^2

Trường có 02 dãy lầu; mỗi dãy có 01 trệt, 01 lầu; phòng làm việc: 06; phòng học: 13; phòng thí nghiệm: 03; phòng nghe nhìn: 00; Phòng máy tính: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 46 đảng viên; nam: 24 ; nữ: 22; Chi ủy: 07; nam: 05; nữ: 02. Ban Giám hiệu: 03; nam: 03; nữ: 00. Công đoàn: 64 công đoàn viên; nam: 33 ; nữ: 31. Đoàn thanh niên: 649 đoàn viên, nam: 231; nữ: 418.

Tổng số viên chức: 64; nam: 33; nữ: 31. Tổng số giáo viên: 52; nam: 28 ; nữ: 24. Thạc sĩ: 06; Cử nhân (đại học): 46 ; Cử nhân (Cao đẳng): 06 ; Trình độ khác: 06.

Tổng số học sinh: 1366; nam: 651 ; nữ: 715.

Tổng diện tích: 25.199 m^2; diện tích sử dụng: 11.149,68 m^2.

Trường có 06 dãy lầu, gồm: 5 dãy có 01 tầng trệt và 02 tầng lầu; 01 dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; Phòng làm việc: 15; Phòng học: 39 ; Phòng thí nghiệm: 05; Phòng nghe nhìn: 02; Phòng máy tính: 03; Thư viện: 02; Sân chơi: 02; Khu thể thao: 01; Nhà vệ sinh: 11 phòng; căn tin, nhà xe.

Trường tiểu học, trường tiểu học - trung học cơ sở:

1. Trường Tiểu học Phú Đông

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Phú Đông).

Địa chỉ: Ấp Lý Quàn 2, xã Phú Đông, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733.944.726

Trang thông tin điện tử: Chưa có.

Email: c1phudong.tpd.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 2000, Trường được thành lập theo Quyết định số 584/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2000 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Tây.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Phú Đông.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 12 đảng viên; nam: 05; nữ: 07; Chi ủy: 03; nam 03; nữ: 00. Ban giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 28 công đoàn viên; nam: 07; nữ: 21. Đoàn thanh niên: 12; nam: 02; nữ: 10, Đội thiếu niên: 374; nam: 207; nữ: 167.

Tổng số cán bộ, viên chức: 28; nam: 07; nữ: 21. Tổng số giáo viên: 23; nam: 05; nữ: 18. Cử nhân (đại học): 27; Trung học sư phạm: 01.

Tổng số học sinh: 566; nam: 268 nữ: 56.

Tổng diện tích: 7.243,2 m²; diện tích sử dụng: 1.738,8m².

Trường có 02 dãy lầu (Dãy thứ nhất 01 trệt, 01 lầu; Dãy thứ hai 01 trệt, 02 lầu); phòng làm việc: 05; phòng học: 10; phòng thiết bị: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 00; khu vệ sinh: 02.

2. Trường Tiểu học Phú Thạnh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Phú Thạnh).

Địa chỉ: Ấp Tân Phú, xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273 3890490 – 0273 3890498 – 0273 3890499

Trang thông tin điện tử: thphuthanh.pgdtanphudong.edu.vn

Email: c1phuthanh.tpd.tiengiang@moet.edu.vn

Trường Tiểu học Phú Thạnh tọa lạc tại ấp Tân Phú, xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông. Trường có 2 điểm: điểm Tân Phú được xây dựng năm 2007, điểm Bà Lắm xây dựng năm 2010. Điểm phụ cách điểm chính 3 km. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Phú Thạnh.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 20 đảng viên; nam: 07; nữ: 13; Chi ủy: 05; nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 39 công đoàn viên; nam: 09; nữ: 30. Đoàn thanh niên: 15; nam: 02; nữ: 13; Đội thiếu niên: 320; nam: 158; nữ: 162.

Tổng số cán bộ, viên chức: 39; nam: 09; nữ: 30. Tổng số giáo viên: 36; nam: 08; nữ: 28. Cử nhân (đại học): 33; Cử nhân (Cao đẳng): 02; Trung học sư phạm: 03 ; Trình độ khác: 01.

Tổng số học sinh: 775/387

Tổng diện tích: 12.286,3 m²; diện tích sử dụng: 12. 286.3 m²

Trường có 02 dãy lầu; mỗi dãy có 3 tầng: 1 trệt, 2 lầu; phòng làm việc: 06; phòng học 29; phòng máy tính: 02; thư viện 02; sân chơi: 02; khu thể thao: 00; khu vệ sinh: 04.

3. Trường Tiểu học Tân Phú

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Tân Phú).

Địa chỉ: Ấp Tân Thạnh, xã Tân Phú, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 890 500

Trang thông tin điện tử: Chưa có

Email: c1tanphu.tpd.tiengiang@moet.edu.vn

Trường Tiểu học Tân Phú được thành lập ngày 02 tháng 8 năm 2002 theo Quyết định số 1420/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Tây trên cơ sở sáp nhập Trường Tiểu học Tân Phú 1 và Trường Tiểu học Tân Phú 2. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Tân Phú.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 22 đảng viên, nam: 09; nữ: 13. Chi ủy: 03; nam: 03; nữ: 00. Ban giám hiệu: 02, nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 39 công đoàn viên, nam: 18; nữ: 21. Đoàn thanh niên: 05 đoàn viên; nam: 00; nữ: 05. Đội thiếu niên: 479 đội viên; nam: 212; nữ: 267.

Tổng số cán bộ, viên chức: 38; nam: 17; nữ: 21. Tổng số giáo viên: 35; nam: 15; nữ: 20. Cử nhân (Đại học): 32, Trung cấp: 05.

Tổng số học sinh: 700 học sinh, nam: 353; nữ: 347.

Tổng diện tích: 11.273 m^2, trong đó điểm Tân Thạnh là 7.759 m^2, điểm Tân Xuân là 3.514 m^2

Điểm Tân Thạnh có 2 dãy phòng học được xây dựng kiên cố với 01 trệt, 01 lầu gồm có 06 phòng làm việc, 13 phòng học, 01 phòng máy tính, 01 phòng Anh

văn, 01 phòng khoa học công nghệ, 01 phòng Âm nhạc - Mỹ Thuật, 1 nhà đa năng, 1 phòng Tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập, 02 khu vệ sinh học sinh, 01 khu vệ sinh giáo viên, 01 sân thể dục thể thao, 01 sân chơi.

Điểm Tân Xuân có 1 dãy phòng 01 trệt, 02 lầu gồm có: 10 phòng học, 01 phòng mỹ thuật, 01 phòng đa chức năng, 01 phòng tin học, 03 khu vệ sinh học sinh, 01 khu vệ sinh giáo viên, 01 sân chơi.

4. Trường Tiểu học TânThạnh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Tân Thạnh).

Địa chỉ: Ấp Tân Thành 2, xã Tân Thạnh, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733531064

Trang thông tin điện tử: htt://thtanthanh.tiengiang.edu.vn

Email: c1tanthanh.TPD.TiênGiang@moet.edu

Năm 2002, Trường được thành lập theo Quyết định số 1118- QĐ/2002 ngày 02 tháng 8 năm 2002 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Tây.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Tân Thạnh.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 17 đảng viên; nam: 08; nữ: 09; Chi uỷ: 05; nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 26 công đoàn viên; nam: 11; nữ: 15. Đội thiếu niên: 210; nam: 102; nữ: 108.

Tổng số cán bộ viên chức: 26; nam: 11; nữ: 15. Tổng số giáo viên: 20; nam: 08; nữ: 12. Cử nhân (đại học): 23; Cử nhân (cao đẳng): 02; Trung học sư phạm: 01; Trình độ khác:

Tổng số học sinh: 349; nam: 175; nữ: 174.

Tổng diện tích: 12.374 m^2; diện tích sử dụng: 5.585 m^2

Trường có 03 dãy lầu, mội dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; phòng làm việc: 09; phònghọc: 10; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

5. Trường Tiểu học Tân Thới

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Tân Thới).

Địa chỉ: Ấp Tân Hiệp , huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0733 528 407

Trang thông tin điện tử: Chưa có.

Email: c1TanThoi1.TPD.TienGiang@moet.edu.vn.

Năm 2019, Trường Tiểu học Tân Thới được thành lập theo Quyết định số 1730/QĐ - UBND ngày 29 tháng 07 năm 2019 của Ủy ban Nhân dân huyện Tân Phú Đông trên cơ sở hợp nhất Trường Tiểu học Tân Thới 1 và Trường Tiểu học Tân Thới 2. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục, vinh dự nhận được Huân chương Lao động hạng Ba.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Tân Thới.

Năm 2023, Chi bộ: 35 đảng viên; nam: 18; nữ: 17; Chi ủy: 05; nam: 04 ; nữ: 01. Ban Giám hiệu: 03; nam: 03; nữ: 00. Công đoàn: 60 công đoàn viên; nam: 26; nữ: 34. Đoàn thanh niên: 07 đoàn viên; nam: 02 ; nữ: 05; Đội thiếu niên: 410 đội viên; nam: 208; nữ: 202.

Tổng số cán bộ, viên chức: 60; nam: 26; nữ: 34. Tổng số giáo viên: 50; nam: 31 ; nữ: 29. Cử nhân (đại học): 42; Cử nhân (cao đẳng): 06; Trung học sư phạm: 12.

Tổng số học sinh: 963; nam: 500; nữ: 463 .

Tổng diện tích: 17.227,9m^2; diện tích sử dụng: 17.227,9m^2

Trường có 03 dãy lầu; 02 dãy có 01 tầng trệt và 02 tầng lầu; 01 dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 08 ; phòng học: 33; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 03; thư viện: 03; sân chơi: 04; khu thể thao: 00 ; khu vệ sinh: 04.

6. Trường Tiểu học - Trung học cơ sở Phú Tân

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học - Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Phú Tân).

Địa chỉ: Ấp Bà Từ, xã Phú Tân, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang

Số điện thoại: 02733 947705

Trang thông tin điện tử: thcsphutan.tiengiang.edu.vn

Email: c12phutan.TPD.Tiengiang@moet.edu.vn

Năm 2007, Trường được thành lập theo Quyết định số 358/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2007 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Phú Tân.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 26 đảng viên, nam: 10; nữ 16; Chi ủy: 05, nam: 03, nữ: 02. Ban Giám hiệu: 03; nam: 02, nữ: 01. Công đoàn: 39 công đoàn

viên, nam: 16 nữ: 23. Đoàn thanh niên: 15 đoàn viên; nam: 04, nữ: 11. Đội thiếu niên: 480 đội viên; nam: 246; nữ: 234.

Tổng số cán bộ, viên chức: 39, nam: 16; nữ: 23. Tổng số giáo viên: 35; nam: 14; nữ: 21. Cử nhân (Đại học): 32, Cử nhân (Cao đẳng): 03; Trung học sư phạm: 03; Trình độ khác: 01.

Tổng số học sinh: 630; nam: 315; nữ 315.

Tổng diện tích: 10.009 m²; Diện tích sử dụng: 1.472,7m².

Trường có 2 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu, phòng làm việc; 5, phòng học: 15; phòng thí nghiệm; 00; phòng nghe nhìn: 00, phòng máy tính: 03; thư viện: 01, sân chơi: 02; khu thể thao: 01, khu vệ sinh: 03 khu.

* **Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn địa danh Kinh/Kênh:**

*** Khái niệm**

Kinh/Kênh là dòng dẫn nước do con người tạo ra, nhằm vào nhiều mục đích, trong đó có hai mục đích chính là thủy lợi và giao thông thủy.

Kinh/Kênh Cặp Đê

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Xin xem mục từ Kinh/Kênh Cặp Đê ở xã Phước Trung.

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Phú Thạnh, Phú Đông, huyện Tân Phú Đông; điểm đầu nối với cống Bà Tài, điểm cuối nối với cống Rạch Mương, dài 17,5 km, bề ngang 12 m, sâu 1,0 m, diện tích phục vụ 1.100 ha, nạo vét năm 2013.

* **Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên thánh thất:**

Khái niệm:

Thánh thất: là nhà thờ Đức Chí Tôn (Đấng Cao Đài) và các vị Thần, Thánh, Tiên, Phật. Hay còn gọi là ngôi nhà của chư thánh. Tại mỗi Tộc đạo (Họ đạo) đều phải xây dựng một Thánh thất để làm đền thờ Đức Chí Tôn và làm nơi tín ngưỡng cho bổn đạo địa phương.

Thánh thất Phú Thạnh

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Phú Thạnh).

Thánh thất Phú Thạnh tọa lạc tại xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông.

*** Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên khu:**

Khái niệm:

Khu là khoảng đất được giới hạn với những đặc điểm hoặc chức năng riêng, khác với xung quanh.

Khu du lịch sinh thái Làng Yến

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Khu) + Loại hình du lịch (Du lịch sinh thái) + Địa danh chỉ công trình xây dựng (Làng Yến: nơi nuôi chim yến).

Khu du lịch sinh thái Làng Yến tọa lạc tại Đường tỉnh 877B, xã Phú Tân, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang. Địa điểm này cách thành phố Hồ Chí Minh khoảng 65 km và thành phố Mỹ Tho khoảng 35km.

Làng Yến là khu du lịch được xây dựng từ năm 2020 với mức đầu tư khoảng 100 tỷ đồng, diện tích khoảng 10 ha bao gồm khu du lịch sinh thái kết hợp với nghỉ dưỡng.

Khu du lịch Làng Yến sở hữu vẻ đẹp làng quê mộc mạc và yên bình, đến đây du khách có thể hòa mình với thiên nhiên trong lành và khung cảnh sông nước thơ mộng. Với diện tích siêu rộng, khu du lịch này sẽ phần nào mang lại cho du khách những trải nghiệm chân thực về tổng thể cuộc sống của người dân miền Tây thông qua những trò chơi dân gian, món ăn đặc sản và những hoạt động khám phá mới mẻ.

*** Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên miệt:**

Khái niệm:

Miệt để chỉ vùng, miền, nhưng có không gian địa lý nhỏ hơn.

1. Miệt biển Gò Công

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Miệt) + Địa danh chỉ địa hình thiên nhiên (Biển) + Địa danh hành chính (Gò Công).

Miệt biển Gò Công có chiều dài 32 km bờ biển, uốn cong như hình bán nguyệt, kéo dài từ cửa Xoài Rạp trên sông Xoài Rạp ở phía Bắc đến Cửa Tiểu trên sông Tiền ở phía Nam, thuộc hai huyện Gò Công Đông và Tân Phú Đông.

Ở đây có nhiều tiềm năng về kinh tế biển, như công nghiệp cơ khí, cảng biển và dịch vụ cảng, hậu cần (logistic), khai thác, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản, du lịch sinh thái biển, bảo tồn rừng ngập mặn. Đồng thời, kết hợp phát triển kinh tế với bảo vệ an ninh, quốc phòng vùng biển và ven biển.

2. Miệt rẫy Gò Công

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Miệt) + Loại hình sản xuất nông nghiệp (Rẫy) + Địa danh hành chính (Gò Công).

"Gió đưa gió đẩy, về rẫy ăn còng". Câu hát từ lâu như một lời giới thiệu những đặc sản của miền Tây nói chung và vùng đất Gò Công (tỉnh Tiền Giang) nói riêng, trong đó có món mắm còng rất ngon và độc đáo.

Ở Gò Công, rẫy là tên gọi chung của những miền đất thấp, ven các kinh rạch, hằng năm thường bị nhiễm mặn trong một thời gian, như các xã Bình Đông, Bình Xuân thuộc huyện Gò Công Đông, cặp theo sông Soài Rạp; xã Phú Đông, xã Phú Tân, giữa hai vàm Cửa Tiểu và Cửa Đại của huyện Tân Phú Đông.

Ở đây, mỗi năm bà con chỉ có thể canh tác được một vụ lúa mùa. Bù lại, miệt rẫy lại là quê hương của các loài còng: Vó, lửa, nha... Còng "sinh con đẻ cái, cháu đống con đàn" trên các thửa ruộng quanh năm ngập nước, trong cỏ, trong đám dừa nước, dọc theo các triền kinh rạch hoặc ẩn náu trong những mô đất vào mùa khô bà con hay đắp lên giữa ruộng, nhất là những thửa ruộng gặt hái trễ sau tết. Còng từ các thửa ruộng đã gặt xong, không có chỗ ẩn nấp đổ xô vào sinh sống dưới gốc lúa. Thợ gặt ai cũng thủ sẵn một cái thùng hoặc một cái bao bắt còng bỏ vào, một chốc đã đầy thùng.

Đặc biệt, còng lột vào ngày Đoan Ngọ (mùng 5 tháng 5 âm lịch) là loại ngon nhất. Ở Tiền Giang, mắm tôm chà thì có mọi mùa trong năm, riêng mắm còng lột chỉ có vào 3 tháng. Vào khoảng tháng 5 là vào mùa còng lột, người dân men theo những bờ sông, bờ rạch chọn bắt những con còng còn mềm mang về làm nguyên liệu. Với tài chế biến tinh tế của những bà, những chị, còng lột có thể làm được rất nhiều món ăn ngon như ướp gia vị cho thấm, tẩm bột chiên vàng, hoặc rang me, ăn với bún hay cuốn rau chấm nước mắm chua ngọt, giống như ăn bánh xèo, bánh khọt.

Những lúc còng nhiều không thể sử dụng hết, bà con nghĩ tới việc làm mắm để ăn dần. Có thể nói, mắm còng là đặc sản ngon trứ danh của "miệt rẫy". Mắm còng ở cù lao Tân Thới (huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang) không thua kém bất cứ loại mắm nổi tiếng nào của Nam bộ. Khi ăn phải cho thêm gia vị: tỏi, ớt, chanh, đường… vào mắm, kèm với thịt nướng, bún. Dĩ nhiên, không thể thiếu rau sống, chuối chát, cà dĩa, tía tô, dấp cá, giá, gừng, ớt… Tất cả những thứ đó được trộn vào nhau, tạo thành một món ăn ngon tuyệt, đậm đà hương vị dân tộc. Thức ăn được chế biến từ còng là niềm tự hào của người dân miệt rẫy.

Mắm còng lột là đặc sản danh bất hư truyền của Miệt rẫy Gò Công. Xưa, dưới thời nhà Nguyễn, mắm còng Gò Công được đưa ra Huế, vào cung đình, những quan, những bà mệnh phụ đều thích. Bà Từ Dũ, mẹ của vua Tự Đức, là người phổ biến mắm còng khắp xứ Huế. Năm nào người Gò Công cũng gửi ra Huế nhiều hũ mắm còng, được người xứ Huế xem là một trong những thức ăn thượng hạng.